# KINH TẠP A-HÀM (Trung Tâm DT Trí Tịnh)

*Kinh Tạp A-Hàm (Trung Tâm DT Trí Tịnh - VNC PHVN, 2022)*

TAM TẠNG THÁNH ĐIÊN 4S SX

PHẬT GIÁO w NAM

%

M0 :>

ỉỷ í^ ^

VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM

TAM TANG THANH BIEnPHAT GIAO VIETNAM

TAM TẠNG PHẬT GIÁO Bô PHÁI 05

KINH TẠP A-HÀM

Việt dịch TRUNG TÂM DỊCH THUẬT TRÍ TỊNH

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ Hổ CHÍ MINH

KINH TẠP A-HAM Hán dịch TAM TẠNG CẦU-NA-BẠT-ĐÀ-LA

Việt dịch TRUNG TÂM DỊCH THUẬT TRÍ TỊNH

BAN PHIÊN DỊCH

Thích Chúc Phú
Thích Nguyên Hùng
Thích Đồng Ngộ
Thích Đồng Hội
Thích Nữ Liên Thiền
Thích Nữ Trung Thể
Thích Nữ Tuệ Thành
Thích Nữ Thành Thông
Thích Nữ Đức Thuận
Thích Nữ Đức Nghiêm

NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO SAMMĀSAMBUDDHASSA THÀNH KÍNH ĐẢNH LỄ ĐỨC THẾ TÔN, BẬC ỨNG CÚNG, CHÁNH ĐẲNG GIÁC

HÔI ĐÒNG CHỨNG MINH
(Nhiệm kỳ 2017-2022)
PHÁP CHỦ GIÁO HÔI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH PHỔ TUỆ
PHÓ PHÁP CHỦ GIÁO HÔI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH TRÍ QUẢNG

• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH GIÁC NHƯỜNG
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH DŨNG
• Trưởng lão Hòa thượng DƯƠNG NHƠN
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH ĐÀM
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH ĐỨC NGHIỆP
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH TỪ
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THIỆN DUYÊN
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH TRÍ TỊNH
HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO PHIÊN DỊCH
. Hòa thượng THÍCH THIỆN NHƠN
-Chủ tịch Hợi đồng Trị sự GHPGVN
• Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN
. Phổ Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN
-Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam
• Hòa thượng Tiến sĩ THÍCH GIA QUANG
-Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN
-Viện trưởng Phân viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Hà Nội
• Giáo sư Tiến sĩ LÊ MẠNH THÁT
-Cố vấn Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam
BAN BIÊN TẬP & ẤN HÀNH TAM TẠNG PHẠT GIÁO BÔ PHÁI

•Trưởng ban
-Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN
•Phó Trưởng ban
-Giáo sư Tiến sĩ LÊ MẠNH THÁT
-Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH TÂM ĐỨC
. Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH ĐỨC THIỆN
•Tổng Biên tập
-Hòa thượng Tiến sĩ THÍCH MINH THÀNH
. Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH NHẬT TỪ
•Phó Tổng Biên tập
-Hòa thưcmg THÍCH PHƯỚC CẨN
-Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH HẠNH BÌNH
-Thượng tọa Thạc sĩ THÍCH CHÚC PHÚ
•Thư ký Biên tập
-Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH GIÁC HOÀNG •ủy viên Biên tập
-Hoa thượng THÍCH THÔNG THIỀN
-Thượng tọa THÍCH THIỆN THUẬN
-Thượng tọa THÍCH NGUYÊN HUNG
-Thượng tọa THÍCH NGUYÊN TRANG

-Ni sư Tiến sĩ THÍCH NỮ LIÊN HÒA
-Sư cô Tiến sĩ THÍCH NỮ LIÊN THỦY
•Trưởng ban Tài chánh
-Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH PHƯỚC TIẾN
LỜI CHỨNG MINH

Nam-mô Bản Sư Thích-ca Mâu-ni Phật y r 2 rong Kinh Hoa Nghiêm có ghi: "Phật dĩ nhát nhát thân, xứ xứ chuyên

T pháp luân",nghĩa là đức Phật luôn dùng tất cả hóa thân của mình, ở
mọi nơi mọi chốn chuyển bánh xe pháp. Thật hoan hỷ, tinh thần chuyển bánh xe pháp của đức Phật đã và đang được chư Tôn đức Hội đồng Tri sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam triển khai một cách hiệu quả. Đặc biệt, trên phương diện hoằng truyền kinh điển, chư Tôn đức đã có những định hướng đúng đắn cho Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tiến hành phiên dịch, san định, ân tông Kinh, Luật, Luận, Sớ giải có nguôn góc từ tạng Pali, Sanskrit, Hán cổ và các ngôn ngữ khác. Khi nghiên cứu, hoằng truyền kinh điển, nhà Phật thường có câu: “Di Thảnh giảo vi minh cảnh chiếu kiến tự tâmf dĩ tự tâm vi tri đăng chiếu kỉnh u chr  ,nghĩa là lấy Phật pháp
làm tấm gương sáng soi vào tự tâm, lấy tự tâm làm ngọn đèn trí soi tỏ chỗ thâm sâu của kinh điên. Những Phật sự được chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đã và đang thực hiện, thực sự là những việc làm trân quý. Việc ấy không chỉ làm sáng bản tâm của mỗi hành giả nghiên cứu mà còn chuyển hóa lời Phật dạy một cách dễ hiểu, dễ học, dễ hành, gần gũi với cuộc sống đời thường. Thông qua đó, môi hành giả có được cách tiêp cận5 tu tập, thực hành lời Phật dạy, thành tựu nhiều kết quả hơn. Từ việc nghiên cứu kinh điển, nhìn lại Phật giáo Việt Nam, chúng ta mới thấy, Phật giáo Việt Nam với chiều dài lịch sử trên dưới 2000 năm đồng hành cùng dân tộc, đã tạo nên những giá tri Phật giáo đặc biệt, đóng vai trò trụ cột trong việc gìn giữ nền văn hóa Việt thời kỳ 1000 năm Bắc thuộc, làm cho dân tộc Việt Nam trở nên vĩ đại nhất trong lịch sử phong kiến nước nhà vào thời đại Lý - Trần, vẫn đang tiếp tục đồng hành cùng đất nước trong thời kỳ hội nhập với phương châm "Đạo pháp - Dân tg" Chính vì vậy, những Phật sự của chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đang thực hiện có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc "kế vãng khai lai, truyền trì đạo mách", không chỉ làm cho Phật pháp xương minh, trường tồn ở thế gian mà còn góp phan làm cho

x  KINH TẠPA-HÀM

Phật giáo Việt Nam tiếp nối truyền thống tốt đẹp từ ngàn xua, phát triển lên một tầm cao mới. Hy vọng mỗi hành giả chúng ta nỗ lực hơn nữa để thành tựu giải thoát và hoàn thành sứ mệnh uTác Như Lai sứ, hành Như Lai sụ?' Nguyện cầu Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyển, thế giới hòa bình, nhân dân an lạc. Nam-mô Hoan Hỷ Tạng Bồ-tát? tác đại chứng minh.

VesakLiên Hợp Quốc, PL.2563 - DL.2019 Trưởng lão Hòa thượng THÍCH PHỔ TUỆ (Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam)

LỜI GIỚI THIỆU

hay mặt Hội đồng Tri sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tôi tán dương Hội

T đồng Quản trị Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, đặc biệt là Ban Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam đã hoan hỷ đảm trách nhiệm vụ phiên dịch, biên tập và ấn hành bộ Thánh điển thiêng liêng này. Phi dịch Kinh, Luật, Luận từ các ngôn ngữ Phật học (Pali, Sanskrit, Hán cổ) ra tiếng Việt là trách nhiệm cao quý của Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (VNCPHVN) do Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu thành lập năm 1989, nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học hỏi và thực tập Phật pháp của hàng triệu Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước. 1. về thuật ngữ Tôi tán đồng cách Hội đồng Quản trị VNCPHVN thay đổi cụm từ "Đại tạng kinh Việt Nam'\ vốn chịu ảnh hưởng từ cách đặt tựa tác phẩm của Phật giáo Trung Quốc, thành "Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nanf\ nhằm thể hiện bản sắc văn học Phật giáo Việt Nam, đồng thời thích ứng với cách đặt tên phổ biến của cộng đồng Phật giáo thể giới hiện nay. Khái niệm "Đại tạng kinh" chỉ đề cập đến "Kinh tạng" (P. Sutta Pitaka, H. )tức kho tàng Chân lý, trong khi khái niệm "Tam tạng Thánh điển Phật giáo" có nội hàm rộng hơn, bao quát hơn; đó là ngoài kho tàng Chân lý còn có kho tàng Đạo đức (P. Vỉnaya Pỉtaka, H.Luật tạng), kho tàng Triết học tâm (P. Abhỉdhamma Pỉtaka, H.? Luận tạng), Văn học Chú giải (P. Atthakatha), Văn học Phụ chú giải (P. Tĩkã). Văn học Tục tạng (các tác phẩm Phật học và văn học Phật giáo Việt Nam). Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam bao gôm các tuyên tập Tam tạng Phật giáo Thượng Tọa bộ (ảnh hưởng các nước Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia), Tam tạng Phật giáo Bộ phái, Tam tạng Phật giáo Đại thừa (ảnh hưởng Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Đại Hàn, Tây Tạng), Văn học Sớ giải, Văn học Tông phái Phật giáo và Văn học Phật giáo Việt Nam, v.v... 2. về Văn học sử Phật giáo "Thánh điển Phật giáo" là khái niệm chỉ cho tuyển tập những lời dạy của đức Phật trong 45 năm (theo Phật giáo Nam truyền) hay 49 năm (theo Phật giáo



Bắc truyền) truyền bá Chân lý (P. Dhammā, s. Dharma. H.Pháp), Đạo đức (P=s. Vinaya, H.Giới luật), và Các pháp siêu việt (P. Abhidhamma, s. Abhidharma, H.V6 tỷ pháp). Thánh điên Phật giáo được truyên thừa qua hình thức khâu truyên, được cho là bằng ngon ngữ Pâli từ thời đức Phật (khoảng thế kỷ VI-V TTL) và lưu truyền qua ba lần kết tập kinh điển tại Ấn Độ. Đen Đại hội Kết tập kinh điển lần thứ tư tại Tích Lan (khoảng thế kỷ I TTL), Thánh điển được viết trên lá bôi và lưu truyên đên ngày nay. Hai tác phàm Đảo sử (Dīpavamsd) và Đại sử (Mahãvamsa) đêu ghi nhận răng trong triêu đại Valagamba (29-17 TTL) tại Anuradhapura, Tích Lan, các cao Tăng thuộc làu Tam tạng Pali bat đâu viêt kinh Phật trên lá bối để giữ gìn và truyền bá lời Phật dạy một cách hiệu quả hơn. Theo các nhà Đại thừa, cũng vào thế kỷ I TTL trở di, kinh điển Đại thừa bằng tiếng Sanskrit lần lượt ra đời. Ngoài các bản kinh Đại thừa quan trọng tồn tại với ấn bản Sanskrit, phần lớn văn học Phật giáo Đại thừa được lưu giữ qua các bản dịch Hán cổ? được các vua chúa, đại thí chủ lưu bố qua các bản chép tay, khắc trên đá, khắc trên gỗ, và về sau biên tập thành các Đại tạng kinh mang tầm vóc quốc gia ở Trung Hoa; còn tiếng Tây Tạng cổ, được biên tập thành Kinh điển Phật giáo Tây Tạng

(Tibetan Buddhist Canon) gồm hai tạng: Kangyur (Kinh - Luật tạng gồm 100 bộ) và Tengyur (Luận tạng gồm 213 bộ).

3. về phương diện lịch sử Hơn lo thế kỷ (từ thế kỷ I-X) bị Trung Quốc đô hộ, người Việt Nam đã sử dụng Đại tạng kinh Trung Hoa bằng Hán cổ và cho đến những thế kỷ sau. Giai đoạn 80 năm Pháp thuộc (l867-1945), người Việt lại buộc phải sử dụng tiếng Việt La-tinh hóa nên chữ Hán Nôm mất dần vị trí ngôn ngữ chính thống. Đứng trước nhu câu thích nghi với quôc ngữ mới, các cao Tăng Việt Nam quyêt định phiên dịch kinh điển từ Hán cổ ra tiếng Việt La-tinh để phổ biến lời Phật dạy rộng rãi hơn, vì đại đa số người Việt trong thời Pháp thuộc không đọc được chữ Hán Nôm. Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam được hình thành qua 3 giai đoạn: Giai đoạn l bắt đầu từ trước 1950 đến 1975, với đỉnh cao là sự ra đời của Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (GHPGVNTN) vào năm 1973 và ngưng hoạt động vào năm 1975. Các bậc Tôn túc đóng góp noi bật trong việc phiên dịch kinh điển từ Hán cổ sang tiếng Việt trong giai đoạn này có Hòa thượng Thích Trí Tinh {Ma-ha Bắt-nhã, Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, Đại Bảo Tích, Nỉết-bàn. Đại TQp); Hòa thượng Thích Trí Nghiêm (Đại Bát-nhã); và chư vị Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Bửu Huệ, Hòa thượng Thích Thiền Tâm (Trung A-hàm. Tăng nhất A-hàrrỉ). Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ, Thượng tọa Thích Trí Thành (TrườngA-hàm. Tạp A-hànỉ). v.v...



Giai đoạn 2 bắt đầu từ 1975 đến 2017, với sự ra đời của các bản dịch từ Pali sang tiếng Việt.1 Đóng góp nổi trội của Hòa thượng Thích Minh Châu là phiên dịch hầu hết Kinh tạng Pâli. Hòa thượng Hộ Tông, Hòa thượng Bửu Chơn, Hòa thượng Giới Nghiêm phiên dịch Luật tạng Pâli và Hòa thượng Tịnh Sự dịch Luận tạng Pâli. Gần dây, Thượng tọa Chánh Thân đã dịch mới một số kinh trong Tiểu bộ và Luật tạng Pâli. Sau ba thập niên phiên dịch độc lập, đến năm 1991, Hội đồng Chỉ đạo Phiên dịch và Ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam chính thức được Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) thanh lập. Từ đó đến nay, VNCPHVN chỉ tai bản được Kinh tạng Nam truyền,2 gồm 13 tập và một vài tập A-hàm. Trong thời gian này và trước đó, Hòa thượng Thích Trí Quang đã dịch hơn 25 tập Kinh, Luật, Luận; Hòa thượng Thích Đỗng Minh đã dịch một số bộ Luật và hướng dẫn, khuyến khích chư Tăng Ni tại Nha Trang phiên dịch các bộ Luật của các bộ phái Phật giáo, góp phần làm phong phú kho tàng Luật tạng Phật giáo Việt Nam. Trong hai thập niên, 1994-2014, Hội đồng Dịch thuật do Hòa thượng Thích Tịnh Hạnh khởi xướng và bảo trợ, có công tổng hợp, biên tập và xuất bản các công trình dịch thuật đã có, đồng thời dịch mới các Kinh, Luật, Luận quan trọng khác để hình thành Linh Sơn Pháp bảo Đại tạng kinh. Giai đoạn 3 từ năm 2017 trở đi. Vào giữa năm 2018, Hội đồng Quản trị VNCPHVN thành lập Ban Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam, tiến hành đối chiếu văn bản song ngữ, biên tập tiếng Việt, làm tổng mục lục mới, với mục tiêu phiên dịch hoàn tất, biên tập và xuất bản Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam. gồm Ba tạng Thượng Tọa bộ5 Ba tạng Bộ phái và Ba tạng Đại thừa. Đồng thời, Văn học Sớ giải, Tục tạng, Văn học Tông phái Phật giáo Trung Quốc, Nhật Bản và Văn học

Phật giáo Việt Nam cũng sẽ được thực hiện tiếp theo. Công trình sưu tầm, phiên dịch, hiệu chú và ấn hành này dự kiến sẽ hoàn thành trong vòng 10 năm hoặc lâu hơn nữa. 4. về bản sắc quốc gia Thánh điển Phật giáo được xem là quốc bảo của nhiều quốc gia theo đạo Phật. Các quôc gia thuộc hai truyền thông Phật giáo Nam truyên và Băc truyên đêu có Thánh điển Phật giáo bằng tiếng mẹ đẻ của họ tư lâu. Tại các nước Phật giáo Nam truyền như Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia, ngoài ấn bản Tam tạng Thánh điển Pali, đều có bản dịch Thánh điển Phật giáo bằng quốc ngữ của họ. Trong các nước Phật giáo Đại thừa, Trung Quốc là nước đầu tiên có Khai Bảo tạng được khác gỗ từ năm 971 đến 983 thời Bắc Tống. Các nước Phật

1 Hòa thượng Thích Minh Châu dấn thân vào sự nghiệp dịch thuật rất sớm. Hòa thượng đã dịch và ấn hằnh Kinh Trường bô từ năm 1965 (tập I), 1967 (tập II), 1972 (tập III, IV). Các năm kế tiep, Hòa thượng cho ấn hành các tập Kinh Trung bộ'. 1973 (tập I), 1974 (tập II, III). 2 Còn thiếu 6 quyển ữong Kinh Tiểu bộ: Diễn giải, Phân tích đạo, Thảnh nhân kỷ sự, Phật sử, Hạnh tạng và Milinda van đạo.



giáo Đại thừa chiu ảnh hưởng từ Phật giáo Trung Quốc đều có ấn bản Đại tạng kinh chữ Hán theo phong cách riêng. Đại Hàn (1011-1082) có ấn bản Cao Ly Đại tạng kinh (),hay còn gọi là Bát vạn Đại tạng kỉnh ()có cấu trúc mục lục khác với các
Đại tạng kinh Trung Quốc, gồm Tam tạng Đại thừa (các bản văn 1-646), Tam tạng Tiểu thừa (các bản văn 647-978), Thánh Hiền Phật ký lục (các bản văn 979-1087) và các tác phẩm khác (1088-1498), trong đó, các bản văn 1402-1405 là các trước tác của Phật giáo Đại Hàn. Nhật Bản có Thiên Hải tạng ()đầu tiên được thực hiện từ năm 1637 đến 1648. Đen đầu thế kỷ XX, Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh ( 1924-1934) do các
học giả Takakusu Junjiro, Watanabe Kaikyoku và Ono Genmyou biên tập, gồm 100 tập, 3.493 bộ, 13.520 quyển? trong đó, 55 tập đầu gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, các tông phái Phật giáo Ấn Độ? Trung Quốc. Đây là ấn bản Đại tạng kinh bằng chữ Hán hoàn chỉnh nhất, có tính hệ thống về phân loại và chấm câu tốt nhất. Phật giáo Tây Tạng cũng có Đại tạng kinh riêng khá sớm, từ năm 1290 đến 1364. Đại tạng này bao hàm hầu hết các bản luận Sanskrit của các bộ phái Phật giáo Ấn Độ, có nguồn gốc từ Trường Đại học Nālandā nổi tiếng và một số bản dịch từ tiếng Hán. Đại tạng này được hiệu chỉnh qua các thời kỳ và trở thành kho tàng Pháp bảo Tạng truyền đặc thù, vì nó chứa nhiêu bộ mật chú và pháp môn tu bí truyền mà ngày nay không tìm thấy trong các Đại tạng kinh Trung Hoa và các nước khác. Tính từ thời điểm Pháp thuộc năm 1867 đến 2019, khi tiếng Hán - Việt trở thành tiếng Việt La-tinh hóa, 152 năm đã trôi qua, hoặc tính từ thời điểm Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của GHPGVNTN hình thành từ năm 1973 cũng đã trải qua 46 năm? Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam chỉ mới hoàn tất gần một nửa chặng đường phiên dịch. Bên cạnh việc trân trọng những thành quả dịch thuật của các bậc Tôn đức hữu công thuộc các thế hệ trước, GHPGVN cần có Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam hoàn chỉnh, không chỉ thể hiện bản sắc văn hóa Phật giáo Việt Nam mà còn giúp cho người Việt Nam không biết các cổ ngữ Phật giáo, có thể tiếp cận lời Phật dạy bằng tiếng Việt, nhằm đạt được trí tuệ do nghe chân lý Phật (P.

Sutamayapaññā, Văn tuệ), trí tuệ do nghiền ngẫm chân lý Phật (P. Cintāmayapaññā. Tư tuệ) và trên nền tảng này, tiếp tục đạt được trí tuệ do thực hành thiền chí, thiền quán (P. Bhāvanāmayapaññā, Tu tuệ). Đê tạo nên bản sác văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam qua Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam, tôi tha thiết kêu gọi quý Tăng Ni và Phật tử tham gia vào Ban Phiên dịch và Ban Biên tập Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam, góp phần phiên dịch và xuất bản hoàn chỉnh Tam tạng Thánh điển



Phật giáo Việt Nam. Đồng thời, tôi tha thiết kêu gọi quý mạnh thường quân và quý Phật tử phát tâm đóng góp tịnh tài để công trình phiên dịch, biên tập và xuất bản Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam sớm thành tựu mỹ mãn. Xuất bản Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam không chỉ là niềm mơ ước của Tăng Ni và Phật tử Việt Nam mà còn tạo thuận duyên cho 97 triệu người Việt Nam trong nước và hơn 5 triệu người Việt Nam ở hải ngoại có cơ hội học Phật, tu Phật bằng tiếng Việt, để diệt trừ tham ái5 sân hận, si mê, chấp thủ, vốn là nhân khổ đau, đồng thời, trải nghiệm an vui, hạnh phúc bây giờ và tại đây, góp phần làm cho Tổ quốc Việt Nam ngày càng giàu mạnh và phát triển bền vững.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 - DL.2019 Hòa thượng THÍCH THIỆN NHƠN (Chủ tịch Hội đồng Tri sự GHPGVN)

LỜI NÓI ĐẦU

am tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam là một kho tàng Pháp bảo đầy

T đủ của Phật giáo Việt Nam, gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, Sử và các tác phẩm liên quan đến Phật giáo Việt Nam. Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam chứa đựng tư tưởng tâm linh, kho tàng trí tuệ, nền tảng văn hóa đạo đức có giá trị vượt thời gian và không gian. Cùng với những hệ thống tư tưởng lớn khác ở phương Đông và trên thế giới, hệ thốnệ tư tưởng minh triết của đạo Phật lưu xuất từ Thánh điển Phật giáo trong nhiêu thời kỳ, càng lúc càng có ảnh hưởng rộng lớn và thấm đượm nơi tâm hồn con người nói chung, tâm hồn người Phật tử Việt Nam nói riêng, góp phần tạo nên bản sắc văn hóa đạo đức WNam. Dân tộc Việt Nam từ thơi khởi nguyên đã co mối liên hệ với Phật giáo. Phật giáo Việt Nam bắt đầu từ rất sớm và xuyên suốt dòng lịch sử luôn đồng hành cùng dân tộc. Đất nước và con người Việt Nam, trong không gian minh triết phương Đông, ân hưởng nguồn sáng thiêng liêng cùng với sức mạnh chuyển hóa nhiệm mầu của đạo Phật, đã phát triển, sánh vai với bạn bè trên thế giới. Ngày nay, Phật giáo Việt Nam đang tiếp tục vươn lên với những hoạt động mang tầm quốc gia và quốc tế trên nhiều phương diện, trong đó Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam là một dấu chỉ quan trọng trên lộ trình phát triển, phát huy tiềm năng con người Việt Nam và Phật giáo Việt Nam về phương diện văn hóa tâm linh và hàn lâm học thuật. Văn pháp được sử dụng đê chuyên tải nội dung của Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam tiệm cận những tiêu chí: Trung thực, uyên thâm, văn nhã. Những chuẩn mực khác cũng được quan tâm như: Trang trọng, uy nghiêm. Tiêu chí, chuẩn mực được đặt ra và triển khai nhằm nâng cao hiệu quả của việc tụng niệm và hành tri, gia tăng hiệu

ứng tâm linh, khuếch tán ở mức cao nhất ánh sáng mầu nhiệm thiêng liêng lưu xuất từ đầu nguồn là đấng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thuở khởi nguyên của Thánh điển bắt đầu với việc kết tập Tam tạng. Ba lần kết tập đầu tiên, Thánh điển được trùng tụng, chuẩn y và ghi nhớ từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng phương pháp khẩu truyền. Thế kỷ III TTL đã có những phái đoàn hoằng pháp do Vua Asoka chủ trương và thực hiện, trong đó Hoàng tử Mahinda và Công chúa Sañghamittā của vương triều này đã truyền bá đạo Phật



sang Tích Lan. Hai thế kỷ sau, dưới triều đại nhà Vua Tích Lan Vattagāmanī Ābhāya, Thánh điển được biên chép và bổ sung phần Chú giải. ở Ấn Độ, lần kết tập thư tư dưới sự bảo trợ của Vua Kaniska từ cuối thế kỷ I đến đầu thế kỵ II, Thánh điển được viết xuống bằng ngôn ngữ Sanskrit. Như vậy, cả hai hệ thống kinh điên tiêp tục được lưu giữ, quảnệ bá ở bản địa và lan tỏa sang các nước khác dưới hai dạng, chữ viêt và khâu truyên. Hầu hết Thánh điển Phật giáo từ hai hệ thống trên vẫn còn được bảo tồn đầy đủ trong dạng nguyên ngữ hay dịch ngữ, và có những phiên bản tiếp tục được phát hiện dù có những khoảng thời gian việc thế thế truyền thừa dường như bị gián đoạn, thậm chí mai một. Anh sáng trí tuệ chứa đựng trong Thánh điên Phật giáo càng lúc càng được giới trí thức của thế giới cả phương Đông lẫn phương Tây nhận thức. Tạng Sanskrit được tái phát hiện ở Nepal vào năm 1822, có thể xem là tạng Sanskrit truyên sang thê giới phương Tây sớm nhát. Tạng Pali do Hoàng tử Mahinda khởi động truyền bá từ Ấn Độ sang Tích Lan, sau đó nhờ được sự bảo trợ dưới triều Vua Vattagāmanī Ābhāya vào thế kỷ I TTL, công trình trùng tụng, biên chép và bảo tôn được tô chức thực hiện quy mô lớn tại Aluvihāra, thành phố Matale, với 500 nhân sự chuyên trách. Tạng Pali được xem là Thánh điên Phật giáo chính thông của các nước thuộc hệ thống Nam truyền như Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Campuchia, Lào. Luận sư Buddhaghosa vĩ đại của thê kỷ v đã có công lớn đôi với Thánh tạng Pali. Nửa cuối thế kỷ XIX, Miến Điện tổ chức kết tập Tam tạng, trùng tụng, học thuộc Thánh điển, và nổi tiếng với bộ kinh bằng đá hoa cương thực hiện năm 1860 do Vua Mindon bảo trợ. Nam 1881, Pali Text Society (Hội Thánh điển Pali) ra đời với mục tiêu là biên tập, ấn hành nguyên bản Pali và phiên dịch sang tiếng Anh. Đầu thế kỷ XX, công trình phiên dịch Thánh tạng quy mô từ tiếng Pali sang tiếng Thái được thực hiện và giới thiệu rộng rãi thông qua mạng lưới các trường đại học trên thế giới, dưới sự bảo trợ của Vua Chulalongkorn thứ v. Ngoài tạng Pali và tạng Sanskrit, khi nói về phương diện đầu nguồn, cổ kính và thâm quyên, cân ghi nhận răng Thánh tạng tiêng Hán cô có truyền thông lâu đời, bao phủ một địa bàn văn hóa rộng lớn tầm châu lục. Từ nhà Tống đến nay, Trung Quốc có tất cả 25 bản Đại tạng, riêng nhà Tống đã có đến 8 bản Đại tạng khác nhau. Bản Đại tạng khắc gỗ đầy đủ đầu tiên của Trung Quốc được đặt tên là Khai Bảo tạng, hoàn thành năm 983. Cao Ly (tên gọi Triều Tiên từ thế kỷ X-XIV) có ba lần khắc Đại tạng, trong đó Bát vạn Đại tạng kinh (còn gọi là Cao Ly Đại tạng kinh) nổi tiếng với trên 81.000 phiến gỗ, khắc vao thế kỷ XI, đang được bảo tồn cẩn trọng tại Hải Ấn tự. Nhật Bản tiếp nhận suối nguồn Phật giáo khá trễ, có 9 bản Đại tạng. Đại Chảnh tân tu Đại tạng kỉnh (Taishõ Shinshũ Daỉzõkyõ,)do Takakusu Junjiro,

Watanabe Kaikyoku và các cộng sự viên thực hiện, gồm 100 tập, dựa trên các bản của Đại tạng kinh Trung Hoa và Cao Ly, tạo nên một bản Đại tạng kinh Phật giáo Bắc truyền hoàn chỉnh

LỜI NÓI ĐẦU xix

nhất cho đến năm 1934. Mông cổ và Tây Tạng đều có Đại tạng riêng. Đại tạng Tây Tạng cũng đã trải qua 12 lần khắc bản, được in ấn khác nhau và bộ hiện nay rất lớn với 73 triệu chữ chia làm hai phần: Kangyur (Kinh tạng - Luật tạng) và Tengyur (Luận tạng). Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam có điểm xuất phát từ thời còn chia sẻ chung một dạng văn tự với người Hán, phục vụ cho Phật giáo của cả một khu vực địa lý văn hóa rộng lớn bao gồm nhiều quốc gia, dân tộc. ở Việt Nam, nhà Đinh đã bắt đầu việc khắc kinh trên đá, đến thời nhà Lý việc khắc mộc bản khởi sự và hoàn thành một phần vào năm 1126, niên hiệu Thiên Phù Duệ Vũ. Vào năm 1311 (Tân Hợi), niên hiệu Hưng Long nhà Trần, Tôn giả Pháp Loa và Thiền sư Bảo Sái phụng chiếu Vua Trần Anh Tông đảm trách công trình cấp quôc gia là khăc gô Đại tạng kinh. Trải qua những biên thiên của lịch sử, thê hệ chư cổ đức đã hết lòng truyền trì đạo mạch. Có những giai đoạn lịch sử, công trình phiên dịch và ân hành Đại tạng kinh Việt Nam có biêu hiện dừng lại han, nhimg thật ra vẫn được chư Tôn đức tiền hiền âm thầm thực hiện. Lịch sử thực hiện Đại tạng kinh Việt Nam khởi sắc trong giai đoạn chấn hưng Phật giáo giữa thế kỷ XX. Việc phiên dịch, ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam với những mảng lớn hơn và quy mô lớn hơn được triển khai thực hiện, tiêu biểu là Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Tịnh phiên dịch Đại tạng Bắc truyền và Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu phiên dịch Đại tạng Nam truyền. Những trung tâm phiên dịch với những dịch giả nổi tiếng cũng xuất hiện như Trung tâm Phiên dịch Huệ Nghiêm, Trung tâm Phiên dịch Hải Bức, sau này có Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang. Đặc biệt, chư Ton đức Giáo phẩm, quý cư sĩ thiện hữu trí thức tiền bối và đương thời nối tiếp công việc phiên dịch các bộ Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, như quý ngài: Hòa thượng Thích Khánh Anh, Hòa thượng Thích Thiện Hoa, Hòa thượng Thích Trí Tịnh, Hòa thượng Thích Trí Nghiêm, Hòa thượng Thích Hành Trụ, Hòa thượng Thích Mật Nguyện, Hòa thượng Thích Trí Quang, Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Huệ Hưng, Hòa thượng Thích Đỗng Minh, Hòa thượng Thích Phước Hảo, Hòa thượng Thích Tịnh Thuận, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ? Hòa thượng Thích Phước Sơn, Hòa thượng Thích Minh Cảnh, Hòa thượng Thích Đức Thắng, Cư sĩ Tâm Minh - Lê Đình Thám, Cư sĩ Đoàn Trung Còn, Cư sĩ Đào Nguyên, Cư sĩ Đinh Huệ, Cư sĩ Nguyên Tâm - Trần Phương Lan,... Như vậy, nội dung bộ Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam có sự khác biệt. Các Đại tạng khác chỉ chứa đựng một trong hai hệ thống, Nam truyền hoặc Bắc truyền, hoặc có một phần của nhau, nhưng không đầy đủ. Trong khi đó? Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam chuyển tải cả hai hệ thống và được bố cục lại. Đối với Tam tạng Nam truyền (Thượng Tọa bộ), cấu trúc được giữ nguyên như trong hệ thống Pali Text Society (Chánh kinh, Chú giải,

XX KINH TẠPA-HÀM _____

Phụ chú giải). Đối với Bắc truyền, cấu trúc được chia thành hai phần: Bộ phái và Đại thừa, được bố cục lại theo cách phân chia Kinh, Luật, Luận, Sớ giải. Nguồn tư liệu này dựa vào Đại Chánh tân tu Đại tạng kỉnh. Ngoài ra, còn có tham khảo thêm nguồn tiếng Sanskrit, tiếng Anh và một số ngôn ngữ khác. Phân Tục tạng của Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam bao gôm các tác phẩm kinh điển do những thế hệ trí thức của Phật giáo Việt Nam trước tác, nối kết liền mạch từ thời sử dụng chữ Hán, Hán Nôm và chữ Quốc ngữ. Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện nay tiếp nối tinh thần phiên dịch Tam tạng Thảnh điên Phật giáo Việt Nam của chư tiên hiên hữu công, với sự khởi xướng của Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu, đã thành lập Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam làm cơ sở pháp lý, nền tảng hành chánh cho việc tổ chức nhân sự, giúp Giáo hội Phật giáo Việt Nam nâng mức độ hoàn thiện của Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam lên một tầm cao mới, đặt một dấu ấn cho sự hoàn chỉnh trang nghiêm của ngôi báu Pháp bảo. Phiên dịch Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam là công việc cần một nguồn nhân lực trí thức và tinh thần làm việc bền bỉ, đồng thời phải vượt qua A v v. Y những rào cản vê ngôn ngữ, văn hóa và khoảng cách thê hệ. Những dịch giả đỉnh cao ở Trung Quốc như Đạo An, Cưu-ma-la-thập, Huyền Trang... đều bày tỏ sự khó khăn khi thực hiện bản Hán dịch. Trong khi đó, độ chính xác của bản Việt dịch nói chung phải dựa trên độ chính xác của bản Hán dịch. Phiên dịch Kinh tạng Pâli cũng không ngoại le, khi dựa vào những bản gốc đã được sao chép nhiều lần trước khi in ấn. May thay, với sự tiến bộ của thời đại, một số rào cản ngôn ngữ trong các đe bản đã được giải mã và phản ánh trong các bản dịch mới trong Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam. Sự vượt qua những khó khăn trên nhờ vào sự phát triên của mạng lưới thông tin toàn câu, nguồn tham khảo phong phú, kỹ thuật tra cứu tiên tiến. Mặt khác, Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam phản ánh việc định hình được một bộ thể lệ quy chuẩn, làm cơ sở tham chiếu cho việc biên tập và dịch bổ sung, song song với việc xây dựng một bộ thuật ngữ thiết yếu và chuyên sâu. Tất cả đều góp phần đáng kể cho tính hệ thống, tính nhất quán khoa học, nâng cao giá tri hàn lâm của Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam. Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam mở ra một triên vọng mới cho những tác phẩm hậu kỳ như tóm tắt, tân giải, đồ giải hay làm tiền đề cho những công trình hỗ trợ tiện ích theo sau: Tổng mục lục, Đại từ điển Thuật ngữ, Lịch sử hình thành Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam. Ngoài ấn bản mang tính thiêng liêng của hiện tiền Pháp bảo được thực hiện trang nghiêm với chất liệu cao cấp, thiết kế mẫu mực, kỹ thuật in ấn tiên tiến, chứa đựng nội dung và văn pháp như đã được giới thiệu ở trên, Ban Biên tập Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam còn thực hiện bản sô hóa làm tăng



thêm khả năng đồng bộ, lan tỏa rộng khắp, khả năng tiếp cận và tham khảo nhanh chóng, hướng đến những tiêu chí học thuật hàn lâm tối ưu. Bộ Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam ra đời lần này là kết tinh từ các bậc Tô sư, các bậc chân tu thật học, nhiêu thê hệ dịch giả, nhà nghiên cứu... Hình ảnh các ngài an nhẫn, kiên định, tận tụy, cần mẫn dịch từng trang kinh, chọn lựa từng chữ, cân nhác từng thuật ngữ Phật học, đôi khảo các bản dịch, bô sung từng cước chú, nhuận sác từng dâu châm phây, đê đảm

bảo uvăn nghĩa đày díT một cách tốt đẹp nhất, luôn là nguồn động lực khích lệ cho các thế hệ Tăng Ni và Phật tử tiếp bước noi theo. Hơn bảy thập niên trôi qua, các nhà phiên dịch Tam tạng ngày đêm âm thầm làm việc, đã đóng góp vào kho tàng văn học Phật giáo, tạo nên bản sắc văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam, làm cho Pháp bảo được lưu bố ở nhân gian, công đức ấy đang ẩn tàng trong từng con chữ, trong số nhiều chục triệu con chữ của ấn bản Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam lần này thật bất khả tư nghì. Việc phiên dịch và ấn hành Pháp bảo này thành tựu còn được sự yểm trợ, ủng hộ nhiệt tình của chư Tôn đức Tăng Ni và các mạnh thường quân cư sĩ Phật tử trong và ngoài nước, từ quá khứ đến hiện tại. Xin thành kính tri ân công đức của quý liệt vị. Thành kính cúng dâng ấn phẩm Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam này lên mười phương chư Phật, chư Tôn Bồ-tát, liệt vị Tổ sư, chư vị Tôn đức dịch giả và hiện tiền chư Tôn đức Giáo phẩm chứng minh. Thành tâm hồi hướng công đức, nguyện cầu Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyển, quốc thái dân an, pháp giới hữu tình ân triêm lợi lạc.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 - DL.2019 Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN (Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam)

MỤC LỤC LỜI CHÚNG MINH.....ix LỜI GIỚI THIỆU..... xi LỜI NÓI ĐẦU..... xvii MỤC LỤC..... ..... ..... ..... xxiii BANG VIẾT TẮT..... Ixiii DẪN LUẬN..... Ixix KHÁI QUÁT KINH TẠPA-HÀM..... xciii

TẠPA-HÀM QUYỂN l..... l 1. VÔ THƯỜNG..... l 2. CHÂN CHÁNH Tư DUY..... l 3. ĐOẠN TRỪ KHÔ NÃO..... 2 4. VƯỢT QUA SỢ HÃI.....3 5. ƯA THÍCH VÀ HOAN HỶ..... 3 6. TUỆ TRI VÀ KHÔNG TUỆ TRI..... 4 7. HỶ LẠC SẮC..... :..... 5 8. BA THỜI ĐỀU VÔ THƯỜNG..... 5 9. QUÁN SÁT CHÂN THỰC..... 6 10. GIẢI THOÁT HOÀN TOÀN..... 6 11. BA PHÁP ẤN..... 7 12. NĂM UẨN VÔ THƯỜNG.....7 13. VỊ NGỌT CỦA SẮC..... 8 14. LIỄU TRI VỊ NGỌT..... 9 15. PHIỀN NÃO VÀ CHẤP THỦ..... 10 16. LUÂN HỒI VÀ GIẢI THOÁT..... 12 17. ĐOẠN TRỪ CHẮP TRƯỚC.....13 18. ĐOẠN TRỪ CHẤP

NGÃ..... 15 19. ĐOẠN TRỪ KIẾT sử..... 16 20. THAM KINH.....17



21. D AO ĐỘNG..... 17 22. KIẾP-BA THƯA HỎI PHẬT..... 19 23. LA-HẦU-LA THƯA HỎI PHẬT..... 20 24. ĐỨC PHẬT DẠY LA-HẦU-LA.....21 25. ĐỊNH NGHĨA VÈ ĐA VĂN..... 22 26. ĐỊNH NGHĨA VỀ PHÁP sư..... 23 27. TUẦN Tự THỰC HÀNH THEO PHÁP (1)..... 23 28. NIẾT-BÀN TRONG HIỆN TẠI (1)..... 24 29. TỲ-KHEO TAM-MẬT-LY-ĐỀ.....25 30. TRƯỞNG GIẢ THẦU-LŨ-NA (1)..... 26 31. TRƯỞNG GIẢ THÂU-LŨ-NA (2)..... 28 32. TRƯỞNG GIẢ THÂU-LŨ-NA (3)..... 30 QUYÊN 2.....32 33. SẮC KHÔNG PHẢI LÀ NGÃ..... 32 34. NĂM VỊ TỲ-KHEO..... 33 35. BA VỊ HIỀN GIẢ.....34 36. MƯỜI SÁU TỲ-KHEO..... 35 37. KHÔNG TRANH VỚI THẾ GIAN..... 36 38. ĐỊNH DANH VỀ CÁI BÁT..... 37 39. CÁC LOẠI HẠT GIỐNG.....38 40. QUYẾN LUYEN VÀ GIẢI THOÁT..... 40 41. LIỄU TRI NĂM THỦ UẨN..... 40 42. THUẦN THỤC BẢY YẾU Tố..... 43 43. CHẤP THỦ VÀ KHÔNG CHẤP THỦ..... 47 44. CHÚNG SANH VÀ TRÓI BUỘC..... 48 45. GIÁC NGỘ NĂM THỦ UẨN..... 49 46. CHƯỚNG NGẠI LÀ THỦ UẨN.....50 47. TÍN TÂM..... 52 48. CHÂN CHÁNH XUẤT GIA ..... 52 49. PHÁP SANH DIỆT..... 53 50. PHẬT HỎI A-NAN..... 53 51. PHÁP HOẠI..... 54 52. UẤT-ĐỂ-CA..... 55 53. BÀ-LA-MÔN THƯA HỎI PHẬT.....55 54. PHÁP THƯ THẮNG..... 57 55. UẨN VÀ THỦ UẨN..... 58

56. HỮU LẬU VÀ VÔ LẬU.....59 57. DIỆT TRỪ LẬU HOẶC..... 59 58. NGUỒN GỐC CỦA NĂM THỦ UẨN..... 62 QUYỂN 3..... 67 59. PHÁP SANH DIỆT..... 67 60. KHÔNG CÒN ƯA THÍCH..... 67 61. TÍNH CHẤT CỦA NĂM THỦ UẨN..... 68 62. QUÁN SÁT NĂM THỦ UẨN..... 70 63. VÔ MINH DIỆT THÌ MINH SANH..... 72 64. PHÁP CÚ.....73 65. QUÁN SÁT NHƯ THẬT (1)..... 75 66. QUÁN SÁT NHƯ THẬT (2)..... 76 67. TĨNH LẶNG NỘI TÂM..... 77 68. BA YẾU TỐ .....*..... 78 69. VƯỢT THOÁT THÂN KIẾN..... 79 70. KIẾN CHẤP VỀ THÂN (1)..... 80 71. KIẾN CHẤP VỀ THÂN (2)..... 81 72. PHÁP ĐIỀU PHỤC THAM..... 83 73. BUÔNG Bỏ GÁNH NẶNG..... 84 74. ĐẾN VÀ ĐI..... 85 75. NHƯ LAI VÀ A-LA-HÁN..... 86 76. QUÁN SÁT NAM UẨN..... 87 77. CHẤM DỨT TÁI SANH..... 87 78. SANH KHỞI VÀ DIỆT TẬN..... 88 79. SẮC VÔ THƯỜNG..*.. ..... 88 80. PHÁP ẤN CỦA BẬC THÁNH..... 89 81. CÓ NHẦN VÀ CÓ DUYÊN..... 91 82. THẤY ĐƯỢC vô THƯỜNG, KHỔ..... 93 83. THẤY BIẾT NHƯ THẬT..... 94 84. CHÁNH QUÁN..... 95 85. KHÔNG THẤY có NGÃ..... 95 86. SẮC LÀ VÔ THƯỜNG.....97 87. SẮC LÀ KHỔ..... 98 QUYỂN 4..... 99 88. HIẾU DƯỠNG.....99 89. HIẾN TÉ ĐÚNG PHÁP.....99

xxvi KINH TẠP A-HÀM

90. HIỂN TÉ THANH TỊNH..... 101 91. BỐN PHÁP SỐNG AN VUI..... 101 92. BÀ-LA-MÔN KIÊU MẠN.....104 93. BA LOẠI LỬA..... ..... 106 94. THIỆN, BẤT THIỆN NHƯ MẶT TRĂNG..... HO 95. CÚNG DƯỜNG NƠI XÚNG

ĐÁNG..... 111 96. KỆ KHUYÊN DẠY CON..... 113 97. KHẤT THỰC VA TỲ-KHEO..... 114 98. CÀY RUỘNG..... 115 99. PHẠM THIÊN TRƯỚC MẶT..... 117 100. PHẬT LÀ TÊN ĐẸP NHÁT..... 118 101. ĐỨC PHẬT LÀ AI?..... 119 102. PHÁP CHIÊN-ĐÀ-LA..... 120 QUYỂN 5..... 124 103. TỲ-KHEO SAI-MA..... 124 104. TỲ-KHEO DIỆM-MA-CA..... 128 105. NGOẠI ĐẠO TIÊN-NI..... 132 106. TÔN GIẢ A-NẬU-LA-ĐỘ..... 136 107. THÂN BỆNH, TÂM KHÔNG BỆNH..... 138 108. ĐIỀU PHỤC DỤC THAM .....:..... 140 109. THẤY ĐƯỢC THÁNH ĐẾ..... 143 110. NI-KIỀN TỬ TÁT-GIÁ..... 146 QUYỂN 6..... 156 111. HỮU LƯU.....156 112. ĐOẠN TRI..... 157 113. ĐOẠN TRỪ KHỔ.....157 114. BIẾT RÕ KHỔ..... 158 115. DỨT SẠCH KHỔ.....159 116. NGÃ VÀ NGÃ SỞ TRÓI BUỘC..... 160 117. PHÁP HỮU LẬU.....161 118. ĐOẠN TRỪ BA ĐỘC (1).....162 119. THAM DỤC, ÁI DỤC VÀ HỶ DỤC..... 163 120. NĂM UẨN DO MA TẠO..... ..... 164 121. PHÁP CHÉT (l)..... *..... 165 122. ĐỊNH NGHĨA VỀ CHÚNG SANH..... 166 123. HỮU THÂN..... 167



124. MA..... 169 125. DO MA TẠO TÁC..... 169 126. PHÁP CHÉT (2)..... 171 127. PHÁP ĐOẠN (1).....171 128. PHÁP ĐOẠN (2)..... 172 129. PHÁP ĐOẠN (3)..... 172 130. NĂM THỦ UẨN VÀ THỈNH CẦU ĐẠI sư..... 173 131. THÂN CẬN VỚI SẮC.....175 132. KHÔNG THÂN CẬN VỚI SẮC..... 176 133. SÁU Cơ SỞ KIẾN CHẤP.....176 134. CHẨM DỨT HOÀI NGHI BỐN ĐẾ..... 178 135. DỨT SẠCH HOÀI NGHI..... 178 136. NGUYÊN NHÂN SANH TỬ

(1)..... 179 137. NGUYÊN NHÂN SANH TỬ (2)..... 180 138. NGUYÊN NHÂN SANH TỬ (3)..... 180 QUYỂN 7..... 181 139. NGUYÊN NHÂN KHỔ NÃO (1).....181 140. NGUYÊN NHÂN KHỔ NÃO (2)..... 182 141. NGUYÊN NHÂN KHỔ NÃO (3).....182 142. NGÃ VÀ NGÃ SỞ (1)..... 183 143-144. NGÃ VÀ NGÃ sở (2-3)..... 183 145. SANH KHỞI HỮU LẬU.....183 146. BA CẢM THỌ..... 184 147. BA KHÔ ..... ..... 184 148. TÁM PHÁP..... 184 149. TA HƠN..... 185 150. NGƯỜI HƠN..... 185 151. HƠN VÀ KÉM..... 186 152. CÓ NGÃ..... 186 153. KHÔNG HAI..... 186 154. CHẤP KHÔNG..... 187 155. KHÔNG CÓ Nỗ Lực..... 188 156. CHẾT LÀ HẾT..... 188 157. KHÔNG NHÂN KHÔNG DUYÊN..... 189 158. Sự THANH TỊNH CỦA CHÚNG SANH.....189 159. KHÔNG THẤY, KHÔNG BIẾT..... 190 160. THẤY VÀ BIẾT..... 190



161. BẢY LOẠI THÂN..... 191 162. KHÔNG TIN có NGHIỆP BÁO.....191 163. CÁC LOẠI CHÚNG SANH..... 192 164. THUYẾT KHÔNG THỂ BIẾT..... 193 165. ĐẤNG SÁNG THẾ..... 194 166. HỮU BIÊN VÀ VÔ BIÊN..... 194 167. CÁC LOẠI CHẤP NGÃ..... 195 168. MƯỜI BỐN CÂU HỎI..... 195 169. CHẤP NGÃ, THẾ GIAN.....196 170. ĐỆ NHẤT NGHĨA BÁT-NIẾT-BÀN..... 197 171. NGÃ ĐOẠN DIỆT..... 197 172. CÁC PHÁP VÔ THƯỜNG..... 198 173. QUÁ KHỨ VÔ THƯỜNG..... 198 174. VÔ THƯỜNG VÀ THỈNH CẦU ĐẠI sư..... 199 175. LỬA VÔ THƯỜNG..... 200 176. ĐOẠN TRỪ VÔ THƯỜNG (1)..... 201 177. ĐOẠN TRỪ vô THƯỜNG

(2)..... 202 178. ĐOẠN TRỪ PHÁP BẤT THIỆN..... 203 179. TU DỤC ĐỊNH..... 204 180. Tư TÍN CAN..... 204 181. TU TÍN Lực..... 205 182. TU NIỆM GIÁC PHẦN..... 206 183. TU CHÁNH KIẾN..... 207 184. BỐN PHÁP DIỆT KHÔ..... 208 185. PHÁP CÚ KHÔNG THAM..... 209 186. TU THIỀN CHỈ..... 210 187. THÀNH Tựu MỘT PHÁP..... 212 QUYỂN 8.....214 188. LÌA HỶ? THAM..... 214 189. ĐOẠN TRỪ THAM DỤC..... 214 190. KHÒNG NHẬN BIẾT ..... 215 191. NHẬN BIẾT ĐỂ THOÁT SANH TỬ.....216 192. LÌA DỤC..... 216 193. LÌA DỤC VÀ GIẢI THOÁT..... 217 194. ƯA THÍCH..... 217 195. TẤT CẢ ĐỀU VÔ THƯỜNG.....218 196. GIẢI THOÁT VÔ THƯỜNG.....218



197. BA LOẠI THỊ HIỆN..... 219 198. LA-HẦU-LA*.....:..... ..... 199. NHẬN THỨC SAI LẦM..... 221 200. TUỆ GIẢI THOÁT THUẦN THỤC..... 222 201. DỨT SẠCH PHIỀN NÃO..... 225 202. DỨT TRỪ NGÃ KIẾN..... 226 203. ĐOẠN TRỪ MỘT PHÁP..... 227 204. NHẬN BIẾT NHƯ THẬT..... 228 205. ƯU-ĐÀ-NA..... ... ...28 206. THỰC TẠI HIỆN TIỀN.....229 207. TU TẬP THIỀN ĐỊNH..... 230 208. SÁU CÀN VÔ THƯỜNG (1).....230 209. SÁU XÚC NHẬP XỨ..... 231 210. ĐỊA NGỤC..... 232 211. NAM DỤC THẾ GIAN..... 233 212. HẠNH KHÔNG BUÔNG LUNG..... 234 213. HAI PHÁP..... 235 214. HAI NHÂN DUYÊN..... 236 215. PHÚ-LÂU-NA.....237 216. BIÊN LỚN (1).....238 217. BIỂN LỚN (2).....239 218. KHỔ TẬP KHỞI VÀ KHỔ DIỆT TẬN..... 239 219. CON ĐƯỜNG DẪN ĐẾN NIẾT-BAN

(1)..... 240 220. CON ĐƯỜNG DẪN ĐẾN NIẾT-BÀN (2)..... 241 221. TẤT CẢ THỦ..... 241 222. NHẬN THỨC RÕ RÀNG VÀ TOÀN DIỆN..... 242 223. KHÔNG NHẬN BIẾT, KHÔNG HIỂU RÕ..... 242 224. TẤT CẢ PHÁP THAM DỤC..... 243 225. ĐOẠN TRỪ ĐỂ THOÁT KHỔ..... 243 226. ĐOẠN TRỪ NGHĨ TƯỞNG..... 244 227. SỐNG KHÔNG CHẤP TRƯỚC..... 244 228. TĂNG TRƯỞNG VÀ TỔN GIẢM..... 245 229. HỮU LẬU VÀ VÔ LẬU..... 246 QUYỂN 9..... 247 230. TÔN GIẢ TAM-DI-LY-ĐỀ..... 247 231. THẾ GIAN MONG MANH..... 248

XXX KINH TẠPA-HÀM

232. TÁNH KHÔNG..... 248 233. CON ĐƯỜNG DIỆT TẬN THẾ GIAN..... 249 234. TẬN CƯNG THỂ GIỚI..... 249 235. CÓ THẦY, CÓ ĐỆ TỬ..... 251 236. KHẮT THỰC THANH TỊNH..... 252 237. THANH TỊNH HOÀN TOÀN..... 253 238. NHÂN DUYÊN..... 253 239. KIẾT SỬ VÀ PHÁP KIẾT sử..... 254 240. CHẤP THỦ..... 254 241. THÀ CHỊU NUNG ĐỐT..... 255 242. THẤY BIẾT ĐỂ ĐOẠN TẬN KHỔ..... 256 243. VỊ NGỌT CỦA MẮT..... 257 244. MÓC CÂU CỦA MA..... 257 245. BỐN PHẨM PHÁP..... 258 246. MA BA-TUẦN..... 259 247. QUEN GẦN GŨI..... 260 248. TÔN GIẢ ĐẠI THUẦN-ĐÀ..... 261 249. CÒN LẠI NHỮNG GÌ?..... 262 250. DỤC THAM LÀ sự TRÓI BUỘC..... 264 251. BIẾT ĐÚNG NHƯ THẬT.....:..... 265 252. THẦN CHÚ TRỪ RẮN ĐỘC.....266 253. TỲ-NỮU CA-CHIÊN-DIÊN..... 269 254. TÔN GIẢ NHỊ THẬP ức NHĨ..... 272 255. BÀ-LA-MÔN LỔ-HÊ-GIÀ..... 276 QUYỂN 10..... 280 256. VÔ MINH VÀ MINH (1)..... 280 257. VÔ MINH VÀ MINH (2)..... 281 258. VÔ MINH VÀ MINH

(3)..... 282 259. QUÁN NĂM UẨN..... 283 260. PHÁP DIỆT..... 285 261. NGÀI PHÚ-LÂU-NA DẠY A-NAN..... 286 262. TRƯỞNG LÃO XIỂN-ĐÀ..... 287 263. TÙY THUẬN TU TẬP..... 290 264. NẮM ĐẤT NHỎ..... 292 265. BỌT NƯỚC..... 295 266. ÁI BUỘC RÀNG..... 297



267. KHÔNG BIẾT NHƯ THẬT..... 299 268. DÒNG SÔNG..... :..... 300 269. XA LÌA VÀ BUÔNG Bỏ..... 301 270. QUÁN THUẦN THỤC vô THƯỜNG.....303 271. TỲ-KHEO ĐỀ-XÁ..... 304 272. MỤC ĐÍCH XUẤT GIA..... 307 QUYỂN 11..... 310 273. VÍ DỤ TIẾNG vỗ CỦA HAI BÀN TAY..... 310 274. HẠNH BUÔNG Bỏ..... 312 275. TỲ-KHEO NAN-ĐÀ..... 313 276. TỲ-KHEO NAN-ĐÀ THUYẾT PHÁP..... 315 277. KHÔNG LUẬT NGHI VÀ LUẬT NGHI..... 322 278. THOÁI THẤT VÀ KHÔNG THOÁI THẤT..... 323 279. ĐIỀU PHỤC SÁU CẢN..... 323 280. BÀ-LA-MÔN THÀNH TÀN-ĐÀU..... 325 281. BỆN TÓC MỤC-KIỀN-LIÊN..... 327 282. TU TẬP CÁC CẢN..... 330 QUYỂN 12..... 334 283. VÍ DỤ TRỒNG CÂY..... 334 284. VÍ DỤ VỀ CỘI CÂY LỚN..... 335 285. CHỖ NƯƠNG TỰA..... 336 286. VÍ Dư ĐỐNG LỬA..... 337 287. VÍ DỤ CON ĐƯỜNG cũ..... 338 288. VÍ DỤ VỀ BA CÂY LAU SẬY..... 340 289. HÀNG PHÀM PHU MÊ MUỘI..... 343 290. THÁNH ĐỆ TỬ ĐA VĂN..... 344 291. Sự TIẾP XÚC NỘI TÂM..... 345 292. Tư DUY, QUÁN SÁT.....347 293. PHÁP SÂU XA..... 350 294. PHÀM NGU VÀ BẬC TRÍ..... 351 295. KHÔNG PHẢI CỦA ÔNG..... 353 296. ĐOẠN TẬN KIẾN CHẮP..... 353 297. KINH ĐẠI KHÔNG

PHÁP..... 355 298. PHÁP THUYẾT, NGHĨA THUYẾT..... 356 299. PHÁP DUYÊN KHỞI..... 357 300. TRUNG ĐẠO..... 358

xxxii KINH TẠPA-HÀM

301. LÌA NHỊ BIÊN.....359 302. A-CHI-LA CA-DIẾP..... 360 303. TU SĨ ĐIẾM-MÂU-LƯU..... 362 QUYỂN 13..... 364 304. BA MƯƠI SÁU PHÁP.....364 305. SÁU PHÂN BIỆT VỀ SÁU NHẬP xứ..... 365 306. ĐỂ ĐƯỢC THAY PHÁP..... :..... 367 307. BẬC THẤY PHÁP..... 368 308. KHÔNG ĐẮM NHIỄM..... 369 309. SỐNG CHUNG VÀ SỐNG MỘT MÌNH..... 371 310. LỘC-NỮU ĐẮC PHÁP..... 372 311. TÔN GIẢ PHÚ-LÂU-NA..... 373 312. TUỔI GIÀ HỌC ĐẠO.....375 313. NHẬN ĐỊNH VỀ KINH PHÁP..... 377 314 ĐOẠN DỤC..... ... ..... ... .....379 315. CHUYỂN BIẾN SANH DIỆT.....379 316. SÁU CĂN VÔ THƯỜNG (2)..... 380 317. SÁU CẦN LÀ KHỔ..... 380 318. SÁU CẢN VÔ NGÃ..... 380 319. THẾ NÀO GỌI LÀ TẤT CẢ?.....381 320. TẤT CẢ ĐỀU CÓ..... 381 321. TẤT CẢ PHÁP.....382 322. CÀN VÀ TRÀN..... 383 323. SÁU CĂN..... 384 324. SÁU TRẦN..... 385 325. SÁU LOẠI THỨC..... 385 326. SÁU LOẠI XÚC..... 385 327. SÁU LOẠI THỌ..... 386 328. SÁU LOẠI TƯỞNG..... 386 329. SÁU LOẠI Tư.....386 330. SÁU LOẠI ÁI..... 387 331. SÁU LUYẾN NHỚ..... 387 332. SÁU THỨ CHE ĐẬY..... 388 333. SÁU CĂN VÔ THƯỜNG (3)..... 388 334. NHẪN, DUYÊN VÀ PHÁP TRÓI BUỘC..... 388 335. ĐỆ NHẤT NGHĨA KHÔNG..... 389

336. SÁU HỶ HÀNH..... 390 337. SÁU ƯU HÀNH..... 391 338. SÁU XẢ HÀNH..... 391 339. SÁU THƯỜNG HÀNH (1)..... 391 340. SÁU THƯỜNG HÀNH (2)..... 392 341. PHÁP KHÓ ĐẠT Được..... 392 342. BẬC PHƯỚC ĐIỀN vò THƯỢNG..... 393

QUYỂN 14..... 394 343. KHỔ VUI DO DUYÊN.....394 344. TÔN GIẢ CÂU-HY-LA..... 397 345. THỂ NHẬP PHÁP GIỚI..... 402 346. BA PHÁP..... 404 347. LÉN TRỘM GIÁO PHÁP..... 406 348. MƯỜI Lực..... 413 349. TRÚ XỨ BẬC THÁNH..... 414 350. THÁNH ĐỆ TỬ..... 414 351. THẤY BIẾT VÀ CHÚNG ĐẮC..... 415 352. SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN NÊN BIẾT..... 417 353. KHÔNG THỂ VÀ có THỂ..... 418 354. VƯỢT THOÁT KHỎI xúc..... 419 355. GIÀ CHẾT..... ...420 356. BỐN MƯƠI BỐN LOẠI TRÍ.....420 357. BẢY MƯƠI BẢY LOẠI TRÍ.....421 358. PHÁP TĂNG VÀ PHÁP GIẢM..... 422 359. KIẾT SỬ VÀ THỨC..... 422 360. KIẾT SỬ VÀ DANH SẮC..... 423 361. CHỖ BÁM VÍU CỦA THỨC.....423 362. TỲ-KHEO ĐA VĂN..... 424 363. TỲ-KHEO THUYẾT PHÁP..... 424 364. TUẦN Tự THỰC HÀNH THEO PHÁP (2)..... 425 QUYỂN 15.....
427 365. NIẾT-BÀN TRONG HIỆN TẠI (2)..... 427 366. BẢY VỊ PHẬT..... 427 367. BIẾT Rồ NHƯ THẬT.....429 368. THIỀN ĐỊNH..... *..... 429 369. MƯỜI HAI NHÂN DUYÊN..... 430

xxxiv KINH TẠPA-HÀM

370. ĐỨC PHẬT VÀ DUYÊN KHỞI..... 431 371. NHÂN VÀ TẬP KHỞI CỦA THỨC ĂN..... 431 372. TỲ-KHEO PHẢ-CẦU-NA..... 432 373. THỊT ĐỨA CON..... 433 374. THỨC DÙNG TRỤ..... 435 375. LO BUỒN VÀ PHIỀN

NÃO..... 436 376. MẶT TRỜI TỎA CHIẾU..... 436 377. KHÔNG THỂ VẼ VÀO Hư KHÔNG.....437 378. HỶ VÀ THAM.....438 379. CHUYÊN PHÁP LUÂN..... 439 380. BỐN THÁNH ĐẾ (1)..... 441 381. BỐN THÁNH ĐẾ (2)..... 442 382. CẦN BIẾT, CÀN HIỂU THÁNH ĐẾ..... 442 383. ĐÃ BIẾT THÁNH ĐẾ.....443 384. ĐÃ HIỂU THÁNH ĐẾ.....443 385. PHẠM HẠNH VẸN TOÀN..... 444 386. DỤNG NGỌN cờ THÁNH..... 444 387. BẠC HIỀN THÁNH..... 445 388. BẠC THƯỢNG sĩ..... 445 389. BẠC ĐẠI Y VƯƠNG..... 446 390. SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN..... 447 391. PHI SA-MÔN5 phi BÀ-LA-MÔN..... 448 392. BIẾT NHƯ THẬT..... 449 393. THIỆN NAM TỬ..... 450 394. TƯỚNG HÙNG ĐÔNG..... 451 395. ÁNH SÁNG VÀ THÁNH ĐỂ..... 452 396. CHÚNG TU-ĐÀ-HOÀN..... 452 397. THỂ NHẬP CHÂN LÝ.....453 398. TRỤ NHAN-ĐÀ-LA..... 454 399. TRỤ ĐÁ..... 455 400. LỬA CHÁY TRÊN ĐẦU..... 456 401. MỘT TRĂM MŨI THƯƠNG..... 457 402. GIÁC NGỘ HOÀN TOÀN..... 457 403. THÔNG ĐẠT THÁNH ĐẾ..... 458 404. RỪNG THÂN-THỨ..... 459 405. LY-XA BẮN TÊN..... 460 406. RÙA MÙ VÀ BỘNG CÂY..... 461

MỤC LỤC XXXV

QUYỂN 16..... 463 407. TRỐN VÀO NGÓ SEN..... 463 408. CÁC LOẠI KIẾN CHẤP..... 464 409. BA BẤT THIỆN TÂM.....465 410. KHỞI NHIỀU NIỆM..... 466 411. TẠP LUẬN..... 466 412. TRANH LUẬN..... • ..... ..... 467 413. VIỆC CỦA VUA CHÚA..... 467 414. VIỆC TRONG ĐỜI TRƯỚC..... 468 415. VIỆC CỦA ĐÀN-VIỆT..... 469 416. THỌ TRÌ..... :..... 417. NHƯ NHƯ..... ... ..... ..... .....I1I470 470 418. PHỦ NHẬN THÁNH ĐẾ ..... 471 419. TỲ-KHEO NGHI

HOẶC..... 472 420. NGOẠI ĐẠO NGHI HOẶC..... 472 421. VÁCH NÚI NGUY HIỂM..... 473 422. NÓNG CÙNG cực..... 474 423. TỐI TĂM CÙNG cực (1)..... 475 424. TỐI TĂM CÙNG cực (2)..... 475 425. TỐI TÀM CÙNG cực (3)..... 476 426. TỐI TĂM CÙNG cực (4)..... 477 427. BỐN THÁNH ĐẾ (3)..... 477 428. LIỄU TRI NHƯ THẬT..... 478 429. SIÊNG TU THIỀN ĐỊNH..... 478 430. NHƯ CHIẾC GẬY RƠI XUỐNG..... 479 431. CÕI LÀNH HAY CÕI DỮ..... 479 432. VÒNG BÁNH XE..... 480 433. THUYẾT PHÁP TRỌNG YẾU..... 480 434. TRÍ TUỆ SÁNG SUỐT..... 481 435. TRƯỞNG GIẢ TU-ĐẠT..... 481 436. BẬC THỀM..... 482 437. TUẦN Tự..... 483 438. SANH LOẠI..... 484 439. ĐẠI TUYET sơn..... 484 440. LƯỢNG NƯỚC..... 485 441. HÒN ĐẤT VÀ NGỌN NÚI..... 486 442. ĐẤT TRÊN MÓNG TAY (1)..... 487

xxxvi KINH TẠPA-HÀM _____

443. SANH KHỞI CHÁNH KIẾN.....489 444. CẢNH GIỚI VÔ LƯỢNG..... 489 445. TÂM CẢNH TƯƠNG ƯNG..... 490 446. BÀI KỆ VỀ Sự TƯƠNG ƯNG (1)..... 490 447. THIỆN, BẤT THIỆN TƯƠNG ƯNG..... 491 448. BÀI KỆ VỀ Sự TƯƠNG ƯNG (2)..... 493 449. TƯƠNG ƯNG NAM GIỚI..... 493 450. PHÂN BIỆT CẢNH GIỚI..... 494 451. CÁC GIỚI..... 494 452. XÚC GIỚI..... 495 453. TUẦN Tự CỦA xúc, THỌ, ÁI..... 496 454 TƯỞNG..... ..... 497 QUYỂN 17..... 498 455. CÁC TƯỞNG..... 498 456. CẢNH GIỚI THIỀN ĐỊNH..... 499 457. THUYẾT..... *..... 500 458. NHÂN..... 501 459. Tự MÌNH LÀM

VÀ NGƯỜI KHÁC LÀM..... 503 460. CU-SƯ-LA..... 504 461. BA CÕI(l)..... 505 462. BA CÕI (2)..... 506 463. BA CÕI (3)..... 506 464. CÙNG MỘT GIÁO PHÁP..... 507 465. ĐOẠN TRỪ TRÓI BUỘC..... 509 466. XÚC VÀ THỌ..... :..... 510 467. THỌ VÀ TƯỞNG..... 510 468. ĐOẠN TRỪ VÀ BIẾT RÕ KIẾT sử..... 511 469. Sự SÂU HIỂM..... 512 470. HAI MŨI TÊN ĐỘC..... 513 471. GIÓ CẢM THỌ...*..... 514 472. QUÁN TRỌ....*..... 516 473 . CẢM THỌ LÀ KHỔ..... 516 474. VẮNG LẶNG VÀ TỊNH CHỈ..... 517 475. CHƯ PHẠT VÀ THỌ..... 519 476. QUÁN CHIẾU CẢM THỌ..... 520 477. A-NAN QUÁN CHIẾU CẢM THỌ..... 520



478. GIẢNG VỀ BA THỌ..... 521 479. BIẾT ĐÚNG VỀ THỌ..... 521 480. SA-MÔN VÀ THỌ .. ..... 522 481. SANH KHỞI CẢM THỌ.....523 482. NĂM PHÁP VIÊN MÃN.....524 483. Sự LIÊN HỆ VẬT CHẤT..... 526 484. NAM PHÁP BẠC NHẤT..... 528 485. CÁC LOẠI CẢM THỌ.....529 486. MƯỜI PHÁP CHÂN CHÁNH (1)..... 531 487. MƯỜI PHÁP CHÂN CHÁNH (2)..... 532 488. MƯỜI PHÁP CHÂN CHÁNH (3)..... 533 489. MƯỜI PHÁP CHÂN CHÁNH (4)..... 533 QUYỂN 18..... 535 490. DIÊM-PHÙ-XA HỎI ĐẠO..... 535 491. SA-MÔN XUẤT GIA HỎI ĐẠO.....547 492. PHÁ TAN vô MINH..... ..... 548 493. THUYỀN NGƯỢC DÒNG..... 549 494. THẦN THÔNG BIẾN HÓA..... 549 495. GIỚI LÀ NỀN TẢNG..... 550 496. DẬP TẮT TRANH CÃI..... 551 497. NĂM PHÁP CỬ TỘI..... 552 498. TRÍ TUỆ CỦA THẾ TÔN..... 556 499. KHÉO TU

TÂM..... 558 500. NUÔI MẠNG ĐÚNG PHÁP..... 560 501. IM LẶNG CỦA BẬC THÁNH.....562 502. THÁNH TRỤ..... 563 503. NỖ Lực TINH TẤN..... 564 QUYỂN 19..... 567 504. PHƯỚC BÁO BỐ THÍ.....567 505. ÁI TẬN THÌ GIẢI THOÁT (1).....568 506. THUYẾT PHÁP TẠI CÕI TRỜI..... 570 507. LÒNG TIN THANH TỊNH..... 573 508. TỘI BÁO GIẾT Mổ BÒ (1)..... 574 509. TỘI BÁO GIẾT Mổ BÒ (2) ..... 575 510. TỘI BÁO GIẾT MỒ DÊ (1)..... 577 511. TỘI BÁO GIẾT MỔ DÊ (2)..... 578



512. TỘI BÁO PHÁ THAI..... 578 513. TỘI BÁO LUYỆN VOI..... 579 514. TỌ! BÁO ƯA THÍCH CHIẾN TRANH..... 579 515. TỘI BÁO THỢ SẢN..... 580 516. TỘI BÁO ĐỒ TỂ GIẾT HEO..... 580 517. TỘI BÁO KẺ CẮT ĐẦU NGƯỜI.....581 518. TỘI BÁO LÀM ĐỒ GIẢ..... 581 519. TỘI BÁO BẮT CÁ..... 582 520. TỘI BÁO NGƯỜI NỮ LÀM NGHỀ BÓI TOÁN..... 582 521. TỘI BÁO NGƯỜI NAM LÀM NGHỀ BÓI TOÁN..... 583 522. TỘI BÁO TÀ DÂM..... 583 523. TỘI BÁO BUÔN BÁN NHAN SẮC..... 583 524. TỘI BÁO LÒNG SÂN HẬN.....585 525. TỌ! BÁO TÂM GANH GHÉT..... 585 526. TỘI BÁO TRI sự KHÔNG CHIA DẦU .....586 527. TỘI BÁO SA-DI TRỘM BẢY TRÁI CÂY..... 586 528. TỘI BÁO SA-DI LÉN ĂN ĐƯỜNG PHÈN..... 587 529. TỘI BÁO SA-DI LÉN LẤY BÁNH ..... 587 530. TỘI BÁO LẠM DỤNG CỦA THƯỜNG TRỤ.....588 531. TỌ! BÁO ĐANH BÒ KẺO XE ..... 588 532. TỘI BÁO MẮNG ĐUỔI TỲ-KHEO..... 589 533. TỘI BÁO ÁC KHẨU VỚI TỲ-KHEO.....589 534. TỘI BÁO TRANH CÃI ĐỘNG CHÚNG..... 590 535. CON ĐƯỜNG TRỰC TIẾP (1)..... 590 536. THUẦN THỤC BỐN NIỆM xứ..... 592 QUYỂN 20..... 594 537. QUÁN SÁT TIỂU THIÊN THẾ GIỚI..... 594 538. QUÁN SÁT NGÀN NÚI TU-DI..... 595 539. OAI BỨC, THẦN THÔNG LỚN..... 595 540. TRỤ TÂM NƠI BỐN NIỆM xứ..... 597 541. GIAM BỆNH DO TU BON NIỆM

xứ..... 597 542. TRỪ SẠCH CÁC LẬU..... ..... 598 543. A-LA-HÁN VẪN TU BỐN NIỆM xứ.....599 544. TẠI SAO XUẤT GIA..... ..... 600 545. HƯỚNG VỀ NIẾT-BÀN..... 601 546. XA LÌA THAM DỤC VÀ KIẾN DỤC.....601



547. NGƯỜI THIẾU NIÊN VÀ BẬC TÔN TÚC..... 602 548. NGHIỆP LÀ CHÂN THẬT..... 604 549. NỮ Cư Sĩ CA-LÊ-CA ..... 607 550. SÁU PHÁP TÙY NIỆM..... 609 551. GIA CHỦ THÔN HA-LÊ..... 612 552. ÁI TẬN THÌ GIẢI THOÁT (2).....615 553. KHÔNG CÒN CHẤP THỦ..... 616 554. THUYẾT PHÁP KHI THĂM BỆNH ..... 617 555. GIA CHỦ ĐÀ-THÍ..... 619 556. TẦM VÔ TƯỚNG TAM-MUỘI..... 619 557. ĐỆ NHẤT cú NGHĨA.....621 558. TRÍ CỨU CÁNH VÀ TRÍ CÔNG ĐỨC..... 621 QUYỂN 21..... 623 559. TƯỞNG VÀ GIÁC TRI.....623 560. BỐN ĐẠO LỘ TU TẬP..... 624 561. TU PHẠM HẠNH..... 625 562. TRƯỞNG GIA CÙ-SƯ-LA..... 627 563. VÔ ÚY LY-XA.....628 564. TÔN GIẢ A-NAN GIÁO GIỚI.....630 565. THIẾU NIÊN LÀNG BÀ-ĐẦU.....632 566. TRƯỞNG GIẢ CHẤT-ĐA-LA.....634 567. RỖNG KHÔNG THƯỜNG TRỤ..... 636 568. TỲ-KHEO GIÀ-MA..... 638 569. TỲ-KHEO LÊ-TÊ-ĐẠT-ĐA (1)..... 641 570. TỲ-KHEO LÊ-TÊ-ĐẠT-ĐA (2)..... 642 571. THẦN BIẾN CỦA MA-HA-CA..... 644 572. THAM DỤC..... 646 573. NGOẠI ĐẠO LÕA HÌNH..... 647 574. NI-KIEN NHÃ-ĐỀ tử.....649 575. GIÁO HÓA KHI BỆNH.....650 QUYỂN 22..... 653 576. VƯỜN NAN-ĐÀ..... 653 577. BUỘC RÀNG.....653 578. BIẾT HỔ THẸN..... 654 579. CHÁNH PHÁP..... 655 580. ĐIỀU PHỤC..... 655

581. ĐƯỢC NÓI TÔI, CỦA TÔI..... 656 582. DANH Tự LÀ GIẢ DANH..... 657 583. NGUYỆT THIÊN TỬ..... 657 584. DÒNG TỘC VÀ TRÓI BUỘC.....658 585. KHÔNG VUI, KHÔNG BUỒN..... 659 586. NHƯ CỨU LỬA CHÁY ĐÀU.....660 587. RA KHỎI RÙNG SANH TỬ..... 661 588. PHẬN NGƯỜI NHƯ cỗ XE..... 662 589. MONG ĐƯỢC GIÀU có..... 662 590. TỈNH THỨC VÀ NGỦ MÊ..... 663 591. THÂN, MIỆNG KHÔNG TƯƠNG ƯNG..... 665 592. CẤP CÔ ĐỘC QUY Y.....666 593. CẤP CÔ ĐỘC SANH THIÊN.....670 594. THỦ THIÊN TỬ..... 671 595. THỢ GỐM..... 672 596. VƯỢT THOÁT sợ HÃI..... 674 597. THAN TƯỚNG ĐẸP ĐẼ..... 674 598. NGỦ NGHỈ..... 675 599. TRÓI BUỘC..... 676 600. KHÉO NHIẾP CÁC GIÁC TƯỞNG..... 677 601. DÒNG THÁC TÁT-LA..... 677 602. GIẢI THOÁT RỐT RÁO..... 678 603. LÀM SAO VƯỢT CÁC DÒNG..... 679 QUYỂN 23..... 680 604. VUA A-DỤC..... • ..... ..... 680 QUYỂN 24..... 713 605. BỐN NIỆM XỨ.....713 606. NÊN TU BỐN NIỆM xứ..... 713 607. CON ĐƯỜNG TRỰC TIẾP (2)..... 713 608. THÁNH PHÁP BỐN NIỆM xứ..... 714 609. TẬP KHỞI CỦA BỐN NIỆM xứ..... 714 610. TU BỐN NIỆM xứ CẢ BA THỜI..... 715 611. NHÓM PHÁP THIỆN VÀ BẤT THIỆN..... 716 612. VÍ DỤ CÂY CUNG..... :..... 717 613. NHÓM THIỆN, BẤT THIỆN..... 717 614. BẬC ĐẠI TRƯỢNG PHU.



615. CHƯ NI VÀ BỐN NIỆM xứ..... 719 616. ĐẦU BẾP GIỚI..... 720 617. CẢNH GIỚI Tự DO..... 721 618. BỐN NIỆM XỨ VÀ BỐN QUẢ..... 723 619. GIÚP NGƯỜI LÀ GIÚP CHÍNH MÌNH..... 723 620. KHỈ VƯỢN DÍNH

KEO..... 724 621. TỲ-KHEO NIÊN THIẾU..... 725 622. PHƯỚC CÚNG DƯỜNG..... 725 623. GIỮ GÌN BÁT DẦU..... 727 624. TU THEO THỨ LỚP..... 729 625. VƯỢT KHỎI Ác MA..... 730 626. VƯỢT QUA SANH TỬ..... 730 627. SẠCH HẾT CÁC LẬU.....731 628. ĐAM ĐẠO..... 731 629. KHÔNG CÒN THOÁI CHUYỂN..... 732 630. THANH TỊNH VÀ SÁNG CHÓI ..... 732 631. PHÁP MÔN VƯỢT BỜ..... 733 632. CHÚNG QUẢ A-LA-HÁN..... 733 633. LUẬN VỀ TẤT CẢ PHÁP..... 734 634. DẪN ĐẾN HIỀN THÁNH..... 734 635. THANH TỊNH CHO CHÚNG SANH..... 734 636. PHÁP TU BỐN NIỆM xứ..... 735 637. BA DIỆU HẠNH..... 736 638. NƯƠNG TƯA CHÍNH MÌNH.....736 639. HẢI ĐẢO Tự THÂN..... 738 QUYỂN 25..... 740 640. DẤU HIỆU GIÁO PHÁP DIỆT TẬN..... 740 641. NỬA QUẢ A-MA-LẶC..... :.....748

QUYỂN 26..... 755 642. BA CĂN CỦA BẬC THÁNH.....755 643. NĂM CĂN..... 755 644. TU-ĐÀ-HOÀN.....756 645. QUẢ A-LA-HÁN..... 756 646. NỘI HÀM CỦA NĂM CĂN..... 757 647. Ý NGHĨA NĂM CẢN..... 757 648. ĐOẠN BA KIẾT sử..... 758



649. QUÁN SÁT NĂM CĂN..... 758 650. QUÁN SÁT NHƯ THẬT TÍN CĂN.....759 651. BIẾT NHƯ THẬT VỀ NAM CĂN..... 759 652. THÀNH Tựu NAM CĂN..... 760 653. THỨ Tự CHÚNG ĐẮC..... 760 654. TUỆ CẢN THÂU NHIẾP TẤT CẢ (1).....762 655. TUỆ CĂN THÂU NHIẾP TẤT CẢ (2)..... 762 656. TUỆ CĂN THÂU NHIẾP TẤT CẢ (3).....763 657. TUỆ CĂN THÂU NHIẾP TẤT CẢ (4).....763 658. TUỆ CÀN THÂU NHIẾP TẤT CẢ

(5)..... 764 659. TÂM BỒ-ĐỀ NĂM CĂN..... 764 660. DỨT KHỔ CẢ BA THỜI..... 765 661. HAI LOẠI SỨC MẠNH (1)..... 765 662. HAI LOẠI sức MẠNH (2)..... 766 663. HAI LOẠI sức MẠNH (3)..... 766 664 BA LOẠI sức MẠNH (1). ..... 767 665. BA LOẠI sức MẠNH (2)..... 767 666. BA LOẠI sức MẠNH (3)..... 768 667. BỐN LOẠI sức MẠNH (1)..... 768 668. BỐN NHIẾP sự (1)..... 769 669. BỐN NHIẾP sự (2)..... 769 670. BỐN LOẠI sức MẠNH (2)..... 770 671. BỐN LOẠI SỨC MẠNH (3)..... 770 672. BỐN LOẠI sức MẠNH (4)..... 771 673. NAM LOẠI sức MẠNH (1)..... 772 674. NAM LOẠI sức MẠNH (2)..... 772 675. NĂM LOẠI sức MẠNH (3)..... 772 676. NAM LOẠI sức MẠNH (4).....773 677. SỨC MẠNH CỦA BẬC HỮU HỌC (1)..... 773 678. SỨC MẠNH CỦA BẬC HỮU HỌC (2)..... 774 679. GIẢI THÍCH RỘNG NĂM sức MẠNH..... 774 680. NÊN THÀNH Tựu NĂM sức MẠNH..... 775 681. NĂM PHÁP THANH TỊNH (1)..... 775 682. NAM PHÁP THANH TỊNH (2)..... 776 683. PHÁP BẤT THIỆN..... 777 684. KHÁC BIỆT GIỮA PHẬT VÀ A-LA-HÁN..... 777 685. NHŨ MẪU..... 780



686. SÁU NANG Lực CỦA NHƯ LAI (1)..... 781 687. SÁU NĂNG Lực CỦA NHƯ LAI (2)..... 782 688. BẢY SỨC MẠNH..... 783 689. THÀNH Tựu BẢY sức MẠNH..... 783 690. CÔNG NÀNG CỦA BẢY sức MẠNH..... 784 691. NÓI RỘNG BẢY sức MẠNH.....784 692. TÁM SỨC MẠNH..... 785 693. NÓI RỘNG VỀ TÁM sức MẠNH..... 785 694. SỨC MẠNH CỦA BẬC A-LA-HÁN..... 786 695. TỲ-KHEO KHÁC Hỏi PHẬT (1)..... 787 696. HỎI CÁC TỲ-KHEO..... 787 697. CHÍN SỨC MẠNH..... 787 698. NÓI RỘNG VỀ CHÍN sức MẠNH..... 788 699. MƯỜI SỨC MẠNH..... 788 700. NÓI RỘNG VỀ MƯỜI sức

MẠNH..... 789 701. MƯỜI Lực CỦA NHƯ LAI..... 790 702. TRÍ Lực CỦA NHƯ LAI..... 790 703. TRÍ VÔ ÚY CỦA NHƯ LAI..... 791 704. Tư DUY CHÂN CHÁNH..... 792 705. PHÁP KHÔNG THOÁI THẤT..... 793 706. GIÁC CHI LÀ MẮT SÁNG.....793 707. CHƯỚNG NGẠI VÀ NGÀN CHE..... 794 708. HẠT GIỐNG VÀ CỘI CÂY.....795 709. ĐOẠN TRỪ VÀ TU TẬP..... 796 710. LÌA THAM DỤC VÀ vô MINH..... 796 711. KINH GIÁC CHI..... 797 QUYỂN 27..... 800 712. VƯƠNG TỬ VÔ ÚY ..... 800 713. PHÂN TÍCH GIÁO PHÁP..... 800 714. THẮP LỬA VÀ TẮT LỬA..... 802 715. BẢY GIÁC PHẦN VÀ THỨC ĂN..... 804 716. BẤT CHÁNH VÀ CHÂN CHÁNH..... 807 717. BẠN ÁC VÀ BẠN LÀNH..... 808 718. xẢ-LợI-PHẤT DẠY BẢY GIÁC CHI.....809 719. TÔN GIẢ ƯU-BA-MA..... 810 720. TÔN GIẢ A-NA-LUẬT THUYẾT PHÁP..... 811



721. CHUYỂN LUÂN THÁNH VƯƠNG (1)..... 811 722. CHUYỂN LUÂN THÁNH VƯƠNG (2)..... 812 723. TÔN KÍNH TRƯỞNG LÃO..... 816 724. PHƯỚC BÁU PHỤNG sự..... 817 725. THIỆN VÀ BẤT THIỆN ..... 817 726. MỘT NỬA PHẠM HẠNH (1)..... 818 727. NGHE PHÁP...*.....819 728. BẢY GIÁC PHẦN..... 821 729. TU TẬP BẢY GIÁC PHẦN..... 821 730. QUÁ KHỨ, TƯƠNG LAI ĐỀU TU BẢY GIÁC PHẦN..... 821 731. GIÁC PHÀN..... 822 732. SANH KHỞI..... 822 733. BẢY ĐẠO PHẨM (1)..... 822 734. HAI QUẢ VỊ (1)..... 823 735. BỐN QUẢ VỊ(1)..... 824 736. BẢY QUẢ vi(l)..... 824 737. BẢY ĐẠO PHẨM (2)..... 825 738. HAI QUẢ VỊ (2)..... 826 739. BỐN QUẢ VỊ (2)..... 827 740. BẢY QUẢ VỊ

(2)..... 827 741. QUÁN BẤT TỊNH.....828 742. QUÁN TƯỞNG sự CHẾT.....828 743. BỐN TÂM RỘNG LỚN..... 829 744. TÂM TỪ VÀ BẢY GIÁC CHI..... 830 745. KHÔNG vô BIÊN xứ..... 830 746. NIỆM HƠI THỞ RA VÀO (1)..... 831 747. QUÁN TƯỞNG vô THƯỜNG.....831 QUYỂN 28..... 833 748. TƯỚNG MẶT TRỜI MỌC..... 833 749. TƯỚNG Vổ MINH VÀ MINH.....833 750. CỘI GỐC CỦA VÔ MINH VÀ MINH..... 834 751. CHÂN CHÁNH VÀ TÀ VẠY..... 835 752. TỲ-KHEO CA-MA.....836 753. A-LÊ-SẮT-TRA VÀ sự BẤT TỬ..... 836 754. BẢY PHÁP HỖ TRỢ CHÁNH ĐỊNH.....837 755-57. PHẬT HỎI CÁC TỲ-KHEO (i, 2, 3)..... 838



758. LO SỢ GIỮA MẸ VÀ CON..... 838 759. BA THỌ ..... ..... ...mm 840 760. BA ĐIỀU KHÔNG VUI.....840 761. HỮU HỌC VÀ VÔ HỌC..... 841 762. BẬC THÁNH LẬU TẬN..... 842 763. THÁNH ĐẠO TAM CHI..... 842 764. TU TẬP THÁNH ĐẠO TÁM CHI..... 842 765. TU THÁNH ĐẠO TAM CHI TRONG BA THỜI..... 843 766. THÁNH ĐẠO TÁM CHI THANH TỊNH..... 843 767. NĂM THỨ CHE ĐẬY VÀ THÁNH ĐẠO TÁM CHI..... 844 768. MỘT NỬA PHẠM HẠNH (2)..... 844 769. CỖ XE CHÁNH PHÁP..... 845 770. LÌA, ĐOẠN TÀ KIẾN..... 846 771. BỜ BÊN KIA (1)..... 846 772-74. BỜ BÊN KIA (2, 3, 4)..... 847 775. Tư DUY BẤT CHÁNH (1)..... 847 776. Tư DUY BẤT CHÁNH (2)..... 848 777. Tư DUY BẤT CHÁNH (3)..... 848 778. THIỆN, ÁC TRI THỨC (1)..... 849 779. THIỆN, ÁC TRI THỨC (2)..... 850 780. THIỆN, ÁC TRI THỨC (3)..... 850 781. CHÁNH, BẤT CHÁNH Tư DUY..... 851 782. PHI PHÁP VÀ PHÁP..... 852 783. ĐOẠN DỨT..... 852 784. TÀ VÀ CHÁNH.....853 785. GIẢNG RỘNG THÁNH

ĐẠO TÁM CHI..... 855 786. HƯỚNG TÀ..... 858 787. TÀ KIẾN, CHÁNH KIẾN (1)..... 858 788. TÀ KIẾN, CHÁNH KIẾN (2)..... 859 789. BÀ-LA-MÔN SANH VÀN..... 860 790. ĐƯỜNG CHÁNH VÀ NẺO TÀ (1)..... 861 791. ĐƯỜNG CHÁNH VÀ NẺO TÀ (2)..... 861 792. TỘI NGŨ NGHỊCH..... 862 793. THUẬN DÒNG, NGHỊCH DÒNG..... 862 794. SA-MÔN, PHÁP SA-MÔN..... 863 795. PHÁP SA-MÔN, MỤC ĐÍCHSA-MÔN (1)..... 863 796. PHÁP SA-MÔN, QUẢ SA-MÔN (1)..... 863



QUYỂN 29..... .]..... :..... 865 797. PHÁP SA-MÔN? QUẢ SA-MÔN (2)..... 865 798. PHÁP SA-MÔN, MỤC ĐÍCH SA-MÔN (2)..... 865 799. QUẢ SA-MÔN..... 866 800. BÀ-LA-MÔN..... 866 801. QUÁN NIỆM HƠI THỞ (1)..... 866 802. QUÁN NIỆM HƠI THỞ (2)..... 867 803. QUÁN NIỆM HƠI THỞ (3)..... 867 804. ĐOẠN TRỪ GIÁC TƯỞNG..... 869 805. TỲ-KHEO A-LÊ-SẮT-TRA..... 870 806. TÔN GIẢ KẾ-TÂN-NA..... 871 807. HAI THÁNG TỌA THIỀN..... 872 808. TÔN GIẢ CA-MA..... 873 809. QUÁN BẤT TỊNH cực ĐOAN..... 873 810. MỘT PHÁP HỘI ĐỦ NHIỀU PHÁP..... 875 811. TY-KHEO KHÁC HỎI PHẬT (2)..... 878 812. PHẬT HỎI CÁC TỲ-KHEO (4)..... 878 813. TÔN GIẢ KIM-TỲ-LA.....878 814. NIỆM HƠI THỞ RA VÀO (2)..... 880 815. BỐ-TÁT.....881 816. BA HỌC PHÁP(l) ..... 883 817. BA HỌC PHÁP (2)..... 884 818. BA HỌC PHÁP (3)..... 885 819. GIỚI KINH..... 885 820. HỌC XỨ..... 885 821. TANG THƯỢNG TAM HỌC..... 886 822. NIẾT-BÀN (i)..... 888 823. NIẾT-BÀN (2)..... 889 824. HAI HỌC PHÁP..... 890 825. LỢI ÍCH CỦA HỌC GIỚI..... 891 826. PHƯỚC LỢI HỌC

GIỚI..... 891 827. ĐÚNG THỜI LAM RUỘNG..... 893 828. CON LỪA VÀ ĐÀN BÒ..... 894 829. TÔN GIẢ BẠT-KỲ TỬ.....894 QUYỂN 30..... 896 830. TÔN GIẢ CA-DIẾP THỊ..... 896 831. KHEN NGỢI NGƯỜI HỌC GIỚI..... 898



832. BA HỌC PHÁP (4)..... 898 833. LY-XA NAN-ĐÀ..... 899 834. KHÔNG NGHÈO KHỐN..... 900 835. VUA CHUYỂN LUÂN.....901 836. BỐN TÍN TÂM KIÊN cố..... 901 837. TIN NGƯỜI VÀ TIN TÀNG..... 902 838. BỐN LOẠI THỨC ÁN (1)..... 903 839. LỢI ÍCH TỨ BẤT HOẠI TỊNH..... 904 840. PHƯỚC ĐỨC THẤM NHUẦN (1)..... 904 841. PHƯỚC ĐỨC KHÔNG THỂ ĐO LƯỜNG..... 904 842. TÀ ĐẠO VÀ CHÁNH ĐẠO..... 905 843. ĐIỀU KIỆN ĐỂ NHẬP Lưu ..... 906 844. THỌ KÝ TU-ĐÀ-HOÀN..... 907 845. Tự MÌNH XÁC QUYẾT..... 908 846. THẤY BIẾT NHƯ THẬT VỀ THÁNH ĐẠO.....909 847. CON ĐƯỜNG SANH THIÊN (1)..... :.....909 848. CON ĐƯỜNG SANH THIÊN (2)..... 910 849. CON ĐƯỜNG SANH THIÊN (3)..... 912 850. CON ĐƯỜNG SANH THIÊN (4)..... 912 851. GƯƠNG PHÁP (1)..... 913 852. GƯƠNG PHÁP (2)..... 913 853. GƯƠNG PHÁP (3)..... 914 854. THÔN NA-LE-CA..... 915 855. ƯU-BÀ-TẮC NAN-ĐỀ..... 916 856. Cư SĨ NAN-ĐỀ..... 917 857. NĂM PHÁP HOAN HỶ..... 918 858. SÁU NIỆM..... 918 859. HAI TRƯỞNG GIẢ (1)..... 919 860. HAI TRƯỞNG GIẢ (2)..... 920 QUYỂN 31..... 922 861. CÕI TRỜI ĐÂU-SUẤT-ĐÀ..... 922 862. CÕI TRỜI HÓA LẠC..... 922 863. CÕI TRỜI THA HÓA Tự TẠI.....923 864. AN TRÚ THIỀN THỨ NHẤT..... 923 865. GIẢI THOÁT

(1)..... 924 866. TRUNG BÁT-NIẾT-BÀN..... 924 867. AN TRÚ THIỀN THỨ HAI..... 925



868. GIẢI THOÁT (2)..... 926 869. AN TRÚ THIỀN THỨ BA..... 926 870. AN TRÚ THIỀN THỨ Tư..... 927 871. THẦN MÂY GIÓ..... 928 872. CHE ĐÈN..... 928 873. BỐN CHÚNG..... 929 874. BA HẠNG CON..... 930 875. BỐN NỖ Lực CHÂN CHÁNH (1)..... 930 876. BỐN NỖ Lực CHÂN CHÁNH (2)..... 931 877. BỐN NỖ Lực CHÂN CHÁNH (3)..... 931 878. BỐN NỖ Lực CHÂN CHÁNH (4)..... 932 879. BỐN NỖ Lực CHÂN CHÁNH (5)..... 933 880. BỐN THIỀN VÀ KHÔNG BUÔNG LUNG..... 934 881. ĐOẠN TRỪ BA ĐỘC (2)..... 934 882. NHỮNG ví DỤ VỀ KHÔNG BUÔNG LUNG..... 935 883. THIỀN ĐỊNH VÀ THIỀN CHÚNG..... 938 884. BA MINH CỦA BẬC vô HỌC (1)..... 941 885. BA MINH CỦA BẬC vô HỌC (2)..... 942 886. HAI LOẠI BA MINH ..... ..... ..... 943 887. TÍN VÀ DANH Tự..... 944 888. TẢNG ÍCH VÀ DANH Tự..... 945 889. ĐẲNG KHỞI VÀ DANH Tự..... 945 890. PHÁP VÔ VI..... 946 891. VÍ DỤ GIỌT NƯỚC..... 946 892. TU TẬP SAU CÀN..... 947 893. HÀNH NHƯ HẠT GIỐNG..... 948 894. BIẾT Sự TẬP KHỞI THẾ GIAN..... 949 895. ĐOẠN THAM ÁI VÀ THỈNH CẦU ĐẠI sư..... 950 896. BA LOẠI HỮU LẬU..... 950 897. ĐOẠN TRỪ HỮU LẬU..... 951 898. DOAN TRỪ DỊJC 952 899. SANH KHỞI VA DIỆT TẬN..... 952 900. PHIỀN NÃO VÀ NHIỄM ồ..... 952 901. NƯƠNG TỰA SÁU CĂN..... 953 902. NHƯ LAI LÀ BẬC NHẤT..... 953 903. LÌA THAM DỤC..... 954 904. CHÚNG THANH VĂN ..... 954

QUYỂN 32..... 955 905. NGOẠI ĐẠO CHẤT VẤN..... 955 906. CHÁNH PHÁP VÀ TƯỢNG PHÁP..... 957 907. MÚA HÁT ĐƯỢC SANH THIÊN?..... 959 908. CHIẾN Sĩ ĐƯỢC SANH THIÊN?..... 961 909. BA CÁCH LUYỆN NGỰA (1).....962 910. THÔN TRƯỞNG HUNG Ác..... 964 911. MA-NI-CHÂU-KỂ..... 965 912. THÔN TRƯỞNG VƯƠNG ĐẢNH..... 966 913. THÔN TRƯỞNG KIỆT-ĐÀM.....970 914. TÀI SẢN THUỘC CHÍN NHÀ.....973 915. BA LOẠI RUỘNG..... 975 916. TRIẾT LÝ CUA NI-KIỀN..... 978 917. BA LOẠI NGỰA Được ĐIỀU PHỤC..... 981 918. BA LOẠI NGỰA TỐT..... 983 QUYỂN 33..... 985 919. BA LOẠI NGỰA HAY.....985 920. BA LOẠI NGỰA QUÝ.. ..... 986 921. BỐN ĐỨC ..... 987 922. Tự ĐIỀU PHỤC VÀ BỊ ĐIỀU PHỤC.....987 923. BA CÁCH LUYỆN NGỰA (2).. ..... 989 924. TÁM LOẠI NGỰA CHỨNG..... 991 925. TÁM ĐỨC CỦA HIỀN sĩ..... 993 926. THIỀN VÀ THIỀN ƯƠNG NGẠNH..... 994 927. ĐỊNH NGHĨA ƯU-BÀ-TẮC..... 996 928. Cư SĨ VÀ A-NA-HÀM..... 997 929. MƯỜI SÁU PHÁP CỦA ƯU-BÀ-TẮC..... 998 930. CÂY NGÃ THEO HƯỚNG NGHIÊNG VỀ..... 1000 931. Tư TẬP SÁU NIỆM..... 1001 932. THÀNH Tựu MƯỜI MỘT PHÁP..... 1004 933. THÀNH Tựu MƯỜI HAI PHÁP..... 1005 934. CHÁNH ĐỊNH VÀ GIẢI THOÁT..... 1005 935. BỐN PHÁP CỦA BẬC Dự Lưu..... 1007 936. Cư SĨ BÁCH THỦ. ..... 1009 937. MÁU .. ..... 1011 938. NƯỚC MẮT..... 1013 939. SỮA MẸ.....1014

l KINH TẠPA-HÀM

QUYỂN 34..... 1016 940. THẺ ĐẾM..... 1016 941. VÔ LƯỢNG MẸ CHA.....1016 942 AN VUI..... 1017 943. KHỔ ĐAU..... 1017 944. SỢ HÃI..... 1018 945. YÊU

MẾN..... 1018 946. CÁT SÔNG HẢNG..... 1019 947. NÚI XƯƠNG KHÔ..... 1020 948. KIẾP SỐ DÀI LÂU..... 1021 949. NÚI MÒN.....1021 950. KIẾP QUÁ KHỨ.....1022 951. BIẾT ĐÂU NGUỒN CỘI..... 1023 952. THÂN QUYẾN..... :..... 1024 953. BONG BÓNG NƯỚC..... 1024 954. TRẬN MƯA LỚN..... 1024 955. QUAY MÃI KHÔNG DÙNG..... 1025 956. VÔ THƯỜNG ĐẾN CẢ SƠN KHÊ..... 1026 957. THÂN VÀ MẠNG..... 1028 958. TÔN GIẢ MỤC-KIỀN-LIÊN ..... 1030 959. SĂN-ĐÀ CA-CHIÊN-DIÊN..... 1031 960. THẬT LÀ HIẾM có ..... 1033 961. THƯỜNG KIẾN VÀ ĐOẠN KIẾN..... 1034 962. BỀN VỮNG NHƯ LÕI CÂY..... 1035 963. KHÔNG BIẾT VÀ BIẾT.....1037 964. NGOẠI ĐẠO BÀ-THA XUẤT GIA..... 1038 965. TÔN GIẢ UẤT-ĐÊ-CA..... 1043 966. TÔN GIẢ PHÚ-LÂN-NI.....1044 967. NGOẠI ĐẠO CÂU-CA-NA..... 1046 968. CẤP CÔ ĐỘC THUYẾT PHÁP..... 1047 969. TRƯỜNG TRẢO XUẤT GIA.....1050 QUYỂN 35..... 1054 970. NGOẠI ĐẠO XÁ-LA-BỘ..... 1054 971. NGOẠI ĐẠO THƯỢNG TỌA..... ..... 1056 972. BA CHÂN LÝ..... _ 1057 973. NGOẠI ĐẠO CHIÊN-ĐÀ..... 1058

MỤC LỤC li

974. NGOẠI ĐẠO BỒ-LŨ-ĐÊ-CA (1)..... 1060 975. NGOẠI ĐẠO BỔ-LŨ-ĐÊ-CA (2)..... 1061 976. NGOẠI ĐẠO THI-BÀ •..... ..... ... 1063 977. THI-BÀ THEO PHẬT XUẤT GIA ..... 1064 978. NGOẠI ĐẠO THƯƠNG CHỦ.....1066 979. NGOẠI ĐẠO TU-BẠT-ĐÀ-LA ... ... ... 1068 980. NIỆM TAM BẢO.../..... ..... ]1070 981. NGỌN CỜ CỦA ĐỂ-THÍCH..... 1072 982. PHẬT DẠY XÁ-LỢl-PHẤT..... 1073 983. TÔN GIA A-NAN..... .... ... 1075 984. ÁI(1)..... 1076 985. ÁI (2)..... 1077 986. HAI ĐIỀU KHÓ TỪ Bỏ.....1079 987. BIẾT ĐỦ VÀ TỪ Bỏ..... 1080 988. ĐẾ-THÍCH (1)..... 1080 989. ĐẾ-THÍCH

(2)..... 1081 990. ƯU-BÀ-DI LỘC TRỤ (1)..... 1082 991. ƯU-BÀ-DI LỘC TRỤ (2)..... 1084 992. HAI LOẠI RUỘNG PHƯỚC..... 1086 QUYỂN 36..... 1087 993. TÁN THÁN THƯỢNG TỌA..... 1087 994. BÀ-KỲ-XÁ TÁN THÁN PHẬT.....1089 995. A-LUYỆN-NHÃ.....1092 996. CHẾ NGỰ KIÊU MẠN..... 1093 997. CÔNG ĐỨC TĂNG TRƯỞNG.....1094 998. SÁU LOẠI PHƯỚC Bố THÍ..... 1094 999. TÍN TÂM Bố THÍ..... 1095 1000. CÁC LOẠI THIỆN TRI THỨC.....1097 1001. GIÀ BỆNH BỨC BÁCH..... 1098 1002. ĐOẠN TRỪ..... 1099 1003. NGỦ VÀ THỨC..... 1099 1004. HỮU Dư VÀ VÔ Dư..... 1100 1005. NƯƠNG VÀO NGHIỆP..... HOI 1006. YÊU CON MÌNH HƠN.....HOI 1007. SÁT-LỢI VÀ CHÁNH GIÁC..... 1102 1008. ĐIỀU GÌ LÀ BẬC NHẤT?..... 1103

lii KINH TẠPA-HÀM

1009. TÂM..... 1104 1010. DỤC TRÓI BUỘC..... 1104 1011. BỊ ĐÓNG KÍN..... 1105 1012. CHE ĐẬY VÀ TRÓI BUỘC..... 1105 1013. TÀI SẢN..... 1106 1014. TỲ-KHEO TRỤ NƠI NÀO?.....1107 1015. TRÌ GIỚI.....:..... 1108 1016. PHÁP GÌ SANH CHÚNG SANH..... 1108 1017. NGHIỆP LÀ NƠI NƯƠNG TỰA..... 1109 1018. ĐÁNG SỢ NHẤT..... 1109 1019. PHI ĐẠO..... 1110 1020. DANH..... 1111 1021. THI KỆ..... 1111 1022. DẤU HIỆU NHẬN BIẾT..... 1112 QUYỂN 37..... 1113 1023. TÔN GIẢ PHẢ-CẦU-NA..... 1113 1024. TÔN GIẢ A-THẤP-BA-THỆ..... 1115 1025. TỲ-KHEO BỆNH..... 1117 1026. Tự CHỦ KHI TẬT BỆNH ..... 1119 1027. KHÉO Tư DUY..... 1120 1028. CHÁNH NIỆM KHI DƯỠNG

BỆNH .....1121 1029. QUÁN CHIÊU..... *..... 1123 1030. CẤP CÔ ĐỘC LÂM BỆNH..... 1124 1031. A-NAN THAM BỆNH..... 1125 1032. XÁ-LỢI-PHẤT THẢM BỆNH.....1126 1033. TRƯỞNG GIẢ ĐẠT-MA-ĐỀ-LY..... 1127 1034. ƯU-BÀ-TẮC TRƯỜNG THỌ..... 1128 1035. TRƯỞNG GIẢ BÀ-TẨU..... 1130 1036. SA-LA HỌ THÍCH..... 1130 1037. TRƯỞNG GIẢ GIA-THÂU..... 1131 1038. TRƯỞNG GIẢ MA-NA-ĐỀ-NA..... 1131 1039. TRƯỞNG GIẢ THUẦN-ĐÀ..... 1133 1040. PHÁP XẢ..... 1136 1041. PHẠM CHÍ SANH VĂN..... 1137 1042. TY-LA-MA (1)..... 1139 1043. TỲ-LA-MA (2)..... 1141



1044. TỲ-NỮU-ĐA-LA..... 1141 1045. PHÁP THÂN CẬN..... 1143 1046. BÒ TRƯỜN NHƯ RẮN..... 1143 1047. VIÊN MINH CHÂU..... 1144 1048. NGHIỆP ÁC VÀ NGHIỆP LÀNH ..... 1145 1049. KHỞI NGUYÊN CỦA NGHIỆP..... 1146 1050. CON ĐƯỜNG XUẤT LY..... 1147 1051. BỜ BÊN NÀY VÀ BỜ BÊN KIA..... 1147 1052. PHÁP ÁC VÀ PHÁP THIỆN..... 1148 1053. cực ÁC VÀ cực THIỆN..... 1148 1054. KE ÁC VÀ NGƯỜI HIỀN..... 1149 1055. KẺ cực ÁC VÀ NGƯỜI cực THIỆN..... 1149 1056. MƯỜI PHÁP..... :..... 1150 1057. HAI MƯƠI PHÁP..... 1151 1058. BA MƯƠI PHÁP..... 1151 1059. BỐN MƯƠI PHÁP..... 1152 1060. PHI PHÁP VÀ CHÁNH PHÁP..... 1152 1061. PHI LUẬT VÀ CHÁNH LUẬT..... 1153 QUYỂN 38..... 1154 1062. TÔN GIẢ THIỆN SANH..... 1154 1063. CHỚ XÉT ĐOÁN NGƯỜI KHÁC..... 1154 1064. ĐỀ-BÀ-ĐẠT-ĐA..... 1156 1065. VỊ TỲ-KHEO TÊN THỦ..... 1157 1066. TÔN GIẢ NAN-ĐÀ (1) ..... 1158 1067. TÔN GIẢ NAN-ĐÀ (2).....1158 1068. TÔN GIẢ ĐÊ-SA..... 1159 1069. TÔN GIẢ

TỲ-XÁ-KHƯ..... 1160 1070. TỲ-KHEO TRẺ TUỔI..... 1161 1071. TÔN GIẢ THƯỢNG TỌA..... 1162 1072. TÔN GIẢ TÀNG-CA-LAM..... 1163 1073. HƯƠNG THUẬN GIÓ, NGHỊCH GIÓ.....1164 1074. UẤT-TỲ-LA CA-DIẾP.....1166 1075. ĐÀ-PHIÊU MA-LA TỬ (1)..... 1168 1076. ĐÀ-PHIÊU MA-LA TỬ (2)..... 1171 1077. ƯƠNG-CÙ-LỢI-MA-LA..... 1172 1078. THIÊN THẦN HỎI ĐẠO..... 1174

liv KINH TẠPA-HÀM

1079. GÒ MỐI..... 1176 1080. TÀM QUÝ..... 1179 QUYỂN 39..... 1180 1081. HẠT MẦM Hư THỐI.....1180 1082. ƯNG NHỌT..... 1181 1083. CÁCH VOI CHÚA ĂN.....1183 1084. ĐỜI NGƯỜI NGẮN NGỦI..... 1184 1085. CÁC HÀNH VÔ THƯỜNG..... 1185 1086. ÁC MA TRÓI BUỘC..... 1186 1087. GIẢI THOÁT SAO CÒN NGỦ?..... 1187 1088. KHÔNG DAO ĐỘNG.....1187 1089. TÂM RỖNG LẶNG..... 1188 1090. NGỦ AN ỔN...*..... 1189 1091. TÔN GIẢ CÙ-ĐÊ-CA.....1190 1092. MA NỮ.....1192 1093. THANH TỊNH VÀ KHÔNG THANH TỊNH..... 1195 1094. KHỔ HẠNH..... 1195 1095. KHẤT THỰC.....1196 1096. SỢI DÂY..... 1197 1097. THUYẾT PHÁP..... 1197 1098. LÀM VUA..... 1198 1099. PHÁP QUÁN BÌNH ĐẲNG..... 1199 1100. TỲ-KHEO THIỆN GIÁC..... 1201 HOI. TIẾNG RỐNG Sư TỬ..... 1202 1102. BÌNH BÁT..... 1203 1103. NHẬP XỨ..... 1203 QUYỂN 40..... 1205 1104. BẢY GIỚI CẤM CỦA ĐẾ-THÍCH..... 1205 1105. Cư Sĩ MA-HA-LỢI..... 1205 1106. THÍCH-ĐỀ-HOÀN-NHÂN ..... 1206 1107. QUỶ THỌ DỤNG SÂN HẬN..... 1208 1108. KHÔNG SÂN

HẬN..... 1210 1109. KHÔNG TRANH ĐẤU..... 1211 1110. NHẪN NHỤC..... 1212 1111. KÍNH PHẬT..... 1214 1112. KÍNH PHÁP VÀ TĂNG..... 1215



1113. KÍNH TĂNG..... 1217 1114. HẠNH TINH TẤN..... 1218 1115. CUNG KÍNH TIÊN NHÂN..... 1220 1116. ĐOẠN TRỪ SÂN HẬN..... 1222 1117. NGAY TRAI GIỚI...*..... 1223 1118. TÂM CHÁNH TRỰC..... 1225 1119. Tư HẠNH NHẪN*..... 1226 1120. CÔNG NÀNG GIỮ GIỚI..... 1227 QUYỂN 41..... 1230 1121. LỢI ÍCH GIỮ GIỚI..... 1230 1122. PHÉP THĂM BỆNH..... 1232 1123. ĐIỀU HẠNH PHÚC NHẤT..... 1233 1124. PHƯỚC BÁO SANH THIÊN.....1234 1125. BỐN PHÁP Dự LƯU..... 1234 1126. BỐN PHÁP TU-ĐÀ-HOÀN..... 1235 1127. THÀNH Tựu BỐN PHÁP..... 1235 1128. BỐN QUẢ SA-MÔN (1)..... 1235 1129. BỐN QUẢ SA-MÔN (2)..... 1236 1130. NHỚ NƠI CHÚNG QUẢ..... 1236 1131. BỐN LOẠI THỨC ĂN (2)..... 1237 1132. PHƯỚC ĐỨC THẤM NHUẦN (2)..... 1237 1133. LÌA TÂM BỔN XẺN..... 1238 1134. TÍCH TỤ CÔNG ĐỨC..... 1238 1135. BỔN MƯƠI THIÊN TỬ..... 1239 1136. VÍ DỤ MẶT TRẢNG.....1240 1137. VÀO NHA THÍ CHỦ..... 1242 1138. KHÔNG TRANH TỤNG..... 1243 1139. KHÔNG CÓ NIỀM TIN..... 1245 1140. CA NGỢI THIỆN HẠNH..... 1247 1141. TÔN GIA MA-HA CA-DIẾP (1)..... 1249 1142. TÔN GIẢ MA-HA CA-DIẾP (2)..... 1250 1143. TÔN GIẢ MA-HA CA-DIẾP (3)..... 1251 1144. TÔN GIẢ MA-HA CA-DIẾP (4)..... 1253 QUYỂN 42..... 1258 1145. CÚNG DƯỜNG CHỖ ĐÁNG CÚNG..... 1258 1146. BỐN HẠNG NGƯỜI..... 1260

1147. HIỂM HỌA NÚI ĐÁ.....1262 1148. QUÁN XÉT GIỚI HẠNH..... 1263 1149. BẢY VỊ VUA..... 1265 1150. ĂN UỐNG BIẾT CHÙNG Mực..... 1266 1151. THIẾU NIÊN A-TU-LA..... 1267 1152. THIẾU NIÊN TÂN-KỲ-CA..... 1268 1153. BUÔNG Bỏ THẮNG THUA .....1269 1154. TUNG BỤI NGƯỢC GIÓ..... 1270 1155. BÀ-LA-MÔN VI NGHĨA..... 1271 1156. BÀ-LA-MÔN BẤT HẠI..... 1271 1157. BÀ-LA-MÔN HỎA DỮ..... 1272 1158. VỢ CHỒNG BÀ-LA-MÔN..... 1274 1159. BÀ-LA-MÔN MA-CÙ..... 1276 1160 HAI LOẠI THANH TỊNH ..... 1277 1161. BÀ-LA-MÔN LA-HÁN..... 1278 1162. HAI VỢ CHỒNG GIÀ.....1279 1163. GIÀ, CHẾT VÀ BỐ THÍ..... 1280 QUYỂN 43..... 1281 1164. DO ÁI ĐAN DỆT..... 1281 1165. TÔN GIẢ TÂN-ĐÀU-LÔ..... 1283 1166. VÍ DỤ VỀ TAY CHÂN..... 1285 1167. VÍ DỤ CON RÙA..... 1285 1168. VÍ DỤ BÓ LÚA..... 1286 1169. VÍ DỤ CÂY ĐÀN..... 1288 1170. LUẬT NGHI..... 1289 1171. SÁU SINH VẬT.....1290 1172. VÍ DỤ GIỎ RẮN ĐỘC.....1291 1173. PHÁP KHỔ..... ..... 1293 1174. KHÚC GỖ TRÔI SÔNG..... 1296 1175. CÂY KHẨN-THÚ..... 1298 1176. PHÁP HỮU LẬU, VÔ LẬU..... 1301 1177. SÔNG TRO ..... ..... .... .. .....mi] 1304

QUYỂN 44..... 1306 1178. CẢ NHÀ XUẤT GIA.....1306 1179. MẤT BÒ..... 1309 1180. NGƯỜI TRÍ..... 1311



1181. RUỘNG PHƯỚC THANH TỊNH..... 1312 1182. NGHỀ NÔNG..... :..... 1313 1183. TÁN THÁN THẾ TÔN.....1313 1184. TẮM BẰNG CHÁNH PHÁP ..... 1315 1185. NGHIỆP TỊNH DO MÌNH

TỊNH..... 1317 1186. BÀ-LA-MỔN BỆN TÓC (1)..... 1318 1187. BÀ-LA-MÔN BỆN TÓC (2)..... 1318 1188. XÚNG ĐÁNG Được CUNG KÍNH..... 1319 1189. CON ĐƯỜNG TRỰC TIẾP (3).....1320 1190. MINH, HẠNH ĐẦY ĐỦ..... 1321 1191. VUI CẢNH THANH VẮNG..... 1322 1192. CHƯ THIÊN TẬP HỢP..... 1323 1193. TỲ-KHEO CÙ-CA-LE (1)..... 1324 1194. ĐỘC GIÁC PHẠM THIÊN ..... 1325 1195. PHẠM THIÊN BÀ-CÚ.....1327 1196. TÀ KIẾN..... 1329 1197. NHẬP DIỆT..... 1330 QUYỂN 45..... 1332 1198. TỲ-KHEO-NIA-LẠP-TỲ..... 1332 1199. TỲ-KHEO-NI TÔ-MA.....1333 1200. TỲ-KHEO-NI CÁT-LY-XÁ CÙ-ĐÀM-DI..... 1334 1201. TỲ-KHEO-NI LIÊN HOA SẮC..... 1335 1202. TỲ-KHEO-NI THI-LA..... 1336 1203. TỲ-KHEO-NI TỲ-LA..... 1337 1204. TỲ-KHEO-NI TỲ-XÀ-DA..... 1338 1205. TỲ-KHEO-NI GIÁ-LA.....1339 1206. TỲ-KHEO-NIƯU-BA-GIÁ-LA..... 1340 1207. TỲ-KHEO THI-LỢI-SA-GIÁ-LA..... 1341 1208. TÔN GIẢ BÀ-KỲ-XÁ..... 1342 1209. KỆ TÁN THÁN A-NHÃ KIÊU-TRẦN-NHƯ..... 1343 1210. KỆ TÁN THÁN XÁ-LỢI-PHẤT..... 1344 1211. KỆ KHEN NGƠI NĂM TRĂM VỊ TỲ-KHEO.....1345 1212. LE Tự TỨ .. ..... 1345 1213. TÔN GIẢ NI-CÂU-LUẬT TƯỞNG (1)..... 1349 1214. XA LÌA TỊNH TƯỞNG.....1350 1215. BÀI KỆ XUẤT LY..... 1351



1216. CẢNH TỈNH KIÊU MẠN..... 1351 1217. TAM MINH..... 1352 1218. BỐN PHÁP CÚ.....1353 1219. KỆ TÁN THÁN MỘT NGÀN VỊ TỲ-KHEO..... 1354 1220. BẠC THẦY NHỔ TÊN.....1355 1221. TÔN GIẢ NI-CÂU-LUẬT TƯỞNG (2)..... 1356 QUYỂN 46..... 1358 1222. LÒNG TỪ CỦA ĐẾ-THÍCH..... 1358 1223. NGƯỜI NGHÈO..... 1359 1224. ĐẠI HỘI CÚNG DƯỜNG

(1).....1360 1225. ĐẠI HỘI CÚNG DƯỜNG (2) .....1362 1226. BỐN VIỆC KHÔNG NÊN XEM THƯỜNG..... 1362 1227. VUA BA-TƯ-NẶC MẤT THÂN QUYỂN..... 1364 1228. Tự YÊU QUÝ MÌNH..... 1366 1229. Tự PHÒNG HỘ.....1367 1230. SỐ ÍT VÀ SỐ NHIỀU..... 1368 1231. TRANH NHAU vì THAM..... 1369 1232. HAI CÁCH sử DỤNG TÀI SẢN..... 1370 1233. BỐ THÍ RỒI HỐI TIẾC.....1372 1234. ĐẠI HỘI HIẾN TẾ..... 1374 1235. XIỀNG XÍCH KIÊN cố..... 1375 1236. CHIẾN THẮNG VÀ CHIẾN BẠI..... 1375 1237. TÂM KHÔNG OÁN HẬN..... 1376 1238. MỘT NỬA PHẠM HẠNH (3)..... 1377 1239. SỞ NGUYỆN VÀ KHÔNG BUÔNG LUNG..... 1378 1240. BA PHÁP KHÔNG Được YÊU MẾN..... 1380 QUYỂN 47..... 1382 1241. NHÂN TỐ SANH THIÊN..... 1382 1242. TÂM CUNG KÍNH..... 1384 1243. HAI PHÁP HỘ TRÌ THẾ GIAN..... 1384 1244. PHÁP ĐỐT CHÁY..... 1385 1245. BUÔNG Bỏ VIỆC Ác.....1386 1246. LUYỆN VÀNG.....1387 1247. Tư DUY BA TƯỚNG.....1389 1248. PHƯƠNG PHÁP CHAN BÒ ..... 1389 1249. MƯỜI MỘT PHÁP CHĂN BÒ.....1391



1250. TỲ-KHEO NA-ĐỀ-CA (1)..... 1393 1251. TỲ-KHEO NA-ĐỀ-CA (2)..... 1396 1252. DÙNG CÂY LÀM GỐI..... 1397 1253. CÔNG ĐỨC CỦA TÂM TỪ..... 1398 1254. LỢI ÍCH CỦA TÂM TỪ..... 1398 1255. QUỶ THẦN KHÔNG THÊ HẠI..... 1399 1256. ĐẤT TRÊN MÓNG TAY (2)..... 1399 1257. MẠNG NGƯỜI NGẮN NGỦI.....1400 1258. TRỐNG A-NÀNG-HA.....1401 1259. VIÊN BI SẮT..... 1402 1260. MÈO HOANG..... 1402 1261. CHÀY GỖ..... 1403 1262. CHỒN HOANG..... 1404 1263. PHÂN TIỂU..... 1404 1264. BIẾT

ƠN..... 1405 1265. BẠT-CA-LÊ Tự SÁT..... 1405 1266. TỶ-KHEO XIỂN-ĐÀ..... 1410

QUYỂN 48..... 1414 1267. VƯỢT QUA DÒNG THÁC..... 1414 1268. GIẢI THOÁT..... 1415 1269. AI QUA ĐƯỢC CÁC DÒNG..... 1415 1270. THIÊN NỮ CÂU-CA-NI..... 1416 1271. KINH PHÁP BỐN CÂU..... 1417 1272. THIÊN NỮ CÂU-CA-NA-SA.....1418 1273. HIỂU PHÁP..... 1419 1274. THIÊN Nữ CHÂU-LÔ-ĐÀ..... 1420 1275. SÂN HẬN VỚI NGƯỜI KHÔNG SÂN..... 1422 1276 AN LẠC..... 1423 1277. HIỀM TRÁCH.....1423 1278. TỲ-KHEO CÙ-CA-LÊ (2)..... 1424 1279. CỬA ĐỌA LẠC.....1427 1280. ÁI NHIÊM..... 1428 1281. NGĂN VỌNG TƯỞNG.....1429 1282. BỔ THÍ VÀ TRÌ GIỚI..... 1429 1283. TẠO DỤNG VÀ GIỮ GÌN TÀI SẢN..... 1430 1284. ĐƯỜNG LÊN THIÊN GIỚI..... 1431

lx KINH TẠPA-HÀM

1285. LÌA KHỔ Được VUI..... 1433 1286. LÀM SAO SẠCH CÁC LẬU?.....1433 1287. BẬC HIỀN..... 1434 1288. PHÂN BIỆT Bố THÍ..... 1435 1289. KHEN NGỢI..... 1436 1290. BẬC NHẤT..... 1437 1291. PHƯỚC KHÔNG BỊ CHÁY..... 1438 1292. LÒNG TIN LÀ Tư LƯƠNG.....1439 1293. BỐN PHÁP KHÓ ĐẠT NHẤT.....1439 QUYÊN 49..... 1441 1294. MONG CẦU LÀ KHỔ..... 1441 1295. XE KHỞI TỪ NGHIỆP.....1441 1296. THẾ GIAN LUÔN CẦU CON.....1442 1297. SỐ ĐẾM.....1443 1298. GIỚI ĐỨC NẶNG HƠN ĐẤT..... 1443 1299. MƯỜI NGHIỆP LÀNH.....1444 1300. THÂN MẠNG..... 1445 1301. THIÊN TỬ TRƯỜNG THẮNG.....1446 1302. THIÊN TỬ

THI-TỲ..... 1446 1303. THIÊN TỬ NGUYỆT Tự TẠI..... 1447 1304. THIÊN TỬTỲ-SẤU-NỮU..... 1448 1305. THIÊN TỬ BAN-XÀ-LA-KIỆN..... 1448 1306. THIÊN TỬ TU-THÂM..... 1449 1307. THIÊN TỬ XÍCH MÃ.....1450 1308. CÁC THIÊN THẦN NGOẠI ĐẠO..... 1452 1309. THIÊN TỬMA-GIÀ.....1454 1310. THIÊN TỬDI-KỲ-CA..... ..... 1454 1311. THIÊN TỬ ĐÀ-MA-NI..... 1455 1312. THIÊN TỬ ĐA-LA-KIỀN-ĐÀ.....1456 1313. THIÊN TỬ CA-MA (1).....1456 1314. THIÊN TỬ CA-MA (2).....1457 1315. THIÊN TỬ CHIÊN-ĐÀN (1)..... 1458 1316. THIÊN TỬ CHIÊN-ĐÀN (2)..... 1458 1317. THIÊN TỬ CA-DIẾP (1)..... 1459 1318. THIÊN TỬ CA-DIẾP (2)..... 1460 1319. DẠ-XOA KHUẤT-MA.....1460



1320. QUỶ THẦN MA-CƯU-LA..... 1461 1321. QUỶ TẤT-LĂNG-GIÀ.....1462 1322. QUỶ PHÚ-NA-BÀ-TẨU..... 1463 1323. QUỶ MA-NI-GIÁ-LA..... 1464 1324. QUỶ CHÂM MAO..... 1466 QUYỂN 50..... 1468 1325. BỊ QUỶ BẮT GIỮ..... 1468 1326. QUỶ A-LẠP..... 1469 1327. TỲ-KHEO-NI THÚC-CA-LA..... 1472 1328. TỲ-KHEO-NI TỲ-LA..... 1473 1329. HAI THIÊN THẦN..... 1473 1330. QUỶ ƯU-BA-GIÀ-TRA..... 1478 1331. NGÀY RẰM MÃN HẠ..... 1479 1332. CẢNH TỈNH MÊ NGỦ (1)..... 1480 1333. XẢ Bỏ BỤI TRẦN..... 1480 1334. Tư DUY BẤT CHÁNH.....1481 1335. GIỮA TRƯA..... 1482 1336. TÔN GIẢ A-NA-LUẬT..... 1482 1337. SIÊNG NĂNG TỤNG ĐỌC..... 1483 1338. KẺ TRỘM HƯƠNG.....1484 1339. THỢ SAN..... 1485 1340. TÔN GIẢ KIM CƯƠNG TỬ..... 1486 1341. TRÌ GIỚI VÀ ĐA VAN..... 1486 1342. NA-CA ĐẠT-ĐA..... 1487 1343. CẢNH TỈNH BUÔNG

LUNG.....1487 1344. VƯỢT LÊN Dư LUẬN..... 1488 1345. TỲ-KHEO KIẾN-ĐA..... 1489 1346. CẢNH TỈNH MÊ NGỦ (2)..... 1490 1347. KẺ SAY.....1491 1348. DÃ CAN..... 1491 1349. NHỚ NGHĨ ĐEN PHẬT..... 1492 1350 HOA BA-TRA-LỢL..... 1492 1351. CHIM KHỔNG TƯỚC.....1493 1352. TỲ-KHEO XÂY DỤNG..... 1493 1353. CHÁY RỪNG..... 1494 1354. THEO DÒNG THÁNH ĐẠO.....1494

Ixii ộ KINH TẠPA-HÀM

1355. KẺ TRỘM DƯA..... 1494 1356. SA-DI NÓI KỆ.....1495 1357. BÁT SÀNH..... 1495 1358. Tư DUY CỦA NGƯỜI NGHÈO..... 1496 1359. MONG CẦU Y TỐT..... 1497 1360. VŨNG BÙN ..... 1497 1361. HÂN HOAN..... 1498 1362. TÍCH GÓP..... 1498

PHỤ LỤC l..... 1501 PHỤ LỤC 2..... 1509 PHỤ LỤC 3..... 1621 PHỤ LỤC 3..... 1639 SÁCH DẪN..... 1645

BẢNG VIẾT TẮT

TÁC PHẨM TIẾNG PẢLI

A. Añguttara Nikãya (Kinh Tăng chi bộ)

AA. Añguttara Nikãya Atthakathã (Chủ giải Kỉnh Tăng chi bộ)

Áp. Apadâna (Thánh nhân kỷ sự)

ApA. Apadãna Atthakathã (Chú giải Thánh nhân kỷ sự)

Asi. Atthasãlinī (Chú giải Pháp tụ)

Bvs, Buddhavamsa (Phật sử)

BvsA. Buddhavamsa Atthakathã (Chú giải Phật sử)

CNid. Cũlaniddesa (Tiểu nghĩa thích / Tiểu diễn giải)

CNidA. CũỊaniddesa Atthakathã

{Chu giai Tiêu nghĩa mien / Chu giai Tiêu diên giải)

Cp. Cariyāpitaka (Hạnh tạng)

CpA, Cariyāpitaka Atthakathã (Chủ giải Hạnh tạng)

Cv. Cūlavagga (Tiêu phàm)

Cvs. Cūlavamsa (Tiêu sử)

D. Dīghā Nikāya (Kỉnh Trường bộ)

DA. Dīghā Nikāya Atthakathā (Chủ giải Kỉnh Trường bộ)

Dh. Dhammapada (Kinh Pháp củ)

DhA. Dhammapada Atthakathā (Chủ giải Kinh Pháp cu)

Dhs. Dhammasañganī (Pháp tụ)

Dpvs. Dīpavamsa (Đảo sử)

Gãt. Gāthā (Therā và Therī): Trưởng lão Tăng kệ và Trưởng lão Ni kệ ít. ỉtivutíaka (Kinh Phật thuyết như vây)

ItA. Itỉvuttaka Atthakathā (Chủ giải Kỉnh Phật thuyết như vây)

J. Jātaka (Chuyện Tiền thârỉ)

Kh. Khuddakapātha (Tiêu tụng)



Kkvt. Kañkhāvitaranī (Giải nghí) 9

Kv. Kathāvatthu (Luận sự / Những diêm di biệt) M. Majjhimā Nikāya (Kinh Trung bô) MA. Majjhimā Nikāya Atthakathā {Chủ giải Kỉnh Trung bộ) Mhbv. Mahābodhivamsa (Đại sử vê cây Bô-đê ở Tích Lan) Mhvs. Mahāvamsa (Đại sử) Miln. Milindapañha (Mi-tien vân đáp / Milinda vân đạo) MNid. Mahāniddesa (Đại nghĩa thích / Đại diễn giải) MNidA, Mahāniddesa Atthakathā (Chủ giải Đại nghĩa thích / Chủ giải Đại diễn giải) MT. Mcyjhima Nikāya Tīkā (Phụ chú giải Kỉnh Trung bô) Mv. Mahāvagga (Đại phẩm) Nid. Niddesa (Nghĩa thích /Diễn giải) NidA. Niddesa Atthakathā (Chủ giải Nghĩa thích / Chủ giải Diễn giải) Netti. Nettipakarana (Chỉ đạo luận / cẩm nang học Phật) Pat. Patthāna (Duyên hệ) Pe. Petakopadesa (Chủ thích Kinh tạng / Tìm hiêu Tam tạng) Ps. Patisambhidāmagga {Vô ngại giải đạo /Phân tích đạo) PsA. Patisambhidāmagga Atthakathā (Chủ giải Vô ngại giải đạo / Chủ giải Phân tích đạo) P"g. Puggalapañňatti (Nhân thi thiết) PugA. Puggalapañňatti Atthakathā {Chủ giải Nhân thỉ thiết) Pv. Petavatthu (Ngợ quỷ sự / Chuyện ngợ quỷ) PvA. Petavatthu Atthakathā (Chủ giải Ngợ quỷ sự / Chủ giải Chuyện nga quỷ) S. Samyutta Nỉkãya (Kinh Tương ưng bộ) SẢ. Samyutta Nikāya Atthakathā (Chú giải Kỉnh Tương ưng bộ) Sn. Suttanipāta (Kỉnh tập) SnA. Suttanipāta Atthakathā (Chủ giải Kỉnh tập) Sum. Sumañgalavilāsim (Chủ giải Kinh Trường bộ) Thag. Theragãthã trưởng lão Tăng kệ) ThagA. Theragāthā Atthakathā (Chủ giải Trưởng lão Tăng kệ) Thīg. Therīgāthā (Trưởng lão Nỉ kệ)



ThĩgA. Therĩgãthã Atthakathā (Chủ giải Trưởng lão Ni kệ)

Thũvs. Thūpavamsa (Biên niên sử chùa tháp Tích Larỉ)

Ud. Udãna (Kinh Phật tự thuyết / Cảm hứng ngữ)

UdA. Udāna Atthakathā

(Chủ giải Kỉnh Phật tự thuyết / Chú giải Cảm hứng ngữ)

Upāsakajanālañkāra (Ưu-bà-tắc trang nghiêm)
Vbh. Vibhañga (Phân tích)
VbhA. Vibhañga Atthakathā (Chú giải Phân tích)
Vin. Vinaya Pitaka (Luật tạng)
VinA. Vinaya Atthakathā (Chủ giải Luật tạng)
Vism. Visuddhimagga (Thanh tịnh đạo)
Vv. Vimānavatthu (Thiên cung sự/ Chuyện thiên cung)
VvA. Vimānavatthu Atthakathā
(Chú giải Thiên cung sự / Chủ giải Chuyện thiên cung)
Yam. Yamaka (Song đối)
TÁC PHẨM TIẾNG SANSKRIT
Divy. Divyāvadāna (Thiên cung sự)
Mhvu. Mahāvastu (Đại sự) r
MPS. Mahāparinirvānasūtra (Kinh Đại Bát-niêt-bàn)
TÁC PHẨM TIẾNG ANH BBS. Burmese-script Buddhasāsana Samiti edition of the Majjhimā Nikāya (Kinh Trung bộ, phiên bản tiếng Miến, NXB. Buddhasāsana Samiti) BD. Book ofDiscipline (Luật tạng) BI. Buddhist India (Phật giảo Ân Độ) BPE. Buddhist Manual ofPsychological Ethics (Cẩm nang Tâm ly Đạo đức Phật giáo) Cpd. Compendium ofPhilosophy (Cương yêu Triêt học / Tóm tát và giải thích bộ Abhidhammatthasañgaha) DB. Dialogues of the Buddha (Kinh Trường bộ) Expos. Expositor (Chú giải Pháp tụ) GS. Gradual Sayings (Kinh Tăng chi bô)



KS. Kindred Sayings (Kinh Tương ưng bộ) MB. A Manual ofBuddhism (Cẩm nang Phật giáo) MLS. Middle Length Sayings (Kỉnh Trung bộ) QKM. Questions ofKing Milỉnda {Milinda vân đạo) PC. Points of Controversy (Những điểm dị biệt) Pss. Breth. Psalms of the Brethren (Trưởng lão Tăng kệ) Pss. Sis. Psalms of the Sisters (Trưởng lão Ni kệ) 9

SBB. Sacred Books of the Buddhists (Thảnh điên Phật giáo) SBE. The Sacred Books of the East (Thánh điển phương Đông)

TÁC PHẨM TIẾNG VIỆT TTTĐPGVN. Tam tạng Thảnh điển Phật giảo Việt Nam TTP V. Tam tạng Pali- Việt

KINH THEO ĐẠI CHÁNH TẠNG
ĐCTYĐại./T. Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh ()
N. Nam truyền Đại tạng()
Biệt Tạp. Biệt dịch Tạp A-hàm kinh ()
Tăng./EĀ. Tăng nhất A-hàm kinh (,Ekottarikāgamd)
Tạp./SĀ. Tạp A-hàm (5 Samyuktāgama)
Trung./MA. Trung A-hàm kinh (,Mādhyamāgama)
Trường./DÃ. Trường A-hàm kỉnh (,Dīrghāgamd)

TỪ ĐIỂN BHSD. Buddhist Hybrid Sanskrit Dictionary (Từ điển Phật giáo Sanskrit hôn họp) CPD. Critical Pali Dictionary (Từ điển Biện giải Pali) DPPN. Dictionary ofPali Proper Names (Từ điển Danh từ riêng Pali) EB. Encyclopaedia ofBuddhism (Bách khoa Từ điển Phật giáo) EPD. English-Pāli Dictionary (Từ điển Anh - Pali) ERE. Encyclopedia of Religion and Ethics (Bách khoa Từ điển Tôn giáo và Đạo đức) PED. Pali-English Dictionary (Từ điển Pali - Anh) PQĐTĐ. Phật Quang đại từ điển

BẢNG VIẾT TẮT Ixvii

TỔ CHỨC HIỆP HỘI VÀ TẠP CHÍ CST. Chattha Sañgāyana Tipitaka (Tam tạng kết tập lần thứ 6) PTS. Pali Text Society (Hội Thánh điển Pâli) CBETA. Chinese Buddhist Electronic Text Association ( )(Hiệp hội Phật điển điện tử Trung Hoa) SAT. The SAT Daizokyo Text Database (Cơ sở dữ liệu văn bản Đại tạng kinh) VRL Vipassanā Research Institute (Viện Nghiên cứu Thiền quán) JPTS. Journal ofPali Text Society (Tạp chỉ Hội Thảnh điển Pali) JRAS. Journal ofthe Royal Asiatic Society (Tạp chỉ Hội Hoàng gia A châu)

CÁC TỪ VIẾT TẮT Tiếng Việt S. Tiếng Sanskrit P. Tiếng Pali H. Tiếng Hán E. Tiếng Anh TTL. trước Tây lịch DL. Dương lịch PL. Phật lịch tr. trang Sđd. Sách đã dẫn NXB. Nhà xuất bản nt. như trên

HT. Hòa thượng TT. Thượng tọa ĐĐ. Đại đức NS. Ni sư se. Sư cô TS. Tiến sĩ ThS. Thạc sĩ ND. Người dịch BBT. Ban Biên tập TTDTTT. Trung tâm Dịch thuật Trí Tinh TTIDPGVN. Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam

Tiếng Anh AD. (Anno Domini) Công nguyên BC. (Before Christ) trước Công nguyên Cf. (confer) Tham chiếu, so sánh ed. (by) biên tập (bởi) edn. (edition) ấn bản etc. (ét cetera) vân vân...(VV...)

Ixviii KINH TẠPA-HÀM

f./ if. (following pages) trang kế tiếp / các trang kể tiếp fig- hình minh họa ibid, (ibidem) cùng trang đã dẫn / như trên n. (note) chú thích op. cit (opere citato) sách đã dẫn p./pp. (page/pages) trang / các trang (by) dịch bởi trans, (translation) bản dịch v. (verse) bài kệ, khổ kệ, kệ ngôn Ven. (Venerable) Thượng tọa vol./ vols. (volume/ volumes) tập, quyên / các tập, các quyên

DẪN LUẬN KINH TẠPA-HÀM

I. TỔNG QUAN KINH TẠPA-HÀM 1. Tựa đề kỉnh và số lượng kỉnh Kinh Tạp A-hàm S. Samyukta Āgamā, Samyuktāgama.123còn gọi là Tương imgA-ham ,Tương ưngA-cấp-ma hay Tương ưng Tu-đa-ỉa theo Đại sư Nghĩa Tinh ,635-713 và Đại sư Ấn Thuận 1906-2005,2 hoặc Tuyển tập các lời dạy về các nhóm chủ đề khác nhau Chủng chủng sự tương ưng giáo sở tập hay Các kỉnh phân theo nhiều nhóm chủ đề Tạp A-cấp-ma; Tạp loại A-cấp-mă theo Đại sư Huyền Trang ? 602-664 trong Du-già sư địa luân thích S. Yogācārabhūmi-śāstrakārikā, .3 Dựa vào cách thức tổ chức văn bản, bố cục và nội dung giáo pháp, có thể thấy rằng, bộ Kỉnh Tạp A-hàm của Phật giáo Bộ phái được

biên tập khá sớm so với các bộ kinh khác, khoảng đầu kỷ nguyên Tây lịch. Trong tựa đề Sanskrit, "Samyukta Ấgama" được tạo thành bởi chữ "samyukta" có nghĩa là unối k"hay ucó liên he" connected và chữ "âgamcỉ" thường được phiên âm là "A-cấp-ma"có nghĩa là "tuyển tập Thánh giao"hay "tuyển tập các kinh" . Trong Hán ngữ, chữ "tạp" có nhiều nghĩa như hỗn tạp, hỗn hợp, trộn lộn, pha trộn, lộn xộn, không thuần, tạp nhạp, nhiều loại, lặt vặt, linh tinh, lẫn lộn. Trong ngữ cảnh của Kinh Tạp A-hàm. chữ "tạp" c6 nghĩa là "tương ưng" S. samyukta, p. samyutta., chỉ cho các nhóm kinh group of discourses có nội dung liên hệ connected discourses hoặc các nhóm kinh ngắn về nhiều chủ đề khác nhau , chủng chủng tương ưng. Do vậy, Kinh Tạp A-hàm có thể dịch trong tiếng Việt là Tuyển tập các chủ đề khác nhau hay Kinh có chủ đề liên hệ.

1 Tạp A-hàm của ấn bản CBETA\ https://tripitaka.cbeta.org/ T02n0099 truy cập ngày 01-12-2021. 3 Du-già sư địa luận thích S. Yogācārabhūmi-śāstrakārikā^ có nghĩa là ^Giải thích luận về cảnh giới của bậc thầy Du-gia>\ l quyển, có mã số bản văn trong Đại Chảnh tân tuĐại tạng kinh là T30nl580, l quyển do Tối Thắng Tử Jinaputrā,sWngyà Huyền Trang dịch ngày 08-3-650. Bản Việt do Hòa thượng Thích Tâm Châu dịch. CBETA'. http://tripitaka.cbeta.org/ T3Ônl580. —



Đứng từ góc độ văn học Phật giáo, "A-hSm"S Āgamā.trong Hán ngữ là tuyển tập hàng ngàn kinh của Phật giáo Bộ phái tương ứng với "P li Niky a" tức tuyển tập hơn 17.000 kinh Pâli của Thượng Tọa bộ. Các học giả cho rằng Kỉnh Tạp A-hàm là tuyển tập kinh A-hàm được biên tập sớm nhất trong bốn tuyển tập kinh A-hàm S. catvāri-āgama. tứ bộ A-hàm kinh,tứ A-cấp-ma,thuộc Kinh tạng Phật giáo Bộ phái, do đó, chứa đựng những lời dạy được xem là sớm nhất trong các bản văn Phật giáo. Vê sô lượng kinh trong Kinh Tạp A-hàm. do cách tính khác nhau vê các kinh trùng lắp tạo nên số lượng kinh khác nhau. Theo cách tính thông dụng trước giờ, Kinh Tạp A-hàm gồm 50 quyển và l.362 kinh theo các nhóm chủ đề khác nhau, phan lớn là các kinh rất ngan. Trong tác phẩm của mình Tạp A-hàm kinh luận hội biên ,4 gọi tắt là Hội biên ,Đại sư Ấn Thuận liệt ra Í3.412 kinh thuộc Kinh Tạp A-hàm, đang khi tác phẩm Quốc dịch nhất thiết kinh 5 của Nhật Bản nêu ra 13.443 kinh, được xem là cách tính số kinh nhiều nhát so với các ân bản Kinh Tạp A-hàm, Bản Hán ngữ của Kinh Tạp A-hàm trong Tạp A-hàm kinh luận hội biên là bản dịch từ Sanskrit của cầu-na-bạt- đà-la S. Gunabhadra,394-468 vào năm 443. Quyển luận về tác phẩm này chính là Du-già sư địa luân chủ yếu là chương "Nhiếp sự phAn"do ngài Huyền Trang dịch từ Sanskrit sang Hán ngữ vào năm 648. Dựa vào nội dung của các bài kinh, Đại sư Ấn Thuận và nhóm biên tập bộ Quốc dịch nhất thiết kỉnh đã so sánh Kỉnh Tạp A-hàm với Kỉnh Tương ưng của văn học Pali, liệt dẫn ra tổng số bài kinh, điều chỉnh mục lục, thứ tự của các bài kinh đe đạt tính logic và hợp lý hơn. 2. Các bản dịch Kinh Tạp A-hàm và mã số bản văn trong Đại Chánh Có bốn bản dịch Hán ngữ của Kỉnh Tạp A-hàm. trong đó, ba bản dịch cổ đại diện cho ba tông phái Phật giáo gồm Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ S. Sarvāstivāda, ,Ẩm Quang bộ S.

Kāśyapīya,,bản còn lại không rõ tông phái và bản dịch Bạch thoại mang tính so sánh, giải thích.

4 Tác phẩm Tạp A-hàm kỉnh luận hôi 2của Đại sư Ẩn Thuận được NXB. Chánh Văn JE xuất bản lần đầu vào năm 1983, tái bản năm 1994. Độc giả có thể xem toàn văn của 5 Quốc dịch nhất thiết kỉnh là tùng thư về Kinh, Luật, Luận, gồm 255 quyển được tuyển chọn và phiên dịch ra Nhật ngữ, do NXB. Đại Eong in. Nội dung tuyển tập này gồm 2 phần: í Tuyển tập 155 bản văn được trước tác ở Ấn Độ, đã được dịch ra Hán ngữ và Nhật ngũ; xuất bản lần đầu vào năm 1936 và tái bản năm 1978, gôm các bộ A-hàm, bộ Bản duyên, bộ Bát-nhã, bộ Pháp Hoa, bộ Hoa Nghiêm, bộ Luận triêt; ii Tuyên tập 100 bản văn do Trung Quốc và Nhật Bản trước tác, chủ yếu là văn học chú giải về Tam tạng, sử truyện, xuất bản vào năm 1958.



i Kinh TạpA-hàm của Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ: Ấn bản Sanskrit của Kỉnh Tạp A-hàm được ngài Pháp Hiển 337-422 từ Tích Lan mang về Trung Quốc vào thế kỷ v. Đây là bản Hán ngữ hoàn chỉnh nhất của Kinh Tạp A-ham do Tôn giả cầu-na-bạt-đà-la dịch vào năm 435-443 đời Lim Tống, tại chùa Ngõa Quan ,6 gồm có 1.362 kinh. Trong Đạz Chảnh tân tu Đại Kinh Tạp A-hàm thuộc A-ham bộ là bản văn thứ 100 trong tập 1. Mã số Kinh TạpA-hàm trong ấn bản CBETA tức ấn bản điện tử của Hiệp hội Phật điển điện tử Trung Hoa Chinese Buddhist Electronic Text Association^ là T02n0099, trong khi mã số tựa đề Đại Chánh của SAT là T0001_99.6*8910Trong ấn bản online của CBETA, mã số truy cập của quyển thứ nhất11 là T02n0099_001 và mã số truy cập của quyển 5012 là T02n0099_050. ii Biệt dịch Tạp A-ham kinh nghĩa là Bản dịch khác của Kỉnh Tạp A-hàm có lẽ thuộc Ẩm Quang bộ,13 gồm 16 quyển14 với 364 kinh được dịch vào khoảng năm 352-431 trong triều đại Tam Tân ,không rõ dịch giả, có mã số bản văn trong Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh là T02n0100.15*

6 Tham chiếu thông tin chi tiết trong bài nghiên cứu sau đây: Enomoto, Fumio l986, "On the Formation of the Original Texts of the Chinese Agamas95, Buddhist Studies Review 3 1, 19-30. Đọc thêm các thông tin thú vị trong bài viết sau đây: Tripāthī, Chandra Ed. 1962. ^Funfundzwanzig Sutras Des Nidanasamyuktd>" in Sanskrittexte aus dèn Turfarifunden Vol. VIII, edited by Ernst Waldschmidt Berlin: Akademie-Verlag, 1962. I Đại Chảnh tân tu Đại tạng kinh Taishô Shỉnshu Daizokyo,do Takakusu Junjiro ,Cao Nam Thuận Thứ Lang và Watanabe Kaikyoku ,Độ Biên Hải Húc chủ biên, gồm 85 tập chữ Hán, lần đầu được NXB. Đại Đông xuất bản tại Tyovào năm 1924-34, nhanh chóng sau đó trở thành nguồn tài liệu góc của các nghiến cứu và trích dẫn về văn học Phật giáo Trung Quốc quan trọng nhất trèn thế giới. 8 CBETA được thành lập vào ngày 15-02-1998, do Thượng tọa Huệ Man làm Tổng Biên tập. Các cơ quan tham gia thực hiện có Viện Nghiên cứu Phật học Trung Hoa Pháp cổ Sơn, Đại học Trung ương, Đại học Huyền Trang, Học viện Phật học Hương Quang, Học viện Phạt học Viên Quang, Học viện Phật học Phước Nghiêm và Hoa Nghiêm liên xã. CBETA là kho tư liệu điện tử

bằng^chữ Hán của ấn bản Đại Chảnh đầy đu nhất từ trước đen nay. Đen ngày 18-02-2006, CBETÂ đã hoàn tát các tập 1-55 và 85 7.877 vạn chữ của Đại Chảnh. Đen năm 2007, CBETA hoàn tát Vạn Tân tục @7g  7.122 vạn chữ. Ấn bản offline có thể download tại: http://www.cbeta.org/download/cbreader.php . 9 SÁT có nghĩa là "Co sở dữ liệu văn bản Đại tạng kiIlh,^ thường gọi là ấn bản SÁT, có trụ sở tại Tokyo, Nhật Bản, hoàn thành điện tử hóa các tập 56-84 cua Đại Chánh tan tu Đại tạng kinh, cũng là to chức giữ tác quyền và cho phép CBETA thực hiện điện tử hóa các tập 1-55 và 85 của Đại Chảnh tân tu Đại tạng kmh. 10 Kinh TạpA-hàm của ấn bản SÁT: https://21dzk.Lu-tokyo.ac.jp/SAT2012/ddb-sat2.php truy cập ngày 01-12-2021. II Kỉnh Tạp A-hàm quyển 1: https://tripitaka.cbeta.org/T02n0099_001 truy cập ngày 01-12-2021. 12 Kinh Tạp A-hàm quyển 50: https://tripitaka.cbeta.org/T02n0099_050 truy cập ngày 01-12-2021. 13 về nguồn gốc, theo ngài Ấn Thuận trong Nguyên thủy Phật giáo Thảnh điển chi tập thành  ,bộ kinh này có vấn đề về bộ phái.
Một vài thư tịch cổ cho ràng Biệt dịch Tạp A-ham kinh thuộc Ẩm Quang bộ, hoặc ức đoán là Hóa Địa bộ, hoặc Pháp Tạng b  14 Theo Lịch đại
Tam bảo kỷ quyển 14; Chúng kỉnh mục lục  s M, quyển 3; Khai Nguyên
Thích giảo ,quyên 13, Biệt dịch Tạp A-ham có 20 quyển:
..lí 15 Kinh TạpA-hàm bản dịch khác ,Biệt dịch
TạpA-hàm kỉnh của ấn bản CBETA tại địa



CÓ ấn bản khác của bản dịch Kinh Tạp A-hàm tại Trung Quốc, gồm 20 quyển ()dịch vào năm 431 được bố cục logic hơn.16 Thực chất, đây là bản dịch ngắn hay bản dịch không hoàn chỉnh về Kinh Tạp A-hàm của Ẩm Quang bộ, nói đúng hơn chỉ còn một phần.17 (iii) Bản dịch Kỉnh Tạp A-hàm^ l quyển. Bản dịch chữ Hán không hoàn chỉnh của Kinh Tạp A-hàm chỉ có l quyển, được dịch vào năm 222-280 (triều đại nhà Ngô,),không rõ người dịch, không rõ bộ phái Phật giáo nào sử dụng, có mã số bản văn trong Đại Chánh tân tu Đại tạng kỉnh là T02n0101.18210 niên *2về đại, đây là bản dịch sớm nhát của Kinh Tạp A-hàm băng Hán ngữ, rát tiêc phân lớn các chương của bản dịch này đã bi thất lạc. (iv) Bản Tạp A-hàm kinh hiệu thích (The Collation and Annotation of Samyuktāgamd) bằng tiếng Bạch thoại do Vương Kiến Vĩ ( ,1958-) và Kim Huy (1971-)19 dịch trong 10 năm, gồm 8 tập, được NXB. Trường Đại học Sư phạm Hoa Đông in lần đầu vào ngày 01-7-2014. Bản dịch này được trao 3 giải thưởng danh giá gôm Giải thưởng Sách cô Xuât săc Quốc gia (National Excellent Ancient BookAward)^ Giải thưởng Sách cổ Xuất sắc Hoa Đông (Excellent Ancient Book Award in East China) năm 2014 và đoạt Giải nhất của Giải thưởng Sách Thượng Hải lần thứ 14 (14th Shanghai Book Ay^ard)ĩx Bản dịch và chú thích mới này có 4 phần, 7 chương, 56 nhóm chủ đề (samyukta) và 8.491 kinh, với 3.720 trang. Đóng góp chính của bản dịch Bạch thoại này là cung cap các thông tin đôi chiêu giữa Kinh Tạp A-hàm và các kinh thuộc Thượng Tọa bộ cũng như A-tỳ-đạt-ma (Abhỉdhammă) bằng Pali và Hán ngữ, đong thời phân loại và khôi phục các bản văn có liên hệ, bổ sung một số kinh bị thất lạc. 3. Ba bản dịch tiếng Việt Kỉnh Tạp A-hàm có 3 bản dịch tiếng Việt hiện đang lưu hành dưới dạng sách in và online. Mặc dù rất muốn

in tất cả 3 bản dịch trong ấn bản Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam nham tôn vinh đóng góp của các dịch giả Việt

1 Xem các nghiên cứu chi tiết về ấn bản 16 quyển và ấn bản 20 quyển qua 2 bài viết sau đây: (i) Bucknell, Roderick, iirīhe Two Versions of the Other Translation of syukiāgama" in Chung-Hwa Buddhist Journal. 21: 23-54; (ii) Bingenheimer, Marcus (10-11-2006), t4The Shorter Chinese s^nyukta Āgamā: Prelừninary Findings and Translation of FasciclS", Buddhist Studies Review 23 (1): 21-6Ỏ. :về vấn đề này, đọc thêm Từ điển Phật giảo (Ả Dictionary ofBuddhism) của Damien Keown (London: Oxford University Press, 2004). 18 Kinh TạpA-hàm không rõ dịch giả của ấn bản CBETA '. https://tripitaka.cbeta.org/T02n0101 (truy cập ngày 01-12-2021). ^Vuong Kiến Vĩ (Wang Jianwei) và Kim Huy (Jin Húi) tốt nghiệp tại Đại học Sư phạm Hoa Đông ( ,East China Normal University) va học Phật học tại Đại học Kelaniya, Tích Lan.
20 “..;•32014 Sinobook (truy cập
ngay 21-6-2016).



Nam, nhưng do những hạn chế về tác quyền, Ban Biên tập chỉ có thể sử dụng bản dịch i và iii: J i Kinh Tạp A-hàrrP do Hòa thượng Thích Thiện Siêu và Hòa thượng Thích Thanh Từ dịch trước năm 1975, Hội đồng Quản trị Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam biên tập và xuất bản năm 1994-95. ii Kinh Tạp A-hàm13 do Hòa thượng Thích Đức Thắng dịch, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ hiệu đính và chú thích năm 2002, NXB. Phương Đông xuất bản lần đầu năm 2010, tái bản năm 2015.22 2425 23 iii Kỉnh Tạp A-hàm do Trung tâm Dịch thuật Trí Tịnh thuộc Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam phiên dịch, từ tháng 12-2018 đến tháng 5-2021.

4. Bộ phái truyền thừa Kinh TạpA-hàm Bon bộ kinh A-hàm Āgamā là Kinh tạng căn bản, quan trọng và cũng là tụng bản của Phật giáo Bộ phái nPviết bằng Sanskrit vào khoảng thế kỷ 1,25 được các cao Tăng Ấn Độ gồm Phật-đà- da-xá S. Buddhayaśas,Cù-đàm Tăng-già-đề-bà S. Gautama Samghadeva,cầu-na-bạt-đà-la S. Gunabhadra, với sự cộng tác của các Sa-môn Trung Quốc gồm Trúc Phật Niệm M, Thích Đạo Hàm ,Thích Bao Vân W,Thích Tuẹ Tung Thích Tuệ Quán dịch ra Hán ngữ. Ngoài các bộ kinh A-hàm được dịch toàn bộ, có nhiều kinh lẻ thuộc hệ thống A-hàm cũng được tuyên dịch. Hiện vân còn vài bản chép tay trong tiêng Sanskrit của một sô bài kinh A-hàm được bảo tồn trong Đại tạng kỉnh Tây Tạng , đặc biệt trong bộ Kangyur ,Cam-châu-nhĩ, bộ chứa đựng lời Phật dạy về Kinh tạng và Luật tạng . về truyền thừa bộ phái, mỗi bộ trong bốn bộ kinh A-hàm được sử dụng làm tụng bản của các bộ phái Phật giáo khác nhau. Kinh Trường A-hàm

22 Đây là bản dịch Kinh Tạp A-hàm đầu tiên và được in sớm nhất, đồng thời cũng là bản dịch được các nhóm dịch giả sau này tham khảo để các bản dịch hoàn chỉnh hơn.
23 Ấn bản online của Kỉnh Tạp A-hàm do Hòa thượng Thích Đức Thắng dịch và Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ viết lời giới thiệu và chú thích: https://thuvienhoasen.org/al

1294/kinh-tap-a-ham truy cập ngay 01-8-2022, https:/Åvww.daitangkinhvietnam.org/node/8728 hoặc ấn bản PDF tại địa chỉ https://thuvienhoasen.org/images/file/yEYerJ l GOQgQAEIR/kinh-tap-a-ham-thich-duc-thang-dich.pdf. 24 Bản dịch này dựa theo cấu trúc của Tạp A-hàm kinh luận hội biên của Đại sư Ấn Thuận, nhưng điều khác biết là co 8 tụng chương, 47 tương ưng nhóm kinh, 1.360 kinh, trong khi bản của ngai Án Thuận có 7 tụng chừấrìg, 51 tương ưng nhóm kinh, 13.412 kinh. 25 Theo khảo cứu, khoảng cuối thế kỷ II, các bản kinh A-hàm chép tay theo trí nhớ đã du nhập vào Trung Quốc. Chi Khiêm là môt trong những người đầu tiên dịch A-hàm. Mặt khác, băng chứng xác thực nhất mới được khám phá gần đây là 29 ban kinh cổ viết tay trên vỏ cây bạch dương Betula Platyphylỉă, có niên đại vào thế ky I, trong số đó có Kinh phúng tụng thuộcA-ham. Ngài Dalai Lama gửi lời chúc mừng về phát hiện nay và được in đầu tiên trong tác phẩm: Richard Salomon, Ancient Buddhist Scrollsfrom Gandhāra: The British Library Kharosthī Fragments Seattle: University of Washington Press, 1999, pp. 15, 89, 186.



Dīrgha Āgamā.Tuyển tập kinh dài là tụng bản của Pháp Tạng bộ Dharmaguptaka,c6 nội dung tương đương với Kỉnh Trường bộ Dīghā Nikāya.26 của Thượng Tọa bộ. Kinh Trung A-hàm là tụng bản của Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ Sarvāstivāda,_mong đương Kỉnh Trung bộ {Mcyjhima Nikāya,Tuyển tập kỉnh trung bình^ Kinh Tăng nhất A-hàm Ekottarika Āgamā,thuộc Đại Chúng bộ Mahāsāinghika,tương đương với Kinh Tăng chi bộ Añguttara Nỉkãya,Tuyển tập kỉnh các con số tăng dần. Kinh Tạp A-hàm Samyuktãgama Sũtra.là tụng bản của Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ Mūlasarvāstivāda, tương đương Kinh Tương ưng bộ Samyutta ,28 đang khi Biệt dịch Kinh Tạp A-hàm thuộc Ẩm Quang bộ tương đương với "Thiên có ke” trong Kinh Tương ưng bộ. Sau đây là thông tin mô tả vê truyền thừa bộ phái Phật giáo đối với bốn bộ kinh A-hàm. 1 Kinh Trường A-hàm S. Dĩrgha Āgamā,Tuyển tập kỉnh dài^9 22 quyển, TOlnOOOl, thuộc Pháp Tạng bộ. Phật-đà-da-xá và Trúc Phật Niệm dịch từ Sanskrit ra Hán ngữ vào năm 413 đời Hậu Tần,,Thích Đạo Hàm ghi chép26 29 28 27 tại Trường An . 3031 2 Kinh Trung A-hàm S. Madhyama Āgamā,Tuyển tập kỉnh trung bbĩh* 60 quyển, T01n00269 thuộc Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ. Tăng- già-la-xoa S. Samgharaksa,đọc bản Sanskrit, Cù-đàm Tăng-già- đề-bà dịch từ Sanskrit ra Hán ngữ, Thích Đạo Từ ghi chép từ ngày 12-12-397 đến ngày 24-7-398 đời Đông Tấn,.Theo quyển Xuất Tam tạng ky tập ,còn có bản dịch Kỉnh Trung A-hàm. 59 quyển đã thất lạc, do Sa-môn Đàm-ma-nan-đề S. Dharmānandī,,Pháp Hỷ, đọc bản Sanskrit, Trúc Phật Niệm dịch Hán ngữ và Tuệ Tung ghi chép vào năm 384 đời Phù Tần,tại Trường An.

26 Kinh Trường bộ tức Tuyển tập 34 kinh dài ffiīgha Nikāya,Trường bô kinh điển, D. 1-34 được Hội Thánh điên Pali dịch Anh ngữ và xuất bản vào năm 1889. Xem

thông tin chi tiết về Kinh Trường ỏớ trong Thích Nhật Từ, Sô tay mục lục Tam tạng Pali Hà Nội: NXB. Hồng Đức, 2021, ư. 13-4; xem Dẫn luận Kỉnh Trường bộ, ứ. 149-60. 27 Xem thongtin chi tiết về Kỉnh Trung bộ trong Thích Nhật Từ, sổ tay mục lục Tam tạng PãỊi Hà Nội: NXB. Hồng Đức, 2021, tr. 14-5, Dan luận về Kinh Trung bộ, tr. 160-202. 28 Xem thông tin chi tiết về Kinh Tương ưng bô trong Thích Nhật Từ, sổ tay mục lục Tam tạng PãỊi Hà Nội: NXB. Hồng Đức, 2021, tr. 15-9. 29 Toàn văn Kinh Trường A-hàm theo ấn bản internet CBETA\ http://tripitaka.cbeta.org/TO lnOOO l truy cập ngày 01-8-2022. Xem thông tin chi tiết trong AwJi Tam tạng kỷ tập .Nguyên văn như sau:" if# WiXB, mlĩ? q..iwi. , 31 Toàn văn Kinh Trung A-hàm theo ấn bản CBETA '. http://tripitaka.cbeta.org/TO l n0026 truy cập ngày 01-8-2022.



3 Kinh Tạp A-hàm S. Samyuktāgama Sūtra,Tuyển tập kinh 50 quyển, T02n0099, thuộc Căn Bản Thuyết Nhất Thiết theo nhóm chủ đềỵ3233 37 36 35 34 Hữu bộ. cầu-na-bạt-đà-la đọc bản Sanskrit, Thích Bảo Vân dịch Hán ngữ vào năm 435-443 đời Lưu Tống,,Thích Tuệ Quán ghi chép tại chùa Ngõa Quan, Nam Kinh . Biệt dịch Kinh Tạp A-hàm S. Samyuktāgama Sūtra,,8 dịch khác về tuyển tập kinh theo nhóm chủ ,33 20 quyển, T02n0100, thuộc Ẩm Quang bộ, được dịch vào năm 352-431 đời Tam Tần,,không rõ dịch giả. 4 Kinh Tăng nhất A-hàm S. Ekottarika Āgamā,Tuyển tập kinh qua các con sổ. 51 quyển T02n0125, thuộc Đại Chúng bộ hoặc Thuyết Xuất Thế bộ Lokottaravāda, .Cù-đàm Tăng-già-đề-bà dịch vào năm 398 đời Đông Tấn,tại Lô Sơn .Theo Lịch đại Tam bảo ky ,35 còn có bản dịch Kinh Trung A-hàm. 41 quyển, do Sa-môn Đàm-ma-nan-đê đọc bản Sanskrit, Trúc Phật Niệm dịch Hán ngữ và Tuệ Tung ghi chép vào năm 384 đời Phù Tần,tại Trường An . Bài tựa tổng quát trong Tát-bà-đa Tỳ-ni Tỳ-bà-sa 36 đề cập đến đối tượng thính chúng của bốn bộ kinh A-hàm như sau: "Thuyết pháp tùy nghi cho con người và trời, Tăng nhất A-hàm có nội dung khuyến hóa người nghe; Trung A-hàm trình bày triết lý sâu xa cho các người thông thái và các học giả; Kinh Tạp A-hàm giới thiệu các pháp tu thiền, dành cho người tu thiền và Kinh Trường A-hàm đối thoại tôn giáo, bẻ gãy các học thuyết tôn giáo khSc."37 Trên thực tế? nội dung của từng bộ trong bốn bộ kinh A-hàm đa dạng và phong phú hơn, một mặt giới thiệu triết học Phật giáo, mặt khác mang tính đối thoại liên tôn giáo, liên triết học về các vấn đề, vấn nạn mà con người quan tâm và cần giải pháp giải quyết nỗi khổ niềm đau.

32 Toàn văn Kinh Tạp A-hàm theo ấn bản CBETA'. http://tripitaka.cbeta.org/T02n0099 truy cập ngày 01-8-2022. 33 Toàn văn Kinh Tạp A-hàm biệt dịch theo ấn bản CBETA'. http://tripitaka.cbeta.org/T02n0100 truy cập ngày 01-8-2022. 34 Toàn văn Kỉnh Tăng nhất A-hàm theo ấn bản CBETA'. http://tripitaka.cbeta.org/T02n0125 truy cập ngày 01-8-2022. 35 Gồm 15 quyển, T49n2034, do Phí Trường Phòng soạn vào năm 597. Xem toàn văn ấn bản 36 Tái-bà-đa Tỳ-ni Tỳ-bà-sa T.23^1440. 0503cl8.
37 Đoạn nguyên tác trong Tắt-bà-đa Tỳ-nỉ Tỳ-bà-sa: ỊỆ

:.,'



II. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG KINH TẠPA-HÀM 1. Bố cục của Kinh Tạp A-hàm Kinh Tạp A-hàm có nhiều nội dung tương đương với Kình Tương ưng bộ {Samyutta Nỉkãya.38*của Phật giáo Nam truyền, về cấu trúc, Kỉnh Tương ưng bộ chia làm 5 thiên yagga,phẩm, thiên với 56 nhóm kinh {samyutta,,tương ưng chủ đề như sau: i Thiên có kệ Sagãthãvagga, ,Hữu kệ phẩm gồm 11 nhóm kinh có liên hệ ;ii Thiên nhân duyên Nidānavagga,,Nhân duyên phẩm có 10 nhóm kinh ; iii Thiên uẩn Khandhavagga.uẩn phẩm có 13 nhóm kinh iv Thiên sáu xứ Salāyatanavagga,Lục xứ phẩm có 10 nhóm kinh ;v Thiên đại {Mahāvagga,Đại phẩm có 12 nhóm kinh . Kỉnh Tạp A-hàm có các ân bản khác nhau với cách bô cục và sô thứ tự kinh khác nhau: i Ấn bản in trong Đại Chảnh tân tu Đại tạng kỉnh viết tắt là “Dại”ii Ấn bản Phật Quang tạng thường viết tắt là "Quang” iii An bản của NXB. Giáo dục Nọi quán 1^viết tắt là "Nọi bản . Trong bốn bộ kinh A-hàm S. Āgamā.hay kinh A-cấp-ma ,Kỉnh Tạp A-hàm được xem là kinh chứa đựng các lời dạy căn bản của đức Phật, bao gồm năm tổ hợp ,mười hai xứ ,mười tám giới ,duyên khởi ,chân lý ,bốn nền tảng chánh niệm ,các loại thức ăn A. y r • • • • r V.V.. Vê câu trúc hoàn chỉnh, Kỉnh Tạp A-hàm trong giai đoạn thứ nhát 'MA ỈA t Ầ . . thuộc bản góc gôm có 4 phân chính: 1 Phần các nhóm kinh về uẩn ,xứ :i Nhóm kinh về năm tổ hợp ,ii Nhóm kinh về sáu xứ /,iii Nhóm kinh về nhân duyên ,iv Nhóm kinh về thức ăn ,v Nhóm kinh về chân lý và vi Nhóm kinh về giới . 2 Phần các kinh do Thánh Tăng và đức Phật nói vii Nhóm kinh do các Thánh Tăng A-la-hán nói nổi bật gồm Tôn giả Xá-lợi-phất Tôn giả Mục-kiền-liên và viii Nhóm kinh do đức Phật nói . 3 Phần đạo phẩm chứa ix Nhóm kinh an trú chánh niệm

38 Bản dịch tiếng Anh của c. A F. Rhys Davids & F. L. Woodward về Kỉnh Tương ưng là 44Sách về những lời dạy có liên hệ mật thief, Jhe Book ofKindred Sayings hay "Các bài kinh phân theo nh6m" The Grouped Discourses hay The Grouped Suttas, do NXB. Hội Thánh điển Pali Pali Text Society in tại Bristol vào năm 1917-30. Bản dịch tiêng Anh của Bhikkhu Bodhi có tựa đề là "Các bài kinh có liên hệ của đức Phát" The Connected Discourses of the Buddha do NXB. Wisdom Publications in tại Somerville, Massachusetts vào năm 2000. Bhikkhu Sujāto dịch có tựa đê 'Tuyên tập các kinh liên he" LinkedDiscourses Collection xuất bản trên trang SuttaCentral vào năm 2018: https://suttacentral.net/ sn?view=normal.



4 Phần kết tập chứa x Nhóm kinh về tám cộng đồng nổi bật nhất là Tỳ-kheo ,Ma ,Đấ-thích ,vua chúa ,v.v... Theo Đại sư Ấn Thuận trong tác phẩm Tuyển tập Thánh điển Phật giáo Nguyên thủy xuất bản năm

1971, trong giai đoạn thứ hai, Kỉnh Tạp A-hàm được biên tập hoàn chỉnh, chia làm 7 phần như sau: 1 Nhóm kinh về năm tổ hợp . 2 Nhóm kinh về sáu xứ . 3 Nhóm kinh về nhân duyên ,chân lý ,giới và cảm giác . 4 Nhóm kinh về đạo phẩm gồm nền tảng chánh niệm , hơi thở ,học niềm tin thanh tinh, không bị hủy hoại . 5 Nhóm kinh về tám cộng đồng gồm Tỳ-kheo ,Tỳ-kheo-ni ,Ma ,Đế-thích ,chư thiên ,vua chúa ,Bà-la- m6n ,dạ-xoa . 6 Nhóm kinh do Thánh Tăng A-la-hán nói gồm Tôn giả Xá-lợi-phất ,Tôn giả Mục-kiền-liên . 7 Nhóm kinh do đức Phật nói . Kỉnh Tạp A-hàm trong Đại tạng kinh Tây Tạng chia làm 10 phần như sau: 1 Năm tổ hợp 2 Sáu xứ 3 Nhân duyên 4 Thức n 5 Chân lý  Giới và cảm giác ; 7 Thánh Tăng A-la-hán giảng 8 Đức Phật giảng  ;9 Đạo phẩm gồm niệm trú hay bốn niệm xứ, chánh đoạn hay bốn chánh cần, thần túc hay bốn như ý túc, căn tức năm căn lành, lực tức năm lực, giác chi tức bảy yếu tố giác ngộ, yếu tố đạo tức Thánh đạo tám ngành, hơi thở ra vào học tức ba học, đạt niềm tin thanh tịnh 10 Tám cộng đồng . về thể tài văn học, Kinh Tạp A-hàm với 50 quyển và 1.362 bài kinh, được chia thành 3 phần chính: i Phần Kinh văn xuôi S. Sutra,giải thích về năm tổ hợp ,sáu xứ duyên khởi ,thức n chân lý giới an trú chánh niệm ,v.v... ii Phần Kệ tụng S. Geya. Geyya. p. Gāthā.còn được phiên âm là Kỳ-dạ /,chứa đựng các thi kệ dưới dạng vấn đáp. iii Phần Ký thuyết S. Vyākararta. p. Veyyākararia.hay Ký biệt  1j, Phân biệt chứa đựng các bài kinh do các Thánh Tăng A-la-hán hoặc đức Phật thuyết giảng.

Ixxviii  KINH TẠPA-HÀM

Dưới đây là cấu trúc của Kỉnh Tạp A-hàm căn cứ theo Đại sư Ấn Thuận trong quyển Tạp A-hàm kinh luận hội biên gồm 7 chương tụng, 51 nhóm kinh tương ưng, 13.412 kinh như sau: Chương 1: Nhóm kỉnh về năm tổ hợp  ,Ngũ ấm tụng đệ nhất. 1 Nhóm kinh về năm tổ hợp Ấm tương img: 178 kinh. Chương 2: Nhóm kinh về sáu xứ ,Lục nhập xứ tụng đệ nhị. 2 Nhóm kinh về sáu giác quan: 285 kinh. Chương 3: Nhóm kỉnh về nhân duyên Tạp nhân tụng đệ tam. 3 Nhóm kinh về nhân duyên ,Nhân duyên tương ưng: 78 kinh. 4 Nhóm kinh về chân lý Đe tương ưng: 150 kinh. 5 Nhóm kinh về giới Giới tương ưng: 37 kinh. 6 Nhóm kinh về cảm giác ,Thọ tương ưng: 31 kinh. Chương 4: Nhóm kinh về con đường  ,Đạo phẩm tụng đệ tứ. 7 Nhóm kinh về [bốn] nền tảng chánh niệm ,Niệm xứ tương ưng: 54 kinh. 8 Nhóm kinh về [bốn] chánh tinh tấn? Chánh đoạn tương ưng: Bi thất lạc ,dật. 9 Nhóm kinh về [bốn] như ý túc Như ý túc tương ưng: Bi thất lạc dật. 10 Nhóm kinh về [năm] căn lành Căn tương ưng: 27 kinh. 11 Nhóm kinh về [năm] sức mạnh Lực tương img: 60 kinh. 12 Nhóm kinh về [bảy] yếu tố giác ngộ ,Giác chi tương ưng: 67 ủnlì. 13 Nhóm kinh về [tám] Thánh đạo ,Thánh đạo phần tương ưng: 114 kinh. 14 Nhóm kinh về hơi thở chánh niệm An-na-bát-na niệm tương ưng: 22 kinh. 15 Nhóm kinh về [tam]

học Học tương ưng: 32 kinh. 16 Nhóm kinh về niềm tin trong sạch không thể hủy hoại , Bất hoại tịnh tương ưng: 29 kinh. Chương 5: Nhóm kinh về tám hội chúng Bát chúng tụng đệ ngũ. 17 Nhóm kinh về Tỳ-kheo Tỳ-kheo tương ưng: 22 kinh.



18 Nhóm kinh về ma Ma tương ưng: 20 kinh. 19 Nhóm kinh về trời Đế-thích ,Đế-thích tương ung: 22 kinh. 20 Nhóm kinh về vua chúa Sát-lợi tương ưng: 21 kinh. 21 Nhóm kinh về Bà-la-môn ,Bà-la-môn tương ưng: 38 kinh. 22 Nhóm kinh về Phạm thiên ,Phạm thiên tương ưng: l o kinh. 23 Nhóm kinh về Tỳ-kheo-ni ,Tỳ-kheo-ni tương ưng: l o kinh. 24 Nhóm kinh về Bà-kỳ-xá ,Bà-kỳ-xá tương ưng: 16 kinh. 25 Nhóm kinh về các trời Chư thiên tương ưng: 108 kinh. 26 Nhóm kinh về dạ-xoa Dạ-xoa tương ưng: 12 kinh. 27 Nhóm kinh về rừng Lâm tương ưng: 32 kinh. Chương 6: Nhóm kỉnh về lời dạy của các bậc Thánh Tăng MA, Đệ tử sở thuyết tụng đệ lục. 28 Nhóm kinh về Xá-lợi-phất ,Xá-lợi-phất tương ưng: 81 kinh. 29 Nhóm kinh về Mục-kiền-liên Mục-kiền-liên tương ưng: 53 kinh. 30 Nhóm kinh về A-na-luật ,A-na-luật tương img: 11 kinh. 31 Nhóm kinh về Đại Ca-chiên-diên Đại Ca-chiên-diên tương ưng: 10 kinh. 32 Nhóm kinh về A-nan A-nan tương ưng: 11 kinh. 33 Nhóm kinh về Chất-đa-la ,chất-đa-la tương ưng: 10 kinh. Chương 7: Nhóm kỉnh về lời dạy của đức Phật ,Như Lai sở thuyết tụng đệ thất. 34 Nhóm kinh về La-đà 9 La-đà tương ưng: 133 kinh. 35 Nhóm kinh về cái thấy Kiến tương img: 93 kinh. 36 Nhóm kinh về đoạn tri ,Đoạn tri tương ưng: 10.996 kinh.39 37 Nhóm kinh về trời Thiên tương ưng: 48 kinh. 38 Nhóm kinh về tu chứng Tu chứng tương ưng: 70 kinh. 39 Nhóm kinh về nhập, giới, ấm Nhập, giới, ấm tương ưng: 182 kinh. 40 Nhóm kinh về niềm tin thanh tịnh không bi hủy hoại ,Bất hoại tịnh tương img: 62 kinh.

39 Sở dĩ bản 6íHội biên" có con số như vậy, vì nhóm "Đoạn tri tương ưng"này, ngài Ấn Thuận cắt nhỏ các kinh ra, vài chữ một kinh, một đoạn một kinh, nen so lượng mới tang lên con số như trên.



41 Nhóm kmh về Đại Ca-diếp ,Đại Ca-diếp tương ưng: 11 kmh. 42 Nhóm kinh về trưởng làng ,Tq lạc chủ tương img: 10 kinh. 43 Nhóm kinh về ngựa Mã tương ưng: 10 kinh. 44 Nhóm kinh về Ma-ha-nam Ma-ha-nam tương ưng: 10 kinh. 45 Nhóm kinh về không có bắt đầu ,V6 thủy tương ưng: 20 kinh. 46 Nhóm kmh Bà-sa di tu ,Bà-sa xuất gia tương ưng: 9 kinh. 47 Nhóm kinh người khác đạo xuất gia theo Phật ,Ngoại đạo xuất gia tương ưng: 15 kinh. 48 Nhóm kinh về nhiều chủ đề ,Tạp tương ưng: 18 kinh. 49 Nhóm kinh về thí dụ ,Thí dụ tương ưng: 19 kinh. 50 Nhóm kinh về bệnh Bệnh tương ưng: 20 kinh. 51 Nhóm kinh về nghiệp báo ,Nghiệp báo tương ưng: 35

kinh.

2. Khái quát nội dung của Kinh Tạp A-hàm Trong Kỉnh A-hàm nói chung, cuối từng nhóm kinh có một bài kệ tóm tắt viết tên các bài kinh trong nhóm, tiếng Hán gọi là Nhiếp tụng .Kỉnh Tạp A-hàm cũng tuân theo cấu trúc này nhưng hầu hết Nhiếp tụng bị thất lạc trong quá trình truyền thụ, giữ gìn nên chỉ còn 15 bài Nhiếp tụng, với khoảng 150 tựa đề kinh. Căn cứ vào nội dung kinh, trong bản dịch Việt của Trung tâm Dịch thuật Trí Tịnh, nhóm dịch giả đã đặt tưa đề kinh nhằm thuận tiện hơn cho việc đọc tụng, nghiên cứu. Đe hiểu rõ những điểm tương đồng và di biệt về các bản văn của Kỉnh Tạp A-hàm. quý độc giả tham khảo Phụ lục 2 ở cuối tập này "So sánh tựa đề Kỉnh Tạp A-hàm với các ấn bản tương đương.99 Bên cạnh việc so sánh sự tương ứng của 2 bản dịch tiếng Việt về Kỉnh Tạp A-hàm nêu trên với bản Kinh Tạp A-hàm bằng Hán ngữ với mã số T02n0099 trong CBETA. bảng đối chiếu này còn so sánh 3 ấn bản Kinh Tương ưng bằng Pali, Anh ngữ và Việt ngữ. Căn cứ vào nội dung kinh, dựa theo cấu trúc của tạng Đại Chảnh, đồng thời có sự tham khảo từ Kinh Tương ưng bộ {Samyutta Nikãyd và "Hội biêù"\ bản dịch tiếng Việt Kỉnh Tạp A-hàm trong bản in lần này gồm có 1.362 kinh, được chia thành 8 chương, với 51 nhóm chủ đề: Chương 1: Năm tổ hợp ,Ngũ ấm tụng 1 Nhóm kinh về năm tổ hợp Ấm tương ưng40 gồm các kinh 1-87, 103-110, 130-132, 256-272.41 Đức Phật định nghĩa về uẩn, thủ uẩn, đồng

40 Quyển "Hội biên"do Đại sư Ấn Thuận biên soạn, đặt nhóm kinh về năm tổ hợp vào chương l và nhóm kinh 1. J 41 Các kinh 88-102 thuộc nhóm kinh về Bà-la-môn.



thời dạy cách thức nhận diện bản chất con người gồm thân thể, cảm giác, tri giác, tâm tư, nhận thức và thế ậiới là vô thường .Không nhận ra quy luật này sẽ chấp ngã dẫn đến khổ đau . Người tu học nên quán "phi ng"và tánh không thực thể do mọi sự vật đều được hình thành bởi nhân duyên để thấy rõ tiến trình hình thành, tồn tại, chấm dứt của mọi sự vật về phương diện vật lý và nhận diện "vj ngọt, sự tai hại và xuất ly" về phương diện tâm lý, nhận thức để chấm dứt khổ đau. 2 Nhóm kỉnh về La-đà La-đà tương ưng42 gồm các kinh 111-129 với hai nội dung chính: i Đức Phật dạy cho thị giả của Ngài là Tỳ-kheo La-đà về cách chấm dứt khổ đau với năm mắc xích bắt đầu từ tham ái trên nền tảng không chấp dính vào năm tổ hợp con người, nhờ đó vượt ra khỏi sầu, bi5 khổ, ưu, não, đi đến giải thoát sanh tử; ii Đức Phật xác chứng và dạy thêm vê những điêu La-đà đôi thoại triêt học với những người khác tôn giáo. 3 Nhóm kỉnh về kiến chấp Kiến tương ưng43 gồm các kinh 133-171.44 Đức Phật dạy về sự chấp ngã nơi sắc, thọ, tưởng, hành, thức, khiến chúng sanh bị vô minh che lấp, bi ái trói buộc, phải rong ruổi đường dài, mãi lưu chuyên trong luân hôi. Người tu tập cân có chánh tuệ đôi với những gì thuộc về năm uẩn, hoặc quá khứ, tương lai, hiện tại; hoặc trong hoặc ngoài; hoặc thô hoặc tế; hoặc đẹp hoặc xấu; hoặc xa hoặc gần; tất cả chúng chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng tồn tại trong nhau; nhờ có chánh tuệ như vậy sẽ chấm dứt hoài nghi với bốn đế, chấm dứt vòng tái sanh. 4 Nhóm kỉnh về đoạn tri Đoạn tri tương ưng,45 còn gọi là Liễu tri txrơng ưng, gồm các kinh 172-187. Đức Phật dạy cách dứt trừ hoài nghi

tăng cường niềm tin vững chãi với Phật, Pháp, Tăng, đạo dức, tu chánh niệm, thiền chí, thiền quán với thái độ như cứu lửa đang cháy trên đau đe chấm dứt khổ đau. Chương 2: Sáu giác quan Lục nhập xứ tụng 5 Nhóm kinh về sáu giác quan ,Nhập xứ tương ưng46 gồm các kinh 188-255, 273-282, 304-342, 1164-1177.47 Đúc Phật dạy cách không chấp thủ khi sáu giác quan gồm mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý tiếp xúc với sáu đối tượng gồm ảnh tượng, âm thanh, các mùi, các vị, xúc chạm và pháp, làm

42 Quyển "'Mm biên"đặt nhóm kinh La-đà vào chương 7, nhóm kinh 34 thuộc nhóm kinh “Nhu Lai sơ thuyết.^, 43 Quyển i,Hội biM đặt nhóm kinh về kiến chấp vào chương 7, nhóm kinh 35 thuộc nhóm kinh 4tNhư Lai s& thuyết.“ 44 Các kinh 130-132 thuộc nhóm kinh về năm tổ hợp. 45 Quyển 66Hội bn"đặt nhóm kinh về đoạn tri vào chương 7, nhóm kinh 36 thuộc nhóm kirứi "Nhu Lai sở thuyet. 46 Quyển ^Hội bỉêrf'đặt nhóm kinh về sáu giác quan vào chương 2, nhóm kinh 2. 47 Các kinh 256-272 thuộc nhóm kinh về năm tổ hợp.



phát sanh sáu loại nhận thức giác quan gồm thị giác tức nhãn thức ,thính giác tức nhĩ thức ,khứu giác tức tỷ thức ,vị giác tức thiệt thức ,xúc giác tức thân thức và ý thức .Cần thấy rõ vị ngọt, sự tai hại và sự xuất ly đối với năm giác quan và nhận thức giác quan để đạt được cái thấy như thật ,biết như thật xa lìa mọi chấp thủ, không còn dục lậu, tâm được giải thoát, chứng đạt Niết-bàn. Chương 3: Các loại nhân duyên Tạp nhân tụng 6 Nhóm kỉnh về nhân duyên ,Nhân duyên tương ưng48 gồm các kinh 283-303, 343-378. Đức Phật dạy năm pháp quán chiếu, đó là quán vô thường, quán tiến trình sanh diệt, quán vô dục, quán Niết-bàn? quán buông xả để không sanh luyến tiếc, dính mắc, chấm dứt tham ái. Đối với con người, đức Phật dạy nhận thức về 12 mắc xích hình thành sự sống trong 3 chiều thời gian, dù Phật có ra đời hay không, con người sanh ra từ vô thủy và khi chết lại tiếp tục tái sanh. Làm chủ 4 loại thức ăn gồm: i Thức ăn thô hoặc tế kabalīkāro, th6 đoàn thực; ii Thức ăn nhờ cảm giác phassāhāro.xúc thực; iii Thức ăn nhờ ý muốn manosañcetanāhāro.ý tư thực; iv Thức ăn nhờ thức viññāriāhāro,thức thực. Con người không tham, không vui mừng sẽ không có sâu, bi, khô, ưu, não, châm dứt tái sanh. 7 Nhóm kinh về chân lý ,Đe tương ưng49 gồm các kinh 379-443. Đức Phật dạy phương pháp vượt qua khổ đau, chấm dứt sanh tử bằng 4 bước: i Nhận diện khổ đau; ii Truy tìm nguyên nhân; iii Trải nghiệm Niết-bàn; iv Thực tập chánh đạo. Chân lý này thiết thực hiện tại, có khả năng xua tan bóng tối vô minh, giúp con người đạt được Thánh trí, trải nghiệm an vui. 8 Nhóm kỉnh về cảnh giới Giới tương ưng50 gồm các kinh 444-465. Đức Phật dạy về: i Sáu yếu tố dhātu tức đất, nước, lửa, gió, hư r y không và thức tạo nên sự sông của con người và vạn vật; ii Ba cõi gôm cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc; iii Bảy cảnh giới gồm cảnh giới ánh sáng, cảnh giới thanh tịnh, cảnh giới Không vô biên, cảnh giới Thức vô biên, cảnh giới Vô sở hữu, cảnh giới Phi tưởng phi phi tưởng, cảnh giới Diệt thọ tưởng định. 9 Nhóm kỉnh về cảm giác

Thọ tương ưng51 gồm các kinh 466-489. Đức Phật phân tích ba loại cảm giác gồm cảm giác hạnh phúc, cảm giác đau khô, cảm giác trung tính đôi với thân và tâm đêu sanh ra và bi biên đổi. Các cảm xúc tiêu cực dẫn đến tà kiến và khổ đau. Làm chủ cảm xúc,

48 Quyển ^Hội biên"đặt nhóm kinh về nhân duyên vào chương 2, nhóm kinh 3. 49 Quyển "Hội biên"đặt nhóm kinh về chân lý vào chương 3, nhóm kinh 4. 50 Quyển ^Hội biên"đặt nhóm kinh về cảnh giới vào chương 3, nhóm kinh 5. 51 Quyển ^Hội biêrf'đặt nhóm kinh về cảm giác vào chương 3, nhóm kinh 6.



không vướng kẹt vào tham ái và sân hận, giữ tâm xả ly, đạt được chánh trí và Niết-bàn an vui. Chương 4: Loi dạy của các bậc Thánh Tăng Đệ tử sở thuyết tụng 10 Nhóm kinh về Diêm-phù-xa ,Di4m-ph£i-xa tương ưng52 có một kinh sô 490, do Tôn giả Xá-lợi-phất dạy cho tu sĩ ngoại đạo Diêm-phù- xa Jambukhādaka vốn là bạn cũ. Tôn giả tuân tự giải nghi nhiều vấn đê mà Diêm-phù-xa còn vướng mắc. Tôn giả nhấn mạnh rang Thánh đạo tám chi là con đường tối thượng làm cho thiện pháp tăng trưởng, điều phục được tham sân si, thoát ra ngoài mọi ràng buộc của phiên não, chứng đắc Niết-bàn tịch tịnh. 11 Nhóm kinh về ngài Xá-lợi-phất *Xá-lợi-phất tương ưng53 gôm các kinh 491-500, do Tôn giả Xá-lợi-phất giảng: i Giảng cho các vị đông tu vê cách đạt được tâm tịch tĩnh giải thoát, cách đi ngược dòng tham ái giữa đời thường, vượt qua chấp thân, không vướng các ách nạn và thác ghềnh vô minh, đạt được giải thoát; ii Đối thoại và giảng cho người khác tôn giáo về con đường giác ngộ và cách vượt qua khó khăn khi thực tập con đường giác ngộ. 12 Nhóm kinh về ngài Mục-kiền-liên Mục-kiền-liên tương ưng5455gồm các kinh 501-534, do Tôn ệiả Mục-kiền-liên giảng: i Chia 56 sẻ với các bạn đồng tu như Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả A-nan về các loại quả báo mà mắt thường không nhận biết hết được; ii Giảng cho các trời và Đế- thích về sự phức tạp của nhân quả và cách chuyển nghiệp để sống an vui. 13 Nhóm kinh về ngài A-na-luật ,A-na-luật tương ưn§55 gôm các kinh 535-545, do Tôn giả A-na-luật đàm đạo với bạn đông tu gôm Tôn giả Mục-kiền-liên, Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả A-nan về bốn nền tảng chánh niệm, làm chủ thân thê, cảm giác, tâm và các pháp, cũng như những kinh nghiệm tu tập và chứng đắc đạo quả. 14 Nhóm kinh về ngài Đại Ca-chiên-diên Đại Ca- chiên-diên tương ưng56 gôm các kinh 546-555, do Tôn giả Đại Ca-chiên-diên giảng về: i Chủ trương bình đẳng xã hội, bình đẳng giới, giá tri và nhân phẩm của con người là do đời sống đạo đức, các nguyên nhân mâu thuẫn, xung đột

52 d ^Hội bỉêrf\kinh này thuộc nhóm kinh về ngài Xá-lợi-phất, tuy nhiên, ở Kỉnh Tương ưng bộ thuộc về tươpg ưng3& của Thiên sáu xứ. Khảo sát nội dung cho thấy, tuy bản Hán đánh số là mọt kinh, nhưng thực tế bao gom nhiều tiết, đoạn. Theo nội dung được ghi nhạn trong kinh vần: Cũng như kinh trên, vơi những câu hỏi ở phần đầu cỉia Dỉêm-phù-xa, có thêm 40 kinh ,.Với những cơ sở như thế nên chúng tôi tách ra thành một nhóm riêng. Đặc biệt, ở dòng đâu tiên của bản kinh này, tức là đầu quyển 18, có thêm9một dòng chữ Hán, là dâu vết của sự phân chia chương, mục

thời xưa còn sót lại, mang nôi dung: Phẩm thứ  chương về lời dạy của các bấc Thánh Tăng  De tử SỞAthuyết tụng đệ tứ phẩm. Từ cơ sở đó, nên chúng tôi đưa bài kinh này vào mục đầu tiên của chương về lời dạy của các bậc Thánh Tăng. 53 Quyển ^Hội biên"đặt nhóm kinh về ngài Xá-lợi-phất vào chương 6, nhóm kinh 28. 54 Quyển ^Hội bi'đặt nhóm kinh về ngài Mục-kiền-liên vào chương 6, nhóm kinh 29. 55 Quyển ^Hội biên"đặt nhóm kinh về ngài A-na-luật trong chương 6, nhóm kinh 30. 56 Quyển ^Hội bi4n"đặt nhóm kinh về ngài Đại Ca-chiên-diên trong chương 6, nhóm kinh 31.



trong xã hội và cách vượt qua; (ii) Phương pháp niệm Phật, niệm Chánh pháp, niệm Tăng đoàn, niệm đạo đức, niệm bố thí và niệm vê thiên giới, cũng như cách thiết lập niềm tin vững chãi đối với Phật, Pháp, Tăng và đạo đức; (iii) Cách tu giải thoát do kết thúc toàn bộ ái dục. (15) Nhóm kinh về ngài A-nan (,A-nan tương ưng)57 gồm các kinh 556-565, do Tôn giả A-nan giảng cho các Tăng, Ni đồng tu và các thành phần xã hội về: (i) Bốn thanh tịnh gồm giới thanh tịnh, tâm thanh tịnh, cái thấy thanh tịnh và giải thoát thanh tịnh; (ii) Cách tu tập thiền chỉ để được định và thiền quán để đạt trí tuệ; (iii) Bốn cảnh giới thiền và tu định Vô tướng để vượt qua ham muốn và ái dục; (iv) Trau dồi giới hạnh, làm chủ việc tiêu thụ thức ăn, châm dứt ngã mạn và ái dục đê sông thong dong và hạnh phúc giữa đời thường. (16) Nhóm kỉnh về trưởng giả Chất-đa-la (Chất-đa-la tương ưng)58 gồm các kinh 56Ó-575,59 do cư sĩ Chất-đa-la đàm đạo với các thầy Tỳ-kheo về tâm từ, tâm bi, tâm hỷ, tâm xả, không chấp sở hữu, nương ba loại tam-muội để an tịnh tâm, thực tập thiền để trải nghiệm tỉnh thức, trải qua các cảnh giới thiên, đặc biệt là cảnh giới không còn cảm giác và tri giác đê vượt qua mọi sầu khổ trong đời. Chương 5: Vua A-dục (,A-dục vương tụng) (17) Nhóm kỉnh về Vua A-dục (A-dục vương tương ưng) gôm 3 kinh 604, 640, 641, đê cập đên cuộc đời và sự nghiệp của Vua A-dục trong kiếp trước cũng như trong hiện đời; những phương cách cai trị đất nước đúng pháp; những thử thách, trở ngại trong cuộc đời và tâm the vững chãi của nhà vua. Chương 6: Con đường tỉnh thức (Đạo phẩm tụng) (18) Nhóm kỉnh về nền tảng chánh niệm (Niệm xứ tương ưng)60 gồm các kinh 605-639, do đức Phật giảng dạy về bốn nền tảng chánh niệm gồm quán thân để làm chủ thân, quán cảm giác để làm chủ cảm giác, quán tâm đe làm chủ tâm và quán pháp thế gian để không vướng chấp, quán pháp xuất thế gian để giác ngộ, giải thoát. (19) Nhóm kinh về các căn lành (Căn tương ưng)61 gồm các kinh 642-660, do đức Phật dạy về ba loại căn gồm căn chưa biết nên biết, đã biết căn và biết căn đầy đủ, đồng thời phát triển năm căn gồm niềm tin, nỗ lực, chánh niệm, thiền đinh và trí tuệ.

57 Quyển^Hội biên"()đặt nhóm kinh về ngài A-nan trong chương 6, nhóm kinh 32. 58 Quyển^Hội biên"()đặt nhóm kinh về trưởng giả Chất-đa-la trong chương 6, nhóm kinh 33. 59 Các kinh 576-603 thuộc nhóm kinh về thiên tử và thiên nữ. 60 Quyển"Hôi bi'()đặt nhóm kinh về nền tảng chánh niệm trong chương 4, nhóm kinh 7. 61 Quyển bỉêr^ ()đặt nhóm kinhvề các căn lành trong chương 4, nhóm kinh 10.

(20) Nhóm kinh về các sức mạnh (Lực tương ưng)6263 64 gồm các kinh 661-703, do đức Phật dạy về: (i) Ba sức mạnh gồm niềm tin, nỗ lực5 trí tuệ; (li) Bôn sức mạnh gôm niêm tin, nô lực, chánh niệm, trí tuệ; (iii) Năm sức mạnh gôm niêm tin, nô lực, chánh niệm, thiên định, trí tuệ; (iv) Bảy sức mạnh gồm niềm tin, nỗ lực, xấu hổ cá nhân, xấu hổ xã hội, chánh niệm, thiền đinh, trí tuệ; (v) Chín sức mạnh gồm niềm tin, nỗ lực, xấu hổ cá nhân, xấu hổ xã hội, chánh niệm, thiền định, tư trạch, trí tuệ, tu tập. (21) Nhóm kỉnh về các yếu tố giác ngQ (,Giác chi tương ưng),63 gồm các kinh 704-747, đức Phật dạy về cách tu và giá trị của chánh niệm, trạch pháp, nỗ lực, khinh an, hoan hỷ, định tĩnh, buông xả để vượt qua năm trói buộc tâm gom ái dục, sân hận, hôn trầm thụy miên, dao động và hoài nghi. về phong cách thực tập các yếu tố giác ngộ này, đức Phật khuyên không giải đãi nhưng không quá gắng sức, tu đều đặn để đạt được giác ngộ, giải thoát. (22) Nhóm kinh về tám chi Thánh đạo (Thánh đạo phần tương ưng),64 gồm các kinh 748-800, đức Phật dạy về con đường giải thoát với tám yêu tô chân chánh gôm tâm nhìn chân chánh, tư duy chân chánh, lời nói chân chánh, hành động chân chánh, nghe nghiệp chân chánh, nỗ lực chân chánh, chánh niệm hiện tiền và đại định nhất tâm để đạt được giải thoát và trí tuệ ve sự giải thoát của bản thân. (23) Nhóm kinh về quán niệm hơi thở (,An-na-bat-na niệm tương ưng)65 gồm các kinh 801-815, dạy về: (i) Kỹ năng thở thiền với 9 % \ 9

hơi thở vào, thở ra (ãnapãnă) đê làm chủ cảm xúc, giải phóng căng thăng, tăng cường sức khỏe thê chát và tinh thân; (ii) Lôi sông tỉnh thức với năm bước gồm sống giới hạnh, ít ham cầu và ít bận rộn, tiết độ trong ăn uống và tiêu thụ, nô lực tu tập ngày đêm và xa lánh nơi ôn náo đê vượt qua sự vướng châp thê tục; (iii) Phối hợp với bốn nền tảng chánh niệm để thở thiền có kết quả thiết thực, đồng thời phối hợp tu tập hơi thở thiền với bảy yếu to giác ngộ để giải phóng kho đau. (24) Nhóm kỉnh về các học pháp (,Học tương ưng)66 gồm các kinh 816-832, dạy về cách thực tập và đề cao giá tri của ba học cao quý: (i) Học đạo đức thanh cao qua làm chủ giác quan và các oai nghi; (ii) Học thiền định để lần lượt đạt được bốn cấp thiền gồm hỷ lạc do lìa tham ái, hỷ lạc do đinh lực, diệu lạc do không chấp vào hỷ lạc và xả niệm thanh tịnh; (iii) Học trí tuệ siêu việt qua bốn chân lý Thánh nhằm khép lại các nỗi khổ và niềm đau.

62 Quyển ^Hội biên"()đặt nhóm kinh về các sức mạnh trong chương 4, nhóm kinh 11. 63 Quyển "'Hội biêrf'()đặt nhóm kinh về các yếu tố giác ngộ trong chương 4, nhóm kinh 12. 64 Quyển ''Hội biên"'()đặt nhóm kinh về tám chi Thánh đạo trong chương 4, nhóm kinh 13. 65 Quyển 6iHội biên''()đặt nhóm kinh về quán niệm hơi thở trong chương 4, nhóm kinh 14. 66 Quyển ^Hội biên"()đặt nhóm kinh về các học pháp trong chương 4, nhóm kinh 15.



(25) Nhóm kỉnh về niềm tin vững chãi (,Bất hoại tịnh tương ưng)67 gồm các kinh 833-860, 902-904, 1121-1135, dạy về bốn niềm tin trong sạch, không thể hủy hoại (tứ bất hoại tín), tức niềm tin không dao động, niềm tin chắc chắn: (i) Niềm tin chắc chắn đối với vai trò Đạo sư của đức Phật (,Phật bất hoại tín); (ii) Niềm tin chắc chắn đối với chân lỵ Phật (,Pháp bất hoại tín) trị liệu khổ đau; (iii) Niềm tin

chắc chắii đối với Tăng đoàn (,Tăng bất hoại tín); (iv) Niềm tin chắc chắn đối với giá trị của việc thành tựu Thánh giới (). (26) Nhóm kỉnh về các cõi trời (Thiên tương ưng)68 gồm các kinh 861-872, giới thiệu về: (i) Các cuộc đối thoại giữa các cư dân trời gồm trời Đâu-suất, Hóa Lạc, Tha Hóa Tự Tại và Tịnh Cư về cuộc sống an lành, siêu việt hơn sự sống trên quả địa cầu này; (ii) Các hiện tượng thiên nhiên, các giới hạn của cõi trời, cách đạt được bốn cấp độ thiền định gồm hỷ lạc do lìa tham ái, hỷ lạc do định lực, diệu lạc do không chấp vào hỷ lạc và xả niệm thanh tịnh. (27) Nhóm kỉnh về tu chứng (,Tu chứng tương ưng)69 gồm các kinh 873-891, do đức Phật dạy về: (i) Cách tu tập và giá trị khác biệt của cộng đồng người xuất gia và người tại gia; (ii) Nhận diện ba cấp độ của con thành công so với cha mẹ gồm con kém cha mẹ9 con bằng cha mẹ và con hơn cha mẹ; (iii) Phát triên niêm tin làm động lực tu tập và phát triên các giá tri; (iv) Người chứng đắc lần lượt đạt được ba tuệ giác gồm tuệ giác về các kiếp quá khứ, tuệ giác ve tái sanh trong tương lai và tuệ giác không còn kho đau ở hiện tại. (28) Nhóm kinh về uẩn, xứ, giới (,Xứ, giới, uẩn tương img)70 gồm các kinh 892-901 ?71 dạy về bốn nỗ lực chân chánh, dứt trừ ba độc hại, tinh tân không buông lung, tu tập bôn thiên đê đạt được thiên chứng, chứng đác Tam minh, đạt giác ngộ, giải thoát. (29) Nhóm kỉnh về ngài Đại Ca-diếp (Đại Ca-diếp tương ưng)72 gồm các kinh 905-906, 1136-1144, bàn về: (i) Cuộc đàm đạo của Tôn giả Ma-ha Ca-diếp và Tôn giả Xá-lợi-phất về sắc là nhân duyên để Như Lai có sanh tử ở đời sau, không có sanh tử ở đời sau, vừa có vừa không có sanh tử ở đời sau hay chẳng phải có cũng chẳng phải không có sanh tử ở đời sau; (ii) Đức Phật che định giới luật song hàng đệ tử thọ trì không giống nhau vì căn tánh khác nhau; năm nhân duyên khiến Chánh pháp chìm mất; năm nhân duyên khiến

67 Quyển ^Hội biên"()đặt nhóm kinh về niềm tin vững chãi Ương chương 4, nhóm kinh 16. 68 Quyển ^Hội bi'()đặt nhóm kinh về các cõi trời trong chương 7, nhóm kinh 37. 69 Quyển ^Hội bi"()đặt nhóm kinh về tu chứng trong chương 7, nhóm kinh 38. 70 Quyển ^Hội bin"()đặt nhóm kinh về uẩn, xứ, giới trong chương 7, nhóm kinh 39. 71 Các kinh 902-904 thuộc nhóm kinh về niềm tin vững chãi. Các kinh 905-906 thuộc nhóm kinh về ngài Đại Ca-diếp. 72 Quyển 6íHội bn"()đặt nhóm kinh về ngài Đại Ca-diếp trong chương 7, nhóm kinh 41.



Chánh pháp tồn tại lâu dài; iii Đức Phật tán thán Tôn giả Ca-diếp và khuyến khích các Tỳ-kheo phải nhiếp tâm, kiểm thúc thân, chánh niệm khi nhận vật thực, biết hổ thẹn, khiêm hạ. Chương 7: LM dạy của đức Phật ,Như Lai sở thuyết tụng 30 Nhóm kỉnh về trưởng làng Tu lạc chủ tương ưng73 gồm các kinh 907-916. Đức Phật dạy cho các thôn trưởng Giá-la-châu-la-na-la9 Ác Tính, Ma-ni-châu-kế, Vương Đảnh, Kiệt-đàm về pháp tu tập để được sanh thiên, đó là không sát sanh, không tranh dấu, có tâm hiền thiện, thường hành bố thí, có niềm tin Tam bảo kiên cố. Hơn thế nữa, đức Phật chỉ rõ tài sản thuộc chín nhà để không còn tham chấp, tránh xa hai cực doan, nhận thức và tu tập theo bốn chân lý Thánh, hướng đến cuộc sống an lạc trong hiện tại và tương lai. 31 Nhóm kỉnh về loài ngựa Mã tương ưng74 gồm các kinh

917-926. Đức Phật dạy về ba loại ngựa được điều phục, ba loại ngựa tự điều phục, ba loại ngựa tốt, ba loại ngựa hay, ba loại ngựa quý, loại ngựa hội đủ r 7 r* r \ e e \ \ ,

bôn phàm chát tót lành, đông thời Ngài dạy nhiêu cách luyện ngựa dâu là loại ngựa chứng, khó thuần phục. Nói về các phẩm tính và cách dạy cho các loại ngựa chính là an dụ chỉ cho việc tu tập, các hành giả dù với nhiều căn tánh trí phàm, nhanh chậm, đều có thể tu tập sửa đổi để tâm tánh trở nên hiền thiện, thành tựu giới thân Vô học, định thân Vô học, tuệ thân Vô học và giải thoát thân Vố học. 32 Nhóm kỉnh về Ma-ha-nam Ma-ha-nam tương img75 gồm các kinh 927-936. Đức Phật định nghĩa về một ưu-bà-tắc đúng nghĩa cần phải đây đủ tín, giới, văn, thí, xả, tuệ. Ngài dạy 6 niệm, 11 pháp, 16 pháp đê một vị ưu-bà-tắc thực hành giáo pháp không bị lui sụt, có tri kiến, có khả năng quyết đinh, an trụ cửa giải thoát, tiếp cận hương vị giải thoát, lần lượt đoạn trừ năm kiết sử thân kiến, giới cấm thủ, nghi, tham, sân, thành tựu được quả vị Tu-dà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, sớm chứng đác giải thoát Niêt-bàn. 33 Nhóm kỉnh về không có khỏi đầu ,Vô thủy tương img76 gồm các kinh 937-956. Đức Phật dạy về sự lang thang đau khổ triền miên của chúng sanh trong đêm dài sanh tử từ vô thủy đến nay; máu, nước mắt đã chảy, sữa mẹ đã uống, nỗi sợ hãi, núi xương khô không tính ke trong dòng chảy luân hồi; có vô lượng mẹ cha, có niềm vui nhưng tất cả đều vô thường, mong manh tạm bợ như bong bóng nước, như gặp trận mưa lớn ngậm tràn khiến chúng sanh mãi chìm trong đau khổ không biết đâu nguồn cội, lối thoát. Đức Phật khuyến khích: "Các thầy hãy đoạn trừ các hữu lậu, không cho tăng trưởng."

73 Quyển "Hội biên"đặt nhóm kinh về trưởng làng trong chương 7, nhóm kinh 42.
74 Quyển ^Hội bỉêrf đặt nhóm kinh về loài ngựa trong chương 7, nhóm kinh 43.
75 Quyển ^Hội biêrf đặt nhóm kinh về Ma-ha-nam trong chương 7, nhóm kinh 44.
76 Quyển 6iHội bien"đặt nhóm kinh về không có khởi đầu trong chương 7, nhóm kinh 45.

Ixxxviii KINH TẠPA-HÀM

(34) Nhóm kinh về tu sĩ ngoại đạo Bà-sa (,Bà-sa xuất gia tương ưng)77 gồm các kinh 957-964, nói về tu sĩ ngoại đạo dòng Bà-sa từ lúc còn nhiều hoài nghi về sự hiện hữu của thân và mạng, vê sự tôn tại và không tôn tại sau khi chết, thường kiến hay đoạn kiến, thế gian thường hay vô thường,... cho đến lúc ông đặt trọn niềm tin vào ngôi Tam bảo và phát tâm xuất gia. Đức Phật đã giúp ông nhận thức rõ vị ngọt, sự nguy hiểm, sự xuất ly của năm tổ hợp, an trú ông vào bốn chân lý Thánh và thọ ký cho ông trở thành bậc A-la-hán. (35) Nhóm kỉnh về tu sĩ ngoại đạo xuất gia (,Ngoại đạo xuất gia tương ưng)78 gồm các kinh 965-979, dạy về: (i) Tấm gương của các Ton giả xuất thân từ tôn giáo khác, tu tập tỉnh thức, chứng đắc quả Thánh; (ii) Lối sống tỉnh thức, giữ giới thanh tịnh, tinh tấn, vượt qua nghiện ngập, luôn niệm Phật tỉnh tâm, thiêu hủy tâm tham ái, theo dòng Thánh nhân. (36) Nhóm kinh nhiều chủ đề (Tap tương ưng) gồm các kinh 980-992, 1241-1245, được đức Phật dạy cho Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả A-nan, trời Bế-thích, ưu-bà-di Lộc Trụ và chư Tỳ-kheo. Ngài dạy pháp cung kính Tam bảo, thường niệm Phật, Pháp, Tăng, hành pháp bố thí, giữ trọn vẹn năm giới, không còn tâm sợ hãi, được sanh lên cõi trời. Với tâm cung kính Tam

bảo, người tu tập thường điều phục tâm, đầy đủ oai nghi, giới thân, định thân, tuệ thân, giải thoát thân, giải thoát tri kiến thân, thành tựu Vô dư Niết- bàn. Đức Phật dạy tàm và quý là hai pháp hộ trì thế gian; 18 ái hành là gốc rễ tái sanh luân hồi; thân khẩu ý bất thiện là pháp đốt cháy khiến chúng sanh đọa lạc cõi dữ; hãy biết đủ và buông bỏ pháp bất thiện, nhất định được lợi ích an lạc. Chương 8: Tám hội chúng (‚Bát chúng tụng) (37) Nhóm kinh về Bà-kỳ-xá (Bà-kỳ-xá tương ưng)79 gồm các kinh 993-994, 1208-1221, dạy về: (i) Tâm nhẫn nhục, tâm không đắm nhiễm, không chấp trước, không dính mắc, vượt qua tật bệnh, xa lìa điên đảo, thành tựu giải thoát; (ii) Đức Phật và chư Thánh Tăng làm tự tứ, soi sáng khiếm khuyết về thân, khẩu, ý5 được thấy, được nghe, được nghi cho nhau; (iii) Tôn giả Bà-kỳ-xá hết lòng tôn kính Tam bảo, thường dùng tài thi ca để làm kệ tán thán đức Phật và chư Thánh Tăng, tán thán lời pháp vi diệu của đức Phật; ngài cũng làm kệ khởi ý trong khi trải nghiệm tu tập để cảnh tỉnh chính mình đoạn trừ tâm kiêu mạn buông lung, ở nơi rừng vắng, chuyên tinh tu tập, tự thân tác chứng, đạt được Ba minh. (38) Nhóm kinh về thiên tử và thiên nữ (Chư thiên tương ưng)80 gồm các kinh 576-603, 995-1022, 1267-1318. Các VỊ thiên tử thỉnh vấn

77 Quyển "Hôi biên"()đặt nhóm kinh về tu sĩ ngoại đạo Bà-sa trong chương 7, nhóm kinh 46. 78 Quyển ^Hội biên"()đặt nhóm kinh về tu sĩ ngoại đạo xuất gia trong chương 7, nhóm kinh 47. 79 Quyển "Hội biên"()đặt nhóm kinh về Bà-kỳ-xá trong chương 5, nhóm kinh 24. 80 Quyển "Hội biên"()đặt nhóm kinh về thiên tử và thiên nữ trong chương 5, nhóm kinh 25.



và được đức Phật dạy về: (i) Sự tu tập thanh tịnh ở nơi a-lan-nhã, cách tu tập tăng trưởng công dức, cách chế ngự tâm kiêu mạn, nhiếp phục các giác tưởng, các loại phước bô thí, các loại thiện tri thức, hữu dư và vô dư; (ii) Quy luật vô thường, mạng người ngắn ngủi, già bệnh chết luôn đang bức bách, chúng sanh nương vào nghiệp đến đi trong vòng sanh tử; (iii) Triết lý thức và ngủ, đoạn trừ các pháp bất thiện, trì giới thanh tịnh, tâm không đắm nhiễm, chánh niệm tỉnh thức để được tái sanh vào cảnh giới lành, các cõi trời và tu tập thiện pháp, tiến hóa dần, đạt đến quả vị Thánh, thoát vòng sanh tử; (iv) Tấm gương các vị thiên tử Thủ, Vô Phiền, cấp Cô Độc, V.V.. lúc còn ở thế gian đã có niềm tin Tam bảo, bố thí cúng dường, giữ giới, biết đủ, hành các hạnh lành. (39) Nhóm kỉnh về bệnh (? Bệnh tương ưng)81 gồm các kinh 1023- 1038, 1265-1266, dạy về các tình huống: (i) Các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni và cư sĩ đang bi bệnh nặng, hấp hối được đức Phật đến bên giường bệnh hướng dẫn thực tập "pháp vô ngã5\ từ bỏ mọi chấp thủ về thái độ "tôi là", "đây là sở hữu của t6i”"dây là tự ngã của tôf\ nên vượt qua được sự đau nhức trên thân; nếu người ra đi sẽ được nhẹ nhàng, nhanh chóng tái sanh vào cảnh giới an lành; (ii) Các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni và Phật tử tại gia nhờ thực tập "pháp vô ng*', vượt qua đau đớn trên thân, thậm chí chứng đắc quả Thánh. (40) Nhóm kinh về nghiệp báo (7 Nghiệp báo tương img)82 gồm các kinh 1039-1061, được đức Phật phân tích về các loại hành vi, nhân quả với 3 chiều thời gian, cách vượt qua nghiệp bất thiện, gieo trồng các hạt giống lành, cách chuyển nghiệp để sống hạnh phúc. (41) Nhóm kinh về Tỳ-kheo (‚Tỳ-kheo tương ưng)83 gồm các kinh

1062-1083, nói về các thành phần xã hội giác ngộ chân lý Phật, phát tâm xuất gia, trở thành Tăng sĩ Phật giáo, sinh hoạt thường nhật và cách thức tu tập Phạm hạnh thanh cao, sống hòa hợp trong Tăng đoàn, giáo hóa mọi người vượt qua khổ đau. (42) Nhóm kỉnh về Ma Ba-tuần (2 Ma tương ưng)84 gồm các kinh 1084-1103, nói về: (i) Ma Ba-tuần thường biến hiện khuấy động, nhiễu loạn đức Phật và các Tỳ-kheo, gây khó khăn chướng ngại để các Tỳ-kheo sợ hãi, chán nản, thoái chí tu tập, nhưng Ma vương đều bị thất bại; (ii) Đức Phật dạy về năm thủ uẩn, sáu xúc nhập xứ, sự tập khởi và sự diệt tận của chúng đe các Tỳ-kheo nhận diện, tu tập, vượt qua các nội ma phiền não và tâm lý tiêu cực, chứng đắc quả Thánh hiện đời.

81 Quyển ^Hội biên"()đặt nhóm kinh về bệnh trong chương 7, nhóm kinh 50. 82 Quyển "Hội biêr^ ()đặt nhóm kinh về nghiệp báo trong chương 7, nhóm kinh 51. 83 Quyển ^Hội bỉêrf'()đặt nhóm kinh về Tỳ-kheo trong chương 5, nhóm kinh 17. 84 Quyển ^Hội biên"()đặt nhóm kinh về Ma Ba-tuần trong chương 5, nhóm kinh 18.

xe KINH TẠPA-HÀM

(43) Nhóm kỉnh về Đế-thích (Đế-thích tương ưng)8586 gồm các kinh 1104-1120,1222-1225, dạy về: (i) Hành trì bảy giới cấm được sanh lên cõi trời Đế-thích? đó là phụng dưỡng cha mẹ9 phụng dưỡng các bậc tôn trưởng, lời nói ôn hòa nhu nhuyến, không nói lời thô ác chia rẽ5 luôn nói lời chân thật, tâm không bon xẻn, thường hành bố thí cúng dường bình đẳng với tất cả; (ii) Đức Phật khen ngợi Thích-đề-hoàn-nhân thường hành nhẫn nhục, tán thán người thực hành nhẫn nhục, không sân hận, không tranh dấu, không dùng lời thô ác, biết tự phòng hộ, nội tâm thường phản tỉnh. (44) Nhóm kinh về những người họ Thích (Sát-lợi tương ưng)8 gồm các kinh 1121-1123.87 Đức Phật dạy về lợi ích của giữ giới và khuyến khích những người dòng họ Thích thực hành tám trai giới, tùy sức bố thí, tu tập các công đức; dạy cho Thích Nan-đề pháp thăm bệnh; dạy cho Thích Bồ-đề hạnh phúc lớn nhất chính là thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Phật, Pháp, Tăng. (45) Nhóm kỉnh về Vua Ba-tư-nặc (Ba-tư-nặc tương ưng) gồm các kinh 1145-1150, 1226-1240. Đức Phật dạy cho nhà vua về các việc: (i) Gieo vào các ruộng phước tối thượng chính là cúng dường cho các vị Sa- môn5 Bà-la-môn đã đoạn trừ hoàn toàn tham dục, sân hận, thụy miên, trạo hối và nghi; (ii) Giáo pháp của Thế Tôn thiết thực hiện tại, lìa mọi nóng bức, vượt không gian và thời gian, dẫn đen Niết-bàn; (iii) Bon hạng người trong đời gom hạng người từ bóng toi vào bóng toi, từ bóng toi ra ánh sáng, từ ánh sáng vào bóng tối, từ ánh sáng ra ánh sáng; bốn việc không nên xem thường là vương tử Sát-lợi nhỏ tuổi, răn nhỏ, đôm lửa nhỏ và vị Tỳ-kheo nhỏ tuôi; (iii) Phật dạy cho nhà vua cách trị nước bằng Chánh pháp, cách tiết độ trong ăn uống, ý thức rõ sự vô thường của các pháp, yêu quý chính mình bằng cách giữ gìn thân miệng ý thanh tinh, cách cúng tế chân chánh, tất cả mang lại lợi ích cho tự thân và tha nhân. (46) Nhóm kinh về Bà-la-môn (Bà-la-môn tương ưng)88 gồm các kinh 88-102, 1151-1163, 1178-1187.89 Đức Phật dạy cho các Bàĩa- môn uất-da-la, Ưu-ba-ca? uất-xà-ca, Kiêu Mạn, về: (i) Hiếu dưỡng với cha mẹ, giúp cha mẹ lìa khô được vui; (ii) Các cách hiên tê đúng pháp mang lại lợi ích cho mình và cho người; (iii) Bốn pháp giúp người tại gia an ổn,

hạnh phúc trong cuộc sống hiện tại, đó là đầy đủ sự siêng năng, phòng hộ, bạn lành và biết

85 Quyển "Hôi bn” ()đặt nhóm kinh về Đế-thích trong chương 5, nhóm kinh 19. 86 Quyển ^Hội b"'()đặt nhóm kinh về những người họ Thích trong chương 5, nhóm kinh 20. 87 Các kinh 1124-ỊÍ35 thuộc nhóm kinh về niềm tin vững chãi. Các kinh 1136-Í144 thuộc nhóm kinh về ngài Đại Ca-diếp. J 88 Quyển ^Hội bi4n"()đặt nhóm kinh về Bà-la-môn trong chương 5, nhóm kinh 2l. 89 Các kinh 1164-Í165 thuộc nhóm kinh về sáu giác quan. Các kinh 1166-Í177 thuộc nhóm kinh về thí dụ.



thăng bằng trong sinh hoạt; (iv) Công đức bố thí, trì giới, các pháp thanh tịnh, sanh thiên, giảng sâu về vị ngọt, sự tai hại, sự xuất ly của các dục, khai thi bốn chân lý Thánh để hành giả bước lên con đường tu tập, đạt được tâm giải thoát hoàn toàn. (47) Nhóm kỉnh về Phạm thiên (,Phạm thiên tương ưng)90 gồm các kinh 1188-1197, nói về: (i) Khi vừa thành đạo chưa bao lâu, đức Phật quán chiếu ai trong chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn5 Bà-la-môn9 thiên thần hay người thế gian có đầy đủ giới dức, thiền đinh, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến hơn Ngài đe Ngài cung kính, tôn trọng, phụng sự? cúng dường và sông nương tựa. Ngài nhận ra răng chỉ có Chánh pháp giúp Ngài tư giác ngộ, thành tựu giác ngộ hoàn toàn, nên Ngài cung kính, tôn trọng, phụng SỊT, cúng dường và sống nương tựa vào Chánh pháp; (ii) Ngài nhận ra con đường trực tiếp, tinh hóa chúng sanh, thoát mọi lo buồn, diệt trừ khổ não, chứng ngộ Niết- bàn, đó là bốn niệm xứ; (iii) Phạm thiên vương và các vi Phạm thiên được Phật giáo hóa. (48) Nhóm kỉnh về Tỳ-kheo-ni (,Tỳ-kheo-ni tương ưng)9192 gồm các kinh ] 198-1207,92 thuật lại việc Ma Ba-tuần hóa hiện nhiều thân làm nhiễu loạn thiền đinh của chư vị Tỳ-kheo-ni: A-lạp-tỳ, Tô-ma, Cát-ly-xá Cù- dàm-di, Liên Hoa sắc, Thi-la, Ty-la, Tỳ-xà-da? Gia-la, Ưu-ba-giá-la, Thi-lợi- sa-giá-la. Thê nhưng, Ma Ba-tuân hoàn toàn thát bại vì đã bị các vị Thánh Ni nhận ra ác tâm của Ma ngay từ lúc bắt đầu. (49) Nhóm kỉnh về thí dụ (Thí dụ tương ưng)9394 gồm các kinh 1166-1177, 1246-1264,94 do đức Phật giảng về nhiều ẩn dụ triết học, nhằm giúp người tu học vượt qua thói phàm, tu tập tỉnh thức, sống hạnh phúc giữa đời. Các ẩn dụ nổi bật gồm ẩn dụ chăn bò, ẩn dụ nước mưa, ẩn dụ gia đình trai ít gái nhiều, ẩn dụ luyện kim, ẩn dụ dao nhọn, ẩn dụ đất trên đầu móng tay, ẩn dụ người bắn cung, ẩn dụ trống a-năng-ha, ẩn dụ mèo chồn. (50) Nhóm kỉnh về dạ-xoa (,Dạ-xoa tương ưng)95 gồm các kinh 1319-1330, dạy về: (i) Cách bố tìií không tiếc nuối, đại hội hiến tế; (ii) Không oán hận giữa chiến thắng và thất bại; (iii) Không buông thả, hạnh được yêu mến, hạnh cung kính, phước sanh cõi trời; (iv) Cách bảo vệ Tổ quốc và hộ trì thế gian.

90 Quyển ^Hội biên9'()đặt nhóm kinh về Phạm thiên trong chương 5, nhóm kinh 22. 91 Quyển "Hội biên"()đặt nhóm kinh về Tỳ-kheo-ni trong chương 5, nhóm kinh 23. 92 Các kinh 1208-1221 thuộc nhóm kinh về Bà-kỳ-xá. Các kinh 1222-1225 thuộc nhóm kinh về Đế-thích. Các kinh 1226-1240 thuộc nhóm kinh về Vua Ba-tư-nặc. Các kinh 1241-1245 thuộc nhóm kinh nhiêu chủ đề. 93 Quyển ^Hội biên"()đặt nhóm kinh về thí dụ trong chương 7, nhóm kinh 49. 94 Các kinh 1265-1266 thuộc nhóm kinh về bệnh.

Các kinh 1267-1318 thuộc nhóm kinh về thiên tử và thiên nữ. 95 Quyển ^Hội biên"()đặt nhóm kinh về dạ-xoa ương chương 5, nhóm kinh 26.

xcii KINH TẠPA-HÀM _____

(51) Nhóm kinh về rừng (Lâm tương ưng)96 gồm các kinh 1331-1362, dạy về: (i) Các vi thần ở trong rừng nhắc nhở hộ trì chư Tỳ-kheo chuyên tinh tu tập, điều phục tham dục, không ham mê ngủ nghỉ, đoạn trừ tưởng bất thiện, an trú thiền tập, siêng năng tụng lời Phật dạy, giới hạnh đoan chánh, giữ gìn oai nghi tế hạnh, không gần người thế, không dao động trước những lời khen chê, thường hành tứ y pháp; (ii) Chư Tỳ-kheo được sự nhắc nhở của các thiện thần biết tàm quý, nỗ lực tu tập, vượt qua mọi phiền não, đạt được giải thoát, chứng đắc quả vị A-la-hán. Kết luận về nội dung, ngoài những chủ đề về đức Phật lịch sử, vai trò Đạo sư của đức Phật và các học thuyết quan trọng trong triết học Phật giáo, Kỉnh Tạp A-hàm là nguồn dữ liệu phong phú về những lời dạy nguyên thủy của đức Phật. Với những bài kinh ngắn gọn thuộc nhiều nhóm chủ đề khác nhau và mang tính giáo huấn cao, Kinh Tạp A-hàm đóng vai trò quan trọng trong việc nghiên cứu nền tảng Phật học, giúp hành giả nắm bắt được những lời dạy cốt lối của đức Phật trong suốt 45 năm truyền bá chân lý. Chung quy lại, Kỉnh Tạp A-hàm chú trọng bốn lĩnh vực sau: (i) Lời dạy về các chủ đề: Năm tổ hợp, sáu giác quan, sáu đối tượng, sáu nhận thức, các cảnh giới sống, pháp an vui trong hiện đời, đời sau và chứng đắc Niết-bàn9 v.v... (ii) Pháp tu căn bản: Dùng bốn chân lý Thánh để giải quyết khổ đau. Áp dụng thuyết tương quan vũ trụ, thuyết 12 mắc xích sự sống con người để thấy sự tương quan vô tận trong cuộc sống, ứng dụng quán vô ngã để không khổ đau trong vô thường. (iii) Thực hành: Thực hành theo niềm tin, thực hành theo Chánh pháp, bao gồm 37 yếu tố giác ngộ, tu tập trọn vẹn trí tuệ, đạo đức, thiền định để vượt qua kho đau. (iv) Quả vị chứng đắc: Đi từ chân nhân đến tiệm cận Thánh nhân, bốn quả vị Thánh Thanh văn và quả vị Phật, giác ngộ, giải thoát, kết thúc luân hồi.

Chùa Giác Ngô, ngày 20-8-2022 TT.TS. THÍCH NHẬT TỪ (Đồng Tổng Biên tập Tam tạng Thánh điển PGVN)

96 Quyển ^Hội biên"()đặt nhóm kinh về rừng trong chương 5, nhóm kinh 27.

KHÁI QUÁT KINH TẠPA-HÀM Theo Xuất Tam tạng kỷ tập,12Kỉnh Tạp A-hàm do ngài cầu-na- bạt-đà-la S. Gunabhadra,,Công Đức Hiền,,dịch từ Phạn sang Hán tại chùa Kỳ Hoàn 2 vào niên hiệu Nguyên Gia năm thứ 12 năm 435, đời Vua Lưu Tống Văn Đe ,407-453.34Tác phẩm Cao Tăng truyệrủ và Phật Tổ thống kỷ5678*cũng xác nhận sự tương đồng về sự kiện và niên đại. Theo những nguồn tư liệu vừa dẫn thì ngài cầu-na-bạt-đà-la sinh ra và lớn lên trong truyền thống Bà-la-môn ở miền Trung Ấn Độ. Nhân đọc tác phẩm Tạp A-tỳ-đàm tâm 6 nên ngài tỏ ngộ và đã xả tục xuất gia, thọ Cụ túc giới rồi từng bước bác thông Tam tạng. Vì tu tập theo giáo nghĩa Đại thừa nên được người đời tôn xưng là Ma-ha-diễn .7 ở Ấn Độ, ngài vân du giáo hóa nhiều nơi rồi đến Tích Lan. Từ dây, ngài theo đường biển đến Quảng Châu l, Trung Quốc, được Lưu Tống Thái Tổ sai sứ nghinh tiếp và cung cử các vị danh Tăng như Tuệ Nghiêm ,Tuệ Quá',biệt đãi ở Tân Đình ,8

sau đó thỉnh ngài an trú ở chùa Kỳ Hoàn. Bấy giờ, bên cạnh lòng nhiệt thành kính ngưỡng của Lưu Tống Văn Đe, ngài cầu-na-bạt-đà-la còn được các hoàng thân nhà Lưu Tống như Lưu Nghĩa Khang ,409-451, Nam Tiều Vương Lưu Nghĩa Tuyâi tt,415-454 kính ngưỡng và sùng trọng. Đặc biệt, Nam Tiều Vương Lưu Nghĩa Tuyên sau khi nhận chức Thứ sử ở Kinh Châu đã thỉnh riêng ngài về đây và cầu thỉnh ngài dịch nhiều bộ

1 Xuất Tam tạng kỷ tập T.55. 2145.14. o 105b 18. 2 Tuy nhiên, theo Phí Trường Phòng trong Lịch đại Tam bảo kỷ thì ngài cầu-na-bạt-đà-la dịch Kinh Tạp Ả-hàm\^i chùa ]^õa Quan .Ban kinh này do ngài Pháp Hiển mang về. Xem Lịch đại Tanỉbảo kỷ T.49. 2034.10. 0091a24. 3 Lưu Tống Văn Đe ,407-453, huy là Lưu Nghĩa Long ,Miếu hiệu là Thái TỔ ,nên gọi la Lưu Tống Thái Tổ . 4 Cao Tăng truyện T.50. 2059.3. 0344a05. 5 Phật TỒ thống kỷ r.49. 2035.36. 0345a25. 6 Cao Tăng truyện chép nhầm là Ạ-tỳ-đàm tạp tâm ,đúng ra là Tạp A-tỳ-đàm tầm  r.28. 1552 gồm có 11 quyển. Tác phàm này do Tôn giả Pháp Cứu tạo. 7 Ma-ha-dienlà phiên âm của từ Mahāyāna, n^iĩa là Đại thừa .Thẹo Nhất thiết kỉnh âm nghĩa r54. 2128.21 0440a12, Ma-ha-dien gọi đẩyđủ là Ma-ha-dien-na. Ma-ha, Trung Hoa dịch là Đại; Dien-na dịch là thừa 2. 8 Tân Đình ,tên gọi một ngôi dinh thự của triều đình dùng tiếp đón các danh sĩ ở kinh đô; thời TamQyoc gọi là Lâm Thương Quán .Vào giữa niên hiệu Long An ,thời Tân An Đê ,nơi đây được tổ chúc trùng tu lại va gọi là Tân Đình.



kinh như Vô ưu Vương ,Quá khứ hiện tại nhân quả , Vô Lượng ,Nê-hoàn Ương-quật-ma-la ...hơn 100 quyển.9 Điều đáng chú ý và mang tính thần dị là, khi được Lưu Nghĩa Tuyên cung thỉnh giảng Kỉnh Hoa Nghiêm, ngài cầu-na-bạt-đà-la đã từ choi vì cho rang mình chưa am tường Hán ngữ. Trong một giấc mộng, ngài được thần nhân thay đầu ngài bằng một đầu người khác và kể từ đó Phạn  Hán ngài rất làu thông.10 Những cứ liệu lịch sử và cả sự thân di đó cũng đông thời cho thây Kinh Tạp A-hàm được ngài dịch trước nhất, khi vừa mới đến kinh đô Kiến Khang . Trên thực tế lịch sử, ngài cầu-na-bạt-đà-la được hai vị cao đồ của ngài La-thập là Tuệ Nghiêm và Tuệ Quán11* tiếp đãi, và từ câu chuyện ngài được thần 13 nhân thay đầu lúc ở Kinh Châu, nên kể từ đó vốn Hán ngữ của ngài thêm tinh thông. Điều này đã góp thêm những bằng chứng cho thấy rằng khi truyền dịch Kinh Tạp A-hàm. ngài cầu-na-bạt-đà-la chưa am tường Hán ngữ. Đó là một trong những cơ sở quan trọng nhằm lý giải vì sao trong Kinh Tạp A-hàm có những cấu trúc từ ngữ rất dị biệt, tối nghĩa, khó hiểu, nếu như không được soi sáng từ các nguồn kinh điển tham chiếu tương đương. Cả ba nguồn tư liệu khả tín gồm Xuất Tam tạng kỷ tập^1 Cao Tăng truyện^ Lịch đại Tam bảo kỷì4 đều ghi nhận rằng, trong dịch trường Kỉnh Tạp A-hàm của ngài cầu-na-bạt-đà-la có ngài Thích Bảo Vân 376-449 là người truyền dịch từ Phạn sang Hán, ngài Tuệ Quán ghi chép. Điều đáng chú ý là trong Khai Nguyên Thích giảo lục, ngài Trí Thăng còn chú thích thêm rang, Kinh Tạp A-hàm được hợp

dịch15 nhưng không nói rõ hợp dịch với ai. Trong bối cảnh vừa mới sang Trung Hoa truyền đạo khoảng một năm nên ngài Câu-na-bạt-đà-la có khả năng chỉ đóng vai trò là người tuyên dịch như là một Kinh sư.16 Đây là một trong những cơ sở góp phần khẳng định ngài Bảo Vân có thể là người giữ vai trò quan trọng trong việc phiên dịch Kinh Tạp A-hàm từ Phạn sang Hán. Từ thực tế đã từng đi chiêm bái các Thánh tích cùnệ thời với ngài Pháp Hiên17 và đã ở lại Án Độ cầu học kinh pháp nhiều năm, the nên ngài Thích Bảo

9 Xuất Tam tạng ký tập(755 2145.14. o 105c 18) ghi:
T.
Xuất Tam tạng kỷ tập (T.55. 2145.14. 0105c26).
è4,,,•
n Xuất Tam tạng kỷ tập T.55. 2145.14. 0105Ồ18. 13 Cao Tăng truyện 50. 2059.3. 0344a05. 14 Lịch đại Tam bảo kỷ T.49. 2034.10. 0092al4. Khai Nguyên Thích giảo lục 7.55. 2154.13. 0610c21 ghi: ứS.
16Kinh su ,Bhānak0\N\ tu sīPhātgiao chuyên về việc học thuộc lòng và trì tụng kinh điển. Xem Xả-Ịợi-phât A-tỳ-đàm luận r.28. 1548.1.0525b08; Nam Hải kỷ quy nôi pháp truyện ..51.T 17 Cao Tăng Pháp Hiển truyện 7.51. 2085. 0857al2.



Vân tinh thông cả Phạn và Hán,18 đã trực tiếp phiên dịch hoặc trợ giúp việc phiên dịch cho nhiều bậc cao Tăng. Theo thống kê của ngài Trí Thăng trong Khai Nguyên Thích giảo lục, dịch phàm kinh điên của riêng ngài Bảo Vân bao gồm 4 bộ? 117 quyển.19 Tuy nhiên, với một số triết lý cao thâm như tánh không, vi trần..., ngài Bảo Vân vẫn còn vài chỗ chưa the giãi bày hết ý nghĩa. Chính vì vậy mà ngài Bảo Vân đã đôi lần tham vấn thầy của mình là ngài Phật- đà-bạt-đà-la ,359-429 để giải nghi.2021 Với những cứ liệu nêu trên cho thây, trong quá trình phiên dịch Kinh Tạp A-hàm. ngài cầu-na-bạt-đà-la chưa hoàn toàn thông thạo chữ Hán và người trợ phiên là ngài Thích Bảo Vân cũng có những giới hạn nhất định về nội điển, nhất là những tư tưởng thâm áo trong giáo nghĩa Đại thừa và cả những quan điểm triết học của các triết phái Ấn Độ thời cổ đại. Đây là những lý do khiến cho bản dịch tiếng Hán Kinh Tạp A-hàm tồn tại những cú ngữ hàm súc, những kết cấu đặc dị như: đoạn đoạn ,chân thuyết ,chánh tận kh6 ,pháp trụ pháp giới ,mạn vô gián đẳng ,bát đại sĩ địa ,đoạn ngũ chi, thành lục chi, thủ hộ nhất, y tứ chủng, khí xả chư đế ...Trong bản dịch tiếng Việt Kinh Tạp A-hàm do Trung tâm Dịch thuật Trí Tịnh phiên dịch, phần lớn những cú ngữ nêu trên đã được lý giải sau khi tham chiếu những bản kinh, luận tương đương ở kinh văn Pali và cả trong Hán tạng. về phương diện tiêu đề? khi lý giải về chữ "tạp"trong Kinh Tạp A-hàm thì xưa nay có nhiều quan điểm không thống nhất. Trong số những quan điểm dị biệt liên quan đen vấn đe này có the quy vào hai xu hướng. Thứ nhất, chữ “tạp”ở đây mang nghĩa là phồn tạp, lẫn lộn bộ loại, không có trật tự. Đại diện cho quan diêm này xuất hiện trong bộ luận giải vê bốn phẩm đầu của Kinh Tăng nhất A-hàm. gọi là

Luận Phân biệt công đức. Luận ghi: "Tqp nghĩa là các kinh rời rạc, khó tụng khó nhớ, nhiều việc phức tạp, khiến người dễ quên, nên gọi là Tạp vậy'm Có the bi ảnh hưởng bởi quan điểm này nên ngài Trí Thăng trong Khai Nguyên Thích giáo lục cũng giải thích tương tự: "Bộ kinh [Tạp A-hàm] này, toàn là nói những việc phức tạp, vì các phẩm không theo thứ tự, các bài tụng,., cũng khác biệty22 Quan điếm của ngài Trí Thăng trong Khai Nguyên Thích giảo lục cũng là cơ sở đe ngài Hoằng Tán vận dụng trong tác phẩm Tứ phần luật danh nghĩa tiêu thích.23

ỈSXuất Tam tạng kỷ tập T.55. 2145.Í5. 0ll3a06. Nguyên tác:. 19 Xt Tam tạng ký tạp T.55. 2154.5. 0525c04. 20 Cao Tăng truyện 150. 2059.2. 0334b27. 21 Phân biệt công đức luậnr25. 1507.1. 0032a20 ghi: . 22 Khai Nguyên Thích giáo lục 55. 2154.13. 0610c22 ghi:.. . 23 Tứ phần luật danh nghĩa tiêu thích X44. 0744. 37. 0683al3.



Thứ hai, theo ngài Ấn Thuận trong Tạp A-hàm kỉnh luận hội biên, chữ “tap”trong văn tự Trung Hoa không nhất thiết chỉ mang nghĩa tạp loạn,2425 vì có nhiều nguồn thư tịch khả tín đã minh chứng cho quan điểm này. Chữ "tạp"ở đây còn mang nghĩa là khế hợp với nhau,25 như Luật Ma-ha Tăng-kỳ đã ghi rõ: “Những bài kỉnh và kệ tụng khe hợp với nhau gom lại thành Tạp A-hàmf gọi là khê hợp vê Căn, khê hợp vê Lực, khê hợp về Giác chi, khế hợp về Thánh đạo, những việc khế hợp như vậy được gọi là Tạp."2627 * Tương tự? Luận Du-già sư địa giải thích rõ ràng hơn: "Tất cả kinh điển có giáo nghĩa giống nhau, liên hệ chặt chẽ với nhau,21 tập hợp thành từng nhóm nên gọi là Tạp A-cấp-may2^ Khảo sát vê nội dung Kỉnh Tạp A-hàm, có thê thây răng cả hai quan diêm nêu trên đều có mặt trong nội dung kinh, tuy nhiên quan điểm thứ hai mang tính phổ biến hơn cả. Nghĩa là, Tạp A-hàm là một bộ kinh mà có những bài kinh, những sự kiện, những chủ đề giống nhau được kết tập vào thành từng nhóm, đó là đặc thù chủ yếu của tên gọi Tạp A-hàm. về phương diện tên gọi, cấu trúc và đặc thù tư tưởng của Kỉnh Tạp A-hàm, ở đây, nhiều nhà nghiên cứu Phật học có thẩm quyền như học giả Lữ Trừng , Pháp sư Ấn Thuận El...đã đưa ra những nhận định, những đề xuất nhưng chỉ dừng lại ở phương diện gợi mở. Xét về phương diện tên gọi, với những bằng chứng ròi rạc được lưu lại trong Kinh Tạp A-hàm đã cho thấy, ngay từ ban đầu5 mỗi kinh trong Tạp A-hàm được định danh với những tên gọi khác nhau, xuất hiện trong những bài kệ tóm tắt, gọi là "Nhiếp tụng." Theo khảo sát, toàn bộ Kinh Tạp A-hàm hiện chỉ còn 15 bài Nhiếp tụng. Trong quyển thứ nhất có 4 bài Nhiếp tụng nằm ở cuối kinh số 7, kinh số 14, kinh số 24 và kinh số 29. Trong quyển thứ hai, có 4 bài Nhiếp tụng nằm ở cuối kinh 36, kinh số 46, kinh số 56 và kinh số 58. Trong quyển thứ ba, có 4 bài Nhiếp tụng nằm ở cuối kinh số 64, kinh số 68, kinh số 7l và kinh số 8l. Trong quyển thứ năm chỉ có l bài Nhiếp tụng nằm ở cuối kinh số no. Trong quyển thứ mười có 2 bài Nhiếp tụng nằm ở cuối kinh số 262 và kinh số 272. Tính bình quân, mỗi bài Nhiếp tụng bao hàm khoảng lo kinh thì với số lượng 15 bài Nhiếp tụng còn lại đã xác định khoảng 150 tựa đề kinh trên tổng số l .362 bài

24 TapA-ham kỉnh luận hội biên y.30. OI. b006a07 ghi: .
25 Tạp mang nghĩa tổ hợp, phối hợp . Ma-ha Tang-ky luậtr.22. 1425.32.
049ÍCÍ6 ghi: , ., 2 27 Nguyên tác: Gian xí 3
dùng như "nhàn xí”chí dio sự liên hệ chặt chẽ, quyện chặt, khắn khít. Tham chiêu tác phàm cô văn Ne ỉoại tụ quyển 76, thời nhà Đường: Cây cối rậm rạp, ngào ngạt muôn hương . 2\Du-già sưđịiluậnT.30. 1579.85.
0772c09 ghi:



Kinh Tạp A-hàm, Đây cũng là cơ sở lý luận trọng yếu để Trung tâm Dịch thuật Trí Tinh căn cứ vào nội dung kinh đặt lại tựa đề cho toàn bộ Kỉnh Tạp A-hàm, bên cạnh hình thức đánh số thứ tự như xưa nay. Vê phương diện câu trúc, căn cứ vào bài tựa Trường A-hàm của ngài Thích Tăng Triệu ,Kinh Tạp A-hàm gồm có 4 phần, 10 tụng.29*31 Theo ngài Ấn Thuận trong Tạp A-hàm kỉnh luận hội biên, “tqng"ở đây chính là tên gọi khác của "thiên”.3Nếu y cứ vào quan điểm này, cấu trúc của Kỉnh Tạp A-hàm rất đặc biệt, vì nếu như Kinh Tương ưng bộ chỉ phân ra 5 thiên thì Tạp A-hàm được phân ra đến 10 thiên =.Mặc dù dấu vết về sự phân chia này trong Kinh Tạp A-hàm hiện không còn đầy đủ, nhưng với một vài chương mục còn sót lại đã góp phần chứng tỏ điều này. Đó là, ở đầu quyển 16, xuất hiện cụm từ Tạp nhân tụng đệ tam phẩm chi tứ p, nghĩa là, phần thứ tư của phẩm thứ ba, thuộc Tạp nhân tụng .Ke tiếp, ở đầu quyển 17, xuất hiện cụm từ Tạp nhân tụng đệ tam phẩm chỉ ngũ X, nghĩa là, phần thứ năm của phẩm thứ ba, thuộc Tạp nhân tụng. Ke tiếp, đến đầu quyển 18, xuất hiện cụm từ Đệ tử sở thuyết tụng đệ tứ phẩm ,nghĩa là, phẩm thứ tư, thuộc Đệ tử sở thuyết tụng. Đặc biệt, đầu quyển 24, xuất hiện cụm từ Đệ ngũ tụng đạo phẩm đệ nhất ,nghĩa là, phần thứ nhất của phẩm Bạo, thuộc Đệ ngũ tụng. Mặc dù hình thái, cấu trúc của Kinh Tạp A-hàm chỉ còn lưu lại vài cụm từ như trên, nhimg qua sự sắp xếp mang tính tương liên, thứ lớp của Tạp nhân tụng và đặc biệt là sự xuất hiện của Đệ ngũ tụng nằm ở phần giữa của bộ Kinh Tạp A-hàm. tức là quyển 24 trong 50 quyển, đã góp thêm bằng chứng cho thây răng, quan diêm Tạp A-hàm có 10 tụng của ngài Tăng Triệu là có cơ sở. Bên cạnh đó5 nếu như các bài kinh liên quan đến chư thiên, dạ-xoa... nằm ở thiên thứ nhất thuộc Kỉnh Tương ưng bộ thì ở Kỉnh Tạp A-hàm các bài kinh này nằm ở quyển gần cuối. Sau khi đối khảo bài kinh thuộc Thiên phẩm được nêu dẫn trong Đại trí độ ỉuậ^ cho thấy rằng, bài kinh đó mang số 1.323 thuộc quyển 49 của Kinh Tạp A-hàm. Truyền bản Kỉnh Tạp A-hàm hiện được bảo tồn trong Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh nằm trong tập thứ hai mang số hiệu 0099 gồm 50 quyển với 1.362 bài kinh. Dựa trên Tạp A-hàm kỉnh luận hội biên của ngài Ản Thuận và từ thực tế khảo cửu của chúng tôi cho thấy rằng, có 3 kinh khá dài trong Kỉnh Tạp A-hàm. đó là kinh 604, 640 và 641; 3 kinh này cũng xuất hiện trong tác phẩm Thiên

29 Trường Ạ-hàm kinh roi. 0001.1. OOOlalO. Nguyên tác:.Có quan điểm cho rằng tụng ở đây chỉ cho ngày tụng. ^TạpA-hàm kinh luận hội biên ĩíK30. 01. b045a01. Nguyên tác: . 31 Đại trí độ luận 7L25. 1509.10.

thí dụ (JJivyāvadāna)?2 Những nêu dẫn trong bản kinh lục xưa nhất hiện còn như tác phẩm Xuất Tam tạng kỷ tập vẫn chưa thể xác đinh chính xác nguyên tác Kinh Tạp A-hàm đã có sẵn 2 bản kinh vừa nêu hay do ngài cầu-na-bạt-đà-la thêm vào. Tuy nhiên, trong 4 bộ A-hàm thỉnh thoảng cũng xuất hiện những câu chuyện sinh động và chúng đồng thời cũng có mặt trong Thiên thí dụ?3 Những bằng chứng liên quan đến trật tự, cấu trúc, hình thái tổ chức, số lượng các Kỉnh Tạp A-hàm hiện còn đến hôm nay, đã góp thêm nhiều bằng chứng cho thấy rằng bản Kinh Tạp A-hàm do ngài cầu-na-bạt-đà-la truyền dịch không phải là truyền bản do ngài Pháp Hiển mang về từ Tích Lan như Phí Trường Phòng đã 34 Có lẽ do vậy nên ngài Tăng Hựu (, ghi chép trong Lịch đại Tam bảo ký.32 33 445-518) trong Xuất Tam tạng kỷ tập cũng như ngài Tuệ Kiểu ()trong Cao Tăng truyện không găn két sự liên quan giữa hai truyên bản này. Như vậy, Kinh Tạp A-hàm do ngài cầu-na-bạt-đà-la dịch là một truyền bản độc lập, không phải là bản dịch từ nguyên tác Pãli của Kinh Tương ưng bộ có nguồn cội từ Tích Lan. Các bằng chứng về hình thái tổ chức, cấu trúc của bản kinh đã khăng định điêu này. Không những vậy, xét vê phương diện nội dung và tư tưởng, Kỉnh Tạp A-hàm có nhiều quan điểm kỳ đặc so với bản Kinh Tương ưng bộ được xem là bộ kinh tương đương. Vê phương diện tư tưởng và những diêm đặc thù, Kinh Tạp A-hàm chuyên chở nhiều dấu ấn của các bộ phái Phật giáo quan trọng. Khách quan hơn, có thể nói răng, các bộ phái Phật giáo đã tách riêng những quan diêm trong Kỉnh Tạp A-hàm và sử dụng chúng như là cơ sở lý luận của riêng tông phái mình. Đơn cử như kinh số 320 đã ghi nhận quan điểm chủ đạo của Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ (Sarvãstivãda,)qua đoạn đối đáp giữa đức Phật và Bà-la-môn

32 Theo chú thích của Đại Chảnh tân tu Đại tạng kinh và khảo cứu của người viết, kinh 604 vốn là quyển 26 và 27; kinh 640 và 641 thuộc quyển 29 của tác phẩm Thiên thỉ dụ (Divyāvadāna). Tham chiếu: Cowell, E. B. and R. A. Neil (ed.), The Divyāvadāna: A Collection of Early Buddhist Legends Now First Edited from the Nepalese Sanskrit Manuscripts in Cambridge and Paris (Cambridge: Cambridge University Press, 1886). 33 Không phải chỉ xuất hiện trong Kinh Tạp A-hàm, nhiều câu chuyện trong Thiên thỉ dụ (Divyãvadãnà) còn xuật hiện trong 4 bộ A-hàm như Kinh tứ châu (7.02. 0026.17. 0494b 10) tương đương môt phần chuyện sô 17: Mãndhãtã Avadãna; một Kinh Tăng nhất A-hàm (7.02. 0125.11. OóOlalO) có tương đương chuyệnsố 35: Cũdãpaksa Avadãna. Theo tác giả Keith, A. B (A History of Sanskrit Literature, tr. 15)rửiì Thiên thí dụ Ipịvyãvadãnà) là tác phẩm văn học Sanskrit có niên đại hình thành vào khoảng the kỷ thứ hai. Thực tế khảo cứu của chúng tôi còn phát hiện ra rằng, tên gọi Bốn bộ A-ham (Āgamā Catushtayani) và cả tên kinh Trường A-harn (Dīrghagamā), Trung A-ham (Madhyamāgamd)^ Tang nhất A-hàm (Evaikottarikām/ Ekottarikāgama)... cung xuất hiện trong tác phàm này (Cowell, E. B. and R. A. Neil (ed.). 1886. The Divyāvadāna^ tr. 333). Những cứ liệu vừa nêu cho thấy nguồn gốc ban đầu của 3 kinh 604, 640 và 641 chưa phải xuat từ Thiên thí dụ (Divyāvadānd). ơ đây, nhăm góp phần giữ gìn và củng

cố tư liệu lịch sử, bản dịch tiếng Việt Kinh Tạp A-ham của Trung tâm Dịch thuật Trí Tịnh vẫn giữ nguyên vị trí, số hiệu bản kinh này theo Đại Chảnh tân tu Đại tạng kỉnh. 34 Lịch đại Tam bảo kỷ (r.49. 2034.10. 0091a24) ghi: [Kinh Tạp A-harñ\ được dịch ở chùa NgoaQuan, do ngài Pháp Hiển mang về. Xem ztrong5 Tống Tê lục của ngài Đạo Tuệ ( ).cần nói thèm rằng, Tống Te []là mọt tác phẩm kinh lục của ngài Thích Đạo Tuệ ()được Phí Trường Phòng dân lại trong Lịch đại Tam bảo ký, ngài Thích Trí Thăng dung trong Khai Nguyên Thích giảo lục.



Sanh Văn: "Thưa Cù-đàm! Ngài cho rằng tất cả đều có, vây thế nào gọi là tất cả đều có?... Này Bà-la-môn! Có sắc, có sự nhận biết của mắt, có sự xúc chạm của mat, có nhân duyên xúc chạm của mắt nên sanh ra cảm thọ hoặc khổf hoặc vui, hoặc không khổ không vui chăng?" Bà-la-môn Sanh Văn đáp: "Thưa có, bạch Ngàir35 Quan điểm về "tất cả đều c6" cũng được ghi nhận trong Luật Mô-ha Tăng-kỳ3637 và cả trong Tứ phần luật danh nghĩa tiêu thích.31 Ngoài quan điểm thuộc về Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ vừa nêu, Kinh Tạp A-hàm cũng đồng thời ghi nhận những quan điểm của Phật giáo Đại thừa như giáo nghĩa "Trung dạo"(Majjhimāpatipadã) ở kinh số 262, 297, 300, 961, 962...; "Pháp tánh thường trụ()ở kinh 296, 299, 854; triết lý về "tánh không9 í)như kinh số 80, 236, 335, 567, 1258; triết lý về "Như th như kinh số 312; triết lý "Hết thảy do tâm tạo" như kinh số 267; "Mười hai thể tài kinh điển" như ở kinh số 1138. Ngoài ra, những cơ sở tư liệu thuộc vê A-tỳ-đàm? tâm lý học, luận lý học thê hiện qua sự phân tích giáo pháp trong những kinh như 917, 919, 964, 984, 985,1249... cũng là những nội dung sinh động được đề cập trong Kinh Tạp A-hàm. Đáng chú ý, xét về vai trò tư liệu lịch sử đã được học giới thừa nhận về giá tri niên đại thì Kỉnh Tạp A-hàm còn chuyên chở nhiều bài kệ tương đương với phẩm thứ năm trong Kinh tập (Suttanipãta), gọi là phẩm Đường đến bờ kia (Parāyanā) như các bài kinh 345, 982, 983, 1164, 1321...

Với những nội dung đặc thù và mang tính khái quát cao độ như vậy nên khó có thê khăng định chính xác Kỉnh Tạp A-hàm là truyền bản của bộ phái Phật giáo nào. Mặc dù vậy, qua những đối khảo bước đau giữa Kỉnh Tạp A-hàm, Luân Du-già sư địa và cả Kỉnh tập, đã cung cấp nhiều bằng chứng cho thấy Kinh Tạp A-hàm là tác phẩm văn hiến Phật giáo xưa nhất trong 4 bộ A-hàm và có thể bộ kinh này đã được đinh hình trong quá trình phân phái của Phật giáo. ở Việt Nam, bản dịch tiếng Việt Kinh TạpA-hàm đầu tiên do cố Hòa thượng Thích Thiện Siêu và Hòa thượng Thích Thanh Từ thực hiện, được Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành vào năm 1994. Mười bảy năm sau, Kinh Tạp A-hàm cũng được Hòa thượng Thích Đức Thắng trùng dịch, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ hiệu đính và chú thích năm 2002, được NXB. Phương Đông ấn hành vào năm 2010. Cũng trong thời gian này, các công trình phiên dịch Ba tạng kinh điển Phật giáo ra tiếng bản xứ của nhiều quốc gia trên thế giới đã được nhiều cá nhân, tổ chức quan tâm. Hòa trong tâm thế đó, Trung tâm Dịch thuật Trí Tịnh đã tham chiếu và kế thừa có chọn lọc những thành tựu có liên quan đến Kinh Tạp A-hàm từ các công trình trong nước cũng như trên thế giới, để hoàn thiện bản dịch tiếng Việt Kinh Tạp A-hàm.

35 Kinh TạpA-hàm (T.02. 0099.13. 0091b05). 36 Luật Ma-ha (r.22. 1425.40. 0548ỒỒ09). 37 Tứ phần luật danh nghĩa tiêu thích (X.44. 0744.1. 0407al0).

c KINH TẠPA-HÀM _____

Lời Phật là Thánh ngôn, nói như kinh số 245 trong Tạp A-hàm. Thánh ngôn đó phần đầu thiện, phần giữa thiện và phần cuối cũng thiện, nghĩa ly tốt đẹp, câu chữ chính xác, thuần nhất thanh tinh, Phạm hạnh trong sạch.3S Với hàm nghĩa cao quý tột bậc như thê, cho nên việc chuyên nghĩa Thánh ngôn ra bát kỳ ngôn ngữ nào mà ở đây là tiếng Việt, là một sứ mạng không hề dễ dàng. Dầu nô lực tham chiêu từ nhiêu nguôn và cân trọng đên mức có thê nhưng cũng khó tránh khỏi những điều chưa đúng Thánh ý. Nơi đây, chúng con xin cúi mình kính lạy mười phương Tăng-già lân mẫn chỉ dạy để bản dịch được hoàn thiện hơn trong những ân bản vê sau. TRUNG TÂM DỊCH THUẬT TRÍ TỊNH thực hiện.

38 Kinh TạpA-hàm (r02. 0099.9. 0058cl8).

QUYỂN l 1. vô THƯỜNG1 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Các thây hãy quán sác là vô thường. Quán như vậy gọi là quán sát chân thật.2 Do quán sát chân thật nên phát sanh sự nhàm chán. Do nhàm chán nên hỷ và tham3 được đoạn trừ. Do hỷ và tham được đoạn trừ nên được gọi là tâm giải thoát.4 Cũng vậy, các thầy hãy quán thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Quán như vậy gọi là quán sát chân thật. Do quán sát chân thật nên phát sanh sự nhàm chán. Do nhàm chán nên hỷ và tham được đoạn trừ. Do hỷ và tham được đoạn trừ nên được gọi là tâm giải thoát. Như vậy, này các Tỳ-kheo! Người có tâm giải thoát nếu muốn tự thân chứng ngộ thì có thể tự thân tác chứng: “Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được A v • v :. thành tựu, việc cân làm đã làm xong, tự biêt không còn tái sanh." Quán vô thường, khổ, không và vô ngã cũng như vậy. Bây giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đêu hoan hỷ phụng hành. ***

2. CHÂN CHÁNH TƯ DUY5

Tôi nghe như vây:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

1 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099. l. 0001 a06). Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.188. 0049b07); S. 22.12-14-ni. 21; s 35.155 - IV. 142. 2 Chánh quán ()Quán sát đúng như thật. Chánh ()tương đương Pali là sammā, nghĩa là đúng, chính xác, toàn diện. 3 Nguyên tác: Hỷ, tham tận ().Tham chiếu: s. 22.12 - III. 21: Nandikkhayā rāgakkhayo (Hỷ

được dứt trừ, tham được dứt trừ). 4 Tham chiếu: s. 35.155-IV. 142: Do duyệt hỷ (nandī) tiêu tận nên tham tiêu tận. Dotham tiêu tận nên duyệt hỷ tiêu tận. Do duyệt hỷ, tham tiêu tận nên tâm được gọi là khéo giải thoát (HT. Thích Minh Châu dịch). 5 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.2. 0001 ai 6). Tham chiếu: Tạp.(T02. 0099.9. 00Ó2a02); Tạp.(702. 0099.10. Óố02al2); Tạp.(702. 0099.189. 0049b17); s. 22.15-17 -

m. 21-2; S. 22.52 - III. 51.

2 KINH TẠP A-HÀM

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Đối với sắc, các thầy hãy chân chánh tư duy, quán sát6 để biết như thật sắc là vô thường. Vì sao như vậy? Này các Tỳ-kheo! Vì nhờ chân chánh tư duy, quán sát và biết như thật sắc là vô thường nên đối với sắc, tham dục7 được đoạn trừ. Do tham dục được đoạn trừ nên được gọi là tâm giải thoát. Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành và thức, các thầy hãy chân chánh tư duy, quán sát và biết như thật thức là vô thường. Vì sao như vậy? Vì nhờ chân chánh tư duy, quán sát và biết như thật thức là vô thường nên đối với thức, tham dục được đoạn trừ. Do tham dục được đoạn trừ nên được gọi là tâm giải thoát. Bậc có tâm giải thoát như vậy, nếu muốn tự thân chứng ngộ thì có thể tự thân tác chứng: “Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Hãy chân chánh tư duy như vậy vê vô thường, khô, không và vô ngã cũng đều như vậy! Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành. ***

3. ĐOẠN TRỪ KHÔ NÃO8 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. T" Ạ _ r _ • y_ rwnf L Ạ HP l 9 rr^ \ Bay giờ, The Ton bao các Ty-kheo: —Những ai đối với sắc mà không tuệ tri,9 không hiểu rõ,10 không đoạn trừ,1112 không lìa dục, 12 người ấy không thể đoạn trừ khổ não. Cũng vậy, những ai đối với thọ, tưởng, hành và thức mà không tuệ tri, không hiểu rõ, không đoạn trừ, không lìa dục, người ấy không thể đoạn trừ khổ não. Này các Tỳ-kheo! Những ai đối với sắc mà tuệ tri, hiểu rõ, đoạn trừ và lìa dục, người ấy có thể đoạn trừ khổ não.

6 Bản Tống, Nguyên, Minh có thêm chữ "qun". 7 Nguyen tác: Dục tham kāmarāga, còn gọi là 4tdục tham tùy mien,\ chỉ cho phiền não tham muôn trong cõi Dục. ^Tựađềđặttheonội dung kinh. Tạp. 0.02. 0099.3. 0001a28. Tham chiếu: Tạp.02. 0099.5. OOÓlbló; Tạp.7.02 0099.7. OOOlcll; Tạp.T.02. 0099.190. 0049026; s. 22.24 - III. 26; S. 22.29-III. 31. 9 Nguyen tác: Tri abhijānāti'. Biết rõ, cũng gọi là Utuệ tri.,, 10 Nguyên tác: Minh ,parijānāti'. Hiểu rõ. 11 Nguyên tác: Đoạn Jahati'. Dứt trừ. 12 Nguyên tác: Bất ly dục ,Qvirdga: Không lìa dục, không lìa tham.

QUYỀN l 3

Cũng vậy, những ai đối vối thọ, tưởng, hành và thức mà tuệ tri, hiểu rõ5 đoạn trừ và lìa dục, người ấy có thể đoạn trừ khổ não. Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành. ***

4. VƯỢT QUA SỢ HÃI1314 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Những ai đối với sắc mà không tuệ tri, không hiểu rõ, không đoạn trừ, không lìa dục, tâm không giải thoát, người ấy không thể vượt qua sợ hãi về sanh, già, bệnh, chết. Cũng vậy, những ai đối với thọ, tưởng, hành và thức mà không tuệ tri, không hiểu rõ, không đoạn trừ, không lìa dục, tâm không giải thoát, người ấy không thê vượt qua sợ hãi vê sanh,

già, bệnh, chét. Này các Tỳ-kheo! Những ai đối với sắc mà tuệ tri, hiểu rõ, đoạn trừ và lìa dục, người ây có thê vượt qua sợ hãi vê sanh, già, bệnh, chét. Này các Tỳ-kheo! Nếu tuệ tri, hiểu rõ, đoạn trừ, lìa dục, tâm giải thoát, người ấy có thể vượt qua sợ hãi về sanh, già, bệnh, chết. Cũng vậy, những ai đối vối thọ, tưởng, hành và thức mà tuệ tri, hiểu rõ, đoạn trừ, lìa dục, tâm giải thoát, người ấy có thể vượt qua sợ hãi về sanh, già, bệnh, chết. Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành. ***

5. ƯA THÍCH VÀ HOAN HỶ 4

Tôi nghe như vay:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước

Xá-vệ.* r ĩ _ _

Bây giờ, Thê Ton bao các Tỳ-kheo: -Những ai đôi với săc mà ưa thích và hoan hỷ thì đôi với khô cũng ưa thích và hoan hỷ. Những ai đối với khổ mà ưa thích và hoan hỷ thì đối với khổ, người ấy không thể giải thoát, không hiểu rõ, không lìa dục.

13 Tựa đề đặt theo nội dung kinh.?.(02.0099 4 0001b06). Tham chiếu:.(r.02.0099.191. 0049c04); S. 22.24 - III. 26. 14 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.5. OOOlbló). Tham chiếu: Tạp.(02. 0099.3. 0001 a28); Tạp.(T.02. 0099.7. ooồlcll); Tạp.(7.02. 0099.192. 0049c13); s. 22.24 - m. 26; y 22.29-III. 31.



Cũng vậy, những ai đối với thọ, tưởng, hành và thức mà ưa thích và hoan hỷ thì đối với khổ cũng ưa thích và hoan hỷ. Những ai đối với khổ mà ưa thích và hoan hỷ thì đối với khổ, người ấy không thể giải thoát. Này các Tỳ-kheo! Những ai đối với sắc mà không ưa thích và không hoan hỷ thì người ây cũng khôngr hoan hỷ đôi với khô. Những ai đôi với khô mà 9

không hoan hỷ thì người ây được giải thoát khỏi khô. Cũng vậy, những ai đối với thọ5 tưởng, hành và thức mà không ưa thích và không hoan hỷ thì người ấy cũng không hoan hỷ đoi với kho. Những ai đoi với kho mà không hoan hỷ thì người ấy đượ̣c giải thoát khỏi kho. Này các Tỳ-kheo! Những ai đối với sắc nếu không tuệ tri, không hiểu rõ, không lìa dục, tâm không giải thoát, người ấy không giải thoát khỏi tâm tham và không thể đoạn trừ hết khổ. Cũng vậy, những ai đối với thọ, tưởng, hành và thức mà không tuệ tri, không hiểu rõ5 không lìa dục, tâm không giải thoát, người ấy không thể đoạn trừ hết khổ. Những ai đối với sắc mà tuệ tri, hiểu rõ, lìa dục, tâm được giải thoát, người ấy có thể đoạn trừ hết khổ. Cũng vậy, những ai đoi với thọ, tưởng, hành và thức mà tuệ tri, hiểu rõ, lìa dục, tâm được giải thoát, người ấy có thể đoạn trừ hết khổ. Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành. ***

6. TUỆ TRI VÀ KHÔNG TUỆ TRI15 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc? trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Những ai đối với sắc mà không tuệ tri, không hiểu rõ, không lìa dục, tâm không giải thoát, người ấy không thể vượt qua sợ hãi về sanh, già, bệnh, chết. Cũng vậy, những ai đối với thọ, tưởng, hành và thức mà không tuệ tri, không hiểu rõ? không lìa dục, tâm không giải thoát, người ấy không thể vượt qua sợ hãi về sanh, già, bệnh, chết. Này các

Tỳ-kheo! Những ai đối với sắc mà tuệ tri, hiểu rõ5 lìa dục, tâm giải thoát, người ấy có thể vượt qua sợ hãi về sanh, già, bệnh, chết. Cũng vậy, những ai đối với thọ, tưởng, hành và thức mà tuệ tri, hiểu rõ, lìa dục, tâm giải thoát, người ấy có thể vượt qua sợ hãi về sanh, già, bệnh, chết.

15 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02.0099.6. 0001c02). Tham chiếu: Tạp.(r.02.0099.193. 0049c21);S. 22.24 -IIL26.

QUYỂN l 5

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành. ***

7. HỶ LẠC SẮC16 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Những ai đối với sắc mà ưa thích và hoan hỷ thì đối với khổ, người ấy cũng ưa thích và hoan hỷ. Những ai đối với khổ mà ưa thích và hoan hỷ thì đối với khổ, người ấy không thể giải thoát. Cũng vậy, những ai đối với thọ, tưởng, hành và thức mà ưa thích và hoan hỷ thì đôi với khô, người ây cũng ưa thích và hoan hỷ. Những ai đôi với khô mà ưa thích và hoan hỷ thì đối với khổ, người ấy không thể giải thoát. Này các Tỳ-kheo! Những ai đối với sắc mà không ưa thích và hoan hỷ thì đối với khổ, người ấy cũng không hoan hỷ. Những ai đối với khổ mà không hoan hỷ thì đối với khổ, người ấy được giải thoát. r e

Cũng vậy, những ai đôi với thọ, tưởng, hành và thức mà không ưa thích và không hoan hỷ thì đối với khổ, người ấy cũng không hoan hỷ. Những ai đối với khổ mà không hoan hỷ thì đối với khổ, người ấy được giải thoát. Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành. *

Kệ tóm tắt:
Vô thường cập Khổ, Không, Phi ngã, Chánh tư duy,
Vô tri đẳng tứ chủng, Cập ư sắc hỷ lạc.17
***

8. BA THỜI ĐỀU VÔ THƯỜNG18 y

Tôi nghe như vây:
Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước
Xá-vệ.
_ r _
Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo:
16 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.7. OOOlcll). Tham chiếu: Tạp.(02. 0099.3. 0001 a28); Tạp.(02. 0099.5. ooòlbló); Tạp.(r.O2. 0099.194. 0050a01); s. 22.24 - III. 26; S. 22.29-III* 31. 17 Nguyên tác Nhiếp tụng:,..Do đặt
lại tựa đề nên Nhiếp tụng khổng trung với tên kinh. 18 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.8. 0001c22). Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.79. 002Òal0); ý 22.9-ìn. 19.

6 KINH TẠPA-HÀM

Sắc quá khứ, sắc tương lai đều vô thường, huống gì sắc hiện tại! Vị Thánh đệ tử quán như vậy nên không đoái tưởng đến sắc quá khứ, không mong cầu sắc tương lai; đối với sắc hiện tại thì nhàm chán, lìa dục, hướng thẳng đến tịch diệt. 5 r Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức quá khứ và tương lai đêu vô thường, huông gì thọ, tưởng, hành, thức hiện tại. Vị Thánh đệ tử quán như vậy nên không đoái tưởng đến thọ, tưởng, hành, thức quá khứ, không mong cầu thọ, tưởng, hành, thức tương lai; đối với thọ, tưởng, hành, thức hiện tại thì nhàm chán, lìa dục, hướng thẳng đến tịch diệt. Vô thường, khổ, không và vô ngã cũng như vậy. Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành. ***

9. QUÁN SÁT CHÂN THẬT19 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giờ, The Ton bao các Ty-kheo:  Sắc là vô thường, vô thường tức là khổ, khổ tức là vô ngã, đã vô ngã thì cũng vô ngã sở. Quán như vậy thì được gọi là quán sát chân thật.20 Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, vô thường tức là khổ, khổ tức là vô ngã, đã vô ngã thì cũng vô ngã sở. Quán như vậy gọi là quán sát chân thật. Vị Thánh đệ tử do quán như vậy mà nhàm chán sắc, nhàm chán thọ, nhàm chán tưởng, nhàm chán hành và nhàm chán thức. Do nhàm chán cho nên không ưa thích. Do không ưa thích nên được giải thoát. Bậc đã giải thoát thì phát sanh trí chân thật: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành. ***

10. GIẢI THOÁT HOÀN TOÀN21 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. 19 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.9. 0002a02). Tham chiếu: Tạp.(T02. 0099.2. 0001 ai 6); Tạp.(02. 0099.10. 0002al2); M. 35, CũIasaccaka Sutta (Tiểu kinh Sacccika); 5. 22.15-17-III. 21-2. 20 Nguyên tác: Chân thật chánh quán ()Chân chánh quán sát [đối tượng] đúng như thật [bản chát của nó]. Chánh ()tương đương Pâli là sammā, nghĩa là đúng, chính xác, toàn diện. 21 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.10. 0002al2). Tham chiếu: Tạp.(02. 0099.2. 0001 ai 6); Tạp.(r.02. 0099.9. 0002a02); M. 35, CũIasaccaka Su tía (Tiếu kinh Saccakă); 5. 22.15-17-III. 21-2.

QUYẾN l  7

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Sắc là vô thường, vô thường là khổ, khổ là vô ngã, vô ngã thì cũng vô ngã sở. Quán như vậy gọi là quán sát chân thật. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, vô thường là khổ, khổ là vô ngã, vô ngã thì cũng vô ngã sở. Quán như vậy gọi là quán sát chân thật. Vị Thánh đệ tử quán như vậy nên giải thoát khỏi sắc và cũng giải thoát khỏi thọ, tưởng, hành, thức. Như Lai nói đó là sự giải thoát hoàn toàn khỏi sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não. Bây giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đêu hoan hỷ phụng hành. ***

11. BA PHÁP ẤN22 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bảo các Tỳ-kheo:  Sác là vô thường. Nhân và duyên sanh ra các sác cũng vô thường. Các săc được sanh ra bởi nhân và

duyên vô thường thì làm sao chúng có thể thường được? Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức đều vô thường. Nhân và duyên sanh ra các thức cũng vô thường. Các thức được sanh ra bởi nhân và duyên vô thường thì làm sao chúng có thể thường được? Như vậy, này các Tỳ-kheo! sắc là vô thường; thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Vô thường là khổ, khổ là vô ngã, vô ngã thì cũng vô ngã sở. Vị Thánh đệ tử quán như vậy nên nhàm chán sắc, nhàm chán thọ, tưởng, hành, thức. Do nhàm chán nên không ưa thích. Do không ưa thích nên được giải thoát, giải thoát tri kiến: "Sụ* sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành. ***

12. NĂM UẨN VÔ THƯỜNG23

Tôi nghe như vây:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ.

Bay giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo:

22 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.11. 0002a21). Tham chiếu: s. 22.18 - m. 22. 23 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.12. 0002Ồ04). Tham chiếu: s. 22.19 - III. 23; S. 22.20 -m. 24. •



-Sắc là vô thường. Nhân và duyên sanh ra các sắc cũng vô thường. Các sắc được sanh ra bởi nhân và duyên vô thường thì làm sao chúng có thể thường được? Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Nhân và duyên sanh ra các thức cũng vô thường. Các thức được sanh ra bởi nhân và duyên vô thường thì làm sao chúng có the thường được? Như vậy, này các Tỳ-kheo! sắc là vô thường; thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Vô thường là khổ, khổ là vô ngã, vô ngã thì cũng vô ngã sở. Quán như vậy gọi là chánh quán. Vị Thánh đệ tử quán như vậy nên được giải thoát khỏi sắc, giải thoát khỏi thọ, tưởng, hành và thức. Ta nói đó là sự giải thoát hoàn toàn khỏi sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ5 não. Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành. ***

13. VỊ NGỌT CỦA SẮC24 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. _ Bây giờ, The Ton bao các Ty-kheo: Nếu sắc không có vị ngọt đối với chúng sanh thì chúng sanh không bị đắm nhiễm bởi sắc. Do sắc có vị ngọt đối với chúng sanh, cho nên chúng sanh mới bị đắm nhiễm. Cũng vậy, nếu thọ, tưởng, hành, thức không có vị ngọt đối với chúng sanh thì chúng sanh đó không bị đắm nhiễm bởi thọ, tưởng, hành, thức. Do thọ, tưởng, hành, thức có vị ngọt đoi với chúng sanh, cho nên chúng sanh đó mới bị đam nhiễm bởi thọ, tưởng, hành, thức. Này các Tỳ-kheo! Nêu sac không có sự tai hại đôi với chúng sanh thì chúng sanh đó chăng nên nhàm chán sāc. Do sac có sự tai hại đôi với chúng sanh, cho nên chúng sanh đó mới nhàm chán sắc. Cũng vậy, nếu thọ, tưởng, hành, thức không có sự tai hại thì những chúng sanh đó chẳng nên nhàm chán thọ, tưởng, hành, thức. Do thọ, tưởng, hành, thức có sự tai hại đoi với chúng sanh, cho nên những chúng sanh đó mới nhàm

chán thọ, tưởng, hành, thức. Này các Ty-kheo! Nếu sắc không có sự xa lìa25 đối với chúng sanh thì những chúng sanh đó không thể có sự xa lìa đối với sắc. Do sắc có sự xa lìa đối với chúng sanh, cho nên những chúng sanh đó có sự xa lìa đối với sắc.

24 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.13. 0002b15). Tham chiếu: s. 22.28 - m. 29. 25 Xuất ly (nekkhammà)'. Xuất gia, từ bỏ thế gian, giải thoát.



Cũng vậy, nếu thọ, tưởng, hành, thức không có sự xa lìa đối với chúng sanh thì những chúng sanh ấy không thể xa lìa đối với thọ, tưởng, hành, thức. Do thọ, tưởng, hành, thức có sự xa lìa đối với chúng sanh, cho nên những chúng sanh ấy mới có sự xa lìa đối với thọ, tưởng, hành, thức. Này các Tỳ-kheo! Nêu Như Lai không biêt đúng như thật vị ngọt là vị ngọt, tai hại là tai hại, xa lìa là xa lìa đối với năm thủ uẩn26 này thì giữa chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn, Bà-la-môn? trời và người, Như Lai đã không thể giải thoát, không thể vượt qua, không thể xa lìa, vĩnh viễn ở trong điên đảo, cũng không thể tự mình chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này các Tỳ-kheo! Vì Như Lai đã biết đúng như thật vị ngọt là vị ngọt, tai hại là tai hại, xa lìa là xa lìa đối với năm thủ uẩn này cho nên ở giữa chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn5 Bà-la-môn, trời và người, Như Lai đã tự chứng được giải thoát, được vượt qua, được xa lìa, được thoát khỏi mọi sự trói buộc, vĩnh viễn không còn ở trong điên đảo, cũng tự chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bay giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành. ***

14. LIỄU TRI VỊ NGỌT27 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ.* Bây giơ, The Ton bao các Ty-kheo: -Trước kia, Ta từng đi tìm càu28 vị ngọt của sắc và Ta tuần tự biết rõ29 vị ngọt của sắc, tức là dùng trí tuệ như thật để thấy rõ vị ngọt của sắc.30 Cũng vậy, Ta từng đi tìm câu vị ngọt của thọ, tưởng, hành, thức và Ta tuân tự biết rõ vị ngọt của thọ, tưởng, hành, thức, tức là dùng trí tuệ như thật để thấy rõ vị ngọt của thọ, tưởng, hành, thức. Này các Ty-kheo! Ta từng đi tìm cầu sự tai hại của sắc và Ta tuần tự biết rõ sự tai hại của sắc, tức là dùng trí tuệ như thật để thấy rõ sự tai hại của sắc.

26 Nguyên tác: Thọ ấm (). 27 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.14. 0002c 11). Tham chiếu: s. 22.26 - m. 27; S. 22.27 - III. 29. 28 Nguyên tác: Hữu cầu hữu hành ().Tham chiếu: s. 22.26 III. 27: Pariyesanarn acarirn (đi để tim cầu). 29 Nguyên tác: Tùy thuận ().Theo Du-già sư địa luân (r.30. 1579.81. 0750cl4), vì giải thích tuần tự nên gọi là tùy thuan (). 30 Tham chiếu: s. 22.26 - III. 27: Yo rūpassa assādo tadqjjhagamam. Yāvatā rūpassa assādo paññāya me so suditttho (Vị ngọt của sắc là gì, Ta đã chứng đắc. Vị ngọt của sắc như the nào, Ta đã khéo thay với trí tuệ), HT. Thích Minh Châu dịch.



Cũng vậy, Ta từng đi tìm cầu sự tai hại của thọ, tưởng, hành, thức và Ta tuần tư biết rõ sự tai hại của thọ, tưởng, hành, thức, tức là dùng trí tuệ như thật để thấy rõ sự tai hại của thọ, tưởng, hành, thức. Này các Tỳ-kheo! Ta từng đi tìm cầu sự xa lìa đối với sắc và

Ta tuần tự biết rõ r 9 9 - • -r e r

Sự xa lìa đôi với săc, tức là dùng trí tuệ như thật đê thây rõ sự xa lìa đôi với sác. Cũng vậy, Ta từng đi tìm cầu sự xa lìa đối với thọ, tưởng, hành, thức và Ta tuần tự biết rõ sự xa lìa đối với thọ, tưởng, hành, thức, tức là dùng trí tuệ như thật để thấy rõ sự xa lìa đối với thọ, tưởng, hành, thức. Này các Tỳ-kheo! Nếu Như Lai không hiểu biết đúng như thật vị ngọt là vị ngọt, tai hại là tai hại, xa lìa là xa lìa đối với năm thủ uẩn này thì giữa chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn? Bà-la-môn? trời và người, Như Lai đã không thể giải thoát, không thể vượt qua, không thể xa lìa, vĩnh viễn ở trong điên đảo, cũng không thể tự mình chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này các Tỳ-kheo! Vì Như Lai đã biết đúng như thật vị ngọt là vị ngọt, tai hại là tai hại, xa lìa là xa lìa đối với năm thủ uẩn này, cho nên ở giữa chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn, Bà-la-môn, trời và người, Như Lai đã tự chứng được giải thoát, được vượt qua, được xa lìa, thoát khỏi mọi sự trói buộc, vĩnh viễn không còn ở trong điên đảo, cũng tự chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành. * Kệ tóm tắt: Quá khứ, Tứ chủng thuyết, Yểm ly cập Giải thoát, Nhi chủng thuyết nhân duyên, Vị diệc phục nhị chủng.31 ***

15. PHIỀN NÃO VÀ CHẤP THỦ32 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có vị Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, cúi lạy sát chân Ngài, đứng sang một bên rồi thưa: Lành thay! Bạch Thế Tôn! Nay xin Ngài hãy nói tóm tắt pháp trọng yếu cho con. Sau khi được nghe pháp, con sẽ một mình ở nơi thanh vắng, chuyên tâm tu tập, sóng không buông lung. Sau khi chuyên tâm tu tập, sống không

31 Nguyên tác Nhiếp tụng:. ;.Do đặt lại tựa đê nên Nhiêp
tụng không trùng với tên kinh. 32 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.15. 0003a06). Tham chiếu: s. 22.36 - III. 36; S. 22.63-65 - m. 73-5.

QUYỂN l 11

buông lung, con sẽ tư duy về mục đích của người thiện nam cạo bỏ râu tóc, chánh tín xuât gia, mặc áo cà-sa? rời xa gia đình, sông không gia đình là đê ngay trong đời này chứng ngộ cứu cánh Phạm hạnh vô thượng, tự biết rằng: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo ấy: Lành thay! Lành thay! Thầy khéo nói lời này: "Nay xin Ngài hãy nói tóm tắt pháp trọng yếu cho con. Con được nghe pháp rồi sẽ một mình ở nơi thanh vang, chuyên tâm tu tập, sống không buông lung. Sau khi chuyên tâm tu tập, sống không buông lung, con sẽ tư duy về mục đích mà người thiện nam cạo bỏ râu tóc, chánh tín xuất gia, mặc áo càsa, rời xa gia đình, sống không gia đình là để ngay trong đời này chứng ngộ cứu cánh Phạm hạnh vô thượng, tự biết rằng: 'Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh.'" Có phải thầy đã nói như vậy chăng? Tỳ-kheo bạch Phật: Đúng vậy, bạch Thế Tôn!

Đức Phật bảo Tỳ-kheo: -Hãy lăng nghe! Hãy lăng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng nói cho thây. Này Tỳ-kheo! Nếu ai bi phiền não sai sử sẽ chết theo phiền não; chết theo phiền não là bị thủ trói buộc. Này Tỳ-kheo, nếu không bị phiền não sai sử thì không chết theo phiền não. Không chết theo phiền nao thì đối với thủ được giải thoát.33 Tỳ-kheo bạch Phật:  Bạch Thế Tôn! Con đã biết. Bạch Thiện Thệ! Con đã hiểu.

Phật bảo Tỳ-kheo:  Ta nói pháp này một cách vắn tắt, thầy hiểu nghĩa đó sâu rộng như thế nào?

Tỳ-kheo bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! sắc bị phiền não sai sử, sắc chết theo phiền não. Đã bi phiền não sai sử và chết theo phiền não tức là bị trói buộc bởi thủ. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức bị phiền não sai sử thì chết theo phiền não. Đã bị phiền não sai sử và chết theo phiền não tức là bị trói buộc bởi thủ. Bạch Thế Tôn! Nếu sắc không bị phiền não sai sử thì không chết theo phiền não. Không bị phiền não sai sử, không chết theo phiền não thì đoi với thủ được giải thoát. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức không bị phiền não sai SÍT, không chết theo phiền não. Không bị phiền não sai sử, không chết theo phiền não thì đối với thủ được giải thoát.

33 Tham chiếu: s. 22.63 - III. 73: t4Ai chấp trước, này Tỷ-kheo, người ấy bị Ma trói buộc. Ai không chấp trước, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma" (HT. Thích Minh Châu dịch).



r r r o

Như vậy, bạch Thê Tôn! Bài pháp được Ngài nói văn tát và con hiêu nghĩa đó sâu rộng như vậy. Phật bảo Tỳ-kheo: -Lành thay! Lành thay! Này Tỳ-kheo! Ta nói pháp này một cách văn tát, thầy đã hiểu nghĩa đó sâu rộng. Vì sao như vậy? Vì sắc bị phiền não sai sử thì chét theo phiên não. Bị phiên não sai sử, chét theo phiên não thì bị trói buộc bởi thủ. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức bị phiền não sai sử thì chết theo phiền não. Bi phiền não sai sử, chết theo phiền não thì bi trói buộc bởi thủ. Này Tỳ-kheo! sắc không bi phiền não sai sử thì không chết theo phiền não. Không bi phiền nao sai sử, không chết theo phiền não thì đoi với thủ được giải thoát. Như vậy, thọ, tưởng, hành, thức không bị phiên não sai sử thì không chét theo phiền não. Không bị phiền não sai sử, không chết theo phiền não thì đối với thủ được giải thoát. Bấy giờ, Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật dạy xong, tâm rất hoan hỷ, lễ Phật roi lui ra. Vị ây sông một mình ở nơi thanh văng, chuyên tâm tu tap, sông không buông lung. Sau khi chuyên tâm tu tập, sống không buông lung, vi ấy tư duy về mục đích của người thiện nam cạo bỏ râu tóc, chánh tín xuất gia, mặc áo cà-sa, rời xa gia đình, sống không gia đình là để ngay trong đời này được chứng ngộ cứu cánh Phạm hạnh vô thượng, tự biết rang: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cân làm đã làm xong, tự biêt không còn tái sanh." Bấy giờ, vi Tỳ-kheo ấy thành bậc A-la-hán, tâm được giải thoát. ***

16. LUÂN HỒI VÀ GIẢI THOÁT34 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có vị Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, thưa hỏi5 (giống như kinh trên đã nói, chỉ khác biệt ở đoạn sau):  Bi phiền não sai sử, chết theo phiền não thì mãi luân hồi.35 Không bị phiền não sai sử, không chết theo

phiền não thì không phải chịu luân hồi.

34 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.16. 0003Ồ14). Tham chiếu: s. 22.35 - III. 34. 35 Nguyên tác: Chư số ()có thể đây là sự ghi nhận sai giữa sañkhā (số đếm, con số, chữ số) và sañkhāra, được dùng với nghĩa bhavasañkhāra (tức là năng lực duy trì mạng sống, một nghĩa khác chỉ cho luân hôi)v Theo Phân biệt thiện ác bảo ứng kỉnh (roi. 0081. 0895c27), “chu số,9 là dạng viêt tăt của '"chư sô thủ thú,9 ),tức là lưu chuyên trong cạc cõi, là cách diên đạt khác của nghĩa luân hôi. Xem thêm Tạp.(T.02. 0099.72. 0019a09-al2): Thê nào là bậc Thông tuệ? Đó là bậc A-la-hán. Bậc A-la-hán chăng phải tôn tại sau khi chết, chẳng phải không^ tồn tại saukhi chết, chẳng phải vừa tồn tại vừa không tồn tại sau khi chết, chẳng phải chăng tồn tại chăng không tồn tại sau Iđii chét,... nói rộng ra cho đên vô lượng luân hồi vĩnh viễn diệt tận ( 3).

QUYÊN l 13

Đức Phật nói với Tỳ-kheo ấy: Ta nói pháp này một cách văn tăt9 thây hiêu nghĩa đó sâu rộng như thê nào? Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu sắc bị phiền não sai sử, chết theo phiền não; nếu bị . Z ..q 4 e \ • __ phiên não sai sử, chét theo phiên não thì mãi luân hôi. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức bi phiền não sai sử, chết theo phiền não; bi phiền não sai sử, chết theo phiền não thì mãi luân hồi. Bạch Thế Tôn! Nấu sắc không bị phiền não sai sử, không chết theo phiền não; cái gì không bị phiên não sai sử, không chét theo phiên não thì không phải chịu luân hồi. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức không bị phiền não sai sử, không chết theo phiền não; không bị phiền não sai sử, không chết theo phiền não thì không phải chịu luân hồi. Bạch Thế Tôn! Bài pháp được Ngài nói vắn tắt và con đã hiểu nghĩa đó sâu rộng như vậy. Phật bảo Tỳ-kheo9 (như kinh sổ 15,... cho đến) thành bậc A-la-hán, tâm được giải thoát. ***

17. ĐOẠN TRỪ CHẤP TRƯỚC36 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giờ, có một Tỳ-kheo từ chỗ ngoi đứng dậy, sửa áo bày vai phải, chắp tay bạch Phạt: Lành thay! Bạch Thể Tôn! Xin Ngài hãy nói tóm tắt pháp trọng yếu cho con. Sau khi nghe pháp, con sẽ một mình ở nơi thanh vắng, sống không buông lung, chuyên tâm tư duy về mục đích của một người thiện nam cạo bỏ râu tóc, chánh tín xuất gia, mặc áo cà-sa, rời xa gia đình, sống không gia đình, vì để ngay trong đời này được chứng ngộ cứu cánh Phạm hạnh vô thượng, tự biết rằng: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Bây giơ, Thê Tôn bảo Tỳ-kheo áy: -Lành thay! Lành thay! Thầy khéo nói lời này: "Xin Ngài hãy nói tóm tắt pháp trọng yếu cho con. Sau khi nghe pháp, con sẽ một mình ở nơi thanh vang, chuyên tâm tu tập, sổng không buông lung, rồi con tư duy về mục đích của một người thiện nam cạo bỏ râu tóc, chánh tín xuất gia, mặc áo cà-sa, rời xa gia đình, sống không gia đình, vì để ngay trong đời này được chứng ngộ cứu cánh

36 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.17. 0003Ồ28). Tham chiếu: s. 22.68 - III. 77.

Phạm hạnh vô thượng, tự biết rằng: 'Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh.'" Có phải thầy nói như vậy chăng? Tỳ-kheo bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Đúng như vậy. Phật bảo Tỳ-kheo: Hãy lắng nghe! Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng nói cho thầy. Này Tỳ-kheo! Pháp nào không thuộc về thầy37 thì thầy phải nên nhanh chóng đoạn trừ. Đoạn trừ pháp ấy để đạt được lợi ích38 và an lạc lâu dài. Bấy giờ, Tỳ-kheo bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Con đã biết. Bạch Thiện Thệ! Con đã hiểu. Phật bảo Tỳ-kheo: -Ta nói pháp này một cách văn t, thây hiêu nghĩa đó sâu rộng như thê nào? Tỳ-kheo bạch Phật: Sắc không thuộc về con nên con phải nhanh chóng đoạn trừ. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức không thuộc về con nên con phải nhanh chóng đoạn trừ để đạt được lợi ích và an lạc lâu dài. Cho nên? bạch Thế Tôn! Bài pháp được Thế Tôn nói vắn tắt và con đã hiểu nghĩa đó sâu rộng như vậy. Đức Phật nói: Lành thay! Lành thay! Này Tỳ-kheo? Ta nói pháp này một cách vắn tắt, thầy đã hiểu ý nghĩa của chúng rộng thêm. Vì sao như vậy? Vì sắc không thuộc vê thây thì thây phải nên nhanh chóng đoạn trừ. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức không thuộc về thầy thì thầy phải nên nhanh chóng đoạn trừ. Sau khi đã đoạn trừ sẽ đạt được lợi ích và an lạc lâu dài. Sau khi nghe Phật dạy xong, Tỳ-kheo ấy tâm rất hoan hỷ, lễ Phật rồi lui ra, một mình ở nơi thanh vắng, tinh cần tu tập, sống không buông lung. Sau khi tinh cân tu tập, sông không buông lung, vị ây tư duy vê mục đích của một người thiện nam cạo bỏ râu tóc, chánh tín xuất gia, mặc áo cà-sa, rời xa gia đình, sống không gia đình là ngay trong đời này mong chứng ngộ cứu cánh Phạm hạnh vô thượng, và tự biết: "Sụ* sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã xong, tự biết không còn tái sanh." Bấy giờ, Tỳ-kheo ấy thành bậc A-la-hán, tâm được giải thoát. ***

37 Nguyên tác: Phi nhữ sở ứng ().Theo s. 22.68 - III. 77: Anattaniya (không thuộc tự ngã). 38 Nguyên tác: Nghĩa nhiêu ích ()được dịch từ atthasarnhitam (có được lợi ích).

QUYỂN l 15

18. ĐOẠN TRỪ CHẤP NGÃ39 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giờ, có vị Tỳ-kheo kia từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa áo bày vai phải, lễ Phật rồi đứng sang một bên và bạch Phật: Lành thay! Bạch Thế Tôn! Xin Ngài hãy nói tóm tắt pháp trọng yếu cho con. Sau khi con nghe pháp, sẽ ở một mình nơi thanh vắng, chuyên tâm tư duy, sống không buông lung,... (cho đến)40 tự biết không còn tái sanh,,, Phật bảo Tỳ-kheo: Lành thay! Lành thay! Thầy khéo nói lời này: "Bạch Thế Tôn! Xin Ngài hãy nói tóm tắt pháp trọng yếu cho con. Sau khi nghe pháp, con sẽ ở một mình nơi chỗ vắng, chuyên tâm tư duy, sống không buông lung,... (cho đến)4i tự biết không còn tái sanh." Có phải thầy nói vậy chăng? Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Đúng như vậy.

Phật bảo Tỳ-kheo: Hãy lắng nghe! Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng nói cho thầy. Những pháp gì không thuộc về thầy, cũng không thuộc về người khác thì phải

nên nhanh chóng đoạn trừ pháp đó. Sau khi đã đoạn trừ pháp đó sẽ đạt được lợi ích và an lạc lâu dài. Bấy giờ, Tỳ-kheo ấy bạch Phật:  Bạch Thế Tôn! Con đã biết. Bạch Thiện Thệ! Con đã hiểu.

Phật bảo Tỳ-kheo:  Ta nói pháp này một cách vắn tắt, thầy hiểu nghĩa đó sâu rộng như thế nào? Tỳ-kheo bạch Phật:  Bạch Thế Tôn! sắc không phải là con, không thuộc về con, cũng không thuộc về người khác. Đó là pháp phải nên nhanh chóng đoạn trừ. Sau khi đã đoạn trừ pháp đó sẽ đạt được lợi ích và an lạc lâu dài. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức không phải là con, không thuộc vê con, cũng không thuộc vê người khác thì phải nên nhanh chóng đoạn trừ. Đoạn trừ những pháp đó rồi sẽ đạt được lợi ích và an lạc lâu dài. Bài pháp được Thế Tôn nói vắn tắt và con đã hiểu nghĩa đó sâu rộng như vậy.

39 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7L02. 0099.18. 0003c28). Tham chiếu: s. 22.69 -III. 78. 40 Bản Hán tỉnh lược nội dung. 41 Như trên.

16  KINH TẠPA-HÀM

Phật bảo Tỳ-kheo: -Lành thay! Lành thay! Đối với pháp mà Như Lai đã nói vắn tắt, thầy đã hiểu nghĩa đó sâu rộng như thế. Vì sao như vậy? Này Tỳ-kheo, sắc không phải là thầy, không thuộc về thầy, cũng không thuộc về người khác thì pháp đó phải nên nhanh chóng đoạn trừ. Sau khi đoạn trừ pháp đó sẽ đạt được lợi ích và an lạc lâu dài. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức không phải là thầy, không thuộc về thầy, cũng không thuộc về người khác thì những pháp đó phải nên nhanh chóng đoạn trừ. Sau khi đoạn trừ pháp đó sẽ đạt được lợi ích và an lạc lâu dài. Sau khi nghe Phật dạy xong, Tỳ-kheo ấy tâm rất hoan hỷ, lễ Phật rồi lui ra, sống một mình ở nơi thanh vắng, tinh cần tu tập, sống không buông lung,... (cho đến)42 tự biết không còn tái sanh.^, Ngay lúc ấy, Tỳ-kheo kia tâm được giải thoát, thành bậc A-la-hán. ***

19. ĐOẠN TRỪ KIẾT sử43 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có vị Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lễ Phật rồi thưa:  Bạch Thế Tôn! Xin Ngài hãy nói tóm tắt pháp trọng yếu cho con. Sau khi nghe pháp, con sẽ sống một mình ở nơi thanh vắng, chuyên tâm tu tập, sống không buông lung. Khi đã chuyên tâm tu tập, sông không buông lung, con sẽ tư duy về mục đích của một người thiện nam cạo bỏ râu tóc, chánh tín xuất gia, mặc áo cà-sa, rời xa gia dinh, sống không gia đình,... (cho đến)4445 tự biết không còn tái sanh.” Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo:  Lành thay! Lành thay! Thầy khéo nói lời này: "Bạch Thế Tôn! Xin Ngài vì con lược nói pháp trọng yếu. Sau khi nghe pháp, con sẽ một mình ở nơi thanh văng, chuyên tâm tư duy, sông không buông lung,... (cho đêrỷ5 tự biêt không còn tái sanh", có phải vậy chăng? Tỳ-kheo bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Đúng như vậy. Phật bảo Tỳ-kheo: -Hãy lắng nghe! Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng nói cho thầy.

42 Bản Hán tỉnh lược nội dung.
43 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.19. 0004a28). Tham chiếu: s. 22.70 -III. 79.

44 Bản Hán tỉnh lược nội dung.

45 Như trên.

QUYỂN l 17

Này Tỳ-kheo! Pháp nào bị kiết sử trói buộc thì phải nên nhanh chóng đoạn trừ. Sau khi đã đoạn trừ pháp đó rồi sẽ đạt được lợi ích và an lạc lâu dài. Bấy giờ, Tỳ-kheo bạch Phật:  Bạch Thế Tôn! Con đã biết. Bạch Thiện Thệ! Con đã hiểu. Phật bảo Tỳ-kheo:  Ta nói pháp này một cách vắn tắt, thầy hiểu nghĩa đó sâu rộng như thế nào? Tỳ-kheo bạch Phật:  Bạch Thế Tôn! sắc là pháp bị kiết sử trói buộc, đã là pháp bị kiết sử trói buộc thì phải nên nhanh chóng đoạn trừ. Sau khi đoạn trừ pháp đó sẽ đạt được lợi ích và an lạc lâu dài. Cũng vậy, thọ? tưởng, hành, thức là pháp bi kiết sử trói buộc, đã là pháp bị kiết sử trói buộc thì phải nên nhanh chóng đoạn trừ. Sau khi đoạn trừ pháp đó sẽ đạt được lợi ích và an lạc lâu dài. Thế nên, bài pháp được Thế Tôn nói vắn tắt và con đã hiểu nghĩa đó sâu rộng như vậy. Phật bảo Tỳ-kheo: -Lành thay! Lành thay! Ta nói pháp này một cách vắn tắt, thầy hiểu nghĩa đó sâu rộng như vậy. Vì sao như vậy? Vì sắc là pháp bị kiết sử trói buộc. Pháp bị kiết sử trói buộc thì phải nên nhanh chóng đoạn trừ. Sau khi đoạn trừ pháp đó sẽ đạt được lợi ích và an lạc lâu dài. Cũng vậy, thọ? tưởng, hành, thức là pháp bị kiết sử trói buộc. Pháp bi kiết sử trói buộc thì phải nên nhanh chóng đoạn trừ. Sau khi đoạn trừ pháp đó sẽ đạt được lợi ích và an lạc lâu dài. Sau khi nghe đức Phật dạy xong, Tỳ-kheo ấy tâm rất hoan hỷ, cúi lạy Phật rồi lui ra. Vị ấy sống một mình nơi chỗ vắng, chuyên tâm tư duy, sống không buông lung... (cho đến)46 tâm được giải thoát, thành bậc A-la-hán. ***

20. THÂM KINH Thâm kinh cũng được nói như vậy. ***

21. DAO ĐÔNG47 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có vị Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lễ Phật rồi bạch:  Lành thay! Bạch Thế Tôn! Xin Ngài hãy nói tóm tắt pháp trọng yếu cho con. Sau khi nghe pháp, con sẽ một mình ở nơi thanh vang, chuyên tâm tu tập,

46 Bản Hán tỉnh lược nội dung. Tạp.(02. 0099.20. 0004Ò25). 47 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.O2. 0099.21. 0004Ò26). Tham chiếu: s. 22.64 - III. 74.



Sống không buông lung. Sau khi chuyên tâm tu tập, sống không buông lung, con sẽ tư duy về mục đích mà một người thiện nam chánh tín xuất gia, sống không gia đình,... (cho đến)4S tự biết không còn tái sanh." Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo:  Lành thay! Lành thay! Hôm nay, thầy khéo nói lời này: "Lành thay! Bạch Thế Tôn! Xin Ngài hãy nói tóm tắt pháp trọng yếu cho con. Sau khi được nghe pháp, con sẽ một mình ở nơi thanh vắng, chuyên tâm tu tập, sống không buông lung,... (cho đến)48 49 tự biết không còn tái sanh,^, Có phải thầy nói như vậy chăng? Tỳ-kheo bạch Phật: - Bạch Thế Tôn! Đúng vậy. Phật bảo Tỳ-kheo:  Hãy lắng nghe! Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng nói cho thầy. Này Tỳ-kheo! Khi dao động thì bi ma trói buộc. Nấu không dao động sẽ thoát khỏi Ma Ba-tuần.5051 Bấy giờ, Tỳ-kheo ấy bạch Phật:  Bạch Thế Tôn! Con đã biết. Bạch Thiện Thệ! Con đã hiểu. Phật bảo Tỳ-kheo:  Ta nói pháp này một cách vắn

tắt, thầy hiểu nghĩa đó sâu rộng như thế nào?

Tỳ-kheo bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Khi sắc dao động thì bi ma trói buộc; nếu không dao động sẽ thoát khỏi Ma Ba-tuần. Cũng vậy, khi thọ, tưởng, hành, thức dao động thì bị ma trói buộc, nếu không dao động thì giải thoát khỏi Ma Ba-tuần. Cho nên, bài pháp được Thế Tôn nói vắn tắt và con đã hiểu nghĩa đó sâu rộng như vậy. Phật bảo Tỳ-kheo: Lành thay! Lành thay! Này Tỳ-kheo, Ta nói pháp này một cách vắn tắt, thầy đã hiểu ý nghĩa của pháp đó rộng thêm. Vì sao như vậy? Vì khi sắc dao động thì bị ma trói buộc; nếu không dao động sẽ thoát khỏi Ma Ba-tuần. Cũng vậy, khi thọ, tưởng, hành, thức dao động thì bị ma trói buộc; nếu không dao động sẽ thoát khỏi Ma Ba-tuần... (cho đến)5ỵ tự biết không còn tái sanh, tâm được giải thoát, thành bậc A-la-hán. ***

48 Bản Hán tỉnh lược nội dung.

49 Như trên.

50 Ma Batun (Māro Pāpima)'. Thiên ma, chúa tể cõi ươi Tha Hóa Tự Tại.

51 Bản Hán tỉnh lược nội dung.

QUYỂN l 19

22. KIẾP-BA THƯA HỎI PHẬT52 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có vi Tỳ-kheo tên là Kiếp-ba5354 đi đến chỗ Phật, cúi lạy sát chân Ngài, đứng sang một bên rồi bạch:  Như lời Thế Tôn dạy: a4Tỳ-kheo tâm giải thoát hoàn toan/954 Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tỳ-kheo tâm giải thoát hoàn toàn? LÚC ay, The Ton noi vơi Kiep-ba:  Lành thay! Lành thay! Thầy có thể hỏi Như Lai về tâm giải thoát hoàn toàn. Lành thay, Kiếp-ba! Hãy lắng nghe, hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Như Lai sẽ giảng nói cho thầy. Này Kiếp-ba! Hãy quán sát để biết rằng, những gì thuộc về sắc ở quá khứ, ở tương lai hay hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế? hoặc tốt hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần thì hết thảy chúng đều vô thường. Quán sát chân thật55 về A e r ĩ 9  • VÔ thường roi thì sự luyên ái sác sẽ bị đoạn trừ. Sau khi sự luyên ái sác đã được đoạn trừ thì tâm giải thoát hoàn toàn. Cũng vậy, quán thọ, tưởng, hành, thức hoặc ở quá khứ, ở tương lai hay hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần thì hết thảy chúng đều vô thường. Quán sát chân thật về vô thường rồi thì sự luyến ái thọ5 tưởng, hành, thức sẽ bị đoạn trừ. Sự luyến ái thọ, tưởng, hành, thức đã đoạn trừ rồi thì Như Lai nói tâm giải thoát hoàn toàn. Này Kiếp-ba, Tỳ-kheo tâm giải thoát hoàn toàn như vậy, Như Lai gọi đó là bậc Tâm giải thoát hoàn toàn. Vì sao như vậy? Vì ái dục đã đoạn trừ. Người nào đã đoạn trừ ái dục thì Như Lai gọi đó là người tâm giải thoát hoàn toàn. Bây giờ, Tỳ-kheo Kiêp-ba sau khi nghe Phật dạy xong, tâm rát hoan hỷ, lê Phật rồi lui ra. Bấy giờ, Tỳ-kheo Kiếp-ba vâng theo những điều Phật dạy, sống một mình ở nơi chỗ vắng, chuyên tâm tư duy, sống không buông lung... (cho đến)56 tự biết không còn tái sanh, tâm giải thoát hoàn toàn, thành bậc A-la-hán.

52 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.22. 0004c20). Tham chiếu: s. 22.124 - III. 169; S. 22.125 - ill. 169. 53 Nguyên tác: Kiếp-ba (Kappa). 54 Nguyên tác: Thiện i thoát (suvimuttà). Trong Tạp A-hàm, cú ngữ này còn được viết là uchánh giải

thoát,9 (ĩÈ,sammãvỉmuttà), chỉ cho sự giải thoát hoàn toàn (sammā). Trong Chủ giải Kinh Gilānā (Gilānasuttavannanā), ngài Buddhaghosa giải thích rằng, tâm giải thoát chính la quả giải thoát của bậc A-la-hán (A rahattaphalavimuttiỵã vỉmuttacittassà), 55 Chánh quán ()Quán sát đúng như thật. Chánh ()tương đương Pâli là sammā, nghĩa là đúng, chính xác, toàn diện. 56 Bản Hán tỉnh lược.



23. LA-HÀU-LA THƯA HỎI PHẬT57 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật trú tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Ton giả La-hầu-la đi đến chỗ Phật, cúi lạy sát chân Ngài, đứng sang một bên roi thưa: Bạch Thế Tôn! Con phải biết như thế nào, thấy như thế nào đối với thân có thức này cùng với tất cả tướng bên ngoài để không bị trói buộc bởi nhận thức sai lầm là ta, của ta và phiền não ngã mạn?58 Phật bảo La-hầu-la: -Lành thay! Lành thay! Có phải con hỏi Như Lai rằng: "Con phải biết như thế nào, thấy như thế nào đối với thân có thức này cùng với tất cả tướng bên ngoài để không bị trói buộc bởi nhận thức sai lầm là ta, của ta và phiền não ngã mạn^, chăng? La-hầu-la bạch Phật: - Bạch Thế Tôn! Đúng như vậy. Phật bảo La-hầu-la: Lành thay, hãy lắng nghe! Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Như Lai sẽ giảng nói cho con. Này La-hầu-la! Hãy quán những gì thuộc về sắc ở quá khứ, ở tương lai hay hiện tại, hoặcL trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tê5 hoặc tót hoặc xâu, hoặc xa 9 9 J 9 \

hoặc gân thì tát cả chúng đêu chăng phải là ta, chăng phải khác ta, chăng tôn tại trong nhau. Hãy dùng trí tuệ chân chánh mà quán sát đúng như sự thật!59 Đoi với thọ, tưởng, hành, thức ở quá khứ, ở tương lai hay hiện tại? hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tê, hoặc tót hoặc xâu, hoặc xa hoặc gân thì tát cả chúng đều chẳng phải là ta, không phải khác ta, không tồn tại trong nhau. Hãy dùng trí tuệ chân chánh mà quán sát đúng như sự thật! Như vậy, này La-hầu-la! Tỳ-kheo phải biết như vậy, thấy như vậy. Khi biết như vậy, thây như vậy roi thì đôi với thân có thức này cùng với tát cả tướng của cảnh giới bên ngoài sẽ không bi trói buộc bởi nhận thức sai lầm là ta, của ta và phiền não ngã mạn.

57 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.23. 0005all). Tham chiếu: Tạp.(02. 0099.198. 0Ỏ50C07); ý 18.21 - II. 252; s. 22.91 - III. 135. 58 Tham chiếu: s. 18.21 - II. 252: Katharn nu kho, bhanteJānato kathaỉỊỉ passato imasmiñca saviññānake kāye bahiddhā ca sabbanimittesu ahañkāramamañkārarnānānusayā na honti (Bạch Thế Tôn, biêt như thê nào, thây như thê nào đôi với thân có thức này và đôi với tát cả tướng ở ngoài, không có (tư tưởng) ngã kiên, ngã sở kiên, ngã mạn tùy miên?), HT. Thích Minh Châu dịch. 59 Nguyên tác: Như thi bình đẳng tuệ chánh quán (evametam yathābhūtam sammappañññāya passatī).



Này La-hầu-la! Nếu Tỳ-kheo đối với thân có thức này cùng với tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài mà không bị trói buộc bởi nhận thức sai lầm là ta, của ta và phiền não ngã mạn như vậy, Tỳ-kheo đó được gọi là bậc đã đoạn trừ ái dục, dứt các kiết SÍT, diệt sạch ngã mạn, vượt thoát khổ đau.60 Bây giờ, La-hâu-la sau khi nghe Phật dạy xong,

hoan hỷ phụng hành. ***

24. ĐỨC PHẬT DẠY LA-HẦU-LA61 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Thế Tôn nói với La-hầu-la: Này Tỳ-kheo! Con phải biết như thế nào, thấy như thế nào đối với thân có thức này cùng với tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài để không bị trói buộc bởi nhận thức sai lầm là ta, của ta và phiền não ngã mạn? La-hầu-la bạch Phật:  Thế Tôn là đấng Pháp Chủ,62 là bậc Thầy dẫn đường, là Người che chở. Lành thay! Bạch Thế Tôn! Xin Ngài hãy diễn nói nghĩa đó cho các Tỳ-kheo nghe. Sau khi nghe Phật dạy xong, các Tỳ-kheo sẽ ghi nhớ và thực hành. Phật bảo La-hầu-la: -Hãy lắng nghe! Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Như Lai sẽ giảng nói cho các thầy. La-hầu-la bạch Phật: - Thưa vâng, bạch Thế Tôn! Phật dạy: -Hãy quán những gì thuộc ve sắc ở quá khứ, ở tương lai hay hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tê, hoặc tót hoặc xâu, hoặc xa hoặc gân thì hét thảy chúng đêu không phải là ta, không phải khác ta, không tôn tại trong nhau. Hãy dùng trí tuệ chân chánh mà quán sát đúng như sự thật.

60 Nguyên tác: Eoạn ái dục, chuyển khứ chư kiết, chánh vô gián đẳng, cứu cánh khổ biên , "Chnh vô gián dẳng”là cách viết chưa đúng của
"chi mạn vô gián dang^ sammā mânãbhisamayã. ơ đây, chỉ có nghĩa là
khiên cho ngưng nghỉ iifflE; mạn chính là kiêu mạn, ngã mạn; vô gián
nghĩa làìkhông bị trở ngại và đẳng co lẽ được dịch của samma, nghĩa là toan
diện, hoàn toàn. Do vạy, °chi mạn vô gián đẳng,9 trong thành cú này được dịch là diệt sạch ngã mạn. Thâm chiếu toàn bộ thảnh cú này ở M. 2, Sabbāsava Suita Kinh tát cả các lậu hoặc. Acchecchi tanham, vivattayi sarnyojanam, sammā mānabhisamayā antamakāsi dukkhassa Đã đoạn diệt khát ái / Đã thoát ly kiết sử / Đã chánh quán kiêu mạn / Đã diệt tận khô đau, HT. Thích Minh Châu dịch. 61 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r.02. 0099.24. 0005Ò05. Tham chiếu: Tạp.T.02. 0099.199. 0Ò50c27. ś. 18.22 -II. 253; s. 22.92 - III. 136. 62 Nguyên tác: Pháp chủ ,Dhammassãmĩ.



Đối với thọ, tưởng, hành, thức ở quá khứ, ở tương lai hay hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tê, hoặc tót hoặc xâu, hoặc xa hoặc gân thì tát cả chúng đều chẳng phải là ta, chẳng phải khác ta, chẳng tồn tại trong nhau. Hãy dùng trí tuệ chân chánh mà quán sát đúng như sự thật! Tỳ-kheo biết như vậy, thấy như vậy thì đối với thân có thức này cùng với tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài sẽ không bi trói buộc bởi nhận thức sai lầm là ta, của ta và phiền não ngã mạn. Này La-hâu-la! Tỳ-kheo đôi với thân có thức này cùng với tát cả tướng của cảnh giới bên ngoài không bị trói buộc bởi nhận thức sai lầm là ta, của ta và phiền não ngã mạn thì vượt thoát tâm nghi ngờ, xa lìa các tướng, tịch tịnh giải thoát. Như vậy gọi là Tỳ-kheo đã đoạn trừ ái dục, dứt các kiết sử, diệt sạch ngã mạn, vượt thoát khổ đau. Bấy giờ, sau khi La-hầu-la nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành. * Kệ tóm tắt: Sử, Tăng chư số, Phi ngã, Phi bỉ, Kiết phược, Động diêu, Kiếp-ba sở vấn, Diệc La-hầu-la5 Sở vấn nhị kinh.63 ***

25. ĐỊNH NGHĨA VÈ ĐA VĂN64

Tôi nghe như vầy:
Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước
Xá-vệ.
Bấy giờ, có vị Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, lễ Phật xong, đứng sang một bên rồi bạch Phạt:
- Như Thế Tôn dạy về đa văn, vậy thế nào gọi là đa văn?
Phật bảo Tỳ-kheo:
Lành thay! Lành thay! Có phải hôm nay thầy hỏi Như Lai về ý nghĩa đa văn chăng?
Tỳ-kheo bạch Phật:
Thưa vâng, bạch Thế Tôn!
Phật bảo Tỳ-kheo:
r
Hãy lăng nghe và khéo suy nghĩ! Như Lai sẽ giảng nói cho thây.
^Nguyên tóc Nhiếp tụng: ’ ,;.:.Do đặt lại tựa đê nên
Nhiêp tụng không trùng với tên kinh. 64 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.25. 0005Ò28).

QUYỂN l 23

Tỳ-kheo nên biết! Nếu nghe những pháp thuộc về sắc mà sanh nhàm chán, lìa dục5 diệt tận, Niết-bàn,65 đó gọi là đa văn. Cũng vậy, nếu nghe nhữĩiệ pháp thuộc vê thọ, tưởng, hành, thức mà sanh nhàm chán, lìa dục, diệt tận, Niêt-bàn, đó gọi là đa văn. Này Tỳ-kheo! Đó là nghĩa đa văn mà Như Lai nói đến. Bay giờ, Tỳ-kheo kia nghe Phật dạy xong, thân tâm hoan hỷ, kính lễ rồi lui ra. ***

26. ĐỊNH NGHĨA VÈ PHÁP SƯ66 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có vị Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, cúi lạy sát chân Ngài, đứng sang một bên rồi bạch Phật: - Như Thế Tôn dạy về Pháp sư, vậy thế nào gọi là Pháp sư? Phật bảo Tỳ-kheo: Lành thay! Lành thay! Có phải hôm nay thầy muốn biết về nghĩa Pháp sư mà Như Lai đã nói chăng? Tỳ-kheo bạch Phật: Thưa vâng, bạch Thế Tôn! Phật bảo Tỳ-kheo: Hãy lăng nghe và khéo suy nghĩ! Như Lai sẽ giảng nói cho thây. Phật bảo Tỳ-kheo: -Nêu n^ười nào thuyết pháp mà đôi với sác phát sanh nhàm chán, lìa dục, diệt tận, Niêt-bàn, đó gọi là Pháp sư. Nếu người nào thuyết pháp mà đối với thọ, tưởng, hành, thức phát sanh nhàm chán, lìa dục, diệt tận9 Niêt-bàn, đó gọi là Pháp sư. Đó là tên gọi Pháp sư mà Như Lai nói đến. Bấy giờ, Tỳ-kheo kia nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phấn khởi, kính lễ rồi lui ra. ***

27. TUẦN Tự THỰC HÀNH THEO PHÁP (l)67 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. 65 Nguyên tác: Yểm, lỵ dục, diệt tận, tịch tĩnh ().Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.362. 0100Ò22). Nêu có
Tỳ-khêo nao nghe những pháp về già, bệnh, chết mà sanhnham chan, lìa dục, được diệt tận, gọi là Tỳ-kheo đa van (,,,). 66 Tựa đề đặt theo nọi
dung kinh. Tạp.(r02 0099.26.0005c09). Tham chiếu: Tạp.(7Í02.0099.28. 0005C29); Tạp.(7.02. 0099.29. 0006al2); s. 22.115 - m. 163; s. 22.116 - III. 164. 67 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.27.0005c20). Tham chiếu: s. 22.39-42 - m. 40-1.

Bấy giờ, có vị Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, cúi lạy sát chân Ngài, đứng sang một bên rồi thưa: Như Thế Tôn dạy: "Tuần tự thực hành theo pháp."68 Vậy thế nao gọi là tuần tự thực hành theo pháp? Phật bảo Tỳ-kheo: Lành thay! Lành thay! Có phải hôm nay thầy muốn biết ý nghĩa tuần tự thực hành theo pháp chăng? Tỳ-kheo bạch Phật: - Thưa vâng, bạch Thế Tôn! Phật bảo Tỳ-kheo: Hãy lăng nghe và khéo suy nghĩ! Như Lai sẽ giảng nói cho thây. Này Tỳ-kheo! Đối với sắc hướng đến yểm ly, ly dục, diệt tận, đó gọi là tuần tự thực hành theo pháp. Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức hướng đến yểm ly, ly dục, diệt tận, đó gọi là tuần tự thực hành theo pháp. Bấy giờ, Tỳ-kheo kia nghe Phật dạy xong, thân tâm hoan hỷ5 kính lễ rồi lui ra. ***

28. NIẾT-BÀN TRONG HIỆN TẠI (l)68

6970

Tôi nghe như vây:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bay giờ, có vị Tỳ-kheo đen chồ đức Phật, cúi lạy sát chân Ngài, đứng sang một bên rồi thưa:

- Như lời Thế Tôn đã dạy: "Dạt được Niết-bàn ngay trong hiện tại."70 Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tỳ-kheo đạt được Niết-bàn ngay trong hiện tại?

Phật bảo Tỳ-kheo:

Lành thay! Lành thay! Có phải hôm nay thầy muốn biết về Niết-bàn ngay trong hiện tại chăng?

Tỳ-kheo bạch Phật:

Thưa vâng, bạch Thế Tôn!

68 Nguyên tác: Pháp jhứ pháp hướng (,dhammānudhammappatipanna): Thành cú này ở Điển Tôn kinh (61. booi.3. 0030bll) dịch là "pháp ph thàĩửiWu”().Trong Tạp ,cú ngữ này còn được dịch là:,;•;:;,;;, ... nghĩa là: Tuân tự thực hành theo pháp / Thực hành theo thứ lớp của giáo pháp / Thứ lớp của giáo pháp. Cú ngữ này, Tỳ-kheo Bodhi dịch là 4tThực hành đúng theo giáo pháp" (practising in accordance with the dhammā). 69 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02.0099.28. 0005c29). Tham chiếu: Tạp.(r02.0099.26. 0005c09); Tạp.(r.02. 0099.365. OlOÌaOÓ); s. 22.115 - III. 163; s. 22.116 - in. 164. 70 Nguyên tác: Kiến pháp (),dùng như chữ "hiên pháp”().p. dittheva dhamme.

QUYỂN l 25

Phật bảo Tỳ-kheo: Hãy lăng nghe và khéo suy nghĩ! Như Lai sẽ giảng nói cho thây. Phật dạy: —Đối với sắc mà sanh tâm nhàm chán, lìa dục, diệt tận, không khởi các phiền não, tâm được giải thoát hoàn toàn,71 đó gọi là Tỳ-kheo đạt được Niết-bàn ngay trong hiện tại. Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức mà sanh tâm nhàm chán, lìa dục, diệt tận, không khởi các lậu hoặc, tâm được giải thoát hoàn toàn gọi là Tỳ-kheo đạt được

Niết-bàn ngay trong hiện tại. Bấy giờ, Tỳ-kheo kia nghe Phật dạy xong, thân tâm hoan hỷ? kính lễ rồi lui ra. ***

29. TỲ-KHEO TAM-MẬT-LY-ĐỀ72 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có vị Tỳ-kheo tên là Tam-mật-ly-đề đi đến chỗ Phật, cúi lạy sát chân Ngài, đứng sang một bên rồi thưa: -Như Thế Tôn dạy về "Vị thầy thuyết pháp.” Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là vị thầy thuyết pháp? Phật bảo Tỳ-kheo:  Có phải hôm nay thây muôn biêt ý nghĩa vê vi thây thuyêt pháp chăng? Tỳ-kheo bạch Phật: -Thưa vâng, bạch Thế Tôn! Phật bảo Tỳ-kheo: —Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Như Lai sẽ giảng nói cho thầy nghe. Nêu Tỳ-kheo thuyêt giảng vê sự nhàm chán, lìa dục, diệt tận đôi với sác, Tỳ-kheo đó được gọi là vi thây thuyêt pháp. Cũng vậy, nêu nói vê sự nhàm chán, lìa dục, diệt tận đối với thọ, tưởng, hành, thức, Tỳ-kheo đó được gọi là vi thầy thuyết pháp. Bấy giờ, Tỳ-kheo kia nghe Phật dạy xong, thân tâm hoan hỷ? kính lễ rồi lui ra. *

71 Nguyên tác: Thiện giải thoát (suvìmuttà). Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển l, tr. 19; Hp (r.02. 0099.22. 0004c2Ò). 72 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02.0099.29.0006al2). Tham chiếu: Tạp.(r.02.0099.26. 0005C09); S. 22.115-III. 163; 5. 22.116-III. 164.

26  KINH TẠPA-HÀM

Kệ tóm tắt

Đa văn, Thiện thuyết pháp, Hướng pháp cập Niết-bàn,

Tam-mật-ly-đề vấn: Vân hà thuyết Pháp sư?7374

75

***

30. TRƯỞNG GIẢ THÂU-LŨ-NA 74 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà9 thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất ở trong núi Kỳ-xà quật. Khi ấy, có vị trưởng giả tên là Thâulũna,75 hằng ngày đi đến núi Kỳ-xà quật và ghé chô Tôn giả Xá-lợi-phât. Sau khi chào đón thăm hỏi xong, ông ngôi xuống một bên và nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:  Có những Sa-môn, Bà-la-môn đôi với sác vô thường, thay đôi, không an ổn mà nói rằng: "Ta hơn, ta bằng, ta kém!95 Tại sao những Sa-môn, Bà-la-môn ấy có suy tưởng như vậy mà không thấy sự thật? Có những Sa-môn? Bà-la-môn đối với thọ, tưởng, hành, thức vô thường, thay đổi, không an ổn mà nói rằng: "Ta hơn, ta bằng, ta kém!,^ Tại sao những Sa-môn, Bà-la-môn ấy có suy tưởng như vậy mà không thấy sự thật? Những Sa-môn, Bà-la-môn đối với sắc vô thường, thay đổi, không an ổn mà nói rằng: "Ta hơn, ta bằng, ta kém!" Do kiến chấp gì76 mà họ không thấy được sự thật? Đối với thọ, tưởng, hành, thức vô thường, thay đổi, không an ổn mà nói rằng: "Ta hơn, ta bằng, ta kém!99 Do kiến chấp gì mà họ không thấy được sự thật? -Này Thâu-lũ-na! Ý ông nghĩ sao, sắc là thường hay vô thường? Đáp:  Là vô thường!  Này Thâu-lũ-na! Nếu là vô thường, có phải là khổ chăng? Báp: -Là khổ!

73 Nguyên tác Nhiếp tụng:.Do đặt lại tựa đề nên Nhiêp tụng không trùng với tên kinh. 74 Tựa đề đặt theo nộidung kinh. Tạp.7.02. 0099.30.

0006a24. Tham chiếu: s. 22.49 - III. 48. 75 Thâu-lũ-na .Theo Ngũ phần luật T22. 1421.21. 0145al6: ở thành Vương Xá có vị trưởng giả có đên 20 ức tiên nên người đời gọi là Thủ-lâu-na Nhị Tháp u*c .ở đây, cả Tạp Ã-hàm và Luật ngũ phần đều ghi tên vị trưởng giả bàng 3 âm tiet, gần với nguyên ngữ Sanskrit Srona hơn ỉà Soụa trong Pali. 76 Nguyên tác: Sở kế :Kiến chấp, p. attato samanupassati. Như "kế ngã,,:Kiến chấp về ngã.



- Này Thâu-lũ-na! Nếu vô thường là khổ, là pháp đổi thay thì ý ông nghĩ sao, vị Thánh đệ tử có nên ở trong đó mà thấy sắc là ta, khác ta, hoặc tồn tại trong nhau chăng? Đáp: Thưa không! Này Thâu-lũ-na! Ý ông nghĩ sao, thọ, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường? Đáp: Là vô thường! Nếu là vô thường, có phải là khổ chăng? Đáp: -Là khổ! Này Thâu-lũ-na! Nếu thức là vô thường, là khổ, là pháp đổi thay thì ý ông nghĩ sao, vi Thánh đệ tử có nên ở trong đó mà thây thức là ta, khác ta, hoặc tôn tại trong nhau chăng? Đáp: -Thưa không! Này Thâu-lũ-na! Nên biết rằng, sắc ở quá khứ, ở tương lai hay hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần thì hết thảy sắc ấy đều không phải là ta, không phải khác ta, không tồn tại trong nhau. Đó gọi là biết như thật. Cũng vậy? thọ, tưởng, hành, thức, ở quá khứ, ở tương lai hay hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần thì hết thảy thọ, tưởng, hành, thức đó đều không phải là ta, không phải khác ta, không tôn tại trong nhau. Đó gọi là biêt như thật. Này Thâu-lũ-na! Như vậy, đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức mà sanh nhàm chán, lìa dục, giải thoát, giải thoát tri kiến roi biết rang: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Khi Tôn giả Xá-lợi-phất nói kinh này xong, trưởng giả Thâu-lũ-na xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tinh. Khi ấy, trưởng giả Thâu-lũ-na thấy pháp, đắc pháp, không nương ai khác, ở trong Chánh pháp được vô sở úy,77 liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa áo bày vai phải rồi quỳ xuống chắp tay thưa: Bạch Tôn giả Xá-lợi-phất! Hôm nay, con đã được độ. Từ ngày hôm nay, con nguyện quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng, xin làm ưu-bà-tắc. Ke từ hôm nay cho đến trọn đời, con nguyện thanh tịnh quy y Tam bảo.*

77 Đắc vô sở úy vesārajjappatto'. Đạt đến chồ tự tín, cũng mang nghĩa là không còn sợ hãi.



Bây giờ, trưởng giả Thâu-lũ-na nghe Tôn giả Xá-lợi-phât dạy xong, thân tâm hoan hỷ, kính lễ rồi lui ra. ***

31. TRƯỞNG GIẢ THÂU-LŨ-NA (2)78 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà5 thuộc thành Vương Xá. Bây giờ, Tôn giả Xá-lợi-phât ở trong núi Kỳ-xà quật. Khi ây có vị trưởng giả tên Thâu-lũ-na5 hằng ngày đi đến núi Kỳ-xà quật và ghé đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất9 cúi lạy sát chân Tôn giả rồi ngồi xuống một bên. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Thâu-lũ-na: Nếu Sa-môn? Bà-la-môn nào không biết như thật về sắc, không biết như thật về sự tập khởi của sắc, không biết như

thật về sự diệt tận của sắc và không biết như thật vê con đường đưa đên sự diệt tận của săc thì này Thâu-lũ-na, phải biết răng Sa-môn9 Bà-la-môn đó không có khả năng đoạn trừ săc. Cũng vậy, nếu Sa-môn5 Bà-la-môn nào không biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức, không biết như thật về sự tập khởi của thức, không biết như thật về Sự diệt tận của thức và không biết như thật vê con đường đưa đên sự diệt tận của thức thì Sa-môn, Bà-la-môn đó79 không có khả năng đoạn trừ thức. Này Thâu-lũ-na! Nếu Sa-môn? Bà-la-môn nào biết như thật về sắc, biết như thật về sự tập khởi của sắc, biết như thật về sự diệt tận của sắc và biết như thật vê con đường đưa đên sự diệt tận của săc thì này Thâu-lũ-na, phải biết răng Sa- môn, Bà-la-môn đó có khả năng đoạn trừ sắc. Cũng vậy, này Thau-lũ-na! Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức, biết như thật về sự tập khởi của thức, biết như thật về sự diệt tận của thức, biêt như thật vê con đường đưa đên sự diệt tận của thức thì này Thâu-lũ-na, phải biết rằng Sa-môn, Bà-la-môn đó có khả năng đoạn trừ thức. Này Thâu-lũ-na! Ý ông nghĩ sao, sắc là thường hay vô thường? Đáp: Là vô thường! Lại hỏi: Nếu là vô thường, có phải là khổ chăng? Đáp: -Là khổ!

78 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.31. 0006c04). Tham chiếu: s. 22.50 - III. 50. 79 Bản Hán chép thiếu cụm từ Sa-môn (),Bà-la-môn ().

QUYỂN l 29

Xá-lợi-phất hỏi: -Nếu sắc là vô thường, là khổ, là pháp đổi thay thì vị Thánh đệ tử có nên ở trong đó thấy sắc là ngã, khác ngã, hoặc tồn tại trong nhau chăng? Đáp: -Thưa không! Này Thâu-lũ-na! Ý ông nghĩ sao, thọ, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường? Đáp: Là vô thường! Lại hỏi: -Nếu là vô thường, có phải là khổ chăng? Đáp: Là khổ! Lại hỏi: -Nếu là vô thường, là khổ, là pháp đổi thay thì vị Thánh đệ tử có nên ở trong đó thấy thức là ngã, khác ngã, hoặc tồn tại trong nhau chăng? Đáp: Thưa không! Này Thâu-lũ-na! Nên biết rằng, sắc ở quá khứ, ở hiện tại hay tương lai, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần thì hết thảy sắc đó không phải là ngã, không phải khác ngã, không tồn tại trong nhau. Đó gọi là biết như thật. Này Thâu-lũ-na! Vị Thánh đệ tử đối với sắc mà sanh nhàm chán, ly dục, giải thoát thì giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức ở quá khứ, ở tương lai hay hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần thì hết thảy thọ, tưởng, hành, thức đó không phải là ngã, không phải khác ngã, không tồn tại trong nhau. Đó gọi là biết như thật. Này Thâu-lũ-na! Vị Thánh đệ tử đối với sắc mà sanh nhàm chán, ly dục, giải thoát thì giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Bấy giờ, Thâu-lũ-na nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nói xong, thân tâm hoan hỷ, kính lễ rồi lui ra. ***

30 KINH TẠPA-HÀM

32. TRƯỞNG GIẢ THÂU-LŨ-NA (3)80 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất ở trong núi Kỳ-xà quật. Khi ây, có vị trưởng giả tên là Thâu-lũ-na, hăng ngày đi đên núi Kỳ-xà quật và đên chô Tôn giả Xá-lọd-phât, cúi lạy sát chân ngài roi ngôi xuồng một

bên. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Thâu-lũ-na: Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào không biết như thật về sắc, không biết như thật về sự tập khởi của sắc, không biết như thật về sự diệt tận của sắc, không biết như thật về vị ngọt của sắc, không biết như thật về tai họa của sắc và không biết như thật về sự xuất ly cùa sắc thì không thể vượt thoát khỏi sắc. Nấu Sa-môn, Bà-la-môn nào không biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức, không biết như thật về sự tập khởi của thức, không biết như thật về sự diệt tận của thức, không biết như thật về vị ngọt của thức, không biết như thật về tai họa của thức và không biết như thật về sự xuất ly của thức thì Sa-môn, Bà-la-môn ấy không thể vượt thoát khỏi thức. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào biết như thật về sắc, biết như thật về sự tập khởi của sắc, biết như thật về sự diệt tận của sắc, biết như thật về vị ngọt của săc9 biêt như thật vê tai họa của sác và biêt như thật vê sự xuât ly của săc thì A ĩ 1 Â r 1 i 9 • r Sa-môn, Bà-la-môn ây có thê vượt thoát khỏi săc. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức, biết như thật về sự tập khởi của thức, biết như thật về sự diệt tận của thức, biết như thật về vi ngọt của thức, biết như thật về tai họa của thức và biết như thật về sự xuất ly của thức thì Sa-môn, Bà-la-môn này có thể vượt thoát khỏi thức. Này Thâu-lũ-na! Ỷ ông nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường? Đáp: Là vô thường! -Vô thường là khổ chăng? Đáp: -Là khổ! -Này Thâu-lũ-na! Nếu sắc là vô thường, là khổ, là pháp đổi thay thì vị Thánh đệ tử có nên ở trong đó thấy sắc là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng? Đáp: Thưa không!

80 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.32. 0007al0).

QUYỂN l 31

Này Thâu-lũ-na! Ý ông nghĩ sao, thọ, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường? Đáp: Là vô thường! - Nếu vô thường, có phải là khổ chăng? Đáp: -Là khổ! Này Thâu-lũ-na! Nếu là vô thường, là khổ, là pháp đổi thay thì vị Thánh đệ tử có nên ở trong đó thấy thức là ngã, khác ngã, hoặc tôn tại trong nhau chăng? Đáp: Thưa không! Này Thâu-lũ-na! Nên biết rằng, sắc ở quá khứ, ở tương lai hay hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần thì hết thảy sắc đó không phải là ngã, không khác ngã, không tồn tại trong nhau. Đó gọi là biết như thật. Này Thâu-lũ-na! Thọ, tưởng, hành, thức ở quá khứ, ở tương lai hay hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần thì hết thảy thọ, tưởng, hành, thức đó đều không phải là ng không khác ngã, không tồn tại trong nhau. Đó gọi là biết như thật. Này Thâu-lũ-na! Vị Thánh đệ tử quán sát chân thật đối với năm thủ uẩn này không phải ta, không phải của ta. Quán sát chân thật như vậy rồi thì đối với thế gian không có gì để nắm giữ, vì không có gì để nắm giữ nên không có gì để vướng mắc, vì không có gì để vướng mắc nên tự mình giác ngộ Niết-bàn:81 uSự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Bấy giờ? trưởng giả Thâu-lũ-na nghe những điều Tôn giả Xá-lợi-phất dạy xong, thân tâm hoan hỷ, kính lễ rồi lui ra.82

81 Nguyên tác: Tự giác Niết-bàn ( Ỹẫ ậs, paccattaññeva parinibbāyati). 82 Bản Hán, hết quyển 1.

QUYỂN 2 33. SẮC KHÔNG PHẢI LÀ NGÃ1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Sắc không phải là ngã. Nếu sắc là ngã thì không thể có bệnh, khổ sanh ra nơi sắc và đối với sắc cũng không thể ước muốn nó trở nên như vậy hoặc không trở nên như vậy. Vì sắc là vô ngã cho nên có bệnh, khổ sanh ra nơi sắc và đoi với sắc cũng có thể ước muốn nó trở nên như vậy hoặc không như vậy. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế. Này các Tỳ-kheo! Ý thầy nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn, là vô thường! Này các Tỳ-kheo! Nếu là vô thường, có phải là khổ chăng?

Các Tỳ-kheo bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, là khổ! Này các Tỳ-kheo! Nấu là vô thường, là khổ, là pháp đổi thay thì vị Thánh đệ tử đa văn có nên ở trong đó thấy sắc là ngã, khác ngã, hoặc tồn tại trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Không nên, bạch Thế Tôn! —Thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế. Do vậy, này các Tỳ-kheo! Những gì thuộc về sắc ở quá khứ, ở tương lai hay hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc xa hoặc gân thì phải quán sát chân thật hét thảy chúng đêu không phải ngã, không khác ngã, cũng không tồn tại trong nhau. Đối vối thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

l Tvra đề đặt theo nội dung kinh. Tạp. i|(r.O2. 0099.33. 0007Ồ22). Tham chiếu: Tạp.(2. 0099.34. 0007c13); Ngũ uẩn giai không kinh (T.02. 0102. 0499c05); Ngũ phản luật (T.22. 1421.15. 0101a08);luật (7122. 1428.31. 0779a02); s. 22.59 - III. 66.



Này các Tỳ-kheo! Vị Thánh đệ tử đa văn quán sát chân thật đối với năm thủ uan này khônệ phải là ta, không phải của ta. Quán sát chân thật như vậy rồi2 thì đoi với các the gian không có gì để nắm giữ; vì không có gì để nắm giữ cho nên không có gì vướng mác; vì không có gì vướng mắc cho nên tự mình giác ngộ Niêt-bàn: C6Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

34. NĂM VỊ TỲ-KHEO3 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Vườn Nai, trú xứ của Tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại. Bay giơ, The Ton noi vơi năm vi Tỳ-kheo: sắc không phải là ngã. Nếu sắc là ngã thì đã không có bệnh, khổ sanh ra nơi sắc và đối với sắc thì cũng không thể ước muốn nó trở nên như vậy hoặc không nên như vậy. Vì sắc vô ngã cho nên mới có bệnh, kho sanh ra nơi sắc và đoi với sắc thì cũng có the ước muốn nó trở nên như vậy hay không nên như vậy. Đối với thọ, tưởng, hành, thức thì cũng như thế. Này các Tỳ-kheo! Ý thầy nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường? Các Tỳ-kheo bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, là vô thường! Này các Tỳ-kheo! Nấu là vô thường, có phải là khổ chăng? - Bạch Thế Tôn, là khổ! Này các Tỳ-kheo! Nếu là vô thường, là khổ, là pháp đổi thay thì vị Thánh đệ tử đa văn có nên ở trong đó thấy sắc là ngã, khác ngã, hay tôn tại trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn, không nên!

Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Do vậy, này các Tỳ-kheo! Những gì thuộc về sắc ở quá khứ, ở tương lai hay hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần thì phải quán sát chân thật hết thảy chúng đều kh6ng phải là ta, không phải là của ta. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế.

2 Nguyên tác: Như thật quán sát ().Thẹo Tạp.(02.0099.32.0007al0): Như thị chánh quán ().Cả hai trường hợp này có cùng cấu trúc theo văn hệ Pali: Yathābhūtam sammappaññāya datthabba (như thật quán với chánh trí tuệ), HT. Thích Minh Châu dịch. 3 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp. 8(r.02. 0099.34.0007c13). Tham chiếu: Tạp.(7^02. 0099.33. 0007Ò22); Ngũ uẩn giai không kinh (r.02. 0102. 0499c05); Ngũ phân luật (T22. 1421.15. 61 (Ti a08);?p luật (T22. 1428.31. 0779a02); s. 22.59-III. 66.

34 KINH TẠPA-HÀM ----------

Này các Tỳ-kheo! Đối với năm thủ uẩn này, vi Thánh đệ tử đa văn thấy không phải là ta, không phải của ta. Quán sát như vậy roi thì đôi với thê gian đều không có gì để nắm giữ; vì không có gì để nắm giữ cho nên không có gì vướng mắc; vì không có gì vướng mắc cho nên tự mình giác ngộ Niết-bàn: “Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh.” Phật nói kinh này xong, năm vi Tỳ-kheo không khởi các lậu hoặc, tâm được giải thoát. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

35. BA VỊ HIỀN GIẢ4 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Viên, thuộc nước Chi-đề. Bấy giờ, có ba vi Hiền giả5 xuất gia chưa bao lâu. Đó là Tôn giảA-nậu-luật- đà, Tôn giả Nan-đề và Tôn giả Kim-tỳ-la.6 Bấy giờ, Thế Tôn biết rõ ý nghĩ ữong tâm họ, liền giáo giới rằng: -Này các Tỳ-kheo! Tâm này, ý này, thức này;7 hãy tư duy điều này, chớ tư duy điều này; hãy đoạn trừ dục này, hãy đoạn trừ sắc này, tự thân chứng ngộ và an trụ.8 Này các Tỳ-kheo! Có sắc nào thường còn, không thay đổi, tồn tại mãi không? Các Tỳ-kheo bạch Phật: - Thưa không, bạch Thế Tôn! Phật bảo các Tỳ-kheo: -Lành thay! Lành thay! sắc là pháp vô thường, đổi thay, đáng chán bỏ thì được ly dục, tịch diệt, vắng lặng, ngưng nghỉ.9 sắc từ xưa đến nay đều như vậy, hết thảy chúng đều là pháp vô thường, khổ đau, thay đổi. Sau khi biết như vậy thì tất cả mọi phiền não, tai hại, bứt rứt, lo buồn, sầu não vốn đã duyên vào sắc ấy mà sanh ra đều bị đoạn trừ. Sau khi đã đoạn trừ rồi thì không còn vướng mắc. Đã không còn vướng mắc thì được sống an lạc. Đã sống trong an lạc thì được Bát-niêt-bàn. Đôi với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế.

4 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.35. 0008a05. 5 Nguyên tác: Chánh si chỉ cho người đang tu tập theo điều chân chánh, nên thống nhất gọi là Hiên giả. ^Tôn giảA-nậu-luật-đà, Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tỳ-la . P. Anurudhā, Nandi, Kimbila. 7 Nguyên tác: Thử tâm, thử ý, thử thức cittarn itipi, mano itipi, viññānam itipī. 8 Nguyên tác: Thân tác chứng cụ túc trụ .p. upasampajja viharanti chứng ngộ và an trụ. ^Nguyên tác: Ly dục, diệt, tịch, một .Tham chiếu: Phân biêt lục giới kỉnh T.01. 0026.162. 0692a18 ghi

là avô dục, diệt, túc, chi” „ít.

QUYÊN 2  35

Khi Phật nói kinh này, ba vị Hiền giả không khởi lên các lậu hoặc, tâm được giải thoát. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

36. MƯỜI SÁU TỲ-KHEO10 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn xoài Tán Cái, bên bờ sông Bạt-đề, thuộc nước Ma-thâu-la. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: -Hãy an trú nơi hòn đảo của chính mình, hay an trú và nương tựa nơi chính mình! Hãy an trú nơi hòn đảo Chánh pháp, hãy an trú và nương tựa nơi Chánh pháp, không phải hòn đảo nào khác, không phải nơi nương tựa nào khác! Này các Tỳ-kheo! Phải chân chánh quán sát, hãy an trú nơi hòn đảo của chính mình, hãy nương tựa nơi chính mình. Hòn đảo chính là Chánh pháp, nơi nương tựa chính là Chánh pháp, không phải hòn đảo nào khác, không phải nơi nương tựa nào khác. Do nguyên nhân gì mà lo buồn, khổ não phát sanh? Vì sao nó hiện hữu? Nguyen nhân của nó từ đâu? Vì sao lại bị trói buộc? Phải tự quán sát rằng, do đâu mà lo buôn, khô não chưa sanh mà bây giờ lại sanh? Do đâu mà lo buôn, khổ não đã sanh rồi lại tăng trưởng thêm lên? Các Tỳ-kheo bạch Phật:  Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp. Kính mong Ngài thuyết giảng cho chúng con! Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ lãnh thọ và phụng hành. Phật bảo các Tỳ-kheo:  Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng cho các thay. Này các Tỳ-kheo! Hãy tự mình quán sát, do sự hiện hữu của săc? do nguyên nhân từ sác, do sự trói buộc của sác nên những lo buôn, khô não chưa sanh thì nay lại sanh, đã sanh rồi thì tăng trưởng thêm lên; thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Này các Tỳ-kheo! Có sắc nào thường hằng, không thay đổi và tồn tại mãi không? Đáp: Thưa không, bạch Thế Tôn!

10 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.36. 0008a21). Tham chiếu: s. 22.43 III. 42.

36  KINH TẠP A-HÀM

Phật bảo các Tỳ-kheo:  Lành thay! Lành thay! Này các Tỳ-kheo, sắc là vô thường. Nấu người thiện nam biết rõ sắc là vô thường, là khổ, là đổi thay thì được lìa dục? diệt tận, tịch tĩnh, vắng lặng. Từ xưa đến nay, tất cả sắc đều là pháp vô thường, khổ đau, thay đổi. Biết như vậy rồi thì nếu sắc làm nhân duyên sanh ra lo buồn, khổ não sẽ bị đoạn trừ. Khi đã đoạn trừ sắc rồi thì không còn gì vướng mắc. Do không còn gì vướng mắc nên sống trong an lạc. Đã song trong an lạc thì được gọi là Niết-bàn. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Khi Phật nói kinh này, mười sáu Tỳ-kheo không khởi các lậu hoặc, tâm được giải thoát. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. * Kệ tóm tắt: Trúc Viên, Tỳ-xá-ly? Thanh tinh, Chánh quán sát, Vô thường, Khổ, Phi ngã, Ngũ, Tam dữ Thập lục.11 ***

37. KHÔNG TRANH VỚI THÉ GIAN12 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.  Bay giờ, The Ton bao các Ty-kheo: -Ta không tranh luận với thế gian, chỉ có thế gian tranh luận với Ta. Vì sao như vậy? Này các Tỳ-kheo! Nêu ai nói đúng như pháp13 thì người ấy không tranh luận

với the gian. Những gì người trí trong thế gian nói là có14 thì Ta cũng nói là có. Thế nào là người trí trong the gian nói là có thì Ta cũng nói là có? Này các Tỳ-kheo! sắc là vô thường, là khổ, là pháp đổi thay; người trí trong thê gian nói là có thì Ta cũng nói là có. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, là khổ, là pháp đổi thay; người trí trong thế gian nói là có thì Ta cũng nói là có. Những gì người trí trong thế gian nói là không thì Ta cũng nói là không. Người trí ở thế gian không nói rằng sắc là thường hằng, không thay đổi, tồn

^Nguyên tác Nhiếp tụng: ,;,,,;,.Do đặt lại tựa đe nen Nhiếp tụng lchong trùng với tên kinh. 12 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.37. 0008b15). Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.38. 0008C08); s. 22.94 - III. 138 13 Nguyên tác: Như pháp ngữ giả (dhammavādī). 14 Nguyên tác: Thế gian trí giả ngôn hữu (,atthisammatam lokepanditānam).



tại mãi. Ta cũng không nói như vậy. Cũng vậy, người trí ở thế gian không nói răng thọ, tưởng, hành, thức là thường hăng, không thay đổi, tồn tại mãi. Ta cũng không nói như vậy. Đó gọi là người trí trong thế gian nói là không thì Ta cũng nói là không. Này các Tỳ-kheo! Có những pháp thuộc về thế gian ở trong thế gian15 mà Ta đã tự biết rõ, tự giác ngộ rồi phân biệt, diễn nói, chỉ bày cho người; thế nhưng đoi với kẻ mù ở trong thế gian, do không có mắt nên không biết, không thấy thì đó không phải là lỗi của Ta. Này các Tỳ-kheo! Những pháp nào thuộc về thế gian ở trong thế gian mà Ta đã tự biết rõ, tự chứng ngộ rồi phân biệt, diễn nói, chỉ bày cho người; nhưng những kẻ mù không có mắt ở trong the gian thì lại không biết, không thấy? Đó là, này các Ty-kheo! sắc là pháp vo thường, là khổ, là pháp đổi thay. Đó gọi là pháp thuộc về thế gian ở trong thế gian. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là pháp vô thường, là khổ, là pháp đổi thay. Đó là pháp những pháp thuộc về thế gian ở trong thế gian. Này các Tỳ-kheo! Đó là những pháp thuộc về thế gian ở trong thế gian mà Ta đã tự hiểu rõ, tự chứng ngộ roi phân biệt, diễn nói, chỉ bày cho người; the nhưng đoi với kẻ mù kia do không có mắt nên không biết, không thấy. Đoi với kẻ mù không có mắt nên không biết, không thấy thì Ta biết làm sao được. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

38. ĐỊNH DANH VÈ CÁI BÁT16 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ.* Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Người đời làm nhiều nghề nghiệp thấp kém, tìm đủ mọi cách mưu sinh để mong được giàu sang thì người đời ai cũng đều biết. Như những điều mà thế gian biết, Ta cũng nói như vậy. Vì sao như thế? Vì đừng nghĩ rằng17 Ta khác với người đời. Này các Tỳ-kheo! Ví như cùng một món đồ dùng, nhưng người ở vùng này gọi nó là kiện-tý? nơi khác thì gọi là cái bát, có chỗ lại gọi là chủy-chủy-la5 có chỗ gọi là giá-lưu5 có chỗ gọi là tỳ-tất-đa5 có chỗ gọi là bà-xà-na, có chỗ gọi là

15 Nguyên tác: Thế gian thế gian pháp loke lokadhammā. 16 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r.02. 0099.38. 0008c08. Tham chiếu: Tạp.r.02. 0099.37.

00Ỏ8Ò15; s 22.94 - m. 138 17 Nguyên tác: Mạc linh .Theo Chảnh Pháp Hoa kinh từ điển ,Tinh"có nghĩa mong mỏi, ước vọng.



tát-lao. Ta cũng nói như vậy, đúng theo sự hiểu biết của người ở các nơi ấy.1819 20 Vì sao như thế? Vì đừng nghĩ rằng Ta khác với người đời. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo! Có pháp thế gian mà Ta đã tự biết rõ? tự giác ngộ rồi phân biệt, giảng nói, chỉ bày cho người. Ta thấy, biết rồi mới nói. Thế nhưng đối với kẻ mù trong thế gian, do không có mắt nên không thấy, không biết. Đối với kẻ mù ở trong thế gian, do không có mắt nên không thấy, không biết thì Ta biết làm sao được. Này các Tỳ-kheo! Những pháp nào thuộc về thế gian ở trong thế gian mà Ta đã tự biết rõ, tự giác ngộ,... (cho dến)i9 không biết, không thấy? sắc là pháp vô thường, khổ đau, thay đổi; đó là pháp thuộc về thế gian ở trong thế gian. Thọ, tưởng, hành, thức là pháp vô thường, khô đau, thay đôi; đó là pháp thuộc vê thê gian ở trong the gian. Này các Tỳ-kheo! Đó gọi là pháp thuộc vê thê gian ở trong thê gian mà Ta đã tự thấy, tự biết... (cho đếnýồ những kẻ mù không có mắt nên không biết, không thấy thì Ta biết làm sao được. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

39. CÁC LOẠI HẠT GIỐNG21 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Có năm loại hạt giống. Những gì là năm? Hạt giống từ rễ,22 hạt giống từ thân,23 hạt giống từ đốt,24 hạt giống từ chiết cành25 và hạt giống từ quả.26 Năm loại hạt giông này, dù không bi gián đoạn, không bị hư, không bi thôi, không bị gi6, vừa chín, chắc hạt, có đất, nhưng nếu không có nước thì các loại hạt giống ấy không thể sanh trưởng, lớn mạnh được.

18 Đây là những tên gọi khác nhau chỉ cho cái bát. Xem thêm M. 139, Aranavibhañga Sutta (Kinh vô tránh phân biêt): ơ đây, này các Tỷ-kheo, trong nhiều quốc độ? người ta biết (những chữ) pati... pattā... vittha... sarava... dharopa... pona... pisiỉa. Như vậy, như họ biêt trong các quôc độ ây những chữ là như vậy như vậy, có người lại lam như vậy, kiên trì chấp thủ, chấp trươc và nói: "chí rứiư vạy là sự thật, ngoài ra là hư vọng.,, Như vậy, này các Tỷ-kheo, là chấp trước địa phương ngữ, là đi quá xa ngổn ngư thường dùng (HT. Thích Minh Châu dịch). 19 Bản Hán tỉnh lược nội dung. 20 Như trên. 21 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.39. 0008c26). Tham chiếu: s. 22.54 - III. 54. 22 Nguyên tác: Căn chủng tử (mūlabījci). 23 Nguyên tác: Kinh chủng tử (,khandhabīja). 24 Nguyên tác: Tiết chủng tử (phalubịja). 25 Nguyên tác: Tự lạc chủng tử ().p. aggabīja (chiết cành, cũng gọi là sáp cành). 26 Nguyên tác: Thật chủng tử (,bījabījañña).



Nêu hạt giông áy vừa chín, chác hạt, không bị gián đoạn, không bị hu, không bị thối, không bị gió, có nước nhưng không có đất thì hạt giống ấy cũng không thể sanh trưởng, lớn mạnh được. Nêu hạt giông áy vừa chín, chác hạt, không bi gián đoạn, không bi hu, không bị thoi, không bị gió, có đất và nước thì hạt giống ấy sanh trưởng, lớn mạnh. Này

các Tỳ-kheo! Năm loại hạt giống ấy là dụ cho các thủ uẩn cùng có mặt với thức.27 Đất là dụ cho bốn chỗ thức trụ.28 Nước là dụ cho hỷ tham. Bốn thủ29 bám víu nơi thức mà tôn tại. Những gì là bôn? Thức trụ trong sác, bám víu sác, hỷ tham được thấm nhuần, làm cho sanh trưởng, lớn mạnh. Cũng vậy, thức trụ trong thọ, tưởng, hành, bám víu thọ, tưởng, hành, hỷ tham được thấm nhuần, làm cho sanh trưởng, lớn mạnh. Này các Tỳ-kheo, thức ở trong đó, hoặc đến, . 1 ; . 1 .n., . hoặc đi, hoặc trụ lại, hoặc biên mát, hoặc sanh trưởng, lớn mạnh. r ỉ r

Này các Tỳ-kheo! Nêu lìa săc5 thọ, tưởng, hành mà thức có đi, có đên, có trụ lại, có sanh thì đó chỉ là lời nói suông; nếu như chất vấn thì sẽ không biết, chỉ làm tăng thêm sự mê mờ, vì không ở trong cảnh giới đó vậy. Đôi với sac giới mà lìa tham, khi đã lìa tham roi thì sự trói buộc được sanh ra do sự quyến luyến của thức30 đối với sắc bị đoạn trừ. Khi sự trói buộc được sanh ra do sự quyến luyến của thức đối với sắc bị đoạn trừ rồi thì duyên bám víu bi cắt đứt. Khi duyên bám víu bị cắt đứt rồi thì thức không còn nơi để trụ nên không thể sanh trưởng, lớn mạnh trở lại. Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành giới lìa tham thì sự trói buộc31 được sanh ra do sự quyến luyến của thức đối với sắc bị đoạn trừ. Khi sự trói buộc được sanh ra do sự quyến luyến của thức đối với sắc bị đoạn trừ rồi thì duyên bám víu bi cat đứt. Khi duyên bám víu bị cat đứt roi thì thức không còn nơi đê trụ nên không thể sanh trưởng, lớn mạnh trở lại. Do không sanh trưởng nên không tạo tác;32 do không tạo tác nên được an trú; do được an trú nên biết đủ;33 do biết đủ nên giải thoát; do giải thoát cho nên đối với các thế gian đều không có gì để nắm giữ, không có gì để vướng mắc; do không năm giữ, không vướng mac nên tự mình giác A ngộ Niêt-bàn: "Sụ* sanh 9 r

của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cân làm đã làm xong, tự biêt

27 Nguyên tác: Thủ ấm câu thức viññānarn sāhāram. 28 Tư thức trụ ,catasso viññānatthitiyo. Theo A-tỳ-đạt-ma Tập dỉ môn túc luận M 7.26. 1536.8. 0400c16, thức trụ nơi sắc, thọ, tương và hành, gọi là 4 nơi thức trụ , :; 29 Tứ thủ cattāri upādānāni, p. cattāri upādāni: kāmūpādānam, ditthūpādānarn, sīlabbatūpādanam, attavādūpadānam dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, nga luận thủ. 30 Nguyên tác: Ý .Trong 4 bộ A-hàm, ba chữ "tâm", “y" và "thức” thường sử dụng lẫn lộn. Trường hợp này chính là chữ "thức". 31 Nguyên tác: Xúc .Bản Hán chép nhầm chữ "phuvc". 32 Nguyên tác: Bất tác hành anabhisañkhā. 33 Nguyên tác: Tri túc santusitā.



không còn tái sanh." Ta nói thức của vi ây không đi đên Đông, Tây, Nam, Bác, bốn phương phụ, phương trên và phương dưới, không có chỗ đen, chỉ thấy pháp, muốn nhập Niết-bàn5 tịch diệt, mát mẻ, thanh tịnh, chân thật. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

40. QUYẾN LUYẾN VÀ GIẢI THOÁT34 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giơ, Thê Ton bao các Ty-kheo: Còn quyên luyên35 thì không giải thoát. Không quyên luyên thì được giải

thoát. Thế nào là còn quyến luyến thì không giải thoát? Này các Ty-kheo, thức bám víu vào bốn thủ uẩn mà an trụ. Những gì là bốn? Thức quyến luyến đối với sắc rồi an trụ. Cũng vậy, thức quyến luyến đối với thọ, tưởng, hành rồi an trụ... (cho đến)3637vì chẳng phải là cảnh giới. Thế nào là không quyến luyến thì được giải thoát? Là đối với sắc giới lìa tham; đoi với thọ, tưởng, hành mà lìa tham,... (cho đen)31 thanh tinh, chân thật. Đó gọi là không quyến luyến thì được giải thoát. Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

41. LIỄU TRI NĂM THỦ UẨN38 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Có năm thủ uẩn.39 Đó là sắc thủ uẩn? thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn và thức thủ uẩn. Đối với năm thủ uẩn này, Ta biết như thật về năm điều: Biết như thật về sắc, biết như thật về sự tập khởi của sắc, biết như thật về vi ngọt của sắc, biết như thật về tai họa của sắc và biết như thật về sự thoát ly sắc.

34 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.40. 0009a27). Tham chiếu: s. 22.53 - III. 53. 35 Nguyên tác: Phong trệ ().p. upaya (sự quyến luyến, sự dính mắc). 36 Bản Hán tỉnh lược nội dung. 37 Như trên. 38 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.41. 0009ỒỒ07). Tham chiếu: s. 22.56 - III. 58. 39 Nguyên tác: Ngũ thọ ấm ().



Cũng vậy, Ta biết như thật về thọ, tưởng, hành; biết như thật về thức, biết như thật về sự tập khởi của thức, biết như thật về vị ngọt của thức, biết như thật về tai họa của thức và biết như thật về sự thoát ly thức. Thế nào là biết như thật về sắc? Những gì thuộc về sắc bao gồm bốn đại40 và sắc do bốn đại tạo thành, đó gọi là sắc. Như vậy là biết như thật về sắc. Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của sắc? Đối vơi sắc mà có sự ưa thích, đó gọi là sự tập khởi của sắc. Như vậy là biết như thật về sự tập khởi của sắc. Thế nào là biết như thật về vị ngọt của sắc? Nghĩa là, do sắc làm nhân duyên sanh ra hỷ lạc, đó gọi là vị ngọt của sắc. Như vậy là biết như thật về vị ngọt của săc. Thế nào là biết như thật về tai họa của sắc? Bởi sắc là vô thường, là khổ, là pháp biến đôi, đó gọi là tai họa của sắc. Như vậy là biết như thật về tai họa của sắc. Thế nào là biết như thật về sự thoát ly sắc? Nếu đối với sắc mà điều phục được tham dục, đoạn trừ tham dục, vượt thoát tham dục, đó gọi là sự thoát ly sắc. Như vậy là biết như thật về sự thoát ly sắc. Thế nào là biết như thật về thọ? Có sáu loại41 thọ. Thọ sanh khởi do sự tiếp xúc của mát. Cũng vậy? do sự tiêp xúc của tai, mũi, lưỡi, thân và ý mà sanh ra thọ, đó gọi là thọ. Như vậy là biết như thật về thọ. Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của thọ? Sự tập khởi của xúc là tập khởi của thọ. Như vậy là biết như thật ve sự tập khởi của thọ. Thế nào là biết như thật về vi ngọt của thọ? Sáu thọ làm nhân duyên sanh ra hỷ lạc, đó gọi là vị ngọt của thọ. Như vậy là biết như thật về vị ngọt của thọ. Thế nào là biết như thật về tai họa của thọ? Bởi vì thọ là vô thường là khổ, là pháp biến đổi, đó gọi là tai họa của thọ. Như vậy là biết như thật về tai họa của thọ. Thế nào là biết như thật về sự thoát ly thọ? Đối với thọ mà điều phục tham dục, đoạn trừ tham dục, vượt thoát tham dục, đó gọi là sự thoát ly thọ. Như vậy la biết như thật về sự thoát ly thọ. Thế nào là biết như thật về tưởng?42 Có sáu loại tưởng.43 Những gì là sáu? Đó là, tưởng sanh khởi do sự

tiếp xúc của mắt. Cũng vậy, do sự tiêp xúc của tai, mũi, lưỡi, thân và ý mà sanh ra tưởng, đó gọi là tưởng. Như vậy là biêt như thật về tưởng. Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của tưởnẹ? Đó là, sự tập khởi của xúc là tập khởi của tưởng. Như vậy là biết như thật ve sự tập khởi của tưởng.

40 Nguyên tác: Tứ đại cattāri mahābhūtānī, gồm có địa CHfe: chất cứng thủy chất lỏng hỏa hơi nóng phong sự chuyên động .
41 Nguyên tác: Thân kāyā. Ngoài nghĩa utthân thể"còn có nghĩa là "chiỉng loại". 42 Nguyên tác: Tưởng saññā. 43 Nguyên tác: Lục tưởng thân .



Thế nào là biết như thật về vị ngọt của tưởng? Đó là? tưởng làm nhân duyên sanh ra hỷ lạc, đó gọi là vị ngọt của tưởng. Như vậy là biết như thật về vị ngọt của tưởng. Thế nào là biết như thật về tai họa của tưởng? Tưởng là vô thường, là khổ, là pháp biến đổi, đó gọi là tai họa của tưởng. Như vậy là biết như thật ve tai họa của tưởng. Thế nào là biết như thật về sự thoát ly tưởng? Đối với tưởng mà điều phục tham dục, đoạn trừ tham dục, vượt thoát tham dục, đó gọi là sự thoát ly tưởng. Như vậy là biết như thật về sự thoát ly tưởng. Thế nào là biết như thật về hanh?44 Có sáu loại tư.45 Tư sanh khởi do sự tiếp xúc của mắt. Cũng vậy, do sự tiếp xúc của tai, mũi, lưỡi, thân và ý mà sanh ra tư, đó gọi là hành. Như vậy là biết như thật về hành. Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của hành? Sự tập khởi của xúc là tập khởi của hành. Như vậy là biết như thật về sự tập khởi của hành. Thế nào là biết như thật về vi ngọt của hành? Hành làm nhân duyên sanh ra hỷ lạc, đó gọi là vi ngọt của hành. Như vậy là biết như thật ve vi ngọt của hành. Thế nào là biết như thật về tai họa của hành? Hành là vô thường, là khổ, là pháp biến đổi, đó gọi là tai họa của hành. Như vậy là biết như thật về tai họa của hành. Thế nào là biết như thật về sự thoát ly hành? Đối với hành mà điều phục được tham dục, đoạn trừ tham dục, vượt thoát tham dục, đó gọi là sự thoát ly hành. Như vậy là biết như thật về sự thoát ly hành. Thế nào là biết như thật về thức?4647 Có sáu loại thức/7 Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý thức, đó gọi là thức. Như vậy là biết như thật về thức. Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của thức? Nghĩa là danh sắc tập khởi nên thức tập khởi. Như vậy là biết như thật về sự tập khởi của thức. Thế nào là biết như thật về vi ngọt của thức? Thức làm nhân duyên sanh ra hỷ lạc, đó gọi là vi ngọt của thức. Như vậy là biết như thật về vị ngọt của thức. Thế nao là biết như thật về tai họa của thức? Bởi thức là vô thường, là khổ, là pháp biến đổi, đó gọi là tai họa của thức. Như vậy là biết như thật về tai họa của thức. Thế nào là biết như thật về sự thoát ly thức? Đối với thức mà điều phục được tham dục, đoạn trừ tham dục, vượt thoát tham dục, đó gọi là sự thoát ly thức. Như vậy là biết như thật về sự thoát ly thức.

44 Nguyên tác: Hành saùkhãrà.
45 Nguyên tác: Lục tư thân .Tư cetanã.
46 Nguyên tác: Thức viññānci.
47 Nguyên tác: Lục thức thân cha viññānakāya.
QUYỂN 2 43

Này các Tỳ-kheo! Nếu Sa-môn hay Bà-la-môn nào đối với sắc mà biết như vậy, thấy như vậy; biết như vậy, thấy như vậy là hướng đến ly dục, đó gọi là sự hướng đến chân chánh. Nếu ai hướng đến chân chánh, Ta nói người đó sẽ được thể nhập.48 Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào đối với sắc mà biết như thật, thấy như thật thì vị ấy sanh khởi nhàm chán đối với sắc, sẽ lìa dục, không khởi các phiền não, tâm được giải thoát. Nếu tâm vị ấy được giải thoát thì được gọi là bậc Thuần nhất.49 Bậc đã thuần nhất thì vi ấy sẽ thành tựu Phạm hạnh. Bậc đã thành tựu Phạm hạnh thì vị ấy lìa dục, được tự tại, đó gọi là vượt thoát khỏi khổ. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

42. THUẦN THỤC BẢY YẾU TÓ50 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Ky.dà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Do thuần thục bảy yếu tố51 và quán sát nghĩa đầy đủ52 theo ba cách đối với Chánh pháp53 nên được dứt sạch phiền não, được tâm vô lậu giải thoát, được tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự mình biết rõ, tự thân tác chứng rồi tự an trú: “Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Thế nào gọi là Tỳ-kheo thuần thục bảy yếu tố? Tỳ-kheo biết như thật về sắc, biết như thật về sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sắc, con đường đưa đến sự diệt tận của sắc, vị ngọt của sắc, tai họa của sắc và biết như thật về sự thoát ly sắc. Cũng vậy, biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức, sự tập khởi của thức, sự diệt tận của thức, con đường đưa đến sự diệt tận của thức, vị ngọt của thức, tai họa của thức và sự thoát ly thức.

48 Nguyên tác: Bỉ nh,ap :Vị ấy thể nhập Chánh pháp. Theo s. 22.56 - III. 58: Những ai khéo thực hiện, những vị ấy co chân đứng trong Pháp và Luật này. 49 Nguyên tác: Thuần nhất ,kevalirì'. Bậc Tối thắng, bậc Giác ngộ, bậc A-la-hán. 50 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r.02. 009942. 0010a04. Tham chiếu: Biệt Tạp.02. 0101.27. 0Ỏ05C19; rtó/xí? tam quản kinh T.02. 0150A.1. 0875b05;r.02. 0150A.3. 0876al6; s. 22.57-III. 61. 51 Nguyên tác: Thất xứ thiện .Thiện ,kusala vừa mang nghĩa là điều lành vừa mang nghĩa là thuần thục, thiện xảo. Căn cứ vào ngữ cảnh trong kinh thì thiện ,kusala được hiêu theo nghĩa thứ hai. 52 Nguyên tác: Tận ,chỉ cho sự đầy đủ, toàn bộ ,kevala. 53 Nguyên tác: Ư thử pháp .Thử pháp :Giáo pháp này, tức chỉ cho Chánh pháp. Theo S. 22.57 - III. 61: Dhammavinaye kevalī toàn vẹn trong Pháp và Luật này, HT. Thích Minh Châu dịch.



Thế nào là biết như thật về sắc? Những gì thuộc về sắc, bao gồm bốn đại và sắc do bốn đại tạo thành, đó gọi là sắc. Như vậy là biết như thật ve sắc. Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của sắc? Ái hỷ54 là sự tập khởi của sắc. Như vậy là biết như thật về sự tập khởi của sắc. Thế nào là biết như thật về sự diệt tận của sắc? Ái hỷ diệt thì sắc diệt. Như vậy là biết như thật về sự diệt tận của sắc. Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của sắc? Đó là Thánh đạo tám chi gồm chánh kiến, chánh tư duy,5556

chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn* chánh niệm và chánh định. Đó là con đường đưa đến sự diệt tận của sắc. Như vậy là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của sắc. Thế nào là biết như thật về vi ngọt của sắc? Đó là, sắc làm nhân duyên sanh ra hỷ lạc, đó gọi là vi ngọt của sac. Như vậy là biêt như thật vê vi ngọt của sac. Thế nào là biết như thật về tai họa của sắc? Bởi vì sắc là vô thường, là khổ, là pháp biến đổi, đó gọi là tai họa của sắc. Như vậy là biết như thật về tai họa của sắc. Thế nào là biết như thật về sự thoát ly sắc? Đối với sắc mà điều phục được tham dục, đoạn trừ tham dục, vượt thoát tham dục, đó gọi là sự thoát ly sắc. Như vậy là biết như thật về sự thoát ly sắc. Thế nào là biết như thật về thọ? Có sáu loại thọ. Thọ sanh khởi do sự tiếp XÚC của mat. Cũng vậy, do sự tiêp xúc của tai, mũi, lưỡi, thân và ý mà sanh ra thọ, đó gọi là thọ. Như vậy là biết như thật về thọ. Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của thọ? Sự tập khởi của xúc là tập khởi của thọ. Như vậy là biết như thật về sự tập khởi của thọ. Thế nào là biết như thật về sự diệt tận của thọ? Sự diệt tận của xúc là diệt tận của thọ. Như vậy là biết như thật về sự diệt tận của thọ. Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của thọ? Đó là Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh định. Đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của thọ. Như vậy là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của thọ. Thế nào là biết như thật về vị ngọt của thọ? Thọ làm nhân duyên sanh ra hỷ lạc. Đó là vị ngọt của thọ. Như vậy là biết như thật về vị ngọt của thọ. Thế nào là biết như thật về tai họa của thọ? Thọ là vô thường, là khổ, là pháp biến đổi, đó gọi là tai họa của thọ. Như vậy là biết như thật về tai họa của thọ.

54 Nguyên tác: Ái hỷ nandīrāgā. 55 Nguyên tác: Chánh chí . 56 Nguyên tác: Chánh phương tiện .



Thế nào là biết như thật về sự thoát ly thọ? Đối với thọ mà điều phục tham dục, đoạn trừ tham dục, vượt thoát tham dục, đó gọi là sự thoát ly của thọ. Như vậy là biết như thật về sự thoát ly thọ. Thế nào là biết như thật về tưởng? Có sáu tưởng. Tưởng do sự tiếp xúc của mắt mà sanh khởi. Cũng vậy, do sự tiếp xúc của tai, mũi, lưỡi, thân và ý mà sanh ra tưởng, đó gọi là tưởng. Như vậy là biết như thật về tưởng. Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của tưởng? Sự tập khởi của xúc là tập khởi của tưởng. Như vậy là biết như thật về sự tập khởi của tưởng. Thế nào là biết như thật về sự diệt tận của tưởng? Sự diệt tận của xúc là diệt tận của tưởng, đó là sự diệt tận của tưởng. Như vậy là biết như thật về sự diệt tận của tưởng. Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của tưởng? Đó là Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh đinh. Đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của tưởng. Như vậy là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của tưởng. Thế nào là biết như thật về vị ngọt của tưởng? Tưởng làm nhân duyên sanh ra hỷ lạc, đó gọi là vị ngọt của tưởng. Như vậy là biết như thật về vị ngọt của tưởng. Thế nào là biết như thật về tai họa của tưởng? Bởi vì tưởng là vô thường, là khổ, là pháp biến đổi, đó gọi là tai họa của tưởng. Như vậy là biết như thật về tai họa của tưởng. Thế nào là biết như thật về sự thoát ly tưởng? Đối với tưởng mà điều phục tham dục, đoạn trừ tham dục, vượt thoát tham dục, đó gọi là sự thoát ly tưởng. Như vậy là biết như thật về sự thoát ly tưởng. Thế nào là biết như thật về hành?

Có sáu loại tư.57 Tư sanh khởi do sự tiếp xúc của mắt. Cũng vậy, do sự tiếp xúc của tai, mũi? lưỡi, thân và ý mà sanh ra tư, đó gọi là hành. Như vậy là biết như thật về hành. Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của hành? Sự tập khởi của xúc là tập khởi của hành. Như vậy là biết như thật về sự tập khởi của hành. Thế nào là biết như thật về sự diệt tận của hành? Sự diệt tận của xúc là diệt tận của hành. Như vậy là biết như thật về sự diệt tận của hành. Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của hành? Đó là Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh định. Đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của hành. Như vậy là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của hành. Thế nào là biết như thật về vị ngọt của hành? Hành làm rứiân duyên sanh ra hỷ lạc, đó gọi là vị ngọt của hành. Như vậy là biết như thật ve vi ngọt của hành.

57 Nguyên tác: Lục tư thân .



Thế nào là biết như thật về tai họa của hành? Bởi vì hành là vô thường, là khổ, là pháp biến đổi, đó gọi là tai họa của hành. Như vậy là biết như thật về tai họa của hành. Thế nào là biết như thật về sự thoát ly hành? Đối với hành mà điều phục được tham dục, đoạn trừ tham dục, vượt thoát tham dục, đó gọi là sự thoát ly của hành. Như vậy là biết như thật về sự thoát ly hành. Thế nào là biết như thật về thức? Có sáu loại thức. Nhãn, nhi, tỷ, thiệt, thân và ý thức, đó gọi là thức. Như vậy là biết như thật về thức. Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của thức? Sự tập khởi của danh sắc là tập khởi của thức. Như vậy là biết như thật về sự tập khởi của thức. Thế nào là biết như thật về sự diệt tận của thức? Sự diệt tận của danh sắc là diệt tận của thức. Như vậy là biết như thật về sự diệt tận thức. Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của thức? Đó là Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh đinh. Đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của thức. Như vậy là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của thức. Thế nào là biết như thật về vị ngọt của thức? Thức làm nhân duyên sanh ra hỷ lạc, đó gọi là vị ngọt của thức. Như vậy là biết như thật về vị ngọt của thức. Thế nào là biết như thật về tai họa của thức? Bởi vì thức là vô thuơng l khổ, là pháp biến đổi, đó gọi là tai họa của thức. Như vậy là biết như thật ve tai họa của thức. Thế nào là biết như thật về sự thoát ly thức? Đối với thức mà điều phục được tham dục, đoạn trừ tham dục, vượt thoát tham dục, đó gọi là sự thoát ly thúc. Như vậy là biêt như thật về sự thoát ly thức. Này các Tỳ-kheo! Đó gọi là thuần thục bảy yếu tố. Thế nào là quán sát nghĩa theo ba cách? Nếu Tỳ-kheo ở nơi thanh vắng, bên gốc cây hay chỗ đất trống rồi quán sát về uẩn, giới và xứ,58 siêng năng tư duy về nghĩa này, gọi là Tỳ-kheo quán sát nghĩa theo ba cách. Đó gọi là Tỳ-kheo thuần thục bảy yếu tố và quán sát nghĩa đầy đủ theo ba cách đôi với Chánh pháp nên được dứt sạch phiên não, được tâm vô lậu giải thoát, được tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự mình biết rõ, tự thân tác chứng rồi tự an trú: "Sụ* sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh.” Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ****

tác: Ấm, giới, nhập .Tỉnh lược của ngũ uẩn ,lục giới ,lục nhập xứ

## 43. CHẤP THỦ VÀ KHÔNG CHẤP THỦ59

Tôi nghe như vay:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-dà, thuộc nước Xá-vệ. ,

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Do chấp thủ nên sanh đắm trước, không chấp thủ thì không đắm trước.

Hãy lang nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng nói cho các thầy.

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Thưa vâng, bạch đức Thế Tôn!

Phật bảo các Tỳ-kheo:

Thế nào là do chấp thủ nên sanh đắm trước?

Phàm phu mê muội thiêu hiên biêt nên đôi với sác thì cho là ngã, khác ngã, hoặc tồn tại trong nhau; cho rằng sắc là ngã, ngã sở nên chấp thủ; khi đã chấp thủ rôi? nêu sác kia biên chuyên hoặc đôi khác thì tâm cũng biên chuyên theo. Khi tâm đã biên chuyên theo thì sanh ra đăm trước, chấp thủ nên tâm bi không chế và bị nắm giữ.60 Vì tâm bi khống chế và bị nắm giữ nên sanh ra sợ hãi, chướng ngại, loạn tâm, do vì chấp thủ nên đắm trước. Phàm phu mê muội thiếu hiểu biết nên đối với thọ, tưởng, hành, thức thì cho là ngã, khác ngã, hoặc tồn tại trong nhau; cho rằng thức là ngã, ngã sở nên chấp thủ; khi đã chấp thủ rồi, nếu thức kia biến chuyển hoặc đổi khác thì tâm ấy cũng biến chuyển theo. Khi tâm đã biến chuyển theo thì sanh ra đắm trước, chấp thủ nên tâm bị khống chế và bi nắm giữ. Vì tâm bị khống chế và bi nắm giữ nên sanh ra sợ hãi, chướng ngại, loạn tâm, do vì chấp thủ nên đắm trước. ĐÓ gọi là do châp thủ nên đăm trước. Thế nào gọi là không chấp thủ nên không đắm trước? Vị Thánh đệ tử đa văn đối với sắc thì không cho là ngã, khác ngã, hoặc tồn tại trong nhau; đối với sắc không cho là ngã, ngã sở để mà chấp thủ; khi không còn cho là ngã, ngã sở để chấp thủ vào sắc, dù sắc kia bi biến chuyển hoặc đổi khác thì tâm cũng không biến chuyển theo. Do tâm không biến chuyển theo nên không sanh ra đăm trước, châp thủ, tâm không bị không chê và không bị năm giữ. Vì tâm không bị không chê và năm giữ nên không sanh sợ hãi, chướng ngại, loạn tâm, do vì không chấp thủ nên không đắm trước. Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức không chấp là ngã, khác ngă? hoặc tồn tại trong nhau; đối với thức không cho là ngã, ngã sở để mà chấp thủ; khi không cho là ngã, ngã sở đê mà châp thủ, dù thức kia bị chuyên biên hoặc đôi 59 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.43. 0010cl9). Tham chiếu: (r.02. 0099.66. 00i 7b16); M. 138, Uddesavibhañga Sutta (Kinh tổng thuyết và biệt thuyết); s. 22.7 - III. 15. 60 Nguyên tác: Nhiếp thọ tâm trụ ().Tham chiếu: M. 138: Cittarn pariyādāya titthanti (xâm nhập tâm và tồn tại), HT. Thích Minh Châu dịch.



khác thì tâm cũng không biến chuyển theo. Do tâm không biến chuyển theo nên không sanh ra đăm trước, châp thủ, tâm không bị không chê và năm giữ. Vì tâm không bị

khống chế và nắm giữ nên không sanh sợ hãi, chướng ngại, loạn tâm? do vì không chấp thủ nên không đắm trước. Đó gọi là không chấp thủ nên không đắm trước. ĐÓ gọi là châp thủ thì đăm trước và không châp thủ thì không đăm trước. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

44. CHÚNG SANH VÀ TRÓI BUỘC61 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ, The Ton bao các Ty-kheo: Nếu có sanh thì có trói buộc, không sanh thì không bi trói buộc. Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng nói cho các thầy. Thế nào gọi là có sanh thì có trói buộc? Phàm phu mê muội thiếu hiểu biết nên không biết như thật về sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sắc, vị ngọt của sắc, tai họa của sắc, sự thoát ly sắc nên đối với sắc lại ưa thích, khen ngợi, nắm giữ; cho rằng sắc là ngã, khác ngã rồi chấp thủ. Do chấp thủ nên khi sắc kia bị biến chuyển hoặc đổi khác thì tâm cũng bị biến chuyển và đổi khác theo. Do tâm bị biến chuyển và đổi khác nên tâm bị khống chế và bị nắm giữ. Do tâm bị khống chế và bị nắm giữ nên sanh ra sợ hãi, chướng ngại, luyến nhớ, là do có sanh nên có trói buộc. Đối với thọ, tưởng, hành và thức cũng lại như vậy. Đó gọi là do có sanh nên có trói buộc. Thế nào là không sanh thì không bị trói buộc? Vi Thánh đệ tử đa văn biết như thật về sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sác, vị ngọt của sác, tai họa của sác và sự thoát ly sác; do biêt như thật nên vị ây không ưa thích, không khen ngợi, không châp thủ, không trói buộc vào ngã, ngã sở để mà chấp thủ. Do không chấp thủ nên khi sắc kia bị biến chuyển hoặc đổi khác thì tâm cũng không bị biến chuyển hay đổi khác theo. Do tâm không biến chuyển hay đổi khác nên tâm không bị trói buộc, đắm trước, không bị khống chế và nắm giữ. Vì tâm không bị khống chế và nắm giữ nên tâm không sợ hãi, chướng ngại, luyến nhớ, vì không sanh nên không bị trói buộc. Đoi với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đó gọi là không sanh thì không bi trói buộc.

61 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.44. 0011al3). Tham chiếu: s. 22.8 - III. 18.

QUYỂN 2 49

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

45. GIÁC NGÔ NĂM THỦ UẨN62 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có năm thủ uẩn.63 Là năm thứ nào? Đó là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn và thức thủ uẩn. Nếu Sa-môn hay Bà-la-môn nào thấy có ngã thì tất cả đều từ nơi năm thủ uẩn này mà thấy có ngã. Các Sa-môn hay Bà-la-môn thấy sắc là ngã, sắc là khác ngã, hoặc sắc ở trong ngã, ngã ở trong sắc. Cũng vậy, thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã? là khác ngã, hoặc thức ở trong ngã, ngã ở trong thức. Phàm phu mê muội thiếu hiểu biết, do vì vô minh nên thấy sắc là ngã, là khác ngã, hoặc tồn tại trong nhau, hoặc cho rằng: "Ngã là chân that" nên không xả bỏ. Do không xả bỏ nên các căn sanh khởi.64 Các căn đã sanh khởi thì các xúc cũng sanh khởi. Do sự xúc chạm của sáu xúc nhập xứ65 nên phàm phu mê muội thiếu hiểu biết khởi lên cảm giác kho hay lạc, đều từ xúc

nhập xứ mà sanh khởi. Những gì là sáu? Đó là, nhãn xúc nhập xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý xúc nhập xứ. Như vậy, này các Tỳ-kheo! Có ý giới, pháp giới66 và vô minh giới.67 Phàm phu mê muội thiếu hiểu biết, do sự tiếp xúc với vô minh68 nên khởi tưởng có,69 tưởng không, tưởng vừa có vừa không, tưởng ta hơn, tưởng ta bang, tưởng ta kém, tưởng ta biêt, tưởng ta thây, tưởng biêt như vậy, tưởng thây như vậy, đêu do sáu xúc nhập xứ mà sanh khởi. Đối với sáu xúc nhập xứ này, vị Thánh đệ tử đa văn xa lìa vô minh mà sanh khởi minh, không sanh khởi tưởng c6, tưởng không, tưởng vừa có vừa không,

62 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r.02. 0099.45. OOllbOl. Tham chiếu: Tạp.T.02. 0099.63. 00Ì6ỒỈ3; s 22.47 -IIL 46. 63 Nguyên tác: Ngũ thọ ấm . 64 Nguyên tác: Chư căn tăng trưởng ,chỉ cho sự sinh thành ngũ căn. 65 Nguyên tác: Lục xúc nhập xứ ,còn gọi là ulục xúc xứ". 66Nguyên tác: Ý giới ,pháp giới ,hai giới trong 18 giới. Tham chiếu: Đa giới kinh rói. 0026.181. 0723b 19. 67 Nguyên tác: Vô minh giới ,một trong 6 giới, đó là lạc giới, khổ giới, hỷ giới, ưu giới, xả giới và vô minh giới. 68 Nguyên tác: Vô minh xúc ,avijjāsamphasso. Theo Cāu-xa luân sớ TAX. 1822.10. 0607b24: Nhất thiết nhiễm xúc danh vô minh xúc . 69 Nguyên tác: Khởi hữu giác .



tưởng ta hơn, tưởng ta bằng, tưởng ta kém, tưởng ta biết, tưởng ta thấy. Biết như thật, thấy như thật rồi thì sự tiếp xúc với vô minh đã khởi lên từ trước bị tiêu diệt; về sau, tưởng tiếp xúc với minh70 sẽ sanh khởi. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

46. CHƯỚNG NGẠI LÀ THỦ UẨN71 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có năm thủ uẩn.72 Là năm thứ nào? Đó là, sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn và thức thủ uẩn. Nếu Sa-môn hay Bà-la-môn nào nhờ Túc mạng trí mà đã biết, sẽ biết hoặc đang biết rõ về đời sống của các kiếp trước thì những điều đã biết, sẽ biết và đang biết ấy thảy đều xuất phát từ năm thủ uẩn: "Ta đã trải qua đời quá khứ với sắc như vậy, thọ như vậy, tưởng như vậy, hành như vậy và thức như vậyy Những gì bị chướng ngại,73 bị phân tán thì gọi là sắc thủ uẩn. Những thứ gây trở ngại như do tay, hoặc đá, hoặc gậy, hoặc dao; hoặc lạnh, hoặc nóng; hoặc khát, hoặc đói; hoặc sự xúc chạm của muỗi mòng, các loại trùng độc, mưa, gió... đó gọi là bị chướng ngại do xúc. Cho nên, chướng ngại là sắc thủ uẩn. Lại nữa, sắc thủ uẩn này là vô thường, là khổ, là pháp biến đổi. Các cảm thọ74 chính là thọ thủ uẩn. Cảm thọ những gì? Là cảm thọ khổ, cảm thọ lạc, cảm thọ không kho không lạc, cho nên nói rang cảm thọ chính là thọ thủ uẩn. Lại nữa, thọ thủ uẩn này là vô thường, là khổ, là pháp biến đổi. Các tưởng75 là tưởng thủ uẩn. Tưởng những gì? Là tưởng ít, tưởng nhiều, tưởng vô lượng, hoàn toàn không có gì thì khởi tưởng không có gì; cho nên gọi là tưởng thủ uẩn. Lại nữa, tưởng thủ uẩn này là vô thường, là khổ, là pháp biến đổi. Hành vi tạo tác76 là hành thủ uẩn. Tạo tác những gì? Là tạo tác sắc, tạo tác thọ5 tạo tác tưởng, tạo tác hành và tạo tác thức; nên nói rằng hành vi tạo tác là hành thủ uẩn. Lại nữa, hành thủ uẩn này là vô thường,

là khổ, là pháp biến đổi.

70 Nguyên tác: Minh xúc ,đối lập của vô minh XIÍC . 71 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r02. 0099.46. 0011b21. Tham chiếu: s. 22.79 -III. 86. 72 Nguyên tác: Ngũ thọ ấm . 73 Nguyên tác: Ngại M, ruppaiĩ, có nghĩa là sự thay đổi, nhưng theo Chủ giải thì mang nghĩa là bị phá hoại bhijjati. 74 Nguyên tác: Giác tướng vedayati'. Cảm thọ hay cảm giác . 75 Nguyên tác: Tưởng ,sañjānāti.
76 Nguyên tác: Vi tác tướng sañkhatamabhisañkharontī .



Xem xét, biết rõ11 là thức thủ uẩn. Biết rõ những gì? Là biết sắc, biết thanh, hương, vị, xúc và biết pháp; nên nói rằng xem xét, biết rõ là thức thủ uẩn. Lại nữa, thức thủ uẩn này là vô thường, là khổ, là pháp biến đổi. Này các Tỳ-kheo! Đối với sắc thủ uẩn này, vị Thánh đệ tử đa văn hãy học như vầy: “Ta hiện tại đang bị sắc nhai nuốt;7778 trong đời quá khứ đã từng bị sắc kia nhai nuốt, giống như hiện tại." Vị ấy lại suy nghĩ như vầy: "Ta hiện tại đang bị sắc nhai nuốt. Nếu ta còn tham đắm sắc tương lai thì cũng sẽ bị sắc kia nhai nuốt, giống như hiện tại." Biết như vậy rồi, vị ấy không luyến tiếc sắc quá khứ, không tham đắm sắc tương lai; đối với sắc hiện tại thì sanh nhàm chán, lìa dục, trừ tai họa, hướng đến diệt tận. Vị Thánh đệ tử đa văn đối với thọ thủ uẩn, tưởng, hành và thức thủ uẩn cũng nên học như vầy: "Ta hiện tại đang bị thức nhai nuốt, trong đời quá khứ đã từng bi thức ấy nhai nuốt, giống như hiện tại. Ta hiện tại đã bi thức nhai nuốt, nếu còn tham đắm thức tương lai thì cũng sẽ bị thức ấy nhai nuốt giống như hiện t@i." Biết như vậy rồi, vi ấy không tiếc nuối thức quá khứ, không mong cầu thức tương lai; đối với thức hiện tại thì nhàm chán, lìa dục, diệt tai họa, hướng đến tịch diệt. Diệt mà không tăng, lùi mà không tiến, diệt mà không khởi, xả chứ không nam giữ. Đối với những gì diệt mà không tăng? Đối với sắc, diệt mà không tăng. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành và thức diệt mà không tăng. Đối với những gì lùi mà không tiến? Đối với sắc, lùi mà không tiến. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành và thức lùi mà không tiến. Đối với những gì diệt mà không khởi? Đối với sắc, diệt mà không khởi. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành và thức diệt mà không khởi. r r r9 r , . Đôi với những gì xả mà không năm giữ? Đôi vớiĩ săc,. xả mà không năm giữ. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành và thức xả mà không năm giữ. Diệt mà không tăng, tịch diệt mà an trụ; lùi mà không tiến, tịch lặng mà an trụ; diệt mà không khởi, tịch diệt mà an trụ; xả chứ không chấp, không sanh ra trói buộc. Do không bi trói buộc nên chứng đắc Niết-bàn: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành* *

77 Nguyên tác: Biệt tri tướng vijānāti. Tướng dùng như xem xét . 78 Nguyên tác: sắc sở thực rūpena khcyjāmī.



Kệ tóm tắt:
Ngã, Ty hạ, Chủng tử, Phong trệ, Ngũ chuyển, Thất,
Nhị phược trước cập Giác, Tam thế ấm thế thực.79

***

47. TÍN TÂM80 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bay giờ, The Ton bảo các Ty-kheo: Người thiện nam có lòng tin phải nên suy nghĩ như vầy: "Ta nên tuần tự thực hành theo pháp.81 Đoi với sắc, ta hãy song với sự nhàm chán mãnh liệt;82 đối với thọ, tưởng, hành và thức cũng sống với sự nhàm chán mãnh liet?9 Người thiện nam có lòng tin liền sống với sự nhàm chán mãnh liệt đối với sắc; đối với thọ, tưởng, hành và thức cũng sống với sự nhàm chán mãnh liệt. Đã nhàm chán đối với sắc, cũng đã nhàm chán đối với thọ, tưởng, hành, thức; do nhàm chán nên vi ấy lìa dục, được giải thoát và thấy, biết rõ đã giải thoát: "Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Đức Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

48. CHÂN CHÁNH XUẤT GIA83 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Người thiện nam có lòng tin chân chánh xuất gia, sống không gia đình, nghĩ rằng: “Ta nên tuần tự thực hành theo pháp,84 đối với sắc, hãy sống với sự nhàm chán mãnh liệt; đối với thọ, tưởng, hành và thức cũng sống với sự nhàm

79 Nguyên tác Nhiếp tụng:,;,.Do đặt lại tựa đề nên Nhiếp
tụng khống trung với tên kinh. 80 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.47. 0012a09). Tham chiếu: s. 22.146 - m. 179. 81 Nguyên tác: Tùy thuận pháp (IIdhammānudhammappatipannā). Xem chú thích 68, kinh số 27, quyên l, tr. 24; Tạp.(/.02. 0099 27. 0005c20). 82 Nguyên tác: Đa tu (đồng nghĩa với nhiệt tâm (,bahulò). Theo s. 22.146 - III. 179: Ai sống nhàm chán nhiều đối với sac (HT. Thích Minh Châu dịch). 83 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.48. 0012al8). Tham chiếu: s. 22.147 - III. 179. 84 Nguyên tác: Tùy thuận pháp (,dhammānudhammappatipannā). Xem chú thích 68, kinh số 27, quyên l, tr. 24; Tạp.(f.O2. 0099.27. 0005c20).



chán mãnh liet." Người thiện nam có lòng tin chân chánh xuất gia, sống không gia đình; đôi với sác, vi ây sông với sự nhàm chán mãnh liệt; đôi với thọ, tưởng, hành và thức, cũng sống với sự nhàm chán mãnh liệt nên được thoát ly đối với sắc; đối với thọ, tưởng, hành, thức, cũng được thoát ly. Ta nói rằng, những vị ấy chắc chắn thoát ly hết thảy sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

49. PHÁP SANH DIỆT85 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà5 thuộc nước Xá-vệ. Bay giờ? The Ton hỏi Ton giả A-nan: Nêu trưởng giả hay con của trưởng giả nào có lòng tin đên hỏi thây răng: "d trong những pháp nào có thể biết được sự sanh diệt của chhng?" Thầy sẽ trả lời như thế nào? Tôn giả A-nan bạch Phật: Bạch đức Thê Tôn! Nêu có trưởng giả hay con của trưởng giả có lòng tin đến hỏi, con sẽ đáp như vầy: "Biết sắc là pháp sanh diệt. Biết thọ, tưởng, hành, thức là

pháp sanh diet." Bạch Thê Tôn! Nêu có trưởng giả hay con của trưởng giả đên hỏi những điều như thế thì con sẽ trả lời như vậy. Phật bảo Tôn giả A-nan: Lành thay! Lành thay! cần phải trả lời như vậy. Vì sao như vậy? Vì sắc là pháp sanh diệt. Thọ, tưởng, hành, thức là pháp sanh diệt. Biết sắc là pháp sanh diệt, đó gọi là biết sắc. Biết thọ, tưởng, hành, thức là pháp sanh diệt, đó gọi là biết thức. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

50. PHẬT HỎI A-NAN86

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ'

85 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.49. 0012a27). Tham chiếu: s. 22.37 - III. 37; S. 22.38 - III. 38. • 86 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.50. 0012b 10). Tham chiếu: s. 22.37 - III. 37; S. 22.38 - III. 38.



"TV Á__ — ! rT^ _ • 2 T Bay giơ, The Ton hoi Ton giả A-nan: 9 _____

Nếu những người xuất gia ngoại đạo đến hỏi thầy rằng: "Này A-nan! Vì sao Thế Tôn dạy người tu các Phạm hạnh?" Khi được hỏi như vậy thì thầy sẽ trả lời như thế nào? Tôn giả A-nan bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu những người xuất gia ngoại đạo đến hỏi con: "Này A-nan! Vì sao Thế Tôn dạy người tu các Phạm hạnh?" thì con sẽ trả lời: uyì để nhàm chán, lìa dục, diệt tận, giải thoát, không sanh đối với sắc cho nên Thế Tôn dạy người tu các Phạm hạnh. Cũng vậy, vì để nhàm chán, lìa dục, diệt tận, giải thoát, không sanh đối với thọ, tưởng, hành, thức cho nên Thế Tôn dạy người tu r: Ị. . ỉ . r hành Phạm hạnh." Bạch Thê Tôn! Nêu có người xuât gia ngoại đạo nào đên hỏi thì con sẽ trâ lời như vậy. Phật bảo Tôn giả A-nan: - Lành thay! Lành thay! Nên trả lời như vậy. Vì sao như vậy? Vì thực tế, để nhàm chán, lìa dục, giải thoát, không sanh đối với sắc, cho nên Ta dạy người tu các Phạm hạnh. Cũng vậy, vì để nhàm chán, lìa dục, giải thoát, không sanh đối với thọ, tưởng, hành, thức cho nên Ta dạy người tu các Phạm hạnh. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

51. PHÁP HOẠI87 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà5 thuộc nước Xá-vệ. -pv Á •y rpl Á r-p /V 19 Z r-pi \ l ì Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Nay Ta sẽ giảng nói về pháp hoại và pháp bất hoại cho các thầy. Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng nói cho các thầy. Này các Tỳ-kheo! sắc là pháp hoại.88 Sự diệt tận của sắc ấy là Niết-bàn, là pháp bất hoại. Thọ, tưởng, hành, thức là pháp hoại. Sự diệt tận của thức ấy là Niết-bàn, là pháp bát hoại. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

87 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.51. 0012ỒỒ25). Tham chiếu: s. 22.32 . III. 32. 88 Nguyên tác: Hoại pháp (,pabhañgu).

52. UẤT-ĐỂ-CA8990 Kinh uất-để-ca, như đã nói trong Tăng nhất A-hàmf phẩm Bon pháp.9ồ ***

53. BÀ-LA-MÔN THƯA HỎI PHẬT91 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa trong nhân gian rồi đến ngụ trong rừng Thân- thứ,92 phía Bắc làng Tát-la, thuộc nước Câu-tát-la.93 Bấy giờ, chủ của ngôi làng là Bà-la-môn Đại Tánh nghe tin Sa-môn họ Thích, từ dòng họ lớn Thích-ca đã cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, với niềm tin tha thiết, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học dạo, thành bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, hiện đang du hóa trong nhân gian, đến ngụ trong rừng Thân-thứ, phía Băc làng Tát-la? thuộc nước Câu-tát-la. Sa-môn Cù-đàm có dung sắc, danh tiếng và công đức chân thật, được trời và người khen ngợi, vang kháp tám phương. Ngài là bậc Như Lai, Ưng Cúng, Đăng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Giữa các cõi chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn và Bà-la-môn, với trí tuệ rộng lớn, Ngài tự mình biết rõ rằng: "Sịt sanh của Ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Ngài diễn nói giáo pháp vi diệu cho thế gian, phần đầu, phần giữa và phàn cuối đều thiện, nghĩa lý sâu xa,9495 ngôn từ chuẩn xác,95 thuần nhất thanh tịnh, Phạm hạnh trong sạch. Lành thay! Nên gặp. Lành thay! Nên đến. Lành thay! Nên cung kính. Suy nghĩ như vậy rồi, Bà-la-môn liền sửa soạn xe cộ? dẫn theo nhiều tùy tùng, bưng bình bằng vàng, cầm lọng cán vàng cùng đi đến chỗ Phật, cung kính cúng dường. Đen cửa rừng, Bà-la-môn xuống xe và đi đến chỗ Thế Tôn thăm hỏi, vấn an ròi ngồi sang một bên và bạch: -Thưa Sa-môn Cù-đàm! Ngài bàn luận về điều gì? Giảng nói những gì? Phật bảo Bà-la-môn: -Ta bàn luận về nhân [duyên], giảng nói về nhân [duyên]. Bà-la-môn lại bạch Phật: 89 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.52. 0012c02). 90 Theo Phiên Phạn ngữ (7:54. 2130.1. 0981a22) đó là Tăng.(02. 0125.26.8. 0639a04). 91 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.53. 0012c04). 92 Nguyên tác: Thân-thứ (Simsapāvana). 93 Nguyên tác: Câu-tát-la (Kosala). 94 Nguyên tác: Thiện nghĩa ().Du-già sư địa luận (T.30.1579.57.0616b23)ghi là t4nghĩa thar^íịnh”(^ỴHoavu tạp (K25. 0025.1. 0183al2) ghi làunghĩathâmáo,9 ()' 95 Nguyên tác: Thiện vị ().VỊ (,vyañjana) vừa có nghĩa là vị của món ăn vừa có nghĩa là mẫu tự.

56 KINH TẠPA-HÀM

Ngài bàn luận về nhân [duyên] như thế nào? Giảng nói về nhân [duyên] như thế nào? Phật bảo Bà-la-môn: Có nhân, có duyên nên the gian tập khởi. Có nhân, có duyên nên có sự tập khởi của thế gian. Có nhân, có duyên nên thế gian diệt tận. Có nhân, có duyên nên có sự diệt tận của thế gian. Bà-la-môn bạch Phật: -Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là có nhân, có duyên nên thế gian tập khởi? The nào là có nhân, có duyên nên có sự tập khởi của the gian? Phật bảo Bà-la-môn: Phàm phu mê muội thiếu hiểu biết không biết như thật về sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của săc, vị ngọt của săc, tai họa của săc và sự thoát ly săc. Do không biết như thật nên đối với sắc ưa thích, khen ngợi, sống với tâm đắm nhiễm. Do ưa thích đoi với sắc nên có thủ, do duyên thủ nên có hữu, do duyên hữu nên có sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não, như thế toàn bộ khối

khổ lớn tập khởi. Thọ, tưởng, hành và thức cũng lại như vậy. Này Bà-la-môn! Đó gọi là có nhân, có duyên nên the gian tập khởi; có nhân, có duyên nên có sự tập khởi của the gian. Bà-la-môn bạch Phật:  Thế nào gọi là có nhân, có duyên nen thế gian diệt tận? Thế nào gọi là có nhân, có duyên nên có sự diệt tận của thê gian? Phật bảo Bà-la-môn: -Vị Thánh đệ tử đa văn biết như thật về sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của săc, vị ngọt của sác, tai họa của sác và sự thoát ly sác. Do biêt như thật nên vi ấy đối với sắc không ưa thích, không khen ngợi, không đắm nhiễm, không bám víu; do không ưa thích, không bám víu nên sự tham ái đối với sắc cũng diệt. Ái diệt thì thủ diệt. Thủ diệt thì hữu diệt. Hữu diệt thì sanh diệt. Sanh diệt thì già, chét, ưu, bi, khô, não diệt. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Này Bà-la- môn! Đó gọi là có nhân, có duyên nên thế gian diệt tận; có nhân, có duyên nên có sự diệt tận của thê gian. Này Bà-la-môn! Đó gọi là bàn luận về nhân [duyên], đó gọi là giảng nói về nhân [duyên]. Bà-la-môn bạch Phật: -Thưa Cù-đàm! Như vậy là bàn luận về nhân [duyên], như vậy là giảng nói vê nhân [duyên]. Vì bận nhiêu việc ở thê gian, bây giờ con xin cáo từ. Phật bảo Bà-la-môn:  Nên biết đúng thời! Đức Phật nói kinh này xong, các Bà-la-môn nghe lời Phật dạy đã hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ sát chân Phật rồi ra về. ***

QUYỂN 2  57

54. PHÁP THÙ THẮNG96 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Lộc Dã, tru xứ của Tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại. Lúc ấy, ở làng Tỳ-ca-đa-lỗ-ca có Bà-la-môn đi đến chỗ Phật, cung kính chào hỏi Ngài rồi ngồi sang một bên và bạch Phật:  Thưa Cù-đàm! Tôi có một đệ tử trẻ tuổi, biết về thiên văn, biết về dòng tộc, xem tướng lành dữ cho mọi người, nói có ắt là c6, nói không ắt là không, nói thành ắt là thành, nói hoại ắt là hoại. Thưa Cù-đàm! Ý Ngài nghĩ thế nào? Phật bảo Bà-la-môn:  Hãy bỏ qua việc đệ tử trẻ tuổi của ông biết về thiên văn, biết về dòng tộc. Nay Ta hỏi ông, cứ tùy theo ý ông mà trả lời. Này Bà-la-môn! Ý ông nghĩ sao? Sắc vốn không có chủng loại chăng? Bà-la-môn đáp: - Đúng vậy, thưa Thế Tôn!  Thọ, tưởng, hành, thức vốn không có chủng loại chăng? Bà-la-môn đáp: -Đúng vậy, thưa Thế Tôn! Phật bảo Bà-la-môn:  Ong nói răng, đệ tử trẻ của ông biêt rõ vê thiên văn, vê dòng tộc, vì mọi người mà nói như vầy: "Nói có ắt là có, nói không ắt là kh6ng", vậy sự thấy biết này chang phải là hư doi sao? Bà-la-môn bạch Phật: - Đúng vậy, bạch đức Thế Tôn! Phật bảo Bà-la-môn:  Y ông nghĩ sao? Có săc nào mà tôn tại mãi suôt trăm năm? Hay là do cái khác mà sanh, do cái khác mà diệt? Có thọ, tưởng, hành, thức nào mà tồn tại mãi suốt trăm năm? Hay là do cái khác mà sanh, do cái khác mà diệt? Đáp: - Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Phật bảo Bà-la-môn:  Ý ông nghĩ sao? Đệ tử trẻ tuổi của ông biết về thiên văn, biết về dòng tộc, và nói với mọi người rằng thành ắt không hoại, sự thấy biết ấy chẳng phải là không đã khác chang? •

96 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.54. 0013al7).

58  KINH TẠPA-HÀM

Đáp: - Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Phật bảo Bà-la-môn:  Ý ông nghĩ sao? Pháp này, pháp kia, thuyết này, thuyết kia, vậy trường hợp nào hơn? Bà-la-môn bạch Phật:  Bạch Thế

Tôn! Như những điều mà Phật đã nói, đã hiển bày, đã khai mở, đó là lời nói đúng như pháp. Ví như có người chìm xuống nước được vớt lên, người bị tù tội được cứu ra, người lạc đường được chỉ lối, nơi tối tăm có được ánh sáng. Bạch Thế Tôn! Hôm nay, Thế Tôn khéo nói pháp thù thắng cũng lại như vậy, đã hiển bày, khai mở. Đức Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn ở làng97 Tỳ-ca-đa-lỗ-ca nghe Phật dạy xong đã hoan hỷ và tùy hỷ roi từ chỗ ngoi đứng dậy lễ chân Phật mà ra ve. ***

55. UẨN VÀ THỦ UẨN9899 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Lộc Dã, trú xứ của Tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Ta sẽ giảng nói về uẩn" và thủ uẩn.100 Thế nào là uẩn? Những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc tương lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần, tất cả chúng được gọi chung là sắc uẩn. Những gì thuộc về thọ, tưởng, hành và thức cũng lại như vậy, tát cả chúng được gọi chung là thọ, tưởng, hành và thức uẩn. Đó gọi là uẩn. Thế nào là thủ uẩn? Nếu sắc bi nhiễm ô,101 bi chấp thủ thì nơi sắc ấy, hoặc quá khứ, hoặc tương lai, hoặc hiện tại, liền sanh khởi tham dục, sân hận, ngu si và các thứ tâm sở tùy phiền não102 khác. Thọ, tưởng, hành và thức cũng lại như vậy. Đó gọi là thủ uấn. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

9\Nguyên tác: Tỳ-ca-đa-lỗ-ca ,thiếu chữ tụ lạc .Bản dịch bổ sung dựa theo phần đầu kinh. 98 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.02. 0099.55. 0013Ò13. Tham chiếu: s. 22.48 - III. 47. 99 Nguyên tác: Ấm . 100 Nguyên tác: Thọ ấm . 101 Nguyên tác: Hữu lậu ,sāsavā. 102 Nguyên tác: Thượng phiền não .

QUYỂN 2  59

56. HỮU LẬU VÀ VÔ LẬU103 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Lộc Dã, trú xứ của Tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Nay Ta sẽ giảng nói về pháp hữu lậu và pháp vô lậu. Nếu sắc bị nhiễm 6, bị chấp thủ thì nơi sắc ấy sanh ra ái và sân. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức bị nhiễm 6, bị chấp thủ thì nơi thức ấy sanh ra ái và sân. Đó gọi là pháp hữu lậu. Thế nào là pháp vô lậu? Những gì thuộc về sắc không bị nhiễm ô, không bị chấp thủ thì nơi sắc ấy, hoặc quá khứ, hoặc tương lai, hoặc hiện tại không sanh ra ái và sân. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức không bị nhiễm ô, không bị chấp thủ thì nơi thức ấy, hoặc quá khứ, hoặc tương lai, hoặc hiện tai không sanh ra ái và sân. Đó gọi là pháp vô lậu. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *

Kệ tóm tắt:

Nhị tín, nhị A-nan, Hoại pháp, uất-để-ca?

Bà-la cập Thế gian, Trừ lậu, Vô lậu pháp.104

***

57. DIỆT TRỪ LÂU HOẶC105 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn đắp y, ôm bát đi vào thành Xá-vệ khất thực. Khi trở về, Ngài lại đắp y, ôm bát và không nói với chúng Tăng, cũng không gọi thị giả, chỉ một mình, không có người đi theo, Ngài đi về cối nước phương

Tây, du hóa trong nhân gian. Lúc ấy, có một Tỳ-kheo ở trong rừng An-đà?106 từ xa trông thấy Thế Tôn không nói với chúng Tăng, cũng không gọi thi giả, chỉ một mình, không có người đi theo. Thấy vậy? vi ấy liền đi đến chỗ Tôn giả A-nan và thưa Tôn giả:

103 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.56. 0013ỒỒ24). 104 Nguyện tác Nhiếp tụng:,;îè. Do đặt lại tựa đề

nên Nhiếp tụng không trung với tên kinh. 105 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.57. 0013c07). Tham chiếu: s. 22.81 - III. 94. 106 Nguyên tác: An-đà lâm (,Andhavana).



- Tôn giả nên biết! Thế Tôn không nói với chúng Tăng, cũng không gọi thị giả. Ngài đi du hóa một minh, không có người đi theo. Tôn giả A-nan nói với Tỳ-kheo ấy: -Nếu Thế Tôn không nói với chúng Tăng, cũng không gọi thị giả mà đi du hóa một mình thì không nên đi theo Ngài. Vì sao như vậy? Vì hôm nay, Thế Tôn muôn an trụ trong sự văng lặng, ít bận rộn. Bấy giờ, Thế Tôn du hóa về phương Bắc, ngụ bên gốc cây Bạt-đà-tát-la107 trong khu rừng có người trông coi tại thôn Ba-đà? thuộc nước Bán-xà.108 Lúc ấy, có số đông Tỳ-kheo đi đến chỗ Tôn giả A-nan rồi hỏi Tôn giả: -Tôn giả có hay tin đức Thế Tôn hiện giờ đang ở đâu không? Tôn giả A-nan trả lời: -Tôi nghe Thế Tôn đi về phương Bắc, ngụ bên gốc cây Bạt-đà-tát-la, trong khu rừng có người trông coi tại thôn Ba-đà? thuộc nước Bán-xà. Bấy giờ, các Tỳ-kheo nói với Tôn giả A-nan: -Tôn giả nên biết! Chúng tôi không được diện kiến đức Thế Tôn đã lâu. Nếu không ngại mệt nhọc, xin Tôn giả cùng đi với chúng tôi đến chỗ Thế Tôn, xin thương xót cho! Biết đúng thời, Tôn giả A-nan im lặng nhận lời. Thế rồi, qua đêm hôm đó9 vào lúc sáng sớm, Tôn giả A-nan cùng số đông Tỳ-kheo đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Khát thực xong trở vê tinh xá, hét thảy Tỳ-kheo thu dọn giường chõng roi mang y bát đi du hóa trong nhân gian theo hướng Tây roi quay vê phương Bác, đến khu rừng có người trông coi tại thôn Ba-đà,109 thuộc nước Bán-xà. Bây giờ5 sau khi sáp xép y bát và rửa chân xong, Tôn giả A-nan cùng sô đông Tỳ-kheo đi đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân Phật rồi ngồi sang một bên. Lúc ấy, đức Thế Tôn vì số đông Tỳ-kheo thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ.110 1 r Ạ Bây giờ, trong chúng có một Tỳ-kheo suy nghĩ như vây:  Biêt như thê nào, thây như thê nào đê mau chóng dứt sạch lậu hoặc?

107 Nguyên tác: Bạt-đà-tát-la thọ Bhaddasāla, một loại cây Sa-la. 108 Nguyên tác: Bán-xà . 109 Nguyên tác: Ba-đà một ngôi làng ở Kosambī. 110 Nguyên tác: Thị, giáo, lợi, hỷ ,.Cú ngữ này trong Thất xa kinh roi. 0026.9. 0429c28 ghi là "khuyên phát, khátngưỡng, thành tựu, hoan h,nghĩa là: mở bày sandassetī, dạy bảo ,samādapeti, khích lệ ,samuttejetī và khiến được hoan hỷ ^^^^sampaharnscti. Ngài Huyền Trang dịch cú ngữ này là ctthị hiện, giáo đạo, tán lệ, khánh ”J.Ngài Nghĩa Tịnh dịch là "khai thj, khuyến đạo, tán lệ, khánh hy,9  .

LÚC ấy, biết những suy nghĩ trong tâm của Tỳ-kheo kia, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: ở trong chúng này, có Tỳ-kheo đã suy nghĩ như vầy: "Biết như thế nào, thấy như thê nào để mau chóng dứt sạch lậu hoặc?" Ta đã thuyết pháp: Hãy khéo quán sát các uân,111 đó là bốn niệm xứ,112113bốn chánh cần13 bốn như ý túc,114 năm căn, năm lực5 bảy giác chi115 và tám Thánh đạo. Ta đã giảng nói giáo pháp như vậy để quán sát các uẩn, vậy mà nay có những người thiện nam không nỗ lực thực hành, khônệ nỗ lực vui thích, không nỗ lực tư duy, khôn^ nỗ lực tin tưởng mà tự mình biêng nhác nên không thể tăng tiến để diệt trừ hét thảy lậu hoặc. Nêu lại có người thiện nam nào đôi với pháp của Ta đã giảng nói mà quán sát các uẩn, nỗ lực thực hành, nỗ lực vui thích, nỗ lực tư duy, nỗ lực tin tưởng thì người đó mau diệt trừ hết thảy lậu hoặc. Phàm phu mê muội thiếu hiểu biết đối với sắc thấy là ngã, nếu thấy ngã thì gọi là hành. Hành ấy do gì làm nhân? Do gì mà tập khởi? Do gì mà sanh? Do gì mà chuyển? Do xúc chạm vô minh116117 nên khát ái sanh khởi. Duyên vào khát ái ấy mà hành sanh. Oát ái ấy do gì làm nhân? Do gì mà tập khởi? Do gì mà sanh? Do gì mà chuyển? Khát ái ấy do thọ làm nhân, do thọ mà tập khởi, do thọ mà sanh và do thọ mà chuyển. Thọ ấy do gì làm nhân? Do gì mà tập khởi? Do gì mà sanh? Do gì mà chuyển? Thọ ấy do xúc làm nhân, do xúc mà tập khỏi, do xúc mà sanh, do xúc mà chuyển. Xúc ấy do gì làm nhân? Do gì mà tập khởi? Do gì mà sanh? Do gì mà chuyển? Xúc ấy do sáu nhập xứ làm nhân, do sáu nhập xứ mà tập khởi, do sáu nhập xứ mà sanh và do sáu nhập xứ mà chuyên. Sáu nhập xứ ây là vô thường, là pháp hữu vi17 là pháp duyên khởi.118 Xúc, thọ, ái và hành cũng là vô thường, là pháp hữu vi? là pháp duyên khởi. Quán sát như vậy mà còn thấy sắc là ngã, hay không còn thấy sắc là ngã mà thấy sắc là ngã sở; không còn thấy sắc là ngã sở mà thay sắc ở trong ngã; không còn thấy sắc ở trong ngã mà thấy ngã ở trong sắc; không còn thay ngã ở trong

111 Nguyên tác: Ấm ,khandho. 112 Nguyên tác: Tứ niệm xứ satipatthāna, còn gọi là "tứ niệm trụ^, . 113 Nguyên tác: Tứ chánh cn ,sammappadhānā. 114 Nguyên tác: Tứ như ý túc 'iddhipādā. 115 Nguyên tác: Thất giác phần ,sambojjhañga. 116 Nguyên tác: Vô minh xúc ,avijjāsamphasso. 117 Nguyên tác: Hữu vi scừikhcưa. 118 Nguyên tác: Tâm duyên khởi pháp Các pháp do tâm sanh.



Sắc mà thấy thọ là ngã; không còn thấy thọ là ngã mà thấy thọ là ngã sở; không còn thấy thọ là ngã sở mà thấy thọ ở trong ngã; không còn thấy thọ ở trong ngã mà thây ngã ở trong thọ; không còn thây ngã ở trong thọ mà thây tưởng là ngã; không còn thấy tưởng là ngã mà thấy tưởng là ngã sở; không còn thấy tưởng là ngã sở mà thấy tưởng ở trong ngã; không còn thấy tưởng ở trong ngã mà thấy ngã ở trong tưởng; không còn thấy ngã ở trong tưởng mà thấy hành là ngã; không còn thây hành là ngã mà thây hành là ngã sở; không còn thây hành là ngã sở mà thấy hành ở trong ngã; không còn thấy hành ở trong ngã mà thấy ngã ở trong hành; không còn thấy ngã ở trong hành mà thấy thức là ngã; không còn thấy thức là ngã mà thấy thức là ngã sở; không còn thấy thức là ngã sở mà thấy thức ở trong ngã; không còn thấy thức ở trong ngã mà thấy ngã ở trong

thức; không còn thấy ngã ở trong thức, lại khởi đoạn kiến, đoạn diệt kiến;119 không khởi đoạn kiến và đoạn diệt kiến mà không lìa ngã mạn; người không lìa ngã mạn thì lại thấy ngã, thấy ngã ấy tức là hành. Hành ấy do gì làm nhân? Do gì mà tập khởi? Do gì mà sanh? Do gì mà chuyển? Như trước đã nói?... (cho đến) ngã mạn. Nếu biết như thế5 thấy như thế thì mau chóng diệt trừ hết thảy lậu hoặc. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

58. NGUỒN GỐC CỦA NĂM THỦ UẨN120 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại giảng đường Lộc Mau ở Đông Viên,121 thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, vào buổi chiều, sau giờ tọa thiền, Thế Tôn trải tòa ngồi ở trước các Tỳ-kheo rồi bảo: Có năm thủ uẩn.122 Thế nào là năm? Là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn và thức thủ uẩn. Bay giờ, có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y phục bày vai phải, quỳ gối phải sát đất rồi chắp tay bạch Phật:

119 Nguyên tác: Hoại hữu kiến (). Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02.0099.58.0014bl 2). Tham chiếu: M. 109, Mahāpunnama Sutta (Đại kinh mãn nguyệt)', s. 22.82 - III. 100. 121 ĐôngViênLộc Mau giảng đường ()còn được viết là Đông Viên Lộc Tử Mầu giảng đường (,Pubbārāma Migāramātu pāsādā). Đông Viên ( lí, Pubbārāma) là tên riêng củarnột khu vườn năm bên ngoài cửa Đông của thành Xá-vệ (Sāvatthi); Lộc Mau giảng đường ( ,Migāramātu pāsādā) là giảng đường được thiện nữ Tỳ-xá-khư (Visākhā) xây dựng cúng dưcmg cho chư Tăng. Theo DhA. L 407, do vì nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư (Visākhā) có người con tên là Migãra () nên cũng được gọi là mẹ của Migâra. 122 Nguyên tác: Thọ ấm ().



Bạch Thế Tôn! Phải chăng có năm thủ uẩn như vầy: sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn và thức thủ uẩn? Phật bảo Tỳ-kheo: Thầy hãy trở lại chỗ ngồi rồi hỏi! Ta sẽ giảng nói cho thầy. Thế rồi, Tỳ-kheo ấy lễ Phật xong, trở về chỗ ngồi của mình rồi bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Năm thủ uẩn này lấy gì làm nguồn gốc? Do gì mà tập khởi? Do gì mà sanh? Do gì mà xúc? Phật bảo Tỳ-kheo: -Năm thủ uẩn này lấy dục làm nguồn gốc, do dục mà tập khởi, do dục mà sanh, do dục mà xúc. Khi nghe Phật dạy như thế, Tỳ-kheo ấy hoan hỷ? tùy hỷ rồi bạch Phật: Thế Tôn đã giảng nói năm uẩn bi chấp thủ. Hay thay những lời Ngài dạy! Bạch đức Thế Tôn! Nay con lại xin hỏi: uẩn này bị chấp thủ hay năm uẩn khác bi chấp thủ? Phật bảo Tỳ-kheo: Chăng phải năm uân này bi châp thủ, cũng chăng phải năm uân khác bi chấp thủ mà nơi nào có dục tham thì nơi đó năm uẩn bị chấp thủ. Tỳ-kheo bạch Phật: Lành thay! Bạch đức Thế Tôn! Thật hoan hỷ và tùy hỷ. Bạch đức Thế Tôn! Cho con xin hỏi lần nữa: Có hai uẩn tương quan chăng? Phật bảo Tỳ-kheo: Đúng the! Đúng the! Nếu có một người suy nghĩ như vầy: CÍTa ở đời tương lai sẽ được sắc như vầy, thọ như vầy, tưởng như vầy, hành như vầy, thức như vầy." Này Tỳ-kheo! Đó gọi là uẩn và uẩn tương quan. Tỳ-kheo bạch Phật: Lành thay những lời Ngài dạy! Thật hoan hỷ và tùy hỷ. Bạch đức Thế Tôn! Con xin hỏi thêm: Thế nào gọi là uẩn? Phật bảo Tỳ-kheo: Những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc tương lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần, tất cả đều gọi chung là uẩn. Đó gọi là uẩn. Thọ, tưởng,

hành và thức cũng lại như vậy. Như thế, này Tỳ-kheo! Đó gọi là uẩn. Tỳ-kheo bạch Phật:  Lành thay những lời Ngài dạy! Thật hoan hỷ và tùy hỷ. Bạch đức Thế Tôn! Con xin được hỏi thêm: Do nhân gì, do duyên gì mà gọi là sắc uẩn? Do nhân gì, do duyên gì mà gọi là thọ, tưởng, hành và thức uẩn?

64  KINH TẠP A-HÀM

Phật bảo Tỳ-kheo: r r r 9

- Do bôn đại làm nhân, bôn đại làm duyên nên gọi là sac uân. Vì sao như vậy? Vì những gì thuộc về sắc uẩn thì tất cả chúng đều do duyên bốn đại, do bốn đại tạo thành. Do xúc làm nhân, xúc làm duyên sanh khởi thọ, tưởng và hành, cho nên gọi là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Vì sao như vậy? Vì nếu những gì thuộc về thọ, tưởng và hành thì tất cả chúng đều do xúc làm duyên. Do danh sac làm nhân, danh sac làm duyên, cho nên gọi là thức nân. Vì sao như vậy? Vì nếu những gì thuộc về thức thì tất cả chúng đều do danh sắc làm duyên. Ty-kheo bạch Phật:  Lành thay những lời Ngài dạy! Thật hoan hỷ và tùy hỷ. Bạch đức Thế Tôn! Con xin được hỏi thêm: The nào là vị ngọt của sắc? The nào là tai họa của sắc? Thế nào là sự thoát ly sắc? Thế nào là vi ngọt của thọ, tưởng, hành và thức? Thế nào là tai họa của thức? Thế nào là sự thoát ly thức? Phật bảo Ty-kheo:  Duyên vào sắc, hỷ lạc sanh khởi, đó gọi là vi ngọt của sắc. Vì sắc vô thường, là khổ, là pháp biến đổi nên gọi đó là tai họa của sắc. Nếu đối với sắc mà điều phục được dục tham, đoạn trừ dục tham, vượt thoát dục tham, đó gọi là sự thoát ly sắc. Nếu duyên vào thọ, tưởng, hành và thức mà sanh khởi hỷ lạc, đó gọi là vi ngọt của thức. Thọ, tưởng, hành và thức là vô thường, là khổ, là pháp biến đổi, đó gọi là tai họa của thức. Đối với thọ, tưởng, hành và thức mà điều phục dục tham, đoạn trừ dục tham, vượt thoát dục tham, đó gọi là sự thoát ly thức. Tỳ-kheo bạch Phật: -Lành thay những lời Ngài dạy! Thật hoan hỷ và tùy hỷ. Bạch đức Thế Tôn! Con xin được hỏi thêm: Do đâu mà sanh ngã mạn? Phật bảo Ty-kheo: -Phàm phu mê muội thiếu hiểu biết nên đối với sắc thấy là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau; đối với thọ, tưởng, hành và thức thấy là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau, từ đây sanh ra ngã mạn. Tỳ-kheo bạch Phật:  Lành thay những lời Ngài dạy! Thật hoan hỷ và tùy hỷ. Bạch đức Thế Tôn! Con lại xin hỏi thêm: Làm thế nào để không còn ngã mạn? Phật bảo Tỳ-kheo:

QUYỂN 2  65

-Vị Thánh đệ tử đa văn đối với sắc không thấy là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau; đối với thọ, tưởng, hành và thức cũng không thấy là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau. Tỳ-kheo bạch Phật:  Lành thay những lời Ngài dạy! Bạch đức Thế Tôn! Con xin được hỏi thêm: Biết những gì, thấy những gì thì mau chóng đoạn trừ hết thảy lậu hoặc? Phật bảo Tỳ-kheo:  Những gì thuộc ve sắc, hoặc quá khứ, hoặc tương lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tê, hoặc tót hoặc xâu, hoặc xa hoặc gân, tát cả chúng đều chẳng phải là ngã, chẳng khác ngã cũng chẳng ở trong nhau. Thọ, tưởng, hành và thức cũng lại như thế. Này Tỳ-kheo! Nếu biết như thế, thấy như thế thì mau chóng đoạn trừ hết thảy lậu hoặc. Bấy giờ, trong hội chúng có một thầy Tỳ-kheo căn tánh chậm lụt, không hiểu biết, bị vô minh che lấp nên khởi tà kiến xấu ác, nghĩ rằng: “Nếu

đã là vô ngã thì nghiệp do vô ngã tạo, vậy ai sẽ thọ nhận quả báo trong đời sau?" Lúc ấy, biết những suy nghĩ trong tâm của Tỳ-kheo kia, Thế Tôn liền bảo các Tỳ-kheo: e Z A k r Ở trong chúng này, có kẻ ngu si, thiêu trí tuệ suy nghĩ răng: "Nêu sác vô ngã; thọ, tưởng, hành và thức vô ngã thì nghiệp do vô ngã tạo, vậy ai sẽ thọ nhận quả bág?" Những điều nghi ngờ như thế, trước đây Ta đã giải thích. Này Tỳ-kheo! Thế nào, sắc là thường hay sắc là vô thường? Tỳ-kheo đáp: -Bạch Thế Tôn, là vô thường! -Nếu vô thường là khổ chăng? Đáp: Bạch Thế Tôn, là khổ! -Nếu là vô thường, là khổ, là pháp biến đổi, vị Thánh đệ tử đa văn đối với pháp ấy có nên thấy là ngã, là khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng? Đáp: - Thưa không, bạch đức Thế Tôn! Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế. Vậy nên, này Tỳ-kheo! Những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc tương lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần, tất cả chúng đều chẳng phải ngã5 chẳng phải ngã sở. Thấy như thế gọi là chánh kiến. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thê. Vi Thánh đệ tử đa văn quán sát như thế, liền tu tập sự nhàm chán; nhàm chán rồi thì lìa dục; đã lìa dục thì được giải thoát và thấy biết rằng đã được giải



thoát: uSự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Khi đức Phật nói kinh này xong, số đông Tỳ-kheo không sanh khởi các lậu hoặc, tâm được giải thoát. Đức Phật giảng nói kinh này rồi, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. * Kệ tóm tắt: Uẩn, Căn, Ấm tức thọ, Nhi uẩn cộng Tương quan, Danh tự, Nhân, Nhi vị, Nhị ngã mạn, Tật lậu tận.123

123 I^uyên tác Nhiếp tụng: ,,;;.Do đặt lại tựa đe nên
Nhiếp tụng không trùng với tên kinh. Bản Hán, hết quyển 2.



QUYỂN3 59. PHÁP SANH DIỆT1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: - Có năm thủ uẩn. Những gì là năm? Đó là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn và thức thủ uẩn. Quán sát năm thủ uẩn này là pháp sanh diệt. Nghĩa là: Đây là sắc, đây là sự tập khởi của săc5 đây là sự diệt tận của sác. Đây là thọ, tưởng, hành và thức, đây là sự tập khởi của thức và đây là sự diệt tận của thức. Thế nào là sự tập khởi của sắc? Thế nào là sự diệt tận của sắc? Thế nào là sự tập khởi của thọ, tưởng, hành và thức? Thế nào là sự diệt tận của thọ, tưởng, hanh và thức? Sự tập khởi của ái hỷ là tập khởi của sắc. Ái hỷ diệt thì sắc diệt. Sự tập khởi của xúc là tập khởi của thọ, tưởng và hành. Xúc diệt thì thọ, tưởng và hành diệt. Sự tập khởi của danh sắc là tập khởi của thức. Danh sắc diệt thì thức diệt. Này các Tỳ-kheo! Như vậy là sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sắc. Đó là sự tập khởi của sắc, là sự diệt tận của sắc. Như vậy là sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức; sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức. Đó là sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức; sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành* ***

60. KHÔNG CÒN ƯA THÍCH2 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. 1 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.59. 0015b 10). Tham chiếu: s. 22.5 - III. 13. 2 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.60. 0015b22). Tham chiếu: s. 22.5 - III. 13.

68 KINH TẠPA-HÀM

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: - Có năm thủ uẩn. Những gì là năm? Đó là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn và thức thủ uẩn. Lành thay! Tỳ-kheo không ưa thích sắc, không khen ngợi sắc, không chấp r r ĩ

thủ sác, không đăm trước săc. Lành thay! Tỳ-kheo không ưa thích thọ, tưởng, hành, thức; không khen ngợi thức, không chấp thủ thức, không đắm trước thức. Vì sao như vậy? Nêu Tỳ-kheo nào không ưa thích sắc, không khen ngợi sắc, không chấp thủ sắc, không đắm trước sắc thì đối với sắc không ưa thích, tâm được giải thoát. Cũng như thế, đối với thọ, tưởng, hành, thức, vị ấy không ưa thích thức, không khen ngợi thức, không châp thủ thức, không đăm trước thức thì đôi với thức không ưa thích, tâm được giải thoát. Nếu Tỳ-kheo chẳng ưa thích sắc thì tâm được giải thoát. Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng không ưa thích thì tâm được giải thoát, không sanh không diệt, an trú hoàn toàn nơi xả,3 chánh niệm tỉnh giác.4 Vị Tỳ-kheo ấy đã biết như thế, đã thấy như thế thì tất cả kiến chấp quá khứ5 được đoạn tận hoàn toàn. Tát cả kiên châp quá khứ đã được đoạn tận hoàn toàn thì tất cả kiến chấp tương lai cũng sẽ được đoạn tận hoàn toàn. Tất cả kiến chấp tương lai đã được đoạn tận hoàn toàn thì tát cả kiên châp quá khứ và tương lai cũng đoạn tận hoàn toàn, không còn ngăn ngại. Vì không còn gì ngăn ngại nên đối với thế gian không còn gì để chấp thủ. Vì không còn gì để chấp thủ nên cũng chẳng còn gì để mong cầu. Vì không còn gì mong cầu nên tự mình chứng ngộ Niết-bàn: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh.^, Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

61. TÍNH CHẤT CỦA NĂM THỦ UẨN6
Tôi nghe như vay:
Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà9 thuộc nước
Xá-vệ.
Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:
3 Nguyên tác: Bình đẳng xả trụ .Bình đẳng tương đương Pãli là sama, ở trường hợp này đúng ra phải là sammā, nghĩa là hoàn chỉnh sy 4 Nguyên tác: Chánh trí . 5 Nguyên tác: Tiền tế câu kiến . 6 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r02. 0099.61. 0015cl4.

QUYỂN 3 69

- CÓ năm thủ uẩn.7 Những gì là năm? Đó là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn và thức thủ uẩn. Thế nào là sắc thủ uẩn? Những gì thuộc về sắc là bao gồm tất cả bốn đại và sắc do bốn đại tạo thành, đó gọi là sắc thủ uẩn. Lại nữa, sắc ấy là vô thường, là khổ, là pháp biến đổi. Nếu sắc thủ uẩn kia được đoạn diệt hoàn toàn, rốt

ráo lìa bỏ, diệt tận, lìa dục? tịch lặng thì sắc thủ uân khác không còn nôi tiêp? không sanh khởi, không xuất hiện. Đó gọi là vi diệu, đó gọi là vang lặng, đó gọi là xả ly, sạch hết tất cả những nhiễm trước, không còn tham dục, được diệt tận, Niết-bàn. Thế nào là thọ thủ uẩn? Nghĩa là sáu loại thọ.8 Những gì là sáu? Đó là thọ sanh khởi do sự tiêp xúc của măt. Cũng vậy, do sự tiêp xúc của tai, mũi, lưỡi, thân và ý mà sanh ra thọ, đó gọi là thọ thủ uẩn. Lại nữa, thọ thủ uẩn này là vô thường, là khổ, là pháp biến đổi... cho đến được diệt tận, Niết-bàn. Thế nào là tưởng thủ uẩn? Nghĩa là sáu loại tưởng.9 Những gì là sáu? Đó là tưởng sanh khởi do sự tiếp xúc của mắt... cho đến tưởng sanh khởi do sự tiếp xúc của ý? đó gọi là tưởng thủ uẩn. Lại nữa, tưởng thủ uẩn này là vô thường, là khổ, là pháp biến đổi... cho đến được diệt tận, Niết-bàn. Thế nào là hành thủ uẩn? Có sáu loại tư.10 Những gì là sáu? Đó là, tư sanh khởi do sự tiếp xúc của mắt... cho đến tư sanh khởi do sự tiếp xúc của ý? đó gọi là hành thủ uẩn. Lại nữa, hành thủ uẩn này là vô thường, là khổ, là pháp biến đổi... cho đến được diệt tận, Niết-bàn. Thế nào là thức thủ uẩn? Có sáu loại thức.11 Những gì là sáu? Đó là nhãn thức... cho đến ý thức, đó gọi là thức thủ uẩn. Lại nữa, thức thủ uẩn này là vô thường, là khổ, là pháp biến đổi... cho đến được diệt tận5 Niết-bàn. Này các Tỳ-kheo! Nếu đối với giáo pháp này mà dùng trí tuệ tư duy, quán sát, phân biệt để rồi tiếp thọ5 đó gọi là Tùy tín hành,12 được vượt thoát, lìa súc sanh,13

7 Nguyên tác: Thọ ấm . 8 Nguyên tác: Lục thọ thân . 9 Nguyên tác: Tưởng thân . 10 Nguyên tác: Lục tư thân . 11 Nguyên tác: Lục thức thân . 12 Nguyên tác: Tùy tín hành Saddhānusārī. Hành giả lấy tín tâm làm căn bản để tu tập, đang trên lộ trình chuẩn bị chứng đắc quả vị Dự lưu. Tùy tín hành là vị có tín căn mạnh. 13 Nguyên tác: Ly sanh .Sanh dùng như chữ sanh .Tham chiếu: A. 10.92 - v. 182: Ta đã đoạn tận địa ngục; ta đã đoạn tận bàng sanh; ta đã đoạn tận nga quỷ; ta đã đoạn tận các cõi dữ, ác thú, đọa xứ; tà đã chưng Dự lưu, Idiông con bị đọa lạc, quyết chác chưng đạt cứu cánh giác ngộ HT. Thích Minh Châu dịch?



vượt khỏi hàng phàm phu, tuy chưa chứng đắc quả vị Tu-đà-hoàn14 nhưng nếu không chết giữa chừng thì chắc chắn đạt được quả vi Tu-đà-hoàn. Này các Tỳ-kheo! Nếu đối với giáo pháp này mà dùng trí tuệ cao thượng15 quán sát, tư duy để rồi tiếp thọ, đó gọi là Tùy pháp hành,16 được vượt thoát, lìa súc sanh, vượt khỏi hàng phàm phu, tuy chưa chứng quả vị Tu-đà-hoàn nhưng nếu không chết giữa chừng thì chắc chắn đạt được quả vi Tu-đà-hoàn. Này các Tỳ-kheo! Đối với giáo pháp này mà thấy như thật với chánh tuệ và chánh kiến thì biết rõ và đoạn trừ sạch ba kiết sử, đó là thân kiến, giới cấm thủ và nghi. Này các Tỳ-kheo! Đó gọi là quả vi Tu-đà-hoàn, không bị đọa vào đường ác, chắc chắn sẽ thành Chánh giác,17 bảy lần qua lại trong cõi trời và loài người rồi về sau mới vượt thoát khổ đau. Này các Tỳ-kheo! Nếu đối với giáo pháp này mà thấy như thật với chánh tuệ và chánh kiến, không khởi tâm phiền não, đó gọi là A-la-hán, các lậu hoặc đã dứt sạch, việc cần làm đã làm xong, buông bỏ gánh nặng, chính mình được lợi ích,18 dứt sạch các kiết sử, đưa đến tái sanh/9 có chánh trí, tâm được giải thoát. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

62. QUÁN SÁT NĂM THỦ UẨN20

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

-Có năm thủ uẩn.21 Đó là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn và thức thủ uẩn.

14 Nguyên tác: Tu-đà-hoàn ,tức Sơ quả ,Đệ nhất quả ,còn gọi là Nhập lưu hay Dự lưu . 15 Nguyên tác: Tăng thượng trí tuệ adhipaññña'. Trí tuệ cao thượng. 16 Tùy pháp hành Dhammānusārī. Hành giả dùng trí tuệ tư duy, quán sát giáo pháp để tu tập, đã vượt khỏi địa vị phàm phu, đang trên lộ trình chứng đăc quả vị Dự lưu. Tùy pháp hành là vị có tuệ căn mạnh. Đại trí độ luận r.25. 1509.40. 0349Ồ06 giải thích: Bậc lợi căn, gọi là Tùy ph hành, hạng người này do suy tư, lý giải giáo pháp mà chứng đạo nên gọi là Tùy pháp hành

17 Nguyên tác: Tam-bồ-đề ,Sambodhi. 18 Nguyên tác: Đãi đắc kỷ lợi ^Sa-mon Nhị Thập ức kinh TOI. 0026.123. 0612bl5 ghi là "tự đăc thiện nghĩa,^ Thanh tịnh kinh TOI. 0026.121. 0610bl6 ghi là "nhi dắc thiện nghĩa,, . 19 Nguyên tác: Hữu kiết ,bhavasamyojana: Phiền não dẫn đến tái sanh, trói buộc vào tái sanh. 20 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.62. 00 lóa 19. 21 Nguyên tác: Thọ ấm .

QUYỂN 3 71

Phàm phu mê muội thiếu hiểu biết, không có trí tuệ, không sáng suốt nên đối với năm thủ uẩn sanh khởi chấp ngã22 và bị trói buộc vào đó, khiến tâm bị trói buộc vào đó mà sanh khởi tham dục. Này các Tỳ-kheo! Vị Thánh đệ tử đa văn có trí tuệ, có sự sáng suốt nên đối với năm thủ uẩn này không bị trói buộc bởi chấp ngã, khiến tâm không bị trói buộc vào đó mà sanh khởi tham dục. Vì sao phàm phu mê muội thiếu hiểu biết, không có trí tuệ, không sáng suốt nên đối với năm thủ uẩn sanh khởi chấp ngã và bị trói buộc vào đó, khiến tâm bị trói buộc vào đó mà sanh khởi tham dục? Này các Tỳ-kheo! Phàm phu mê muội thiếu hiểu biết, do không có trí tuệ, không sáng suốt nên thấy sắc là ngã, là khác ngã, hoặc ở trong nhau. Cũng như thế, đối với thọ, tưởng, hành, thức, họ thấy là ngã, là khác ngã, hoặc ở trong nhau. Như vậy, phàm phu mê muội thiêu hiêu biêt, do không có trí tuệ, không sáng suốt nên đối với năm thủ uẩn sanh khởi chấp ngã và bị trói buộc vào đó, khiến tâm bị trói buộc vào đó mà sanh khởi tham dục. Này các Tỳ-kheo! Vì sao vi Thánh đệ tử có trí tuệ, có sự sáng suốt nên đối với năm thủ uẩn này không bi trói buộc bởi chấp ngã, khiến tâm không bị trói buộc vào đó mà sanh khởi tham dục? Vì vị Thánh đệ tử không thấy sắc là ngã, là khác ngã, hoặc ở trong nhau. Cũng như thế, đối với thọ, tưởng, hành và thức, vi ấy không thấy là ngã, là khác ngã, hoặc ở trong nhau. Như vậy, vi Thánh đệ tử đa văn có trí tuệ, có sự sáng suốt nên đối với năm thủ uẩn này không bị trói buộc bởi chấp ngã, khiến tâm không bị trói buộc vào đó mà sanh khởi tham dục. Nấu những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc tương lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tê, hoặc tót hoặc xâu, hoặc xa

hoặc gân, vi ây quán sát đúng đan tát cả đêu vô thường. Cũng như thế, đối với thọ, tưởng, hành và thức, hoặc quá khứ, hoặc tương lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tê, hoặc tót hoặc xâu, hoặc xa hoặc gân, vị ây quán sát đúng dăn tát cả đêu vô thường. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

22 Ngã kiến :Nhận thức sai lầm rồi chấp trước cho rằng có một thật ngã.

72 KINH TẠP A-HÀM _____

63. VÔ MINH DIỆT THÌ MINH SANH23 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. —r Ạ _ • Ạ ____ ĩ _____ _ A - _ . _ L _ ____ FT, s - 11 Bay giờ, The Ton bảo các Ty-kheo: Có năm thủ uẩn. Đó là sắc thủ uẩn; thọ, tưởng, hành và thức thủ uẩn. Này các Tỳ-kheo! Nếu Sa-môn hay Bà-la-môn nào chấp có ngã thì hết thảy đều chấp năm thủ uân này là ngã. Những gì là năm? Các Sa-môn hay Bà-la-môn đôi với sắc thấy là ngã, là khác ngã, hoặc ở trong nhau. Cũng vậy, đoi với thọ, tưởng, hành và thức, họ cũng thấy là ngã, là khác ngã, hoặc ở trong nhau. Như vậy, phàm phu mê muội thiếu hiểu biết, do chấp ngã, vô minh phân biệt nên quán sát như the, không lìa ngã sở. Do không lìa ngã sở nên các căn sanh khởi;24 do các căn sanh khởi nên xúc sanh khởi; do sáu xúc duyên vào các đối tượng của xúc25 nên phàm phu mê muội thiếu hiểu biết sanh ra khổ, vui; từ đó mà sanh khởi những pháp khác, đó là sáu loại xúc. Những gì là sáu? Đó là nhãn xúc, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý xúc. Này các Tỳ-kheo! Có ý giới, pháp giới và vô minh giới.26 Phàm phu mê muội thiếu hiểu biết, do sự tiếp xúc với vô minh27 nên cho là có, cho là không, cho là vừa có vừa không, cho là chẳng phải có chẳng phải không, cho là ta tối thắng, cho là ta bang, ta biết, ta thấy. Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Vị Thánh đệ tử đa văn ở nơi sáu xúc28 nhưng có the nhàm chán mà xa lìa vô minh roi sanh khởi minh. Vị ấy lìa dục đoi với vô minh mà sanh khởi minh: Chẳng phải c6, chẳng phải không, chẳng phải vừa có vừa không, chẳng phải chẳng có chẳng không, chẳng có ta hơn, chẳng có ta kém, chẳng có ta bằng, ta biết, ta thấy. Khi biết như vậy, thấy như vậy thì sự tiếp xúc với vô minh đã khởi từ trước diệt mất, sự tiếp xúc với minh về sau sanh khởi. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

23 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.63. 0016Ò13). Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.45. ooilboi); s. 22.47 - m. 46. 24 Nguyên tác: N^p ư chư căn ().Theo Tạp.(7.02. 0099.45. 0011Ò08), “chu căn tăng trưởng,, ()chí cho sự hình thành ngũ căn, sự sinh thành. 25 Nguyên tác: Sở xúc (). 26 Xem chú thích 67, kinh số 45, quyển 2, tr. 49; Tạp.(7.02. 0099.45. 0011Ò12). 27 Xem chú thích 68, kinh số 45, quyển 2, tr. 49; Tạp.(7.02. 0099.45. 0011Ò13). 28 Nguyên tác: Lục xúc nhập xứ (),còn gọi là Tụic xúc xứ"().

QUYỂN 3 73

64. PHÁP CÚ29 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật trú tại giảng đường Lộc Tử Mau ở Đông Viên,3031 thuộc nước Xá-vệ. Lúc ấy, sau thời tọa thiền buổi chiều, Thế Tôn đến giảng đường rồi trải tòa ngồi giữa giảng đường ở trước đại chúng. Bấy giờ, Thế Tôn nói

kệ Pháp củ3ỉ để khen ngợi: Pháp không có tự ngã, Cũng chẳng có ngã sở? Ngã vốn đã không có, Ngã sở do gì sanh? Tỳ-kheo rõ việc đó, Đoạn hạ phần kiết sử. Lúc ấy, có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa áo bày vai phải, quỳ gối phải sát đất rồi chắp tay bạch Phật:  Bạch Thế Tôn! Thế nào là: "Không có tự ngã, cũng chẳng có ngã sở, ngã vốn đã không có, ngã sở do gì sanh? Tỳ-kheo rõ việc đó, đoạn hạ phần kiết sử"? Đức Phật bảo Tỳ-kheo: -Phàm phu mê muội thiếu hiểu biết nên chấp sắc là ngã, là khác ngã, hoặc ở trong nhau. Đối với thọ, tưởng, hành và thức cũng chấp là ngã, là khác ngã, hoặc ở trong nhau. Vị Thánh đệ tử đa văn không thấy sắc là ngã, là khác ngã, hoặc ở trong nhau. Đối với thọ, tưởng, hành và thức cũng không thấy là ngã, là khác ngã, hoặc ở trong nhau; cũng chẳng phải là người biết, cũng chẳng phải là người thấy. Sắc này là vô thường. Thọ, tưởng, hành và thức đều là vô thường, sắc là khổ. Thọ, tưởng, hành và thức đều là khổ. sắc là vô ngã. Thọ, tưởng, hành và thức đều là vô ngã. sắc này sẽ không tồn tại. Thọ, tưởng, hành và thức sẽ không tôn tại. Săc này hư hoại. Thọ, tưởng, hành và thức đêu hư hoại. Cho nên chăng phải ngã, chẳng phải ngã sở. Ngã và ngã sở sẽ không tồn tại. Người nào hiểu rõ như vậy thì chác chăn sẽ đoạn trừ năm hạ phân kiêt sử. Bấy giờ, Tỳ-kheo ấy bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Đã đoạn trừ năm hạ phần kiết sử rồi, làm thế nào để dứt sạch các lậu hoặc, thành tựu vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, trong đời hiện tại tự thân tác chứng, thành tựu an trú rồi biết rằng: "Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh?"

29 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.64. 0016c04). Tham chiếu: s. 22.55 - III. 55. 30 Đông Viên Lộc Tử Mau giảng đường ().Xem chú thích 121, kinh số 58, quyển 2, tr. 62; Tạp.(r.02. 0099.58. 0014bl2). 31 Nguyên tác: Ưụ-đà-na (Udāna), một trong 9 hoặc 12 thể tài kinh điển, dịch ý là Tự nhiên, Pháp cu, Tự thuyết hoặc Vô vấn tự thuyết, cũng có nghĩa là Nhiếp tụng, Tổng nhiếp, tức bài kệ cô đọng, tóm tắt nội dung bản kinh.

## 74  KINH TẠPA-HÀM

Phật bảo Tỳ-kheo:  Chúng sanh phàm phu mê muội thiếu hiểu biết nên ở nơi không sợ hãi mà sanh ra sợ hãi. Chúng sanh phàm phu mê muội thiếu hiểu biết nên sợ hãi rằng không có ngã, không có ngã sở? hoặc cả hai sẽ không sanh khởi, bám víu vào bốn chỗ thức trụ.32 Những gì là bốn? Đó là thức trụ trong sắc, bám víu sắc, ưa thích sắc để tăng thêm, rộng lớn, sanh trưởng. Cũng vậy, thức trụ nơi thọ, tưởng, hành rồi bám víu, ưa thích để tăng thêm, rộng lớn, sanh trưởng. Này Tỳ-kheo! Thức ở chỗ này, hoặc đến, hoặc di, hoặc trụ lại, hoặc sanh khởi, hoặc diệt mất, hoặc tăng thêm, rộng lớn, sanh trưởng. Nếu nói như vầy: Lại có pháp khác, thức hoặc đến, hoặc di, hoặc trụ lại, hoặc sanh khởi, hoặc diệt mất, hoặc tăng thêm, rộng lớn, sanh trưởng thì đó chỉ ỉ J là lời nói suông, nêu như vặn hỏi thì sẽ không biêt, chỉ làm tăng thêm sự mê mờ, vì không ở trong cảnh giới đó vậy. Vì sao như vậy? Này Tỳ-kheo! Khi đã lìa tham nơi sắc giới rồi thì sự trói buộc được sanh ra do thức33 đối với sắc cũng đoạn trừ; sự trói buộc được sanh ra do thức đối với sắc được đoạn trừ rồi thì duyên bám víu vào thức cũng bi cắt đứt, thức không còn nơi để trụ nữa, cũng không thể tăng thêm, rộng lớn, sanh trưởng. Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành giới mà lìa tham rồi thì sự trói buộc được sanh ra do

thức đối với thọ, tưởng, hành cũng đoạn trừ. Sự trói buộc được sanh ra do thức đối với thọ, tưởng, hành đã đoạn trừ rồi thì sự bám r 9 • VÍU cũng bị cắt dứt, thức không còn nơi đê trụ, cũng không tăng thêm, rộng lớn, sanh trưởng trở lại. Vì thức không còn nơi để trụ nên không tăng thêm; do không tăng thêm nên không còn tạo tác; do không còn tạo tác nên an trụ; do an trụ nên biết đủ; do biết đủ nên được giải thoát; do giải thoát nên đối với các pháp thế gian không còn chấp thủ; do không chấp thủ nên không đắm r trước; do không đăm trước nên tự mình giác ngộ Niêt-bàn: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Này Tỳ-kheo! Ta nói, thức không trụ ở phương Đông, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn phương, phương trên và phương dưới, đã trừ dục, thấy pháp, Niết-bàn, diệt tận, vắng lặng, mát mẻ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *

32 Nguyên tác: Tứ thức trụ .Xem chú thích 28, kinh số 39, quyển 2, tr. 39; Tạp.7.02. 0099.39. 0009a06. 33 Nguyên tác: Ý .Trong 4 bộ A-hàm, ba chữ "tam", “y” và "thúrc" thường sử dụng lẫn lộn. Trường

hợp này chính là chữ "thức” .

QUYÊN 3 75

Kệ tóm tắt:
Sanh diệt dĩ bất lạc, Cập tam chủng phân biệt,
Tham trước đẳng quán sát, Thị danh Ưu-đà-na.34
***

65. QUÁN SÁT NHƯ THẬT (l)35 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Ky.dà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nên thường xuyên tinh tấn36 tu tập thiền định để nội tâm tĩnh lặng. Vì sao như vậy? Vì Tỳ-kheo thường xuyên tinh tấn tu tập thiền định để nội tâm tĩnh lặng thì mới quán sát như thật. Thế nào là quán sát như thật? Là quán sát đây là sắc, đây là sự tập khởi của sắc, đây là sự diệt tận của sắc. Đây là thọ, tưởng, hành, thức; đây là sự tập khởi của thức, đây là sự diệt tận của thức. Thế nào là sự tập khởi của sắc? Thế nào là sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức? Phàm phu mê muội thiếu hiểu biết nên đối với các cảm thọ khổ, vui, không khổ không vui đều không quán sát như thật: Đây là sự tập khởi của thọ, sự diệt tận của thọ, vị ngọt của thọ, tai họa của thọ, sự thoát ly thọ. Vì không quán sát như thật nên đối với cảm thọ vui thì đắm trước, sanh ra thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não. Như thế, toàn bộ khối khổ lớn từ tập mà sanh khởi. Đó gọi là sự tập khởi của sắc, sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức. Thế nào là sự diệt tận của sắc? Thế nào là sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức? Vị Thánh đệ tử đa văn đôi với các cảm thọ khô, vui, không khô không vui đều quán sát như thật về sự tập khởi của thọ, sự diệt tận của thọ, vị ngọt của thọ? tại họa của thọ, sự thoát ly thọ. Vì quán sát như thật nên đối với thọ, sự ưa thích, đắm trước được diệt tận; do đắm trước diệt tận nên thủ diệt tận; do thủ diệt tận nên hữu diệt tận; do hữu diệt tận nên sanh diệt tận; do sanh diệt tận nên giả, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não đều diệt

tận. Như vậy là toàn bộ khối khổ lớn đều diệt tận hoàn toàn. Đó gọi là sự diệt tận của sắc, sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức.

34 Nguyên tác Nhiếp tụng:.Do đặt lại tựa đề nên Nhiêp
tụng không trùng với tên kinh. 35 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02.0099.65.0017a23). Tham chiếu: Tạp.(7.02.0099.66. 0017016); S. 22.5- III. 13; s. 22.6 - m. 15. 36 Nguyên tác: Phương tiện (),đồng nghĩa với nỗ lực (),tinh tấn ().



Do vậy, này các Tỳ-kheo! Nên thường xuyên tinh tấn tu tập thiền định để nội tâm tĩnh lặng. Này các Tỳ-kheo! Hãy an trụ vào thiền đinh khiến nội tâm tĩnh lặng, nỗ lực tinh cần để quán sát như thật. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Như bài kỉnh Quán sáQ1 các kinh Phân biệt, Các thứ phân biệt, Biết, Biết rộng khắp, Biết mọi thứ, Gần gũif Siêng năng tu tập, Nhập, Xúc, hai kinh Chứng, cũng nói đầy đủ như thế. ***

66. QUÁN SÁT NHƯ THẬT (2)38 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bây giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Nên thường x^uyên tinh tấn tu tập thiền đinh để nội tâm tĩnh lặng. Vì sao như vậy? Vì tinh tấn tu tập thiền định để nội tâm tĩnh lặng rồi mới quán sát như thết. Thế nào là quán sát như thật? Quán sát như thật đây là sắc, đây là sự tập khởi của sắc, đây là sự diệt tận của sắc. Đây là thọ, tưởng, hành, thức; đây là sự tập khởi của thức, đây là sự diệt tận của thức. Thế nào là sự tập khởi của sắc? Thế nào là sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức? Này các Tỳ-kheo! Phàm phu mê muội thiêu hiêu biêt, do không quán sát như thật về sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sắc, vị ngọt của sắc, tai họa của sắc, sự thoát ly săc nên ưa thích sắc ây, khen ngợi, đăm trước nên săc sẽ tái sanh ở đời sau. Thọ, tưởng, hành, thức cũng được nói rộng như thế. sắc ấy sanh thì thọ, tưởng, hành, thức liền sanh; do không giải thoát khỏi sắc nên cũng không giải thoát đối với thọ, tưởng, hành, thức. Ta nói người ấy không giải thoát đối với sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não, toàn bộ khối khổ lớn tập khởi. Đó gọi là sự tập khởi của sắc, là sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức. Thế nào là sự diệt tận của sắc? Thế nào là sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức? Vị Thánh đệ tử đa văn quán sát như thật về sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của săc, vị ngọt của săc? tai họa của săc, sự thoát ly săc và biêt như thật. Do biêt*

37 Tức bài kinh vừa trình bày. Vì ý chính của bài kinh là: "Nhu thật quán sát"()nên đặt tên kinh là Quản sát. Từ bài kinh Quan sát, tiếp theo cho đến 2 bài kinh Chứng, gom tất cả 12 bài kinh. 38 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.66. 0017b16). Tham chiếu: Tạp.(r.Q2. 0099.65. 00 l7a23); Tạp.(r.02. 0099.43. 001 Oe 19); M. 138, Uddesavibhañga Sutta (Kinh tổng thuyêt và biệt thuyêt); s. 22.7 - III. 15.



như thật nên vị ấy không ưa thích đối với sắc, không khen ngợi sắc, không đắm trước sắc, cũng không sanh khởi sắc vi lai. Thọ, tưởng, hành, thức cũng được nói rộng như thế. Do sắc không sanh khởi, thọ, tưởng, hành, thức cũng không sanh khởi nên đối với sắc được giải thoát, đối với thọ, tưởng, hành, thức được giải thoát. Ta nói vị ấy được giải

thoát sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, kho, não và toàn bộ khối khổ lớn. Đó gọi là sự diệt tận của sắc, là sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức. Cho nên, này các Tỳ-kheo! Phải luôn luôn tinh tấn tu tập thiền định khiến nội tâm tĩnh lặng, nỗ lực tinh cần để quán sát như thật. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Cũng như bài kinh Quán sát, cho đến hai kỉnh Chứng cũng nói rộng như the?9 ***

67. TĨNH LẶNG NÔI TÂM39 40 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Nên thường xuyên tinh tấn tu tập thiền đinh để nội tâm tĩnh lặng. Vì sao như vậy? Này các Tỳ-kheo! Nhờ tinh tấn tu tập thiền định để nội tâm tĩnh lăng rồi mới quán sát như thật. Thế nào là quán sát như thật? Biết như thật đây là sắc, đây là sự tập khởi của sắc, đây là sự diệt tận của sắc. Đây là thọ, tưởng, hành, thức; đây là sự tập khởi của thức, đây là sự diệt tận của thức. Thế nào là sự tập khởi của sắc? Thế nào là sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức? Phàm phu mê muội thiếu hiểu biết nên không biết như thật về sự tập khởi . . * r của săc? sự diệt tận của săc? vị ngọt của sác, tai họa của sác, sự thoát ly săc. Do không biêt như thật nên đăm trước sác ây, khen ngợi sác ây. Do đăm trước săc9 khen ngợi sắc nên chấp thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên già, chết, lo, buồn, khổ, não. Như thế, toàn bộ khối khổ lớn sanh khởi. Đó gọi là sự tập khởi của sắc, là sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức. Thế nào là sự diệt tận của sắc? Thế nào là sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức?

39 Xem chú thích tại Tạp.(r02. 0099.65. 0017a23). 40 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.67. 0017c 10).



Vị Thánh đệ tử đa văn biết như thật về sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của r r / 9r sác, vi ngọt của sác, tai họa của sc, sự thoát ly sác. Do biêt như thật nên không đắm trước sắc, không khen ngợi sắc. Do không đắm trước sắc, không khen ngợi sắc nên tham ái4142diệt tận; do tham ái diệt tận nên thủ diệt; do thủ diệt nên hữu diệt; hữu diệt nên sanh diệt; sanh diệt nên già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não diệt. Như vậy, toàn bộ khối khổ lớn diệt tận. Vị Thánh đệ tử đa văn biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức; sự tập khởi của thức, sự diệt tận của thức, vị ngọt của thức, tai họa của thức, sự thoát ly thức đều biết như thật. Do biết như thật nên vị ấy không đắm trước thức, không khen ngợi thức kia; do không đắm trước, không khen ngợi nên tham ái diệt tận; do tham ái diệt tận nên thủ diệt; do thủ diệt nên hữu diệt; do hữu diệt nên sanh diệt; do sanh diệt nen già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não diệt. Như thế, toàn bộ khối khổ lớn diệt, tất cả đều được diệt tận. Này các Tỳ-kheo! Đó gọi là sự diệt tận của sc, là sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức. Này các Tỳ-kheo! Hãy luôn luôn tinh tấn tu tập thiền định, tĩnh lặng nội tâm. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Cũng như kinh Quản sát, cho đến hai kỉnh Chứng cũng nói rộng như th2.42 ***

68. BA YẾU TÓ43 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nên thường

xuyên tinh tấn tu tập thiền định để nội tâm tĩnh lặng, mới quán sát như thật! Thế nào là quán sát như thật?  Biết như thật đây là sắc, đây là sự tập khởi của sắc, đây là sự diệt tận của sắc. Đây là thọ, tưởng, hành, thức, đây là sự tập khởi của thức, đây là sự diệt tận của thức. Thế nào là sự tập khởi của sắc? Thế nào là sự tập khởi của thọ? tưởng, hành, thức?

41 Nguyên tác: Ái lạc (). 42 Xem chú thích 37, kinh số 65, quyển 3, tr. 76; Tạp.(T.02. 0099.65. 0017a23). 43 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.68. 0017c06)

QUYỂN 3  79

Do mắt duyên với sắc sanh ra nhãn thức, ba yếu tố hòa hợp sanh ra xúc,4445 duyên xúc sanh thọ, duyên thọ sanh ái,... (cho đến) toàn bộ khối khổ lớn tập khởi. Đó gọi là sự tập khởi của sắc. Cũng như vậy đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Do ý duyên với pháp sanh ra ý thức, ba yếu tố hòa hợp sanh xúc, duyên xúc sanh thọ, duyên thọ sanh ái?... (như thế cho đến) toàn bộ khối khổ lớn tập khởi. Đó gọi là sự tập khởi của sắc, là sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức. Thế nào là sự diệt tận của sắc? Thế nào là sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức? Do mắt duyên với sắc sanh ra nhãn thức, ba yếu tố hòa hợp sanh ra xúc, xúc diệt thì thọ diệt,... (cho đến) toàn bộ khối khổ lớn diệt. Cũng như vậy đôi với tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Do ý duyên với pháp sanh ra ỷ thức, ba yếu tô hòa hợp sanh xúc, xúc diệt thì thọ diệt,... (cho đến) toàn bộ khôi khổ lớn diệt. Đó gọi là sự diệt tận của sắc, là sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức. Thế nên, này các Ty-kheo! Hãy luôn luôn tinh tấn tu tập thiền định để nội tâm tĩnh lặng. Đức Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành* r A

Cũng như kinh Quán sát, cho đên hai bài kỉnh Chứng, gôm 12 bài kinh cũng nói đầy đủ như th2.45

*

Kệ tóm tắt:

Thọ dữ sanh cập Lạc, Diệc thuyết lục nhập xứ,

Nhất nhất thập nhi chủng, Thiền định tam-muội kinh.46

***

69. VƯỢT THOÁT THÂN KIẾN47

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà9 thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

-Hôm nay, Ta sẽ giảng về con đường dẫn đến sự tập khởi kiến chấp về thân48 và con đường dẫn đến sự diệt tận của kiến chấp về thân.

44 Nguyên tác: Tam sự hòa hợp sanh xúc ().Ba yếu tố là "cn"()"cnh"()và “th(). 45 Xem chú thích 37, kinh số 65, quyển 3, tr. 76; Tạp.(r02. 0099.65. 0017a23). 46 Nguyên tác Nhiếp tụng:;.Do đặt lại tựa đề nên Nhiêp tụng không trùng với tên kinh. 47 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.69. 0018a26). Tham chiếu: s. 22.44 - III. 43. 48 Nguyên tác: Hữu thân (),ghi đầy đủ là "hữu

thân kiến"(,sakkāyaditthī).

80 KINH TẠPA-HÀM

Thế nào là con đường dẫn đến sự tập khởi của kiến chấp về thân? Phàm phu mê muội thiếu hiểu biết, không biết như thật về sự tập khởi của r z . r ỉ

săc, sự diệt tận của sác, vi ngọt của sác, tai họa của sác, sự thoát ly săc. Do không biết như thật nên ưa thích sắc, khen ngợi sắc, đắm trước sắc, bám víu sắc. Do ưa thích sắc, khen ngợi sắc, đắm trước sắc, bám víu sắc nên sanh tham ái, châp thủ; thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên già, bệnh, chét, lo, buôn, khổ, não. Như vậy, toàn bộ khối khổ lớn tập khởi. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức cũng được nói rộng như the. Đó gọi là con đường dẫn đến sự tập khởi kiến chấp về thân. Này các Tỳ-kheo! Nên biết con đường dẫn đến sự tập khởi kiến chấp về thân chính là con đường dẫn đến sự tập khởi của khổ. Thế nào là con đường dẫn đến sự diệt tận kiến chấp về thân? Vị Thánh đệ tử đa văn biết như thật về sắc, sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sắc, vị ngọt của sắc, tai họa của sắc, sự thoát ly sắc. Do biết như thật nên đối với sắc, vị ấy không vui thích, không khen ngợi, không đắm trước, không bám víu. Vì không vui thích, không khen ngợi, không đam trước, không bám víu nên sự tham ái sắc ấy diệt tận; tham ái diệt thì thủ diệt; thủ diệt thì hữu diệt; hữu diệt thì sanh diệt; sanh diệt thì già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não, toàn bộ khối khổ lớn diệt tận. Cũng giông như săc, thọ, tưởng, hành, thức cũng thê. Đó gọi là con đường dẫn đến sự diệt tận kiến chấp về thân. Con đường dẫn đến sự diệt tận kiến chấp về thân chính là con đường dẫn đến sự diệt tận của khổ. Đó là Ta nói về con đường dẫn đến sự diệt tận kiến chấp về thân. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Như kinh Đương thuyết^ kinh Hữu và kỉnh Đương tri cũng nói như vậy. ***

70. KIÊN CHẤP VÈ THÂN (l)49

50

Tôi nghe như vay:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-ve.

49 Tức bài kinh vừa trình bày. Vì mở đầu bài kinh, đức Phật nói: "Ngỗi kim đương thuyếf,(), nên đặt tên kinh là Đương thuyết. Bản dịch Việt đặt lại tên khác cho phù hợp nội dung kinh. 50 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.70. 0018al6). Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.71. 00Ì8Ò28); s. 22.103 - III. 157.

QUYỂN 3 81

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Nay Ta sẽ giảng nói kiến chấp về thân,51 sự tập khởi của kiến chấp về thân và sự diệt tận của kiến chấp về thân. Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng nói cho các thầy. Thế nào là kiến chấp về thân? Đó là năm thủ uẩn. Những gì là năm? Đó là r Q 9 9 l 1 1 9 9 sác thủ uân, thọ thủ uân, tưởng thủ uân5 hành thủ uân? thức thủ uân. Đó gọi là kiến chấp về thân. Thế nào là sự tập khởi của kiến chấp về thân? Đó chính là khát ái dẫn đến sự hiện hữu ở tương lai, đi cùng với hỷ và tham rồi đắm trước nơi này, nơi kia, đó gọi là sự tập khởi của kiến chấp về thân. Thế

nào là sự diệt tận của kiến chấp về thân? Tức là do khát ái này, khát ái dẫn đen sự hiện hữu ở tương lai, đi cùng với hỷ và tham rồi đắm trước nơi này, nơi kia đã trừ sạch hoàn toàn, đã nhổ bỏ, đã dứt sạch, ly dục, tịch diệt, vắng 9 9r r • lặng, ngưng nghỉ.52 Đó gọi là sự diệt tận của kiên châp vê thân. Đó là giảng nói kiến chấp về thân, sự tập khởi của kiến chấp về thân và sự diệt tận của kiến chấp về thân. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Như kinh Đương thuyết,53 kỉnh Hữu và kỉnh Đương tri cũng nói như vậy. ***

71. KIẾN CHẤP VÈ THÂN (2)54 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-dà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ, Thê Tôn bảo các Tỳ-kheo: —Nay Ta sẽ giảng nói kiên châp vê thân, sự tập khởi kiên châp vê thân, sự diệt tận kiến chấp về thân và con đường đưa đến sự diệt tận kiến chấp về thân. Hãy lăng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng nói cho các thây. Thế nào là kiến chấp về thân? Đó là năm thủ uẩn. Những gì là năm? sắc thủ uân, thọ thủ uân, tưởng thủ uân, hành thủ uân, thức thủ uân, đó gọi là kiên chấp về thân.

51 Nguyên tác: Hữu thân khổ biên ()sửa lại theo Đại Chảnh là "hữu thân biên"(, sakkāyanta). Biên (anta): Cực đoan, nhận thức giới hạn. 52 Nguyên tác: Ly dục, diệt, tịch, một ().Xem chú thích 9, kinh số 35, quyển 2, tr. 34; Ể(r.O2. 009935. 0008a05). 53 Tức bài kinh vừa trình bày. Vì mở đầu bài pháp thoại, đức Phật nói: "Ngã kim đương thuyết"( ),nên đặt tên kinh là Đương thuyết. Bản dịch Việt đặt lại tên khác cho phù hợp nội dung kinh. 54 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.71. 0018028). Tham chiếu:.(02. 0099.70. 00Ì8al6); Tang.(r02. 0125.46.2. 0775cl9); s. 22.105 - III. 159; A. 10.20 - v. 29.



Thế nào là sự tập khởi kiến chấp về thân? Khát ái dẫn đến sự hiện hữu ở tương lai, đi cùng với hỷ và tham roi đam trước nơi này, nơi kia, đó gọi là sự tập khởi kiến chấp về thân. Thế nào là sự diệt tận kiến chấp về thân? Khát ái dẫn đến sự hiện hữu ở tương lai, đi cùng với hỷ và tham rồi đắm trước nơi này, nơi kia đã trừ sạch hoàn toàn, đã nhổ bỏ, đã trừ sạch, ly dục, tịch diệt, đó gọi là sự diệt tận của kiến chấp về thân. Thế nào là con đường đưa đến sự diệt tận kiến chấp về thân? Đó là Thánh đạo tám chi gồm chánh kiến, chánh tư duy,55 chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn,56 chánh niệm, chánh định, đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận kiến chấp về thân. Đay là giang nói kiến chấp về thân, sự tập khởi kiến chấp về thân, sự diệt tận kiến châp về thân và con đường đưa đến sự diệt tận kiến chấp về thân. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Kinh khác cũng nói như thể, chỉ có sự khác biệt la: uNên biết kiến chấp về thân, nên biết đoạn trừ sự tập khởi kiến chấp về thân, nên biết chứng ngộ sự diệt tận kiến chấp về thân và nên biết con đường tu tập để đoạn trừ kiến chấp về thẩn.^, Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Giống như bài kinh Đương thuyếty kinh Hữu và kỉnh Đương tri cũng nói như trên, chỉ có sự khác biệt lấy. "Tỳ-kheo nên biết kiến chấp ve thân, đoạn trừ sự tập khởi kiến chấp về thân, chứng ngộ sự diệt tận kiến chấp về thân và con đường tu tập để đoạn trừ kiến chấp về thân. Đó gọi là Tỳ-kheo đã đoạn trừ

ái dục, dứt các kiết sử, diệt sạch ngã mạn, vượt thoát khổ dau."58 Lại có sự sai khác: "Đó gọi là Tỳ-kheo được vượt thoát khổ đau, dứt sạch *59 Phạm hạnh vẹn toàn, Thượng sĩ thuần tinh.,, phiền nao,5557 56 Lại có sự sai khác: "Đó gọi là Tỳ-kheo A-la-hán, dứt sạch hữu lậu, việc cần làm đã làm xong, đã buông bỏ gánh năng, mau chóng được lợi ích, dứt hết các kiết sử, có chánh trí, tâm được giải thoát." Lại có sự sai khác: "Đó gọi là Tỳ-kheo phá ải, vượt hào, thoát khỏi cảnh giới, vượt các chướng ngại, dựng ngọn cờ Thanh."

55 Nguyên tác: Chánh chí . 56 Nguyên tác: Chánh phương tiện . 57 Tức bài kinh vừa trình bày. ^Nguyên tác: Đoạnái dục phược, chư kiết đẳng pháp, tu vô gián đẳng, cứu cánh khổ biên , .Đây là một cách viết khác của thành cú: Đoạn ái dục, chuyển chư kiết, chỉ mạn vô gián đẳng, cứu cánh khổ biên acchecchi tanham, vỉvattayi samyojanarn, sammā mãnãbhisamayã antamakãsi dukkhassa. 59 Nguyên tác: Cứu cánh ly cấu .

QUYỂN 3 83

Lại có sự sai khác: "Thê nào gọi là phá ải? Đó là đoạn trừ năm hạ phân kiết sử. Thế nào gọi là vượt hào? Đó là vượt qua hào sâu vô minh. Thế nào gọi là thoát khỏi cảnh giới? Đó là hoàn toàn thoát khỏi sanh tử không đầu mối. Thế nào gọi là vượt các chướng ngại? Đó là dứt sạch khát ái. Thế nào là dựng ngọn cờ Thánh? Đó là trừ sạch ngã mạn." Lại có sự sai khác: UĐÓ gọi là Tỳ-kheo đoạn trừ hết năm chi,6thành tựu 62 nương vào bốn Thánh chủng,63 buông bỏ mọi tà kiến,64 sáu chi,61 giữ gìn một,60 61 xa lìa các mong câu, các tưởng văng lặng, thân hành dừng nghi, tâm khéo giải thoát, tuệ khéo giải thoát, Phạm hạnh thuần nhất, là bậc Vô thượng sĩ.99 * Kệ tóm tắt: Kỳ đạo hữu tam chủng, Thật giác diệc tam chủng, Thân hữu tứ chủng thuyết, La-hán hữu lục chủng.65 *** 72. PHÁP ĐIỀU PHỤC THAM66 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

60 Nguyên tác: Đoạn ngũ chi ().Theo Tăng.(r.02. 0125.52.7. 0827al4), “ngũfhi" chi cho 5 hạ phân kiêt sử (7^^^, pañca orambhãgiya sarỊiyọjanà), gôm: (i) Tham dục (kāmarāga), (ii) Sân khuê (vyãpãdă), (iii) Thân kiên (sakkdyadihhi), (iv) Giới cấm thủ (, sīlabbataparāmāso), (v) Nghi (vicikicchā). 61 Nguyên tác: Thành lục i.().Theo Du-già luân ký (7.42. 1828.22. 0807al2), đó là “thanh tựu lục niệm,, (). 62 Nguyên tác: Thủ hộ nhất ().Quảng nghĩa pháp môn kinh (7.01.0097. 0922all) gọi là "nhất pháp thu h0”(;Du-gia sư địa luận (7Q 1579. 34. 0477a09) gọi là "nhất hướng thủ h().Theo Quảng nghĩa pháp môn kinh (roi. 0097. 0920c23) thi Cithu hộ,9 ()ở đây mang nghĩa giữ gìn các căn môn (). 63 Nguyên tác: Y tứ chủng ().D. 34, Dasuttara sutta (Kinh thập thượng) ghi: Này các Hiền giả, thế nào là vị Tỷ-kheo có thực hiện bốn y? Này các Hiền giả, vị Tỷ-kheo sau khi suy từ, thọ dụng một pháp; sau khi suy tư, nhẫn thọ mọt pháp; sau khi suy tư, đoan trừ một pháp; sau khi suy tư, tránh xa một pháp. Này các Hiền giả, như vậy la vị Tỵ-kheo thực hiện bổn y (HT. Thích Minh Châu dịch). Ngoài rà, y chúng^x Ệ) còn được Tứ phan luật (T.22.y 1428.58. 1Ọ01c09) gọi là utư y chr (Ế ),tức biết đủ ve y phục, về thức ăn, về vật dụng nằm, ngồi và về thuốc thang trị bệnh. 64 Nguyên tác:

Khí,xả chư đế ().Q^àng nghĩa pháp môn kinh (ro 1.0097., 0922all) gọi tắt của uxả nhất đế thiên chấp"(),là buông bỏ sự chấp giữ quan diêm thiên kiến. ^ Nguyên tác Nhiếp tụpg:;3 ;Bài kê này kể tên cả những bài kinh nói văn tát trong các bài kinh từ 69 đên 71. Do đặt lại tựa đê nên Nhiêp tụng không trùng với tên kinh. 66 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.72. 0019a04). Tham chiếu: s. 22.23 - III. 26; S. 22.106- ÌIL 159/



Ấ • y r-pl Á FT^ 2 19 r-p \ j í Bây giơ, The Ton bao các Ty-kheo: -Ta sẽ giảng nói pháp càn được biết, sự thông tuệ67 và bậc Thông tuệ. Hãy ĩ > lăng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng nói cho các thây. Thế nào là pháp cần được biết? Đó là năm thủ uẩn. Những gì là năm? sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn, đó gọi là pháp cần được biết. Thế nào là sự thông tuệ? Đó là sự điều phục dục tham, đoạn trừ dục tham và vượt thoát dục tham, đó gọi là sự thông tuệ. Thế nào là bậc Thông tuệ? Đó là bậc A-la-hán. Bậc A-la-hán chẳng phải tồn tại sau khi chết, chẳng phải không tồn tại sau khi chết, chẳng phải vừa tồn tại vừa không tôn tại sau khi chét, chăng phải chăng tôn tại chăng không tôn tại sau khi chết... (nói rộng ra cho đến) vô lượng luân hồi68 vĩnh viễn diệt tận. Đó gọi là pháp cần được biết, sự thông tuệ và bậc Thông tuệ. Đức Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

73. BUÔNG Bỏ GÁNH NẶNG69 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xa-ve* , , Ặ • Ạ FT^-I x r-1-ĩ Ạ -f 9 rrn \ Bay giơ, The Tôn bảo các Ty-kheo: -Nay Ta sẽ giảng nói về gánh nặng, giữ lấy gánh năng, buông bỏ gánh nặng và kẻ mang gánh nặng. Hãy lang nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng nói cho các thầy. Thế nào là gánh nặng? Đó là năm thủ uẩn. Những gì là năm? sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Thế nào là giữ lấy gánh nặng? Khát ái dẫn đến sự hiện hữu ở tương lai, đi cùng với hỷ và tham roi đam trước nơi này, nơi kia. Thế nào là buông bỏ gánh nặng? Nếu khát ái dẫn đến sự hiện hữu ở tương lai, đi cùng với hỷ và tham roi đắm trước nơi này, nơi kia đã bị đoạn trừ hoàn toàn, đã diệt trừ, đã nhổ bỏ? đã trừ sạch, ly dục, tịch tĩnh, ngtrng nghỉ. Thế nào là kẻ mang gánh nặng? Đó là con người. Là người này có tên như vậy, sanh ra như vậy, dòng dõi như vậy, ăn uống như vậy, chịu khổ vui như vậy,

67 Nguyên tác: Trí (paryānāti)'. Thông tuệ, hiểu biết rõ ràng, chắc chắn. 68 Nguyên tác: Chư số (),nghĩa là luân hồi. Xem chú thích 35, kinh số 16, quyển l, tr. 12; Tạp. (7.02.0099.16.003014). 69 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.73. 0019al5). Tham chiếu: Tăng.(02. 0125.25.4. Ó631C11); s. 22.22 - m. 25.



sông lâu như vậy, trụ lâu như vậy, thọ mạng có giới hạn như vậy. Đó gọi là gánh nặng, giữ lấy gánh nặng, buông bỏ gánh nặng và người mang gánh nặng. Khi áy, The Ton noi kẹ: Đã buông gánh nặng rồi, Đừng nên mang gánh khác, Ganh nặng là khổ thôi, Buông gánh vui nhất đời. Nếu đoạn tất cả ái, Là dứt sạch các hành, Thấu rõ cảnh giới khác, Chẳng còn phải tái sanh. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đều

hoan hỷ phụng hành. ***

74. ĐẾN VÀ ĐI70 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: - Có năm thủ uẩn. Những gì là năm? Đó là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Phàm phu mê muội thiếu hiểu biết nên không biết như thật về sắc, sự tập khởi của sắc, vị ngọt của sắc, tai họa của sắc, sự thoát ly sắc. Do không biết như thật nên đối với sắc liền ưa thích, khen ngợi, bám víu vào, bi sự trói buộc của săc trói buộc, bị sự trói buộc ở bên trong trói buộc, không biêt nguôn góc, không biết giới hạn, không biết thoát ly. Đó gọi là phàm phu mê muội thiếu hiểu biết, do trói buộc mà sanh ra, do trói buộc mà chết đi, bị trói buộc từ đời này sang đời khác. Người ấy do trói buộc mà sanh thì cũng do trói buộc mà chết đi, đó gọi là kẻ phàm phu mê muội thiêu hiêu biêt, bi ma không chê, vào trong lưới ma, theo sự biến hóa của ma, bị sự trói buộc của ma trói buộc, bị ma dẫn dắt. Đôi với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Vi Thánh đệ tử đa văn biết như thật về sắc, sự tập khởi của sắc, sự diệt tận n r n ỉ ) f r x T" 1 . của săc, vị ngọt của săc? tai họa của săc? sự thoát ly săc. Vì biêt như thật nên vị ấy không ưa thích sắc, không khen ngợi, không bám víu vào, không bị sự trói buộc của sác trói buộc, không bị sự trói buộc bên trong trói buộc, biêt nguôn gốc, biết giới hạn, biết thoát ly. Đó gọi là vị Thánh đệ tử đa văn không bị trói buộc mà sanh, không bị trói buộc mà chết, không bị trói buộc từ đời này sang đời khác, không bi ma khống chế, không rơi vào tay của ma, không theo sự tạo tác của ma, không bị ma trói buộc, giải thoát sự trói buộc của ma, thoát khỏi sự dẫn dắt của ma. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

70 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.74. 0019ÒO2). Tham chiếu: s. 22.65 - III. 75; S. 22.117-IIL 164. •



Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

75. NHƯ LAI VÀ A-LA-HÁN71 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà9 thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có năm thủ uân. Những gì là năm? Đó là sác thủ uân? [thọ, tưởng, hành và thức thủ uẩn]. Này các Tỳ-kheo! Đối với sắc mà nhàm chán, lìa dục, tịch diệt, không còn sanh khởi, được giải thoát, đó gọi là Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức mà nhàm chán, lìa dục, tịch diệt, không còn sanh khởi, được giải thoát, đó gọi là Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Tỳ-kheo đối với sắc cũng nhàm chán, lìa dục, tịch diệt, đó gọi là bậc A-la- hán được giải thoát nhờ trí tuệ. Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức mà nhàm chán, lìa dục, tịch diệt, đó gọi là bậc A-la-hán được giải thoát nhờ trí tuệ. Này các Tỳ-kheo! Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác và A-la-hán được giải thoát nhờ trí tuệ có gì khác biệt? Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Thê Tôn là cội nguôn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp. Kính mong Ngài thuyêt giảng cho chúng con. Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ lãnh thọ và phụng hành. Phật bảo các Tỳ-kheo: Hãy lăng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng nói cho các thây. Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác dù chưa từng nghe pháp nhưng có thể tự mình giác

ngộ pháp, chứng đắc Vô thượng Bồ-đề, vì muốn khai mở sự giác ngộ cho hàng đệ tử72 ở đời sau mà nói các pháp như bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, Thánh đạo tám chi. Này các Tỳ-kheo! Đó gọi là Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc đạt được điều chưa đạt, được lợi ích với điều chưa lợi ích, là bậc biết rõ con đường, phân biệt về con đường, giảng nói về con đường, thông suốt về con đường, lại có thể tác thành, giáo hóa, khuyên răn hàng đệ tử, khiến họ hoàn toàn

71 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.75. 0019b21). Tham chiếu: Tạp.(r02. 0099.684. 0Ì86b26); s. 22.58 - III. 65. 72 Nguyên tác: Thanh văn (Sāvakā), vừa có nghĩa là bậc nghe nhiều vừa có nghĩa là hàng đệ tử.



tuân theo những lời dạy đó rồi sống an vui trong thiện pháp.73 Đó gọi là sự khác biệt giữa Như Lai và A-la-hán. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

76. QUÁN SÁT NĂM UẨN74 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: - Có năm thủ uẩn. Những gì là năm? Đó là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Tỳ-kheo các thầy hãy quán sát sắc. Quán sát sắc rồi, thấy sắc là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không? Các Tỳ-kheo bạch Phật: - Thưa không, bạch Thế Tôn! Phật bảo các Tỳ-kheo: - Lành thay! Lành thay! sắc là vo ngã, rủiững gì vô ngã thì vô thường, những gì vô thường thì khổ, nếu là khổ thì hết thảy chúng đều chẳng có ngã, chẳng khác ngã, chẳng ở trong nhau. Hãy nên quán thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế. Vị Thánh đệ tử đa văn đối với năm thủ uẩn này mà quán sát chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở; quán sát như thế rồi nên đối với thế gian không có gì chấp thủ. Người không chấp thủ thì không có gì đắm trước, vì không đắm trước nên tự mình chứng ngộ Niết-bàn: "Sụ* sanh của ta đã chấm dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

73 Đoạn kinh này chưa sáng tỏ. Xem thêm ý kinh tương tự ở kinh số 684; Tạp.(02. 0099.684. 0186b26). 74 Tựa đe đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.76. 0019cl2). Tham chiếu: s. 22.118-III. 165; S. 22.119-ÌIL 166/



77. CHẤM DỨT TÁI SANH75 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giơ, Thê Ton bao các Ty-kheo: -Hãy đoạn trừ tham dục đôi với sac, tham dục đã đoạn trừ thì sac đoạn trừ; sắc đã đoạn trừ và biết đã đoạn trừ hoàn toàn;7677 đã đoạn trừ hoàn toàn thì dứt trừ cội gốc, như chặt ngọn cây da-la,77 về sau không thể sanh trưởng trở lại. Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức; hãy đoạn trừ tham dục đối với thức,... (cho đến) không the sanh trưởng trở lại ở đời sau. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

78. SANH KHỞI VÀ DIỆT TẬN78 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xa-ve* Bay giờ, The Ton bao các Ty-kheo: Nếu sắc sanh khởi, dừng trụ, hiện hữu thì khổ khởi lên từ đây, bệnh dừng trụ ở đây, già chết hiện hữu ở đây. Thọ, tưởng, hành, thức cũng nói như vậy. Này các Tỳ-kheo! Nếu sắc diệt tận, dừng nghỉ, diệt mất thì khổ diệt từ đây, bệnh dừng nghỉ từ đây, già chết diệt mất từ đây. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

79. SẮC VÔ THƯỜNG79

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

75 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.77. 0019c25). Tham chiếu: s. 22.25 - m. 27; S. 23.9 - IIỈ. 193. 76 Nguyên tác: Đoạn tri (),mang nghĩa như "biến tri"(,parijānāti): Biết rõ tường tận, chắc chắn. 77 Nguyên tác: Đa-la (tāla), thuộc họ cây cọ, cây thốt nốt. 78 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.78. 0020a03). Tham chiếu: s. 22.30 - m. 31. 79 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.79. 0020a 10). Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.8. 0001c22); ý 22.9-lì - IIL 19-20. .

QUYÊN 3 89

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Sắc quá khứ và sắc tương lai còn vô thường, huống gì sắc hiện tại. Vị Thánh đệ tử đa văn quán sát như thế rồi nên không luyến tiếc sắc quá khứ, không mong cầu sắc tương lai, đối với sắc hiện tại thì nhàm chán, lìa dục, tịch diệt, văng lăng. Đôi với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Này các Tỳ-kheo! Nếu không có sắc quá khứ thì Thánh đệ tử đa văn đã không có sự không luyến tiếc sắc quá khứ, do vì có sắc quá khứ nên Thánh đệ tử đa văn không luyến tiếc sắc quá khứ. Nếu không có sắc vị lai thì Thánh đệ tử đa văn không có sự không mong cầu sắc vị lai, do vì có sắc vi lai nên Thánh đệ tử đa văn không mong cầu sắc vi lai. Nếu không có sắc hiện tại thì Thánh đệ tử đa văn không đối với sắc hiện tại mà sanh nhàm chán, lìa dục, hướng đến diệt tận, vì có sắc hiện tại nên Thánh đệ tử đa văn đối với sắc hiện tại mà sanh nhàm chán, lìa dục, hướng đến diệt tận. Đối với thọ? tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Cũng như kỉnh Vô thường, ba kỉnh Khổ, Không và Vô ngã cũng nói như vậy. ***

80. PHÁP ẤN CỦA BẬC THÁNH80 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước X£ve. Bây giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Ta sẽ giảng nói vê pháp ân của bậc Thánh và tri kiên thanh tịnh. Hãy lăng nghe và khéo suy nghĩ! Nếu có Tỳ-kheo nói như vầy: "T6i tuy chưa đạt được định Không,81 nhưng lại sanh khởi định Vô tướng, Vô sở hữu, được tri kiến lìa kiêu mạn thì chớ nói như thế. Vì sao như vậy? Vì nếu chưa đạt được Không mà cho rằng ta đã đạt được Vô tướng, Vô sở hữu, tri kiến lìa kiêu mạn thì việc này không thể xảy ra. Nếu có Tỳ-kheo nói như vầy: '"Tôi đã đạt được Không, có thể sanh khởi định Vô tướng, Vô sở hữu và tri kiến lìa kiêu mạn", đây là lời khéo nói. Vì sao như vậy? Nếu đã đạt được Không thì có thể sanh khởi

Vô tướng, Vô sở hữu, tri kiến lìa kiêu mạn thì điều này chắc chan như vậy.

^Tựa đềjđặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.80. 0020a25). Tham chiếu: Thánh pháp ấn kinh (7.02. 01Ò3.1. 0500a04)* 81 Nguyên tác: Không tam-muội (),tức Không định (Suññato samādhī).



Thế nào là Thánh đệ tử đạt được tri kiến thanh tinh? Tỳ-kheo bạch Phật: Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp. Kính mong Ngài thuyết giảng cho chúng con. Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ lãnh thọ và phụng hành. Phật bảo các Tỳ-kheo: Nếu vị Tỳ-kheo ở nơi nhàn vắng hay ngồi bên gốc cây mà khéo quán sát sắc là vô thường, hoại diệt, là pháp lìa dục; cũng như vậy, quán sát thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, hoại diệt, là pháp lìa dục. Quán sát các uẩn kia là vô thường, hoại diệt, không bền chắc, là pháp biến đổi thì tâm sẽ an lạc, thanh tịnh, giải thoát, đó gọi là Không. Người quán sát như thế tuy chưa lìa kiêu mạn nhưng có tri kiến thanh tịnh. Lại nhờ thiền định, chân chánh tư duy rồi quán sát sự đoạn diệt của tướng sắc; quán sát sự đoạn diệt của tướng thanh, hương, vi, xúc, pháp, đó gọi là Vô tướng. Người quán sát như the tuy chưa lìa kiêu mạn nhưng có tri kiến thanh tịnh. Lại nhờ thiền định, chân chánh tư duy rồi quán sát sự đoạn diệt của tướng tham, sự đoạn diệt của tướng sân, sự đoạn diệt của tướng si. Đó gọi là Vô sở hữu. Người quán sát như thế tuy chưa lìa kiêu mạn nhưng có tri kiến thanh tinh. Lại nhờ thiền đinh, chân chánh tư duy rồi quán sát ngã và ngã sở từ đâu mà sanh khởi? Lại nhờ thiền định, chân chánh tư duy rồi quán sát ngã, ngã sở từ sự thấy, nghe, hoặc ngửi, hoặc nếm, hoặc xúc chạm, hoặc nhận biết mà sanh khởi. Lại quán sát như vầy: "Hoặc do nhân, do duyên mà thức sanh khởi; nhân ấy, duyên ấy thảy đều vô thường/5 Lại nữa, nhân ây, duyên ây thảy đêu vô thường, thức được sanh ra bởi chúng làm sao mà thường được. Vô thường là pháp hữu vi, tạo tác, từ duyên khởi sanh. Đó là pháp tai họa, pháp hoại diệt, pháp lìa dục, pháp đoạn tri.82 Đây gọi là pháp ấn của bậc Thánh và tri kiến thanh tịnh. Này các Tỳ-kheo! Như vậy là nói về pháp ấn của bậc Thánh và tri kiến thanh tịnh, đã giảng nói rộng rãi như thế. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

82 Nguyên tác: Đoạn tri ,còn gọi là "đoạn biến tri",nhận thức toàn diện về sự đoạn trừ, tức đã đoạn trừ triệt để. p. pahāna-pariññā.



81. CÓ NHÂN VÀ CÓ DUYÊN83 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu, thuộc thành Tỳ-xá-ly.84 Khi ấy, có người thuộc dòng Lyxa, tên là Ma-ha-nam85 hằng ngày thường đi đen chỗ Phật. Ngày nọ, Ly-xa Ma-ha-nam nghĩ tham: "H6m nay, nếu ta đến chỗ Thế Tôn sớm thì Ngài và các vi Tỳ-kheo mà ta quen biết đều đang tọa thiền; vậy bây giờ ta nên đến trú xứ của ngoại đạo tà mạng86 ở nơi bảy cây am-la.” Rồi Ma-ha-nam liền đến chỗ đó, là trú xứ của Phú-lan-na Ca-diếp.87 Bấy giờ, năm trăm đồ chúng ngoại đạo đang vây quanh giáo chủ Phú-lan-na Ca-diếp, đùa cợt ồn náo, bàn luận thế tục. Từ xa trông thấy Ly-xa

Ma-ha-nam đi đến, Phú-lan-na Ca-diếp liền bảo quyến thuộc cần giữ yên lặng: "Các ông hãy im lăng! Ly-xa Ma-ha-nam này là đệ tử của Sa-môn Cù-đàm. Vi này là đệ tử áo trắng88 của Sa-môn Cù-đàm5 là bậc thượng thủ nơi thành Tỳ-xá-ly. Ông ấy thường ưa tĩnh lặng, khen ngợi tĩnh lặng, chỗ ông ấy đến là chỗ có đồ chúng tĩnh lặng, vì thế các ông hãy nên tĩnh lặng?9 Ma-ha-nam đến chỗ đồ chúng Phú-lan-na, ân cần hỏi thăm nhau rồi ngồi sang một bên. r \

Bây giờ, Ma-ha-nam hỏi Phú-lan-na răng:  Tôi nghe giáo chủ Phú-lan-na nói pháp cho chúng đệ tử như vầy: "Không nhân, không duyên khiến chúng sanh có cấu uế; không nhân, không duyên khiến chúng sanh được thanh tjnh." Thế gian đang truyền luận thuyết này. Ông xét kỹ xem, luận thuyết này có phải là lời lẽ của người ngoài vu báng ông chăng? Người đời vẽ vời ra như the, là đúng pháp hay phi pháp, có ai cùng ông bàn cãi, chất vấn hay chê trách gì không? Phú-lan-na Ca-diếp đáp: -Thật sự có luận thuyết này, chẳng phải người đời dối truyền. Tôi lập ra luận này, là luận đúng như pháp; tôi nói ra pháp này, đều tùy thuận theo pháp, không có người đời nào đến chất vấn hay chỉ trích gì cả. Vì sao như vậy? Này Ma-ha- nam! Tôi thấy như thế và nói như thế: "Không nhân, không duyên khiến chúng sanh có cấu uế; không nhân, không duyên khiến chúng sanh được thanh tjnh."

83 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r02. 0099.81. 0020Ò28. Tham chiếu: s. 22.60 III. 68. 84 Nguyên tác: Tỳ-da-ly ,Vesālī. 85 Ma-ha-nam Mahānāma. Theo s. 22.60 - III. 68: Mahāli, một thủ lĩnh của thị tộc Licchavī. Bản Hán nhầm vì Ma-ha-nam thuộc thị tộc Sākya. 86 Nguyen tác: A-kỳ-tỳ ,cũng gọi là "Akỳtỳ.già".Theo Phiên dịch danh nghĩa tập 7.54. 2131.6. 1151a24, ông là ngoại đạo tà mạng ājivika. Tuy nhiên theo Tạp. L02. 0099.573. 0152a24, "Akỳ-tỳ"cũng chỉ cho ngoại đạo lõa hinh acela, ở đây chỉ ông Phú-lan-na Ca-diêp. 87 Phú-lan-na Ca-diếp Pūrana Kassapa. 88 Nguyên tác: Bạch y đệ tử Đệ tử tại gia.



Ma-ha-nam nghe Phú-lan-na nói như vậy thì không hài lòng, liền quở trách rồi từ chỗ ngồi đứng dậy đi thẳng đến chỗ Thế Tôn, lạy sát chân Ngài, ngồi sang một bên rồi đem việc luận nghị cùng Phú-lan-na thuật lại với đức Phật. Đức Phật bảo Ly-xa Ma-ha-nam:  Phú-lan-na nói theo ý mình, không đáng ghi nhận. Phú-lan-na thật là si mê, không hiểu, bất thiện, phi lý khi nói "không nhần, không duyên khiến chúng sanh có cấu uế; không nhân, không duyên khiến chúng sanh được thanh tjnh." Vì sao như vậy? Vì có nhân, có duyên khiến chúng sanh có cấu uế; có nhân, có duyên khiến chúng sanh được thanh tịnh. Này Ma-ha-nam! Do nhân gì, duyên gì khiên chúng sanh có câu uê; do nhân gì, duyên gì khiến chúng sanh được thanh tịnh? Ma-ha-nam! Nêu sắc chỉ toàn là khô, chăng vui, chăng đưa đên vui, chăng nuôi lớn niêm vui, xa lìa niêm vui thì chúng sanh đã không nhân đây mà sanh khởi đắm nhiễm lạc thú. Ma-ha- nam! Do sắc chẳng phải chỉ toàn là khổ mà là vui, đưa đến vui, nuôi lớn niềm vui, không lìa niềm vui, thế nên chúng sanh nhiễm trước nơi sắc; vì nhiễm trước nên bi ràng buộc, bị ràng buộc nên có phiền não. Này Ma-ha-nam! Nếu thọ, tưởng, hành, thức chỉ toàn là khổ, chẳng vui,

chẳng đưa đến vui, chẳng nuôi lớn niềm vui, xa lìa niềm vui thì chúng sanh đã không nhân đây mà sanh khởi đắm nhiễm lạc thú. Ma-ha-nam! Do thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải chỉ toàn là kho mà là vui, đưa đen vui, nuôi lớn niềm vui, không lìa niềm vui, the nên chúng sanh nhiễm trước nơi thọ, tưởng, hành, thức; vì nhiễm trước nên bị ràng buộc, bị ràng buộc nên có phiền não. Này Ma-ha- nam! Đó gọi là có nhân, có duyên khiến chúng sanh có cấu uế vậy. Này Ma-ha-nam! Do nhân gì, duyên gì khiến chúng sanh được thanh tịnh? r r 9 9 9 r 9 9

Ma-ha-nam! Nêu sác chỉ toàn là vui, chăng khô, chăng đưa đên khô, chăng nuôi lớn ưu kho, xa lìa ưu kho thì chúng sanh đã không nhàm chán nơi sắc. Này Ma- ha-nam! Vì sắc chẳng phải chỉ toàn là vui mà là khổ, đưa đến khổ, nuôi lớn ưu khổ, không lìa ưu khổ, thế nên chúng sanh nhàm chán nơi sắc; vì nhàm chán nên chẳng vui thích, vì chẳng vui thích nên được giải thoát. Này Ma-ha-nam! Nếu thọ, tưởng, hành, thức chỉ toàn là vui, chẳng khổ, chăng đưa đên khô, chăng nuôi lớn ưu khô, xa lìa ưu khô thì chúng sanh đã không do thọ, tưởng, hành, thức mà sanh khởi nhàm chán. Này Ma-ha-nam! Vì thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải chỉ toàn là vui mà là khổ, đưa đến khổ, nuôi lớn ưu khổ5 không lìa ưu khổ, thế nên chúng sanh đối với thọ, tưởng, hành, thức sanh khởi nhàm chán; vì nhàm chán nên chẳng vui thích, chẳng vui thích nên được giải thoát. Này Ma-ha-nam! Đó gọi là có nhân, có duyên khiến chúng sanh được thanh tinh. Bấy giờ, Ma-ha-nam nghe Phật dạy xong, đã hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ Phật rồi lui ra. *

QUYỂN 3 93

Kệ tóm tắt:
Tri pháp cập Trọng đảm, Vãng nghệ, Quán, Dục tham,
Sanh cập dữ Lược thuyết, Pháp ấn, Phú-lan-na.89
***

82. THẤY ĐƯỢC vô THƯỜNG, KHỔ90 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại một ngôi tháp,91 ở tinh xá Trúc Lâm.92 Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: - Vị Thánh đệ tử đa văn nhờ vào đâu mà thấy được vô thường, khổ? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp. Kính mong Ngài thuyết giảng cho chúng con. Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ lãnh thọ và phụng hành. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng nói cho các thầy. Vị Thánh đệ tử đa văn ở nơi sắc mà thay được vô thường, kho; ở nơi thọ, tưởng, hành, thức mà thấy được vô thường, khổ. Này các Tỳ-kheo! sắc là thường hay vô thường? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn, là vô thường! Đức Phật hỏi: - Này các Tỳ-kheo! Những gì vô thường là khổ chăng? Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Bạch Thế Tôn, là khổ! -Này các Tỳ-kheo! Nếu vô thường là khổ, là pháp đổi thay thì vị Thánh đệ tử đa văn có nên ở trong đó thấy có ngã, khác ngã hoặc tồn tại trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, không nên! Đức Phật dạy tiếp: Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Vì thế, này các Tỳ-kheo, những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc tương lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hoặc

89 Nguyên tác Nhiếp tụng;,,;;.Nhiếp tụng này ghi lại tên các
bài kinh từ 72 đến 81, nhưng lại thiếu kinh số 75. Do đặt lại tựa đe nên Nhiếp tụng không trùng với tên kinh. 90 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.02. 0099.82. 0021a25. 91 Nguyên tác: Chi-đề cetiyà: Tháp, miếu, chùa. 92 Nguyên tác: Trúc Viên tinh xá :Tinh xá Trúc Lâm.



ngoài, hoặc thô hoặc tê, hoặc tót hoặc xâu, hoặc xa hoặc gân thì tát cả đêu chăng có ngã, chẳng khác ngã, chẳng tồn tại trong nhau. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Vi Thánh đệ tử đa văn quán sát như the roi thì nhàm chán sắc, nhàm chán thọ, tưởng, hành, thức; vì nhàm chán nên không ưa thích, vì không ưa thích nên được giải thoát, vì giải thoát nên biết: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cân làm đã làm xong, tự biêt không còn tái sanh." Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành. ***

83. THẤY BIẾT NHƯ THẬT93 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu, thuộc nước Tỳ-xá-ly. Bay giơ, The Ton hỏi các Tỳ-kheo: Vị Thánh đệ tử đa văn nhờ vào đâu mà thấy chẳng có ngã, chẳng khác ngã5 chẳng tồn tại trong nhau? Tức là phải quán sát chân chánh, bình đẳng94 như thế nào để thấy biết như thật? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp. Kính mong Ngài thuyết giảng cho chúng con! Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ lãnh thọ và phụng hành. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: -Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng nói cho các thầy. Vị Thánh đệ tử đa văn đối với sắc thấy chăng có ngã, chẳng khác ngã, chăng tồn tại trong nhau, đó gọi là quán sát đúng như thật. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đức Phật lại hỏi các Tỳ-kheo: Sắc là thường hay vô thường? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn, vô thường! Đức Phật lại hỏi: - Những gì vô thường là khổ chăng? Các Tỳ-kheo bạch Phật: —Là khổ, bạch Thế Tôn! Này các Tỳ-kheo! Nếu những gì vô thường là khổ, là pháp đổi thay thì vị Thánh đệ tử đa văn có nên ở trong đó thấy có ngã, khác ngã, tồn tại trong nhau chăng? 93 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.83. 0021 b 14). 94 Nguyên tác: Như thị bình đẳng chánh quán (ín).

QUYỂN 3 95

Các Tỳ-kheo bạch Phật: - Không nên, bạch Thế Tôn! Đức Phật dạy: Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Vì thế, này các Tỳ-kheo? những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc tương lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần thì tất cả đều chẳng có ngã, chẳng khác ngã, chẳng tồn tại trong nhau; đó gọi là quán sát đúng như thật. Thọ,, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Vị Thánh đệ tử đa văn quán sát như thế rồi thì đối với sắc được giải thoát; đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng được giải thoát. Ta nói người ấy giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não; tức là giải thoát khỏi một khối khổ lớn. r Bây giờ, các Tỳ-kheo nghe đức Phật dạy xong đêu hoan hỷ phụng hành. ***

84. CHÁNH QUÁN95 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bay giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Sắc là vô thường, vô thường thì khổ, khổ thì chẳng có ngã. Chẳng có ngã nghĩa là tất cả sắc ấy chẳng có ngã, chẳng khác ngã, chẳng tồn tại trong nhau. Biết chân thật như thế gọi là chánh quán. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Vị Thánh đệ tử đa văn đối với năm thủ uẩn này quán sát chẳng có ngã? chăng có ngã sở. Quán sát như thê roi thì đôi với các pháp thê gian không còn chấp thủ, vì không chấp thủ nên không nhiễm trước, vì không nhiễm trước nên tự mình giác ngộ Niết-bàn: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Bấy giờ, sau khi các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành. ***

85. KHÔNG THẤY có NGÃ96

Tôi nghe như vây:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bây giờ, The Ton hoi các Tỳ-kheo:

95 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.84. 0021c05). Tham chiếu: s. 22.45 - III. 44. 96 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.85. 0021C15). Tham chiếu: s. 22.46 - III. 45.

96 KINH TẠPA-HÀM

Này các Tỳ-kheo! Nhờ vào đâu mà không thấy có ngã, khác ngã, tồn tại trong nhau? Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp. Kính mong Ngài thuyết giảng cho chúng con! Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ lãnh thọ và phụng hành. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: -Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng nói cho các thầy. Đối với sắc không thấy có ngã, khác ngã, tồn tại trong nhau. Đối với thọ? tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Này các Tỳ-kheo! sắc là thường hay vô thường? Các Tỳ-kheo thưa Phật: -Vô thường, bạch Thế Tôn! Đức Phật hỏi: - Những gì vô thường là khổ chăng? Các Tỳ-kheo thưa: - Là khổ? bạch Thế Tôn! Đức Phật lại hỏi: Này các Tỳ-kheo! Nấu những gì vô thường là khổ, là pháp đổi thay thì vị Thánh đệ tử đa văn có nên ở trong đó thấy có ngã, khác ngã, tồn tại trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo thưa: - Không nên, bạch Thế Tôn! Đức Phật dạy: Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Vì thế, này các Tỳ-kheo, những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ5 hoặc hiện tại, hoặc tương lai, hoặc thô hoặc tế, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần thì tất cả đều chẳng có ngã, chẳng khác ngã, chẳng tồn tại trong nhau. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Vị Thánh đệ tử đa văn đối với năm thủ uẩn này quán sát chẳng có ngã, chăng có ngã sở; quán sát như thê roi thì đôi với các pháp thê gian không còn chấp thủ, vì không chấp thủ nên không nhiễm trước, vì không nhiễm trước nên tự mình giác ngộ Niết-bàn: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." r \

Bây giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đêu hoan hỷ phụng hành. ***

QUYỂN 3 97

86. SẮC LÀ VÔ THƯỜNG97 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nêu như sắc vô thường ấy mà thường còn thì sắc ấy chẳng thể có bệnh, có khổ, cũng chẳng thể đối với sắc mà có mong cầu, muốn sắc như thế này hay không như thế này. Bởi vì sắc là vô thường nên nơi sắc có bệnh, có khổ phát sanh, cũng có thể muốn sắc như thế này hay không như thế này. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Này các Tỳ-kheo! Các thầy nghĩ thế nào? sắc là thường hay vô thường? Các Tỳ-kheo thưa: -Vô thường, bạch Thế Tôn! Đức Phật lại hỏi: - Này các Tỳ-kheo! Vô thường là khổ chăng? Các Tỳ-kheo thưa: -Bạch Thế Tôn, là khổ! Đức Phật bảo: -Này các Tỳ-kheo! Nếu vô thường là khổ, là pháp đổi thay thì vị Thánh đệ tử đa văn có nên ở trong đó thấy có ngã, khác ngã hoặc tồn tại trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo thưa: -Không nên, bạch Thế Tôn! Đức Phật dạy: -Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc tương lai, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần thì tất cả đều chẳng CÓ ngã, chăng có ngã sở, hay biêt chân thật như thê. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Vị Thánh đệ tử đa văn quán sát như thật đối với sắc, quán sát như thật rồi thì đối với sắc sanh nhàm chán, lìa tham muốn, chẳng vui thích, được giải thoát; đôi với thọ, tưởng, hành, thức cũng sanh nhàm chán, lìa tham muôn, chăng vui thích, được giải thoát: “Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh.” Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành. ***

97 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.O2. 0099.86. 0022a06).

98 KINH TẠPA-HÀM

87. SẮC LÀ KHỔ9899 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giờ5 The Ton bảo các Tỳ-kheo: Sắc là khổ. Nếu sắc chẳng phải là khổ thì nơi sắc ấy chẳng thể có bệnh, có khổ phát sanh, cũng chẳng thể muốn sắc như thế này hay không như thê này. Sắc là khổ, vì sắc là khổ nên nơi sắc có bệnh phát sanh, cũng có thể nơi sắc muốn cho nó như thế này hay không như thế này. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Này các Tỳ-kheo! sắc là thường hay vô thường? Các Tỳ-kheo bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, vô thường! -Vô thường là khổ chăng? Các Tỳ-kheo thưa: -Là khổ, bạch Thế Tôn! Đức Phật hỏi: Nếu vô thường là khổ, là pháp đổi thay thì vi Thánh đệ tử đa văn có nên ở trong đó thấy có ngã, khác ngã hoặc tồn tại trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo thưa: - Không nên, bạch Thế Tôn! Đức Phật dạy: Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Vì thế, này các Tỳ-kheo, phàm các sắc hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc tương lai, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần thì tất cả đều chẳng có ngã, chẳng khác ngã, chẳng tồn tại trong nhau; hãy quán sát chân thật như thế. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Vị Thánh đệ tử đa văn đối với sắc được giải thoát; đoi với thọ, tưởng, hành, thức được giải thoát. Ta nói vị ấy giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não; tức là giải thoát khỏi một khối khổ lớn. Bấy giờ5 các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành."

98 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.87. 0022a25). 99 Bản Hán, hết quyển 3.

QUYỂN 4 99

QUYỂN 4 88. HIẾU DƯỠNG1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Bà-la-môn trẻ tuổi tên uất-đa-la đi đến chỗ Phật. Sau khi ân cần thăm hỏi nhau xong, Uất-đa-la ngồi sang một bên rồi thưa với Phật: Bạch Thế Tôn! Con thường khất thực đúng pháp rồi đem về phụng dưỡng cha mẹ, giúp cha mẹ lìa khổ được an vui. Bạch Thế Tôn! Con làm như thế thì có được nhiều phước hay không? Đức Phật bảo uất-đa-la: Thật có nhiều phước. Vì sao như vậy? Vì nếu ai khất thực đúng pháp rồi phụng dưỡng cha mẹ, khiến cha mẹ an lạc, trừ bỏ khổ não thì quả thật có phước lớn. Khi ây, The Ton liên noi kẹ: Người nào đối cha mẹ5 Cung kính và phụng dưỡng, Hiện đời lưu tiếng thơm, Lâm chung sanh thiên thượng. Đức Phật thuyết kinh này xong, thiếu niên uất-đa-la đã hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi lui ra. ***

89. HIẾN TÉ ĐÚNG PHÁP2 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Bà-la-môn trẻ tuổi tên Ưu-ba-ca đi đến chỗ Phật. Sau khi ân cần thăm hỏi xong, ưu-ba-ca ngồi sang một bên rồi bạch Phật:

1 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.88. 0022c20). Tham chiếu: Biêt Tạp.(r02. 01Ó0.88. Ờ404a06);5. 7.19-L 181. 2 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.89. 0022c03). Tham chiếu: Biệt Tạp.(T.02. 0100.89. 0404a27); 24.4.39 - II. 42

100 KINH TẠP A-HÀM

Thưa Cù-đàm! Các Bà-la-môn thường khen ngợi đại hội hiến tế,3 Sa-môn Cù-đàm cũng khen ngợi đại hội hiến tế chăng? Đức Phật bảo Ưu-ba-ca: Ta chẳng khen ngợi một chiều, vì có đại hội hiến tế đáng khen ngợi và cũng có đại hội hiến tế không đáng khen ngợi. ưu-ba-ca bạch Phật: Những đại hội hiến tế nào đáng khen ngợi? Những đại hội hiến tế nào không đáng khen ngợi? Đức Phật bảo ưu-ba-ca: -Nếu có đại hội hiến tế nào mà phải cột trói cả bầy nghé, trâu đực, trâu cái, những con dê và những chúng sanh nhỏ bé khác rồi tất cả đều bị sát hại, áp bức hành hạ; hoặc có những kẻ nô bộc, người làm công bị đánh đập bức ép, gào khóc buồn khổ, không vui không thích, làm việc nhọc nhằn. Đối với những đại hội hiến tế như thế thì Ta không khen ngợi, vì gây tạo nên họa lớn. Nếu có đại

3 Nguyên tác: Tà thạnh đại hội ().A. 4.39 - II. 42 gọi là "các loại tế dàn" (sabbam yaññam). 4 Nguyên tác: Đại Tiên (),tôn hiệu chỉ cho đức Phật. 5 Phước điền ( ffl, puññakkhettarri). Điền là ruộng. Phước điền là ruộng phước, là nơi sanh trưởng các loại lương thực đê nuôi dường chúng sanh nên lấy ý nghĩa này. Chủ giải kinh A. 3.97 gọi là "noi sanh trưởng cua phước^, (puññaviruhanaīihānarri).

QUYỂN 4 101

Bấy giờ, Bà-la-môn Ưu-ba-ca nghe Phật dạy xong, đã hoan hỷ và tùy hỷ9 đảnh lễ rồi lui ra. ***

90. HIẾN TẾ THANH TỊNH67 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. (Đức Phật cũng nói đầy đủ như kỉnh trên, chỉ sai khác ở phần bài kệ): Niết-bàn/ chăng nạn tai, Khi tế đàn thanh tịnh, Đúng như pháp làm theo, Giữ gìn các Phạm hạnh. Tiêng thơm khắp thê gian, Vượt lên hàng phàm tục, Phật khen ngợi tế đàn5 Nếu tế đàn thanh tịnh. Tu bô thí, cúng dường, Hãy cúng nơi đáng cúng, Tịnh tín, thí bình đẳng, Phạm hạnh, ruộng phước lành. Cúng thí đúng như thế, Là cúng ruộng La-hán, Thí rộng lớn như vậy, Được chư thiên tán thán. Tự mình cung kính thỉnh, Tự:r tay dâng cúng dường, Ta, người đều bình đẳng, Hiên cúng được quả lớn. Người trí thí như vậy, Tịnh tín, tâm giải thoát, Nơi thế giới vô tội, Người trí sanh đến đó. Bấy giờ, Bà-la-môn Ưu-ba-ca nghe Phật dạy xong, đã hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi lui ra. ***

91. BỐN PHÁP SỐNG AN VUI8 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có vi Bà-la-môn trẻ tuổi tên là uất-xà-ca9 đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa:  Bạch Thế Tôn! Người thế tục tại gia nên thực hành bao nhiêu pháp để có được sự an ổn và niềm vui trong cuộc sống hiện tại?

6 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.90. 0023a06). Tham chiếu: Biệt Tạp.(02. 01Ó0.90.0404b27M.4.40-IL43. , 7 Nguyên tác: Vô vi (),chỉ cho việc không còn tạo tác (),là cách gọi khác chỉ cho Niết-bàn (ii). "  8 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.91. 0023a22). Tham chiếu: Biệt Tạp.(02. 0100.91. 0404cl9);‘4 8.54 . IV. 281; ^4. 8.55 - IV. 285. 9 Uất-xà-ca (,Ujjaya).



Phật bảo Bà-la-môn:  Có bốn pháp giúp người thế tục tại gia được an ổn và niềm vui trong cuộc sống hiện tại. Là bốn pháp nào? Đó là đầy đủ sự siêng năng,10 đầy đủ sự phòng hộ, đầy đủ bạn lành11 và đầy đủ sự thăng bằng trong sinh hoạt.12 Thế nào gọi là đầy đủ sự siêng năng? Nghĩa là người thiện nam có đầy đủ sự thiện xảo trong nghề nghiệp13 để tự nuôi sống, hoặc làm ruộng, hoặc buôn bán, hoặc làm quan, hoặc viết sách, toán thuật, hội họa... đối với những nghề nghiệp đó thì phải luôn siêng năng trau dồi để chúng thiện xảo. Đó gọi là đầy đủ sự siêng năng. Thế nào gọi là đầy đủ sự phòng hộ? Nghĩa là người thiện nam có được những tiền bạc, gạo thóc, do siêng năng mà kiếm được, tự tay mình làm ra, đúng như pháp mà thu được,14 hết sức giữ gìn, không để vua, giặc, nước, lửa cướp đoạt, trôi chìm, mất mát. Nếu không khéo giữ gìn sẽ bị mất mát, hoặc bị kẻ oán nghịch15 chiếm lấy, hoặc bi các tai nạn làm cho hư hỏng. Đó gọi là người thiện nam đay đủ sự phòng hộ. Thế nào gọi là đầy đủ bạn lành? Như có người thiện nam sống đúng mực, không buông lung, không giả dối, không hung hiểm, bậc tri thức như vậy có thể khéo an ủi, đối với những buồn khổ chưa sanh thì người ấy có thể khiến chúng không sanh; đối với những buồn khổ đã sanh thì người ấy có thể mở bày, thức tỉnh; đối với những an vui chưa sanh thì người ấy có thể khiến chúng mau chóng

phát sanh; đối với sự an vui đã sanh thì người ấy có thể khiến chúng không bị mất mát. Đó gọi là người thiện nam có đầy đủ bạn lành. Thế nào gọi là đầy đủ sự thăng bằng trong sinh hoạt? Nghĩa là đối với những tiên tài mà người thiện nam có được thì biết chi thu cân đôi, giữ gìn trọn vẹn, không thê thu nhiêu chi ít, hoặc chi nhiêu thu ít. Như người câm cân, hê thiếu thì phải thêm, nhiều thì phải bớt, biết đã cân bằng rồi mới thôi. Cũng vậy, đối với những tiền tài người thiện nam có được thì phải thu chi cân đối, không thu nhiều chi ít, hoặc chi nhiều thu ít.

10 Nguyên tác: Phương dện cụ túc .Phương tiện utthāna vừa có nghĩa là phương cách, vừa có nghĩa là nô lực, băng chữ "'tinh t2n”vãyãmà, như "chánh phượng tiện,^ , sammāvāyāmo tức là 4tchanh tinh tấn." Theo A. 8.54 - IV. 281: Utthānasampadā đầy đủ sự tháo vát, HT. Thích Minh Châu dịch. 2 Nguyên tác: Thiện tri thức cũng gọi là "thiên bằng hữu,, “hrơng hữu”. Theo 4 8.54 - IV. 281: Kalyānamitta bạn tót lành. 12 Nguyên tác: Chánh mạng ,được dịch từ samajīvitā. Sāmā có nghĩa thường sử dụng là sự bình đăng, cân băng. Sāmā được dùng như sammā, có nghĩa là chính xác, đúng đắn, hoàn toàn. Tư diễn Pali của Thủy Dã Hoăng Nguyên zKdịch samajīvitā là 4tđăng mạng,, .Theo A. 8.54 - IV. 281, samajīviiā là song thang bàng, điều hòa HT. Thích Minh Chau dịch. 13 Nguyên tác: Nghiệp xứ kammatthānenā. 14 Nguyên tác: Như pháp nhi đắc ,dhammikā dhammaladdhā. :Nguyên tác: Bất ái niệm giả ,dùng như chữ 4tác tử”.Theo A. 8.54-IV. 281: Appiyā dāyādā người thừa ke không phù hợp.

QUYỂN 4 103

Nếu người thiện nam không có nhiều tiền tài mà tiêu dùng rộng rãi, phung phí thì do lối sống này mà người ta đều gọi là quả un-đàm-bát không có hạt, 16 đó là kẻ ngu si tham dục, không nghĩ đến ngày sau. Hoặc có người thiện nam tiền của đầy ắp mà không dám tiêu dùng, người ngoài nhìn thấy đều nói: "Đó là kẻ ngu si như con chó chết d6i." Vì thế, người thiện nam đoi với tiền tài, của cải nên thu chi chừng mực và điều hòa. Đó gọi là đây đủ sự thăng băng trong sinh hoạt. Như thế, này Bà-la-môn! Nếu thành tựu bốn pháp này thì cuộc sống hiện tại được an vui. Bà-la-môn bạch Phật: -Thưa Thế Tôn, có bao nhiêu pháp để có thể làm cho người tại gia ở đời sau được an ổn, đời sau được an vui? Phật bảo Bà-la-môn: Có bốn pháp có thể làm cho người tại gia ở đời sau được an ổn? đời sau được an vui. Là bốn pháp nào? Đó là niềm tin đầy đủ, giới hạnh đầy đủ, bố thí đầy đủ và trí tuệ đầy đủ. Thế nào gọi là niềm tin đầy đủ? Nghĩa là người thiện nam đối với đức Như Lai có lòng tin tưởng, tôn kính, xây dựng góc rê niêm tin vững chác, không bị chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên cùng các hạng loại khác trong the gian phá hoại. Đó gọi là người thiện nam có niềm tin đầy đủ. Thế nào gọi là giới hạnh đầy đủ? Nghĩa là người thiện nam không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Đó gọi là giới hạnh đầy đủ. Thế nào gọi là bố thí đầy đủ? Nghĩa là người thiện nam lìa bỏ tâm keo lẫn, sống đời tại gia mà thực hành hạnh bố thí giải thoát. Vi ấy thường tự tay đem cho, vui mừng tu hạnh thí xả, tâm luôn ưa thích bố thí bình đẳng.*17 Đó gọi là người thiện nam có bố thí đầy đủ. Thế nào gọi là trí tuệ đầy đủ? Nghĩa là người thiện nam biết như thật về khổ Thánh đế; tập, diệt, đạo

Thánh đế thảy đều biết như thật. Đó gọi là người thiện nam có trí tuệ đầy đủ. Nếu người thiện nam tại gia thực hành bốn pháp này thì có thể khiến cho đời sau được an ổn? đời sau được an vui.

^Nguyên tác: Ưu-đàm-bát qu udumbarā'. Quả sung, conggi là iru-dam-ba-la ,ưu-đàm hoa ưu-đàm-bạt-la vô hoa quả .Theo A. 8.54
IV. 281: Udúm barakhādī vāyam kulaputto bhoge khādātī'ti Người thiện nam tử này ăn tài sản của vị ây như ăn trái cây sung, HT. Thích Minh Châu dịch. Chủ giải Kinh Tăng chi bô giải thích: Như người rung cây sung chín, làm rụng nhiều quả, nhưng chỉ vài quả ăn được, còn thì vát bỏ hét. 17 Nguyên tác: Đẳng tâm hành thí .Theo A. 8.54 - IV. 281: Dānasamvibhāgarata vui thích với việc bố thí bình đăng.



Bấy giờ, đức Thế Tôn nói kệ: Siêng năng học nghề nghiệp, Tích lũy, khéo giữ gùi, Người thiện nam tri thức, Điều hòa trong sinh hoạt. Tịnh tín, giới đầy đủ, Bố thí lìa xan tham, Từ bỏ con đường mê, Đời sau được an lạc. Nếu sống đời tại gia, Thành tựu tám pháp này, Lời Phật dạy chân thật,18 Đấng Giác Ngộ19 tuệ tri, Hiện tại được an ổn, Đời này song an vui, Đời sau đầy hỷ lạc. Bấy giờ, uất-xà-ca nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi ra về. *** 92. BÀ-LA-MÔN KIÊU MẠN20 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hành trong nhân gian ở nước Câu-tát-la rồi đi dần đến vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà5 thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, tại nước Xá-vệ có Bà-la-môn Kiêu Mạn21 đang cư ngụ ở đó. Dòng họ cha mẹ của ông ta thảy đều trong sạch, không chút tì vết đáng đe bàn tán, bảy đời noi dõi thảy đều trong sạch. Ông là bậc thầy của hàng Bà-la-môn, ngôn luận thông đạt, các kinh điển, luận ký với hàng vạn tên gọi thảy đều biết rõ? hiểu pháp hơn kém, phân biệt chữ nghĩa, nhân duyên nguồn gốc mọi việc xa xưa đều tường tận,22 nhớ kỹ rồi tụng đọc từng câu, tướng mạo đoan chánh. Do tự cao về huyết thống, tự cao về dòng họ, tự cao về tướng mạo, tự cao về sự thông minh, tự cao về sự giàu sang nên ông không kính trọng cha mẹ, các bậc Tôn túc, Sư trưởng. Khi nghe tin Sa-môn Cù-đàm đang du hóa trong nhân gian ở nước Câu-tát- la rồi dần đi đến vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ, ông bèn nghĩ rằng: “Ta sẽ đến chỗ của Sa-môn Cù-đàm kia. Nếu Sa-môn Cù-đàm có nói điều gì thì ta sẽ cùng bàn luận; nếu Sa-môn Cù-đàm không nói gì thì ta sẽ im lặng trở về.,, Bây giờ, Bà-la-môn Kiêu Mạn cưỡi xe ngựa trăng cùng với các thiêu niên Bà-la-môn trước sau đi theo, cầm dù cán vàng, tay ôm bình bát vàng, đi đến gặp Thế Tôn. Khi đến trước cửa vườn, Bà-la-môn xuống xe đi bộ.

^Nguyên tác: Phiên đế tôn sở thuyết ().Theo A. 8.54 - IV. 281: Akkhātā saccanāmena (Bậc Chân thật tuyên bố), HT. Thích Minh Châu dịch. 19 Nguyên tác: Đẳng Chánh Giác (). 20 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.92. 0023c18). Tham chiếu: Biêt Tạp.(T.02. 0100.258. Ỏ463c27); s. 7.15 - L 177. 21 Kiêu Mạn Bà-la-môn ().p. Mānatthaddho nāma brāhmano (người Bà-la-môn tên là Mānatthaddha). Biệt Tạp.(r02. 0100.258. 0464a07) ghi là Cực Mạn Ma-nap (Wit). 22 Theo chú thích của bản Đại Chảnh, mười một chữ: được bổ chính do y cứ vào bản Nguyên.

, M M F r • r

LÚC áy, Thê Tôn đang thuyêt pháp cho đại chúng vây quanh lăng nghe, không để ý đến Bà-la-môn Kiêu Mạn. Bà-la-môn Kiêu Mạn liên suy nghĩ: “Sa môn Cù-đàm không để ý đến ta, thôi ta đi vềy Ngay khi đó9 Thế Tôn biết tâm niệm của Bà-la-môn Kiêu Mạn nên Ngài bèn nói kệ: Kiêu Mạn đã đến đây, Bất thiện, mạn thêm tăng, Nêu đen vì đạo lý, Nghĩa ấy hãy vun bồi. Lúc ấy, Bà-la-môn Kiêu Mạn nghĩ thầm: "Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta", rồi ông muốn sửa mình kính lễ. Khi ấy, Thế Tôn bảo Bà-la-môn Kiêu Mạn: -Thôi! Thôi! Không cần làm lễ? tâm tinh là đủ rồi. Bấy giờ, khắp cả đại chúng đều đồng thanh khen ngợi: -Lạ thay! Thế Ton, bậc Đại Đức, Đại Lực. Hôm nay, Bà-la-môn Kiêu Mạn này do tự cao ve huyết thong, tự cao ve dòng họ, tự cao về tướng mạo, tự cao về thông minh, tự cao về sự giàu sang nên không kính trọng cha mẹ, các bậc Tôn túc, Sư trưởng. Thế mà ngày nay, ông ta đến trước Sa-môn Cù-đàm, khiêm hạ, từ tốn, muốn lễ sát chân Ngài! Khi ấy, Bà-la-môn Kiêu Mạn ở trước đại chúng bảo họ im lăng rồi nói kệ: Thế nào là kiêu mạn? Làm sao khéo an ủi? The Ton nói kê đáp: Với cha mẹ? anh em Cùng các bậc đáng kính, Phải một lòng cung kính, Hét lòng mà phụng sự, Bậc La-hán lậu tận, Chánh trí, được giải thoát,23 Với bậc Hiền thánh này, Bấy giờ, Thế Tôn thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho Bà-lamôn Kiêu Mạn hoan hỷ.24 Như chư Phật, đức Thế Tôn tuần tự thuyết pháp, nói về công đức bố thí, trì giới, sanh thiên, nói về vị ngọt và tai họa của ái dục, về phiền não, về thanh tịnh, về

23 Nguyên tác: Thiện giải thoát ,suvimuttà. Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển l, tr. 19; Tạp.r.02. 0099.22. 0004c20. _ 24 Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ ,W. Cú ngữ này frong Du hành kình r.01. 0001.2. 00l2b04 ghi làgiao, lợi, h,?;/ L 0026 9. 0429c28 ghi là Ukhuyếnphát, khátngương, thanh nrujioan hy” ,.Nghĩa là mở My ,sandàỉseư, dạy bảo Ệ[, samādapeti, khích lệ ,samuttejetī và khiên được hoan hỷ I• Ngài Huyên Trang dịch cú ngữ này là :thi hiện, giáo đạo, tán lệ, khánh ,. Ngài Nghĩa Tịnh dịch là "khai thi, khuyến đạo, tán lệ, khánh hy”.



chiếc áo trắng sạch không một vết nhơ thì rất dễ nhuộm màu, Bà-la-môn Kiêu Mạn ngay tại chỗ ngồi hiểu rõ bốn Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo rồi chứng ngộ chân lý.25 Bấy giờ, Bà-la-môn Kiêu Mạn thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, thâm nhập pháp,26 vượt các nghi hoặc, không do người khác mà được giải thoát, ở trong Chánh pháp được vô sở úy? liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, chăp tay đanh lễ roi bạch Phật: —Hôm nay, con có thê được ở trong Chánh pháp xuất gia, thọ giới Cụ túc chăng? Phật bảo Bà-la-môn Kiêu Mạn: Hôm nay, ông có thể ở trong Chánh pháp xuất gia, thọ giới Cụ túc. Bà-la-môn liên được xuât gia, một mình lặng lẽ suy tư vê lý do khiên người thiện nam cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, với niềm tin chân chánh, rời xa gia đình, xuất gia học đạo... rồi đắc quả A-la-hán, tâm giải thoát hoàn toàn.27 ***

93. BA LOẠI LỬA28 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa trong nhân gian ở nước Câu-tát-la rồi đi dần đến và ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Bà-la-môn Trường Thân29 tổ chức đại hội hiến tế như thế này: Dùng bảy trăm con bò mộng30 cột sắp hàng nơi cây trụ, còn những bò dực, bò cái, trâu, dê, nghé cùng với các loài súc sanh nhỏ bé đều bị trói chặt rồi bày biện món ăn thức uống đe bo thí một cách rộng rãi. Nhiều chúng ngoại đạo từ các nước khác nhau đều đen tập hợp trong đại

25 Nguyên tác: Vô gián đẳng abhisamayo, chỉ cho việc tỏ ngộ hoàn toàn bốn Thánh đế rồi ngay đó chứng đắc quả vị Dự lưu. 26 Nguyên tác: Kiến pháp, đắc pháp, tri pháp, nhập pháp .p. ditthadhammo pattadhammo viditadhammo pariyogālhadhammo. Nguyen tác: Thiện giải thoát ,suvimuttaṃ. Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển l, tr. 19; Tạp.02. 0099.22. 0004c20. 28 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.7.02. 0099.93. 0024b13. Tham chiếu: Biệt Tạp.T.02. 0100.259. Ỏ464bl4j; TÍ. 7.47-IV. 41. 29 Trường Thân Uggatasarĩra. 30 Nguyên tác: Đặc ngưu Bò đầu đàn, bò chúa ụsabhà.



Suy nghĩ xong, Bà-la-môn cưỡi xe ngựa trắng cùng với các thiếu niên Bà- la-môn kẻ trước người sau đi theo, cầm dù lọng cán vàng, ôm bình vàng rồi ra khỏi thành Xá-vệ? đi đến chỗ Thế Tôn với lòng cung kính, phụng sự. Đen trước cổng tinh xá, họ xuống xe đi bộ, đến trước đức Phật, ân cần thăm hỏi roi ngoi qua một bên và bạch: Thưa Cù-đàm! Hôm nay, tôi muốn tổ chức đại hội hiến tế, đem bảy trăm con bò mộng cột thành hàng nơi các trụ... (cho đến) vô số những sanh loại nhỏ bé đều được buộc chặt. Vì đây là đại hội hiến tế nên có nhiều chúng ngoại đạo từ các nước khác nhau đến tham dự. Tôi lại nghe Cù-đàm đang du hóa trong nhân gian ở nước Câu-tát-la rồi dần đi đến ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ nên toi đến thưa hỏi Cù-đàm về pháp đại hội hiến tế, số lượng các phẩm vật dùng để tổ chức, để đại hội hiến tế của tôi không bi thiếu sót. Phật bảo Bà-la-môn: Có một loại đại hội hiến tế, tuy người chủ thực hành bố thí và làm phước nhưng lại sanh ra tội, bị đâm cắt bởi ba thứ đao kiếm, chuốc lấy quả báo xấu ác. Ba thứ đao kiếm là gì? Nghĩa là đao kiếm bởi thân, đao kiếm bởi miệng, đao kiêm bơi y. Thế nào là đao kiếm bởi y, sanh ra các quả báo khổ? Như người chủ tổ chức đại hội hiến tế suy nghĩ rằng: "Ta tổ chức đại hội hiến tế nên phải giết nhiêu con bò mạnh khỏe, nhiêu trâu đực,



nhờ siêng năng mà có được tiên của, do làm việc cân cù, khó nhọc băng chân tay mà thu hoạch như pháp rồi đem cúng dường cha mẹ9 làm cho cha mẹ được an vui. Đó gọi là lửa cội nguồn. Vì sao gọi là cội nguồn? Vì người thiện nam do cha mẹ sanh ra nên gọi cha mẹ là cội nguồn. Người thiện nam do tôn trọng cội nguồn, gốc rễ này nên tùy thời cung kính, phụng SỊT, cúng dường thì sự bo thí này đưa đến an vui. Thế nào là lửa gia đình? Vì sao người thiện nam tùy thời nuôi dưỡng [lửa gia đình] thì sự bố thí ấy đưa đến an vui? Nghĩa là người thiện nam nhờ siêng năng mà có được tiền của, do làm việc

cần cù, khó nhọc bằng chân tay mà thu hoạch như pháp rồi đem cung cấp cho vợ con, tôn thân quyến thuộc, người giúp việc, khách thương, tùy lúc chu cấp cho họ và đem lại an vui cho người thân. Đó gọi là lửa gia đình. Vì sao gọi là lửa gia đình? Vì người thiện nam song trong gia đình, vui thì cùng vui, kho thì cùng kho, trong gia đình thì mọi việc đều tùy thuận và tương hỗ lẫn nhau, cho nên gọi là gia đình. Do đó, người thiện nam nên tùy thời cung cáp [lửa gia đình] thì sự bô thí ây đưa đên an vui. Thế nào là lửa phước điền? Vì sao người thiện nam tùy thời cung kính, tôn trọng, cúng dường [lửa phước điền] thì sự bố thí này đưa đến an vui? Nghĩa là người thiện nam nhờ siêng năng mà có được tiền của, do làm việc cần cù? khó nhọc bằng chân tay mà thu hoạch như pháp rồi đem phụng sự5 cúng dường cho các Sa-môn, Bà-la-môn, những người khéo điều phục tham, sân, si. Cúng dường những Sa-môn5 Bà-la-môn như thê là kiên lập ruộng phước, càng thêm tăng tiến, hiện tại an vui, được quả báo tốt, tương lai được "sanh lên cõi trời y ĐÓ gọi là lửa phước điên. Vì sao gọi là phước điên? Vì đó là phước điên cho the gian, là người đáng được cúng dường nên gọi là phước điền. Do vậy, người thiện nam nên tùy thời cung kính, phụng sự, cúng dường thì sự bố thí ấy đưa đến an vui. Bay giơ, The Ton lại noi kệ: Cội nguồn và gia đình, Lửa ruộng phước nên cúng, Cúng dường nhiều lửa ấy, Đủ đầy, sống an vui. Thế gian vui, không tội, Người trí sanh về đó, Như pháp mở hội thí, Cúng dường nơi đáng cúng, Vì cúng nơi đáng cúng, Sanh cõi trời tiếng thơm. Nhưng này Bà-la-môn, người thiện nam trước khi cúng dường thì nên đoạn trừ và dập tắt ba thứ lửa. Là ba thứ lửa nào? Đó là lửa tham dục, lửa sân hận và lửa ngu si. Vì sao như vậy? Nếu lửa tham dục chưa được đoạn trừ, chưa bị dập tắt thì sẽ hại mình, hại người và hại cả hai; hiện tại đắc tội, đời sau đắc tội, hiện tại và đời sau đều đắc tội. Do duyên với tội lỗi nên tâm sanh ưu phiền, khổ não. Lửa sân hận và lửa ngu si cũng lại như vậy.

QUYỂN 4  109

Này Bà-la-môn, nếu người thiện nam thờ phụng việc tích chứa củi lửa, tùy thời khổ nhọc, tùy thời đốt cháy, tùy thời tắt lửa [thì do] nhân duyên [này mà] phải chịu khổ. Bấy giờ, Bà-la-môn Trường Thân đứng yên lặng. Khi ấy, có vi Bà-la-môn tên là uất-đa-la đang ngồi ở trong chúng. Bà-la- môn Trường Thân yên lặng suy nghĩ trong phút chốc rồi bảo uất-đa-la:  Con hãy đi đến chỗ đại hội hiến tế rồi thả những con bò đực đang bị cột nơi những cây trụ và những sanh loại bị cột trói, tất cả đều thả ra hết. Sau đó, con hãy tuyên bo rang: "Bà-la-môn Trường Thân cho phép các ngươi tùy ý tự tại thênh thang ở núi, đâm, đông hoang... ăn cỏ tươi non, uông nước trong lành, bốn bề gió mát, hưởng mọi an lạc.” uất-đa-la thưa:  Con xin vâng theo lời thầy3132dạy! uất-đa-la liền đi đến chỗ đại hội hiến tế, thả hết sanh loại và tuyên bố: 6íBà- la-môn Trường Thân cho phép các ngươi tùy ý tự tại thênh thang ở núi, dầm, đồng hoang... ăn cỏ tươi non, uống nước trong lành, bốn bề gió mát, hưởng mọi an lạc." Sau khi Thế Tôn đã biết việc làm của uất-đa-la? liền vì Bà-la-môn Trường Thân mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hy.32 Đúnệ theo luật, The Tôn thuyết pháp tuần tự trước sau, nói về trì giới, về bo thí và ve công đức sanh lên cõi trời; nói về vị ngọt và tai họa của ái dục, về giải thoát, về thanh tịnh, về sự lắng sạch phiền não, Ngài đều chỉ dạy rõ ràng. Ví như tấm lụa trắng sạch thì rất dễ nhuộm màu, Bà-la-môn Trường Thân cũng như thế, ngay

tại chỗ ngồi, thấy được bốn chân đế rồi chứng ngộ chân lý.33 Bấy giờ, Bà-la-môn Trường Thân thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, thâm nhập pháp, vượt các nghi hoặc, đạt được giải thoát không do người khác, ở trong Chánh pháp được vô sở úy5 liền từ chỗ ngoi đứng dậy sửa y phục, bày vai phải rồi chắp tay bạch Phật:  Bạch Thế Tôn, con đã được độ. Từ nay cho đến trọn đời con xin quy y Phật, quy y Pháp và quy y chúng Tỳ-kheo-tăng? nguyện làm iru-bà-tắc? mong Ngài chứng tri cho con. Kính thỉnh Thế Tôn và đại chúng thọ nhận món ăn thức uống do con cúng dường! Thế Tôn im lặng nhận lời. Sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời thinh, Bà-la-môn Trường Thân đảnh lễ Phật rồi nhiễu quanh bên phải ba vòng và trở về.

31 Nguyên tác: Đại sư ,Satthā. 32 Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ .Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tr. 105; Tạp.r02. 0099.92. 0023cl8. 33 Nguyên tác: Vô gián đẳng ,abhisamayo, chỉ cho việc tỏ ngộ hoàn toàn bốn Thánh đế rồi ngay đo chứng đắc quả vị Dự lưu.



không còn gì hiện ra nữa. Cũng vậy, có người đối với Như Lai, phát khởi lòng tin, lãnh thọ tịnh giới, khéo học, nghe nhiều, giảm phần mình để bố thí, chánh kiến chân thật. Đối với Như Lai đã có niềm tịnh tín rồi, đã có giữ giới, bố thí, nghe nhiêu, chánh kiên chân thật rôi, nhưng sau đó lại thoái lui; đôi với giới luật, nghe nhiều, bố thí, chánh kiến, tất cả đều mất hết, ngày đêm càng lúc càng suy giảm, cho đến trong khoảnh khắc cũng không còn gì. Lại nữa, Bà-la-môn, nếu người thiện nam không gần gũi bạn lành, không thường nghe pháp; không chánh tư duy; thân làm những việc ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điêu ác. Do nhân duyên làm ác nên sau khi qua đời bi đọa vào đường ác, địa ngục. Như thế, này Bà-la-môn, đó gọi là hạng người bất thiện được ví như mặt trăng. Bà-la-môn bạch Phật:  Thế nào gọi là hạng người lương thiện được ví như mặt trăng? Phật bảo Bà-la-môn: -Như mặt trăng đầu tháng trong sảng, ngày đêm càng lúc càng tăng thêm ánh sáng cho đến lúc trăng tròn dầy, chiếu sáng khắp nơi. Cũng thế, đối với Chánh pháp và Giới luật của Như Lai, người thiện nam có límg tin trong sạch... (cho đen) có chánh kiến chân thật, thanh tịnh, thêm sáng suốt và tăng tiến về mọi mặt: Giới luật, bo thí, nghe nhiều, trí tuệ ngày đêm càng tăng trưởng. Vào những lúc khác, lại gân gũi bạn lành, được nghe Chánh pháp; bên trong chánh tư duy; thân, miệng, ý làm những điều lành. Do nhân duyên này nên sau khi qua đời được hóa sanh ở



-Thưa Cù-đàm, tôi nghe Cù-đàm nói rằng: “Chi nên cúng dường cho Ta, không nên cúng dường cho người khác; cúng dường cho Ta sẽ được quả báo lớn, không phải cúng dường cho người khác mà được quả báo lớn. Nên cúng dường cho đệ tử của Ta, không nên cúng dường cho đệ tử người khác; cúng dường cho đệ tử của Ta sẽ được quả báo lớn, không phải cúng dường cho đệ tử người khác mà được quả báo lớn." Thế nào, thưa Cù-đàm? những lời nói ấy là thật chăng? Chẳng phải là phỉ báng Cù-đàm sao? Nói có đúng như Ngài đã nói? nói có đúng với giáo pháp và thứ lớp của giáo pháp,37 không bi người khác đem pháp tương tợ đên rồi quở trách chăng? Phật bảo Bà-la-môn:  Những

người nào nói những lời như the là phỉ báng Ta, nói không đúng như Ta đã nói, nói không đúng với pháp và thứ lóp của giáo pháp, không đáng để bi người khác đem pháp tương tợ đên roi quở trách. Vì sao như vậy? Vì Ta không nói những lời như vây: "Nên cúng dường cho Ta, không nên cúng dường cho người khác; cúng dường cho Ta sẽ được quả báo lớn, không phải cúng dường cho người khác mà được quả báo lớn. Nên cúng dường cho đệ tử của Ta, không nên cúng dường cho đệ tử người khác; cúng dường cho đệ tử của Ta sẽ được quả báo lớn, không phải cúng dường cho đệ tử người khác mà được quả báo lớn.^, Tuy nhiên, này Bà-la-môn, Ta nói răng, những lời nói như trên sẽ gây ra hai thứ chướng ngại: Chướng ngại cho người cúng dường và chướng ngại cho người nhận sự cúng dường. Này Bà-la-môn, bất cứ người nào đem nước rửa bát còn sót lại chút thức ăn mà đổ trên đất sạch, làm cho các chúng sanh ở chỗ ấy được lợi lạc thì Ta nói những người đó đã vào cửa phước lành, huống gì là người bo thí cúng dường. Này Bà-la-môn, tuy nhiên Ta cũng nói cúng dường cho người trì giới được quả báo không giống với cúng dường cho người phạm giới. Bà-la-môn Sanh Văn bạch Phật: -Thưa Cù-đàm, đúng như thế, tôi cũng nói như thế, bố thí cho người trì giới được quả báo lớn, chứ không phải bố thí cho kẻ phạm giới. "pv Ắ • y r-p-í A r-p /X 1 • À r • 1 A Bay giơ, The Ton liên noi kẹ: Hoặc đen hoặc trắng tinh, Màu tạp hay săc vàng, Những con bò cái ấy, Đay đủ sức khỏe mạnh, Đủ khả năng chở nặng, Con

QUYỂN 4  113

Chiên-đà-la hạ tiện, Nơi sanh đều chẳng đồng,
Chỉ cần giữ tịnh giới, Lìa gánh nặng, phiền não,
Thuần nhất tu Phạm hạnh, Lậu tận A-la-hán,
Thiên Thê giữa the gian, Thí người ấy phước lớn.
Người ngu, không trí tuệ. Chưa từng nghe Chánh pháp,
Cúng người ấy phước nhỏ, Vì chẳng gần thiện hữu.
Nếu gần thiện tri thức, Như Lai và Thanh văn,
Lòng tin Phật trong sạch, Căn sanh sức kiên co,
Đi về nơi đường lành, Và sanh dòng tôn quý,
Cửu cánh Bát-niết-bàn, Như Lai nói như thế.
Bấy giờ, Bà-la-môn Sanh Văn nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi ra về.
***

96. KỆ KHUYÊN DẠY CON38 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, vào sáng sớm, Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Lúc ây? có một Bà-la-môn tuổi già sức yêu, chông gậy, ôm bát đi xin từng nhà. Khi ấy, Thế Tôn hỏi Bà-la-môn kia: -Nay ông tuôi già sức yêu, sao còn chông gậy ôm bát đi xin từng nhà như thế? Bà-la-môn bạch Phật:  Thưa Cù-đàm, trong nhà tôi có bao nhiêu tài vật đều đã giao phó cho đứa con trai và con dâu mà tôi đã cưới cho nó làm vợ, nhưng sau đó, chúng đuổi tôi ra khỏi nhà nên tôi phải chống gậy, ôm bát đi xin từng nhà. Đức Phật bảo:  Này Bà-la-môn, ông có thể học thuộc một bài kệ của Ta rồi trở về trong chúng Bà-la-môn, nói cho đứa con trai của ông nghe được không? Bà-la-môn bạch Phật:  Thưa Cù-đàm? có thể được! Bay giơ, The Ton liên noi

kẹ: Sanh con, lòng vui mừng, Vì con chứa tiên của, Lo cưới vợ cho con, Rồi phải rời bỏ nhà. Đe ruộng nhà cho con, Kẻ phụ ân cha mẹ, Hình người, tâm la-sat, Bỏ bê người yếu già.

38 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.96. 0026b18). Tham chiếu: Biệt Tạp.(r02. 010Ò.262. Ò466a03j; s. 7.14 - L 175.



Như ngựa già vô dụng,
Con trẻ mà cha già,
Khúc gậy này tốt hơn,
Giúp ta phòng trâu dữ,
Xua đuổi chó hung bạo,
Tránh


Khi ấy, có Bà-la-môn tuổi già sức yếu, chống gậy, ôm bát đi xin từng nhà. Bà-la-môn từ xa trông thấy Thế Tôn liền nghĩ thầm: uSa-môn Cu-đàm cầm gậy,41 ôm bát đi khất thực từng nhà, ta cũng chống gậy, ôm bát đi khất thực từng nhỉ Ta vaCu-damdeu*là;.“ 4 ,

41 Nguyên tác: Nhiếp trượng trì bát .Đây là một trường hợp đặc thù có thể lý giải qua những cơ sơ sau: Thứ nhất, theo Đại Chảnh

ạ



Bà-la-môn bạch Phật: -Tôi chẳng thấy Sa-môn Cù-đàm có cày, hoặc ách, hoặc vòng da, hoặc dây trói, hoặc cái bừa, hoặc roi, mà nay Sa-môn lại nói: "Tôi cũng cày ruộng, gieo giống để cung cấp lương thực?9 Lúc ấy, Bà-la-môn làm ruộng Bà-la-đậu-bà-giá liền nói kệ: Ngài tự nói làm ruộng, Mà chẳng thấy cái cày, Còn tôi nói cày ruộng, Vì tôi biết cách cày. Bây giơ, The Tôn noi kẹ đáp lại: Lòng tin là hạt giong, Khổ nhọc mưa đúng thời, Trí tuệ là cày, ách, Tâm hổ thẹn là trục, Tự giữ gìn chánh niệm, Đấy là khéo điều phục, — • * rpiL •- Thúc liễm nghiệp thân, miệng, Như nơi chứa thức ăn, L
Chân thật 1A là xe 4 tốt, Sông vui, không biêng nhác, Tinh tấn, không hoang phế, An ổn và tiến nhanh, Đi thang, chẳng trở lại, Đạt đến chốn vô ưu. Người cày ruộng như thế, Mau được quả giải thoát, . : r Người cày ruộng như thê, Không trở lại các cõi. Bà-la-môn làm ruộng Bà-la-đậu-bà-giá bạch Phật: Cù-đàm thật khéo cày ruộng! Cù-đàm cày ruộng thật tài! Trong lúc nghe Phật nói kệ thì lòng tin của Bà-la-môn càng thêm tăng trưởng nên đem đầy bát thức ăn thơm ngon dâng cúng đức Phật. Do vừa nói bài kệ mà có được thức ăn nên Thế Tôn không thọ nhận. Nhân đó, Ngài nói kệ rằng: Không do vì thuyết pháp, Nhận ăn thức ăn này, Vì lợi ích kẻ khác, Thuyết pháp không vì ăn. (Nói đầy đủ như đã nói ở phần đầu của Kinh Bà-la-môn Hỏa Dí?46). Khi ấy, Bà-la-môn làm ruộng Bà-la-đậu-bà-giá bạch Phật: Thưa Cù-đàm? nay con đem thức ăn này để ở đâu? Phật bảo Bà-la-môn: -la không thấy chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn, Bà-la-môn? trời, thần hay người thế gian có thể dùng thức ăn này mà được an ổn. Ông

hãy đem thức ăn này để vào trong nước không có trùng và chỗ đất ít cỏ tươi. Bà-la-môn ấy liền đem thức ăn này đê vào trong nước không trùng, nước liền bốc khói, sôi trào kêu xèo xèo như viên sắt nóng bị ném vào trong nước lạnh tiêng kêu xèo xèo. Khi thây thức ăn bỏ vào trong nước không trùng, bốc khói sôi lên kêu xèo xèo như thế, Bà-la-môn nghĩ thầm: "Thật kỳ đặc! Sa-môn Cù-đàm có oai đức lớn, có đại lực nên mới có thể làm cho thức ăn thần biến như thế!"

46 Xem Tạp.(7.02. 0099.1157. 0308a03).



Khi ấy, Bà-la-môn thấy điềm lạ của thức ăn, tín tâm càng thêm mạnh, liền bạch Phật: Thưa Cù-đàm9 hôm nay, con có thể ở trong Chánh pháp xuất gia thọ giới Cụ túc được chăng? Phật bảo Bà-la-môn: Nay ông có thê được ở trong Chánh pháp xuất gia thọ giới Cụ túc, được làm Tỳ-kheo. Sau khi xuất gia, Bà-la-môn ấy một mình lặng lẽ tư duy về lý



Chẳng phải đạo Phạm thiên, Sao luống thờ cúng đây? Này nữ Bà-la-môn, Tinh Thiên ở ngoài cửa, Cấu uế trọn dứt sạch, Là trời trong các trời, Lặng lẽ không có gi, Một mình không của cải, Vì khất thực, vào nhà, Người đáng được cúng dường. Tịnh Thiên khéo tu thân, Ruộng phước tốt trời, người, Xa lìa mọi điều ác, Không hề bị nhiễm ô. Đức đồng với Phạm thiên, Thân tuy ở nhân gian, Chẳng dính mắc các pháp, Như con rồng trưởng thành. Tỳ-kheo sống chánh niệm, Tâm kia khéo giải thoát, Nên cúng dường chư Phật, Đây là phước điền lớn. Nên đem lòng tinh tín, Kịp thời mau cúng dường, Nên dự lập hòn đảo, Khiến vị lai an vui. Bà xem ẩn sĩ này, Đã vượt qua biển khổ, Thế nên phát lòng tin, Kịp thời mau cúng dường. Nên dự lập hòn đảo, Khiến vị lai an vui, Tỳ-sa-môn Thiên vương, Khai phát cho bà kia, Khiến xả bỏ thờ lửa. Bấy giờ, Tôn giả Tịnh Thiên liền vì mẹ mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ54 xong, liền trở ra đường và bước đi. ***

## 100. PHẬT LÀ TÊN ĐẸP NHẤT55

Tôi nghe như vay:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, có vị Bà-la-môn đi đến chỗ Phật, cùng nhau ân cần hỏi thăm rồi ngồi sang một bên và bạch Phật:

-Thưa Cù-đàm! Gọi là Phật, vậy thế nào là Phật? Là tên do cha mẹ đặt ra hay tên do Bà-la-môn đặt?

Bấy giờ, Bà-la-môn liền nói kệ:

Phật là tên đẹp nhất, Vượt hơn cả thế gian,
Là tên cha mẹ đặt, Gọi đó là Phật ư?

,

The Ton noi kệ đáp lại:

Phật
thấy đời
quá khứ, Và thấy suốt tương lai,
Thay rõ kiếp hiện tại, Mọi pháp sanh rồi diệt.
54 Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ ().Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tr. 105; Tạp.(r.02. 0099.92. 0023c18). 55 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.100. 0028a03). Tham chiếu: Biệt Tạp.(02. 0100.266. 0467a06).



Minh trí biết rõ ràng, Điều nên tu đã tu, Điều nên dứt đã dứt, Vì thế gọi là Phật. Nhiều kiếp cầu chọn lựa, Thuần khổ, chẳng chút vui Có sanh đều phải diệt, Xa lìa dứt trần cấu, Nhô sạch gai kiêt sử, Phật giác ngộ viên mãn. Đức Phật nói kệ xong, Bà-la-môn ấy nghe Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ rồi từ chỗ ngôi đứng dậy mà đi. ***

101. ĐỨC PHẬT LÀ AI?56 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa trong nhân gian ở nước Câu-tát-la rồi ngồi nhập đinh dưới bóng cây giữa hai thôn Tùng-ca-đế57 và Đọa-cưu-la.58 Lúc ấy, có Bà- la-môn Đậu-ma59 đang đi trên con đường mà Phật vừa đi qua. Ông thấy dấu chân của đức Phật với tướng bánh xe ngàn căm, đường nét rõ ràng, vành xe tròn trịa, hàng căm thẳng đều, tất cả rất đẹp. Thấy vậy, Bà-la-môn liền suy nghĩ: "Ta chưa từng thây người nào trên thê gian mà có dâu chân như vậy. Ta nên lân theo dấu chân để tìm gặp người ny." Nghĩ rồi, ông liền theo dấu chân đi đến chỗ Phật thì thấy đức Thế Tôn đang ngoi nhập định dưới bóng cây, dung mạo đoan nghiêm tuyệt the, các căn thuần tinh, tâm Ngài an định tịch tĩnh, điều phục bậc nhất, thành tựu chỉ quán, ánh sáng rực rỡ, giống như núi vàng. Thấy vậy rồi, Bà-la-môn liền hỏi: Ngài có phải là trời chăng? Phật đáp: - Ta chẳng phải là trời. Bà-la-môn lại hỏi: -Vậy Ngài là rông, dạ-xoa, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lâu-la, khân-na-la, ma- hầu-la-già, người hay phi nhân? Phật đáp: Ta chăng phải là rông, dạ-xoa, càn-thát-bà, a-tu-la9 ca-lâu-la, khân-na-la, ma-hầu-la-già9 người hay phi nhân.

56 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.02. 0099.loi. 0028a20. Tham chiếu: Biệt Tạp.7.02. 010Ò.267. Ò467a26; Tăng.r.Ò2. 0125.38.3. 07l7cl8; A. 4.36 - II. 37. 57 Tùng-ca-đế Ukkatthā. 58 Đọa-cưu-la Setavyā. 59 Nguyên tác: Đậu-ma Dopa, thuộc chủng tánh Bà-la-môn .



Bà-la-môn thưa: Nếu chẳng phải là trời, rồng, dạ-xoa, càn-thát-bà, a-tu-la9 ca-lâu-la, khânna-la, ma-hầu-la-già? người hay phi nhân, vậy Ngài là ai? 'pv Á • y 4. A rpi-í Á r-p l y l /V Bay giơ, đức The Ton dung kẹ đáp: Trời, rồng, càn-thát-bà, Khẩn-na-la, dạxoa, A-tu-la không thiện, Các ma-hầu-la-già, Người cùng với phi nhân, Đều do phiền não sanh. Lậu hoặc phiên não này, Ta xa lìa tất cả, Đã diệt trừ hết sạch, Như hoa sen thơm ngát, Mọc lên từ bùn lầy, Chưa từng nhiễm bùn nhơ. Ta sanh tại thế gian, Chẳng nhiễm pháp thế gian, Nhiêu kiêp thường quán sát, Tất cả pháp hữu vi, Thuần kho chẳng gì vui, Đều là pháp sanh diệt. Lìa cấu, tâm bất động, Nhổ sạch gai phiền não, Cùng tột bờ sanh tử, Nên gọi là Phật-đà. Khi Thế Tôn nói kinh này, Bà-la-môn Đậu-ma nghe lời Phật

dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ rồi theo đường mà đi. ***

102. PHÁP CHIÊN-ĐÀ-LA60 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật tru tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà5 thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, vào lúc sáng sớm, đức Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thành Vương Xá khất thực. Trong khi tuần tự khất thực, Ngài đi ngang qua nhà Bà-la-môn Bà-la- đậu-bà-giá.61 Lúc ấy, Bà-la-môn đang đứng bên cửa, tay cầm thìa gỗ đựng đầy thức ăn, sửa soạn cúng tê lửa. Từ xa trông thây Phật đi đên, ông liên nói lớn:  Dừng lại! Dừng lại! Này Chiên-đà-la,62 chớ đến gần cửa nhà tôi. Phật hỏi Bà-la-môn:  Ông có biết Chiên-đà-la và pháp của Chiên-đà-la không? Bà-la-môn đáp: -Tôi không biết Chiên-đà-la và cũng không biết pháp của Chiên-đà-la. Vậy Sa-môn Cù-đàm có biết Chiên-đà-la và pháp của Chiên-đà-la không?

60 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.102. 0028Ồ19). Tham chiếu: Biệt Tạp.(02. 0100.268. Ò467b27);Sw. 1.7-21. 61 Bà-la-đậu-bà-giá (Bhāradvāja). 62 Nguyên tác: Lãnh-quần-đặc ()chỉ cho người chăn bò, hạng hạ tiện, đồng nghĩa với Chiên- đà-la, giai cáp cùng đinh. Tham chiêu: Sn. 1.7 - 21. Theo Pali-Dictionary Vipassanā Research Institute^ nghĩa la một con bò già. Biệt Tạp.(02. 0100.268. 0467c02) gọi là Chiên-đà-la (ÉPÈÉ).



Phật bảo:  Ta biết rõ về Chiên-đà-la và pháp của Chiên-đà-la.

Nghe thê, Bà-la-môn liên đê những dụng cụ thờ lửa xuống, vội vàng trải tòa mơi The Ton ngoi roi thưa: —Bạch Cù-đàm, xin Ngài hãy nói cho tôi biết về Chiên-đà-la và pháp của Chiên-đà-la! Đức Phật an tọa xong, liền nói kệ rằng: Tâm sân ôm oán hận, Che giấu các lỗi lầm, Phạm giới, khởi ác kiến, Dối trá không chân thật, Những hạng người như vậy, Đó là Chiên-đà-la. Hung bạo, tham, bon xẻn, Ác dục, keo, dối trá, Không có tâm hổ thẹn, Đó là Chiên-đà-la. Đoi với các sanh mạng, Đêu ra tay sát hại, Chẳng có lòng xót thương, Đó là Chiên-đà-la. r

Hoặc giêt, trói, đánh đập, Khắp thôn làng, thành ấp, Chửi mắng thật vô đạo, Đó là Chiên-đa-la. Dừng trú hoặc đi đường, Dan đau một so đong, Gây khổ hàng thuộc hạ, Đe dọa và áp bức, Nhằm thủ lợi về mình, Đó là Chiên-đà-la. Nơi thôn làng, đồng trống, Vật có chủ, không chủ, Đều chiếm đoạt về mình, Đó là Chien-đà-la. Phụ bạc vợ của mình, Nhưng chẳng tìm kỹ nữ, Mà xâm đoạt vợ người, Đó là Chiên-đà-la. Bạn bè cùng thân tộc, Thiện tri thức đồng tâm, Xâm phạm vật họ Thích, Đó là Chiên-đà-la. Nói dối lừa gạt người, Lấy của không chứng cớ, Người đòi lại không trả? Đó là Chiên-đà-la. Vì lợi mình lợi người, Trách móc và gây SỊT, Hoặc theo lời người ấy, Nói dối để làm chứng, Người vọng ngữ như vậy, Đó là Chiên-đà-la. Gây tạo nhiều việc ác, Mà không ai hay biêt, Liền che giấu tội ác, Đó là Chien-da-la. Nếu người hỏi nghĩa này, Lại đáp lời vô nghĩa, Nói sai lệch, dối người, Đó là Chiên-đà-la. Trống rỗng, không biết gì, Mà khinh chê người trí, Ngu si, chỉ biết lợi, Đó là Chiên-đà-la. Ngạo mạn tự khoe khoang, Thường chê bai người khác, Thật kiêu mạn thấp hèn, Đó là Chiên-đà-la. Tự tạo bao lồi lầm, Lại vu oan người khác, Nói dối, chê người hiền, Đó là Chiên-đà-la.

Trước nhận lợi dưỡng người, Khi càn, người ấy đến, Không có lòng đền đáp, Đó là Chiên-đà-la. Sa-môn, Bà-la-môn5 Như pháp đến khất thực, Không cho còn trách mắng, Đó là Chiên-đà-la. Khi cha mẹ tuổi già, Khí lực đã kém suy, Không chăm lo phụng dưỡng, Đó là Chiên-đà-la. Trước mẹ cha, tôn trưởng, Anh em và quyến thuộc, Dù chưa chứng La-hán, Tự xưng A-la-hán, Là giặc lớn thế gian, Đó là Chiên-đà-la. Sanh vào dòng cao quý9 Học sách Bà-la-môn, Lại ở dòng dõi đó, Thường làm các nghiệp ác, Không vì dòng cao quý, Mà tránh được đường ác, Hiện tại bị chê trách, Đời sau sa nẻo ác. Sanh nhà Chiên-đà-la9 Đời gọi Tu-đà-di,63 Nổi danh khắp thiên hạ, Chiên-đà-la thấp hèn, Bà-la-môn? Sát-lợi, Đại tộc, đều cúng dường. Nương theo đường Tinh thiên, Sống bình đẳng chân thật, Chăng vì dòng tháp hèn, Không sanh cõi Phạm thiên, Hiện tại tiếng thơm lưu, Đời sau sanh cõi lành, Cả hai, ông nên biết, Như Lai đã chỉ bày, Không phải do dòng họ, Mà trở thành tiện dân. Không phải do dòng họ, Mà thành Bà-la-môn. Nghiệp ác là tiện dân, Nghiệp thiện, Bà-la-môn. Bà-la-môn bạch Phật: Đúng vậy, Đại Tinh Tấn! Đúng vậy, Đại Mâu-ni! Không do nơi dòng họ, Mà gọi Chiên-đà-la, Không do nơi dòng họ, Mà thành Bà-la-môn, Nghiệp ác, thành tiện dân, Nghiệp thiện, Bà-la-môn.

63 Nguyên tác: Tu-đà-di .Tham chiếu: Sn. 1.7 - 21. Có vị Chiên-đặ-la tên là Mâtanga được vương công quý tộc trọng thị, cúng dường. Câu chuyện được trình bày chi tiết trong J.

QUYỂN 4  123

Phật dạy:  Ông có thể ở trong Giáo pháp và Giới luật của Như Lai xuất gia và thọ giới Cụ túc. Sau khi được xuất gia rồi5 Bà-la-môn liền sống một mình ở nơi thanh vắng, lặng lẽ tư duy (như đã nói trong kinh số 98... cho đến) đắc quả A-la-hán, tâm được giải thoát. Khi Bà-la-môn Bà-la-đậu-bà-giá đã đắc A-la-hán, tâm được giải thoát, tự thân chứng pháp hỷ lạc, liền nói kệ: Trái đạo, cầu thanh tịnh, Cúng dường tế tự lửa, Không biết đạo thanh tịnh, Như người mù bẩm sinh. Nay được pháp an lạc, Xuất gia thọ Cụ túc, Chứng đạt được Ba minh. Hành theo lời Phật dạy, Trước khổ hạnh Phạm chí,65 Nay là Bà-la-môn? Đã tắm sạch bụi nho, Vượt cõi trời, giải thoát.65 66

65 Nguyên tác: Tiên Bà-la-môn nạn (). 66 Bản Hán, hết quyển 4.

124  KINH TẠPA-HÀM

QUYỂN 5 103. TỲ-KHEO SAI-MA1 Tôi nghe như vầy: Một thời, số đông các vị Tỳ-kheo Thượng tọa trú trong vườn Cù-sư-la2 của nước Câu-xá-di.3 Cũng trong lúc ấy, ở trong vườn Bạt-đà-lê4 của nước Câu-xá-di có Tỳ-kheo Sai-ma5 đang lâm bệnh nặng và Tỳ-kheo Đà-sa6 là người chăm sóc. Bấy giờ, Tỳ-kheo Đà-sa đến chỗ các Tỳ-kheo Thượng tọa, đảnh lễ sát chân rồi đứng sang một bên. Các Tỳ-kheo Thượng tọa bảo Tỳ- kheo Đà-sa rằng: - Thầy trở về chỗ Tỳ-kheo Sai-ma và chuyển lời đến thầy ấy rằng: "Các Thượng tọa hỏi thăm thầy, bệnh tình có thuyên giảm không? Thân thể có an ổn chăng? Đau đớn không tăng thêm chứ?" Tỳ-kheo Đà-sa vâng lời các Tỳ-kheo Thượng tọa, trở về thuật lại với Tỳ- kheo Sai-ma: "Các Thượng tọa hỏi thăm thầy, bệnh tình có thuyên giảm không? Thân thể có an ổn chăng? Đau đớn không tăng thêm chứ?,, Tỳ-kheo Sai-ma nói với Tỳ-kheo Đà-sa:  Bệnh của tôi không hề thuyên giảm, thân thể không

được an ôn, sự đau đớn càng tăng thêm, e không thể cứu. Giống như một người khỏe mạnh lực lưỡng mà bắt một người gầy yếu, lấy dây buộc vào đầu, rồi dùng hai tay siết chặt lại khiến họ đau đớn vô cùng. Hiện tại sự đau đớn của tôi còn hơn cả người kia nữa. Giống như người đồ tể dùng dao bén mổ bụng bò để lấy nội tạng thì con bò ấy làm sao có thể chiu nổi sự đau đớn. Hiện tại cơn đau trong bụng của tôi còn hơn cả nỗi đau của con bò kia. Lại cũng như hai lực sĩ bắt một người yếu đuối treo lên, rồi châm lửa đốt vào hai chân, hiện nay, hai chân của tôi còn bi nóng hơn cả người kia nữa. Bấy giờ, Tỳ-kheo Đà-sa lại đến chỗ các Thượng tọa, thuật lại đầy đủ hiện tình bệnh trạng như lời Tỳ-kheo Sai-ma đã nói. Các Thượng tọa lại bảo Tỳ- kheo Đà-sa trở về và nói với Tỳ-kheo Sai-ma rằng: “Dức Thế Tôn đã dạy về

•Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r.02. 0099.103. 0029c06. Tham chiếu: s. 22.89 - III. 126.

2 Cù-sư-la j. S. 22.89 - m. 126 ghi Ghosita.

3 Câu-xá-di ,Kosambī.

4 Bạt-đà-lê Badarika.

5 Sai-ma Khemaka.

6 Đà-sa Dsaka.

QUYỂN 5  125

năm thủ uẩn,7 đó là sắc thủ uẩn, thọ, tưởng, hành và thức thủ uẩn. Tỳ-kheo Sai- ma, thay có the quán sát một chút về năm thủ uẩn này không phải là ngã, không phải là ngã sở có được kh6ng?” Tỳ-kheo Đà-sa vâng lời các Tỳ-kheo Thượng tọa dạy, trở về nói với Tỳ- kheo Sai-ma:  Các Thượng tọa nhắn lại thầy thế này: “Thế Tôn đã dạy về năm thủ uẩn, thầy có thể quán sát một chút về năm thủ uẩn này không phải là ngã, không phải là ngã sở có được kh6ng?" Tỳ-kheo Sai-ma nói với Tỳ-kheo Đà-sa: -Tôi có thể quán sát năm thủ uẩn này không phải là ngã, không phải là ngã sở. Tỳ-kheo Đà-sa trở lại bạch với các Thượng tọa: -Tỳ-kheo Sai-ma nói: "Đối với năm thủ uẩn này, tôi có thể quán sát không phải là ngã, không phải là ngã s&.” Các Tỳ-kheo Thượng tọa lại sai Tỳ-kheo Đà-sa nói với Tỳ-kheo Sai-ma rằng: "Thầy có thể quán sát năm thủ uẩn không phải là ngã, không phải là ngã sở như các bậc A-la-hán đã dứt sạch các lậu hoặc có được kh6ng?" Tỳ-kheo Đà-sa vâng lời các Tỳ-kheo Thượng tọa dạy, lại trở về nói với Sai-ma rang:  Các Thượng tọa nói: "Thầy có thể quán sát năm thủ uẩn như các bậc A-la-hán đã dứt sạch các lậu hoặc có được kh6ng?" Tỳ-kheo Sai-ma đáp: -Tôi có thể quán sát năm thủ uẩn không phải là ngã, không phải là ngã sở, nhưng không thể giống như bậc A-la-hán đã dứt sạch các lậu hoặc. Tỳ-kheo Đà-sa lại đến bạch với các Thượng tọa: Tỳ-kheo Sai-ma nói: "Tôi có thể quán sát năm thủ uẩn không phải là ngã, không phải là ngã sở, nhưng không thể giống như các A-la-hán đã dứt sạch các lậu hoặc.,, Bấy giờ, các Thượng tọa bảo Tỳ-kheo Đà-sa, thầy hãy trở về nói với Tỳ- kheo Sai-ma: "Thầy nói có the quán sát năm thủ uẩn không phải là ngã, không phải là ngã sở, nhưng không thể giống như bậc A-la-hán đã dứt sạch các lậu hoặc thì lời trước và sau mâu thuẫn nhau." Tỳ-kheo Đà-sa vâng lời các Thượng tọa dạy, trở về thuật lại với Tỳ-kheo Sai-ma: -Các Thượng tọa nói: "Thầy nói có thể quán sát năm thủ uẩn không phải là ngã, không phải

là ngã sở, nhưng không thể giống như bậc A-la-hán đã dứt sạch lậu hoặc thì lời trước và sau mâu thuẫn nhau."*

7 Nguyên tác: Ngũ thọ ấm .

126 KINH TẠPA-HÀM

Tỳ-kheo Sai-ma nói với Tỳ-kheo Đà-sa răng: Đối với năm thủ uẩn tôi có thể quán sát không phải là ngã, không phải là ngã sở, nhưng không thể giống như bậc A-la-hán. Vì đoi với ngã mạn, ngã dục, ngã sử5 tôi chưa đoạn hết, chưa biết rõ, chưa xả ly, chưa nhàm chán. Tỳ-kheo Đà-sa lại đến thưa với các Thượng tọa, Tỳ-kheo Sai-ma nói: "Đối với năm thủ uẩn tôi quán sát không phải là ngã, không phải là ngã sở, nhưng chẳng phải như bậc A-la-hán. Vì đối với ngã mạn, ngã dục, ngã sử, tôi chưa đoạn hết, chưa biết rõ, chưa xả ly, chưa nhàm chán." Các Thượng tọa lại bảo Tỳ-kheo Đà-sa trở về nói với Tỳ-kheo Sai-ma rằng: "Thầy nói có ngã. Vậy thì thấy ngã ở chỗ nào? sắc là ngã hay ngã khác sắc? Thọ, tưởng, hành, thức là ngã hay ngã khác với thọ, tưởng, hành, thức?" Tỳ-kheo Sai-ma nói với Tỳ-kheo Đà-sa rằng: Tôi không nói sắc là ngã hay ngã khác sắc; thọ, tưởng, hành, thức là ngã hay ngã khác thọ, tưởng, hành, thức, nhưng đối với năm thủ uẩn, ngã mạn5 ngã dục, ngã sử, tôi chưa đoạn hết, chưa biết rõ? chưa xả ly, chưa nhàm chán. Tỳ-kheo Sai-ma nói với Tỳ-kheo Đà-sa rằng: Đâu dám làm phiền thầy phải đi qua đi lại mãi. Nhờ thầy mang giúp cây gậy đến đây, tôi sẽ tự chống gậy đến gặp các Thượng tọa. Xin đưa gậy cho tôi! Nói rồi, Tỳ-kheo Sai-ma chống gậy đi đến chỗ các Thượng tọa. Từ xa trông thấy Tỳ-kheo Sai-ma chống gậy đi đến, các Thượng tọa liền sửa soạn chỗ ngồi, chỗ để chân rồi đích thân tiếp đón, đỡ giúp y bát và mời ngồi. Sau khi cùng thăm hỏi sức khỏe xong, các Thượng tọa hỏi Tỳ-kheo Sai-ma: Thầy nói ngã mạn là thấy ngã ở chỗ nào? sắc là ngã chăng? Hay là ngã khác sắc? Thọ, tưởng, hành, thức là ngã chăng? Hay là ngã khác với thọ, tưởng, hành, thức? Tỳ-kheo Sai-ma thưa rang: Chăng phải sác là ngã, chăng phải ngã khác với sác; chăng phải thọ, tưởng, hành, thức là ngã; chẳng phải ngã khác với thọ, tưởng, hành, thức.8 Tuy nhiên, đối với năm thủ uẩn, ngã mạn, ngã dục, ngã sử thì tôi chưa đoạn hết, chưa biết rõ, chưa xa lia, chưa nhàm chán. Cũng như hương thơm của hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen vàng và hoa sen trăng; là mùi thơm của rê hay chăng phải của rễ? Là hương thơm tinh hay thô của cọng, của lá hay của nhụy; hoặc chẳng phải hương thơm tinh hay thô của cọng, của lá hay của nhụy? Hay là của tất cả các loại trên?

8 Quan điểm này có chút khác biệt so với bản kinh, s. 22.4 - III. 126: Thưa chư Hiền, tôi không nói: "Tôi là sác.,, Tôi không nói: 44Tôi là khác sắc"... t4là thọ... là tưởng... là các hành,,... Tôi không nói: 4tTôi là thức.,, Tôi cũng không nói: "T6i là khác thức.,, Dâu răng, này các Hiền giả, tôi có chứng được (tư tưởng): "T6i là", nhưng tôi không có quán: “Cái này là t6i" (HT. Thích Minh Châu dịch).

QUYỂN 5 127

Các Thượng tọa đáp: Không phải như vậy, Tỳ-kheo Sai-ma! Chẳng phải hương thơm từ rễ của hoa sen xanh, hoa sen hông, hoa sen vàng và hoa sen trăng; chăng phải hương thơm ở ngoài rễ; chẳng phải hương thơm tinh hay thô của cọng, của lá và nhụy;

cũng chẳng phải hương thơm tinh hay thô ở ngoài cọng, lá và nhụy. Tỳ-kheo Sai-ma lại hỏi: -Vậy hương thơm đó là của loại nào? Các Thượng tọa đáp: Đó là hương thơm của hoa. Tỳ-kheo Sai-ma lại nói: r 9 r

Thê thì ngã cũng như vậy. Chăng phải sác là ngã, nhimg ngã không lìa sắc; chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức là ngã và ngã không lìa thọ, tưởng, hành, thức. Đối với năm thủ uẩn, tôi thấy không phải là ngã, không phải là ngã sở, nhưng đôi với ngã mạn, ngã dục, ngã sử thì tôi chưa đoạn hét, chưa biêt rõ? chưa xa lìa, chưa nhàm chán. Các Thượng tọa hãy nghe tôi nói ví dụ, người trí nhờ nghe ví dụ mà hiểu được ý nghĩa. Giống như đem chiếc áo của người nhũ mẫu giao cho người giúp việc giặt. Tuy người giúp việc dùng nước tro giặt sạch bụi nhơ, nhimg mùi hôi vẫn còn. Nếu muốn hết mùi thì phải dùng các thứ hương thơm xông ướp. Cũng vậy, các vị Thánh đệ tử đa văn xa lìa năm thủ uẩn, chân chánh quán sát không phải là ngã, không phải ngã sở? có thể đối với năm thủ uẩn thì ngã mạn, ngã dục, ngã sử chưa đoạn hết, chưa biết rõ? chưa xa lia, chưa nhàm chán. Nhưng sau đó, vị ấy càng nỗ lực tư duy quán sát sự sanh diệt của năm thủ uẩn: "Dây là sắc, đây là sự tập khởi của sắc, đây là sự diệt tận của sắc. Đây là thọ, tưởng, hành, thức, đây là sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức và đây là sự đoạn tận của thọ, tưởng, hành, thức." Khi đã quán sát sự sanh diệt của năm thủ uân như thê thì ngã mạn, ngã dục, ngã sử đêu được tiêu trừ. Đó gọi là quán sát chân chánh. Khi Tỳ-kheo Sai-ma nói pháp này, các vị Thượng tọa xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Tỳ-kheo Sai-ma do không khởi các lậu hoặc nên tâm được giải thoát. Nhờ có sự an vui và lợi lạc trong Chánh pháp nên bệnh tình nơi thân của Tôn giả liền được tiêu trừ. Bay giờ, các Thượng tọa nói với Tỳ-kheo Sai-ma: Khi vừa mới nghe Nhân giả nói thì chúng tôi đã hiểu rõ và rất vui mừng, huông gì được nghe lại nhiêu lân. Sở dĩ chúng tôi đưa ra nhiêu câu hỏi vì muôn thấy biện tài vi diệu của Nhân giả được hiển lộ ra, chứ không có ý gây phiền nhiễu. Nhân giả là người có khả năng truyền bá rộng rãi Chánh pháp của Như Lai, bậc ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác.



, __ e y Bây giờ, các Thượng tọa nghe Tỳ-kheo Sai-ma luận giải xong đêu hoan hỷ phụng hành. ***

104. TỲ-KHEO DIỆM-MA-CA9 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật trú tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo tên là Diệm-ma-ca1011 khởi lên tà kiến xấu ác khi nói rằng: “Theo chỗ hiểu biết của tôi về giáo pháp mà đức Phật đã giảng thì vị A-lahán dứt sạch phiền não, sau khi qua đời sẽ không còn gì nữa.,H Lúc ấy5 đại chúng Tỳ-kheo nghe như vậy, liền đến nói với Tỳ-kheo Diệm-ma-ca: Có phải là thầy đã nói: "Theo chỗ hiểu biết của tôi về giáo pháp mà đức Phật đã giảng thì vị A-la-hán dứt sạch phiền não, sau khi qua đời sẽ không còn gì nữa?“ Diệm-ma-ca đáp: Thật có như vậy, thưa các Tôn giả! Các Tỳ-kheo nói với Diệm-ma-ca: \ Á__ l 1 _ _ ỉ _ A _ 1 9___ 1 ỉ— _ ĩ Ạ FT1 T T___ L ỉ A rqp _ 1 A l L _ _ J Ạ J rT^1_ Ạ -Thay không nen huy bang The Ton. Huy bang The Ton la không tot. The Tôn không hề nói như vậy. Thầy hãy từ bỏ tà kiến xấu ác này đi. Khi các Ty-kheo đã khuyên như thế mà Tỳ-kheo Diệm-ma-ca vẫn chấp chặt tà kiên xâu ác này, lại nói như vây:

-Thưa các Tôn giả! Chỉ có điều này là chân thật, ngoài ra đều là giả dối. Các Tỳ-kheo khuyên Tỳ-kheo Diệm-ma-ca ba lần như vậy. Thây răng không thê điêu phục được Tỳ-kheo Diệm-ma-ca, các Tỳ-kheo liền rời khỏi nơi ấy. Sau đó, các Tỳ-kheo đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất rồi thưa với Tôn giả rằng: -Thưa Tôn giả! Tỳ-kheo Diệm-ma-ca kia đã khởi tà kiến xấu ác nói như vầy: “Theo chỗ hiểu biết của tôi về giáo pháp mà đức Phật đã giảng thì vị A-la-hán dứt sạch phiền não, sau khi qua đời sẽ không còn gì nữa." Chúng tôi nghe như thê, liên đên hỏi Tỳ-kheo Diệm-ma-ca, có phải là thây đã nói như thê không? Thì thầy ấy nói: "Thua các Tôn giả, đúng thật là như vậy, nếu nói khác đi là lời của người ngu." Chúng tôi liền bảo rằng: "Thầy không nên hủy báng

9 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.7.02. 0099.104. 0030c 12. Tham chiếu: s. 22.85 - m. 109. 10 Diệm-ma-ca Yamaka. Xem s. 22.85 - III. 109. 11 Mạng chung tiện vô sở hữu,na hoti param marānāti'. Sau khi chết không có gì tồn tại, đây là quan điểm đoạn kiến.



Á T T9 1 ĩ nrM_ Ặ FT1 1 1_A _ _ A A nrM_ Ặ rnp _ 1_ J A r • 1 J1 Ấ FT11 Ặ

Thê Ton. Huy bang The Ton la không tot. The Ton chưa từng noi như the. Thay phải từ bỏ tà kiến xấu ác này di." Chúng tôi can ngăn đến ba lần mà thầy ấy vẫn không bỏ tà kiến xấu ác. Vì thế chúng tôi mới đến gặp Tôn giả. Xin Tôn giả vì lòng bi mẫn nói pháp để Ty-kheo Diem-ma-ca dứt bỏ tà kiến xấu ác đó. Tôn giả Xá-lợi-phất nói: -Vâng, tôi sẽ làm cho thầy ấy dứt bỏ tà kiến xấu ác! Sau khi nghe Tôn giả Xá-lợi-phất hứa giúp, đại chúng Tỳ-kheo vui mừng cảm tạ Tôn giả roi trở vê chô ở của mình. Bấy giờ, vào lúc sáng sớm, Tôn giả Xá-lợi-phất đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực. Sau khi thọ thực xong, Tôn giả ra khỏi thành trở vê tinh xá? xép cat y bát xong liên đên chô Tỳ-kheo Diệm-ma-ca. Từ xa trông thấy Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến, Tỳ-kheo piệm-ma-ca liền trải tòa, chuẩn bị nước rửa chân, sắp đặt ghế ngồi rồi đi ra tiếp đón, mang giúp y bát, cung kính mời ngồi. Tôn giả Xá-lợi-phất ngồi vào chỗ, rửa chân xong, sau đó mới hỏi Tỳ-kheo Diệm-ma-ca: Có phải thầy đã nói: "Theo chỗ hiểu biết của tôi về giáo pháp mà đức Phật đã giảng thì vị A-la-hán dứt sạch phiền não, sau khi qua đời sẽ không còn gì n®?“ Tỳ-kheo Diệm-ma-ca thưa: -Tôi có nói như vậy, thưa Tôn giả! Tôn giả Xá-lợi-phất nói: Bây giờ, tôi sẽ hỏi và thầy hãy trả lời theo ý mình. Thế nào, Diệm-ma-ca, sắc là thường hay vô thường? Diệm-ma-ca đáp: -Thưa Tôn giả! sắc là vô thường. Tôn gia lại hoi: -Đã là vô thường thì đó là khổ phải không? Diệm-ma-ca đáp: -Đúng vậy, là khổ! Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi: Nếu đã là vô thường, là khổ, là pháp biến dịch. Vậy bậc Thánh đệ tử đa văn lẽ nào xem đó là ngã, hoặc khác với ngã, sắc ở nơi ngã hoặc ngã ở nơi sắc chăng? Diệm-ma-ca đáp: Thưa không, Tôn giả! -Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế.



Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi: Thế nào Diệm-ma-ca! sắc là Như Lai phải không?

Diệm-ma-ca đáp: Thưa Tôn giả! sắc không phải là Như Lai. Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi: -Vậy thọ, tưởng, hành, thức có phải là Như Lai không? Diệm-ma-ca đáp: Thưa Tôn

giả! Không phải. Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi: Thế nào, Diệm-ma-ca, ngoài sắc có Như Lai chăng? Ngoài thọ, tưởng, hành, thức có Như Lai chăng? Diệm-ma-ca đáp: Thưa Tôn giả! Không có. Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi: Trong sắc có Như Lai không? Trong thọ, tưởng, hành, thức có Như Lai không? Diệm-ma-ca đáp: -Thưa Tôn giả! Không có. Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi: Trong Như Lai có sắc không? Trong Như Lai có thọ? tưởng, hành, thức không? Diệm-ma-ca đáp: Không có, thưa Tôn giả! Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi: Chẳng phải sắc, thọ, tưởng, hành, thức thì có Như Lai không? Diệm-ma-ca đáp: Thưa không, Tôn giả! Như vậy, này Diệm-ma-ca! Pháp mà Như Lai thấy là chân thật, như như, trụ vo sở đắc, không thể diễn bày. Vì sao thầy lại nói: "Theo chỗ hiểu biết của tôi về giáo pháp mà đức Phật đã giảng thì vi A-la-hán dứt sạch phiền não, sau khi qua đời sẽ không còn gì nua?99 Thầy nói như vậy có đúng không? Diệm-ma-ca đáp: -Không đúng, thưa Tôn giả! Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi: -Này Diệm-ma-ca, trước đây thầy nói: "Theo chỗ hiểu biết của tôi về giáo pháp mà đức Phật đã giảng thì vị A-la-hán dứt sạch phiền não, sau khi qua đời sẽ không còn gì nữa.^, Tại sao hôm nay thầy lại nói là không đúng?

QUYỂN 5 131

Tỳ-kheo Diệm-ma-ca đáp: Thưa Tôn giả^ Trước đây tôi không hiểu rõ là do vô minh nên mới thốt lên những lời tà kiến xấu ác như vậy. Nay được nghe Tôn giả Xá-lợi-phất giảng bày thì tất cả vô minh đều dứt sạch. Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi: Nếu như có người hỏi: "Tỳ-kheo! Trước đây thầy đã nói những lời sai Chánh pháp, nay thày hiểu rõ pháp gì, thấy được pháp gì mà xa lìa tất cả tà kiến xấu ác?^ Khi ấy, thầy sẽ đáp như thế nào? Diệm-ma-ca đáp: Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu có người đến hỏi tôi như thế thì tôi sẽ đáp: "Bậc A-la-hán đã dứt sạch lậu hoặc, thấy sắc là vô thường, đã vô thường thì khổ. Khổ khi đã đoạn tận thì trở về thanh tinh, ngưng lặng hoàn toàn. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậyy Nếu có người nào đến hỏi thì tôi sẽ đáp như vậy. Tôn giả Xá-lợi-phất nói: Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo Diệm-ma-ca, thay nên đáp như vậy. Vì sao như thế? Vì bậc A-la-hán đã dứt sạch lậu hoặc thì thấy sắc là vô thường mà vô thường là khổ. Nếu vô thường là khổ thì đó là pháp sanh diệt. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Sau khi nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nói pháp này, Tỳ-kheo Diệm-ma-ca xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Tôn giả Xá-lợi-phất lại nói với Tỳ-kheo Diệm-ma-ca: —Nay tôi sẽ nói ví dụ cho thầy nghe, người trí nhờ nghe ví dụ mà hiểu được ý nghĩa. Ví như có vị trưởng giả giàu sang, của cải rất nhiều nên mới tìm kiếm người giúp việc khéo léo, nham trông coi bảo vệ tài sản. Nghe tin như thế, có kẻ oán thù giả dạng thân cận, thường hay giúp đỡ và xin làm người giúp việc cho trưởng giả. Từ đó trở đi, người kia luôn âm thầm dò xét giờ giấc ngủ nghỉ, thức dậy của ông trưởng giả, hầu hạ hai bên, kính cẩn phục vụ, nói năng khiêm cung, vâng theo lời chủ, khiên cho chủ nhân vô cùng hài lòng, xem như bạn thân, tưởng như con cháu, hết lòng tin tưởng, không chút nghi ngờ nên không còn nghĩ đến sự phòng bi. Sau đó, kẻ này liền dùng dao bén giêt chét người chủ. Này Tỳ-kheo Diệm-ma-ca! Thầy nghĩ thế nào về kẻ oán thu rất ác độc kia, giả vờ làm bạn thân với trưởng giả; đó chẳng phải là ngay từ đầu đã có dã tâm nên mới dẫn đến cái kết cuối cùng? Trong khi

Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi Tỳ-kheo Diệm-ma-ca: -Thầy nghĩ thế nào về trưởng giả này, nếu biết người kia giả làm người thân tìm cách hãm hại thì ông đã khéo tìm cách đề phòng, bảo hộ cẩn mật để không bị sát hại phải không? Diệm-ma-ca đáp: Thưa Tôn giả! Đúng là như vậy. Tôn giả Xá-lợi-phất lại nói: Cũng vậy, Tỳ-kheo Diệm-ma-ca! Những kẻ phàm phu mê muội thiếu hiểu biết, đối với năm thủ uẩn này đều tưởng là thường, tưởng là an ổn, tưởng là không bệnh và tưởng là ngã, tưởng là ngã sở nên đối với năm thủ uẩn này giữ gìn, nuối tiếc đê roi cuôi cùng lại bi năm thủ uân oan gia này làm hại. Như trưởng giả kia bị kẻ oán thù giả làm người thân, ra tay sát hại mà không hay biết. Này Diệm-ma-ca, vi Thánh đệ tử đa văn đối với năm thủ uẩn này phải thường quán sát như là mầm bệnh, như bị ung nhọt, như cây gai nhọn, như bị sát hại, đó là vô thường, là khổ, là không, chẳng phải là ng chẳng phải ngã sở. Đối với năm thủ uân này, vị ấy không thọ lãnh, không đăm trước. Vì không thọ lãnh nên không đam trước, vì không đam trước nên tự giác ngộ Niết-bàn: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Khi Tôn giả Xá-lợi-phất nói bài pháp này, Tỳ-kheo Diệm-ma-ca không khởi các lậu hoặc, tâm được giải thoát. Tôn giả Xá-lợi-phất sau khi thuyết pháp, mở bày, chỉ dạy, khích lệ, khiến cho Tỳ-kheo Diem-ma-ca khởi lòng hoan hỷ,12 liền từ chỗ ngồi đứng dậy ra về. ***

105. NGOẠI ĐẠO TIÊN-NI13 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật trú tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá Bấy giờ, có tu sĩ ngoại đạo tên là Tiên-ni14 đi đến chỗ Phật, cung kính thăm hỏi rồi ngồi qua một bên và thưa với đức Phật: Bạch Thế Tôn! Ngày hôm qua, có các Sa-môn, các Bà-la-môn, các vị tế sư15 tập hợp tại giảng đường Hy Hữu rồi cùng nhau luận bàn thế này: 'Thú-lan-na

Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ (,).Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tr. 105; Tạp.(02. 0099.92. 0023c18). 13 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.105. 0031CÍ5). 14 Tiên-ni ().Theo Tứ phần luật danh nghĩa tiêu thích (X44. 744.34. 0663a22) chỉ cho hàng ngoại đạo lõa hình nói chung, không phải tên riêng của một người, còn gọi là Tư-ni (). 15 Giá-la-ca ().Theo s. 11.16-1. 232: Yajamāna (tế đàn). Yq/aka: Người lo việc tế tự, thầy tư tế.



Ca-diếp16 là người lãnh đạo đồ chúng gồm năm trăm đệ tử vây quanh trước sau. Trong chúng đệ tử đó có người rất thông minh và cũng có người đần độn, nhưng nếu có người nào qua đời thì đều không được Tôn sư xác định là họ sẽ tái sanh ở đâu. Lại có Mạt-ca-lê Cù-xá-lợi tử17 là người lãnh đạo đồ chúng gồm năm trăm đệ tử vây quanh trước sau. Trong chúng đệ tử đó có người rất thông minh và cũng có người đần độn, nhưng nếu có người nào qua đời thì đều không được Tôn sư xác định là họ sẽ tái sanh ở đâu. Cũng vậy, Tiên-xà-na Tỳ-la-chi tử,18 A-kỳ-đa Xí- xá-khâm-bà-la,19 Ca-la-câu-đà Ca-chiên-diên?2021 Ni-kiền-đà Nhã-đề tử,21 v. v... mỗi người đều có năm trăm đệ tử vây quanh ước sau như đã nói trêriy Sa-môn Cù-đàm cũng là chủ đề trong cuộc thảo luận ấy, họ nói rằng: “Sa- môn Cù-đàm là vi Giáo chủ của một đại chúng. Trong số

đệ tử của Ngài, nếu có ai lâm chung thì được dự ký sẽ sanh vào chỗ này, sẽ sanh vào nơi kia. Vì thế tôi luôn nghi ngờ: 'Làm sao Sa-môn Cù-đàm đạt được pháp như vay?'" Đức Phật bảo Tiên-ni: -Ông chớ khởi tâm nghi ngờ. Do vì mê lầm nên mới sanh nghi hoặc. Này Tiên-ni! Ông nên biết, có ba hạng thầy. Ba hạng ấy thế nào? Có một hạng thầy chỉ thấy ngã của đời hiện tại là chân thật, rồi theo sự hiểu biết ấy mà giảng nói, nhưng không thê biêt được những việc sau khi qua đời. Đó là hạng thây thứ nhất xuất hiện ở thế gian. Lại nữa, này Tiên-ni! Hạng thầy thứ hai thấy ngã của đời hiện tại là chân thật, sau khi qua đời cũng thấy là ngã, rời theo sự hiểu biết ấy mà giảng nói. Lại nữa, này Tiên-ni! Hạng thầy thứ ba không thấy ngã của đời hiện tại là chân thật, sau khi qua đời cũng không thấy ngã là chân thật. Này Tiên-ni! Hạng Tôn sư thứ nhất thấy ngã của đời hiện tại là chân thật, rồi theo sự hiểu biết ấy mà giảng nói, đó gọi là Đoạn kiến. Hạng Tôn sư thứ hai, thấy ngã của đời hiện tại và đời vị lai là chân thật, rồi theo sự thấy biết ấy mà giảng nói, đó gọi là Thường kiến. Hạng Tôn sư thứ ba, không thay ngã của đời hiện tại là chân thật, sau khi qua đời cũng không thấy ngã là chân thật, đó là Như Lai, ứng Cúng, Chánh Đẳng Chanh Giác đã nói. Vị ấy ở hiện tại đã đoạn ái, xa lìa dục, được diệt tận, chứng Niết-bàn. Tiên-ni bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Tôi nghe những điều được đức Thế Tôn nói thì càng thêm nghi ngờ.

16 Phú-lan-na Ca-diếp Pūrana Kassapa. 17 Mạt-ca-lê Cù-xá-lợi tử Makkhali Gosāla. 18 Tiên-xà-na Tỳ-la-chi tử Sañjaya Belatthiputta. 19 A-kỳ-đa Sí-xá-khâm-bà-la ,Ajita Kesakambali. 20 Ca-la-câu-đà Ca-chiên-diên Pakudha Kaccāyana. 21 Ni-kiền-đà Nhã-đề tử ,Nigantha Nātaputta.



Đức Phật bảo Tiên-ni: Ông nói, càng tăng thêm nghi ngờ là đúng. Vì sao như thế? Vì đây chính là điều sâu kín khó thấy khó biết, cần phải quán chiếu sâu xa mới thấu đáo được, chỉ có bậc Thông tuệ mới hiểu rõ; còn hạng chúng sanh thường tình thì chưa có khả năng thấu hiểu rồi trình bày. Vì sao như thế? Vì từ lâu chúng sanh đã có những kiến giải khác nhau, tín thọ khác nhau, mong cầu khác nhau và ước muốn khác nhau. Tiên-ni bạch Phật: Bạch Thế Tôn, con đối vơi đức Thế Tôn có lòng tin thuần tinh, xin đức Thế Tôn thuyết pháp cho con, để ngay nơi đây, con được tuệ nhãn thanh tinh. Phật bảo Tiên-ni: Nay Như Lai sẽ nói pháp theo lòng mong cau của ông. Phật hỏi Tiên-ni: Sắc là thường hay vô thường? Tiên-ni đáp: - Là vô thường, bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn lại hỏi: -Này Tiên-ni, nếu đã vô thường thì phải chăng là khổ? Tiên-ni đáp: Bạch Thế Tôn, là khổ! Đức Thế Tôn lại hỏi Tiên-ni: -Nếu đã là vô thường là khổ5 tức là pháp biến đổi, vậy bậc Thánh đệ tử đa văn lẽ nào xem đó là ngã, hoặc khác với ngã, sắc ở nơi ngã hoặc ngã ở nơi sắc chăng? Tiên-ni đáp: Thưa không, bạch Thế Tôn! Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đức Thế Tôn lại hỏi: —Thế nào, Tiên-ni, sắc có phải là Như Lai không? Tiên-ni đáp: -Thưa không, bạch Thế Tôn! -Thọ, tưởng, hành, thức có phải là Như Lai không? - Thưa không, bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn lại hỏi: Ngoài sắc có Như Lai không? Ngoài thọ, tưởng, hành, thức có Như Lai không?

Tiên-ni đáp: - Thưa không, bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn lại hỏi Tiên-ni:  Trong sắc có Như Lai không? Trong thọ, tưởng, hành, thức có Như Lai không? Tiên-ni đáp: - Thưa không, bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn lại hỏi: -Trong Như Lai có sắc không? Trong Như Lai có thọ, tưởng, hành, thức không? Tien-ni đáp: -Thưa không, bạch Thế Tôn! Lại noi Tiên-ni: -Chẳng phải sắc, chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức có Như Lai không? Tien-ni đáp: - Thưa không, bạch Thế Tôn! Phật bảo Tiên-ni:  Đối với giáo pháp được Như Lai nói ra mà các đệ tử của Như Lai không hiểu được nghĩa lý nên mạn sanh khởi không gián đoạn.22 Do vì không thông đạt23 nghĩa lý nên không the đoạn trừ được mạn. Vì không dứt trừ được mạn nên sau khi bỏ thân ngũ uẩn này thì thân ngũ uẩn tiếp nối được sanh ra. Do vậy5 này Tiên-ni! Như Lai mới dự ký cho các đệ tử, sau khi qua đời sẽ sanh vào chỗ này hay sanh vào chỗ kia. Vì sao như the? Vì họ vẫn còn các mạn. Này Tiên-ni? đối với giáo pháp được Như Lai nói ra mà các đệ tử của Như Lai có the hiểu rõ nghĩa lý thì những vị đệ tử đó thông đạt các mạn. Do thông đạt các mạn nên các mạn được đoạn trừ. Do các mạn đã được đoạn trừ nên sau khi qua đời sẽ không còn tiếp tục thọ sanh. Này Tiên-ni! Những người đệ tử này, Như Lai không nói là sau khi bỏ thân ngũ uẩn này roi, họ sẽ sanh vào chỗ này hay chỗ kia. Vì sao như thế? Vì không có nhân duyên để có thể dự ký. Nếu họ muốn được dự ký thì Như Lai sẽ dự ký rằng: đó sẽ đoạn trừ các ái dục, vĩnh viễn xa lìa hữu kiết sử, tâm được giải thoát hoàn toàn24 và vượt thoát khổ đau."25

22 Nguyên tác: Bất tất giải nghĩa nhi khởi mạn vô gián đẳng ,vô gián đẳng trong trường hợp này mang nghĩa không gián đoạn. 23 Nguyên tác: Vô gián đẳng abhisạmayă, trong trường hợp này có nghĩa là sự sáng suốt, thông tuệ, thông đạt, thể^nhặp, quán chiếu thấu đáo... p. mānābhisamaya thông đạt về mạn, thang tri mạn, hiêu rõ tường tận vê mạn.... 24 Nguyên tác: Chánh ý giải thoát .Chánh sammā vừa có nghĩa là chính xác vừa có nghĩa là hoàn toàn, hết thảy. 25 Nguyên tác: Bỉ đoạn chư ái due, vĩnh ly hữu kiết, chánh ý giải thoát, cứu cánh khổ biên, ,:Tham chiếu: Tạp. B jio2. 0099.23. 0005b02: Đoạn ai dục, chuyển khứ chư kiết, chánh vô gián đẳng, cứu cánh khô biên .

136  KINH TẠPA-HÀM

Từ xưa tới nay và ngay trong hiện tại, Như Lai thường nói vê lôi lâm của mạn, sự tập hợp của mạn, sự phát sanh của mạn và sự hưng khởi của mạn. Nêu quán sát và thông đạt về mạn thì các khổ sẽ không sanh. Khi đức Phật nói pháp này, tu sĩ ngoại đạo Tiên-ni xa lìa trân câu, được pháp nhãn thanh tịnh. Bấy giờ, Tiên-ni thấy pháp, đắc pháp, đoạn trừ nghi hoặc, không nhờ người khác mà được tỏ ngộ, không do người khác để được độ thoát, ở trong giáo pháp được vô sở úy. Ông từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay bạch Phạt: -Bạch Thế Tôn, con có được phép ở trong giáo pháp của Thế Tôn mà xuất gia rồi tu tập Phạm hạnh không? Đức Phật bảo Tiên-ni: —Ông có thể ở trong giáo pháp của Như Lai xuất gia, thọ giới Cụ túc và được làm Tỳ-kheo. Sau khi Tiên-ni được phép xuất gia rồi, liền sống một mình ở nơi vắng vẻ, siêng năng tu tập rồi suy nghĩ như vầy: "Sở dĩ một người thiện nam phải cạo bỏ râu tóc, chánh tín xuất gia, sống không gia đình, làm

người học đạo, tu hành Phạm hạnh, nhằm để thấy pháp và tự biết, tự ngộ: 'Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa'", tức chứng đắc quả vị A-la-hán. Tiên-ni nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành. ***

106. TÔN GIẢA-NẬU-LA-ĐỘ26 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Lúc ấy, có Tỳ-kheo tên làA-nậu-la-độ27 đang ở trong núi Kỳ-xà quật. Bấy giờ, có số đông tu sĩ ngoại đạo đi đến chỗ của Tỳ-kheo A-nậu-la-độ. Sau khi chào hỏi nhau xong, các tu sĩ ngoại đạo đứng sang một bên và nói với Tôn giả A-nậu-la-độ: Chúng tôi có điều muốn hỏi, không biết Tôn giả có thời gian để giải đáp cho chăng? Tôn giả A-nậu-la-độ nói với các tu sĩ ngoại đạo: Tùy theo điều các ông muốn hỏi, nếu biết thì tôi sẽ trả lời. Các ngoại đạo hỏi: -Thế nào, thưa Tôn giả, sau khi chết, Như Lai có tồn tại chăng?

26 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.106. 0032c02). Tham chiếu: s. 22.86 - III. 116; S. 44.2 - IV 380. 27 A-nậu-la-độ (,Anurādha).



Tôn giả A-nậu-la-độ đáp: -Như Thế Tôn đã dạy thì điều này không thể khẳng định.28 Lại hỏi: - Sau khi chết, Như Lai không tồn tại chăng? A-nậu-la-độ đáp: Như Thể Tôn đã dạy thì điều này cũng không thể khẳng định. Lại hỏi: Sau khi chết, Như Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại, hay chẳng phải tồn tại chẳng phải không tồn tại?29 A-nậu-la-độ đáp: -Như Thế Tôn đã dạy thì điều này cũng không thể khẳng đinh. Các ngoại đạo lại hỏi: -Thưa Tôn giả! Vì sao chúng tôi hỏi: "Sau khi chết, Như Lai có tồn tại chang?^ thì Tôn giả bảo: "Điều này không thể khẳng djnh." Lại hỏi: "Sau khi chết, Như Lai không tồn tại chăng?" thi Tôn giả cũng đáp: "Điều này không thể ẳng định.,, Chúng tôi lại hỏi: "Sau khi chết, Như Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại, chẳng phải tồn tại chẳng phải không tồn tại chng?" thì Tôn giả cũng trả lời: "Điều này không thể khẳng djnh." Tôn giả! Như thế có phải là Sa-môn Cù-đàm không biết, không thấy chăng? Tôn giả A-nậu-la-độ đáp: Thế Tôn chẳng phải không biết, chẳng phải không thấy. Các tu sĩ ngoại đạo nghe Tôn giả A-nậu-la-độ trả lời như vậy thì trong lòng không vui, liền đứng dậy trách mắng rồi bỏ đi. Bấy giờ, Tôn giả A-nậu-la-độ biết các tu sĩ ngoại đạo đã đi khuất, liền đến chỗ Phật. Đen nơi, Tôn giả lạy sát chân Phật rồi đứng qua một bên, đem những điều mà các ngoại đạo đã hỏi trình lên đức Phật: —Bạch Thế Tôn! Họ hỏi như thế và con đã trả lời như thế thì có đúng với giáo pháp chăng?30 Không hủy báng Thế Tôn chứ? Có thuận với giáo pháp hay trái với giáo pháp chăng? Không bị người khác đến chất vấn khiến rơi vào chỗ bị chỉ trích chăng? Phật bảo A-nậu-la-độ: Nay Như Lai sẽ hỏi, thày hãy theo câu hỏi mà trả lời. Này A-nậu-la-độ! Sắc là thường hay vô thường?

28 Nguyên tác: Vô ký avyakata'. Không thể xác quyết được. 29 Bản Tống, Nguyên, Minh có thêm 8 chữ: Hữu vô da phi hữu phi vô da . 30 Nguyên tác: Thuận chư pháp thuyết .s. 22.86 - III. 126: Dhammassa cānudhammarn byākaronti trả lời đúng pháp, thuận pháp, HT. Thích Minh Châu dịch.

Tôn giả A-nậu-la-độ đáp:

Bạch Thế Tôn, là vô thường!

-Thọ? tưởng, hành, thức là thường hay vô thường?

Bạch Thế Tôn, là vô thường!

(Phần tiếp theo này như trong khe kỉnh Tỳ-kheo Diệm-ma-ca đã nói rố,3132 cho đen):

31 Bản Hán tỉnh lược, xem nội dung đầy đủ trong kinh số 104; Tạp.(02. 0099.104. 0030c 12). 32 Nguyên tác: Phi đẳng thuyết ().Đẳng ()tương đương Pali là sāmā được dùng như sammā, có nghía là chính xác, đúng đắn, hoàn toàn. 33 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.107. 0033a06). Tham chiếu: Tăng.(T02. 0125.13.4. 0573a01); S. 22.1 - III. 1. 34 Bà-kỳ quốc, Tniết-h

QUYỂN 5 139

Khi ấy, Thế Tôn bảo trưởng giả Na-câu-la: Lành thay, trưởng giả! Quả thật ông đã tuổi cao sức yếu, thân nhiều bệnh tật mà vân tự mình găng sức đên thăm Như Lai và các Tỳ-kheo thân quen đáng kính khác! Trưởng giả nên biết, ngay nơi cái thân bệnh khổ này, phải thường xuyên tu học để tâm không bệnh khổ.36 Bấy giờ, Thế Tôn vì trưởng giả Na-câu-la mà mở bày? dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ37 rồi an trú tĩnh lặng. Trưởng giả Na-câu-la nghe Phật dạy xong, hoan hỷ tùy hỷ, đảnh lễ Phật rồi lui ra. Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất đang ngồi bên cội cây cách chỗ Phật không xa. Trưởng giả Na-câu-la liền đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất9 cung kính đảnh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi trưởng giả: -Các căn của ông hôm nay trông an lành, sắc mặt tươi sáng, có phải ông đã được nghe pháp sâu xa ở nơi The Tôn chăng? Trưởng giả Na-câu-la thưa: Hôm nay, Thế Tôn đã vì con nói pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ5 khiến cho hoan hy, đem nước pháp cam lộ rưới vào thân tâm con. Thế nên hôm nay, các căn của con an lành, sắc mặt tươi sáng. Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi trưởng giả: Đức Thế Tôn đã nói những pháp gì để mở bày, dạy bảo, khích lệ? khiến r y cho ông được hoan hỷ, được thâm nhuân nước pháp cam lộ? Trưởng giả Na-câu-la thưa: -Con đến chỗ Thế Tôn, bạch với Thế Tôn rằng: "Nay con già nua, ốm yếu bệnh tật? nhưng vẫn gắng sức đến đây để được hầu thăm Thế Tôn và các Tỳ- kheo thân quen đáng kính trước dây." Đức Phật bảo con: "Lành thay, trưởng giả! Ông quả thật đã già yếu, đau ốm bệnh tật mà vẫn gắng sức đến đây để thăm Như Lai và các Tỳ-kheo đáng kính trước đây! Ngay nơi cái thân bệnh kho này, ông hãy thường xuyên tu học để tâm không bệnh kh6.” Thế Tôn vì con nói pháp như thê, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiên con được hoan hỷ, được thâm nhuần nước pháp cam lộ. Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi trưởng giả: Thế sao ông không hỏi lại Thế Tôn rằng: Thế nào gọi là thân bệnh khổ và tâm cũng bệnh khổ? Thế nào gọi là thân bệnh khổ nhưng tâm không bệnh khổ? Trưởng giả đáp:

36 Nguyên tác: Bất khổ hoạn thân .Theo diễn tiến phần sau của kinh, chữ "thân"này có lẽ là "lâm"thi hợp lý hơn. Bản cùa Trang Xuân Giang cũng đông quan diêm này. Tham chiêu: S. 22. ì - III. 1: Āturakāyassa me sato cittarn anāturam bhavissatīti Dâu cho thân tôi có bệnh, tâm sẽ không bị bệnh, HT. Thích Minh Châu dịch. 37 Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ .Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tr. 105; Tạp.7.02. 0099?92. 0023c18.

Chính vì lẽ này nên con tìm đến Tôn giả, kính xin Tôn giả hãy vì con tóm lược pháp trọng yếu. Tôn giả Xá-lợi-phất bảo trưởng giả: Lành thay, trưởng giả! Hãy lắng nghe, ta sẽ vì ông giảng nói. Phàm phu mê muội thiếu hiểu biết thì không biết như thật về sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sắc, sự tai hại của sắc, vi ngọt của sắc và sự xuất ly sắc. Vì không biết như thật nên yêu thích sắc, cho rằng sắc là ngã, là ngã sở và có sự chấp thủ; khi sắc kia hư hoại, đổi khác thì tâm thức theo đó biến chuyển, phát sanh khổ não. Khổ não đã sanh thì có lo sợ, chướng ngại, luyến tiếc, buồn khổ, quyến luyến. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đó gọi là thân và tâm bệnh kho. Thế nào gọi là thân bệnh khổ nhưng tâm không bệnh khổ? Vị Thánh đệ tử đa văn biết như thật về sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sắc, sự tai hại của sắc, vị ngọt của sắc và sự xuất ly sắc. Biết như thật roi thì không sanh khởi yêu thích, không thấy sắc là ngã, là ngã sở. Nếu sắc kia hư hoại, đổi khác thì tâm không theo đó chuyển sanh khổ não; tâm đã không theo đó chuyển sanh khổ não thì đạt được sự không sợ hãi, không chướng ngại, không luyến tiếc, không quyến luyến. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đó gọi là thân bệnh khổ nhưng tâm không bệnh khổ. Lúc Tôn giả Xá-lợi-phất nói pháp này? trưởng giả Na-câu-la được pháp nhãn thanh tinh. Bấy giờ, trưởng giả Na-câu-la thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, thể nhập giáo pháp, vượt thoát hoài nghi, không nương ai khác; ngay trong Chánh pháp, tâm được vô úy rồi từ chỗ ngồi đứng dậy5 sửa lại y phục, cung kính chắp tay thưa với Tôn giả Xá-lợi-phất: -Con đã vượt qua, đã được độ thoát. Nay con xin quy y Phật, Pháp, Tăng, nguyện làm một ưu-bà-tắc. Xin Tôn giả chứng tri cho con, con nguyện suốt đời quy y Tam bảo! Trưởng giả Na-câu-la sau khi nghe lời dạy của Tôn giả Xá-lợi-phất đã hoan hỷ và tùy hỷ? đảnh lễ rồi lui ra. ***

108. ĐIỀU PHỤC DỤC THAM38 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại làng Thiên Hiện của dòng họ Thích.39 Khi đó, so đông Tỳ-kheo người vùng Tây Ấn40 muốn trở về Tây Ấn an cư nên đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ sát chân Phật rồi ngồi sang một bên.

38 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r.O2. 0099.108. 0033Ồ28. Tham chiếu: Tăng.T02. 0125.41.4. Ỏ745Ồ26; s. 222- III. 5. 39 Nguyên t^:: Thiên Hiện Devadaha, cũng được dịch là Thiên Tý ,một thị trấn của nước Câu-lợi Koliya, quê hương của Hoàng hậu Māyā và Bà Pajāpati Gotamĩ. 40 Nguyên tác: Tây phương ,chỉ cho các khu vực thuộc phía Tây Ấn Độ.



Bấy giờ, Thế Tôn vì họ thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ.41 Sau khi đã được mở bày, dạy bảo, khích lệ9 khiến cho hoan hỷ rồi5 các Tỳ-kheo người vùng Tây Ấn từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo chúng con ở vùng Tây Ấn, nay muốn trở về Tây Ân an cư nên nay kính xin từ giã. Đức Phật bảo: -Các thầy đã từ giã Xá-lợi-phất chưa? Các Tỳ-kheo đáp: -Thưa chưa, bạch Thế Tôn! Đức Phật bảo: -Xá-lợi-phất chuyên tu Phạm hạnh, các thầy hãy đến từ giã! Tôn giả ấy có thể giúp các thầy thường được lợi ích, an lạc. Các Tỳ-kheo vùng Tây Án từ tạ đức Phật rồi lui ra. Lúc ấy, Tôn giả Xá- lợi-phất đang ngồi bên cội cây Kiên cố42 cách chỗ Phật

không xa, các Tỵ-kheo vùng Tây Ấn liền đến chỗ Tôn giả Xá-lọd-phất, cúi đầu đảnh lễ sát chân rồi ngồi sang một bên và thưa: -Chúng con muốn trở về vùng Tây Ấn an cu, nay đến đây xin từ giã Tôn giả! Xá-lợi-phất hỏi:  Các thầy từ giã Thế Tôn chưa? Các Tỳ-kheo đáp: -Đã từ giã rồi, thưa Tôn giả! Xá-lợi-phất nói: -Các thầy trở về vùng Tây An, mỗi quốc độ khác nhau, các chúng hội khác nhau thì nhất đinh sẽ có người đến thưa hỏi với các thầy. Các thầy ở chỗ Thế Tôn, được nghe thuyết pháp thù thắng rồi, hãy khéo lãnh thọ, khéo giữ gìn, khéo quán sát, khéo thể nhập. Các thầy đã đủ khả năng tuyên thuyết cho người khác một cách trọn vẹn mà không hủy báng Thế Tôn chăng? Không bị người khác nghi ngờ rồi chất vấn khiến rơi vào bế tắc chăng? Các Tỳ-kheo thưa:  Chúng con vì muốn nghe pháp nên đến chỗ Tôn giả, cúi xin Tôn giả thương xót mà thuyết pháp đầy đủ cho chúng con!

41 Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ ,.Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tr. 105; Tạp.02. 0099.92. 0023c 18. 42 Kiên Cố thọ tức cây Sa-la. 43 Nguyên tác: Diêm-phù-đề nhân ,& đây chỉ cho người Ấn Độ.



“Bại sư của các ông thuyết pháp như thế nào? Dạy các ông những pháp gi?" Khi ấy, các thầy nên đáp: "Đại sư chỉ nói về điều phục dục tham và chỉ dạy pháp ấy cho chúng tôi.99 Nếu họ lại hỏi tiếp: "d trong pháp nào mà điều phục dục tham?" Các thây nên đáp: "Đại sư chỉ dạy phải điêu phục dục tham đôi với sác uân kia, phải điều phục dục tham đối với thọ? tưởng, hành, thức uẩn kia. Đại sư của chúng tôi đã thuyết pháp như vậy.,, Nêu họ lại hỏi tiêp: "Dục tham có tai hại gì mà Đại sư dạy phải điêu phục dục tham đối với sắc uẩn? Phải điều phục dục tham đối với thọ5 tưởng, hành, thức uan?55 Các thầy nên đáp: "Nếu không đoạn trừ dục, không đoạn trừ tham, không đoạn trừ sự yêu thích, không đoạn trừ sự nhớ nhung, không đoạn trừ thèm khát đối với sắc thì khi sắc kia biến hoại, đổi khác thì nhất định sẽ sanh khởi buồn, 9 __ r 9 w x < í lo, khô, não. Đôi với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Vì thây dục tham có tai hại như thế nên phải điều phục dục tham đối với sắc; phải điều phục dục tham đối với thọ, tưởng, hành, thức." Họ sẽ hỏi tiếp: "Do thấy đoạn trừ dục tham có lợi ích gì mà Đại sư dạy phải điều phục dục tham đối với sắc; phải điều phục dục tham đối với thọ, tưởng, hành, thức?” Các thầy nên đáp: "Nếu như đoạn trừ dục, đoạn trừ tham, đoạn trừ sự nhớ nhung, đoạn trừ sự yêu thích, đoạn trừ sự thèm khát đối với sắc thì khi sắc kia biến hoại, đổi khác, chắc chắn sẽ không sanh khởi buồn, lo, khổ, não. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vay.” Chư Hiền! Nếu như do lãnh thọ các pháp bất thiện mà ngay hiện đời được an vui, không khổ5 không chướng ngại, không phiền não, không bức bách, sau khi qua đời được sanh vào cõi lành thì Thế Tôn đã không dạy: 'Thải đoạn trừ các pháp bất thiên" và cũng chẳng dạy mọi người: "Hãy ở trong Phật pháp tu hành Phạm hạnh, vượt thoát khổ dàu." Bởi vì do nhân duyên lãnh thọ các pháp bất thiện thì ngay hiện đời phải chịu đau khổ, chướng ngại, bức bách, khi qua đời đọa vào đường ác, cho nên Thế Tôn chỉ dạy: 'Thải đoạn trừ các pháp bất thiện, ở trong Phật pháp tu hành Phạm hạnh, đoạn sạch các khổ5 vượt thoát khổ dàu." Nêu do lãnh thọ các pháp thiện mà ngay hiện đời chịu khô não, chướng ngại, bức bách, lâm chung

đọa vào đường ác thì Thế Tôn đã không chỉ dạy: "Hãy thọ trì pháp thiện, ở trong Phật pháp tu hành Phạm hạnh, đoạn sạch các khổ, vượt thoát khổ dàu." Bởi vì do nhân duyên thọ trì pháp thiện mà ngay hiện đời được an vui, không khổ, không chướng ngại, không nhiệt não, sau khi qua đời được sanh về cõi lành. Do đó, Thế Tôn khen ngợi, chỉ dạy mọi người: "Hãy lãnh thọ pháp thiện, ở trong Phật pháp tu hành Phạm hạnh, đoạn sạch các khổ, vượt thoát khổ dàu."

QUYỂN 5143

LÚC Tôn giả Xá-lợi-phất thuyết pháp này, các Tỳ-kheo ở vùng Tây Ấn không khởi lậu hoặc, tâm được giải thoát. Sau khi Tôn giả Xá-lợi-phất thuyết pháp này xong, các Tỳ-kheo vùng Tây Ấn đều hoan hỷ và tùy hỷ5 đảnh lễ rồi lui ra. ***

109. THẤY ĐƯỢC THÁNH ĐẾ44 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo:  Ví như có một hồ nước vuông vức năm mươi do-tuần5 chiều sâu cũng như thê, nước trong hô tràn đây. Có người dùng một sợi lông, hoặc cọng cỏ, hay móng tay đê lây một chút nước. Này các Tỳ-kheo! Y các thây nghĩ sao? Nước được người kia trích lấy nhiều hay nước trong hồ nhiều? Các Tỳ-kheo bạch Phật:  Nước được người kia dùng sợi lông, hoặc cọng cỏ, hoặc móng tay để trích lấy rất ít, không đáng kể gì; còn nước trong hồ nhiều gấp trăm, ngàn, vạn lần, không thể so sánh được. - Cũng vậy, này các Tỳ-kheo! Các khổ được đoạn trừ nhờ thấy rõ Thánh đế45 cũng như nước ở trong hồ kia, ở đời vị lai vĩnh viễn không còn tái sanh. Bấy giờ, sau khi nói pháp này xong thì Thế Tôn vào thất tọa thiền. Lúc ấy, Ton giả Xá-lợi-phất đang ngồi trong chúng, khi thấy Thế Tôn đã vào thất rồi liền nói với các Tỳ-kheo:  Hôm nay, Thế Tôn khéo nói ví dụ về hồ nước, quả thật chưa từng được nghe! Vì sao như thế? Vì vị Thánh đệ tử nếu thấy Thánh đế một cách trọn vẹn sẽ chứng ngộ quả Thánh.4647 Trong nhận thức tà vạy của hàng phàm phu thì thân kiến là căn bản/7 sự tập khởi của thân kiến, sự hình thành của thân kiến và sự sanh khởi của thân kiến. Nghĩa là che đậy sự thật buồn lo, gìn giữ, quý trọng, vui mừng và cho đó là ngã, là chúng sanh, là điều đặc biệt để rồi khởi lên kiêu mạn. Những nhận thức tà vạy như thế đều bị trừ diệt hoàn toàn, được đoạn tận gốc rễ, như cây đa-la bị chặt đứt ngọn thì ở đời vị lai sẽ không còn tái sanh.

44 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r.02. 0099.109. 0034a24. Tham chiếu: Tạp.r02. 0099.891. 0224011; S. 13.2 - II. 133. 45 Nguyên tác: Kiến . 46 Nguyên tác: Đắc vô gián đẳng quả chỉ cho việc tỏ ngộ hoàn toàn bốn Thánh đế rồi ngay đo chứng đắc quả vị Dự lưu. 47 Thân kiến ,sakkayadiuhi: Chấp thân là thật ngã.



Này các Tỳ-kheo! Những gì là nhận thức tà vạy nêu trên bị đoạn trừ khi vị Thánh đệ tử thấy được Thánh đế thì ở đời vị lai vĩnh viễn không còn sanh khởi nữa? Phàm phu mê muội thiếu hiểu biết nên thấy sắc là ngã, là khác ngã, ngã ở trong sắc hay sắc ở trong ngã; thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, là khác ngã, ngã ở trong thọ5 tưởng, hành, thức hay thọ, tưởng, hành, thức ở trong ngã. Thế nào gọi là thấy "'sắc tức là ngã99? Do thành

tựu thiền đinh biến xứ về đất,48 sau khi quán sát liền suy nghĩ như vầy: "Đất tức là ngã, ngã tức là đất, ngã và đất chỉ một không hai, không sai khác, không phân biêt." Cũng như vậy, đôi với định biên xứ vê nước, lửa, gió, xanh, vàng, đỏ5 trăng, sau khi quán sát liền suy nghĩ như vầy: "Trắng49*51 tức là ngã, ngã tức là trắng, chỉ một không hai, không sai khác, không phân biêt." Như vậy đối với các biến xứ5 mỗi mỗi đều chấp là ngã; đó gọi là "sắc tức là ngỗL" Thế nào gọi là thấy "sắc khác ngãT? Nếu người kia thấy thọ là ngã, thấy thọ là ngã rồi thì thấy sắc là ngã sở. Hoặc thấy tưởng, hành, thức là ngã thì thấy sắc là ngã sở; đó gọi là "sắc khác ngã."5 Thế nào gọi là thấy "sắc ở trong ngỗT? Nghĩa là thấy thọ tức là ngã thì sắc r r e

ở trong ngã; lại thây tưởng, hành, thức tức là ngã thì sác ở trong ngã; đó gọi là "sắc ở trong ngã.,5ỉ Thế nào gọi là thấy "ngã ở trong sắc"? Nghĩa là thấy thọ tức là ngã, trụ ở trong săc, nhập vào trong săc, biên kháp toàn thân; hoặc thây tưởng, hành, thức là ngã, trụ ở trong săc5 biên kháp thân thê; đó gọi là "ngã ở trong sC." Thế nào gọi là thấy "thọ tức là ng*'? Là sáu thọ thân, gồm mắt tiếp xúc sanh ra thọ; tai, mũi, lưỡi, thân, ý tiếp xúc sanh ra thọ; sáu thọ thân này mỗi mỗi thấy là ngã;5253 *đó gọi là "thọ tức là ngâư' Thế nào gọi là thấy "thọ khác ngã,9? Nghĩa là thấy sắc là ngã thì thọ là ngã sở; thấy tưởng, hành, thức là ngã thì thọ là ngã sở; đó gọi là "thọ khác ngâL" Thế nào gọi là thấy "thọ ở trong ngã59? Nếu sắc là ngã thì thọ ở trong ngã; nếu tưởng, hành, thức là ngã thì thọ ở trong ngã; đó gọi là "thọ ở trong ngỗL”53

48 Nguyên tác: Địa nhất thiết nhập xứ chánh thọ ():Biến xứ định về đất, tức lấy đất làm đối tượng để tụ tập thiền chỉ. Theo Thanh tịnh đạo luận (N.07. 0035.03. Ol89aO3) 10 biến xứ định (tức l o đê mục thiên) gồm đất, nước, lửa, gió, xanh, vàng, đỏ, trắng, hư không và ánh sáng. uyên tác: Hành (ÍT). Căn cứ vào bản Nguyên và nghĩa của kinh nễnTạp A-hàm kinh luận hội biên (k3o. 0030.177. 0198al3jsíra lại lbạch”(). 50 Bổ sung  dựa theo Tạp A-hàm kỉnh luận hội biên (K30. 0030.177. 0198al5). 51 Bổ sung  dựa theo Tạp A-hàm kinh luân hội biên (K30. 0030.177. 0199a01). 52 Bản Nguyên có thêm 3 Tạp A-hàm kinh luân hội biên  030. 0030.177. o 199a04) căn cứ vào bản Tông biên tập cat bỏ 3 chữ này. 53 Tạp A-ham kinh luận hội biên (K30. 0030.177. 0199a06) căn cứ bản Tống để bổ sung í É

QUYỂN 5  145

Thế nào gọi là thấy "ngã ở trong thQ” sắc là ngã, trụ ở trong thọ, biến khắp toàn thân; tưởng, hành, thức là ngã, trụ ở trong thọ, biến khắp toàn thân; đó gọi là "ngã ở trong thọ.^, Thế nào gọi là thấy "tưởng tức là ngã,9? Nghĩa là sáu tưởng thân, gồm mắt tiếp xúc sanh ra tưởng; tai, mũi, lưỡi, thân, ý tiếp xúc sanh ra tưởng. Sáu tưởng thân này mỗi mỗi đều thấy là ngã; đó gọi là "tưởng tức là ngâL" Thế nào gọi là thấy "tưởng khác ng*'? Nghĩa là thấy sắc là ngã thì tưởng là ngã sở; thấy thọ, hành, thức là ngã5455 thì tưởng là ngã sở; đó gọi là "tưởng khác ngãL” Thế nào gọi là thấy "tưởng ở trong ng'' sắc là ngã thì tưởng trụ ở trong đó; thọ, hành, thức là ngã thì tưởng trụ ở trong đó; đó gọi là "tưởng ở trong ngãL"55 Thế nào gọi là thấy "ngã ở trong tư&ng"? sắc là ngã, trụ ở trong tưởng, biến khắp toàn thân; thọ, hành, thức là ngã, trụ ở trong tưởng, biến khắp

toàn thân;56 đó gọi là "ngãi ở trong tưởng." Thế nào gọi là thấy "hành tức là ngã59? Sáu tư thân, gồm mắt tiếp xúc sanh ra tư; tai, mũi, lưỡi, thân, ý tiếp xúc sanh ra tư. Sáu tư thân này mỗi mỗi đều thấy là ngã; đó gọi là "hành tức là ngâL" Thế nào gọi là thấy "hành khác ngã" sắc là ngã thì hành là ngã sở; thọ, tưởng, thức là ngã thì hành là ngã sở; đó gọi là "hành khác ngâư' Thế nào gọi là thấy "hành ở trong ng*'? Nếu sắc là ngã thì hành trụ trong đó; thọ, tưởng, thức là ngã57*thì hành trụ trong đó; gọi là "hành ở trong ngỗư' Thế nào gọi là thấy "ngã ở trong hành" sắc là ngã, trụ ở trong hành, biến kháp toàn thân; thọ, tưởng, thức là ngã, trụ ở trong hành, biên kháp toàn thân; đó gọi là "ngã ở trong hành." Thế nào gọi là thấy "thức tức là ngãT? Sáu thức thân, gồm mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý thức; sáu thức thân này mỗi mỗi đều thấy là ngã; đó gọi là "thức tức là ngã?9 Thế nào gọi là thấy "thức khác ngỗT? Nếu thấy sắc là ngã thì thức là ngã sở; thấy thọ, tưởng, hành là ngã thì thức là ngã sở; đó gọi là "thức khác ngỗL" Thế nào gọi là thấy "thức ở trong ngỗT? sắc là ngã, thức trụ ở trong ngã; thọ, tưởng, hành là ngã, thức trụ trong ngã; đó gọi là "thức ở trong ngâL"

54 Bản Nguyên thiếu 4íthọ hnh'() Tạp A-hàm kinh luận hội biên (K30. 0030.177. 0Ĩ99a08) căn cư bản Tống để bo sóng. 55 Bản Nguyên thiếu “thi vị ngã trung tưởng,^ ()Tạp A-hàm kinh luận hội biên (K30. 0030.177. o 199a 10) căn cứ bản Tống để bổ sung. 56 Bản Nguyên thiếu 14 chữ 44thọ hành thức thị ngã ư tưởng trung trụ châu biến kỳ tứ thể"( ),Tm kinh i bi@nlí(K30. 0030.177. 0199al0) căn cứ bản Tống để bổ sung. 57 Bản Nguyên dư chữ "111"()Tạp Ạ-hàm kinh luận hội biên (K30. 0030.177. 0199al3) căn cứ vào bản Tống biên tập căt bỏ.



Thế nào gọi là thấy "ngã ở trong thức"? sắc là ngã, trụ ở trong thức, biến khắp toàn thân; thọ, tưởng, hành là ngã, trụ ở trong thức, biến khắp toàn thân; đó gọi là "ngã ở trong thức.^^ Như vậy, vị Thánh đệ tử thấy được bốn sự thật, chứng đắc quả Thánh, đoạn trừ tất cả nhận thức tà vạy, ở đời vị lai vĩnh viễn không thể sanh khởi trở lại. Những gì thuộc về sắc, hoặc ở quá khứ, hoặc ở tương lai, hoặc ngay hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần hợp thành một khối thì nên quán sát như vầy: "Tất cả đều vô thường, tất cả đều khổ, tất cả đều không, tất cả đều chẳng có ngã; không nên ưa thích, chấp thủ, giữ gìn. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy; không nên ưa thích, chấp thủ, giữ gìn.,, Quán sát như vậy5 khéo buộc tâm an trụ, không mê lầm đối với pháp. Lại tinh tấn quán sát, xa lìa biếng nhác, tâm được hỷ lạc, thân tâm khinh an, tịch tĩnh, an trú với xả; đầy đủ đạo phẩm, tu hành viên mãn, vĩnh viễn xa lìa các điều ác, tất cả đều tiêu tán, tất cả đều vắng lặng, vắng lặng rồi thì không khởi nữa, đã giảm rồi thì không tăng nữa, đoạn trừ rồi thì không chấp thủ,58 không đắm trước, tự mình chứng ngộ Niết-bàn: "Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Khi Tôn giả Xá-lợi-phất thuyết pháp này, sáu mươi Tỳ-kheo không khởi lậu hoặc, tâm được giải thoát. Đức Phật thuyết kinh này rồi, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành. ***

110. NI-KIỀN TỬTÁT-GIÁ58 59 y

Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ở bên ao Di Hầu, tại nước Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, trong nước Tỳ-xá-ly có vị Ni-kiền tử60 thông tuệ, minh triết, khéo thông hiểu các luận thuyết nên sanh kiêu mạn vì sự thông minh ấy. Vị này nghiên tầm rộng khắp các luận thuyết, với trí sáng suốt, thâm nhập lẽ huyền vi roi giảng nói cho người hơn hẳn các luận sư khác nên thường nghĩ rằng: "Các Sa-môn, Bà-la-môn không ai địch nổi ta, ngay cả đối với Như Lai nhưng ta cũng có thể cùng với Ngài tranh luận. Các luận sư nghe danh ta thảy đều toát mồ hôi trán, đổ mồ hôi nách, các lỗ chân lông cũng đều đổ mồ hôi. Ta luận nghi như gió, khiến cỏ rạp, cây gãy, đá nát, vàng tan. Hàng long tượng còn bị khuất phục thì huống gì những luận sư ở thế gian làm sao có thể bằng ta."

58 Bản Nguyên dư chữ "bt sanh"()Tạp A-hàm kỉnh luân hội biên (K30. 0030.177. 0200a09) căn cứ vào bản Tống biên tập cắt bỏ. 59 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.110. 0035al7). Tham chiếu: Tăng.(T02. 0125.37.10. 0715a28); M. 35, Cũlasaccaka Sutta (Tiêu kỉnh Saccakà). 60 Ni-kiền tử (Niganthaputta), một phái ngoại đạo thời đức Phật, thường được gọi là Kỳ-na giáo hoặc Lõa hình ngoại đạo.

QUYỂN 5  147

LÚC ấy, có Tỳ-kheo A-thấp-bà-thệ61 vào lúc sáng sớm đắp y, ôm bát, oai nghi tề chỉnh, ánh mắt đoan nghiêm, từng bước khoan thai, vào thành khất thực. Bây giờ, Ni-kiên tử Tát-giá ây có vài việc phải vào làng xóm. Từ công thành bước ra và trông thấy Tỳ-kheo A-thấp-bà-thệ từ xa, ông liền tiến đến gần và hỏi:  Sa-môn Cù-đàm nói pháp cho các đệ tử như thế nào? Dùng những pháp gì để dạy đệ tử tu tập? A-thấp-bà-thệ nói: -Này cư sĩ Hỏa Chủng!62 Thế Tôn nói pháp như vầy để dạy các đệ tử, khiến họ theo đó tu học. Ngài dạy rằng: "Này các Tỳ-kheo! Đối với sắc phải nên quán vô ngã; đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng nên quán vô ngã. Đối với năm thủ uẩn này, phải gắng tinh tấn quán sát như mầm bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như sát hại, là vô thường, là khổ, là không, là vô ngâu' Ni-kiền tử Tát-giá nghe nói như vậy thì không hài lòng, liền nói rằng: -A-thấp-bà-thệ! Nhất định ông đã nghe lầm, Sa-môn Cù-đàm không hề nói như thế. Nấu Sa-môn Cù-đàm nói như thế thì đó là tà kiến. Tôi sẽ đến chỗ Cù- đàm chát vân đê ngăn chặn tà kiên này. Thế rồi, Ni-kiền tử Tát-giá đi vào làng, đến chỗ nhóm người Ly-xa63 đang tụ họp và nói với họ: -Hôm nay, tôi mới gặp đệ tử đầu tiên của Sa-môn Cù-đàm tên là A-thấp- bà-thệ và có luận nghị sơ qua cùng ông ấy. Nếu đúng như lời ông ấy nói thì tôi sẽ đến chỗ Sa-môn Cù-đàm để cùng luận nghị, xoay chuyển tới lui, ắt theo ý tôi. Giống như người nhổ cỏ, tay cầm bụi cỏ rồi giũ mạnh giữa không trung, loại bỏ bụi đất. Tôi cũng như thế, khi luận nghị chất vấn với Sa-môn Cù-đàm, sẽ năm lây chô trọng yêu, xoay chuyên tới lui, đúng theo ý muôn đê loại bỏ tà thuyết của ông ấy. Lại như người nấu rượu cầm túi rượu, lọc lấy nước rượu trong, loại bỏ chất cặn bã. Tôi cũng như thế, đến chỗ Sa-môn Cù-đàm luận nghị chất vấn, xoay chuyển tới lui, nắm lấy chỗ thuần chân, loại bỏ các tà thuyết. Lại như thợ dệt chiếu, do chiếu có nhiều vết bẩn nên trước khi đem ra chợ bán thì phải lấy nước giặt tẩy, loại bỏ chất bẩn. Tôi cũng như vậy9 đến chỗ Sa- môn Cù-đàm luận nghị, xoay chuyển tới lui, nắm lấy chỗ trọng yếu, loại bỏ các tà thuyết. Lại như người huân luyện voi của nhà vua, dăt con voi hung hãn

xuống chỗ nước sâu, tắm rửa thân thể, bốn chân, tai, mũi, tắm gội toàn thân cho nó đe tẩy bỏ cáu bẩn. Tôi cũng như thế, đến chỗ Sa-môn Cù-đàm luận nghị chất vấn,

61 A-thấp-bà-thệ ,Assaji, Hán dịch Mã Thắng, một trong 5 Tỳ-kheo đầu tiên được Phật hóa độ. 62 Hỏa Chủng Aggivessana là tên riêng của một dòng họ Bà-la-môn, vì tôn ượng Ni-kiền tử Tát-giá nên Tỳ-kheo A-thấp-bà-thệ chỉ dùng tên dòng họ mà không gọi băng tên riêng theo DPPN. 63 Ly-xa ,Licchavī.



xoay chuyển tới lui, tùy ý tự tại, nắm lấy chỗ trọng yếu, loại bỏ tà thuyết uế tạp. Ly-xa các ông cũng nên cùng tôi đến đó để xem thắng bại. Có người Ly-xa nói: Ni-kiền tử Tát-giá mà có thể bàn luận nghĩa lý với Sa-môn Cù-đàm ư? Điều đó là không the! Lại có người nói: -Ni-kiền từ Tát-giá thông tuệ lợi căn, có thể cùng Sa-môn Cù-đàm bàn luận nghĩa lý. Thế rồi, năm trăm người Ly-xa cùng theo Ni-kiền tử Tát-giá đến chỗ Phật để bàn luận. Bấy giờ, Thế Tôn đang ngồi nghỉ trưa6465bên một cội cây ở trong rừng lớn. Khi ấy, có nhiều Tỳ-kheo ra khỏi phòng, đang kinh hành trong rừng và từ xa trông thấy Ni-kiền tử Tát-giá đang đi tới. Ông ta đến thẳng chỗ các Tỳ-kheo và hỏi: Sa-môn Cù-đàm đang ở đâu? Các Tỳ-kheo đáp: -Thế Tôn đang ngồi nghỉ trưa bên một cội cây ở trong rừng lớn. Ni-kiền tử Tát-giá liền đến chỗ Phật, cung kính chào hỏi rồi ngồi qua một bên. Các trưởng giả Ly-xa cũng đi đến chỗ Phật, có người cung kính, có người chắp tay chào hỏi roi đứng sang một bên. Bấy giờ, Ni-kiền tử Tát-giá thưa Phật: -Tôi nghe Cù-đàm thuyết pháp như vày và truyền dạy cho các đệ tử như vầy: "Đối với sắc nên quán sát vô ngã; với thọ, tưởng, hành, thức cũng nên quán sát vô ngã. Đôi với năm thủ uân này, phải siêng năng tinh tân quán sát như mâm bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như sát hại, là vô thường, là kho, là không, là vô ngã?9 Là Cù-đàm có dạy như vậy hay người đời vẽ vời ra đe hủy báng Cù- đàm? Có đúng là lời dạy của Ngài chăng? Hay không đúng lời của Ngài dạy? Nói đúng với giáo pháp và thứ lớp của giáo pháp chăng? Không có ai khác đến chất vấn khiến rơi vào chỗ bế tắc chăng? Đức Phật nói với Ni-kiền tử Tát-giá: -Đúng như ông đã nghe, vị ấy nói như lời Ta dạy, nói đúng theo pháp và thứ lớp của giáo pháp, chẳng phải là hủy báng, cũng không có ai chất vấn khiến rơi vào chỗ bế tắc cả. Vì sao như thế? Vì Ta quả thật có thuyết pháp như vậy cho chúng đệ tử. Thật sự, Ta thường dạy chúng đệ tử phải tuần tự thực hành theo pháp,65 dạy họ phải quán sát sắc vô ngã, quán thọ, tưởng, hành, thức cũng

64 Nguyên tác: Trú ư thiên trụ ().M. 35, Cūlasaccaka Sutta (Tiểu kình SaccakaỴ Divavihāram (nghỉ trưa). 65 Nguyên tác: Tùy thuận pháp (dhammãnudhammappatipannà). Xem chú thích 68, kinh số 27, quyên l, tr. 24; Tạp.(f.02. 0099.27. 0005c20).



vô ngã, quán năm thủ uân này như mâm bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như sát hại, là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã. Ni-kiền tử Tát-giá bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Bây giờ, tôi sẽ đưa ra một ví dụ. Đức Phật bảo: - Nên biết đúng lúc! Ví như tất cả mọi tạo tác ở thế gian đều nương nơi đất; cũng vậy, sắc là tự ngã của con người,66

mọi việc thiện ác đều từ đây mà sanh; thọ, tưởng, hành, thức là tự ngã của con người, mọi việc thiện ác cũng đều từ đây mà sanh. Lại nữa, ví như cõi người, cõi thần, cỏ thuốc, cây cối đều nương vào đất mà được sanh trưởng; cũng vậy, sắc là tự ngã của người; thọ, tưởng, hành, thức là tự ngã của con người. Phật nói với cư sĩ Hỏa Chủng: Ong cho răng sác là tự ngã của con người; thọ, tưởng, hành, thức là tự ngã của con người phải không? Đáp: -Đúng vậy, thưa Cù-đàm! sắc là tự ngã của con người; thọ, tưởng, hành, thức là tự ngã của con người. Mọi người ở đây đều nói như thế. Phật bảo: -Ông hãy lập luận theo luận thuyết của minh, đâu cần viện dẫn người khác làm gì? Ni-kiền tử Tát-giá bạch Phật: Sắc thật sự là tự ngã của con người. Đức Phật bảo cư sĩ Hỏa Chủng: Nay Ta hỏi ông, hãy tùy ý mà trả lời! Ví như vua của một nước, nêu trong nước có kẻ phạm tội thì vua ban lệnh tử hinh, bắt nhốt, đuổi đi, đánh bằng roi, chặt đứt tay chân; còn đối với người có công thì vua ban thưởng voi, ngựa, xe cộ, thành, ấp, tiền bạc, của cải. Tất cả mọi việc như trên nhà vua đều có the thực hiện được hết phải không? Ni-kiền tử Tát-giá đáp: Thưa Cù-đàm5 có thể được! Đức Phật bảo: Phàm là chủ thì hoàn toàn được tự tại tùy ý phải không? Đáp: Thưa Cù-đàm? đúng vậy!

66 Nguyên tác: sắc thị ngã nhân ().M. 35, Cūlasaccaka Sutta (Tiểu kinh Saccaka): Rūpattāyam purisapuggalo (Sắc chát là tự ngã của con người).



Phật hỏi Ông đã nói sắc là ngã; thọ, tưởng, hành, thức là ngã; vậy có thể tùy ý tự tại khiến nó như vầy hay không như vay được chăng? Lúc đó, Ni-kiền tử Tát-giá liền đứng im lặng, Đức Phật liền bảo: Hãy nói mau! Nói mau! Sao lại im lặng vậy? Thế Tôn hỏi đến lần thứ ba nhưng Ni-kiền tử Tát-giá vẫn cứ im lặng. Ngay lúc ấy, có vị thần lực sĩ Kim Cang cầm chày kim cang bốc lửa hừng hực, đang ở giữa hư không phía trên đầu Ni-kiền tử Tát-giá, bảo rằng: Thế Tôn đã hỏi đến lần thứ ba mà ông không trả lời thì ta sẽ dùng chày kim cang đập nát đầu ông thành bảy mảnh. Do thần lực của Phật nên chỉ có Ni-kiền tử Tát-ẹiá nhìn thấy thần Kim Cang, còn những người khác không thấy. Khi ấy, Ni-kiền tử Tát-giá vô cùng sợ hãi, bạch Phật: -Thưa Thế Tôn? không phải như vậy! Đức Phật bảo Tát-giá: Ong từ từ suy nghĩ roi sau đó hãy trả lời. Trước đây, khi ở trước mọi người, ông nói sắc là ngã; thọ5 tưởng, hành, thức là ngã. Bây giờ, ông lại nói không phải. Như vậy trước sau trái nhau! Trước đây, ông thường nói "sắc là ngã; thọ, tưởng, hành, thức là ngỗT, này cư sĩ Hỏa Chủng, bây giờ Ta hỏi ông: “Sắc là thường hay vô thuơng?” Đáp: -Là vô thường, thưa Cù-đàm! Phật lại hỏi: - Những gì vô thường là khổ chăng? Đáp: - Thưa Cù-đàm, là khổ! Phật lại hỏi: Nếu những gì vô thường, là khổ, là pháp đổi thay thì vi Thánh đệ tử đa văn có nên ở trong đó thấy có ngã, khác ngã hay tồn tại trong nhau chăng? Đáp: Không nên, thưa Cù-đàm! Đức Phật dạy: -Thọ? tưởng, hành, thức cũng lại như thế. Này Hỏa Chủng! Ông phải suy nghĩ thật kỹ rồi sau đó hãy trả lời. Rồi Phật lại hỏi cư sĩ Hỏa Chủng: Nêu đôi với sác chưa lìa tham, chưa lìa dục, chưa lìa nhớ tưởng, chưa lìa yêu thích, chưa lìa thèm khát, khi sắc kia biến hoại hoặc đổi khác sẽ sanh lo buồn, khổ não chăng?

Đáp:  Thưa Cù-đàm5 đúng vậy! Đôi với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Rồi đức Phật lại hỏi cư sĩ Hỏa Chủng:  Nấu đối với sắc mà lìa tham, lìa dục, lìa nhớ tưởng, lìa yêu thích thèm khát, khi sắc kia biến hoại hoặc đổi khác thì ắt chẳng sanh lo buồn, khổ não chăng? Đáp:  Thật đúng như thế, thưa Cù-đàm! Đúng thật không khác. Đôi với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Này cư sĩ Hỏa Chủng! Ví như có người thân mang nhiều bệnh khổ, luôn bị bệnh khổ bức bách; nếu bệnh khổ kia không dứt, không lành thì có được an vui chăng? Đáp: -Thưa Cù-đàm? không thể được! - Như thế, này cư sĩ Hỏa Chủng! Thân mang bệnh khổ, luôn bị bệnh khổ bức bách; nếu bệnh khổ kia không dứt, không lành thì nhất định sẽ không được an vui. Này cư sĩ Hỏa Chủng! Ví như có người mang búa vào núi tìm cây gỗ có lõi cứng chắc; thấy cây chuối to lớn ngay thẳng, liền đốn gốc, chặt lá, lột bẹ cho đến tận cùng vẫn không thể tìm thấy lõi chắc. Này cư sĩ Hỏa Chủng! Ông cũng giống như vậy, tự lập ra luận thuyết, nay Ta muốn tìm nghĩa lý chân thật trong đó, nhưng thấy chẳng có gì chắc thật thì cũng như cây chuối vậy! Thế mà ở giữa đại chúng, ông dám có những lời lẽ như thế. Ta không thấy ai trong chúng Sa-môn, Bà-la-môn này có những hiên biêt đê có thê cùng luận nghị với những hiểu biết của Như Lai, bậc ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác mà không bị bẻ gãy; thế mà ông tự nói rằng: “Ta luận nghi như gió, khiến cỏ rạp cây gãy, đá nát, vàng tan, khuất phục cả long tượng, có thể khiến đối phương toát mồ hôi trán, đổ mồ hôi nách, các lỗ chân lông cũng đổ mồ hôi.^^ Nay ông tự luận rồi nhưng nghĩa thì không thể tự lập; trước đây nói năng khoác lác là có thể chiết phục điều này điều kia nhưng nay rót cuộc tự lật đô mình, chăng thê nào động đến một sợi lông của Như Lai được! Nhân đó, ở giữa đại chúng, Thế Tôn vén y uất-đa-la-tăng, bày hở ngực và nói: -Các ông thử xem! Có làm động được một sợi lông nào của Như Lai chăng? Bấy giờ, Ni-kiền tử Tát-giá im lặng cúi dầu, hổ thẹn biến sắc. Lúc ấy, trong chúng có một người Ly-xa tên Đột-mục-khư67 từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, chắp tay bạch Phật: -Thưa Thế Tôn! Xin cho phép con nói ví dụ.

67 Đột-mục-khư Dummukha.



Đức Phật bảo: - Nên biết đúng lúc! Đột-mục-khư bạch Phật: -Thưa Thế Tôn! Ví như có người cầm cái đấu đến trước một đống lúa lớn mà chỉ xúc lấy hai, ba đấu; nay Ni-kiền tử Tát-giá cũng giống như vậy. Bạch Thế Tôn! Ví như vị trưởng giả giàu có nhiều tiền, bỗng phạm tội nặng nên tát cả tài sản đều bị nhà vua tịch thu; Ni-kiền tử Tát-giá cũng giống như vậy, có bao nhiêu biện tài đều bi Như Lai thâu nhiếp hết. Ví như có thành ấp, làng xóm ở cạnh dòng sông lớn, trai gái lớn nhỏ đều xuống đó bơi lội nô đùa. Họ bắt con cua bẻ càng rồi vứt lên bờ cạn, vì không có chân nên cua không thể trở lại dòng sông. Ni-kiền tử Tát-giá cũng giống như thế, bao nhiêu biện tài có được đều bị Như Lai thâu nhiếp hết, không bao giờ dám đoi mặt luận nghi cùng Như Lai nữa. Bấy giờ, Ni-kiền tử Tát-giá vô cùng tức giận, liền mắng Ly-xa Đột-mục-khư:  Ông thật đúng là lỗ mãng! Không biết gì thì sao lại dám lên tiếng? Ta đang luận nghị với Sa-môn Cù-đàm thì có can dự gì đên ông? Mắng Đột-mục-khư xong, Ni-kiền tử Tát-giá thưa Phật:  Bạch Thế Tôn! Lời của kẻ thấp hèn kia hãy gác qua, riêng tôi hôm nay có điều muốn hỏi.

Phật bảo Ni-kiền tử Tát-giá:  Ông cứ hỏi, Ta sẽ giải đáp.  Thưa Cù-đàm! Ngài thuyết pháp cho hàng đệ tử như thế nào để họ xa lìa nghi hoặc? Đức Phật bảo cư sĩ Hỏa Chủng: -Ta nói pháp cho hàng đệ tử như vầy: "Những gì thuộc về sắc, hoặc ở quá khứ, hoặc ở tương lai, hoặc ngay hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần thì tất cả đều nên quán sát như thật, chăng có ngã, chăng khác ng chăng tôn tại trong nhau. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy?9 Các vị ây tu học như thế, nhất đinh không đoạn mất Kiến tích,68 thành tựu niềm tin, thấy biết nhàm chán, canh giữ cửa giải thoát, tuy không phải tất cả đều đạt đến cứu cánh, nhưng đều hướng về Niết-bàn. Như the, các đệ tử theo giáo pháp của Ta sẽ được xa lìa nghi hoặc. Ni-kiền tử Tát-giá lại hỏi:  Thưa Cù-đàm! Ngài dạy như thế nào để cho các đệ tử ở trong Phật pháp dứt sạch các lậu, được tâm vô lậu giải thoát, được tuệ giải thoát, ngay trong hiện tại tự mình tác chứng: "Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh”*

68 Nguyên tác: Kiến tích còn gọi là Kiến đạo tích chỉ cho việc đang tu hành hướng đến cho thấy Thánh đế.



Đức Phật bảo cư sĩ Hỏa Chủng: -Chính bằng pháp này: "Những gì thuộc về sắc, hoặc ở quá khứ, hoặc ở tương lai, hoặc ngay hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc đẹp hoặc xâu, hoặc xa hoặc gân thì tát cả đêu nên quán sát như thật, chăng có ngã, chẳng khác ngã, chẳng tồn tại trong nhau. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vāy?9 Bấy giờ, các vi ấy thành tựu ba loại vô thượng: Trí vô thượng, giải thoát vô thượng,69 giải thoát tri kiến70 vô thượng. Thành tựu ba loại vô thượng này rồi, các vi ấy đối với Đại sư cung kính, tôn trọng, cúng dường như Phật. Thế Tôn giác ngộ tất cả pháp, liền dùng pháp này điều phục đệ tử, giúp họ được an ổn, được vô úy, điều phục tịch tĩnh, cứu cánh Niết-bàn. Thế Tôn vì Niết-bàn, vì đệ tử mà thuyết pháp. Này cư sĩ Hỏa Chủng! Đệ tử của Ta ở trong pháp này dứt sạch các lậu, được tâm vô lậu giải thoát, được tuệ giải thoát, ngay trong hiện tại tự mình tác chứng: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Ni-kiền tử Tát-giá bạch Phật: -Thưa Cù-đàm! Giống như một tráng sĩ, đối trước mũi dao nhọn đang lao bổ vào mình thì vị ấy còn có thể tránh né, nhưng đối với thủ thuật luận nghi của Cù-đàm quả thật khó thoát được. Như loài rắn độc, còn có thể tránh; như lửa dữ giữa đâm hoang, còn có thê tránh; như voi say hung ác, vân có thê tránh; như sư tử đói điên cuồng, tất cả đều có thể tránh; nhưng đối với thủ thuật luận nghị của Sa-môn Cù-đàm thì thật khó thoát được. Hạng tầm thường, khinh suất lỗ mãng, luận thuyết nửa vời như tôi sẽ không còn dám đến chỗ Cù-đàm để luận nghị nữa. Thưa Sa-môn Cù-đàm! Tỳ-xá-ly là đất nước an ổn trù phú, lại có nhiều tháp như Giá-ba-lê,71 tháp Tát-am-la-thọ?7273 tháp Đa Tử,73 tháp Cù-đàm74 tại Câu-lâu-đà, tháp Ba-la-thọ-trì?75 tháp Xả-trọng-đảm?76 tháp Lực Sĩ Bảo Quan.77

69 Bản Tống, Nguyên, Minh: Chữ "giải thoát"được thay thế bằng chữ "dạo". 70 Bản Tống, Nguyên, Minh lược bỏ chữ "tri kiến". 71 Giá-ba-lê .Theo D. 16, Mahāparinibbāna Sutta {Kinh Đại Bát-niết-bàrì gọi là tháp Cāpāla; Du hanh M

T.Ol. 0001.2. 0015bl6 gọi là Giá-bà-la . 72 Tat-am-la-tho .Theo A-nậu-dì kình roi. 0001.15. 0066c25 có thể là Ưu-viên tháp ,Udena. 73 Đa Từ .A-nậu-di kỉnh roi. 0001.15. 0066c26 gọi là Đa Tử tháp , Bahuputtaṃ. 74 Cù-đàm .A-nậu-di kinh roi. 0001.15. 0066c25 gọi là Tượng tháp , Gotamaka. 75 Ba-la-thọ-trì .D. 16, Mahãparìnibbãna Sutta Kinh Đại Bảt-niết-bàn có thể là tháp Sārandada, vì "thọ trì,, được dịch của Dada. 76 Xả-ựọng-đảm M. Theo A-nậu-dỉ kinh roi. 0001.15. 0066c26, có thể là Thất Tụ tháp ,Sattamba. 77 Lực Sĩ Bảo Quan còn gọi là^Bảo Quan chi-đề là một ngôi tháp cổ trong xứ Mạt-lạ. Theo Liên Hoa diện kinh 7.12. 0386.1. 1073c03 trong thời quá khứ, Phật từng làm Chuyên Luân Ilianh Vương và đã cởi mũ Thiên Quan đê tại nơi đây, nhân đó mà c6 tận ..Thánh tích này ngày nay gọi là tháp Trà-tỳ Ramabhar Stupa.

154 KINH TẠPA-HÀM

Thưa Thế Tôn! Ngài sẽ an lạc ở tại nước Tỳ-xá-ly này, vì chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn5 Bà-la-môn và loài người ở thế gian đối với Thế Tôn luôn luôn cung kính, phụng sự, cúng dường và nhờ đó mà chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn và Bà-la-môn thường được an lạc. Kính xin Thế Tôn hãy dừng lại nơi đây, sáng mai cùng với đại chúng thọ nhận bữa cơm đạm bạc của con! Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Biết Thế Ton đã im lặng thọ thỉnh rồi, Ni-kiền tử Tát-giá hoan hỷ và tùy hỷ5 rồi rời chỗ ngồi đứng dậy ra về. Trên đường đi, Ni-kiền tử Tát-giá nói với nhóm người Ly-xa: Ta đã thỉnh Sa-môn Cù-đàm cùng đại chúng đê cúng dường trai phạn roi, các ông mỗi người hãy chuẩn bị một khay thức ăn rồi đem đến chỗ của ta. Nhóm người Ly-xa trở về nhà, đêm đó sửa soạn thức ăn dâng cúng, sáng sớm đem đến chỗ Ni-kiền tử. Từ rất sơm, Ni-kiền tử Tát-giá đã quét dọn, trải bàn, bày sẵn nước sạch, rồi sai người đến chỗ đức Phật thưa: uĐã đến gièx!" Khi ấy, Thế Tôn cùng đại chúng đắp y, ôm bát đến chỗ Ni-kiền tử Tát-gia rồi ngồi xuống trước đại chúng. Ni-kiền tử Tát-giá tự tay dâng cúng đầy đủ đồ ăn thức uống thanh tịnh lên đại chúng. Sau khi thọ thực và rửa bát xong, Ni-kiền tử Tát-giá biết Phật và đại chúng đã hoàn tất mọi việc, ông liền lấy một cái ghế thấp và ngồi trước Phật. Bấy giờ, Thế Tôn vì Ni-kiền tử Tát-giá mà tùy hỷ nói kệ: Trong các loại tế tự/ Phụng thờ lửa đứng đầu, Trong kinh điển Vệ-đà, Tán ca79 là cao tột. Loài người, vua cao nhất, Các sông, biển rộng hơn, Các sao, trăng sáng nhất, Ánh sáng, mặt trời hơn, Trời, người ở mười phương, Đẳng Chánh Giác tối thượng. Bấy giờ, Thế Tôn vì Ni-kiền tử Tát-giá mà nói pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ78*80 rồi liền trở về trú xứ. Trên đường trở về, các Tỳ-kheo cùng nhau bàn luận về việc năm trăm người Ly-xa đã vì Ni-kiền tử Tát-giá mà cúng dường đồ ăn thức uống; vậy các người Ly-xa đó sẽ được phước gì? Còn Ni-kiền tử Tát-giá sẽ được phước gì? Khi các Tỳ-kheo đã về trú xứ, xếp cất y bát, rửa sạch chân xong, liền cùng nhau đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi sang một bên và bạch Phật:

78 Nguyên tác: Đại hội (),chỉ cho các loại tế lễ (yaññā). [Nguyên tác: Bà-tỳ-đế (),cokha năng chỉ cho thể thơ kệ, tán ca về chân lý (S. satya, p. saccà). Tham chiếu\ Cứu-ỉa-đàn-đầu kinh (roi. 0001.23. 0101a08) ghi la '4phúrigztụng thi vi

thuvng?,()Tăng.(T02 0125.18.4. 0589ỒO3) ghi là “chúiíg thư tụ VI toi7,( ). 80 Nguyen tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ ().Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tĩ. 105; Tạp.(7.02. 0099?92. 0023c18).

QUYỂN 5 155

Bạch Thê Tôn! Trên đường di, chúng con cùng nhau bàn luận vê việc năm trăm người Ly-xa đã giúp Ni-kiền tử Tát-giá sửa soạn đồ ăn thức uống cúng dường The Tôn và đại chúng, vậy những người Ly-xa này được phước gì và Ni-kiền tử Tát-giá được phước gì? Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Năm trăm người Ly-xa này đã vì Ni-kiền tử Tát-giá sửa soạn thức ăn cúng dường sẽ có nhân duyên được phước ở chô Ni-kiên tử Tát-giá. Còn Ni-kiên tử Tát-giá thì được phước, được công đức ở chỗ Phật. Các Ly-xa sẽ được nhân duyên quả báo của bố thí nhưng còn tham, sân, si. Còn Ni-kiền tử Tát-giá cũng được nhân duyên quả báo của bố thí nhưng không còn tham, sân5 si. * Kệ tóm tắt: Bỉ đa-la thập vấn, Sai-ma, Diễm, Tiên-ni, A-nậu-la trưởng giả, Tây, Mao đoan, Tát-giá.81

81 Nguyên tác Nhiếp tụng:;,,.Do đặt lại tựa đề nên Nhiếp tụng không trùng với tên kinh. Bản Hán, hét quyên 5.

156 KINH TẠPA-HÀM

QUYỂN6 111. HỮU LƯU1 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại núi Ma-câu-la.2 Bấy giờ, sau thời tọa thiền buổi chiều, Tỳ-kheo thi giả tên là La-đà3 đi đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và bạch: Kính bạch Thế Tôn! Thế Tôn có nói về hữu lưu.4 Vậy thế nào là hữu lưu? Thế nào là hữu lưu diệt tận? Phật nói với Tỳ-kheo La-đà: Hay thay, câu hỏi của thầy! Như Lai sẽ vì thày mà giảng nói. Hữu lưu ở đây có nghĩa là nói đên hàng phàm phu mê muội thiêu hiêu biêt, không biêt đúng như thật vê sự tập khởi của săc? sự diệt tận của săc? sự tai hại của săc? vi ngọt của săc và sự xuất ly săc. Vì không biêt như thật nên đôi với săc liên khởi tâm yêu thích, khen ngợi, châp thủ, đăm trước. Vì yêu thích sác nên châp thủ, do chấp thủ nên có hữu, do hữu nên có sanh, do sanh nên có già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não tăng trưởng. Như vậy? toàn bộ khối khổ lớn liền tập khởi. Đối với tho, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đó gọi là hữu lưu. Vi Thánh đệ tử đa văn biết như thật về sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sác, vị ngọt của săc, sự tai hại của săc và sự xuất ly sác. Khi đã biêt như thật roi : r r r

thì không còn khởi tâm yêu thích, khen ngợi, châp thủ, đăm trước vào sác kia. Nhờ không yêu thích, khen ngợi, chấp thủ, đắm trước vào sắc nên sắc ái diệt tận; do ái diệt nên thủ diệt, do thủ diệt nên hữu diệt, do hữu diệt nên sanh diệt, do sanh diệt nên già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não hết thảy đều diệt. Như vậy, toàn bộ khối khổ lớn được diệt tận. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng giống như vậy. Đó gọi là hữu lưu và hữu lưu diệt tận mà Như Lai đã nói.

1 Tua đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.111. 0037c06). Tham chiếu: s. 23.3 - III. 190. 2 Ma-câu-la sơn (Makulapabbata). Theo Sử liệu bảo tháp (Thūpavarnsa), đây là ngọn núi ở thành Vương Xa (Rājagaha). Theo g.(r.02. 0125.38.7. 0723a08);

Tăng-gia-ỉa-sắt sơ tập kinh (r.04. 0194.3. 0144Ò04); M. 116, Isigili Sutta (Kinh Thôn Tiên); DPPN xác định răng, sinh quán của Tôn giả Rãdha ở thành Vương Xá (Rājagaha), điêu này bô chính núi Ma-câu-la là một trong những ngọn núi ở thành Vương Xá. 3 La-đà (,Rādha). 4 Hữu lưu ( oghā): Đó là 3 hữu, gồm dục hữu, sắc hữu và vô sắc hữu. Hữu liru là một trong 4 lưu. Xem định nghĩa vT lưu" tại Tg.(.0125.31.9. 0672bl9-c04).



Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

112. ĐOẠN TRI5 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại núi Ma-câu-la. Bấy giờ, sau thời tọa thiền buổi chiều, Tỳ-kheo thị giả tên là La-đà đi đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và bạch: Kính bạch Thế Tôn! Thế Tôn có nói đến sự đoạn tri67đối với sắc; đoạn tri đối với thọ, tưởng, hành, thức. Thưa Thế Tôn! Thế nào là sự đoạn tri đối với sắc? Thế nào là đoạn tri đối với thọ, tưởng, hành, thức? Phật nói với Tỳ-kheo La-đà: Hay thay, câu hỏi của thầy! Như Lai sẽ vì thầy mà giảng nói. Nghĩa là sự lo, buồn, khổ, não đối với sắc đã dứt sạch, đã lìa dục, tịch diệt, vắng lặng và ngưng nghỉ/ đó gọi là sự đoạn tri đối với sắc; sự lo, buồn, khổ, não đối với thọ, tưởng, hành, thức đã dứt sạch, đã lìa dục, tịch diệt, vắng lặng và ngưng nghí, đó gọi là sự đoạn tri đoi với thọ, tưởng, hành, thức. Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

113. ĐOẠN TRỪ KHỔ8 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại núi Ma-câu-la, có Tỳ-kheo tên là La-đà làm thị giả* Bấy giờ, số đông tu sĩ ngoại đạo đi đến chỗ Tôn giả La-đà. Sau khi chào hỏi nhau xong, họ ngôi sang một bên roi hỏi Tôn giả La-đà: Vì lý do gì mà Tôn giả theo Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu Phạm hạnh?

Tôn giả La-đà đáp: Vì muốn đoạn trừ khổ nên tôi theo Thế Tôn xuất gia tu Phạm hạnh.

Các tu sĩ ngoại đạo lại hỏi: -Tôn giả muốn đoạn trừ những khổ nào mà theo Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu Phạm hạnh?

5 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.112. 0037c24). Tham chiếu: s. 23.4 - III. 191. 6 Đoạn tri pariñ ñeyyā): Nhờ buông xả và cát đứt nên được liễu tri, chỉ cho sự đoạn trừ phiền não do nhận thức toàn diện vê bôn Thánh đế. 7 Nguyên tác: Tận, ly dục, diệt, tức, một ().Thành cú. Tham chiếu: Phân biệt lục gìm kình (hoi. 0026.1620692al8): Tận, vo dục, diệt, tức, chi (,). 8 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.113. 0038a04).



Tôn giả La-đà đáp: Vì muốn đoạn trừ sự khổ đối với sắc nên tôi theo Thế Tôn xuất gia tu Phạm hạnh; vì muốn đoạn trừ sự khổ đối với thọ, tưởng, hành, thức nên tôi theo Thế Tôn xuất gia tu Phạm hạnh. Các tu sĩ ngoại đạo nghe Tôn giả La-đà nói những lời như vậy thì trong lòng không vui? liền đứng dậy trách mắng rồi bỏ đi. Bấy giờ, Tôn giả La-đà thấy các tu sĩ ngoại đạo đã đi rồi, liền suy nghĩ: "Vừa rồi ta nói những lời như vậy

không biết có phỉ báng Thế Tôn chăng? Có nói đúng như Phật đã nói chăng?9 Có nói đúng theo pháp ya thứ lớp của giáo pháp chăng?10 Sẽ không bi người khác nghi ngờ và chất vấn khiến rơi vào bế tắc chống?" Chiều hôm ấy, sau khi xuất thiền, Tôn giả La-đà đi đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên, sau đó đem đầy đủ sự việc trên trình lên Phật và bạch: Kính bạch Thế Tôn! Con trả lời như vậy thì không có lỗi lầm gì chăng? Sẽ không phỉ bang Thế Tôn chăng? Không bị người khác nghi ngờ và chất vấn khiến rơi vào bế tắc chăng? Con nói như vậy thì có đúng với lời Thế Tôn đã nói chăng? Nói đúng theo pháp và thứ lớp của giáo pháp chăng? Phật nói với Tỳ-kheo La-đà: Những lời thầy vừa nói đều đúng như thật, không hề phỉ báng Như Lai, nói đúng như Ta đã nói, nói đủng theo pháp và thứ lớp của giáo pháp. Sở dĩ vì sao? Này Tỳ-kheo La-đà! sắc là khổ, vì muốn đoạn trừ khổ này nên thầy đã xuất gia tu Phạm hạnh; thọ, tưởng, hành, thức là khổ; vì muốn đoạn trừ khổ này nên thầy đã xuất gia tu Phạm hạnh. Đức Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

114. BIẾT RÕ KHỔ11 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại núi Ma-câu-la, có Tỳ-kheo tên là La-đà làm thi giả. Một hôm, có số đông tu sĩ ngoại đạo đi đến chỗ Tôn giả La-dà, sau khi chào hỏi nhau xong, họ ngoi sang một bên và hỏi Tôn giả La-đà: -Vì lý do gì mà Tôn giả theo Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu Phạm hạnh?

9 Nguyên tạc: Như thuyết thuyết ().Tạp.(r.02. 0099.106. 0032c29) gọi là "nhu Như Lai thuyef9 (). 10 Nguyên tác: Pháp, thứ pháp (dhammãnudhammă). Xem chú thích 68, kinh số 27, quyển l, tr. 24; Tạp.(r.02. 0099.27. 0005c20). 11 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.114. 0038a28). Tham chiếu: s. 35.81 - IV. 50.



Tôn giả La-đà đáp: Vì để biết rõ khổ nên tôi theo Thế Tôn xuất gia tu Phạm hạnh.

Các tu sĩ ngoại đạo nghe Tôn giả La-đà nói như vậy thì trong lòng không vui, liền đứng dậy trách mắng rồi bỏ đi. Chiều hôm ấy5 sau khi xuất thiền, Tôn giả La-đà đi đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên, sau đó đem đầy đủ sự việc trên trình lên Phật và bạch: Kính bạch Thế Tôn! Con trả lời như vậy là không phỉ báng Thế Tôn chăng? Sẽ không bị người khác nghi ngờ và chất vấn khiến rơi vào bế tắc chăng? Có nói đúng như Ngài đã nói chăng?12 Có nói đúng theo pháp và thứ lớp của giáo pháp chăng?13 Phật nói với Tôn giả La-đà: Những lời thầy nói đều đúng sự thật, không phỉ báng Như Lai, cũng không bị người khác nghi ngờ và chất vấn khiến rơi vào bế tắc, nói đúng như Ta đã nói, nói đúng theo pháp và thứ lớp của giáo pháp. Sở dĩ vì sao? Bởi vì sắc là khô, vì đê biêt rõ sự khô này nên thây theo Như Lai xuât gia tu Phạm hạnh; thọ, tưởng, hành, thức là khổ; vì để biết rõ sự khổ này nên thầy theo Như Lai xuất gia tu Phạm hạnh. Đức Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

115. DỨT SẠCH KHỔ14 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại núi Ma-câu-la, có Tỳ-kheo tên là La-đà làm thi giả. _ Bấy giờ, có số đông tu sĩ ngoại đạo đi đến chỗ Tôn giả La-đà? sau khi chào hỏi nhau xong, họ ngồi sang một bên và hỏi Tôn giả La-đà: Vì lý

do gì mà Tôn giả theo Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu Phạm hạnh?

Tôn giả La-đà đáp: Vì muốn dứt sạch buồn, lo, khổ, não và muốn được ly dục, tịch diệt, vắng lặng, ngimg nghỉ15 đối với sắc nên tôi theo Thế Tôn xuất gia tu Phạm hạnh. Vì

12 Nguyên tác: Như thuyết thuyết ().Tạp.(r02. 0099.106. 0032c29) gọi là "nhu Như Lai thuyef,(). 13 Nguyên tác: Pháp, thứ pháp (dhammânudhammà). Xem chú thích 68, kinh số TI, quyển l, tr. 24; Tạp.(r.O2. 0099.27. 0005c20). 14 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.115. 0038b16). 15 Nguyên tác: Ly dục, diệt, tịch, một (,).Xem chú thích 9, kinh số 35, quyển 2, tr. 34; Tạp.(r.02. 009935. 0008a05).



muốn dứt sạch buồn, lo, khổ, não và muốn được ly dục, tịch diệt, vắng lặng, ngưng nghỉ đối với thọ, tưởng, hành, thức nên tôi theo Thế Tôn xuất gia tu Phạm hạnh. Các tu sĩ ngoại đạo nghe Tôn giả La-đà nói như vậy thì trong lòng không vui, liên đứng dậy trách măng roi bỏ đi. Chiều hôm ấy, sau khi xuất thiền, Tôn giả La-đà đi đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Ngài roi ngôi sang một bên, sau đó đem đây đủ sự việc trên trình lên Phật và bạch: Kính bạch Thế Tôn! Conkhông phỉ báng Thế Tôn chăng? Không bị người khác nghi ngờ và chất vấn khiến rơi vào bế tắc chăng? Có nói đúng như Ngài đã nói chăng?16 Có nói đúng theo pháp và thứ lớp của giáo pháp chăng?17 Phật nói với Tôn giả La-đà: -Những lời thầy nói là đúng sự thật, không phỉ báng Như Lai, cũng không bị người khác nghi ngờ và chất vấn khiến rơi vào bế tắc, thầy đã nói đúng như Ta nói, nói đúng theo pháp và thứ lớp của giáo pháp. Sở dĩ vì sao? Này La-đà! Bởi vì sắc là buồn, lo, khổ, não; vì để đoạn trừ sự khổ này cho nên thầy theo . k . A ỉ í y 1 \ 9 Như Lai xuất gia tu Phạm hạnh. Thọ, tưởng, hành, thức là buôn, lo, khô, não; vì để đoạn trừ sự khổ này nên thầy theo Như Lai xuất gia tu Phạm hạnh. Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả La-đà nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

ll6. NGÃ VÀ NGÃ SỞ TRÓI BUỘC 8 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại núi Ma-câu-la, có Tỳ-kheo tên là La-đà làm thị giả. Bấy giờ, có số đông tu sĩ ngoại đạo đi đến chỗ Tôn giả La-dà, sau khi chào hỏi nhau xong, họ ngồi sang một bên và hỏi Tôn giả La-đà: Vì lý do gì mà Tôn giả theo Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu Phạm hạnh? Tôn giả La-đà đáp: -Vì muốn đoạn trừ sự trói buộc trong nhận thức sai lầm về ngã, ngã sở và phiền não ngã mạn đối với sắc để được ly dục, tịch diệt, vắng lặng, ngưng nghỉ;19 vì muốn đoạn trừ sự trói buộc trong nhận thức sai lầm về ngã, ngã sở và

16 Nguyên tác: Như thuyết thuyết .Tạp. 0.02. 0099.106. 0032c29 gọi là "nhu Như Lai thuyer . 17 Nguyên tác: Pháp, thứ pháp ,dhammãnudhammà. Xem chú thích 68, kinh số 27, quyển l, tr. 24; Tạp.r.02. 0099.27. 0005c20. 18 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.7.02. 0099.116. 0038c07. ^Nguyên tác: Ly dục, diệt, tịch, một ,.Xem chú thích 9, kinh số 35, quyển 2, tr. 34; Tạp.T.02. 0099.35. 0008a05.

phiền não ngã mạn đối với thọ, tưởng, hành, thức để được ly dục, tịch diệt, vắng lặng và ngưng nghỉ nên tôi theo Thế Tôn xuất gia tu Phạm hạnh. Các tu sĩ ngoại đạo nghe Tôn giả La-đà nói như vậy thì trong lòng không vui, liền đứng dậy trách mắng rồi bỏ đi. Chiều hôm ấy, sau khi xuất thiền, Tôn giả La-đà đi đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Ngài roi ngôi sang một bên, sau đó đem đây đủ sự việc trên trình lên Phật và bạch: - Kính bạch Thế Tôn! Con trả lời như vậy là không phỉ báng Thế Tôn chăng? Không bị người khác nghi ngờ và chất vấn khiến rơi vào bế tắc chăng? Có nói đúng như Ngài đã nói chăng?20 Có nói đúng theo pháp và thứ lớp của giáo pháp chăng?21 Phật nói với Tôn giả La-đà:  Những lời thay nói là đúng sự thật, không phỉ báng Như Lai, cũng không bi người khác nghi ngờ và chất vấn khiến rơi vào bế tắc, thầy đã nói đúng như Ta nói, nói đúng theo pháp và thứ lớp của giáo pháp. Sở dĩ vì sao? Vì muốn đoạn trừ sự trói buộc trong nhận thức sai lầm về ngã, ngã sở và phiền não ngã mạn đối với sắc để được lìa dục, tịch diệt, vắng lặng, ngưng nghỉ; vì muốn đoạn trừ sự trói buộc trong nhận thức sai lâm vê ngã, ngã sở và phiên não ngã mạn đối với thọ, tưởng, hành, thức để được lìa dục, tịch diệt, vắng lặng và ngưng nghỉ nên thây theo Như Lai xuất gia tu Phạm hạnh. Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả La-đà nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

117. PHÁP HỮU LẬU22 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại núi Ma-câu-la, có Tỳ-kheo tên là La-đà làm thị giả. Bấy giờ, có số đông tu sĩ ngoại đạo đi đến chỗ Tôn giả La-dà, sau khi chào hỏi nhau xong, họ ngồi sang một bên và hỏi Tôn giả La-đà:  Vì lý do gì mà Tôn giả theo Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu Phạm hạnh? Tôn giả La-đà đáp:  Vì muôn đoạn trừ pháp hữu lậu, chướng ngại, nóng bức, sâu lo đôi với sác để được ly dục, tịch diệt, vắng lặng, ngưng nghỉ;23 vì muốn đoạn trừ pháp hữu

20 Nguyên tác: Như thuyết thuyết .Tạp.02. 0099.106. 0032c29 gọi là 4tnhư Như Lai thuyêt". 21 Nguyên tác: Pháp, thứ pháp dhammãnudhammă. Xem chú thích 68, kinh số 27, quyển l, tr. 24; Tạp.T.n. 0099.27. 0005c20. 22 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r.02. 0099.117. 0038c27. 23 Nguyên tác: Ly dục, diệt, tịch, một .Xem chú thích 9, kinh số 35, quyển 2, tr. 34; Tạp.T.02. 0099*35. 0008a05.



lậu, chướng ngại, nóng bức đối với thọ, tưởng, hành, thức uẩn để được ly dục, tịch diệt, vắng lăng và ngưng nghỉ nên tôi theo Như Lai xuất gia tu Phạm hạnh. Các tu sĩ ngoại đạo nghe Tôn giả La-đà nói như vậy thì trong lòng không vui, liền đứng dậy trách mắng rồi bỏ đi. Chiều hôm ấy, sau khi xuất thiền, Tôn giả La-đà đi đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên, sau đó đem đầy đủ sự việc trên trình lên Phật và bạch:  Kính bạch Thế Tôn! Con trả lời như vậy là không phỉ báng Thế Tôn chăng? Không bị người khác nghi ngờ và chất vấn khiến rơi vào bế tắc chăng? Có nói đúng như Ngài đã nói chăng?24 Có nói đúng theo pháp và thứ lớp của giáo pháp chăng?25 Phật nói với Tôn giả La-đà: - Những lời thay nói là đúng sự thật, không phỉ báng Như Lai, cũng không bị người khác nghi ngờ và chất vấn khiến rơi vào bế tắc, thầy đã nói đúng như Ta nói, nói đúng theo pháp và thứ lớp của giáo pháp.26 Sở dĩ vì sao? Vì muốn đoạn trừ pháp hữu lậu, chướng ngại, nóng bức, sầu lo đối với sắc để được ly dục, tịch diệt,

vắng lặng và ngưng nghỉ; vì muốn đoạn trừ pháp hữu lậu, chướng ngại, nóng bức đối với thọ, tưởng, hành, thức uẩn để được ly dục, tịch diệt, vắng lặng và ngưng nghỉ nên thầy đã theo Như Lai xuất gia tu Phạm hạnh. Đức Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

118. ĐOẠN TRỪ BA ĐỘC (l)27 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại núi Ma-câu-la, có Tỳ-kheo tên là La-đà làm thị giả. Bây giờ, có sô đông tu sĩ ngoại đạo đi đến chô Tôn giả La-đà, chào hỏi nhau xong, họ ngoi sang một bên và hỏi Tôn giả La-đà: Vì lý do gì mà thầy theo Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu Phạm hạnh? Tôn giả La-đà đáp: Vì muốn dứt sạch tham, sân, si đối với sắc để được ly dục, tịch diệt, vắng lặng, ngưng nghỉ;28 vì muốn dứt sạch tham, sân, si đối với thọ, tưởng, hành,

24 Nguyên tác: Như thuyết thuyết ().Tạp.(02. 0099.106. 0032c29) gọi là "nhu Như Lai thuýễt" (). 25 Nguyên tác: Pháp, thứ pháp (dhammānudhammaṃ. Xem chú thích 68, kinh số 27, quyển l, tr. 24; Tạp.(r(ù. 0099.27. 0005c20). 2 Bản Đại Chánh thiếu, thêm 23 chữ dựa theo 3 bản Tông, Nguyên, Minh đê bô sung. 27 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(,02. 0099.118. 0039a16). 28 Nguyên tác: Ly dục, diệt, tịch, một (,).Xem chú thích 9, kinh số 35, quyển 2, tĩ. 34; Tạp.(02. 009935. 0008a05).



thức uẩn để được ly dục, tịch diệt, vắng lặng và ngimg nghỉ nên tôi theo Như Lai xuất gia tu Phạm hạnh. Các tu sĩ ngoại đạo nghe Tôn giả La-đà nói như vậy thì trong lòng không vui, liền đứng dậy trách mắng rồi bỏ đi. Chiều hôm ấy, sau khi xuất thiền, Tôn giả La-đà đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân đức Phật rồi lui ngồi một bên, sau đó đem đầy đủ sự việc trên trình lên Phật và bạch: Kính bạch Thế Tôn! Con trả lời như vậy là không phỉ báng Thế Tôn chăng? Có nói đúng như Ngài đã nói chăng?29 Có nói đúng theo pháp và thứ lớp của giáo pháp chăng?30 Phật nói với Tôn giả La-đà: Những lời thầy nói là đúng sự thật, không phỉ báng Như Lai, cũng không bi người khác nghi ngờ và chất vấn khiến rơi vào bế tắc, thầy đã nói đúng như Ta nói, nói đúng theo pháp và thứ lớp của giáo pháp. Sở dĩ vì sao? Vì muốn dứt sạch tham, sân, si đối với sắc để được ly dục, tịch diệt, vắng lăng và ngưng nghỉ; vì muốn dứt sạch tham, sân, si đối với thọ, tưởng, hành, thức uẩn để được ly dục, tịch diệt, vắng lặng và ngưng nghỉ nên thầy theo Như Lai xuất gia tu Phạm hạnh. Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả La-đà nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

119. THAM DỤC, ÁI DỤC VÀ HỶ DỤC31 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại núi Ma-câu-la, có Tỳ-kheo tên là La-đà làm thi giả. Bây giờ, có sô đông tu sĩ ngoại đạo đi đến chô Tôn giả La-đà, chào hỏi nhau xong, họ lui ngồi một bên và hỏi Tôn giả La-đà: -Vì lý do gì mà thầy theo Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu Phạm hạnh? Tôn giả La-đà đáp: Vì muốn dứt sạch tham dục,32 ái dục,33 hỷ dục34 đối với sắc để được ly dục5 tịch diệt, vắng lặng, ngưng nghỉ;35 vì muốn dứt sạch tham dục, ái dục, hỷ dục

29 Nguyên tác: Như thuyết thuyết .Tạp.T.02. 0099.106. 0032c29 gọi là "nhu Như Lai thuyef,. 30 Nguyên tác: Pháp, thứ pháp dhammānudhammaṃ.

Xem chú thích 68, kinh số 27, quyển l, tr. 24; Tạp.r.02. 0099.27. 0005c20. 31 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.119. 0039b06. 32 Nguyên tác: Dục ,chỉ cho tham dục. DhsA. 1103 ghi là kāmarāga. 33 Nguyên tác: Ái chỉ cho ái dục. DhsA. 1103 ghi là kãmasỉneha. Cách viết khác: Kãmasneha. 34 Nguyên tác: Hỷ chỉ cho hỷ dục. DhsA. 1103 ghi là kãmanandĩ. 35 Nguyên tác: Ly dục, diệt, tịch, một .Xem chú thích 9, kinh số 35, quyển 2, tr. 34; Tạp.T.02. 009935. 0008a05.



đối với thọ? tưởng, hành, thức uẩn để được ly dục, tịch diệt, vắng lặng và ngưng nghỉ nên tôi theo Như Lai xuất gia tu Phạm hạnh.36 Các tu sĩ ngoại đạo nghe Tôn giả La-đà nói như vậy thì trong lòng không vui, liền đứng dậy trách mắng rồi bỏ đi. Chiều hôm ấy, sau khi xuất thiền, Tôn giả La-đà đi đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên, sau đó đem đầy đủ sự việc trên trình lên Phật và bạch: -Kính bạch Thể Tôn! Con trả lời như vậy là không phỉ báng Thế Tôn chăng? Không bị người khác nghi ngờ và chất vấn khiến rơi vào bế tắc chăng? Có nói đủng như Ngài đã nói chăng?37 Có nói đúng theo pháp và thứ lớp của giáo pháp chăng?38 Phật nói với Tôn giả La-đà: -Những lời thầy nói là đúng sự thật, không phỉ báng Như Lai, cũng không bị người khác nghi ngờ và chất vấn khiến rơi vào bế tắc. Thầy đã nói đúng như Ta nói, nói đúng theo pháp và thứ lớp của giáo pháp. Sở dĩ vì sao? Vì muốn dứt sạch tham dục, ái dục và hỷ dục đối với sắc để được ly dục, tịch diệt, vắng lặng và ngưng nghỉ; vì đe dứt sạch tham dục, ái dục và hỷ dục đoi với thọ, tưởng, hành, thức uẩn đe được ly dục, tịch diệt, vang lặng và ngưng nghỉ nên thầy theo Như Lai xuất gia tu Phạm hạnh. Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả La-đà nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

120. NĂM UẨN DO MA TẠO39 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại núi Ma-câu-la, có Tỳ-kheo tên là La-đà làm thi giả.

36 Xem thêm A. 4.10 - II. 10: Idha, bhikkhave, ekacco kāmānam samudayañca atthaṅgamañca [atthagamañca (sī. pī.)] assādañca ādīnavañca nissaranañca yathābhūtam nappajānāti. Tassa kāmānam samudayañca atthaṅgamañca assādañca ādīnavañca nissaranañca yathābhūtam appajānato [nappajānato (syā. karn. ka.)] yo kāmesu kāmarāgo kāmanandī [kāmanandi (sī. syā. karri.)] kāmasneho kāmamucchā kāmapipāsā kāmaparilāho kāmajjhosānarn kāmatanhā sānuseti. Ayarn vuccati, bhikkhave, kāmayogo. Iti kāmayogo, (ơ đây, này các Ty-kheo, có hạng người như thật quán tri sự tập khởi, sự chấm dút, vị ngọt, sự nguy hại, sự xuất ly của các dục. Do như thất quán tri sự tạp khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hại, sự xuất ly cua các dục nên dục tham, dục hỷ, dục luyến, dục đam mê, dục khát, dục não, dục chấp thủ, dục ái trong các dục không xâm chiếm va tồn tại. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là ly dục ách), HT. Thích Minh Châu dịch. 37 Nguyên tác: Như thuyet thuyết).Tạp.(7.02. 0099.106. 0032c29) gọi là "nhu Như Lai thuyết^ (). 38 Nguyên tác: Pháp, thứ pháp (dhammanudhamma). Xem chú thích 68, kinh số 27, quyển l, tr. 24; Tạp.(T.(Ỉ2. 0099.27. 0005c20). 39 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp. ê(r.02. 0099.120. 0039Ồ25). Tham chiếu: s. 23.1 - III. 198.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với Tỳ-kheo La-đà: Thầy hãy quán sát sắc ở quá khứ, ở tương lai hay trong hiện tại, hoặc bên trong hoặc bên ngoài, hoặc lớn hoặc nhỏ, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần thì tất cả chúng đều do ma tạo ra; hãy quán sát thọ, tưởng, hành, thức ở quá khứ, ở tương lai hay trong hiện tại, hoặc bên trong hoặc bên ngoài, hoặc lớn hoặc nhỏ, hoặc tót hoặc xâu, hoặc xa hoặc gân thì tát cả chúng đêu do ma tạo ra. Phật hỏi Tôn giả La-đà: -Sắc này thường hay vô thường? Tỳ-kheo La-đà đáp: Kính bạch Thế Tôn, là vô thường! The Ton lại hỏi: Nấu sắc vô thường là khổ phải không? -Kính bạch Thế Tôn, là khổ! Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng giống như vậy. Đức Phật lại hỏi: -Này La-đà! Nếu đã là vô thường, tức là khổ, là pháp biến đổi, vậy thì vị Thánh đệ tử đa văn lẽ nào ở trong đó còn thấy sắc này là ta, hoặc không phải là ta, hoặc ở trong nhau chăng?40 - Thưa không, bạch Thế Tôn! Phật bảo La-đà: -Nếu vị Thánh đệ tử đa văn đối với năm thủ uẩn này không thấy là ta, là 1 r Z • ĩ . Z của ta sẽ không còn chấp thủ đôi với các pháp thê gian. Vì không có gì chấp thủ nên không có gì để dính mắc. Vì không có gì để dính mắc nên tự mình giác ngộ Niết-bàn: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả La-đà nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

121. PHÁP CHÉT (l)41 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật trú tại núi Ma-câu-la42 và khi đó có Tỳ-kheo La-đà làm thi giả.

40 Nguyên tác: Tương tại ()ở frong nhau. Xem Tạp.(r.02. 0099.57. 0014a23): Kiến sắc tại ngã nhi kiến ngã tại sắc (). 41 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.121. 0039c14). Tham chiếu: s. 23.12 - m. 195. 42 Ma-câu-la (Makula). Xem chú thích 2, kinh số 111, quyển 6, tr. 156; Tạp.(T.02. 0099. 111. 0037c06).



Bấy giờ, Thế Tôn bảo La-đà rằng: Những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc tương lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần thì tất cả chúng đều là pháp chết.43 Những gì thuộc về thọ, tưởng, hành, thức hoặc quá khứ, hoặc tương lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc tót hoặc xâu, hoặc xa hoặc gân thì tát cả chúng đêu là pháp chét. Rồi Phật hỏi La-đà: -Sắc là thường hay vô thường? La-đà bạch Phật: Bạch Thế Tôn, là vô thường! Đức Phật hỏi: - Những gì vô thường là khổ chăng? Bạch Thế Tôn, là khổ! Thọ, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường? Bạch Thế Tôn, là vô thường! -Những gì vô thường là khổ chăng? -Bạch Thế Tôn, là khổ! -Nếu vô thường, là khổ, là pháp đổi thay thì vi Thánh đệ tử đa văn có nên ở trong đó thấy có ngã, khác ngã hoặc tồn tại trong nhau chăng? - Bạch Thế Tôn, không nên! Rồi Phật bảo Tỳ-kheo La-đà: Nếu vi Thánh đệ tử đa văn đối với năm thủ uẩn này mà quán sát đúng như thật chẳng phải ta, chẳng phải của ta thì đối với các pháp thế gian không chấp thủ. Do không chấp thủ nên không dính mắc, do không dính mắc nên tự mình giác ngộ Niết-bàn: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh

nữa.,, Đức Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

122. ĐỊNH NGHĨA VỀ CHÚNG SANH44

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật trú tại núi Ma-câu-la.

Bấy giờ, Tỳ-kheo thị giả tên La-đà bạch Phật rằng:

-Bạch Thế Tôn! Nói về chúng sanh, vì sao gọi là chúng sanh?

43 Nguyên tác: Tử pháp (mārādhammā). 44 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.122. 0040a04). Tham chiếu: s. 23.2 - III. 189.



Phật bảo Tỳ-kheo La-đà: Nhiễm trước, dính mắc đối với sắc, đó gọi là chúng sanh. Nhiễm trước, dính mắc đối với thọ, tưởng, hành, thức, đó gọi là chúng sanh. Rồi đức Phật lại bảo Tỳ-kheo La-đà: Ta nói rằng, đổi với cảnh giới của sắc, hãy hủy hoại, hãy tiêu diệt; đối với cảnh giới của thọ, tưởng, hành, thức, hãy hủy hoại, hãy tiêu diệt và đoạn trừ ái dục. Một khi ái dục được đoạn trừ sạch thì khổ đau chấm dứt và khi khổ đau chấm dưt thì Ta gọi đó là vượt thoát khổ đau. Ví như ở trong làng có các bé trai, bé gái cùng nhau nô đùa, chúng dùng đất cát làm nhà cửa, thành quách, rồi tâm của chúng ưa thích, gắn chặt vào đó. Khi lòng ưa thích chưa hết, ham thích chưa hết, nhớ tưởng chưa hết, khát khao chưa hết thì tâm vẫn còn ưa thích, giữ gìn, cho rằng "thành quách của mình, nhà cửa của minh." Nếu đối với đống đất kia mà bọn trẻ không còn ưa thích nữa? đã hết ham thích, đã hết nhớ nghi, đã hết khát khao thì chúng sẽ dùng tay chân phủi đạp khiến tất cả tiêu tan. Cũng vậy, này La-đà! Đối với sắc thì hãy hủy hoại, tiêu diệt, không còn ái dục. Một khi ái dục được đoạn trừ sạch thì khổ đau chấm dứt và khi khổ đau chấm dưt thì Ta gọi đó là vượt thoát Idiổ đau. Đức Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

123. HỮU THÂN45 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật trú tại núi Ma-câu-la. Bấy giờ, Tỳ-kheo thị giả tên La-đà đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngoi sang một bên và thưa rằng: Lành thay, bạch Thê Tôn! Xin hãy vì con lược nói pháp trọng yêu đê sau khi nghe pháp, con có thể một mình ở nơi thanh vắng, chuyên tâm tư duy, sống không buông lung với mục đích mà một người thiện nam cạo bỏ râu tóc, khoác y hoại sắc, với niềm tin chân chánh, rời xa gia đình, xuất gia học đạo, nỗ lực tinh tấn, tu hành Phạm hạnh, ngay trong hiện đời tự biết, tự ngộ: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo La-đà: —Lành thay, La-đà có thể ở trước Như Lai hỏi về ý nghĩa này! Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ nói cho thầy nghe. La-đà! Nên biết ve hữu thân,46

45 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.123. 0040a19). Tham chiếu: s. 23.9 III. 193; S. 23.10-in. 194. • 46 Hữu thân (sakkdyà).

Sự tập khởi của hữu thân, sự diệt tận của hữu thân và con đường đưa đến sự diệt tận cua hữu thân. Thế nào là hữu thân? Đó là năm thủ uẩn:4748 sắc thủ uẩn; thọ, tưởng, hành và thức thủ uẩn. Thế nào là sự tập khởi của hữu thân? Chính là khát ái dẫn đến sự hiện hữu ở tương lai, đi cùng với hỷ và tham rồi đắm trước nơi này, nơi kia, đó gọi là sự tập khởi của hữu thân. Thế nào là sự diệt tận của hữu than? Nghĩa là khát ái dẫn đến sự hiện hữu ở tương lai, đi cùng với hỷ và tham rồi đắm trước nơi này, nơi kia đã được trừ sạch hoàn toàn, đã xả ly, đã nhổ bỏ, đã diệt sạch, ly dục, tịch diệt, vắng lăng, đó gọi là sự diệt tận của hữu thân. Thế nào là con đường đưa đến sự diệt tận của hữu thân? Là Thánh đạo tám chi phần, gồm chánh kiến, chánh tư duy,48 chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tan,49 chánh niệm và chánh định, đó là con đường đưa đen sự diệt tận của hữu thân. Đối với hữu thân nên biết, đối với sự tập khởi của hữu thân nên đoạn, đối • z.. r • với sự diệt tận của hữu thân nên chứng, đôi với con đường đưa đên sự diệt tận của hữu thân nên tu. Này La-đà! Nếu vị Thánh đệ tử đa văn đối với hữu thân đã biết, đã đoạn; đối với sự tập khởi của hữu thân đã biết, đã đoạn; đối với sự diệt tận của hữu thân đã biết, đã chứng; đối với con đường đưa đến sự diệt tận của hừa thân đã biết, đã tu, thì này La-đà, đó gọi là đoạn ái, lìa ái, chuyển hóa phiền não, diệt sạch ngã mạn,50 vượt thoát khổ đau.51 Sau khi nghe đức Phật dạy, Tỳ-kheo La-đà hoan hỷ phụng hành rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ lui ra. Được Thế Tôn truyền dạy như vậy rồi, Tỳ-kheo La-đà một mình ở nơi thanh văng, chuyên tâm tư duy vê mục đích mà một người thiện nam cạo bỏ râu tóc, khoác y hoại sắc, với niềm tin chân chánh, rời xa gia đình, xuất gia học Kv L r • đạo, nô lực tinh tân, tu hành Phạm hạnh, ngay trong hiện đời tự biêt, tự ngộ: “Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh.,, Thế rồi, Tỳ-kheo La-đà thành A-la-hán, tâm giải thoát hoàn toàn.52

47 Nguyên tác: Ngũ thọ ấm ,cách dịch mới là tungũ thủ uẩn". 48 Nguyên tác: Chánh chí . 49 Nguyên tác: Chánh phương tiên . 50 Nguyên tác: Chỉ mạn vô gián đẳng 1Lsammā mānābhỉsamayã. 51 Nguyên tác: Cửu cánh khổ biên antamakāsi dukkhassa. 52 Nguyên tác: Thiện giải thoát ,suvimutta. Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển l, tr. 19; Tạp.r02. 0099.22. 0004c20.



Đức Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

124. MA53 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật trú tại núi Ma-câu-la và khi đó có Tỳ-kheo La-đà làm thị giả. Bấy giờ, Thế Tôn bảo La-đà rằng:  Này Tỳ-kheo! Những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc tương lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc xa hoặc gân thì hãy nên quán sát chúng đêu là ma. Những gì thuộc vê thọ, tưởng, hành, thức hoặc quá khứ, hoặc tương lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần thì hãy nên quán sát • y • \ • JF V

chúng đêu là ma. Này La-đà! Thây nghĩ thê nào, sác là thường hay vô thường? La-đà bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, là vô thường! Đức Phật hỏi: - Những gì vô thường là khổ

chăng? - Bạch Thế Tôn, là khổ! Nếu là vô thường, là khổ, là pháp đổi thay thì vị Thánh đệ tử đa văn có nên ở trong đó thấy có ngã chăng? -Bạch Thế Tôn, không nên! - Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Thế nên, này La-đà! Vị Thánh đệ tử đa văn nhàm chán đối với sắc, nhàm chán đối với thọ, tưởng, hành, thức. Vì nhàm chán nên không yêu thích, vì không yêu thích nên đạt giải thoát, giải thoát tri kiến:54 "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc can làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Đức Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

125. DO MA TẠO TÁC55 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật trú tại núi Ma-câu-la và khi đó có Tỳ-kheo La-đà làm thi giả.

53 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.124. 0040b19). Tham chiếu: s. 23.11 - III. 195. 54 Giải thoát tri kiến (vimuttiñānadassana). 55 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.125. 0040c06). Tham chiếu: s. 23.23 - III. 199.

170 KINH TẠPA-HÀM

Bấy giờ, Thế Tôn bảo La-đà rằng: Những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc tương lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần thì tất cả đều do ma tạo. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Rồi Phật hỏi La-đà: —Ý thầy thế nào? sắc là thường hay vô thường? La-đà bạch Phật: Bạch Thế Tôn, là vô thường!

Phật lại hỏi:
- Những gì vô thường là khổ chăng?
La-đà thưa:
-Bạch Thế Tôn, là khổ!
Phật lại hỏi:
—Thọ, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường?
La-đà thưa:
-Bạch Thế Tôn, là vô thường!
Phật lại hỏi:
- Những gì vô thường là khổ chăng?
La-đà thưa:
-Bạch Thế Tôn, là khổ!
Phật hỏi La-đà:
-Nếu là vô thường, là khổ, là pháp đổi thay thì vị Thánh đệ tử đa văn có nên ở trong đó thấy có ngã, khác ngã hoặc tồn tại trong nhau chăng?
-Bạch Thế Tôn? không nên!
Đức Phật dạy:
- Thế nên, này La-đà! Vị Thánh đệ tử đa văn nhàm chán đối với sắc, nhàm chán đối với thọ, tưởng, hành, thức. Vì nhàm chán nên không yêu thích, vì không yêu thích nên đạt giải thoát, giải thoát tri kiến: "Sịt sanh của ta đã dứt,

Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Đức Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kinh thứ ba56 cũng giống như vây, chỗ khác nhau là:

56 Ba kinh. Tạp.(r02. 0099.121. 0039cl4); Tạp.(7L02. 0099.124. 0040bl9); Tạp.(02. 0099.125. 0040C06).



Đức Phật bảo Tỳ-kheo La-đà: Vị Thánh đệ tử đa văn đối với năm thủ uẩn nên quán sát chẳng phải là ta, chẳng phải của ta. Đã quán sát rồi thì đối với các pháp thế gian không còn chấp thủ. Do không châp thủ nên không dính mác, do không dính mác nên tự mình chứng ngộ Niết-bàn: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh.” Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả La-đà nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

126. PHÁP CHÉT (2)57 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật trú tại núi Ma-câu-la và khi đó có Tỳ-kheo La-đà làm thị giả. Bấy giờ, Thế Tôn bảo La-đà rằng: -Những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc tương lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế? hoặc tốt hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần thì hãy nên quán sát tất cả đều là pháp chết. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. (Phăn tiếp theo giông như kinh trên). ***

127. PHÁP ĐOẠN (l)58 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật trú tại núi Ma-câu-la và khi đó có Tỳ-kheo La-đà làm thị giả. _ _ Bay giơ, The Ton bao La-da răng: Những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc tương lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần thì hãy nên quán sát tất cả đều là pháp đoạn.59 Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Vi Thánh đệ tử đa văn quán sát như vậy rồi thì đối với sắc sẽ sanh tâm nhàm chán. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng sẽ sanh tâm nhàm chán. Do nhàm chán nên không yêu thích. Do không yêu thích nên đạt được giải thoát, giải thoát tri kiến, tự biết rằng: “Sụt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Đức Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo La-đà nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

57 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.126. 0040c28). Tham chiếu: s. 23.24 - III. 199. 58 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.127. 0041a05). Tham chiếu: s. 23.19-21 - III. 197; S. 23.22 - III. 197. • 59 Đoạn pháp (khayadhammā).



Cũng như kỉnh Quản sát pháp đoạn, các kinh Quản sát pháp diệt; Quán sát pháp xả bỏ; Quản sát pháp vô thường; Quán sát pháp kho; Quán sát pháp không; Quản sát pháp chẳng có ngã; Quán sát pháp vô thường, kho, không, vô ngã; Quán sát pháp bệnh; Quản sát pháp ung nhọt; Quán sát pháp gai nhọn; Quản sát pháp sát hại, Quản sát pháp góc rê giết hại; Quản sát bệnh, ung nhọt, gai nhọn, giết hại và gốc rễ của giết hại; cũng được nói như kinh trên. ***

128. PHÁP ĐOẠN (2)60 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật trú tại núi Ma-câu-la và khi đó có Tỳ-kheo La-đà làm thi giả. Bấy giờ, Thế Tôn bảo La-đà rằng: Những gì thuộc

về sắc, hoặc quá khứ, hoặc tương lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tê, hoặc đẹp hoặc xâu, hoặc xa hoặc gân thì tát cả hãy nên quán sát chúng đêu là pháp đoạn. Quán sát vậy roi thì đôi với sác, dục tham được đoạn trừ. Khi dục tham được đoạn trừ rồi thì Ta nói rằng tâm giải thoát hoàn toàn.61 Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy, Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả La-đà nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Cũng vây, mười bốn kinh tiếp theo có nội dung như trên). ***

129. PHÁP ĐOẠN (3)62 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật trú tại núi Ma-câu-la và khi đó có Tỳ-kheo La-đà làm thị giả. Bấy giờ, Thế Tôn bảo La-đà rằng: -Những gì thuộc vê sác, hoặc quá khứ, hoặc tương lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần thì tất cả hãy nên quán sát chúng đều là pháp đoạn. Quán sát pháp đoạn vậy rồi thì đối với sắc, dục tham được đoạn trừ. Khi dục tham đã được đoạn trừ, Ta nói rằng tâm giải thoát hoàn toàn.63 Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

60 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.128. 0041a21). Nguyên tác: Thiện giải thoát (suvimuttaṃ. Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển l, tr. 19; Tạp.(02. 0099.22. 0004c2Ò). 62 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.129. 0041a29). 63 Nguyên tác: Thiện giải thoát (suvimuttà). Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển l, tr. 19; Tạp.(r.02. 0099.22. 0004c2Ò).



Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả La-đà nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

130. NAM THỦ UẨN VÀ THỈNH CÀU ĐẠI sư64

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ ở vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ.

,

Bây giờ, The Ton bao các Ty-kheo:

Muốn đoạn năm thủ uẩn thì hãy thỉnh cầu Đại sư. Năm thủ uẩn là gì? Đó là sắc thủ uẩn; thọ, tưởng, hành và thức thủ uẩn. Muốn đoạn năm thủ uẩn này thì hãy thỉnh cầu Đại sư.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

Như kinh "Nên đoạn... ", các kỉnh sau cũng được nói như vậy:

1. Nên biết.
2. Nên nhổ bỏ.
3. Nên đình chỉ.
4. Nên buông xả... cũng giống như thế.

Như kinh "Thinh cầu Đại sư... ", các kỉnh sau cũng được nói như vậy:

1. Bậc thây cao cả.
2. Bậc thầy dạy theo thứ lớp.
3. Bậc giáo giới.

4. Bậc giáo giới cao cả.
5. Bậc giảo giới theo thứ lớp.
6. Bậc thông suốt.
7. Bậc hiểu rộng thông suốt.
8. Bậc viên thông.
9. Bậc dẫn đường.
10. Bậc dẫn đường cao cả.
11. Bậc dẫn đường cứu cảnh.
12. Bậc thuyết giảng.
13. Bậc thuyết giảng rộng rãi.
14. Bậc thuyết giảng theo thứ lớp.

64 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.130. 0041Ò07). Tham chiếu: s. 23.35-45 - III. 200; S. 23.46-III. 201. •



15. Bậc chân chánh.
16. Bạn đồng hành.
17. Bậc trí thức chân chảnh.
18. Người thân.
19. Người có lòng thương xót.
20. Người có lòng từ bỉ,
21. Người chuộng nghĩa.
22. Người an ôn.
23. Người chuộng an yên.
24. Người chuộng tiếp xúc.
25. Người chuộng an ủi.
26. Người có hoài bão.
27. Người tỉnh tấn.
28. Người biết phương tiện.
29. Người tinh cần.
30. Người mạnh mẽ.
31. Người vững chãi.
32. Người cứng cỏi.
33. Người kham nhẫn.
34. Người chuyên cần.
35. Người có tâm bát thoái.

36. Người giữ gìn vững chác.
37. Người thường tu tập.
38. Người không buông lung.

39. Người hòa hợp.
40. Người có tư duy.
41. Người có trí nhớ.
42. Người có tỉnh giác.
43. Người có hiểu biết.
44. Người sảng suốt.
45. Người trí tuệ,
46. Người biết tiếp nhận.
47. Người biết suy nghĩ.
48. Người Phạm hạnh.
QUYỂN 6 175
49. Người có niệm xứ.
\
50. Người có chánh cân.
51. Người có như ỷ túc.
52. Người có căn lành.
53. Người có sức khỏe.
54. Người có giác phần.
55. Người có đạo phần.
56. Người có thiền chỉ.
57. Người có thiên quán.
58. Người biết niệm thân.
59. Người chánh niệm.
***
131. THÂN CẬN VỚI SẮC65
Tôi nghe như vầy:
Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ.
Bấy giờ5 Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nấu Sa-môn, Bà-la-môn nào thân cận với sắc sẽ bị tùy thuộc theo quyền lực của ma, rơi vào tay ma, chiều theo ý muốn của ma, bị ma trói buộc, không thoát khỏi ma chướng. Đoi với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào không thân cận với sắc, Sa-môn, Bà-la-môn đó không bị tùy thuộc theo quyền lực của ma, không rơi vào tay ma, không chiều theo ý muốn của ma, thoát khỏi sự trói buộc của ma, thoát khỏi ma chướng. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Cũng như Kinh thân cận, các kinh: 1. Thân cận dính mắc. 2. Vi ngọt. 3. Xác đinh dính mắc. 4. Dừng lại. 5. Sai sử. 6. Đi đến. 7. Lựa chọn.

65 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.131. 0041b25).

176 KINH TẠPA-HÀM

8. Không buông xả. 9. Không nhổ bỏ... thì các Sa-môn, Bà-la-môn cũng bỉ tùy thuộc theo quyền lực của ma... cũng được nói như kinh trên. ***

132. KHÔNG THÂN CẬN VỚI SẮC6667 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. __ Bay giờ, The Ton bao các Ty-kheo: -Nếu Sa-môn5 Bà-la-môn nào không thân cận với sắc thì không bị tùy thuộc theo quyền lực của ma, không rơi vào tay ma, không chiều theo ý muốn của ma, không bi ma trói buộc, thoát khỏi ma chướng. Không thân cận với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Cho đến "NhS bỏ sắc "... cũng được nói như th&.67 ***

133. SÁU Cơ SỞ KIẾN CHẤP68 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà5 thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ, Thê Tôn hỏi các Tỳ-kheo: Do có cái gì, do tập khởi cái gì, do dính mắc nơi cái gì, do chấp ngã nơi cái gì69 khiến chúng sanh bi vô minh che lấp, bi ái buộc cổ? phải rong ruổi đường dài, luân hồi sanh tử, lưu chuyển sanh tử không biết đâu là cội nguồn?70 Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp. Kính mong Ngài thuyết giảng cho chúng con. Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ lãnh thọ và phụng hành.

66 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp. 0.02. 0099.132. 0041c07). 67 Bản Hán tỉnh lược, các kinh tiếp theo được liệt kê như kinh Tạp.(02. 0099.131. 0041Ồ25), nhưng nội dung tương phản. Nghĩa là, tiếp theo kinh số 131; Tạp.(T02. 0099.131.0041Ồ25) là Kinh thân cân với sác thì kinh số 132; Tạp.(02. 0099.13,2. 0041c07) tiếp theo ở đây là 44khôngthân cận với sắ(?' cho đến 4tnhổ b6" và tương phản là ukhông nhổ bỏ.,, 68 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.133. 0041 c 14). Tham chiếu: Tạp. 0.02. 0099.142. 0Ò43a20); 's. 22.151 - III. 181; s. 24.2 - m. 203. 69 Nguyên tác: Hà sở kiến ng().Tham chiếu: s. 22.151 III. 181: Kim abhinivissa (Thiên chấp vê điều gì?), HT. Thích Minh Châu dịch. 70 Nguyên tác: Bản tế (,z?j kotī), chỉ cho cội nguồn vạn vật, cội nguồn chân lý.

QUYÊN 6^ 177

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: -Hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng cho các thầy. Này các Tỳ- kheo! Do có sác, do sự tập khởi của sắc, do dính mác nơi săc, do châp ngã nơi sắc khiến chúng sanh bi vô minh che lấp, bị ái trói cổ, phải rong ruổi đường dài, luân hồi sanh tử, lưu chuyển sanh tử. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Này các Tỳ-kheo! sắc là thường hay vô thường? -Bạch Thế Tôn, là vô thường! -Những gì vô thường là khổ chăng? -Bạch Thế Tôn, là khổ! Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Nếu vô thường là khổ thì nỗi khổ này có mặt là do có sắc,71 do sự tập khởi của sắc, sự dính mắc nơi sắc, do chấp ngã nơi sắc khiến chúng sanh bị vô minh che lấp, bi ái trói co, phải rong ruổi đường dài, luân hồi sanh tử, lưu chuyển sanh tử. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Thê nên, này các Tỳ-kheo! Những gì thuộc vê săc9 hoặc quá khứ, hoặc tương lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần thì tất cả chúng chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng tồn tại trong nhau. Thấy như vậy gọi là có chánh tuệ. Đối với thọ, tưởng, hành,

thức cũng lại như vậy. Cũng vậy, với cái thấy, cái nghe, cái hay, cái biết, mong cầu, thủ đắc, nhớ nghĩ, cảm nhận, quán xét7273thì tất cả chúng đều chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ton tại trong nhau. Thay như vậy gọi là có chánh tuệ. r \ / Nêu có nhận thức cho răng có ngã, có thê gian, có đời này là pháp thường hằng, không biến đổi thì tất cả những thứ ấy chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã? chẳng ton tại trong nhau. Thay như vậy gọi là có chánh tuệ. Lại nữa, nếu có nhận thức cho rằng chẳng có ngã này, chẳng có ngã sở này, chẳng có ngã ở tương lai, chẳng có ngã sở ở tương lai thì tất cả chúng đều không phải ngã, không phải khác ngã, cũng không tồn tại trong nhau. Thấy như vậy gọi là có chánh tuệ. Vị Thánh đệ tử đa văn đối với sáu cơ sở kiến chấp này,73 quán sát chúng không phải là ngã, không phải là ngã sở. Quán sát vậy roi sẽ cham dứt hoài nghi đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng. Này các Tỳ-kheo! Đó gọi là vi Thánh đệ

71 Nguyên tác bị thiếu chữ "sắc"().Căn cứ vào thọ, tưởng, hành, thức được đề cập ở phần sau nên bổ sung. 72 Tham chiếu: s. 24.2 - III. 203: Yampidarn ditiharn sutam rnutam viññātarn pattamypariyesitarn anuvicaritarn manasā (Cái gì được thấy, được nghe, được cảm đến, được biết, được tìm cầu, được ý tư duy...), HT. Thích Minh Chau dịch. 73 Nguyên tác: Lục kiến xứ ().Kiến xứ (ditthitthāna)'. Cơ sở của kiến chấp.
Theo định nghĩa của M. 22, Alagaddūpama Sutta (Kinh ví dụ cọn rắn) và Ạ-lê-tra kinh (ro l. 0026.200. 0765c05), 6 kiến xứ chỉ cho sự cô chập vào 5 thủ uân và yêu tô thứ sáu là thê giới, xem đó là tôi, là tự ngã của tôi.



tử đa văn không còn tạo nghiệp thân, miệng, ý khiến đọa ba đường ác nữa. Giả sử còn buông lung, vị Thánh đệ tử đa văn ấy nhất định vẫn hướng đến giác ngộ/4 tối đa bảy lần tái sanh vào cõi trời, cõi người sẽ chấm dứt khổ đau. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

134. CHẤM DỨT HOÀI NGHI BỐN ĐẾ74 75 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. r _ r _ _ Bay giờ, The Ton bao các Ty-kheo: (Giống như kinh trên đã nói, chỉ khác biệt ở đoạn sau): -Nếu vị Thánh đệ tử đa văn đối với sáu cơ sở kiến chấp này quán sát chúng không phải là ngã, không phải ngã sở. Quán sát như vậy roi sẽ châm dứt hoài nghi đối với khổ, chấm dứt hoài nghi đối với tập, diệt, đạo. Này các Tỳ-kheo! Đó gọi là vị Thánh đệ tử đa văn không còn tạo nghiệp nơi thân, miệng, ý khiến đọa ba đường ác nữa,... (nói rộng như vậy cho đến) chấm dứt khổ đau. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

135. DỨT SẠCH HOÀI NGHI76 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Ắ T-V • y Ắ rr\ rpi 17 Z r-p y l 1 Bay giơ, The Ton bảo các Tỳ-kheo: (Giống như kinh 133 đã nói, chỉ khác biệt ở đoạn sau): Nếu vi Thánh đệ tử đa văn đối với sáu cơ sở kiến chấp này quán sát chúng không phải là ngã, không phải là ngã sở. Quán sát như vậy rồi sẽ chấm dứt hoài nghi đối với Phật, chấp dứt hoài nghi đối với Pháp, Tăng, khổ, tập, diệt và đạo... (nói rộng như vây cho

đên) châm dứt khô đau. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

74 Nguyên tác: Tam-bồ-đề (,Sambodhi): Giác ngộ, Chánh đẳng giác, Niết-bàn. 75 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.134. 0042a16). 76 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp. 0.02. 0099.135. 0042a24).



136. NGUYÊN NHÂN SANH TỬ 77 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ, Thê Tôn hỏi các Tỳ-kheo: -Này các Tỳ-kheo! Do có cái gì, do tập khởi cái gi, do dính mắc nơi cái gì, do chấp ngã nơi cái gì khiến chúng sanh bị vô minh che lấp, bi ái buộc cS, phải rong ruổi đường dài, luân hồi sanh tử, lưu chuyển sanh tử không biết đâu là cội nguồn? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp. Kính mong Ngài thuyết giảng cho chúng con! Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ lãnh thọ và phụng hành. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Hãy lăng nghe, khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng cho các thây. Này các Tỳ- kheo! Do có sắc, do sự tập khởi của sắc, do dính mắc nơi sắc, do chấp ngã nơi sắc khiến chúng sanh bị vô minh che lấp, bị ái trói cổ, phải rong ruổi đường dài, luân hôi sanh tử, lưu chuyên sanh tử. Đôi với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Này các Tỳ-kheo! sắc là thường hay vô thường? Các Tỳ-kheo đáp: -Bạch Thế Tôn, là vô thường! The Ton hỏi: -Những gì vô thường là khổ chăng? Các Tỳ-kheo đáp: -Bạch Thế Tôn, là khổ! Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Nếu vô thường là khổ thì nỗi khổ này có mặt là do có sắc/8 do sự tập khởi của sắc, do dính mắc nơi sắc, do chấp ngã nơi sắc khiến chúng sanh bi vô minh che lấp, bị ái trói cổ5 phải rong ruổi đường dài, luân hồi sanh tử, lưu chuyển sanh tử. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc tương lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc đẹp hoặc xâu, hoặc xa hoặc gân thì tát cả chúng chăng phải ngã, chăng phải khác ngã, chăng tôn tại trong nhau. Thấy như vậy gọi là có chánh tuệ. Đối với thọ? tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

77 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.136. 0042ỒỒ2). 78 Nguyên tác bị thiếu chữ sắc ().Căn cứ vào các yếu tố thọ, tưởng, hành, thức được đề cập ở phần sau nên bổ sung. Phần còn lại của kinh số 133; Tạp.(T.02. 0099.133. 0041 c 14).



Cũng vậy, cái thấy, cái nghe, cái hay, cái biết, mong cầu, thủ đắc, nhớ nghĩ, cảm nhận, quán xét thì tất cả chúng đều chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chăng tôn tại trong nhau. Thây như vậy gọi là có chánh tuệ. Nêu có nhận thức cho răng có ngã, có đời này, có đời khác, có thường, có hằng, không biến đổi thì tất cả những thứ ấy chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng tồn tại trong nhau. Thấy như vậy gọi là có chánh tuệ. Lại nữa, nếu có nhận thức cho rằng cái này không phải là ngã, không phải là ngã sở, không có ngã ở tương lai, không có ngã sở ở tương lai thì tất cả chúng đều không phải ngã, không phải khác ngã, cũng không tồn tại trong nhau. Thấy như vậy gọi là có chánh tuệ.

Vị Thánh đệ tử đa văn đối với sáu cơ sở kiến chấp này, quán sát chúng không phải là ngã, không phải ngã sở. Quán sát vậy roi sẽ châm dứt hoài nghi đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng. Này các Tỳ-kheo! Đó gọi là vị Thánh đệ tử đa văn không còn tạo nghiệp thân, miệng, ý khiến đọa ba đường ác nữa. Giả sử còn buông lung thì vị Thánh đệ tử đa văn ây nhát định vân hướng đên giác ngộ, tối đa bảy lần tái sanh vào cối trời, người rồi sẽ chấm dứt khổ đau. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

137. NGUYÊN NHÂN SANH TỬ (2) Kỉnh thứ hai này19 nội dung cũng như thế, chỗ khác Yihau\ "Chấm dứt hoài nghi đối với khổ, tập, diệt, dạo.” ***

138. NGUYÊN NHÂN SANH TỬ (3) Kinh thứ ba này^ nội dung cũng như thế, chỗ khác nhau\ "Chấm dứt hoài nghi đối với Phật, Pháp, Tăng và khổ, tập, diệt, đạo.,8ỉ

79 Tạp.(r02. 0099.137. 0042c05). Kinh thứ nhất là kinh số 136; Tạp.(r02. 0099.136. 0042ỒỒ2). 80 Tạp. B (7.02. 0099 138 0042c07). 81 Bản Hán, hết quyển 6.

QUYỀN 7 181

QUYỂN7 139. NGUYÊN NHÂN KHỔ NÃO (l)1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Do có cái gì, do tập khởi của cái gì, do ràng buộc bởi cái gì, do dính mắc bởi cái gì, do chấp ngã đối với cái gì khiến buồn, lo, khổ, não chưa khởi thì phát khởi; buồn, lo, khổ, não đã khởi thì càng tăng thêm? Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cử của giáo pháp. Kính mong Ngài thuyết giảng cho chúng con! Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ lãnh thọ và phụng hành. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: -Do có săc, do sự tập khởi của sác, do ràng buộc nơi sc, do dính mác nơi sắc, do chấp ngã nơi sắc khiến buồn, lo, kho, não chưa khởi thì phát khởi; buồn, lo, khổ, não đã khởi thì càng tăng thêm. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Này các Tỳ-kheo! Ý các thầy nghĩ sao? sắc là thường hay vô thường? Các Tỳ-kheo đáp: -Bạch Thế Tôn, là vô thường! The Ton hỏi: -Những gì vô thường là khổ chăng? Các Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Tôn, là khổ! Đức Phật dạy: Thật vậy, này các Tỳ-kheo! Nếu vô thường là khổ thì nỗi khổ này có mặt là do có sắc, do sự tập khởi của sắc, do trói buộc nơi sắc, do dính mắc nơi sắc, do chấp ngã nơi sắc khiến buồn, lo, khổ, não chưa khởi thì phát khởi; buồn, lo, khổ, não đã khởi thì càng tăng thêm. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

1 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.139. 0042c15).

182 KINH TẠP A-HÀM _____

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc tương lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần thì tất cả những thứ ấy chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng phải tồn tại trong nhau. Thấy như vậy gọi là có chánh tuệ. Đoi với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Cũng vậy, cái thấy, cái nghe, cái hay, cái biết, sanh khởi, mong cầu, nhớ nghĩ, cảm nhận, quán xét, tát cả những thứ ây đêu chăng phải ngã, chăng phải khác ngã, chăng

phải tôn tại trong nhau. Thây như vậy gọi là có chánh tuệ. Nếu có nhận thức cho rằng có ngã, có thế gian, có đời này, co đời khác, có thường, có hằng, không biến đổi, tất cả những nhận thức ấy chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng phải tồn tại trong nhau. Thay như vậy gọi là có chánh tuệ. Lại nữa, nếu có nhận thức cho rằng đời này chẳng có ngã, cũng chẳng có ngã sở, đời sau chẳng có ngã, cũng chẳng có gì ngã sở, tất cả những nhận thức ấy đều chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng phải tồn tại trong nhau. Thay như vậy gọi là có chánh tuệ. Vị Thánh đệ tử đa văn đôi với sáu cơ sở kiên châp quán sát chúng không phải là ngã, không phải ngã sở. Quán sát vậy rồi sẽ chấm dứt hoài nghi đối với Phật, đối với Pháp và đối với Tăng. Này các Tỳ-kheo ! Đó gọi là vị Thánh đệ tử đa văn không còn tạo nghiệp thân, miệng, ý khiến đọa ba đường ác nữa. Giả sử còn buông lung, vị Thánh đệ tử đa văn ấy nhất đinh vẫn hướng đến giác ngộ, tối đa bảy lần tái sanh vào cõi trời hay cõi người rồi sẽ chấm dứt khổ đau. Khi đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đã hoan hỷ phụng hành. ***

140. NGUYÊN NHÂN KHỔ NÃO (2) Kinh này2 nôi dung tương tự như kinh 139, chỉ khác ở chỗ\ "Chấm dứt hoài nghi đối với khổ, tập, diệt, dạo.” ***

141. NGUYÊN NHÂN KHỔ NÃO (3)3 Kinh này cũng tương tự như kỉnh trên, chỉ có khác biệt là: “Dứt hết mọi hoài nghi đối với Phật, Pháp, Tăng và đối với khổ, tập, diệt, dao?9 ***

2 Tạp.(r.O2. 0099.140. 0043a16). 3 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.141. 0043a16).

QUYỂN 7  183

142. NGÃ VÀ NGÃ SỞ (l)4 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Do có cái gì, sanh khởi cái gì, ràng buộc bởi cái gì, dính mắc bởi cái gì, chấp ngã nơi cái gì để khiến cho các kiết sử ngã, ngã sở và ngã mạn trói buộc chưa sanh khởi liền sanh khởi; các kiết sử ngã, ngã sở và ngã mạn trói buộc đã sanh khởi càng thêm tăng trưởng? Các Tỳ-kheo bạch Phật:  Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp... (Nói đầy đủ như kỉnh số Ỉ39f cho đến): Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

143-144. NGÃ VÀ NGÃ sở (2-3) Hai kỉnh này56cũng tương tự như kinh số 142.6 ***

145. SANH KHỞI HỮU LÀU . 7 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo:  Do có cái gi, sanh khởi cái gì, ràng buộc bởi cái gì, dính mắc bởi cái gi, chấp ngã nơi cái gì để khiến cho phiền não, chướng ngại, nóng bức, lo buồn, khổ não chưa sanh khởi liền sanh khởi; phiền não, chướng ngại, nóng bức, lo buồn, khổ não đã sanh khởi càng thêm tăng trưởng? Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp...

4 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.142. 0043a20). Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.133. 0041C14); S. 22.151 - m. 181; s. 24.2 - III. 203. 5 Tạp.(r.O2.

0099.143. 0043a27); Tạp.(7.02. 0099.144. 0043a27). 6xCăn cứ theo Tạp A-hàm kinh luận hôi biên (K30. 0030.1. OOOlaOl) của HT. Ấn Thuận. 7 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.145. 0043a28).



Nói đầy đủ như ba bài kỉnh 139,140, Ỉ4P ở trên. ***

146. BA CẢM THỌ8

9

Tôi nghe như vây:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

'pv Á • y rpi Á l r-p 19 rp y l

Bây giơ, The Ton bao các Ty-kheo:

Do có cái gì, sanh khởi cái gì, ràng buộc bởi cái gì, dính mắc bởi cái gì, chấp ngã nơi cái gì để khiến cho ba loại cảm thọ khởi lên ở thế gian?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

-Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp...

Nói đầy đủ như ba bài kỉnh 139, 140, 141 ở trên.

***

147. BA KHỔ10

Tôi nghe như vây:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà9 thuộc nước Xá-vệ.

r - _ _____ r _____ _ _

Ạ *5 rr^f , rr^ y

/X l 9 *1 i

Bay giờ The Ton bao các Ty-kheo:

Do có cái gì, sanh khởi cái gì, ràng buộc bởi cái gdính mắc bởi cái gì, chấp ngã nơi cái gì để khiến cho ba sự khổ11 khởi lên ở thế gian?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

-Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp...

Nói đầy đủ như ba bài kỉnh 139, 140, 141 ở trên.

***

148. TÁM PHÁP12

Tôi nghe như vày:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà9 thuộc nước Xá-vệ.

8 Nguyên tác: Như thi quảng thuyết, thứ đệ như thượng tam kinh ().Ba kinh đầu tiên của quyển thứ bảy trong Tạp.(r.02. 0099.139. 0042c 15); Tạp.(T.02. 0099.140. 0043a16); Tạp.(f.02. 0099.141. 0043al6). 9 Tựa đề đặt theo nội dung kinh.

Tạp.(r02. 0099.146. 0043b05). Tham chiếu: s. 22.150 - III. 180; S. 35.105 -IV. 85. 10 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.147. 0043b 10). 11 Nguyên tác: Tam khổ ()Ba thứ khổ của chúng sanh, đó là khổ khổ, hành khổ, hoại khổ. 12 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.148. 0043Ồ15).

QUYỂN 7 185

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Do có cái gi, sanh khởi cái gì, ràng buộc bởi cái gì, dính mắc bởi cái gì, châp ngã nơi cái gì đê khiên cho tám pháp13 khởi lên ở thế gian? Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Thê Tôn là cội nguôn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp... Nói đầy đủ như ba bài kinh 139, 140, 141 ở trên. ***

149. TA HƠN14 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Do có cái gi, sanh khởi cái gì? ràng buộc bởi cái gì, dính mắc bởi cái gì, chấp ngã nơi cái gì để khiến cho chúng sanh khởi lên cái thấy như vầy và nói như vầy: “Ta hơn người khác, ta bằng với người khác, ta kém hơn người khác"? Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp... Nói đầy đủ như ba bài kinh 139, 140, 141 ở trên. ***

150. NGƯỜI HƠN15 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. . • . Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Do có cái gì, sanh khởi cái gì, ràng buộc bởi cái gì? dính mắc bởi cái gi, chấp ngã nơi cái gì để khiến cho chúnẹ sanh khởi lên cái thấy như vầy và nói như vầy: "C6 người hơn ta, có người băng ta, có người kém hơn ta"? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp... Nói đầy đủ như ba bài kỉnh 139, 140, 141 ở trên. ***

13 Nguyên tác:, Bát pháp (1 )Támpháp ở thế gian (atthā lokadhammā), đó là được, mất, nhục, vinh, khen, chê, khô, vui (,,, ni,). 14 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.149. 0043Ò20). Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.150. 0Ò43Ò26); Tạp. Ề (02. 0099.151. 0043c03); s. 35.108 - IV. 88. 15 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.150. 0043Ồ26). Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.149. 0Ò43Ò20); s. 35.108 - IV. 88.

186 KINH TẠP A-HÀM

151. HƠN VÀ KÉM16 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bây giơ, Thê Ton bao các Tỳ-kheo: Do có cái gì5 sanh khởi cái gì, ràng buộc bởi cái gì, dính mắc bởi cái gì, chấp ngã nơi cái gì để khiến cho chúng sanh khởi lên cái thấy như vầy và nói như vầy: "Không có người nào hơn ta, không có người nào bằng ta, không có người nào kém ta"? Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp... Nói đầy đủ như ba bài kinh 139, 140, 141 ở trên. ***

152. CÓ NGÃ17 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà9 thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bảo các Tỳ-kheo: Do có cái gì? sanh

khởi cái gì, ràng buộc bởi cái gì, dính mắc bởi cái gì, chấp ngã nơi cái gì để khiến cho chúng sanh khởi lên cái thấy như vầy và nói như vầy: “C6 ngã, có đời này, có đời khác, là pháp thường hằng không thay đổi, nên an trụ như vay"? Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Thê Tôn là cội nguồn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp... Nói đầy đủ như ba bài kinh 139, 140, 141 ở trên, ***

153. KHÔNG HAI18

Tôi nghe như vay:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

16 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.O2. 0099.151. 0043c03). Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.149. OỎ43b2O); s. 35.108 - IV. 88. 17 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.152. 0043c09). Tham chiếu: s. 22.152 - III. 182; S. 24.3 . IIL 204. 18 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.153. 0043cl5). Tham chiếu: s. 55.49 - v. 404.

QUYỂN 7 187

Do có cái gì, sanh khởi cái gràng buộc bởi cái gì, dính mắc bởi cái gì, châp ngã nơi cái gì đê khiên cho chúng sanh khởi lên cái thấy như vầy và nói như vầy: “Nhu vậy, ta và ngài/9 tất cả vốn không phải hai, cũng không phải khác, cũng không mất di” Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Thê Tôn là cội nguôn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp... Nói đầy đủ như ba bài kinh 139, 140, 141 ở trên. ***

154. CHẤP KHÔNG19 2021 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà9 thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Do có cái gì, sanh khởi cái gì? ràng buộc bởi cái gì, dính mắc bởi cái gchấp ngã nơi cái gì để khiến cho chúng sanh khởi lên cái thấy như vầy và nói như vầy: "Không có bố thí, không có tế lễ? không có chú nguyện, không có nghiệp báo của đường lành và đường ác, không có đời này và đời khác, không có mẹ, không có cha, không có chúng sanh; trong thế gian không có bậc A-la-hán chánh hạnh, chánh hướng ở đời này hay đời khác để tự mình giác ngộ ngay trong hiện tại, tự thân tác chứng và an trú đầy đủ rằng: 'Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh"?l Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp... Nói đầy đủ như ba bài kinh Ỉ39f 140, 141 ở trên. ***

19 Nguyên tác: Bỉ ()chỉ cho đấng Sáng thế Brahma. Đây chỉ cho mối liên hệ giữa tiểu ngã (attà) và đại nga (brahmā), là quan điểm của tnrcmg phái "Nhất nguyên man" (Vedanta), một trong 6 phái triết học ở Án Độ. 20 Tựa_đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.154. 0043c21). Tham chiếu: Sa-môn quả kinh (T.01. 0001.27/0107a20); Tịch chỉ quả kinh (roi. 0022. 0270c27); &g. (T02. 0125.43.7. 0762a07); D. 2, Sāmañňaphala Sutta (Kinh Sa-môn quả); s. 24.5 - III. 206. 21 Chủ trương 4tĐoạn diệt luān,> (Ucchedavādā) của Ajita Kesakambala. Tham chiếu: D. 2, Sāmañňaphala Sutta (Kỉnh Sa-môn quả): Natthi, mahārāja, dinnarn, natthi yittharn,

natthi hutarn, natthi sukatadukkatānam kammānam phalarn vipāko, natthi ayam loko, natthi paro loko, natthi mātā, natthi pitā, natthi sattā opapātikā, natthi loke samanabrāhmanā sammaggatā sammāpatipannā, ye imañca lokarn parañca lokam sayarn abhiññā sacchikatvā pavedenti. (Này Đại vương, không có bô thí, không có lê hy sinh, không có tể tự, không có quả dị thục các nghiệp thiện ác, không có đời này, khòng có đời khác, không có mẹ, không có cha, khổng co loại hóa sanh, ở đời không có những vị Sa- môn^ những vị Bà-ía-môn chánh hướng, chánh hạnh, đa tự mình chứng tri giác ngộ dơi này đời khác và truyến dạy lại), HT. Thích Minh Châu dịch.



155. KHÔNG CÓ Nỏ Lực22 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ, Thê Ton bao các Tỳ-kheo: Do có cái gì, sanh khởi cái gì, ràng buộc bởi cái gì, dính mắc bởi cái gì, chấp ngã nơi cái gì để khiến cho chúng sanh khởi lên cái thấy như vầy và nói như vầy: "Không có sức mạnh, không có tinh tân, không có nô lực tinh tân, không có người nỗ lực, không có người tinh cần, không có người nỗ lực tinh cần, không phải tự mình làm, không phải do người khác làm, kh6ng phải tự mình làm hay người khác làm;2324 tát cả con người, tát cả chúng sanh, tát cả thân linh đều không có nỗ lực, không có sức mạnh, không có thế lực, không có tinh tấn, không đủ khả năng; họ phải chịu khổ vui theo định mệnh và liên tục chuyển biến trong sáu nẻo luân h3i"?24 Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp... Nói đầy đủ như ba bài kinh 139, 140f 141 ở trên. ***

156. CHẾT LÀ HÉT25 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà9 thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ, The Ton bao các Ty-kheo: Do có cái gì, sanh khởi cái gì, ràng buộc bởi cái gì, dính mắc bởi cái gì, chấp ngã nơi cái gì đe khiến cho chúng sanh khởi lên cái thay như vay và nói như vầy: “Những chúng sanh sống ở thế gian này sau khi qua đời là mất hẳn, chẳng còn gì. Thân người là do bốn đại hợp thành, sau khi lâm chung thì đất trở vê với đất, nước trở về với nước, lửa trở về với lửa, gió trở về với gió, các căn hòa vào hư không, thân nam trên cáng làm người thứ năm, còn bốn người kia khiêng tử thi đến bãi tha ma. Thậm chí, khi thân chưa thiêu thì còn nhận ra,

lựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.Q2. 0099.155. 0044a01). Tham chiếu: Sa-môn quả kinh 22 (r.01. 0001.27. 0107a20); Tịch chí quả kinh (TOI. 0022. 0270c27); T.(7102. 0125.43.7. 0762a07); D. 2, Sāmañňaphala Sutta {Kinh Sa-môn quã); s. 24.5 - III. 206. 23 Tham chiếu: D. 2, Sāmañňaphala Sutta (Kinh Sa-môn qua)'. Natthi attakāre, natthi parakāre, natthi purisakāre, natthi balarn, natthi vīriyam, natthi purisathāmo, natthi purisaparakkamo. (Không có tự tác, không có tha tác, không có nhân tác, không có lực, không có tinh tấn, không có nhân lực, khòng co sự cố gắng của người), HT. Thích Minh Châu dịch. 24 Một phần trong chủ trương "Cịtc đoan định mệnh luān?, cùa Makkhali Gosāla. ,Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.156. 0044a 11). Tham chiếu: Sa-môn quả kinh (r.01.0001.2Z 0107a20); Tịch chỉ quả kinh (TOI. 0022. 0270c27); Tăng.(7102. 0125.43.7. 0762a07); D. 2, Sāmañňaphala Sutta {Kinh Sa-môn

quả); s. 24.5 - III. 206.

QUYỂN 7 189

nhưng khi thiêu rồi thì xương trắng tinh như màu lông bồ câu. Cho rằng người kiêu mạn biêt bô thí, người kém trí biết lãnh thọ; người nào nói như vậy thì thảy đêu là lời hư vọng, dối trá. Dù là người ngu hay là người trí, sau khi qua đời cũng đều mất hẳn, chẳng còn gi"?26 Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Thê Tôn là cội nguôn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp... Nói đầy đủ như ba bài kinh 139, 140, 141 ở trên. ***

27 157. KHÔNG NHÂN KHÔNG DUYÊN26 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. , Bay giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Do có cái gì, sanh khởi cái gì, ràng buộc bởi cái gi, dính mắc bởi cái gi, chấp ngã nơi cái gì để khiến cho chúng sanh khởi lên cái thấy như vầy và nói như vây: 'Thiên não của chúng sanh vôn không có nhân, không có duyên,9?28 Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp... Nói đầy đủ như ba bài kinh 139, l40f I4l ở trên, ***

158. Sự THANH TỊNH CỦA CHÚNG SANH2930 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Do có cái gì, sanh khởi cái gì, ràng buộc bởi cái gì, dính mắc bởi cái gì, chấp ngã nơi cái gì để khiến cho chúng sanh khởi lên cái thấy như vầy và nói như vầy: "Sự thanh tịnh của chúng sanh vốn không có nhân, không có duyên,,?3°

26 Chủ trương "Đoạn diệt luān?, (Ucchedavādā) của Ajita Kesakambala đã đề cập một phần ở kinh 154. Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.157. 0044a22). Tham chiếu: Sa-môn quả kinh (ròi. 0001 *27. 0107a20); Tịch chỉ quả kinh (TOI. 0022 0270c27); Tăng. 002. 0125.43.7. 0762a07); D. 2, Sāmañ ñaphala Sutta {Kinh Sa-môn quảy, s. 24.7 - III. 209. 28 Một phần trong chủ trương "Cịtc đoan định mệnh man" (Nỉyativãdà) của Makkhali Gosāla. Tham chiếu: D. 2, Sāmañ ñaphala Sutta {Kinh Sa-môn quả): Natthi hetu, natthi paccayā (không có nhân, không có duyên). 29 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.158. 0044a28). Tham chiếu: Sa-môn quả kinh2 (ròi. 000 L27. 0107a20); Tịch chí quả kinh (TOI. 0022 0270c27); Tg (7102. 0125.43.7. 0762a07); D. 2, Sāmañ ñaphala Sutta (Kinh Sa-môn quả); s. 24.7 - III. 209. 30 Một phần trong chủ trương "Cực đoan định mệnh man” (Niyativādd) của Makkhali Gosāla.

190 KINH TẠPA-HÀM

Các Tỳ-kheo bạch Phật:
-Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, là pháp nhăn, là nơi y cứ của giáo pháp...
Nói đầy đủ như ba bài kinh 139, 140, 141 ở trên.
***

159. KHÔNG THẤY, KHÔNG BIẾT31 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Do có cái gì, sanh khởi cái gràng buộc bởi cái gdính mắc bởi cái g chấp ngã nơi cái

gì để khiến cho chúng sanh khởi lên cái thấy như vầy và nói như vầy: "Sịt không thấy, không biết của chúng sanh vốn không có nhân, không có duyên,9?32 Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp... Nói đầy đủ như ba bài kinh 139, 140, 141 ở trên. ***

160. THẤY VÀ BIẾT33

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước

Xá-vệ.

-f-x Ặ • 5 _ Á _ z _

FT^ Ạ. 12 FTP 5

Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo:

-Do có cái gì, sanh khởi cái gì5 ràng buộc bởi cái gdính mắc bởi cái gì, chấp ngã nơi cái gì để khiến cho chúng sanh khởi lên cái thấy như vầy và nói như

vầy: "Sụ* thấy và biết của chúng sanh vốn không có nhân, không có duyen^?34

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

-The Tôn là cội nguồn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp...

Nói đầy đủ như ba bài kinh 139, 140, 141 ở trên.

***

Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.159. 0044b05). Tham chiếu: Sa-môn quả kinh (roi. 0001.27. 0107a20); Tịch chỉ quả kỉnh (TOI. 0022. 0270c27); Tăng.(T02. 0125.43.7. 0762a07); D. 2, Sāmaññaphala Sutta {Kinh Sa-môn quả); s. 24.7 - III. 209. 32 Một phần frong chủ trương uCực đoan định mệnh man" (Niyativãdà) của Makkhali Gosāla. 33 Tựađề đặt theo nội dung kinh* Tạp.(102. 0099J6Q. 0044bl 1). Tham chiếu: Sa-môn quả kinh (roi. 0001.27/0107a2(j); Tịch chỉ quả (7101. 0022. 0270c27); Tăng. (T02. 0125.43.7. 0762a07); D. 2, Sāmaññaphala Sutta (Kinh Sa-môn quả); s. 24.7 - III. 209. 34 Nucmg theo ý kinh số 159; Tạp.(r02. 0099.159. 0044b05) nên bản của Trang Xuân Giang bổ sung:.

QUYỂN 7 191

161. BẢY LOẠI THÂN3536 37 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. , Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Do có cái gì, sanh khởi cái gi, ràng buộc bởi cái gì, dính mắc bởi cái gi, chấp ngã nơi cái gì để khiến cho chúng sanh khởi lên cái thấy như vầy và nói như vầy: "C6 bảy loại thân không bị tạo tác, không thuộc về sự tạo tác,36 không tự biến hóa, không do biến hóa, không tranh đấu, không dao động, luôn luôn vững chắc. Bảy thân ấy là gì? Đó là thân đất, thân nước, thân lửa5 thân gió, thân khổ, thân vui và thân mạng. Bảy thân này không bị tạo tác, không thuộc vê sự tạo tác, không tự biên hóa, không được biên hóa, không tranh dâu, không dao động, luôn luôn vững chắc, không xoay chuyển, không thay đổi, không bức bách lẫn nhau. Chúng hoặc có phước, hoặc có tội? hoặc có cả phước lẫn tội, hoặc khổ, hoặc vui, hoặc có cả khổ và vui, hoặc mạnh mẽ, hoặc đứng đầu cũng không bức bách the gian. Dù chúng là mạng, hoặc là thân, nhimg khi bị dao kiếm

chém thì cũng không tổn hại tính mạng, dao kiếm chỉ xuyên vào khoảng giữa bảy thân mà thôi. Đôi với thân này không giêt, không người giêt? không trói buộc, không người trói buộc, không nhớ nghĩ, không người nhớ nghĩ, không dạy dỗ, không người dạy d6”37 Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp... Nói đầy đủ như ba bài kinh 139, 140, 141 ở trên. ***

162. KHÔNG TIN có NGHIỆP BÁO38

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ.

Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo:

35 Tựađề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.161. 0044b 16). Tham chiếu: Sa-môn quả kinh (roi. 0001.27. 0107a2ỏ); Tịch chí quả kinh (roi. 0022. 0270c27); Tạp. (T.02. 0099.163. 0044c12); Tăng.(7102. 0125.43.7. 0762a07); D. 2, Sāmañña phala Sutta (Kinh Sa-môn qua); s. 24.8 - III. 211. 36 Nguyên tác: Phi tác, phi tác s&t&c ().Tham chiếu: s. 24.8 III. 211: akatavidhā (không bị tạo tác, không thuộc về sự tạo tác). 37 Quan điểm "Duy vật sơ khai thời cổ d'của Pakudha Kaccāyana. 38 Tựađề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.162. 0044b29). Tham chiếu: Sa-môn quả kinh (roi. 0001.27. 0107a20); Tịch chỉ quả kinh (TOI. 0022. 0270c27); Tăng. (T02. 0125.43.7. 0762a07); D. 2, Sāmañña phala Sutta (Kinh Sa-môn quảy, s. 24.6 - III. 208.

192 KINH TẠPA-HÀM

Do CÓ cái gì, sanh khởi cái gì, ràng buộc bởi cái gì, dính mac bởi cái gì, chấp ngã nơi cái gì để khiến cho chúng sanh khởi lên cái thấy như vầy và nói như vầy: "Tự mình làm hoặc bảo người khác làm, tự mình chém giết hoặc bảo người chém giết, tự mình đun nấu hoặc bảo người đun nấu, tự mình sát hại hoặc bảo người sát hại? tổn hại chúng sanh; hoặc trộm cướp tài vật của người, hoặc quan hệ bất chánh, hoặc biết mà nói dối, hoặc uống rượu, đào tường, bẻ khóa, cướp giật, chặn đường, phá làng, phá xóm, giết hại dân chung, hoặc dùng bánh xe gươm thật bén để cắt xẻo chúng sanh rồi chất thành đống thịt lớn... dù có học theo như vậy, làm theo như vậy thì việc ấy không phải là nhân xấu ác, cũng không bị quả báo xấu ác. Hoặc giả ở phía Nam sông Hằng giết hại chúng sanh rồi đến phía Bắc sông Hằng mở hội bố thí lớn thì những việc làm này không phải là nguyên nhân tạo tội hay phước, cũng không chiêu cảm quả báo phước đức hoặc xấu ác. Ngay cả việc bo thí, điều phục, trì giới, tự lợi, lợi tha, những việc làm này cũng không đưa đến phước đức gì c2"?39 Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp... Nói đầy đủ như ba bài kinh 139, 140, 141 ở trên. ***

163. CÁC LOẠI CHÚNG SANH39 40 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. 'TJ Ấ • \ r-pl Ấ r-p 19 r r-p y 1 1 Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Do có cái gì, sanh khởi cái gì, ràng buộc bởi cái gì, dính mắc bởi cái gì, chấp ngã nơi cái gì đe khiến cho chúng sanh khởi lên cái thay như vay và nói

như vầy: "'d đây có một triệu bốn trăm ngàn (1.400.000) cửa thọ sanh, lại có thêm sáu mươi ngàn sáu trăm (60.600) cửa thọ sanh khác, lại có năm loại nghiệp,41 lại có ba nghiệp, lại có hai nghiệp, lại có một nghiệp, lại có nửa nghiệp, lại có sáu mươi hai con đường hành đạo, lại có sáu mươi hai nội kiếp,42 lại có một trăm hai mươi (120) cảnh địa ngục, một trăm ba mươi căn, ba mươi sáu cõi tham,43 bốn mươi chín ngàn (49.000) loài rồng, bốn mươi chín ngàn (49.000) loài chim

39 Quan điểm "Phi tác nghiệp luận,, (Akiriyavãdà) của Purana Kassapa. Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.163. 0044c 12). Tham chiếu: Sa-môn quả kinh (r.01. 0001.27. ỒỈỒ7á20ỵ Tịch chỉ quả kinh (t61. 0022. 0270c27); Tạp.(02. 0099.161. 0044b16); Tăng.(roi 0125.43.7. 0762a07); a 2, Sāmañña phala Sutta {Kinh Sa-mon quã); S. 24.8-III. 211. 41 Tham chiếu: D. 2, Sāmañña phala Suita (Kình Sa-mon qua)'. Pañca ca kammuno satāni pañca ca kammāni (Có 500 loại nghiệp và có 5 nghiệp (theo 5 căn)), HT. Thích Minh Châu dịch. 42 Nội kiếp (,antarakappă)'. Kiếp trung gian, trung kiếp. 43 Nguyên tác: Tham giới ().p. rāgā dhātuyo. Tham chiếu Pali: Chattimsa rajodhātuyo (36 cõi vi tran).



cánh vàng, bôn mươi chín ngàn (49.000) hạng ngoại đạo tà mạng, bôn mươi chín ngàn (49.000) hạng ngoại đạo xuất gia, bảy kiếp có tưởng, bảy kiếp vô tưởng, bảy loài a-tu-la? bảy loài tỳ-xá-giá, bảy loài trời, bảy loài người, bảy trăm biển lớn, bảy loại mộng, bảy trăm loại mộng, bảy vực tham, bảy trăm vực thẳm, bảy loại tỉnh thức, bảy trăm loại tỉnh thức, sáu loại chúng sanh,44 mười loại tăng tiến, tám giai đoạn của đời người.45 ở trong tám vạn bốn ngàn (84.000) đại kiếp này, hoặc là người ngu, hoặc là người trí, sau khi lưu chuyển luân hồi rồi mới hoàn toàn vượt thoát kho đau/ Trong đó không có Sa-môn, Bà-la-môn nào nói như vầy: 'Tôi luôn giữ giới, thực hành khổ hạnh, tu các Phạm hạnh để những nghiệp chưa thuần thục được thuần thục, những nghiệp đã thuần thục rồi thì buông xả/ Sự tiến lên hay giảm thiểu là không thể biết được. Sự khổ và vui này là thường trụ, sanh tử vốn có giới hạn nhất định. Giống như một ống chỉ được tung lên hư không, dần dần rơi xuống, chạm đất thì tự dừng. Cũng vậy, trong tám vạn bốn ngàn đại kiếp, sự sống chết vốn có giới hạn nhất định cũng giống như vãy,9?46 Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp... Nói đầy đủ như ba bài kinh 139, 140, 141 ở trên. ***

164. THUYẾT KHÔNG THẺ BIẾT4748 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-dà, thuộc nước Xá-vệ. Ạĩ _ • A _ Ạ riri A _ 12 Ạ rTi l -| Bây giờ, The Ton bao các Ty-kheo: Do có cái gi, sanh khởi cái gì, ràng buộc bởi cái gì, dính mắc bởi cái gì, chập ngã nơi cái gì đê khiên cho chúng sanh khởi lên cái thây như vây và nói như vầy: "Gió không thổi, lửa không cháy, s6ng không chảy, mũi tên không bắn ra; phụ nữ mang thai không sanh, sữa không vắt; mặt trời, mặt trăng hoặc mọc hoặc lặn, hoặc sáng hay tối đều không thể biết duvc"?48

44 Nguyên tác: Lục sanh ()Makkhali Gosāla chia ra có 6 hạng người. Theo Chủ giải Kinh Sa- mon qua (Sāmanñaphalasuttavannanā), 6 hạng người đó là: (i) Hạng đen

(kanhābhijātī)'. Làm nghề đồ tể, thợ săn; (ii) Hạng xanh (nīiābhijātī) chỉ cho các vị Ty-kheo, A(iii) Hạng đỏ (lohitabhijātī)'. Các vị tu khổ hạnh của Nigantha; (iv) Hạng vắng (haliddābhijātī)'. Tín đo cua phai lõa thể; (v) Hạng trắng (sukkābhijatī)'. Là nhưng du SI loa thê (ājīvako)', (vi) Hạng cực trắng (paramasukkābhijātīti) chỉ cho Makkhali Gosāla và các vị Tổ sư của ông ta như Nandā Vaccha, Kisa Sañkicca. 45 Nguyên tác: Bát đại sĩ địa ( ,Atthā purisabhūmiyo): Tám giai đoạn của đòd người. Theo Chủ giải Kinh Sa-môn quả (Sāmaññaphalasuttavannanā), 8 thời kỳ đó gôm thời ngu tôi (jnandabhūmi), thòd vui chơi (khiddābhūmi), thời tập đi (padavīmarnsabhūmī), thơi đứng thẳng (ujugatabhūmi), thời học tập (sekkhabhūmi), thời Sa-môn (samaụabhũmĩ), thời chinh phục (jinabhūmī) va thơi lụi tàn (pannabhūmī). 46 Một phần trong những chủ trương 4tCực đoan định mệnh luận^, (Niyatìvãdă) của Makkhali Gosāla. 47 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.164. 0045a02). Tham chiếu: s. 24.1 - III. 202; S. 24.19-IÌL 217; S. 24.45 -III. 211. 48 Một phần trong những chủ trương ctNgụy biện luān,? (Vìkkhepavâdà), còn gọi là "Bất khả tri man" của Sañjaya Belatthaputta.



Các Tỳ-kheo bạch Phật:
-Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp...
Nói đầy đủ như ba bài kinh 139, 140, 141 ở trên.
***

165. ĐẤNG SÁNG THẾ49 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Do có cái gì, sanh khởi cái gi, ràng buộc bởi cái gì, dính mắc bởi cái gì, chấp ngã nơi cái gì để khiến cho chúng sanh khởi lên cái thấy như vầy và nói như vầy: "Đại Phạm này là đấng Tự tại, là đấng Tạo ra tự nhiên, là cha của tất cả chúng sanh99?50 Các Tỳ-kheo bạch Phật:  Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp... Nói đầy đủ như ba bài kinh 139, 140, 141 ở trên. ***

166. HỮU BIÊN VÀ VÔ BIÊN51 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. pv Á • y Ấ  rpi rp 17 r rp! 5 [ 1 Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo:  Do có cái gì, sanh khởi cái gì, ràng buộc bởi cái gì, dính mắc bởi cái gì, chấp ngã nơi cái gì để khiến cho chúng sanh khởi lên cái thấy như vầy và nói như vây: "Sác là ngã, ngoài ra đêu là hư danh; vô sác là ngã, ngoài ra đêu là hư danh; sắc và vô sắc là ngã, ngoài ra đều là hư danh; không phải sắc cũng không phải vô sắc là ngã, ngoài ra đều là hư danh; ngã là hữu biên, ngoài ra đều là hư danh; ngã là vô biên, ngoài ra đều là hư danh; ngã là hữu biên cũng là vô biên, ngoài ra đều là hư danh; ngã chẳng phải hữu biên cũng chẳng phải vô biên, ngoài ra đều là hư danh; ngã là một tưởng, ngã là các thứ tưởng, ngã là nhiều tưởng, ngã là vô lượng tưởng; ngã chỉ thuần là vui, ngã chỉ thuần là

49 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.165. 0045a09). Tham chiếu: D. l, Brahmạiãla Sutta (Kinh Phạm võng). 50 Là một trong 62 lỵ thuyết ngoại đạo được nêu ra trong D. l, Brahmajāla Sutta (Kinh Phạm võng) tức chủ trương t4Một phần Thường

trú luận, Một phần Vô thường luận.,, 51 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.166. 0045al5). Tham chiếu: Tạp.(r02. 0099.167. 0Ò45a26); s. 24.37 - III. 218; s. 24.38-41 - III. 219; s. 24.42-44 - m. 220.



khổ, ngã vừa khổ vừa vui, hoặc ngã không khổ cũng không vui, ngoài ra đều là hư danh55?52 Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Thê Tôn là cội nguồn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp... Nói đầy đủ như ba bài kinh 139, 140, 141 ở trên. ***

167. CÁC LOẠI CHẤP NGÃ5354 55 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Do có cái gi, sanh khởi cái gì, ràng buộc bởi cái gì, dính mắc bởi cái gi, chấp ngã nơi cái gì để khiến cho chúng sanh khởi lên cái thấy như vầy và nói như vầy: “sắc là ngã, ngoài ra đều là vọng tưởng; không phải sắc và chẳng phải không phải sắc là ngã, ngoài ra đều là vọng tưởng; ngã là hữu biên, ngoài ra đều là vọng tưởng; ngã là vô biên, ngoài ra đều là vọng tưởng; ngã chẳng phải hữu biên cũng chăng phải vô biên, ngoài ra đêu là vọng tưởng; ngã là một tưởng, ngã là các loại tưởng, ngã là ít tưởng, ngã là vô lượng tưởng; ngã thuần là vui, ngã thuần là khổ, ngã vừa khổ vừa vui, ngã không khổ cũng không vui"?54 Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp... Nói đầy đủ như ba bài kinh 139, 140, 141 ở trên. ***

168. MƯỜI BỐN CÂU HỎI55

Tôi nghe như vây:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước

Xá-vệ.

ĩ r

Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo:

52 Là một trong 62 lý thuyết ngoại đạo được nêu ra trong p. l, Brahmạiãla Sutta (Kinh Phạm vông) quan điểm này gần với chủ trương 4tHữu tưởng sau khi chết", chấp bản ngã có tưởng sau khi chết VƠI ló luận chấp. 53 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.167. 045a26). Tham chiếu: Tạp.(r.02. 0099.166. OỎ45al5); s. 24.37 - III. 218; s. 24.38-41 - III. 219; s. 24.42-44 - III. 220. 54 Là một trong 62 lý thuyết ngoại đạo được nêu ra trong p. l, Brahmajāla Sutta {Kinh Phạm võng) quan điểm này gần với chủ trương ÍCHữu tưởng sau khi chết”, chấp bản ngã có tưởng sau khi chết VƠI 16 luận chấp. 55 Tựa đề đạt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.168. 0045Ò06). Tham chiếu: s. 24.9 - III. 213; S. 24.10-11 - III. 214; S. 24.12-17 - III. 215; s. 24.18 - III. 216.



-Do có cái gì, sanh khởi cái gì, ràng buộc bởi cái gì5 dính mắc bởi cái gì, châp ngã nơi cái gì đê khiên cho chúng sanh khởi lên cái thây như vây và nói như vầy: "Thế gian là thường/6 thế gian là vô thường, thế gian vừa thường vừa vô thường, thế gian chẳng phải thường cũng chẳng phải vô thường; thế gian là hữu biên, thê gian là vô biên, thê gian vừa hữu biên vừa vô biên, thê gian chăng phải hữu biên cũng chẳng phải vô biên;

mạng là thân, mạng khác với thân; Như Lai sau khi diệt độ còn tồn tại, Như Lai sau khi diệt độ thì không còn tồn tại, Như Lai sau khi diệt độ vừa tồn tại vừa không còn tồn tại, Như Lai sau khi diệt độ chẳng phải tồn tại cũng chẳng phải không tồn tại”?57 Các Tỳ-kheo bạch Phật:  Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp... Nói đầy đủ như ba bài kinh 139, 140, 141 ở trên. ***

169. CHẤP NGÃ, THẾ GIAN56 5859 57 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo:  Do có cái gì, sanh khởi cái gi, ràng buộc bởi cái gdính mắc bởi cái gì, chấp ngã nơi cái gì để khiến cho chúng sanh khởi lên cái thấy như vầy và nói như vây: "Thê gian và ngã là thường, thê gian và ngã là vô thường, thê gian và ngã vừa thường vừa vô thường, thế gian và ngã chẳng phải thường chẳng phải 9 7 9

VÔ thường; cái ngã khô đau là thường, cái ngã khô đau là vô thường, cái ngã khô đau vừa thường vừa vô thường, cái ngã kho đau chẳng phải thường chẳng phải VÔ thường; thê gian và ngã là tự tạo, thê gian và ngã là do cái khác tạo, thê gian và ngã vừa tự tạo vừa do cái khác tạo, thế gian và ngã chẳng phải tự tạo chẳng phải do cái khác tạo, chẳng phải tự tạo chẳng phải do cái khác tạo cũng chẳng có nhân gì tạo ra; thế gian và cái ngã khổ đau là tự tạo, thế gian và cái ngã khổ đau do cái khác tạo, thế gian và cái ngã khổ đau vừa tự tạo vừa do cái khác tạo, the gian và cái ngã khổ đau chẳng phải tự tạo chẳng phải do cái khác tạo, cũng chẳng có nhân gì tạo ra"?59

56 Nguyên tác: Ngã thế gian thường .Nguyên tác có thể dư chữ "nga". 57 Đây
làr14 câu hỏi cuangoai đạo mà đức Phật không trả lời, gọi là thập tứ vô ký hoặc thập tứ bát khả ký .Tham khảo nội dung tương tự ở kinh số 957;
Tạp.02. 0099.957. 0244a09. 58 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r02. 0099.169. 0045b15. Tham chiếu: D. l, Brahmcỳãla Sutta {Kinh Phạm vồng. 59 Đây là những quan điểm thuộc về 62 lý thuyết ngoại đạo được nêu rao trong D. l, Brahmạiãla Sutta {Kinh Phạm vông tức chủ trương t4Ngụy biện luan^, giống như quan điểm cua Sañjaya Belatthaputta.

QUYẾN 7  197

Các Tỳ-kheo bạch Phật:
-Thê Tôn là cội nguôn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp...
Nói đầy đủ như ba bài kinh 139, 140, 141 ở trên.
***

170. ĐỆ NHẤT NGHĨA BÁT-NIÉT-BÀN6061 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Do có cái gì, sanh khởi cái gì, ràng buộc bởi cái gì, dính mắc bởi cái gì, chấp ngã nơi cái gì để khiến cho chúng sanh khởi lên cái thấy như vầy và nói như vầy: "Nếu không còn vui thích với năm dục sẽ Bát-niết-bàn ngay trong hiện đời. Nếu lìa dục, lìa pháp xấu ác và bất thiện, có giác có quán, có hỷ lạc sanh ra từ sự lìa dục sẽ chứng nhập Thiền thứ nhất cho đến Thiền thứ tư, đó là Đệ nhất nghĩa Bátniết-bàn”. Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Thê Tôn là cội nguồn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo

pháp... Nói đầy đủ như ba bài kinh 139, 140f 141 ở trên. ***

171. NGÃ ĐOẠN DIỆT62 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Do có cái gì, sanh khởi cái gì, ràng buộc bởi cái gì, dính mắc bởi cái gì, chấp ngã nơi cái gì để khiến cho chúng sanh khởi lên cái thấy như vầy và nói như vầy: "Nếu sắc thân bốn đại thô kệch này bị hoại diệt không còn gì thì gọi

60 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.170. 0045Ò26). Tham chiếu: D. l, Brahmcijāla Sutta (Kinh Phạm vông). 61 Vốn là một trong 62 lý thuyết ngoại đạo được nêu ra trong D. l, Brahmạiâla Sutta {Kinh Phạm võng) tức chủ trương uHiện tại Niết-bàn man" (Ditthadhammanibbānavadā). Bản kinh này chỉ mới đề cập chung nia chưa xác định rõ các quan điểm về "Hiện tại Niết-bàn luận.,, Theo D. l, Brạhmạiãìa Sutta {Kinh Phạm vồng),quan diem "Hiên tại Niết-bhn,luan" của ngoại đạo có 5 luận chấp. Thỏajnăn 5 món dục là luận chấp thứ nhất, cộng với 5 luận chấp khác là tứ thiền. Phạm động kinh (r.01. 0001.21. 0088b12) cũng đồng quan điểm trên. Riêng trong bản kinh này, đưc Phật tái định nghĩa về "Hiên tại Niết-bàn man" {Ditthadhammanibbānavādā) thê hiện qua việc đoạn trừ 5 món dục và thành tựu bốn thiền. Nhân đây, Ngài đưa ra một định nghĩa mới, đó là Đệ nhất nghĩa Bát-niét-bàn. 62 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.171. 0045c05).



Nếu ngã ở Dục giới bị hoại diệt, sau khi qua đời là ngã bi đoạn diệt hoàn toàn.6364 67 66 65 không còn gì? đó gọi là ngã bi đoạn diệt hoàn toàn. Nếu ngã ở sắc giới bị hoại diệt, sau khi qua đời không còn gì, đó gọi là ngã bị đoạn diệt hoàn toàn. Nếu đạt được Không nhập xứ,64 Thức nhập xứ,65 Vô sở hữu nhập xứ,66 Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ,67 sau khi qua đời ở những cõi đó, ngã hoại diệt không còn gì, đó gọi là ngã bị đoạn diệt hoàn toàn" Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp... Nói đầy đủ như ba bài kinh 139, 140, 141 ở trên. ***

172. CÁC PHÁP VÔ THƯỜNG68 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà5 thuộc nước Xá-vệ. Bây giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Nếu các pháp là vô thường thì cần phải đoạn trừ. Khi đã đoạn trừ các pháp ấy rồi sẽ được nhiều lợi ích và an lạc lâu dài. Những pháp nào là vô thường? Sắc là vô thường; thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

173. QUÁ KHỨ VÔ THƯỜNG69 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giờ, The Ton bảo các Ty-kheo: Nêu các pháp ở quá khứ là vô thường thì cân phải đoạn trừ. Khi đã đoạn trừ các pháp áy roi sẽ được nhiêu lợi ích và an lạc lâu dài. Các pháp nào ở quá khứ là vô thường? sắc ở quá khứ là pháp vô thường, tham dục ở quá khứ là pháp vô thường, the nên những pháp ấy càn phải đoạn trừ. Khi đã đoạn trừ pháp

63 Nguyên tác: Chánh đoạn .Chánh tương đương Pali là sammā, nghĩa là đúng, chính xác, toàn diện. 64 Không nhập xứ giới tức Không vô biên xứ. 65 Thức nhập

xứ giới tức Thức vô biên xứ. 66 Vô sở hữu nhập xứ tức Vô sở hữu xứ. 67 Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ tức Phi tưởng phi phi tưởng xứ. 68 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r02. 0099.172. 0045c15. 69 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.02. 0099.173. 0045c20



ây roi sẽ được nhiêu lợi ích và an lạc lâu dài. Đôi với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Giống như kinh Quá khứ vô thường^ các kỉnh nói về Vi lai; Hiện tại; Quả khứ, hiện tại; Vị lai, hiện tại; Quả khứ, vi lai; Quá khứ, vi lai, hiện tại; cũng nói như vậy ***

174. VÔ THƯỜNG VÀ THỈNH CẦU ĐẠI SƯ72 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Vì đoạn trừ pháp vô thường nên thỉnh cầu Đại sư. Những pháp nào là vô thường? Sắc là pháp vô thường. Vì để đoạn trừ pháp ấy thì phải thỉnh cầu Đại sư. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Giống như trong kinh Quả khứ vô thường^ cũng vây, các kỉnh nói về Quá khứ; Vỉ lai; Hiện tại; Quả khứ, vị lai; Quả khứ, hiện tại; Vị lai, hiện tại; Quả khứ, vị lai, hiện tại; tổng cộng có tám kỉnh đều nên thỉnh cầu Đại sư. Giống như kinh Thỉnh cầu Đại sư,14 cũng vây, các kỉnh Bậc tùy thuận chỉ dạy, Bậc an lạcf Bậc an lạc lớn, Bậc an lạc rộng khắp, Bậc dẫn đường, Bậc dẫn đường thông thạo, Bậc dẫn đường rốt ráo, Bậc thuyết giảng, Bậc thuyết giảng rộng rãi, Bậc thuyết giảng tùy thuận, Người bạn thứ hai, Bậc tri thức chân chánh, Người tán thành, Người thương xót, Người cứu giúp, Người trọng nghĩa, Người khuyên giải, Người an lạc, Người đảng tiếp xúc, Người thích an đinh, Người có hoài bão, Người tinh tấn, Người có phương tiện rộng rãi, Người có phương tiện khéo léo, Người kiên cố, Người mạnh mẽ, Người trảng kiện, Người thân tâm dũng mãnh, Người nhiếp thọ khó điều phục, Người thường học, Không buông lung, Người tu tập, Người tư duyf Người nhớ nghĩ, Người tỉnh

70 Tức là Tạp. 0.02. 0099.173. 0045c20). Tạp A-hàm kinh luận hội biên (K32. 0030.7. 0513al2) bổ sung 3 chữ . 71 Trong Tạp A-hàm kinh luận hội biên, ngài Ấn Thuận đã chú thích: Bảy chiều thời gian trong 3 đời, cùng vơi tính chất chung ỉa vô thường, cộng lại thành 8 kinh. Tám kinh được liệt kê ở các kinh kế tiếp chính là chô này. Xem tại Tạp A-hàm kinh luận hội biên (Y32. 0030.07. 0513al2). 72 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.174. 0045c29). 73 Tức là kinh số 173; Tạp.(r.02. 0099.173. 0045c20). Tạp A-hàm kinh luận hội biên (X32. 0030.7. 0514a05) bổ sung 4 chữ . 74 Tức là kinh số 174; Tạp.(r02. 0099.174. 0045c29).



giác, Người hiểu biết, Người sảng suốt, Người biện giải, Người suy xét, Người Phạm hạnh, Người được như ý túc, Người được niệm xứ, Người được chánh cần, Người được năm căn, Người được năm lực, Người được bảy giác chi, Người được đạo, Người được pháp chi, Người được pháp quản, Người được niệm thân, Người nghĩ nhớ chăn chảnh...

moi loại có tám kinh15 cũng được nói như trên. Giống như kinh nói về Ý nghĩa đoạn trừ, các kỉnh nói về Ỷ nghĩa rõ biết, Ỷ nghĩa dứt sạch, Y nghĩa nho bỏ, Y nghĩa dừng lại, Y nghĩa buông xả, cũng nói như vậy. ***

175. LỬA VÔ THƯỜNG75 7677 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: —Nếu như có người bị lửa đốt cháy đầu, cháy áo thì phải cứu bằng cách nào? Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Kính bạch Thế Tôn! Phải dốc lòng và nỗ lực tìm cách để dập tắt lửa. Phật bảo các Tỳ-kheo:  Đầu và áo bị đốt cháy còn có thể tạm quên, nhưng đối với lửa dữ vô thường thì phải nên đoạn trừ, dập tắt. Đe đoạn trừ lửa vô thường thì phải thỉnh cầu bậc Đại sư. Vì để đoạn trừ những pháp vô thường nào mà phải thỉnh cầu bậc Đại sư? Vì muốn đoạn trừ sắc vô thường nên phải thỉnh cầu bậc Đại sư. Vì muôn đoạn trừ thọ, tưởng, hành, thức vô thường thì phải thỉnh câu bậc Đại sư. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Giống như kinh Đoạn trừ vô thường ở trên, cũng vây, các kinh Quả khứ vô thường; Vi lai vô thường; Hiện tại vô thường; Quá khứ, VỊ lai vô thường; Quá khứf hiện tại vô thường; Vỉ lai, hiện tại vô thường; Quá khứ, vị lai, hiện tại vô thường, Như vậy là tám kinh với ví dụ cứu lửa cháy đau cũng được nói rộng như trên. Giống như kinh thỉnh cầu bậc Đại su, cũng vậy, các kinh phải cầu Bậc thầy chỉ dạy, Bậc chỉ dạy tùy thuận...cũng nói rộng như trên.

75 Tức là đối với mỗi đối tượng tầm cầu tu học trong 7 chiều thời gian ở 3 đời, cùng với tính chất chung là vô thường, cộng lại thành 8. Xem chú thích 71 ơ trang trước. 76 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.175. 0046al6). 77 Bản Hán tỉnh lược, xem nội dung đầy đủ tại kinh số 174; Tạp.(r02. 0099.174. 0045c29).

QUYÊN 7  201

Giống như kinh nói về Sự đoạn trừ, các kinh nỏi về Sự rõ biết, Sự dứt sạch, Sự nho bỏ, Sự dừng lại, Sự buông xả, Sự diệt trừ, Sự ngưng nghí, cũng được nói rộng như trên. ***

176. ĐOẠN TRỪ VÔ THƯỜNG (l)7879 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.  Bay giờ, The Ton bao các Ty-kheo:
Vì đoạn trừ vô thường nên phải tùy thuận tu tập an trụ quán thân trên nội thân. Những pháp nào là vô thường? sắc là pháp vô thường. Vì để đoạn trừ pháp vô thường ấy nên phải tùy thuận tu tập quán thân trên nội thân. Cũng vậy5 thọ, tưởng, hành, thức là pháp vô thường. Vì đoạn trừ chúng nên phải tùy thuận tu tập quán thân trên nội thân. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Như kinh nóiỉ vê Đoạn trừ r r vô thường, _ cũng vậy, các kinh nói vê Sác quá khứ là vô thường; Săc vỉ lai; Săc hiện tại; Sác quá khứ, vị lai; Sác quá khứ, hiện tại; Sắc vị lai, hiện tại; sắc quả khứ, vỉ lai, hiện tại là vô thường, Vĩ đoạn trừ r ĩ các pháp ây nên tùy thuận tu tập quản thăn trên nội thăn. Đôi với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Như tám kỉnh nói về Tùy thuận tu tập quản thân trên nội thân, các kinh nói về Quản thân trên ngoại thân, Quản thân trên nội và ngoại thân, Quán thọ trên nội thọ, Quán thọ trên ngoại thọ, Quản thọ trên nội và ngoại thọ, Quản tâm trên nội tâm, Quản tâm trên ngoại tâm, Quản tâm trên nội và ngoại tâm, Quản pháp trên nội pháp, Quản pháp trên

ngoại pháp, Quán pháp trên nội và ngoại pháp, moi loại có tám kinh cũng được nói như trên.19 Giông như kinh nói vê Sự đoạn trừ vô thường phải tu tập bôn niệm xứ, cũng vây, đoi với các kinh nói về Sự rõ biết, Sự dứt sạch, Sự nho bỏ, Sự dừng lại, Sự buông xảf Sự diệt trừf Sự ngưng nghỉ, thì phải tùy thuận tu tập bốn niệm xứf cũng được nói như trên. ***

78 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.176. 0046b02). 79 Tức mỗi niệm xứ được tu tập trong 8 trường hợp. Xem chú thích 71, kinh số 173, quyển 7, tr. 199; Tạp.(r02 0099.173. 0045c20).



177. ĐOẠN TRỪ VÔ THƯỜNG (2)8081

Tôi nghe như vay:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo:

Nếu như có người bị lửa đốt cháy đầu, cháy áo thì phải cứu bằng cách nào?

Các Tỳ-kheo bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Phải dốc lòng và nỗ lực tìm cách để dập tắt lửa.

Phật bảo các Tỳ-kheo: Đầu và áo bị đốt cháy còn có thể tạm quên, nhưng đối với lửa dữ vô thường thì cần phải đoạn trừ sạch. Đe đoạn lửa vô thường cần phải tùy thuận tu tập an trụ quán thân trên nội thân. Thê nào là đoạn trừ lửa vô thường cân phải tùy thuận tu tập an trụ quán thân trên nội thân? sắc là pháp vô thường, vì để đoạn trừ sắc vô thường nên phải tùy thuận tu tập an trụ quán thân trên nội thân. Thọ, tưởng, hành, thức là pháp vô thường, vì muốn đoạn trừ chúng nên phải tùy thuận tu tập an trụ quán thân trên nội thân... (nói rộng như thê cho )81 Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Giong như kỉnh nói về Đoạn trừ vô thường ở trên, cũng vậy các kinh nói về Quá khứ vô thường; Vỉ lai vô thường; Hiện tại vô thường; Quá khứ, vỉ lai vô thường; Quả khứ, hiện tại vô thường; Vi lai, hiện tại vô thường; Quá khứ, vị lai, hiện tại vô thường; cũng nói như trên. Như vậy, có tám kinh nói về tùy thuận tu tập quán thân trên nội thân, tám kinh nói ve quán thân trên ngoại thân, tám kỉnh nói ve quán thân trên nội và ngoại thân, nội dung cũng nói như trên. A Z A

Như vậy, nói vê thăn niệm xứ có hai mươi bôn kỉnh;r nói vê thọ niệm xứ, y tâm niệm xứ, pháp niệm xứ, môi thứ cũng có hai mươi bôn kinh, nôi dung đêu như trên. Như vậy, kinh nói về Đoạn trừ vô thường gồm có chỉn mươi sáu kinh, cũng vậy, các kinh nói ve Nên biết, Nên nho bỏ, Nên dứt sạch, Nên dừng lại, Nên buông xả, Nên diệt trừ, Nên ngưng nghí, moi thứ có chỉn mươi sáu kỉnh cũng nói như trên. ***

80 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.O2. 0099.177. 0046Ồ19). 81 Bản Hán tỉnh lược, xem nội dung đầy đủ tại kinh số 175; Tạp.(7.02. 0099.175. 0046a16).

178. ĐOẠN TRỪ PHÁP BẤT THIỆN82 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Nếu như có người bị lửa đốt cháy đầu, cháy áo thì phải cứu bằng cách nào? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Phải dốc lòng và nỗ lực tìm cách để dập tắt lửa. Phật bảo các Tỳ-kheo: Đâu và áo bi đót cháy còn có thê tạm quên, nhưng đôi với lửa dữ vô thường phải nên đoạn trừ sạch. Đe đoạn trừ lửa dữ vô thường thì cần phải phát khởi ước muốn tinh cần,83 nhiếp tâm8485khiến tăng thêm tinh tấn để đoạn trừ pháp ác? bát thiện đã sanh. Vì đê đoạn những pháp vô thường nào mà phải phát khởi ước muốn tinh cần, nhiếp tâm khiến tăng thêm tinh tấn để đoạn trừ pháp ác, bất thiện đã sanh? Vì để đoạn trừ sắc vô thường, đoạn trừ thọ, tưởng, hành, thức vô thường nên phải khởi ước muốn tinh cần, nhiếp tâm khiến tăng thêm tinh tấn để đoạn trừ pháp ác? bất thiện đã sanh... (cho đến):^5 Khi đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đêu hoan hỷ phụng hành. T r 1 1 r Ả /A , , TT T Như kỉnh Đoạn trừ vô thường trên, các kinh nói vê Quá khứ vô thường; Vị lai vô thường; Hiện tại vô thường; Quá khứ, vị lai vô thường; Quá khứ, hiện tại vô thường; Vỉ lai, hiện tại vô thường; Quá khứ, vị lai, hiện tại vô thường; tất cả có tám kinh cũng nỏi như trên. Như trường hợp vì để đoạn trừ các pháp ác, bất thiện đã sanh, cũng vậy, với trường hợp vì đe các pháp ác, bất thiện chưa sanh thì khiến không sanh; các pháp thiện chưa sanh phải khiến sanh khởi; các pháp thiện đã sanh thì làm cho tăng trưởng thì nên phát khởi ước muốn tỉnh cần, nhiếp tâm tăng tiến; tất cả có tám kỉnh cũng được nói như trên. Như vây, kỉnh nói về Đoạn trừ vô thường tổng cộng có ba mươi hai kinh, cũng vậy, kinh nói về nghĩa Nên biết, Nên nhổ bỏ, Nên dứt sạch, Nên dừng lại, Nên buông xả, Nên diệt trừ, Nên ngưng nghỉ, moi thứ đều có ba mươi hai kinh được nói rộng như trên. ***

82 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.178. 0046c 10). 83 Nguyên tác: Khởi dục tinh cần ().Tham chiếu: s. 48.9 - v. 196: Daịhaparakkamo (sự nỗ lực mạnh mẽ).
84 Nguyên tác: Nhiếp tâm ().Tham chiếu: s. 48.9 - v. 196, “nhiếp tâm^, ()ở đây tương đương Pali là anikkhittadhuro, nghĩa la không từ bỏ bổn phận. 85 Bản Hán tỉnh lược, xem nội dung đầy đủ tại kinh số 175; Tạp.(r02. 0099.175. 0046al6).

204 KINH TẠPA-HÀM

179. TU DỤC ĐỊNH86

Tôi nghe như vay:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bây giờ, Thê Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Nếu như có người bị lửa đốt cháy đầu, cháy áo thì phải cứu bằng cách nào?

Các Tỳ-kheo bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Phải dốc lòng và nỗ lực tìm cách để dập tắt lửa. Phật bảo các Tỳ-kheo: Đầu và áo bị đốt cháy còn có thể tạm quên, nhưng đối với lửa dữ vô thường phải nên đoạn trừ sạch. Đê đoạn trừ lửa vô thường, cân phải tu dục định đoạn hành thành tựu như ý túc.8788 Phải đoạn những pháp vô thường nào? Phải 89 đoạn sắc vô thường; phải đoạn thọ, tưởng, hành, thức vô thường, nên phải tu

đục đinh đoạn hành thành tựu như ý túc... (Nói đầy đủ giống như kinh trên, cho đến):^ Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Như kỉnh Đoạn trừ vô thường trên, các kỉnh nói về Quá khứ vô thường; Vỉ lai vô thường; Hiện tại vô thường; Quả khứ, vỉ lai vô thường; Quá khứ, hiện tại vô thường; Vị lai, hiện tại vô thường; Quả khứ, vị lai, hiện tại vô thường; tất cả có tám kinh cũng nói như trên. Như kinh nói nên tu tập dục đinh, các kinh nói nên tu tập tỉnh tấn đỉnh, tâm định, tư duy định cũng được nói như vậy. Như vậy, kinh nói về nghĩa Đoạn trừ vô thường tổng cộng có ba mươi hai kin/,89 cỉíng vây, kinh nói về nghĩa Nên biết, Nên nhổ bỏ, Nên dứt sạch, Nên dừng lại, Nên buông xả, Nên diệt trừ, Nên ngưng nghỉ, moi thứ đều có ba mươi hai kinh được nói rộng như trên. ***

180. TU TÍN CĂN90 Tôi nghe như vầy:

86 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.179. 0047a02). 8]Dục định đoạn hành thành tựu như ý túc (ỷ)còn gọi là "dục như ý túc”( ),t4dục tam-ma-địa tháng hành thần tÚ0”():Như y túc được thành tựu do không ngừng tập trung cao độ và chuyên cân đôi với một ước muốn cao tột (Thánh cầu) nào đó. 88 Bản Hán tỉnh lược, xem nội dung đầy đủ tại kinh số 175; Tạp.(7.02. 0099.175. 0046a16). 89 Tức tu tập bốn như ý túc trong 8 trường hợp. Xem chú thích 71, kinh số 173, quyển 7, tr. 199; (02. 0099.173. 0045C20). 90 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.180. 0047a19).

QUYỂN 7  205

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Á • y rpi Á /X 19 1 1r-p \ Bay giơ, The Ton bảo các Ty-kheo: -Nêu như có người bi lửa đót cháy đâu, cháy áo thì phải cứu băng cách nào? Các Tỳ-kheo bạch Phật:  Kính bạch Thế Tôn! Phải dốc lòng và nỗ lực tìm cách để dập tắt lửa. Phật bảo các Tỳ-kheo:  Đầu và áo bị đốt cháy còn có thể tạm quên, nhưng lửa dữ vô thường thì phải đoạn trừ sạch. Đe đoạn trừ lửa dữ vô thường cần phải tu tín căn. Phải đoạn trừ những pháp vô thường nào? Đoạn trừ sắc vô thường; đoạn trừ thọ, tưởng, hành, thức vô thường cần phải tu tín căn... (Nói đầy đủ giống như kinh trên, cho đểrĩ):9ỉ Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Như kinh nói về Đoạn trừ vô thường trên, các kinh nói về Quả khứ vô thường; Vỉ lai vô thường; Hiện tại vô thường; Quả khứ, vi lai vô thường; Quá khứf hiện tại vô thường; Vi lai, hiện tại vô thường; Quá khứf vi lai, hiện tại vô thường; tát cả có tám kinh cũng nói như trên, Như kỉnh nói nên tu Tín căn, những kinh nói nên tu Tinh tấn cảnf tu Niệm căn, tu Định căn, tu Tuệ căn, môi loại có tám kinh cũng được nói như trên. Như vậy, kỉnh nói về nghĩa Nên đoạn trừ tổng cộng có bốn mươi kinh,91 92 cũng vậy, kỉnh nói ve nghĩa Nên biết, Nên nho bỏ, Nên dứt sạch, Nên dừng lại, Nên buông xả, Nên diệt trừ, Nên ngưng nghi, môi thứ đêu có bôn mươi kinh được nói rộng như trên. ***

181. TU TÍN Lực93

Tôi nghe như vay:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước

Xá-vệ.

r _ r _

Bay giờ, The Ton bao các Ty-kheo:

-Nếu như có người bị lửa đốt cháy đầu, cháy áo thì phải cứu thế nào?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

Bạch Thế Tôn! Phải dốc lòng và nỗ lực tìm cách để dập tắt lửa.

91 Bản Hán tỉnh lược, xem nội dung đầy đủ tại kinh số 175; Tạp.(—02. 0099.175. 0046a16). 92 Tức tu tập năm căn trong 8 trường hợp. Xem chú thích 71, kinh số 173, quyển 7, tr. 199; Tạp. (r.O2 0099.173. 0045C20). 93 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.181. 0047Ò06).



Phật bảo các Tỳ-kheo: Đầu và áo bi đốt cháy còn có thể tạm quên, nhtmg lửa dữ vô thường thì phải đoạn trừ sạch. Đê đoạn trừ lửa vô thường thì cân phải tu tín lực. Đê đoạn trừ pháp vô thường nào mà phải tu tín lực? Vì đoạn trừ sắc vô thường nên phải tu tín lực. Vì đoạn trừ thọ, tưởng, hành, thức vô thường nên phải tu tín lực... (Nói đầy đủ như kinh trên, cho đến):94 Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Như kinh nói về Đoạn trừ vô thường trên, các kỉnh nói về Quá khứ vô thường; Vỉ lai vô thường; Hiện tại vô thường; Quá khứ, vị lai vô thường; Quả khứ, hiện tại vô thường; Vỉ lai, hiện tại vô thường; Quả khứ, vi lai, hiện tại vô thường; tất cả có tám kinh cũng nói như trên. Như kỉnh nói cân phải tu Tín lực, những kinh nói cân phải tu Tinh tân lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực, mỗi loại có tám kinh cũng được nói như trên. Như vây, kinh nói vê nghĩa đoạn trừ tông cộng có bôn mươi kinhf cũng vậy, kinh nói ve nghĩa Nên biết, Nên nho bỏ, Nên dứt sạch, Nên dừng lại, Nên buông xả, Nên diệt trừ, Nên ngưng nghỉ, moi thứ đều có bon mươi kinh cũng được nói rộng như trên. ***

182. TU NIỆM GIÁC PHÀN9596 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà5 thuộc nước Xá-vệ., r _ r Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Nếu như có người bị lửa đốt cháy đầu, cháy áo thì phải cứu thế nào? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Phải dốc lòng và nỗ lực tìm cách để dập tắt lửa. Phật bảo các Tỳ-kheo: Đầu và áo bị đốt cháy còn có thể tạm quên, nhưng lửa dữ vô thường thì phải đoạn trừ sạch. Đe đoạn trừ lửa vô thường thì cần phải tu niệm giác phần. Đê đoạn trừ những pháp vô thường nào mà phải tu niệm giác phần? Vì đoạn trừ sắc vô thường nên phải tu niệm giác phần; vì đoạn trừ thọ? tưởng, hành, thức vô thường nên phải tu niệm giác phần... (M/ đầy đủ như kinh trên, cho dếrì)96

94 Bản Hán tỉnh lược, xem nội dung đầy đủ trong kinh số 175; Tạp.(02. 0099.175. 0046al6). 95 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.182. 0047023). 96 Bản Hán tỉnh lược, xem nội dung đầy đủ trong kinh số 175; Tạp.(T.02. 0099.175. 0046al6).

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Như kinh nói về Đoạn trừ vô thường trên, các kinh nói về Quá khứ vô thường; Vi lai vô thường; Hiện tại vô thường; Quá khứ, vi lai vô thường; Quả khứ, hiện tại vô thường; Vị lai, hiện tại vô thường; Quả khứ, vị lai, hiện tại vô thường; tất cả có tám kinh cũng nói như trên. > \ y Như__ tám kỉnh nói cân \ phải tu rtập Niệm giác y \ kinh nói cân phải phân, những tu tập Trạch pháp giác phân, Tinh tân giác phân, Hỷ giác phân, Khinh an giác phân,97 Xả giác phân, Đinh giác phân, môi loại có tám kinh cũng được nỏi như trên. Như vậy, kinh nói về nghĩa đoạn trừ tổng cộng có năm mươi sáu kinh^ cũng vậy, kỉnh nói về nghĩa Nên biết, Nên nhổ bỏ, Nên dứt sạch, Nên dừng lại, Nên buông xả, Nên diệt trừ, Nên ngưng nghỉ, môi thứ đêu có năm mươi sáu kinh cũng được nói rộng như trên. ***

183. TU CHÁNH KIẾN" Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, Thê Ton bảo các Tỳ-kheo: -Nêu như có người bị lửa đót cháy đâu, cháy áo thì phải cứu như thê nào? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Phải dốc lòng và nỗ lực tìm mọi cách để dập tắt lửa.  Đâu và áo bị đót cháy còn có thê tạm quên, nhưng lửa dữ vô thường thì phải đoạn trừ sạch. Đe đoạn trừ lửa vô thường cần phải tu chánh kiến. Đe đoạn trừ pháp vô thường nào mà phải tu chánh kiến? Vì đoạn trừ sắc vô thường nên phải tu chánh kiến. Vì đoạn trừ thọ, tưởng, hành, thức vô thường nên phải tu chánh kiến... (Nói đầy đủ như kinh trên cho )1°° Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Như kinh nói về Đoạn trừ vô thường trên, các kỉnh nói về Quá khứ vô thường; Vi lai vô thường; Hiện tại vô thường; Quá khứ, vị lai vô thường; Quả

97 Nguyên tác: Trừ giác phần (). 98 Tức tu tập bảy giác phần trong 8 trường hợp. Xem chú thích 71, kinh số 173, quyển 7, tr. 199; Tạp. (r.02. 0099.173. 0045C20). 99 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.183. 0047cll). 100 Bản Hán tỉnh lược, xem nội dung đầy đủ trong kinh số 175; Tạp.(T.02. 0099.175. 0046al6).



khứ, hiện tại vô thường; Vi lai, hiện tại vô thường; Quả khứ, vị lai, hiện tại vô thường; tất cả có tám kỉnh cũng nói như trên. Như tám kinh nỏi cân phải tu Chảnh kiên, cũng vây, những kinh nói căn phải tu Chảnh tư tuy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chảnh mạng, Chánh tinh tan, Chánh niệm, Chánh đỉnh, moi loại có tám kinh cũng được nói như trên. Như vậy, kỉnh nói về nghĩa Đoạn trừ tổng cộng có sáu mươi bổn cũng vậy, các kinh nỏi ve nghĩa Nên biết, Nên nho bỏ, Nên dứt sạch, Nên dừng lại, Nên buông xả, Nên diệt trừ, Nên ngưng nghỉ, môi thứ đêu có sáu mươi bôn kỉnh cũng được nói rộng như trên. ***

184. BỐN PHÁP DIỆT KHỔ101 102 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bay giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Nếu như có người bị lửa đốt cháy đầu, cháy áo thì phải cứu thế nào? Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Kính bạch Thế Tôn! Phải dốc lòng và nỗ lực tìm mọi cách để dập tắt lửa.  Đầu và áo bi đốt cháy còn có thể tạm quên, nhưng lửa dữ vô thường thì phải đoạn trừ sạch. Đe đoạn trừ lửa vô thường cần phải tu khổ tập tận đạo.103104 Đê đoạn trừ pháp vô

thường nào mà phải tu khô tập tận đạo? Vì đoạn trừ sác vô thường nên phải tu kho tập tận đạo. Vì đoạn trừ thọ, tưởng, hành, thức vô thường nên phải tu kho tập tận đạo... (Nói đầy đủ như kinh trên, cho đến):yồ4 Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Như kinh nói về Đoạn trừ vô thường trên, các kỉnh nói về Quá khứ vô thường; Vỉ lai vô thường; Hiện tại vô thường; Quả khứ, vị lai vô thường; Quá khứ, hiện tại vô thường; Vỉ lai, hiện tại vô thường; Quả khứ, VỊ lai, hiện tại vô thường; tất cả có tám kinh cũng nói như trên.

101 Tức tu tập tám chi Thánh đạo trong 8 trường hợp. Xem chú thích 71, kinh số 173, quyển 7, tr. 199; Tạp.(r.02. 0099.173. 0045c20). 102 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp. 0.02. 0099.184. 0047c28). 103 Nguyên tác: Khổ tập tận đạo (),một trong 4 phương cách tu táp. Tham chiếu: Tản-đà-na kinh f(ro L 0001.8. 0051 ai 2) gọi là "tứ ):Nhất thiet trí kinh (roi 0026.212,0794a09) gọi là "tứ đoạn"()Tg.(702.W125.31.3. 0668al3) gói là "tứsựhành tích”(). •: 104 Bản Hán tỉnh lược, xem nội dung đầy đủ trong kinh số 175; Tạp.(7.02. 0099.175. 0046al6).

QUYỂN 7 209

Như tám kỉnh nói cần phải tu tập Khổ tập tận đạo, cũng vây, những kinh nói cân phải tu tập Kho tận đạo, Lạc phi tận đạo, Lạc tận dẹio,1°5 mỗi loại có tám kỉnh cũng được nói như trên. Như vậy, kinh nói về nghĩa đoạn trừ tổng cộng có ba mươi hai kừĩh°6 cũng vây, kỉnh nói vê nghĩa Nên biết, Nên nhổ bỏ, Nên dứt sạch, Nên dừng lại, Nên buông xả Nên diệt trừ, Nên ngưng nghỉ, moi thứ đều có ba mươi hai kinh cũng được nói rộng như trên. *** 185. PHÁP CÚ KHÔNG THAM105 107108 106 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Nếu như có người bi lửa đốt cháy đầu, cháy áo thì phải cứu thế nào? Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Kính bạch Thế Tôn! Phải dốc lòng và nỗ lực tìm mọi cách để dập tắt lửa. -Đầu và áo bị đốt cháy còn có thể tạm quên, nhưng lửa dữ vô thường thì phải đoạn trừ sạch. Đe đoạn trừ lửa vô thường cần phải tu tập pháp cú không tham. Đe đoạn trừ pháp vô thường nào mà phải tu tập pháp cú không tham? Vì đoạn trừ sắc vô thường nên phải tu tập pháp cú không tham. Vì đoạn trừ thọ, tưởng, hành, thức vô thường nên phải tu tập pháp cú không tham... (Nói đầy đủ như kỉnh trên, cho Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Như kỉnh nói về Đoạn trừ vô thường trênf các kinh nói về Quá khứ vô thường; Vi lai vô thường; Hiện tại vô thường; Quả khứ, vi lai vô thường; Quả khứ, hiện tại vô thường; Vi lai, hiện tại vô thường; Quá khứ, vi lai, hiện tại vô thường; tất cả có tám kinh cũng nói như trên. Như tám kỉnh nói cần phải tu tập Pháp cú không tham, cũng vậy, những kinh nói can phải tu tập Pháp cú không sân, Pháp củ không sif moi loại có tám kinh cũng được nói như trên.

105 Nguyên tác: Khổ tập tận đạo, khổ tận đạo, lạc phi tận đạo và lạc tận đạo (,JE ).Căn cứ vào D. 33, Sañgīti Sutta {Kinh phúng tụng); Tạp A-hàm kinh luận hôi biên (y.32. 0030.7. 0524a 10) của HT. Ấn Thuận thì đây là 4 phương pháp tu tập: Kho tu mà chậm chứng (dukkhā paựpadã dandhābhiññā)', khô tu mà nhanh chứng (dukkhā patipadā khippābhiññā)', vui tu mà chậm chứng (sukhā

patipadã dandhābhiññā) và vui tu mà nhanh chứng (sukhā patipadã khippābhiññā). 106 Tức tu tập 4 phương pháp diệt khổ trong 8 trường hợp. Xem chú thích 71, kinh số 173, quyển 7, tr. 199; Tạp.(rỏ2. 0099.173. 0045c20). 107 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.185. 0048al6). 108 Bản Hán tỉnh lược, xem nội dung đầy đủ trong kinh số 175; Tạp.(r.02. 0099.175. 0046al6).



Như vây, kỉnh nói về nghĩa Đoạn trừ có hai mươi bốn kinh,109110 cũng vậy, kỉnh 112 111 nói về nghĩa Nên biết, Nên nho bỏf Nên dứt sạch, Nên dừng lại, Nên buông xả, Nên diệt trừ, Nên ngưng nghí, moi thứ đều có hai mươi bon kỉnh cũng được nói rộng như trên. ***

186. TU THIÊN CHỈ 10 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nếu như có người bị lửa đốt cháy đầu, cháy áo thì phải làm thế nào để cứu? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Phải dốc lòng và nỗ lực tìm mọi cách để dập tắt lửa. Đầu và áo bị đốt cháy còn có thể tạm quên, nhưng lửa dữ vô thường thì phải đoạn trừ sạch. Đe đoạn trừ lửa vô thường cần phải tu tập thiền chỉ. Đe đoạn trừ pháp vô thuơng nào mà phải tu tập thiền chỉ? Vì để đoạn trừ sắc vô thường nên phải tu tap thiên chỉ. Vì đê đoạn trừ thọ, tưởng, hành, thức vô thường nên phải tu tập thiên chỉ... (Mđầy đủ như kinh trên, cho đến):nỵ Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Như kinh nói về Đoạn trừ vô thường trên, các kỉnh nói về Quả khứ vô thường; Vi lai vô thường; Hiện tại vô thường; Quá khứ, vị lai vô thường; Quả khứ, hiện tại vô thường; Vỉ lai, hiện tại vô thường; Quả khứ, vị lai, hiện tại vô thường; tất cả có tam kỉnh cũng nói như trên. Cũng như tám kỉnh nói cần phải tu tập thiền chi, tám kinh nói cần phải tu tập thiền quán cũng nói như trên. Như vậy, kinh nói về nghĩa đoạn trừ có mười sáu kinh^n cũng vậy, kỉnh nói về nghĩa Nên biết, Nên nhổ bỏ, Nên dứt sạch, Nên dừng lại, Nên buông xả, Nên diệt trừ, Nên ngưng nghỉ, moi thứ đều có mười sáu kỉnh cũng được nói đay đủ như trên. Những gì thuộc về sắc, hoặc ở quá khứ, hoặc ở tương lai, hoặc ngay hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc xa hoặc

V Tức tu tập 3 pháp cú không tham, không sân, không si trong 8 trường hợp. Xem chú thích 71, kinh số 173, quyên 7, tr. 199; Tạp.(7.02. 0099.173. 0045c20). 110 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.186. 0048ỒO4). 111 Bản Hán tỉnh lược, xem nội dung đầy đủ trong kinh số 175; Tạp.(702. 0099.175. 0046al6). 112 Tức tu tập thiền chỉ và thiền quán trong 8 trường hợp. Xem chú thích 71, kinh số 173, quyển 7, tr. 199; Tạp.(7.02. 0099.173. 0045c20). J ,



gần; phải biết đúng như thật rằng tất cả những pháp ấy chẳng phải ngã, chẳng khác ngã, chẳng tồn tại trong nhau. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Bậc Thánh đệ tử đa văn chân chánh quán sát như vậy rồi sẽ sanh nhàm chán đối với sắc; sanh nhàm chán đối với thọ, tưởng, hành, thức. Khi đã nhàm chán rồi sẽ không còn ưa

thích, vì không còn ưa thích nên được giải thoát, giải thoát tri kiến rằng: “Sụ* sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Như kinh nói vê Đoạn trừ vô thường, cũng vậy, các kinh nói vê Dao động, Chuyên xoay, Bệnh tật, Phá hoại, Chóng vánh, Mục nát, Tán hoại, Không thường, Không anf Biến đoi, Kho não, Tai họa, Yêu mi, Ma lực, Ma khíf Như " r U  bọt nước, Như bong bóng, Như cây chuôi, Như huyên, Như hóa, Yêu kém, Tham đăm, Đánh giêt, Đao kiêm, Ganh ghét, Sát hại nhau, Tôn giảm, Suy hao, Trói buộc, Đánh đập, Nhọt độc, Ung thư, Gai nhọn, Phiền não, Trách phạt, Ngăn che, Cho tai họa, Buồn lo, Ac tri thức, Kho, Không, Chẳng phải ngã, Chẳng phải ngã sởf Oan gia bủa vây, Phỉ nghĩa, Chẳng an on, Nóng bức, Không bóng mát, Không có hòn đảo, Không che chan, Không nương tựa, Không bảo hộ, Pháp sanh, Pháp già, Pháp bệnh, Pháp chét, Pháp ưu buôn, Pháp khô não, Pháp vô lực, Pháp yếu kém, Pháp không the muốn, Pháp dẫn dụ, Pháp trưởng dưỡng, Có pháp kho, Có pháp giết, Có pháp não, Có pháp nóng bức, Có pháp tướng, Có pháp suy, Có pháp thủ, Pháp thâm hiêmf Pháp khó khăn, Pháp bát chảnh, Pháp hung bạo, Pháp có tham, Pháp có sân, Pháp có si, Pháp không trụ, Pháp đốt cháy, Pháp trở ngại, Pháp tai ương, Pháp tập, Pháp diệt, Pháp đong xương, Pháp cục thịt, Pháp cam đuốc, Pháp ham lửa, Như ran độc, Như mộng, Như vay mượnfxn Như trải cây,n4 Như đo tểf Như kẻ giết người, Như sương dính, Như nước ngập, Như nước chảy xiết, Như sợi dệt, Như bánh xe đạp nướcfn5 Như nhảy sào, Như bình độc, Như thân cây độc, Như hoa độc, Như trải độc, Phiền não, nội dung cũng như vậy. Như vậy, này các Tỳ-kheo!... cho đến vì để đoạn trừ quá khứ, vi lai, hiện tại vô thường... cho đến nên diệt trừ, nên ngưng nghỉ mà phải tu tập thiền chỉ và thiền quán. Vì đoạn trừ những pháp quá khứ, vị lai, hiện tại vô thường nào... cho đên nên diệt trừ, nên ngưng nghỉ mà phải tu tập thiền chỉ và thiền quán? Vì đoạn trừ sắc quá khứ, vi lai, hiện tại vô thường... cho đến nên diệt trừ, nên ngưng nghỉ mà phải tu tập thiền chỉ và thiền quán. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.*

113 Nguyên tác: Giá .Bản Tống, Nguyên, Minh là chữ "giả". 114 Bản Tống, Nguyên, Minh thay chữ "qu"bàng chữ "quả". 115 Nguyên tác: Sa .Bản Tống, Nguyên, Minh là chữ "thiep".



Những gì thuộc về sắc, hoặc ở quá khứ, hoặc ở tương lai, hoặc ngay hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần, phải nên biết đúng như thật rằng tất cả những thứ ấy chẳng phải ngã, chẳng khác ngã, chẳng tồn tại trong nhau. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Bậc Thánh đệ tử đa văn chân chánh quán sát như vậy rồi sẽ sanh nhàm chán đối với sắc; sanh nhàm chán đối với thọ, tưởng, hành, thức. Khi đã nhàm chán rồi sẽ không còn ưa thích, vì không còn ưa thích nên được giải thoát, giải thoát tri kiến: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

187. THÀNH Tựu MÔT PHÁP116 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-ve. Bay giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Do thành tựu117 một pháp này cho nên không thể biết rõ sắc là vô thường; không thể biết rõ thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Do thành tựu một pháp nào? Đó là do thành tựu pháp tham dục cho nên không thể biết rõ sắc là vô thường; không the biết rõ thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Nếu thành tựu một pháp này thì có thể biết rõ sắc là vô thường; biết rõ thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Là thành tựu một pháp nào? Đó là thành tựu pháp không tham dục. Thành tựu pháp không tham dục thì có thể biết rõ sắc là vô thường; biết rõ thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Như kỉnh trên nói về Thành tựu và không thành tựu, các kinh sau đây nói vê Biêt và không biêt, Gân và không gân, Sáng và không sảng, Hiêu và không hiếu, Quan sát và không quan sátf Suy lường và không suy lường, Che giấu và không che giâu, Gieo trông và không gieo trông, Che lâp và không che lâp, Che mờ và không che mờ, nội dung cũng như vậy, Như kinh nói về nghĩa Biết rỗ, cũng vây, những kinh nói về Nhận thức, Hiểu rổ, Chập nhận, Mong câu, Biện biệt, Tự chứng, cũng lại như vậy.

116 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.187. 0048c27). 117 Nguyên tác: Thành tựu ().Trong trường hợp này mang nghĩa tiêu cực, nghĩa là sự đáp ứng, thỏa man.

QUYỂN 7> 213

Như kinh nói về pháp Tham dục, các kỉnh sau đây nói về Giận, Si, Sân, Hận, Mang chửi, Co chấp, Ganh ghét, Keo kiệt, Giả doi, Dua nịnh, Không ho, Không thẹn, Mạn, Mạn mạn, Tăng mạn, Ngã mạn, Tăng thượng mạn, Tà mạn, Ty mạn, Kiêu mạn, Buông lung, Kiêu căng, cổng cao, Xảo trả, Dò xét, Dụ dỗ, Ac lợi, Muôn nhiêu, Muôn thường, Muôn không cung kỉnh, Ac khâu, Ac tri thức, Không nhẫn, Tham đam, Tham thấp kém, Ac tham, Thân kiến, Biên kiến, Tà kiến, Kiến thủ, Giới cấm thủ, Dục ái, Sân khuểf Thùy miên, Trạo cửf Nghỉ, Mê loạn, Ngả nghiêng, Găng sức, Lười biêng, Loạn tưởng, Nhớ nghĩ, Bát chánh, Thân nhơ, Không ngay thẳng, Không nhu nhuyến, Không khác, Niệm tham dục, Niệm giận dữf Niệm não hại người, Niệm nhớ nghĩ thân thích, Niệm nhớ nghĩ cõi nước, Niệm khỉnh thường người khác, Niệm ưa thích gia tộc người khác, ƯU buôn, khô não, đôi với môi một pháp này cũng trình bày đây đủ như trên,... (cho đến) che mờ, không the tác chứng sắc đoạn diệt. Thế nào là một pháp? Đó là khổ não, do khổ não che mờ nên không thể tác chứng sắc đoạn diệt, không thể tác chứng thọ, tưởng, hành, thức đoạn diệt. Nhờ một pháp không che mờ cho nên có thể tác chứng sắc đoạn diệt; có thể tác chứng thọ, tưởng, hành, thức đoạn diệt. Đó là nhờ thành tựu một pháp nào? Chính là kho não, do pháp này không che mờ cho nên có the tác chứng sắc đoạn diệt; có thể tác chứng thọ, tưởng, hành, thức đoạn diệt. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.118

118 Bản Hán, hết quyển 7.

214 KINH TẠPA-HÀM

QUYỂN 8 188. LÌA HỶ, THAM1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giờ, The Ton bao các Ty-kheo: Phải chân chánh quán sát mắt là vô thường. Người quán sát như vậy gọi là chánh kiến. Vì chân chánh quán sát nên sanh nhàm chán, do nhàm chán nên lìa hỷ, lìa tham.123Do lìa hỷ, lìa tham nên Ta nói người này thành tựu tâm giải thoát hoàn toàn? Cũng quán sát như vậy đối với tai, mũi, lưỡi, thân và ý, cho nên lìa hỷ, lìa tham. Do lìa hỷ, lìa tham, cho nên này các Ty-kheo, Ta nói người này thành tựu tâm giải thoát hoàn toàn. Người được tâm giải thoát hoàn toàn rồi thì có thê tự mình tuyên bô: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Cũng như kinh trên nói về Vô thường, các kỉnh nói về Khổ; Không; Vô ngã cũng được nói như vậy. ***

189. ĐOẠN TRỪ THAM DỤC4

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

1 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.188. 0049ỒỒ7). Tham chiếu: s. 35.156 - IV. 142; S. 35.157 -IV. 142. 2 Nguyên tác: Ly hỷ, ly tham ().Tham chiếu: s. 35.156 - IV. 142: Nandikkhayā rāgakkhayo (đoạn trừ hỷ, đoạn trừ tham). 3 Nguyên tác: Tâm chánh giải thoát ().Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển l, tĩ. 19; Tạp. (r.02. 0099.22. 0004C20). 4 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.189. 049b17). Tham chiếu: s. 35.158 - IV. 142; S. 35.159 -IV. 143.

QUYỂN 8 215

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Phải chân chánh tư duy, quán sát mắt là vô thường. Vì sao như vậy? Vì nêu chân chánh tư duy, quán sát mắt là vô thường thì tham dục5 ở nơi mắt được đoạn trừ. Do tham dục được đoạn trừ nên Ta nói người này thành tựu tâm giải thoát hoàn toàn.6 Cũng vậy, chân chánh tư duy và quán sát đối với tai, mũi, lưỡi, thân và ý thì tham dục được đoạn trừ. Do tham dục được đoạn trừ nên Ta nói người này thành tựu tâm giải thoát hoàn toàn. Như vậy, này các Tỳ-kheo! Người thành tựu tâm giải thoát hoàn toàn thì có thể tự mình tuyên bố: “Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

190. KHÔNG NHẬN BIẾT7 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Nêu người nào không nhận biêt, không hiêu rõ, không đoạn trừ, không lìa dục8 đoi với mắt thì không thể vượt thoát kho đau hoàn toàn. Đoi với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng lại như vậy. Này các Tỳ-kheo! Người nào có thể nhận biết, hoặc hiểu rõ? hoặc đoạn trừ, hoặc lìa dục đối với mắt thì mới có thể vượt thoát khổ đau hoàn toàn. Cũng vậy, nếu có thể nhận biết, hoặc hiểu rõ, hoặc đoạn trừ, hoặc lìa dục đối với tai, mũi, lưỡi, thân và ý thì mới có thể vượt thoát khổ đau hoàn toàn. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe

lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

5 Nguyên tác: Dục tham (,chandarāgo). Hai kinh s. 35.158 - IV. 142; s. 35.159 - IV. 143, chỉ đề cập hỷ tham (nandirāga). 6 Nguyên tác: Tâm chánh giải thoát ().Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển l, tr. 19; Tạp. (T.02. 0099.22? 0004C20). 7 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.190. 0049Ò26). Tham chiếu: Tạp.(Tí02. 0099.191. 6049c04);*.È (7.02. 0099.222. 0055a27); Tạp.(7.02. 0099.223. 0055006); s. 35.26 -IV. 17; S. 35.27-IV. 18. • 8 Nguyên tác: Bất thức, bất tri, bất đoạn, bất ly dục giả, bất kham nhậm chánh tận khổ ( ).Tham chiếu: s. 35.26 - IV. 17: Anabhijānam aparijānam avirājayam appajaharn abhabbo^ dukkhakkhayāya (Không thắng tri, không liễu tri, không ly tham, không từ bỏ tất cả, thời không có thể đoạn tận khô đau), HT. Thích Minh Châu dịch.



191. NHẬN BIẾT ĐỂ THOÁT SANH TỬ9 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Nếu người nào không nhận biết rõ ràng, không hiểu rõ, không đoạn trừ, không từ bỏ tham muốn đối với mắt thì không thể vượt thoát những nỗi khổ của sanh, già, bệnh, chết. Người nào không nhận biết, không hiểu rõ, không đoạn trừ, không từ bỏ tham muốn đối với tai, mũi, lưỡi, thân và ý thì không thê vượt thoát những nỗi khổ của sanh, già, bệnh, chết. Này các Tỳ-kheo! Nếu người nào nhận biết, hiểu rõ, đoạn trừ, từ bỏ tham muốn đối với mắt thì mới có thể vượt thoát những nỗi khổ của sanh, già, bệnh, chết. Người nào nhận biết, hiểu rõ, đoạn trừ, từ bỏ tham muốn đối với tai, mũi, lưỡi, thân và ý thì mới có thể vượt thoát những nỗi khổ của sanh, già, bệnh, chết. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

192. LÌA DỤC10 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc? trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Nêu người nào không lìa dục, tâm không giải thoát đôi với măt thì không the cham dứt khổ đau hoàn toàn. Cũng vậy, người nào không lìa dục, tâm không giải thoát đối với tai, mũi, lưỡi, thân và ý thì không thể chấm dứt khổ đau hoàn toàn. Này các Tỳ-kheo! Người nào lìa dục, tâm được giải thoát đối với mắt thì mới có thể chấm dứt khổ đau hoàn toàn. Cũng vậy, người nào lìa dục, tâm được giải thoát đối với tai, mũi, lưỡi, thân và ý thì mới có thể chấm dứt khổ đau hoàn toàn. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

9 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.191. 0049c04). Tham chiếu: Tạp.(r02. 0099.190. 0049026); Tạp. B(r02. 0099.222. 0055a27); Tạp.(02. 0099.223 0055006); s. 35.26 -IV. 17; y 35.27-IV. 18. 10 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.192. 0049c13). Tham chiếu: s. 35.21-22 - IV. 14.



193. LÌA DỤC VÀ GIẢI THOÁT11 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nấu người nào không lìa dục, tâm không giải thoát đối với mắt và sắc thì không thể vượt

thoát những nỗi khổ của sanh, già, bệnh, chết. Cũng vậy, người nào không lìa dục, tâm không giải thoát đối với tai, mũi, lưỡi, thân và ý thì không thể vượt thoát những nỗi khổ của sanh, già, bệnh, chết. Này các Tỳ-kheo! Người nào lìa dục, tâm được giải thoát đối với mắt và sắc thì mới có the vượt thoát những nỗi khổ của sanh, già, bệnh, chết. Cũng vậy, người nào lìa dục, tâm được giải thoát đối với tai, mũi, lưỡi, thân và ý thì mới có thể vượt thoát những nỗi khổ của sanh, già, bệnh, chết. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

194. ƯA THÍCH11 12 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bảo các Tỳ-kheo: -Nếu người nào đối với mắt mà sanh tâm ưa thích thì đối với khổ cũng sanh tâm ưa thích. Những ai đoi với kho mà sanh tâm ưa thích thì Ta nói người ấy không giải thoát khỏi khổ. Nếu người nào đối với tai, mũi, lưỡi, thân và ý mà sanh tâm ưa thích thì đối với khổ cũng sanh tâm ưa thích. Người nào đối với khổ mà sanh tâm ưa thích thì Ta nói người ấy không giải thoát khỏi khổ. Này các Tỳ-kheo! Nếu người nào đối với mắt mà không sanh tâm ưa thích thì đối với khổ cũng không sanh tâm ưa thích. Đối với khổ mà không sanh tâm ưa thích thì Ta nói người ây giải thoát khỏi khô. Nêu người nào đôi với măt? tai, mũi, lưỡi, thân và ý mà không sanh tâm ưa thích thì đối với khổ cũng không sanh tâm ưa thích. Người nào đối với khổ mà không sanh tâm ưa thích thì Ta nói người ấy giải thoát khỏi khổ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

11 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.193. 0049c21). Tham chiếu: s. 35.21-22 - IV. 14. 12 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.194. 0050a01). Tham chiếu: s. 35.19-20 - IV. 13.



195. TẤT CẢ ĐỀU VÔ THƯỜNG13 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. r _ Bay giờ, The Ton bao các Ty-kheo: -Tất cả đều vô thường. Thể nào là tất cả đều vô thường? Nghĩa là mắt vô thường; sắc, nhãn thức, nhãn xúc và nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, hoặc cảm thọ khổ5 cảm thọ vui, cảm thọ không khổ không vui,14 chúng cũng vô thường. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng lại như vậy. Bậc Thánh đệ tử đa văn quán sát như vậy roi nên nhàm chán đôi với mát; đối với sắc, nhãn thức, nhãn xúc và nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, hoặc cảm thọ kho, cảm thọ vui, cảm thọ không kho không vui đều sanh tâm nhàm chán đối với chúng. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý; thanh, hương, vị, xúc, pháp; ý thức, ý xúc và ý xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, hoặc cảm thọ khổ, cảm thọ vui, cảm thọ không khổ không vui đều sanh tâm nhàm chán đối với chúng. Do nhàm chán nên không ưa thích, do không ưa thích nên được giải thoát, giải thoát tri kiến rồi tự thân tác chứng: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh.” Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Giống như kinh trên nói về Vô thường, các kỉnh nói về Khổ, Không, Vô ngã cũng nói như trên. ***

196. GIẢI THOÁT VÔ THƯỜNG15 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Tất cả đều vô thường. Thế nào là tất cả đều vô thường? Nghĩa là mắt vô thường; sác, nhãn thức, nhãn xúc và nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, hoặc cảm thọ khổ, cảm thọ vui, cảm thọ không khổ không vui, chúng cũng vô thường. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý5 pháp, ý thức, ý xúc và ý xúc làm nhân

13 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.195. 0050all). Tham chiếu: s. 35.1-12 - IV. 1-6. 14 Tham chiêu câu trúc s. 35.33 - IV. 27: Yampidarh manosamphassapaccayã uppcỳjąti vedayitarh sukhāni vā dukkharh vā adukkhamasukharh (Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bát khổ bất lạc), HT. Thích Minh Châu dịch. 15 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.196. 0050a24). Tham chiếu: s. 35.33-52 - IV. 26-9.



duyên sanh ra cảm thọ, hoặc cảm thọ khổ, cảm thọ vui, cảm thọ không khổ không vui, chúng cũng đều vô thường. Bậc Thánh đệ tử đa văn quán sát như vậy rồi cho nên nơi mắt được giải thoát; hoặc nơi sắc, nhãn thức, nhãn xúc và nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, hoặc cảm thọ khô, cảm thọ vui, cảm thọ không khô không vui, chúng cũng được giải thoát. Cũng vậy, nơi tai, mũi, lưỡi, thân, ý9 pháp, ý thức, ý xúc và ý xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, hoặc cảm thọ khổ, hoặc cảm thọ vui, cảm thọ không kho không vui, chúng cũng được giải thoát. Ta nói người đó giải thoát sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Như kinh trên nói vê Tát cả là vô thường, cũng vây, các kinh nói vê Tát cả là khổf Tất cả là không, Tất cả là vô ngã, Tất cả là pháp nghiệp hư dối, Tất cả là pháp phá hoại, Tất cả là pháp sanh, Tất cả là pháp già, Tất cả là pháp bệnh, Tát cả là pháp chét, Tát cả là pháp lo buôn, Tát cả là pháp phiên não, Tất cả là pháp tập khởi, Tất cả là pháp diệt, Tất cả là pháp nhận biết, Tất cả là r 2— ỉ r pháp phânr biệt, r Tát cả là pháp đoạn trừ, r Tát cả là pháp giác tri, rTát cả là pháp chứng, Tát cả là ma, Tát cả là thê lực của maf Tát cả là khí cụ của ma, Tát cả là thiêu đôtf Tát cả là lửa dữ, Tát cả là bóc cháy, đêu nói đây đủ như hai kỉnh 194 và 195 trên. ***

197. BA LOẠI THỊ HIỆN16 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật trú tại Ca-xà-thị-lợi-sa17 chi-đề18 cùng với một ngàn vị _ * r [ — v - Tỳ-kheo mà trước khi xuất gia là những Bà-la-môn bện tóc. Bấy giờ, Thế Tôn thị hiện ba phương cách để giáo hoa một ngàn vị Tỳ-kheo này. Là ba phương cách nào? Đó là thị hiện Thần túc biến hóa, thi hiện Biết tâm người khác và thị hiện Giáo giới. Thị hiện Thần túc nghĩa là Thế Tôn tùy theo sự mong cầu của họ mà thị hiện thể nhập thiền định,19 phi hành trong hư không đến phương Đông, hiện ra bốn oai nghi đi, đứng, ngồi, nằm, rồi nhập Hỏa tam-muội20 và phóng ra các loại

16 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r.02. 0099.197. 0050Ò14. Tham chiếu: s. 22.61 - III. 71; S. 35.28 - IV. 19; vỉn. I. l, Mahāvagga Đạiphẩm. 17 Ca-xà-thị-lợi-sa Gayāsīsa. 18 Ca-xà-thị-lợi-sa chi-đề q Gayāyam viharati

Gayāsīse. Trú tại thôn Gāya, trennui Gayāsīsa. Theo Phiên Phạn ngữ T54. 2130U. 0987a21, Ca-xà-thị-lợi-sa chi-đê ÍM, Gayāsīsa còn gọi là Gia-xà-thi-lợi-sa . 19 Thiền định chánh thpsamādhi samāpatti còn gọi t4tam-muội chánh thọ?,, 4ttam-muội đẳng chí" ,chỉ cho việc thể nhập thiền định. 20 Hỏa tam-muội Năng lực thiền định làm thân thể phát ra lửa.



ánh lửa màu xanh, vàng, đỏ? trắng, hồng, pha lê, rồi hiển bày tướng nước và lửa xuất hiện cùng lúc; hoặc dưới thân ra lửa, trên thân ra nước; hoặc trên thân ra lira, dưới thân ra nước, bốn phía chung quanh cũng đều như vậy. Bấy giờ, khi Thế Tôn đã thị hiện các loại thần biến rồi, Ngài trở lại ngồi giữa đại chúng. Đó gọi là thị hiện Thần túc. Thị hiện Biết tâm người khác nghĩa là thi hiện biết rõ tâm của người kia như vậy, ý của người kia như vậy, thức của người kia như vậy, người kia nên nhớ nghĩ như vậy, không nên nhớ nghĩ như vậy, người kia nên buông xả như vậy, người kia nên tự thân tác chứng và an trụ như vậy. Đó gọi là thị hiện Biêt tâm của người khác. Thị hiện Giáo giới là như Thế Tôn dạy: "Nàỵ các Tỳ-kheo! Tất cả đều bi đốt cháy! Thế nào là tất cả bị đốt cháy? Đó là mất bị đốt cháy; sắc5 nhãn thức, nhãn xúc và nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, hoặc cảm thọ khô, hoặc cảm thọ vui, cảm thọ không khô không vui, tát cả chúng đêu bi đót cháy. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng bi đốt cháy; hoặc pháp, ý thức, ý xúc và ý xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, hoặc cảm thọ kho, hoặc cảm thọ vui, cảm thọ không khổ không vui, tất cả chúng đều bị đốt cháy. Bị đốt cháy bởi cái gì? Bị đốt cháy bởi lửa tham, lửa sân, lửa si; bi lửa sanh, già? bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não đốt cháy.,, Bấy giờ? một ngàn vị Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy rồi, không còn khởi các lậu hoặc, tâm được giải thoát. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

198. LA-HẦU-LA21 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại núi Kỳ-xà quật, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Tôn giả La-hầu-la đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: Kính bạch Thế Tôn! Phải biết thế nào, phải thấy thể nào đối với thân có thức này của con cùng với tất cả tướng bên ngoài22 để không sanh các kiết sử trói buộc là ngã, ngã sở và ngã mạn? Bấy giờ, Thế Tôn bảo La-hầu-la: Hay thay, La-hầu-la! Con có thể hỏi Như Lai về ý nghĩa sâu xa ấy.

21 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.198. 0050c07). Tham chiếu: Tạp.(02. 0099.23. 00Ò5all); s. 18.21 - II. 252; s. 22.91 -III. 135. 22 Nguyên tác: Nội thức thân cập ngoại nhất thiết tướng ().Tham chiếu: Thuyết tri (roi. 0026.187. 0733al3): Nội thân cộng hữu thức cập ngoại chư tướng ( )S. 22.91 - III. ,136: Imasmiñca saviññānake kāye bahiddhā ca sabbanimittesu (Đối với thân có thức này và đôi với tất cả tướng ở ngoài), HT. Thích Minh Châu dịch.



Này La-hầu-la? con hãy biết đúng như thật rằng, mắt ở quá khứ, ở tương lai hay hiện tại, hoặc bên trong hoặc bên ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần, tất cả chúng đều chẳng phải ngã, chẳng khác ngã, chẳng tôn tại trong nhau. Đôi

với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng lại như vậy. Này La-hầu-la! Khi biết như vậy, thấy như vậy rồi thì đối với thân có thức này của con cùng với tất cả tướng bên ngoài sẽ không khởi lên các kiết sử trói buộc là ngã, ngã sở và ngã mạn. Này La-hầu-la! Như vậy5 khi không còn khởi lên các kiết sử trói buộc là ngã, ngã sở, ngã mạn nữa, đó gọi là đoạn trừ được kiến chấp ái trược, chứng ngộ quả Thánh, vượt thoát khổ đau. Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả La-hầu-la sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. Cũng như kinh nói về Căn bên trong,23 cũng vây, các kinh nói về Cảnh bên ngoài24 như sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; Nhãn thức, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ỷ thức; Nhãn xúc, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc; Thọ sanh ra do nhãn xúc; Thọ sanh ra do nhĩ xúc, tỷ, thiệt, thân, ỷ xúc; Tưởng sanh do nhãn xúc, do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ỷ xúc; Tư sanh ra do nhãn xúc, do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ỷ xúc; Ai sanh ra do nhãn xúc, do nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ỷ xúc, đều nói đay đủ như trên. ***

199. NHẢN THỨC SAI LÀM25 _ \ Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà9 thuộc thành Vương Xá. Bay giơ, The Ton bao Ton gia La-nau-la:  Phải biết thế nào, phải thấy thế nào đối với thân có thức này cùng với các tướng bên ngoài để không khởi lên các kiết sử trói buộc là ngã, ngã sở và ngã mạn? Tôn giả La-hầu-la bạch Phật:  Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp. Kính mong Ngài thuyết giảng cho chúng con! Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ lãnh thọ và phụng hành. Phật bảo Tôn giả La-hầu-la:  Hay thay, hãy lăng nghe! Ta sẽ vì thây mà giảng nói. Những gì thuộc vê mắt, hoặc ở quá khứ, hoặc ở tương lai, hay trong hiện tại, hoặc bên trong hoặc

23 Nguyên tác: Nội nhập xứ (). 24 Nguyên tác: Ngoại nhập xứ (). 25 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.199. 0050c27). Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.24. 00Ò5Ò05); s. 18.22 -II. 253; s. 22.92 - m. 136.



bên ngoài, hoặc thô hoặc tê, hoặc tót hoặc xâu, hoặc xa hoặc gân, tát cả chúng đều chẳng phải ngã5 chẳng phải khác ngã, chẳng tồn tại trong nhau, hãy quán sát chân chánh như vậy. Này La-hầu-la! Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Này La-hầu-la! Khi biết như vậy, thấy như vậy rồi thì đối với thân có thức này của con cùng với các tướng bên ngoài sẽ không khởi lên các kiêt sử trói buộc là ngã9 ngã sở và ngã mạn. Này La-hầu-la! Như vậy, vị Tỳ-kheo ấy vượt cả hai,26 lìa các tướng, được tịch diệt giải thoát. Này La-hầu-la! Như vậy, Tỳ-kheo ấy đã đoạn trừ ái dục, dứt các kiết sử, vượt thoát kho đau.2728 Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả La-hầu-la nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. Cũng như nói về Căn bên trong,28 cũng vây, các kinh nói về Cảnh bên ngoài,2930cho đen... ỷ xúc làm nhân duyên sanh cảm thọ^ cũng nói đay đủ như kinh 198 trên, ***

200. TUỆ GIẢI THOÁT THUẦN THỤC31 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả La-hầu-la đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa:  Lành thay, bạch đức Thế Tôn! Xin Ngài hãy vì con mà nói pháp. Sau khi nghe xong, con sẽ một mình ở nơi

thanh vắng, tinh cần tư duy, sống không buông lung. Sau khi một mình ở nơi thanh văng, tinh cân tư duy, sông không buông lung, con sẽ tư duy về lý do mà một người thiện nam cạo bỏ râu tóc, với niềm tin chân chánh, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo, tu hành Phạm hạnh, đê ngay trong hiện tại, tự mình chứng biêt: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh.^,

26 Nguyên tác: Việt ư nhị -S: Thoát khỏi cả 2 pháp. Theo Tạp.7.02. 0099.213. 0054a03, 2 pháp đó chính là mát và săc tức là vượt lên trên cảnh vật cùng với sự nhận thức. ^Nguyên tác: Đoạn chư ái dục, chuyển khứ chư kiết, cứu cánh khổ biên .Xem chú thích 60, kinh số 23, quyển l,tr.21; Tạp .r02. 0099.23. 0005all. 28 Nguyên tác: Nội nhập . 29 Nguyên tác: Ngoại nhập . 30 Nguyên tác là chữ "th" ,theo kinh số 198 là "do ý xúc sanh ái." 3 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.7.02. 0099.200. 0051al5. Tham chiếu: M. 147, Cũlarãhulovãda Sutta Tiểu kinh giảo giới La-hầu-là\ s. 35.121 - IV. 105.

QUYỀN 8 223

Bấy giờ, Thế Tôn quán thấy tâm La-hầu-la tuệ giải thoát chưa thuần thục, chưa the lãnh thọ pháp tăng thượng nên Ngài hỏi La-hầu-la: Con đã từng giảng nói năm thủ uẩn cho người khác chưa? La-hầu-la bạch Phật: - Bạch Thế Tôn! Con chưa từng giảng. Phật bảo La-hầu-la: -Con nên giảng dạy vê năm thủ uân cho người khác! Khi ấy9 La-hầu-la nghe lời Phật dạy xong, vào một lúc khác, Tôn giả đã giảng nói về năm thủ uẩn cho người khác nghe. Giảng xong, Tôn giả trở lại chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Con đã giảng nói về năm thủ uẩn cho người khác nghe. Cúi xin Thế Tôn vì con mà thuyết pháp! Sau khi nghe pháp, con sẽ một mình ở nơi thanh vắng, tinh cần tư duy, sống không buông lung... (cho đến)32 tự biết không còn tái sanh. Bấy giờ, Thế Tôn quán sát thấy tâm của La-hầu-la tuệ giải thoát chưa thuần, chưa the nhận lãnh pháp tăng thượng nên Ngài hỏi La-hầu-la: Con đã giảng nói sáu nhập xứ cho người khác chưa? Tôn giả La-hầu-la đáp: - Kính bạch Thế Tôn! Con chưa từng giảng. Phật bảo La-hầu-la: Con nên giảng nói về sáu nhập xứ cho người khác nghe! Vào một lúc khác, La-hâu-la lại giảng vê sáu nhập xứ cho mọi người nghe. Sau khi giảng xong, Tôn giả đi đên chô Phật, lạy sát chân Ngài roi ngôi qua một bên và thưa: Kính bạch Thê Tôn! Con đã giảng nói vê sáu nhập xứ cho mọi người nghe. Cúi xin Thế Tôn vì con thuyết pháp! Sau khi nghe pháp, con sẽ một mình ở nơi thanh vắng, tinh cần tư duy, sống không buông lung... (cho đếrỉ) tự biết không còn tái sanh. Bấy giờ, Thế Tôn lại quán sát tâm của La-hầu-la tuệ giải thoát vẫn chưa thuần thục, chưa thể nhận lãnh pháp tăng thượng nên Ngài hỏi La-hầu-la: Con đã giảng nói pháp Ni-đà-na33 cho mọi người nghe chưa? La-hầu-la bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Con chưa từng giảng.

32 Bản Hán tỉnh lược, xem nội dung chi tiết ở đoạn kinh trên. 33 Ni-đà-na (Nidāna), một trong 12 thể tài kinh điển, tức thể tài Nhân duyên, bao hàm ý nghĩa duyên khởi, nguyên do, khởi nguyên mọt vấn đề nào đó dẫn đến đề tài để Phật thuyết pháp hoặc chê định giới luật.

Phật bảo La-hầu-la: Con nên giảng nói pháp Ni-đà-na cho mọi người nghe! Thế rồi, vào một lúc khác, La-hầu-la lại giảng rộng về pháp Ni-đà-na cho mọi người nghe. Giảng xong, Tôn giả đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: Bạch Thế Tôn! Xin hãy vì con thuyết pháp. Sau khi nghe pháp, con sẽ một mình ở nơi thanh vắng, tinh cần tư duy, sống không buông lung... (cho đến)34 tự biết không còn tái sanh. Bấy giờ, Thế Ton lại quán sát, biết tâm của La-hầu-la tuệ giải thoát vẫn chưa thuần, chưa thể nhận lãnh pháp tăng thượng nên Ngài bảo La-hầu-la: Con hãy một mình đên nơi thanh văng, tinh cân tư duy, quán sát nghĩa lý các pháp đã giảng nói ở trên. Bấy giờ, La-hầu-la vâng lời Phật dạy, tư duy nhận định, quán sát nghĩa lý các pháp đã được nghe, các pháp đã giảng nói ở trên rồi suy nghĩ như vầy: "Tất cả pháp này đều thuận hướng Niết-bàn, xuôi vào Niết-bàn, cuối cùng an trụ vào Niet-ban.,, Khi ấy, La-hầu-la đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và bạch: Kính bạch Thế Tôn! Con đã một mình ở nơi thanh vắng, tư duy nhận định, quán sát nghĩa lý đoi với các pháp đã được nghe, các pháp đã được nói ở trên, cho nên thây rõ tát cả pháp này đêu thuận hướng Niêt-bàn, xuôi vào Niêt-bàn, cuối cùng an trụ vào Niết-bàn. Bấy giờ, Thế Tôn quán sát và biết tâm của La-hầu-la tuệ giải thoát đã được thuần thục, có the nhận lãnh pháp tăng thượng nên Ngài bảo La-hầu-la: Này La-hầu-la! Tất cả đều vô thường. Những pháp gì là vô thường? Đó là mắt vô thường, hoặc sắc, nhãn thức, nhãn xúc... (Nói đầy đủ về vô thường như ở các kỉnh trên). Khi ấy, La-hầu-la nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ5 đảnh lễ Phật rồi lui ra. Bấy giờ, La-hầu-la vâng lời Phật dạy, một mình ở nơi thanh vắng, chuyên tâm tư duy, sông không buông lung, vì mục đích mà người thiện nam cạo bỏ râu tóc, với niềm tin chân chánh, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo, tu hành Phạm hạnh, ngay trong hiện tại, tự mình chứng biết: “Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biêt không còn tái sanh.,^ Tôn giả La-hâu-la thành bậc A-la-hán, tâm giải thoát hoàn toàn.35

34 Bản Hán tỉnh lược, xem nội dung đầy đủ ở đoạn kinh trên. 35 Nguyên tác: Thiện giải thoát (,suvimutta). Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển l, tr. 19; Tạp.(02. 0099.22. 0004c20).



Đức Phật nói kinh này xong, La-hầu-la nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

201. DỨT SẠCH PHIỀN NÃO36 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Khi ấy, có vị Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi đứng sang một bên và thưa: -Kính bạch Thế Tôn! Phải biết như thế nào, thấy như thế nào để tuần tự và mau chóng dứt sạch lậu hoặc?37 Bây giờ, The Ton nói với vị Ty-kheo kia: -Thây ,hãy quán sát đúng như thật r vê vô thường. Những pháp nào là vô thường? Măt là vô thường. Những pháp như săc9 nhãn thức, nhãn xúc3839 và nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, hoặc cảm thọ khổ, hoặc cảm thọ vui, hoặc cảm thọ không khổ không vui,39 đều phải quán sát chúng là vô

thường. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng phải quán sát chúng là vô thường. Với pháp, ý thức, ý xúc4041và ý xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, hoặc cảm thọ kho, hoặc cảm thọ vui, hoặc cảm thọ không kho không vui, đều phải quán sát đúng như thật chúng là vô thường. Này Tỳ-kheo! Thầy hãy biết đúng như thế và thấy đúng như the thì lậu hoặc sẽ tuần tự được dứt sạch. Bây giờ, vi Tỳ-kheo kia nghe Phật dạy xong đã hoan hỷ đảnh lê roi lui ra. (Kinh Tỳ-kheo hỏi Phật cũng tương tự như vậy, chỉ có sai biệt là thêm vào đoạn sau): -Phải biết như thế nào và thấy như thế nào để tuần tự dứt sạch tất cả kiết sử,41 đoạn trừ tất cả trói buộc,42 đoạn trừ tất cả tùy miên,43 đoạn trừ tất cả thượng

36 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.201. 0051cl 1). Tham chiếu: s. 35.53-59 - IV. 30-32. . 37 Nguyên tác: Lậu (āsavā). 38 Nhãn xúc (cakkhusamphasso): Xúc sanh từ nhãn thức. Sự xúc chạm của nhãn thức và các pháp hòa hợp (với nhãn thức) gọi là nhãn xúc. 39 Tham chiếu cấu trúc s. 35.33 - IV. 27: Yampidarh manosamphassapaccayā uppajjati vedayitarn sukhāni vā dukkharh vã adukkhamasukharh (Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì? Lạc, khổ hay bất khổ bất lạc?), HT. Thích Minh Châu dịch. 40 Ý xúc (manosamphasssà): Xúc sanh từ ý thức. Sự xúc chạm của ý thức và các pháp hòa hợp (với ý thức), gọi là t4ý X1ÍC.” 41 Nguyên tác: Kiết (samyojana), gọi đủ là kiết sử. 42 Nguyên tác: Phược (,bandhana): Phiền não trói buộc. 43 Nguyên tác: Sử danusayā)'. Phiền não tùy miên.



45 đoạn trừ các dòng,46 đoạn trừ các phần phiền não/4 đoạn trừ tất cả triền cái,44 chướng ngăn, đoạn trừ các chấp thủ, đoạn trừ các xúc, đoạn trừ các ngăn che, đoạn trừ các trói buộc, đoạn trừ các nhiễm ô5 đoạn trừ các ái nhiễm, đoạn trừ các tâm ý, đoạn trừ các tà kiến khiến sanh khởi chánh kiến, đoạn trừ vô minh khiến minh sanh khởi? Đức Phật bảo: Này Tỳ-kheo! Như vậy, thây hãy quán sát măt là vô thường,... (cho đên) hãy biết đúng như vậy, thấy đúng như vậy sẽ tuân tự dứt sạch vô minh khiên minh sanh khởi. Bấy giờ, vi Tỳ-kheo kia nghe Phật dạy xong đã hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi lui ra. ***

202. DỨT TRỪ NGÃ KIÊN4748 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có vị Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi thưa: Kính bạch Thế Tôn! Phải biết như thế nào và thấy như thế nào để tuần tự đoạn trừ cái thấy có thật ngã/8 sanh khởi cái thấy vô ngã? Đức Phật nói với vi Tỳ-kheo kia: -Thầy hãy quán sát đúng như thật mắt là vô thường. Những pháp như sắc, nhãn thức, nhãn xúc và nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, hoặc cảm thọ khổ, hoặc cảm thọ vui, hoặc cảm thọ không khổ không vui, đều phải quán sát đúng như thật chúng là vô ngã. Như vậy... (cho đến) ý xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, hoặc cảm thọ khổ, hoặc cảm thọ vui, hoặc cảm thọ không khổ không vui, đều phải quán sát đúng như thật chúng là vô ngã.

44 Nguyên tác: Thượng phiền nạo ().Theo A. 10.13 - v. 17, đây có thể là 5 thượng phần kiết sử (pañcuddhambhāgiyāni sarnyojanānī)'. rūparāgo, arūparāgo, māno,

uddhaccam, avijjā (sac ái, vô sắc ai, mạn, trạo cử, vo minh), HT. Thích Minh Chau dịch. 4^Nguyen tác: Kiết ().Bản Hán có khả nng nhầm, vì chữ này bị lap lại trong câu. Theo Tap. (02. 0099.276. 0075b 13): Các chủng loại phiên não được kê đến bao gom: kiết, phược, sử, phiền não, thượng phiền não, triền ( Tẩ, -h ).Theo mạch văn,jết"()3 đây có the là "triền (mvarand). Theo A. 9.64 - IV. 457, có 5 triên cái (pañca nīvarana), gôm: tham dục (kāmacchando) y sân hận (byāpādo), hôn trâm thụy miên (thinamiddhā), trạo cử hối hận (uddhaccakukkuccā) và nghi ngờ (vicikicchā). 46 Nguyên tác: Lưu (oghā): Theo D. 33, Sañgīti Sutta (Kinh phúng tụng): Cattāro oghā, kāmogho bhavogho ditthogho avijjogho (Có 4 bộc lưu, gồm dục bộc lưu, hữu bộc lưu, kiến bộc lưu và vô minh bộc lưu), HÍ. Thích Minh Châu dịch. 47 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.202. 0051c29). Tham chiếu: s. 35.167 - IV. 148. 48 Nguyen tác: Ngã kiến ()Nhận thức sai lầm cho rằng có một bản ngã chân thật.

QUYỂN 8  227

Này Tỳ-kheo! Thầy hãy biết đúng như thế và thấy đúng như thế sẽ tuần tự đoạn trừ cái thấy có thật ngã, sanh khởi cái thấy vô ngã. Bấy giờ, vị Tỳ-kheo này nghe Phật dạy xong đã hoan hỷ và tùy hỷ? đảnh lễ rồi lui ra. ***

203. ĐOẠN TRỪ MÔT PHÁP49 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn xoài50 của thầy thuốc Kỳ-bà Câu-ma-la51 ở thành Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Nêu Tỳ-kheo nào có thê đoạn trừ được một pháp sẽ đạt được chánh trí và CÓ thê tự biêt răng: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh.” Các Tỳ-kheo bạch Phật:  Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp. Kính mong Ngài thuyết giảng cho chúng con. Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ lãnh thọ và phụng hành. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:  Các thầy hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Như Lai sẽ giảng nói cho các thầy. Này các Tỳ"kheo! Thế nào là đoạn trừ một pháp,... (cho đến) không còn tái sanh? Nghĩa là đoạn trừ vô minh, khiến xa lìa tham dục và minh sanh khởi, đạt được chánh trí, có thể tự biết rằng: “Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh.” Lúc ấy, có vị Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y phục, bày vai phải, đảnh lễ Phật rồi quỳ chân phải sát đất và chắp tay thưa:  Kính bạch Thế Tôn! Phải biết như thế nào và thấy như thế nào để đoạn trừ vô minh, khiến xa lìa tham dục và minh sanh khởi? Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: \ r < -Thây hãy quán sát đúng như thật mát là vô thường. Những pháp như săc, nhãn thức, nhãn xúc và nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, hoặc cảm thọ khổ, hoặc cảm thọ vui, hoặc cảm thọ không khổ không vui, đều phải quán sát đúng như thật chúng là vô thường. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng phải được quán sát như vậy.

49 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.203. 0052a 10). Tham chiếu: s. 35.79 - IV. 49. 50 Nguyên tác: Am-la viên (ambavanà)'. Vườn xoài. 51 Kỳ-bà Câu-ma-la (Jīvaka Komārabhacca): VỊ danh y là con của kỹ nữ Sālavatī ở thành Vương Xá (Rājagaha). Chủ giải Kinh Tăng chi bộ cho răng, vị danh y này là con của Vương từ Vô Uy (Abhayarāj akumāra).

Này các Tỳ-kheo! Phải biết đúng như thế và thấy đúng như thế sẽ đoạn trừ vô minh, khiến xa lìa tham dục và minh sanh khởi. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

204. NHẬN BIẾT NHƯ THẬT52 __ y Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn xoài của thầy thuốc Kỳ-bà Câu-ma-la ở thành Tỳ-xá-ly. Bay giờ, The Ton bảo Ton gia A-nan: -Hãy biết đúng như thật, thấy đúng như thật về mắt. Đối với mắt; với sắc, nhăn thức, nhãn xúc và nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, hoặc cảm thọ khổ, hoặc cảm thọ vui, hoặc cảm thọ không khổ không vui, đều phải biết đúng như thật và thấy đúng như thật về chúng. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng phải thấy biết đúng như vậy. Sau khi biết đúng như thật, thấy đúng như thật vê chúng roi thì vi áy sẽ sanh tâm nhàm chán đôi với mat; đôi với sắc, nhãn thức, nhãn xúc và nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, 9 O hoặc cảm thọ khô, hoặc cảm thọ vui, hoặc cảm thọ không khô không vui, vị ấy cũng sẽ sanh tâm nhàm chán. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng giống như vậy. Khi đã nhàm chán rồi sẽ không có tâm tham đắm, đã không tham đăm sẽ được giải thoát và giải thoát tri kiên, biêt răng: “Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Đức Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

205. ƯU-ĐÀ-NA53

Tôi nghe như vay:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn xoài của thầy thuốc Kỳ-bà Câu-ma-la ở thành Tỳ-xá-ly.

Bấy giờ, sau khi nói xong các kệ Ưu-đà-na54 rồi, Thế Tôn bảo Tôn giả

A-nan:

52 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.204. 0052a27). 53 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp. 0.02. 0099.205. 0052b09) 54 ưu-đậ-na (ưdãnà), một trong 12 thể loại kinh, còn được dịch là Pháp cú, Tự thuyết, Vô vấn tự thuyết.



-Mắt là vô thường, là pháp khổ đau, biến đổi, hoại diệt. Các pháp như sắc, nhãn thức, nhãn xúc và nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, hoặc cảm thọ kho, hoặc cảm thọ vui, hoặc cảm thọ không kho không vui cũng là vô thường, là pháp khổ đau, biến đổi, hoại diệt. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng như vậy. Vị Thánh đệ tử đa văn khéo quán sát như thế thì đối với mắt sẽ được giải thoát; đối với sắc, nhãn thức, nhãn xúc và nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, chúng cũng đều được giải thoát. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý;... pháp, ý thức, ý xúc và ý xúc55 làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, hoặc cảm thọ kho, hoặc cảm thọ vui, hoặc cảm thọ không khổ không vui, hết thảy chúng cũng đều được giải thoát. Do vậy, Như Lai nói vị ấy đã giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, lo5 buồn, khổ, não. Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

206. THỰC TẠI HIỆN TIỀN56 __ y Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn xoài của thầy thuốc Kỳ-bà Câu-ma-la ở thành Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, Thế Tôn dạy các

Tỳ-kheo: -Các thay hãy nỗ lực tinh tấn tu tập thiền đinh, an tinh tâm mình. Vì sao như vậy? Này các Tỳ-kheo! Nêu biết nỗ lực thiền đinh, an tịnh tâm mình như thế sẽ biết đúng như thật trong thực tại hiện tiền.57 Biết đúng như thật trong thực tại hiện tiên đôi với những gì? Nghĩa là biêt đúng như thật trong thực tại hiện tiền đối với mắt. Những pháp như sắc, nhãn thức, nhãn xúc và nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, hoặc cảm thọ kho, hoặc cảm thọ vui, hoặc cảm thọ không kho không vui, cũng đều biết đúng như thật trong thực tại hiện tiền của chúng. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng như vậy. Các pháp này đều là vô thường, là pháp hữu vi, cũng đều biết đúng như thật trong thực tại hiện tiền của chúng như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

55 Nguyên tác: Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, pháp, ý thức, ý xúc (,).Nguyên tác tỉnh lược. Tham chiếu ít(r.02. 0099.195. 0050al8): Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, thanh, hương, vị, xúc, ph,ý thức, ý xúc (,,,,,,,). 56 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.206. 0052Ồ20). Tham chiếu: s. 35.100 - IV. 80; S. 35.161 -IV. 144. * 57 Nguyên tác: Như thật tri hiển hiện ().Theo s. 35.100 - IV. 80: Yathābhūtam pajānāti (Biết rõ thực tại hiện tiền hoặc nhận thức đúng như chúng đang là).



207. TU TẬP THIỀN ĐỊNH58 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn xoài của thầy thuốc Kỳ-bà Câu-ma-la ở thành Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, đức Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo: Các thay hãy tu tập vô lượng thiền đinh,59 tinh chuyên buộc niệm. Vì sao như vậy? Bởi vì khi đã tu tập vô lượng thiền định, tinh chuyên buộc niệm rồi thì các thầy sẽ biết đúng như thật trong thực tại hiện tiền. Biết đúng như thật trong thực tại hiện tiền đối với những gì? Nghĩa là biết đúng như thật trong thực tại hiện tiền đối với mắt... (nói đầy đủ như trên, cho đến) Các pháp này đều là vô thường, là pháp hữu vi, cũng đều biết đúng như thật trong thực tại hiện tiền của chúng như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

208. SÁU CẢN VÔ THƯỜNG (l)60 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn xoài của thầy thuốc Kỳ-bà Câu-ma-la ở thành Ty-xa-iy. '

Bấy giờ, Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo: Mat trong quá khứ và tương lai đêu là vô thường, huông gì là mát ở hiện tại. Vị Thánh đệ tử đa văn quán sát như vậy rồi sẽ không mến tiếc mắt trong quá khứ, cũng không mong cầu mắt ở tương lai; đối với mắt ở hiện tại thì sanh tâm nhàm chán, không vui thích, dứt mong cầu, hướng đến chán bỏ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng giống như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Tương tự như nghĩa Vô thường, đổi với Khổ, Không và Vô ngã, đức Phật cũng nói như vậy. Tương tự như bôn kinh nói vê Sáu căn bên trong, đôi với bôn kinh nói vê Sáu tran bên ngoài là sắc, thanh, hương, VỊ, xúc, pháp, cùng với bốn kinh nói về Sáu căn và Sáu trần, đức Phật cũng nói giong như vậy. ***

58 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.207. 0052ỒỒ29). Tham chiếu: s. 35.160 - IV. 143; S. 35.99 - IV. 80. 59 Tam-ma-đề (,samādhī) còn dịch là tam-muội (),định (). 60 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.208. 0052c07). Tham chiếu: Tạp.(r02. 0099.333. 0Ò92bl4); 5. 35.10-12 - IV 5-6.



209. SÁU XÚC NHẬP XỨ61 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn xoài của thầy thuốc Kỳ-bà Câu-ma-la ở thành Tỳ-xá-ly. Bây giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Có sáu xúc nhập xứ.62 Những gì là sáu? Đó là nhãn xúc nhập xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý xúc nhập xứ. Nấu Sa-môn, Bà-la-môn nào đối với sáu xúc nhập xứ này mà không biết như thật về sự tập khởi, sự diệt tận, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly chúng, nên biết Sa-môn hay Bà-la-môn ấy cách xa Giáo pháp và Giới luật của Như Lai, giống như khoảng cách giữa trời và đất. Khi ấy, có vi Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy sửa lại y phục, đảnh lễ đức Phật rồi chắp tay thưa: Kính bạch Thế Tôn! Con đã biết như thật và đầy đủ về sự tập khởi, sự diệt tận, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly sáu xúc nhập xứ. Phật nói với Tỳ-kheo: Nay Như Lai hỏi thầy, thầy hãy trả lời theo câu hỏi của Như Lai! Này Tỳ-kheo, thầy có nhận thấy rằng nhãn xúc nhập xứ là ngã, khác ngã, hoặc tồn tại trong nhau chăng? - Thưa không, kính bạch Thế Tôn! Phật nói với vị Tỳ-kheo: -Hay thay! Hay thay! Người nào nhận biết như thật nhãn xúc nhập xứ này không phải là ngã, không khác ngã, cũng không tồn tại trong nhau sẽ không còn sanh khởi các phiền não, tâm không đam nhiễm, đạt được giải thoát. Đây gọi là xúc nhập xứ đầu tiên đã được đoạn trừ, đã được giác tri, đã đoạn tận gốc rễ, giống như chặt đứt ngọn cây đa-la thì trong tương lai, nhãn thức cùng với sắc trần sẽ vĩnh viễn không thể sanh khởi trở lại. Thầy có nhận thấy nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý xúc nhập xứ là ngã, khác ngã, hoặc tồn tại trong nhau chăng? - Thưa không, kính bạch Thế Tôn! Phật nói với Tỳ-kheo: -Hay thay! Hay thay! Người nào khéo nhận biết như thật đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý xúc nhập xứ là chẳng phải ngã, chẳng khác ngã, cũng không tồn tại trong nhau sẽ không sanh khởi các phiền não, tâm không nhiễm trước và đạt được giải thoát. Đây gọi là Tỳ-kheo đã đoạn trừ, đã giác tri, đã đoạn tận gốc rễ sáu xúc nhập xứ, giống như chặt đứt ngọn cây đa-la thì trong tương lai, ý thức cùng với pháp trần sẽ vĩnh viễn không the sanh khởi trở lại.

61 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.209. 0052CÍ7). Tham chiếu: s. 35.71-73 - IV. 43-4. 62 Lục xúc nhập xứ (channam phassāyatanānani): Sáu cơ sở nền tảng để xúc sanh khởi.



Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.
***

210. ĐỊA NGỤC63 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn xoài của thầy thuốc Kỳ-bà Câu-ma-la ở thành Tỳ-xá-ly. Bay giờ, The Ton bao các Ty-kheo: -Các thầy chớ có ham thích, cũng chớ có chán bỏ. Vì sao như vậy? Bởi vì có địa ngục tên là Sáu Xúc Nhập Xứ.64 Chúng sanh nào sanh ra trong địa ngục này thì mắt chỉ thấy những cảnh mình không yêu thích mà không thấy được những cảnh mình yêu thích; chỉ thấy

những cảnh không đáng nhớ nghĩ mà không thây được những cảnh đáng nhớ nghĩ; chỉ thây những cảnh không tót lành mà không thấy được những cảnh tốt lành. Do nhân duyên này nên chúng sanh ở chốn ấy lúc nào cũng chịu khổ đau. Khi tai họ nghe âm thanh, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý cảm nhận pháp, cũng chỉ gặp những gì mình không yêu thích mà không gặp được những gì mình yêu thích; chỉ gặp những gì không đáng nhớ nghĩ mà không gặp được những gì đáng nhớ nghĩ; chỉ gặp những điêu bát thiện mà không gặp được những điêu thiện. Do nhân duyên này nên chúng sanh chốn ấy bao giờ cũng chịu khổ đau. Này các Tỳ-kheo! Lại có cối trời tên là Sáu Xúc Nhập Xứ. Nếu chúng sanh nào sanh ra ở nơi ấy thì mắt chỉ thấy những cảnh đáng yêu thích, chứ không thấy những cảnh không đáng yêu thích; chỉ thấy những cảnh sắc đáng nhớ nghĩ chứ không thấy những cảnh sắc không đáng nhớ nghĩ; thấy những cảnh tốt lành chứ không thấy những cảnh không tốt lành. Do nhân duyên này nên chúng sanh nơi ấy lúc nào cũng được an vui. Khi tai nghe âm thanh, mũi ngửi mùi, lưỡi nem vị, thân xúc chạm, ý biết pháp, cũng gặp những gì đáng yêu thích chứ chẳng phải không đáng yêu thích; những gì đáng nhớ nghĩ chứ chẳng phải không đáng nhớ nghĩ; những gì tốt lành chứ chẳng phải không tốt lành. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

63 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.210. 0053a 11). Tham chiếu: s. 35.135 - IV. 126. 64 Lục Xúc Nhập Xứ địa ngục ().Theo s. 35.135 - IV. 126: Chaphassāyatanikā nāma nìrayã (có địa ngục tên là Sáu Xúc Xứ).

QUYÊN 8  233

211. NĂM DỤC THÉ GIAN65 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn xoài của thầy thuốc Kỳ-bà Câu-ma-la ở thành Tỳ-xá-ly. _ r _ ___ r _____ _ ____ ___ _ Bay giơ, The Ton bảo các Ty-kheo:  Xưa kia, khi chưa thành tựu quả vị Chánh giác, Như Lai thường một mình ở nơi thanh vắng, thiền định tư duy, quán sát xem tâm mình phần lớn hướng đến nơi nào? Như Lai nhận thấy tâm mình phần lớn chạy theo năm loại dục66 ở quá khứ, ít chạy theo năm loại dục ở hiện tại? lại càng rất ít chạy theo năm loại dục ở tương lai. Khi đã quán biết tự tâm phần nhiều chạy theo năm loại dục ở quá khứ rồi, Như Lai liền nỗ lực tìm phương tiện và tinh cần tự gìn giữ, không để tâm chạy theo năm loại dục ở quá khứ nữa. Nhờ tinh cân tự gìn giữ tâm nên Như Lai dân dân thành tựu quả vi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này các Tỳ-kheo! Các thầy cũng phần nhiều chạy theo năm loại dục ở quá khứ, lại rất ít chạy theo năm dục ở hiện tại và năm dục trong tương lai. Thế thì các thầy cũng phải tăng cường nỗ lực tự gìn giũ*, không để tâm chạy theo năm loại dục ở quá khứ nữa thì không bao lâu các thay cũng sẽ dứt sạch các phiền não, được tâm vô lậu giải thoát, được tuệ giải thoát, ngay trong hiện tại tự thân tác chứng và tự biết rằng: "Sụ* sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Vì sao như vậy? Bởi vì mắt thấy sắc sẽ làm nhân duyên sanh ra cảm thọ bên trong, hoặc cảm thọ khổ, hoặc cảm thọ vui, hoặc cảm thọ không khổ không vui. Tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng vậy, khi tiếp xúc với thanh, hương, vị, xúc, pháp, sẽ làm nhân duyên sanh ra cảm thọ bên trong, hoặc kho, hoặc vui, hoặc không khổ không vui. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Đối với những nhập xứ

kia, các thầy phải nhận biết rõ. Nếu mắt đã diệt tận thì sắc tưởng cũng diệt tận.67 Khi tai, mũi, lưỡi, thân, ý diệt tận thì các tưởng nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng diệt tận. Đức Phật lại nói: "Các thầy hãy nhận biết rõ về sáu nhập xứ!" Nói xong, Thế Tôn vào thất tọa thiền.

65 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.Q2. 0099.211. 0053a26. Tham chiếu: s. 35.117 - IV. 97. 66 Nguyên tác: Ngũ dục công đức .Cụm từ này tương đương Pâli là pañca kāmaguna nghĩa là 5 loại dục^ Do vận dụng nghĩa chưa thích hợp nên một số bản kinh chữ Hán đã dịch thành tcngũ dục công dúrc." ở đây, guna có nghĩa đầu tiên là công đức ,nhưng cũng mang nghĩa là chủng loại .Dot cừ như diguna - nhị chủng .Do vạy, 4tngũ dục công đùc'\ can được hiểu la năm loại dục .Ngài An Thế Cao đã sử dụng nghĩa này trong Lậu phân bố kinh 01. 0057. 0852c23. Tương tự, ngài Cưu-ma-la-thập cũng dùng nghĩa này trong Thiền pháp yêu giải 7L15. 0616.1. 0286b21. 67 Nguyên tác: Nhược nhãn diệt, sắc tưởng tắc ly .Tham chiếu: s. 35.117 - IV. 95: Cakkhu ca nirujjhati, rūpasaññā ca nirujjhati Mãt đoạn diệt thì săc tưởng cũng đoạn diệt.



Sau khi Thế Tôn đi rồi, có nhiều Tỳ-kheo bàn luận với nhau: 'Thế Tôn chỉ nói tóm lược pháp trọng yếu mà không giảng rộng cho chúng ta, rồi Ngài vào thất tọa thiền. Thế Tôn có nói: Thải nhận biết rõ sáu nhập xứ. Nếu mắt diệt tận thì sắc tưởng sẽ diệt tận; tai, mũi, lưỡi, thân, ý diệt tận thì các tưởng nơi thanh, hương, vi, xúc và pháp cũng diệt tận/ Hiện tại, chúng ta vẫn chưa hiểu rõ giáo pháp mà Thế Tôn lược nói. Trong chúng này, vi nào có trí tuệ có thể vì chúng ta mà giảng rộng nghĩa lý ây kh6ng?" Rồi họ lại nghĩ: "Chí có Tôn giả A-nan là người thường hầu cận Thế Tôn, thường được đấng Đại sư khen ngợi là người thông minh và Phạm hạnh. Chỉ có Tôn giả A-nan mới có thê giảng rộng cho chúng ta nghĩa lý giáo pháp mà Thê Tôn đã lược nói. Nay chúng ta hãy cùng nhau đến chỗ Tôn giả A-nan để thưa hỏi về yếu nghĩa ấy, sau đó sẽ vâng làm theo lời Tôn giả giảng gii." Bấy giờ, nhiều Tỳ-kheo cùng đi đến chỗ Tôn giả A-nan. Sau khi chào hỏi nhau xong, họ ngồi sang một bên rồi trình bạch: Thưa Tôn giả! Vừa rồi, Thế Tôn chỉ nói tóm lược pháp trọng yếu cho chúng tôi... (chi tiết như đã nói ở đoạn trên). Xin Tôn giả vì chúng tôi mà giảng rộng nghĩa lý của pháp yêu ây. Tôn giả A-nan nói với các Tỳ-kheo: —Các thầy hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Tôi sẽ vì các thầy mà giảng rộng giáo nghĩa đã được Thế Tôn lược nói. Giáo pháp mà Thế Tôn lược nói chính là pháp sáu nhập xứ diệt tận, còn có những điêu khác cân nói nữa, đó là nhãn nhập xứ diệt tận thì niệm tưởng nơi sắc liền diệt; tai, mũi, lưỡi, thân, ý nhập xứ diệt tận thì niệm tưởng nơi sắc, thanh, hương, vi, xúc và pháp liền diệt. Thê Tôn nói khái lược pháp trọng yêu này xong, Ngài vào tịnh thát tọa thiên. Nay tôi đã vì các thầy mà nói rộng nghĩa lý ấy. Tôn giảA-nan nói rộng nghĩa lý này xong, các Tỳ-kheo nghe Tôn giả giảng nói đều hoan hỷ phụng hành. ***

212. HẠNH KHÔNG BUÔNG LUNG68 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Như Lai không phải vì tất cả Tỳ-kheo mà giảng nói hạnh không buông lung, cũng

không phải không vì tất cả Tỳ-kheo mà giảng nói hạnh không buông lung.

68 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.212. 0053c07). Tham chiếu: s. 35.134 - IV. 124.



Như Lai không giảng nói hạnh không buông lung đối với những vị Tỳ- kheo nào? Đó là những vi Tỳ-kheo đã chứng đắc A-la-hán, sạch các phiền não, buông bỏ các gánh nặng, đạt được phước lợi tự thân, đã sạch các phiền não dẫn đen tái sanh,69 tâm thật sự giải thoát thì Như Lai không vì họ mà giảng nói hạnh không buông lung. Vì sao như vậy? Vì những vị Tỳ-kheo ấy đã hành trì pháp không buông lung nên sẽ không thể nào gây tạo việc buông lung nữa. Hiện tại, Như Lai nhận thây những Tỳ-kheo ây đã được quả không buông lung nên Như Lai không vì họ mà dạy hạnh không buông lung nữa. Như Lai vì hàng Tỳ-kheo nào mà giảng nói hạnh không buông lung? Đó là những vị Tỳ-kheo còn ở địa vị Hữu học,69 70 tâm ý chưa được an ổn tăng thượng, đang hướng đến an trụ Niết-bàn. Như Lai sẽ dạy hạnh không buông lung cho những Tỳ-kheo như thế. Vì sao như vậy? Vì những Tỳ-kheo ấy đang tu tập các căn, tâm vẫn còn ưa thích duyên theo các phương tiện sinh sống. Nếu được thân cận thiện hữu tri thức thì không bao lâu họ sẽ dứt sạch các phiền não5 được tâm vô lậu giải thoát, được tuệ giải thoát, ngay hiện tại tự thân tác chứng và tư biết rằng: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Vì sao như vậy? Bởi vì? đối với những sắc đáng yêu, đáng thích và đắm trước được mat nhận biêt, vi Tỳ-kheo kia khi thây như vậy thì không còn ưa thích, không còn khen ngợi, không còn đắm nhiễm, không bị dính mắc. Do không ưa thích, không khen ngợi, không đăm nhiễm, không bị dính mác nơi sắc nên các vị ấy tinh chuyên nỗ lực tu tập, thân tâm tịch tinh, tâm luôn an trụ không quên, thường định tĩnh nhất tâm, đạt được pháp hỷ vô lượng, nhanh chóng chứng đắc chánh định bậc nhất, không bao giờ thoái thất theo sự sanh diệt của mắt và sắc nữa. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý biết pháp cũng như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

213. HAI PHÁP71 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bây giơ, Thê Ton bao các Tỳ-kheo: -Như Lai sẽ giảng cho các thầy về hai pháp. Các thầy hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Hai pháp đó là gì? Mắt và sắc là hai, tai và âm thanh là hai, mũi

69 Nguyên tác: Hữu kiết Các phiền não dẫn đến tái sanh. 70 Nguyên tác: Học địa ,chỉ cho các giai vị của bậc Hữu học, còn phải tu giới, định, tuệ để chứng đắc Thánh quả. 71 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r.02. 0099.213. 0054a01. Tham chiếu: s. 35.92 - IV. 67.



và mùi hương là hai, lưỡi và vị là hai, thân và xúc là hai, ý và pháp là hai. Đó gọi là hai pháp. Nếu có Sa-môn9 Bà-la-môn nào nói như vầy: "Đó chẳng phải là hai pháp. Sa- môn Cù-đàm nói là hai pháp nhưng đây chăng phải là hai pháp.” Roi người này tự nói ra hai pháp theo ý của mình nhưng chỉ có trên ngôn thuyết, vừa khiến người nghe không

hiểu lại còn tăng thêm sự nghi ngờ, vì chẳng phải cảnh giới của họ. Vì sao như vậy? Bởi vì mát duyên với sác sẽ sanh ra nhận biêt của mat, ba yếu tố này hòa hợp sanh ra xúc, duyên xúc sanh ra cảm thọ? hoặc cảm thọ khổ, hoặc cảm thọ vui, hoặc cảm thọ không kho không vui. Nêu người nào không biết đúng như thật về sự tập khởi của cảm thọ, sự diệt tận của cảm thọ5 vị ngọt của cảm thọ, tai hại của cảm thọ và vê sự xuât ly cảm thọ này thì người ây sẽ gieo trồng tham dục từ xúc chạm của thân, gieo trồng sân hận từ xúc chạm của thân, gieo trồng giới thủ72 từ xúc chạm của thân, gieo trồng ngã kiến73 từ xúc chạm của thân, đồng thời cũng gieo trồng và làm tăng trưởng các pháp ác, bất thiện. Như vậy? toàn bộ khối khổ lớn đều theo đây sanh khởi. lai, mũi5 lưỡi, thân và ý cũng như vậy. Khi ý duyên pháp sanh ra ý thức, ba yếu tố này hòa hợp sanh ra xúc... (chi tiết tương tự như trên đã nói), Lại nữa, măt duyên với sác sanh ra nhận biêt của măt, ba yêu tô này hòa hợp sanh xúc, xúc làm duyên sanh ra cảm thọ, hoặc cảm thọ kho, hoặc cảm thọ vui, hoặc cảm thọ không khổ không vui. Nấu người nào biết đúng như thật về sự tập khởi của cảm thọ, sự diệt tận của cảm thọ, vị ngọt của cảm thọ, tai hại của cảm thọ và sự xuất ly cảm thọ này roi thì người ấy sẽ không gieo trồng tham dục từ xúc chạm của thân, không gieo trồng sân hận từ xúc chạm của thân, không gieo trồng giới thủ từ xúc chạm của thân, không gieo trồnệ ngã kiến từ xúc chạm của thân, đồng thời cũng không gieo trồng các pháp ác, bất thiện. Như vậy, các pháp ác, bất thiện sẽ không còn và toàn bộ khối khổ lớn cũng dứt sạch. Năm căn là tai, mũi, lưỡi, thân, ý duyên với năm trần là thanh, hương, vi, xúc và pháp cũng giống như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

214. HAI NHÂN DUYÊN74

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

::Giới thủ ()còn gọi là 7giới thủ kien?,(),4tgiới cấm thủ,ki&T().Kiến chấp sai lam khởi lên từ những giới cấm phi lý, loại này gồm cả ta chấp và lối tu kho hạnh. Theo Câu-xả luân (r.29. 1558.19. 0099Ò21); Thanh duy thúc luận (7.31. 1585.06. 0032a02). 73 Ngã kiến ()Kiến chấp sai lầm cho rằng có thật ngã. 74 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.214. 0054a22). Tham chiếu: s. 35.93 - IV. 67.

QUYỀN 8^ 237

- Bay giờ, The Ton bao các Ty-kheo: -cỏ hai nhân duyên sanh ra thức. Là hai nhân duyên nào? Đó là măt và săc, tai và âm thanh, mũi và mùi, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp... (nói rông như trên, cho đen đoạn) Vì không phải cảnh giới của họ. Vì sao như vậy? Vì mắt và sắc làm nhân duyên sanh ra nhãn thức, chúng là vô thường, là pháp hữu vi, duyên với tâm mà sanh. sắc, mắt và thức, đều vô thường, là pháp hữu vi, duyên với tâm mà sanh; ba pháp này hòa hợp gọi là xúc, có xúc rồi thì có thọ, có thọ rồi thì có tư,75 có tư rồi thì có tưởng, tất cả các pháp này đều là vô thường, là pháp hữu vi, duyên với tâm mà sanh, tức là xúc, tưởng, tư. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng tương tự như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

215. PHÚ-LÂU-NA76 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tỳ-kheo Phú-lâu-na77 đi đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi đứng sang một bên và thưa:  Kính bạch Thế Tôn! Thế Tôn nói pháp thiết thực hiện tại,78 nói pháp dập tắt ngọn lửa thiêu đốt, vượt thoát thời gian, chân chánh hướng thượng, đến để mà thấy, tự mình giác ngộ. Bạch Thế Tôn! Thế nào là pháp thiết thực hiện tại... (cho đen) tự mình giác ngộ? Phật nói với Phú-lâu-na: Hay thay, Phú-lâu-na! Thầy đã khéo hỏi điều này. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ! Như Lai sẽ giảng nói cho thầy. Này Phú-lâu-na! Khi mắt thấy sắc rồi, Tỳ-kheo liền cảm thọ và nhận biết79 r •X jF • r _ • jf e sác, cảm thọ và nhận biêt tham ái đôi với sác: "Bên trong ta có tham ái đôi với săc do măt nhận biêt, ta biêt đúng như thật tham ái đôi với sac do mat nhận biêt ở trong thân nSy.” Này Phú-lâu-na! Nếu mắt thấy sắc rồi liền cảm thọ và nhận ĩ r < •í k z e jf * biêt săc, cảm thọ và nhận biêt tham ái đôi với sác, biêt đúng như thật tham ái đoi với sắc do mắt nhận biết ở bên trong ta, đó gọi là pháp thiết thực hiện tại.

75 Tư (cetanã)'. Tâm sở pháp có tính quyết định hành động, tự mình làm và duyên các pháp tương ưng với nó cùng tạo tác. 76 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.215. 0054b02). Tham chiếu: s. 35.70 - IV. 41. 77 Phú-lâu-na (Punna). 78 Nguyên tác: Thế Tôn thuyết hiện pháp ().Tham chiếu: s. 35.70 - IV. 41: Sanditthiko dhamrna (pháp thiết thực hiến tại). 79 Nguyên tác: Giác tri ():Cảm thọ rồi nhận biết ().Tham chiếu: s. 35.70 - IV. 41: Patisamvedī (cảm thọ).



Thế nào là dập tắt ngọn lửa thiêu đốt, vượt thoát thời gian, chân chánh hướng thượng, đến để mà thấy, tự mình giác ngộ? Này Phú-lâu-na! Khi mắt thấy sắc rồi, Tỳ-kheo liền cảm thọ và nhận biết vê sác nhưng không khởi cảm thọ tham ái đôi với sác. Vị ây nhận biêt như thật: "Bên trong ta không có tham ái đối với sắc do mắt nhận biết không khởi cảm thọ tham ái đối với sắc.y Này Phú-lâu-na! Khi mắt thấy sắc rồi? Tỳ-kheo liền cảm thọ và nhận biết đối với sắc nhưng không khởi cảm thọ tham ái đối với sắc. Vị ấy biết như thật về sắc nhưng không khởi cảm thọ tham ái đối với sắc mà biết đúng như thật, đó gọi là dập tắt ngọn lửa thiêu đốt, vượt thoát thời gian, chân chánh hướng thượng, đến để mà thấy, tự mình giác hiểu. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng tương tự như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo Phú-lâu-na nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

216. BIỂN LỚN (l)80 81 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo:  Nói biển lớn, đó là lời nói của hàng phàm phu chứ chẳng phải là lời nói của bậc Thánh, bởi vì biển lớn này chỉ có một ít nước mà thôi. Còn biển mà bậc Thánh nói đến là gì? Đó là sắc do mắt nhận biết, đáng yêu, đáng nhớ, chìm đắm trong tham muốn liên hệ đến nghiệp của thân, miệng và ý, đây mới là biển lớn. Tất cả thế gian, từ loài a-tu-la cho đến chúng trời và loài người thảy đều chìm đắm trong biển lớn tham muốn, ưa thích này. Giống như ruột con chó? như đống cỏ rối, từ đời này đến đời khác mãi bị trói buộc chẳng chịt cũng giống như vậy. Đối với âm thanh được tai nhận biết, mùi hương được mũi nhận

biết, vị ngọt được lưỡi nhận biết, xúc chạm được thân nhận biết, mãi bị trói buộc chẳng chịt từ đời này sang đời khác cũng giống như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

80 Nguyên tác: Ngã hữu nôi nhãn thức sắc tham ().Mệnh đề này có thể tỉnh lược một phủ định từ. Tham chiêu: s. 35.70 IV 41: Idha pana, upavāna, bhikkhu cakkhunā rūpam disvā rūpappatisamvedī ca hoti, no ca rūparāgappatisamvedī. Asantañca ajjhattam rūpesu rāgam 'natthi me cijjhattarn rūpesu rāgo "ti pajānāti (ở đay, này Upavāna, sau khi mắt thấy sắc, Ty-kheo cam thọ sắc, nhưng không cấm thọ tham sắc và khòng co nội tham đối với sác; vị ấy biết rõ: UT01 không có nội tham đối với sắc"), HT. Thích Minh Châu dịch. Chúng tôi bổ sung dựa theo bản kinh tham chiêu.
81 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.216. 0054Ò22). Tham chiếu: s. 35.229 - IV. 157.



r r Giông như nói đên Nghiệp của thân, miệng, ỷ ở kinh trên; đôi với tham, sân, si, giaf bệnh, chết, đức Phật cũng nói tương tự như vậy. Giong như ba kinh nói về Năm căn, đối với ba kinh nói về Sáu căn, đức Phật cũng nói tương tự như thế. ***

217. BIỂN LỚN (2)82 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nói biển lớn, đó là lời nói của hàng phàm phu trong thế gian chứ chẳng phải lời của bậc Thánh, bởi vì biển lớn này chỉ có một nước mà thôi. Bậc Thánh nói mắt chính là biển lớn của con người và sắc kia là sóng biển. Nếu người nào chịu đựng được sóng biển sắc này sẽ đến được bờ kia biển cả của mắt, với các dòng sóng lớn, dòng nước xoáy, loài trùng dữ, cùng với nữ quỷ la-sát. Tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng đều là biển lớn của con người và thanh, hương, vxúc, pháp chính là sóng biển. Nếu người nào chịu đựng được sóng biển thanh, hương, vị, xúc, pháp ấy sẽ đến được bờ kia biển cả của tai, mũi, lưỡi, thân và ý, với các dòng sóng lớn, dòng nước xoáy, loài trùng dữ, cùng với nữ quỷ la-sát. Bay giơ, The Ton liên noi kẹ: Biển lớn muôn sóng dữ, Sợ thay quỷ, độc trùng, Khó vượt mà vượt được, Cùng thoát đến vô cùng. Dứt hết mọi khổ đau, Không còn thọ thân sau, Niết-bàn an trú mãi, Buông lung còn nữa đâu. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

218. KHÔ TẬP KHỞI VÀ KHỔ DIỆT TẢN83
Tôi nghe như vây:
Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.
82 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.217. 0054c05). Tham chiếu: s. 35.228 - IV. 157. 83 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.218. 0054c19). Tham chiếu: s. 12.43 - IV. 71; 5. 35.106-IV. 86. •

Bây giờ, Thê Ton bao các Ty-kheo:  Hôm nay, Như Lai sẽ giảng cho các thầy về con đường dẫn đến khổ sanh khởi và con đường dẫn đến khổ diệt tận. Các thầy hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Như Lai sẽ giảng nói cho các thầy. Thế nào là con đường dẫn đến khổ sanh khởi? Đó là do mắt duyên với sắc mà sanh ra nhãn thức, ba yếu tố này hòa hợp thì gọi là xúc. Do xúc nên có thọ, do thọ nên có ái, do ái nên có thủ, do thủ nên có hữu, do hữu mà có sanh, do sanh mà có già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não. Như vậy là khổ sanh khởi. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng giống như vậy. Đó gọi là con đường dẫn đến khổ sanh khởi. Thế nào là con đường dẫn đến khổ diệt tận? Đó là do mắt duyên với sắc nên sanh ra nhãn thức, ba yêu tô này hòa hợp thì gọi là xúc. Nêu xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì già, bệnh, chết, lo? buồn, khổ, não diệt. Như vậy, toàn bộ khối khổ lớn đều diệt tận. Đối vơi tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng giống như vậy. Đó gọi là con đường dẫn đến khổ diệt tận. Đức Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

219. CON ĐƯỜNG DẪN ĐẾN NIẾT-BÀN (l Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rưng Kỳ-đà5 thuộc nước Xá-vệ. -pv Á • A F-pi Á qp io r rp A l l Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: -Hôm nay, Như Lai sẽ giảng nói về con đường dẫn đến Niết-bàn. Thế nào là con đường dẫn đến Niết-bàn? Đó là quán sát mắt là vô thường. Quán sát các pháp như sắc, nhãn thức và nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc kho, hoặc vui, hoặc không khổ không vui thì tất cả chúng đều vô thường. Đoi với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng giống như vậy. Đây là con đường dẫn đến Niết-bàn. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ****

84 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp. 0.02. 0099.219. 0055a03). Tham chiếu: s. 35.147 - IV. 133.

QUYỂN 8  241

220. CON ĐƯỜNG DẪN ĐẾN NIẾT-BÀN 285 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.  Bay giờ, The Ton noi với các Tỳ-kheo:  Có con đường hướng đến Niết-bàn. Thế nào là con đường hướng đến Niết- bàn? Đó là quán sát mắt này chẳng phải là ngã. Quán sát các pháp như sắc, nhãn thức và nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui thì tất cả chúng đều vô thường. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng giống như vậy. Đó là con đường hướng đến Niết-bàn. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 221. TẤT CẢ THỦ86 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Có con đường dẫn đến tất cả thủ.87 Thế nào là con đường dẫn đến tất cả thủ? Đó là do mắt duyên với sắc mà sanh ra nhãn thức, khi ba yếu tố này hòa hợp thì gọi là xúc. Do có xúc nên có thọ, do có thọ nên có ái, do có ái nên có thiỉ, do có thủ nên có tất cả thủ.88 Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng giống như vậy. Do có thủ nên có tất cả thủ. Đây gọi là con đường dẫn đến tất cả thủ. r r r r Thê nào là con đường đoạn trừ tát cả thủ? Do mát duyên săc sanh ra nhãn

thức, khi ba yếu tố này hòa hợp thì gọi là xúc. Nếu xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt. Cứ như thế mà biết, đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng giông như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 85 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.02. 0099.220. 0055al0. Tham chiếu: s. 35.148-150 -IV 134-35. Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.02. 0099.221. 0055al7. Tham chiếu:, Sw tử hống kinh  roi. 0026.103. 0590Ò05; A/. 11, Cūlasīhanāda Sutta Tiểu kinh sư tử hống. 87 Thủ upādānā, chi thứ 9 trong 12 nhân duyên, chỉ cho sự chấp trước, 6m,giữ, nắm giữ, khát khao, mong cầu tái sanh trong 3 cõi, gồm dục thủ ,kiên thủ ,giới câm thủ và ngã luận thủ . 88 Nguyên tác: Sở thiỉ .Du-già sự địa luân r.30. 1579.89. 0803Ồ25 định nghĩa: Thế nào gọi là sở thủ? Đáp: Dục thủ, kiên thủ, giới câm thù và ngã luân thủ gọijà sở thủ . .Bốn loại thủ này bao hàm các thủ nên có thê xem là tất cả thủ.



222. NHẢN THỨC RÕ RÀNG VÀ TOÀN DIỆN89 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Các thầy nên nhận thức rõ ràng về tất cả pháp90 và nhận thức toàn diện về tất cả pháp.91 Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng nói cho các thay. Thê nào gọi là nhận thức rõ ràng vê tát cả pháp và nhận thức toàn diện vê tất cả pháp? Này các Tỳ-kheo! Mắt là pháp cần được nhận thức rõ ràng và cũng là pháp cần được nhận thức toàn diện. Những pháp như sắc, nhãn thức, nhãn xúc và nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui, tất cả đều là pháp cần được nhận thức rõ ràng và cũng là pháp cân được nhận thức toàn diện. Đôi với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng giống như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

223. KHÔNG NHÂN BIẾT, KHÔNG HIỂU RÕ92 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà5 thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ"kheo: -Nếu không nhận biết rõ ràng, không hiểu rõ đầy đủ về một pháp thì Ta không nói rằng sẽ vượt thoát khổ đau. Không nhận biết rõ ràng, không hiểu rõ đầy đủ về một pháp nào thì Ta không nói rằng sẽ vượt thoát khổ đau? Đó là không nhận biết rõ ràng, không hiểu rõ đầy đủ về mắt nên Ta không nói rằng sẽ vượt thoát khổ đau. Đối với các pháp như sắc, nhãn thức, nhãn xúc và nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui mà không nhận biết rõ ràng, không hiểu rõ đầy đủ về một pháp thì Ta không nói răng sẽ vượt thoát khô đau. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng lại như vậy.

89 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.222. 0055a27). Tham chiếu: Tạp.(r02. 0099.190-191. 0049b26-c04); s. 35.26 - IV. 18; s. 35.27-IV. 18. 90 Nguyên tác: Nhất thiết tri ().Theo s. 35.26 - IV. 18: Sabbam abhijānam (nhận thức rõ ràng). 91 Nguyên tác: Nhất thiết thức ().Theo s. 35.26 - IV. 18: Sabbamparijānam (nhận thức toàn diện). 92 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.223. 0055Ồ06). Tham chiếu: Tạp.(oi 0099.190-191. 0049b26-c04); s. 35.26 - IV. 17; s. 35.27 -IV. 18.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

224. TẤT CẢ PHÁP THAM DỤC93 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Cần phải đoạn trừ tất cả pháp tham dục. Tất cả pháp tham dục nào cần phải đoạn trừ? Mắt là tất cả pháp tham dục cần phải đoạn trừ. Những pháp như sắc, nhãn thức, nhãn xúc và nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui... tất cả pháp tham dục ấy đều cần phải được đoạn trừ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng giống như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

225. ĐOẠN TRỪ ĐỂ THOÁT KHỔ94 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ* Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Nếu không nhận biết rõ ràng, không đoạn trừ một pháp này thì Ta không nói rằng sẽ vượt thoát khổ đau. Không nhận biết rõ ràng, không đoạn trừ một pháp nào thì Ta không nói rằng sẽ vượt thoát khổ đau? Đó là không nhận biết rõ ràng, không đoạn trừ mắt \ 9 , thì Ta không nói răng sẽ vượt thoát khô đau. Những pháp như săc9 nhãn thức, nhãn xúc và nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui, với tất cả những pháp này mà không nhận biết rõ ràng, không đoạn trừ thì Ta không nói rằng sẽ vượt thoát khổ đau. Đối với tai, mũi? lưỡi, thân và ý lại cũng như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

93 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.224. 0055bl5). Tham chiếu: s. 35.24 - IV. 15. 94 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp. CT.02. 0099.225. 0055b22). Tham chiếu: s. 35.25 - IV. 16.



226. ĐOẠN TRỪ NGHĨ TƯỞNG95 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ.  -pv Á • \ r-pl Á rp /X i 9  r-p y 1 1 Bây giờ, Thê Tôn bao các Tỳ-kheo:  Nay Ta sẽ nói về đoạn trừ tất cả nghĩ tưởng.96 Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ nói cho các thay nghe. Thế nào là không nghĩ tưởng? Nghĩa là không nghĩ rằng "ta thấy sắc", không nghĩ rằng “mắt là của ta”, không nghĩ rằng "chúng lệ thuộc vào nhau.,^ Những pháp như sắc, nhãn thức, nhãn xúc và nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc khô, hoặc vui, hoặc không khô không vui, đối với tất cả chúng cũng không nghĩ rằng "niềm vui đó là ta5 là của ta", cũng không nghĩ rang "niềm vui đó lệ thuộc vào nhau." Đối với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng không nghĩ như vậy. Người nào không nghĩ tưởng như vậy thì đối với các pháp thế gian thường không chấp thủ, vì không chấp thủ nên không dính mắc, vì không dính mắc nên chứng đắc Niết-bàn: "Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh.,, Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Tương tự như trên

đã nói không nghĩ tưởng về mắt, đối với mọi việc cũng không nên nghĩ như vậy. ***

227. SỐNG KHÔNG CHẤP TRƯỚC97

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà9 thuộc nước Xá-vệ.

Bay giơ, The Ton bảo các Ty-kheo:

Chấp trước98 là bệnh, chấp trước là ung nhọt, chấp trước là gai nhọn.

Vì Như Lai sống không chấp trước nên xa lìa bệnh, xa lìa ung nhọt, xa lìa gai nhọn.

95 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.226. 0055c0l). Tham chiếu: s. 35.90 - IV. 64; S. 35.91 -IV. 66. 96 Nguyên tác: Ke (),chỉ cho vọng tâm suy lường, nghĩ tưởng. 97 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.227. 0055cl3). Tham chiếu: s. 35.90 - IV. 64; S. 35.91-IV. 66. 98 Nguyên tác: Kế ()có nhiều nghĩa. Thứ nhất, chỉ cho vọng tâm suy lường, như kinh số 226 đề cập. Thứ hai, là sự châp trước (saùgă). Theo Chủ giải Kinh Pháp củ, kệ số 370, có 5 thứ chấp^trước (pañcasañgd) gom: tham (rāgā), sân (dosā), si (mohā) mạn (māno) và [tà] kiến (ditthī), ở chi tiết này, bản Hán khác biệt so với bản Pali.

QUYỂN 8  245

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy sống với ước nguyện không chấp trước để xa lìa bệnh, xa lìa ung nhọt, xa lìa gai nhọn. Này các Tỳ-kheo! Chớ nghĩ rang 66măt là ta, là của ta", chớ nghĩ răng "măt lệ thuộc vào nhau.,, Các pháp như săc9 nhãn thức, nhãn xúc và nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong, hoặc kho, hoặc vui, hoặc không khổ không vui, đối với tất cả, chớ nghĩ rang chúng là ta, là của ta, hoặc tồn tại trong nhau. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng lại như vậy. Này các Tỳ-kheo! Người nào không châp trước như vậy thì không còn châp thủ, do không chấp thủ nên không dính mắc, do không dính mắc nên chứng đắc Niêt-bàn: "Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cân làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. y r r ATI, r /Ạ Tương tự như kinh nói vê mătf đôi với mọi việc khác cũng nói như vậy. ***

228. TĂNG TRƯỞNG VÀ TỔN GIẢM" Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.* • • . Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo:

Nay Ta sẽ nói vê pháp tăng trưởng và pháp tôn giảm. Thê nào là pháp tăng trưởng? Nghĩa là mát duyên với sác sẽ sanh ra nhãn thức, khi ba yêu tô này hòa hợp thì gọi là xúc, duyên xúc sanh ra cảm thọ... (nói đầy đủ như trên, cho đen) sự tập hợp toàn bộ khối khổ lớn. Đó gọi là pháp tăng trưởng. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng giống như vậy. Đó gọi là pháp tăng trưởng. Thế nào là pháp tổn giảm? Mắt duyên với sắc sẽ sanh ra nhãn thức, khi ba yếu tố này hòa hợp thì gọi là xúc. Nếu xúc diệt thì thọ diệt... (nói đầy đủ như trên, cho đến) toàn bộ khối khổ lớn diệt. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng giống như vậy. Đó gọi là pháp tổn giảm. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Tương tự như kỉnh nói về pháp tăng trưởng và tổn giảm; đối với các pháp khởi, pháp đoi thay, pháp tập, pháp diệt, đức

Phật cũng nói giong như vậy. ****

99 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.228. 0055c26).

246 KINH TẠPA-HÀM _____

229. HỮU LÂU VÀ VÔ LÂU100 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ* Bay giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: - Nay Ta sẽ nói về pháp hữu lậu và pháp vô lậu. Thế nào là pháp hữu lậu?101 Các pháp như mắt, sắc, nhãn thức, nhãn xúc và nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc kho, hoặc vui, hoặc không kho không vui, cùng với các pháp tai, mũi, lưỡi, thân và ý, ý thức, ý xúc và ý xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc khô, hoặc vui, hoặc không khô không vui, thảy đêu thuộc vê thê tục cho nên gọi là pháp hữu lậu. Thế nào là pháp vô lậu?102 Đây là pháp xuất thế gian. Khi ý duyên với pháp sanh ra ý thức, ba yêu tô này hòa hợp thì gọi là ý xúc, ý xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui, thảy đêu thuộc vê xuât thê gian cho nên gọi là pháp vô lậu. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.103

100 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.7.02. 0099.229. 0056a08. 101 Hữu lậu ,āsavā. Lậu nghía là chảy ra, rò ri, tên khác của phiền não. Hữu lậu nghĩa là còn rò ri, còn phiền não. 102 Vô lậu anāsavā'. Không còn rò ri, không còn ái dục, phiền não. 103 Bản Hán, hết quyển 8.

QUYỀN 9 247

QUYÊN 9 230. TÔN GIẢ TAM-DI-LY-ĐÈ1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tỳ-kheo Tam-di-ly-đề12 đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi qua một bên và thưa: - Kính bạch Thế Tôn! Nói về thế gian, vậy thế nào gọi là thế gian? Phật bảo Tam-di-ly-đề: Đó chính là mắt, sắc, nhãn thức, nhãn xúc và nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui. Tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng như vậy. Khi ý duyên với pháp sanh ra ý thức, ba thứ này hòa hợp gọi là ý xúc, ý xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui, đây gọi là thế gian. Vì sao như vậy? Vì sáu nhập xứ tập khởi thì xúc tập khởi... (như thế cho đến) toàn bộ khối khổ lớn tập khởi. Này Tam-di-ly-đề! Nếu không có mắt, không có sắc, không có nhãn thức, không có nhãn xúc, không có nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui; không có tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp, ý thức, ý xúc, ý xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui thì không có the gian, cũng không có khái niệm về thế gian. Vì sao như vậy? Vì sáu nhập xứ diệt thì xúc diệt... (như thế cho đến) toàn bộ khối khổ lớn diệt. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Tương tự như kỉnh nói về thế gian ở trên, các kinh nói về chủng sanh hoặc ma quỷ, đức Phật cũng nói giống như vậy. ***

1 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.O2. 0099.230. 0056a24). Tham chiếu: s. 35.65-68 - IV. 38-9. 2 Tam-di-ly-đề (,Samiddhi).



231. THẾ GIAN MONG MANH3 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tỳ-kheo Tam-di-ly-đề đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi qua một bên và thưa: -Kính bạch Thế Tôn! Nói về thế gian thì thế nào gọi là thế gian? Phật bảo Tam-di-ly-đề: -Mong manh, dễ tan vỡ, đó gọi là thế gian. Thế nào là mong manh, dễ tan vỡ? Này Tam-di-ly-đề! Mắt là pháp mong manh, dê tan vỡ. Các pháp như săc, mắt nhãn thức, nhãn xúc và nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui, thảy đều là pháp mong manh, dễ tan vỡ. Tai, mũi5 lưỡi, thân và ý cũng giống như vậy. Đó là những pháp mong manh, dễ tan vỡ cho nên gọi là the gian. Đức Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo Tam-di-ly-đề nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

232. TÁNH KHÔNG4 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-dà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tỳ-kheo Tam-di-ly-đề đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: -Kính bạch Thế Tôn! Thế gian được nói là trống không. Tại sao gọi thế gian là trống không? Phật bảo Tam-di-ly-đề: Mắt là không. Pháp không là thường hằng, không biến đổi, những gì thuộc về ngã cũng là không. Vì sao như vậy? Vì tự tánh của nó là như vậy. Các pháp như sắc, nhãn thức, nhãn xúc và nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, hoặc kho, hoặc vui, hoặc không khổ không vui, chúng đều là không. Pháp không là thường hằng, không biến đổi, những gì thuộc về ngã cũng là không. Vì sao vậy? Vì tự tánh của nó là như vậy. ...v , Đôi với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng lại như thê. Đó gọi là thê gian trống không.

3 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.231. 0056bll). Tham chiếu: s. 35.82 - IV. 52. 4 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.232. 0056b21). Tham chiếu: s. 35.85 - IV. 54.



Đức Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo Tam-di-ly-đề nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

233. CON ĐƯỜNG DIỆT TÀN THÉ GIAN5 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳdà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta sẽ nói về sự tập khởi của thế gian, sự diệt tận của thế gian và con đường đưa đến sự diệt tận thế gian. Các thầy hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Thế nào là thế gian? Đó là sáu căn.6 Những gì là sáu? Đó là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Đây là sáu căn.7 Thế nào là sự tập khởi của thế gian? Đó là khát ái dẫn đến sự hiện hữu ở tương lai,8 đi cùng với hỷ tham rồi đắm trước chỗ này chỗ kia. Thế nào là sự diệt tận của thế gian? Là khát ái dẫn đến sự hiện hữu ở tương lai, đi cùng với hỷ tham rồi đắm trước chỗ này chỗ kia đã bị đoạn sạch hoàn toàn, đã buông xả, đã nhổ bỏ? đã dứt sạch, đã lìa dục, tịch diệt, tịch tĩnh, vắng lặng. Thế nao là con đường đưa đến sự diệt tận của thế gian? Đó là Thánh đạo tám chi gồm chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh

nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh đinh. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

234. TẢN CÙNG THẾ GIỚI9

Tôi nghe như vây:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

5 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.233. 0056c02). Tham chiếu: s. 12.44 - II. 73; s. 35.107-IV. 87. • 6 Nguyên tác: Lục nội nhập xứ ().Tạp.(r.02. 0099.68. 0018a24) ghi là Tục nhập xứ"( ).Xứ (,ãyatanà)'. Cơ sở, nền tảng, nguồn cội, căn. 7 Xem thêm Tạp.(7.02. 0099.892. 0224026). 8 Nguyên tác: Đương lai hữu ái ();Tham chiếu: ủc-già trưởng giả kinh M(7.01. 0026.38. 0673a06): Khát ái này sẽ dẫn đến sự hiện hữu ở tương lai (,tanhāya ponobbhavikāya). 9 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.234. 0056c12). Tham chiếu: Tạp.(r02. 0099.1307.Ồ359aioj; s. 2.26 -1. 142; s. 35.116 - IV. 93; 4 4.45 - II. 47; A. 4.46  II. 49.

250  KINH TẠPA-HÀM

Bây giờ, Thê Ton bao các Tỳ-kheo: -Ta không cho rằng con người có thể đi đến tận cùng thế giới và Ta cũng không cho rằng, không phải đi đến tận cùng thế giới mà có thể vượt thoát khổ đau.10 Nói như vậy rồi đức Thế Tôn vào thất tọa thiền. Sau khi Thế Tôn rời di, có nhiều Tỳ-kheo bàn luận với nhau: "Vừa rồi đức Thế Tôn nói pháp một cách vắn tắt rằng: 'Ta không cho rằng con người có thể đi đến tận cùng thế giới và Ta cũng không cho rằng, không phải đi đen tận cùng thế giới mà có thể vượt thoát khổ đau/Nói như vậy rồi Ngài vào thất tọa thiền. Hiện tại, chúng ta vân chưa hiêu rõ giáo pháp mà Thê Tôn đã nói văn tát. Trong chư vị Tôn giả, ai là người có thê giảng rộng ý nghĩa giáo pháp mà Thê Tôn đã nói một cách vắn tắt cho chúng ta?" Rồi họ lại nghĩ: “T6n giả A-nan là người thường hầu cận Thế Tôn, thường được đấng Đại sư khen ngợi là người thông minh và Phạm hạnh. Chỉ có Tôn giả ấy mới có thể giảng rộng nghĩa lý giáo pháp mà Thế Tôn đã nói vắn tắt cho chúng ta. Bây giờ, chúng ta hãy cùng nhau đến chỗ Tôn giả A-nan để thỉnh cầu Tôn giả áy giảng giải. Nghĩ thế rồi, nhiều Tỳ-kheo cùng đi đến chỗ Tôn giả A-nan. Sau khi chào hỏi nhau xong, họ ngồi qua một bên rồi đem những việc trên hỏi Tôn giảA-nan. Tôn giả A-nan nói với các Tỳ-kheo: r __ 5 r  Hãy lăng nghe và khéo suy nghĩ! Tôi sẽ vì các thây mà giảng nói. Nêu là the gian thì tên gọi thế gian, sự hiểu biết của thế gian, ngôn từ thế gian, lời nói thê gian, những điêu này đêu thuộc vào quy luật thê gian. Thưa các Tôn giả! Như mắt là thế gian, đó là tên gọi thế gian, sự hiểu biết của thế gian, ngôn từ thế gian, lời nói thế gian, những điều này đều thuộc vào quy luật thế gian. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng giống như vậy. Nếu vị Thánh đệ tử đa văn biết như thật về sự tập khởi, đoạn diệt, vị ngọt, tai họa và sự xuất ly của sáu căn này, đó gọi là vi Thánh đệ tử đi đến tận cùng the giới, biết thế gian, được thế gian tôn trọng và vượt qua thế gian. Roi Ton giả A-nan noi kệ: Chẳng phải bằng đoi chân, Đen tận cùng thế giới, Chẳng tận cùng thế giới, Không thể thoát khổ đau. Thế nên đức Mâu-ni, Gọi người biết thế gian, Đen tận cùng thế giới, Là đã lập Phạm hạnh. LT' •r9 J À f 9  Tân the giới chỉ có5 Chánh trí mới thật rõ, Giác ngộ thấu thế gian, Nên nói đến

bờ kia.

10 Tham chiếu: s. 35.116 - rv. 93: 'Ta tuyên bố rằng sự tận cùng thế giới không thể biết, không thể thấy, không thê đạt được băng cách đi đên tận cùng thế giới. Ta cũng không tuyên bố rằng, này các Ty-kheo, sự châm dứt đau khô có thê làm được bằng cách đạt đến sự tận cùng thê giới,, (HT. Thích Minh Châu dịch).

QUYỂN 9 251

Như thế, này các Tôn giả! Vừa rồi, đức Thế Tôn nói pháp một cách vắn tắt xong thì vào tịnh thất tọa thiền. Nay tôi đã vì các thầy mà nói rộng nghĩa lý ấy. Tôn giả A-nan nói rõ nghĩa lý này xong, các Tỳ-kheo nghe Tôn giả giảng giải đều hoan hỷ phụng hành. ***

235. CÓ THÀY, CÓ ĐỆ TỬ11 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bay giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: - Có thầy, có đệ tử gần gũi là nỗi Idiổ của đời sống độc cư;11 12 không thầy, không đệ tử gần gũi là an lạc của đời sống độc cư. Thế nào gọi là có thầy, có đệ tử gần gũi là nỗi khổ của đời sống độc cư? Đó là khi mắt duyên với sắc sanh ra tri giác xấu ác, bất thiện, đi cùng với tham, sân, si. Nếu Tỳ-kheo nào thực hành theo những pháp đó thì gọi là sống có thầy. Nếu sống với một phần của những phẩm chất đó thì gọi là sống gần gũi với đệ tử.13 Đôi với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng giông như vậy. Đó gọi là có thây, có đệ tử gần gũi là nỗi khổ của đời sống độc cư. Thế nào gọi là không thầy, không đệ tử gần gũi là an lạc của đời sống độc cư? Nghĩa là khi mắt duyên với sắc sanh ra tri giác xấu ác, bất thiện, đi cùng với tham, sân, si. Nếu Tỳ-kheo nào không thực hành theo thì gọi là sống không thầy; nếu sống không nương tựa vào những pháp đó thì gọi là sống không gần gũi với đệ tử. Đó gọi là không thây, không đệ tử gân gũi là an lạc của đời sông độc cư. Nếu Tỳ-kheo nào không thầy, không đệ tử gần gũi thì Ta nói họ được phước Phạm hạnh. Vì sao như vậy? Vì không thầy, không đệ tử gần gũi thì Tỳ-kheo ây đã xây dựng Phạm hạnh nơi Như Lai, có khả năng diệt khô hoàn toàn và dứt hết nguyên nhân của khổ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

11 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(V02. 0099.235. 0057al6). Tham chiếu: s. 35.151 - IV. 136. 12 Nguyên tác: Độc tru (),chỉ cho việc sống một mình ở nơi thanh vắng. Theo s. 35.151 - IV. 136 gọi là sống Phạm hạnh (Brahmacariyarn vussati). 13 Nguyên tác: Ư thừ biên trú giả ().Theo s. 35.151 - IV. 136: Antassa vasanti pāpakā akusalā dhammāti. Tasmā santevāsikoti vuccati (Các ác, bất thiện pháp nội trú trong vị ấy. Do vậy, được gọi là có đệ tử nội trú), HT. Thích Minh Châu dịch.

252 KINH TẠPA-HÀM _____

236. KHẤT THỰC THANH TỊNH14 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, vào buổi sáng sớm, Tôn giả Xá-lợi-phất đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Khất thực xong, Tôn giả trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân rồi mang tọa cụ vào rừng ngồi thiền buổi trưa. Tọa thiền xong, Tôn giả đến chỗ đức Thế Tôn, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Khi ấy, Thế Tôn hỏi Xá-lợi-phất: - Thầy từ đâu đến? Ton gia đáp: Bạch Thế Tôn! Con từ chỗ

ngồi thiền buổi trưa ở trong rừng xong thì đến đây. Phật lại hỏi: -Hôm nay, thầy an trú trong loại thiền nào? Tôn giả thưa: -Bạch Thế Tôn! Hôm nay, khi ở trong rừng, con đã an trú vào thiền Không tam-muội. Đức Phật khen ngợi: -Lành thay! Lành thay! Này Xá-lợi-phất! Hôm nay, thầy đã an trú và thực hành thiền của bậc Đại nhân. Nếu các Tỳ-kheo muốn an trú và thực hành thiền của bậc Đại nhân thì phải học như vầy: “Khi vào thành, hoặc khi đi khất thực, hoặc lúc ra khỏi thành, cần nên suy nghĩ như vầy: 'Hôm nay, mắt ta thấy sắc có ;. k  k ,  khởi tâm ham muôn, yêu mên, đăm nhiêm chăng?9 Này Xá-lợi-phất! Khi Tỳ-kheo quán niệm như thế, nếu các sắc do mắt nhận biết mà còn yêu mến đắm trước thì Tỳ-kheo ấy vì muốn đoạn tâm xấu ác, bất thiện ấy nên chuyên cần tìm cầu phương tiện, khéo léo buộc niệm để tu học. Ví như có người bị lửa đốt cháy đầu, cháy áo, vì muốn dập tắt lửa nên phải nhanh chóng dùng mọi cách để dập tắt lửa. Tỳ-kheo kia cũng lại như thế, phải nhanh chóng chuyên cần tìm cầu phương tiện buộc niệm để tu học. Nêu đang đi trên đường, hoặc đang đi khát thực trong thôn xóm, hoặc đã ra khỏi thôn x6m, trong khoảng thời gian đó, Tỳ-kheo quán sát mà thấy các sắc do mắt nhận biết không có niệm ái nhiễm đắm trước, Tỳ-kheo ấy hãy an trú vào căn lành này với niềm hỷ lạc để ngày đêm tinh cần buộc niệm tu tập hơn nữa. Đây gọi là Tỳ-kheo trong khi đi, đứng, nằm, ngồi làm cho hạnh khất thực được thanh tịnh. Cho nên, kinh này gọi là Khất thực thanh tịnh.

14 Tựa đề Phật dạy ở cuối kinh. Tạp.(r.O2. 0099.236. 0057bỌ3). Tham chiếu: Tăng. if (T.02. 0125.45.6. 0773Ồ20); M. 151, Pindapātapārisuddhi Sutta {Kinh khát thực thanh tịnh).

QUYỂN 9 253

Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả Xá-lợi-phất nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

237. THANH TỊNH HOÀN TOÀN15 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ ở giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu, thuộc nước Tỳ-xá-ly. Khi ấy, có trưởng giả tên úc-cù-lũ16 đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: - Bạch Thế Tôn! Tại sao có Tỳ-kheo đạt được thanh tinh hoàn toàn17 ngay trong hiện tại? Tại sao có Tỳ-kheo không đạt được thanh tịnh hoàn toàn ngay trong hiện tại? Phật đáp: -Nêu Tỳ-kheo nào đôi với những sác được nhận thức bởi măt mà yêu thích đắm trước, do vì yêu thích đắm trước cho nên thường lệ thuộc vào nhận thức đó và bị chúng trói buộc, bị chấp thủ. Vì chấp thủ nên không đạt được thanh tinh hoàn toàn ngay trong hiện tại. Đoi với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng giống như vậy. Nếu Tỳ-kheo nào đối với những sắc được nhận thức bởi mắt mà không yêu thích đắm trước, do vì không yêu thích đắm trước nên không lệ thuộc vào nhận thức đó, không tiếp xúc, không dính mắc, không chấp thủ. Do không chấp thủ nên những Tỳ-kheo này đạt được thanh tịnh hoàn toàn ngay trong hiện tại. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng giống như vậy. Thế nên, này trưởng giả, có Tỳ-kheo đạt được thanh tịnh hoàn toàn ngay trong hiện tại và cũng có Tỳ-kheo không đạt được thanh tinh hoàn toàn ngay trong hiện tại. Tương tự kỉnh Thanh tinh hoàn toàn,18 kinh A-nan hỏi và kinh Phật tự nói cho các Tỳ-kheo cũng nói giống như vậy. ***

238. NHÂN DUYÊN19 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hâu, thuộc nước Tỳ-xá-ly. 15 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r.02. 0099.237. 0057Ò28. Tham chiếu: s. 35.118 - IV. 101; S. 35.124- IV. 109;k 35.125 -IV. 109; S. 35.126-IV. 110; s. 35.128 -IV. 113; s. 35.131 -IV. 116. 16 úc-cù-lũ ,Uggā còn gọi là úc-già . 17 Nguyên tác: Bát-niết-bàn Parinỉrvânà'. Hoàn toàn thanh tịnh, viên tịch, tịch tĩnh... 18 Nguyên tác: Trưởng giả sở vấn kinh tức là kinh 237, vì kinh này đặt lại tựa đề dựa theo nội dung. 19 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r.02. 0099.238. 0057cl4.



Khi ấy, có Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: -Bạch Thế Tôn! Do nhân gì, duyên gì mà sanh ra nhãn thức? Do nhân gì, duyên gì mà sanh ra nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý thức? Phật đáp: -Do mắt duyên với sắc mà sanh ra nhãn thức. Vì sao như vậy? Vì nhãn thức được sanh ra là do mắt duyên với hết thảy hình sắc. Do tai duyên với âm thanh, mũi duyên với mùi hương, lưỡi duyên với vị và ý duyên với pháp mà sanh ra ý thức. Vì sao như vậy? Vì những gì được nhận biết bởi ý đều do ý duyên với pháp mà sanh ra. Này Tỳ-kheo! Đó gọi là nhân duyên sanh ra nhãn thức... (cho đên) nhân duyên sanh ra ý thức. Đức Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành, đảnh lễ rồi lui ra. ***

239. KIẾT SỬ VÀ PHÁP KIẾT sủ20 Tôi nghe như vày: Một thời, đức Phật ngụ tại giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu, thuộc nước Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta sẽ nói về những pháp bị kiết sử trói buộc và pháp kiết sử. Thế nào là những pháp bị kiết sử trói buộc? Đó là mắt và sắc, tai và âm thanh, mũi và mùi, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp. Đó gọi là những pháp bi kiết sử trói buộc. Thế nào là pháp kiết sử? Chính là dục tham,21 đó gọi là pháp kiết sử. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

240. CHẤP THỦ22 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu, thuộc nước Tỳ-xá-ly.

20 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.239. 0057c24). Tham chiếu: s. 35.109 - IV. 89; S. 35.122 -IV. 107. 21 Dục tham ()là 2 yếu tố, gồm dục (,kāmā) và tham (,rāgā). 22 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.240. 0058a01). Tham chiếu: s. 35.110 - IV. 89; S. 35.123 - IV. 108.



Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Nay Ta sẽ nói về những pháp bị chấp thủ và pháp chấp thủ. Thế nào là những pháp bị chấp thủ? Đó là mắt và sắc, tai và âm thanh, mũi và mùi, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp. Đó gọi là những pháp bị chấp thủ. Thế nào là pháp chấp thủ? Chính là dục tham, đó gọi là pháp chấp thủ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

241. THÀ CHỊU NUNG ĐÓT23 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu, thuộc nước Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Này các Ty-kheo! Hàng phàm phu mê muội thiếu hiểu biết thà lấy lửa nung cháy que đồng rồi đem thui con mắt của mình khiến nó bi cháy thiêu, chứ không nên đê cái biêt của mát đăm nhiêm vào sác tướng, châp thủ theo sác tướng tốt đẹp. Vì sao như vậy? Vì đắm nhiễm vào sắc tướng, chấp thủ theo sắc tướng tốt đẹp là rơi vào đường ác, giống như thỏi sắt bi chìm. Hàng phàm phu mê muội thiếu hiểu biết thà nung dùi sắt rồi đem khoan lỗ tai của mình, chứ không nên để cái biết của tai đắm nhiễm vào âm thanh, chấp thủ theo tiêng hay. Vì sao như vậy? Vì đăm nhiêm vào âm thanh, châp thủ theo tiếng hay thì khi qua đời sẽ rơi vào đường ác, giống như thỏi sắt bi chìm. Hàng phàm phu mê muội thiếu hiểu biết thà dùng dao bén cắt đứt mũi của mình, chứ không để cái biết của mũi đắm nhiễm hương thơm, chấp thủ theo hương thơm. Vì sao như vậy? Vì đắm nhiễm hương thơm, chấp thủ theo hương thơm thì khi qua đời sẽ rơi vào đường ác, giống như thỏi sắt bị chìm. Hàng phàm phu mê muội thiếu hiểu biết thà dùng dao bén cắt đứt lưỡi của mình, chứ không đê cái biêt của lưỡi đăm nhiêm mùi vị, chân thủ theo vi ngon. Vì sao như vậy? Vì đăm nhiêm mùi vị, châp thủ theo vi ngon thì khi qua đời sẽ rơi vào đường ác5 giống như thỏi sắt bị chìm. Hàng phàm phu mê muội thiếu hiểu biết thà lấy cây sắt nhọn, lấy cây giáo bén đâm vào thân thể của minh, chứ không để cái biết của thân đắm nhiễm vào sự xúc chạm, chấp thủ theo sự xúc chạm êm ái. Vì sao như vậy? Vì đam nhiễm vào sự xúc chạm, chấp thủ theo sự xúc chạm êm ái thì khi qua đời sẽ rơi vào đường ác, giống như thỏi sắt bị chìm. Này các Tỳ-kheo! Ham mê ngủ nghỉ là sinh hoạt của người ngu, là lối sống của người ngu, không có lợi, không có phước. Thế nhưng, này các Tỳ-kheo!

23 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.241. 0058a07). Tham chiếu: s. 35.235 - IV. 168.



Thà vùi đầu vào việc ngủ nghỉ còn hơn đối với sắc kia mà khởi lên ý niệm mong cầu. Nếu người nào khởi lên ý tưởng mong cầu thì ắt sanh ra các trói buộc, tranh chấp, có thể khiến nhiều người làm việc phi nghĩa, không lợi ích an lạc cho trời và người. Vị Thánh đệ tử đa văn nên học như thế này: “Nay ta thà nung giáo sắt đâm thủng con mắt mình chứ không để cái biết của mắt đắm nhiễm vào sắc tướng, rơi vào ba đường ác, mãi mãi chiu khô đau. Từ hôm nay, ta sẽ chánh tư duy: 'Quán sát mắt là pháp hữu vi, vô thường, do tâm duyên sanh. Nếu sắc, mắt và thức hòa hợp thì gọi là nhãn xúc, nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui thảy cũng đều là pháp hữu vi, vô thường, do tâm duyên sanh.'" Đối với tai, mũi, lưỡi, thân nhập xứ cũng học như thế. "Thà lấy giáo sắt đâm thân the của mình, chứ không the đe cái biết của thân đam nhiễm vào sự xúc chạm, chạy theo sự xúc chạm êm ái mà rơi vào ba đường ác. Từ hôm nay, ta sẽ chánh tư duy: 'Quán thân là pháp hữu vi, vô thường, do tâm duyên sanh. Nếu xúc, thân và thức hòa hợp thì gọi là thân xúc, thân xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui thảy cũng đều là pháp hữu vi, vô thường, do tâm duyên sanh.'" Thánh đệ tử đa văn nên học như vầy: "Ham ngủ là cách sống của người ngu, là loi song của người ngu, không công quả, không lợi ích, không có phước.

Ta sẽ không ham mê ngủ nghỉ cũng không khởi lên ý tưởng mong cầu. Người nào khởi lên ý tưởng mong cầu thì ắt sanh ra các trói buộc, tranh chấp, có thể khiến nhiều người làm việc phi nghĩa, không lợi ích, không an lạc." Vị Thánh đệ tử đa văn quán như thế thì ngay nơi mắt sẽ sanh nhàm chán. Các pháp như sắc, mắt và thức hòa hợp gọi là nhãn xúc, nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc kho, hoặc vui, hoặc không khổ không vui, cũng đêu sanh nhàm chán. Vì nhàm chán cho nên không ưa thích, vì không ưa thích nên được giải thoát, giải thoát tri kiến: "Sụ* sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc can làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng giống như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

242. THẤY BIÊT ĐỂ ĐOẠN TẢN KHÔ24 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu, thuộc nước Tỳ-xá-ly.

24 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.242. 0058b21). Tham chiếu: s. 35.111 - IV. 89; S. 35.112-IV. 90.

QUYỂN 9  257

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Nếu người nào mà không nhận biết rõ ràng, không hiểu rõ đầy đủ, không đoạn trừ, không từ bỏ ham muốn đối với mắt thì không thể đoạn tận khổ đau hoàn toàn. Đôi với măt mà nhận biêt rõ ràng, hiên rõ đây đủ, đoạn trừ, từ bỏ ham muốn thì mới đoạn tận khổ đau hoàn toàn. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Tương tự bổn bài kinh nói về cho đến các bài kỉnh nói về tai, mũi, . * 9 r lưỡi, thân và ỷf tông cộng có hai mươi bôn kỉnh cũng nói giông như vậy. ***

243. VỊ NGỌT CỦA MẮT25 2627 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu, thuộc nước Tỳ-xá-ly. Bay giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Này các Tỳ-kheo! Những ai tìm cầu vi ngọt nơi mắt,27 nên biết đó là Samôn, Bà-la-môn không được tự tại, không thoát khỏi tay ma, bị ma trói buộc. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng giống như vậy. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn không tìm câu vị ngọt nơi mat, nên biêt Sa-môn5 Bà-la-môn ây không tùy thuộc ma, thoát khỏi tay ma, không bị ma trói buộc. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Tương tự như kỉnh nói vê Vỉ ngọt, các kinh nói vê sự Vui mừng, Khen ngợi, Đam nhiễm, Co chấp, Ưa thích, Ganh ghét, đức Phật cũng giảng nói như the. Và tương tự như vậy, bảy kinh vê Căn bên trong và bảy kỉnh vê Cảnh bên ngoài, đức Phật cũng nói giống như trên. ***

244. MÓC CÂU CỦA MA28 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu, thuộc nước Tỳ-xá-ly.

25 Nguyên tác: Như nhãn tứ kinh ().Theo ngài Ấn Thuận trong Tạp A-hàm kinh luận hội biên (y.30. 02. 0291al2), 4 bài kinh này chưa thể xác định. 26 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02.0099.243. 0058b27). Tham chiếu: s. 35.15-18-IV. 8-12. 27 Nguyên tác: Nhãn vị ().Tham chiếu: s. 35.15-18 - IV. 8-12: Cakkhu... assādapariyesanarn acarim (sống tìm cầu vị ngọt... của mắt). Bản Hán dường như bỏ

chữ tìm cầu (pariyesanā), chỉ còn vị ngọt {assadā). 28 Tựa đề đặt theo nội dimg kinh. Tạp.(T.02. 0099.244. 0058c09). Tham chiếu: s. 35.114-15 - IV. 91-2.



Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có sáu loại móc câu của ma. Những gì là sáu? Mắt đắm vào vị ngọt của sắc, đó là móc câu của ma. Tai đắm vào vị ngọt của âm thanh, đó là móc câu của ma. Mũi đắm vào VỊ ngọt của mùi thơm, đó là móc câu của ma. Lưỡi đăm vào vi ngọt của vị, đó là móc câu của ma. Thân đam vào vị ngọt của xúc chạm, đó là móc câu của ma. Ý đắm vào vị ngọt của pháp, đó là móc câu của ma. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mắt đắm vào vị ngọt của sắc tướng nên biết Sa-môn, Bà-la-môn ấy bị móc câu của ma móc vào yết hầu, lệ thuộc vào ma, không được tự tại. Kỉnh đức Phật nói về cấu uế và thanh tịnh, chi tiết như trên đây. ***

245. BÓN PHẨM PHÁP29

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại thôn Điều Phục Bác Ngưu30 của những người Câu-lâu.

pv Ấ • \ rynl X r-p /V 17 r r-p y j 1

Bây giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Nay Ta sẽ thuyết pháp cho các thầy, phần đầu thiện, phần giữa thiện và phân cuôi cũng thiện, nghĩa lý tót đẹp, câu chữ chính xác, thuân nhát thanh tinh, Phạm hạnh trong sạch, đó là Kỉnh bon phẩm pháp. Hãy lang nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ thuyết giảng cho các thầy. Kinh bốn phẩm pháp gồm những gì? Có những sắc do mắt nhận biết đáng yêu, đáng nhớ, đáng thích, đáng say đăm. Tỳ-kheo thây sác ây liên vui vẻ? khen ngợi, đắm trước, chấp chặt vào đó. Có những sắc do mắt nhận biết không đáng yêu, không đáng nhớ, không đáng đắm trước, chán ngán bởi khổ. Tỳ-kheo thấy sắc ấy rồi liền nổi giận, oán hận, chán ghét, xem thường. Tỳ-kheo như thế sẽ bi lệ thuộc vào ma, không được tự tại, cho đen không được giải thoát khỏi sự trói buộc của ma. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng giống như vậy. Có những sắc do mắt nhận biết đáng yêu? đáng nhớ, đáng thích, đáng say đắm. Tỳ-kheo thấy sắc ấy rồi nhưng an nhiên,31 không khen ngợi, không ưa thích, không say đắm, không chấp chặt vào đó. Có những sắc do mắt nhận biết không đáng yêu, không đáng nhớ, không đáng ưa thích, không đáng say đắm. Tỳ-kheo thấy sắc ấy rồi không nổi giận, không oán hận, không chán ghét, không xem thường. Tỳ-kheo như thế sẽ không lệ thuộc vào ma, được tự tại,

29 Tựa đề đức Phật dạy trong kinh. Tạp.r.02. 0099.245. 0058cl7. Tham chiếu: s. 35.114 - IV. 91; S. 35.115-IV. 92. ^Điều Phục Bác Ngiru tụ lác ,cách dịch khác chỉ cho địa danh Kiếm-ma-sắt-đàm ,Kammāsadamma, một thị trấn của người Câu-lâu ,Kuru. 31 Nguyên tác: Tri hỷ .Hỷ muditā là tâm hoan hỷ, tùy hỷ, là một trong 4 tâm vô lượng.



cho đến được giải thoát khỏi sự trói buộc của ma. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng giông như vậy. Đây gọi là Kinh bốn phẩm pháp của Tỳ-kheo. ***

246. MABA-TUẦN32 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại núi Kỳ-xà quật, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, vào lúc sáng sớm, đức Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thành Vương Xá khất thực. Khi ấy, Thiên ma Ba-tuần khởi nghĩ rằng: "Sáng nay, Sa-môn Cù-đàm đắp y, ôm bát vào thành Vương Xá khất thực. Bây giờ, ta sẽ đên nhiêu loạn đạo tâm của ông ấy." Nghĩ rồi, Ma Ba-tuần hóa làm người đánh xe cầm roi đi tìm bò. Thiên ma mặc đồ rách rưới, đầu bù tóc rối, tay chân sần sùi khô nứt, tay cầm roi chăn bò? đến trước Thế Tôn rồi hỏi: - Cù-đàm có thấy con bò của tôi không? Đức Thế Tôn nghĩ: "Đây là Ác ma, muốn đến nhiễu loạn Ta", liền nói với Ác ma: Này Ác ma! Chỗ nào có bò? cần bò để làm gì? Ma liền nghĩ: uSa-môn Cù-đàm biết ta là ma", liền bạch Phật: - Thưa Cù-đàm! Xúc xứ của mắt33 là xe của tôi. Xúc xứ của tai, mũi, lưỡi, thân và ý là xe của tôi. Ác ma lại hỏi: -Thưa Cù-đàm, Ngài muốn đi đâu? Phật bảo Ác ma: Ngươi có mặt ở nơi xúc xứ của mát và xúc xứ của tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Nơi không có xúc xứ của mắt và không có xúc xứ của tai, mũi, lưỡi, thân, ý thì ngươi không thê đên được, còn Ta thì đi đên nơi đó. Bấy giờ, Thiên ma Ba-tuần liền nói kệ: Nơi nào thường có ngã, Thì đó là của ta, Tất cả lệ thuộc ta, Cù-đàm ở chốn nào? Thế Tôn dùng kệ đáp lại: Nếu ai nói có ngã, Kẻ ấy thật sai làm, Cho nên biết Ba-tuần, Tự rơi vào bế tắc.

32 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r.02. 0099.246. 0059a03. Tham chiếu: s. 4.24 - L 124. 33 Nguyên tác: Nhãn xúc nhập xứ ,còn gọi là 4txúc xứ".phassãyatanãnà , là nền tảng, căn cứ của sự tiêp xúc.



Thiên ma lại nói:
Nếu nói rằng biết đạo, An ổn đến Niết-bàn,
Ngài tự đi một mình, Dạy người chang nhọc sao?
Thế Tôn dùng kệ đáp lại:
Nếu người cầu lìa ma, Hỏi đường qua bờ giác,
Vì họ bình đẳng nói, Lời chân thật hoàn toàn,
Siêng tu, không buông lung, Được lìa ma, tự tại.
Thiên ma lại nói:
Miếng đá tợ miếng thịt, Quạ đói đên muôn ăn,
Tưởng miêng thịt mem ngon, Sẽ lấp đày bụng trống,
Nào ngờ ăn chang được, Gãy mỏ đành bay đi.
Nay ta giống như quạ, Cù-đàm tợ đá kia,
Chẳng được, thẹn mà di, Như quạ hoang vô vọng.
Trong lòng buồn bã đau đớn, Ma Ba-tuần liền biến mất, không quay trở lại.34
***

247. QUEN GÀN GŨI35 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại núi Kỳ-xà quật, thuộc thành Vương Xá. Bây giơ, The Ton bao các Ty-kheo: -Nếu Sa-môn9 Bà-la-môn nào mà mắt quen gần gũi với sắc sẽ bị ma khống che và chi phoi,36 cho đen không thoát khỏi sự trói buộc của ma. Đoi với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng giống như vậy. Nêu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà măt không quen gân gũi với sác sẽ không bị ma khống chế

và chi phối, cho đến thoát khỏi sự trói buộc của ma. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng giống như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Tương tự như kỉnh Quen gần gũi, cũng vây, các kinh nói về sự Trói buộc, Đam trước, Vỉ ngọt, Thôn xóm, Sai sử, Thọ trì, Trói chặt, Của ta, Mong cầu, Tham muốn, Thuần thục, Nồng hậu cũng nói giống như vậy. ***

34 Câu chuyện con quạ, hòn đá, miếng thịt còn được tìm thấy trong Sn. 74. Câu kết trong bản Hận và Sn. 74 vôn được xép chung trong bài kệ của Ma Ba-tuần. Bản Việt tách câu kết ra khỏi thể kệ để tiện theo dõi. 35 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.O2. 0099.247. 0059Ò08). 36 Nguyên tác: Tùy ma sở tự tại (mãravasãnugã)'. Bị ma khống chế và chi phối.

QUYỂN 9 261

248. TÔN GIẢ ĐẠI THUẦN-ĐÀ3738 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Kê Lâm,38 thuộc nước Ba-trá-lợi-phấtđa-la.39 Bấy giờ, Tôn giả A-nan đi đến chỗ Tôn giả Đại Thuần-đà,40 cùng nhau hỏi thăm xong, Tôn giả A-nan ngồi xuống một bên và nói: Tôi có điều muốn hỏi, không biết Tôn giả có thời gian để giải đáp cho chăng? Tôn giả Thuần-đà nói với Tôn giả A-nan: -Tùy theo câu hỏi của Tôn giả, tôi biết điều gì sẽ trả lời! Tôn giả A-nan hỏi: Như Thế Tôn, đấng Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Đã Thấy Đã Biết đã nói rằng sắc do bốn đại tạo thành. Ngài đã chỉ bày, đã hiển thị rằng, sắc do bốn đại tạo thành này là vô ngã. Đấng Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Đã Thấy Đã Biết cũng nói thức là vô ngã chăng? Tôn giả Thuần-đà nói với Tôn giả A-nan: -Tôn giả là người đa văn bậc nhất. Tôi từ xa đến chỗ Tôn giả là vì muốn hỏi pháp này. Hôm nay, xin Tôn giả nói về nghĩa ấy. Tôn giả A-nan nói với Tôn giả Thuần-đà: nn • ! nn _ • 9 J.* Á \ • _ 1 J A J _ 9 *1 A • FT-īl *9 Á 4 -Toi hoi Ton gia r điêur này, xin hãy tuy y tra lời. Thưa Ton gia Thuan-da! Phải chăng là có mt, có sac và có nhãn thức? Thưa, đúng như vậy! Tôn giả A-nan lại hỏi: -Phải chăng do mắt duyên với sắc mà sanh ra nhãn thức? Thưa, đúng như vậy! Tôn giả A-nan lại hỏi: -Nêu do mat duyên với sac mà sanh ra nhãn thức thì nhân ay? duyên áy là thường hay vô thường? -Thua, vô thường! r M li* Á -Nhân ây5 duyên ây sanh ra nhãn thức; khi nhân ây, duyên ây vô thường, thay đổi thì thức kia có tồn tại không? Thưa Tôn giả, không tồn tại!

37 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.02. 0099.248. 0059b17. Tham chiếu: s. 35.193 - IV. 166. 38 Kê Lâm viên Kukkutārāma cũng thường gọi là Kê viên .
39 Ba-trá-lợi-phất-đa-la Pātaliputta cũng gọi là Hoa Thị thành một thành phố thuộc nước Ma-kiệt-đà và hiện nay là thành phô Patna, bang Bihar, An Độ.
40 Đại Thuần-đà Mahā Cunda.



-Ý Tôn giả thế nào? Pháp kia hoặc sanh, hoặc diệt đều có thể biết, vậy vị Thánh đệ tử đa văn có nên ở trong đó thấy là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng? Thưa Tôn giả, không nên! Với tai, mũi, lưỡi, thân, ý và pháp thì ý Tôn giả nghĩ sao? Có ý, có pháp và có ý thức phải không? Thưa Tôn giả, đúng như vậy! Phải chăng do ý duyên với

pháp mà sanh ra ý thức? -Thưa Tôn giả, đúng như vậy! Nêu ý duyên với pháp mà sanh ra ý thức, vậy thì nhân ây5 duyên áy là thường hay vô thường? Thưa, vô thường! Nêu như nhân và duyên sanh ra ý thức, khi nhân ây duyên ây vô thường, thay đổi thì ý thức có tồn tại chăng? Thưa Tôn giả, không tồn tại! -Ý Tôn giả nghĩ sao, pháp ấy hoặc sanh, hoặc diệt đều có thể biết, vậy vị Thánh đệ tử đa văn có nên ở trong đó thấy là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng? -Thưa Tôn giả, không nên! Tôn giả A-nan nói với Thuần-đà: Thế nên, thưa Ton giả! Đức Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Đã Thấy Đã Biết nói rằng thức cũng vô thường. Ví như người cầm búa vào núi thây cây chuôi mà cho là có thê làm đô dùng được, liên chặt ngang góc, tước hết lá, lột bẹ để tìm lõi của nó? lột đến tận cùng cũng không thấy chỗ nào chắc thật. Cũng như vậy, vị Thánh đệ tử đa văn quán sát như thật về nhãn thức, nhi, tỷ, thiệt, thân, ý thức. Trong lúc quán sát như thật thì vị ấy thấy không có gì đáng chấp thủ, vì không đáng chấp thủ cho nên không bi dính mắc, vì không dính mắc cho nên tự mình chứng ngộ Niết-bàn: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Khi thuyết pháp này, hai vi Tôn giả ấy đều uyển chuyển tùy hỷ rồi mỗi người trở về chỗ của mình. ***

249. CÒN LẠI NHỮNG GÌ?41

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

41 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(—02. 0099.249. 0059c27). Tham chiếu: A. 4.173 - II. 161.



Bấy giờ, Tôn giả A-nan đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất thưa rằng: -Con có điều muốn hỏi, không biết Tôn giả có thời gian để giải đáp cho chăng? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: —Tùy theo câu hỏi của Tôn giả, điều nào biết thì tôi sẽ trả lời! Ton giả A-nan hỏi: Sau khi đã dứt sạch, đã lìa dục, tịch diệt, vắng lặng và ngimg nghỉ42 thì sáu xúc xứ có còn lại gì chăng? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: -Chớ hỏi: "Sau khi đã dứt sạch, đã lìa dục? tịch diệt, vắng lăng và ngưng nghỉ thì sáu xúc xứ có còn lại gì chăng?,, Ton gia A-nan lại hỏi: Sau khi đã dứt sạch, đã lìa dục, tịch diệt, vắng lăng và ngưng nghỉ thì sáu xúc xứ không còn gì nữa chăng? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: -Cũng lại không nên hỏi: "Sau khi đã dứt sạch, đã lìa dục5 tịch diệt, vắng lặng và ngưng nghỉ thì sáu xúc xứ không còn gì nữa chng?" Tôn giả A-nan lại hỏi: Sau khi đã dứt sạch, đã lìa dục, tịch diệt, vắng lặng và ngưng nghỉ thì sáu xúc xứ vừa còn vừa không còn, hay chẳng phải còn chẳng phải không còn gì nữa chăng? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Đây cũng không nên hỏi: "Sau khi đã dứt sạch, đã lìa dục, tịch diệt, vắng lặng và ngưng nghỉ thì sáu xúc xứ vừa còn vừa không còn, hay chẳng phải còn chẳng phải không còn gì nữa chăng?55 Tôn giả A-nan lại hỏi: Như lời Ton giả nói: “Sau khi đã dứt sạch, đã lìa dục, tịch diệt, vắng lặng và ngưng nghỉ rồi thì sáu xúc xứ có còn cũng không nên nói, không còn cũng không nên nói5 vừa còn vừa không còn cũng không nên nói, chẳng phải còn chẳng phải không còn cũng không nên n6i." Vậy điều này có nghĩa là gì? Tôn giả Xá-lợi-phất bảo A-nan:

Sau khi đã dứt sạch, đã lìa dục, tịch diệt, vắng lặng và ngưng nghỉ thì sáu xúc xứ có còn lại gì chăng, đó là lời hư dối; không còn gì chăng, đó là lời hư dối; vừa còn vừa không còn gì chăng, đó là lời hư dối; chẳng phải còn chẳng phải không còn, đó cũng là lời hư dối.

tác: Tận, ly dục, diệt, tức, một ,,.Tham chiếu: Phân biệt lục giới kinh  roi.
0026.162. 0692a18: Tẩn, vô dục, diệt, túc, chỉ ,,.



Nêu nói răng, sáu xúc xứ khi đã được dứt sạch, đã lìa dục, tịch diệt, văng lặng và ngưng nghỉ thì sẽ được lìa các hư ngụy, chứng Niết-bàn hoàn toàn. Đây là lời Phật nói. Khi ây, hai vị Tôn giả đêu uyên chuyên tùy hỷ roi môi người trở vê chô của mình. ***

250. DỤC THAM LÀ sự TRÓI BUỘC43 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ ở Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la cùng ở núi Kỳ-xà quật. Buổi chiều, sau khi xả thiền, Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất. Sau khi cùng nhau hỏi thăm xong, Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la ngồi sang một bên và nói với Tôn giả Xá-lợi-phất: -Tôi có điều muốn hỏi, không biết Tôn giả có thời gian để giải đáp cho chăng? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: -Tùy theo câu hỏi của Tôn giả, điều nào biết thì tôi sẽ trả lời! Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la hỏi:  Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Ý ngài thế nào? Mắt trói buộc sắc hay sắc trói buộc măt? Tai và âm thanh, mũi và mùi, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp... ý trói buộc pháp hay pháp trói buộc ý? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: -Chẳng phải mắt trói buộc sắc, chẳng phải sắc trói buộc mắt... (cho đến) chẳng phải ý trói buộc pháp, chẳng phải pháp trói buộc ý. Thưa Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la! ở trong liên hệ đó, nếu có dục tham44 thì đó là trói buộc. Ví như có hai con trâu, một đen, một trắng cùng buộc vào một cái ách, khi có người hỏi rằng: “Trâu đen buộc trâu trắng hay trâu trắng buộc trâu dèn?” Nếu hỏi như thế thì có đúng không?  Không đúng, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Chẳng phải trâu đen buộc trâu trang, cũng chẳng phải trâu trắng buộc trâu đen, nhưng ở trong liên hệ đó hoặc cái ách, hoặc sợi dây là những thứ trói buộc.  Đúng vậy, Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la! Chẳng phải mắt trói buộc sắc, chẳng phải sắc trói buộc mắt... (cho đến) chẳng phải ý trói buộc pháp, chẳng phải pháp trói buộc ý mà ở trong liên hệ đó thì dục tham chính là sự trói buộc vậy.

43 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.250. 0060a22). Tham chiếu: s. 35.232 - IV. 162. 44 Dục tham ()là 2 yếu tố, gồm dục (,kāmā) và tham (,rāgā).



e r  Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la! Nêu măt trói buộc săc5 hoặc sác trói buộc mát... (cho đến) hoặc ý trói buộc pháp, hoặc pháp trói buộc ý thì Thế Tôn đã không dạy mọi người cần phải dựng lập Phạm hạnh để được hết khổ. Do chẳng phải mắt trói buộc sắc, chẳng phải sắc trói buộc mắt... (cho đến) chẳng phải ý trói buộc pháp, chẳng phải pháp trói buộc ý, the nên đức The Tôn mới dạy mọi người cần dựng lập Phạm hạnh để được hết khổ. Ton giả Ma-ha Câu-hy-la! Đối với đức Thế Tôn, khi mắt thấy sắc tốt hoặc sắc xấu đều không khởi dục tham, còn các chúng sanh khác thì nếu mắt thấy sắc tốt hoặc

sắc xấu liền khởi dục tham. Do đó, đức Thế Tôn nói cần phải đoạn dục tham thì tâm mới được giải thoát. Khi tai nghe tiếng... (cho đến) ý tiếp xúc Vơi pháp cũng giông như vậy. Bây giờ, hai vị Tôn giả đêu uyên chuyên tùy hỷ roi môi người trở vê chô của mình. *** 251. BIẾT ĐÚNG NHƯ THẬT45 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la cùng ở núi Kỳ-xà quật. Buổi chiều, sau khi xả thiền, Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất. Thăm hỏi nhau xong, Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la ngồi sang một bên và nói với Tôn giả Xá-lợi-phất: -Tôi có điều muốn hỏi, không biết Tôn giả có thời gian để giải đáp cho chăng? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:  Tùy câu hỏi của Tôn giả, điều nào biết thì tôi sẽ trả lời. Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la hỏi:  Luận về vô minh, vậy thế nào là vô minh? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: -Vô minh có nghĩa là không biết. Không biết chính là vô minh. Không biết những gì? Mắt là vô thường mà không biết đúng như thật, đó gọi là không biết. Mắt là pháp sanh diệt mà không biết đúng như thật, đó gọi là không biết. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng giống như vậy.

45 Tựa đề đặttheo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.251. 0060022). Tham chiếu: Đại Câu-hy-la kinh (01. 0026.211. 0790Ò08); M. 43, Mahãvedalla Sutía (Đại kinh phương quảng)', A 4.175-II. 163.



Như vậy, này Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la! Đối với sáu xúc xứ này mà không biết như thật, không thấy như thật, không thông đạt, ngu si, mờ mịt, tối tăm, đó gọi là vô minh. [0060c06] Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la lại hỏi: -Luận về minh, vậy thế nào là minh? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: -Minh có nghĩa là biết vậy. Biết chính là minh. Biết về những gì? Mắt là vô thường thì biết như thật mắt là vô thường. Mắt là pháp sanh diệt thì biết như thật mắt là pháp sanh diệt. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng giống như vậy. Thưa Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la! Đối với sáu xúc xứ này mà thấy như thật, biết như thật, tinh tường, tỉnh giác, rõ ràng, sáng suốt, thông đạt, đó gọi là minh. Bấy giờ, hai Tôn giả cùng đàm đạo, uyển chuyển tùy hỷ, sau đó mỗi người trở về chỗ của mình. ***

252. THÁN CHÚ TRỪ RẮN Độc46 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Khi ấy, có Tỳ-kheo Ưu-ba-tiên-na47 đang trú trong hang Đầu Rắn, giữa bãi tha ma của khu rừng Lạnh, dưới chân núi Ca-lăng-già, thuộc thành Vương Xá.4849 Bay giờ, Tôn giả Ưu-ba-tiên-na đang tọa thiền một mình thì có con rắn cực độc, dài khoảng một thước/9 từ trên phiến đá rơi trên người Tôn giả. Ưu-ba- tiên-na liền gọi Tôn giả Xá-lợi-phất báo cho chúng Tỳ-kheo:  Có con răn độc rơi trên thân con. Thân con đã bị trúng độc. Các thây hãy mau khiêng thân con ra đe bên ngoài, chớ để cho tấm thân này tan rã như một nắm trấu. Lúc đó? Tôn giả Xá-lợi-phất đang ngồi bên một cội cây gần đó, nghe Ưu- ba-tiên-na nói thế, liền vội vã đến chỗ ưu-ba-tiên-na quan sát rồi nói với ưu- ba-tiên-na:

46 Tựa đề đất theo nội dung kinh. Tạp.02. 0099.252. 0060cl4. Tham chiếu: Tùy Dũng Tôn giả kinh T.14. 0505. 0773a03; ỳ 35.69 - IV. 40; Cv. 5.26. 47 ưu-ba-tiên-na ưpasena. Vương Xathanh, Hàn lâm trung tnảng gian, Xà-đầu

nham hạ, Ca-lăng-già hành xứ .Theo S. 35.69 - IV. 40:
Rājagahe viharati sītavane sappasondikapabbhāre trú tại Vương Xá, rừng Sītā, hang Đầu Rắn. 49 Nguyên tácXích .Theo Thuyết văn giải tự quyển 8^ vào thời
Tây Hán, l thước gồm 10 tấc. về sau, độ dài Ị thước có sự th đổi. Đoạn kinh sau cho biêt độ dài l thước này khoảng băng chiêc thẻ chữa bệnh măt, điêu đó cho thây l thước ở đây chưa tới l mét trong cách hiểu ngày nay.



-Tôi xem thấy sắc diện và các căn của Hiền giả khôĩiệ khác với lúc bình thường, vậy sao nói là trúng độc, nhờ đưa ra ngoài, chớ đe thân của Hiền giả tan rã như một nắm trấu? Rốt cuộc thì như thế nào? Ưu-ba-tiên-na nói với Tôn giả Xá-lợi-phất: Nêu người nào nói như vây: "Mt là ta, là của ta. Tai, mũi, lưỡi, thân và ý là ta, là của ta. sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp là ta, là của ta. Đất là ta, là của ta. Nước, lửa, gió, không và thức là ta, là của ta. sắc uẩn là ta? là của ta. Thọ, tưởng, hành và thức uẩn là ta, là của ta" thi sắc diện và các căn của họ mới có sự thay đoi. Nay con không nói như vậy mà thay rang: Mắt không phải là con, không phải của con... (cho đếri) thức uẩn không phải là con, không phải của con, vì vậy sắc diện và các căn của con không có gì thay đổi. [0061a04] Tôn giả Xá-lợi-phất nói: Đúng vậy, Ưu-ba-tiên-na! Nêu Hiền giả vĩnh viễn xa lìa ngã, ngã sở, ngã mạn và kiết sử trói buộc, đã đoạn tận gốc rễ của chúng, giống như chặt ngọn cây da-la, trong đời tương lai hoàn toàn không sanh khởi trở lại thì làm sao mà sắc diện và các căn của Tôn giả biến đổi cho được! Nói xong, Tôn giả Xá-lợi-phất liền xoay người dìu Tôn giả Ưu-ba-tiên-na ra ngoài hang. Sau khi đưa ra khỏi hang, thân thể của Ưu-ba-tiên-na đã ngấm độc nên tan rã như một nắm trấu. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất liền nói kệ: Thường gieo ưồng Phạm hạnh, Khéo tu bát Thánh đạo, Hoan hỷ xả mạng căn, Như buông bát thuốc độc. Thường gieo trồng Phạm hạnh, Khéo tu bát Thánh đạo, Hoan hỷ xả mạng căn, Như người lành bệnh nặng. Thường gieo trồng Phạm hạnh, Khéo tu bát Thánh đạo, Như ra khỏi nhà lửa, Lâm chung không buôn tiêc. Thường gieo trông Phạm hạnh, Khéo tu bát Thánh đạo, Mắt tuệ nhìn thế gian, Thấy như cay cỏ thối, Không mong cầu thêm nữa, Lại cũng chẳng luân hoi. Sau khi cúng dường thi thể Ưu-ba-tiên-na xong, Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến chỗ Phật, cúi lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: Bạch Thế Tôn! Tôn giả Ưu-ba-tiên-na bi một con rắn cực độc nhỏ bằng chiếc thẻ chữa bệnh mắt rơi trúng thân, khiến thân thể Tôn giả tan rã như một năm trâu. Phật bảo Xá-lợi-phất: -Nếu Ưu-ba-tiên-na đọc bài kệ này thì đã không bị trúng độc, thân thể cũng không bị tan rã như một nam trau. Xá-lợi-phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bài kệ tụng ấy như thế nào, lời văn ra sao?



Đức Phật vì Tôn giả Xá-lợi-phất mà đọc bài kệ: Lòng từ luôn nghĩ đến Lại-trá-la kiên cô, Cùng Y-la-bàn-na? Thi-bà-phất-đa-la? Khâm-bà-la thượng mã, Cũng thương Ca-câu-tra, Và cả Hắc Cù-đắm,50 Nan-dà, Bạt-nan-đà.51 Từ những loài không chân, Cho đến loài hai chân, Bôn chân cùng nhiêu chân, Đều khởi lòng thương xót. Từ bi với loài rồng, Loài trên cạn, dưới nước, Cho đến các chúng sanh Đem được, không đếm được. An vui với tất cả, Cũng xa lìa phiền não, Muốn hết thảy đều hiền, Tất cả đừng sanh ác. Thường

trong hang Xà-đầu, Loài ác không tụ tập, Thì rắn độc hung ác, Đâu thể hại chúng sanh? Như lời chân thật này, Vô thượng Đạo sư thuyết, Nay ta tụng kệ này, Lời Đạo sư chân thật. Những sinh vật ác độc, Không thể hại thân ta, Tham dục, sân hận, si, Ba độc của thế gian. Nếu ba loại độc này, Trừ dứt, gọi Phật bảo, Pháp bảo diệt ác độc, Tăng bảo cũng không khác. Phá trừ độc hung ác, Nhiếp hộ những người lành, Phật phá tất cả độc, Nay phá nọc độc ran. [0061Ồ18] Rồi tụng chú thuật như vầy: t6Ổ-đam-bà-lệ, đam-bà-lệ? đam-lục, ba-bà-đam-lục9 nại-đế, túc-nại-đế, chỉ-bạt-đế9 văn-na-di, tam-ma-di, đàn-đế5 ni-la-chỉ-thí? bà-la-câu-bế-ổ-lệ, ổ-ngu-lệ, tất-ba-ha." Này Xá-lợi-phất! Nêu khi ấy thiện nam Ưu-ba-tiên-na tụng bài kệ và đọc câu chú thuật này thì chắc chắn rắn độc không rơi trúng thân và thân thể cũng không bị tan rã như một năm trâu. Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Tôn giả Ưu-ba-tiên-na chưa từng nghe bài kệ này, chưa từng nghe câu chú thuật này. Hôm nay, đức Thế Tôn nói bài kệ và chú thuật này chính là giúp cho đời sau. Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả Xá-lợi-phất nghe lời Phật dạy, hoan hỷ đảnh lễ rồi lui ra. ***

50 Hắc Cù-đàm Kanhāgotamaka dịch nghĩa tên của một loài rắn theo cách chiết tự, Kanha ,Gotamakaṃ J 51 Cv. 5.26 chỉ đề cập đến 4 loại rắn chúa, gồm: Virūpakkha, Erāpatha, Chabyāputta, Kanhāgotamaka.

QUYỂN 9  269

253. TỲ-NỮU CA-CHIÊN-DIÊN52 Tôi nghe như vầy: Một thời, Tôn giả Ưu-đà-di53 du hóa trong nhân gian tại nước Câu-tát-la9 đến thôn Câu-bàn-trà9 trú trong vườn Am-la của nữ Bà-la-môn thuộc dòng Tỳ- nữu Ca-chiên-diên.54 [0061c02] Bấy giờ, các đệ tử nhỏ tuổi của nữ Bà-la-môn thuộc dòng Tỳ-nữu Ca-chiên-diên đi nhặt củi trong vườn Am-la, nhìn thấy Tôn giả Ưu-đà-di ngồi bên gốc cây, dung mạo đoan chánh, các căn yên tĩnh, tâm ý an trụ, thành tựu sự điều phục bậc nhất. Thấy rồi, chúng liền đi đến hỏi thăm và ngồi xuống một bên. Khi ấy, ưu-đà-di vì các thiếu niên mà thuyết nhiều bài pháp, khích lệ tinh thần chúng xong Tôn giả ngồi yên lặng. Sau khi nghe Tôn giả ưu-đà-di thuyết pháp, các thiếu niên đã hoan hỷ, tùy hỷ đứng dậy chào ra về. Các thiếu niên ấy gánh củi trở về, đặt củi xuống đất xong, liền đi đến chỗ nữ Bà-la-môn thuộc dòng Tỳ-nữu Ca-chiên-diên và thưa:  Thưa thầy, trong vườn Am-la có Sa-môn Ưu-đà-di dòng họ Cù-đàm đang ở đó. Ngài ấy thuyết pháp rất hay! Nữ Bà-la-môn nói với các thiếu niên: Các con hãy đến mời Sa-môn ưu-đà-di họ Cù-đàm ngày mai đến đây dùng cơm. Các đệ tử niên thiếu vâng lời nữ Bà-la-môn, đi đến chỗ Tôn giả ưu-đà-di thưa: -Tôn giả biết cho, thầy con là nữ Bà-la-môn thuộc dòng Tỳ-nữu Ca-chiên- diên mời Tôn giả ngày mai đến dùng cơm. Bấy giờ, Tôn giả ưu-đa-di im lặng nhận lời. Các thiếu niên biết Tôn giả ưu-đà-di im lặng nhận lời rồi, liền trở về thua với nữ Bà-la-môn:  Thưa thầy, chúng con đã vâng lời thầy, thỉnh mời Tôn giả ưu-đà-di và Tôn giả đã im lặng nhận lời. Xin thầy biết cho! Sáng sớm hôm sau, Tôn giả ưu-đà-di đắp y, ôm bát đến nhà của nữ Bà-la-môn thuộc dòng Tỳ-nữu Ca-chiên-diên. Nữ Bà-la-môn trông thấy Tôn giả tò xa đi đến, vội bày tòa mời ngồi, dọn các thức ăn uống, tự tay cúng dường nhiều món ngon. Sau khi thọ thực, rửa tay, rửa bát xong, Tôn giả ưu-đà-di trở lại chỗ ngồi. Nữ Bà-la-môn thuộc dòng Tỳ-nữu Ca-chiên-dien biết Tôn giả ưu-đà-di đã dùng xong, bà đi đôi giày da

tốt, lấy khăn che đầu, dáng vẻ kiêu mạn rồi ngồi lên một chiếc ghế cao được đặt riêng. Bà nói với Tôn giả ưu-đà-di: Tôi có điều muốn hỏi, không biết Tôn giả có thời gian để giải đáp cho chăng?

52 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.7.02. 0099.253. 0061Ò29. Tham chiếu: s. 35.133 - IV. 121. 53 ưu-đà-di À, Udāyī. 54 Tỳ-nữu Ca-chiên-diên thị s. Venukātyāyanasagotn, p. Verahaccānigottāya.



[0062a02] Tôn giả ưu-đà-di đáp: Thưa cô, hôm nay không đúng lúc! Tôn giả nói như thế xong liền đứng dậy ra đi. Đen sáng hôm sau, các đệ tử lại đến vườn Am-la nhặt củi, nghe pháp và trở về thưa lại với thầy, rồi thầy lại sai đến mời Tôn giả Ưu-đà-di dùng cơm. Ba lần mời dùng cơm và thỉnh pháp như thế đều bi Tôn giả Ưu-đà-di trả lời là "không đúng Tôn giả không chịu thuyết pháp. Các đệ tử trẻ tuổi lại thưa với thầy: -Trong vườn Am-la, Sa-môn Ưu-đà-di thuyết pháp rất hay! Vị thầy đáp: Ta cũng biết ỗnệ ấy thuyết pháp rất hay nên ba lần mời đến, cúng dường và hỏi pháp, nhưng đều bị từ chối, nói là "không đúng lúc" rồi bỏ đi. Các đệ tử thưa với thầy của họ: Thầy mang giày tốt, lại lấy khăn che đầu và dáng ngồi không cung kính thì làm sao Tôn giả ấy thuyết pháp được! Vì sao như vậy? Vì Tôn giả Ưu-đà-di kia rất kính trọng pháp, cho nên ngài không nói mà bỏ đi. Vị thầy trả lời: -Nêu đúng như thê thì các con vì ta mà đên mời ngài ây một lân nữa. Các đệ tử vâng lời, lại đi thỉnh cúng dường như trước. Sau khi biết Tôn giả Ưu-đà-di dùng cơm xong, nữ Bà-la-môn liền tháo giày, sửa lại y phục, ngồi xuống một cái ghế thấp rồi cung kính thưa: Thưa Tôn giả! Tôi có điều muốn hỏi, không biết Tôn giả có thời gian để giải đáp cho chăng? Tôn giả Ưu-đà-di trả lời: Cô cứ hỏi tự nhiên, tôi sẽ vì cô mà giảng nói. Nữ Bà-la-môn liền hỏi: Có Sa-môn, Bà-la-môn nói khổ, vui do mình tạo; lại có người nói khổ, vui do người khác tạo; lại có người nói kho, vui do mình và người khác tạo; lại có người nói khổ, vui chẳng phải do mình tạo cũng chẳng phải do người khác tạo. Còn theo Tôn giả thì như thế nào? Tôn giả Ưu-đà-di đáp: Thưa cô9 đang A-la-hán55 nói khổ, vui được sanh khởi theo cách khác chứ không nói như the! Nữ Bà-la-môn lại hỏi: Thưa Tôn giả! Nghĩa này thế nào? Tôn giả Ưu-đà-di đáp: Đang A-la-hán nói từ nhân duyên mà sanh ra các khổ, vui.

55 Nguyên tác: A-la-ha .p. Arahā, tức A-la-hán. ở đây chỉ cho đức Phật.



Tôn giả ưu-đà-di lại nói với nữ Bà-la-môn: Bây giờ tôi hỏi? cô tùy ý trả lời tôi. Ý cô thế nào, có mắt chăng? -Thưa, có! - Có sắc không? -Thưa, có! Có nhãn thức, nhãn xúc và nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc kho, hoặc vui, hoặc không khổ không vui chăng? -Có như vậy, thưa Tôn giả! Tôn giả Ưu-đà-di lại hỏi: Có tai, mũi, lưỡi, thân, ý và ý xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc khổ5 hoặc vui, hoặc không khổ không vui chăng? - Có như thế, thưa Tôn giả! [0062b01] Tôn giả Ưu-đà-di nói: -Đó là điêu mà đang A-la-hán nói từ nhân duyên nên sanh ra khô, vui. Nữ Bà-la-môn hỏi: Thưa Tôn giả! Như vậy là đấng A-la-hán nói từ nhân duyên ấy mà sanh ra khổ, vui chăng? Tôn giả Ưu-đà-di đáp: Đúng vậy, nữ

Bà-la-môn! Nữ Bà-la-môn lại hỏi:  Thưa Tôn giả! Đấng A-la-hán nói như thế nào về sự diệt trừ nhân duyên sanh ra kho, vui, hoặc không kho không vui?56 Tôn giả Ưu-đà-di đáp:  Bây giờ tôi hỏi, cô tùy ý trả lời tôi. Này nữ Bà-la-môn! Trong mọi khoảng thời gian, tát cả mat đêu bị diệt hét không còn gì thì có còn nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui chăng? Thưa, không! -Cũng vậy, trong mọi khoảng thời gian, tai, mũi, lưỡi, thân, ý đều bi diệt hết không còn gì thì có còn ý xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui chăng? -Thưa, không!

56 Nguyên tác:, Tham chiếu: s. 12.62 - II. 95: Sukhavedaniyam, bhikkhave, phassam paticca uppajjati sukhavedanã. Tasseva sukhavedaniyassa phassassa nirodhā yam tcyjarn vedayitam sukhavedaniyarn phassam paticca uppannā sukhavedanā sã nirujjhati sā vūpasammati (Nay các Ty-kheo, do duyên xúc đưa đến cảm giác lạc thọ, nên lạc thọ sanh khởi. Do duyên xục đưa đến cảm giác lạc thọ ấy diệt, nên lạc thọ được khởi lên do duyên xúc đưa đến cảm giác lạc thọ áy diệt, lạc thọ ấy dc chấm dứt), HT. Thích Mirih Châu dịch.



Như thế, này nữ Bà-la-môn! Đây là điều mà đấng A-la-hán đã nói về sự diệt trừ nhân duyên sanh ra khổ, vui, hoặc không kho không vui. Khi Tôn giả Ưu-đà-di nói pháp này, nữ Bà-la-môn Tỳ-nữu Ca-chiên-diên xa lìa tran cấu, được pháp nhãn thanh tinh. Bấy giờ, nữ Bà-la-môn Tỳ-nữu Ca-chiên-diên thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, thể nhập giáo pháp, vượt thoát nghi hoặc, không nương ai khác, được vào pháp Phật, ở trong Chánh pháp được vô sở úy. Bà từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, cung kính chắp tay thưa với Tôn giả Ưu-đà-di:  Ngay từ bây giờ, con xin một lòng quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Từ hôm nay, con nguyện quy y Tam bảo cho đến trọn đời. Bấy giờ, Tôn giả ưu-đà-di vì nữ Bà-la-môn mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho bà được hoan hỷ57 rồi đứng dậy ra về. ***

254. TÔN GIẢ NHỊ THẬP ức NHĨ58 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Tôn giả Nhị Thập ức Nhĩ59 an trú trong núi Kỳ-xà quật, thường tinh cần tu tập pháp Bồ-đề phàn. Một hôm, đang ngồi tọa thiền một mình, Tôn giả khởi nghĩ: "Ta là một trong những đệ tử Thanh văn chuyên cần của đức Thế Tôn, vậy mà cho đến nay, ta chưa sạch hét các lậu hoặc. Ta vôn là người thiện nam có nhiêu tài sản quý báu, nên chăng ta hãy hoàn tục để hưởng thụ năm dục rồi bố thí rộng rãi để tạo phu&c?” Khi ấy, Thế Tôn biết ý nghĩ trong tâm của Nhị Thập ức Nhĩ, liền bảo một vị Tỳ-kheo: - Thầy hãy đến chỗ Nhi Thập ức Nhĩ và bảo là Thế Tôn truyền gọi. [0062c01] Vâng lời Phật dạy, Tỳ-kheo ấy đi đến chỗ Nhi Thập ức Nhĩ và nói răng: -The Ton truyên gọi Hiên giả! Nghe Tỳ-kheo kia nói bậc Đạo sư truyền gọi, Nhị Thập ức Nhĩ liền vội vàng đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy sát chân Ngài rồi đứng sang một bên.

57 Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ ().Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tr. 105; Tạp.(7.02. 0099.92. 0023c 18). 58 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7L02.

0099.254. 0062Ồ22). Tham chiếu: Sa-môn Nhị Thập ức kinh 0.01. 0026.123. 0611c26); Tăng ^(r02. 0125.23.3. 0612al7); Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ Tỳ-nại-daphả Tăng sự w(7Í24. 1450.17. 0185c24); A. 6.55 - III. 374. 59 Nhị Thập ức Nhi (Sona).



Thế Tôn bảo Nhi Thập ức Nhĩ: Có phải khi tọa thiền một mình ở nơi thanh vắng, thầy đã khởi lên ý nghĩ như vầy: "Ta là một trong những đệ tử Thanh văn chuyên can của đức Thế Tôn, vậy mà cho đến nay, ta chưa sạch hết các lậu hoặc. Ta vốn là người thiện nam có nhiều tài sản quý báu, nên chăng ta hãy hoàn tục để hưởng thụ năm dục rồi bố thí rộng rãi để tạo phu&c?" Bấy giơ, Nhị Thập ức Nhĩ kinh ngạc sợ hãi, toàn thân rúng động, khởi niệm: "Thế Tôn đã biêt tâm ta", liền bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, đúng như vậy! Phật bảo Nhị Thập ức Nhĩ: -Nay Ta hỏi thầy, thầy tùy ý mà trả lời Ta. Này Nhi Thập ức Nhĩ! Lúc còn ở thế tục, thầy đàn rất hay có phải không? - Bạch Thế Tôn, đúng như vậy! The Ton lại hỏi: Y thây nghĩ sao, khi thây đàn, nêu dây đàn căng quá thì âm thanh có du dương êm dịu chăng? -Thưa không, bạch Thế Tôn! The Ton lại hỏi: -Thế nào, nếu dây đàn chùng quá thì có phát ra âm thanh du dương êm dịu chăng? - Thưa không, bạch Thế Tôn! Thế Tôn lại hỏi: Thế nào, nếu khéo điều chỉnh dây dàn, không chùng, không căng sẽ phát ra âm thanh hòa nhã du dương chăng? - Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Phật bao Nhị Thập ức Nhĩ: Người tinh tấn thái quá thì tăng thêm trạo hối, người thiếu tinh tấn thì sanh ra biếng nhác. Thầy tu tập nên giữ gìn sự quân bình, điều độ, chớ đắm trước, chớ buông lung, chớ chấp tướng. Tôn giả Nhị Thập ức Nhĩ nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hy, đảnh lễ rồi lui về. Bấy giờ, Tôn giả Nhị Thập ức Nhĩ thường nhớ ví dụ về cây đàn mà đức Thế Tôn đã dạy, một mình ở chỗ vắng tọa thiền, tư duy lời Phật... (cho đến) sạch hết lậu hoặc, tâm được giải thoát, chứng A-la-hán. Tôn giả Nhị Thập ức Nhĩ đắc quả A-la-hán, nội tam cảm nhận sự an lạc giải thoát, liền khởi niệm: "Bây giờ, ta nên đến thăm viếng đức Thế T6n.” Nghĩ thế, Tôn giả liền đi đến chỗ Phật, cúi lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa:



Bạch Thế Tôn! Nhờ tu tập theo giáo pháp của Ngài mà con đắc quả A-la- hán, sạch các hữu lậu, việc làm đã xong, đã buông bỏ gánh nặng, được lợi ích cho chính mình, dứt sạch các hữu kiết sử,60 có chánh trí, tâm được giải thoát, ngay lúc ấy con cảm nhận được sự giải thoát trong sáu trường hợp.61 Là sáu trường hợp nào? Đó là, giải thoát do lìa dục, giải thoát do lìa sân hận, giải thoát do viễn ly, giải thoát do dứt sạch khát ái, giải thoát do không chấp thủ và giải thoát do tâm không thất niệm. [0063aOl] Bạch Thế Tôn! Nếu có người nương một ít tín tâm mà nói đã lìa dục, được giải thoát thì điều này không đúng! Đen khi nào tham, sân, si dứt sạch thì mới gọi là đã lìa dục, được giải thoát chân thật. Nếu lại có người nương vào sự hành trì một ít tịnh giới mà nói đã lìa sân hận, được giải thoát thì điều này cũng không đúng! Đen khi nào tham, sân, si dứt sạch thì mới gọi là đã lìa dục, được giải thoát chân thật. Nếu lại có người nương sự tu tập xa lìa lợi dưỡng mà nói đã xa lìa, được giải thoát thì điều này cũng không đúng! Đen khi nào tham, sân, si dứt sạch thì mới gọi là đã lìa dục, được giải thoát chân thật. Dứt sạch

tham, sân, si thì cũng gọi là lìa khát ái, cũng gọi là lìa chấp thủ, cũng gọi là lìa thất niệm, được giải thoát. _ N Như thê, bạch Thê Tôn! Nêu các Tỳ-kheo chưa đác quả A-la-hán, chưa sạch các lậu thì đoi với sáu trường hợp này sẽ không được giải thoát. Nếu lại có Tỳ-kheo nào đang ở giai vị Hữu học, chưa được Niết-bàn an lạc tối thượng mà muốn tu tập hướng đến an trụ tâm ấy thì lúc bấy giờ, vị ấy phải thành tựu học giới và thành tựu tu tập căn môn rồi sau đó mới dứt sạch lậu hoặc, được tâm vô lậu giải thoát,... (cho đến) tự biết không còn tái sanh. Bấy giờ, vị ấy thành tựu giới của bậc Vô học62 và các căn63 của bậc Vô học. Ví như đứa trẻ sơ sinh nằm ngửa, ngây ngô, khi ấy chỉ thành tựu các căn của một đứa trẻ; sau đó dần dần lớn khôn và thành tựu các căn thì bấy giờ mới thành tựu các căn của người lớn. Người còn ở giai vị Hữu học cũng lại như vậy? chưa được an lạc tối thượng,... (cho đến) thành tựu giới của bậc Vô học, các căn của bậc Vô học.

60 Hữu kiết ():Phiền não dẫn đến tái sanh. 61 Giải thoát lục xứ (cha thānāni adhimutto): So cha thānāni adhimutto hoti, nekkhammādhimutto hoti, pavivekādhimutto hoti, abyāpcyjādhimutto hoti, tanhākkhayādhimutto hoti, upādānakkhayādhimutto hoti, asammohādhimutto hoti (Vị ấy có sáu chỗ để xu hướng, xu hướng xuất ly, xu hướng viễn ly, xu hướng vô sân, xu hướng ái diệt, xu hướng thủ diệt, xu hướng vo si), HT. Thích Minh Châu dịch. 62 Nguyên tác: Vô học giới ().Theo Thập thượng kinh (01.0001.10. 0054a05), đây chỉ cho giới tụ trong 5 tụ
Vô hoe, gôm Vô học giới tụ, Định tụ, Tuệ tụ, Giải thoát tụ và Giải thoát tri kiến tụ (;). : 63 Nguyên tác: Thành tựu Vô học căn (),chỉ cho
5 căn (tín, tấn, niệm, định, tuệ), s. 48.1 -V. 193 ghi: Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Này các Tỷ-kheo, những pháp này là năm căn (HT. Thích Minh Châu dịch). Xem thêm S. 48.12 - V,200: Với sự toàn diện (samattā), này các Tỷ-kheo, với sự viên mãn năm căn này, là bậc A-la-hán. Yêu nhẹ hơn là bậc Bất hoàn. Yếu nhẹ hơn là bậc Nhất lai. Yếu nhẹ hơn là bậc Dự lưu. yểu nhẹ hơn nữa là bậc Tùy pháp hành. Yếu nhẹ hơn nữa là bậc Tùy tín hành (HT. Thích Minh Châu dịch).

QUYÊN 9 275

Khi ấy, mắt thường nhận biết sắc nhưng hoàn toàn không gây chướng ngại tâm giải thoát, tuệ giải thoát, vì ý đã vững chắc, bên trong đã khéo tu vô lượng giải thoát, thường quán sát sự sanh diệt,... (cho đến) quán vô thường. Tai nhận biêt âm thanh, mũi nhận biêt mùi hương, lưỡi nhận biêt vị, thân nhận biêt xúc chạm, ý nhận biêt pháp cũng không gây chướng ngại tâm giải thoát, tuệ giải thoát, vì ý đã vững chắc, bên trong đã khéo tu vô lượng giải thoát, thường quán sát sự sanh diệt. Ví như gần thôn ấp có núi đá lớn không bị cắt xẻ? không bị phá hoại, không bi xuyên thủng, hoàn toàn kín mít thì giả sử có gió từ bốn phương thổi đến cũng không thể nào làm lay động và cũng không the nào xuyên qua núi. Bậc Vô học ấy cũng giống như vậy, mắt thường nhận biết sắc,... (cho đến) ý thường nhận biết pháp, cũng không gây chướng ngại tâm giải thoát, tuệ giải thoát, vì ý đã vững chắc, bên trong đã khéo tu vô lượng giải thoát, thường quán sát sự sanh diệt. Bấy giờ, Nhị Thập ức Nhĩ trình lại bằng kệ tụng: Lìa dục, tâm giải thoát,

Không giận, cũng như vậy, Xa lia, tâm giải thoát, Tham ái trọn không còn, Giải thoát mọi chấp thủ, Vày không thất niệm. Biết rõ nhập xứ sanh, ở đó? tâm giải thoát, Khi tâm đã giải thoát, Ý Ty-kheo vắng lặng, Các việc đã làm xong, Chẳng cần làm thêm nữa. Như núi đá lớn kia, Gió bão không lay động, Sắc, thanh, hương, vị? xúc, Và các pháp tốt xấu. Sáu nhập xứ thường đối, Cũng không động tâm kia, Tâm luôn trụ vững chắc, Quán đúng tính sanh diệt. [0063bl0] Khi Tôn giả Nhị Thập ức Nhĩ nói pháp này, bậc Đạo sư trong lòng hoan hỷ? các vị Phạm hạnh đa văn nghe Tôn giả Nhị Thập ức Nhĩ nói đều rất hoan hỷ. Bấy giờ, Tôn giả Nhị Thập ức Nhĩ nghe Phật thuyết pháp xong, hoan hỷ và tùy hỷ lễ Phật rồi lui ra. Lúc ấy, Thế Tôn biết Tôn giả Nhị Thập ức Nhĩ đã rời khỏi, liền bảo các Tỳ-kheo: -Người tâm khéo giải thoát nên nói được như thế. Như Nhị Thập ức Nhĩ dùng trí tuệ mà nói, không tự cao cũng không khinh người, nói đúng với đạo lý; không phải như những người tăng thượng mạn, nói không đúng đạo lý, tự khen mình được pháp hơn người thì chỉ tự chuốc lấy tổn hại. ***



255. BÀ-LA-MÔN LỖ-HÊ-GIÀ64 Tôi nghe như vầy: Một thời, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên trú trong hang A-luyện-nhã?65 thôn Di Hầu/6 bên sông Thấp-ma-đà? thuộc nước A-bàn-đề.67 Tôn giả được Bà-la- môn Lỗ-hê-già6869 cung kính cúng dường theo pháp của bậc A-la-hán. Bấy giờ, vào sáng sớm, Tôn giả Ca-chiên-diên đắp y, ôm bát vào thôn Di Hầu theo thứ lớp khất thực. Khất thực xong, Tôn giả trở về cất y bát, rửa chân rồi vào thất tọa thiền. Khi ấy có các đệ tử nhỏ tuổi của Bà-la-môn Lỗ-hê-già đi nhặt củi, đến gần hang của Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên rồi cười nói5 đùa giỡn: Trong hang này có Sa-môn trọc đầu ở, thân thể đen điu, không phải là người tôn quý ở thế gian. Tại sao Bà-la-môn Lỗ-hê-già lại phải tôn trọng cúng dường như đoi với bậc A-la-hán? Từ trong thất, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói với các thiếu niên: Này các chú nhỏ, các chú chớ làm ồn! Các thiếu niên trả lời: Vâng, chúng con không dám nói nữa! Tôn giả khuyên ba lần như thế, nhưng rồi bọn trẻ vẫn cứ như vậy. [0063c01] Lúc ấy, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên liền ra ngoài cửa nói với các thiếu niên: —Này các chú nhỏ, các chú đừng làm ồn nữa. Ta sẽ thuyết pháp cho các chú, các chú hãy lắng nghe! Các thiếu niên nói: -Thưa vâng, xin ngài thuyết pháp, chúng con sẽ lắng nghe và lãnh thọ! Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói kệ: Xưa kia Bà-la-môn, Tu tập giới thắng diệu, 69 Vui trong thiền chân thật. Được sanh Túc mạng trí,c? Thường trụ tâm từ bi, Đóng hết cửa các căn, Điều phục lỗi của miệng, Xưa tu tập như the. Nay bỏ hạnh chân thật, Tích chứa việc hư dối, Giữ chặt tánh buông lung, Theo các căn sáu cảnh,

64 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r02. 0099.255. 0063b19. Tham chiếu: s. 35.132 - IV. 116. 65 A-luyện-nhã quật araññakutikā, nơi ở đơn sơ hang, căn nhà vách đất trong rừng. 66 Di Hầu thất Makkarakata, một thị trấn ở A-bàn-đề Avanti. 67 A-bàn-đề quốc H, Avanti: Nước A-bàn-đề. 68 Lỗ-hê-già ,Lohicca. 69 Túc mạng trí Trí biết được sanh mạng của đời trước.

Đói khát ở gò mả? Tắm, tụng kinh ba bộ,70 Mà không giữ gìn căn, Giống như mộng được báu. Bện tóc, khoác áo da, Không trộm, thân bết tro, Áo thô, làm thân xấu, Cầm gậy, ôm bình nước, 9 \ Giả dạng Bà-la-môn? Đê mong câu lợi dưỡng. Khéo nhiếp hộ thân mình, Lắng sạch, lìa trần cấu, Không não hại chúng sanh, Là đạo Bà-la-môn. Nghe xong, các thiêu niên Bà-la-môn tức giận không vui, nói với Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên: "Ngài đã hủy báng kinh điển của chúng tôi, hủy báng những điều kinh nói, nhục mạ Bà-lam6n." Nói xong, chúng ôm củi trở về chỗ Bà-la-môn Lỗ-hê-già rồi thưa: Thầy biết không, ông Ma-ha Ca-chiên-diên kia đã phỉ báng kinh điển của chúng ta, chê bai lời dạy của những vị thầy Bà-la-môn, nhục mạ đạo Bà-la-môn. Bà-la-môn Lỗ-hê-già nói với chúng đệ tử thiếu niên: Các con đừng nói vậy! Vì sao như thế? Ngài Ma-ha Ca-chiên-diên đầy đủ giới đức, không lý nào lại phỉ báng kinh điển, chê bai lời dạy của những vị thầy Bà-la-môn? nhục mạ đạo Bà-la-môn? 9 r Các thiêu niên thưa: Thầy không tin lời chúng con thì cứ đến đó xem. Khi ấy, Bà-la-môn Lỗ-hê-già không tin lời bọn trẻ nói, liền đi đến chỗ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên. Sau khi cùng nhau hỏi thăm xong, Bà-la-môn Lỗ-hê- già ngôi sang một bên, nói với Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên: - Mấy chú đệ tử nhỏ của tôi có đến đây không? [0064a0l] Đáp rằng: -Chúng có đến! Bọn trẻ có cùng ngài nói gì không? —Có cùng nhau nói chuyện! Lỗ-hê-già nói: Những lời ngài đã nói với bọn trẻ, xin ngài có thể vì tôi mà lặp lại! Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên liền nói lại đầy đủ. Bà-la-môn Lỗ-hê-già nghe xong cũng tức giận, tâm không vui, nói với Tôn giả Ca-chiên-diên: -Lúc nãy tôi không tin lời bọn trẻ, bây giờ thì đúng là ngài đã phỉ báng kinh điển Bà-la-môn, chê bai lời dạy của những vi thay Bà-la-môn, nhục mạ đạo Bà-la-môn. Nói lời ấy xong, ông im lặng giây lát rồi lại nói với Tôn giả Ca-chiên-diên:

70 Nguyên tác: Tam dục tụng tam điển :Trước khi tụng kinh Vệ-đà phải tám rửa sạch sẽ. Ba bộ kinh ở đây là chỉ cho 3 bộ Vệ-đà.



Ngài nói về "cửa." Thế nào là "cửa"? Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đáp: Lành thay! Lành thay! Bà-la-môn! Ông hỏi rất đúng pháp. Tôi sẽ nói cho ông nghe về cái "cửa." Này Bà-la-môn! Mắt là cửa, vì thấy được sắc; tai, mũi, lưỡi, thân, ý là cửa, vì nhận biết các pháp. Bà-la-môn nói: Hay thay! Ma-ha Ca-chiên-diên! Tôi hỏi vê cửa, ngài liên nói vê cửa. Như những gì ngài đã nói, việc không giữ gìn cửa. Vậy thế nào là không giữ gìn cửa, thưa ngài? Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói: -Lành thay! Lành thay! Bà-la-môn! Ông hỏi về việc không giữ gìn cửa, câu hỏi này rất đúng pháp, tôi sẽ nói cho ông nghe về việc không giữ gìn cửa. Này Bà-la-môn! Phàm phu mê muội thiếu hiểu biết, khi mắt thấy sắc rồi, với sắc khả ái thì khởi tâm duyên theo và đắm trước, với sắc không khả ái thì khởi lòng sân hận. Vì họ không tu tập thân niệm xứ nên không biết như thật về tâm giải thoát và tuệ giải thoát. Họ khởi lên đủ các loại pháp ác, bất thiện, không thể được Vô dư Niết"bàn?71 làm trở ngại và không có đủ tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Vì không đầy đủ tâm giải thoát, tuệ giải thoát cho nên thân họ đầy những hạnh xấu, không thể dừng nghi, tâm không tĩnh lặng. Vì tâm không tĩnh lặng nên đối với các căn môn không thể điều phục, không thể gìn giữ, không thê tu tập. Như măt thây săc9 tai nghe tiêng,

mũi ngửi mùi, lưỡi nêm vị, thân xúc chạm, ý nhận biết pháp cũng giông như vậy. Bà-la-môn Lỗ-hê-già nói: Hay thay! Hay thay! Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên! Tôi hỏi về việc không giữ gìn cửa, ngài liền nói cho tôi nghe về việc không giữ gìn cửa. Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên! Thế nào lại gọi là khéo giữ gìn cửa? Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói: Lành thay! Lành thay! Ông hỏi tôi về nghĩa khéo giữ gìn cửa. Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Tôi sẽ nói cho ông nghe về nghĩa khéo giữ gìn cửa. Vị Thánh đệ tử đa văn khi mắt thấy sắc, với sắc khả ái thì không khởi tâm duyên theo và đắm trước, với sắc không khả ái thì không khởi lòng sân hận, thường thu nhiếp tâm mình trụ vào thân niệm xứ nên biết như thật về vô lượng tâm giải thoát và tuệ giải thoát, những pháp ác, bất thiện tan biến hết, có đủ tâm giải thoát và tuệ giải thoát. Tâm giải thoát và tuệ giải thoát đầy đủ rồi thì những hạnh xấu của thân xúc đều dừng nghỉ, tâm được chánh niệm. Đó gọi là cửa thứ nhất khéo điều phục, gìn giữ việc tu tập. Như mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vi, thân xúc chạm, ý nhận biết pháp cũng giống như vậy.

71 Nguyên tác: Vô dư diệt tận .

QUYẾN 9 279

[0064b07] Bà-la-môn Lỗ-hê-già nói: Hay thay! Hay thay! Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên! Tôi hỏi về nghĩa gìn giữ cửa, ngài liền nói cho tôi nghe về nghĩa gìn giữ cửa. Giống như người đi tìm cây thuốc độc lại được cam lộ. Nay tôi cũng như vậy, với tâm giận dữ đi đến ngồi đây lại được ngài rưới nước mưa Diệu pháp thấm mát thân tôi, tôi như được tắm nước mưa cam lộ. Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên! Trong nhà nhiều việc, bây giờ tôi xin cáo từ. Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói: Bà-la-môn! Ông nên biết đúng thời. Bà-la-môn Lỗ-hê-già nghe Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên giảng nói xong đã hoan hỷ và tùy hỷ5 đứng dậy ra về.72

72 Bản Hán, hết quyển 9.

280 KINH TẠP A-HÀM

QUYỂN 10 256. VÔ MINH VÀ MINH (l)1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la cùng ở núi Kỳ-xà quật. Khi ấy, sau giờ tọa thiền buổi chiều, Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất. Sau khi thăm hỏi và tán thán lẫn nhau xong, Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la ngôi sang một bên và nói với Tôn giả Xá-lợi-phât: -Tôi có điều muốn hỏi, không biết Tôn giả có thời gian để giải đáp cho chăng? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: -Tuy cau hỏi cua Ton giả, điêu nao biêt thì toi sẽ tra lơi! Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la hỏi: -Luận vê vô minh, vậy thê nào là vô minh? Ai có vô minh này? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: [0064c0l] - Vo minh có nghĩa là không biết. Không biết chính là vô minh. Không biết về điều gì? sắc là vô thường mà không biết đúng như thật sắc là vô thường; sắc là pháp hoại diệt mà không biết đúng như thật sắc là pháp hoại diệt; sắc là pháp sanh diệt mà không biết đúng như thật sắc là pháp sanh diệt. Thọ? tưởng, hành, thức là vô thường mà không biết như thật thọ, tưởng, hành, thức là vô thường; thức là pháp hoại diệt mà không biết như thật thức là pháp hoại diệt; thức là pháp sanh diệt

mà không biết như thật thức là pháp sanh diệt. Này Ma-ha Câu-hy-la! Đối với năm thủ uẩn này mà không thấy, không biết như thật, không thông đạt, ngu si, không sáng suốt thì gọi là vô minh. Người nào có những điều này gọi là người vô minh. Tôn giả Câu-hy-la lại hỏi: —Luận vê minh, vậy thê nào là minh? Ai có minh này? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Thưa Hiền giả Ma-ha Câu-hy-la! Minh nghĩa là biết vậy. Biết gọi là minh.*

Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.256. 0064b22). Tham chiếu: Tạp.(r.02. 0099.251. Ỏ060Ồ22); s. 22.126-128 - III. 170-72.



Tôn giả Câu-hy-la lại hỏi: -Biết về điều gì? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Biết về những điều: sắc là vô thường, biết như thật sắc là vô thường; sắc là pháp hoại diệt, biết như thật sắc là pháp hoại diệt; sắc là pháp sanh diệt, biết như thật sắc là pháp sanh diệt. Thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, cũng biết như thật thọ, tưởng, hành, thức là vô thường; thức là pháp hoại diệt cũng biết như thật thức là pháp hoại diệt; thức là pháp sanh diệt cũng biết như thật thức là pháp sanh diệt. Này Hiền giả Câu-hy-la! Đối với năm thủ uẩn này mà biết như thật, thấy như thật, hiểu rõ? giác ngộ, trí tuệ, thông đạt thì gọi là minh. Người nào thành tựu những pháp này gọi là người có minh. Bấy giờ, hai Tôn giả cùng đàm đạo với nhau, uyển chuyển tùy hỷ. Sau đó, mỗi người trở về nơi của mình. ***

257. VÔ MINH VÀ MINH (2)2 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la cùng ở núi Kỳ-xà quật. Khi ấy, sau giờ tọa thiền buổi chiều, Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất. Sau khi thăm hỏi và tán thán lẫn nhau xong, Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la ngôi sang một bên nói với Tôn giả Xá-lợi-phât: Tôi có điều muốn hỏi, không biết Tôn giả có thời gian để giải đáp cho chăng? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: -Hiền giả cứ hỏi9 điều nào biết tôi sẽ trả lời! Tôn giả Câu-hy-la hỏi: Gọi là vô minh, vậy thể nào là vô minh? Ai có vô minh này? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Vô minh nghĩa là không biết. Không biết là vô minh. Không biết điều gì? Đó là không biết như thật về sắc, về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về con đường đưa đến sự diệt tận của sắc; không biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức, không biết như thật về sự tập khởi của thức, về sự diệt tận của thức, về con đường đưa đến sự diệt tận của thức. Này Ma-ha Câu-hy-la! Đối với năm thủ uẩn này mà không thấy, không biết như thật, không thông đạt, ngu si,

2 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.257. 0064c20). Tham chiếu: s. 22.135 - III. 176.



không sáng suốt thì gọi là vô minh. Người nào có những điều này gọi là người vô minh. [0065a05] Tôn giả Câu-hy-la lại hỏi: —Thế nào là minh? Ai có minh này? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Gọi là minh tức là biết. Biết chính là minh vậy. Tôn giả Câu-hy-la lại hỏi: -Biết những điều gì? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: -Đó là biết như thật về sắc, về sự tập

khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về con đường đưa đến sự diệt tận của sắc; biết như thật ve thọ, tưởng, hành, thức; biết như thật về sự tập khởi của thức, về sự diệt tận của thức, về con đường đưa đến sự diệt tận của thức. Này Hiền giả Câu-hy-la! Đối với năm thủ uẩn này mà biết như thật, thấy như thật, hiểu rõ? giác ngộ, trí tuệ, thông đạt thì gọi là minh. Người nào thành tựu những pháp này gọi là có minh. Hai Tôn giả cùng đàm đạo5 uyển chuyển tùy hỷ9 sau đó trở về nơi ở của mình. ***

258. VÔ MINH VÀ MINH (3)3 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà9 thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la cùng ở núi Kỳ-xà quật. Khi ấy, sau giờ tọa thiền buổi chiều, Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất. Sau khi thăm hỏi và tán thán lẫn nhau xong, Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la ngồi sang một bên nói với Tôn giả Xá-lợi-phất: -Tôi có điều muốn hỏi, không biết Tôn giả có thời gian để giải đáp cho chăng? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:  Hiền giả cứ hỏi, điều nào biết tôi sẽ trả lời! Tôn giả Câu-hy-la hỏi:  Gọi là vô minh, vậy the nào là vô minh? Ai có vô minh này? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: -Không biết là vô minh. Không biết điều gì? Đó là không biết như thật về săc, vê sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai

3 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02.0099.258.0065al3). Tham chiếu: s. 22.129-134 -III. 173-75.



hại của sắc, về sự xuất ly sắc; không biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức, không biết như thật về sự tập khởi của thức, về sự diệt tận của thức, về vị ngọt của thức, về sự tai hại của thức, về sự xuất ly thức. Này Ma-ha Câu-hy-la! Đối với năm thủ uẩn này mà không biết như thật, không thấy như thật, không thông đạt, mờ mịt, ngu si thì gọi là vô minh. Người nào có những điều này gọi là người vô minh. Tôn giả Câu-hy-la lại hỏi:  Gọi là minh, vậy thế nào là minh? Ai có minh này? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:  Biết là minh vậy! Tôn giả Câu-hy-la lại hỏi:  Biết những điều gì? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:  Biết như thật về sắc, về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly sắc; biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức, biêt như thật vê sự tập khởi của thức, vê sự diệt tận của thức, vê vị ngọt của thức, vê sự tai hại của thức, vê sự xuât ly thức. Này Hiên giả Câu-hy- la! Đối với năm thủ uẩn này mà biết như thật, thấy như thật, sáng tỏ, hiểu rõ? giác ngộ, trí tuệ, thông dạt, đó gọi là minh. Người nào thành tựu những pháp này gọi là có minh. [0065b03] Bấy giờ, hai Tôn giả đàm đạo xong, hoan hỷ ra về. ***

259. QUÁN NĂM UẨN4

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-dà, thuộc thành Vương Xá.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la cùng ở núi Kỳ-xà quật.

Khi ấy, sau giờ tọa thiền buổi chiều, Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất. Sau khi thăm hỏi và tán thán lẫn nhau xong, Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la ngồi sang một bên nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

Tôi có điều muốn hỏi, không biết Tôn giả có thời gian để giải đáp cho chăng?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

Hiền giả cứ hỏi, điều nào biết tôi sẽ trả lời!*

S.

4 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.259. 0065Ồ05). Tham chiếu: s. 22.122 - III. 167; S. 22.123 -IIL 169*



Tôn giả Câu-hy-la hỏi: Nếu Tỳ-kheo chưa thấu triệt giáo pháp5 mà muốn thấu triệt giáo pháp thì phải chuyên cần nỗ lực và tư duy những pháp gì? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: -Nếu Tỳ-kheo chưa thấu triệt giáo pháp mà muốn thấu triệt giáo pháp thì phải chuyên càn tư duy năm thủ uẩn là bệnh, là ung nhọt, là gai nhọn, là sát hại, là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã. Vì sao như vậy? Vì đây là những điều nên tư duy. Nếu Tỳ-kheo chuyên cần tư duy năm thủ uẩn này sẽ được chứng quả Tu-đà-hoàn. Tôn giả Câu-hy-la lại hỏi: -Chứng quả Tu-đà-hoàn rồi, muốn chứng quả Tư-đà-hàm thì phải tư duy những pháp gì? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Này Hiên giả Câu-hy-la! Được chứng quả Tu-đà-hoàn roi, nêu muôn chứng quả Tư-đà-hàm cũng phải chuyên cân tư duy năm thủ uân này là bệnh, là ung nhọt, là gai nhọn, là sát hại, là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã. Vì sao như vậy? Vì đây là những điều nên tư duy. Nếu Tỳ-kheo đối với năm thủ uẩn này mà chuyên cần tư duy sẽ được chứng quả Tư-đà-hàm. Tôn giả Câu-hy-la lại hỏi: Đã chứng quả Tư-đà-hàm rồi, nếu muốn chứng quả A-na-hàm thì phải tư duy những pháp gì? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Này Hiền giả Câu-hy-la! Đã chứng quả Tư-đà-hàm rồi, nếu muốn đắc quả A-na-hàm cũng phải chuyên cần tư duy năm thủ uẩn này là bệnh, là ung nhọt, là gai nhọn, là sát hại, là vô thường, là kho, là không, là vô ngã. Vì sao như vậy? Vì đây là những điều nên tư duy. Nấu Tỳ-kheo đối với năm thủ uẩn này mà chuyên cần tư duy sẽ được chứng quả A-na-hàm. [0065c01] Tôn giả Câu-hy-la lại hỏi: Chứng quảA-na-hàm rồi, muốn chứng quả A-la-hán thì phải tư duy những pháp gì? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: -Này Hiền giả Câu-hy-la! Được chứng quảA-na-hàm rồi, nếu muốn chứng quả A-la-hán cũng phải chuyên cần tư duy năm thủ uẩn này là bệnh, là ung nhọt, là gai nhọn, là sát hại, là vô thường, là khổ5 là không, là vô ngã. Vì sao5

5 Nguyên tác: Vô gián đẳng pháp ().s. 13.1 - II. 134: Dhammãbhisamaya (Pháp minh kiến), HT. Thích Minh Châu dịch. Ty-kheo Bodhi dịch là Breakthrough to the Dhammā (Thấu triệt giáo pháp). Bản dịch dựa theo quan điểm của Tỳ-kheo Bodhi. Xem chú thích 60, kinh số 23, quyển l, tr. 21; Tạp.(roi 0099.23. 0005all).



như vậy? Vì đây là những điều nên tư duy. Nếu Tỳ-kheo đối với năm thủ uẩn này mà chuyên cần tư duy sẽ được chứng quả A-la-hán. Tôn giả Câu-hy-la lại hỏi: Được chứng

quả A-la-hán rồi lại tư duy những pháp gì nữa? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: -Này Ma-ha Câu-hy-la! A-la-hán cũng lại tư duy năm thủ uẩn này là bệnh, là ung nhọt, là gai nhọn, là sát hại, là vô thường, là khổ, là không, là vô nẹã. Vì sao như vậy? Vì để được điều chưa được, để chứng điều chưa chứng và đe thấy pháp mà sông an lạc. Bấy giờ, hai Tôn giả đàm đạo xong, hoan hỷ ra về. ***

260. PHÁP DIỆT6 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến chỗ Tôn giả A-nan. Sau khi thăm hỏi nhau xong, Tôn giả Xá-lợi-phất ngồi sang một bên rồi hỏi Tôn giả A-nan: -Tôi có điều muốn hỏi, không biết Hiền giả có thời gian để giải đáp cho chăng? Tôn giả A-nan đáp: -Tôn giả cứ hỏi, điều nào con biết sẽ giải đáp! Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi: Này A-nan! Gọi là diệt, vậy thế nào là diệt? Ai có diệt này? Tôn giả A-nan đáp: -Thưa Ton giả Xá-lọd-phất! Năm thủ uẩn vốn được tạo tác từ nghiệp quá khứ,7 được mong cầu bởi nghiệp quá khứ5 là pháp vô thường, hoại diệt. Vì đó là pháp hoại diệt cho nên gọi là diệt. Năm thủ uẩn là gì? Đó là sắc thủ uẩn được tạo nên tò nghiệp quá khứ, được mong cầu bởi nghiệp quá khứ, là pháp vô thường, hoại diệt. Vì đó là pháp hoại diệt cho nên gọi là diệt. Thọ, tưởng, hành, thức thủ uẩn cũng được tạo nên từ nghiệp quá khứ, được mong cầu bởi nghiệp quá khứ, chúng đều là pháp vô thường, hoại diệt. Vì chúng là pháp hoại diệt cho nên gọi là diệt. Tôn giả Xá-lợi-phất nói: Đúng the! Đúng the! Này A-nan! Như điều Hiền giả nói, năm thủ uẩn này được tạo nên từ nghiệp quá khứ, được mong cầu bởi nghiệp quá khứ, là pháp

6 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.260. 0065cl2). Tham chiếu: s, 22.21 - m. 24. 7 Nguyên tác: Bổn hành ()Nghiệp đời trước. Theo Đại trí độ luân (r.25. 1509.90. 0696b27): Nghiệp trong đời quá khứ đã diệt tận, chỉ còn tên gọi, gọi là "hành"(, ).



VÔ thường, hoại diệt. Vì đó là pháp hoại diệt nên gọi là diệt. Năm thủ uẩn là gì? Đó là sắc thủ uẩn được tạo nên từ nghiệp quá khứ, được mong câu bởi nghiệp quá khứ, là pháp vô thường, hoại diệt. Vì đó là pháp hoại diệt cho nên gọi là diệt. Thọ? tưởng, hành, thức thủ uẩn cũng được tạo nên từ nghiệp quá khứ, được mong cầu bởi nghiệp quá khứ, chúng đều là pháp vô thường, hoại diệt. Vì chúng là pháp hoại diệt cho nên gọi là diệt. Này Hiền giả A-nan! Năm thủ uẩn này nếu không phải do nghiệp quá khứ tạo nên, không phải được mong cầu từ nghiệp quá khứ thì làm sao mà diệt được? Này Hiền giả A-nan! Do năm thủ uẩn này được tạo nên từ nghiệp quá khứ, được mong cầu bởi nghiệp quá khứ, là pháp vô thường, hoại diệt. Vì đó là pháp hoại diệt nên gọi là diệt. [0066a03] Bây giờ, hai Tôn giả đàm đạo xong, hoan hỷ ra vê. ***

261. NGÀI PHÚ-LÂU-NA DẠYA-NAN8 Tôi nghe như vay: Một thời, Tôn giả A-nan ngụ tại vườn Cù-sư-la5 thuộc nước Câu-diệm-di. Bấy giờ, Tôn giả A-nan nói với các Tỳ-kheo: -Tôn giả Phú-lâu-na Di-đa-la-ni tử9 khi mới xuất gia, tuy tuổi còn niên thiêu nhưng đã thường nói Diệu pháp sâu xa và dạy tôi như vây: Này A-nan! vào pháp sanh khởi11 rồi cho đó là ngã, chứ không phải pháp không Do chấp1011 sanh khởi. Này A-nan! Do chập

vào những pháp sanh khởi nào roi cho đó là ngã, chứ không phải là pháp không sanh khởi? sắc sanh khởi, [chấp vào] sự sanh khởi đó là ngã chứ không phải không sanh khởi. Thọ, tưởng, hành, thức sanh khởi, [chấp vào] sự sanh khởi đó là ngã chứ không phải không sanh khởi. Ví như có người tay cầm tấm gương sáng hay nhìn vào mặt nước thì có thể nhận thay khuôn mặt của mình hiện ra trong đó, vì do khuôn mặt hiện ra nên mới thây chứ không phải không hiện ra. Cho nên, này A-nan! Sác sanh khởi, chấp vào sự sanh khởi đó là ngã chứ không phải không sanh khởi. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức sanh khởi, chấp vào sự sanh khởi đó là ngã chứ không phải không sanh khởi.

8 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.261. 0066a05). Tham chiếu: s. 22.83 -III. 105. 9 Phú-lậu-na Di-đa-la-ni từ (Punna Mantāniputta), theo DPPN, Tôn giả Punna Mantāniputta thuộc dòng Bà-la-môn, có mẹ tên là Mantānī, vốn là chị em với Tôn giả A-nha Kieii- trân-như (Aññā Kondañña) và sinh sống gần Kapilavatthu. Sau khi nghe bài Kinh chuyển pháp luân (Dhammacqkkappavattana Sutto), Ton giả Kiêu-trần-như trở về lại Kapilavatthu và độ Punria Mantāniputta xuāt gia. Tại đây, sau khi tu tập không bao lâu thì Tôn giả Punna Mantāniputta chứng quả A-la-hán. 10 Nguyen tác: Ke ()Chấp thủ. Tham chiếu: Đại duyên phương tiện kinh (r.OL 0001.10. 0061c02): Này A-nan, đối với sự chấp ngã, cho đến giới hạn nào được gọi là ngã kiến?( ?). Xem thêm s. 22.83 - IIL 105: Upādāyā (chấp thủ). 11 Nguyên tác: Sanh pháp (upapajjati)'. Sanh ra, nổi lên, hiện khởi.

QUYÊN 10 287

Thế nào, A-nan? sắc là thường hay vô thường? Đáp: Là vô thường! -Vô thường là khổ chăng? -Là khổ! -Nếu vô thường, khổ, là pháp luôn thay đổi thì Thánh đệ tử có nên ở trong đó chấp là ngã, khác ngã hoặc tồn tại trong nhau chăng? Thưa, không! Như thế thọ, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường? Là vô thường! Nếu vô thường thì là khổ chăng? -Là khổ! Nếu vô thương, khổ, là pháp luôn thay đổi thì vi Thánh đệ tử đa văn có nên ở trong đó chấp là ngã, khác ngã, hoặc tồn tại trong nhau chăng? Thưa, không nên! Này A-nan! Cho nên, đối với sắc ở quá khứ, ở tương lai hay hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần, tất cả đều chăng phải ngã, chăng khác ngã, chăng tôn tại trong nhau. Cũng vậy, phải biêt như thật, quán như thật các thọ, tưởng, hành, thức ở quá khứ, ở tương lai hay hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần, tất cả chúng đều chẳng phải ngã, chẳng khác ngã, chẳng ở trong nhau. Quán xét như vậy, vị Thánh đệ tử đối với sắc sanh nhàm chán, lìa dục và được giải thoát: “Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh.^, Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng sanh nhàm chán, lìa dục và được giải thoát: "Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." [0066ỒO2] Các Tỳ-kheo nen biết, nhờ Tôn giả ấy mà toi được lợi ích lớn. Nhờ nghe pháp của Tôn giả ấy nên tôi liền xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Từ khi đó đến nay, tôi thường đem pháp này nói với bốn chúng mà chẳng nói với các tu sĩ Sa-môn, Bà-la-môn ngoại đạo. ***

262. TRƯỞNG LÃO XIỂN-ĐÀ12 Tôi nghe như vầy: Một thời, sau khi đức Phật nhập Niết-bàn không lâu, nhiều Tỳ-kheo Thượng tọa trú ở Lộc Uyển, trú xứ của Tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại.

12 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.262. 0066b06). Tham chiếu: Tạp.(02. 0099.301. 0Ò85C17); s. 12.15 - II. 16; s. 22.90 -III. 132.



Bấy giờ, vào sáng sớm, Trưởng lão Xiển-đà đắp y, ôm bát vào thành Ba- la-nại khất thực. Sau khi thọ thực xong, Trưởng lão xếp cất y bát, rửa chân rồi cầm khóa cửa đi từ khu rừng này đến khu rừng kia, từ phòng này đến phòng kia, từ chỗ kinh hành này đến chỗ kinh hành kia, đen mỗi nơi đều thưa với các Tỳ-kheo: Xin các ngài hãy dạy cho tôi, nói pháp cho tôi để tôi biết pháp, thấy pháp. Tôi sẽ biết đúng như pháp và đúng như pháp mà quán sát. Khi ấy, các Tỳ-kheo nói với Xiển-đà: -Sắc là vô thường. Thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Tất cả hành đều vô thường, tất cả pháp đều vô ngã, Niết-bàn là tịch diệt. Xiển-đà nói với các Tỳ-kheo: Toi đã biết sắc là vô thường. Thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Tất cả hành đều vô thường, tất cả pháp đều vô ngã, Niết-bàn là tịch diệt. Xiển-đà lại nói tiếp: -Thế nhưng tôi không hoan hỷ khi nghe: "Tất cả các hành là không tịch,13 không thể nắm bắt, dứt sạch khát ái5 lìa dục, Niết-bàn." ở trong đó làm gì có ngã mà nói: "Biết như vậy, thấy như vậy thì gọi là thấy pháp"? Lần thứ hai, thứ ba, Xiển-đà cũng nói như thế. Xiển-đà lại hỏi: ở trong dây, vị nào có khả năng vì tôi nói pháp, khiến tôi được biết pháp, thấy pháp? Xiển-đà lại suy nghĩ: "Tôn giả A-nan đang ngụ tại vườn Cù-su-la, nước Kiêu-thưởng-di,14 ngài đã từng gần gũi, hầu hạ đức Thế Tôn và được đức Thế Tôn khen ngợi, các bậc Phạm hạnh đều biết như vậy. Chắc chắn Tôn giả ấy có thể vì ta mà nói pháp, khiến cho ta được biết pháp, thấy pháp." Sáng sớm hôm sau, Xiển-đà đắp y, ôm bát vào thành Ba-la-nại khất thực. Sau khi thọ thực xong, Trưởng lão lại thu xếp ngọa cụ và mang y bát đi đến nước Kiêu-thưởng-di. Xiển-đà du hành dần dần đến Kiêu-thưởng-di. Đen nơi, Trưởng lão thu cất y bát, rửa chân xong, liền đến chỗ Tôn giả A-nan. Sau khi cùng nhau thăm hỏi, Xiển-đà ngồi sang một bên rồi thưa với Tôn giả A-nan: Một thời, nhiều Tỳ-kheo Thượng tọa trú ở Lộc Uyển, trụ xứ của Tiên nhân, trong nước Ba-la-nại. Một hôm nọ, vào lúc sáng sớm, tôi đắp y, ôm bát vào thành Ba-la-nại khất thực. Sau khi thọ thực xong, xếp cất y bát, rửa chân rồi tôi cầm khóa cửa, đi từ khu rừng này đến khu rừng kia, từ phòng này đến phòng kia, từ chỗ kinh hành

13 Không tịch Cảnh giới không có bất cứ tướng trạng nào, không có sanh ra và mất đi, không có sai biệt đối đãi. 14 Kiêu-thưởng-di Kosambī.



này đến chỗ kinh hành kia, đến đâu gặp các vị Tỳ-kheo tôi đều thưa rằng: "Xin dạy cho tôi? hãy vì tôi nói pháp, khiến cho tôi được biết pháp, thấy pháp!" Lúc ấy, các Tỳ-kheo vì tôi mà nói pháp: “sắc là vô thường; thọ, tưởng, hành, thức cũng vô thường. Tất cả hành đều vô thường, tất cả pháp đều vô ngã, Niết- bàn là tịch diet." Khi đó, tôi nói với các Tỳ-kheo: "Tôi đã biết sắc là vo thường; thọ, tưởng, hành, thức cũng vô thường. Tất

cả hành đều vô thường, tất cả pháp đều vô ngã, Niết-bàn là tịch diệt. Nhưng tôi không hoan hỷ khi nghe tất cả các hành là không tịch, không thể nắm bắt, dứt sạch khát ái? lìa dục, Niết-bàn. ở trong đó làm gì có ngã mà nói biết như vậy? thấy như vậy thì gọi là thấy pháp." Bây giờ, tôi nghĩ: "Trong các Tỳ-kheo này, ai là người có khả năng nói pháp khiến cho mình được biết pháp, thấy ph?" Tôi lại khởi niệm: "Tôn giả A-nan đang ngụ tại vườn Cù-sư-la, nước Kiêu-thưởng-di, ngài đã từng gần gũi, hầu hạ đức Thế Tôn và được đức Thế Ton khen ngợi, các bậc Phạm hạnh đều biết như vậy. Chắc chắn Tôn giả ấy có thể vì ta mà nói pháp, khiến cho ta được biết pháp, thấy ph" -Lành thay, Tôn giả A-nan! Xin hãy vì tôi mà thuyết pháp, khiến tôi được biết pháp, thấy pháp! [006ÓCÍ8] Tôn giả A-nan nói với Xiển-đà: Hay thay Xiển-đà! Tôi rất hoan hỷ, tôi mừng cho Hiền giả có thể đối trước người Phạm hạnh không chút che giau, phá dẹp gai nhọn giả dối. Này Xiển-đà! Kẻ phàm phu mê muội không thể hiểu sắc là vô thuơng' thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, tất cả hành đều vô thường, tất cả pháp đều vô ngã, Niết-bàn là tịch diệt. Hiện tại, Hiền giả đã có thể thọ nhận Diệu pháp thù thắng, hãy lắng nghe cho kỹ! Tôi sẽ vì Hiền giả mà giảng nói. Bấy giờ, Trưởng lão Xiển-đà suy nghĩ: "Ta rất vui vì hiện tại được tâm thắng diệu, tâm hoan hy, phân khởi. Hôm nay, ta có thê lãnh thọ pháp thăng diêu." Khi ấy, Tôn giả A-nan nói với Xiển-đà: Chính tôi được nghe Phật dạy cho Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên như vây: "Sự điên đảo của người đời dựa vào hai cực đoan, hoặc là c6, hoặc là không.15 Khi người đời chấp thủ các cảnh giới thì tâm liền dính mắc. Này Ca-chiên-diên! Nếu không thọ nhận, không chấp thủ, không dính mắc, không chấp ngã thì khi khổ này sanh thì sanh, khi [khổ này] diệt thì diệt. Này Ca-chiên-diên! Đối với điều này không nghi ngờ, không mê hoặc, không do người khác mà có the tự biêt, đó gọi là chánh kiên mà Như Lai đã nói. Vì cớ sao? Này Ca-chiên-diên! Nếu quán sát đúng như thật về sự tập khởi của thể gian thì không khởi lên kiến chấp đoạn kiến16 về thế gian; nếu quán sát đúng như thật về sự diệt tận của thế gian thì không khởi lên kiến chấp thường

15 Hữu v6 atthitañceva natthitancà-. Tồn tại và không tồn tại hay hữu thể và vô thể. 16 Nguyên tác: Vô kiến ,tức là "đoạn kiến^, ,ucchedaditthī.



kiến17 về thế gian. Này Ca-chiên-diên! Như Lai đã xa lìa nhị biên mà thuyết trung đạo: Cái này có nên cái kia có, cái này sanh nên cái kia sanh; nghĩa là duyên vô minh mà có hành cho đến sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, kho, não tập khởi. Cái này không nên cái kia không, cái này diệt nên cái kia diệt; nghĩa là vô minh diệt thì hành diệt, cho đến sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não diệt tan." [0067a08] Khi Tôn giả A-nan nói pháp này xong, Tỳ-kheo Xiển-đà xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Bấy giờ, Xiển-đà đã thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, thể nhập giáo pháp, không còn hoài nghi, không nương ai khác, ở trong giáo pháp của bậc Đại sư, được vô sở úy, ông cung kính chắp tay thưa Tôn giả A-nan: Thật là cần phải như the! Rất cần những bậc trí tuệ, Phạm hạnh, thiện tri thức làm giáo thọ, giáo giới, thuyết pháp như thế. Tôi nay từ Tôn giả A-nan mà nghe được pháp này, đối với tất cả hành đều là không, đêu là tịch tĩnh, đêu không thể nắm bắt, dứt sạch khát ái, lìa dục, diệt tận? Niết-bàn5 tâm an lạc và hoàn toàn giải

thoát, không còn thoái chuyển, không còn thấy ngã? chỉ thấy Chánh pháp. Bấy giờ, Tôn giả A-nan nói với Xiển-đà:  Nay Hiền giả đã được thiện lợi lớn, ở trong pháp Phật sâu xa đã được tuệ nhãn của bậc Thanh. Bây giờ, hai vị Tôn giả đàm đạo roi uyên chuyên tùy hỷ. Sau đó, môi người trở ve nơi của mình. * Kệ tóm tắt: Thâu-lũ-na tam chủng,18 Vô minh diệc hữu tam5 Vô gián đẳng cập Diệt, Phú-lâu-na9 Xiển-đà.19 ***

263. TÙY THUẬN TU TẬP20 Tôi nghe như vầy: Một thời Phật ngụ tại làng nuôi bò đốm?21 thuộc nước Câu-lưu. Bay giờ5 đức The Ton bao các Tỳ-kheo: -Ta nhờ thấy biết mà sạch hết các phiền não chứ chẳng phải do không thấy biết. Thế nào là nhờ thấy biết mà sạch hết các phiền não chứ chẳng phải do

17 Nguyên tác: Hữu kiến ,tức "thương kiến,, ,sassataditthī. 18 Ba kinh Thâu-lũ-na nằm ở quyển l, kinh số 30-32. 19 Nguyen tác Nhiếp tụng:;.Do đặt lại tựa đề nên Nhiêp tụng không trùng với
tên kinh. 20 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.7.02. 0099.263. 0067a22. Tham chiếu: s. 22.101 - m. 152; ^.7.71-IV. 125. 21 Nguyên tác: Tạp sắc mục n^gưu tụ lạc ,một thị trấn ở nước Kuru mà Phật hay dừng chân. Kinh sô 245 dịch là Điêu
Phục Bác Ngiru tụ lạc Iscũng gọi là Kiếm-ma-sat-đàm Kammāsadhamma.
Xem chú thích 30, tr. 258.



không thấy biết? Nghĩa là thấy biết như thật đây là sắc, đây là sự tập khởi của sắc, đây là sự diệt tận của sắc; đây là thọ, tưởng, hành, thức, đây là sự tập khởi của thức, đây là sự diệt tận của thức. Nếu không có phương pháp tu tập, không tùy thuận thành tựu mà dùng tâm mong cầu cho mình sạch hết các phiền não, tâm được giải thoát, nên biết Tỳ-kheo đó sẽ không thể sạch hết các phiền não và được giải thoát. Vì sao như vậy? Vì chẳng tu tập. Chẳng tu tập những gì? Đó là chẳng tu tập bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phan và Thánh đạo tám chi. Ví như gà mái áp trứng muôn được nhiêu gà con mà không áp ủ đúng cách, không giữ cho âm lạnh điêu hòa, lại muôn gà con dùng mỏ hoặc móng để phá vỏ trứng thoát ra an ổn, nên biết gà con kia sẽ không đủ sức để dùng mỏ hoặc móng phá vỏ trứng thoát ra ngoài an ổn. Vì sao như vậy? Vì gà mẹ ấp trứng kia không áp ủ đúng cách, không giữ cho ấm lạnh điều hòa đê áp dưỡng trứng đúng cách. [0067b06] Cũng vậy, các Tỳ-kheo không siêng năng tu tập, không tùy thuận thành tựu mà muốn sạch hết các phiền não, muốn được giải thoát thì không thể có việc này. Vì sao như vậy? Vì chẳng tu tập vậy! Chẳng tu tập những gì? Đó là chẳng tu tập bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phần và Thánh đạo tám chi. Nếu Tỳ-kheo tu tập, tùy thuận thành tựu thì dù chẳng muốn khiến cho sạch hết các phiền não, được giải thoát nhưng Tỳ-kheo ấy vẫn tự nhiên sạch hết các phiền não, tâm được giải thoát. Vì sao như vậy? Vì có sự tu tập vậy. Tu tập những gì? Đó là tu tập bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phân và Thánh đạo tám chi. Ví như gà mái ấp trứng khéo trưởng dưỡng con mình, theo thời tiết nóng lạnh mà giữ độ ấm thích hợp cho trứng, dù không muốn cho gà con tìm cách mổ vỏ trứng thoát ra mà gà con vẫn có khả năng tìm cách tự thoát ra ngoài an ổn. Vì sao như vậy? Vì gà mẹ ấp trứng kia đã tùy thời tiết nóng hay

lạnh để giữ độ ấm thích hợp cho trứng. Cũng vậy, Tỳ-kheo khéo tìm pháp tu tập, dù chăng muôn hét các phiên não, được giải thoát, vẫn tự nhiên sạch hết các phiền não, tâm được giải thoát. Vì sao như vậy? Vì siêng năng tu tập vậy. Tu tập những gì? Đó là tu tập bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phần và Thánh đạo tám chi. Ví như người thợ giỏi hoặc học trò của người thợ giỏi, tay cầm chặt cán búa làm việc liên tục không ngừng, dần dàn cán búa mòn đi một lớp và hiện ra những ngón tay cầm, nhưng người kia chẳng hay biết chỗ cán búa mòn một lớp và hiện ra những ngón tay câm. Cũng vậy, Tỳ-kheo siêng năng tu tập, tùy thuận thành tựu, không tự thây biết hôm nay được hết các phiền não như thế này, ngày mai sẽ hết các phiên não như thê này; nhưng Tỳ-kheo kia biêt có hết các phiền não. Vì sao như vậy? Vì nhờ tu tập. Tu tập những gì? Tu tập bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phân và Thánh đạo tám chi.



Như chiếc thuyền lớn đậu ven biển, trải qua nhiều tháng hè gió xát, mặt trời nung, day cột từ từ bị đứt. Cũng vậy, Tỳ-kheo tinh cần tu tập, tùy thuận thành tựu thì tất cả kiết sử phiền não ràng buộc dần dần được giải thoát. Vì sao như vậy? Vì do khéo tu tập. Tu tập những gì? Đó là tu tập bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phần và Thánh đạo tám chi. [0067c01] Khi đức Phật nói pháp này, sáu mươi Tỳ-kheo không khởi các phiền não lậu hoặc, tâm được giải thoát. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

264. NẮM ĐẤT NHỎ22 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Khi ây, có Tỳ-kheo trong khi tọa thiên tư duy, khởi niệm: “C6 sác nào thường hằng, không biến đoi, ton tại vĩnh viễn chăng? Có thọ, tưởng, hành, thức nào thường hằng, không biến đổi, tồn tại vĩnh viễn chng?" Buổi chiều, sau giờ tọa thiền, Tỳ-kheo này đi đến chỗ Phật, cúi lạy sát chân Ngài rồi đứng qua một bên thưa: -Bạch Thế Tôn! Trong lúc ngồi thiền tư duy, con khởi niệm: "C6 sắc nào thường hằng, không biến đổi, tồn tại vĩnh viễn chăng? Có thọ, tưởng, hành, thức nào thường hằng, không biến đổi, tồn tại vĩnh viễn chang?^ Nay con ngưỡng bạch Thế Tôn: "C6 sắc nào thường hằng, không biến đổi, tồn tại vĩnh viễn chăng? Có thọ, tưởng, hành, thức nào thường hăng, không biên đôi, tôn tại vĩnh viễn chng?" Bấy giờ, Thế Tôn dùng tay lấy một ít đất23 rồi hỏi Tỳ-kheo ấy: Thầy có thấy chút ít đất trong tay Như Lai không? Tỳ-kheo bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Con có thấy. -Này Tỳ-kheo! Ngã không thể nắm bắt,24 dù chỉ chút ít như nhúm đất này. Nếu ngã mà có thể nắm bắt được thì ngã ấy mới là pháp thường hằng, không thay đổi, tồn tại vĩnh viễn.

22 Tựa đềđặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.264. 0067c04). Tham chiếu: Ngưu phẩn dụ kinh (01. 0026.61. 0496a15); S. 22.96 - III. 143. 23 Nguyên tác: Tiểu thổ đoàn ().Tham chiếu: s. 22.96 - III. 143: Gomayapinda (miếng phân bò); S. 22.97- III. 147: Atha kho bhagavā parittāni nakhasikhāyam pamsum (rồi The Tôn lấy len một ít đát trong đầu ngón tay). 24 Nguyên,tác: Ngã bấtzkhả đắc (),được dịch từ s. 22.96 - III. 143: Attabhāvapatilābho natthi (không thể có sự thủ đắc về hữu ngà).

Phật lại nói: Nhớ lại kiếp trước, Ta thường tu phước, được những điều kỳ diệu và phước báo đáng quý. Ta đã từng bảy năm tu tập tâm từ, trải qua bảy kiếp thành hoại và Ta không trở lại cõi này. Trong bảy kiếp hoại, Ta sanh lên cõi trời Quang Âm. Trong bảy kiếp thành, Ta lại sanh lên cõi Phạm, làm Đại Phạm vương ở trong cung điện giữa hư không, không ai hơn, không ai trên, thống lãnh cả ngàn thê giới. Từ đó vê sau, ba mươi sáu lân Ta làm Đê-thích, roi lại một trăm ngàn lần làm Chuyển Luân Thánh Vương, thống lãnh bốn thiên hạ,25 dùng Chánh pháp giáo hóa, cai trị dân, có đầy đủ bảy báu: Bánh xe báu, voi báu? ngựa báu, ma-ni rbáu, y ngọc nữ báu, J kho báurvà đại than 9 __ báu. y Tay có đay đủ một ngàn người 9

con, tát cả đêu dũng kiện. Bôn biên, đát đai của Ta đêu băng phăng, không có gai độc. Ta chẳng dùng uy thế, cũng chẳng bức bách, chỉ dùng Chánh pháp để điều phục dân chúng. Theo pháp, Vua Quán đảnh có tám mươi bốn ngàn voi ưu tú được trang sức bằng các loại báu, lưới báu, dựng cờ báu; trong đó, voi chúa Bố-tát25 26 dẫn đầu, sáng chiều hai thời tư hội họp trước điện. Khi ấy, Ta nghĩ thầm: "Bầy voi to lớn này, mỗi ngày qua lại đạp chết vô số chúng sanh. Ta muốn chỉ với bốn mươi hai ngàn voi và một trăm năm mới đến một Ian" thì liền được như nguyện, bốn mươi hai ngàn voi trong số đó một trăm năm mới được đến một lần. [0068a03] Theo pháp, Vua Quán đảnh cũng lại có tám mươi bốn ngàn con ngựa báu với yên cương bằng vàng ròng, lưới vàng phủ lên trên, ngựa đầu đàn Ba-la dẫn đầu. Theo pháp, Vua Quán đảnh cũng có tám mươi bôn ngàn cô xe được trang hoàng bằng bon loại báu, như xe vàng, xe bạc, xe lưu ly, xe pha lê. Trên xe được trần thiết bởi các loại da sư tử, da cọp, da beo, lại dùng loại vải dệt lông thú đủ màu sắc làm nệm lót trải lên xe. Trong đó, xe âm thanh Bạt-cầu-tỳ-xà-da-nan-đề27 dẫn đầu. Theo pháp, Vua Quán đảnh được thống lãnh tám mươi bốn ngàn thành, tất cả thành ấy đều an ổn, trù phú, dân chúng đông đúc, đứng đầu là thành Câu- xá-bà-đề.28 Theo pháp, Vua Quán đảnh có tám mươi bốn ngàn cung điện được làm bằng bốn loại báu như cung điện bằng vàng, cung điện bằng bạc, cung điện bằng lưu ly, cung điện bằng pha lê. Trong đó5 cung điện được trang sức bởi ma-ni, lưu ly là thượng thủ.

25 Nguyên tác: Tứ thiên hạ ,còn gọi là "tứ đại chaiT ,tức 4 châu Đông Tháng Thần châu M ,Pubbavideha, Nam Thiem-b0 châu M Jambudīpa, Tây Ngưu Hóa chau Goyāniya hoặc Aparagoyāna, Bắc Câu-lô châu Uttarakurū. 26 B&tát Uposatha. 27 Bạt-cầu-tỳ-xà-da-nan-đề ,Vejayantaratha. 28 Câu-xá-bà-đề Kusāvatī.



Theo pháp, Vua Quán đảnh có tám mươi bốn ngàn giường với bốn loại báu như giường bằng vàng, giường bằng bạc, giường bằng lưu ly, giường bang pha lê. Trên giường trải nệm lụa quý, ngọa cụ ca-lăng-già29 và được đặt những chiếc gối màu đỏ. Lại nữa, này Tỳ-kheo! Theo pháp, Vua Quán đảnh lại có tám mươi bốn ngàn y phục được may bàng bốn chất liệu như y bằng lụa,3031 y s6-ma,3i y đầu- cmi-la32 và y câu-triêm-bà.33 Lại

nữa, này Tỳ-kheo! Theo pháp, Vua Quán đảnh có tám mươi bốn ngàn ngọc nữ dòng Sát-lợi, tựa như dòng Sát-lọi, huống là còn các ngọc nữ khác. Lại nữa, này Tỳ-kheo! Theo pháp, Vua Quán đảnh có tám mươi bốn ngàn món ăn thức uông tuyệt hảo. Này Tỳ-kheo! Trong tám mươi bốn ngàn ngọc nữ, vua chỉ chọn một người đê hâu hạ; trong tám mươi bôn ngàn y phục báu, vua chỉ mặc một chiêc y; trong tám mươi bon ngàn giường báu, vua chỉ nằm một giường; trong tám mươi bon ngàn cung điện, vua chỉ ở một cung; trong tám mươi bon ngàn thành, vua chỉ ở thành Câu-xá-bà-đê; trong tám mươi bôn ngàn xe báu, vua chỉ cưỡi xe âm thanh Tỳ-xà-da-nan-đê xuất thành du lãm; trong tám mươi bôn ngàn con ngựa báu, vua chỉ cưỡi một con tên là Bà-la-ha có màu lông đuôi xanh biếc; trong tám mươi bốn ngàn thớt voi ưu tú, vua chỉ cưỡi một con tên là Bố-tát-đà khi xuất thành du ngoạn. Này Tỳ-kheo! ở đây nhà vua nhờ những nghiệp báo gì mà được oai đức tự tại như vậy? ở đây chính là nhờ vào ba loại nghiệp báo. Là ba loại nào? Một là bố thí, hai là điều phục, ba là tu đạo. Này Tỳ-kheo! Nên biết, kẻ phàm phu tập nhiễm năm dục, không biết đủ, không biết chán. Thánh nhân thì do thành tựu đầy đủ trí tuệ cho nên thường biết đủ. Này Tỳ-kheo! Tất cả các hành quá khứ đã diệt tận, tất cả các hành quá khứ đã thay đoi. Các vật dụng tự nhiên kia, cho đến tên gọi của chúng thảy đều hoại diệt. Vì thế, này Tỳ-kheo! Phải dứt hẳn các hành, phải nhàm chán, xa lìa và đoạn dqc, giải thoát. Này Tỳ-kheo! sắc là thường hay vô thường? [0068b05] - Bạch Thế Tôn, là vô thường! -Nếu vô thường thì khổ chăng?  Bạch Thế Tôn, là khổ!

29 Ca-lăng-già ngọa cụ ,một loại đồ nằm bằng da nai.

30 Ca-thi-tế y Y bằng lụa.

31 Sô-ma y :Y dệt bàng sợi đay.

32 Đầu-ciru-la y :Y bằng tơ bông gòn.

33 Câu-triêm-bà y :Y dệt bằng lông thú.

QUYỂN 10  295

-Này Tỳ-kheo! Nếu là vô thường, là khổ thì đó là pháp đổi thay, vậy vị Thánh đệ tử có nên ở trong đó chấp là ngã, khác ngã, hoặc tồn tại trong nhau chăng?  Bạch Thế Tôn, không nên! -Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường? - Bạch Thế Tôn, là vô thường! - Nếu vô thường thì khổ chăng? -Bạch Thế Tôn, là khổ!  Này Tỳ-kheo! Nếu là vô thường, là khổ thì đó là pháp đổi thay, vậy Thánh đệ tử có nên ở trong đó chấp là ngã5 khác ngã, hoặc tồn tại trong nhau chăng? - Bạch Thế Tôn, không nên! Phật lại bảo Tỳ-kheo:  Những gì thuộc về sắc ở quá khứ, ở tương lai hay hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần, tất cả thứ ấy đều chẳng phải là ngã, chẳng khác ngã, chẳng tồn tại trong nhau. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức ở quá khứ, ở tương lai hay hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tê5 hoặc tót hoặc xâu, hoặc xa hoặc gân, tát cả đêu chăng phải ngã5 chẳng khác ngã và chẳng tồn tại trong nhau. Này Tỳ-kheo! Đối với sắc nên sanh tâm nhàm chán, xa lìa, chán ghét để lìa dục, để giải thoát. Và đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng nên sanh tâm chán ghét để lìa dục, được giải thoát, giải thoát tri kiến: "Su sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh."

Tỳ-kheo ấy nghe lời Phật dạy, phấn khởi vui mừng, đảnh lễ Phật rồi lui ra. Sau đó, vị này thường nghĩ đến lời dạy về ví dụ nắm đất, thường ở một mình nơi văng vẻ? chuyên cân tư duy, sông không buông lung. Sau khi sông không buông lung, vị ấy đạt được mục đích của một thiện nam cạo bỏ râu tóc, sống không gia đình, chánh tín xuất gia học đạo, để thành tựu Phạm hạnh vô thượng rốt ráo, đã thấy pháp và tự biết mình chứng đắc: "Su sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đa được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh.,, Bấy giờ5 Tôn giả ấy cũng tự mình biết pháp, tâm được giải thoát, thành bậc A-la-hán. ***

265. BỌT NƯỚC34 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ bên bờ sông Hằng, thuộc xứ A-tỳ-đà.35

34 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.265. 0068b29). Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.953. 0243al3); Ngũ âm thỉ dụ kinh (T.02. 0105. 050la04); Thủy mạt sở phiêu kinh (r02. 0106. 0501C08); s. 22.95 - m. 140. 35 A-tỳ-đà (,Ayujjhāya).



[0068c01] Khi ấy, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Ví như nước lớn sông Hằng cuộn lên, bọt nước theo dòng chảy mà tụ lại. Khi ấy, nếu có người sáng mắt quan sát và phân tích kỹ, khi quan sát và phân tích kỹ thì họ sẽ thấy chúng không có gì cả, không kiên cố, không thật và không có gì bền chắc. Vì sao như vậy? Vì trong nhóm bọt nước kia không có gì là chắc thật. Cũng vậy, những gì thuộc về sắc ở quá khứ, ở hiện tại, hoặc tương lai, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thồ hoặc tế, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc xa hoặc gan, nếu Tỳ-kheo quán sát, tư duy và phân th kỹ thì sẽ thấy chúng không thật, không kiên cố, như bệnh hoạn, như ung nhọt, như gai nhọn, như giết hại, chúng là vô thường, khô, không và vô ngã. Vì sao như vậy? Vì sác không có chác thật. Này các Tỳ-kheo! Ví như trời mưa lớn, bong bóng nước vừa nổi lên liền tan mất, người sáng mắt quan sát, tư duy, phân th kỹ; khi quan sát, tư duy và phân tích kỹ thì họ sẽ thấy chúng không có gì cả, không kiên cố, không thật và không có gì bền chắc. Vì sao như vậy? Vì bong bóng nước kia không có gì là chắc thật. Cũng vậy, những gì thuộc ve thọ ở quá khứ, ở hiện tại, hoặc tương lai, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần, nếu Tỳ-kheo quán sát, tư duy và phân tích kỹ thì sẽ thấy chúng không thật, không kiên cố? như bệnh hoạn, như ung nhọt, như gai nhọn, như giết hại, chúng là vô thường, khổ, không và vô ngã. Vì sao như vậy? Vì thọ không có chắc thật. Này các Tỳ-kheo! Ví như cuối xuân đầu mùa hạ không mây, không mưa, giữa trưa nắng gắt, sóng nắng chập chờn, người sáng mắt quan sát, tư duy, phân -J tích kỹ; lúc quan sát, tư duy và phân tích kỹ thì họ sẽ thây chúng không có gì cả, không kiên cô, không thật và không có gì bên chác. Vì sao như vậy? Vì sóng nắng kia không có gì là chắc thật. Cũng vậy, những gì thuộc về tưởng ở quá khứ, ở hiện tại, hoặc tương lai, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc tót hoặc xâu, hoặc xa hoặc gân, nêu Tỳ-kheo quán sát, tư duy và phân tích kỹ thì sẽ thay chúng không thật, không kiên cố, như bệnh hoạn, như ung nhọt, như gai nhọn, như giêt hại, chúng là vô thường, khô, không và vô ngã. Vì sao như vậy? Vì tưởng không có chắc thật. Này các Tỳ-kheo! Ví như người sáng mắt muốn tìm gỗ cứng chắc

nên cầm rìu bén vào rừng. Người này thấy một cây chuối thân ngay thẳng to lớn, liền đốn gốc, chặt đứt ngọn, tách hết bẹ ra thì thấy đều không có gì chắc thật. Khi ấy, người này quan sát, tư duy và phân tích kỹ; lúc quan sát, tư duy và phân tích kỹ rồi thì liền thấy cây chuối kia không có gì cả, không kiên cố, không thật và không có gì bền chắc. Vì sao như vậy? Vì cây chuối kia không có gì là chắc thật. Cũng vậy, những gì thuộc về hành quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần, nếu Tỳ-kheo quán sát, tư duy và phân tích kỹ thì sẽ thấy chúng không thật, không kiên cố, như bệnh hoạn, như ung nhọt, như gai nhọn, như giết hại, chúng là vô thường, khổ, không và vô ngã. Vì sao như vậy? Vì hành không có chắc thật.

QUYỂN 10  297

[0069a07] Này các Ty-kheo! Ví như nhà ảo thuật hay đệ tử nhà ảo thuật ở ngã tư đường doi bày các trò như quân voi, quân ngựa, quân xe và quân bộ... người trí sáng mắt quan sát, tư duy, phân tích kỹ; lúc quan sát, tư duy và phân tích kỹ rồi thì họ sẽ thấy chúng không có gì cả? không kiên cố, không thật và không có gì bền chắc. Vì sao như vậy? Vì sự huyễn hóa kia không chắc thật. Cũng vậy, những gì thuộc về thức ở quá khứ, ở hiện tại, hoặc tương lai, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần, nếu Ty-kheo quán sát, tư duy và phân tích kỹ thì sẽ thấy chúng không thật, không kiên cố, như bệnh hoạn, như ung nhọt, như gai nhọn, như giết hại, chúng là vô thường, khổ, không và vô ngã. Vì sao như vậy? Vì thức không có chắc thật. Bấy giờ, Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này, liền nói kệ: Quán sắc như bọt nước, Thọ như bong bóng nước, Tưởng như gợn sóng nang, Các hành như cây chuối, Các thức pháp như huyễn, Đây là lời Phật dạy.36 Tư duy thật cặn kẽ, Chánh niệm khéo quán sát, Chẳng thật, chẳng kiên c6, Chẳng có ta, thuộc ta. Nơi thân khổ ấm này, Đại trí nhận đinh rõ, Nếu xa lìa ba pháp,37 Thân thành vật bỏ đi. Thọ, hơi ấm và thức, Lìa đây thân phần khác, Vĩnh viễn vùi gò hoang, Như cây không thức, tưởng. Thân này thường như thế, Giả dối dụ người ngu, Như giết hại, gai độc, Không có gì bền chắc. Tỳ-kheo siêng tu tập, Quán sát ấm .thân này, __ — A ĩ

Đêm ngày thường chuyên nhát, Sông chánh trí buộc niệm, Hành hữu vi hằng dứt, Mãi tru chốn thanh lương. [0069b03] Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

266. ÁI BUỘC RÀNG36 37

38

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước

Xá-vệ.

_ r _

Bay giờ, The Ton bao các Ty-kheo:

Trong dòng sanh tử từ vô thỉ, chúng sanh bị vô minh che lấp, bị ái kiết buộc ràng, mãi chiu luân hồi mà không biết đâu là cội nguồn của khổ đau.

36 Nhật Chủng Tánh Tôn thuyết :Đấng Dòng Họ Mặt Trời đã nói. Dòng Họ Mặt Trời H ,Ādiccabandhu chỉ cho dòng tộc của đức Phật, ơ đây chỉ cho đức Phật. 37 Tam phtức thọ, hơi ấm và các thức āyu usmā ca viññānam. 38 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r02. 0099.266. 0069b04. Tham chiếu: s. 22.99 - III. 149.



CÓ một thời kỳ hạn hán kéo dài rất lâu, trăm thứ hoa màu, cỏ cây mọc trên mặt đất thảy đều khô héo. Nhưng này các Tỳ-kheo, nếu chúng sanh bị vô minh che lấp, bị ái kiết buộc ràng, mãi luân hồi sanh tử, không đoạn trừ ái kiết thì không thể chấm dứt khổ đau. Này các Tỳ-kheo! Có một thời kỳ hạn hán kéo dài rất lâu, nước trong biển lớn thảy đều khô cạn. Nhưng này các Tỳ-kheo, nếu chúng sanh bị vô minh che lấp, bị ái kiết buộc ràng, mãi luân hồi sanh tử, không đoạn trừ ái kiết thì không the chấm dứt khổ đau. Này các Tỳ-kheo! Có một thời kỳ rất lau xa, núi chúa Tu-di thảy đều sụp đổ. Nhung nếu chúng sanh bi vô minh che lấp, bị ái kiết buộc ràng, mãi luân hồi sanh tử, không đoạn trừ ái kiết thì không thể chấm dứt khổ đau. Này các Tỳ-kheo! Có một thời kỳ rất lâu, quả đất này thảy đều tan hoại. Nhưng nêu chúng sanh bị vô minh che lâp, bị ái kiêt buộc ràng, mãi luân hôi sanh tử, không đoạn trừ ái kiết thì không thể chấm dứt khổ đau. Này các Tỳ-kheo! Ví như con chó bi buộc vào cây cột, nếu sợi dây buộc kia không bị đứt thì nó cứ mãi xoay van tới lui quanh cây cột. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo! Chúng sanh mê muội không biết như thật về sắc, sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sắc, vị ngọt của sắc, sự tai hại của sắc và sự thoát ly sắc nên mãi bị xoay vân qua lại, chuyên vận theo sác. Cũng vậy, không biêt như thật vê thọ, tưởng, hành, thức, sự tập khởi của thức, sự diệt tận của thức, vi ngọt của thức, sự tai hại của thức và về sự thoát ly thức nên mãi bị xoay vần qua lại, chuyển vận theo thức. Này các Tỳ-kheo! Chúng sanh cứ chạy vòng quanh sắc, chạy vòng quanh thọ? chạy vòng quanh tưởng, chạy vòng quanh hành, chạy vòng quanh thức. Vì chạy vòng quanh sắc nên không thoát khỏi sắc. Vì chạy vòng quanh thọ, tưởng, hành, thức nên không thoát khỏi thọ, tưởng, hành, thức. Vì không thoát khỏi năm uẩn cho nên chẳng thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não. Vị Thánh đệ tử đa văn biết như thật về sắc, sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sắc, vị ngọt của sắc, sự tai hại của sắc và về sự thoát ly của sắc; biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức, sự tập khởi của thức, sự diệt tận của thức, sự tai hại của thức và sự thoát ly của thức cho nên không chạy vòng quanh theo thức. Vì không chạy vòng quanh theo chúng nên thoát khỏi sắc, thoát khỏi thọ, tưởng, hành, thức. Chính vì vậy mà Như Lai nói đó là thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***



267. KHÔNG BIÊT NHƯ THẬT39 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà5 thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Trong dòng sanh tử từ vô thỉ, chúng sanh bị vô minh che lấp, bị ái kiết buộc ràng, mãi chịu luân hồi mà không biết đâu là cội nguồn của khổ đau. Này các Tỳ-kheo! Ví như con chó bị buộc dây vào cây cột, vì sợi dây buộc không đứt nên nó chỉ xoay chuyển quanh cây cột, dù đứng hay nằm vẫn không thoát khỏi cây cột. Cũng thê, chúng sanh phàm phu

đôi với sác mà chăng xa lìa tham dục, chẳng xa lìa yêu thích, chẳng xa lìa nghĩ nhớ, chẳng xa lìa khao khát thì phải quanh quân nơi sác, chạy vòng quanh sác, dù đứng hay năm cũng chăng xa lìa sắc. Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức, quanh quẩn nơi thọ, tưởng, hành, thức, chạy vòng quanh thức, dù đứng hay nam cũng không thoát khỏi thức. Này các Tỳ-kheo! Hãy khéo tư duy quán sát tâm mình. Vì sao như vậy? Vì tâm luôn bi ô nhiễm bởi tham dục, sân hận và ngu si. Này các Tỳ-kheo! Vì tâm phiền não nên chúng sanh phiền não. Vì tâm thanh tịnh nên chúng sanh thanh tịnh. Này các Tỳ-kheo! Ta không thấy một sanh loại nào có sự đa dạng về sắc màu như loài chim nhiều màu sắc. Tâm còn phức tạp hơn the! Vì sao như vậy? Vì tâm của loài súc sanh kia có nhiều loại nên màu sắc của nó cũng đa dạng. Thế nên, Tỳ-kheo phải khéo tư duy quán sát tâm mình. Này các Tỳ-kheo! Tâm luôn ô nhiễm bởi các thứ tham dục, sân hận và ngu si. Vì tâm phiền não nên chúng sanh phiền não, vì tâm thanh tịnh nên chúng sanh thanh tịnh. Này các Tỳ-kheo! Các thầy có thấy loài chim Ta-lan-na có nhiều màu sắc không? Các Tỳ-kheo thưa: - Bạch Thế Tôn! Chúng con đã từng thấy. Phật nói với các Tỳ-kheo:  Như loài chim Ta-lan-na nhiêu màu sác, Ta nói tâm của nó cũng có nhiêu loại như thế. Vì sao như vậy? Vì chim Ta-lan-na có nhiều tâm nên chúng có nhiều màu sắc. Thế nên, các Tỳ-kheo phải khéo tư duy quán sát tâm mình, bởi tâm luôn ô nhiễm bởi tham dục, sân hận và ngu si. Tâm phiền não thì chúng sanh phiền não, tâm thanh tinh thì chúng sanh thanh tinh. Ví như người thợ vẽ hoặc học trò của người thợ vẽ khéo nhồi đất sạch, rồi dùng các thứ màu để vẽ lên đó nhiều loại hình tượng theo ý mình. Cũng vậy,

39 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.267. 0069c02). Tham chiếu: s. 22.100 - III. 151.



_ 9r > r này các Tỳ-kheo! Chúng sanh phàm phu mê muội không biêt như thật vê sac, sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sắc, vị ngọt của sắc, sự tai hại của sắc và sự thoát ly của sắc. Vì không biết như thật về sắc cho nên đã ưa thích và đắm trước sắc. Vì ưa thích và đắm trước sắc nên lại sanh ra các sắc ở tương lai. Cũng vậy, chúng sanh phàm phu mê muội không biêt như thật vê thọ, tưởng, hành, thức, về sự tập khởi của thức, sự diệt tận của thức, vị ngọt của thức, sự tai hại của thức và sự thoát ly của thức. Vì không biết như thật cho nên đã ưa thích và đắm trước vào thức. Vì ưa thích và đắm trước vào thức nên lại sanh ra các thức ở tương lai. Vì sẽ sanh ra các sắc, thọ, tưởng, hành, thức ở tương lai cho nên không thể thoát khỏi sắc, không thoát khỏi thọ, tưởng, hành, thức. Do đó, Như Lai nói chúng sanh ấy không thể thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não. [0070a03] Vị Thánh đệ tử đa văn biết như thật về sắc, sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sắc, vị ngọt của sắc, sự tai hại của sắc và sự thoát ly của sắc. Vì biết như thật về sắc cho nên không ưa thích và đắm trước sắc. Vì không ưa thích và đăm trước sac nên không sanh ra sac ở tương lai. Cũng vậy, vị áy biêt như thật về thọ, tưởng, hành, thức, về sự tập khởi của thức, sự diệt tận của thức, vị ngọt của thức, sự tai hại của thức và sự thoát ly của thức. Vì biết như thật cho nên không đam trước nơi thức. Vì không đam trước nên không sanh ra các thức ở tương lai. Đã không ưa thích và đắm trước sắc, thọ,

tưởng, hành, thức thì đối với sắc được giải thoát, đoi với thọ, tưởng, hành, thức được giải thoát. Cho nên, Như Lai nói họ giải thoát sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não. Đức Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

268. DÒNG SÔNG40 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giờ, The Ton bao các Ty-kheo: -Ví như có dòng sông bắt nguồn từ khe núi, đáy sông sâu, nước chảy xiết, nôi bọt tung tóe, cuôn trôi nhiêu thứ. Nhiều loại cây cỏ mọc ven hai bên bờ sông này cũng bị nước lớn cuốn nệễ rạp theo dòng trôi đi. Những người lội qua sông phan nhiều bị dòng nước cuốn trôi rồi chìm nghỉm trong nước. Nếu người nào gặp sóng xô đẩy dạt vào gần bờ, vội níu lấy cây cỏ ven bờ thì cây cỏ kia cũng lại bi giật đứt roi lại bi dòng nước cuốn phăng đi. Cũng vậy, này các Ty-kheo! Chúng sanh phàm phu mê muội không biết như thật ve sắc, sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sắc, vị ngọt của sắc, sự tai hại của

40 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.268. 0069c12). Tham chiếu: s. 22.93 - in. 137.



Sắc và sự thoát ly của sắc. Do khônẹ biết như thật cho nên ưa thích và đắm trước sắc, cho rằng sắc là ngã, đến khi sác kia tan hoại thì chúng sanh cũng tan hoại theo. Cũng vậy? không biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức, sự tập khởi của thức, sự diệt tận của thức, vị ngọt của thức, sự tai hại của thức và sự thoát ly của thức; do khôn^ biết như thật cho nên ưa thích và đắm trước nơi thức, cho rằng thức là ngã5 đen khi thức tan hoại thì chúng sanh cũng tan hoại theo. Nếu vị Thánh đệ tử đa văn biết như thật về sắc, sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của săc5 vị ngọt của săc5 sự tai hại của sác và sự thoát ly của sác, do biêt như thật nên không ưa thích, không đắm trước sắc. Biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức, sự tập khởi của thức, sự diệt tận của thức, vị ngọt của thức, sự tai hại của thức và sự thoát ly của thức, do biết như thật nên không ưa thích, không đắm trước nơi thức. Do không ưa thích và đắm trước như thế nên tự biết sẽ được Bát-niết-bàn: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

269. XA LÌA VÀ BUÔNG Bỏ41 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-dà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: —Hãy xa lìa và buôiiệ bỏ hết những pháp không phải của các thầy! Khi buông bỏ những pháp ây roi thì các thây sẽ luôn được an vui. Này các Tỳ-kheo! Những pháp nào là không phải của các thầy và phải nhanh chóng buông bỏ chúng? Đó là các pháp như sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều không phải của các thầy, cho nên các thầy phải xa lìa và buông bỏ. Khi buông bỏ các pháp ấy rồi, các thầy sẽ luôn được an vui. Ví như có người đến chặt cành, nhánh cây cối trong rừng Kỳ Hoàn mang đi, các thầy cũng không nên lo buồn. Vì sao như vậy? Vì cây cối kia chẳng phải là mình, cũng chẳng phải của mình! Như vậy, này các Tỳ-kheo! Những gì không phải của các thầy, các thầy hãy xa lìa và buông bỏ hết.

Khi buông bỏ hết rồi thì các thầy sẽ luôn được an vui. Những gì không phải là của các thầy? sắc không phải là của cấc thầy, cho nên các thày hãy xa lìa, hãy buông bỏ chúng. Khi buông bỏ chúng rồi, các thầy sẽ luôn được an vui. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức không phải là của các thầy, cho nên các thầy hãy nhanh chóng xa lìa và buông bỏ chúng. Khi buông bỏ các pháp ấy rồi, các thầy sẽ luôn được an vui.

41 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.269. 0070Ò01). Tham chiếu: s. 22.33 - III. 33; S. 22.34 -III. 34. •



Này các Tỳ-kheo! sắc là thường hay vô thường? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn, sắc là vô thường! Phật lại hỏi: Này các Tỳ-kheo! Vô thường là khổ chăng? Các Tỳ-kheo đáp: -BạchThế Tôn, là khổ! Phật bảo các Tỳ-kheo: Nếu vô thường, khổ là pháp thay đổi, vi Thánh đệ tử đa văn có nên ở trong đó thấy có ngã, khác ngã5 hoặc tồn tại trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo thưa: - Bạch Thế Tôn, không nên! Như vậy thọ, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường? Các Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn, là vô thường! -Vô thường là khổ chăng? Các Tỳ-kheo thưa: - Bạch Thế Tôn, là khổ! Phật bảo các Tỳ-kheo: -Nếu vô thường, khổ là pháp thay đổi, vi Thánh đệ tử đa văn có nên ở trong đó thấy có ngã, khác ngã, hoặc tồn tại trong nhau chăng? - Bạch Thế Tôn, không nên! Này các Tỳ-kheo! Cho nên, những gì thuộc về sắc ở quá khứ, ở tương lai . . hay hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tê, hoặc tót hoặc xâu, hoặc xa hoặc gân, tát cả đêu chăng phải là ngã, chăng khác ngã, chăng tôn tại trong nhau. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức ở quá khứ, ở tương lai hay hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần, tất cả đều chẳng phải ngã, chẳng khác ngã và chẳng tồn tại trong nhau. Vị Thánh đệ tử quán sát năm uẩn này chẳng phải là ta, chẳng phải của ta. Khi quán sát như vậy sẽ không còn nắm giữ, dính mắc đối với thế gian. Do vì không còn năm giữ, dính mác cho nên vị ây tự mình chứng ngộ Niêt-bàn: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***



270. QUÁN THUẦN THỤC vô THƯỜNG42 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giờ, The Ton bảo các Tỳ-kheo: Tu tập và tu tập thuần thục pháp quán tưởng vô thường sẽ đoạn trừ tát cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, trạo cử, kiêu mạn và vô minh. Ví như người làm ruộng, vào cuối mùa hạ đầu mùa thu phải cày sâu cuốc bẫm, làm sạch cỏ rác. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo! Tu tập và tu tập thuần thục phép quán tưởng vô thường sẽ đoạn trừ tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ải, trạo cử, kiêu mạn và vô minh. Này các Tỳ-kheo! Như người cắt cỏ, nắm đầu bụi cỏ nhấc lên rồi giũ mạnh xuống, khiến cỏ khô rụng hết và chỉ giữ lại cỏ tốt tươi. Cũng vậy, này các Tỳ- kheo! Tu tập và tu tập thuần thục phép quán tưởng vô thường sẽ đoạn trừ hết thảy dục ái, sắc ái, vô sắc ái, trạo cử, kiêu mạn và vô minh. Ví như quả xoài43 lơ lửng trên cây5 gặp gió mạnh thổi qua khiến nó phải rơi rụng. Cũng

vậy, tu tập và tu tập thuần thục phép quán tưởng vô thường sẽ đoạn trừ hét thảy dục ái, sác ái, vô sác ái? trạo cử, kiêu mạn và vô minh. Ví như ngôi nhà gác với nóc nhà vững chắc, làm chỗ nương tựa cho hết thảy cột kèo, níu giữ vững vàng không để rời rạc. Cũng vậy, tu tập và tu tập thuần thục phép quán tưởng vô thường sẽ đoạn trừ hết thảy dục ái, sắc ái, vô sắc ái? trạo cử, kiêu mạn và vô minh. Ví như trong tất cả dấu chân của chúng sanh, dấu chân voi là lớn hơn hết, vì nó có the chứa nhiều dấu chân khác. Cũng vậy, tu tập và tu tập thuần thục phép quán tưởng vô thường sẽ đoạn trừ hết thảy dục ái, sắc ái, vô sắc ái, trạo cử? kiêu mạn và vô minh. Ví như tất cả sông ngòi ở thế gian đều đổ ra biển lớn, biển này sâu rộng hơn hết vì nó hàm chứa tất cả. Cũng vậy, tu tập và tu tập thuần thục phép quán tưởng vô thường sẽ đoạn trừ hết thảy dục ái, sắc ái, vô sắc ái, trạo cử, kiêu mạn và vô minh. Ví như khi mặt trời xuất hiện, mọi bóng tối ở thế gian đều bị xua tan. Cũng vậy, tu tập và tu tập thuần thục phép quán tưởng vô thường sẽ đoạn trừ hết thảy dục ải, sắc ái, vô sắc ái, trạo cử, kiêu mạn và vô minh. Ví như Chuyên Luân Thánh Vương ở ngôi vị cao quý và uy quyên hơn hết so với các vua nước nhỏ. Cũng vậy, tu tập và tu tập thuần thục phép quán tưởng vô thường sẽ đoạn trừ hết thảy dục ái, sắc ái, vô sắc ái, trạo cử, kiêu mạn và vô minh.

42 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r.02. 0099.270. 0070c02. Tham chiếu: s. 22.102 - III. 155. 43 Am-la amba còn gọi là mang quả ,tức quả xoài.



Này các Tỳ-kheo! Tu tập và tu tập thuần thục phép quán tưởng vô thường như thê nào sẽ đoạn trừ được tất cả dục ái, sác ái, vô săc ái, trạo cử, kiêu mạn và vô minh? Đó là, Tỳ-kheo nên ở chô văng hoặc trong rừng cây roi khéo tư duy chân chánh, quán sát sắc là vô thường; thọ, tưởng, hành, thức cũng vô thường. Tư duy như thế sẽ đoạn trừ được tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, trạo cử, kiêu mạn và vô minh. Vì sao như vậy? Vì người quán tưởng vô thường cũng có thê quán tưởng vô nệã. Vị Thánh đệ tử an trú nơi pháp quán tưởng vô ngã, tâm sẽ xa lìa ngã mạn, lần lượt chứng đắc Niết-bàn. [0071a02] Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

271. TỲ-KHEO ĐỀ-XÁ44 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà9 thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tỳ-kheo Đe-xá cùng nhiều Tỳ-kheo khác tập hợp trong nhà ăn. Tỳ-kheo Đề-xá nói với các Tỳ-kheo: -Thưa các Hiền giả! Tôi không hiểu Chánh pháp và không thích tu Phạm hạnh nữa. Tôi chỉ ưa ngủ nghỉ và nghi ngờ Chánh pháp. Khi ấy, trong chúng có một Tỳ-kheo nghe như vậy liền đến chỗ Phật, cúi lạy sát chân Ngài rồi đứng sang một bên và thưa: - Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo Đề-xá nhân lúc chúng Tăng tập hợp nơi nhà ăn đã nói lên những lời như vầy: "Tôi không hiểu Chánh pháp và không thích tu Phạm hạnh nữa. Tôi chỉ ưa ngủ nghỉ và nghi ngờ Chánh phap." Phật nói với Tỳ-kheo:  Tỳ-kheo Đê-xá là người si mê, không gìn giữ các căn, ăn uông không tiết độ5 đầu đêm và cuối đêm không có tỉnh giác, giải đãi biếng nhác, không siêng năng tinh tấn, không khéo quán sát tư duy pháp thiện. Cho nên, đối với việc hiểu rõ Chánh pháp, thích tu Phạm hạnh, xa lìa ngủ nghỉ và không nghi ngờ Chánh pháp, Đề-xá không thể đạt được. Nếu Tỳ-kheo nào giữ gìn các căn, ăn uông tiết độ? đầu đêm và cuối đêm thường tỉnh giác, tinh tấn quán sát pháp thiện, đôi với việc

hiêu rõ Chánh pháp, ưa tu Phạm hạnh, xa lìa ngủ nghí, không nghi ngờ Chánh pháp nhất đinh sẽ đạt được. Bấy giờ, Thế Tôn bảo một Tỳ-kheo: -Thầy hãy đến nói với Tỳ-kheo Đề-xá rằng: "Đại sư truyền gọi thầy!" Tỳ-kheo bạch Phật: Xin vâng, thưa Thế Tôn!

44 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.271. 0071a04). Tham chiếu: s. 22.84 - III. 106.



Tỳ-kheo này cúi lạy sát chân Phật rồi đi đến chỗ E)ề-xá, bảo rằng: -Trưởng lão Đà-xá! Thế Tôn truyền gọi thầy. Đề-xá vâng lời, đi đến chỗ Phật, cúi lạy sát chân Ngài rồi đứng sang một bên. Bấy giờ, Thế Tôn hỏi Tỳ-kheo Đề-xá: Có thật thầy cùng với nhiều Tỳ-kheo tập hợp tại nhà ăn và thầy đã nói những lời như vầy: "Thua các Trưởng lão! Tôi không hiểu Chánh pháp và không thích tu Phạm hạnh nữa. Tôi chỉ ưa ngủ nghỉ và nghi ngờ Chánh ph9p" chăng? Đề-xá bạch Phật: -Đúng như vậy5 kính bạch Thế Tôn! Phật hỏi Đề-xá: Bây giờ Ta hỏi, thầy hãy trả lời theo ý mình. Ý thầy nghĩ sao? Nếu người nào đối với sắc mà không lìa tham, không lìa mong cầu, không lìa yêu mến, không lìa nhớ nghĩ, không lìa khao khát thì khi sắc ấy không còn hoặc đổi khác đi, người đó có khởi lên lo, buồn, khổ, não không? [0071b02] Đề-xá bạch Phật: -Thật có như vậy, kính bạch Thế Ton! Nếu đối với sắc mà không lìa tham, không lìa mong cau, không lìa yêu men, không lìa nhớ nghĩ, không lìa khao khát thì khi sắc ấy không còn hoặc đổi khác đi quả thật sẽ sanh lo, buồn, khổ, não. Bạch Thế Tôn! Thật là như thế, không thể khác. Phật bảo Đề-xá: -Lành thay! Lành thay! Này Đề-xá! Với người chưa lìa tham dục đối với sắc, quả đúng như vậy. Này Đề-xá! Người nào đối với thọ, tưởng, hành, thức mà chẳng lìa tham, chẳng lìa mong cầu, chẳng lìa yêu mến, chẳng lìa nhớ nghĩ, chẳng lìa khao khát thì khi thọ, tưởng, hành, thức ấy không còn hoặc đổi khác đi, họ có khởi lên lo, buồn, khổ, não không? Đề-xá bạch Phật: Thật có như vậy, bạch Thế Tôn! Nếu đối với thọ, tưởng, hành, thức mà không lìa tham, không lìa mong cầu, không lìa yêu mến, không lìa nhớ nghĩ, không lìa khao khát thì khi thọ, tưởng, hành, thức ấy không còn hoặc đổi khác đi quả thật sẽ sanh lo, buồn, khổ, não. Bạch Thế Tôn! Thật là như thế, không thể khác. Phật bảo Đề-xá: Lành thay! Lành thay! Với người chưa lìa tham dục đối với thức, quả đúng như vậy. Phật hỏi Đề-xá: Ý thầy nghĩ sao? Nếu người nào đối với sắc mà không còn tham, không còn mong cầu, không còn yêu mến, không còn nhớ nghi, không còn khao khát thì khi sắc ấy tan hoại hoặc đổi khác đi, họ có sanh ra lo, buồn, khổ, não không?



Đề-xá bạch Phật: - Thưa không, kính bạch Thế Tôn! Thật đúng như vậy! Ý thầy thế nào? Người nào đối với thọ, tưởng, hành, thức mà không còn tham, không còn mong cầu, không còn yêu men, không còn nhớ nghĩ, không còn khao khát thì khi thọ, tưởng, hành, thức ấy tan hoại hoặc đổi khác đi, họ có sanh ra lo, buồn, khổ, não không? Đề-xá bạch Phật: Thưa không, bạch Thế Tôn! Thật đúng như vậy, không thể khác được. Phật bảo Đề-xá: Lành thay! Lành thay! Này Đề-xá! Bây giờ, Ta sẽ nói ví dụ, người trí nhờ ví

dụ mà được hiểu. Ví như hai người cùng đi trên đường, một người biêt đường đi và một người không biêt. Người không biêt nói với người biêt đường: "T6i muốn đến thành kia, thôn kia, làng kia, hãy chỉ đường giúp tôi đến d6!" Người biết đường đi liền chỉ cho người kia: "Anh đi theo con đường này rồi sẽ thấy hai con đường ở phía trước, bỏ con đường bên trái, đi theo con đường bên phải, sau đó gặp một cái hố sâu và một dòng nước lớn; lại bỏ con đường bên trái, theo con đường bên phải sẽ gặp một khu rừng; lại bỏ con đường bên trái, theo con đường bên phải, anh cứ như thế mà từ từ đi về phía trước sẽ đến thành kia." Phật lại bảo Đề-xá: -Ví dụ này có nghĩa như vay: Người không biết đường ví cho kẻ phàm phu si mê? người biết đường ví cho Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Hai con đường phía trước là chỉ cho sự hoài nghi của chúng sanh. Con đường bên trái dụ cho ba pháp bất thiện là tham dục, sân hận, não hại;45 con đường bên phải chỉ cho ba pháp thiện là xa lìa tham dục, không sân hận, không não hại.46 Đi đường bên trái là dụ cho tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm và tà định. Đi đường bên phải là chỉ cho chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Hầm hố và dòng nước lớn là chỉ cho sự sân hận cùng các chướng ngại và các nỗi lo buồn. Rừng cây là chỉ cho năm loại dục. Thành đô là dụ cho Niết-bàn. [0071C07] Phật lại bảo Đề-xá: Này Đề-xá! Như Lai là bậc Đại sư, những gì cần làm cho đệ tử đã làm xong, mọi việc cần làm đều đã làm. Như hôm nay, vì lòng thương xót mà đem đên sự lợi ích, sự an lạc cho thây. Bây giờ, thây nên làm việc phải làm, hãy đến

45 Nguyên tác: Tham, khuê, hại giác ().Đây còn gọi là 3 bất thiện tầm, gồm: (i) Dục tầm (kāmavitakka) là những suy nghi liên hệ đến dục lạc; (ii) Sân tam (byāpādavitakka) la những suy nghĩ liên hệ đến sân hận; (iiĩ) Hại tam (yihimsãvitakkà) là nhưng suy nghi ắc độc, mưu hại chúng sanh. 46 Cũng gọi là 3 thiện giác, chỉ cho 3 loại thiện giác dùng để đối trị 3 loại ác giác, đó là: (i) Ly đúc giác (cũng gọi xuất giác): Dùng đê đôi trị dục giác; (ii) Vô khuê giác (cũng gọi vô sân giác): Dùng để đoi trị sân giác; (iii) Vô hại giác: Dùng đê đối trị hại giác.



bên gốc cây, hoặc chỗ đất trống, hoặc trong hang núi, trải cỏ làm tòa ngồi, khéo chánh niệm tư duy, tinh cần tu tập, chớ buông lung, đừng để sau này phải hối hận. Đó là những điều hôm nay Ta dạy thầy. Bây giờ, Tỳ-kheo Đê-xá nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

272. MỤC ĐÍCH XUẤT GIA47 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, trong chúng xảy ra một việc tranh cãi nhỏ, Thế Tôn liền quở trách các Tỳ-kheo. Sáng sớm, Phật đắp y, ôm bát vào thành khất thực. Thọ thực xong, Ngài ra khỏi thành, thu dọn y bát, rửa chân rồi vào rừng An-đà, đến ngồi bên một gốc cây, lặng lẽ tư duy, khởi niệm như vầy: "Trong chúng có tranh cãi nhỏ, Ta đã quở trách các Tỳ-kheo9 nhưng trong đó có nhiều Tỳ-kheo trẻ tuổi, xuất gia chưa bao lâu, nếu không thấy Đại su, họ sẽ khởi tâm hối hận, lo buồn không vui. Ta đã luôn có lòng thương xót các Tỳ-kheo, bây giờ cũng sẽ vì lòng thương xót mà trở về để thu nhiếp đồ chúng." Khi ấy, Đại Phạm thiên vương biết được suy nghĩ của

Phật, liền trong khoảnh khắc như lực sĩ duỗi cánh tay, biến mất từ cõi Phạm thiên rồi đến trước Phật và thưa:  Bạch Thế Tôn! Thật đúng như vậy. Bạch Thiện Thệ! Thật đúng như vậy. Ngài đã quở trách các Tỳ-kheo vì có việc tranh cãi nhỏ, nhưng trong sô đó lại có nhiêu Tỳ-kheo còn nhỏ tuôi, xuất gia chưa bao lâu, nêu không thây Đại sư, họ sẽ khởi tâm hối hận, lo buồn không vui. Thế Tôn luôn có lòng thương xót nhiếp thọ chúng Tăng. Thật hay thay! Bạch Thế Tôn! Bây giờ, xin Ngài hãy trở về để thu nhiếp các Tỳ-kheo. Đức Phật cảm kích tấm lòng chân thành của Phạm thiên nên im lặng nhận lời. Bấy giờ, Đại Phạm thiên vương biết Thế Tôn đã nhận lời liền đảnh lễ và nhiễu quanh ba vòng bên phải rồi biến mất. [0072a01] Đại Phạm thiên vương vừa đi khỏi, đức Thế Tôn liền trở về vườn Cáp Cô Độc? trong rừng Kỳ-đà, trải tọa cụ ngôi ngay thăng, hiện các tướng vi diệu, khiến cho các Tỳ-kheo bớt e ngại khi đến gặp Ngài. Các Tỳ- kheo đi đến chỗ Phật với dáng vẻ đầy hổ thẹn. Họ cúi lạy sát chân Phật rồi ngồi sang một bên.

47_Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.272. 0071 c 14). Tham chiếu: Chỉ biên kinh  (roi. 0026.140.0647al 5); s. 22.80-III. 91.

308  KINH TẠPA-HÀM

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo: -Người xuất gia mim sinh thấp kém, cạo bỏ râu tóc, ôm bát xin ăn từng nhà, giống như kẻ bi nguyền rủa.48 Sở dĩ chấp nhận đời sống như vậy vì muốn mong câu mục đích tôi thượng; vì muôn thoát khỏi sanh, già, bệnh, chét, lo, buồn, khổ, não; vì muốn vượt thoát hoàn toàn kho đau. Này các thiện nam! Các thầy không phải bị vua ép buộc hay bị giặc sai sử, không phải vì mắc nợ người, không phải vì sợ hãi, không phải vì mất nguồn sống mà xuất gia. Vậy có phải các thầy vì muốn giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não mà xuất gia chăng? Các Tỳ-kheo bạch Phật: - Kính bạch Thế Tôn! Chúng con thật vì mục đích ấy. Phật nói với các Tỳ-kheo: -Các thầy vì mục đích cao thượng này mà xuất gia, vậy thì tại sao ở trong chúng đây vẫn còn có kẻ phàm phu mê muội phát khởi tham dục, đam nhiễm quá độ5 sân hận, hung hăng, biếng nhác, thấp hèn, mất chánh niệm, không đinh tĩnh, các căn mê loạn? Ví như người từ chỗ tối vào chỗ tối, từ chỗ u ám vào chỗ u ám, từ hầm phân đi ra rồi rơi lại hầm phân, lấy máu rửa máu, xa lìa việc ác rồi lại tìm lấy việc ác. Ta nói ví dụ này là vì Tỳ-kheo phàm phu mê muội cũng giống như thế. Lại ví như củi thiêu đốt tử thi rồi vứt bỏ trên gò mả thì người kiếm củi Q r cũng chăng màng nhặt lây. Ta nói ví dụ này là vì Tỳ-kheo phàm phu mê muội phát khởi tham dục, đắm nhiễm quá độ, sân hận, hung hăng, biếng nhác, thấp hèn, mất chánh niệm, không định tĩnh, các căn tán loạn cũng giống như thế. Này các Tỳ-kheo! Có ba niệm bất thiện. Những gì là ba? Đó là niệm tham, niệm sân và niệm hại. Ba niệm này đều do tưởng mà khởi. Thế nào là tưởng? Tưởng có rất nhiều loại, là tưởng tham, tưởng sân, tưởng hại, v.v... Các niệm bất thiện đều từ đây mà sanh. Này các Tỳ-kheo! Có tưởng tham, tưởng sân, tưởng hại, niệm tham, niệm sân, niệm hại và vô số những pháp bất thiện khác. Vậy làm the nào đe diệt sạch chúng hoàn toàn? Phải buộc tâm nơi bốn niệm xứ, trụ tâm nơi Vô tướng tam-muội để tu tập và tu tập thuần thục, pháp xấu, bất thiện từ đó mới được diệt sạch hoàn toàn. Được diệt sạch hoàn toàn, diệt sạch vĩnh viễn chính là nhờ pháp này vậy. Người thiện nam, người thiện nữ nào có niềm tin và ưa thích đời sống xuất gia nên tu tập Vô tướng

tam-muội. Tu tập và tu tập thuần thục rồi sẽ an trụ nơi cửa bất tử, cho đến hoàn toàn được Niết-bàn bất tử.

4 Nguyên tá'.Tham chiếu: y 22.80 - HI. 91: Antamidam,
bhikkhave, jīvikānam yadidam pindolyarn (Này các Tỷ-kheo, đây là nghề sinh sống hèn hạ nhát, tức là nghê khát thực), HT. Thích Minh Châu dịch. Xem thêm Chỉ biên kinh (ro]. 0026.140. 0647al8): Trong những cách mưu sinh thấp kém nhất, tận cùng nhất, gọi là thực hành khất thực. Thê gian thật sự rat kiêng ky, gọi là "kđầu trọc, ôm bát mà di”(. :



y r r Ta không cho rang Niêt-bàn bát tử này đạt được là nhờ nương tựa vào ba kiến chấp. Là ba kiến chấp nào? Có một loại kiến chấp thấy như vầy và nói như vầy: "Mạng chính là thân.,, Lại có kiến chấp thấy như vay: "Mạng khác thân khAc." Lại có kiến chấp: "Sắc là ngã, không hai không khác, thường còn không thay đổi.** Vị Thánh đệ tử đa văn tư duy như vày: "Trong thế gian có một pháp nào mà khi chấp thủ không dẫn đến sai lầm kh6ng?“ Tư duy như vậy rồi vị áy không thấy một phấp nào mà khi chấp thủ không dẫn đến sai lầm: "N§u ta chấp thủ sắc thì có lỗi lầm; nếu chấp thủ thọ, tưởng, hành, thức thì có lỗi lầm/5 Biết như vậy rồi, đối với các pháp ở thế gian không còn chấp thủ, đã không chấp thủ, tự mình chứng ngộ Niêt-bàn: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." [0072bl0] Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. * Kệ tóm tắt: Ưng thuyết, Tiểu thổ đoàn, Bào mạt, Nhị vô tri, Hà lưu, Kỳ lâm, Thọ, Đề-xá trách, Chư tưởng.49

49r Nguyên tác Nhiếp tụng:„q„;.Đây là kệ tóm tắt ten 10 bài
kinh, từ kinh số 263-272. Do đặt lại tựa đề nên Nhiếp tụng không trùng với tên kinh. Bản Hán, hét quyển 10.



QUYỂN 11 273. VÍ DỤ TIẾNG vỏ CỦA HAI BÀN TAY1 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo một mình ở chỗ vắng, tư duy như vầy: "Thế nào là ngã? Ngã tạo ra gì? Những gì là ngã? Ngã trụ vào dâu?" Sau đó5 vi ấy xả thiền, đi đến chỗ Phật, cúi lạy sát chân Ngài rồi đứng sang một bên và thưa:  Bạch Thế Tôn! Con một mình ở chỗ vắng tư duy thế này: "Thế nào là ngã? Ngã tạo ra gì? Những gì là ngã? Ngã trụ vào d2u?" Phật nói với Tỳ-kheo:  Bây giờ, Ta sẽ nói cho thầy nghe về hai pháp, hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Là hai pháp nào? Mắt và sắc là hai, tai và tiếng là hai, mũi và mùi là hai, lưỡi và vị là hai, thân và xúc là hai, ý và pháp là hai. Đó gọi là hai pháp. Này Tỳ-kheo! Nêu có người nói: "Hai pháp mà Sa-môn Cù-đàm nói đó chẳng phải là hai. Nay tôi bỏ hai pháp ấy và lập lại hai pháp khác." Nhưng người này chỉ nói suông, khi hỏi đến thì không biết, chỉ tăng thêm nghi ngờ, vì đây chẳng phải là cảnh giới của họ. Tại sao? Vì mắt duyên với sắc mới sanh ra nhãn thức. [0072c02] Này Tỳ-kheo! Đôi mắt ấy là một khối thịt, ở bên trong, do nhân duyên, thể rắn, là chỗ tiếp nhận, đó là yếu tố địa đại bên

trong đôi mắt thịt. Này Tỳ-kheo! Đôi mắt thịt ấy, ở bên trong, do nhân duyên, nước mắt tươm ra, là chỗ tiếp nhận, đó là yếu tố thủy đại bên trong đôi mắt thịt. Này Tỳ-kheo! Đôi mắt thịt ấy, ở bên trong, do nhân duyên, hơi ấm toát ra, là chỗ tiếp nhận, đó là yếu tố hỏa đại bên trong đôi mắt thịt. Này Tỳ-kheo! Đôi mắt thịt ấy, ở bên trong, do nhân duyên, chuyển động nhẹ nhàng, là chỗ tiếp nhận, đó là yếu tố phong đại bên trong đôi mắt thịt. Này Tỳ-kheo! Ví như vỗ hai bàn tay vào nhau sẽ phát ra âm thanh. Cũng vậy, mắt duyên sắc sanh ra nhãn thức, ba yếu tố này hòa hợp gọi là xúc, xúc

1 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.273. 0072Ò20). Tham chiếu: s. 35.92 - IV. 67; 5. 35.93 - iv. 67.

QUYỂN If 311

sanh ra thọ, tưởng, tư. Các pháp này đều chẳng phải ngã, chẳng thường hằng, là cái ngã vô thường, không lâu dài, chẳng an ổn? là cái ngã đổi thay. Vì sao như vậy? Này Tỳ-kheo! Vì đó là ph dẫn đến tái sanh như sanh, già, chết và hoại diệt. Này Tỳ-kheo! Các hành như trò huyễn thuật, như sóng nắng, nhanh chóng hoại diệt trong từng sát-na, không thật đến, không thật đi. Thế nên, này Tỳ-kheo! Đoi với tánh không của các hành23cần nên biết, nên hoan hỷ, nên nghĩ nhớ, rằng: "Tánh không của các hành là thường, là hằng, là tồn tại, là pháp không thay đổi, là không có ngã và ngã s&."3 Ví như một người có mắt sáng, tay cầm đèn sáng đi vào căn nhà trống rồi ở trong căn nhà trống đó mà quán sát. Cũng vậy, này Tỳ-kheo! Đối với tánh không của các hành, tâm quán sát, hoan hỷ9 rằng tánh không của các hành là thường, là hang, là ton tại, là pháp không thay đổi, là không có ngã và ngã sở. r Cũng như mat, với tai, mũi, lưỡi, thân và ý với pháp, nhân duyên sanh ra ý thức, ba thứ này hòa hợp gọi là xúc, xúc sanh ra thọ, tưởng, tư. Các pháp này là vô ngã, vô thường... cho đến không có ngã, ngã sở. Này Tỳ-kheo! Ý thầy nghĩ sao? Mắt là thường hay vô thường?  Bạch Thế Tôn, là vô thường! Phật lại hỏi: - Nếu vô thường là khổ chăng? Tỳ-kheo thưa: - Bạch Thế Tôn, là khổ! Phật lại hỏi: - Nếu vô thường và khổ là pháp thay đổi, vị Thánh đệ tử đa văn có nên ở trong ấy thấy là ngã, khác ngã, hoặc tồn tại trong nhau chăng? Tỳ-kheo thưa: -Bạch Thế Tôn, không nên!  Với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng giống như vậy. Quán chiếu như vậy, vị Thánh đệ tử đa văn đối với mắt sanh nhàm chán, vì nhàm chán nên không ưa thích, không ưa thích thì được giải thoát, giải thoát tri kiến: uSự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh.^, Đối với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng sanh nhàm chán như the.

2 Nguyên tác: Không chư hành Bản tánh của các hành vốn là không. Tham chiếu: Trung luận r.30. 1564.02. 0017ỒỒ08: Vì sao biết được tất cả các hành đều là nghĩa không? Đáp: Tát cả các hành thực chất hư vọng cho nên là không. Các hành sanh diệt khôngrdừng nghỉ, không tự tánh dio nên là không. Các hành là tên gọi ngũ ấm, vì từ hành mà sanh nên ngũ ấm được gọi là hành :,.,.

Nguyên tác:.C6 khả năng dư chữ "kh6ng”,vì ở đoạn kế tiếp lại ghi: 3 Wĩ.

Bấy giờ, Tỳ-kheo ấy nghe Phật thuyết Kinh ví dụ tiếng vỗ của hai bàn tay xong, một mình đến chỗ vắng, chuyên tâm tư duy, sông không buông lung... (cho đến) tự biết không còn thọ thân sau, trở thành A-la-hán. ***

274. HẠNH BUÔNG Bỏ4 _ Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-dà, thuộc nước Xá-vệ. __ Ạ rr^i A rr^ A 1_ 9 A 1 L _ Bây giơ, The Ton bảo các Ty-kheo: -Những gì không phải của các thầy, các thầy nên buông bỏ, buông bỏ hết những pháp đó rồi, các thầy sẽ luôn được an vui. Này các Tỳ-kheo! Ý các thầy thế nào? ở trong rừng Kỳ Hoàn này có các loài cỏ cây, cành, lá, nếu có người đên lây di, các thây có nghĩ răng: "Những vật này là của ta, sao người kia lại tự ý đến lấy đi vay?" Các Ty-kheo đáp: Bạch Thế Tôn! Chúng con không nghĩ thế. Vì sao như vậy? Vì những vật ấy chẳng phải là ta, chẳng phải của ta. Phật dạy: -Tỳ-kheo các thây cũng lại như vậy! Đôi với vật không phải của mình thì phải buông bỏ hết, buông bỏ những pháp này rồi, các thầy sẽ luôn được an vui. Những gì không phải là của các thầy? Đó là mắt, mắt không phải của các thầy, các thầy phải buông bỏ, buông bỏ pháp ấy rồi các thầy sẽ luôn được an vui. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thế. Thế nào, này các Tỳ-kheo! Mắt là thường hay vô thường? Các Tỳ-kheo đáp: - Bạch Thế Tôn? là vô thường! Phật lại hỏi: -Vô thường là khổ chăng? Các Tỳ-kheo thưa: -Bạch Thế Tôn, là khổ! Phật lại hỏi: -Nếu vô thường và khổ là pháp thay đổi, vị Thánh đệ tử đa văn có nên ở trong đó thấy là ngã, khác ngã, hoặc tồn tại trong nhau chăng?

4 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.274. 0073a02). Tham chiếu: Tạp.(02. 0099.269. 0070001); s. 22.33 - III. 33; s. 22.34 -III. 34; s. 35.101 - IV. 8ly 35.102 -IV. 82; í 35.138 -IV. 128; S. 35.139 -IV. 129.



Các Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn, không phải vậy! Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thế. Vị Thánh đệ tử đa văn đối với sáu nhập xứ này phải quán sát là chẳng phải ta, chẳng phải của ta. Quán sát như thế rồi, các thầy đối với các pháp thế gian không còn chấp thủ, nhờ không chấp thủ nên không đắm trước, do không đắm trước nên tự mình chứng đắc Niết-bàn: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

275. TỲ-KHEO NAN-ĐÀ5 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Có người nói: "Nguôi được sức mạnh nhất chỉ có Nan-da?9 Đây là lời nói đúng. Hoặc có người nói: "Người khôi ngô tuấn tú nhất chỉ có Nan-da.99 Lời nói này cũng không sai. Lại có người nói: "Người ái dục nặng nhất chỉ có Nan-da?9 Nói vậy cũng rất đúng. Này các Tỳ-kheo! Thế nhưng, hiện nay, Nan-đà đã đóng hết các căn, ăn uống tiết độ? đầu đêm và cuối đêm chuyên cần tu tập, thành tựu chánh trí, có thể sống trọn đời thanh tịnh, Phạm hạnh trong sạch. Do Tỳ-kheo Nan-đà đóng kín các căn nên khi mát thây sác không năm giữ tướng của sắc, không nắm giữ tướng riêng tốt đẹp.6*Nếu nhãn căn không được

phòng hộ kỹ càng, bị vô minh ngăn che và tham luyến the gian thì phải phát khởi các sự phòng hộ, không cho tham ái, pháp ác, bất thiện lọt vào tâm để phòng hộ nhãn căn. Tai, mũi, lưỡi, thân và ý căn cũng sanh khởi các sự phòng hộ. Đó gọi là Tỳ-kheo Nan-đà đóng kín các căn. [0073b05] An uống tiết độ nghĩa là, đối với sự ăn uống, Tỳ-kheo Nan-đà luôn nghĩ rằng: "Không vì tự cao, không vì buông lung, không tham đắm mùi vị, không bồi bổ thân thể, chỉ ăn vừa đủ nuôi thân, không kể ngon dở, cốt trừ đói khát, để tu Phạm hạnh; vì để những cảm thọ khổ đã khởi thì được diệt trừ,

5 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.275. 0073a22). Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.1066.Ồ277a09j; Biệt Tạp.•(02. 0100.6. 0375al9); A. 8.9 - IV. 166. 6 Nguyên tác: Bất thủ sắc tướng, bất thủ tùy hình hảo (Tham chiếu: Tạp. (T.02. 0099.1165. 0311bl0): Mạc thủ sắc tướng, mạc thủ tùy hình hảo ().Xem thêm S. 35.127 -,IV. 110: Cakkhunā rūparn disvā mã nimittaggāhino ahuvattha, mānubyañjanaggāhino (Sau khi mắt thấy sắc, chớ có nắm giữ tướng chung, chớ có năm giữ tướng riêng), HT. Thích Minh Châu dịch.



những cảm thọ chưa khởi thì khiến nó không khởi; vì để thành tựu được ý chí cao thượng, vì khí lực an ổn, sống không lỗi lầm. Ví như người chạy xe phải bôi dầu mỡ vào xe, chứ không phải vì tự cao5... (cho đến) vì để trang nghiêm mà cốt yếu là vì việc chuyên chở. Lại ví như người bôi thuốc vết thương, không phải vì thích mùi thuốc mà chính vì muốn hết đau nhức. Cũng vậy, thiện nam Nan-đà ăn uống biết tiết độ cho đến sống không lỗi lầm, đó gọi là Nan-đà biết ăn uông chừng mực. Thiện nam Nan-đà kia đầu đêm, cuối đêm chuyên cần tu tập ra sao? Là Nan-đà kia ban ngày thì kinh hành, tọa thiền để trừ bỏ ám chướng giúp thân được thanh tịnh; đâu đêm kinh hành, tọa thiên nhăm trừ bỏ ám chướng, đê cho thân được thanh tịnh; nửa đêm ra ngoài phòng rửa chân roi vào thát năm nghiêng bên phải, hai chân chồng lên nhau, buộc niệm vào tưởng ánh sáng, tâm nghĩ đến lúc thức dậy; cuối đêm từ từ thức giấc, từ từ khởi thân, rồi kinh hành, tọa thiền. Đó gọi là thiện nam Nan-đà đầu đêm đến cuối đêm chuyên cần tu tập. Thiện nam Nan-đà thành tựu chánh niệm tỉnh giác thê nào? Là thiện nam Nan-đà quán sát phương Đông, nhất tâm chánh niệm, an trú quán sát. Đối với các phương Nam, phương Tây, phương Băc cũng nhát tâm chánh niệm, an trú quán sát như vậy. Nhờ quán sát như thế cho nên các pháp ác, bất thiện, tham luyên thê gian không lọt vào tâm. Thiện nam Nan-đà nhận biêt rát rõ lúc sanh khởi, lúc an trụ hoặc lúc hoại diệt của các thọ, luôn an trú chánh niệm, không đê tâm tán loạn; nhận biêt rát rõ lúc sanh khởi, lúc an trụ hoặc lúc hoại diệt của các tưởng, luôn an trú chánh niệm, không để tâm tán loạn; nhận biết rất rõ lúc sanh khởi, lúc an trụ hoặc lúc hoại diệt của các tư, luôn an trú chánh niệm, không để tâm tán loạn. Đó gọi là thiện nam Nan-đà thành tựu chánh niệm tỉnh giác. Vì vậy, này các Tỳ-kheo! Nên học thế này: Đóng kín cửa các căn như thiện nam Nan-dà, ăn uống tiết độ như thiện nam Nan-đà, đầu đêm và cuối đêm chuyên cần tu tập như thiện nam Nan-đà? thành tựu chánh niệm tỉnh giác như thiện nam Nan-đà. Như pháp đã truyền dạy cho Nan-đà, truyền dạy cho người khác cũng nên như thế. [0073c04] Khi ấy, có vị Tỳ-kheo nói kệ rằng: Khéo đóng cửa các

căn, Nhiếp tâm, trụ chánh niệm, Ăn uống biết tiết độ5 Nhận biết các tâm tưởng, Bậc thiện nam Nan-đà? Được Thế Tôn khen ngợi. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

QUYỂN 11  315

276. TỲ-KHEO NAN-ĐÀ THUYẾT PHÁP7 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ, chúng Tỳ-kheo-ni thuộc hàng đệ tử lớn cư ngụ trong ngự viên nước Xá-vệ. Tên các Tỳ-kheo-ni ấy là Thuần-đà, Dân-đà? Ma-la-bà? Ba-la-giá- la, A-la-tỳ-ca? Sai-ma, Nan-ma, Cát-ly-xá Cù-đàm-di, Liên Hoa sắc, Ma-ha Ba-xà-ba-đề và một số Tỳ-kheo-ni khác. Khi ây, Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đê cùng năm trăm Tỳ-kheo-ni tuân tự trước sau đi đến chỗ Phật, cúi lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Thế Tôn liền vì Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích le, khiến cho hoan hỷ. Sau khi bằng nhiều cách thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ xong, Thế Tôn cho phép họ ra về nên bảo rằng: í4Tỳ-kheo-ni! Đã đến lúc nên trở về." Sau khi nghe pháp, Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề hoan hỷ và tùy hỷ? liền đảnh lễ rồi ra về. Sau khi biết Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề đã ra về, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:  Ta nay đã già yếu, không thể vì các Tỳ-kheo-ni mà thuyết pháp nữa. Tỳ- kheo-tăng các thầy hiện đã là bậc Thượng tọa, đầy đủ đức hạnh phải nên giảng dạy cho các Tỳ-kheo-ni. Các Tỳ-kheo vâng lời Thế Tôn dạy, theo thứ lớp đến giảng dạy cho các Tỳ-kheo-ni. Cứ thế, lần lượt đến phiên Nan-đà nhưng thầy ấy không muốn đi. Bay giờ, Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề cùng năm trăm Tỳ-kheo-ni tuần tự trước sau đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy sát chân Ngài (cho đến) nghe pháp xong, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ Phật rồi ra về. [0074a02] Thế Tôn biết Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề đã ra về, liền hỏi Tôn giả A-nan: -Theo thứ tự, hôm nay đến phiên ai giảng dạy giáo pháp cho các Tỳ-kheo-ni? Tôn giả A-nan bạch Phật:  Bạch Thế Tôn! Các Thượng tọa đã lần lượt đến giảng dạy Tỳ-kheo-ni rồi, hôm nay tới phiên Nan-đà5 nhung Nan-đà không muốn làm giáo thọ. Thế Tôn bảo Nan-đà: -Thầy hãy giảng dạy các Tỳ-kheo-ni, vì các Tỳ-kheo-ni mà nói pháp. Vì sao như vậy? Vì Ta đã đích thân giảng dạy các Tỳ-kheo-ni nên thầy cũng phải như vậy. Ta đã vì các Tỳ-kheo-ni mà nói pháp nên thầy cũng phải như thế.

7 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02.0099.276.0073c09). Tham chiếu: M. 146, Nandakovãda Sutta (Kinh giảo giới Nandakà).

316 > KINH TẠP A-HÀM

LÚC ấy, Nan-đà im lặng vâng lời. Sáng hôm sau, Nan-đà đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Thọ trai xong, Nan-đà trở về tinh xá, xếp cất y bát, rửa chân rồi vào thất tọa thiền. Sau khi tọa thiền, Nan-đà khoác y Tăng-già-lê, cùng với một Tỳ-kheo đi đến ngự viên. Các Tỳ-kheo-ni từ xa trông thấy Tôn giả Nan-đà đến, vội vàng trải tòa, mời Tôn giả ngồi. Tôn giả Nan-đà an tọa xong, các Tỳ-kheo-ni cúi đầu đảnh lễ rồi ngồi sang một bên. Tôn giả Nan-đà nói với các Tỳ-kheo-ni:  Thưa quý cô! Quý co nên hỏi tôi, tôi sẽ vì quý cô mà noi pháp. Quý cô hiểu rồi, xin nói đã hiểu; nếu không hiểu, nên nói là không hiểu. Những nghĩa lý tôi nói ra, nếu đã hiểu, hãy khéo thực hành; nếu không hiểu phải

hỏi lại, tôi sẽ sẵn sàng giảng giải. Các Tỳ-kheo-ni thưa với Tôn giả Nan-đà: Chúng con hôm nay được nghe Tôn giả dạy, còn cho phép chúng con hỏi. Tôn giả bảo chúng con: "Quý cô nếu chưa hiểu thì phải hỏi, hiểu rồi xin nói đã hiểu, không hiểu thì nói là không hiểu. Những nghĩa lý tôi nói ra, nếu đã hiểu, hãy khéo thực hành; nếu không hiểu phải hỏi lại, tôi sẽ sẵn sàng giảng giai?9 Chúng con nghe được điều này trong lòng rất vui mừng. Hôm nay, nếu có nghĩa lý nào chưa hiểu, chúng con sẽ hỏi. Bấy giờ, Tôn giả Nan-đà nói với các Tỳ-kheo-ni: Quý cô quán sát thấy thế nào? Nhãn căn89là ngã, khác ngã, hoặc tồn tại trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo-ni đáp: -Thưa Tôn giả, không phải vậy! Căn của tai, mũi, lưỡi, thân và ý là ngã, khác ngã, hoặc tồn tại trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo-ni đáp: Thưa Tôn giả, không phải vậy! Vì sao như thế? Thưa Tôn giả Nan-đà! Vì chúng con đã từng thấy biết như thật về pháp này, đã từng quán sát sáu căn là vô ngã,9 chúng con đã từng hiểu sáu căn là vô ngã. [0074b01] Tôn giả Nan-đà bảo các Tỳ-kheo-ni: -Hay thay! Hay thay! Quý cô nên hiểu đúng như vầy: "Sáu căn là vô ngã.,^ Này các Tỳ-kheo-ni! sắc trần bên ngoài là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo-ni đáp: Thưa Tôn giả, không phải vậy!

8 Nguyên tác: Nhãn nội nhập xứ tức nhãn căn. Xem chú thích 6, kinh số 233, quyển 9, tr. 249; Tạp.T.02* 0099.233. 0056c02. 9 Nguyên tác: Nội lục nhập xứ ,còn viết là Tục nhập xứ",chỉ cho 6 căn. Xứ , āyatana: Cơ sở, nen tảng, nguồn cội, căn.



Thanh, hương, vị, xúc và pháp trần bên ngoài là ngã, khác ngã, hoặc tồn tại trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo-ni đáp: Không phải vậy, thưa Tôn giả! Vì sao như thế? Thưa Tôn giả Nan-đà! Vì chúng con đã từng quán sát như thật sáu trần bên ngoài là vô ngã. Chúng con thường hiêu sáu trần bên ngoài đúng như thật là vô ngã. Tôn giả Nan-đà khen ngợi các Tỳ-kheo-ni: -Hay thay! Hay thay! Quý cô nên hiểu đúng ý nghĩa như vầy: "Sáu trần bên ngoài là vô ngâư' Vậy nếu mắt duyên với sắc sanh ra nhãn thức thì nhãn thức ấy là ngã, khác ngã, hoặc ton tại trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo-ni đáp: Thưa Tôn giả, không phải vậy! Tai, mũi, lưỡi, thân và ý duyên với pháp sanh ra ý thức, vậy ý thức ấy là ngã, khác ngã, hoặc ton tại trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo-ni đáp: Không phải vậy, thưa Tôn giả! Vì sao như vậy? Vì chúng con đã từng quán sát như thật sáu thức thân này là vô ngã. Chúng con cũng thường hiểu sáu thức thân đúng như thật là vô ngã. Tôn giả Nan-đà bảo các Tỳ-kheo-ni: Hay thay! Hay thay! Với ý nghĩa này, quý cô nên quán sát đúng như vậy: "Sáu thức thân đún^ như thật là vô ngãL" Vậy nếu mắt duyên với sắc sanh ra nhãn thức, ba yêu tô này hòa hợp sanh ra xúc thì xúc ây là ngã, khác ngã, hoặc tồn tại trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo-ni đáp: Thưa Tôn giả, không phải vậy! Tai, mũi? lưỡi, thân và ý duyên với pháp sanh ra ý thức, ba thứ này hòa hợp sanh ra xúc, vậy xúc ấy là ngã, khác ngã, hoặc tồn tại trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo-ni đáp: Không phải vậy, thưa Tôn giả! Vì sao như vậy? Vì chúng con đã từng quán sát như thật sáu xúc này là vô ngã. Chúng con cũng thường hiêu như thê, sáu xúc đúng như thật là vô ngã. Tôn giả Nan-đà bảo các Tỳ-kheo-ni: -Hay thay! Hay thay! Quý cô nên quán sát như thật rằng: "Sáu xúc thân này đúng thật là vô ngâL" Thế thì, mắt

duyên với sắc sanh nhãn thức, ba yêu tố này hòa hợp sanh ra xúc, duyên xúc sanh ra thọ thì thọ kia là ngã, khác ngã, hoặc tồn tại trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo-ni đáp: -Thưa Tôn giả, không phải vậy!



Tai, mũi, lưỡi, thân và ý duyên với pháp sanh ra ý thức, ba yêu tô này hòa hợp sanh ra xúc, duyên xúc sanh ra thọ thì thọ ây là ngã, khác ngã, hoặc tôn tại trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo-ni đáp: Không phải vậy, thưa Tôn giả! Vì sao như vậy? Vì chúng con đã từng quán sát như thật sáu thọ thân này là vô ngã. Chúng con cũng thường hiểu như thế, sáu thọ thân đúng như thật là vô ngã. [0074c02] Tôn giả Nan-đà lại bảo các Tỳ-kheo-ni: Hay thay! Hay thay! Đối với nghĩa này, quý cô nên quán sát đúng như thật rằng: "Sáu thọ thân này đúng như thật là vô ngâL" Thế thì, mắt duyên sắc sanh ra nhãn thức, ba yếu tố này hòa hợp sanh ra xúc, duyên xúc sanh ra tưởng thì tưởng ấy là ngã, khác ngã, hoặc tồn tại trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo-ni đáp: Thưa Tôn giả, không phải vậy! -Tai, mũi, lưỡi, thân và ý duyên với pháp sanh ra ý thức, ba yếu tố này hòa hợp sanh ra xúc, duyên xúc sanh ra tưởng thì tưởng ấy là ngã, khác ngã, hoặc tồn tại trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo-ni đáp: Không phải vậy, thưa Tôn giả! Vì sao như vậy? Vì chúng con đã từng quán sát như thật sáu tưởng thân này là vô ngã. Chúng con cũng thường hiểu sáu tưởng thân đúng như thật là vô ngã. Tôn giả Nan-đà bảo các Tỳ-kheo-ni: Hay thay! Hay thay! Quý Tỳ-kheo-ni! Đôi với nghĩa này, quý cô nên quán sát đúng như thật rằng: "Sáu tưởng thân này đúng như thật là vô ngã?5 Thế thì, mắt duyên với sắc sanh ra nhãn thức, ba yếu tố này hòa hợp sanh ra xúc, duyên xúc sanh ra tư thì tư ấy là ngã, khác ngã, hoặc tồn tại trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo-ni đáp: Thưa Tôn giả, không phải vậy! Tai, mũi, lưỡi, thân và ý duyên với pháp sanh ra ý thức, ba yếu tố này hòa hợp sanh ra xúc, duyên xúc sanh ra tư thì tư ây là ngã, khác ngã, hoặc tôn tại trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo-ni đáp: Không phải vậy, thưa Tôn giả! Vì sao như vậy? Vì chúng con đã từng quán sát như thật sáu tư thân này là vô ngã. Chúng con thường hiểu sáu tư thân đúng như thật là vô ngã. Tôn giả Nan-đà bảo các Tỳ-kheo-ni: -Hay thay! Hay thay! Các Tỳ-kheo-ni! Đối với nghĩa này, quý cô nên quán sát đúng như thật răng: "Sáu tư thân này đúng như thật là vô ngâL” Thể thi, mắt



duyên với sắc sanh ra nhãn thức, ba yếu tố này hòa hợp sanh ra xúc, duyên xúc sanh ra ái thì ái ấy là ngã, khác ngã, hoặc tồn tại trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo-ni đáp: Thưa Tôn giả, không phải vậy! Tai, mũi, lưỡi, thân và ý duyên với pháp sanh ý thức, ba yếu tố này hòa hợp sanh ra xúc, duyên xúc sanh ra ái thì ái ấy là ngã, khác ngã, hoặc tồn tại trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo-ni đáp: Không phải vậy, thưa Tôn giả! Vì sao như vậy? Vì chúng con đã từng quán sát như thật sáu ái thân này là vô ngã. Chúng con cũng thường hiểu sáu ái thân đúng như thật là vô ngã. Tôn giả Nan-đà bảo các Tỳ-kheo-ni: Đối với nghĩa này, quý cô nên quán sát đúng như thật rằng: “Sáu ái thân này đúng như thật là vô ngâL" Này các Tỳ-kheo-ni! Ví như nhờ có dầu và tim đèn mà cây đèn được cháy sáng. Dầu ấy vô thường, tim đèn cũng vô thường, lửa cũng vô thường, cây đèn cũng vô thường. Nếu có người bảo rằng không cần dầu, không cần tim

đèn, không cần bật lửa, không cần cây đèn mà vẫn có ánh sáng ngọn đèn và ánh sáng ấy luôn như vậy, thường hiện diện, không thay đổi thì lời nói ấy có hợp lý chăng? Các Tỳ-kheo-ni đáp: [0075a03] Thưa Tôn giả! Không phải vậy. Vì sao như vậy? Vì nhơ dầu, tim đèn, cây đèn nên cây đèn mới sáng; dầu, tim đèn và cây đèn ấy đều vô thường. Nếu không có dầu, không tim đèn, không cây đèn thì ánh sáng của cây đèn ấy cũng theo đó mà diệt mất, trở về trạng thái tĩnh lặng, chân thật. Tôn giả Nan-đà nói: Cũng vậy, này quý cô! Sáu căn này là vô thường. Nếu có người cho rằng sáu căn này là nhân duyên sanh ra sự vui vẻ, an lạc, thường hằng, không thay đôi và luôn yên ôn thì lời nói này có đúng không? Các Tỳ-kheo-ni đáp: Không đúng như vậy, thưa Tôn giả! Vì sao như thê? Vì chúng con đã từng quán sát như thật rằng, những pháp này làm duyên sanh ra những pháp kia, khi những pháp làm duyên diệt thì những pháp do duyên sanh cũng theo đó mà diệt, tất cả đều trở về trạng thái tĩnh lặng, chân thật. Tôn giả Nan-đà bảo các Tỳ-kheo-ni: Hay thay! Hay thay! Này các Tỳ-kheo-ni! Đối với nghĩa này, quý cô nên quán sát như thật rằng: "Những pháp này làm duyên sanh ra những pháp kia, khi những pháp làm duyên diệt thì những pháp do duyên sanh cũng theo đó mà diệt và trở về trạng thái tĩnh lặng, chân that."



Này các Tỳ-kheo-ni! Ví như gốc, cành, nhánh, lá của một cây to; gốc nó VÔ thường, cành, nhánh, lá cũng vô thường. Nêu có người bảo răng không góc, không cành, không nhánh, không lá cây, chỉ có bóng mát của cây là thường hằng, không thay đổi thì lời nói ấy có hợp lý chăng? Các Tỳ-kheo-ni đáp: Thưa Tôn giả! Không phải vậy. Vì sao như vậy? Vì gốc, cành, nhánh, lá của cây to kia, góc nó vô thường, cành, nhánh, lá cũng vô thường. Nêu không gốc, không cành, không nhánh, không lá thì làm gì có bóng cây? -Thưa quý cô! Nếu duyên sáu trần bên ngoài là vô thường mà có người nói sáu trân bên ngoài là nhân duyên sanh ra sự vui vẻ, an lạc, thường hăng, không thay đổi và luôn an ổn thì lời nói này có đúng không? -Không phải vậy, thưa Tôn giả! Vì sao như vậy? Vì chúng con đã từng đối với nghĩa này quán sát như thật rang, những pháp kia làm duyên sanh ra những pháp này, khi những pháp làm duyên diệt thì những pháp do duyên sanh cũng theo đó mà diệt, trở về trạng thái tĩnh lặng, chân thật. Tôn giả Nan-đà bảo các Tỳ-kheo-ni: -Hay thay! Hay thay! Các Tỳ-kheo-ni! Đoi với ý nghĩa này, quý cô hãy quán sát như thật rằng: "Những pháp này làm duyên sanh ra những pháp kia, khi những pháp làm duyên diệt thì những pháp do duyên sanh cũng theo đó mà diệt và trở về trạng thái tĩnh lặng, chân that." Quý cô hãy lắng nghe tôi nói ví dụ, người trí nhờ ví dụ để hiểu rõ. Ví như người thợ mổ bò khéo léo, hoặc học trò của ông ta, cầm dao bén mổ xẻ thịt bò, lạng lóc giữa da và thịt, không cho phạm phần thịt bên trong, cũng không để rách phần da bên ngoài, rồi họ tách rời chân căng, gân cót của con bò, sau đó dùng tâm da bò phủ lên trên nó. Nêu có người bảo rang: "Da và thịt của con bò này hoàn toàn không bi tách rời", lời nói này có đúng không? [0075Ồ05] Các Tỳ-kheo-ni đáp: Thưa Tôn giả! Không đung vậy. Vì sao như thế? Vì người thợ mổ bò khéo léo, hoặc học trò của ông ta, cầm dao bén mổ xẻ thịt bò, lạng lóc giữa da và thịt, không cho phạm phàn thịt bên trong, cũng không để rách phần da bên ngoài, rồi họ tách rời chân cẳng, gân cốt của con bò? sau đó dùng tấm da bò phủ lên trên nó, thế thì da và thịt của

con bò đã rời nhau, chẳng thể nào không rời.  Thưa quý cô! Toi đã nói ví dụ, bây giờ tôi sẽ giải thích ý nghĩa ví dụ đó. Con trâu dụ cho sắc thô của thân người... (như Kỉnh ví dụ giỏ rắn độc đã nói chi tiết).ỵồ Phan thịt dụ cho sáu căn bên trong, phần da dụ cho sáu trần bên ngoài, người đo te dụ cho người tu tập đã thay con đường của đạo, gân xương năm trong da thịt là dụ cho hai món tham và hỷ cùng đi với nhau, dao bén dụ

1 Có 5 bài kinh trong TạpA-hàm đề cập đến ví dụ giỏ rắn độc, gồm  103; SĀ. 104; SĀ. 1033; SĀ. 1039; SA. 1172. Sau khi đôi khảo, có khả năng ví dụ ương kinh này được đề cập ở SĀ. 1172.



cho trí tuệ nhanh nhạy. Vị Thánh đệ tử đa văn dùng con dao bén trí tuệ chặt đứt mọi sự ràng buộc của kiết sử, trói buộc, tùy miên, phiền não, thượng phần phiền não, triền cái.11 Do đó5 quý cô nên học như vầy: "Đối với những pháp đáng yêu thích, tâm không nên đắm trước, vì để đoạn trừ tham. Đối với những pháp nên sân hận, tâm cũng không sân hận, vì đe đoạn trừ sân. Đối với những pháp phải si mê5 tâm không nên si mê, vì đe đoạn trừ si. Đối với năm thủ uẩn phải quán sanh diệt. Đối với sáu xúc nhập xứ phải quán sát về sự tập khởi và diệt tận của chúng. Đối với bốn niệm xứ, phải khéo buộc tâm, an trú nơi bảy giác phần. Tu bảy giác phần rồi thì đối với dục lậu kia tâm không dính mắc, tâm được giải thoát; đối với hữu lậu, tâm không dính mắc, tâm được giải thoát; đôi với vô minh lậu, tâm không dính mc, tâm được giải thoát?5 Quý cô nên học như vậy. Bây giờ, Tôn giả Nan-đà vì các Tỳ-kheo-ni mà thuyêt pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ. Sau khi mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ rồi, Tôn giả Nan-đà rời tòa ra về. Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà- ba-đê cùng năm trăm Tỳ-kheo-ni quyên thuộc vây quanh đi đên chô Phật, cúi lạy sát chân Ngài rồi đứng sang một bên... (cho đến) cúi đầu lễ Phật rồi ra về. Sau khi biết Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề đã về rồi, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Ví như đêm mười bôn trăng sáng, nhiêu người ngăm trăng xem trăng tròn hay chưa. Nên biết vầng trăng ấy chưa tròn lắm. Cũng vậy, thiện nam Nan-đà vì năm trăm Tỳ-kheo-ni mà chính thức làm giáo thọ, giảng dạy Chánh pháp, nhimg các Tỳ-kheo-ni cũng vẫn chưa rốt ráo giải thoát. Tuy nhiên, đến khi họ r 9 lâm chung, không còn một kiêt sử nào mà chưa được đoạn trừ đê khiên họ sanh trở lại the gian này. [0075c03] Bấy giờ, Thế Tôn lại bảo Nan-đà: -Thầy nên thuyết pháp cho các Tỳ-kheo-ni thêm một lần nữa. Tôn giả Nan-đà im lặng vâng lời. Sáng hôm sau, Tôn giả ôm bát vào thành khất thực. Thọ trai xong, Tôn giả đi đến ngự viên rồi ngồi xuống tòa, vì các Tỳ- kheo-ni mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khh lệ, khiến cho hoan hỷ.11 12 Sau khi mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ, Tôn giả rời tòa ra về. Hôm khác, Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề cùng năm trăm Tỳ-kheo-ni vây quanh đi đến chỗ Phật, cúi lạy sát chân Ngài,... (cho đến) cúi đầu lễ Phật rồi ra về. Bấy giờ, Thế Tôn biết Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề đã ra về, liền nói với các Tỳ-kheo:

11 Xem chú thích 41-45, kinh số 201, quyển 8, tr. 225-26; Tạp.(02. 0099.201. 0051C11).
12 Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ ().Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tr. 105; Tạp.(02. 0099?92. 0023c18).

Ví như đêm rằm trăng sáng, không còn ai nghi ngờ vầng trăng tròn hay chưa tròn, vì vầng trăng đó đã thật sự tròn đầy. Cũng vậy, thiện nam Nan-đà vì các Tỳ-kheo-ni mà truyền dạy Chánh pháp, giúp họ được giải thoát rót ráo. Đên lúc lâm chung, dù không có người nói cho họ biết con đường sẽ đến, các vị ấy r 9

cũng tự biêt mình đã vượt thoát khô đau. Đây là lời Thế Tôn thọ ký cho năm trăm Tỳ-kheo-ni chứng quả Tu-đà-hoàn. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

277. KHÔNG LUẬT NGHI VÀ LUẬT NGHI13 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. _ •... À r rr-il Ạ A y l_ 9 / Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Có luật nghi và không luật nghi.14 Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng nói cho các thay. Thế nào là không luật nghi? Nếu nhãn căn không được phòng hộ bởi giới luật, nhãn thức sẽ đam nhiễm sắc. Do đắm nhiễm nên phát sanh cảm thọ kho. Do cảm thọ khổ nên tâm không được đinh tĩnh. Do tâm không được định tĩnh nên không đạt được thấy biết đúng như thật. Do không đạt được thấy biết đúng như thật nên không trừ được nghi hoặc. Do không đoạn trừ được nghi hoặc nên bị chúng làm cho mê lầm và mãi sống trong đau khổ. Với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng như vậy, đó gọi là không có luật nghi. Thế nào là luật nghi? Nếu nhãn căn được phòng hộ bởi giới luật, nhãn thức nhận biết sắc nhưng tâm không đắm nhiễm. Do tâm không đắm nhiễm nên được cảm thọ lạc. Do tâm thường an lạc nên được đinh tĩnh. Do tâm đinh tĩnh nên thấy biết đúng như thật. Do thấy biết đúng như thật nên đoạn trừ được nghi hoặc. Do đoạn trừ được nghi hoặc nên không bi chúng làm cho mê lầm và mãi sống trong an lạc. Với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng như vậy, đó gọi là luật nghi. [0076a01] Đức Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

13 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.277. 0075c 18). Tham chiếu: s. 35.97 - IV. 78. 14 Luật nghi (samvaram)'. Những chuẩn mực đạo đức và những quy định giới luật nói chung, còn gọi là Đăng hộ, Câm giới, Hộ. Chỉ cho giới luật có khả năng phòng hộ khiến không bị lạc vào ba đường ác, gôm Biệt giải thoát luật nghi (phòng hộ bằng giới luật); Tĩnh lự luật nghi (phòng hộ bằng tu tập thiền đĩnh) và Vo lậu luật nghi (ngươi chưng đạo tự nhiên co khả phòng hộ khiên không bao giờ làm điều sai, đình chỉ mọi việc ác).



278. THOÁI THẤT VÀ KHÔNG THOÁL THẤT15 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có pháp thoái thất, pháp không thoái thất và sáu thắng xứ.16 Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng nói cho các thầy. Thế nào là pháp thoái thất? Nghĩa là, khi mắt thấy sắc rồi sanh tâm ham muốn nên Tỳ-kheo ấy vui mừng, khen ngợi, nắm giữ, dính mắc và bị pháp ấy xoay chuyển. Nên biết Tỳ-kheo ấy đã thoái thất các pháp lành, các pháp mà Thế Tôn đã chỉ dạy. Đó gọi là pháp thoái thất. Đối với tai, mũi, lưỡi,

thân, ý cũng lại như vậy. Thế nào là pháp không thoái thất? Nghĩa là, khi mắt thấy sắc thì không sanh tâm ham muốn nên Tỳ-kheo ấy không vui mừng, không khen ngợi, không nắm giữ, không dính mác và không bi pháp ây xoay chuyên. Nên biêt Tỳ-kheo ây không thoái thất các pháp lành, các pháp mà Thế Tôn đã chỉ dạy. Đó gọi là pháp không thoái thất. Đoi với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Thê nào là sáu thăng xứ? Khi mát nhìn thây săc mà không sanh tâm ham muôn, trói buộc, đăm nhiêm, nên biêt Tỳ-kheo ây đã vượt thăng được nhập xứ kia.17 Vượt thắng được nhập xứ kia, đó là điều Thế Tôn đã dạy. Đối với tai, mũi, J e lưỡi, thân và ý cũng lại như vậy. Nêu Tỳ-kheo kia đã vượt thăng được sáu xứ rồi, các kiết sử tham dục được đoạn trừ, các kiết sử sân hận? ngu si cũng được v .L . t 9y đoạn trừ. Ví như ông vua chiên thăng được quân thù thì được tôn là vua chiên thắng. Người nào đoạn trừ được mọi kiết sử trói buộc được gọi là Bà-la-môn chiến thắng. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

279. ĐIỀU PHỤC SÁU CĂN18

Tôi nghe như vây:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ*

Bay giơ, The Ton bảo các Tỳ-kheo:

15 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.7.02. 0099.278. 0076a03. Tham chiếu: s. 35.96 - IV. 76. 16 Nguyên tác: Lục xúc nhập xứ .Đoạn dưới ghi Tịic thắng nhập xứ". 17 Nguyên tác: Thắng bỉ nhập xứ .Nhập xứ ãyqtanã, ở đây có nghĩa là cơ sở nền tảng cua căn và trần, là sự vượt thoát khỏi sự chi phoi của căn và trần, tức là thúc không bị đắm nhiễm. 18 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.7.02. 0099.279. 0076a20. Tham chiếu: s. 35.94 - IV. 70.



Đối với sáu căn mà không được điều phục, không đóng kín, không phòng h, không giữ gìn, không tu tập thì đời tương lai chắc chắn sẽ chịu quả báo đau khổ. Sáu căn là những gì? Đó là, nhãn căn không được điều phục, không đóng kín, không phòng hộ, không giữ gìn, không tu tập thì đời tương lai chắc chắn sẽ chịu quả báo đau khổ. Tai, mũi, lưỡi, thân và ý căn cũng giống như vậy. Kẻ phàm phu mê muội thiếu hiểu biết khi mắt thấy sắc liền nắm giữ hình tướng, nắm giữ tướng riêng tốt đẹp, mặc cho mắt rong ruổi theo sắc mà không an trú và không giữ gìn luật nghi nên bi pháp ác, bất thiện và tham ái thế gian lọt vào tâm. Những việc như thế đều do không giữ gìn luật nghi, không phòng hộ nhãn căn. Với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng giống như vậy. Đó là đối với sáu căn mà không điều phục, không đóng kín, không phòng hộ, không giữ gìn, không tu tập thì đời tương lai chắc chắn sẽ chịu quả báo đau khổ. [0076b02] Thế nào là sáu căn khéo được điều phục, khéo đóng kín, khéo phòng hộ? khéo giữ gìn, khéo tu tập thì đời tương lai chắc chắn sẽ được phước báo an vui? Vị Thánh đệ tử đa văn khi mắt thấy sắc không nắm giữ hình tướng, không nắm giữ tướng riêng tốt đẹp, dù cho mắt nhìn đến đâu vẫn thường an trú trong luật nghi nên những pháp ác, bất thiện và tham ái ở thế gian không thể lọt vào tâm, là do có khả năng sống với luật nghi, khéo phòng

hộ nhãn căn. Với tai, mũi, lưỡi, thân và ý căn cũng giống như vậy. Đó là đối với sáu căn mà khéo được điều phục, khéo đóng kín, khéo phòng hộ, khéo giữ gìn, khéo tu tập thì đời tương lai chắc chắn sẽ được phước báo an vui. Đức Phật liền nói kệ: Ngay nơi sáu căn này, Mà sống không luật nghi, Những Ty-kheo như thế, Mãi mãi chịu khổ đau. Nơi các pháp luật nghi, Luôn tinh cần tu tập, Chánh tín, tâm chuyên nhất, Phiên não chăng vào tâm. Khi mắt thấy sắc kia, Vừa ý, không vừa ý, Vừa ý, không ham muốn, Không vừa, chẳng ghét bỏ. Tai nghe những âm thanh, Ưa thích, không ưa thích, Ưa thích, không dính mắc Không thích, chẳng khởi ác. Mũi ngửi biết các mùi, Hoặc thơm hoặc không thơm, Thơm, không thơm bình dẳng, Không muốn, cũng không trái. Ăn uống, thọ các vi, Cũng có ngon và dở, Vi ngon không khởi tham, Vị dở không kén chọn. Thân xúc chạm êm ái, Mà chẳng sanh buông lung, Xúc chạm vật thô ráp, Không sanh tưởng chán ghét. Khổ vui đều xả hết, Chẳng diệt làm cho diệt, Phải quán sát tâm ý, Các tướng, các tướng kia.

QUYỂN 11  325

Giả dối mà phân biệt, Dục tham càng tăng trưởng, Giác ngộ các ác kia, An tru tâm lìa dục. Khéo nhiếp sáu căn này, Sáu cảnh xúc không động, Dẹp sạch các ma oán, Vượt qua bờ tử sanh. [0076c02] Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

280. BÀ-LA-MÔN THÀNH TÀN-ĐẦU19 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa trong nhân gian ở nước Câu-tát-la rồi đến ngụ trong rừng Thân-thứ, phía Bắc thành Tần-đầu.20 Bấy giờ, các trưởng giả Bà-la-môn trong thành Tần-đầu đều nghe tin này, họ liền ra khỏi thành, đến rừng Thân-thứ, nơi Phật cư ngụ, cúi lạy sát chân Phật rồi ngồi sang một bên. Khi ấy, Phật bảo các trưởng giả Bà-la-môn trong thành Tần-đầu: -Nếu có người hỏi các ông: "Những hạng Sa-môn, Bà-la-môn nào không đáng cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường?,^ Các ông nên trả lòi: “Những Sa-môn9 Bà-la-môn nào mà mắt thấy sắc nhưng chưa lìa tham, chưa lìa dục, chưa lìa ái, chưa lìa khao khát, chưa lìa nhớ nghĩ, trong tâm không tĩnh lặng, làm những việc phi pháp, làm những việc mờ ám; khi tai nghe âm thanh, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị? thân xúc chạm, ý tiếp xúc các pháp cũng lại như thế. Những hạng Sa-môn, Bà-la-môn21 như vậy không đáng cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường,,, Sau khi trả lời như vậy sẽ có người lại hỏi: "Vi sao những Sa-môn? Bà-la- môn như vậy không đáng cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường?,, Các ông nên trả lời: "Chúng tôi mắt thấy sắc không lìa dục, không lìa ái, không lìa khao khát, không lìa nhớ nghĩ, trong tâm không tĩnh lặng. Tai, mũi, lưỡi, thân và ý biêt pháp cũng như vậy. Những Sa-môn, Bà-la-môn kia mát thây săc cũng không lìa tham, không lìa dục, không lìa ái, không lìa khao khát, không lìa nhớ nghĩ, trong tâm không tĩnh lặng, làm những việc phi pháp, làm những việc mờ ám. Tai, mũi, lưỡi, thân và ý biết pháp cũng như vậy. Tôi tìm kiếm sự khác biệt với những người ấy nhưng không thấy có sự khác biệt gì. Cho nên, tôi với những hạng Sa-môn, Bà-la-môn này giống nhau, do vậy mà tôi không cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng đường.”

19 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.280. 0076c03. Tham chiếu: M. 150, Nagaravỉndeyya Sutta Kinh nói cho dân chủng Nagaravindà. 20 Tần-đầu thành

Nagaravinda, một ngôi làng trong nước Kosala. 21 Nguyên tác: Tượng loại Ty-kheo .Do phần đầu của câu ghi là Tượng loại Sa-môn, Bà-la-môn nên sửa lại cho thống nhất.



Nếu họ lại hỏi: "Vậy những Sa-môn, Bà-la-môn như thế nào mới đáng cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường?,^ Các ông nên trả lời: “Những Sa-môn, Bà- la-môn khi mắt thấy sắc mà lìa tham, lìa dục, lìa ái, lìa khao khát, lìa nhớ nghi, 2 9 trong tâm tĩnh lăng, không làm phi pháp, việc làm chuân mực, không mờ ám. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng như vậy. Những Sa-môn, Bà-la-môn như thế đáng được cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường.,, [0077a01] Nếu họ lại hỏi: "Vi sao những Sa-môn, Bà-la-môn như thế được cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng đường?" Các ông nên trả lời: "Chúng tôi mắt thấy sắc không lìa tham, không lìa dục, không lìa ái5 không lìa khao khát, không lìa nhớ nghĩ, trong tâm không tĩnh lặng, làm những việc phi pháp, làm những việc mờ ám. Tai, mũi, lưỡi, thân và ý biết cũng giống như vậy. Còn những Sa- môn9 Bà-la-môn này khi mắt thấy sắc đã lìa tham, lìa dục, lìa ái, lìa khao khát, lìa nhớ nghĩ, trong tâm tĩnh lặng, không làm phi pháp, việc làm chuẩn mực, không mờ ám. Tai, mũi, lưỡi, thân và ý biết pháp cũng lại như vậy. Chúng tôi mà so với các Sa-môn9 Bà-la-môn như thế thì thật khác xa. Cho nên, tôi phải cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường.55 Nếu họ lại hỏi: “cc Sa-môn, Bà-la-môn kia đã làm những gì? Tướng mạo thê nào? Có đặc diêm gì? Làm sao các ông biêt những Sa-môn, Bà-la-môn ây đã lìa tham, hướng đến điều phục tham; đã lìa sân, hướng đến điều phục sân; đã lìa si, hướng đến điều phục si?" Các ông nên trả lời rằng: "Tôi thấy Sa-môn? Bà-la-môn ây thường ngôi giường tháp hoặc ngôi nệm cỏ nơi khu rừng, bên góc cây, giữa đông văng đê tu hạnh viên ly, xa lìa người nữ, ưa gân người độc cư đê cùng thiền đinh tư duy. Khi ở những nơi như vậy, mắt không thấy sắc để sanh tham đắm, tai không nghe tiếng, mũi không ngửi mùi, lưỡi không nếm vị, thân không xúc chạm đê sanh tham đăm. Các Sa-môn, Bà-la-môn có những hành động như thế, tướng mạo như thế, đặc điểm như the nên khiến chúng tôi biết các Sa-môn, Bà-la-môn này đã lìa tham, hướng đến điều phục tham; đã lìa sân, hướng đến điều phục sân; đã lìa si, hướng đến điều phục si." Bấy giờ, các Sa-môn và trưởng giả Bà-la-môn bạch Phật: Kỳ lạ thay! Thưa Thế Tôn! Ngài không khen mình, không chê người mà chỉ nói ý nghĩa. Dựa trên nền tảng tu học của từng người mà Ngài giảng giải ô nhiễm hay thanh tinh. Ngài giảng nói về duyên khởi đúng như bậc Như Lai, ứng Cúng, Giác Ngộ Viên Mãn đã nói. Ví như người cứu kẻ chết chìm, mở cửa cho người bị giam hãm, chỉ đường cho kẻ lạc lối, thắp đèn sáng nơi tối tăm, đức Thế Tôn cũng giống như thế. Ngài không khen mình, không chê người mà chỉ nói ý nghĩa (cho đến) đúng như bậc Như Lai, ứng Cúng, Giác Ngộ Viên Mãn đã noi. Các trưởng giả Bà-la-môn thành Tần-đầu sau khi nghe Phật chỉ dạy đều vui mừng, đảnh lễ Phật rồi ra về.



281. BỆN TÓC MỤC-KIỀN-LIÊN22 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, đạo sĩ bện tóc Mục-kiền-liên23 đi đến chỗ đức Phật. Sau khi thăm hỏi nhau xong, Mục-kiền-liên liền

ngồi sang một bên. Khi ấy, Thế Tôn hỏi đạo sĩ bện tóc Mục-kiền-liên: - Ông từ đâu đến? Mục-kiền-liên bạch Phật: Con vừa theo chúng ngoại đạo xuất gia Sa-môn, Bà-la-môn? Giá-la-ca24 tụ hội tại giảng đường Vị Tằng để nghe pháp rồi từ đó đến đây. Đức Phật bảo đạo sĩ bện tóc Mục-kiền-liên: Ông vì lợi ích gì25 mà theo chúng ngoại đạo xuất gia Sa-môn, Bà-la-môn9 Giá-la-ca kia nghe pháp? Mục-kiền-liên thưa: Con muôn nghe họ luận bàn và tranh cãi hơn thua với nhau vê lợi ích, vì muốn nghe họ bàn luận những điều sai biệt về lợi ích. Đức Phật bảo Mục-kiền-liên: Từ xưa đến nay, các hàng ngoại đạo xuất gia Sa-môn, Bà-la-môn, Giá-la- ca ấy thường hay luận bàn và tranh cãi hơn thua với nhau về lợi ích, bàn luận những điều sai biệt về lợi ích rồi phá hoại lẫn nhau. Đạo sĩ bện tóc Mục-kiền-liên bạch Phật: -Thưa Cu-đàm! Vì lợi ích gì mà Ngài nói pháp cho các đệ tử, để họ lần lượt truyền dạy đến người khác mà không phỉ báng Như Lai, không thêm không bớt, nói chân thật, nói đúng theo pháp và thứ lớp của giáo pháp,26 để không một ai có thể đến so sánh, chất vấn hay chỉ trích? Đức Phật bảo Mục-kiền-liên: Vì lợi ích của quả báo Minh và Giải thoát mà Như Lai lân lượt truyên dạy đến nhiều người để rồi họ không phỉ báng Như Lai, không thêm không bớt, nói chân thật, nói đúng theo pháp và thứ lớp của giáo pháp, để không một ai có thể đến so sánh, chất vấn hay chỉ trích.

22 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.281. 0077a29. Tham chiếu: s. 46.6 - v. 73. 23 Nguyên tác: Oanh phát Mục-kiền-liên xuất gia . 24 Giá-la-ca caraka chỉ cho những vị đạo sĩ du hành. 25 Nguyên tác: Phước Ẹrc ,cũng gọi là phước lợi ,ích xứ ,lọi ích . 26 Nguyên tác: Pháp thứ ph.Xem chú thích 68, kinh số 27, quyển l, tr. 24; Tạp.T.02. 0099.27. 005c20.



Mục-kiền-liên bạch Phật: -Thưa Cù-đàm! Có pháp nào để các đệ tử tu tập và tu tập thuần thục2728 có *30 thể khiến cho lợi ích của Minh và Giải thoát ấy được viên mãn chăng? Đức Phật bảo Mục-kiền-liên: Có bảy giác phần,28 nếu tu tập và tu tập thuần thục thì khiến cho lợi ích của Minh, Giải thoát được viên mãn. Mục-kiền-liên bạch Phật: -Có pháp nào mà tu tập có thê khiên bảy giác phân được viên mãn chăng? Phật bảo: -Có bốn niệm xứ,29 nếu tu tập và tu tập thuần thục thì khiến cho bảy giác phần được viên mãn. Mục-kiền-liên bạch Phật: . 5 9 er r —Lại có pháp nào mà tu tập và tu tập thuần thục có thê khiên cho bôn niệm xứ được viên mãn chăng? Đức Phật bảo Mục-kiền-liên: Có ba diệu hạnh/0 nếu tu tập và tu tập thuần thục khiến cho bốn niệm xứ được viên mãn. Mục-kiền-liên bạch Phật: Lại có pháp nào mà tu tập và tu tập thuân thục có thê khiên cho ba diệu hạnh được viên mãn chăng? Đức Phật bảo Mục-kiền-liên: -Có luật nghi phòng hộ sáu căn,31 nếu tu tập và tu tập thuần thục thì khiến cho ba diệu hạnh được viên mãn. Mục-kiền-liên bạch Phật: Thế nào gọi là luật nghi phòng hộ sáu căn mà tu tập và tu tập thuần thục thì khiên cho ba diệu hạnh được viên mãn? [0077c02] Đức Phật bảo Mục-kiền-liên: -Nêu mat thây săc vừa ý, đáng yêu, đảnệ nhớ, có khả năng nuôi lớn dục lạc, khiến người vướng nhiễm; Tỳ-kheo ấy thay sắc rồi, không ưa thích, không khen ngợi, không duyên theo, không dính mắc, không trú vào. Nếu mắt thấy sắc

27 Nguyên tác: Đa tu tap ,baỉudà: Tu tập siêng năng, tu tập thuần thục. 28 Nguyên tác: Thất giác phần satta bodhipakkhiyà .Du hành kinh 01. 0001.2. 001ỒcÌlgQÌ là^tỈỊấtEiác ; thượng kinh roi. 0001.10.p054bl3 gọi la4that giác phap,v ỴA^tu-lakinh T.Ỏ1. 0026.35. 0476c21 gọi là "thất giác chí": a Nguyên tác: Tứ niêm r.02. 0125.8.6. 0561b21 ghi là "ĩứ niệm chr it; Câu-xả luận 7.29. 1558.4. 0022c16 ghi là "tứ niệm trụ,^ Thân niệm xứ, thọ, tâm và pháp niềm xứ. 30 Nguyen tác: Tam diệu hạnh tĩni sucaritāni, còn gọi tam thanh tịnh tam thiện hạnlĩ,tức 3 nghiệp từ thân, khau, ý đều trong sạch, tot đẹp. 31 Nguyên tác: Lục xúc nhập xứ ,chaphassãyatanã, tức 6 căn môn.

QUYỂN 11 329

không vừa ý? không đáng yêu, không đáng nhớ, đưa đến cảm thọ khổ; những Tỳ-kheo khi thấy sắc như vậy không lo sợ, kh6ng ghét bỏ? không chán nản, không tức giận. Đối với sắc đẹp, đưa mắt nhìn thay rồi, vẫn hoàn toàn không vướng nhiễm; đoi với sắc không đẹp, đưa mắt nhìn thấy rồi, cũng hoàn toàn không vướng mắc; nội tâm an tru bất động, khéo tu giải thoát, tâm không lười mỏi. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý biết pháp cũng lại như vậy. Đối với sáu xúc nhập xứ mà tu tập và tu tập thuần thục như thê thì viên mãn ba diệu hạnh vậy. Tu tập ba diệu hạnh như thế nào để bốn niệm xứ được viên mãn? Vị Thánh đệ tử đa văn ở nơi thanh vắng, trong rừng núi, bên gốc cây nên tu học như vầy, tư duy như vây: "Thân này làm ác thì đời này, đời sau ăt phải chiu quả báo xâu ác. Nêu thân ta làm ác, ăt phải hôi hận, người khác khinh chê, Đạo sư quở trách, các bậc Phạm hạnh cũng như pháp mà khiển trách, tiếng xấu đồn xa, lan truyền khắp nơi, khi lâm chung đọa vào địa ngục. Thân mà làm ác thì đời này và đời sau phải chịu quả báo như thế, cho nên đối với thân, cần từ bỏ ác hạnh, tu tập diệu hạnh. Đối với ác hạnh nơi miệng và ý cũng lại như vậy?5 Đó gọi là tu tập ba diệu hạnh rồi, bốn niệm xứ được thanh tịnh, viên mãn vậy. Tu tập bốn niệm xứ như thế nào để bảy giác phần32 được viên mãn? Này Mục- kiên-liên! Như vậy, Tỳ-kheo sông quán thân trong thân, khi vị ây sông quán thân trong thân nên nhiếp niệm, an trú, không xao nhãng. Lúc đó, vị ấy nỗ lực tu tập niệm giác phần, nỗ lực tu tập niệm giác phần rồi, được niệm giác phần viên mãn; ở nơi tâm niệm ấy mà lựa chọn pháp, tỉnh giác, suy tưởng, tư duy. Lúc đó, vị ấy nỗ lực tu tập trạch pháp giác phần, nỗ lực tu tập trạch pháp giác phần rồi, được trạch pháp giác phần viên mãn; rồi lựa chọn pháp ấy, tỉnh giác, suy tưởng, tư duy. Lúc đó, vị ấy nỗ lực tu tập tinh tấn giác phần, tu tập tinh tấn giác phần rồi, được tinh tấn giác phần viên mãn; tinh cần tinh tấn rồi, sanh tâm hoan hỷ. Lúc đó, vị ấy nỗ lực tu tập hoan hỷ giác phần, tu tập hoan hỷ giác phần rồi, được hoan hỷ giác phần viên mãn; tâm hoan hỷ rồi, thân tâm khinh an.3334 Lúc đó, vị ấy tu tập khinh an giác phần,34 tu tập khinh an giác phần rồi, được khinh an giác phần viên mãn; thân tâm tịnh lắng, thành tựu được định.35 Lúc đó, vị ấy tu tập định giác phần, tu tập định giác phần rồi, được đinh giác phần viên mãn; tâm được chuyên nhất, tham ưu chấm dứt, nội thân hành xả.36

32 Niệm giác phn ,trạch pháp giác pỊiần ,tinh tấn giác phn ^, hoan hỷ giác phần ,ỷ tức giác phần ,dinh giác phần và xả giác phân . 33 Nguyên tác: Thân tâm chỉ tức .Tham chiếu: Tạp.T.02. 0099.810. 0208Ồ23: Thân tâm ỷ tức . 34 Nguyên tác: Ỷ tức giác phần . 35 Nguyên tác: Tam-ma-đề còn gọi là tam-muội. 36 Nguyên tác: Nội thân hành xm .Hành xaff :Xả thuộc hành uẩn, là thái độ thản nhiên đối với những triền cái, là một trong 10 loại xả theo Thanh tỉnh đạo luận N.68. 0035.9. 0158al2 của ngài Buddhaghosa.



Vị ấy nỗ lực tu tập xả giác phần, tu tập xả giác phần rồi, thành tựu xả giác phần thanh tịnh, viên mãn. Thọ, tâm và pháp cũng tu tập như thế. Tu tập bốn niệm xứ như vậy, bảy giác phần được viên mãn. [0078a08] Tu tập bảy giác phần như thế nào để Minh và Giải thoát được viên mãn? Này Mục-kiền-liên! Nếu Tỳ-kheo tu niệm giác phần rồi nương nơi viễn ly, nương nơi ly dục, nương nơi diệt tận, hướng đến xả ly,37 tiến đến tu tập niệm giác phần, Minh và Giải thoát được thanh tinh, viên mãn. Cho đến tu tập xả giác phần cũng lại như vậy. Đó gọi là đã tu tập bảy giác phần, Minh và Giải thoát được thanh tinh, viên mãn. Như vậy, này Mục-kiền-liên! Pháp pháp nương nhau, từ bờ này qua đến bờ kia. Khi nghe đức Phật thuý ét pháp này, đạo sĩ bện tóc Mục-kiên-liên xa lìa trân câu, được pháp nhãn tịnh. Bây giờ, đạo sĩ bện tóc Mục-kiên-liên thây pháp, đác pháp, biết pháp, thể nhập giáo pháp, vượt thoát nghi ngờ, không nương ai khác, ở trong giáo pháp được vô sở úy. Thế rồi Mục-kiền-liên từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, đảnh lê đức Phật roi chăp tay thưa răng: Bạch Thế Tôn! Nay con có thể ở trong Giáo pháp và Giới luật này xuất gia, thọ giới Cụ túc, làm phận sự Tỳ-kheo không? Đức Phật bảo Mục-kiền-liên: Nay ông được xuất gia, thọ giới Cụ túc, làm phận sự Tỳ-kheo ở trong Giáo pháp và Giới luật này. Được xuất gia rồi, ông phải chuyên tâm tư duy, không nên buông lung, như vậy cho đến khi đắc quả A-la-hán. ***

282. TU TẬP CÁC CĂN3738

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại rừng Mâu-chân-lân-đà thuộc xứ Ca-vi-già-la.39

Bấy giờ, có vị thiếu niên tên uất-đa-la?40 là đệ tử của Ba-la-xà-na41 đến chỗ đức Phật, cung kính thăm hỏi xong rồi ngồi sang một bên.

Rồi Thế Tôn hỏi uất-đa-la:

-Thay của ông là ngài Ba-la-xà-na có dạy tu tập các căn không?

uất-đa-la trả lời:

-Có dạy, thưa Cù-đàm!

37 N^ntócịYdiệt xả .Tham chiếu: Tạp.T.02. 0099.726. 0195b23: Y diệt, hướng ư

:Tựađề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r02.0099.282.0078a22. Tham chiếu: M. 152 Jndriyabhāvanā Sutta Kinh căn tu tập. 39 Nguyên tác: Ca-vi-già-la Mâu-chân-lân-đà ,Kajañgala Mukhelu. 40 Uat-da-la g,Uttara. “ J 41 Ba-la-xà-na Pārāsariya: Tên của một Bà-la-môn.

Đức Phật lại hỏi: Thầy ông dạy tu tập các căn như thế nào? uất-đa-la bạch Phật: Thây con dạy răng: Mát không thây săc5 tai không nghe tiêng, đó là tu tập các căn. Đức Phật bảo uất-đa-la: Như thay Ba-la-xà-na của ông nói, chẳng lẽ người mù là người tu căn ư? Vì sao? Vì chỉ có người mù mới không thấy sắc. [0078b02] Bấy giờ, Tôn giả A-nan đang đứng cầm quạt hầu sau lưng Thế Tôn, liền nói với Uat-đa-la: Như thây Ba-la-xà-na của ông nói, chăng lẽ người điêc là người tu căn ư? Vì sao như vậy? Vì chỉ có người điếc mới không nghe được tiếng. LÚC ay, The Ton bao Ton gia A-nan: Pháp này khác với pháp tu tập các căn vô thượng trong giáo pháp của Hiền thánh. Tôn giả A-nan bạch Phật: Kính xin Thế Tôn giảng dạy cho các Tỳ-kheo pháp tu tập các căn vô thượng trong giáo pháp của Hiền thánh. Các Tỳ-kheo nghe xong sẽ cung kính thọ trì. Đức Phật bảo A-nan: -Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ dạy cho các thầy. Mắt duyên với sắc sanh ra nhãn thức, thấy sắc vừa ý, cần phải tu theo pháp Như Lai: Yểm ly, chánh niệm và tỉnh giác.4243 Mát duyên với sác sanh ra nhãn thức, thây sác không vừa v, cân phải tu theo pháp Như Lai: Không yểm ly,43 chánh niệm và tỉnh giác. Mắt duyên sắc sanh ra nhãn thức, thấy sắc vừa ý và không vừa ý? cần tu theo pháp Như Lai: Yểm ly và không yểm ly đồng thời chánh niệm, tỉnh giác. Mắt duyên sắc sanh ra nhãn thức, thấy sắc không vừa ý và vừa ý? cần tu theo pháp Như Lai: Không yểm ly và yểm ly đồng thời chánh niệm, tỉnh giác. Mắt duyên sắc sanh ra nhãn thức, thấy sắc vừa ý, không vừa ý và cả vừa ý vừa không vừa ý5 cần tu theo pháp Như Lai: Vừa yểm ly vừa không yểm ly, an trú tâm xả và chánh niệm, tỉnh giác. Như thế, A-nan! Nếu gặp năm trường hợp như trên, tâm cần phải khéo điều phục, khéo đóng kín, khéo giữ gìn, khéo thu nhiếp, khéo tu tập, như thế chính là tu tập các căn vô thượng đối với mắt và sắc. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý

42 Nguyên tác: Chánh niệm, chánh trí sato sampajāno'. Chánh niệm, tỉnh giác. 43 Thấy sắc không vừa ý không nên khởi tâm yểm ly, để tránh bị sân chi phối.



biết pháp cũng lại như vậy. Này A-nan! Đó gọi là tu tập các căn vô thượng theo giáo pháp của Hiền thánh. Tôn giả A-nan bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là bậc Hiền thánh tu tập các căn theo giáo pháp Hiền thánh? Phật bảo A-nan: Khi mắt duyên sắc sanh ra nhãn thức, khởi lên vừa ý, không vừa ý, cả vừa ý và không vừa ý. Khi ấy, vị Thánh đệ tử kia biết đúng như thật như vầy: Mắt ta duyên sắc sanh ra nhãn thức, khởi lên vừa ý, không vừa ý, cả vừa ý và không vừa ý; đây là tịch diệt, đây là thắng diệu, đều gọi là xả;44 được xả rồi, lìa cả yểm ly và không yểm ly. Ví như lực sĩ khảy móng tay; cũng vậy, mắt duyên sắc sanh ra nhăn thức, khởi lên vừa ý? không vừa ý, cả vừa ý và không vừa ý; trong khoảnh khác đêu diệt, lìa yêm ly và không yêm ly, thành tựu xả. Cũng vậy, tai duyên tiếng sanh ra nhĩ thức, sanh khởi vừa ý9 không vừa ý, cả vừa ý không vừa ý. Thánh đệ tử biết đúng như thật rằng: Nhĩ thức của ta nghe tiếng, khởi lên vừa ý, không vừa ý? cả vừa ý không vừa ý; đây là tịch diệt, thắng diệu, gọi là xả; khi được xả rôi5 lìa yêm ly và không yêm ly. Ví như lực sĩ khảy móng tay, tiêng phát ra liên diệt; cũng vậy, tai duyên tiêng sanh ra nhĩ thức, khởi lên vừa ý,

không vừa ý? cả vừa ý và không vừa ý; sanh rồi liền diệt sạch, gọi là xả; được xả roi, lìa yểm ly và không yểm ly. [0078c06] Cũng vậy, mũi duyên hương sanh ra tỷ thức, khởi lên vừa ý, không vừa ý9 cả vừa ý và không vừa ý. Thánh đệ tử biêt đúng như thật như vầy: Mũi duyên hương sanh ra tỷ thức, khởi lên vừa ý, không vừa ý, cả vừa ý và không vừa ý; đây là tịch diệt, thắng diệu, gọi là xả; khi được xả rồi5 lìa yểm ly và không yêm ly. Ví như hoa sen không bi thâm nước; cũng vậy, mũi duyên hương sanh tỷ thức, khởi lên vừa ý, không vừa ý, cả vừa ý và không vừa ý; sanh rồi liền diệt sạch, gọi là xả; được xả rồi, lìa yểm ly và không yểm ly. Cũng vậy, lưỡi duyên vị sanh ra thiệt thức, khởi lên vừa ý? không vừa ý? cả vừa ý và không vừa ý. Thánh đệ tử biết đúng như thật như vầy: Lưỡi duyên vị sanh ra thiệt thức, khởi lên vừa ý, không vừa ý? cả vừa ý và không vừa ý; đây là tịch diệt, thăng diệu, gọi là xả; khi được xả rồi, lìa yểm ly và không yểm ly. Ví như lực sĩ làm sạch lưỡi, nhổ hết nước bọt; cũng vậy, lưỡi duyên vị sanh ra thiệt thức, khởi lên vừa ý, không vừa ý, cả vừa ý và không vừa ý; sanh rồi liền diệt sạch, gọi là xả; khi được xả rồi, lìa yểm ly và không yểm ly.

44 Tham chiếu: M. 152, Indriyabhãvanã Sutta (Kinh căn tu tập): Uppannarn kho me ỉdam manãpam, uppannarn amanãparn, uppannam manãpãmanãpam. Tañca kho sañkhatam olārikam paticcasamuppannam. Etarn santamr etam panītam yadidam-upekkhā (Khả ý này khởi lên nơi ta, bất khả ý này khởi lên nơi ta, khả ý và bát khả ý này khởi lên nơi ta. Cái này khởi lên, vì là hữu vi nên thô. Nhưng cái này là an tịnh, cái này là thù diệu, tức là xả), HT. Thích Minh Châu dịch.

QUYỂN 11  333

Thân duyên xúc sanh ra thân thức, khởi lên vừa ý5 không vừa ý9 cả vừa ý va không vừa ý; sanh rồi liền diệt sạch. Vị Thánh đệ tử biết đúng như thật như vay: Thân duyên xúc sanh ra thân thức, khởi lên vừa ý, không vừa ý? cả vừa ý và không vừa ý; sanh rồi liền diệt sạch, tịch diệt, thắng diệu, gọi là xả; đắc xả rồi, lìa yểm ly và không yểm ly. Ví như hòn sắt nung thật nóng, rồi rưới ít giọt nước vào, nước ây liên tiêu mát; cũng vậy, thân duyên xúc sanh ra thân thức, khởi lên vừa ý5 không vừa ý9 cả vừa ý và không vừa ý; sanh rồi liền diệt sạch, gọi là xả; được xả rồi, lìa yểm ly và không yểm ly. Ý duyên pháp sanh ra ý thức, khởi lên vừa ý? không vừa ý? cả vừa ý và không vừa ý; sanh rồi liền diệt sạch. Vị Thánh đệ tử biết đúng như thật như vây: Y duyên pháp sanh ra ý thức, khởi lên vừa ý9 không vừa ý, cả vừa ý và không vừa ý; sanh rồi liền diệt tận, đây là tịch diệt, thắng diệu, gọi là xả; khi được xả rồi, lìa yểm ly và không yểm ly. Ví như lực sĩ chặt đứt ngọn cây đa-la; cũng vậy, ý duyên pháp sanh ra ý thức, khởi lên vừa ý, không vừa ý9 cả vừa ý và không vừa ý; sanh rồi liền diệt sạch, gọi là xả; khi được xả rồi, lìa yểm ly và không yểm ly. Này A-nan? đó gọi là Thánh đệ tử tu tập các căn theo giáo pháp của Hiền thánh. [0079a08]  Thế nào gọi là bậc Hữu học thấy đạo45 trong giáo pháp của Hiền thánh? Đức Phật bảo A-nan:  Mắt duyên sắc sanh ra nhãn thức, khởi lên vừa ý5 không vừa ý? cả vừa ý và không vừa ý; Thánh đệ tử kia hổ thẹn, chán ghét. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân cũng vậy. Ý duyên pháp sanh ra ý thức, khởi lên vừa ý? không vừa y, cả vừa ý và không vừa ý; Thánh đệ tử hổ thẹn, chán ghét. Này A-nan, đó gọi là bậc Hữu học thấy đạo trong giáo pháp của Hiền thánh. A-nan! Đó gọi là tu tập các

căn vô thượng theo giáo pháp của Hiên thánh. Nay A-nan! Ta đã nói về bậc Hiền thánh tu tập các căn và đã nói về bậc Hữu học thấy đạo. Này A-nan! Ta đã vì các đệ tử4647 mà làm xong những việc cần làm, các thầy cũng nên làm những việc cần làm. Giải thích chi tiết như Kỉnh ví dụ giỏ rắn d0c.47 Đức Phật nói kinh này rồi, Tôn giả A-nan nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.48

45 Nguyên tác: Giác kiến tích .Theo Ngũ chi vật chủ roi. 0026.179. 0721C11 và TạpM T.02. 0099.276. 0075b 11, co khả năng là Học kiến tích chỉ cho giai vị Hữu học thấy ro Thánh đế. 46 Nguyêntác: Thanh văn .Pali ghi là Sāvakā, vừa có nghĩa Thanh văn vừa có nghĩa là đệ tư . 47 Tham chiêu: Tạp.7.02. 0099.1172. 0313bl4. 48 Bản Hán, hết quyển 11.



QUYỂN 12 283. VÍ DỤ TRỒNG CÂY1 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà9 thuộc nước Xá-vệ. Bây giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Nếu đối với pháp trói buộc mà sanh tâm đắm trước vi ngọt, đoái tưởng, dính mắc vào đó thì ái sanh khởi; duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có già, bệnh, chết, ưu5 bi, khổ, não, cứ như vậy tụ thành một khối khổ lớn. Ví như việc ưồng cây, ban đầu cây còn nhỏ yếu, cần phải chăm sóc che chắn, vun gốc bón phân, tùy thời tưới nước, nóng lạnh điều hòa, nhờ các nhân duyên đó vê sau cây lớn dân lên. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo! Nêu đối với pháp trói buộc mà tham đắm, nuôi dưỡng thì ái sanh khởi; duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não, như vậy tụ thành một khối khổ lớn. Nếu đối với pháp trói buộc mà tùy thuận quán vô thường, trú trong pháp quán sanh diệt, quán vô dục, quán tịch diệt, quán xả ly, không khởi đoái tưởng, tâm không dính mắc thì ái diệt; ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não diệt, như vậy là toàn bộ khối khổ lớn đều diệt. Ví như việc trồng cây, ban đầu cây còn nhỏ yếu, nếu không chăm sóc che chắn, không vun gốc bón phân, không tùy thời tưới nước, không điều tiết nóng lạnh thì cây ấy không thể lớn được; đã thế còn chặt gốc, chặt cành, cắt ra từng đoạn, chia ra từng phần phơi giữa nắng gió, hay dùng lửa thiêu rụi, đốt cháy thành tro, rồi để gió lốc thổi tung, hoặc quăng xuống nước. Này các Tỳ-kheo! Ý ông nghĩ sao? Phải chăng cây ấy đã bị chặt gốc cho đến bị thiêu rụi, khiên nó diệt mát, trở thành thứ sau này không thê sanh trở lại chăng? -Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Như vậy, này các Tỳ-kheo! Đoi với pháp trói buộc mà tùy thuận quán vô thường, tru trong pháp quán sanh diệt, quán vô dục, quán tịch diệt, quán xả ly, không khởi đoái tưởng, tâm không dính mắc thì ái diệt; ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì già, bệnh, chết, tru, bi, khổ, não diệt, như vậy toàn bộ khối khổ lớn đều diệt.

Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.283. 0079a25). Tham chiếu: s. 12.57 - II. 89.

Đức Phật nói kinh này rồi, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành. ***

284. VÍ DỤ VỀ CÔI CÂY LỚN2 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nếu đối với pháp chấp thủ mà sanh tâm đắm trước vi ngọt, đoái tưởng, dính măc vào đó? tâm sẽ rong ruổi tìm câu danh sắc; duyên danh sắc có sáu nhập xứ? duyên sáu nhập xứ có xúc, duyên xúc có thọ, duyên thọ có ái, duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Cứ như thế tụ thành một khối khổ lớn. Ví như cội cây lớn đủ gốc, thân, cành, nhánh, lá, hoa, quả; rễ nó cắm sâu vào đất, lại thường được vun gốc, bón phân, tưới nước đầy đủ, cội cây ấy vững chắc, trọn đời không hư mục. Cũng thế, này các Tỳ-kheo! Đối với pháp bị chấp thủ mà còn sanh tâm đắm trước vị ngọt, đoái tưởng, dính mắc vào đó, tâm rong ruổi chạy theo danh sắc; duyên danh sắc có sáu nhập xứ, duyên sáu nhập xứ có xúc, duyên xúc có thọ, duyên thọ có ái, duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não, như thế tụ thành một khối khổ lớn. Nêu đôi với pháp châp thủ mà tùy thuận quán vô thường, trú trong pháp quán sanh diệt, quán vô dục, quán tịch diệt, quán nhàm chán, tâm không đoái tưởng, không dính mắc, thức không rong ruổi tìm cầu danh sắc thì danh sắc diệt; danh sắc diệt thì sáu nhập xứ diệt, sáu nhập xứ diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diet, sanh diệt thì già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não diệt, như thế là toàn bộ khối khổ lớn ấy đều diệt. Ví như việc trồng cây, ban đầu cây còn nhỏ yếu, nếu không chăm sóc che chắn, không vun gốc bón phân, không tùy thời tưới nước, không điều tiết nóng lạnh thì cây ấy không thể lớn được; đã the còn chặt gốc, chặt cành, cắt ra từng đoạn, chia ra từng phần phơi giữa nắng gió, hay dùng lửa thiêu rụi, đốt cháy thành tro5 rồi để gió lốc thổi tung, hoặc quăng xuống nước. Này các Tỳ-kheo! Ý ông nghĩ sao? Phải chăng cây ấy đã bị chặt gốc cho đến bi thiêu rụi, khiến cây hoại diệt, trở thành thứ sau này không thể sanh trở lại chăng? - Đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Cũng vậy, này các Tỳ-kheo! Đối với pháp chấp thủ mà tùy thuận quán vô thường, tru trong pháp quán sanh diệt, quán vô dục, quán tịch diệt, quán nhàm* S. 2 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.284. 0079Ồ23). Tham chiếu: s. 12.55 - II. 87; S. 12.56-ii. 88; S. 12.58 -11. 90.



chán, tâm không đoái tưởng, không dính mắc? thức không rong ruổi tìm cầu danh sắc thì danh sắc diệt; danh sắc diệt thì sáu nhập xứ diệt, sáu nhập xứ diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não diệt, như thế toàn bộ khối khổ lớn ấy đều diệt. Đức Phật nói kinh này rồi, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành. ***

285. CHÔ NƯƠNG TƯA3 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ5 The Ton bảo các Tỳ-kheo: Ta nhớ về kiếp trước, khi chưa thành Chánh giác, sống một mình nơi thanh vắng, chuyên tâm

thiền tọa, khởi niệm như vầy: Thế gian chìm trong khổ nạn, đó là sanh, già, bệnh, chết, biến đổi, thọ sanh...; thế nhưng đối với sự sanh, già, bệnh, chết ấy và chỗ nương tựa45thì chúng sanh lại không biết như thật. Ta lại nghĩ: “Do có pháp gì mà có sanh? Do pháp gì làm duyên mà có sanh?" Ta liền tư duy chân chánh rồi phát sanh sự hiểu biết sáng suốt:5 "Do có hữu nên có sanh, do hữu làm duyên nên có sanh." Ta lại tư duy: "Do có pháp gì mà có hữu? Do pháp gì làm duyên mà có hữu?” Ta liền tư duy chân chánh rồi phát sanh hiểu biết sáng suốt, như thật: "Do có thủ nên có hữu, do thủ làm duyên nên có hữu." Ta lại nghĩ rằng: "Thủ lại do duyên nào, pháp nào mà có thủ? Do pháp nào làm duyên mà có thiỉ?" Ta liền tư duy chân chánh rồi phát sanh hiểu biết sáng suốt, như thật: "Đối với pháp chấp thủ mà tham đắm, đoái tưởng, tâm dính mắc thì ái dục tăng trưởng; do có ái kia nên có thiỉ, tức do ái làm duyên nên có thủ, thủ làm duyên nên có hữu, hữu làm duyên nên có sanh, sanh làm duyên nên có già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não, như thế tụ thành một khối khổ lớn.” Này các Tỳ-kheo! Ý các thầy nghĩ sao? Ví như nhờ có dầu và tim mà đèn được thắp sáng; có phải cứ thêm dầu và tim thì đèn kia được sáng lâu chăng? Các Tỳ-kheo đáp:  Đúng vậy, bạch Thế Tôn!

3 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.285. 0079c27. Tham chiếu: s. 12.10 - II. 10; S. 12.53 - II. 86; S. 12.54-11. 87. 4 Nguyên tác: Sở y Chỗ mà sanh, bệnh, lão, tử... nương vào để hiện khởi và tồn tại. 5 Nguyên tác: Vô gián đẳng  sự thấy rõ tường tận, được dịch từ Pâli là abhisamayo^, nghĩa là sự sáng suốt, thông tuệ, thông đạt, tuệ thể nhập. HT. Thích Minh Châu dịch là "thắng tíi.”

QUYỂN 12  337

-Cũng vậy, này các Tỳ-kheo! Đối với pháp chấp thủ mà tham đắm, đoái tưởng, tâm dính mắc thì ái dục tăng trưởng; do có ái kia nên có thủ, tức do ái làm duyên nên có thủ, thủ làm duyên nên có hữu, hữu làm duyên nên có sanh, sanh làm duyên nên có già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não, như thế tụ thành một khối khổ lớn. LÚC ây, Ta lại nghi: "Do không có pháp nào mà không có già, bệnh, chét này? Do pháp nào diệt mà già, bệnh, chết diet?" Ta liền tư duy chân chánh rồi phát sanh hiểu biết sáng suốt, như thật: "Do không có sanh nên không có già, bệnh, chết; nếu sanh diệt thì già, bệnh, chết đều diet.” Ta lại nghĩ: "Do không có pháp nào mà không có sanh? Do pháp nào diệt mà sanh diet?" Ta liền tư duy chân chánh rồi phát sanh hiểu biết sáng suốt, như thật: “Do không có hữu nên không có sanh, do hữu diệt nên sanh diet." Ta lại tư duy: "Do không có pháp nào mà không có hữu? Do pháp nào diệt mà hữu diet?" Ta liền tư duy chân chánh rồi phát sanh hiểu biết sáng suốt, như thật: “Do không có thủ nên không có hữu, do thủ diệt nên hữu diệt?5 Ta lại nghĩ: "Do không có pháp nào mà không có thủ? Do pháp nào diệt mà thủ diet?^ Ta liền tư duy chân chánh rồi phát sanh hiểu biết sáng suốt, như thật: uĐối với pháp bị chấp thủ mà quán vô thường, sanh diệt, ly dục, diệt tận, xả ly, tâm không đoái tưởng, tâm không dính mắc thì ái liền diệt; do ái diệt nên thủ diệt, thủ diệt nên hữu diệt, hữu diệt nên sanh diệt, saiứi diệt nên già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não diệt, như thế toàn bộ khối khổ lớn đều diet." Này các Tỳ-kheo! Ý các thầy nghĩ sao? Ví như nhờ có dầu và tim mà ngọn đèn được thắp sáng; nếu không thêm dầu và tim, chẳng phải đèn kia về sau không thể sáng tiếp mà sẽ bị tắt mất ư? Các Tỳ-kheo bạch

Phật: - Đúng vậy, thưa Thế Tôn!  Cũng vậy, này các Tỳ-kheo! Đối với pháp chấp thủ mà quán vô thường, sanh diệt, ly dục, diệt tận, xả ly, tâm không đoái tưởng, tâm không tham đắm thì ái liền diệt; ái diệt thì thủ diệt,... (cho đếrỉ) một khối khổ lớn cũng diệt. Đức Phật nói kinh này rồi, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành. ***

286. VÍ DỤ ĐỐNG LỬA6

Tôi nghe như vay:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước

Xá-vệ. J

6 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.286. 0080b08). Tham chiếu: s. 12.52 - II. 84.

338  KINH TẠPA-HÀM

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Ta nhớ về kiếp trước, khi chưa thành Chánh giác, sống một mình nơi thanh vắng, chuyên tâm thiền tọa,... (chi tiết như kinh trước đã nói,1 chỉ khác ở phần sau). r r Ví như chở mười bó củi, hai mươi, ba mươi, bôn mươi, năm mươi cho đên hàng trăm, hàng ngàn, hàng trăm ngàn bó củi đến rồi chất lại thành đống và châm lửa đốt cháy. Nếu như có người quăng thêm củi và cỏ khô vào, này các Tỳ-kheo, ý các thầy nghĩ sao? Đống lửa này sẽ cháy lâu dài chứ? Các Tỳ-kheo bạch Phật: - Đúng vậy, thưa Thế Tôn!  Cũng vậy, này các Tỳ-kheo! Đối với pháp chấp thủ mà tham đắm, đoái tưởng, tâm còn dính mắc thì ái tăng trưởng; ái làm duyên nên có thủ, thủ làm duyên nên có hữu... (cho đến) tụ thành một khối khổ lớn. Này các Tỳ-kheo! Nếu không quăng thêm củi và cỏ khô vào đống lửa đang cháy kia, ý các thầy nghĩ sao? Đống lửa kia sẽ bi tắt chứ? - Đúng vậy, thưa Thế Tôn! -Cũng vậy, này các Tỳ-kheo! Đối với pháp chấp thủ nên quán vô thường, sanh diệt, ly dục, diệt tận, xả ly, tâm không đoái ảng, khônẹ dính mắc thì ái sẽ diệt, ái diệt thì thủ diệt... (cho đếrỈỶ toàn bộ khối khổ lớn đêu diệt. Đức Phật nói kinh này roi, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đêu hoan hỷ phụng hành. ***

287. VÍ DỤ CON ĐƯỜNG cũ7 89 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Ta nhớ vê kiêp trước, khi chưa thành Chánh giác, sông một mình nơi thanh vắng, chuyên tâm thiền tọa, khởi niệm như vầy: “Do có pháp gì mà có già, chét? Do pháp gì làm duyên mà có già, chết?” Ta liền tư duy chân chánh roi khởi sanh hiểu biết sáng suốt, như thật:10 "Do có sanh nên có già, chết; do sanh làm duyên nên có già, chết; cho đến hữu, thủ, ái, thọ, xúc, sáu nhập, danh sắc cũng đều như vāy?9

7 Bản Hán tỉnh lược, xem nội dung đầy đủ trong kinh số 285(r02. 0099.285. 0079c27). 8 Bản Hán tỉnh lược, xem nội dung đầy đủ trong kinh số 283 (T.02. 0099.283. 0079a25). 9 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.287. 0080Ò24). Tham chiếu: Tg.(T.02. 0125.38.4. 0718al3); Tăng.(T.02. 0125.48.4. 0790a07); s. 12.65 - II. 104. ' 10 Nguyên tác: Sanh như thật vô gián đẳng ().Xem chú thích 5, kinh số 285, quyển 12, tr. 336; Tạp.(T.02. 0099.285. 0079c27).

Rồi lại khởi niệm: uDo có pháp gì mà có danh sắc? Do pháp gì làm duyên mà có danh sac?99 Ta liền tư duy chân chánh rồi khởi sanh hiểu biết sáng suốt, như thật: "Do có thức nên có danh sắc, do thức làm duyên nên có danh sắc." Khi Ta tư duy như vậy, đến thức rồi trở lại, không thể vượt qua;11 nghĩa là do thức làm duyên nên có danh sắc, do danh sắc làm duyên nên có sáu nhập xứ, do sáu nhập xứ làm duyên nên có xúc, do xúc làm duyên nên có thọ, do thọ làm duyên nên có ái? do ái làm duyên nên có thủ, do thủ làm duyên nên có hữu, do hữu làm duyên nên có sanh, do sanh làm duyên nên có già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não, như thế tụ thành một khối khổ lớn. Rồi Ta lại khởi niệm: “Do không có pháp gì mà không có già, chết? Do pháp gì diệt mà già, chết diet?” Ta liền tư duy chân chánh rồi khởi sanh hiểu biết sáng suốt, như thật: "Do không có sanh nên không có già, chết, do sanh diệt nên già? chết diệt. Cũng như vậy đối với sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, sáu nhập xứ, danh sắc, thức, hnh.” Ta lại tư duy: "Do không có pháp gì mà không có hành? Do pháp gì diệt mà hành diet?" Ta liền tư duy chân chánh rồi khởi sanh hiểu biết sáng suốt, như thật: "Do không có vô minh nên không có hành, do vô minh diệt nên hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì sáu nhập xứ diệt, sáu nhập xứ diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não diệt, như thế là toàn bộ khối khổ lớn đều diet." Rồi Ta khởi niệm như vầy: “Ta thấy được con đường xưa của Tiên nhân, thấy được lối mòn xưa của Tiên nhân, thấy được dấu chân xưa của Tiên nhân. Bậc Tiên nhân xưa kia đã từng đặt chân trên con đường này, nay Ta cũng bước theo lối ấy.” Ví như có người đi giữa đồng hoang, vạch lối tìm đường, bỗng nhiên nhìn thấy đường cũ mà người xưa đã từng qua lại, liền theo đó mà di, tiến dần về phía trước, thấy có thành ấp cũ, cung điện vua xưa, vườn cảnh, ho tam, rừng cây mát mẻ. Người ấy suy nghĩ: "Bây giờ? ta nên tâu cho nhà vua biết.” Rồi người ấy liền đến thưa: "Đại vương nên biết! Vừa rồi thần đi giữa đồng hoang, vạch lối tìm đường, bỗng thấy con đường cũ mà người xưa từng qua lại, thần liền lần theo, thấy có thành ấp cũ, cung điện vua xưa, vườn cảnh, hồ tắm, suối rừng trong xanh. Đại vương có thể đến sống trong đó.95 Nghe xong, vua liền đến đó, ngự lại nơi đó, sung túc an ổn, nhân dân thịnh vượng. Nay Ta cũng như vậy, đã gặp được con đường xưa của Tiên nhân, lối mòn xưa của Tiên nhân, dấu chân xưa của Tiên nhân. Bậc Tiên nhân xưa kia đã đi

11 Nguyên tác: Te thức nhi hoàn, bất năng quá bỉ ().Theo s. 12.65 - II. 104: Paccudāvattati kho idarn viññānam nāmarūpamhā na param gacchati (Thức này trở lui, không đi xa hơn danh sắc), HT. Thích Minh Châu dịch.



qua đường này, nay Ta cũng bước theo. Con đường đó chính là Thánh đạo tám chi, gồm chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Ta theo con đường đó mới thấy được già, bệnh, chết; già, bệnh, chết tập khởi; già, bệnh, chết chấm dứt; con đường đưa đến chấm dứt già, bệnh, chết. Thấy được sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, sáu nhập xứ, danh sắc, thức, hành; hành

tập khởi, hành chấm dứt và con đường đưa đến chấm dứt hành. Ta đối với pháp này, tự biết, tự ngộ, thành bậc Giác Ngộ Viên Mãn rồi khai thị, diễn thuyết cho Tỳ-kheo? Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu- bà-di và cả các Sa-môn ngoại đạo, Bà-la-môn, tại gia, xuất gia. Bốn chúng ấy nghe pháp rồi, hướng về chân chánh,12 tin tưởng ngưỡng mộ, biết rõ pháp thiện, Phạm hạnh tăng trưởng, được nhiều lợi ích. Đức Phật nói kinh này rồi, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành. ***

288. VÍ DỤ VỀ BA CÂY LAU SẬY13

Tôi nghe như vay:

Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá.

Lúc đó, Ton giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la đang ở trong núi Kỳ-xà quật. Bấy giờ, vào lúc xế chiều, Tôn giả Xá-lợi-phất xả thiền rồi đến chỗ Tôn giả Câu-hy-la9 vui vẻ thăm hỏi nhau xong và ngồi xuống một bên. Rồi Tôn giả Xá-lợi-phất thưa với Tôn giả Câu-hy-la rằng:

-Tôi có điều muốn hỏi, không biết Tôn giả có thời gian để giải đáp cho chăng?

Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la đáp:

Nhân giả cứ hỏi, nếu biết tôi sẽ trả lời.

Tôn giả Xá-lợi-phất liền hỏi:

-Thế nào, thưa Tôn giả Câu-hy-la, có sự già không?

Đáp:

-Thưa, có chứ!

Hỏi:

- Có sự chết không?

Đáp:

Thưa, có chứ!

12 Nguyên tác: Chánh hướng ().p. ujuppatipanna (hướng về sự chân chánh). 13 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.288. 0081a09). Tham chiếu: s. 12.67 - II. 112.



Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi: Thế nào, thưa Tôn giả, sự già chết ấy là do mình tạo hay do người tạo? Hay vừa do mình vừa do người tạo? Hay không phải do mình cũng không phải do người tạo, tức do tự nhiên14 chăng?

-Tôn giả Xá-lợi-phất! Sự già chết ấy chẳng phải do mình tạo, chẳng phải do người tạo, chẳng phải vừa do mình vừa do người tạo, chẳng phải không phải do mình cũng không phải do người tạo, tức chẳng phải do tự nhiên mà là do sanh làm duyên nên có già chết. Hỏi: Như vậy thì sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, sáu nhập xứ, danh sắc là do mình tạo, do người tạo, vừa do mình vừa do người tạo hay không phải do mình cũng không phải do người tạo, tức là do tự nhiên chăng? Đáp: -Tôn giả Xá-lợi-phất! Danh sác ây chăng phải do mình tạo, chăng phải do người tạo? chẳng phải vừa do mình vừa do người tạo, chẳng phải không phải do mình cũng không phải do người tạo, tức chẳng phải do tự

nhiên mà là do thức làm duyên nên có danh sác. Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi: -Thức kia là do mình tạo, do người tạo, vừa do mình vừa do người tạo hay không phải do mình cũng không phải do người tạo, tức do tự nhiên chăng? Đáp: -Tôn giả Xá-lợi-phất! Thức ấy chẳng phải do mình tạo, chẳng phải do người tạo, chăng phải vừa do mình vừa do người tạo, chăng phải không phải do mình cũng không phải do người tạo, tức chẳng phải do tự nhiên mà là do danh sắc làm duyên nên có thức. Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi: Thưa Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la! Trước Tôn giả nói danh sắc chẳng phải do mình tạo, chẳng phải do người tạo, chẳng phải vừa do mình vừa do người tạo, chẳng phải không phải do mình cũng không phải do người tạo, tức chẳng phải do tự nhiên, mà là "do thức làm duyên nên có danh sắc", nhưng nay Tôn giả lại nói "do danh sắc làm duyên nên có thức", vậy nghĩa này là thế nào? Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la đáp: -Nay tôi sẽ nói ví du, người trí nhờ ví dụ mà được hiểu rõ. Ví như ba cây lau sậy được dựng lên nơi khu đất trống, chúng nhờ nương tựa vào nhau mới có

14 Nguyên tác: Vô nhân tác ().Theo s. 12.67 - IL 112: Adhỉccasamuppannarn (do tự nhiên sanh), HT Thích Minh Châu dịch.



thể đứng vững. Nếu lấy ra một cây thì hai cây kia sẽ không thể đứng vững, hoặc lấy ra hai cây thì một cây còn lại cũng không đứng vững, vì chúng phải nương nhau mới có thể đứng được. Thức duyên danh sắc cũng lại như thế, nương tựa qua lại lẫn nhau mới sanh trưởng được. Tôn giả Xá-lợi-phất nói: - Lành thay! Lành thay! Trong hàng đệ tử Thanh văn của Thế Tôn, Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la là người có trí tuệ minh đạt, khéo điều phục, không sợ hãi, thấy pháp cam lộ.1516 Do tự thân chứng nghiệm trọn vẹn pháp cam lộ nên Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la mới có biện tài sâu xa như thế, đối với mọi chất vấn đêu có thê giải đáp. Ví như ngọc quý vô giá, người thê gian thường đội trên đầu; nay tôi cũng giống như thế, cúi đầu cung kính đảnh lễ Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la. Hôm nay, tôi ở chỗ Tôn giả liền được thiện lợi. Các vị Phạm hạnh khác thường đến chỗ Tôn giả cũng được thiện lợi, ấy là nhờ Ton giả khéo thuyết pháp. Đối với pháp mà Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la đã thuyết, nay tôi dùng ba mươi cách tán thán để xung dương, tùy hỷ. Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la nói rằng: Đối với già chết mà chán ghét, ly dục, diệt tận, gọi là Pháp sư. Lại nói: Đoi với sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, sáu nhập xứ, danh sắc, thức mà chán ghét, ly dục, diệt tận5 gọi là Pháp sư. Nếu Tỳ-kheo đối với già chết mà chán ghét, hướng đến ly dục? diệt tận, gọi là Pháp sư; cho đến đối với thức mà chán ghét, hướng đến ly dục, diệt tận, gọi là Pháp sư. Nếu Tỳ-kheo đối với già chết mà chán ghét, ly dục, diệt tận, không khởi các lậu hoặc, tâm giải thoát hoàn toàn,16 gọi là Pháp sư; cho đến đối với thức mà chán ghét, ly dục, diệt tận, không khởi các lậu hoặc, tâm giải thoát hoàn toàn, gọi là Pháp sư. Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la nói với Tôn giả Xá-lợi-phất: Lành thay! Lành thay! Trong hàng đệ tử Thanh văn của Thế Tôn, Tôn giả Xá-lợi-phất là người có trí tuệ minh đạt, khéo điều phục, không sợ hãi, thấy pháp cam lộ. Do tự thân chứng nghiệm trọn vẹn pháp cam lộ nên Tôn giả Xá- lợi-phât mới có khả năng đặt những câu hỏi với chánh trí sâu xa như vậy. Ví như ngọc báu vô giá được người thế gian đội trên đầu, nay Tôn giả cũng vậy, đáng được tát cả các bậc Phạm hạnh đảnh lễ,

tôn kính, phụng sự. Hôm nay, tôi có được thiện lợi, ấy là nhờ cùng với Tôn giả luận bàn diệu nghĩa. Cả hai vị Tôn giả cùng nhau tùy hỷ rồi trở về trú xứ của mình. ***

15 Cam 10 amata: Bất tử, cũng được hiểu là giải thoát. 16 Nguyên tác: Thiện giải thoát suvimuttà. Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển l, tr. 19; Tạp.r02. 0099.22. 004c20.

QUYỂN 12  343

289. HÀNG PHÀM PHU MÊ MUÔI1718 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, trong vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Hàng phàm phu mê muội thiếu hiểu biết tuy đối với thân tứ đại có thể chán ghét, ly dục, xả bỏ, nhưng đối với thức thì không thể. Vì sao như vậy? Vì họ thấy thân tứ đại có tăng, có giảm, có thủ, có xả, nhung đối với tâm, ý, thức thì hàng phàm phu mê muội thiếu hiểu biết không thể chán ghét, ly dục, giải thoát. Vì sao như vậy? Vì từ bao đời nay, họ nâng niu yêu quý, chấp chặt vào đây, hoặc đắc, hoặc thủ, rồi cho rằng: "Dây là ta, đây là của ta? tồn tại trong nhau."18 Cho nên hàng phàm phu mê muội thiếu hiểu biết ấy không thể đối với tâm, ý5 thức này mà chán ghét, ly dục, giải thoát. Này các Tỳ-kheo! Hàng phàm phu mê muội thiếu hiểu biết thà đối với thân tứ đại chấp là ta, là của ta, chứ không nên đoi với thức mà chấp là ta, là của ta. Vì sao như vậy? Vì dù sao sắc thân tứ đại cũng có thể tồn tại được mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm cho đến trăm năm rồi mới mất đi, hoặc lâu hơn chút nữa, chứ còn tâm, ý, thức kia chuyên biên từng ngày, từng đêm, từng giờ, từng khắc, trong chốc lát, thoạt sanh thoạt diệt. Ví như con vượn rong chơi trong rừng, thoáng chốc ở nơi này, chợt thoắt ở nơi kia, chuyền từ cành này sang cành khác, buông cành này nắm cành kia; tâm, ý, thức kia cũng lại như vậy, thoạt sanh thoạt diệt. Vị Thánh đệ tử đa văn đối với pháp duyên khởi, khéo tư duy quán sát như vây: "Lạc xúc làm duyên sanh ra lạc thọ, khi cảm nhận lạc thọ thì biêt như thật đang cảm nhận lạc thọ; khi lạc xúc kia diệt thì lạc thọ do lạc xúc làm duyên sanh ra ây cũng diệt, dừng lăng, văng lặng, ngưng nghí, biên mát. Giông lạc thọ, các thọ được sanh bởi các duyên như khổ xúc, hỷ xúc, ưu xúc, xả xúc cũng vậy. Do xả xúc làm duyên nên sanh ra xả thọ, khi cảm nhận xả thọ liền biết như thật đang cảm nhận xả thọ; khi xả xúc kia diệt thì xả thọ do xả xúc làm duyên sanh ra ây cũng diệt, dừng lăng, văng lăng, ngmig nghí, biên mát." Vị ấy lại tư duy như vầy: "Thọ này được sanh ra bởi xúc, lạc là do xúc, phụ thuộc vào xúc. Do có lạc bởi xúc thế này thế kia mà có lạc bởi thọ thế này thế kia; do lạc bởi xúc thế này thế kia diệt thì lạc bởi thọ thế này thế kia cũng diệt, dừng lắng, vắng lặng, ngưng nghỉ, biến mất."

17 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.289. 0081c04). Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.9.3. 0562C02); Tăng.(T.02. 0125.9.4. 0562c 10); s. 12.61 - II. 94. 18 Nguyên tác: Tương tại ().Tham chiếu: s. 35.86 - IV. 54: Etarn mama, esohamasmi, eso me attā. (Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi), HT. Thích Minh Châu dịch. Tự ngã của tôi được hiểu là cái tôi của tôi, Hán dịch là "tương tai,?().

344 > KINH TẠPA-HÀM

Như thế, Thánh đệ tử đa văn đối với sắc sanh nhàm chán; đối với thọ, tưởng, hành, thức sanh nhàm chán; do nhàm chán nên không ưa thích, do không ưa thích nên đắc giải thoát, giải thoát tri kiến: “Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Đức Phật nói kinh này rồi, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành. ***

290. THÁNH ĐỆ TỬ ĐA VĂN19 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, trong vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. r _ Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Hàng phàm phu mê muội thiếu hiểu biết tuy đối với thân tứ đại có thể chán ghét, ly dục, xả bỏ, nhưng đôi với thức thì không thê. Vì sao như vậy? Vì họ thấy thân tứ đại có tăng, có giảm, có thủ, có xả, nhưng đoi với tâm, ý, thức thì hàng phàm phu mê muội thiếu hiểu biết không thể chán ghét, ly dục, giải thoát. Vì sao như vậy? Vì từ bao đời nay, họ nâng niu yêu quý, chấp chặt vào đây, hoặc đắc, hoặc thủ, rồi cho rằng: "Bây là ta, đây là sở hữu của ta, tồn tại trong nhau.” Cho nên hàng phàm phu mê muội thiếu hiểu biết ấy không thể đối với tâm, ý, thức đây mà chán ghét, ly dục, giải thoát. Này các Tỳ-kheo! Hàng phàm phu mê muội thiếu hiểu biết thà đối với thân tứ đại chập là ta, là của ta, chứ không nên đôi với thức chập là ta? là của ta. Vì sao như vậy? Vì dù sao sắc thân tứ đại cũng có thể tồn tại được mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm cho đến trăm năm rồi mới mất di, hoặc lâu hơn chút nữa, chứ còn tâm, ý, thức kia chuyển biến từng ngày, từng đêm, từng giờ, từng khắc, trong chốc lát, thoạt sanh thoạt diệt. Ví như con vượn rong chơi trong rừng, thoáng chốc ở nơi này, chợt thoắt ở nơi kia, chuyền từ cành này sang cành khác, buông cành này nắm cành kia. Tâm, ý? thức kia cũng lại như vậy, thoạt sanh thoạt diệt. Vị Thánh đệ tử đa văn đối với pháp duyên khởi khéo tư duy quán sát như vầy: “Lạc xúc làm duyên sanh ra lạc thọ, khi cảm nhận lạc thọ thì biết như thật đang cảm nhận lạc thọ; khi lạc xúc kia diệt thì lạc thọ do lạc xúc làm duyên sanh ra ây cũng diệt, dừng lắng, vắng lặng, ngưng nghỉ, mất đi. Cũng như lạc thọ, các thọ được sanh bởi các duyên như khổ xúc, hỷ xúc, ưu xúc, xả xúc cũng vậy. Do xả xúc làm duyên nên sanh ra xả thọ, khi cảm nhận xả thọ liền biết như thật đang cảm nhận xả thọ; khi xả xúc kia diệt thì xả thọ do xả xúc làm duyên sanh ra ấy cũng diệt, dừng lắng, vắng lặng, ngưng nghỉ, biến mất.”

19 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.290. 0082a01). Tham chiểu: s. 12.62 - II. 95.



Ví như hai khúc cây cọ xát vào nhau sẽ phát ra lửa, nếu tách rời hai khúc cây ây ra thì lửa tăt ngâm. Cũng vậy, các thọ do xúc làm duyên mà tập khởi, do xúc mà sanh ra, do xúc mà tập khởi. Nếu xúc thế này thế kia tập khởi thì thọ thế này the kia cũng tập khởi; nêu xúc thế này thế kia tập khởi rồi diệt thì thọ thế này thế kia cũng tập khởi rồi cũng diệt, dừng lắng, vắng lặng, ngưng nghỉ, biến mất. Khi vị Thánh đệ tử đa văn quán sát như vậy, đối với sắc được giải thoát; đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng được giải thoát; đối với sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não cũng được giải thoát. Ta nói vị ấy đối với khổ đã được giải thoát. Đức Phật nói kinh này rồi, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành. ***

291. Sự TIẾP XÚC NÔI TÂM2021 Tôi nghe như vầy: Một thòi, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Bay giờ, The Ton bảo các Tỳ-kheo: Ta đã nói về sự tiếp xúc nội tâm/1 các thầy có nắm bắt được chăng? Khi ấy, có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh sửa y phục, cúi lạy sát chân Phật roi chăp tay thưa răng: Bạch Thế Tôn! Con đã nắm bắt được về sự tiếp xúc nội tâm mà Ngài giảng dạy. Rồi Tỳ-kheo ấy đối trước Phật trình bày như vậy như vậy, nhung Thế Tôn vẫn không hài lòng. Bấy giờ, đức Phật nói với Tôn giảA-nan đang cầm quạt đứng hầu phía sau: -Sự tiếp xúc nội tâm theo giáo pháp của Hiền thánh khác với những gì Tỳkheo này vừa nói. A-nan thưa Phật: Bạch Thế Tôn! Nay thật đúng thời. Cúi xin Thế Tôn vì chúng Tỳ-kheo mà dạy về sự tiếp xúc nội tâm theo giáo pháp của Hiền thánh! Các Tỳ-kheo nghe xong sẽ vâng giữ phụng hành. Đức Phật bảo A-nan: -Lành thay! Hãy lắng nghe, Ta sẽ nói cho các thầy nghe. Các Tỳ-kheo nắm bắt sự tiếp xúc nội tâm nên khởi tư duy như vầy: “C6 những nỗi khô đau khởi

20 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.291. 0082a28). Tham chiếu: s. 12.66 - II. 107. 21 Nguyên tác: Nội xúc pháp ().Theo s. 12.66 - II. 107: ^Sammasatha no tumhe, bhikkhave, antaram sammasa'nti. (Này các Tỷ-kheo, các ông có nắm giữ với nội xúc hay không?), HT. Thích Minh Châu dịch.



lên mà chúng sanh phải gánh chịu, thế thì những khổ đau này do cái gì làm nhân, do cái gì làm tập khởi, do cái gì mà tác sanh, do cái gì làm hiện hữu?"22 Khi năm bắt như vậy, nên biết rằng những nỗi khổ đau này đều do sanh y làm nhân,*23 do sanh y làm tập khởi, do sanh y mà tác sanh, do sanh y làm hiện hữu. Lại nữa, này Ty-kheo? với sự tiếp xúc nội tâm thì sanh y lấy cái gì làm nhân, lấy cái gì làm tập khởi, lấy cái gì làm tác sanh, lấy cái gì làm hiện hữu? Khi nắm bắt như vậy, nên biết rằng sanh y do ái làm nhân, do ái tập khởi, do ái tác sanh, do ái hiện hữu. Lại nữa, Ty-kheo, khi nắm bắt sự tiếp xúc nội tâm, sẽ biết ái do cái gì làm nhân, do cái gì tập khởi, do cái gì tác sanh, do cái gì hiện hữu. Khi nam bắt như vậy, nên biết rằng the gian quan niệm sắc là đẹp đẽ và thật c6, tại chỗ đó, ái sanh càng sanh thêm, ái bám vào càng bám chặt, ái trú vào càng thêm tru. Nếu các Sa-môn? Bà-la-môn đối với sắc được thế gian quan niệm đẹp đẽ và thật có áy mà khởi tưởng là thường, là hăng, là an ôn, là không bệnh, là ta, là của ta; với cái thấy ấy thì đối với sắc này ái càng tăng trưởng, khi ái đã tăng trưởng thì sanh y càng tăng trưởng, khi sanh y đã tăng trưởng thì khổ càng tăng trưởng, khi khô đã tăng trưởng thì không giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chét, ưu, bi, khổ, não. Ta nói vị ấy không giải thoát khỏi khổ. Ví như bên đường có ao nước trong mát, có mùi vị ngon ngọt, nhimg có người bỏ chất độc trong đó. Vào tháng mùa xuân, người đi đường mệt và khát vì nóng bức, liền tranh nhau xuống ao uống nước. Khi ấy, có người nói rằng: "Này các anh, ao nước trong mát kia dù có mùi vị ngon ngọt, nhưng trong đó có độc, các anh không nên uống. Nếu uống vào sẽ chết, hoặc khổ như sắp chết." Thế mà9 những kẻ khát nước kia không tin, vẫn cứ uống, tuy có đỡ khát nhưng chốc lát bị chết, hoặc bị khổ như sắp chết. Cũng vậy, các Sa-môn9 Bà-la-môn đoi với sắc được the gian quan niệm đẹp đẽ và thật có ấy mà thấy là thường, là hang, là an on, là không bệnh, là

ta, là của ta,.. (cho đến) không giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Nêu các Sa-môn, Bà-la-môn đôi với sác đẹp được thê gian quan niệm là đẹp đẽ và thật có ấy mà quán sát như bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như sát hại, vô thường, khổ, không, vô ngã thì đối với ái này ắt được xa lìa. Vì xa lìa được ái nên xa lìa được sanh y; vì xa lìa được sanh y nên xa lìa khỏi khổ, đã xa lìa khỏi khổ nên xa lìa được sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Ví như bên đường có ao nước trong mát, có mùi vị ngon ngọt, nhưng có người bỏ chất độc vào trong đó. Vào tháng mùa xuân, người đi đường mệt và

'2 Nguyên tác: Hà xúc 0Ī).Đoạn kinh bên dưới ghi là chuyển ().Theo Thành duy thức luận thuạíkỷ (r.43. 183^1. 0238a24), “chuyển” (W) có n^hīa là sự hiện khởi ); giông như nghĩa hiện hữu (bhavā). Tham chiếu: s. 12.66 - II. 107 Idarn kho dukkham upadhinidānam upadhỉsamudayarn upadhijātikam upadhipabhavarn (Sự đau khổ này lấy sanh y làm nhân, lấy sanh y làm tập khởi, lây sanh y làm tác sanh, lấy sanh y làm hiện hữu), HT. Thích Minh Châu dịch. 23 Nguyên tác: ức-ba-đề (),phiên âm từ upadhi, có nghĩa là bản thể của sự tái sanh, sanh y.



khát vì nóng bức, liền tranh nhau xuống ao uống nước. Khi ấy, có người nói răng: "Này các anh, ao nước trong mát kia dù có mùi vị ngon ngọt, nhimg trong đó có độc, các anh không nên uống. Nếu uống vào sẽ chết, hoặc khổ như sắp chét.” Những người kia suy nghĩ: "Nước này có chất độc, nếu ta uống vào sẽ chết, hoặc khổ như sắp chết, thôi thì ta cố nhịn khát, ăn miếng lương khô, không dám uống rnróc." Cũng vậy, các Sa-môn, Bà-la-môn đối với sắc đẹp được thế gian quan niệm là đẹp đẽ và thật có ấy mà quán sát như bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như sát hại, vô thường, khô, không, vô ngã,... (cho đên) giải thoát khỏi sự sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Thế nên, này A-nan! Đối với pháp này thấy như vậy, nghe như vậy, cảm nhận như vậy, biết như vậy; đối với quá khứ, vị lai cũng theo như phương pháp này mà quán sát như vậy. Đức Phật nói kinh này rồi, các Tỳ-kheo khi nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hanh. ***

292. TƯ DUY, QUÁN SÁT24 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Bây giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Tư duy, quán sát như thế nào để chấm dứt khổ hoàn toàn/5 vượt thoát khổ đau? Nên tư duy như vầy: “Chúng sanh gánh chịu nhiều loại khổ đau khác nhau; những khổ đau này do cái gì làm nhân, do cái gi làm tập khởi, do cái gì làm tác sanh, do cái gì làm hiện hữu?,, Tư duy như the sẽ thấy rằng, thủ chính là nhân, thủ làm tập khởi, thủ làm tác sanh, thủ làm hiện hữu. Nêu thủ kia diệt hoàn toàn thì các khổ diệt. Như thế, vị ấy đã biết đúng như thật con đường dẫn đến khổ diệt, liền tu tập theo giáo pháp và thứ lớp của giáo pháp.26 Đó gọi là Tỳ-kheo hướng đến việc chấm dứt khổ hoàn toàn, vượt thoát khổ đau, nghĩa là thủ diệt. Lại nữa, khi các Tỳ-kheo tư duy, quán sát để chấm dứt khổ hoàn toàn, vượt thoát khổ đau thì tư duy như vầy: "Thủ kia do cái gì làm nhân, do cái gì làm tập khởi, do cái gì làm tác sanh, do cái gì làm hiện hữu?" Tư duy như vậy sẽ thấy rằng: Thủ kia do ái làm nhân, do ái làm tập khởi, do ái làm tác sanh, do ái làm

24 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp,(r02. 0099.292. 0082cl8). Tham chiếu: s. 12.51 - II. 80. 25 Nguyên tác: Chánh tận khổ ().Thập thượng kỉnh r(7QL OOOl.lO. 0054al7); Tạp. (7:02. 0099.108. 0034al4) vả Tăng..012546.8. 0778c20) đều gọi là bình đang tận kho (¥ ).Chánh ()hoặc bình dẩẩg ()được dịch từ sammā, nghĩa thứ nhất là đúng, chính xác; nghĩa thứ hai là hoàn toàn. 26 Nguyên tác: Hướng thứ pháp ().Xem chú thích 68, kinh số 27, quyển l, tr. 24; Tạp.(r02. 0099.27. 0005c20).



hiện hữu. Nếu ái kia diệt hoàn toàn thì thủ kia cũng diệt. Như thế, vị ấy biết đúng như thật con đường dẫn đến thủ diệt, liền tu tap theo giáo pháp và thứ lớp của giáo pháp. Đó gọi là Tỳ-kheo hướng đến việc chấm dứt khô hoàn toàn, vượt thoát kho đau, nghĩa là ái diệt. Lại nữa, khi các Tỳ-kheo tư duy, quán sát để chấm dứt khổ hoàn toàn, vượt thoát khổ đau thì tư duy như vầy: "Ai kia do cái gì làm nhân, do cái gì làm tập khởi, do cái gì làm tác sanh, do cái gì làm hiện hữu?" Rồi biết rằng: Ái kia do thọ làm nhân, do thọ làm tập khởi, do thọ làm tác sanh, do thọ làm hiện hữu. Nếu thọ kia diệt hoàn toàn thì ái kia cũng diệt. Như thế, vi ấy biết đúng như thật con đường dẫn đến ái diệt, liền tu tập theo giáo pháp và thứ lớp của giáo pháp. Đó gọi là Tỳ-kheo hướng đến việc chấm dứt kho hoàn toàn, vượt thoát kho đau, nghĩa là thọ diệt. [0083a05] Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy, quán sát để chấm dứt khổ hoàn toàn, vượt thoát khổ đau thì tư duy như vầy: "Thọ kia do cái gì làm nhân, do cái gì tập khởi, do cái gì làm tác sanh, do cái gì làm hiện hữu?,^ Rồi biết rằng: Thọ kia do xúc làm nhân, do xúc làm tập khởi, do xúc làm tác sanh, do xúc làm hiện hữu. Nếu xúc kia diệt hoàn toàn thì thọ kia cũng diệt. Như thế, vi ấy biết đúng như thật con đường dẫn đến xúc diệt, liền tu tập theo giáo pháp và thứ lớp của giáo pháp. Đó gọi là Tỳ-kheo hướng đến việc chấm dứt khổ hoàn toàn, vượt thoát kho đau. Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy, quán sát để chấm dứt khổ hoàn toàn, vượt thoát khổ đau thì tư duy như vầy: "Xúc kia do cái gì làm nhân, do cái gì làm tập khởi, do cái gì làm tác sanh, do cái gì làm hiện hữu?,^ Rồi biết rằng: "Xúc kia do sáu nhập xứ làm nhân, do sáu nhập xứ làm tập khởi, do sáu nhập xứ làm tác sanh, do sáu nhập xứ làm hiện hữu. Nêu sáu nhập xứ kia diệt hoàn toàn thì xúc kia cũng diet." Như thế, vị ấy biết đúng như thật con đường dẫn đến lục nhập xứ diệt, liền tu tập theo giáo pháp và thứ lớp của giáo pháp. Đó gọi là Tỳ-kheo hướng đến việc chấm dứt khổ hoàn toàn, vượt thoát khổ đau. Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy, quán sát để chấm dứt khổ hoàn toàn, vượt thoát khổ đau thì tư duy như vay: “Sáu nhập xứ kia do cái gì làm nhân, do cái gì tập khởi, do cái gì lam tác sanh, do cái gì làm hiện hữu?" Rồi biết rằng: "Sáu nhập xứ kia do danh sắc làm nhân, do danh sắc làm tập khởi, do danh sắc làm tác sanh, do danh sắc làm hiện hữu. Nếu danh sắc kia diệt hoàn toàn thì sáu nhập xứ kia cũng diet." Như thế, vị ấy biết đúng như thật con đường dẫn đến danh sắc diệt, liền tu tập theo giáo pháp và thứ lớp của giáo pháp. Đó gọi là Tỳ-kheo hướng đến việc chấm dứt khổ hoàn toàn, vượt thoát khổ đau, nghĩa là danh sắc diệt. Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy, quán sát để chấm dứt khổ hoàn toàn, vượt thoát khổ đau thì tư duy như vầy: “Danh sắc kia do cái gì làm nhân, do cái gì làm tập khởi, do cái gì làm tác sanh, do cái gì làm hiện hữu?" Rồi biết rằng: "Danh sắc kia do thức làm nhân, do thức làm tập khởi, do thức làm tác sanh, do thức làm

hiện hữu. Nếu thức kia diệt hoàn toàn thì danh sắc kia cũng diet." Như thế, vị ấy biết đúng như thật con đường dẫn đến thức diệt, liền tu tập theo giáo pháp và thứ lớp của giáo pháp. Đó gọi là Tỳ-kheo hướng đến việc chấm dứt khổ hoàn toàn, vượt thoát khổ đau, nghĩa là thức diệt. Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy, quán sát để chấm dứt khổ hoàn toàn, vượt thoát khổ đau thì tư duy như vầy: "Thức kia do cái gì làm nhân, do cái gì làm tập khởi, do cái gì làm tác sanh, do cái gì làm hiện hữu?" Rồi biết rằng: "Thức kia do hành làm nhân, do hành làm tập khởi, do hành làm tác sanh, do hành làm hiện hữu. Nếu tạo hành thiện27 thì thức thiện sanh, tạo hành bất thiện2^ thì thức bất thiện sanh, tạo hành bất động29 thì thức bất động sanh. Đó là [biết rằng] thức kia do hành làm nhân, do hành làm tập khởi, do hành làm tác sanh, do hành làm hiện hữu. Nấu hành kia diệt hoàn toàn thì thức kia cũng diet." Như thế, vị ấy biết đúng như thật con đường dẫn đến hành diệt, liền tu tập theo giáo pháp và thứ lớp của giáo pháp. Đó gọi là Tỳ-kheo hướng đến việc chấm dứt khổ hoàn toàn, vượt thoát khổ đau, nghĩa là hành diệt. [0083b04] Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy, quán sát để chấm dứt khổ hoàn toàn, vượt thoát khổ đau thì tư duy như vầy: uHành kia do cái gì làm nhân, do cái gì làm tập khởi, do cái gì làm tác sanh, do cái gì làm hiện hữu?” Rồi biết rằng: "Hành kia do vô minh làm nhân, do vô minh làm tập khởi, do vô minh làm tác sanh, do vô minh làm hiện hữu. Hành thiện do vô minh làm duyên, hành bất thiện cũng do vô minh làm duyên, hành bất động cũng do vô minh làm duyên. Do đó nên biết, hành kia do vô minh làm nhân, do vô minh làm tập khởi, do vô minh làm tác sanh, do vô minh làm hiện hữu. Nêu vô minh diệt hoàn toàn thì hành kia diet." Vị ấy biết đúng như thật con đường dẫn đến vô minh diệt, rồi tu tập theo giáo pháp và thứ lớp của giáo pháp. Đó gọi là Tỳ-kheo hướng đến việc chấm dứt khổ hoàn toàn, vượt thoát khổ đau, nghĩa là vô minh diệt. Đức Phật hỏi các Tỳ-kheo:  Ý các thầy nghĩ sao? Nếu nhàm chán30 vô minh thì sanh khởi minh, khi ấy có còn duyên với vô minh kia để tạo hành thiện, hành bất thiện hay hành bất động chăng? Các Tỳ-kheo bạch: -Thưa không, bạch Thế Tôn! Vì sao như thế? Vì vị Thánh đệ tử đa văn nhàm chán vô minh thì sanh khởi minh, khi ấy vô minh diệt thì hành diệt, hành

27 Nguyên tác: Phước hành ỶẵÍT, puññābhisamkhāro. 28 Nguyên tác: Bất phước bất thiện hành apuññābhisarnkhāro. 29 Nguyên tác: Vô sở hữu hành Tạp A-hàm kinh luận hội biên  0030.02. 0023al3 ghi là 4tphi phước bất phước hanh^JCâu-xả thích luận  T.29. 1559.7. 0207a20 ghi là "bất động hanh,,,āneñjābhisamkhāry Đầy chỉ cho hành vi không thiện không ác, diêm tĩnh, không lay động. Theo Pãli-Hản từ điên Bdo Minh Pháp Tôn giả hiệu đính, āneñjābhisamkhāro chỉ cho thiện tâm trong bôn thiên Vô Săc
30 Nguyên tác: Bất lạc .



diệt thì thức diệt,... {cho đến sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não diệt, như thế thì toàn bộ khối khổ lớn đều diệt. Đức Phật dạy:  Lành thay! Lành thay! Này các Tỳ-kheo! Ta cũng nói như vậy, các thầy cũng biết như vậy: ở nơi pháp này pháp kia mà khởi lên

pháp này pháp kia; sanh pháp này pháp kia, diệt pháp này pháp kia; tịch diệt, dừng lắng, văng lặng, ngưng nghi, biến mất. Nếu vi Thánh đệ tử đa văn đối với vô minh mà viễn ly3132 thì sanh khởi minh, cảm nhận cảm thọ trong giới hạn của thân,32 biết như thật cảm nhận cảm thọ trong giới hạn của thân; cảm nhận cảm thọ trong giới hạn của thọ mạng,33 biết như thật cảm nhận cảm thọ trong giới hạn của thọ mạng; khi thân hoại diệt, thọ mạng săp tận, tát cả cảm nhận vê các cảm thọ này đêu diệt tận hoàn toàn. Ví như vi lực sĩ lấy món đồ gốm mới nung xong, còn nóng bỏng, đặt trên mặt đất thì trong chốc lát vật này sẽ tan vỡ, sức nóng cũng tản mất.34 Cũng vậy, Tỳ-kheo đối với vô minh mà viễn ly thì sanh khởi minh, cảm nhận cảm thọ trong giới hạn của thân, biêt như thật cảm nhận cảm thọ trong giới hạn của thân; cảm nhận cảm thọ trong giới hạn của thọ mạng, biết như thật cảm nhận cảm thọ trong giới hạn của thọ mạng; khi thân hoại diệt, thọ mạng sắp tận, tất cả cảm nhận về các cảm thọ này đều diệt tận hoàn toàn. Đức Phật nói kinh này rồi5 các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.
***

293. PHÁP SÂU XA35 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Ta đã thoát nghi ngờ, lìa do dự, nhổ gai tà kiến, không bị thoái chuyển. Một khi tâm không con chấp trước thì chỗ nào cho ngã tồn tại? Ta vì các Tỳ- kheo mà thuyết pháp ấy. Ta lại vì các Tỳ-kheo mà thuyết pháp xuất thế của Hiền thánh, pháp tùy thuận duyên khởi, tương ưng với Không, nghĩa là do cái này có nên cái kia có, do cái này khởi nên cái kia khởi. Do duyên vô minh nên có hành,

31 Nguyên tác: Ly dục . 32 Nguyên tác: Thân phần tề . 33 Nguyên tác: Thọ phần tề . 34 Bản Hán nghĩa chưa rõ. Tham chiếu: s. 12.51 - II. 80: “Này các Tỷ-kheo, ví như một người từ trong lò nung của người thợ gôm lây rạ một cái ghè nóng và đặt trên một khoảng đất bằng phẳng để sức nóng ở đây được nguội dân và các miêng sành vụn được gạt bỏ một bên,, HT. Thích Miiủi Chau dịch. 35 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r02. 0099.293. 0083c01.



duyên hành nên có thức, duyên thức nên có danh sắc, duyên danh sắc nên có sáu nhập xứ, duyên sáu nhập xứ nên có xúc, duyên xúc nên có thọ, duyên thọ nên có ái, duyên ái nên có thủ, duyên thủ nên có hữu, duyên hữu nên có sanh, duyên sanh nen có già, chết, ưu, bi, khổ, não, như thế tụ thành một khối khổ lớn,... cho đến cứ như vậy toàn bộ khối khổ lớn ấy đều diệt. Pháp được thuyết như vậy nhưng có Tỳ-kheo vẫn còn nghi ngờ, do dự. Bởi trước đây chưa đắc mà tưởng đã dắc, chưa đạt mà tưởng đã đạt, chưa chứng mà tưởng đã chứng; nên nay nghe pháp này xong, tâm sanh lo buồn, hối hận, mê mờ, chướng ngại. Vì sao như vậy? Vì đây là chỗ sâu xa, tức là pháp duyên khởi. Sâu xa khó thấy hơn bội phần, đó là xa lìa tất cả thủ, ái tận, vô dục, tịch tinh, Niết-bàn. Như hai pháp này, đó là hữu vi và vô vi. Pháp hữu vi thì sanh, trụ, dị, diệt; pháp vô vi thì không sanh, không trụ, không dị, không diệt. Này các Tỵ-kheo!3637 Đó gọi là các hành là khổ, tịch diệt là Niết-bàn. Nhân tập khởi thì khổ tập khởi, nhân diệt tận thì khổ diệt tận; đoạn dứt các nẻo đường, cat đứt sự tương tục, khi sự tương tục chấm dứt thì gọi là

vượt thoát khô đau. Này các Tỳ-kheo! Nhrnig gì diệt tận? Đó là các khổ còn sót lại;3 khổ ấy nếu diệt sạch, dừng lắng, vắng lặng, ngưng nghỉ, biến mất; nghĩa là tất cả thủ đều bị diệt sạch thì ái tận, vô dục, tịch diệt, Niết-bàn. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy rồi đều hoan hỷ phụng hành. ***

294. PHÀM NGU VÀ BẬC TRÍ38 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Hàng phàm phu mê muội thiếu hiểu biết bi vô minh che lấp, bị ái duyên ràng buộc nên đã hình thành tấm thân có thức này.39 Bên trong thân có thức, bên ngoài có danh sắc; do hai nhân duyên này mà sanh khởi xúc. Do sự xúc chạm của sáu căn này40 mà hàng phàm phu mê muội thiếu hiểu biết cảm nhận được

36 Nguyên tác: Thị danh Tỳ-kheo .Căn cứ vào nội dung kinh có khả năng bản Hán chép nhầm cấu trúc Tỳ-kheo thị danh,.Bản dịch Việt dựa trên suy luận này. Xem thêm sự khác biệt về hai cấu trúc này ở kinh số 42; Tạp.r02. 0099.42. 0010cll-cl3. 37 Nguyên tác: Hữu dư khổ . 38 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.294. 0083c23. Tham chiếu: s. 12.19 - II. 23. 39 Nguyên tác: Thức thân Thân có thức. Tham chiếu: A. 3.32 - L 132: Imasmiñca saviññānake kāya trong cái thân có thức này, HT. Thích Minh Châu dịch. 40Nguyên tác: Xúc nhập xứ .Xứ āyatana cũng gọi là căn cứ địa, cơ sở. Lục xúc nhập xứ  là tên gọi chỉ cho sáu căn môn .Các tên gọi khác như: lục nhập xứ nội lục nháp ,nội lục nhập xứ  è, lục nội nhập xú:,1ỊIC nhập  luctiī±/\ ,chư nhập j, lục xúc nhập xứ ,lục xúc xu j, hịc cánh lạc xứ .



lạc thọ, khổ thọ rồi nhân đó khởi lên các thứ sai biệt. Những gì là sáu? Đó là nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn và ý căn. Bậc hiền trí41 cũng bị vô minh che lấp, bi ái duyên ràng buộc nên đã hình thành tấm thân có thức này. Bên trong thân có thức, bên ngoài có danh sắc; do hai nhân duyên này mà sanh khởi xúc. Do sự xúc chạm của sáu căn này mà bậc hiền trí cảm nhận được lạc thọ, khổ thọ rồi nhân đó khởi lên các thứ sai biệt. Những gì là sáu? Đó là nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn và ý căn. Như thế, giữa kẻ phàm ngu và bậc hiền trí, trong hai hạng người này theo Như Lai tu hành Phạm hạnh có gì khác nhau? Các Tỳ-kheo bạch Phật:  Bạch Thế Tôn! Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp. Kính mong Ngài thuyết giảng cho chúng con. Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ lãnh thọ và phụng hành. Bay giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng nói cho các thầy. Này các Tỳ-kheo! Hàng phàm phu mê muội thiếu hiểu biết bị vô minh che lấp, bi duyên ái ràng buộc nên đã hình thành tấm thân có thức này; nhưng do đối với vô minh không đoạn dứt, đối với ái duyên không đoạn tận nên khi qua đời trở lại thọ thân. Vì còn thọ thân nên không thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Vì sao như thế? Vì kẻ đó trước đây chẳng tu Phạm hạnh, chẳng hướng đến việc đoạn diệt kho hoàn toàn, chẳng vượt thoát kho đau. The nên khi lâm chung trở lại thọ thân, vì còn thọ thân nên không thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, kho, não. Bậc hiên trí cũng bi vô minh che lập, bị ái ràng buộc nên đã hình thành tâm thân có thức này; nhưng vị

ấy đoạn dứt vô minh, đoạn tận duyên ái. Do vô minh được đoạn dứt, duyên ái đã đoạn tận nên khi lâm chung không trở lại thọ thân nữa. Vì không còn thọ thân nên thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Vì sao như thế? Vì vị ấy trước đây có tu Phạm hạnh, hướng đến việc đoạn diệt kho hoàn toàn, vượt thoát khổ đau nên khi lâm chung không trở lại thọ thân nữa. Do không còn thọ thân nên được giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khô, não. Đó là sự sai khác giữa hàng phàm phu và bậc hiền trí theo Như Lai tu hành Phạm hạnh vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

41 Nguyên tác: Hiệt tuệ giả Panditci.

QUYỂN 12  353

295. KHÔNG PHẢI CỦA ÔNG42 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà5 thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Thân này chăng phải sở hữu của các thây, cũng chăng phải sở hữu của kẻ khác. Vì do hạnh nguyện tu tập của sáu căn ở đời trước nên mới có được thân này.43 Những gì là sáu? Đó là nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn và ý căn. Vị Thánh đệ tử đa văn kia đối với các pháp duyên khởi mà khéo tư duy, quán sát chân chánh: "C6 sáu thức thân, sáu xúc thân, sáu thọ thân, sáu tưởng thân, sáu tư thân. Do có những pháp ấy nên trong tương lai sẽ có sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não; rồi cứ như thế tụ thành một khối khổ lớn. Đó gọi là có nhân có duyên thì có sự tập khởi của thế gian. Trái lại, nếu không có những pháp ấy, tức không có sáu thức thân, sáu xúc thân, sáu thọ thân, sáu tưởng thân, sáu tư thân; những pháp này không có thì trong tương lai không có sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não; như thế thì toàn bộ khối khổ lớn cũng đều diet." Nếu vị Thánh đệ tử đa văn đối với sự tập khởi của thế gian, đối với sự diệt tận của the gian mà biết đúng như thật, khéo nhìn nhận, khéo tỉnh giác, khéo thể nhập thì đó gọi là vi Thánh đệ tử chiêu cảm pháp lành này, được pháp lành này, biết pháp lành này, thể nhập pháp lành này, biết bằng tuệ giác, thấy bằng tuệ giác về sự sanh diệt ở thế gian, thành tựu pháp xuất ly của Hiền thánh, tịch tịnh, đoạn tận khổ hoàn toàn, vượt thoát khổ đau. Vì sao được như thế? Vì vị Thánh đệ tử đa văn đã biết đúng như thật, khéo nhìn thấy, khéo tỉnh giác, khéo thể nhập về sự tập khởi của thế gian và sự diệt tận của thế gian. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

296. ĐOẠN TẬN KIÊN CHẤP44

. x

Tôi nghe như vây:

Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành

Vương Xá.

Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo:

Nay Ta sẽ nói về pháp nhân duyên và pháp duyên sanh.

42 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.295. 0084a23). Tham chiếu: s. 12.37 - II. 64. 43 Nguyên tác: y ị lục xúc nhập xứ bổn tu hành nguyện thọ đắc thử thân

( ).Tham chiếu: s. 12.37 - II. 64: "Thân này, này các Tỷ-kheo, phải được xem là do hành động, do săp đặt, do sự cố ý, do sự cảm thọ trong quá khứr" (HT. Thích Minh Châu dịch). 44 Tvra đe đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.296. 0084bl2). Tham chiếu: s. 12.20 -II. 25.



Thế nào gọi là pháp nhân duyên? Do cái này có nên cái kia c6, nghĩa là do duyên vô minh nên có hành, do duyên hành nên có thức,...(cho đến) cứ như thê tụ thành một khối khổ lớn. Thế nào gọi là pháp duyên sanh? Đó là vô minh, hành... dù đức Phật xuất thế hay chưa xuất thế, pháp này vẫn thường trụ, tức là sự an trú trong pháp duyên khởi và sự quy định của pháp duyên khởi.45 Pháp này Như Lai đã tự giác, tự tri, thành bậc Giác Ngộ Viên Mãn, vì người khác mà diễn thuyết, khai thi, hiển b đó là do duyên vô minh nên có hành,... (cho đen) do duyên sanh nên có già, chết. Dù đức Phật xuất thế hay chưa xuất thế, pháp này vẫn thường trụ, tức là sự an trú trong pháp duyên khởi và sự quy định của pháp duyên khởi. Pháp này Như Lai đã tự giác tự tri, thành bậc Giác Ngộ Viên Mãn, vì người khác mà diễn thuyết, khai thị, hiển bày, đó là do duyên sanh nên có già, bệnh, chết, ưu, bi, kho, não. Các pháp này đều là pháp trụ, pháp không, pháp như, pháp vốn vậy, pháp chăng lìa như, pháp chăng khác như, xác thật, chân thật, không điên đảo. Tùy thuận duyên khởi như vậy nên gọi là pháp duyên sanh. Nghĩa là vô minh, hành, thức, danh sắc, sáu nhập xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não, gọi là pháp duyên sanh. Vị Thánh đệ tử đa văn đối với pháp nhân duyên và pháp duyên sanh này khéo thấy với chánh trí nên chẳng truy tìm về đời trước mà nói rằng: "Tôi ở đời quá khứ có hay không? Tôi trong quá khứ là loài gì? Tôi trong quá khứ như thế nào?" Hoặc chẳng truy tìm về tương lai mà nói rằng: "Tôi ở đời sau là có hay là không? Là loài gì? Là sẽ như thế nao?" Hoặc bên trong chẳng do dự mà nói rằng: “Bây là những thứ gì? Tại sao có cái này? Trước đay chúng là gì? Sau này chúng sẽ là gì? Chúng sanh này từ đâu đến? ở đây chết rồi sẽ đi về d2u?" Nếu Sa-môn, Bà-la-môn khởi những kiến chấp phàm tục, nghĩa là kiến chấp về ngã, kiến chấp về chúng sanh, kiến chấp về thọ mạng, hoặc kiến chấp về kiêng kỵ, tốt xấu; một khi tất cả những kiến chấp đó được đoạn dứt, được nhận biêt, được đoạn tận góc rễ của chúng, như chặt đứt ngọn cây đa-la, đời sau chúng thành pháp bất sanh. Đó gọi là vị Thánh đệ tử đa văn đối với pháp nhân duyên và pháp duyên sanh đã biết đúng như thật, khéo nhìn thấy, khéo tỉnh giác, khéo tu tập, khéo thể nhập vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. **** 45 Nguyên tác: Pháp trụ, pháp giới ().Pháp trụ (Dhammatthitatā): Sự an trú trong duyên pháp và duyên khởi. SA. II. 40, Paccayasuttavannanā: Paccayena hipaccayuppannā dhammā titthanti, tasmā paccayova ((dhammatthitatā "ti vuccati (Vì an trú trong duyên pháp và duyên khởi, nên được gọi là pháp trụ (Dhammatthitatā)). Pháp giới (,Dhammaniyāmata): Sự quy định của duyên pháp. SA. II. 40, Paccayasuttavannanā'. Paccayo dhamme niyameti, tasmā <(dhammaniyāmatā f,ti vuccati (Vì sự quy định cua duyên pháp, nên được gọi là pháp giới(phammaniyãmatãỹị.

297. KINH ĐẠI KHÔNG PHÁP4647 49 48 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật tru trong dân chúng Câu-lưu, tại làng Điều Ngưu. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Nay Ta sẽ vì các thầy mà thuyết pháp, phần đầu, phần giữa và phần cuối đều thiện, nghĩa lý sâu xa,47 ngôn từ chuẩn xác,48 thuần nhất thanh tịnh, Phạm hạnh trong sạch, đó gọi là Kinh đại không ph.49 Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ nói cho các thầy nghe. Thế nào là Kinh đại không pháp? Đó là? do cái này có nên cái kia có, do cái này khởi nên cái kia khởi; nghĩa là duyên vô minh nên có hành, duyên hành nên có thức, duyên thức nên có danh sắc, duyên danh sắc nên có sáu nhập xứ, duyên sáu nhập xứ nên có xúc, duyên xúc nên có thọ, duyên thọ nên có ái, duyên ái nên có thủ, duyên thủ nên có hữu, duyên hữu nên có sanh, duyên sanh nên có già, bệnh, chết, tru, bi, khổ, não,... cho đến tụ thành một khối khổ lớn. Do duyên sanh nên có già chết. Nếu có người hỏi: "Ai già chết? Già chết thuộc về ai?” thì đáp rằng: "Ngãi tức là già chết, già chết nay thuộc về ngã, già chết là ngã sở?9 Hoặc nói: "Mạng tức là thân"; hoặc nói: "Mạng khác, thân khác^; đây đồng một nghĩa nhirng cách nói khác nhau. Hoặc thấy rằng: "Mạng tức là thân”, bậc Phạm hạnh không thấy như vậy. Hoặc thấy rằng: “Mạng khác, thân khác", bậc Phạm hạnh cũng không thấy như vậy. Đối với hai cực đoan ấy, tâm không nương theo mà nên chân chánh hướng theo trung đạo. Bậc Hiền thánh xuất thê, với chánh kiên như thật không điên đảo đã nói răng do duyên sanh nên có già chết. Cũng như vậy, đối với sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, sáu nhập xứ, danh sắc, thức, hành; do duyên vô minh nên có hành. Nếu lại hỏi: "Ai là hành? Hành thuộc về ai?" thì đáp rằng: "Hành chính là ngã, hành là ngã sở?9 Hoặc nói như vầy: "Mạng tức là thân"; hoặc nói: "Mạng khác, thân khác.59 Với cái thấy "mạng tức là thân", bậc Phạm hạnh không cho là vậy. Hoặc với cái thấy "mạng khác, thân khác”, bậc Phạm hạnh cũng không cho là vậy. Nên lìa hai cực đoan này, phải chân chánh hướng đến trung đạo. Bậc Hiền thánh xuất thế, với chánh kiến như thật không điên đảo đã nói rằng do duyên vô minh nên có hành. Này các Tỳ-kheo! Nếu đối với vô minh mà ly dục nên sanh khởi minh thì cần gì hỏi ai là già chết, già chết thuộc về ai nữa! Khi ấy, già chết được đoạn

46 Tựa đề đức Phật dạy trong nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.297. 0084c 11. Tham chiếu: s. 12.35 -II. *60; S. 12.36 II. 63. 47 Nguyên tác: Sơ trung hậu thiện, thiện nghĩa, thiện vị, thuần nhất mãn tịnh, Phạm hạnh thanh bạch .Xem chu thích 94, kinh số 53, quyển 2* tr. 55; Tạp. .02. 0099.53. 0012C04. 48 Nguyên tác: Thiện vị .Vị vyañjand vừa có nghĩa là vị của món ăn vừa có nghĩa là mẫu tự. 49 Đại không pháp kinh .Kinh nói về pháp không sâu xa. Pháp không chính là pháp duyên khởi.



dứt và biết rằng đã đoạn tận gốc rễ của chúng, như chặt đứt ngọn cây đa-la thì ở đời sau chúng trở thành pháp bất sanh. Nếu Tỳ-kheo đối với vô minh mà ly dục nên sanh khởi minh thì cần gì hỏi ai là sanh và sanh thuộc về ai nữa! Cho đến cần gì hỏi ai là hành và hành thuộc vê ai nữa! Khi ây, hành được đoạn dứt và biêt răng đã đoạn tận góc rê của chúng, như chặt đứt ngọn cây đa-la thì ở đời sau chúng trở thành pháp bất sanh. Nếu Tỳ-kheo đối với vô minh mà ly dục nên sanh khởi minh thì khi ấy vô minh

diệt thì hành diệt... (cho đến) toàn bộ khối khổ lớn ấy đều diệt. Đó gọi là Kỉnh đại không pháp vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

298. PHÁP THUYẾT, NGHĨA THUYẾT50 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật tru trong dân chúng Câu-lưu, tại làng Điều Ngiru. Bây giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Hôm nay, Ta sẽ nói pháp thuyết, nghĩa thuyết về pháp duyên khởi. Hãy lăng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ nói cho các thây nghe. Thế nào là pháp thuyết về pháp duyên khởi? Nghĩa là do cái này có nên cái kia có5 do cái này khởi nên cái kia khởi; tức là duyên vô minh nên có hành,... (cho đến) tụ thành một khối khổ lớn. Đó gọi là pháp thuyết về pháp duyên khởi. Thế nào là nghĩa thuyết? Duyên vô minh nên có hành. Thế nào là vô minh? Chăng biêt đời trước, chăng biêt đời sau, chăng biêt đời trước đời sau; chăng biết trong, chẳng biết ngoài, chẳng biết trong ngoài; chẳng biết nghiệp, chẳng biết báo, chẳng biết nghiệp báo; chẳng biết Phật, chẳng biết Pháp, chẳng biết Tăng; chẳng biết khổ, chẳng biết tập, chẳng biết diệt, chẳng biết đạo; chẳng biết nhân, chẳng biết pháp sanh khởi bởi nhân; chẳng biết thiện, bất thiện, có tội, không tội, tập khởi, không tập khởi, hơn, kém nhiễm ô5 thanh tịnh, phân biệt duyên khởi, hét thảy đêu không biêt; đôi với sáu căn không nhận biêt đúng như thật; đoi với pháp này pháp kia không biết, không thấy, không thông tuệ, si ám, tối tăm, mù mịt. Đó gọi là vô minh. Duyên vô minh nên có hành. Thế nào là hành? Hành gồm có ba: Thân hành, khẩu hành và ý hành. Duyên hành nên có thức. Thế nào là thức? Là sáu thức thân: Nhãn thức thân, nhĩ thức thân, tỷ thức thân, thiệt thức thân, thân thức thân và ý thức thân.

50 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.298. 0085all). Tham chiếu: Tg.(02. 0125.49.5. Ỏ797bl4); s. I2.l II. l; s. 12.2 - II. 2.



Duyên thức nên có danh sắc. Thế nào là danh? Là bốn uẩn vô sắc: Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn. Thế nào là sắc? Đó là bốn đại và sắc do bốn đại tạo thành, gọi là sắc. sắc này và danh đã nói ở trước, gọi chung là danh sắc. Duyên danh sắc nên có sáu nhập xứ. Thế nào là sáu nhập xứ? Còn gọi là sáu nội nhập xứ: Nhãn nhập xứ, nhĩ nhập xứ, tỷ nhập xứ? thiệt nhập xứ, thân nhập xứ và ý nhập xứ. Duyên sáu nhập xứ nên có xúc. Thế nào là xúc? Đó là sáu xúc thân: Nhãn xúc thân, nhĩ xúc thân, tỷ xúc thân, thiệt xúc thân, thân xúc thân, ý xúc thân. Duyên xúc nên có thọ. Thế nào là thọ? Có ba thọ: Khổ thọ, lạc thọ và không khổ không lạc thọ. Duyên thọ nên có ái. Thế nào là ái? Có ba ái: Dục ái, sắc ái và vô sắc ái. Duyên ái nên có thủ. Thế nào là thủ? Có bốn thủ: Dục thủ, kiến thủ, giới thủ và ngã thủ. Duyên thủ nên có hữu. Thế nào là hữu? Có ba hữu: Dục hữu, sắc hữu và vô sắc hữu. Duyên hữu nên có sanh. Thế nào là sanh? Mỗi mỗi chúng sanh có mỗi mỗi loại thân sanh ra, siêu việt, hòa hợp, xuất sanh, được ấm, được giới, được nhập xứ, được mạng căn, đó gọi là sanh. Duyên sanh nên có già, chết. Thế nào là già? Tóc bạc đầu hói, da nhăn, căn suy, lưng còng, gối mỏi, đầu cúi run rẩy, hơi thở hụt ngắn, đi phải chống gậy, thân thể đen sạm, tứ chi nổi đồi mồi, ám độn lú lẫn, cử động khó khăn, chậm chạp, đó gọi là già. The nào là chết? Mỗi mỗi chúng sanh có mỗi mỗi loại thân mất đi, thay đổi, hoại diệt, tuổi thọ chấm hết, hơi ấm lìa thân, mạng sống

chấm dứt, đã đến lúc xả bỏ thân uẩn, đó gọi là chết. Chết ở đây và già đã nói ở trước, gọi chung là già chết. Trên đây chính là nghĩa thuyết về pháp duyên khởi. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

299. PHÁP DUYÊN KHỞI51 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật tru trong dân chúng Câu-liru5 tại làng Điều Ngưu. Bấy giờ, có vị Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, cúi lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: Bạch Thế Tôn! Pháp duyên khởi này do Ngài tạo ra hay do người khác tạo ra?

51 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.299. 0085b21).



Đức Phật đáp: Pháp duyên khởi chẳng phải do Ta tạo ra, cũng chẳng phải do người khác tạo ra. Dù Như Lai có xuất hiện hay chưa xuất hiện ở thế gian, pháp giới này vẫn thường trụ. Như Lai tự giác ngộ pháp này, thành bậc Giác Ngộ Viên Mãn, rồi vì các chúng sanh mà phân biệt, diễn thuyết, khai mở, chỉ bày. Đó là: Do cái này có nên cái kia có, do cái này khởi nên cái kia khởi. Nghĩa là duyên vô minh nên có hành,... (cho đến) tụ thành một khối khổ lớn. Do vô minh diệt nên hành diệt,... (cho đến) toàn bộ khối khổ lớn ấy đều diệt. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

300. TRUNG ĐẠO52 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật trú trong dân chúng Câu-lưu, tại làng Điều Ngưu. Bấy giờ, có vị Bà-la-môn đi đến chỗ Phật, ân cần thăm hỏi Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên và bạch: Thưa Cù-đàm, ý Ngài thế nào? Có phải do tự mình làm, tự mình cảm thọ53 chăng? Đức Phật bảo Bà-la-môn: Ta cho rằng điều này không thể khẳng định.54 Tự mình làm, tự mình cảm thọ, điều này không thể khẳng đinh. Bà-la-môn hỏi: Thế nào, Cù-đàm? Vậy có phải do người khác làm, người khác cảm thọ chăng? Đức Phật bảo Bà-la-môn: Người khác làm, người khác cảm thọ? điều này cũng không thể khẳng định. Bà-la-môn bạch Phật: Thưa Ngài vậy thì thế nào? Khi tôi hỏi "do tự mình làm, tự mình cảm thọ chng", Ngài đáp là "không thể khẳng djnh." Tôi lại hỏi "do người khác làm, người khác cảm thọ change, Ngài cũng đáp là "không thể khẳng djnh.” Vậy nghĩa này như thế nào? Đức Phật bảo Bà-la-môn: Nếu nói "tự mình làm, tự mình cảm thẹ)" thì rơi vào thường kiến;55 còn

52 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.300. 0085c03). Tham chiếu: s. 12.46 II. 75. 53 Nguyên tác: Tự tác tự giác ( ,so karoti sopatisarnvedayatī) : Tự mình làm, tự mình cảm thọ. 54 Vô ký (avyakata)'. Không thể xác quyết được. 55 Thường kiến (,sassataditthī).



nói "người khác làm, người khác cảm thẹ)” thì rơi vào đoạn kiến.56 Theo nghĩa thuyết, pháp thuyết nên lìa hai cực đoan này, phải ở nơi trung đạo57 mà thuyết pháp. Nghĩa là do cái này có nên cái kia có, do cái này khởi nên cái kia khởi; duyên vô minh nên có hành,... (cho đếri) tụ thành một khối khổ lớn. Vô minh diệt thì hành diệt,... (cho đến) toàn bộ khối khổ lớn ấy đều diệt. Đức Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn ấy hoan hỷ và

tùy hỷ rồi từ chỗ ngồi đứng dậy mà ra về. ***

301. LÌA NHỊ BIÊN58 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại một nhà khách trong rừng sâu thuộc làng Na-lê.59 Bấy giờ, Tôn giả Tán-đà Ca-chiên-diên6061đi đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Ngài, đứng sang một bên rồi bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Như Ngài đã nói về chánh kiến. Vậy thế nào là chánh kiến? Vì sao Thế Tôn thiết lập chánh kiến? Phật dạy Tán-đà Ca-chiên-diên: -Thế gian thường y cứ vào hai cực đoan, đó là có và không, bị chấp thủ bởi xúc. Vì bị chấp thủ bởi xúc, cho nên hoặc y cứ vào có, hoặc y cứ vào không. Nêu không có sự châp thủ này thì khi tâm bị cảnh trói buộc sẽ không còn bị chấp thủ, không dính mắc, không chấp ngã, khi khổ sanh thì sanh, khi khổ diệt thì diệt. Đối với điều này không nghi ngờ? không mê hoặc, không do người khác mà tự mình biết rõ thì gọi là chánh kiến. Đó gọi là chánh kiến do Như Lai s , Vì sao như vậy? Bằng chánh kiến như thật mà quán sát sự tập khởi của thế gian, nếu cho rằng thế gian là không thì không đúng; bằng chánh kiến như thật mà quán sát sự diệt tận của thê gian, nêu cho răng thê gian là có thì cũng không

56 Đoạn kiến (‚uccheda ditthi). 57 Trung đạo (‚Majjhimāpatipadã). 58 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.301. 0085CÍ7). Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.262. 0066b06); 5. 12.15 - II. 17; s. 22.90 -III. 132. 59 Na-lê tụ lạc thâm lâm trung đãi khách xá (íặĐịa danh này trong Tạp. n (T.02. 0099.926. 0235c27) ghi là Na-lê tụ lạc thâm cóc tinh xá (j trong Tạp. (T.02. 0099.1037. 0270cl2) ghi là Na-lê*tụ lạc khúc cốc tinh xa ();D. 16 ghi là Nādikā Giñjakāvasathā (một nhà khách xây bằng gạch). 60 Tán-đà Ca-chiên-diên Sandha Kaccāyana). 61 Tham chiếu: Tạp.(r02. 0099.262. 0066c26-0067a01): Sự điên đảo của người đời dựa vào hai cực đoan: Hoặc là có, hoặc là không. Khi người đời châp thủ các cảnh giới thì tâm liên dính măc.9 Này Ca-chiên-diên! Nếu không thọ nhận, không chấp thủ, không dính mắc, không chấp ngã thì khi khổ này sanh là sanh, khi [khổ này] diệt là diệt. Này Cạ-chiên-diên! Đối với điều này không nghi ngờ, không mê hoặc, không do người khác mà có thể tự biêt, đó gọi là chánh kiên mà Như Lai đã nói. (ttt ;íZ, Ề,
! ‚ì).



đúng. Đây gọi là lìa nhị biên mà nói trung dạo, nghĩa là: "Do cái này có nên cái kia có, do cái này sanh62 nên cái kia sanh, tức là do vô minh mà có hành,... (cho đếri) toàn bộ khối khổ lớn này tập khởi. Do vô minh diệt mà hành diệt,... (cho đến) toàn bộ khối khổ lớn này diệt.,, Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả Tán-đà Ca-chiên-diên nghe lời Phật dạy, không khởi các lậu hoặc, tâm được giải thoát, thành tựu quả A-la-hán. ***

302. A-CHI-LA CA-DIÉP63 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại núi Kỳ-xà quật, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, vào buổi sáng sớm, đức Thế Tôn đắp y, ôm bát, rời núi Kỳ-xà quật, vào thành Vương Xá khất thực. Khi ấy, A-chi-la Ca-diếp64 vì có chút việc nên cũng rời khỏi thành Vương Xá, hương ve núi Ky-xa quật. Tư xa trông thay The Ton, ong liên đi đen cho Phật rồi thưa: Bạch đức Cù-đàm! Tôi có điều muốn hỏi, không biết Ngài có thời gian để giải đáp cho chăng? Phật bảo Ca-diếp: Nay không phải lúc để bàn

luận, giờ Ta đang vào thành khất thực. Đợi khi trở về, Ta sẽ nói cho ông nghe! A-chi-la Ca-diếp khẩn cầu lần thứ hai, đức Phật cũng nói như vậy. Lần thứ ba, A-chi-la Ca-diếp thưa: Bạch đức Cù-đàm! Sao Ngài lại làm khó tôi? Vì sao khác lạ như thế? Nay tôi có điêu muôn thưa hỏi, xin Ngài hãy giải đáp cho tôi! Phật bảo A-chi-la Ca-diếp: Ông muốn hỏi điều gì thì cứ hỏi! A-chi-la Ca-diếp bạch Phật: -Thưa Cù-đàm? kho có phải là do tự mình tạo ra không? Phật bảo Ca-diếp: Nói rằng khổ là do tự mình tạo ra, điều này không thể khẳng định. A-chi-la Ca-diếp hỏi: Thưa Cù-đàm, khổ là do người khác tạo ra chăng?

62 Nguyên tác: Khởi (). 63 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp. /T.02. 0099.302. 0086a04). Tham chiếu: <(r.O2. 0099.343. 0093ỒỔ25); Phật vịA-chi-la Ca-dỉếp tự hóa tác khổ kinh (r. 14. 0499. 0768b19); s. 12.17 - ii. 18. 64 A-chi-la Ca-diếp (,Acela Kassapa): Lõa hình Ca-diếp.

QUYÊN 12 361

Phật đáp:

-Nói rang khổ là do người khác tạo ra, điều này cũng không thể khẳng định.

Ca-diếp lại hỏi:

Kho là do tự mình tạo, cũng do người khác tạo ra phải không?

Phật đáp:

-Nói răng khô là do tư mình tạo, cũng do người khác tạo, điêu này cũng không thể khang định.

Ca-diếp lại hỏi:

Thưa Cù-đàm9 khô là không do tự mình tạo, cũng chăng phải do người khác tạo, không có nguyên nhân tạo ra chăng?

Phật đáp:

9 9

Khô không do tự mình tạo, cũng chăng phải do người khác tạo, không có nguyên nhân tạo ra, điều này cũng không thể khẳng định. Ca-diếp lại hỏi: Thưa đức Cù-đàm! Tại sao không có nguyên nhân tạo ra? Tôi hỏi rằng "khổ là do tự mình tạo chăng5\ Ngài đáp là "điều này không thể khẳng định.95 Tôi hỏi rang "khổ là do người khác tạo ra; kho là do tư mình tạo cũng do người khác tạo; kho chẳng phải là do tự mình tạo, cũng không phải do người khác tạo, không có nguyên nhân tạo ra chăng^ thì Ngài cũng đáp là "không thể khẳng định?9 Vậy thực tế là không có khổ này sao? Phật bảo Ca-diếp: Chẳng phải không có khổ này mà thật sự có cái khổ này. Ca-diếp bạch Phật: -Lành thay, thưa Cù-đàm! Ngài nói có cái khô này, vậy xin Ngài hãy vì tôi mà nói pháp, giúp tôi biết rõ khổ, thấy rõ khổ. Phật bảo Ca-diếp: - Nếu thọ là do chính mình cảm thọ thì Ta đồng ý nói khổ là do tự mình tạo. Nêu cảm thọ thuộc ve người khác, người khác chính là người cảm thọ thì khổ đó do người khác tạo. Nếu cảm thọ là do tự mình cảm thọ và người khác cảm thọ lại cùng chịu khổ; như vậy nghĩa là tự mình tạo và cũng do người khác tạo, Ta không nói [như thế]. Nếu không do chính mình và do người khác, cũng không có nguyên nhân để sanh khổ đau thì Ta cũng không nói [như thế]. Như Lai xa lìa các sự

thiên lệch này mà nói pháp trung đạo, pháp đó là: “Do cái này có nên cái kia có, cái này sanh nên cái kia sanh. Nghĩa là, do duyên vô minh nên có hành,... (cho đến) toàn bộ khối khổ lớn tập khởi. Khi vô minh diệt thì hành diệt,... (cho đến) toàn bộ khối khổ lớn này diet." Đức Phật giảng kinh này xong, A-chi-la Ca-diếp liền xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Bấy giờ, A-chi-la Ca-diếp thấy pháp, đắc pháp, thấu rõ



giáo pháp, thể nhập giáo pháp, vượt thoát nghi ngờ, không do người khác mà biết, không nhờ người khác mà được độ thoát, ở trong giáo pháp được vô sở úy. Ông liền chắp tay bạch Phật: - Kính bạch Thế Tôn! Nay con đã được Ngài hóa độ. Từ nay, con xin quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng, nguyện trọn đời làm ưu-bà-tắc, kính xin Ngài chứng tri cho con. A-chi-la Ca-diêp nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ? đảnh lê Phật roi rời đi. A-chi-la Ca-diếp từ giã Phật đi chưa bao lâu thì bị con trâu mẹ vì bảo vệ nghé con húc chết. Lúc lâm chung, các căn thanh tịnh, sắc mặt tươi sáng.65 Bấy giờ, Thế Tôn vào thành khất thực. Lúc ấy5 có nhiều Tỳ-kheo cũng vào thành Vương Xá khất thực, nghe tin A-chi-la Ca-diếp vừa nghe pháp từ Thế Tôn, roi từ giã ra đi chẳng bao lâu thì bị con trâu mẹ húc chết; khi qua đời, các căn thanh tịnh, sắc mặt tươi sáng. Các Tỳ-kheo khất thực xong trở về, thu dọn y bát, rửa chân, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Ngài, ngồi sang một bên rồi thưa: - Kính bạch Thế Tôn! Sáng nay, số đông ly-kheo chung con vào thành khất thực, nghe tin A-chi-la Ca-diếp vừa nghe Thế Tôn thuyết Pháp, Luật xong, ra về chưa bao lâu thì bị con trâu mẹ vì bảo vệ nghé con húc chết. Lúc qua đời, các căn thanh tịnh, sắc mặt tươi sáng. Kính bạch Thế Tồn, không biết A-chi-la Ca-diếp sẽ sanh vào cõi nào? Thọ sanh nơi đâu? Đã chứng đắc gì? Phật bảo các Tỳ-kheo: -Ông ấy đã thấy rõ giáo pháp, biết rõ pháp và tùy pháp, không chấp thủ nơi pháp, đã vào Niết-bàn. Các thầy hãy đến cúng dường thân của A-chi-la Ca-diếp! Bấy giờ, đức Thế Tôn thọ ký cho A-chi-la Ca-diếp sẽ chứng quả A-la-hán.66 ***

303. TU Sĩ ĐIẾM-MÂU-LƯU67 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại núi Kỳ-xà quật, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ5 vào buổi sáng sớm, đức Thế Tôn đắp y, om bát, rời núi Kỳ-xà quật, vào thành Vương Xá khất thực. Trên đường di, Thế Tôn gặp một tu sĩ ngoại đạo tên là Điếm-mâu-lưu,68 vì có chút việc nên đến núi Kỳ-xà quật. Vị ấy từ xa

65 Theo S. 12.17 - II. 18 không nói như vậy mà cho biết rằng, sau khi nghe pháp, A-chi-la Ca-diếp xin xuất gia và chứng quả A-la-hán. tác: Thọ đệ nhất ký _.Theo Đài Đại Sư Tử Hống Phật học chuyên trạm 5 là sự thọ kỵ cho một người thành tựu quả vị tối cao, tưc la A-la-ian nEtx .IGiao sát vê trường hợp đức Phật thọ ký cho Tỳ-kheo Cù-đệ-ca ,Godhika trong kinh sô 1091; Tạp.T.02. 0099.1091. 0286a02 đã khẳng định thêm về quan điểm này. 67 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.02. 0099.303. 0086Ồ24. Tham chiếu: s. 12.18 - II. 22. 68 Điếm-mâu-lưu Timbaruka.



trông thấy Thế Tôn liền đi đến chỗ Ngài, ân cần hỏi thăm nhau xong, đứng sang một bên rồi bạch Phật: Thưa đức Cù-đàm! Tôi có điều muốn hỏi, không biết Ngài có thời

gian để giải đáp cho chăng? Đức Phật nói với tu sĩ ngoại đạo Điếm-mâu-lưu: Nay không phải lúc để bàn luận, Ta phải vào thành khất thực. Đợi khi trở về, Ta sẽ nói cho ông nghe. Vị ngoại đạo khẩn cầu lần thứ hai, đức Phật cũng nói như vậy. Lần thứ ba, Điếm-mâu-liru thưa: Thưa Sa-môn Cù-đàm! Phải chăng Ngài làm khó tôi? Tôi có điều muốn thưa hỏi, xin Ngài hãy giải đáp cho tôi! Phật bảo tu sĩ ngoại đạo Điếm-mâu-lun: -Ông cứ tùy ý hỏi, Ta sẽ giải đáp! Điếm-mâu-lưu liền hỏi: Thưa Sa-môn Cù-đàm! Khổ, vui là do tự mình tạo ra chăng? Phật đáp: Nói khổ, vui là do tự mình tạo ra, điều này không thể khẳng định. Điếm-mâu-lưu lại hỏi: Thưa Sa-môn Cù-đàm! Khổ, vui là do người khác tạo ra chăng? Phật đáp: Nói khổ, vui là do người khác tạo ra, điều này không thể khẳng đinh. Điếm-mâu-lưu lại hỏi: Thưa Cù-đàm! Khổ, vui là do tự mình tạo ra, vừa do người khác tạo ra chăng? Nói rằng khổ, vui là do tự mình tạo vừa do người khác tạo, điều này không thể khẩ^g định. Thưa Cù-đàm! Khổ, vui chẳng phải do tự mình tạo, cũng không phải do người khác tạo ra, nghĩa là không có nguyên nhân tạo ra chăng? Phật bảo Điếm-mâu-lưu: Nói rằng khổ, vui chẳng phải do mình tạo, chẳng phải do người khác tạo, không có nguyên nhân tạo ra, điều này cũng không thể khang định,... (Nói đầy đủ như kinh A-chi-la Ca-diếp đã nỏi trên, cho đến)69 Thế Tôn thọ ký cho tu sĩ ngoại đạo Điếm-mâu-lxru sẽ chứng quả A-la-hán.70

69 Bản Hán tỉnh lược, xem nội dung đầy đủ trong kinh số 302; Tạp.(r.02. 0099.302. 0086a04). 70 Thọ đệ nhất ký ().Xem chú thích 66, kinh số 302, quyển 12, tr. 362; Tạp,(7.02. 0099.302. 0086a04). Ban Hán, hết quyển 12.

364 KINH TẠPA-HÀM

QUYỂN 13 304. BA MƯƠI SÁU PHÁP1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa trong dân chúng Câu-lâu, ngụ tại thôn Điều Ngưu.1 2 Bay giờ, The Ton bao các Ty-kheo: -Nay Ta sẽ thuyết pháp cho các thây nghe. Những pháp áy phân đâu, phần giữa và phần cuối đều thiện, nghĩa lý sâu xa, ngôn từ chuẩn xác, thuần nhất thanh tịnh, Phạm hạnh trong sạch.3 Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Có ba mươi sáu pháp. Là ba mươi sáu pháp nào? Đó là sáu căn, sáu trần, sáu thức thân, sáu xúc thân, sáu thọ thân và sáu ái thân. Sáu căn là gì? Đó là nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn và ý căn. Sáu trần là gì? Đó là sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần. Sáu thức thân là gì? Là nhãn thức thân, nhĩ thức thân, tỷ thức thân, thiệt thức thân, thân thức thân, ý thức thân. Sáu xúc thân là gì? Đó là nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc và ý xúc. Sáu thọ thân là gì? Đó là thọ do nhãn xúc sanh ra, thọ do nhĩ xúc sanh ra, thọ do tỷ xúc sanh ra, thọ do thiệt xúc sanh ra, thọ do thân xúc sanh ra và thọ do ý xúc sanh ra. Sáu ái thân là gì? Đó là ái do nhãn xúc sanh, ái do nhĩ xúc sanh, ái do tỷ xúc sanh, ái do thiệt xúc sanh, ái do thân xúc sanh và ái do ý xúc sanh. Nếu có người cho rằng "mắt l ngã,5,4 điều đó không đúng. Vì sao như vậy? Vì mắt có sanh có diệt. Nếu "mắt là ng*' thì cái "nga” ấy phải chịu sanh tử. Cho nên, nếu nói rằng mắt là ngã, điều đó không đúng. ỉ Cũng vậy, những pháp như săc, nhãn thức, nhãn xúc và cảm thọ do nhãn xúc sanh ra, nếu chúng là điều đó không đúng. Vì sao như vậy? Vì thọ do nhãn xúc sanh ra là pháp sanh diệt. Nếu thọ do nhãn xúc sanh ra là "ngỗT thi cái "ngâT ấy phải chịu sự sanh tử. Cho nên nói rằng thọ do nhãn xúc sanh ra là "ngâT, điều đó không đủng.

1 Tựa đề đức Phật dạy trong kinh. Tạp.(r.02. 0099.304. 0086c23). Tham chiếu từ Tạp.(7L02. 0099.323 0091c23) pho đến Tạp.(T.02. 0099.327. 0092al3); Tạp.(T.02. 0099.330. 0092a28); M. 148, Chachakka Suita (Kinh sáu sau); s. 35.60 - IV. 32. 2 Điều Ngưu tụ lạc (). 3 Nguyen tác: Sơ trung hậu thiện, thiện nghĩa, thiện vị, thuần nhất mãn tinh, Phạm hạnh thanh bạch (,,).Xem chú thích 94, kinh sổ 53, quyển 2, tĩ. 55;2., (T.02. 0099.53. 0012C04). 4 Nguyên tác: Nhãn thị ngã (cakkhu attāti): Mắt là tự ngã.



Do đó? thọ do nhãn xúc sanh ra không phải là "ngâL" Cũng vậy, thọ do nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc và ý xúc sanh ra đều không phải là "ngã." Vì sao như vậy? Vì thọ do ý xúc sanh ra là pháp sanh diệt, nếu thọ đó là "ngã" thi cái “ngỗT ấy lại phải chịu sự sanh tử. Cho nên, thọ do ý xúc sanh ra là "ng*', điều đó không đúng. Vậy nên, thọ do ý xúc sanh ra không phải là "ng” Như vậy, này các Tỳ-kheo! cần phải biết đúng như thật về sự tác thành của mắt, sự tác thành của trí, sự tác thành của tịch diệt, khai mở thần thông, thẳng đến Niết-bàn. Thế nào la thấy biết đúng như thật về sự tác thành của mắt,... (cho đến) thẳng đến Niết-bàn? ở đây, này các Tỳ-kheo! Mắt chẳng phải là ngã. [Những pháp như] sắc, nhãn thức, nhãn xúc và nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui, tất cả chúng phải được quán sát chẳng phải là ngã. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng nói như vậy. Đó gọi là thấy biết đúng như thật về sự tác thành của mắt,... (cho đến) thẳng đến Niet-bàn. Đó gọi là Kinh ba mươi sáu pháp. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

305. SÁU PHÂN BIỆT VỀ SÁU NHẬP xứ56 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật du hóa trong dân chúng Câu-lâu, ngụ ở thôn Điều Ngưu. Bây giơ, Thê Tôn bao các Tỳ-kheo: Nay Ta sẽ thuyết pháp cho các thầy nghe. Pháp ấy phần đầu, phần giữa và phần cuối đều thiện, nghĩa lý sâu xa, ngôn từ chuẩn xác, thuần nhất thanh tịnh, Phạm hạnh trong sạch/ đó là Kinh sáu phân biệt ve sáu nhập xứ. Hãy lang nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng nói cho các thay. Thế nào là Kinh sáu phân biệt về sáu nhập xứ? Nghĩa là, đối với nhãn căn mà không thấy biết đúng như thật. Đối với sắc, nhãn thức, nhãn xúc và nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc khô, hoặc vui, hoặc không khổ không vui đều không được thấy biết đúng như thật. Vì không thấy biết đúng như thật nên đắm nhiễm nơi mắt; đắm nhiễm nơi sác, nơi nhãn thức, nơi nhãn xúc và nơi nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui, hết thảy đều bị đắm

5 Tựa đề đức Phật dạy trong kinh. Tạp.(r02. 0099.305. 0087a27). Tham chiếu: M. 149, Mahāsalāyatanika Sutta (Đại kinh sáu xứ). 6 Nguyên tác: Sơ trung hậu thiện, thiện nghĩa, thiện vị, thuần nhất mãn tinh, Phạm hạnh thanh bạch ( ,).Xem chú thích 94, kinh số 53, quyển 2, tr. 55; Tạp. *.02. 0099.53. 0012C04).

nhiễm. Cũng vậy, đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý?... pháp, ý thức, ý xúc và ý xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui, hết thảy đều không được thấy biết đúng như thật, vì không thấy biết đúng như thật nên sanh ra đắm nhiễm. Như vậy, do đắm nhiễm nên bị dính mắc,7 mê mờ, luyến tiếc, trói buộc tâm mình, nuôi lớn năm thủ uẩn và tham ái dẫn đến sự hiện hữu ở tương lai, [đi cùng với] hỷ và tham,8 thảy đều tăng trưởng, khiến cho thân tâm mệt mỏi, thân tâm bị thiêu đốt, thân tâm bị bốc cháy, thân tâm bị điên loạn, thân sanh ra cảm thọ khô. Vì thân sanh ra cảm thọ khô cho nên sanh, già, bệnh, chét, lo, buôn, khô, não trong tương lai thảy đêu tăng trưởng, đó gọi là toàn bộ khôi khô lớn tập khởi. Này các Tỳ-kheo! Nếu đối với mắt mà thấy biết đúng như thật; đối với sắc, nhãn thức, nhãn xúc và nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui mà thấy biết đúng như thật; thấy đúng như thật rồi thì đối với mắt không bị đắm nhiễm; đối với sắc, nhãn thức, nhãn xúc và nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc khổ hoặc vui, hoặc không khổ không vui hết thảy đều không bi đắm nhiễm. Cũng vậy đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý pháp đều thấy biết đúng như thật. Đoi với pháp, ý thức, ý xúc và ý xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc khổ hoặc vui, hoặc không khổ không vui, hết thảy thấy biết đung như thật. Do thấy biết đúng như thật nên đối với ý không bi đắm nhiễm; đoi với pháp, ý thức, ý xúc và ý xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong, hoặc khổ hoặc vui, hoặc không khổ không vui, hết thảy đều không đam nhiễm. Vì không đắm nhiễm nên không bị dính mắc, không mê mờ, không luyến tiếc, không trói buộc khiến năm thủ uẩn bị tổn giảm và tham ái đưa đến đời sau, [đi cùng với] hỷ và tham rồi đắm trước chỗ này chỗ kia, thảy đều bị tiêu diệt, nên thân không mệt mỏi, tâm không mệt mỏi, thân không thiêu đốt, tâm không thiêu đốt, thân không bốc cháy, tâm không bốc cháy; ngược lại, thân cảm thấy an vui, tâm cảm thấy an vui. Vì thân tâm cảm thấy an vui cho nên sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não trong đời tương lai thảy đều tiêu diệt. Như vậy, toàn bộ khối khổ lớn này tiêu diệt. Biết như vậy, thấy như vậy gọi là tu tập đầy đủ chánh kiến, cũng là tu tập thanh tịnh đây đủ chánh tư duy, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định và chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng đã nói ở trước. Đây gọi là tu tập thanh tịnh đầy đủ Thanh đạo tám chi. Tu tập đầy đủ Thánh đạo tám chi rồi thì cũng tu tập đay đủ bon niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực và bảy Bồ-đề phần.

7 Nguyên tác: Tương ưng Theo Hán dịch A-hàm kinh từ 7 ,"tương ưng" mang nghĩa là bị trói buọc . 8 Nguyên tác: Đương lai hữu ái tham hy .Tham chiếu: Tạp.T.02. 0099.123. 0040Ồ02: Đương lai hữu ái tham hỷ câu
.



Nếu pháp nào nên biết rõ, nên thấu suốt thì phải biết rõ, phải thấu suốt. Nếu pháp nào nên biết rõ, nên đoạn trừ thì phải biết rõ? phải đoạn trừ. Nếu pháp nào nên biêt rõ, nên tác chứng thì phải biết rõ, phải tác chứng. Nếu pháp nào nên biêt rõ, nên tu tập thì phải tu tập cho xong. Những pháp nào nên biết rõ, nên thấu suốt thì phải biết rõ, phải thấu

suốt? Đó là danh và sắc. Những pháp nào nên biết rõ, nên đoạn trừ? Đó là vô minh và hữu ái. Những pháp nào nên biết rõ, nên tác chứng? Đó là minh và giải thoát. Những pháp nào nên biết rõ? nên tu tập? Đó là pháp chỉ và pháp quán. Nếu Tỳ-kheo nào đối với pháp nên biết rõ, nên thấu suốt thì vi ấy phải biết rõ, phải thâu suốt; đôi với pháp nào nên biêt rõ, nên đoạn trừ thì vi ây phải biêt rõ? phải đoạn trừ; đối với pháp nào nên biết rõ? nên tác chứng thì vị ấy phải biết rõ9 phải tác chứng; đối với pháp nào nên biết rõ, nên tu tập thì vi ấy phải biết rõ, phải tu tập; đó gọi là vi Tỳ-kheo đoạn trừ ái dục, dứt các kiết sử, tỏ ngộ hoàn toàn,9 vượt thoát khổ đau. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là Kinh sáu phân biệt về sáu nhập xứ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

306. ĐỆ ĐƯỢC THÁY PHÁP1011 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ.* Bấy giờ, có vị Tỳ-kheo sống nơi thanh vắng, chuyên tâm tư duy, khởi lên ý niệm: uTỳ-kheo nen biết như thế nào, thấy như thế nào để được thấy pháp?" Suy nghĩ như vậy rồi, Tỳ-kheo liền rời chỗ ngồi, đi đến chỗ đức Phật, lạy sát chân Ngài, ngồi sang một bên rồi bạch Phật: -Kính bạch Thế Tôn! Con sống một mình ở nơi thanh vắng, chuyên tâm tư duy, khởi ý niệm như vầy: "Ty.kheo biết như thế nào, thấy như thế nào để được thấy pháp?" Khi ấy, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo kia rằng:  Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ nói cho thầy được biết. Có hai pháp, là hai pháp nào? Đó là mắt và sắc... (nói đầy đủ như vây, cho đếrỈỸx "không phải cảnh giới của họ.59 Vì sao như vậy? Vì mắt duyên với sắc mà sanh

9 Nguyên tác: Chánh vô gián đẳng ().Xem chú thích 60, kinh số 23, quyển l, tr. 21; Tạp. (r.02. 0099.23. 0005all). 10 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.306. 0087cl8). 11 Bản Hán tỉnh lược, xem nội dung đầy đủ trong kinh số 213; Tạp.(T.02. 0099.213. 0054a01).



ra nhãn thức, ba yếu tố này hòa hợp sanh ra xúc, duyên xúc sanh ra thọ, tưởng. Bốn uẩn vô sắc này cùng với mắt và sắc, những pháp này được gọi là con người. Do những pháp này mà tác thành nên tưởng về con người, chúng sanh, na-la? ma-nậu-xà, ma-na-bà, sĩ phu, phước-già-la9 kỳ-bà, thiền-đầu.12 Lại nói như vầy: "Mắt tôi thấy sắc, tai tôi nghe tiếng, mũi tôi ngửi mùi, lưỡi tôi nếm vị, thân tôi chạm biết, ý tôi phân biệt ph"Vị ấy giả lập và nói rằng: Tôn giả này tên như vậy, sanh ra như vậy, có họ như vậy, ăn uống như vậy, thọ khổ vui như vậy, trường thọ như vậy, ở lâu như vậy, thọ mạng giới hạn như vậy?5 Này Tỳ-kheo! Những ý niệm trên thuộc về tưởng, thuộc về ghi nhớ, thuộc về ngôn thuyết. Các pháp này thảy đều vô thường, hữu vi, do suy nẹhĩ, mong cầu sanh ra. Nếu các pháp là vô thường, hữu vi, do suy nghĩ, mong câu sanh ra thì đó là khổ. Lại nữa, pháp ấy sanh cũng khổ, trụ cũng khổ, diệt cũng khổ, tái sanh nhiều lần cũng khổ, hết thảy đều khổ. Nấu khổ ấy đoạn trừ hết không sót lại gì, loại bỏ hết, dứt sạch, lìa dục? tịch diệt, tịch tĩnh và ngưng nghỉ,13 các khổ khác không còn tiếp nối, không còn phát sanh nữa thì đó là tịch diệt, đó là thắng diệu. Nghĩa là xả bỏ tất cả hữu dư, dứt sạch mọi ái dục, được vô dục, diệt tận, Niết-bàn. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân duyên với xúc mà sanh ra thân thức, ba yêu tô này hòa hợp sanh ra xúc, duyên

xúc sanh ra thọ, tưởng, tư. Bôn uân vô sắc này cùng với thân căn là sắc ấm, những pháp này gọi là con người,... (chi tiết như đoạn trên đã nói, cho đến) diệt tận, Niết-bàn. Ý duyên với pháp sanh ra ý thức, ba yếu tố này hòa hợp sanh ra xúc, duyên xúc sanh ra thọ, tưởng, tư. Bốn uẩn vô sắc này và bốn đại là sở y của con người;14 những pháp này gọi là con người,... (chi tiết như đoạn trên đã nói, cho đen) diệt tận, Niết-bàn. Nếu những ai đối với các pháp này, tâm tùy theo đó mà thể nhập, an trú, giải thoát, không thoái chuyển thì đối với vị ấy, những chấp trước khởi lên đều không có ngã. Này Tỳ-kheo! Biết như vậy, thấy như vậy, gọi là thấy pháp. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

307. BẬC THẤY PHÁP15

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước

Xá-vệ.

^Nguyên tác:.,.Những danh từ này chỉ cho tự ngã
trong những bối cảnh cụ thể. B Nguyen tác: Tận, vô dục, diệt, tức, một ().Tham chiếu: Phân biệt lục giới kỉnh (01. 0026.162. 0692al8):
Tận, vô dục, diệt, tức, chỉ (,). 14 Nguyên tác: Sĩ phu ( )chỉ cho con người.
15 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.307. 0088a21).



Bây giờ, có vị Tỳ-kheo sông một mình ở nơi thanh văng, chuyên tâm tư duy, khởi ý niệm như vầy: "Tỳ-kheo biết như thế nào, thấy như thế nào để được gọi là thấy pháp?y Tư duy như vậy rồi, vị ấy xả thiền, đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Con sống một mình ở nơi thanh vắng, chuyên tâm tư duy, khởi ý niệm như vầy: "Tỳ-kheo biết như thế nào, thấy như thế nào để được gọi là thấy pháp?" Nay con kính hỏi Thế Tôn, cúi mong Ngài giải thích cho! Đức Phật bảo: -Này Tỳ-kheo! Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ nói cho thầy. Có hai pháp, đó là mắt duyên với sắc sanh ra nhãn thức (như kỉnh trên đã nói)}6 Tôn giả ấy sau khi nghe Thế Tôn dạy bèn nói kệ: Mắt, sắc hai thứ duyên, Sanh tâm và tâm pháp, Thức và xúc đều sanh, Thọ, tưởng nhân đó khởi. Đều chẳng ngã5 ngã sở, Cũng không phước-già-la, Chẳng phải ma-nậu-xà? Chẳng phải ma-na-bà. Đó chính là sanh diệt, Khổ ấm, pháp biến đổi, Duyên đây mà khởi tưởng, Lập bày có chúng sanh. Na-la, ma-nậu-xà9 Cùng với ma-na-bà5 Và tưởng nhiều loài khác, Đều do khổ ấm sanh. Các nghiệp ái, vô minh, Tích tụ ấm đời khác, Các Sa-môn ngoại đạo, Luận khác về hai pháp, Chỉ là lời nói suông, Nghe xong thêm mê loạn. Tham ái dứt không còn, Vô minh diệt vĩnh viễn, Ái sạch, các khổ dứt, Vô thượng, Phật nói rõ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đêu hoan hỷ phụng hành. ***

308. KHÔNG ĐẮM NHIỄM16 17 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bây giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Chư thiên và loài người đều đắm nhiễm, yêu thích, dính mắc nơi sắc. Nếu sac áy vô thường, biên đôi, diệt mat thì chư thiên và loài người kia sẽ sông rát đau khổ. Họ cũng đắm

nhiễm, yêu thích, dính mắc nơi thanh, hương, vi? xúc,

16 Bản Hán tỉnh lược, xem nội dung đầy đủ trong kinh số 306; Tạp.(T.02. 0099.306. 0087cl8). 17 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.308. 0088b15). Tham chiếu: s. 35.136 - IV. 126.



pháp. Nếu các pháp ấy biến đổi, vô thường, diệt mất thì chư thiên và loài người kia cũng song rất đau kho. Đối với sắc, sự tập khởi của sắc, sự hoại diệt của sắc, vị ngọt của sắc, sự tai hại của sắc, sự thoát ly của sắc, Như Lai biết đúng như thật. Vì đã biết đúng như thật nên đối với sắc, Như Lai không đắm nhiễm, không yêu thích, không dính mắc. sắc ấy dẫu là vô thường, biến đổi, hoại diệt thì Như Lai vẫn luôn sống trong an lạc. Đối với sự hiện hữu, sự tập khởi, sự diệt tận, vị ngọt, tai hại, thoát ly của thanh, hương, vi, xúc9 pháp, Như Lai đã biết đúng như thật. Khi đã biết đúng như thật rồi nên Như Lai không đắm nhiễm, không yêu thích, không dính mắc. Cho dù sắc này là vô thường, biến đổi, hoại diệt đi nữa thì Như Lai vẫn sống an lạc. Vì sao như vậy? Vì mắt duyên với sắc sanh ra nhãn thức, ba yếu tố này hòa hợp sanh ra xúc, duyên xúc sanh ra cảm thọ, gồm cảm thọ khổ, cảm thọ vui và cảm thọ không khổ không vui. Đối với sự tập khởi của thọ, sự hoại diệt của thọ, vị ngọt của thọ, sự tai hại của thọ, sự thoát ly thọ này cũng phải biết đúng như thật, sắc ấy là nhân duyên sanh ra sự chướng ngại. Khi sự chướng ngại đã không còn gọi là Niết-bàn an ổn tối thượng. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng như vậy. Ý duyên với pháp sanh ra ý thức, ba yếu tố này hòa hợp sanh ra xúc, duyên xúc sanh ra cảm thọ, gom cảm thọ kho, cảm thọ vui và cảm thọ không khổ không vui. Đối với sự tập khởi của thọ, sự hoại diệt của thọ, vi ngọt của thọ, sự tai hại của thọ, sự thoát ly thọ này cũng phải biết đúng như thật. Pháp ấy là nhân duyên sanh ra sự chướng ngại. Khi sự chướng ngại đã diệt roi gọi là Niêt-bàn an ôn tôi thượng. Bay giơ, Thê Tôn liên noi kệ: Nơi sắc, thanh, hương, vị, XÚC, pháp, sáu cảnh giới, Xưa nay sanh vui thích, Ái nhiễm vui đắm sâu. Chư thiên và loài người, Nương vào đó làm vui, Khi biến đổi, diệt mất, Họ sanh ra kho sầu. Chỉ có bậc Hiền thánh, Thấy diệt ấy là vui, Niêm vui của thê gian, Quán sát đêu bi ai. Điều Hiền thánh thấy khổ, Thế gian cho là vui, 9 r Sự khô của thê gian, Đối với Thánh là vui. Pháp sâu xa khó hiểu, Thế gian sanh nghi hoặc, Chìm đắm trong tối tăm, Mờ mịt chẳng thấy gì. Chỉ có người trí tuệ, Mở ra nguồn sáng lớn, Lời sâu xa như thế, Phàm phu sao hiểu được, Không còn thọ thân sau, Mới hiểu rõ nghĩa mầu. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***



309. SÓNG CHUNG VÀ SỐNG MÔT MÌNH18 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ bên hồ Yết-già,19 thuộc nước Chiêm-bà. Bấy giờ, Tôn giả Lộc-nữu20 đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: Kính bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn đã nói có hai hạng người, hạng người sống cùng với người thứ hai và hạng người sống một mình.21 Vậy thế nào là người sống cùng với người thứ hai và thế nào là người sống một mình? Phật bảo Lộc-nữu: Lành thay! Lành thay! Này Lộc-nữu! Thầy có thể hỏi Như

Lai nghĩa này. Rồi Phật dạy:  Nếu mắt nhận biết sắc đáng yêu, đáng thích, đáng nhớ, vừa ý? nuôi lớn tham dục; Tỳ-kheo kia thấy rồi liền vui mừng, khen ngợi, sống trong trói buộc; khi đã vui mừng, khen ngợi và sống trong trói buộc rồi thì tâm vị ấy trở nên vui thích; do vui thích nên yêu mến; do yêu mến nên tham ái; do tham ái nên bị chướng ngăn. Người sống với vui thích, yêu mến, tham ái và chướng ngăn, đó gọi là sống chung với người thứ hai. Đối với tai, mũi? lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy. Này Lộc-nữu! Tương tự như vậy, nếu Tỳ-kheo nào tuy sống một mình ở nơi thanh vắng nhung cũng được gọi là sống chung với người thứ hai. Vì sao như vậy? Vì không đoạn trừ, không dứt bỏ ái hỷ. Người không đoạn trừ, không biết rõ đối với ái dục, thế nên chư Phật, Như Lai gọi là sống chung với người thứ hai. Nếu có Tỳ-kheo nào [đối với sắc] đáng yêu, đáng thích, đáng nhớ, vừa ý? nuôi lớn tham dục; Tỳ-kheo kia thây roi nhtrng không sanh tâm vui mừng, không khen ngợi, không sống trong trói buộc; do không vui mừng, không khen ngợi, không song trong trói buộc nên không vui thích; do không vui thích nên không yêu mến; do không yêu mến nên không tham ái; do không tham ái nên không bị chướng ngăn. Người sống mà không vui thích, không yêu mến, không tham ái, không chướng ngăn, đó gọi là sống một mình. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng nói như vậy. Này Lộc-nữu! Tương tự như vậy, nếu Tỳ-kheo nào tuy sống trong lầu cao nhà rộng nhung cũng giống như người đang sống một mình. Vì sao như vậy?

18 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.7.02. 0099.309. 0088cl8. Tham chiếu: s. 35.62 - IV. 35. 19 Yết-già trì Gaggarā Pokkharanī, tên hồ sen rất đẹp ở nước Chiêm-bà Campā. Hồ sen này do Hoàng hậu Gaggarā xây dựng nên được gọi theo tên của bà. 20 Lộc-nữu Migajāla. 21 Hữu đệ nhi trụ còn được gọi Uhữu bạn đồng trụ",sadutiyavihārī, là sống với người bạn đống học. Nhất nhất trú ,ekavihārĩ'. Người sống một mình.



Vì vị ấy đã dứt sạch tham ái, đã biết rõ. Người đã dứt sạch tham ái và đã biết rõ, chư Phật, Như Lai gọi là người sống một mình. Bấy giờ, sau khi nghe đức Phật dạy xong, Tôn giả Lộc-nữu hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi ra về. ***

310. LỘC-NỮU ĐẮC PHÁP22 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật an trú bên bờ hồ Yết-già, tại nước Chiêm-bà. Khi ấy, Tôn giả Lộc-nữu đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và bạch Phật:  Lành thay! Bạch Thế Tôn! Kính xin Ngài thuyết pháp cho con. Khi nghe pháp xong, con sẽ sống một mình nơi yên vắng, tinh chuyên thiền định, song không buông lung,...(cho đến) tự biết không còn tái sanh. Phật bảo: -Lành thay! Lành thay! Này Lộc-nữu! Thầy có thể hỏi Như Lai nghĩa như thế. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ! Ta sẽ vì thầy mà giảng nói. Rồi Phật dạy:  Nếu mắt thấy sắc đáng yêu, đáng thích, vừa ý5 đáng nhớ5 nuôi lớn tham dục; khi đã thấy rồi thì vi ấy liền vui thích, khen ngợi, dính mắc; khi đã vui thích, khen ngợi, dính mắc rồi thì vui mừng tập khởi; khi vui mừng đã tập khởi thì kho đau tập khởi. Đoi với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy. Này Lộc-nữu! Nêu có Tỳ-kheo nào mà mát thây sác đáng yêu, đáng thích, đáng nhớ, vừa ý, nuôi lớn tham dục; khi đã thấy rồi thì vị ấy không vui thích, không khen ngợi, không dính mắc. Vì không vui thích, không khen ngợi, không dính mắc nên

vui mừng không tập khởi. Vì vui mừng không tập khởi nên khổ đau dứt sạch. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý và pháp cũng nói như vậy. Sau khi nghe Phật dạy xong, Tôn giả Lộc-nữu hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ Phật rồi ra về. Bay giờ, Tôn giả Lộc-nữu nghe Phật thuyết pháp, giáo giới xong, liền sống một mình ở nơi thanh vắng, tinh chuyên thiền định, sống không buông lung,... (cho đếrí) chứng đắc quả A-la-hán, được tâm giải thoát hoàn toàn.23 ***

22 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.310. 0089al2). Tham chiếu: s. 35.64 - IV. 37. 23 Nguyên tác: Thiện giải thoát (,suvimutta). Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển l, tr. 19; Tạp.(7.02. 0099.22. 0004c20).



311. TÔN GIẢ PHÚ-LÂU-NA24 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Phú-lâu-na25 đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi đứng sang một bên và bạch Phật: Lành thay! Bạch Thế Tôn! Xin hãy vì con mà thuyết pháp, khi nghe pháp xong, con sẽ ở một mình nơi thanh vắng, tinh chuyên thiền định, sống không buông lung,... cho đên tự biêt không còn tái sanh. Phật bảo Phú-lâu-na: - Lành thay! Lành thay! Thầy có thể hỏi Như Lai về nghĩa này, hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ vì thầy mà giảng nói. Nêu Tỳ-kheo nào mà mát thây sác đáng yêu, đáng thích, đáng nhớ, vừa ý? nuôi lớn tham dục; khi thấy rồi, vị ấy thích thú, khen ngợi, dính mắc; do thích thú, khen ngợi, dính mắc nên hoan hỷ; do hoan hỷ rồi sanh đắm nhiễm; do đắm nhiễm rồi sanh tham ái; do tham ái nên bị chướng ngăn. Vì có hoan hỷ5 đắm nhiễm, tham ải, chướng ngăn nên cách xa với Niết-bàn. Đoi với tai, mũi? lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy. Này Phú-lâu-na! Nêu Tỳ-kheo nào mà mát thây sác đáng yêu, đáng thích, đáng nhớ, vừa ý, nuôi lớn tham dục; thấy rồi nhimg không khởi tâm ưa thích, không khen ngợi, không dính mắc. Vì không ưa thích, không khen ngợi, không dính mắc nên không hoan hỷ; vì không hoan hỷ nên không đắm nhiễm; vì không đam nhiễm nên không tham ái; do không tham ái nên không có chướng ngăn. Vì không hoan hỷ, không đắm nhiễm, không tham ái, không chướng ngăn nên vị ấy đến gần với Niết-bàn. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy. Phật bảo Phú-lâu-na: Ta đã nói vắn tắt về giáo pháp, vậy thày muốn an tru ở đâu? Phú-lâu-na bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Con đã nghe Thế Tôn nói vắn tắt về giáo pháp, nay con muốn du hành trong nhân gian về phía Tây xứ Du-lô-na!26

24 Iựạ_đềđặt theo nội dung kinh. Tạp. 0.02. 0099.31 Ị. 0089b01. Tham chiếu: Mãn Nguyện tửkịnh T.02. 0108. 0502c05; Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ Tỳ-nại-da dược sự 7.24. 1448.3. 0010al3; M. 145, Punnovāda Sutta Kỉnh giáo giới Phú-ỉâu-na; y 35.88 -IV. 60. 25 Phu-lāu-na ,Punna, Hán dịch là Mãn Từ Tử ,Mãn Chúc Tử ,Mãn Nguyện Tử .Mãnlà tên của ngài, Từ là họ mẹ, vì lấy họ mẹ nên gọi là Mãn Từ Tử. 26 Nguyên tác: Tây phương Du-lư-na Sunãparanta. Theo DPPN, đây là quê hương của Tôn gia Phú-lâu-na Punna Therā.

Phật bảo Phú-lâu-na:  Như Ta được biết, người ở phía Tây xứ Du-lô-na tánh tình hung hăng, nóng nảy, lỗ mãng, ưa thích mắng chửi. Phú-lâu-na, nếu gặp phải sự hung ác, nóng nảy, thô bạo, mắng chửi, hủy nhục của họ thì thầy phải làm sao? Phú-lâu-na bạch Phật:  Kính bạch Thế Tôn! Người dân ở phía Tây xứ Du-lô-na nếu họ nói những lời hung ác, mắng chửi, hủy nhục trước mặt con thì ngay lúc đó con nghĩ rằng: "Người dân ở phía Tây xứ Du-lô-na hiền thiện, có trí tuệ; tuy họ tỏ vẻ hung ác, mắng chửi hay hủy nhục trước mặt ta, nhimg họ vẫn chưa dùng tay đánh đập hoặc ném đá ta." Phật bảo Phú-lâu-na:  Người dân ở phía Tây xứ Du-lô-na nêu hung dữ, nóng nảy, lô mãng, măng chửi thầy thì còn có thể tránh được; nhtrng nếu họ dùng tay đánh đập hoặc ném đá hại thầy thì thầy phải làm sao? Phú-lâu-na bạch Phật: - Kính bạch Thế Tôn! Người dân phía Tây xứ Du-lô-na nếu họ có dùng tay đánh đập hoặc ném đá con thì ngay lúc đó con cũng nghĩ rằng: "Dân Du-lô-na vẫn lương thiện, có trí tuệ; tuy họ dùng tay đánh đập hay ném đá ta, nhưng chưa đến nỗi dùng dao, gậy để hại ta." Phật bảo Phú-lâu-na:  Nếu họ dùng dao, gậy để hại thầy thì thầy phải làm sao? Phú-lâu-na bạch Phật:  Kính bạch Thế Tôn! Người xứ Du-lô-na nếu dùng dao, gậy để hại con thì ngay lúc đó con khởi niệm: “Dân xứ Du-lô-na kia vẫn hiền thiện, có trí tuệ; tuy họ dùng dao, gậy hại ta nhưng chưa giết ta.” Phật bảo Phú-lâu-na:  Giả sử họ giết thầy thì thầy phải làm sao? Phú-lâu-na bạch Phật:  Kính bạch Thế Tôn! Người dân Du-lô-na nếu có giết con thì ngay lúc đó con nghĩ rằng: “C6 nhiều vị đệ tử của Thế Tôn nhàm chán thân này, có người dùng dao tự sát, có người uống thuốc độc, có người dùng dây thắt cổ, có người lao mình xuống hố sâu. Người dân Du-lô-na kia vẫn còn lương thiện, có trí tuệ, vì đối với thân hư mục này của ta, họ chỉ tạo chút phương tiện, giúp ta sớm được giải thoat?9 Phật bảo:  Lành thay, Phú-lâu-na! Thầy khéo học hạnh nhẫn nhục. Nay thầy có thể an tru ở xứ Du-lô-na đê giáo hóa. Thầy nên đi ngay, hãy hóa độ cho những người chưa được độ thì khiến cho họ được độ, nguồi chưa an thì khiến cho họ được an, người chưa chứng Niết-bàn thì hãy khiển họ được Niết-bàn.

QUYỂN 13  375

Sau khi nghe lời Phật dạy, Tôn giả Phú-lâu-na hoan hỷ và tùy hỷ, kính lễ Phật rồi rời đi. Bấy giờ, khi đêm đã qua, trời vừa rạng sáng, Tôn giả Phú-lâu-na đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Thọ thực xong, Tôn giả quay trở về trụ xứ, gửi gắm ngọa cụ rồi đắp y, mang y bát du hành trong nhân gian đến xứ Du-lô-na. Đen nơi, Tôn giả an cư mùa mưa27 tại đó và thuyết pháp độ được năm trăm ira-bà-tắc? xây dựng năm trâm Tăng-già-lam và cúng dường chư Tăng các thứ vật dụng như giường nằm, chăn mền thảy đều đầy đủ. Sau khi mãn hạ, Tôn giả chứng được Tam minh rồi nhập Vô dư Niết-bàn tại nơi đó. ***

312. TUỔI GIÀ HỌC ĐẠO28 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Lúc ấy, Ma-la-ca-cữu29 đến chỗ đức Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và bạch rằng:  Lành thay! Bạch Thế Tôn! Kính xin Ngài hãy thuyết pháp cho con, khi nghe pháp xong, con sẽ một mình ở nơi thanh vang, tinh chuyên thiền định, sông không buông lung... cho đên tự biêt không còn tái sanh. Bấy giờ, Thế Tôn nói với Ma-la-ca-cữu rằng: -Những thanh niên trẻ tuổi thông minh

lanh lợi, xuất gia chưa bao lâu, đối với giáo pháp của Như Lai còn không biêng nhác, huống gì thây tuôi tác đã cao, các căn suy yếu mà lại muốn nghe Như Lai chỉ dạy vắn tắt. Ma-la-ca-cữu bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Mặc dù tuổi tác đã cao, các căn đã yếu, nhimg con vẫn muốn được nghe Thế Tôn chỉ dạy vắn tắt. Kính xin Thế Tôn chỉ dạy vắn tắt cho con, khi nghe pháp xong con sẽ một mình ở nơi thanh vắng, tinh chuyên thiền định, sống không buông lung,... cho đến tự biết mình không còn tái sanh. A y e y Ma-la-ca-cữu thỉnh câu như vậy lân thứ hai, roi lân thứ ba. Phật nói với Ma-la-ca-cữu: Thầy hãy thôi đi!

27 Nguyên tác: Hạ an cư .Mùa mưa ở Ấn Độ thường kéo dài khoảng hơn 3 tháng, trong khoảng thời gian đó, Phậtdạy hàng xuất gia phải ở yên một chỗ, chuyên tâm tu tập, gọi là "an *ec an cư trong mùa mưa ,vassāna cung là mùa hạ nên được dịch là "an cư mùa hạ?,.Nham phản ánh đúng nguồn gốc của vân đề nên chúng tôi dịch là "an cư mùa mưa,,, 28 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.02. 0099.312. 0089c24. Tham chiếu: s. 35.92 - IV. 72. 29 Ma-la-ca-cữu Mālunkyāputta .



Thế Tôn cũng ba lần từ chối như vậy, không vì thầy ấy mà thuyết pháp. Bấy giờ, Thế Tôn hỏi Ma-la-ca-cữu: Nay Ta hỏi thầy, thầy hãy tùy ý mà trả lời. Phật hỏi: Nếu mắt chưa từng thấy sắc, ông sẽ muốn thấy. Đối với sắc ấy, ông có khởi tâm tham muốn, ưa thích, nhớ nghĩ và nhiễm trước chăng? Ma-la-ca-cữu đáp: -Thưa không, bạch Thế Tôn! Đối với tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi hương, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý biết pháp, đức Phật cũng hỏi như vậy. Phật bảo Ma-la-ca-cữu: Lành thay! Lành thay! Này Ma-la-ca-cữu! Đối với cái thấy thì hãy dùng cái thấy để hạn lượng,30 với cái nghe thì dùng cái nghe để hạn lượng, với cảm thọ31 thì dùng cảm thọ để hạn lượng, với thức tri thì lấy thức tri để hạn lượng. Rồi đức Phật nói kệ: Nếu ông chẳng phải kia, Kia cũng chẳng phải dây, Cũng chẳng ở khoảng giữa, Là vượt thoát kho đau.32 Ma-la-ca-cữu bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con đã hiểu. Thưa Thiện Thệ! Con đã rõ. Phật bảo Ma-la-ca-cữu: Ông hiểu thế nào đối với nghĩa lý rộng sâu trong giáo pháp mà Như Lai đã lược nói? Bấy giờ, Ma-la-ca-cữu dùng kệ thưa Phật: Nếu khi mắt thấy sắc, Mà đánh mất chánh niệm, Thì với sác được thây, Sẽ chấp tướng yêu thích. Người chấp tướng yêu thích, Tâm thường bị dính mắc, Khởi sanh các ái nhiễm, Vô lượng sắc cùng sanh. Tham dục, sân, hại, thọ, Khiến tâm kia thoái lui, Tăng trưởng thêm các lđiổ, Xa lìa chốn Niết-bàn. Thấy sắc, không chấp tướng, Giữ tâm trụ chánh niệm, Không nhiễm ái, ác tâm, Cũng không sanh chấp trước. Không khởi nơi các ái, Vô lượng sắc cùng sanh, Tham dục, khuể5 hại, thọ, Chăng thê hoại tâm kia.

Nguyên tác: Kiến dĩ kiến vi lượng ():Với cái thấy thì chỉ nên giới hạn trong cái thấy đó. Tham chiêu: s. 35.95 - IV. 72: Ditthe ditthamattarn bhavissati (với cái thấy chỉ là cái thấy). 31 Nguyên tác: Giác (). 32 Tham chiếu: s. 35.95 - IV. 72: Này Mâlukyapụtta, ông không có vì cái ấy, nên ông không có: 44Ở nơi dây." Do vì, này Mãlukyaputta, ông không co: ÍỞ nơi day5,,,do vậy, này Malukyaputta, ông sẽ không có đời này, đời sau và giữa hai đời ấy. Đây là sự chấm dứt khô đau (HT. Thích Minh Châu dịch).

Giảm nuôi lớn các khổ, Dần tiến đến Niết-bàn, Đấng Nhật Chủng33 đã n6i, Lìa ái được Niết-bàn. Nêu tai nghe các tiêng, Tâm đánh mất chánh niệm, Chấp vào tướng âm thanh, Giữ chặt không xả bỏ. Mũi hương, lưỡi nếm vi, Thân xúc, ý niệm pháp, Mà quên mất chánh niệm, Chấp tướng cũng như thế. Tâm kia sanh yêu thích, Mê đắm trụ vững chắc, Khởi các loại tham ái, Vô lượng tập cùng sanh. Tham dục, sân, hại, thọ, Hại tâm kia thoái thất, Nuôi lớn các khổ uẩn, Mãi rời xa Niết-bàn. Không nhiễm nơi các pháp, Trụ chánh niệm, tỉnh giác, Tâm ấy chẳng nhiễm ô? Và cũng không đắm trước. Không khởi nơi các ái, Vô lượng tập cùng sanh, Tham, sân khuê, hại, thọ, Tam kia không thoái thất. Thì các khổ giảm dần, Đen gần Bát-niết-bn, Ái sạch, được Niết-bàn, Lơi The Ton đã noi. Đó chính là nghĩa lý được hiểu rõ ràng trong giáo pháp mà Thế Tôn đã lược nói. Đức Phật nói với Ma-la-ca-cữu: Đối với giáo pháp Như Lai lược nói, nay ông đã hiểu rõ ràng nghĩa lý. Vì sao như vậy? Vì đúng như bài kệ mà ông đã nói: Nếu khi mắt thấy sắc, Mà đánh mất chánh niệm, Thì với sắc được thấy, Sẽ chấp tướng yêu thích. (Nói đay đủ như trên). Bấy giờ, Tôn giả Ma-la-ca-cữu nghe đức Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh le Phật rồi rơi đi. Sau khi Tôn giả Ma-la-ca-cữu giải rộng nghĩa lý trong giáo pháp mà Thế Tôn lược nói, thây ây một mình ở nơi thanh văng, tinh chuyên thiên định, sông không buông lung,... (cho đến) chứng quả A-la-hán, tâm được giải thoát. ***

313. NHẬN ĐỊNH VỀ KINH PHÁP34

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ.

33 Nguyên tác: Nhật Chủng (H ):Dòng Họ Mặt Trời, chỉ cho đức Phật Thich-ca. Tham chieu^Sw. v. 425: Ãdỉccã nãma gottena, sãkiyã nãmajãtiyã (Dòng họ thuộc Mặt Trời, sanh tộc là Thích-ca), HT. Thích Minh Châu dịch. 34 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.313. 0090Ồ27). Tham chiếu: s. 35.152 -IV. 138.



Bây giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Có những kinh pháp được các Tỳ-kheo ngưỡng vọng, tôn sùng; thế nhung đối với kinh pháp thì ngoài lòng tin, ngoài ước muốn, ngoài lắng nghe, ngoài thẩm sát tư duy, ngoài trầm tư để tiếp nhận sự thật,35 thì phải bằng sự hiểu biết chân chánh mà tuyên bố: “Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh."36 Các Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp. Kính mong Ngài thuyết giảng cho chúng con. Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ lãnh thọ và phụng hành... Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: - Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng cho các thầy. Này các Tỳ- kheo! Khi mắt thay sắc nhận biết là sắc, nhưng không khởi tưởng37 *36tham đối với sắc. Vị ấy biết như thật rằng: "Ta trước kia có tham đối với sắc được nhận biết bởi mắt, nhưng nay không có tham đối với sắc được nhận biết bởi mắt nữa!" Nêu Tỳ-kheo nào khi măt thây sác nhận biêt là sác mà kh6ng khởi tâm tham luyến sắc; vị ấy biết như thật rang: "Trước đây, ta có tham luyến sắc

được nhận biết bởi mắt, nhixng nay đã tuyên bố rằng khônệ còn tham luyến đối với sắc được nhận biết bởi mắt nữa." Này các Tỳ-kheo! Y các thầy nghĩ sao? Vị ấy đối với giáo pháp có niềm tin, có ước muốn, có sự lắng nghe, có thẩm sát tư duy, có trầm tư để tiếp nhận sự thật chăng? Các Tỳ-kheo đáp: - Thưa có, bạch Thế Tôn! The Ton hoi: -Vị ây trở vê với giáo pháp ây và có biêt như thật băng chánh trí vê những điều mình biết, mình thấy chăng? Đáp: - Thưa c6, bạch Thế Tôn! r Đôi với tai, mũi, lưỡi, thân, ỷ thì cách thức thực hành cũng nói như vậy.  Này các Tỳ-kheo! Đó gọi là có kinh pháp mà các Tỳ-kheo tôn kính hướng thượng, thế nhưng đối với kinh pháp, ngoài lòng tin, ngoài ước muốn, ngoài sự

NguyenJtac: Dị tín, dị dục, dị văn, dị hành tư duy, dị kiến thẩm đế nhan ( P Xem Tạp.ỵ^ (7L02. 0099.351. 0098c04): Dị tín, dị dục, dị văn,
dị hành giác tưởng, dị kiên phiên đế nhẫn (,;?)kinh(01.
0026.19* 0443C12): Tín, nhạo, văn, niệm, kiên thiện quán (ít,,),nghĩa là lòng
thành tín, sự ưa thích, nghe theo truyền thong, biết suy tư, thẩm sát để tiếp thọ. 36 Tham chiếu; s. 35.152 - IV 138: Có pháp môn nào, do pháp môn ấy, Tỷ-kheo ngoài lòng tin, ngoài ưa thích, ngoài lăng nghe, ngoài suy tư vê phương pháp (ākāra-parivitakka)^ ngoài kham nhẫn, thích thú biện luận (ditthmijjanakhanti), co thể xác chứng chánh trí; vị ấy biết rõ: t6Sanh đã tận, Phạm hạnh đã được thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa?" (HT. Thích Minh Châu dịch). 37 Nguyên tác: Giác (),chỉ cho giác tưởng (vitakkā).



lắng nghe, ngoài sự thẩm sát tư duy, ngoài trầm tư để tiếp nhận sự thật, thì phải bằng sự hiểu biết chân chánh mà tuyên bố: “Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

314. ĐOẠN DỤC38 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Các thầy cần phải đoạn dục. Sau khi đoạn dứt mọi tham dục nơi mắt thì mắt cũng được đoạn sạch, được rõ biết, cắt đứt tận gốc rễ chúng, như chặt ngọn cây đa-la, vĩnh viễn không còn tái sanh ở đời vi lai nữa. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

315. CHUYỂN BIÊN SANH DIỆT39 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giơ, The Tôn bảo các Tỳ-kheo: Này các Tỵ-kheo! Nếu nơi mắt có sanh khởi, tồn tại, biến đổi40 thì khổ sanh khởi, bệnh tồn tại, già chết hiện ra. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy. Nếu nơi mắt đã tịch lặng, chấm dứt, ngùng nghỉ thì khổ đã sanh cũng diệt, bệnh cũng chấm dứt, già chết cũng ngimg nghỉ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

38 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.314. 0090c19). 39 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.315. 0090c25). Tham chiếu: s. 26.1 - III. 228. 40 Sanh, trụ,

chuyển xuất (,hay).



316. SÁU CĂN VÔ THƯỜNG (2)41 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. _ rTĩ-| Ạ rr\ L 2 _ _ / _ rr^y 1 1 _ Ạ____ • Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Mắt là vô thường. Nếu mắt là thường thì không phải chiu đựng sự khổ bức bách và đối với mắt cũng có thể nói: "Ta muốn nó như thế này, không nên như thế kia." Nhưng vì mắt là vô thường cho nên nơi mắt phải chịu sự khổ bức bách, và đối với mắt không thể muốn nó như thế này, không muốn nó như thế kia. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

317. SÁU CĂN LÀ KHÔ42 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc? trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ* J Á • 5_ Ā rr^ L ? _ _ L _ rr^ y 1 ĩ _ Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Mắt là khổ. Nếu mắt là vui thì đáng lý không phải chịu khổ bức bách và đối với mắt, ta có thể muốn nó như thế này, không nên như thế kia. Nhưng vì mắt là khổ nên phải chịu khổ bức bách và đối với mắt, ta không thể muốn nó như thế này, không nên như thế kia. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

318. SÁU CĂN VÔ NGÃ43 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. J Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: -Mắt chẳng phải ngã. Nếu mắt là ngã thì đáng lý không phải chịu khổ bức bách và đối với mắt, ta có thể muốn nó như thế này, không nên như thế kia. Nhtrng vì mắt không phải là ngã nên nó phải chiu khổ bức bách và ta cũng

41 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02.0099.316. 0091a02). 42 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02.0099.317. 0091a09). 43 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02.0099.318. 0091al6).



không thê muôn nó như thê này, không nên như thê kia. Đôi với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành* Như ba kinh Sáu căn,44 ba kinh Sáu trần cũng nói như thế. ***

319. THÉ NÀO GỌI LÀ TẤT CẢ?45 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Bà-la-môn Sanh Văn đến chỗ đức Phật, cùng nhau ân cần thăm hỏi xong, ngôi sang một bên roi bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Điều gì được gọi là tất cả?46 vậy thế nào gọi là tất cả? Phật bảo Bà-la-môn: Tất cả, nghĩa là mười hai nhập xứ. Mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nêm vị? thân xúc chạm, ý biêt pháp, đó gọi là tát cả. Nêu lại có người nói rằng: uĐây chẳng phải là nghĩa 'tất cả9 mà Sa-môn Cù-đàm nói là 'tất cả5. Nay ta bác bỏ va lập lại một thuyết 'tất cả9 khác,5 thì họ chỉ nói trên ngôn từ, chứ khi bị chất vấn thì mù mờ, tăng thêm nghi ngờ. Vì sao như vậy? Vì pháp đó không thuộc cảnh giới của họ. Sau khi nghe đức Phật dạy xong, Bà-la-môn Sanh Văn hoan hỷ và tùy hỷ phụng hành.

***

320. TẤT CẢ ĐỀU CÓ47

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, có Bà-la-mon Sanh Văn đến chỗ đức Phật, chào hỏi thăm nhau xong, ngồi qua một bên rồi bạch Phật:

-Thưa Cù-đàm! Ngài cho rằng tất cả đều c6, vậy thế nào gọi là tất cả đều có?

Phật bảo Bà-la-môn Sanh Văn:

44 Nguyên tác: Nội lục nhập xứ ().Xem chú thích 9, kinh số 276, quyển 11, tr. 316; Tạp. (r.02. 0099.276. 0073c09). Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.319. 0091a24). Tham chiếu: s. 35.23 - IV. 15. 46 Nhất thiết (,sabbā). 47 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.320. 0091ỒỒ04).



Nay Ta hỏi ông, ông hãy tùy ý mà trả lời. Này Bà-la-môn! Ý ông nghĩ sao? Mắt là có chăng?

Bà-la-môn đáp:

Là có, bạch Ngài!

Phật lại hỏi:

- Sắc là có chăng?

Là có, bạch Ngài!

Phật lại hỏi:

-Này Bà-la-môn! Có sắc, có nhãn thức, có nhãn xúc, có cảm thọ được sanh

9 9

ra do nhãn xúc, hoặc cảm thọ khô, hoặc cảm thọ vui, hoặc cảm thọ không khô không vui chăng? Bà-la-môn Sanh Văn đáp: Thưa c6, bạch Ngài! Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy. (Chi tiết như trên, cho đến)4S không thuộc cảnh giới của họ. Đức Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn Sanh Văn khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, roi từ chô ngôi đứng dậy mà ra vê. ***

321. TẤT CẢ PHÁP48 49 . x Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Bà-la-môn Sanh Văn đi đến chỗ đức Phật, cùng chào hỏi nhau xong, ngồi qua một bên rồi bạch Phật: Thưa Sa-môn Cù-đàm! Ngài có nói về tất cả pháp. Vậy thế nào gọi là tất cả pháp? Phật bảo Bà-la-môn: Mắt duyên với sắc [sanh ra] nhãn thức, [ba yếu tố này hòa hợp gọi là] nhãn xúc, nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui; tai, mũi, lưỡi, thân và ý duyên với pháp [sanh ra] ý thức, [ba yếu to này hòa hợp gọi là] ý xúc, ý xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui. Đây gọi là tất cả pháp. Nếu lại có người cho rằng: "Bây chẳng phải 'tất cả pháp5 mà Sa-môn Cù- đàm nói là 'tất cả pháp? Nay ta bác bỏ để kiến lập lại thuyết 'tất

cả pháp"thì

48 Bản Hán tỉnh lược, xem nội dung đầy đủ trong kinh số 319; Tạp.(7.02. 0099.319. 0091a24). 49 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.321. 0091Ồ15).



lời này chỉ là lời nói suông, vị khi bị chất vấn thì mù mờ, tăng thêm nghi ngờ. Vì sao như vậy? Vì chẳng phải cảnh giới của họ. Đức Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn Sanh Văn nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy mà ra về. Tương tự như ba bài kinh Bà-la-môn Sanh Văn thưa hỏi đức Phật, lại có ba bài kinh do Tỳ-kheo khác thưa hỏi, ba bài kinh do Tôn giả A-nan thưa hỏi và ba bài kinh do Thế Tôn nói về con mắt của pháp, cội gốc của pháp và chỗ y cứ của pháp, cũng được nói như trên. ***

322. CĂN VÀ TRẦN50 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, cúi lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên, bạch rằng:  Bạch Thế Tôn! Như lời Thế Tôn nói, mắt là căn bên trong51 nhưng Thế Tôn chỉ nói sơ lược, không giảng giải rộng rãi. Vì sao mắt là căn bên trong? Phật bảo Tỳ-kheo ấy:  Mắt là căn bên trong vì nó là phần sắc chất vi tế52 do bốn đại tạo thành, không nhìn thay nhưng gây đối ngại.53 Tai, mũi, lưỡi, thân là căn bên trong cũng nói như thế. Tỳ-kheo lại thưa: - Bạch Thế Tôn! Như lời Thế Tôn nói, ý là căn bên trong nhung không giảng giải rộng rãi. Vì sao ý là căn bên trong? Phật bảo Tỳ-kheo: -Y là căn bên trong, là bởi tâm, ý và thức không thuộc sác chát, không nhìn thấy và cũng không gây đối ngại54 cho nên gọi ý là căn bên trong. Tỳ-kheo ấy lại hỏi:  Như lời Thế Tôn dạy, sắc là trần bên ngoài nhimg Thế Tôn chỉ nói sơ lược mà không giảng giải rộng rãi. Vì sao Thế Tôn nói sắc là trần bên ngoài?

50 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.7.02. 0099.322. 0091c01. 51 Nguyên tác: Nội nhập xứ .p. cyjhattika āyatana cảm quan thuộc về bên trong. 52 Nguyen tácẠ Tịnh sắc ,gọi đủ là "tjnh sắc căn^, là giác quan tinh tế nhạy bén, có thể hiểu như là hệ thống thần kinh của mắt, tai* mũi, lưỡi và thân thể. 53 Nguyên tác: Bất khả kiến, hữu đối ,còn gọi là "v6 kiến hữu,tói", loại sắc không nhìn thấy nỉíimg có tính gây đối ngại, đó chính là căn tinh tế ben trong của con mắt tịnh sắc căn... 54 Nguyên tác: Bất khả kiến, vô d6i,,còn gọi là vô kiến vô đối, loại sắc không nhìn thấy cũng không có tính gây đối ngại. Ý thức và pháp xứ khòng thể thấy, không thể nắm bắt, sơ mó được nên gọi là vô đối.



Phật bảo Tỳ-kheo:  Sắc là trần bên ngoài, bởi sắc do bốn đại tạo thành, có thể thấy, có gây đối ngại cho nên gọi sắc là trần bên ngoài. Tỳ-kheo lại bạch Phật:  Thế Tôn nói thanh là trần bên ngoài nhưng không giảng giải rộng rãi. Vì sao thanh là trần bên ngoài? Phật dạy Tỳ-kheo:  Bởi vì âm thanh do bốn đại tạo thành, không thể nhìn thấy nhưng có đối ngại. Đối với thanh, hương, vị cũng giống như thế. Tỳ-kheo ấy lại hỏi: Thê Tôn nói xúc là trân bên ngoài nhưng không giảng giải rộng rãi. Vì sao xúc là trần bên ngoài? Phật bảo Tỳ-kheo:  Xúc là trần bên ngoài, nghĩa là bốn đại và sắc do bốn đại tạo thành, không thể thấy nhưng có đối ngại nên gọi xúc là trần bên ngoài. Tỳ-kheo

ấy lại hỏi:  Thê Tôn nói pháp là trân bên ngoài nhưng không giảng giải rộng rãi. Vì sao pháp là tràn bên ngoài? Phật bảo Tỳ-kheo: -Pháp là trần bên ngoài, không bao gồm mười một xứ,55 vì không thể thấy, không gây đối ngại nên gọi pháp là trần bên ngoài.
Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.
***

323. SÁU CẢN55 56

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ? Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

-Có sáu căn. Những gì là sáu? Đó là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý căn.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.
***

55 Nguyên tác: Thập nhất nhập sở bất nhiếp (+_  tức sáu xứ bên trong là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, y (;M) và năm xổ bên ngoài là sắc, thanh, hương, vị, xúc (,;; j. 56 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.323. 009ÍC23). Tham chiêu: Tạp.(Z02. 0099.304. 0086c23); M. 148, Chachàkka Sutia (Kinh sáu s);s. 35.60 IV. 32.

QUYÊN 13  385

324. SÁU TRẦN57

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bay giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo:

Có sáu trân. Những gì là sáu trân? Đó là săc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần. Đó gọi là sáu trần.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.
***

325. SÁU LOẠI THỨC58

A

Tôi nghe như vây:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

-Có sáu loại thức.59 Thế nào là sáu? Đó là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức.60 Đó gọi là sáu loại thức.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.
***

326. SÁU LOẠI XÚC61

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo:

Có sáu loại xúc.62 Thế nào là sáu loại xúc? Đó là nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc và ý xúc.63 Đó gọi là sáu loại xúc.

57 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.324. 0091c27). Tham chiếu: Tạp.(r02. 0099.304. 0Ò86c23); M, 148, Chachakka Sutta (Kinh sáu s);s. 35.60 - IV. 32.

58 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.325. 0092a03). Tham chiếu: Tạp.(102. 0099.304. 0Ò86c23); M. 148, Chachàkka Suỉta (Kỉnh sáu sáu); s. 35.60 - IV. 32.

59 Sáu loại thức (Mvmñānakāyā). Thức thân (viññānakāyd). Thân (kậyo) ngoài nghĩa thân thể ()còn có nghĩa lả chung loại (). 60 Nguyên tác: Nhãn thức thân, nhĩ thức thân, tỷ thức thân, thiệt thức thân, thân thức thân, ý thức thân (ỉ,1 : 61 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.326. 0092a08). Tham chiếu: Tạp.(02. 0099.304. 0Ò86c23); M. 148, Chachàkka Sutta (Kỉnh sáu sd"); s. 35.60 - IV. 32. 62 Xúc thân (,phassakāyā). 63 Nguyên tác: Nhãn xúc thân, nhĩ xúc thân, tỷ xúc thân, thiệt xúc thân, thân xúc thân, ý xúc thân ( , -



Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đêu hoan hỷ phụng hành. ***

327. SÁU LOẠI THỌ64 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Có sáu loại thọ.65 Những gì là sáu? Đó là thọ do nhãn xúc sanh ra, thọ do nhĩ xúc sanh ra, thọ do tỷ xúc sanh, thọ do thiệt xúc sanh, thọ do thân xúc sanh và thọ do ý xúc sanh ra. Đó gọi là sáu loại thọ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

328. SÁU LOẠI TƯỞNG66 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Có sáu loại tưởng.67 Những gì là sáu tưởng? Đó là tưởng do nhãn xúc sanh ra, tưởng do nhĩ xúc sanh, tưởng do tỷ xúc sanh, tưởng do thiệt xúc sanh, tưởng do thân xúc sanh và tưởng do ý xúc sanh ra. Đó gọi là sáu loại tưởng. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

329. SÁU LOẠI TƯ68

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ.

64 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.O2. 0099.327. 0092al3). Tham chiếu: Tạp.(r02. 0099.304. 0Ò86c23); M. 148, Chachàkka Suỉta (Kinh sáu sáu); s. 35.60 - IV. 32.

65 Nguyên tác: Thọ thân (vedanākāyā). 66 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.328. 0092al8). 67 Nguyên tác: Lục tưởng thân (). 68 Tựa đề đặt theo

nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.329. 0092a23).

QUYÊN 13  387

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Có sáu loại tư.69 Thế nào là sáu loại tư? Đó là tư do nhãn xúc sanh ra? tư do nhĩ xúc sanh, tư do tỷ xúc sanh, tư do thiệt xúc sanh, tư do thân xúc sanh và tư do ý xúc sanh ra. Đó gọi là sáu loại tư. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

330. SÁU LOẠI ÁI70 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, Thê Ton bao các Tỳ-kheo:  Có sáu loại ái.71 Thế nào là sáu loại ái? Đó là ái do nhãn xúc sanh ra, ái do nhĩ xúc sanh, ái do tỷ xúc sanh, ái do thiệt xúc sanh, ái do thân xúc sanh và ái do ý xúc sanh ra. Đó gọi là sáu loại ái. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

331. SÁU LUYẾN NHỚ72 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bảo các Tỳ-kheo:  Có sáu loại luyến nhớ.73 Là sáu loại nào? Đó là luyến nhớ sắc, luyến nhớ thanh, luyến nhớ hương, luyến nhớ vị, luyến nhớ xúc và luyến nhớ pháp. Đó gọi là sáu luyến nhớ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

69 Nguyên tác: Lục tư thân (). 70 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.330. 0092a28). Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.304. 0086C23); M. 148, Chachakka Suỉta (Kinh sáu sáu); s. 35.60 - IV. 32. 71 Nguyên tác: Lục ái thân ( ). 72 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.331. 0092ỒỒ4). 73 Nguyên tác: cố niệm ().

388  KINH TẠP A-HÀM

332. SÁU THỨ CHE ĐẢY74 r .  Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. J J Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo:  Có sáu thứ che đậy.7576 Là sáu loại nào? Đó là, sắc có nhiễm 6,76 la chấp thủ, che đậy tâm. Cũng vậy, thanh, hương, vị, xúc, pháp nhiêm 6, là châp thủ, che đậy tâm. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

333. SÁU CĂN VÔ THƯỜNG (3)77 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Ặ  • FT^1_ Ẩ ri  _ / _ nn A 1 1
Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo:  Mắt ở quá khứ và ở tương lai đều vô thường, huống gì mắt ở hiện tại. Vị Thánh đệ tử đa văn nhờ quán sát như vậy nên không luyên tiêc đôi với mat ở quá khứ, không hân hoan đối với mắt ở tương lai, đối với mắt ở hiện tại sanh nhàm chán, lìa dục, hướng đến diệt tận. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy. Giống như nói nghĩa "'Vo thường", nghĩa Khổ, Không và Vô ngã, cũng nói như vậy. Tương tự như bôn kỉnh nói vê Căn, bôn kỉnh nói vê Trân cũng nỏi như vậy. ***

334. NHÂN, DUYÊN VÀ PHÁP TRÓI BUỘC7879 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại làng Điều Ngưu,79 thuộc dân chúng Câu-lưu.80

74 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.332. 0092Ồ09). 75 Nguyên tác: Lục phú (). 76 Nguyên tác: Hữu lậu (),l tên gọi khác của phiền não, nhiễm ô. 77 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.333. 0092Ồ14). Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.208. 0052C07); s. 35.7-12 . IV 4-5. 78 Tựa đề đức Phật đề cập trong nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.334. 0092b2l). 79 Nguyên tác: Điều Ngưu tụ lạc ():Làng chăn bò. 80 Nguyên tác: Câu-lưu-siru (),tên khác của Câu-lâu-sấu (Kurūsu).



-pvBay • \ rThe Á giơ, y-1-f Á rpi/\ 19 r rp \ i 1 Ton bao các Ty-kheo:  Nay Ta sẽ thuyết pháp cho các thây, phân dâu, phân giữa và phân cuôi đều thiện, nghĩa lý sâu xa, ngôn từ chuẩn xác, thuần nhát thanh tịnh, Phạm hạnh trong sạch.81 Hãy lăng nghe và khéo suy nghĩ! Đó là Kỉnh có nhân, có duyên, có pháp trói buộc. r r Thê nào là Kinh có nhân, có duyên, có pháp trói buộc? Đó là, mat có nhân, có duyên, có trói buộc. Những gì là nhân của mắt, là duyên của mắt, là sự trói buộc của mắt? Đó là, nghiệp nhân của mắt, nghiệp duyên của mắt và nghiệp trói buộc của mắt. Nghiệp có nhân, có duyên, có trói buộc. Những gì là nhân của nghiệp, duyên của nghiệp, trói buộc của nghiệp? Ái là nhân của nghiệp, ái là duyên của nghiệp, ái là trói buộc của nghiệp. Ái có nhân, có duyên, có trói buộc. Những gì là nhân của ái, duyên của ái, trói buộc của ái? Vô minh là nhân của ái, vô minh là duyên của ái, vô minh là trói buộc của ái. Vô minh có nhân, có duyên, có trói buộc. Những gì là nhân của vô minh, duyên của vô minh, trói buộc của vô minh? Đó là, tư duy không chân chánh là nhân của vô minh, tư duy không chân chánh là duyên của vô minh, tư duy không chân chánh là trói buộc của vô minh. Tư duy không chân chánh có nhân, có duyên, có trói buộc. Những gì là nhân của tư duy không chân chánh, duyên của tư duy không chân chánh, sự trói buộc của tư duy không chân chánh? Đó là, do mắt duyên với sắc mà có tư duy không chân chánh nên si mê sanh khởi; khi mắt duyên với sắc mà tư duy không chân chánh nên si mê sanh khởi thì si mê ấy gọi là vô minh; si mê mong cầu tham dục đó gọi là ái; những việc do ái tạo tác gọi là nghiệp. Như vậy, này Tỳ-kheo! Tư duy không chân chánh là nhân của vô minh; vô minh là nhân của ái; ái là nhân của nghiệp; nghiệp là nhân của mắt. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy. Đó gọi là Kinh có nhân, có duyên, có pháp trói buộc. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 335. ĐỆ NHẤT NGHĨA KHÔNG82 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại làng Điều Ngưu, thuộc dân chúng Câu-lưu.

81 Nguyên tác: Sơ trung hậu thiện, thiện nghĩa, thiện vị, thuần nhất mãn tịnh, Phạm hạnh thanh bạch (,).Xem chu thích 94, kinh số 53, quyển 2, tr.
55;.• &.02. 0099.53. 0012C04). 82 Tựa đề được đức Phật dạy trong nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.335. 0092c12). Tham chiếu: Tăng.(7L02. 0125.37.7. 0713cl2); Tăng. Ĩổ (7.02. 0125.51.8. 0819bll).



Bay giờ, The Ton bao các Ty-kheo:  Nay Ta sẽ thuyết pháp cho các thầy, phần dầu, phần giữa và phần cuối đều thiện, nghĩa lý sâu xa, ngôn từ chuẩn xác, thuần nhát

thanh tinh, Phạm hạnh trong sạch,83 đó là Kinh đệ nhất nghĩa không. Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng nói cho các thầy. Thế nào gọi là Kỉnh đệ nhất nghĩa không? Này các Tỳ-kheo! Khi mắt sanh khởi thì không có nơi đến, lúc mắt diệt thì cũng không có chốn về. Như vậy, mắt chẳng thật sanh nên sanh rồi diệt, có nghiệp báo nhưng không có người tạo tác. Khi ấm này diệt, ấm khác nối tiếp, ngoại trừ pháp duyên khởi.84 Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy, trừ pháp duyên khởi. Pháp duyên khởi nghĩa là, do cái này có nên cái kia c6, cái này khởi nên cái kia khởi.85 Cũng như do vô minh mà có hành, do hành mà có thức,...nói rộng ra cho đến toàn bộ khối khổ lớn tập khởi. Lại nữa, vì cái này không nên cái kia không, cái này diệt nên cái kia diệt, vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt,... nói đầy đủ như vậy cho đến toàn bộ idiối khổ lớn diệt. Này các Tỳ-kheo! Đó gọi là Kỉnh đệ nhất nghĩa không. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

336. SÁU HỶ HÀNH86 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bảo các Tỳ-kheo: -Có sáu hỷ hành.87 Thế nào là sáu hỷ hành? Nay các Tỳ-kheo! Đó là khi mắt thấy sắc, liền biểu hiện ưa thích đối với sắc xứ88 ấy. Khi tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý nhận biết pháp thì biểu hiện ưa thích đoi với pháp xứ ấy. Này các Tỳ-kheo! Đó gọi là sáu hỷ hành.

83 Nguyên tác: Sơ trung hậu thiện, thiện nghĩa, thiện vị, thuần nhất mãn tịnh, Phạm hạnh thanh bạch .Xem chú thích 94, kinh số 53, quyển 2, tĩ.
55; Tạp. T.02. 0099.53. 0012c04. 84 Nguyên tác: Tục số pháp Pháp duyên khởi. Xem giải thích ở chú thích tiếp theo. 85 ^Liyên tác: Tục số pháp vị: Thử hữu cố, bỉ hữu; thử khởi cố, bỉ khởi

86 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.336. 0092c27. Tham chiếu: Phân biệt lục giới •roi. 0026.162. 0690al9. 87 Nguyên tác: Lục hỷ hành / \.Tập dị môn túc luân T.26. 1536.15. 0429c26 ghi là lục hỷ cận hành .Hành upavicāro: Biêu hiện của ý, sự nhận rõ. 88 Nguyên tác: sắc xứ ,một trong 12 xứ ....

QUYỂN 13  391

e _ v  . . - \ Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đêu hoan hỷ phụng hành. ***

337. SÁU ƯU HÀNH89 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bảo các Tỳ-kheo:  Có sáu ưu hành.90 Thế nào là sáu ưu hành? Này các Tỳ-kheo! Đó là khi mat thây săc liên biêu hiện lo buôn đôi với sác xứ ây. Khi tai nghe tiêng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý nhận biết pháp thì biểu hiện lo buồn đôi với pháp xứ ây. Này các Tỳ-kheo! Đó gọi là sáu ưu hành. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

338. SÁU XẢ HÀNH91 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ* Bây giơ, The Ton bao các Ty-kheo: -Có sáu xả hành.92 Thế nào là sáu xả hành? Này các Tỳ-kheo! Đó là khi mat thây săc thì biêu hiện xả đôi với săc xứ ây. Khi tai nghe tiêng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý nhận biết pháp thì biểu hiện xả đối với pháp xứ ấy. Đó gọi là sáu xả hành của Tỳ-kheo. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

339. SÁU THƯỜNG HÀNH (l)93

Tôi nghe như vây:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà5 thuộc nước Xá-vệ.

89 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.O2. 0099.337. 0093a04). 90 Nguyên tác: Lục ưu hành ().Tập dỉ môn túc luận (r.26. 1536.15. 0429c26) gọi là 'c ưu cận hành^,( ỉổ ). 91 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.338. 0093al0). 92 Nguyên tác: Lục xả hành (/\).Tập dị môn túc luận (T.26. 1536.15. 0429c26) gọi là 4tlục xả cận hàĩlh,, (iổ ). 93 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.339. 0093al6).



Á *5 Ấ FT^ 1 ? _ __ rT^ *1 *1 Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Có sáu thường hành.94 Thế nào là sáu thường hành? Đó là, nếu Tỳ-kheo khi mắt thấy sắc, liền cảm thọ không khổ không vui, an tru tâm với xả, chánh niệm tỉnh giác. Tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vi? thân xúc chạm, ý nhận biết pháp thì cảm thọ không khổ không vui, an tru tâm với xả, chánh niệm tỉnh giác. Đó gọi là sáu thường hành của Tỳ-kheo. Đức Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe lời Phật dạy đêu hoan hỷ phụng hành. *** 340. SÁU THƯỜNG HÀNH (2)95 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ* J J nBay Ậ giơ, -| Á rriTon bảo các • A. rriThe / _ FT^Ty-kheo: 9 _ A -l 4 - Có sáu thường hành.96 Thế nào là sáu thường hành? Nếu Tỳ-kheo khi mắt thấy sắc, liền cảm thọ không khổ không vui, tâm an trú với xả, chánh niệm tỉnh giác. Tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý nhận biết pháp, cảm thọ không kho không vui, an trú tâm với xả, chánh niệm tỉnh giác. Nếu Tỳ-kheo nào thành tựu sáu thường hành này là điều thế gian khó đạt được. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 341. PHÁP KHÓ ĐẠT ĐƯỢC97 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. J J • Bây giờ, The Ton bao các Ty-kheo: —Có sáu thường hành. Thế nào là sáu thường hành? Nếu Tỳ-kheo mắt thấy sắc, liền cảm thọ không khổ không vui, an tru với tâm xả, chánh niệm tỉnh giác. Tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vi, thân xúc chạm, ý nhận biết pháp,

94Lục thường hành ()cũng gọi là ulục hằng trú” ().Theo Táp di môn túc luận (T.26. 1536.Í5. 0430b02-b08)AThê nào là sáu hằng trú? Đáp: (i) Khi mắt thấy sắc, không hỷ không ưu, đầy đủ chánh niệm tỉnh giác, hằng an trú với xả; (ii\Khi tai nghe

tiếng... (cho đến) (vi) Ý nhận biết pháp, không hỷ không iru, đầy đủ chánh niệm tỉnh giác, hằng an trú với ( :: „tì. 95 Tựa đề
đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.340. 0093a22). 96 Xem chú thích 94 ở trên. 97 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.341. 0093a29).



9 . . ,

cảm thọ không khô không vui, an tru với tâm xả, chánh niệm tỉnh giác. Đó gọi là sáu thường hành. r y e r Nêu Tỳ-kheo nào thành tựu sáu thường hành này, điêu mà người thê gian khó đạt được thì vị ấy là bậc đáng được phụng sự, cung kính, cúng dường, là ruộng phước vô thượng của thế gian. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 342. BẬC PHƯỚC ĐIỀN vô THƯỢNG9899 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xa-ve* * Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: - Có sáu thường hành. Thế nào là sáu thường hành? Đó là, Tỳ-kheo khi mắt thấy sắc, liền cảm thọ không khổ không vui, an trú với tâm xả, chánh niệm tỉnh giác. Tai nghe tiêng, mũi ngửi mùi, lưỡi nêm vị, thân xúc chạm, ý nhận biết pháp, cảm thọ không khổ không vui, an trú với tâm xả, chánh niệm tỉnh giác. Nếu Tỳ-kheo nào thành tựu sáu thường hành này, nên biết vị ấy chính là Xá-lợi-phất. Tỳ-kheo Xá-lợi-phất khi mắt thấy sắc, cảm thọ không khổ không vui, an trú với tâm xả, chánh niệm tỉnh giác. Tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nêm vị, thân xúc chạm, ý nhận biêt pháp, cảm thọ không khô không vui, an tru tâm với xả, chánh niệm tỉnh giác. Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đã thành tựu sáu pháp thường hành mà thế gian khó đạt được, cho nên ông ấy xứng đáng được phụng sự, cung kính, cúng dường, là ruộng phước vô thượng của thế gian. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành."

98 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.342. 0093ỒỒ8). 99 Bản Hán, hết quyển 13.



QUYỂN 14 343. KHỔ VUI DO DUYÊN12 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Tôn giả Tỳ-kheo Phù-di đang sống trong núi Kỳ-xà quật. Lúc ấy, có nhiều tu sĩ ngoại đạo đi đen chỗ Tôn giả Phù-di, cùng nhau chào hỏi ân cần. Sau khi chào hỏi xong, họ ngồi sang một bên và thưa Tôn giả Phù-di: —Chúng tôi có điều muốn hỏi, không biết Tôn giả có thời gian để giải đáp cho chăng? Tôn giả Phù-di nói với các tu sĩ ngoại đạo: -Ông hãy tùy ý hỏi, tôi sẽ giải đáp! Các tu sĩ ngoại đạo hỏi Tôn giả Phù-di: Có phải khổ? vui là do tự mình tạo ra chăng?

Tôn giả Phù-di đáp: —Những người xuất gia ngoại đạo cho răng khô, vui là do tự mình tạo, nhưng Thế Tôn dạy rằng: "Biêu này không thể khẳng định?92 Các tu sĩ ngoại đạo lại hỏi: —Có phải khổ, vui là do người khác tạo ra chăng? Tôn giả đáp: - Nói khổ, vui là do người khác tạo, nhưng Thế Tôn dạy: "Diều này không thể khẳng djnh.” Lại hỏi: Có phải kho, vui là do tự mình và người khác tạo ra chăng?

Tôn giả đáp: Khổ, vui là do tự mình và người khác tạo ra, nhưng Thế Tôn dạy: "Điều này không thể khẳng(ijnh."

1 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.343. 0093ỒỒ25). Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.303. 0086b24); s. 12.24 - II. 32; s. 12.25 - II. 37. 2 Nguyên tác: Thử thị vô ký ().Câu này đề cập về mộtphượng diện khác, như Tạp.(02. 0099.300. 0085C03) Theo A-tỳ-đạt-ma Đại Tỳ-bà-sa luận ••(T.27. 1545.15. 0072ỒỒ09), ngoại đạo chap có thật ngã, tự mình làm tự mình cảm thọ, Phật chủ trương vô ngã nên không thế đáp hoặc không thể xác nhận cau hoi của họ.



Lại hỏi: Có phải khổ, vui không phải do tự mình và người khác tạo ra, không có nguyên nhân tạo ra chăng? Ton giả đáp: Khô, vui chăng phải do tự mình và người khác tạo ra, không có nguyên nhân tạo ra. Thế Tôn đã dạy: "Điều này không thể khẳng djnh." Các tu sĩ ngoại đạo lại hỏi: -Thế nào, thưa Tôn giả Phù-di? Khi hỏi rằng "c6 phải khổ, vui là do tự mình tạo ra?" thì thầy đáp là không thể khẳng định. Khi hỏi rằng "c6 phải khổ, vui là do người khác tạo ra?" thì thầy đáp là "không thể khẳng "Khi hỏi rằng "c6 phải khổ, vui là do tự mình và người khác tạo ra" thì thầy đáp là "không thể khẳng djnh." Khi hỏi rằng "c6 phải khổ, vui chẳng phải do tự mình và người khác tạo ra, không có nguyên nhân tạo ra?" thì thay cũng đáp là "không thể khẳng dinh?9 Vậy thì hiện nay, Sa-môn Cù-đàm cho rằng khổ, vui được sanh khởi như thế nào? Tôn giả Phù-di đáp: Này các tu sĩ ngoại đạo! Thê Tôn nói khô, vui là từ duyên khởi mà sanh.

Khi nghe Tôn giả Phù-di nói như thế, các tu sĩ ngoại đạo không hài lòng, chê trách rồi bỏ đi. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đang ngồi bên một gốc cây, cách Tôn giả Phù- di không xa. Thế rồi, khi biết các tu sĩ ngoại đạo đã bỏ đi, Tôn giả Phù-di đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất. Đen nơi, Tôn giả chào hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất ân cần. Chào hỏi xong, Tôn giả Phù-di đem những câu hỏi của các tu sĩ ngoại đạo thuật lại đầy đủ với Tôn giả Xá-lợi-phất: -Tôi đã trả lời như thế, không biết có hủy báng Thế Tôn chăng? Có nói đúng như lời Phật dạy chăng?3 Có nói đúng như pháp chăng? Có đúng với pháp và thứ lớp của giáo pháp chăng?4 Không bi những người khác nhân nơi luận giải về pháp rồi đến chất vấn, quở trách chăng? Tôn giả Xá-lợi-phất nói: Này Tôn giả Phù-di! Những điều Tôn giả đã nói thật đúng như lời Phật

dạy, không hủy báng Như Lai, nói như lời Phật dạy, nói như pháp, nói đúng với pháp và thuận theo pháp, không bị những người khác nhân nơi luận giải vê pháp rồi đến chất vấn, quở trách. Vì sao như thế? Vì Thế Tôn dạy khổ, vui đều từ duyên khởi sanh. 3 Nguyên tác: Như thuyết thuyết .,Sw tử kỉnh •roi. 0026.18. 0441al2-al6 ghi là '"thuyết pháp như pháp" ,"Thuyết như pháp,9 . 4 Nguyên tác: Tùy thuận pháp .Xem chú thích 68, kinh số 27, quyển l, tr. 24; Tạp.7.02. 0099.27. 0005c2Ó.



Tôn giả Phù-di! Những điều mà các Sa-môn9 Bà-la-môn kia hỏi về khổ, vui là do tự mình tạo ra, điều này cũng từ nhân duyên mà sanh khởi. Nêu cho răng chúng không

được sanh ra từ duyên khỏd thì điêu này không thê có. Khô, vui là do người khác tạo; do tự mình và người khác tạo ra; không phải do mình và người khác tạo ra, không có nguyên nhân tạo ra, chúng đều từ duyên khởi sanh. Nêu cho rằng chúng không sanh ra từ duyên khởi, điêu này không thê có. Này Tôn giả Phù-di! Những điều mà các Sa-môn9 Bà-la-môn kia nói về khổ, vui do tự mình tạo, cũng là do duyên xúc mà sanh khởi. Nếu cho rằng không do xúc mà sanh khởi thì điều này không thể có. Khổ, vui do người khác tạo ra; do mình và người khác cùng tạo ra; khổ, vui không phải do mình, không phải do người khác tạo, không có nguyên nhân tạo ra, chúng cũng đều do duyên nơi xúc mà sanh khởi. Nêu cho rang chúng không phải do duyên nơi xúc mà sanh khởi, điều này không the có. Lúc ấy, Tôn giả A-nan ngồi bên một gốc cây? cách Tôn giả Xá-lợi-phất không xa và đang nghe Tôn giả Xá-lợi-phất cùng đàm luận với Tôn giả Phù-di những điều như thế. Nghe như vậy xong, Tôn giả A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài, rồi đứng sang một bên và đem những lời đàm luận của hai vị Tôn giả bạch lại đầy đủ với Thế Tôn. Phật dạy Tôn giả A-nan:  Lành thay! Lành thay! Này A-nan! Khi có người đến hỏi, Tôn giả Xá-lợi- phất đã giải đáp đúng lúc. Lanh thay! Xá-lợi-phất co trí tuệ ứng đối đúng thời nên khi có người đến hỏi, liền giải đáp đúng lúc. Nếu đệ tử5 của Ta gặp người đến hỏi thì cũng nên khéo giải đáp đúng lúc, như những gì Xá-lợi-phất đã nói. Này A-nan! Thuở xưa, khi Ta ở trong núi, nơi trú xứ của Tiên nhân thuộc thành Vương Xá67thì có những tu sĩ ngoại đạo đã đến hỏi Ta về nghĩa lý như vầy, văn cú như vầy, từ ngữ như vầy,7 Ta đã dùng nghĩa lý thế này, văn cú thế này, từ ngữ thế này để giảng nói cho họ, giống như lời Tôn giả Xá-lợi-phất đã nói. Này A-nan! Nếu các Sa-môn, Bà-la-môn cho rằng khổ, vui do tự mình tạo, Ta liền đến hỏi họ: "C6 thật các ông cho rằng khổ, vui do tự mình tạo ra chăng?" Những người kia trả lời: “Dúng như thế." Ta liền hỏi họ: "Các ông chấp chặt nghĩa này, cho đó là chân thật, còn những điều khác đều là ngu si, Ta không chấp nhận như thế. Vì sao như vậy? Vì Ta nói sự sanh khởi của khổ, vui khác hẳn với điều này." Nếu những người kia hỏi Ta: "VI sao Cù-đàm cho rằng sự sanh khởi của khô, vui là do những điều khac?" Ta sẽ đáp: "Tùy theo duyên khởi của chúng mà sanh ra khổ, vui."

5 Nguyên tác: Thanh văn (). 6 Xem Tạp.(r02. 0099.303. 0086b24). 7 Nguyên tác: Như tlý cú, như thị vị ().Vị (,vyañjana) vừa có nghĩa là vị của món ăn vừa có nghĩa là mâu tự.



Cũng như vậy, nói rằng khổ, vui là do người khác tạo ra; do mình và người khác cùng tạo ra; không phải do mình, cũng chẳng phải do người khác, không có nguyên nhân tạo ra, thì Ta cũng đến nói với họ những điều như trên. Tôn giả A-nan bạch Phật:  Nghĩa lý Thế Tôn vừa nói, nay con đã hiểu, do có sanh nên có già chết, chẳng phải do duyên nào khác. Do có sanh nên có già chết,... (cho đếrì) do vô minh nên có hành, chẳng phải do duyên nào khác; do có vô minh cho nên có hành, vo minh diệt thì hành diệt,... (cho đến) sanh diệt thì già, bệnh, chết, lo lắng, buồn rầu, đau khổ, phiền não đều diệt, như vậy là toàn bộ khối khổ lớn đã diệt. Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi đi ra. *** 344. TÔN GIẢ CÂU-HY-LA8 Tôi nghe

như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà9 thuộc thành Vương Xá. Bây giờ, Tôn giả Xá-lợi-phât và Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la đang ở trong núi Kỳ-xà quật. Lúc ấy, vào buổi chiều, sau khi xả thiền, Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, cùng nhau thăm hỏi ân cần. Sau khi thăm hỏi nhau xong, Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la ngồi qua một bên rồi thưa với Tôn giả Xá-lợi-phất:  Tôi có điều muốn hỏi, không biết Tôn giả có thời gian để giải đáp cho chăng?

Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la:  Tôn giả cứ hỏi, như biết được điều gì thì tôi sẽ trả lời.

Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la nói với Tôn giả Xá-lợi-phất: -Đối với giáo pháp này, vị Thánh đệ tử đa văn thành tựu pháp gì thì được gọi là thấy biết trọn vẹn, thành tựu chánh kiến,9 thành tựu niềm tin thanh tinh không lay chuyển10 đối với Phật, thể nhập Chánh pháp, chứng đắc Chánh pháp và giác ngộ Chánh pháp này? Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la: -Vị Thánh đệ tử đa văn biết như thật về pháp bất thiện, biết như thật về gốc rễ của bất thiện, biết như thật về thiện pháp, biết như thật về gốc rễ của thiện.

8 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.344. 0094ỒO2). Tham chiếu: Đại Câu-hy-la kinhýi (r.01. 0026.29. 0461022); M, 9, Sammāditthi Sutta (Kinh chảnh tri kiến); A. 9.13 - IV. 382. 9 Nguyên tác: Trực kiến (),cách nói khác của 44chánh kiển.,, 10 Nguyên tác: Bất hoại tịnh ( Du hành kỉnh (roi. 0001.02. 0013ỒO5)^hi là :bất hoại tm,? Chúng tập kỉnh (roi. 0001.9. 005lại0) ghi là "vogi ”);Đại Câu- hy-la kinh roi. 0026.29? 0461c02) ghi là 44bất hoại tjnh”():Niềm tin thanh tịnh, không lay chuyển, không thay đổi, không hư hoại.



Thế nào là biết như thật về pháp bất thiện? Nghiệp bất thiện của thân, nghiệp bất thiện của miệng và nghiệp bất thiện của ý; đó gọi là pháp bất thiện. Như thế gọi là biết như thật về pháp bất thiện. Thế nào là biết như thật về gốc rễ của bất thiện? Có ba gốc rễ bất thiện, đo là tham, sân và si; đó gọi là gốc rễ của bất thiện. Như thế gọi là biết như thật về gốc rễ của bất thiện. Thế nào là biết như thật về thiện pháp? Nghiệp thiện của than, nghiệp thiện của miệng và nghiệp thiện của ý; đó gọi là thiện pháp. Như thê gọi là biêt như thật thiẹn pháp. Thế nào là biết như thật về gốc rễ của thiện? Có ba gốc rễ của thiện, đó là không tham, không sân và không si; đó gọi là ba gốc rễ của thiện. Như thế gọi là biết như thật về gốc rễ của thiện. Này Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la! Bậc Thánh đệ tử đa văn biết như thật về pháp bất thiện, biết như thật về gốc rễ của bất thiện, biết như thật về thiện pháp, biết như thật gốc rễ của thiện như thế. Cho nên đối với giáo pháp này, vị ấy có đầy đủ chánh kiến, thành tựu chánh kiến, thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Phật, thể nhập Chánh pháp, chứng đắc Chánh pháp và giác ngộ Chánh pháp này. Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:  Ngoài những pháp cơ bản đó? vậy còn có những pháp nào khác nữa không?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: - vẫn còn. Đó là, vị Thánh đệ tử đa văn biết như thật về thức ăn? biết như thật về sự tập khởi của thức ăn? biết như thật về sự diệt tận của thức ăn

và biết như thật ve con đường đưa đen sự diệt tận11 của thức ăn. Thế nào là biết như thật về thức ăn? Đó là? có bốn loại thức ăn. Những gì là bốn? Một là đoàn thực,12 hai là xúc thực,13 ba là niệm thực14 và bốn là thức thực.15 Đó gọi là thức ăn. Như vậy là biết như thật về thức ăn. Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của thức an? Nghĩa là, khát ái dẫn đến sự hiện hữu ở tương lai, đi cùng với hỷ và tham, rồi đắm trước nơi này, nơi

11 Nguyên tác: Diệt đạo tích . 12 Nguyên tác: Thô đoàn thực Tận-đa-na kinh 01. 0001.8. 0050c01 ghi là “do ¥£;Đại Cau-hy-la kinh 0.01. 0026.2. 046ỈC26 ghi là t4doan thực thô,” ^yj'āp-di-mon-tuc luận 426. 1536.8. 0400b06ghi là 4tđoạn thực thô tê,9 :,Thức ăn được vo thành từng miếng đê đưa vào miệng, hay nói chung là thức ăn đưa vào miệng để ăn. 13 Nguyên tác: Te xúc thực .Thế kỷ kinh 7.01. 0001.30.8. 0133bl8 ghi là t4tế cốt thự£9 ;Đại Câu-hy-la kinh7.01. 0026.29.0461c20 ghi là "cánh lạc thực,, Sự tiếp xúc của 6 cắn với 6 trần cũng là một cách ăn, ăn bằng sự tiếp xúc. 14 Nguyên tác: Ý tư thực .Chủng tập kinh roi. 0001.9. 0050c02 ghi là uniệm thực^ ;Cāu-hyja kinh 01. 0026.29. 0461c27 ghi làtfcý tư thụS,; 4tý niệm thực"Thức ăn là những hoài bão, những ước mơ... 15 Nguyên tác: Thức thực :Thức ăn là những nhận thức, là thức; duy trì sự sống bằng thức.



kia. Đó gọi là sự tập khởi của thức ăn. Như vậy là biết như thật về sự tập khởi của thức ăn. Thế nào là biết như thật về sự diệt tận của thức ăn? Khát ái dẫn đến sự hiện hữu ở tương lai, đi cùng với hỷ và tham, rồi đắm trước nơi này, nơi kia, chúng đều được đoạn trừ không sót lại gđã buông xả, đã nhổ bỏ? đã dứt sạch, vô dục, Đó gọi là sự diệt tận của thức ăn. Như vậy là tịch diệt, tịch tĩnh, ngimg nghỉ.1617 biết như thật về sự diệt tận của thức ăn. Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của thức ăn? Đó là Thánh đạo tám chi gồm chánh kiến, chánh tư duy, 17 chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn,18 chánh niệm và chánh định. Đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của thức ăn. Như vậy là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của thức ăn. Nếu vi Thánh đệ tử đa văn nào biết như thật về thức ăn, biết như thật về sự tập khởi của thức ăn, biết như thật về sự diệt tận của thức ăn và biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của thức ăn thì nhờ vậy mà vị Thánh đệ tử đa văn ấy đối với Giáo pháp và Giới luật có đầy đủ chánh kiến, thành tựu chánh kiến, thành tựu niềm tin thanh tinh không lay chuyển đối với Phật, thể nhập Chánh pháp, chứng đắc Chánh pháp và giác ngộ Chánh pháp này. Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Ngoài những pháp cơ bản đó, vậy còn có những pháp nào khác nữa không?

Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la: Lại còn có những pháp khác, đó là vi Thánh đệ tử đa văn biết như thật về lậu,19 biết như thật về sự tập khởi của lậu, biết như thật về sự diệt tận của lậu và biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của lậu. Thế nào là biết như thật về lậu? Nghĩa là có ba thứ lậu: Dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Đó gọi là lậu. Như vậy là biết như thật về lậu. Thế nào là biết rỷiư thật về sự tập khởi của lậu? Vô minh tập khởi thì lậu tập khởi. Như

16 Nguyên tác: Tận, ly dục, diệt, tức, một .Tham chiểu: Phân biệt lục giới kinh roi. 0026.162. 0692al8 ghi là tận, vô dục, diệt, tức, chỉ ,,. 17 Nguyên tác: Chánh chí . 18 Nguyên tác: Chánh phương tiên . 19 Nguyên tác: Bệnh .



Nếu vị Thánh đệ tử đa văn biết như thật về lậu, biết như thật về sự tập khởi của lậu, biết như thật về sự diệt tận của lậu và biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của lậu thì vi Thánh đệ tử đa văn ấy đối với giáo pháp này có đầy đủ chánh kiến,... (cho đến) giác ngộ Chánh pháp này. Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Ngoài những pháp cơ bản đó, vậy còn có những pháp nào khác nữa không?

Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la: Cũng còn có những pháp khác nữa. Vị Thánh đệ tử đa văn biết như thật về khổ, biết như thật về nguyên nhan của khổ, biết như thật về khổ diệt và biết như thật về con đường đưa đến khổ diệt. [0095a01] Thế nào là biết như thật về khổ? Nghĩa là9 sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, yêu thương xa lìa là khổ, oán ghét gặp nhau là khổ, mong cầu không được là khổ. Như vậy, nói tóm lại năm thủ uẩn20 là khổ, đó gọi là khổ. Như vậy là biết như thật về khổ. Thế nào là biết như thật về nguyên nhân của khổ? Chính là khát ái dẫn đến sự hiện hữu ở tương lai, đi cùng với hỷ và tham, rồi đắm trước nơi này, nơi kia, đó 9 gọi là nguyên nhân của khô. Như vậy là biêt như thật vê nguyên nhân của khô. Thế nào là biết như thật về khổ diệt? Nếu như khát ái dẫn đến sự hiện hữu ở tương lai, đi cùng với hỷ và tham, rồi đắm trước nơi này, nơi kia đều được đoạn trừ không sót lại gì,... (cho đến) tịch tĩnh và ngimg nghỉ, đó gọi là khổ diệt. Như vậy là biết như thật về khổ diệt. Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến khổ diệt? Nghĩa là Thánh đạo tám chi như trên đã nói, đó gọi là con đường đưa đến khổ diệt. Như vậy là biết như thật về con đường đưa đến khổ diệt. Vị Thánh đệ tử đa văn nào biết như thật về khổ, biết như thật về nguyên nhan của khổ, biết như thật về khổ diệt và biết như thật về con đường đưa đến khổ diệt thì vị Thánh đệ tử ấy đối với giáo pháp này có đầy đủ chánh kiến, thành tựu chánh kiến, thành tựu niềm tin thanh tinh không lay chuyển đối với Phật, thể nhập Chánh pháp, chứng đắc Chánh pháp và giác ngộ Chánh pháp này. Ma-ha Tôn giảõ1đ .ặīd11iin1e1111e111nộ111e11ỳờ811[2ÓọTùu19Tấộd Câ :đt1'1h;Gậh4ấu1đkh&ka

20 Nguyên tác: Ngũ thọ ấm ().



Thế nào là biết như thật về nguyên nhân của già chết? Sanh tập khởi thì già chết tập khỏi, sanh diệt tận thì già chết diệt tận. Con đường đưa đến sự diệt tận của già chết là Thánh đạo tám chi (như trước đã nói). Vị Thánh đệ tử đa văn biết rủiư thật đối với già chết như vậy,... (cho đến) biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của già chết. Như thế, bậc Thánh đệ tử đối với giáo pháp của Phật có đầy đủ chánh kiến, thành tựu chánh kiến, thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Phật, thể nhập Chánh pháp, chứng đắc Chánh pháp và giác ngộ Chánh pháp này. Cũng như nói về

sanh, nói về hữu, thủ, ái, thọ, xúc, sáu nhập xứ, danh sắc, thức và hành cũng như the, Vị Thánh đệ tử biết như thật đối với hành, sự tập khởi của hành, sự diệt tận của hành và con đường đưa đen sự diệt tận của hành. Thế nào là biết như thật đối với hành? Hành có ba thứ, là thân hành, khẩu hành và ý hành. Như vậy là biết như thật về hành. Thế nào là biết như thật đối với sự tập khởi của hành? Vô minh tập khởi thì hành tập khởi. Như vậy là biết như thật về sự tập khởi của hành. Thế nào là biết như thật đối với sự diệt tận của hành? Vô minh diệt thì hành diệt. Như vậy là biết như thật về sự diệt tận của hành. Thế nào là biết như thật đối với con đường đưa đến sự diệt tận của hành? Đó là Thánh đạo tám chi, như trước đã nói. Này Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la! Đây gọi là vị Thánh đệ tử biết như thật về hành, biết như thật về sự tập khởi của hành, sự diệt tận của hành và con đường đưa đên sự diệt tận của hành, nên đôi với giáo pháp của Phật có đây đủ chánh kiến, thành tựu chánh kiến, thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Phật, thể nhập Chánh pháp, chứng đắc Chánh pháp và giác ngộ Chánh pháp này. Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Ngoài những pháp cơ bản đó, vậy còn có những pháp nào khác nữa không?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Này Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la! Thầy truy tìm điều gì? Chung cuộc thầy không thể nào đến được chỗ tột cùng của các luận thuyết, thấu đạt tận cùng giới hạn của chúng. Nếu vị Thánh đệ • y . y tử đa văn đã đoạn trừ vô minh và minh phát sanh thì đâu cân phải tìm câu gì nữa? Bấy giờ, sau khi cùng đàm luận



345. THẺ NHẬP PHÁP GIỚI21

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật tru tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

Như điều Ta đã giảng trong "phẩm Ba-la-diên-da,\ đoạn các câu hỏi của

A-dật-đa:22 Như muốn rõ giáo pháp,23 Nấu là hàng Hữu học, Oai nghi, hạnh thế nào, Xin hãy giảng cho con?24 Này Xá-lợi-phất! Thế nào gọi là Hữu học? Thế nào gọi là giáo pháp? Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất im lặng không trả lời. Đức Phật hỏi lần thứ hai, lần thứ ba, Tôn giả cũng im lặng. Đức Phật dạy: Xá-lợi-phất! Đây là một thực thể.25

Xá-lợi-phất bạch Phật: Là một thực thể, bạch Thế Tôn! Bạch đức Thế Tôn! Đối với thực thể này, Tỳ-kheo nên nhàm chán, xả ly tham dục5 hướng đến diệt tận. Thực thể đó được sanh ra do sự tập khởi của thức ăn. Vì thế, Tỳ-kheo ấy khi thọ dụng thức ăn phải biết sanh tâm nhàm chán, xả ly tham dục, hướng đến diệt tận.26 Thức ăn kia diệt tận thì thực thể này diệt tận. Biết rõ như vậy rồi nên Tỳ-kheo ấy nhàm chán, xả ly tham dục, hướng đen diệt tận. Đó gọi là học. Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Đây là một thực thể.

Xá-lợi-phất bạch Phật: Là một thực thể, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn! Nếu Tỳ-kheo đối với thực thể này mà nhàm chán, xả ly tham dục, được diệt tận, chẳng khởi các

21 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.345. 0095b 10). Tham chiếu: s. 12.31 - II. 47; S. 12.32-li. 50. 22 Nguyên tác: Ba-la-diên-da A-dật-đa sở vn ().Đây vốn là một đoạn trong phẩm thứ năm của Sn. 198, kệ 1044, gọi là Những cau hỏi đường

đen bờ kia của Ajita (pãrãyane cỳitapanhè). 23 Nguyên tác: Pháp số (,scừikhdtadhainmă) . Bản Ấn Thuận ()sửa lại là t4pháp giao,,(). Bản dịch Việt dựa theo cơ sở này. 24 Tham chiếu: Sn. 198, kệ 1044: Những ai biết tư sát / Các pháp thuộc hữu vi / Cùng với bậc Hữu học / Và phàm phu ở đời? / Được hỏi, Ngài hãy nói / về nếp5 sống của họ / Bậc Thân Trọng Sáng Suốt / Hãy nói lên, thưa Ngài! Xem thêm s. 12.31 - II. 47: Thuần thục pháp hữu vi / ở đây nhiều Hữu học / Trí tuệ những vị ấy / Trong uy nghi của họ / Hãy đáp lời ta hỏi / Nói lên, này Thân hữu! (HT. Thích Minh Châu dịch) 25 Nguyệntác: Chân thật ().Được hiểu là một thực thể, một sự hiện hữu, sự sanh thành. Trà-đế kỉnh (roi. 0026.201. 0767b12) ghi là chân thuyet ("wzj. s. 12.31 ghi là được sanh thành (bhūtā), là quá khứ phân từ của bhavati, nghĩa ỉa hiện hữu, là sự có mặt. 26 Nguy^i tác:.Có lẽ chấm câu nhầm, phải là:, ...Tham chiêu: s. 12.31 - II. 47: Vị áy thây như chơn với chánh trí tuệ sự tục sanh do một loại đồ ăn. Sau khi thấy nhự chơn với chánh trí tuệ, sự túc sanh do một loại đồ ăn* đồi với sự tục sanh do một loại đồ ăn, do sự yếm ly, ly tham, đoạn diệt, vị ấy được giải thoát, không chấp thủ (HT. Thích Minh Châu dịch).

QUYỂN 14  403

phiền não27 thì tâm được giải thoát hoàn toàn.28 Thực thể ấy được sanh ra do sự tập khởi của thức ăn, khi biết rõ điều này rồi thì thực thể đó liền bị diệt tận. Tỳ-kheo đối với sự diệt tận của thực thể liền sanh nhàm chán, xả ly tham dục, được diệt tận, chẳng khởi các phiền não, tâm được giải thoát hoàn toàn. Đó gọi là giáo pháp. Phật bảo Xá-lợi-phất:  Đúng the! Đúng the! Như lời của thầy nói, Tỳ-kheo đối với thực thể liền sanh nhàm chán, xả ly tham dục, được diệt tận. Đây gọi là giáo pháp. Sau khi giảng như vậy xong, Thế Tôn liền rời chỗ ngồi, trở vào thất tọa thiền. Bấy giờ, biết Thế Tôn đã rời di, ngay sau đó, Tôn giả Xá-lợi-phất nói với các Tỳ-kheo:  Các Tôn giả! Vì tôi không thể biện giải những câu hỏi đàu tiên của Thế Tôn cho nên tôi giữ im lặng. Giây lát sau, Thế Tôn đã hoan hỷ hỏi lại nên tôi mới hiểu được nghĩa lý như thế. Giả sử Thế Tôn hỏi về nghĩa này bằng văn cú khác, bằng từ ngữ khác từ29 một ngày một đêm cho đến suốt bảy ngày đêm thì tôi cũng có thể dùng những văn cú khác, từ ngữ khác để giải thích bằng khoảng thời gian như thế. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo kia đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài, đứng qua bên rồi thưa:  Bạch đức Thế Tôn! Tôn ệiả Xá-lợi-phất đã nói những điều đặc biệt chưa từng có, ở trong đại chúng đã rong lên tiếng rống như sư tử: "Tôi khônệ thể biện giải câu hỏi đầu tiên của Thế Tôn cho nên tôi giữ im lặng, mãi cho đen ba lần. Giây lát sau, Thế Tôn đã hoan hỷ hỏi lại nên tôi mới hiểu được nghĩa lý như thế. Giả sử Thế Tôn hỏi về nghĩa này bằng văn cú khác, bằng từ ngữ khác từ một ngày một đêm cho đến suốt bảy ngày đêm thì tôi cũng có thể dùng những văn cú khác, từ ngữ khác để giải thích bằng khoảng thời gian như thế.” Thế Tôn bảo Tỳ-kheo: -Nêu Ta hỏi vê nghĩa ây băng văn cú khác, băng từ ngữ khác từ một ngày một đêm cho đến suốt bảy ngày đêm, Tỳ-kheo Xá-lợi-phất cũng có thể giải thích bằng văn cú, từ ngữ khác bằng khoảng thời gian như thế. Vì sao như vậy? Vì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đã khéo thể nhập pháp giới.30 Đức Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo kia nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

27 Nguyên tác: Chư lậu . 28 Nguyên tác: Thiện giải thoát ,suvimutta. Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển l, tr. 19; Tạp.r02. 0099.22. 0004c2Ò. 29 Nguyên tác: Dị cú, dj vj .v j vyañjana vừa có nghĩa là vị của món ăn vừa có nghĩa là mâu tự. 30 Nguyên tác: Pháp giới ,dhammadhātu. Tham chiếu: s. 12.32 - II. 50: “Này các Tỷ-kheo, pháp giới áy dhammadhātu được Sāriputta khéo thành đạf9 HT. Thích Minh Châu dịch.



346. BA PHÁP31

31 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.346. 0095c17. Tham chiếu: Tạp.T.02.
0099.760. 0199c27ú. 10.76 - v. 144.
32 Nguyên tác: ứng .
33 Nguyên tác: Khuê .
34 Nguyên


Lại nữa, do chưa đoạn trừ ba pháp nên không thể xa lìa không có lòng tin, khó giáo hóa và biêng nhác. Là ba pháp nào? Đó là không muốn gặp bậc Thánh, chăng muốn nghe pháp và luôn tìm khuyết điểm của người. Lại nữa, do chưa đoạn trừ ba pháp nên không thể xa lìa được sự không muốn gặp bậc Thánh, chẳng muốn nghe pháp và luôn tìm khuyết điểm của người. Là ba pháp nào? Đó là không cung



Lại nữa, do đoạn trừ ba pháp nên có thể xa lìa trạo cử, không phòng hộ và phạm giới. Là ba pháp nào? Đó là không có lòng tin, khó giáo hóa và biếng nhác. Do đoạn trừ ba pháp này nên có thể xa lìa trạo cử, không phòng hộ và phạm giới. Lại nữa, do đoạn trừ ba pháp nên có thể xa lìa không có lòng tin, khó giáo hóa và biếng nhác. Là ba pháp nào? Đó là không muốn gặp bậc Thánh, không thích nghe pháp và hay tìm khuyết điểm của người. Do đoạn trừ ba pháp này nên có thê xa lìa không có lòng tin, khó giáo hóa và biêng nhác. Lại nữa, do đoạn trừ ba pháp nên có thê xa lìa không muôn gặp bậc Thánh, không thích nghe pháp và hay tìm khuyết điểm của người. Là ba pháp nào? Đó là không cung kính, nói lời ác và gân gũi bạn xâu. Do đoạn trừ ba pháp này nên xa lìa không muôn gặp bậc Thánh, không thích nghe pháp và hay tìm khuyêt điểm của người. Lại nữa, do đoạn trừ ba pháp nên có thể xa lìa không cung kính, nói lời ác, gần gũi bạn xấu. Là ba pháp nào? Đó là không tàm, không quý, buông lung. Vì sao như vậy? Vì do biết tàm, biết quý nên không buông lung; vì không buông lung nên cung kính, nói năng hòa nhã, là vị thiện tri thức; vì là thiện tri thức nên muốn gặp bậc Hiền thánh, ưa thích nghe Chánh pháp, chẳng tìm khuyết điểm của người; vì chẳng ưa tìm khuyết điểm của người nên sanh lòng tin, nói năng hòa nhã và tinh tấn; vì tinh tấn nên không trạo cử, luôn phòng hộ, giữ giới; nhờ giữ giới nên chăng mát chánh niệm, thây biêt chân chánh, giữ tâm không tán loạn; nhờ tâm không tán loạn nên tư duy chân chánh, gần gũi đường chánh, tâm không biếng nhác; nhờ tâm không biếng nhác nên không

chấp trước vào thân kiên, không châp trước vào giới câm thủ, thoát khỏi nghi hoặc; nhờ không nghi hoặc nên chẳng khởi lên tham, sân, si; nhờ xa lìa tham, sân, si nên có thể đoạn trừ già, bệnh, chết. Đức Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 347. LÉN TRỘM GIÁO PHÁP40 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Đức Phật và chúng đệ tử41 được các hàng quốc vương, đại thần, Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ và những hạng người khác ở thế gian cung kính, tôn trọng, cúng dường nên được nhiều lợi dưỡng như y phục, thức ăn uống, giường nằm?

^ựađềđặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.347. 0096ỒỒ25). Tham chiếu: Ma-ha Tăng-kỳ luật (T.22. 1425.17. 0359b06); s. 12.70 - II. 119. 41 Nguyên tác: Thanh văn ().



thuốc men; còn đối với chúng ngoại đạo tà giáo thì họ chẳng hề cung kính, tôn trọng nên không cúng dường y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc men. Bấy giờ, có rất nhiều ngoại đạo tụ họp tại giảng đường Vị Tằng rồi cùng nhau bàn luận: Từ xưa đến nay, chúng ta thường được quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ và tất cả những người khác phụng sự, cung kính, cúng dường y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc men, nhưng nay đều bị cắt đứt tất cả? vì họ chỉ cung kính, cúng dường y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc men cho Sa-môn Cù-đàm và đại chúng đệ tử. Nay trong chúng đây, người nào có trí tuệ, có oai lực, khéo bí mật vào trong chúng của Sa-môn Cù-đàm để xuất gia, nghe pháp của Sa-môn Cù-đàm rồi trở về giảng nói rộng rãi. Chung ta sẽ sử dụng pháp được nghe ấy để giáo hóa quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ, khiến họ tin tưởng sâu sắc, để họ có thể quay trở lại cúng dường chúng ta như trước. Lúc ây5 có người bảo: Có một thiếu niên tên là Tu-tham?42 thông minh, trí sáng, có thể lẻn vào trong chúng của Sa-môn Cù-đàm xuất gia, nghe pháp của Cù-đàm xong rồi trở về trình bày lại. Bây giờ, các ngoại đạo liên đi đên chô Tu-thâm và bảo: Hôm nay, chúng tôi đã nhóm họp đại chúng tại giảng đường Vị Tằng rồi bàn luận như vầy: "Từ trước đến nay, chúng ta được quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ và mọi người ở thế gian cung kính, phụng sự, cúng dường y phục, thức ăn uống, giường nằm và thuốc men, nhung nay bị họ cắt đứt tất cả. Quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ và mọi người đều cùng nhau phụng sự Sa-môn Cù-đàm và đại chúng đệ tử. Trong đại chúng của ta đây, ai là người thông minh, trí sáng, có thể bí mật vào trong chúng Sa-môn Cù-đàm xuất gia, học dạo, nghe pháp của Sa-môn Cù-đàm rồi trở ve trình bày lại, giáo hóa quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ để chúng của ta được cung kính, tôn trọng, cúng dường trở lại?" Trong chúng có người nói rằng: "Chí có Tu-thâm là người thông minh, trí sáng, có thể bí mật đến trong pháp của Cù-đàm xuất gia, học đạo, nghe Cù-đàm thuyết pháp thì chắc chắn có thể lãnh hội rồi trở về trình bày lại." Do vậy, chúng tôi cùng nhau đến đây thỉnh cầu. Xin Nhân giả hãy nhận lời! Bấy giờ, Tu-thâm im lặng nhận lời thỉnh cầu rồi đến Trúc Lâm, vườn Ca- lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Lúc ấy, có nhiều Tỳ-kheo rời khỏi phòng, đi kinh hành nơi đất trống. Thế rồi? Tu-thâm liền đến chỗ các Tỳ-kheo ấy và nói như vầy: -Thưa các Tôn giả! Hôm nay, con có được phép xuất gia, thọ giới Cụ túc

và tu tập Phạm hạnh ở trong Chánh pháp hay không?

42 Tu-thâm Susīma.

408 KINH TẠPA-HÀM

Bấy giờ, các Ty-kheo liền dẫn Tu-thâm đến chỗ Thế Tôn, lạy sát chân Phật, đứng qua một bên rồi bạch: Bạch đức Thế Tôn! Hôm nay, ngoại đạo Tu-thâm này cầu xin được ở trong Chánh pháp xuất gia, thọ giới Cụ túc và tu tập Phạm hạnh. Lúc ấy, Thế Tôn biết rõ những suy nghĩ trong tâm của ngoại đạo Tu-thâm, liền bảo các Tỳ-kheo: Các thầy nên độ cho ngoại đạo Tu-thâm được xuất gia.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo giúp cho Tu-thâm xuất gia. Nửa tháng trôi qua. Một hôm, có vị Tỳ-kheo nói với Tu-thâm: Tu-thâm nên biết! Chúng tôi đã chấm dứt sanh tử, Phạm hạnh đã được

thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biêt không còn tái sanh nữa. Lúc ấy, Tu-thâm hỏi thầy Tỳ-kheo: Thưa Tôn giả! Có phải tu tập ly dục, ly bất thiện pháp, có giác có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Thiền thứ nhất, là không còn khởi các phiền não, tâm được giải thoát hoàn toàn?43 Tỳ-kheo đáp: Này Tu-thâm, chẳng phải như the!

Tu-thâm lại hỏi: -Có phải tịnh trừ giác và quán, nội tĩnh nhất tâm, không giác không quán, có hỷ và lạc do định sanh, chứng đắc Thiền thứ hai, là không còn khởi các phiền não, tâm được giải thoát hoàn toàn? Tỳ-kheo đáp: Này Tu-thâm, chẳng phải như the!

Tu-thâm lại hỏi: —Phải chăng Tôn giả đã ly hỷ, an trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm lạc thọ, điều mà bậc Thánh gọi là xả niệm an tru lạc, chứng đắc Thiền thứ ba, là không còn khởi các phiền não, tâm được giải thoát hoàn toàn? - Này Tu-thâm, chẳng phải như the! Lại hỏi: Phải chăng Tôn giả đã buông bỏ cả khổ và vui, diệt trừ ưu và hỷ quá khứ, không kho không vui, xả và niệm đều thanh tịnh, chứng đắc Thiền thứ tư, là không còn khởi các phiền não, tâm được giải thoát hoàn toàn? Tỳ-kheo đáp: Này Tu-thâm, chẳng phải như the!

43Nguyên tác: Thiện giải thoát (,).Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển l, ứ. 19; Tạp. (r.02. 0099.22. 0004e20).

QUYỂN 14 409

Lại hỏi:

Nếu được tịch tịnh giải thoát, vượt thoát khỏi sắc và Vô sắc, tự thân chứng đắc và an trú thì không còn khởi các phiền não, tâm được giải thoát hoàn toàn chăng?

Tỳ-kheo đáp:

-Này Tu-thâm, chẳng phải như the!

Tu-thâm lại hỏi:

Cớ

Cớ

lung, xa lìa kiến chấp về ngã, chẳng khởi các phiền não, tâm được giải thoát hoàn toàn. Tu-thâm bạch Phật: Con không thể hiểu thế nào là: "Trước tiên biết pháp trụ, sau đó biết Niết- bàn. Các thiện nam ấy một mình ở nơi thanh vắng, chuyên cần tư duy, sống không buông lung, xa lìa kiến chấp về ngã, chẳng khởi các phiền não, tâm được giải thoát hoàn toàn." Phật bảo Tu-thâm: -Ta không hỏi ông biết hay không biết, mà tự mình trước tiên phải biết pháp trụ, sau đó biêt Niêt-bàn. Các thiện



Tu-thâm bạch Phật: -Đúng thế, bạch đức Thế Tôn! Do không có vô minh nên không có hành, không thể lìa sự diệt của vô minh mà hành diệt. Phật bảo Tu-thâm: Người có cái biết như thế, cái thấy như thế, phải chăng là đã lìa dục, lìa pháp ác, bất thiện... (cho đến) tự thân chứng đắc và an tru phải không? Tu-thâm bạch Phật: -Chẳng phải như thế, bạch đức Thế Tôn! [0097c01] Phật bảo Tu-thâm: Đây gọi là trước tiên biết pháp trụ, sau đó biết Niết-bàn. Các thiện nam ấy một mình ở nơi thanh vắng, chuyên cần tư duy, sống không buông lung, xa lìa kiến chấp về ngã, chẳng khởi các phiền não, tâm được giải thoát hoàn toàn. Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả Tu-thâm liền xa lìa trần cấu, được pháp nhãn tinh. Bay giờ, Tu-thâm thấy pháp, đắc pháp, ngộ pháp, vượt nghi, không tin ai khác, không do ai khác mà được độ thoát, ở trong Chánh pháp được vô sở úy, liền cúi đầu lạy sát chân Phật rồi thưa: Bạch đức Thế Tôn! Hôm nay, cho con xin sám hối! Vì con giả dạng xuất gia ở trong Chánh pháp, vậy nên con xin sám hối. Phật bảo Tu-thâm: Vì sao lại giả dạng xuất gia ở trong Chánh pháp?

Tu-thâm bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Có rất nhiều ngoại đạo đến nói với con: "Tuthâm nên

biêt! Trước dây, chúng ta được quôc vương, đại thân, trưởng giả, cư sĩ và mọi người trong thê gian đêu cung kính, cúng dường mà nay bị cat đứt, bởi vì họ đêu cúng dường cho Sa-môn Cù-đàm và đại chúng đệ tử. Hôm nay, ông hãy giả dạng đến trong chúng đệ tử của Sa-môn Cù-đàm mà xuất gia, học hỏi giáo pháp, lãnh hội pháp ấy rồi trở về trình bày lại, chúng ta sẽ đem pháp đã nghe để giáo hóa cho thế gian, khiến cho họ cung kính, cúng dường như trư&c." Bạch Thế Tôn! Vì thế mà con đã giả dạng xuất gia ở trong Giáo pháp và Giới luật. Hôm nay, cho con xin sám hối. Kính xin Thế Tôn thương xót cho con được sám hối. Phật bảo Tu-thâm: Ta nhận sự sám hối của thầy. Thầy nên nói đầy đủ như vầy: "Ngày trước, vì do ngu si, bất thiện, thiếu trí nên con đã giả dạng xuất gia ở trong Giáo pháp và Giới luật, hôm nay con xin sám hối, tự mình thấy tội, tự mình biết toi." Vậy thì đời sau sẽ thành tựu sự phòng hộ, công đức tăng trưởng, không hề giảm thiểu. Vì sao như vậy? Hễ người có tội mà tự mình thấy, tự mình biết và sám hối thì ở đời sau sẽ thành tựu sự phòng hộ, công đức tăng trưởng, không hề giảm thiểu.



Phật bảo Tu-thâm: Nay Ta sẽ nói ví dụ, người có trí nhờ ví dụ này mà được hiểu. Ví như nhà vua có người tuần canh, bắt được kẻ trộm cướp rồi trói lại, dẫn đen chỗ nhà vua và tâu: "Tâu Đại vương! Kẻ này là giặc cướp, xin Đại vương xử tộiy Vua truyền

lệnh: "Hãy đem tội nhân đi, trói ngược hai tay rồi bêu danh xấu khắp cả nước, sau đó đem tội nhân ra khỏi kinh thành, đến chỗ hành hình, dùng trăm mũi giáo nhọn đâm khắp thân thể tội nhân." Tuân lệnh vua, người chấp pháp bắt tội nhân kia trói ngược hai tay, bêu danh xấu khắp các thành ấp roi dẫn ra ngoài thành, dùng trăm mũi giáo nhọn đâm khắp thân thể tội nhân. Đen trưa, nhà vua hỏi: "Tội nhân còn sống kh6ng?" Cận thần đáp: "vẫn còn s6ng.” Vua lại ra lệnh cho cận thần: “Dâm thêm một trăm mũi giáo nữa?5 Đen chiều, tên tội nhân kia lại bị đâm thêm một trăm mũi giáo, nhưng vẫn chưa chết. Phật hỏi Tu-thâm: -Vua kia tri phạt, dùng ba trăm mũi giáo đâm vào thân tội nhân kia thì còn có chỗ nào lành lặn bằng bàn tay không? Tu-thâm bạch Phật: - Thưa không, bạch đức Thế Tôn! Phật lại hỏi Tu-thâm:  Lúc bị ba trăm mũi giáo đâm vào thân, phải chăng tội nhân đã chịu đau đớn tột cùng? Tu-thâm bạch Phật:  Kính bạch Thế Tôn! Đau đớn tột cùng. Bị đâm một giáo, đã rất đau đớn, huống ba trăm mũi làm sao chịu được? Phật bảo Tu-thâm:  Tuy nhiên kho này vẫn chịu đựng được. Còn như người nào ở trong Giáo pháp và Giới luật giả dạng xuất gia, lén học giáo pháp rồi giảng cho người sẽ chiu khổ hơn tội nhân kia gấp rất nhiều lần. Lúc đức Phật nói pháp này rồi, ngoại đạo Tu-thâm dứt sạch hết phiền não, tâm được giải thoát.

QUYỂN 14  413

Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả Tu-thâm vâng lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.
***

348. MƯỜI Lực4647

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật trú tai Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà9 thuộc thành Vương Xá.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

 Như Lai thành tựu mười

46 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.7.02. 0099.348. 0098al3. Tham chiếu: s. 12.22 - II. 28. 47 Nguyên tác: Chuyển Phạm luân .Phạm luân Brạhmacakkà-.
Bánh xe của Phạm, "Phạm luân" vốn là dụng ngữ của Bà-la-môn, được Phật giáo thừa tiếp sử dụng, vê sau thuật ngữ này được hoàn chỉnh thành Chuyển Pháp luân .
48 Nguyên tác: Đắc thành đệ nhất giáo pháp chi tràng .Tràng được dịch từ èhữyidraya. Udrayayừã có nghĩa la cánh đong vừa co nghĩa là kết quả. Nghía trong ngữ cảnh kinh văn là kết qua. Tham chiếu: s. 12.22 - II. 28: Evarn no ayam amhākam pabbajjā avañjhā bhavissati saphalā sa-udrayā Có vậy, sự xuất gia này của chúng ta sẽ không phải trông không, có két quả, có thành tích jsa-udrayãy9 HT. Thích Minh Châu dịch.

QUYỂN 14  415

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Vi Thánh đệ tử đa văn không nghĩ rằng: “Vi cái gì có mặt nên cái này có

mặt? Vì cái gì sanh nên cái này sanh? Vì cái gì không có mặt nên cái này không có mặt? Vì cái gì diệt nên cái này diệt?,^ Tuy nhiên, vị Thánh đệ tử đa văn biết rằng: “Do cái này có nên cái kia có, do cái này sanh nên cái kia sanh. Nghĩa là: Duyên vô minh nên có

hành,... cho đếrì toàn bộ khối khổ lớn tập khởi; do vô minh diệt nên hành diệt,... cho đến toàn bộ khối khổ lớn diet." Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 351. THẤY BIẾT VÀ CHỨNG ĐẮC52

52 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r.02. 0099.351. 0098c01. Tham chiếu: s. 12.68 -II. 115. 53 Na-la ,Nārada. 54 Mậu-sư-la ,Musĩla. 55 Thù Thắng p. Settha. Theo & 12.68 - II. 115, đó là Tôn giả Savittha. Có thể bản Hán dịch nghĩa nhầm do âm tiết của 2 chữ gần giống nhau. 56 Tượng Nhĩ p. Cūlikā, nghĩa là lỗ tai của con vọi. Trong khi đó, theo s. 12.68 II. 115, đó là khu VUOT Ghositā. Sự khác biệt đo có khả năng do âm tiết của 2 chữ gần giống nhau. 57 Nguyên tác: Dị .Tham chiếu: s. 12.68 - II. 115: Aññatra. Tỳ-kheo Bodhi dịch là "ngoại trừ" apart from. Xem them Tạp.,7.02. 0099.313. 0090b28-c02



Tôn giả Mậu-sư-la đáp: Ngoài lòng tin, ngoài ước nguyện, ngoài lắng nghe, ngoài tư duy, ngoài trầm tư tiếp nhận sự thật thì có thể tự mình phát sanh thấy biết chan chánh như vầy: "Do có sanh nên có già chết, không thể lìa sanh mà có già chết." Quả thật, tự mình có thể thấy biết như vậy. Thưa Ton giả Mậu-sư-la! Ngoài lòng tin,... (cho đến) tiếp nhận sự thật thì tự mình có thể phát sanh thấy biết rằng: "Sự diệt tận của hữu, tịch diệt là Niết- bàn,,59 chăng? Tôn giả Mậu-sư-la đáp: Ngoài lòng tin,... (cho đến) tiếp nhận sự thật thì tự mình có thể phát sanh thấy biết rằng: "Sự diệt tận của hữu, tịch diệt là Niết-bAn.” Tôn giả Na-la lại hỏi Tôn giả Mậu-sư-la: Sự diệt tận của hữu là tịch diệt, Niết-bàn. Nếu nói như vậy thì nay thầy là bậc A-la-hán đã sạch hết phiền não chăng? Tôn giả Mậu-sư-la im lặng không đáp. Tôn giả Na-la hỏi như vậy đến lần thứ hai, lần thứ ba nhimg Tôn giả cũng im lặng không đáp. Lúc ấy, Tôn giả Thù Thắng nói với Tôn giả Mậu-sư-la: -Hôm nay, Tôn giả im lặng thì tôi sẽ thay Tôn giả trả lời Tôn giả Na-la. Tôn giả Mậu-sư-la nói: Nay tôi giữ im lặng, Tôn giả hãy giải đáp giúp tôi!

LÚC áy, Ton gia Thu Thăng noi vơi Ton giả Na-la: Ngoài lòng tin,... (cho đến) tiếp nhận sự thật thì tự mình có thể giác ngộ và phát sanh thấy biết rằng: "Sịt diệt tận của hữu là tịch diệt, Niếtban.” Bấy giờ, Tôn giả Na-la hỏi Tôn giả Thù Thắng: Ngoài lòng tin,... (cho đên) tiêp nhận sự thật thì tự mình có thê giác ngộ và phát sanh thấy biết rằng: “Sự diệt tận của hữu là tịch diệt, Niếtbàn.” Vậy nay có phải Tôn giả là bậc A-la-hán đã dứt sạch hết thảy phiền não? Ton gia Thu Thăng đáp: Tôi nói: "Sịt diệt tận của hữu là tịch diệt, Niết-bàn,\ nhưng tôi không phải là bậc A-la-hán dứt sạch hết phiền não. Tôn giả Na-la nói: -Lời nói của Tôn giả không đồng nhất, trước sau trái ngược nhau! Như Tôn giả đã nói: "Sụ* diệt tận của hữu là tịch diệt, Niết-bàn", nhưng lại nói không phải là bậc A-la-hán dứt sạch phiên não. Ton gia Thu Thăng nói vơi Ton gia Na-la: -Tôi sẽ nói ví dụ, người trí nhờ ví dụ mà được hiểu.

59 Nguyên tác: Hữu diệt, tịch diệt, Niết-bàn (,bheanirodho nỉbbãnantí).



Ví như có giêng nước năm bên đường ở chôn hoang vu lại không có dây, cũng chăng có gàu đê lây nước. Bấy giờ, có người đi đường bị cơn khát bức bách, liền đi quanh giếng

tìm nhimg không có dây, cũng chẳng có gàu. Người ây quán sát kỹ nước giếng, thấy biết như thật mà thân không tiếp xúc được. Cũng như thế, tôi nói: "Sự diệt tận của hữu là tịch diệt, Ni&t-bn", nhưng tự thân tôi thì chưa chứng đắc A-la-hán, chưa dứt sạch phiền não. Khi ấy, Tôn giả A-nan hỏi Tôn giả Na-la:  Những điều Tôn giả Thù Thắng đã nói, Tôn giả Na-la nghĩ thế nào?

Tôn giả Na-la trả lời Tôn giả A-nan:

-Tôn giả Thù Thắng đã khéo nói điều chân thật, tôi đâu còn gì để nói nữa.

Thế rồi, sau khi đàm đạo xong, các Tôn giả rời chỗ ngồi rồi ra về.

***

352. SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN NÊN BIẾT60

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

T-J Ẩ • \ rp-í Á qpi/y í 7 A r-p A 1 1

Bay giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Nếu các Sa-môn hay Bà-la-môn nào không biết như thật về pháp, không biết như thật về sự tập khởi của pháp, không biết như thật về sự diệt tận của pháp, không biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của pháp thì người ây chăne phải Sa-môn, chẳng được liệt vào hàng Sa-môn, chẳng phải Bà-la- môn, chăng được liệt vào hàng Bà-la-môn, người ấy cũng không đạt được mục đích của Sa-môn hay mục đích của Bà-la-môn, trong đời hiện tại không thể tự mình tác chứng: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc can làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Thế nào là không biết như thật về pháp? Thế nào là không biết như thật về sự tập khởi của pháp? Thế nào là không biết như thật về sự diệt tận của pháp? Thế nào là không biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của pháp? Nghĩa là, không biết như thật về pháp già chết, không biết như thật về sự tập khởi của già chết, không biết như thật về sự diệt tận của già chết và không biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của già chết. Cũng vậy, không biết như thật đối với sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, không biết như thật về sáu xứ, không biết như thật về sự tập khởi của sáu xứ, không biêt như thật vê sự diệt tận của sáu xứ, không biêt như thật vê con đường đưa đến sự diệt tận của sáu xứ. Như vậy là không biết như thật về các pháp, không biết như thật về sự tập khởi của các pháp, không biết như thật về sự diệt tận của các pháp, không biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của các pháp.

60 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.352. 0099a06). Tham chiếu: s. 12.14 - II. 15.



Nếu các Sa-môn hay Bà-la-môn nào biết như thật về pháp, biết như thật về sự tập khởi của pháp, biết như thật về sự diệt tận của pháp, biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của pháp, nên biết Sa-môn5 Bà-la-môn ấy được liệt vào hàng Sa-môĩì, được liệt vào hàng Bà-la-môn? đã đạt được mục đích của Sa-môn? đã đạt được mục đích của Bà-la-môn, trong đời hiện tại tự mình tác chứng: “Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã

được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh.” Những pháp nào nên biết như thật? Biết như thật những ẹi về sự tập khởi của các pháp, về sự diệt tận của các pháp, vê con đường đưa đên sự diệt tận của các pháp? Đó là biết như thật về pháp già chết, biết như thật về sự tập khởi của già chết, biết như thật về sự diệt tận của già chết, biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của già chết. Cũng vậy, biết như thật về sanh, hữu, thủ, ái5 thọ, xúc, biết như thật về sáu xứ, biết như thật về sự tập khởi của sáu xứ, biết như thật về sự diệt tận của sáu xứ, biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của sáu xứ. Đó gọi là biết như thật về các pháp, biết như thật về sự tập khởi của pháp, biết như thật về sự diệt tận của pháp và biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của pháp. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

353. KHÔNG THẺ VÀ có THẺ61 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Nếu Sa-môn hay Bà-la-môn nào không biết như thật về pháp, không biết như thật về sự tập khởi của pháp, không biết như thật về sự diệt tận của pháp, không biêt như thật vê con đường đưa đến sự diệt tận của pháp, nên biêt Sa- môn ấy chẳng được liệt vào hàng Sa-môn? Bà-la-môn ấy chẳng được liệt vào hàng Bà-la-môn; họ cũng không đạt được mục đích của Sa-môn hay mục đích của Bà-la-môn, trong đời hiện tại không thể tự mình tác chứng: "Sụ* sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tư biết không còn tái sanh." Không biết như thật về những pháp nào? Không biết như thật về sự tập khởi, sự diệt tận và con đường đưa đến sự diệt tận của những pháp nào? Đó là5 không biết như thật về pháp sáu nhập xứ,62 không biết như thật về sự tập khởi của sáu nhập xứ, không biết như thật về sự diệt tận của sáu nhập xứ và không

61 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.353. 0099Ồ02). Tham chiếu: s. 12.13 - II. 14. 62 Nhập XÚT (ãyatanà) chỉ cho 6 căn.



biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của sáu nhập xứ, thế nhưng lại biết như thật về xúc thì điều này không thể xảy ra; biết như thật về sự tập khởi của xúc, biết như thật về sự diệt tận của xúc, biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của xúc thì điều này không thể xảy ra. Cũng như vậy, biết như thật vê thọ, ái? thủ, hữu, sanh, già chết thì điều này không thể xảy ra. Nếu Sa-môn hay Bà-la-môn nào biết như thật về sáu nhập xứ, biết như thật về sự tập khởi của sáu nhập xứ, biết như thật về sự diệt tận của sáu nhập xứ, biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của sáu nhập xứ thì biết như thật về xúc, điều này có thể xảy ra. Cũng vậy, biết như thật ve thọ, ái, thủ, hữu, sanh, già chết thì điều này có thể xảy ra. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 354. VƯỢT THOÁT KHỎI xúc63 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá^vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo (như trên đã nói), chỉ sai khác như sau:  Nếu các Sa-môn hay Bà-la-môn nào không biết như thật về sáu nhập xứ mà muốn vượt thoát khỏi xúc thì điều này không thể xảy ra; muốn vượt thoát khỏi sự tập

khởi của xúc. muốn vượt thoát sự diệt tận của xúc. muốn vượt thoát con đường đưa đến sự diệt tận của xúc thì điều này không thể xảy ra. Cũng vậy, muốn vượt thoát khỏi thọ, ái, thủ, hữu, sanh, già chết thì điều này không thể xảy ra; muốn vượt thoát khỏi sự tập khởi của già chết, muốn vượt thoát khỏi sự diệt tận của già chết, muốn vượt thoát khỏi con đường đưa đến sự diệt tận của già chết thì điều này không thể xảy ra. Nếu Sa-môn hay Bà-la-môn nào biết như thật về sáu nhập xứ, biết như thật về sự tập khởi của sáu nhập xứ, biết như thật về sự diệt tận của sáu nhập xứ và biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của sáu nhập xứ nên vượt thoát khỏi xúc thì điều này có thể xảy ra. Cũng vậy, vượt thoát khỏi thọ, ái, thủ, hữu, sanh, già chét thì điêu này có thê xảy ra,... (cho đên) vượt thoát khỏi con đường đưa đên sự diệt tận của già chét thì điêu này có thê xảy ra. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Như từ già chết.., cho đến sáu nhập xứ, có ba kỉnh; cũng thếf từ già chết,... cho đen hànhf cũng có ba kinh, cũng nói như the. ***

63 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.354. 0099b19). Tham chiếu: s. 12.29 - II. 45; S. 12.30 - li. 46; S. 12.71-81 - II. 129-30.



355. GIÀ CHÉT64

Tôi nghe như vây:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá.ve.

Á • y _ FTnl Ạ FT^ A — 12 r _ rri \ -li

Bay giơ, The Ton bảo các Tỳ-kheo: -Nên biết rõ già chết, biết rõ sự tập khởi của già chết, biết rõ sự diệt tận của . r 9r • / __ r già chét, biêt rõ con đường đưa đên sự diệt tận của già chét. Cũng vậy, (cho đên) nên biết rõ về hành, sự tập khởi của hành, sự diệt tận của hành và con đường đưa đến sự diệt tận của hành. Thế nào là nên biết rõ già chết? Biết rõ do có sanh nên có già chết, đó là biết rõ già chết. Thế nào là biết rõ sự tập khởi của già chết? Sanh tập khởi thì già chết tập khởi, đó là biết rõ sự tập khởi của già chết. Thế nào là biết rõ sự diệt tận của già chết? Nghĩa là, sanh diệt tận thì già chết diệt tận, đó là biết rõ sự diệt tận của già chết. Thế nào là biết rõ con đường đưa đến sự diệt tận của già chết? Nghĩa là, Thánh đạo tám chi là con đường đưa đến sự diệt tận của già chết. Đó là biết rõ con đường đưa đến sự diệt tận của già chết. Cho đến, thế nào là biết rõ hành? Có ba hành là thân hành, khẩu hành và ý hành, đó là biết rõ hành. Thế nào là biết rõ sự tập khởi của hành? Vô minh tập khởi thì hành tập khởi, đó là biết rõ sự tập khởi của hành. Thế nào là biết rõ sự diệt tận của hành? Vô minh diệt thì hành diệt, đó là biết rõ sự diệt tận của hành. Thế nào là biết rõ con đường đưa đến sự diệt tận của hành? Thánh đạo tám r J e r chi là con đường đưa đên sự diệt tận của hành, đó là biêt rõ con đường đưa đên sự diệt tận của hành. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

356. BÔN MƯƠI BÔN LOẠI TRÍ65

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc? trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

64 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.355. 0099c04). Tham chiếu: s. 12.28 - II. 43. 65 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(Z02. 0099.356. 0099c19). Tham chiểu: s. 12.33 - II. 56.



Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có bốn mươi bốn loại trí, hãy lắng nghe, hãy khéo suy nghĩ! Ta sê nói cho các thây. Những gì là bốn mươi bốn loại trí? Đó là trí về già chết, trí về sự tập khởi của già chét, trí về sự diệt tận của già chết và trí về con đường đưa đến sự diệt tận của già chết. Cũng vậy, trí về sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, sáu xứ, danh sắc, thức, trí về hành, trí về sự tập khởi của hành, trí về sự diệt tận của hành, trí về con đường đưa đến sự diệt tận của hành, đó gọi là bốn mươi bốn loại trí. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 357. BẢY MƯƠI BẢY LOẠI TRÍ66 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ, The Ton bao các Ty-kheo: -Có bảy mươi bảy loại trí, hãy lắng nghe, hãy khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng nói cho các thầy. Thế nào là bảy mươi bảy loại trí? Trí biết rằng già chết do duyên sanh. Trí biết rằng không có sanh thì không có già chết. Trí biết rằng, trong quá khứ, già chết cũng do duyên sanh. Trí biết rằng, trong quá khứ, không có sanh thì không có già chết. Trí biết rằng, ở tương lai, già chết cũng do duyên sanh. Trí biết rằng, ở tương lai, không có sanh thì không có già chết.67 Cung với trí biết về pháp trụ,68 tức là trí biết rang các pháp hữu vi là vô thường, do tâm duyên sanh và trí về pháp tận, pháp đổi thay, pháp vô dục, pháp đoạn diệt.69 Cũng vậy, trí biết về sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, sáu nhập xứ, danh sắc, thức, hành; trí biết rằng do duyên vô minh mà có hành; trí biết rang không duyên vô minh thì kh6ng có hành; trí biết rằng, trong quá khứ, cũng do duyên vô minh mà có hành; trí biêt rằng, trong quá khứ, không duyên vô minh thì khônệ có hành; trí biết rằng, ở tương lai, cũng do duyên vô minh mà có hành; trí biết răng, ở tương lai, không duyên vô minh thì không có hành; cung với trí biết về pháp trụ, tức là trí biết rằng các pháp hữu vi là vô thường, do tâm duyên sanh và trí về pháp tận, pháp đổi thay, pháp vô dục, pháp đoạn diệt. Đó gọi bảy mươi bảy loại trí.

66 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.357. 0099c27). Tham chiếu: s. 12.34 II. 59. 67 Đen đây là 6 trí, nhân với 12 nhân duyên thành 72 loại trí; cộng thêm 5 trí được liệt kê tiếp theo thành ra 77 loại trí. 68 Xem chú thích 44, kinh số 347, quyển 14, tr. 409; Tạp.(T.02. 0099.347. 0096Ò25). 69 Tham chiếu: s. 12.34 - II. 59 đề cập thêm 5 loại trí: Yampỉssa tam dhammatthitiñānam tampi khayadhammarn vayadharrunarn virāgadhammain nirodhadhammanti ñanam (Phàm khi nào có trí về tru pháp, thời cũng có trí về tận pháp, hoại pháp, ly tham pháp, diệt pháp), HT. Thích Minh Châu dịch.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 358. PHÁP TĂNG VÀ PHÁP GIẢM70 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giơ, The Ton bảo các Tỳ-kheo: - Có pháp tăng và pháp giảm, hãy lắng nghe và khéo tư duy! Ta sẽ giảng cho các thầy. Thế nào là pháp tăng? Nghĩa là cái này có nên cái kia có, cái này sanh nên cái kia sanh. Đó là, do duyên vô minh nên có hành, duyên hành nên có thức,... (cho đến) sự tập khởi của toàn bộ khối khổ lớn. Đó gọi là pháp tăng. Thế nào là pháp giảm? Nghĩa là do cái này không có mặt nên cái kia không có mặt, do cái này diệt nên cái kia diệt. Nghĩa là do vô minh diệt nên hành diệt,... (cho đến) toàn bộ khối khổ lớn này diệt. Đó gọi là pháp giảm. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Giông như kinh pháp tăng và pháp giảm (kinh 358); cũng vậy, đôi với các pháp sanh khởi, pháp biên đôi, pháp tập khởi, pháp đoạn diệt cũng nói như trên. Giống như ba kỉnh đang nói; có ba kinh Hữu, Ưng, Đương tri, cũng nói như trên. *** 359. KIẾT SỬ VÀ THỨC71 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Nếu có suy xét, nếu sanh vọng tưởng thì kiết sử72 đó sẽ là chỗ bám víu để thức an trú.73 Vì thức có chỗ bám víu và an trú cho nên có sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não trong đời vi lai. Như thế, toàn bộ khối khổ lớn tập khởi.

70 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.358. 0100al2). Tham chiếu: s. 12.37 - II. 64. 71 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.359. 0100a23). Tham chiếu: s. 12.38 - II. 65. 72 Nguyên tác: Sử ():Phiền não. 73 Tham chiếu: s. 12.38-11.65: Yañca, bhikkhave, cetetiyañcapakappeti yañca anuseti, āramrnanametarn hoti viññānassa thitiyā (Này các Tỷ-kheo, cái chúng ta tư mèm, tư lương, có thẩm ý, cái ấy trở thành sở duyên cho thức an trú), HT. Thích Minh Châu dịch.



r z Nêu không suy xét, không vọng tưởng thì không có kiêt sử, không chô bám víu đe thức an trú. Vì không chỗ bám víu để thức an trú cho nên sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, đau khổ, phiền não trong đời vị lai đều bị tiêu diệt. Như thế, toàn bộ khối khổ lớn bị diệt tận. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

360. KIẾT SỬ VÀ DANH SẮC74 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Nếu suy xét, nếu vọng tưởng thì tất sẽ có kiết sử để thức bám víu và an trú. Vì thức có chỗ bám víu và an trú nên danh sắc sanh khởi.75 Vì danh sắc sanh khởi nên có sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não ở đời vi lai. Như vậy, toàn bộ khối khổ lớn tập khởi. Nấu

74 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.360. 0100ỒO2). Tham chiếu: s. 12.39 II. 66. 75 Nguyên tác: Nhập ư danh sắc ().panh và sắc chỉ cho hợp thể ngũ uẩn ban sƠj cũng gọi là thai mẹ. Đại duyên phương tiện kỉnh (roi. 0001.13. 0061Ồ09) gọi là nhập mâu thai ( ).Xem thêm Tạp.(02. 0099.39. 0008c26); Tạp.(02. 0099.64. 0016c04) 76 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.361. OlOObll).

Tham chiếu: s. 12.40 - II. 66.



Nếu không suy xét, không vọng tưởng thì không có kiết sử để thức bám víu vào đó mà tồn tại. Vì thức không có chỗ bám víu để tồn tại nên danh sắc không sanh khởi. Vì danh sắc không sanh khởi nên không có sự đến đi. Vì không có sự đến đi nên không có sanh tử. Vì không có sanh tử nên sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não ở đời tương lai sẽ diệt tận. Như vậy, toàn bộ khối khổ lớn bi diệt tận. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đêu hoan hỷ phụng hành. ***

362. TỲ-KHEO ĐA VĂN77

Tôi nghe như vây:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà9 thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Có bậc Tỳ-kheo đa văn. Như Lai xác lập như thế nào về Tỳ-kheo đa văn?

Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp. Kính mong Ngài thuyết giảng cho chúng con. Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ lãnh thọ và phụng hành. Phật dạy các Tỳ-kheo: Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng nói cho các thầy.

Này các Tỳ-kheo! Nêu có Tỳ-kheo nào nghe những pháp vê già, bệnh, chét mà sanh nhàm chán, lìa dục, được diệt tận, gọi là Tỳ-kheo đa văn. Cũng vậy, đôi với những pháp như sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, sáu nhập xứ, danh sắc, thức, hành mà sanh nhàm chán, lìa dục, được diệt tận, gọi là Tỳ-kheo đa văn. Đó gọi là Như Lai xác lập về Tỳ-kheo đa văn. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

363. TỲ-KHEO THUYẾT PHÁP78

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

77 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.362. 0100b22). 78 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.363. 0100c04). Tham chiếu: s. 12.16 - II. 18.



Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Được gọi là Tỳ-kheo thuyết pháp, thế nào là Tỳ-kheo thuyết pháp? Như Lai đã xác lập như thế nào về Tỳ-kheo thuyết pháp? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp. Kính mong Ngài thuyết giảng cho chúng con. Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ lãnh thọ và phụng hành. Phật dạy các Tỳ-kheo: Nêu có Tỳ-kheo nào giảng nói về già, bệnh, chết rồi sanh nhàm chán, lìa dục, được pháp diệt tận, gọi là Tỳ-kheo thuyết pháp. Cũng vậy, vị ây giảng nói vê sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, sáu xứ, danh sác, thức, hành mà sanh nhàm chán, lìa dục, được pháp diệt tận, gọi là Tỳ-kheo thuyết pháp. Này các

Tỳ-kheo! Đó gọi là Như Lai xác lập về Tỳ-kheo thuyết pháp. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 364. TUẦN Tự THỰC HÀNH THEO PHÁP (2)79 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Gọi là tuần tự thực hành theo pháp,80 này các Tỳ-kheo! Thế nào gọi là tuần

tự thực hành theo pháp? Các Tỳ-kheo bạch Phật:  Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp. Kính mong Ngài thuyết giảng cho chúng con. Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ lãnh thọ và phụng hành. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: -Nếu Tỳ-kheo nào đối với già, bệnh, chết mà sanh nhàm chán, lìa dục, hướng đến diệt tận thì được gọi là tuần tự thực hành theo pháp. Cũng vậy, từ sanh,... {cho đếri) hành đều sanh nhàm chán, lìa dục, hướng đến diệt tận, gọi là tuần tự thực hành theo pháp.

79 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7L02. 0099.364. 010ƠCÍ5). Tham chiếu: s. 12.16 - II. 18. 80 Nguyên tác: Pháp thứ pháp hướng ().Xem chú thích 68, kinh số 27, quyển l, tr. 24; Tạp. (7.02. 0099.27. 0005c2(0.



Này các Tỳ-kheo! Đây gọi là Như Lai xác lập về tuần tự thực hành theo pháp. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.81

81 Bản Hán, hết quyển 14.



QUYỂN 15 365. NIẾT-BÀN TRONG HIỆN TẠI (2)1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Được gọi là Niết-bàn ngay trong hiện tại,2 Như Lai đã giảng nói như thế nào về Niết-bàn ngay trong hiện tại? Các Tỳ-kheo bạch Phật:  Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp. Lành thay! Bạch đức Thế Tôn! Cúi xin Ngài giảng nói về Niết-bàn ngay trong hiện tại. Tỳ-kheo chúng con nghe rồi sẽ vâng giữ, phụng hành. Thế nào là Tỳ-kheo chứng đắc Niết-bàn ngay trong hiện tại? Phật dạy các Tỳ-kheo: ĩ \

-Hãy lăng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng nói cho các thây. Nếu có Tỳ-kheo nào đối với già, bệnh, chết mà sanh nhàm chán, lìa dục, được diệt tận, chẳng khởi các phiền não, tâm được giải thoát hoàn toàn3 thì được gọi là Tỳ-kheo chứng đắc Niết-bàn ngay trong hiện tại. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 366. BẢY VỊ PHẬT4 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-dà, thuộc nước Xá-vệ.

1 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.365. OlOlaOó). Tham chiếu: Tạp.(T.02. 009928. 0005C29); y 12.16-11. 18. 2 Nguyên tác: Kiến pháp Bát-niết-bàn ().Kiến ()cổ tự dùng như chữ hiện ().Tap A-hàm dịch sát nguyên tác Pali: Ditthadhammanibbāna, .Dittha vừa có nghĩa là thây () vừa có nghĩa là hiện tại (). 3 Nguyên tác: Thiện giải thoát (suvimutta). Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển l, tr. 19; Tap. B (T.02. 0099.22. 0004c20). 4 Tựa đề đặt theo nội dung kinh.

Tạp.(7.02. 0099.366. OlOlaló). Tham chiếu: D. 14, Mahāpadāna Sutta (Kinh đại bon),, s. 12.4-9 - II. 5-9.



Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Lúc đức Phật Tỳ-bà-thi56chưa thành Chánh giác, một mình ở nơi vắng vẻ5 tinh chuyên thiền định rồi nghĩ như vầy: "Hất thảy thế gian đều rơi vào sanh tử, tự sanh, tự già,6 tự diệt và tự mất; nhưng đối với con đường cao thượng vượt khỏi thế gian thì những chúng sanh đang ở trong sanh tử kia chẳng biết như thát.” Ngài liền tự quán sát: "Do duyên gì mà có già chết này?" Ngài quán sát, tư duy chân chánh như vậy rồi phát sanh sự giác ngộ như thật7 và biết rằng: “Vi có sanh nên có già chét này, do duyên sanh nên có già chêt.,, Ngài lại tư duy chân chánh: "Do duyên gì mà có sanh này?" Ngài lại tư duy chân chánh rồi phát sanh sự giác ngộ như thật và biết rằng: "Vi duyên hữu nên có sanh." Ngài lại tư duy chân chánh: “Do duyên gì mà có hữu?,^ Ngài liền tư duy chân chánh rồi phát sanh sự giác ngộ như thật và biết rằng: "Vi có thủ nên có hữu." Ngài lại tư duy chân chánh: "Do duyên gì mà có thiỉ?" Ngài liền tư duy chân chánh rồi phát sanh sự giác ngộ như thật nên quán sát: "Sịt tơ tưởng,8 đắm trước khoái lạc910là pháp chấp thủ, do duyên xúc nên ái tăng trưởng. Nên biết do 11 duyên ái nên có thủ, duyên thủ nên có hữu, duyên hữu nên có sanh, duyên sanh nên có già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não; như vậy là toàn bộ khối khổ uẩn lớn tập khởi. Ví như nhờ vào dầu và tim đèn mà đèn sáng, nếu người kia thường xuyên châm dầu và khơi tim thì đèn kia sáng mãi, được thắp sáng không ngừng." Như kỉnh trước đã nói vỉ dụ đầy đủ về cái thành. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Giống như đức Phật Tỳ-bà-thif các đức Phật Thi-khífn đức Phật Tỳ-xá- đức Phật Câu-lưu-t6n,B dức Phật Câu-na-hàm-mâu-n^ và đức Phật phù,1213 14 Ca-diếp, Ngài đều giảng nói như thế. ***

5 Nguyên tác: Tỳ-bà-thi Phát ,Vipassī Buddha. 6 Nguyên tác: Tự thục . 7 Nguyên tác: Vồ gián dẳng .Xem chú thích 60, kinh số 23, quyển l, tr. 21; Tạp.T.02. 0099.23. 0005all. 8 Nguyên tác: cố niệm . 9 Nguyên tác: Vị trước .Vị ,assâdà vừa có nghĩa là mùi vị vừa có nghĩa ỉa khoái lạc. 10 Ví dụ đầy đủ về thành lũy được nói trong kinh số 287; Tạp.T.02. 0099.287. 0080024. 11 Nguyên tác: Thi-khí Phật Sikhī Buddha. 12 Nguyên tác: Tỳ-thấp-bà-phù Phát ,Vessabhū Buddha. 13 Nguyên tác: Ca-la-ca-tôn-đề Phật ,Kakusandha Buddha. 14 Nguyên tác: Ca-na-ca-mâu-ni Phật ,Konāgamana Buddha.



367. BIÊT RÕ NHƯ THẬT15 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà9 thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Phải nỗ lực16 tinh tấn tu tập thiền định, tĩnh lặng nội tâm. Vì sao như vậy? Này các Tỳ-kheo! Nhờ nỗ lực tinh tấn thiền định, tĩnh lặng nội tâm như thế mà biết rõ như thật.17 Thế nào là biết rõ như thật? Là biết rõ như thật về già chết, biết rõ như thật về sự tập khởi của già chết, biết rõ như thật về sự diệt tận của già chết, biết rõ như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của già chết; biết rõ như thật về sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, sáu xứ,

danh sắc, thức; biết rõ như thật về hành, biết rõ như thật về sự tập khởi của hành, biết rõ như thật về sự diệt tận của hành, biết rõ như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của hành. Biết rõ như thật các pháp này là vô thường, là hữu vi, là phiền não.18 Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

368. THIỀN ĐỊNH19 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bây giơ, The Ton bảo các Ty-kheo: Nên tu tập vô lượng thiền định,20 tinh chuyên giữ niệm. Nhờ tu tập vô lượng thiền định, tinh chuyên giữ niệm như vậy rồi sẽ biết rõ như thật. Thế nào là biết rõ như thật? Nghĩa là biết rõ như thật về già chết,... cho đếri biết rõ như thật về hành. Biêt rõ như thật vê các pháp này là vô thường, là hữu vi, là phiên não. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

15 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.367. 0101Ò08. Tham chiếu: s. 12.83 - II. 131. 16 Nguyên tác: Phương tiện . 17 Nguyên tác: Như thật hiển hiện ,yathabhntcnri pajānāti. 18 Nguyên tác: Hữu lậu . 19 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.02. 0099.368.0101017. Tham chiếu: s. 12.84 - II. 131. 20 Nguyên tác: Tam-ma-đề .



369. MƯỜI HAI NHÂN DUYÊN21 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Thuở xưa, lúc đức Phật Tỳ-bà-thi chưa thành Chánh giác, Ngài ngồi nơi cội Bồ-đề? chẳng bao lâu thì thành Phật. Rồi Ngài đến bên cội cây Bồ-đề? trải Cỏ làm tòa và ngôi kiêt-già? giữ thân ngay thăng, chánh niệm. Trong sướt bảy ngày ngôi yên một chô, Ngài quán sát mười hai nhân duyên theo chiêu thuận và nghịch như sau: "Do cái này có nên cái kia c6, do cái này sanh nên cái kia sanh, do duyên vô minh nên có hành,... (cho đến) do duyên sanh mà có già chết và toàn bộ khối khổ lớn tập khởi,... (cho đếrì) toàn bộ khối khổ lớn diệt lận." Sau bảy ngày ngồi thiền đinh, đức Phật Tỳ-bà-thi xả thiền rồi nói kệ như vầy: Các pháp sanh như thế, Người thanh tịnh2223 tu thiền, Lìa hết thảy nghi hoặc, Biết pháp do duyên sanh. Nếu biết nhân sanh khổ, Biết các áidiệt tận, Biết pháp nhân duyên diệt, Ắt biết phiền não diệt. Các pháp sanh như thế, Người thanh tịnh tu thiền, Lìa hết thảy nghi hoặc, Biết có nhân sanh khổ. Các pháp sanh như thế, Người thanh tịnh tu thiền, Lìa hết thảy nghi hoặc, Biết các thọ diệt tận. Các pháp sanh như thế, Người thanh tịnh tu thiền, Lìa hết thảy nghi hoặc, Biết pháp nhân duyên diệt. Các pháp sanh như thế, Người thanh tịnh tu thiền, Lìa hết thảy nghi hoặc, Biết dứt sạch phiền não. Các pháp sanh như thế, Người thanh tịnh tu thiền, Soi sáng khắp thế gian, Mặt trời giữa hư không, Phá tan các quân ma, Biết kiết sử, giải thoát. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Giong như đức Phật Tỳ-bà-thi, đức Phật Thi-khí, đức Phật Tỳ-xả-phù, đức Phật Cău-ỉưu-tôn, đức Phật Câu-na-hàm-mâu-ni và đức Phật Ca-diếp, Ngài đều giảng nói như the. ***

21 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.369. 0101Ồ24). 22 Nguyên tác: Phạm chí (). 23 Nguyên tác: Thọ)().Bản Tống ghi là ""().

370. ĐỨC PHẬT VÀ DUYÊN KHỞI24 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngồi nơi cội Bồ-đề? bên bơ sông Ni-liên-thiền25 ở uất- chẳng bao lâu thì thành Chánh giác. Ngài đến bên cội Bồ-đề? trải cỏ làm tỳ-la,2627 tòa, ngồi kiếtgià, giữ thân ngay thẳng, chánh niệm. (Nói đầy đủ như trêri)^ *** 371. NHÂN VÀ TẬP KHỞI CỦA THỨC ĂN28 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có bốn loại thức ăn giúp ích cho chúng sanh, khiến chúng sanh được tồn tại, được bảo hộ và nuôi lớn. Là bốn loại thức ăn nào? Đó là đoàn thực, xúc thực, niệm thực và thức thực. Bôn loại thức ăn này do gì làm nhân? Do gì mà tập khởi? Do gì mà sanh? Do gì mà hình thành?29 Bốn loại thức ăn này do ái làm nhân, do ái mà tập khởi, do ái mà sanh, do ái mà hình thành. Ái này do gì làm nhân? Do gì mà tập khởi? Do gì mà sanh? Do gì mà hình thành? Ái do thọ làm nhân, do thọ mà tập khởi, do thọ mà sanh, do thọ mà hình thành. Thọ này do gì làm nhân? Do gì mà tập khởi? Do gì mà sanh? Do gì mà hình thành? Thọ do xúc làm nhân, do xúc mà tập khởi, do xúc mà sanh, do xúc mà hình thành. Xúc này do gì làm nhân? Do gì mà tập khởi? Do gì mà sanh? Do gì mà hình thành? Xúc do sáu xứ làm nhân, do sáu xứ mà tập khởi, do sáu xứ mà sanh, do sáu xứ mà hình thành. Sáu xứ tập khởi thì xúc tập khởi, xúc tập khởi thì thọ tập khởi, thọ tập khởi thì ái tập khởi, ái tập khởi thì thức ăn tập khởi. Vì thức ăn tập khởi nên sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não tập khởi ở đời tương lai. Như vậy, toàn bộ khối khổ lớn tập khởi.

24 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.370. 0101c21). 25 Nguyên tác: Ni-liên-thiền (,Nerañjarā). 26 Nguyên tác: uất-tỳ-la (Uruvelā). 27 Bản Hán tỉnh lược. Xem đầy đủ trong kinh số 369; Tạp.(02. 0099.369. 0101b24). 28 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.371. 0101c25). Tham chiếu: Trà-đế kỉnh (roi. 0026.201. 0766ỒỒ28); Tạp.(T02 0099.344. 0094ỒỒ02); Tang.(T.02. 0125.29.3. 0656a29); Tăng.(02. 0125.29.4. 0656c09); s. 12.11 - II. 11. 29 Nguyên tóc: Xúc ().Dùng trong nghĩa dẫn khởi (),nghĩa là khởi sanh, xuất hiện, hinhthanh. Tham chiếu: s. 12.11 - II. 11: Pabhavã, nghĩa là làm cho hiện hữu. Xem thêm Trà-đê kỉnh (roi. 0026.201. 0767c22): Do hà hữu ().Hữu ()ở đây chỉ cho sự tồn tại (,bhavā).



Như vậy, sáu xứ diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thức ăn diệt. Vì thức ăn diệt nên sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não ở đời tương lai đều diệt. Như vậy, toàn bộ khoi khổ lớn diệt. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 372. TỲ-KHEO PHẢ-CÀU-NA30 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. J Á__ ___ •FTīi Á rin L2 _ L _ np \ l L _ _ Bây giơ, The Ton bảo các Ty-kheo: Có bốn loại thức ăn giúp h cho chúng sanh, khiến chúng sanh được tồn tại, được bảo hộ và nuôi lớn. Là bốn loại thức ăn nào? Một là thô đoàn thực. Hai là tế xúc thực. Ba là ý tư thực. Bốn là thức thực. Lúc ấy, có Tỳ-kheo tên là Phả-cầu-na31 đang đứng cầm quạt hầu phía sau đức Phật, bạch răng: Bạch đức Thế Tôn, ai sử dụng thức ăn là thức này?

Phật dạy Phả-cầu-na:  Ta không nói có người ăn loại thức ăn là thức này. Nêu Ta nói có người ăn loại thức ăn là thức này thì thầy mới hỏi như thế. Ta nói thức là thức ăn5 thầy nên hỏi như vầy: “Do nhân duyên gì mà có thức thuc?^ Ta sẽ đáp: "Thức thực có thể chiêu cảm sự hiện hữu trong tương lai, khiến cho sự sanh được tiếp diễn, vì có hữu nên có sáu xứ, do duyên sáu xứ nên có xúc." Phả-cầu-na lại hỏi: - Bạch đức Thế Tôn, vậy ai cảm xúc? Phật dạy Phả-cầu-na:  Ta khônẹ nói có người cảm xúc. Nêu Ta nói có nguôi cảm xúc thì thầy mới hỏi như vây: "Vậy ai cảm xúc?" Thầy nên hỏi như vay: "Do nhân duyên gì mà xúc sanh kh&i?" Ta sẽ đáp như sau: "Do duyên sáu xứ mà xúc sanh khởi, do duyên xúc mà thọ sanh khởi?5 Phả-cầu-na lại hỏi:  Bạch đức Thế Tôn, vậy ai cảm thọ?

Phật bảo Phả-cầu-na:  Ta không nói có người cảm thọ. Nếu Ta nói có người cảm thọ thì thầy mới hỏi: "Ai cảm thq?" Thầy nên hỏi: “Do nhân duyên gì mà có thọ?95 Ta sẽ đáp như vây: “Do duyên xúc mà có thọ, do duyên thọ mà có ái" 30 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.372. 0102al2). Tham chiếu: s. 12.12 - II. 12. 31 Phả-cầu-na (Phagguna) gọi đủ là MoỊiya Phagguna.



Lại hỏi:  Bạch đức Thế Tôn, vậy ai ái?

Phật bảo Phả-cầu-na:  Ta không nói có người ái. Nấu Ta nói có người ái thì thầy mới hỏi Ta: uVậy ai ái?" Thầy nên hỏi: "Do nhân duyên gì mà có Si?" Ta sẽ đáp như vầy: “Vi duyên thọ mà có ái, do duyên ái mà có thiỉ." Lại hỏi: - Bạch đức Thế Tôn? là ai thủ? Phật bảo Phả-cầu-na:  Ta không nói có người thủ. Nếu Ta nói có người thủ thì thầy mới hỏi: “Là ai thìỉ?” Thầy nên hỏi: "Do duyên gì mà có thu?^ Ta sẽ đáp: "Do duyên ái mà có thủ, do duyên thủ mà có hữu.,^ Lại hỏi:  Bạch đức Thế Tôn, là ai hữu?

Phật bảo Phả-cầu-na: -Ta không nói có người hữu. Nếu Ta nói có người hữu thì thầy mới hỏi: ÍCLà ai hữu?^, Thầy nên hỏi: "Do duyên gì có hữu?" Ta sẽ đáp: "Do duyên thủ mà có hữu, có thể chiêu cảm hữu sanh xúc trong tương lai.” Đó gọi là hữu. Do có hữu nên có sáu xứ, sáu xứ duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu diiyên sanh, sanh duyên già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não. Như vậy, toàn bộ khối khổ lớn tập khởi. Nếu sáu xứ diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não đều diệt. Như vậy, toàn bộ khối khổ lớn diệt. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 373. THỊT ĐỨA CON32 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Có bốn loại thức ăn giúp ích cho chúng sanh, khiến chúng sanh được tồn tại, được bảo hộ và nuôi lớn. Là bốn loại thức ăn nào? Một là thô đoàn thực. Hai là tế xúc thực. Ba là ý tư thực. Bốn là thức thực. Tỳ-kheo quán sát đoàn thực như thế nào?

32 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.373. 0102b18). Tham chiếu: s. 12.63 - II. 97.

Ví như hai vợ chồng chỉ có một đứa con, thương yêu nuôi nấng, muốn vượt qua con đường hoang vắng, hiểm trở, nhimg lương thực đã hết sạch, lại bị đói khát cùng cực, không còn cách nào cứu vãn nên họ bàn với nhau: "Chúng ta chỉ có một đứa con rất mực thương yêu, nếu ăn thịt con mới có thê qua cơn hiêm nạn5 chẳng lẽ cả ba người cùng chịu chết ở chốn này." Suy tính như vậy rồi, họ liền giết chết con, ngậm ngùi đau xót rơi lệ5 gượng ăn thịt con để vượt qua khỏi chốn hoang vang. Thế nào, này Tỳ-kheo, vợ chồng kia cùng nhau ăn thịt con phải chăng vì do mùi vị, hay do tham ăn ngon, ưa thích mà ăn? Tỳ-kheo đáp:  Bạch đức Thế Tôn, không phải như the!

Lại hỏi Tỳ-kheo:  Có phải vợ chồng kia gượng ăn thịt con chỉ vì để vượt qua khỏi con đường hoang vắng, hiểm trở chăng? Tỳ-kheo đáp: - Bạch Thế Tôn, đúng như the! Phật bảo Tỳ-kheo:  Khi ăn đoàn thực, Tỳ-kheo nên quán như thế. Quán sát như thế sẽ biết rõ33 về đoàn thực; biết rõ về đoàn thực rồi thì tâm tham ái đối với năm loại dục34 sẽ được chấm dứt. Khi tâm tham ái đối với năm loại dục đã chấm dứt thì Ta không thay vi Thánh đệ tử đa văn nào đoi với năm loại dục mà còn có một kiết sử nào chưa được đoạn trừ. Bởi vì, nếu như còn có một kiết sử trói buộc sẽ trở lại cõi đời này. Tỳ-kheo quán sát xúc thực như thế nào? Ví như con bò bị lột da toàn thân, dù ở bất cứ nơi nào nó vẫn bị các loài côn trùng rúc rỉa, đất cát, bụi bặm bám vào, cây cỏ châm chích khắp thân. Nếu nó nằm trên đất thì bị côn trùng trên đất gặm nhấm, nếu ở trong nước thì bị côn trùng trong nước rúc rỉa, nếu đứng giữa khoảng không thì bị loài côn trùng biết bay cắn mổ, đứng nằm đều thường đau đớn khắp thân thể. Như vậy, này Tỳ-kheo! Đối với xúc thực ấy nên quán như the! Quán như thế sẽ biết rõ về xúc thực. Đã biết rõ về xúc thực thì ba thọ sẽ chấm dứt. Ba thọ đã cham dứt thì vị Thánh đệ tử đa văn đối với những pháp trên không còn tạo tác, những việc cần làm đều đã làm xong. Tỳ-kheo quán sát ý tư thực như thế nào? Ví như ở ven thôn xóm hay thành ấp có lửa cháy nhưng không có khói, không có ngọn lửa. Lúc ấy5 có người thông minh, trí tuệ, xả bỏ khổ, hướng đến

33 Nguyên tác: Đoạn tri ,parmñāta. 34 Nguyên tác: Ngũ dục công đức .Xem chú thích 66, kinh số 211, quyển 8, tr. 233; Tạp. T.02. 0099.211. 0053a26.



lạc, nhàm chán chết, ưa thích sống, liền nghĩ như vầy: 6íChỗ kia có lửa cháy lớn, không có khói, không có ngọn lửa, người đi ngang phải tránh, chớ để bị rơi vào trong đó, chắc chắn sẽ chết mất, không có gì phải nghi ngờ?5 Suy nghĩ như thế rồi, người ấy luôn mong muốn bỏ đi thật xa. Quán sát ý tư thực cũng như thế. Quán sát y tư thực như thế thì biết rõ về ý tư thực. Biết rõ về ý tư thực thì ba ái35 chắc chan sẽ chấm dứt. Ba ái đã chấm dứt thì vị Thánh đệ tử đa văn đối với các pháp trên không còn tạo tác, những việc cần làm đều đã làm xong. Này các Tỳ-kheo! Thế nào là quán sát thức thực? Ví như quốc vương có lính tuần canh bắt được kẻ trộm cướp liền trói lại đem đen chỗ nhà vua. Như trước đã nói rõ trong Kinh Tu-thâm.36 Do nhân duyên này, người ấy phải chịu ba trăm mũi giáo nhọn, cảm giác đau đớn khổ sở suốt ngày đêm. Quán sát thức thực cũng như thế. Quán sát như thế thì biết rõ về thức thực. Người đã biết rõ về thức thực thì biết rõ về danh sắc. Đã biết rõ về danh sắc thì vị Thánh đệ tử đa văn đối với các

pháp trên không còn tạo tác, những việc can làm đều đã làm xong. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

374. THỨC DỪNG TRỤ37 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giơ, Thê Ton bảo các Ty-kheo: Có bốn loại thức ăn giúp ích cho chúng sanh, khiến chúng sanh được tồn tại, được bảo hộ và nuôi lớn. Là bốn loại thức ăn nào? Một là đoàn thực. Hai là xúc thực. Ba là ý tư thực. Bốn là thức thực. Nếu Tỳ-kheo nào đối với bốn loại thức ăn này mà có hỷ, có tham thì thức sẽ dừng trụ và tăne trưởng. Vì thức dừng trụ và tăng trưởng nên danh sắc sanh khởi.38 Vì danh sác sanh khởi nên các hành tăng trưởng. Vì các hành tăng trưởng nên hữu ở đời sau sẽ tăng trưởng. Vì hữu ở đời sau tăng trưởng nên sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não tập khởi. Như vậy, toàn bộ khôi khô lớn tập khởi. Nếu đối với bốn loại thức ăn mà không tham, không hỷ; vì không tham, không hỷ nên thức không dừng trụ, không tăng trưởng. Thức không dừng trụ,

35 Nguyên tác: Tam ái là dục ái ,hữu ái và vô hữu ái . 36 Tạp.r02. 0099.347. 0096b25. 37 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.374. 0l02c28. Tham chiếu: s. 12.64 - II. loi. 38 Nguyên tác: Nhập ư danh sắc .



không tăng trưởng thì danh sắc không sanh khởi. Danh sắc không sanh khởi thì hành không tăng trưởng. Do hành không tăng trưởng nên hữu ở tương lai không sanh, không tăng trưởng. Do hữu ở tương lai không sanh, không tăng trưởng nên sanh, già, bệnh, chét, lo, buồn, khổ, não ở đời tương lai không sanh khởi. Như thế, toàn bộ khối khổ lớn diệt. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 375. LO BUỒN VÀ PHIỀN NÃO39 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Có bốn loại thức ăn giúp ích cho chúng sanh, khiến cho chúng sanh được tồn tại, được bảo hộ và nuôi lớn. Là bốn loại thức ăn nào? Một là đoàn thực. Hai là xúc thực. Ba là ý tư thực. Bốn là thức thực. Này các Tỳ-kheo! Đối với bốn loại thức ăn này mà có tham, có hỷ thì chắc chắn có lo buồn, có phiền não. Nấu đối với bốn loại thức ăn này mà không tham, không hỷ thì chắc chắn không có lo buồn, cũng không có phiền não. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 376. MẶT TRỜI TỎA CHIỂU40 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rưng Kỳ-đà5 thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có bốn loại thức ăn giúp ích cho chúng sanh, khiến cho chúng sanh được tồn tại, được bảo hộ và nuôi lớn. Là bốn loại thức ăn nào? Một là đoàn thực. Hai là xúc thực. Ba là ý tư thực. Bốn là thức thực. Này các Tỳ-kheo! Đối với bốn loại thức ăn này mà có tham, có hỷ thì thức dừng trụ và tăng trưởng,...(cho đến) toàn bộ khối khổ lớn tập khởi. Ví như lầu gác cung điện có chiều dài nằm hướng Bắc, chiều rộng nằm hướng Tây, cửa sổ ở các vách Đông và Tây; khi mặt trời mọc ở phương Đông

39 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.375. 0103al3). Tham chiếu: s. 12.64 - II. 101. 40 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.376. 0103a21). Tham chiếu: s.

12.64 - II. 101.

QUYỂN 15  437

thì ánh sáng soi chiếu đến tận vách phía Tây. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo! Đối với bốn loại thức ăn này mà có tham, có hỷ,... (như đã nói rõ ở trước cho đến) toàn bộ khối khổ lớn tập khởi. Nêu đôi với bôn loại thức ăn này không tham, không hỷ?... (như đã nói rõ ở trước cho đến) toàn bộ khối khổ lớn diệt. Này các Tỳ-kheo! Ví như lầu gác cung điện có chiều dài nằm hướng Bắc, chiều rộng nằm hướng Tây, cửa so ở các vách Đông và Tây thì khi mặt trời mọc ở phương Đông sẽ chiếu vào chỗ nào? Tỳ-kheo bạch Phật: -Chiếu thẳng vào vách phía Tây! Phật bảo Tỳ-kheo: -Nếu không có vách phía Tây thì mặt trời sẽ chiếu vào chỗ nào? Tỳ-kheo bạch Phật:  Mặt trời sẽ chiếu sáng hư không, không có gì chướng ngại.

Đúng thế, này các Tỳ-kheo! Đối với bốn loại thức ăn mà không tham,

không hỷ thì thức sẽ không có chô dừng trụ,... (cho đêri) như vậy, toàn bộ khôi khổ lớn diệt. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đêu hoan hỷ phụng hành. *** 377. KHÔNG THẺ VẼ VÀO HƯ KHÔNG41 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Có bốn loại thức ăn giúp ích cho chúng sanh, khiến cho chúng sanh được tồn tại, được bảo hộ và nuôi lớn. Là bốn loại thức ăn nào? Một là đoàn thực. Hai là xúc thực. Ba là ý tư thực. Bôn là thức thực. Này các Tỳ-kheo! Đối với bốn loại thức ăn này mà có tham, có hỷ thì thức dừng trụ và tăng trưởng,... (cho đến) toàn bộ khối khổ lớn tập khởi. Này các Tỳ-kheo! Ví như lầu gác cung điện có chiều dài nằm hướng Bắc, chiều rộng nằm hướng Tây, cửa sổ ở các vách Đông và Tây, khi mặt trời mọc ở phương Đông sẽ chiếu vào chỗ nào? Các Tỳ-kheo bạch Phật:  Chiếu thẳng vào vách phía Tây.

41 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.377. 0103b08). Tham chiếu: s. 12.64 - II. 101.

438  KINH TẠP A-HÀM

Phật bảo các Tỳ-kheo:  Cũng vậy, đối với bốn loại thức ăn mà có tham, có hỷ thì thức dừng trụ và tăng trưởng,... (cho đến) toàn bộ khối khổ lớn tập khởi. Nếu đối với bốn loại thức ăn này mà không tham, không hỷ thì cũng không có thức dừng trụ và tăng trưởng,... (cho đến) toàn bộ khối khổ lớn diệt. Này các Tỳ-kheo! Ví như thợ vẽ và học trò của thợ vẽ gom đủ các màu sắc, muốn họa vẽ giữa hư không. Họ có thể vẽ được chăng? Các Tỳ-kheo bạch Phật:  Bạch đức Thế Tôn, không thể được! Vì sao như vậy? Bởi vì hư không kia không phải sắc, không có đối ngại, không thể thấy. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo! Đối với bốn loại thức ăn này mà không tham, không hỷ thì cũng không có thức dừng trụ và tăng trưởng,... (cho đen) toàn bộ khối khổ lớn diệt. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 378. HỶ VÀ THAM42 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xa-ve* Bây giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Có bốn loại thức ăn giúp ích cho chúng sanh, khiến cho chúng sanh được tồn tại, được bảo hộ và nuôi lớn. Là bốn loại thức ăn nào? Một là đoàn thực. Hai là xúc thực. Ba là niệm thực. Bốn là thức

thực. Này các Tỳ-kheo! Đối với bốn loại thức ăn này mà có tham, có hỷ thì thức dừng trụ và tăng trưởng,... (cho đến) toàn bộ khối khổ lớn tập khởi. Này các Tỳ-kheo! Ví như thợ vẽ hoặc đệ tử của thợ vẽ gom đủ các màu sắc, muốn trang trí, tô vẽ các hình tượng trên vật chất. Này các Tỳ-kheo! Ý các thầy nghĩ sao? Thợ vẽ ấy hoặc đệ tử của ông ấy có thể trang trí, tô vẽ trên vật chất được không? Các Tỳ-kheo bạch Phật:  Đúng thế, bạch đức Thế Tôn! Họ có thể trang trí, tô vẽ trên vật chất.

Phật bảo các Tỳ-kheo:  Đối với bốn loại thức ăn này mà có tham, có hỷ thì thức dừng trụ và tăng trưởng,... (cho đến) toàn bộ khối khổ lớn tập khởi.

42 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.378. 0l03b24). Tham chiếu: s. 12.64 - II. loi.

QUYỂN 15  439

Này các Tỳ-kheo! Nếu đối với bốn loại thức ăn này mà không tham, Idiônệ hỷ thì không có thức dừng trụ và tăng trưởng,... (cho đến) toàn bộ khối kho lớn diệt. Này các Tỳ-kheo! Ví như thợ vẽ hoặc đệ tử của thợ vẽ gom đủ các màu sắc, muôn lìa bỏ vật chất mà trang trí, tô vẽ các hình tượng thì có thể vẽ được không? Tỳ-kheo bạch Phật:  Bạch đức Thế Tôn, không thể được!

Như vậy, này các Tỳ-kheo! Nếu đối với bốn loại thức ăn mà không tham, không hỷ thì không có thức dừng trụ và tăng trưởng,... (cho đến) toàn bộ khối khổ lớn diệt. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

379. CHUYỂN PHÁP LUÂN43 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Lộc Dã, trú xứ của Tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại. Bấy giờ, Thế Tôn nói với năm vị Tỳ-kheo: -Đây là Thánh đế về khổ, là pháp vốn chưa từng nghe, khi tư duy chân chánh sẽ sanh khởi mắt sán^, sanh khởi trí tuệ, sanh khởi sáng suốt, sanh khởi hiểu biết.44 Đây là Thánh đe về nguyên nhan của khổ, đây là Tháĩủi đế về khổ diệt, đây là Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt, là pháp vốn chưa từng nghe, khi tư duy chân chánh sẽ sanh khởi mắt sáng, sanh khởi trí tuệ, sanh khởi sáng suốt, sanh khởi hiểu biết. Lại nữa, Thánh đế về khổ đã biết, lại cần phải biết, vốn là pháp chưa từng nghe nên khi tư duy chân chánh sẽ sanh khởi mắt sáng, sanh khởi trí tuệ, sanh khởi sáng suốt, sanh khởi hiểu biết. Thánh đế về nguyên nhân của khổ đã biết thì nên đoạn trừ, vốn là pháp chưa từng nghe nên khi tư duy chân chánh sẽ sanh khởi mắt sáng, sanh khởi trí tuệ, sanh khởi sáng suốt, sanh khởi hiểu biết. Lại nữa, đây là Thánh đế về khổ diệt đã biết thì nên chứng đắc, vốn là pháp chưa từng nghe nên khi tư duy chân chánh sẽ sanh khởi mắt sáng, sanh khởi trí tuệ, sanh khởi sáng suốt, sanh khởi hiểu biết.

43 Tựa đề đức Phật dạy trong nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.379. 0103cl3). Tham chiếu: c/zwyew pháp luân kỉnh (r.02. 0109. 0503ỒỒ2); Tam chuyển pháp luân kỉnh J?• 0110. 0504a04); Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ Tỳ-nại-daphả Tăng sự _ (r.24. 1450.6?0127b24 - 0128b01); s. 56.11 - V. 420; s. 56.12-V. 424. 44 Nguyen tác: Sanh nhãn, trí, minh, giác ().Tham chiếu: s. 56.12 - v. 424: Cakkhūni udapādi, ñānam udapādi, paññā udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi (nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, miiùi sanh, quang sanh), HT. Thích Minh Chau dịch.

Lại nữa, này các Tỵ-kheo! Đây là Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt đã biết thì nên tu tập, vốn là pháp chưa từng nghe nên khi tư duy chân chánh sẽ sanh khởi mắt sáng, sanh khởi trí tuệ, sanh khởi sáng suôt, sanh khởi hiêu biêt. Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đây là Thánh đế về khổ đã biết, biết rồi thì vượt thoát, là x.pháp — chưa từng Y nghe r. r tư duy chân chánh Zsẽ sanh khởi mát sáng, nên khi sanh khởi trí tuệ, sanh khởi sáng suôt9 sanh khởi hiêu biêt. Lại nữa, đây là Thánh đế về nguyên nhân của khổ đã biết, đã đoạn trừ và vượt thoát, là pháp chưa từng nghe nên khi tư duy chân chánh sẽ sanh khởi mắt sáng, sanh khởi trí tuệ, sanh khởi sáng suốt, sanh khởi hiểu biết. Lại nữa, Thánh đế về khổ diệt đã biết, đã chứng đắc và vượt thoát, là pháp chưa từng nghe nên khi tư duy chân chánh sẽ sanh khởi mắt sáng, sanh khởi trí tuệ, sanh khởi sáng suốt, sanh khởi hiểu biết. Lại nữa, Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt đã biết, đã tu tập và vượt thoát, vốn là pháp chưa từng nghe nên khi tư duy chân chánh sẽ sanh khởi mắt sáng, sanh khởi trí tuệ, sanh khởi sáng suốt, sanh khởi hiểu biết. Này các Tỳ-kheo! Đối với bốn Thánh đế này, Ta đã ba lần chuyển45 với mười hai hành tướng, nếu không sanh khởi mắt sáng, sanh khởi trí tuệ, sanh khởi sáng suốt, sanh khởi hiểu biết thì đối với chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn9 Bà-la-môn và các chúng nghe pháp, Ta không bao giờ được cho là đã giải thoát, đã ra khỏi, đã xa lìa, cũng không thể nào tự chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đối với bốn Thánh đế, Ta đã ba lần chuyển với mười hai hành tướng, sanh khởi mắt sáng, sanh khởi trí tuệ, sanh khởi sáng suốt, sanh khởi hiểu biết nên đối với chư Thiên, Ma, Phạm thiên, Sa-môn5 Bà-la-môn và các chúng nghe pháp, Ta được ra khỏi, được giải thoát, tự chứng đắc Vô thượng Chánh đang Chanh giác. Lúc The Tôn nói pháp này, Tôn giả Kiêu-trần-như và tám vạn chư thiên xa lìa trần cấu, được pháp nhãn tịnh. Bấy giờ, Phật bảo Tôn giả Kiêu-trần-như: —Thầy đã biết pháp chưa? Kiêu-trần-như bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, con đã biết!

Thế Tôn lại hỏi Tôn giả Kiêu-trần-như: Thầy đã biết pháp chưa?

Câu-lân46 bạch Phật: Bạch đấng Thiện Thệ, con đã biết!

45 Nguyên tác: Tam chuyển là thị chuyển ,khuyên chuyển và chứng chuyển . 4^Cau-lan íặgọi đủ là A-nhã Câu-lân ,Aññā Kondañña, cũng gọi là A-nhã Kiêu-trần-như l.



Vì Tôn giả Câu-lân đã biết pháp cho nên được gọi là A-nhã Câu-lân. Tôn giả A-nhã Câu-lân đã biết pháp, Địa thần cất tiếng tuyên bố: Thưa các Nhân giả! Đức Thế Tôn ngụ ở vườn Lộc Dã, trú xứ của Tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại, đã ba lần chuyển với mười hai hành tướng mà các Sa-môn, Bà-la-môn? chư Thiên, Ma vương và Phạm thiên chưa từng chuyển, đem lại nhiều lợi ích, đem lại nhiều an lạc, vì thương xót thế gian nên Ngài muốn đem lại lợi ích, làm an ổn cho trời và người, chúng cõi trời tăng thêm, chúng a-tu-la giảm bớt. Địa thần xướng lên như vậy rồi, vang vọng đến thiên thần giữa hư không, cối trời Tứ Thiên Vương, cõi trời Ba Mươi Ba, cõi trời Diệm-ma, cõi trời Đâu-

suất-d cõi trời Hóa Lạc, cõi trời Tha Hóa Tự Tại đều lần lượt xướng lên, chỉ trong khoảnh khắc, vang vọng đến cõi Phạm thiên. Cõi Phạm thiên nghe được âm thanh nên xướng lên như vậy: -Thưa các Nhân giả! Thế Tôn ngụ ở vườn Lộc Dã, trú xứ của Tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại, đã ba lần chuyển với mười hai hành tướng mà các Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên và những người nghe pháp khắp thế gian chưa từng được chuyển, đem lại nhiều lợi ích, đem lại nhiều an lạc, vì muốn đem lại lợi ích cho chư thiên và loài người, chúng cõi trời tăng thêm, chúng a-tu-la giảm bớt. Đức Thế Tôn chuyển pháp luân ở vườn Lộc Dã, trú xứ của Tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại, thế nên kinh này được gọi là Kinh chuyển pháp luân. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 380. BỐN THÁNH ĐẾ (l)47 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Lộc Dã? trú xứ của Tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Có bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Thánh đế về khổ, Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đế về khổ diệt và Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

47 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.380. 0104b01).



381. BỐN THÁNH ĐẾ 248 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Lộc Dã? trú xứ của Tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Có bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Thánh đế về khổ, Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đế về khổ diệt và Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt. Nếu Tỳ-kheo đối với bốn Thánh đế này mà chưa thông đạt49 thì phải nên tu tập để được thông đạt, thắng cầu hơn nữa,50*tinh tấn hơn nữa,51 chánh niệm tỉnh giác để được giác ngộ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 382. CÀN BIẾT, CÀN HIỂU THÁNH ĐẾ52 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Lộc Dã, trú xứ của Tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại. Bay giờ, The Ton bảo các Ty-kneo: —Có bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Thánh đế về khổ, Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đế về khổ diệt và Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt. Ty-kheo đối với Thánh đế về khổ cần phải biết, cần phải hiểu; đối với Thánh đế về nguyên nhân của khổ cần phải biết, cần phải đoạn trừ; đối với Thánh đế về khổ diệt cần phải biết, cần phải chứng đắc; đối với Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt cần phải biết, cần phải tu tập. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

48 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r02. 0099.381. 0104b06. 49 Nguyên tác: Vô gián đẳng .Xem chú thích 23, kinh số 105, quyển 5, tr. 135; Tạp.7.02. 0099.105. 0031C15  Nguyên tác: Khởi tăng g .Tăng thượng dùng như nghĩa tăng trưởng, P. bhāvitā, là được phát ưiển .Dục ở đây chỉ cho Cídục như ý túc”chandā iddhipādā, một ương "tứ như ý túc” Nguyên tác: Phương tiện kham năng .Phương tiên ,cổ dịch là sự nỗ lực, tinh cần yāyāma. 52 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.382. o 104b 13. Tham chiếu: s. 56.29 - v. 436.

383. ĐÃ BIẾT THÁNH ĐẾ53 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Lộc Dã, tru xứ của Tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Có bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Thánh đế về khổ, Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đế về khổ diệt và Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt. Nếu Tỳ-kheo nào đối với Thánh đế về khổ đã biết, đã hiểu; đối với Thánh đế về nguyên nhân của khổ đã biết, đã đoạn trừ; đối với Thanh đế về khổ diệt đã biết, đã chứng đắc; đối với Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt đã biết, đã tu tập; Tỳ-kheo như vậy chắc chắn đã đoạn trừ ái dục, dứt các kiết sử, diệt sạch ngã mạn, vượt thoát khổ đau.54 Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 384. ĐÃ HIỂU THÁNH ĐẾ55 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Lộc Dã? trú xứ của Tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Có bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Thánh đế về khổ, Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đế về khổ diệt và Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt. Nếu Tỳ-kheo nào đối với Thánh đế về khổ đã biết, đã hiểu; đối với Thánh đế về nguyên nhân của khổ đã biết, đã đoạn trừ; đối với Thanh đế về khổ diệt đã biết, đã chứng đắc; đối với Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt đã biết, đã tu tập; Tỳ-kheo như thế được gọi là bậc A-la-hán, đã dứt sạch phiền não, việc cần làm đã làm xong, lìa bỏ các gánh nặng, đem lại lợi ích cho mình, đoạn trừ các hữu kiết sử, thành tựu chánh trí và giải thoát hoàn toàn.56

53 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.383. 0104Ồ20). 54 Nguyên tác: Đoạn ái dục, chuyển khứ chư kết, ư mạn vô^gián đẳng, cứu cánh khổ biên ( ;;).Xem chú thích 60, kinh so23, quyên l, tr. 2l; Tạp.(r.02. 0099.23. 0005all). “ 55 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.384. 0104Ồ29). 56 Nguyên tác: Thiện giải thoát (suvimuttà). Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển l, tr. 19; Tạp.(7.02. 0099.22. 0004c20).



Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 385. PHẠM HẠNH VẸN TOÀN57 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Lộc Dã, trú xứ của Tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Có bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Thánh đế về khổ, Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đế về khổ diệt và Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt. Nếu Tỳ-kheo nào đối với Thánh đế về khổ đã biết, đã hiểu; đối với Thánh đế về nguyên nhân của khổ đã biết, đã đoạn trừ; đối với Thánh đế về khổ diệt đã biết, đã chứng đắc; đối với Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt đã biết, đã tu tập; Tỳ-kheo như thế đạt đến ệiải thoát rốt ráo, xa lìa tận cùng cấu nhiễm, Phạm hạnh tận cùng đã vẹn toàn, thuần nhất trong sạch, được gọi là bậc Thượng sĩ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 386. DƯNG NGỌN cờ THÁNH58 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Lộc Dã? trú xứ của Tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại. Bay giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Có bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Thánh đế về khổ, Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đế về khổ diệt và Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt. Nếu Tỳ-kheo nào đối với

Thánh đế về khổ đã biết, đã hiểu; đối với Thánh đế về nguyên nhân của khổ đã biết, đã đoạn trừ; đối với Thánh đế về khổ diệt đã biết, đã chứng đắc; đối với Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt đã biết, đã tu tập; Tỳ-kheo như thế thì không còn then cửa, san bằng thành hào, vượt các hiểm nạn, giải thoát buộc ràng, xứng gọi Hiền thánh, dựng ngọn cờ Thánh. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

57 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.O2. 0099.385. 0l04c09). 58 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7 02. 0099 386 0l04cl8).



387. BẬC HIỀN THÁNH59 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Lộc Dã, trú xứ của Tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại. Bay giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Có bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Thánh đế về khổ, Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đế về khổ diệt và Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt. Nếu Tỳ-kheo nào đối với Thánh đế về khổ đã biết, đã hiểu; đối với Thánh đế về nguyên nhân của khố đã biết, đã đoạn trừ; đối với Thánh đế về khổ diệt đã biết, đã chứng đắc; đối với Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt đã biết, đã tu tập; Tỳ-kheo như thế thì không còn then cửa, san bằng thành hào, vượt các hiểm nạn, giải thoát buộc ràng, xứng gọi Hiền thánh, dựng ngọn cờ Thánh. Này các Tỵ-kheo! Thế nào là không còn then cửa? Nghĩa là đã biết, đã đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, đó gọi là đã tháo bỏ then cửa. Thế nào là san bằng thành hào? Nghĩa là đã biết, đã đoạn trừ hào sâu vô minh, đó gọi là san bằng thành hào. Thế nào là vượt các hiểm nạn? Nệhĩa là đã giải thoát khỏi khổ sanh tử không bờ mé, đó gọi là vượt qua các hiêm nạn. Thế nào là giải thoát buộc ràng? Nghĩa là đã biết, đã đoạn trừ ái. Thế nào là dựng ngọn cờ Thánh? Nghĩa là đã biết, đã đoạn trừ ngã mạn, đó gọi là dựng ngọn cờ Thánh. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 388. BẬC THƯỢNG sĩ60 y Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Lộc Dã, trú xứ của Tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại. Bay giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Có bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Thánh đế về khổ, Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đế về khổ diệt và Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt. Nấu Tỳ-kheo đối với Thánh đế về khổ, đã biết, đã hiểu; đối với Thánh đế về nguyên nhân của khổ đã biết, đã đoạn trừ; đối với Thánh đế về khổ diệt đã

59 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.387. 0l04c27). 60 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.388. 0l05al3). Tham chiếu: Tạp.(Z02. 0099.71. 0018Ồ28); Tăng.(r02. 0125.52.7. 0826c19).



biết, đã chứng đắc; đối với Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt đã biết, đã tu tập, gọi là Tỳ-kheo đã đoạn trừ năm chi phần,61 thành tựu sáu phần,61 62 giữ gìn một,63 nương tựa nơi bốn/4*trừ bỏ tà kiến,65 xa lìa bốn chỗ thức trụ,66 chứng các thiền định,67 tự thân chứng đắc, tâm khéo giải thoát, tuệ khéo giải thoát, thuần nhất trong sạch, gọi là bậc Thượng sĩ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy

đêu hoan hỷ phụng hành. ***

389. BẬC ĐẠI Y VƯƠNG68 _ \ Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Lộc Dã, tru xứ của Tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại. Bây giờ, Thê Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Có bốn pháp, nếu thành tựu thì được gọi là bậc Đại y vương, đầy đủ các chức phận cần có của vi y vương. Những gì là bốn? Một là khéo biết bệnh; hai là khéo biết căn nguyên của bệnh; ba là khéo biết cách chữa trị bệnh; bốn là khéo biết trị lành bệnh để về sau bệnh không còn tái phát nữa.

61 Nguyên tác: Ngũ chi .Theo Tăng..02. 0125.52.7. 0827ạl4 chỉ cho 5 hạ phần kiết sử ĩ r :i Tham kiết ,ii Sân kiet ,iii Thân kiến kiết * iv Giới thủ kiết Nghi kiet  62 Nguyên tác: Thành lục phần .Theo Du^giả luận kỷ 42. 1828.22. 0807al2, đó là "thanh tựu lục niệm,,. 63 Nguyên tác: Hộ trì ư nhất .Quảng nghĩa pháp môn kỉnh roi. 0097. 0922all gọi là tnhật pháp thu h&” DỈỉ-già sư địa luân T.30. 157934. 0477a09 gọi là "nhất hướng thủ h0".Theo Quảng nghĩa pháp môn kinh roi. 0097. 0920c23, "thủ hộ,9 ở đây mang nghĩa giữ gìn các căn môn . Nguyên tác: Y ỷưtứ.Tạp. ér.02. 0099.71. 018b28 gọi là "y tứ chủng^ ; D. 34, Dasuttara Sựtta Kỉnh thập thượng ghi: Này các Hiền giả, the nao là VỊ Tỷ-kheo có thực hiện bốn y? Này các Hiền gia, vị Tỷ-lđieo sau khi suy tir, thọ dụng một pháp; sau khi suy tư, nhẫn thọ mọt pháp; sau khi suy tư, đoạn trừ một pháp; sau khi suy tư, tránh xa một pháp. Này các Hiền giả, như vậy là vị Tỷ-kheo thực ủiện bốn y HT. Thích Minh Châu dịch. Ngoài ra, “tứ y chủng^, con được Tứ phần lượt 7.22. 1428.58. 10Ọlc09 gọi ià tứ y chi”lí, tứcbiết đu ve y phục, vê thức ăn, vê vật dụng năm, ngồi và về thuốc thang trị bệnh.  Nguyen tác: Xả ừừ chư dế .Thập thượngkịnh±Lroi. 0001.10. 0057Ồ01 ghi là "diệt di dế”, nghĩa pháp môn kinh roi] 0097. 0922allgọi là "nhất đế thiên chấp"tức là sự buông bỏ sự chấp giữ quan điểm thiên kiến. 66 Nguyên tác: Tứ cù ,nghĩa đen là 4con đường lớn. Theo Du-già sư địa luận r.30. 1579.84. 0769a05, chỉ cho 4 nơi thức tỊự .Bôn nơi thức trụ được Chủng tập kỉnh 01. 0001.09. 0051a20 giải thích: :  < s, Bôn trú xứ của thức: Săc là trú xứ thức, duyên săc, trú nơi sác, săc và ái cùng tăng trưởng. ThọA thức, tưởng thức và hành thức cũng như vậy. Tạp.T.02. 0099.39. 0009a08 cũng giải thích tương đồng. 67 Nguyên tác: Chứng chư giác tưởng Chứng nhập các thiền định. t4Giác tưởng”, Sn. 151, kệ 777 ghi là sato, n^iĩa là giác tri/Tham chiếu: Nghĩa túc kinh T.Ò4. 0198.J. 0176b09 ghi la ugiác tưởng quán độ hai”.ở nghĩa chung nhất, chính là sự trầm tư thiền định. J 68 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r02. 0099.389. 0105a24. Tham chiếu: Y dụ kinh  T.04. 0219.0802al6.

QUYỀN 15  447

Thế nào gọi là thầy thuốc khéo biết bệnh? Nghĩa là thầy thuốc biết rành rẽ các thứ bệnh như vậy như vậy, đây gọi là lương y khéo biết bệnh. Thế nào là thầy thuốc khéo biết căn nguyên của bệnh? Nghĩa là thầy thuốc biết rõ bệnh này phát khởi là do gió, phát khởi do đàm âm9 phát khởi do mũi dãi, phát khởi do khí lạnh, phát khởi do các sự

việc hiện tại, phát khởi do thời tiết. Đó gọi là thầy thuốc khéo biết căn nguyên của bệnh. Thế nào là thầy thuốc khéo biết cách chữa trị bệnh? Nghĩa là thầy thuốc biết rõ các thứ bệnh nên thoa thuốc, cần phải nôn, cần phải xổ9 cần phải nhỏ mũi, cần phải xông, cần phải ra mồ hôi. Với các cách chữa trị như thế nên gọi là thầy thuốc khéo biết cách trị bệnh. Thế nào là thầy thuốc khéo biết trị lành bệnh để về sau bệnh không còn tái phát nữa? Nghĩa là thầy thuốc chữa trị tất cả các bệiýi, khiến đều lành hẳn, để về sau bệnh không bao giờ tái phát nữa, đó gọi là thầy thuốc khéo biết trị lành bệnh, không còn tái phát nữa. Như Lai, bậc ứng Cúng,69 Giác Ngộ Viên Mãn là bậc Đại Y Vương cũng như thế, thành tựu bốn dức, chữa lành bệnh cho chúng sanh. Là bốn đức nào? Đó là, Như Lai biết: "Đay là Thánh đế về khổ, đã biết như thật; đây là Thánh đế về nguyên nhân của khổ, đã biết như thật; đây là Thánh đế về khổ diệt, đã biết như thật; đây là Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt, đã biết như that.59 Này các Tỳ-kheo! Các thầy thuốc ở thế gian không biết như thật cách đối trị đối với cội gốc của sanh, không biết như thật cách đối tri đối với cội gốc của già, bệnh, chết, lo, buồn, đau khổ, phiền não; còn Như Lai, bậc ứng Cúng, Giác Ngộ Viên Mãn là bậc Đại Y Vương, biết như thật cách đối trị đối vơi cội gốc của sanh, biết như thật cách đối trị đối với cội gốc của già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não. Thế nên, Như Lai, bậc ứng Cúng, Giác Ngộ Viên Mãn được gọi là bậc Đại Y Vương. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 390. SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN70 Tôi nghe như vây: Một thòi, đức Phật ngụ tại vườn Lộc D,trú xứ của Tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại.

69 Nguyên tác: ứng (). 70 Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.390. 0105b21). Tham chiếu: s. 56.5 - v. 416; S. 56.6 - V 417; 's. 56.22 -V. 431.



Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Nếu các Sa-môn, Ba-la-mon nào không biết như thật Thánh đế về khổ, không biết như thật Thánh đế về nguyên nhân của khổ, không biết như thật Thánh đế về khổ diệt, không biết như thật Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt thì vi ấy chẳng phải là Sa-môn của hàng Sa-môn5 chẳng phải Bà-la-môn của hàng Bà-la-môn. Họ cũng không đạt được mục đích của Sa-môn9 của Bà- la-môn để tự biết, tự ngộ trong đời hiện tại rằng: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Nếu Sa-mon, Bà-la-môn nào biết như thật Thánh đế về khổ này, biết như thật Thánh đế về nguyên nhân của khổ này, biết như thật Thánh đế về khổ diệt này, biết như thật Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt này, nên biết Sa- môn? Bà-la-môn ấy chính là Sa-môn của hàng Sa-môn, Bà-la-môn của hàng Bà-la-môn. Đoi với mục đích của Sa-môn, Bà-la-môn họ đã tự biết, tự ngộ trong đời hiện tại, rằng: “Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Thế nên, này các Tỳ-kheo! Đe giác ngộ71 đối với bốn Thánh đế, phải phát khởi ước muốn tăng thượng, siêng năng kham nhẫn, tinh tấn tu học. Những gì là bốn? Đó là Thánh đế về khổ, Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đe về khổ diệt và Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 391. PHI SA-MÔN, PHI BÀ-LA-MÔN72 Tôi nghe như vây:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Lộc Dã, trú xứ của Tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại. Bay giơ, The Ton bảo các Tỳ-kheo: (Nói đầy đủ như trên, chỉ có khác biệt lả): "Nếu không biết như thật đối với bốn Thánh đế5 nên biết Sa-môn ấy chẳng thuộc hàng Sam6n, Bà-la-môn ấy chẳng thuộc hàng Bà-la-môn. Nếu biết như thật đối với bốn Thánh đế thì người ấy mới thuộc hàng Sa-môn9 thuộc hàng Bàla-m6n." (Cho đến) Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

71 Nguyên tác: Vô gián đẳng ().Xem chú thích 60, kinh số 23, quyển l, tr. 21; Tạp.(r02. 0099.23. 0005all). 72 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.391. 0105c09). Tham chiếu: s. 56.5 - v. 416; S. 56.6-V. 417; S. 56.22 -V. 431.



392. BIÊT NHU THẬT7374 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Lộc Dã, trú xứ của Tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Nếu Sa-môn hay Bà-la-môn nào không biết như thật Thánh đế về khổ, không biết như thật Thánh đế về nguyên nhân của khổ, không biết như thật Thánh đế về khổ diệt, không biết như thật Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt, nên biết Sa-môn hay Bà-la-môn ấy không giải thoát khỏi khổ. Nêu Sa-môn hay Ba-la-môn nào biết như thật Thánh đế về khổ, biết như thật đối với Thánh đế về nguyên nhân của khổ, biết như thật đối với Thánh đế về khổ diệt, biết như thật đối với Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt, nên biết Sa-môn hay Bà-la-môn ấy giải thoát khỏi khổ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Như đối với khổ không giải thoát và giải thoát, Cũng như thêf xả bỏ đường ác, không giải thoát và giải thoát; CÓ xả giới thoái giảm hay không xả giới thoải giảm. \ \

Tự cho răng mình đã tự chứng được pháp hơn người, không tự cho răng mình chứng được pháp hơn người. Có thể cầu ruộng phước tốt lành ngoài những điều này, không thể cầu ruộng phước tốt lành ngoài những điều này. Có thể cầu bậc Đại sư ngoài những điều này, không thể cầu bậc Đại sư ngoài những điều này. Không thể vượt qua khổ, cũng có thể vượt qua khổ. ọ ~ 9 9 ~ 9

Không thê kham nhân vượt thoát khô, có thê kham nhân vượt thoát khô. Các kỉnh trên đêu lặp lại như thê, kê tiêp băng kệ tụng: Nếu chẳng biết về khổ, Nguyên nhân các khổ kia, Và tất cả pháp khổ, Đều diệt sạch hoàn toàn. Cũng không biết con đường/74 Tư duy tất cả khổ, Tâm giải thoát khỏi khổ, Tuệ giải thoát cũng thế, Thì không thể thoát khổ, Khiến khổ hết hoàn toàn. Nếu như thật biết khổ, Biết nguyên nhân của khổ, Và tất cả các khổ, Diệt sạch hết, chẳng còn. Nếu lại biết như thật, Con đường dứt các khổ,

73 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.392. 0105cl5). Tham chiếu: s. 56.22 - v. 431. 74 Nguyên tác: Đạo tích ().



Tâm giải thoát75 ươn vẹn, Tuệ giải thoát cũng thế, Có thể vượt các khổ, Được giải thoát rốt ráo. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 393. THIỆN NAM TỬ76 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn

Lộc Dã, trú xứ của Tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại. Bây giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Nếu người thiện nam nào có lòng tin chân chánh, lìa xa gia đình, xuất gia học đạo thì tất cả những thiện nam ấy đều phải biết pháp bốn Thánh đế. Nhữn^ gì là bốn? Đó là biết Thánh đế về khổ, biết Thánh đế ve nguyên nhân của khổ, biết Thánh đế về khổ diệt và biết Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Nếu chưa giác ngộ77 đối với bốn Thánh đế này thì phải siêng năng tinh tấn tu tập để được giác ngộ. Cũng như chương cú này, tát cả các kỉnh vê bôn Thánh đê đêu nói đây đủ như thế, Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Biết như thế, thấy như thếf giác ngộ như thế cũng đều nói đầy đủ như vậy. Lại nữa, đoạn tận ba kiết sử, đắc quả Tu-đà-hoàn, tất cả đều phải biết về bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là biết Thánh đế về khổ, biết Thánh đế về nguyên nhân của khổ, biết Thánh đế về khổ diệt và biết Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt. Nên biết như thế, nên thấy như thế, giác ngộ như thếf cũng đều nói như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Nếu đoạn tận ba kiết sử, giảm thiểu tham, sân78 và si, chứng đắc Tư-đà-hàm thì vị ấy đều biết như thật đối với tất cả bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là biết Thánh đế về khổ, biết Thánh đế về nguyên nhân của khổ, biết Thánh đế về khổ diệt và biết Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt. Nên biết như thế, nên thấy như thế, giác ngộ như thế cũng đều nói như vậy.

75 Nguyên tác: Ý giải thoát .

76 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.393. 0106al6. Tham chiếu: s. 56.3 - v. 415;

5. 56.4-V. 415.

77 Nguyên tác: Vô gián đẳng .Xem chú thích 60, kinh số 23, quyển l, tr. 21; Tạp.T.02.

0099.23.0005all.

78 Nguyên tác: Khuê .

QUYÊN 15  451

Đoạn tận năm hạ phần kiết sử, chứng Sanh Bát-niết-bàn, đắc A-na-hàm? không trở lại thế gian này nữa, vị ấy biết rõ tất cả bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Biết Thánh đế về khổ, biết Thánh đế về nguyên nhân của khổ, biết Thánh đế về khổ diệt và biết Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt. Biết như thế, thấy như thế, giác ngộ như thế cũng đều nói như vây. Nếu đoạn tận tất cả phiền não thì thành tựu tâm vô lậu giải thoát, được tuệ giải thoát, tự thân tác chứng ngay trong hiện tại: “Sịt sanh ta đã cham dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Vị ấy biết tất cả bốn Thánh đế. Những gì la bốn? Đó là biết Thánh đế về khổ, biết Thánh đế về nguyên nhân của khổ, biết Thánh đế về khổ diệt và biết Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt. Biêt như thêf thây như thê, giác ngộ như thê cũng đêu nói như vậy. Nếu chứng đắc quả vị Độc giác là do vị ấy biết tất cả bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là biết Thánh đế về khổ, biết Thánh đế về nguyên nhân của khổ, biết Thánh đế về khổ diệt và biết Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt. Biêt như thê, thây như thêf

giác ngộ như thê cũng đêu nói như vậy. Nếu chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là do vị ấy biết tất cả bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là biết Thánh đế về khổ, biết Thánh đế về nguyên nhân của khổ, biết Thánh đế về khổ diệt và biết Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt. Biết như thếf thấy như thế, giác ngộ như thế cũng đều nói như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 394. TƯỚNG HỪNG ĐÔNG79 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Lộc Dã, trú xứ của Tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại. Bây giờ, Thê Tôn bao các Tỳ-kheo: -Ví như mặt trời mọc thì hừng đông80 xuất hiện trước; cũng thế, khi đoạn tận khổ hoàn toàn81 thì cũng có tướng khởi lên trước, đó là biết bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Biết Thánh đế về khổ, biết Thánh đế về nguyên nhân của khổ, biết Thánh đế về khổ diệt và biết Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt.

79 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.02. 0099.394. 0106b24. Tham chiếu: s. 56.37 - v. 442. 80 Nguyên tác: Minh tướng arund'. Tướng ánh sáng, tức hừng đông. 81 Nguyên tác: Chánh tận khổ .Chánh samma vừa mang nghĩa là chính xác, đúng vừa mang nghĩa là toàn diện, hết thay.



Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đêu hoan hỷ phụng hành. Biết như thế, thấy như thế, giác ngộS2 như thế cũng nói như vậy. ***

395. ÁNH SÁNG VÀ THÁNH ĐẾ82 8384 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Lộc Dã, tru xứ của Tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại. r _ r Bây giờ, The Ton bao các Ty-kheo: -Nếu mặt trời, mặt trăng không xuất hiện ở thế gian, tất cả các vì sao cũng không xuất hiện ở thế gian thì ngày đêm, nửa tháng, một tháng, thời tiết, năm tháng, thời khắc, chốc lát, tất cả đều không xuất hiện; thế gian sẽ luôn luôn tối tăm? không có ánh sáng mà chỉ có đêm dài; toàn bộ là sự đau khổ tối tăm lớn xuất hiện ở thế gian. Nếu khi Như Lai, bậc ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác không xuất hiện ở thế gian, không giảng nói Thánh đế về khổ, Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đế về khổ diệt và Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt, tức bốn Thánh đế không xuất hiện ở thế gian thì thế gian này sẽ mù tối5 không có ánh sáng chiêu rọi, đêm dài như thê; toàn bộ là bóng tôi lớn trùm kháp thê gian. Nêu mặt trời, mặt trăng xuât hiện ở thê gian, các vì sao cũng xuât hiện thì ngày, đêm, nửa tháng, một tháng, thời tiết, năm tháng, thời khắc, chốc lát, tất cả đều xuất hiện ở thế gian; đêm dài sẽ có ánh sáng xuất hiện, chiếu soi ở thế gian. Cũng thế, Như Lai, bậc ứng Cúng,M Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian giảng nói Thánh đế về khổ, Thánh đế về nguyên nhan của khổ, Thánh đế về khổ diệt và Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt. Bốn Thánh đế xuất hiện thì thế , r r •«. gian không còn tôi tăm, đêm dài được soi sáng, toàn là trí tuệ xuât hiện ở thê gian. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

396. CHỨNG TU-ĐÀ-HOÀN85

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Lộc Dã, trủ xứ của Tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại.

82 Nguyên tác: Vô gián đẳng ().Xem chú thích 60, kinh số 23, quyển l, tr. 21; Tạp.(r02. 0099.23. 0005all). 83 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.395. 0106c02). Tham chiếu: s. 56.38 . v. 442. 84 Nguyên tác: ứng (). 85 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.396. 0106c18).

QUYỂN 15  453

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: —Ví như mặt trời xuất hiện, vận hành giữa hư không, J>há tan các sự tối tăm, ánh sánệ chiếu soi rực rỡ. Cũng vậy, vị Thánh đệ tử đối với các pháp tập khởi, tát cả đêu đã diệt trừ, xa lìa các phiền não, sanh khởi pháp nhãn cùng với sự thông đạt nên đoạn trừ ba kiết sử? đó là thân kiến, giới thủ và nghi. Đoạn trừ sạch ba kiết sử này gọi là bậc Tu-đà-hoàn, không còn rơi vào cõi xấu ác, chắc chan86 hướng đen Chánh giác,87 còn bảy lần qua lại cõi trời, cõi người là vượt thoát khỏi khổ. Vi Thánh đệ tử ấy ở khoảng giữa tuy có khởi lên lo buồn, đau khổ nhưng vi Thánh đệ tử ấy đã lìa tham dục và pháp bất thiện, có giác có quán, do lìa dục sanh hỷ lạc, chứng đắc và an trụ Sơ thiền nên vị Thánh đệ tử ấy không còn một pháp nào mà không đoạn trừ, có thê khiên sanh trở lại cõi đời này. Vị Thánh đệ tử như thế là thành tựu ý nghĩa lớn của việc chứng đắc pháp nhãn. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Nếu người nào chưa giác ngộ88 đối với bốn Thánh đế thì phải nỗ lực tinh tấn, phát khởi ước muốn tăng thượng, siêng năng tu tập. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 397. THẺ NHẬP CHÂN LÝ89 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Lộc Dã, trú xứ của Tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo:  Nếu nói như vầy: 'Tôi chưa giác ngộ90 đối với Thánh đế về khổ, chưa giác ngộ đối với Thánh đế về nguyên nhân của khổ, chưa giác ngộ đối với Thánh đế về khổ diệt mà nói tôi sẽ giác ngộ đối với Thánh đế về con đường đưa đến khổ diet" thì lời nói này không đúng. Vì sao như vậy? Vì điều ấy không the xảy ra. Nếu chưa giác ngộ đối với Thánh đế về khổ, Thánh đế về nguyên nhan của khổ, cũng chưa giác ngO đối với Thánh đế về khổ diệt mà nói: "Tôi muốn giác ngộ đối với Thánh đe về con đường đưa đến khổ diet", điều này không the xảy ra.

86 Nguyên tác: Tất định . 87 Nguyên tác: Chánh giác thú . 88 Nguyên tác: Vô gián d3ng .Xem chú thích 60, kinh số 23, quyển l, tr. 21; Tạp.r02. 0099.23. 0005all. 89 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.7.02. 0099.397. 0107a03. Tham chiếu: s. 56.32 - v. 438. 90 Nguyên tác: Vô gián dẳng .Xem chú thích 60, kinh số 23, quyển l, tr. 21; Tạp.T.02. 0099.23.0005all. J

454  KINH TẠPA-HÀM

Ví như có người nói: :T6i muốn lấy lá khư-đề-la91 kết lại làm vật dụng đựng nước để mang di", điều này không thể xảy ra. Vì sao như vậy? Vì không có lẽ ấy. Cũng vậy, nếu nói như vầy: "Tôi chưa giác ngộ đối với Thánh đế về khổ, Thánh đế về nguyên nhân của khổ, cũng chưa giác ngộ đối với Thánh đế vê khô diệt, lại muôn được giác ngộ đôi với Thánh đê vê con đường đưa đên khổ diet", điều này không thể xảy ra. Nếu lại có người nói: "Tôi đã giác ngộ đối với Thánh đế về khổ, Thánh đế về nguyên nhân của khổ và đã giác ngộ đối với Thánh đế về khổ diệt, lại nữa, đã giác ngộ đối với Thánh đế về

con đường đưa đến khổ diet", đây là lời nói khéo léo. Vì sao như vậy? Vì điều này có thể xảy ra. Nếu đã giác ngộ đối với Thánh đế về khổ, Thánh đế về nguyên nhân của khổ và Thánh đế về khổ diệt rồi, lại muốn giác ngộ đối với Thánh đế về con r 7 \ 9 đường đưa đên khô diệt, điêu này có thê xảy ra. Ví như có người nói: "Tôi lấy lá hoa sen lớn,92 lá dây ma-lâu-ca93 kết lại thành vật dụng để đựng nước đem di." Đây là lời nói khéo léo. Vì sao như vậy? Vì điều này có thể xảy ra. Cũng như thế, nếu nói rằng: "Tôi đã giác ngộ đối với Thánh đế về khổ, Thánh đế về nguyên nhân của khổ và đã giác ngộ đối với Thánh đế về khổ diệt rồi, lại muốn giác ngộ đối với Thánh đế về con đường đưa đến khổ diet." Đây là lời nói khéo léo. Vì sao như vậy? Vì điều này có thể xảy ra. Nếu đã giác ngộ đối với Thánh đế về khổ, Thánh đế về nguyên nhân của khổ và đã giác ngộ đối với Thánh đế về khổ diệt rồi, lại muốn giác ngộ đối với Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt, điều này có thể xảy ra. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

398. TRỤ NHÂN-ĐÀ-LA94

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Lộc Dã? trú xứ của Tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại.

91 Nguyên tác: Khư-đề-la ,cũng gọi là khư-để-la-ca l một loài cây thân mộc thuộc họ lá kim, có mặt trong cô thư Ayurveda, gọi là khadira, tên thông dụng là cây keo cao, có tên khoa học là Acacia Catechu. 92 Nguyên tác: Đàm-ma gọi đủ là bát-đàm-ma paduma: Hoa sen. Xem Tạp.7.02. 0099.103. 0030b13. 93 Nguyên tác: Ma-lâu-ca ,còn có tên là ma-lỗ-ca, ma-lợi-ca mālikā hoặc là māluvā, một loại thực vật dây leo. 94 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.398. 0107a28. Tham chiếu: s. 56.39 - v. 443.

QUYỂN 15  455

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Như một miếng bông gòn nhỏ hay miếng bông kiếp-bối95 đặt ở ngã tư đường, gió bốn phương thổi về hướng nào thì bông sẽ theo chiều gió mà bay về hướng đó. Cũng vậy, nếu Sa-môn hay Bà-la-môn nào khônệ biết như thật đối với Thánh đế về kho, khôriệ biết như thật đối với Thánh đế ve nguyên nhân của khổ, không biết như thật đoi với Thánh đế về khổ diệt, không biết như thật đối với Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt, nên biết Sa-môn hay Bà-la-môn ấy thường nhìn mặt người,96 thường nói theo người. Vì không biết như thật nên nghe theo người khác nói, hướng theo lời nói ấy mà vâng làm, nên biết người ấy đời trước không tu tập trí tuệ. Ví như cột trụ nhân-đà-la97 được làm bằng đồng, bằng sắt, được cắm sâu xuồng đát, gió mạnh bôn phía cũng không thê làm lay động. Cũng vậy, nêu Sa-môn hay Bà-la-môn nào biết như thật đối với Thánh đế về khổ, biêt như thật đối với Thánh đế về nguyên nhân của khổ, biết như thật đối với Thánh đế về khổ diệt, biết như thật con đường đưa đến khổ diệt, nên biết Sa-môn hay Bà-la-môn này chẳng nhìn mặt người, chẳng nói theo nguôi. Vì Sa-môn hay Bà-la-môn này là người có trí tuệ kiên cố, von dĩ người ấy vâng theo sự tu tập chứ không nghe theo lời nói của người. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Đối với bốn Thánh đế phải nên siêng năng, phải thắng cầu hơn nữa,

tinh tấn tu học. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

399. TRỤ ĐÁ98 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Lộc Dã, tru xứ của Tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Ví như trụ đá cao mười sáu khuỷu tay, được căm xuống đát sâu tám khuỷu tay, dù gió thổi bốn phía cũng không thể làm lay động. Cũng vậy, Sa-môn, Bà- la-mon nào biết như thật đối với Thánh đế về khổ, biết như thật đối với Thánh đế về nguyên nhân của khổ, biết như thật đối với Thánh đế về khổ diệt, biết như

95 Nguyên tác: Kiếp-bối ,kappāsi: Cây bông vải. 96 Nguyên tác: Thường quán tha diện :Nhìn sắc mặt người để đoán ý của họ. Tham chiếu: Du-gia sư địa luân a.3S. 1579Ĭ86. 0778c22: Trong 10 điều lợi ích khi chứng đắc pháp nhãn, điều thứ tám là9không nhìn mặt người, không xem miệng họ. Khịở ương giáo pháp này, mọi luận thuyết đều không thể tác ẫộng ỈE. Theo S.
56.39 - v. 443: Mukharn uỉokentỉ ngước nhìn mặt. 97 Nguyên tác: Nhân-đà-la trụ indakhīlo: Trụ đá thường dựng trước cổng nhà, trước cổng thành phố hay trước cổng thanh. 98 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.399. o 107b 16. Tham chiếu: s. 56.40 - v. 445.



thật con đường đưa đến khổ diệt thì những Sa-môn, Bà-la-môn ấy dù đi khắp nơi tranh luận cũng không bị ai khuất phục. Ngược lại, tâm giải thoát, tuệ giải thoát của vị ấy còn có thê khiến Sa-môn5 Bà-la-môn khác sanh khởi lo lăng, đau khổ. Như vậy, biết như thật, thấy như thật đều là do sự tích tập ở đời trước, khiến trí tuệ không thể nào dao động. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Đối với bốn Thánh đế phải nên siêng năng, phải thăng câu hơn nữa, tinh tân tu học. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 400. LỬA CHÁY TRÊN ĐẦU" Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Lộc Dã, trú xứ của Tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại. Bây giơ, Thê Tôn bao các Tỳ-kheo: Ví rứiư có người bị lửa đốt cháy đầu và áoliền khởi ý muốn mãnh liệt, gấp rút để dập lửa. Phật dạy các Tỳ-kheo: -Chớ nên nói như vầy: "Nên để đầu và áo như th§." Đối với bốn Thánh đế, phải thắng cầu hơn nữa, siêng năng tinh tấn, tu tập để giác ngộ.99 100 101 Những gì la bốn? Đó là Thánh đế về khổ, Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đế về khổ diệt và Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt mà chưa thông đạt thì phải siêng năng tinh tấn, tu tập để giác ngộ. Vì sao như vậy? Này các Tỳ-kheo! Vì chúng sanh ở trong địa ngục, súc sanh, nga quỷ, luôn bị thiêu đốt nhưng các Tỳ-kheo lại không thấy được sự khổ đau cùng cực ấy. Nếu đối với Thánh đế về khổ, Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đế về khổ diệt và Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt mà chưa giác ngộ, Tỳ-kheo phải nên kham nhẫn khổ, lạc, ưu, bi; đối với bốn Thánh đế cần càng gắng sức siêng năng tinh tấn, tu tập để giác ngộ, nên học tập như thế. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

99 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.400. 0107b27). Tham chiếu: s. 56.34 - v. 440. 100 Nguyên tác: Hỏa thiêu đầu y ().Trụ pháp kỉnh (01. 0026.95. 0577c01) ghi là hỏa "thiêu đầu thiêu y"(). J 101 Nguyên tác: Vô gián đẳng ().Xem chú thích 60, kinh số 23, quyển l, tr. 21; Tạp.(T.02. 009923.0005all).

QUYỂN 15 > 457

401. MÔT TRĂM MŨI THƯƠNG102

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ trong vườn Lộc Dã, trú xứ của Tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Ví như có người sống lâu trăm tuổi và có một người khác đến nói với người ây răng: “Ong muôn nghe pháp thì môi ngày phải chịu khô ở cả ba thời: Sáng sớm phải chịu khổ với một trăm mũi thương đâm vào thân; buổi trưa, buổi chiều cũng giống như thế. Mỗi ngày phải chịu ba trăm mũi thương đâm vào thân thể, từng ngày như vậy mãi cho đến trăm năm, sau đó mới nghe pháp rồi được giác ngộ.103 Ông có thể chịu được kh6ng?" Bấy giờ, người kia vì muốn nghe pháp nên có thể chịu đựng được mọi nỗi đau khô. Vì sao như vậy? Bởi vì đã sanh làm người trong thê gian thì phải luồn chịu khổ, lúc thì sống ở địa ngục, khi thì làm súc sanh, khi thì sống trong loài nga quỷ. ở trong ba đường ác luôn phải chịu khổ đau mà lại còn không được nghe pháp. Vì vậy, ngày nay, người ấy vì muốn thành tựu sự giác ngộ nên không cảm thấy việc phải chịu khổ với ba trăm mũi thương đâm vào thân là cái khổ to lớn, dù phải chấp nhận suốt cả cuộc đời. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Nếu người nào chưa giác ngộ đối với bốn Thánh đế thì phải nỗ lực tinh tấn, phát khởi ước muốn tăng thượng, tu tập để giác ngộ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 402. GIÁC NGÔ HOÀN TOÀN104 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ trong vườn Lộc Dã, trú xứ của Tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Do giác ngộ hoàn toàn105 về bốn Thánh đế nên được tôn xưng là Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Bốn Thánh đế là gì? Đó là Thánh đế về khổ, Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đế về khổ diệt và Thánh đế về con

102 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.401. 0107cll. Tham chiếu: s. 56.35 - v. 440. 103 Nguyên tác: Vô gián đẳng .Xem chú thích 23, kinh số 105, quyển 5, tr. 135; Tạp.r02. 00965 0031 cl5% 104 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r02. 0099.402. 0107c25. Tham chiếu: s. 56.23-24 - v. 433. 105 Nguyên tác: Bình đẳng Chánh giác ,Sammāsambuddhā. Sammā'. Đúng, chính xác, toàn diện. Sambuddhā'. Giác ngộ hoàn toàn.



đường đưa đến khổ diệt.106 Do chân chánh giác ngộ hoàn toàn về bốn Thánh đế nên được tôn xưng là Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Nấu người nào chưa giác ngộ107 đối với bốn Thánh đế thì phải nỗ lực tinh tấn, phát khởi ước muốn tăng thượng, tu tập đê giác ngộ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

403. THÔNG ĐẠT THÁNH ĐỂ108 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa trong nhân gian tại nước Ma-kiệt-đà. Giữa thành Vương Xá109 và thành Ba-la-lợi-phất110 có một xóm Rừng Trúc.111 Tại dây, vua cho xây dựng một ngôi nhà phúc đức.112 Khi ấy, Thế Tôn cùng với đại chúng nghỉ đêm trong ngôi nhà này. •_ Ạ r 9 _ FT'*! Ạ nn _ _ FT^_\ 1 _ Bây giờ, Thê Tôn bảo các Ty-kheo: Ta và các thầy vì không nhận biết, không thấy rõ? không giác ngộ,113 không quán triệt114 về bốn Thánh đế nên mới rong ruổi lâu dài ở trong sanh tử. Bốn Thánh đế là những Đó là Thánh đế về khổ, Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đế về kho diệt và Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt. Ta và các thầy vì không nhận biết, không thấy rõ, không giác ngộ, không quán triệt về bốn Thánh đế nên mới rong ruổi lâu dài ở trong sanh tử. Nay Như Lai và các thầy đã nhận biết, đã thấy rõ đối với Thánh đế về khổ cho nên chặt đứt các dòng hữu,115 châm dứt sanh tử, không thọ thân sau; với Thanh đê ve nguyên nhân cua khô, Thanh đe ve khô diệt va Thánh đê

106 Nguyên tác: Khổ diệt đạo tích Thánh đế . 107 Nguyên tác: Vô gián đẳng .Xem chú thích 23, kinh số 105, quyển 5, tr. 135; Tạp.T.02. 009ST105.0031C15. ' 108 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.403. 0108a04. Tham chiếu: Tăng.7.02. 0125.25.1. 063la07; 5. 56.21 - V. 431. 109 Vương X9 :Rājagaha. 110 Ba-la-lợi-phất ,Pātaliputta. Thành này do hai vị đại thần của nước Makiệt-đà tên là Vassakara và Sunidha xây dựng. Theo D. 16, Mahāparinibbāna Sutta Kinh Đại Bắt-nỉết-bàrì. 111 Nguyên tác: Trúc Lâm tụ lạc ,Kotigāma. 112 Phúc đức xá .Bấy giờ, nước Câu-tát-la không có Tăng-già-lam và nhà nghỉ chân. Có một cư sĩ vì muốn làm phúc nên dựng chỗ trú chân và chuẩn bị các thưc ăn uống cúng dương chúng Tăng qua lại. Vị này chỉ cúng một bữa ăn và ^giúp cho nghỉ một đêm, chứ không thể cúng nhiều. Vì phúc đức mà dựng nhà, nên các Luật tạng đêu gọi là nhà phúc đức. Theo Tứ phần luật danh nghĩa tiêu thích A44. 0744.13. 0502b06. Kinh s. 1.33 - L 20 chi gọi là upassaya,ỉả chỗ ở, nơi cư ngụ. 113 Nguyên tác: Vô tùy thuận giác ananubodhā'. Chưa được giác ngộ một cách phù hợp, chưa được giác tri, liêu giải chính xác. 114 Nguyên tác: Vô tùy thuận thọ appativedhà'. Chưa quán triệt, chưa thông đạt. 115 Nguyên tác: Hữu lưu bhavogho: Dòng xoáy của hữu.



về con đường đưa đến khổ diệt cũng đã nhận biết, đã thấy rố? cho nên chặt đứt các dòng hữu, chấm dứt sanh tử, không thọ thân sau. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Nếu người nào chưa giác ngộ116 đối với bốn Thánh đế thì phải nỗ lực tinh tấn, phát khởi ước muốn tăng thượng, tu tập để giác ngộ. Khi áy, The Ton liên nói kê: Ta cùng với các thay, Mãi nổi trôi sanh tử, Do không thấy Thánh dế, Nên khô ngày càng tăng. Nếu thấy rõ Thánh đế, Sẽ dứt các dòng hữu, Sanh tử trừ sạch roi, Không còn thọ sanh nữa. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

404. RỪNG THÂN-THỨ117 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa trong nhân gian tại nước Ma-kiệt-đà. Giữa thành Vương Xá và thành Ba-la-lợi-phất có một xóm Rừng Trúc. Tại đây? vua cho xây dựng một ngôi nhà phúc đức. Khi ấy, Thế Tôn cùng với đại chúng nghỉ đêm trong ngôi nhà này. Bấy giờ, đức Phật bảo các Tỳ-kheo: - Các

thầy hãy cùng Như Lai đi đến rừng Thân-thứ.118 Thế rồi; Thế Ton cùng đại chúng đi đến ròng Thân-thứ rồi ngồi bên gốc cây. Khi đó, Thế Tôn cầm một nắm lá trên tay rồi hỏi các Tỳ-kheo:  Nắm lá trong tay Như Lai nhiều hơn hay lá trong rừng nhiều hơn?

Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Thưa Thế Tôn! Nắm lá trong tay Thế Tôn rất ít, còn lá cây trong rừng thì nhiều vô kể, gấp trăm, ngàn, vạn, ức lần, cho dù tính toán thí dụ cũng không 9 thê nào so sánh.  Cũng vậy, này các Tỳ-kheo! Khi Như Lai thành Đẳng Chánh Giác, những pháp mà Như Lai tự mình thấu đạt rồi giảng nói cho người thì chỉ như lá trong tay. Vì sao như vậy? Bởi vì những pháp ấy đem đến lợi ích về ý nghĩa, lợi ích về pháp, lợi ích về Phạm hạnh, thành tựu minh tuệ,119 hướng đến Niết-bàn.

116 Nguyên tác: Vô gián đẳng .Xem chú thích 23, kinh số 105, quyển 5, ư. 135; Tạp.T.02. 0099.105. 003 le 15. 117 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.404. 0108a24. Tham chiếu: s. 56.31 - v. 437. 118 Nguyên tác: Thân-thứr lâm ,còn gọijà Thân-thứ-ba lâip ,Simsapāvand'. Rừng cây Simsapā gỗ hồng Bắc Ấn Độ, câm lai Băc Ấn Độ, hông mộc An Độ. 119 Nguyên tác: Minh tuệ chánh giác .Chánh giác ,Sambuddhā'. Giác ngộ hoàn toàn.



Còn Chánh pháp mà Như Lai tự mình thấu đạt khi thành Đẳng Chánh Giác, nhưng không giảng nói cho người thì lại nhiều vô số như lá cây trong rừng. Vì sao Như Lai không giảng nói? Bởi vì những pháp ấy không đem đến lợi ích về ý nghĩa, lợi ích về pháp hay lợi ích về Phạm hạnh, không thành tựu minh tuệ, không thẳng đến Niết-bàn. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Nếu người nào chưa giác ngộ120 đối với bốn Thánh đế thì phải nỗ lực tinh tấn, phát khởi ước muốn tăng thượng, tu tập để giác ngộ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

LY-XABẮN 405. TÊN121 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu, thuộc nước Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, vào buổi sáng sớm, Tôn giả A-nan đắp y, ôm bát vào thành Tỳ- xá-ly khất thực. Cũng sáng hôm ấy có nhiều thiếu niên Ly-xa122 từ trong thành đi ra, đến ngôi nhà tập bắn cung123 rồi chúng cầm cung tên tranh nhau bắn xuyên qua lỗ khóa124 và các mũi tên đều đã xuyên qua. Tôn giả A-nan trông thấy, lấy làm lạ vì các thiếu niên Ly-xa kia có thể làm được một việc khó khăn như thế. Sau khi vào thành khất thực trở về, Tôn giả A-nan cất y bát, rửa chân xong đến chỗ Phật đảnh lễ sát chân Ngài và đứng sang một bên rồi bạch Phật:  Kính bạch Thế Ton! Sang sớm hôm nay, lúc đắp y, ôm bát vào thành Tỳ- xá-ly khất thực, con thấy nhiều thiếu niên Ly-xa trong thành đi ra, đến ngôi nhà tập bắn cung rồi tranh nhau bắn tên xuyên qua lỗ khóa và các mũi tên đều trúng đích. Con liền nghĩ rằng: "Việc này rất kỳ lạ! Các thiếu niên Ly-xa có thể làm được một việc khó khăn như vay!” Phật bảo A-nan:  Thầy nghĩ the nào? Các thiếu niên Ly-xa tranh nhau bắn tên xuyên qua lỗ khóa và các mũi tên đều trúng mục tiêu. Đây có phải là việc khó chăng? Hay là

120 Nguyên tác: Vô gián đẳng ().Xem chú thích 23, kinh số 105, quyển 5, tr. 135; Tạp.(T.02. 009SriÓ5. 0031C15). 121 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.405. 0108ỒỒ13). Tham chiếu: s. 56.45 - v. 453. 122 Ly-xa (,Licchavī). 12 Nguyên tác: Tinh

xá ().Tinh xá vốn chỉ cho môt ngôi nhà. Bản Hán không nói ngôi nhà gì nên dễ bị nhầm lẫn là nơi cư ngụ của chư Tăng. Tham chiếu: s. 56.45 - v. 453 cho biêt, đó là ngôi nhà tập băn cung (santhāgāre upãsanam karontè) nên đã sử dụng nghĩa này. 124 Nguyên tác: Môn khổng (L): Cái lỗ trên cửa, lỗ khóa (tãḷacchiggalenà).



việc chẻ một sợi tóc thành trăm phần, rồi dùng các mũi tên nhắm bắn và trúng vào một phàn của sợi tóc kia là việc khó? Tôn giả A-nan bạch Phật: -Chẻ một sợi tóc thành trăm phần, rồi dùng các mũi tên nhắm bắn và trúng vào một phần của sợi tóc kia là việc khó. Phật bảo A-nan: Nhưng vẫn không bằng việc biết đúng như thật Thánh đế về sự khổ, việc này càng khó hơn. Cũng vậy, biết như thật Thánh đế về nguyên nhân của khổ, biết như thật Thánh đế về khổ diệt và biết như thật Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt thì những việc này rất khó. Bấy giờ, Phật liền nói kệ: Sợi tóc chẻ trăm phần, Khó bắn trúng một phần, Quán mỗi mỗi khổ ấm, vốn vô ngã, khó hơn. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

406. RÙA MÙ VÀ BÔNG CÂY125 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: -Ví như tất cả đất liền đều biến thành biển lớn và có một con rùa mù sống vô lượng kiếp, một trăm năm mới nhô đầu lên khỏi mặt nước một lần. ở trong biển lớn này, có một khúc cây nổi chỉ có một lỗ rỗng, trôi lênh đênh trên sóng nước theo gió dạt Đông Tây. Vậy con rùa mù kia một trăm năm mới nhô đầu lên một lân thì có thê nào gặp được bộng cây này không? Tôn giả A-nan bạch Phật: - Không thể nào, thưa Thế Tôn! Vì sao như vậy? Vì con rùa mù này nếu đến biển phía Đông thì bộng cây sẽ theo gió dạt tới biển phía Tây, hoặc phía Nam, hoặc phía Bắc, bốn phía xung quanh, không dễ gì gặp được. Phật bảo A-nan: Con rùa mù và bộng cây nổi tuy trái hướng với nhau, nhưng rồi rùa mù cũng có thể gặp được bộng cây; còn kẻ phàm phu ngu muội trong khi trôi nổi trong năm đường thì việc tạm được thân người còn khó hơn việc con rùa mù chui được vào bộng cây. Vì sao như vậy? Vì những chúng sanh này không thực hành nghĩa, không thực hành pháp, không thực hành điều lành, không thực

125 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.406. 0108c06). Tham chiếu: s. 56.47 - v. 455; S. 56.48 - V. 456; A. 4.77 -II. 80.



hành chân thật, xoay vần sát hại lẫn nhau, kẻ mạnh lấn lướt người yếu, tạo ra vô lượng điều ác. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Nếu người nào chưa giác ngộ126 đối với bốn Thánh đế thì phải nỗ lực tinh tấn, phát khởi ước muốn tăng thượng, tu tập để giác ngộ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đêu hoan hỷ phụng hành.127

126 Nguyên tác: Vô gián đẳng .Xem chú thích 23, kinh số 105, quyển 5, tr. 135; Tạp.r02. 0099.105. 003lcl5. “ 127 Bản Hán, hết quyển 15. Đầu quyển 16 có thêm một dòng chữ Hán, là dấu vết của sự phân chia chương, mục thời xưa còn sót lại. Đó là Tạp nhân tụng đệ tam phẩm chi tứ .

QUYỂN 16 407. TRỐN VÀO NGÓ SEN1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, có số đông Tỳ-kheo tụ tập ở nhà ăn rồi tư duy về những việc mà thế gian tư duy. Khi ấy, Thế Tôn biết được tâm niệm của các Tỳ-kheo nên liền đi đến nhà ăn? trải tòa ngồi rồi bảo các Tỳ-kheo: Này các Tỳ-kheo! Các thầy cẩn thận chớ tư duy về những điều thế gian tư duy. Vì sao như vậy? Vì những điều mà người thế gian tư duy thì không có lợi ích về nghĩa, không có lợi ích về pháp và không có lợi ích về Phạm hạnh, chẳng phải trí, chẳng phải giác, không hướng đến Niết-bàn. Các thầy hãy chân chánh tư duy: "Đay là Thánh đế về khổ, đây là Thánh đế về nguyên nhân của khổ9 đây là Thánh đế về khổ diệt và đây là Thánh đế về con đường đưa đến khổ diet." Vì sao như vậy? Vì tư duy như thế sẽ đem đến lợi ích về nghĩa, lợi ích về pháp, lợi ích về Phạm hạnh, thành tựu chánh trí, giác ngộ viên mãn, thẳng đến Niet-ban. Vào thuở quá khứ, có một người rời khỏi thành Vương Xá rồi đến bên ao Câu-hy-la,2 ngoi tư duy về những điều mà thế gian tư duy. Trong lúc tư duy, người ấy bỗng thấy bốn loại quân binh là quân voi, quân ngựa, quân xa và quân bộ, vô lượng vô số, thảy đều đi vào trong lỗ nhỏ của ngó sen. Thấy vậy, người đó liền nghĩ: "Ta đã điên loạn, điều mà thế gian không có nhtrng nay ta lại thấy.” Bấy giờ, cách ao ấy không xa, đang có nhiều người tụ tập. Người kia liền đến chỗ đám đông rồi nói với họ rằng: "Này mọi người, tôi đã phát cuồng, tôi đã điên loạn, vì đã thấy những điều mà thế gian chưa từng thấy." Rồi người kia kể lại đầy đủ sự việc như trên. Khi ấy, mọi người đều cho rằng anh ta đã phát cuồng, tâm tánh điên loạn, những điều mà thế gian không có nhưng anh ta lại nhìn thấy.

1 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.407. 0108c28). Tham chiếu: Tăng.(102. 0125.29.6. Ò712CÍ2); s. 5641 - v. 446; A. 4.77 - II. 80. 2 Câu-hy-la trì ().Kinh s. 56.41 - v. 446: Sumāgadhā pokkharanī, hồ sen Sumāgadhā gần thành Vương Xá.



Phật dạy: -Này các Tỳ-kheo! Người kia không phải bị điên cuồng mê loạn mà thật sự là đã nhìn thấy. Vì sao như thế? Vì khi ấy, cách ao Câu-hỵ-la không xa, có các vị trời và a-tu-la đang điều động bốn loại quân binh chiến đấu với nhau ngay trong hư không. Bấy giờ, chư thiên thắng trận, còn a-tu-la thất bại nên chạy trốn vào lỗ ngó sen ở trong ao. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Các thầy hãy cẩn thận, chớ nên tư duy về việc thế gian. Vì sao như thế? Vì tư duy về việc thế gian thì không mang lại lợi ích về ý nghĩa, không lợi ích về pháp, không lợi ích về Phạm hạnh, không đưa đến trí, không đưa đến giác, không thẳng đến Niết-bàn. Các thầy hãy chân chánh tư duy về bốn Thánh đế. Những gì là bốn? Đó là Thánh đế về khổ, Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đế về khổ diệt và Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

408. CÁC LOẠI KIẾN CHẤP3 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, có số đông Tỳ-kheo tụ tập ở nhà ăn rồi

cùng nhau bàn luận. Có người cho rằng thế gian là thường còn, có người cho rằng thế gian là vô thường, hoặc cho rằng thế gian vừa thường vừa vô thường, hoặc cho rằng thế gian không phải thường cũng không phải vô thường; hoặc cho rằng thế gian là hữu biên, thế gian là vô biên, thế gian vừa hữu biên vừa vô biên, thế gian không phải hữu biên cũng không phải vô biên; hoặc cho rằng mạng là thân, mạng không phải là thân; hoặc nói Như Lai sau khi diệt độ là còn, Như Lai sau khi diệt độ là không còn, Như Lai sau khi diệt độ vừa còn vừa không còn, Như Lai sau khi diệt độ chẳng phải còn cũng chẳng phải không còn. Khi ấy, Thế Tôn đang tọa thiền ở một nơi, bằng thiên nhĩ nên nghe được cuộc bàn luận ở nhà ăn của các Tỳ-kheo nên Ngài liền đến đó, trải tòa ngồi trước đại chúng rồi bảo các Tỳ-kheo:  Này các Tỳ-kheo! Các thầy tụ tập đông đảo rồi bàn luận về điều gì?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:  Bạch Thế Tôn! Chúng con tụ tập ở nhà ăn này rồi cùng nhau bàn luận về nhiều vấn đề: "C6 người cho rằng thế gian là thường còn, hoặc có người cho rằng thế gian là vô thường,... (như đoạn trên đã trình bày),4

3 Tựa đề đặt theo nội dung của kinh. Tạp.(02. 0099.408. 0109a27). Tham chiếu: s. 56.8 . v. 428. 4 Bản Hán tỉnh lược.



Phật bảo các Tỳ-kheo:  Các thầy chớ nên luận bàn như vậy. Vì sao như thế? Vì những luận bàn như vậy không đưa đến lợi ích về ý nghĩa, không lợi ích về pháp, không lợi ích cho Phạm hạnh, không đưa đến trí, không đưa đến giác ngộ, không thẳng đến Niết-bàn. Này các Tỳ-kheo! Các thầy nên luận bàn như thế này: “Dây là Thánh đế về khổ, đây là Thánh đế về nguyên nhân của khổ, đây là Thánh đế về khổ diệt và đây là Thánh đế về con đường đưa đến khổ diet.” Vì sao như the? Vì những luận bàn như vậy sẽ đưa đến lợi ích về ý nghĩa, lợi ích về pháp, lợi ích về Phạm hạnh, đưa đến chánh trí, đưa đến giác ngộ, thẳng đến Niết-bàn. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Nếu người nào chưa giác ngộ5 đối với bốn Thánh đe thì phải nỗ lực tinh tấn, phát khởi ước muốn tăng thượng, tu tập để giác ngộ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

409. BA BẤT THIỆN TÀM6 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-dà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, có số đông Tỳ-kheo tụ tập nơi nhà ăn. Có người khởi ý niệm tham, có người khởi ý niệm sân, có người khởi ý niệm hại.7 Khi ấy, Thế Tôn biết được tâm niệm của các Tỳ-kheo nên liền đi đến nhà ăn, trải tọa cụ ngồi trước đại chúng rồi bảo các Tỳ-kheo:  Các thầy chớ khởi những ý niệm tham, sân và hại. Vì sao như thế? Vì những ý niệm này không đem đến lợi ích về ý nghĩa, không lợi ích về pháp, không lợi ích cho Phạm hạnh, không đưa đến trí, không đưa đến giác ngộ, không thẳng đến Niết-bàn. Các thầy nên khởi niệm tới Thánh đế về khổ, Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đế về khổ diệt và Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt. Vì sao như thế? Vì sự khởi niệm đối với bốn Thánh đế này sẽ đem đến lợi ích về ý nghĩa, lợi ích vê pháp, lợi ích vê Phạm hạnh, đưa đên chánh trí, đưa đên giác ngộ, thẳng đến Niet-ban.

5 Nguyên tác: Vô gián đẳng .Xem chú thích 23, kinh số 105, quyển 5, tr. 135; Tạp.r02. 0099.105. 0031C15. 6 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.02. 0099.409. 0109bl9. Tham chiếu: s. 56.7  v. 417. 7 Tham giác ,sân giác ,hại giác :Đây gọi là 3 bất thiện tầm, 3 tư duy tầm cầu bất thiện, gom co tham muốn, thù hận và ý nghĩ ác hại.



Thế nên, này các Tỳ-kheo! Đối với bốn Thánh đế thì phải nỗ lực tinh tấn, thắng cầu hơn nữa, chánh niệm tỉnh giác,8 tinh tấn tu tập. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

410. KHỞI NHIỀU NIỆM9 Tôi nghe như vay: Một thời,... (đoạn này tương tự bài kinh 409 ở trên đã trình bày chỉ khác ở chỗ: Có người thì khởi niệm về bà con thân thuộc, có người thì khởi niệm về nhân dân, cõi nước, có người lại khởi niệm về không có sự chết,... cho đến..y. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

411. TẠP LUÂN10 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bây giờ, có sô đông Tỳ-kheo nhóm họp ở nhà ăn roi cùng nhau bàn luận về những chuyện như: Chuyện của vua, chuyện giặc cướp, chuyện đấu tranh, chuyện tài sản, chuyện y phục, chuyện ăn uống, chuyện nam nữ, chuyện chữ nghĩa the gian, chuyện sự nghiệp, chuyện trong biển cả... Khi ấy, Thế Tôn đang thiền địrủi, bằng thiên nhĩ nên Ngài nghe được những điều bàn luận của các Tỳ-kheo, liền rời nơi tĩnh tọa đi đến chỗ nhà ăn, trải tòa ngồi trước đại chúng rồi bảo các Tỳ-kheo:  Này các Tỳ-kheo! Các thầy nhóm họp bàn luận về việc gì? Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Kính bạch Thế Tôn! Chúng con nhóm họp ở đây rồi bàn luận về những chuyện như: Chuyện của vua... (tương tự như đoạn trên đã nói).n Phật bảo các Tỳ-kheo:  Các thầy chớ bàn luận về những chuyện như: Chuyện của vua, chuyện giặc cướp, chuyện đấu tranh, chuyện tài sản, chuyện y phục, chuyện ăn uống,

^Nguyên tác: Chánh trí, chánh niệm ()cũng được dịch là chánh niệm, chánh trí ( )hữu tri, hữu niệm („)vừa rõ biêt, tỉnh giác (sampajañña =),vừa có sự chuyên chú (satimā,).Tham chiêu: M. 14Í, Saccavibhañga Suita (Kỉnh phân biệt về sự thật)'. Katamā cāvuso sammāsati: Idhāvuso bhỉkkỷiu kāye kāyānupassī viharati ātāpī sampajāno satimā vineyya loke abhijjhādomanassarn (Này chư Hiền, thê nào là chánh niệm? Này chư Hiền, ở đây, Tỷ-kheo song quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời), HT. Thích Minh Châu dịch. 9 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.410. 0109c04). Tham chiếu: s. 56.7 - v. 417. 10 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.411. 0109c07). Tham chiếu: s. 56.10-v. 419. 11 Bản Hán tỉnh lược.



chuyện nam nữ, chuyện chữ nghĩa thế gian, chuyện sự nghiệp, chuyện trong biên cả. Vì sao như thê? Vì bàn luận về những việc này không đem đến lợi ích vê nghĩa, lợi ích về pháp, lợi ích về Phạm hạnh, không đưa đến chánh trí, không đưa đên giác ngộ,

không đưa đến Niết-bàn.12 Nêu có bàn luận thì các thây nên bàn luận vê những chuyện như vây: “Bây là Thánh đế về khổ, đây là Thánh đế về nguyên nhan của khổ, đây là Thánh đế về khổ diệt và đây là Thánh đế về con đường đưa đến khổ diet." Vì sao như thế? Vì bốn Thãĩứi đế này đem đến lợi ích về nghĩa, lợi ích về pháp, lợi ích về Phạm hạnh, đưa đến chánh trí, đưa đến giác ngộ, đưa đến Niết-bàn. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

412. TRANH LUẬN13 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bây giờ, có sô đông Tỳ-kheo nhóm họp ở nhà ăn roi cùng nhau tranh luận: "Tôi biết Pháp, biết Luật, còn các thầy không biết. Điều tôi nói là hoàn hảo, điều tôi nói là hợp đạo lý; điều các thầy nói là không hoàn hảo, không hợp đạo lý; điêu đáng nói trước thì các thây lại nói sau, điêu nên nói sau thì các thây lại nói trước, vậy mà còn dám cùng tôi tranh cãi. Lập luận của tôi thì đúng còn lý lẽ của các thầy thì sai. Ai có khả năng đối đáp được thì hãy đối đáp!” Lúc ấy, Thế Tôn đang thiền định, bằng thiên nhĩ nên Ngài nghe được những điều tranh luận của các Tỳ-kheo ở nhà ăn,... (trình bày đay đủ như kinh trên, cho đen đoạn): Nếu người nào chưa giác ngộ14 đối với bốn Thánh đế thì phải nỗ lực tinh tấn, phát khởi ước muốn tăng thượng, tu tập để giác ngộ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

413. VIỆC CỦA VUA CHÚA15 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá.

12 Bản Hán tỉnh lược. Đoạn này y cứ theo nội dung kinh số 409; Tạp.(T.02. 0099.409. 0109bl9) để bổ sung. 13 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.412. 0109c22). Tham chiếu: s. 56.9 - v. 419. 14 Nguyên tác: Vô gián đẳng ().Xem chú thích 23, kinh số 105, quyển 5, tr. 135; Tạp.(T.02. 0099.105. 003lcl5). 15 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.413. 0110a03). Tham chiếu: Kỉnh Phật tự thuyết ạjd. 10).



Bấy giờ, có số đông Tỳ-kheo nhóm họp ở nhà ăn rồi cùng nhau bàn luận: "Giữa Vua Ba-tư-nặc16 và Vua Tần-bà-sa-la1718 thì vua nào có thế lực lớn hơn, vua nào giàu có hơn?” Khi ấy, Thế Tôn đang thiền đinh, bằng thiên nhi, Ngài nghe được những điều bàn luận của các Tỳ-kheo nên rời nơi tĩnh tọa, đi đến chỗ nhà ăn, trải tòa ngồi trước đại chúng rồi bảo các Tỳ-kheo: Này các Tỳ-kheo! Các thầy nhóm họp bàn luận về việc gì?

Bấy giờ, các Tỳ-kheo trình bày đầy đủ sự việc lên Thế Tôn. Phật bảo Tỳ-kheo: Các thầy bàn luận về sự giàu sang và thế lực của các vua để làm gì? Các thầy chớ bàn luận như vậy. Vì sao như thế? Vì những việc này không đưa đến lợi ích về ý nghĩa, không đưa đến lợi ích về pháp, không đưa đến lợi ích về Phạm hạnh, không đưa đến chánh trí, không đưa đến giác ngộ, không đưa đến Niết-bàn. Các thầy nên bàn luận Thánh đế về khổ, Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đế về khổ diệt và Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt. Vì sao như thế? Vì bốn Thánh đế này đưa đến lợi ích về ý nghĩa, lợi ích về pháp, lợi ích về Phạm hạnh, đưa đen chánh trí, đưa đen giác ngộ, đưa đen Niết-bàn. Thê nen, nay các Tỳ-kheo! Nêu người nào chưa giác ngọ10 đoi vơi bon

Thánh đế thì phải nỗ lực tinh tấn, phát khởi ước muốn tăng thượng, tu tập để giác ngộ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

414. VIỆC TRONG ĐỜI TRƯỚC19 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà5 thuộc thành Vương Xá. Bây giờ, có sô đông Tỳ-kheo nhóm họp tại nhà ăn roi cùng nhau bàn luận như vầy: "Đời trước, các thầy làm những công việc gì? Nghề gì là chuyên môn? Lấy gì để sinh song?99 Khi ấy, Thế Tôn đang thiền định, bằng thiên nhĩ, Ngài nghe được những điêu bàn luận của các Tỳ-kheo nên rời nơi tĩnh tọa, đi đến chỗ nhà ăn, trải tòa ngồi trước đại chúng rồi bảo các Tỳ-kheo:

16 Ba-tư-nặc Pasenadi: Vua nước Câu-tát-la ,Kosala. 17 Tần-bà-sa-la Bimbisāra còn gọi Tần-tỳ-sa-la ặậBình-sa vua nước Ma-kiệt-đà.
18 Nguyên tác: Vô gián đẳng .Xem chú thích 23, kinh số 105, quyển 5, tr. 135; Tạp.7.02. 0099.105. 0031C15. 19 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.414. 0110al9.



Này các Tỳ-kheo! Các thầy nhóm họp bàn luận về việc gì?

Bấy giờ, các Tỳ-kheo trình bày đầy đủ sự việc lên Thế Tôn. Phật dạy các Tỳ-kheo: Này các Tỳ-kheo! Các thày chớ nên luận bàn về những việc đời trước đã làm. Vì sao như thế? Vì những việc này không đưa đến lợi ích về ý nghĩa, không đưa đến lợi ích về pháp, không đưa đến lợi ích về Phạm hạnh, không đưa đến chánh trí, không đưa đến giác ngộ, không đưa đến Niết-bàn. Này các Tỳ-kheo! Các thầy nên bàn luận Thánh đế về khổ, Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đế về khổ diệt và Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt. Vì sao như thế? Vì bốn Thánh đế này đưa đến lợi ích về ý nghĩa, lợi ích về pháp, lợi ích về Phạm hạnh, đưa đến chánh trí, đưa đến giác ngộ, đưa đến Niet-ban. The nên, này các Tỳ-kheo! Nếu người nào chưa giác ngộ20 đối với bốn Thánh đế thì phải nỗ lực tinh tấn, phát khởi ước muốn tăng thượng, tu tập để giác ngộ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 415. VIỆC CỦA ĐÀN-VIỆT2122 _ . Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, có số đông Tỳ-kheo nhóm họp tại nhà ăn rồi cùng nhau bàn luận như vầy: uĐàn-việt kia làm thức ăn thô sơ, chúng ta ăn xong không thấy ngon, không thấy khỏe. Chi bằng chúng ta hãy bỏ thức ăn thô dở này để đi khất thực. Vì sao như thế? Vì khi các Tỳ-kheo đi khất thực thì thường được thức ăn ngon, lại còn được thấy sắc đẹp, đôi khi còn được nghe tiếng hay, được nhiều người biết, lại được y phục, ngọa cụ và thuốc thang nữa!" Lúc ấy, Thế Tôn đang thiền đinh, bằng thiên nhĩ nên Ngài nghe được những điều bàn luận của các Tỳ-kheo nên liền đi đến nhà ăn... (nói đầy đủ tương tự như trên, cho đến đoạn:... đưa đến Niết-bàn.")22 Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

20 Nguyên tác: Vô gián đẳng ().Xem chú thích 23, kinh số 105, quyển 5, tr. 135; Tạp.(7.02. 0099.105. 003 le 15). - 21 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02.

0099.415. 0110b05). 22 Bản Hán tỉnh lược, xem nội dung đầy đủ tại kinh số 414; Tạp.(T.02. 0099.414. 0110al9).



416. THỌ TRÌ23

Tôi nghe như vây:

Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà9 thuộc thành Vương Xá.

Bấy giờ, Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo:

Các thầy có thọ trì bốn Thánh đế mà Như Lai đã chỉ dạy không?

Khi ấy, có một Tỳ-kheo đứng dậy, sửa lại y phục, chắp tay đảnh lễ và bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Bốn Thánh đế mà Thế Tôn đã chỉ dạy, con đều thọ trì.

Phật hỏi vị Tỳ-kheo: - Thầy thọ trì bốn Thánh đế ấy như thế nào? Tỳ-kheo bạch Phật: - Như lời Thế Tôn đã dạy: "Bây là Thánh đế về kho,9 con liền thọ trì; "Đây là Thánh đế về nguyên nhân của khổ, đây là Thánh đế về khổ diệt và đây là Thánh đế về con đường đưa đến khổ diet." Như vậy, bạch Thế Tôn! Bốn Thánh đế mà Thế Tôn đã dạy, con đều thọ trì. Phật bảo Tỳ-kheo: -Lành thay! Lành thay! Như Lai nói Thánh đế về khổ, thầy đã chân thật thọ trì; Như Lai nói Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đế về khổ diệt và Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt, thầy đều chân thật thọ trì. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

417. NHƯ NHƯ24 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-dà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Các thầy có thọ trì bốn Thánh đế mà Như Lai đã chỉ dạy không? Khi ây, có một Tỳ-kheo đứng dậy, chỉnh lại y phục, sửa áo bày vai phải, chắp tay đảnh lễ và bạch Phật: Kính vâng, bạch Thế Tôn! Bốn Thánh đế mà Thế Tôn đã chỉ dạy, con đều thọ trì. Phật hỏi vị Tỳ-kheo: Thầy thọ trì như thế nào về bốn Thánh đế mà Như Lai đã dạy?

23 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.416. 0110bl5). Tham chiếu: s. 56.15 - v. 426. 24 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.417. 0110b27). Tham chiếu: s. 56.27 - v. 435.



Tỳ-kheo bạch Phật: - Thế Tôn nói Thánh đế về khổ, con đều thọ trì, là như như, không lìa như, không khác như,25 chan thật, thích đáng, không sai lệch, là chân lý của bậc Thánh. Đó là Thánh đế về khổ. Thế Tôn dạy Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đế về khổ diệt và Thánh đế về con đường đưa đến kho diệt, là như như, không lìa như, không khác nhu, chân thật, thích đáng, không sai lệch, là chân lý của bậc Thánh. Đó gọi là bốn Thánh đế mà Thế Tôn đã nói, con đều thọ trì. Phật bảo Tỳ-kheo: Lành thay! Lành thay! Thầy đã chân thật thọ trì về bốn Thánh đế mà Như Lai nói, đúng như như, không lìa như, không khác nhu, chân thật, thích đáng, không sai lệch, là chân lý của bậc Thánh. Đó gọi là Tỳ-kheo chân thật thọ trì bốn Thánh đế của Như Lai. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 418. PHỦ NHẬN THÁNH ĐẾ26 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn

Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Các thầy có thọ trì bốn Thánh đế mà Như Lai đã chỉ dạy không? Khi ấy, có một Tỳ-kheo đứng dậy, chỉnh lại y phục, chắp tay đảnh lễ và bạch Phật: -Kính vâng, bạch Thế Tôn! Bốn Thánh đế mà Thế Tôn đã chỉ dạy, con đều thọ trì. Bốn Thánh đế là gì? Như Thế Ton đã dạy là Thánh đế về khổ, con đã thọ trì; Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đế về khổ diệt và Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt, con đều đã thọ trì. Phật bảo Tỳ-kheo: -Lành thay! Lành thay! Như những gì mà Như Lai đã dạy về bốn Thánh đế, thầy đều đã thọ trì. Nay các Tỳ-kheo! Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào nói như vầy: 'Thánh đế về khổ mà Sa-môn Cù-đàm đã nói, ta sẽ bỏ đi và lập ra một Thánh đế về khổ khác,9 thì đây chỉ là lời nói suông. Nếu chất vấn thì họ chẳng biết gì và càng làm tăng sự nghi hoặc, vì đó chẳng phải là cảnh giới của họ. Hoặc nói: "Thánh đê về nguyên nhân của khổ, Thánh đế về khổ diệt và Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt này ta sẽ bỏ đi, rồi sẽ lặp lại bốn Thánh đế khác" thì đây cũng chỉ

25 Như như, bất ly như, bất dị như ().Như (tathā) ở đây chỉ cho như thật, đúng thật như thế. Xem thêm s. 56.15 - v. 426: Tathāñỉ avỉtathāñỉ anaññathāni (như thật, không ly như thật, không khác như thật). 26 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.418. 0110cl3). Tham chiếu: s. 56.16 - v. 427.



là lời nói suông; nếu chất vấn thì họ không biết gì, chỉ làm tăng thêm nghi hoặc, bởi vì không phải là cảnh giới của họ. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Nấu người nào chưa giác ngộ27 đối với bốn Thánh đế thì phải nỗ lực tinh tấn, phát khởi ước muốn tăng thượng, tu tập đê giác ngộ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

419. TỲ-KHEO NGHI HOẶC28 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bây giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Nếu Tỳ-kheo nào có nghi ngờ đối với Phật sẽ có nghi ngờ đối với Thánh đế về khổ, cũng có nghi ngờ đối với Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đế về khổ diệt và Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt Nếu có nghi ngờ đối với Pháp và Tăng sẽ có nghi ngờ đối với Thánh đế về khổ, cũng có nghi ngờ A vơi Thanh đe ve đoi r nguyên 9 nhan cua kho, Thanh đe ve kho diệt va Thanh đe vê con đường đưa đên khô diệt. Nếu vị nào không có nghi ngờ đối với Phật sẽ không có nghi ngờ đối với Thánh đế về khổ, cũng không có nghi n^ờ đối với Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đế về khổ diệt và Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt; nếu không có nghi ngờ đối với Pháp và Tăng sẽ không có nghi ngờ đối với Thánh đế về khổ, cũng không có nghi ngờ đối với Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đế về khổ diệt và Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

420. NGOẠI ĐẠO NGHI HOẶC29 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-dà, thuộc thành Vương Xá. Bay giờ, The Ton bảo các Tỳ-kheo: -Nếu Sa-môn, Bà-la-môn có nghi ngờ đối với Thánh đế về khổ sẽ có nghi ngờ đối với Phật,

cũng có nghi ngờ đối với Pháp và Tăng; nếu có nghi ngờ đối với Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đế về khổ diệt và Thánh đế về

27 Nguyên tác: Vô gián đẳng ().Xem chú thích 23, kinh số 105, quyển 5, tr. 135; Tạp.(T.02. 0099.105. 0031C15). 28 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.419. OlllaOl). 29 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.420. 0111al2)



con đường đưa đến khổ diệt thì cũng sẽ có nghi ngờ đối với Phật, cũng có nghi ngờ đối vơi Pháp và Tăng. Nêu vị nào không có nghi ngờ đối với Thánh đế về khổ thì không có nghi ngờ đôi với Phật, cũng không có nghi ngờ đối với Pháp và Tăng; nếu không có nghi ngờ đối với Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đế về khổ diệt và Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt thì cũng không có nghi ngờ đối với Phật, cũng không có nghi ngờ đối với Pháp và Tăng. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

421. VÁCH NÚI NGUY HIỂM30

Tôi nghe như vay:

Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá.

Bây giơ, The Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Các thầy hãy cùng Như Lai đi đến vách núi nguy hiểm.31

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Kính vâng, bạch Thế Tôn!

Khi ấy, Thế Tôn và đại chúng cùng đến bên vách núi nguy hiểm rồi trải tòa ngồi. Sau khi quan sát một vòng vách núi nguy hiểm, Thế Tôn nói với các

Tỳ-kheo:

Vách núi này rát sâu và nguy hiêm!

Lúc ấy, có Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh lại y phục, đảnh lễ Phật rồi chắp tay thưa: Bạch đức Thê Tôn! Vách núi này rát sâu và nguy hiêm, nhưng còn có thứ gì sâu hiểm cùng cực và đáng sợ hơn nữa không? Phật biết ý của vi Tỳ-kheo này, nên đáp: Thật vậy, này Tỳ-kheo! Vách núi này rất sâu và nguy hiểm, ïihxmg còn có thứ sâu hiểm đáng sợ hơn nữa, đó là Sa-môn9 Bà-la-môn không biêt như thật Thánh đế về khổ, không biết như thật Thánh đế về nguyên nhân của khổ, không biết như thật Thááíyi đế về khổ diệt và không biết như thật Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt. Những vị này tham đắm vào các pháp hữu vi32 vốn là đầu mối của sự sanh; tham đắm vào các pháp hữu vi vốn là đầu mối của sự già, bênh, chết, lo, buồn, khổ, não mà tạo ra những hiện hành33 của già, bệnh, chết,

30 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.421. 0111a20). Tham chiếu: s. 56.42 - v. 448. 31 Thâm hiểm nham ().Tham chiếu: 5. 56.42 . v. 448: Patibhānakūta (đỉnh núi Biện Tài). 32 Nguyên tác: Chư hành ().Tham chiếu: s. 56.42 - v. 448: Sañkhārā (các pháp hữu vi). 33 Nguyên tác: Tác thị hành ().Tham chiếu: s. 56.42 - v. 448: Sañkhāresu abhisañkharonti (khởi sanh các hiện hành).

lo, buồn, khổ, não xoay vần tăng trưởng nên họ rơi vào chốn sâu hiểm của sự sanh, rơi vào chốn sâu hiểm của già, bệnh, chết, lo? buồn, khổ, não. Như thế, này Tỳ-kheo! Đây chính là thứ sâu hiểm đáng sợ nhất. Thế nên, này Tỳ-kheo! Nếu người nào chưa giác ngộ34 đối với bốn Thánh đế thì phải nỗ lực tinh tấn, phát khởi ước muốn tăng thượng, tu tập để giác ngộ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

422. NÓNG CÙNG cực35 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà9 thuộc thành Vương Xá. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Có địa ngục Đại Nhiệt.3637 Nếu chúng sanh nào bị đọa vào trong địa ngục này thì luôn bị thiêu đốt. Lúc ấy, có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh lại y phục, đảnh lễ Phật roi chap tay thưa: Như Thế Tôn đã nói5 địa ngục Đại Nhiệt này cực kỳ nóng bức, nhimg thưa Thế Tôn! Chỉ có nơi địa ngục này là cực kỳ nóng bức hay còn có thứ nóng bức hơn, vô cùng đáng SỢT, không gì vượt hơn nữa không? Đúng vậy, này Tỳ-kheo! Địa ngục này quả thật nóng bức cùng cực, nhưng cũng có thứ còn nóng bức hơn, cực kỳ đáng sợ hơn, không gì vượt hơn nữa. Những gì được xem là nóng cùng cực, cực kỳ đáng sợ, vượt hơn địa ngục Đại Nhiệt? Đó là Sa-môn5 Bà-la-môn không biết như thật Thánh đế về khổ này, không biết như thật Thánh đế về nguyên nhân của khổ, không biết như thật Thánh đế về khổ diệt và không biết như thật Thánh đế về con đường đưa đến kho diệt; như the... cho n37 rơi vào sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não. Đây mới là sự nóng bức thiêu đốt cùng cực nhất. Này Tỳ-kheo! Đây gọi là sự nóng bức cùng cực, vô cùng đáng sợ, không gì vượt hơn. Thế nên, này Tỳ-kheo! Nếu người nào chưa giác ngộ38 đối với bốn Thánh đế thì phải nỗ lực tinh tấn, phát khởi ước muốn tăng thượng, tu tập để giác ngộ.

34 Nguyên tác: Vô gián đẳng .Xem chú thích 23, kinh số 105, quyển 5, tr. 135; Tạp.02. 0099.105. 0031C15. 35 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.422. OlllblO. Tham chiếu: s. 56.43 - v. 450. 36 Đại Nhiệt địa ngục ,Mahāparilāha. 37 Bản Hán tỉnh lược. 38 Nguyên tác: Vô gián đẳng .Xem chú thích 23, kinh số 105, quyển 5, ư. 135; Tạp.ro2. 0099.105. 0031C15.



Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 423. TỐI TĂM CÙNG cực (l)3940 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có địa ngục Đại Ám. Nếu chúng sanh nào đọa vào địa ngục này thì không tự thấy được các phần thân thể của mình. Khi ấy, có Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng lên, chỉnh lại y phục, đảnh lễ Phật rồi chắp tay thưa: Kính bạch Thế Tôn! Địa ngục này thật sự tối tăm cùng cực. Chỉ nơi địa

ngục này là tôi tăm cùng cực hay còn có thứ tôi tăm hơn, vô cùng đáng sợ, vượt hơn địa ngục này nữa chăng? Phật bảo Tỳ-kheo: Thật vậy, vẫn còn có thứ tối tăm hơn, vô cùng đáng sợ5 vượt hơn địa ngục này nữa. Đó là Sa-môn, Bà-la-môn không biết như

thật đối với bốn Thánh đế,... (cho đếrỉ)^ rơi vào sự tối tăm cùng cực của sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não. Thế nên, này Tỳ-kheo! Nếu người nào chưa giác ngộ41 đối với bốn Thánh đế thì phải nỗ lực tinh tấn, phát khởi ước muốn tăng thượng, tu tập để giác ngộ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đêu hoan hỷ phụng hành. *** 424. TỐI TĂM CÙNG cực (2)42 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Bây giờ, Thê Tôn bao các Tỳ-kheo: Giống như mặt trời vận hành chiếu sáng các thế giới, cho đến cả ngàn mặt trời, ngàn mặt trăng, chiếu sáng đến ngàn thế giới, ngàn núi Tu-di, ngàn

39 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.423. 0111b25). Tham chiếu: s. 56.46 - v. 454; ^.3.80-1.226. 40 Bản Hán tỉnh lược, nội dung đầy đủ xem kinh số 422; Tạp.(T.02. 0099.422. oilIblO). 41 Nguyên tác: Vô gián đẳng ().Xem chú thích 23, kinh số 105, quyển 5, tr. 135; Tạp.(02. 0099.105. 0031C15). 42 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.424. 0111c08). Tham chiếu: s. 56.46 - v. 454; A. 3.80 - L 226.



cõi Phất-bà-dề, ngàn cõi Diêm-phù-đề, ngàn cõi Câu-dani, ngàn cõi ưất- đơn-việt, ngàn cõi Tứ Thiên Vương, ngàn cõi trời Ba Mươi Ba, ngàn cõi trời Diệm-ma? ngàn cõi trời Dâu-suất, ngàn cõi trời Hóa Lạc, ngàn cõi trời Tha Hóa Tự Tại, ngàn cõi Phạm thiên. Đó gọi là tiểu thiên thế giới. Ngay ở khoảng giữa tiểu thiên the giới này có một nơi cực kỳ toi tăm, cho dù mặt trời, mặt trăng chiếu sáng với oai đức lớn, nhưng cũng không thể chiếu ánh sáng đến đây. Những chúng sanh nào sanh vào chốn này thì không thay được thân thể của mình. Bấy giờ, có Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh lại y phục, đảnh lễ Phật rồi chắp tay thưa: Kính bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn nói, đó là nơi cực kỳ tối tăm, nhưng

còn có sự toi tăm nào vượt hơn nơi đó nữa không? Phật bảo Tỳ-kheo: Có sự tối tăm vượt hơn sự tối tăm này. Đó là Sa-môn, Bà-la-môn không biết như thật về bốn Thánh dế,... {cho đến)43 rơi vào sự tối tăm cùng cực của sanh, già, bệnh, chét, lo, buôn, khô, não. Này Tỳ-kheo, đó gọi là có sự tôi tăm cùng cực, vượt hơn cả sự tối tăm nơi khoảng giữa tiểu thiên thế giới kia. Thế nên, này Tỳ-kheo! Nấu người nào chưa giác ngộ44 đối với bốn Thánh đế thì phải nỗ lực tinh tấn, phát khởi ước muốn tăng thượng, tu tập để giác ngộ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

425. TỐI TĂM CÙNG cực (3)45 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bay giờ, The Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Một ngàn tiểu thiên thế giới gọi là trung thiên thế giới, ở khoảng giữa trung thiên thế giới này có nơi cực kỳ tối tăm,... (tương tự như trên đã trình bày, cho đen đoạrì):46 Thế nên, này Tỳ-kheo! Nếu người nào chưa giác ngộ47 đối với bốn Thánh đế thì phải nỗ lực tinh tấn, phát khởi ước muốn tăng thượng, tu tập để giác ngộ.

43 Bản Hán tỉnh lược, nội dung đầy đủ xem kinh số 422; Tạp.(7.02. 0099.422. OlllblO). 44 Nguyên tác: Vô gián đẳng ().Xem chú thích 23, kinh số 105, quyển 5, tr. 135; Tạp.(T.02. 0099.105. 0031C15). 45 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.425.

0111c26). Tham chiếu: s. 56.46 - v. 454; A. 3.80 - L 226. 46 Bản Hán tỉnh lược, xem nội dung đầy đủ ở kinh số 424; Tạp.(r02. 0099.424. 0111c08). 47 Nguyên tác: Vô gián đẳng ().Xem chú thích 23, kinh số 105, quyển 5, tr. 135; Tạp.(T.02. 0099.105.0031C15).



Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 426. TỐI TĂM CÙNG cực (4)48 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Một ngàn trung thiên thế giới gọi là tam thiên đại thiên thế giới.4950 Khoảng giữa tam thiên đại thiên thế giới này có một nơi cực kỳ tăm tối, dù có mặt trời, mặt trăng vận hành, chiếu sáng cùng khắp thế giới, nhưng cũng không thể chiếu ánh sáng đến dây,...(cho đến)5Q rơi vào sự tối tăm cùng cực của sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não. Thế nên, này Tỳ-kheo! Nấu người nào chưa giác ngộ51 đối với bốn Thánh đế thì phải nỗ lực tinh tấn, phát khởi ước muốn tăng thượng, tu tập để giác ngộ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 427. BỐN THÁNH ĐẾ (3)52 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-dà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Nay Như Lai sẽ nói về bốn Thánh đế, các thầy hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Những gì là bốn Thárứi đế? Đó là Thánh đế về khổ, Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đế về khổ diệt và Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt. Đó gọi là bốn Thánh đế. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Như kinh 427, Phật nói: "Nay Ta sẽ nói (đương thuyết) ”; cũng vây với các kinh*.

48 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.426. 0111c03). Tham chiếu: s. 56.46 - v. 454. 49 Một tiểu thiên thế giới gồm 1000 mặt trời... như được nói trong kinh số 424; Tạp.(T.02. 0,099.424. 011ÍC08) trên. Một ngàn tiểu thiên thể giới gọi là trung thiên thê giới. Một ngàn trung thiên thê giới gọi là tam thiên đại thiên thế giới. 50 Bản Hán tỉnh lược, xem nội dung đầy đủ trong những kinh trước. 51 Nguyên tác: Vô gián đẳng ().Xem chú thích 23, kinh số 105, quyển 5, tr. 135; Tạp.(r02. 0099.105 003 le 15). 52 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.427. 0112all). Tham chiếu: s. 56.29 - v. 436.



CÓ bổn Thảnh đế hữu; nên biết bổn Thánh đế đương tri cũng được nói như kinh 427.53 ***

428. LIỄU TRI NHƯ THẬT53 54 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà5 thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Hãy chuyên cần thiền định, phát khởi chánh tinh tấn, tĩnh lặng nội tâm. Vì sao như vậy? Vì Tỳ-kheo nào đã thành tựu thiền định, tĩnh lặng nội tâm sẽ được liễu tri như thật.55 Liễu tri như thật ĩủiững gì? Đó là liễu tri như thật Thánh đế về khổ này, liễu tri như thật Thánh đế về nguyên nhân của khổ, liễu tri như thật Thánh đế về khổ diệt và liễu tri như thật Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

429. SIÊNG TU THIỀN ĐỊNH56 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà9 thuộc thành Vương Xá. Bay giờ, The Ton bảo các Tỳ-kheo: -Hãy tu vô lượng thiền định,57 chuyên tâm chánh niệm. Vì sao như vậy? Vì khi đã tu vô lượng thiền đinh, chuyên tâm chánh niệm sẽ được liễu tri như thật. Liễu tri như thật những gì? Đó là liễu tri như thật Thánh đế về khổ, liễu tri như thật Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đế về khổ diệt và Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

53 Bản Hán chú thích: Có thêm 2 kinh tương đương kinh số 427; Tạp.7.02. 0099.427. 01l2all, chỉ khác vài chữ như vậy. 54 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.428. 0ll2al8. Tham chiếu: s. 56.2 - v. 414. 55 Nguyên tác: Như thật hiển hiện :Liễu tri như thật về bốn Thánh để, thấy biết như thật về bốnThánh đế. 56 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r02. 0099.429. 0ll2a25. Tham chiếu: s. 56. l - v. 414. 57 Tam-ma-đề còn gọi là tam-ma-địa tam-muội .Hán dịch là định , chánh định .

QUYỂN 16  479

430. NHƯ CHIẾC GẢY RƠI XUỐNG58 Tôi nghe như vầy: Một thòd, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Như người ném chiếc gậy lên hư không thì chỉ trong khoảnh khắc chiếc gậy liền rơi xuống trở lại; hoặc phần đuôi gậy chạm đất, hoặc phần thân gậy chạm đát, hoặc phân đầu gậy chạm đất. Cũng vậy, Sa-môn hay Bà-la-môn nào không liễu tri như thật đối với Thánh đế về khổ, không liễu tri như thật Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đế về khổ diệt và Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt, nên biết Sa-môn, Bà-la-môn này hoặc rơi vào địa ngục, hoặc đọa vào súc sanh, hoặc đọa vào nga quỷ. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Nếu người nào chưa giác ngộ59 đối với bốn Thánh đế thì phải nỗ lực tinh tấn, phát khởi ước muốn tăng thượng, tu tập để giác ngộ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 431. CÕI LÀNH HAY CÕI DỮ60 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bay giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Như người ném chiếc ệậy lên hư không thì nhất đinh chiếc gậy sẽ rơi xuống trở lại; hoặc rơi chỗ đát sạch, hoặc rơi chô đát bân. Cũng vậy, Sa-môn hay Bà-la-môn không liễu tri như thật đối với Thánh đế về khổ, không liễu tri như thật Thánh đế về nguyện nhân của khổ, Thánh đế về khổ diệt và Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt. Vì không liễu tri như thật nên có người sanh vào cõi lành, có người sanh vào cõi dữ. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Nếu người nào chưa giác ngộ61 đối với bốn Thánh đế thì phải nỗ lực tinh tấn, phát khởi ước muốn tăng thượng, tu tập để giác ngộ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

58 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.430. 0112ỒỒ3). Tham chiếu: s. 56.33 - v. 439. 59 Nguyên tác: Vô gián đẳng ().Xem chú thích 23, kinh số 105, quyển 5, tr. 135; Tạp.(T.02. 0099.105. 0031C15). 60 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.431.0112bl2). 61 Nguyên tác: Vô gián đẳng ().Xem chú thích 23, kinh số 105, quyển 5, tr. 135; Tạp.(r02. 0099.105 0031C15).

432. VÒNG BÁNH XE62 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà5 thuộc thành Vương Xá. Bây giờ, Thê Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Ví như vòng bánh xe có năm nan hoa liền nhau, một người khỏe mạnh có thể khiến bánh xe quay nhanh. Cũng vậy, Sa-môn hay Bà-la-môn nào không rõ biết như thật đối với Thánh đế về khổ, không rõ biết như thật Thánh đế về nguyên nhân của khổ, không rõ biết như thật Thánh đế về khổ diệt và không rõ biết như thật Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt sẽ bị luân hồi trong năm đường, xoay vần mau chóng, hoặc đọa vào địa ngục, hoặc đọa vào súc sanh, hoặc đọa vào nga quỷ, hoặc sanh vào cõi người, hoặc sanh lên cõi trời rồi lại đọa vào đường ác, xoay vần mãi không thôi. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Nếu người nào chưa giác ngộ63 đối với bốn Thánh đế thì phải nỗ lực tinh tấn, phát khởi ước muốn tăng thượng, tu tập để giác ngộ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

433. THUYẾT PHÁP TRỌNG YẾU6465 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo: -Đấng Như Lai, ứng Cling, Đẳng Chánh Giác đã thuyết pháp trọng yếu,65 nghĩa là bốn Thánh đế được khai thị? được thi thiết, được kiến lập, được phân biệt, được diễn giải, được hiển hiện, được biểu lộ. Những gì la bốn? Đó là Thánh đế về khổ, Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đế về khổ diệt và Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Nếu người nào chưa giác ngộ66 đối với bốn Thánh đe thì phải nỗ lực tinh tấn, phát khởi ước muốn tăng thượng, tu tập để giác ngộ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

62 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.432. 0112b21). 63 Nguyên tác: Vô gián đẳng ().Xem chú thích 23, kinh số 105, quyển 5, tr. 135; Tạp.(T.02. 0099.105. 0031C15). ' 64 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.433. 0112c02). 65 Nguyên tác: Tăng thượng (adhipati)'. Trọng yếu. 66 Nguyên tác: Vô gián đẳng ().Xem chú thích 23, kinh số 105, quyển 5, tr. 135; Tạp.(02. 0099.105.0031C15). '



434. TRÍ TUỆ SÁNG SUỐT67 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Thế nào gọi là trí tuệ sáng suốt? Đó là trí rõ biết như thật Thánh đế về khổ, trí rõ biết như thật Thánh đế ve nguyên nhân của khổ, trí rõ biết như thật Thánh đế về khổ diệt và trí rõ biết như thật Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt, hay là không rõ biết như thật về chúng? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Theo như hiểu biết của chúng con về những gì Thế Tôn chỉ dạy, nếu có thể rõ biết như thật về bốn Thánh đế, đó gọi là trí tuệ sáng suốt. Phật bảo các Tỳ-kheo: -Lành thay! Lành thay! Đối với Thánh đế về khổ, Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đế về khổ diệt và Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt mà có thể rõ biết như thật, đó gọi là trí tuệ sáng suốt. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Nấu người nào chưa giác ngộ68 đối với bốn Thánh đế thì phải nỗ lực tinh tấn, phát khởi ước muốn tăng thượng, tu tập để giác ngộ. Đức Phật nói kinh này

xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

435. TRƯỞNG GIẢ TU-ĐẠT69

A

Tôi nghe như vây:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trưởng giả Tu-đạt70 đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa:

Kính bạch Thế Tôn! Bốn Thánh đế này giác ngộ tuần tự71 hay giác ngộ tức thời? Phật bảo trưởng giả: -Bốn Thánh đế này cần phải được giác ngộ tuần tự chứ không phải giác ngộ tức thời.

67 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.434. 0112c 10). 68 Nguyên tác: Vô gián đẳng ().Xem chú thích 23, kinh số 105, quyển 5, ư. 135; Tạp.(02. 0099.105 0031C15). 69 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.435. 0112c21). Tham chiếu: Tạp.(r02. 0099. 397. 0107a03); s. 56.32 - V. 438. 70 Tu-đạt (Sudatta), tên riêng của trưởng giả cấp Cô Độc. 71 Nguyên tác: Tiệm thứ vô gián đẳng ().Xem chú thích 23, kinh số 105, quyển 5, tr. 135; Tạp.(7.02. 0099.105. 0031C15).



Phật lại bảo: -Nếu có người nói: "Tôi chưa giác ngộ đối với Thánh đế về khổ, nhưng đã giác ngộ đối với Thánh đế về nguyên nhân của khổ, đã thông đạt Thánh đế về khổ diệt và đã thông đạt Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệc thì những lời này không đúng. Vì sao như vậy? Vì nếu chưa giác ngộ đối với Thánh đế về khổ mà muốn giác ngộ đối với Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đế về khổ diệt và Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt là điều 9 không thê xảy ra. Giống như có người gấp hai chiếc lá bé nhỏ lại với nhau để làm đồ đựng nước mang đi thì việc này không thể xảy ra. Cũng vậy, nếu chưa giác ngộ đoi với Thánh đế về khổ mà muốn giác ngộ đối với Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đế về khổ diệt và Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt là điều không the xảy ra. Giống như có người gấp chiếc lá sen lại để làm đồ chứa nước mang đi thì việc này có thê được. Cũng vậy, này trưởng giả, nêu đã giác ngộ đôi với Thánh đế về khổ rồi, lại muốn giác ngộ đối với Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đế về khổ diệt và Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt thì điều này có thể xảy ra. Thế nên, này Tỳ-kheo! Nếu người nào chưa giác ngộ72 đối với bốn Thánh đe thì phải nỗ lực tinh tấn, phát khởi ước muốn tăng thượng, tu tập đe giác ngộ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

436. BẬC THÈM73 Giống như những điều trưởng giả Tu-đạt đã hỏi ở trên, kỉnh này do Tỳ-kheo khác hỏi, đức Phật cũng nói như vây, chỉ có khác biệt ở vỉ dụ: Giống như có bốn bậc thềm để đi lên chánh điện. Nếu có người nói: "Không bước lên bậc thứ rủiất mà bước lên bậc thứ hai, bậc thứ ba5 bậc thứ tư để lên chánh điện,, thì điều này không hợp lý. Vì sao như vậy? Vì phải nhờ vào bậc thềm đầu tiên, kế đó bậc thứ hai, bậc thứ ba, bậc thứ tư rồi mới đi lên chánh điện được. Cũng vậy, Tỳ-kheo! Nếu chưa giác ngộ74

đối với Thánh đế về khổ mà muốn giác ngộ đối với Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đế về khổ diệt và Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt thì điều này không thể xảy ra.

72 Nguyên tác: Vô gián đẳng ().Xem chú thích 23, kinh số 105, quyển 5, tr. 135; Tạp.(7.02. 0099.105. 0031C15). 73 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.436. 0113al2). Tham chiếu: s. 56.44 - v. 452. 74 Nguyên tác: Vồ gián đẳng ().Xem chú thích 23, kinh số 105, quyển 5, tr. 135; Tạp.(T.02. 0099.105. 003 le 15). “



Này Tỳ-kheo! Như có người nói: ''Nhờ bốn bậc thềm dẫn lên chánh điện, nhưng phải từ bậc thềm đầu tiên, rồi lần lượt đến bậc thứ hai, bậc thứ ba, bậc thứ tư, rồi mới lên chánh diên" thì lời này mới hợp lý. Vì sao như vậy? Vì phải do bậc thềm đầu tiên, rồi sau đó mới đến bậc thứ hai, bậc thứ ba, bậc thứ tư để cuôi cùng lên được chánh điện, như thê mới hợp lý. Cũng vậy, này Tỳ-kheo! Nếu nói đã giác ngộ đối với Thánh đế về khổ rốt sau đó tuần tự giác ngộ đối với Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đế về khổ diệt và Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt, nói như thế mới đúng. Vì sao như vậy? Vì đã giác ngộ đối với Thánh đế về khổ rồi, sau đó tuần tự giác ngộ đối với Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đế về khổ diệt và Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt, điều này mới hợp lý. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

437. TUẦN Tự75 Giông như kỉnh vi Tỳ-kheo khác hỏi, kinh này do Tôn giả A-nan hỏi, đức Phật cũng giảng thuyết giống như thế, chỉ có khác biệt ở ví dụ. Đức Phật bảo A-nan: Ví như có bốn bậc thềm dẫn lên chánh điện. Nếu có người nói: "Không nương bậc đầu tiên mà bước lên bậc thứ hai, bậc thứ ba, bậc thứ tư để lên chánh diên”, lòi này không hợp lý. Cũng vậy, A-nan! Nếu chưa giác ngộ76 đối với Thánh đê vê khô mà muôn giác ngộ đôi với Thánh đê vê nguyên nhân của khổ, Thánh đế về khổ diệt và Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt thì điều này không thê được. Vì sao như vậy? Vì nêu chưa giác ngộ đôi với Thánh đê về khổ mà muốn giác ngộ đối với Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đế về khổ diệt và Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt thì điều này không 9 thê xảy ra. Này A-nan! Ví như bốn bậc thềm dẫn lên chánh điện, nếu có người nói: "Phải từ bậc đầu tiên, rồi lần lượt lên bậc thứ hai, bậc thứ ba, bậc thứ tư rồi mới lên đến chánh diên” thì điều này mới hợp lý. Vì sao như vậy? Vì phải do từ bậc đầu tiên, sau đó mới lên bậc thứ hai, bậc thứ ba, bậc thứ tư, rồi cuối cùng mới lên chánh điện, như vậy mới hợp lý. Cũng vậy, này A-nan! Nếu đã giác ngộ đối với Thánh đế về khổ rồi, sau đó tuần tự giác ngộ Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đế về khổ diệt và Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt thì điều này mới hợp lý.

75 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.437. 0113b02). Tham chiếu: s. 56.44 - v. 452. 76 Nguyên tác: Vô gián đẳng ().Xem chú thích 23, kinh số 105, quyển 5, tr. 135; Tạp.(r02. 0099.105. 003lcl5).

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

438. SANH LOẠI77 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Ạ • A_ ĩ Ạ r-ri _ 2 - _ nr-ī \ 1 l Bay giơ, The Ton bảo các Ty-kheo: Ví như gom hết cỏ cây trên quả đất để làm cây thương,78 rồi dùng cây thương này đê xâu hét tát cả sanh loại sông trong biên lớn thì điêu này có thê làm được chăng? Ty-kheo bạch Phật: -Kính bạch Thế Tôn, không thể được! Vì sao như vậy? Vì sanh loại sống trong biển lớn có đủ các hình dạng, kích cỡ, hoặc quá nhỏ, hoặc quá lớn nên không thể xâu hết được. Phật bảo Tỳ-kheo: Đúng the! Đúng the! Chủng loại chúng sanh cũng vô số, vô lượng giống

như vậy. The nen, nay các Ty-kheo! Nêu ngươi nào chưa giác ngọ79 đoi vơi bon Thánh đế thì phải nỗ lực tinh tấn, phát khởi ước muốn tăng thượng, tu tập để giác ngộ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

439. ĐẠI TUYẾT SƠN80

Tôi nghe như vây:

Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá.

Bấy giờ, Thế Tôn dùng tay khêu một chút đất rồi hỏi các Tỳ-kheo:

Các thầy nghĩ sao? Đất trong tay Như Lai nhiều hay đất ở Đại Tuyết Sơn nhiều?

77 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.438. 0ll3bl9). Tham chiếu: s. 56.36 - V.441. 78 Nguyên tác: Thương (),dùng như chữ thương ()một loại vũ khí có cán. s. 56.36 - v. 441: Sũla (cây giáo). 79 Nguyên tác: Vô gián đẳng ().Xem chú thích 23, kinh số 105, quyển 5, tr. 135; Tạp.(02. 0099.105. 0031C15). 80 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.439. 0113b28). Tham chiếu: Tạp.(02. 0099.441. 0114a01); s. 13.11 - II. 139; s. 56.49 - v. 457.



Các Tỳ-kheo bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Đất trong tay của Thế Tôn rất ít, còn đất ở Tuyết Sơn thì nhiều vô lượng, gấp trăm ngàn muôn ức, không thể dùng toán số, thí dụ để so sánh được. Phật bảo các Tỳ-kheo: - Những chúng sanh rõ biết như thật Thánh đế về khổ, rõ biết như thật Thánh đế về nguyên nhân của khổ, rõ biết như thật Thánh đế về khổ diệt và rõ biết như thật Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt cũng ít giống như đất trong tay của Như Lai. Còn những chúng sanh không rõ biết như thật Thánh đế về khổ, không rõ biết như thật Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Idiong rõ biết như thật Thánh đế về khổ diệt và không rõ biết như thật Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt thì nhiều vô lượng, giống như số đất ở Tuyết Sơn vậy. The nên, này các Tỳ-kheo! Nấu người nào chưa giác ngộ81 đối với bốn Thánh đế thì phải nỗ lực tinh tấn, phát khởi ước muốn tăng thượng, tu tập để giác ngộ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

440. LƯỢNG NƯỚC82 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-dà, thuộc thành Vương Xá. _ r _ _ r __ _ _ Bay giơ, The Ton bảo các Ty-kheo: -Ví như có một cái hô rộng, sâu đên năm mươi do-tuân với mực nước đây tràn. Nếu có người dùng một sợi lông, một sợi tóc hoặc đầu ngón tay nhúng vào trong hồ kia ba lần. Thế nào, này các Tỳ-kheo, lượng nước nhúng được của người kia nhiều hay nước trong ho nhiều? Các Tỳ-kheo bạch Phật:  Kính bạch Thế Tôn! Lượng nước dính trên sợi lông, sợi tóc hoặc trên đầu ngón tay của người kia rất ít, còn nước trong hồ thì nhiều vô lượng, vô số9 cho đến không thể dùng toán số hay ví dụ để so sánh được. Phật bảo các Tỳ-kheo:  Nước trong hồ lớn thì nhiều đến vô lượng. Còn vị Thánh đệ tử đa văn Kiến đế83 đầy đủ, đạt được quả Thánh, dứt các gốc khổ như cây đa-la bị chặt

81 Nguyên tác: Vô gián đẳng ().Xem chú thích 23, kinh số 105, quyển 5, tr. 135; Tạp.(T.02. 0099.105.0031C15). J 82 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.440. 0113cl3). Tham chiếu: s. 13.7 - II. 136; S. 56.52-53 - V. 460; s. 56.57 - v. 463. 83 Kiến dế ():Chứng ngộ chân lý, thấy được Thánh đế.



đứt gốc, thành tựu pháp bất sanh trong đời vị lai, sự kết buộc chưa trừ diệt84 thì chỉ như số nước nơi sợi lông, sợi tóc, hoặc nơi móng tay của người kia mà thôi. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Nếu người nào chưa giác ngộ8586 đối với bốn 91 90 89 88 87 Thánh đế thì phải nỗ lực tinh tấn, phát khởi ước muốn tăng thượng, tu tập để giác ngộ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Tương tự như vỉ dụ nước trong hồ lớn; cũng vây, Vỉ dụ nước trong sông Tảtda-đa-tra-ca, sông HằngfS6 sông Gỉa-phù-naf^ Tát-la-du^ Y-la-bạt-đềf^9 Mahêf9ồ cho đen vỉ dụ ve bon biển lớn,91 cũng nói giong như trên. ***

441. HÒN ĐẤT VÀ NGỌN NÚI92 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ? Thế Tôn nhặt một hòn đất khoảng bằng quả lê và hỏi các Tỳ-kheo: -Này các Tỳ-kheo! Đất trong tay Như Lai nhiều hay đất trong Đại Tuyết Sơn nhiều? Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Kính bạch Thế Tôn! Đất trong tay Thế Tôn rất ít, còn đất ở Tuyết Sơn kia rất nhiều, nhiều đến trăm ngàn ức na-do-tha, thậm chí không thể dùng toán số hay ví dụ đe so sánh được. Phật nói với các Tỳ-kheo: -Cũng vậy, những chúng sanh rõ biết như thật Thánh đế về khổ, rõ biết như thật Thánh đế về nguyên nhân của khổ, rõ biết như thật Thánh đế về khổ diệt và rõ biết như thật Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt cũng ít như số

84 Nguyên tác: Dư bất tận giả .Dư chỉ cho hữu dư ,upadhí, là sự kết buộc , bản the của sự tái sanh. 85 Nguyên tác: Vô gián đẳng .Xem chú thích 23, kinh số 105, quyển 5, tĩ. 135; Tạp.T.02. 0099.105. 0031C15. 86 Hằng-già Gañgā. 87 Da-phù-na Yāmunā. 88 Tát-la-du Sarabhū. 89 Y-la-bạt-đề ,Aciravatī. 90 Ma-hê Mahī. Ví dụ về 4 con sông này còn đề cập ở s. 56.54 - v. 461. 91 Ví dụ về 4 biển lớn còn đề cập ở s. 56.57 - v. 463; s. 56.58 - v. 463. 92 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.441. 0114a01. Tham chiếu: Tạp.T02. 0099.439. 0113b28; y 13.5 - II. 136; s. 13.9 - II. 137; s. 13.11 - II. 139; s. 56.49 -

v 457; s. 56.55 -V. 462; S. 56.59 -0. 464.

QUYÊN 16 487

đất trong tay Như Lai; còn những chúng sanh không biết như thật Thánh đế về khổ, không biết như thật Thánh đế về nguyên nhân của khổ, không biết như thật Thánh đế về khổ diệt và không biết như thật Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt thì lại nhiều như đất ở Đại Tuyết Sơn. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Nếu người nào chưa giác ngộ9394 đối với bốn Thánh đế thì phải nỗ lực tinh tấn, phát khởi ước muốn tăng thượng, tu tập để giác ngộ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Tương tự như ví dụ đất trong Đại Tuyết Sơn, các ví dụ như là đất trong núi Nỉ-dân-đà-la, núi Tỳ-na-đa-ca, núi Mã-nhĩ, núi Thiện Kiến, núi Khư-đề-la-ca, núi Y-sa-đà-laf núi Do-kiên-đà-la, Tu-di Sơn vương, cho đên vỉ dụ đát trên đại địa, cũng nói giống như vây. Tương tự như vỉ dụ quả lê, các ví dụ như là quả A-ma-lặc-ca, quả Bạt-đà- laf quả Ca-la-caf quả đậu, cho đen ví dụ củ tỏi, cũng nói giong như vậy. ***

442. ĐẤT TRÊN MÓNG TAY 94 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn dùng móng tay khêu một chút đất rồi hỏi các Tỳ-kheo: Các thầy nghĩ thế nào? Đất trên móng tay Như Lai nhiều hay là đất trong đại địa nhiều? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Đất trong móng tay Thế Ton rất ít, còn đất trong đại địa thì nhiều vô lượng, thậm chí không thể dùng toán số hay ví dụ để so sánh được. Phật bảo các Tỳ-kheo: 9 JF r Cũng vậy, những chúng sanh có thê nhìn thây hình dáng thì ít ỏi như đất trên móng tay; còn những chúng sanh nhỏ nhiệm không thể thấy được hình dáng thì nhiều như số đất trong đại địa. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Nếu người nào chưa giác ngộ95 đối với bốn Thánh đế thì phải nỗ lực tinh tấn, phát khởi ước muốn tăng thượng, tu tập để giác ngộ.

93 Nguyên tác: Vô gián đẳng ().Xem chú thích 23, kinh số 105, quyển 5, tr. 135; Tạp.(T.02. 0099.105. 0031C15). 94 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.442. 0114a21). Tham chiếu: Tap.(T.02. 0099.22. 0498al5); Tạp. <(T.02. 0099.1256. 0345a01); s. 13.1 - II. 133; s. 20.2 - II. 263; s. 56.51 -V. 459; S. 56.61-131-V. 465-477. 95 Nguyên tác: Vô gián đẳng ().Xem chú thích 23, kinh số 105, quyển 5, tr. 135; Tạp.(T.02. 0099.105. 0031C15).

488 KINH TẠPA-HÀM

_ y Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đêu hoan hỷ phụng hành. Giống như vỉ dụ về đại đỉa đã nói ở trên, vỉ dụ về Tánh của nướ^ cũng như vậy, Các kinh tương tự khác cũng nói như trên^ chỉ có chút sai biệt sau: -Chúng sanh được sanh trong cõi người chỉ ít như đất dính trên móng tay, còn số chúng sanh không được làm người thì lại nhiều như đất trong đại địa. Chúng sanh được sanh ra nơi có văn minh chỉ ít như đất dính trên móng tay, còn số chúng sanh sanh ra vùng biên địa lại nhiều như đất trong đại địa. -Người thành tựu Thánh tuệ nhãn chỉ ít như đất trên móng tay, còn người chưa thành tựu Thánh tuệ nhãn lại nhiều như đất ở đại địa. Chúng sanh biết được Giáo pháp và Giới luật thì ít như đất trên móng tay, còn số chúng

sanh không biết Giáo pháp và Giới luật lại nhiều như đất ở đại địa. Tương tự như ví dụ về pháp thấy biết, như vậy đối với pháp thấy biết bình đẳng, thấy biết rộng khắp, suy nghĩ chân chánh, biết chân chánh,98 hiểu chân chánh," cho đến pháp giác ngộ cũng giống như vậy. Chúng sanh nhận biết có cha mẹ thì chỉ ít như đất dính trên móng tay, còn chúng sanh không nhận biết có cha mẹ lại nhiều như đất ở đại địa. Chúng sanh biết có các bậc Tôn trưởng dòng Sa-môn, Bà-la-môn, biết tạo việc phước cần tạo trong đời này, đời khác; biết sợ tội, biết bố thí, ăn chay, giữ giới thì chỉ ít như số đất dính đầu móng tay; còn chúng sanh không biết có bậc Tôn trưởng dòng Sa-môn, Bà-la-môn; không biết làm những điều phước cần làm ở đời này, đời khác; không biết sợ tội lỗi, không biết bố thí, ăn chay, giữ giới thì lại nhiều như đất ở đại địa. Chúng sanh không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không nói hai chiều, không nói lời thô ác, không nói thêu dệt thì chỉ ít như đất trên đâu móng tay; còn chúng sanh không giữ gìn giới luật thì lại nhiêu như đất ở đại địa. Cũng vậy, chúng sanh lìa tham, sân, tà kiến và chúng sanh không lìa tham, sân, tà kiến cũng nói tương tự như trên. Chúng sanh giữ năm giới là không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói doi, không uống rượu thì ít như đất dính trên móng tay; còn chúng sanh không giữ gìn năm giới lại nhiều như đất ở đại địa. Chúng sanh giữ gìn tám giới chỉ ít như đất dính trên móng tay, còn chúng sanh không biết giữ gìn tám giới lại nhiều như đất ở đại địa.

96 Nguyên tác: Thủy tánh .

97 Tóm tắt có 30 kinh.

98 Nguyên tác: Chánh giác .

99 Nguyên tác: Chánh giải .

QUYẾN 16 489

Chúng sanh giữ gìn mười điều lành chỉ như đất trên móng tay, còn chúng sanh không giữ mười điều lành lại nhiều như đất ở đại địa. Chúng sanh ở địa ngục sau khi chết được sanh làm người chỉ ít như đất dính trên móng tay; còn chúng sanh ở địa ngục sau khi chết sanh vào địa ngục trở lại, hoặc đọa vào súc sanh, nga quỷ thì lại nhiều như đất ở đại địa. Chúng sanh ở địa ngục sau khi chết được sanh lên cõi trời chỉ ít như đất dính trên móng tay; còn chúng sanh ở địa ngục, hoặc nga quỷ, hoặc súc sanh sau khi chét roi, sau đó tiêp tục sanh vào địa ngục, nga quỷ, súc sanh thì lại nhiều như đất ở đại địa. -Chúng sanh trong loài người sau khi chết được sanh trở lại làm người thì chỉ ít như đất dính trên móng tay; còn chúng sanh trong cõi người sau khi chết bị đọa vào địa ngục, súc sanh, nga quỷ thì nhiều như đất ở đại địa. -Chúng sanh ở cõi trời sau khi chết được sanh trở lại cõi trời thì chỉ ít như đất dính trên móng tay, còn chúng sanh ở cõi trời sau khi chết bi đọa vào địa ngục, súc sanh, nga quỷ thì nhiều như đất ở đại địa. ***

443. SANH KHỞI CHÁNH KIẾN100 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-dà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Trước đây, khi chưa nghe pháp, Ta đã có chánh tư duy đối với Thánh đế về khổ này, cho nên chánh kiến đã sanh; khi chưa nghe phAp, Ta đã có chánh tư duy đối với Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đế ve khổ diệt và Thánh đế về con đường đưa đến

kho diệt này cho nên chánh kiến đã sanh. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Giống như kỉnh trên trình bày về "dd sanh cũng vậy, đổi với "dcmg sanh ", sanh " cũng nói tương tự như vậy. Giống như kinh nói về '"sanh ”; cũng vậy, các kỉnh nói về ^khởỉ", “tu tập ", "thân cân“tu”, "tu tập thuần thục", "xỉic”, "tác chứng"' cũng trình bày tương tự như váy.101 ***

444. CẢNH GIỚI VÔ LƯỢNG102 Tôi nghe như vầy:

100 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.443. 0114c20). 101 Tóm tắt có 9 kinh (,,,,,). 102 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.444. 0114c27).



Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. J Bay giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Ví như những viên thuốc chữa đau mắt với số lượng nhiều đến một do- tuần, nếu có người lấy từng viên thuốc này đặt ở mỗi cảnh giới thì có the sắp đặt hết số thuốc nhanh chóng, nhưng đối với những cảnh giới kia thì không thể nào cùng tận, nên biết số lượng cảnh giới nhiều đến vô cùng. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Các thầy hãy tu tập cảnh giới thiện, gieo trồng những cảnh giới thiện, cân phải tu tập như thê. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

445. TÂM CẢNH TƯƠNG ƯNG103 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bây giơ, The Ton bảo các Tỳ-kheo: Chúng sanh luôn tương ưng với cảnh giới, hòa hợp với cảnh giới. Thế nào gọi là chúng sanh luôn tương ưng với cảnh giới? Nghĩa là khi tâm của chúng sanh bất thiện thì tương ưng với cảnh giới bất thiện, khi tâm của chúng sanh thiện thì tương ưng với cảnh giới thiện, khi tâm của chúng sanh tốt đẹp thì tương ưng với cảnh giới tốt đẹp, khi tâm chúng sanh thấp kém thì tương ưng với cảnh giới thấp kém. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Các thầy phải tu tập như vậy, tức là gieo trồng những cảnh giới thiện. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

446. BÀI KỆ VỀ Sự TƯƠNG ƯNG (l)104

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước

Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

(Nói đầy đủ như kinh trên, chỉ khác là nói thêm bài kệ sau):

103 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.445. 0115a05). Tham chiếu: s. 14.14 - II. 154. 104 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.446. 0115al2). Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.448. 0115b24); s. 14.16 -11.157.



Thường hợp nên thường sanh, Lìa nhau thì sanh dứt, Như người ôm cây nhỏ, Trôi dạt trong biển lớn, Người và cây đều chìm, Tâm biếng nhác cũng vậy. Hãy xa lìa biêng

nhác, Dốc lòng hành tinh tấn, Hiền thánh không giải đãi, An trụ hạnh viễn ly, Tinh tấn tu thiền đinh, Vượt thoát dòng tử sanh. Như son gặp lụa trang, Lửa gặp gió cháy bừng. Ngọc và sữa cùng màu, Chúng sanh và cảnh giới, Tương ưng hòa hợp nhau, Sự tăng trưởng cũng vậy. *** 447. THIỆN, BẤT THIỆN TƯƠNG ƯNG105 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà9 thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Chúng sanh luôn tương img với cảnh giới. Thế nào là chúng sanh luôn tương ưng với cảnh giới? Nghĩa là khi tâm chúng sanh bất thiện thì tương img với cảnh giới bất thiện, khi tâm chúng sanh thiện thì tương img với cảnh giới thiện, khi tâm chúng sanh thấp kém thì tương ưng với cảnh giới thấp kém, khi r r

tâm chúng sanh tót đẹp thì tương ưng với cảnh giới tót đẹp. Khi ấy, Tôn giả Kiêu-trần-như106 cùng với số đông Tỳ-kheo đang kinh hành gần đó, tất cả đều là những vị Đại đức, Thượng tọa học rộng hiểu nhiều, xuất gia đã lâu, đầy đủ Phạm hạnh. Khi ấy, lại có Tôn giả Đại Ca-diep107 cùng với số đong Tỳ-kheo đang kinh hành gần đó, tất cả đều là bậc ít muốn biết đủ? hành hạnh Đầu-đà,108 không chứa đồ dư.

105 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.447. 0115a24). Tham chiếu: Tăng.(7102. 012549.3. 0795b20);S. 14.15 - II. 155. 106 Kiêu-trần-như )gọi đủ là A-nhã Kiêu-ưần-như (,Aññā Kondañña), cũng gọi là A-nhã Câu-lân j. 107 Đại Ca-diếp (,Mahākassapa). 108 Đầu-đà (SMK, Dhūta): Giải thoát đạo luận (T.32. 1648.2. 0404b27) trả lời câu hỏi: Những gì gọi lầ Đầu-đà? Có 13 phápv Hai pháp liên quan đên y phục, gồm ỵ phấn tảo và ba y. Năm pháp liên quan đến khất thực; đó là khất thực, tuần tự khất thực, ăn một lân ngoi, ăn có chừng mực, trải thờl không ăn. Năm pháp liên quan đến nằm, ngồi: Một là ngoi nơi thạnh văng, hai là ngoi dưới gốc cây, ba là ngồi chỗ đạt ương, bốn là ngồi nơi bãi tha ma* năm la ngồi chỗ ngẫu nhiên. Có một pháp liên quan đến hh tinh tấn, đó la thường ngồi, không nậm. ?
, ".X
,;.,6\). Tương tự, trong Vìsm. 2.22 cũng đê cập đên 13 pháp Đâu-đà: Pamsukūlikañgam, tecīvarikañgam, pindapātikañgam, sapadānacārikañgam, ekāsanikañgam, pattapindikañgam, khalupacchābhattikañgam, āraññikañgain, rukkhamūlikañgam, abbhokāsikañgam, sosānikañgam, yathāsanthatikañgam, nesajjikañganti ((i) Hạnh phấn tảo y; (ii)Hạnh ba y; (ill) Hạnh khất thực; (iv) Hạnh khất thực tưng nhà; (y) Hạnh nhất tọa thực; (vi) Hạnh an bằng bát; (vil) Hạnh không để dành đo ăn (không nhận đồ ăn sau khi đã ăn xong); (viii) Hạnh ơ rừng; (ix) Hạnh ở gốc cây; (x) Hạnh ở giữa trời^(xi) Hạnh ở nghĩa địa; (xii) Hạnh nghỉ chỗ nào cũng xong; (xiii) Hạnh ngồi (khòng nằm)), Thích Nữ Tn Hải dịch.



cùng với số đông Tỳ-kheo cũng đang kinh hành gần Tôn giả Xá-lợi-phất109110 đó, tất cả đều là những bậc đại trí biện tài. Khi ấy cũng có Tôn giả Đại Mục-kiền-liênlw cùng với số đông Tỳ-kheo đang kinh hành gần đó, tất cả đều là bậc có sức thần thông lớn. Lại có Tôn giả A-na-luật-đà111 cùng với số đông Tỳ-kheo cũng đang kinh hành gần đó, tất cả đều là bậc Thiên nhãn thấu suốt. Khi ấy lại có Tôn giả Nhị Thập ức Nhĩ112 cùng với số đông Tỳ-kheo cũng đang kinh hành gần đó, tất cả đều là bậc dũng mãnh tinh tấn,

chuyên cần tu tập. Khi ấy cũng có Tôn giả Đà-phiêu113 cùng với số đông Tỳ-kheo đang kinh hành gần đó? tất cả đều là những bậc khéo vì đại chúng mà tu hạnh cúng dường đầy đủ. Lại có Tôn giả Ưu-ba-ly114 cùng với số đông Tỳ-kheo cũng đang kinh hành gần đó, tất cả đều là bậc thông suốt việc hành trì giới luật. Khi đó lại có Tôn giả Phú-lâu-na115 cùng với số đông Tỳ-kheo cũng đang kinh hành gần đó? tất cả đều là bậc có tài hùng biện và giỏi thuyết pháp. Khi đó lại có Ton giả Ca-chiên-diên116 cùng với số đông Tỳ-kheo cũng đang kinh hành gần đó, tất cả đều là bậc có tài phân biệt các kinh, khéo nói pháp tướng. Khi đó lại có Tôn giả A-nan117 cùng với số đông Tỳ-kheo cũng đang kinh hành gần đó, tất cả đều là những bậc tổng trì đa văn. Lại có Tôn giả La-hầu-la118 cùng với số đông Tỳ-kheo cũng đang kinh hành gần đó5 tất cả đều là bậc khéo hành trì giới luật. Khi đó cũng có Tôn giả Đề-bà-đạt-đa119 cùng với số đông Tỳ-kheo đang kinh nanh gân đo, tát cả đêu la những người huân tạp những việc xâu ác. Đó gọi là các Tỳ-kheo luôn tương ưng với cảnh giới, hòa hợp với cảnh giới. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Các thầy phải khéo phân biệt mọi cảnh giới. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

109 Xá-lợi-phất Sāriputta.

110 Đại Mục-kiền-liên Mahāmoggallāna.

111 A-na-luật-đà P,Anuruddha.

112 Nhị Thập ức Nhi Sona Kutikanna / Sona Kotikanna.

113 Đà-phiêu ,Dabba.

114 Ưu-ba-ly ,Upāli.

115 Phú-lâu-na Punna.

116 Ca-chiên-diên Kaccāyana.

117 A-nan Ānanda.

118 La-hầu-la Rāhula.

119 Đề-bà-đạt-đa Devadatta.

QUYỂN 16  493

448. BÀI KỆ VỀ Sự TƯƠNG ƯNG (2)120 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-dà, thuộc thành Vương Xá. (Nói đay đủ như kinh trên, chỉ khác là nói thêm bài kệ sau): Thường hợp nên thường sanh, Lìa nhau thì sanh dứt, Như người ôm cây nhỏ, Trôi dạt trong biển lớn, r q l •Ẩ r ~ Người và cây đều chìm, Tâm biêng nhác cũng vậy. Hãy xa lìa biếng nhác, Dốc lòng hành tinh tấn, Hiền Thánh không giải đãi, An trụ hạnh viễn ly, Tinh tấn tu thiền đinh, Vượt thoát dòng tử sanh. Như son gặp lụa trắng, Lửa gặp gió cháy bừng. Ngọc và sữa cùng màu, Chúng sanh và cảnh giới, Tương ưng hòa hợp nhau, Sự tăng trưởng cũng vậy. ***

449. TƯƠNG ƯNG NAM GIỚI120 121122 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. - Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Chúng sanh luôn tương ưng với cảnh giới, hòa hợp với cảnh giới,... (nói rộng như kinh trên, cho deny22... khi tâm tốt đẹp sanh khởi thì tương ưng với cảnh giới tốt đẹp; khi tâm thấp kém sanh khởi thì tương ưng với cảnh giới thấp kém; khi tâm giết

hại sanh khởi thì tương ưng với cảnh giới sát sanh; khi tâm trộm cướp, tà dâm, nói dối, uống rượu sanh khởi sẽ tương ưng với các cảnh giới đó; khi không có tâm giết hại thì tương ưng với cảnh giới không sát sanh; khi không có tâm trộm cướp, tà dâm, nói dôi, uông rượu sẽ tương ưng với cảnh giới không trộm cướp, không tà dâm, không nói doi, không uống rượu. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Các thầy phải khéo phân biệt mọi cảnh giới. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

120 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.448. oil5b24). Tham chiếu: Tạp.(102. 0099.446 oil5al2); ả 14.16-11. 157. 121 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.449. 0115c06). Tham chiếu: Biệt Tạp. (Z02. 0101.20. 0497CÌ3); Tương ưng khả kinh (Z02. 0111. Ó504Ồ26); 5. 14.12-II. 151. 122 Bản Hán tỉnh lược, xem nội dung đầy đủ ở kinh số 447; Tạp.(r.02. 0099.447. 0115a24).

494 KINH TẠPA-HÀM

450. PHÂN BIỆT CẢNH GIỚI123124 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. J Bấy giờ? Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: - Chúng sanh luôn tương ưng với cảnh giới. Khi chúng sanh khởi tâm không kính tin sẽ tương ưng với cảnh giới không kính tin; khi chúng sanh phạm giới thì tương ưng với cảnh giới phạm giới; khi chúng sanh không có tâm hổ thẹn thì tương ưng với cảnh giới không biết hổ thẹn; khi chúng sanh có tâm kính tin thì tương ưng với cảnh giới có kính tin; khi chúng sanh có tâm trì giới thì tương img với cảnh giới có trì giới; khi chúng sanh có tâm hổ thẹn thì tương ưng với cảnh giới biết hổ thẹn. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Các thầy phải khéo phân biệt các cảnh giới ấy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. Tương tự như trường hợp có tâm kính tin và không có tâm kỉnh tin ở trên, Cũng vậy, đoi với những trường hợp: Tâm tinh tan và tâm không tinh tan, tâm thất niệm và tâm không thất niệm, tâm đinh tĩnhỉ24 và tâm không đinh tĩnh, tâm học rộng hiểu nhiều và tâm không học rộng hiểu nhiều, tâm bon xẻn và tâm bo thí, tâm mê muội và tâm sáng suốt, tâm khó dạy dô và tâm dê dạy dỗf tâm khó hài lòng và tâm de hài lòng, tâm ham muốn nhiều và tâm ham muốn ít, tâm biết đủ và tâm không biết đủ, tâm khéo điều phục và tâm không khéo điều phục, thảy đều tương ưng với các cảnh giới đó. Nói đầy đủ giống như đoạn kinh trên.125 ***

451. CÁC GIỚI126

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Ky.dà, thuộc nước Xá-vệ.

Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo:

Hôm nay, Như Lai sẽ nói về sự sai biệt của các giới.127 Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Như Lai sẽ nói cho các thây nghe.

123 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02^0099.450. 0115cl5). Tham chiếu: Biệt Tạp.(7102. 0101.20. 0497c13); Tương img kha kinh (T02. 0111. 0504b26); y

14.17-29- II. 159-68Ĩ 124 Nguyen tác: Chánh thọ (,samāpatti), ^Ttotātc023kinh;,JE,,
ii;;:. 126 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02.
0099.451. 0115c27). Tham chiếu: s. 14.1 - II. 140; M 115, Bahudhātuka Sutta (Kinh đa giới). 127 Nguyên tác: Chủng chủng giới (.llieo Từđiển kinh A-hàm, "chủng chdng”()mang nghĩa là sự khác biệt, bất đồng, ví dụ .Tham chiếu: s. 14.1 -
II. 140: Dhātunānattam (sự đa dạng của giới); Nānattā'. Sự khác biệt, điểm dị biệt.



Thế nào gọi là sự sai biệt của giới? Đó là nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới; nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới; tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới; thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới; thân giới, xúc giới, thân thức giới; ý giới, pháp giới, ý thức giới. Đó gọi là sự sai biệt của giới. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 452. XÚC GIỚI128 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:
Do duyên giới sai biệt nên sanh các xúc sai biệt. Do duyên xúc sai biệt nên sanh các thọ sai biệt. Do duyên thọ sai biệt nên sanh các ái sai biệt. Thế nào gọi là sự sai biệt của giới? Đó là mười tám giới, gồm nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới; nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới; tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới; thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới; thân giới, xúc giới, thân thức giới va y giới, pháp giới, y thức giới.129 Đo gọi la sự sai biệt cua giới. Thế nào gọi là do duyên giới sai biệt nên sanh các xúc sai biệt? Thế nào gọi là do duyên xúc sai biệt nên sanh các thọ sai biệt? The nào gọi là do duyên thọ sai biệt nên sanh các ái sai biệt? Đó là do duyên nhãn giới mà sanh khởi nhãn xúc, do duyên nhãn xúc mà sanh khởi nhãn thọ, do duyên nhãn thọ nên sanh khởi nhãn ái. Đối với nhĩ giới, tỷ giới, thiệt giới, thân giới và ý giới cũng giống như vậy. Do duyên ý giới mà sanh khởi ý xúc, do duyên ý xúc nên sanh khởi ý thọ, do duyên ý thọ nên sanh khởi ý ái. Này các Tỳ-kheo! Chẳng phải do duyên ái sai biệt mà sanh thọ sai biệt, chẳng phải do duyên thọ sai biệt mà sanh xúc sai biệt, chẳng phải do duyên xúc sai biệt mà sanh giới sai biệt mà chính là do duyên giới sai biệt nên sanh xúc sai biệt. Do duyên xúc sai biệt nên sanh thọ sai biệt. Do duyên thọ sai biệt nên sanh ái sai biệt. Này các Tỳ-kheo! Đó gọi là do duyên giới sai biệt nên sanh khởi xúc sai biệt. Do duyên xúc sai biệt nên sanh thọ sai biệt. Do duyên thọ sai biệt nên sanh ái sai biệt. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

128 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.452. 0116a05). Tham chiếu: s. 14.2-6 - II. 140-43. 129 Bản Hán tỉnh lược, ở đây liệt kê cho đầy đủ.



453. TUẦN Tự CỦA xúc, THỌ, ÁI130 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. J Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo:
-Do duyên giới sai biệt nên sanh các xúc sai biệt. Do duyên xúc sai biệt nên sanh các thọ sai biệt. Do duyên thọ sai biệt nên sanh các ái sai biệt. Thế nào gọi là sự sai biệt của giới? Đó là mười tám giới, gồm nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới,... (cho đen) ý giới,

pháp giới, ý thức giới. Đó gọi là sự sai biệt của giới. Thê nào gọi là do duyên giới sai biệt nên sanh các xúc sai biệt? Thê nào gọi là do duyên xúc sai biệt nên sanh các thọ sai biệt? The nào gọi là do duyên thọ sai biệt nên sanh các ái sai biệt? Đó là do duyên nhãn giới mà sanh nhãn xúc. Không phải do duyên nhãn xúc nên sanh nhãn giới, mà chỉ vì do duyên nhãn giới nên sanh nhãn xúc. Do duyên nhãn xúc nên sanh nhãn thọ. Không phải do duyên nhãn thọ nên sanh nhãn xúc, mà chỉ vì do duyên nhãn xúc nên sanh nhãn thọ. Do duyên nhãn thọ nên sanh nhãn ái. Không phải do duyên nhãn ái nên sanh nhãn thọ, mà chỉ vì do duyên nhãn thọ nên sanh nhãn ái. Cũng vậy, đối với nhĩ giới, tỷ giới, thiệt giới, thân giới, ý giới cũng giống như vậy. Do duyên ý giới nên sanh ý xúc. Không phải do duyên ý xúc nên sanh ý giới, mà chỉ vì do duyên ý giới nên sanh ý xúc. Do duyên ý xúc nên sanh khởi ý thọ. Không phải do duyên ý thọ nên sanh ý xúc, mà chỉ vì do duyên ý xúc nên sanh ý thọ. Do duyên ý thọ nên sanh ý ái. Không phải do duyên ý ái nên sanh ý thọ, mà chỉ vì do duyên ý thọ nên sanh ý ái. Thế nên, này các Ty-kheo! Không phải do duyên ái sai biệt mà sanh thọ sai biệt, không phải do duyên thọ sai biệt mà sanh khởi xúc sai biệt, không phải do duyên xúc sai biệt mà sanh giới sai biệt mà chính là do duyên giới sai biệt nên sanh xúc sai biệt. Do duyên xúc sai biệt nên sanh thọ sai biệt. Do duyên thọ sai biệt nên sanh ái sai biệt. Này các Ty-kheo! Đó gọi là nên khéo phân biệt về sự sai biệt của giới. Đức Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

130 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.453.0116a22). Tham chiếu: s. 14.2-6 -IL 140-43.

QUYỂN 16  497

454. TƯỞNG131 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. , Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo:  Do duyên giới sai biệt nên sanh các xúc sai biệt. Do duyên xúc sai biệt nên sanh các thọ sai biệt. Do duyên thọ sai biệt nên sanh các tưởng sai biệt. Do duyên tưởng sai biệt nên sanh những tham muốn sai biệt. Do duyên tham muốn sai biệt nên sanh giác132 sai biệt. Do duyên giác sai biệt nên sanh nhiệt não133 sai biệt. Do duyên nhiệt não sai biệt nên sanh mong cầu sai biệt. Thế nào gọi là sự sai biệt của giới? Đó là mười tám giới, bao gồm từ nhãn giới,... (cho đen) pháp giới. Thế nào gọi là do duyên giới sai biệt nên sanh xúc sai biệt? (Cho đến) Thế nào gọi là do duyên nhiệt não sai biệt mà sanh mong cầu sai biệt? Đó là do duyên nhãn giới mà sanh nhãn xúc, do duyên nhãn xúc mà sanh nhãn thọ, do duyên nhãn thọ mà sanh nhãn tưởng, do duyên nhãn tưởng mà sanh nhãn dục, do duyên nhãn dục nên sanh nhãn giác, do duyên nhãn giác mà sanh nhãn nhiệt não, do duyên nhãn nhiệt não nên sanh nhãn mong câu. Đối với nhĩ giới, tỷ giới, thiệt giới, thân giới và ý giới cũng tương tự như vậy. Do duyên ý giới mà sanh ý xúc, do duyên ý xúc mà sanh ý thọ, do duyên ý thọ mà sanh ý tưởng, do duyên ý tưởng mà sanh ý giác, do duyên ý giác mà sanh ý nhiệt não, do duyên ý nhiệt não mà sanh ý câu. Này các Tỳ-kheo! Đó gọi là do duyên giới sai biệt nên sanh xúc sai biệt. (Cho đến) do duyên nhiệt não sai biệt mà sanh mong cầu sai biệt. Này các Tỳ-kheo! Không phải do duyên mong câu sai biệt mà sanh nhiệt não sai biệt, không phải do duyên nhiệt não sai biệt

mà sanh giác sai biệt, không phải do duyên giác sai biệt mà sanh khởi tưởng sai biệt, không phải do duyên tưởng sai biệt mà sanh thọ sai biệt, không phải do duyên thọ sai biệt mà sanh xúc sai biệt, không phải do duyên xúc sai biệt mà sanh giới sai biệt mà chỉ vì do duyên giới sai biệt nên sanh xúc sai biệt.... (cho đến) do duyên nhiệt não sai biệt mà sanh mong cầu sai biệt. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.134

131 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02.0099.454.0116bl4). Tham chiếu: s. 14.7-10 -II. 143-47. 132 Nguyên tác: Giác ()chỉ cho giác tưởng phân biệt hay vọng tưởng phân biệt. 133 Nguyên tác: Nhiệt (),chỉ cho sự nóng bức, bức bách khổ não. 134 Bản Hán, hết quyển 16. Đầu quyển 17 có thêm một dòng chữ Hán, là dấu vết của^ựphân chia chương, mục thời xưa còn sót lại. Đó là Tạp nhân tụng đệ tam phàm chi ngũ ().



QUYỂN 17 455. CÁC TƯỞNG1 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Do duyên giới sai biệt nên sanh các xúc sai biệt. Do duyên xúc sai biệt nên sanh các tưởng sai biệt. Do duyên tưởng sai biệt nên sanh những tham muốn sai biệt. Do duyên tham muốn sai biệt nên sanh giác sai biệt. Do duyên giác sai biệt nên sanh nhiệt não sai biệt. Do duyên nhiệt não sai biệt nên sanh mong cầu sai biệt. Thế nào là giới sai biệt? Đó là mười tám giới, từ nhãn giới, (cho đếrì) pháp giới. Thế nào là do duyên giới sai biệt mà sanh xúc sai biệt? Thế nào... (cho đến) do duyên nhiệt não sai biệt nên sanh mong cầu sai biệt? Đó là do duyên nhãn giới nên sanh nhãn xúc, không phải do duyên nhãn xúc nên sanh nhãn giới, mà chỉ vì do duyên nhãn giới nên sanh nhãn xúc. Do duyên nhãn xúc nên sanh nhãn tưởng,2 không phải do duyên nhãn tưởng nên sanh nhãn xúc, mà chỉ vì do duyên nhãn xúc nên sanh nhãn tưởng. Do duyên nhãn tưởng nên sanh nhãn dục, không phải do duyên nhãn dục nên sanh nhãn tưởng, mà chỉ vì do duyên nhãn tưởng nên sanh nhãn dục. Do duyên nhãn dục nên sanh nhãn giác, không phải do duyên nhãn giác nên sanh ra nhãn dục, mà chỉ vì do duyên nhãn dục nên sanh nhãn giác. Do duyên nhãn giác nên sanh nhãn nhiệt, không phải do duyên nhãn nhiệt nên sanh nhãn giác, mà chỉ vì do duyên nhãn giác nên sanh nhãn nhiệt. Do duyên nhãn nhiệt nên sanh nhãn càu, không phải do duyên nhãn cầu nên sanh nhãn nhiệt, mà chỉ vì do duyên nhãn nhiệt nên sanh nhãn cau. Cũng thế, đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, do duyên ý giới nên sanh ý xúc, (cho đến) do duyên ý nhiệt não mà sanh khởi ý mong cầu, cũng nói đầy đủ như trên. Này các Tỳ-kheo! Đó gọi là do duyên giới sai biệt nên sanh xúc sai biệt, (cho đen) do duyên nhiệt não sai biệt nên sanh mong cầu sai biệt. Không phải

1 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.455. 0125a06). Tham chiếu: s. 14.7-10 - II. 143-47. 2 Đoạn này trong bản Hán có thể nhầm lẫn (có thêm chữ ),ở đây dựa theo ý kinh cho nên lược bỏ.

do duyên mong cầu sai biệt mà sanh nhiệt não sai biệt, cho đến không phải do duyên xúc sai biệt nên sanh giới sai biệt, mà chỉ vì do duyên giới sai biệt nên sanh xúc sai biệt, cho đến do duyên nhiệt não sai biệt nên sanh mong cầu sai biệt. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. r \ Tương tự như sáu căn, đôi với sáu trần cũng nói như vậy. ***

456. CẢNH GIỚI THIỀN ĐỊNH34 567 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Có Quang giới/ Tịnh giới/ Vô lượng không nhập xứ giới,6 Vô lượng thức nhập xứ giới/ Vô sở hữu nhập xứ giới,8 Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ giới,9 Hữu diệt giới.10 Khi ây, có Tỳ-kheo từ chô ngôi đứng dậy, sửa lại y phục, cúi lạy sát chân Phật rồi bạch: Kính bạch Thế Tôn! Có Quang giới, Tịnh giới, Vô lượng không nhập xứ giới, Vô lượng thức nhập xứ giới, Vô sở hữu nhập xứ giới, Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ giới và Hữu diệt giới. Do nhân duyên gì để có thể biết các giới như thế ấy? Phật nói với Tỳ-kheo ấy: -Do duyên vào tối tăm nên biết được Quang giới. Do duyên vào bất tịnh nên biết được Tinh giới. Do duyên sắc nên biết được Vô lượng không nhập xứ giới. Do duyên vào hư không11 nên biết được Vô lượng thức nhập xứ giới. Do duyên vào sở hữu12 nên biết được Vô sở hữu nhập xứ giới. Do duyên Hữu đệ nhất13 nên biết được Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ giới. Do duyên hữu thân14 nên biết được Diệt giới.

3 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.02. 0099.456. 0116cl2. Tham chiếu: s. 14.11 - II. 149. 4 Quang giới :Cảnh giới ánh sáng. 5 Tịnh giới :Cảnh giới tịnh khiết. 6 Vô lượng không nhập xứ giới Cảnh giới hư không vô biên.

7 Vô lượng thức nhập xứ giới :Cảnh giới thức vô biên. 8 Vô sở hữu nhập xứ giới :Cảnh giới vô sở hữu. 9 Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ giới :Cảnh giới Phi tưởng phi phi tưởng. 10 Hữu diệt giới :Cảnh giới diệt tận tưởng và thọ. 11 Nguyên tác: Nội không Hư không vô biên. 12 Nguyên tác: Sở hữu :Thức vô biên xứ. 13 Hữu đệ nhất hay hữu đảnh, chóp đỉnh của hữu, cao nhất trong các cõi Hữu. 14 Hữu thân sakkāyo.



Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Nhờ vào chánh định15 gì mà đạt được Quang giới, Tịnh giới, Vô lượng không nhập xứ giới, Vô lượng thức nhập xứ giới, Vô sở hữu nhập xứ giới, Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ giới và Diệt giới? Phật bảo Tỳ-kheo: -Nhờ vào sự tư thực hành chánh định mà đạt được các giới như Quang giới, Tịnh giới, Vô lượng không nhập xứ giới, Vô lượng thức nhập xứ giới và Vô sở hữu nhập xứ giới, còn Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ giới là nhờ chánh định của Hữu đệ nhất mà đạt được. Diệt giới là nhờ chánh định của hữu thân diệt16 mà có được. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đêu hoan hỷ phụng hành. ***

457. THUYẾT17 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại giảng đường Lộc Tử Mau ở Đông Viên,18 thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, sau thời tọa thiền buổi chiều, đức Thế Tôn đến chỗ bóng mát của giảng đường, trải tòa ngồi trước đại chúng và nói những câu kệ Ưu-đàn-na19 rồi bảo các Tỳ-kheo: Này các Tỳ-kheo! Do duyên giới nên thuyết sanh

khởi,20 chứ chẳng phải không do giới. Do duyên giới nên kiến sanh khởi, chứ chẳng phải không do giới. Do duyên giới nên tưởng sanh khởi, chứ chẳng phải không do giới. Như Lai nói do duyên giới thấp kém nên sẽ sanh thuyết thấp kém,21 kiến thấp kém, tưởng thấp kém, tư niệm thấp kém, mong cầu thấp kém,22 ước nguyện thấp kém, nhân thân thấp kém,23 việc làm thấp kém, xử trí thấp kém, kiến lập thấp kém, thành phần thấp kém, hiển bày thấp kém và thọ sanh thấp kém.

15 Nguyên tác: Chánh thọ ,còn gọi là chánh định hoặc đẳng chí, trạng thái tập trung, hợp nhất tư tưởng. Có 9 bậc định như vậy: 4 sắc giới thiền, 4 Vô sắc định và Diệt tận định. 16 Hữu thân diệt :Các thân kiến đã diệt tận. 17 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.457. 0117a03. Tham chiếu: s. 14.13 - II. 153. 18 Đông Viên Lộc Tử Mầu giảng đường .Xem chú thích 121, kinh số 58, quyển 2, tr. 62; Tạp.T.02. 0099.58. 0014bl2. 19 Ưu-đàn-na udāna'. Vô vấn tự^thuyết còn gọi là Phật tự thuyết ,Cảm htagngữ ¥'Ô-đà-nam ,Ốt-đa-nà ,Ồ-đà-riam ,ửu-đà-naśfe,

20 Tham chiếu: s. 14.13 - II. 153: Dhātuīñ, bhikkhave, paticca uppajjati saññā. Này các Tỳ-kheo, duyên giới, tưởng sanh khởi. 21 Nguyên tác: Hạ thuyết :Ngôn ngữ hạ đẳng, thấp kém. 22 Nguyên tác: Hạ dục :Dục cầu hay hy vọng thấp kém. 23 Nguyên tác: Hạ sĩ phu Nhân cách thấp kém.

QUYỂN 17 501

Đôi với trường hợp duyên và cảnh giới bậc trung cũng tương tự như thê. Đoi với cảnh giới thù thắng cũng vậy. Do duyên vào cảnh giới thù thắng, Như Lai nói người kia sẽ sanh thuyết thù thắng, kiến thù thắng, tưởng thù thắng, tư niệm thù thang, ước nguyện thù thắng, nhân cách thù thắng, việc làm thù thắng, xử trí thù thắng, kiến lập thù thắng, thành phần thù thắng, hiển bày thù thắng và thọ sanh thù thắng. Bấy giờ, có Tỳ-kheo Bà-ca-lợi24 đang đứng cầm quạt hầu sau lưng Phật, thưa rằng: Kính bạch Thế Tôn! Nếu đối với bậc Chánh đẳng Chánh giác mà sanh kiến giải chẳng phải của bậc Chánh đẳng Chánh giác thì kiến giải này cũng duyên theo cảnh giới mà sanh ư? Phật bảo Tỳ-kheo ấy: -Đối với bậc Chánh đẳng Chánh giác mà sanh kiến giải chẳng phải của bậc Chánh đang Chánh giác thì cũng duyên theo cảnh giới mà sanh, chẳng phải không duyên theo cảnh giới. Sở dĩ vì sao? Vì cảnh giới của phàm phu là cảnh giới vô minh. Như trước Như Lai đã nói, duyên vào cảnh giới thấp kém thì sanh khởi thuyết thấp kém, kiến thấp kém, cho đến thọ sanh thấp kém. Đối với cảnh giới bậc trung và cảnh giới thù thắng cũng giống như vậy. Duyên vào cảnh giới thù thắng thì sanh khởi thuyết thù thắng, kiến thù thắng, cho đến thọ sanh thù thắng. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

458. NHÂN25 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: -Tưởng tham dục sanh khởi do có nhân chứ không phải không có nhân. Tưởng sân hận sanh khởi do có nhân chứ không phải không có nhân. Tưởng não hại sanh khởi do có nhân chứ không phải không có nhân.26 Do nhân gì mà tưởng tham dục sanh khởi? Đó là do nhân duyên

vào cảnh giới dục. Do duyên vào cảnh giới dục nên sanh khởi tưởng tham dục, ước muốn nhục dục, tư duy về dục, nhiệt tình với dục, tìm cầu dục. Hàng phàm phu mê

24 Bà-ca-lợi .S. 14.13 - II. 153: Saddhā Kaccāyana. 25 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.458. 0117a21. Tham chiếu: s. 14.12 - II. 151. 26 Gồm dục tưởng kāmavitakka, khuê tưởngbyāpādavitakka và hại tưởng , vihimsāvitakka: 3 bát thiện tưởng, cũng là 3 bất thiện tầm, 3 tư duy tầm cầu bất thiện.



muội khi đã khởi lên sự tìm cầu dục rồi thì chúng sanh này liền sanh khởi tà vạy qua ba nơi là thân, miệng và ý. Do nhân tà vạy như vậy cho nên trong hiện đời phải chịu khổ, bi khổ não, bi khốn quẫn, bi phiền muộn, bi nhiệt não, sau khi qua đời rồi sanh vào đường ác. Đó gọi là nhân duyên sanh khởi tưởng tham dục. Do nhân duyên gì mà tưởng sân hận, tưởng não hại sanh khởi? Đó là do nhân duyên vào cảnh giới não hại. Do duyên vào cảnh giới não hại nên sanh khởi tưởng não hại, ước muốn não hại, tư duy não hại, nhiệt tình não hại, tìm cầu não hại. Hàng phàm phu mê muội khi đã khởi tâm tầm cầu não hại rồi thì kẻ ấy liền khởi tà vạy qua ba nơi là thân, miệng và ý. Do sanh khởi tà vạy qua ba nơi này roi cho nên hiện tại sông trong khô đau, bị khô, bị khôn quân, bi phiên muộn, bị nhiệt não, sau khi qua đời sẽ sanh vào đường ác. Đó gọi là nhân duyên sanh khởi tưởng não hại. Này các Tỳ-kheo! Nếu Sa-môn? Bà-la-môn an tru nơi sự sanh khởi như vậy, tức là sanh khởi những tưởng nguy hiểm27 mà không tìm cách loại bỏ, không biết tỉnh giác, không biết xa lìa, người ấy hiện đời sống trong khổ đau, bị khổ, bị chướng ngại, bị buồn phiền, bị nhiệt não, sau khi qua đời sẽ sanh vào đường ác.28 Ví như có một cánh đồng hoang vắng cách thành ấp, làng xóm không xa, chợt bốc lửa cháy lớn. Nếu không có người đủ năng lực để dập tắt lửa, nên biết rằng các chúng sanh ở trong cánh đồng hoang ấy chắc chắn sẽ bị lửa hại. Cũng vậy, Sa-môn, Bà-la-môn an trú nơi sự sanh khởi như vậy, tức là sanh khởi những tưởng nguy hiểm, sau khi qua đời sẽ sanh vào đường ác. Này các Tỳ-lcheo! Tưởng xuất ly29 có nhân sanh khởi chứ không phải không có nhân. Do nhân gì mà sanh khởi tưởng xuất ly? Đó là do nhân duyên vào cảnh giới xuât ly. Do duyên vào cảnh giới xuât ly nên sanh khởi tưởng xuât ly, ước muôn xuất ly, tư duy xuất ly5 nhiệt tình xuất ly, tầm cầu xuất ly. Nghĩa là người trí kia khi có sự tầm cầu xuất ly rồi thì vị ấy liền sanh khởi chánh hạnh qua ba nơi là thân, miệng và ý. Vi ấy nhờ sanh khởi chánh hạnh qua ba nơi như vậy rồi nên hiện đời được an lạc, không khổ dàu, không chướng ngại, không phiền muộn, không bức bách, sau khi qua đời được sanh vào cõi lành. Đó gọi là nhân duyên sanh khởi tưởng xuất ly. Do nhân gì mà sanh khởi tưởng không sân hận, không não hại? Đó là do nhân duyên vào cảnh giới không não hại. Do nhân duyên vào cảnh giới không

27 Nguy hiểm tưởng ,visamagata vitakkā'. Niệm tưởng bất chánh, bị chi phối bởi độc hại. 28 Tham chiếu: s. 14.12 - II. 151: Cũng vậy, này các Tỷ-khẹo, vị Sa-môn hay Bặ-la-môn nào, đối với tưởng bát chánh9khởị lêiỊ^ không gáp từ bỏ, nhiếp phục, chấm dứt, tiêu diệt; vị ấy ngay trong hiện tại trú trong đau khô, với phiên lao, với sâu não, với nhiệt não; và sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào ác thú HT. Thích Minh Châu dịch. 29 Nguyên tác: Xuất yếu tưởng ,nekkhammavitakko: Ý tưởng thoát

ly, xuất ly, tư duy tầm cầu sự thoát ly.

QUYÊN 17 > 503

não hại cho nên sanh khởi tưởng không não hại, ước muốn không não hại, tư duy không não hại, nhiệt tình không não hại, tìm cầu không não hại. Khi người trí kia đã có sự tìm cầu không não hại rồi thì vi ấy liền sanh khởi chánh hạnh qua ba nơi là thân, miệng và ý. Do nhân sanh khởi chánh hạnh qua ba nơi thân, miệng, ý rồi cho nên vi ấy hiện đời sống trong an lạc, không khổ dàu, không chướng ngại, không phiền não, không bức bách, sau khi qua đời được sanh vào cõi lành. Đó gọi là nhân sanh khởi tưởng không não hại. Nếu các Sa-môn, Bà-la-môn an tru nơi sự sanh khởi như vậy, tức là sự sanh khởi tưởng không não hại, tâm không xa lìa, không buông bỏ, chẳng nhàm chán thì hiện đời được an lạc, không khổ đau, không chướng ngại, không phiền não, không bức bách, sau khi qua đời được sanh vào cõi lành. Ví như có một cánh đồng hoang gần thành ấp, gần xóm làng bất chợt bốc lửa lớn. Nếu có người đủ khả năng dùng tay chân để dập tắt lửa thì nên biết rằng những chúng sanh sống nương nhờ vào cỏ cây kia đều không bị hại. Cũng vậy, Sa-môn9 Bà-la-môn đang an tru nơi sự sanh khởi như vậy, tức sanh khởi tưởng chân chánh, tâm không xa lia, không buông bỏ, chẳng nhàm chán thì hiện đời được an lạc, không khổ đau, không chướng ngại, không phiền não, không bức bách, sau khi qua đời được sanh vào cõi lành. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

459. Tự MÌNH LÀM VÀ NGƯỜI KHÁC LÀM30 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, co Bà-la-môn đến chỗ đức Phật, thăm hỏi Thế Tôn xong thì đứng sang một bên roi nói: -Chúng sanh vốn chẳng phải do tự mình làm, chẳng phải do người khác làm.31 Phật bảo Bà-la-môn: Luận thuyết như vậy thì không giông với quan diêm của Như Lai. Hôm nay, ông tự mình đến đây mà sao lại dám nói: "Chúng sanh32 vốn chẳng phải do tự mình làm, chẳng phải do người khác làm"? Bà-la-môn thưa:

30 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.459. 0117c02). Tham chiếu: A. 6.38 - III. 337. 31 Nguyên tác: Chúng sanh phi tự tác, phi tha tác ().Tham chiếu: A. 6.38 - III. 337: Natthi attakāro, natthi parakāro (Không có tự mình làm, không có người khác làm), HT. Thích Minh Châu dịch. Đây là một trong những chủ trương của giáo chủ Makkhali Gosāla, một trong 6 phái triêt học ẤnĐỘ. 32 Nguyên tác: Ngã ().

504 KINH TẠP A-HÀM

Kính bạch Cù-đàm! Vậy thì chúng sanh là do tự mình làm hay là do người khác làm? Phật bảo Bà-la-môn: -Bây giờ Ta hỏi, ông hãy trả lời theo sự hiểu biết của mình. Này Bà-la- môn! Ý ông nghĩ sao, phải chăng có yếu tố nỗ lực33 trong chúng sanh để khiến cho các chúng sanh biết tạo ra sự nỗ lực chăng? Bà-la-môn bạch Phật: Thưa Ngài Cù-đàm! Có yếu tố nỗ lực trong chúng sanh để khiến cho các chúng sanh biết tạo ra sự nỗ lực. Phật nói với Bà-la-môn: Nếu có yếu tố nỗ lực khiến cho các chúng sanh biết tạo ra sự nỗ lực, đó gọi là chúng sanh tự mình làm và cũng do người khác làm. Này Bà-la-môn! Ý Ông nghĩ sao, phải chăng có yêu tô an trú, có yêu tô vững chãi, có yêu tô

xuất ly, có yêu tô tạo tác đê khiên cho chúng sanh biêt có sự tạo tác chăng? Bà-la-môn bạch Phật: -Thưa Ngài Cù-đàm! Có yếu tố an trú, có yếu tố vững chãi, có yếu tố xuất ly, có yếu tố tạo tác để khiến cho chúng sanh biết có sự tạo tác. Phật nói với Bà-la-môn: -Nếu có yếu tố an trú, có yếu tố vững chãi, có yếu tố xuất ly, có yếu tố tạo tác đê khiên cho chúng sanh biêt tạo tác, đó gọi là chúng sanh tự mình làm và cũng do người khác làm. Bà-la-môn thưa:  Kính bạch Cù-đàm! Vậy thì có sự kiện: Chúng sanh tự mình làm và cũng do người khác làm. Thế gian nhiều việc, bây giờ con xin phép cáo từ. Phật bảo Bà-la-môn:  Thế gian nhiều việc, ông nên biết thời!

Bây giờ, Bà-la-môn nghe đức Phật dạy xong đã hoan hỷ và tùy hỷ roi từ chô ngồi đứng dậy ra về. ***

460. CÙ-SƯ-LA34 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ trong vườn Cù-sư-la/5 nước Câu-diệm-di.36

33 Phương tiện giới .Phương tiện Sự tinh tấn, nỗ lực. Giới dhātu dùng như chữ giới ^7 lượng từ, chỉ cho yếu to. J  Tựa đe đặt theo nội dung kinh. Tạp.7.02. 0099.460. 0117c23. Tham chiếu: s. 35.129 - IV. 113. 35 Cù-sư-la Ghosita. 36 Câu-diệm-di Kosambī.

QUYÊN 17  505

Bấy giờ, trưởng giả Cù-sư-la đi đến chỗ Tôn giảA-nan5 cúi lạy sát chân Tôn giả A-nan rồi ngồi sang một bên và thưa rằng:  Nói răng có nhiêu chủng loại cảnh giới, vậy thê nào gọi là nhiêu chủng loại cảnh giới? Tôn giả A-nan nói với trưởng giả Cù-sư-la: -Có nhãn giới riêng biệt và sắc giới yêu thích riêng biệt.37 Hai pháp này làm nhân duyên sanh khởi thức. Ba pháp này38 hòa hợp sanh ra xúc yêu thích. Do xúc yêu thích làm nhân duyên sanh ra cảm thọ lạc. Đối với nhĩ giới, tỷ giới, thiệt giới, thân giới và ý giới cũng tương tự như vậy. Lại nữa, này trưởng giả! Có nhãn giới riêng biệt và sắc giới lo buồn riêng biệt.39 Hai pháp này làm nhân duyên sanh khởi thức. Ba pháp này hòa hợp sanh ra kho xúc. Do kho xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ kho. Đoi với nhĩ giới, tỷ giới, thiệt giới, thân giới, ý giới cũng tương tự như vậy. Lại nữa, này trưởng giả! Có nhãn giới riêng biệt và sắc giới thuộc về xả riêng biệt.40 Hai pháp này làm nhân duyên sanh khởi thức. Ba pháp này hòa hợp khiến xúc không khổ không lạc sanh khởi. Xúc không khổ không lạc này làm nhân duyên sanh ra cảm thọ không khổ không lạc. Đối với nhĩ giới, tỷ giới, thiệt giới, thân giới, ý giới, cũng tương tự như vậy. Bấy giờ, trưởng giả Cù-sư-la nghe Tôn giả A-nan dạy xong đã hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi ra về. ***

461. BA CÕI l41 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cù-sư-la,42 thuộc nước Câu-diệm-di.43 Bay giờ, trưởng giả Cù-sư-la đi đen chỗ Tôn giả A-nan, lạy sát chân ngài rồi ngồi sang một bên và thưa:  Thưa Tôn giả! Nói về các cõi là gồm những cõi nào?

Tôn giả A-nan bảo trưởng giả Cù-sư-la:  Có ba cõi. Là ba cõi nào? Đó là cõi Dục, cõi sắc và cõi Vô sắc.

37 Nguyên tác: Nhãn giới dị sắc giới dị hy, xứ .Theo Đài Đại Sư Tử Hống Phật học chuyên trạm trúc này được chia ra làm 2 phần: Nhãn giới là một và sắc giới yêu thích là một .Xem thêm s. 35.129 - IV. 113: Cakkhudhātu, rūpā ca manāpā nhãn giới, với săc khả ái. 38 ở đây chỉ cho nhãn giới, sắc giới và thức. 39 Tham chiếu: s. 35.129 - IV. 113: Cakkhudhātu, rūpā ca amanāpā nhãn giới, với sắc không khả ái. 4Tham chiếu: s. 35.129 - IV. 113: Cakkhudhãtu, rūpā ca manāpā upekkhãvedanỉyã nhãn giới, với sắc khả ái thuộc xả thọ. 41 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.461. 0118a08. 42 Nguyên tác: Cù-sư-la ViênGhositārāma, còn gọi Cù-sư-la Viên tinh xá, Mỹ Âm tinh xá. 43 Câu-diệm-di còn gọi Kiêu-thưởng-di Kosambī.



Khi ấy, Tôn giả A-nan liền nói kệ: Hiểu rõ về cõi Dục, Cũng vậy với cõi sắc, Xả tất cả hữu du,44 Đắc Vô dư, tịch diệt. Thân hòa hợp với cối, Sạch phiền, chứng Vô du, Đấng Chánh Giác44 45 đã thuyết, Pháp ly cấu, vô ưu. Tôn ệiả A-nan nói kinh này xong, trưởng giả Cù-sư-la hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ roi ra về. ***

462. BA CÕI (2)46 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cù-sư-la, thuộc nước Câu-diệm-di. Bấy giờ, trưởng giả Cù-sư-la đi đến chỗ Tôn giả A-nan, lạy sát chân ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: Thưa Tôn giả! Nói về các cõi là gồm những cõi nào?

Tôn giả A-nan bảo trưởng giả Cù-sư-la: Có ba cõi. Đó là cõi sắc, cõi Vô sắc và cõi Diệt.

Rồi Tôn giả A-nan liền nói kệ:
Nêu chúng sanh cõi sắc, Tiến nhập cõi Vô sắc,
Không biết đến cõi Diệt,47 Thì lại thọ các hữu.48
Nếu xa lìa cõi sắc, Cũng không trụ Vô sắc,
Cõi Diệt, tâm giải thoát,49 Vĩnh viễn lìa sanh tử.
Tôn giả A-nan nói kinh này xong, trưởng giả Cù-sư-la hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ roi ra về.
***

463. BA CÕI (3)50 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cù-sư-la? thuộc nước Câu-diệm-di. Bấy giờ, trưởng giả Cù-sư-la đi đến chỗ Tôn giả A-nan, lạy sát chân ngài rồi ngồi sang một bên và thưa:

44 Hữu dư ()ở đây chỉ chấp thủ, phiền não. 45 Nguyên tác: Tam-da-tam Phật (). 46 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T02. 0099.462. 0118a20). 47 Nguyên tác: Diệt giới (,Nirodhadhātu), ở đây, 4tkhông biết đến c6i,Diet" nghĩa là dù đạt định cao nhát của cõi Vô Săcjà Phi tưởng phi phi tưởng, nhưng nêu "không thấy bởi trí tue" thì vẫn chưa đạt Câu giải thoát nên vẫn còn lậu hoặc, vô minh. Do còn vô minh mói đưa đến ái, thủ (hữu dư) và hữu, chứ không đưa đến cõi Diệt. Tham chiếu: A-thấp-bổi kỉnh (TOI. 0026.195. 0749c01). 48 Nguyên tác: Thọ chư hữu ()Chịu sự luân hồi sanh tử trong 3 cõi. 49 Nguyên tác: Diệt giới tâm giải thoát (,Nirodheye vỉmuccantĩ). 50

Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.463. 0118ỒO2).

QUYỂN 17  507

Thưa Tôn giả! Nói về các cõi là gồm những cõi nào?

Tôn giả A-nan đáp: -Có ba cõi cần thoát khỏi. Là ba cõi nào? Rời cõi Dục lên cõi sắc, rời cõi Sắc lên cõi Vô Sắc là cõi mà tất cả các hành, tất cả tư tưởng đều diệt. Đó gọi là ba cõi cần thoát khỏi. Tôn giả A-nan liền nói kệ: Biết ra khỏi cõi Dục, Cũng vượt thoát cõi sắc, Tất cả hành tịch diệt, Siêng tu, chánh tinh tấn.51 Đoạn trừ tất cả ái, Tất cả hành diệt tận, Rõ tất cả hữu du, Không còn tái sanh nữa.52 Tôn giả A-nan nói kinh này xong, trưởng giả Cù-sư-la hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ roi ra về. ***

464. CÙNG MÔT GIÁO PHÁP53 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cù-sư-la9 thuộc nước Câu-diệm-di. Bây giờ, Tôn giảA-nan đi đên chô một vi Thượng tọa danh tiêng, cung kính thăm hỏi rồi ngồi sang một bên và thưa:  Nêu Tỳ-kheo ở nơi thanh văng, bên góc cây hay trong phòng yên tĩnh mà tư duy thì nên dùng pháp gì đe chuyên tâm tư duy? Thượng tọa đáp:  Này Tôn giả A-nan! Tỳ-kheo ở nơi thanh văng, bên góc cây hay trong phòng yên tĩnh mà tư duy thì nên chuyên tâm tư duy vào hai pháp, đó là chỉ và quán.54 Tôn giả A-nan lại hỏi: - Tu tập pháp chỉ, nếu thường xuyên tu tập như thế sẽ thành tựu được gì? Tu tập pháp quán, nếu thường xuyên tu tập như thê sẽ thành tựu được gì? Thượng tọa đáp: -Tôn giả A-nan! Tu tập pháp chỉ cuối cùng thành tựu pháp quán, tu tập pháp quán cũng thành tựu pháp chi, nghĩa là Thánh đệ tử chỉ và quán song tu sẽ đắc các cõi giải thoát. Tôn giả A-nan lại hỏi: -Như thế nào là các cõi giải thoát?

51 Nguyên tác: Chánh phương tiện (4). 52 Nguyên tác: Bất phục chuyển hoàn hữu ():Không quay lại cõi Hữu tức cõi Dục, cõi sắc và cõi Vô Sắc. 53 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.464. 0118bl5). 54 Chỉ quán (,samatha, vipassanā).

508  KINH TẠPA-HÀM

Thượng tọa đáp:  Tôn giảA-nan! Cõi Đoạn, cõi Vô dục, cõi Diệt. Đó gọi là các cõi giải thoát.

Tôn giả A-nan lại hỏi:  Thế nào là cối Đoạn, cho đến cõi Diệt?

Thượng tọa đáp: -Tôn giả A-nan! Đoạn tất cả hành, gọi là cõi Đoạn; đoạn trừ ái dục, gọi là cõi Vô dục; tất cả hành vắng lặng, gọi là cõi Diệt. Tôn giả A-nan sau khi nghe Thượng tọa nói xong, hoan hỷ và tùy hỷ rồi đi đến chỗ năm trăm Tỳ-kheo cung kính thăm hỏi, rồi ngồi sang một bên và thưa: -Nếu Tỳ-kheo ở nơi thanh vắng, bên gốc cây hay trong phòng yên tĩnh mà tư duy thì nên dùng pháp gì để chuyên tâm tư duy? Khi ấy, năm trăm Tỳ-kheo đáp:  Thưa Tôn giả A-nan! Nên dùng hai pháp đê chuyên tâm tư duy (cho đên cõi Diệt, cũng đong như Thượng tọa đã nói ở trên). Tôn giả A-nan nghe năm trăm vị Tỳ-kheo nói như thế, hoan hỷ và tùy hỷ, liền đi đến chỗ Phật, cúi lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: - Bạch Thế Tôn! Nếu Tỳ-kheo ở nơi thanh vắng, bên gốc cây hay trong phòng yên tĩnh mà tư duy thì nên dùng pháp gì để chuyên tâm tư duy? Đức Phật bảo Tôn giả A-nan: -Nêu Tỳ-kheo ở nơi thanh vang, bên gốc cây hay

trong phòng yên tĩnh mà tư duy thì nên dùng hai pháp để chuyên tâm tư duy (cho đến cõi Diệt, cũng đồng như năm trăm Tỳ-kheo đã nói ở trêri). Lúc ấy, Tôn giả A-nan bạch Phật: -Hay thay, bạch Thế Tôn! Bậc Đại sư và các đệ tử đều cùng giáo pháp, cung y nghĩa, cung văn cu, cung tư ngữ.55 Hom nay, con đên chô một Thượng tọa danh tiếng hỏi về nghĩa này; vi ấy cũng dùng ý nghĩa này, văn cú này, từ ngữ này giải đáp cho con, giống như Thế Tôn vừa dạy. Con cũng đến chỗ năm trăm Tỳ-kheo rồi đem ý nghĩa này, văn cú này, từ ngữ này hỏi năm trăm Ty-kheo, các Ty-kheo ấy cũng dùng ý nghĩa này, văn cú này, từ ngữ này giải đáp, giống như Thế Tôn vừa dạy. Vì thế nên biết, Thế Tôn và đệ tử, tất cả đều cung giáo pháp, cùng ý nghĩa, cung văn cú, cùng chữ nghĩa. Đức Phật hỏi Tôn giả A-nan:  Thày có biết vị Thượng tọa kia là Tỳ-kheo như thế nào chăng?

Tôn giả A-nan đáp:  Bạch Thế Tôn! Con không biết.

55 Nguyên tác: Vị (vyañjana), vừa có nghĩa là vị của món ăn vừa có nghĩa là mẫu tự.



Đức Phật bảo:  Thượng tọa ấy là bậc A-la-hán, các lậu đã sạch, đã xả bỏ gánh nặng, đạt

được chánh trí, tâm được giải thoát hoàn toàn56 và năm trăm vị Tỳ-kheo kia cũng đều như vậy. Đức Phật dạy kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe lời Phật dạy5 hoan hỷ phụng hành. ***

465. ĐOẠN TRỪ TRÓI BUỘC57 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Tôn giả La-hầu-la đi đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa:  Bạch Thế Tôn! Con phải biết như thế nào, thấy như thế nào đối với thân r 9 CÓ thức này cùng với tát cả tướng bên ngoài đê không bi trói buộc bởi nhận thức sai lầm là ta, của ta và phiền não ngã mạn? Phật bảo La-hầu-la:  Hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ! Ta sẽ vì thầy mà nói. Này La-hầu-la! Nêu Tỳ-kheo biết như thật những gì thuộc địa giới ở quá khứ, ở tương lai hay hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tê, hoặc tót hoặc xâu, hoặc xa hoặc gần thì tất cả chúng đều chẳng phải là ta, chẳng phải khác ta, chẳng tồn tại trong nhau. Thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới cũng lại như vậy. Này La-hầu-la! Tỳ-kheo biết như thế, thấy như thế đối với thân có thức này cùng với tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài sẽ không bị trói buộc bởi nhận thức sai lầm là ta, của ta và phiền não ngã mạn. La-hầu-la! Nếu Tỳ-kheo đối với thân có thức này cùng với tất cả tướng của cảnh giới bên ngoài mà không bị trói buộc bởi nhận thức sai lầm là ta, của ta và phiền não ngã mạn thì được gọi là bậc đã đoạn trừ ái dục, dứt các kiết sử, tỏ ngộ hoàn toàn về mạn,58 vượt ứìoát khổ đau. Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả La-hầu-la nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

56 Nguyên tác: Thiện giải thoát (suvimutta). Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển l, tr. 19; Tạp.(02. 0099.22. 0004c20). 57 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.465. 0118c24). Tham chiếu: 4 4.177 - II. 164. 58 Nguyên tác: Chánh mạn vô gián đẳng ().Xem chú thích 60, kinh số 23, quyển l, tr. 21; Tạp.(r.02. 0099.23. ÒOO5bO3).

466. XÚC VÀ THỌ59 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Tôn giả La-hầu-la đi đến chỗ Thế Tôn, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: Bạch Thế Tôn! Con phải biết như thế nào, thấy như thế nào đối với thân có thức này cùng với tất cả tướng bên ngoài, để không bị trói buộc bởi nhận thức sai lầm là ta, của ta và phiền não ngã mạn? Đức Phật bảo La-hầu-la: Có ba thọ. Đó là cảm thọ khô, cảm thọ lạc và cảm thọ không khô không lạc. Ba thọ này do cái gì làm nhân, do cái gì làm tập khởi, do cái gì mà tác sanh, do cái gì làm hiện hữu?60 Này La-hầu-la! Ba thọ này do xúc làm nhân, do xúc làm tập khởi, do xúc mà tác sanh, do xúc mà hiện hữu. Các xúc làm nhân sanh ra các thọ, nếu những xúc ấy diệt thì các thọ kia cũng diệt, dừng nghỉ, thanh tịnh, biến mất. Khi biết như thế, thấy như thế đối với thân có thức này cùng với tất cả tướng bên ngoài thì không còn bị trói buộc bởi nhận thức sai lầm là ta, của ta và phiền não ngã mạn. Đức Phật dạy kinh này xong, Tôn giả La-hâu-la nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

467. THỌ VÀ TƯỞNG61 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-dà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Tôn giả La-hầu-la đi đến chỗ Thế Tôn, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: Bạch Thế Tôn! Con phải biết như thế nào, thấy như thế nào đối với thân có thức này cùng với tất cả tướng bên ngoài để không bi trói buộc bởi nhận thức sai lầm là ta, của ta và phiền não ngã mạn? Đức Phật bảo Tôn giả La-hầu-la: Có ba thọ là cảm thọ kho, cảm thọ lạc và cảm thọ không khổ không lạc. Đối với cảm thọ lạc cần quán tưởng là khổ, đối với cảm thọ khổ cần quán tưởng là mũi tên,62 đối với cảm thọ không khổ không lạc cần quán tưởng vô thường. Nếu Tỳ-kheo nào đối với cảm thọ lạc mà quán tưởng là khổ, đối với cảm thọ

59 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.466. 0119all). Tham chiếu: s. 36.10 - IV. 215. 60 Xem chú thích 22, kinh số 291, quyển 12, tr. 346; Tạp.(r.02. 0099.291. 0082a28). 61 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.467. 0119a22). Tham chiếu: s. 36.5 - IV. 207. 62 Nguyên tác: Kiếm thích ()Mũi kiếm hoặc mũi tên. Xem Tạp.(7Í02. 0099.470. 0119c28).



khô mà quán tưởng là mũi tên, đôi với cảm thọ không khô không lạc mà quán tưởng vô thường, hoại diệt thì gọi là chánh kiến. Bay giơ, The Ton liên noi kẹ: Quán lạc khởi tưởng khổ, Thọ khổ giống mũi tên, Thọ không khổ không lạc, Tu tưởng diệt, vô thường, Như thế là Tỳ-kheo9 Thành tựu được chánh kiến. Đạo tịch diệt, an lạc, Trụ nơi thân cuối cùng, Vĩnh viễn lìa phiền não, Dẹp tan đám ma quân. Đức Phật dạy kinh này xong, Tôn giả La-hầu-la nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

468. ĐOẠN TRỪ VÀ BIẾT RÕ KIẾT sử63 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Tôn giả La-hầu-la đi đến chỗ Thế Tôn, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: Bạch Thế Tôn! Con phải biết như thế nào, thấy như thế nào đối với thân có thức này cùng với tất cả tướng bên ngoài để không bị trói buộc bởi nhận thức sai lầm là ta, của ta và phiền não ngã

mạn? Đức Phật bảo Tôn giả La-hầu-la:  Có ba thọ là cảm thọ khổ, cảm thọ lạc, cảm thọ không khổ không lạc. Đối với cảm thọ lạc cần phải quán sát rằng, [ta] vì để đoạn trừ kiết sử tham đối với cảm thọ lạc mà theo Như Lai tu tập Phạm hạnh; vì đê đoạn trừ kiêt sử sân đôi với thọ khổ mà theo Như Lai tu tập Phạm hạnh; vì để đoạn trừ kiết sử si đối với cảm thọ không khổ không lạc nên mới theo Như Lai tu tập Phạm hạnh. Này La-hầu-la! Nếu Tỳ-kheo nào đối với kiết sử tham nơi cảm thọ lạc đã đoạn trừ, đã biết rõ; đối với kiết sử sân nơi cảm thọ khổ đã đoạn trừ? đã biết rõ; đối với kiết sử si nơi cảm thọ không khổ không lạc đã đoạn trừ, đã biết rõ, gọi là Tỳ-kheo đã đoạn trừ ái dục, dứt các kiết sử, tỏ ngộ ngã mạn, vượt thoát khổ đau.64 Bay giơ, The Ton liên noi kẹ: Lúc cảm nhận thọ lạc, Nếu không biết rõ nó, Sẽ bị tham sư65 troi, Chẳng thấy đường thoát ly. LÚC cảm nhận thọ khô, Nếu không biết rõ n6, Liền bị sân hận buộc, Chẳng thấy đường thoát ly.

63 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.7.02. 0099.468. 0119bll. Tham chiếu: g. 36.3 - IV. 205. 64 Nguyên tác: Mạn vô gián dẳng .Xem chú thích 60, kinh số 23, quyển l, tr. 21; Tạp. roi 0099.23.0005002. 65 Nguyên tác: Tham sử .Sử tức kiết sử, tùy miên, phiền não.



Thọ không khổ không lạc, Bậc Chánh Giác đã dạy, Nếu chẳng khéo quán chiếu, Chẳng thể qua bờ kia. Tỳ-kheo găng tinh tân, Tỉnh giác, không dao động,66 Như the với các thọ, Người trí luôn tỉnh giác. Liễu tri các thọ rồi, Hiện đời trừ sạch lậu, Người trí khi mạng chung, Không rơi vào luân hoi,6768 Luân hồi đã được đoạn, Vĩnh viễn nhập Niết-bàn. Đức Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

469. Sự SÂU HIỂM68 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: -Biển lớn sâu hiểm, đó là điều mà phàm phu ở thế gian thường nói tới. Sự sâu hiểm này không giống như sự sâu hiểm mà giáo pháp của bậc Thánh nói đến. Thế gian nói sâu hiểm là chỉ cho lượng nước tích tụ rất nhiều trong biển lớn; còn các cảm thọ phát sanh từ thân này thống khổ bức bách, hoặc phiền, hoặc chết, đó gọi là chỗ vô cùng sâu hiểm mà giáo pháp của bậc Thánh nói tới. Phàm phu mê muội thiêu hiêu biêt đôi với những cảm thọ phát sanh từ thân này thống khổ bức bách, hoặc phiền, hoặc chết thì thường lo buồn than oán, khóc lóc kêu la, tâm phát cuồng loạn, mãi bị chìm đắm, không chỗ dừng nghỉ. Thánh đệ tử đa văn đối với những cảm thọ phát sanh từ thân này thống khổ bức bách, hoặc phiền, hoặc chết nhung chẳng sanh lo buồn, chẳng khóc lóc kêu la, tâm chẳng sanh cuồng loạn, không chìm trong sanh tử, được chỗ dừng nghỉ. Khi áy, The Ton liên noi kẹ: Thân sanh các thọ khổ, Bức bách cho đến chết, A ~

Lo buôn, không kham nhan, Than khóc, phát loạn cuồng. Tâm tự sanh chướng ngại, Chiêu tập thêm khổ não, Mãi chìm biển sanh tử, Chẳng biết chỗ dừng nghỉ. Biết xả thọ nơi thân, Thân sanh bao khổ phiền, Bức bách cho đến chết, Nhưng chẳng khởi lo buồn.

66 Nguyên tác: Chánh tri bất động chuyển .Chánh triđây là thể rụt ngắn của i4chardi tri chánh niệm^, ,chi cho chánh niệm, tỉnh giác. Bất động chuyển không di động an trú thiển định. Xem Biệt Tạp.7102. 0100.3. 00390022: Kỳ tam kiên co bát động c.Xem them Tạp.7L02. 0099.470. 0120010: Chanh trí bất khuynh đọng

67 Nguyên [ác: Chúng s6 ,một cách diễn đạt khác của "chu s6".Xem chú thích 35, kinh số 16, quyển l, tr. 12; Tạp.hoi 0099.16. 00Ò3bl4. 68 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.7.02. 0099.469. 0119c07. Tham chiếu: s. 36.4 - IV. 206.



Chẳng than khóc kêu gào, Biết tự kham nhẫn khổ, Tâm chẳng sanh chướng ngại, Chẳng chiêu tập thêm khổ, Chẳng chìm đắm sanh tử, Vĩnh viễn được an vui. Đức Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

470. HAI MŨI TÊN Độc69 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật trú tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bay giơ, The Ton noi các Ty-kheo: Phàm phu mê muội thiếu hiểu biết khởi sanh cảm thọ khổ, cảm thọ lạc và cảm thọ không khổ không lạc; Thánh đệ tử đa văn cũng khởi sanh cảm thọ khổ, cảm thọ lạc và cảm thọ không khổ không lạc. Này các Tỳ-kheo! Như vậy, giữa phàm phu và Thánh nhân có gì khác nhau? Các Ty-kheo bạch Phật: -Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp. Kính mong Ngài thuyết giảng cho chúng con. Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ lãnh thọ và phụng hành. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: -Hãy lắng nghe kỹ, khéo tư duy! Ta sẽ vì các thầy giảng nói. Này các Tỳ- kheo! Phàm phu mê muội thiêu hiêu biêt, thân xúc chạm sanh khởi các thọ? tăng thêm thông khô5 thậm chí mát mạng, roi lo buôn than oán, khóc lóc kêu gào, tâm sanh cuồng loạn thì ngay lúc ấy tăng trưởng hai thọ: Thân thọ và tâm thọ. Ví như có người bị trúng hai mũi tên độc, hết sức đau đớn. Phàm phu mê muội thiếu hiểu biết cũng giống như thế, tăng trưởng hai thọ: Thân thọ và tâm thọ, vô cùng khổ sở. Vì sao như thế? Vì phàm phu mê muội thiếu hiểu biết ấy không có tuệ tri nên khi tiếp xúc với năm dục thì khởi sanh cảm thọ lạc, hưởng thụ năm dục lạc. Vì hưởng thụ năm dục lạc nên bị kiết sử tham sai khiến. Lại nữa, khi tiếp xúc với cảm thọ khổ thì sanh sân hận, do sanh khởi sân hận nên bị kiết sử sân sai khiến. Lại nữa, đối với hai thọ này cũng không biết đúng như thật về sự tập khởi, diệt tận, vị ngọt, tai họa và thoát ly; vì không biết đúng như thật nên sanh khởi cảm thọ không khổ không lạc, bị kiết sử si sai khiến. Bị cảm thọ lạc trói buộc không thể lìa, bị cảm thọ khổ trói buộc không thể lìa, bị cảm thọ không khổ không lạc trói buộc không thể lìa. Trói buộc như thế nào? Nghĩa là bị tham, sân, si trói buộc; bị sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, kho, não trói buộc.

69 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.470. 0ll9c28). Tham chiếu: s. 36.6 - IV. 207.



Thánh đệ tử đa văn khi thân xúc chạm sanh khởi cảm thọ khô, thông khô bức bách, thậm chí mất mạng, nhưng không lo buồn than oán, khóc lóc kêu gào, tâm không phát

loạn cuồng thì ngay lúc ấy chỉ sanh một thứ thọ, đó là thân thọ, không sanh tâm thọ. Ví như có người bị trúng một mũi tên độc, nhưng không đê cho trúng tiêp mũi thứ hai, ngay khi ấy chỉ sanh một cảm thọ, đó là thân thọ, không sanh tâm thọ. Vì tiếp xúc với cảm thọ lạc mà không nhiễm dục lạc, do không nhiễm dục lạc nên ngay với cảm thọ lạc ây, vị ây không bi kiêt sử tham sai khiên. Lại nữa, khi tiếp xúc cảm thọ khổ không sanh sân hận, do không sanh sân hận nên không bị kiết sử sân sai khiến. Lại nữa, đoi với hai kiết sử này cũng biết đúng như thật về sự tập khởi, diệt tận, khoái lạc, họa hoạn và xa lìa; vì biết đúng như thật rồi nên ngay nơi cảm thọ không khổ không lạc, vị ấy không bị kiết sử si sai khiến. Như vậy thì ngay nơi cảm thọ lạc được giải thoát, không bị trói buộc; ngay nơi cảm thọ khổ và cảm thọ không khổ không lạc cũng được giải thoát, không bị trói buộc. Không bị cái gì trói buộc? Đó là tham, sân, si không thê trói buộc; sanh, già, bệnh, chét, lo, buôn, khô, não cũng không thê trói buộc. Bay giờ, The Ton liên noi kê: Đa văn đối khổ, lạc, Có thọ,  nhưng tỉnh giác, r

So với kẻ phàm phu, Người ây thật sáng suôt.
Thọ lạc, không buông lung. Gặp khổ, không lo buồn,
Khổ, lạc đều buông xả, Chẳng theo cũng chẳng chống.
r r
Ty-kheo găng tinh tân, Tỉnh giác, không dao động, Đối với tất cả thọ, Trí tuệ thường thấu rõ. Do liễu tri các thọ, Hiện đời sạch các lậu, Mạng chung, không luân hồi,70 Vĩnh viễn nhập Niết-bàn. Đức Phật dạy kinh này xong, các Ty-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

471. GIÓ CẢM THỌ71
Tôi nghe như vầy:
Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá.
Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:
70 Nguyen tác: Bất đọa số .s6 là thể rút gọn của “chu s6”.Xem chú thích 35, kinh so 16, quyển l, tr. 12; Tạp.02. 0099.16. 0003b14. 71 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r02. 0099.471. o 120b 15. Tham chiếu: s. 36.12 - IV. 219; S. 36.13-IV. 219.



-Ví như giữa hư không bỗng nổi lên trận gió dữ từ bốn phương thổi đến: Gió đầy bụi băm, gió không bụi bặm, gió Tỳ-thấp-ba,72 gió Tỳ-lam-bà,73 gió nhẹ, gió mạnh, cho đến phong luân74 nổi gió. Gió cảm thọ trong thân thể cũng như thế, rất nhiều loại cảm thọ dấy khởi: Cảm thọ lạc, cảm thọ khổ, cảm thọ không lạc không khổ; thân cảm thọ lạc, thân cảm thọ khổ, thân cảm thọ không lạc không kho; tâm cảm thọ lạc, tâm cảm thọ kho, tâm cảm thọ không lạc không khổ; khi hưởng thụ vật chất có cảm thọ lạc,75 khi hưởng thụ vật chất có cảm thọ khổ, khi hưởng thụ vật chất có cảm thọ không lạc không khổ; khi không hưởng thụ vật chát có cảm thọ lạc, khi không hưởng thụ vật chát có cảm thọ khô, khi không hưởng thụ vật chất có cảm thọ không lạc không kho; khi tham có cảm thọ lạc, khi tham có cảm thọ khổ, khi tham có cảm thọ không lạc không khổ; khi xuất ly có cảm thọ lạc, khi xuất ly có cảm thọ khổ, khi xuất ly có cảm thọ không lạc

không khổ. Bay giơ, The Ton liên noi kẹ: Ví như giữa hư không, Đủ loại cuồng phong khởi, Khắp Đông, Tây, Nam, Bắc, Bốn hướng đều như vậy. Có bụi và không bụi, Cho đên phong luân nôi, Trong thân này cũng thế, Các thọ cũng dấy lên. Thọ lạc hoặc thọ khổ, Thọ không khổ không lạc, Vật chất hoặc tinh thần, Tham trước, chẳng tham trước. Tỳ-kheo găng tinh tân, Tỉnh giác, không dao động,76 Đối với tất cả thọ, Trí tuệ thường thâu rõ. Do liễu tri các thọ, Hiện đời sạch các lậu, Mạng chung, không luân hồi,77 Vĩnh viễn nhập Niết-bàn. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

72 Tỳ-thấp-ba phong .Theo Du-gia luận ký 7\42. 1828.7. 0447b 10, đó là loại gió với nhiều thứ trang nghiêm, tinh xảo .. 73 Tỳ-lam-bà phong verambhavătă tức "tấn mãnh phong",ubạo phong": Gió mạnh, bão. ^hong luân ,một trong 4 luân gồm không luân ,thủy luân ,phong luân ,kim luân ả 75 Lạc thực thọ .Tham chiếu: M. 10, Mahāsatipatthānasutta Kỉnh đại niệm xứ: Sāmisam vā sukhāni vedanain vedayamāno cảm giác thọ lạc của nhục thể. 76 Nguyên tác: Chánh trí bất khuynh dong .Chánh trí dây ig thể rút ngắn của t4chánh tri chánh niệm,^ chỉ cho chánh niệm tỉnh giác. Xem Tạp.T.02. 0099.468. 0119bll v Tạp. ffir.02. 0099.470. 0119c28. 7\Nguyên tác: Bất đọa số .s6 là thể rút gọn của "chu số?,.Xem chú thích 35, kinh số 16, quyển l,tr. 12; Tạp.T.02. 0099.16. 0003b14.



472. QUÁN TRỌ78 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-dà, thuộc thành Vương Xá. Ạ • A_ r A FT1 _ 9 / _ rrĩ_ỵ 1 L _ _ Bay giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Ví như quán trọ có đủ hạng người đến ở, nào là Sát-lợi? Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ, dân thường, thợ săn, người trì giới, người phạm giới, người tại gia, người xuất gia, tất cả đều ở trong đó. Thân thể này cũng như thế, có đủ các loại cảm thọ sanh khởi: Cảm thọ lạc, cảm thọ khô, cảm thọ không lạc không khô; thân cảm thọ lạc, thân cảm thọ khổ, thân cảm thọ không lạc không khổ; tâm cảm thọ lạc, tâm cảm thọ khổ, tâm cảm thọ không lạc không khổ; khi hưởng thụ vật chát có cảm thọ lạc, khi hưởng thụ vật chát có cảm thọ khô? khi hưởng thụ vật chát có cảm thọ không lạc không khô; khi không hưởng thụ vật chát có cảm thọ lạc, khi không hưởng thụ vật chất có cảm thọ khổ, khi không hưởng thụ vật chất có cảm thọ không lạc không khổ; khi tham có cảm thọ lạc, khi tham có cảm thọ khổ, khi tham có cảm thọ không lạc không khổ; khi xuất ly có cảm thọ lạc, khi xuất ly có cảm thọ khổ, khi xuất ly có cảm thọ không lạc không khổ. r Khi ây, The Ton liên noi kẹ: Ví như nơi quán trọ, Đủ hạng người dừng chân, Sát-lợi, Bà-la-môn, Trưởng giả và cư sĩ. Chiên-đà-la, dân thường, Người trì giới, phạm giới, Kẻ tại gia, xuất gia, Nhiều hạng người như thế. Thân này cũng như vậy, Đủ loại thọ khởi sanh, Thọ lạc hoặc thọ khổ, Thọ không khổ không lạc, Vật chất hoặc tinh thần, Tham trước, chẳng tham trước. Tỳ-kheo gắng tinh tấn, Tỉnh giác, không dao động, Đối với các thọ ấy, Trí tuệ thường thấu rõ. Do liễu tri các thọ, Hiện đời sạch các lậu, Mạng chung, không luân hồi/9 Vĩnh viễn nhập Niết-bàn. Đức Phật nói

kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

473. CẢM THỌ LÀ KHỔ80 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá.

78 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.472. 0120c08). Tham chiếu: s. 36.14 - IV. 219. ^Nguyên tác: Bất đọa s6 ().số ()là thể rút gọn của "chu s6"().Xem chú thích 35, kinh số 16, quyển l, tr. 12; Tạp.(T.02. 0099.16. 0003b 14). 80 Tựa đe đặt theo nội dung kmh. Tạp.(T.02.0099.473.0121a02). Tham chiếu: Tạp.(T.02.0099.474. o 121 a 19);2.(y.02.0099.476.012ÍCÍ3). s. 36.1 - IV. 204; 5. 36.11 - IV. 216; s 36.15-18-IV. 219-22.

QUYỂN 17  517

Bấy giờ, có vị Tỳ-kheo sống một mình ở nơi thanh vắng, thiền tọa tư duy,81 suy nghĩ như vầy: "Thế Tôn nói có ba loại cảm thọ là cảm thọ lạc, cảm thọ khổ và cảm thọ không lạc không khổ; rồi Ngài lại nói những gì thuộc về cảm thọ đều là khổ. Điều này có nghĩa gi?" Tỳ-kheo suy nghĩ như thế rồi bèn xả thiền đứng dậy, đi đến chỗ Phật, cúi lạy sát chân Ngài rồi đứng sang một bên, thưa rằng: Y Bạch Thế Tôn! Con ở chỗ thanh vắng, thiền tọa dư duy, khởi niệm như vầy: "lế Tôn nói có ba thọ là cảm thọ lạc, cảm thọ khổ, cảm thọ không lạc không khổ; rồi Ngài lại nói những gì thuộc về cảm thọ đều là khổ. Điều này có nghĩa gi?" Đức Phật bảo Tỳ-kheo:  Vì tất cả hành đều vô thường, vì tất cả hành đều là pháp biến dịch cho nên Ta nói những gì thuộc về cảm thọ đều là khổ. r _ r  Bay giơ, The Ton liên noi kẹ: Biêt các hành vô thường, Đều là pháp biến dịch, Nên nói thọ đều khổ; Đấng Chánh Giác biết rõ. Tỳ-kheo gang tinh tan, Tỉnh giác, không dao động, Đối với tất cả thọ, Trí tuệ thường thấu rõ. Thấu rõ các thọ rồi, Hiện đời sạch các lậu, Mạng chung, không luân hoi,82 Vĩnh viễn nhập Niết-bàn. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

474. VẮNG LẶNG VÀ TỊNH CHỈ83 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bây giờ5 Tôn giả A-nan một mình ở chô thanh văng, thiên tọa tư duy, suy nghĩ như vây: "Thê Tôn nói có ba loại cảm thọ là cảm thọ lạc, cảm thọ khô, cảm thọ không lạc không khổ; rồi Ngài lại nói các loại cảm thọ đều là khổ. Điều này có nghĩa gi?99 Tôn giả suy nghĩ như thế rồi liền xả thiền đứng dậy, đi đến chỗ Phật, cúi lạy sát chân Ngài rồi đứng sang một bên, thưa rằng:  Bạch Thế Tôn! Con ở chỗ thanh vắng, thiền tọa dư duy, khởi niệm như vầy: "Thế Tôn nói có ba loại cảm thọ là cảm thọ lạc, cảm thọ khổ, cảm thọ

81 Nguyên tác: Thiền tư patisallāna, patisallĩnă). 82 Nguyên tác: Bất đọa s6 ().số ()là thể rút gọn của "chu s6"().Xem chú thích 35, kinh số 16, quyển l, tr. 12; Tạp.(T.02. 0099.16. 0003b14). 83 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02.0099.474.0121al9). Tham chiếu: Tạp. ỉl (T.02J3099.473. 0121a02); Tạp.(r.02.0099.476.0121c!3). s. 36. l - IV. 204; s. 36.11 - IV. 216; ỳ 36.15-18 - IV. 219-22.



không lạc không khổ; rồi Ngài lại nói các loại cảm thọ đều là khổ. Điều này có nghĩa gi?” Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:  Vì tất cả hành đều vô thường, vì tất cả hành đều là

pháp biến dịch cho nên Ta nói tất cả các thọ đều là khổ. Lại nữa, A-nan! Do các hành lần lượt vắng lặng, do các hành lần lượt tịnh chỉ nên Ta nói tất cả các thọ đều là khổ. Tôn giả A-nan thưa:  Bạch Thế Tôn! Các hành lần lượt vắng lặng như thế nào?

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan: -Khi nhập Thiền thứ nhất84 thì ngôn ngữ vắng lặng; khi nhập Thiền thứ hai thì giác, quán85 vắng lặng; khi nhập Thiền thứ ba thì tâm hỷ vắng lặng; khi nhập Thiền thứ tư thì hơi thở ra vào vắng lặng. Lại nữa, khi nhập Không vô biên xứ thì sắc tưởng vắng lặng; khi nhập Thức vô biên xứ thì không vô biên tưởng vắng lặng; khi nhập Vô sở hữu xứ thì thức vô biên tưởng vắng lặng; khi nhập Phi tưởng phi phi tưởng xứ thì vô sở hữu tưởng vắng lặng; khi nhập Diệt thọ tưởng định thì tưởng và thọ vắng lặng. Đó gọi là các hành lần lượt vắng lăng. Tôn giả A-nan bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Thế nào là các hành lần lượt tịnh chỉ? Phật bảo Tôn giả A-nan:  Khi nhập Thiền thứ nhất thì ngôn ngữ tịnh chỉ; khi nhập Thiền thứ hai thì giác, quán tịnh chỉ; khi nhập Thiền thứ ba thì tâm hỷ tịnh chỉ; khi nhập Thiền thứ tư thì hơi thở ra vào tịnh chỉ. Lại nữa, khi nhập Không vô biên xứ thì sắc tưởng tịnh chỉ; khi nhập Thức vô biên xứ thì không vô biên tưởng tịnh chỉ; khi nhập Vô sở hữu xứ thì thức vô biên tưởng tịnh chỉ; khi nhập Phi tưởng phi phi tưởng xứ thì vô sở hữu tưởng tinh chỉ; khi nhập Diệt thọ tưởng đinh thì tưởng và thọ tịnh chỉ. Đó gọi là các hành lần lượt tịnh chỉ. Tôn giả A-nan bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Đó chính là các hành lần lượt tịnh chỉ. Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:  Lại có tinh chỉ thù thắng, tinh chỉ kỳ dặc, tinh chỉ tối thượng và tịnh chỉ vô thượng; tịnh chỉ như thế, không có tịnh chỉ nào hơn được nữa. Tôn giả A-nan bạch Phật:  Bạch Thế Tôn! Thế nào là tịnh chỉ thù thắng, tịnh chỉ kỳ đặc, tịnh chỉ tối thượng và tịnh chỉ vô thượng; tinh chỉ như thế, không có tinh chỉ nào hơn được nữa?

84 Nguyên tác: Sơ thiền chánh thọ thời .ở đây, uchánh thẹ"có nghĩa nhập định, thàiủi tựu định. 85 Nguyên tác: Giác quán tức tầm và tứ. p. Savitakkam, savicāram.

QUYÊN 17 > 519

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:  Đoi với tham, tâm không vui thích, được giải thoát; đối với sân và si, tâm không vui thích, được giải thoát. Đó gọi là tịnh chỉ thù thắng, tịnh chỉ kỳ đặc, tịnh chỉ tối thượng và tịnh chỉ vô thượng. Tịnh chỉ như thế, không có tinh chỉ nào hơn được nữa. Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. *** 475. CHƯ PHẬT VÀ THỌ86 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà9 thuộc thành Vương Xá. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo:  Khi đức Phật Tỳ-bà-thi chưa thành dạo, một mình ở nơi thanh vắng, thiền định tư duy, khởi quán như vầy mà quán chiếu các thọ: "Thế nào là thọ? Thế nào là thọ tập khởi? Thế nào là thọ diệt tận? Thế nào là con đường đưa đến thọ tập khởi? Thế nào là con đường đưa đến thọ diệt tận? Thế nào là vị ngọt của thọ? Thế nào là sự nguy hiểm của thọ? Thế nào là sự thoát ly thg?" Rồi quán thấy như vầy: “C6 ba loại cảm thọ là cảm thọ khổ, cảm thọ lạc và cảm thọ không khổ không lạc. Do xúc tập khởi nên thọ tập khởi, do xúc diệt tận nên thọ diệt tận. Ngay nơi thọ mà ham thích, khen ngợi, đắm nhiễm, bám víu, đó gọi là con đường đưa đến thọ tập khởi. Ngay nơi thọ mà không ham thích, khen ngợi, đắm nhiễm hay bám víu, đó gọi là con đường đưa đến thọ diệt tận. Do nhân

duyên nơi thọ mà sanh khởi ham thích, đó gọi là vị ngọt của thọ. Thọ là pháp vô thường, biến dịch, đó gọi là sự nguy hiểm của thọ. Ngay nơi thọ mà đoạn dứt tham dục, vượt thoát tham dục, đó gọi là sự thoát ly thọ? Đức Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Giống lýiư đức Phật Tỳ-bà-thi? các đức Phật Thi-khí, Tỳ-thấp-bà-phù? Ca- la-ca-tôn-đề? Ca-na-ca-mâu-ni, Ca-diếp và Ta, đức Phật Thích-ca, khi chưa thành Phật cũng tư duy quán chiếu các thọ như thế. ***

86 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.475. 0121b26). Tham chiếu: s. 36.24 - IV. 233.



476. QUÁN CHIẾU CẢM THỌ87 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, có vị Tỳ-kheo một mình ở nơi thanh vắng, thiền tọa tư duy, quán chiếu các thọ như vầy: "Thế nào là thọ? Thế nào là thọ tap khởi? Thế nào là thọ diệt tận? Thế nào là con đường đưa đến thọ tập khởi? The nào là con đường đưa đến thọ diệt tận? Thế nào là vị ngọt của thọ? Thế nào là sự nguy hiểm của thọ? Thế nao là sự thoát ly thọ?95 Thế rồi, vị Tỳ-kheo ấy sau khi xả thiền, đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi đứng sang một bên, thưa rang: -Bạch Thế Tôn! Con một mình ở nơi thanh vắng, thiền tọa tư duy, quán chiếu các thọ như vầy: "Thế nào là thọ? Thế nào là thọ tap khởi? Thế nào là thọ diệt tận? Thế nào là con đường đưa đến thọ tập khởi? The nào là con đường đưa đến thọ diệt tận? Thế nào là vị ngọt của thọ? Thế nào là sự nguy hiểm của thọ? Thế nào là sự thoát ly thọ?59 Đức Phật bảo Tỳ-kheo: -Có ba loại cảm thọ là cảm thọ khổ, cảm thọ lạc và cảm thọ không kho không lạc. Xúc tập khởi thì thọ tập khởi, xúc diệt tận thì thọ diệt tận. Ngay nơi thọ mà ham thích, khen ngợi, đắm nhiễm, bám víu, đó gọi là con đường đưa đến thọ tập khởi. Ngay nơi thọ mà không ham thích, khen ngợi, đắm nhiễm hay bám víu, đó gọi là con đường đưa đến thọ diệt tận. Do nhân duyên nơi thọ mà sanh khởi sự ham thích, đó gọi là vị ngọt của thọ. Thọ là pháp vô thường, biến dịch, đó gọi là sự nguy hiểm của thọ. Ngay nơi thọ mà đoạn dứt tham dục, vượt thoát tham dục, đó gọi là sự thoát ly thọ Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 477. A-NAN QUÁN CHIẾU CẢM THỌ88 Nội dung giống kỉnh 476. ở kinh 476 thì vỉ Tỳ-kheo thưa thỉnh Thế Tôn, còn kinh này thì Tôn giả A-nan thưa thỉnh. ***

87 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.476. 012ỈCÍ3). Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.473. Ó121a02; Tạp.(r.02. 0099.474. 0121al9); s. 36.11 - IV. 216; s. 36.15-IV. 219-22; S. 36.23 - IV. 232. 88 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.477. 0121c29).



478. GIẢNG VỀ BA THỌ89 Tôi nghe như vày: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo: Thế nào là thọ? Thế nào là thọ tập khởi? Thế nào là thọ diệt tận? Thế nào là con đường đưa đến thọ tập khởi? Thế nào là con đường đưa đến thọ diệt tận? Các Tỳ-kheo bạch: Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp. Kính mong Ngài thuyết

giảng cho chúng con. Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ lãnh thọ và phụng hành. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:  Hãy lăng nghe, khéo suy nghĩ! Ta sẽ vì các thầy mà giảng giải. Này các Tỳ-kheo! Có ba loại cảm thọ là cảm thọ khổ5 cảm thọ lạc và cảm thọ không khổ không lạc. Xúc tập khởi thì thọ tập khởi, xúc diệt tận thì thọ diệt tận. Ngay nơi thọ mà ham thích, khen ngợi, đắm nhiễm, bám víu, đó gọi là con đường đưa đến thọ tập khởi. Ngay nơi thọ mà không ham thích, khen ngợi, đắm nhiễm hay bám víu, đó gọi là con đường đưa đến thọ diệt tận. Do nhân duyên nơi thọ mà sanh khởi sự ham thích, đó gọi là vị ngọt của thọ. Thọ là pháp vô thường, biến dịch, đó gọi là sự nguy hiểm của thọ. Ngay nơi thọ mà đoạn dứt tham dục, vượt thoát tham dục, đó gọi là sự xuất ly thọ. Đức Phật nói kinh này xong các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

479. BIẾT ĐÚNG VỀ THỌ90 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Nếu Ta đối với các cảm thọ mà không biết đúng như thật, đối vơi thọ tập khởi, thọ diệt tận, con đường đưa đến thọ tập khởi, con đường đưa đến thọ diệt tận, vị ngọt của thọ, sự nguy hiểm của thọ, sự thoát ly thọ mà không biết đúng như thật thì ở giữa chư thiên, thế gian, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn,

89 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.478. 0122a02). Tham chiểu: s. 36.26 - IV. 234. 90 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(702. 0099.479. 0122al5).



Bà-la-môn9 các chúng trời, người, Ta không được giải thoát, thoát ly, thoát ra khỏi điên đảo? cũng chẳng chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.91 Vì Ta đối với các thọ, thọ tập khởi, thọ diệt tận, con đường đưa đến thọ tập khởi, con đường đưa đến thọ diệt tận, vị ngọt của thọ, sự nguy hiểm của thọ, sự thoát ly thọ đều biết đúng như thật nên ở giữa chư thiên, thế gian, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn, Bà-la-môn, các chúng trời, người, Ta được giải thoát, được thoát ly, được thoát khỏi các điên đảo, được chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác* Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đêu hoan hỷ phụng hành. ***

480. SA-MÔN VÀ THỌ92 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà5 thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Nếu Sa-môn hay Bà-la-môn nào đối với các thọ mà không biết đúng như thật, đối với thọ tập khởi, thọ diệt tận, con đường đưa đến thọ tập khởi, con đường đưa đến thọ diệt tận, vị ngọt của thọ, sự nguy hiểm của thọ, sự thoát ly thọ mà không biết đúng như thật thì người ấy chẳng phải Sa-môn, chẳng phải Bà-la-môn; chẳng giống Sa-môn9 chẳng giống Bà-la-môn; chẳng đạt mục đích của Sa-môn?93 chẳng đạt mục đích của Bà-la-môn9 hiện đời chẳng thể tự tri tác chứng: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh.” Nếu Sa-môn9 Bà-la-môn nào đối với các thọ mà biết đúng như thật, đối với thọ tập khởi, thọ diệt tận, con đường đưa đến thọ tập khỏi, con đường đưa đến thọ diệt tận, vị ngọt của thọ, sự nguy hiểm của thọ, sự thoát ly của thọ mà biết đúng như thật thì người ấy đúng nghĩa là Sa-môn9 đúng nghĩa là Bà-la-môn; cùng hàng với Sa-môn, cùng hàng Bà-la-môn; đạt mục đích

của Sa-môn, đạt mục đích của Bà-la-môn5 hiện đời có thể tự tri tác chứng: “Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh?5 Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

91 Nguyên tác: A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề ,Anuttara-sammãsambodhỉ . 92 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02.0099.480.0122a26. Tham chiếu: s. 36-27-29 - IV 234-35. 93 Nguyên tác: Sa-môn nghĩa Mục đích của bậc Sa-môn. p. Sāmaññattham. Atthā vừa có nghĩa là ý nghĩa vừa có nghĩa là mục tiêu, mục đích. Trong kinh sử dụng nghĩa thứ hai.

QUYỂN 17 523

__ r ọ ọ Giông như Sa-môn và chăng phải Sa-môn; danh nghĩa Sa-môn và chăng phải danh nghĩa Sa-môn cũng như vậy. ***

481. SANH KHỞI CẢM THỌ94 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật trú trong rừng Nhất-xa-năng-già-la?95 ở thôn96 Nhất-xa- năng-già-la. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Ta muốn tọa thiền nửa tháng ở nơi này. Này các Tỳ-kheo! Đừng du hành nữa, ngoại trừ khất thực và Bố-tát.97 Rồi Thế Tôn liền tọa thiền, không du hành nữa, ngoại trừ khất thực và Bố-tát. Bấy giờ, nửa tháng đã trôi qua, Thế Tôn trải tọa cụ ngồi trước đại chúng rồi bảo các Tỳ-kheo: Khi mới thành Phật, Ta tư duy về thiền pháp và một số thiền chi.9899Trong nửa tháng nay, Ta cũng tư duy rồi khởi niệm như vầy: "Chúng sanh sanh khởi các thọ đều có nhân duyên, chẳng phải không có nhân duyên. Thế nào là nhân duyên? Dục là nhân duyên, giác" là nhân duyên, xúc là nhân duyen/9 Này các Tỳ-kheo! Dục không vang lặng, giác không vắng lặng, xúc không vắng lặng, do nhân duyên này nên chúng sanh khởi các thọ, do nhân duyên không vắng lặng ấy nên chúng sanh khởi cảm thọ. Dục vắng lặng mà giác không vắng lặng và xúc không vắng lặng, do nhân duyên này nên chúng sanh khởi các thọ, do nhân duyên không vắng lặng ấy nên chúng sanh khởi cảm thọ. Dục văng lặng, giác văng lặng mà xúc không văng lặng, do nhân duyên này nên chúng sanh khởi các thọ, do nhân duyên không vắng lặng ấy nên chúng sanh khởi cảm thọ. Dục vắng lặng, giác vắng lặng, xúc vắng lặng, do nhân duyên này nên chúng sanh khởi các thọ, do nhân duyên văng lặng ây nên chúng sanh khởi cảm thọ. Do nhân duyên tà kiên nên chúng sanh khởi các thọ; do nhân duyên tà kiên không vắng lặng nên chúng sanh khởi cảm thọ. Do nhân duyên tà tư duy, tà

94 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.7.02. 0099.481. 0122b13. Tham chiếu: s. 54.11 - v. 325. 95 Nguyên tác: Nhất-xa-năng-già-la lâm Icchānañgalavāna. 96 Nguyên tác: Quốc .Theo s. 54.11 - v. 325, đây là một thôn làng thuộc nước Kosala. 97 Bố-tát Uposatho, theo luật Phật chế, các Tỳ-kheo mỗi nửa tháng cùng vân tập một nơi nghe tung giới, sám hối..., nhằm tăng trưởng thiện pháp, công đức. Tham chiếu: s. 54.11 - v. 325: Ta muôn sồng độc cư thiền tịnh trong ba tháng, không tiếp một aC trừ một người đem đồ ăn lại HT. Thích Minh Chau dịch. 98 Thiền phần chỉ cho 5 thiền chi tầm, tứ, hỷ, lạc, nhất tâm ở các tầng thiền. 99 Giác Vitakkā tức

tầm hay tư duy tầm cầu.



ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định, tà giải thoát và tà trí nên chúng sanh khởi các thọ; do nhân duyên tà trí không vắng lăng nên chúng sanh khởi cảm thọ. Do nhân duyên chánh kiến nên chúng sanh khởi các thọ; do nhân duyên chánh kiến vắng lặng nên chúng sanh khởi cảm thọ. Do nhân duyên chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, chánh giải thoát và chánh trí nên chúng sanh khởi các thọ; do nhân duyên chánh trí vang lặng nên chúng sanh khởi cảm thọ. Nếu dục kia chưa được mà được, chưa thành tựu mà thành tựu, chưa chứng mà chứng; do nhân duyên đó nên chúng sanh khởi các thọ, do nhân duyên vắng lăng đó nên chúng sanh khởi cảm thọ. Đó gọi là do nhân duyên không vắng lặng mà chúng sanh khởi cảm thọ và do nhân duyên vắng lặng mà chúng sanh khởi cảm thọ. Nếu Sa-môn? Bà-la-môn đối với duyên duyên,100 duyên duyên tập khởi, duyên duyên vắng lặng, con đường đưa đến duyên duyên tập khởi, con đường đưa đến duyên duyên vắng lặng mà không biết đúng như thật thì người ấy chăng phải Sa-môn, chăng phải Bà-la-môn, chăng giông Sa-môn9 chăng giông Bà-la-môn, chẳng đạt mục đích của Sa-môn, chẳng đạt mục đích của Bà-la- môn? hiện đời chẳng thể tự tri tác chứng: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Nếu Sa-môn hay Bà-la-môn nào đối với duyên duyên, duyên duyên tập khởi, duyên duyên vắng lặng, con đường đưa đến duyên duyên tập khởi, con đường đưa đến duyên duyên vắng lặng mà biết đúng như thật, nên biết người này là Sa-môn xứng với bậc Sa-môn5 là Bà-la-môn xứng với bậc Bà-la-môn; đều là bậc Sa-môn? đều là bậc Bà-la-môn; đạt mục đích của Sa-môn? đạt mục đích của Bà-la-môn? tự biết, tự ngộ trong đời hiện tại: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

## 482. NĂM PHÁP VIÊN MÃN101

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật an cư mùa mưa tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà?
thuộc nước Xá-vệ.

100 Duyên duyên một trong 4 duyên .Bốn duyên gồm "nhân duyên""tang thượng duyen^ c,“thứ đê 11” hay "đẳng vô gian duyên7,va "duyên duyên,, Ghay "sở duyên duyên^, . 101 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r02. 0099.482. 0122c24. Tham chiếu: A. 5.176 - III. 206.



Bấy giờ, trưởng giả cấp Cô Độc đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Khi ấy, đức Phật thuyết pháp cho trưởng giả bằng nhiều phương tiện, mở bày, chỉ dạy, khích lệ, khiến cho hoan hỷ. Sau khi được đức Phật mở bày, chỉ dạy, khích lệ, khiến cho hoan hỷ102 xong, trưởng giả đứng dậy chỉnh sửa y phục, cung kính đảnh lễ rồi chắp tay bạch Phật: Cúi mong Thế Tôn và đại chúng nhận lời thỉnh nguyện của con! Con

xin được cúng dường y phục, thức ăn, thuốc thang tri bệnh trong ba tháng an cư. Bấy giờ, Thế Tôn im lặng hứa khả. Khi ấy, trưởng giả cấp Cô Độc biết Phật đã im lặng nhận lời rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy trở về nhà. Qua ba tháng an cu, ông lại đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Bấy giờ, đức Phật bảo trưởng giả cấp Cô Độc: Lành thay, trưởng giả! Ba tháng vừa qua ông đã cúng dường đầy đủ y phục, thức ăn, thuôc thang trị bệnh. Như thê là ông đã trang nghiêm, thanh tịnh con đường tối thượng,103 đời tương lai sẽ được phước báo an lạc. Nhưng nay ông chớ bằng lòng thọ hưởng phước lạc như thế, ông nên tinh tấn, thường xuyên tu học hạnh viễn ly để tự thân chứng nghiệm trọn vẹn hỷ lạc. Khi ấy, trưởng giả cấp Cô Độc nghe Phật dạy như vậy, hoan hỷ và tùy hỷ, đứng dậy đảnh lễ rồi ra về. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đang ngồi giữa đại chúng, biết ông cấp Cô Độc ra về, liền bạch Phật:  Hay thay, bạch Thế Tôn! Ngài khéo vì trưởng giả cấp Cô Độc mà thuyết

pháp, khéo khích lệ ông ây như vây: "Ba tháng vừa qua ông đã cúng dường đây đủ y phục, thức ăn, thuốc thang tri bệnh. Như the là ông đã trang nghiêm, thanh tịnh con đường toi thượng, đời tương lai sẽ được phước báo an lạc. Nhưng nay ông chớ bằng lòng thọ hưởng phước lạc như thế, ông nên thường xuyên tu học hạnh viễn ly để tự thân chứng nghiệm trọn vẹn hỷ lạc." Bạch Thế Tôn! Nếu Thánh đệ tử tu học hạnh viễn ly, tự thân chứng nghiệm trọn vẹn hỷ lạc sẽ được viễn ly năm pháp và tu tập viên mãn năm pháp. Thế nào là viễn ly năm pháp? Nghĩa là đoạn trừ hỷ được trưởng dưỡng bởi dục, đoạn trừ ưu được trưởng dưỡng bởi dục, đoạn trừ xả được trưởng dưỡng bởi dục, đoạn trừ hỷ được trưởng dưỡng bởi pháp bất thiện, đoạn trừ ưu được trưởng dưỡng bởi pháp bất thiện. Đó gọi là viễn ly năm pháp.

102 Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ .Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tr. 105; Tứp.WT.O2. 0099.92. 0023c18. 103 Nguyên tác: Thượng đạo chỉ cho các cõi trời.



Thế nào là tu tập viên mãn năm pháp? Đó là tùy hỷ, hoan hỷ, khinh an,104 lạc và nhất tâm.105 Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:  Đúng the! Đúng the! Nếu vị Thánh đệ tử tu học viễn ly, tự thân chứng nghiệm trọn vẹn hỷ lạc thì được viễn ly năm pháp và tu tập viên mãn năm pháp. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

483. Sự LIÊN HỆ VẬT CHẤT106 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ"đà? thuộc nước Xá-vệ. Bây giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: - Có niệm tưởng liên hệ đến vật chất,107 có niệm tưởng không liên hệ đến vật chất, có niệm tưởng không liên hệ đến vật chất [thù thắng hơn so với các] niệm tưởng không liên hệ đến vật chất;108 có lạc liên hệ đến vật chất, có lạc không liên hệ đến vật chất, có lạc không liên hệ đến vật chất [thù thắng hơn so với các] lạc không liên hệ đến vật chất; có xả liên hệ đến vật chất,109 có xả không liên hệ đến vật chất, có xả không liên hệ đến vật chất [thù thắng hơn so với các] xả không liên hệ đến vật chất; có giải thoát liên hệ đến vật chất, có giải thoát không liên hệ đến vật chất, có giải thoát không liên hệ đến

vật chất [thù thắng hơn so với các] giải thoát không liên hệ đến vật chất. Thế nào là niệm có liên hệ đến vật chất? Đó chính là niệm do năm dục làm nhân duyên sanh khởi.110

104 Nguyên tác: Ỷ tức . 105 Nguyên tác: Nhất tâm ,cittassa ekaggatā. 106 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.7.02. 0099.483. 0123a23. Tham chiếu: s. 36.30-31 - IV. 235. 107 Nguyên tác: Thực niệm .Thực sāmisă chỉ cho vật thực, thức ăn, dục tình. Niệm ở đây chính là t4niệm tưởng.,, ở kinh s. 35.30 - IV. 21, viết là nanñi, được HT. Thích Minh Chau dịch là "tấ lường.,, 108 Vô thực vô thực niệm .Đoạn đầu của bản Hán không có tương đương so với bản Pâli. Tuy nhiên, cấu trúc vô thực vô thực niệm ở bản Hán giống với cấu trúc kinh s. 36.31 - IV 235, trong văn hệ Pâli ở đoạn kế tiếp: Atthi nirāmisā nirāmisatarā pīti có hỷ không liên hệ đến vật chất con hơn cả loại hỷ không liên hệ đến vật chất kia, HT. Thích Minh Châu dịch. Bản Hán không dịch hai chữ tara còn hơn, vượt qua.... Chúng tôi dựa trên cấu trúc này để hoàn thiện bản Hán. 109 Thực xS ,samisd upekkhā. 110 Nguyên tác: Vân hà hữu thực niệm? Vị: Ngũ dục nhân duyên sanh niệm [] .Tham chiêu: s. 36.31 - IV. 235:
Yā kho, bhikkhave, ime pañca kāmagune paticca uppajjati pīti, ayarn vuccati, bhikkhave, sāmisā pīti Này các Tỷkheo, do duyên năm dục công đức này, hỷ khởi lên. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hỷ liên hệ đên vật chất, HT. Thích Minh Châu dịch.

QUYÊN 17  527

Thế nào là niệm không liên hệ đến vật chất? Tỳ-kheo ly dục, ly ác, bất thiện pháp, có giác có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, an tru trọn vẹn Thiền thứ nhất. Đó gọi là niệm không liên hệ đến vật chất. Thế nào là niệm không liên hệ đến vật chất [thù thắng hơn so với các] niệm không liên hệ đến vật chất? Tỳ-kheo diệt trừ giác và quán, nội tĩnh nhất tâm, không giác không quán, an tru hỷ lạc do định sanh, an tru trọn vẹn Thiền thứ hai. Đó gọi là niệm không liên hệ đến vật chất [thù thắng hơn so với các] niệm không liên hệ đến vật chát. Thế nào là lạc có liên hệ đến vật chất? Đó chính là lạc do năm dục làm nhân duyên sanh khởi. Thế nào là lạc không liên hệ đến vật chất? Diệt trừ giác và quán, nội tĩnh nhất tâm, không giác không quán, an trú hỷ lạc do định sanh. Đó gọi là lạc không liên hệ đến vật chất. Thế nào là lạc không liên hệ đến vật chất [thù thắng hơn so với các] lạc không liên hệ đến vật chất? Tỳ-kheo lìa hỷ tham, tâm an trú xả? chánh niệm tỉnh giác, thân cảm lạc thọ, điều mà bậc Thánh gọi là xả niệm lạc tru. Đó gọi là lạc không liên hệ đến vật chất [thù thắng hơn so với các] lạc không liên hệ đến vật chất. Thế nào là xả có liên hệ đến vật chất? Đó chính là xả do năm dục làm nhân duyên sanh khởi. Thế nào là xả không liên hệ đến vật chất? Tỳ-kheo ly hỷ tru xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm lạc thọ, điều mà bậc Thánh gọi là xả niệm lạc tru, an trú trọn vẹn Thiền thứ ba. Đó gọi là xả không liên hệ đến vật chất. Thế nào là xả không liên hệ đến vật chất [thù thắng hơn so với các] xả không liên hệ đến vật chất? Tỳ-kheo lìa khổ, dứt lạc, diệt hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, không khô không lạc, xả và niệm thanh tịnh, an tru trọn vẹn Thiên thứ tư. Đó gọi là xả không liên hệ đến vật chất [thù thắng hơn so với các] xả không liên hệ đến vật chất. Thế nào là giải thoát có liên hệ đến vật chất? Nghĩa là giải thoát có liên hệ với sắc.111 Thế nào là giải thoát không liên hệ đến

vật chất? Nghĩa là giải thoát liên hệ , r

với vô săc. Thế nào là giải thoát không liên hệ đến vật chất [thù thắng hơn so với các] giải thoát không liên hệ đến vật chất? Tỳ-kheo không nhiễm tham dục, được giải thoát; không nhiễm sân hận, ngu si, được giải thoát; đó gọi là giải thoát không liên hệ đến vật chất [thù thắng hơn so với các] giải thoát không liên hệ đến vật chất.

111 Nguyên tác: sắc câu hành rūpappatisamyutto.



Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.
***

484. NĂM PHÁP BẬC NHẤT112 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà9 thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Bạt-đa-la113 và Tôn giả A-nan cũng ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà. Rồi Tôn giả A-nan đến chỗ Tôn giả Bạt-đà-la, cùng thăm hỏi nhau xong rồi đứng sang một bên và hỏi: Thế nào gọi là cái thấy bậc nhất? Thế nào gọi là điều được nghe bậc nhất? Thế nào gọi là an lạc bậc nhất? Thế nào gọi là tưởng bậc nhất? Thế nào là hữu bậc nhất?114 Tôn giả Bạt-đà-la đáp: Có Phạm thiên, bậc Tạo tác tự tại, biên hóa như ý, là cha của thê gian. Nêu thấy được Phạm thiên ấy, gọi là cái thấy bậc nhất. A-nan! Có chúng sanh thấm nhuần hỷ lạc do ly dục sanh,115116 hân hoan toàn diện, sung mãn toàn thân, không chỗ nào không tràn đay hỷ lạc. Tham nhuần hỷ lạc do ly dục sanh như thế rồi, sau khi xuất đinh, vị ấy xướng lên giữa đại chúng như vầy: "Vô cùng tịch tịnh thay,í hỷ..lạc do ly dục sanh này! Vô cùng an . r y lạc thay, hỷ lạc do ly dục sanh này!" Nêu ai nghe được âm thanh ây gọi là điêu được nghe bậc nhất. Lại nữa A-nan! Có chúng sanh toàn thân thấm nhuần lạc do ly hỷ sanh, 116 thấm nhuần nơi nơi, hân hoan toàn diện, sung mãn toàn thân, không chỗ nào không tràn đày lạc. Lạc do ly hỷ sanh ấy gọi là an lạc bậc nhất. Thế nào gọi là tưởng bậc nhất? Này A-nan! Có chúng sanh vượt qua Thức vô biên xứ nhập vào Vô sở hữu xứ, an trú trọn vẹn Vô sở hữu xứ này. Nếu khởi tưởng ấy thì gọi là tưởng bậc nhất. Thê nào là hữu bậc nhát? Lại nữa, A-nan! Có chúng sanh vượt qua Vô sở hữu xứ rồi an tru trọn vẹn vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ này. Nấu khởi lên hữu ấy thì gọi là hữu bậc nhất.

112 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(—02. 0099.484. 0123ỒỒ20). Tham chiếu: A. 5.170 - III. 202. 113 Bạt-đà-la(,Bhaddaji). 114 Tham chiếu: A. 5.170 - III. 202: (iKirn nu kho, āvuso bhaddcỳỉ, dassanānam aggam, kim savanānam aggarn, kim sukhānam aggam, kirn saññānam aggarn, kim bhavānam agganti? (Thưa Hiền giả Bhaddaji, cái gì là tối thượĩig trong những điều duthấy? Cái gì là tối thượng trong những điều điíợc nghe? Cái gì la tối thượng trong các lạc? Cái gì là tối thượng trong những điều được tưởng? Cái gì là toi thượng trong các hưu? (HT. Thích Minh Châu dịch). J J J J J 115 Hỷ lạc ở Sơtìiiền. 116 Lạc ở Tam thiền.

Nghe xong, Tôn giả A-nan bảo Tôn giả Bạt-đà-la: Có nhiều người thấy như thế, nói như thế, thầy cũng giống họ, đâu có khác gì? Tôi nay dùng phương tiện hỏi thầy, hãy lắng nghe! Tôi sẽ vì thầy mà nói. Nếu cái thấy nào mà có thể lần lượt đoạn sạch các lậu thì đó là cái thấy bậc nhất. Nêu cái nghe nào mà có thể lần lượt đoạn sạch các lậu thì đó là cái nghe bậc nhất. Nếu lạc nào sanh khởi mà có thể lần lượt đoạn sạch các lậu thì đó là lạc bậc nhất. Nếu tưởng nào mà có thể lần lượt đoạn sạch các lậu thì đó gọi là tưởng bậc nhất. Quán sát đúng như thật, có thể lần lượt đoạn sạch các lậu thì đó là hữu bậc nhất. Hai vị Tôn giả sau khi đàm luận xong, liền đứng dậy cáo từ. ***

485. CÁC LOẠI CẢM THỌ117 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Vua Bình-sa118 đi đến chỗ Tôn giả Ưu-đà-di?119 cúi đầu đảnh lễ rồi ngồi sang một bên và thưa rằng: Thế Tôn nói về các thọ như thế nào?

Tôn giả Ưu-đà-di đáp: -Đại vương! Thế Tôn nói có ba thọ. Đó là cảm thọ khổ, cảm thọ lạc và cảm thọ không khổ không lạc. Vua Bình-sa thưa: Chớ nói rằng: "Thế Tôn nói có ba thọ. Đó là cảm thọ khổ, cảm thọ lạc và cảm thọ không khổ không 0C." Đúng ra chỉ có hai thọ là cảm thọ khổ và cảm thọ lạc, bởi vì không khổ không lạc thọ kia chính là tịch diệt. Nói ba lần như thế, nhưng Tôn giả Ưu-đà-di không thể vì vua mà xác lập ba thọ, vua cũng không thể xác lập hai thọ, liền cùng đi đến chỗ Phật, cúi lạy sát chân Ngài rồi đứng sang một bên. Thế rồi, Tôn giả ưu-đà-di bạch lại với Phật những việc như trên và thưa:

117 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T7.02. 0099.485. 0123c21. Tham chiếu: s. 36.19 - IV. 223; M. 59, Bahuvedanīya Sutta Kinh nhiều cam thọ. 118 Bình-sa ,pimbisra cũng gọi là Tần-tỳ-sa-la ,Tần-bà-sa-la ,vua nước Ma-kiệt-đà ,Magadha. 119 Ưu-đà-di ,Udāyi.



Bạch Thế Tôn! Con không thể xác lập ba thọ và Vua Binh-sa cũng không thể xác lập hai thọ, nên hôm nay chúng con cùng đến đây để hỏi Thế Tôn về nghĩa này, rốt cuộc là có mấy thọ? Đức Phật bảo ưu-đà-di: Ta có khi nói một thọ, có khi nói hai thọ, có khi nói ba, bốn, năm, sáu, mười tám, ba mươi sáu cho đến một trăm lẻ tám thọ, hoặc có khi nói vô lượng thọ. Ta nói một thọ như thế nào? Nói tất cả các thọ đều khổ. Đó là Ta nói một thọ. Ta nói hai thọ như thế nào? Nói về thân cảm thọ và tâm cảm thọ. Đó là Ta nói hai thọ. Ta nói ba thọ như thế nào? Đó là thọ khổ, thọ lạc, thọ không khổ không lạc. Ta nói bốn thọ như thế nào? Đó là thọ hệ thuộc Dục giới, thọ hệ thuộc sắc giới, thọ hệ thuộc Vô Sắc giới và thọ không hệ thuộc các giới đó. Ta nói năm thọ như thế nào? Đó là thọ sanh khởi từ lạc căn, hỷ căn, khổ căn, ưu căn và xả căn. Đó là năm thọ. Ta nói sáu thọ như thế nào? Đó là thọ sanh khởi từ nhãn xúc; thọ sanh khởi từ nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý xúc. Đó là sáu thọ. Ta nói mười tám thọ như thế nào? Đó là thọ sanh khởi theo sáu hỷ hành, sáu ưu hành và sáu xả hành. Đó là mười tám thọ. Ta nói ba mươi sáu thọ như thế nào? Nghĩa là thọ sanh khởi từ sáu hỷ do tham trước, sáu hỷ do lìa tham, sáu ưu do tham trước, sáu ưu do lìa tham, sáu xả do tham trước, sáu xả do lìa tham, Đó là ba

mươi sáu thọ. Ta nói một trăm lẻ tám thọ như thế nào? Đó là ba mươi sáu thọ quá khứ, ba mươi sáu thọ vi lai, ba mươi sáu thọ hiện tại. Đó là một trăm lẻ tám thọ. Ta nói vô lượng thọ như thế nào? Như nói thọ này, thọ kia... Ví như dùng vô lượng tên để nói, đó gọi là vô lượng thọ. Này Ưu-đà-di! Ta nói ý nghĩa như thật của các thọ qua nhiều hình thức như vậy, the gian không hiểu nên tranh luận nhau, mâu thuẫn nhau, rốt cuộc không hiêu được ý nghĩa chân thật trong giáo pháp của Ta để tự mình dừng lại tranh luận. Ưu-đà-di! Đoi với những ý nghĩa của thọ mà Ta vừa nói ở trên, nếu hiểu đúng như thật thì không khởi tranh luận, không mâu thuẫn nhau. Khi tranh luận đã khởi hay chưa khởi thì có the dùng giáo pháp này ngăn chặn, khiến chấm dứt tranh luận. Tuy nhiên, này Ưu-đà-di! Có hai thọ, đó là thọ dục và thọ ly dục. Thế nào là thọ dục? Do năm loại dục120 làm nhân duyên khiến sanh khởi thọ. Đó gọi là thọ dục.

120 Nguyên tác: Ngũ dục công dức ().Xem chú thích 66, kinh Số211, quyển 8, tr. 233; Tạp. (T.02. 0099.211. 0053a26).



Thế nào là thọ ly dục ? Tỳ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, có giác có quán, an trú hỷ lạc do ly dục sanh, an trú trọn vẹn Thiền thứ nhất. Đó gọi là thọ ly dục. Nếu có người nói: "Chúng sanh nương theo Thiền thứ nhất này, chỉ có đây là lạc, không còn gì hơn nua^ thì điều này không đúng. Vì sao như vậy? Vì còn có lạc thù thắng hơn lạc này. Đó là lạc gì? Tỳ-kheo diệt trừ giác và quán, nội tĩnh nhất tâm, an trú hỷ lạc do định sanh, an tru trọn vẹn Thiền thứ hai. Đó gọi là lạc thù thắng. Như thế cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, càng lên cao càng thù thắng hơn. Nêu có người nói: "Chí có xứ này, Phi tưởng phi phi tưởng xứ đây là cực lạc, chẳng còn chỗ nào hơn", nói như thế cũng không đúng. Vì sao như vậy? Vì còn có lạc thù thắng hơn nữa, đó là lạc gì? Tỳ-kheo vượt qua Phi tưởng phi phi tưởng xứ, tự thân chứng nghiệm trọn vẹn Diệt thọ tưởng định121122 thì lạc ở đây thù thắng hơn kia. Nếu có tu sĩ ngoại đạo nói: uSa-môn Thích tử chỉ nói đến Diệt thọ tưởng định, cho lạc ở đây là tột cíing" thì điều này không đúng. Vì sao như vậy? Nên nói rằng: "Trên đây chẳng phải số lượng thọ hay lạc mà Thế Tôn muốn nói. Thế Tôn nói số lượng thọ và lạc như vầy: Này Ưu-đà-di! Có bốn lạc. Những gì là bốn? Đó là lạc ly dục, lạc viễn ly, lạc tịch diệt và lạc giải thoát/9122 Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả ưu-đà-di và Vua Bình-sa nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

486. MƯỜI PHÁP CHÂN CHÁNH (l)123 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có một pháp, nếu chân chánh khởi tâm nhàm chán, xa lìa, không ưa thích, xả bỏ thì được sạch hết các lậu. Một pháp đó là gì? Đó là tất cả chúng sanh nhờ thức ăn mà tồn tại. Lại có hai pháp. Đó là danh và sắc. Lại có ba pháp. Đó là ba thọ. Lại có bốn pháp. Đó là bốn loại thức ăn. Lại có năm pháp. Đó là năm thủ uẩn. Lại có sáu pháp. Đó là sáu căn và sáu trần.

121 Nguyên tác: Tưởng thọ diệt (),nơi mà tưởng và thọ tịch diệt, vắng lặng thường được gọi là Diệt thọ tưởng định hay Diệt tận định 122 Nguyên tác: Bồ-đề lạc (). 123 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.486. 0124b18). Tham chiếu: Tg.(T.02.

0125.46.8. 0778bl7); A10.27 - v. 48.

532 KINH TẠPA-HÀM

Lại có bảy pháp. Đó là bảy chỗ thức trụ. Lại có tám pháp. Đó là tám pháp thế gian. Lại có chín pháp. Đó là chín nơi cư trú của chúng sanh. Lại có mười pháp. Đó là mười nghiệp. Đối với mười pháp này mà chân chánh khởi tâm nhàm chán, xa lìa, không ưa thích, xả bỏ thì được sạch hết các lậu. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

487. MƯỜI PHÁP CHÂN CHÁNH (2)124 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. _ ĩ Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Có một pháp, nếu chân chánh khởi tâm nhàm chán, xa lìa, không ưa thích, xả bỏ thì vượt thoát khỏi khổ, giải thoát khỏi khổ. Một pháp đó là gì? Đó là tất cả chúng sanh nhờ thức ăn mà tồn tại. Lại có hai pháp. Đó là danh và sắc. Lại có ba pháp. Đó là ba thọ. Lại có bốn pháp. Đó là bốn loại thức ăn. Lại có năm pháp. Đó là năm thủ uẩn. Lại có sáu pháp. Đó là sáu căn và sáu trần. Lại có bảy pháp. Đó là bảy chỗ thức trụ. Lại có tám pháp. Đó là tám pháp thế gian. Lại có chín pháp. Đó là chín nơi cư trú của chúng sanh. Lại có mười pháp. Đó là mười nghiệp. Đôi với mười pháp này mà chân chánh khởi tâm nhàm chán, xa lìa, không ưa thích, xả bỏ thì vượt thoát khỏi khổ, giải thoát khỏi khổ.125 Đức Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

124 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.487. 0124b28). Tham chiếu: bd%.(r02. 0125.46.8. 0778b17); A. 1027 - v. 48. 125 Nguyên tác: Cứu cánh khổ biên, giải thoát ư khổ ().Hai kinh 486 và 487 giống nhau. Cụm từ này chính là sự khác biệt cơ bản so với cụm từ "đắc tận chư lāu,?()trong kinh 486 ở trèn.

QUYỂN 17 533

488. MƯỜI PHÁP CHÂN CHÁNH (3)126 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Đôi với một pháp này mà quán sát vô thường, quán sát biên đôi, quán sát ly dục, quán sát diệt tận, quán sát xả ly thì được sạch hết các lậu. Một pháp đó là gì? Đó là tất cả chúng sanh nhờ thức ăn mà tồn tại. Lại có hai pháp. Đó là danh và sắc. Lại có ba pháp. Đó là ba thọ. Lại có bốn pháp. Đó là bốn loại thức ăn. Lại có năm pháp. Đó là năm thủ uẩn. Lại có sáu pháp. Đó là sáu căn và sáu trần. Lại có bảy pháp. Đó là bảy chỗ thức trụ. Lại có tám pháp. Đó là tám pháp thế gian. Lại có chín pháp. Đó là chín nơi cư trú của chúng sanh. Lại có mười pháp. Đó là mười nghiệp. Đối với mười pháp này mà chân chánh quán sát vô thường, quán sát biến đổi, quán sát ly dục, quán sát diệt tận, quán sát xả ly thì được sạch hết các lậu.126 127128 Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

489. MƯỜI PHÁP CHÂN CHÁNH 128 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Đối với một pháp này mà quán sát vô thường, quán sát biến đổi, quán sát ly dục, quán sát diệt tận, quán sát xả ly thì vượt thoát khỏi khổ, giải thoát khỏi khổ. Một pháp đó là

gì? Đó là tất cả chúng sanh nhờ thức ăn mà tồn tại. Lại có hai pháp. Đó là danh và sắc. Lại có ba pháp. Đó là ba thọ.

126 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.O2. 0099.488. 0124CÍ0). Tham chiếu: Tăng.(r02. 012546.8. 0778bl7);^. 1027 - v. 48. 127 So với hai kinh 486 và 487 thì kinh này chỉ khác biệt ở cụm từ: è;. _ 128 Tựa đề đặt theo
nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.489. 0124c22). Tham chiếu: Tăng.(7.02. 0125Í46.8. 0778017);^. 1027 - v. 48.

534 KÊNH TẠP A-HÀM

Lại có bốn pháp. Đó là bốn loại thức ăn. Lại có năm pháp. Đó là năm thủ uẩn. Lại có sáu pháp. Đó là sáu căn và sáu trần. Lại có bảy pháp. Đó là bảy chỗ thức trụ. Lại có tám pháp. Đó là tám pháp thế gian. Lại có chín pháp. Đó là chín nơi cư trú của chúng sanh. Lại có mười pháp. Đó là mười nghiệp. Đối với mười pháp này mà chân chánh quán sát vô thường, quán sát biến đổi, quán sát ly dục. quán sát diệt tận, quán sát xả ly thì vượt thoát khỏi khổ, giai thoát khoi kho.1^9 4 y

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.129 130

129 So với kinh 488 thì chỉ khác biệt ở cụm từ:. 130 Bản Hán, hết quyển 17.
Đầu quyển 18 có thêm môt dòng chữ Hán, là dấu vết củasự phân chia chương, mục thời xưa còn sót lại. Đó là, Đệ tử sở thuyết tụng đệ tứ phàm .

QUYỂN 18 535

QUYỂN 18 490. DIÊM-PHÙ-XA HỎI ĐẠO1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại làng Na-la,2 thuộc nước Ma-kiệt-đề. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất cũng đang ở tại đây. 1. Khi ấy, có tu sĩ ngoại đạo tên Diêm-phù-xa,3 là bạn cũ của Tôn giả Xá-lợiphất, đi đen chỗ Tôn giả, thăm hỏi nhau xong, ngồi sang một bên rồi hỏi rằng:4 Thưa Tôn giả, trong giáo pháp của Hiền thánh thì có việc gì khó?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Chỉ có việc xuất gia là khó!

-Tại sao xuất gia lại khó? Bởi vì ưa thích đời sống xuất gia rất khó!

Vì sao rất khó ưa thích đời sống xuất gia?

Bởi vì rất khó ưa thích siêng tu thiện pháp!

Diêm-phù-xa lại hỏi: Thưa ngài Xá-lợi-phất! Có con đường, có phương pháp nào5 để khi tu

tập, tu tập nhiêu, tu tập thường xuyên sẽ khiên cho thiện pháp được tăng trưởng chăng? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Thưa có! Đó là Thánh đạo tám chi gồm chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Diêm-phù-xa nói: -Thưa ngài Xá-lợi-phất! Đây đúng là con đường lành, đây đúng là phương pháp tốt lành, nếu tu tập? tu tập nhiều, tu tập thường xuyên sẽ khiến cho thiện pháp được tăng trưởng. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Người xuất gia nếu thường

1 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.490. 0126a07). Tham chiếu: s. 38.1 IV. 251 cho deni 38.16- IV. 261. 2 Nguyên tác: Na-la tụ lạc (‚Nālakagāmaka). 3 Diêm-phù-xa (‚Jambukhādaka).

4 S. 38.16 - IV. 261, Dukkarapañhā Sutta (Kỉnh khó làm). 5 Nguyen tác: Hữu đạo hữu hướng ().Tham chiếu: s. 38.1 - IV. 251: Atthi kho, āvuso, maggo atthipatipadā (Thưa ngài, có con đường nào, có đạo lộ nào...).



xuyên tu tập theo con đường này, chẳng bao lâu sau sẽ nhanh chóng dứt sạch hữu lậu. Sau khi Diêm-phù-xa và Tôn giả Xá-lợi-phất đàm đạo xong, đều đứng dậy cáo từ. Cũng như kinh trên, với những câu hỏi của Diêm-phù-xa, có thêm 40 kinh nữa.6 2. Diêm-phù-xa lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:7 -Thưa ngài, thế nào gọi là khéo thuyết pháp? Thế nào gọi là chánh hướng ở thê gian? Thê nào gọi là khéo vượt qua thê gian? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: -Nếu thuyết pháp mà có thể điều phục tham dục, điều phục sân hận, điều phục ngu si thì gọi là khéo thuyết pháp ở the gian. Nếu hướng đến điều phục tham dục, hướng đến điều phục sân hận, hướng đen điều phục ngu si thì gọi là chánh hướng. Nếu như tham dục đã được hiểu biết hoàn toàn8 và đoạn sạch không dư tàn; nếu như sân hận, ngu si đã được hiểu biết hoàn toàn và đoạn sạch không dư tàn thì gọi là khéo vượt qua thế gian.9 Lại hỏi: Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Có con đường, có phương pháp nào để khi tu tập, tu tập nhiều thì có thể khéo vượt qua [thế gian] không? Đáp: Thưa có! Đó là Thánh đạo tám chi gom chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Sau khi Diêm-phù-xa và Tôn giả Xá-lợi-phất đàm đạo xong, đều đứng dậy cáo từ. 3. Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:10 -Thưa ngài, nói về Niết-bàn, thế nào là Niết-bàn? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: -Niết-bàn là tham dục đã đoạn sạch vĩnh viễn, sân hận đã đoạn sạch vĩnh viễn, ngu si đã đoạn sạch vĩnh viễn, hết thảy mọi phiền não đã đoạn sạch vĩnh viễn, đó gọi là Niết-bàn.

6 Chỉ thấy còn 35 mục. 7 Tham chiếu: s. 38.3 - IV. 253: Dhammavādīpañhā Sutta Kinh vỉ thuyết pháp, HT. Thích Minh Châu dịch. 8 Tham chiếu: Đoạn tri ‚parijānāti'. Hiểu biết hoàn toàn. 9 Nguyên tác: Thiện đoạn .Các bản Tống, Nguyên, Minh đều ghi "thiên the”. 10 Tham chiếu: s. 38.1 - IV. 251: Nibbānapañhā Suita Kinh Niết-bàn.



Lại hỏi: Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Có con đường nào, có phương pháp nào để khi tu tập, tu tập nhiều thì chứng đắc Niết-bàn không? Đáp: Thưa có! Đó là Thánh đạo tám chi gồm chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh đinh. Sau khi Diêm-phù-xa và Tôn giả Xá-lợi-phất đàm đạo xong, đều đứng dậy cáo từ. 4. Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:11 Vì sao Tôn giả theo Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu hành Phạm hạnh?

Xá-lợi-phất đáp: Vì muốn đoạn trừ tham dục, sân hận và ngu si nên tôi theo Sa-môn Cùđàm xuất gia tu hành Phạm hạnh. Lại hỏi: Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Có con đường

nào, có phương pháp nào để khi tu tập, tu tập nhiều thì đoạn trừ tham dục, sân hận và ngu si không? Đáp: -Thưa có! Đó là Thánh đạo tám chi gồm chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Sau khi Diêm-phù-xa và Tôn giả Xá-lợi-phất đàm đạo xong, đều đứng dậy cáo từ. 5. Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:12 Thưa ngài, nói về diệt sạch hữu lậu? Vậy thế nào gọi là diệt sạch hữu lậu?

Xá-lợi-phất đáp: - Hữu lậu có ba. Đó là dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu.13 Ba hữu lậu này hoàn toàn diệt sạch thì gọi là diệt sạch hữu lậu. Lại hỏi: Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Có con đường nào, có phương pháp nào để khi tu tập, tu tập nhiều thì diệt sạch hữu lậu không? Đáp: Thưa có! Đó là Thánh đạo tám chi gồm chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định.

11 Tham chiếu: s. 38.4 - IV. 253: Kỉmatthỉya Sutta (Kinh có cái gì). 12 Tham chiếu: s. 38.8 - IV. 256: Āsavapañhā Sutta (Kinh lậu hoặc). 13 Nguyên tác: Dục hữu lậu, hữu hữu lậu, vô minh hữu lậu (tayo āsavā, kāmāsavo, bhavāsavo, avijjāsavo).



Sau khi Diêm-phù-xa và Tôn giả Xá-lợi-phất đàm đạo xong, đều đứng dậy cáo từ. 6. Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:14 Thưa ngài, nói về A-la-hán, thế nào gọi là A-la-hán?

Xá-lợi-phất trả lời: Tham dục đã dứt sạch hoàn toàn, sân hận và ngu si đã dứt sạch hoàn toàn thì gọi là A-la-hán. Lại hỏi: Thưa ngài, có con đường nào, có phương pháp nào để khi tu tập, tu tập nhiều thì đắc A-la-hán không? Thưa có! Đó là Thánh đạo tám chi gồm chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh đinh. Sau khi Diêm-phù-xa và Tôn giả Xá-lợi"phất đàm đạo xong, đều đứng dậy cáo lui. 7. Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: -Thưa ngài, nói về A-la-hán, thế nào gọi là A-la-hán? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Tham dục vĩnh viễn dứt sạch hoàn toàn, sân hận, ngu si vĩnh viễn dứt sạch hoàn toàn, gọi là A-la-hán. Thưa ngài, có con đường nào, có phương pháp nào để khi tu tập, tu tập nhiều thì đắc A-la-hán không? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Thưa có! Đó là Thánh đạo tám chi gồm chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Sau khi Diêm-phù-xa và Tôn giả Xá-lợi-phất đàm đạo xong, đều đứng dậy cáo lui. 8. Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:15 -Thưa ngài, nói về vô minh, thế nào là vô minh? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Nói về vô minh nghĩa là không biết về đòd trước, không biết đời sau, không biết ba đời trước, sau và hiện tại; không biết Ba ngôi báu Phật, Pháp, Tă^ig; không biết khổ, tập, diệt, đạo; không biết thiện, bất thiện và vô ký; không biết trong và không biết ngoài. Nếu đối với những thứ trên mà bị che mờ5 không rõ biết thì gọi là vô minh.

14 Tham chiếu: s. 38.2 - IV. 252: Arahattapañhā Sutta (Kinh A-la-hán). 15 Tham chiếu: s. 38.9 IV. 257: Avijjāpañhā Sutta (Kinh vô minh).

Diêm-phù-xa nói với Tôn giả Xá-lợi-phất: Đây đúng là mê muội chất chồng! Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Có con đường nào, có phương pháp nào để khi tu tập, tu tập nhiều thì vô minh được đoạn trừ không? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Thưa có! Đó là Thánh đạo tám chi gồm chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Sau khi Diêm-phù-xa và Tôn giả Xá-lợi-phất đàm đạo xong, đều đứng dậy cáo lui. 9. Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:16 Thưa ngài, nói về hữu lậu, thế nào là hữu lậu? r Tôn giả Xả-lợi-phất đáp như kinh trước. XO. Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:17 Thưa ngài, nói về hữu, thế nào là hữu?

Xá-lợi-phất trả lời: Hữu có ba. Đó là dục hữu, sắc hữu và vô sắc hữu.

Lại hỏi: Có con đường nào, có phương pháp nào để khi tu tập, tu tập nhiều thì chấm dứt những hữu này không? Đáp: Thưa có! Đó là Thánh đạo tám chi gồm chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Sau khi Diêm-phù-xa và Tôn giả Xá-lợi-phất đàm đạo xong, đều đứng dậy cáo lui. 11. Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:18 Thưa ngài, nói về hữu thân, thế nào là hữu thân?19

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Hữu thân là thân gồm năm thủ uẩn. Năm thủ uẩn là những gì? Đó là sắc

thủ uân; thọ, tưởng, hành và thức thủ uân. Lại hỏi: Có con đường nào, có phương pháp nào để đoạn trừ hữu thân này không?

16 Tham chiếu: s. 38.8 - IV. 256: Āsavapañhā Sutta (Kinh lậu hoặc). 17 Tham chiếu: s. 38.13 - IV. 259: Bhavapañhā Sutta (Kỉnh hữu). 18 Tham chiếu: s. 38.15 - IV. 260: Sakkāyapañhā Sutta (Kỉnh hữu thân). 19 Hữu thân ()còn gọi là tự thân (sakkāyo).



Đáp Thưa có! Đó là Thánh đạo tám chi gồm chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh đinh. Sau khi Diêm-phù-xa và Tôn giả Xá-lợi-phất đàm đạo xong, đều đứng dậy cáo lui. 12. Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:20 -Thưa ngài, nói về khổ? thế nào là khổ? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Khổ bao gồm sanh khổ5 già khổ, bệnh khổ? chết khổ, thương yêu mà phải xa lìa là khổ? oán ghét mà phải gặp nhau là khổ, mong cầu không được toại nguyện là khổ. Tóm lại, năm thủ uẩn là khổ. Đó gọi là khổ. Lại hỏi: -Có con đường nào, có phương pháp nào đê đoạn trừ khô này không? Đáp: -Thưa có! Đó là Thánh đạo tám chi gồm chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Sau khi Diêm-phù-xa và Tôn giả Xá-lợi-phất đàm đạo xong, đều đứng dậy cáo lui. 13. Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:21 Thưa ngài, nói về lưu, thế nào gọi là lưu?22

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Lưu gồm dục lưu, hữu lưu, kiến lưu và vô minh lưu.23

Lại hỏi: Có con đường nào, có phương pháp nào để khi tu tập, tu tập nhiều thì đoạn trừ được những lưu này không? Đáp: Thưa có! Đó là Thánh đạo tám chi gồm chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh

niệm và chánh định. Sau khi Diêm-phù-xa và Tôn giả Xá-lợi-phất đàm đạo xong, đều đứng dậy cáo lui.

20 Tham chiếu: s. 38.14 - IV. 259: Dukkhapañhā Sutta {Kinh kho. 21 Tham chiếu: s. 38.11 - IV. 258: Oghapañhā Sutta Kinh bộc ỉưù. 22 Lưu còn gọi là ubộc lưu"oghā, tên gọi khác của phiền não. Phiền não như dòng thác dữ nhân chìm chúng sanh trong dòng chảy sanh tử luân hồi nên gọi là "lưu." J 23 Dục lưu, hữu lưu, kiến lưu, vô minh lưu ,;kāmogha, bhavogha, ditthogha, avijjogho.



14. Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Thưa ngài, nói về ách, thế nào gọi là ách?24

Trả lời như kinh nói ve lưu. 15. Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:25 Thưa ngài, nói về thủ, thế nào là thủ?

Ton giả tra lơi: -Thủ có bốn loại: Dục thủ, ngã thủ, kiến thủ và giới thủ.26 Lại hỏi: Có con đường nào, có phương pháp nào để khi tu tập, tu tập nhiều thì đoạn trừ được những thủ này không? Đáp: Thưa có! Đó là Thánh đạo tám chi gom chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh đinh. Sau khi Diêm-phù-xa và Tôn giả Xá-lợi-phất đàm đạo xong, đều đứng dậy cáo lui. 16. Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: - Thưa ngài, nói về trói buộc, thế nào là trói buộc?27 Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Nói về trói buộc, có bốn thứ trói buộc. Đó là bị trói buộc bởi tham dục, bi trói buộc bởi sân hận? bị trói buộc bởi giới thủ và bị trói buộc bởi ngã kiến. Lại hỏi: Có con đường nào, có phương pháp nào để khi tu tập, tu tập nhiều thì đoạn

trừ được những thứ trói buộc này không? Đáp: -Thưa có! Đó là Thánh đạo tám chi gồm chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Sau khi Diêm-phù-xa và Tôn giả Xá-lợi-phất đàm đạo xong, đều đứng dậy cáo lui. 17. Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: -Thưa ngài, nói về kiết, thế nào là kiết?28

24 Ách ()dùng như chữ "ch” (ỆE), chỉ cho gọng cày. 25 Tham chiếu: s. 38.12 - IV. 258: Upādānapañhā Sutta (Kinh chấp thu). 26 Dục thủ, ngã thủ, kiến thủ, giới thủ (kāmupādāna, attavādupādāna, ditthupādāna, sīlabbatupādānaṃ. 27 Phược (bandhana), tên khác của phiền não. Do các thứ phiền não tham, v.v... trói buộc chúng sanh, Idiien không được tự tại nên gọi là "phugc." 28 Kiết (ến, samyojana) còn gọi là "kiết sử", tên gọi khác của phiền não. Phiền não trói buộc chúng sanh trong sanh tử, khiến chúng sanh không được giai thoát nên gọi là "kiết."



Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Nói về kiết thì có chín loại kiết. Đó là ái, sân, mạn, vô minh, kiến, thủ,

nghi, tật và xan. Lại hỏi: 9 v. Có con đường nào, có phương pháp nào đê khi tu tập, tu tập nhiêu thì đoạn trừ được những kiết này không? Đáp: Thưa có! Đó là Thánh đạo

tám chi gồm chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Sau khi Diêm-phù-xa và Tôn giả Xá-lợi-phất đàm đạo xong, đều đứng dậy cáo lui. 18. Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Thưa ngài, nói về SÍT, thế nào là sử?29

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Nói về sử thì có bảy loại sử. Đó là tham dục, sân hận, hữu ái, kiêu mạn, vô minh, kiến thủ và nghi. Lại hỏi: Có con đường nào, có phương pháp nào đê khi tu tập, tu tập nhiêu thì đoạn trừ được những sử này không? Đáp: Thưa có! Đó là Thánh đạo tám chi gôm chánh kiên, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Sau khi Diêm-phù-xa và Tôn giả Xá-lợi-phất đàm đạo xong, đều đứng dậy cáo lui. 19. Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: -Thưa ngài, nói về dục5 thế nào là dục? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Khi mắt nhận biết sắc thì cảm thấy sắc khả ái rồi ưa thích, nghĩ nhớ, đắm trước vào nó. Khi tai nhận biết thanh, mũi nhận biết hương, lưỡi nhận biết vị? thân xúc chạm thì cảm thay chúng khả ái rồi ưa thích, nghĩ nhớ, đắm trước vào đó. Này Diêm-phù-xa! Năm thứ sắc, thanh, hương, vị, xúc ấy chẳng phải dục mà dục chính là những cảm giác, nghĩ tưởng, tư duy. Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất liền nói kệ: Hết thảy sắc thế gian, Chẳng phải là ái dục, Chỉ ai giác, tưởng chúng, Chính là người ái dục.

29 Sử tức "tùy miên„j tên gọi khác của phiền não. Do vì phiền não sai sử chúng sanh lim chuyển trong sanh tử luân hồi nên gọi phiền não là "S1Ỉ.”



Bao nhiêu cảnh sắc kia, Thường ở nơi thế gian, Điều phục tâm ái dục, Chính là người thông tuệ. Diêm-phù-xa lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Có con đường nào, có phương pháp nào để khi tu tập, tu tập nhiều thì đoạn trừ được ái dục không? Đáp: Thưa có! Đó là Thánh đạo tám chi gồm chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh đinh. Sau khi Diêm-phù-xa và Tôn giả Xá-lợi-phất đàm đạo xong, đều đứng dậy cáo lui. 20. Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Thưa ngài, nói về sự che lấp, vậy thế nào là sự che lấp?30

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Nói về sự che lấp thì có năm thứ che lấp. Đó là tham dục, sân hận, ngủ nghí, dao động và nghi ngờ. Diêm-phù-xa lại hỏi Tôn giả: -Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Có con đường nào, có phương pháp nào để khi tu tập, tu tập nhiều thì đoạn trừ được cái không? Đáp: Thưa có! Đó là Thánh đạo tám chi gôm chánh kiên, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh đinh. Sau khi Diêm-phù-xa và Tôn giả Xá-lợi-phất đàm đạo xong, đều đứng dậy cáo lui. 21. Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Thưa ngài, nói về dừng lắng, thế nào là dừng lắng?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: - Dừng lắng nghĩa là đoạn trừ ba kiết.31 Diêm-phù-xa lại hỏi Tôn giả: Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Có con đường no, có phương pháp nào mà tu tập, tu tập nhiều thì có thể đoạn trừ ba kiết không?

3? Nguyên tác: Dưỡng .Có lẽ để bản chép nhầm chữ:'cái",ãvaranậ, chỉ cho phiền não che lấp tâm thanh tịnh, khiên cho thiện tamjdiong thê phát triên. Có 5 thứ che lâp, gọi là 5 triên cái: tham dục kãmarãgà, sân khuê vyãpãdà, thụy miên thinamiddhã, trạo cử , uddhaccà và nghi vicikicchã. 31 Nguyên tác: Tam ki&t,tīni samyojanānī là 3 thứ ữóiA buộc, gồm thân kiến kiết , sakkāyaditthi, giới thủ kiết ,sīlabbataparāmāso, nghi kiêt ,vicikicchā.



Đáp: Thưa có! Đó là Thánh đạo tám chi gồm chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Sau khi Diêm-phù-xa và Tôn giả Xá-lợi-phất đàm đạo xong, đều đứng dậy cáo lui. 22. Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Thưa ngài, nói về đã được dừng lắng, thế nào gọi là đã được dừng lắng?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Đã được dừng lắng nghĩa là ba kiết đã sạch, đã biết như thật.

Lại hỏi: Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Có con đường nào, có phương pháp nào để đoạn trừ ba kiết áy không? Đáp: Thưa có! Đó là Thánh đạo tám chi gồm chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Sau khi Diêm-phù-xa và Tôn giả Xá-lợi-phất đàm đạo xong, đều đứng dậy cáo lui. 23. Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: -Thưa ngài, nói về dừng lắng tối thượng, thế nào là dừng lắng tối thượng? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: -Dừng lắng tối thượng nghĩa là tham dục hoàn toàn dứt sạch; sân hận và ngu si hoàn toàn dứt sạch, đó gọi là dừng lắng tối thượng. Lại hỏi: Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Có con đường nào, có phương pháp nào để khi tu tập, tu tập nhiều thì đưa đến dừng lắng tối thượng không? Đáp: Thưa có! Đó là Thánh đạo tám chi gồm chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Sau khi Diêm-phù-xa và Tôn giả Xá-lợi-phất đàm đạo xong, đều đứng dậy cáo lui. 24. Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Thưa ngài, nói về chỗ dừng lắng tối thượng, thế nào là chỗ dừng lắng tối thượng? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Chỗ dừng lắng tối thượng, nghĩa là tham dục hoàn toàn đoạn sạch, đã biết như thật; sân hận và ngu si đã hoàn toàn đoạn sạch, đã biết như thật, đó gọi là chỗ dừng lắng tối thượng.



Lại hỏi: Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Có con đường nào, có phương pháp nào để khi tu tập, tu tập nhiều thì đạt đến chỗ dừng lắng tối thượng không? Đáp: Thưa có! Đó là Thánh đạo tám chi gồm chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Sau khi Diêm-phù-xa và Tôn giả Xá-lợi-phất đàm đạo xong, đều đứng dậy cáo lui. 25. Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Thưa ngài, nói về thanh lương, thế nào gọi là thanh lương?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: -Thanh lương nghĩa là năm hạ phần kiết sử đã được đoạn sạch. Năm hạ phan kiết sử là thân kiến, giới thủ, nghi, tham dục và sân hận. Lại hỏi: Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Có con đường nào, có phương pháp nào để khi tu tập, tu tập nhiều thì có thể đoạn trừ năm hạ phần kiết sử ấy, đạt được thanh lương không? Đáp:

Thưa có! Đó là Thánh đạo tám chi gồm chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Sau khi Diêm-phù-xa và Tôn giả Xá-lợi-phất đàm đạo xong, đều đứng dậy cáo lui. 26. Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Thưa ngài, nói về đạt được thanh lương, thế nào là đạt được thanh lương?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Năm hạ phan kiết sử đã đoạn sạch, đã biết như thật, đó gọi là đạt được thanh lương. Lại hỏi: -Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Có con đường nào, có phương pháp nào để khi tu tập, tu tập nhiều thì có thể đắc thanh lương không? Đáp: Thưa có! Đó là Thánh đạo tám chi gồm chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh đinh. Sau khi Diêm-phù-xa và Tôn giả Xá-lợi-phất đàm đạo xong, đều đứng dậy cáo lui. 27. Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Thưa ngài, nói về thanh lương tối thượng, thế nào là thanh lương tối thượng?



Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Thanh lương tối thượng nghĩa là tham dục hoàn toàn dứt sạch, sân hận và ngu si hoàn toàn dứt sạch, tất cả phiền não hoàn toàn dứt sạch; đó gọi là thanh lương tối thượng. Lại hỏi: Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Có con đường nào, có phương pháp nào để đạt được thanh lương tối thượng không? Đáp: Thưa có! Đó là Thánh đạo tám chi gồm chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Sau khi Diêm-phù-xa và Tôn giả Xá-lợi-phất đàm đạo xong, đều đứng dậy cáo lui. 28. Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Thưa ngài, nói ve đạt được thanh lương toi thượng, the nào gọi là đạt được thanh lương tối thượng? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Đạt được thanh lương tối thượng nghĩa là tham dục hoàn toàn đoạn sạch, đã biết như thật; sân hận và ngu si hoàn toàn đoạn sạch, đã biết như thật. Đó gọi là đạt được thanh lương tối thượng. Lại hỏi: -Có con đường nào, có phương pháp nào để đạt được thanh lương tối thượng không? Đáp: Thưa có! Đó là Thánh đạo tám chi gồm chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Sau khi Diêm-phù-xa và Tôn giả Xá-lợi-phất đàm đạo xong, đều đứng dậy cáo lui. 29. Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:32 Thưa ngài, nói về ái, thế nào là ái?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Ái có ba. Đó là dục ái, sắc ái và vô sắc ái.

Lại hỏi: -Có con đường, có phương pháp nào đoạn dứt ba ái này không? Đáp: Thưa có! Đó là Thánh đạo tám chi gồm chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định.

32 Tham chiếu: s. 38.10 - IV. 257, Tanhāpañhā Sutta (Kỉnh khát ái).



Sau khi Diêm-phù-xa và Tôn giả Xá-lợi-phất đàm đạo xong, đều đứng dậy cáo lui. 30. Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Thưa ngài, nói về nghiệp dạo, thế nào là nghiệp đạo?33

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:  Nói vê nghiệp đạo, tức là mười nghiệp bát thiện, gôm sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói doi, nói hai chiều, nói thô ác, nói thêu dệt, tham dục, sân hận và ta kiến. Lại hỏi: -Có con đường nào, có phương pháp nào đoạn trừ mười nghiệp này không? Đáp:  Thưa có! Đó là Thánh đạo tám chi gồm chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Sau khi Diêm-phù-xa và Tôn giả Xá-lợi-phât đàm đạo xong, đêu đứng dậy cáo lui. 31. Diêm-phù-xa hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: - Thưa ngài, nói về cấu uế, thế nào là cấu uế? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:  Cấu uế có ba loại. Đó là tham dục, sân hận và ngu si.

Lại hỏi:  Có con đường nào, có phương pháp nào để đoạn dứt ba cấu uế này không?

Đáp: -Thưa có! Đó là Thánh đạo tám chi gồm chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Sau khi Diêm-phù-xa và Tôn giả Xá-lợi-phất đàm đạo xong, đều đứng dậy cáo lui. Giông như kinh nói vê câu uêf các kinh nói vê câu bân [32], nói vê bụi bân [33], nói về gai nhọn [34], nói về luyến mến [35], nói về ràng buộc [36]34 cũng như thế. ***

491. SA-MÔN XUẤT GIA HỎI ĐẠO35 Giống như Kinh Diêm-phù-xa hỏi đạo, kỉnh này Sa-môn xuất gia hỏi đạo. ***

33 Nguyên tác: Nghiệp tích ,tức t4nghiệp dạo". 34 Trùng với mục 16. 35 Tạp.
B 02. 0099.491. 0128a28.



492. PHÁ TAN vô MINH36 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất cũng đang ở đó. Bấy giờ, Tôn giả nói với các Tỳ-kheo như vày:  Nếu có Tỳ-kheo đạt được Vô lượng tam-muội, tự thân tác chứng thành tựu và an trú, nhưng đối với Niết-bàn, đối với sự diệt tận của hữu thân3738thì tâm của vị ấy không vui thích, quá quý trọng thân năm uẩn này, ví như có người dùng bàn tay dính đầy keo mà vịn vào cành cây thì bàn tay ấy bị dính chặt vào cành, không gỡ ra được. Vì sao như thê? Vì bàn tay ây dính đây keo. Cũng vậy, nếu Tỳ-kheo đạt được Vô lượng tam-muội, tự thân tác chứng thành tựu và an trụ, nhimg đối với Niết-bàn, đối với sự diệt tận của hữu thân thì tâm của vị ấy không vui thích, lại quá quý trọng thân này nên cuối cùng không thê thoát ly, ngay trong hiện đời không được tuần tự thực hành theo pháp đến khi qua đời cũng chẳng thể chứng dắc, phải sanh lại cõi này, rốt cuộc chẳng the phá tan ngu si, tăm tối. Ví như bên cạnh làng có ao bùn, lớp bùn rất dày; nếu trời hạn hán, lâu ngày không mưa thì nước ao cạn khô, bùn đất nứt nẻ. Cũng the, Tỳ-kheo ấy ngay trong hiện đời không được tuần tự thực hành theo pháp, đến khi qua đời cũng chẳng thể chứng đắc, phải sanh lại cõi này. Nếu có Tỳ-kheo đạt được Vô lượng tam-muội, tự thân tác chứng thành tựu an trụ, đối với Niết-bàn, đối với sự diệt tận của thân thì tâm của vị ấy vui thích, không quá quý trọng thân này. Ví như có người dùng bàn tay sạch ráo vịn vào cành cây thì bàn tay không bi dính chặt vào đó. Vì sao như the? Vì bàn tay sạch ráo. Cũng vậy, Tỳ-kheo đạt được Vô lượng tam-muội? tự thân tác chứng thành tựu an trụ, đoi với Niết-bàn, đoi với sự diệt tận của thân thì tâm của vi ấy vui thích, không quá quý trọng thân này nên ngay trong

hiện đời được tuần tự thực hành theo pháp, đen khi qua đời không còn tái sanh cõi này. Cho nên, này các Tỳ-kheo! Hãy nỗ lực tinh tấn phá tan vô minh. Giống như cạnh làng có ao bùn, bốn phía có nước chảy vào và trời lại hay mưa, nước thường chảy vào, đây ngập tràn ao khiên bao thứ dơ bân trôi ra ngoài, nước ao trong trẻo. Cũng thế, Tỳ-kheo ngay trong hiện đời được tuần tự thực hành theo pháp, đến khi qua đời không sanh trở lại cõi này. Vì thế, Tỳ-kheo! Hãy nỗ lực tinh tấn phá tan vô minh. Tôn giả Xá-lợi-phất nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Tôn giả dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

36 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.492. 0128b01). Tham chiếu: A. 4.178 - II. 165. 37 Nguyên tác: Hữu thân diệt Niết-bàn (Sakkāyanirodhd). 38 Nguyên tác: Tùy thuận ph(dhammānudhammappatipannā). Xem chú thích 68, kinh số 27, quyền l, tr. 24; Tạp.(T.02. 0099.27. 0005c20).

QUYỂN 18  549

493. THUYỀN NGƯỢC DÒNG39 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo rằng: -Nêu Tỳ-kheo tu hạnh A-lan-nhã,40 sống giữa đồng trống hoặc trong rừng sâu, bên gốc cây, nên học quay vào bên trong mà quán chiếu tư duy để tự biết trong tâm mình còn có dục tưởng hay không. Nếu không tự biết được thì ở nơi cảnh giới, hoặc ở nơi tịnh tướng41 sẽ khởi lên ái dục, trái với hạnh viễn ly. Như một người dùng sức chèo thuyền ngược dòng, khi thân hơi mệt đã vội biếng nhác thì thuyền sẽ trôi lui, xuôi dòng trôi xuống. Cũng vậy, Tỳ-kheo tư duy về tinh tướng, lại sanh khởi ái dục, trái với hạnh viễn ly, là bởi trong lúc tu học, Tỳ-kheo thiếu sự tinh tấn, hạnh không thuần tịnh nên lại bị ái dục cuốn trôi, không được pháp lực, tâm không tịch tinh, tâm không chuyên nhất; đối với tịnh tướng sanh khởi ái dục, xuôi theo hướng ấy thì trái với hạnh viễn ly. Nên biết, Tỳ-kheo này đối với năm dục không dám tự nhận rằng đã được viễn ly, giải thoát. Nếu Tỳ-kheo tu hạnh A-lan-nhã, sống giữa đồng trống hoặc trong rừng sâu, ben gốc cây, nên tư duy như vầy: “Trong tâm ta đã ly dục chua?" Tỳ-kheo ấy đoi với cảnh giới hoặc đoi với tịnh tướng mà biết tâm mình đã viễn ly ái dục thì nên thuận theo hướng ấy. Giống như lông chim gặp lửa thì sẽ quắn lại, không nở ra được. Cũng vậy, Tỳ-kheo đối với tịnh tướng mà thuận với viễn ly thì nên xuôi theo hướng ấy. Nên biết, Tỳ-kheo ấy đã tinh tấn tu hành, tâm không buông lung, đắc pháp tịch tĩnh, tịnh chỉ, dừng lắng, an lạc, nhất tâm thuần tịnh, có thể tự cho rằng: “Ta đã tư duy, đối với tịnh tướng mà thuận với viễn ly, tùy thuận tu đạo thì dám tự nhận mình đã ly dục, giải thoát khỏi năm loại due." Tôn giả Xá-lợi-phất nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Tôn giả dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

494. THẦN THÔNG BIÊN HÓA42

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà5 thuộc thành Vương Xá.

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất đang ở trong núi Kỳ-xà quật.43

39 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T7.02. 0099.493. 0128ỒỒ26. 40 Nguyên tác: A-luyện-nhã ,arañña. 41 Tịnh tướngchi cho những thứ có hình tướng sạch đẹp, khả ái. 42 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.494. 0128CÍ9. Tham chiếu: A. 6.41 - III. 340. 43 Kỳ-xà quật sơn Gijjhakūta còn gọi Linh Thứu sơn nằm về phía Đông Bắc thành Vương Xá Rājagaha.



Vào lúc sáng sớm, Tôn giả Xá-lợi-phất đắp y, ôm bát ra khỏi núi, vào thành Vương Xá khất thực. Nhìn thấy một cội cây khô ven đường, Tôn giả liền đến bên cội cây ây, trải tọa cụ ngôi ngay thăng roi bảo các Tỳ-kheo răng: Nếu có Tỳ-kheo nào tu tập thiền định, chứng đắc thần thông, tâm được tự tại, muốn biến cây khô này thành đất thì sẽ thành đất liền. Vì sao như thế? Vì trong cây Idiô này sẵn có đất Cho nên, Tỳ-kheo chứng đắc thần thông, tâm muốn tạo ra đất thì liền thành đất, không thể sai khác. Nếu có Tỳ-kheo nào chứng đắc thần thông, tự tại như ý? muốn biến cây khô này thành nước, lửa, gió, vàng, bạc... thì đều thành tựu, không thể sai khác. Vì sao như thế? Vì trong cây khô sẵn có nước... Cho nên, Tỳ-kheo thiền định, chứng đắc thần thông, tự tại như ý? muốn biến cây khô thành vàng tức thời thành vàng, không thể sai khác,... (cho đến) tất cả những vật khác cũng đều thành tựu, không thể sai khác. Vì sao như thế? Vì trong cây khô kia sẵn có đầy đủ tất cả các giới ấy. Do đó, Tỳ-kheo thiền đinh, chứng đắc thần thông, tự tại như ý, nếu muốn tạo thành các vật thì hét thảy đêu được thành tựu, không thê sai khác. Tỳ-kheo nên biết, cảnh giới thần thông nhờ đắc định ấy không thể nghĩ bàn. Cho nên, này các Tỳ-kheo! Hãy siêng tu thiền định, học các thần thông. Tôn giả Xá-lợi-phất nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Tôn giả dạy đều hoan hỷ phụng hành.
***

495. GIỚI LÀ NỀN TẢNG44 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-dà, thuộc thành Vương Xá. Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất đang ở trong núi Kỳ-xà quật. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo rằng: sụt lở rồi thì tâm không Sở dĩ phạm giới là do phá giới, một khi nền tảng4546 an ổn/6 do tâm không an on nên đánh mất hỷ, khinh an, lạc, tam-muội tịch tĩnh; mất hẳn tuệ thấy biết như thật, nhàm chán, ly dục, giải thoát. Do đó, vĩnh viễn không thể chứng đắc Vô dư Niết-bàn. Giống như cây bị hư rễ, thối gốc thì hết thảy cành, lá, hoa, trái không thể xanh tốt. Tỳ-kheo phạm giới cũng như vậy, công đức giảm sút, tâm không an

4ựựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.495. 0129a09). Tham chiếu: Niệm kinh (roi. 0026.44. 0485C22); Tàm quy kinh^\(roi. 0026.45. 0486a05); Tàm quy kỉnh (roi. 002646. 0486a21); Giới (roi. 0626.47. 0486ỒỒ23); Giới kinh (T.01. 0026.4Í 0486C03); Cung kỉnh kinh (roi. 0026.49. 0486c21); Cung kính kinh (roi. 0026.50. 0487al5); A. 5168 - III. 200; A. 5.24 - III. 19; A. 11.3 - v. 313; A. 11.4 - v. 315;i4. 5.21 - III. 14; A. 5.22 - III. 15; A. 6.50 - III. 360; A. 7.65 - IV. 99; A. 8.81 - IV. 336; A. 10.3 - v. 4; A. 10.4 - v. 5. 45 Nguyên tác: Sở y ()& đây chỉ cho giới là nền tảng căn bản cho định (tam-muội), cho tuệ, cho giải thoát. 46 Nguyên tác: Lạc trụ (,sukharn viharatī).

ôn? bởi tâm không an ôn nên đánh mát hỷ? khinh an, lạc, tam-muội tịch tĩnh; mát han tuệ thây biêt như thật, nhàm chán, ly dục, giải thoát. Do đó, vĩnh viên không thể chứng đắc Vô dư Niết-bàn. Tỳ-kheo trì giới, căn bản đầy đủ, nền tảng vững chắc nên tâm được hân hoan. Do đã hân hoan nên tâm hoan hỷ, khinh an, lạc, tam-muội tịch tĩnh; thấy biết như thật, nhàm chán, ly dục, giải thoát; đã giải thoát rồi thì mau chóng chứng đắc Vô dư Niết-bàn. Ví như cây không bị hư rễ, thối gốc thì cành, lá, hoa, trái đều xanh tươi. Tỳ- kheo trì giới cũng như thế, căn bản đầy đủ, nền tảng vững chắc, tâm được hân hoan, đã hân hoan rồi nên tâm đắc hoan hỷ, khinh an, lạc, tam-muội tịch tĩnh; thấy biết như thật, nhàm chán, ly dục, giải thoát; đã giải thoát rồi thì mau chóng chứng đắc Vô dư Niết-bàn.  Tôn giả Xá-lợi-phất nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Tôn giả dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

496. DẬP TẮT TRANH CÃI47 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. , Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:  Khi các Tỳ-kheo tranh cãi với nhau thì trong đây có Tỳ-kheo phạm tội, có Tỳ-kheo cử tội.48 Những Tỳ-kheo này nếu không nương vào chánh tư duy để tự quán xét, nên biết Tỳ-kheo ấy cứ mãi ngang ngạnh, tranh cãi tăng lên, chống báng lẫn nhau, kết sâu oán hận. Như thế thì đối với những lỗi lầm đã xảy ra, không thể dùng giáo pháp chân chánh để ngăn chặn, dứt trừ. Khi các Tỳ-kheo khởi lên tranh cãi, nếu Tỳ-kheo phạm tội và Tỳ-kheo cử tội đêu nương vào chánh tư duy đê tự quán xét, tự trách mình, nên biêt Tỳ-kheo ấy không còn ngang ngạnh, chống báng lẫn nhau hay khoét sâu thù hận. Như thế thì đối với lỗi lầm đã xảy ra có thể dùng giáo pháp chân chánh để ngăn chặn, dứt trừ. Thế nào là Tỳ-kheo phạm tội nương vào chánh tư duy để tự quán xét? Tỳ- kheo nên tư duy như vầy: "Minh thật không phải, không tốt, đáng lẽ không nên tạo tội đê người khác nhìn thây như thê. Nêu mình không tạo tội này thì người kia đâu có bắt gặp! Người kia nhìn thấy tội của minh, vì không bằng lòng nên mới chê trách rồi cử tội thôi! Những Tỳ-kheo khác nghe được, cũng lại chê trách, bởi thế xảy ra tranh cãi triền miên, căng thẳng càng tăng, tranh cãi càng

47 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.496. 0l29a27). Tham chiếu: A. 2.15 - L 52. 48 Cử tội ()Chỉ ra lỗi lầm, buộc tội người khác.



hăng. Như vậy thì đối với lỗi lầm đã xảy ra9 không thể dùng giáo pháp chân chánh để ngăn chặn, dứt trừ. Ke từ hôm nay, mình phải từ bỏ, như phải nộp thuế cho hàng hóa của minh."49 Đó gọi là Tỳ-kheo đối với lỗi lầm đã xảy ra, tự mình quán xét như thế. Thế nào là Tỳ-kheo cử tội tự mình qun xét? Tỵ-kheo cử tội nên suy nghĩ như vầy: 66Tỳ-kheo kia đã phạm tội, khiên ta nhìn thấy; nêu vị kia không phạm tội ấy thì ta đâu có thấy! Ta bắt gặp như vậy rồi, do không bằng lòng nên mới cử tội. Những Tỳ-kheo khác bắt gặp, cũng không bằng lòng nên mới cử tội, bởi thế sự tranh cãi kéo dài, tăng lên không dừng, như thế thì đối với lỗi lầm đã xảy ra không thể dùng giáo pháp chân chánh để ngăn chặn, dứt trừ. Ke từ hôm nay, ta hãy từ bỏ, như phải nộp thuê cho hàng hóa của minh." Tỳ-kheo cử tội có thê nương vào chánh tư duy để tự mình quán xét như thế. Do đó, này các Tỳ-kheo! Người có tội và người cử tội đều phải nương vào chánh tư

duy để tự mình quán xét? đừng để căng thẳng tăng thêm. Này các Tỳ-kheo! Không nên tranh cãi, nếu tranh cãi xảy ra, hãy dùng giáo pháp chân chánh để ngăn chăn, dứt trừ. Tôn giả Xá-lợi-phất nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe rồi đều hoan hỷ phụng hành. ***

497. NĂM PHÁP CỬ TỘI*50 Tôi nghe như vay: Một thòi, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà9 thuộc nước Xá-vệ. J J Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến chỗ Phật, cúi lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: Bạch Thế Tôn! Vị Tỳ-kheo muốn cử tội người khác thì phải đem tâm an trú vào bao nhiêu pháp rồi mới được cử tội người khác?51 Phật bảo Xá-lợi-phất: Vị Tỳ-kheo đó phải đem tâm an trú vào năm pháp thì mới được cử tội người khác. Là năm pháp nào? Thứ nhất, sự thật chứ không bịa đặt. Thứ hai, đúng thời chứ không phi thời. Thứ ba, đem lại lợi ích chứ không vô ích. Thứ tư, nhu hòa chứ không thô bạo. Thứ năm, với từ tâm chứ không sân hận. Này

^Ngwen tác: Nhự kỷ thâu thua .Thâu thuế là thể rút gọn của chước nạp tô thuế .Tham chiêu: A. 2.15 - L 52: Suñkadāyakamva bhandasminti như trường hợp người phải trả thuê hàng hóa của mình, HT. Thích Minh Châu dịch. Ví dụ này hàm chỉ cho bôn phận can phải thực hiện trươc một hành động, việc làm nào đó của chính mình. 50 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.0099.497. 0129b25. Tham chiếu: A. 5.167 - III. 196; Cuỉavagga, chương thứ chín, Đình chỉ Giai bổn. 51 Tham chiếu: A. 5.167 - III. 196: Codakena, āvuso,y bhikkhunā param codetukāmena pañca dhamme ajjhattam upatthāpetvā paro codetabbo Này các Hiền giả, khi Tỷ-kheo buộc tội muốn buộc tội người khác, hãy an trú nội tâm năm pháp rồi hãy buộc tội, HT. Thích Minh Châu dịch.



Xá-lợi-phất! Tỳ-kheo cử tội phải hội đủ năm pháp này thì mới được cử tội người khác. Tôn giả Xá-lợi-phất thưa: -Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo bị cử tội cũng phải dùng bao nhiêu pháp để tự an tâm mình? Đức Phật bảo Xá-lợi-phất: Tỳ-kheo bị cử tội nên dùng năm pháp để tự an tâm mình, cần phải nghĩ rằng: "Vị kia đã hành xử thế nào? Là đúng sự thật chớ không bịa đặt; đúng thời chớ chẳng phi thời; đem lại lợi ích chớ chẳng vô ích; nhu hòa chớ chẳng thô bạo; từ tâm chớ chẳng sân han?9 Này Xá-lợi-phất! Người bị cử tội phải nghĩ đủ năm pháp này thì tự an tâm mình. Tôn giả Xá-lợi-phất thưa: Bạch Thế Tôn! Con thấy có người cử tội người khác không đúng sự thật chớ chẳng phải thật; phi thời chớ chẳng đúng thời; vô ích chớ chẳng lợi ích; thô bạo chớ chẳng nhu hòa; sân hận chớ chẳng từ tâm. Bạch Thế Tôn! Đối với Tỳ-kheo cử tội người khác mà không đúng sự thật như thế thì phải dùng pháp lợi ích gì để họ hối cải? Đức Phật bảo Xá-lợi-phất: Đối với Tỳ-kheo cử tội mà không đúng sự thật nên dùng năm pháp lợi ích khiến họ hối cải, phải nói với họ rằng: "Thua Trưởng lão! Nay Trưởng lão cử tội mà không đúng sự thật chứ chẳng phải thật, hãy hối cải; phi thời chứ chẳng đúng thời; vô ích chứ chẳng lợi ích; thô bạo chứ chẳng nhu hòa; sân hận chứ chẳng từ tâm, hãy hối cHi." Này Xá-lợi-phất! Đối với Tỳ-kheo cử tội người khác không đúng sự thật thì phải dùng năm pháp lợi ích này khiến họ hối cải, cũng khiến các Tỳ-kheo khác sau này không còn cử tội người khác không đúng sự thật nữa. Tôn giả Xá-lợi-phất thưa: Bạch

Thế Ton! Tỳ-kheo bị cử tội không đúng sự thật nên dùng pháp gì để không phải sám hối? Đức Phật dạy: -Tỳ-kheo bị cử tội không đúng sự thật nên dùng năm pháp để không phải sám hối. Vị ấy nên nghĩ thế này: 66Tỳ-kheo kia cử tội không đúng sự thật chứ chẳng phải đúng sự thật; phi thời chứ chẳng đúng thời; vô ích chứ chăng lợi ích; thô bạo chứ chẳng nhu hòa; sân hận chứ chẳng từ tâm, như thế thì mình không phải sám h6i." Tỳ-kheo bi cử tội không đúng sự thật nên dùng năm pháp này để tự an tâm mình, không phải sám hoi. Tôn giả Xá-lợi-phất lại thưa: -Bạch Thế Tôn! Có Tỳ-kheo cử tội đúng sự thật chứ chẳng phải không đúng sự thật; đúng thời chứ chẳng phải phi thời; đem lại lợi ích chứ chẳng phải



VÔ ích; nhu hòa chứ chẳng phải thô bạo; từ tâm chứ chẳng phải sân hận. Đối với Tỳ-kheo cử tội đúng sự thật ấy nên dùng pháp lợi ích nào để không phải hối cải? Đức Phật bảo Xá-lợi-phất: Đối với Tỳ-kheo cử tội đúng sự thật, nên dùng năm pháp lợi ích để không phải hối cải, phải nói với Tỳ-kheo đó thế này: "Trưởng lão! Trưởng lão đã cử tội đúng sự thật chứ chẳng phải không đúng; đúng thời chứ chẳng phải phi thời; đem lại lợi ích chứ chẳng phải bất lợi, vô ích; nhu hòa chứ chẳng phải thô bạo; từ tâm chứ chẳng phải sân hận.^, Này Xá-lợi-phất! Đối với Tỳ-kheo cử tội đúng Sự thật nên dùng năm pháp lợi ích này đê vị ây không phải hôi cải, cũng đê sau này những Tỳ-kheo cử tội người khác đúng sự thật cũng không phải hối cải. Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo bi cử tội đúng sự thật, phải dùng bao nhiêu pháp lợi ích, nếu vi ấy vẫn không chịu sám hối?52 Đức Phật dạy: Tỳ-kheo bị cử tội đúng sự thật, phải dùng năm pháp lợi ích, nêu vị ây vân không chịu sám hối, nên nói với vi ấy thế này: 46Tỳ-kheo kia cử tội thầy đúng chứ chẳng phải không đúng, vậy mà thầy chẳng chiu sám hối! Tỳ-kheo kia cử tội thầy đúng thời chứ chẳng phải phi thời; có lợi ích chứ chẳng phải không có lợi ích; nhu nhuyến chứ chẳng phải thô bạo; có từ tâm chứ chẳng phải sân hận, vậy mà thây chăng chịu sám h6i!" Tôn giả thưa: Bạch Thế Tôn! Con thấy có Tỳ-kheo bị cử tội đúng mà lại sân hận. Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo bị cử tội đúng mà sân hận thì phải dùng bao nhiêu pháp để khiến họ tự hóa giải đối với tâm sân hận? Đức Phật bảo Xá-lợi-phất: - Tỳ-kheo bị cử tội đúng mà khởi sân hận thì phải dùng năm pháp để tự hóa giải nên nói với vị ấy rằng: “Thua Trưởng lão! Tỳ-kheo kia cử tội đúng sự thật chứ chẳng phải không đúng, chớ có sân hận... (cho đến) từ tâm chứ chẳng phải sân hận, chớ có sân hận.59 Này Xá-lợi-phất! Đối với Tỳ-kheo bi cử tội đúng mà khởi sân hận nên dùng năm pháp này để khiến họ tự hóa giải sân hận.

52 Trong đoan hỏi và đáp này, Luật tạng Pâli liệt kê ra 5 tnrờng hợp tuy cử tội đúng pháp, nhưng vị Tỳ- kheo kia van không sám hối. ở đây, Kinh Tạp A-hàm bổ sung yếu tố khuyển giải. Tham chieu:^C«//a vagga, chương thứ chín, Đình chỉ Giới bôn: [508] - Bạch Ngài, sự không có ân hận sẽ được xảy đến cho viTy-khuu khiển trách đúng pháp với bao nhiêu hình thức? Nay ủpâli, sự không có ân hận sẽ được xảy đên cho vị Tỳ-khưu khiên trách đúng pháp với năm hình thức. (Ai đó có thể nói rằng): í(,Đại đức khiển trách hợp thời, không sải thời, thế la đu để không7 đưa đến sự ân hận cho ngài; Đại đức khiển trách với sự thật, không phải với sự sai trải, thê là đủ đê khôn^ đưa đên sự ân

hận chọ ngài; Đại đức khiên trách với sự mèm mỏng, không phải băng cách thô lô, thê là đủ đê không đưa đên sự ân hận cho ngài; Đại đức khiên trách có liên hệ đên lợi ích, không phải không liên hệ đên lợi ích, thế là đủ để khôn^ đưa đên sự ân hận cho ngài; Đại đức khiên trách với tâm từ, không phải với nôi tâm có sân hận, thê là đủ đe không đưa đen sự ân hận cho ngàr (Tỳ-khưu Indacanda dịch).

QUYÊN 18  555

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:  Bạch Thế Tôn! Nếu con bi người khác cử tội, dù đúng sự thật hay không đúng thì đối với hai trường hợp này, con đều tự an tâm mình. Nấu họ cử tội đúng thì con tự nhận lỗi. Nếu họ cử tội không đúng thì con cũng tự hóa giải rằng: "Biều này không đúng, nay tôi tự biết mình không phạm tội ấy." Bạch The Tôn! Con phải như thế, như lời Thế Toil dạy cho các Sa-môn trong bài Kỉnh ví dụ cái cưa53 rang: "Nhu có kẻ giặc đen bắt trói các thầy, dùng cưa cưa xẻ thân thể các thầy. Khi ấy, đối với kẻ giặc mà các thầy phát khởi ỵ ác, lời ác thì tự sanh chướng ngại. Cho nên, Tỳ-kheo! Nếu bị cưa xẻ thân thể, các thầy chớ khởi ý ác và lời ác, như thế chỉ tự tạo chướng ngại mà thôi. Đối với người kia nên khởi tâm từ, không oán, không hận, chứng nhập, an tru trọn vẹn tâm từ với cảnh giới bốn phương. Nên học như thế." Do đó, bạch Thế Tôn! Con phải như thế, như lời Thế Tôn đã dạy, cởi bỏ cái khổ của thân còn phải tự an nhẫn; huống gì cái khổ chút xíu hay những lời phỉ báng nhỏ nhặt mà không an nhẫn được ư? Vì lợi ích của Sa-m6n, vì ước muốn của Sa-môn là muốn đoạn pháp bất thiện, muốn tu pháp thiện thì đối với pháp bất thiện này nên đoạn, đối với pháp thiện nên nỗ lực tinh tấn, khéo tự phòng hộ? nhiếp niệm tư duy, không được buông lung, nên học như vậy. Tôn giả Xá-lợi-phất lại thưa tiếp:  Khi con cử tội Tỳ-kheo khác đúng sự thật chứ chẳng phải không thật; đúng thời chứ chẳng phải phi thời; đem lại lợi ích chứ chẳng phải vô ích; nhu hòa chứ chẳng phải thô bạo; từ tâm chứ chẳng phải sân hận, thế nhưng những Tỳ-kheo bị cử tội kia vẫn có người ôm lòng sân hận. Đức Phật hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:  Những hạng Tỳ-kheo nào nghe thây cử tội mà nôi sân hận?

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:  Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo siểm nịnh, giả dối, lừa gạt, bất tín, không hổ không thẹn, lười biếng, thất niệm, bất đinh, tuệ yếu kém? ngã mạn, sống trái với hạnh viễn ly, không kính giới luật, không trọng Sa-môn9 không siêng tu học, không tự quán xét, vì kế sinh nhai mà xuất gia chứ không phải vì cầu Niết-bàn; những Tỳ-kheo như thế nghe con cử tội liền nổi sân hận. Đức Phật hỏi:  Những hạng Tỳ-kheo nào nghe thầy cử tội mà không sân hận?

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:  Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo không dua ninh, không giả dối, không lừa gạt, có chánh tín, biết hổ thẹn, tinh cần, chánh niệm, chánh định, trí tuệ, không ngã mạn, sống với hạnh viễn ly, tôn kính giới luật, quý hạnh Sa-môn, tôn sùng

53 Nguyên tác: Giải tài thí kỉnh (),dịch nghĩa là Kỉnh vỉ dụ xẻ gọ. Sau Idii tham chiếu M 21, Kakacũpama Sutta (Kinh ví dụ cải cưa)', Mâu-lê-phả-quân-na kỉnh (roi. 0026.193. 0744a04), bản dịch thống nhất sử dụng tựa kinh là Kỉnh vỉ dụ cải cưa.

Niêt-bàn, vì pháp xuât gia chứ không vì nuôi mạng; những Tỳ-kheo như thê nghe con cử tội thì hoan hỷ lãnh thọ5 như uống cam lộ. Ví như cô gái dòng Sát-lợi hay Bà-la-môn tắm gội sạch sẽ rồi, liền chọn lấy hoa đẹp, nối kết thành tràng rồi đội lên đầu. Cũng thế, Tỳ-kheo không siểm nịnh, không giả dôi, không lừa gạt, có chánh tín, biêt hô thẹn, tinh cân, chánh niệm, chánh định, trí tuệ, không ngã mạn, tâm thích viễn ly, tôn kính giới luật, quý hạnh Sa-môn5 tinh cần tỉnh giác, vì pháp xuất gia, chí cầu Niết-bàn; những Tỳ-kheo như thế nghe con cử tội thì hoan hỷ lãnh thọ, như uống cam lộ. Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất: -Tỳ-kheo siểm nịnh, giả dối9 lừa gạt, bất tín, không hổ không thẹn, lười biếng, thất niệm, bất định, tuệ yếu kém, ngã mạn, sống trái với hạnh viễn ly, không kính giới luật, không trọng Sa-môn, không siêng tu học, không tự quán xét, vì kế sinh nhai mà xuất gia chứ không phải vì cầu Niết-bàn; những Tỳ-kheo như thế không nên truyền dạy và trò chuyện. Vì sao như vậy? Vì những Tỳ- kheo này phá Phạm hạnh. Tỳ-kheo không dua nịnh, không giả dối, không lừa gạt, có chánh tín, biết hổ thẹn, tinh cần, chánh niệm, chánh định, trí tuệ, không ngã mạn, sống với hạnh viễn ly, tôn kính giới luật, quý hạnh Sa-môn, tôn sùng Niết-bàn, vì pháp xuất gia chứ không vì nuôi mạng; những Tỳ-kheo như thế cần nên truyền dạy. Vì sao như vậy? Vì những Tỳ-kheo như thế có thể tu Phạm hạnh, có thể tự đứng vững. Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả Xá-lợi-phất nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

498. TRÍ TUỆ CỦA THẾ TÔN54 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn xoài55 của Na-la-kiện-đà, một chủ tiệm buôn bán vải. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đến chỗ đức Phật, cúi lạy chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: Bạch Thế Tôn! Đối với Thế Tôn, con tin tưởng tuyệt đối rằng: Trí tuệ của các Sa-môn hay Bà-la-môn ở quá khứ, ở tương lai hay ở hiện tại không thể nào sánh bằng trí tuệ của Thế Tôn, huống lại là hơn. Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất: Lành thay! Lành thay! Xá-lợi-phất! Lành thay những lời nói bậc nhất như thê, thầy có thể ở giữa đại chúng rống lên tiếng sư tử, tự nói tin tưởng tuyệt đối

5 Tựađềđặttheo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.498. 0l30c07). Tham chiếu: Tự hoan hỷ kinh (TOI. 0001.18. 0076b24); Tín Phật cỏng đức kinh (TOI. 0Ó18. 0255all); D. 28, Sampasādanīya Sutta (Kinh tự hoan hỷ); s. 47.12 - v. 159. 55 Nguyên tác: Am-la viên (ambavanà).



Thế Tôn rằng: Trí tuệ của các Sa-môn hay Bà-la-môĩi ở quá khứ, ở tương lai hay ở hiện tại không thể nào sánh bằng trí tuệ của Thế Tôn, huống lại là hơn. Rồi đức Phật hỏi tiếp Tôn giả Xá-lợi-phất: -Thầy có biết về giới tăng thượng của chư Phật quá khứ không? Tôn giả Xá-lợi-phất thưa: -Bạch Thế Tôn! Con không biết. Đức Phật lại hỏi: Này Xá-lợi-phất! Thầy có biết pháp như vậy, tuệ như vậy, minh như vậy, giải thoát như vậy và an tru như vậy không? Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Con không biết. Đức Phật lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: -Thây có biêt giới tăng thượng của chư Phật ở tương lai, pháp như vậy, tuệ như vậy, minh như vậy, giải thoát như vậy và an tru như

vậy không? Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Con không biết. Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:  Thầy có biết giới tăng thượng của chư Phật hiện tại, pháp như vậy, tuệ như vậy, minh như vậy, giải thoát như vậy và an trú như vậy không? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: -Bạch Thế Tôn! Con không biết. Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất: —Nếu thầy không biết các pháp trong tâm chư Phật quá khứ, hiện tại và tương lai thì tại sao ở giữa đại chúng lại rống lên tiếng sư tử tán thán như vầy: “Con tin tưởng tuyệt đối Thế Tôn rằng: Trí tuệ của các Sa-môn hay Bà-la-môn ở quá khứ, ở tương lai hay hiện tại không the nào sánh bang trí tuệ của Thế Tôn, huống lại là hơn." Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:  Bạch Thế Tôn! Con không thể biết giới hạn tronệ tâm56 của chư Phật quá khứ, tương lai, hiện tại, nhung con có thể thẩm sát ve giáo pháp57 của chư

56 Nguyên tác: Tâm chi phân tề .Phân tề :Giới hạn, sai biệt. 57 Nguyên tác: Pháp chi phân tề .Phân tề :Bày biện, phân chia phẩm vật hiến cúng liệt vị tô tông .Trong M. 12, Mahāsīhanāda Sutta Đại kinh sư tử hống, từ dhammanvaya được Bhikkhu Bodhi dịch sang tiếng Anh là "suy luận tirgiao phap2 by inference from dhammā. Vì ñānam nghĩa là Toại trf, hoạc dịch là "tỷ trí" .Pháp trang nghiêm kinh 7J01. 0026.213. 0795c25£dich là 4tphap tinh”.Tĩnh ở đây mang nghĩa thẩm sát, suy xét, bằng nghĩa chữ "thẩm".Tương đồng với nghĩa này, Chủ giải Kỉnh tự hoan hỷ Sampasadanĩyasuttavanụanã  giải thích từ dhammanvaya la 44tri hiện lượng^, về giáo pháp dhammassa paccakkhāto ñānassa. Như vậy, “ph chi phân 'nghĩa là dùng trí tuệ đê thẩm sát, là trí hiện lượng paccakkhāto ñāna.



Phật quá khứ, tương lai, hiện tại. Con nghe Thế Tôn thuyết pháp, càng nghe càng thấy thấm sâu, càng nghe càng thấy thù thắng, càng nghe càng thấy tăng thượng^ càng nghe càng thấy vi diệu. Con nghe Thế Tôn thuyết pháp, biết một pháp liền đoạn một pháp, biết một pháp liền chứng một pháp, biết một pháp liền tu tập một pháp, thấu rõ trọn vẹn pháp đó. Đối với Đại sư, con có niềm tin thanh tịnh, tâm được thanh tịnh. Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Chánh Giác. Bạch Thế Tôn! Ví như quốc vương có thành trì ở biên giới, bốn mặt thành được bao bọc vuông vức, kiên cố, chắc chắn và chỉ có một cổng ra vào, không có cổng thứ hai. Vua sai lính gác cổng, người dân ra vào thành đều phải qua cổng này; lính canh kia tuy không biết có bao nhiêu người đã ra vào? nhimg biết chắc người dân chỉ có thể đi qua cổng này, không còn cổng nào khác. Giống như thế, con biết rõ chư Phật, Như Lai, ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác đời quá khứ đã đoạn sạch năm thứ trói buộc là thứ não loạn tâm, khiến tuệ lực suy yếu, khiến rơi chỗ chướng ngại, che lấp5859 không hướng đến Niết-bàn; đã trụ bốn niệm xứ; đã tu bảy giác phần; đã đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.5 Chư Phật, Thế Tôn đời tương lai cũng đã đoạn sạch năm thứ trói buộc che lấp là thứ não loạn tâm, khiến tuệ lực suy yếu, khiến rơi chỗ chướng ngại, không hướng đến Niết-bàn; đã trụ bốn niệm xứ; đã tu bảy giác phần; đã đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Chư Phật, Thế Tôn, Như Lai, ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác đời hiện tại cũng đã đoạn sạch năm thứ trói buộc che lấp là thứ não loạn tâm, khiến tuệ lực suy yếu, khiến rơi chỗ chướng ngại, không hướng đến

Niết-bàn; đã trụ bốn niệm xứ; đã tu bảy giác phần; đã đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất: Đúng thế, đúng the! Xá-lợi-phất! Chư Phật đời quá khứ, tương lai và hiện tại thảy đều đoạn sạch năm thứ trói buộc che lấp là thứ não loạn tâm, khiến tuệ lực suy yếu, khiến rơi chỗ chướng ngại, không hướng đến Niết-bàn; đã trụ bốn niệm xứ; đã tu bảy giác phần; đã đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả Xá-lợi-phất nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

499. KHÉO TU TÂM60

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà5 thuộc thành Vương Xá.

Bây giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đang ở trong núi Kỳ-xà quật.

58 Nguyên tác: Ngũ cái (Es, pañcañīvarana). 59 Nguyên tác: A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề (,anuttarāsammãsambodhỉ). 60 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.499. 0131a25). Tham chiếu: A. 9.25 - IV. 402.

QUYỂN 18 559

Khi ấy, có Tỳ-kheo Nguyệt Tử61 là đệ tử của Đề-bà-đạt-đa,62 đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, vân an sức khỏe xong liên đứng sang một bên. Lúc đó, Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Tỳ-kheo Nguyệt Tử: Tỳ-kheo Đề-bà-đạt-đa có thuyết pháp cho chúng Tỳ-kheo nghe không?

Tỳ-kheo Nguyệt Tử trả lời:

- Thưa, có thuyết pháp!

Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi:

Đề-bà-đạt-đa thuyết pháp thế nào?

Tỳ-kheo Nguyệt Tử thưa: Tỳ-kheo Đề-bà-đạt-đa thuyết pháp như vầy: "Nếu Tỳ-kheo với tâm pháp mà tu tâm63 thì vi này có thể tự xác quyết64 rằng: 'Ta đã ly dục, giải thoát khỏi năm loại duc/^ Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Nguyệt Tử: Đề-bà-đạt-đa đối trước các thầy vì sao không thuyết pháp rõ ràng như vầy: "Nếu Tỳ-kheo với tâm pháp mà khéo tu tâm, lìa tâm tham dục, lìa tâm sân hận, lìa tâm ngu si, đắc pháp vô tham, đắc pháp vô sân và đắc pháp vô si, không còn tái sanh trở lại cõi Dục? cõi sắc và cõi Vô sắc, Tỳ-kheo ấy có thể tự xác quyêt: 'Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cân làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh'"? Tỳ-kheo Nguyệt Tử thưa: -Vị ấy không thuyết như vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tỳ-kheo Nguyệt Tử: r 9 Nêu có Tỳ-kheo với tâm pháp mà khéo tu tâm, có thê xa lìa tâm tham dục, sân hận và ngu si, đắc pháp vô tham, vô sân và vô si, Tỳ-kheo ấy có thể tự xác r \

quyêt: "Sụ* sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cân làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh.” Ví như gần thôn xóm có dãy núi đá to lớn không bị cắt xẻ, không bi phá hoại, không bị xuyên thủng, hoàn toàn kín mít, giả sử có gió từ phương Đông thổi tới cũng không thể khiến nó lay động, không thể xuyên qua nó để tới phương Tây. Cũng vậy, đôi với gió từ phương Nam, phương Tây, phương Bác và bôn

hướng cũng không thê khiên cho lay động và thôi xuyên qua được. Cũng thế, Tỳ-kheo với tâm pháp mà khéo tu tâm, xa lìa tâm tham dục, sân hận và ngu si, đắc pháp vô tham, vô sân và vô si, Tỳ-kheo ấy có thể tự xác quyết: “Sịt sanh

61 Nguyệt Tử Candikāputta. 62 Đẹ-bà-đạt-đa Devadatta. 63Nguyên tác: Tâm pháp tu tâm .Tham chiếu: A. 9.26 - IV. 402; bản Tích Lan: Cetasā cittāni paricitarn hoti Tâm được củng cố bởi tâm. 64 Nguyên tác: Ký thuyết ,byākato.



của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Ví như trụ đồng Nhân-đà65 rắn chắc hoặc trụ đồng được cắm sâu vào lòng đất, đắp đất thật chắc thì gió từ bốn phương thổi đến cũng không thể lay động được. Cũng thê, Tỳ-kheo với tâm pháp mà khéo tu tâm roi, xa lìa tâm tham dục, sân hận và ngu si, đắc pháp vô tham, vô sân và vô si, Tỳ-kheo ấy có thể tự xác quyết: "Sụ* sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Ví như trụ đá cao mười sáu khuỷu tay được căm xuông lòng đát tám khuỷu tay thì gió từ bốn phương thổi tới cũng không thể khiến cho lay động. Giống như thế, Tỳ-kheo với tâm pháp mà khéo tu tâm rồi, xa lìa tâm tham dục, sân hận và ngu si, đắc pháp vô tham, vô sân và vô si thì có thể tự xác quyết: “Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Ví như phải mồi lửa lúc lửa chưa cháy, khi lửa đã cháy thì không cần mồi nữa. Giống như thế, Tỳ-kheo với tâm pháp mà khéo tu tâm rồi, xa lìa tâm tham dục, sân hận và ngu si, đắc pháp vô tham, vô sân và vô si, có thể tự xác quyết: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Tôn giả Xá-lợi-phất nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những lời Tôn giả dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 500. NUÔI MẠNG ĐÚNG PHÁP66 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất cũng đang ở tại trú xứ này. Sáng sớm, Tôn giả đắp y, ôm bát vào thành Vương Xá khất thực. Khất thực xong, Tôn giả ngồi bên cội cây thọ trai. Lúc ấy, có nữ tu sĩ ngoại đạo Tịnh Khẩu67 ra khỏi thành Vương Xá có chút công việc, thấy Tôn giả Xá-lợi-phất đang ngồi thọ trai bên cội cây, liền tiến tới hỏi: -Thưa, Sa-môn đang ăn ư? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: - Vâng, đang ăn!

65 Nguyên tác: Nhân-đà ,gọi đủ là Nhân-đà-la trụ ,Indakhĩla, vương trụ hoặc là trụ của Thích-đề-hoàn-nhân. 66 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.7L02. 0099.500. 0131c09. Tham chiếu: s. 28.10 - III. 238. 67 Nguyên tác: Tịnh Khẩu Sucỉmukhĩ.



Lại hỏi: Thế nào, Sa-môn cúi mặt68 mà ăn phải không?

Ton giả đáp: Này cô, không phải vậy!

Lại hỏi: Hay là ngửa mặt69 mà ăn?

Đáp: Không phải!

Lại hỏi:
-Chắc là nhìn bốn phương mà ăn?70
Đáp:
Không phải!
Lại hỏi: Hay là nhìn bốn hướng71 mà ăn?

Ton gia đáp: Cũng không phải!

Cô ấy lại nói: -Tôi hỏi Sa-môn đang ăn phải không? Ngài trả lời là đang ăn. Tôi hỏi Sa-môn cúi mặt mà ăn phải không? Ngài nói là không phải. Tôi hỏi có phải ngửa mặt mà ăn không? Ngài lại bảo không phải. Tôi hỏi có phải nhìn bốn phương mà ăn không? Ngài cũng trả lời là không. Tôi hỏi có phải nhìn bốn hướng mà ăn không? Ngài vẫn nói là không phải. Tôn giả trả lời như thế thì có ý nghĩa gì? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: —Này cô, có những Sa-môn, Bà-la-môn rành về địa lý,7273 giỏi về nghi quy,73 họ hành nghề không đúng pháp như thế để kiếm sống thì đó là những Sa-môn, Bà-la-môn cúi mặt mà ăn. Những Sa-môn9 Bà-la-môn ngước nhìn trăng sao, chiêm tinh đoán tượng, họ hành nghề không đúng pháp như thế để kiếm sống thì đó là những Sa-môn? Bà-la-môn ngửa mặt mà ăn.

68 Nguyên tác: Hạ khẩu adhomukhā. 69 Nguyên tác: Ngưỡng khẩu ubbhamukhà. 70 Nguyên tác: Phương khẩu dỉsâmukhă. 71 Nguyên tác: Tứ duy khẩu vidisãmukhă. 72 Nguyên tác: Minh ư SỊT vatthuvijjā. 73 Nguyên tác: Minh ư hoành pháp .A-ma-trủ kinh TOI. 0001.20. 0084b16 gọi là "già đạo ph".Z. l, Brahmạiâla Sutta Kinh Phạm võng gọi là tiracchānavijjāya, chỉ cho các loại nghi quỹ như tế tự, cầu thần, thuốc thang trị bệnh...



Những Sa-môn? Bà-la-môn làm tay sai cho người khác, họ hành nghề không đúng pháp như thế để kiếm sống thì đó là những Sa-môn, Bà-la-môn nhìn bốn phương mà ăn. Những Sa-môn, Bà-la-môn bốc thuốc trj bệnh, họ hành nghề không đúng pháp như thế để kiếm sống thì đó là những Sa-môn, Bà-la-môn nhìn bốn hướng mà ăn. Này cô, tôi không rơi vào bốn cách kiếm ăn không đúng pháp như trên. Này cô, tôi nuôi mạng một cách đúng pháp. Do đó, tôi trả lời cô là tôi không ăn theo bốn cách như thế. Bấy giờ, nữ tu sĩ ngoại đạo Tịnh Khẩu nghe Tôn giả Xá-lợi-phất giải đáp xong rồi hoan hỷ và tùy hỷ rồi cáo lui. Rồi cô ấy đến giữa ngã tư đường trong thành Vương Xá khen ngợi rằng: a6Sa-môn Thích tử nuôi mạng đúng pháp, sinh sống rất thanh tinh. Người nào r ĩ r

muôn cúng dường, hãy cúng dường cho Sa-môn Thích tử; nêu muôn tạo phước, hãy đến chỗ Sa-môn Thích tử tạo phước.,, Khi ấy, các tu sĩ ngoại đạo nghe nữ tu sĩ ngoại đạo Tinh Khau khen ngợi Sa- môn Thích tử như thê, sanh khởi lòng đô ky, nên hãm hại cô ây. Nữ tu sĩ ngoại đạo Tinh Khâu sau khi lâm chung được sanh lên cõi trời Đâu-suất là do đã sanh khởi tín tâm đối với Tôn giả Xá-lợi-phất vậy. ***

501. IM LẢNG CỦA BẬC THÁNH74
Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-dà, thuộc thành Vương Xá.
Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đang ở trong núi Kỳ-xà quật, cũng thuộc thành
Vương Xá.
Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói với các Tỳ-kheo:
Có lần Thế Tôn ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà9 thuộc thành Vương
Xá. Bây giờ, tôi đang ở trong núi Kỳ-xà quật, sông một mình ở nơi thanh văng, khởi lên suy nghĩ: "Thế nào là sự im lặng của bậc Thánh?" Rồi lại nghĩ: "Nếu Tỳ-kheo diệt trừ giác, quán, nội tĩnh nhất tâm, không giác không quán, an trú hỷ lạc do định sanh, an trú trọn vẹn Thiền thứ hai. Đó gọi là sự im lặng của bạc Thánh.^ Rồi lại nghĩ: "Nay ta cũng nên im lặng như bậc Thánh." Thế rồi, tôi diệt trừ giác, quán, nội tĩnh nhất tâm5 không giác không quán, an tru hỷ lạc do định sanh, an trú trọn vẹn và an trú thường xuyên vào đó. Dù đã an trú thường xuyên, nhưng tâm cũng lại sanh khởi giác, quán.

74 Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.501. 0132al3). Tham chiếu: s. 21.1 - II. 273.

QUYỂN 18  563

Bấy giờ, Thế Tôn biết tâm niệm của tôi như thế nên Ngài liền biến mất khỏi tinh xá Trúc Lâm rồi hiện ra trước mặt tôi tại núi Kỳ-xà quật rồi bảo rằng: "Ny Mục-kiền-liên! Thầy nên im lặng như bậc Thánh, chớ có buông lung.” Tôi nghe Thế Tôn nói rồi, liền diệt trừ giác, quán, nội tĩnh nhất tâm, không giác không quán, an trú hỷ lạc do định sanh, an trú trọn vẹn Thiền thứ hai. Sự kiện như vậy diễn ra ba lần, Phật cũng ba lần dạy tôi: "Thầy nên im lặng như bậc Thánh, chớ có buông lung." Thế rồi, tôi lại diệt trừ giác, quán, nội tĩnh nhất tâm, không giác không quán, an tru hỷ lạc do đinh sanh, an trú trọn vẹn Thiền thứ hai.75 Nêu cho răng con Phật là từ miệng Phật sanh ra, từ Pháp hóa sanh, được gia tài Phật pháp thì người đó chính là tôi. Vì sao như vậy? Vì tôi là con Phật, từ miệng Phật sanh ra, từ Pháp hóa sanh, được gia tài Phật pháp, chỉ cần nỗ lực chút ít mà đắc thiền, được giải thoát, nhập chánh định.76 Ví như thái tử, con của Chuyển Luân Thánh Vương, tuy chưa làm lễ quán đảnh mà đã được vương pháp, không cần nỗ lực77 vẫn được hưởng thụ năm thứ dục lạc. Tôi cũng như thế, là con của Phật, không cần quá nỗ lực thì cũng có thể đắc thiền, được giải thoát, nhập chánh đựih. Trong một ngày, Thế Tôn dùng thần thông ba lan đen chỗ tôi, ba lần giáo huấn tôi, đem sở đắc của bậc Đại nhân kiến lập cho tôi. Tôn giả Mục-kiên-liên nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những lời Tôn giả dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

502. THÁNH TRỤ7879 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên ở trong núi Kỳ-xà quật, cũng thuộc thành Vương Xá. Khi ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói với các Tỳ-kheo như vầy: - Lần nọ? Thế Tôn ở thành Vương Xá và tôi đang ở trong núi Kỳ-xà quật, sống một mình ở nơi thanh vắng, khởi suy nghĩ rằng: "Thế nào gọi là sự an trú của bậc Thánh?”79 Rồi lại nghĩ: "Nếu có Tỳ-kheo không khởi tưởng tới tất cả tướng, tự thân tác chứng, an trú trọn vẹn vào Vô tướng tâm định,80 đó gọi là sự an tru cua bậc Thánh.

75 Nguyên tác ghi: Đệ tam thiền .Căn cứ vào nội dung kinh văn thì bản Hán chép nhầm. 76 Nguyên tác: Tam-muội chánh thọ .Tam-muội samādhī'. Định. Chánh thọ  sarnapattī'. Thiền chứng, sự chứng nhập thiền. 77 Nguyên tác: Phương tiện ,dùng như "n6 Iịic"vãyãmò. 78 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp. B T.Q2. 0099.502. 0132bll. Tham chiếu: s. 40.9 - IV. 268. 79 Thánh tru :An trú của bậc Thánh hay đời sống của Thánh giả. Tham chiếu: D. 29: Tayo vihārā, dibbo vihāro, brahmā vihāro, ariyo vihāro. Có ba tru: Thiên trú, Phạm trú và Thánh trú. 80 Nguyên tác: Vô tướng tâm chánh thọ Anỉmittaụi cetosamãdhinỉ.



Tôi lại nghĩ: “Ta nên an trú nơi Thánh trú này." Thế là tôi không khởi tưởng đến tất cả tướng; tự thân tác chứng, an trú trọn vẹn, an tru thường xuyên vào VÔ tướng tâm định. Dù đã an tru thường xuyên như thê, nhưng tâm chập tướng vẫn lại sanh khởi. Bấy giờ, Thế Tôn biết tâm niệm của tôi như thế, trong khoảnh khắc như lực sĩ duỗi cánh tay nên liền vận thần thông biến mất khỏi tinh xá Trúc Lâm rồi hiện ra trước mặt tôi tại núi Kỳ-xà quật rồi nói: "Này Mục-kiền-liên! Thầy nên trụ vào nơi Thánh trụ, chớ có buông lung." Tôi nghe Thế Tôn dạy xong, liền lìa tất cả tướng, tự thân tác chưng, an tru trọn vẹn vào Vô tướng tâm định. Sự kiện như thế diễn ra ba lần, Thế Tôn cũng ba lần hiện đến dạy tôi: 'Thầy nên tru nơi Thánh trú, chớ có buông lung." Tôi nghe dạy xong liền lìa tất cả tướng, tự thân tác chứng, an trú trọn vẹn vào Vô tướng tâm đinh. Chư Đại đức! Nếu nói rằng con Phật là từ miệng Phật sanh ra, từ Pháp hóa sanh, được gia tài Phật pháp thì người đó chính là tôi. Vì sao như thế? Vì tôi là con Phật, từ miệng Phật sanh ra, từ Pháp hóa sanh, được gia tài Phật pháp, chỉ cần nỗ lực chút ít mà đắc thiền, được giải thoát, nhập chánh định. Ví như thái tử, con của Chuyển Luân Thánh Vương, tuy chưa làm lễ quán đảnh mà đã được vương pháp, không cần quá nỗ lực vẫn được hưởng thụ năm thứ dục lạc. Tôi cũng như thế, là con của Phật, không cần quá nỗ lực cũng có thể đắc thiền, được giải thoát, nhập chánh định. Trong một ngày, Thế Tôn dùng thần thông ba lần đến chỗ tôi, ba lần giáo huấn tôi, đem sở đắc của bậc Đại nhân kiến lập cho tôi. Tôn giả Mục-kiền-liên nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những lời Tôn giả dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 503. NỖ Lực TINH TẤN81 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà5 thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên và Tôn giả A-nan đang cùng ở chung một phòng tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-dà, thuộc thành Vương Xá. Khi ấy, vào cuối đêm, Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

81 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.503. 0132c08). Tham chiếu: s. 21.3 - II. 275.



Lạ thay! Tôn giả Mục-kiền-liên! Có phải đêm qua thầy an trú vào định82 Tịch diệt chăng, vì tôi không nghe tiếng thở của thầy?83 Tôn giả Mục-kiền-liên đáp:  Đó không phải là định Tịch diệt mà chỉ là an trú định thô sơ mà thôi. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Đêm qua tôi hầu chuyện với đức Thế Tôn. Tôn giả Xá-lợi-phất nói: -Mục-kiền-liên! Thế

Tôn đang ở tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-ve, cách đây rất xa thì làm sao cùng nói chuyện? Còn thầy đang ở Trúc Lâm đây thì làm sao cùng nói chuyện? Thầy vận thần thông đến chỗ Thế Tôn hay là Thế Tôn vận thần thông đến chỗ thầy? Tôn giả Mục-kiền-liên nói: -Toi không vạn than thông đen cho The Ton va The Ton cung không vạn thần thông đến chỗ tôi. Dù tôi đang ở trong thành Vương Xá mà vẫn nghe được tư nước Xa-ve, la VI The Ton va toi đêu co Thiên nhãn, Thiên nhĩ. Toi co the hỏi Thế Tôn như vầy: "N6i về nỗ lực tinh tấn, thế nào gọi là nỗ lực tinh tấn?" Thế Tôn trả lời: "Này Muc-kien-lien! Ban ngày, Ty-kheo kinh hành, ngồi thiền, dùng pháp không chướng ngại để tự thanh tinh tâm; đầu đêm cũng ngồi thiên, kinh hành, dùng pháp không chướng ngại đê tự thanh tịnh tâm; giữa đêm ra ngoài rửa chân, roi trở vào phòng, năm nghiêng hông phải, hai chân xép chồng lên nhau, khởi tưởng về tướng ánh sáng,84 chánh niệm tỉnh giác, khởi ý thức dậy; đên cuôi đêm từ từ thức dậy, roi ngôi thiên, kinh hành, dùng pháp không chướng ngại để tự thanh tịnh tâm. Này Mục-kiền-liên! Đây gọi là Tỳ- K ] kheo nô lực tinh tân." Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Mục-kiền-liên: -Đại Mục-kiền-liên! Thầy thực sự có thần thông thần diệu,85 có công đức to lớn, an tọa an ổn. Tôi cũng có đại lực nhờ được ngồi chung với thầy. Mục-kiền-liên! Ví như ngọn núi lớn kia, có người cam một viên đá nhỏ ném vào núi lớn thì nó hòa mình vào núi lớn kia. Tôi cũng như the, có được đại lực9 đại đức nhờ cùng ngồi chung với Tôn giả. Ví như những vật trang sức đẹp đẽ của thế gian, mọi người đều muốn cài lên trên đầu. Cũng vậy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên là bậc đại lực, đại đức nên những vị Phạm hạnh đều cúi đầu đảnh lễ. Ai gặp được Tôn giả Mục-kiền- liên, kết thân qua lại, cung kính cúng dường thì người ấy được lợi ích lớn. Nay tôi được cùng Tôn giả Mục-kiền-liên kết thân qua lại nên cũng được lợi ích tốt đẹp.

82 Nguyên tác: Chánh thẹ.

83 Bản Hán chép dư 18 chữ:.

84 Nguyên tác: Hệ niệm minh tướng ,âlokanìmittà.

85 Nguyên tác: Thần thông đại lực mahiddhikā.

566 KINH TẠPA-HÀM

Khi ấy, Tôn giả Mục-kiền-liên nói với Tôn giả Xá-lợi-phất: Nay tôi được ngôi cùng tòa với Tôn giả Xá-lợi-phât, là bậc đại trí, đại đức; như viên đá nhỏ được ném vào núi đá lớn, được hòa mình vào núi lớn thì tôi cũng như thê, được ngôi cùng tòa với Tôn giả Xá-lợi-phât, được làm bạn với Tôn giả. Hai vị Tôn giả đàm đạo xong đều từ chỗ ngồi đứng dậy rồi đi.86

86 Bản Hán, hết quyển 18.

QUYỂN 19 567

QUYỂN 19 504. PHƯỚC BÁO BỐ THÍ1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đang ở trong núi Kỳ-xà quật. Đêm ấy, Thích-đề-hoàn-nhân2 từ cung điện Thượng Diệu hiện đến chỗ Tôn giả Mục-kiền-liên, lạy sát chân Tôn giả rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng của Thích-đề-hoàn-nhân tỏa chiếu khắp núi Kỳ-xà quật, cả bốn bề rực sáng. Sau khi

ngồi xuống rồi, Thích-đề-hoàn-nhân liền nói kệ: Điều phục tánh keo kiệt, Đại đức tùy thời thí, Là bậc Hiền bố thí, Đời sau được thù thắng. Khi ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên hỏi Đế-thích:  Này Kiêu-thi-ca!3 Thế nào là điều phục keo kiệt, có được thù thắng mà ông nói răng: Điều phục tánh keo kiệt, Đại đức tùy thời thí, Là bậc Hiền bố thí, Đời sau được thù thắng? Bấy giờ, Đế-thích trả lời: -Thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên! Dòng Bà-la-môn thù thắng, dòng Sát- lợi thù thăng, dòng trưởng giả thù thăng, Tứ Thiên Vương thù thăng, cõi trời Ba Mươi Ba thù thắng, tất cả đều cung kính đảnh lễ con. Thưa Tôn giả Đại Mục- kiền-liên! Con được tất cả dòng Bà-la-môn thù thắng, dòng Sát-lợi thù thắng, dòng trưởng giả thù thắng, Tứ Thiên Vương thù thắng, cõi trời Ba Mươi Ba thù thắng cung kính đảnh lễ, do được phước báo này nên con nói bài kệ đó. Lại nữa, thưa Tôn giả Mục-kiền-liên! Mặt trời vận hành, chiếu sáng khắp nơi; ngàn thế giới, ngàn mặt trăng, ngàn mặt trời, ngàn núi chúa Tu-di, ngàn Phất-bà-đề-xá, ngàn uất-đa-la-đề-xá, ngàn Cù-đà-ni-ca5 ngàn Diêm-phù-đề? ngàn Tứ Thiên Vương, ngàn [trời] Ba Mươi Ba, trời Diệm-ma, trời Bâu-suất, trời Hóa Lạc, trời Tha Hóa Tự Tại, ngàn Phạm thiên, hợp chung lại gọi là tiểu

1 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.7.02. 0099.504. 0133a22. 2 Thích-đề-hoàn-nhân Sakko Devānamindo cũng gọi là Kiêu-thi-ca Kosika / Kosiyā: Vua cõi trời Ba Mươi Ba, tức cõi trời Đao-lợi. 3 Kiêu-thi-ca .Tạp.7.02.0099.1106. 0291 a09 giải thích: Thích-đềhoàn-nhân xưa kia khi còn làm ngươi là ngươi cua dòng tộc Kiêu-thi. Do nhân duyên này nên Thích-đề-hoàn-nhân còn gọi là ïíii



thiên thế giới. Trong tiểu thiên thế giới này không có cung điện nào sánh bằng cung điện Tỳ-xà-diên. Cung điện Tỳ-xà-diên của con có một trăm lẻ một lâu quán, mỗi lầu quán có bảy tầng, mỗi tầng có bảy phòng, mỗi phòng có bảy thiên hậu, mỗi thiên hậu có bảy nữ tỳ. Thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên! ở tiểu thiên thế giới không có cung điện nào trang nghiêm như cung điện Tỳ-xà-diên. Con thấy điều phục tánh keo kiệt thì có được diệu quả này nên nói bài kệ đó. Tôn giả Mục-kiền-liên bảo Đế-thích:  Lành thay! Lành thay! Kiêu-thi-ca! Ông có được phước báo thắng diệu này nên nói bài kệ ấy. Bây giờ5 Đê-thích nghe Mục-kiên-liên nói xong đã hoan hỷ và tùy hỷ roi liền biến mất. ***

505. ÁI TẬN THÌ GIẢI THOÁT (l)4 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại thành Vương Xá. Khi ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền- liên đang ở trong núi Kỳ-xà quật. Bây giờ, Tôn giả Đại Mục-kiên-liên một mình ở nơi thanh văng, thiên tọa tư duy, khởi suy nghĩ rằng: "Trước đây có lần ở trong hang đá núi Cách Giới, Thích- đề-hoàn-nhân có hỏi Thế Tôn về ý nghĩa của ái tận giải thoát.5 Thế Tôn đã giảng giải, Đê-thích nghe xong tùy hỷ, nhưng dường như ông ấy còn muốn hỏi nghĩa nào đó nữa, nay ta phải tìm để hỏi về ý tày hỷ của ông ấy là như thế nào." Nghĩ vậy rồi, trong khoảnh khắc như lực sĩ duỗi cánh tay, Mục-kiền-liên biến mất khỏi núi Kỳ-xà quật rồi hiện đến cõi trời Ba Mươi Ba và đứng gần ho sen trang.6 Bay giờ, Đố-thích đang vui đùa trong hồ tắm ấy cùng với năm trăm thê nữ, xung quanh có nhiêu thiên nữ trỗi nhạc ca múa, âm thanh tuyệt diệu vô cùng. Khi ấy, từ xa nhìn thấy Tôn giả Mục-kiền-liên, Đế-thích liền bảo các thiên nữ:

"Đừng hát nữa! Đừng hát nữa!" Thế la các thiên nữ đều im lặng. Đế-thích liên đến chô Tôn giả Mục-kiền-liên, cúi đầu đảnh lễ rồi đứng sang một bên. Tôn giả Mục-kiền-liên liền hỏi Đế-thích: Trước kia ở trong núi Cách Giới, ông co hỏi Thế Tôn về nghĩa của ái tận giải thoát, ông nghe dạy rồi tùy hỷ, ý ông lúc ấy thế nào? Vì nghe Phật dạy xong nên tùy hỷ hay là còn muôn hỏi nghĩa nào khác nữa nên tùy hỷ? "Tựa đề đặt theo nội dung kinK Tạp (T.02. 0099.505. 0133b24). Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.552. 0144c20); Tăng.(r.02. 0125.19.3. 0593CÍ3); M. 37, CũỊatanhãsaùkhaya Sutta (Tiểu kinh đoạn tận ải). 5 Ái tận giải thoát (tanhāsañkhayavimuttirñ): Tham ái nếu đoạn sạch thì được giải thoát. 6 Nguyên tác: Phân-đà-lợi (pundarīka). J

QUYÊN 19 569

Đế-thích thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên: Con là vua cõi trời Ba Mươi Ba, thương say đắm, buông lung theo dục lạc nên những việc trước đây đôi khi nhớ mà lam khi quên. Nay Thế Tôn đang ở Trúc Lâm, vườn Ca-lan-dà, thuộc thành Vương Xá, nếu Tôn giả muốn biết việc con đã hỏi ở núi Cách Giới thì Tôn giả có thể đến chỗ Thế Tôn. Thế Tôn dạy the nào, Tôn giả thọ trì thế ấy. Nhưng nay ở dây, con có cung điện rất đẹp, vừa mới hoàn thành, mời Tôn giả vào thăm. Tôn giả Mục-kiền-liên im lặng nhận lời, liền cùng Đế-thích đi vào trong cung. Các thiên nữ từ xa nhìn thấy Đấ-thích đi đến, liền trỗi nhạc, ca múa. Những chuỗi anh lạc được trang sức trên thân các thiên nữ phát ra âm thanh vi diệu, hòa với ngũ nhạc,7 như khéo trỗi nhạc, âm thanh chẳng khác. Chợt nhìn thấy Tôn giả Mục-kiền-liên5 các thiên nữ đều e thẹn, liền lánh vào bên trong. Bấy giờ, Đế-thích thưa với Tôn giả Mục-kiền-liên: -Tôn giả nhìn xem, cung điện này nền đất bằng phẳng, tường vách, cột kèo, lầu gác, cửa nẻo, màn lưới đều được trang hoàng rất đẹp. Tôn giả Mục-kiền-liên nói với Đế-thích: -Này Kiêu-thi-ca! Nhờ trước đây tu thiện pháp, tạo phước đức, nay mới thành tựu được diệu quả này. Đế-thh ba lần tự hào với Tôn giả Mục-kiền-liên như vậy, Tôn giả cũng ba lần trả lời như vậy. Lúc đó, Tôn giả Mục-kiền-liên liền khởi suy nghĩ: "Nay Đế-thh thật quá phóng dật, mê đắm cảnh thần tiên, tự hào với cung điện. Nay ta nên khiến tâm vi ấy sanh khởi nhàm chán.,, Thế rồi, Tôn giả liền nhập định, vận thần thong, dùng một ngón chân ấn mạnh vào nền cung điện khiển tất cả chấn động, rồi Tôn giả liền biến mất. Các thiên nữ thấy cung điện rung chuyển, dao động, liền hoảng hốt, sợ hãi, vội vàng chạy đến thưa với Đế-thích: Đó là Đại sư của Kiêu-thi-ca u, ngài ấy có thần lực, công đức lớn lao như vậy ư? Lúc ấy, Đế-thích nói với các thiên nữ: -Vị ấy chẳng phải thầy của ta mà là Ton giả Mục-kiền-liên? đệ tử của Đại sư ta. Tôn giả ấy Phạm hạnh thanh tịnh, thần lực và công đức rát lớn. Các thiên nữ nói: —Hay thay! Kiêu-thi-ca! Ngài có bạn đồng học Phạm hạnh, với công đức to lớn và thần lực to lớn như thế, huống gì oai đức và thần lực của bậc Đại sư thì không biết thế nào nữa! **** 7 Ngũ nhạc Năm loại nhạc khí.

570 KINH TẠPA-HÀM ----------

506. THUYẾT PHÁP TẠI CÕI TRỜI8 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật an cư tại cõi trời Ba Mươi Ba, ngự trên tảng đá bằng phẳng màu trắng xám,9 cách cây Trú Độ10 và cây Câu-tỳ-đà-la11 không xa để thuyết pháp cho thân mẫu và chư thiên cõi ấy. Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đang an cư ở vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước

Xá-vệ. Khi ấy, toàn thể bốn chúng cùng đến chỗ Tôn giả Mục-kiền-liên5 cung kính đảnh lễ, ngồi sang một bên rồi thưa rằng: -Tôn giả có biết Thế Tôn an cư ở đâu không? Tôn giả Mục-kiền-liên đáp: -Tôi nghe rằng Thế Tôn đang an cư tại cõi trời Ba Mươi Ba, ngự trên tảng đá bằng phẳng màu trắng xám cách cây Trú Độ và cây Câu-tỳ-đà-la không xa, để thuyết pháp cho thân mẫu và chư thiên cõi ấy. Sau khi nghe Tôn giả Mục-kiền-liên nói thế, tất cả bốn chúng đều hoan hỷ và tùy hỷ? đứng dậy đảnh lễ rồi cáo từ. Bấy giờ, toàn thể bốn chúng trải qua ba tháng an cư5 lại cùng nhau đến chỗ Tôn giả Mục-kiền-liên, cúi đầu đảnh lễ rồi ngồi sang một bên. Khi ấy, Tôn giả Mục-kiền-liên vì bốn chúng mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ? khiến cho hoan hỷ.12 Sau khi vì bốn chúng mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ xong, Tôn giả an trú tĩnh lặng. Lúc ấy, đại chúng từ chỗ ngồi đứng dậy, cung kính đảnh lễ và thưa rằng: -Tôn giả Mục-kiền-liên! Xin ngài biết cho, chúng tôi không được nhìn thấy Thế Tôn đã lâu, chúng tôi khao khát được gặp Thế Tôn. Tôn giả Mục- kiền-liên! Nếu không ngại gcúi xin ngài hãy vì chúng tôi mà lên cõi trời Ba Mươi Ba, vì chúng tôi mà thỉnh an rằng: “Thế Tôn ít bệnh ít não, đi đứng nhẹ nhàng, luôn được an vui chng?" Và Tôn giả bạch với Ngài như vầy: uBốn chúng ở Diêm-phù-đề cúi mong được thấy Thế Tôn, nhưng không có thần lực

8 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.506. 0134a07). Tham chiếu: Tạp.(02. 0099.988. 0257a28) và Tạp.(T.ị)2. 0099.989. 0257bl5); Tăng.(r.O2. 0125.36.5. 0703b13); S. 40.10 - IV. 269. 9 Nguyên tác: Thông sắc hư nhuyễn thạch (),một tảng đá to lớn nhất trên đỉnh núi Tu-di. 10 Nguyên tác: Ba-lợi-da-đa-la (),một loại cây kỳ vĩ, đặc biệt nhất nơi cõi trời Ba Mươi Ba. 11 Một loại cây tỏa mùi thơm nhất ở cõi trời Ba Mươi Ba. 12 Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ ( #) Cú ngữ này ương Du hành kinh (7.01. 00Ọ1.Í 0012004) ghi la "thị, giao, lợi, h);ThấtJa kinh W(roi. 0026.9. 042?c28) hi là t4khuyên phát, kh^ ngưỡng, thành tựu, hoan h£V,).Nghĩa là: niabay (z5, sandassetĩ), dạy bảo (,samādapeti), khích lệ (,scưnuttẹietỉ) và khiến được hoan hỷ ( sampahamseti). Ngài Huyền Trang dịch cú ngữ này là 4tthị hiện, giáo đạo, tán lệ, ikhánh hỷ^ ,).Ngài Nghĩa Tịnh dịch là "khai thi, khuyến đạo, tán lệ, khánh hỷ"(fcj

QUYỂN 19 571

bay lên cõi trời Ba Mươi Ba để kính lễ Ngài, còn chư thiên cõi ấy thì có thần lực hiện xuống nhân gian. Vậy cúi mong Thế Tôn rủ lòng thương xót trở lại cõi Di©m-ph£i-(tè!" Nghe vậy rồi, Tôn giả Mục-kiền-liên im lặng nhận lời. Bấy giờ, tất cả đại chúng biết Tôn giả Mục-kiền-liên đã im lăng nhận lời nên hoan hỷ đứng dậy đảnh lễ rồi ra về. Tôn giả Mục-kiền-liên biết bốn chúng đã ra về5 liền nhập định rồi vận sức than thông,13 chỉ trong khoảnh khắc như lực sĩ duỗi cánh tay, biến mất khỏi nước Xá-vệ? hiện ra chỗ tảng đá bằng phẳng màu trắng xám ở cõi trời Ba Mươi Ba, cách cây Tru Độ và cây Câu-tỳ-đà-la không xa. Bấy giờ, Thế Ton đang thuyết pháp cho chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba cùng vô lượng quyến thuộc vây quanh. Từ xa, vừa nhìn thấy Thế Tôn, Mục-kiền-liên vô cimg hoan hỷ, khởi suy nghĩ rằng: "Nay chư thiên vây quanh The Tôn nghe thuyết pháp, chẳng khác gì hội chúng ở cõi DiOm.phíi-da." Lúc ấy, Thế Tôn liền

biết ý nghĩ của Mục-kiền- liên, liền bảo:  Này Mục-kiền-liên! ở đây không phải dùng sức, khi Ta muốn thuyết pháp cho chư thiên nghe, họ liền vân tập; khi Ta muốn họ quay về, họ liền giải tán. Chư thiên kia theo tâm của Ta mà đến, theo tâm của Ta mà đi. LÚC này, Tôn giả Mục-kiên-liên lạy sát chân Phật, ngôi sang một bên roi thưa: -Bạch Thế Tôn! Trong vô số chư thiên đại chung đang vân tập tại đây, có vị nào đã từng theo Phật nghe pháp, thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển14 nên sau khi qua đời được sanh về cõi này không? Đức Phật bảo Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:  Đúng vậy, đúng vậy! Trong vô số chư thiên đại chúng đang vân tập tại đây, có vị đời trước đã từng nghe Chánh pháp, đối với Phật có niềm tin thanh tịnh không lay chuyển; đối với Pháp và Tăng cũng có niềm tin thanh tịnh không lay chuyển và thành tựu Thánh giới nên sau khi qua đời được sanh lên cõi này. Khi ấy, Đế-thích thấy Thế Tôn và Mục-kiền-liên khen ngợi chư thiên với những lời như thế rồi, liền nói với Mục-kiền-liên:  Đúng vậy, đúng vậy! Thưa Tôn giả Mục-kiền-liên! Vô số chư thiên trong chúng hội đây đời trước đã từng nghe Chánh pháp, đối với Phật có niềm tin thanh tịnh không lay chuyển; đối với Pháp và Tăng cũng có niềm tin thanh tịnh không lay chuyển và thành tựu Thánh giới nên sau khi qua đời được sanh lên cõi này.

13 Nguyên tác: Như kỳ chánh thọ (). 14 Bất hoại tịnh ,aveccappasãdà), niềm tin trọn vẹn, niềm tin bất động (nơi Tam bảo). Xem chú thích 10, kinh so 344, quyển 14, tĩ. 397; Tạp.(7.02. 0099.344. 0094b02).



LÚC đó, có một vị Ty-kheo thấy Thế Tôn và Tôn giả Mục-kiền-liên cùng Đế-thh đàm đạo với nhau, kể chuyện với nhau như thế rồi, Tỳ-kheo ấy nói với Tôn giả Mục-kiền-liên:  Đúng vậy, đúng vậy! Thưa Tôn giả Mục-kiền-liên! Vô số chư thiên trong hội chúng đây đời trước đã từng nghe Chánh pháp, đối với Phật có niềm tin thanh tịnh không lay chuyển; đối với Pháp và Tăng cũng có niềm tin thanh tịnh không lay chuyển và thành tựu Thánh giới nên sau khi qua đời được sanh lên cõi này. Lúc đó, có một thiên thần từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y phục, bày vai phải, chắp tay bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Con đã thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đoi với Phật nên được sanh lên đây. Lại có thiên thần khác thưa:  Con đã thành tựu niêm tin thanh tịnh không lay chuyên đôi với Pháp.

Có vị thưa: -Con đã thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Tăng. Có vị thưa: -Con thành tựu Thánh giới nên được sanh lên cõi này. Cứ như thế, vô lượng vô số chư thiên đối trước Thế Tôn, mỗi vị tự nói đã đắc Tu-đà-hoàn rồi nhanh chóng biến mất. Bấy giờ, Mục-kiền-liên biết chúng chư thiên đã rời đi, nên Tôn giả liền từ tòa đứng dậy, sửa y phục, bày vai phải rồi thưa rằng:  Bạch Thế Tôn! Bốn chúng ở cõi Diem-phù-đề xin cúi đầu đảnh lễ Thế Tôn, kính thăm Thế Tôn như vầy: "Thế Tôn ít bệnh ít não, đi đứng nhẹ nhàng, luôn được an vui chng?" Bon chúng mong nhớ, xin được gặp Thế Tôn, họ nói như vầy: 'Chúng con ở Diêm-phù-đề không có thần lực bay lên cõi trời Ba Mươi Ba để kính lễ Thế Tôn, còn chư thiên cối ấy thì có thần lực hiện xuống nhân gian. Vậy cúi mong Thế Tôn rủ lòng thương xót, trở lại cõi Di4m-phtiề!” Đức Phật bảo Tôn giả Mục-kiền-liên:  Thầy hãy trở về, nói với người dân Diêm-phù-đề

rằng: "Bảy ngày nữa Thế Tôn sẽ từ cõi trời Ba Mươi Ba trở lại cõi Diêm-phù-đề, dưới cây Ưu-đàm- bát9 bên ngoài cổng thành Tng-ca-xá.”i5 Tôn giả Mục-kiền-liên vâng lời liền nhập định, chỉ trong khoảnh khắc như lực sĩ duỗi cánh tay, biến mất khỏi cõi trời Ba Mươi Ba rồi hiện ngay xuống cõi Diêm-phù-đề5 nói với bốn chúng rằng:*

:Tăng-ca-xá thành .Tăng..02. 0125.36.5. 0707al2: Tăng-ca-thi quốc .
P. Sañkassa, một vương quôc bên bờ sông Hằng, Trung Ấn.



-Đại chúng nên biết, bảy ngày nữa Thế Tôn sẽ từ cõi trời Ba Mươi Ba trở lại cõi Diêm-phù-đề, dưới cây Ưu-đàm-bát, bên ngoài cổng thành Tăng-ca-xá.16 Đúng hẹn bảy ngày, Thế Tôn từ cõi trời Ba Mươi Ba trở về cõi Diêm-phù- đề? dưới cây Ưu-đàm-bát9 bên ngoài cổng thành Tăng-ca-xá. Chư thiên, long thần, quỷ thần cho đến Phạm thiên thảy đều theo Thế Tôn giáng hạ nơi này. Nhân đỏ, cuộc hội ngộ này được gọi là nơi gặp gỡ giữa nhân gian và thiên giới.17 ***

507. LÒNG TIN THANH TỊNH18 _ Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Khi ấy? có bốn mươi thiên thần đến chỗ Tôn giả Mục-kiền-liên, cúi đầu đảnh lễ rồi ngồi sang một bên. Bấy giờ, Tôn giả Mục-kiền-liên bảo các thiên thần: -Lành thay, các thiên thần! Các vị đối với đức Phật thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển;19 đối với Pháp và đối với Tăng cũng thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển. Khi ấy, bốn mươi thiên thần từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y phục, bày vai phải rồi chắp tay thưa rằng: -Thưa Tôn giả! Chúng con đối với đức Phật thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển; đối với Pháp, đối với Tăng cũng thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển và cũng thành tựu Thánh giới nên được sanh lên cõi trời. Có một thiên thần nói: -Con thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đoi với Phật. Có vị nói: Con thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Pháp.

Có vi nói: -Con thành tựu niêm tin thanh tịnh không lay chuyên đôi với Tăng.

16 Tăng-ca-xá ,địa danh này ở trong Tạp.T.02. 0099.604. 0169c22 gọi là uTăng-ca- xà7 ở Tang. ỉế 7.02. 0125.36.5. 0703bl3f gọi là "Tăng.già.thi”.Trong tác phẩm Đại Đường Tay Vức kỷ T.51. 2087.4. 0893al7 ngài Huyền Trang xác định ở nước "Kiếptỳtha".Theo Chủ §iải Kinh Pháp củphA. III. 2, địa danh này được gọi là Sañkassa, cách Sāvatthi khoảng 35 do-tuân. Hiện nay, Thánh tích này cách thị trân Farrukhabad khoảng 47km, thuộc bang Uttar Pradesh, An Độ. 17 Thiên hạ xứ . 18 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.507. 0134c24. Tham chiếu: s. 55.18 - v. 366. 19 Bất hoại tịnh ,aveccappasãdà. Xem chú thích 10, kinh số 344, quyển 14, tr. 397; Tạp. 7.02. 0099.344. 0094b02.



CÓ vị nói: Con thành tựu Thánh giới nên khi lâm chung được sanh lên cõi trời. Bấy giờ, bốn mươi thiên thần đều đối trước Tôn giả Mục-kiền-liên? mỗi vị tự xác quyết

mình đã đắc quả Tu-đà-hoàn rồi nhanh chóng biến mất. Giông như bôn mươi thiên thân ây; bôn trăm, tám trăm, mười ngàn thiên thần cũng đều nói như thế, ***

508. TÔI BÁO GIẾT Mổ BÒ (l)20 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Khi ấy, Tôn giả Mục-kiền-liên và Tôn giả Lặc-xoa-na21 đang ở trong núi Kỳ-xà quật. Vào lúc sáng sớm, Tôn giả Lặc-xoa-na đến chỗ Tôn giả Mục-kiền-liên rồi nói rằng: -Tôn giả Mục-kiền-liên! Chúng ta hãy cùng nhau ra khỏi núi Kỳ-xà quật, vào thành Vương Xá khất thực. Tôn giả Mục-kiền-liên im lặng nhận lời, liền cùng rời khỏi núi, vào thành Vương Xá khất thực. Đen một nơi kia, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên trong tâm khởi niệm, chợt22 mỉm cười. Tôn giả Lặc-xoa-na thấy Tôn giả Mục-kiền-liên mỉm cười, liền hỏi:  Khi đức Phật hay chúng đệ tử chợt mỉm cười thì chẳng phải vô cớ. Nay Tôn giả do nhân duyên gì mà mỉm cười như vậy? Tôn giả Mục-kiền-liên đáp:  Câu hỏi lúc này chưa đúng thời, chờ vào thành Vương Xá khất thực xong, trở về đối trước Thế Tôn, thầy hãy hỏi việc này, khi ấy đúng thời, tôi sẽ trả lời. Rồi Tôn giả Đại Mục-kiền-liên và Tôn giả Lặc-xoa-na vào thành Vương Xá khất thực trở về, rửa chân, cất y bát, cùng đến chỗ Thế Tôn, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Khi ấy, Tôn giả Lặc-xoa-na hỏi Tôn giả Mục-kiền-liên:  Sáng nay, tôi cùng thầy ra khỏi núi Kỳ-xà quật để đi khất thực, đến một chỗ nọ, thầy chợt mỉm cười, tôi liền hỏi lý do khiến thầy cười, thầy bảo tôi hỏi chưa đúng thời. Thế nên bây giờ tôi lại hỏi: Vì nhân duyên gì mà thày chợt mỉm cười như thế?

20 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.508. 0135a08). Tham chiếu: s. 19.1-21 - II. 256-62. 21 Lặc-xoa-na (LakkhaiIa). 22 Nguyên tác: Hân nhiên (nghĩa đen là vui vẻ, vui mừng. Bậc Thánh thấy chúng sanh khổ đau mà VUI vẻ thì không phù hợp, the nen lược gọn chữ này.



Tôn giả Mục-kiền-liên trả lời:  Giữa đường, tôi nhìn thấy một chúng sanh, thân cao lớn như lầu gác, khóc lóc kêu gào, buồn khổ, đau đớn, đi giữa hư không. Toi thấy như vậy, khởi len suy nghĩ: "Chúng sanh này có thân như thế, lại còn buồn khổ, đau đớn như thế.” Thế nên tôi chợt mỉm cười. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Lành thay! Lành thay! Trong chúng đệ tử23 của Ta, người nào có thật thật trí,25 thật nghĩa, thật pháp26 thì nhất định nhìn thấy chúng sanh này nhãn,2425 rõ ràng. Ta cũng thấy chúng sanh này mà không nói ra vì sợ người không tin. Vì sao như thế? Vì những gì Như Lai nói ra, nếu có người nào không tin thì kẻ mê muội đó phải chịu kho lâu dài. Rồi Phật lại bảo các Tỳ-kheo: —Thời quá khứ, chúng sanh có thân to lớn kia làm nghề giết mổ bò tơ tại thành Vương Xá này. Do tội giêt mô đó nên suôt trăm ngàn năm đọa vào địa ngục. Sau khi ra khỏi địa ngục, do dư báo của tội giết mổ bò nên có thân như vậy và thường chịu đau đớn, buồn khổ như thế. Này các Tỳ-kheo! Đúng như Tôn giả Mục-kiền-liên đã nhìn thấy, không hề sai khác. Các thây hãy ghi nhớ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

509. TÔI BÁO GIẾT Mổ BÒ 227 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Khi ấy, Tôn giả Mục-kiền-liên và Tôn giả

Lặc-xoa-na cùng ở trong núi Kỳ- xà quật. Sáng sớm, Tôn giả Lặc-xoa-na đến chỗ Tôn giả Mục-kiền-liên, nói rằng: -Tôn giả Mục-kiền-liên! Chúng ta hãy cùng ra khỏi núi Kỳ-xà quật, vào thành Vương Xá khất thực. Tôn giả Mục-kiền-liên im lặng nhận lời, liền cùng rời khỏi núi, vào thành Vương Xá khất thực. Đen một nơi kia, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên trong tâm khởi niệm, chợt mỉm cười.

23 Thanh văn Sāvako vừa có nghĩa là bậc nghe nhiều vừa có nghĩa là đệ tử. 24 Thật nhãn cakkhubhūto. 25 Thật trí ñānabhūto. 26 Thật pháp dhammabhūto. 27 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.02. 0099.509. 0135bl2. Tham chiếu: s. 19.1-21 - II. 256-62.



Tôn giả Lặc-xoa-na thấy Tôn giả Mục-kiền-liên mỉm cười, liền hỏi: Khi đức Phật hay chúng đệ tử chợt mỉm cười thì chẳng phải vô cớ. Nay

Tôn giả do nhân duyên gì mà mỉm cười như vậy? Tôn giả Mục-kiền-liên đáp: Hỏi lúc này chưa đúng thời, chờ vào thành Vương Xá khất thực xong, trở về đối trước Thế Tôn, thầy hãy hỏi việc này, khi ấy đúng thời, tôi sẽ trả lời. Rồi Tôn giả Đại Mục-kiền-liên và Tôn giả Lặc-xoa-na vào thành Vương Xá khất thực trở về, rửa chân, cất y bát, cùng đến chỗ Thế Tôn, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Khi ấy, Tôn giả Lặc-xoa-na hỏi Tôn giả Mục-kiền-liên: -Sáng nay, tôi cùng thầy ra khỏi núi Kỳ-xà quật để đi khất thực, đến chỗ nọ, thầy chợt mỉm cười, tôi liền hỏi lý do khiến thay cười, thay bảo tôi hỏi chưa đúng thời. Thê nên bây giờ tôi lại hỏi: Vì nhân duyên gì mà thây chợt mỉm cười như thế? Tôn giả Mục-kiền-liên trả lời: -Giữa đường, tôi thấy một chúng sanh, gân liền với xương, toàn thân dơ bẩn, hôi hám đáng tởm, bi quạ, diều, két, kên kên, dã can, chó đói bâu quanh cắn mổ5 hoặc moi nội tạng bên trong hông sườn ra để ăn? cực kỳ đau dơn, kêu gào khóc lóc. Tôi thấy vậy rồi, liền suy nghĩ rằng: "Chúng sanh này có thân như thế, lại còn chịu thống khổ kinh khủng như thế." Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Lành thay! Lành thay! Trong chúng đệ tử của Ta, người nào có thật nhãn, thật trí, thật nghĩa, thật pháp thì nhất đinh nhìn thấy chúng sanh rõ ràng này. Ta cũng thấy chúng sanh này mà không nói ra, sợ người không tin. Vì sao như thế? Vì những gì Như Lai nói ra, nếu có người không tin thì kẻ mê muội đó phải chiu khổ lâu dai. Này các Tỳ-kheo! Vào thời quá khứ, chúng sanh kia là đệ tử của người làm nghề giết mổ bò ở thành Vương Xá này. Do tội giết mổ bò nên trải qua trăm ngàn năm bị đọa địa ngục, chịu vô lượng khổ. Do dư báo của tội giết bò nên nay phải thọ thân này, tiếp tục chịu khổ kinh khiếp như vậy. Này các Tỳ-kheo! Giống như những gì mà Đại Mục-kiền-liên đã nhìn thấy, đúng thật không khác. Các thầy phải nên ghi nhớ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***



510. TÔI BÁO GIẾT MỔ DÊ (l)28 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Khi ấy, Tôn giả Mục-kiền-liên và Tôn giả Lặc-xoa-na cùng ở trong núi Kỳ- xà quật. Sáng sớm, Tôn giả Lặc-xoa-na đến chỗ Tôn giả Mục-kiền-liên, nói rằng: -Tôn giả Mục-kiền-liên! Chúng ta hãy cùng ra khỏi núi Kỳ-xà

quật, vào thành Vươiíg Xá khất thực. Tôn giả Mục-kiền-lien im lặng nhận lời, liền cùng rời khỏi núi, vào thành Vương Xá khất thực. Đen một nơi kia, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên trong tâm khởi niệm, chợt mỉm cười. Tôn giả Lặc-xoa-na thấy Tôn giả Mục-kiền-liên mỉm cười, liền hỏi: —Khi đức Phật hay chúng đệ tử chợt mỉm cười thì chẳng phải vô cớ. Nay Tôn giả do nhân duyên gì mà mỉm cười như vậy? Tôn giả Mục-kiền-liên đáp: Cau hỏi này chưa đúng thời, chờ vào thành Vương Xá khất thực xong, trở về đối trước Thế Tôn, thầy hãy hỏi việc này5 khi ấy đúng thời, tôi sẽ trả lời. Rồi Tôn giả Đại Mục-kiền-liên và Tôn giả Lặc-xoa-na vào thành Vương Xá r \ r r ____ L

khát thực trở vê, rửa chân, cát y bát, cùng đên chô Thê Tôn, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Khi ấy, Tôn giả Lặc-xoa-na hỏi Tôn giả Mục-kiền-liên: Sáng nay, tôi cùng thầy ra khỏi núi Kỵ-xà quật để đi Idiất thực, đến chỗ nọ, thầy chợt mỉm cười, tôi liền hỏi lý do khiến thay cười, thầy bảo tôi hỏi chưa đúng thời. Thế nên bây giờ tôi lại hỏi: Vì nhân duyên gì mà thầy chợt mỉm cười như thế? Tôn giả Mục-kiền-liên trả lời: -Giữa đường, tôi thấy một chúng sanh to lớn, toàn thân không có da bao bọc, chỉ là một khối thịt, đi giữa hư không, bị quạ, diều, két, kên kên, dã can, chó đói bâu quanh cắn mổ, moi nội tạng bên trong hông sườn ra để ăn, cực kỳ đau đớn, kêu gào khóc lóc. Tôi thấy vậy rồi, liền suy nghĩ rằng: "Chúng sanh này có thân như thế, lại còn chiu thống khổ kinh khiếp như thế." Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Lành thay! Lành thay! Trong chúng đệ tử của Ta, người nào có thật nhãn, thật trí, thật nghĩa, thật pháp thì nhất định nhìn thấy chúng sanh rõ ràng này. Ta cũng thấy chúng sanh này mà không nói ra, sợ người không tin. Vì sao như thế? Vì những gì Như Lai nói ra nếu có người nào không tin thì kẻ mê muội đó phải chiu khổ lâu dài.

28 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.510. 0135cl7). Tham chiếu: s. 19.1-21 - II. 256-62.



Này các Tỳ-kheo! Vào thời quá khứ, chúng sanh kia làm nghề giết mổ dê ở thành Vương Xá này. Do tội ấy nên trăm ngàn năm đã bi đọa vào địa ngục chịu vô lượng khổ, nay mang thân này, do dư báo của tội ấy phải tiếp tục chịu khô. Này các Tỳ-kheo! Như Đại Mục-kiền-liên đã nhìn thấy, đúng thật không khác. Các thầy phải nên thọ trì. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

511. TÔI BÁO GIẾT MỔ DÊ (2)29 Một thời, đức Phật ngụ tại thành Vương Xá... (cho đến) Tôn giả Đại Mục- kiền-liên thấy giữa đường có một chúng sanh to lớn, toàn thân không có da bao bọc, giống như một khối thịt khô đi giữa hư không... (cho đến): Phật bảo các Tỳ-kheo: -Vào thời quá khứ, ở thành Vương Xá, chúng sanh này làm đệ tử của người giết mổ dê. Do tội giết mổ dê nên bị đọa vào địa ngục, trải qua trăm ngàn năm30 chiu khổ vô cùng. Ngày nay, kẻ đó phải thọ thân như vậy để tiếp tục chiu tội. Này các Tỳ-kheo! Những gì mà Đại Mục-kiền-liên đã thấy là chân thật, không sai. Các thầy phải nên ghi nhớ.31 Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

512. TÔI . BÁO PHÁ THAI32 Một thời, đức Phật ngụ tại thành Vương Xá... (cho đến) Tôn giả Đại Mục- kiền-liên thấy giữa đường có một chúng sanh to lớn, toàn thân không có da bao bọc, giống như một khối thịt khô đi giữa hư không... (cho đến): Phật bảo các Tỳ-kheo: -Vào thời quá khứ, ở thành Vương Xá, chúng sanh này tự phá thai. Do tội phá thai nên bị đọa vào địa ngục, trải qua trăm ngàn năm chịu khổ vô cùng. Vì tội báo ở địa ngục chưa hết nên ngày nay kẻ đó phải thọ thân như vậy để tiếp tục chiu khô. Này các Tỳ-kheo! Những gì mà Đại Mục-kiền-liên đã thấy là chân thật, không sai. Các thầy phải nên ghi nhớ.

29 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.511. 0136a20). Tham chiếu: 5. 19.1-21 - n. 256-62; Vìn. ni. 87. 30 Nguyên tác: Bách thiên tuế (vassasatasahassānī). 31 Nguyên tác: Thọ trì (,dhāreti). 32 Tựa đề đặt theo nội dìmg kinh. Tạp.(r.02. 0099.512. 0136a28). Tham chiếu: s. 19.1-21 - II. 256-62; Vìn. III. 87.



Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 513. TỘI BÁO LUYỆN VOI33 Một thời, đức Phật ngụ tại thành Vương Xá... (cho đến) Ton giả Đại Mụckiền-liên thấy giữa đường có một chúng sanh to lớn, thân thể mọc đầy lông, lông như cây kim lớn, mỗi cay kim đều có lửa cháy, đốt ngược lại thân thể, đau buốt tận xương tủy... (cho đếrỉ)\ Phật bảo các Tỳ-kheo: -Vào thời quá khứ, ở thành Vương Xá, chúng sanh này làm nghề luyện voi. Do tội luyện voi nên bị đọa vào địa ngục, trải qua trăm ngàn năm chịu khổ vô cùng. Vì tội báo ở địa ngục chưa hết nên ngày nay kẻ đó phải thọ thân như vậy để tiếp tục chịu khổ. Này các Tỳ-kheo! Những gì mà Đại Mục-kiền-liên đã thấy là chân thật, không sai. Các thầy phải nên ghi nhớ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. r

Giông như người luyện voi, cũng vây, người luyện ngựa, luyện trâu, người ưa gièm pha kẻ khác và bức hiếp người bằng nhiều thứ khổ đau cũng bỉ quả bảo như the. *** 514. TÔI BÁO ƯA THÍCH CHIÊN TRANH34 Một thời, đức Phật ngụ tại thành Vương Xá... (cho đến) Tôn giả Đại Mục- kiên-liên thây giữa đường có một chúng sanh to lớn, thân thê mọc đây lông, sợi lông bén nhọn như dao, sợi lông bị đốt cháy, quay trở lại cắt đứt thân thể người ấy, đau đớn tận xương tủy... (cho đến): Phật bảo các Tỳ-kheo: -Vào thời quá khứ, ở thành Vương Xá, chúng sanh này ưa thích chiến tranh, dùng dao kiếm chém giết người. Do tội báo này nên bi đọa vào địa ngục, trải qua trăm ngàn năm chịu khổ vô cùng. Vì tội báo ở địa ngục chưa hết nên ngày nay kẻ đó phải thọ thân như vậy đê tiêp tục chịu khô. Này các Tỳ-kheo! Những gì mà Đại Mục-kiền-liên đã thấy là chân thật, không sai. Các thầy phải nên ghi nhớ.

33 Tựa đề đặt theo nội dung kmh. Tạp.(T.02. 0099.513. 0136b07). Tham chiếu: s. 19.1-21 - II. 256-62; .lil. 87. 34 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.514. 0136bl8). Tham chiếu: s. 19.1-21 - II. 256-62; 87/



Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

515. TÔI BÁO THỢ SĂN35 Một thời, đức Phật ngụ tại thành Vương Xá... (cho đến) Ton giả Đại Mục- kiền-liên thấy giữa đường có một chúng sanh to lớn, thân thể mọc đầy lông, lông tua tủa như tên, đều bốc lửa, trở lại đốt cháy toàn thân, đau đớn thấu xương tủy... (cho đến): Phật bảo các Tỳ-kheo: -Vào thời quá khứ, ở thành Vương Xá, chúng sanh này đã từng làm thợ săn, bắn giết cầm thú. Do tội ấy nên bị đọa vào địa ngục, trải qua trăm ngàn năm chịu khổ vô cùng. Vì tội báo ở địa ngục chưa hết nên ngày nay kẻ đó phải thọ thân như vậy để tiếp tục chịu khổ. Này các Tỳ-kheo! Những gì mà Đại Mục-kiền-liên đã thấy là chân thật, không sai. Các thầy phải nên ghi nhớ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

516. TÔI BÁO ĐỒ TỂ GIẾT HEO36 Một thời, đức Phật ngụ tại thành Vương Xá... (cho đến) Tôn giả Đại Mụckiên-liên thây giữa đường có một chúng sanh to lớn, kháp mình mọc lông, lông bén nhọn như dao, đều bốc lửa, trở lại đốt cháy toàn thân, đau đớn thấu xương tủy... (cho đến): Phật bảo các Tỳ-kheo: -Vào thời quá khứ, ở thành Vương Xá, chúng sanh này làm nghề đồ tể giết heo. Do tội ấy nên bị đọa vào địa ngục, trải qua trăm ngàn năm chịu khổ vô cùng. Vì tội báo ở địa ngục chưa hết nên ngày nay kẻ đó phải thọ thân như vậy để tiep tục chịu khổ. Này các Tỳ-kheo! Những gì mà Đại Mục-kiền-liên đã thấy chân thật, không sai. Các thầy phải nên ghi nhớ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

35 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.515. 0136b27). Tham chiếu: s 19.1-21 - n. 256-62; Vìn. ni. 87. 36 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.516. 0136c07). Tham chiếu: s. 19.1-21 - II. 256-62; Vìn. III. 87. J



517. TÔI BÁO KẺ CẮT ĐẦU NGƯỜI37 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại thành Vương Xá... (cho đếrỉ) Tôn giả Đại Mụckiên-liên thấy giữa đường có một chúng sanh to lớn, không có đầu, hai bên có mắt, trước ngực có miệng, thân thể thường tuôn máu, các loài trùng rúc ria, đau đớn tận xương tủy... (cho đến): Phật bảo các Tỳ-kheo: -Vào thời quá khứ, ở thành Vương Xá, chúng sanh này ưa cắt đầu người. Do tội báo ấy phải đọa vào địa ngục, trải qua trăm ngàn năm chịu khổ vô cùng. Ngày nay kẻ đó phải thọ cái thân như vậy để tiếp tục chịu khổ. Này các Tỳ-kheo! Những gì mà Đại Mục-kiền-liên đã thấy là chân thật, không sai. Các thầy phải nên ghi nhớ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Như chặt đầu người, nắm đầu người cũng thế. ***

518. TÔI• BÁO LÀM ĐỒ GIẢ38 Một thời, đức Phật ngụ tại thành Vương Xá... (cho đếri) Tôn giả Đại Mục- kiền-liên thấy giữa đường có một chúng sanh âm noãn39 to như cái vò, khi ngồi thì phải ngoi lên đó, khi đi thì vác trên vai mà đi... (cho đen): Phật bảo các Tỳ-kheo: Vào thời quá khứ, ở thành Vương Xá, chúng sanh này làm nghề luyện đồng,40 nhưng toàn làm đồ giả, dối trá gạt người. Do tội ấy nên bi đọa vào địa ngục chịu khổ vô cùng. Vì tội ở địa ngục chưa hết nên ngày nay phải thọ thân như vậy để tiếp tục chịu khổ. Này các Tỳ-kheo! Những gì mà Đại Mục-kiền-liên đã thấy là chân thật, không sai. Các thầy phải nên ghi nhớ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo

nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

37 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.517. 0136c16). Tham chiếu: s. 19.1-21 - n. 256-62; .IIL87. 38 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.518. 0136c26). Tham chiếu: s. 19.1-21 - n. 256-62; P7w.in.87. 39 Âm noãn (anda) tức tinh hoàn. 40 Nguyên tác: Đoán đồng sư ().s. 19.1 - II. 256: Gāmakūtaka, HT. Thích Minh Châu dịch là phán quan. Theo PED, chỉ chokẻ gian lận trong làng (The village-fraud). Kūta cũng có nghĩa là dôi gạt, cung có nghĩa là quả cân bàng sắt.



Như người thợ luyện đồng; cũng vậy người cân lường dối trá, kẻ trưởng thôn, chủ chợ cũng bị như thế. ***

519. TÔI BÁO BẮT CÁ41 Một thời, đức Phật ngụ tại thành Vương Xá... (cho đến) Tôn giả Đại Mục- kiền-liên thấy giữa đường có một chúng sanh lấy cái lưới đồng hoặc lưới sắt tự quấn thân mình, lửa thường cháy đỏ trô lại đốt thân người ấy, đau đớn tận xương tủy, đi giữa hư không... (cho đen): Phật bảo các Tỳ-kheo: -Vào thời quá khứ, ở thành Vương Xá, chúng sanh này làm nghề bắt ca. Do tội ấy nên bị đọa vào địa ngục chịu khổ vô cùng. Vì tội ở địa ngục chưa hết nên ngày nay phải thọ thân như vậy đê tiêp tục chịu khô. Này các Tỳ-kheo! Những gì Đại Mục-kiền-liên đã thấy là chân thật, không sai. Các thầy phải nên ghi nhớ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Như người bát cá, băt chim, lưới thỏ cũng bỉ quả bảo như thê. ***

520. TÔI BÁO NGƯỜI NỮ LÀM NGHÈ BÓI TOÁN42 Một thời, đức Phật ngụ tại thành Vương Xá... (cho đến) Tôn giả Đại Mục- kiên-liên thây giữa đường có một chúng sanh trên đâu đội côi săt9 hừng hực lửa đỏ? cối xoay nghiền đầu, chịu khổ vô cùng, đi giữa hư không... (cho đến): Phật bảo các Tỳ-kheo: -Vào thời quá khứ, ở thành Vương Xá, chúng sanh này là người phụ nữ làm nghề bói toán, gieo quẻ đoán điềm, dối gạt mê hoặc người để mim cầu tiền của. Do tội ây nên bị đọa vào địa ngục chiu khô vô cùng. Vì tội báo ở địa ngục chưa hết nên ngày nay kẻ đó phải thọ thân như vậy để tiếp tục chịu khổ. Này các Tỳ-kheo! Những gì mà Đại Mục-kiền-liên đã thấy là chân thật, không sai. Các thầy phải nên ghi nhớ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

41 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.519. 0137a07). Tham chiếu: s 19.1-21 n. 256-62; Vìn. III. 87. 42 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.520. 0137al6). Tham chiếu: s. 19.1-21 - II. 256-62; Vin. III. 87.



521. TÔI BÁO NGƯỜI NAM LÀM NGHÈ BÓI TOÁN43 Một thời, đức Phật ngụ tại thành Vương Xá... (cho đến) Tôn giả Đại Mục- kiền-liên thấy trên đường có một chúng sanh thân tự chuyển động xoay như gió xoáy, đi giữa hư không... (cho đến): Phật bảo các Tỳ-kheo: -Vào thời quá khứ, ở thành Vương Xá5 chúng sanh này làm nghề thầy bói mê hoặc nhiều người để mưu cầu tiền của. Do tội ấy nên bị đọa vào địa ngục chịu kho vô cùng. Vì tội báo ở địa ngục chưa hết nên ngày nay kẻ đó phải thọ thân như vậy để tiếp

tục chiu khổ. Này các Tỳ-kheo! Những gì mà Đại Mục-kiền-liên đã thấy là chân thật, không sai. Các thầy phải nên ghi nhớ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

522. TÔI BÁO TÀ DÂM44 Một thời, đức Phật ngụ tại thành Vương Xá... (cho đến) Tôn giả Mục-kiền- liên thấy trên đường có một chúng sanh lom khom lén lút di, bộ dạng như sợ . *r e r . • . hãi, y phục toàn thân đều bóc lửa, trở lại đót thân, đi giữa hư không. Phật bảo các Tỳ-kheo: -Vào thời quá khứ, ở thành Vương Xá, chúng sanh này ưa hành tà dâm. Do tội ấy nên bị đọa vào địa ngục chịu khổ vô cùng. Vì tội báo ở địa ngục chưa hết nên ngày nay kẻ đó phải thọ thân như vậy để tiếp tục chịu khổ. Này các Tỳ-kheo! Những gì mà Đại Mục-kiền-liên thấy là chân thật, không sai. Các thầy phải nên ghi nhớ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

523. TÔI BÁO BUÔN BÁN NHAN SẮC45

Tôi nghe như vây:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Lộc D trú xứ của Tiên nhân, thuộc nước

Ba-la-nại.

43 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.521. 0137a25). Tham chiếu: s. 19.1-21 - II. 256-62; . III. 8Z 44 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.522. 0137b04). Tham chiếu: s. 19.1-21 - n. 256-62; P7/7.IĪL 87. 45 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.523. 0137bl2). Tham chiếu: s. 19.1-21 - II. 256-62; III. 87.



Bấy giờ, vào lúc sáng sớm, Tôn giả [Đại] Mục-kiền-liên và Tôn giả Lặc- xoa-na46 cùng vào thành Ba-la-nại khất thực. Dọc đường, Tôn giả Đại Mục- kiên-liên chợt nghĩ điêu gì nên bát chợt mỉm cười. Khi ấy, Tôn giả Lặc-xoa-na liền thưa với Tôn giả Đại Mục-kiền-liên: -Khi đức Thế Tôn và đệ tử của Thế Tôn mỉm cười tất phải có nhân duyên. Hôm nay, vì sao Tôn giả bất chợt mỉm cười? Tôn giả Đại Mục-kiên-liên bảo Tôn giả Lặc-xoa-na: Câu hỏi này chưa đúng lúc, khi nào khất thực trở về rồi đến trước Thế Tôn

thì Tôn giả nên hỏi việc này. Hai Tôn giả cùng vào thành khất thực rồi trở về rửa chân, cất y bát, cùng đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy sát chân Phật rồi ngồi sang một bên. Khi ấy, Tôn giả Lặc-xoa-na hỏi Tôn giả Mục-kiền-liên: -Sáng nay, khi trên đường di, do nhân duyên gì mà Tôn giả bất chợt mỉm cười? Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói với Tôn giả Lặc-xoa-na: -Tôi thấy trên đường có một chúng sanh to lớn, toàn thân đầy máu mủ, hôi hám, nhơ nhớp, đi giữa hư không, bị chim quạ, chim ăn thịt, kên kên, diều hâu, dã can, chó đói chạy theo ria thịt, căn nuôt5 kẻ ây khóc lóc kêu gào. Tôi liên suy nghĩ chúng sanh phải thọ thân như thế, chịu khổ như vậy, đau đớn biết bao! Phật bảo các Tỳ-kheo: -Ta cũng thây chúng sanh này mà chăng nói ra, vì sợ người không tin. Vì sao như thế? Vì kẻ không tin lời nói của Như Lai là người ngu si, chiu khổ lâu dài. Vào thời quá khứ, chúng sanh này làm người phụ nữ buôn bán nhan sắc để làm kế sinh nhai ở thành Ba-la-nại này. Khi ấy, có Tỳ-kheo xuất gia với Phật Ca-diếp và người phụ nữ ấy đem

lòng không trong sạch mời gọi vị Tỳ-kheo này. Với lòng ngay thẳng, vị Tỳ-kheo nhận lời mời mà không hiểu dụng ý của cô ta. Người phụ nữ liền nổi sân, lấy nước dơ tạt vào thân Tỳ-kheo. Do tội lỗi đó nên bị đọa vào địa ngục, chịu khổ vô cùng. Vì tội báo ở địa ngục chưa hết nên ngày nay kẻ đó phải thọ thân như vậy để tiếp tục chịu kho. Này các Tỳ-kheo! Những gì mà Đại Mục-kiền-liên đã thấy là chân thật không sai. Các thay phải nên ghi nhớ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

46 Tôn giả Lặc-xoa-na Lakkhapa āyasmā.



524. TỘI BÁO LÒNG SÂN HẬN47 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Lộc Dã, tru xứ của Tiên nhân, nước Ba-lanại... (cho đen): -Tôi thấy trên đường có một chúng sanh to lớn, toàn thân lửa cháy, đi giữa hư không, khóc lóc kêu gào, chiu đau đớn khổ não... ... (cho đến) Phật bảo các Tỳ-kheo: -Vào thời quá khứ, chúng sanh này là đệ nhất phu nhân của Vua Tự Tại ở thành Ba-la-nại. Khi cùng ngủ với nhà vua, bà bỗng nổi lòng sân hận, lấy dầu thắp đèn rưới lên thân vua. Do tội lỗi này nên bị đọa vào địa ngục chịu khổ vô cùng. Vì tội báo ở địa ngục chưa hết nên ngày nay kẻ đó phải thọ thân như vậy để tiếp tục chịu khổ. Này các Tỳ-kheo! Những gì mà Đại Mục-kiền-liên đã thấy là chân thật, không sai. Các thay phải nên ghi nhớ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

525. TÔI . BÁO TÂM GANH GHÉT48 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Lộc Dã, tru xứ của Tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại... (cho đên): Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đáp: -Tôi thấy trên đường có một chúng sanh, toàn thân dơ bẩn, bôi đầy phân dơ và cũng ăn phân dơ, đi giữa hư không, hôi hám, khổ não, khóc lóc kêu gào... ... (cho đến) Phật bảo các Tỳ-kheo: Vào thời quá khứ, chúng sanh này làm thầy Bà-la-môn của Vua Tự Tại ở thành Ba-la-nại. Vì tâm ganh ghét nên thỉnh Phật Ca-diếp và chúng Thanh văn rồi lấy phân dơ bôi trên thức ăn, xúc não chúng Tăng. Do tội lỗi ấy nên bị đọa vào địa ngục chịu khổ vô cùng. Vì tội báo ở địa ngục chưa hết nên ngày nay kẻ đó phải thọ thân như vậy để tiếp tục chịu khổ. Này các Tỳ-ldieo! Những gì mà Đại Mục-kiền-liên đã thấy là chân thật, không sai. Các thầy phải nên ghi nhớ.

47 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.524. 0137c09). Tham chiếu: s. 19.1-21 - n. 256-62; Fzw.III.87/ 48 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.525. 0137cl9). Tham chiếu: s. 19.1-21 - n. 256-62; 87.



Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

526. TÔI BÁO TRI sự KHÔNG CHIA DÀU49 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ... (cho đến) Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đáp: -Tôi thấy trên đường có một chúng sanh to lớn, trên đầu đội một cái vạc bằng đồng lớn, sôi sùng sục, nước đồng trâo ra rưới khắp thân thể, đi giữa hư

không, khóc lóc kêu gào... ... (cho đến) Phật bảo các Tỳ-kheo: -Vào thời quá khứ, ở nước Xá-vệ, chúng sanh này xuất gia nơi đức Phật Ca-diếp, làm Tỳ-kheo tri sự và có các thí chủ đem dầu đến cúng cho các Tỳ- kheo. Lúc ấy, có nhiều khách Tỳ-kheo, vị tri sự này không chia dầu đúng thời, đợi đến lúc các khách Tỳ-kheo đi rồi mới chia. Do tội ấy nên bị đọa vào địa ngục chiu khổ vô cùng. Vì tội báo ở địa ngục chưa hết nên ngày nay kẻ đó phải thọ thân như vậy để tiếp tục chịu khổ. Này các Tỳ-kheo! Những gì mà Đại Mục-kiền-liên đã thấy là chân thật, không sai. Các thầy phải nên ghi nhớ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

527. TÔI BÁO SA-DI TRỘM BẢY TRÁI CÂY50 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-dà, thuộc nước Xá-vệ... (cho đếri) Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đáp: -Tôi thấy trên đường có một chúng sanh thân to lớn, có viên sắt nóng từ thân ra vào, đi giữa hư không, bị đau đớn bức bách, khóc lóc kêu gào... ... (cho đến) Phật bảo các Tỳ-kheo: -Vào thời quá khứ, chúng sanh này ở nước Xá-vệ, xuất gia nơi đức Phật Ca-diếp, làm Sa-di giữ vườn cây trái của chúng Tăng, lén trộm bảy trái đem dâng cho Hòa thượng. Do tội lỗi ấy nên bị đọa vào địa ngục chịu khổ vô cùng. Vì tội báo ở địa ngục chưa hết nên ngày nay kẻ đó phải thọ thân như vậy để tiếp tục chịu khô. 49 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T02. 0099.526. 0138a01). Tham chiếu: s. 19.1-21 - n. 256-62;  III. 87. 50 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T02. 0099.527. 0138al3). Tham chiếu: s. 19.1-21 - II. 256-62; Vìn. ni. 87.



Này các Tỳ-kheo! Những gì mà Đại Mục-kiền-liên đã thấy là chân thật, không sai. Các thây phải nên ghi nhớ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

528. TÔI BÁO SA-DI LÉN ĂN ĐƯỜNG PHÈN51 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà9 thuộc nước Xá-vệ... (cho đến) Tôn giả Đại Mục-kien-liên đáp: -Tôi thấy trên đường có một chúng sanh, thân to lớn, lưỡi rộng dài, thấy có búa bén rực lửa cắt lưỡi người ấy, đi giữa hư không, khóc lóc kêu gào... ... (cho đến) Phật bảo các Tỳ-kheo: -Vào thời quá khứ, ở nước Xá-ve, chúng sanh này theo đức Phật Ca-diếp xuất gia làm Sa-di, dùng dao cắt đường phèn cúng dường chúng Tăng, vì đường dính trên lưỡi dao nên lén lấy ăn. Do tội lỗi này nên bị đọa vào địa ngục chiu kho vô cùng. Vì tội báo ở địa ngục chưa hết nên ngày nay kẻ đó phải thọ thân như vậy để tiếp tục chịu khổ. Này các Tỳ-kheo! Những gì mà Đại Mục-kiền-liên đã thấy là chân thật, không sai. Các thầy phải nên ghi nhớ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

529. TÔI BÁO SA-DI LÉN LẤY BÁNH52 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại nước Xá-vệ... (cho đến) Tôn giả Đại Mục-kiền- liên đáp: -Tôi thấy trên đường có một chúng sanh to lớn, có hai bánh xe sắt ở hai bên hông, bốc lửa xoay vần trở lại thiêu đốt thân kia, đi trong hư không, khóc lóc kêu gào... ... (cho đến) Phật bảo các Tỳ-kheo: -Vào thời quá khứ, ở nước Xá-vệ, chúng sanh này theo đức Phật Ca-diếp xuất gia làm Sa-di, trong khi đem bánh ngọt cúng dường chúng Tăng đã lén lây hai cái bánh kẹp dưới

nách. Do tội lôi ây nên bị đọa vào địa ngục chịu khô vô cùng. Vì tội báo ở địa ngục chưa hết nên ngày nay kẻ đó phải thọ thân như vậy để tiếp tục chiu khổ.

51 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T02. 0099.528. 0138a24). Tham chiếu: s. 19.1-21 - II. 256-62; P7H.ni.87. 52 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.529. 0113b06).



Này các Tỳ-kheo! Những gì mà Đại Mục-kiền-liên đã thấy là chân thật, không sai. Các thầy phải nên ghi nhớ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

530. TÔI BÁO LẠM DỤNG CỦA THƯỜNG TRỤ53 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại nước Xá-vệ... (cho đến) Tôn giả Đại Mục-kiền- liên đáp: -Tôi thấy trên đường có một chúng sanh thân hình to lớn, dùng lá sắt nóng quân thân, y phục, giường năm đêu là sát nóng, đót cháy hừng hực, ăn viên sát nóng, đi giữa hư không, khóc lóc kêu gào... ... (cho đến) Phật bảo các Tỳ-kheo: -Vào thời quá khứ, ở nước Xá-vệ? chúng sanh này theo Phật Ca-diếp xuất gia làm Tỳ-kheo, thường xin y áo và thức ăn để cúng dường Tăng chúng. Sau khi cúng dường Tăng chúng còn dư liền tự ý lấy dùng. Do tội lỗi này nên đọa vào địa ngục chịu khổ vô cùng. Vì tội báo ở địa ngục chưa hết nên ngày nay kẻ đó phải thọ thân như vậy để tiếp tục chịu khổ. Này các Tỳ-ldieo! Những gì mà Đại Mục-kiền-liên đã thấy là chân thật, không sai. Các thay phải nên ghi nhớ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Như Tỳ-kheo trên, trường hợp các Tỳ-kheo-nỉf Thức-xoa-ma-naf Sa-dỉf Sa- di-ni, iru-bà-tắc, ưu-bà-dỉ cũng bỉ quả báo như thế, ***

531. TÔI BÁO ĐÁNH BÒ KÉO XE54 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại nước Xá-vệ... (cho đến) Tôn giả Đại Mục-kiền- liên nói: -Tôi thấy trên đường có một chúng sanh thân hình to lớn, mang trên cổ bánh xe sát cháy đỏ, cat đứt gân cô và cả gân chân, gân tay roi lây gân quấn quanh cô, xoay trở giữa chốn sắt nóng,55 đi giữa hư không, khóc lóc kêu gào... ... (cho đến) Phật bảo các Tỳ-kheo:

53 Tựa đề đặt theo nội dung kinh.9.(7.02. 0099.530. o 138b 17). Tham chiếu: s. 19.17-21 -11.260-62. 54 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.531. 0138c01). 55 Nguyên tác: Hành thục thiết địa ().“Hanh”()dùng như 4tvận hành”().Địa ():Cõi giớicanh giới, lãnh vực, nơi chỗ. p. Bhūmi. J



-Vào thời quá khứ, ở nước Xá-vệ, chúng sanh này làm nghề đánh xe bò để sinh sống. Do tội lỗi này nên bị đọa vào địa ngục chịu khổ vô cùng. Vì tội báo ở địa ngục chưa hết nên ngày nay kẻ đó phải thọ thân như vậy56 để tiếp tục chịu khổ. Này các Tỳ-kheo! Những gì mà Đại Mục-kiền-liên đã thấy là chân thật, không sai. Các thầy phải nên ghi nhớ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***
532. TÔI BÁO MẮNG ĐUỔI TỲ-KHEO57 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại nước Xá-vệ... (cho đến) Tôn giả Đại Mục-kiền- liên nổi: -Tôi thấy trên đường có một chúng sanh thân hình to lớn5 lưỡi thì rộng dài, bị đinh sắt nóng đóng vào trong lưỡi, đi

giữa hư không, khóc lóc kêu gào... ... (cho đến) Phật bảo các Tỳ-kheo: -Vào thời quá khứ, ở nước Xá-vệ9 chúng sanh này xuất gia ở trong giáo pháp của Phật Ca-diếp, khi làm tri sự58 đã trách mắng các Tỳ-kheo rằng: "Này " e v • 9 các Trưởng lão! Các ông nên rời di, vì nơi đây nghèo thiêu, không thê cung phụng; mỗi người nên tùy ý tìm nơi sung túc, nơi đay đủ cơm ăn áo mặc, những vật dụng như y áo, cơm nước, giường nằm, thuốc thang trị bệnh dễ dàng kiếm được, không hề thiếu th6n." Các Tỳ-kheo đang ở đều bỏ di, còn khách Tang nghe vậy thì không tìm đến. Do tội lỗi này nên bi đọa vào địa ngục, chịu kho vô cùng. Vì tội báo ở địa ngục chưa hét nên ngày nay kẻ đó phải thọ thân như vậy đê tiêp tục chịu khô. Này các Tỳ-kheo! Những gì mà Đại Mục-kiền-liên đã thấy là chân thật, không sai. Các thay phải nên ghi nhớ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 533. TÔI BÁO ÁC KHẨU VỚI TỲ-KHEO59 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại nước Xá-vệ... (cho đến) Tôn giả Đại Mục-kiền- liên nói:

56 Nguyên tác: Thử (),dùng như chữ "nhu thủ:”(). 57 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.532. 0l38cll). 58 Nguyên tác: Ma-ma-đế ().p. Vihārā suvãmin'. Tri sự, quản lý ngôi già-lam. 59 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.533. 0l38c24).



-Tôi thấy trên đường có một chúng sanh thân hình to lớn, hình tướng như Tỳ-kheo, quấn lá sắt làm y phục, toàn thân bị thiêu đốt, dùng bát sắt đựng viên sắt nóng để ăn... ... (cho đến) Phật bảo các Tỳ-kheo: -Vào thời quá khứ, ở nước Xá-vệ, chúng sanh này xuất gia ở trong giáo pháp của Phật Ca-diếp, khi làm tri sự đã dùng lời thô ác để ám chỉ các Tỳ-kheo. Hoặc nói: "Dây là ông trọc xấu xa. Đây là ông có phong cách xấu. Đây là ông y phục dơ bân?9 Vì dùng những lời thô ác như thế khiến cho các Tỳ-kheo đang ở bỏ đi, các Tỳ-kheo chưa đến chẳng muốn tìm đến. Do tội lỗi này nên bi đọa vào địa ngục, chịu khổ vô cùng. Vì tội báo ở địa ngục chưa hết nên ngày nay kẻ đó phải thọ thân như vậy để tiếp tục chịu khổ. Này các Tỳ-kheo! Những gì mà Đại Mục-kiền-liên đã thấy là chân thật, không sai. Các thầy phải nên ghi nhớ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 534. TÔI BÁO TRANH CÃI ĐỘNG CHÚNG60 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại nước Xá-vệ... (cho đến) Phật bảo các Tỳ-kheo: -Vào thời quá khứ, ở nước Xá-vệ, chúng sanh này xuất gia làm Tỳ-kheo trong giáo pháp của Phật Ca-diếp nhưng ưa thích tranh cãi, làm rối loạn chúng Tăng, lăm môm lăm miệng, làm mát sự hòa hợp. Các Tỳ-kheo đang ở đã chán ghét bỏ đi, còn người chưa đến lại không muốn đến. Do tội lỗi này nên bị đọa vào địa ngục, chịu khô vô cùng. Vì tội báo ở địa ngục chưa hét nên ngày nay kẻ đó phải thọ thân như vậy đê tiêp tục chịu khô. Này các Tỳ-kheo! Những gì mà Đại Mục-kiền-liên đã thấy là chân thật, không sai. Các thay phải nên ghi nhớ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 535. CON ĐƯỜNG TRỰC TIẾP (l)61 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc? trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. J

60 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.534. 0139a07). 61 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.535. 0139al6). Tham chiếu: s. 52.2 - v. 296.

QUYỂN 19 591

Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật đang ở tại tinh xá Tùng Lâm.62

62 Nguyên tác: Tùng Lâm tinh xá (Vihārā Salalāgāra), là tòa nhà trong tinh xá Jetavana do Vua Pasenadi xây dimg, có giá trị cả trăm ngàn đồng. Tham chiếu: s. 52.8 - v. 300. 63 Nguyên tác: Bạt-kỳ tụ lạc (Bhagga). Đây là một đất nước, như chú thích số 64, không phải thôn. 64 Nguyên tác: Khủng Bố trù lâm cầm thú (,Bhesakalāvana), là khu rừng thuộc đất nước Bhagga, đất nước này nằm giữa Vesālī và Sāvatthi. Theo SA. II. 181: Khu rừng này vôn là tên gọi của một nư da-xoa (yakkhinī) tên là Bhesākalā, (theo DPPN). 65 Nguyen tác: Thất-thâụ-mạ-la sơn (Surụsumragiri), là,t&! thành phố của nước Bhagga, có thể dịch là thành phố Thất-thâu-ma-la sơn hay thành phố núi Cá sấu. Sở dĩ có tên gọi như vậy là vì có nhiều cá sấu (sumsumāragi) làm ồn ở hồ lân cận. 66 Nguyên tác: Hữu nhất thừa đạo (^,eẢặyGmmớg"). Cú ngữ này ở Biệt Tạp.(7J02. 0100.102. 0410bl2); Đại Bảo tích kình (7:11^0310.79. 0454bl4) viết J)uy hữu nhất đạo

592 KINH TẠP A-HÀM

- Phải chăng khi thầy sống một mình ở nơi vắng vẻ, thiền định tư duy, đã khởi lên suy nghĩ: "C6 con đường trực tiếp khiến chúng sanh được thanh tịnh, xa lìa lo, buồn, khổ, não, được pháp chân nhu, đó gọi là bon niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là quán thân trên thân, quán thọ, quán tâm và quán pháp trên pháp. Nếu người nào xa lìa bốn niệm xứ thì xa lìa pháp Hiền thánh, người nào xa lìa pháp Hiền thánh thì xa lìa đạo Hiền thánh, người xa lìa đạo Hiền thánh thì xa lìa pháp giải thoát, người xa lìa pháp giải thoát thì không thể thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não. Nếu người nào tịnh tín đối với bốn niệm xứ thì cũng tịnh tín đối với giáo pháp Hiền thánh, người nào tịnh tín đối với giáo pháp của Hiền thánh thì cũng tịnh tín đối với Thánh đạo, người nào tịnh tín đối với Thánh đạo thì cũng tịnh tín đối với pháp giải thoát, người nào tịnh tín đối với pháp giải thoát thì thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, no?" Tôn giả A-na-luật thưa Tôn giả Mục-kiền-liên: Đúng thế, đúng the! Thưa Tôn giả!

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên hỏi tiếp Tôn giả A-na-luật: -Thế nào gọi là tịnh tín đối với bốn niệm xứ? -Thưa Tôn giả Mục-kiền-liên, như Tỳ-kheo quán thân trên thân, tâm duyên theo thân, an trú chánh niệm, điêu phục, dừng nghỉ, tịch tĩnh, tăng trưởng nhát tâm.7071Cũng như vậy đối với thọ, tâm và pháp, an tru chánh niệm, điều phục, dừng nghỉ, tịch tĩnh, tăng trưởng nhất tâm. Thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên! Đó gọi là Tỳ-kheo tịnh tín đối với bốn niệm xứ. Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền nhập thiền định hóa hiện thần túc,71 từ tinh xá Tùng Lâm của nước Xá-vệ trở về thôn Bạt-kỳ? chỗ cầm thú trong rừng rậm Sợ Hãi, núi Cá sấu. ***

536. THUẦN THỤC BỐN NIỆM xứ72 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ... cho đến Tôn giả Đại Mục-kiền-liên hỏi Tôn giả A-na-luật: Thế nào gọi là tu tập và tu tập thuần thục73 bốn niệm xứ?

70 Nguyên tác: Nhất tâm tăng tấn .Nhất tâm ,p. cittassa ekaggatā; tăng tấn nghĩa là tăng trưởng lớn mạnh, p. vuddhim virūlhim vepullam. 71 Nguyên tác: Như kỳ tượng tam-muội chánh thọ .Trong những trường hợp nghĩa của cú ngữ này, có trường hợp mang nghĩa hóa hiện thần thông. 72 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp. Br02. 0099.536. 0139Ồ25. Tham chiếu: s. 52.1 - v. 294. 73 Nguyên tác: Đa tu tập &ī/ni/īkmm®. HT. Thích Minh Châu dịch là làm cho sung mãn. Bahulī'. Thường xuyên; Bahulikãta'. Thường xuyên thực hành, thường xuyên tu tập. J

QUYỂN 19 593

Tôn giả A-na-luật trả lời Tôn giả Đại Mục-kiền-liên: -Tỳ-kheo đối với nội thân khởi tưởng nhàm chán, xa lìa; đối với nội thân khởi tưởng không nhàm chán, xa lìa; đối với tưởng nhàm chán, xa lìa và tưởng không nhàm chán, xa lìa thảy đều buông xả, chánh niệm tỉnh giác. Như nội thân, cũng như thế đối với ngoại thân, nội ngoại thân;74 nội thọ, ngoại thọ, nội ngoại thọ; nội tâm, ngoại tâm, nội ngoại tâm; nội pháp, ngoại pháp, cả nội ngoại pháp đều khởi tưởng nhàm chán, xa lìa, khởi tưởng không nhàm chán, xa lìa; đối với tưởng nhàm chán, xa lìa và tưởng không nhàm chán, xa lìa thảy đều buông xả, chánh niệm tỉnh giác. Như thế, thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên! Đó gọi là tu tập và tu tập thuần thục bốn niệm xứ. Khi ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền nhập tam-muội, do sức thần thông tam-muội? chỉ trong khoảnh khắc như người lực sĩ co duỗi cánh tay, từ tinh xá Tùng Lâm ở nước Xá-vệ đã trở về thôn Bạt-kỳ, chỗ cầm thú trong rừng rậm Sợ Hãi, núi Cá sấu.75

74 Nguyên tác: Nội ngoại thân ajjhattabahiddhā kāye kāyānupassī. 75 Bản Hán, hết quyển 19.

594 KINH TẠP A-HÀM

QUYỂN 20

537. QUÁN SÁT TIỂU THIÊN THẾ GIỚI1

Tôi nghe như vây:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô

1 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.537. 0139cl6. Tham chiếu: Tạp.r02. 0099.538. Ó140a07; 5. 47.28 . v. 175; s. 52.6 - v. 299. 2 Nguyên tác: Đai đức thần lực Mahābhiññatani. Đại đức đồng nghĩa với việc to lơn, kỳ vi .

3 Nguyên tác: Chánh si , tương đồng với "Chân nhan", "Thiên nhân", "Thiên '.

QUYẾN 20 > 595

538. QUÁN SÁT NGÀN NÚI TU-DI4 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả A-nan và Tôn giả A-na-luật đều ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đến chỗ Tôn giả A-na-luật, cùng nhau thăm hỏi ân cần rồi ngồi sang một bên. Lúc ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên hỏi Tôn giả A-na-luật: Nhờ tu tập và tu tập thuân thục công đức gì mà Tôn giả được thành tựu thần lực to lớn5 như thế? Tôn

giả A-na-luật đáp lời Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:  Nhờ tu tập và tu tập thuần thục bốn niệm xứ nên tôi đã thành tựu được thần lực to lớn này. Những gì là bốn? Đó là quán thân trên thân, giữ tâm an trụ, tinh ồốếồần

4 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T7.02. 0099.538. 0140a07). Tham chiểu: Tạp.(T7.02. 0099.537. Ó139C16); S. 47.28 - v. 175; s. 52.6 - v. 299. 5 Nguyên tác: Đại đức thần lực ().Đại đức ():Việc to lớn, kỳ vĩ). 6 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.539. 0140a26). Tham chiếu: s. 52.23 - v. 305.



Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả A-nan và Tôn giả A-na-luật cùng ở bên hồ tắm Thủ Thành, thuộc nước Xá-vệ. Khi ấy, Tôn giả A-nan đi đến chỗ Tôn giả A-na-luật cùng nhau thăm hỏi ân càn rồi ngồi sang một bên. Tôn giả A-nan hỏi Tôn giả A-na-luật: -Tôn giả tu tập và tu tập thuần thục công đức gì mà thành tựu oai dức, thần thông lớn7 như vậy? Tôn giả A-na-luật đáp lời Tôn giả A-nan:  Thưa Tôn giả A-nan, nhờ tu tập và tu tập thuần thục bốn niệm xứ nên tôi đã thành tựu được oai đức, thần thông lớn này. Những gì là bốn? Đó là quán thân trên thân, giữ tâm an trụ, tinh cần nỗ lực, chánh niệm tỉnh giác, trừ tham ưu ở thế gian. Quán ngoại thân, nội ngoại thân; nội thọ, ngoại thọ, nội ngoại thọ; nội tâm, ngoại tâm, nội ngoại tâm; nội pháp, ngoại pháp, nội ngoại pháp, giữ tâm an trụ, tinh cân nô lực, trừ tham ưu ở thê gian. Thưa Tôn giả A-nan, nhờ tu tập và tu tập thuần thục bốn niệm xứ như thế nên chỉ cân một chút nô lực, băng thiên nhãn thanh tinh hơn han mat của trời, người, tôi có thê thây các chúng sanh trong khi sanh, khi tử, sác đẹp, sác xâu, sắc cao quý, sắc hạ tiện, cõi lành,8 cõi ác,9 theo nghiệp thọ sanh, hết thảy tôi đều thấy như thật. Những chúng sanh này bởi thân làm việc ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác, phỉ báng Hiền thánh, tà kiến, nên sau khi qua đời liền đọa vào trong địa ngục. Còn những chúng sanh thân làm việc thiện, miệng nói lời thiện, ý nghĩ điêu thiện, không phỉ báng Hiên thánh, thành tựu chánh kiên, nhờ nhân duyên đó sau khi qua đời được sanh lên cõi trời. Ví như người mắt sáng đứng nơi ngã tư đường thì thấy rõ dân chúng qua lại, hoặc nằm ngồi. Tôi cũng như thế, đối với bốn niệm xứ đã tu tập và tu tập thuần thục nên thành tựu được oai đức, thần thông to lớn này, thấy các chúng sanh khi sanh, khi tử, cõi lành, cõi ác. Những chúng sanh nào mà do thân làm việc ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác, phỉ báng Hiền thánh, tà kiến, sẽ đọa vào địa ngục. Những chúng sanh nào mà nhờ thân làm việc thiện, miệng nói lời thiện, ý nghĩ điều thiện, không phỉ báng Hiền thánh, chánh kiến, sau khi qua đời được sanh lên cõi trời. Thật vậy, thưa Tôn giả A-nan! Đối với bốn niệm xứ tôi đã tu tập và tu tập thuần thục nên thành tựu oai đức, thần thông lớn này. Bấy giờ, hai vị Chân nhân cùng đàm đạo xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi. ***

7 Nffiyêri c Đại đức đại lực, đại thần thông .Đại đức :Việc to lớn, kỳ vĩ .Đại lực :Sức mạnh lớn. 8 Nguyên tác: Thiện thú ,sugati, suggatirn. 9 Nguyên tác: Ác thú duggatirn.

540. TRỤ TÂM NƠI BỐN NIỆM xứ1011 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ, Tôn giả A-na-luật đang lâm bệnh nặng ở trong tinh xá Tùng Lâm, tại nước Xá-vệ. LÚC ây, có nhiêu Tỳ-kheo đên chô Tôn giảA-na-luật thăm bệnh, an ủi xong liền đứng sang một bên rồi thưa với Tôn giả A-na-luật rằng: -Thưa Tôn giả A-na-luật! Bệnh của Tôn giả tăng hay giảm, có thể chiu đựng được chăng? Bệnh có giảm dần và không tăng thêm chứ? Tôn giả A-na-luật đáp:  Bệnh tôi không bớt, thật khó chịu đựng, khắp thân đau đớn, càng lúc càng nặng thêm. Tôn giảA-na-luật liền nói ba vỉ dụ, như Kỉnh Tỳ-kheo Sai-man đã thuyết ở trên, roi nói thêm rằng9 .  Dù thân bị đau đớn như thế này nhixng tôi vẫn an nhẫn và chánh niệm tỉnh giác. Các Tỳ-kheo hỏi Tôn giả A-na-luật: -Với những đau đớn như thế thì Tôn giả đã trụ tâm vào đâu để có thể an nhẫn và chánh niệm tỉnh giác? Tôn giả A-na-luật bảo các Tỳ-kheo: -Tôi trụ tâm nơi bốn niệm xứ nên mỗi khi cử động, dù thân thể có bị đau đớn nhưng tôi vẫn có thể an nhẫn và chánh niệm tỉnh giác. Những gì là bốn niệm xứ? Đó là quán nội thân trên thân,... (cho đen) thọ? tâm và quán pháp. Đó gọi là do trụ tâm12 nơi bốn niệm xứ nên có thể an nhẫn và tỉnh giác dù bị nhiều đau đớn nơi thân. Các vị Chân nhân cùng nhau đàm đạo xong, đã hoan hỷ và tùy hỷ rồi mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy mà ra về. *** 541. GIẢM BỆNH DO TU BỐN NIỆM xứ13 Tôi nghe như vây:

10 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.540. 0140ỒỒ26). Tham chiếu: Tạp.(02. 0099.541. 0Ì40bl3); s. 52.10 - v. 302. 11 Là 3 ví dụ do Tỳ-kheo Saima ()đã nói ở kinh số 103; Tạp.(7.02. 0099.103. 0029c06). 12 Nguyên tác: Trụ ư tứ niệm xứ ().Dựa trên câu hỏi í4tâm trụ hà ()ở đoạn ươớc, nên bản dịch đã bổ sung thêm chữ "tâm"()ở câu kinh này. 13 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.541. 0140b13). Tham chiếu: Tạp.(02. 0099.540. 0Ì40b26); s. 52.10- v. 302.

598  KINH TẠP A-HÀM

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. J Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật vừa lành bệnh chưa bao lâu, đang ở tinh xá Tùng Lâm, thuộc nước Xá-vệ. Khi ấy, có số đông Tỳ-kheo đến thăm bệnh, ân cần thăm hỏi, ngồi sang một bên rồi hỏi Tôn giả A-na-luật: - Tôn giả có được an ổn14 không? Tôn giả A-na-luật đáp: -Tôi được an ổn, các thứ đau đớn nơi thân đều đang giảm dần. Các Tỳ-kheo lại hỏi Tôn giả A-na-luật:  Khi thân thể gặp nhiều đau đớn15 thì Tôn giả trụ tâm ở chỗ nào để dần dàn được an ổn? Tôn giả A-na-luật đáp: -Tôi trụ tâm nơi bôn niệm xứ, nên thân thê dù bi nhiêu đau đớn nhưng vân từ từ đạt được an ổn. Những gì là bốn? Đó là quán thân trên nội thân niệm xứ,... cho đến quán pháp trên pháp. Đó gọi là bốn niệm xứ. Vì trụ tâm nơi bốn niệm xứ nên thân thê dù bị nhiêu đau đớn nhưng vân từ từ đạt được an ôn. Các vi Chân nhân cùng nhau đàm đạo xong, đã hoan hỷ và tùy hỷ rồi mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy ra về. ***

542. TRỪ SẠCH CÁC LẬU16 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. J Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật đang ở tinh xá Tùng Lâm, thuộc nước Xá-vệ. Khi ấy, có số đông Tỳ-kheo đến chỗ Tôn giả A-na-luật, cùng nhau ân cần thăm hỏi, ngồi sang một bên rồi hỏi Tôn giả A-na-luật rằng:  Nêu

Tỳ-kheo ở giai vị Hữu học17 có lòng mong câu hướng thượng, trụ nơi Niết-bàn an ổn thì vị Thánh đệ tử đó phải tu tập và tu tập thuần thục những gì trong giáo pháp này để có thể trừ sạch các lậu? thành tựu vô lậu, tâm giải thoát,

14 Nguyên tác: Lạc trụ ,sukham viharatī. 15 Nguyên tác: Thân chư khổ thống .Bản Tống, Nguyên, Minh phiên âm là uthân chư khổ th. 16 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.542. 0140c25. Tham chiếu: s. 52.4 . v. 298; S. 52.5 - V. 299. 17 Nguyên tác: Học địa .Giai vị Hữu học. p. Sekhabhūmi. Các thể tương tự là "Hqc nhân,, , “Hc”.



tuệ giải thoát,18 ngay trong hiện tại tự biết, tự ngộ:19 "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa"? Tôn giả A-na-luật bảo các Tỳ-kheo:  Nêu Tỳ-kheo ở giai vi Hữu học có lòng mong câu hướng thượng, trụ nơi Niết-bàn an ổn thì vi Thánh đệ tử đó phải tu tập và tu tập thuần thục những gì trong giáo pháp này để có thể trừ sạch các lậu, thành tựu vô lậu, được tâm giải thoát, được tuệ giải thoát, ngay trong hiện tại tự biết, tự ngộ: "Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa"? Vị đó nên an trụ bốn niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là quán thân trên nội thân niệm xứ,... (cho đến) quán pháp trên pháp. Bốn niệm xứ được tu tập và tu tập thuần thục ở trong Chánh pháp như vậy sẽ trừ sạch các lậu hoặc, thành tựu vô lậu, được tâm giải thoát, được tuệ giải thoát, ngay trong hiện tại tự biết, tự ngộ: “Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa" Các Tỳ-kheo nghe Tôn giả A-na-luật dạy xong đều hoan hỷ và tùy hỷ rồi mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy ra về. ***

543. A-LA-HÁN VẪN TU BỐN NIỆM xứ20 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ* Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật đang ở trong tinh xá Tùng Lâm, thuộc nước Xá-vệ. Khi ấy, có số đông Tỳ-kheo đến chỗ Tôn giả A-na-luật, cùng nhau ân cần thăm hỏi, ngồi sang một bên rồi hỏi Tôn giả A-na-luật rằng: -Như Tỳ-kheo A-la-hán đã trừ sạch các lậu hoặc, việc cần làm đã làm xong, đã buông bỏ gánh nặng, đã lìa các quả báo sanh tử, đã thành tựu chánh trí21 và tâm đã giải thoát hoàn toàn22 thì có còn tu bốn niệm xứ chăng? Tôn giả A-na-luật trả lời các Tỳ-kheo:  Như Tỳ-kheo đã hết sạch các lậu hoặc, việc cần làm đã làm xong, đã buông bỏ gánh nặng, đã lìa các quả báo sanh tử, đã thành tựu chánh trí và tâm

18 Nguyên tác: Tuệ giải thoát (.paññāvimutto). 19 Nguyên tác: Tự tri tác chứng ().Tác chứng (),s. sāksātkriyā với căn ngữ ylkr nghĩa là nhận thức rõ ràng bằng mắt của mình, nghĩa tượng đương như chữ "gi£c" (#). Tạp.(T.02. 0099.37. 0008027); Tạp. B (T.02. 0099.38. 0008cl6) đềudùng chữ "tự tri tự giác(). 20 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.543. 0141al5). Tham chiếu: s. 52.4 - v. 298; S. 52.5 - V 299. 21 Nguyên tác: Chánh trí (sammāñāna). 22 Nguyên tác: Thiện giải thoát (suvimuttaṃ. Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển l, tr. 19; Tạp.(02. 0099.22. 0004c20).

đã giải thoát hoàn toàn thì các vị ấy cũng tu bốn niệm xứ. Vì sao như vậy? Vì sẽ khiến người chưa đắc sẽ đắc, người chưa chứng sẽ chứng, được sống an lạc ngay trong hiện tại. Vì sao như thế? Vì đức Như Lai đã lìa các hữu lậu, đắc quả A-la-hán, việc cần làm đã làm xong, tâm đã giải thoát hoàn toàn nhưng cũng tu bốn niệm xứ. Vì khiến người chưa đắc sẽ đắc, người chưa thành tựu sẽ thành tựu, người chưa chứng sẽ chứng... (cho đến) được sống an lạc ngay trong hiện tại. Các vị Chân nhân cùng nhau đàm đạo xong, đã hoan hỷ và tùy hỷ roi môi người từ chỗ ngồi đứng dậy ra về. *** 544. TẠI SAO XUẤT GIA23 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-dà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ? Tôn giả A-na-luật ở trong tinh xá Tùng Lâm, thuộc nước Xá-vệ. Lúc ấy, có số đông ngoại đạo xuất gia đi đến chỗ Tôn giả A-na-luật ân cần thăm hỏi, ngồi sang một bên rồi nói với Tôn giả A-na-luật: -Thưa Tôn giả! Vì sao Tôn giả xuất gia ở trong giáo pháp của Sa-môn Cù-đàm? Tôn giả A-na-luật đáp: -Vì để tu tập! Lại hỏi: -Đe tu tập những gì? Đáp: Tu các căn, tu các lực, tu các giác phần, tu các niệm xứ, các ông muốn nghe những pháp tu nào? Lại hỏi: -Căn, lực, giác phần, chúng tôi chưa hề biết đến tên gọi huống hồ là hỏi nghĩa. Nhxmg chúng tôi muốn nghe niệm xứ. Tôn giả A-na-luật bảo rằng: -Các ông hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Tôi sẽ nói cho các ông. Như Tỳ-kheo quán thân trên nội thân,... (cho đến) quán pháp trên pháp. Bấy giờ, số đông chúng ngoại đạo xuất gia nghe Tôn giả A-na-luật dạy xong đêu hoan hỷ và tùy hỷ, rồi mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy ra về. *** 23 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.544. 0141b01).



545. HƯỚNG VỀ NIẾT-BÀN24 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà9 thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật ở trong tinh xá Tùng Lâm, thuộc nước Xá-vệ. Khi ấy, Tôn giả A-na-luật bảo các Tỳ-kheo: Ví như cây cổ thụ khi lớn lên mà bi nghiêng về một bên25 thì tùy theo hướng nghiêng về5 tùy theo hướng dốc xuống mà khi bị đốn gốc, cây tất sẽ ngã về hướng đó. Cũng vậy, Tỳ-kheo tu bốn niệm xứ thì thường thuận theo, nghiêng về, hướng đến viễn ly; thuận theo, nghiêng về, hướng đến thoát ly sanh tử; thuận theo, nghiêng về, hướng đến Niết-bàn. Các Tỳ-kheo nghe Tôn giả A-na-luật nói kinh này xong đều hoan hỷ phụng hành. ***

546. XA LÌA THAM DỤC VÀ KIẾN DỤC26

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc? trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên27 đang ở bên bờ hồ Ô-nê,28 thôn Bạt-lan-na.29

Lúc ấy, có vị Phạm chí cầm gậy tắm30 đến chỗ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên ân cân thăm viêng, ngôi sang một bên roi hỏi:

Do nhân gì, duyên gì mà vua tranh đoạt với vua, Bà-la-môn tranh đoạt với Bà-la-môn, cư sĩ tranh đoạt với cư sĩ?

Ma-ha Ca-chiên-diên trả lời Phạm chí:
24 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.02. 0099.545. 0l4lbl4. Tham chiếu: s. 52.8 - v. 300. 25 Nguyên tác: Thuận hạ .Rút gọn của 4Cthuận thế vãng hạ".Tham chiếu: s. 52.8 - V. 300; Pācīnaninnā pācīnaponā pãcĩnapabbhãrã thiên vê phương Đông, hướng vê phương Đông, xuôi về phương Đông, HT. Thích Minh Châu dịch. 26 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.546. 0l4lb22. Tham chiếu: A. 2.37 - L 62. 27 Ma-ha Ca-chiên-diên Mahā Kaccãna. 28 Ô-nê trì Kaddamadaha.
29 Bạt-lan-na tụ lạc Varanā nagara. 30 Nguyên tác: Tháo quán trượng Phạm chí .A. 2.37 - L 62: Ārāmadanda brāhmana. Trước hết, ãrãma trong nghĩa đâu tiên là sự thích thú, vui vẻ. Kê tiêp, danda là gậy; ārāmadanda là gậy thự giãn, có thể hiêu đó là gậy tắm. Bản Hán dịch "tháo quán trượng,, tức là gậy tắm rưa. Boijanh pháp thoại diễn raben bờ hồ đã bổ nghĩa cho quan điểm này Không nhưng vậy, Bi Hoa kinh JT03. 0157.5. 0200ỒỒ5 đã ghi nhận về trường hợp^một thanh niên Bà-la-môn tên laTv- xá-cúc-đa dỗi dâng lên đức Phật gậy tarn thất bảo thần diệu băng vàng ròng .Tương tư, tác phẩm bô luật iữơ r85. 2793. l. 0679a23yghi nl^n yêtrường hợp: Kẻ tập sự xuất gia dùng gậy tắm súc bình đồng và lư hương .

602 KINH TẠPA-HÀM

Do nhân duyên bị dính mắc, bị trói chặt bởi tham dục nên vua tranh đoạt với vua, Bà-la-môn tranh đoạt với Bà-la-môn, cư sĩ tranh đoạt với cư sĩ. Phạm chí lại hỏi: Do nhân gì, duyên gì mà người xuất gia lại tranh giành với người xuất gia?

Ma-ha Ca-chiên-diên đáp: -Do bị dính mắc, bi trói chặt bởi kiến dục nên người xuất gia tranh giành với người xuất gia. Phạm chí lại hỏi Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên: -Thưa, có người nào có thể lìa khỏi sự dính mắc, lìa khỏi sự trói chặt của tham dục và kiến dục này chăng? Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đáp: -Này Phạm chí! Có bậc Thầy của tôi là đấng Như Lai, ứng Cúng,31 Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện The, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài có khả năng lìa khỏi sự dính mắc9 lìa khỏi sự trói chặt của tham dục và kiến dục. Phạm chí lại hỏi: Thưa, vậy Phật, Thế Tôn hiện đang ở đâu? Đức Thế Tôn hiện ở trong dân chúng Ba-la-kỳ, vườn cấp Cô Độc, rừng Kỳ-đà? thành Xá-vệ, thuộc nước Câu-tát-la. Khi ây, Phạm chí từ chô ngôi đứng dậy, sửa lại y phục, bày vai áo bên phải, gối phải sát đất, hướng về trú xứ của đức Phật rồi chắp tay khen ngợi: - Kính lạy Phật, đức Thế Tôn, đấng Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Bậc có khả năng lìa khỏi những dính mắc và trói chặt của tham dục, bậc hoàn toàn xa lìa sự trói buộc của tham dục và các kiến dục, sạch tận gốc rễ. Bấy giờ, Phạm chí cầm gậy tắm nghe Tôn giả Ca-chiên-diên nói xong, đã hoan hỷ và tùy hỷ roi từ chô ngôi đứng dậy ra vê. ***

547. NGƯỜI THIẾU NIÊN VÀ BẬC TÔN TÚC3233 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đang ở trong thôn Bà-la-na/3 bên bờ hồ Ô-nê, vì việc sửa sang y phục nên cùng với chúng Tỳ-kheo tập hợp ở nhà ăn.

31 Để bản thiếu chữ "cúng".Tham chiếu đoạn kết nên đã bổ sung. 32 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r.02. 0099.547. 014ÍCÍ6. Tham chiếu: Tăng.r02. 0125.19.9. Ó595b21;A 2.38-L 62. 33 Nguyên tác: Bà-la-na .Kinh số 546 ở trên ghi: Bạt-lan-na
.

QUYỂN 20  603

LÚC đó, có Phạm chí tuổi

604  KINH TẠPA-HÀM

Bấy giờ, Phạm chí nói với Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:  Như ý nghĩa Tôn giả đã nói, tôi tự xét lại mình tuy đã già mà lại nhỏ, còn các vị tuy trẻ tuổi mà hành xử như pháp của bậc cao niên. Thưa Tôn giả, thê gian nhiều việc, tôi xin cáo từ. Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đáp:  Này Phạm chí! Ông nên tự biết thời.

Phạm chí nghe Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói xong, đã hoan hỷ và tùy hỷ rồi trở về chỗ cũ. *** 548. NGHIỆP LÀ CHÂN THẬT35

:Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.548. 0142al8. Tham chiếu: M. 84, Madhura Sutta Kinh Madhură. 36 Nguyên tác: Trù Lâm Gundāvana. Tham khảo: M. 84, Madhura Sutta Kinh Madhurà. 37 Ma-thâu-la ,Mādhura. 38 Nguyên tác: Tây Phươịig vương tử ,dịch nghĩa của từ Avantiputta. Avanti thường được phiên âm là A-bàn-đề ,một quốc gia nằm ở phía

606  KINH TẠPA-HÀM

Vua đáp Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:  Cũng bi đánh, cũng bị trói, cũng bi đuổi ra khỏi nước, cũng bị phạt tiền, cũng bị cắt đứt tay, chân, tai, mũi, nếu phạm tội nặng thì bi giết chết.  Như vậy, thưa Đại vương! Có phải chăng bôn chủng tánh đêu bình đăng hay là có gì sai khác? Vua thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:  Theo đúng nghĩa thì thật sự không có gì hơn thua hay khác biệt. Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên lại nói với vua:  Đại vương nên biêt! Đôi với bôn chủng tánh ây, theo lý lẽ của thê gian thì cho rằng: "Bà-la-môn là bậc nhất, còn những người khác đều thấp kém, Bà-la- môn thì trắng, còn những người khác thì dèn, Bà-la-môn thanh tịnh, ngoài Bà- la-môn không có thanh tjnh." Phải chăng nghiệp là chỗ nên nương tựa, nương tựa vào nghiệp là chân thật chăng? Tôn giả lại hoi:  Đại vương, người Bà-la-môn sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, nói lời thô ác, nói hai chiều, nói thêu dệt, tham, sân, tà kiến, tạo mười nghiệp bất thiện sẽ sanh vào cõi ác hay vào cõi lành? Đại vương đã nghe được những gì từ lời dạy của bậc A-la-hán?41 Vua đáp Tôn giả Ma-ha

41 Nguyên tác: Ư Ala-ha sở vi hà sở văn ().,A.laha ()bậc A-la-hán (Arahāni); sở vi ()dùng như chữ "sỏr tác,9 ().Tham chiếu: M. 84, Mqdhura Sutta (Kinh Madhurà)'. Evam me ettha hoti, evañca pana me etarn arahatam sutarn (ở đây, đối với tôi là vậy, và như vậy là điêu tôi đã nghe từ các vị A-la-hán), HT. Thích Minh Châu dịch.

QUYÊN 20  607

Theo đúng nghĩa thì quả là bình đẳng, không có gì hơn thua hay khác biệt. Do vậy, Đại vương nên biết! Bốn chủng tánh này đều bình đẳng, không có gì hơn thua hay khác biệt. Vì theo lý lẽ của thế gian nên mới nói: 6CBà-la-môn là bậc nhất, còn kẻ khác là thấp kém, Bà-la-môn thì trắng còn kẻ khác thì đen, Bà- la-môn là thanh tịnh, ngoài Bà-la-môn không có thanh tịnh. Bà-la-môn được Phạm thiên sanh ra, sanh ra từ miệng của Phạm thiên, do Phạm thiên hóa ra nên thuộc về Phạm thiên." Phải biết nghiệp là chân thật, nghiệp là chỗ nương tựa. Vua nói với Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên: Đúng như những điều Tôn giả vừa nói, vì hết thảy lý lẽ của thế gian cho rằng: í6Bà-la-môn là hơn hết, còn kẻ khác là thấp kém, Bà-la-môn thì trắng còn kẻ khác thì dèn, Bà-la-môn là thanh tịnh, ngoài Bà-la-môn không có thanh tịnh. Bà-la-môn được Phạm thiên sanh ra, sanh ra từ miệng của Phạm thiên, do Phạm thiên hóa ra nên thuộc về Phạm thiên.Thật sự là hết thảy đều do nghiệp, đều nương tựa nơi nghiệp. Vua Ma-thâu-la nghe Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên dạy xong đã hoan hỷ và tùy hỷ rồi kính lễ mà ra về. ***

549. NỮ CƯ Sĩ CA-LÊ-CA42

Tôi nghe như vây:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đang ở trong thị trấn Câu-la-la-tra,43 thuộc nước

42 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r02. 0099.549. 0143a02. Tham chiếu: A. 10.26 - v. 46. 43 Cau-la-la-tra tinh xá iiBr.02 0099 ¥2 0143a04 chiết tự từ nguyên ngữ Kuraraghara, thành 2 thành tố Kurara và ghara .Kuraraghara von là một thị tran nagara của nước A-bàn-đề ,Àvanti.^Chính vì vậy đoạn sau mới ghi là "nháp Câu-la-la-ưa tinh xá,,,tức là đi vào thị trấn Câu-la-la-tra. 44 A-bàn-đề ,Avanti. 45 Nguyên tác: Ưu-bà-di upāsikā. 46 Ca-le-ca KâỊĩ 47 Tăng-kỳ-đa đồng nữ .A. 10.26 - v. 46;Không xác định ngirời đồng nữ nào mà chỉ nói những người đồng nữ đã hỏi kumāripañhesu. Nghi vân 44Tăng-kỳ-đa,, không phải tên riêng mà có thê là cách phiên âm từ safighika, với nghĩa ban đâu là đại chúng.



Thật nghĩa ở tại tâm, Tịch diệt mà chăng loạn, Hàng phục các sức mạnh, Sắc đoan chánh đáng yêu, Độc tọa để nhất tâm, Nem thiền lạc vi diệu. Như thế là xa lìa, Mọi thế gian bè bạn, Các bè bạn như thế, Không còn phiền Ta nữa. Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, bài kệ của Thế Tôn có ý nghĩa như thế nào? Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đáp nữ cư sĩ: -Này nữ cư sĩ!48 Có Sa-môn, Bà-la-môn nói: Đinh về biến xứ là đất/9 đây là định không gì hơn, do đó nên cầu quả vị này. Này nữ cư sĩ! Nếu như Sa-môn? Bà-la-môn nào đối với định về biến xứ là đất mà đạt được thanh tinh rõ ràng sẽ thấy rõ căn nguyên của chúng,50 thấy rõ sự tai hại, thấy rõ sự diệt tận và thấy rõ con đường đưa đến sự diệt tận. Vì thấy rõ căn nguyên của chúng, thấy rõ sự tai hại, thấy rõ sự diệt tận và thấy rõ con đường đưa đến sự diệt tận nên [họ] đạt được mục đích chân thật, tâm được tịch diệt, không loạn động. Này nữ cư sĩ! Cũng vậy, định vê biên xứ là nước, biên xứ là lửa, biên xứ là gió, biến xứ là màu xanh, biến xứ là màu vàng, biến xứ là

48 Nguyên tác: Tỷ muội . 49 Nguyên tác: Địa nhất thiết nhập xứ chánh thọ _,pathavīkasinasamāpatti. Thiền định lay đoi tượng phổ biến là đất làm đề mục quán tưởng. 50 Nguyên tác: Kiến kỳ b6n .Pali, bản Tích-lan: Ādimaddasa thấy rõ sự tập khởi.



LÚC ấy, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên yên lặng nhận lời. Bấy giơ, nữ cư sĩ Ca-lê-ca biết Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đã nhận lời thỉnh trai rồi, liền sắm sửa các món ăn thức uống ngon lành, cung kính, tôn trọng, tự tay dâng cúng thức ăn. Khi ấy, nữ cư sĩ biết Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đã thọ thực, rửa bát, súc miệng xong, liền trải một chỗ ngồi thấp ở trước Tôn giả, cung kính nghe pháp. Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên vì nữ cư sĩ Ca-lê-ca mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ51 xong, Tôn giả rời khỏi chỗ ngồi đứng dậy ra về. ***

550. SÁU PHÁP TÙY NIỆM52 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên cũng ở tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo các Tỳ-kheo: -Đức Phật là đấng Thế Tôn, Như Lai, ứng Cúng/3 Đẳng Chánh Giác, bậc Đã Thấy Đã Biết dạy về sáu pháp thoát khỏi chốn khổ, lên chỗ thù thắng, dạy về con đường trực tiếp54 khiến cho các chúng sanh được thanh tịnh, lìa mọi khổ não, dứt hẳn buồn lo, được pháp chân như. Những gì là sáu? Đó là vị Thánh đệ tử tùy niệm về các công hạnh của đức Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, nghĩ rằng55 đây là đức Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Vị Thánh đệ tử nhờ nghĩ về các công hạnh của đức Như Lai nên xa lìa tưởng tham dục,56 xa lìa tưởng sân hận,57 xa lìa tưởng não hại.58 Như vậy, vị Thánh đệ tử thoát khỏi tâm nhiễm trước. Những gì làm cho tâm nhiêm trước? Đó là năm loại dục. Nêu đôi với năm loại dục này mà xa lìa tham, xa lìa sân, xa lìa si, an trụ chánh niệm tỉnh 51 Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ ,.Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tr. 105; Tạp.02. 0099.92. 0023cl8. 52 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.02. 0099.550. 0143bl8. Tham chiếu: A. 6.26 - III. 314. 53 Nguyên tác: ứng .p. Arahāni, Arahāni. 54 Nguyên tác: Nhất thừa đạo ekāyanamagga. Xem chú thích 66, kinh số 535, quyển 19, tr. 591; Tạp.T.02. 0099.535. 0139al6. 55 Nguyên tác: Tịnh Như Lai ...Có khả năng để bản chép nhầm Học giả Trang Xuân Giang 56 Nguyên tác: Tham dục giác ,cách viết khác của "tham dục tưởng^, . 57 Nguyên tác: Sân khuê giác ,cách viết khác của “sân tưởng,, . 58 Nguyên tác: Hại giác ,cách viết khác của 6tnão tưởng,^ .



giác, nương vào chánh đạo, tu tập niệm Phật, thẳng đến Niết-bàn. Đó gọi là đức Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Đã Thấy Đã Biết dạy về con đường thứ nhất thoát khỏi chốn khổ, lên chỗ thù thắng, khiến chúng sanh thanh tịnh, lìa mọi khổ não? dứt hẳn buồn lo, được pháp như thật. Lại nữa! Vị Thánh đệ tử tùy niệm về Chánh pháp,

nghĩ về giáo pháp của đức Thế Tôn, thiết thực hiện tại, lìa mọi nóng bức, không đợi thời gian, dẫn đến Niết-bàn và được người trí tự mình giác hiểu.59 Khi vi Thánh đệ tử nghĩ về Chánh pháp này thì khi ấy không khởi tưởng tham dục, sân hận và tưởng não hại. Như vậy, vị Thánh đệ tử thoát khỏi tâm nhiễm trước. Những gì làm cho tâm nhiễm trước? Đó là năm loại dục. Nếu đối với năm loại dục này mà xa lìa tham, xa lìa sân, xa lìa si, an trụ chánh niệm tỉnh giác, nương vào chánh đạo, tu tập niệm Pháp, thẳng đến Niết-ban. Đó gọi là đức Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Đã Thấy Đã Biết dạy về con đường thứ hai thoát khỏi chốn khổ, lên chỗ thù thắng, khiến chúng sanh thanh tịnh, lìa mọi khổ não, dứt hẳn buồn lo5 được pháp như thật.

59 Nguyên tác:

QUYÊN 20 611

Lại nữa, vị Thánh đệ tử tùy niệm về Tăng,60 bậc hướng về đường lành/1 hướng về chân chánh,6263 hướng theo chân lý/3 hướng đến thích hợp,64 m hạnh 66 65 64 tùy thuận. Đó là bậc hướng Tu-đà-hoàn, chứng Tu-đà-hoàn; hướng Tư-đà-hàm, chứng Tư-đà-hàm; hướng A-na-hàm, chứng A-na-hàm; hướng A-la-hán, chứng A-la-hán. Như vậy gồm bốn đôi tám bậc/5 đều là hàng đệ tử Tăng bảo của Thế Ton, đầy đủ giới, đầy đủ định, đầy đủ tuệ, đầy đủ giải thoát, đầy đủ giải thoát tri kiến, là bậc phước điền vô thượng của thế gian, là nơi cúng dường, cung kính, lễ bái. Khi vi Thánh đệ tử nghĩ về Tăng như vậy thì khi ấy, vị Thánh đệ tử không khởi tưởng tham dục? sân hận và tưởng não hại. Như vậy, vi Thánh đệ tử thoát khỏi tâm nhiễm trước. Những gì làm cho tâm nhiễm trước? Đó là năm loại dục. Nếu đối với năm loại dục này mà xa lìa tham, xa lìa sân, xa lìa si, an trụ chánh niệm tỉnh giác, nương vào chánh đạo, tu tập niệm Tăng, thẳng đến Niết-bàn. Đó gọi là đức Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Đã Thấy Đã Biết dạy về con đường thứ ba thoát khỏi chốn khổ, lên chỗ thù thắng, khiến chúng sanh thanh tịnh, lìa mọi khổ não, dứt hẳn buồn lo, được pháp như thật. Lại nữa, vị Thánh đệ tử tùy niệm về giới đức, nghĩ về giới không khuyết, giới không đoạn, giới thuần hậu, giới không lìa, giới không trộm lấy, giới tốt đẹp hoàn thiện, giới đáng tán thán, giới được bậc Phạm hạnh không chán ghét. Khi vị Thánh đệ tử tùy niệm giới như vậy, tự nghĩ giới đã thành tựu trong thân thì ngay lúc ấy sẽ không khởi tưởng tham dục, sân hận và tưởng não hại. Như vậy, vi Thánh đệ tử thoát khỏi tâm nhiễm trước. Những gì làm cho tâm nhiễm trước? Đó là năm loại dục. Nếu đoi với năm loại dục này mà xa lìa tham, xa lìa sân, xa lìa si, an trụ chánh niệm tỉnh giác, nương vào chánh đạo, tu tập niệm giới, thẳng đến Niết-bàn. Đó gọi là đức Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Đã Thấy Đã Biết dạy về con đường thứ tư thoát khỏi chốn khổ, lên chỗ thù thăng, khiên chúng sanh thanh tịnh, lìa mọi khô não, dứt han buôn lo, được pháp như thật. Lại nữa, vi Thánh đệ tử tự mình tùy niệm thí,66 tâm tự vui mừng vì hôm nay ta đã xa lìa câu uê? xan tham, tuy sông tại gia mà tâm thí rộng mở, thường hành bố thí, thí với tâm buông xả, thí với tâm vui vẻ, bố thí đày đủ5 bố thí bình đẳng. Khi vị Thánh đệ tử tư mình tùy niệm thí thì không khởi tưởng tham dục, sân hận và tưởng não hại. Như vậy? vi Thánh đệ tử thoát khỏi tâm nhiễm trước. Những gì làm cho tâm nhiễm trước? Đó là năm loại dục. Nếu đối với năm loại

60 Nguyên tác: Tăng pháp ,Tăng đúng chuẩn mực. 61 Nguyên tác: Thiện hướng suppatipanna, hướng về sự tốt lành. 62 Nguyên tác: Chánh hướng ujuppatipanna, hướng về sự chân chánh. 63 Nguyên tác: Trực hướng ñāyappatipanna, hướng theo chân lý. 64 Nguyên tác: Đẳng hướng ,sāmīcippatipanna, hướng về sự thích đáng. Có quan điểm cho ràng, đó la hướng đến sự bình đang. 65 Nguyên tác: Tứ song bát sĩ cattāri purisayugāni atthā purisapuggalā. 66 Nguyên tác: Thí pháp ,phương cách và tâm thế khi bố thí.



dục này mà xa lìa tham, xa lìa sân, xa lìa si, an trụ chánhe niệm : 9 r * tỉnh giác, nương r. vào chánh đạo, tu tập niệm thí, thăng đên Niêt-bàn. Đó gọi là đức Như Lai, Ưng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Đã Thấy Đã Biết dạy về con đường thứ năm thoát khỏi chốn kho, lên chỗ thù thang, khiến chúng sanh thanh tịnh, lìa mọi kho não, dứt hẳn buồn lo, được pháp như thật. Lại nữa, vị Thánh đệ tử tùy niệm công đức của chư thiên, nghĩ về cõi trời Tứ Thiên Vương, cõi trời Ba Mươi Ba, trời Diệm-ma5 trời Đâu-suất-đà, trời Hóa Lạc, trời Tha Hóa Tự Tại với lòng tin thanh tịnh rằng, nếu lâm chung ở đây thì được sanh lên các cõi trời kia. Ta cũng như thế, với tín, giới, thí, văn, tuệ thì khi lâm chung ở đây chắc chắn sẽ được sanh lên cõi trời đó. Như vậy, khi vị Thánh đệ tử tùy niệm công đức chư thiên thì khi ấy không khởi tưởng tham dục, sân hận và tưởng não hại. Như vậy, vị Thánh



Cũng lập nguôn của chúng. Đức Phật73 chẳng ngợi khen.

72 Nguyên tác: Chư lưu oghā. 73 Nguyên tác: Mâu-ni Mum. 74 Nguyên tác: Nhãn giới cakkhudhātiỉ, những yếu tố, những cảm quan thuộc con mắt. 7] Nguyên tác: Tận, vô dục, diệt, tức, một ,.Tham chiếu: Phân biệt lục giới kinh 7101 0026.162. 0692al8 ghi: Tấn, vô dục, diết, túc, chỉ ,1E.
76 Nguyên tác: Vân h.Đe bản thiếu túc từ, căn cứ vào hai chữ "lưu



-Nghĩa là vì chấp thủ cảnh giới tâm pháp79 nên cảm quan thuộc con mắt bị dính mắc, trói buộc, sai sử.80 Nếu sự chấp thủ này được dứt sạch, vô dục, tịch diệt, tịch tĩnh và ngưng nghỉ81 thì đó gọi là lấp bít nguồn



Thế nên, đức Thế Tôn nói bài kệ trong "Nghía phẩm" để trả lời câu hỏi của Ma-kiền-đề: Dứt sạch hết các dòng, Cũng lấp nguồn của chúng. Sống thân cận xóm làng, Đức Phật chẳng ngợi khen. Năm dục đã trống không, Không còn đầy trở lại, Lời tranh tụng thế gian, Chung cuộc không làm nữa. Đó là ý nghĩa của bài kệ do Như Lai nói được giải thích như thế. Bấy giờ, gia chủ thôn Ha-lê khi nghe Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ5 đảnh lễ rồi ra về. *** 552. ÁI TẢN THÌ GIẢI THOÁT 86 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên ở trong tinh xá họ Thích tại thôn

Ha-lê. Khi ấy, gia chủ trưởng thôn Ha-lê đi đến chỗ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên5 lạy sát chân Tôn giả rồi ngồi sang một bên và thưa:  Lúc Thế Tôn ẩn cư ở hang đá núi Cách Giới86 87 đã nói với Thiên Đế-thích rằng: "Này Kiêu-thi-ca!88 Sa-môn, Bà-la-môn do sự đoạn tận mọi khát ái nên được giải thoát,89 tâm giải thoát hoàn toàn,90 đạt đến chỗ cứu cánh tối hậu,91 cứu cánh không nhơ, cứu cánh Phạm hạnh, hoàn toàn thanh tinh?9 ở trong giáo pháp này, làm thế nào để đạt đến chỗ cứu cánh tối hậu, cứu cánh không nhơ, cứu cánh Phạm hạnh, hoàn toàn thanh tịnh? Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo gia chủ: -Đó là mắt, nhãn thức và sắc được nhận biết bởi nhãn thức nương vào nhau mà sanh ra vui mừng. Nếu sự vui mừng này được dứt sạch, vô dục, tịch diệt, tịch tĩnh và ngưng nghỉ sẽ đạt đến chỗ cứu cánh tối hậu, cứu cánh không nhơ, cứu cánh Phạm hạnh, hoàn toàn thanh tịnh ở trong giáo pháp này.

86 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.552. 0144c20. Tham chiếu: Tạp.7L02. 0099.505. 0Ì33b24; s. 22.4 -III. 12/ 87 Giới Cách sơn ,Papāte pabbate: Bờ vực của một ngọn núi. 88 Kiêu-thi-ca Kosika / Kosiyā: Họ của Thiên Đế-thích khi còn thọ thân người. Theo Tạp. r02. 0099.1106. 0291a08. 89 Nguyên tác: Vô thượng ái tận giải thoát ,tanhāsañkhayavimuttā , được giải thoát với sự doaii tận khát ái. 90 Nguyên tác: Thiện giải thoát ,suvimutta. Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển l, tr. 19; Tạp.T.02. 0099.22. 0004c20. 91 Nguyen tác: Cứu cánh biên tể accantanittha, cứu cánh tối hậu.



r -í • X Cũng vậy đôi với tai, mũi, lưỡi, thân, ý9 ý thức và các pháp được nhận biêt bởi ý thức cùng nương vào nhau mà sanh ra vui mừng. Nêu sự vui mừng này được dứt sạch, vô dục, tịch diệt, tịch tĩnh và ngưng nghỉ sẽ đạt đên chô cứu cánh tối hậu, cứu cánh không nhơ, cứu cánh Phạm hạnh, hoàn toàn thanh tịnh ở trong giáo pháp này. Bây giờ, gia chủ trưởng thôn Ha-lê nghe Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi ra về. ***

553. KHÔNG CÒN CHẤP THỦ9293 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên ở trong tinh xá họ Thích tại thôn Ha-lê. Khi ấy, gia chủ trưởng thôn Ha-lê đi đến chỗ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên9 lạy sát chân Tôn giả rồi ngồi sang một bên và thưa:  Lúc Thế Tôn ẩn cư ở hang đá núi Cách Giới đã nói với Thiên Đế-thích rằng: "Này Kiêu-thi-ca! Sa-môn, Bà-la-môn do sự đoạn tận mọi khát ái nên được giải thoát, tâm đã giải thoát hoàn toàn,93 đạt đến chỗ cứu cánh tối hậu, cứu cánh không nhơ, cứu cánh Phạm hạnh, hoàn toàn thanh tjnh." trong giáo pháp này, làm thê nào đê đạt đên chô cứu cánh tôi hậu, cứu cánh không nhơ, cứu cánh Phạm hạnh, hoàn toàn thanh tinh? Tôn giả Ca-chiên-diên bảo gia chủ: -Vì chấp thủ cảnh giới tâm pháp nên cảm quan thuộc con mắt của vị Tỳ- kheo bị dính măc9 trói buộc, sai sử. Nêu sự châp thủ này được dứt sạch, vô dục, tịch diệt, tịch tĩnh và ngưng nghỉ sẽ đạt đến chỗ cứu cánh tối hậu, cứu cánh không nhơ, cứu cánh Phạm hạnh, hoàn toàn thanh tịnh ở trong giáo pháp này. Vì chấp thủ cảnh giới tâm pháp nên những cảm quan thuộc tai, mũi, lưỡi, thân và ý thức bị dính măc, trói buộc, sai sử. Nêu sự châp thủ này được dứt sạch, vô dục, tịch diệt, tịch

tĩnh và ngưng nghỉ sẽ đạt đến chỗ cứu cánh tối hậu, cứu cánh không nhơ, cứu cánh Phạm hạnh, hoàn toàn thanh tịnh ở trong giáo pháp này. Bấy giờ, gia chủ trưởng thôn Ha-lê nghe Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi ra về. ***

92 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.553. 0145a08). Tham chiếu: s. 35.130 - IV. 115. 93 Nguyên tác: Thiện giải thoát (,suvỉmuttà). Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển l, tr. 19; Tạp.(7.02. 0099.22. 0004c2Ò).



554. THUYẾT PHÁP KHI THĂM BỆNH94 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bay giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đang ở trong thôn Ha-lê của dòng họ Thích. Khi ấy, gia chủ trưởng thôn Ha-lê đang lâm bệnh nặng. Nghe tin gia chủ trưởng thôn Ha-lê đang lâm bệnh nặng, thế nên vào lúc sáng sớm, Tôn giả Ma ha Ca-chiên-diên đắp y, ôm bát vào thôn Ha-lê của họ Thích khất thực, rồi tuần tự đến nhà gia chủ trưởng thôn Ha-lê. Từ xa trông thấy Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đến, gia chủ trưởng thôn Ha-lê đang nằm trên giường bệnh liền muốn đứng dậy. Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên thấy thế liền bảo: Gia chủ chớ đứng dậy! vẫn còn chỗ ngồi sạch sẽ khác, tôi có thể tự ngồi nơi đó. Tôn giả lại nói với gia chủ: Thế nào, gặp phải bệnh tật, gia chủ có chiu đựng được không? Mọi thứ đau đớn nơi thân có thuyên giảm chăng? Không tăng thêm chứ? Gia chủ Ha-lê đáp: Thưa Tôn giả! Bệnh tình của con rất khó chịu, những nỗi đau đớn nơi thân càng tăng thêm mà không giảm bớt chút nào. Gia chủ Ha-lê liền nói ba ví dụ như Kinh Tỷ-kheo Sai-md95 đã nói. Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo gia chủ Ha-lê: -Bởi thế, ông nên tu tập niềm tin thanh tịnh không lay chuyển96 đối với đức Phật, tu tập niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Pháp, tu tập niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Tăng và tu tập niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Thánh giới. Nên tu tập như vậy. Gia chủ Ha-lê đáp: Như Phật đã dạy về bốn niềm tin thanh tịnh không lay chuyển thì con đã thành tựu hoàn toàn. Hôm nay, con đối với đức Phật đã thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển, đối với Pháp đã thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển, đối với Tăng đã thành tựu niềm tin thanh tinh không lay chuyển và đối với Thánh giới đã thành tựu niêm tin thanh tịnh không lay chuyên.

94 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.554. 0145a24). 95 Ba ví dụ này được đề cập trong kinh số 103; Tạp.(r02. 0099.103. 0029c07) gọi là Tỳ-kheo Sai-ma (Otbfi). 96 Bất hoại tịnh (aveccappasãdă). Xem chú thích 10, kinh số 344, quyển 14, tr. 397; Tạp. (7.02. 0099.344. 0094bỜ2).



Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo gia chủ: Ông nên nương vào bốn niềm tin thanh tịnh không lay chuyển này và tu tập thêm sáu tùy niệm.9798Gia chủ nên tùy niệm công đức của Phật, đó là đấng 99 Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh HạnhTúc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Tùy niệm công đức của Pháp, nghĩa là Chánh pháp của đức Thế Tôn thiết thực

hiện tại, lìa các khổ não, vượt thoát thời gian,98 nương vào giáo pháp tự mình giác ngộ. Tuy niệm cong đức cua Tăng la bậc hướng ve nẻo lanh/9 hướng ve chan tu hạnh tùy thuận. Đó chánh,100 hướng theo chân lý,101 hướng đến thích hợp,102103 là bậc hướng Tu-dà-hoàn, chứng Tu-đà-hoàn; hướng Tư-đà-hàm, chứng Tư- đà-hàm; hướng A-na-hàm, chứng A-na-hàm; hướng A-la-hán, chứng A-la-hán. Như vậy gồm bốn đoi tám bậc?10^ là hàng đệ tử Tăng bảo của Thế Tôn, đầy đủ giới, đầy đủ định, đầy đủ tuệ, đầy

97 Nguyên tác: Lục niệm ,sáu niệm này chỉ cho sáu tùy niệm cha anussatí. 98 Nguyên tác: Phi thời thông đạt . 99 Nguyên tác: Thiện hướng ,suppcựipannà, hướng về sự tốt lành. 100 Nguyên tác: Chánh hướng ujuppatipanna, hướng về sự chân chánh. 101 Nguyên tác: Trực hướng ñāyappatipanna, hướng theo chân lý. 102 Nguyên tác: Đẳng hướng ,sdmícippcựipamĩà, hướng về sự thích đáng. Có quan điểm cho rằng hướng đến sự bình đẳng. 103 Nguyên tác: Tứ song bát sĩ cattāri purisayugāni atthā purisapuggalā.



công đức của Phật, tùy niệm công đức của Pháp, tùy niệm công đức của Tăng, tùy niệm công đức của giới, tùy niệm công đức của thí và tùy niệm công đức của chư thiên. Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo gia chủ: -Lành thay! Này gia chủ! Ông tự mình tuyên bố đã thành tựu quả vị A-na-hàm. Lúc ấy, gia chủ Ha-lê thưa: Kính thỉnh Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên ở lại đây thọ trai! Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên im lặng nhận lời. Gia chủ trưởng thôn Ha-lê biết Tôn giả đã nhận lời5 liền bày biện đầy đủ thức ăn ngon, tự tay cúng



Khi ấy, Thế Tôn vì các Tỳ-kheo-ni mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ.110 Sau khi dạy xong, Ngài ngồi yên lặng. Các Tỳ-kheo-ni bạch Phật: - Bạch đức Thế Ton! Nếu là tâm vô tướng tam-muội111 không hướng lên trên, không nghiêng xuống dưới,112 giải thoát rồi an trụ, an trụ rồi giải thoát, vậy thì tâm vô tướng tam-muội này có quả gì, có công đức gì thưa Thế Tôn? Phật bảo các Tỳ-kheo-ni: Nếu tâm vô tướng tam-muội không hướng lên trên, không nghiêng xuống dưới, giải thoát rồi an trụ, an trụ rồi giải thoát thì tâm vô tướng tam-muội này cũng là Trí cứu cánh,113 là Trí công đức. Các Tỳ-kheo-ni nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi ra về. Lúc ấy, các Tỳ-kheo-ni đi đến Tôn giả A-nan, cúi đầu đảnh lễ sát chân Tôn giả rồi ngồi sang một bên và thưa: Nêu tâm vô tướng tam-muội không hướng lên trên, không nghiêng xuông dưới, giải thoát rồi an trụ, an trụ rồi giải thoát thì theo Tôn giả, tâm vô tướng tam-muội này có quả gì, có công đức gì? Tôn giả A-nan bảo các Tỳ-kheo-ni: Thưa quý cô! Nếu tâm vô tướng tam-muội không hướng lên uên? không nghiêng xuống dưới, giải thoát rồi an trụ, an trụ rồi giải thoát thì Thế Tôn nói tâm vô tướng tam-muội này cũng là Trí cứu cánh, là Trí công đức. Các Tỳ-kheo-ni đều nói: Kỳ lạ thay! Thưa Tôn giả A-nan! Đại sư và đệ tử cùng nói một câu, cùng một ý vị, cùng một

ý nghĩa. Đó gọi là đệ nhất cú nghĩa. Hôm nay, các Tỳ-kheo-ni đến chỗ Thế Tôn, đem câu nói như thế, ý vị như the, y nghĩa như the roi thưa hỏi The Ton. Thê Tôn cũng dung câu nói như thê, ý vị như thê, ý nghĩa như thê đê dạy cho chúng con, gipấếụỏeĩầòệớNnyồNgyữỏXeừỏeừAấế

110 Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ ,.Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tr. 105; Tap.nT.m. 0099.92. 0023c18. 111 Nguyên tác: Vô tướng tâm tam-muội animittarn cetosamādhim, còn gọi là "v6 tướng tâm ajnh.",s. 40.9 - IV. 268 giải thích: "V6 tướng tâm định animitto cetosamādhi, như vậy được nói đên^Thê nào là vô tướng tâm định? Và này chư Hiền, tôi suy nghĩ như sau: 4Ở đây, Tỷ-kheo không tác ý tát cả tướng, chứng và trú vô tướng tâm định.9 Đây gọi là vô tướng tâm djnh" HT. Thích Minh Châu dịch. J "J J 112 Nguyên tác: Bất dũng, bất một na cābhinato na cãpanato. 113 Nguyên tác: Trí quả .Quả :Trạng từ, mang nghĩa cứu cánh .Tham chiếu: A. 9.37 - IV. 426: Aññāphala, toàn trí trí của bậc A-la-hán.

QUYỂN 20  621

Bây giờ, các Tỳ-kheo-ni nghe Tôn giả A-nan dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ9 đảnh lễ rồi ra về. ***

557. ĐỆ NHẤT cú NGHĨA114 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cù-sư-la,115 thuộc nước Câu-diệm-di.116 Bấy giờ, Tôn giả A-nan cũng đang ở nơi trú xứ ấy. Khi ấy, Tỳ-kheo-ni Xà-tri-la117118đến chỗ Tôn giả A-nan, lạy sát chân Tôn giả rồi ngồi sang một bên và thưa:  Nếu tâm vô tướng tam-muội không hướng lên trên, không nghiêng xuống dưới, giải thoát rồi an trụ, an trụ rồi giải thoát thì thưa Tôn giả A-nan, Thế Tôn nói đó là quả gì, là công đức gì? Tôn giả A-nan nói với Tỳ-kheo-ni Xà-tri-la: -Nếu tâm vô tướng tam-muội không hướng lên trên, không nghiêng xuống dưới, giải thoát rồi an trụ, an trụ rồi giải thoát thì Thế Tôn nói đó là Trí cứu cánh, là Trí công đức. Tỳ-kheo-ni Xà-tri-la khen ngợi:  Kỳ lạ thay! Thưa Tôn giảA-nan! Đại sư và đệ tử nói giống nhau, cùng một câu, cùng một ý vị, cùng một ý nghĩa. Thưa Tôn giả A-nan! Thuở trước, lúc đức Phật ở thành Sa-kỳ, trong rừng An Thiền, lúc đó có số đông Tỳ-kheo-ni đi đến chỗ Phật hỏi nghĩa này, Thế Tôn đã nói cho các Tỳ-kheo-ni với câu như thế, ý vị như thế, ý nghĩa cũng như thế. Do đó, nên biết thật là kỳ đặc, vì Đại sư và đệ tử cùng nói một câu, cùng một ý vị, cùng một ý nghĩa. Đó gọi là đệ nhất cú nghĩa. Tỳ-kheo-ni Xà-tri-la nghe Tôn giảA-nan dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh 1À Á• _ Á lê roi ra ve. Như Tỳ-kheo-ni Xà-tri-la đã hỏi, Tỳ-kheo-ni Ca-la-bạtxn hỏi, cũng nói như thế. ***

558. TRÍ CỨU CÁNH VÀ TRÍ CÔNG ĐỨC119 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ trong vườn Cù-sư-la, thuộc nước Câu-diệm-di.

114 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.7L02. 0099.557. 0146al3. Tham chiếu: A. 9.37  IV. 426.

115 Cù-sư-la Ghositārāma.

116 Câu-diệm-di ,Kosambī.

117 Xà-tri-la ,Jatilā.

118 Ca-la-bạt .

119 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r.02. 0099.558. 0146b01.



Bấy giờ, Tôn giả A-nan cũng đang ở cùng nơi ấy. Khi ấy, có vị Tỳ-kheo thàiýi tựu tâm vô tướng tam-muội, rồi nghĩ thầm: “Ta thử đến chỗ Tôn giả A-nan để hỏi Tôn giả: 'Nấu có Tỳ-kheo thành tựu tâm vô tướng tam-muội không hướng lên trên, không nghiêng xuống dưới, giải thoát rồi an trụ, an trụ rồi giải thoát thì Thế Tôn nói tâm vô tướng tam-muội là quả gì, là công đức gi?' Nếu Tôn giả A-nan hỏi lại ta: 'Tỳ-kheo! Ong thành tựu tâm vô tướng tam-muội phải không?9 Khi được hỏi thật, ta chưa hề đáp khác đi. Thế nên, ta sẽ theo hau Tôn giả A-nan may ra có người nào hỏi nghĩa này, nhân đó mà ta được nghe Tôn giả chỉ dạy." Tỳ-kheo ây đi theo Tôn giả A-nan ròng rã suôt sáu năm, nhimg không gặp ai hỏi nghĩa này, thế nên mới tự hỏi Tôn giả A-nan: r A

-Nêu Tỳ-kheo hỏi vê tâm vô tướng tam-muội không hướng lên trên, không nghiêng xuống dưới, giải thoát rồi an trụ, an trụ rồi giải thoát thì Thế Tôn nói đó là quả gì, là công đức gì? Tôn giả A-nan hỏi Tỳ-kheo ấy: /X

Tỳ-kheo! Ong thành tựu tam-muội này chăng? Tỳ-kheo im lặng thật lâu. Tôn giả A-nan liền bảo vị Tỳ-kheo: -Nêu Tỳ-kheo thành tựu tâm vô tướng tam-muội không hướng lên trên, không nghiêng xuống dưới, giải thoát rồi an trụ, an trụ rồi giải thoát thì Thế Tôn nói đó là Trí cứu cánh, là Trí công đức. Tỳ-kheo ây nghe Tôn giảA-nan nói pháp này xong, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi lui ra.120

120 Bản Hán, hết quyển 20.



QUYỂN 21 559. TƯỞNG VÀ GIÁC TRI12 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật trú tại nước Ba-la-lợi-phất-đố-lộ/ Tôn giảA-nan và Tôn giả Ca-ma cũng ở tinh xá Kê Lâm, nước Ba-la-lợi-phất-đố-lộ. Bấy giờ, Tôn giả Ca-ma3 đến chỗ Tôn giảA-nan, cùng ân cần thăm hỏi nhau xong, ngoi sang một bên roi nói với Tôn giả A-nan:  Kỳ lạ thay, thưa Tôn giả A-nan! Có mắt và sắc, có tai và âm thanh, có mũi và mùi, có lưỡi và vi, có thân và xúc chạm, có ý và pháp; thế nhung vị Tỳ-kheo có thể hoặc không thể giác tri4 đối với những pháp này. Vậy là thế nào? Thưa Tôn giả A-nan! Tỳ-kheo ấy vì có tưởng nên không giác tri hay vì không có tưởng nên không thể giác tri? Tôn giả A-nan nói với Tôn giả Ca-ma:  Người có tưởng cũng không thê giác tri, huông gì là người không có tưởng. Tôn giả Ca-ma lại hỏi Tôn giả A-nan:  Những gì gọi là có tưởng, có pháp5 nhimg không thể giác tri?

Tôn giả A-nan bảo Tôn giả Ca-ma:  Nếu Tỳ-kheo ly dục, ly ác, bất thiện pháp, có giác, có quán, an trú hỷ lạc do ly dục sanh, thành tựu và an trú Thiền thứ nhất. Như vậy, vi Tỳ-kheo tuy có tưởng, có pháp nhimg không thể giác tri. Cũng như thế, đối với Thiền thứ hai, Thiền thứ ba, Thiền thứ tư, Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ đều thành tựu và an trú. Như vậy, vị Tỳ-kheo tuy có tưởng, có pháp nhưng không the

giác tri. Thế nào gọi là không có tưởng, có pháp nhung không thể giác tri?

1 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.7.02. 0099.559. 00146Ồ24. Tham chiếu: s. 35.233 - IV. 165; A 9.37 - IV. 426. 2 Ba-la-lợi-phất-đố-lộ Kê Lâm tinh xá . 3 Nguyên tác: Ca-ma . 4 Nguyên tác: Năng bất giác tri . 5 Nguyên tác: Ư hữu đối với sự hữu, tức các pháp. Xem giải thích ở đoạn kinh văn sau.



Như6 vị Tỳ-kheo không nghĩ đến hết thảy các tưởng, tự thân tác chứng và thành tựu tâm vô tướng tam-muội.7 Đó gọi là Tỳ-kheo không có tưởng, có pháp nhxmg không thể giác tri. Tôn giả Ca-ma lại hỏi Tôn giả A-nan: -Nếu Tỳ-kheo thành tựu tâm vô tướng tam-muội9 không hướng lên trên, không nghiêng xuống dưới, giải thoát rồi an trụ, an trụ rồi giải thoát thì Thế Tôn gọi đó là quả gi, công đức gì? Tôn giả A-nan bảo Tôn giả Ca-ma: -Nếu Tỳ-kheo thành tựu tâm vô tướng tam-muội không hướng lên trên, không nghiêng xuống dưới, giải thoát rồi an trụ, an trụ rồi giải thoát thì Thế Tôn gọi đó là Trí cứu cánh, là Trí công đức. Bấy giờ, hai vi Chân nhân cùng nhau bàn luận trong hoan hỷ và tùy hỷ rồi môi người tư cho ngoi đứng dạy cao tư. *** 560. BỐN ĐẠO LÔ TU TẬP8 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cù-sư-la, thuộc nước Câu-diệm-di. Bấy giờ, Tôn giả A-nan cũng đang ở cùng nơi ấy. Khi ấy5 Tôn giả A-nan bảo các Tỳ-kheo: -Nếu có Tỳ-kheo5 Tỳ-kheo-ni tự mình trình pháp9 trước mặt tôi thì tôi sẽ ân cần thăm hỏi và tán thán, hoặc sẽ khảo xét qua bốn đạo lộ tu tập,10 Những gì là bốn? Nêu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni ngôi thiên đê trụ tâm băng những cách như vây: Khéo trụ tâm, câu thúc để trụ tâm, điều phục tâm, dùng chí, quán11 để nhất tâm, để nhập định,12 phân biệt và suy lường các pháp; khi đã tu tập và tu tập thuần thục rồi nên sẽ đoạn dứt được các phiền não. Nếu có Tỳ-kheo? Tỳ-kheo-ni trình

6 Nguyên tác: Như thị ,*được sử dụng frong nhiều nghĩa, nghĩa được dùng ở đây là "nhu." 7 Xem thêm s. 40.9 - IV. 268: 'Thế nào là vô tướng tâm định? Và này chư Hiền, tôi suy nghĩ như sau: 4Ở đây, Tỷ-kheo không tác ý tất cả tướng, chứng va trú vồ tướng tâm định.9 Đay gọi la vo tướng tâm định,, HT. Thích Minh Châu dịch. J J 8 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r02. 0099.560. 0146c20. Tham chiếu: A. 4.170 - II. 156. Giữa bản kinh chữ Hán và bản Pâli có nhiêu khác biệt đặc dị. 9 Nguyên tác: Ký thuyết ,Byākaroti'. Tuyên bố. 10 Nguyên tác: Hoặc cầu dĩ tứ đạo .Tham chiếu: A. 4.170 - II. 156: Yo hỉ koci, āvuso, bhikkhu vã bhikkhunī vā mama santike arahattappattim byākaroti, sabbo so catūhi maggehi, etesarn vā aññatarena Ty-kheo hay Ty-kheo-ni nào tuyên bố trước mặt tôi ràng, đã chứng được quả A-la-hán, tát cả các vị áy được đầy đủ bôn đạo này, hoặc là một trong bốn đạo này, HT. Thích Minh Châu dịch. 11 Chỉ, quán .Theo ^4. 4.170 - II. 156 là hai pháp hành thiền gồm thiền chỉ và thiền quán samatho ca vipassanā ca. 12 Nguyên tác: Đẳng thọ ,cũng gọi là "chánh tho";"Tamma-bátdể",samāpatti'. Nhập định, chứng đạt thiền định.

pháp trước mặt tôi như thế thì tôi sẽ ân cần thăm hỏi và tán thán, hoặc sẽ khảo xét về sự tu tập đó, đây gọi là đạo lộ tu tập thứ nhất. Lại nữa, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni ngồi thẳng tham thiền, quyết trạch Chánh pháp, giác sát13 đe trụ tâm: Khéo trụ, câu thúc để trụ, điều phục [tâm], dùng chí, quán để nhất tâm, để nhập định. Nhờ chân chánh tu tập và an trụ thuần thục14 như vậy nên đoạn dứt được các phiền não. Nêu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni trình pháp trước mặt tôi như thế thì tôi sẽ ân cần thăm hỏi và tán thán, hoặc sẽ khảo xét về sự tu tập đó? đây gọi là đạo lộ tu tập thứ hai. Lại nữa, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni bị chi phối bởi trạo cử và tán loạn15 nên thực hành thiền tọa để điều phục tâm, ngồi ngay thẳng để trụ tâm: Khéo trụ tâm, câu thúc để trụ tâm, điều phục [tâm], dùng chí, quán để nhất tâm, để nhập định rồi chuyển hóa.16 Nhờ chân chánh tu tập và an trụ thuần thục như vậy nên đoạn dứt được các phiền não. Nêu có Tỳ-kheo5 Tỳ-kheo-ni trình pháp trước mặt tôi như thế thì tôi sẽ ân cần thăm hỏi và tán thán, hoặc sẽ khảo xét về sự tu tập đó, đây gọi là đạo lộ tu tập thứ ba. Lại nữa, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni thực hành hòa hợp cả chỉ và quán. Nhờ chân chánh tu tập và an trụ thuần thục như vậy roi nên đoạn dứt được các phiên não. Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni trình pháp trước mặt tôi như thế thì tôi sẽ ân cần thăm hỏi và tán thán, hoặc sẽ khảo xét về sự tu tập đó, đây gọi là đạo lộ tu tập thứ tư. Các Tỳ-kheo nghe Tôn giả A-nan dạy xong đều hoan hỷ phụng hành. ***

561. TU PHẠM HẠNH17 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cù-sư-la?18 nước Câu-diệm-di.19 Tôn giả A-nan cũng đang ở cùng nơi ây. Bấy giờ, có vị Bà-la-môn đi đến chỗ Tôn giả A-nan, cùng thăm hỏi nhau xong, ngồi sang một bên, rồi vị ấy hỏi Tôn giả A-nan: -Vì lý do gì mà Tôn giả đến chỗ Sa-môn Cù-đàm để tu Phạm hạnh?

13 Nguyên tác: Tư lượng ,samanupassati, giác sát. 14 Nguyên tác: Chánh hướng đa trụ .Chánh hướng :. 15 Nguyên tác: Vi trạo loạn sở trì .A.
4.170 - II. 156: Dhammuddhaccaviggahitam mānasam hoti tâm ý bị nam giữ bởi pháp trạo cử vi te. 16 Nguyên tác: Đẳng thọ hóa .Đẳng thọ có9nghĩa là nhập định, như đã giải thích trọng chú thích trên. Hóa ft ở đây có khả năng chỉ cho sự chuyên hóa. Học giả Trang Xuân Giang cho răng chữ "h6a" HE bị bổ sung nhầm, nhưng ngài Ấn Thuận vẫn giữ nguyên trong Tạp A-hàm kinh ỉuạn hội biên. 17 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.561. 0147al3. Tham chiếu: s. 51.15 - v. 271. 18 Cù-sư-la viên Ghositārāma. 19 Câu-diệm-di ,Kosambī.



Tôn giả A-nan đáp:
- Vì để đoạn trừ!
Bà-la-môn ấy lại hỏi:
-Tôn giả đoạn trừ điều gì?
Tôn giả đáp:
Đoạn trừ ái!
Lại hỏi:
-Thưa Tôn giả A-nan! Phải nương vào đâu để đoạn được ái?

Tôn giả đáp:

Này Bà-la-môn! Phải nương vào ước nguyện20 để đoạn trừ ái.

Lại hỏi: -Thưa Tôn giả A-nan! Việc này há chẳng phải là không cùng tận sao?21 Tôn giả đáp: -Này Bà-la-môn! Không phải là không cùng tận. Quả thật là có chỗ tận cùng, chứ không phải không cùng tận. Lại hỏi: Thưa Tôn giả A-nan! Thế nào là chỗ tận cùng, chứ chẳng phải là không cùng tận? Tôn giả nói: Này Bà-la-môn! Nay tôi hỏi ông, ông hãy tùy ý mà trả lời. Bà-la-môn! Ông nghĩ thế nào, trước đây ông có ước muốn đến tinh xá không? Bà-la-môn đáp: Đúng vậy, thưa Tôn giả A-nan! Thế thì, này Bà-la-môn! Khi đến tinh xá rồi thì ước muốn kia liền dứt phải không? Đáp: —Đúng vậy! Thưa Tôn giả A-nan, cả sự hăng hái, tìm cách, suy tính để đến tinh xá nữa. Tôn giả hỏi: Sau khi đến tinh xá rồi thì sự hăng hái, tìm cách, suy tính kia cũng ngừng dứt phải không? 20 Nguyên tác: Dục (),tức dục như ý túc trong bốn như ý túc. Tham chiếu: s. 51.15 - V. 271: Bhikkhu chandasamādhippadhānasañkhārasamannāgatarn iddhipādam bhāveti (Tỷ-kheo tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành), HT. Thích Minh Châu dịch. 21 Tham chiếu: s. 51.15 v 271: Evam sante, bho ānanda, santakam hoti no asantakam. Chandeneva chandam pajahissatīti - netarn thānarn vijjati. (Sự thể là vậy, thưa Tôn giả Ānanda, thời một công việc liên tục (santako), không có chấm dứt. Lay dục mà trừ dục, sự kiện như vậy không xảy ra), HT. Thích Minh Châu dịch.



Đáp: -Thưa, đúng vậy! Tôn giả A-nan lại nói với Bà-la-môn: - Cũng vậy, này Bà-la-môn! Đức Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Đã Thấy Đã Biết, Ngài đã giảng về bốn như ý túc,22 dùng con đường trực để tịnh hóa chúng sanh, diệt trừ khổ não, chấm dứt sầu bi. Bốn như ý túc tiếp2324 là những gì? Đó là dục định đoạn hành thành tựu như ý túc,24 tinh tấn định đoạn hành thành tựu như ý túc, tâm đinh đoạn hành thành tựu như ý túc và tư duy định đoạn hành thành tựu như ý túc. Như vậy, vi Thánh đệ tử tu tập dục định đoạn hành thành tựu như ý túc, nương theo xả ly, nương theo vô dục, nương theo giải thoát,25 nương theo tịch diệt, hướng đến xả, cho đến đoạn sạch ái. Khi tham ái đã sạch rồi thì dục định kia cũng dứt. Vị Thánh đệ tử tu tập tinh tấn định đoạn hành thành tựu như ý túc, tu tập tâm định đoạn hành thành tựu như ý túc và tu tập tư duy định đoạn hành thành tựu như ý túc, nương theo xả ly, nương theo vô dục, nương theo giải thoát, nương theo tịch diệt, hướng đến xả, cho đến đoạn sạch ái. Khi tham ái đã sạch roi thì tinh tân định, tâm định và tư duy định kia cũng dứt. Này Bà-la-môn! Ý ông nghĩ sao? Đây không phải là chỗ tận cùng sao? Bà-la-môn thưa: -Thưa Tôn giả A-nan, đây là chỗ tận cùng, chẳng phải là không cùng tận. Bà-la-môn nghe Tôn giả A-nan dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ rồi đứng dậy ra về. ***

22 Nguyên tác: Tứ như ý túc catunnain iddhipādānani, còn gọi là tứ thần túc,,tứ nhưy phần j. Hành pháp thứ ba sau tứ niệm xứ và tứ chánh can của 37 đạo phẩn. 23 Nguyên tác: Nhất thừa đạo ekāyana maggā. Xem chú thích 66, kinh số 535, quyển 19, tr. 591; Tạp.7.02. 0099.535. 0139al6. 24 Định thức: Dục định đoạn hành thành tựu như ý túc, tinh tấn định, tâm định, tư duy định hành thành tựu như ý túc ,• được nhiều bản kinh Hán tạng lược

dịch với nhiều cách khác nhau. Tham chiếu Pali: Chandasamādhippadhānasañkhārasamannāgatarh ỉddhỉpãdarh bhāveti, vīriyasamādhi.y pe... cittasamādhi... ơ đây, “do@n"có thê được dịch từ padhānaṃ nghĩa là nỗ lực. "Hnh'được dịch từ sañkhāra. Chữ sañkhāra có nhiều nghĩa, và nghĩa trong ngư cảnh này chỉ cho nền tảng, cơ sở của suy tư, toan tính, tức là hành uẩn .Sankhāra ở trường hợp này, được Bhikkhu Bodhi dịch là "the basis for spiritual power"' nghĩa là t4nền tảng để [phát triêu] năng lực tâm linh.,, Thế nên cú ngữ trên co thể được dịch là:/Thiên định dựa trên sự chuyên chú và no lực của ước muốn, nhờ vậy mà đạt được thần thông; thiền định dựa trên sự chuyên chú và nỗ lực của tinh tấn, nhờ vậy mà đạt được thần thông; thiền định dựa trên sự chuyển chu^và nỗ lực của tâm niệm, nhờ vậy ma đạt được thần thông; thiền định dựa trèn sự chuyên chú và nỗ lực của tư duy, nhờ vậy mà đạt được thần thồng.,, 25 Nguyên tác: Xuất yếu ,nissaranà, giải thoát.



562. TRƯỞNG GIẢ CÙ-SƯ-LA26 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cù-sư-la5 nước Câu-diệm-di. Tôn giả A-nan cũng đang ở cùng nơi ấy. Bấy giờ, trưởng giả Cù-sư-la đi đến chỗ Tôn giả A-nan, lạy sát chân Tôn giả rồi ngồi sang một bên và hỏi: Thưa Tôn giả A-nan! Thế nào gọi là người thuyết pháp vì thế gian? Thế nào gọi là người khéo hướng dẫn27 thế gian? Thế nào gọi là người khéo vượt qua28 thế gian? Tôn giả A-nan nói với trưởng giả Cù-sư-la: Bây giờ tôi hỏi ông, ông hãy tuy ý mà trả lời. Này trưởng giả! Ý ông nghĩ sao, nếu có người thuyết pháp để điều phục tham dục, điều phục sân hận và điều phục ngu si có được gọi là người thuyêt pháp vì thê gian không? Trưởng giả đáp: -Thưa Tôn giảA-nan! Nếu có người thuyết pháp khéo điều phục tham dục, sân hận và ngu si, đó gọi là người thuyêt pháp vì thê gian. Tôn giả A-nan lại hỏi: Này trưởng giả! Ý ông nghĩ sao, nếu trong thế gian có người khéo hướng dẫn điều phục• tham Kdục, điều ĩ . phục sân hận và điều phục ngu si thì đó gọi là L • e người khéo hướng dân thê gian phải không? Nêu trong thê gian có người đã điều phục được tham dục, sân hận và ngu si, đó gọi là người khéo vượt qua thế gian phải không? Hay là chẳng phải? Trưởng giả đáp: -Thưa Tôn giả A-nan! Nếu người đã điều phục được tham dục, đã đoạn sạch hoàn toàn với sân hận và ngu si cũng đã đoạn sạch hoàn toàn, đó gọi là người khéo vượt qua. Tôn giả A-nan nói: Này trưởng giả! Tôi hỏi thử ông, ông đã chân thật trả lời tôi. Nghĩa lý ấy đúng như vậy, ông hãy thọ trì. Trưởng giả Cù-sư-la nghe Tôn giả A-nan chỉ dạy đã hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh le roi rời đi. ***

26 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.562. 0147bl3). Tham chiếu: Tạp.(r02. 0099.490. 0Ì26a07); s. 38.3 - IV. 253. 27 Thế gian chánh hướng ().s. 38.3 - IV. 252: Ke loke suppatipannā (Những ai là những vị khéo thực hành ở đời), HT. Thích Minh Châu dịch. 28The gian thiện da().Tạp. 002. 0099.490. 0126a23) ghi là "thế gian thiện the"( );S. 38.3 - IV. 252: Ke loke sugatā (Những ai là những vị khéo đên ở đời), HT. Thích Minh Châu dịch.

563. VÔ ÚYLY-XA29 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu, nước Tỳ-xá-ly.30 Tôn giả A-nan cũng đang ở cùng nơi ấy. Bấy giờ, Vô Úy Ly-xa31 là đệ tử của ngoại đạo Ni-kiền32 và đồng tử Thông Minh Ly-xa33 là đệ tử của A-kỳ-tỳ,34 cả hai cùng đến chỗ Tôn giả A-nan, ân cần chào hỏi nhau xong rồi ngồi sang một bên. Khi ấy, Vô Úy Ly-xa nói với Tôn giả A-nan:  Thầy Ni-kiền tử của tôi đã dứt sạch các pháp nóng bức, được thanh tịnh siêu xuất, dạy cho các đệ tử đạo lý như vầy: ẾẾNhờ thực hành khổ hạnh cho nên những nghiệp ở đời trước nhất định có thể dứt trừ. Thân nghiệp không tạo tác nữa, chặt đứt chiêc câu phương tiện thì trong đời tương lai sẽ không còn các lậu hoặc, các nghiệp hoàn toàn dứt sạch. Do nghiệp đã dứt sạch hoàn toàn cho nên các kho cũng vĩnh viễn không còn. Kho đã vĩnh viễn không còn cho nên giải thoát rốt ráo." Thưa Tôn giả A-nan! Nghĩa này như thế nào? Tôn giả A-nan nói với Vô úy Ly-xa:  Đức Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Đã Thấy Đã Biết nói về ba phương pháp xa lìa sự nóng bức, được thanh tịnh siêu xuất, dùng con đường trực tiếp này35 để tịnh hóa chúng sanh, giúp chúng sanh xa lìa lo buồn, vượt qua khổ não, được pháp chân như. Là ba pháp nào? Nghĩa là vị Thánh đệ tử an trụ trong tịnh giới, lãnh thọ giới pháp/6 oai nghi đầy đủ, tin có tội lỗi mà sanh ý tưởng sợ hãi. Thọ trì tinh giới đầy đủ như vậy thì những nghiệp cũ dần dần được tiêu trừ, ngay trong hiện đời, lìa mọi nóng bức, không đợi thời gian, dẫn đến Niết-bàn và được người trí tự mình giác hiểu.37 Này trưởng giả Ly-xa! Đó gọi là Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Đã Thấy Đã Biết nói pháp [thứ nhất] xa lìa sự nóng bức, được

29 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.563. 0147c02. Tham chiếu: A. 3.74 - L 220. 30 Tỳ-xá-ly ,Vesālī. 31 Vô Úy Ly-xa ,Ābhāya Licchavī: Vô úy, người bộ tộc Ly-xa. 32 Ni-kiền ,Nigantha. 33 Thông Minh đồng tử Pandita Kumāraka: Đồng tử Thông Minh, người bộ tộc Ly-xa. 34 A-kỳ-tỳ cũng gọi là "Akỳtỳ-già".Theo Phiên dịch danh nghĩa tập  T54. 2131.6. 1151a2£ là ngoại đạo tà mạng Ājivika. Tuy nhiên, theo Tạp.7.02. 0099.573. 0152a24, "A-kỳ.tỳ"cung chỉ cho ngoại đạo lõa hình acela. 35 Nguyên tác: Nhất thừa đạo .Xem chú thích 66, kinh số 535, quyển 19, tr. 591; Tạp.02. 0099.535. 0139al6. 36 Nguyên tác: Ba-la-đề-mộc-xoa . 37 Nguyên tác: Đắc hiện pháp, ly xí nhiên, bất đãi thời tiết, năng đắc Chánh pháp, thông đạt hiện kiến, quánsáttrí tuệ tự giác Wft,,lẽ i.m chú thích 59, kinh số 550, quyển 20, tr. 610; Tạp.T.Ờ2. 0099.550. 0143bl8.



thanh tịnh siêu xuất, dùng con đường trực tiếp này để tịnh hóa chúng sanh, giúp chúng sanh xa lìa lo buồn, vượt qua khổ não, được pháp chân như. Lại nữa, Ly-xa! Với tịnh giới đã đầy đủ như vậy mà lìa dục, lìa pháp ác, bất thiện... (cho đếrỉ) chứng đắc và an trú Thiền thứ tư. Đó gọi là Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác nói pháp [thứ hai] xa lìa sự nóng bức... (cho đen) được pháp chân như. Lại nhờ có sự chứng đạt thiền định3^ nen rõ biết như thật đối với Thánh đế về khổ, rõ biết như thật đối với Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đế về khổ diệt và Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt. Đầy đủ tâm trí tuệ như vậy rồi thì nghiệp mới chẳng tạo, nghiệp cũ dần dần được

tiêu trừ, ngay trong hiện đời, lìa mọi nóng bức, không đợi thời gian, dẫn đến Niết-bàn và được người trí tự mình giác hiểu. Này trưởng giả Ly-xa! Đó gọi là Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Đã Thấy Đã Biết nói pháp thứ ba xa lìa sự nóng bức, được thanh tịnh siêu xuất, dùng con đường trực tiếp này đê tịnh hóa chúng sanh, giúp chúng sanh xa lìa lo buôn, vượt qua khô não, được pháp chân như. Bấy giờ, đệ tử của Ni-kiền tử là Vô úy Ly-xa đứng im lặng không nói gì. Lúc này, đệ tử của A-kỳ-tỳ là Thông Minh Ly-xa nói với Vô Uy Ly-xa rang: -Lạ thay, này Vô úy! Sao ông đứng im lặng như vậy? Đối với giáo pháp mà đang Như Lai, Ưng Cúng, Đăng Chánh Giác, băng sự thây biêt của mình, Ngài khéo giảng thuyết, ông nghe mà không hoan hỷ sao? Vô Úy Ly-xa đáp: -Vì tôi đang tư duy đến nghĩa lý ấy, cho nên mới lặng thinh. Có ai nghe r r 9 • jf e

Thê Tôn, Sa-môn Cù-đàm thuyêt pháp mà chăng hoan hỷ? Nêu người nào nghe Sa-môn Cù-đàm thuyết pháp mà không khởi tâm hoan hỷ thì đó là người mê muội, sẽ chiu kho lâu dài5 không hợp với lẽ đạo, không được lợi ích. Lúc đó, đệ tử của Ni-kiền là Vô úy Ly-xa và đệ tử của A-kỳ-tỳ là Thông Minh Ly-xa được nghe lại giáo pháp của Phật từ Tôn giả A-nan xong, họ hoan hỷ và tùy hỷ rồi đứng dậy rời đi. ***

564. TÔN GIẢA-NAN GIÁO GIỚI38

39

Tôi nghe như vây:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Tôn giả A-nan cũng đang ở cùng nơi ấy.

38 Nguyên tác: Tam-muội chánh thọ (‚samādhi samāpatti)'. Chứng nhập thiền định, thành tựu thiền định. 39 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.564. 0148al3). Tham chiếu: A. 4.159 - II. 144.

QUYỂN 21 631

Bây giờ? có vị Tỳ-kheo-ni khởi tâm nhiêm trước với Tôn giảA-nan, cho nên sai người đến chuyển lời thưa với Tôn giả A-nan: Thân con bị bệnh, xin Tôn giả thương xót đến thăm! Tôn giả A-nan sáng sớm đắp y, ôm bát đến chỗ ở của Tỳ-kheo-ni kia. Từ xa trông thấy Tôn giả A-nan đi đến, Tỳ-kheo-ni kia liền đến nằm trên giường cố ý để lộ thân thể. Tôn giả A-nan từ xa trông thấy thân thể của Tỳ-kheo-ni, liền thu nhiếp các căn và đứng quay limg lại. Tỳ-kheo-ni kia thấy Tôn giảA-nan thu nhiếp các căn và đứng quay limg lại? liền tự hổ thẹn. Cô đứng lên khoác lại y phục, trải tọa cụ, rồi ra thỉnh Tôn giả A-nan vào. Cô ấy mời Tôn giả ngồi rồi cúi đầu đảnh lễ dưới chân, sau đó đứng sang một bên. Lúc ấy, Tôn giả A-nan liền nói pháp cho Tỳ-kheo-ni: Này cô! Tấm thân này là do thức ăn uế tạp nuôi lớn, do kiêu mạn nuôi lớn, do ái nuôi lớn, do dâm dục nuôi lớn. Này cô! Nếu thân này nương thức ăn uế tạp thì phải đoạn trừ thức ăn uế tạp, nếu nương nơi kiêu mạn thì phải đoạn trừ kiêu mạn, nếu nương nơi ái thì phải đoạn trừ ái dục. Này cô! Thế nào gọi là nương nơi thức ăn uế tạp thì phải đoạn trừ thức ăn uế tạp? Nghĩa là vị Thánh đệ tử đối với sự ăn uống thì phải luôn tư duy quán tưởng, không khởi tưởng tham đam, không khởi tưởng kiêu mạn, không khởi tưởng trau chuốt bản thân, không

khởi txrởng làm đẹp thân mình, mà thọ dụng thức ăn chỉ vì giữ gìn thân thê, chỉ vì nuôi dưỡng mạng sông, chỉ vì trị bệnh đói 9 e jT *

khát, chỉ vì đê tu tập Phạm hạnh, khiên cho các cảm thọ cũ dứt trừ và các cảm thọ mới không sanh, trưởng dưỡng các hạnh cao thượng; đoi với sức khỏe, hoặc sự ưa thích, hoặc sự xúc chạm, đều phải an tru như vậy. Ví như người thương buôn dùng dầu tô hay dầu nấu đặc để bôi lên xe, người này không có ý tưởng nhiễm trước, không có ý tưởng kiêu mạn, không có ý tưởng trau chuốt, cũng không có ý tưởng làm đẹp mà chỉ vì việc chuyên chở. Lại như người bị chấn thương bôi dầu trị thương và họ không có ý tưởng tham đắm, không có ý tưởng kiêu mạn, không có ý tưởng trau chuốt, cũng không có ý tưởng làm đẹp mà chỉ muốn trị lành vết thương. Cũng vậy, vị Thánh đệ tử luôn quán tưởng khi ăn, không khởi niệm tưởng tham đắm, không khởi niệm tưởng kiêu mạn, không khởi niệm tưởng trau chuốt bản thân, không khởi niệm tưởng làm đẹp thân mình mà chỉ vì giữ gìn thân thể, chỉ vì nuôi dưỡng mạng sống, chỉ vì trị bệnh đói khát, vì để tu tập Phạm hạnh, khiến các cảm thọ cũ dứt trừ và các cảm thọ mới không sanh; đối với sức khỏe, hoặc sự ưa thích, hoặc sự xúc chạm không lỗi lầm đều tru trong an ổn. Này cô! Đó gọi là nương nơi thức ăn thì phải đoạn trừ thức ăn. Nếu thân này nương vào kiêu mạn thì phải đoạn trừ kiêu mạn. Thế nào gọi là nương vào kiêu mạn thì phải đoạn trừ kiêu mạn? Nghĩa là vị Thánh đệ tử nghe nói Tôn giả kia hoặc đệ tử của Tôn giả kia đã dứt sạch các hữu lậu, được



tâm vô lậu giải thoát, được tuệ giải thoát, ngay trong hiện tại tự thân tác chứng, tự biết rằng: "Sụ* sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Vị Thánh đệ tử này nghe rồi liền suy nghĩ: Thánh đệ tử kia đã dứt sạch các hữu lậu,... (cho đến) tự thân rõ biết không còn thọ thân sau. Còn ta đến nay sao lại chưa trừ sạch các hữu lậu, chưa tự rõ biết không còn thọ thân sau?" Thì ngay lúc ấy, vị Thánh đệ tử này có thể trừ sạch các hữu lậu,... (cho đến) tự mình rõ biết không còn thọ thân sau nữa. Này cô! Đó gọi là nương kiêu mạn thì phải đoạn trừ kiêu mạn. Này cô! Thế nào gọi là nương ái thì phải đoạn trừ ái? Nghĩa là vị Thánh đệ tử nghe Tôn giả kia, hoặc đệ tử của Tôn giả kia đã sạch các pháp hữu lậu,... (cho đến) tự thân rõ biết không còn thọ thân ở đời sau thì liền suy nghĩ: "Chúng ta sao lại chưa đoạn trừ hết các hữu lậu, chưa tự rõ biết không còn thọ thân sau?" Thì ngay lúc ấy, vi Thánh đệ tử này có thể đoạn trừ hết các hữu lậu?... (cho đến) tự mình rõ biết không còn thọ thân sau nữa. Này cô! Đó gọi là nương ái thì phải đoạn trừ ái. Này cô! Người không còn tạo nghiệp40 là đã đoạn hết dâm dục, phá gãy chiêc câu phương tiện. Trong lúc Tôn giả A-nan nói pháp này, Tỳ-kheo-ni ây liên xa lìa trân câu, được pháp nhãn tinh. Vị Tỳ-kheo-ni ấy thấy pháp, đắc pháp, giác ngộ giáo pháp, the nhập giáo pháp, vượt khỏi nghi ngờ, không nương ai khác, ở trong giáo pháp được vô sở úy. Thế rồi, vị Tỳ-kheo-ni ấy đảnh lễ dưới chân Tôn giả A-nan và thưa: Con nay xin phát lộ sám hối. Vì ngu si, mê muội mà con đã làm điều xấu xa như thế. Nay con đối trước Tôn giả A-nan, tự mình thấy lỗi, tự biết có tội, nguyện phát lộ sám hối, mong Tôn giả thương xót! Tôn giả A-nan bảo Tỳ-kheo-ni: Nay cô đã chân thật tự mình thấy tội, tự biết mình có tội vì si mê?

không tốt, tự biết mình đã tạo tội xấu xa. Cô đã tự biết, tự thấy và ăn năn sám hối rồi thì ở đời vi lai sẽ được đầy đủ giới. Nay tôi nhận sự sám hối của cô, vì thương xót muốn giúp cô tăng trưởng thiện pháp, mãi không sút giảm. Vì sao như vậy? Vì nếu người nào tự mình thấy tội5 tự biết có tội, tự biết sám hối thì đời tương lai sẽ được đầy đủ giới, thiện pháp tăng trưởng, mãi không sút giảm. Tôn giả A-nan vì Tỳ-kheo-ni ấy mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ41 xong, Tôn giả rời tòa đứng dậy ra về. ***

40 Vô sở hành ()Không còn việc phải làm, tức là không còn tạo nghiệp. ^Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ ().Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tr. 105; Tạp.(r02. 0099.92. 0023cl8).

QUYỂN 21  633

565. THIỂU NIÊN LÀNG BÀ-ĐẦU42 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Kiều-trì.43 Ngài cùng với Tôn giả A-nan du hành trong nhân gian rồi đi đến rừng Thân-thứ,44 phía Bắc làng Bà-đầu.45 Bấy giờ, các thiếu niên tại làng Bà-đầu nghe nói Tôn giả A-nan từ Kiều-trì du hành trong nhân gian, đang ở trong rừng Thân-thứ? phía Bắc làng Bà-đầu? liền rủ nhau cùng đi đến chỗ Tôn giả A-nan, đảnh lễ Tôn giả rồi ngồi sang một bên. Khi ấy, Tôn giả A-nan nói với các thiếu niên: -Này thiếu niên Kiều-trì!46 Như Lai, ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác nói bốn pháp thanh tịnh, đó là giới thanh tịnh, tâm thanh tịnh, kiến thanh tinh và giải thoát thanh tịnh. Thế nào là giới thanh tịnh? Nghĩa là vị Thánh đệ tử an trú nơi giới Ba-la- đề-mộc-xoa, giới tăng trưởng, đầy đủ oai nghi, đối với tội nhỏ nhặt đã sanh thì sanh lòng sợ hãi, giữ gìn các giới điều.47 Nếu giới thân chưa đầy đủ thì phải khiên cho đây đủ, nêu đã đây đủ thì hãy tùy thuận giữ gìn, mong câu, tinh tân, nỗ lực siêu xuất, siêng năng dũng mãnh, khéo kham nhận các pháp ở thân, tâm thường khéo nhiếp thọ. Đó gọi là giới thanh tịnh. Này thiếu niên Kiều-trì! Thế nào gọi là tâm thanh tịnh? Nghĩa là vị Thánh đệ tử ly dục, ly bất thiện pháp,... cho đến an trụ đầy đủ Thiền thứ tư. Nếu chánh định nơi thân chưa đầy đủ thì làm cho được đầy đủ? nếu đã đầy đủ thì tùy thuận giữ gìn, mong cầu, tinh tấn5... cho đen thường khéo nhiếp thọ. Đó là gọi là tâm thanh tịnh. Này thiếu niên Kiều-trì! Thế nào gọi là kiến thanh tịnh? Nghĩa là vị Thánh đệ tử được nghe pháp từ đức Phật48 nói. Đối với giáo pháp được đức Phật nói như vậy như vậy, vị ấy thâm nhập như thật chánh quán như vậy như vậy; vị ấy được hoan hỷ, được tùy hỷ như vậy như vậy; có được từ nơi Phật. Lại nữa, vị Thánh đệ tử tuy không được nghe pháp từ đức Phật nói, nhưng được nghe pháp từ những bậc minh trí tôn kính Phạm hạnh khác nói. Khi được nghe pháp từ những bậc tôn kính Phạm hạnh nói như vậy như vậy thì vị ấy như vậy như vậy mà thâm nhập quán sát như thật. Nhờ quán sát như vậy như vậy, nên đối với pháp đó, vi ấy được hoan hỷ, tùy hỷ, khởi niềm tin nơi Chánh pháp.

42 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.565. 0148cll. Tham chiếu: A. 4.194 - II. 194. 43 Kiều-ưì ,Koịiya. 44 Thân-thứ lâm Rừng cây Simsapa. 45 Bà-đầu ,Sāpūga. 46 Nguyen tác: Đe Chủng .Thẹo DPPN, những người Koliya, phiên âm là 'Kiautrì"tự gọi mình la ỉỳagghapạjja ^dấu chan hổ,5, đây là tên gọi thanh phố của dân Koịiyạ, do thành phố này được xây trên các dâu chân hô đi. Xem thêm A.

8.54 - IV. 281. Bản dịch gọi các thiêu niên theo tên dân tộc. 47 Nguyên tác: Học giới :Các giới điều. 48 Nguyên tác: Đại sư Bậc Thầy lớn, là Thiên Nhân Sư, một trong 10 tôn hiệu của Phật.



Lại nữa, vị Thánh đệ tử không được nghe pháp từ đức Phật nói, cũng không được nghe pháp từ các bậc minh trí tôn kính Phạm hạnh nói, chỉ thuận theo người thọ trì đã được nghe pháp từ trước tụng đọc lại. Khi thuận theo người thọ trì đã được nghe pháp từ trước tụng đọc lại như vậy như vậy rồi, vị ấy được thể nhập pháp đó như vậy như vậy,... (cho đen) khởi niềm tin nơi Chánh pháp. Lại nữa, vị Thánh đệ tử tuy không được nghe pháp từ đức Phật nói, cũng không được nghe pháp từ bậc minh trí tôn kính Phạm hạnh nói, lại cũng không được nghe pháp từ người thọ trì đã được nghe từ trước tụng đọc lại, nhưng được nghe từ người trước đây đã nghe giảng nói lại cho người. Pháp được nghe từ người trước đây đã nghe và giảng nói lại như vậy như vậy, vị ấy liền như vậy như vậy thể nhập nơi pháp, chánh trí quán sát,... (cho đến) phát khởi niềm tin nơi Chánh pháp. Lại nữa, Thánh đệ tử tuy không được nghe pháp từ đức Phật nói, cũng không được nghe từ bậc minh trí tôn kính Phạm hạnh nói, lại cũng không được nghe pháp từ người thọ trì đã được nghe từ trước tụng đọc lại, lại cũng không được nghe từ người trước đây đã nghe và giảng nói lại cho người, nhimg đối với pháp đã được nghe từ trước, vi ấy một mình ở chỗ vắng vẻ tư duy quán sát. Tư duy quán sát như vậy như vậy, vị ấy thể nhập Chánh pháp như vậy như vậy,... (cho đến) phát khởi niềm tin nơi Chánh pháp. Như vậy, vị ấy được nghe pháp từ người khác, bên trong được chánh tư duy, đó gọi là chánh kiến chưa sanh khởi phải khiến cho sanh khởi, chánh kiến đã sanh khởi thì phải khiến cho tăng trưởng; đó gọi là giới thân chưa tròn đầy thì phải khiến cho tròn đầy, nếu đã tròn đầy thì phải tùy thuận nhiếp thọ, mong cầu, tinh tấn nỗ lực?... (cho đến) luôn luôn gìn giữ. Đó gọi là kiến thanh tịnh. Này thiếu niên Kiều-trì! Thế nào là giải thoát thanh tịnh? Nghĩa là vị Thánh đệ tử đối với tâm tham, nên tu tập vô dục để được giải thoát; đối với tâm sân, tâm si, nên tu tập vô dục đê được giải thoát. Giải thoát như thê nêu chưa viên mãn thì phải khiên cho viên mãn, nêu đã viên mãn roi thì hãy tùy thuận giữ gìn, mong cầu, tinh tấn,... (cho đến) phải luôn nhiếp thọ. Đó gọi là giải thoát thanh tịnh. Khi nghe Tôn giả A-nan chỉ dạy xong, các thiếu niên làng Bà-đầu hoan hỷ và tùy hỷ, cùng nhau đảnh lễ rồi rời đi. ***

566. TRƯỞNG GIẢ CHẤT-ĐA-LA49 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng với các Tỳ-kheo Thượng tọa ngụ trong rừng Am-la, thuộc làng Am-la.50

49 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.566. 0149c28). Tham chiếu: s. 41.5 . IV. 291. 50 Am-la lâm (,Ambātakavana).



Bấy giờ, có trưởng giả Chất-đa-la51 đến chỗ các Tỳ-kheo Thượng tọa, cúi đâu đảnh lê sát chân roi ngôi sang một bên. Lúc này, các Tỳ-kheo Thượng tọa liền vì trưởng giả Chất-đa-la mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ.52 Sau khi thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ rồi, các Thượng tọa liền an

trú trong tĩnh lăng. Khi ấy, trưởng giả Chất-đa-la liền cúi đầu đảnh lễ sát chân các Tỳ-kheo Thượng tọa roi đi đến phòng của Tỳ-kheo Na-già-đạt-đa? đảnh lê Tỳ-kheo này rồi ngồi sang một bên. Lúc đó? Tỳ-kheo Na-già-đạt-đa hỏi trưởng giả Chất-đa-la: - Có bài kệ như vầy: ĩ ~ Cành xanh, phủ màu trăng, Cô xe một trục xoay, Lìa kiết, quán sát đến, Đoạn dòng, không buộc lại.53 -Này trưởng giả! Bài kệ này có nghĩa gì? Trưởng giả Chất-đa-la đáp: -Thưa Tôn giả Na-già-đạt-đa! Có phải Thế Tôn nói bài kệ này không? Đáp: -Đúng vậy! Trưởng giả Chất-đa-la liền nói với Tôn giả Na-già-đạt-đa:  Thưa Tôn giả! Hãy im lặng chốc lát, con đang suy nghĩ về nghĩa này. Im lặng suy nghĩ một lúc xong, trưởng giả Chất-đa-la liền nói với Tôn giả Na-già-đạt-đa: -Cành xanh nghĩa là giới. Phủ màu trắng là sự giải thoát. Cái trục bánh xe là niệm thân. Xoay nghĩa là sự chuyển động tới lui. cỗ xe là pháp tu chi, quán. Lìa kiết, kiết này có ba loại, đó là tham, sân, si. A-la-hán kia đã sạch các lậu, đã tịch diệt, đã liễu tri, đã đoạn tận gốc rễ, giống như chặt đứt cây đa-la thì cây không sanh trưởng trở lại nữa, vị ấy thành tựu pháp bất sanh trong đời tương lai. Quán sát nghĩa là thây biêt. Đên là chỉ cho người quán sát. Đoạn dòng nghĩa là đoạn dứt dòng ái nhiễm sanh tử. Tỳ-kheo A-la-hán kia các lậu đã dứt sạch, đã tịch diệt, đã liễu tri, đã đoạn tận gốc rễ, giống như chặt đứt cây đa-la thì cây không sanh trưởng trở lại nữa, vị ấy thành tựu pháp bất sanh trong đời vị lai. Không buộc lại nghĩa là không còn ba sự trói buộc, đó là tham dục trói buộc, sân hận trói buộc và ngu si trói buộc. Tỳ-kheo A-la-hán kia đã sạch các

51 Chất-đa-la (,Citta). 52 Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ (,).Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tr. 105; Tạp.(b.02. 0099.92. 0023cl8). 53 Tham chiếu: s. 41.5 - IV. 291: Nelañgo setapacchādo, Ekāro vattati ratho,r Anīgham passa āyatam, Chinnasotam abandhananti. (Bộ phận được tinh thuần/ Mái uần che màu trắng/ Chỉ co một banh xe/ Cỗ xe liên tục chạy/ Hãy xem vị đang đến/ Không vi phạm lỗi lầm/ Chặt đứt được dòng nước/ Không còn bị trói buộc), HT. Thích Minh Chau dịch.



lậu5 đã tịch diệt, đã liễu tri, đã đoạn tận gốc rễ, giống như chặt đứt cây đa-la thì cây không sanh trưởng trở lại nữa, vị ấy thành tựu pháp bất sanh ở đời vị lai. Vậy nên, này Tôn giả Na-già-đạt-đa! Thế Tôn đã nói kệ này: Cành xanh, phủ màu trắng, cỗ xe một trục xoay, Lìa kiết, quán sát đến, Đoạn dòng, không buộc lại.  Bài kệ nay The Ton noi, con đã phan biêt rõ. Tôn giả Na-già-đạt-đa hỏi trưởng giả Chât-đa-la: -Nghĩa này ông đã nghe từ trước roi ư? -Thưa, con chưa được nghe! Tôn giả Na-già-đạt-đa nói: -Này trưởng giả! ông đã được thiện lợi, khéo thể nhập được Phật pháp sâu mầu mà bậc Hiền thánh tuệ nhãn đã thể nhập. Bấy giờ, trưởng giả Chất-đa-la nghe Tôn giả Na-già-đạt-đa nói xong, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi ra về. ***

567. RÔNG KHÔNG THƯỜNG TRỤ54 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật cùng với sô đông Tỳ-kheo Thượng tọa ngụ ở tinh xá trong rừng Am-la, thuộc làng Am-la. r jF r .X Bây giờ, có trưởng giả Chât-đa-la đi đên chô các Thượng tọa Tỳ-kheo9 cúi đầu đảnh lễ sát chân rồi ngồi sang một bên. LÚC này, các Tỳ-kheo Thượng tọa liên vì trưởng giả Chât-đa-la mà thuyêt pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ.55 Sau khi thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ5 khiến cho trưởng giả hoan hỷ rồi, các Thượng

tọa liền an trú trong tĩnh lặng. Khi ấy, trưởng giả Chất-đa-la liền đi đến phòng của Tỳ-kheo Na-già-đạt-đa, đảnh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Tôn giả Na-già-đạt-đa nói với trưởng giả Chất-đa-la: -Có Vô lượng tâm tam-muội/6 Vô tướng tâm tam-muội/7 Vô sở hữu tâm tam-muội/8 Không tâm tam-muội.59 Thế nào, trưởng giả, những pháp này vì có nhiêu nghĩa nên có nhiêu tên gọi, hay là đông một nghĩa mà có nhiêu tên gọi?

54 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.02. 0099.567. 0l49c06. Tham chiếu: s. 41.7 - IV. 295. 55 Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ ,.Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tr. 105; Tạp.r02. 0099.92. 0023c 18. 56 Vô lượng tâm tam-muội ,p. Appamānā cetovimutti'. Vô lượng tâm giải thoát. 57 Vô tướng tâm tam-muội p. Animittā cetovimutti'. Vô tướng tâm giải thoát. 58 Vô sở hữu tâm tam-muội p. Ākiñcaññā cetovimutti'. Vô sở hữu tâm giải thoát. 59 Không tâm tam-muội p. Suññatā cetovimutti'. Tâm rỗng không giải thoát.

QUYỂN 21  637

Trưởng giả Chất-đa-la hỏi Tôn giả Na-già-đạt-đa:  Các tam-muội này là do Thế Tôn nói hay Tôn giả tự ý nói?

Tôn giả Na-già-đạt-đa đáp:
- Đây là do Thế Tôn nói.
Trưởng giả Chất-đa-la thưa Tôn giả Na-già-đạt-đa:
Xin cho con được suy nghĩ một lát ve nghĩa này rồi sẽ trả lời!
Suy nghĩ một lúc xong, trưởng giả nói với Tôn giả Na-già-đạt-đa: -Có pháp gồm nhiều nghĩa, nhiều câu, nhiều chữ;6061cũng có pháp chỉ một nghĩa mà nhiều chữ. Tôn giả Na-già-đạt-đa lại hỏi trưởng giả:  Thế nào là có pháp gồm nhiều nghĩa, nhiều câu, nhiều chữ?

Trưởng giả đáp: -Vô lượng tâm tam-muội9 nghĩa là tâm của vị Thánh đệ tử tương ưng với từ, không oán, không ghét, không hận; luôn khoan dung độ lượng, tu tập vô lượng, rộng khắp, bao trùm một phương. Cũng như vậy, trùm khắp hai phương, ba phương, bốn phương, phương trên, phương dưới, khắp cả thế gian, tâm của vị Thánh đệ tử tương ưng với từ, không oán, không ghét, không hận; luôn khoan dung độ lượng, tu tập vô lượng, rộng khắp, bao trùm các phương, duyên khắp thế gian mà an trú. Đó gọi là Vô lượng tâm tam-muội. Thế nào gọi là Vô tướng tâm tam-muội? Nghĩa là vị Thánh đệ tử không niệm tưởng đối với tất cả tướng, tự thân tác chứng Vô tướng tâm tam-muội. Đó gọi là Vô tướng tâm tam-muội. Thế nào gọi là Vô sở hữu tâm tam-muội? Nghĩa là vị Thánh đệ tử vượt qua hết thảy Thức vô biên xứ,61 thể nhập Vô sở hữu, chứng và an tru tâm Vô sở hữu. Đó gọi là Vô sở hữu tâm tam-muội. Thế nào gọi là Không tâm tam-muội? Nghĩa là với vị Thánh đệ tử thì thế gian là rỗng không; quán sát đúng như thật sự rỗng không của thế gian là thường trụ, không thay đổi, không có gì là ta, không có gì là của ta. Đó gọi là Không tâm tam-muội.62 Đây gọi là pháp gôm nhiêu nghĩa, nhiêu câu, nhiêu chữ.

60 Nguyên tác: Vị (byaỉyana), có nghĩa là mùi vị và cũng có nghĩa là một phụ âm, là ngôn từ, chữ nghĩa. 61 Nguyên tác: Vô lượng thức nhập xứ (). 62 Xem thêm M. 43,

Mahãvedalla Sutta (Đại kinh phương quảng)'. Katamā cāvuso, suññatā cetovimutti? 'Idhāvuso, bhikkhu arañňagato vā rukkhamūlagato vā suññāgāragato vā iti patisañcikkhati - 'suññamidarn attena vā attamyenq vā'ti. Ayam vuccatāvuso, suññatā cetovimutti. " (4tVà này Hiền giả, thế nào là Không tâm giải thoát? ở đây, nay Hiền giả, vi Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đi đen gốc cay, hay đi đến chỗ nhà trông và suy nghĩ như sau: 'Đay trong không, không có tự ngã hay không có ngã sở/ Như vậy, này Hiền giả, gọi là Không tâm giải thoát." HT. Thích Minh Châu dịch).



Tôn giả Na-già-đạt-đa lại hỏi trưởng giả: Thế nào gọi là pháp chỉ có một nghĩa nhưng có nhiều chữ?

Đáp: Thưa Tôn giả! Tham là có hạn lượng, nhưng không tranh63 là bậc nhất vô lượng. Bởi vì tham là có tướng, sân và si là có tướng, nhưng không tranh là vô tướng. Tham là sở hữu, sân hận là sở hữu, nhưng không tranh là vô sở hữu. Lại nữa, không tranh nghĩa là rỗng không, rỗng không đối với tham, rỗng không đối với sân và si. Sự rỗng không đó là thường trụ, không thay đổi, không có gì là ta, không có gì là của ta. Đây gọi là pháp chỉ có một nghĩa mà có nhiều chữ. Tôn giả Na-già-đạt-đa hỏi: Thê nào, trưởng giả, nghĩa này ông đã được nghe từ trước roi ư? Báp: Thưa Tôn giả, con chưa từng được nghe! Tôn giả Na-già-đạt-đa lại nói với trưởng giả: —Ông đã được lợi ích lớn, khéo thể nhập được pháp Phật sâu mầu mà bậc Hiền thánh tuệ nhãn đã thể nhập. Trưởng giả Chât-đa-la nghe Tôn giả Na-già-đạt-đa nói xong, hoan hỷ và tùy 1 9 42 t 1 Ạ Ã • A _• 4-» hỷ9 đảnh lê roi rơi đi. ***

568. TỲ-KHEO GIÀ-MA64 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật cùng với các Tỳ-kheo Thượng tọa ngụ trong rừng Amla, thuộc làng Am-la. Bấy giờ, trưởng giả Chất-đa-la đi đến và đảnh lễ các Tỳ-kheo Thượng tọa, roi đên đảnh lê Tỳ-kheo Già-ma, sau đó ngôi sang một bên và thưa với Tỳ-kheo Già-ma: - Nói đến hành, thế nào gọi là hành? Tỳ-kheo Già-ma đáp: Hành có ba loại, đó là thân hành, khẩu hành và ý hành.

Lại hỏi: Thế nào là thân hành, thế nào là khẩu hành và thế nào là ý hành?

63 Nguyên tác: Vô tranh ()được dịch từ arana\ rana là tranh luận, chiến đấu; tuy nhiên, arana còn mang nghĩa là văng lặng, tịch tĩnh, dùng như chữ akuppā nghĩa là không dao động. Xem s. 41.7 - IV 295 ghi: Akuppā cetovimutti (Bất động tâm giải thoát), HT. Thích Minh Châu dịch. 64 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.568. 0150al7). Tham chiếu: M. 44, CũỊavedalla Sutta (Tiểu kỉnh phương quảng); s. 41.6 - IV. 293.



Đáp: Này trưởng giả! Hơi thở ra vào gọi là thân hành; có giác có quán65 gọi là khẩu hành; tưởng và tư66 gọi là ý hành. Lại hỏi: Vì sao hơi thở ra vào gọi là thân hành; có giác có quán gọi là khẩu hành; tưởng và tư gọi là ý hành? Đáp: Này trưởng giả! Hơi thở ra vào là pháp của thân, nương nơi thân, lệ thuộc vào thân, nương nơi thân mà vận hành. Vậy nên hơi thở ra vào gọi là thân hành. Vì có giác có quán cho nên miệng mới

nói năng. Cho nên có giác có quán gọi là khâu hành. Tưởng và tư là ý hành, vì nương vào tâm, lệ thuộc vào tâm, nương vào tâm mà vận hành. Vậy nên tưởng và tư là ý hành. Trưởng giả lại nói:  Thưa Tôn giả! Do giác và quán rồi mới phát ra miệng nói, vậy nên giác và quán thuộc ve khẩu hành. Tưởng và tư là pháp của tâm, nương vào tâm, lệ thuộc nơi tâm mà vận hành, vậy nên tưởng và tư gọi là ý hành. Trưởng giả lại dùng kệ để hỏi:  Thưa Tôn giả! Có bao nhiêu pháp: Con người lúc lìa đời, Thân xác nằm trên đất, Ném vào bãi tha ma, Vô tâm như gỗ đá? Tôn giả đáp: Hơi ấm, thọ và thức, LÚC lìa đời đều bỏ, Thân ở bãi tha ma, Vô tri như gỗ đá. Trưởng giả lại hỏi: -Thưa Tôn giả! Người chết và người nhập đinh Diệt tận67 có khác nhau chăng? Đáp: -Lìa bỏ thọ và hơi ấm, các căn hư hoại, thân mạng phân ly, đó gọi là chết. Còn người nhập đinh Diệt tận thì tuy thân, khẩu, ý hành đã diệt, nhưng chưa xả bỏ mạng sống, chưa dứt hơi ấm, các căn kh6ng hoại, thân và mạng còn gắn kết với nhau. Đây là tướng sai biệt giữa người chét và người nhập định Diệt tận. Trưởng giả lại hỏi:  Thưa Tôn giả! Thế nào là nhập định Diệt tận?

Đáp:

-Này trưởng giả! Người nhập đinh Diệt tận thì không nói: "Ta nhập định

Diệt tận, ta sẽ nhập định Diệt tan." Nhưng trước tiên là dùng phương tiện

65 Nguyên tác: Hữu giác hữu quán vitakkavicārā .

66 Tưởng tư ,saññā ca vedanā.

67 Nguyên tác: Diệt chánh thọ .



dừng dứt lần lần như thế, rồi nương theo phương tiện trước để hướng vào định Diệt tận. Lại hỏi:  Lúc nhập định Diệt tận, pháp gì diệt trước tiên? Là thân hành, khẩu hành hay là ý hành? -Này trưởng giả! Người nhập định Diệt tận, trước tiên là khẩu hành diệt, kế đến là thân hành diệt, sau cùng là ý hành. Trương gia lại hoi:  Thưa Tôn giả! Thế nào là xuất định Diệt tận?

Tôn giả đáp:  Này trưởng giả! Người xuất định Diệt tận cũng không suy nghĩ và nói rằng: "Ta nay xuất định Diệt tận, ta sẽ xuất định Diệt tan." Tuy nhiên từ trước vi ấy đã khởi tâm phương tiện, rồi nương theo tâm đã khởi trước đó để xuất định. Lại hỏi: -Khi xuất định Diệt tận thì pháp nào xuất trước? Là thân hành, khẩu hành hay là ý hành? Đáp: -Này trưởng giả! Khi xuất định Diệt tận thì ý hành xuất trước, kế đến là thân hành, sau cùng là khẩu hành. Lại hỏi: -Thưa Tôn giả! Sự nhập định Diệt tận hướng theo cái gì? Xuôi theo cái gì? Chảy sâu vào cái gì?68 Đáp: —Này trưởng giả! Sự nhập định Diệt tận là thuận hướng đến viễn ly, chảy xuôi về viễn ly, chảy sâu vào viễn ly; thuận hướng đến xuất ly, chảy xuôi về xuất ly, chảy sâu vào xuất ly; thuận hướng đến Niết-bàn, chảy xuôi về Niết-bàn? chảy sâu vào Niết-bàn. Trưởng giả lại hỏi:  Thưa Tôn giả! Lúc trụ trong đinh Diệt tận thì có bao nhiêu xúc? Tôn giả đáp: -Này trưởng giả! Có xúc bất động, xúc vô tướng và xúc vô sở hữu. Trương giả lại hỏi:  Thưa Tôn giả! Lúc nhập định Diệt tận thì thực hành bao nhiêu pháp? Ton giả đáp:

68 Thuận thú, lưu chú, tuấn thâu (,).p. Kirnninnam cỉttam hoti, kirnponarn kimpabbhāran fti. (Tâm hướng đên cái gì, nghiêng về cái gì, xuôi theo cái gì?).



Này trưởng giả! Điều này nên hỏi từ trước, sao đến bây giờ mới hỏi? Nhưng tôi sẽ nói cho ông rõ. Tỳ-kheo nhập đinh Diệt tận thì thực hành hai pháp, đó là pháp chỉ và pháp quán. Trưởng giả Chất-đa-la nghe Tôn giả Già-ma nói xong đã hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi rời đi. ***

569. TỲ-KHEO LÊ-TÊ-ĐẠT-ĐA 69 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng số đông Tỳ-kheo Thượng tọa ngụ trong rừng Am- la, thuộc làng Am-la. Bấy giờ, trưởng giả Chất-đa-la đi đến chỗ các Tỳ-kheo Thượng tọa, cúi lạy sát chân rồi ngồi sang một bên. Lúc này, các Tỳ-kheo Thượng tọa liền vì trưởng giả Chất-đa-la mà thuyết 70 Sau khi thuyết pháp, mở pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ.69 bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho trưởng giả hoan hỷ rồi5 các Thượng tọa liền an tru trong tĩnh lặng. Trưởng giả Chất-đa-la liền rời khỏi chỗ ngồi, sửa lại y phục rồi quỳ gối chắp tay thưa các Thượng tọa: Con kính xin quý ngài thọ nhận bữa cơm đạm bạc do con cúng dường! Khi ấy, các Thượng tọa im lặng nhận lời. Trưởng giả nhận thấy các vị Thượng tọa đã im lặng nhận lời rồi, liền đảnh lễ rồi rời đi. Trở về đến nhà, trưởng giả cho người bày biện sẵn nhiều món ăn thức uống và trải tòa ngồi, rồi sáng sớm hôm sau sai người đến mời. Lúc ấy5 các Thượng tọa đắp y, ôm bát đến nhà trưởng giả và ngồi vào vi trí của mình. Trưởng giả cúi đầu lạy sát chân các Thượng tọa rồi ngồi sang một bên và bạch: Nói đến các loại giới, vậy các loại giới là những gì? Bấy giờ, các Thượng tọa im lặng. Trưởng giả ba lần thưa như vậy. Lúc ấy, Tôn giả Lê-tê-đạt-đa71 thuộc Tỳ-kheo hạ tọa trong đại chúng, liền thưa với các Tỳ-kheo Thượng tọa: Thưa các Tôn giả! Con muôn trả lời câu hỏi của trưởng giả ây.

Các Thượng tọa đáp: -Được lắm!

69 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.569. 0l50c08). Tham chiếu: s. 41.2 - IV. 283. 70 Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ (,,).Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tr. 105; Tạp.(T.02. 0099.92. 0023cl8). 71 Lê-tê-đạt-đa (,Isidatta).



Trưởng giả Chất-đa-la liền hỏi: Thưa Tôn giả! Nói đến các loại giới, vậy các loại giới là những gì?

Lê-tê-đạt-đa đáp: Này trưởng giả! Có nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới riêng biệt; nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới riêng biệt; tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới riêng biệt; thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới riêng biệt; thân giới, xúc giới, thân thức giới riêng biệt; ý giới, pháp giới, ý thức giới riêng biệt. Như vậy, này trưởng giả, đó gọi là các loại giới. Bây giờ, trưởng giả Chât-đa-la dâng lên nhiêu món ăn thượng hạng, thanh khiết cúng dường chúng Tăng. Khi chúng Tăng thọ thực, súc miệng, thu dọn y bát xong, trưởng giả Chât- đa-la liền trải tòa ngồi ở một nơi thấp phía trước các Thượng tọa để nghe pháp. Bấy giờ? các Thượng tọa liền thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ? khiến cho trưởng

giả hoan hỷ rồi các Thượng tọa rời đi. Trên đường thọ trai trở về, các Thượng tọa nói với Lê-tê-đạt-đa: -Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo Lê-tê-đạt-đa! Thầy thật nhạy bén, ứng đáp rất đúng lúc. Như đôi với trường hợp khác, thây cũng nên ứng đáp như thê. Các Thượng tọa nghe Lê-tê-đạt-đa nói xong đều hoan hỷ phụng hành. *** 570. TỲ-KHEO LÊ-TÊ-ĐẠT-ĐA (2)72 y Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật cùng với số đông Thượng tọa Tỳ-kheo ngụ trong rừng Am-la, thuộc làng Am-la. Bấy giờ, trưởng giả Chất-đa-la đi đến chỗ các Thượng tọa, đảnh lễ sát chân rồi lui ngồi một bên và thưa với các Thượng tọa:  Những luận thuyết ở thế gian cho rằng có ngã, có chúng sanh, có thọ mạng, có việc tốt xấu ở đời. Thưa Tôn giả! Những luận thuyết sai biệt này là do cái gì làm cội gốc, cái gì khiến tích tụ, cái gì làm sanh khởi, cái gì khiến lưu chuyển? Bây giờ, các Tỳ-kheo Thượng tọa im lặng không đáp. Trưởng giả hỏi ba lân như thế, các Thượng tọa vẫn im lặng. LÚC ây? có Tỳ-kheo hạ tọa là Lê-tê-đạt-đa thưa với các Thượng tọa:  Thưa các Thượng tọa! Con muốn trả lời câu hỏi của trưởng giả kia. Các Thượng tọa bảo:  Có thể trả lời được thì hãy trả lời!

72 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.570. 0151a09). Tham chiếu: s. 41.3 - IV. 285.



Trưởng giả liền hỏi Tôn giả Lê-tê-đạt-đa:  Những luận thuyết ở thế gian do cái gì làm cội gốc, cái gì khiến tích tụ, cái gì làm sanh khởi, cái gì khiến lưu chuyển? Tôn giả Lê-tê-đạt-đa đáp:  Này trưởng giả! Những luận thuyêt ở thê gian cho răng có ngã, có chúng sanh, có thọ mạng, có việc tốt xấu ở đời. Tất cả những luận thuyết ấy đều do thân kiến73 làm gốc, do thân kiến mà tích tụ, do thân kiến mà sanh khởi, do thân kiến mà lim chuyển. Trưởng giả lại hỏi:  Thế nào là thân kiến?

Tôn giả Lê-tê-đạt-đa đáp:  Này trưởng giả! Hàng phàm phu mê muội thiêu hiêu biêt thây sác là ngã, hoặc thấy sắc khác ngã, thấy sắc ở trong ngã, thấy ngã ở trong sắc; thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, thấy thức khác với ngã, thấy ngã ở trong thức, thấy thức ở trong ngã. Này trưởng giả! Đó gọi là thân kiến. Trưởng giả lại hỏi Tôn giả:  Làm thế nào để đạt đến không còn thân kiến này?

Tôn giả đáp: -Này trưởng giả! Vị Thánh đệ tử đa văn không thấy sắc là ngã, cũng không thây sac khác ngã, không thây sac trong ngã, cũng không thây ngã trong sac; không thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, không thấy thức khác với ngã, không thấy thức ở trong ngã cũng không thấy ngã có ở trong thức. Đó gọi là đạt được không còn thân kiến. Trưởng giả lại hỏi:  Thưa Tôn giả! Phụ thân của Tôn giả tên gì? Tôn giả được sanh ra ở đâu?  Nơi tôi sanh ra thuộc vùng đất phía sau nhà trưởng giả. Trưởng giả Chất-đa-la nói với Tôn giả Lê-tê-đạt-đa: -Vậy con và hai cụ thân sanh của Tôn giả vôn là chô quen biêt. Tôn giả Lê-tê-đạt-đa đáp: -Đúng như thế, thưa trưởng giả! Trưởng giả Chất-đa-la nói với Tỳ-kheo Lê-tê-đạt-đa:  Nếu Tôn giả có thể ở trong rừng Am-la này thì con nguyện suốt đời cúng dường y phục, thức ăn và thuốc men trị bệnh. Tôn giả Lê-tê-đạt-đa im lặng nhận lời.

73 Thân kiến ,sakkāyaditthi: Chấp có thật ngã.

Vì Tôn giả Lê-tê-đạt-đa nhận lời thỉnh cầu cúng dường của trưởng giả Chất- đa-la nên có sự trở ngại, ít khi đến chỗ Thế Tôn. Bấy giờ, các Tỳ-kheo Thượng tọa vì trưởng giả Chất-đa-la mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiên cho trưởng giả hoan hỷ74 rôi9 trưởng giả Chât- đa-la hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi rời đi. ***

571. THẦN BIẾN CỦA MA-HA-CA75 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật cùng với số đông Tỳ-kheo Thượng tọa ngụ trong rừng Amla, thuộc làng Am-la. Bấy giờ, trưởng giả Chất-đa-la đến chỗ các Tỳ-kheo Thượng tọa, đảnh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên và thưa với các Thượng tọa: Kính thỉnh quý Thượng tọa nhận lời cúng dường trai phạn của con tại thôn Ngiru Mục! Khi ấy, các Thượng tọa im lặng nhận lời. Trưởng giả Chất-đa-la nhận thấy các Thượng tọa đã im lăng nhận lời, liền vội trở về nhà. Suốt đêm hôm đó, gia đình trưởng giả chuẩn bị đầy đủ các món ăn thức uống, đến sáng sớm thì xếp đặt chỗ ngồi, rồi sai người đến bạch với các Thượng tọa biết đã đen giờ. Các Thượng tọa đắp y, ôm bát đến nhà trưởng giả Chất-đa-la trong thôn Ngưu Mục roi ngoi vào chỗ đã soạn sẵn. Lúc này, trưởng giả Chất-đa-la tự tay dâng cúng các thức ăn, uốnẹ. Sau khi các vi Thượng tọa thọ trai, súc miệng, rửa bát xong, trưởng giả Chât-đa-la liền dọn một chỗ ngồi thấp phía trước các Thượng tọa để nghe pháp. Khi ây, các Thượng tọa vì trưởng giả mà thuyêt pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho trưởng giả hoan hỷ.76 Sau đó, các Thượng tọa đứng dậy rời đi, trưởng giả Chât-đa-la cũng đi theo sau. Các Thượng tọa vì đã dùng tô, lạc và mật ong khá no, lại gặp lúc cuối mùa xuân, tiết trời nóng bức nên đi đường cảm thấy rất khó chịu. Bấy giờ, có Tỳ-kheo trẻ tuổi tên là Ma-ha-ca77 thưa với các Thượng tọa: Hôm nay, trời quá oi bức, con muốn làm cho trời tuôn mưa và gió mát có được không? Các Thượng tọa đáp: -Thầy có thể làm như vậy thì tốt lắm!

74 Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ ,,,.Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tr. 105; Tạp.r.O2. 0099.92. 0023c18. 75 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.571. 015lb 12. Tham chiếu: s. 41.4 - IV. 288. 76 Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ .Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tr. 105. 77 Ma-ha-ca Mahaka.



Khi ấy, Tỳ-kheo Ma-ha-ca liền nhập tam-muội, bằng chánh định như vậy, tức thì trời giăng mây, tuôn mưa nhẹ và gió mát từ bốn phương thổi đến. Khi Tăng đoàn đã về đến cửa tinh xá, Tôn giả Ma-ha-ca liền hỏi các Thượng tọa: 9

Thưa, con có thê dừng mưa được chưa? Các Thượng tọa đáp: -Dừng được rồi! Lúc ấy, Tỳ-kheo Ma-ha-ca liền thu nhiếp thần thông rồi trở về phòng riêng. Bấy giờ, trưởng giả Chất-đa-la suy nghĩ: Tỳ-kheo nhỏ nhất mà lại A 2 L CÓ sức thân thông lớn như vậy, huông gì là các bậc trung tọa và Thượng tẹ)a.” Nghĩ xong, trưởng giả liền đảnh lễ sát chân các Tỳ-kheo Thượng tọa, rồi đi theo Tỳ-kheo Ma-ha-ca đến phòng của Tỳ-kheo này, đảnh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên, sau đó thưa: Thưa Tôn giả, con muốn thấy Tôn giả biến hiện thần túc siêu việt.

Tôn giả Ma-ha-ca nói: Trưởng giả không nên xem, sẽ sợ hãi! Trưởng giả ba lần thỉnh cầu và Tôn giả Ma-ha-ca đều ba lần từ chối. Trưởng giả lại tiếp tục cầu thỉnh muốn được nhìn thấy Tôn giả hiện thần thông biến hóa. Tôn giả Ma-ha-ca liền bảo trưởng giả: Ông hãy ra ngoài lấy cỏ khô và củi gom lại thành đống, rồi lấy một tấm vải phủ lên trên. Trưởng giả Chất-đa-la y theo lời dạy của Tôn giả, ra ngoài gom củi thành đống rồi đến thưa với Tôn giả: Đống củi đã có và con đã dùng vải phủ lên! Khi ấy, Tôn giả Ma-ha-ca liền nhập tam-muội Hỏa quang, từ khe cửa liền phóng ra ngọn lửa, đốt cháy trụi đống củi, riêng tấm vải vẫn còn nguyên. Tôn giả nói với trưởng giả: - Ông đã thấy rồi phải không? Đáp: Thưa Tôn giả, con đã thấy! Thật là kỳ đặc!

Tôn giả Ma-ha-ca bảo trưởng giả: Ông nên biết, thần lực này đều nhờ vào sự tu tập không buông lung làm nền tảng, từ không buông lung mà tích tụ, từ không buông lung mà sanh khởi, từ không buông lung mà lưu chuyển. Nhờ không buông lung mà thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thế nên, này trưởng giả! Điều này cùng với những công đức khác thảy đều nhờ vào tu tập không buông lung làm gốc, từ không buông lung tích tụ, từ không buông lung mà sanh khởi, từ không buông lung mà lưu chuyển. Nhờ



9 . r

không buông lung nên được Vô thượng Chánh đăng Chánh giác cho đên thành 9

tựu các đạo phàm. Trưởng giả Chất-đa-la thưa với Tôn giả Ma-ha-ca: Kính thỉnh Tôn giả trụ lại trong rừng này, con nguyện trọn đời cúng dường y phục, thức ăn và thuốc thang trị bệnh. Tôn giả Ma-ha-ca vì có duyên sự phải rời đi nên không nhận lời trưởng giả. Trưởng giả Chất-đa-la nghe pháp xong hoan hỷ và tùy hỷ? đứng lên đảnh le roi rơi đi. Tôn giả Ma-ha-ca vì không muốn bị lợi dưỡng làm chướng ngại nên đã đứng dậy rời đi và không quay trở lại. ***

572. THAM DỤC78 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật cùng với số đông Tỳ-kheo Thượng tọa ngụ trong rừng Am-la. Bấy giờ, các Tỳ-kheo Thượng tọa nhóm họp ở nhà ăn rồi cùng nhau bàn luận: - Chư Tôn! Các vị nghĩ thế nào? Mắt trói buộc sắc hay là sắc trói buộc mắt? Cũng như vậy, tai trói buộc âm thanh hay âm thanh trói buộc tai, mũi trói buộc mùi hương hay mùi hương trói buộc mũi, lưỡi trói buộc vị hay vị trói buộc lưỡi, thân trói buộc xúc hay xúc trói buộc thân, ý trói buộc pháp hay là pháp trói buộc ý? Khi ấy, trưởng giả Chất-đa-la có việc đi ngang qua tinh xá, trông thấy các Tỳ-kheo Thượng tọa nhóm họp ở nhà ăn, liền đến trước đảnh lễ sát chân các bậc Thượng tọa và thưa hỏi: Quý Tôn giả nhóm họp ở nhà ăn để luận bàn về điều gì?

Các Thượng tọa đáp: Này trưởng giả! Chúng tôi hôm nay nhóm họp ở nhà ăn này cùng bàn luận với nhau về vấn đề: "Là mắt trói buộc sắc hay là sắc trói buộc mắt? Cũng như vậy, tai trói buộc âm thanh hay âm thanh trói buộc tai, mũi trói buộc mùi hương hay mùi hương trói buộc mũi, lưỡi trói buộc vị hay vị trói buộc lưỡi, thân trói buộc xúc hay xúc trói buộc thân, ý trói buộc pháp hay là pháp trói buộc y?" Trương gia hỏi: Thưa quý Tôn giả! Quý Tôn giả nói về nghĩa này như thế nào?

Chư Thượng tọa nói: Ý của trưởng giả thế nào?

78 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.572. 0151c29). Tham chiếu: s. 41.1 -IV. 281.



Trưởng giả thưa: Theo ý con thì không phải mắt trói buộc sắc, cũng không phải sắc trói buộc mắt,... (cho đến) không phải ý trói buộc pháp, cũng không phải pháp trói buộc ý. Tuy nhiên, ở giữa chúng có tham dục đi theo trói buộc. Ví như hai con trâu, một con đen và một con trắng cùng mang chung cái ách. Có người hỏi rằng: “Trâu đen trói buộc trâu trắng hay là trâu trắng trói buộc trâu dèn?" Có nên hỏi như thế không? Chư Thượng tọa đáp: Này trưởng giả! Chăng nên hỏi như vậy. Vì sao như vậy? Vì không phải trâu đen trói buộc trâu trắng, cũng chẳng phải trâu trắng trói buộc trâu đen mà cái ách kia là vật trói buộc chúng. Thưa quý Tôn giả! Cũng như vậy, không phải mắt trói buộc sắc, cũng không phải sác trói buộc mát,... (cho đên) không phải ý trói buộc pháp, cũng không phải pháp trói buộc ý? nhimg ở giữa chúng có tham dục trói buộc. Bây giờ, trưởng giả Chât-đa-la nghe các Tỳ-kheo Thượng tọa nói xong đã hoan hỷ và tùy hỷ? đảnh lễ rồi rời đi. ***

573. NGOẠI ĐẠO LÕA HÌNH79

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại rừng Am-la.

Bấy giờ, có ngoại đạo A-kỳ-tỳ80 vốn là bạn thâm giao của cha trưởng giả8182

Chất-đa-la, đi đến chỗ Chất-đa-la9 cùng nhau ân cần thăm hỏi rồi đứng qua một bên.

Trưởng giả Chất-đa-la liền hỏi ngoại đạo A-kỳ-tỳ:

Nhân giả xuất gia được bao lâu rồi?

Đáp: Thưa trưởng giả! Tôi xuất gia đến nay đã hơn hai mươi năm. Trưởng giả Chất-đa-la lại hỏi: Nhân giả xuất gia đã hơn hai mươi năm, vậy có đạt được pháp thượng nhân,82 có sự thấy biết rốt ráo83 và sống an lạc không?

79 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.573. 0152a23). Tham chiếu: s. 41.9 - IV. 300. 80 A-kỳ-tỳ (,Acela): Lõa hình ngoại đạo. 81 Nguyên tác: Trưởng giả tiên nhân ()Thân phụ của trưởng giả. s. 41.9 - IV. 300: Purānagihisahāyo (bạn cũ của gia chủ). 82 Nguyên tác: Quá nhân pháp ()Pháp của bậc thượng nhân. 83 Nguyên tác: Cứu cánh tri kiến ()Lãnh ngộ chân lý.



A-kỳ-tỳ đáp: Này trưởng giả! Tuy tôi xuất gia đã hơn hai mươi năm, nhưng vẫn chưa được pháp thượng nhân, chưa đạt được thấy biết rốt ráo và sống cũng không an lạc. Tôi chỉ thực hành pháp lõa hình, nhô tóc, du hành, khát thực trong nhân gian và nằm trên tro đất. Trưởng giả Chất-đa-la bảo: -Việc này không đúng với Giáo pháp và Giới luật, đây là nhận biết sai lệch, chẳng phải là đạo giải thoát, không đưa đến giác ngộ, không phải là việc đáng khen, không đáng để nương tựa. Thật là uổng phí vì mang danh xuất gia đã hơn hai mươi năm nhưng ông chỉ biết hành pháp lõa hình, nhổ tóc,

du hành, khất thực trong nhân gian và nằm trên tro đất. Ngoại đạo A-kỳ-tỳ hỏi trưởng giả Chât-đa-la: Ong làm đệ tử của Sa-môn Cù-đàm được bao lâu roi? Trưởng giả Chất-đa-la đáp: -Tôi làm đệ tử của Thế Tôn đã hơn hai mươi năm. Lại hỏi trưởng giả Chất-đa-la: Ông làm đệ tử của Sa-môn Cù-đàm đã hơn hai mươi năm, vậy đã được pháp thượng nhân và đạt được thấy biết rốt ráo chưa? Trưởng giả Chất-đa-la đáp: -Ông nên biết! Trưởng giả Chất-đa-la tôi đây sẽ không còn bị thọ sanh vào bào thai nữa, sẽ không còn chết di, lại cũng không còn sanh ra từ khí huyết. Giống như lời Thế Tôn nói: uĐối với năm hạ phần kiết sử, Như Lai không còn thây một kiêt sử nào chưa đoạn. Nêu còn một kiêt sử nào chưa đoạn sẽ còn sanh lại cõi đời này.,, Trong lúc trưởng giả nói như thế, A-kỳ-tỳ càng buồn bã rơi lệ, vén y lau nước mắt và nói với trưởng giả Chất-đa-la: -Toi nen lam gì bay giơ? Trưởng giả Chất-đa-la nói: Nêu ông có thể xuất gia theo đúng Chánh pháp, tôi sẽ cung cấp y bát và các vật dụng cần thiết. Ngoại đạo A-kỳ-tỳ suy nghĩ một lúc rồi nói với trưởng giả Chất-đa-la: Nay tôi xin tùy hỷ? ông hãy chỉ cho tôi những việc cần làm! Khi ấy, trưởng giả Chất-đa-la liền đưa A-kỳ-tỳ đến chỗ các Thượng tọa, đảnh lễ sát chân các Thượng tọa rồi ngồi qua một bên và thưa: Thưa quý Thượng tọa! A-kỳ-tỳ này vốn là bạn thâm giao của cha con, nay xin được xuất gia làm Tỳ-kheo, mong quý Thượng tọa độ cho xuất gia. Con sẽ cung cấp y bát và các vật dụng cần thiết.

QUYỂN 21 649

Các Thượng tọa liền cho A-kỳ-tỳ xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa. Sau khi xuất gia rồi, A-kỳ-tỳ tự mình tư duy về mục đích mà người thiện nam cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, xuất gia tinh tấn học đạo, tịnh tu Phạm hạnh... rồi chứng quả A-la-hán. ***

574. NI-KIỀN NHÃ-ĐÈ TỬ84 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật cùng với các Tỳ-kheo Thượng tọa ngụ trong rừng Am- la, thuộc làng Am-la. Bấy giờ, có Ni-kiền Nhã-đề tử85 cùng với năm trăm quyến thuộc đi đến rừng Am-la và muốn dụ dỗ trưởng giả Chất-đa-la làm đệ tử. Trưởng giả Chất-đa-la sau khi nghe tin Ni-kiền Nhã-đề tử cùng với năm trăm quyến thuộc đến rừng Am-la và muốn dụ dỗ mình làm đệ tử, ông liền đi đên chô Ni-kiên Nhã-đê tử, cùng chào hỏi nhau xong roi môi người ngôi qua một bên. Bấy giờ, Ni-kiền Nhã-đề tử nói với trưởng giả Chất-đa-la: Ông có tin Sa-môn Cù-đàm đã được tam-muội Vô giác vô quán86 không? Trưởng giả Chất-đa-la đáp: -Tôi không vì niềm tin mà đến đây. Ni-kiền Nhã-đề tử nói: -Này trưởng giả! Ông không quanh co, không dối trá, thành thật, bản tánh ngay thẳng. Này trưởng giả! Nếu người có thể dứt trừ được trạng thái tâm có giác có quán87 thì người ấy có thể dùng dây để buộc được gió; nếu dứt được có giác có quán thì người ấy cũng có thể dùng một nắm đất để ngăn dòng nước sông Hằng. Ta đối với việc di, đứng, nằm, ngồi thường sanh trí hiểu biết. Trưởng giả Chất-đa-la hỏi Ni-kiền Nhã-đề tử: -Tín đặt ở trước hay trí ở trước? Tín và trí cái nào đặt trước, cái nào thù thắng hơn? Ni-kiền Nhã-đề tử đáp: Tín phải ở trước, sau đó là có trí. Tín so với trí thì trí thù thắng hơn. Trưởng giả Chất-đa-la nói với Ni-kiền Nhã-đề tử: -Tôi đã vượt khỏi trạng thái có giác có quán, được trụ trong nội tĩnh nhất tâm, không giác không quán, có hỷ lạc do định sanh, an trụ đầy đủ Thiền thứ

84 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.574. 0152b28. Tham chiếu: s. 41.8 - IV. 297. 85 Ni-kiền Nhã-đề tử ,Nigantha Nātaputta. 86 Vô giác vô quán tam-muội Định không tầm và không tứ, từ Nhị thiền trò lên. 87 Nguyên tác: Hữu giác hữu quán .Định ở giai đoạn còn tầm và tứ.



hai. Ban ngày tôi cũng trụ trong tam-muội này, ban đêm tôi cũng trụ trong tam- muội này. Có trí như vậy thì cần gì tin Thế Tôn? Ni-kiền Nhã-đề tử nói: Ông quanh co, dối trá, không ngay thẳng, bản tánh không ngay thang. Trưởng giả Chất-đa-la nói: Lúc nãy ông đã nói là tôi không quanh co, không dôi trá, ngay thăng, bản tánh ngay thăng, sao bây giờ lại nói là tôi quanh co, dôi trá, không ngay thăng, bản tánh không ngay thẳng? Nấu như lời trước của ông là thật thì lời sau là dối trá, còn nếu lời sau là thật thì lời trước là dối trá! Trước ông đã tự mình cho rằng: "T6i đối với việc di, đứng, nằm, ngồi thường sanh trí hiểu biết." Đối với vân đê trước và sau, việc nhỏ như vậy mà ông còn chăng rõ thì làm sao biêt được pháp thượng nhân, làm sao có được thấy biết và sống trong an lạc? Trưởng giả lại hỏi Ni-kiền Nhã-đề tử: Có người có khả năng đáp được tất cả những vấn đề người khác hỏi. Ông _ _x * r CÓ khả năng này không? Nêu ông không có khả năng đáp được tát cả những vấn đề người khác hỏi thì làm sao có thể dụ dỗ được tôi mà lại đến rừng Am-la này để dụ dỗ tôi? Ngay lúc ấy, Ni-kiền Nhã-đề tử uất nghẹn, lắc đầu, xá chào mà đi, không dám quay nhìn lại. ***

575. GIÁO HÓA KHI BỆNH88 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật cùng với số đông Tỳ-kheo Thượng tọa ngụ trong rừng Am-la, thuộc làng Am-la. Bấy giờ, trưởng giả Chất-đa-la bị bệnh nặng, các thân quyến vây quanh, lại có nhiều chư thiên đến bên trưởng giả Chất-đa-la rồi nói với trưởng giả: Này trường giả! Ong hãy phát nguyện đời sau được làm Chuyên Luân Vương. Trưởng giả Chất-đa-la nói với chư thiên: Cho dù được làm Chuyển Luân Vương thì vẫn bị chi phối bởi vô thường, khổ5 không và vô ngã. Bay giờ, các thân quyến liền nói với trưởng giả: Ông hãy buộc niệm, ông hãy buộc niệm! Trưởng giả Chất-đa-la hỏi các thân quyến: Vì sao mọi người bảo tôi phải buộc niệm? Những người quyến thuộc đáp:

88 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.575. Ol53aO3). Tham chiếu: s. 41.10-IV. 302.



Ông có nói rằng: "V6 thường, khổ, không và vô ngã?5 Thế nên chúng tôi khuyên ông hãy buộc niệm, buộc niệm. Trưởng giả nói với các quyến thuộc: Vì có chư thiên đến chỗ tôi, nói với tôi: "Ong hãy phát nguyện đời sau được làm Chuyển Luân Vương thì ông sẽ thành tựu đúng theo sở nguyên" nên tôi mới trả lời họ: "Chuyển Luân Vương cũng bi chi phối bởi vô thường, khổ, không và vô ngã.95 Các quyên thuộc hỏi trưởng giả Chât-đa-la: Chuyên Luân Vương có gì mà chư thiên khuyên ông phát nguyện làm? Trưởng giả đáp: -Chuyển Luân Vương luôn dùng Chánh pháp để trị vì và giáo hóa dân chúng. Vì chư thiên thấy được phước lợi đó nên mới đến bảo tôi phát nguyện mong cầu. Các thân quyên hỏi: -Nay ông dụng tâm như thế nào? Trưởng giả đáp: Này các

thân quyên! Nay tôi tâm nguyện không còn thọ sanh vào bào thai nữa, cũng sẽ không còn chiu sự chết chóc, lại cũng không thọ nhận thân khí huyết. Giống như lời Thế Tôn nói: "Đối với năm hạ phần kiết sử, Như Lai đã dứt sạch, Như Lai tự thấy không còn một kiết sử nào chưa được đoạn trừ. Nếu còn một kiết sử nào chưa đoạn sẽ còn sanh lại cõi đời nAy." Ngay lúc ấy, trưởng giả liền ngồi dậy, kiết-già tĩnh tọa, buộc niệm trước mặt và nói kệ: Dùng thứ mình tích chứa, Vượt qua mọi chướng nạn, Bô thí gieo ruộng phước, Vun trồng năm chủng lực.89 Nhờ tu tập nghĩa ấy, Nên tuy là tục gia Ta cũng được lợi này, Vượt thoát các khổ nạn. Thế gian hiểu, tu tập, Xa lìa các khổ đau, Sống vui trong giải thoát, Vâng theo Đẳng Chánh Giác. Cúng dường người trì giới, Và người tu Phạm hạnh, A-la-hán sạch lậu, Và ẩn sĩ90 Thanh văn. Nhận biết siêu việt này, Vượt hơn mọi điều thiện, Thường hành pháp bố thí, Sẽ được phước lợi lớn. Biết cúng dường đại chúng, Là gieo ruộng phước lành, Thì đời này mạng chung, Được sanh về cõi trời.

89 Nguyên tác: Ngũchủng lực ,gồm tín lực ,tấn lực ,niệm lực ,định lực và tuệ lực . 90 Nguyên tác: Mâu-ni Muni.



Hưởng năm dục đầy đủ, Tâm vô cùng an vui, Được quả tót đẹp này, Nhờ tâm không bon xẻn, Vậy nên nơi thọ sanh, Luôn là nơi an lạc. Trưởng giả Chất-đa-la nói kệ này xong liền lâm chung, được sanh về cõi trời Không Nhiệt Não.91 Khi đã sanh lên cõi trời, thiên tử Chất-đa-la suy nghĩ: "Ta không nên ở yên nơi này mà nên đến Diêm-phù-đề đảnh lễ các Tỳ-kheo Thượng tg" Thế rồi, r /y e r : \ trong khoảnh khác như lực sĩ co đuôi cánh tay, thiên tử Chât-đa-la dùng thân lực hiện đến rừng Amla, phóng ánh sáng từ thân chiếu soi khắp rừng Am-la. Khi ấy, có vị Tỳ-kheo đang đêm rời phòng ra ngoài kinh hành nơi đất trống, trông thấy có ánh sáng diệu kỳ chiếu khắp rừng cây, liền dùng kệ hỏi: Sắc trời nào vi diệu, Trụ ở giữa hư không, ĩ Giông như núi vàng ròng, Ánh sáng Diêm-phù-đàn? Thiên tử Chất-đa-la nói kệ đáp: Tôi là vua trời, người, Vốn đệ tử của Phật, Trong rừng Am-la này, Tôi là Chất-đa-la. Nhờ tịnh giới đầy đủ, Chánh niệm tu tịch tinh, Mà được thân giải thoát, Thân trí tuệ tròn đầy. Toi đen vì rõ pháp, Nhân giả cũng nên rõ, Hãy đến Niết-bàn kia, Pháp này vốn như vậy. Nói kệ xong, thiên tử Chất-đa-la liền biến mất.92

91 Nguyên tác: Bất Phiền Nhiệt thiên ,tức Vô Phiền thiên . 92 Bản Hán, hết quyển 21.



QUYỂN 22

576. VƯỜN NAN-ĐÀ1

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trời gần về sáng, có một thiên tử dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ đức Phật, đảnh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử chiếu soi khắp rừng Kỳ-đà? vườn cấp Cô Độc.

Khi ấy, vị thiên tử kia dùng kệ bạch Phật:

IGiông ở rừng Nan-đà,2 Trọn chẳng được hỷ lạc, ở cung trời Đao-lợi, Được danh xưng Thiên đế.

Bay giơ, The Ton noi kẹ đáp:

Ông trẻ con đâu biết, A-la-hán đã nói,

Các hành đều vô thường, Thảy là pháp sanh diệt,

Có sanh thì sẽ diệt, Tịch diệt mới thật vui.

Lúc ấy, thiên tử kia lại nói kệ:

Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn,

Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian.

Bấy giờ, thiên tử ấy nghe đức Phật dạy xong đã hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ dưới chân đức Phật rồi biến mất.

***

577. BUỘC RÀNG3

Tôi nghe như vây:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước

Xá-vệ.

1 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.576. 0153c05). Tham chiếu: Biệt Tạp.(7102. 0100.161. 0435a06); Tăng.(T.02. 0125.31.9. 0672b03); s. 1.11 -1.5. 2 Nguyên tác ^Nan-da lâm (Nandana), tên một khu vườn ở cõi trời Đao-lợi, còn gọi là vườn Hoan Hỷ ). 3 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Thơ.(T.02. 0099.577. 0153c20). Tham chiếu: Biệt Tạp.(Z02. 0100.162. 0435a22); BỉẹÍTạp.(702. 0100.299. 0476ỒỒ25); s. 10.2 L 206.



Bấy giờ, trời gần về sáng, có một thiên tử dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ đức Phật, đảnh lễ sát chân Phật rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, thiên tử kia liền dùng kệ hỏi: Đoạn trừ mọi buộc ràng, Bậc Mâu-ni không nhà, Sa-môn hành giáo hóa, Tôi lại không ngợi ca. LÚC ây, The Tôn noi kẹ đáp: Tất cả loài chúng sanh, Thảy trói buộc lẫn nhau, Người trí nhìn thấy vậy, Lẽ nào không thương đau? Thiện Thệ xót chúng sanh, Nên thường khuyên dạy họ, Người thương xót chúng sanh, Mới là người đúng pháp. Bấy giờ, thiên tử kia lại nói kệ: Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn? Mọi sợ hãi không còn5 Dứt ân ái thế gian. Bấy giờ, thiên tử kia nghe Phật dạy xong đã hoan hỷ và tùy hỷ rồi biến mất. *** 578. BIÊT HỔ THẸN4 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà5 thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, trời gần về sáng, có một thiên tử dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ đức Phật, đảnh lễ sát chân Ngài. Ánh sáng trên thân thiên tử chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. J Khi ấy, thiên tử kia dùng kệ hỏi: Thường hành tâm hổ thẹn, Người này luôn luôn có, Khéo xa lìa điều ác, Như tuấn mã nhìn roi. Bay giơ, The Ton noi kẹ đáp: Thường hành tâm hổ thẹn, Người này thật ít có, Khéo xa lìa điều ác, Như tuấn mã nhìn roi. Thiên tử kia lại nói kệ: Từ lâu vốn biết Phật, Đã được

Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian. Bấy giờ, thiên tử kia nghe đức Phật dạy xong đã hoan hỷ và tùy hỷ rồi biến mất. *** 4 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.578. 0154a06). Tham chiếu: Biệt Tạp.(T02. 01Ỏ0.163. 0435b08); s. 1.18 - L 7

QUYỂN 22 655

579. CHÁNH PHÁP5

Tôi nghe như vầy:

Một thòi, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. ,

Bấy giờ, trời gần về sáng, có một thiên tử dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ đức Phật, đảnh lễ sát chân Ngài. Ánh sáng trên thân thiên tử chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà? vườn cấp Cô Độc. ỘC.

Khi ấy, thiên tử kia dùng kệ hỏi Phật:

Không tu theo Chánh pháp, Tham đăm các tà kiên,
Ngủ mê không tỉnh giác, Nhiều kiếp tâm ngộ chăng?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Chuyên tu theo Chánh pháp, Xa lìa nghiệp bất thiện,
Là La-hán lậu tận5 Bậc giải thoát ở đời.

Thiên tử kia lại nói kệ:

Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn?
Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian.

Bấy giờ, thiên tử kia nghe đức Phật dạy xong đã hoan hỷ và tùy hỷ rồi biến mất.
***

580. ĐIỀU PHỤC6

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà9 thuộc nước Xá-vệ. J

Bấy giờ, trời gần về sáng, có một thiên tử dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ đức Phật, đảnh lễ sát chân Ngài. Ánh sáng trên thân thiên tử chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà? vườn cấp Cô Độc.

Khi ấy, thiên tử kia dùng kệ hỏi:

Nương pháp để điều phục, Không rơi vào tà kiến,
Tuy còn đắm ngủ nghỉ, Nhưng sẽ tùy thời ngộ.

Thê Tôn noi kê đáp:

Khéo nương pháp điêu phục, Không rơi vào tà kiên,
Sẽ dứt sạch vô minh, Thoát ái nhiễm thường tình.

5 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.579. 0154a20) Tham chiếu: Biệt Tạp.(T02. 0100.164. 0435ỒỒ21); s. 17 - L 4. 6 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.580. 0154ỒỒ05). Tham chiếu: Biệt Tạp.(T02. 0100.165. 0435C05); s. L8 -

L 4.

656 KINH TẠPA-HÀM

Thiên tử kia lại nói kệ: Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian. Bấy giờ, thiên tử kia nghe Phật dạy xong đã hoan hỷ và tùy hỷ rồi biến mất. *** 581. ĐƯỢC NÓI TÔI, CỦA TÔI7 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, trời gần về sáng, có một thiên tử dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ đức Phật rồi lạy sát chân Ngài. Ánh sáng trên thân thiên tử tỏa chiếu khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, thiên tử kia dùng kệ hỏi: Như Tỳ-kheo La-hán? Việc cân làm đã xong, Các lậu đều dứt sạch, Mang thân sau cùng này, Có thể nói là "t6i", Và cái "cha t6i" không? Bây giờ, The Ton noi kê đáp: Như Ty-kheo La-hán, Việc cần làm đã xong, Các lậu đều dứt sạch, Mang thân sau cùng này, Nếu có nói rằng "Cha tôr\ cũng không lỗi. Thiên tử lại dùng kệ hỏi: Nếu Ty-kheo La-han, Việc cân làm đã xong, Các lậu đều dứt sạch, Mang thân sau cùng này. Tâm nương vào ngã mạn, Mà nói rằng là Và nói là "cha t6i", Có thể nói thế không? Bay giơ, The Ton noi kẹ đáp: Đã xa lìa ngã mạn, Tâm ngã mạn không còn, Vượt ngã và ngã sở, Ta gọi là lậu tận. Đối với “của t6i” Tâm không còn chấp trước, Rõ danh tự thế gian, Bình đẳng giả danh nói. Thiên tử kia lại nói kệ: Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn? Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian. Bấy giờ, thiên tử kia nghe đức Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ rồi biến mất. *** 7 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp. B(T.O2. 0099.581. o 154b 19). Tham chiếu: Biệt Tạp.(Z02. 0100.166. 0435c! 8); Đại trí độ luấn (Z25. 1509.1. 0064a21-a25); s. 1.25 - L 14.

QUYỂN 22 657

582. DANH Tự LÀ GIẢ DANH8

Tôi nghe như vay:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trời gần về sáng, có một thiên tử dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ đức Phật rồi lạy sát chân Ngài. Ánh sáng trên thân thiên tử tỏa chiếu khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc.

Khi ấy, thiên tử kia dùng kệ hỏi:

Như Tỳ-kheo La-hán, Sạch lậu, thân sau cùng,
Có thể nói là "t6i” Và cái "cha t6i" không?

The Ton noi kẹ đáp:

Như Tỳ-kheo La-hán, Lậu tận, thân sau cùng,
Cũng được nói là Cũng nói là "cha t6i."

Thiên tử kia lại dùng kệ hỏi:

Như Tỳ-kheo La-hán, Việc cần làm đã xong,
Đã sạch các hữu lậu, Chỉ còn thân sau cùng.
Sao còn nói có Và có cái "của tôf5?

The Ton nói kẹ đáp:
Như Tỳ-kheo La-hán, Việc cần làm đã xong,
Đã sạch các hữu lậu, Chỉ còn thân sau cùng.
Ta nói họ sạch lậu, Không còn chấp ngã sở?
Rõ danh tự thế gian, Bình đẳng giả danh nói.
Bây giờ, thiên tử kia nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ roi biên mát.
***

583. NGUYỆT THIÊN TỬ9 r , A . Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có vua loài a-tu-la là La-hầu-la10 che phủ mặt trăng.11 Khi ấy, các thiên tử ở mặt trăng thảy đều sợ hãi, cùng đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi đứng sang một bên và nói kệ ca ngợi:

8 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.Q.02. 0099.582. 0154cl6). Tham chiếu: Biệt Tạp.(T02. o l ỏo. 166.0435c 18); Đại trí đô luấn (Z25. 1509.1. 0064a21-a25); s. 1.25 - L 14. 9 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.Q2. 0099.583. 0155a07). Tham chiếu: Biệt Tạp.(Z02. 0100.167. 0436a05); s. 2.9 -1. 50 10 La-hầu-la a-tu-la vương (,Rāhu asurinda). 11 Nguyệt thiên tử ( Candimā), tên gọi của mặt trăng.



Kính lễ đấng Giác Ngộ, Bậc đã vượt mọi chướng, Nay chúng con gặp khổ, Nên đến quy y Ngài. Chúng con ở mặt trăng, Quy y đấng Thiện Thệ, Xin Ngài thương thế gian, Giải nạn a-tu-la. The Ton liên noi kẹ đáp: Phá tan mọi tăm tối, Ánh sáng chiếu hư không, Nay Tỳ-10"giá-na?12 Phóng ánh sáng thanh tịnh, La-hầu liền chạy tránh, Phóng bay nhanh như thỏ. La-hầu bỏ mặt trăng, Vội vàng quay trở về, Toàn thân toát mồ hôi, Trong lòng đầy khiếp sợ, Than tam đêu hon me, Giống như người bệnh nặng. Bấy giờ, có a-tu-la tên là Bà-tiĩ13 nhìn thấy a-tu-la La-hầu-la vội vàng từ bỏ mặt trăng mà quay về9 liền nói kệ: A-tu-la La-hâu, Sao vội bỏ mặt trăng? Than tam đêu hon me, Giống như người bệnh vậy. A-tu-la La-hầu-la nói kệ đáp: Cù-đàm đọc chú nguyện, Nếu không bỏ mặt trăng, Thì đau toi vỡ vụn, Chịu khổ như sắp chết. A-tu-la Bà-tn nói kệ: Phật xuất hiện, hiếm có, Giúp an ổn thế gian, Lời chú nguyện của Ngài, Khiến La-hầu bỏ ác. Đức Phật nói kinh này xong, các thiên tử ở mặt trăng nghe đức Phật dạy đều hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi rời đi. *** 584. DÒNG TỘC VÀ TRÓI BUỘC14 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, trời gần về sáng, có một thiên tử dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ đức Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử tỏa chiếu khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc.

12 Tỳ-lô-giá-na (,Verocana) chỉ cho mặt trời. 13 Bà-tn (,Vepacitti), một vị thần a-tu-la. 14 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.584. 0155b05). Tham chiếu: Biệt Tạp.(T02. 0100.168. 0436b02); S. 1719-1.8*

Khi ây? thiên tử này dùng kệ hỏi: Ngài có tông tộc không? Có tộc nối dõi không?15 Có thân thuộc gì không? Làm sao để giải thoát? The Ton noi kê đáp: Ta không có tông tộc, Cũng không tộc nối dõi, Dứt hẳn các thân thuộc, Giải thoát mọi buộc ràng. Lúc đó, thiên tử lại dùng kệ hỏi: Sao gọi là tông tộc? Tọc nôi dõi la ai? Thế nào là thân thuộc? Buộc chặt nghĩa là sao? Bay giơ, The Ton noi kệ đáp: Mẹ chính là tông tộc, Vợ là tộc nối dõi, Con cái là thân thuộc, Ái dục là trói buộc. Ta không tông tộc này, Cũng không tộc nối dõi, Và thân thuộc cũng không, Nên không còn trói buộc. Thiên tử lại nói kệ: Lành thay, không tông tộc, Cũng không tộc nối dối, Lành thay, không thân thuộc, Lành thay, thoát buộc ràng Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn? Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian. Đức Phật nói kinh này, thiên tử kia nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ sát chân Phật rồi biến mất. *** 585. KHÔNG VUI, KHÔNG BUÔN15 16 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại tháp Ưu-la-đề-na của họ Thích. Bấy giờ, Thế Tôn vừa mới cạo râu tóc. Vào cuối đêm, Ngài lấy y phủ lên đầu roi ngôi kiêt-già, thân ngay thăng, tâm không loạn động, buộc niệm trước mặt. Lúc này, gần bên tháp Ưu-la-đề-na có thiên thần cư ngụ, thân phóng ra ánh sáng, chiếu khắp tinh xá rồi bạch Phật rằng: Sa-môn! Ngài đang lo buồn sao?

Phật nói với thiên thần:  Ta có mất mát gì đâu mà lo buồn?

15 Nguyên tác: Tộc bản ()Gia tộc. s. 1.19 - L 17: Kacci te kutikā natthi, kacci natthi kulāvaka kacci santānakā natthi, kacci muttosi bandhana 'ti. (Ngài không có chòi tranh / Ngài không có tổ ấm / Ngài không có con cháu / Ngài thoát mọi ràng buộc). Bản Hán đọc là kulā (gia tộc); SA .19 - L 17 đọc là kutikā (chòi tranh); Biệt Tạp.(T02. 0100.168. 0436b06) đọc là 4tgông cùm^, (tí). 16 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.585. 0155b29). Tham chiếu: Biệt Tạp.(T02. 0100.169. Ỏ436b27); s. 218 - L 54.



Thiên thần lại hỏi:
-Sa-môn! Ngài đang vui mừng ư?
Phật nói với thiên thần:
-Ta có được gì đâu mà vui mừng?
Thiên thần lại hỏi:
 Sa-môn! Ngài không lo buồn cũng không vui mừng phải không?
Phật nói với thiên thần:
 Đúng vậy, đúng vậy!
Bấy giờ, thiên thần dùng kệ hỏi:
Vì đã lìa phiền não, Hay không còn vui mừng,
Sao Ngài ở một mình, vẫn cảm thấy an vui?
,
The Ton noi kê đáp:
Ta buồn đâu mà thoát, Cũng chăng có mừng vui,
Ta không vui, không buồn, Cho nên sống một mình.
Thiên thần ấy lại dùng kệ hỏi:

Sao để được vô lo, Sao được không mừng vui,
Làm sao sống một mình, Không bị buồn phá hoại?
Thế Tôn nói kệ đáp:
Buồn phiền sanh mừng vui, Mừng vui sanh buồn phiền,
Không buồn cũng không vui, Thiên than hãy gìn giữ.
Thiên thần lại nói kệ:
Lành thay, không buồn phiền, Lành thay, không mừng vui.
Lành thay, sống một mình, Không buồn vui quấy phá.
Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn?
Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian.
Bấy giờ, thiên thần ấy nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ5 đảnh lễ sát chân Phật rồi biến mất.
***
586. NHƯ CỨU LỬA CHÁY ĐẦU 7
Tôi nghe như vầy:
Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước
Xá-vệ.
Bấy giờ, vào lúc cuối đêm, có một thiên tử dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ đức Phật roi lạy sát chân Ngài. Ánh sáng trên thân thiên tử tỏa chiêu khắp rừng
Kỳ-đà? vườn cấp Cô Độc.
17 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.586. 0155c26). Tham chiếu: Biệt Tạp.(T02. 0100.170. Ỏ436c29); s. 121 - L 13; s. 2.16 - L 53.



Khi ấy, thiên tử kia nói kệ:
Như gươm bén sát hại, Như cứu lửa cháy đầu,
Đoạn trừ lửa tham dục, Chánh niệm cầu giải thoát.
Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:
Như gươm bén sát hại, Như cứu lửa cháy dầu,
Đoạn trừ thân sau cùng, Chánh niệm cầu giải thoát.
Khi ấy, thiên tử kia lại nói kệ:
Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn,
Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian.
Bấy giờ, thiên tử ấy nghe Phật nói xong, hoan hỷ và tùy hỷ, cúi đầu lễ chân
Phật roi biến mất.
***
587. RA KHỎI RỪNG SANH TỬ18
Tôi nghe như vầy:
Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước
Xá-vệ.

Bấy giờ, vào lúc cuối đêm, có thiên tử dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ Phật roi lạy sát chân Ngài. Anh sáng trên thân thiên tử tỏa chiêu kháp rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc?
Khi ây, thiên tử dùng kệ hỏi:
Các thiện nữ vây quanh, Như chúng Tỳ-xá-chỉ,19
Trong rừng rậm si mê, Nhờ đâu được ra khỏi?
Bay giơ, The Ton noi kẹ đáp:
x 9
Chánh trực, đường băng phăng, Phương hướng, lìa sợ hãi, Cưỡi cỗ xe tịch mặc, Dùng tưởng pháp phủ che.20 Tàm, quý làm vòng cổ, Chánh niệm là dây buộc, Trí tuệ, người đánh xe, Chánh kiến dẫn đường trước CÔ xe mâu nhiệm ây, Cùng đưa cả nam, nữ, Ra khỏi rừng sanh tử, Chóng đến nơi an lạc.

18 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.587. 0156all). Tham chiếu: Biệt Tạp. (7102. 0100.171. 0437al3); S. 1.46 -ỉ. 33. 19 Tỳ-xá-chỉ (Pisācā): Quỷ uống máu. 20 Nguyên tác: Chanh trực bình đẳng đạo, ly khủng bố chi phươỊIg, thừa tĩnh mặc chi xa, pháp tướng vinẫtphú(liw,•,).Tham chiếu: S. 1.46 -1. 69:
Ujuko nāma so maggo, abhayā nāma sã disā, ratho akūjano nāma, dhammacakkehi samyuto. (Đường áy tên chơn trực / Phương ấy danh vô úy / cỗ xe gọi vô thanh / Với pháp luân khéo ráp), HT. Thích Minh Châu dịch. Biệt Tạp.(T02. 0100.171. 0437a20):
Chánh ừyc danh vi đạo, vô úy danh phương tiện, vô thanh danh khoái lạc, năng phúc thiện giác quán (



Khi ấy, thiên tử kia lại nói kệ:
Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn,
Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian.
Bấy giờ, thiên tử ấy nghe Phật nói xong, hoan hỷ và tùy hỷ, lạy sát chân
Phật roi biến mất.
***
588. PHẬN NGƯỜI NHƯ cô XE21
Tôi nghe như vây:
Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước
Xá-vệ.
Bấy giờ, vào lúc cuối đêm, có thiên tử dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ Phật rồi lạy sát chân Ngài. Ánh sáng trên thân thiên tử tỏa chiếu khắp rừng Kỳ-đà?
vườn Cấp Cô Độc.
Khi ấy, thiên tử kia dùng kệ hỏi:
Xe bốn bánh, chín cửa,21
22 Chở đầy những tham dục,
Lún sâu trong bùn lầy, Voi lớn sao kéo ra?
Bây giơ, The Tôn noi kê đáp:

Cắt đứt dây ái hỷ, Tham dục và xấu ác,
Nhổ sạch gốc ái dục, Thẳng hướng đến Niết-bàn.
Thiên tử kia lại nói kệ:
Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn,
Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian.
Bấy giờ, thiên tử ấy nghe Phật nói xong, hoan hỷ và tùy hỷ, lạy sát chân
Phật rồi biến mất.
***

589. MONG ĐƯỢC GIÀU có23 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ, vào lúc cuôi đêm, có thiên tử dung sác tuyệt đẹp đi đên chô Phật rồi lạy sát chân Ngài. Ánh sáng trên thân thiên tử tỏa chiếu khắp rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc?

21 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.588. 0156a29). Tham chiếu: Biệt Tạp.(Z02. 0100.172. Ò437b01); s. 1.29 -L 16; s. 2.28 L 63. 22 Tứ luân cửu môn (catucakkam navadvāram): cỗ xe gồm 4 bánh xe và 9 cửa, ẩn dụ chỉ cho thân thê con người, gôm 2 tay, 2 chân và 9 chỗ lim xuất bất tịnh. 23 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.O2. 0099.589. o 156b 14). Tham chiếu: Biệt Tạp.(702. 0100.183. 0439bl2); S. 1.28-L 15.

QUYỂN 22 663

Khi ấy? thiên tử kia dùng kệ hỏi: Nước Lại-tra-bàn-đề,24 Có các khách thương buôn, Giàu sang nhiều của cải, Tranh nhau mong làm giàu, Tìm cách cầu tài lợi, Như đốt lửa cháy bừng. Tâm tranh thắng như thế, Dục tham thường rong ruổi, Làm sao để dứt tham, Hết cần cầu thế gian? Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp: Lìa tục, sông không nhà, Không vợ con, tiền của, Trừ dục, tham, sân, si, La-hán sạch các lậu, Chánh trí, tâm giải thoát, Ái sạch, dứt phương tiện. Thiên tử kia lại nói kệ: Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian. Bây giờ, thiên tử ây nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lê sát chân Phật roi biến mất. *** 590. TỈNH THỨC VÀ NGỦ MÊ24 25 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà5 thuộc nước Xá-vệ. , Bay giơ, The Ton noi vơi các Tỳ-kheo: -Vào thời quá khứ, ở nước Câu-tát-la có một đoàn thương buôn cùng nhau đi buôn với năm trăm cỗ xe vận chuyển. Trong khi đi qua một vùng hoang vắng, có năm trăm tên cướp rình rập theo sau, chúng chờ thời cơ thích hợp để ra tay cướp đoạt. Bấy giờ, tại nơi hoang vắng này có một vị thiên thần đang dừng nghỉ bên đường. Thiên thần ấy nghĩ thầm: “Ta nên đến chỗ các thương buôn nước Câu- tát-la đe hỏi nghĩa lý. Nêu họ vui lòng cho ta hỏi và giải nghĩa cho ta thì ta sẽ tìm cách giúp họ được an ổn, thoát khỏi nạn giặc cướp. Nếu họ không vui lòng với những câu hỏi của ta, ta sẽ bỏ mặc họ giống như những thiên thần khac?9 Sau khi suy nghĩ xong, thiên thần liền phóng ánh sáng trên thân tỏa chiếu khắp các cỗ xe của những thương buôn và nói kệ: Ai đối thức lại ngủ, Đối với ngủ lại thức, Người nào rõ nghĩa này, Hãy giảng nói giúp tôi.

24 Lại-tra-bàn-đề quốc ()được phiên âm từ Ratthavanta, chỉ cho một quốc gia, một xứ sở nào đó, không phai tên riêng của mọt nươc. 25 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.590. 0156c03). Tham chiếu: Biệt Tạp.(Z02. 0100.184. Ỏ439b29).



Bấy giờ, trong nhóm thương buôn đó có một ưu-bà-tắc rất kính tin Phật, Pháp và Tỳ-kheo-tăng; một lòng hướng về Phật, Pháp), Tăng; đã quy y Phật, Pháp, Tăng. Vị ưu-bà-tắc này đã không còn nghi ngờ đối với Phật, Pháp, Tăng, cũng không còn nghi ngờ đối với khổ, nguyên nhân của khổ, khổ diệt và con đường đưa đến kho diệt; đã rõ biết về bốn Thánh đế, nên chứng đạt quả vị giác ngộ thứ nhất.26 Vị ưu-bà-tắc này là bạn đồng hành cùng với các thương buôn trong đoàn. Lúc trời gần về sáng, ưu-bà-tắc kia ngồi thẳng tư duy, buộc niệm trước mặt và quán sát chiều thuận và chiều nghịch của mười hai nhân duyên. Nghĩa là quán sát: Vì cái này có mặt nên cái kia có mặt, vì cái này sanh khởi nên cái kia sanh khởi. Nghĩa là do vô minh có hành, do hành có thức, do thức có danh sắc, do danh sắc có sáu nhập xứ, do sáu nhập xứ có xúc, do xúc có thọ, do thọ có ái, do ái có thủ, do thủ có hữu, do hữu có sanh, do sanh nên có già, chét, buồn, đau, khổ, não, các sự khổ lớn như vậy tập hợp lại. Như vậy, vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì sáu nhập xứ diệt, sáu nhập xứ diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì già, chết, buồn, đau, khổ, não diệt, các sự khổ lớn như vậy đều diệt. Vị ưu-bà-tắc ấy tư duy như vậy xong, liền nói kệ: Với người thức, ta ngủ, Đối người ngủ, ta thức, Ta rõ biết nghĩa này, Sẽ giảng nói cho người. LÚC ây, thiên thân hỏi ưu-bà-tăc: "Thế nào gọi là đối với người thức thì ta gọi là ngủ? Thế nào là đối với người ngủ thì ta gọi là thức? Làm thế nào có thể rõ biết? Làm thế nào có thể giảng nói?" Bây giờ, ưu-bà-tăc nói kệ: Lìa tham và sân hận, Ngu si và ái dục, A-la-hán sạch lậu, Chánh trí, tâm giải thoát, Đó là người tỉnh thức, Với họ, ta ngủ mê. Không biết nhân sanh khổ, Và nguyên nhân của khổ, Đôi với các khô này, Phải dứt sạch không sót, Người không rõ đường chánh, Dần đến nơi hết kho, Đó là kẻ ngủ mê, Với họ, ta đang thức. Đoi người thức, ta ngủ, Với người ngủ, ta thức, Như vậy, khéo rõ nghĩa, Như thế, khéo giảng nói. Khi ấy, thiên thần lại nói kệ: Lành thay, ngủ đối thức, Lành thay, thức đối ngủ, Lành thay, khéo rõ nghĩa, Lành thay, khéo giảng nói. Đã lâu, nay mới rõ, Toàn thể các bạn lữ,

26 Nguyên tác: Đắc đệ nhất vô gián đẳng quả (),tức Sơ quả Tu-đà-hoàn. Xem chú thích 60, kinh số 23, quyển l,tr. 21; Tạp. B (T.02. 0099.23. 0005002).



Nhờ ân lực của ông? Giúp cả đoàn thương buôn, Được thoát khỏi giặc cướp, Lên đường được an ổn. Như vậy, này các Tỳ-kheo! Những thương buôn ở nước Câu-tát-la đều được an ổn lên đường và ra khỏi vùng hoang vắng. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 591. THÂN, MIỆNG KHÔNG TƯƠNG ƯNG27 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Vào thời quá khứ, trên

một hòn đảo nọ có một ưu-bà-tắc đến thăm nhà một xru-bà-tăc khác roi cực lực chê bai vê dục như sau: "Dục này hư vọng không thật, là pháp giả dối, như trò huyễn hóa lừa gạt trẻ con." Thế nhưng sau khi về nhà thì vi iru-bà-tắc này lại phóng túng theo năm dục. Bấy giờ, tại nhà ưu-bà-tắc này có vi thiên thần đang trú ngụ, vị ấy nghĩ thầm: "Ưu-bà-tắc này không hơn gì so với các mi-bà-tắc khác, ngồi giữa chốn đông người rồi cực lực chê bai về dục, nào là: 'Dục này hư vọng không thật, là pháp giả dối, lừa gạt trẻ con nhưng khi về nhà thì chính mình lại phóng túng theo năm dục. Nay ta cũng nên khiến cho ông ta giác ng6." Thế rồi, thiên thần liền nói kệ: Giữa đám đông hội họp, ỏng chê dục vô thường, Lại tự chìm trong dục, Như bò lún bùn sâu. Ta xem trong hội kia, Các vị ưu-bà-tắc, Đa văn, hiểu rõ pháp, Giữ gìn các tịnh giới. Ong thay họ vui pháp, Lại nói dục vô thường, Sao tự mình theo dục, Không đoạn trừ tham ái? Cớ gì vui theo đời, Nuôi vợ, con quyến thuộc? Bấy giờ, vị thiên thần khai ngộ cho iru-bà-tắc kia như thế như thế. Ưu-bà- tắc đó được giác ngộ như thế như thế, rồi ngay đó cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, tinh tấn tu tập, dứt sạch các hữu lậu và chứng quả A-la-hán. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 27 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02.0099.591. 0157a26). Tham chiếu: Biệt Tạp.(Z02. 0100.185. Ò440a02). '

666 KINH TẠPA-HÀM _____

592. CẤP CÔ ĐỘC QUY Y28 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại bãi tha ma, ở trong rừng Hàn,29 thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, trưởng giả cấp Cô Độc vì có chút việc nên đến thành Vương Xá và ngủ lại đêm ở nhà một vị trưởng giả nọ. Trong đêm, trưởng giả cấp Cô Độc nghe thấy gia chủ này nói với vợ con, tôi tớ và những người giúp việc: Mọi người hãy thức dậy, chuẩn bị củi lửa, nấu cơm? làm bánh, sửa soạn thức ăn ngon và trang hoàng nhà cửa. Trưởng giả cấp Cô Độc nghe vậy, suy nghĩ: 66Nhà trưởng giả này hôm nay có tiệc gì đây? Hoặc là gả con gái, hoặc là cưới vợ cho con trai, hay là mời khách vua, quan?" Nghĩ xong, trưởng giả cấp Cô Độc liền hỏi trưởng giả kia: Nhà ông đãi tiệc gì sao? Gả con gái hay là cưới dâu? Hay là có mời khách vua, quan? Trưởng giả kia đáp: -Tôi không gả con, cũng không cưới dâu, lại cũng không có mời khách vua, quan gì cả. Tôi chỉ muốn thỉnh Phật và Tỳ-kheo-tăng đến để thiết trai cúng dường. Bấy giờ, trưởng giả cấp Cô Độc vừa nghe đến danh tự "Phát" mà trước đến giờ chưa từng nghe thì trong lòng vô cùng hoan hỷ, toàn thân sởn gai ốc5 niềm vui dâng tràn, liền hỏi trưởng giả kia: Vì sao gọi là Phật? Trưởng giả đáp: Có vi Sa-môn Cù-đàm thuộc dòng họ Thích-ca. Trong dòng họ Thích? vị này đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo và thành tựu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên được gọi là Phật. Trưởng giả cấp Cô Độc lại hỏi: -Thế nào là Tăng? Trưởng giả kia đáp: -Như người thuộc dòng Bà-la-môn phát tâm cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình để xuất gia theo Phật; hoặc những người thiện nam thuộc dòng Sát-lợi, dòng Tỳ-xá hay dòng Thủ-đà- la phát tâm cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình,

"8Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.O2. 0099.592. o 157bl 8). Tham chiếu: Biệt Tạp.(£02. 0100.186. 0440b02); Giao hỏa bệnh kinh (TOI. 0026.28. 0458Ồ28); s. l ó.
8 -I. 210. 29 Nguyên tác: Hàn lâm trung khâu trủng gian ().s. 10.8 - L 210: Rājagahe viharati sītavane (trú tại Vương Xá, trong bãi tha ma).



sông không gia đình đê xuất gia theo Phật thì đêu được gọi là Tăng. Hôm nay, tôi thỉnh Phật và hiện tiền Tăng đến để thiết lễ cúng dường. Trưởng giả cấp Cô Độc liền hỏi trưởng giả kia: Hôm nay, tôi có thể đến gặp đức Thế Tôn không?

Trưởng giả kia đáp: Ông cứ ở đây, tôi thỉnh Thế Tôn đến nhà, ông sẽ được gặp Ngài tại nhà tôi. Suốt đêm hôm ấy, trưởng giả cấp Cô Độc một lòng nghĩ đến Phật và ngủ rất an ổn. Bấy giờ, trời vẫn chưa sáng, nhimg trưởng giả cấp Cô Độc lại chợt thây có ánh sáng nên nghĩ răng trời đã sáng, liên rời khỏi nhà trưởng giả kia và đi về phía cổng thành. Vừa đến chân cổng thành thì đêm chỉ mới canh hai, cổng thành vẫn chưa mở. Theo luật lệ vua ban, phải có chỉ dụ mới được đi lại, vì lúc này chỉ mới vừa qua đầu đêm nên cổng thành vẫn còn đóng; qua khỏi nửa đêm thì cổng thành mới mở, để tiện cho người có nhu cầu đi lại sớm. Khi trưởng giả cấp Cô Độc thấy cổng thành mở, liền suy nghĩ: “Nhất định là trời đã sáng nên cổng thành đã mở.^, Thế rồi trưởng giả nương theo tướng ánh sáng ây và ra khỏi công thành. Ong vừa ra khỏi công thành thì tướng ánh sáng liền tắt, trời bỗng trở lại tối tăm. Trưởng giả cấp Cô Độc lòng rất lo sợ, toàn thân sởn gai ốc, tự nghĩ: "C6 lẽ bị người lạ hay là loài phi nhân, hoặc yêu ma, hoặc kẻ gian muốn khiến ta sợ hãi dây?" Thế rồi, ông muốn quay trở về. Bấy giờ, gần bên cổng thành có thiên thần đang cư ngụ. Vi thiên thần này phóng ra ánh sáng từ thân, chiếu soi cùng khắp từ cổng thành ấy cho đến bãi tha :. r __

ma trong rừng Hàn, roi nói với trưởng giả Cáp Cô Độc:
-Ông hãy đi về phía trước, sẽ được lợi ích tốt đẹp, nhớ đừng quay trở lại!
A _Ã • J ! J Ầ
The roi, thiên than liên noi kẹ:
1 • À __ / • 1 A _
Ngựa giỏi cả trăm con, Vàng ròng đủ trăm cân, Xe lừa và xe ngựa, Mỗi thứ đến một trăm. Đủ các thứ quý hiêm, Chất đầy khắp trên xe, Nhờ thiện căn đời trước, Được phước giàu sang này. Người có tâm kính trọng, Hướng Phật dù một bước, Sẽ được phước nhiều hơn, Gấp mười sáu lần trên. Thế nên, này trưởng giả! Ông hãy tiến về trước, chớ có quay trở lại. Thiên thần lại nói kệ: Long tượng30 ở Tuyết Sơn, Trang sức toàn vàng ròng, Thân to, ngà dài, lớn, Đem nó thí cho người, So với phước hướng Phật, Bằng một phan mười sáu. Thế nên5 trưởng giả! Ông hãy mau tiến về phía trước, sẽ được lợi h lớn, chớ có quay lại.

30 Long tượng :Voi chúa.

Thiên thần lại nói kệ: Mỹ nữ Kim-bồ-xà/1 Số lượng đến trăm người, Đeo các thứ báu đẹp, Trang sức đầy châu ngọc. Dù đem họ thí hết, Phước đức kia cũng chí, Bằng một phần mười sáu, Phước hướng Phật một bước Thế nên, này trưởng giả! Ông hãy mau bước về phía trước, sẽ được lợi ích tốt đẹp, chớ có quay trở lại. Lúc này, trưởng giả cấp Cô Độc liền hỏi thiên thần: —Hiền giả! Xin hỏi Hiên giả là ai? Thiên thần đáp: -Tôi là Đại-ma-na-bà31 32 Ma-đầu-tức-kiện, trước đây là người quen biết với trưởng giả. Tôi nhờ công đức khởi tâm kính tin Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nên nay được sanh lên cõi trời và có nhiệm vụ trông coi cổng thành này. Vậy nên tôi bảo trưởng giả hãy đi về phía trước, chớ quay trở lại, bước tới sẽ được lợi ích, chớ có quay lại. Lúc này, trưởng giả cấp Cô Độc suy nghĩ: "Dức Phật xuất hiện ở thế gian quả thật không phải là điều bình thuơng, được nghe Chánh pháp cũng không phải là điều dễ dàng gì, vậy nên thiên thlìi mới khuyên ta hãy đến gặp Phát." Bấy giờ, trưởng giả cấp Cô Độc nương theo ánh sáng kia, đi qua bãi tha ma rừng Hàn. Vừa đúng lúc Thế Tôn rời khỏi phòng, ra ngoài kinh hành nơi đất trống. Từ xa trông thấy đức Phật, trưởng giả cấp Cô Độc liền bước đến trước Thế Tôn và cung kính thăm hỏi theo pháp của người thế gian: Thưa Thê Tôn! Ngài ngủ nghỉ có an ôn không? Khi ấy, Thế Tôn nói kệ đáp: Niết-bàn của Sa-môn933 Đó là thường an lạc, Không đam nhiễm ái dục, Được giải thoát hoàn toàn. Dứt tát cả mong câu, Điêu phục tâm rong ruồi, Khi tâm tịch lặng roi, Ngủ nghỉ luôn an ổn. Bấy giờ, Thế Tôn dẫn trưởng giả cấp Cô Độc đi vào trong tinh xá, bảo ngồi vào tòa, giữ thân ngay thẳng, buộc niệm trước mặt. Nhân đó, Thế Tôn vì trưởng giả mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho trưởng giả hoan hỷ.34

31 Nguyên tác: Kim-bo-xa quốc H, Kamboja, còn gọi là Cam-bo-gia quốc Kiểm- bô-xà quôc ,Cám-bo quôc H1Cam4ồ quốc ,là một
ương 16 quốc gia ở thời Phật. TheoxZ/ớứ Nghiêm kinh thảm huyền kỷ T.35.
1733.15. 0391Ồ24, nước Cam- bồ ở phía Bắc Ấn Độ, nơi đây có nhiều my nữ nên lấy đó làm danh xưng. Đại-ma-na-bà còn gọi làJVÍa.nab& ,Ma-nạp-bà,[à
thiếu niên tu tịnh hạnh, cũng đác biệt chỉ cho thanh niên Bà-la-môn. Theo Căn Bản Thuyêt Nhất Thiết Hữu bộ Tỳ-nại-da phả/7124. 1450.14. 0172cUỵ
Ngũ phần luậtZ22. 1421.15. 0Ỉ06a29. 33 Nguyên tác: Bà-la-môn ở đây chỉ
cho Sa-môn. 34 Nguyên tác: Thi, giáo, chiếu, hỷ .Xem chú thích 24, kinh số
92, quyển 4, tr. 105.



Thế Tôn dạy: "Các pháp vốn vô thường, hãy nên làm phước bố thí, phước trì giới, phước sanh về cõi trời, phước của sự xa lìa vị ngọt của dục, xa lìa tai hại của dục và sự thoát ly dục.,, Trưởng giả cấp Cô Độc nghe pháp, thấy pháp, đắc pháp, thể nhập giáo pháp, hiểu rõ giáo pháp, vượt thoát nghi hoặc, không tin ai khác, không nương ai khác, thể nhập Chánh pháp, tâm được vô úy. Trưởng giả liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, đảnh lễ Phật rồi quỳ gối chắp tay thưa: Bạch Thế Tôn! Con đã được độ. Bạch Thiện Thệ! Con đã được độ. Từ nay cho đến hết đời, con nguyện quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tỳ-kheo-tăng, xin được làm ưu-bà-tắc. Ngưỡng mong đức Phật chứng tri cho con! Bấy giờ, Thế Tôn hỏi trưởng giả cấp Cô Độc: Ông tên là gì?

Trưởng giả bạch Phật:

-Con tên là Tu-đạt-đa?35 vì con thường giúp đỡ những người cô độc khốn khổ nên người đời gọi con là cấp Cô Độc.

Thế Tôn lại hỏi:

- Ông hiện ở đâu?

Trưởng giả bạch Phật:

Bạch Thế Tôn, con ở tại xứ Câu-tát-la, thành Xá-vệ. Ngưỡng mong Thế Tôn đen nước Xá-vệ, con nguyện frọn đời cúng dường y phục, thức ăn thức uống, phòng xá, giường nằm và thuốc thang trị bệnh!

Phật hỏi trưởng giả:

Nước Xá-vệ có tinh xá không?

Trưởng giả bạch Phật:

- Thưa không, bạch Thế Tôn!

Phật nói với trưởng giả:

Ông hãy xây dựng tinh xá ở đó để các Tỳ-kheo lui tới cư trú.

Trưởng giả bạch Phật: Con rất mong Thế Tôn đến nước Xá-vệ? con sẽ xây dựng tinh xá, Tăng phòng, để các Tỳ-kheo lui tới dừng nghỉ. Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Khi ấy, trưởng giả biết Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh cầu của mình rồi liền từ chỗ ngồi đứng dậy, lạy sát chân Phật rồi rời đi. ***

35 Tu-đạt-đa Sudatta.



593. CẤP CÔ ĐỘC SANH THIÊN36 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, trưởng giả cấp Cô Độc lâm bệnh rồi qua đời, liền được sanh về cõi trời Đâu-suất và làm thiên tử ở cõi trời này. Ông suy nghĩ: “Ta chăng nên ở đây lâu mà hãy đến đảnh lễ, thăm hỏi Thế Tôn.y Nghĩ như thế xong, chỉ trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi cánh tay, ông ẩn thân từ cõi trời Đâu-suất và hiện ra trước Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Khi ấy, thiên tử cấp Cô Độc thân tỏa ánh sáng chiếu khắp rừng Kỳ-đà? vườn Cấp Cô Độc. Thiên tử cấp Cô Độc liền nói kệ: Nơi rừng Kỳ Hoàn37 này, Tiên nhân Tăng38 cư ngụ? Đức Phật39 cũng ở d6, Khiến con càng mừng vui. Tin sâu nghiệp, tịnh giới, Tuệ mạng là tối thượng,40 Lấy đó tịnh chúng sanh, Lìa quyến thuộc, tài vật. Xa-lợi-phất đại trí, Chánh niệm thường tịch tĩnh, Sống tu hạnh viễn ly, Bạn lành cho người sau. Nói kệ này xong, ông liền biến mất. Qua đêm hôm đó, Thê Tôn đên trong chúng Tăng trải tọa cụ ngôi trước đại chúng, rồi nói với các Tỳ-kheo: Đêm qua, có một thiên tử dung sắc tuyệt đẹp, đi đến chỗ Như Lai, lạy sát chân Như Lai rồi ngồi sang một bên và nói kệ: Nơi rừng Kỳ Hoàn này, Tiên nhân Tăng cư ngụ, Đức Phật cũng ở d6, Khiến con càng mừng vui. Tin sâu nghiệp, tịnh giới, Tuệ mạng là tối thượng, Lấy đó tịnh chúng sanh, Lìa quyến thuộc, tài vật. Xa-lợi-phất đại trí, Chánh niệm thường tịch tĩnh, Sống tu hạnh viễn ly, Bạn lành cho người sau. Bấy giờ, Tôn giả A-nan bạch Phật: Thưa Thế Tôn! Theo như con biết về lời Thế Tôn nói thì vị đó chính là trưởng giả cấp Cô Độc đã sanh

lên cõi trời kia, trở về đảnh lễ thăm hỏi Thế Tôn. Hơn nữa, vị trưởng giả đó cũng rất mực kính trọng Tôn giả Xá-lợi-phất.

36 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.593. 0158024). Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099. 1032 0269g08);.(7:02.0100.187.0441a27); Tăng.(r.02.0125.51.8.0819bll);M. 143, Anāthapindikovāda Sutta (Kỉnh giảo giới cấp Cô Độc); s. 1.48 - L 33; s. 2.20 - L 55; s. 55.26 - v. 380. 37 Nguyen tác: Kỳ Hoàn lâm (,Jetavana). 38 Tiên nhân Tăng (Isisañgha), cách gọi khác chỉ cho bậc Thánh Tăng. 39 Chư vương ()[Là vua] trong các vua. Tham chiếu: s. 2.20 - L 55: Dhammar^a, Pháp Vương, chỉ đức Phật Biệt Tạp.(7102. 0100.187. 0441 d 7): Pháp chủ cư kỳ trung ( I 40 Nguyên tác: Trí tuệ vi thắng thọ (),trí tuệ là mạng sống tối thượng, s. 1.48 - L 71: Sīlāni jīvitamuttamain (Giới sanh mạng toi thượng).

QUYỂN 22 671

Phật bảo A-nan: Đung vậy, đúng vậy, A-nan! Trưởng giả cấp Cô Độc đã sanh về cõi trời kia và đến thẩm hỏi Như Lai. Khi ấy, Thế Tôn liền vì Tôn giả Xá-lợi-phất mà nói kệ: Tất cả trí thế gian, Ngoại trừ trí Như Lai, So với Xá-lợi-phất? Dưới một phần mười sáu. Như trí Xá-lợi-phất? Tiên nhân cũng như vậy, So với trí Như Lai, Dưới một phần mười sáu. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

594. THỦ THIÊN TỬ41 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Khoáng Dã. Bấy giờ, có trưởng giả Khoáng Dã lâm bệnh rồi qua đời và được sanh về cõi trời Vô Nhiệt.42 Khi đã được sanh về cõi trời đó, ong ấy liền suy nghĩ: “Ta không nên ở đây lâu mà hãy đến đảnh lễ thăm hỏi Thế Ton/9 Nghĩ xong, trong khoảnh khắc nhanh như lực sĩ co duỗi cánh tay, ông biến mất từ cõi trời Vô Nhiệt rồi hiện ra trước Phật. Thân thể của thiên tử ấy nghiêng ngửa trên mặt đất mà không thể tự đứng, giống như dầu bơ sóng sánh trên đất mà không thể tự đông cứng. Thân thể của .A n r \ M • thiên tử ây nhỏ nhăn, mem yêu? không thê tự đứng được. Bấy giờ, Thế Tôn bảo thiên tử: Ông nên biến thành thân thô cứng để đứng được trên đất! Khi ấy, thiên tử biến hình trở thành thân thô cứng để đứng vững trên đất. Thế rồi thiên tử lạy sát chân Phật, ngồi sang một bên. Bấy giờ, Thế Tôn nói với Thủ thiên tử:43 Này Thủ thiên tử! Trước đây khi còn làm thân người ở thế gian này, những kinh pháp mà ông đã học, nay ông còn nhớ không hề quên phải không? Thủ thiên tử bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Những gì con đã thu nhận đến nay vẫn không quên. Lúc còn làm người, tất cả những giáo pháp mà con đã nghe, tuy vẫn chưa nghe hết, đến nay cũng vẫn còn nhớ giống như Thế Tôn khéo nói. Thế Tôn có dạy: "Nếu

41 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.7.02.0099.594. 0159a01. Tham chiếu: Biệt Tạp.Z02. 0100.188. 0442al8; A. 3 127 - L 278. 42 Vô Nhiệt thiên ,Atappā còn gọi Bất Nhiệt thiên ,Bất Não thi^M,Vô Não thiên ,... một trong 18 tầng trời sắc giới, là tầng trời thứ 2 trong 5 tầng trời Tịnh Cư . 43 Thủ thiên tử Hatthaka.

672 KINH TẠPA-HÀM

người sống trong an lạc thì có thể ghi nhớ và thọ trì pháp, không bị khổ dàu." Lời này rất xác thật. Như lúc Thế Tôn ở cõi Diêm-phu-đề thuyết pháp cho hết thảy mọi loài và bốn chúng vây quanh. Các loài và bốn chúng nghe đức Phật giảng nói, thảy đều cung kính phụng hành. Con cũng như vậy, ở trên cõi trời Vô Nhiệt, con đã vì chư thiên ở cối trời mà mở đại hội thuyết pháp. Chúng chư thiên tại đây đều lãnh thọ và tu học. Phật nói với Thủ thiên tử:  Lúc ông còn ở nhân gian, nhờ không nhàm chán những pháp lành gì mà được sanh về cõi trời Vô Nhiệt? Thủ thiên tử bạch Phật:  Kính bạch Thế Tôn! Con sau khi lâm chung được sanh lên cõi trời Vô Nhiệt là nhờ không biết nhàm chán ba pháp. Là ba pháp nào? Một là, chiêm ngưỡng đức Phật với tâm không biết nhàm chán nên sau khi lâm chung được sanh về cõi trời Vô Nhiệt. Hai là, nghe giáo pháp của Phật với tâm không biết nhàm chán nên lâm chung được sanh về cõi trời Vô Nhiệt. Ba là, cúng dường chúng Tăng với tâm không biết nhàm chán nên sau khi lâm chung được sanh về cõi trời Vô Nhiệt. Khi ấy, Thủ thiên tử liền nói kệ: Chiêm ngưỡng Phật không chán, Nghe Pháp cũng không chán, Tâm cúng dường chúng Tăng, Cũng chưa từng biết đủ. Nhờ giữ pháp Hiền thánh, Điều phục tâm tham tiếc, Và hành ba pháp này, Được sanh cõi Vô Nhiệt. Bấy giờ, Thủ thiên tử nghe Phật dạy xong đã hoan hỷ và tùy hỷ rồi biến mất. ***

595. THỢ GỐM4445 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà5 thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có thiên tử Vô Phiền dung sắc tuyệt đẹp, đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử tỏa chiếu khắp rừng Kỳ-đà5 vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, thiên tử ấy dùng kệ hỏi: Sanh cõi trời Vô Phiền,45 Bảy Tỳ-kheo giải thoát, Tham và sân đã sạch, Vượt ân ái thế gian.

44 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.595. 0159b04). Tham chiếu: Biệt Tạp.(7102. 010Ò.189. Ò442Ồ25); s. iMo - L 35; s. 2.24 -1.60. 45 Nguyên tác: Vô Phiền thiên (,Avihā), còn gọi là Tịnh Cư thiên (Suddhāvāsā).



DÙ qua khỏi các dòng, Khó vượt quân ma chết?
Ai trừ được ma chết, Trọn thoát ách não phiền?
Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:
Tôn giả Ưu-ba-ca,46 Cùng Ba-la-kiện-trà547
Phất-ca-la-sa-lê948 Bạt-đề?4950
Kiện-đà-điệp/0
Vơi Bà-hưu-nan-đề/1 Và Bà-tỳ-sấu-nậu,52
Tất cả bảy vị này, Đêu vượt qua các dòng.
Chặt lìa xiềng ma chết, Vượt qua chỗ khó vượt,
Dứt sạch xiềng ma chết, Vượt khỏi ách cõi trời.
Giảng nói pháp thâm diệu, Giác ngộ cho người mê,
Khéo hỏi nghĩa sâu xa, Ông nay là người nào?
Bấy giờ, thiên tử ấy dùng kệ hỏi:
Con là A-na-hàm, Sanh cõi trời Vô Phiền,

Cho nên con biết rõ, Bảy Tỳ-kheo giải thoát,
Đã sạch tham dục, sân, Vượt ân ái thế nhân.
Bay giơ, The Ton noi kê đáp:
Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, Ý căn là thứ sáu,
Như danh và sắc kia, Được dứt sạch không còn.
Khéo biết các pháp này, Là bảy Tỳ-kheo ấy,
Tham hữu đều đã sạch, Vượt ân ái thế nhân.
Khi ấy, thiên tử lại dùng kệ hỏi:
Thôn Tỳ-bạt-lăng-già,53 Con trước sống nơi đó,
Tên Nan-đề-bà-la, Chuyên làm đồ gốm sứ.
Đệ tử Phật Ca-diếp, Giữ pháp ưu-bà-tắc,
Biết phụng dưỡng mẹ cha, Lìa dục tu Phạm hạnh.
Đời đời làm bạn con, Con cũng quen vị ấy,
Các Đại sĩ như thế, Đời trước cùng hòa hợp,
Khéo tu tập thân, tâm, Chỉ còn thân cuối này.
Bây giơ, Thê Ton noi kê đáp:
Vậy ông là Hiền sĩ, Như lời ông đã nói, ở Tỳ-bạt-lăng-già, Tên Nan-đề-bà-la.
46 Ưu-ba-ca ưpaka.
47 Ba-la-kiện-ưà Phalaganda.
48 Phất-ca-la-sa-lê Pukkusāti,
49 Bạt-đề ,Bhaddiya.
50 Kiện-đà-điệp iāKft, Khandadeva.
51 Bà-hưu-nan-đề Bāhuraggi.
52 Bà-tỳ-sấu-nậu /,Piñgiya.
53 Tỳ-bạt-lăng-già ặậ,Vehaliñga.
674 KINH TẠPA-HÀM

Đệ tử Phật Ca-diếp, Thọ pháp ưu-bà-tôc, Khéo phụng dưỡng mẹ cha, Lìa dục tu Phạm hạnh. Xưa là bạn của ông, Ông quen biết vị ấy, Các Chánh sĩ như vậy, Đời trước cùng hòa hợp, Khéo tu tập thân, tâm, Chỉ còn thân cuối này. Đức Phật nói kinh này xong, thiên tử nghe Phật dạy đã hoan hỷ và tùy hỷ rồi biến mất. J *** 596. VƯỢT THOÁT sợ HÃI54 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, trời gần về sáng, có vị thiên tử dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài roi ngôi sang một bên. Anh sáng trên thân thiên tử tỏa chiêu khắp rừng Kỳ-đà9 vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, thiên tử ấy dùng kệ hỏi: Đời này nhiều sợ hãi, Chúng sanh thường não loạn, Đã khởi rồi cũng khổ, Chưa khởi cũng sẽ khổ, Có pháp lìa sợ chăng, Xin Thế Tôn55 chỉ dạy. LÚC ây? The Ton noi kê đáp: Không gì bằng khổ hạnh, Và điêu phục các căn, Hết thảy đều buông bỏ, Liền được thấy giải thoát. Bấy giờ, thiên tử kia lại nói kệ: Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian. Khi ấy, thiên tử kia nghe Phật dạy xong đã hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ sát chân Phật rồi biến mất. *** 597. THÂN TƯỚNG ĐẸP ĐẼ56 Tôi

nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ.

54 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.596. 0159cl9). Tham chiếu: Biệt Tạp.(T02. 0100.181.0439a04);S.2.17-L53. 55 Nguyên tác: Tuệ Nhan (). 56 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.597. 0160a06). Tham chiếu: s. 2.14 - L 52.



Bấy giờ, trời gần về sáng, có vị thiên tử dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử chiếu tỏa khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, thiên tử này dùng kệ hỏi: Làm sao để chúng sanh, Được thân tướng tốt đẹp, Nên tu phương tiện gì, Đe đạt được giải thoát? Chúng sanh trụ pháp gì, Nên tu tập ra sao? Là những hạng người nào, Được chư thiên cúng dường? Bay giơ, The Ton noi kẹ đáp: Giữ giới, trí tuệ sáng, Tự tu tập thiền đinh,57 Ngay thẳng, tâm chánh niệm, Sầu não đều diệt tận. Được trí tuệ bình đẳng, Tâm kia khéo giải thoát, Nhờ những nhân duyên này, Được thân tướng đẹp đẽ. Thành tựu đạo giải thoát, Tâm trụ đây tu học, Người đủ đức như thế, Được chư thiên cúng dường. Khi ấy, thiên tử kia lại nói kệ: Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn? Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian. Bấy giờ, thiên tử nghe Phật dạy xong đã hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ sát chân Phật rồi biến mất. *** 598. NGỦ NGHỈ58 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-ve. Bấy giờ, trời gần về sáng, có vị thiên tử dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử tỏa chiếu khắp rừng Kỳ-đà? vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, thiên tử ấy dùng kệ hỏi: Đắm chìm trong ngủ nghí, Mê muội, không tinh anh, An no, tâm trì trệ, Lười biêng, chăng siêng năng, Mười bệnh59 này che lấp, Khiến Thánh đạo chẳng hiện.

57 Nguyên tác: Chánh thọ (,samāpatti). 58 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.598. 0160a26). Tham chiếu: Biệt Tạp.(Z02. 0100.175. Ò437C18); S. 1.16-1.7. 59 Nguyên tác: Tư thập phú chúng sanh ().Ngài Ấn Thuận trong Tạp A-hàm kỉnh luận hội biên (y.32. 0030.5. 0267a09) nghi ngờ là 7 bệnh. s. 1.16 -1. 7 liệt kê 5 thứ là niddā (thụy miên), tandi (lười nhác), vijambhitarn (ngái ngủ), arati (thiếu nhiệt tình), bhattasammada (đam mê ăn uống, dã dượi sau bữa ăn). Biệt x,(7102. 0100.175. 0437cl8) cũng ghi nhận 5 thứ. Có khả năng ban kinh này mở rộng thêm yếu tố ngược lại, tức là nhân đôi, nên thành ra 10.



T't g ! J noi kẹ đáp: Ậ rrn Bây giơ, The Ton _ L • -4- L

Tâm chìm frong ngủ nghỉ, Mê muội, không tinh anh, Ăn no, tâm trì trệ, Lười biếng, chẳng siêng năng, Nếu tinh cần tu tập, Thánh đạo sẽ hiện bày. Khi ấy, thiên tử lại nói kệ: Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian. Thiên tử ấy nghe Phật dạy xong đã hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ sát chân Phật rồi biến mất. *** 599. TRÓI BUỘC6061 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà5 thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, trời gần về sáng, có vị thiên tử dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh

sáng trên thân thiên tử tỏa chiếu khắp rừng Kỳ-dà, vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, thiên tử kia dùng kệ hỏi: Trói ngoài,6i chẳng phải trói, Trói trong,62 trói chúng sanh, Nay xin hỏi Cù-đàm, Ai nơi trói lìa trói? Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp: Người trí trang nghiêm giới, Trong tâm tu trí tuệ, Tỳ-kheo siêng tu tập, Nơi trói lìa được trói. Khi ấy, thiên tử kia lại nói kệ: Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian. Thiên tò ấy nghe Phật dạy xong đã hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ sát chân Phật rồi biến mất. ***

60 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.599. 0160Ồ13). Tham chiếu: Biệt Tạp.(T02. 0100.173. Ò437bl4); s. 123 - L 13; s. 7.6 - L 165. 61 Nguyên tác: Ngoại ưiền kiết (5). 62 Nguyên tác: Nội ữiền triền ( jatita).

QUYỂN 22  677

600. KHÉO NHIẾP CÁC GIÁC TƯỞNG63 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, trời gần về sáng, có vị thiên tử dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử tỏa chiếu khắp rừng Kỳ-đà? vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, thiên tử kia dùng kệ hỏi: Khó vượt, khó kham nhẫn, Sa-môn vì chẳng rõ, Khởi nhiều thứ gian nan, Càng mê muội chìm đắm. Tâm theo tưởng lênh đênh,64 Luôn luôn bị chìm đắm, Sa-môn phải làm sao, Khéo nhiếp hộ tâm mình? Bay giơ, The Ton noi kê đáp: Như con rùa khôn khéo, Tự thu mình trong mai, Tỳ-kheo tập thiền tư, Khéo nhiếp các giác tưởng. Tâm kia không chỗ nương, Thì không gì sợ hãi, Đó là tự ẩn mật, Không ai chê trách được. Khi ấy, thiên tử lại nói kệ: Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian. Bấy giờ, thiên tử này nghe Phật dạy xong đã hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ sát chân Phật rồi biến mất. *** 601. DÒNG THÁC TÁT-LA65 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, trời gần về sáng, có vị thiên tử dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử tỏa chiếu khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc.

63 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02.0099.600.0160b27). Tham chiếu: Biệt Tạp.(7102. o 100.174. 0437029); s. 1717-L 7. 64 Nguyên tác: Tâm tùy giác tự tại ().s. 1.17 - L 15: attain ce na nỉvãreyya (Nếu tâm không chế ngự). 65 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02.0099.601. o 160c 16). Tham chiếu: Biệt Tạp.(T02. 0100.176. Ò438a04); s. 127 -1. 15.

678 > KINH TẠP A-HÀM

Khi ấy, thiên tử kia dùng kệ hỏi Phật: Dòng thác nhỏ Tát-la?66 Nơi nào nước ngược dòng? Con đường dài sanh tử? Nơi nào không chảy qua? Những vui khổ thế gian, Do đâu diệt hoàn toàn? Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, Cùng với ý căn kia, Và danh sắc đã diệt, Tát-la sẽ ngược dòng, Đường sanh tử cũng dừng, Khổ vui không còn nữa. Khi ấy, thiên tử kia lại nói kệ: Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian. Bấy giờ, thiên tử ấy nghe Phật dạy xong đã hoan hỷ và tùy hỷ9 đảnh lễ sát chân Phật rồi biến mất.

602. GIẢI THOÁT RỐT RÁO6768 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ* Bấy giờ, trời gần về sáng, có vị thiên tử dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài roi ngôi sang một bên. Anh sáng trên thân thiên tử tỏa chiêu khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, thiên tử kia dùng kệ hỏi Phật: Y-ni-da Lộc Bác,68 Bậc nhất trong Tiên nhân, Ăn ít, không đắm vị, Thiền tư, thích núi rừng. Nay con thành kính lễ, Xin hỏi đức Cù-dàm, Làm sao ra khỏi kho? Làm sao giải thoát khổ? Xin hỏi sự giải thoát, Nơi đâu được rốt ráo? Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp: Năm dục69 của thế gian, Tâm pháp là thứ sáu, Nơi dục mà vô dục, Sẽ lìa tất cả khổ. Như vậy, ra khỏi khổ, Như vậy, giải thoát khổ, Giải thoát mà ông hỏi, Ngay đó được rốt ráo.

66 Tát-la ,Sara: Dòng nước, chỉ cho dòng luân hồi. 67 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r.02. 0099.602. 0l6la03. Tham chiếu: Biệt Tạp.Z02. 010Ò.177. Ò438al9; s. 130 -1. 16 68 Y-ni-da Lộc B^c Enijañghā: Đùi nai, chân nai, một trong những tướng tốt của Phật, ở đây chỉ cho đức Phật. 69 Nguyên tác: Ngũ dục đức là cách viết ngắn gọn của “ngũ dục công dức", pañca kāmaguna. Xem chú thích 66, kinh số 2ll, quyển 8, tr. 233.



Khi ấy, thiên tử kia lại nói kệ: Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian. Bây giờ, thiên tử ây nghe Phật nói xong đã hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ sát chân Phật rồi biến mất. *** 603. LÀM SAO VƯỢT CÁC DÒNG70 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, trời gần về sáng, có vi thiên tử dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử tỏa chiếu khắp rừng Kỳ-đà5 vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, thiên tử kia dùng kệ hỏi Phật: Làm sao vượt các dòng, Làm sao qua biển lớn, Làm sao dứt khổ đau, Làm sao được thanh tịnh? Bay giơ, The Ton liên noi kệ đáp: Có tín vượt các dòng, Khéo tu qua biển lớn, Tinh tấn sẽ dứt khổ, Trí tuệ được thanh tịnh. Khi ấy, thiên tử lại nói kệ: Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian. Bấy giờ, thiên tử ấy nghe Phật dạy xong đã hoan hỷ và tùy hỷ5 đảnh lễ sát chân Phật rồi biến mất.71

70 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.603. 0161a22). Tham chiếu: Tạp.(r.02. 0099.1326. 0364b21); Biêt Tạp.(702. 0100.325. 0482c08); s. 10.12 - L 213; Sn. 1.10 31. 71 Bản Hán, hết quyển 22.



QUYỂN 23 604. VUAA-DỤC1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, vào lúc sáng sớm, Thế Tôn đắp y, ôm bát cùng chúng Tỳ-kheo vào thành khất thực, giống như bài kệ diễn tả: Sắc thân như núi vàng, Rất đoan nghiêm vi diệu, Bước đi như ngỗng chúa, Mặt như ánh trăng đầy, Thế Tôn cùng đại chúng. Lúc ấy, Thế Tôn nhấc chân giẫm lên mặt đất nơi cổng thành, khiến cho mặt đất rung động sáu cách, như bài kệ diễn tả: Biển lớn và đất bằng, Thành quách cùng núi non, Chân Mâu-ni giâm lên, Dao động như thuyên sóng. Đức Phật biến

hiện thần lực như thế. Khi ấy, dân chúng đều lớn tiếng ca tụng:  Thật kỳ đặc chưa từng có! Thần lực biến hiện khi đức Thế Tôn vào thành hiên bày những điêu chưa từng có như thê.

l Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.604. 0l6lbl3). Theo ngài Ấn Thuận, bản kinh 604 này không thuộc Tạp A-hàrn mà thuộc về Sử truyện, truyện Vua A-dục. Do vậy, trong Tạp A-hàm kinh luân hợi biền ()ngài Ấn^Thuạn đa cắt bỏ bản kinh này và đưa vao phần Phụ lục. Theo khảo sat2tu liêu về Vua A-dục phần lớn tập trung trong 2 bản dịch. Bản thứ nhất, A-duc vương truyện (T.50. 2042. 0099al2 ) do ngài An Phap_Khām ($)dịch vào niên hiệu ThaiKhang (,280 - 289). Bản thứ hai Ả-dục vương kỉnh  0.50. 2043. Ọl3lbO3) do ngài Tăng-già-bà-la ()dịch vào niên hiệu Thiên Giám thứ li (5Ị2 Tây lịch). Cả hai bản này nêu dẫn nhiều sự kiện xoay quanh cuộc đời của Vua A-dục mang nhiều dấu vết biên tập của người đời sau. Nội dung của 2 bản kinh này cũng được phát hiện trong tác phẩm văn học Sanskrit Thiên thỉ dụ (Divyãvadãnà). Xem The Divyāvadāna^ ed. by E. B. Cowell & R. A. Neil (London: Cambridge Univerity Press, 1886), pp. 364-405. Điếu đáng chú ý là, nhiều câu chuyện trong Thiên thí dụ còn được phát hiện trong 4 bộrA-hàm như Tứ châu kinh (OI. 0026.60. 0494Ồ09) tương đương một phần chuyện Dỉyy. số 17, Mãndhātā Avadāna; một kinh Tăng. (r.02. 0l25.ll. OóOlalO) có tương đương Divy. số 35, Cūdāpaksa Avadāna. Theo tác giả Keith, A. B (A History of Sanskrit Literature, tr. J5) Thiên thỉ dụ là tác phẩm văn học Sanskrit co niên đại hình thành vào khoảng thê kỷ II. Thực tế khảo sát của chúng tôi còn phát hiện ra rằng, tên gọi 4 bộ A-hàm (Āgamā Catushtayarri) và cả tên Kinh Trường A-hàm (Dīrghāgama), Kinh Trung A-hàm (Madhyama / Madhyamāgama), Kinh Tăng nhát A-hàm (Evaikottarikārn / Ekottarikāgama\ ... cũng xuāt hiện trong The Divyāvadāna, tr. 333. Những cứ liệu vừa nêu cho thấy nguồn gốc ban đau của 3 kinh 604, 640 và 641 chưa phải xuāt hiện từ Thiên thỉ dụ. ơ đây, nhăm góp phần giữ gìn và củng cố tư liệu lịch sử, bản dịch tiêng Việt Kinh Tạp A-hàm giữ nguyên vị trí, sô hiệu bản kinh này theo Đại tạng kinh Đại Chảnh tân tu.

QUYỂN 23  681

Như bài kệ diễn tả: Mặt đất liền bằng phẳng, Đất cao trở thành thấp, Nhờ oai thần của Phật, Nên gai góc, sỏi đá, Đêu chăng còn thây nữa, Người mù, diếc, ngọng, câm, Thay, nghe, nói lại được, Các nhạc khí trong thành, Tự dưng phát diệu âm. Bấy giờ, ánh sáng trên thân Thế Tôn rực rỡ như ngàn mặt trời, soi chiếu khắp nơi. Như bài kệ diễn tả: Thân Thế Tôn sáng chói, Chiếu soi khắp thành, ấp, Dân nhờ ánh sáng Phật, Mát như xoa chiên-đàn. r Bây giờ, đức Phật và chúng Tỳ-kheo theo thứ tự đi vào thành. Lúc này, có hai cậu bé, một bé tên là Xà-da2 thuộc dòng tộc cao quý và một bé tên là Tỳ-xà- da3 thuộc dòng tộc thấp kém đang cùng đùa giỡn trên cát. Từ xa trông thấy Thế Tôn đi đen với đay đủ ba mươi hai tướng trang nghiêm của một bậc Đại nhân, cậu bé Xà-da nghi: "Ta nên cúng dường gạo rang cho Thế Ton?9 Thế rồi, cậu bé vóc một nắm cát mịn bỏ vào bát Thế Tôn, còn Tỳ-xà-da thấy vậy cũng chắp tay tùy hỷ. Như bài kệ diễn tả: Thấy Thế Tôn đại bi, Toàn thân tỏa ánh sáng, Được nhìn thấy Thế Tôn, Sanh lòng kính tin

lớn, Dâng nắm cát cúng dường, Nhờ đó thoát sanh tử. r Bây giờ5 cậu bé kia phát thệ nguyện: "Nhờ công đức lành cúng dường này khiến con được làm vua trong thiên hạ và ngay trong đời này được cúng dường chư Phát.” Như bài kệ diễn tả: Đức Phật4 quán biết rõ? Tâm nguyện của cậu bé, Vì giúp tăng thiện căn, Và gieo trông ruộng phước, Vậy nên Phật đại bi, Nhận nam cát cúng dường. Xà-da nhờ căn lành này nên về sau sẽ được làm vua xứ Diêm-phù-đề, tiếp r 11 • i A : r 9 r r tục cúng dường Phật cho đên khi thành tựu Vô thượng Chánh đăng Chánh giác. Quán biết được việc này nên Thế Tôn mỉm cười. Bấy giờ, Tôn giả A-nan nhìn thấy Thế Tôn mỉm cuời, liền chắp tay bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Chư Phật, Thế Tôn, bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác mỉm cười chắc hẳn là có nhân duyên.

2 x-da ,Jaya. 3 Tỳ-xà-da Vijaya. 4 Nguyên tác: Mâu-ni .



Như kệ diễn tả: Thế Tôn không cười đùa, Đấng Tôn quý trên đời, Răng trắng như ngọc quý, Nhtrng nay Ngài mỉm cười. Bậc Dũng Mãnh Tinh Tấn, Không thầy mà tự ngộ, Lời vi diệu dễ nghe, Tiếng diu êm hơn hết. Huyền ký đồng tử kia, Bằng Phạm âm trong vắt, Lưỡng Túc Tôn vô thượng, Ghi nhận phước thí cát. Khi ây, The Tôn noi vơi Ton giả A-nan: Đúng thế, đúng the! Như lời thầy nói, chư Phật mỉm cười nhất đinh có nguyên do. Hôm nay, Như Lai mỉm cười là có nguyên do. A-nan nên biết! Một trăm năm sau khi Như Lai diệt độ, đứa bé này sẽ ra đời ở Ba-liên-phất/ họ Khổng Tước,567tên là A-dục/ làm Chuyển Luân Thánh Vương thống lãnh một phương. Vị vua này luôn dùng Chánh pháp cai trị nhân dân, lại còn xây dựng tám mươi bốn ngàn ngôi tháp Pháp vương để tôn trí Xá-lợi của Như Lai, đem lại an vui cho vô lượng chúng sanh. Roi The Ton noi kê: Sau khi Ta diệt độ, Bé này họ Khổng Tước, Tên A-dục? làm vua, Thí như Đảnh Sanh vương, Thống lãnh cõi Diêm-phù, Được thế gian tôn kính. Này A-nan! Thay hãy lay cát trong bát này rải lên những nơi Như Lai kinh hành, Như Lai sẽ bước đi lên đó. A-nan vâng lời Phật dạy, liền lấy cát trong bát Phật rải lên chỗ Phật kinh hành. Thế Tôn lại dạy: A-nan nên biêt, sau này tại thành Ba-liên-phât có vị vua hiệu là Nguyệt Hộ.8 Vi vua ấy sẽ sanh ra một vương tử tên là Tần-đầu-sa-la,9 về sau kế vị cai trị nước đó. Vua Tần-đầu-sa-la lại sanh vương tử tên là Tu-sư-ma.10 Thời bây giờ, ở nước Chiêm-bà có một cô gái dòng Bà-la-môn dung mạo vô cùng xinh đẹp, ai cũng thích nhìn, xem như quốc bảo. Các nhà tướng số xem tướng cô ấy, họ đều tiên đoán: “Thiếu nữ này sẽ trở thành vương phi, sanh ra hai vương tử, một người sẽ thống lãnh thiên hạ, một người sẽ xuất gia học đạo và thành tựu Thanh /ạo.”

5 Ba-liên-phất Pātaliputta, thành phố quan ương của Magadha, về sau được dùng làm thủ đô. Trước đó, vốn là một ngôi làng mang tên Pātaligāma. Dưới thời Vua A-xà-thế, ngoi làng này được hai vị đại thần Sunīdha và Vassakara xây dựng để trơ thành thành phố sầm uất Pāialiputta. 6 Khổng Tước L tên dòng họ và cũng là vương triều Moriyā.

7 A-dục ,Asoka. 8 Nguyệt Hộ,Candagutta: Ông nội VuaA-dục, người sáng lập vương triều Khổng Tước Maurya.

9 Tần-đầu-sa-la ,Vindusāra. 10 Tu-sư-ma ,Susīma.

QUYỂN 23  683

Ong Bà-la-môn nghe thây tướng nói vậy, lòng rát vui mừng, liên trang điểm cho con gái mình thật xinh đẹp rồi đưa vào thành Ba-liên-phất? định gả cho Vương tử Tu-sư-ma. Nhưng thầy tướng số bảo: "Ong nên gả cho Vua Tần- đầu-sa-la, cô gái này sẽ sanh ra vi vương tử có đầy đủ phước đức và sẽ nối cơ nghiệp của nhà vua." Bây giờ, ông Bà-la-môn liên đưa con gái vào cung gả cho Vua Tân-đâu-sa- la. Nhà vua thấy cô gái ấy dung mạo đoan chánh và có đức hạnh, liền cưới về làm phi. Khi vi vương phi trước và các cung nữ nhìn thấy vương phi này vào cung, họ liền suy nghĩ: “C6 gái này vô cùng xinh đẹp, đúng là trân bảo của đất nước. Nếu đức vua sủng ái cô ta sẽ thờ ơ với chúng ta, thậm chí không để mắt đến chúng ta nữa" Thế rồi, vương phi và các cung nữ ép buộc cô ấy học nghề cắt tóc. Sau khi học xong, cô ấy phải có nhiệm vụ hớt râu tóc cho vua. Một hôm, khi đang cắt râu tóc, nhà vua tâm trạng vui vẻ, liền hỏi cô gái: - Nàng có mong muốn điều gì không? Cô gái tâu vua: - Thiếp chỉ mong được Đại vương yêu thương quan tâm! Cô ấy nói như vậy ba lần. Vua liền bảo:  Ta là Vua Quán đảnh dòng Sát-lợi5 còn cô là thợ cắt tóc, làm sao ta có thể yêu thương quan tâm cô được? Thiếu nữ tâu vua:  Thiếp không phải là người thuộc dòng hạ tiện mà là con ệái của dòng Bà-la-môn cao quý. Các nhà tướng số từng nói với cha của thiếp răng: "C6 gái này phải được gả cho quốc vương." Vậy nên thiếp mới đến nơi này. Vua lại hỏi: -Vậy thì ai bảo nàng học tập công việc thấp kém này? Cô ấy đáp:  Vương phi và các cung nữ đã ép buộc thiếp phải học nghe này. Vua liền ra lệnh:  Từ nay về sau, nàng chớ làm công việc này nữa. Bấy giờ, nhà vua liền lập cô ấy làm đệ nhất vương phi và luôn kề cận yêu thương, sủng ái. Không lâu sau, đệ nhất vương phi mang thai và hạ sanh một vương tử. Đứa bé được sanh ra rất nhẹ nhàng, an ổn, người mẹ không bị đau đớn nhiều. Bảy ngày sau, vua đặt tên cho con trai là Vô Ưu.11 Không lâu sau đó, đệ nhất vương phi lại hạ sanh thêm một vương tử, đặt tên là Ly Ưu.12

11 V6Uu ,Asoka. 12 Ly Ưu ,Vigatasoka.

684  KINH TẠPA-HÀM

Vương tử Vô Ưu có thân hình thô nhám nên vua cha không muốn gần gũi ẵm bồng, cũng ít quan tâm. Vì muốn biết trước vận mệnh của hai vương tử, nên nhà vua cho gọi Bà-la-môn13 Tân-già-la-a14 đến hỏi:  Hòa thượng hãy xem tướng cho hai con trai của trẫm, sau khi trẫm băng hà thì ai sẽ ke vị ngôi vua? Bà-la-môn tâu:  Xin Bệ hạ đưa các Vương tử đến Kim Điện Viên Quán, ở bên ngoài thành. Nơi đó tôi sẽ xem tướng cho các Vương tử! Bấy giờ, vương phi mẹ của Vương tử Vô Ưu15 nói với con trai:  Con hãy đi theo Phụ vương đến Kim Điện Viên Quán, có người sẽ xem tướng cho các Vương tử sau khi Phụ vương băng hà ai sẽ kế vi? Vì sao con không chiu đi? Vương tử A-dục thưa:  Phụ hoàng đã không quan tâm đến con, lại còn không muốn gặp mặt con mà đến làm gì. Người mẹ lại bảo:  Nhưng mà con phải đến đó!

A-dục thưa: - Mẹ dạy con đi thì con vâng theo. Xin mẹ mang thức ăn đến cho con! Bà mẹ đáp: - Được rồi, con hãy rời khỏi thành! Khi Vương tử A-dục vừa ra khỏi cổng

thành, liền gặp một vị đại thần tên là A-nậu-la-đà. Đại thần này liền hỏi Vương tử A-dục: -Xin hỏi Vương tử đi đâu? Vương tử A-dục nói: -Nghe nói Phụ vương đến Kim Điện Viên Quán để xem tướng cho các Vương tử, sau khi Vua băng hà, ai sẽ là người kế vị, nên bây giờ ta đến nơi ấy. Vị quan này trước đó đã được nhà vua căn dặn: "Nếu Vương tửA-dục có đến, nên trao cho con voi già yếu chậm chạp, đồng thời chọn người già làm tùy tùng.,, Thế là A-dục cưỡi voi già đi đến Viên Quán, vào ngồi dưới đất giữa các vương tử. Bấy giờ, các vương tử mỗi người tự dùng đồ ăn thức uống. Mẹ của A-dục đặt cơm trộn sữa đặc vào bát bang đất nung đưa đến cho A-dục. Trong lúc các vương tử đang dùng cơm, vua cha hỏi thầy tướng:

13 Bà-la-môn ở đây cũng chỉ cho Sa-môn đệ tử Phật. 14 Tân-già-la-a ,Piñgalavatsājīva. 15 Nguyên tác: Aduc ,Hán dịch là Vô Ưu .



Khanh xem ai trong số các Vương tử này có tướng làm vua, kế thừa ngôi vi của trẫm? \ r 5

Thây tướng quan sát thật kỹ các vương tử, nhận thây A-dục có đây đủ tướng làm vua, sau này sẽ là người kế vị. Nhưng ông ấy lại suy nghĩ: "Bại vương vốn không hài lòng về Vương tử A-dục, nếu ta nói A-dục sẽ làm vua thì nhất định Đại vương không vui." Thế rồi, thầy tướng liền nói: Nay hạ thần xin ghi nhận chung chung!

Vua lệnh: -Cứ làm theo lời của khanh! Thầy tướng nói: Trong các vi Vương tử đây, ai dùng phương tiện đi lại tốt nhất thì người đó sẽ làm vua. Các vương tử nghe vậy, mỗi người đều tự nói: "Cỗ xe của ta ngồi là tốt nhất" Lúc ấy A-dục nói: Ta cưỡi con voi già, ta được làm vua. Lúc này, vua liền nói với thầy tướng: Xin quan sát lại rồi dự ký! Thầy tướng lại đáp: Trong đây, người nào ngôi tòa cao đẹp bậc nhát, người ây sẽ làm vua. Các vương tử mỗi người đều nói với nhau rằng: "Chỗ ngồi của ta là bậc nhất." Riêng Vương tử A-dục nói: Ta ngồi trên đất, đây là chỗ ngồi tốt nhất, ta sẽ làm vua. Vua lại bảo thầy tướng: -Ong hãy xem lại lân nữa! Bấy giờ, thầy tướng liền nói: Ai có bát và thức ăn thượng hạng, người ây sẽ làm vua. Ngay khi ấy, Vương tử A-dục liền nói: Ta có phương tiện tốt nhất, chỗ ngồi thù thắng nhất và thức ăn thượng hạng nhất. Vua xem xét các vương tử xong, liền trở về cung. Bấy giờ, mẫu thân của Vương tử A-dục hỏi con trai: Bà-la-môn dự ký người nào sẽ làm vua? A-dục đáp: Thưa mẹ! Thầy tướng thọ ký ai có phương tiện tốt nhất, tòa cao đẹp nhất, chiếc bát và thức ăn thượng hạng thì người ấy sẽ làm vua. Con tự thấy mình sẽ làm vua. Vì có voi già làm phương tiện, lấy mặt đất làm tòa, chiếc bát nung đựng thức ăn và cơm trộn sữa thượng hạng.



Bấy giờ, vị Bà-la-môn xem tướng kia biết Vương tử A-dục sẽ làm vua nên càng cung kính người mẹ. Mẹ củaA-dục cũng ban thưởng trọng hậu cho Bà-lamôn và nhân tiện hỏi ông ấy: -Sau khi Đại vương băng hà, ai sẽ làm vua? Bà-la-môn xem tướng đáp: \ 9

Điêu này không thê nói được! Vương phi hỏi đến ba lần, ông ấy mới đáp: -Tôi sẽ nói, nhưng Vương phi hãy cân thận, chớ cho người khác biêt! Vương phi sanh ra Vương tử tên là A-dục. Chính người này về sau sẽ làm vua. Lúc ấy5 vương phi nói: Nghe được lời này, ta rất vui mừng. Nấu nhà vua nghe được lời này sẽ không còn tin kính ngài. Vậy nên hôm nay ngài hãy trở vê trụ xứ. Nêu con ta lên làm vua thì ngài cũng sẽ được rất nhiều lợi lạc, ta sẽ cúng dường suốt đời. Bấy giờ, nước Đức-xoa-thi-la,16 một quốc gia vùng biên của Vua Tần-đầu- sa-la đang tạo phản, nên vua sai A-dục: Con hãy dẫn bốn bộ binh đi chinh phạt nước kia! Nhưng khi Vương tử A-dục xuất quân, nhà vua lại không trao cho khí giới và áo giáp. Bấy giờ, những người đi theo vội nói: Nay Vương tử dẫn binh chinh phạt nước kia, nhung không có vũ khí và quân dụng thì làm sao chiến thắng được? Vương tử A-dục nói: Nếu ta có mạng làm vua, nhờ phước báo căn lành thì binh giáp sẽ tự nhiên hiện đến. Khi A-dục vừa dứt lời, mặt đất nứt ra, tất cả binh giáp từ lòng đất vọt lên. Vương tử A-dục liền dẫn bốn đạo quân lên đường chinh phạt nước kia. Bấy giờ, dân chúng nước Đức-xoa-thi-la nghe tin Vương tử A-dục đến, họ liền dọn dẹp, san phẳng đường sá, trang hoàng thành quách, đồng thời mang nước đựng trong bình cát tường và các phẩm vật khác đến dâng lên vương tử, cung kính tiếp đãi và trình tâu: Chúng tôi không phản Đại vương và Vương tử A-dục. Chỉ vì các quan đã gây ton hại cho chúng tôi nên chúng tôi mới trái nghịch vương pháp. Thế rồi dân chúng đem rất nhiều vật phẩm dâng lên cho vương tử và mời vương tử vào thành. Sau khi bình định được đất nước này, nhà vua lại sai Vương tử A-dục đi bình định nước Khư-sa.

16 Đức-xoa-thi-la Takkasilā còn gọi là "Dát-xoa-thủyla”,một thành phố nổi tiếng thuộc Gandhara.

QUYỂN 23 687

r e 9

Bây giờ, hai đại lực sĩ nước kia theo lệnh vua dọn dẹp, san phăng đường sá, di dời những tảng đá núi, bỗng có chư thiên tuyên lệnh đến nước này: "Vuông tử A-dục sẽ là vua thiên hạ này, mọi người chớ có lòng phản nghịch?5 Thế là vua nước ấy liền quy hàng. Cứ như vậy, Vương tử A-dục bình đinh cả thiên hạ? tận đến bờ biển. Một hôm, Vương tử Tu-sư-ma ra ngoài dạo chơi, gặp một vị đại thần, nhưng vi đại than này không chào vương tử theo nghi lễ. Vương tử liền sai người đánh đập đại thần. Vị đại thần này suy nghĩ: "Vị Vương tử này chưa được ngôi vua mà tính cách đã như thế, nếu được ngôi vua thì làm sao chịu dug" Lại nghe tin Vương tử A-dục bình đinh được thiên hạ, ông ấy liền bàn với năm trâm đại thần: "Chúng ta cùng nhau lập Vương tử A-dục làm vua, thống lãnh thiên hạ này." Bấy giờ, nước Đức-xoa-thi-la lại tạo phản, các đại thần khuyến nghị với vua: -Nên để Vương tử Tu-sư-ma đi dẹp loạn! Nhà vua bằng lòng. Vương tử Tu-sư-ma liền đến nước kia, nhimg không hàng phục được. Bấy giờ, vua lâm bệnh nặng, liền nói với các đại thần: Nay ta muốn lập Tu-sư-ma lên làm vua, hãy truyền lệnh cho A-dục đến nước kia chinh phạt. Thế nhimg lúc này các đại thần vì muốn lập A-dục lên làm vua, cho nên họ dùng bột màu vàng thoa lên toàn thân, mặt mày và tay chân của Vương tử A-dục, rồi đến tâu với vua: -Vương tử A-dục đang bệnh

rất nặng. Lúc này, các đại thần trang bị y phục cho Vương tử A-dục, rồi đưa đến gặp vua tâu:  Hôm nay, Đại vương hãy lập vi Vương tử này làm vua, sau này chúng thần sẽ lập Tu-sư-ma! Nhà vua nghe thế thì im lặng, buồn bực, lo lắng, trong lòng không vui. Lúc ấy, Vương tử A-dục suy nghĩ: “Nếu ta xứng đáng làm vua thì chư thiên tự nhiên hiện đến, dùng nước rưới trên đỉnh đầu ta và lấy dây lụa trắng quấn trên đầu ta." ứng theo tâm niệm đó, chư thiên liền hiện đến dùng nước rưới trên đỉnh đầu và lấy lụa trắng quấn lên đầu A-dục. Nhà vua thấy có điềm ấy, lòng vô cùng sầu muộn nên khi ấy băng hà. Vương tử A-dục y theo phép tắc lo việc tang lễ cho vua cha xong, liền phong A-nậu-lâu-đà làm đại thần. Vương tử Tu-sư-ma hay tin vua cha băng hà và đã lập A-dục lên làm vua, trong lòng không phục, liền tập hợp quân đội tiến đánh Vua A-dục. Bấy giờ, trên bốn cửa thành, Vua A-dục bố trí hai lực sĩ trấn giữ hai cửa, một cửa giao cho vị đại thần trấn giữ, còn mình đích thân trấn giữ cửa Đông.

688  KINH TẠPA-HÀM

Bấy giờ, đại thần A-nậu-lâu-đà chế tạo một con voi lớn bằng gỗ có cơ quan điều khiển và đúc tượng Vua A-dục, rồi đem tượng Vua A-dục cưỡi voi gỗ đặt nẹoài cửa Đông. Ke đó ông cho đào hầm sâu đổ đầy than lửa, lấy vật phủ lên đê ngụy trang miệng hầm. Chờ khi Tu-sư-ma kéo quân đên, đại thân A-nậu- lâu-đấ bảo: -Vương tử muốn làm vua, hiện tại A-dục đang trấn giữ cửa Đông, ngài đến đó giao chiến, nếu thắng thì tự nhiên được làm vua. Vương tử Tu-sư-ma liền chạy về hướng cửa Đông thì bị rơi xuống hầm lửa tử trận. Bấy giờ, đại lực sĩ tên Bạt-đà-la-do-đà17 nghe tin Vương tử Tu-sư-ma tử trận, đã dẫn vô số thân thuộc theo Phật pháp xuất gia học đạo. Ông ấy nỗ lực tinh tấn tu tập, dứt sạch các lậu5 thành tựu quả vị A-la-hán. Từ lúc lên ngôi, Vua A-dục luôn dùng Chánh pháp để trị vì và giáo hóa dân chúng. Bấy giờ, các quan đại thần cậy mình có công nên tỏ ra xem thường Vua A-dục, không giữ phép tắc vua tôi. Vua cũng biết các đại thần xem thường mình nên một hôm vua lệnh cho các quan: -Các ông hãy nhổ bỏ hết những cây hoa quả để trồng vào đó những cây có gai! Các quan đại thần tâu: -Chúng thần chưa từng nghe nói nhổ bỏ cây hoa quả mà trồng cây gai, chỉ thấy nhổ cây gai để trồng cây hoa quả. Thậm chí vua truyền lệnh như vậy đến ba lần, nhưng các đại thần cũng không tuân theo. Bấy giờ, Vua A-dục nổi cơn tức giận, liền rút kiếm chém chết năm trăm đại thần. Lại có lần, vua cùng các thể nữ đến khu vườn ở ngoài thành để thưởng ngoạn, thấy cây Vô ưu trổ hoa rất nhiều, vua tự nghĩ hoa này cùng tên với mình nên trong lòng rất vui. Vì tướng mạo vua khá xấu, da dẻ sần sùi thô nhám, các thể nữ chán ghét, không yêu thương nên họ đã bẻ gãy cây hoa Vô im. Sau khi tỉnh giấc, thấy cành Vô un bị bẻ gãy vung vãi đầy trên mặt đất, vua vô cùng tức giận, bắt trói và thiêu chết tất cả các thể nữ. Vì vua làm việc bạo ác như thế nên người bấy giờ gọi ông là Vua A-dục Bạo Ác.18 Bấy giờ, đại thần A-nậu-lâu-đà tâu:  Đại vương không nên làm theo cách này5 sao lại tự tay giết các quan và các the nữ? Ngài nên tìm một đao phủ, nếu có kẻ nào đáng giết thì hãy giao cho đao phủ xử lý. Vua nghe theo, truyền lệnh tìm người làm đao phủ. Bấy giờ, trong núi Kỳ- lê có một gia đình làm nghê dệt vải, trong nhà có một người con trai cũng tên 17 Bạt-đà-la-do-đà ,s. Bhadrāyudha. 18 Bạo Ác A-dục Candāsoka.

Kỳ-lê519 bản tánh rất hung ác, thường xuyên đánh đập và bắt trói các bé trai, bé gái. Kẻ ấy lại còn rất thích săn bắn giết hại các loài chim thú, đánh bắt cá tôm, thậm chí ngỗ nghịch với cha mẹ. Vì thế, mọi người gọi kẻ đó là Kỳ-lê hung ác. Bấy giờ? vua cho người đến hỏi Kỳ-lê: Ngươi có thê giúp vua chém những người hung ác không? Kỳ-lê đáp: -Tôi có thể trừ sạch tất cả kẻ có tội trên cõi Diêm-phù-đề9 huống gì chỉ một nước này. Các sứ giả trở vê tâu vua: -Tâu Đại vương, đã tìm được kẻ hung ác rồi! Vua ra lệnh: -Hãy dẫn kẻ đó đến đây! Các sứ giả đi gọi Kỳ-lê đến. Kẻ đó đáp: Xin hãy chờ một chút, để tôi từ giã cha mẹ trước đã! Kỳ-lê trình bày đầy đủ sự việc trên. Cha mẹ khuyên can: Con không nên làm việc này! Cha mẹ Kỳ-lê can ngăn con ba lân như thê, kẻ đó khởi tâm độc ác bát nhân, ra tay giết hại luôn cha mẹ rồi mới chịu đi. Các sứ giả hỏi hắn ta: -Tại sao lâu vậy, sao không nhanh lên? Lúc này, gã hung ác liền thuật lại đầy đủ sự việc khiến bị chậm trễ. Các sứ giả đem việc này tâu trình lên vua. Vua liền bảo kẻ đó: -Ngươi cân phải biêt những tội nhân đáng tội chét trong nước của ta. Hắn bèn tâu vua: -Xin Đại vương hãy xây cho tôi một tòa nhà! Vua liền xây cho gã một tòa nhà cao lớn sang đẹp, nhưng chỉ có một cánh cửa ra vào, cửa này cũng cực kỳ tráng lệ. Bên trong ngôi nhà này lập ra những phương cách tri phạt tội nhân giống như ở địa ngục, nhưng địa ngục này rất sang trọng. Khi ấy, tên hung ác kia lại tâu vua: Hạ thần thỉnh cầu Đại vương một điều. Nếu người nào đã vào đây rồi thì không được ra nữa. Vua trả lời: Trẫm chấp thuận lời thỉnh cầu của ngươi! Một hôm, tên đao phủ này đến chùa, nghe các Tỳ-kheo nói về các hình phạt ở trong địa ngục. Lúc ấy, có vị Tỳ-kheo đang tụng Kỉnh đỉa ngục đến đoạn:

19 Kỳ-lê Girika.



“C6 những tội nhân đọa vào địa ngục, bị bọn lính ngục nắm lấy, dùng kềm sắt cháy đỏ cạy miệng tội nhân, rồi nhét vào các viên sắt nóng. Tiếp đến, lại lấy nước đồng sôi rót vào trong miệng, lại dùng búa sắt chặt chém thân thể, rồi lấy gông cùm, xiềng xích trói chặt tội nhân. Lại có xe lửa, lò than, vạc dầu, sông tro nóng, núi đao, rừng kiếm, V.V." Đay đủ như trong Kinh ngũ thiên s đã nói. Kẻ ấy nghe những việc như thế xong, liền về lại chỗ ở, thiết lập nơi đó đúng như những gì đã được nghe từ các Tỳ-kheo và cũng theo cách thức trong kinh nói để trị phạt tội nhân. Một lần nọ? có một thương buôn dẫn theo người vợ cùng đi làm ăn ở ngoài biển lớn. Đang ở trên biển thì người vợ hạ sanh con trai nên đặt tên là Hải. Gia đình này sống ngoài biển như vậy trải qua hơn mười năm. Sau khi thu nhặt được nhiều châu báu, họ trở về cố hương. Trên đường trở về, họ gặp năm trăm tên cướp, chúng giết chết người cha và đoạt hết châu báu. Bấy giờ? con trai của thương buôn thấy cha bi giết, của cải cũng mất hết, cảm thấy chán chường cái khổ thế gian, liền theo giáo pháp Như Lai xuất gia học đạo? rời xa quê hương, vân du qua các nước, dần dần đến ngoại thành Ba- liên-phất. Tá túc tại đây một đêm, sáng sớm hôm sau, vi Tỳ-kheo này đắp y, ôm bát vào thành tuần tự khất thực, đi lầm vào nhà của tên đao phủ. Tỳ-kheo kia từ xa nhìn thấy trong nhà nào là xe lửa, lò than... dùng để hành khổ các tội nhân giống hệt như ở địa ngục thì vô cùng hoảng sợ?

sởn cả gai ốc5 đinh quay trở ra. Nhưng ngay khi ấy, tên hung ác liền đến bắt vị Tỳ-kheo và nói: Ai đã vào đây thì không thể ra được, nay ông phải chết ở đây. Vị Tỳ-kheo nghe kẻ đó nói vậy, trong lòng đau thắt, nước mắt đầm đìa. Tên hung ác lại hỏi: Sao ông khóc lóc như trẻ con vậy? Tỳ-kheo nói kệ đáp: Ta không hề sợ chết, Bởi chí nguyện giải thoát, Hôm nay chưa thành tựu, Cho nên ta mới khóc. Thân người rất khó được, Được xuất gia cũng khó, Gặp Vua Thích Sư Tử j Từ nay chẳng còn mong. Tên hung ác hỏi Tỳ-kheo: -Nay ông nhất định phải chết, còn điều gì lo buồn nữa? Tỳ-kheo lại hạ giọng nài nỉ: Hãy cho tôi sống thêm một thời gian ngắn, chỉ một tháng thôi! Tên hung ác không đồng ý. Thế rồi, vị Tỳ-kheo cứ nài nỉ, dần dần giảm còn bảy ngày thì tên hung ác mới chấp thuận.

20 Xem Thiên sứ kinh (roi. 0026.64. 0503a21). 21 Nguyên tác: Thích Sư Tử vương (),một trong những tôn hiệu của Thế Tôn.



Bấy giờ, biết mạng sống của mình không còn lâu nữa nên vị Tỳ-kheo tinh tấn tọa thiền điều tâm, nhimg rốt cuộc vẫn chưa đắc đạo. Đen ngày thứ bảy, trong cung vua có người nữ phạm tội chết bị giải đến giao cho tên hung ác để hắn xử tội. Tên hung ác bỏ người nữ này vào trong cái cối, rồi dùng chày giã nát thân thể. Thầy Tỳ-kheo nhìn cảnh tượng ấy, cảm thấy vô cùng nhàm chán thân này, cất tiếng than: "Oi, khổ thay! Lát nữa đây ta cũng sẽ như vāy!59 Rồi thầy ấy nói kệ: Than ôi, đấng Đại Bi, Diễn nói pháp vi diệu, "Thân này như bọt nước, Theo ly, chẳng thật c6.“ Người nữ đẹp vừa rồi, Bây giờ đã về đâu? Sanh tử cần xả bỏ? Kẻ ngu lại đắm vào. Nếu tâm duyên nơi ấy, Nay cần phải tháo gỡ, Vượt qua khổ ba cõi, Rốt ráo không luân hồi. Như thế, hãy nỗ lực, Tinh chuyên tu Phật pháp, . v : Đoạn trừ mọi kiêt sử, Chứng đắc A-la-hán. Khi ấy, tên đao phủ nói với Tỳ-kheo: - Kỳ hạn đã hết! Thầy Tỳ-kheo hỏi: - Ta không biết ông nói gì. Tên hung ác đáp: Hôm trước, ta cho kỳ hạn bảy ngày, hôm nay đã hết. Tỳ-kheo nói kệ đáp: Tâm ta đã thoát khỏi, Chốn tăm tối vô minh, r y Đoạn kiêt hữu ngăn che, Giêt sạch giặc não phiên. Mặt trời tuệ đã hiện, Chiếu soi tâm, ý, thức, Thấu suốt lẽ tử sanh, Nay vì thương chúng sanh, Tùy thuận tu pháp Phật, Nên thân này của ta, Ông mặc tình xử lý, Ta không luyến tiếc gì. Bây giờ, tên hung ác kia ném thây Tỳ-kheo vào vạc dâu, cho củi vào và châm lửa, nhưng lửa không cháy, nếu có cháy thì cũng chẳng nóng. Tên hung ác kia thấy lửa không cháy liền đánh đập thuộc hạ rồi tự mình đốt, lửa liền cháy mạnh. Một lúc lâu sau, kẻ ấy mở nắp vạc dầu? chợt thấy vị Tỳ-kheo ngồi trên hoa sen giữa vạc dầu sôi. Hắn ta cho là điều kỳ lạ hiếm c6, vội đến tâu vua. Nhà vua liền cưỡi xe cùng với rất nhiều người đến xem sự việc. Bấy giờ, Tỳ-kheo biết thời cơ cảm hóa nhà vua đã đến, liền phi thân lên hư không như chim nhạn chúa, rồi thi triển các cách biến hóa, giống như kệ diễn tả: Vua thấy Tỳ-kheo này, Thân bay lên hư không, Tâm vô cùng hoan hỷ5 Chắp tay nhìn Thánh Tăng, “Trẫm nay có lời thưa, Không hiểu tại vì sao,



Thân ngài không khác tục, Mà thân thông hy hữu. Xin ngài chỉ dạy rõ, Tu tập những pháp gì, Giúp tâm được thanh tịnh, Xin vì trẫm giảng nói, Đe biết pháp thắng diệu, Sau

khi hiểu pháp tướng, Sẽ làm đệ tử thầy, Tâm mới không hối hãn.99 Bây giờ, thầy Tỳ-kheo áy suy nghĩ: "Nay ta thu phục vị vua này, dùng nhiêu cách giáo hóa đe ông ấy hộ trì Phật pháp, phân bố Xá-lợi Như Lai khắp nơi, hầu làm cho vô lượng chúng sanh được lợi ích an lạc, cũng khiên chúng sanh trong cõi Diêm-phù-đề này đều tin Tam bảo. Vì nhân duyên này nên ta phải làm rõ thần đức của Phát." Ty-kheo liền nói kệ: Tôi là đệ tử Phật, Được dứt sạch các lậu, Đã là vi đệ tử, Thì không chấp các hữu. Nay tôi đã điều phục, Theo đang Lưỡng Túc Ton. Tâm an định, tịch tĩnh, Mối sợ lớn sanh tử, Tôi nay cởi bỏ rồi, Vĩnh viễn lìa ba cõi, Trong Thánh pháp Như Lai, Được lợi ích như the. Nghe Ty-kheo kia nói kệ, Vua A-duc khởi lòng kính tin Phật vô hạn. Vua lại hỏi thầy Ty-kheo: Trước khi đức Phật diệt độ, Ngài có thọ ký gì? Tỳ-kheo đáp: Phật có thọ ký cho Đại vương: "Sau khi Như Lai diệt độ hơn một trăm năm, tại thành Ba-lien-phat với ba ức hộ dân, đất nước này có vị vua tên là A-dục, sẽ làm Chuyển Luân Thánh Vương thống lãnh cõi Diêm-phù-đề này, dùng Chánh pháp để trị vì và giáo hóa dân chúng, lại còn xây dựng tám mươi bốn ngàn ngôi tháp khắp cõi Diêm-phù-đề để phụng thờ Xá-lợi của Như Lai." Đức Phật đã thọ ký ve Đại vương như vậy. The nhưng, hiện nay Đại vương đã tạo địa ngục lớn này, giết hại vô số người dân. Từ nay, Đại vương hãy mở lòng thương tưởng đến tất cả chúng sanh, khoan dung tha tội để họ luôn được an ổn. Đại vương đã được Phật thọ ký, hãy nên tu hành đúng như pháp. The roi, Tỳ-kheo noi kê: Nên khởi tâm xót thương, Chớ ton hại chúng sanh, Hãy tu theo pháp Phật, Rộng phân bố Xá-lợi. Lúc ấy, Vua A-dục khởi tâm kính tin đức Phật vô hạn, chắp tay lễ Tỳ-kheo và nói: -Tội trẫm rất nặng, nay đối trước thầy xin được sám hối. Những việc làm của trẫm thật quá sai lam, nguyện làm đệ tử Phật, xin thầy nhận sự sám hối của trẫm, chớ chê trách trẫm ngu si, nay trẫm xin được quy y! Rồi vua nói kệ: Con xin quy y Phật, Pháp thắng diệu vô thượng, Và chúng Tỳ-kheo-tăng, Con nguyện đều quy mạng.

QUYỂN 23 693

Từ nay sẽ dũng mãnh, Vâng theo lời Thế Tôn, Nơi Diêm-phù-đề này, Xây tháp Phật khắp chốn, Và cúng dường các thứ, Treo lụa và tràng phan, rri _ _ r ___ Ạ FT^ Ạ _ r rin _ / _ _ 4- A • <J Trang nghiêm tháp The Ton, Tráng lê đời ít co. Thầy Tỳ-kheo độ được VuaA-dục xong, liền bay lên hư không rồi biến mất. Lúc ấy, nhà vua định ra khỏi ngôi nhà địa ngục thì tên hung ác đó tâu: Đại vương không được đi khỏi đây! Vua hỏi: Ngươi định giết trẫm sao?

Kẻ đó đáp:

Đúng vậy!

Vua hỏi:

Ai vào đây trước?

Tên đao phủ đáp:

Chính là tôi!

Vua nói:

r L

-Nêu vậy thì ngươi phải chét trước! Rồi vua sai người đưa kẻ hung ác này vào nhốt trong nhà tạo keo dính, rồi châm lửa đốt hắn. Sau đó, vua truyền lệnh phá bỏ nhà ngục

này và tha thứ cho tất cả mọi người. Bấy giờ, Vua A-dục vì muốn xây tháp thờ Xá-lợi Phật nên dẫn bốn đạo quân đến thành Vương Xá lấy Xá-lợi trong tháp Phật của Vua A-xà-thế, rồi vua cho sửa sang ngôi tháp này lại giống như trước. Sau đó, Vua A-dục lại đến lấy Xá-lợi trong bảy tháp Phật nữa, qua đến thôn La-ma,22 được các long vương đưa vào long cung, vua xin Xá-lợi để cúng dường, liền được long vương chia cho một số Xá-lợi. Thế rồi, vua rời khỏi long cung, giống như bài kệ diễn tả: Vua đến thôn La-ma, Những nơi có tháp Phật, Ngay cả chốn long cung, Xin Xá-lợi cúng dường. Vua cũng đòi phân chia, Long vương sẵn lòng trao, Vua thỉnh Xá-lợi này, Xây tháp thờ khắp nơi. Vua cho làm tám mươi bốn ngàn chiếc hộp bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê để tôn trí Xá-lợi Phật, rồi lại sai làm tám mươi bốn ngàn chiếc bình báu để bảo vệ những chiếc hộp này. Vua lại còn cho làm vô số trăm ngàn tràng phan, bảo cái để cúng dường Xá-lợi, lại sai các quỷ thần mỗi vị bưng một chiếc bình đựng Xá-lợi cúng dường. Đồng thời ra lệnh các quỷ thần tuyên cáo đến tất cả xóm làng, thành thị khắp cõi Diêm-phù-đề cứ đủ một ức hộ dân thì hãy xây dựng một tháp thờ Xá-lợi Thế Tôn.

22 Thôn La-ma Rāmagama, một thôn làng thuộc nước Koliya.



Bấy giờ, nước Đức-xoa-thi-la có ba mươi sáu ức hộ dân, người dân nước ấy cầu xin quỷ thần cho ba mươi sáu hộp Xá-lợi Phật để họ dựng tháp cúng dường. Vua bày phương tiện khéo léo, sai cứ tính đủ số lượng một ức hộ dân mà ban Xá-lợi cho họ xây tháp cúng dường. Khi ấy, tại thành Ba-liên-phất có vi Thượng tọa tên là Da-xá. Một hôm, Vua A"dục đến gặp Thượng tọa và thưa: Trẫm có ý nguyện xây dựng tám mươi bốn ngàn ngôi tháp Phật ở khắp cõi Diêm-phù-đề chỉ trong một ngày. Giông như kệ diên tả: Có Đại vương A-dục, Đi đến tám tháp Phật, Đe chia thỉnh Xá-lợi? Rồi tại Diêm-phù-đề? Xây dựng nhiều tháp Phật, Thảy tám mươi bốn ngàn, Rộng rãi và thắng diệu, Hoàn tất trong một ngày. Thượng tọa nói với vua: -Quý thay Đại vương! Vào ngày rằm, sau khi thọ thực,23 Đại vương hãy sai người ở cõi Diêm-phù-đê này cùng lúc khởi công xây dựng tháp Phật. Như vậy, chỉ trong một ngày, tám mươi bốn ngàn ngôi tháp đã được dựng lên. Nhân dân kháp chôn vui mừng vô hạn, cùng gọi vua là Vua Pháp A-dục.2324 Như bài kệ khen ngợi: Vua Thánh dòng Khổng Tước, An lạc người thế gian, Nơi Diêm-phù-đê này, Xây dựng tháp thăng diệu. Trước gọi là vua Ác, Nay tạo nhiều việc lành, Được tôn xưng vua Pháp, Truyền tụng mãi về sau. Sau khi xây dựng xong tám mươi bốn nệàn tháp Xá-lợi Phật, trong lòng Vua A-dục vô cùng hoan hỷ? dẫn các quần thân đi đên tinh xá Kê Tước,25 thưa với Thượng tọa Da-xá: Có Tỳ-kheo nào được Phật thọ ký sẽ làm Phật sự chăng? Trẫm sẽ đến chỗ Tỳ-kheo ấy cúng dường, cung kính. Thượng tọa Da-xá đáp: r r -Lúc đức Phật sáp Niêt-bàn, Ngài đã hàng phục long vương A-ba-la,26 thợ gốm Chiên-đà-la927 rồng Cù-ba-lợi.28 Lúc đi đen nước Ma-thâu-la,29 Thế Tôn

23 Nguyệt thực thời cũng viết là "nguyệt thực thọ thời":Sau buổi thọ thực.
Xem chú ±ich40 kii± số 1212,quyến 45, ứ. 1346; Tạp.T.02. 0099.1212. 0330a04. Có quan điểm chorằng, đúng ra là chữ "thực".Theo A-dục vương truyện, Tôn giả Da-xá lấy tay che mặt trời để cho vua dựng tháp trong mọt ngày. 24 Pháp A-dục

,Dhammāsoka. 25 Tinh xá Kê Tước ,Kukkutārāma. 26A-ba-la,Palāla. 27 Chiên-đà-la ,Candalī. 28 Cù-ba-lợi ,Góp. 29 Ma-thâu-la Mathura.



từng nói với Tôn giả A-nan: "Sau khi Như Lai diệt độ khoảng một trăm năm, có một trưởng giả tên là Cù-đa930 con trai ông ấy tên Ưu-ba-quật-đa31 sẽ xuất gia học đạo, trở thành vi bậc nhất về hạnh ệiáo hóa chúng sanh, sẽ làm Phật SU." Thế Tôn lại hỏi Tôn giả A-nan: "Có thay ngọn núi xa xa kia kh6ng?" A-nan thưa: “Bạch Thế Tôn! Con có thấy." Phật bảo A-nan: "Ngọn núi này tên là Ưu-liru-man-trà532 đó là trụ xứ a-lan- nhã Na-trà-bà-đê533 thích hợp với hạnh tịch tinh." Rồi đức Phật nói kệ ca ngợi: Tỳ-kheo Ưu-ba-quật5 Vị giảng dạy bậc nhất, Danh vang khắp bốn phương, Được Thế Tôn thọ ký. "Sau khi Ta diệt độ, Sẽ làm các Phật SỊT, Độ tất cả chúng sanh, Số lượng nhiều vô hạn.” Nhà vua lại hỏi Thượng tọa Da-xá: -Tôn giả Ưu-ba-quật"đa nay đã ra đời chưa? Thượng tọa đáp: -Tôn giả ấy đã ra đời, xuất gia học đạo và đã hàng phục được phiền não, trở thành bậc A-la-hán. Tôn giả ây cùng với một vạn tám ngàn Tỳ-kheo quyến thuộc hiện đang trú tại a-lan-nhã, trong núi Ưu-lưu-man-trà. Vì thương xót chúng sanh nên Tôn giả y theo lời Phật mà giảng dạy pháp tịnh diệu, hóa độ vô lượng chư thiên và loài người, giúp họ vào được cõi nước giải thoát. Nhà vua nghe xong, vui mừng phấn khởi, lập tức lệnh cho ạuần thần nhanh chóng sửa soạn xa giá, định dân vô sô quyên thuộc đi đên nơi ây để cung kính, cúng dường Tôn giả Ưu-ba-quật-đa. r Bây giờ, các quan tâu vua: -Vị Thánh này đang ở tại bổn quốc, vậy nên Đại vương có thể sai sứ giả thân tín phụng lệnh đến cung thỉnh Tôn giả ấy, nhất đinh Tôn giả ấy sẽ đến. Vua A-dục liền nói với các quan: Không nên sai sứ giả thân tín đến đó? trẫm phải đích thân đến, chớ nên để Ton gia áy đen đay. Rồi vua nói kệ: Ông dù lưỡi kim cang, Không gì chặt đứt được, Cũng chẳng thể khuyên ta, Đen gặp bậc phước điền. Vua liền sai sứ giả thân tín đến thưa trước với Tôn giả hôm đó vua sẽ đến. Bấy giờ, Tôn giả Ưu-ba-quật-đa suy nghĩ: “Nếu vua đến đây thì sẽ có rất đông tùy tùng theo hộ giá? họ phải chịu biết bao cực nhọc, lại còn làm tổn hại côn trùng nhỏ nhiệm và dân chúng, thôn x6m." Suy nghĩ xong, Tôn giả nói với sứ giả thân tín:

30 Cù-đa ,Gupta.

31 ưu-ba-quật-đa ưpagupta.

32 ưu-lưu-man-trà ,Urumunda.

33 Na-ưà-bà-đê ,s. Natabhatikā.



Tôi sẽ đích thân đi đến chỗ Đại vương.

Vua nghe tin Tôn giả Ưu-ba-quật-đa đích thân vào cung, trong lòng phan khởi và hoan hỷ vô cùng. Thế nên, ở khoảng giữa hai thành đô Ma-thâu-la và Ba-liên-phất, vua cho thiết trí nhiều tàu thuyền, trên thuyền treo giăng nhiều phướn lọng. Bấy giờ, Tôn giả Ưu-ba-quật-đa vì thương cảm vua nên dẫn mười tám ngàn vị Tỳ-kheo A-la-hán theo đường thủy đi đên vương quôc. Người dân trong nước liền đến tâu vua: - Tôn giả

Ưu-ba-quật-đa dẫn mười tám ngàn Tỳ-kheo đến đây rồi. Nghe vậy, Vua A-dục thân tâm phấn khởi hoan hỷ vô cùng, liền tháo chuỗi ngọc rát có giá tri ban thưởng cho người báo tin. Roi vua cùng với các đại thân và quyên thuộc lập tức xuất cung đi đên chô Tôn giả, tháo bỏ trang sức đặt qua một bên, năm vóc sát đất, thành kính đảnh lễ đối trước Tôn giả rồi quỳ gối chắp tay thưa:  Nay trẫm thống lãnh cõi Diêm-phù-đề này, tuy ngồi trên ngôi báu nhưng không cảm thấy vui. Hôm nay, gặp được Tôn giả, lòng trẫm phấn khởi vui mừng. Chỉ có đệ tử của Thế Tôn mới đem lại được điều này, trẫm thấy Tôn giả như thấy được Phật. Rồi vua nói kệ: Thế Tôn đãNiết-bàn,34 Nay ngài làm Phật sự, Khiến thế gian lìa mê5 Như mặt trời Phật chiếu. Làm thầy dẫn chúng sanh, Bậc thuyết pháp đệ nhất, Chúng sanh có chỗ nương, Lòng trẫm rất hoan hỷ. Bấy giờ? nhà vua lệnh cho sứ giả loan tin khắp cả nước rằng: "Tôn giả Ưu- ba-quật-đa hôm nay đã đến đất nước này." Rồi xướng tụng rằng: Ai muôn được giàu sang, Xa lìa nghèo, khốn khổ, Được niềm vui cõi trời, Và giải thoát Niết-bàn, Hãy gặp Ưu-ba-quật, Cung kính và cúng dường. Ai chưa thấy chư Phật, Nay gặp Ba-quật-đa. Bấy giờ, nhà vua lệnh cho sửa sang bờ cõi, đắp đường bằng phẳng, treo giăng phướn lọng, xông hương rải hoa, cho đến trỗi các loại kỹ nhạc. Đồng thời dân chúng cả nước đều ra ngoài nghinh đón Tôn giả Ưu-ba-quật để cúng dường, kính lễ. Khi ấy, Tôn giả Ưu-ba-quật tâu vua: -Tâu Đại vương! Ngài nên dùng Chánh pháp để tri hóa muôn dân và thương xót đến tất cả chúng sanh. Vì Tam bảo khó gặp nên đối với Tam bảo, Đại vương hãy luôn cúng dường, cung kính, tu niệm và ngợi ca, đồng thời giảng nói rộng

34 Nguyên tác: Tịch Diệt dĩ độ thế .Tịch Diệt ở đây chỉ cho Thế Tôn, đấng Tịch Diệt.



cho mọi người. Vì sao như vậy? Vì đấng Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác là bậc Tri Kiến, luôn thọ ký rằng: "Chánh pháp của Như Lai được ký thác nơi Quốc vương và Ty-kheo-tang.59 Roi Ton gia noi kê: Bậc Thế Hùng tôn kính, Chánh pháp rất thắng diệu, Ký thác nơi Đại vương, Và chúng Tỳ-kheo-tăng. Bấy giờ, nhà vua thưa với Tôn giả Ưu-ba-quật:  Trẫm đã dựng lập Chánh pháp. Rồi vua nói kệ: Trẫm đã xây tháp Phật, Trang nghiêm các cõi nước, Cúng dường đủ các thứ, Phan lọng cùng vật báu. Phân chia Xá-lợi Phật, Khắp cối Diêm-phù-đề, Trẫm tạo phước như vậy, Ý nguyện đã trọn vẹn. Bản thân và vợ con, Châu báu và cõi nước, Nay nguyện bố thí hết, Cúng dường tháp Thánh hiền. Tôn giả Ưu-ba-quật ca ngợi vua:  Lành thay! Lành thay! Đại vương nên thực hành những pháp như vậy. Roi Ton gia noi kẹ: Xả thân mạng, của cải, Đời đời không lo âu, Được phước lành vô kể, Sẽ được Vô thượng giác. Thế rồi, nhà vua cung thỉnh Tôn giả Ưu-ba-quật vào thành, thiết trí tòa ngồi rồi thỉnh Tôn giả an tọa, còn chúng Tăng thì được mời đến tinh xá Kê Tước. Vua thưa với Tôn giả: -Tôn giả dung mạo đẹp đẽ, da dẻ mịn màng, còn tôi hình the xấu xí, da dẻ sân sùi. Ton giả liên nói kê: Lúc tôi hành bố thí, Tâm tịnh dâng vật tốt, Không như vua bố thí, Đem cát cúng dường Phật. Vua nói kệ đáp: Khi trẫm còn trẻ thơ, Cúng dường Phật nắm cát? Nay được quả báo này, Huống gì thí vật tốt. Tôn giả nói kệ khen: Quý thay! Thiện Đại vương, Cúng dường năm đát cát, Trong ruộng phước Vô thượng, Gặt được quả không cùng. Bấy giờ,

Vua A-dục nói với các đại thần: —Trẫm nhân cúng dường Phật nắm cát mà có quả báo như vầy. Vậy tại sao trẫm không tu hạnh cung kính Thế Tôn!



Vua lại thưa với Tôn giả Ưu-ba-quật: -Tôn giả hãy cho trẫm biết những nơi Phật thuyết pháp và những nơi Phật du hành qua, để trẫm đến đó cúng dường, đảnh lễ, vì các chúng sanh đời sau mà nhiếp thọ căn lành. Rồi vua nói kệ: Ke nơi Phật nói pháp, Các nước và tru xứ, Đe trẫm kính cúng dường, Vì chúng sanh đời sau. Tôn giả nói: Lành thay! Lành thay! Đại vương đã phát thệ nguyện thù thắng. Tôi sẽ chỉ cho Đại vương những trụ xứ ấy, vì chúng sanh đời sau. Bấy giờ, vua dẫn bốn đạo quân và mang theo các vật phẩm cúng dường như hương hoa, tràng phan và các loại kỹ nhạc, đồng thời thỉnh Tôn giả cùng lên đường. Tôn giả Ưu-ba-quật đưa vua đi đến Long Tần lâm35 và bảo đây là nơi Như Lai đản sanh, rồi Tôn giả nói kệ: Nơi Như Lai đản sanh, Vừa sanh, đi bảy bước, Xoay nhìn khắp bốn phương, Đưa tay chỉ trời nói, "Nay Ta sanh lần cuối, Sẽ đắc đạo Vô thượng, Cõi trời và cõi người, Ta là đấng Vô Thượng?9 Lúc này, nhà vua gieo năm vóc sát đất đảnh lễ? cúng dường và liền truyền lệnh xây dựng tháp Phật tại đây. Tôn giả Ưu-ba-quật lại tâu vua: Đại vương muốn thấy chư thiên đã nhìn thấy đức Phật đi bảy bước khi đản sanh không? Nhà vua thưa: Trẫm rất muốn nhìn thấy. Tôn giả liền đưa tay chỉ cành cây mà Hoàng hậu Ma-da đã vịn vào, rồi bảo thần cây: -Thần cây! Nay ông hãy hiện ra để vua được nhìn thấy mà khởi tâm hoan hỷ. Vừa dứt lời thì thần cây hiện ra, đứng bên cạnh Tôn giả và nói: Ngài dạy điều gì? Tôi sẽ vâng theo!

Tôn giả nói với vua:
Vi thần này đã thấy Phật lúc đản sanh.
Vua liền dùng kệ hỏi thần cây:
Ngài được thấy Thế Tôn, Vừa sanh có hoa sen,
Chân bước đi bảy bước, Miệng cất tiếng nói ư?
35 Long Tần lâm ,Lumbiĩũ Vườn Lâm-tỳ-ni.



Than cay noi kẹ tra lời: Tôi thấy thân tướng hảo, Lúc Thế Tôn sanh ra, Chân bước đi bảy bước, Miệng cất tiếng nói rằng, “Trong cõi trời và người, Ta là bậc Vô Thượng?5 Vua lại hỏi thần cây: Lúc đức Phật đản sanh, có những điềm lành gì? Thần đáp: -Tôi không thê kê hét những việc thăng diệu lúc đó, nay chỉ xin nói sơ lược: Anh sáng soi khắp chốn, Thân thể đủ tướng đẹp, Ai thấy cũng hoan hỷ? Cảm động khắp đất trời. Vua nghe thần cây nói vậy, sanh tâm hoan hỷ? liền ban thưởng cho thần mười vạn lượng châu báu rồi cáo từ. Tôn giả Ưu-ba-quật lại dẫn vua vào trong thành và nói: Nơi này đức Phật36 hiện ra ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, thân màu vàng ròng trang nghiêm sáng chói. Nhà vua liền hướng về nơi ấy đảnh lễ và cúng dường đủ các phẩm vật. Tôn giả lại đưa vua vào trong Thiên Tự, roi nói: Lúc Thái tử mới sanh ra được đưa đến để lễ bái các vị thần ở Thiên Tự này. Tuy nhiên, bấy giờ các thần đều đảnh lễ Bồ-tát. Vì vậy mà người dân bấy giờ mới đặt danh hiệu Thái tử là Bồ-tát? rằng đó là vi

trời trên các vị trời. Vua lại dâng lên các phẩm vật cúng dường ở nơi này. Tiếp đó? Tôn giả lại đưa vua đen một nơi và nói:  Đây là nơi Vua cha bế Thái tử Bồ-tát ra mắt các Bà-la-môn, nhờ họ xem tướng cho Thái tử. Vua A-dục lại cúng dường nhiều phẩm vật tại đây. Sau đó9 Tôn giả lại lần lượt chỉ cho vua: "Noi này là lớp học của Thái tử Bồ-tát, nơi này Thái tử học cưỡi voi, nơi này học cưỡi ngựa, cưỡi xe, bắn cung, nơi mà Thái tử Bồ-tát học tập tất cả các kỹ năng, tài nghệ. Nơi này là nơi Thái tử rèn luyện thân. Đây là nơi dạo chơi của sáu mươi ngàn cung nữ của Thái tử. Nơi này Thái tử đã chứng kiến người già, người bệnh và người chết. Nơi này Thái tử Bồ-tát ngồi dưới cây Diêm-phù-đề để tư duy thiền định và được lìa dục, bóng cây không rời thân, cũng là nơi Vua cha Ngài hướng về lễ bái. Nơi này Thái tử dẫn trăm ngàn thiên thần rời khỏi vương thành đi tìm chân lý. Nơi này Thái tử tháo chuỗi ngọc trao cho Xa-nặc37 và bảo Xa-nặc phi ngựa trở về nước.,,

36 Nguyên tác: Bồ-tát & đây chỉ cho đức Phật. 37 Xa-nặc ,Channa.



Roi Ton giả noi kê: Đay là nơi Thái tử, Cởi chuỗi ngọc, mũ báu, Rồi trao cho Xa-nặc, Bảo giục ngựa trở về, Ngài một mình không bạn, Vào núi sâu học đạo. Lại nữa5 nơi này là nơi Thái tử đổi áo cà-sa của người thợ săn, Ngài mặc chiếc áo này rồi làm người xuất gia. Nơi này là nơi Ngài được các tiên nhân thỉnh mời, nơi này là nơi Bình-sa vương38 đòi chia nửa đất nước dâng cho Thái tử Bồ-tát. Nơi này Thái tử hỏi đạo với tiên nhân Ưu-lam-phất.39 Nơi này Thái tử tu tập khổ hạnh sáu năm. Giống như kệ diễn tả: Khổ hạnh suốt sáu năm, Chịu biết bao khổ nhọc, Biết không phải đạo chân, Liền bỏ hạnh tu đó. Nơi này là nơi Thái tử được thiếu nữ cúng dường sữa đề-hồ. Như kệ diễn tả: Đại Thánh ở nơi đây, Nhận cúng bát đề-hồ,40 Từ đây Ngài đứng dậy, Đen cội cây Bồ-đề. Nơi này long vương Ca-lê41 đã ca ngợi Bồ-tát. Như kệ diễn tả: Nơi này rồng Ca-lê9 Đã khen ngợi Bồ-tát5 Nên theo đường lối cũ, Chứng diệu quả Vô thượng. Bấy giờ, Vua A-dục quay nhìn Tôn giả Ưu-ba-quật và nói kệ: Trẫm muốn gặp long vương, Long vương đã thấy Phật, Nhờ đây được Bồ-đề? Chứng đắc quả Thắng diệu. Tôn giả liền đưa tay chỉ long vương bảo:  Này long vương Ca-lợi! Ông đã thấy Phật, nay hãy hiện thân.

Long vương nghe tiêng liên xuất hiện, đứng trước Tôn giả và chăp tay thưa: -Tôn giả có điều gì chỉ dạy? Tôn giả nói với Vua A-dục:  Vi long vương này đã nhìn thấy Phật và khen ngợi Phật. Vua liền chắp tay hướng về long vương nói kệ: Ông thấy thân kim cương, Thầy tôi, bậc Vô Thượng, Mặt như ánh trăng đay, Xin kể hạnh của Ngài, Và công đức mười lực,42 Lúc Ngài đến đạo tràng.43

38 Binh-sa vương Bimbisāra cũng gọi là Vua Tần-tỳ-sa-la ,Vua Tần-bà-sa-la ,vua nước Ma-kiệt-đà Magadha. 39 Ưu-lam-phất Uddaka Rāmaputta. 4? Nguyên tác: Nhũ mi tên gọi khác của đề-hồ manda, một loại cháo sữa đặc biệt của Ấn Độ. 41 Ca-iê long ,Kāla. 42 Thập lực Mười trí lực của Như Lai. Xem Tạp.02. 0099.683. o 186b 16. 43 Đạo tràng Nơi đức Phật tu hành thành tựu đạo quả.

Long vương nói kệ đáp: Nay tôi sẽ diễn nói, Khi chân Ngài giẫm đất, Đát sáu phen rung động, Thân sáng hơn mặt trời, Chiếu khắp ba ngàn cõi, Rồi đến cội Bồ-đề. Bây giờ, nhà vua cúng dường các vật phàm ở những nơi ây và dựng tháp phụng thờ. Ke đó, Tôn giả lại dẫn vua đến bên cội cây Đạo tràng, nơi Phật thành dạo, rồi nói với Vua A-dục: -Tại cội cây này, Đại Bồ-tát đã dùng sức tam-muội từ bi mà đánh bại quân ma rồi chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. "X T Y nn _ • Va Ton giả noi kệ: 9 _ r •

Đấng Mâu-ni Ngưu Vương,44 Tại cội Bồ-đề nà* Hàng phục được quân ma, Chứng đắc quả Bồ-đề, Bậc nhất trong trời, người, Đáng kính không ai bằng. Vua liên cúng dường vô lượng châu báu, đông thời xây dựng chùa tháp lớn tại đây. "Noi này Tứ Thiên Vương mỗi vị ôm một chiếc bát dâng cúng cho Phật, hợp lại thành một chiếc bát. Đây là nơi Như Lai nhận những bữa ăn cúng dường của anh em khách buôn. Nơi này là nơi ngoại đạo A-thời-bà45 chất vấn đức Phật lúc Ngài đến nước Ba-la-nại.46 Nơi này là vườn Lộc Uyển, trụ xứ của Tiên nhân, là nơi Thế Tôn đã ba lần chuyển pháp luân, gồm mười hai hành tướng47 cho năm vị Ty-kheo.99 Rồi Tôn giả nói kệ: Nơi đây vườn Lộc Dã, Như Lai chuyển pháp luân, Ba chuyển, mười hai hành, Năm Tỳ-kheo đạt đạo. Bấy giờ, nhà vua cúng dường nhiều vật phẩm tại nơi này và xây chùa tháp. "Noi này Như Lai độ các tiên nhân như Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp48 đắc đạo. Nơi này Như Lai nói pháp cho Bình-sa vương, giúp vua rõ biết chân lý, cho đen vô lượng dân chúng và chư thiên tại đây cũng được thấy đạo. Nơi này Như Lai thuyết pháp cho trời Đế-thích, khiến Đế-thích cùng với tám vạn chư thiên đều đắc đạo. Nơi này Thế Tôn thị hiện thần lực, thi triển các loại thần thông. Nơi

44 Ngiru Vương Chúa của loài bò, ẩn dụ chỉ cho đức Phật. 45 A-thời-bà Ājīvika: Ngoại đạo tà mạng. 46 Ba-la-nại ,Bārānasī. 47 Nguyên tác: Tam chuyển thập nhị hành ph luân H .Đức Phật 3,lần chuyển pháp luân bon đế, gồm có: i Thi chuyểri: Chỉ ra uèây là Idiổ, đây là nguyên nhân của khổ, đây la kho diệt và,dây là con đường đưa đến khổ diet." ii Khuyến chuyển: Khuyên rằng t4Đây là khổ, các thầy nên biết; đây là nguyên nhân của khổ, các thay nên đoạn; đây là khổ diệt, các thầy nên chứng; đây la con đường đưa đên khổ diệt,^các thầy nên tu." iii Chưng chuyển: Chứng rằng 44đáy là khổ, Như Lai đã rõ biết, không còn gì để biêt; đây la nguyên nhấn của khổ, Như Lai đã đoạn, khổng còn gì để đoạn; đây là khổ diệt, Như Lại đã chứng^không còn gì để chứng; đây là con đường đưa đên khổ diệt, Như Lai đã tu, không còn gì để tu.” Vì mỗi lần chuyển đều đầy đủ 4 hành tướng: Nhãn, trí, minh, giác nên cộng chung là 12 hành tướng. 48 Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp Uruvela Kassapa.



này Như Lai lên trời thuyêt pháp cho mẹ và dân vô lượng thiên chúng xuồng nhân gian.^, Vua lại cúng dường các vật phẩm và xây dựng chùa tháp. Bấy giờ, Tôn giả lại bảo Vua A-dục đi đến nước Cưu-thi-na-kiệt49 rồi nói: “Noi đây Như Lai làm xong đầy đủ Phật sự, rồi từ Vô dư Bát-niết-bàn mà vào Bátniết-ban." Thê rôi? Tôn gia noi kê: Độ thoát khắp trời, người, Rồng, tu-la? dạ-xoa, Kiến lập pháp vô tận, Phật sự đã viên thành. Nơi hữu, được tịch diệt, Đại Bi vào Niết-bàn, Như củi hết, lửa tắt, Rốt ráo được thường

trụ.50 Vua nghe Tôn giả nói những lời này, trong lòng thương cảm đau xót đến ngã quỵ xuống đất. Bấy giờ, các quan lấy nước rửa mặt cho vua, một hồi lâu vua mới tỉnh lại và rồi bật khóc, nước mát giàn giụa. Tại dây, vua cúng dường các vật phẩm và cho xây dựng chùa tháp to lớn để tưởng nhớ. Vua lại trình bạch với Tôn giả Ưu-ba-quật: -Trẫm có tâm nguyện muốn được nhìn thấy các vị đại đệ tử được Phật thọ ký? muốn được cúng dường Xá-lợi của các vị ấy. Xin Tôn giả chỉ cho! Tôn giả nói với vua: -Lành thay! Lành thay! Đại vương đã phát diệu tâm như thế. Tôn giả liền đưa vua đến nước Xá-vệ? vào tinh xá Kỳ Hoàn,51 rồi đưa tay chỉ ngôi tháp:  Đây là tháp thờ Tôn giả Xálợi-phất, Đại vương hãy cúng dường.

Vua hỏi:

Vị này có công đức gì?

Tôn giả đáp:

-Đây là vị Pháp vương thứ nhì, có công hạnh tùy thuận chuyển pháp luân.

Va Ton giả noi kê:

Trí tất cả chúng sanh, So với Xá-lợi-phất9

Băng một phân mười sáu, Trừ trí của Như Lai.

Như Lai chuyển pháp luân, Xá-lợi-phất tùy chuyển,

Bậc có vô lượng dức, Không thể nào kể hết.

Lúc này, nhà vua khởi tâm hoan hỷ vô cùng, trích mười vạn lượng châu báu để cúng dường tháp Tôn giả Xá-lợi-phất rồi nói kệ:

Con lễ Xá-lợi-phất, Giải thoát mọi sợ hãi,

Danh vang khắp thế gian, Trí tuệ không ai bằng.

49 Cưu-thi-na-kiệt s. Kuśinagara, p. Kusinārā. 50 Thường trụ & đây chỉ cho Niết-bàn. 51 Tinh xá Kỳ Hoàn Jetavana.



Ke đến, Tôn giả Ưu-ba-quật lại chỉ tháp của Tôn giả Đại Mục-kiền-liên và nói: _ Đại vương hãy cúng dường tháp này! Vua lại hỏi Tôn giả: -Vi này có công đức gì? Tôn giả đáp:  Vi này có Thần túc bậc nhất, nếu dùng chân ấn xuống đất thì mặt đất rung động thâu đên cung trời, lại còn hàng phục được hai long vương là Nan-đà và Bạt-nan-đà. Và Ton gia nói kẹ: Giậm chân, đất rung động, Thấu đến cung De-thich, Thần túc không ai bằng, Không thể nào kể hết? Hai vua rồng hung bạo, Thấy ngài đều sợ hãi, Với thần lực của ngài, Hàng phục dứt cuồng sân. Bấy giờ, nhà vua liền cúng dường tháp này mười vạn lượng châu báu và nói kệ khen ngợi: Bậc Thần túc đệ nhất, Đã lìa già, bệnh, chết, Có công đức như thế, Con lễ Mục-kiền-liên. Ke đến, Tôn giả lại chỉ tháp của Tôn giả Ma-ha Ca-diếp và nói với vua:  Đây là tháp của Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, Đại vương nên cúng dường!

Vua hỏi: -Vị ấy có công đức gì? Ton giả đáp:  Tôn giả này là người có hạnh biết đủ, không tham muốn, hành khổ hạnh bậc nhất, được Như Lai nhường nửa tòa và trao cho y Tăng-già-lê5 rất thương xót chúng sanh, cũng là người hưng lập Chánh pháp. Roi Ton gia nói kẹ: Bậc phước điền đệ nhất, Rất thương người nghèo khổ, Khoác Tăng-già-lê

Phật, Khéo hưng lập Chánh pháp. Công hạnh của ngài ấy, Không thể nào nói hết. Vua liền cúng dường mười vạn lượng châu báu ở tháp này và nói kệ khen ngợi: Luôn thích hạnh tịch tinh, An tru chôn rừng sâu, Bậc ít muốn biết đủ? Con lễ Đại Ca-diếp. Ke đó, Tôn giả Ưu-ba-quật chỉ tháp của Tôn giả Bạc-câu-la và nói với vua: Đây là tháp của Tôn giả Bạc-câu-la, Đại vương hãy cúng dường! Vua hỏi: Vi này có công đức gì?



rnn _ • 7 4. r _ Ton gia đáp: - Vị ấy là bậc "V6 bệnh đệ nhất", nhưng không giảng câu pháp nào cho ai, chỉ thường im lặng. Vua sai các quan: Hãy cúng dường tháp này một đông tiên! Các quan tâu vua: Công đức vốn bình đẳng, vì sao Bệ hạ chỉ cúng dường tháp này một đồng tiền? Vua bảo: -Hãy nghe trẫm nói kệ: Tuy đã dứt vô minh, Trí tuệ soi xét khắp, Nhưng như Bạc-câu-la, ích gì cho thế gian? Lúc ấy, đồng tiền kia quay trở lại chỗ vua. Thấy việc lạ lùng này, các đại thần cùng ca ngợi vị A-la-hán kia: Hay thay! Tôn giả giữ hạnh ít muốn biết đủ9 đến nỗi một đồng cũng không nhận. Tôn giả Ưu-ba-quật lại chỉ tháp của Tôn giả A-nan và nói với vua: -Đây là tháp của Tôn giả A-nan, Đại vương hãy cúng dường! Vua hỏi: -Tôn giả A-nan có công đức gì? Vị này là thị giả của đức Phật, đa văn bậc nhất và cũng là người kết tập kinh điển của Phật. Và Tôn giả noi kê: Giữ gìn bát Như Lai, Giỏi nhớ, khéo quyết đoán, Học rộng như biển lớn, Biện tài, tiếng dịu êm, Làm đẹp lòng trời, người, Khéo biết tâm chư Phật, Tát ca đêu sang to, Là rương báu công đức. Được Thế Tôn ngợi khen, Đã hàng phục phiên não, Những công đức như thế, Xứng đáng nên cúng dường. Vua liền dâng cúng dường một trăm ức lượng châu báu ở ngôi tháp này. Các đại thần thấy vậy liền tâu vua: Vì sao nơi này Bệ hạ lại cúng dường nhiều hơn những nơi khác?

Vua đáp:
Hãy nghe trẫm nói nguyên do:
Thân thể của Như Lai, Pháp thân tánh thanh tịnh,
Vi này khéo phụng trì, Vậy nên cúng dường nhiều.
Đèn pháp còn ở đời, Xua vô minh tăm tối,


Đều nhờ nơi Tôn giả, Vì thê cúng nhiêu hơn. Như nước trong biển lớn, Dấu chân trâu sao chứa, Cũng vậy, biển trí Phật, Người khác khó phụng trì. Riêng Tôn giả A-nan? Nghe qua đều nhớ hết, Trọn không chút sót quên, Nên đáng Cling nhiều hơn. Bấy giờ, nhà vua cúng dường các vật phẩm, rồi chắp tay hướng về Tôn giả Ưu-ba-quật thưa: Nay trẫm được thân này, Không thể cô phụ chúng, Tu vô lượng công đức, Nay mới được làm vua. Trẫm lập nguyện kiên cố, Xây dựng nhiều chùa, tháp, Trang nghiêm nơi thế gian, Như sao làm đẹp trăng. Vâng pháp, đệ tử Phật, Thực hành các lễ tiết, Nay trẫm đã làm tròn, Xin kính lễ Tôn giả. Nhờ ân đức của người, Trẫm thấy được việc tốt, Có được lợi ích lớn, Từ sự giảng bày này. Bấy giờ, nhà vua cúng dường các vật phẩm như trên và thường đi đến cội Bồ-đề đạo tràng, nơi cội cây này, Thế Tôn đã chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vua đã dùng sự cúng dường châu báu hiếm có trong thế gian để cúng dường nơi Bồ-đề đạo tràng này. Lúc ấy, vương phi của vua tên là

Đề-xá-la-hy-đa52 nghĩ: "Dại vương đang r r . r •__ . rát yêu ta và ta cũng rát yêu thương Đại vương. Thê nhưng nay Đại vương lại rời bỏ ta, đem nhiêu châu báu đên chô cây Bô-đê. Vậy ta nên tìm cách làm cho cây ấy chết. Khi cây đã chết khô, lá tàn rụng, vua sẽ không đến đó nữa mà sẽ cùng ta vui vAy." Thế rồi, vương phi liền gọi thầy bùa chú đến bảo: Ông có thể làm chết cây Bồ-đề đó không? Thày bùa chú đáp: Được chứ! Vương phi hãy cho tôi một ngàn lượng vàng. Vương phi liền đưa cho thầy bùa chú một ngàn lượng vàng. Thầy bùa chú liền đến bên cây Bồ-đề? dùng thần chú niệm chú nơi cây và lấy dải lụa buộc cây lại. Cây dần dần chết khô, lá úa tàn rụng xuống, thế nhtmg cây vẫn chưa chết hẳn, chỉ bi rụng lá xác xơ. Thay bùa chú tâu với vương phi: Cần phải tưới sữa nóng lên cây, mới có thể khiến cây chết khô. Vương phi liền tâu vua: Nay thần thiếp muốn đem sữa đến cúng dường cây Bồ-đề.

Vua đáp: -Thuận theo ý khanh vậy!

52 Đề-xá-la-hy-đa s. Tisyaraksitā.



Thế rồi vương phi tưới sữa nóng lên cây Bồ-đề5 cây liền khô héo. Bấy giờ, các vương phi khác tâu với vua: Cây Bồ-đề đột nhiên chết khô, lá úa tàn rơi rụng.

Và họ nói kệ: Cây Như Lai nương trụ, Gọi là cây Bồ-đề5 Tại đây thành Chánh giác, Đầy đủ Nhất thể trí. Nay Đại vương nên biết, Cây này sắp chết khô, Màu lá cũng biến đổi, Chẳng biết vì cớ sao? Vua nghe tin này liên ngát đi, quân thân lây nước rưới lên mặt vua, một hồi lâu vua mới tỉnh lại, nước mắt chảy tràn roi nói: Ta thấy cây Bồ-đề, Như được thấy Như Lai, Nay nghe tin cây chết, Ta cũng sẽ chết theo. Vương phi Đề-xá-la-hy-đa thấy vua đau buồn như vậy, liền tâu: Xin Bệ hạ chớ buồn đau, thần thiếp sẽ làm Bệ hạ vui lòng!

Vua nói: Nếu không có cây ấy thì trẫm đây chẳng thiết sống nữa. Như Lai đã chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tại cội cây ấy5 nay cây đã không còn thì ta sống làm gì? Vương phi nghe vua nói dứt khoát như thế, liền sai người tưới sữa lạnh lên góc cây Bô-đê, roi cây dân dân sông lại. Vua nghe nói tưới sữa lên đã giúp cây Bô-đê sông lại nên truyền lệnh môi ngày mang ngàn thau sữa đên tưới vào góc cây, nhờ vậy cây sống lại như trước. Các vương phi tâu vua: -Cây Bồ-đề nay đã tươi tốt như xưa! Nghe xong, nhà vua vô cùng vui mừng, vội đến bên cây Bồ-đề ngắm nhìn không rời mắt và nói kệ: Việc các vua chưa làm, Vua Bình-sa? Trì Quốc, Nay ta nên cúng dường, Tắm cho cây Bồ-đề? Bang sữa và nước thơm, Hương thơm và hương xoa, Cũng sẽ cúng dường Tăng, Năm bộ chủng Hiền thánh. Khi ấy, vua lại cho bày biện bốn chiếc bồn báu làm bằng vàng bạc, lưu ly và pha lê đựng đay các loại sữa thơm và nước thơm, đong thời dọn ra các món ăn thức uống, treo giăng tràng phan, bảo cái? mỗi thứ có cả ngàn loại, cùng với rất nhiều hương hoa, kỹ nhạc. Thế rồi, vua hành lễ thọ trì bát quan trai thanh tịnh,53 mặc y phục sạch sẽ, bưng lư hương ở trên điện thờ, kính lễ bốn phương, tâm nghĩ, miệng nói:

53 Nguyên tác: Thọ trì bát chi quan trai Bố-tát .Bố-tát ,Uposatho dịch nghĩa là Trương tịnh.

Xin chư vi đệ tử Hiên thánh của Như Lai ở các phương! Hãy thương xót mà nhận sự cúng dường của con. Rồi vua nói kệ: Thánh đệ tử Như Lai, Bậc các căn tịch tĩnh, Lìa dục nơi ba cõi, Đáng được trời cúng dường, Xin hãy vân tập về, Nhận tấm lòng tri ân, Tùy thuận tâm nguyện con, Giúp giống pháp tăng trưởng. Thường thích nơi tịch lặng, Cởi bỏ mọi chấp trước, Chân tử của Như Lai, Bậc từ pháp hóa sanh, Được chư thiên cúng dường, Hãy vì thương xót con, Xin quý ngài vân tập, Tùy thuận tâm nguyện con. Chư Thánh ở các nơi, Kế Tân, Ba-ba. Đại Lâm, Ly-bà-đa?54 55 Bên ao lớn A-nậu9 Khắp sông ngòi, rừng núi, Khắp các nơi như thế, Các Thánh những nơi đó, Nay xin vân tập về. Hãy vì thương xót con, Mà thuận tâm nguyện con, Những vị ở cõi trời, Cung điện Thi-lê-sa? Trong thất đá Hương Sơn, Bậc thần thông đầy đủ, Xin vân tập về đây, Vì thương xót con vậy. Khi vua nói như vậy xong, liền có ba mươi vạn Tỳ-kheo nhóm họp đến. Trong đại chúng ấy, có mười vạn là Tỳ-kheo A-la-hán, hai mươi vạn là Tỳ-kheo Hữu học và Tỳ-kheo phàm phu, còn lại tòa của Thượng tọa không có người ngồi. Vua liền hỏi các Tỳ-kheo: -Tòa của Thượng tọa sao không có vị nào ngồi? Bấy giờ, trong đại chúng có một vị Tỳ-kheo tên là Da-xá, là bậc đại A-la- hán đã chứng Sáu thông, vị này nói với vua: -Tòa này là tòa của Thượng tọa, trong đây không ai dám ngồi. Vua lại hỏi: -ở chỗ Tôn giả có Thượng tọa chăng? Tôn giả Da-xá đáp: -Tâu Đại vương! Có vị Thượng tọa được đức Phật thọ ký tên là Tân-đầu-lô xứng đáng ngồi vào chỗ này. Vua vô cùng vui mừng, nói: Trong đây có Tỳ-kheo nào được gặp Phật không? Tôn giả Da-xá đáp: Thưa Đại vương, có ngài Tân-đâu-lô, ngài ây vân còn ở thê gian.

54 Đa-ba-bà s. Tamasāvana. 55 Ly-bà-đa Revata.



Vua lại thưa: - Có thể gặp được Tỳ-kheo ấy không? Tôn giả Da-xá đáp: Tâu Đại vương! Không lâu nữa sẽ được gặp, ngài ây săp đên roi. Bấy giờ, Vua A-dục vô cùng hoan hỷ, nói kệ: Con sớm được lợi ích, Nhờ có sự nhiêp thọ, Giúp con tận mat thây, Ton gia Tan-dau-lo. Bấy giờ, Tôn giả Tân-đầu-lô dẫn vô số A-la-hán tuần tự theo sau, giống như con nhạn chúa từ trên hư không đi đến, ngồi vào chỗ Thượng tọa. Các Tỳ-kheo-tăng đều kính lễ rồi theo thứ lớp mà ngồi. Nhà vua trông thấy Tôn giả Tân-đầu-lô râu tóc bạc trắng giống như hình dáng bậc Độc giác, liền đảnh lễ sát chân ngài, quỳ gói, chăp tay, chiêm ngưỡng dung nhan của Tôn giả Tân-đâu-lô và nói kệ: Con nay ở ngôi vua, Thống lãnh piêm-phù-đề, Nhưng không he thay vui, Như được thấy Tôn giả. Con nay gặp Tôn giả, Như gặp Phật tại thế, Lòng con đầy phấn khởi, Hơn có được ngôi vua. Vua lại hỏi Tôn giả Tân-đầu-lô: -Ton gia đã tưng diên kiên The Ton, bạc ba cõi đêu kính ngưỡng ư? LÚC đó, Tôn giả Tân-đâu-lô lây tay vén chân mày roi nhìn vua mà nói: Tôi được thấy Như Lai, Thê gian không gì sánh, Toàn thân màu vàng ròng, Ba mươi hai tướng tót. Mặt như ánh trăng đầy, Giọng nói thật êm dịu, Hàng phục mọi não phiền, Thường an tru tịch diệt. Vua lại hỏi: -Tôn giả được gặp Phật nơi nào? Ton gia Tan-dau-lo đáp: -Lúc Như Lai dẫn năm trăm Tỳ-kheo A-la-hán đến thành Vương Xá an cư lần đầu, tôi cũng có mặt trong hội chúng lúc đó. Và Ton gia noi kẹ: Thế Tôn, Đại Mâu-ni, Và những bậc lìa dục, Tru tại thành Vương Xá, An cư ba tháng mưa. Tôi có trong chúng ấy, Thường kề cận

Như Lai, Nay Đại vương nên biết, Tôi tận mắt thấy Phật. Lại nữa, lúc đức Phật ở Xá-vệ5 Thế Tôn đã thi triển đại thần thông, biến hóa nhiều cách, biến hiện hình ảnh chư Phật đầy khắp các phương, cho đến cõi trời A-ca-ni-tra. Lúc ây, tôi cũng ở đó, tận măt nhìn thây các tướng thân thông do Như Lai biên hóa ra.



Roi Ton giả noi kệ: Sức thần thông của Phật, Hàng phục các ngoại đạo, Phật du hành mười phương, Tôi đích thân nhìn thấy. Lại nữa, lúc Như Lai ở cõi trời nói pháp cho mẫu thân, tôi cũng có ở đó. Khi thuyết pháp cho mẫu thân xong, Thế Tôn đã dẫn chư thiên từ trên cõi trời giáng xuống đất nước Tăng-ca-xa.56 Khi ấy, tôi đã thấy được hai việc này. Trời, người đều được phước lạc. Tỳ-kheo-ni Ưu-ba-la57 hóa làm Chuyển Luân Thánh Vương, dẫn vô số quyến thuộc nương hư không mà đến chỗ Thế Tôn, tôi cũng có chứng kiến việc này. Roi Ton gia Tan-dau-lo noi kê: Như Lai trên cõi trời, Ngài an cư nơi đó, Tôi cũng ở trong ấy, Là quyến thuộc Như Lai. Lại nữa, lúc Như Lai ở nước Xá-vệ cung với năm trăm Tỳ-kheo A-la-hán, khi đó con gái của trưởng giả cấp Cô Độc cũng đang ở nước Phú-lâu-na Bạt- đà-na.58 Bấy giờ, cô này thỉnh Phật và chúng Tỳ-kheo-tăng, các Tỳ-kheo mỗi vị đều nương hư không để đến thọ thính, còn tôi lại dùng thần lực nâng ngọn núi lớn để đến. Khi ấy, Thế Tôn quở trách tôi: "Thầy đâu được hiện Thần túc như thê. Nay Như Lai phạt thây trụ lại lâu dài ở thê gian, không được vào Niêt-bàn, hộ trì Chánh pháp của Như Lai không để diệt mất." Roi Ton gia Tan-dau-lo noi kê: Thế Ton nhận lời thỉnh, Cùng năm trăm Tỳ-kheo, Tôi liền dùng thần lực, Nhấc núi lớn mà đi. Thế Tôn trách phạt tôi, Trụ lại, khoan diệt độ, Hộ trì Chánh pháp Phật, Chớ để pháp diệt mất. Có lần Như Lai cùng các Tỳ-kheo vào thành khất thực. Khi đó, Đại vương là một trong hai cậu bé đang chơi đùa trên đất cát, thấy Phật từ xa đi tới, một cậu bé vốc một nắm cát dâng cúng dường Phật. Lúc ấy, Thế Tôn liền thọ ký cho cậu bé này rằng: "Sau khi Như Lai diệt độ khoảng một trăm năm, cậu bé này sẽ làm vua tại thành Ba-liên-phất? thống lãnh cối Diêm-phù-đề, tên là A-dục. Vi vua này sẽ phân chia rộng rãi Xá-lợi của Như Lai, trong một ngày xây dựng tám mươi bốn ngàn ngôi tháp." Cậu bé ấy nay chính là Đại vương. Lúc ấy, tôi cũng có mặt ở đó. Ã • _ • rri 9 rri J. À Roi Tôn giả Tân-đâu-lo noi kê: _ r •

Lúc Vua còn thơ âu, Vốc cát cúng dường Phật, Khi Phật thọ ký Vua, Chính tôi cũng ở đó.

56 Tăng-ca-xa s. Sārnkāsya. 57 Ưu-ba-la S. Utpalavarnā. 58 Phú-lâu-na Bạt-đà-na s. Pundavardhana.



XT 1 7 • rp/\ • 7 rp/\ J. À
Vua hoi Ton gia Tan-dau-lo:
Hiện tại Tôn giả ở đâu?
mA _ • 7 HP _ J. Ạ 1 A 4- z_
Tôn giả Tan-dau-lo đáp:
-Tôi hiện đang ở một nệọn núi phía Băc? ngọn núi ây tên là Kiên-đà-mala,59 cùng với các Tỳ-kheo đông Phạm hạnh.

Vua lại hỏi:

Gồm có bao nhiêu vị?

Ton giả Tan-dau-lo đáp: Có sáu mươi ngàn Tỳ-kheo A-la-hán. Tôn giả lại nói với vua: Đại vương không nên hỏi nữa, việc cần làm lúc này là sửa soạn cúng dường chư Tăng. Các vị ấy thọ thực xong sẽ khiến Đại vương hoan hỷ. Vua nói: Đúng vậy, thưa Tôn giả! Nhưng trước tiên trâm phải cúng dường cây Bôđề để tưởng nhớ nơi đức Phật giác ngộ. Sau đó, trẫm sẽ dâng hương hoa và thức ăn thức uống thượng hạng lên chúng Tăng. Vua liền ban sắc lệnh cho các quan thông báo khắp cả nước: “Vua sẽ trích mười vạn lượng vàng để cúng dường chúng Tăng, một ngàn vò nước thơm tưới ướt cây Bồ-đề và tập hợp năm chúng."6 Lúc ấy, Vương tử Câu-na-la59 61 đứng bên cạnh vua, đưa hai ngón tay lên chứ 60 khôĩiệ nói lời nào, ngụ ý muốn vua cúng dường gấp đôi. Mọi người nhìn thấy thế đêu cười, vua cũng cười bảo: -Ô hay, Vương tử có ý tăng công đức cúng dường! Vua nói tiếp: Vậy thì trẫm dùng ba mươi vạn lượng vàng để cúng dường chúng Tăng, thêm một ngàn vò nước thơm tưới cây Bồ-đề. Vương tử lại đưa lên bốn ngón tay, ý nói gấp bốn. Lúc ấy, vua nổi giận bảo các quan: -Ai dạy Vương tử làm việc này? Muốn tranh với ta sao? Một vị quan thưa: -Tâu Đại vương! Không ai dám tranh với Đại vương cả! Chỉ là Vương tử thông minh lanh lợi, muôn có thêm công đức nên mới làm như vậy. Bây giờ, nhà vua quay sang phải nhìn vương tử, roi bạch với vị Thượng tọa Da-xá:

59 Kiền-đà-ma-la s. Gandhamādana.

60 Ngũ chúng Năm chúng xuất gia đệ tử Phật, gồm có: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni,
Thức-xoa-ma-na,
Sa-di, Sa-di-ni.

61 Câu-na-la Kunāla.



Trừ các vật trong thương khố của trim, còn tất cả những gì ở cõi Diêm- phù-đê này, ngay đến phu nhân, thể nữ, quần thần, quyến thuộc và cả con ta, Thái tử Câu-na-la đều dâng cúng hết cho chúng Tăng Hiền Thánh. Hãy thông báo khắp cả nước, tập hợp tất cả năm chúng! Roi vua nói kệ: Trừ kho tàng vua ra, Còn phu nhân, thể nữ, Các quan và dân chúng, Đều dâng cúng Thánh Tăng. Thân ta cùng Thái tử, Cũng đều dâng cúng hết. Sau đó nhà vua, Thượng tọa Da-xá cùng các vị Tỳ-kheo tự tay dội nước thơm tắm gội cây Bồ-đề. Bấy giờ, cây Bồ-đề trở nên xanh tốt, cành lá sum suê. Mọi người đồng nói kệ: Vua tắm cây Bồ-đề, Nơi giác ngộ Vô thượng, Cây càng thêm sum suê, Cành lá thật xanh tốt. Vua cùng các quan vô cùng hoan hỷ. Vua tắm cây Bồ-đề xong, kế đến lại cúng dường chúng Tăng. Bây giờ, Thượng tọa Da-xá nói: Đại vương! Hôm nay, có Đại Tỳ-kheo-tăng nhóm họp, Đại vương nên phát tâm thuần tín cúng dường. LÚC ây, nhà vua tự tay dâng cúng từ trên xuông dưới. Khi đó có hai Sa-di ăn xong, lấy bánh vo thành viên ném nhau đùa giỡn. Nhà vua trông thấy liền cười và nói: Hai Sa-di này chơi trò như trẻ con. Cúng dường xong, vua trở lại đứng trước Thượng tọa Daxá, Thượng tọa nói với vua: Đại vương chớ sanh tâm bất kính!

Vua thưa: Thượng tọa! Con không hề khởi tâm bất kính, nhimg thấy hai Sa-di chơi trò trẻ con, giống như trẻ con thế gian lấy đất ném nhau, còn hai Sa-di thì vò bánh ném nhau. Thượng tọa Da-xá nói với vua: Hai vị Sa-di này đều là A-la-hán giải thoát, nên cúng dường thức ăn cho các vị ây. Vua nghe vậy càng thêm kính tin và suy nghĩ: “Ta có thê triên chuyên cúng dường đến hai Sa-di này. Hôm nay, ta sẽ cúng dường vải lụa và y kiếp-bối cho tất cả chúng Ung." Bấy giờ, hai Sa-di biết tâm niệm của vua, liền nói với nhau: "Chúng ta phải khiến cho vua càng thêm kính tin." Thế là một vi Sa-di mang đến cho vua cái nồi, còn một Sa-di trao cho vua thuốc nhuộm.

712 KINH TẠPA-HÀM

Vua hỏi Sa-di: Những thứ này để làm gì? Hai Sa-di đồng nói: Đại vương vì chúng tôi mà cúng dường chúng Tăng vải lụa và y kiếpbối. Chúng tôi muốn Đại vương nhuộm màu trước, sau đó cúng dường cho chúng Tăng. Lúc này, nhà vua nghĩ: "Ta chỉ suy nghĩ chứ chưa nói ra, nhimg hai Đại sĩ này đã đắc Tha tâm trí nên biết được tâm ta." Vua liền cúi đầu kính lễ chúng Tăng và nói kệ: —K M . . 7 Trẫm là dòng Khổng Tước, Quyên thuộc cả nội ngoại, Nhờ sự cúng dường này, Đều được lợi ích lớn. Gặp được ruộng phước lành, Vui gieo trồng đúng thời. Thế rồi vua nói với Sa-di: Nay ưẫm nhờ hai Tôn giả mà cúng dường y cho chúng Tăng. Cúng y cho chư Tăng xong, vua lại cúng ba y và bốn mươi vạn lượng châu báu đến năm bộ chúng. Sau khi chư Tăng chú nguyện xong, vua lại trích bốn trăm vạn lượng châu báu để chuộc lại cung nhân, thể nữ, thái tử và quần thần ở cõi Diêm-phu-đề. Vua A-dục đã tạo vô lượng công đức như thế.62

62 Bản Hán, hết quyển 23. Đầu quyển 24 có thêm một dòng chữ Hán, là dấu vết của sự phân chia chương, mục thời xưa còn sót lại. Đó là Đệ ngũ tụng Đạo phàm đệ nhát .

QUYỂN 24 713

QUYỂN 24

605. BỐN NIỆM XỨ1

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Có bốn niệm xứ.23Những gì là bốn? Đó là quán thân trên thân, quán thọ trên thọ, quán tâm trên tâm và quán pháp trên pháp.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

***

606. NÊN TU BỐN NIỆM xtp Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. , Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có bốn niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là quán thân trên thân, quán thọ trên thọ, quán tâm trên tâm và quán pháp trên pháp. Như vậy, này các Tỳ-kheo! Đối với bốn niệm xứ này, các thầy cần phải tu tập đầy đủ, tinh cần nỗ lực, chánh niệm tỉnh giác, cần phải học tập.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

607. CON ĐƯỜNG TRỰC TIẾP (2)4

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

1 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.605. 0170c28). 2 Nguyên tác: Tứ niệm XÚT (),còn gọi là tứ niệm trụ, là 4 chỗ để trụ tâm, 4 phương pháp tu tập thiên định. 3 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.606. 0171a03). Tham chiếu: s. 47.24 - v. 173. 4 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.607. 0171a09). Tham chiếu: s. 47.1 - v. 141.



Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có con đường trực tiếp5 giúp cho chúng sanh đạt được thanh tịnh, vượt thoát sầu bi, chấm dứt khổ dàu, được pháp như thật,6 đó là bốn niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là quán thân trên thân, quán thọ trên thọ, quán tâm trên tâm và quán pháp trên pháp. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

608. THÁNH PHÁP BỐN NIỆM xứ7 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nếu Tỳ-kheo xa rời bốn niệm xứ tức là đã xa rời Thánh pháp như thật; đã xa rời Thánh pháp như thật tức là xa rời Thánh đạo; đã xa rời Thánh đạo tức là xa rời pháp giải thoát;8 nếu đã xa rời pháp giải thoát thì không thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ? não. Như Lai nói người này không thoát khỏi khổ đau. Nấu Tỳ-kheo nào không xa rời bốn niệm xứ tức là không xa rời Thánh pháp như thật; đã không xa rời Thánh pháp như thật là không xa rời Thánh đạo; đã không xa rời Thánh đạo là không xa rời pháp giải thoát; đã không xa rời pháp giải thoát sẽ thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não. Như Lai nói người này đã thoát khỏi các khổ đau. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 609. TẬP KHỞI CỦA BỐN NIỆM xứ9 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

5 Nguyên tác: Hữu nhất thừa dạo ().Xem chú thích 66, kinh số 535, quyển 19, tr. 591; Tạp. (T.02. 0099.535. 0139al6). 6 Đắc như thật pháp ():Chứng đắc chân lý. 7 Tựa đề đặt theo nội dung Tạp.(7.02. 0099.608. 0171al5). Tham chiếu: s. 47.33 - v. 179; s. 47.41 -V. 184. 8 Nguyên tác: Cam lộ (,amată). 9 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.609. 0171a26). Tham chiếu: s. 47.42 - v. 184.



Hôm nay, Như Lai sẽ nói về sự tập khởi của bốn niệm xứ và sự diệt tận của bốn niệm xứ. Các thầy hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Thế nào là sự tập khởi của bốn niệm xứ và thế nào là sự diệt tận của bốn niệm xứ. Sự tập khởi của thức ăn là sự tập khởi của

thân. Thức ăn đoạn diệt thì thân đoạn diệt. Như vậy, hãy sống tùy quán theo sự tập khởi của thân và hãy sống tùy quán theo sự đoạn diệt của thân. Khi đã sống tùy quán theo sự tập khởi và đoạn diệt của thân rồi thì không còn nương tựa vào đâu nữa, đối với mọi việc ở the gian vĩnh viễn không còn chấp thủ. Cũng vậy, sự tập khởi của xúc là sự tập khởi của thọ. Xúc đoạn diệt thì thọ đoạn diệt. Như vậy, hãy sống tùy quán thọ theo sự tập khởi của pháp và hãy sống tùy quán thọ theo sự đoạn diệt của pháp. Khi đã sống tùy quán thọ theo sự tập khởi và đoạn diệt của pháp rồi thì không còn nương tựa vào đâu nữa, đối với mọi việc ở thế gian vĩnh viễn không còn chấp thủ. Sự tập khởi của danh sắc là sự tập khởi của tâm. Danh sắc đoạn diệt thì tâm đoạn diệt. Như vậy, hãy sống tùy quán tâm theo sự tập khởi của pháp và hãy sống tùy quán tâm theo sự đoạn diệt của pháp. Khi đã sống tùy quán tâm theo sự tập khởi và đoạn diệt của pháp rồi thì không còn nương tựa vào đâu nữa, đối với mọi việc ở thế gian vĩnh viễn không còn chấp thủ. Sự tập khởi của tùy niệm10 là sự tập khởi của pháp. Tùy niệm đoạn diệt thì pháp đoạn diệt. Như vậy, hãy sống tùy quán pháp theo sự tập khởi của pháp và hãy sống tùy quán pháp theo sự đoạn diệt của pháp. Khi đã sống tùy quán pháp theo sự tập khởi và đoạn diệt của pháp rồi thì không còn nương tựa vào đâu nữa, đối với mọi việc ở thế gian vĩnh viễn không còn chấp thủ. Đó gọi là sự tập khởi của bốn niệm xứ và sự diệt tận của bốn niệm xứ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

610. TU BỐN NIỆM xứ CẢ BA THỜI11

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

Ta sẽ nói về việc tu tập bốn niệm xứ? các thầy hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ!

10 Nguyên tác: ức niệm ().Theo A-tỳ-đạt-ma Giới thân túc luận (r.26.1540.1. 0614c20), "ức niệm,, là tên gọi khác chỉ cho "tùy niệm,, ().Trong khi đó s. 47.42 - v. 184 gọi là "c y,, (manasikārā). 11 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.610. 0171bl4). Tham chiếu: s. 47.39 - v. 182.



Thế nào là tu tập bốn niệm xứ? Nghĩa là sống quán niệm thân trên nội thân, tinh cần nỗ lực, chánh niệm tỉnh giác, điều phục lo buồn trong thế gian; [sống quán niệm thân trên] ngoại thân,... [sống quán niệm thân trên] nội ngoại thân, tinh cần nỗ lực, chánh niệm tỉnh giác, điều phục lo buồn trong the gian. Tương tự như vậy, [Tỳ-kheo] sống quán niệm thọ,... tâm,... pháp,... nội pháp,... ngoại pháp,... nội pháp và ngoại pháp, tinh cần nỗ lực, chánh niệm tỉnh y \ JT giác, điêu phục lo buôn trong thê gian. Đó gọi là Tỳ-kheo tu tập bốn niệm xứ. Đức Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đêu hoan hỷ phụng hành. ở thời quá khứ, tương lai, pháp tu bốn niệm xứ cũng được thuyết như vậy. *** 611. NHÓM PHÁP THIỆN VÀ BẤT THIỆN12 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước X£ve. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Có nhóm các pháp thiện và nhóm các pháp bất thiện.13

Thế nào là nhóm các pháp thiện? Nói một cách chân chánh thì đó là bốn niệm xứ. Vì sao như vậy? Vì đó là một nhóm thuần nhất thanh tinh, gọi là bốn niệm xứ. Những gì là bốn? Nghĩa là niệm xứ quán thân trên thân,... thọ,... tâm và niệm xứ quán pháp trên pháp. Thế nào là nhóm các pháp bất thiện? Nhóm các pháp bất thiện, nói một cách chân chánh thì đó là năm thứ ngăn che.14 Vì sao như vậy? Vì đó là một nhóm thuần nhất đầy đủ các pháp bất thiện, tức là năm thứ ngăn che. Những gì là năm thứ ngăn che? Đó là tham dục, sân hận, thụy miên, trạo hối và nghi.15 Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

nTựađề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.611. 0171b24. Tham chiếu: Tạp.02. 0099.725. 0195b01; T^.T.02. 0099.767. 0200b23; Tăng.T.02. 0125.32.2. 0674all; S. 47.45 - V. 186; s. 47.5 - v. 145; s. 47.5 - v. 145;^, 5.52 - III. 65. 13 Nguyên tác: Thiện pháp tụ ,kusalarāsī. Bất thiện pháp tụ ,akusalarāsī. 14 Nguyên tác: Ngũ cái EM, pañcanīvaranānī, năm thứ ngăn che. 15 Nguyên tác: Thl due cái ,kāmacchandanīvarana , sân khuecai , thuỵ miên cái thinamiddhanīvaranā, trạo hối c/i uddhaccakukkuccanīvarana , nghi cái vicikicchāñīvaranci.

QUYỂN 24  717

612. VÍ DỤ CÂY CUNG16 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Giống như người cầm bốn loại cung cứng chắc, dùng hết sức mạnh bắn vào cái bóng của cây đa-la thì mũi tên nhanh chóng xuyên qua mà không chút trở n^ại. Cũng vậy, bốn bậc đệ tử17 của Như Lai với nỗ lực mạnh mẽ, lợi căn, trí tuệ, sống đến trăm tuổi. Trong suốt một trăm năm đó được Như Lai thuyết pháp, dạy dỗ, ngoại trừ những lúc ăn, uống, ngủ, nghí, đại tiểu tiện, còn lại thời gian thường nói, thường nghe. Đối với những lời dạy của Như Lai, các đệ tử bằng trí tuệ sáng suốt, lanh lợi, họ hết lòng thọ tri, không chướng ngại và không có gì để hỏi lại Như Lai nữa. Như Lai thuyết pháp không bao giờ dứt, đệ tử nghe pháp cũng trọn một đời, đến lúc lâm chung, Như Lai thuyết pháp vẫn không cùng tận. Nên biết, lời nói của Như Lai vô lượng, vô biên; tên gọi, câu chữ, nghĩa lý, nội dung cũng lại vô lượng, vô biên, không cùng tận, đó chính là bon niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là niệm xứ về thân,... thọ,... tâm và niệm xứ về pháp. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy hoan hỷ phụng hành. Tát cả kinh nói vê bôn niệm xứ đêu có câu két luận này: “Cho nên, này các Tỳ-kheo, nên tu tập đối với bốn niệm xứ và khởi lòng ưa thích hơn nữa, tinh cần nỗ lực, chánh niệm tỉnh giác. Hãy nên học như vay!" ***

613. NHÓM THIỆN, BẤT THIỆN18 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-dà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Có nhóm bất thiện và nhom thiện. Những gì là nhóm bất thiện? Nói một cách chân chánh thì đó là ba bất thiện căn. Vì sao như vậy? Vì ba bất thiện căn là nhóm thuần nhất các pháp bất thiện. Những gì là ba? Đó là tham bất thiện căn, sân bất thiện căn và si bất thiện căn. Thế nào là nhóm thiện? Đó là bốn niệm xứ. Vì sao như vậy? Vì bốn niệm xứ là nhóm thuần nhất đầy đủ các pháp thiện. Đây gọi là thiện thuyết. Những gì là bốn?

Đó là niệm xứ về thân,... thọ,... tâm và niệm xứ về pháp.

16Tựađềđặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.612. 0171c06). Tham chiếu: Thân mao hỷ thụ kinh (17. 0757.1. 059ÍCÍ1 ); M. 12, Mahāsīhanāda Sutta (Đại kinh sư tử hống). 17 Nguyên tác: Thanh văn ( Sāvakā), vừa có nghĩa là bậc Thanh văn vừa mang nghĩa là đệ tử. 18 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.613. 0171c22).



Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Cũng như nói về Ba bất thiện căn, các kinh nói về Ba ác hạnh là thân ác hạnh, miệng ác hạnh và ý ác hạnh; Ba tưởng là dục tưởng, sân tưởng và hại tưởng; Ba giác là dục giác, sân giác và hại giác; Ba cõi là cõi dục, cõi sân và cõi hại đều nói như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đêu hoan hỷ phụng hành. ***

614. BẬC ĐẠI TRƯỢNG PHU1920 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo kia đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: Kính bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn nói về đại trượng phu,2vậy thế nào là đại trượng phu? Thế nào là chẳng phải đại trượng phu? Phật bảo Tỳ-kheo: -Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo khéo hỏi Như Lai về nghĩa đại trượng phu. Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng nói cho thầy. Nếu Tỳ-kheo sống quán niệm thân trên thân, sau khi sống quán niệm thân trên thân rồi mà tâm không lìa dục, không được giải thoát, không sạch hết các lậu hoặc thì Ta nói người này chẳng phải là đại trượng phu. Vì sao như vậy? Vì tâm không giải thoát. Nếu Tỳ-kheo sống quán niệm thọ trên thọ, tâm trên tâm và pháp trên pháp, sau khi sống quán niệm thọ trên thọ, tâm trên tâm và pháp trên pháp rồi mà tâm không lìa dục, không được giải thoát, không sạch hết các lậu hoặc thì Ta nói người kia chẳng phải là đại trượng phu. Vì sao như vậy? Vì tâm không giải thoát. Nêu Tỳ-kheo sông quán niệm thân trên thân mà tâm được lìa dục, tâm được giải thoát, sạch hết các lậu hoặc thì Ta nói người kia là đại trượng phu. Vì sao như vậy? Vì tâm đã được giải thoát. r r # Nêu sông quán niệm thọ trên thọ, tâm trên tâm và pháp trên pháp, sau khi sống quán niệm thọ trên thọ, tâm trên tâm và pháp trên pháp rồi mà tâm được lìa dục, tâm được giải thoát, sạch hết các lậu hoặc thì Ta nói người kia là đại trượng phu. Vì sao như vậy? Vì tâm đã được giải thoát. 19 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.614. 0172a08). Tham chiếu: s. 47.11 - v. 158. 20 Đại trượng phu (mahāpuriso).



Này Tỳ-kheo! Đó gọi là đại trượng phu và chẳng phải đại trượng phu. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ và tùy hỷ, kính lễ rồi lui ra. ***

615. CHƯ NI VÀ BỐN NIỆM xứ21 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, vào lúc sáng sớm, Tôn giả A-nan đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Dọc đường Tôn giả suy nghĩ: "Hôm nay, trước tiên ta đến chùa Tỳ- kheoni." Tôn giả liền đi đến chùa Tỳ-kheo-ni. Các Tỳ-kheo-ni từ xa thấy Tôn giả A-nan đi đến thì vội vàng trải tòa thỉnh ngồi. Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni đảnh

lễ sát chân Tôn giả A-nan rồi ngồi sang một bên, thưa rang:  Bạch Tôn giả! Những Tỳ-kheo-ni chúng con đang tu tập bốn niệm xứ, buộc tâm an trú, tự biết trước, sau, lên, xuống.22 Khi ấy, Tôn giả A-nan bảo các Tỳ-kheo-ni:  Lành thay! Lành thay! Thưa các cô! Hãy tu tập như những gì mà các cô đã nói. Những ai tu tập bốn niệm xứ, khéo buộc tâm an trụ thì phải biết trước, sau, lên, xuống như vậy. Thế rồi Tôn giả A-nan thuyết nhiều pháp thoại cho các Tỳ-kheo-ni. Sau khi thuyết pháp xong, Tôn giả đứng dậy rời đi. Bấy giờ, sau khi vào thành Xá-vệ khất thực trở về, Tôn giả A-nan cất y bát, rửa chân rồi đi đến chỗ Thế Tôn, lạy sát chân Phật rồi ngồi sang một bên và đem những lời nói của các Tỳ-kheo-ni thuật lại đầy đủ với Thế Tôn. Phật bảo Tôn giả A-nan: -Lành thay! Lành thay! Nên như thế mà tu tập bốn niệm xứ, khéo buộc tâm an trú, biết rõ trước, sau, lên, xuống. Vì sao như thế? Vì đối với tâm tìm cầu bên ngoài, tâm tán loạn, tâm không giải thoát23 thì đều phải biết rõ như thật rồi sau đó chế ngự, khiến tâm tìm lại chính mình.24

21 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.615. 0172a06). Tham chiếu: s. 47.10 - v. 154. 22 Nguyên tác: Tri tiền hâu thăng giáng ().s. 47.10 - v. 154: UIãram pubbenāparam visesarn sañjānanti (Rõ biêt quảng đại, trươc sau thù thang), HT. Thích Minh Châu dịch. 23 Nguyên tác: Tâm ư ngoại cầu ()uTán loạn tâm bất giải thoát"(Tham chiếu: S. 47.10 - V. 154: Bahiddhā vā cittāni vỉkkhipati (hoặc tâm phân tán hướng ngoại), HT. Thích Minh Châu dịch. 24 Bản Hán có cấu trúc tối nghĩa. Đoạn kinh này nương vào s. 47.10 - v. 154 để hoàn thiện.



Nếu Tỳ-kheo sống quán niệm thân trên thân, sau khi sống quán niệm thân trên thân rồi mà thân mê ngủ, tâm pháp biếng nhác, Tỳ-kheo ấy nên khởi lòng tin trong sạch, giữ lấy tướng tịnh tín.2526 Sau khi khởi lòng tin trong sạch và nghĩ nhớ tướng tịnh tín rồi thì tâm của vị Tỳ-kheo ấy được hân hoan, do hân hoan nên sanh hỷ lạc. Do tâm vị ấy có hỷ lạc nên thân khinh an,26 do thân khinh an nên cảm nhận được sự an lạc nơi thân. Khi cảm nhận được sự an lạc nơi thân rồi thì tâm vị ấy có định. Với tâm có định, Thánh đệ tử nên học như vầy: "Đối với ý nghĩa này, nếu tâm của ta còn phân tán bên ngoài thì phải nhiếp phục, khiến cho dừng nghỉ, không khởi giác tưởng và quán tưởng, không giác, không quán, sống an tru lạc với xả và niệm. Khi đã sống an tru lạc rồi thì biết rõ như that." Sông quán niệm vê thọ, vê tâm và vê pháp cũng nói như thê. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

616. ĐẦU BẾP GIỎI27 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: -Hãy giữ lây tướng tự tâm,28 chớ đê phân tán ra bên ngoài. Vì sao như vậy? Như Tỳ-kheo mê mờ thiếu hiểu biết, không khéo léo, không giữ lấy tướng của tâm mình mà nắm bắt tướng bên ngoài, Tỳ-kheo này sau đó sẽ thoái giảm, tự sanh chướng ngại. Ví như người đầu bếp ngu si thiếu hiểu biết, không khéo léo điều hòa các gia vị chua, chát, mặn, nhạt29 để vừa ý chủ; không khéo léo nắm bắt được sở thích của chủ để kết hợp các gia vị chua, chát, mặn, nhạt. Đầu bếp đã không khéo thân cận hầu hạ chủ, không dò xét được sở thích của chủ, không lắng nghe ước muốn của chủ, không khéo nắm bắt tâm ý của chủ

mà tự ý điều hòa các gia vi để phục vụ chủ. Do không thích hợp với ý chủ nên chủ không hài lòng; vì không hài lòng nên chẳng ban thưởng, cũng chẳng thương

25 Nguyên tác: Tướng tịnh ().Tham chiếu: s. 47.10 - v. 154: Tenānanda, bhikkhunā kismiñcideva pasādanīye nimitte cittam panidahitabbam. (Này Ānanda, Tỷ-kheo can phải hướng tâm đến một tướng tịnh tín (pasādanīye nimittehi), HT. Thích Minh Châu dịch. J 26 Nguyên tác: Thân ỷ tức (kāyapassaddhi, passaddhakāyo), chỉ cho thân khinh an. 27 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.O2. 0099.616. 0172b23). Tham chiếu: s. 47.8 - v. 149. 28 Nguyên tác: Đương thủ tự tâm tướng ().s. 47.8 - v. 149: Sakassa cittassa mmittam ugganhātī (Hãy nên học tập tướng tâm cua mình). 29 Nguyên tác: Toan, hàm, tạc ().s. 47.8 - v. 149: Ambilaggehipi, tittakaggehipi, katuka^gehipi, madhuraggehipi, khārikehipi, akhārikehipi, lonikehipi, alonikehipi (chua, đắng, cay, ngọt, chát kiềm, không phải chát kiêm (khārikehipi, akhārikehipī), chát mặn, không phải chất mặn), HT. Thích Minh Châu dịch.

QUYỂN 24 $ 721

mến. Tỳ-kheo mê mờ thiếu hiểu biết cũng giống như vậy, chẳng khéo léo sống quán niệm thân trên thân, không thể đoạn trừ tất cả thượng phần phiền não,30 chẳng the nhiếp giữ tâm mình, lại cũng không được nội tâm tịch tĩnh, chẳng được chánh niệm tỉnh giác thắng diệu, lại cũng chẳng được bốn thứ tâm pháp tăng thượng, không trụ an lạc với hiện pháp, chưa được Niết-bàn an ổn. Đây gọi là Tỳ-kheo mê mờ thiếu hiểu biết, chẳng khéo léo, không thể khéo nhiếp giữ tướng nội tâm mà nắm bắt tướng bên ngoài, tự sanh chướng ngại. Nếu có Tỳ-kheo thông tuệ biện tài, phương tiện khéo léo, nhiếp giữ nội tâm, rồi sau mới tiếp thu tướng bên ngoài, vị ấy về sau trọn không thoái thất hoặc tự sanh chướng ngại. Ví như người đầu bếp khôn ngoan, hiểu biết, phương tiện khéo léo, tìm cách điều hòa các gia vị chua, chát, mặn, nhạt để phục vụ chủ. Khéo nắm bắt được khẩu vi, sở thích của chủ để điều hòa các gia vị, đáp ứng được mong muốn của chủ, làm theo đúng hương vi chủ ưa thích; dâng lên chủ dùng, người chủ đã hài lòng rồi thì chắc chắn sẽ được khen thưởng và được yêu mên gáp bội. Như thê là người đâu bép thông minh, khéo hiêu được tâm ý của chủ. Tỳ-kheo cũng như thế, sống quán niệm thân trên thân, đoạn trừ tất cả thượng phần phiền não, khéo thu nhiếp tâm, nội tâm dừng lặng, chánh niệm tỉnh giác, được bốn thứ tâm pháp tăng thượng, trụ an lạc trong pháp hiện tại, đạt được điều chưa đạt là Niết-bàn an ổn. Đây gọi là Tỳ-kheo thông tuệ biện tài, phương tiện thiện xảo, nhiếp giữ tướng nội tâm, nhiếp giữ tướng bên ngoài, trọn không thoái thất, không bị chướng ngại. Sống quán niệm về thọ, về tâm và về pháp cũng nói như thế. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

617. CẢNH GIỚI Tự DO31 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc? trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Thuở xưa, có một con chim tên là la-bà32 bị chim ưng bắt lấy bay lên hư không. Giữa hư không, chim la-bà kêu: “Ta không cảnh giác nên mới gặp nạn này. Ta lìa bỏ chỗ ở của cha mẹ mà đi chơi chỗ khác nên mới bị nạn này. Sao nay ta bị kẻ khác làm khốn kho, không được tự do."

30 Nguyên tác: Thượng phiền não ().Theo A. 10.13 - v. 17 thì đây có thể là năm thượng phần kiết sử (pañcuddhambhagiyāni samyojanāni): Rūparāgo, arūparāgo, māno, uddhaccam, avijjā (sắc ái, vô sắc ai, mạn, trạo cử, vo minh), HT. Thích Minh Chau dịch. 31 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.617. 0172c24). Tham chiếu: s. 47.6 - v. 146. 32 La-bà (lãpà) chỉ cho chim cút.



Chim ưng bảo la-bà: "Nguôi có cảnh giới riêng ở đâu mà được tự do?" La-bà đáp: "Trong rãnh cày nơi đồng ruộng là cảnh giới riêng của tôi, đủ để tránh các tai nạn, là nơi ở của cha mẹ, là nhà tôi?9 Chim ưng nói với la-bà bằng giọng kiêu mạn: "Được, ta thả cho ngươi trở về nơi rãnh cày trong đồng ruộng, xem ngươi có thể thoát được tay ta khong?" Thế rồi, chim la-bà thoát khỏi móng vuốt của chim ưng, trở về nơi rãnh cày và núp dưới một khối đất to, rồi nằm yên nơi ấy. Sau đó, chim la-bà đứng trên khối đất to, khiêu chiến đánh nhau với chim ưng. Chim ưng liên nôi giận măng: "Ngươi là loài chim nhỏ mà dám đánh nhau với ta sao?" Chim ưng quá đỗi tức giận lao thẳng tới, lúc này la-bà lập tức trốn xuốnệ dưới khối đất to. Chim ưng trên đà lao mạnh, nên ngực va vào khối đất cứng, liên tan thân mất mạng. Khi áy, chim la-bà núp sâu dưới khối đất, ngẩng lên nói kệ: Chim ưng bay mạnh đến, La-bà núp chô mình, Vì ưng quá sân hận, Nên chuôc họa nát thân. Ta đầy đủ sáng suốt, Nương ở chỗ của mình, Dẹp oán, tâm tùy hỷ, Tự vui khéo lượng sức. Người dẫu có hung ác, Mạnh như trăm ngàn voi, Chẳng bằng phần mười sáu, So trí tuệ của ta, Xem trí ta thù thang, Tiêu diệt được chim ưng. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo! Như chim ưng kia, vì ngu si nên tự bỏ cảnh giới thân thuộc của cha mẹ mà bay vào nơi khác nên gặp phải tai họa đó. Tỳ- kheo các thầy cũng nên như thế, phải ở chính nơi cảnh giới tu học của mình, nên khéo giữ gìn, tránh xa cảnh giới khác, đây là điều cần phải học. Này các Ty-kheo! "Chỗ khác, cảnh giới khác", d6 nghĩa là cảnh giới của năm dục: Mắt thấy sắc đẹp vừa ý thì ưa thích, nghĩ đến sắc đẹp, tâm tham muốn dính mắc; tai nghe tiếng; mũi ngửi mùi hương, lưỡi nếm vi, thân biết xúc chạm vừa ý, ưa thích, nghĩ đến xúc chạm êm dịu, khởi tâm đắm nhiễm, đây gọi là Tỳ-kheo ở chỗ khác, cảnh giới khác. Này các Tỳ-kheo, "tự nương trụ cảnh giới của cha mẹ5\ đó nghĩa là bốn niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là niệm xứ quán thân trên thân,... thọ,... tâm và niệm xứ quán pháp trên pháp. Như thế, Tỳ-kheo, hãy tự nương trụ cảnh giới của cha mẹ mà tự dạo chơi, tránh xa chỗ khác, cảnh giới khác. Hãy nên học như vậy! Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***



## 618. BÓN NIỆM XỨVÀ BỐN QUẢ33

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Nếu tu tập thuần thục bốn niệm xứ sẽ đạt được bốn quả, bốn phước lợi.

Những gì là bôn quả? Đó là quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quảA-na-hàm và quả A-la-hán.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

619. GIÚP NGƯỜI LÀ GIÚP CHÍNH MÌNH34 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hành trong nhân gian ở nước Câu-tát-la rồi đi đến ngụ trong rừng Thân-thứ, phía Bắc làng Tư-đà-già. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Thuở xưa, có một nghệ sư leo phướn,35 dựng cây phướn trên vai và bảo học trò: "Các con hãy leo lên, leo xuống cây phướn. Các con hãy bảo vệ cho ta và ta cũng bảo vệ cho các con, chúng ta cùng bảo vệ nhau, cùng đi đây đó làm trò mua vui cho mọi người, rồi sẽ kiếm được nhiều tiền." Lúc ấy, người học trò thưa với thầy mình: "Bâu bằng nói như thế này: 'Chỉ cần mỗi người tự bảo vệ mình, đi đay đó làm trò mua vui, sẽ kiếm được nhiều tiền, thân được thư thả, lên xuống an ổn,955 Người thây đáp: "Đúng như lời con nói, mỗi người phải biết tự bảo vệ minh." Tuy nhiên nghĩa lý này cũng như lời ta đã nói. Trong khi tự bảo vệ mình cũng chính là lúc bảo vệ người khác; trong khi bảo vệ người khác cũng chính là lúc bảo vệ cho mình. Khi tâm đã được thực hành,36 tu tập tùy thuận bảo vệ và tác chứng thì đó gọi là tự mình bảo vệ và bảo vệ cho người. Thế nào gọi là bảo vệ cho người khác cũng là bảo vệ chính mình? Nghĩa là không làm cho người khác sợ hãi, không chống trái người khác, không hại người khác, có từ tâm thương xót người, đó gọi là bảo vệ người khác là bảo vệ chính mình.

33 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.618. 0173a29). 34 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.619. 0173b05). Tham chiếu: s. 47.19 - v. 168. 35 Duyên tràng kỹ sư (candālavarnsika): Người nhào lộn trên cột phướn. 36 Nguyên tác: Thân cận ()tương đương Pãli là sevanā, vừa có nghĩa là sự giao du, thân cận vừa mang nghĩa là sự thực hành.



Thế nên, các Tỳ-kheo cần phải học như vầy: Tự bảo vệ mình chính là tu tập bốn niệm xứ, bảo vệ cho người khác cũng chính là tu tập bốn niệm xứ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

620. KHỈ VƯỢN DÍNH KEO37 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật trú tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà thuộc thành Vương Xá. Bây giờ? Thê Tôn bảo các Tỳ-kheo: Trong ngọn Tuyết Sơn38là nơi hiểm trở và giá rét, ngay cả khỉ vượn còn không sống được huống gì con người. Hoặc có ngọn núi chỉ có khỉ vượn sinh sống chứ không có người. Hoặc có ngọn núi có cả loài người và cầm thú ở. Những nơi khỉ vượn thường xuyên đi lại, bị các thợ săn lấy keo bôi phết lên cỏ, con nào khôn ngoan thì biêt tránh né mà đi, con nào ngu si không biêt tránh xa, đưa tay chạm nhẹ thì ngay lập tức tay bi dính keo, lại lấy tay này gỡ cho tay kia mong sớm thoát thân thì cả hai tay đều bị dính chặt, dùng chân để gỡ thì keo dính cả hai chân, dùng miệng can cỏ thì keo dính chặt miệng. Vì cả năm chỗ đêu bị keo dính, nên con khỉ kia năm co trên đát, thợ săn liên đên lây gậy xỏ qua và vác đi. Tỳ-kheo nên biết, bọn khỉ vượn ngu si, tự mình rời bỏ chỗ ở của mình và chỗ cha mẹ để đến nơi khác, cho nên gánh chịu khổ não như vậy. Cũng thế, Tỳ- kheo!

Phàm phu mê muội, nương nơi thôn làng, sáng sớm đắp y, ôm bát vào làng khất thực, nhimg lại không khéo bảo hộ tự thân, gìn giữ các căn, nên khi mắt thấy sắc liền sanh nhiễm trước; tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vi, thân xúc chạm đều sanh nhiễm trước. Tỳ-kheo mê muội, khi các căn bên trong và cảnh bên ngoài đã bị năm sự trói buộc sẽ thuận theo ý muốn của ma. Thế nên, các Tỳ-kheo phải học tập như vầy: "Hãy tự ở yên trong chỗ của mình, trong chỗ của cha mẹ mình, chớ đi đến chỗ khác và cảnh giới khác." Này các Tỳ-kheo! Thế nào là chỗ tự mình đi lại và chỗ của cha mẹ mình? ĐÓ là bôn niệm xứ: Sông quán niệm thân trên thân,... thọ,... tâm và sông quán niệm pháp trên pháp. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

37 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.620. 0173b20). Tham chiếu: s. 47.7 - v. 148. 38 Tuyết Sơn (Himavant).

QUYỂN 24 < 725

621. TỲ-KHEO NIÊN THIỂU39 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả A-nan cùng với chúng Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Tôn giả A-nan bạch Phật:  Kính bạch Thế Tôn! Phải dạy dỗ như thế nào và thuyết pháp gì cho những Tỳ-kheo trẻ tuổi này? Phật bảo Tôn giả A-nan:  Đối với những Tỳ-kheo trẻ tuổi này, thầy nên đem bốn niệm xứ dạy họ tu tập. Bốn niệm xứ là những gì? Nghĩa là sống quán niệm thân trên thân, nỗ lực siêng năng, tu tập không buông lung, chánh niệm tỉnh giác, giữ tâm tịch tĩnh... (cho đến) biết rõ thân; đối với thọ,... tâm và sống quán niệm pháp trên pháp, nỗ lực siêng năng, tu tập không buông lung, chánh niệm tỉnh giác, giữ tâm tịch tĩnh... (cho đến) biết rõ pháp. Vì sao như vậy? Vì nếu Tỳ-kheo còn ở giai vị Hữu học, khi chưa được thăng tiến nhưng có chí nguyện mong cầu Niết-bàn an ổn, nên sống quán niệm thân trên thân, nỗ lực siêng năng, tu tập không buông lung, chánh niệm tỉnh giác, nội tâm tịch tĩnh; sống quán niệm thọ,... tâm và sống quán niệm pháp trên pháp, nỗ lực siêng năng, tu tập không buông lung, chánh niệm tỉnh giác, nội tâm tịch tĩnh... (cho đến) xa lìa các pháp. Nếu bậc A-la-hán các lậu đã hết sạch, việc cần làm đã xong, đã đặt gánh nặng xuống, dứt hẳn các hữu kiết sử,40 đạt được chánh trí,41 được giải thoát hoàn toàn/2 ngay lúc nay, vi áy cũng tu tạp va song quan niệm than trên than, no lực siêng năng, tu tập không buông lung, chánh niệm tỉnh giác, nội tâm tịch tĩnh. Sống quán niệm thọ,... tâm và pháp trên pháp... (cho đến) xa lìa các pháp. Bấy giờ, Tôn giả A-nan nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi lui ra. ***

622. PHƯỚC CÚNG DƯỜNG43 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật từ nước Bạt-kỳ đi giáo hóa trong nhân gian rồi đến nghỉ trong vườn Am-la thuộc nước Tỳ-xá-ly. 39 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.621. 0173cl2). Tham chiếu: s. 47.4 - v. 144. 40 Hữu kiết (bhavasarnyojana): Phiền não dẫn đến tái sanh. 41 Nguyên tác: Chánh trí (sammāñāna), trí hiểu biết chân chánh, là tuệ giác của bậc A-la-hán. 42 Nguyên tác: Tâm thiện giải thoát (,suvimuttacitto). Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển l, tr. 19; Tạp.(7.02. 0099.200. 0051c09). 43 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.622. 0174a02). Tham chiếu: s. 47.2 - v. 142.

Bấy giờ, nữ cư sīAm-la44 nghe tin đức Thế Tôn từ nước Bạt-kỳ đi giáo hóa trong nhân gian và đến nghỉ trong vườn Am-la, liền tự mình sửa soạn roi đánh xe ra khỏi thành Tỳ-xá-ly5 đi đến chỗ Phật để cung kính Cling dường. Khi vừa đến cổng vườn Am-la, nữ cư sĩ từ xa trông thấy đức Thế Tôn đang thuyết pháp cho đại chúng vây quanh, liền xuống xe đi bộ. Thế Tôn thấy nữ cư sĩ Am-la từ xa đang đi đến liền bảo các Tỳ-kheo: Tỳ-kheo các thầy phải chuyên cần nhiếp tâm, chánh niệm tỉnh giác. Hôm nay, có nữ cư sĩ Am-la đến cho nên Ta nhắc nhở các thầy. Thế nào là Ty-kheo tinh cần nhiếp tâm an tru? Đó là, nếu Ty-kheo đối với pháp ác, bất thiện đã sanh thì phải phát khởi ước muốn nỗ lực, tinh cần nhiếp tâm khiến chúng đoạn trừ; pháp ác, bất thiện chưa sanh thì không để sanh khởi; pháp thiện chưa sanh thì phải khiến sanh khởi; pháp thiện đã sanh thì khiến cho tồn tại chẳng mất, tu tập để tăng trưởng, phát khởi ước muốn, nỗ lực và tinh cần nhiếp tâm. Đây gọi là Ty-kheo tinh cần nhiếp tâm an trú. Thế nào gọi là Ty-kheo tỉnh giác? Nghĩa là Tỳ-kheo thường xuyên tỉnh giác trong các oai nghi đi tới, đi lui; trong các cử chỉ quay nhìn, xem trông, co duỗi, cúi đầu, ngẩng đầu, đắp y, ôm bát, đi, đứng, nằm, ngồi, ngủ, thức, nói năng, im lặng... đều an trú trong tỉnh giác. Đây gọi là Ty-kheo tỉnh giác. Thế nào là chánh niệm? Nghĩa là Tỳ-kheo sống quán niệm thân trên nội thân, siêng năng nỗ lực, chánh niệm tỉnh giác, điều phục tham ưu ở thế gian. Cũng vậy, sống quán niệm thọ, tâm và pháp trên pháp, siêng năng nỗ lực, chánh niệm tỉnh giác, điều phục tham ưu ở thế gian. Đây gọi là Tỳ-kheo chánh niệm. Vì thế, các thầy hãy siêng năng nhiếp phục tâm mình, chánh niệm tỉnh giác. Hôm nay có nữ cư sĩ Am-la đến đây, cho nên Như Lai nhắc nhở các thầy. Bấy giờ, nữ cư sĩ Am-la đến chỗ Thế Tôn, lạy sát chân Ngài rồi đứng sang một bên. Khi ấy, Thế Tôn vì cư sĩ Am-la mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho nữ cư sĩ hoan hỷ.45 Sau khi vì nữ cư sĩ Am-la mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho nữ cư sĩ hoan hỷ rồi, Thế Tôn an tru trong tĩnh lặng. Nữ cư sĩ Am-la chỉnh trang lại y phục, đảnh lễ đức Phật rồi chắp tay bạch:  Cúi xin Thế Tôn và đại chúng nhận lời cúng dường bữa cơm trưa mai của con! Khi ấy, Thế Tôn im lặng nhận lời. Nữ cư sĩ Am-la biết Thế Tôn đã im lặng nhận lời liền lạy sát chân Phật rồi trở về nhà, sửa soạn nhiều món ăn và sắp xếp chỗ ngồi.

44 Am-la ,Amba: Cây xoài, ở đây chỉ cho vườn xoài của bà Am-bà-bà-lợi ,Ambapāli đã dâng cúng cho đức Phật và Tăng đoàn để làm tinh xá; gọi nữ cư sĩ Vườn Xoài ,Amba nhằm thể hiện sự kính trọng đối với vị nữ cư sĩ này. 45 Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ .Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tĩ. 105; Tạp.02. 009992. 0023c18.



Sáng sớm hôm sau, nữ cư sĩ cho người đến bạch Phật: "Đã đến gi&!" Bấy giờ, Thế Tôn và đại chúng cùng đi đến nhà Am-la và ngồi vào chỗ đã sắp đặt. Thế rồi nữ cư sĩ Am-la tự tay dâng lên các món ăn thức uống. Sau khi chúng Tăng thọ trai, rửa tay và rửa bát xong, nữ cư sĩ Am-la lấy một chiếc ghế nhỏ rồi ngồi trước Phật để nghe Ngài thuyết pháp. Bấy giờ, Thế Tôn vì nữ cư sĩ Am-la mà nói bài kệ tùy hỷ: Bố thí, người quý mến, Được nhiều người đi theo, Tiếng thơm ngày càng cao, Gần xa đều biết đến. Hòa nhã với

mọi người, Lìa tham, không sợ hãi, Bố thí bằng trí tuệ5 Dứt sạch mọi xan tham. Sarủi cõi trời Đao-lợi, Lâu dài được an vui, Suốt đời thường tu đức, Được dạo vườn Nan-dà, Muôn nhạc trời hoan ca, Thỏa lòng hưởng năm dục. Người sông ở nhân gian, Từng nghe Phật thuyết pháp, Được làm đệ tử Phật, Sẽ hóa sanh về đó. Bấy giờ, Thế Tôn vì nữ cư sĩ mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ? khiên cho nữ cư sĩ hoan hỷ5 roi Ngài đứng dậy ra vê. *** 623. GIỮ GÌN BÁT DÀU46 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ trong vườn Lộc Dã? trú xứ của Tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại. _ _ Bay giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Những sắc đẹp ở thế gian và người có sắc đẹp ở thế gian phải chăng có thể khiến cho nhiều người tụ tập lại để nhìn ngắm? Các Tỳ-kheo bạch Phật: - Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Phật bảo các Tỳ-kheo: Nếu sắc đẹp ở thế gian và người có sắc đẹp ở thế gian lại còn biết đàn ca, múa hát thì phải chăng sẽ càng làm cho nhiều người tụ tập lại để xem? Các Tỳ-kheo bạch Phật: - Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Phật bảo các Tỳ-kheo: -Giả sử những sắc đẹp ở thế gian và người có sắc đẹp ở thế gian quy tụ về một chỗ để cùng hợp xướng đàn ca, múa hát mua vui, lại có rất nhiều người tụ

46 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.623. 0l74bl5). Tham chiếu: s. 47.20 - v. 169.



tập một chỗ để cùng xem nghe. Bấy giờ, giả sử có một người không ngu, không si, ưa vui, chán khổ, tham sống, sợ chết, lại có người khác đến nói với người này rằng: "Anh hãy bưng bát đầy dầu này đi ngang qua giữa những người có sắc đẹp thế gian và đám đông kia. Tôi sẽ sai một kẻ giết người cầm đao đi theo sau anh, nếu anh làm rơi một giọt dầu sẽ bị kẻ đó lấy mang?9 Thế nào, này các Tỳ-kheo! Người btmg bát dầu ấy còn có tâm trạng ngắm nhìn mỹ nữ và đám đông kia mà không nghĩ đến bát dầu, không nghĩ đến kẻ giết người không? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn, không có điều ấy! Vì sao như vậy? Thưa đức Thế Tôn! Vì kẻ đó tự biêt ngay sau lưng mình có người câm đao chờ săn, nên luôn nghĩ răng: “Chí cần làm rơi một giọt dầu thì đao phủ sẽ chém đầu ta." Vậy nên người này dốc hết tâm tư chú ý bát dầu, bước đi từ tốn giữa các sắc đẹp thế gian và đám đông kia mà chẳng dám quay nhìn liếc ngó. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo! Nếu có Sa-môn và Bà-la-môn nào giữ thân ngay thẳng, thận trọng, tâm niệm chuyên nhất, không để ý đến âm thanh, sắc tướng, khéo thu nhiếp tất cả tâm pháp, sống quán niệm vào thân thì đó là đệ tử của Ta, vâng lời Ta dạy. Thế nào là Tỳ-kheo giữ thân ngay thẳng, thận trọng, tâm niệm chuyên nhất, không đê ý đên âm thanh, sac tướng, khéo thu nhiêp tát cả tâm pháp, sông quán niệm trên thân? Nghĩa là Tỳ-kheo sống quán niệm thân trên thân, siêng năng nỗ lực, chánh niệm tỉnh giác, điều phục tham ưu ở thế gian; sống quán niệm trên thọ?... tâm và pháp trên pháp cũng lại như vậy. Đây gọi là Tỳ-kheo giữ thân ngay thang, thận trọng, tâm niệm chuyên nhất, chẳng để ý âm thanh, sắc tướng, khéo thu nhiêp tát cả tâm pháp, an trú vào bôn niệm xứ. Bay giơ, The Ton liên noi kẹ: Chuyên tâm chánh niệm, Giữ gìn bát dầu, Tự tâm theo giữ, Chưa từng rời bỏ. Thật khó vượt qua, Thắng diệu vi tế, Những điều Phật dạy, Như lưỡi gươm bén. Cần phải một lòng, Chuyên tinh gìn giữ, Chang như phàm phu, Buông lung mọi thứ, Phải khéo thể nhập, Pháp chẳng buông lung. Đức Phật nói kinh này xong,

các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

QUYỂN 24 729

624. TU THEO THỨ LỚP47 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả uất-đê-ca48 đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và bạch rằng: -Lành thay, bạch đức Thế Tôn! Xin Ngài nói pháp cho con. Sau khi nghe pháp, con sẽ một mình ở nơi yên vắng, chuyên tinh tư duy, tu tập không buông lung, lại thường tư duy đến mục đích mà người thiện nam cạo bỏ râu tóc, với lòng tin chân chánh, từ bỏ gia đình, xuất gia học đạo... (nói đầy đủ như trên, cho đen) không còn thọ thân sau. Phật bảo Tôn giả uất-đê-ca: Đúng thế, đúng the! Như lời thầy nói, những ai không vâng theo lời chỉ dạy của Như Lai thì đạo nghiệp của người ấy cũng không thành tựu. Tuy là người ấy theo sau Như Lai, nhung chẳng được lợi ích, lại còn sanh chướng ngại. Tôn giả uất-đê-ca bạch Phật: -Như những gì Thế Tôn dạy, con có thể làm vui lòng Thế Ton, đạo nghiệp của con chắc sẽ thành tựu và không gặp chướng ngại. Cúi xin Thế Tôn nói pháp cho con, con sẽ một mình ở nơi yên vang, chuyên tinh tư duy, tu tập không buông lung... (nói đây đủ như trên, cho đên) không còn thọ thân sau. Tôn giả Uất-đê-ca thưa thỉnh lần thứ hai rồi lần thứ ba cũng như vậy. Bây giơ, Thê Tôn bảo Tôn gia Uat-de-ca: Trước tiên, thầy nên làm thanh tinh các nghiệp căn bản của mình, sau đó tu tập Phạm hạnh.49 Tôn giả uất-đê-ca bạch Phật: -Kính bạch Thế Tôn! Nay con làm sao để thanh tịnh các nghiệp căn bản của mình rồi tu tập Phạm hạnh? Phật dạy Tôn giả uất-đê-ca: Trước tiên, thầy nên giữ giới trong sạch, nhận thức chánh trực, ba nghiệp thành tựu, sau đó tu tập bốn niệm xứ. Bốn niệm xứ là gì? Đó là sống quán niệm thân trên nội thân, siêng năng nỗ lực, chánh niệm tỉnh giác, điều phục tham ưu ở thế gian. Cũng vậy, sống quán niệm thân trên ngoại thân, thân trên nội thân

47 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.624. 0174c21). Tham chiếu: s. 47.16 - v. 166. 48 Uất-đê-ca (Uttiya). 49 Nguyên tác: Nhữ đương tiên tịnh kỳ sơ nghiệp, nhiên hậu tu tập Phạm hạnh ( ).S. 47.16 - V. 166 có đôi chút khác biệt:
Tasmātiha tvam, uttiya, ãdimeva vỉsodhehi kusalesu dhammesu (Như vậy, này Ưttiya, hãy làm cho thanh tịnh các pháp căn bản trong các thiện pháp), HT. Thích Minh Châu dịch. . -

730 KINH TẠPA-HÀM _____

và ngoại thân; sống quán niệm thọ, tâm và pháp trên pháp... (cũng nói đầy đủ như vây). Khi ấy, Tôn giả uất-đê-ca nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy đi ra. Sau khi nghe Phật chỉ dạy, Tôn giả uất-đê-ca một mình ở nơi yên vắng, chuyên tinh tư duy, sống không buông lung, tự mình tư duy về mục đích mà người thiện nam cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, với lòng tin chân chánh, từ bỏ gia đình, xuất gia học đạo... (cho đến) không còn thọ thân sau. Giống như những điều Tôn giả uất-đê-ca đã hỏi Phật, cũng vây, các Tỳ- kheo khác hỏi cũng nói như trên. ***

625. VƯỢT KHỎI Ác MA50 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo tên là Bà-hê-ca51 đi đến

chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: Kính bạch Thế Tôn! Lành thay! Cúi xin Thế Tôn nói pháp cho con... nói đầy đủ như kinh uất-đê-ca (kinh 624) ở trên, chỉ có khác là thêm vào đoạn: —Cũng vậy, này Tỳ-kheo Bà-hê-ca, trước tiên, hãy làm cho nghiệp thanh tịnh52 rồi sống quán niệm thân trên thân, sẽ vượt qua các ma chướng; sống quán niệm thọ, tâm và pháp trên pháp, sẽ vượt qua các ma chướng. Tỳ-kheo Bà-hê-ca nghe Phật thuyết pháp chỉ dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ lui ra. Rồi Bà-hê-ca một mình ở nơi yên vắng, chuyên tinh tư duy, sống không buông lung... (cho đến) không còn thọ thân sau. ***

626. VƯỢT QUA SANH TỬ53 Bài kinh thứ hai này54 cũng nói như kinh trên, chỉ khác là: "Như vậy, Tỳkheo sẽ vượt qua sanh tử.” ***

50 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.625. 0175al7). Tham chiếu: s. 47.15 . v. 165. 51 Bà-hê-ca (Bāhiya). 52 Nguyên tác: Sơ nghiệp thanh tịnh ().Rút gọn của cú ngữ như kinh số 624; Tạp.(7.02. 0099.624. 0175a05) đã nêu: Nhữ đương tiên tịnh kỳ sơ nghiệp, nhiên hậu tu tập Phạm hạnh ( ,? 53 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.626. 0175a26). 54 Có hai kinh nói về Tôn giả Bà-hê-ca, tức là Tạp.(T.02. 0099.625. 0175al7) và Tạp.(T.02. 0099.626. 0175a26).

QUYÊN 24 731

627. SẠCH HẾT CÁC LẬU55 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật-đà56 đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: -Kính bạch Thế Ton! Nấu có Tỳ-kheo còn ở giai vị Hữu học,57 chưa được thăng tiến Niết-bàn an ổn nhưng biết nỗ lực tìm cầu thì vị Thánh đệ tử này phải tu tập và tu tập thuần thục như thê nào đê có thê dứt sạch các lậu,... {cho đên tự biết không còn thọ thân sau? Phật bảo Tôn giả A-na-luật: -Nêu vị Thánh đệ tử còn ở giai vị Hữu học, chưa được thăng tiên Niêt-bàn an ôn mà muôn nô lực tìm câu thì bây giờ vi ây phải nên sông quán niệm thân trên nội thân, siêng năng nỗ lực, chánh niệm tỉnh giác, điều phục tham ưu ở thế gian. Cũng vậy, song quán niệm thọ, tâm và pháp trên pháp, siêng năng nỗ lực, chánh niệm tỉnh giác, điêu phục tham ưu ở thê gian. Như vậy, vị Thánh đệ tử tu tập thuần thục roi, sẽ được dứt sạch các lậu,... cho đên tự biêt không còn thọ thân sau. Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi lui ra. ***

628. ĐÀM ĐẠO5859 . Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật trú tại tinh xá Kê Lâm,59 ấp Ba-liên-phất.60 Các Tôn giả Ưu-đà-di và Tôn giả A-nan-đà6162 cũng ở tại đây. Bấy giờ, Tôn giả ưu-đa-di đến chỗ Tôn giả A-nan, ân cần hỏi thăm nhau xong, Tôn giả ưu-đà-di ngồi sang một bên và nói với Tôn giả A-nan: -Đức Như Lai, bậc ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Đã Thấy Đã Biết thuyết Thánh giới cho các Ty.kheo, khiến cho giới không bi đoạn dứt, không khuyết mẻ, không tán hoại,62 không lìa giới, không bị chấp giới, khéo rốt ráo,

55 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.627. 0175a28. Tham chiếu: s. 47.26 - v. 174. 56 A-na-luật-đà ,Anuruddha. 57 Nguyên tác: Học địa Sekhabhũmí, chỉ cho các quả vị Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm. 58 Tựa đề

đặt theo nội dung kinh. Tạp.r.02. 0099.628. 0175Ồ12. Tham chiếu: s. 47.21  v. 171. 59 Kê Lâm tinh xá ,Kukkutārāma. 60 Ba-liên-phất ấp Pātaliputta. Xem chú thích 5, kinh số 604, quyển 23, tr. 682; Tạp. 7.02. 0099.604.0161bl3. 61 A-nan-đà Ānanda, gọi tắt là A-nan. 62 Nguyên tác: Trạch ,nghĩa là hư hoại, tiêu tan .Tham chiếu: Tạp.7.02.0099.931.0238al3: Bất hoại giới 5.



khéo gìn giữ, được bậc trí khen ngợi, chẳng bị ghét bỏ. Vì sao đức Như Lai, bậc ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bằng những gì đã thấy mà thuyết Thánh giới cho các Tỳ-kheo khiến cho giới không bị đoạn dứt, không khuyết mẻ,... (cho đến) được bậc trí khen ngợi, chẳng bị ghét bỏ? Tôn giả A-nan bảo Tôn giả Ưu-đà-di:  Là nhờ tu tập bốn niệm xứ. Những gì là bốn niệm xứ? Đó là sống quán niệm thân trên thân,... thọ,... tâm và sống quán niệm pháp trên pháp. Sau khi hai vị Tôn giả cùng đàm luận nghĩa lý xong, môi người tự trở vê chỗ ở của mình. ***

629. KHÔNG CÒN THOÁI CHUYÊN63 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật tru tại tinh xá Kê Lâm, ấp Ba-liên-phất. Tôn giả A-nan và Tôn giả Bạt-đà-la64 cũng ở tại đây. Khi ấy, Tôn giả Bạt-đà-la hỏi Tôn giả A-nan:  Có pháp nào mà tu tập và tu tập thuần thục sẽ đạt đến không thoái chuyển chăng? Tôn giả A-nan đáp:  Có pháp này mà khi tu tập và tu tập thuần thục có thê khiên người tu hành đạt đến không thoái chuyển. Đó là pháp tu bốn niệm xứ. Những gì là bốn? Là sống quán niệm thân trên thân,... thọ,... tâm và sống quán niệm pháp trên pháp. Bấy giờ, hai vi Tôn giả cùng đàm luận nghĩa lý xong, mỗi người trở về chỗ ở của mình. ***

630. THANH TỊNH VÀ SÁNG CHÓI65 A  x

Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật trú tại tinh xá Kê Lâm, ấp Ba-liên-phất. Khi ấy, Tôn giả A-nan và Tôn giả Bạt-đà-la cũng ở tại đây. Một hôm, Tôn giả Bạt-đà-la hỏi Tôn giả A-nan: -Có pháp nào mà tu tập và tu tập thuân thục thì có thê khiên cho chúng sanh chưa thanh tịnh sẽ được thanh tịnh và ngày càng sáng rỡ chăng? Tôn giả A-nan đáp: Có pháp này mà khi tu tập và tu tập thuần thục rồi, có thể khiến cho chúng sanh chưa thanh tịnh được thanh tịnh và ngày càng sáng rỡ. Đó là pháp tu bốn

63 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.629. 0175b24). Tham chiếu: s. 47.23 - v. 173. 64 Bạt-đà-la (Bhaddaji). 65 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.630. 0175c03).



niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là sống quán niệm thân trên thân,... thọ?... tâm và sống quán niệm pháp trên pháp. Bấy giờ, hai Tôn giả cùng đàm luận nghĩa lý xong, mỗi người trở về chỗ ở của mình. ***

631. PHÁP MÔN VƯỢT BỜ66 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Kê Lâm, ấp Ba-liên-phất. Khi ấy, Tôn giảA-nan và Tôn giả Bạt-đà-la cũng ở tại đó. Một hôm, Tôn giả Bạt-đà-la hỏi Ton giả A-nan: -Có pháp nào mà tu tập và tu tập thuần thục thì có thể khiến cho chúng sanh chưa qua bờ bên kia sẽ được qua bờ bên kia chăng? Tôn giả

A-nan đáp:  Có pháp tu tập và tu tập thuần thục thì có thể khiến cho chúng sanh chưa qua bờ bên kia sẽ được qua bờ bên kia, đó là bốn niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là sông quán niệm thân trên thân,... thọ,... tâm và sông quán niệm pháp trên pháp. Bấy giờ, hai vị Tôn giả67 đàm đạo xong thì mỗi người trở về chỗ của mình. ***

632. CHỨNG QUẢ A-LA-HÁN68 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Kê Lâm, ấp Ba-liên-phất. Khi ấy, Tôn giả A-nan và Tôn giả Bạt-đà-la cũng ở tại đó. Bấy giờ, Tôn giả Bạt-đà-la hỏi Tôn giả A-nan: -Có pháp nào mà tu tập và tu tập thuần thục sẽ chứng quả A-la-hán chăng? Tôn giả A-nan đáp:  Có pháp tu tập và tu tập thuần thục sẽ chứng quả A-la-hán, đó là pháp bốn niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là song quán niệm thân trên thân,... thọ9... tâm và sông quan niệm pháp trên pháp. Bấy giờ, hai vị Tôn giả69 đàm đạo xong, mỗi người trở về chỗ của mình. ***

66 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.631. 0175cll). Tham chiếu: s. 47.34 - v. 180. 67 Nguyên tác: Chánh sĩ (). 68 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.632. 0175cl9). 69 Như chú thích 67.



633. LUẬN VỀ TẤT CẢ PHÁP70 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Kê Lâm, ấp Ba-liên-phất. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo:  Luận về tất cả pháp, tất cả pháp đó là bốn niệm xứ. Đây gọi là giáo thuyết chân chánh. Những gì là bốn? Đó là sống quán niệm thân trên thân,... thq,. tâm và sống quán niệm pháp trên pháp. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

634. DẪN ĐẾN HIÊN THÁNH71 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Kê Lâm, ấp Ba-liên-phất. Bây giơ, The Ton bao các Ty-kheo:  Nếu Tỳ-kheo tu tập và tu tập thuần thục bốn niệm xứ thì gọi là vi Hiền thánh xuất ly.72 Những gì là bốn? Đó là sống quán niệm thân trên thân,...thọ,... tâm và sống quán niệm pháp trên pháp. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Tương tự như kinh Hiền thảnh xuất ly cũng vậy các kinh như Hoàn toàn hết 9 ?

khô, Vượt thoát khô đau, Được quả vị lớn, Được phước lợi lớn, Được pháp cam lộ, Cứu cảnh cam lộ, Chứng pháp cam lô, cũng nói đầy đủ như thế. ***

635. THANH TỊNH CHO CHÚNG SANH73 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Kê Lâm, ấp Ba-liên-phất. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Nếu Tỳ-kheo nào tu tập và tu tập thuần thục bốn niệm xứ thì có thể khiến cho chúng sanh chưa thanh tinh được thanh tịnh, chúng sanh đã thanh tịnh sẽ được rạng ngời hơn. Những gì là bốn? Đó là sống quán niệm thân trên thân,... thọ,... tâm và sống quán niệm pháp trên pháp.

70 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.633. 0175c26). 71 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.634. 0176a02). Tham chiếu: s. 47.17 - v. 166. 72 Hiền thanhxuat ly (?. TỈịam chiếu: s. 47.17-V. 166, “xuất ly” ()được dịch từniyyānikā, nghĩa là sự dân dăt, việc đưa ra khỏi, có góc động từ niyyāti, nghĩa là được dắt dẫn, hướng dẫn, đem đi. 73 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp. B(r.02. 0099.635. o 176a 10).

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Tương tự như kinh Thanh tịnh cho chủng sanh; cũng vậy, các kỉnh như Chúng sanh chưa độ thoát khiến được độ thoát, Chứng quả A-la-hán, Chứng quả Độc giác, Chứng quả Vô thượng Bồ-đề, cũng nói như trên. ***

636. PHÁP TU BỐN NIỆM xứ74 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Kê Lâm, ấp Ba-liên-phất. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Ta sẽ nói cho các thầy về pháp tu bốn niệm xứ. Thế nào là pháp tu bốn niệm xứ? Này các Tỳ-kheo! Đang Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Iliế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở đời diễn nói Chánh pháp. Pháp ấy phần đàu thiện, phần giữa thiện và phần cuối cũng thiện, nghĩa lý tốt đẹp, câu chữ chính xác, thuần nhất thanh tịnh, Phạm hạnh trong sạch. Nếu có người thiện nam hay người thiện nữ nào theo Phật nghe pháp, có lòng tin thanh tinh, nên tu học như vầy: Vì hiểu rằng đời sống tại gia là sự hòa hợp các mối tai họa của dục lạc và bi phiền não trói buộc; vì muốn sống một mình ở nơi thanh vắng, xuất gia học đạo, chẳng ưa ở nhà, thích sống không nhà; vì mong mỏi cả cuộc đời này chỉ hướng về thanh tịnh, thanh tịnh thuần nhất, Phạm hạnh trong sạch nên đã khởi nghĩ: "Ta nên cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa? với niềm tin chân chánh, sống không gia đình, xuất gia học đạo/9 Suy nghĩ như thế rồi nên người thiện nam hay người thiện nữ ấy liền xả bỏ tiền tài và thân thuộc, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, với niềm tin chân chánh, sống không gia đình, xuất gia học đạo, tu tập thân nghiệp đoan chánh, phòng hộ bốn lỗi lầm của miệng, đời sống thanh tịnh và tu tập theo ^ới luật của Hiền thánh, giữ gìn các căn, giữ tâm chánh niệm, khi măt thây sác thì không châp giữ hình tướng. Nếu không phòng hộ nhãn căn bằng luật nghi, những pháp ác, bất thiện, tham ưu ở đời sẽ mãi xâm nhập vào tâm. Vì vậy, đối với nhãn căn cần phải nhiếp hộ bằng chánh luật nghi. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng nhiếp hộ bằng chánh luật nghi như vậy. Vì để thành tựu giới luật Hiền thánh, vi ấy đã khéo nhiếp hộ các căn, tới lui, qua lại, co duỗi, cúi ngước, nằm ngồi, thức ngủ, nói năng, im lặng đều an trụ trong hiểu biết tỉnh giác. Vì để thành tựu Thánh giới này, vị ấy giữ gìn các căn, chánh niệm tỉnh giác, tịch tĩnh xa lìa, ở nơi vắng vẻ, bên gốc cây5 trong nhà trống, ngồi một minh, thân tâm ngay thẳng, buộc tâm an trụ, diệt trừ tham ưu ở đời, lìa tham dục, trừ sạch

74 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.636. 0176al9). Tham chiếu: s. 47.3 - v. 142.



tham dục; đoạn trừ sân hận, thùy miên, trạo hối và nghi ngờ ở thế gian; xa lìa sân hận, thùy miên, trạo hối và nghi ngờ; diệt trừ hoàn toàn sân hận, thùy miên, trạo hối và nghi ngờ. Vì để diệt trừ năm thứ ngăn che làm não hại tâm, làm tuệ yếu kém, các chướng ngại sanh, không hướng đên Niêt-bàn5 thê nên [vị áy] phải sông quán niệm thân trên nội thân, tinh cần nỗ lực, chánh niệm tỉnh giác, điều phục tham ưu ở thế gian. Cũng như vậy, sống quán niệm thân trên ngoại thân,... trên nội ngoại thân; sống quán niệm thọ,... tâm và sống quán niệm pháp trên pháp, cũng nói như vậy. Đây gọi là Tỳ-kheo tu bốn niệm xứ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy

đều hoan hỷ phụng hành. ***

637. BA DIỆU HẠNH75 _ Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà5 thuộc nước Xá-vệ. Bay giờ, The Ton bao các Ty-kheo: Nên tu bốn niệm xứ... (nói đầy đủ như trên, chỉ có khác biệt ở đoạn sau): Như vậy, xuất gia rồi thì sống ở nơi yên tĩnh, tuân theo giới luật và thực hành đầy đủ luật nghi, hành xứ, đối với tội lỗi nhỏ nhặt cũng sanh lòng sợ hãi, lãnh thọ và gìn giữ học giới, xa lìa sát sanh, cham dứt sát sanh, không vui khi thấy sát sanh, cho đến tất cả thiện hạnh như trước đã nói, y bát luôn ở bên mình, như chim có hai cánh. Như thế là thành tựu học giới và tu bốn niệm xứ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

638. NƯƠNG TƯA CHÍNH MÌNH7677

Tôi nghe như vây:

Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà5 thuộc thành Vương Xá.

LÚC ây, Tôn giả Xá-lợi-phât đang ngụ trong làng Na-la/7 thuộc nước Ma-kiệt-đà. Tôn giả bị bệnh rồi nhập Niết-bàn? Sa-di Thuần-đà chăm sóc và phụng cúng Tôn giả.

75 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.637. 0176ỒỒ20). Tham chiếu: s. 47.46 - v. 187. 76 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.638.0l76b28). Tham chiếu: Tăng.(r02. 0125 26.9. 0639al2);5.47.l3-V. lói. 77 Na-la tụ lạc (Nālagāmaka).



Sau khi Tôn giả Xá-lợi-phất do bệrứi mà nhập Niết-bàn, Sa-di Thuần-đà đã lễ cúng Tôn giả Xá-lợi-phất, rồi gom lấy Xá-lợi còn lại, mang theo cùng với y bát đến thành Vương Xá. Đen nơi, Thuần-đà cất y bát, rửa chân, rồi đi đến chỗ Tôn giả A-nan, lạy sát chân Tôn giả, đứng qua một bên và thưa: Bạch Tôn giả! Hòa thượng của con là Tôn giả Xá-lợi-phất đã vào Niết- bàn, con đem Xá-lợi và y bát về đây. Tôn giả A-nan nghe Sa-di Thuần-đà báo tin ấy rồi, liền đi đến chỗ Phật và bạch rằng: -Kính bạch Thế Tôn! Hôm nay, thân thể của con dường như rã rời, bốn phương chao đảo, nghẹn ngào không nói nên lời khi nghe Sa-di Thuần-đà nói với con là Tôn giả Xá-lợi-phất đã vào Niết-bàn và đã đem Xá-lợi cùng với y bát về đây! Phật liền dạy: Thế nào, A-nan? Thầy Xá-lợi-phất có đem theo giới thân mà vào Niết-bàn không? Có mang theo định thân, tuệ thân, giải thoát thân và giải thoát tri kiến thân mà vào Niết-bàn không? Tôn giả A-nan bạch Phật: - Thưa không, bạch Thế Tôn! Phật bảo A-nan: e r 9 9

-Hay là đã đem những pháp mà Ta đã tự biêt đê tự mình thành tựu Đăng chánh giác và thuyết giảng như bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, Thánh đạo tám chi mà vào Niết-bàn? Tôn giả A-nan bạch Phật: Thưa không, bạch Thế Tôn! Tuy chẳng đem theo giới thân... (cho đến) các pháp đạo phẩm mà vào Niết-bàn, nhimg Tôn giả Xá-lợi-phất là bậc giữ giới, đa văn, ít muốn biết đủ, thường tu hạnh viễn ly, tinh cần nỗ lực, nhiếp niệm an trụ, nhất tâm nhập định, là bậc trí tuệ bén nhạy, trí tuệ sâu xa, trí tuệ siêu việt, trí tuệ phân biệt, trí tuệ to lớn, trí tuệ rộng rãi, trí

tuệ thâm sâu, trí tuệ không ai bằng, trí báu đã thành tựu, khéo thấy biết, khéo chỉ dạy, khéo soi sáng, khéo làm cho hoan hỷ, khéo léo khen ngợi và nói pháp vì đại chúng. Thế nên, thưa Thế Tôn! Con vì pháp, vì bậc giữ gìn Chánh pháp78 mà buồn đau, khổ não. Phật dạy: - Này A-nan! Thầy chớ buồn đau, khổ não! Vì sao như vậy? Vì những gì được sanh ra, được hình thành, được tồn tại đều là pháp hữu vi nên sẽ tan hoại, sao có thể khiến không tan hoại được? Muốn các pháp hữu vi không tan hoại thì điều ấy không thể được!

78 Nguyên tác: Thọ pháp ().Tham chiếu: s. 47.13 - v. 161: Dhammānuggaha (Hộ trì của pháp), HT. Thích Minh Chau dịch.

738 KINH TẠPA-HÀM

Trước đây Ta đã từng nói, tát cả mọi vật đáng yêu, đáng nhớ, tát cả mọi sự xứng ý, vừa lòng đều là pháp chia ly, không thể nắm giữ mãi. Ví như cây to, gồm rễ, thân, nhánh, lá? hoa, trái sum suê tươi tốt thì nhánh lớn sẽ gãy trước. Cũng như núi báu lớn thì núi nào cao sẽ sụp đổ trước. Cũng vậy, trong hàng đại chúng quyến thuộc của Như Lai thì những bậc đại đệ tử sẽ vào Niết-bàn trước. Nếu như phương kia có Xá-lợi-phất an trụ thì Ta sẽ an tâm đối với phương ấy, nhưng mà nơi ấy đối với Ta không phải là trống không, vì đã có Xá-lợi-phất? như trước đây Ta đã từng nói. Hôm nay với thây, này A-nan5 như trước đây Ta đã nói, tát cả mọi vật đáng yêu, đáng nhớ, tất cả mọi sự xứng ý, vừa lòng thảy đều là pháp phải chia ly! Cho nên, này A-nan, hôm nay thây đừng quá buôn đau. A-nan nên biêt, Như Lai không bao lâu nữa cũng sẽ ra đi. Thế nên, này A-nan, hãy tự mình làm hòn đảo, tự mình nương tựa nơi chính mình, lấy pháp làm hòn đảo, lấy pháp làm nơi nương tựa, không lấy chỗ nào khác làm hòn đảo, không nương tựa chỗ nào khác. Tôn giả A-nan bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Thế nào là tự mình làm hòn đảo để tự mình nương tựa? The nào là tự mình làm hòn đảo, tự mình nương tựa nơi chính mình, lay pháp làm hòn đảo, lấy pháp làm nơi nương tựa, không lấy chỗ nào khác làm hòn đảo, không nương tựa chỗ nào khác? Phật đáp: -Giông như vị Tỳ-kheo sông quán niệm thân trên thân, tinh cân nô lực, chánh niệm tỉnh giác, điêu phục tham ưu ở thê gian. Cũng vậy, sông quán niệm thân trên ngoại thân,... trên nội ngoại thân;... thọ,... tâm và pháp trên pháp, cũng nói như the. A-nan! Đây gọi là tự mình làm hòn đảo, tự mình nương tựa nơi chính mình, lấy pháp làm hòn đảo, lấy pháp làm nơi nương tựa, không lấy chỗ nào khác làm hòn đảo? không nương tưa chỗ nào khác. Đức Phật nói kinh này xong, [Tôn giả A-nan và] các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

639. HẢI ĐẢO Tự THÂN79 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ trong rừng Am-la80 râm mát, bên bờ sông Bạt-đàla?81 nước Ma-thâu-la.82 J

79 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.7.02. 0099.639. 0177al5. Tham chiếu: s. 47.14 - v. 163.

80 Am-la ,Amba.

81 Bạt-đà-la ,Bhaddha.

82 Ma-thâu-la ,Mathura.

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đã vào Niết-bàn chưa bao lâu. Bấy giờ, vào ngày rằm của tháng và cũng là ngày Bố-tát9 Thế Tôn trải tòa ngồi trước đại chúng. Rồi Thế Tôn nhìn khắp đại chúng và nói với các Tỳ-kheo:  Ta nhìn đại chúng, cảm thấy có trống trải, bởi vì Xá-lợi-phất và Mục- kiền-liên đã vào Niết-bàn. Trong chúng đệ tử của Ta thì chỉ có hai người này là khéo thuyết pháp, giáo giới, dạy dỗ và biện thuyết đầy đủ. Có hai thứ tài sản đó là tiền tài và pháp tài; muốn có tiền tài thì tìm cầu ở thế gian, muốn được pháp tài thì hãy tìm cầu nơi Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên. Như Lai đã xa lìa tiền tài và cả pháp tài. Các thầy chớ vì Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên vào Niết-bàn mà buồn rầu, khô não. Ví như cây to, gôm rê, thân, nhánh, lá? hoa, trái sum suê tươi tót thì nhánh lớn sẽ gãy trước. Cũng như núi báu lớn thì ngọn nào cao sẽ sụp đổ trước. Cũng vậy, trong đại chúng của Như Lai, hai đại đệ tử là Xá-lợi-phất và Mục- kiền-liên sẽ vào Niết-bàn trước. Cho nên, này các Tỳ-kheo! Các thầy chớ buồn rầu, khổ não! Vì không có pháp gì được sanh ra, được hình thành, được tồn tại, là hữu vi, là tan hoại mà không bị biên diệt? Muôn các pháp hữu vi không bị tan hoại thì điêu ây không thể được! Trước đây Ta đã nói: "Mọi vật đáng yêu đều chịu sự chia lia!" Chẳng bao lâu nữa, Ta sẽ rời xa. Vì thế, các thầy phải biết tự làm hòn đảo, tự nương tựa chính mình, hãy lấy pháp làm hòn đảo, lấy pháp làm nơi nương tựa, không lấy chỗ nào khác làm hòn đảo, không nương tựa chô nào khác. Nghĩa là sông quán niệm thân trên thân, tinh cân nô lực, chánh niệm tỉnh giác, điêu phục tham ưu ở thê gian; cũng vậy, sống quán niệm thân trên ngoại thân,... nội ngoại thân;... thọ?... tâm và pháp trên pháp, tinh cần nỗ lực, chánh niệm tỉnh giác, điều phục tham ưu ở thế gian. Đây gọi là tự mình làm hòn đảo, tự mình nương tựa nơi chính mình, lấy pháp làm hòn đảo, lây pháp làm nơi nương tựa, không lây chô nào khác làm hòn đảo, không nương tựa chỗ nào khác. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.83

83 Bản Hán, hết quyển 24.



QUYỂN 25 640. DẤU HIỆU GIÁO PHÁP DIỆT TẬN1 Bay giơ, đức The Ton bao Ton gia A-nan: -Trong đời tương lai, sau khi Ta diệt độ một trăm năm, tại nước Ma-thâu- la2 này sẽ có con của một thương nhân tên là Quật-đa.3 Quật-đa có người con tên là Ưu-ba-quật-đa.4 ưu-ba-quật-đa sẽ làm Phật sự, là vi thầy bậc nhất trong hàng giáo thọ. Này A-nan, thầy có thấy khu rừng xanh ở đằng kia không? A-nan bạch Phật: -Thưa vâng, con đã thấy, bạch Thế Tôn! -A-nan! Nơi đó gọi là núi ưu-lưu-man-trà.5 Sau khi Như Lai diệt độ một trăm năm, núi này sẽ có tru xứ a-lan-nhã tên là Na-tra-bạt-trí,6 tru xứ này thích hợp bậc nhất cho sự tịch tịnh, vắng lặng. Bấy giờ, đức Thế Tôn suy nghĩ: “Nếu Ta đem giáo pháp phó chúc cho loài người thì sợ rằng giáo pháp của Ta sẽ không tồn tại lâu dài; nếu phó chúc cho chúng trời thì cũng sợ rằng giáo pháp của Ta không tồn tại lâu dài và người ở thế gian sẽ không ai được nhận lãnh giáo pháp. Nay Ta nên đem Chánh pháp phó chúc cho cả trời và người. Khi chư thiên và loài người đều được thọ lãnh giáo pháp thì giáo pháp của Ta mới tồn tại một ngàn năm không biến đổi?5 Bấy giờ, Thế Tôn khởi tâm thuận theo thế tục.7 Lúc này, Thiên Đế-thích và bốn Đại

Thiên vương biết tâm niệm của Phật, bèn đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Thiên Đế-thích và bốn Đại Thiên vương:

1 Tưa đềđặt theo nội dung kinh. Tạp.02. 0099.640. o 177b 15. Tham chiếu: A-dục vương truyện 7^50. 2042.3. 0108a02. Xem chú thích l, kinh số 604, quyển 23, tr. 680; Tạp.7.02. 0099.604.0161013 . ' 2 Ma-thâu-la Madhurā, thành phố thủ đô của nước Surasena, một trong 16 quốc gia thời Phật, nằm bên bờ song Yamuna. 3 Quật-đa cũng gọi là Cù-đa ,Gupta. 4 Ưu-ba-quật-đa ưpagupta. 5 Ưu-lưu-man-ưà ,Urumunda. 6 Na-tra-bạt-trí .Kinh 604 phiên âm là Na-trà-bà-đê . 7 Nguyên tác: Thế Tôn khởi thế tục tâm .Tâm của chư Phật chỉ có chư Phật mới hiểu được. Đe tùy cơ nhiếp họa, đức Như Lai tùy theo đốitượng, căn cơ để khởi tâm tương ứng mà ở đây là tâm thê tục, nhờ vậy mà Thiên Đê-thích và bốn Đại Thiên vương mới biết được tâm của Ngài.



-Như Lai không còn bao lâu sẽ ở nơi Vô dư Niết-bàn mà vào Bát-niết-bàn.8 Sau khi Ta vào Bát-niết-bàn thì các ông nên hộ trì Chánh pháp. Thế Tôn nói với vị Thiên vương phương Đông: -Ông nên hộ trì Chánh pháp ở phương Đông. Rồi Thế Tôn lần lượt căn dặn Thiên vương phương Nam, phương Tây và phương Bắc: -Ong nên hộ trì Chánh pháp ở phương Bác. Một ngàn năm sau, khi giáo pháp của Ta bị diệt, ở thê gian sẽ xuất hiện những điêu phi pháp và mười pháp thiện đều bị tan hoại. Trong cõi Diêm-phù-đề sẽ có cuồng phong nổi lên, mưa không đúng thời, dân chúng phần nhiều đói kém. Nếu có mưa thì gặp nạn mưa dá, sông rạch khô cạn, hoa quả mất mùa, sắc diện con người không được tươi sáng, muôn loài thảo mộc9 thảy đều tiêu diệt, đồ ăn thức uống không còn mùi vị. Vàng bạc, châu báu thảy đều ẩn mất. Dân chúng ăn uống các loại cỏ cây thô nhám. Lúc ấy, sẽ xuất hiện Vua Thích-ca, Vua Da-bàn-na,10 Vua Bát-la-bà,11 Vua Đâu-sa-la?12 cùng với nhiều quyến

8 Bát-niết-bàn s. Parinirvāna, p. Parinibbānā: Niết-bàn tối hậu. 9 Nguyên tác: Trùng thôn quỷ thôn ,s. bhūtagrāma. īharn chiếu: Phgtn động kinh T.01. 0001.21. 0089al8: Chủng thực thọ mộc quỷ thần sở y :Trồng các thứ cây cối có quỷ thần ở. 10 Da-bàn-na Yavana. 11 Bát-la-bà . 12 Đâu-sa-la ,Tukhāra. 13 Câu-diệm-di Kosambī, thành phố thủ đô của nước Vatsa hay còn gọi là Vamsa. Trong thời đức Phật, vị vua trị vì là Parantapa.



"Nay Bệ hạ sanh Vương tử, người này vê sau sẽ làm vua cõi Diêm-phù-đê và sẽ giêt hại nhiêu nguôi." Vương tử được bảy ngày tuổi thì được đặt tên là Nan Đương, rồi theo năm tháng dần dần trưởng thành. Một hôm, bốn vị vua bạo ác ở bốn phương kéo đến sát hại nhân dân. Vua Ma-nhân-đà-la-tây-na hay được tin này thì rất sợ hãi. Khi ấy, có vị thiên thần đến mách bảo: “Bại vương nên lập Nan Đương làm vua, mới đủ khả năng hàng phục bốn vị vua bạo ác kia." LÚC ây, Vua Ma-nhân-đà-la-tây-na vâng lời chỉ bảo của thiên thân, liên nhường ngôi cho con, roi lay hạt minh châu trong búi tóc đặt lên

đầu con mình và tập hợp các đại thần, dùng nước thơm rưới lên đỉnh đầu vương tử. Ke đến, vua cho triệu tập năm trăm người con của năm trăm đại thần sanh cùng ngày với vương tử, thân mặc giáp trụ, đi theo tân vương ra trận chiên đâu với bôn vua bạo ác kia; giết sạch quân địch, giành được chiến thắng. Rồi Nan Đương lên làm vua cõi Diêm-phù-đê9 cai trị nước Câu-diệm-di. Bấy giờ, Thế Tôn nói với bốn Đại Thiên vương: Tại nước Ba-liên-phất14 sẽ có Bà-la-môn tên là A-kỳ-ni-đạt-đa?15 thông đạt kinh luận Tỳ-đà.16 Bà-la-môn này sẽ cưới vợ, sau đó sẽ có chúng sanh trung âm đên làm con ông áy. Lúc chúng sanh kia vào trong thai mẹ thì người mẹ này rất thích luận nghị với người khác. Bà-la-môn này liền hỏi các thầy tướng. Thây tướng bảo răng: "Vi đứa trẻ trong bào thai này thông đạt tát cả luận thuyết, nên khiến người mẹ có tâm ưa thích luận nghị với người khác như vay." Thế rồi, khi đủ ngày tháng, đứa trẻ ấy ra khỏi thai mẹ, trở thành một đồng tử thông đạt tất cả các kinh luận. Lớn lên, đồng tử ấy thường dùng kinh luận để truyền dạy cho con cháu của năm trăm Bà-la-môn, ngoài ra còn đem các loại kinh luận khác truyền dạy cho mọi người, lại còn chỉ bày y thuật cho các thầy thuốc, do vậy mà có rất nhiều đệ tử. Vì có rất nhiều đệ tử nên được gọi tên là "Ee Tử.99 Sau đó? Đệ Tử xin cha mẹ xuất gia học đạo. Cho đến khi cha mẹ bằng lòng cho phép xuất gia, Đệ Tử liền xuất gia học đạo trong pháp của Ta, thông đạt Ba tạng, rất giỏi thuyết pháp, biện tài lim loát, nói năng khéo léo, thu nhiếp rất nhiều quyến thuộc.

14 Ba-liên-phất Pātaliputta. Xem chú thích 5, kinh số 604, quyển 23, tr. 682; Tạp.02. 0099.604. 0161bl3. 15 A-kỳ-ni-đạt-đa ,Agnidatta. 16 Tỳ-đà kinh luận chỉ cho các kinh điển Vệ-đà.

QUYỂN 25 743

Lại nữa, Thế Tôn nói với bốn Đại Thiên vương: Trong nước Ba-liên-phất này sẽ có vi đại thương gia tên là Tu-đà-na?1718 lại có chúng sanh trung ấm gá vào bào thai vợ của thương gia. Khi chúng sanh ấy vào trong thai mẹ đã khiến người mẹ trở nên chất trực, nhu hòa, không có tâm niệm tà vạy, các căn an tịnh. Bấy giờ, thương chủ liền hỏi các thầy tướng. Thầy tướng bảo rằng: "Vi đứa bé trong thai vô cùng lương thiện, nên khiến người mẹ trở nên như vậy,... cho đến các căn an tjnh." Khi đủ ngày tháng, vợ đại thương chủ sanh ra đứa bé, đặt tên là Tu-la-tha. Theo năm tháng trưởng thành, cho đến một hôm đồng tử thưa với cha mẹ, cầu xin xuất gia học đạo. Được cha mẹ cho phép, Tu-la-tha liền xuất gia học đạo trong pháp của Ta, tinh tấn tu tập đạo nghiệp, đạt được lậu tận, chứng quả A-la- hán. Tuy nhiên, Tu-la-tha xem nghe, 18 ít muốn biết dử, cũng không bằng hữu,19 ở ẩn trong chốn núi rừng, ngọn núi Tôn giả ở có tên là Kiền-đà-ma-la.20 Bấy giờ, Thánh nhân Tu-la-tha thường đến nói pháp cho Vua Nan Đương. Phụ vương của vua cũng theo định luật vô thường. Hôm phụ vương băng hà, Nan Đương tận mắt chứng kiến, hai tay ôm lấy thi thể vua cha khóc lóc bi thảm, lòng đau như cắt. Lúc ấy, Tam tạng Tu-la-tha dẫn theo nhiều đệ tử đến chỗ vua, vì vua mà nói pháp. Sau khi vua nghe pháp xong, sầu não vơi di, sanh lòng kính tín Phật pháp, nên phát thệ nguyện rằng: "Từ nay về sau, ta sẽ cúng dường cho các Tỳ-kheo với tâm không lo nghĩ, miễn sao các vị ấy vừa ý là vui.” Rồi vua hỏi Tỳ-kheo: uBốn vị vua bạo ác trước kia đã hủy hoại Phật pháp trong bao nhiêu nm?" Các Tỳ-kheo đáp: "Suốt mười

hai năm.55 Nhà vua tâm nghi, miệng nói như sư tử rống: "Trong vòng mười hai năm ta sẽ cúng dường cho năm chúng, cho đên chuẩn bị mọi thứ để cúng dường.,, Vua liền thực hành bố thí. Ngày vua bố thí, trời mưa nước thơm khắp cõi Diêm-phù-đề? tất cả cây cối hoa màu đều được sanh trưởng tốt tươi. Dân chúng các nơi đều mang phẩm vật đến nước Câu-diệm-di để cúng dường chúng Tăng. Bấy giờ, các Tỳ-kheo nhận được sự cúng dường nồng hậu. Thế nhưng, các Tỳ-kheo thọ dụng của tín thí mà không đọc tụng kinh sách, không chú nguyện

17 Tu-đà-na Sudāya, Sudāna. 18 Nguyên tác: Quả văn ,nghĩa đen là hiểu biết không rộng rãi. Với một bậc A-la-hán ở chốn núi rừng thì mang nghĩa không chú trọng việc đời hay việc xem nghe. 19 Nguyên tác: Thiểu~tri 7 thể rút gọn của Uthiểu tri thúrc",nghĩa là không có bạn bè. Đoạn kinh này nêu dẫn nhiều dâu hiệu liên quan đên hành hoạt của một bậc Độc giác. 20 Kiền-đà-ma-la Gandhamādana, đây là ngọn núi mà nhiều vị Độc giác thường cư ngụ.



cho người,21 nói chuyện phiếm suốt ngày, ngủ nghỉ sáng đêm, tham đắm lợi dưỡng, thích trau chuốt thân, thích y phục tót, xa hạnh giải thoát, tịch tĩnh xuất gia và rời bỏ niềm vui giác ngộ.22 Hạng Tỳ-kheo như vậy xa rời công đức Sa- môn? là kẻ trộm cướp trong nhà Phật pháp, tiếp tay phá hoại ngọn cờ Chánh pháp trong thời mạt pháp, dựng cờ ác ma, dập tắt ngọn đuốc Chánh pháp, đốt lên ngọn lửa phiền não, đập vỡ trống Chánh pháp, hủy hoại bánh xe Chánh pháp, làm khô biển Chánh pháp, phá đổ núi Chánh pháp, phá hủy thành trì Chánh pháp, nhổ cây Chánh pháp, hủy diệt trí tuệ thiền định, cắt đứt chuỗi ngọc giới, làm nhiễm ô Chánh đạo. Bấy giờ, các loài trời, rồng, quỷ thần, dạ-xoa? càn-thát-bà sanh lòng bất mãn đối với các Tỳ-kheo. Họ chê bai, trách mắng, chán ghét, xa lánh, không thân cận các Tỳ-kheo nữa, rồi đồng thanh thốt lên: “Than ôi! Tỳ-kheo tệ hại như vậy thì không nên ở trong pháp của Như Lai." Rồi họ nói kệ: Không làm việc thiện lành, Mãi làm ác, tà kiến, Những kẻ ngu si này, Đánh sập núi Chánh pháp. Làm những điều trái đạo, Rời bỏ hạnh đúng pháp, Xa lìa pháp thắng diệu, Diệt pháp Phật hiện tại. Chẳng tin, chẳng điều phục, Thích làm các điều ác, Giả dối, lừa thế gian, Đả phá pháp Mâu-ni. Xuất gia lại tạo ác, Làm muôn việc xấu xa, Nương pháp gạt the nhân, Cong cao và sân hận. Tham đắm cầu lợi danh, Tạo rất nhiều điều ác9 Như pháp Phật đã dạy, Dấu hiệu pháp chìm mất. Hôm nay đều đã thấy, Bị người trí khinh miệt, Hiện tượng này đã hiện, Biển Chánh pháp Mâu-ni, Không lâu sẽ khô cạn, Chánh pháp nay suy giảm, Lại bị người xấu hại, Phá hủy Chánh pháp Ta. Bây giờ, các loài trời, rông, thân, v.v... đều sanh tâm buồn nản, không _ còn ủng hộ các Tỳ-kheo nữa và cùng tuyên bố: "Sau bảy ngày nữa pháp Phật sẽ bi diệt tan", roi gào khóc và bảo nhau: “Đến ngày thuyết giới, các Tỳ-kheo tranh đấu với nhau, Chánh pháp Như Lai vì vậy mà diet." Chư thiên khóc thương bi lụy như vậy.

^Nguyên tác: Tat-xaBM. Theo Phiên Phạn ngữ 54. 2130.01. 0987ỒO6, “tátx dịch là "tụng đọc,?.Theo khảo s9t,tátxà”có thê được phiên âm từ cú ngữ Sanskrit: Daksinā, cũng được phiên âm là "dạt-s2n"có nhiều nghĩa và nghĩa dùng ở đây là chúc phúc, chú nguyện. Cơ s6,chaquan điểm này được ghi

nhận ở Tăng.Z02. 0125.18.4. 0589ỒỒ01: Bấy giờ, Tôn giả Đại Ca-diep liên thọ dụng vật thực. Vì muốn độ người nên Tôn giả đã vì cô ta mà nói bài kệ chú nguyện này ỌỂ.Theo Tứ phần luật T22. 1428.49. 0935cl 1, Phật
dạy răng: Thọ thực xong thì không nên im lặng roi rời đi mà phải nên vì người thí chủ nóikệ chú nguyện, thậm chí chỉ nói một câu 2 22
Nguyên tác: Tam-bồ-đề l^c ."Tamb8dề",tức là sambuddhi, nghĩa là sự
hiểu biết hoàn toàn.



Trong lúc đó, tại thành Câu-diệm-di có năm trăm iru-bà-tắc nghe chư thiên nói những lời này, họ cùng nhau đến trú xứ của các Tỳ-kheo để ngăn cản các Tỳ-kheo đấu tranh và nói kệ rằng: Than ôi! Kiếp khô nạn, Thương xót vạn sanh linh, Nay pháp Phật sắp diệt, Thích Sư Tử,23 Pháp vương, r Ac luân phá pháp luân, Như vậy, chỉ kim cương, Mới có thể không hoại, Thời an ổn không còn. Pháp nguy hại sanh khởi, Người minh trí hết rồi, Nay thấy tướng như vậy, Nên biết không còn lâu. Pháp Mâu-ni đoạn diệt, The gian sẽ tăm tôi, Lời của đấng Tịch Diệt, Mặt trời Mâu-ni lặn. Người đời mất kho báu, Thiện ác không khác nhau, Thiện ác đã không phân, Ai sẽ được Chánh giác? Đèn pháp còn tại thê, Hãy kịp thời hành thiện, Vô lượng các ruộng phước, Pháp này nay sẽ diệt, Cho nên thảy chúng ta, Biết tiền tài hư giả, Kịp giữ thứ bền chắc. Đên ngày răm, vào thời thuyêt giới thì Chánh pháp sẽ diệt. Cũng trong ngày này, năm trăm ưu-bà-tắc xây dựng năm trăm tháp Phật trong cùng một ngày. Thời điểm này, các ưu-bà-tắc mỗi người đều có việc riêng nên không tới lui trong chúng Tăng. Bấy giờ, tại núi Kiền-đà-ma-la, A-la-hán Tu-la-tha quán sát cõi Diêm- phù-đề xem trong ngày hôm nay, nơi nào có chúng Tăng thuyết giới. Ngài thấy tại nước Câu-diệm-di có đệ tử của Như Lai thuyết giới Bố-tát. Ngài liền đến đồ. Lúc ấy, chúng Tăng có đến trăm ngàn người, trong số đó chỉ có một vị A-la- hán tên là Tu-la-tha. Lại có một vị Tam tạng tên là Đệ Tử. Đây là lần nhóm họp đại chúng cuối cùng của Như Lai. Bấy giờ, vị Duy-na23 24 phát thẻ hành-xá-la25 rồi bạch Thượng tọa Tam tạng rằng: "Chúng Tăng đã họp, gôm trăm ngàn vị. Nay xin thuyêt Ba-la-de-moc-xoa!^ Lúc ây, vi Thượng tọa trả lời răng: "Đệ tử của Như Lai ở cõi Diêm-phù-đề đều tập hợp nơi đây, gồm vài trăm ngàn người. Như vậy ở trong chúng, ta là Thượng tọa, đã thông đạt Tam tạng

23 Nguyên tác: Thích Sư Tử Sākya Sīha. 24 Duyna s. Karmadānă, hợp tò
vừa phiên âm vừa dịch nghĩa^Trong đó, "duy”chỉ cho phép tắc, ky cương; 46na,,
là gọi tát tiếng Phạn: "Y2tma-dna" karmadāna. Đây là vị Tăng đảm nhận
ữach nhiệm quản lý, phân chia thứ lớp, công việc... để on định việc của Tăng. 25 Hành-xá-la trù ,saỉâkấ: Phát thẻ tre và đếm, một hình thức điểm danh hay lấy
biểu quyết tập thể giữa chúng Tăng.



mà vẫn chưa thực hành giới luật,26 huống gì là những người khác mà có sự thực hành hay sao! Nay sẽ thuyết giới luật cho ai?” Roi vị ây nói kệ răng: Hôm nay là ngày rằm, Đêm lặng, trăng sáng tỏ? Như vậy các Tỳ-kheo? Nay họp nghe thuyết giới. Khắp cõi

Diêm-phù-đề, Chúng Tăng nhóm lần cuối, Ta thượng thủ trong chúng, Không thực hành giới luật. Huống chi Tăng chúng khác, Mà có thực hành sao? Sao kham pháp Mâu-ni, Thíchca, Sư Tử vương? Người nào có trì giới, Mới có thể thuyết giới. Bấy giờ, A-la-hán Tu-la-tha đứng trước Thượng tọa, chắp tay thưa Thượng tọa rằng: "Thượng tọa, chỉ nói Ba-la-đề-mộc-xoa như đức Phật khi còn tại thế. Những pháp mà chúng Đại Tỳ-kheo như là Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên đã học, nay tôi cũng đã học hết. Như Lai tuy đã diệt độ đến nay đã ngàn năm nhimg những luật nghi mà Ngài đã chế lập, tôi cũng đã hành trì đầy díi." Rồi Tôn giả ấy nói kệ rằng: Thượng tọa nghe tôi nói, Tôi tên Tu-la-tha5 A-la-hán sạch lậu, Sư tử rống trong chúng. Chân đệ tử Thế Tôn, Các quỷ thần tin Phật, Nghe lời bậc Thánh dạy, Buồn đau mà rơi lệ. Lo nghĩ pháp sẽ diệt, Từ nay trở về sau, Không có người nói pháp, Ty-ni37 Biệt giải thoát,28 Không còn tại thế gian, Cây cầu pháp sập rồi, Dòng nước pháp ngừng chảy, Biển pháp nay cạn khô. Ngọn núi pháp sụp đổ, Pháp hội vắng từ đây, Cờ pháp không thấy nữa, Chân pháp không đi lại. Giới, luật nghi chẳng còn, Đèn pháp hết chiếu soi, Bánh xe pháp dừng chuyển, Cửa giải thoát đóng chặt. Pháp sư không ở dòi Vắng người nói diệu đạo, Chúng sanh không biết thiện, Chẳng khác gì dã thú. Bấy giờ, Phật mẫu Ma-ha Ma-da phu nhân từ trên trời hiện xuống, đến chỗ chúng Tăng rơi lệ khóc than: :Than ôi, khổ thay! Đó là con của ta, đã từng trải qua a-tăng-kỳ kiếp tu các khổ hạnh, thân không màng lao nhọc, tích đức để thành Phật, vậy mà hôm nay bỗng nhiên bị diệt vong!" Rồi phu nhân nói kệ:

26 Nguyên tác: Bất học giới luật Hqc ở đây mang nghĩa là sự tu tập, thực hành. Tham chiêu: Tạp..02. 0099.345. 0095b20: Ty-kheo ấy nhàm chán, xa ly tham dục* hướng đến diệt tận, đó gọi la học ík. 27 Tỳ-ni cũng gọi là "Tynạida”Vinayo: Tạng Luật. 28 Biệt giải thoát ,Pātimokkha: Giới bổn, giới điều.



Tôi là thân mâu Phật, Con tôi tu khổ hạnh, Trải qua vô số kiếp, Cứu cánh thành chánh đạo. Khóc thương không ngăn được, Nay pháp bỗng hoại diệt. Than oi! Bạc Trí Tuệ, Hiện tại Ngài ở đâu. Trì pháp bỏ tranh tụng, Người từ miệng Phật sanh, Tối thượng trên các vua, Chân thật đệ tử Phật. Tu diệu hạnh Đầu-đà9 Đêm nghỉ nơi rừng sâu, Như thế thật con Phật, Hiện nay đang ở đâu. Hiện tại ở the gian, Không có bậc oai dức, Giữa núi rừng hoang vắng, Các thần đều im lặng. Thí, giới, thương quần sanh, Tin giới tự trang nghiêm, Nhẫn nhục, hạnh ngay thẳng, Quán sát pháp thiện ác, Nhận thấy các pháp lành, Hiện nay bỗng biến mất. Bấy giờ, vị đệ tử của Thượng tọa kia suy nghĩ: 4Ty-kheo Tu-la-tha tự nói: 'Giới luật Như Lai chế định, ta giữ gìn đầy đủ.5,9 Thế rồi đệ tử của vị Thượng tọa này tên là An-già-đà khởi tâm bất nhẫn, phẫn hận cực độ, từ chỗ ngồi đứng dậy mắng chửi vi Thánh Tỳ-kheo kia: "Ong là một Tỳ-kheo hạ tọa, ngu si, vô trí mà dám hủy nhục Hòa thượng của t6i." Nói xong, người này liền cầm dao bén giết vị Thánh Tỳ-kheo kia. Rồi nói bài kệ: Ta là An-già-dà, Đệ tử của Thất-sa, Dùng kiêm bén giêt ông, Vì tự cho có đức. LÚC này, có một con quỷ tên là Đại Đê-mộc-khư nghĩ răng: "Thê gian chỉ còn một vị A-la-hán này mà đã bi tên đệ tử Tỳ-kheo xấu xa giết hại”, liền dùng chày kim cang bén, đầu chày lửa cháy rực, đánh vỡ đầu người này chết ngay tại chỗ, rồi nói

bài kệ: Ta là thần quỷ ác, Tên Đại Đề-mộc-khư, Dùng chày kim cang này, Chẻ đau ngươi làm bảy. Bấy giờ, đệ tử của vi A-la-hán thấy người đệ tử Thượng tọa kia sát hại thầy mình, không kềm được tức giận nên giết vị Tam tạng. Lúc này, chư thiên và loài người đều bi thương kêu khóc: “Than ôi, khổ thay! Chánh pháp Như Lai hiện tại không còn nữa.” Bất chợt mặt đất rúng động sáu cách, vô lượng chúng sanh sầu não tột độ, kêu gào khóc lóc: "Than ôi! Ngày nay Chánh pháp không còn hiện hữu ở dòd." Than xong những lời này rồi, mọi người cùng nhau rời đi. Bấy giờ, năm trăm ưu-bà-tắc ở nước Câu-diệm-di nghe những lời này xong liền đi vào chùa, đưa tay vỗ đầu, khóc than thảm thiết: “Than ôi! Như Lai thương xót thế gian, cứu giúp quần sanh không kể loài lớn nhỏ. Ai có the vì chúng con mà nói nghĩa lý giáo pháp? Từ nay trời, người không thể nào giải



thoát được nữa. Chúng sanh ngày nay vẫn còn ở trong bóng tối, không người dẫn đường, quen theo thói ác và lấy đó làm vui, giống như các loài dã thú, không chiu nghe Diệu pháp của Mâu-ni? để rồi sau khi qua đời bi đọa vào ba đường ác giống như sao băng, người ở thế gian kể từ nay không còn nhớ đến pháp vi diệu của đấng Thập Lực, Tam-muội5 Tịch Tĩnh." Bấy giờ, Vua Câu-diệm-di nghe các Tỳ-kheo giết hại bậc A-la-hán và Pháp sư Tam tạng thì trong lòng rất đau buồn, xót thương, ngồi sụp xuống. Lúc này, bọn tà kiến tranh nhau đánh phá tháp miếu và hãm hại Tỳ-kheo, từ đó pháp Phật nhanh chóng tàn lụi. Bấy giờ, đức Thế Tôn nói với Thích-đề-hoàn-nhân, bốn Đại Thiên vương, cùng với chư thiên và người ở thế gian: Sau khi Ta diệt độ, có những dấu hiệu Chánh pháp diệt tận, giống như trên đã nói. Thế nên, hiện tại các ông không thể không nỗ lực tinh tấn nhiều hơn để hộ trì Chánh pháp, khiến Chánh pháp tồn tại lâu dài ở thế gian. Lúc ấy, chư thiên và loài người sau khi nghe những gì đức Phật đã dạy, ai cũng thương cảm5 dùng tay lau nước mắt, lạy sát chân Phật rồi mỗi người tự lui ra. ***

641. NỬA QUẢ A-MA-LẶC29

Vua A-dục là vị vua có niềm kính tín sâu xa đối với giáo pháp của Nhu Lai.

Một hôm, vua hỏi các Tỳ-kheo:

Trong giáo pháp của Như Lai, ai là người hành đại bố thí?

Các Tỳ-kheo đáp:

—Trưởng giả cấp Cô Độc là người hành đại bố thí.

Vua lại hỏi:

Ông ấy đã bố thí bao nhiêu của cải, châu báu?

Các Tỳ-kheo đáp: Có đến một ngàn ức đồng tiền vàng. Vua nghe vậy liền suy nghĩ như vầy: "Vị gia chủ kia còn có thể bỏ ra một ngàn ức đong tiền vàng. Nay ta là vua thì sao lại không thể đem trăm ngàn ức đồng tiền vàng để bố thí? Ta nên đem một trăm ngàn ức đồng tiền vàng để bố thí cúng dường.99 Bấy giờ, vua cho khởi công xây dựng tám mươi bốn ngàn tháp Phật và trong mỗi tháp này lại cúng dường trăm ngàn đồng tiền vàng. Lại cứ năm năm tổ chức đại hội bố thí một lần, mời ba trăm ngàn vị Tỳ-kheo đến dự và cúng

đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.641. 0180a06). Tham chiếu: A-dục vương kỉnh (r.50. 2043.5. 01Ĩ6c21). Xem lại chú thích ở Tạp.(r.02. 0099.604. 0161bl3).

QUYÊN 25 749

dường ba trăm ức đồng tiền vàng cho chư Tăng. Phần thứ nhất cúng dường cho bậc A-la-hán, phần thứ hai cúng dường cho hàng Hữu học và phần thứ ba cúng dường cho hàng phàm phu chân thật. Ngoại trừ kho lẫm riêng, còn lại các vật ở Diêm-phù-đề này bao gồm phu nhân, thể nữ, thái tử, đại thần, đều đem cúng dường cho Thánh Tăng, roi dùng bôn trăm triệu đông tiên vàng chuộc chúng trở lại. Cứ như vậy mà tính toán cho đến dùng hết chín mươi sáu ức ngàn đồng tiền vàng. Cho đến một hôm, vua lâm bệnh nặng. Vua tự biết mạng sống sắp hết. Lúc ấy, có đại thần tên là La-đà-quật-đa,30 kiếp trước là đứa trẻ đồng bạn với vua, khi vua cúng dường nắm cát cho Phật. Bấy giờ, đại thần La-đà-quật-đa thấy vua đang lâm bệnh nặng sắp qua đời, liền cúi đầu dùng kệ hỏi vua:

30 La-đà-quật-đa Rādhagupta. 31 Kê Tước tự ,Kukkutārāma. +

750 KINH TẠPA-HÀM

mà cung cáp đô đựng băng bạc. Sau khi ăn xong, vua lại đem đô đựng băng bạc cúng dường chùa. Thái tử lại không cung cấp đồ đựng bằng bạc mà cung cấp đồ đựng bằng đồng. Vua cũng đem đồ đựng bằng đồng gởi cúng dường chùa. Thái tử lại không cung cấp đồ đựng bằng đồng mà cung cấp đồ đựng bằng gốm. Lúc này, trong tay nhà vua chỉ có nửa trái a-ma-lặc933 vua buồn bã rơi lệ mà hỏi các đại thần: Hiện nay, ai là chủ vùng đất này? Bấy giờ, các đại thần thưa đại vương: Vua là chủ vùng đất này! Nhà vua liền nói kệ: Các ngươi hộ tâm ta, Vì sao lại nói dối? Ta đang ở ngôi vua, Sao không được tự tại? Nửa trái a-ma-lặc, Đang ở trong tay ta, Nó là vật của ta, Ta tự chủ có thế. Than ôi! Trọng phú quý, Thứ đáng chán đáng bỏ9 Xưa cai trị Diêm-phù, Nay bỗng dưng nghèo khó. Như sông Hăng chảy mãi, Qua rồi không quay lại, Phú quý cũng như vậy, Mất rồi tìm được đâu. Lại nữa, như Phật đã nói kệ: r Phàm thịnh ắt có suy, Vì suy là rót sau, Như Lai nói lời này, Chân thật không sai khác. Lời ta dạy năm xưa, Thông suốt không ngăn ngại, Nay có điều mong cầu, Lại không vâng lời ta. Như gió bị núi ngăn, Nước bị bờ đê cản, \ 4-/X Ắ J /y 1 •A Giáo pháp của Như Lai, Từ đay mat vĩnh viên. Vô lượng người theo sau, Đánh trống, thổi loa ốc? Biểu diễn các kỹ nhạc, Hưởng thú vui năm dục. Thể nữ hàng trăm người, Ta thưởng lạc ngày đêm, Nay thảy đều không còn, Như cây không hoa trái. Tướng mạo dần khô kiệt, Khí lực cũng hao mòn, Như hoa dan héo tàn, Nay ta cũng như vậy. Bấy giờ, Vua A-dục nói với người hầu: Nếu còn nhớ ân nuôi dưỡng của ta thì ngươi hãy đem nửa trái a-ma-lặc này đến cúng dường chùa Kê Tước, thay ta đảnh lễ các Tỳ-kheo-tăng rồi chuyển lời ta rang: "VuaA-dục gửi lời thăm hỏi chúng đại Thánh, trẫm làA-dục vương, thống lãnh cõi Diem-phù-đề này, mọi thứ ở cõi Diêm-phù-đề là trẫm sở hữu, nay bỗng dưng mất hết, không còn tiền tài, vật báu để cúng dường cho chúng

33 A-ma-lặc ãmalakà hiện còn được trồng và sử dụng như một trái cây đặc sản ở Ấn Độ, gọi là trái amla. ở Việt Nam gọi là me rừng, me mận, chum ruột núi7có tên

khoa học là Phyỉlanthus Emblica.

QUYỂN 25  751

Tăng nữa, trẫm đã không còn tự do định đoạt với tất cả tài sản của mình. Nay chỉ còn nửa trái a-ma-lặc này là trẫm được tùy ý dùng. Đây là lần bố thí Ba-la- mật sau cùng, xin thương xót trẫm mà nhận sự cúng dường này, giúp trẫm được phước cúng dường chúng Tăng.99 Rồi nói kệ rằng: Nửa trái a-ma-lặc, Vật sở hữu của ta, Ta được quyền đinh đoạt, Nay cúng dường đại chúng. Tâm hướng về bậc Thánh, Không ai khác giúp ta, Xin thương xót cho ta, Nhận lấy a-ma-lặc. Vì ta dùng quả này, Nhờ đây phước vô lượng, Đời đời được diệu lạc, Dùng không bao giờ hết. Bấy giờ, vị sứ giả kia vâng lệnh vua, mang nửa trái a-ma-lặc đi vào chùa Kê Tước, đen trước Thượng tọa, đảnh lễ năm vóc sát đất, rồi quỳ gối chắp tay hướng vê Thượng tọa mà nói kệ: Thống lãnh Diêm-phù-đề9 Một lọng, một tiếng trống, Du hành không chướng ngại, Như mặt trời chiếu khắp. Quả hành nghiệp đã đến, Vua sống chẳng còn lâu, Oai đức cũng không còn, Như mặt trời bị khuất. Vua hiệu là A-dục? Đảnh lể sát chán Tăng, Xin được cúng Nửa quả a-ma-lặc. Xin thương xót Vua tôi, Nhận nửa quả cúng dường.

752  KINH TẠPA-HÀM

Ai là vua cõi Diêm-phù-đề? Đại thần tâu:  Chính là Đại vương! Lúc ấy, nhà vua đang nằm liền bật ngồi dậy, quay nhìn xung quanh, chắp tay làm lễ cảm niệm ân đức chư Phật, tâm nghĩ, miệng nói: "Nay ta đem cõi Diêm- phù-đề này cúng dường cho Tam bảo, tùy ý sử dung." Rồi nhà vua nói kệ: Cõi Diêm-phù-đề này, Có nhiều vật quý báu, Cúng dường ruộng phước lành, Phước báo tự nhiên đến. Công đức cúng dường này, Không cầu lắm Đế-thích, Phạm vương hay vua chúa, Các diệu lạc ở đời. Những quả báo như vậy, Tôi đều không ưa nhận, Nguyện nương công đức này, Được sớm thành Phật đạo. Được người đời kính ngưỡng, Thanh tựu Nhất thiết r trí* Làm bạn lành thế gian, Là Đạo sư bậc nhát. Bây giờ, nhà vua đem những lời này viêt lên trên giây roi phong kín lại, dùng răng cắn vào làm dấu ấn. Sau khi hoàn tất những việc này, nhà vua băng hà. Bấy giờ, thái tử cùng các quần thần, phi tần, thể nữ, dân chúng trong nước dâng nhiều phẩm vật để phụng cúng và tống táng, làm lễ trà-tỳ35 theo nghi thức của bậc quốc vương. Lúc này, các đại thần muốn lập thái tử lên nối ngôi vua, nhưng trong triều có một đại thần tên là A-nậu-lâu-đà đã nói với các quần thần rằng:  Không được lập Thái tử lên làm vua. Vì sao như vậy? Vì Đại vương A-dục lúc sinh thời, vốn có tâm nguyện đem mười vạn ức đồng tiền vàng để làm công đức, nhưng nay chưa đủ mười vạn, vẫn còn thiếu bon ức. Vì lý do này nên nhà vua đã hiến cúng cõi Diêm-phù-đề này cho Tam bảo để tròn tâm nguyện. Nay đại địa này đã thuộc về Tam bảo thì làm sao mà lập Thái tử làm vua được? Các đại thần nghe vậy, liền đem bốn ức đồng tiền vàng cúng vào chùa, sau đó liền lập con của Pháp ích lên làm vua, tên là Tam-ba-đề. Ke đến là Thái tử Tỳ-lê-ha-ba-đê36 được kế ngoi vị. Nối tiếp vương vị của Vua Tỳ-lê-ha-ba-đê là Thái tử Tỳ-lê-ha-tây-na.37 Nối tiếp vương vị của Vua Tỳ-lê-ha-tây-na là Thái tử Phất-sa-tu-ma.38 Nối tiếp vương vị của Vua Phất-sa-tu-ma là Thái tử Phất-sa-mật-đa-la.39 Bấy giờ, Vua Phất-sa-mật-đa-la hỏi các vị đại thần rằng:  Trẫm nên làm những việc gì để danh đức của trẫm còn mãi ở thế gian?

35 Xà-duy  Jhāpeti: Hoả táng.

36 Tỳ-lê-ha-ba-đê s. Brhaspati.

37 Tỳ-lê-ha-tây-na s. Vrshasena.

38 Phất-sa-tu-ma s. Pusyadharma.

39 Phất-sa-mật-đa-la ,s. Pusyamiưa.

QUYỂN 25  753

y e A 9 LÚC ây, những vị hiên thân kính tin Tam bảo tâu với vua:  Đại vương A-dục là vị vua đầu tiên có chủng tử pháp. Khi còn tại vị, vua cho xây dựng tám vạn bốn ngàn tháp Như Lai và phát tâm cúng dường rất nhiều phẩm vật, danh đức này đã lưu truyền mãi đến hôm nay. Nấu nay Bệ hạ muốn cầu danh đức này nên xây dựng tám vạn bốn ngàn tháp Phật và cúng dường phẩm vật. Nhà vua nói:  Vì vua A-dục có oai đức lớn nên mới thực hiện được việc này. Trẫm thì không thể, hãy nghĩ đến việc khác đi! Trong đó, có nịnh thần gian ác? không kính tin Tam bảo, tâu vua:  Thế gian có hai điều lưu truyền mãi ở đời, không bao giờ mất, đó làm lành và làm ác. Đại vương A-dục đã làm các hạnh lành thì nay vua nên làm các việc ác như là phá hoại tám vạn bôn ngàn tháp. Lúc này, vua nghe theo lời nịnh thân, lập tức truyền lệnh cho bôn bộ binh chủng đi đến các chùa chiên phá hoại các tháp thờ. Đâu tiên, vua vào chùa Kê Tước, trước công chùa có con sư tử băng đá, bông nhiên nó rông lên. Vua nghe thây, vô cùng kinh hãi, tự nghĩ không phải động vật sông mà sao rông lên được, nên vua liên trở vê thành. Nhà vua vì muôn phá hoại chùa này, nên đã làm ba lần như vậy. Bấy giờ, vua truyền lệnh các Tỳ-kheo đến và hỏi:  Ta phá hoại tháp là thiện hay là phá hoại nơi chúng Tăng ở là thiện?

Các Tỳ-kheo đáp:  Cả hai việc đó đều không nên làm. Nếu vua muốn phá hoại thì thà phá hoại nơi chúng Tăng ở, chớ nên phá hoại tháp Phật. Lúc ấy, vua sát hại các Tỳ-kheo và phá hoại chùa tháp. Như vậy dần dần sang đên nước Bà-già-la, vua lại ban lệnh: "Nêu có người nào mang được đâu Sa-môn Thích tử đến sẽ được ban thưởng ngàn đồng tiền vàng.,, Bây giờ, trong nước này có một vị A-la-hán biên hóa ra rát nhiêu đâu Tỳ-kheo, rồi đưa cho dân chúng mang đến chỗ vua, khiến cho của cải, vật báu trong kho lẫm của vua cạn kiệt. Khi nhà vua biết được có vị A-la-hán đã làm việc này thì vô cùng tức giận, muôn giêt vị A-la-hán. Khi ấy, vị A-la-hán ấy liền nhập Diệt tận định,40 cho nên nhà vua tuy dùng đủ mọi cách để sát hại vị Thánh nhân này nhưng bất thành. Vì nhờ thần lực của Diệt tận định nên thân thể của ngài không bị tổn thương. Cứ như vậy, vua tiến dần đến cửa tháp Phật. Tháp này có một vị quỷ thần tên là Nha Xỉ41 đang ở trong đó để bảo vệ tháp Phật. Vị quỷ thần này nghĩ rằng mình là đệ tử của Phật,

40 Diệt tận chánh thọ ,Nirodhā samāpatti. 41 Nha Xỉ S. Damstrānivāsī yaksa.

754  KINH TẠPA-HÀM

VÌ thọ trì giới cấm không sát hại chúng sanh nên không thể đích thân giết hại nhà vua được. Quỷ thần này lại nghĩ: “C6 một vị thần tên là Trùng/2 thường làm các việc ác, rất mạnh mẽ và hung bạo, đã từng cầu hôn con gái ta, nhưng ta không châp thuận. Nay vì

bảo vệ Chánh pháp nên sẽ gả con gái cho han, đê hắn bảo hộ pháp Phát." Liền gọi vị thần kia đến và bảo:  Nay ta gả con gái cho ngươi, tuy nhiên cùng lập giao ước là ngươi phải hàng phục vị vua này, không cho ông ta làm các việc ác, hoại diệt Chánh pháp. LÚC này, vị vua kia cũng có một đại quỷ thân tên là O-trà, đây đủ oai đức nên thần Trùng không thể làm gì vua được. Lúc này, thần Nha Xỉ muốn hủy diệt thê lực tự nhiên của vua do nương vào vị thân O-trà? nên đã nghĩ cách giả kết giao với thần Ô-trà. Thế rồi thần Nha Xỉ kết bạn với vi thần O-trà. Sau khi kết bạn thân thiết rồi, thần Nha Xỉ dẫn vị thần Ô-trà ra giữa biển lớn ở phía Nam. Bấy giờ, thần Trùng mới san phẳng núi lớn, đánh đuổi từ trên nhà vua cho đến bốn bộ binh, thảy đều bỏ mạng. Dân chúng đều reo hò: "Vui thay, vui thay!" và từ đó người đời cùng truyền nhau, gọi vị thân này là "Vui Thay." Sau khi nhà vua này qua đời, con cháu dòng Khổng Tước từ đây cũng vĩnh viễn biến mất, cho nên sự giàu sang, sung sướng ở thế gian không có gì đáng để tham cầu. Đại vương A-dục là người có trí, đã giác ngộ cuộc đời là vô thường, thân mạng khó bảo tôn, của cải năm nhà42 43 cũng như huyên như hóa. Thây rõ được đạo lý này rồi nên Vua A-dục đã nỗ lực tinh tấn tạo các công đức, thậm chí lúc săp qua đời, tâm vân luôn nhớ đên Tam bảo, niệm niệm không gián đoạn, không có gì phải luyến tiếc, chỉ nguyện thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chanh giác mà thoi.44

42 Trùng (,S. Krmiśa). 43 Nguyên tác: Ngũ gia tài vật ().Theo A. 5.227 - III. 259, tài sản thuộc về 5 nhà, gồm nước, lừa, trọm cướp, con hư và cua nhà vua. 44 Bản Hán, hết quyển 25.

QUYỂN 26  755

QUYÊN 26

642. BA CĂN CỦA BẬC THÁNH1

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Có ba căn.2 Đó là căn chưa biết cần phải biết, căn đã biết và căn đã biết trọn vẹn.

À • qpi Á rri r • 1 A w

Roi The Ton noi kẹ răng:

Bậc Hữu học giác tri, Tùy thuận tiến thẳng đường,

Tinh tấn và nỗ lực, Khéo hộ trì tâm mình.

Tự biết không tái sanh, Đã rõ đạo vô ngại,

Nhờ biết giải thoát rồi, Nên thay biết trọn vẹn.

Bất động tâm giải thoát,3 Tất cả hữu đều dứt,

Các căn thảy tròn đầy, Vui vì căn đã tịnh,

Giữ thân sau cùng này, Hàng phục các ma oán.

Đức Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

***

643. NĂM CĂN4

Tôi nghe như vây:

1 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.642. 0182al4. Tham chiếu: Tạp.T.02. 0099.824. 0211C01; s. 48.23 - III. 204; A. 3.85 -L 231. 2 Tam can,đây chỉ cho 3 căn vô lậu. Theo Đại trí độ T.25. 1509.44. 0381b03, ba căn vô lậu gôm: Vị tri dục tri căn, tri căn và tri dĩ căn .Theo kinh trê đó là44Vị tri đương tri căn, tri căn, vô tri cānJ,.Ba căn này không bị nhiêm ô, không phát sanh phiền não, có công năng sanh ra Thánh pháp vô lậu. Vị tri dục tri căn ,Anañña tañña assāmītindriyarri thuộc giai vị Kiến đạo, tức đã liễu tri bốn đế.:'Tri cn", Añmndriyam thuộc giai vị tu đạo, mặc dù đã thấy rõ bốn đế, nhưng cần phải tu tập đê đoạn trừ những phiền não dư tàn. Tri dĩ can ,Añña tāvindriyani còn gọi là cụ tri căn ,vô tri căn ,thuộc giai vị Vô học.

3 Nguyên tác: Bất động ý giải thoát ,còn gọi là "Bất động tâm giải thoát". Theo Du-gỉà sư địa n^r.30. 1579.88. 0796c26, được giải thoát hoàn toàn gọi là "B2t động tâm giải tho". 4 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.643. 0182a26. Tham chiếu: s. 48.1 - v. 193.



Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bảo các Ty-kheo: -Có năm căn. Là năm căn nào? Đó là tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn và tuệ căn. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

644. TU-ĐÀ-HOÀN5 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giơ, The Ton bao các Ty-kheo: -Có năm căn. Là năm căn gì? Đó là tín căn, tân căn, niệm căn, định căn và tuệ căn. Đối với năm căn này, nếu Tỳ-kheo nào khéo quán sát đúng như thật sẽ dứt sạch ba kiết sử, đó là thân kiến, giới cấm thủ và nghi. Đó gọi là bậc Tu-đà- hoàn, không còn rơi vào đường ác, nhất định hướng đen Chánh giác, toi đa chỉ còn bảy lần qua lại cõi trời, người rồi vượt thoát khổ đau. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo

5 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.644. 0182b02). Tham chiếu: s. 48.2-3 - v. 193. 6 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.O2. 0099.645. o 182b 10). Tham chiếu: s. 48.4-5 - v. 194. 7 Nguyên tác: Thiện giải thoát (suvimutta). Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển l, tr. 19; Tạp.(7.02. 0099.22. 0004c20).



683. PHÁP BẤT THIỆN65 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳdà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Tôn bao các Tỳ-kheo: -Nếu Tỳ-kheo nào không muốn pháp ác, bất thiện sanh khởi thì nhất định phải có tín tâm nơi thiện pháp. Nếu tín tâm giảm sút, bất tín tồn tại dài lâu thì các pháp ác, bát thiện sẽ sanh khởi... (cho đên) nêu Tỳ-kheo nào muôn pháp ác5 bát thiện không sanh thì nhất định phải có tinh tấn, có xấu hổ, có tự thẹn, có trí tuệ; nêu sức tinh tân, sức xâu hô, sức tự thẹn và sức trí tuệ giảm sút, còn trí tuệ xấu ác tồn tại dài lâu thì pháp ác, bất thiện sẽ sanh khởi. Nếu Tỳ-kheo nào nương vào tín tâm thì vị ấy sẽ xa lìa pháp ác, bất thiện, tu

tập các thiện pháp. Cũng vậy, nếu Tỳ-kheo nào nương vào tinh tấn, nương vào xấu hổ, nương vào tự thẹn, nương vào trí tuệ thì vị ấy sẽ xa lìa pháp ác, bất thiện, tu tập các thiện pháp. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

684. KHÁC BIỆT GIỮA PHẬT VÀ A-LA-HÁN66 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn

65 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.683. 0l86bl6). Tham chiếu: A. 5.5 - III. 4. 66 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp. B(r02. 0099.684. 0186Ồ26). Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.75. 00Ì9b2l); Tạp.(T.02. 0099.686. OI87Ồ27); Tạp.(02. 0099.687. 0l87cl3); B (r.02. 0099.701. 0189a07); Tăng.(Z02. 0125.46.4. 0776bl4); Thân mao hỷ thụ Ế (T 17.757.1.0591C11); Thạp lúc kỉnh T(r 17.780A. 0715c07); Thập lực kinh (T.17.780B. 0717c06); Phật thập lực Janh (r.17. 781. 0718c08); Tín giải trí lực kinh (r 17. 802.1. 0747al9); M. 12, Mahāsīhanāda Sutta (Đại kinh sư tử hống); A. 6.64 - III. 417; A. 10.21 - v. 32. 67 Nguyên tác: A-la-ha ()Đệ tứ Thánh quả, thường gọi là A-la-hán. 68 Tam-miệu-tam Phật-đà (Sammāsambuddha), bậc Giác Ngộ Viên Mãn, là một trong 10 danh hiệu Phật.



Này các Tỳ-kheo! Giữa đấng Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác và bậc A-la-hán Tuệ giải thoát có những khác biệt gì? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp. Kính mong Ngài thuyết giảng cho chúng con. Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ lãnh thọ và phụng hành. Phật bảo các Tỳ-kheo: Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Như Lai sẽ giảng nói cho các thầy. Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đối với những pháp trước kia chưa từng nghe thì có thể tự giác tri, đối với pháp hiện tại cũng tự giác tri, thành tựu Chánh đẳng Chánh giác, trong đời tương lai có thể giảng nói Chánh pháp, giác ngộ cho hàng Thanh văn, nghĩa là giảng nói về pháp bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phần, Thánh đạo tám chi. Đó gọi là Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đối với pháp chưa chứng đắc sẽ khéo chứng đắc, đối với Phạm hạnh chưa thành tựu sẽ khéo thành tựu; có khả năng thấy rõ con đường, khéo giảng nói vê con đường, khéo vì chúng sanh mà làm bậc thây dân đường; rồi sau đó giúp cho hàng Thanh văn thành tựu tùy pháp, tùy con đường; hoan hỷ phụng hành lời chỉ dạy của Đại sư rồi truyền đạt, khéo an trụ trong Chánh pháp. Đây gọi là những điểm sai khác giữa đấng Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác và bậc A-la-hán Tuệ giải thoát. Lại nữa, có năm sức mạnh của bậc Hữu học và mười năng lực đặc thù của Như Lai. Những gì là năm sức mạnh? Đó là sức mạnh của niềm tin, sức mạnh của tinh tấn, sức mạnh của niệm, sức mạnh của định và sức mạnh của tuệ. Mười năng lực đặc thù của Như Lai là những gì? Nghĩa là Như Lai biết đúng như thật về mọi trường hợp đúng đạo lý và không đúng đạo lý.69 Đây là năng lực thứ nhất của Như Lai. Do đã thành tựu năng lực này nên Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng như chư Phật quá khứ, có thể chuyển bánh

đắc72 tam-muội. Đây là năng lực thứ ba của Như Lai. Do đã thành tựu năng lực này nên Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng như chư Phật quá khứ, có thể chuyển bánh xe pháp, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử. Lại nữa, Như Lai biết đúng như thật về các căn tánh sai biệt của chúng sanh. Đây là năng lực thứ tư của Như Lai. Do đã thành tựu năng lực này nên Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng như chư Phật quá khứ, có thể chuyển bánh xe pháp, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử. Lại nữa, Như Lai biết đúng như thật về mọi khuynh hướng sai biệt73 của chúng sanh. Đây là năng lực thứ năm của Như Lai. Do đã thành tựu năng lực này nên Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng như chư Phật quá khứ, có thể chuyển bánh xe pháp, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử. Lại nữa, Như Lai biết đúng như thật về các hạng, loại khác nhau74 của chúng sanh ở thế gian. Đây là năng lực thứ sáu của Như Lai. Do đã thành tựu năng lực này nên Như Lai, Ưng Cúng, Đăng Chánh Giác đạt được trí tôi thăng như chư Phật quá khứ, có thể chuyển bánh xe pháp, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rong sư tử. Lại nữa, Như Lai biêt đúng như thật vê tát cả những nơi thọ sanh của chúng sanh. Đây là năng lực thứ bảy của Như Lai. Do đã thành tựu năng lực này nên Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng như chư Phật quá khứ, có thể chuyển bánh xe pháp, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử. Lại nữa, Như Lai biết đúng như thật về túc mạng, nhớ rõ mọi việc trong đời quá khứ, từ một đời cho đến trăm ngàn đời, từ một kiếp cho đến trăm ngàn kiếp: "Ta bấy giờ sanh vào chủng tộc như vậy, dòng dõi như vậy, có tên như vậy, ăn uống như vậy, cảm nhận khổ vui như vậy, tuổi thọ như vậy, sống lâu như vậy, mạng sống chấm dứt như vậy; ta chết nơi kia sanh nơi đây, chết nơi đây sanh nơi kia; tạo tác như vậy, gieo nhân như vậy, phương tiện như vay." Đây là năng lực thứ tám của Như Lai. Do đã thành tựu năng lực này nên Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng như chư Phật quá khứ, có thể chuyển bánh xe pháp, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử. Lại nữa, Như Lai bằng thiên nhãn thanh tịnh hơn hẳn mắt người thường, thấy biết đúng như thật về lúc sanh, lúc tử, sắc đẹp, sắc xấu, sắc kém, sắc tốt, đọa vào nẻo ác, sanh vào đường lành, tùy theo hành nghiệp mà thọ báo của các chúng sanh: Những chúng sanh nào thân gây tạo nghiệp ác, miệng gây tạo nghiệp ác, ý gây tạo nghiệp ác, hủy báng Hiền thánh, gieo nghiệp tà kiến, do nhân duyên này nên sau khi qua đời rơi vào đường ác, sanh trong địa ngục. Còn

72 Nguyên tác: Chánh thọ samāpatti, sự đạt thành, thể nhập. 73 Nguyên tác: Ý giải nānādhimuttikatā , khuynh hướng sai khác. 74 Nguyên tác: Chủng chủng chư giới .M. 12, Mahāsīhanāda Sutta Đại kinh sư tử hổng: Parasattānam parapuggalānam Các hạng, loại chúng sanh.



những chúng sanh nào thân làm việc thiện, miệng nói lời thiện, ý nghĩ điều thiện, không hủy báng Hiền thánh, gieo hạnh chánh kiến, nhờ nhân duyên này nên sau khi qua đời được sanh vào đường lành, sanh lên cõi trời. Đây là năng lực thứ chín của Như Lai. Do đã thành tựu năng lực này nên Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng như chư Phật quá khứ, có thể chuyển bánh xe pháp, ở giữa đại chúng rống

lên tiếng rống sư tử. Lại nữa, Như Lai đã dứt sạch các lậu, đạt được vô lậu, thành tựu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong hiện tại, tự thân tác chứng: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Đây là năng lực thứ mười của Như Lai. Do đã thành tựu năng lực này nên Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng như chư Phật quá khứ, có thể chuyển bánh xe pháp, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử. Mười năng lực đặc thù này chỉ có Như Lai mới thành tựu. Đây chính là những sự khác biệt giữa Như Lai và hàng Thanh văn. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

685. NHŨ MẪU75 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo:  Ví như đứa trẻ được cha mẹ sanh ra, sau đó giao cho nhũ mẫu để tùy thời chăm nom vỗ về? tùy thời tắm rửa, tùy thời cho bú mớm, tùy thời cho ngủ nghỉ. Nếu nhũ mẫu không cẩn thận để đứa bé nhặt cỏ? bốc đất hoặc lấy các vật dơ ban khác bỏ vào miệng thì nhũ mẫu phải lập tức bảo đứa bé nhả ra. Lúc đó, đứa bé nhả ra được thì tốt, nếu như không tự nhả ra được thì nhũ mẫu nên dùng tay trái giữ đầu bé, còn tay phải dò tìm vật mắc nghẹn trong miệng bé; khi đó đứa bé tuy rất đau, nhưng nhũ mẫu đành phải thắt lòng tìm cách móc vật mắc nghẹn ra, vì muốn giúp đứa bé ấy được an ổn lâu dài. Phật hỏi các Tỳ-kheo: -Giả sử đứa bé lớn lên, có hiểu biết rồi thì có còn nhặt cỏ, bốc đất hoặc các vật dơ bẩn bỏ vào miệng nữa không? Tỳ-kheo bạch Phật:  Thưa không, bạch Thế Tôn! Đứa bé khi đã lớn khôn, đã có hiểu biết thì đối với vật dơ bẩn nó còn không dùng chân chạm vào, huống gì là bỏ vào miệng.

75 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.685. 0187Ồ07). Tham chiếu: A. 5.7 - III. 5.



Phật bảo các Tỳ-kheo: -Đứa trẻ lúc còn nhỏ, nhũ mẫu tùy thời trông nom chăm sóc, đến khi bé lớn khôn đầy đủ trí tuệ rồi thì nhũ mẫu sẽ nới lỏng, không còn vất vả trông nom, bởi vì đứa bé đã lớn nên sẽ không còn ngây dại nữa. Cũng vậy5 này các Tỳ-kheo! Đối với những Thanh văn mới tu học, trí tuệ chưa đay đủ? Như Lai sẽ tùy thời đem giáo pháp để chỉ dạy và trông nom. Còn đôi với những Thanh văn tu học đã lâu, trí tuệ đã vững chắc, Như Lai sẽ buông thư, không còn tùy thời ân cần dạy dỗ, bởi vì các vị ấy đã thành tựu trí tuệ nên sẽ không còn buông lung. Vậy nên, hàng Thanh văn có năm sức mạnh của bậc Hữu học, còn Như Lai thì đã thành tựu mười trí lực... (chi tiết giống như kỉnh trên đã nói đay đủ). Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 686. SÁU NĂNG Lực CỦA NHƯ LAI (l)76 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ9 Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Như Lai có sáu năng lực thù thắng, do đã thành tựu sáu năng lực này nên Như Lai, ứng Cúng Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng như chư Phật quá khứ, khéo chuyển bánh xe pháp, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử. Nghĩa là Như Lai biết đúng như thật mọi trường hợp đúng đạo lý và không đúng đạo lý. Đây là năng lực thứ nhất của Như Lai. Lại nữa, Như Lai biêt đúng như thật vê

nghiệp duyên, vê sự thọ nhận quả báo trong ba đời quá khứ, tương lai và hiện tại... (như bài kỉnh trên đã nói đay dử). Đây là năng lực thứ hai của Như Lai. Lại nữa, Như Lai, ứng Cúng Đẳng Chánh Giác biết đúng như thật về sự tạp nhiễm, thanh tịnh, biến xứ thanh tịnh của các thiền đinh, giải thoát, chứng đắc tam-muội... (như bài kinh trên đã nói đầy đu). Đây là năng lực thứ ba của Như Lai. Lại nữa, Như Lai biết đúng như thật về túc mạng, nhớ rõ mọi việc trong đời quá khứ... (như bài kinh trên đã nói đay đu). Đây là năng lực thứ tư của Như Lai.

76 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.686. 0Í87ỒỒ27). Tham chiểu: Tạp.(r02. 0099.684. 0Ì86b26);T.(r02. 0099.687. o 187c 13); Tạp.0.02 0099.701. 0189a07); Tang^ (Z02. 0125.46.4. 0776bl4); Thập lực kỉnh ± ý(T.1Í. 780a. 0715c07); Thập lực 780b. 0717c06); Phật thập lực kỉnh (r Ừ7. 781. 0718c08); Tín giai trí lực kinh (TAI. 802.1. 0747ai9); A. 6.64 III. 417; A 10.21 - v. 32.

782 KINH TẠPA-HÀM

Lại nữa, Như Lai bằng thiên nhãn thanh tịnh hơn hẳn mắt người thường, thấy biết đúng như thật về các chúng sanh chết nơi dây, sanh nơi kia... (như bài kinh trên đã nói đầy đủ). Đây là năng lực thứ năm của Như Lai. Lại nữa, Như Lai đã dứt sạch các lậu, đạt được vô lậu, thành tựu tâm giải thoát, được tuệ giải thoát... (như bài kinh trên đã nói đay đủ, cho đen đoạn: ơ giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử). Đây là năng lực thứ sáu của Như Lai. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

687. SÁU NĂNG Lực CỦA NHƯ LAI (2)77 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. . , Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: (Giống như kỉnh trên đã nói chỉ có khác là thêm vào đoạn sau): Nêu có người đên hỏi Ta vê trí lực của Như Lai, vê mọi trường hợp đúng đạo lý và không đúng đạo lý thì Ta sẽ y cứ theo chỗ thấy biết, giác ngộ, thành tựu Đẳng chánh giác mà giảng nói cho họ về trí lực của Như Lai đối với mọi trường hợp đúng đạo lý và không đúng đạo lý. Đây là trí lực thứ nhát của Như Lai. Nếu có người đến hỏi Ta về trí lực của Như Lai, về lạc thọ tự thân chứng đắc78 thì Ta sẽ y cứ theo chỗ thấy biết, giác ngộ? thành tựu Đẳng chánh ẹiác mà giảng nói cho họ vê trí lực của Như Lai đối với lạc thọ tự thân chứng đác. Đây là trí lực thứ hai của Như Lai. Nếu có người đến hỏi Ta về trí lực của Như Lai đối với các thiền định, giải thoát, chứng đắc tam-muội thì Ta sẽ y cứ theo chỗ thấy biết, giác ngộ5 thành tựu Đẳng chánh giác mà giảng nói cho họ về trí lực của Như Lai đối với các thiền định, giải thoát, chứng đắc tam-muội. Đây là trí lực thứ ba của Như Lai. Nêu có người đên hỏi Ta vê Trí lực túc mạng của Như Lai thì Ta sẽ y cứ theo chỗ thấy biết, giác ngộ, thành tựu Đẳng chánh giác mà giảng nói cho họ về Trí lực túc mạng của Như Lai đối với những việc xảy ra ở đời trước. Đây là trí lực thứ tư của Như Lai. Nếu có ngươi đến hỏi Ta về Trí lực thiên nhãn của Như Lai thì Ta sẽ y cứ theo chỗ thay biết, giác ngộ, thành tựu Đang chánh giác mà giảng nói cho họ về Trí lực thiên nhãn của Như Lai. Đây là trí lực thứ năm của Như Lai.

Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.687. 0Ị87cl3). Tham chiếu: Tạp.(ro2. 0099.684. 0186b26); Túp.0.02. 0099.686. 0187b27); Tạp.(r02. 0099.701. 0189aỢ7); Tăng. (702. 0125.46.4. 0776b14); Z lực kinh + ý(TAI. 780a. 0715c07); Thập lực kinh l 780b. 0717C06); Phật thập lực kỉnh (r 17. 781. 0718c08); Tín giai trí lực kinh (17. 802.1.0747ai9);A664-IIL417;A 10.21-V.32. 78 Nguyên tác: Tự dĩ lạc thọ ().



Nếu có người đến hỏi Ta về Trí lực lậu tận của Như Lai thì Ta sẽ y cứ theo chô thây biêt, giác ngộ, thành tựu Đăng chánh giác mà giảng nói cho họ vê Trí lực lậu tận của Như Lai. Đây là trí lực thứ sáu của Như Lai. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 688. BẢY SỨC MẠNH79 Tôi nghe như vầy: Một thòi, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có bảy sức mạnh. Là bảy sức mạnh nào? Đó là sức mạnh của niềm tin, sức mạnh của tinh tân, sức mạnh của xâu hô, sức mạnh của tự thẹn, sức mạnh của niệm, sức mạnh của định và sức mạnh của tuệ. Khi ấy, Thế Tôn liền nói kệ rằng: Tín lực, tinh tấn lực, Tàm lực và quý lực, Chánh niệm, định, tuệ lực, Đây gọi là bảy lực, Người thành tựu bảy lực, Được sạch các hữu lậu. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 689. THÀNH Tựu BẢY sức MẠNH80 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bảo các Ty-kheo: Có bảy sức mạnh... (giống như bài kinh trên đã nói, chỉ có khác là thêm vào đoạn sau): Cho nên, này các Tỳ-kheo! Các thầy cần phải học như vầy: "Ta nên thành tựu sức mạnh của niềm tin." Cũng vậy, đối với sức mạnh của niềm tin, sức mạnh của tinh tấn, sức mạnh của xấu hổ? sức mạnh của tự thẹn, sức mạnh của niệm, sức mạnh của đinh và sức mạnh của tuệ cũng can phải học.

79 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.688. 0187c27). Tham chiếu: Tạp.(02. 0099.689-690. 0188a06-al2); A. 7.3 - IV. 3. 80 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.689. 0188a06). Tham chiếu: Tạp.(02. 0099.688. 0187C27); Tạp.(r02. 0099.690. 0188al2); A. 7.3 - IV. 3.



Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.
***

690. CÔNG NANG CỦA BẢY sức MẠNH81

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bây giơ, The Ton bảo các Ty-kheo:

Có bảy sức mạnh... (giống như kinh trên đã nói, chỉ có khác là thêm vào đoạn sau):

Bay giơ, The Ton liên noi kẹ:

Tín lực, tinh tấn lực,

Niệm lực, định, tuệ lực,
Người thành tựu bảy lực,
Đức Phật nói
81 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7L02. 0099.690. 0188al2). Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.688. 0187C27); Tạp.(02. 0099.689. 0188a06); A. 7.3 - IV. 3. 82 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.691. 0188al9). Tham chiếu: A. 7.4 - IV. 3.



ĩ Thê nào là sức mạnh của tự thẹn? Nghĩa là biêt tự thẹn với những điêu đáng tự thẹn, tự thẹn đối với những pháp ác và bất thiện đã khởi... (chi tiết như kinh trên đã nói). Thế nào là sức mạnh của niệm? Nghĩa là tu tập thành tựu bốn niệm xứ... (chi tiết như kinh trên đã nói). Thế nào là sức mạnh của định? Nghĩa là tu tập thành tựu bốn thiền... (chi tiết như kinh trên đã nói). Thế nào là sức mạnh của tuệ? Nghĩa là tu tập thành tựu bốn Thánh đế... (chi tiết như kỉnh trên đã nói). Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

692. TÁM SỨC MẠNH8384 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Có tám thứ sức mạnh. Những gì là tám? Sức mạnh của vua chúa là tự do,84 sức mạnh của đại thần là giải quyết sự việc, sức mạnh của phụ nữ là phẫn hận, oán kết, sức mạnh của trẻ con là khóc lóc, sức mạnh của người ngu là chê bai, sức mạnh của người hiền trí là xét rõ sự thật, sức mạnh của bậc xuất gia là nhẫn nhục và sức mạnh của bậc nghe nhiều là tư duy.85 Đức Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

693. NÓI RÔNG VỀ TÁM sức MẠNH86
Tôi nghe như vầy:
Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước
Xá-vệ.
Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:
(Giong như kỉnh trên đã nói, chỉ khác là thêm vào đoạn sau):
83 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.692. 0188ỒỒ2). Tham chiếu: Tạp.(7Í02. 0099.693. 0Ì88ỒỒ8); (Z02. 0125.38.1. 07l7bl7);4 8.27 -IV 223. 84 Nguyên tác: Tự tại ().A. 8.27 - IV. 223: Issarỉya (uy quyền). 85 Nguyên tác: Ke số (),8 lẽ được dịch từpatisañkhā. ở đây, patisañkhā vừa cózngnĩa là "tư duy" ()vừa có nghĩa làs8 đếm^, ().Theo ngữ cảnh, nên hiên theo nghĩa thứ nhất. 86 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.693. 0l88b08). Tham chiếu: Tạp.(r02. 0099.692. 0Ì88b02); 7g.(Z02. 0125.38.1. 07l7bl7); A. 8.27 - IV 223.



Sức mạnh của vua chúa là tự do. Bởi vì vua chúa thể hiện sức mạnh uy quyền một cách tự tại. Sức mạnh của đại thần là giải quyết sự việc. Bởi vì đại thần thể hiện sức mạnh uy quyền nơi việc giải quyết sự việc. Sức mạnh của phụ nữ là phẫn hận, oán kết.

Bởi vì phương cách thể hiện sức mạnh của phụ nữ là phẫn hận, oán kết. Sức mạnh của trẻ con là khóc lóc. Bởi vì phương cách thể hiện sức mạnh của trẻ con là sự khóc lóc. Sức mạnh của người ngu là chê bai. Bởi vì phương cách của người ngu khi tiếp xúc sự việc là chê bai, hủy hoại. Sức mạnh của người trí là xét rõ sự thật. Bởi vì người trí luôn thê hiện ở việc xét rõ sự thật. Sức mạnh của bậc xuất gia là nhân nhục. Bởi vì bậc xuất gia luôn thê hiện nhẫn nhục. Sức mạnh của bậc nghe nhiều là tư duy. Bởi vì bậc nghe nhiều thường thể hiện sự tư duy, giản trạch.87 Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

694. SỨC MẠNH CỦA BẬC A-LA-HÁN88 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. J J Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến chỗ đức Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Ngài, sau đó ngồi sang một bên rồi bạch Phật:  Kính bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo đã dứt sạch phiền não thì có bao nhiêu sức mạnh? Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:  Tỳ-kheo đã sạch phiên não có tám sức mạnh. Đó là tám sức mạnh nào? Nghĩa là tâm của Tỳ-kheo đã sạch phiền não luôn thuận hướng đến viễn ly, chảy xuôi về viễn ly, chảy sâu vào viễn ly; thuận hướng đến xuất ly, chảy xuôi về xuất ly, chảy sâu vào xuất ly; thuận hướng đến Niết-bàn, chảy xuôi về Niết-bàn, chảy sâu vào Niết-bàn. Tỳ-kheo nhìn thấy năm dục như nhìn thấy hầm lửa. Khi

87 Nguyên tác: Tư duy, kế số .Kế số có lẽ được dịch từpatisañkhā. ở đây, patisañkhā còn có nghĩa là 46giản trạch”  88 Tựa đe đặt theo nội dung kinh. Tạp.r.02. 0099.694. 0188bl8. Tham chiếu: A. 8.28 - IV. 223; A. 10.90-V. 174.



698. NÓI RỒNG VÈ CHÍN sức MẠNH94 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc? trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: A . -Có chín sức mạnh. Là chín sức mạnh nào? Đó là sức mạnh của niêm tin, sức mạnh của tinh tấn, sức mạnh của xấu hổ, sức mạnh của tự thẹn, sức mạnh của niệm, sức mạnh của định, sức mạnh của tuệ, sức mạnh của tư duy95 và sức mạnh của tu tập. Thế nào là sức mạnh của niềm tin? Nghĩa là Tỳ-kheo phát khởi niềm tin sâu xa và kiên cố đối với đức Như Lai... (chỉ tiết như kỉnh trên đã nói), Thế nào là sức mạnh của tinh tấn? Nghĩa là khéo thành tựu bốn chánh r đoạn... (chi tiêt như kỉnh trên đã nói). Thế nào là sức mạnh của xấu hổ?... (chi tiết như kinh trên đã nói). Z r Thê nào là sức mạnh của tự thẹn?... (chi tiêt như kinh trên đã nói). Thế nào là sức mạnh của niệm? Nghĩa là sống quán thân trên nội thân... (chi tiết như kỉnh trên đã nói), Thế nào là sức mạnh của định? Nghĩa là tu tập thành tựu bốn thiền... (chi tiết như kinh trên đã nói). Thế nào là sức mạnh của tuệ? Nghĩa là tu tập thành tựu bốn Thánh đế... (chi tiết như kinh trên đã nói). Thế nào là sức mạnh của tư duy? Nghĩa là vị Thánh đệ tử ở trong phòng văng, hoặc bên góc cây tư duy như vây: “Những ai thân làm việc ác, miệng nói lời ác thì người ây sẽ chịu quả báo xâu ác trong đời hiện tại và cả đời sau... (chi tiết như kinh trên đã nói). Thế nào là sức mạnh của tu tập? Nghĩa là tu tập thành tựu bốn niệm xứ... (chi tiết như kinh trên đã nói). Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

699. MƯỜI SỨC MẠNH96 Tôi nghe như vầy:

94 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T02. 0099.698. 0188c08). Tham chiếu: A. 8.28 - IV. 223; 10.90-V 174. 95 Nguyên tác: số lực ().Xem chú thích 85, kinh số 692, quyển 26, tr. 785; Tạp.(T.02.0099.692. 0188b02). 96 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.699. 0188c21).



Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có mười sức mạnh. Là mười sức mạnh nào? Đó là sức mạnh của vua chúa là tự do; sức mạnh của đại thần là quyết đoán sự việc; sức mạnh của người thợ là che tạo máy móc; sức mạnh của kẻ trộm cướp là đao kiếm; sức mạnh của phụ nữ là phẫn hận5 oán kết; sức mạnh của trẻ con là sự khóc lóc; sức mạnh của người ngu là chê bai; sức mạnh của người hiền trí là xét rõ sự thật; sức mạnh của bậc xuất gia là nhân nhục và sức mạnh của bậc nghe nhiêu là tư duy.97

97 Nguyên tác: số lực



Sức mạnh của người trí là xét rõ sự thật. Bởi vì người trí luôn thể hiện ở việc xét rõ sự thật. Sức mạnh của bậc xuất gia là nhẫn nhục. Bởi vì bậc xuất gia luôn the hiện sức mạnh nhẫn nhục. Sức mạnh của bậc nghe nhiều là tư duy. Bởi vì bậc nghe nhiều luôn thể hiện sự tư duy, giản trạch.100 Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời đức Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

701. MƯỜI Lực CỦA NHƯ LAI101 y
Tôi nghe như vây:
Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước
Xá-vệ.
_ r
Bay giờ, The Ton bảo các Tỳ-kheo: Như Lai có mười năng lực thù thắng. Do đã thành tựu những năng lực này nên Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt đến chỗ tối thắng như Phật quá khứ, có thể chuyển bánh xe pháp, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử. Mười năng lực ây là những gì? Là Như Lai biêt đúng như thật vê mọi trường hợp đúng đạo lý và không đúng đạo lý.102 Đây là năng lực đầu tiên của Như Lai... (cho đến) Như Lai đã dứt sạch các phiền não... (như kinh trên đã Âĩói).103 Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

702. TRÍ Lực CỦA NHƯ LAI104
Tôi nghe như vầy:
Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước
Xá-vệ.
100 Nguyên tác: Ke số ().Xem chú thích 87, kinh số 693, quyển 26, tr. 786; Tạp.(r02. 0099.693. 0188b08). 101 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.701. 0189a07).

Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099^684. 0186b26; Tạp. B (7102. 0099.686. 0187b27); JI (7.02. 0099.687. o 187c 13). Tăng. (Z02 0125^46^4^0776M4); Thân mao hỷ thụ (T17. 757.1. 059ÍCÍ1); Thập lực kinh 780a. 0715c07);772(ip lực kỉnh Tfl7. Ī80b. 0717c06); Phật thạp lực kinh t(7.17 781 0718c08); Tín giải trí lực kinh (TAI. 802.1. 0747al9); 12, Mahāsīhanāda Sutta (Đại kinh sư tử hông)', A. 6.64 - III. 417; A. 10.21 - v. 32. 102 Nguyên tác: Xứ phi xứ như thật tri ().Xem thêm kinh số 684, quyển 26, tr. 778; Tap. W(r.O2. 0099684. 0186C16). 103 Bản Hán tỉnh lược, xem nội dung đầy đủ trong Tạp.(02. 0099.684. 0186ỒỒ26). 104 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.702. 0189al4).



Bay giơ, Thê Tôn bảo các Tỳ-kheo: (Giống như kỉnh trên đã nói, chỉ có khác biệt là thêm vào đoạn): Nếu có người đến hỏi Ta về trí lực biết mọi trường hợp đúng đạo lý và không đúng đạo lý của Như Lai thì Ta sẽ y cứ theo chỗ thấy biết, giác ngộ, thành tựu Đẳng chánh giác mà giảng nói cho họ về trí lực biết mọi trường hợp đúng đạo lý và không đúng đạo lý của Như Lai... (như vây cho đến đoạrì)\ Trí lực sạch hết phiền não của Như Lai... (như kinh trên đã nói đầy dĩi).i°5 Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

703. TRÍ VÔ ÚY CỦA NHƯ LAI105 106107 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bay giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Nếu như có pháp nào mà trong mỗi pháp đó được tâm rõ biết rồi tác chứng thì hết thảy đều được sanh ra từ Trí vô úy của Như Lai. Nấu Tỳ-kheo nào đến làm đệ tử của Như Lai với tâm không dối trá, không quanh co, ngay thẳng chánh trực thì Như Lai sẽ vì vi ấy mà nói pháp, giáo giới, chỉ dạy. Nếu buổi sáng Như Lai nói pháp, giáo giới, chỉ dạy cho vị ấy thì đến buổi trưa vị ấy sẽ đạt đến chỗ thăng tiến. Nấu chiều tối Như Lai nói pháp, giáo giới, chỉ dạy cho vị ấy thì đến sáng hôm sau vi ấy sẽ đạt đến chỗ thăng tiến. Khi Như Lai chỉ dạy như vậy rồi, vị ấy sanh tam chánh trực, thật thì biết là thật, không thật thì biết là không thật, trên thì biết là trên, không phải trên thì biết là không phải trên. Những gì nên biết, nên thấy, nên thành tựu, nên giác tri, vị ấy thảy đều biết rõ. Những điều này là chân thật. Lại nói đến năm sức mạnh của bậc Hữu học và mười năng lực của Như Lai. Những gì là năm sức mạnh của bậc Hữu học? Đó là sức mạnh của niêm tin, sức mạnh của tinh tấn, sức mạnh của niệm, sức mạnh của định và sức mạnh của tuệ. Mười năng lực của Như Lai là những năng lực nào? Đó là Như Lai biết đúng như thật về mọi trường hợp đúng đạo lý và không đúng đạo lý... (như kinh trên đã nói rõ mười lực)}01 Nếu có người đến hỏi Ta về trí lực biết mọi trường hợp đúng đạo lý và không đúng đạo lý của Như Lai thì Ta sẽ y cứ theo chỗ thấy biết, giác ngộ, thành tựu Đẳng chánh giác mà giảng nói cho họ về trí biết mọi trường hợp đúng

105 Bản Hán tỉnh lược, xem nội dung đầy đủ trong Tạp.(T.02. 0099.687. 0187cl3). 106 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.703. 0189a20). 107 Bản Hán tỉnh lược, xem nội dung đầy đủ trong Tạp.(T.02. 0099.684. 0186b26).

đạo lý và không đúng đạo lý của Như Lai... (cho đên) có người hỏi vê trí lực sạch hết phiền não của Như Lai thì Ta cũng nói như vậy. Này các Tỳ-kheo! Đối với trí biết mọi trường hợp đúng đạo lý và không đung đạo lý, Ta nói đó là định chứ chẳng phải không phải định... (cho đối với trí lực sạch hết phiền não, Ta nói đó là định chứ chẳng phải không phải đinh. ở đây, định là chánh đạo, còn không định là tà đạo. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

704. TƯ DUY CHÂN CHÁNH108 109 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Những ai tư duy bất chánh thì phiền não110 tham dục chưa sanh khởi liền sanh khởi, phiên não tham dục đã sanh khởi sẽ càng tăng trưởng; phiên não sân hận, phiền não thùy miên, phiền não trạo cử và phiền não nghi ngờ chưa sanh khởi liền sanh khởi; phiền não sân hận, thùy miên, trạo cử và phiền não nghi ngờ khi đã sanh khởi sẽ tăng trưởng thêm. Niệm giác chi111 chưa sanh khởi sẽ không sanh khởi, niệm giác chi đã sanh khởi sẽ bi thoái giảm. Trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, khinh an giác chi, hỷ giác chi, định giác chi và xả giác chi chưa sanh khởi sẽ không sanh khởi; trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, khinh an giác chi, hỷ giác chi, định giác chi và xả giác chi đã sanh khởi sẽ bị thoái giảm. Nêu Tỳ-kheo nào tư duy chân chánh thì phiên não tham dục chưa sanh khởi sẽ không sanh khởi, phiền não tham dục đã sanh khởi sẽ được đoạn dứt; phiền não sân hận, phiên não thùy miên, phiên não trạo cử và phiên não nghi ngờ chưa sanh khởi sẽ không sanh khởi, nếu đã sanh khởi sẽ được đoạn dứt. Niệm giác chi chưa sanh khởi liền sanh khởi, niệm giác chi đã sanh khởi sẽ càng tăng trưởng; trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, khinh an giác chi, hỷ giác chi, đinh giác chi và xả giác chi chưa sanh khởi sẽ sanh khởi, nếu đã sanh khởi sẽ càng tăng trưởng.

108 Bản Hán tỉnh lược, xem nội dung đầy đủ trong Tạp.(7.02. 0099.687. 0187CÍ3). 109 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.704. 0189b 10). Tham chiếu: s. 46.23-24 - v. 84; S. 46.35 - V. 93. 110 Nguyên tác: Cái (nīvaranā}'. Triền cái, sự ngăn che, tên khác của phiền não. 111 Niệm giác chi (,sati sambojjhañga), một chi trong bảy giác chi.

QUYỂN 26  793

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 705. PHÁP KHÔNG THOÁI THẤT112113 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rùng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Có năm pháp làm cho thoái thất. Là năm pháp nào? Đó là tham dục, sân hận, thùy miên, trạo cử và nghi. Đây là những pháp làm cho thoái thất. Tu tập bảy giác chi, tinh chuyên tu tập khiến những pháp này tăng trưởng lớn mạnh, đây là bảy pháp không thoái thất. Là bảy pháp nào? Đó là niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, khinh an giác chi,113 hỷ giác chi, định giác chi và xả giác chi. Đây là những pháp không thoái thất. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 706. GIÁC CHI LÀ MẮT SÁNG114 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc? trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Có năm pháp có the khiến chúng sanh trở nên mê muội, khiến

chúng sanh trở nên u tối, khiến chúng sanh trở nên vô tri, trở nên thiếu trí tuệ, không sáng r 2? . jF r • suôt, không thành tựu Đăng giác, không hướng đên Niêt-bàn. Là năm pháp nào? Đó chính là tham dục, sân hận, thùy miên, trạo cử và nghi. Năm pháp này khiến chúng sanh trở nên mê muội, khiến chúng sanh trở nên u toi, khiến chúng sanh trở nên vô tri, trở nên thiếu trí tuệ, không sáng suốt, không thành tựu Đẳng giác, không hướng đến Niết-bàn. Có bảy giác chi có thể làm ánh sáng lớn, có thể làm đôi mắt tốt, khiến chúng sanh tăng trưởng trí tuệ, có được sự sáng suốt, thành tựu Chánh giác, hướng đến Niết-bàn. Là những giác chi nào? Đó là niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, khinh an giác chi, hỷ giác chi, định giác chi và xả giác chi. Bảy

112 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.705. 0189b24). Tham chiếu: Tạp.(02. 0099.707. 0Í89C14); Tạp. <(7.02. 0099.708. 0190a80); s. 46.36 - v. 94; s. 46.37 - v. 94. 113 Nguyên tác: Ỷ giác chi (,passaddhi sambojjhañga), còn gọi là "khinh an giác chi." 114 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02.0099.706. 0189c02). Tham chiếu: s. 46.40 - V. 97; It. 82.



Như bảy giác chi này, Là chánh đạo của Phật,118
Thuận theo Đại Tiên Nhân,119 Thoát mối lo sanh tử.
Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.
***

708. HẠT GIỐNG VÀ CỘI CÂY120 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Như người thiện nam từ bỏ sự nghiệp thế gian để xuất gia học dạo, đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia dinh, xuất gia học đạo. Tuy đã xuất gia như vậy, nhưng trong số họ lại có hạng người mê muội. Mặc dù sống nơi làng xóm, thành ấp, sáng sớm đắp y, ôm bát vào thôn xóm khất thực, nhưng vị ấy lại không khéo phòng hộ tự thân, không che ngự các căn, không giữ chánh niệm, nên khi nhìn thấy thiếu nữ trẻ trung xinh đẹp liên sanh đăm nhiễm, suy nghĩ bát chánh, tâm chạy theo tướng, khởi niệm tưởng về sắc dục. Vì tâm dục lớn mạnh, thiêu đốt thân tâm, nên vị ấy xả giới, tự mình thoái lui. Người đã nhàm chán sự nghiệp thế gian, xuất gia học đạo mà còn đam nhiễm trở lại thì tội lỗi càng tăng, tự làm tổn hại, che lấp, chìm đắm. Có năm loại cây lớn5 tuy hạt giống rất nhỏ nhung cây sanh trưởng rất to lớn, lại có khả năng che phủ các loại cây tạp nhỏ, khiến chúng âm u héo úa, không sanh trưởng được. Đó là năm loại cây nào? Đó là cây Kiện-giá-gia,121 cây Ca- tỳ-đa-la5122 cây A-thấp-ba-tha5123 cây Ưu-đàm-bát-la124 và cây Ni-câu-lưu-tha.125 Cũng vậy, có năm loại cây tâm,126 tuy hạt giống rất nhỏ, nhimg dần dần lớn lên, che lấp các phần đoạn, có thể khiến các phần đoạn khác bị che lấp tàn rụi. ĐÓ là năm tâm nào? Đó là phiên não tham dục dân tăng trưởng; phiên não sân hận, phiền não thùy miên, phiền não trạo cử và phiền não nghi ngờ cũng dần tăng trưởng. Vì năm tâm này tăng trưởng nên khiến tâm thiện bị che lấp tàn rụi.

118 Nguyên tác: Mâu-ni . 119 Nguyên tác: Đại Tiên Nhân ,chỉ cho đức Phật. 120 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.708. 0190a08. Tham chiếu: Tạp.7L02. 0099.705. 0Ì89ỒỒ24; s. 46.36 - v. 94; s. 46.39 - v. 96. 121 Kiện-giá-da Kacchaka. 122 Ca-tỳ-đa-la ,Kapitthaka. 123 A-thấp-ba-tha ,Assattha. 124 Ưu-đàm-bát-la ,Udumbara. 125 Ni-câu-lưu-tha ,Nigrodha. 126 Nguyên tác: Tâm thọ dụ chỉ cho tâm ý vày niệm của con người. Ý niệm sanh khởi giống như cây coi sanh trưởng, cho nên lay cây cối để làm ví dụ.



Nếu khéo tu tập bảy giác chi, tinh chuyên tu tập như vậy rồi, sẽ thành tựu tâm không thoái lui. Những gì là bảy giác chi? Đó là niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, khinh an giác chi, hỷ giác chi, định giác chi và xả giác chi. Như vậy, tu tập bảy giác chi, đã tinh chuyên tu tập rồi, sẽ thành tựu tâm không thoái giảm. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

709. ĐOẠN TRỪ VÀ TU TẬP127 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giơ, The Ton bao các Ty-kheo: -Nếu Tỳ-kheo nào giữ tâm chuyên nhất, lắng nghe Chánh pháp thì có thể đoạn trừ được năm pháp; nếu biết tu tập bảy pháp sẽ giúp tâm đạt đến rốt ráo đầy đủ. Đoạn trừ được năm pháp nào? Đó là đoạn trừ được phiền não tham dục, phiền não sân hận, phiền não thùy miên, phiền não trạo cử và phiền não nghi ngờ. Đây là năm pháp cần phải đoạn trừ. Nên tu tập bảy pháp nào? Đó là tu tập niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, khinh an giác chi, hỷ giác chi, đinh giác chi và xả giác chi. Nếu biết tu tập bảy pháp này sẽ giúp tâm đạt đến viên mãn. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

710. LÌA THAM DỤC VÀ vô MINH128 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà,

127 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.709. 0190b01). Tham chiếu: s. 46.38 - v. 95. 128 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.710. 0190ỒỒ09).



Người có niềm tin thanh tịnh gọi là bậc Tâm giải thoát. Người có trí tuệ gọi là bậc Tuệ giải thoát. Người bi tham dục nhiễm tâm thì không thành tựu, không an vui, người bi vô minh nhiễm tâm thì trí tuệ không sáng suốt. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Lìa tham dục thì được tâm giải thoát, lìa vô minh thì được tuệ giải thoát. Nếu Tỳ-kheo đó đã lìa tham dục thì tự thân tác chứng tâm giải thoát, lìa vô minh thì được tuệ giải thoát, đây gọi là Tỳ-kheo đã đoạn trừ ái dục, dứt các kiết sử, tỏ ngộ ngã mạn,129 vượt thoát khổ đau. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

711. KINH GIÁC CHI130 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại núi Kỳ-xà quật, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, có Vương tử Vô úy131132ngày ngày tản bộ, thong thả

dạo chơi. Lần nọ, vương tử đi đến chỗ đức Phật, đảnh lễ thăm hỏi Thế Tôn xong, ngồi sang một bên rồi bạch Phật:  Kính bạch Thế Tôn! Có những Sa-môn5 Bà-la-môn đưa ra kiến giải như vầy, lập luận như vầy: "Không có nhân, không có duyên khiến chúng sanh phiền não? cũng không có nhân, không có duyên khiến chúng sanh thanh tậih."i32 Theo Thế Tôn thì thế nào? Phật bảo Vô Úy: -Các Sa-môn hay Bà-la-môn nào nói ra lời này là người thiếu suy nghĩ, là mê muội, không sáng suốt, không tinh tường, không biết cân nhắc, không biết suy lường cho nên mới nói rằng: "Không có nhân, không có duyên khiến chúng sanh phiền não, cũng không có nhân, không có duyên khiến chúng sanh thanh tjnh." Vì sao như vậy? Bởi vì sự thật là có nhân, có duyên khiến chúng sanh phiền não, cũng có nhân, có duyên khiến chúng sanh thanh tinh. Do nhân gì, duyên gì khiến chúng sanh phiền não? Nhân gi, duyên gì khiến chúng sanh thanh tinh? Nghĩa là do tham dục của chúng sanh tăng thượng, nên đối với của cải và vật dụng của người khác lại khởi lòng tham rồi nói rằng: "Những vật này là sở hữu của tôi thì tốt, tôi ưa thích không muốn xa rời." Đối với các chúng sanh khác thì người này lại khởi tâm sân hận, hung ác, tranh đua, muốn đánh, muốn trói, chèn ép, làm những việc trái đạo. Vì họ gây tạo các chướng nạn, không đoạn trừ sân hận, thân tham ngủ nghỉ, tánh thường biếng

129 Nguyên tác: Mạn vô gián đẳng (). 130 Tựa đề đức Phật dạy trong nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.711. 0190Ồ22). Tham chiếu: s. 46.56 -V. 126. • • 131 Vô Úy vương tử (,Ābhāya Rājakumāra). 132 Quan điểm "V6 nhân luận,, (Ahetukavãdà) của Makkhali Gosāla.



nhác, tâm luôn loạn động, bên trong không tịch lặng, tâm thường ôm môi nghi, nghi những việc trong quá khứ, nghi những việc ở tương lai và nghi những việc trong hiện tại.  .k

Này Vô Uy! Vì những nhân như vậy, những duyên như vậy khiên chúng sanh phiền não. Vì những nhân như vậy, những duyên như vậy khiến chúng sanh thanh tinh. Vô Úy lại bạch Phật:  Thưa Cù-đàm! Một phần trói buộc, ngăn che đã đủ khiến cho tâm chúng sanh phiên não, huông gì là tát cả! Vô Úy lại thưa: -Kính bạch Cù-đàm! Do nhân gì5 duyên gì mà chúng sanh thanh tịnh? Phật bảo Vô Úy:  Nêu Sa-môn hay Bà-la-môn nào có một ý niệm thù thăng, quyêt tâm thành tựu thì những việc đã làm từ lâu nay, những lời đã nói từ lâu nay, vị ấy khéo tùy thuận nhớ nghĩ. Bấy giờ, vị ấy tu tập niệm giác chi. Khi vị ấy tu tập niệm giác chi rồi thì niệm giác [chi] được đầy đủ; khi niệm giác [chi] đã được đay đủ thì phải có tư duy phân biệt đoi với việc lựa chọn pháp, nên bay giờ vị ấy tu tập trạch pháp giác chi. Nhờ tu tập trạch pháp giác chi, nên trạch pháp giác chi được đầy đủ. Khi đã chọn lựa, phân biệt, suy xét pháp rồi thì phải tinh tấn nỗ lực, nên bấy giờ vị ấy tu tập tinh tấn giác chi. Tu tập tinh tấn giác chi rồi, nên tinh tấn giác chi được đầy đủ. Khi vị ấy đã đầy đủ tinh tấn phương tiện thì hoan hỷ sanh và lìa các niệm tưởng về thức ăn, bấy giờ vị ấy tu tập hỷ giác chi. Tu tập hỷ giác chi rồi nên hỷ giác chi được đầy đủ. Khi hỷ giác chi được đầy đủ thì thân tâm vị ấy được khinh an, bấy giờ vị ấy tu tập khinh an giác chi.133 Nhờ tu tập khinh an giác chi rồi nên khinh an giác

chi được đầy đủ. Khi thân đã được khinh an sẽ được an lạc, khi đã được an lạc thì tâm an định, bấy giờ vị ấy tu tập định giác chi. Nhờ đã tu định giác chi nên đinh giác chi được đầy đủ. Khi định giác chi đã đày đủ thì tham ái đoạn diệt, đồng thời tâm xả sanh khởi, bấy giờ vị ấy tu xả giác chi. Nhờ đã tu xả giác chi nên xả giác chi được đầy đủ. Như vậy, này Vô úy! Vì nhân này, duyên này khiến chúng sanh thanh tịnh. Vô Úy bạch Phật: Kính bạch Cù-đàm! Chỉ cần một phần trong bảy giác chi được đầy đủ cũng đã giúp chúng sanh thanh tịnh, huống gì là tất cả! Vô Úy lại bạch Phật: Kính bạch Cù-đàm! Kinh này tên là gì và phải phụng trì thế nào? Phật nói với Vương tử Vô úy: -Kinh này đặt tên là Kinh giác chi.

133 Nguyên tác: Ỷ giác chi .

QUYỂN 26 799

VÔ Úy bạch Phật: -Kính bạch Cù-đàm! Kinh này là giác phần tối thắng. Bạch Cu-đàm! Con là vương tử, đã an lạc mà vẫn luôn cầu an lạc, tuy nhiên con hiếm khi đi ra ngoài. Hôm nay con lên núi, toàn thân mệt lả, nhưng được nghe Cù-đàm giảng nói Kinh giác chi thì con đã quên hết mệt nhọc. Đức Phật nói kinh này xong, Vương tử Vô Uy nghe lời Phật dạy đã hoan hỷ và tùy hỷ? đứng dậy cúi lạy sát chân đức Phật rồi lui ra.134

134 Bản Hán, hết quyển 26.

800 KINH TẠPA-HÀM

QUYÊN 27 712. VƯƠNG TỬ VÔ ÚY12 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại núi Kỳ-xà quật, thuộc thành Vương Xá. y (Như đã nói ở kinh trên, phân khác nhau la): Có Sa-môn5 Bà-la-môn thấy như vầy và nói như vầy: "Không nhân, không duyên khiến chúng sanh không có trí tuệ, không có chánh kiến; không nhân, không duyên khiến chúng sanh có trí tuệ, có chánh kiến.”2 A ỉ (Nói đây đủ như kỉnh trên, cho đên): Đức Phật nói kinh này xong, Vương tử Vô úy nghe lời Phật dạy đã hoan hỷ và tùy hỷ, cúi lạy sát chân Phật roi lui ra. ***

713. PHÂN TÍCH GIÁO PHÁP34 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, vào buổi sáng sớm, có số đông Tỳ-kheo đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Khi ấy, số đông Tỳ-kheo nghĩ rằng: "Bây giờ còn quá sớm và chưa đến giờ khất thực, vậy chúng ta hãy ghé qua tinh xá của ngoại đạo.99 Rồi số đông Tỳ-kheo liền vào tinh xá ngoại đạo, sau khi ân cần thăm hỏi nhau xong liền ngoi sang một bên. Khi ấy, các ngoại đạo hỏi Tỳ-kheo: -Sa-môn Cù-đàm thuyết pháp cho các đệ tử, dạy bảo đoạn trừ năm thứ che lâp tâm/ khiên tuệ lực yêu kém, là đôi tượng gây nên chướng ngại, khiên không thể hướng đến5 Niết-bàn; lại còn dạy đệ tử an tru bốn niệm xứ, tu tập bảy giác phần. Chúng tôi cũng dạy cho các đệ tử đoạn trừ năm thứ che lấp tâm, khiến tuệ

1 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.712. 0191al2). Tham chiếu: s. 46.56 - v. 126. S. 46.57 - V. 129; ś. 46.58 - v. 131. 2 Xem thêm thuyết UVÔ tác nghiệp,, (Akỉriyavãdă) của Purana Kassapa ương D. 2, Sāmañña phala Sutta (Kinh Sa-rnôn qua). 3 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.713. 0191al7). Tham chiếu: s. 46.52 -

v. 108. 4 Nguyên tác: Ngũ cái (‚pcāvaranānī).

5 Nguyên tác: Chuyển thú (‚gacchati).



lực yếu kém; khéo an trú bốn niệm xứ và tu tập bảy giác phần. Giữa chúng tôi và Sa-môn Cù-đàm có gì khác đâu? Đều có thể thuyết pháp như nhau! Khi ây, sô đông Tỳ-kheo nghe ngoại đạo nói như vậy thì không hài lòng, liền chỉ trích ngược lại rồi đứng dậy bỏ đi. Sau khi các Tỳ-kheo vào thành khất thực xong rồi trở về tinh xá, thu dọn y bát, rửa sạch chân xong, đi đến chỗ Phật, cúi lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và đem những lời của ngoại đạo trình bày đầy đủ với Thế Tôn. LÚC đo, The Ton bao so đông Tỳ-kheo:  Khi ngoại đạo kia nói những lời như vậy thì các thầy nên hỏi ngược lại: “Này ngoại đạo! Năm thứ che lấp ấy, phân ra thì có mười; bảy giác chi ấy, phân ra thì có mười bốn. Mười thứ che lấp và mười bốn giác chi là gồm những gi?” Các thầy hỏi như vậy thì ngoại đạo kia sẽ giật mình kinh ngạc, khi ấy, cái cách mà ngoại đạo phản ứng sẽ là nổi sân, chê bai, kiêu mạn, hiềm hận, không cam chịu, hoặc im lặng cúi đầu, không lời biện luận, trầm ngâm suy tư. Vì sao như vậy? Ta chưa thấy ai trong chúng trời, người, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn hay Bà-la-môn nghe Ta nói như thế mà hoan hỷ tùy thuận, chỉ trừ Như Lai và chúng đệ tử đang nghe ở đây. Này các Tỳ-kheo! Mười trong năm thứ che lâp gôm những gì? Đó là có tham dục bên tronẹ và có tham dục bên nẹoài. Tham dục bên trong là chướng ngại, không đưa đen trí tuệ, không đưa đen giác ngộ, không hướng đen Niết- bàn; tham dục bên ngoài cũng là chướng ngại, không đưa đến trí tuệ, không đưa đến giác ngộ, không hướng đến Niết-bàn. Có sân hận và có tướng sân hận. Sân hận và tướng sân hận kia là chướng ngại, không đưa đến trí tuệ, không đưa đến giác ngộ? không hướng đến Niết-bàn. Có thùy và có miên. Thùy kia và miên kia đêu là chướng ngại, không đưa đến trí tuệ, không đưa đến giác ngộ, không hướng đến Niết-bàn. Có trạo và có hối. Trạo kia và hối kia đều là chướng ngại, không đưa đến trí tuệ, không đưa đến giác ngộ, không hướng đến Niết-bàn. Có sự nghi ngờ pháp thiện và có sự nghi ngờ pháp bất thiện. Nghi ngờ pháp thiện và nghi ngờ pháp bất thiện đều là chướng ngại, không đưa đến trí tuệ, không đưa đến giác ngộ, không hướng đến Niết-bàn. Đó gọi là năm triền cái phân ra thành mười. Thế nào là bảy giác phần mà phân ra thành mười bốn? Có chánh niệm đối với pháp bên trong và có chánh niệm đối với pháp bên ngoài. Chánh niệm đối với pháp bên trong tức là niệm giác phần, là trí tuệ, là giác ngộ, có thể hướng đến Niết-bàn; chánh niệm đối với pháp bên ngoài cũng là niệm giác phần, là trí tuệ, là giác ngộ, có thể hướng đến Niet-bàn. Có phân biệt pháp thiện và có phân biệt pháp bất thiện. Phân biệt pháp thiện tức là trạch pháp giác phần, là trí tuệ, là giác ngộ, có thê hướng đên Niêt-bàn.



Phân biệt pháp bất thiện cũng là trạch pháp giác phần, là trí tuệ, là giác ngộ5 có thể hướng đến Niết-bấn. Có tinh tấn đoạn dứt pháp ác và có tinh tấn tăng trưởng pháp thiện. Tinh tấn đoạn dứt pháp ác kia tức là tinh tấn giác phần, là trí tuệ, là giác ngộ, có thể hướng đến Niết-bàn. Tinh tấn tăng trưởng pháp thiện kia cũng là tinh tấn giác

phần, là trí tuệ, là giác ngộ, có thể hướng đến Niết-bàn. Có hỷ và có trú xứ của hỷ.6 Hỷ kia tức là hỷ giác phần, là trí tuệ, là giác ngộ, có thể hướng đến Niết-bàn. Tru xứ của hỷ kia cũng là hỷ giác phần, là trí tuệ, là giác ngộ, có thể hướng đến Niết-bàn. Có thân khinh an và có tâm khinh an. Thân khinh an kia tức là khinh an giác phàn, là trí tuệ, là giác ngộ, có thể hướng đến Niết-bàn. Tâm khinh an kia cũng là khinh an giác phân, là trí tuệ? là giác ngộ, có thê hướng đên Niêt-bàn. Có định và có tướng của định.7 Đinh kia tức là định giác phần, là trí tuệ, là giác ngộ, có thể hướng đến Niết-bàn. Tướng định kia cũng là định giác phần, là trí tuệ, là giác ngộ, có thể hướng đến Niết-bàn. Có xả pháp thiện và có xả pháp bất thiện. Xả pháp thiện kia tức là xả giác phần, là trí tuệ, là giác ngộ, có thể hướng đến Niết-bàn. Xả pháp bất thiện kia cũng là xả giác phân, là trí tuệ, là giác ngộ, có thê hướng đên Niêt-bàn. Đó gọi là bảy giác phần phân ra thành mười bốn. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

714. THẮP LỬA VÀ TẮT LỬA8 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giờ, có so đông Tỳ-kheo... (tiếp theo như kỉnh trên, phần khác nhau la): Nếu có hàng tu sĩ ngoại đạo nói những lời như thế thì các thầy nên hỏi lại như vầy: "Khi tâm mê mờ và do dự9 thì nên tu tập giác phàn nào? Những

6 Tham chiếu: y 46.58 - v. 131: tcCái gì là hỷ có tầm, có tứ, này các Tỷ-kheo, cái ấy là hỷ giác chi. Cái gì là hỷ không tâm, không tứ, cái ấy là hỷ giác chi. Gọi là hỷ giác chi là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn nay nên thành hai" (HT. Thích Minh Châu dịch)* aham chiếu: s. 46.58 - v. 131: t4Cái gMà định có tầm, có tứ, này các Tỷ-kheo, cái ấy là định giác chi. Cái gì là định không tâm, không tứ, cái ấy là định giác chi. Gọi là định giác chi là có ý nghĩa này. Chính do pháp môn này nen thanh haf5 (HT. Thích Minh Châu dịch). J 8 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.714. 019ỈC15). Tham chiếu: s. 46.53 - v. 112. S. 46.59 - V. 131; 5^ 46.60-V. 131; s. 46.61 - V. 131. 9 Nguyên tác: Tâm vi liệt do dự ().s. 46.59-v. 131: Lmam cittarn (tâm thụ động), HT. Thích Minh Châu dịch.



gì không nên tu tập khi ấy? Nếu tâm trạo cử,10 tâm đã trạo cử và do dự thì nên tu tập giác phần nào? Những gì không nên tu tập khi ấy?" Khi bị hỏi như vậy thì các ngoại đạo kia sẽ giật mình kinh ngạc rồi nói sang đề tài khác, hoặc tâm nôi giận, chê bai, kiêu mạn, hiêm hận, không cam chịu, hoặc im lặng cúi đâu, không lời biện luận, trầm ngâm suy tư. Vì sao như thế? Vì Ta chưa thấy ai trong chúng trời, người, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn hay Bà-la-môn nghe Ta nói như thế mà hoan hỷ tùy thuận, chỉ trừ Như Lai và chúng đệ tử đang nghe ở đây. Này các Tỳ-kheo! Nếu như khi tâm yếu kém, do dự thì không nên tu tập khinh an giác phân, định giác phân và xả giác phân. Vì sao như thê? Vì khi tâm yêu kém, do dự phát sanh mà tu những pháp này sẽ khiên cho tâm yêu kém thêm. Ví như muốn đống lửa nhỏ bốc cháy mà cho thêm than tro vào. Thế nào, này các Tỳ-kheo! Có phải khi cho thêm than tro vào sẽ khiến cho đống lửa bị tắt đúng không? Các Tỳ-kheo bạch Phật: - Đúng vậy, thưa Thế Tôn! -Cũng vậy, này các Tỳ-kheo! Khi tâm yêu kém và do dự mà nêu tu khinh an giác phân, định giác phân và xả giác

phân thì không thích hợp, sẽ làm cho sự giải đãi tăng thêm. Nêu tâm trạo cử sanh khởi, nêu tâm đã trạo cử và do dự thì không nên tu trạch pháp giác phân, tinh tân giác phân và hỷ giác phân. Vì sao như vậy? Vì khi tâm trạo cử sanh khởi, tâm đã trạo cử và do dự thì những pháp đó có thể khiên cho sự trạo cử tăng thêm. Ví như đông lửa đang cháy, muôn dập tăt nó nhưng lại quăng thêm củi khô vào. Ý các thầy nghĩ sao? Chẳng phải sẽ làm cho đông lửa ây bùng cháy thêm ư? Các Tỳ-kheo bạch Phật: - Đúng vậy, thưa Thế Tôn! Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:  Cũng vậy, khi tâm trạo cử sanh khởi, tâm đã trạo cử và do dự mà tu trạch pháp giác phần, tinh tấn giác phần và hỷ giác phần thì sự trạo cử càng tăng thêm. Này các Tỳ-kheo! Nếu tâm yếu kém sanh khởi, tâm đã yếu kém và do dự thì khi ấy nên tu trạch pháp giác phần, tinh tan giác phan và hỷ giác phần. Vì sao như thế? Vì khi tâm yếu kém sanh khởi, tâm đã yếu kém và do dự thì nhờ những pháp này sẽ khiến cho tâm được mở bày, dạy bảo, khích le, hoan hỷ.11 Ví như muốn đống lửa nhỏ cháy bừng lên thì phải cho thêm nhiều củi khô vào. Thế nào, này các Tỳ-kheo! Khi ấy đống lửa này sẽ cháy bùng lên chứ?

10 Nguyên tác: Trạo (,uddhatà)'. Tháo động, dao động. 11 Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ (,).Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tr. 105; Tạp.(7.02. 0099Ĩ92. 0023C18).



Các Tỳ-kheo bạch Phật: - Đúng vậy, thưa Thế Tôn! Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: r r r -Cũng vậy, với tâm yêu kém sanh khởi, tâm đã yêu kém và do dự thì khi ây nên tu trạch pháp giác phân, tinh tân giác phân và hỷ giác phân thì tâm sẽ được mở bày, dạy bảo, khích lệ, hoan hỷ. Nếu tâm trạo cử sanh khởi, tâm đã trạo cử và do dự thì nên tu tập khinh an giác phần, đinh giác phần và xả giác phần. Vì sao như thế? Vì khi tâm trạo cử sanh khởi, tâm đã trạo cử và do dự thì những pháp này có thê giúp tâm thu nhiêp và an trú bên trong. Giông như đông lửa đang cháy mà muốn cho tắt thì quăng nhiều tro vào, khi đó đống lửa kia sẽ tắt. Như vậy, này các Tỳ-kheo! Khi tâm trạo cử sanh khởi, tâm đã trạo cử và do dự mà tu tập trạch pháp giác phân, tinh tân giác phân và hỷ giác phân thì không thích hợp; còn tu tập khinh an giác phần, định giác phần và xả giác phần thì thích hợp, vì những pháp như thế giúp tâm thu nhiếp và an trú bên trong. Niệm giác phần hỗ trợ cho tất cả. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đêu hoan hỷ phụng hành. ***

715. BẢY GIÁC PHÀN VÀ THỨC ĂN12 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giờ5 The Ton bao các Ty-kheo:  Hôm nay Ta sẽ nói vê năm thứ che lâp, bảy giác phân, có thức ăn và không CÓ thức ăn. Hãy lăng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ nói cho các thây nghe. Ví như thân thể phải nhờ vào thức ăn thì mới tồn tại, không thể không ăn. Cũng vậy, năm thứ che lấp phải nhờ vào thức ăn mà tồn tại, không thể không ăn. Phiền não tham dục13 lấy gì làm thức ăn? Nghĩa là đối với những hình tướng xúc cảm,14 nếu tư duy bất chánh về chúng thì tham dục chưa sanh liền sanh khởi, tham dục đã sanh khởi càng thêm tăng trưởng. Đó là thức ăn của phiền não tham dục.

12 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.715. 0192a25). Tham chiếu: s. 46.2 - v. 64; S. 46.51-V. 102. 13 Nguyên tác: Tham dục cái ().Cái (āvarana) chỉ cho9 phiền não. Do phiền não che lấp thiện tâm thanh tịnh của chúng sanh, khiến cho thiện tâm không thể phát khởi, nên gọi phiền não la "cái", hoặc "triền bái." 14 Nguyên tác: Xúc tướng ()Những đối tượng tạo nên xúc cảm, gồm những tướng tốt đẹp (subhanimittd) hoặc không tót đẹp (asubhanimitta).



Những gì là thức ăn của phiền não sân hận? Nghĩa là đối với những hình tướng gây chướng ngại, 15 nếu tư duy bất chánh về chúng thì phiền não sân hận chưa sanh sẽ sanh khởi, phiền não sân hận đã sanh khởi càng thêm tăng trưởng. Đó là thức ăn của phiên não sân hận. Những gì là thức ăn của phiền não thùy miên? Có năm điều, những gì là năm? Là uê oải, không vui, ngáp ợ? ăn nhiều và biếng nhác, nếu tư duy bất chánh về chúng sẽ khiến phiền não thùy miên chưa sanh sẽ sanh khởi, phiền não thùy miên đã sanh khởi càng thêm tăng trưởng. Đó là thức ăn của phiền não thùy miên. Những gì là thức ăn của phiền não trạo hối? Có bốn điều. Những gì là bốn? Đó là nghĩ tưởng về người thân, nghĩ tưởng về mọi người, nghĩ tưởng về chư thiên và nghĩ tưởng về niềm vui đã từng trải qua. Tự mình nhớ lại hoặc do người khác khiến mình nhớ lại rồi nghĩ tưởng miên man. Đối với những sự nghĩ tưởng ấy mà khởi lên tư duy bất chánh sẽ khiến phiền não trạo hối chưa sanh liền sanh khởi, phiền não trạo hối đã sanh khởi càng thêm tăng trưởng. Đó là thức ăn của phiền não trạo hối. Những gì là thức ăn của phiền não nghi ngờ? Có ba đời. Những gì là ba? Đó là đời quá khứ, đời tương lai và đời hiện tại. Do dự đối với đời quá khứ, do dự đối với đời tương lai và do dự đối với đời hiện tại. Đối với những do dự này mà khởi lên tư duy bất chánh sẽ khiến phiền não nghi ngờ chưa sanh liền sanh, phiên não nghi ngờ đã sanh càng thêm tăng trưởng. Đó là thức ăn của phiên não nghi ngờ. Ví như thân thể phải nhờ vào thức ăn mới được nuôi lớn, không thể không ăn. Cũng vậy, bảy giác phần phải nhờ vào thức ăn mới tồn tại, nhờ vào thức ăn mới được nuôi lớn, không thể không ăn. 16 thức ăn của niệm giác phần là thế nào? Nghĩa là không tư duy về Từ bỏ15 bốn niệm xứ thì khiến cho niệm giác phần chưa sanh sẽ không sanh khởi, niệm giác phần đã sanh bị giảm sút. Đó gọi là từ bỏ thức ăn của niệm giác phan. Từ bỏ thức ăn của trạch pháp giác phân là thê nào? Nghĩa là đôi với sự phân biệt pháp thiện và sự phân biệt pháp bất thiện mà không tư duy về chúng, khiến trạch pháp giác phần chưa sanh sẽ không thể sanh khởi, trạch pháp giác phần đã sanh khởi rồi thì bị giảm sút. Đó gọi là từ bỏ thức ăn của trạch pháp giác phần. Từ bỏ thức ăn của tinh tấn giác phần là thế nào? Nghĩa là không tư duy về bốn chánh cần,17 khiến tinh tấn giác phần chưa sanh sẽ không thể sanh khởi, tinh tấn giác phần đã sanh khởi thì bị giảm sút. Đó gọi là từ bỏ thức ăn của tinh tấn giác phan.

15 Nguyên tác: Chướng ngại tướng patighanimitta: Những tướng gây nên sự chán ghét, không vừa ý, không đáng ưa chuộng anittham. 16 Nguyên tác: Bất thực ,tức kiêng bỏ, không ăn . 17 Nguyên tác: Tứ chánh đoạn ,tức "tứ chánh can95 cattāri sammappadhānānī.

Từ bỏ thức ăn của hỷ giác phần là thế nào? Nghĩa là không tư duy về hỷ và những pháp làm tru xứ cho hỷ, khiến cho hỷ giác phần chưa sanh sẽ không thể sanh khởi, hỷ giác phần đã sanh khởi thì bị giảm sút. Đó gọi là từ bỏ thức ăn của hỷ giác phần. Từ bỏ thức ăn của khinh an giác phần là thế nào? Nghĩa là không tư duy về thân khinh an và tâm khinh an, khiến khinh an giác phần chưa sanh sẽ không thể sanh khởi, khinh an giác phần đã sanh khởi thì bị giảm sút. Đó gọi là từ bỏ thức ăn của khinh an giác phần. Từ bỏ thức ăn của định giác phần là thế nào? Nghĩa là không tư duy về bốn thiên, khiên đinh giác phân chưa sanh sẽ không thê sanh khởi, định giác phân đã sanh khởi thì bi giảm sút. Đó gọi là từ bỏ thức ăn của định giác phần. Từ bỏ thức ăn của xả giác phần là thế nào? Nghĩa là không tư duy về ba giới: Đoạn giới,18 vô dục giới19 và diệt giới,20 khiến xả giác phần chưa sanh sẽ không the sanh khởi, xả giác phan đã sanh khởi thì bị giảm sút. Đó gọi là từ bỏ thức ăn của xả giác phần. Những gì không phải là thức ăn của phiền não tham dục? Đó là quán bất tịnh. Nếu tư duy về bất tinh thì phiền não tham dục chưa sanh sẽ không sanh khởi, phiền não tham dục đã sanh khởi sẽ bị đoạn trừ. Đó gọi là không nuôi dưỡng phiền não tham dục. Những gì không phải là thức ăn của phiền não sân hận? Tư duy về tâm từ sẽ khiên phiên não sân hận chưa sanh sẽ không sanh khởi, phiên não sân hận đã sanh khởi sẽ bị đoạn trừ. Đó gọi là không nuôi dưỡng phiền não sân hận. Những gì không phải là thức ăn của phiền não thùy miên? Tư duy về ánh sáng21 khiến phiền não thùy miên chưa sanh sẽ không sanh, phiền não thùy miên đã sanh khởi sẽ bị đoạn trừ. Đó gọi là không nuôi dưỡng phiền não thùy miên. Những gì không phải là thức ăn của phiền não trạo hối? Tư duy về tịch tĩnh khiến phiền não trạo hối chưa sanh sẽ không sanh, phiền não trạo hối đã sanh khởi sẽ bị đoạn trừ. Đó gọi là không nuôi dưỡng phiền não trạo hối. Những gì không phải là thức ăn của phiền não nghi ngờ? Tư duy về pháp duyên khởi khiến phiền não nghi ngờ chưa sanh sẽ không sanh khởi, phiền não nghi ngờ đã sanh khởi sẽ bị đoạn trừ. Đó gọi là không nuôi dưỡng phiền não nghi ngờ.

^Đoạn giới Theo Tạp.(T.02. 0099.464. 0118b29): Đoạn tất cả hành, đó gọi là "đoạn giới,, (). 19 Vô dục giới ).Theo Tạp.(7.02. 0099.464. 0118029): Đoạn trừ ái dục, đó gọi là "vô dục gi&i" 20 Diệt^iới (MI?-). Theo Tạp.(T.02. 0099.464. 0118c01): Diệt tất cả hành, đó gọi là "diet gi&i" (,). 21 Tham chiếu: s. 46.2 - v. 64: "Này các Tỷ-kheo, có phát cần giới {ãrambhadhãtiì), tinh cần giới (nikkamadhãtu), cân dõng giới (parakkamadhãtiìỴ' (HT. Thích Minh Châu dịch).

QUYÊN 27 807

Ví như thân thê phải nhờ vào thức ăn mà sông, nhờ vào thức ăn mà tôn tại; cũng vậy, bảy giác phần cũng nhờ vào thức ăn mà hiện hữu, nhờ vào thức ăn mà tồn tại. Những gì là thức ăn của niệm giác phần? Tư duy về bốn niệm xứ rồi thì niệm giác phân chưa sanh sẽ sanh khởi, niệm giác phân đã sanh khởi càng thêm tăng trưởng. Đó gọi là thức ăn của niệm giác phần. Những gì là thức ăn của trạch pháp giác phần? Có phân biệt pháp thiện và phân biệt pháp bất thiện, tư duy về chúng rồi thì trạch pháp giác phần chưa sanh khởi sẽ sanh khởi, trạch pháp giác phần đã sanh khởi càng thêm tăng trưởng. Đó gọi là thức ăn của trạch pháp giác phần. Những gi là thức ăn của tinh tấn

giác phần? Tư duy về bốn chánh cần sẽ khiên tinh tân giác phân chưa sanh sẽ sanh khỏi, tinh tấn giác phần đã sanh khởi càng thêm tăng trưởng. Đó gọi là thức ăn của tinh tấn giác phần. Những gì là thức ăn của hỷ giác phần? Có hỷ và những pháp trú xứ của hỷ, tư duy về chúng sẽ khiến cho hỷ giác phần chưa sanh sẽ sanh khởi, hỷ giác phần đã sanh khởi càng thêm tăng trưởng. Đó gọi là thức ăn của hỷ giác phần. Những gì là thức ăn của khinh an giác phần? Tư duy về thân khinh an và tâm khinh an sẽ khiến khinh an giác phần chưa sanh sẽ sanh khởi, khinh an giác phần đã sanh khởi càng thêm tăng trưởng. Đó gọi là thức ăn của khinh an giác phần. Những gì là thức ăn của định giác phần? Tư duy về bốn thiền khiến định giác phần chưa sanh sẽ sanh khởi, định giác phần đã sanh khởi càng thêm tăng trưởng. Đó gọi là thức ăn của định giác phần. Những gì là thức ăn của xả giác phần? Có ba giới là đoạn giới, vô dục giới và diệt giới; tư duy về chúng khiến xả giác phần chưa sanh sẽ sanh khởi, xả giác phần đã sanh khởi càng thêm tăng trưởng. Đó gọi là thức ăn của xả giác phần. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

716. BẤT CHÁNH VÀ CHÂN CHÁNH2223 Tôi nghe như vậy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -ở trong giáo pháp này,23 Ta không thấy có một pháp nào khác khiến cho pháp ác, bất thiện chưa sanh sẽ phát sanh, pháp ác? bất thiện đã sanh roi thì càng

22 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.7.02. 0099.716. 0193a08. Tham chiếu: s. 46.29 - v. 88. 23 Nguyên tác: Nội pháp .ở đây chỉ cho giáo pháp của Phật dạy, đối lại là ngoại pháp ,chỉ cho giao pháp của ngoại đạo.



thêm tăng trưởng; pháp thiện chưa sanh thì không thể phát sanh, pháp thiện đã sanh rồi thì bị giảm sút như là tư duy bất chánh. Này các Tỳ-kheo! Tư duy bất chánh khiến phiền não tham dục chưa sanh liền sanh khởi, đã sanh khởi rồi thì càng thêm tăng trưởng. Các phiền não khác như sân hận, thùy miên, trạo hối và nghi ngờ chưa sanh liền sanh khởi, đã sanh . . . .'.Ai khởi roi thì càng thêm tăng trưởng. Lại nữa, niệm giác phân chưa sanh sẽ không sanh khởi, đã sanh khởi rồi thì bị giảm sút. Cũng vậy, các giác phần khác như trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định và xả giác phần chưa sanh sẽ không sanh khởi, đã sanh khởi rồi thì bị giảm sút. Ta không thấy có một pháp nào khác khiến cho pháp xấu, bất thiện chưa sanh sẽ không sanh, đã sanh rồi thì bị đoạn trừ; pháp thiện chưa sanh sẽ phát sanh, đã sanh rồi thì càng thêm tăng trưởng. Đó là chánh tư duy. Này các Tỳ-kheo! Tư duy chân chánh khiên phiên não tham dục chưa sanh sẽ không sanh khởi, đã sanh khởi rồi sẽ được đoạn trừ. Các phiền não khác như sân hận, thùy miên, trạo hối và nghi ngờ chưa sanh sẽ không sanh khởi, đã sanh khởi rồi thì được đoạn trừ. Niệm giác phần chưa sanh sẽ sanh khởi, niệm giác phần đã sanh khởi thì càng tăng thêm. Cũng vậy, trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định và xả giác phàn chưa sanh sẽ sanh khởi, đã sanh khởi rồi thì càng thêm tăng trưởng. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đêu hoan hỷ phụng hành. ***

717. BẠN ÁC VÀ BẠN LÀNH24 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kneo: -Đôi với ngoại pháp, Ta chưa thây có một pháp nào mà có thê khiên pháp ác, bất thiện chưa sanh liền sanh khởi; pháp ác, bất thiện đã sanh khởi càng thêm tăng trưởng; pháp thiện chưa sanh không thể sanh khởi, pháp thiện đã sanh khởi thì bị giảm sút như là ác tri thức25 hoặc bạn bè xấu. Ác tri thức và bạn bè xấu khiến phiền não tham dục chưa sanh liền sanh khởi, đã sanh khởi thì càng tăng thêm. Các phiền não khác như sân hận, thùy miên, trạo hối và nghi ngờ chưa sanh liền sanh khởi, đã sanh khởi thì càng thêm tăng trưởng. Niệm giác phần chưa sanh sẽ không sanh khởi, đã sanh khởi thì bị giảm sút. Cũng

24 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.717. 0193a26). Tham chiếu: s. 46.49 - v. 101; 5. 46.50-V. 102. 25 Ác tri thức lẫế, pâpa-mùtă)'. Kẻ chuyên giảng, nói pháp tà làm cho người khác rơi vào ma đạo.



vậy, các giác phân khác như trạch pháp, tinh tân, hỷ, khinh an, định và xả giác phần chưa sanh sẽ không sanh khởi, đã sanh khởi rồi thì bị giảm sút. Này các Tỳ-kheo! Ta chưa thấy một pháp nào mà có thể khiến pháp ác? bất thiện chưa sanh sẽ không sanh khởi, đã sanh khởi rồi thì được chấm dứt; pháp thiện chưa sanh liền sanh khởi, đã sanh khởi rồi thì càng thêm tăng trưởng. Pháp đó chính là thiện tri thức,26 là bạn bè tốt, là người cộng sự tốt. Những người như thiện tri thức, bạn bè tót, người cộng sự tót khiên phiên não tham dục chưa sanh sẽ không sanh khởi, đã sanh khởi rồi thì được đoạn trừ. Các phiền não khác như sân hận5 thùy miên, trạo hối và nghi ngờ chưa sanh sẽ không sanh khởi, đã sanh khởi rồi thì được đoạn trừ. Niệm giác phần chưa sanh sẽ sanh khởi, niệm giác phân đã sanh khởi roi thì càng tăng thêm. Cũng vậy, trạch pháp, tinh tân, hỷ? khinh an, định và xả giác phần chưa sanh sẽ sanh khởi, đã sanh khởi rồi thì càng thêm tăng trưởng. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

718. XÁ-LỢI-PHẤT DẠY BẢY GIÁC CHI27 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo: -Có bảy giác phần, những gì là bảy? Đó là niệm giác phần, trạch pháp giác phần, tinh tấn giác phần, hỷ giác phần, khinh an giác phần, định giác phần và xả giác phân. Trong bảy giác phân này tôi không quá mệt nhọc nhưng vân đạt được, được tự chủ trong ý định của mình. Đôi với bảy giác phân này, tôi muôn an trú vào giác phần nào thì tùy theo ý muốn. Vào buổi sáng, buổi trưa hay buôi chiêu, nêu tôi muôn an trú vào giác phân nào thì tùy theo ý muôn mà an trú nhiêu vào giác phân đó. Ví như vua và đại thân có rát nhiêu y phục đê trong rương tráp, tùy theo ý muôn mà lây mặc vào buổi trưa hay buổi chiêu, thảy đêu tùy ý tự tại. Cũng vậy? Tỳ-kheo! Trong bảy giác phần này tôi không quá mệt nhọc nhưng vẫn đạt được, được tự chủ trong ý định, tùy ý để an trú. Đối với niệm giác phần thanh tịnh thuần thục này, khi khởi thì tôi biết khởi, khi diệt thì biết diệt, khi biến mất thì biết biến mất, đã khởi thì biết đã khởi, đã diệt thì biết đã diệt. Đôi với trạch pháp, tinh tân, hỷ, khinh an, định và xả giác phân cũng giống

như vậy.

26 Thiện tri thức (kalyãna-mittà)'. Người chân chánh, ngay thẳng, có đức hạnh, có khả năng giáo hóa, dẫn dắt người khác theo chánh đạo. 27 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.718. 0193bl4). Tham chiếu: s. 46.4 v. 70.



Tôn giả Xá-lợi-phất nói kinh này rồi, các Tỳ-kheo nghe xong đều hoan hỷ phụng hành. ***

719. TÔN GIẢ ƯU-BA-MA28 x Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại ấp Ba-liên-phất. Lúc ấy có Tôn giả ưu-ba-ma?29 Tôn giả A-đề-mục-đa đang ở tinh xá Kê Lâm,30 thuộc ấp Ba-liên-phất.31 Bấy giờ, vào lúc xế chiều, Tôn giả A-đề-mục-đa xả thiền, đến chỗ Tôn giả ưu-ba-ma ân cần thăm hỏi nhau xong rồi ngồi sang một bên và hỏi Tôn giả ưu-ba-ma rang: -Tôn giả có thể biết chăng, phải nỗ lực tu tập bảy giác phần như thế nào để có thể chứng nhập an lạc như thế hoặc không chứng nhập được an lạc như thế?32 Tôn giả Ưu-ba-ma đáp: - Tôn giả A-đề-mục-đa! Tỳ-kheo khéo biết nỗ lực tu tập bảy giác phần thì có thể chứng nhập an lạc như thế hoặc không chứng nhập được an lạc như thế. Tôn giả A-đề-mục-đa lại hỏi: Tỳ-kheo phải khéo biết nỗ lực tu tập bảy giác phần như thế nào?

Ưu-ba-ma đáp: Khi Tỳ-kheo nô lực tu tập niệm giác phân thì phải biêt tư duy như vây: Tâm này chưa khéo giải thoát, chưa loại bỏ ham mê ngủ nghỉ, chưa khéo điều phục trạo hối. Nêu không loại trừ được ham mê ngủ nghỉ thì dù ta có tư duy pháp niệm giác phần, lại nỗ lực tinh cần thì vẫn không thể thành tựu trọn vẹn.33 Đối với trạch pháp, tinh tấn, hỷ9 khinh an, định và xả giác phần cũng lại như vậy. Khi Tỳ-kheo nỗ lực tu tập niệm giác phần, trước tiên nên tư duy như vầy: Tâm đã khéo giải thoát, đã loại trừ ham mê ngủ nghỉ, đã điều phục trạo hối. Nêu ta tư duy về niệm giác phần này rồi thì không cần siêng năng và nỗ lực nhưng vẫn thành tựu trọn vẹn.

28 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.02. 0099.719. 0193Ồ28. Tham chiếu: s. 46.8 - v. 76. 29 Ưu-ba-ma Upavāna. 30 Kê Lâm . 31 Ba-liên-phất Pātaliputta. Xem chú thích 5, kinh số 604, quyển 23, tr. 682; Tạp.02. 0099.604. 0161bl3. 32 Nguyên tác: Như thị khổ trụ chánh thọ là cách viết tương tự như cú ngữ ở trong phần cuối kinh: Như thị bất lạc tm chánh thọ .Tham chiếu: s. 46.8 - v. 76: ctThưa Hiên giả Upayānaṃ Tỷ-kheo có thê biết được chăng, do tự mình như lý tác ý, bảy giác chi được khéo an trú trong ta, đưa đến lạc trú?,, HT. Thích Minh Châu dịch. 33 Nguyên tác: Bình đẳng .Đẳng có lẽ được dịch từ sammā, nghĩa là hoàn toàn, trọn vẹn.



Như vậy, này A-đề-mục-đa! Tỳ-kheo biết nỗ lực tu tập bảy giác phần thì có thê chứng nhập an lạc như thê và cũng có thể không chứng nhập được an lạc như thế. Bay giờ, hai vi Hiền giả cùng đàm đạo xong đều đứng dậy cáo từ. ***

720. TÔN GIẢ A-NA-LUẬT THUYẾT PHÁP34 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bay giờ, Tôn giả A-na-luật cũng đang ở tinh xá Tùng Lâm, thuộc nước Xá-vệ. Khi ấy, số đông Tỳ-kheo đến chỗ Tôn giả A-na-luật, sau khi ân cần thăm hỏi xong, ngồi sang một bên rồi hỏi Tôn giả A-na-luật rằng: -Tôn giả có biêt, khi nô lực tu tập bảy giác phân thì được sông trong an lạc chăng? Tôn giả A-na-luật bảo các Tỳ-kheo: -Tôi biết rằng khi Tỳ-kheo nỗ lực tu tập bảy giác phần thì được sống trong an lạc. Các Tỳ-kheo hỏi Tôn giả A-na-luật: -Tỳ-kheo phải biết như thế nào khi nỗ lực tu tập bảy giác phần để được sống trong an lạc? Tôn giả A-na-luật đáp: -Tỳ-kheo nỗ lực tu tập niệm giác phần thì khéo biết tư duy: Tâm tôi đã khéo giải thoát, đã khéo loại trừ ham mê ngủ nghỉ, đã khéo điều phục trạo hối. Nếu tư duy về niệm giác phần theo cách như vậy rồi, lại thêm tinh tấn nỗ lực, tâm không biếng nhác, thân nhẹ nhàng không loạn động, buộc tâm một chỗ, không khởi loạn tưởng, chứng nhập nhất tâm. Đối với trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định và xả giác phần cũng như vậy. Đó gọi là khi Tỳ-kheo biết nỗ lực tu tập bảy giác phần thì được sống trong an lạc vậy. Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Tôn giả A-na-luật dạy xong đều hoan hỷ và tùy hỷ, đứng dậy rồi lui ra. ***

721. CHUYÊN LUÂN THÁNH VƯƠNG (l)35 Tôi nghe như vầy:

34 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.720. 0193cl8). Tham chiếu: s. 46.8 - v. 76. 35 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.721. 0194a05). Tham chiểu: Thất bảo (roi. 0026.58. 0493al0); Zwaw vương that bảo kinh (roi. 0038. 0821 ai 8); Tăng.(T.02. 0125.39.7. 073 lb 14); 5. 46.42 - v. 99.



Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. J Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Idii bậc Chuyển Luân Thánh Vương xuất hiện ở đời thì có bảy báu hiện ra nơi thế gian. Bảy báu đó là bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, thần châu báu5 ngọc nữ báu, quan giữ kho báu và quan điều binh báu. Cũng vậy, khi đấng Như Lai thị hiện ở đời thì cũng có bảy giác phân quý báu xuất hiện ở thê gian. Bấy giờ, Thánh vương Quán đảnh dòng Sát-lợi ở trên đại điện để thọ trì trai giới, có các đại thần đứng hầu xung quanh.36 Khi ấy, có bánh xe báu bằng vàng xuất hiện từ phương Đông. Bánh xe có đến ngàn chiếc căm? vành xe tròn và trục quay đều, tướng bánh xe hoàn hảo. Vua thầm nghĩ: “Nay xuất hiện điềm lành này nên chắc chắn là có Chuyển Luân Thánh Vương. Ta nay nhất định là Chuyển Luân Thánh Vuơng." Thế rồi, vua liền đưa hai tay đón lấy bánh xe báu bằng vàng đặt vào lòng bàn tay trái, còn tay phải thì quay bánh xe và nói: "Nếu đây là bánh xe báu bằng vàng của bậc Chuyển Luân Thánh Vương thì hãy xoay chuyển theo đúng đường lối của bậc Chuyển Luân Thánh Vương xua." Vừa dứt lời thì bánh xe báu liền chuyển động, tiến lên trước vua và quần thần rồi nương hư không mà đi về phương Đông. Hướng về phương Đông, bánh xe báu này xoay chuyển theo con đường ngay thẳng của bậc Thánh vương xưa. Khi ấy, đức vua đi theo sau bánh xe báu bang vàng, bon bộ binh cũng theo sau. Bánh xe báu dừng lại nơi nào thì vua và bốn bộ binh cũng dừng lại nơi đó. Bấy giờ, vua của các nước nhỏ ở phương Đông thấy Thánh vương đen thì hết thảy đều quy phục. Khi đấng Như Lai thị

hiện ở đời thì có bảy giác phần xuất hiện ở thế gian, đó là niệm giác phàn, trạch pháp giác phần, tinh tấn giác phần, hỷ giác phần, khinh an giác phần, định giác phần và xả giác phần. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

722. CHUYỂN LUÂN THÁNH VƯƠNG (2)37

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

36 Bản Hán có thể nhảy sót một đoạn. Bản này tham chiếu Tạp.(T.02. 0099.722. 0l94a23) bên dưới đêbô sung 17 chữ: Ôi 37jTựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7L02. 0099.722. 0l94a23). Tham chiếu: Thất bảo (Z01. 0026.58. 0493al0); Luân vương thát bảo kinh (TOI. 0038. 0821 ai 8); Tăng.(T.02. 0125.39.7. 073lbl4); s. 46.42 - v 99.

QUYỂN 27 813

Khi bậc Chuyển Luân Thánh Vương xuất hiện ở đời thì bảy báu cũng hiện ra nơiy thê gian. Khi bậc jChuyên T Luân Thánh Vương xuât• hiện ở đời thì bánh xe báu băng vàng hiện ra như thê nào? Bấy giờ, vào ngày rằm trăng tròn, Vua Quán đảnh dòng Sát-lợi tắm gội sạch sẽ xong thì lên trên đại điện thọ trì trai giới, có các đại thần đứng hầu xung quanh. Khi ấy, có bánh xe báu bằng vàng từ phương Đông hiện đến, bánh xe này có đến ngàn chiếc căm, vành xe tròn và trục quay đều, tướng bánh xe hoàn hảo, làm bằng vàng ròng cối trời. Từ xưa tương truyền rằng, vào ngày rằm, đúng kỳ Bố-tát, Vua Quán đảnh dòng Sát-lợi tắm gội sạch sẽ và thọ trì trai giới thì có bánh xe báu bằng vàng hiện ra. Bấy giờ vua suy nghĩ: "Nay cũng như xưa, hễ điềm lành này xuất hiện thì biết vua chính là Chuyển Luân Thánh Vương.,^ The roi, vua đưa hai tay đỡ lay bánh xe báu bang vàng và đặt vào giữa lòng bàn tay trái, tay phải thì xoay chuyển bánh xe và nói: "Nếu là bánh xe báu bằng vàng của Chuyển Luân Thánh Vương thì hãy xoay chuyển giống như cách xoay chuyển của bậc Chuyển Luân Thánh Vương xua." Vừa dứt lời thì ngay khi ấy bánh xe báu từ trước chỗ vua nương hư không mà đi về phương Đông, đi theo con đường ngay thẳng của bậc Thánh vương xưa. Nhà vua cùng bốn binh chủng đi theo bánh xe báu dần đến các nước phương Đông. Vua nước nhỏ ở các nơi nhìn thấy Thánh vương đến đều tung hô: "Quý thay, Đại vương đã đến! Đây là đất nước của Đại vương, nước này rất an Sn, nhân dân giàu có và an lạc. Xin Thánh vương hãy dừng lại nơi đây để giáo hóa nhân dân, chúng thần sẽ phò tá.99 Thánh vương nói: "Này các vi Tiểu vương! Từ nay các vị hãy khéo giáo hóa dân chúng trong nước. Những ai không thuận theo thì hãy đến nói với trẫm, trẫm sẽ giáo hóa họ theo giáo pháp. Các vị chớ làm những điều phi pháp, đong thời khuyên dạy người dân trong nước không làm điêu phi pháp. Nêu làm được như vậy nghĩa là các vị đã thuận theo sự giáo hóa của trm.” Thế rồi từ biển Đông, Thánh vương nương theo con đường của Thánh vương xưa để đi đến biển Nam, rồi nương theo con đường của Thánh vương xưa mà vượt biển Nam để sang biển Tây, rồi lại nương theo con đường của Thánh vương xưa mà

vượt biển Tây để đến biển Bắc. Các Tiểu vương của các nước phương Nam, phương Tây và phương Bắc trông thấy Đại vương đến thì đều nghinh đón thỉnh mời... (chi tiết cũng tương tự như trường hợp các nước ở phương Đông đã nói ở trêrỉ). Bây giờ, bánh xe báu băng vàng mà Thánh vương đi theo xoay chuyên đên biển Bắc rồi quay về dừng lại ở giữa hư không, ngay trên đại điện trong cung vua. Đó gọi là khi bậc Chuyển Luân Thánh Vương xuất hiện ở đời thì có bánh xe báu băng vàng hiện ra nơi thê gian.

814 KINH TẠPA-HÀM

Khi bậc Chuyển Luân Thánh Vương xuất hiện ở đời thì voi trắng báu hiện ra nơi thế gian như thế nào? Nghĩa là Vua Quán đảnh dòng Sát-lợi nhìn thấy con voi to lớn thuần một màu trắng, sắc diện tươi đẹp, bảy chi vững vàng38 thì trong lòng rất vui rồi nói: "Nay voi báu này xuất hiện là điềm ứng đối với ta.” Rồi vua truyên lệnh tìm người giỏi huân luyện voi đên và bảo gáp rút huân luyện con voi báu này, đợi khi nào điều phục xong thì hãy mang trở lại. Nài voi vâng lệnh, chưa đầy một ngày sau thì voi đã được thuần phục, mọi biểu hiện thuần phục đều đã đầy đủ? giống như những con voi đã được huấn luyện nhiều năm, nay voi báu này chỉ cần huấn luyện trong một ngày mà đã thuần phục như vậy. Điều phục voi xong, người huấn luyện đem voi trở lại chỗ vua và tâu rang: "Thua Đại vương! Voi này đã được thuần phục, xin Đại vương ngự lm." Bấy giờ, Thánh vương quan sát tướng voi và nhận thấy con voi báu này đã được thuần phục hoàn toàn. Thế rồi vào lúc sáng sớm, vua liền cưỡi voi báu du hành khắp noi, mãi đến giữa trưa mới trở về cung điện. Đó gọi là khi bậc Chuyên Luân Thánh Vương xuất hiện ở đời thì có voi báu hiện ra nơi thê gian. Khi Chuyển Luân Thánh Vương xuất hiện ở đời thì có ngựa báu hiện ra nơi thế gian như thế nào? Nghĩa là Chuyển Luân Thánh Vương sở hữu ngựa báu có thân hình thuân một màu xanh, đâu màu đen và đuôi màu đỏ. Khi Thánh vương nhìn thấy con ngựa như vậy xuất hiện thì trong lòng rất vui, tự nghĩ: "Nay ngựa thân này xuất hiện là diêm ứng đôi với ta." Thê roi vua giao ngựa cho người giỏi huân luyện và bảo phải gáp rút huân luyện ngựa báu này, đợi khi nào thuần phục xong thì hãy đem trở lại. Người huấn luyện ngựa vâng lệnh, chưa đay một ngày sau thì con ngựa đã được thuần phục hoàn toàn, giống như những con ngựa khác đã được huấn luyện nhiều năm, nay ngựa báu này cũng được thuần phục giống như vậy. Khi biết con ngựa này đã được thuần phục hoàn toàn, người huấn luyện liền đem ngựa báu trở lại chỗ vua và tâu: "Thua Đại vương! Con ngựa này đã được thuần phục?9 Bấy giờ, Thánh vương quan sát tướng ngựa báu và nhận thấy con ngựa báu này đã được thuân phục hoàn toàn. Thê roi vào lúc sáng sớm, vua liên cưỡi ngựa báu du hành khắp nơi, mãi đến giữa trưa mới trở về cung điện. Đó gọi là khi bậc Chuyển Luân Thánh Vương xuất hiện ở đời thì có ngựa báu hiện ra nơi thế gian. Khi Chuyển Luân Thánh Vương xuất hiện ở đời thì có viên ngọc báu39 hiện ra nơi thế gian như thế nào? Nghĩa là Chuyển Luân Thánh Vương sở hữu viên ngọc báu, hình dáng của viên ngọc có tám góc cạnh, chiếu sáng rực rỡ, trong suốt không tì vết, thường làm đèn sáng chiếu khắp cung điện. Bấy giờ, Chuyển

^ Nguyên tác: Thất chi trụ địa ,gồm 4 chân, 2 ngà và vòi voi đều vững chãi. Du hành kỉnh T.01. 0001.2. 0022al6goila44that xứ bình ”. 39 Nguyên tác:

Ma-ni bảo châu Viên ngọc báu.

QUYỂN 27  815

Luân Thánh Vương muốn thử nghiệm viên ngọc báu này, nên vào một đêm trời mưa mịt mù, vua cầm ngọc báu đi trước dẫn đường, bốn bộ binh theo sau cùng đi vào trong rừng, ánh sáng viên ngọc tỏa chiếu rực rỡ rộng một do-tuần. Đó gọi là khi bậc Chuyển Luân Thánh Vương xuất hiện ở đời thì có viên ngọc báu hiện ra nơi the gian. Khi bậc Chuyển Luân Thánh Vương xuất hiện ở đời thì có ngọc nữ báu hiện ra nơi thế gian như thế nào? Nghĩa là bậc Chuyển Luân Thánh Vương sở hữu ngọc nữ báu có làn da đẹp không đen không trắng, vóc dáng cân đối không cao không thấp, không lớn không nhỏ, không mập không ốm, tướng mạo đoan chánh; khi trời lạnh thì cơ thể ấm, lúc trời nóng thì cơ thể mát, thân thể mềm mại giống như áo ca-lăng-già;40 các lỗ chân lông ở trên cơ thể toát ra mùi hương chiên-đàn:9 hơir thở từ mũi miệng thoảng ọ ra hương thơm của hoa sen xanh; luôn ngủ sau dậy trước và thâu rõ tâm ý của vua đê tùy nghi phục vụ; lời nói dịu dàng dễ mến, tâm luôn chánh niệm, giúp nhà vua phát khởi đạo tâm; lòng không chống trái, huống gì là thân và miệng. Đó gọi là ngọc nữ báu của bậc Chuyển Luân Thánh Vưcmg. Khi bậc Chuyển Luân Thánh Vương xuất hiện ở đời thì có đại thần báu quản lý kho tàng hiện ra nơi thế gian như thế nào? Nghĩa là do vị quan chủ kho báu của Chuyển Luân Thánh Vương thường hành bố thí, nên khi sanh ra đã có thiên nhãn, có khả năng nhìn thấy các kho tàng ẩn giấu là có chủ hay không chủ; hoặc ở dưới nước hay trong lòng đất; hoặc xa, hoặc gần, thảy đều thấy rõ. Khi bậc Chuyển Luân Thánh Vương cần châu báu và lập tức ra lệnh thì đại thần quản lý kho tàng liền tùy theo chỗ cần dùng của vua mà dâng lên. Một hôm, Chuyển Luân Thánh Vương muốn thử tài năng của vị đại thần này, liền cho giong thuyền ra biển rồi nói với ông ấy: "Trẫm đang cần châu báu!" Vị quan tâu: "Xin dừng lại bên bờ biển một chút, thần sẽ lấy châu báu dâng Đại vương!" Vua bảo vị quan: "Trẫm không cần châu báu ở bên bờ biển mà khanh hãy mang châu báu đến cho trẫm ngay bây giờ!99 Bấy giờ, đại thần liền lấy lên bốn chum vàng từ dưới lòng nước biển, bên trong đựng đây vàng bạc, châu báu dâng lên Thánh vương, tùy theo chô cân dùng của Thánh vương mà lấy dùng. Nếu đã lấy đủ thì số châu báu còn lại sẽ được trả về lòng biển. Đó gọi là khi bậc Chuyển Luân Thánh Vương xuất hiện ở đời thì có đại thần quản lý kho tàng hiện ra nơi thế gian.

40 Nguyên tác: Ca-lăng-già y :Y lông chim .Theo Nỉết-bàn sớ tư kỷ
X37.066l.l.0l43b23.

816  KINH TẠP A-HÀM

Khi bậc Chuyển Luân Thánh Vương xuất hiện ở đời thì có đại thần báu thống lãnh quân binh hiện ra nơi thế gian như thế nào? Nghĩa là bậc Chuyển Luân Thánh Vương có vị đại thần thống lãnh quân binh rất thông minh và có tài biện luận. Giông như một người giỏi suy lường, xét đoán ở thê gian. Biêt rõ điều gì Thánh vương cần, vi ấy đều kịp thời đáp ứng, như là việc nên đi, nên ở, hay nên ra, nên vào, hay bốn binh chủng của Chuyển Luân Thánh Vương hành quân đường xa dừng lại vẫn không thấy mỏi mệt. Vị đại thần này còn biết rõ những gì vua cần để đáp ứng, đồng thời đem việc công đức

đời sau mà vi ấy đã tạo trong hiện đời để trình lên Thánh vương. Đó gọi là khi bậc Chuyển Luân Thánh Vương xuất hiện ở đời thì có vị đại thần thống lãnh quân binh hiện ra nơi the gian. Cũng vậy, khi đấng Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác thi hiện ở đời thì cũng có bảy giác phân hiện ra nơi thê gian. Bảy giác phân đó là niệm giác phân, trạch pháp giác phân, tinh tân giác phân, hỷ giác phân, khinh an giác phần, định giác phần và xả giác phần. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

723. TÔN KÍNH TRƯỞNG LÃO4142 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. -pv Ấ • A rqpi Á r-p /X 19 rp A [ 1 Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Lành thay, các Tỳ-kheo! Các vị hãy nương vào Tỳ-kheo-tăng để được nghe pháp. Các Tỳ-kheo trẻ tuổi hãy tôn kính,42 phụng sự các Tỳ-kheo trưởng lão. Vì sao như vậy? Bởi vì Tỳ-kheo trẻ tuổi nào biết tôn kính, phụng sự Tỳ- kheo trưởng lão thì vị ấy lúc nào cũng được nghe giáo pháp thâm diệu. Sau khi đã nghe giáo pháp thâm diệu rồi, vị ấy sẽ thành tựu hai điều chân chánh, đó là thân chân chánh và tâm chân chánh. Bấy giờ, vị ấy nỗ lực tu tập niệm giác phần. Khi đã tu tập niệm giác phần rồi thì vi ấy được niệm giác phần đầy đủ. Khi niệm giác [phần] được đầy đủ rồi, vị ấy sẽ khéo lựa chọn pháp, khéo phân biệt pháp, khéo tư duy pháp. Bay giờ, vi ấy nỗ lực tu tập trạch pháp giác phần... (cho đến) tu tập xả giác phần được đầy đủ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

41 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.723. 0195all). Tham chiếu: s. 46.3 - v. 67. 42 Nguyên tác: Cúng dường ()được dịch từpiIịa, có tự căn pũj, nghĩa là tôn kính.



724. PHƯỚC BÁU PHỤNG sự43 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Tỳ-kheo nào biêt trì giới, tu đức, biêt xâu hô với người, biêt thẹn với chính mình thì vị ấy đã thành tựu pháp chân thật. Những ai gặp được vị này sẽ được nhiều phước lợi. Nếu lại lắng nghe người này? hoặc thường nhớ nghĩ đến, hoặc theo vị này để xuất gia thì đã được nhiều công đức, huống gì là gần gũi, cung kính, phụng sự vị này. Vì sao như vậy? Vì khi gần gũi, phụng sự bậc Tỳ-kheo như vậy thì người ấy lúc nào cũng được nghe giáo pháp sâu xa vi diệu. Khi được nghe pháp thâm diệu roi, người ây sẽ thành tựu được hai việc chân chánh, đó là thân chân chánh và tâm chân chánh. Bấy giờ, vị ấy nỗ lực tu tập đinh giác phân. Khi đã tu tập định giác phân roi thì vị ây được định giác phân đây đủ... (cho đen) tu tập xả giác phần được đầy đủ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

725. THIỆN VÀ BẤT THIỆN4445 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Nói đến nhóm các pháp bất thiện tức là nói đến năm thứ che lấp/5 đây là lời đúng đắn. Vì sao như vậy? Bởi vì nhóm này chứa toàn bộ pháp bất thiện, cho nên gọi là năm thứ che lấp. Những gì là năm? Đó là tham dục, sân hận, thùy miên, trạo hối và nghi. Nói đến

nhóm các pháp thiện tức là nói đến bảy giác phần, đây là lời đúng đắn. Vì sao như vậy? Bởi vì nhóm này thuần nhất thanh tịnh, cho nên gọi là bảy giác phân. Những gì là bảy? Đó là niệm giác phân, trạch pháp giác phân, tinh tấn giác phần, hỷ giác phần, khinh an giác phần, định giác phần và xả giác phan.

43 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7Í02. 0099.724. 0195a21). Tham chiếu: s. 46.3 - v. 67. 44 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp. B (T.02. 0099.725. 0195b01). Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.611. 0171024); Tạp.(T.02. 0099.767. 0200Ồ23); (T.02. 0125.32.2. 0674all); S. 46.24 - V. 84; S. 47.5 - v. 145; s. 47.45 - v. 186;^. 5.52 - m. 65. 45 Nguyên tác: Ngũ cái (,pañca āvaranāni)'. Năm thứ phiền não che đậy tâm thức chúng sanh khiến không hiểu rõ được chánh đạo, gồm: tham dục (kāmarāga), sân khuê (vyāpāda), thụy miên (thinamiddhā), trạo cử (uddhaccd) và nghi (vicikicchā).



Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 726. MÔT NỬA PHẠM HẠNH (l)4647 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Gi c6c,47 thuộc thành Vương Xá. Lúc ấy, Tôn giả A-nan cũng ở tại trú xứ này. Bấy giờ, Tôn giả A-nan sống một mình nơi yên vắng, thiền định tư duy rồi suy nghĩ như vầy: "Người có một nửa Phạm hạnh cũng là thiện tri thức, là bạn bè tôt? là tùy tùng tót, chăng phải là ác tri thức, chăng phải là bạn bè xâu, chăng phải là tùy tùng xấu.” Thế rồi, Tôn giả A-nan xuất thiền, đi đến chỗ đức Phật, cúi lạy sát chân Ngài roi ngôi sang một bên và bạch: - Kính bạch Thế Tôn! Khi con ở một mình nơi yên vắng, thiền định tư duy và suy nghĩ như vày: "Người có một nửa Phạm hạnh cũng là thiện tri thức, là bạn bè tốt, là tùy tùng tốt, chẳng phải là ác tri thức, chẳng phải là bạn bè xấu, chẳng phải là tùy tùng xấu." Phật bảo A-nan: Thầy chớ cho rằng: "Người có một nửa Phạm hạnh cũng là thiện tri thức, là bạn bè tót, là tùy tùng tót, chăng phải là ác tri thức, chăng phải là bạn bè xâu, chẳng phải là tùy tùng xấu." Vì sao như vậy? Bởi vì người có Phạm hạnh trong sạch, thuần nhất thanh tịnh mới là thiện tri thức, là bạn bè tốt, là tùy tùng tốt, chẳng phải là ác tri thức, chẳng phải là bạn bè xấu, chẳng phải là tùy tùng xấu. Vì Như Lai là thiện tri thức nên có những chúng sanh nương theo Như Lai mà tu tập niệm giác phần, nương vào viễn ly, nương vào ly dục, nương vào diệt tận, hướng đen xả ly. Cũng vậy, tu tập trạch pháp giác phần, tinh tấn giác phần, hỷ giác phần, khinh an giác phần, đinh giác phần và xả giác phần, nương nơi viễn ly, nương nơi ly dục, nương nơi diệt tận, hướng đến xả ly. Vì thế nên biết, này A-nan! Người có Phạm hạnh trong sạch, thuần nhất thanh tịnh mới là thiện tri thức, là bạn bè tốt, là tùy tùng tốt, chẳng phải là ác tri thức, chẳng phải là bạn bè xấu, chẳng phải là tùy tùng xấu. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

46 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.726. 0l95bl0). Tham chiếu: Tạp.(02. 0099.768. 0200C03); Tạp.(7.02. 0099.1238. 0339a 10); s. 45.2 - v. 2. 47 Nguyên tác: Giáp Cốc tinh xá ().Tạp.(r02. 0099.768. 0200c03) ghi là "Sơn Cốc tinh xá”(),có thê hiên đó là một hang núi.

727. NGHE PHÁP48 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại thôn Lực Sĩ49 rồi du hóa trong nhân gian, đến vùng đất giữa thành Câu-di-na-kiệt50 và sông Hy-liên/1 gần bên thôn Lực Sĩ. Bấy giờ, đức Phật bảo Tôn giả A-nan: Thầy hãy đem y uất-đa-la-tăng của Như Lai gấp làm bốn lớp rồi trải ra. Hôm nay Ta đau lưng nên muôn năm nghỉ một lát. Tôn giả A-nan vâng lời Phật dạy, liền gấp y uất-đa-la-tăng làm bốn lớp và trải ra rồi bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Con đã gấp y uất-đa-la-tăng làm bốn lớp và trải ra xong. Xin Thế Tôn biết cho! Bấy giờ, đức Thế Tôn gấp y Tăng-già-lê thành nhiều lớp để gối đầu rồi nằm nghiêng bên phải, hai chân xếp chồng lên nhau, buộc niệm vào tưởng ánh sáng,5253 chánh niệm tỉnh giác,53 tâm nghĩ đến lúc thức dậy54 và bảo Tôn giả A-nan: -Thầy hãy nói về bảy giác phần cho Như Lai nghe! Lúc đó, Tôn giả A-nan liền bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Đó là niệm giác phần, pháp mà Thế Tôn đã nói sau khi tự mình giác ngộ thành Đẳng Chánh Giác, rồi Ngài còn dạy nương vào viễn ly, nương vào ly dục, nương vào diệt tận, hướng đến xả ly.55 Lại nữa, trạch pháp giác phần, tinh tấn, hỷ, khinh an, định và xả giác phần là pháp mà Thế Tôn đã nói sau khi tự mình giác ngộ thành Đẳng Chánh Giác, rồi Ngài còn dạy nương vào viễn ly, nương vào ly dục, nương vào diệt tận, hướng đen xả ly. Phật bảo A-nan: -Thầy hãy nói về tinh tấn56 cho Như Lai nghe!

48 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.727. 0Í95Ồ29. Tham chiếu: Tăng.r02. 0125.39.6. Ó73la05; s. 46.16 v. 8Ì 49 Nguyên tác: Lực Sĩ tụ lạc Mallā gāmā, làng của những người chuyên đấu vật, cũng gọi là "Lực sr„Malia J J J “ 50 Câu-di-na-kiệt Kusinārā. 51 Hy-liên hà Hiraññavatī. 52 Nguyen tác: Hệ niệm minh tưởng Tưởng ánh sáng, cũng gọi là "quang minh tưởng„ ,ālokasaññani. 53 Nguyên tác: Chánh niệm chánh trí sato sampajāno'. Chánh niệm tỉnh giác.

54 Nguyên tác: Tác khởi giác tư&.cầu pháp kinh 01. 0026.88. 0570027: Luôn khởi tưởng muốn ngôi dậy .D. yỊ^Sangĩti Sutta inh phúng tụng'. Utthānasaññam manasi karitvā với tâm nghĩ đến lúc ngồi dậy, HT. Thích Minh Châu dịch. 55 Nguyên tác: Hướng ư xả :Hướng đến xả ly. Lậu tận kinh roi • 0026J0. 0432c19: Hướng đến xuất yếu .s. 45.2 - v. 2: Vossaggaparināmi hướng đên từ bỏ, HT. Thích Minh Châu dịch. 56 Nguyện tác: Tinhựấn .Ngữ cảnh kinh văn đang nói về "tht giác chi", thế nên tinh tấn ở đây được hiểu là "tinh tấn giác phấn.^,



A-nan thưa: Kính bạch Thế Tôn! Con sẽ nói về tinh tấn. Kính bạch Thiện Thệ! Con sẽ nói đến tinh tấn. Phật bảo A-nan: Chỉ có tu tập tinh tấn và tu tập thuần thục mới chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.57 Nói xong, Thế Tôn ngồi ngay thẳng nhiếp niệm. Lúc này, có một vị Tỳ- kheo nói kệ: Ngài thích nghe pháp mầu, Chịu đau, bảo người nói, Tỳ-kheo liền nói pháp, Tụng lại bảy giác phần. Lành thay! Thầy A-nan, Khéo diễn bày rõ ràng, Pháp thanh tịnh thù thang, Vi diệu, lìa phiền não. Niệm, trạch

pháp, tinh tấn, Hỷ, khinh an, định, xả, Đây là bảy giác phần, Pháp vi diệu khéo thuyết. Nghe thuyết bảy giác phan, Đạt được vị giác ngộ, Nên dù thân mang bệnh, vẫn ngay ngắn ngồi nghe. Xét nghĩ Vua Chánh Pháp,57 58 Thường giảng nói cho người, Lại còn thích nghe pháp, Huống gì người chưa nghe. Bậc có đại trí tuệ, Đấng Thập Lực đáng kính, Chính Ngài cũng gấp rút, Muốn được nghe Chánh pháp. Người hiểu biết thông đạt, Khế kinh, A-tỳ-đàm, Thông hiểu cả Giới luật, Còn muốn nghe, huống là. Lang nghe pháp như thật, Chuyên tâm tĩnh giác nghe, Giáo pháp Phật đã dạy, Được lìa dục, an vui. Thân hỷ lạc, khinh an, Tâm cũng được tĩnh tại, An vui trong thiền định, Chánh quán59 trong việc làm. Nhàm chán ba đường ác, Lìa dục, tâm giải thoát, Nhàm chán cõi các hữu, Không gieo nhân trời, người. Vô dư, như đèn tắt, Bát-niết-bàn rốt ráo, Nghe pháp được phước lợi, Lời Phật dạy tối thắng, Thế nên thường tư duy, Nghe lời Đại sư dạy. Vị Tỳ-kheo ấy nói kệ xong, liền đứng dậy lui ra. ***

57 Nguyên tác: A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề . 58 Nguyên tác: Chánh Pháp Vương chỉ cho đức Thích-ca Mâu-ni. 59 Nguyên tác: Chánh quán ,quán sát chân chánh.

QUYỂN 27  821

728. BẢY GIÁC PHẦN60

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

-Co bảy giác phần. Những gì là bảy? Đó là niệm giác phần,... (cho đến) xả giác phần.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

729. TU TẬP BẢY GIÁC PHẢN61 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. , Bay giờ, The Ton bao các Ty-kheo:  Hãy tu tập bảy giác phần. Những gì là bảy? Đó là niệm giác phần,... (cho đen) xả giác phan. Tỳ-kheo tu tập niệm giác phan, nương vào viễn ly, nương vào ly dục, nương vào diệt tận, hướng đến xả lỵ. Cũng vậy, Tỳ-kheo tu tập trạch pháp, tinh tấn, hy, khinh an, định và xả giác phân, nương vào viễn ly, nương vào ly due, nương vào diệt tận, hướng đến xả ly. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

730. QUÁ KHỨ, TƯƠNG LAI ĐỀU TU BẢY GIÁC PHẢN62 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.* , . Bây giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: (Giống như kinh trên đã nói. chỉ khác biệt ở đoạn sau): —Này các Tỳ-kheo! Quá khứ đã tu tập bảy giác phần như vậy, tương lai cũng sẽ tu tập bảy giác phần như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

60 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.728. 0l96al2). Tham chiếu: s. 46.22 - v. 83. 61 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7L02. 0099.729. 0196al6). Tham chiếu: s.

46.27 - v. 87. 62 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.730. 0196a23). Tham chiếu: s. 46.41 - v. 98.



731. GIÁC PHẦN63 Tôi nghe như vầy:Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Này các Tỳ-kheo! Đối với niệm giác phần thanh tịnh, trong sáng, không chút tì vết, lìa mọi phiền não, nếu niệm giác phần ấy chưa sanh khởi sẽ không thể sanh khởi trừ khi có đức Phật điều phục và chỉ dạy,... (cho đến) xả giác phần cũng nói tương tự như vậy. Này các Tỳ-kheo! Đối với niệm giác phần thanh tinh, trong sáng, không chút tì vết, lìa mọi phiền não, nếu chưa sanh khởi liền sanh khởi, đó là nhờ có đức Phật điêu phục và chỉ dạy, không thê khác,... (cho đên) xả giác phân cũng nói tương tự như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đêu hoan hỷ phụng hành. ***

732. SANH KHỞI64

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước

Xá-vệ.

Bây giơ, Thê Ton bao các Tỳ-kheo:

(Giống như kỉnh trên đã nói, chỉ có khác biệt san):

[Giác phần] chưa sanh khởi sẽ không sanh khởi trừ khi có đấng Thiện Thệ điều phục và chỉ dạy; [Giác phần] chưa sanh khởi liền sanh khởi đó là nhờ đấng

Thiện Thệ điều phục và dạy bảo, không thể khác.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

***

733. BẢY ĐẠO PHẨM (l)65

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước

Xá-vệ. J

63 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.731. 0196a28). Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.732.0196b07);S. 46.10-V. 77. 64 Tựa đê đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.732. 0Í96ỒỒ7). Tham chiếu: Tạp.(02. 0099.731. 0Ì96a28); S. 46.10-V. 77. 65 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp,(7.02. 0099.733. 0196bl2). Tham chiếu: Tạp.(02. 0099.737. 0Ì96c21); s. 46.5 - v. 72.



Bấy giờ, có vị Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, cúi lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: Kính bạch Thế Tôn! Thế Tôn có nói đến giác phần. Vậy thế nào gọi là giác phần? Phật bảo Tỳ-kheo: Giác phần mà Như Lai nói chính là bảy pháp đạo phẩm. Tuy nhiên, này các Tỳ-kheo! Bảy giác phần này phải được sanh khởi dần dần và tuần tự thì việc tu tập mới đầy đủ. Lại có vị Tỳ-kheo khác bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là bảy giác phần này phải được sanh khởi dần dần và tuần tự thì việc tu tập mới

đầy đủ? Phật bảo Tỳ-kheo: -Tỳ-kheo phải an trú quán thân trên nội thân, khi đã an tru quán thân trên nội thân rồi, vị ấy nhiếp tâm buộc niệm không xao lãng. Bấy giờ, vị ấy nỗ lực tu tập niệm giác phần. Khi đã nỗ lực tu tập niệm giác phần rồi thì niệm giác phần được tu tập đầy đủ. Khi niệm giác phần được đầy đủ rồi, vị ấy tuyển chọn, phân biệt, suy lường nơi pháp. Bấy giờ vị ấy nỗ lực tu tập trạch pháp ệiác phần. Khi đã nỗ lực tu tập trạch pháp giác phần rồi thì trạch pháp giác phân được tu tập đầy đủ. (Như vậy cho đến) xả giác phần được tu tập đầy đủ. Tương tự như trường hợp an trú chảnh niệm quán thân trên nội thân, đổi với trường hợp an trủ chánh niệm quán thân trên ngoại thân và quản thân trên nội ngoại thân, cũng nói giống như vậy. r Tương tự như trường hợp ạuản thân, đôi với trường hợp quán thọ, quán tâm và quán pháp cũng nói giông như vậy. Vị ây sông chánh niệm quán pháp trên pháp. Bây giờ, vị ấy nhiếp tâm buộc niệm không xao lãng... (cho đếrì) xả giác phần cũng nói giống như vậy. Khi vị ấy đã an trú như vậy thì giác phần tuần tự sanh khởi. Khi giác phần tuần tự sanh khởi rồi thì được tu tập đầy đủ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

734. HAI QUẢ VỊ (l)66

Tôi nghe như vay:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước

Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

(Giong như kinh trên đã nói, chỉ khác biệt là thêm vào đoạn sau):

66 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.734. 0196Ồ29). Tham chiếu: Tạp.(02.

0099.738. 0Ì97al0); s. 48.65 - v. 236.



Nếu Tỳ-kheo đã tu tập bảy giác phần như vậy rồi thì vi ấy sẽ đạt được một trong hai quả vị: Trong hiện tại được dứt sạch các phiên não, đạt đên Vô dư Niết-bàn,67 hoặc chứng đắc quả vị A-na-hàm. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

735. BỐN QUẢ VỊ (l)68 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. J , Bây giơ, The Ton bao các Ty-kheo: (Giống như kinh trên đã nói, chỉ khác biệt là thêm vào đoạn sau): Như vậy, Tỳ-kheo đã tu tập bảy giác phần và tu tập thuần thục rồi sẽ thành tựu bốn quả vi, có được bốn lợi ích. Bốn quả vị ấy là gì? Đó là quả vị Tuđà-hoàn5 quả vi Tư-đà-hàm, quả vi A-na-hàm và quả vị A-la-hán. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

736. BẢY QUẢ VỊ (l)69 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. (Giong như kỉnh trên đã nói, chỉ khác biệt là thêm vào đoạn saù)\ -Nêu Tỳ-kheo tu tập bảy giác phân và tu tập thuần thục roi sẽ thành tựu bảy quả vị, có được bảy lợi ích. Những gì là bảy? Đó là Tỳ-kheo ấy có được niêm vui

chứng đắc chánh trí trong đời hiện tại. Nếu chưa đạt được niềm vui chứng đắc chánh trí trong đời hiện tại thì đến lúc lâm chung sẽ đạt được. Nếu đen lúc lâm chung vẫn chưa được như vậy sẽ đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, chứng đắc Trung Bát-niết-bàn.70 Nếu chưa chứng được Trung Bát-niết-bàn

67 Vô dư Niết-bàn ()cũng được gọi là Bát-niết-bàn, Niết-bàn rốt ráo.

68 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.735. 0196c05). Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.648. 0182C14); Tạp.(T. 2. 0099.739. 0197al5); s. 48-12 - v. 200. 69 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7L02. 0099.736. 0196cll). Tham chiếu: Tạp.(02. 0099.740. 0Ì97a21); S. 46.3-V 67. 70 Trung Bát-niết-bàn (,Antarāparinibbāyī). Tập-dị-môn-tủc luận (7\26. 1,536. 14. 0426a03) giải thích: Đó là hạng người ngay trong đời hiện tại đã đoạn trừ năm hạ phần kiết sử nhưng chưa đoạn trừ được năm thượng phần kiết sử, dị thục nghiệp được sanh khởi, tạo tác và tăng trưởng ròi sanh phi dị thục nghiệp. Khi thân hoại mạng chung, vị đó nương thân trung hữu để sanh lên cõi trơi Sắc giới rồi chứng đác như thật vô lậu đạo lực, tiến len đoạn trừ các kiết sử còn lại và chứng nhập Niết-bàn, đó gọi là hạng người Trung Bát-niết-bàn. về từ "trung hữu,?()Tam-di-để bô luận (7132. 1649.2. 0467b20) cho biết, đó chính là thân trung ấm.

QUYỂN 27 825

sẽ chứng đắc Sanh Bát-niết-bàn.71 Nếu chưa chứng được Sanh Bát-niết-bàn sẽ chứng được Vô hành Bát-niết-bàn.72 Nếu chưa chứng được Vô hành Bát-niếtbàn sẽ chứng được Hữu hành Bát-niết-bàn.73 Nấu chưa chứng được Hữu hành Bát-niết-bàn sẽ chứng được Thượng lưu Bát-niết-bàn.74 Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 737. BẢY ĐẠO PHẨM (2)75 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo: Nói đến giác phần, vậy thế nào gọi là giác phần?

Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp. Kính mong Ngài thuyết giảng cho chúng con. Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ lãnh thọ và phụng hành.

71 SanhBát-niết-bàn(,Upahaccaparinibbāyī). Tập-dị-môn-tủcluận (r.26.1536.14. 0426al2) giải thích: Đó là hạng người ở ngay trong đời hiện tại đã đoạn trừ, đã biết rõ năm hạ phần kiết sử nhưng chưa đoạn trừ và chưa biết rõ năinthượngphần kiết sử, dị thục nghiệp được sanh khơi, tạo tác và tăng trưởng rồi sanh phi dị thục nghiệp. Khi thân hoại mạng chung, vị đo nương thân trung hưu để sanh lên và an tru ở cõi trơi sắcrgiới. Khi sanh vào cõi đó chưa bao lâu thì chứng đắc như thật vo lậu đạo lực rồi tiến lên đoạn trừ các kiết sử còn lại và chứng nhập Niết-bàn, đó gọi là hạng người Sanh Bát-niết-ban. 72 Vô hành Bát-niết-bặn (,Asañkhāraparinibbāyī): Sau khi tái sanh sắc giới, không do nỗ lực tu tập mà nhập Niết-bàn. Tập-dị-môn-tủc luận (26. 1536.14.0426b07) giải thích: Đó là hạng người ở ngay trong đời hiên tại đã đoạn trừ, đã biết rõ năm hạ phần kiết sử nhưng chưa đoan trừ và chưa biết rõ nam thượng phần kiết sử, dị thục nghiệp được sanh

khởi, tạo tác và tăng trưởng rồi sanh phi dị thục nghiệp. Khi than hoại mạng chung, vị đó nương thân trung hữu để sanh lên và an trú ở cõi trơi Sắc giới. Khi sanh vào cõi đó một thời gian, không cầnïiượng vào sự tu tập, không cần nỗ lực, không cần nô lực tác ý tu tập không ngưng nghỉ các trợ đạo để rồi sau đó đoạn trừ các kiêt sử còn lại và chưng nhập Niết-ban, đo gọi là hạng người Vô hành Bát-niểt-bàn. 73 Hữu hành Bát-niết-bàn (Sasañkhāraparinibbāyī). Tập-dị-môn-tủc luận (T.26. 1536.14. 0426a23)
giải thích: Đó là hạng người ở ngay trong đời hiện tại đã đoạn trừ, đã biết rõ năm hạ phần kiết sử nhưng chưa đoạn trừ và chưa biết ro năm thượng phần kiết sử, di thục nghiệp được sanh khởi, tạo tác và tang trưởng rồi sanh phi dị thục nghiệp, khi thân hoại mạng chung, vị đo nương thân trung hữu để sanh lên và an trú ở CÕI trời sắc giới. Khi sanh vào cõi đó mọt thời gian, do nương vào sự tu tập, nương vào sự nỗ lực, nhờ vào nỗ lực mà tác ý tu tập không ngưng nghỉ ve các trợ đạo, đe rồi sáu đó đoạn trừ các kiết sử cồn lại và chứng nhập Niết-bàn, đó gọi la hạng người Hữu hành Bat-niết-bàn. 7 Thượng lưu Bát-niết-bàn ()còn gọi Thượng lưu A-ca:ni-tra Niet-ban(-t Uddhamsoto Akamfthagāmī) hay Thượng lưu Săc Cứu Cánh Niêt-bàn ().Tập-dị- môn-túc luận (T.26. 1536.14. 0426bl8) giải thích: Đó là hạng người ở ngay trong đời hiên tại đã đoạn trừ, đã biết rõ năm hạ phần kiết sử nhưng chưa đoạn trừ và chưa biết rõ năm thượng phân kietsu... rồi lần lượt tái sanh từ cõi Sơ thiền, cho đến cao nhất của tứ thiền là sắc Cứu Cánh thiên ( )rồi thể nhập Niết-bàn ở đó. 75 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.737. 0196c21). Tham chiếu: Tạp.(02. 0099.733. 0Ì96bl2); s. 46.5 - v. 72.



Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Bảy giác phân chính là bảy pháp đạo phàm. Này các Tỳ-kheo! Bảy giác phân này phải được sanh khởi dân dân và tuân tự, khi đã sanh khởi dân dân và tuần tự rồi thì việc tu tập mới đầy đủ. Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thế nào là bảy giác phần này phải được sanh khởi dần dần và tuần tự, khi đã sanh khởi dần dần và tuần tự rồi thì việc tu tập mới đầy đủ? -Tỳ-kheo phải an trú chánh niệm quán thân trên thân, khi đã an trú quán thân trên thân rồi thì vị ấy nhiếp tâm buộc niệm không xao lãng. Bấy giờ, vị ấy nỗ lực tu tập niệm giác phần. Khi đã nỗ lực tu tập niệm giác phần rồi thì niệm giác phần được tu tập đầy đủ. Khi đã tu tập đầy đủ niệm giác phần rồi, vị ấy tuyển chọn nơi pháp. Bấy giờ, vị ấy nỗ lực tu tập trạch pháp giác phan. Khi đã nô lực tu tập trạch pháp giác phân roi thì trạch pháp giác phân được tu tập đầy đủ. Đối với tinh tấn, hỷ, khinh an, định và xả giác phần cũng nói tương tự như vậy. Tương tự như trường hợp an trú chánh niệm quản thân trên nội thân, đôi với trường hợp an trú chảnh niệm quán thân trên ngoại thân và an trú chánh niệm quản thân trên nội ngoại thân cũng nói giông như vậy. Tương tự như trường hợp quản thân, đối với quản thọ, quán tam và quán pháp cũng nói giông như vậy. Vị ây an trú chánh niệm quán pháp trên pháp, nhiệp tâm buộc niệm không xao lãng. Bây giờ, vị ây nô lực tu tập niệm giác phân roi thì niệm giác phân được tu tập đây đủ. (Cho đên) xả giác phân cũng nói giống như vậy. Đó gọi là Tỳ-kheo đối với bảy giác phần này phải được sanh khởi dần dần và tuần tự, khi đã sanh khởi dần dần và tuần tự rồi thì việc tu tập mới đầy đủ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

738. HAI QUẢ VỊ (2)76

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

(Giông như kinh trên đã nói, chỉ khác biệt là thêm vào đoạn sau):

-Đối với bảy giác phân này, vị nào tu tập và tu tập thuẫn thục roi sẽ thành tựu hai quả vị. Đó là trong đời hiện tại chứng được chánh trí Hữu dư Niết-bàn, hoặc chứng quả vi A-na-hàm. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

76 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.738. 0197al0). Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.734. 0Ì96b29); s. 48.65 v. 236.



739. BỐN QUẢ VỊ (2)77

Tôi nghe như vây:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

(Giong như kinh trên đã nói, chỉ khác biệt là thêm vào đoạn sau):

-Nếu Tỳ-kheo tu tập bảy giác phần và tu tập thuần thục rồi sẽ đạt được bốn quả vi. Những gì là bốn? Đó là quả vị Tu-đà-hoàn, quả vi Tư-đà-hàm, quả vi A-na-hàm và quả vị A-la-hán.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

740. BẢY QUẢ VỊ (2)78 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Tôn bao các Tỳ-kheo: (Giống như kinh trên đã nói, chỉ khác biệt là thêm vào đoạn sau): Nêu Tỳ-kheo tu tập bảy giác phân này và tu tập thuần thục roi sẽ chứng đắc bảy quả vị. Là bảy quả vị nào? Đó là chứng được chánh trí Hữu dư Niết- bàn trong đời hiện tại. Nếu chưa được như vậy thì đến lúc lâm chung sẽ được chứng đác chánh trí Hữu dư Niêt-bàn. Nêu chưa được như vậy sẽ trừ được năm hạ phần kiết sử, chứng đắc Trung Bát-niết-bàn. Nếu chưa chứng được Trung Bát-niết-bàn sẽ chứng đắc Sanh Bát-niết-bàn. Nếu chưa được như vậy sẽ chứng được Vô hành Bát-niết-bàn. Nếu chưa được như vậy sẽ chứng được Hữu hành Bát-niết-bàn. Nếu chưa được như vậy sẽ chứng được Thượng lưu Bát-niết-bàn.

77 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.739. 0197al5). Tham chiểu: Tạp.(7.02. 0099.648. oi82c 14); Tạp. B (02. 0099.735. 0196c05); s. 48.12 - v. 200. 78 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.740. 0197a21). Tham chiếu: Tạp.(r02. 0099.736. 0196C11); s. 46.3 - v. 67.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

741. QUÁN BẤT TỊNH79 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. … r Bay giờ, The Ton bao các Ty-kheo: -Hãy tu tập pháp quán bất tinh,80 sau khi tu tập thuần thục rồi sẽ được phước quả lớn và lợi ích lớn. Thế nào là tu tập pháp quán bất tịnh và tu tập thuần thục rồi sẽ được phước quả lớn và lợi ích lớn? Nghĩa là Tỳ-kheo tu quán tưởng bất tịnh cùng với niệm giác phần, nương vào viễn ly, nương vào vô dục, nương vào diệt tận, hướng đên xả ly. Cũng vậy, vị áy tu quán tưởng bát tinh Cling với trạch pháp, tinh tân, hỷ, khinh an, định và xả giác phân, nương vào viễn ly, nương vào vô dục, nương vào diệt tận, hướng đến xả ly. Đức Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

742. QUÁN TƯỞNG sự CHẾT81 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giơ, The Ton bao các Ty-kheo: -Tỳ-kheo nào tu tập quán tưởng sự chết82 và tu tập thuần thục rồi sẽ được phước quả lớn và lợi ích lớn. Thế nào là Ty-kheo tu tập quán tưởng sự chết và tu tập thuần thục rồi sẽ được phước quả lớn và lợi ích lớn? Nghĩa là Tỳ-kheo tu tập quán tưởng sự chết cung với niệm giác phàn, vị ấy nương vào viễn ly, nương vào vô dục, nương vào diệt tận, hướng đến xả ly, (cho đến tu tập xả giác phần cũng nói tương tự như vây). Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

79 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7L02. 0099.741. 0197a29). Tham chiếu: s. 46.67 - v. 132. 80 Nguyên tác: Bất tinh quán (asubhasañña). 81 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.742. 0197b08). Tham chiếu: s. 46.68 - v. 132. 82 Nguyên tác: Tùy tử niệm (maranasañña).

QUYỂN 27 829

743. BỐN TÂM RỘNG LỚN83 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại ấp Hoàng Chẩm84 của dòng họ Thích. Bấy giờ vào lúc sáng sớm, số đông Tỳ-kheo đắp y, ôm bát vào ấp Hoàng Chẩm khất thực. Lúc đó, nhiều Tỳ-kheo khởi lên suy nghĩ: "Giờ này hãy còn quá sớm, vẫn chưa đến giờ khất thực. Chúng ta có thể ghé qua tinh xá của các tu sĩ ngoại dạo." Thê roi, sô đông Tỳ-kheo cùng đên tinh xá của các tu sĩ ngoại đạo. Đên nơi, cùng chào hỏi nhau xong rồi ngồi sang một bên. Lúc này, các tu sĩ ngoại đạo hỏi: Sa-môn Cù-đàm có dạy những pháp này cho các đệ tử chăng? Đó là: "Đoạn trừ năm thứ ngăn che làm não loạn tâm, khiến trí tuệ yếu kém, là yếu tố gây chướng ngại và không dẫn đến Niết-bàn. Hãy khéo giữ gìn tâm mình, an trụ bốn niệm xứ, giữ tâm tương ưng với từ, không oán, không ghét, cũng không sân hận, trải tâm rộng lớn vô biên, khéo tu tập đầy đủ, trùm khắp bốn phương, bốn hướng, phương trên, phương dưới, khắp tất cả thế gian; giữ tâm tương ưng với từ, không oán, không ghét, cũng không sân hận, trải tâm rộng lớn vô biên, khéo tu tập đay đủ, hãy như vậy mà tu tập. Cũng vậy, tu tập tâm tương ưng với bi, hỷ, xả cũng nói tương tự như thế?59 Chúng tôi cũng giảng dạy cho các đệ tử mình giống như vậy. Thế thì, giữa chúng tôi và Sa-môn Cù-đàm kia có gì khác

biệt nhau? Nghĩa là cả hai đều có thể nói pháp. Khi ây, sô đông Tỳ-kheo nghe các tu sĩ ngoại đạo nói những lời này thì trong lòng không vui, nhimg vẫn im lặng không trách cứ gì roi đứng dậy rời đi. Sau khi vào ấp Hoàng Chẩm khất thực xong, các vị Tỳ-kheo này trở về tinh xá, thu dọn y bát và rửa chân. Sau đó họ cùng đến chỗ đức Phật, cúi lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và đem những lời của các tu sĩ ngoại đạo kia trình lại đây đu vơi Thê Tôn. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo:  Nếu các tu sĩ ngoại đạo kia nói như vậy thì các thầy nên hỏi lại rằng: "Tu tập tâm từ như thế nao để đạt đến chỗ tối thắng? Tu tập tâm bi, hỷ, xả như thế nào để đạt đến chỗ tối thắng?" Khi bị hỏi như vậy thì các tu sĩ ngoại đạo kia sẽ hoang mang, lo sợ? hoặc họ nói lảng sang chuyện khác, hoặc nổi giận, hoặc chê bai trách mắng, hoặc chống đối không nhẫn nhịn, hoặc lặng im ấm ức, hoặc cúi đầu không nói lời nào và đứng lặng suy ngẫm. Vì sao như vậy? Vì Như Lai chưa thấy ai trong chúng chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn, Bà-la- môn9 cho đến trời và người khi nghe những điều Như Lai giảng nói mà ưa thích và thuận theo, ngoại trừ Như Lai và chúng đệ tử của Như Lai.

83 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.743. 0197b15). Tham chiếu: s. 45.54 - v. 115. 84 Nguyên tác: Hoàng Chẩm ấp ( Koliyānam nigama), một ngôi làng của dòng họ Koliya.



Này các Tỳ-kheo! Vị nào tu tâm tương ưng với từ và tu tập thuần thục đến chỗ thanh tịnh la tối thắng; tu tập tâm bi và tu tập thuần thục đến chỗ Không vô biên xứ8586 là tối thắng; tu tập tâm hỷ và tu tập thuần thục đến chỗ Thức vô biên xứ' là tối thắng; tu tập tâm xả và tu tập thuần thục đến chỗ Vô sở hữu xứ87 là tối thắng. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

744. TÂM TỪ VÀ BẢY GIÁC CHI88 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bây giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Nếu Tỳ-kheo tu tâm từ và tu tập thuần thục rồi sẽ được phước quả lớn và lợi ích lớn. Thế nào là Tỳ-kheo tu tập tâm từ và tu tập thuần thục rồi sẽ được phước quả lớn và lợi ích lớn? Nghĩa là Tỳ-kheo để tâm tương ưng với từ đồng thời tu tập niệm giác phần, nương vào viễn ly, nương vào vô dục, nương vào diệt tận, hướng đến xả ly. Cho đến tu tập xả giác phần cũng nương vào viễn ly, nương vào vô dục, nương vào diệt tận, hướng đến xả ly. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

745. KHÔNG vô BIÊN xứ89 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Nếu Tỳ-kheo tu tập định Không vô biên xứ và tu tập thuần thục rồi sẽ được phước quả lớn và lợi ích lớn. Thế nào là Tỳ-kheo tu tập định Không vô biên xứ và tu tập thuần thục rồi sẽ được phước quả lớn và lợi ích lớn? Nghĩa

85 Nguyên tác: Không nhập xứ ^, còn gọi là Không xứ ,Không vô biên xứ , là COI trời thứ nhất trong bốn coi trời Vo sắc. J 86 Nguyên tác: Thức nhập xứ ,còn gọi là Thức vô biên xứ ,cõi trời thứ hai của cõi Vô Sắc. 87 Nguyên tác:

Vô sở hữu nhập xứ ,cõi trời thứ ba của cõi Vô sắc. 88 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r02. 0099.744. 0197cl5. Tham chiếu: s. 46.62-V. 131. 89 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.7.02. 0099.745. 0197c23.



9 • y e .

là Tỳ-kheo đê tâm tương ưng với Không vô biên xứ đông thời tu tập niệm giác phần, nương vào viễn ly, nương vào vô dục, nương vào diệt tận, hướng đến xả ly; (cho đen) tu tập xả giác phần cũng nương vào viễn ly, nương vào vô dục, nương vào diệt tận, hướng đến xả ly. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đêu hoan hỷ phụng hành. Tương tự như kinh nói về Không vô biên xứ, ba kinh nói về Thức vô biên xứ; Vô sở hữu xứ và Phi tưởng phỉ phỉ tưởng xứ, cũng được nói giong như vậy. ***

746. NIỆM HƠI THỞ RA VÀO (l)90 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nếu Tỳ-kheo tu tập niệm hơi thở ra, hơi thở vào91 và tu tập thuần thục rồi sẽ được phước quả lớn và lợi ích lớn. Thế nào là tu tập niệm hơi thở ra, hơi thở vào và tu tập thuân thục roi sẽ được phước quả lớn và lợi ích lớn? Nghĩa là Tỳ- kheo để tâm tương ưng với niệm hơi thở ra5 hơi thở vào, đồng thời tu tập niệm giác phân, nương vào viên ly, nương vào vô dục, nương vào diệt tận, hướng đên xả ly; (cho đến) tu tập xả giác phàn cũng nương vào viễn ly5 nương vào vô dục, nương vào diệt tận, hướng đến xả ly. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

747. QUÁN TƯỞNG vô THƯỜNG92 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Nếu Tỳ-kheo tu tập quán tưởng vô thường93 và tu tập thuần thục rồi sẽ được phước quả lớn và lợi ích lớn. Thế nào là Tỳ-kheo tu tập quán tưởng vô thường và tu tập thuần thục rồi sẽ được phước quả lớn và lợi ích lớn? Nghĩa là Tỳ-kheo để tâm tương ưng với tưởng vô thường, đồng thời tu tập niệm giác

90 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.746. 0l98a04). Tham chiếu: s. 46.66 - v. 132. 91 Nguyên tác: An-na-ban-na niệm ( 92 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.747. 0198al2). Tham chiếu: s. 46.57-76 - v. 129-33. 93 Nguyên tác: Vô thường tưởng (aniccasaññā).



phần, nương vào viễn ly, nương vào vô dục, nương vào diệt tận, hướng đến xả ly; (cho đên) tu tập xả giác phân cũng nương vào viên ly, nương vào vô dục, nương vào diệt tận, hướng đến xả ly. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Tương tự như kinh Quán tưởng vô thường, các kinh như Quán tưởng vô thường là kho; Quán tưởng kho là vô ngã;94 Quán tưởng thức ăn; Quán tưởng tất cả the gian không có gì đảng yêu thích; Quán tưởng sự chết;95 Quán tưởng sự đoạn tận;9697Quản tưởng sự vô dục;91 Quán tưởng sự đoạn diệt;9S Quán tưởng 98 ve tai

họa; Quán tưởng sự bất tịnh; Quán tưởng sự xanh bầm;99100 Quán tưởng sự 101 thoi rữa; Quán tưởng sự sình trương ỉên;iQQ Quán tưởng sự hư hoại, nứt nẻ;m Quán tưởng sự ăn không tiêu; Quán tưởng sự máu me; Quán tưởng sự phân tán; Quán tưởng về xương trắng; Quán tưởng về tánh rỗng không... mỗi mỗi kinh cũng được nói như trên.102

94 Tham chiếu: s. 46.73 - v 133.

95 Tham chiếu: s. 46.68 - v. 133.

96 Tham chiếu: s. 46.74 - v. 133.

97 Tham chiếu: s. 46.75 - v. 133.

98 Tham chiếu: s. 46.76 - v. 133.

99 Tham chiếu: s. 46.59 - v. 133.

100 Tham chiếu: s. 46.61 - v. 133.

101 Tham chiếu: s. 46.60 - v. 133.

102 Bản Hán, hết quyển 27.

QUYỂN 28 833

QUYỂN 28 748. TƯỚNG MẶT TRỜI MỌC123 Tôi nghe như vầy: Một thòi, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ5 Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Như mặt trời vừa mọc thì có tướng ban đầu của nó, đó gọi là minh tướng, là ánh sáng ban đầu. Cũng vậy, khi Tỳ-kheo vượt thoát hoàn toàn khổ đau thì tướng ban đâu của sự vượt thoát hoàn toàn khô đau chính là chánh kiên. Từ chánh kiến này có the phát khởi chánh tư duy,2 chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn,3 chánh niệm và chánh đinh. Nhờ phát khởi chánh định, nên tâm của vị Thánh đệ tử được giải thoát khỏi tham dục, sân hận và ngu si. Với tâm giải thoát hoàn toàn4 như vậy thì vị Thánh đệ tử đạt được chánh tri kiến, tự thân nhận biết: "Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 749. TƯỚNG VÔ MINH VÀ MINH5 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nếu vô minh6 là tướng đầu tiên thì sẽ sanh khởi các pháp xấu ác và bất thiện, rồi theo đó mà sanh ra vô tàm, vô quý. Khi vô tàm, vô quý đã sanh khởi

1 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.02. 0099.748. 0198ỒỒ5. Tham chiếu: s. 45.55 - v. 31; A. 10.111 - V. 221. ~ • 2 Nguyên tác: Chánh chí . 3 Nguyên tác: Chánh phương tiện .

4 Nguyên tác: Thiện giải thoát ,suvimuttà. Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển l, tr. 19; Tạp. r.02. 0099.22. 0004C20. 5 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.749. 0198bl4. Tham chiếu: s. 45.1 - v. 1. 6 Vô minh avijjā.

834 KINH TẠPA-HÀM ----------

rồi thì sẽ sanh ra tà kiến.78Khi tà kiến đã sanh rồi thì sẽ sanh khởi tà tư duy tà ngữ,910tà nghiệp/0 tà mạng,11 tà tinh tấn,12 tà niệm13 và tà định.14 Nếu minh là

tướng đầu tiên thì sẽ sanh khởi các pháp thiện, rồi tàm và quý theo đó mà sanh khởi. Khi tàm và quý đã sanh khởi rồi thì sẽ phát sanh chánh kiến. Khi chánh kiến đã sanh rồi thì sẽ đồng thời sanh khởi chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định cũng tuần tự mà sanh khởi. Khi chánh định đã sanh khởi rồi thì vi Thánh đệ tử liền được hoàn toàn giải thoát khỏi tham dục, sân hận và ngu si. Như vậy, khi Thánh đệ tử đã hoàn toàn giải thoát rồi thì sẽ có được chánh tri kiến và tự nhận biết: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

. GỐC CỦA VÔ MINH VÀ MINH15 750. CÔI Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. J ' Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ"kheo: -Này các Tỳ-kheo! Các pháp xấu ác và bất thiện sanh khởi đều do vô minh làm cội gốc, từ vô minh tích tụ, từ vô minh sanh ra, từ vô minh phát khởi. Vì sao như vậy? Bởi vì vô minh là không nhận biết rõ, không nhận biết đúng như thật đoi với pháp thiện và pháp bất thiện, cũng không biết đúng như thật đối với các pháp như là có tội và không có tội, thấp kém và cao thượng, nhiễm ô và thanh tịnh, có phân biệt và không phân biệt, do duyên khởi và không do duyên khởi. Vì không biết như thật nên mới sanh ra tà kiến. Khi đã sanh tà kiến rồi thì sẽ sanh khởi tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm và tà định. Các pháp thiện được sanh khởi đều từ minh làm cội gốc, từ minh mà tích tụ, từ minh mà sanh ra, từ minh mà phát khởi. Minh nghĩa là nhận biết như thật về pháp thiện và pháp bất thiện, cũng biết đúng như thật đối với hết thảy các

7 Tà kiến ,micchāditthī.

8 Nguyên tác: Tà chí ,micchāsañkappa.

9 Tà ngữ micchāvācā.

10 Tà nghiệp micchākammantā.

11 Tà mạng micchājīvā.

12 Nguyên tác: Tà phương tiện 7micchāvāyāmā.

13 Tà niệm micchāsatī.

14 Tà định micchāsamādhī.

15 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.750. 0198026.



pháp như là có tội và không tội, đáng thân cận và không đáng thân cận, thấp kém và tối thắng, nhiễm ô và trong sạch, có phân biệt và không phân biệt, do duyên khởi và không do duyên khởi. Sự nhận biết như thật đó chính là chánh kiến. Chánh kiến sẽ sanh khởi chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Khi đã sanh khởi chánh định rồi thì Thánh đệ tử liền được hoàn toàn giải thoát khỏi tham dục, sân hận và ngu si. Khi đã giải thoát khỏi tham dục, sân hận và ngu si rồi thì vi Thánh đệ tử liền được chánh tri kiến và tự nhận biết: “Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không

còn tái sanh.” Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 751. CHÂN CHÁNH VÀ TÀ VẠY16 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà5 thuộc nước Xá-vệ. _ q Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Ta không hoan hỷ17 nếu như người tại gia hay xuất gia làm những việc tà vạy. Vì sao như thế? Vì người tại gia hay xuất gia mà làm những việc tà vạy thì họ không vui thích Chánh pháp. Những việc gì là tà vạy? Đó là tà kiến... (cho đền) tà đính. Ta sẽ khen ngợi nếu như người tại gia hay xuất gia làm những việc chân chánh. Vì sao như thế? Bởi làm những việc chân chánh thì sẽ vui thích Chánh pháp, thiện lành trong Chánh pháp. Những việc gì là chân chánh? Đó là chánh kiến... (cho đến) chánh định. Bây giơ, The Ton liên noi kẹ: Tại gia hay xuất gia, Mà làm những việc tà, Rốt cuộc họ chẳng vui, Với Chánh pháp vô thượng. Tại gia hay xuất gia, Mà làm việc chân chánh, Tâm họ thường được vui, Với Chánh pháp vô thượng. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

16 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.751. 0198cl4). Tham chiếu: s. 45.24 - v. 18. 17 Nguyên tác: Ngã sở bất thuyết ().Thuyết ()dùng như chữ ttduyệf,().Tham chiểu: s. 45.24 - V. 18: Gihỉno vãham, bhikkhave, pabbajitassa vā mỉcchãpatỉpadarn na vannemi (Này các Tỷ- kheo, với người tại gia hay với người xuất gia, Ta không tán thán (na vanụemi) tà đạo lộ), HT. Thích Minh Châu dịch.



752. TỲ-KHEO CA-MA18

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tỳ-kheo Ca-ma đi đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa:

Kính bạch Thế Tôn! Thế Tôn có nói đến dục. Vậy thế nào là dục?

Đức Phật bảo Ca-ma: Dục ở đây chính là nói đến năm loại dục. Là năm loại nào? Đó là mắt nhận biết sắc đáng yêu, đáng nhớ, vừa ý? nuôi lớn dục lạc. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân biết xúc chạm đáng yêu, đáng nhớ, vừa ý9 nuôi lớn dục lạc, đó gọi là dục. Tuy nhiên, bản thân chúng không phải là dục mà sự tham đắm đối với chúng mới gọi là dục. Bay giơ, The Ton liên noi kẹ: Năm sắc giữa thế gian, Tự thân chẳng phải dục, Tư duy về tham dục, Đó là dục loài người, Các sắc luôn nơi dòi, Hãy đoạn trừ tâm dục. Tỳ-kheo Ca-ma bạch Phật: r r -Kính bạch Thê Tôn! Có con đường nào, có phương pháp nào dân đên việc đoạn trừ ái dục này chăng? Phật bảo Tỳ-kheo: Có con đường gồm tám chi phần có thể đoạn trừ ái dục. Đó là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Đức Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo Ca-ma nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. *** 753. A-LÊ-SẮT-TRA VÀ sự BẤT TỬ19 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có vi Tỳ-kheo tên là A-lê-sắt-tra đi đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Ngài roi ngôi sang một bên và thưa: Kính bạch Thế Tôn! Thế Tôn có nói đến sự bất tử.20 Vậy thế nào gọi là Sự bất tử?

18 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.752. 0198c27). Tham chiếu: s. 45.30 - v. 22. 19 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.753. 0199al3). Tham chiếu: s. 45.7 - v. 8. 20 Nguyên tác: Cam lộ (amată), tức sự bất tử.



Phật bảo A-lê-sắt-tra: Sự bất tử là nói về tên gọi của một cảnh giới.21 Nay Ta vì những người đã dứt sạch lậu hoặc mà nói về tên gọi này. Tỳ-kheo A-lê-sắt-tra bạch Phật: - Kính bạch Thế Tôn! Có con đường nào, có phương pháp nào nếu tu tập và tu tập thuần thục rồi sẽ đạt đến sự bất tử không? Phật bảo Tỳ-kheo: Có, đó là con đường Thánh có tám chi phần, từ chánh kiến... cho đếri chánh định. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

754. BẢY PHÁP HỖ TRỢ CHÁNH ĐỊNH22 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: -Kính bạch Thế Ton! Thế Tôn có nói đến các pháp hỗ trợ căn bản cho chánh định23 của bậc Hiền thánh. Vậy, các pháp hỗ trợ căn bản cho chánh định của bậc Hiền thánh là những pháp gì? Phật nói với Tôn giả Xá-lợi-phất: Đó chính là bảy chi phần của chánh đạo, đây là các pháp hỗ trợ căn bản cho chánh định của bậc Hiền thánh. Những gì là bảy? Đó là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn và chánh niệm. Này Xá-lợi-phất! Sau khi nương theo bảy chi phần của chánh đạo này làm nền tảng căn bản rồi sẽ đạt được tâm chuyên nhất. Đó gọi là các pháp hỗ trợ căn bản cho chánh định của bậc Hiền thánh. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

21 Nguyên tác: Cam lộ giả, giới danh thuyết ,.Theo s. 45.7 - v. 8, cảnh giới được gọi là bát tử ở bản kinh này tương đồng với cảnh giới Niết-bàn Nỉbbãnadhãtù. 22 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.7.02. 0099.754. 0199a22. Tham chiếu: s. 45.28 - v. 21. 23 Nguyên tác: Đẳng tam-muội sammāsamādhi^ còn gọi "chánh tam-muội^^ hay “ch dinh”



755-57. PHẬT HỎI CÁC TỲ-KHEO (l, 2, 3)24 Tương tự như ba kinh ở trên, đối với ba bài kinh "Phật hỏi các Tỳ-kheo" cũng nói giong như vậy. ***

758. LO SỢ GIỮA MẸ VÀ CON24 25 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nỗi lo sợ của người con không có mẹ26 và nỗi lo sợ của người con có mẹ là điều mà hàng phàm phu mê muội thiếu hiểu biết nói đến, nhimg họ không thể hiểu rõ về nỗi lo sợ của người con không có mẹ và nỗi lo sợ của người con có mẹ. Này các Tỳ-kheo! Có ba điều lo sợ của người con không có mẹ mà hàng phàm phu mê muội thiếu hiểu biết nói đến. Đó là ba điều gì? Này các Tỳ-kheo! Đó là khi có chiến tranh loạn lạc xảy ra, đất nước bị tàn hại, xô đẩy dân tình chạy loạn khắp nơi khiến con lạc mẹ, mẹ lạc mất con. Đây là điều lo sợ thứ nhất của người con không có mẹ mà hàng phàm phu mê muội thiếu hiểu biết nói đến. Lại nữa, các Tỳ-kheo! Khi có hỏa hoạn lớn bất chợt xảy ra,

thiêu rụi thành r :  e er Z áp, xóm làng, dân chúng chạy loạn kháp nơi khiên cho mẹ con thát lạc nhau. Đây là điều lo sợ thứ hai của người con không có mẹ mà hàng phàm phu mê muội thiếu hiểu biết nói đến. Lại nữa, các Tỳ-kheo! Khi có trận mưa lớn, nước lũ từ trên núi tràn xuống, cuốn trôi cả làng mạc, người dân bỏ chạy tứ tán khiến mẹ con thất lạc nhau. Đây là điều lo sợ thứ ba của người con không có mẹ mà hàng phàm phu mê muội thiếu hiểu biết nói đến. Tuy nhiên, những điều lo sợ này chính là nỗi lo sợ của người con có mẹ, nhưng hàng phàm phu mê muội thiếu hiểu biết lại cho đó là nỗi lo sợ của người con không có mẹ. Khi có chiến tranh loạn lạc xảy ra, đất nước bi tàn hại, dân chúng chạy loạn khắp nơi khiến mẹ con thất lạc nhau, cũng có khi mẹ con gặp lại nhau. Đó là điêu lo sợ thứ nhát của người con có mẹ, nhưng hàng phàm phu mê muội thiếu hiểu biết lại cho đó là nỗi lo sợ của người con không có mẹ.

24 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.755-757. 0199ỒỒ3). 25 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.758. 0199005). Tham chiếu: A. 3.62 - L 178. 26 Vô mẫu tử (,amātāputtakā).



Lại nữa, khi có trận hỏa hoạn lớn bất chợt xảy ra, thiêu rụi thành ấp, xóm làng, dân chúng chạy loạn khắp nơi khiến cho mẹ con bị thất lạc nhau, nhưng cũng có khi mẹ con gặp lại nhau. Đây là điều lo sợ thứ hai của người con có mẹ mà hàng phàm phu mê muội thiếu hiểu biết lại cho đó là nỗi lo sợ của người con không có mẹ. Lại nữa, khi có trận mưa lớn, nước lũ từ trên núi tràn xuống, cuốn trôi làng mạc, người dân bỏ chạy tứ tán khiến mẹ con thất lạc nhau, nhưng cũng có khi mẹ con gặp lại nhau. Đây là điều lo sợ thứ ba của người con có mẹ mà hàng phàm phu mê muội thiếu hiểu biết lại cho đó là nỗi lo sợ của người con không có mẹ. Này các Tỳ-kheo! Có ba điều lo sợ của người con không có mẹ mà khi Ta tự mình giác ngộ trở thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác27 đã tuyên bố.28 Đó là ba điều gì? Này các Tỳ-kheo! Khi người con già, không có người mẹ nào có thể nói: "Con à! Con đừng già, mẹ sẽ già thay con." Hoặc lúc mẹ già di, cũng không có người con nào nói: "Mẹ à! Mẹ đừng gi con sẽ già thay mẹ." Đây là điều lo sợ thứ nhát của người con không có mẹ được Ta tuyên bô khi tự mình giác ngộ trở thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Khi người con bi bệnh, người mẹ không thể nói: "Con à! Con đừng bệnh, mẹ sẽ bệnh thay con." Hoặc khi mẹ bị bệnh, người con cũng không thể bảo: "Mẹ ơi! Mẹ đừng bệnh, con sẽ bệnh thay mẹ.55 Đây là điều lo sợ thứ hai của người con không có mẹ được Ta tuyên bo khi tự mình giác ngộ trở thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại nữa, lúc người con qua đời, người mẹ không thể nói: "Con ơi! Con đừng chết, mẹ sẽ chết thay con." Hoặc khi người mẹ qua đời, người con cũng không thể bảo: “Mẹ ơi! Mẹ đừng chết, con sẽ chết thay mẹ.,, Đây là điều lo sợ thứ ba của người con không có mẹ được Ta tuyên bố khi tự mình giác ngộ trở thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Các Tỳ-kheo bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Có con đường nào, có phương pháp nào để tu tập và tu tập thuần thục sẽ dứt trừ được ba điều lo sợ của người con có mẹ và dứt trừ được ba điều lo sợ của người con không có mẹ chăng? Phật bảo các Tỳ-kheo: -Có con đường, có phương pháp dân đên đoạn trừ được ba điêu lo sợ này. Những con đường nào, những phương

pháp nào mà tu tập và tu tập thuần thục sẽ đoạn trừ được ba điều lo sợ của người con có mẹ và đoạn trừ được ba điều lo sợ của người con không có mẹ? Đó chính là con đường Thánh có tám chi phần,

2\Tam-bồ-đề ,gọi đầy đủ là Tam-miệu-tam-bồ-đề ,nghĩa là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. 28 Nguyên tác: Ký thuyết vyãkatà: Giải thích, tuyên bố.



gồm chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh đinh. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

759. BA THỌ29 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ? Thê Ton bao các Tỳ"kheo: Có ba loại cảm thọ, chúng là vô thường, là pháp hữu vi, do duyên nơi tâm mà sanh. Là ba loại nào? Đó là cảm thọ vui, cảm thọ khổ và cảm thọ không kho không vui. Các Tỳ-kheo bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Có con đường nào, có phương pháp nào để tu tập và tu tập thuần thục sẽ đoạn trừ được ba loại cảm thọ này không? Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: -Có con đường, có phương pháp mà khi tu tập và tu tập thuần thục sẽ dẫn đến đoạn trừ được ba loại cảm thọ này. Những con đường nào, những phương pháp nào mà tu tập và tu tập thuần thục sẽ đoạn trừ được ba loại cảm thọ này? Đức Phật lại nói với các Tỳ-kheo: Đó là con đường Thánh có tám chi phân, gôm chánh kiên, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

760. BA ĐIỀU KHÔNG VUI30

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-dà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- ở đời có ba điều không đáng vui, không đáng yêu, cũng không đáng nhớ.

Là ba điều gì? Đó là già, bệnh và chết. Ba điều này không đáng vui, không

29 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.759. 0l99cl7). Tham chiếu: s. 45.29 - v. 2l 30 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.760. 0l99c27). Tham chiếu: Tạp.(r.O2. 0099. 346. 0095CÍ7); A. 10.74 - v. 144.



đáng yêu, cũng không đáng nhớ nghĩ. Nếu nơi thế gian không có ba điều không đáng vui, không đáng yêu, cũng không đáng nhớ nghĩ này sẽ không có bậc Như Lai, Ưng Cúng, Đăng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian; thế gian cũng không biết có giáo pháp được thuyết, sự giáo giới và sự truyền thọ của Như Lai. Do thê gian có ba điêu không đáng vui, không đáng yêu, cũng không đáng nhớ nghĩ này, nên đức Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác mới xuất hiện ở the gian và the gian mới biết có giáo pháp được thuyết, sự giáo giới và sự truyền thọ của Như Lai. Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Kính bạch

Thế Tôn! Có con đường nào, có phương pháp nào để tu tập và tu tập thuần thục sẽ đoạn trừ được ba điều là không đáng vui, không đáng yêu, cũng không đáng nhớ nghĩ này không? Phật bảo các Tỳ-kheo: -Có con đường, có phương pháp mà khi tu tập và tu tập thuần thục sẽ dẫn đến đoạn trừ được ba điều là không đáng vui, không đáng yêu, cũng không đáng nhớ nghĩ này. Những con đường nào, những phương pháp nào mà tu tập và tu tập thuần thục sẽ đoạn trừ được ba điều là không đáng vui, không đáng yêu, cũng không đáng nhớ nghĩ này? Đó là con đường Thánh có tám chi phần, gồm chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

761. HỮU HỌC VÀ VÔ HỌC31 y

Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. ỉ _ Bay giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Ta sẽ nói về bậc Hữu học32 và Vô học.33 Các thầy hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Thế nào là bậc Hữu học? Nghĩa là người phải học để thành tựu chánh kiến, học để thành tựu chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh đinh. Đây gọi là bậc Hữu học. Thế nào là bậc Vô học? Nghĩa là người không còn học để thành tựu chánh kiến, không còn học để thành tựu chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Đây gọi là bậc Vô học.

31 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.761. 0200a14. Tham chiếu: s. 45.13 - v. 14. 32 Bậc Hữu học Sekho chỉ cho bậc Thánh từ quả vị Dự lưu đến quả vị A-na-hàm. 33 Bậc Vô học ,Asekhà chỉ cho bậc Thánh A-la-hán.



Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Như bậc Hữu học và Vô học; bậc Chánh sĩ; Đại sĩ, cũng nói như the. ***

762. BẬC THÁNH LẬU TẬN34 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. J Bây giơ, Thê Ton bao các Ty-kheo: Ta sẽ nói về bậc Thánh lậu tận. Thế nào là bậc Thánh lậu tận? Đó là bậc không còn học để thành tựu chánh kiến... (cho đến) bậc không còn học đe thành tựu chánh định. Đây gọi là bậc Thánh lậu tận. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đêu hoan hỷ phụng hành. ***

763. THÁNH ĐẠO TÁM CHI35 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Nay Ta sẽ nói về Thánh đạo tám chi. Là tám chi nào? Đó là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh đinh. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành* ***

764. TU TẬP THÁNH ĐẠO TÁM CHI36 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Hôm nay Ta sẽ nói về sự tu tập Thánh đạo tám chi. Các thầy hãy lắng nghe

và khéo suy nghĩ! Thế nào là tu tập Thánh đạo tám chi? Là Tỳ-kheo tu tập

34 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.762. 0200a23). 35 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.763. 0200Ồ28). 36 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.764. 0200Ồ04). Tham chiếu: s. 45.15 - v. 14.



chánh kiên, nương vào viên ly, nương vào vô dục, nương vào diệt tận, hướng đên xả ly; tu tập chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tân, chánh niệm và chánh đinh, nương vào viễn ly, nương vào vô dục, nương vào diệt tận, hướng đến xả ly. Đây gọi là tu tập Thánh đạo tám chi. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

765. TU THÁNH ĐẠO TÁM CHI TRONG BA THỜI37

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Hôm nay Ta sẽ nói về Tỳ-kheo trong quá khứ đã tu Thánh đạo tám chi, tương lai sẽ tu Thánh đạo tám chi... (cho deny.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

766. THÁNH ĐẠO TÁM CHI THANH TỊNH38 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà5 thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Này các Tỳ-kheo! Chánh kiến thanh tịnh, trong sáng, không có lỗi lầm, lìa các phiền não, chưa sanh khởi thì chẳng thể sanh khởi, trừ khi có đức Phật chỉ dạy39... (cho đến)40 chánh định cũng nói như thế. Chánh kiến thanh tịnh, trong sáng, không có lỗi lầm, lìa các phiền não, nếu chưa sanh khởi liền có thể sanh khởi, đó là nhờ có đức Phật chỉ dạy... (cho đến) chánh định cũng nói như thế. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

37 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.765. 0200bll). 38 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.766. 0200b15). Tham chiếu: s. 45.16-Í7 - v. 15. 39 Nguyên tác: Điều phục ()có nghĩa là huấn luyện, chỉ dạy. Tham chiếu: s. 45.16 - v. 15: Nāññatra tathāgatassa pātubhāvā arahato sammāsambuddhassa (chỉ khi nào Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xuất hiện), HT. Thích Minh Châu dịch. 40 Bản Hán tỉnh lược, xem nội dung đầy đủ tại kinh số 731; Tạp.(r02. 0099.731. 0196a28).



Như trường hợp "trừ khỉ có đức Phật chỉ dạý\ trường hợp "trừ khi cỏ Thiện Thệ chỉ dạy" cũng nói như trên. *** 767. NAM THỨ CHE ĐẬY VÀ THÁNH ĐẠO TÁM CHI41 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Nói đến nhóm các pháp bất thiện tức là nói đến năm thứ che đậy/2 đây là lời đúng đắn. Vì sao như vậy? Vì nhóm này chứa

toàn bộ các pháp bất thiện, cho nên gọi là năm thứ che đậy. Là năm thứ nào? Đó là tham dục, sân hận, thùy miên, trạo hối và nghi. Còn nói đến nhóm các pháp thiện tức là nói đến Thánh đạo tám chi, đây là lời đúng đắn. Vì sao như vậy? Vì nhóm này thuần nhất thanh tinh, thiện lành, cho nên gọi là Thánh đạo tám chi. Là tám chi nào? Đó là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tan, chánh niệm và chánh đinh. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 768. MÔT NỬA PHẠM HẠNH (2)43 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật trú tại tinh xá Sơn Cốc, thuộc thành Vương Xá. Bay giờ, Tôn giảA-nan một mình ở chỗ vang, suy nghĩ như vay: "Người có một nửa Phạm hạnh cũng là thiện tri thức, là bạn bè tốt, là tùy tùng (cho đến)44 Phật bảo A-nan:  Người có Phạm hạnh trong sạch, thuần nhất thanh tịnh mới chính là thiện tri thức. Vì sao như thế? Vì chính Ta là thiện tri thức, có thể giúp chúng sanh tu tập chánh kiến, nương vào viễn ly, nương vào vô dục, nương vào diệt tận, hướng đến xả ly... (cho đến) tu tập chánh đinh, nương vào viễn ly, nương vào vô dục, nương vào diệt tận, hướng đến xả ly.

41 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.767. 02Ọ0ỒỒ23). Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.611. 0171024); Tạp. B (T.02. 0099.725. 0195ỒỒ01); Tăng.(7102. 0125.32.2. 0674all); s. 47.5 -V. 145; S. 47.45 - v. 186; A. 5.52  III. 65. 42 Xem chú thích 45, kinh số 725, quyển 27, tr. 817; Tạp.(T.02. 0099.725. 0195b01). 43 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.768. 0200c03). Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.726. 0Ì95bl0); s. 45.2 - v 2. 44 Bản Hán tỉnh lược, xem nội dung đầy đủ trong kinh số 726; Tạp.(r02. 0099.726. 0195b 10).



Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

769. CỖ XE CHÁNH PHÁP45 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ, vào lúc sáng sớm, Tôn giả A-nan đáp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Lúc ấy, có Bà-la-môn Sanh Văn cưỡi xe ngựa trắng với nhiều đệ tử trẻ tuổi tháp tùng cùng cưỡi ngựa trắng, xe trắng, dám ngựa trắng, roi trắng, đầu đội mũ trắng, cầm lọng trắng, phất trần trắng, mặc y phục trắng, đeo chuỗi ngọc trắng, dùng bột hương trăng xoa thân. Chúng đệ tử tháp tùng cũng toàn một màu trắng như thế. Họ ra khỏi thành Xá-ve, muốn vào trong rừng để truyền dạy, đọc tụng kinh điển. Mọi người trông thấy như thế đều khen: ucỗ xe tốt! cỗ xe tốt! Đó là cỗ xe của Bà-la-m6n." Lúc ấy, Tôn giả A-nan trông thấy Bà-la-môn cùng quyến thuộc và đồ vật, tất cả đều một màu trắng. Sau đó, Tôn giả vào thành khất thực, rồi trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong đến đảnh lễ Phật và thưa:  Bạch Thế Tôn! Sáng sớm hôm nay con đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực, trông thấy Bà-la-môn Sanh Văn đi xe ngựa trắng, quyến thuộc và đồ vật đều một màu trắng. Mọi người trông thấy đều reo lên: "Cỗ xe tốt! Đó là cỗ xe của Ba-la-mon?9 Bạch Thế Tôn, theo Chánh pháp và Giới luật thì đó là cỗ xe của người đời hay là cỗ xe của Bà-la-môn? Phật bảo A-nan:  Theo Chánh pháp và Giới luật của Ta thì đó là cô xe của người đời, chăng phải là cỗ xe của Bà-la-môn. Này A-nan! cỗ xe Chánh pháp và Giới luật của Ta, cỗ xe chư thiên, cỗ xe Bà-la-môn, cỗ xe lớn có thể điều phục quân binh phiền não. Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ

giảng nói cho thầy. Này A-nan! Thế nào là cỗ xe Chánh pháp và Giới luật, cỗ xe của chư thiên, cỗ xe của Bà-la-môn, cỗ xe lớn có thể điều phục quân binh phiền não? Đó là Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến... (cho đến) chánh định. A-nan! Đó gọi là cỗ xe Chánh pháp và Giới luật, cỗ xe của chư thiên, cỗ xe của Bà-la-môn, cỗ xe lớn có the điều phục quân binh phiền não. Bay giơ, The Ton liên nói bai kẹ: Niềm tin, giới là ách, Tàm quý là dây dám, Chánh niệm khéo giữ gìn, Là người khéo điều ngự.

45 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.769. 0200c 11). Tham chiếu: s. 45.4 - v. 4.



Xả tam-muội: Càng xe, Trí, tinh tấn là bánh, Vô trước, nhẫn nhục: Giáp, An ổn đi đúng phép. Tiến thẳng chẳng trở lui, Trọn không còn lo sợ, Bậc trí cưỡi xe này, Nhiếp phục giặc vô trí. *** 770. LÌA, đoạn tà kiến46 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. r Bay giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Hãy lìa tà kiến, hãy đoạn tà kiến! Nếu tà kiến không thể đoạn trừ thì Như Lai tuyệt đối không nói hãy lìa, hãy đoạn tà kiến. Do vì tà kiến có thể đoạn trừ nên Như Lai mới nói Tỳ-kheo hãy lìa tà kiến. Nếu người nào không thể lìa tà kiến thì ta kiến ấy sẽ khiến cho [người đó] gây tạo lỗi lầm và không thể đạt được nhiều lợi ích. Thế nên Như Lai nói hãy lìa tà kiến. Tương tự như vây, với tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tân, tà niệm và tà định cũng nói như thế. Này các Tỳ-kheo! Lìa tà kiến rồi thì hãy nên tu tập chánh kiến. Nêu chánh kiến không thể tu tập thì Như Lai tuyệt đối không nói tu tập chánh kiến. Do vì chánh kiến có thể tu tập nên Như Lai mới nói Tỳ-kheo hãy tu tập chánh kiến. Nếu người nào không tu tập chánh kiến sẽ gây tạo lỗi lầm và không thể đạt được nhiều lợi ích. Do vì không tu tập chánh kiến nên gây tạo lỗi lầm và không đạt được nhiều lợi ích. Thế nên Như Lai nói hãy tu tập chánh kiến để được nhiều lợi ích và luôn được an vui. Do vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy tu tập chánh kiến. Tương tự như vậyf với chánh tư duy, chảnh ngữ, chảnh nghiệp, chảnh mạng, chánh tinh tấnf chánh niệm và chánh định cũng nói như thế. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 771. BỜ BÊN KIA (l)47 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

46 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp B (7.02.0099.770.0201 a09). Tham chiếu: Tạp.(02.0099.784. 0203a01); Bát chảnh đạo kinh (r.02. 0112. 0504c26); 5. 45.8 - V. 8; s. 45.21 - v. 17. 47 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.771. 0201a25). Tham chiếu: s. 45.34 - v. 24; A. 10.117-V. 232.



Bấy giờ, có Bà-la-môn Sanh Văn đi đến chỗ Phật, ân càn thăm hỏi nhau xong roi ngồi sang một bên và bạch: Thưa Cù-đàm! Nói rằng: "Chẳng phải bờ bên kia và bờ bên kia." Thế nào là chẳng phải bờ bên kia? Thế nào là bờ bên kia? Phật bảo Bà-la-môn: -Tà kiến chẳng phải là bờ ben kia. Chánh kiến là bơ bên kia. Tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm và tà định chẳng phải là bờ bên kia. Chánh kiên là bờ bên

kia. Chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định là bờ bên kia. Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ: Thật hiếm có những người, Qua được bờ bên kia, Tất cả các thế gian, Quanh quẩn bên bờ này. Trong Chánh pháp của Ta, Những ai khéo tùy thuận, Họ khéo qua bờ kia, Bờ sanh tử khó vượt. Bà-la-môn Sanh Văn nghe lời Phật dạy liền hoan hỷ và tùy hỷ rồi từ chỗ ngồi đứng dậy rời đi. *** 772-74. BỜ BÊN KIA (2, 3, 4)48 Cũng như kinh trên, ba bài kinh Tỳ-kheo khác hỏi Tôn giả A-nan, hỏi Phật, hỏi các Tỳ-kheo, cũng nói như vậy. *** 775. Tư DUY BẤT CHÁNH (l)49 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc5 trong rừng Kỳ-dà, thuộc nước Xá-vệ. _ ỉ Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: ở trong giáo pháp này50 Ta không thấy một pháp nào có thể khiến cho pháp ác, bất thiện chưa sanh thì phát sanh, đã sanh rồi thì càn^ thêm tăng trưởng như là tư duy bất chánh. Này các Tỳ-kheo! Người tư duy bát chánh thì tà kiến chưa sanh sẽ phát sanh, đã sanh rồi càng thêm tăng trưởng. Với tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm và tà định cũng nói như vậy. Này các Tỳ-kheo! ở trong giáo pháp này Ta không thấy một pháp nào có thể khiến cho pháp ác? bất thiện chưa sanh thì không sanh, đã sanh rồi thì khiên

48 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.772-774. 0201bll). 49 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.775. 0201bl3). Tham chiếu: s. 45.76 - v. 35; S. 45.83 - V. 36. 50 Xem chú thích 23, kinh số 716, quyển 27, tr. 807; Tạp.(T.02. 0099.716. 0193a08).



cho hoại diệt như là chánh tư duy. Này các Tỳ-kheo! Người chánh tư duy thì tà kiến chưa sanh sẽ không sanh, đã sanh rồi thì khiến cho hoại diệt. Với tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm và tà định cũng nói như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

776. TƯ DUY BẤT CHÁNH (2)5152 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giơ, Thê Ton bao các Ty-kheo: ở trong giáo pháp này Ta không thấy một pháp nào có thể khiến cho thiện pháp chưa sanh sẽ không phát sanh, đã sanh rồi thì khiến cho giảm sút như là tư duy bất chánh. Này các Tỳ-kheo! Người tư duy bất chánh thì chánh kiến chưa sanh sẽ không sanh, đã sanh rồi sẽ khiến cho giảm sút. Cũng vậy, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định chưa sanh sẽ không sanh, đã sanh rồi sẽ khiến cho giảm sút. Này các Ty-kheo! ở trong giáo pháp này Ta không thấy có một pháp nào có thể khiến cho thiện pháp chưa sanh sẽ phát sanh, đã sanh rồi thì khiến càng tăng trưởng như là chánh tư duy. Này các Tỳ-kheo! Người chánh tư duy thì chánh kiên chưa sanh sẽ phát sanh, chánh kiên đã sanh roi thì khiên thêm tăng trưởng. Cũng vậy, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định chưa sanh sẽ phát sanh, đã sanh rồi thì khiến thêm tăng trưởng. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

777. TƯ DUY BẤT CHÁNH (3)52

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

51 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.776. 0201b25). Tham chiếu: s. 45.76 - v. 35; S. 45.83 - V. 36. 52 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.777. 0201c09). Tham chiếu: s. 45.76 - v. 35; S. 45.83 - V. 36.



ở trong giáo pháp này Ta không thấy một pháp nào có thể khiến cho pháp ác, bất thiện chưa sanh sẽ phát sanh; pháp ác, bất thiện đã sanh rồi thì khiến thêm tăng trưởng; thiện pháp chưa sanh sẽ không sanh, thiện pháp đã sanh rồi thì khiên cho giảm sút như là tư duy bất chánh. Này các Tỳ-kheo! Người tư duy bất chánh thì tà kiến chưa sanh sẽ phát sanh, tà kiến đã sanh rồi thì khiến thêm tăng trưởng; chánh kiến chưa sanh sẽ không phát sanh, chánh kiến đã sanh rồi thì khiến cho giảm sút. Cũng vậy, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm và tà định chưa sanh sẽ phát sanh, đã sanh rồi thì khiến thêm tăng trưởng; chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định chưa sanh sẽ không sanh, đã sanh rồi thì khiến cho giảm sút. Này các Tỳ-kheo! ở trong giáo pháp này Ta không thấy một pháp nào có thể khiến cho pháp ác, bất thiện chưa sanh sẽ không phát sanh; pháp ác, bất thiện đã sanh rồi thì khiến cho hoại diệt; thiện pháp chưa sanh sẽ khiến sanh khởi, thiện pháp đã sanh rồi sẽ khiến cho tăng trưởng như là chánh tư duy. Này các Tỳ-kheo! Người chánh tư duy sẽ khiến cho tà kiến chưa sanh sẽ không sanh khởi, tà kiến đã sanh rồi thì khiến cho hoại diệt; chánh kiến chưa sanh sẽ khiên sanh khởi, chánh kiên đã sanh roi sẽ khiên thêm tăng trưởng. Cũng vậy, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm và tà định chưa sanh sẽ khiến cho không sanh khởi, đã sanh rồi sẽ khiến cho hoại diệt; chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định chưa sanh sẽ khiến cho sanh khởi, đã sanh rồi sẽ khiến thêm tăng trưởng. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

778. THIỆN, ÁC TRI THỨC (l)53 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -ở trong pháp ngoại đạo, Ta không thấy có một pháp nào có thể khiến cho pháp ác, bất thiện chưa sanh thì sanh khởi; pháp ác, bất thiện đã sanh rồi khiến thêm tăng trưởng như là ác tri thức, bạn bè xấu, cộng sự xấu. Này các Tỳ-kheo! Ác tri thức, bạn bè xấu, cộng sự xấu có thể làm cho tà kiến chưa sanh thì sanh khởi, tà kiến đã sanh rồi càng thêm tăng trưởng. Cũng vậy, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm và tà định chưa sanh thì khiến cho sanh khởi, đã sanh rồi khiến thêm tăng trưởng.

53 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.778. 0201 c29). Tham chiếu: Tạp.(r02. 0099.779. 0202al4); Tạp.(T.02. 0099.780. 0202a23); s. 45.77 - v. 35; s. 45.84 - v. 37.

Này các Tỳ-kheo! ở trong pháp ngoại dạo, Ta không thấy có một pháp nào có thể khiến cho pháp ác? bất thiện chưa sanh thì không sanh khởi; pháp ác, bát thiện đã sanh rồi thì khiến cho hoại diệt như là thiện tri thức, bạn bè tốt, cộng sự tốt Này các Tỳ-kheo! Thiện tri thức, bạn bè tốt, cộng sự tốt có thể khiến cho tà kiến chưa sanh sẽ không sanh khởi, tà kiến đã sanh rồi sẽ khiến cho hoại diệt. Tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm và tà đinh chưa sanh thì không sanh khởi, đã sanh rồi sẽ khiến cho hoại diệt. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

779. THIỆN, ÁC TRI THỨC (2)54 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. J J … r Bây giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: ở trong pháp ngoại đạo, Ta không thấy một pháp nào có thể khiến cho thiện pháp chưa sanh thì sanh khởi, thiện pháp đã sanh rồi sẽ khiến thêm tăng trưởng như là thiện tri thức, bạn bè tốt, cộng sự tốt. Này các Tỳ-kheo! Thiện tri thức, bạn bè tốt, cộng sự tốt có thể khiến cho chánh kiến chưa sanh sẽ được sanh khởi, chánh kiến đã sanh roi thì càng thêm tăng trưởng. Cũng vậy, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định chưa sanh thì khiến cho sanh khởi, đã sanh rồi khiến thêm tăng trưởng. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

780. THIỆN, ÁC TRI THỨC (3)55 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc? trong rừng Kỳ-đà9 thuộc nước Xá-vệ. - Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -ở trong pháp ngoại đạo, Ta không thấy một pháp nào có thể khiến cho pháp ác, bất thiện chưa sanh thì sanh khởi; pháp ác, bất thiện đã sanh rồi khiến thêm tăng trưởng; thiện pháp chưa sanh thì không sanh, thiện pháp đã sanh rồi khiến cho hoại diệt như là ác tri thức, bạn bè xấu, cộng sự xấu. Này

54 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.779. 0202al4). Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.778. 0201C19); Tạp.(T.02. 0099.780. 0202a23); s. 45.77 - v. 35; s. 45.84 - v. 37. 55 Tựa đề đặt theo nội dung kinh..(T.02. 0099.780. 0202a23). Tham chiếu: Tạp.(02. 0099.778. 0201C29); Tạp.(T.02. 0099.779. 0202al4); s. 45.77 - v. 35; s. 45.84-v. 37.



các Tỳ-kheo! Ác tri thức, bạn bè xấu, cộng sự xấu có thể khiến cho tà kiến chưa sanh thì phát sanh, tà kiến đã sanh rồi khiến thêm tăng trưởng; chánh kiến chưa sanh khiến chẳng sanh, chánh kiến đã sanh rồi khiến cho giảm sút. Cũng vậy, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm và tà định chưa sanh khiến phát sanh, đã sanh rồi lại khiến thêm tăng trưởng; chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định chưa sanh khiến chẳng sanh, đã sanh rồi khiến cho giảm sút. Này các Tỳ-kheo! ở trong pháp ngoại đạo, Ta không thấy một pháp nào có thể khiến cho pháp ác, bất thiện chưa sanh thì chẳng sanh; pháp ác, bất thiện đã sanh rồi lại khiến cho hoại diệt; thiện pháp chưa sanh khiến phát sanh, thiện pháp đã sanh khiến thêm tăng trưởng như là thiện tri thức, bạn bè tốt, cộng sự tốt. Này các

Tỳ-kheo] Thiện tri thức, bạn bè tốt, cộng sự tốt có thể khiến cho tà kiến chưa sanh chẳng sanh, tà kiến đã sanh rồi khiến cho hoại diệt; chánh kiến chưa sanh khiến phát sanh, chánh kiến đã sanh roi khiến thêm tăng trưởng. Cũng vậy, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm và tà định chưa sanh khiến chẳng sanh, đã sanh rồi khiến cho hoại diệt; chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định chưa sanh khiến phát sanh, đã sanh rồi khiến thêm tăng trưởng. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

781. CHÁNH, BẤT CHÁNH TƯ DUY56 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bảo các Ty-kheo: -ơ trong giáo pháp này, Ta không thây một pháp nào có thê khiên cho pháp ác, bất thiện chưa sanh thì phát sanh, đã sanh rồi càng thêm tăng trưởng; thiện pháp chưa sanh thì không sanh, đã sanh rồi khiến cho giảm sút như là tư duy bất chánh. Này các Tỳ-kheo! Người tư duy bất chánh có thể khiến cho tà kiến chưa sanh sẽ phát sanh, tà kiên đã sanh roi càng thêm tăng trưởng; chánh kiên chưa sanh khiến chẳng sanh, chánh kiến đã sanh liền giảm sút. Này các Tỳ-kheo! ở trong giáo pháp này, Ta không thấy một pháp nào có thể khiến cho pháp ác, bất thiện chưa sanh sẽ không phát sanh; pháp ác, bất thiện đã sanh khiến cho hoại diệt; thiện pháp chưa sanh khiến được sanh, thiện pháp đã sanh rồi khiến thêm tăng trưởng như là chánh tư duy. Này các Tỳ-kheo!

56 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.781. 0202b15). Tham chiếu: s. 45.76 - v. 35; S. 45.83 - V. 36.



Người chánh tư duy có thể khiến cho tà kiến chưa sanh chẳng thể phát sanh, tà kiến đã sanh khiến cho hoại diệt; chánh kiến chưa sanh khiến cho phát sanh, chánh kiên đã sanh roi khiên thêm tăng trưởng. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. A

Như nói vê Tà kiên và chảnh kiên, cũng vây, Tà tư duy và chánh tư duy; Tà ngữ và chánh ngữ; Tà nghiệp và chánh nghiệp; Tà mạng và chánh mạng; Tà tỉnh tấn và chánh tinh tấn; Tà niệm và chánh niệm; Tà định và chánh định, bảy kinh này cũng nói như trên. Như tám kinh nói vê Pháp bên trong, cũng vậy tám kỉnh nói vê Pháp bên ngoài cũng nói như thế. ***

782. PHI PHÁP VÀ PHÁP57 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giờ, The Ton bảo các Ty-kheo: -Có phi pháp và pháp. Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng nói cho các thầy. Những gì là phi pháp và pháp? Tà kiến là phi pháp, chánh kiến là pháp... (cho đen) tà định là phi pháp, chánh định là pháp. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. \ \ Như kỉnh nói vê Phi pháp và pháp, cũng vậy, nói vê Phi luật và chánh luật; Phỉ Thánh và Thảnh; Bất thiện pháp và thiện pháp; Chẳng phải tập pháp và tập pháp; Chang phải pháp đáng khen ngợi và pháp đáng khen ngợi; Pháp đen và pháp trắng; Phỉ nghĩa và chánh nghĩa; Pháp thấp kém và pháp cao thượng; Pháp co

tôi va pháp vo tôi; Pháp nen bo va pháp chăng bo, moi moi kinh đêu nói như trên. ***

783. ĐOẠN DỨT58
Tôi nghe như vay:
Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cù-sư-la9 thuộc nước Câu-diệm-di.
Bây giờ, Tôn giả A-nan cũng ở tại trú xứ đó.
57 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.782. 0202c03). 58 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.783. 0202c12). Tham chiếu: s. 45.5 - v. 6.



Khi ấy, có Bà-la-môn đi đến chỗ Tôn giảA-nan ân cần thăm hỏi nhau, thăm xong rồi ngồi sang một bên và thưa với Tôn giả: Tôi có điều muốn hỏi, không biết Tôn giả có thời gian để giải đáp cho chăng?

Tôn giả A-nan đáp: Tuy y ong hỏi, nêu biêt toi sẽ tra lơi!

Bà-la-môn hỏi:
-Thưa Tôn giả A-nan! Vì sao ngài xuất gia tu hành Phạm hạnh với Sa-môn
Cù-đàm?
Tôn giả A-nan đáp:
Này Bà-la-môn! Vì đoạn dứt.
Lại hỏi: Đoạn dứt điều gì?

Tôn giả đáp: -Đoạn dứt tham dục, sân hận và ngu si. Bà-la-môn lại hỏi: -Có con đường, có phương pháp nào dẫn đến đoạn dứt tham dục, sân hận và ngu si không? Tôn giả A-nan đáp: Thưa có! Đó là Thánh đạo tám chi gồm chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Bà-la-môn nói: Thưa Tôn giả A-nan! Cao quý thay con đường ấy! Cao quý thay phương pháp ấy! Nếu tu tập và tu tập thuần thục có thể đoạn dứt tham, sân, si. Ngay lúc Tôn giảA-nan thuyết pháp, Bà-la-môn kia nghe những lời Tôn giả dạy liền hoan hỷ và tùy hỷ rồi từ chỗ ngồi đứng dậy rời đi. r \ A 2 Giông như kinh nói vê Đoạn r dứtr tham, sân, si, cũng vầy, 9 các kinh r nói vê Điêu phục tham, sân, Sỉ Chứng đác Niêt-bàn; Chán lìa; Chăng hướng đên Niêt-bàn; Mục đích của Sa-môn; Mục đích của Bà-la-môn; Giải thoát; Đoạn dứt kho; Vượt thoát khổ đau và Dứt khổ hoàn toàn, mỗi mỗi kỉnh đều nói như trên. ***

784. TÀ VÀ CHÁNH59 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. 59 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp. 0.02.0099.784.0203a0l). Tham chiếu: Zap.(T.02.0099.770. 020la09); Bát chảnh đạokinh (702. 0ll2. 0504c26); s. 45.8 - v. 8; s. 45.21 - V. 17.



Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có tà, có chánh. Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng nói cho các thầy. Thế nào là tà? Đó là tà kiến... (cho đến) tà định. Thế nào là chánh? Đó là chánh kiến... (cho đen) chánh định. Thế nào là chánh kiến? Nghĩa là có bố thí, có chú nguyện,60 có tế tự, có làm thiện, có làm ác, có quả báo của việc thiện ác, có

đời này, có đời khác, có cha mẹ5 có chúng sanh [hóa] sanh, có bậc A-la-hán khéo đi đến, khéo quy hướng61 ở đời này hay đời khác để tự mình chứng biết và thành tựu an trú: "Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Thế nào là chánh tư duy? Nghĩa là tư duy về giải thoát, tư duy về không sân hận, tư duy về không não hại. Thế nào là chánh ngữ? Nghĩa là xa lìa nói dối, nói lưỡi đôi chiều, nói lời hung ác, nói lời thêm bớt. Thế nào là chánh nghiệp? Nghĩa là xa lìa sát sanh, trộm cướp, dâm dục. Thế nào là chánh mạng? Nghĩa là đúng như pháp mà tìm cầu y phục, thức ăn, giường nằm, thuốc thang chứ chẳng phải không như pháp. Thế nào là chánh tinh tấn? Nghĩa là ước muốn siêng năng, nỗ lực buông bỏ, tinh cần kham nhẫn, thường thực hành không giảm sút. Thế nào là chánh niệm? Nghĩa là nhớ nghi, chú tâm nhớ nghĩ,62 không dối, không hư. Thế nào là chánh định? Nghĩa là an trụ tâm không tán loạn, kiên cố, chuyên chú, lặng ngưng, tam-muội, nhất tâm. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.
***

60 Nguyên tác: Hữu thuyết (),cách viết khác của “chú thuyết"().Tham chiếu: Già-lam kinh (01. 0026.16. 0439a24): Có bố thí, có tế tự và cũng ốo chu nguyện (): 6ỵNguyên tác: Hữu A-la-hán thiện đáo, thiệnhướng, hữu thử thế, tha thế, tự tri tác chứng Cụ túc trụ ( § .Tham chiếu: Gỉà-Ỉam kỉnhl(roi. 0026.16. 0439a26): Thê gian có bậc Chân nhân sanh đên cõi lành, khéo đi, khéo quy hướpg ở đời này hay đời khác, đê tự biết, tư ngộ, tự ±ān tác chứng, thành tựu và an trú ( ,).Xem them s. 42*13 - IV. 340. Loke samanabrāhmanā sammaggatā sammāpatipannā ye imañca lokam parañca lokarn sayarn abhiññā sacchikatvā pavedenti'ti (ở đoi, có những vị Sa-môn, những vị Ba-la-mon chánh hướng, chánh hạnh, đã tự mình chứng tri, chứng ngộ đời này, dơi khác và truyền dạy lại), HT. Thích Minh Qiāu dịch. 62 Nguyen tác: Niệm, tùy thuận niem_().Niệm sati), sati có tự căn sar, với động từ sarati, nghĩa là ghi nhớ, mang theo. 4tTuy thuận niếm,^ ()là cách dịch khác của 4ttuy niệm^, ( anussāti). DhsA (Atthasãỉinĩ) giải thích: Punappunam saranato anussaranavasena anussati (Tùy niệm là ước muốn, nhớ nghĩ, là sự nhớ lại thường xuyên).

QUYỂN 28 855

785. GIẢNG RỘNG THÁNH ĐẠO TÁM CHI63 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: (Như kinh trên đã nói, chỉ khác là thêm vào đoạn sau): Thế nào là chánh kiến? Chánh kiến có hai thứ: Có chánh kiến thuộc thế tục, hữu lậu, có chấp thủ, hướng đến đường lành; có chánh kiến thuộc bậc Thánh xuất the gian, vô lậu5 không chấp thủ, dứt khổ hoàn toàn, đưa đến giải thoát. Thế nào là chánh kiến hữu lậu, có chấp thủ, hướng đến đường lành? Nghĩa là nếu người kia thấy có bố thí, có chú nguyện... (cho đến) biết thế gian có bậc A-la-hán chẳng thọ thân sau. Đó gọi là chánh kiến thế gian, hữu lậu, thuộc thế tục, có chấp thủ, hướng đến đường lành. Thế nào là chánh kiến của bậc Thánh xuất thế gian, vô lậu, không chấp thủ, dứt khổ hoàn toàn, đưa đến giải thoát? Nghĩa là vi Thánh đệ tử ở nơi khổ tư duy vê khô, ở nơi tập, diệt, đạo tư duy vê

đạo, tư duy tương ứng với vô lậu; đôi với các pháp thì chọn lọc, phân biệt, suy tim, thấy biết sáng suốt, tỉnh giác quan sát. Đây gọi là chánh kiến của bậc Thánh xuất thế gian, vô lậu, không chấp thủ, dứt khổ hoàn toàn, đưa đến giải thoát. Thế nào là chánh tư duy? Cháiýi tư duy có hai thứ: Có chánh tư duy thuộc thế tục, hữu lậu, có chấp thủ, hướng đến đường lành; có chánh tư duy của bậc Thánh xuất thế gian, vô lậu, không chấp thủ, dứt khổ hoàn toàn, đưa đến giải thoát. Thế nào là chánh tư duy thuộc thế tục, hữu lậu, có chấp thủ, hướng đến đường lành? Đó là chánh tư duy về niệm tưởng64 giải thoát, tư duy về niệm tưởng không sân hận, tư duy về niệm tưởng không não hại. Đó gọi là chánh tư duy thuộc thế tục, hữu lậu, có chấp thủ, hướng đến đường lành. Thế nào là chánh tư duy của bậc Thánh xuất thế gian, vô lậu, không chấp thủ, dứt khổ hoàn toàn, đưa đến giải thoát? Đó là vị Thánh đệ tử ở nơi khổ tư duy về khổ, ở nơi tập, diệt, đạo tư duy về đạo, tư duy tương ưng với tâm vô lậu; đối với pháp thì phân biệt, tự quyết, ý hiểu rõ ràng, đo lường rành rẽ. Đó gọi là chánh tư duy của bậc Thánh xuất thế gian, vô lậu, không chấp thủ, dứt khổ hoàn toàn, đưa đến giải thoát. Thế nào là chánh ngữ? Chánh ngữ có hai thứ: Có chánh ngữ thuộc thế tục, hữu lậu, có chấp thủ, hướng đến đường lành; có chánh ngữ của bậc Thánh xuất thế gian, vô lậu, không chấp thủ, dứt khổ hoàn toàn, đưa đến giải thoát.

Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.785. 0203al9). Tham chiếu: Thánh đạo kỉnh (7.01. 0026.189. 0735Ồ27); M. 117, Mahācattārīsaka Sutta (Đại kỉnh bôn mươi).
64 Nguyên tác: Giác (vittakà)'. Suy tầm, niệm tưởng.



Thế nào là chánh ngữ thuộc thế tục, hữu lậu, có chấp thủ, hướng đến đường lành? Đó là lời nói chân chánh: Xa lìa nói dối5 nói hai chiều, nói lời thô ác, nói thêu dệt. Đó gọi là chánh ngữ thuộc thế tục, hữu lậu, có chấp thủ, hướng đến đường lành. Thế nào là chánh ngữ của bậc Thánh xuất thế gian, vô lậu, không chấp thủ, dứt khổ hoàn toàn, đưa đến giải thoát? Đó là vị Thánh đệ tử ở nơi khổ tư duy về khổ, ở nơi tập, diệt, đạo tư duy về đạo; từ bỏ lối sống tà mạng, xa lìa bốn điều ác và các điều ác khác của miệng; đối với những lời nói ác thì vô lậu, viễn ly, không dính mắc, giữ gìn vững vàng không trái phạm, không nói phi thời, không nói quá giới hạn. Đó gọi là chánh ngữ của bậc Thánh xuất thế gian, vô lậu, không chấp thủ, dứt khổ hoàn toàn, đưa đến giải thoát. Thế nào là chánh nghiệp? Chánh nghiệp có hai thứ: Có chánh nghiệp thuộc thê tục, hữu lậu, có châp thủ, hướng đên đường lành; có chánh nghiệp của bậc Thánh xuất thế gian, vô lậu, không chấp thủ, dứt khổ hoàn toàn, đưa đến giải thoát. Thế nào là chánh nghiệp thuộc thế tục, hữu lậu, có chấp thủ, hướng đến đường lành? Nghĩa là lìa sát sanh, trộm cướp, tà dâm. Đó gọi là chánh nghiệp thuộc the tục, hữu lậu, có chấp thủ, hướng đen đường lành. Thế nào là chánh nghiệp của bậc Thánh xuất thế, vô lậu, không chấp thủ, dứt khổ hoàn toàn, đưa đến giải thoát? Nghĩa là vị Thánh đệ tử ở nơi khổ tư duy về khổ, ở nơi tập, diệt, đạo tư duy về đạo; từ bỏ lối sống tà mạng, ba ác hạnh nơi thân và các hạnh ác khác của thân; tâm vô lậu, không ưa thích chấp trước, giữ gìn vững vàng không trái phạm, không làm việc phi thời, không làm việc quá giới hạn. Đó gọi là chánh nghiệp của bậc Thánh xuất thế gian, vô lậu, không chấp thủ, dứt kho hoàn

toàn, đưa đến giải thoát. Thế nào là chánh mạng? Chánh mạng có hai thứ: Có chánh mạng thuộc thế tục, hữu lậu, có chấp thủ, hướng đen đường lành; có chánh mạng của bậc Thánh xuất thế gian, vô lậu, không chấp thủ, dứt khổ hoàn toàn, đưa đến giải thoát. Thế nào là chánh mạng thuộc thế tục, hữu lậu, có chấp thủ, hướng đến đường lành? Nghĩa là đúng như pháp mà tìm cầu y phục, thức ăn, giường nằm, thuốc thang, chứ chẳng phải không đúng như pháp. Đó gọi là chánh mạng thuộc thế tục, hữu lậu, có chấp thủ, hướng đến đường lành. Thế nào là chánh mạng của bậc Thánh xuất thế gian, vô lậu, không chấp thủ, dứt khô hoàn toàn, đưa đến giải thoát? Đó là vị Thánh đệ tử ở nơi khổ tư duy vê khô, ở nơi tập, diệt, đạo tư duy vê đạo; đôi với lôi sông tà mạng giữ tâm vo lậu, không muốn vương vào, giữ gìn vững vàng không trái phạm, không sông vô độ, không sống quá giới hạn. Đó gọi là chánh mạng của bậc Thánh xuất thế gian, vô lậu, không chấp thủ, dứt khổ hoàn toàn, đưa đến giải thoát. Thế nào là chánh tinh tấn? Chánh tinh tấn có hai thứ: Có chánh tinh tấn thuộc thế tục, hữu lậu, có chấp thủ, hướng đến đường lành; có chánh tinh tấn



của bậc Thánh xuất thế gian, vô lậu, không chấp thủ, dứt khổ hoàn toàn, đưa đến giải thoát. Thế nào là chánh tinh tấn thuộc thế tục, hữu lậu, có chấp thủ, hướng đến đường lành? Nghĩa là ước muôn tinh tân, nô lực vượt lên, bên bí, kiên trì, kham nhẫn với mọi việc làm, siêng năng nhiếp thọ tâm pháp, thường không dừng nghỉ. Đó gọi là chánh tinh tấn thuộc thế tục, hữu lậu, có chấp thủ, hướng đến đường lành. Thế nào là chánh tinh tấn của bậc Thánh xuất thế gian, vô lậu, không chấp thủ, dứt khổ hoàn toàn, đưa đến giải thoát? Nghĩa là vị Thánh đệ tử ở nơi khổ tư duy về khổ, ở nơi tap, diệt, đạo tư duy về đạo; suy niệm về tâm pháp tương img vo lạu, ước muôn tinh tan no lực, chuyên can mạnh mẽ siêu xuat? ben bỉ, kiên trì, kham nhẫn với mọi việc làm, siêng năng nhiếp thọ tâm pháp, thường không dừng nghỉ. Đó gọi là chánh tinh tấn của bậc Thánh xuất thê gian, vô lậu, không chấp thủ, dứt khổ hoàn toàn, đưa đến giải thoát. Thế nào là chánh niệm? Chánh niệm có hai thứ: Có chánh niệm thuộc thế tục, hữu lậu, có chấp thủ, hướng đến đường lành; có chánh niệm của bậc Thánh xuất thế gian, vô lậu, không chấp thủ, dứt khổ hoàn toàn, đưa đến giải thoát. Thế nào là chánh niệm thuộc thế tục, hữu lậu, có chấp thủ, hướng đến đường lành? Hoặc là nhớ nghĩ, hoặc chú tâm nhớ nghi, hoặc nghĩ lại, hoặc nhớ lại không quên, không hư dối. Đó gọi là chánh niệm thuộc thế tục, hữu lậu, có chấp thủ, hướng đen đường lành. Thế nào là chánh niệm của bậc Thánh xuất thế gian, vô lậu, không chấp thủ, đưa đến giải thoát? Nghĩa là vị Thánh đệ tử ở nơi khổ tư duy về khổ, ở nơi tập, diệt, đạo tư duy về đạo; tư duy tương ưng với vô lậu, hoặc nhớ nghĩ, hoặc chú tâm nhớ nghĩ, hoặc nghĩ lại, hoặc nhớ lại không quên, không hư dối. Đó gọi là chánh niệm của bậc Thánh xuất thế gian, vô lậu, không chấp thủ, đưa đến giải thoát. Thế nào là chánh định? Chánh định có hai thứ: Có chánh đinh thuộc thế tục, hữu lậu, có chấp thủ, hướng đến đường lành; có chánh đinh của bậc Thánh xuất thế gian, vô lậu, không chấp thủ, dứt khổ hoàn toàn, đưa đến giải thoát. Thế nào là chánh định thuộc thế tục, hữu lậu, có chấp thủ, hướng đến đường lành? Nếu tâm an trụ chẳng loạn, chẳng động, chuyên chú, lặng dừng, nhất tâm, tam-muội, đó gọi là chánh định thuộc thế tục, hữu lậu, có chấp thủ, hướng đến đường lành. Thế nào là

chánh định của bậc Thánh xuất thế gian, vô lậu, không chấp chủ, dứt khổ hoàn toàn, đưa đến giải thoát? Nghĩa là vi Thánh đệ tử ở nơi khổ tư duy về khổ, ở nơi tập, diệt, đạo tư duy về đạo; tư duy tương ưng với vô lậu, tâm pháp an trụ, chẳng loạn, chẳng tán, chuyên chú, lặng dừng, nhất tâm, tam-muội. Đó gọi là chánh định của bậc Thánh xuất thế gian, vô lậu, chẳng chấp thủ, dứt khổ hoàn toàn, đưa đến giải thoát.



Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

786. HƯỚNG TÀ65 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nếu tâm Tỳ-kheo hướng đến nẻo tà thì trái nghịch Chánh pháp, không ưa Chánh pháp. Nếu Tỳ-kheo hướng về đường chánh thì tâm ưa thích Chánh pháp, chẳng trái nghịch Chánh pháp. Thế nào là nẻo tà? Nghĩa là tà kiến... (cho đến) tà đinh. Những gì là chánh? Đó là chánh kiến... (cho đếrỉ) chánh định. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đêu hoan hỷ phụng hành. ***

787. TÀ KIẾN, CHÁNH KIẾN (l)66 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-dà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: -Người hướng đến nẻo tà thì trái nghịch Chánh pháp, chẳng ưa Chánh pháp; người hướng về đường chánh thì ưa thích Chánh pháp, không trái nghịch Chánh pháp. Thế nào là người hướng đến nẻo tà, trái nghịch Chánh pháp, chẳng ưa thích Chánh pháp? Nghĩa là người tà kiến thì thân nghiệp, khẩu nghiệp đều như nhận thức của họ. Hoặc nghĩ tưởng, hoặc mong muốn, hoặc ước nguyện, hoặc hành động đều thuận theo tà kiến, tất cả đều đưa đến quả không ưa thích, không đáng nhớ, không vừa ý. Vì sao như vậy? Vì nhận thức sai lầm, tà vạy nên gọi là tà kiến. Người tà kiến khởi tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm và tà đinh. Đó là người hướng về nẻo tà, trái nghịch Chánh pháp, chẳng ưa thích Chánh pháp. Thế nào là người hướng về đường chánh, ưa thích Chánh pháp, không trái Chánh pháp? Nghĩa là người chánh kiến thì thân nghiệp, khẩu nghiệp đều như nhận thức của họ. Hoặc nghĩ tưởng, hoặc mong muốn, hoặc ước nguyện, hoặc hành động đều tùy thuận chánh kiến, được quả đáng yêu, đáng nhớ, vừa ý. Vì

65 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.786. 0204bl6). Tham chiếu: A. 10.103 - v. 211. 66 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.787. 0204a22). Tham chiếu:J 10 104 - v. 212



sao như vậy? Vì nhận thức chân chánh nên gọi là chánh kiến. Người chánh kiến có the khởi chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Đó là người hướng đến chánh, ưa thích Chánh pháp, chẳng trái Chánh pháp. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 788. TÀ KIẾN, CHÁNH KIÊN (2)67 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bao các

Tỳ-kheo: Người hướng đến nẻo tà thì trái nghịch Chánh pháp, chẳng ưa thích Chánh pháp; người hướng đến đường chánh thì ưa thích Chánh pháp, chẳng trái Chánh pháp. Thế nào là người hướng đến nẻo tà, trái nghịch Chánh pháp, chẳng ưa thích Chánh pháp? Nếu người tà kiến thì thân nghiệp, khẩu nghiệp đều như nhận thức của họ. Hoặc nghĩ tưởng, hoặc mong muôn, hoặc ước nguyện, hoặc hành động đều tùy thuộc tà kiến, tất cả đưa đến quả không ưa thích, không đáng nhớ, không vừa ý. Vì sao như vậy? Vì nhận thức sai lầm, tà vạy nên gọi là tà kiến. Người tà kiến khởi tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tân, tà niệm và tà định. Ví như hạt giông trái đăng được gieo trông trong đất, tùy thời vun tưới, hấp thu được vi đất, vị nước, vị gió, vi lửa, tất cả đều đắng. Vì sao như vậy? Bởi vì hạt giống đắng. Cũng thế, người tà kiến thì thân nghiệp, khẩu nghiệp đều như nhận thức của họ. Hoặc nghĩ tưởng, hoặc mong muôn, hoặc ước nguyện, hoặc hành động đêu tùy thuận tà kiên, tát cả đưa đên quả chẳng ưa thích, chẳng đáng nhớ và chẳng vừa ý. Vì sao như vậy? Vì nhận thức sai lầm, tà vạy gọi là tà kiến. Người tà kiến có thể khởi tà tư duy... (cho đen) tà định. Đó gọi là người hướng đen nẻo tà, trái nghịch Chánh pháp, chẳng ưa thích Chánh pháp. Thế nào là người hướng đến đường chánh, ưa thích Chánh pháp, chẳng trái nghịch Chánh pháp? Nếu người chánh kiến thì thân nghiệp, khẩu nghiệp đều như nhận thức của họ. Hoặc nghĩ tưởng, hoặc mong muốn, hoặc ước nguyện, hoặc hành động, thảy đều tùy thuận chánh kiến, tất cả đưa đến quả đáng ưa thích, đáng nghĩ nhớ, vừa ý. Vì sao như vậy? Vì nhận thức thiện lành gọi là chánh kiến. Người chánh kiến có thể khởi chánh tư duy... (cho đen) chánh định. Ví như giống cây mía ngọt, lúa mì, hạt nho được gieo xuống đất, tùy thời tưới nước, hấp thu vi đất, vị nước, vị gió, vị lửa, tất cả vi đều trở thành ngon ngọt.

67 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.788. 0204b09). Tham chiếu: A. 10.104 - v. 212.



Vì sao như vậy? Vì giông cây ngọt. Cũng thê, người chánh kiên thì thân nghiệp, khẩu nghiệp đều như nhận thức của họ. Hoặc nghĩ tưởng, hoặc mong muốn, hoặc ước nguyện, hoặc hành động đều tùy thuận chánh kiến, tất cả đều đưa đến quả đáng ưa thích, đáng nghĩ nhớ và vừa ý. Vì sao như vậy? Vì nhận thức thiện lành gọi là chánh kiến. Người chánh kiến có the khởi chánh tư duy... (cho đen) chánh định. Đó gọi là người hướng chánh, ưa thích Chánh pháp, chẳng trái nghịch Chánh pháp. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đêu hoan hỷ phụng hành. (Thế gian, xuất thế gian cũng nói như vậy. Như ba kỉnh trên, cũng đều nói bài kệ): Điều xấu chẳng nên gần, Đừng phóng tung, buông lung, Đừng tập theo tà kiến, Tăng trưởng nơi thế gian. Giả sử trong thế gian, Người chánh kiến tăng thượng, Dầu qua trăm ngàn đời, Trọn chẳng rơi đường ác. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

789. BÀ-LA-MÔN SANH VĂN68 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Bà-la-môn Sanh Văn đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài, ân cần chào hỏi rồi ngồi sang một bên và bạch: Thưa Cù-đàm! Nói về chánh kiến, vậy thế nào là chánh kiến?

Phật bảo Bà-la-môn:  Chánh kiến có hai thứ: Có chánh kiến thuộc thế tục, hữu lậu, có chấp thủ, hướng đến đường lành; có chánh kiến của bậc Thánh xuất thế gian, vô lậu, không chấp thủ, dứt khổ hoàn toàn, đưa đến giải thoát. Thế nào là chánh kiến thuộc thế tục, hữu lậu, có thấp thủ, hướng đến đường lành? Nghĩa là có bố thí, có chú nguyện, có tế tự... {cho đếrỉ) tự biết chẳng thọ thân sau. Bà-la-môn! Đó gọi là chánh kiến thuộc thế tục, hữu lậu, có chấp thủ, hướng đến đường lành. Này Bà-la-môn! Thế nào là chánh kiến của bậc Thánh xuất thế gian, vô lậu, không chấp thủ, dứt khổ hoàn toàn, đưa đến giải thoát? Nghĩa là vi Thánh đệ tử

^Tưa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.789. 0204c14). Tham chiếu: Thảnh đạo kinh (OI. 0026.189. 0735ỒỒ27); M. 117, Mahācattārīsaka Sutta (Đại kinh bổn mươi).



D e 9 9 .  ở nơi khô tư duy vê khô, ở nơi tập, diệt, đạo tư duy vê đạo, tư duy tương ưng với vô lậu; đoi với các pháp thì chọn lọc, phân biệt, tìm hiểu, khéo dùng phương tiện trí tuệ quán sát. Đó gọi là chánh kiến của bậc Thánh xuất thế vô lậu, không chấp thủ, dứt khổ hoàn toàn, đưa đến giải thoát. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. r Z

Giông như Chánh kiên, cũng vậy, Chánh tư duy; Chảnh ngữ; Chánh nghiệp; Chảnh mạng; Chánh tinh tấn; Chánh niệm; Chánh đinh, mỗi kinh đều nói như trên. *** 790. ĐƯỜNG CHÁNH VÀ NẺO TÀ (l)69 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Có cõi tà và con đường đưa đến cõi tà. Có cõi chánh và con đường đưa đên cõi chánh. Hãy lăng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng nói cho các thây. Thế nào là cõi tà? Nghĩa là địa ngục, nga quỷ, súc sanh. Thế nào là con đường đưa đến cõi tà? Đó là tà kiến... (cho đến) tà định. Thế nào là cõi chánh? Đó là cõi người, cõi trời, cõi Niết-bàn. Thế nào là con đường đưa đến cõi chánh? Đó là chánh kiến... (cho đến) chánh định. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 791. ĐƯỜNG CHÁNH VÀ NẺO TÀ (2)70 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Có cõi tà và con đường đưa đến cõi tà. Có cõi chánh và con đường đưa đến cõi chánh. Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng nói cho các thay. Thế nào là cối tà? Đó là địa ngục, súc sanh và nga quỷ. Thế nào là con đường đưa đến cõi tà? Đó là sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, nói hai chiều, nói lời hung ác, nói thêu dệt, tham lam, sân hận và tà kiến.

69 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.790. 0205a03). Tham chiếu: s. 45.23 - v. 18. 70 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.791. 0205al0).



Thế nào là cõi chánh? Đó là cõi người, cõi trời, cõi Niết-bàn. Thế nào là con đường đưa đến cõi chánh? Đó là không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không nói hai chiều, không nói lời hung ác, không nói thêu dệt, không tham, không sân và chánh kiến. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ

phụng hành. ***

792. TÔI NGŨ NGHỊCH71
Tôi nghe như vây:
Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà5 thuộc nước Xá-vệ.
Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:
(Như kỉnh trên, chỉ khác là thêm vào đoạn sau):
Con đường dẫn đến cõi ác gồm những gì? Đó là giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá hòa hợp Tăng, với ác tâm làm thân Phật chảy máu.
(Còn lại giống như kinh trên đã nói).
Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

793. THUẬN DÒNG, NGHỊCH DÒNG72 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Có con đường thuận dòng, có con đường nghịch dòng. Hãy lắng nghe và khéo tư duy! Ta sẽ giảng nói cho các thầy. Thế nào là con đường thuận dòng? Đó là tà kiến... (cho đến) tà định. Thế nào là con đường nghịch dòng? Đó là chánh kiến... (cho đến) chánh định. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Giống như Thuận dòng và nghịch dòng, cũng vậy, với Con đường thoải lui và con đường thăng tiến; Con đường đi xuống và con đường đi lên và ba kỉnh nói về Phương pháp tu tập cũng nói như thế. ***

71 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.792. 0205al9). 72 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp. 0.02. 0099.793. 0205a24)



794. SA-MÔN, PHÁP SA-MÔN73 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-dà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có Sa-môn và pháp Sa-môn. Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng nói cho các thầy. Thế nào là pháp Sa-môn? Đó là Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến... (cho đến) chánh định. Thế nào là Sa-môn? Nghĩa là ai thành tựu pháp này thì được gọi là Sa-môn. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 795. PHÁP SA-MÔN, MỤC ĐÍCH SA-MÔN (l)74 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Có pháp của Sa-môn và mục đích của Sa-môn. Thế nào là pháp của Samôn? Đó là Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến... (cho đến) chánh định. Thế nào là mục đích của Sa-môn? Nghĩa là tham dục hoàn toàn dứt sạch, sân hận, ngu si hoàn toàn dứt sạch, tát cả phiên não hoàn toàn dứt sạch. Đó gọi là mục đích của Sa-môn. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đêu hoan hỷ phụng hành. *** 796. PHÁP SA-MỜN, QUẢ SA-MÔN (l)75 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

73 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.794. 0205ỒO3). Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.798. 0205C08); s. 45.36 - v. 25. 74 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.795. 0205ỒO9). Tham chiếu: Tạp.(r.02. 0099.798. 0205C08); 0 45.36-V.25. 75 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.796. 0205bl5). Tham chiếu: Tạp.(r02. 0099.799. 0205C15); 5. 45.35 - v. 5.



Bây giờ, Thê Ton bao các Tỳ-kheo: Có pháp Sa-môn và quả Sa-môn. Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng nói cho các thầy. Thế nào là pháp Sa-môn? Đó là Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến... (cho đếrì) chánh đinh. Thế nào là quả Sa-môn? Đó là quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm? quả A-nahàm và quả A-la-hán. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.76

76 Bản Hán, hết quyển 28.



QUYỂN 29 797. PHÁP SA-MÔN, QUẢ SA-MÔN (2)1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có pháp Sa-môn và quả Sa-môn. Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng nói cho các thầy. Thế nào là pháp Sa-môn? Đó là Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến... (cho đến) chánh định. Thế nào là quả Sa-môn? Đó là quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-nahàm và quả A-la-hán. Thế nào là quả Tu-đà-hoàn? Nghĩa là đoạn trừ ba kiết sử. Thế nào là quả Tư-đà-hàm? Nghĩa là đoạn trừ ba kiết sử và làm giảm thiểu tham, sân, si. Thế nào là quả A-na-hàm? Nghĩa là đoạn trừ năm hạ phần kiết sử. Thế nào là quả A-la-hán? Nghĩa là dứt sạch tham, sân, si và tất cả phiền não. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

798. PHÁP SA-MÔN, MỤC ĐÍCH SA-MÔN (2)2

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bây giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo:

Có pháp Sa-môn, bậc Sa-môn và mục đích của Sa-môn. Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng nói cho các thầy.

1 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.797. 0205b27). Tham chiếu: Tạp.(02. 0099.799.Ó205cl5);S. 45.35 -V. 5s. 55.52-V.405. 2 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.798. 0205c08). Tham chiếu: Tạp.(r02. 0099.794. Ó2O5bO3);*7(ự7.(7.02. 0099.795. 0205b09); s. 45.36 - v. 25.



Thế nào là pháp Sa-môn? Đó là Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến... (cho đến) chánh định. Thế nào là bậc Sa-môn? Đó là người thành tựu pháp này. Thế nào là mục đích của Sa-môn? Đó là tham dục vĩnh viễn dứt sạch, sân hận, ngu si, tất cả phiền não vĩnh viễn dứt sạch. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ

phụng hành. *** 799. QUẢ SA-MÔN3 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ5 Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: (Giống như kinh trên, chỉ khác là thêm vào đoạn sau): -Có quả Sa-môn. Những gì là quả Sa-môn? Đó là quả Tu-đà-hoàn, quả Tưđà-hàm, quả A-na-hàm và quả A-la-hán. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 800. BÀ-LA-MÔN4 r y Giông như kinh nói vê pháp Bà-la-môn; Người Bà-la-môn; Nghĩa Bà-lamôn và quả Bà-la-môn; Pháp Phạm hạnh; Người Phạm hạnh; Nghĩa Phạm hạnh và quả Phạm hạnh cũng nói như vậy, *** 801. QUÁN NIỆM HƠI THỞ (l)5 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

t Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.799. 0205CÍ5). Tham chiếu: Tạp.(02. 0099.796. 0205b15); Tứp. B(r.O2. 0099.797. 0205ỒỒ27); s. 45.35 - v. 25. 4 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.800. 0205c20). Tham chiếu: s. 45.37 - v. 25; S. 45.38-40 - V. 26 5 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.801. 0205c23). Tham chiếu: A. 5.96-97 - III. 120; A 5.98-lil. 121.

QUYÊN 29  867

CÓ năm pháp đưa đến nhiều lợi ích cho sự tu tập quán niệm hơi thở.6 Là năm pháp nào? Đó là an trụ nơi tịnh giới Ba-la-đề-mộc-xoa5 thực hành luật nghi, oai nghi đay đủ? đoi với các tội nhỏ luôn sanh tâm sợ hãi, gìn giữ học giới. Đây gọi là pháp thứ nhất đưa đến nhiều lợi ích cho sự tu tập quán niệm hơi thở. Lại nữa, Tỳ-kheo ít muốn, việc, ít bận rộn. Đây là pháp thứ hai đưa đến nhiều lợi ích cho sự tu tập quán niệm hơi thở. Lại nữa, Tỳ-kheo ăn uống biết tiết độ, có chừng mực, chẳng vì việc ăn uống mà khởi tưởng tham muốn, tinh cần tư duy. Đây là pháp thứ ba đem lại nhiều lợi ích cho sự tu tập quán niệm hơi thở. Lại nữa, Tỳ-kheo đầu đêm, cuối đêm không tham đắm ngủ nghi, tinh cần tư duy. Đây là pháp thứ tư đem lại nhiều lợi ích cho sự tu tập quán niệm hơi thở. Lại nữa, Tỳ-kheo ở trong rừng văng, xa lìa những nơi ôn ào náo nhiệt. Đây là pháp thứ năm đem lại nhiều lợi ích cho sự tu tập quán niệm hơi thở. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

802. QUÁN NIỆM HƠI THỞ (2)7 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Hãy tu tập quán niệm hơi thở. Nếu Tỳ-kheo tu tập và tu tập thuần thục quán niệm hơi thở thì thân được lắng dịu và tâm được lắng dịu, có giác có quán, tịch diệt, thuần nhất, tâm tưởng sáng suốt, tu tập viên mãn. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ"kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

803. QUÁN NIỆM HƠI THỞ (3)8
Tôi nghe như vầy:
Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước
Xá-vệ.
Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

6 Nguyên tác: An-na-bát-na niệm (,dndpãnasciti). 7 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.802. 0206a08). 8 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.803. 0206al4). Tham chiếu:p.(p2. 0099.815. Ó209bl5);\B/ệí Tạp.(7.02. 0101.15. 0497a02); M. 62, Mahãrãhulovâấa Sutta (Đại kinh giảo giới La-hầu-ỉă)\ M. 118, Anãpânasati Sutta (Kinh quản niệm hơi thở); s. 54. l - v. 311.



Hãy tu tập quán niệm hơi thở. Nấu Tỳ-kheo tu tập và tu tập thuần thục quán niệm hơi thở thì thân tâm được lắng dịu, có giác có quán, tịch diệt, thuần nhất, tâm tưởng sáng suốt, tu tập viên mãn. Thế nào là tu tập quán niệm hơi thở, tu tập thuần thục thì thân tâm được lắng dịu5 có giác có quán, tịch diệt, thuần nhất, tâm tưởng sáng suốt, tu tập viên mãn? Nghĩa là Tỳ-kheo hoặc nương ở xóm làng, thành ấp, sáng sớm đắp y, ôm bát vào thôn xóm khất thực, khéo giữ thân mình, hộ trì các căn, buộc tâm an trụ; khát thực xong trở vê trụ xứ, cát y bát, rửa chân, roi đi vào rừng, hoặc trong phòng văng, hoặc bên góc cây, hoặc nơi đát trông, ngôi ngay thăng, buộc niệm trước mặt, dứt tham ái ở thế gian, lìa dục, thanh tịnh; đoạn sân hận, thùy miên, trạo hối và nghi, vượt qua các sự nghi hoặc. Đối với thiện pháp, tâm được quyết định, xa lìa năm thứ ngăn che, những thứ gây phiền não nơi tâm, làm sức tuệ suy kém, là pháp chướng ngại, chẳng đạt đen Niết-bàn. Quán niệm lúc hơi thở vào, khéo thực tập buộc niệm. Quán niệm lúc hơi thở ra, khéo thực tập buộc niệm. [Quán niệm về] hơi thở dài, hơi thở ngắn... Nhận biêt hơi thở vào toàn thân,910đôi với hơi thở vào toàn thân, khéo thực tập. Nhận biết hơi thở ra toàn thân, đối với hơi thở ra toàn thân, khéo thực tập. Nhận biết hơi thở vào toàn thân khinh anđối với hơi thở vào toàn thân khinh an, khéo thực tập. Nhận biết hơi thở ra toàn thân khinh an, đối với hơi thở ra toàn thân khinh an, khéo thực tập. Nhận biết hỷ... Nhận biết lạc... Nhận biết tâm hành11... Nhận biết tâm hành lúc hơi thở vào, đối với sự nhận biết tâm hanh lúc thở vào, khéo thực tập. Nhận biết tâm hành lúc thở ra, đối với sự nhận biết tâm hành lúc thở ra, khéo thực tập. Nhận biết tâm...

9 Nguyên tác: Giác tri nhất thiết thân nhập tức ().Theo Ma-ha Tăng-kỳ luật (22. 1425.04. 0254c18): Khi hơi thở vào khắp thân thể, biết là hơi thở vào khặ? thân thể ( );S. 54. l V. 311: Sabbakāyappatisarnvedīassasissāmīti (Cảm giác toàn than, tôi sẽ thở vô), HT. Thích Minh Châu dịch. J 10 Nguyên tác: Giác tri nhất thiết thân hànhtức nhập tức ().Đối với cú ngữ "thân hanKtuc^9 Ma-ha Tang-ky luật (2. 1425.04. 0254c 18) gọi là 44thân Snh xả ().S. 54. l - V. 311 gọi là "thân hành khinh an": Passambhayarn kāyasañkhārarn assasissāmīti sikkhati ("An tịnh thân hành, tôi sẽ thở v6", vị ấy tập), HT. Thh Minh Châu dịch. 11 Tâm hành (cittasañkhāro). SA. 41.6 - III. 93 giải thích: Cittappatibaddhattā cittena sañkharīyati nibbattīyatīti cittasafikhāro (Dùng tâm với tâm, khiên chúng liên tục vận hành và phát sanh, gọi là tâm hành), ơ đoạn kê tiêp, SA. 41.6 - III. 94 lại giải thích: Ekūnatimsacetanāpi, saññā ca vedanā cāti ime dve dhammāpi cittasañkhārotveva vuccanti (Bao quát gồm có 29 tâm, cung với hai pháp là tưởng và thọ, được^ọi là tâm hành). 29 tâm ở đây gồm 12 tâm sở bất thiện, 8 đại thiện tâm, 5 tâm sắc giới và 4 tâm Vô Săc giới.

Nhận biết tâm hân hoan12... Nhận biết tâm định... Nhận biết tâm giải thoát khi thở vào; đối với sự nhận biết tâm giải thoát khi thở vào, khéo thực tập. Nhận biết tâm giải thoát lúc thở ra, đối với sự nhận biết tâm giải thoát khi thở ra, khéo thực tập. Quán sát vô thường... Quán sát từ bỏ13... Quán sát vô dục... Quán sát tịch diệt khi thở vào, đối với sự quán sát tịch diệt khi thở vào, khéo thực tập. Quán sát tịch diệt lúc thở ra, đoi với sự quán sát tịch diệt khi hơi thở ra, kheo thực tập.14 Đó gọi là tu quán niệm hơi thở, thân an ổn, tâm an ổn, có giác có quán, tịch diệt, thuần nhất, tâm tưởng sáng suốt, tu tập viên mãn. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

804. ĐOẠN TRỪ GIÁC TƯỞNG15 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Hãy tu tập quán niệm hơi thở. Người tu tập và tu tập thuần thục quán niệm hơi thở sẽ đoạn trừ các giác tưởng. Thế nào là tu tập và tu tập thuần thục quán niệm hơi thở thì đoạn trừ được các giác tưởng? Nghĩa là Tỳ-kheo nương nơi thôn xóm, thành ấp (như đoạn kinh trên đã nói đầy đủf cho đếrỉ) quán sát tịch diệt khi hơi thở ra? khéo thực tập. Đó gọi là tu tập, tu tập thuần thục quán niệm hơi thở thì đoạn trừ các giác tưởng. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

12Tâmduyet().s. 54.1-V. 311:Abhippamodayarn cittamassasissāmī'tisikkhati, (abhippamodayam cittarn passasissāmī'ti sikkhati ("V&i tâm hân hoan, tôi sẽ thở V&', vị ấy tập. tẾVới tâm han hoan, toi sẽ thở ra* vị ấy tập), HT. Thích Minh Châu dịch. 13 Nguyên tác: Đoạn (patinissagga): Từ bỏ. s. 54.1 - v. 311: Patinissaggānupassī assasissāmīti sikkhati, patinissag^anupassīpassasissāmīti sikkhati ("Quán từ bỏ, tôi sẽ thơ vô9, vị ấy tập. "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở ra", vị áy tập), HT. Thích Minh Châu dịch. 14 Đây là 16 hơi thở căn bản của pháp tu quán niệm hơi thở. 16 hơi thở này cũng được trình bày cụ thể trong Ma-ha Tăng-kỳ luật (Z22. 1425.04. 0254cl4-0255a04). J 15 Tựa đề đặt theo nọi dung kinh. Tạp.(02. 0099.804. 0206bl5. Tham chiếu: s. 54.2 - v. 312; S. 54.3-4 - V. 313; ś. 54.5 - v. 314.



9 Giông như kỉnh Đoạn trừ giác tưởng; cũng vậy, các kỉnh Chăng dao động, Được quả lớn, Được lợi ích lớnf Được cam lộ, Được cứu cánh cam lô, Chứng đác hai quảf bôn quả, bảy quả, môi môi kinh cũng nói như vậy. ***

805. TỲ-KHEO A-LÊ-SẮT-TRA16 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bay giờ, The Ton hỏi các Tỳ-kheo: -Với pháp quán niệm hơi thở mà Ta đã nói, các thầy có tu tập chăng? Lúc ấy, trong chúng có Tỳ-kheo A-lê-sắt-tra17 liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục đảnh lê Phật roi quỳ gói phải sát dát, chăp tay thưa: Bạch Thế Tôn! Với pháp quán niệm hơi thở mà Thế Tôn đã nói5 con đã tu tập. Phật hỏi Tỳ-kheo A-lê-sắt-tra: -Với pháp quán niệm hơi thở mà Ta đã nói, thầy tu tập thế nào? Tỳ-kheo bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, đối với các hành thuộc quá khứ, con chẳng nghĩ nhớ; các hành ở tương lai, con chẳng sanh vui

thích; các hành hiện tại, con chẳng sanh đắm nhiễm; đối với các tưởng chướng ngại trong ngoài, con đều khéo trừ diệt hoàn toàn. Con đã tu tập quán niệm hơi thở như the. Phật bảo Tỳ-kheo A-lê-sắt-tra: Thầy đã thật sự tu pháp quán niệm hơi thở mà Ta đã nói, chứ chẳng phải không tu. Nhưng có các Tỳ-kheo kia so với sự tu tập quán niệm hơi thở của thầy, họ có phần thắng diệu hơn, vượt trội hơn. Vì sao họ lại thắng diệu hơn, vượt trội hơn sự tu tập quán niệm hơi thở của A-lê-sắt-tra? Vì các Tỳ-kheo ấy ở nơi thôn xóm, thành ấp (như kỉnh trên đã nói đầy đủ, cho đếrì) quán tịch diệt khi hơi thở ra, khéo thực tập. Này Tỳ-kheo A-lê-sắt-tra! Đó gọi là thắng diệu hơn sự tu tập quán niệm hơi thở của A-lê-sắt-tra. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

16 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.805. 0206ỒỒ25). Tham chiếu: s. 54.6 - v. 314. 17 A-lê-sắt-ưa (,Arittha).



806. TÔN GIẢ KÉ-TÂN-NA18 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, vào lúc sáng sớm, Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Thọ thực xong, Ngài trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân rồi vắt tọa cụ lên vai vào rừng An-đà, đến bên gốc cây ngồi thiền buổi trưa. Lúc ấy, vào sáng sớm, Tôn giả Kấ-tân-na19 cũng đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực, rồi trở về cất y bát, rửa chân và vắt tọa cụ lên vai vào rừng An- đà, đến bên gốc cây cách Phật không xa, ngồi thẳng yên định, thân tâm chánh trực, tư duy thắng diệu. Vào buổi chiều, sau khi xả thiền, số đông Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Phật hỏi chúng Tỳ-kheo: -Các thầy có thấy Tỳ-kheo Kế-tân-na không? Thầy ấy ở cách Ta không xa, đang ngồi nghiêm trang, thân tâm chẳng động, an trụ thắng diệu. Chúng Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chúng con thường thấy Tôn giả ấy ngồi nghiêm trang, khéo thu nhiếp thân, chẳng nghiêng, chẳng động, chuyên tâm thắng diệu. Phật bảo chúng Tỳ-kheo: Nếu Tỳ-kheo tu tập tam-muội, thân tâm an trụ, chẳng nghiêng, chẳng động, an trụ thắng diệu, Tỳ-kheo ấy được tam-muội này, chẳng cần siêng năng tinh tấn, tùy ý muốn liền được. Chúng Tỳ-kheo bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Thế nào là tam-muội mà Tỳ-kheo chứng đắc tam-muội ấy thân tâm chẳng động, an trụ nơi thắng diệu? Phật bảo chúng Tỳ-kheo: Nếu Tỳ-kheo nương ở trong thôn xóm, sáng sớm đắp y, ôm bát vào trong thôn xóm khất thực rồi trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong vào rưng, hoặc trong phòng văng, hoặc ở chô trông, ngôi tư duy buộc niệm... (cho đên) quán sát tịch diệt khi hơi thở ra, khéo thực tập. Đó gọi là tam-muội mà Tỳ-kheo ngồi ngay thẳng tư duy, thân tâm chẳng động, sẽ an trụ thắng diệu. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 18 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.806. 0206c14). Tham chiếu: s. 54.7 - v. 315. 19 Ke-tan-na (JiWiVKappina). Tuy nhiên trong kinh số 872; Tạp.(T.02. 0099.872. 0220ỒỒ16) lại ghi: Kiếp-tân-na ().

807. HAI THÁNG TỌA THIỀN20 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật tru tại rừng Nhất-xa-năng-già-la.21 Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo:  Ta muôn ở đây tọa thiên trong hai tháng, các thây chớ lui tới, chỉ trừ Tỳ- kheo đem thức ăn và khi Bố-tát. Sau khi căn dặn xong, Thê Tôn tọa thiên suôt hai tháng trong rừng, không có một Tỳ-kheo nào dám lai vãng, chỉ trừ người thị giả đem thức ăn và lúc Bố- tát. Hết hai tháng tọa thiền, Thế Tôn xuất định. Ngài ngồi trước chúng Tỳ-kheo và bảo:  Này các Tỳ-kheo! Nêu các tu sĩ ngoại đạo đên hỏi các thây: "Trong hai tháng, Sa-môn Cù-đàm tọa thiền như thế nào?^ Các thầy nên đáp: "Suốt hai tháng, Như Lai tọa thiền tư duy, an trụ trong pháp quán niệm hơi thở?5 Vì sao như vậy? Vì trong hai tháng, Ta phần nhiều an tru tư duy quán niệm hơi thở. Lúc hơi thở vào, quán niệm biết như thật hơi thở vào; lúc hơi thở ra, quán niệm biết như thật hơi thở ra. Hơi thở hoặc dài hoặc ngắn... Cảm giác toàn thân hơi thở vào, quán niệm biêt như thật; cảm giác toàn thân hơi thở ra, quán niệm biết như thật. An tịnh toàn thân khi thở vào, quán niệm biết như thật;... (cho đến) lắng diu 9r • toàn thân hơi thở ra, quán niệm biêt như thật. Sau khi biết tất cả rồi, lúc ấy Ta nghĩ thầm: uĐây là còn trụ trong tư duy thô, nay Ta nên dừng sự tư duy ấy, hãy tư duy vi tế khác và an trụ." Bấy giờ, Ta liền dừng bặt tư duy thô, liênr vào tư duy vi tế an trụ, trụ nhiều trong an trụ. . Z e -g • /K .

Khi ây, có ba vị thiên tử, dung sác tuyệt diệu, đi đên chô Ta lúc hừng sáng. Một thiên tử nói: ccSa-môn Cù-đàm? nay đã đúng lúc!99 Lại có một thiên tử nói: "Đây chưa đúng lúc, chỉ sắp đến thời!95 Thiên tử thứ ba lại nói: “Chẳng phải đúng lúc cũng chẳng phải sắp đến thời. Đây chính là lúc bậc A-la-hán tịch diệt đang tu tập, an trụ." Phật bảo các Tỳ-kheo:  Nếu nói chân chánh thì đây là chỗ bậc Thánh an tru, chư thiên an trú, Phạm thiên an trú, bậc Hữu học an trú, bậc Vô học an trú, Như Lai an trú, người

20 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.807. 0207a08). Tham chiếu: s. 54.11 - v. 325. 21 Nhất-xa-năng-già-la (,Icchānañgala).



chưa được sẽ được, chưa đến sẽ đến, chưa chứng sẽ chứng và bậc Vô học an trú pháp lạc trong hiện tại chính là an trú trong pháp quán niệm hơi thở. Đây là lời chân chánh. Vì sao như vậy? Vì pháp quán niệm hơi thở là nơi bậc Thánh an tru, chư thiên an tru, Phạm thiên an trú... (cho đen) bậc Vô học an trú pháp lạc trong hiện tại. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

808. TÔN GIẢ CA-MA22 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ trong vườn Ni-câu-luật, thuộc thành Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ, Vương tử Thích Ma-ha-nam đi đến chỗ Tôn giả Ca-ma.23 Sau khi lạy sát chân Tôn giả, vương tử ngồi sang một bên và thưa: Thưa Tôn giả Ca-ma! Nơi bậc Hữu học an trú cũng là nơi Như Lai an trú chăng? Hay nơi bậc Hữu học an tru khác nơi Như Lai an trú? Tỳ-kheo Ca-ma đáp: -Này Ma-ha-nam! Nơi bậc Hữu học an trú khác với nơi Như Lai an tru. Này Ma-ha-nam! Bậc Hữu học phân nhiêu an trú trong khi đoạn trừ năm thứ ngăn che.24 Còn nơi Như Lai an tru là đã đoạn sạch năm thứ ngăn che, đã nhổ sạch gốc rễ của nó như chặt ngọn cây dala, khiến chúng không còn sanh trưởng nữa, đã thành tựu pháp bất sanh ở đời tương lai.

Như một thuở nọ, Thế Tôn đang ngụ ở trong rừng Nhất-xa-năng-già-la. Khi ấy, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: "Ta muốn tọa thiền suốt hai tháng trong rừng này, các Tỳ-kheo chớ nên lai vãng, chỉ trừ Tỳ-kheo mang thức ăn và khi Bố-tát (như kỉnh trên đã nói đầy đủ, cho đen) Vô học an trú pháp lạc trong hiện tại." Vì thế nên biết, này Ma-ha-nam, bậc Hữu học an trú khác nơi Như Lai an tru. Vương tử Ma-ha-nam nghe Tỳ-kheo Ca-ma nói xong thì hoan hỷ, liền rời chỗ ngồi, đứng dậy cáo từ. ***

809. QUÁN BẤT TỊNH cực ĐOAN25 Tôi nghe như vầy:

22 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.808. 0207ỒỒ6). Tham chiếu: s. 54.12 - v. 327. 23 Ca-ma ()là viết tắt tên của Tôn giả Lomasakambhiya. 24 Tham chiếu: s. 54.12 - v. 327: Yepi te, āvuso mahānāma, bhikkhū sekhã appattamānasā anuttararn yogakkhemam patthayamānā viharanti (Này Hiền giả Mahānāma, những Tyeo nào là bậc Hữu hoc, tâm chưa thành tựu, đang sống cần cầu vô thượng an ổn khỏi các khổ ách; sau khi đoạn tận năm triền cái, những vị ấy trú), HT Thích Minh Châu dịch. 25 Tựa đề đặt theo nọi dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.809. 0207ỒỒ21). Tham chiếu: s. 54.9 - v. 320.



Một thời, đức Phật ngụ tại thôn Kim Cương,26 bên bờ sông Bạt-cầu-ma,27 trong rừng Tát-la-lê.28 Bấy giờ, Thế Tôn giảng nói cho các Tỳ-kheo nghe về pháp quán bất tinh, khen ngợi pháp quán bất tịnh. Ngài dạy: Các Tỳ-kheo hãy tu tập quán bát tịnh. Người nào tu tập thuân thục sẽ được phước quả lớn và lợi ích lớn. Sau khi tu quán bất tinh, các Tỳ-kheo đều hết sức chán ghét thân, hoặc có người dùng dao tự sát, hoặc có người uông thuôc độc, hoặc có người treo cô, hoặc có người lao vào vách núi tự sát, hoặc có người nhờ Tỳ-kheo khác đoạt mạng mình. Có Tỳ-kheo khác cực kỳ nhàm chán, ghê tởm sự bất tịnh nên đi đen nhà của một Phạm chí ngoại đạo tên Lộc Lâm và nói với ông ấy: Hiền giả, làm ơn giết tôi giùm, y bát này tôi xin tặng lại Hiền giả.

Lộc Lâm liền theo lời yêu cầu giết chết Tỳ-kheo kia. Lúc Lộc Lâm đi đến bờ sông để rửa dao, có thiên ma ở giữa hư không khen ngợi ông ấy: Lành thay! Lành thay! Hiền giả được vô lượng công đức, vì có thể khiến cho các Sa-môn Thích tử trì giới có dức, khiến người chưa độ được độ, người chưa giải thoát được giải thoát, người chưa chấm dứt sự sống khiến cho được chấm dứt sự sống, người chưa chứng đắc Niết-bàn khiến cho chứng đắc Niết- bàn, y bát và các tạp vật lợi dưỡng lâu dài khác đều thuộc về ông. Bây giờ, nghe lời ca ngợi này, Lộc Lâm càng tăng thêm tà kiên xâu ác, nghĩ thầm: "Hôm nay, ta đã thật sự làm điều phước đức lớn, giúp cho các Sa-môn họ Thích, những người trì giới công đức, người chưa độ được độ, người chưa giải thoát được giải thoát, người chưa chấm dứt sự sống khiến cho được chấm dứt sự sống, người chưa chứng đắc Niết-bàn khiến cho chứng đắc Niết-bàn, y bát và các tạp vật thuộc về ta." Thế rồi, tay cầm dao bén, Lộc Lâm đi đến khắp phòng xá, chỗ kinh hành, phòng riêng, phòng tọa thiền, gặp các Tỳ-kheo liền bảo: "Những Sa-môn nào trì giới có đức mà chưa được độ ta sẽ độ cho, người chưa giải thoát ta sẽ giải thoát cho, người chưa chấm dứt sự sống ta sẽ chấm dứt sự sống cho, người chưa được Niết-bàn ta sẽ khiến cho được Niết-bàn.,, Lúc ây, các Tỳ-kheo chán ghét thân liên ra khỏi phòng, nói với Lộc Lâm: Tôi chưa được

độ, nhờ ông độ giúp; tôi chưa được giải thoát, nhờ ông giải thoát giúp cho; tôi chưa chấm dứt sự sống, nhờ ông giúp tôi chấm dứt sự sống; tôi chưa được Niết-bàn, nhờ ông giúp tôi được Niết-bàn. Lộc Lâm liền cầm dao giết chết Tỳ-kheo ấy9 lần lượt giết đến sáu mươi người.

26 Kim Cương dịch nghĩa của Vajjī, tức Bạt-kỳ . 27 Bạt-cầu-ma hà ,Vaggumudā, thượng lưu của sông Hằng, hiện nay gọi là sông Bagmati, khởi nguồn từ cao nguyên Nepal? 28 Tát-la-lê ^ Phiên Phạn ngữ Z54. 2130.09. 1047ÒÒ06 gọi là cây sam mộc , một loại cây thân go, thuộc bộ Tùng Bách Pinales.

QUYỂN 29 * 875

Đen ngày rằm, trong giờ thuyết giới, Thế Tôn ngồi trước đại chúng, hỏi Tôn giả A-nan: Này A-nan! Do nhân gduyên gì mà chúng Tỳ-kheo bỗng trở nên thưa thớt, giảm bớt gần hết? Tôn giả A-nan bạch Phật: Thê Tôn đã giảng nói cho các Tỳ-kheo nghe vê pháp tu quán bát tịnh, ngợi khen pháp quán bất tinh. Chúng Tỳ-kheo tu tập pháp ấy rồi liền cực kỳ chán ghét thân, (như đoạn kinh trên đã nói đầy đủ, cho đến) giết chết đến sáu mươi Tỳ-kheo. Bạch Thế Tôn, vì nhân duyên ấy nên khiến cho chúng Tỳ-kheo trở nên thưa thớt, giảm bớt gần hết. Bạch Thế Tôn! Xin Ngài nói lại pháp khác để khiến cho các Tỳ-kheo nghe xong tinh tan tu tập trí tuệ, được niềm vui từ Chánh pháp và được sống an vui trong Chánh pháp. Phật bảo A-nan: Vậy thì hôm nay Ta sẽ lần lượt nói về chỗ an tru vi tế, tùy thuận khai mở tỉnh giác, khiến cho những pháp ác? bất thiện đã khởi hoặc chưa khởi nhanh chóng dứt bặt. Ví như trời trút mưa lớn, bụi bặm đã bay lên hoặc chưa bay lên đều có thể khiến nó tan biến. Cũng thế, Tỳ-kheo an tru chỗ vi tế có thể khiến cho những pháp ác, bất thiện đã khởi hoặc chưa khởi nhanh chóng dứt bặt. Này A-nan! Thế nào gọi là chỗ an trú vi tế, tu tập thuần thục, tùy thuận khai mở tỉnh giác thì khiến cho các pháp ác, bất thiện đã khởi hoặc chưa khởi nhanh chóng dứt bặt? Đó chính là an trú trong pháp quán niệm hơi thở. Tôn giả A-nan bạch Phật: Thế nào gọi là tu tập an tru trong pháp quán niệm hơi thở, tùy thuận khai mở tỉnh giác, có thể khiến cho pháp ác, bất thiện đã khởi hay chưa khởi đều dứt bặt? Phật bảo A-nan: -Nêu Tỳ-kheo nương nơi thôn xóm, (như kinh trên đã nói đây đủ, cho đên) lăng diu toàn thân hơi thở ra, quán niệm biêt như thật. Hãy học tập như vậy! Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

810. MÔT PHÁP HÔI ĐỦ NHIỀU PHÁP29 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại thôn Kim Cương, bên sông Bạt-cầu-ma, trong rừng Tat-la-le.

29 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.810. 0208a09). Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.815. 0209b15); M. Ānāpānasati Suita (Kỉnh quán niệm hơi thở); s. 54.13 - v. 328.



Bấy giờ, Tôn giả A-nan một mình ở chỗ vắng, tư duy thiền quán và khởi suy nghĩ: Liệu có một pháp nào mà khi tu tập và tu tập thuần thục sẽ khiến cho bốn pháp đầy đủ, bốn pháp đã đầy đủ thì bảy pháp đầy đủ? bảy pháp đã đầy đủ thì haiph^)

seduchang?^ p y

Sau khi xả thiền, Tôn giả A-nan đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa:  Bạch Thế Tôn! Lúc con một mình ở chỗ vắng, thiền định tư duy và khởi lên suy nghĩ rằng: "Liệu có một pháp nào mà khi tu tập và tu tập thuần thục sẽ khiến cho bốn pháp được đầy đủ... (cho đến) hai pháp được đầy Hôm nay, con xin hỏi Thế Tôn: CÍLẽ nào có một pháp mà khi tu tập, tu tập thuần thục có thể khiến... (cho đen) hai pháp được đầy đủ chăng?95 Phật bảo A-nan:  Có một pháp mà khi đã tu tập thuần thục... (cho đen) có the làm cho hai pháp được đầy đủ. Một pháp ấy là gì? Đó là quán niệm hơi thở, khi đã tu tập thuần thục có thể khiến cho bốn niệm xứ đầy đủ, bốn niệm xứ đã đầy đủ thì bảy giác phần đầy đủ, bảy giác phần đầy đủ thì minh và giải thoát đầy đủ. Thế nào là tu quán niệm hơi thở thì bốn niệm xứ đầy đủ? Nghĩa là Tỳ-kheo nương nơi thôn xóm... (cho đến) lắng dịu toàn thân hơi thở ra, quán niệm biết như thật. Hãy học tập như vậy! Này A-nan! Cũng thế, vị Thánh đệ tử lúc niệm hơi thở vào nên thực tập như niệm hơi thở vào; lúc niệm hơi thở ra nên thực tập như niệm hơi thở ra, cả hơi thở hoặc dài hoặc ngắn. Lúc niệm hơi thở vào thì toàn thân đều nhận biết nên thực tập như niệm hơi thở vào; lúc niệm hơi thở ra nên thực tập như niệm hơi thở ra. Lúc niệm hơi thở vào thì thân hành khinh an nên thực tập như niệm hơi thở vào thân hành khinh an. Lúc niệm hơi thở ra thì thân hành khinh an nên thực tập như khi niệm hơi thở ra thân hành khinh an. Lúc đó, vị Thánh đệ tử an trú trong quán niệm thân trên thân. Nếu khác với thân thì nó cũng được tư duy theo thân của Tỳ-kheo như vậy. Nếu có lúc, vị Thánh đệ tử nhận biết hỷ, nhận biết lạc, nhận biết tâm hành, nhận biết tâm hành vắng lặng lúc niệm hơi thở vào thì thực tập như tâm hành vang lặng khi niệm hơi thở vào; tâm hành vắng lăng lúc niệm hơi thở ra thì thực tập như tâm hành vắng lăng lúc niệm hơi thở ra. Nghĩa là lúc đó5 vị Thánh đệ tử an trụ trong quán niệm thọ trên thọ. Nếu lại có thọ khác thì nó cũng được tư duy theo thọ của Tỳ-kheo. Có lúc, vi Thánh đệ tử nhận biết tâm, nhận biết tâm vui, tâm định, tâm giải thoát lúc niệm hơi thở vào thì thực tập như niệm hơi thở vào; tâm giải thoát lúc

30 Một pháp chỉ cho pháp tu quán niệm hơi thở. Bốn pháp chỉ cho tứ niệm xứ. Bảy pháp chỉ cho bảy giác chi. Hai pháp chỉ cho minh và giải thoát.



niệm hơi thở ra thì thực tập như tâm giải thoát lúc niệm hơi thở ra. Nghĩa là vị Thánh đệ tử lúc ấy an trụ trong quán niệm tâm trên tâm. Nếu có tâm khác thì nó cũng được tư duy theo tâm của Tỳ-kheo. Nếu vị Thánh đệ tử lúc quán vô thường, quán từ bỏ, vô dục, tịch diệt thì nên thực tập như quán vô thường, từ bỏ, vô dục, tịch diệt. Nghĩa là vị Thánh đệ tử lúc ây an trú trong quán niệm pháp trên pháp. Nêu có pháp khác thì nó cũng được tư duy theo pháp của Tỳ-kheo. Đó gọi là tu quán niệm hơi thở thì đầy đủ bốn niệm xứ. Tôn giả A-nan bạch Phật:  Đó là tu tập quán niệm hơi thở khiến cho bốn niệm xứ đầy đủ. Vậy tu bốn niệm xứ thế nào để cho bảy giác phần được đầy đủ? Phật bảo A-nan: -Nếu Tỳ-kheo an trụ trong quán niệm thân trên thân, an trụ trong quán niệm ấy rồi, buộc niệm an trụ không quên, lúc ấy khéo tu niệm giác phần. Tu niệm giác phần rồi nên niệm giác phần đầy đủ. Khi niệm giác phần đã đầy đủ roi thì đôi với pháp

chọn lọc, suy lường, lúc ây phương tiện tu trạch pháp giác phân. Tu trạch pháp giác phân roi nên trạch pháp giác phân được đây đủ. Đôi với pháp chọn lọc, phân biệt, suy lường rồi được phương tiện tinh tấn5 lúc ấy khéo tu tập tinh tấn giác phần. Tu tập tinh tấn giác phần rồi nên tinh tấn giác phần đầy đủ. Phương tiện tinh tấn đầy đủ rồi nên tâm hoan hỷ? lúc ấy phương tiện tu hỷ giác phần. Tu hỷ giác phần rồi thì hỷ giác phần đầy đủ. Hỷ giác phần đây đủ roi thì thân tâm khinh an, bây giờ khéo tu khinh an giác phân. Tu khinh an giác phần rồi thì khinh an giác phần được đầy đủ. Khinh an giác phần đầy đủ rồi thì được tam-muội5 bấy giờ tu định giác phần. Tu định giác phần rồi định giác phan đay đủ. Đinh giác phần đay đủ thì tham và lo cham dứt, được bình đăng xa, bay giơ phương tiên tu xa giác phan. Tu xa giác phan roi thì xa giác phần đầy đủ. Với các niệm xứ thọ, tâm, pháp trên pháp cũng nói như thế. Như thế gọi là tu bốn niệm xứ đầy đủ bảy giác phần. Tôn giả A-nan bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Đay gọi là tu bốn niệm xứ đầy đủ bảy giác phần. Vậy tu bảy giác phần thế nào để đầy đủ minh và giải thoát? Phật bảo A-nan:  Nếu Tỳ-kheo tu niệm giác phần, nương vào viễn ly, nương vào vô dục, nương vào diệt tận, hướng đên xả ly; tu niệm giác phân roi thì đây đủ minh và giải thoát... (cho đến) tu xả giác phần, nương vào viễn ly, nương vào vô dục, nương vào diệt [tận], hướng đến xả ly. Như vậy, tu xả giác phần rồi thì đầy đủ minh và giải thoát. A-nan! Đó gọi là pháp pháp nương nhau, cùng thấm nhuần nhau. Mười ba pháp ấy, một pháp làm tăng thượng, một pháp làm cửa ngõ, thứ lớp tăng tiến, tu tập viên mãn.

878  KINH TẠPA-HÀM

Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

811. TỲ-KHEO KHÁC HỎI PHẬT (2)3132

812. PHẬT HỎI CÁC TỲ-KHEO 32 Cũng vậy, kinh "Tỳ-kheo khác hỏi Phật" và kinh "Phật hỏi các Tỳ-kheo" cũng nói tương tự như kinh trên.33 ***

813. TÔN GIẢ KIM-TỲ-LA34 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại thôn Kim-tỳ-la/5 trong rừng Kim-tỳ. Bay giờ, The Ton noi với Ton gia Kim-ty-la:  Hôm nay, Như Lai sẽ nói về sự siêng năng tu tập bốn niệm xứ. Hãy lắng v nghe và khéo suy nghĩ! Như Lai sẽ giảng nói cho thây. Thế Tôn lặp lại ba lần như vậy, trong khi đó, Tôn giả Kim-tỳ-la vẫn ngồi im lặng. Bấy giờ, Tôn giả A-nan nói với Tôn giả Kim-ty-la:  Đại sư đang chỉ dạy Tôn giả đó! Lặp lại ba lần như vậy. Tôn giả Kim-tỳ-la nói với Tôn giả A-nan: -Toi đã biêt roi, thưa Ton gia A-nan! Toi đa biêt roi, thưa Ton gia họ Cù-đàm!36 J Bấy giờ, Tôn giả A-nan bạch Phật:  Kính bạch Thế Tôn! Thật là đúng lúc. Kính bạch Thế Tôn! Thật là đúng thời. Kính bạch Thiện Thệ! Xin hãy vì các Tỳ-kheo mà giảng nói về sự siêng năng tu tập bốn niệm xứ. Các Tỳ-kheo nghe xong sẽ phụng hành. Phật bảo A-nan:  Hãy lăng nghe và khéo suy nghĩ! Như Lai sẽ giảng nói cho các thây nghe. Tỳ-kheo khi niệm hơi thở vào thì tu tập theo hơi thở vào... (cho đến) khi hơi

31 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.811. 0208cl0). Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.815. 0209b15); M. 118, Anāpānasati Sutta (Kinh quản niệm hơi thở); s. 54.15 - v. 334; s. 54.16 -V. 335. 32 Nguồn tham chiếu như kinh số 811; Tạp.(T.02. 0099.811. 0208c 10). 33 Tức là kinh số 810; Tạp.(7L02. 0099.810. 0208a09) và các kinh

txrơng tự dùng để tham chiếu. 34 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.813. 0208c12). Tham chiếu: s. 54.10 - v. 322. 35 Kim-tỳ-la (Kimbila). 36 Cù-đàm ()ở đây chỉ cho Tôn giả A-nan, gọi theo dòng họ.



thở ra vắng lặng thì tu tập theo hơi thở ra vắng lặng.37 Bấy giờ, vi Thánh đệ tử khi niệm hơi thở vào thì tu tập niệm theo hơi thở vào... cho đến an tịnh thân hành38 khi thở ra và tu tập theo an tịnh thân hành khi thở ra. Lúc ấy, vị Thánh đệ tử an trú chánh niệm quán thân trên thân. Vị Thánh đệ tử khi đã an trú chánh niệm quán thân trên thân rồi, như vậy vị ấy khéo biết quán tưởng39 bên trong. Phật lại hỏi Tôn giả A-nan: Ví như có người cưỡi cỗ xe nghiêng ngả từ phương Đông đi đến, bấy giờ bánh xe có lăn, chạy lên các gò đồi không? Tôn giả A-nan bạch Phật:  Kính bạch Thế Tôn! Có lăn, chạy lên chúng.

Phật bảo Tôn giả A-nan: -Cũng vậy, vị Thanh đệ tử khi niệm hơi thở vào thì tu tập theo niệm hơi thở vào... như thế cho đếrỉ khéo biết quán tưởng bên trong. Bấy giờ, vị Thánh đệ tử giác tri về hỷ... cho đếrì tu tập giác tri về an tinh tâm hành.40 Vị Thánh đệ tử an tru chánh niệm quán thọ trên thọ. Khi đã an trú chánh niệm quán thọ trên thọ roi, như vậy vị ây khéo biêt quán tưởng bên trong. Ví như có người cưỡi cô xe nghiêng ngả từ phương Nam đi đến, bấy giờ bánh xe có lăn, chạy lên các gò đồi không? Tôn giả A-nan bạch Phật:  Kính bạch Thế Tôn! Có lăn, chạy lên chúng.

Phật bảo Tôn giả A-nan: -Cũng vậy, vị Thánh đệ tử an tru chánh niệm quán thọ trên thọ thì vị ấy khéo biết quán tưởng bên trong. Bấy giờ, vị Thánh đệ tử giác tri về tâm, giác tri vê tâm hỷ lạc, vê tâm an định, vê tâm giải thoát khi hơi thở vào thì vi ây tu tập theo tâm giải thoát khi hơi thở vào; tâm giải thoát khi hơi thở ra thì vi ấy tu tập theo tâm giải thoát khi hơi thở ra. Bay giờ, vi Thánh đệ tử an tru chánh niệm quán tâm trên tâm. Như vậy, khi vị Thánh đệ tử đã an trú chánh niệm quán tâm trên tâm rồi thì vị ấy khéo biết quán tưởng bên trong. Ví như, có người cưỡi cỗ xe nghiêng ngả từ phương Tây đi đến, bấy giờ bánh xe có lăn, chạy lên các gò đồi không?

37 Nguyên tác: Diệt xuất tức thời, như diệt xuất tức học .Diệt ở đây dùng ở nghĩa "tức diet",cổ dịch là diet"hoặc tukhinh an".Trong 16 hơi thở điều thân iheo Ma-ha Taụg-ky /T.22. 1425.4. 0255a03 thì hơi thơ 16 chinh là: Khi thở vào tịch diệt, biêt là thở vào tịch diệt; Khi thở ra tịch diệt, biêt là thở ra tịch diệt, HT. Thích Phước Sơn dịch.

tức, than tức” //  38 Nguyên tác: Thân hành chỉ tức .Chỗ khác ghi "nhất thiết thân hành tức, thân hành hưu Niệm t roi. 0026.81.0555Ồ14 ghi là 4íhọc chỉ thân nh".Ma-ha Tăng-kỳ luật T22. 1425.4. 0254c18 ghi là "thân hành xả".S. 54.10 - v. 322: Passambhayam kāyasañkhāram An tịnh thân hành. 39 Nguyên tác: Tư duy ,tên gọi khác chỉ cho “tưởng"vitakkā. 40 Nguyên tác: Ý hành .

Tôn giả A-nan bạch Phật: -Kính bạch Thế Tôn! Có lăn? chạy lên chúng. Phật bảo Tôn giả A-nan:  Cũng vậy, vị Thánh đệ tử giác tri về tâm... (cho đến) tâm giải thoát khi hơi thở ra thì vị ấy tu tập theo tâm giải thoát khi hơi thở ra. Như vậy, vị Thánh đệ tử bấy giờ an trú chánh niệm quán tâm trên tâm, vị ấy khéo biết quán tưởng bên trong, khéo dứt bỏ tham lam, sầu não đối với thân, thọ và tâm. Bấy giờ, vi Thánh đệ tử an trú chánh niệm quán pháp trên pháp. Khi đã an tru chánh niệm quán pháp trên pháp rồi thì vị ấy khéo biết quán tưởng bên trong. Này A-nan! Ví như, có người cưỡi cô xe nghiêng ngả từ phương Bác đi đên, bấy giờ bánh xe có lăn, chạy lên các gò đồi không? Tôn giả A-nan bạch Phật: -Kính bạch Thế Tôn! Có lăn, chạy lên chúng. Á A _ _ • 9  __ _ The Ton bao Ton giả A-nan: -Cũng vậy, vị Thánh đệ tử an trú chánh niệm quán pháp trên pháp thì vị ây khéo biết quán tưởng bên trong. Này A-nan! Đó gọi là Tỳ-kheo tinh cần nỗ lực tu tập bốn niệm xứ. Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

814. NIỆM HƠI THỞ RA VÀO (2)41 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bay giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Hãy tu tập niệm hơi thở ra vào.42 Khi đã tu tập niệm hơi thở ra vào và tu  - c.  * r tập thuân thục roi thì thân không mệt mỏi, măt cũng không đau nhức, vị ây tùy thuận quán an trụ lạc, giác tri lạc, không đắm nhiễm lạc. Thế nào là tu tập niệm hơi thở ra vào giúp thân không mệt mỏi? mắt cũng không đau nhức, quán tùy thuận an trụ lạc, giác tri lạc, không đắm nhiễm lạc? Nghĩa là Tỳ-kheo nương nơi thôn xóm... (cho đến) khi quán sát hơi thở ra vắng lặng thì vị ấy tu tập theo hơi thở ra vắng lặng. Đây gọi là tu tập niệm hơi thở ra vào, giúp thân không mệt mỏi, mắt cũng không đau nhức, quán tùy thuận an trụ lạc, giác tri lạc, không đắm nhiễm lạc. Việc tu tập niệm hơi thở ra vào như vậy sẽ chứng đắc quả vi lớn, được lợi ích lớn.

41 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.814. 0209a23). Tham chiếu: s. 54.8 v. 316. 42 Nguyên tác: An-na-ban-na niệm (,dndpdnā).



Tỳ-kheo nào muốn ly dục, ly bất thiện pháp, có giác có quán, an tru hỷ lạc được sanh ra do sự viễn ly, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất thì vị Tỳ-kheo ấy phải tu tập quán niệm hơi thở ra vào. Việc tu tập niệm hơi thở ra vào như vậy sẽ chứng đắc quả vị lớn, được lợi ích lớn. Tỳ-kheo nào muốn cầu chứng đạt Thiền thứ hai, Thiền thứ ba, Thiền thứ tư thì vị ấy phải có đầy đủ Từ, Bi, Hỷ? Xả? Không nhập xứ, Thức nhập xứ, Vô sở hữu nhập xứ và Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ, dứt sạch ba kiết; bấy giờ vị ấy chứng đắc quả vị Tu-đà-hoàn. Đen khi ba kiết đã sạch, tham, sân, si đã giảm thì vị ấy đắc quả Tư-đà-hàm. Khi năm hạ phần kiết sử đã dứt sạch thì vị ấy đắc quả A-na-hàm. Khi đã thành tựu năng lực than thông vô lượng đó là Thiên nhĩ thông, Tha tâm thông, Túc mạng thông, Sanh tử thông, Lậu tận thông [thì vị ấy đắc quả A-la-hán]. Như vậy, Tỳ-kheo cần phải tu tập quán niệm hơi thở ra vào. Việc tu tập niệm hơi thở ra vào như vậy sẽ chứng đắc quả vị lớn, được lợi ích lớn. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

815. BỐ-TÁT43 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật an cư mùa mưa tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, số đông các Thượng tọa Thanh văn đều an cư ở xung quanh Thế Tôn, có vị thì ở bên gốc cây, có vị thì ở trong hang động. Khi ấy, có nhiều Tỳ-kheo trẻ tuổi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Đức Phật vì các Tỳ-kheo trẻ mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ.44 Sau khi vì các Tỳ-kheo mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ rồi, Thế Tôn an trú trong tĩnh lặng. Các Tỳ-kheo trẻ nghe đức Phật chỉ dạy xong, đều hoan hỷ và tùy hỷ, rời khỏi chỗ ngồi, cúi lạy sát chân Phật rồi lui ra. Sau đó, các Ty-kheo trẻ đến chỗ các Tỳ-kheo Thượng tọa, đảnh lễ các Tỳ- kheo Thượng tọa rồi ngồi sang một bên. Khi ây, các Tỳ-kheo Thượng tọa suy nghĩ: "Chúng ta nên nhiêp thọ các Tỳ-kheo trẻ này. Hoặc một người nhiêp thọ một người, hoặc một người nhiêp thọ hai người, hoặc một người nhiếp thọ ba người, hoặc một người nhiếp thọ

43 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.815. 0209b15). Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.803. 0206a14)^7(^. Ề(r.02. 0099.810-812. 0208a09-cl0); M. 118, Ānāpānasaii Sutta (Kỉnh quản niệm hơi thở); s. 54.13-16 - v. 328-35. 44 Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ (,).Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tr. 105; Tạp.(r02. 0099.92. 0023cl8).



nhiêu Iigiròi." Nghĩ như thê xong, các Tỳ-kheo Thượng tọa liên nhiêp thọ, hoặc một người nhiếp thọ một người, hoặc một người nhiếp thọ hai người, hoặc một người nhiếp thọ ba người, hoặc một người nhiếp thọ nhiều người, thậm chí có Thượng tọa nhiếp thọ đến sáu mươi người. Bấy giờ là ngày rằm, đúng thời Bố-tát, Thế Ton trải tòa ngồi ở trước đại chúng. Sau khi nhìn khắp chúng Tỳ-kheo xong, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Lành thay! Lành thay! Hôm nay, Như Lai rát hoan hỷ vì thây các thây Tỳ-kheo đã làm những việc chính đáng. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy nỗ lực tinh tấn! Tại nước Xá-vệ này, sau khi vừa kết thúc tháng Ca-đề?45 có các Tỳ-kheo du hành trong nhân gian nghe tin Thế Tôn khi vừa kết thúc tháng Ca-đề và may y đã xong, Ngài sẽ đắp y, ôm bát du hành trong nhân gian ở nước Xá-vệ nên các Tỳ-kheo này dần đến nước Xá-vệ. Sau khi thu dọn y bát và rửa chân xong, các Tỳ-kheo này đồng đến chỗ Thế Tôn, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Bấy giờ, Thế Tôn vì các Tỳ-kheo du hành trong nhân gian mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ? khiến cho hoan hỷ. Sau khi vì các Tỳ-kheo mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho các Tỳ-kheo hoan hỷ rồi, Thế Tôn an trú trong tĩnh lặng. Các Tỳ-kheo du hành trong nhân gian nghe Phật nói pháp xong, đều hoan hỷ và tùy hỷ, rời khỏi chỗ ngồi, lạy sát chân Phật rồi lui ra. Họ đến chỗ các Tỳ-kheo Thượng tọa, cúi lạy sát chân các Tỳ-kheo Thượng tọa rồi ngồi sang một bên. Lúc ấy, các Tỳ-kheo Thượng tọa suy nghĩ: “Chúng ta nên nhiếp thọ các Tỳ- kheo du hành trong nhân gian này, hoặc một người nhiếp thọ một người, hoặc một người nhiếp thọ hai người, hoặc một người nhiếp thọ ba người, hoặc một người nhiếp thọ nhiều nguôi." Nghĩ như thế xong, các Tỳ-kheo Thượng tọa liền nhiếp thọ, hoặc một người nhiếp thọ một người, hoặc một người nhiếp thọ hai người, hoặc một người nhiếp thọ ba người, thậm chí có Thượng tọa nhiếp thọ đến sáu mươi người. Các Tỳ-kheo Thượng

tọa ấy nhiếp thọ các Tỳ-kheo du hành trong nhân gian, vì họ mà giáo giới, truyền dạy, giúp họ khéo biết thứ tự trước sau. Bấy giờ là ngày rằm, đúng thời Bố-tát, Thế Ton trải tòa ngồi ở trước đại chúng. Sau khi nhìn khắp chúng Tỳ-kheo xong, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Lành thay! Lành thay! Này các Tỳ-kheo! Như Lai rất hoan hỷ vì các thầy làm điều chính đáng. Như Lai rất vui vì các thầy đã làm điều chính đáng. Này các Tỳ-kheo! Các đức Phật quá khứ cũng có chúng Tỳ-kheo làm điều chính đáng giống như chúng Tỳ-kheo hiện tại này. Các đức Phật ở tương lai có các chung Tỳ-kheo cũng sẽ như vậy, cũng làm điều chính đáng giống như

45 Ca-đê nguyệt ,Kattỉkamãsà: Tính theo âm lịch Ấn Độ là khoảng từ 16 tháng 9 đến 15 tháng 10.



các Tỳ-kheo hiện tại này. Vì sao như vậy? Vì các Tỳ-kheo trưởng lão trong đại chúng hiện tại này, có vị đã chứng đắc Thiền thứ nhất, có vị đã chứng đắc Thiền thứ hai, co vị đã chứng đắc Thiền thứ ba, có vị đã chứng đắc Thiền thứ tư, có vi an trú đầy đủ Từ, Bi, Hỷ, Xả? Không nhập xứ, Thức nhập xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Có Tỳ-kheo đã dứt sạch ba kiết sử, chứng quả Tu-đà-hoàn, không rơi vào đường ác, quyết định hướng thẳng đến Vô thượng Chánh giác,4647 chỉ còn bảy lần sanh trở lại cõi trời hoặc cõi người sẽ vượt thoát khổ đau. Cũng có Tỳ-kheo đã dứt sạch ba kiết sử, giảm thiểu tham, sân, si, chứng quả Tư-đà-hàm. Cũng có Tỳ-kheo đã dứt sạch năm hạ phần kiết sử,47 chứng quả A-na-hàm? đạt đen Bát-niết-bàn? không còn sanh trở lại cõi đời này. Cũng có Tỳ-kheo đạt đến cảnh giới thần thông vô lượng, đó là Thiên nhĩ thông, Tha tâm thông, Túc mạng thông, Sanh tử thông và Lậu tận thông. Cũng có Tỳ-kheo tu quán tưởng bát tịnh đê đoạn trừ tham dục, tu tập tâm từ để đoạn trừ sân hận, tu quán tưởng vô thường để đoạn trừ ngã mạn, tu quán niệm hơi thở ra vào để đoạn trừ giác tưởng. Thế nào gọi là Tỳ-kheo tu quán niệm hơi để đoạn trừ giác tưởng? Nghĩa là Tỳ-kheo nương vào thôn xóm... (cho đen) quán niệm hơi thở ra vang lặng và tu tập theo quán niệm hơi thở ra vắng lặng. Đó gọi là tu tập quán niệm hơi thở ra vào để đoạn trừ giác tưởng. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 816. BA HỌC PHÁP (l)48 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ* Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có ba học pháp. Là ba học pháp nào? Đó là tăng thượng giới học/950 tăng thượng định học/0 tăng thượng tuệ học.51 46 Nguyên tác: Tam-bồ-đề (). 47 Nguyên tác: Ngũ hạ phần kiết ( pcữícci orambhāgiya samyojana), gồm: (i) Tham dục ( kāmarāgd), (ii) San khuê (,vyāpāda), (ill) Thân kiến (,sakkāyaditihi), (iv) Giới cấm thủ ( ,sílabbcưapardmdsă), (y) Nghi (,vicikicchā). 48 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.816. 0210a06). Tham chiếu: A. 3.90 - L 235. 49 Tăng thượng giới học (,Adhisīlasikkhā). 50 Tăng thượng ý học (,Adhicittasikkhā)'. Tăng thượng tâm, chỉ cho định học. 51 Tăng thượng tuệ hpc (,Adhipaññāsikka).

Khi ay, The Ton liên noi kẹ: Người đay đủ ba học, Là Tỳ-kheo chánh hạnh, Giới, tâm, tuệ tăng thượng, Siêng tu ba pháp này, Là thành lũy vững chác, Thường thủ hộ các căn. Ban ngày cũng như đêm, Đêm cũng như ban ngày, Trước cũng giông như sau, Sau cũng giống như trước, Cao cũng giống như thấp, Tháp cũng giông như cao. Vô lượng các tam-muội, Chiếu sáng khắp các phương, Đây gọi là đường giác, Sự thanh lương bậc nhất. Dứt trừ sạch vô minh, Tâm hoàn toàn giải thoát,52 Ta là đấng Giác Ngộ, Minh và Hạnh tròn đày. Chánh niệm luôn an trú, Tâm kia được giải thoát, Khi thân hoại mạng chung, Như dầu hết đèn tắt. Đức Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

817. BA HỌC PHÁP (2)53 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giơ, The Ton bao các Ty-kheo:  Lại cũng có ba học pháp. Là ba học pháp nào? Đó là tăng thượng giới học, tăng thượng định học54 và tăng thượng tuệ học. Thế nào là tăng thượng giới học? Nghĩa là Tỳ-kheo khéo an trú vào giới Ba-la-đề-mộc-xoa9 đay đủ luật nghi, oai nghi, hành xứ5 có tâm sợ hãi ngay cả Vơi những lôi nho nhạt, kheo giữ gìn học giới. Thế nào là tăng thượng định học? Nghĩa là Tỳ-kheo lìa bỏ dục và các pháp bất thiện,... (cho đến) an trú đầy đủ vào Thiền thứ tư. Thế nào là tăng thượng tuệ học? Nghĩa là Tỳ-kheo biết như thật đây là Thánh đế về khổ, biết như thật Thánh đế về nguyên nhân của khổ, biết như thật Thánh đế về khổ diệt và biết như thật Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt. Đây gọi là tăng thượng tuệ học. r __ r Bay giờ, The Ton lại noi kê: (Giống như bài kệ kỉnh 816 ở trên).

52 Nguyên tác: Thiện giải thoát (suvimuttaṃ. Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển l, tr. 19; Tạp.(T.02. 0099.22. 0004c20). 53 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.817. 0210a23). Tham chiếu: Tạp.(r02. 0099.832. 0213C08); A. 3.89 -1. 235. 54 Nguyên tác: Ý học ().Căn cứ vào sự giải thích ở đoạn kinh sau nên xác định rõ là định học.

QUYỂN 29  885

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

818. BA HỌC PHÁP (3)55 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Có Tỳ-kheo chỉ tu học tăng thượng giới mà không tu học tăng thượng định và tăng thượng tuệ. Cũng có Tỳ-kheo tu học tăng thượng giới và tăng thượng định nhưng không tu học tăng thượng tuệ. Vi Thánh đệ tử nào phương tiện tùy thuận thành tựu, an tru tăng thượng tuệ sẽ tu tập đầy đủ tăng thượng giới và tăng thượng định. Như vậy, Thánh đệ tử nào phương tiện tùy thuận thành tựu, an trú tăng thượng tuệ thì vị ấy sống với tuệ mạng56 vô thượng. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

819. GIỚI KINH5758 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-ve. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Vào mỗi nửa tháng, các Tỳ-kheo phải tụng đọc hai trăm năm mươi giới được rút ra từ trong Giới

kỉnh^ để những vị tự cầu học được học tập giới điều. Nên biết rằng ba học pháp này có thể gồm thâu tất cả giới. Là ba học pháp nào? Đó là tăng thượng giới học, tăng thượng định học và tăng thượng tuệ học. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đêu hoan hỷ phụng hành. ***

820. HỌC XỨ59 Tôi nghe như vay:

55 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.818. 0210b05). 56 Nguyên tác: Tuệ thq (). 57 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.819. 0210b13). Tham chiếu: A. 3.88 - L 234. 58 Nguyên tác: Ba-la-đề-mộc-xoa Tu-đa-la (). 59 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.820. 021 Ob 19). Tham chiếu: A. 3.87  L 232.

886  KINH TẠP A-HÀM

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: (Giong như kinh trên đã nói, chỉ khác biệt ở đoạn sau): Thế nào là tăng thượng giới học? Nghĩa là Tỳ-kheo chú trọng vào giới nên giới tăng thượng, không chú trọng vào định nên định không tăng thượng, không chú trọng vào tuệ nên tuệ không tăng thượng. Đôi với từng phân, từng phân giới nhỏ nhặt, nếu có phạm thì y theo đó mà sám hối. Vì sao như vậy? Bởi vì Như Lai chưa từng nói người kia không có khả năng kham nhận giới. Nếu giới vị ấy hướng đến Phạm hạnh, lợi ích cho Phạm hạnh, an trú lâu dài trong Phạm hạnh, Tỳ-kheo như vậy sẽ được giới kiên cố, luôn trụ vững vào giới ấy, khiến giới luôn tùy thuận tăng trưởng và luôn thọ trì học giới. Tỳ-kheo thấy như vậy, biết như vậy, sẽ đoạn trừ được ba kiết, đó là thân kiến, giới thủ và nghi. Khi đã đoạn trừ được ba kiêt này roi, vi ây chứng quả Tu-đà-hoàn, không còn rơi vào đường ác, quyết đinh hướng thẳng đến Vô thượng Bồ-đề, chỉ còn bảy lần sanh lại trong cõi trời và cõi người, sẽ vượt thoát khổ đau. Đó gọi là tăng thượng giới học. Thế nào là tăng thượng định học? Tỳ-kheo này chú trọng vào giới nên giới tăng thượng, chú trọng vào định nên định tăng thượng, không chú trọng vào tuệ nên tuệ không tăng thượng. Đoi với từng phan, từng phan giới nhỏ nhặt... (cho đến) thọ trì học giới. Tỳ-kheo thấy như vậy, biết như vậy, sẽ đoạn trừ được năm hạ phân kiêt sử, đó là thân kiên, giới thủ, nghi, tham dục và sân hận. Khi đã đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử này rồi, sẽ được thọ sanh vào Bát-niết- bàn, chứng A-na-hàm, không còn trở lại cõi đời này nữa. Đó gọi là tăng thượng định học. Thế nào là tăng thượng tuệ học? Tỳ-kheo chú trọng vào giới nên giới tăng thượng, chú trọng vào định nên định tăng thượng, chú trọng vào tuệ nên tuệ tăng thượng. Tỳ-kheo thấy như thế, biết như thế nên tâm giải thoát khỏi dục lậu, tâm giải thoát khỏi hữu lậu5 tâm giải thoát khỏi vô minh lậu, được tri kiến giải thoát và tự biết rằng: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Đó là tăng thượng tuệ học. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

821. TĂNG THƯỢNG TAM HỌC60

Tôi nghe như vay:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước

Xá-vệ.

60 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.821. 021 Oe 13). Tham chiếu: Á. 3.86 - L 231.

QUYỂN 29  887

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Vào mỗi nửa tháng, các Tỳ-kheo phải đọc tụng hai trăm năm mươi giới được rút ra từ trong Giới kinh. Nếu người thiện nam nào mong cầu tu học Giới kinh, Như Lai sẽ vì người ấy nói về ba học pháp. Nếu người nào tu tập ba học pháp này sẽ gồm thâu tất cả học giới. Là ba học pháp nào? Đó là tăng thượng giới học, tăng thượng đinh học và tăng thượng tuệ học. Thế nào là tăng thượng giới học? Nghĩa là Tỳ-kheo chú trọng vào giới nên giới tăng thượng, không chú trọng vào đinh nên đinh không tăng thượng, cũng không chú trọng nơi tuệ nên tuệ không tăng thượng. Đối với mỗi mỗi phần giới nhỏ nhặt... cho đếrỉ thọ trì học giới. Tỳ-kheo thấy như vậy, biết như vậy sẽ đoạn trừ được ba kiết sử đó là thân kiến, giới thủ và nghi, đồng thời tham dục, sân hận và si cũng được giảm thiểu thì vị ấy thành tựu Nhất chủng đạo.61 ở giai vị này vì chưa giác ngộ viên mãn6263 nên gọi là bậc Tư-đà-hàm, ở giai vị này vì chưa giác ngộ viên mãn nên gọi là bậc Gia gia,63 ở giai vi này vì chưa giác ngộ viên mãn nên gọi là bậc Thất hữu,64 ở giai vị này vì chưa giác ngộ viên mãn nên gọi là bậc Tùy pháp hành,65 ở giai vi này vì chưa giác ngộ viên mãn nên gọi là bậc Tùy tín hành.66 Đó là tăng thượng giới học. Thê nào là tăng thượng định học? Nghĩa là Tỳ-kheo chú trọng vào giới nên giới tăng thượng, chú trọng vào định nên định tăng thượng, nhưng không chú trọng vào tuệ nên tuệ không tăng thượng. Đối với mỗi mỗi phần giới nhỏ nhặt... cho đến thọ trì học giới. Tỳ-kheo thấy như vậy, biết như vậy sẽ đoạn trừ được năm hạ phân kiêt sử là thân kiên, giới thủ, nghi, tham dục và sân hận. Khi đã đoạn trừ năm hạ phần kiết sử thì vị ấy có thể được Trung Bát-niết-

61 Nhất chủng dQO ,Ekabījī. Tham chiếu: A. 3.87  L 232: “Vj ấy, do đoạn tận 3 kiết sử, là bậc Nhất chủng, sau khi phải sanh hiện hữu làm người một lần, rồi đoạn tận khổ dàu" HT. Thích Minh Châu dịch. Theo SA. 48.24 - ni. 238: Yo sotāpanno hutvā ekameva attabhāvam janetvā arahattarh pāpunati, ayarh ekabījī nāma ở quả vị Tu-đà-hoàn này chỉ cần một lần tái sanh liền chứng đắc quả vị A-la-hán, gọi là Nhất chủng. 62 Nguyên tác: Đẳng giác cổ dịch, chỉ cho sambodhi giác ngộ viên mãn. 63 Gia gia Kolarnkola là bậc Dự lựu, được sanh vào nhà thuần thiện, từ nhà này sang nhà khác trước Ổii chứng đắc A-la-hán. Tham chiếu: A. 3.87A- L 232: uVị ấy, do đoạn tận 3 kiết sử, ỉa bậc 'Gia gia', rong ruổi, lưu chuyển trong 2 hay 3 gia đình, rồi đoạn tận kho đau9' HT. Thích Minh Châu dịch. Tăng.^ ro/. 0125.28.7. 0653cll: Hoặc có mọt người dứt trừ 3 kiết sư, sẽ thành tựu pháp bất thoai chuyển TÙ-đà-hoàn, nhất định đến được Niết-bàn và chậm nhất là trải qua 7 lần sanh lại cõi này; hoặc thành bậc Gia gia, Nhất chung. 64 Thất hữu Sattakkhattuparamà  tức Tu-đà-hoàn, đã đoạn thân kiến, giới cấm thủ và nghi, tối đa chỉ còn 7 lan tai sanh cõi trời hoặc coi người. 65 Tùy pháp hành s. Dharmānusārin, p. Dhammānusārī còn gọi là Pháp hành nghĩa là bậc tuy chưa thành tựu quả vị Dự lưu, nhưng đã vượt khỏi hàng phàm phu, là bậc Hữu học có khả năng dùng sức mạnh tri tuế quán sat,

tư duy rồi kham thọ giáo pháp ,khantī, gọi là bậc Tùy pháp hành. Xem thêm SĀ. 61. 66 Tùy tín hành s. śraddhānusārin, p. Saddhānusārī còn gọi là Tín hành nghĩa là bậc tuy chưa thành tựu quả vị Dự lưu ,nhưng đã vượt khỏi hàng phàm phu, là bậc Hữu học có khả nắng kham thọ S, khantī, phân biệt giáo pháp, từ đó quán sát, tư duy VỚI trí tuệ tăng thượng, gọi là bậc Tùy tín hành. Xem thêm SĀ. 61.



bàn.67 ở giai vi này nếu chưa giác ngộ viên mãn sẽ được Sanh Bát-niết-bàn/8 ở giai vị này nếu chưa giác ngộ viên mãn sẽ được Vô hành Bát-niết-bàn,69 ở giai vị này nếu chưa giác ngộ viên mãn sẽ được Hữu hành Bát-niết-bàn,70 ở giai vị này nếu chưa giác ngộ viên mãn sẽ được Thượng lim Bát-niết-bàn.71 Đây gọi là tăng thượng định học. Thế nào là tăng thượng tuệ học? Nghĩa là Tỳ-kheo chú trọng vào giới nên giới tăng thượng, chú trọng vào định nên định tăng thượng, chú trọng vào tuệ nên tuệ tăng thượng. Tỳ-kheo thay như vậy, biết như vậy thì tâm giải thoát khỏi dục lậu, tâm giải thoát khỏi hữu lậu, tâm giải thoát khỏi vô minh lậu, được tri kiến giải thoát rồi tự biết rằng: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Đó gọi là tăng thượng tuệ học. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đêu hoan hỷ phụng hành. *** 822. NIẾT-BÀN (l)72 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Các Tỳ-kheo hãy an trú vào giới Cụ túc, khéo nhiếp trì giới, đầy đủ oai nghi và hành xứ, thấy lỗi nhỏ nhặt luôn sanh tâm lo sợ. Khi Tỳ-kheo đã an trú vào giới trọn vẹn, khéo nhiếp trì giới luật, đầy đủ oai nghi hành xứ? thấy lỗi nhỏ nhặt luôn sanh tâm lo sợ, bình đẳng thọ trì học giới sẽ giúp cho sự tu tập ba học pháp được đầy đủ. Là ba học pháp nào? Đó là tăng thượng giới học, tăng thượng định học và tăng thượng tuệ học. Thế nào là tang thượng giới học? Nghĩa là Tỳ-kheo ấy đầy đủ giới nhưng thiếu đinh và thiếu tuệ; đoi với mỗi mỗi phan giới nhỏ nhặt... (cho đến) thọ trì

67 Trung Bát-niết-bàn (,Antarāparinibbāyī) là bậc Bất lai. Sau khi sanh vào cõi trời Tịnh Cư (Suddhāvāsā) được phân nửa thọ mạng thì nhập Niết-bàn. Theo A. 3.86 - L 232: Vị ấy do đoạn tận 5 hạ phần kiết sử, là bạc Trung gian Bát-niet-bàn. 68 Sanh Bát-niết-bàn (Upahaccaparinibbāyī) còn gọi là Tổn hại (Ụpahaccă) Niết-bàn, là bậc Bất lai, sau khi sanh vào cõi trơi Tịnh Cư, gần mãn tuoi thọ ứìì nhập Niét-bàn. Vô hành Bát-niệt-bàn (^Asaṅkhāraparinibbāyī) là bậc Bất lai, sau khi sanh vào cõi trời Tịnh Cư, không cần nỗ lực vẫn đạt Niet-bàn. 70 Hữu hành Bát-niết-bàn (Sasañkhāraparinibbāyī) là bậc Bất lai, sau khi sanh vào cõi trời Tịnh Cư, phải nỗ lực tu tập ròi mới nhập Niểt-bàn. 71 Thượng lưu Bát-niết-bàn (Uddharnsoto Akanitthagāmī) Jà bậc Bất lai, sau khi sanh vào cõi trời Tịnh Cư, lần lượt tái sanh qua các cõi từ cõi thứ nhát (Vô Phiền thiên) đến cõi thứ năm (Sắc Cứu Cánh thiên), đoạn trừ 5 thượng phần kiết sử rồi nhập Niết-bàn tại đó. 72 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.822. 0211bl2).

giới học. Tỳ-kheo thấy như vậy, biết như vậy sẽ đoạn trừ được ba kiết sử, đó là thân kiến, giới thủ và nghi. Khi đã đoạn trừ ba kiết sử này thì vị ấy chứng quả Tu-đà-hoàn? không còn đọa vào đường ác, quyết đinh hướng thẳng đến Vô thượng Chánh giác, chỉ còn bảy lần sanh lại trong cõi trời hoặc cõi người sẽ vượt thoát khô đau. Thế nào là tăng thượng đinh học? Nghĩa là Tỳ-kheo ấy được đầy đủ định, đầy đủ tam-muội nhưng thiếu tuệ; đối với mỗi mỗi phần giới nhỏ nhặt, nếu có trái phạm liền biết theo đó sám hối... (cho đến) thọ trì học giới. Tỳ-kheo thấy như vậy5 biết như vậy sẽ đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, đó là thân kiến, giới thủ, nghi, tham dục và sân hận. Khi đã đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử này thì vi ấy liền đạt được Sanh Bát-niết-bàn? chứng quả A-na-hàm, không còn sanh trở lại cối đời này nữa. Đó gọi là tăng thượng định học. Thế nào là tăng thượng tuệ học? Nghĩa là Tỳ-kheo có đầy đủ học giới, đầy đủ định và tuệ. Tỳ-kheo thấy như vậy, biết như vậy thì tâm giải thoát khỏi dục lậu, tâm giải thoát khỏi hữu lậu và tâm giải thoát khỏi vô minh lậu, được tri kiến giải thoát roi tự biêt răng: “Su sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cân làm đã làm xong, tự biêt không còn tái sanh." Đó gọi là tăng thượng tuệ học. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 823. NIÉT-BÀN (2)73 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giơ, Thê Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Nêu Tỳ-kheo nào an tru vào giới Cụ túc, khéo nhiêp trì giới, đây đủ oai nghi và hành xứ, thấy lỗi nhỏ nhặt luôn sanh tâm lo sợ nên thọ trì học giới, tức là đã đầy đủ ba học pháp. Là ba học pháp nào? Đó là tăng thượng giới học, tăng thượng đinh học và tăng thượng tuệ học. Thế nào là tăng thượng giới học? Nghĩa là Tỳ-kheo ấy an trú vào giới Cụ túc nhimg thiếu định và thiếu tuệ; đối với mỗi mỗi phần giới nhỏ nhặt... (cho đến) thọ trì giới học. Tỳ-kheo thấy như vậy, biết như vậy sẽ đoạn trừ được ba kiết sử, đồng thời tham, sân và si giảm thiểu thì được quả vi Nhất chủng đạo. ở giai vi này nếu chưa giác ngộ viên mãn thì được quả vị Tư-đà-hàm, ở giai vị này nếu chưa giác ngộ viên mãn thì được quả vị Gia gia, ở giai vi này nếu chưa giác ngộ viên mãn thì được quả vi Tu-đà-hoàn, ở giai vị này nếu chưa giác ngộ

73 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.823. 02llc06).



viên mãn thì được quả vị Tùy pháp hành, ở giai vị này nếu chưa giác ngộ viên mãn thì được quả vị Tùy tín hành. Đó là tăng thượng giới học. Thế nào là tăng thượng định học? Nghĩa là Tỳ-kheo ấy giới Cụ túc, định đầy đủ, nhxrng tuệ thiếu kém; đối với mỗi mỗi phân giới nhỏ nhặt... {cho đên) thọ trì giới học. Tỳ-kheo thấy như vậy, biết như vậy sẽ đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, đó là thân kiến, giới thủ, nghi, tham dục và sân hận. Khi đã đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử này thì vi ấy đạt được Trung Bát-niết-bàn. ở giai vi này nếu chưa giác ngộ viên mãn sẽ đạt được Sanh Bát-niết-bàn5 giai vị này nếu chưa giác ngộ viên mãn sẽ đạt được Vô hành Bát-niết-bàn, giai vi này nếu chưa giác ngộ viên mãn sẽ đạt được Hữu hành Bát-niết-bàn, giai vị này nếu chưa giác ngộ viên mãn sẽ đạt được Thượng lưu Bát-niết-bàn. Đây gọi là tăng thượng định học. Thế nào là tăng thượng tuệ học? Nghĩa là Tỳ-kheo này đầy đủ giới, đầy đủ định và

tuệ. Tỳ-kheo thấy như vậy, biết như vậy thì tâm giải thoát khỏi dục lậu, tâm giải thoát khỏi hữu lậu và tâm giải thoát khỏi vô minh lậu, được tri kiến giải thoát rồi tự biết rằng: "Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Đó gọi là tăng thượng tuệ học. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đêu hoan hỷ phụng hành. *** 824. HAI HỌC PHÁP74 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-dà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Có hai học pháp. Là hai học pháp nào? Đó là tăng thượng oai nghi học và tăng thượng giới75 học. LÚC áy, The Ton noi kẹ: Người học, khi học giới, Nên hành theo đường chánh, Tinh tấn tự quán xét, Khéo hộ trì thân tâm. Trước, đắc Trí lậu tận, Kế, chứng Trí cứu cánh,76

74 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp. B (T02. 0099.824. 02llc0l). Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.642. 0l82al4); Như thị ngữ kỉnh (N.26. 001Í.62. 0231a05);4 3.85 - L 231. 75 Nguyên tác: Ba-la-đề-mộc-xoa (). Nguyêntác: Thứ cứu cánh vô tri ().“v6 tri”()ở đây chỉ cho vô minh (aññānd). Tạp.(^.02. 0099.251. OpóOcOl): Được gọi là vô tri, vô tri chính là vô minh ( ).Bản Hán có thê chép nhâm giữa chánh trí (aññā) và vô minh (aññāna).A. 3.85 - L 231: Khayasmim pathamarn ñānam, tato aññā anantarā (ở trong sự diệt tận / Trí thứ nhất khởi lên / Tiếp theo không gián đoạn / Chánh trí mới sanh khởi), HT. Thích Minh Châu dịch.

QUYỂN 29  891

Được chánh trí giải thoát,77 Vượt qua các tri kiên, Được giải thoát bất động, Các hữu kiết diệt tận. Các căn được tròn đầy, Và an vui tịch tịnh, Giữ thân sau cùng này, Hàng phục các ma oán. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 825. LỢI ÍCH CỦA HỌC GIỚI7879 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. , Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Học giới mang lại nhiều lợi ích, được an trú nơi trí tuệ tối thượng, tâm giải thoát thêm kiên cố, chánh niệm được tăng trưởng. Nếu Tỳ-kheo nương vào học giới thì có được lợi ích, được trí tuệ tối thượng, tâm giải thoát thêm kiên cố, chánh niệm được tăng trưởng, sẽ khiên cho ba học pháp được đây đủ. Những gì là ba học pháp? Đó là tăng thượng giới học, tăng thượng định học, tăng thượng tuệ học. LÚC ây, The Ton noi kê: Trì giới được lợi ích, Chuyên tư duy thiền định, Được trí tuệ tối thượng, Đời này là cuối cùng, Thân cuối bậc Hiền minh,79 Hàng ma qua bến giác. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 826. PHƯỚC LỢI HỌC GIỚI80 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ, Thê Tôn bảo các Tỳ-kheo: (Giống như kỉnh trên đã nỏi, chỉ có sai biệt là thêm vào đoạn SQ"):

77 Nguyên tác: Đắc vô tri giải thoát ().A. 3.85 - L 231: Tato aññāvimuttassa (rồi chánh trí giải thoát), HT. Thích Minh Châu dịch. 78 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.825. 0211C13). Tham chiếu: Như thị ngữ kỉnh (7V.26. 0011.46. 0216a05). 79 Nguyen tác: Mãu-ni trì hậu biên().Mâu-ni (,Mona) chỉ cho bậc Thánh nói chung, vị đang giữ thân sau cùng. 80 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.826. 0212a23).

Này các Tỳ-kheo! Thế nào là Tỳ-kheo nhờ học giới mà có được lợi ích? Nghĩa là đấng Đại sư vì hàng đệ tử81 mà thiết lập giới pháp để nhiếp thọ chúng Tăng, cực lực nhiếp thọ chúng Tăng, giúp người chưa tin được tin, người đã tin càng thêm tin, điều phục kẻ ác, người biết hổ thẹn được sống an lạc, hiện tại phòng hộ được hữu lậu, tương lai được đoạn trừ phiền não hoàn toàn, đồng thời giúp cho Phạm hạnh ton tại lâu dài. Như vậy, Như Lai đã vì hàng Thanh văn mà chê giới, vì mục đích nhiêp thọ chúng Tăng... (cho đến) giúp cho Phạm hạnh tồn tại lâu dài. Đối với học giới như vậy như vậy, vị ấy hành trì giới kiên cố, luôn luôn phòng hộ, luôn luôn giữ giới và thọ trì học giới. Đó gọi là Tỳ-kheo được phước lợi ve giai. Thế nào là Tỳ-kheo có trí tuệ tối thượng? Nghĩa la đấng Đại sư vì hàng đệ tử mà nói pháp, với tâm đại bi thương xót, đem đến đầy đủ lợi ích, hoặc an ủi vỗ về, hoặc giúp cho có được an lạc, hoặc vừa an ủi vừa giúp cho được an lạc. Như vậy như vậy, đấng Đại sư vì hàng đệ tử mà nói pháp, với tâm đại bi thương xót, đem đến đầy đủ lợi ích, hoặc an ủi vỗ về, hoặc khiến cho an lạc, hoặc vừa an ủi vừa giúp cho được an lạc. Như vậy như vậy, vi nào tu tập đoi với mỗi mỗi pháp ấy, đối với mỗi một học xứ ấy sẽ được trí tuệ quán sát. Đó gọi là Tỳ-kheo có trí tuệ tối thượng. Thế nào là Tỳ-kheo được giải thoát kiên cố? Nghĩa là đấng Đại sư vì hàng đệ tử mà nói pháp, với tâm đại bi thương xót, đem đến lợi ích đầy đủ, hoặc an ủi vo ve, hoặc giúp cho được an lạc. Như vạy như vây, vị nào tu tạp đoi vơi moi một pháp được Thế Tôn nói, đối với mỗi một học xứ như vậy sẽ được an lạc giải thoát. Đó gọi là Tỳ-kheo được giải thoát kiên cố. Thế nào là Tỳ-kheo có chánh niệm tăng thượng? Nghĩa là người chưa đầy đủ giới thân thì hãy chuyên tâm buộc niệm an trụ. Người chưa thể quán sát thì đối với mỗi mỗi học xứ phải dùng trí tuệ để buộc niệm an trụ. Người đã quán sát rồi thì đối với mỗi mỗi học xứ càng thêm buộc niệm an trụ. Người chưa tiếp xúc với pháp thì đối với mỗi một học xứ phải dùng tâm giải thoát để chánh niệm an trụ. Người đã tiếp xúc với pháp thì đoi với mỗi mỗi học xứ càng phải dùng tâm giải thoát đê chánh niệm an trụ. Đó gọi là Tỳ-kheo chánh niệm tăng thượng. _ r Bay giơ, The Ton nói kê: Trì giới được phước lợi, Chuyên tư duy thiền định, Được trí tuệ tối thượng, Đời này là cuối cùng, Thân cuối bậc Hiền minh, Hàng ma qua bến giác. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

81 Nguyên tác: Thanh văn (Sāvakā), vừa có nghĩa là Thanh văn vừa mang nghĩa là đệ tử.



Kỉnh Thi-bà-ca về sau Phật sẽ nói, cũng vậy, ba bài kỉnh đó là kỉnh Tỳ-kheo A-nan-đà hỏi Phật, kỉnh Tỳ-kheo khác hỏi Phật và kinh Phật hỏi các Tỳ-kheo cũng được nói như trên. *** 827. ĐÚNG THỜI LÀM RUỘNG82 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Ví như người nông phu canh tác ruộng đồng thì phải trải qua ba giai đoạn, phải đúng thời để canh tác cho tốt. Ba giai đoạn đó như thế nào? Nghĩa là người nông phu kia phải cày bừa ruộng đất đúng thời vụ, kế đến là dẫn nước vào ruộng đúng thời và sau đó gieo sạ hạt giống đúng thời. Sau khi đã cày bừa, dẫn nước và gieo hạt giống

rồi thì người nông phu sẽ không suy nghĩ: "Mong sao lúa lớn mạnh ngay hôm nay, lúa tro hạt ngay hôm nay, lúa chín ngay hôm nay, hoặc vào ngày mai, hoặc vào ngày mốt.,, Này các Tỳ-kheo! Người nông phu kia sau khi đã cày ruộng, dẫn nước và gieo hạt giống rồi thì họ không hề suy nghĩ: “Mong sao lúa lớn mạnh ngay hôm nay, lúa trổ hạt ngay hôm nay, lúa chín ngay hôm nay, hoặc vào ngày mai, hoặc vào ngày mốf\ nhưng hạt lúa giống kia đã gieo vào lòng đất rồi thì chắc chắn sẽ theo thời gian mà sanh trưởng và hạt lúa sẽ chín. Cũng vậy, các thầy Tỳ-kheo đối với ba học pháp này hãy khéo tùy thời mà tu tập. Nghĩa là khéo tu học về giới, khéo tu học về ý, khéo tu học về tuệ. Khi đã khéo tu học giới, khéo tu học ý và khéo tu học tuệ rồi thì vị ấy sẽ không nghĩ rằng: “Mong sao ngay hôm nay ta không còn khởi các lậu hoặc, tâm được giải thoát, hoặc ngay ngày mai, hoặc là ngày m6t." Vị ây cũng không nghĩ răng: "Thần lực tự nhiên có thể khiến ngay hôm nay hoặc ngày mai, hoặc vào ngày mốt, tâm ta không còn khởi các lậu hoặc, tâm được giải thoát." Khi vị ấy đã tùy thời tăng thượng giới học, tăng thượng định học và tăng thượng tuệ học rồi thì vị ấy tùy thời sẽ tự khắc không còn khởi các lậu hoặc, tâm được giải thoát. Này các Tỳ-kheo! Ví như gà mái ấp trứng, trải qua từ mười cho đến mười hai ngày, con gà mái ấy phải tùy thời chăm nom và bảo vệ tổ trứng khi lạnh, khi ấm. Con gà mái ấy không nghĩ rằng: “Ngay ngày hôm nay hoặc là ngày mai, hoặc là ngày mốt, ta sẽ dùng mỏ mổ hoặc dùng móng cào để cho gà con thoát ra khỏi vỏ một cách an ổn?9 Như thế, con gà mái này luôn khéo ấp trứng, tùy thời chăm nom, bảo vệ thì gà con sẽ được nở ra tự nhiên và an ổn. Cũng vậy, Tỳ-kheo khéo tu tập ba học pháp, trải qua thời gian sẽ quyêt chác không còn khởi các lậu hoặc, tâm được giải thoát.

82 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.827. 02l2a24). Tham chiếu: A. 3.83 - L 229.



Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.
***

828. CON LỪA VÀ ĐÀN BÒ83 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà9 thuộc nước Xá-vệ. Bây giơ, Thê Ton bao các Tỳ-kheo: Ví như có một con lừa đi lẫn vào trong đàn bò rồi tự nó suy nghĩ: "Ta nên kêu như tiếng loài bb." Tuy nhiên, hình dáng con lừa không giống con bò, màu sắc cũng không giống, tiếng kêu cũng không giống mà lại đi lẫn trong đàn bò rồi tự cho mình là bò5 bắt chước tiếng kêu của bò, nhưng nó khác xa với loài bò. Cũng vậy, có nguồi mê muội trái phạm giới luật, lại len lỏi vào trong đại chúng và tự xưng rang: "Tôi là Tỳ-kheo, tôi là Tỳ-kheo.^, Vị này không mong muốn học tập tăng thượng giới học, tăng thượng định học và tăng thượng tuệ học mà lại len lỏi vào trong đại chúng roi tự xưng: “T6i là Tỳ-kheo, tôi là Tỳ- kheo", nhưng thật sự hạng người này khác xa với Tỳ-kheo. LÚC áy, The Ton liên noi kẹ: Thú cùng móng, không sừng, Đủ bốn chân, tiếng rống, Theo vào trong đàn bò, Rồi tự xưng đồng loại. Nhưng hình dáng khác bò, Tiếng kêu cũng chẳng giống, Cũng vậy, người si mê5 Không khéo giữ chánh niệm. Đối với lời Phật dạy, Không nỗ lực tu học, Biếng nhác và khinh mạn, Chẳng chứng đạo vô thượng. Như lừa trong

đàn bò? Mà khác bò rất xa, Kẻ tuy theo đại chúng, Nhimg tâm hành trái ngược. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

829. TÔN GIẢ BẠT-KỲ TỬ84 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại thôn Bạt-kỳ và Tôn giả Bạt-kỳ tử85 đang làm thị giả cho Phật.

83 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.828. 0212bl8). Tham chiếu: Tăng.(r02. 0125.16.4. Ó579b21);A 3.82 - L 229. 84 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7L02. 0099.829. 0212c08). Tham chiếu: A. 3.84 - L 230. 85 Nguyên tác: Tôn giả Bạt-kỳ tủy).Có sự khác biệt, A. 3.84 - L 230: Aññataro vajjiputtako bhikkhu (một vị Tỳ-ídieo ngưòd Bạt-kỳ).

QUYỂN 29 895

Bấy giờ, Tôn giả Bạt-kỳ tử đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi đứng sang một bến và bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã nói hơn hai ưăm năm mươi giới, giúp cho con nhà hào tộc86 cứ mỗi nửa tháng cùng vân tập để tụng đọc Giới kỉnh, giúp cho con nhà hào tộc y theo đó mà tu học. Nhưng nay, kính bạch Thế Tôn! Con không thể kham nhậm hành trì những học giới này. Phật hỏi Bạt-kỳ tử: Thày có thể tùy thời tu tập ba học pháp không?

Bạt-kỳ tử bạch Phật: - Kính bạch Thế Tôn! Con có thể. Phật dạy Bạt-kỳ tử: Thầy hãy tùy thời tu học tăng thượng giới, tu học tăng thượng đinh và tu học tăng thượng tuệ. Khi đã tùy thời tinh tấn tu học tăng thượng giới, tu học tăng thượng đinh và tu học tăng thượng tuệ rồi thì không lâu, thầy sẽ dứt sạch các hữu lậu, được tâm vô lậu giải thoát, được tuệ giải thoát, ngay trong hiện tại tự thân tác chứng rồi tự biết rằng: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Tôn giả Bạt-kỳ tử nghe đức Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi rời đi. Bấy giờ, Tôn giả Bạt-kỳ tử sau khi lãnh thọ những lời chỉ dạy, giáo giới của đức Phật, liền một mình ở nơi yên vắng, chuyên tinh tư duy thiền đinh... (như trên đã nói, cho đến) tâm giải thoát hoàn toàn87 và đạt được quả vị A-la-hán.88

86 Nguyên tác: Tộc tánh tử ()Con nhà tôn quý, con nhà hiền lương. 87 Nguyên tác: Thiện giải thoát (suvừnuttà). Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển l, tr. 19; Tạp.(T.02. 0099.22. 0004c20). 88 Bản Hán, hết quyển 29.

896 KINH TẠPA-HÀM

QUYỂN 30 830. TÔN GIẢ CA-DIẾP THỊ1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật trú trong rừng Băng-già-kỳ9 tại thôn Băng-già-xà.2 Bấy giờ, Thế Tôn vì các Tỳ-kheo mà giảng nói pháp liên hệ đến học giới và khen ngợi việc chế giới. Lúc ấy, Tôn giả Ca-diếp Thi3 đang ở trong thôn Băng-già? nghe Thế Tôn giảng nói pháp liên hệ đến học giới và khen ngợi việc chế giới thì trong lòng bức xúc, không vui nên nói: "Sa-m6n ấy hết lòng khen ngợi giới này, dốc lòng chế định giới nay?9 Sau khi đã trụ trong an lạc tại thôn Băng-già rồi, Thế Tôn hướng về nước Xá-vệ, lần lượt du hành đến vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Thế Tôn rời đi không lâu thì Tôn giả Ca-diếp Thị trong lòng hối hận nên tự trách mình: “Ta nay đã đánh mất lợi ích, chuốc lấy sự bất lợi lớn. Lúc

Thế Tôn giảng nói pháp liên hệ đến học giới và khen ngợi việc chế giới mà ta lại khởi tâm bức xúc, không vui, lòng không hoan hỷ đối với việc làm của Thế Tôn, lại còn phàn nàn răng: 6Sa-môn ây dóc lòng chê định giới này, hét lòng khen ngợi gi&inmy.”' , Sáng sớm hôm sau, Tôn giả Ca-diếp Thị đắp y, ôm bát đi vào thôn Băng-già khất thực. Sau khi thọ thực xong trở về tinh xá, Tôn giả gởi lại ngọa cụ rồi tự ôm y bát tuần tự du hành, hướng về thành Xá-vệ. Đen được thành Xá-vệ? Tôn giả thu dọn y bát, lấy nước rửa chân rồi đến đảnh lễ sát chân Thế Tôn và thưa:  Kính bạch Thế Tôn! Con xin sám hối. Kính bạch Thiện Thệ! Con xin sám hối. Con thật mê muội, không khéo hiểu biết. Khi con nghe Thế Ton vì các Tỳ- kheo mà giảng nói pháp liên hệ đến học giới và khen ngợi việc chế giới thì con đã bức xúc không vui, không hoan hỷ đối với việc làm của Thế Tôn và còn nói rằng: "Sa-m6n dốc lòng chế giới này, khen ngợi giới này."

1 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.830. 0213a05 . Tham chiếu: A. 3.91 -1. 236.

2 Băng-già-xà Pañkadhā. 3 Ca-diếp Thị Kassapagotta.

QUYÊN 30  897

Phật hỏi Tôn giả Ca-diếp Thị: -Vào thời điểm nào tâm thầy bức xúc không vui, lòng không hoan hỷ đối với việc làm của Như Lai mà nói rang: uSa-môn dốc lòng che giới này, khen ngợi giới này"? Tôn giả Ca-diếp Thị bạch Phật:  Kính bạch Thế Tôn! Đó là lúc Thế Tôn đang ở trong rừng Băng-già-kỳ, tại thôn Băng-già-xà, vì các Tỳ-kheo mà giảng nói pháp liên hệ đến học giới và khen ngợi việc chế giới. Lúc ấy, tâm con bức xúc không vui, lòng không hoan hỷ đối với việc làm của Như Lai và còn nói rằng: ccSa-môn dốc lòng chế giới này, khen ngợi giới này.” Kính bạch Thế Tôn! Hôm nay, con tự biết có tội, tự thây có tội. Xin Thê Tôn thương xót cho con được sám hôi. Phật bảo Tôn giả Ca-diếp Thị: -Thầy tự biết hối lỗi vì đã mê muội không khéo nhận biết, khi nghe Như Lai giảng nói pháp liên hệ đến học giới và khen ngợi việc chế giới thì thầy đã bức xúc không vui, lòng không hoan hỷ đoi với việc làm của Như Lai và còn nói rằng: "Sa-môn dốc lòng chế giới này, khen ngợi giới này." Này Ca-diếp Thi! Nay thầy tự biết hối lỗi, tự thấy có hối lỗi rồi thì trong đời tương lai, luật nghi giới của thầy sẽ sanh khởi. Nay Như Lai vì thương xót nên chấp thuận sự sám hôi của thây. Này Ca-diếp Thi! Thầy đã biết sám hối như vậy thì thiện pháp sẽ được tăng trưởng, trọn không suy giảm. Vì sao như vậy? Bởi vì người nào tự biết có tội, tự thây có tội, liên biêt sám hôi tội thì trong đời vi lai luật nghi giới của người ấy sẽ sanh khởi, thiện pháp tăng trưởng không bao giờ suy giảm. Giả sử Ca-diếp là vị Thượng tọa mà không muốn học giới, không quý trọng giới, không khen ngợi việc chế giới thì Như Lai không khen ngợi Tỳ-kheo như vậy. Vì sao như vậy? Vì nêu Đại sư khen ngợi người này thì những người khác sẽ thân cận, cung kính, tôn trọng họ. Những người thân cận và tôn trọng họ sẽ có Sự nhìn nhận và việc làm giông với họ. Nêu vị nào có việc làm giông với người kia sẽ chịu khổ lâu dài, không được lợi ích. Vì vậy, Như Lai không khen ngợi vị Trưởng lão kia, vì người này ngay từ lúc đầu đã không thích học giới. (Tương tự như trường hợp Tỳ-kheo trưởng lão, đôi với Tỳ-kheo trung niên và Tỳ-kheo thiếu niên mà không muốn học giới Phật cũng nói như vậy). Nếu vị Thượng tọa trưởng lão ngay từ lúc đầu đã coi trọng giới học, khen ngợi

việc chê giới thì vị trưởng lão ây được Như Lai khen ngợi, vì vị ây ngay lúc đầu đã thích học giới. Vi này được Đại sư khen ngợi thì những người khác cũng thích gần gũi, tôn trọng và có nhận biết cũng giống với vị này. Vì có nhận biết giống với vi này nên trong đời vi lai người ấy sẽ được lợi ích lâu dài. Vậy nên Như Lai luôn khen ngợi vị Tỳ-kheo trưởng lão kia, vì ngay lúc ban đàu đã thích học giới.



(Tương tự như trường hợp vị Tỳ-kheo trưởng lão, đôi với Tỳ-kheo trung niên và Tỳ-kheo thiếu niên coi trọng học giới cũng nói như vây). Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

831. KHEN NGỢI NGƯỜI HỌC GIỚI4 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Nếu có các Tỳ-kheo trưởng lão thượng tọa ngay từ ban đầu đã không thích học giới, không quý trọng giới; hơn nữa, khi nhìn thấy các Tỳ-kheo khác ngay từ ban đầu đã thích học giới, luôn quý trọng giới, khen ngợi việc chế giới 2 . r _ thì các vị trưởng lão này cũng không khéo tùy thời khen ngợi. Đôi với các Tỳ- kheo trưởng lão này, Như Lai sẽ không khen ngợi, bởi lẽ ngay từ ban đầu họ đã không thích học giới. Vì sao như vậy? Vì nếu Đại sư khen ngợi những người ấy thì người khác sẽ gần gũi, tôn trọng và có cùng nhận biết với họ. Vì cùng nhận biết như vậy nên sẽ chịu khổ lâu dài, không được lợi ích. Vì thế, Như Lai không khen ngợi các Tỳ-kheo trưởng lão này. (Tương tự như trường hợp Tỳ-kheo trưởng lão thượng tọa, đối với trường hợp Tỳ-kheo trung niên và Tỳ-kheo thiếu niên không khéo khen ngợi người thích học giới cũng được đức Phật nói như trên). Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

832. BA HỌC PHÁP (4)5

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước

Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Có ba học pháp. Là ba học pháp nào? Đó là tăng thượng giới học, tăng thượng định học6 và tăng thượng tuệ học.

4 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.831. 0213b26). Tham chiếu: A. 3.91 - L 236. 5 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.832. 0213c08). Tham chiếu: Tạp.(r02. 0099.817. Ó210a23); A. 3.89 - L 235. 6 Nguyên tác: Ý học ().Căn cứ vào sự giải thích ở đoạn kinh sau nên xác định rõ là định học.



Thế nào là tăng thượng giới học? Nghĩa là Tỳ-kheo an trụ trong giới Ba-la- đề-mộc-xoa, đay đủ oai nghi hành xứ, có tâm sợ hãi ngay cả với những lỗi nhỏ nhặt, khéo giữ gìn học giới. Đó gọi là tăng thượng giới học. Thế nào là tăng thượng đinh học? Nghĩa là Tỳ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, có giác có quán, cùng với hỷ lạc được sanh ra do sự viễn ly, chứng đạt và an tru trọn vẹn Thiền thứ nhất,... cho đến an trú trọn vẹn Thiền

thứ tư. Đó gọi là tăng thượng định học. Thế nào là tăng thượng tuệ học? Nghĩa là Tỳ-kheo biết như thật đây là Thánh đế về khổ, biết như thật Thánh đế về nguyên nhân của khổ, biết như thật Thánh đế về khổ diệt và biết như thật Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt. Đó gọi là tăng thượng tuệ học. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. y  Các kinh khác nói vê Ba học pháp cũng tương tự như kinh Bôn niệm xứ đã nói ở trước. Tương tự như kinh nói về Thiền, như là kinh nói về Vô lượng, kỉnh nói về Vô sắc cũng được nói tương tự như thế. Tương tự như kinh nói về Bốn Thảnh dế, như là kinh nói về Bốn niệm xứ, Bôn chảnh đoạn, Bôn như ỷ túc, Năm căn, Năm lực, Bảy giác phân, Tám Thánh đạo, Bon đạo, Bon pháp củ, Tu tập chỉ quán, cũng được Phật nói tương tự như the. ***

833. LY-XANAN-ĐÀ 7 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu, thuộc nước Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, có vị huấn luyện voi thuộc dòng dõi Ly-xa tên là Nan-đà đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Bấy giờ, Thế Tôn nói với Ly-xa Nan-đà rằng:  Nếu vị Thánh đệ tử thành tựu bốn niềm tin thanh tịnh không lay chuyển8 mà muốn cầu được sống lâu liền được sống lâu, cầu có được sắc đẹp, sức khỏe, niềm vui, biện tài, tự tại thì đều được như ý. Bốn niềm tin ấy là những gì? Đó là thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng và đối với Thánh giới. Như Lai biết rõ vị Thánh đệ tử này sau khi lâm chung ở cối người sẽ được sanh lên cối trời và được mười điều tốt đẹp. Là mười

7 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.833. 0213c24. Tham chiếu: s. 55.30 - v. 389. 8 Bất hoại tịnh aveccappasāda: Tín tâm không bị lay chuyển; cũng gọi là "bất động tin" ubat hoại tiīf,is hay “chứng tộih”.Có 4 niềm tin không lay chuyển, gồm tin Phật, tin Pháp, tin Tăng và tin Thánh giới.



điều gì? ĐÓ là được tuổi thọ của cõi trời, được sắc đẹp cõi trời, được danh tiếng cõi trời, được niềm vui cõi trời, được sự tự tại của cõi trời, được thụ hưởng sắc, thanh, hương, vi? xúc của cõi tròi. Nếu vị Thánh đệ tử này ở cõi trời lâm chung rồi lại sanh trong loài người thì Như Lai biết rõ vi này có đầy đủ mười điều lành. Là mười điều gì? Đó là được tuổi thọ cõi người, được sắc đẹp cõi người, được danh tiếng cõi người, được niềm vui cõi người, được sự tự tại của cõi người, được thụ hưởng sắc, thanh, hương, vị, xúc của cõi người. Như Lai nói vị Thánh đệ tử đa văn này không tin từ người khác, không ước muốn từ người khác, không nghe từ người khác, không lay ý của người khác, không nương tư duy của người khác. Như Lai nói người này có tri kiến về trí tuệ đúng đắn như thật. Bấy giờ, có người hầu cận của Nan-đà thưa với Nan-đà:  Giờ tắm đã đến, xin hãy đi thôi!

Nan-đà liền nói: -Nay ta không cần sự tắm gội theo thế gian mà sẽ tự tắm gội ở trong pháp thắng diệu này. Bởi vì những lời Thế Tôn vừa nói đã làm cho ta vui với niềm tin thanh tịnh.9 Bấy giờ, huấn luyện voi Ly-xa Nan-đà nghe Phật dạy xong đã hoan hỷ và tùy hỷ, rời khỏi chỗ ngồi, đảnh lễ đức Phật rồi lui ra. ***

834. KHÔNG NGHÈO KHỐN10 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu, thuộc nước Tỳ-xá-ly. Bay giơ, The Ton bảo các Tỳ-kheo: -Nêu vị Thánh đệ tử nào thành tựu bôn niêm tin thanh tịnh không lay chuyển thì ở trong loài người sẽ không chiu cảnh nghèo khốn, không bi đói rét, xin ăn mà tự nhiên giàu sang sung túc. Bốn niềm tin ấy là những gì? Đó là thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng và đối với Thánh giới. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Các thầy hãy học tập như vầy: "Ta sẽ thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng và đối với Thánh giới." Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

9 Nguyên tác: Tín lạc (/GSímm): Sự trong sáng thuần tịnh. 10 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.834.0214al4). Tham chiếu: s, 55.44-45 - v. 402.

QUYỂN 30  901

835. VUA CHUYỂN LUÂN11 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: 7 y r e A Vua Chuyên Luân có đây đủ bảy báu, thành tựu bôn loại thân lực trong cõi người, làm vua bốn cõi, sau khi qua đời sẽ sanh lên cõi trời. Tuy Vua Chuyển Luân có đầy đủ bảy báu, thành tựu được thần lực trong cõi người, làm vua bốn cõi và sau khi qua đời được sanh lên cõi trời nhưng vẫn chưa đoạn trừ được sự khô trong các đường ác là địa ngục, súc sanh và nga quỷ. Vì sao như vậy? Bởi vì Vua Chuyển Luân chưa thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng và đối với Thánh giới. Còn vi Thánh đệ tử đa văn dù đắp y phấn tảo, đi khất thực từng nhà, dùng ngọa cụ bằng cỏ, nhưng các vi ấy đã giải thoát khỏi nỗi khổ của các đường ác là địa ngục, nga quỷ và súc sanh. Vì sao như vậy? Bởi vì vị Thánh đệ tử đa văn ấy đã thành tựu niềm tin thanh tinh không lay chuyển đối với Phật, đối với Pháp, đoi với Tăng va đoi với Thánh giới. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Các thầy hãy học tập như vầy: "Ta sẽ thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng va đoi vơi Thanh giới. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

836. BỐN TÍN TÂM KIÊN cố12 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Các thày nên khởi tâm thương xót và tâm từ bi. Đối với những gì các thầy giảng nói, nếu có người nào thích nghe và thích thọ trì thì các thay hãy vì họ mà giảng nói về bốn niềm tin thanh tinh không lay chuyển, giúp cho họ được chứng nhập và an trụ. Bốn pháp ấy là những gì? Đó là thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng và đối với Thánh giới. Vì sao như vậy? Bởi vì dù cho bốn đại là đất, nước, gió, lửa có biến đổi hay tăng giảm thì bốn niềm tin thanh tịnh không lay chuyển này chưa từng

11 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.835. 0214a22). Tham chiếu: s. 55.1 - v. 342. 12 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.836. 0214b07). Tham chiếu: s.

55.16 - v. 364; S. 55.17-V. 365.



biến đổi hay tăng giảm. Bốn pháp này không biến đổi hay tăng giảm, nghĩa là vị Thánh đệ tử đa văn đã thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Phật rồi thì nhất định không xảy ra sự việc rơi vào địa ngục, nga quỷ hay súc sanh. Vì vậy, này các Tỳ-kheo! Các thầy nên học tập ĩủiư sau: "Ta sẽ thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng và đối với Thánh giới, đồng thời sẽ thiết lập cho người khác cũng được thành tựu như vãy.^ Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

837. TIN NGƯỜI VÀ TIN TĂNG13

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ.

Bay giờ, The Ton bao các Ty-kheo:

thì sẽ phát sanh năm lỗi.

Nếu chỉ tin vào một người1415

Khi người được kính tin hoặc phạm giới, hoặc trái luật nghi nên bi chúng Tăng từ bỏ thì người kính tin vị kia sẽ nghĩ rằng: :Bây là thầy ta, được ta kính trọng mà bị chúng Tăng từ bỏ, nay ta còn lý do gì để vào chùa của chúng Tng?" Khi đã không vào chùa rồi thì người này sẽ không cung kính chúng Tăng. Vì không cung kính chúng Tăng nên không còn được nghe pháp. Do không còn nghe pháp nên pháp lành bị suy giảm và không được an trụ lâu dài trong Chánh pháp. Đó gọi là lỗi lầm thứ nhất phát sanh do chỉ tin vào một người. Lại nữa, vì chỉ kính tin vào một người nên khi người được kính tin trái phạm giới luật, bị chúng Tăng cử tội "không nhận lỗr15 thì người kính vi kia liền suy nghĩ: "Đây là thầy ta5 được ta kính trọng mà bi chúng Tăng cử tội 'không nhận lỗi/Nay ta còn lý do gì để vào chùa nữa?,, Khi đã không vào chùa rồi thì người này sẽ không cung kính chúng Tăng. Vì không cung kính chúng Tăng nên không còn được nghe pháp. Do không còn nghe pháp nên pháp lành bị suy giảm và không được an trụ lâu dài trong Chánh pháp. Đó gọi là lỗi lầm thứ hai phát sanh do chỉ tin vào một người. Lại nữa, nêu vị được kính tin đáp y, ôm bát du hành phương khác thì người kính tin vị kia sẽ suy nghĩ: "Người được ta kính trọng đã đắp y, ôm bát du hành

13 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7Í02. 0099.837. 0214b20). Tham chiếu: A. 5.250 - III. 270. 14 Nguyên tác: Nhược tín nhân giả ().A. 5.250 - III. 270: Puggalappasāda (Tin vào một cá nhân, ỏn vào một người). Bản Han chưa rõ nên y cứ theo bản Pali tương đương. 15 Nguyen tác: Bất kiến ().Tỳ-kheo phạm tội nhimg ngoan cố không tự thừa nhận, Tăng tác pháp yet-ma bất kiến tội. Xem thêm Tạp.(T.02. 0099.497. 0129b25). •

trong nhân gian thì nay ta còn lý do gì để vào chùa nữa?^, Khi đã không vào chùa rồi thì người này sẽ không cung kính chúng Tăng. Vì không cung kính chúng Tăng nên không còn được nghe pháp. Do không còn nghe pháp nên pháp lành bị suy giảm và không được an trụ lâu dài trong Chánh pháp. Đó gọi là lỗi lầm thứ ba phát sanh do chỉ tin vào một người. Lại nữa, nếu vị được kính tin xả giới, hoàn tục thì người kính tin vị kia sẽ suy nghĩ:46Vị ấy là thầy ta, được ta kính trọng, nay đã xả giới và hoàn tục, vậy thì ta còn lý do gì để vào chùa nữa?" Khi đã không vào chùa rồi thì người này sẽ không cung kính chúng Tăng. Vì không cung kính chúng Tăng nên không còn được nghe pháp. Do không còn nghe pháp nên pháp lành bi suy giảm và không được an trụ lâu dài trong Chánh pháp. Đó gọi là lỗi lầm thứ tư phát sanh do chỉ tin vào một người. Lại nữa, khi vị được kính tin viên tịch thì người kính tin vi kia sẽ suy nghĩ: ấy là thay ta, được ta kính trọng, nay đã viên tịch rồi thì ta còn lý do gì để vào chùa nữa?" Khi đã không vào chùa rồi thì người này sẽ không cung kính chúng Tăng. Vì không cung kính chúng Tăng nên không còn được nghe pháp. Do không còn nghe pháp nên pháp lành bi suy giảm và không được an trụ lâu dài trong Chánh pháp. Đó gọi là lỗi lầm thứ năm phát sanh do chỉ tin vào một ngườd. Vì thế, này các Tỳ-kheo! Các thầy nên học tập như vầy: "Ta sẽ thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng và đối với Thánh giới.59 Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

838. BỐN LOẠI THỨC ĂN (l)16 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ.* Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có bôn loại thức ăn nuôi lớn chúng sanh, giúp duy trì và tăng trưởng bôn đại. Là bốn loại nào? Đó là đoàn thực, xúc thực, ý tư thực và thức thực. Cũng vậy? có bốn loại phước đức thấm nhuần làm thức ăn an lạc cho con người. Là bốn loại nào? Đó là thành tựu niềm tin thanh tinh không lay chuyển đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng và đối với Thánh giới. Vì thế, này các Tỳ-kheo! Các thầy nên học tập như vầy: “Ta sẽ thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng và đối với Thánh giới.59

16 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.838. 0214c25). Tham chiếu: Tạp.(r.02. 0099.1131. Ò299al7); s. 5531 - v. 391.



Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đêu hoan hỷ phụng hành. *** 839. LỢI ÍCH TỨ BẤT HOẠI TỊNH17 _ \ Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xa-ve' . Bay giờ, The Ton bao các Ty-kheo: (Giống như kinh trên đã nói, chỉ có khác là thêm vào đoạn sau): Những ai thành tựu niêm tin thanh tịnh không lay chuyên đôi với Phật sẽ được nghe Pháp, được chúng Tăng hộ niệm và thành tựu được Thánh giới. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 840. PHƯỚC ĐỨC THẤM NHUẦN (l)18 (Giong như kỉnh trên đã nóif chỉ khác biệt ở đoạn sau): -Người nào thành tựu niêm tin thanh tịnh không lay chuyên đôi với Phật, đôi với Pháp, đôi với Tăng sẽ xa lìa được tâm nhơ uê5 bon xẻn trói buộc chúng sanh, sông đời tại gia mà an trụ trong

giải thoát, thường hành tâm bô thí, ưa thích bô thí, luôn thích buông xả và thực hành bô thí bình đăng, thành tựu được Thánh giới. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 841. PHƯỚC ĐỨC KHÔNG THỂ ĐO LƯỜNG19 (Giong như kinh trên đã nói, chỉ khác biệt ở đoạn sau): -Cũng vậy, vi Thánh đệ tử do thấm nhuần bởi bốn loại phước đức và thấm nhuần thiện pháp nên được thọ nhận công đức vô lượng. Công đức đó, kết quả đó5 sự tụ hội của công đức đó thì không the đo lường. Phải nói rang, vị ấy đạt được vô số phước lợi, là cả một khối công đức to lớn.

17 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.839. 0215a04). Tham chiếu: s. 55.31 - V. 391. 18 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.840. 0215a09). Tham chiếu: Tạp.(02. 0099.1132. 0299a25); Tạp.(r.02. 0099.1133. 0299b01); Tạp.(7.02. 0099.1134. 0299b09); 5. 55.32 - V. 391. 19 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.841. 0215al4). Tham chiếu: s. 55.41 - v. 399; S. 55.42-V. 401.

QUYỂN 30  905

Ví như khi năm con sông là sông Hằng,20 sông Da-bồ-na,21 sông Tát-la-do522 sông Y-la-bạt-đề23 và sông Ma-hê24 hợp lại thì nước của các con sông này không thể đo lường được là bao nhiêu trăm thùng, ngàn thùng hay trăm ngàn vạn thùng mà chỉ biết rằng nước của những con sông ấy rất nhiều, là cả một lượng nước vô cùng to lớn. Cũng vậy, vị Thánh đệ tử khi đã thấm nhuần và thành tựu bôn công đức thì không thê tính đêm được phước đức ây là bao nhiêu. Phải nói rang, vị ấy có nhiều phước đức, là cả một khoi công đức to lớn. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy học tập như vầy: “Ta sẽ thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Phật, thành tựu niềm tin thanh tinh không lay chuyển đối với Pháp, thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Tăng và sẽ thành tựu Thánh giói." LÚC ay, đức The Ton liên noi kẹ: Biển lớn nhiều thiện lành, Sạch mình, sạch vật khác, Mênh mông mà bình lặng, Dung nạp cả trăm sông. Hết thảy các sông ngòi, Cùng các loài thủy tộc, Đêu quy vê biên lớn, Cũng vậy, với thân này, Tu công đức thí, giới, Thì trăm phước tụ về. *** 842. TÀ ĐẠO VÀ CHÁNH ĐẠO25 Tôi nghe như vầy: Một thòi, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: —Các Bà-la-môn dạy về con đường hư dối, ngu si, tà vạy, không chân chánh hướng thượng, chẳng có tuệ giác hướng đến Niết-bàn. Họ dạy các đệ tử như vầy: "Vào ngày rằm, dùng bột hồ-ma26 và bột am-la-ma-la2J tắm gội thân thể, mặc áo kiếp-bối28 mới, đầu xõa tóc dài, trét phân bò trên đất rồi nằm lên d6”; hoặc họ bảo rằng: "Này thiện nam! Sáng sớm thức dậy, cởi bỏ y phục cất vào

20 Hằng hà Gañgā. 21 Da-bồ-na Yamuna. 22 Tát-la-do Sarabhū. 23 Y-la-bạt-đề ,Aciravatī. 24 Ma-hê Mahī. 25 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.842. 0215b01. Tham chiếu: s. 55.12 - v. 361. 26 Hồ-ma :Hạt vừng, cũng gọi là mè. 27 Am-lama-la ,ãmalakà cũng gọi là "amaiac".Loại quả này hiện vẫn còn sử dụng ở Ấn Độ như một loại trái cây đặc sản, gọi là quả amla. ơ Việt Nam gọi là me rừng, chùm ruột nùi, du cam tư, ngưu cam tử, dư cam tư, có tên khoa học là Phyllanthus Emblica. 28 Kiếp-bối kappāsa cũng gọi là

"kiapba-dqc",một loại vải thượng hạng được dệt từ bông vải.



một chỗ, để thân thể lõa lồ rồi chạy nhanh về hướng Đông. Giả sử trên đường có gặp voi dữ, ngựa chứng, bò điên, chó dại, gai góc, rừng rậm? hầm hố? vũng nước sâu thì vẫn cứ tiến thẳng chớ có tránh né. Nếu gặp nạn mà chết thì chắc chắn được sanh lên cõi Phạm thi!!." Đó là tà kiến ngu si của ngoại đạo, không có tuệ giác hướng đến Niết-bàn. Ta vì chúng đệ tử mà dạy về con đường chân chánh không si mê, hướng đến tuệ giác, hướng đến Niết-bàn? đó là Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh đinh. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đêu hoan hỷ phụng hành. ***

843. ĐIỀU KIỆN ĐỂ NHẬP LƯU29

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

-Nói về lưu,3031thế nào là lưu?

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

- Như Thế Tồn đã dạy, lưu tức là Thánh đạo tám chi.

Thế Tôn lại hỏi:

Nói Nhập lưu,31 làm thế nào để Nhập Ixru?

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa: —Bạch Thế Tôn! Có bốn yếu tố dẫn đến Nhập lưu. Những gì là bốn? Đó là thân cận thiện trí thức/2 nghe Chánh pháp, tư duy chân chánh, tuần tự thực hành theo pháp.33 Đức Phật lại hỏi: -Bậc Nhập lưu34 thành tựu bao nhiêu pháp? Xá-lợi-phất bạch Phật: Bậc Nhập lưu phải thành tựu bốn pháp. Là bốn pháp nào? Đó là đối với Phật có niêm tin thanh tịnh không lay chuyên, đôi với Pháp có niềm tin thanh

29 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.843. 0215b15. Tham chiếu: s. 55.5 - v. 347. 30 Lưu sotā, nghĩa đen là dòng nước. Phật giáo mượn ý nghĩa này để chỉ cho dòng Thánh. 31 Nguyên tác: Nhập lưu phần ,Sotāpattiyañgarn: Nhập lưu hay Dự lưu, tức dự vào dòng Thánh. ^ Nguyen tác: Thiện nam tử ,sappurisa. Bản Tống, Nguyên, Minh ghi là "thiên tri thức,, .XemA-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận T26. 1536.06. 0393all: Bốn yếu tô đưa đên Dự lưu gôm, thân cận thiện sĩ, thính văn Chánh pháp, như lý tác ý và pháp tùy pháp hành. 33 Nguyên tác: Pháp thứ pháp hướng dhammānudhammappatipannā, còn được dịch ỉa "huớng pháp thứ pháp,9 ,t4thuận pháp thứ pháp” . 34 Nguyên tác: Nhập lưu giả Sotāpanno.



tịnh không lay chuyển, đối với Tăng có niềm tin thanh tịnh không lay chuyển, và thành tựu Thánh giới. Đức Phật bảo Xá-lợi-phất: Đúng như lời thầy nói, lưu tức là Thánh

đạo tám chi. Có bốn yếu tố dẫn đến Nhập lưu: Gần gũi thiện tri thức, nghe Chánh pháp, tư duy chân chánh, tuần tự thực hành theo pháp. Bậc Nhập lưu thành tựu bốn pháp, đó là đối với Phật có niềm tin thanh tịnh không lay chuyển, đối với Pháp có niềm tin thanh tịnh không lay chuyển, đối với Tăng có niềm tin thanh tịnh không lay chuyển, và thành tựu Thánh giới. Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả Xá-lợi-phất nghe lời Phật dạy hoan hỷ phụng hành. ***

844. THỌ KÝ TU-ĐÀ-HOÀN35 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc? trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến chỗ Tôn giả A-nan, ân cần thăm hỏi xong, đứng sang một bên, roi Tôn giả Xá-lợi~phất nói với Tôn giả A-nan: -Toi co điêu muôn noi, không biêt Hiên gia co thơi gian đe giai đáp cho chăng? Tôn giả A-nan thưa: -Tôn giả cứ hỏi tùy ý, nếu biết thì tôi sẽ giải đáp! Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi: -Đoạn trừ bao nhiêu pháp thì được đức Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Đã Thấy Đã Biết thọ ký cho người ấy chứng quả Tu-đà-hoàn? không còn đọa nơi đường ác? nhất định hướng đến giác ngộ, sau bảy lần tái sanh cối trời, cõi người thì vượt thoát khổ đau? Tôn giả A-nan thưa: -Những ai đoạn trừ bốn pháp và thành tựu bốn pháp thì được đức Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Đã Thấy Đã Biết thọ ký cho nguỳi ấy chứng quả Tu-đà-hoàn, không còn đọa nơi đường ác, nhất định hướng đến giác ngộ, sau bảy lân qua lại cõi trời, cõi người thì vượt thoát khô đau. Là bôn pháp nào? Vị Thánh đệ tử đoạn trừ, biết đã đoạn trừ tâm bất tín đối với Phật và thành tựu niềm tin thanh tinh không lay chuyển đối với Phật; đoạn trừ, biết đã đoạn trừ tâm bất tín đối với Pháp, đối với Tăng và thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Pháp, đối với Tăng; đoạn trừ, biết đã đoạn trừ ác giới và thành

35 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.844. 0215c02). Tham chiếu: s. 55.4 - v. 346.



tựu Thánh giới. Những ai đoạn trừ bốn pháp và thành tựu bốn pháp như vậy thì được đức Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Đã Thấy Đã Biết thọ ký cho vị ây chứng quả Tu-đà-hoàn? không còn đọa nơi đường ác, nhát đinh hướng đến giác ngộ, sau bảy lần qua lại cõi trời, cõi người thì vượt thoát khổ đau. Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả A-nan: Đúng thế, đúng the! Những ai đoạn trừ bốn pháp, thành tựu bốn pháp thì được đức Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Đã Thấy Đã Biết thọ ký cho vị ấy chứng quả Tu-đà-hoàn, không còn đọa nơi đường ác, nhất đinh hướng đến giác ngộ? sau bảy lần qua lại cõi trời, cõi người thì vượt thoát kho đau. Bấy giờ, hai vị Hiền giả cùng đàm đạo xong, thảy đều hoan hỷ rồi từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi. ***

845. Tự MÌNH XÁC QUYẾT36 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-dà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nếu Tỳ-kheo nào cham dứt năm điều sợ hãi và oán thù; kiên định và không nghi ngờ đối với ba điều, lại còn thấy biết như thật về chánh đạo của Hiền thánh thì vi Thánh đệ tử ấy có thể tự mình xác quyết: "Ta đã đoạn sạch các đường ác địa ngục, súc sanh và nga quỷ, chứng quả Tu-đà-hoàn, không còn đọa nơi đường ác, nhất đinh hướng đến giác

ngộ, sau bảy lần qua lại cõi trời, cõi người thì vượt thoát khổ dàu.” Thế nào là chấm dứt năm điều sợ hãi và oán thù? Nếu sát sanh là nhân duyên gây tạo nên tội lỗi, oán thù và sợ hãi thì khi từ bỏ sát sanh, người ấy sẽ chấm dứt được tội lỗi, oán thù, sợ hãi do nhân duyên sát sanh gây nên. Cũng vậy? nếu trộm cướp, tà dâm, nói dối, uống rượu là nhân duyên gây tạo nên tội lỗi, oán thù và sợ hãi thì khi từ bỏ trộm cướp, tà dâm, nói dối, uống rượu, người ấy sẽ chấm dứt được các nhân duyên gây nên tội lỗi, oán thù và sợ hãi. Đó gọi là cham dứt năm nhân duyên gây nên năm điều tội lỗi, oán thù và sợ hãi. Thế nào là kiên định và không nghi ngờ đối với ba điều? Đó là kiên định và không nghi ngờ đối với Phật, kiên đinh và không nghi ngờ đối với Pháp, kiên định và không nghi ngờ đối với Tăng. Đó gọi là kiên định và không nghi ngờ đối với ba điều. Thế nào gọi là thấy biết như thật về Thánh đạo? Biết như thật Thánh đế về khổ, biết như thật Thánh đế về nguyên nhân của khổ, biết như thật Thánh đế về

36 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.845. 0215c24). Tham chiếu: s. 55.29 - v. 398; A. 9.27 - IV. 405.



khổ diệt và biết như thật Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt. Đó gọi là thấy biết như thật về Thánh đạo. Nêu đã châm dứt năm điêu sợ hãi và oán thù; kiên định và không nghi ngờ đối với ba điều, lại còn thấy biết như thật đối với Thánh đạo thì vị Thánh đệ tử có thê tự mình tuyên bô: "Ta đã đoạn sạch các đường ác địa ngục, súc sanh và nga quỷ, chứng quả Tu-đà-hoàn, không còn đọa nơi đường ác, nhất định hướng đến giác ngộ,37 sau bảy lần qua lại cõi trời, cõi người thì vượt thoát khổ dàu.” Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 846. THẤY BIẾT NHƯ THẬT VỀ THÁNH ĐẠO38 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ, Thê Tôn bảo các Tỳ-kheo... (giông như kỉnh trên đã nói, chỉ khác biệt ở đoạn SQ"):  Thế nào là thấy biết như thật về ITiánh đạo? Đó là thấy biết như thật về Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh định. (Kinh tiếp theo đây cũng nói như vậy, chỉ khác biệt ở đoạn s")  Thế nào là thấy biết như thật về Thánh đạo? Đó là thấy biết như thật về duyên khởi mười hai chi, như nói: "Do cái này có nên cái kia có, do cái này khởi nên cái kia khởi. Như duyên vô minh nên có hành, do duyên hành nên có thức, do duyên thức nên có danh sắc, do duyên danh sắc nên có sáu nhập xứ, do duyên sáu nhập xứ nên có xúc, do duyên xúc nên có thọ, do duyên thọ nên có ái, do duyên ái nên có thủ, do duyên thủ nên có hữu, do duyên hữu nên có sanh, do duyên sanh nên có già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, nâk)." Đó gọi là vị Thánh đệ tử thấy biết như thật. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 847. CON ĐƯỜNG SANH THIÊN (l)39 .  Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. . • .

37 Nguyên tác: Tam-bồ-đề (‚sambhodhĩ)'. Sự giác ngộ. 38 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.846. 02l5al7). Tham chiếu: s. 12.4Í - II. 68; S. 55.28 - V. 387; 4 9.27-IV. 405; A. 10.92 - v. 182. 39 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.847. 02l5a28). Tham chiếu: s. 55.34 - v. 392.

Bây giờ, Thê Tôn bao các Ty-kheo: Có bốn con đường sanh thiên40 khiến chúng sanh chưa thanh tịnh được thanh tịnh, chúng sanh đã thanh tịnh càng thanh tịnh hơn. Là bốn con đường nào? Vị Thánh đệ tử đối với Phật có niềm tin thanh tịnh không lay chuyển, đối với Pháp có niêm tin thanh tinh không lay chuyên, đôi với Tăng có niêm tin thanh tịnh không lay chuyển, và thành tựu được Thánh giới. Đó gọi là bốn con đường sanh thiên, khiến chúng sanh chưa thanh tịnh được thanh tịnh, chúng sanh đã thanh tịnh càng thanh tịnh hơn. Đức Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

848. CON ĐƯỜNG SANH THIÊN (2)41 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà9 thuộc nước Xá-vệ. Bây giơ, The Ton bao các Ty-kheo: -Có bốn con đường sanh thiên. Là bốn con đường nào? Vị Thánh đệ tử nhớ nghĩ đến những phẩm tính của Như Lai42 như vầy: Đức Như Lai là bậc ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Đối với những phẩm tính đó của Như Lai, vi ấy sanh tâm hoan hỷ, do hoan hỷ nên tâm hân hoan, do hân hoan nên thân khinh an, do khinh an nên cảm nhận thọ lạc, do cảm nhận thọ lạc nên đạt đinh tam-muội. Khi đạt đinh tam-muội rồi. vi Thánh đệ tử nên học như vầy: "Thế nào là con đường sanh thiên?' Rồi lại nghĩ như vầy: “Ta từng nghe không sân hận là con đường sanh thiên tối thượng.,, Rồi lại suy nghĩ: “Từ nay trở di, ở thế gian này, dù gặp lo sợ hay an ổn, ta cũng không khởi sân hận, chỉ thọ trì con đường sanh thiên thuần nhất, thanh tinh tròn day." Đó gọi là con đường sanh thiên thứ nhất, khiến chúng sanh chưa thanh tịnh được thanh tịnh, chúng sanh đã thanh tịnh càng thanh tịnh hơn. Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Vị Thánh đệ tử nhớ nghĩ đến những phẩm tính của Pháp như vầy: Giáo pháp được Như Lai thuyết giảng thiết thực hiện tại, lìa mọi nóng bức, không đợi thời gian, dẫn đến Niết-bàn và được người trí tự mình giác hiểu.43 Đối với những phẩm tính của Pháp, vi ấy biết như vậy rồi sanh

40 Nguyên tác: Chư thiên thiên đạo (devānam devapadānĩ). 41 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.848. 0216006). Tham chiếu: s. 55.35 - v. 393. 42 Nguyên tác: Niệm Như Lai sự ().Sự ()ở đây có thể hiểu là toàn bộ những công hạnh của đức Phật, gọi chung là phàm tính. s. 55.35 - v. 393: Buddhānussati (tùy niệm Phật). 43 Nguyên tác: Hiện pháp ly chư xí nhiên, bất đãi thời tiết, thông đạt Niết-bàn, tức thân quán sát, duyên tự giác tri,i,Bpwi, ẫ Ế SM Xem chú thích 59, kinh số 550, quyển 20, tr. 610; Tạp.(r.02. 0099.550. o 143b 18).



tâm hoan hỷ? do hoan hỷ nên tâm hân hoan, do hân hoan nên thân khinh an, do khinh an nên cảm nhận thọ lạc. do cảm nhận thọ lạc nên đạt đinh tam-muội. Khi đạt đinh tam-muội rồi, vị Thánh đệ tử nên học như vầy: "Thế nào là con đường sanh thiên?” Rồi lại nghĩ như vầy: "Ta từng nghe không sân hận là con đường sanh thiên tối thượng.Rồi lại suy nghĩ: "Từ nay trở di, ở thế gian này, dù gặp lo sợ hay an ổn, ta cũng không khởi

sân hận, chỉ thọ trì con đường sanh thiên thuần nhất, thanh tinh tròn đầy." Đó gọi là con đường sanh thiên thứ hai. Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Đối với những phẩm tính của Tăng, vi ấy khởi chánh niệm như vầy: Tăng là đệ tử của Thế Tôn, là bậc hướng về chân chánh, hướng theo chân lý, hướng đến thích hợp,44 là ruộng phước vô thượng, xứng đáng để cung kính, tôn trọng, cúng dường. Đối với những phẩm chất của Tăng, vị ấy nhớ nghĩ như vậy nên tâm sanh hoan hỷ? do hoan hỷ nên tâm hân hoan, do hân hoan nên thân khinh an, do khinh an nên cảm nhận thọ lạc, do cảm nhận thọ lạc nên đạt đinh tam-muội. Khi đạt định tam-muội rồi, vị Thánh đệ tử nên học như vầy: “Thế nào là con đường sanh thiên?' Roi lại nghĩ như vấy: "Ta từng nghe không sân hận là con đường sanh thiên tối thượng." Rồi lại suy nghĩ: “Từ nay trở di, ở thê gian này, dù gặp lo sợ hay an ôn, ta cũng không khởi sân hận, chỉ thọ trì con đường sanh thiên thuần nhất, thanh tịnh tròn đầy." Đó gọi là con đường sanh thiên thứ ba. Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Vị Thánh đệ tử tự nhớ nghĩ về những giới luật mà mình đã thọ. Đối với giới luật này, giới của ta không bị khiếm khuyết, không bị vẩn đục, không có tạp nhiễm nên được bậc minh trí tán thán, không bị người trí chán ghét. Đối với những giới luật như vậy, vị ấy chân chánh nhớ nghĩ nên tâm sanh hoan hỷ, do hoan hỷ nên tâm hân hoan, do hân hoan nên thân khinh an, do khinh an nên cảm nhận thọ lạc. do cảm nhận thọ lạc nên đạt đinh tam-muội. Khi đạt định tam-muội rồi, vi Thánh đệ tử nên học như vầy: "Thế nào là con đường sanh thiên?” Rồi lại nghĩ như vy: "Ta từng nghe không sân hận là con đường sanh thiên tối thượng.Rồi lại suy nghĩ: "Từ nay trở đi, ở thế gian này, dù gặp lo sợ hay an ổn, ta cũng không khởi sân hận, chỉ thọ trì con đường sanh thiên thuần nhất, thanh tịnh tròn đầy^ Đó gọi là con đường sanh thiên thứ tư, khiến chúng sanh chưa thanh tinh được thanh tinh, chúng sanh đã thanh tinh càng thanh tịnh hơn. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

44 Nguyên tác: Chánh trực đẳng hướng ĨẸ .CÚ ngữ này là thể rút ngọn của 3 yếu tố, gồm: C4Chánh hướng" ujuppatipanna, hướng về sự chân chánh; “trực hướng?, ,ñāyappatipanna, hướng theo chân lý, tên gọi khác chỉ cho Thánh đạo 8 chi; 6tđẳng hướng?,,sāmīcippatipannd, hướng vê sự đúng đắn. Có quan điểm cho rằng, hướng đến sự binh đẳng.

912 KINH TẠPA-HÀM

849. CON ĐƯỜNG SANH THIÊN (3)45 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rưng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.* Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có bốn con đường sanh thiên khiến chúng sanh chưa thanh tịnh được thanh tịnh, chúng sanh đã thanh tinh càng thanh tịnh hơn. Là bốn con đường nào? Vi Thánh đệ tử nhớ nghĩ đến những phẩm tính của Như Lai như vầy: Đức Như Lai là bậc ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Khi nhớ nghĩ đến những phẩm tính của Như Lai như vậy rồi thì có thể đoạn trừ những tham muốn thấp hèn và những lỗi lầm bất thiện trong tâm. Nhờ r9 e • nhớ nghĩ đên những phàm tính của Như Lai nên tâm hoan hỷ, do hoan hỷ nên tâm hân hoan, do hân hoan nên thân khinh an, do khinh an nên cảm nhận thọ lạc. do cảm nhận thọ lạc nên đạt đinh tam-muội. Khi đạt định

tam-muội rôi? vị Thánh đệ tử nên học như vầy: “Thế nào là con đường sanh thiên?59 Rồi lại nghĩ như vày: "Ta từng nghe không sân hận là con đường sanh thiên tối thượng." Rồi lại suy nghĩ: “Từ nay trở đi, ở thế gian này, dù gặp lo sợ hay an ổn, ta cũng không khởi sân hận, chỉ thọ trì con đường sanh thiên thuần nhát, thanh tịnh.,, (Việc thành tựu đôi với Pháp, Tăng, Thánh giới cũng được nói như trêrì). Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

850. CON ĐƯỜNG SANH THIÊN (4)46 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Có bốn con đường sanh thiên khiến chúng sanh chưa thanh tịnh được thanh tinh, chúng sanh đã thanh tinh càng thanh tịnh hơn. Những gì là bốn? Vi Thánh đệ tử nhớ nghĩ đến những phẩm tính của Như Lai như vầy: Đức Như Lai là bậc ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Khi vị Thánh đệ tử nhớ nghĩ đến những phẩm tính của Như Lai như vậy rồi thì tâm không bi trói buộc bởi tham dục, sân hận, ngu si, tâm ấy được chánh trực. Nhờ nhớ nghĩ đến những phẩm tính của Như Lai như vậy nên vị Thánh đệ tử

45 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.849. 02 lóc 17). Tham chiếu: s. 55.35 - v. 393. 46 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.850. 0217a02). Tham chiếu: s. 55.35  v. 393.

QUYÊN 30 913

ĩ \ được thâm nhuân trong dòng nước pháp, được dòng nước nghĩa, được lợi ích, được hoan hỷ; do hoan hỷ nên tâm hân hoan, do hân hoan nên thân khinh an, do khinh an nên cảm nhận thọ lạc. do cảm nhận thọ lạc nên đạt đinh tam-muội. Khi đạt định tam-muội rồi, vị Thánh đệ tử nên học như vầy: "Thế nào là con đường sanh thien?" Rồi lại nghĩ như vầy: "Ta từng nghe không sân hận là con đường sanh thiên tối thượng.” Rồi lại suy nghĩ: “Từ nay trở đi, ở thế gian này, dù gặp lo sợ hay an ổn? ta cũng không khởi sân hận, chỉ thọ trì con đường sanh thiên thuần nhất, thanh tjnh." (Việc thành tựu đoi với Pháp, Tăng và Thánh giới cũng nói như vậy). Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

851. GƯƠNG PHÁP (l)4748 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-dà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo:  Nay Ta sẽ nói về Kỉnh gươngphdp.48 Các thầy hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ nói. Thế nào ỉà Kinh gươngphápl Vị Thánh đệ tử có niềm tin thanh tinh không lay chuyển49 đoi với Phật, có niềm tin thanh tinh không lay chuyển đối với Pháp, có niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Tăng, và thành tựu được Thánh giới. Đó gọi là Kỉnh gương pháp. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đêu hoan hỷ phụng hành. ***

852. GƯƠNG PHÁP (2)5051 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có số đông Tỳ-kheo đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Trong lúc khất thực, các vị nghe tin Tỳ-kheo Nan-đồ/1

Tỳ-kheo-ni Nan-đà, iru-bà-tăc Thiện Sanh và ưu-bà-di Thiện Sanh qua đời. Khát thực xong, các 47 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.851. 0217al7). Tham chiếu: s. 55.9 - v. 358. 48 Nguyên tác: Pháp kính (,Dhammãdãsă). 49 Bất hoại tịnh (,aveccappasãdà), Xem chú thích 10, kinh số 344, quyển 14, tr. 397; Tạp. (r.02. 0099.344. 0094b02). 50 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.852. 0217a23). Tham chiếu: s. 55.8 - v. 356. 51 Nan-đồ Tỳ-kheo (Sālha Bhikkhu).



Tỳ-kheo trở về tinh xá9 cất y bát, rửa sạch chân rồi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài, ngồi sang một bên và thưa: - Kính bạch Thế Tôn! Sáng nay chúng con vào thành khất thực, nghe tin Tỳ- kheo Nan-đồ, Tỳ-kheo-ni Nan-đà; ưu-bà-tắc Thiện Sanh và ưu-bà-di Thiện Sanh đều đã qua đời. Bạch Thế Tôn! Bốn vị này sau khi lâm chung sẽ sanh về nơi nào? Đức Phật bảo: Tỳ-kheo Nan-đồ và Tỳ-kheo-ni Nan-đà đã sạch các lậu hoặc,52 được vô lậu,53 thành tựu tâm giải thoát,54 tuệ giải thoát/5 ngay hiện đời tự biết, tự ngộ:5657 "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Còn xru-bà-tắc Thiện Sanh và mi-bà-di Thiện Sanh đã đoạn sạch năm hạ phần kiết sử,57 chứng quả A-na-hàm, được sanh lên cõi trời rồi nhập Bát-niết-bàn ở đó,58 không còn tái sanh cõi đời này nữa. Rồi Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta sẽ nói Kinh gương pháp cho các thầy nghe. Vi Thánh đệ tử có niềm tin thanh tịnh không lay chuyển59 đối với Phật,... (cho đến) thành tựu được Thánh giới. Đó gọi là Kinh gương pháp. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

853. GƯƠNG PHÁP (3)60

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

(Như kinh trên đã nói, cho khác nhau là):

-Có những Tỳ-kheo5 Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc và ưu-bà-di khác qua đời...

(cũng nói như kinh trên).

***

52 Nguyên tác: Lậu dĩ tận ( ,āsavānam khayā). 53 Vô lậu (anasavam). 54 Tâm giải thoát (cettovimuttirri). 55 Tuệ giải thoát (,paññāvimuttirri). 56 Nguyên tác: Hiện pháp tự tri tác chứng (,dittheva dhamme sayarn abhiññā sacchikatvā upasampajja vihāsī). 57 Nguyên tác: Ngũ hạ phan kiết (ÉT^^pañcannam orambhāgiyānarn sarnyojanānam), gồm: (i) Tham dục(M^.kāmarāga), (ii) Sân khuê (,vyāpāda), (iii) Thân kiên (,sakkāyaditthi), (iv) Giới cấm thủ (,sīlabbataparāmāso), (v) Nghi (,vicikicchā). 58 Nguyên tác: Bát-niết-bàn (Parinibbānam). 59 Bất hoại tịnh (aveccappasãdà). Xem chú thích 10, kinh số 344, quyển 14, tr. 397; Tạp. (T.02. 0099.344.0094002). 60 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.853. 0217bll). Tham chiếu: s. 55.8 - v. 356.

854. THÔN NA-LÊ-CA61 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Phồn-kỳ-ca?62 thôn Na-lê-ca.6364 Bây giờ, trong thôn Na-lê-ca có nhiêu người qua đời. Khi ây, các Tỳ-kheo đắp y, ôm bát vào thôn Na-lê-ca khất thực, nghe tin tại thôn này có các xru-bà- tắc Kế-ca-xá, Ni-ca-tra, Khư-lăng-ca-la, Ca-đa-lê-sa-bà, Xà-lộ, Ưu-bà-xà-lộ, Lợi-sắc-tra, A-lợi-sắc-tra, Bạt-đà-la, Tu-bạt-đà-la, Da-xá-da-du-đà? Da-xá-uất- đa-la đều đã qua đời. Nghe vậy rồi, các Tỳ-kheo quay về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, đên chô Phật, lạy sát chân Ngài roi ngôi sang một bên và thưa: Bạch Thế Tôn! Sáng sớm nay Tỳ-kheo chúng con vào thôn Na-lê-ca khất thực, nghe tin ưu-bà-tắc Kế-ca-xá và nhiều người khác đã qua đời. Bạch Thế Tôn! Những vị ấy sau khi lâm chung sẽ sanh về nơi nào? Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Kê-ca-xá và những vị kia đã đoạn trừ năm hạ phân kiêt sử, chứng quả A-na-hàm, được sanh lên cõi trời rồi nhập Bát-niết-bàn ở đỏ, không còn sanh lại cõi đời này nữa. Các Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn! Lại có hơn hai trăm năm mươi ưu-bà-tắc đã qua đời, lại có năm trăm ưu-bà-tắc ở thôn Na-lê-ca này cũng đã qua đời, có phải họ đều đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, chứng quả Anahàm, được sanh lên cõi trời kia rồi nhập Bát-niết-bàn ở đó, không còn sanh lại cõi đời này nữa chăng? Lại có hơn hai trăm năm mươi iru-bà-tắc qua đời, có phải họ đều đã đoạn sạch ba kiết sử,64 đã ệiảm thiểu tham, sân, si, đắc quả Tư-đà-hàm? chỉ còn một lân tái sanh rồi sẽ châm dứt khổ đau chăng? Bạch Thế Tôn! ở thôn Na-lê-ca này cũng có năm trăm ưu-bà-tắc đã qua đời. Có phải những người này đã đoạn sạch ba kiết sử, chứng quả Tu-đà-hoàn? không còn đọa nơi đường ác, nhất định hướng đến giác ngộ9 sau bảy lần qua lại cõi trời, cối người sẽ chấm dứt khổ đau chăng? Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Này các Tỳ-kheo! Các thầy cứ mãi chạy theo chuyện người này qua đời, người kia qua đời mà hỏi như vậy thì quả thật uổng công, vô ích. Vì chúng chẳng phải là điều Như Lai mong muốn giải đáp. Hễ có sanh thì có tử, có gì lạ đâu? Dù Như Lai xuất hiện ở đời hay không xuất hiện ở đời thì pháp tánh vẫn thường trụ. Điều mà Như Lai tự biết khi thành Đẳng Chánh Giác và muốn hiển

61 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.854. 0217b14). Tham chiếu: s. 55.10 - v. 358. 62 Phồn-kỳ-ca (Giñjakāvasathā). 63 Na-lê-ca (Nātikā). 64 Nguyên tác:
Tam kiết (tīni samyojanāni), gồm: (i) Thân kiến (,sakkāyaditthi), (ii) Giới cấm thu (,sīlabbataparāmāsā), (ill) Nghi (,vicikicchā).



bày, diễn thuyết, phân biệt, khai thị đó là: Do cái này có nên cái kia có, do cái này khởi nên cái kia khởi, tức do duyên vô minh nên có hành... (cho đến) do duyên sanh nên có già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não, như vậy là sự tập khởi của khôi khô đau. Do vô minh diệt nên hành diệt... (cho đên) do sanh diệt nên già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não diệt, như vậy là diệt trừ của khối khổ đau. Nay Ta sẽ vì các thầy mà nói Kinh gương pháp. hãy lang nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ nói cho các thầy nghe. Thế nào là Kinh gương phapi Đó là vị Thánh đệ tử đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng có niềm tin thanh tịnh không lay chuyển,65 và thành tựu Thánh giới. Đức Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

855. ƯU-BÀ-TẮC NAN-ĐÈ66 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có ưu-bà-tắc Nan-đề67 đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: -Bạch Thế Tôn! Nếu trong tất cả các thời mà vị Thánh đệ tử không thành tựu năm căn68 này thì gọi là buông lung hay không buông lung? Đức Phật bảo Nan-đề: r r y -Nêu trong tát cả các thời mà không thành tựu năm căn này thì Ta cho răng những người ấy thuộc hạng phàm phu. Nếu như vi Thánh đệ tử không thành tựu thì gọi là buông lung, chứ chẳng phải không buông lung. Này Nan-đề! Vị Thánh đệ tử thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển69 đối với Phật mà không mong cầu hướng thượng, không ở trong rừng văng hoặc ngôi nơi đông trông ngày đêm thiên tọa tư duy, siêng năng tu tập hạnh xuất ly thắng diệu và hạnh tùy hỷ lợi ích; bởi do không tùy hỷ nên hoan hỷ không sanh, do hoan hỷ không sanh nên thân không khinh an, do thân không khinh an nên cảm giác đau khổ sanh, do cảm giác đau khổ sanh nên tâm không đắc đinh, do tâm không đắc định nên vi Thánh đệ tử ấy bi cho là buông lung.

65 Bất hoại tịnh (aveccappasãdà). Xem chú thích lo, kinh số 344, quyển 14, tr. 397; Tạp. (T.02. 0099.344. 0094b02). 66 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.855. 02l7cl8). Tham chiếu: s. 55.40 - v. 397. 67 Nan-đề (,Nandiya). 68 Nguyên tác: Ngũ căn ()gồm tín, tấn, niệm, định và huệ. Đoạn kinh này nhấn mạnh mối liên hệ giữa việc thực hành tư Dự lưu chi va việc thành tựu ngũ cản, như kinh Tạp.(T.02. 0099.848. 02l6b06); Tạp.(r02. 0099.849. 021ÓCÍ7) và TạpM &02. 0099.850. O2l7aO2) đề cập một phần. 69 Bất hoại tịnh ( aveccappasãdà). Xem chú thích l o, kinh số 344, quyển 14, tr. 397; Tạp. (T.02. 0099.344. 0094b02).



Cũng vây, vị Thánh đệ tử đối với Pháp, đổi với Tăng có niềm tin thanh tinh không lay chuyến, và thành tựu Thánh giới cũng nói như thế. Như vậy, này Nan-đề! Vị Thánh đệ tử thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đoi với Phật, tâm không khởi tự mãn, thường ở trong rừng vắng hoặc nơi đất trống, bên cội cây ngày đêm thiền tọa tư duy, nỗ lực tinh cần, có the khởi phát xuất ly thắng diệu và được tùy hỷ; do đã tùy hỷ nên sanh hoan hỷ? do hoan hỷ nên thân khinh an, do thân khinh an nên cảm nhận thọ lạc, do cảm nhận thọ lạc nên tâm đắc định, vi Thánh đệ tử có tâm đã đắc định nên được cho là không buông lung. Cũng vậy, VỊ Thánh đệ tử đôi với Pháp, đôi với Tăng có niêm tin thanh tịnh không lay chuyển, và thành tựu Thánh giới cũng nói như thế. Đức Phật giảng kinh này rồi, mi-bà-tắc Nan-đề nghe xong hoan hỷ và tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ Phật rồi lui ra. ***

856. CƯ Sĩ NAN-ĐÈ70 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có người họ Thích tên là Nan-đề71 đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài roi ngôi sang một bên và thưa: -Bạch Thế Tôn! Nấu trong tất cả các thơi mà vị Thánh đệ tử không thành tựu bốn niềm tin thanh tinh không lay chuyển72 thì vị ấy được xem là buông lung hay không buông lung? Đức Phật bảo Nan-đề:  Nêu trong tát cả các thời, đôi với những ai không thành tựu bôn niêm tin thanh tịnh không lay chuyển thì Ta nói những người ấy thuộc hạng bên ngoài, trong số

những kẻ phàm phu.73 Này Nan-đề! Vị Thánh đệ tử buông lung hay không buông lung, nay Ta sẽ nói... (chi tiết như kinh trên). Đức Phật nói kinh này rồi, Thích Nan-đề nghe Phật dạy xong được hoan hỷ và tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ Phật rồi lui ra. ***

70 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.856. 02l8al0). Tham chiếu: s. 55.47 - v. 403. 71 Thích thị Nan-đề (,Nandiya Sakkā): Họ Thích, tên Nan-đề. Vì tính hàm súc của văn kinh nên lược xưng tên. 72 Xem note 69 ở trước. 73 Nguyên tác: Ngoại phàm phu số ().s. 55.47 - v. 403: Bāhiro puthujjanapakkhe (người đứng ngoài, trong hang ngũ kẻ phàm phu), HT. Thích Minh Châu dịch.



857. NĂM PHÁP HOAN HỶ74 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. J Sau khi an cư ba tháng vào đầu mùa mưa xong, nhiều Tỳ-kheo tập hợp tại trai đường để may y cho đức Phật. Không bao lâu sau khi may y xong, Như Lai sẽ đắp y, ôm bát rời khỏi tinh xá, du hành nhân gian. Bấy giờ, có người họ Thích tên là Nan-đề nghe tin có nhiều Tỳ-kheo tập hợp tại trai đường may y cho đức Phật và không bao lâu sau khi may y xong, Như Lai sẽ đắp y, ôm bát rời khỏi tinh xá, du hành nhân gian. Nghe vậy, Nan- đề liền đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa rằng: Bạch Thế Tôn! Hôm nay, con tay chân rã rời, đầu óc quay cuồng, những pháp trước đây được nghe nay đều quên mất khi nghe tin có nhiều Tỳ-kheo tập hợp tại trai đường đê may y cho Thê Tôn và nói răng: "Không bao lâu sau khi may y xong, Như Lai sẽ đắp y, ôm bát du hành nhân gian.” Con cảm thấy rất buồn vì không biết đến bao giờ mới được gặp lại Thế Tôn và các vi Tỳ-kheo thân quen. Đức Phật bảo: Này Nan-đề! Dù ông gặp hay không gặp lại Ta, gặp hay không gặp lại các vị Tỳ-kheo quen biết, nên tùy thời tu tập năm pháp hoan hỷ. Là năm pháp nào? Một là, ông hãy tùy thời niệm Phật: Đức Như Lai là bậc ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhan Su, Phật, Thế Tôn. Hai là, tùy thời niệm Pháp. Ba là, tùy thời niệm Tăng. Bốn là, tự mình giữ giới. Năm là, khi sống trong đời thì tùy thời nhớ nghĩ: “Ta muôn được lợi mình thì đôi với tính bon xẻn thường có của chúng sanh, ta phải thường xuyên tu tập để lìa bỏ tính bon xẻn ấy5 tu thí giải thoát, thí xả, thường nhiệt tình bố thí, vui vẻ bố thí, huệ thí bình đẳng, thường dưỡng tâm bố thí." Như vậy, này Nan-đề! Năm pháp này, mỗi khi đi, đứng, nằm, ngồi cho đến sông cùng vợ con, phải thường buộc tâm giữ niệm như thê. Đức Phật nói kinh này rồi, người họ Thích tên là Nan-đề nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ Phật rồi lui ra. ***

858. SÁU NIỆM75 Tôi nghe như vầy:

74 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp,(T.02. 0099.857. 0218al9). Tham chiếu: A 11.13 - v. 334. Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.858. 0218b13). Tham chiếu: Nan-đề thích kinh (7102. 0113. 0505bl8);^. 11.13- V. 334.



Một thời, đức Phật an cư ba tháng vào đầu mùa mưa tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, người họ Thích tên là Nan-đề nghe tin đức Phật an

cư ba tháng vào đầu mùa mưa tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ, ông liền khởi suy nghĩ như vầy: "Ta nên đến đó. Đen đó rồi ta sẽ ở lại làm tất cả công việc để cúng dường, phụng sự Như Lai và Tăng chúng Tỳ-kheo.99 Thế rồi Nan-đề liền đi đến đó. Sau ba tháng an cư, các Tỳ-kheo tập hợp tại trai đường may y cho Thế Tôn và nói với nhau rằng: "Không bao lâu sau khi may y xong, Như Lai sẽ đắp y, ôm bát du hành nhân gian." Bấy giờ, Nan-đề nghe các Tỳ-kheo vân tập tại trai đường và nói với nhau rằng: "Không bao lâu sau khi may y xong, Như Lai sẽ đắp y, om bát du hành nhân gian.” Nghe vậy, ông liền đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi đứng một bên và thưa: Bạch Thế Tôn! Hôm nay, con tay chân rã rời, đàu óc quay cuồng, những pháp trước đây con được nghe thì nay đều quên mất khi nghe tin Thế Tôn sắp du hành nhân gian. Con chẳng biết khi nào mới gặp lại được Thế Tôn và các Tỳ-kheo quen biết nữa? Đức Phật bảo Thích Nan-đề:  Dù gặp lại Như Lai hay không gặp lại, dù gặp lại các Tỳ-kheo thân quen hay không gặp lại thì ông nên tùy thời tu tập sáu niệm. Là sáu niệm nào? Đó là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí và niệm thiên. Đức Phật nói kinh này rồi, người họ Thích tên là Nan-đề nghe Phật dạy xong đã được hoan hỷ và tùy hỷ? đảnh lễ Phật rồi lui ra. ***

859. HAI TRƯỞNG GIẢ (l)76 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật an cư ba tháng vào đầu mùa mưa tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. (Phần tiếp theo như kinh trên, chỗ khác nhau lấy. Bấy giờ, hai anh em trưởng giả Lê-sư-đạt-đa và Phú-lan-na77 nghe tin các Tỳ-kheo vân tập tại trai đường để may y cho Thế Tôn... (phần tiếp theo như y 7 Kỉnh Nan-đê đã nói). Đức Phật nói kinh này rồi, Lê-sư-đạt-đa và Phú-lan-na nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ Phật rồi lui ra. ***

76 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.859. 0218c02). Tham chiếu: s. 55.6 - v. 348. 77 Lê-sư-đạt-đa (Isidatta) và Phú-lan-na (Purāna).



860. HAI TRƯỞNG GIẢ 278 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Sau khi an cư ba tháng vào đau mùa mưa xong, các Tỳ-kheo vân tập tại trai đường để may y cho Thế Tôn. Bấy giờ, có hai anh em trưởng giả Lê-sư-đạt-đa và Phú-lan-na đang trông nom ruộng vườn trong đầm Lộc Kính, nghe tin nhiều Tỳ-kheo ở tại trai đường may y cho The Tôn và nói với nhau rằng: 4tKhông bao lâu sau khi may y xong, Nhu Lai sẽ đắp y, ôm bát du hành nhân gian.^, Nghe vậy, trưởng giả liền bảo một người đàn ông răng: "Nay ngươi hãy đi đên chô Thê Tôn, quan sát nêu thây Thế Tôn ra đi thì mau trở về báo cho ta biết." Người đàn ông vâng lời, liền đi đến đó. Vừa nhìn thấy Thế Tôn rời khỏi tinh xá, anh ta lập tức trở về thưa với Lê-sư-đạt-đa và Phú-lan-na rằng: 4íThế Tôn cùng với đại chúng đã ra di.v Bấy giờ, Lê-sư-đạt-đa và Phú-lan-na cùng ra nghinh đón Thế Tôn. Từ xa trông thấy Lê-sư-đạt-đa và Phú-lan-na đang đi đến, Thế Tôn liền rẽ sang bên đường, trải tọa cụ rời ngôi ngay thăng. Khi ây, Lê-sư-đạt-đa và Phú-lan-na đên đảnh lễ sát chân Phật, ngồi sang một bên rồi thưa:  Bạch Thế Tôn! Hôm nay, con tay chân rã rời, đầu óc quay cuồng, những việc đã nhớ nay đều quên mất, vì không biết đến bao giờ mới được gặp lại Thế Tôn và các vị Tỳ-kheo thân quen nữa? Hôm nay, Thế Tôn đến Câu-tát-la,79 rồi

từ Câu-tát-la đến Ca-thi,80 từ Ca-thi đến Ma-la,81 rồi từ Ma-la đến Ma-kiệt-đà,82 từ Ma-kiệt-đà đến Ương-già, rồi từ ương-già đến Tu-ma, từ Tu-ma đến Phân- đà-la, từ Phân-đà-la đến Ca-lăng-già. Thế nên, nay con rất buồn khổ, không biết đen bao giờ mới được gặp lại The Tôn và các vị Tỳ-kheo thân quen? Đức Phật bảo Lê-sư-đạt-đa và Phú-lan-na: -Các ông dù gặp lại hay không gặp Như Lai, dù gặp lại hay không gặp lại các vị Tỳ-kheo thân quen thì cũng nên tùy thời tu tập sáu niệm. Những gì là sáu niệm? Các ông hãy niệm Phật... nói đầy đủ như kinh trên, cho đến niệm thiên. Nhưng này trưởng giả! Tại gia thật bận rộn, tại gia thật nhiễm trước; xuất gia thì thanh nhàn đạm bạc. Thật khó cho người thê tục đê có thê song không gia đình, hoàn toàn thanh khiết, thuần nhất thanh tịnh, Phạm hạnh trong sạch.

78 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.860. 0218c09. Tham chiếu: s. 55.6 - v. 348.

79 Câu-tát-la ,Kosala.

80 Ca-thi Kāsi.

81 Ma-la Mallā.

82 Ma-kiệt-đà ,Magadha.



Trưởng giả bạch Phật:  Hay thay, bạch Thế Tôn! Ngài đã khéo nói pháp này: "Tại gia thật bận rộn, tại gia thật nhiễm trước; xuất gia thì thanh nhàn đạm bạc. Thật khó cho người thế tục để có thể sống không gia đình, hoàn toàn thanh khiết, thuần nhất thanh tịnh, Phạm hạnh trong sạch." Thưa Ngài! Con là đại thần của Vua Ba-tư-nặc. Khi Vua Ba-tư-nặc muốn vào ngự viên,83 liền sai con điều khiển voi lớn chở những cung nữ bậc nhất của vua, họ hoặc ngồi trước con, hoặc ngồi sau con, còn con ngồi ở giữa. Khi voi đi xuống dóc, người ngoi trước choàng cô con, người ngôi sau ôm lưng con; khi voi lên dốc, người ngoi sau ôm cổ con và người ngồi trước níu lấy vạt áo của con. Các thê nữ ây vì muôn tạo niêm vui cho nhà vua nên xiêm y lộng lây, thoa hương diêm phấn, chuỗi ngọc trang nghiêm. Con cùng đi với họ, nhưng thường giữ ba điều: Một là, điều khiển voi, sợ bi lạc đường; hai là, tự giữ tâm mình, sợ sanh nhiễm trước; ba là? tự mình giữ gìn, sợ bị rơi ngã. Thưa Thế Tôn! Lúc ấy, tuy đối trước các thể nữ của vua nhưng con không một sát-na nào không tư duy chân chánh. Đức Phật khen trưởng giả: -Lành thay! Lành thay! Thật khéo giữ gìn tâm ý. Trưởng giả bạch Phật:  Những tài vật trong nhà con c6, thường đem dâng Thế Tôn và các Tỳ- kheo, Tỳ-kheo-ni9 ưu-bà-tắc, ưu-bà-di cùng chung thọ dụng, chứ không tính toán là của riêng mình. Đức Phật bảo trưởng giả:  Lành thay! Lành thay! Ông giàu có bậc nhất ở nước Câu-tát-la5 không ai sánh bằng, thế mà vẫn có thể không tính toán đối với tài vật của mình! Bấy giờ, Thế Tôn vì hai trưởng giả thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ.84 Sau khi vì hai trưởng giả thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ rồi, Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi.85

83 Nguyên tác: Viên quán tức vườn rừng. Vườn rừng mà vua dạo chơi thường gọi là ngự viên. 84 Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ .Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tr. 105; Tạp.7.02. 0099.92. 0023cl8. 85 Bản Hán, hết quyển 30.

QUYỂN 31 861. CÕI TRỜI ĐÂU-SUẤT-ĐÀ1 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bây giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: r y e e ĩ Bôn trăm năm ở nhân gian băng một ngày một đêm ở cối trời Đâu-suât- đà.2 Cứ ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm thì tuổi thọ của chư thiên ở cõi trời Đâu-suất-đà ấy là bốn ngàn năm như vậy. Phàm phu mê muội thiếu hiểu biết sau khi lâm chung ở đó sẽ sanh xuống địa ngục, nga quỷ, súc sanh; còn bậc Thánh đệ tử đa văn sau khi qua đời, ở nơi đó sẽ không sanh xuống địa ngục, nga quỷ, súc sanh. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 862. CÕI TRỜI HÓA LẠC3 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà9 thuộc nước Xá-vệ. J J Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: - Tám trăm năm ở nhân gian bằng một ngày một đêm ở cõi trời Hóa Lạc.4 Cứ ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm thì tuổi thọ của chư thiên ở cõi trời Hóa Lạc ấy là tám ngàn năm như vậy. Phàm phu mê muội thiếu hiểu biết sau khi lâm chung ở đó sẽ sanh xuống địa ngục, nga quỷ, súc sanh;

1 Tựra đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.861. 0219b04). Tham chiếu: Trai kỉnh (T.o 1. 0087^0910026); ưu-bà-dỉĐọa-xả-ca kỉnh (roi. 0088. 0912a15); quan trai kỉnh (roi. 0089. 0913al7); Tăng.(7.02. 0125.24.6. 0626b19); Trì trai kinh (T.Ol. 0026.202. 0770al6); A. 3.70 - L 205; A. 8.42 - IV. 251; 4 8.43 . IV. 255. 2 Đâu-suất-đà (,Tusitā). 3 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.862. 0219bll). Tham chiếu: Trai kinh (roi. 0087^0910026); ưu-bà-di Đọa-xả-ca kinh (roi. 0088. 0912al5); Bát quan trai kỉnh (roi. 0089. 0913al7); Tăng.(T.02. 0125.24.6. 0626b19); Trì trai kinh (roi. 0026.202. 0770al6); A. 3.70 - L 205; A. 8.42 -IV. 251; 4 8.43 - IV. 255. 4 Hóa Lạc (s. Nirmanarataya, p. Nimmānaratī).



còn bậc Thánh đệ tử đa văn thì sau khi qua đời ở nơi đó sẽ không sanh xuống địa ngục, nga quỷ, súc sanh. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

863. CÕI TRỜI THA HÓA Tự TẠI5 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà5 thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Một ngàn sáu trăm năm ở nhân gian bằng một ngày một đêm ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại.67Cứ ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm thì tuổi thọ của chư thiên ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại ấy là mười sáu ngàn năm như vậy. Phàm phu mê muội thiếu hiểu biết sau khi lâm chung ở đó sẽ sanh xuống địa ngục, nga quỷ, súc sanh; còn bậc Thánh đệ tử đa văn sau khi qua đời ở nơi đó sẽ không sanh xuống địa ngục, nga quỷ, súc sanh. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Tương tự như sáu kinh do Phật tự n6 cũng vậy, sáu kinh do Tỳ-kheo khác hỏi và sáu kinh do đức Phật hỏi các Tỳ-kheo cũng nói như the. ***

864. AN TRÚ THIỀN THỨ NHẤT8

Tôi nghe như vay:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước X-ve.

Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo:

5 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.863. 0219b18). Tham chiếu: Trai kỉnh (OI.

(T.01. 0089. 09l3al7);  0087. 0910C26); Ưu-bà-dỉ Đọa-xả-ca kỉnh ® (r.Ol. 0088. 09l2al5); Bát quan trai kinh g. (roi 0125.24.6. 0626Ồ19); Trì trai kỉnh (roi. 0026.202. Ờ770al6); 4 3.70 -I. 205; A. 8.42 - IV. 251; 4 8.43 - IV. 255. 6 Tha Hóa Tự Tại (Paranimmitavasavattin).

7 Nguyên tác: Như Phật thuyết lục kinh ().Ngài Ấn Thuận trong Tạp Ạ-hàtn kỉnh luận hội biên (ý.32. 0030.07? 0532a04) cho rằng, 6 kinh liày chỉ cho 6 tầng trời cõi Dục. Ba kinh Tạp.(.009.61. 0219b04); Tạp.(T.02. 0099.862.^0219b 11) và Tạp. B (T.Ỏ2 0099.863. 0219bl8) đã nêu 3 tầng trời, còn thiếu 3 tang trời trước đó, gồm Tứ Thiên Vương, Đao-lợi thiên, Diệm-ma thiên. Phần này đa thất lạc trong nguyên tác Hán tạng. 8 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7Í02. 0099.864. 0219Ồ28).



-Tỳ-kheo với hành, với hình, với tướng9 mà ly dục, ly pháp ác, bất thiện, có giác có quán, chứng nghiệm hỷ lạc do ly dục sanh, an trú trọn vẹn Thiền thứ nhất. Vị ấy không nhớ nghĩ hành như vậy, hình như vậy, tướng như vậy, nhưng đôi với các pháp sác, thọ, tưởng, hành, thức thì vị ây thường tư duy như mầm bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như bi sát hại, là vô thường, là khổ, là không, chẳng có ngã. Vị ấy sanh tâm nhàm chán, lo sợ, phòng hộ đối với những pháp ây. Do đã sanh tâm nhàm chán, lo sợ, phòng hộ roi nên vị ây tự mình được lợi ích với pháp môn cam lộ10 được tịch tĩnh như vậy, được thắng diệu như vậy. Đó gọi là xả bỏ hữu du, dứt sạch ái dục, được vô dục, diệt tận, Niết-bàn. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

865. GIẢI THOÁT (l)11 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Ky.dà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: (Giong như kinh trên đã nóif chỉ khác biệt ở đoạn sau):  Biết như vậy, thấy như vậy rồi thì tâm giải thoát khỏi dục lậu, tâm giải thoát khỏi hữu lậu, tâm giải thoát khỏi vô minh lậu, chứng đạt giải thoát tri kiến: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biêt không còn tái sanh." Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

866. TRUNG BÁT-NIẾT-BÀN12

Tôi nghe như vây:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. J

9 Nguyên tác: Nhược hành, nhược hình, nhược tiỊỘng ().Theo Du-già sư địa luân (T30. 1,579.13. 0341Ồ29), "hanh”()ở đây chỉ cho việc duyên theo phương

tiện để

nhập đinh, như thô xấu, tịch tĩnh, bệnh tật, ung nhọt, mũi tên, vô thường...; “hinh"()là tướng trạng, thiền tướng mittā) lúc sáp nhập định; "tướĩíg"()là các đối tượng duyên vào đó để chuyên chu, gom có hai: Tướng của đối tượng để duyên vào và tương của nhân duyên. 10 Nguyên tác: Cam lộ môn ()Cửa bất tử, chỉ cho pháp môn giải thoát. 11 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp. (F.02. 0099.865. 0219c09). J 12 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp. h(r02. 0099.866. 0219c15).

QUYỂN 31 925

Bay giờ, The Ton bảo các Ty-kheo: Giống như kinh trên đã nói, chỉ khác biệt ở đoạn sau\ Nếu không thể chứng đắc giải thoát thì nhờ biết mong cầu pháp, nhớ nghĩ đến pháp, vui thích với pháp nên chứng đắc Trung Bát-niết-bàn.13 Nếu không được vậy sẽ chứng đắc Sanh Bát-niết-bàn.14 Nếu không được vậy nữa sẽ chứng đắc Hữu hành Bát-niết-bàn.15 Nếu không được vậy sẽ chứng đắc Vô hành Bát- niết-bàn.16 Nếu không được vậy sẽ chứng đắc Thượng lưu Bát-niết-bàn.1718 Nêu không được vậy nữa thì nhờ vào công đức biết mong cầu pháp, nhớ nghĩ đến pháp, vui thích với pháp mà được sanh vào cối trời Đại Phạm,18 hoặc sanh vào cõi trời Phạm Phụ,19 hoặc sanh vào cõi trời Phạm Thân.20 Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

867. AN TRÚ THIỀN THỨ HAI21 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ5 Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nêu Tỳ-kheo với hành như vậy, hình như vậy, tướng như vậy2223 mà diệt trừ có giác có quán, nội tĩnh nhất tâm, không giác không quán, chứng nghiệm hỷ lạc do định sanh, an trú trọn vẹn Thiền thứ hai. Vi ấy không nhớ nghĩ hành như vậy, hình như vậy, tướng như vậy? nhưng đối với các pháp sắc, thọ? tưởng, hành, thức, vị ấy thường tư duy như mầm bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như bị sát hại, là vô thường, là khổ, là không, chẳng có ngã. Đối với những pháp này, vị ấy sanh tâm nhàm chán, lo sợ, phòng hộ. Do đã sanh tâm nhàm chán, lo sợ, phòng hộ rồi nên vị ấy tự mình được lợi ích với pháp môn Cam 10,23 đượC tịch tĩnh như vậy5 được thắng diệu như vậy. Đó gọi là xả bỏ hữu dư, dứt sạch ái dục, được vô dục, diệt tận, Niết-bàn.

13 Trung Bát-niết-bàn ,Antarāparinibbāyī. 14 Sanh Bát-niết-bàn Upahaccaparinibbāyī. 15 Hữu hành Bát-niết-bàn ,Sasañkhāraparinibbāyī. 16 Vô hành BMniết-bn ,Asaṅkhāraparinibbāyī. 17 Thượng lưu Bát-niết-bàn Uddhamsoto Akanitthagāmī. 18 Đại Phạm thiên Mahābrahmā. 19 Phạm Phụ ,Brahmapurohita. 20 Phạm Thân Brahmakāya. 21 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.7.02. 0099.867. 0219c24. 22 Nguyên tác: Như thị hành, như thị hình, như thị tướng .Xem chú thích 9, kinhso 864, quyển 3 í, tr. 925; Hp. •7Í02. 0099.864 0219b28. 23 Nguyen tác: Cam lộ pháp giới :Cảnh giới bất tử, giải thoát; trong khi đó ở Tạp.r 02. 0099.864. 0219b28 ghi: Cam lộ m6n ,cửa bất tử, chỉ cho pháp môn giải thoát.

e _ 9 \ Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đêu hoan hỷ phụng hành. *** 868. GIẢI THOÁT (2)24 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà9 thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ? Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: (Giống như kỉnh trên đã nói, chỉ khác biệt ở đoạn sau)\ -Vi ấy biết như vậy, thấy như vậy rồi tâm liền giải thoát khỏi dục lậu, tâm giải thoát khỏi hữu lậu, tâm giải thoát khỏi vô minh lậu, chứng đạt giải thoát tri kiến: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh.,, Nếu không chứng đắc giải thoát như thế thì nhờ có tâm mong cầu nơi pháp, nhớ nghĩ đến pháp, vui thích với pháp, nên chứng đắc Trung Bát-niết-bàn. Nếu không được vậy sẽ chứng đắc Sanh Bát-niết-bàn. Nếu không được vậy nữa sẽ chứng đắc Hữu hành Bát-niết-bàn. Nếu không được vậy sẽ chứng đắc Vô hành Bát-niết-bàn. Nếu không được vậy sẽ chứng đắc Thượng lưu Bát-niết-bàn. Nếu không được vậy nữa thì nhờ có tâm mong cầu nơi pháp, nhớ nghĩ đến pháp, vui thích với pháp cho nên sẽ được sanh vào cõi trời Tự Tánh Quang Âm.25 Nếu không được vậy sẽ sanh vào cõi trời Vô Lượng Quang.26 Nếu không được vậy nữa sẽ sanh vào cõi trời Thiểu Quang.27 Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 869. AN TRÚ THIỀN THỨ BA28 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà9 thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Tỳ-kheo với hành như vậy, hình như vậy, tướng như vậy mà ly hỷ, trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm lạc thọ, điều mà bậc Thánh gọi là xả niệm

24 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.868. 0220a05).

25 Tự Tánh Quang Âm (Ābhassarā).

26 Vô Lượng Quang (,Appamānābha).

27 Thiểu Quang (,Parittābha).

28 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.869. 0220al7).



lạc trú, an trú trọn vẹn Thiền thứ ba. Nếu không được vậy thì nương nơi hành như vậy, hình như vậy, tướng như vậy mà đối với các pháp sắc, thọ, tưởng, hành, thức luôn biết tư duy chúng như mầm bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như bị sát hại... cho đến chứng đắc Thượng lưu Bát-niết-bàn. Nếu không được vậy thì nhờ biết mong cầu nơi pháp, nhớ nghĩ đến pháp, vui thích với pháp mà được sanh vào cõi trời Biến Tịnh.29 Nếu không được vậy sẽ sanh vào cõi trời Vô Lượng Tịnh.30 Nếu không được vậy nữa sẽ sanh vào cõi trời Thiểu Tịnh.31 Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

870. AN TRÚ THIỀN THỨ TƯ32 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà5 thuộc nước Xá.ve. Bay giơ, The Ton bảo các Ty-kheo:  Nêu Tỳ-kheo với hành như vậy, hình như vậy, tướng như vậy mà xả khô lạc, diệt hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, an trú trọn vẹn Thiền thứ tư. Nếu không nhớ nghĩ hành như vậy, hình như vậy, tướng như vậy, nhưng với sắc,

thọ, tưởng, hành, thức thường tư duy như mầm bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như bi sát hại.... cho đến chứng đắc Thượng lưu Bát-niết-bàn. Nếu không được vậy sẽ sanh vào cõi trời Nhân Tánh Quả Thực.33 Nếu không được vậy sẽ sanh vào cõi trời Phước Sanh.34 Nếu không được vậy nữa sẽ sanh vào cõi trời Thiểu Phước.35 Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Tương tự như Bôn thiên ở trên, Bôn Vô Sác định cũng nói như vậy. ***

29 Biển Tịnh ,Subhakinna.

30 Vô Lượng Tịnh ,Appamānasubha.

31 Thiểu Tịnh ,Parittasubha.

32 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.870. 0220a27.

33 Nhân Tánh Quả Thúc còn gọi là Quảng Quả Vehapphala.

34 Phước Sanh Puññapasavana.

35 Thiểu Phước còn gọi Vô Vân Anabbhaka.

928 KINH TẠP A-HÀM

871. THẦN MÂY GIÓ36 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà5 thuộc nước Xá-vệ. r r — _ Bây giờ, The Ton noi vơi các Ty-kheo: Có vị thần mây gió37 khởi niệm như vầy: "Hôm nay, ta muốn dùng thần lực để dạo choi." Trong lúc khởi niệm như vậy thì mây gió liền kéo đến. Như thần mây gió, cũng vậy, các thần tia chớp, thần sấm sét, thần tuôn mưa, thần tạnh mưa, thần lạnh rét, thần nắng nóng, cũng nói như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Nói giong như kỉnh 871 trên, đổi với trường hợp Tỳ-kheo khác hỏi Phật và trường hợp Phật hỏi các Tỳ-kheo cũng được Phật nói tương tự như vây. ***

872. CHE ĐÈN38 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ là lúc nửa đêm, bên ngoài trời mưa nhỏ hạt, sấm chớp sáng lòe, đức Phật liền bảo Tôn giả A-nan: -Thầy hãy lấy dù che đèn và mang ra ngoài! Vâng lời, Tôn giả A-nan liền cầm dù che đèn và theo sau đức Phật đi đến một nơi kia thì Thế Tôn bất chợt mỉm cười. Tôn giả A-nan liền thưa với Phật: Kính bạch Thế Tôn! Thế Tôn mỉm cười hẳn là có nguyên do. Con không biết hôm nay vì nguyên do gì mà Thế Tôn mỉm cười? Phật liền nói với Tôn giả A-nan: Đúng vậy, đúng vậy! Như Lai mỉm cười không phải là không có nguyên do. Hôm nay, khi thay cam dù che đèn đi theo sau Như Lai thì Như Lai lại thay Phạm thiên cũng cầm dù che đèn đi theo sau Tỳ-kheo Câu-lân39 giống như vậy. Thích-đề-hoàn-nhân40 cũng cầm dù che đèn đi theo sau Ma-ha Ca-diếp; Thiên vương Trật-lật-đế-la-sắc-tra-la41 cũng cầm dù che đèn đi theo sau Xá-lợi-phất;

36 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r02. 0099.871. 0220Ò08. Tham chiếu: s. 32.1 - IIL 254. 37 Nguyên tác: Phong vân thiên valāhakāyika deva: Thần mây mưa. 38 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.7.02. 0099.872. 0220b16.' 39 Câu-lân Tỳ-kheo Aññā Kondañña tức Tôn giả A-nhã Kiêu-trần-như . 40 Thích-đề-hoàn-nhân Sakko devānam Indo: Vua cõi trời Đao-lợi. 41

Trật-lật-đế-la-sắc-tra-la cũng gọi Đê-đầu-lại-tra ,Dhatarattha: Trì Quốc Thiên vương.

QUYỂN 31 929

Thiên vương Tỳ-lâu-lặc-ca42 cũng cầm dù che đèn đi theo sau Đại Mục-kiềnliên; Thiên vương Tỳ-lâu-bặc-xoa43 cũng cầm dù che đèn đi theo sau Ma-ha Câu-hy-la; Thiên vương Tỳ-sa-môn44 cũng cầm dù che đèn đi theo sau Ma-ha Kiếp-tân-na. Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe lời Phật dạy? hoan hỷ phụng hành. ***

873. BỐN CHÚNG4546 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Có bôn chúng được điêu phục khéo léo. Là bôn chúng nào? Đó là chúng Tỳ-kheo đã được điều phục, chúng Ty-kheo-ni đã được điều phục, chúng ưu-bà-tắc đã được điều phục và chúng ưu-bà-di đã được điều phục, đó gọi là bốn chúng. Bay giơ, The Ton liên noi kẹ: Người biện tài, vô úy, Học rộng, thông đạt pháp, Hành pháp và tùy pháp, Xứng danh chúng hiền thiện. Ty-kheo giữ tịnh giới, Tỳ-kheo-ni đa văn, Ưu-bà-tắc vững tín, ưu-bà-di cũng vậy, Xứng danh chúng hiền thiện, Như mặt trời tự chiếu. Cũng vậy, Tăng khéo tu, Là bậc nhất trong Tăng. Pháp này hoàn thiện Tăng, Như mặt trời tự chiêu. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. y Như kinh nói vê Điêu phục ở trên, cũng vậy, những kinh nói vê Biện tài, Nhu hòa, Vô ủy, Đa văn, Thông đạt pháp, Thuyết pháp, Tuần tự thực hành theo pháp,46 cũng được nói như vậy. ***

42 Tỳ-lâu-lặc-ca Virūlhaka: Tăng Trưởng Thiên vương. 43 Tỳ-lâu-bặc-xoa ,Virūpakkha: Quảng Mục Thiên vương. 44 Tỳ-sa-môn Vessavana: Đa Văn Thiên vương. 45 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.873. 0220c04. Tham chiếu: T g. 02. 0125.27.7. 0645cl8;\4. 4.7 - II. 8. 46 Bản Minh cắt bỏ "tùy thuận pháp hành,^ ,vì cú ngữ này cũng là sự lặp lại của “pháp thứ pháphướng” .

930 KINH TẠPA-HÀM

874. BA HẠNG CON47 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có ba hạng con. Là ba hạng nào? Đó là hạng con ngang bang với cha mẹ, hạng con giỏi hơn cha mẹ và hạng con thua kém cha mẹ. Thế nào là con ngang bằng với cha mẹ? Nghĩa là khi cha mẹ không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dôi, không uông rượu thì người con cũng học theo không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Đây gọi là con ngang bằng với cha mẹ. Thế nào là con giỏi hơn cha mẹ? Nghĩa là cho dù cha mẹ không thọ trì giới không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu, nhưng người con lại khéo thọ trì giới không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu. Đây gọi là con giỏi hơn cha mẹ. Thế nào là con thua kém cha mẹ? Nghĩa là cha mẹ khéo thọ trì giới không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu, nhưng người con lại không khéo thọ trì giới không sát sanh, không

trộm cướp, không tà dâm, không nói dôi, không uông rượu. Đây gọi là con thua kém cha mẹ. A

Bay giơ, The Ton liên noi kệ: Con bằng hoặc hơn cha, Là điều cha ước muốn. Không cần người con kém, Vì chẳng thể kế nghiệp. Làm người con đúng pháp, Là làm ưu-bà-tắc, Nương theo Phật, Pháp, Tăng, Siêng tu tâm thanh tịnh, Mây tan, trăng sáng tỏ? Quyến thuộc được vẻ vang. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Giông như kinh nói vê Năm giới ở trên, đôi với các kinh nói vê Tín, Giới, Thí, Văn, Tuệ cũng nỏi tương tự như vậy. *** 875. BỐN NỖ Lực CHÂN CHÁNH (l)48 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. 47 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.874. 0220c19). 48 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.O2. 0099.875. 022la09). Tham chiếu: Tạp.(r02. 0099.876. 022lal4); s. 49.1-12 - v. 204.413 - II. 15; A. 4.69 - II. 74; A. 4.275 - II. 256.

QUYÊN 31 931

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có bốn nỗ lực chân chánh.49 Những gì là bốn? Một là nỗ lực đoạn trừ.50 Hai là nỗ lực phòng hộ.51 Ba là nỗ lực gìn giữ.52 Bốn là nỗ lực vun bồi.53 Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

876. BỐN NÔ Lực CHÂN CHÁNH (2)54

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bay giơ, The Ton bảo các Tỳ-kheo:

Có bốn nỗ lực chân chánh. Những gì là bốn? Một là nỗ lực đoạn trừ. Hai là nỗ lực phòng hộ. Ba là nỗ lực gìn giữ. Bốn là nỗ lực vun bồi.

Bay giơ, The Ton liên noi kẹ:

Đoạn trừ và phòng hộ, Gìn giữ và vun bồi,

Bốn pháp nỗ lực này, Là điều chư Phật dạy.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

877. BỐN NÔ Lực CHÂN CHÁNH (3)55

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ.*

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

49 Nguyêntác: Tứ chánh đoạn(ra )còn gọi Ja utứ chánh cần"()“Tứ ý do ”(). t4Đoạn?,()mang nghĩa Ja tinh cần, cũng gọi la nỗ lực, tương đương Pali là padhãnã.SỞ dĩ đọc “doạrí” ()là do sự nhầm lan về tự dạng, giữa pahānā (từ bỏ, đoạn dứt) va padhana (tinh cần, nỗ lực). 50 Nguyên tác: Đoạn đoạn (,pahānappadhāna): Nỗ lực đoạn trừ. Rút gọn của nỗ lực đoạn tiỳ những việc ác đã sanh. Xem giải thích cụ the ở

trong Tạp.(T.02. 0099.877. 0221a21); Tạp.(T.Q2. 0099.878. 0221Ồ03); Tạp. if (7.02. 0099.879. 0221bl6). 51 Nguyên tác: Luật nghi đoạn (samvarappadhāna): Nỗ lực phòng hộ. Rút gọn của nỗ lực phòng hộ không cho điêu ác sanh khởi. 52 Nguyên tác: Tùy hộ đoạn (anurakkhanappadhāna)\r Nỗ lực gìn giữ. Rút gọn của nỗ lực gìn giữ nhưng điều thiện đang co và phát khởi những điếu thiện nếu chúng chưa sanh. 53 Nguyên tác: Tu đoạnbhavanappadhānd) : Nỗ lực tu tập, vun bồi. Rút gọn của nỗ lực vun bồi và trưởng dưỡng những điều thiện đã sanh. 54 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.876. 0221al4). Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.876. 0221al4); 's. 49.1-12 - v. 244; A. 4.13 - II. 15; A. 4.69 - II. 74; A. 4.275 - II. 256. 55 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.877. 0221a21). Tham chiếu: s. 49.1-12 - v. 244.



-CÓ bốn nỗ lực chân chánh. Những gì là bốn? Một là nỗ lực đoạn trừ. Hai là nỗ lực phòng hộ. Ba là nỗ lực gìn giữ. Bốn là nỗ lực vun bồi. Thế nào là nỗ lực đoạn trừ? Nghĩa là Tỳ-kheo đối với pháp ác và bất thiện đã sanh khởi thì phải đoạn trừ, lại phải khởi tâm ước muốn, nỗ lực, tinh cần và nhiếp tâm gìn giữ, đây gọi là nỗ lực đoạn trừ. Thế nào là nỗ lực phòng hộ? Nghĩa là Tỳ-kheo đối với pháp ác và bất thiện chưa sanh khởi thì không để sanh khởi, lại phải khởi tâm ước muốn, nỗ lực, tinh cần và nhiếp tâm gìn giữ, đây gọi là nỗ lực phòng hộ. Thế nào là nỗ lực gìn giữ? Nghĩa là Tỳ-kheo đối với pháp thiện chưa sanh khởi thì phải khiên cho sanh khởi, lại phải khởi tâm ước muôn, nô lực, tinh cân và nhiếp tâm gìn giữ, đây gọi là nỗ lực gìn giữ. Thế nào là nỗ lực vun bồi? Nghĩa là Tỳ-kheo đối với pháp thiện đã sanh khởi thì càng thêm tu tập khiến cho tăng trưởng, lại phải khởi tâm ước muốn, A __ J • _ \ _À_ —L! _ __ • l A 1 L _ _____ Á • no lực, tinh can va nhiêp tam gìn giữ, đay gọi la no lực vun bôi. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

878. BÓN NỖ Lực CHÂN CHÁNH 56 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có bốn nỗ lực chân chánh. Những gì là bốn? Một là nỗ lực đoạn trừ. Hai là nỗ lực phòng hộ. Ba là nỗ lực gìn giữ. Bốn là nỗ lực vun bồi. Thế nào là nỗ lực đoạn trừ? Nghĩa là Tỳ-kheo đối với pháp ác và bất thiện đã sanh khởi thì phải đoạn trừ, lại phải khởi tâm ước muốn, nỗ lực, tinh cần và nhiếp tâm gìn giữ, đây gọi là nỗ lực đoạn trừ. Thế nào là nỗ lực phòng hộ? Nghĩa là Tỳ-kheo đối với pháp ác và bất thiện chưa sanh khởi thì không để sanh khởi, lại phải khởi tâm ước muốn, nỗ lực, tinh cần và nhiếp tâm gìn giữ, đây gọi là nỗ lực phòng hộ. Thế nào là nỗ lực gìn giữ? Nghĩa là Tỳ-kheo đối với pháp thiện chưa sanh khởi thì phải khiến cho sanh khởi, lại phải khởi tâm ước muốn, nỗ lực, tinh cần và nhiếp tâm gìn giữ, đây gọi là nỗ lực gìn giữ. Thế nào là nỗ lực vun bồi? Nghĩa là Tỳ-kheo đối với pháp thiện đã sanh khởi thì càng thêm tu tập khiến cho tăng trưởng, lại phải khởi tâm ước muốn, nỗ lực, tinh cần và nhiếp tâm gìn giữ, đây gọi là nỗ lực vun bồi.

56 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.878. 0221b03). Tham chiếu: s. 49.1-12 - v. 244.

-px Á • y Á i-p/\ l • À / • 1 /\ Bây giơ, Thê Tôn liên noi kệ: Đoạn trừ và phòng hộ, Gìn giữ và vun bồi, Bốn pháp nỗ lực này, Là điều chư Phật dạy. Đức Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 879. BÓN Nỏ Lực CHÂN CHÁNH 57 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: -Có bốn nỗ lực chân chánh. Những gì là bốn? Một là nỗ lực đoạn trừ. Hai là nỗ lực phòng hộ. Ba là nỗ lực gìn giữ. Bốn là nỗ lực vun bồi. Thế nào là nỗ lực đoạn trừ? Nghĩa là Tỳ-kheo đối vơi pháp ác và bất thiện đã sanh khởi thì phải đoạn trừ, lại phải khởi tâm ước muốn, nỗ lực, tinh cần và nhiếp tâm gìn giữ; đối với pháp ác và bất thiện chưa sanh khởi thì không để sanh khởi, lại phải khởi tâm ước muốn, nỗ lực, tinh cần và nhiếp tâm gìn giữ; đối với pháp thiện chưa sanh khởi thì khiến cho sanh khởi, lại phải khởi tâm ước muốn, nỗ lực, tinh cần và nhiếp tâm gìn giữ; đối với pháp thiện đã sanh khởi thì càng thêm tu tập khiến cho tăng trưởng, lại phải khởi tâm ước muốn, nỗ lực, tinh cần và nhiếp tâm gìn giữ, đây gọi là nỗ lực đoạn trừ. Thế nào là nỗ lực phòng hộ? Nghĩa là Tỳ-kheo khéo phòng hộ căn mắt, đóng kín, chế ngự, hướng thượng; đối với các căn là tai, mũi? lưỡi, thân, ý cũng giống như vậy, khéo phòng hộ9 đóng kín, chế ngự, hướng thượng, đây gọi là nỗ lực phòng hộ. Thế nào là nỗ lực gìn giữ? Nghĩa là Tỳ-kheo phải khéo bảo hộ và gìn giữ đối với các tướng tam-muội chân thật kia; nghĩa là tu tập quán sát tướng tử thi xanh bầm, tướng tử thi sình trướng, tướng tử thi chảy mủ, tướng tử thi thịt tan . r y \

rã, tướng tử thi thú ăn chưa hét còn vương vãi, cân phải tu tập và bảo hộ, không để thoái thất, đây gọi là nỗ lực gìn giữ. Thế nào là nỗ lực vun bồi? Nghĩa là Tỳ-kheo tu tập bốn niệm xứ, v.v... Đây gọi là nô lực vun bôi. Khi ấy, Thế Tôn liền nói kệ: Đoạn trừ và phòng hộ, Gìn giữ và vun bồi, Bon pháp nỗ lực này, Là điều Chánh Giác dạy, Tỳ-kheo siêng tu tập, Các lậu sẽ dứt sạch.

57 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.879. 0221bl6). Tham chiếu: Tăng.(02. 015ỎA.ll.Ó877b27);A 4.14 - II. 16



Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Giống như kỉnh nói về Bốn nỗ lực chân chánh,5S đối với kinh nói về Bốn r xứ, Bon niệm ĩ như ỷ túc, Năm căn, Năm lực, Bảy giác chi, Tám chi Thánh đạo, Bôn đạo, Bôn pháp cú, Chảnh quán tu tập, cũng nói tương tự như vậy. ***

880. BỐN THIỀN VÀ KHÔNG BUÔNG LUNG58 59 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Ví như mọi sự tạo dựng ở thê gian của con người thì tát cả chúng đêu phải nương tựa trên đất. Cũng vậy, Tỳ-kheo tu tập thiền định đều phải nương vào pháp không buông lung làm nền tảng, nương vào không buông lung đe tu tập, nương vào không buông lung để phát khởi, nương vào không buông lung để chuyển hóa. Những Tỳ-kheo nào không buông lung thì có thể tu tập bốn thiền. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

881. ĐOẠN TRỪ BA ĐỘC (2)60

Tôi nghe như vay:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

(Giống như kinh trên đã nói, chỉ khác biệt ở đoạn sau):

Tỳ-kheo như vậy thì có thể đoạn trừ tham dục, sân hận và ngu si.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. r ,

Giông như trường hợp Đoạn trừ tham dục, sân hận và ngu Sỉ, đôi với các trường hợp Che ngự tham dục, sân hận và ngu sỉ; Tham dục được dứt sạch, sân hận và ngu si cũng dứt sạch; Được xuất yếu, viễn ly và được Nỉết-bànf cũng nói tương tự như vậy, ***

58 Nguyên tác: Như tứ niệm xứ, như thị, tứ chánh đoạn (ỉn ).Đoạn này có thể bản Hán chép nham, bản dịch đã sửa lại căn cứ vào nội dung kinh. 59 Tựa đe đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.880. 0221CƠ9). 60 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.881. 0221 c 16).

QUYỂN 31 935

882. NHỮNG ví DỤ VỀ KHÔNG BUÔNG LUNG61 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Ví như muôn loài cỏ cây, thảo dược đều nương vào đất mà sanh trưởng; cũng vậy, tát cả mọi pháp lành đêu nhờ vào không buông lung làm nên tảng... (nói tương tự như trên, cho đên) được Niêt-bàn. Ví như trong tất cả các loại hương thơm thì hương của hắc trầm thủy62 là r r bậc nhát; cũng vậy, trong tát cả mọi pháp lành thì không buông lung là hơn cả. Ví như trong tất cả các loại hương thơm bền lâu thì hương xích chiên-đàn63 [p /r 1 là bậc nhát; cũng vậy, trong tát cả mọi pháp lành thì nương vào không buông K < e A lung làm nên tảng... (nói như vầy, cho đên) được Niêt-bàn. r Ví như trong tát cả các loài hoa sanh trưởng trong nước thì hoa sen xanh là bậc nhất; cũng vậy, trong tất cả mọi pháp lành đều lấy không buông lung làm căn bản... (cho đến) được Niết-bàn. r r y

Ví như trong tát cả các loài hoa sanh trưởng trên đát liên thì hoa Ma-lợi-sa64 là bậc nhát; cũng vậy, trong tát cả các pháp lành thì không buông lung là căn bản hơn cả... (cho đến) được Niết-bàn. Này các Tỳ-kheo! Ví như trong tất cả dấu chân của loài thú thì dấu chân của loài voi là lớn nhát; cũng vậy, trong tát cả các pháp lành thì không buông lung là căn bản hơn cả... (nói tương tự như trên, cho đến) được Niết-bàn. r r Ví như trong tát cả các loài thú thì sư tử là bậc nhát, vì nó là vua trong loài thú; cũng vậy, trong tất cả các pháp lành thì không buông lung là căn bản hơn cả... (nói tương tự như trênf cho đến) được Niết-bàn. Ví như trong tất cả nhà cửa, lầu gác thì cây đòn dông là quan trọng hơn hết; cũng vậy, trong tất cả các pháp lành thì không buông lung là căn bản hơn cả. Ví như trong tất cả các loại quả ở cõi Diêm-phù, chỉ có quả có tên gọi Diêm-phù65 là bậc nhất; cũng vậy, trong tất cả các pháp lành thì không buông lung là

căn bản hơn cả.

61 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.882. 0221c23). Tham chiếu: Dụ kinh (TOI. 0026.141. Ò647bl8); s. 49.13-22 - v. 245. 62 H*c trầm thủy (),một phần đặc biệt trong lõi cây trầm, chìm trong nước, có màu đen và rất thơm. 63 Nguyên tác: Xích chiên-đàn (lohitacandana), một thứ gỗ thơm, tức là cây chiên-đàn đỏ. 64 Ma-lợi-sa ()còn gọi là Mạt-lợi, Mạt-la (Mallikã). 65 Diêm-phù (Jambu), quả có màu đỏ tía, vị chua.



Ví như trong tất cả các loại cây thuộc họ Câu-tỳ-đà-la66 thì cây Tát-bà-da- chỉ-la Câu-tỳ-đà-la là bậc nhất; cũng vậy, trong tất cả các pháp lành thì không buông lung là căn bản hơn cả... (nói tương tự như trên, cho đen) được Niết-bàn. Ví như trong các ngọn núi thì núi Tu-di là bậc nhất; cũng vậy, trong tất cả các pháp lành thì không buông lung là căn bản hơn cả... (nói tương tự như trên, cho đến) được Niết-bàn. Ví như trong tất cả các loại vàng thì vàng của cõi Diêm-phù-đề là bậc nhất; cũng vậy, trong tất cả các pháp lành thì không buông lung là căn bản hơn cả... (nói tương tự như trên, cho đen) được Niết-bàn. Ví như trong tất cả các loại y phục thì y phục bằng vải Già-thi67 là bậc nhất; cũng vậy, trong tất cả các pháp lành thì không buông lung là căn bản hơn cả... if (nói tương tự như trên, cho đên) được Niêt-bàn. Ví như trong tất cả các loại màu sắc thì màu trắng là bậc nhất; cũng vậy, trong tất cả các pháp lành thì không buông lung là căn bản hơn cả... (nói tương tự như trên, cho đến) được Niết-bàn. Ví như trong tất cả các loài chim thì chim cánh vàng là bậc nhất; cũng vậy, trong tất cả các pháp lành thì không buông lung là căn bản hơn cả... (nói tương r tự như trên, cho đên) được Niêt-bàn. Ví như trong tát cả các vị vua thì vua Chuyên Luân Thánh Vương là bậc nhất; cũng vậy, trong tất cả các pháp lành thì không buông lung là căn bản hơn cả... (nói tương tự như trên, cho đen) được Niết-bàn. Ví như trong tất cả các Thiên vương thì Tứ Đại Thiên Vương là bậc nhất; cũng vậy, trong tất cả các pháp lành thì không buông lung là căn bản hơn cả... (nói tương tự như trên, cho đến) được Niết-bàn. Ví như trong tất cả chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba thì Đế-thích là bậc nhất; cũng vậy, trong tất cả các pháp lành thì không buông lung là căn bản hơn cả... (nói tương tự như trên, cho đến) được Niết-bàn. Ví như trong cõi trời Diệm-ma thì Thiên vương Túc-diệm-ma là bậc nhất; cũng vậy, trong tát cả các pháp lành thì không buông lung là căn bản hơn cả... (nói tương tự như trên, cho đen) được Niết-bàn. Ví như trong cõi trời Đâu-suất-đà thì Thiên vương Đâu-suất-đà là bậc nhất; cũng vậy, trong tất cả các pháp lành thì không buông lung là căn bản hơn cả... (nói tương tự như trên, cho đến) được Niết-bàn. Ví như trong cõi trời Hóa Lạc thì Thiên vương Thiện Hóa Lạc là bậc nhất; cũng vậy, trong tất cả các pháp lành thì không buông lung là căn bản hơn cả... (nói tương tự như trên, cho đếrỉ) được Niết-bàn.

66 Nguyên tác: Câu-tỳ-đà-la (,KoviỊâra), một loại cây thuộc họ hắc đàn hương ().
67 Già-thi (Kãsi), một ương 16 vương quốc lớn thời Phật, nơi sản xuất vải danh tiếng.

Ví như trong cõi trời Tha Hóa Tự Tại thì Thiên vương Tha Hóa Tự Tại là bậc nhất; cũng vậy, trong tất cả các pháp lành thì không buông lung là căn bản hơn cả... (nói tương tự như trên, cho đến) được Niết-bàn. Ví như trong cõi Phạm thiên thì Thiên vương Đại Phạm là bậc nhất; cũng vậy, trong tất cả các pháp lành thì không buông lung là căn bản... (nói tương tự như trên, cho đen) được Niết-bàn. Ví như tất cả các dòng sông ở Diêm-phù-đề đều chảy xuôi về biển cả thì biển cả là bậc nhất, vì nó dung nạp tất cả; cũng vậy, tất cả các pháp lành đều thuận theo không buông lung... (nói tương tự như trên, cho đến) được Niết-bàn. Ví như tất cả các giọt mưa đều đổ về biển cả; cũng vậy, tất cả các pháp lành đều xuôi dòng về biển không buông lung... (nói tương tự như trên, cho đến) được Niết-bàn. Ví như trong tất cả các hồ nước thì hồ A-nậu-đại là bậc nhất; cũng vậy, trong tất cả các pháp lành thì không buông lung là bậc nhất... (nói tương tự như trên, cho đếri) được Niết-bàn. r y Z

Ví như trong tát cả các con sông ở cõi Diêm-phù-đê thì có bôn con sông lớn bậc nhất đó là sông Hằng, sông Tân-dầu, sông Bác-xoa và sông Tư-đà; cũng vậy, trong tất cả các pháp lành thì không buông lung là bậc nhất... (nói tương tự như trên, cho đen) được Niết-bàn. Ví như ánh sáng của các tinh tú thì ánh sáng của mặt trăng là bậc nhất; cũng vậy, trong tất cả các pháp lành thì không buông lung là hơn cả... (nói tương tự như trên, cho đen) được Niết-bàn. Ví như trong số các chúng sanh có thân hình to lớn thì loài a-tu-la La-hầu- la là bậc nhất; cũng vậy, trong tất cả các pháp lành thì không buông lung là căn bản hơn cả... (nói tương tự như trên, cho đen) được Niết-bàn. Ví như trong các hạng được hưởng niềm vui năm dục thì Vua Đảnh Sanh là bậc nhất; cũng vậy? trong tất cả các pháp lành thì không buông lung là căn bản r Z

hơn cả... {nói tương tự như trên, cho đên) được Niêt-bàn. Ví như trong các thần lực ở cõi dục thì thần lực của Thiên ma Ba-tuần68 là bậc nhất; cũng vậy, trong tất cả các pháp lành thì không buông lung là căn bản hơn cả... (nói tương tự như trên, cho đếrỉ) được Niết-bàn. Ví như trong tất cả chúng sanh, từ loài không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân, cho đến loài có hình sắc, loài không có hình sắc, loài có tưởng, loài không có tưởng, loài chẳng phải có tưởng chẳng phải không có tưởng thì Như Lai là bậc nhất; cũng vậy, trong tất cả các pháp lành thì không buông lung là căn bản hơn cả... (nói tương tự như trên, cho đen) được Niết-bàn.

68 Nguyên tác: Thiên ma Ba-tuần ()Ma vương tên Ba-tuần ở tầng trời Tha Hóa Tự Tại của cõi Dục, thường nhiễu loạn sự tu tạp của đức Thế Tôn.



Ví như trong tất cả các pháp từ hữu vi cho đến vô vi thì pháp lìa tham dục là bậc nhất; cũng vậy, trong tất cả các pháp lành thì không buông lung là căn bản hơn cả... (nói tương tự như trên, cho đen) được Niết-bàn. Ví như trong tát cả các pháp chúng thì chúng của Như Lai là bậc nhát; cũng vậy, trong tất cả các pháp lành thì không buông lung là căn bản hơn cả... (nói tương tự như trên, cho đen) được Niết-bàn. Ví như trong tất cả các cảnh giới khổ hạnh, Phạm hạnh thì cảnh giới bậc Thánh là bậc nhất; cũng

vậy, trong tất cả các pháp lành thì không buông lung là căn bản hơn cả... (nói tương tự như trên, cho đếri) được Niết-bàn. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

883. THIỀN ĐỊNH VÀ THIỀN CHỨNG69 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. J Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo:  Có bốn loại thiền đinh: Có loại thiền thiện xảo trong thiền đinh,70 nhimg không thiện xảo trong thiền chứng;71 có loại thiền thiện xảo trong thiền chứng, nhưng không thiện xảo trong thiên đinh; có loại thiên vừa thiện xảo trong thiên đinh, vừa thiện xảo trong thiên chứng; có loại thiên vừa không thiện xảo trong thiền định, vừa không thiện xảo trong thiền chứng. Lại có bôn loại thiên định: Có loại thiên thiện xảo vê an trụ trong thiên định,72 nhưng không thiện xảo về an trụ trong thiền chứng; có loại thiền thiện xảo vê an trụ trong thiên chứng, nhưng không thiện xảo vê an trụ trong thiên định; có loại thiền vừa thiện xảo về an trụ trong thiền định, vừa thiện xảo về an trụ trong thiền chứng; có loại thiền vừa không thiện xảo về an trụ trong thiền định, vừa không thiện xảo về an trụ trong thiền chứng. Lại có bốn loại thiền đinh: Có loại thiền thiện xảo về xuất khởi trong thiền định,73 nhưng không thiện xảo về xuất khởi trong thiền chứng; có loại thiền thiện xảo về xuất khởi trong thiền chứng, nhưng không thiện xảo về xuất khởi

69 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.883. 0222cl3). Tham chiếu: s. 34.1-19 - III. 263-71; A. 6.24-III. 311. 70 Nguyên tác: Tam-muội thiện (,samādhikusalo): Thiện xảo ương thiền định, tức khéo phân biệt các thiền chi trong từng loại thiền, như Thiền thứ nhát có 5 chi, Thiền thứ hai có 3 chi... 71 Nguyên tác: Chánh thọ thiên (sạmãpattỉkusalò), còn gọi là Cíđẳng chí thiện xo", tức thiện xảo trong việc chứng nhập thiền định, gọi tát là thiền chứng (samāpatti). M. 111, Anupādā Sutta (Kinh bất đoạn) gọi là upasampajja. 72 Nguyên tác: Trụ tam-muội thiện ():Thiện xảo về dừng trụ trong thiền định (thỉtikusalo). 73 Nguyên tác: Tam-muội khởi thiện ():Thiện xảo về xuất khởi trong thiền định (yutthānakusalo).



trong thiền định; có loại thiền vừa thiện xảo về xuất khởi trong thiền định, vừa thiện xảo về xuất khởi trong thiền chứng; có loại thiền vừa không thiện xảo về xuất khởi trong thiền định, vừa không thiện xảo về xuất khởi trong thiền chứng. Lại có bốn loại thiền định: Có loại thiền thiện xảo về đúng thời trong thiền nhưng không thiện xảo về đúng thời trong thiền chứng; có loại thiền định,7475 76 thiện xảo về đúng thời trong thiền chứng, nhưng không thiện xảo về đúng thời trong thiên định; có loại thiên vừa thiện xảo vê đúng thời trong thiên định, vừa thiện xảo ve đúng thời trong thiền chứng; có loại thiền vừa không thiện xảo về đúng thời trong thiên định, vừa không thiện xảo vê đúng thời trong thiên chứng. Lại có bốn loại thiền định: Có loại thiền thiện xảo về hành cảnh trong thiền định/5 nhưng không thiện xảo về hành cảnh trong thiền chứng; có loại thiền thiện xảo về hành cảnh trong thiền chứng, nhưng không thiện xảo về hành cảnh trong thiên định; có loại thiên vừa thiện xảo vê hành cảnh trong thiên định, vừa thiện xảo về hành cảnh trong thiền chứng; có loại thiền vừa không thiện xảo về

hành cảnh trong thiền định, vừa không thiện xảo về hành cảnh trong thiền chứng. Lại có bốn loại thiền định: Có loại thiền thiện xảo về thích ứng trong thiền định/6 nhtrng không thiện xảo về thích ứng trong thiền chứng; có loại thiền thiện xảo về thích ứng trong thiền chứng, nhimg không thiện xảo về thích ứng trong thiền định; có loại thiền vừa thiện xảo về thích ứng trong thiền định, vừa thiện xảo vê thích ứng trong thiên chứng; có loại thiên vừa không thiện xảo về thích ứng trong thiền định, vừa không thiện xảo về thích ứng trong thiền chứng. Lại có bốn loại thiền định: Có loại thiền thiện xảo về niệm trong thiền đinh, nhung không thiện xảo vê niệm trong thiên chứng; có loại thiên thiện xảo vê niệm trong thiền chứng, nhưng không thiện xảo về niệm trong thiền định; có loại thiền vừa thiện xảo về niệm trong thiền định, vừa thiện xảo về niệm trong thiền chứng; có loại thiền vừa không thiện xảo về niệm trong thiền định, vừa không thiện xảo về niệm trong thiền chứng. Lại có bôn loại thiên định: Có loại thiên thiện xảo vê niệm mà không niệm trong thiền định, nhung không thiện xảo về niệm mà không niệm trong thiền chứng; có loại thiền thiện xảo về niệm mà không niệm trong thiền chứng, nhưng không thiện xảo về niệm mà không niệm trong thiền định; có loại thiền vừa thiện xảo về niệm mà không niệm trong thiền định, vừa thiện xảo về niệm mà không niệm trong thiền chứng; có loại thiền vừa không thiện xảo về niệm

74 Nguyên tác: Tam-muội thời thiện ()Thiện xảo về việc đúng thời trong thiền định (Jcallitakusalo). Kallita dùng như chữ kalla, nghĩa là đúng thời. 75 Nguyên tác: Tam-muội xứ thiện ()Thiện xảo về từng cảnh giới trong thiền định (gocarakusalo). Gocara dùng như chữ ãrammana, chỉ cho cảnh giới, đoi tượng. 76 Nguyên tác: Tam-muội nghinh thiện ()Thiện xảo về sự thích ứng trong thiền định (sappãyakusala).



mà không niệm trong thiên định, vừa không thiện xảo vê niệm mà không niệm trong thiền chứng. Lại có bốn loại thiền đinh: Có loại thiền thiện xảo về dẫn phát trong thiền định,77 nhưng không thiện xảo về dẫn phát trong thiền chứng; có loại thiền thiện xảo về dẫn phát trong thiền chứng, nhimg không thiện xảo về dẫn phát trong thiền định; có loại thiền vừa thiện xảo về dẫn phát trong thiền định, vừa thiện xảo về dẫn phát trong thiền chứng; có loại thiền vừa không thiện xảo về dẫn phát trong thiền định, vừa không thiện xảo về dẫn phát trong thiền chứng. Lại có bốn loại thiền định: Có loại thiền thiện xảo về kiên trì trong thiền định,78 nhimg không thiện xảo về kiên trì trong thiền chứng; có loại thiền thiện xảo về kiên trì trong thiền chứng, nhimg không thiện xảo ve kiên trì trong thiền định; có loại thiên vừa thiện xảo vê kiên trì trong thiên định, vừa thiện xảo vê kiên trì trong thiền chứng; có loại thiền vừa không thiện xảo về kiên trì trong thiền đinh, vừa không thiện xảo về kiên trì trong thiền chứng. Lại có bốn loại thiền đinh: Có loại thiền thiện xảo về thận trọng trong thiền đinh,79 nhung không thiện xảo về thận trọng trong thiền chứng; có loại thiền thiện xảo về thận trọng trong thiền chứng, nhưng không thiện xảo về thận trọng trong thiên định; có loại thiên vừa thiện xảo vê thận trọng trong thiên định, vừa thiện xảo về thận trọng trong thiền

chứng; có loại thiền vừa không thiện xảo về thận trọng trong thiền định, vừa không thiện xảo về thận trọng trong thiền chứng. Lại có bốn loại thiền định: Có loại thiền thiện xảo về từ bỏ trong thiền định,80 nhưng không thiện xảo về từ bỏ trong thiền chứng; có loại thiền thiện xảo về từ bỏ trong thiền chứng, nhưng không thiện xảo về từ bỏ trong thiền định; có loại thiền vừa thiện xảo về từ bỏ trong thiền định, vừa thiện xảo về từ bỏ trong thiền chứng; có loại thiền vừa không thiện xảo về từ bỏ trong thiền định, vừa không thiện xảo vê từ bỏ trong thiên chứng. Lại có bốn loại thiền đinh: Có loại thiền thiện xảo về hưng khởi trong thiền định,81 nhimg không thiện xảo về hưng khởi trong thiền chứng; có loại thiền

77 Nguyên tác: Tam-muội lai thiện Thiện xảo về việc đưa ra những quyết ý trong thiền đinh abhimhārakusala. 78 Nguyen tác: Tam-muội ác thiện Thiện xảo về sự liên tục, kiên trì trong thiền định {sātaccakārī. 79 Nguyên tác: Tam-muội phương tiện thiện :Thiện xảo về sự trù tính ,cẩn trọng trong thiền định sakkaccakārī. 80 Nguyên tác: Tam-muội chỉ thiện :Thiện xảo về sự ngừng dứt, từ bỏ trong thiền dmlh g nghĩa pháp môn kỉnh ZÒ1. 0097. 0921C13 gọi là t4thiện thoai thắng trí” J 81 Nguyên tác: Tam-muội cử thiThiện xảo về sự hưng khởi trong thiền định. Quảng nghĩa pháp môn kinh T.Ol. 0097. 092ỈCÍ2 gọi là "bạt khởi thng trí".Xem thêm M. ,48, Kos am b iyā Sutta Kỉnh Kosambiya: "Ny các Tỷ-kheo, ví như con bò có các con bê, khi đang nhô lùm cỏ lên ăn, vẫn coi chừng con b" HT. Thích Minh Châu dịch.

QUYÊN 31 941

thiện xảo về himg khởi trong thiền chứng, nhưng không thiện xảo về himg khởi trong thiên định; có loại thiền vừa thiện xảo về himg khởi trong thiền đinh, vừa thiện xảo ve hưng khởi trong thiền chứng; có loại thiền vừa không thiện xảo về hưng khởi trong thiền đinh, vừa không thiện xảo về hưng khởi trong thiền chứng. Lại có bốn loại thiền định: Có loại thiền thiện xảo về buông xả trong thiền định,82 nhưng không thiện xảo về buông xả trong thiền chứng; có loại thiền thiện xảo vê buông xả trong thiên chứng, nhưng không thiện xảo vê buông xả trong thiền đinh; có loại thiền vừa thiện xảo về buông xả trong thiền định, vừa thiện xảo vê buông xả trong thiên chứng; có loại thiên vừa không thiện xảo vê buông xả trong thiền đinh, vừa không thiện xảo về buông xả trong thiền chứng. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

884. BA MINH CỦA BẬC vô HỌC l83 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà5 thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Bậc Vô học có Ba minh.84 Là Ba minh nào? Trí hiểu rõ tường tận về kiếp sống quá khứ85 của bậc Vô học, trí hiểu rõ tường tận về cảnh giới sanh tử86 của bậc Vô học và trí hiểu rõ tường tận về sự dứt sạch lậu hoặc87 của bậc Vô học.88 Khi ay, The Ton liên noi kẹ: Quán biết rõ kiếp trước, Sanh đường ác, cõi trời, Sanh tử, lậu dứt rồi, Đó là minh của Phật.

82 Nguyên tác: Tam-muội xả thiện Thiện xảo về sự buông xả, bình đẳng trong thiền định upekkhā. Quảng nghĩa pháp môn kinh T.bl. 007. Ó921CÍ2 gọi là '4xả trí thắng tn,9 . 83 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.884. 0223ỒỒ03. Tham chiếu: A. 3.58 - L 163; A. 3.59 - L ì66. 84 Nguyên tác: Tam minh Ti-vijjã. Minh Vijjā ở đây chỉ cho trí tuệ sáng tỏ thông đạt vô ngại ba việc: Túc mạng, Thiên nhãn và Lậu tận. Trong một vai trường hợp, "mini,vỹjã còn được gọi là 44thắng trí"abhiññā. Xem M. 42, Verañjaka Sutta {Kinh Veraiyaka: Cetovimuttirn paññavimuttim dittheva dhamme sayam abhiññā sacchikatvā upasampajja vihareyya Với thang trí, Ta chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại tâm giải thoát, tuệ giải thoát vô lậu, HT. Thích Minh Chau dịch. 85 Nguyên tác: Túc mạng trí chứng thông ,hoặc t4Túc mạng trí chứng minh" :T* tuệ chứng ngọ va thông suốt về nhiều kiếp sống trong quá khứ. 86 Nguyên tác: Sanh tử trí chứng thông Ị,hoặc 6tSanh tử ưí chứng minh,^ : Trí tuệ chứng ngộ và thông suốt cảnh giai sanh tử đa dạng của chúng sanh. 87 Nguyên tác: Lậu tận trí chứng thông ,hoặc í4Lậu tận trí chứng minh,, : Trí tuệ chứng ngộ và thông suốt về việc diệt trừ các lậu hoặc. 88 Xem thêm giải thích Ba minh ở M 4, Bhayabherava Sutta Kỉnh sợ hãi và khiếp đảm; Tăng. ro2. 0125.31.1. 0665bl7.



Tâm kia được thoát khỏi, Tất cả mọi tham ái,
Ba việc đều thông suốt, Nên gọi là Ba minh.
Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.
***

885. BA MINH CỦA BẬC vô HỌC (2)89

Tôi nghe như vây:
Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.
Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo:
-Bậc Vô học có Ba minh. Là Ba minh nào? Trí hiểu

89 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.885. 0223ỒỒ12). Tham chiếu: A. 3.58 - L 163; A. 3.59-1. 166.



tri kiến giải thoát và tự biết rằng: "Su sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Đây gọi là trí hiểu rõ tường tận về việc diệt trừ tất cả lậu hoặc. Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ: Quán biết rõ kiếp trước, Sanh đường ác, cõi trời, Sanh tử, lậu dứt rồi, Đó là minh của Phật. Tâm kia được thoát khỏi, Tất cả mọi tham ái, Ba việc đều thông suốt, Nên gọi là Ba minh. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

886. HAI LOẠI BA MINH90

Tôi nghe như vây:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, có Bà-la-môn nọ đi đến chỗ đức Phật, ân cần thăm hỏi Thế Tôn xong, ngồi sang một bên và nói:

Đây là Ba minh của Bà-la-môn! Đây là Ba minh của Bà-la-môn!

Khi ấy, Thế Tôn hỏi Bà-la-môn:

Thế nào là Ba minh của Bà-la-môn?

Bà-la-môn bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Cha mẹ của các Bà-la-môn đều xuất thân dòng tộc thanh tinh, không có xen tạp, cha mẹ bảy đời ke thừa huyết thống chưa từng bị gièm pha, đời đời tiếp nối nhau, luôn làm sư trưởng, đầy đủ biện tài, thông đạt năm thê tài là: Đọc tụng các kinh điên; [biêt rõ] tên gọi của vạn vật; [biêt rõ] phàm tính sai khác của vạn vật; [biêt rõ] cú pháp và chữ nghĩa; [biêt rõ] lịch sử xưa nay91 rồi lại thêm dung mạo đoan chánh. Thưa Cù-đàm! Đây gọi là Ba minh cua Ba-la-mon.92

90 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T02. 0099.886. 0223cl3). 91 Nguyên tác: Tụng chư kinh điển, vật loại danh tư, vạn vật sai phẩm, tự loại phânhợp, lịch thế bổn mạt, thử ngu chủng(•W ).Tham chiểu: Ngũ cú thuyêt ()trong Tỳ-bà-lăng-kỳ kinh (roi. 0026.63. 0499a09): Nhân, duyên, chánh, văn, hy, ngũ cú thuý().M. 91 cũng đề cập về 5 thê tài mà một vị Bà-la-môn cần phải tinh thông mới được gọi là Bà-la-môn thông đạt Tam minh. Năm thê tài bao gôm: Sanighanduketubhānam sākkharappabhedānam itihāsapañcamanam (Danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải và lịch sử truyền thống là thứ năm), HT. Thích Minh Châu dịch. 92 Ba tiêu chuẩn để thành tựu một bậc Bà-la-môn cao quý: Thứ nhất, huyết thống dòng họ đều thanh tịnh; thứ hai, thông đạt 5 thể tài; thứ ba, dung mạo đoan chánh.



Phật nói với Bà-la-môn: Như Lai không cho rằng danh tự, ngôn thuyết là Ba minh. Trong pháp của Hiền thánh có nói đến Ba minh chân thật, đó là Ba minh chân thật theo thấy biết của Hiền thánh, theo Pháp và Luật của Hiền thánh. Bà-la-môn bạch Phật: —Thưa Cù-đàm! Thế nào là Ba minh được nói theo thấy biết của Hiền thánh, theo Pháp và Luật của Hiền thánh? Phật bảo Bà-la-môn: Có ba loại minh của bậc Vô học. Là Ba minh nào? Đó là trí hiểu rõ tường tận về kiếp sống quá khứ của bậc Vô học; trí hiểu rõ tường tận về cảnh giới sanh tử của bậc Vô học và trí hiểu rõ tường tận về việc diệt trừ tất cả lậu hoặc của bậc Vô học... (nói rộng như kỉnh 885 trên). Bay giơ, The Ton liên noi kẹ: Tất cả pháp vô thường, Biết mọi việc đời



Sau khi nghe đức Phật dạy xong, Bà-la-môn liền hoan hỷ và tùy hỷ rồi đứng dậy rời đi.
***

888. TĂNG ÍCH VÀ DANH Tự94

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, có Bà-la-môn nọ đi đến chỗ đức Phật, ân cần thăm hỏi Thế Tôn xong, ngồi sang một bên và bạch Phật:

Thưa Cù-đàm! Con tên là Tăng ích.

Phật bảo Bà-la-môn: Được gọi là Tăng ích là bởi tăng ích thêm niềm tin, tăng ích giới, tăng ích đa văn, tăng ích tuệ xả, tăng ích trí tuệ. Đây gọi là Tăng ích, chứ không phải Tăng ích chỉ là danh tự suông. Sau khi nghe đức Phật dạy xong, Bà-la-môn liền hoan hỷ và tùy hỷ rồi đứng dậy rời đi. ***

889. ĐẲNG KHỞI VÀ DANH Tự95

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, có Bà-la-môn nọ đi đến chỗ đức Phật, ân cần thăm hỏi Thế Tôn xong, ngôi sang một bên và bạch Phật:

Thưa Thế Tôn! Con tên là Đẳng Khởi.

Phật bảo Bà-la-môn: Được gọi là Đẳng Khởi là bởi có thể phát khởi niềm tin, phát khởi giới, phát khởi đa văn, phát khởi tuệ xả và phát khởi trí tuệ. Đây gọi là Đẳng Khởi, chứ không phải Đẳng Khởi chỉ là danh tự suông. Sau khi nghe đức Phật giảng dạy xong, Bà-la-môn liền hoan hỷ và tùy hỷ rồi đứng dậy rời đi. ***

94 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.888. 0224a16). 95 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.889. 0224a22).

946 KINH TẠP A-HÀM

890. PHÁP VÔ VI96 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bay giờ, The Ton nói với các Tỳ-kheo: Như Lai sẽ nói về pháp vô vi97 và con đường dẫn đến vô vi9899 cho các thầy. Các thầy hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Thế nào là pháp vô vi? Nghĩa là tham dục vĩnh viễn dứt sạch, sân hận và ngu si vĩnh viễn dứt sạch, tất cả phiền não vĩnh viễn dứt sạch. Đây gọi là pháp vô vi. Thế nào là con đường dẫn đến vô vi? Đó là con đường Thánh có tám chi, gồm chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Đây gọi là con đường dẫn đến vô vi. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Tương tự như kỉnh Pháp vô vi, cũng vây đôi với nghĩa ly vê Khó thây, Bát động, Không khuất phục, Bất tử, Sạch mọi lậu hoặc, Ngăn che, Hòn đảo nhỏ, Cứu đô, Y chỉ, Bảo hộ, Không lưu chuyên, Lìa lửa lớn, Lìa thiêu đót, Lưu thông, Thanh lương, Vi diệu, An on, Không bệnh, Không sở hữu, Niết-bàn, cũng nói giông như vậy. ***

891. VÍ DỤ GIỌT NƯỚC" Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Ví như một hồ nước có bề rộng và dài khoảng năm mươi do-tuần, độ sâu cũng như vậy. Nêu có người lấy một sợi tóc nhúng vào trong hồ nước này, vậy thì này các Tỳ-kheo, lượng

nước trong hồ này nhiều hay lượng nước dính trên đầu sợi tóc nhiều? Các Tỳ-kheo bạch Phật:  Kính bạch Thế Tôn! Lượng nước dính trên đầu sợi tóc rất ít, còn lượng nước trong hồ kia lại nhiều gấp vô lượng, gấp ngàn, vạn, ức lần, không thể nào đem so sánh được.

96 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.O2.0099.890.0224a28). Tham chiếu: s. 43.11-13-IV. 361-68. 97 Vô vi (asañkhata): Không có nhân duyên tạo tác. 98 Vô vi đạo tích (,asaùkhatagãmimaggà): Con đường dẫn đến vô vi. 99 Tựa đề đặt theo nội dung kinh.2.(T.02. 0099.891. 0224b 11). Tham chiếu: s. 13.1-11 - II. 113-39.

QUYỂN 31  947

Phật bảo Tỳ-kheo: -Đệ tử của đức Thế Tôn có đầy đủ chánh kiến nên thấy được toàn diện chân dế, khi đã thấy rõ chân đế thì quả nhiên giác ngộ.100 Bấy giờ, vị ấy đã đoạn sạch, đã biết rõ, đã đào tận gốc rễ của khổ, giống như cây đa-la đã bị chặt đứt ngọn thì không thể sống lại. Cũng vậy, những nỗi khổ đã được đoạn trừ thì nhiều vô lượng như nước trong hồ lớn và các khổ còn sót lại thì ít như lượng nước dính trên đầu sợi tóc. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Tương tự như trường hợp ví dụ giọt nước trên đầu sợi tóc, đối với vỉ dụ giọt nước trên đau ngọn cỏ, cũng nói giong như vậy. Tương tự như trường hợp ví dụ nước trong ao hồ, đối với ví dụ nước trong sông Tát-la-đa-tra-gỉà, nước trong sông Hang, nước trong sông Gia-phù-na, nước trong sông Tát-la-du, nước trong sông Y-la-bạt-đê, nước trong sông Ma- hê và nước trong biến cảf cũng nói giong như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

892. TU TẬP SÁU CẢN101

Tôi nghe như vây:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ.

Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo:

Có sáu căn.102 Là sáu căn nào? Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý căn. Đây là sáu căn.

Đối với sáu pháp này mà quán sát rồi tin nhận,103 đó gọi là Tín hành;104

100 Nguyên tác: Vô gián đẳng .Xem chú thích 60, kinh số 23, quyển l, tr. 21; Tạp.r02. 0099.23. 0005all. Tham chiêu: s. 13.2 - II. 113: Bhikkhave, ariyasāvakassa ditthisampannassa puggalassa abhỉsametãvỉno etadeva bahutarạĩh dukkharh yadidam parikkhīnarh pariyādinnarn; appamattakarh avasittharh Này các Tỷ-kheo, đối với bậc Thánh đệ tử đa chứng được Kiến cụ túc, đối voi người đã chứng được Minh kiến, cái này là nhiều hơn, tức là khổ đã được đoạn tận, đã được diệt tận; ít hơn là khổ con lại, HT. Thích Minh Châu dịch. 101 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.7.02. 0099.892. 0224b26. Tham chiếu: s. 25.1 - III. 225. 102 Nguyên tác: Nội lục nhập xứ .Xem chú thích 9, kinh số 276, quyển 11, tr. 316; Tạp. T.02. 0099.276. 0073c09. 103 Nguyên tácNhận tức “tin nhap".Nhận tương đương Pali là khanti^ vừa có nghĩa kham nhẫn vưa có nghĩa là niềm tin, tương tự như chữ saddā. Tham chiếu: s. 25.1 - III. 225: Yo, bhikkhave, ime dhamme evarn saddahati adhimuccati

- ayam vuccati saddhānusārī, okkanto sammattan iyāmam, sappurisabhũmỉm okkanto, yītivatto puthujjanabhūmim Này các Tỷ-kheo, ai có lòng tin, có tín giải đối với những pháp này; vị ấy được gọi là Tùy tín hành, đã nhập Chánh tánh, đã nhập Chân nhân địa, đã vượt phàm phu địa, HT. Thích Minh Châu dịch. 104 Nguyên tác: Tùy tín hành ,Saddhānusārī. Hành giả lấy tín tâm làm căn bản để tu tập, đang trên lộ trình chuẩn bị chứng đắc quả vị Dự lưu. Tùy tín hành là vị có tín căn mạnh.



được vượt thoát, lìa súc sanh, vượt khỏi hàng phàm phu, tuy chưa đạt được quả vị Tu-đà-hoàn nhưng nếu chưa lâm chung chắc chắn đạt được quả Tu- đà-hoàn. Nếu đối với pháp này mà vun bồi trí tuệ, tư duy quán sát rồi tin nhận, đó gọi là Pháp hành;105 được vượt thoát, lìa súc sanh, vượt khỏi hàng phàm phu, tuy chưa chứng quả vị Tu-đà-hoàn nhưng nếu chưa lâm chung chắc chắn đạt được quả vị Tu-đà-hoàn. Đối với các pháp này mà quán sát như thật bằng chánh trí sẽ biết rõ và đoạn sạch ba kiết sử, đó là thân kiến, giới cấm thủ và nghi, đây gọi là Tu-đà-hoàn. Vị ấy quyết định không còn đọa vào đường ác, nhất định hướng đến Chánh đẳng giác, chỉ còn bảy lần sanh lại cõi trời hoặc cõi người rồi sau đó hoàn toàn vượt thoát khổ đau. Đối với các pháp này mà quán sát như thật bằng chánh trí, không sanh khởi các lậu hoặc, lìa dục, được giải thoát, gọi là A-la-hán. Vị ấy đã dứt sạch các lậu, việc cần làm đã làm xong, đã buông bỏ các gánh nặng, đã được lợi mình, dứt sạch các hữu kiết sử, đạt được chánh trí, tâm được giải thoát hoàn toàn.106 Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Tương tự như kinh nói vê Sáu cản, đôi với Sáu trân, Sáu thức thân, Sáu xúc thân, Sáu thọ thân, Sáu tưởng thân, Sáu tư thân, Sáu ái thân, Sáu giới thân và Năm uẩn, cũng nói như trên. ***

893. HÀNH NHƯ HẠT GIỐNG107 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bảo các Ty-kheo: Có năm loại hạt giống sanh trưởng. Những gì là năm? Đó là hạt giống từ rễ, hạt giống từ thân cây, hạt giống từ đốt cây, hạt giống từ nhánh và hạt giống từ hạt. Cho dù các loại hạt giong này không bị cat, không bị chẻ, không bi hư

105 Nguyên tác: Tùy pháp hành (Dhammānusārī). Hành giả dùng trí tuệ tư duy, quán sát giáo pháp đe tu tập, đã vượt ìdiỏi địa vị phàm phu, đang trên lộ trình chứng đắc qua vị Dự lưu. Tùy pháp hành là vị có tuệ căn mạnh. Đại trí độ luận (25. 1509.40. 0349Ồ06) giải thích: Bậc lợi căn, gọi là Tùy pháp hành, hạng người này do suy tư, lý giải giáo pháp mà chứng đạo nên gọi là Tùy pháp nh (ếii,f

106 Nguyên tác: Thiện giải thoát (,suvimuttă). Trong Tạp A-hàm, cú ngữ này còn được viết là "chánh giải thoaf5 (,sammãvimutta), chỉ cho việc giải thoát hoàn toàn (sammā). Trong Chủ giải Kinh Gilānā {Gilānasuttavannana), ngài Buddhaghosa giải thích rằng, tâm thiện giải thoát chính là quả giải thoát của bậc A-la-hán (Arahattaphalavimuttiyā virnuttacittassa). 107 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.893. 0224c15). Tham chiếu: s. 22.54 - III. 54.

mục, không bị tổn thương, không bi đục thủng, nhưng khi được gieo xuống đất mà không có đủ nước thì những hạt giống này sẽ không được sanh trưởng lớn mạnh; hoặc chỉ gặp được nước mà không có đất thì các hạt giống này cũng không the sanh trưởng lớn mạnh; cần phải có đủ cả đất và nước thì các hạt giống mới sanh trưởng lớn mạnh. Cũng vậy, nghiệp là do có phiền não, tham ái, kiến chấp, ngã mạn và vô minh mới sanh ra hành.108 Nếu có nghiệp mà không có phiền não, tham ái, kiến chấp và vô minh thì hành sẽ diệt. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Tương tự như kỉnh nói vê Hành ở trên, đôi với Thức, Danh săcf Lục nhập, Xúc, Thọ, Aif Thủ, Hữu, Sanh, Già chết, cũng nói giống như vậy. ***

894. BIÊT Sự TẬP KHỞI THẾ GIAN109 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bây giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Nếu Ta không biết đúng như thật về thế gian và sự tập khởi của thế gian thì Ta không bao giờ được gọi là bậc Giải thoát, bậc Xuất ly, bậc Đã lìa vọng tưởng điên đảo, cũng không thể gọi là bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác110 ở trong chúng chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn, Bà-la-môn và các thế gian. Bởi vì Ta biết đúng như thật về thế gian và sự tập khởi của thế gian, cho nên ở giữa chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn, Bà-la-môn và các thê gian, Ta được gọi là bậc Giải thoát, bậc Xuất ly, bậc Đã lìa vọng tưởng điên đảo, an trụ đầy đủ, thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Tương tự như kinh trên, đối với các kinh nói về thế gian, sự tập khởi của thế gian và sự diệt tận của thê gian; Sự tập khởi của thê gian và sựxuất ly thê gian; Sự tập khởi của the gian, sự diệt tận của the gian, vi ngọt của the gian, tai họa của thế gian, sự xuất ly thế gian; Sự tập khởi của the gian, sự diệt tận của the gian, sự xuất ly thế gian; Sự tập khởi của thế gian và con đường đưa đen sự diệt tận của thế gian; Sự tập khởi của thê gian, sự diệt tận của thê gian, con đường dan đen sự tập khởi của the gian, con đường đưa đên sự diệt tận của thê gian; Sự tập khởi của the gian, sự diệt tận của the gian, vi ngọt của the gian, tai họa

108 Hành .Đại trí đô luận Z25. 1509.90. 0696b27 giải thích: Nghiệp ở đời quá khứ đã bị diệt tận, chỉ có danh xưng, gọi là "hành",. 109 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp,7.02. 0099.894. 0224c28. 110 Nguyên tác: A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề ,Anuttara-sammāsambodhī.



của thế gian, sự xuất ly thế gian; Sự tập khởi của thế gian, sự diệt tận của thế gian, con đường dẫn đến sự tập khởi của the gian, con đường đưa đen sự diệt tận của thế gian, vị ngọt của thể gian, tai họa của the gian, sự xuất ly the gian, cũng nói giong như vây. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

895. ĐOẠN THAM ÁI VÀ THỈNH CẦU ĐẠI sư111 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ5 The Ton bao các Ty-kheo: Có ba sự tham ái. Những gì là ba? Đó là tham ái ở cõi Dục, tham ái ở cõi Sắc và tham ái ở cõi Vô sắc. Vì muốn đoạn trừ ba sự tham ái này cho nên phải thỉnh cầu

Đại sư. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Tương tự như nói vê câu Đại sư; đôi với các kinh nói vê câu: Thầy dạy theo thứ lớp, Thầy giáo giới, Thầy dẫn đường cao cả, Thầy hóa độ, Thầy hóa độ cao cả, Thầy giảng thuyết, Thầy giảng thuyết cao cả, Thầy tùy thuận giảng Bạn đồng hành, Thiện hữu tri thức chân chánh, Người thuyết, Thầy giáo thọ,112113 thương xót, Người từ bi, Người chuộng nghĩa, Người an on, Người an lạc, Người chuộng tiếp xúc, Người thông suốt, Người có hoài bão, Người tỉnh tấn, Người biết phương tiện, Người xuất ly, Người vững chãi, Người mạnh mẽf Người kham nhân, Người biêt nhiệp thọ, Người thường tu tập, Người ưa học, Người không buông lung, Người có tu, Người có tư duy, Người cỏ trí nhớ, Người có tỉnh giác, Người có suy nghĩ, Người có Phạm hạnh, Người có than lực, Người có trí, Người hiểu biết, Người có tuệ, Người biết phân biệt, Pháp niệm xứ, Pháp chánh cần, Pháp năm căнf Pháp năm lực, Pháp thất giác chi, Pháp bát Thánh đạo, Pháp chỉ, quản, Pháp niệm thân, Pháp chảnh tư duy, cũng nói giống như vậy.m

896. BA LOẠI HỮU LÂU114 Tôi nghe như vay:

111 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.895. 0225al7). 112 Nguyên tác: A-xà-lê (ācariyā). 113 Tóm tắt có 50 kinh. 114 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.896. 0225b01).

QUYỂN 31  951

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. , Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Có ba loại hữu lậu. Những gì là ba? Đó là dục hữu lậu, hữu hữu lậu và vô minh hữu lậu. Vì muốn đoạn trừ ba loại hữu lậu này, cho nên phải cầu bậc Đại sư. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Tương tự như nói về việc cầu Đại sư ở trên, đối với các kinh...cho đếnn5 c7 r l ỉ l ,  câu Pháp chánh tư duy, cũng nói giông như vậy. ***

897. ĐOẠN TRỪ HỮU LẬU115 116 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà5 thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả La-hầu-la đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và bạch:  Kính bạch Thế Tôn! Con phải biết như thế nào, thấy như thế nào đối với thân có thức này cùng với tất cả tướng bên ngoài để không còn nhớ nghĩ [đến chúng], ở trong khoảng thời gian đó được dứt sạch các hữu lậu? Phật bảo La-hầu-la:  Có sáu căn. Những gì là sáu? Đó là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý căn. Đối với các pháp này mà biết dùng chánh trí quán sát sẽ dứt sạch các hữu lậu, được chánh trí, tâm được giải thoát hoàn toàn.117 Đây gọi là bậc A-la-hán đã dứt sạch các lậu hoặc, việc cần làm đã làm xong, đã buông bỏ các gánh nặng, đã được lợi mình, đã dứt sạch các hữu kiết sử, đạt được chánh trí, tâm được giải thoát hoàn toàn. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Tương tự như kinh 897 nói vê Sáu căn, đôi với Sáu trân... cho đên Năm uânf cũng nói giong như vậy, ***

115 Tóm tắt có năm mươi kinh, tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.895. 0225al7). 116 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02.0099.897.0225Ồ07). Tham chiếu: s. 18.1-10-II. 244-49. 117 Nguyên tác: Thiện giải thoát (,suvimuttaṃ. Trong Tạp A-hàm, cú ngữ này còn

được viết là chánh giải thoát (sammãvỉmuttà), chỉ cho việc giải thoát hoàn toàn (samma). Trong Chủ giải Kinh Gilānā (Gilānasuttavannana), ngài Buddhaghosa giải thích rằng, tâm thiện giải thoát chính là quả giải thoát của bậc A-la-hán (A rahattaphalavimuttỉyâ vimuttacittassà).



898. ĐOẠN TRỪ DỤC THAM118 Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bây giơ, The Ton bảo các Tỳ-kheo: Nếu Tỳ-kheo nào đoạn trừ dục tham của mắt và khi dục tham đã đoạn trừ rồi thì gọi là mắt đã được đoạn trừ, đã biết rõ, đã chặt đứt gốc rễ của nó, giống như chặt đứt ngọn cây đa-la, sẽ thành tựu pháp bất sanh trong đời tương lai. Như đối với mắt, cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng nói như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Tương tự như kỉnh 898 nói về Sáu căn, đối với Sau trần... cho đến Năm uẩn, cũng nói giong như vậy. ***

899. SANH KHỞI VÀ DIỆT TÀN119 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Này các Tỳ-kheo! Sự sanh khởi, dừng trụ, thành tựu và hiên hiện của mát thì đó là sự sanh khởi của khổ, dừng trụ của bệnh và hiển hiện của già chết. Tương tự như vậy,... (cho đên) với ý căn cũng nói giông như vậy. Nếu mắt đã diệt tận, dừng nghỉ, chấm dứt thì khổ diệt tận, bệnh dừng nghỉ và già chết chấm dứt. Tương tự như vậy,... (cho đến) với ý căn cũng nói giống như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Tương tự như kỉnh 899 nói về Sáu căn, đối với Sáu trần... cho đến Năm uẩn, cũng nói giống như vậy. ***

900. PHIÊN NÃO VÀ NHIỄM ô120 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá.

118 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.898. 0225b19). 119 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T02. 0099.899. 0225Ồ27). Tham chiếu: s. 26.1-10- in. 228-31. 120 Tựa đề đặt theo nội dimg kinh. Tạp.(T.02. 0099.900. 0225c06). Tham chiếu: s. 27.1-10 - in. 232-34.



Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Nêu Tỳ-kheo nào đắm nhiễm vi ngọt của mắt sẽ phát sanh thượng phần phiền não,121 Khi thượng phần phiền não đã phát sanh rồi thì đối với các việc nhiêm 6, tâm vị ây sẽ không thê lìa dục, những chướng ngại kia cũng không đoạn dứt được... (cho đến) ý căn cũng được nói như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Tương tự như kinh nói về Sáu căn, đổi với Sáu trần... cho đến Năm uẩn, cũng nói giông như vây. ***

901. NƯƠNG TƯA SÁU CĂN122 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Ví như mọi sự tạo dựng ở thế gian đều phải nương trên đất để được kiến lập; cũng vậy, tất cả

pháp thiện đều phải nương vào sáu căn123 để được kiến lập. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Tương tự như kỉnh nói về Sáu căn, đối với Sáu trần... cho đến Năm uẩn, r cũng nói giông như vậy. ***

902. NHU LAI LÀ BẬC NHẤT124

Tôi nghe như vây:

Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm? vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá.

pv Á • \ rpl Á r-p /X -19 r FTl A l 1

Bay giơ, The Ton bảo các Ty-kheo: -Ví như trong tất cả chúng sanh, từ loài không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân, cho đến loài có hình sắc, loài không có hình sắc, loài có tưởng, loài không có tưởng, loài chẳng phải có tưởng chẳng phải không có tưởng thì Như Lai là bậc nhất... (cho đen) Thánh giới cũng nói như vậy.

121 Nguyên tác: Thượng phiền não ().Theo A. 10.13 - v. 17, đây có thể là 5 thượng phần kiết sử (panctiddhambhāgiyām samyojanānī): rūparāgo, arūparāgo, māno, uddhaccarn, avijjā (sắc ái, vô sắc ai, mạn, trạo cử, vo minh), HT. Thích Minh Chau dịch. 122 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.901. 0225c14). 123 Nguyên tác: Nội lục nhập xứ ().Xem chú thích 9, kinh số 276, quyển 11, tr. 316; Tạp. (T.02. 0099.276. ỎO73cO9). 124 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.902. 0225c21). Tham chiếu: Tăng.(7.02. 0125Í21.1. 0601c27);^. 4.34 . II. 34; A. 5.32 - III. 35.

954 KINH TẠPA-HÀM

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.125 ***

903. LÌA THAM DỤC126 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà9 thuộc thành Vương Xá. Bây giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Ví như mọi sự tạo dựng của chúng sanh ở thế gian đều phải nương trên đất ó jyăỉ để được kiến lập; cũng vậy, trong tất cả các pháp hữu vi, vô vi thì pháp lìa tham dục là bậc nhất... (nói đầy đủ

125 Nguyên tác thiếu câu kết, tham chiếu thông lệ các kinh trên nên bản dịch đã bổ sung. 126 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.903. 0225c25). Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.21.1. 0601c27);Í4. 4.34 - II. 34; A 5.32 . in. 35. 127 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.904. 0226a02). Tham chiếu: Tăng.(r02. 0125.21.1. 0601C27); Ả. 4.34 - II. 34; A. 532 . III. 35. 128 Bản Hán, hết quyển 31.

k'oợeôô'L:ôếLôVỊrờVrờỵũôủậỗứe:ôoôoôo:'beoôếeào:'obobôLbo:ầôàLo':ầôV1ôủợ ếôLoôV9ôểó

QUYỂN 32 955

QUYỂN 32 905. NGOẠI ĐẠO CHẤT VẤN1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp2 và Tôn giả Xá-lợi-phất3 đang ở trong núi Kỳ-xà quật. Khi ấy, có rất nhiều tu sĩ ngoại đạo đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợiphất, sau khi chào hỏi nhau xong, họ ngồi sang một bên rồi nói

với Tôn giả Xá-lợi-phất:  Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Như Lai còn có sanh tử ở đời sau không?4

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:  Này các ngoại đạo! Thế Tôn không tuyên thuyết về điều này.

Các ngoại đạo lại hỏi:
Thế nào, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất? Như Lai không có sanh tử ở đời sau phải không?
Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:
Này các ngoại đạo! Thế Tôn không tuyên thuyết về điều này.
Các ngoại đạo lại hỏi:  Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Như Lai vừa có sanh tử ở đời sau vừa không có sanh tử ở đời sau phải không? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: - Thế Tôn không tuyên thuyết về điều này! Các ngoại đạo lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:  Như Lai chẳng phải có sanh tử ở đời sau, cũng chẳng phải không có sanh tử ở đời sau chăng? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:  Này các ngoại đạo! Thế Tôn không tuyên thuyết về điều này.

1 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.7.02. 0099.905. 0226al3. Tham chiếu: Biệt Tạp.T.02. 0100.120. 0419a03; s. 16.12 - II. 222. 2 Ma-ha Ca-diếp Mahākassapa. 3 Xá-lợi-phất Sāriputta. 4 Nguyên tác: Như Lai hữu hậu sanh tử Hoti tathāgato parammarana'. Như Lai có tồn tại sau khi chết không?



Các tu SĨ ngoại đạo lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:  Vì sao đối với những câu hỏi của chúng tôi: "Nhu Lai có sanh tử ở đời sau; không có sanh tử ở đời sau; vừa có sanh tử ở đời sau vừa không có sanh tử ở đời sau; chẳng phải có sanh tử ở đời sau, cũng chẳng phải không có sanh tử ở dòi sau" thì Tôn giả đều đáp: "Thế Tôn không tuyên thuyết về điều này” Tại sao đã là một Thượng tọa mà lại mù mờ thiếu hiểu biết, không khéo biện giải, giống hệt trẻ sơ sinh chưa biết nhận thức vậy? Nói lời này xong, các ngoại đạo liền đứng dậy bỏ đi. Khi ấy, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp đang ở cách Tôn giả Xá-lợi-phất không xa, mỗi vi đều ngồi bên gốc cây để tư duy thiền đinh thời ban ngày. Sau khi biết các tu sĩ ngoại đạo đã bỏ đi, Tôn giả Xá-lợi-phất liền đến chỗ Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, thăm hỏi, khích lệ nhau xong rồi ngồi sang một bên. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất trình bày lại đầy đủ cuộc đàm luận với các tu sĩ ngoại đạo và kính thỉnh Ton giả Ma-ha Ca-diếp: -Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-diếp! Do nhân gì, duyên gì mà Thế Tôn không tuyên thuyết về những điều: "Nhu Lai có sanh tử ở đời sau; Như Lai không có sanh tử ở đời sau; Như Lai vừa có vừa không có sanh tử ở đời sau; Như Lai chẳng phải có cũng chẳng phải không có sanh tử ở đời sau” Tôn giả Ma-ha Ca-diếp nói với Tôn giả Xá-lợi-phất: Nêu nói Như Lai có sanh tử ở đời sau thì đó chính là săc; nêu nói Như Lai không có sanh tử ở đời sau thì đó chính là săc; nêu nói Như Lai vừa có sanh tử ở đời sau vừa không có sanh tử ở đời sau thì đó chính là sắc; nếu nói Như Lai chẳng phải có cũng chẳng phải không có sanh tử ở đời sau thì đó chính là sắc. Với đấng Như Lai thì sắc đã diệt tận, tâm đã giải thoát hoàn toàn5 mà cho rằng Như Lai còn có sanh tử ở đời sau thì điều này không đúng; hoặc cho rằng Như Lai không có sanh 9 • tử ở đời 9sau; hoặc vừa có vừa không có sanh tử ở đời sau; y hoặc chăng phải có cũng chăng phải không có

sanh tử ở đời sau thì những điêu này đều không đúng. Với đấng Như Lai thì sắc đã diệt tận, tâm đã giải thoát hoàn toàn, rộng lớn sâu xa, vô lượng, vô số, Niết-bàn tịch diệt. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu nói Như Lai có sanh tử ở đời sau thì đó chính là thọ, là tưởng, là hành, là thức, là chuyển động, là lo buồn, là hư dối, là hữu vi, là tham ái... (cho đếrỉ) Như Lai chẳng phải có cũng chẳng phải không có sanh tử ở đời sau, cũng nói như vậy. Với đấng Như Lai thì ái đã diệt tận, tâm đã giải thoát hoàn toàn mà lại nói Như Lai còn có sanh tử ở đời sau thì điều này không đúng; hoặc nói Như Lai

5 Nguyên tác: Thiện giải thoát (suvimutta). Trong Tạp A-hàm, cú ngữ này còn được viết là "chánh giải thot"(,sammãvimuttà), chỉ cho việc giải thoát hoàn toàn (sammā). Trong Chủ giải Kinh Gilānā (Gìlãnasuttavanụanã), ngài Buddhaghosa giải thích rằng, 44tâm thiện giải thoát,9 chính là quả giải thoát của bậc A-la-hán (Arahattaphalavimuttiyã vimuttacittassà).



không có sanh tử ở đời sau; hoặc vừa có vừa không có; hoặc chẳng phải có cũng chẳng phải không có sanh tử ở đời sau, những điều này đều không đúng. Với đấng Như Lai, ái đã diệt tận, tâm đã giải thoát hoàn toàn, rộng lớn sâu xa, vô lượng, vô số, Niết-bàn tịch diệt. Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Vì nhân như thế, duyên như thế, cho nên khi có người hỏi Thế Tôn về việc: "Nhu Lai có sanh tử ở đời sau, Như Lai không có sanh tử ở đời sau, hoặc vừa có vừa không có, hoặc chẳng phải có cũng chẳng phải không có sanh tử ở đời sau", Thế Tôn đều không tuyên thuyết. Sau khi hai vi Tôn giả luận đạo với nhau xong, mỗi vị trò về trụ xứ của mình. ***

906. CHÁNH PHÁP VÀ TƯỢNG PHÁP6 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà9 thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp đang tru tại giảng đường Lộc Tử Mầu ở Đông Viên,7 thuộc nước Xá-vệ. Sau giờ tọa thiền buổi chiều, Tôn giả đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và bạch: -Kính bạch Thế Tôn! Do nhân gì, duyên gì mà trước đây tuy Thế Tôn chế định ít giới điều cho các đệ tử,8 nhung có nhiều Tỳ-kheo vui thích tu tập; còn hiện nay tuy Thế Tôn chế đinh nhiều giới điều cho các đệ tử, nhưng lại có ít Tỳ-kheo vui thích tu tập?9 Đức Phật nói:  Này Ca-diếp! Đúng như vậy. Vì thọ mạng ngắn ngủi, phiền não nhiễm 6, đời nhiều tai họa, chúng sanh xấu ác? nhận thức sai lầm và thiện pháp của chúng sanh tổn giảm. Cho nên, Đại sư vì các đệ tử mà chế định nhiều giới cấm, nhưng lại có ít người ưa thích tu tập. Này Ca-diếp! Ví như lúc kiếp sắp hoại, tuy vật báu chân thật chưa biến mất, nhimg vật báu giả tạo tương tự lại xuất hiện ở thế gian. Khi vật báu giả tạo đã xuất hiện rồi thì vật báu chân thật sẽ mất. Cũng vậy Ca-diếp, khi Chánh pháp

6 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.906. 0226Ò25). Tham chiếu: Biệt Tạp.(T.02. 01Ỏ0.121. 0419014); S. 16.13 - II 223. 7 Đông Viên Lộc Tử Mầu giảng đường ().Xem chú thích 121, kinh số 58, quyển 2, tr. 62; Tạp.(02. 0099.58. 0014bl2). 8 Nguyên tác: Thanh văn ( M, Sāvakā). 9 Tham chiếu: s. 16.13 - II. 223: Ko nu kho, bhante, hetu ko paccayo, yena pubbe appatarãni ceva sikkhāpadāni ahesurn bahūtarā ca bhikkhū aññāya santhahirnsu? Ko pana, bhante, hetu ko paccayo,

yenetarahi bahutarāni ceva sikkhāpadāni appatarā ca bhikkhū aññāya santhahantīti? (Bạch The Tôn, do nhân gì, do duyên gì, thuở trươc học giai có ít hơn, nhưng các Ty-kheo chứng đắc chánh trí nhiều hơn? Bạch Thế Ton, do nhân gì, do duyên gì, ngày nay học giới co nhiều hơn, nhưng các Tỷ-kheo chứng đắc chánh trí ít hơn?), HT. Thích Minh Châu dịch.



của Như Lai sắp diệt sẽ có Tượng pháp10 sanh. Khi Tượng pháp đã xuất hiện ở thế gian thì Chánh pháp sẽ diệt. Ví như trong biển lớn, chiếc thuyền nào chở nhiều châu báu thì có nguy cơ bị chìm đắm. Tuy nhiên, Chánh pháp của Như Lai không giống như vậy mà chỉ dần dần suy giảm. Chánh pháp của Như Lai không bi đất làm hư hoại, không bị lửa, gió hay nước làm hư hoại. Cho đến khi có chúng sanh xấu ác xuất hiện ở thế gian, chúng thích tạo các điều ác, muốn làm các việc ác, đầy đủ các điều ác, điều phi pháp mà nói là Chánh pháp, Chánh pháp lại nói là phi pháp, phi luật mà nói là luật, luật lại nói phi luật, dùng văn chương hoa mỹ tương tợ Chánh pháp11 thì Chánh pháp của Như Lai bấy giờ sẽ chìm mất. Này Ca-diếp! Có năm nhân duyên có thể khiến cho Chánh pháp của Như Lai bị chìm mất. Đó là năm nhân duyên nào? Thứ nhất,12 chúng đệ tử13 đối với Đại sư không có tâm cung kính, không tôn trọng và không chí thành phụng sự;14 đã không có tâm cung kính, không tôn trọng và không chí thành phụng sự đối với Đại sư mà vẫn nương tựa để sống. Thứ hai, đối với giáo pháp. Thứ ba, đối với học giới. Thứ tư, đối với thứ lớp của giáo pháp.15 Thứ năm, đối với các Phạm hạnh được Đại sư khen ngợi thì lại không có tâm cung kính, tôn trọng và không chí thành phụng sự mà vẫn nương tựa để sống. Này Ca-diếp, đây là năm nhân duyên khiến cho Chánh pháp của Như Lai chìm mất. Này Ca-diêp! Cũng có năm nhân duyên giúp cho Giáo pháp và Giới luật của Như Lai không bi diệt mất, không bị lãng quên, không bị suy giảm. Đó là năm nhân duyên nào? Thứ nhất, chúng đệ tử của Như Lai đối với Đại sư luôn biết cung kính, tôn trọng, chí thành phụng sự và nương theo để tu tập. Thứ hai, đối với giáo pháp. Thứ ba, đối với học giới. Thứ tư, đối với thứ lớp của giáo pháp. Thứ năm, đối với các Phạm hạnh được Đại sư khen ngợi thì luôn biết cung kính, tôn trọng, chí thành phụng sự và nương theo để tu tập. Đây là năm nhân duyên giúp cho Giáo pháp và Giới luật của Như Lai không bi diệt mất, không

10 Nguyên tác: Tương tự Tượng pháp Saddhammappatirūpakarri: Giống với Chánh pháp, nghía đen là giả mạo Chánh pháp. 11 Nguyên tác: Cú vị xí nhiên .Cú vị byañjana, chỉ cho văn chương; "xí nhiên" Rực sáng. Trong nghĩa văn chương là sự bóng bẩy, mượt mà, hoa mỹ. Tham chiếu: s. 11.7 - II. 166: "Những bài kinh nào do Như Lai thuyết, thâm sâu, nghĩa lý thâm diệu, xuất thế gian, liên hệ đến Không, họ sẽ không nghe khi các kinh ấy được thuyết giảng; họ sẽ không lóng tai; họ se không an trú cháiìh tri tâm, va họ sẽ không nghĩ rằng các pháp ấy cần phải học thiioc long, cần phải thấu đáo. Còn những bài kinh nào do các thi sĩ làm7những bai thơ VỚI những danh từ hoa mỹ, vơi những câu văn hoa mỹ, thuộc ngoại điển, do các đệ tử thuyêt giảng, họ sẽ nghe khi các kinh ấy được thuyêt giảng; họ sẽ long tai;, họ sẽ an trú chánh tri tâm va họ sẽ nghĩ ràng các pháp ấy cần phải học

thuộc Iong7can phải hoe thấu đáo. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các kinh do Như Lai thuyết, thâm sấu, nghía lý thâm diệu, xuất thế gian, liên hệ đến Không, sẽ đi đến tiêu diet" HT. Thích Minh Châu dịch. 12 Nguyên tác không nêu số thứ tự. Bản dịch bổ sung để kinh văn sáng tỏ. 13 Nguyên tác: Tỳ-kheo .ở đây hàm nghĩa 4 chúng đệ tử Phật chứ không riêng chúng Tỳ-kheo. Tham chiếu: s. 16.13 - II. 223. J 14 Nguyên tác: Cúng dường ,pūja. Có tự căn pūj, ngoài nghĩa cúng dường còn mang nghĩa tôn kính, le bái, phụng sự. J 15 Nguyên tác: Tùy thuận giáo .Theo Du-già sư địa luân T.30.1579.28.0437al5 chỉ cho thứ lớp của giáo pháp.



bị lãng quên và không bi suy giảm. Vì thế, Ca-diếp! Các thầy cần phải học tập như vầy: "Đối với Đại su, phải nên cung kính, tôn trọng, chí thành phụng sự và nương theo để tu tập. Hoặc đối với giáo pháp, đối với học giới, đối với thứ lớp của giáo pháp và đoi với các Phạm hạnh được Đại sư khen ngợi, cũng phải nên cung kính, tôn trọng, chí thành phụng sự và nương theo để tu tập.55 Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ Phật rồi rời đi. ***

907. MÚA HÁT ĐƯỢC SANH THIÊN?16 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, có vị thôn trưởng tên Giá-la-châu-la-na-la1718đi đến chỗ Phật. Sau khi lễ bái thăm hỏi Thế Tôn xong, ông ngồi sang một bên và thưa:  Kính bạch Cù-đàm! Con nghe các vi lão thành trong lãnh vực đàn ca múa hát xưa kia nói như vầy: “yếu một người nghệ sĩ biểu diễn các trò đàn ca múa hát ở trước mọi người, khiến cho mọi người đều vui vẻ, thích thú, nhờ nghiệp duyên này mà sau khi lâm chung sẽ được sanh lên cõi trời Hoan Hy."18 Đoi với điều này thì trong pháp của Cù-đàm lý giải thế nào? Đức Phật nói với thôn trưởng:  Hãy thôi đi! Ông chớ nên hỏi Ta về nghĩa này!

Đức Phật ba lân can ngăn như vậy, nhưng ông ây vân cứ hỏi chứ không chịu dừng. Đức Phật liền bảo thôn trưởng: -Nay Ta hỏi ông, ông hãy trả lời tùy theo suy nghĩ của mình. Xưa kia, những người ở trong thôn này chưa dứt trừ tham dục, bị phiền não tham dục trói buộc; chưa lìa sân hận, bị phiền não sân hận trói buộc; chưa lìa si mê, bị phiền não si mê trói buộc; bấy giờ, những nghệ sĩ ấy biểu diễn đàn ca múa hát ở trước mọi người, làm cho mọi người thích thú, cười vui. Vậy thì, này thôn trưởng! Trong lúc những người kia thích thú, cười vui thì chẳng phải họ đang tự mình làm tăng trưởng thêm sự trói buộc nơi tham dục, sân hận và si mê đó sao? Thôn trưởng liền bạch Phật:  Thưa Cù-đàm! Đúng như vậy. -Này thôn trưởng! Ví như có người lấy dây trói hai tay kẻ khác ra sau lưng, lại có người luôn dùng tâm xấu ác, muốn làm cho người kia không được lợi ích,

16 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02.0099.907.0227a02). Tham chiếu: Biệt Tạp.(r 02. o 100.122. 0420a07); s. 42.2 - IV. 306. 17 Nguyên tác: Giá-la-châu-la-na-la tụ lạc chủ (Tālaputa Natagāmani): Người đứng đầu phường ca múa tên là Tālaputa. 18 Nguyên tác: Hoan Hỷ thiên (Pahāsa deva).

không được an ổn? không được vui vẻ nên thường xuyên lấy nước rưới lên sợi dây trói, vậy thì người bi trói này chẳng phải càng bị trói chặt thêm sao? Thôn trưởng đáp: Thưa Cù-đàm! Đúng như vậy.

Đức Phật bảo: - Này thôn trưởng! Chúng sanh xưa kia cũng giống như vậy, không lìa các sự trói buộc của tham dục, sân hận và si mê rồi duyên theo những cuộc giải trí vui chơi khoái lạc thì chỉ càng làm tăng thêm sự trói buộc. Thôn trưởng thưa: Kính bạch Cù-đàm! Quả thật như vậy. Các nghệ sĩ ca múa hát xướng kia làm cho những người xem này thích thú, cười vui, dẫn đến tăng thêm sự trói buộc của tham dục, sân hận và si mê. Do nhân duyên này mà sau khi lâm chung họ lại được sanh về đường lành, điều này không thể xảy ra. Đức Phật bảo thôn trưởng: -Nếu các nghệ sĩ xưa kia cho rằng khéo mang đến cho mọi người sự vui thích hân hoan và nhờ nghiệp duyên này mà họ được sanh về cõi trời Hoan Hỷ thì đây là tà kiến. Nếu đã là người tà kiến thì nhất định sẽ rơi vào hai đường xấu ác, đó là địa ngục hoặc súc sanh. Khi nghe đức Phật nói những lời này, thôn trưởng Giá-la-châu-la-na-la buồn bã rơi lệ. Bay giờ, The Ton nói VƠI thon trưởng. Chính vì lẽ này mà trước đây ông hỏi đến ba lần, nhưng Ta đều không trả lời và còn nói với ông: "Hãy thôi đi! Ông chớ nên hỏi Ta về nghĩa này!99 Thôn trưởng bạch Phật: Kính bạch Cù-đàm! Con không vì những lời nói của Cù-đàm mà buồn bã rơi lệ. Vì con tự nghĩ: "Tại sao lâu nay mình bi che đậy bởi si mê, không sáng suốt, đê cho những người nghệ sĩ lão thành với hiêu biêt không lương thiện lừa dối, khi cho rằng: 'Người nghệ sĩ đàn ca múa hát ở trước mọi người... (cho đến) được sanh lên cõi trời Hoan Hỷ.9,9 Bây giờ, con đã có suy nghĩ chín chắn: "Làm sao các ca kỹ múa hát, diễn trò lại có the sanh lên cõi trời Hoan Hỷ duve?" Kính bạch Cù-đàm! Từ nay trở đi, con sẽ từ bỏ nghiệp bất thiện đàn ca múa hát, đồng thời phát nguyện quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tỳ-kheo-tăng. Đức Phật liền khen ngợi: Lành thay, thôn trưởng! Điều này thật thiết yếu. r Bây giờ, thôn trưởng Giá-la-châu-la-na-la nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ Phật rồi vui vẻ rời đi. ***

QUYỂN 32 961

908. CHIẾN Sĩ ĐƯỢC SANH THIÊN?19 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, có vị thôn tiyởng sống bằng nghề chiến đấu2021 đi đến chỗ Phật, cung kính thăm hỏi rồi ngồi sang một bên và bạch Phật: Kính bạch Cù-đàm! Con nghe những vị lão thành nhiều kinh nghiệm chiến đấu xưa kia nói rằng: "Nếu người nào sống bằng nghề chiến dấu, mình mặc áo giáp dày, tay cầm vũ khí bén, dẫn đầu các tướng sĩ, có tài dụng binh dẹp yên quân địch thì do nghiệp báo này mà được sanh lên cõi trời Tiễn Hàng Phục.9921 Trong giáo pháp của Ngài Cù-đàm lý giải nghĩa này thế nào? Đức Phật nói với thôn trưởng: - Hãy thôi đi! Ông chớ nên hỏi Ta về nghĩa này! Đức Phật ba lần can ngăn như vậy, nhưng ông ấy vẫn cứ hỏi chứ không chịu dừng. Đức Phật liền nói với thôn trưởng: Nay Ta hỏi ông, ông hãy trả lời tùy theo suy nghĩ của mình. Này thôn trưởng! Ong nghĩ sao, nêu có người sông băng nghê chiên đâu, mình mặc giáp trụ,22 thống lãnh các chiến si, có tài dụng binh dẹp yên quân địch thì người này chẳng phải trước tiên đã khởi tâm sát hại, muốn bắt trói, xiềng xích, đâm chém và giêt hại đôi phương roi sao? Thôn trưởng bạch Phật: -Thưa Thế Tôn!

Đúng như vậy. Đức Phật bảo thôn trưởng:  Người sống bằng nghề chiến đấu sẽ tạo ba nghiệp xấu ác, hoặc nơi thân, hoặc nơi miệng, hoặc nơi ý. Do tạo ba nghiệp xấu ác này sau khi qua đời được sanh vào cõi lành, được sanh lên cõi trời Tiễn Hàng Phục thì điều này không thể xảy ra. Đức Phật lại nói với thôn trưởng: -Nếu những vị lão thành sống bằng nghề chiến đấu xưa kia có nhận biết như vây và nói như vây: "Nêu người nào sông băng nghê chiên dâu, mình mặc giáp trụ, tay cầm vũ khí bén, dẫn đầu các tướng sĩ, có tài dụng binh dẹp yên quân địch, do nghiệp báo này mà được sanh lên cõi trời Tiễn Hàng Phục^,

19 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.908. 0227Ồ10. Tham chiếu: Biệt Tạp.7L02. 0100.123. Ò420bl0; s. 42.3 -IV. 308. 20 Nguyên tác: Chiến đấu hoạt tụ lạc chủ yodhājīva-gāmanī: Người đứng đầu phuoiig võ. 21 Nguyên tác: Tiễn Hàng Phục thiên Sarañjita deva. 22 Nguyên tác: Thân bị giáp trụ .Giáp trụ :Áo giáp và mũ trụ được làm bằng chất liệu cứng chắc, 2 thứ vũ trang bảo vệ người chiến SI.



thì đây là tà kiến. Người tà kiến sẽ rơi vào hai đường ác, đó là địa ngục hoặc súc sanh. Khi nghe đức Phật nói những lời này, thôn trưởng buồn bã rơi lệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với thôn trưởng.  Chính vì lẽ này mà trước đây Ta ba lần ngăn ông: "Hãy thôi đi! Ông chớ nên hỏi Ta về nghĩa nay!99 Thôn trưởng bạch Phật: _ _  Kính bạch Cù-đàm! Con không vì những lời nói của Cù-đàm mà buôn bã . • . e r \ A -g • £ A rơi lệ. Vì con nghĩ lại những lời của các vi lão thành sông băng nghê chiên đâu xưa kia thật si mê? không thiện lương, không sáng suốt, lâu nay lừa dối con khi nói rằng: "Nếu người nào sống bằng nghề chiến đấu, mình mặc giáp trụ, tay cầm vũ khí bén, dẫn đầu các tướng sĩ... (cho đến) được sanh lên cõi trời Tiễn Hàng Phục.,^ Cho nên, con mới buồn bã rơi lệ. Bây giờ, con đã suy nghĩ chín chắn: “Những người sống bằng nghề chiến đấu thì họ đã tạo nhân nghiệp ác; vậy mà sau khi lâm chung lại còn được sanh lên cõi trời Tiễn Hàng Phục thì điều này không thể xảy ra.95 Kính bạch Cù-đàm! Từ nay trở đi5 con sẽ từ bỏ nghiệp bất thiện này và phát nguyện quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tỳ-kheo-tăng. Đức Phật nói với thôn trưởng:  Điều này thật thiết yếu!

Bấy giờ, vị thôn trưởng sống bằng nghề chiến đấu nghe Phật dạy xong đã hoan hỷ và tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ Phật rồi rời đi. ***

909. BA CÁCH LUYỆN NGƯA (l)23 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, có vị thôn trưởng sống bằng nghề huấn luyện ngựa đi đến chỗ Phật, cung kính thăm hỏi Thế Tôn rồi ngồi sang một bên. Khi ấy, Thế Tôn hỏi thôn trưởng huấn luyện ngựa: -Có bao nhiêu cách huấn luyện ngựa? Thôn trưởng đáp:  Thưa Cù-đàm! Co ba cách. Đó là ba cách nào? Một là mềm mỏng. Hai là cứng rắn. Ba là vừa mềm mỏng vừa cứng rắn. Phật nói với thôn trưởng: Nêu áp dụng ba cách này mà vân không điêu phục được con ngựa thì nên làm gì?

23 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.909. 0227c12). Tham chiếu: Biệt Tạp.(r 02. o 100.124. 0420c 10); s. 42.5 - IV. 310; ^. 4.111 - II. 112.

Thôn trưởng đáp: - Thưa Cù-đàm! Thì nên giết con ngựa đó. Thôn trưởng lại bạch Phật: - Thưa Cù-đàm! Là bậc Vô Thượng Điều Ngự Trượng Phu, nên dùng bao nhiêu phương pháp để điều phục chúng sanh? Phật nói với thôn trưởng: Ta cũng dùng ba phương pháp để điều phục. Đó là ba cách gì? Một là mềm mỏng. Hai là cứng rắn. Ba là vừa mềm mỏng vừa cứng rắn. Thôn trưởng lại bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Nếu dùng ba cách này để điều phục chúng sanh nhưng vẫn không điều phục được thì phải làm thế nào? Phật nói với thôn trưởng: Này thôn trưởng! Nêu đã dùng ba cách này mà vân không điêu phục được thì nên giêt người đó. Vì sao như vậy? Vì không đê cho giáo pháp của Ta bị người khác xem thường. Thôn trưởng huấn luyện ngựa liền bạch Phật: Theo như trong giáo pháp của Cù-đàm thì sát sanh là bất tịnh, nghĩa là trong giáo pháp của Cù-đàm không cho phép giết hại, nhưng hôm nay sao Cù- đàm lại nói: "Người nào không điều phục được thì cũng nên giết di?" Đức Phật nói với thôn trưởng: Đúng như lời ông nói, trong giáo pháp của Như Lai thì sát sanh là bất tịnh. Như Lai không chấp nhận sự giết chóc. Này thôn trưởng! Như khi Ta dùng ba phương pháp để điều phục chúng sanh mà vẫn không điều phục họ được thì Ta sẽ không nói đến, không dạy dỗ, cũng không giáo giới cho người đó nữa. Này thôn trưởng! Nếu Như Lai, bậc Điều Ngự Trượng Phu đã không nói đến, không dạy dỗ9 cũng không giáo giới cho người này nữa thì người này chẳng phải đã giông như bị giêt sao? Thôn trưởng huấn luyện ngựa bạch Phật: -Thưa Cù-đàm! Nếu bậc Điều Ngự Trượng Phu đã không nói đến, không dạy dỗ9 cũng không còn giáo giới cho người này nữa thì người này cũng đã giống như bị giết rồi. Vậy nên, từ nay con xin dứt bỏ các nghiệp xấu ác, phát nguyện quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tỳ-kheo-tăng. Đức Phật nói với thôn trưởng: Điều này thật thiết yếu!

Đức Phật nói kinh này xong, thôn trưởng huấn luyện ngựa nghe lời Phật dạy đã hoan hỷ và tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ Phật rồi rời đi. ***

964 KINH TẠP A-HÀM

910. THÔN TRƯỞNG HUNG Ác24 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, có vị thôn trưởng hung ác25 đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: Kính bạch Thế Tôn! Vì không tu những pháp gì khiến con thường sanh tâm sân hận đối với người khác. Do sân hận nên miệng nói lời hung ác, vì vậy mà con bị mọi người đặt tên là Ác Tính? Phật bảo thôn trưởng: -Vì ông không tu tập chánh kiến cho nên thường sân hận đối với người khác. Do sanh sân hận nên miệng nói lời ác, vì vậy bi mọi người đặt tên là Ác Tính. Vì ông không tu tập chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định nên thường sanh sân hận đối với người khác. Do sanh sân hận nên miệng nói lời ác, vì vậy bị mọi người đặt tên là Ác Tính. Thôn trưởng lại hỏi: Kính bạch Thế Tôn! Con nên tu tập những pháp gì để không sân hận đối với người khác, nhờ không sân hận nên miệng nói lời lành và được người khác đặt tên là Hiền Thiện. Phật bảo thôn trưởng: Nếu khéo tu tập chánh kiến, sẽ không sân hận đối với người khác, vì không sân hận nên miệng nói lời lành và được người khác đặt tên là Hiền Thiện. Biết tu tập chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh

tinh tan, chánh niệm, chánh đinh sẽ không sân hận đoi với người khác, nhờ không sân hận nên miệng nói lời lành và được người khác đặt tên là Hiền Thiện. Thôn trưởng Ác Tính bạch Phật:  Hay thay, thưa Thế Tôn! Ngài khéo nói lời này. Vì con không tu tập chánh kiến nên sanh sân hận đối với người khác. Đã sanh tâm sân hận rồi thì miệng nói lời ác, cho nên bị người khác gọi là Ác Tính. Vì con không tu tập chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định nên sanh sân hận đoi với người khác; do sân hận nên miệng nói lời ác, vì vậy mà bi người khác đặt tên là Ác Tính. Do đó, kể từ hôm nay, con sẽ dứt bỏ tính sân hận, ngang ngược và hung bạo. Đức Phật nói với thôn trưởng: -Điều này thật sự thiết yếu!

24 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.910. 0228al0). Tham chiếu: Biệt Tạp.(r02. 010Ò.125.Ò421all);5. 42.1-IV. 305. 25 Nguyên tác: Hung ác tụ lạc chủ (,ganda gãmanĩ).



Đức Phật nói kinh này xong, thôn trưởng Ác Tính đã hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ Phật rồi rời đi. ***

911. MA-NI-CHÂU-KÉ26 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, có thôn trưởng Ma-ni-châu-kế27 đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa:  Kính bạch Thế Tôn! Trước kia quốc vương có triệu tập các đại thần cùng nhau luận nghị như vầy: "Thế nào, các Tỳ-kheo Sa-môn họ Thích tự mình thọ nhận và cất giữ vàng bạc, vật báu thì thanh tịnh hay bất tjnh?" Trong các đại thần, có người nói: 44Sa-môn họ Thích được phép thọ nhận và cất giữ vàng bạc, vật b4u." Lại có vị nói: 44Sa-môn không được tự mình thọ nhận và cất giữ vàng bạc, vật báu." Kính bạch Thế Tôn! Vị đại thần nói uSa-môn họ Thích được phép tự mình thọ nhận và cất giữ vàng bạc, châu bWu" là do vi ấy nghe Phật nói hay là tự ý nói ra? Nói như vậy thì có đúng với giáo pháp và thứ lớp của giáo pháp chăng?28 Đây là lời nói chân thật hay là lời hư vọng? Lời nói như vậy có dẫn đến bi người khác chỉ trích không? Đức Phật nói với thôn trưởng:  Đây là lời nói hư vọng, không phải lời nói chân thật, không phải lời nói đúng với giáo pháp và thứ lớp của giáo pháp, lời này sẽ dẫn đến bị người khác chỉ trích. Vì sao như vậy? Bởi vì Sa-môn họ Thích tự mình thọ nhận và cất giữ vàng bạc, vật báu thì không thanh tịnh. Cho nên, nếu tự mình thọ nhận và cất giữ vàng bạc, vật báu thì không phải là pháp Sa-môn9 chẳng phải đúng pháp của dòng họ Thích. Thôn trưởng bạch Phật:  Hay thay, bạch Thế Tôn! Sa-môn họ Thích mà thọ nhận và cất giữ vàng bạc, vật báu thì chẳng phải là pháp Sa-môn, chẳng phải là pháp của dòng họ Thích. Đây là lời nói chân chánh. Kính bạch Thế Tôn! Người nói lời này làm tăng trưởng thắng diệu, con cũng nói như vầy: "Sa-môn họ Thích không được tự mình thọ nhận và cất giữ vàng bạc, vật bu."

26 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02.0099.911.0228ỒỒ04). Tham chiếu: Biệt Tạp.(T.02. 0100.126. 0421b 11); s. 42.10- IV 325. 27 Ma-ni-châu-kế tụ lạc chủ (±, Manicūlaka). 28 Nguyên tác: Tùy thuận ph§p ().Xem chú thích 68, kinh số 27, quyển l, tr. 24; Tạp.(T.02. 0099.27. 0005c2ỏ).

Đức Phật nói với thôn trưởng: Nếu Sa-môn họ Thích tự mình thọ nhận và cất giữ vàng bạc, vật báu mà thanh tịnh thì năm loại dục29 ắt phải thanh tịnh. Thôn trưởng Ma-ni-châu-kế nghe Phật dạy xong, hoan hỷ, đảnh lễ Phật rồi rời đi. Bấy giờ, Thế Tôn biết Ma-ni-châu-kế đã ra về, liền nói với Tôn giả A-nan: Thầy hãy gọi tất cả các Tỳ-kheo đang ở Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, tập trung lại tại trai đường. Tôn giả A-nan vâng lời Phật dạy, đi khắp Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà để thông tri đến các Tỳ-kheo an trú tại đây cùng tập trung ở trai đường. Khi các Tỳ-kheo đã tập trung đầy đủ? Tôn giả A-nan đến bạch Phật: Các Tỳ-kheo đã tập trung ở trai đường. Xin Thế Tôn biết cho!

Bấy giờ, Thế Tôn đi đến trai đường, ngồi trước đại chúng và nói với các Tỳ-kheo: Hôm nay, có thôn trưởng Ma-ni-châu-kê đi đên chô Như Lai và nói như vầy: "Trước kia quốc vương có triệu tập các đại thần cùng nhau luận nghị rằng: 'Sa-môn họ Thích thọ nhận và cất giữ vàng bạc, của báu thì có thanh tịnh không?9 Trong đó có vi nói là thanh tinh, có người bảo là không thanh tịnh. Vậy nay con xin hỏi The Tôn, người nói là thanh tịnh kia là họ được nghe từ Phật nói hay tự mình nói d6i?" ... (như trên đã nói, cho đen) Thôn trưởng Ma-ni-châu-kế nghe Phật dạy xong, hoan hỷ đảnh lễ Phật rồi rời đi. Này các Tỳ-kheo! Trong khi quốc vương và các đại thần cùng nhau luận nghị thì thôn trưởng Ma-ni-châu-kế này ở trước mọi người rồi tuyên bố giống như tiếng rống của sư tử: 66Sa-môn họ Thích không được tự mình thọ nhận và cất giữ vàng bạc, vật báu." Này các Tỳ-kheo! Từ nay trở di, các thầy cần cây thì xin cây, cần cỏ thì xin cỏ, cần xe thì xin xe, cần người giúp việc thì xin người giúp việc. Hãy cẩn thận chớ nên vì mình mà thọ nhận vàng bạc và vật báu. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

912. THÔN TRƯỞNG VƯƠNG ĐẢNH3031 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật an trụ bên hồ Yết-già,3i tại nước Chiêm-bà.

29 Nguyên tác: Ngũ dục công dúrc (). 30 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T 02. 0099.912. 0228c 15). Tham chiếu: Biệt Tạp.(r 02. 0100.127. Ò421C24); S. 42.12-IV 330. 31 Yẻt-già (ỈỊ,Gaggarā), tên hồ sen rất đẹp ở nước Chiêm-bà (Campā). Hồ sen này do Hoàng hậu Gaggarā xây dựng nên được gọi theo tên của bà. J



Bấy giờ, có thôn trưởng Vương Đảnh32 đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Khi ấy, Thế Tôn nói với thôn trưởng Vương Đảnh: -Hiện nay chúng sanh chạy theo hai cực đoan. Đó là hai cực đoan nào? Một là, tham đắm năm dục, thuộc hạng phàm phu tầm thường, quê mùa, thấp kém. Hai là, tự làm khổ mình bằng lối sống sai lầm, vô nghĩa và không ích lợi gì. Này thôn trưởng! Có ba hạng người thích hưởng thụ vật dục thuộc hạng phàm phu tầm thường, quê mùa, thấp kém; cũng có ba hạng người tự làm khổ mình bằng lối sống sai lầm, vô nghĩa và không ích lợi gì. Này thôn trưởng! Ba hạng người nào thích hưởng thụ vật dục thuộc hạng phàm phu tầm thường, quê mùa, thấp kém? Đó là kẻ hưởng thụ vật dục bằng cách lạm dụng, chiếm đoạt tài vật một cách phi pháp, nhưng không mang lại đời sống an vui cho bản thân, cũng không

phụng dưỡng cho cha mẹ hay cung cấp đầy đủ cho anh em, vợ con, người giúp việc, bà con quyến thuộc, bạn bè quen biết, cũng không biết tùy thời cúng dường cho Sa-môn? Bà-la-môn để mong cầu quả báo an lạc, nơi ở tốt đẹp, đời sau sanh lên cõi trời. Đây gọi là hạng người thứ nhất hưởng thụ vật dục ở thế gian. Lại nữa, này thôn trưởng! Có kẻ hưởng thụ vật dục băng cách tìm câu tài vật vừa hợp pháp vừa phi pháp đe tự mang đen mọi sự an vui cho bản thân. Tuy biết phụng dưỡng cho cha mẹ, cung cấp đầy đủ cho anh em, vợ con, người giúp việc, bà con quyến thuộc, bạn bè quen biết nhưng không tùy thời cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn để mong cầu quả báo an lạc, nơi ở tốt đẹp, đời sau sanh lên cõi trời. Đây gọi là hạng người thứ hai hưởng thụ vật dục. Lại nữa, thôn trưởng! Có người hưởng thụ vật dục bằng cách tìm cầu tài vật một cách hợp pháp chứ không phải lạm dụng, chiếm đoạt tài vật để tự thân hưởng thụ an vui, cũng biết phụng dưỡng cho cha mẹ, cung cấp đầy đủ cho anh em, vợ con, người giúp việc, bà con quyến thuộc, bạn bè quen biết, lại cũng biết tùy thời cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn để mong cầu quả báo an lạc, nơi ở tốt đẹp, đời sau sanh lên cõi trời. Đây gọi là hạng người thứ ba hưởng thụ vật dục. Này thôn trưởng! Ta không cứng nhắc nói rằng tất cả những người hưởng thụ vật dục đều như nhau mà Ta nói trong số những người hưởng thụ vật dục thì có người thuộc hạng thấp kém, có người thuộc hạng bậc trung và có người thuộc hạng bậc thượng. Thế nào là hạng người thấp kém hưởng thụ vật dục? Đó là hạng người lạm dụng, chiếm đoạt tài vật một cách phi pháp... (cho đếrỉ) không mong cầu quả

32 Nguyên tác: Vương Đảnh tụ lạc chủ (Rāsiyo gāmini).



báo an lạc, nơi ở tốt dẹp, đời sau sanh lên cõi trời. Đây gọi là hạng người thấp kém hưởng thụ vật dục mà Như Lai nói đến. Thế nào là hạng người bậc trung hưởng thụ vật dục? Đó là hạng người hưởng thụ vật dục bằng cách tìm cầu tài vật vừa hợp pháp vừa phi pháp... (cho đến) không mong cầu đời sau sanh lên cõi trời. Đây gọi là hạng người bậc trung hưởng thụ vật dục mà Như Lai nói đến. Thế nào là hạng người bậc thượng hưởng thụ vật dục? Nghĩa là người này dùng cách thức đúng pháp đe tìm cầu tài vật... (cho đến) biết mong cau đời sau sanh lên cõi trời. Đây gọi là hạng người bậc thượng hưởng thụ vật dục mà Như Lai nói đến. Ba hạng người nào tự làm khổ mình? Đây là sự khổ vì sống không đúng pháp, không đúng đắn, vô nghĩa và không ích lợi. Hạng người tự làm khổ mình bằng cách sống khắc khổ, đầu tiên là phạm giới, làm ô nhiễm giới. Người ấy tu tập nhiều cách thức khổ hạnh, tinh cần, nỗ lực ở yên một chỗ, nhưng người ấy không dứt trừ được phiền não bức bách trong hiện tại, không được pháp thượng nhân,33 không sống an lạc trong tri kiến __ e • r 9 thăng diệu. Này thôn trưởng! Đây gọi là hạng người thứ nhát tự làm khô mình bằng cách sống khắc khổ.34 Lại có hạng người tự làm khổ mình bằng cách sống khắc khổ, đầu tiên là không phạm giới, không ô nhiễm giới. Người ấy tu tập nhiều cách thức kho hạnh, nhưng cũng không do điều này mà người ấy dứt trừ được phiền não bức bách trong hiện tại, hay được pháp thượng nhân, hay được song an lạc trong tri kiến thắng diệu. Đây gọi là hạng người thứ hai tự làm khổ mình bằng cách sống khắc khổ.35 J Lại có hạng người tự làm khổ mình bằng

cách sống khắc khổ, ban đầu là không phạm giới, không nhiễm ô giới. Người ấy tu tập nhiều cách thức kho hạnh mà cũng không thể dứt trừ được phiền não bức bách trong hiện tại, [nhưng người ấy] chứng được pháp thượng nhân và trụ an lạc trong tri kiến thắng diệu.36 Đây gọi là hạng người thứ ba tự làm khổ mình bằng cách sống khắc khổ.

33 Nguyên tác: Quá nhân pháp (). 34 về hạng người thứ nhất này, s. 42.12 - IV. 330 ghi: "vj ấy tự mình hành xác, hành khổ, nhưng không chứng điíợc thiện pháp nào, không chứng ngộ thượng nhân pháp, tri kiến thù thắng xứng đang bậc Thánh nao,? (HT. Iliich Minh Châu dịch). 35 về hạng người thứ hai này, s. 42.12 - IV. 330 ghi: "Người ấy tư mình hành xác, hành khổ, chứng được thiện pháp, nhưng không chứng ngộ thượng nhân pháp, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh^^ (HT. Thích Minh Châu dịch). J - 36 Nguyên tác: Đắc quá nhân pháp thăng diệu tri kiến an lạc trụ ().Tham chiêu: Biệt Tạp.y 50 (r02. 0100.127. 0422b 10): Hoặc thành tựu
chút ít pháp Ạthượng nhân, hoặc chứng đạt phân nào vê trí tuê, hoặc đạt được pháp nhãn, hoặc thành tựu sơ khởi về thiền định (iể A):Xem thêm,
s. 42.12 - IV. 330: ^hứng được'thiên pháp, chứng ngộ thượng nhân pháp, tri kiên thù thăng xứng đáng bậc Tháĩlh,, (HT. Thích Minh Châu dịch).

QUYỂN 32 969

Này thôn trưởng! Ta không nói tất cả những người tự làm khổ mình bằng cách sống khắc khổ đều ngang bằng nhau mà Ta nói trong số họ có người thuộc hạng tháp kém, có người thuộc hạng bậc trung, có người thuộc hạng bậc thượng. r 9 r Thê nào là người tự làm khô mình thuộc hạng tháp kém? Người này tự làm khổ, ban đầu là phạm giới, làm nhiễm ô giới... (cho đếri) không được sống an lạc trong tri kiến thắng diệu. Đây là hạng người tự làm khổ mình thuộc hạng thấp kém mà Như Lai nói. Thê nào là người tự làm khô mình thuộc hạng bậc trung? Nghĩa là người tự làm khổ này5 ban đầu không phạm giới, không làm nhiễm ô giới... (cho đến) không được sống an lạc trong tri kiến thắng diệu. Đây là hạng người tự làm khổ mình thuộc hạng bậc trung mà Như Lai nói. r 9 Thê nào là người tự làm khô mình thuộc hạng bậc thượng? Nghĩa là người tự làm kho này, ban đau không phạm giới, không làm nhiễm ô giới... (cho đến) được sống an lạc trong tri kiến thắng diệu. Đây gọi là hạng người tự làm khổ mình thuộc hạng bậc thượng mà Như Lai nói. Này thôn trưởng! Đây là ba hạng người tự làm khổ mình một cách không đúng pháp, vô nghĩa và không ích lợi gì. Này thôn trưởng! Có con đường, có sự thực hành không hướng đến ba hạng người phương tiện tùy thuận hưởng thụ vật dục thuộc hạng phàm phu tầm thường, quê mùa, thấp kém; lại cũng không hướng đến ba hạng người tự làm khổ mình một cách sai lầm, vô nghĩa và không ích lợi. Này thôn trưởng! Những con đường nào? Những sự thực hành nào chẳng hướng đến ba hạng người hưởng thụ vật dục và ba hạng người tự làm khổ mình? Này thôn trưởng! Do bị tham dục làm trở ngại và ngăn che nên nghĩ đến tự hại mình, hoặc nghĩ đến hại người khác, hoặc nghĩ đến hại cả mình và người, khiến hiện tại và đời sau phải chịu tội báo cho việc làm này, tâm đay buồn kho; lại do sân hận, si mê ngăn che nên nghĩ đến tự hại mình, hoặc nghĩ đến hại người khác, hoặc nghĩ đên hại cả mình và người, khiên cho

hiện tại và đời sau phải chịu tội báo này. Nếu xa lìa sự chướng ngăn của tham dục, không nghĩ đến việc tìm cách tự hại mình, hại người, hại cả mình và người thì trong hiện tại và đời sau sẽ không bi tội báo này. Tâm và tâm pháp của vị ấy luôn được hỷ lạc. Cũng vậy, nếu xa lìa được sự chướng ngăn của sân hận và si mê? không nghĩ đến tự hại mình, không nghĩ đến hại người, cũng không nghĩ đến hại mình và hại người thì trong hiện tại và đời sau sẽ không lãnh chiu tội báo này. Tâm và tâm pháp của vị ấy luôn luôn được hỷ lạc, được pháp thiết thực hiện tại, lìa mọi nóng bức, không đợi thời gian, dẫn đến Niết-bàn và được người trí tự mình giác hiêu.37

37 Nguyên tác: Ư hiện pháp trung, viễn ly xí nhiên, bất đãi thời tiết, thân cận Niết-bàn, tức thử thân hiện, duyên tự giác tri (, :;):Xem chú thích
59, kinh so 550, quyển 20, tr. 610; Tạp.(r02. 0099.550. 0143bl8)



Này thôn trưởng! Như vậy, con đường dẫn đến được pháp thiết thực hiện tại, lìa mọi nóng bức, không đợi thời gian, dẫn đến Niết-bàn và được người trí tự mình giác hiểu, đó là Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến... (cho đến) chánh định. Trong lúc Thế Tôn giảng nói pháp này, thôn trưởng Vương Đảnh xa lìa trần cấu, được pháp nhãn tịnh. Bấy giờ, thôn trưởng Vương Đảnh thấy pháp, đắc pháp, giác ngộ giáo pháp, thể nhập giáo pháp, vượt khỏi nghi ngờ, không nương ai khác, ở trong giáo pháp được tâm vô sở úy. Ông ấy liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, chắp tay bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Hôm nay5 con đã được độ, xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo-tăng5 từ nay đên suôt đời con nguyện làm ini-bà-tăc. Đức Phật nói kinh này xong, thôn trưởng nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ đức Phật rồi rời đi. ***

913. THÔN TRƯỞNG KIỆT-ĐÀM38 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật giáo hóa trong nhân gian tại xứ Lực Sĩ39 rồi đến thôn uất-tỳ-la40 và nghỉ trong rừng Anh Vũ Diêm-phù. Bấy giờ, có thôn trưởng Kiệt-đàm41 nghe tin Sa-môn Cù-đàm giáo hóa trong nhân gian tại xứ Lực Sĩ rồi đến thôn uất-tỳ-la, nghỉ trong rừng Anh Vũ Diêm-phù và thuyết pháp về nguyên nhân của khổ và khổ diệt ở trong đời hiện tại. Kiệt-đàm liền suy nghĩ: “Ta nên đến chỗ Sa-môn Cù-đàm. Nếu ta đến chỗ Sa-môn Cù-đàm thì nhất đinh Ngài sẽ vì ta mà giảng nói về nguyên nhân của khổ và khổ diệt ở trong đời hiện tại." Nghĩ vậy, thôn trưởng liền đi đến thôn uất-tỳ-la, nơi Phật đang an trú, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: Kính bạch Thế Tôn! Con nghe Thế Tôn thường giảng nói về nguyên nhân của khổ và khổ diệt ngay trong đời hiện tại cho mọi người. Lành thay, Thế Tôn! Xin Ngài hãy vì con mà nói về nguyên nhân của khổ và khổ diệt ở trong đời hiện tại. Phật nói với thôn trưởng: -Nếu Ta nói về nguyên nhân của khổ và khổ diệt đã xảy ra trong quá khứ thì không biết đối với pháp ấy ông tin hay không tin, monệ muốn hay không mong muôn, nghĩ nhớ hay chẳng nghĩ nhớ, ưa thích hay chăng ưa thích? Hiện

38 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.913. 0229c03). Tham chiếu: Biệt Tạp.(r02. 0100.128. Ò422c18); 5. 42.11-IV. 327. 39 Nguyên tác: Lực Si ( , Mallā): Trú xứ của bộ tộc Mạt-la (,Mallā). Người Mallā giỏi đấu vật nên Han dịch là Lực Si ( ±),

40 uất-tỳ-la (,Uruvelakappa). 41 Kiệt-đàm (,Gandhagata hoặc Bhadragaka): Thôn trưởng Uruvelakappa và là cha của Ciravãsi.



tại ông có khổ không? Nếu Ta nói về nguyên nhân của khổ và khổ diệt ở trong đời tương lai thì không biết đối với điều ấy ông có tin hay không tin, mong muốn hay chẳng mong muốn, nghĩ nhớ hay chẳng nghĩ nhớ, ưa thích hay chẳng ưa thích? Hiện tại ông có khổ không? Hôm nay, Ta sẽ nói nguyên nhân của kho và kho diệt ở trong hiện tại. Này thôn trưởng! Sở dĩ chúng sanh có các thứ khổ, đó đều là do dục làm cội gôc5 từ dục sanh ra, từ dục tích tập, từ dục phát khởi, do dục làm nhân, do dục làm duyên mà phát sanh khổ. Thôn trưởng bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Ngài nói pháp quá sơ lược, không giải thích rộng nên con còn có chỗ khônệ hiểu được. Lành thay, Thế Tôn! Xin Ngài giải thích rộng hơn cho con được hiêu. Phật bảo thôn trưởng: -Bây giờ, Ta hỏi 6ng, ông hãy trả lời tùy theo suy nghĩ của mình. Này thôn trưởng! Ong nghĩ sao, nêu chúng sanh ở trong thôn uất-tỳ-la hoặc bị đánh, hoặc bị trói, hoặc bị quở trách, hoặc bị giết hại thì tâm của ông có cảm thấy lo buồn, khổ não không? Thôn trưởng bạch Phật: Thưa Thế Tôn! Chưa thể xác định được! Nếu con đối với các chúng sanh ở trong thôn uất-tỳ-la này mà có sự mong mỏi, hy vọng, yêu mến, nghĩ nhớ, gần gũi, thân thiết thì khi họ bị trói hoặc bị đánh, hoặc bị quở trách hay bi giết hại, nhất đinh con sẽ lo buồn, khổ não. Nếu đối với những nguôi ấy, con không có sự mong mỏi, hy vọng, yêu mến, nghĩ nhớ, cũng không gân gũi thân thiết thì khi họ có bị trói, bị đánh, bị quở trách, bị giết hại, con làm sao có thể sanh tâm lo buồn, kho não? Phật nói với thôn trưởng: -Vậy nên ông phải biêt, chúng sanh có các thứ khô phát sanh thảy đêu do ái dục làm cội gốc, do ái dục sanh, do ái dục tích tập, do ái dục phát khởi, do ái dục làm nhân, do ái dục làm duyên mà sanh ra các khổ. Này thôn trưởng! Ông nghĩ thế nào? Nếu ông và cha mẹ chưa gặp nhau42 thì có sanh mong mỏi, hy vọng, yêu mến, nghĩ nhớ không? Thôn trưởng nói: -Thưa không, bạch Thế Tôn! Phật bảo thôn trưởng: -Này thôn trưởng! Ý ông thế nào? Nấu ông đã nương gá cha mẹ và thường thấy, thường nghe thì có sanh lòng thương nhớ không?

42 Nguyên tác: Nhữ y phụ mẫu bất tương kiến giả .Đoạn kinh này tối nghĩa. Tham

chiêu: Biệt Tạp.7.02. 0100.128. 0423al8: Nêu đứa con của ông chưa sanh ra, chưa gá thai me, lúc chưa thấy chưa nghe, vào khi đó, phải chăng ông có lòng nhớ nghĩ và muốn âu yêm nó không?



Thôn trưởng đáp: - Thưa có, bạch Thế Tôn! Đức Phật lại hỏi: Này thôn trưởng! Ông nghĩ thế nào? Nếu cha mẹ của ông bị vô thường biến đổi thì ông có lo buồn, khổ não không? Thôn trưởng đáp: Đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Nếu cha mẹ của con bị vô thường biến đổi thì con sẽ đau khổ gần như chết, chứ đâu chỉ buồn thương, khổ não. Phật nói với thôn trưởng: -Vậy nên ông phải biết, chúng sanh có các thứ khổ phát sanh thảy đều do ái dục làm cội gốc, do ái dục sanh, do ái dục tích tập, do ái dục phát khởi,

do ái dục làm nhân, do ái dục làm duyên mà sanh ra các khổ. Thôn trưởng nói: Kỳ đặc thay, bạch Thế Tôn! Ngài đã khéo giảng nói ví dụ về cha mẹ như the. Con cũng có cha mẹ hiện đang ở nơi khác. Hang ngày con thường sai người đến thăm hỏi sức khỏe cha mẹ có an ổn không. Lúc người nhà chưa trở về thì con đã cảm thấy lo lắng khổ sở? huống gì cha mẹ bị vô thường thì làm sao không lo lắng khổ đau được. Phật bảo thôn trưởng: -Vậy nên Ta nói, chúng sanh sở dĩ có các khổ não thảy đều do ái dục làm cội gốc, do ái dục sanh, do ái dục tích tập, do ái dục phát khởi, do ái dục làm nhân, do ái dục làm duyên mà sanh ra các khổ. Phật nói với thôn trưởng: Nêu có bôn đôi tượng đê thương yêu, đê nhớ nghĩ và khi chúng bi vô thường biên đôi thì sẽ có bôn sự buôn đau phát sanh. Nêu có ba, hoặc hai, hoặc một đối tượng để thương yêu, để nhớ nghĩ và khi chúng bi vô thường biến đổi thì sẽ có ba? hoặc hai, hoặc một sự buồn đau phát sanh. Này thôn trưởng! Nếu không còn khởi niệm ái nhiễm thì không còn phiền não khổ đau. Bay giơ, The Ton liên noi kẹ: Người nào không ái niệm thế gian, Thì không bị buồn lo, khổ não, Tất cả khổ đau đều dứt sạch, Giống như hoa sen không dính nước. Trong lúc Thế Tôn giảng nói pháp này, thôn trưởng Kiệt-đàm xa lìa trần cấu, được pháp nhãn tịnh. Bấy giờ, thôn trưởng Kiệt-đàm thấy pháp, đắc pháp, giác ngộ giáo pháp, thể nhập giáo pháp, vượt khỏi nghi ngờ, không nương ai khác, không do ai khác mà được độ thoát, ở trong giáo pháp được vô sở úy. Ông ấy liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, chắp tay bạch Phật:

QUYÊN 32 973

-Kính bạch Thế Tôn! Con đã được độ, con đã vượt thoát. Từ nay con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo-tăng, nguyện suốt đời làm ưu-bà-tắc. Xin Thế Tôn thương tưởng gia hộ cho con. Đức Phật nói kinh này xong, thôn trưởng Kiệt-đàm nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ Phật rồi rời đi. ***

914. TÀI SẢN THUỘC CHÍN NHÀ43 Tôi nghe như vầy: Một thời, từ nước Ma-kiệt-đề,44 đức Phật cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo, một ngàn vị ưu-bà-tắc và năm trăm người ăn xin cùng du hành trong nhân gian, đi từ thành này sang thành nọ, từ thôn này sang thôn khác, rồi đến vườn Hảo Y Am-la? thôn Na-la.45 Bấy giờ, có thôn tniởnệ đệ tử của Ni-kiền tên là Đao Sư Thi46 đến chỗ Ni- kiền đảnh lễ sát chân rồi ngoi sang một bên. Lúc ấy, Ni-kiền nói với thôn trưởng Đao Sư Thị: Ông có thể dùng phương pháp Tật-lê luận47 để nghị luận với Sa-môn Cù- đàm, khiến cho Sa-môn Cù-đàm nói không được mà không nói cũng không được chăng? Thôn trưởng thưa: Thưa thầy, con phải xây dựng những luận thuyết như thế nào để được gọi là Tật-lê luận, khiến cho Sa-môn Cù-đàm nói không được mà không nói cũng không được? Ni-kiên bảo thôn trưởng: Ông hãy đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm rồi đưa ra câu hỏi này: "Cíi-dàm luôn mong muốn cho mọi người đều được tăng trưởng đầy đủ phước lợi. Ngài luôn có tâm nguyện như vậy và nói như vậy phải kh6ng?" Nếu Sa-môn Cù-đàm ấy trả lời với ông là "kh6ng" thì ông nên hỏi tiếp: "Vậy thì Sa-môn Cù-đàm có gì khác so với hàng phàm phu si m?" Nấu được trả lời: "C6 tâm nguyện như vậy, có nói như vay" thì ông nên hỏi: "Nếu Sa-môn Cù-đàm có tâm nguyện như vậy và có nói như vậy, thế sao hiện nay trong lúc dân tình mất mùa đói kém mà Cù-đàm lại du hành trong nhân gian,

dẫn theo một ngàn hai trăm năm mươi chúng Tỳ-kheo? một ngàn mi-bà-tắc và năm trăm người ăn xin đi từ thành

43 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.914.0230ÒO3). Tham chiếu: Biệt Tạp.(02. 0100.129. Ò423bl4); s. 42.9 - IV. 322. 44 Ma-kiệt-đề ()tức Ma-kiệt-đà (Magadha). 45 Nguyên tác: Na-la tụ lạc Hảo Y Am-la viên(,Nālandā Pāvārikambavana). Bấy giờ tại đây đang xảy ra nạn đói. 46 Đao Sư Thị (Asibandhakaputta). 47 Tật-lê luận ).Tật-lê là loại cỏ gai, trái nó nhiều gai, khi bám vào người rất khó gỡ. s. 42.9 - IV. 322; Ubhatokotika pañha (Câu hỏi có hai đầu nhọn).



này đến thành kia, từ thôn này sang thôn khác, làm hao tốn của cải của người dân. Giống như trận mưa đá lớn, chỉ đem đến tổn hại chứ chẳng thêm lợi ích gì! Những lời nói của Cù-đàm không tương ưng với nhau, không giống nhau, không trùng khớp nhau, trước sau mâu thuẫn nhau.” Như vậy, này thôn trưởng! Đây gọi là Tật-lê luận, sẽ khiến cho Sa-môn Cù-đàm không the nói được mà cũng không thể không nói. Bấy giờ, thôn trưởng Đao Sư Thị vâng lời dạy của Ni-kiền, liền đến chỗ Phật, cung kính chào hỏi. Sau khi cung kính chào hỏi xong, ông ngồi sang một bên và bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Ngài luôn luôn tâm nguyện muốn mọi người đều được tăng trưởng phước lợi phải không? Phật nói với thôn trưởng: Như Lai luôn tâm nguyện muốn mọi người đều được tăng trưởng phước lợi và cũng thường nói như vậy. Thôn trưởng liền thưa: -Nếu vậy thì tại sao Cù-đàm lại đi khất thực giữa những người dân mất mùa đói kém, dẫn theo đại chúng... (cho đen) không trùng khớp nhau, trước sau mâu thuẫn nhau? Phật nói với thôn trưởng: Ta nhớ lại từ chín mươi mốt kiếp về trước đến nay, chưa từng thấy một người nào bố thí cúng dường cho một Tỳ-kheo mà lại bi cạn kiệt hay bi tổn giảm cả. Này thôn trưởng! Ong nhìn xem hiện nay những nhà nào giàu sang, nhiều tiền của, đông quyến thuộc, nhiều tôi tớ thì ông phải biết rằng nhà ấy từ trước đến nay luôn thh bố thí cúng dường, tích chứa đúng pháp, cho nên được phước lợi này. Này thôn trưởng! Có tám nhân duyên khiến cho con người tổn giảm phước lợi, chứ không tăng trưởng. Tám nhân duyên ây là gì? Đó là bị vua áp bức, bị giặc cướp lây, bị lửa thiêu cháy, bi nước cuốn trôi, bị tiêu hao khi cất giấu, bị kẻ mượn nợ không trả, bị kẻ oán thù phá hại, bị hoang phí bởi con hư. Đây là tám nhân duyên dẫn đến tiền của khó giữ được dài lâu. Này thôn trưởng! Ta nói vô thường là nhân duyên thứ chín. Như vậy, này thôn trưởng! Ông đã bỏ qua chín nhân, chín duyên trên mà trở lại nói Sa-môn Cù-đàm phá hoại nhà người khác. Nếu ông không từ bỏ lời nói xấu ác, không từ bỏ ác kiến này sẽ như ngọn thương bằng sắt bị ném xuống nước, sau khi lâm chung, ông sẽ đọa vào trong địa ngục nhanh giống như vậy. Lúc ấy, thôn trưởng Đao Sư Thị vô cùng sợ hãi, toàn thân sởn gai ốc, liền bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Con xin sám hối tội lỗi! Con thật ngu si, không sáng suốt, thiếu hiểu biết nên con đã nói ra những lời dối trá hư vọng, không thành thật với Cù-đàm.

Sau khi nghe đức Phật dạy xong, thôn trưởng Đao Sư Thị hoan hỷ và tùy hỷ? rồi đứng dậy rời đi. ***

915. BA LOẠI RUỘNG48 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Hảo Y Am-la? trong thôn Na-la. Bấy giờ, có thôn tniởng Đao Sư Thị, trước đây là đệ tử của Ni-kiền, đi đến chỗ Ni-kiền đảnh lễ rồi ngồi sang một bên. Bây giờ, Ni-kiên nói với thôn trưởng: Ông có thể dùng phương pháp Tật-lê luận để luận nghị với Sa-môn Cù- đàm? khiến cho Sa-môn Cù-đàm nói không được mà không nói cũng không được chăng? Thôn trưởng thưa với Ni-kiền: Thưa thầy! Như thế nào mới được gọi là Tật-lê luận, khiến cho Sa-môn Cù-đàm muốn nói không được mà không nói cũng không được? Ni-kiền bảo thôn trưởng: Ông hãy đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm rồi nói như sau: "C6 phải Sa-môn Cù-đàm luôn muốn an ủi tất cả chúng sanh, khen ngợi để an ủi tất cả chúng sanh chang?" Nếu Ngài ấy trả lời với ông là "kh6ng" thì ông nên hỏi tiếp: "Vậy thì Sa-môn Cù-đàm có khác gì so với hàng phàm phu si m?" Nếu được trả lời rằng: "Thương muốn an ủi tất cả chúng sanh, khen ngợi an ủi tất cả chúng sanh" thi ông nên hỏi lại răng: í6Nêu muôn an ủi tát cả chúng sanh thì vì lý do gì mà Cù-đàm chỉ thuyết pháp cho hạng người này mà lại không thuyết pháp cho hạng người kia?99 Hỏi như vậy thì đó chính là Tật-lê luận, sẽ khiến cho Sa-môn Cù-đàm muốn nói cũng không được mà không nói cũng không được. Sau khi được Ni-kiền khuyến khích, thon trưởng liền đi đến chỗ Phật rồi cung kính chào hỏi. Chào hỏi xong, ông ngồi sang một bên và bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Lẽ nào Ngài không luôn muốn an ủi tất cả chúng sanh, nói lời khen ngợi an ủi chúng sanh ư? Phật nói với thôn trưởng: Như Lai luôn luôn thương xót an ủi tất cả chúng sanh, cũng thường nói lời khen ngợi an ủi tất cả chúng sanh. Thôn trưởng lại bạch Phật: Nếu vậy thì vì cớ gì Như Lai chỉ nói pháp cho hạng người này mà không nói pháp cho hạng người kia?

48 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.915. 0230cl6). Tham chiếu: Biệt Tạp.(102. 0100.130. 0424a05); s. 42.7 - IV. 314.



Phật bảo thôn trưởng: Nay Ta hỏi ông, ông hãy trả lời tùy theo suy nghĩ của mình. Này thôn trưởng! Ví như có ba loại ruộng: Một là loại ruộng phì nhiêu, màu mỡ. Hai là loại ruộng trung bình. Ba là loại ruộng khô cằn. Thôn trưởng, ông nghĩ thế nào? Người chủ ruộng kia sẽ cày bừa và gieo trồng ở mảnh ruộng nào trước? Thôn trưởng thưa: Bạch Cù-đàm! Người chủ ruộng kia sẽ cày bừa và gieo giống xuống thửa ruộng phì nhiêu màu mỡ trước nhất. Đức Phật lại hỏi thôn trưởng: Này thôn trưởng, tiếp theo là cày bừa và gieo giống xuống thửa ruộng nào?

Thôn trưởng đáp:

Thưa Cù-đàm! Người ấy sẽ cày bừa và gieo giống xuống thửa ruộng loại trung bình.

Đức Phật lại hỏi thôn trưởng:

Tiếp đến họ sẽ cày bừa và gieo giống xuống thửa ruộng nào nữa?

Thôn trưởng đáp:

—Sau cùng họ mới cày bừa và gieo giông xuông thửa ruộng khô căn nhát.

Phật hỏi thôn trưởng:

Vì sao như vậy?

Thôn trưởng đáp: Thưa Cù-đàm5 vì điền chủ không muốn bỏ phế ruộng, chỉ giữ lại hạt giống mà thôi. Phật nói với thôn trưởng: -Như Lai cũng vậy! Giống như thửa ruộng phì nhiêu, màu mỡ kia, các Tỳ- kheo, Tỳ-kheo-ni đệ tử của Như Lai cũng giống như vậy. Như Lai luôn vì họ mà diễn nói Chánh pháp, phần đầu, phần giữa và phần cuối đều thiện, nghĩa lý sâu xa, ngôn từ chuẩn xác, thuần nhất thanh tinh, Phạm hạnh trong sạch.49 Các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni này sau khi nghe pháp rồi thì họ sẽ nương vào nhà của Như Lai, hải đảo của Như Lai, sự che chở của Như Lai, bóng mát của Như Lai, đường lối của Như Lai. Họ luôn dùng đôi mắt thanh tịnh để noi theo Như Lai mà an trụ, lại luôn tâm niệm rằng: "Giáo pháp đức Phật tuyên thuyết, nhất định ta phải thọ trì, giúp cho ta luôn được lợi ích và sống trong an vui." Này thôn trưởng! Như thửa ruộng trung bình kia, các đệ tử nam cư sĩ và nữ cư sĩ của Như Lai cũng giống như vậy. Như Lai luôn vì họ mà diễn nói Chánh pháp, phan đầu, phan giữa và phần cuối đều thiện, nghĩa lý tốt đẹp, câu chữ

49 Nguyên tác: Sơ trung hậu thiện, thiện nghĩa, thiện vị, thuần nhất mãn tịnh, Phạm hạnh thanh bạch ( ).Xem chu thích 94, kinh số 53, quyển 2*
tĩ. 55; tại Tạp. (T.02. 0099.53. 0012C04). •



chính xác, thuần nhất thanh tịnh, Phạm hạnh trong sạch, chỉ dạy rõ ràng. Sau khi nghe pháp rồi, nam cư sĩ và nữ cư sĩ này sẽ nương vào nhà của Như Lai, hải đảo của Như Lai, sự che chở của Như Lai, bóng mát của Như Lai, đường lối của Như Lai. Họ luôn dùng đôi mắt thanh tịnh để noi theo Như Lai mà an trụ, lại luôn tâm niệm rằng: "Giáo pháp đức Phật tuyên thuyết, nhất định ta phải thọ trì, giúp cho ta luôn được lợi ích và sống trong an vui.” Này thôn trưởng! Như thửa ruộng xấu và khô cằn kia, các ngoại đạo dị học Ni-kiền tử cũng giống như vậy. Như Lai cũng vì họ mà diễn nói Chánh pháp, phân đâu, phân giữa và phân cuôi đêu thiện, nghĩa lý sâu xa, ngôn từ chuân xác, thuần nhất thanh tịnh, Phạm hạnh trong sạch. Tuy nhiên, trong số họ có một ít người nghe pháp thì Như Lai cũng vì họ giảng nói; nếu nhiều người nghe pháp thì Như Lai cũng vì họ mà giảng nói. Nhưng trong số những người này, đối với việc Như Lai khéo nói pháp mà có the hiểu được ý nghĩa của một câu pháp thì cũng nhận được lợi ích lâu dài và sống trong an vui. Bấy giờ, thôn trưởng bạch Phật: Kỳ diệu thay, thưa Thế Tôn! Ngài đã khéo nói thí dụ về ba loại ruộng.

Phật bảo thôn trưởng: r -Ong hãy lăng nghe Như Lai nói thêm thí dụ. Ví như một người có ba chiêc bình đựng nước. Chiêc bình thứ nhát không bi thủng, không bị hư hoại, cũng không rỉ chảy. Chiếc bình thứ hai không thủng, không bị hư hoại, nhưng có rỉ chảy. Chiếc bình thứ ba bị thủng, bị hư hoại, lại thêm bị rỉ chảy. Này thôn trưởng, ông nghĩ thê nào, trong ba chiêc bình ây, người kia sẽ đựng nước sạch trong chiếc bình nào? Thôn trưởng đáp: -Thưa Cù-đàm! Người ấy trước tiên nên dùng chiếc bình không thủng, không hư hoại, không ri chảy để đựng nước. Phật lại hỏi thôn trưởng: - Ke đến người ấy nên dùng chiếc bình nào để đựng nước? Thôn trưởng đáp: -Thưa Cù-đàm! Ke

đến nên dùng chiếc bình không thủng, không hư hoại, nhimg có rỉ chảy để đựng nước. Phật lại hỏi thôn trưởng: —Khi hai chiếc bình đó đã đầy nước thì sau cùng phải dùng chiếc bình nào để đựng nước? Thôn trưởng thưa: Sau cùng đành phải dùng chiếc bình vừa bị thủng vừa bị hư hoại, lại vừa bi rỉ chảy để đựng nước thôi! Vì sao như vậy? Vì chỉ tạm dùng cho việc nhỏ ở trong chốc lát.



Phật bảo thôn trưởng: Như chiếc bình không thủng, không hư hoại và không rỉ chảy, các đệ tử Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni của Như Lai cũng giống như vậy. Như Lai luôn vì họ diễn nói Chánh pháp... (cho đếrỉ) luôn luôn đem đến nhiều lợi ích, giúp họ sống trong an vui. Như chiếc bình thứ hai, không thủng, không hư hoại, nhimg bi rỉ chảy, các đệ tử nam cư sĩ và nữ cư sĩ của Như Lai cũng giống như vậy. Như Lai luôn vì họ diễn nói Chánh pháp... (cho đen) luôn đem đen cho họ nhiều lợi ích, giúp họ sống trong an vui. Như chiếc bình thứ ba, vừa bị thủng vừa bị hư hoại lại cũng bị ri chảy, các hàng ngoại đạo dị học Ni-kiền tử cũng giống như vậy. Như Lai cũng vì những người này diên nói Chánh pháp, phân đâu, phân giữa và phân cuôi đêu thiện, nghĩa lý tốt đẹp, câu chữ chính xác, thuần nhất thanh tịnh, Phạm hạnh trong sạch, chỉ dạy rõ ràng. Dù nhiều người hay ít người thì Như Lai cũng vì họ mà nói pháp. Tuy nhiên, trong số họ nếu có người nào hiểu được ý nghĩa một câu pháp mà Như Lai nói thì cũng được an ổn lâu dài và sống trong an vui. Khi thôn trưởng Đao Sư Thị nghe Phật nói như vậy, trong lòng vô cùng sợ hãi, toàn thân sởn gai ốc, liền đến đảnh lễ sát chân Phật và sám hối lỗi lầm. Kính bạch Thế Tôn! Con thật quá si mê, không thiện lương, thiếu hiểu biết, đã nói lời không chân thật, hư ngụy dối trá đối với Thế Tôn! Sau khi nghe Phật dạy xong, thôn trưởng Đao Sư Thị, hoan hỷ và tùy hỷ5 đảnh lễ Phật roi rời đi. ***

916. TRIẾT LÝ CỦA NI-KIỀN50 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Hảo Y Am-la5 tại thôn Na-la. Bấy giờ, thôn trưởng Đao Sư Thị là đệ tử của Ni-kiền đi đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Khi ấy, Thế Tôn hỏi thôn trưởng: Ông muốn luận bàn về điều gì? Ni-kiền Nhã-đề tử51 đã nói những điều gì?

Thôn trưởng thưa: Bạch Thế Tôn! Ni-kiền Nhã-đề tử nói như vầy: 'Tất cả những người sát sanh đêu bị đọa vào địa ngục, vì do họ gây tạo [nghiệp ấy] nhiều nên mới dẫn đến sanh vào nơi ấy. Cũng vậy? trộm cướp, tà dâm, nói dối đều đọa vào địa ngục, vì do họ gây tạo [nghiệp ấy] nhiều nên mới dẫn đến đọa vào nơi ấy."

50 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.916. 0231CƠ3). Tham chiếu: Biệt Tạp.(r 02. 0100.131. Ỏ424C14); S. 42.8- IV 317. 51 Ni-kiền Nhã-đề tử (,Nigantha Nātaputta).



Phật nói với thôn trưởng: —Như Ni-kiền Nhã-đề tử nói: :Những người sát sanh đều bị đọa vào địa ngục, vì họ gây tạo [nghiệp ấy] nhiều nên mới dẫn đến sanh vào nơi ấy." Nếu vậy sẽ không có chúng sanh nào đọa địa ngục. Này thôn trưởng, ý ông nghĩ sao? Có những chúng sanh nào mà ở trong mọi thời khắc đều có tâm sát sanh? Lại ở trong thời điểm nào thì họ có tâm không sát sanh... (cho đên) lúc nào có tâm nói dối, lúc nào có

tâm không nói dối? Thôn trưởng bạch Phật:  Kính bạch Thế Tôn! Trọn cả ngày đêm, con người ít khi có tâm sát sanh... (cho đến) ít khi có tâm nói dối mà phần nhiều là không có tâm sát sanh... (cho đến) không có tâm nói dối. Phật nói với thôn trưởng: Nếu như vậy thì phải chăng sẽ không có người đọa vào địa ngục ư? Như Ni-kiền nói: "Tất cả những người sát sanh đều bị đọa vào địa ngục, vì họ gây tạo [nghiệp ấy] nhiều nên mới dẫn đến sanh vào nơi ấy... (cho đến nói dối cũng giống như vậý)y Này thôn trưởng! Bậc Đại sư kia xuất hiện ở thế gian, bằng giác tưởng suy lường, thể nhập cõi giác tưởng rồi an tru ở địa vi phàm phu. Vị ấy tự đặt ra điều luận thuyêt roi suy lường theo ý riêng, sau đó vì các đệ tử mà nói pháp như vây: "Tất cả những người sát sanh đều bi đọa vào địa ngục, vì họ gây tạo [nghiệp ấy] nhiêu nên mới dân đên sanh vào nơi ây... {cho đên nói dôi cũng giông như vậy)y Các đệ tử của vị ấy nếu tin vào những lời vị ấy nói và cho rằng: "Dại sư của ta biết những điều cần biết, thấy những điều cần thấy, khéo vì đệ tử mà nói như vây: 'Tát cả những người sát sanh đêu bị đọa vào địa ngục, vì họ gây tạo [nghiệp ấy] nhiều nên mới dẫn đến sanh vào nơi ấy.' Ta nay vốn sẵn có tâm sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối nên sẽ đọa vào địa ngục.,, Do có kiến chấp như vậy, thậm chí không xả bỏ kiến chấp này, không chán ghét việc làm ấy, chẳng biết ăn năn tội kia, cho nên mãi đến đời tương lai cũng chẳng từ bỏ nghiệp sát sanh... {cho đến) không dứt bỏ nghiệp nói dối. Vị ấy với tâm giải thoát không đầy đủ, tuệ giải thoát cũng không đầy đủ. Do tâm giải thoát và tuệ giải thoát không đầy đủ nên vị ấy rơi vào tà kiến, hủy báng Hiền thánh. Do nhân duyên tà kiến nên khi thân hoại mạng chung, vị ấy sẽ rơi vào đường ác, sanh trong địa ngục. Như vậy, này thôn trưởng! Có nhân, có duyên khiến chúng sanh phiền não; có nhân, có duyên khiến chúng sanh tạo nghiệp phiền não. Này thôn trưởng! Đấng Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, The Gian Giải, Vô Thirợng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Su, Phật, Thế Tôn thị hiện ở thế gian luôn vì chúng sanh mà quở trách việc sát sanh, khen ngợi việc không sát sanh; quở trách việc trộm cướp, tà dâm, nói dối; khen ngợi việc không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối; thường



dùng Chánh pháp này để giáo hóa các đệ tử, khiến họ nghĩ nhớ, ưa thích, tin nhận, tôn trọng mà tự nói rằng: "Dại sư của ta biết rõ điều cần biết, thấy rõ điều can thấy, quở trách việc sát sanh, khen ngợi việc không sát sanh... (cho đến) quở trách việc nói dối, khen ngợi việc không nói dối. Từ trước đến nay ta vì si mê, thiếu trí tuệ nên đã có tâm sát sanh; vì vậy nay ta ăn năn tự trách mình.,, Tuy không the khiến cho những nghiệp kia không sanh khởi nữa, nhưng nhờ sự ăn năn tự trách này mà đời tương lai được xa lìa nghiệp sát sanh... (cho đến) được xa lìa nghiệp trộm cướp, tà dâm, nói dối, đồng thời được đầy đủ tâm giải thoát hoàn toàn, đầy đủ tuệ giải thoát. Khi tâm giải thoát và tuệ giải thoát đã đầy đủ rồi thì vi ấy sẽ không hủy báng Hiền thánh và thành tựu được chánh kiến. Nhờ có chánh kiến nên được sanh về cõi lành, sanh lên cõi trời. Như vậy, này thôn trưởng! Có nhân, có duyên khiên chúng sanh tạo nghiệp phiền não hoặc thanh tịnh. Này thôn trưởng! Vị Thánh đệ tử đa văn ấy nên học tập như vầy: "Dù ngày hay đêm, tùy theo mọi thời khắc, phải luôn quan sát để biết tâm niệm sát sanh khởi lên ít, còn tâm không sát sanh khởi lên nhiều. Nếu có tâm sát sanh thì phải ăn năn tự trách

mình không đúng, sai quây; nêu không có tâm sát sanh, không oán không ghét thì tâm sanh tùy hỷ. Khi đã có tâm tùy hỷ thì hoan hỷ sanh; nhờ có hoan hỷ nên tâm khinh an; tâm đã khinh an nên tâm nhận được an lạc; do đã nhận được an lạc nên tâm an định; khi tâm đã an định thì tâm của vị Thánh đệ tử tương ưng với từ, không oán thù, không ganh ghét, không sân hận, tâm trải rộng vô lượng trùm khắp một phương, thể nhập rồi an trụ; trùm khắp hai phương, ba phương cho đến bốn phương, bốn hướng, phương trên, phương dưới, tất cả thế gian, tâm đều tương ưng với từ, không oán giận, không ganh ghét, không sân hận, rộng lớn vô lượng, khéo tu tập đầy khắp các phương, thể nhập rồi an trụ đầy đủ." Khi đó, Thế Tôn dùng móng tay lấy lên một ít đất rồi hỏi thôn trưởng Đao Sư Thị:  Này thôn trưởng! Thê nào, đát trong móng tay Như Lai nhiêu hay đát ở đại địa nhiều? Thôn trưởng bạch Phật: -Kính bạch Thế Tôn! Đất trên móng tay Thế Tôn rất ít, còn đất trên đại địa thì nhiều hơn gấp vô lượng, vô số. Phật bảo thôn trưởng: -Giống như lượng đất trên móng tay rất ít so với lượng đất nơi đại địa nhiều vô lượng, cũng vậy, người khéo tu tập tâm tương ưng với từ, tu tập và tu tập thuân thục thì các nghiệp có hạn lượng, chỉ ít như sô đát dính trên móng tay Như Lai, không thể đem đi, cũng không thể làm cho trụ lại. Cũng vậy, người biết dùng tâm bi để đối trị tâm trộm cướp, dùng tâm hỷ để đối tri tâm tà dâm,



dùng tâm xả để đối trị tâm nói dối thì các nghiệp có hạn lượng, không thể đem so sánh được. Trong lúc Thế Tôn giảng nói pháp này, thôn trưởng Đao Sư Thị xa lìa trần câu, được pháp nhãn tịnh. Bây giờ9 thôn trưởng thây pháp, đăc pháp, giác ngộ giáo pháp, thể nhập giáo pháp, vượt khỏi nghi ngờ, không nương ai khác, không do ai khác mà được độ thoát, ở trong giáo pháp được vô sở úy. Ông ấy liền từ chỗ ngồi đứng dậy sửa lại y phục, gối phải quỳ sát đất, chắp tay bạch Phật:  Kính bạch Thế Tôn! Con đã được độ, con đã vượt thoát. Từ nay, con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo-tăng? nguyện suôt đời làm ưu-bà-tăc. Thưa Thế Tôn! Ví như có người muốn có ánh sáng đèn, liền dùng đuôi ngựa để làm tim đèn; người ấy muốn thổi cho lửa cháy sáng, nhưng cuối cùng thì không thể cháy sáng, chỉ luống công nhọc sức mình chứ đèn không bao giờ sáng. Con cũng như vậy, muốn tìm minh trí nơi các Ni-kiền tử si mê nên đã thân cận, hòa hợp và phụng sự một cách ngu si, uổng công nhọc sức mình mà chẳng có được minh trí. Thế nên, nay con lại xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Ty-kheo-tang. Từ nay trở đi, đối với đường lối của Ni-kiền tử ngu si, bất thiện, thiếu hiểu biết kia, con không còn tin, không còn kính, không còn nghĩ đến, không còn yêu mên, nhát định xa lìa họ. Vì thê, nay lân thứ ba con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo-tăng? nguyện suốt đời làm iru-bà-tắc, tự làm thanh tịnh tâm mình. Bây giờ, thôn trưởng Đao Sư Thị nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ Phật rồi rời đi. ***

917. BA LOẠI NGỰA ĐƯỢC ĐIỀU PHỤC52 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. , Bay giờ, The Ton bao các Ty-kheo: -Thê gian có ba loại ngựa được điêu phục. Là ba loại nào? Có loại ngựa sự nhanh nhẹn đầy đủ, nhưng sắc không đầy đủ và hình thể không đầy đủ; có loại ngựa sắc đầy đủ, sự nhanh nhẹn đầy đủ? nhimg hình thể không đầy đủ; có loại ngựa sự

nhanh nhẹn đầy đủ, sắc đầy đủ và hình thể cũng đầy đủ. Cũng vậy, có ba hạng người được điều phục. Là ba hạng người nào? Có hạng người sự nhạy bén đầy đủ? nhưng sắc không đày đủ, hình dáng không đầy đủ; có hạng người sự nhạy bén đầy đủ, sắc đầy đủ, nhưng hình dáng không đầy đủ; có hạng người sự nhạy bén đầy đủ, sắc đầy đủ và hình dáng cũng đầy đủ.

52 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.917. 0232ỒỒ24). Tham chiếu: Tạp.(02. 0099.918. Ổ232c29ỵ Biêt Tạp.(r.02. 0100.143. 0428ỒỒ04); Biết Tạp.(r.ối 0100.144. 0428cl6);4 3.140I. 287; A 3.141 -1. 289; A. 9.22 - IV. 397.



Này các Tỳ-kheo! Thế nào là hạng người chưa được điều phục, dù có sự nhạy bén đầy đủ, sắc không đầy đủ, hình thể không đầy đủ? Đó là hạng người biết như thật rằng: “Dây là khổ, đây là nguyên nhân của khổ, đây là khổ diệt và đây là con đường đưa đến khổ diệt y Quán sát như vậy mà đoạn trừ ba kiết sử là thân kiến, giới thủ và nghi. Khi đã đoạn sạch ba kiết sử này thì được quả Tu-đà- hoàn, không còn đọa vào đường ác, quyết định thẳng đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần trở lại cõi trời, cõi người, rồi sau đó hoàn toàn vượt thoát khổ đau. Đây gọi là người nhạy bén đầy đủ. Thế nào là người sắc không đầy đủ? Nghĩa là nếu có người hỏi về Luận và Luật thì không thể dùng lời nói và diệu nghĩa đầy đủ rồi giải thích trọn vẹn theo thứ tự. Đây gọi là hạng người sắc không đầy đủ. Thế 9 A nào là người hình thê không đây đủ? Nghĩa là hạng người không có đức độ và tiêng tăm đê khiên cho thí chủ phát tâm cúng dường các món cân dùng như là y phục, thực phàm, giường năm, thuôc thang... Đây gọi là người nhạy bén đây đủ, nhưng sắc không đầy đủ, hình thể không đầy đủ. Thế nào là hạng người có sự nhạy bén đầy đủ, sắc đầy đủ nhimg hình thể không đầy đủ? Đó là hạng người biết như thật rằng: "Đây là khổ, đây là nguyên nhân của khổ, đây là khổ diệt và đây là con đường đưa đến khổ diệt... (cho đến) hoàn toàn vượt thoát khổ đau. Đây là hạng người nhạy bén đầy đủ. Thế nào là người sắc đầy đủ? Nghĩa là nếu có người hỏi về Luận và Luật... (cho đến) có thể vì họ mà giải thích. Đây gọi là sắc đầy đủ. Thế nào là người hình thể không đầy đủ? Nghĩa là người không có đức độ lớn và tiếng tăm để khiến cho thí chủ phát tâm cúng dường các món cân dùng như là y phục, thực phàm, giường năm, thuôc thang... Đây gọi là hạng nhạy bén đây đủ, săc đây đủ, nhung hình thê không đầy đủ. Thế nào là hạng người có sự nhạy bén đầy đủ9 có sắc đầy đủ và hình thể cũng đầy đủ? Đó là hạng người biết như thật rằng: “Bây là khổ, đây là nguyên nhân của khổ, đây là khổ diệt và đây là con đường đưa đến khổ diệt... (cho đến) hoàn toàn vượt thoát kho đau. Đây là hạng người có sự nhạy bén đầy đủ. Thế nào là người có sắc đầy đủ? Nghĩa là nếu có người hỏi về Luận và Luật... (cho đến) có thể vì họ mà giải thích. Đây gọi là người có sắc đầy đủ. Thế nào là người có hình thể đầy đủ? Đó là người có đức độ và tiếng tăm... {cho đen) giường nam, thuốc thang trị bệnh. Đây gọi là người có hình thể đầy đủ. Như vậy gọi là người có sự nhạy bén đầy đủ, sắc đầy đủ và hình thể cũng đầy đủ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

918. BA LOẠI NGỰA TỐT53 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà5 thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Thế gian có ba loại ngựa hay. Là ba loại nào? Có loại ngựa nhanh nhẹn đầy đủ, nhung sắc không đầy đủ, hình thể không đầy đủ; có loại ngựa nhanh nhẹn đầy đủ, sắc đầy đủ, nhưng hình thể không đầy đủ; có loại ngựa nhanh nhẹn đầy đủ, sắc đầy đủ và hình thể cũng đầy đủ. ở trong Chánh pháp và Giới luật của Như Lai cũng có ba hàng thiện nam. Là ba hàng thiện nam nào? Đó là hàng thiện nam nhạy bén đầy đủ, nhưng sắc không đay đủ, hình the không đầy đủ; có hàng thiện nam nhạy bén đầy đủ, sắc đầy đủ, nhưng hình thể không đầy đủ; có hàng thiện nam nhạy bén đầy đủ, sắc đầy đủ và hình thể cũng đầy đủ. Thế nào là hàng thiện nam nhạy bén đầy đủ9 nhưng sắc không đầy đủ, hình thể không đầy đủ? Đó là hàng thiện nam biết như thật Thánh đế về khổ, biết như thật Thánh đế về nguyên nhân của khổ, biết như thật Thánh đế về khổ diệt và biết như thật Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt. Khi đã biết như vậy, đã thấy như vậy rồi, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử là thân kiến, giới thủ, nghi, tham dục và sân hận. Sau khi đã đoạn được năm hạ phần kiết sử này rồi, vi ấy được Sanh Bát-niết-bàn, chứng A-na-hàm, không còn sanh lại cõi đời e e \ : r r * \ này nữa. Đây gọi là hàng thiện nam nhạy bén đây đủ. Thê nào là săc không đây đủ? Nghĩa là nếu có người hỏi về Luận, về Luật thì họ không có khả năng dùng lời lẽ và diệu nghĩa để lần lượt theo đó mà định đoạt giải thích. Đây gọi là sắc không đầy đủ. Thế nào là hình thể không đầy đủ? Nghĩa là hạng người không CÓ đức độ và tiêng tăm đê khiên cho thí chủ phát tâm cúng dường các món cân dùng như là y phục, thực phẩm, thuốc thang trị bệnh. Đây gọi là hàng thiện nam nhạy bén đầy đủ, nhưng sắc không đầy đủ, hình thể không đầy đủ. Thê nào là hàng thiện nam nhạy bén đây đủ5 sác đây đủ? nhưng hình thê không đầy đủ? Đó là hàng thiện nam khéo biết như thật Thánh đế về khổ này... r r e (cho đên) đạt được Sanh Bát-niêt-bàn, chứng A-na-hàm, không còn sanh lại cõi đời này nữa. Đây gọi là hàng thiện nam nhạy bén đầy đủ. Thế nào là hàng thiện nam có săc đây đủ? Nghĩa là nêu có người hỏi vê Luận, vê Luật thì họ có khả năng dùng lời lẽ và diệu nghĩa đê lân lượt theo đó mà quyêt định giải thích. Đây gọi là sắc đầy đủ. Thế nào là hàng thiện nam hình thể không đầy đủ? Nghĩa là người không có đức độ và tiếng tăm để khiến cho thí chủ phát tâm cúng dường các món cần dùng như là y phục, thực phẩm, thuốc thang trị bệnh. Đây gọi là hàng thiện nam có nhạy bén đây đủ? sác đây đủ, nhimg hình thê không đây đủ.

53 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.918. 0232c29). Tham chiếu: Biệt Tạp.(r 02. 0100.144. 0428cl6);^. 37138 - L 289.



Thế nào là hàng thiện nam nhạy bén đầy đủ, sắc đầy đủ và hình thể cũng đầy đủ? Đó là hàng thiện nam khéo biết như thật Thánh đế về khổ này... (cho đến) đạt được Sanh Bát-niết-bàn, chứng A-na-hàm, không còn sanh lại cõi đời này nữa. Đây gọi là hàng thiện nam nhạy bén đầy đủ. Thế nào là hàng thiện nam có sắc đầy đủ? Nghĩa là nếu có người hỏi về Luận, về Luật... (cho đến) khéo vì họ mà giải thích. Đây gọi là sắc đầy đủ. Thế nào là có hình thể đày đủ? Nghĩa là người có đức độ và tiếng tăm có thể khiến cho

thí chủ phát tâm cúng dường các vật dụng cần dùng... (cho đên) thuốc thang trị bệnh. Đây gọi là thiện nam có hình thể đầy đủ. Đây gọi là hàng thiện nam có sự nhạy bén đầy đủ, sắc đầy đủ và hình thể cũng đầy đủ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.54

54 Bản Hán, hết quyển 32.

QUYỂN 33 985

QUYỂN 33 919. BA LOẠI NGỰA HAY1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: The gian có ba loại ngựa hay. Là ba loại nào? Có loại ngựa nhạy bén đầy đủ, nhimg sắc không đầy đủ, hình thể không đầy đủ; có loại ngựa nhạy bén đầy đủ, sắc đầy đủ, nhung hình thể không đầy đủ; có loại ngựa nhạy bén đầy đủ5 sắc đầy đủ và hình thể cung đầy đủ. ở trong Chánh pháp và Giới luật của Như Lai cũng có ba hàng thiện nam. Là ba hàng thiện nam nào? Đó là hàng thiện nam nhạy bén đầy đủ, nhưng sắc không đầy đủ, hình thể không đầy đủ; có hàng thiện nam nhạy bén đầy đủ5 sắc đay đủ, nhưng hình thể không đầy đủ; có hàng thiện nam nhạy bén đầy đủ? sắc đầy đủ và hình thể cũng đầy đủ. Thế nào là hàng thiện nam nhạy bén đày đủ? nhimg sắc không đầy đủ, hình thể không đầy đủ? Đó là hàng thiện nam biết như thật Thánh đế về khổ này, biết như thật Thánh đế về nguyên nhân của khổ, biết như thật Thánh đế về khổ diệt và biết như thật Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt. Khi đã biết như vậy, đã thấy như vậy rồi nên tâm giải thoát khỏi dục lậu, tâm giải thoát khỏi hữu lậu, tâm giải thoát khỏi vô minh lậu, tự nhận biết rằng: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Đây gọi là hàng thiện nam nhạy bén đầy đủ. Thế nào là sắc không đầy đủ? Nghĩa là nếu có người hỏi về Luận, Luật... (cho đến) không thể vì họ mà đinh đoạt giải thích; đây gọi là sắc không đầy đủ. Thế nào là hình thể không đầy đủ? Nghĩa là hạng người không có đức độ và tiếng tăm lớn... (cho đến) khiến thí chủ không phát tâm cúng dường các món cần dùng và thuốc thang trị bệnh. Đây gọi là hình thể không đầy đủ. Đây gọi là hàng thiện nam có sự nhạy bén đầy ỉa, nhưng sắc không đầy đủ, hình the không đay đủ. Thế nào là hàng thiện nam có sự nhạy bén đầy đủ, sắc đầy đủ? nhưng hình thể không đầy đủ? Đó là hàng thiện nam khéo biết như thật Thánh đế về khổ này... (cho đến) không còn sanh lại cõi đời này nữa. Đây gọi là hàng thiện nam

1 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.919. 0233Ồ13). Tham chiếu: Biệt Tạp.(T.02. 0100.145. 0429a09); A. 3.142 - L 290; A. 9.22 - IV. 397.

986 KINH TẠP A-HÀM

nhạy bén đầy đủ. Thế nào là hàng thiện nam có sắc đày đủ? Nghĩa là nếu có người hỏi về Luận, Luật... (cho đến) vì họ mà quyết định giải thích. Đây gọi là sắc đầy đủ. Thế nào là hàng thiện nam hình thể không đầy đủ? Nghĩa là người không có đức độ và tiếng tăm lớn... (cho đếrỉ) khiến thí chủ không phát tâm cúng dường các vật dụng cần dùng và thuốc thang trị bệnh. Đây gọi là hàng thiện nam có sự nhạy bén đây đủ, săc đây đủ, nhimg hình thê không đây đủ. Thế nào là hàng thiện nam nhạy bén đày đủ, sắc đầy đủ

và hình thể cũng đầy đủ? Đó là hàng thiện nam khéo biết như thật Thánh đế về khổ này... (cho đến) tự biết không còn tái sanh. Đây gọi là hàng thiện nam nhạy bén đầy đủ. Thế nào là hàng thiện nam có sắc đầy đủ? Nghĩa là nếu có người hỏi về Luận, Luật... (cho đếrỉ) có thể vì họ mà quyết định giải thích. Đây gọi là sắc đầy đủ. Thế nào là có hình thể đầy đủ? Nghĩa là người thiện nam có đức độ và tiếng tăm lớn... (cho đến) có thể khiến thí chủ phát tâm cúng dường các vật dụng cần dùng và thuốc thang tri bệnh. Đây gọi là thiện nam có hình thể đầy đủ. Đây gọi là hàng thiện nam có sự nhạy bén đầy đủ, sắc đầy đủ và hình thể cũng đầy đủ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đêu hoan hỷ phụng hành. ***

920. BA LOẠI NGƯA QUÝ2 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm? vườn Ca-lan-đà5 thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  The gian có ba loại ngựa quý được nhà vua dùng để kéo xe. Là ba loại nào? Đó là loại ngựa quý có sác đây đủ, loại ngựa quý có sức lực đây đủ và loại ngựa quý có sự nhanh nhẹn đầy đủ. Cũng vậy, trong Chánh pháp và Giới luật của Như Lai có ba hàng thiện nam đáng được người thế gian cung kính, cúng dường, là ruộng phước vô thượng. Là ba hàng thiện nam nào? Đó là hàng thiện nam có sắc đay đủ, hàng thiện nam có sức lực đầy đủ và hàng thiện nam có sự nhạy bén đầy đủ. Thế nào là hàng thiện nam có sắc đầy đủ? Nghĩa là hàng thiện nam sống trong tịnh giới Ba-la-đề-mộc-xoa 5 thực hành đầy đủ oai nghi và hành xứ, thấy lôi nhỏ nhặt sanh tâm sợ hãi5 luôn giữ gìn học giới. Đây gọi là hàng thiện nam có sắc đầy đủ. Thế nào là hàng thiện nam có sức lực đầy đủ? Nghĩa là hàng thiện nam này đôi với các pháp ác và bất thiện đã sanh thì phát khởi ước muốn, nỗ lực, nhiếp tâm, tăng trưởng siêng năng để đoạn trừ chúng; đối với pháp ác và bất thiện

2Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(ro2. 0099.920. 0233cl9). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100.146. 0429a23); Mã hữu tam tướng kỉnh (7.02. 0114. 050ÓCÍ1); A. 3.96-98 -L 244-45.



chưa sanh thì phát khởi ước muốn nỗ lực, nhiếp tâm, tăng trưởng siêng năng khiến chúng không sanh khởi; đối với pháp thiện chưa sanh thì phát khởi ước muốn, nỗ lực, nhiếp tâm, tăng trưởng siêng năng làm cho chúng sanh khởi; đối với pháp thiện đã sanh thì phát khởi ước muốn, nỗ lực, nhiếp tâm, tăng trưởng siêng năng nhằm duy trì chúng, không để tổn giảm. Đây gọi là hàng thiện nam có sức lực đầy đủ. Thế nào là hàng thiện nam có sự nhạy bén đầy đủ? Nghĩa là hàng thiện nam biết như thật Thánh đế về khổ... (cho đến) đạt được quả vị A-la-hán, không còn tái sanh. Đây gọi là có sự nhạy bén đầy đủ. Đây gọi là những hàng thiện nam có sắc đầy đủ, có sức lực đầy đủ và có sự nhạy bén đầy đủ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

921. BỐN ĐỨC3 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà9 thuộc thành Vương Xá. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo:  Trong thế gian, nếu có một loại ngựa hội đủ bốn phẩm chất tốt lành thì phải biết đó là con ngựa quý, có

thể dùng để kéo xe cho vua. Là bốn phẩm chất nào? Đó là hiền thiện, nhanh nhạy, giỏi chịu đựng và nhu thuận. Cũng vậy, người thiện nam nào thành tựu bốn đức thì được mọi người kính trọng, phụng sự cúng dường, là ruộng phước cao quý. Bốn đức ấy là gì? Đó là người thiện nam thành tựu giới thân4 Vô học, đinh thân Vô học, tuệ thân Vô học và giải thoát thân Vô học. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

922. Tự ĐIỀU PHỤC VÀ BỊ ĐIỀU PHỤC5 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-dà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Thế gian có bốn loại ngựa tốt. Đó là, có loại ngựa tốt khi được đóng vào xe thì giúp xe giữ được thăng bằng, chỉ cần nhìn thấy bóng roi liên chạy nhanh,

3 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.921. 0234a08). Tham chiếu: Biệt Tạp.(7.02. 0100.147/0429b08); A. 4.259-260 -II. 250-51. 4 Giới thân ()còn được dịch là 4tgiới tụ"(),ugiới uẩn”(,sīlakkhandhani).

5 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.922. 0234al6). Tham chiếu: Biệt Tạp.(T.02. 0100.148.0429bl5); A. 4.113 - IL 114.



khéo quan sát các động tác của người điều khiển để chạy nhanh hoặc chậm, hoặc đi bên trái hay bên phải, thuận theo ý của người điều khiển. Này các Tỳ- kheo, đây là những phẩm chất của loại ngựa tốt thứ nhất ở thế gian. Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Thế gian có loại ngựa tốt, nhưng không phải do quay nhìn bóng roi liền tự biết sợ mà phải dùng đến roi, gậy chạm vào lông đuôi của nó thì mới có thể làm nó sợ hãi, khiến chạy nhanh, tùy theo ý của người điều khiển mà chạy nhanh hoặc chậm, đi bên phải hay bên trái. [Này các Tỳ- kheo, đây là những phẩm chất của] loại ngựa tốt thứ hai ở the gian. Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Thế gian có loại ngựa tốt nhimg không phải do quay nhìn bóng roi hay phải dùng roi chạm vào lông, vào da thịt để khiến nó làm theo ý người mà cần phải dùng đến roi, gậy đánh nhẹ vào da thịt mới có thê khiến nó sợ hãi rồi chạy theo ý người điều khiển, hoặc chạy nhanh hoặc chạy chậm, đi bên phải hay bên trái. [Này các Tỳ-kheo5 đây là những phẩm chất của] loại ngựa tốt thứ ba [ở thế gian]. Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Thế gian có loại ngựa tốt nhưng không phải do nhìn bóng roi hay chạm vào vào lông, vào da thịt, hay đánh nhẹ vào da thịt để khiến nó làm theo ý người mà can phải dùng đen dùi sắt đâm vào thân, xuyên qua da, đả thương xương cốt, sau đó ngựa mới kinh hãi mà kéo xe trên đường thuận theo ý người điều khiển, hoặc nhanh hoặc chậm, hoặc đi bên phải hay bên trái. [Này các Tỳ-kheo, đây là những phàm chát của] loại ngựa tót thứ tư ở thê gian. Cũng vậy, trong Chánh pháp và Giới luật của Như Lai cũng có bốn hàng thiện nam. Là bốn hàng nào? Đó là hàng thiện nam khi vừa nghe tin có người nam hay người nữ ở thôn xóm khác bị bệnh tật khốn khổ, hoặc sắp chết, liền sanh lòng lo sợ5 nương theo chánh tư duy, giống như con ngựa tốt kia chỉ cần nhìn bóng roi là có thể tự điều khiển. Đây gọi là hàng thiện nam thứ nhất khéo tự điều phục ở trong Chánh pháp và Giới luật. Lại nữa, có hàng thiện nam không phải do nghe tin có người nam hay người nữ ở thôn xóm khác bị khổ vì già,

bệnh, chết liền sanh lòng lo sợ, nương theo chánh tư duy mà phải đích thân trông thấy những người nam, người nữ ở thôn xóm khác bị khổ vì già, bệnh, chết mới sanh lòng lo sợ, nương theo chánh tư duy, giống như con ngựa tốt kia cần phải chạm vào lông đuôi của nó thì mới có the điều phục nó theo ý người điều khiển. Đây gọi là hàng thiện nam thứ hai khéo tự điều phục ở trong Chánh pháp và Giới luật. Lại nữa, có hàng thiện nam không phải do nghe tin hay tự thân chứng kiến những người nam, người nữ ở thôn xóm khác bị khổ vì già, bệnh, chết liền sanh lòng lo sợ, nương theo chánh tư duy mà chỉ khi chứng kiến những người thân quyến ở thành ấp hay thôn xóm bên cạnh bị khổ vì già, bệnh, chết mới sanh lòng sợ hãi, nương theo chánh tư duy, giống như con ngựa tốt kia, phải bị roi chạm vào da thịt thì sau đó mới điều phục theo ý người điều khiển. Đây gọi là hàng thiện nam thứ ba khéo tự điều phục ở trong Chánh pháp và Giới luật.

QUYỂN 33 989

Lại nữa, có hàng thiện nam không phải do nghe và thấy những người nam, người nữ ở thôn xóm khác và những người thân thuộc bị khổ vì già, bệnh, chết liền sanh lòng sợ hãi, nương theo chánh tư duy mà phải tự thân mình chịu khổ vì già, bệnh, chết mới sanh lòng nhàm chán, sợ hãi, nương theo chánh tư duy, giống như con ngựa tốt kia chỉ khi bị đâm vào da thịt, thấu tận xương cốt, sau đó mới chịu điều phục theo ý của người điều khiển. Đây gọi là hàng thiện nam thứ tư khéo tự điều phục ở trong Chánh pháp và Giới luật. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

923. BA CÁCH LUYỆN NGƯA (2)6 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, có người làm nghề huấn luyện ngựa tên là Chỉ-thi7 đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: Kính bạch Thế Tôn! Con nhận thấy con người trong thế gian thật là thấp kém, giống như bầy dê. Bạch Thế Tôn! Chỉ có con là có khả năng điều phục được ngựa cuông, ngựa hoang, ngựa chứng. Con có phương pháp, chỉ cần trong giây lát là có the khiến cho những chứng tật của chúng hiện ra và tùy theo chứng tật đó mà có cách điều phục nó. Phật hỏi thôn trưởng làm nghề huấn luyện ngựa: Ông dùng bao nhiêu cách để điều phục ngựa?

Người huấn luyện ngựa bạch Phật: Có ba cách để điều phục ngựa chứng. Đó là ba cách nào? Một là mềm mỏng. Hai là cứng rắn. Ba là vừa mềm mỏng vừa cứng rắn. Phật lại hỏi thôn trưởng: -Nếu như ông dùng ba cách này để điều phục ngựa mà vẫn không điều phục được thì phải làm thế nào? Người huấn luyện ngựa bạch Phật: Nếu vẫn không điều phục được thì nên giết nó. Vì sao như vậy? Vì không thể để nó khiến con hổ thẹn. Người huấn luyện ngựa lại bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Ngài là bậc Vô Thượng Điều Ngự Trượng Phu, vậy thì Ngài đã dùng bao nhiêu phương pháp để điều phục chúng sanh?

6 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.923. 0234Ồ21). Tham chiếu: A. 4.m - II. Il2. 7 Chỉ-thi (,kesi).

990 KINH TẠPA-HÀM

Phật nói với thôn trưởng: Ta cũng dùng ba phương pháp để điều phục chúng sanh. Đó là ba phương pháp nào? Một là thuần túy mềm mỏng. Hai là thuần túy cứng rắn. Ba là vừa mềm mỏng vừa cứng rắn. Phật lại nói với thôn trưởng: Phương pháp thuần túy mềm mỏng nghĩa là Ta dạy họ rằng: "Đây là nghiệp thiện của thân; đây là phước quả từ nghiệp thiện của thân. Đây là nghiệp thiện của miệng, của ý; đây là phước quả từ nghiệp thiện của miệng, của ý. Đây gọi là trời, đây gọi là người, đây gọi là sự hóa sanh của cõi thiện, đây gọi là Niết-bn." Đó gọi là phương pháp thuần túy mềm mỏng. Phương pháp thuần túy cứng rắn nghĩa là Ta dạy họ rằng: uĐây là nghiệp ác của thân; đây là phước quả từ nghiệp ác của thân. Đây là nghiệp ác của miệng, của ý; đây là phước quả từ nghiệp ác của miệng, của ý. Đây gọi là địa ngục, đây gọi là nga quỷ, đây gọi là súc sanh, đây gọi là đường ác, đây gọi là đọa vào đường ác." Đây gọi là phương pháp thuần túy cứng rắn của Như Lai. Phương pháp vừa mềm mỏng vừa cứng rắn, nghĩa là Như Lai có lúc nói về nghiệp thiện của thân, có lúc nói về phước quả từ nghiệp thiện của thân; có lúc nói về nghiệp thiện của miệng, của ý; có lúc nói về phước quả từ nghiệp thiện của miệng, của ý; có lúc nói vê nghiệp ác của thân, có lúc nói vê quả báo từ nghiệp ác của thân; có lúc nói vê nghiệp ác của miệng, của ý; có lúc nói vê quả báo từ nghiệp ác của miệng, của ý; như vậy gọi là trời, như vậy gọi là người, như vậy gọi là đường lành, như vậy gọi là Niết-bàn; như vậy gọi là địa ngục, như vậy gọi là súc sanh, nga quỷ, như vậy gọi là đường ác, như vậy thì đọa đường ác. Đây gọi là phương pháp dạy dỗ vừa mềm mỏng vừa cứng rắn của Như Lai J Người huấn luyện ngựa lại bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Khi Ngài dung ba phương pháp trên để điều phục chúng sanh, nếu vẫn có người không điều phục được thì Ngài sẽ làm thế nào? Phật nói với thôn trưởng: Cũng nên giết đi. Vì sao như vậy? Vì chớ nên khiến cho Ta hổ thẹn.

Người huấn luyện ngựa bạch Phật: Nếu sát sanh thì đối với giáo pháp của Thế Tôn là không thanh tịnh. Trong pháp của Thê Tôn cũng không cho phép sát sanh mà nay Ngài lại bảo giết, vậy thì nghĩa lý này thế nào? Đức Phật nói với thôn trưởng: Đúng vậy, đúng vậy! Đối với giáo pháp của Như Lai thì việc sát sanh là không thanh tịnh, trong pháp của Như Lai cũng không cho phép sát sanh. Tuy nhiên, trong pháp của Như Lai nếu đã dùng ba phương pháp trên để dạy dỗ mà

QUYỂN 33 991

vẫn không điều phục được thì người này Như Lai sẽ không nói đến, không dạy dô, không nhác nhở nữa. Này thôn trưởng, ông nghĩ thế nào? Người mà trong pháp Như Lai không còn nói đến, không dạy dỗ, không nhắc nhở nữa thì đó chăng phải như người đã chết sao? Ngưòd huân luyện ngựa bạch Phật: Bạch Thế Tôn, đung thật như thế! Như Lai không nói đến họ? không hề dạy dỗ, cũng không nhắc nhở thì họ thật sự như người đã chết. Thưa Thế Tôn! Vì vậy, kể từ hôm nay, con xin dứt bỏ các nghiệp ác, bất thiện. Phật nói với thôn trưởng: -Lành thay, khi nói lời này! Bấy giờ, thôn trưởng huấn luyện ngựa Chỉ-thi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, lạy sát chân Phật rồi rời đi. ***

924. TÁM LOẠI NGƯA CHỨNG8 Tôi nghe như vầy: Một thòi, đức Phật ngụ tai Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà9 thuộc thành Vương Xá. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: ở thế gian

có tám loại ngựa chứng. Là tám loại nào? Đó là ngựa chứng lúc kéo xe thì chân sau đạp người, chân trước quỵ xuống đất, đầu ngúc ngắc và muốn cắn người. Đây là loại ngựa chứng thứ nhất ở thế gian. Lại nữa, ngựa chứng lúc kéo xe thì cúi đâu xuổng làm rung cái ách xe. Đây là loại ngựa chứng thứ hai ở thế gian. Lại nữa, ngựa chứng ở thế gian lúc kéo xe thì đi vào đường hẹp, hoặc kéo lệch một bên khiến cho xe lật. Đây là loại ngựa chứng thứ ba [ở thê gian]. Lại nữa, ngựa chứng có lúc kéo xe lại ngẩng đầu mà phóng đi. Đây là loại ngựa chứng thứ tư [ở thế gian]. Lại nữa, ngựa chứng ở thế gian lúc kéo xe, vừa bị roi gậy đánh khẽ thì nó liền làm cho đứt dây cương, hoặc làm đứt dám và phóng chạy lung tung. Đây là loại ngựa chứng thứ năm [ở thế gian]. Lại nữa, ngựa chứng ở thế gian lúc kéo xe thì nhấc hai chân trước rồi lồng lên giống như con người. Đây là loại ngựa chứng thứ sáu [ở thế gian]. Lại nữa, ngựa chứng ở thế gian lúc kéo xe phải dùng đến roi gậy thì nó mới chịu đứng yên không cử động. Đây là loại ngựa chứng thứ bảy [ở thế gian]. r r r Lại nữa, ngựa chứng ở thê gian lúc kéo xe thì bôn chân chụm lại, quỵ sát đát không chiu đứng lên. Đây là loại ngựa chứng thứ tám [ở thế gian].

8 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.924. 0235a06). Tham chiếu: Tạp. (7.02. 0099.925. CÌ235b22);% Tạp.(r.02. 0100.150. 0430a28); Biệt Tạp.(7.02. 0100.149. 0429c11); A 8.13-IV. I88z 8.14-IV. 190.



Cũng vậy, người xấu ở thế gian có tám điều lầm lỗi trong Chánh pháp và Giới luật. Đó là tám điều gì? Nghĩa là có Tỳ-kheo khi bị các vị Phạm hạnh cử tội bởi thấy, nghe, nghi thì liền ệiận dữ, chỉ trích trở lại người cử tội răriệ "Thây si mê9 khônệ hiểu biết, không tót bụng. Người ta vừa cử tội thây, sao thây lại cử tội t6i?" Giong như con ngựa chứng kia hai chân sau đạp, hai chân trước quỵ xuống đất làm đứt cương, gãy ách. Đây gọi là lỗi lầm thứ nhất của con người trong Chánh pháp và Giới luật. Lại nữa, Tỳ-kheo khi bị các vị Phạm hạnh cử tội bởi thấy, nghe, nghi thì liền trở lại cử tội người kia, giống như ngựa chứng tức giận ngúc ngắc cô làm gãy ách. Đây gọi là lỗi lầm thứ hai của con người trong Chánh pháp và Giới luật. Lại nữa, Tỳ-kheo khi bị các vị Phạm hạnh cử tội bởi thấy, nghe, nghi nhung không biết dùng lời chín chắn để báo đáp mà nói lảng sang chuyện khác rồi sân hận, kiêu căng, chối tội, ôm hận? không chịu nhận, lại còn làm những điều vô lý? giống như con ngựa kia không chịu đi đường thẳng mà cố làm cho xe lật úp. Đây gọi là lỗi lầm thứ ba của con người trong Chánh pháp và Giới luật. Lại nữa, Tỳ-kheo khi bị các vi Phạm hạnh cử tội bởi thấy, nghe, nghi để cho vi ấy nhớ lại, nhưng vi này lại nói rằng: "Tôi chẳng nh&", lại còn ương ngạnh chẳng chịu phục, giống như con ngựa chứng kia bước thụt lùi. Đây gọi là lỗi lầm thứ tư của con người trong Chánh pháp và Giới luật. Lại nữa, Tỳ-kheo khi bi các vị Phạm hạnh cử tội bởi thấy, nghe, nghi thì liền tỏ ra khinh miệt, không coi ngườd khác ra gì, cũng không kể gì đến chúng Tăng, tự ý ôm y bát bỏ di, giông như ngựa chứng kia bi roi gậy liền bỏ chạy dọc ngang. Đây gọi là lỗi lầm thứ năm của con người trong Chánh pháp và Giới luật. Lại nữa, Tỳ-kheo khi bị các vị Phạm hạnh cử tội bởi thấy, nghe, nghi thì liền ngồi lì trên giường cao mà tranh luận quanh co với các Thượng tọa, giống như ngựa chứnẹ kia đứng nhấc hai chân trước rồi lồng lên giống như con người. Đây gọi là lôi lâm thứ sáu

của con người trong Chánh pháp và Giới luật. Lại nữa, Tỳ-kheo khi bị các vị Phạm hạnh cử tội bởi thấy, nghe, nghi thì nín lặng chăng đáp, cố ý làm xúc não đại chúng, giống như ngựa chứng kia bi roi, gậy vẫn trơ trơ chẳng động. Đây gọi là lỗi lam thứ bảy của con người trong Chánh pháp và Giới luật. Lại nữa, Tỳ-kheo khi bi các vị Phạm hạnh cử tội bởi thấy, nghe, nghi thì liền xả giới, tự mình thoái thất, rồi đến trước cửa chùa nói rằng: "Ông cứ mặc nhiên mà sông an ổn vui vẻ, tôi tự xả giới lui ”,giống như con ngựa chứng kia bốn chân chụm lại, phục thân sát đất không chịu cử động. Đây gọi là lỗi lầm thứ tám của con người trong Chánh pháp và Giới luật. Tỳ-kheo! Đây gọi là tám lỗi lầm của con người trong Chánh pháp và Giới luật. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

QUYỂN 33 993

925. TÁM ĐỨC CỦA HIỀN sĩ9 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: ở thế gian, loại ngựa tốt có đầy đủ tám phẩm chất, biết lựa chọn đường tốt, biết thuận theo ý người.10 Là tám phẩm chất nào? Được sanh ra trong xứ sở của loại ngựa tốt. Đây là phẩm chất thứ nhất để được gọi là ngựa tốt. . r \ Lại nữa, ngựa tót có bản tánh ôn hòa, hiên lành, không làm người hoảng sợ. Đây là phẩm chất thứ hai của loại ngựa tốt. Lại nữa, ngựa tốt không kén chọn thức ăn thức uống. Đây là phẩm chất thứ ba của loại ngựa tốt. Lại nữa, ngựa tốt tránh xa những nơi nhơ nhớp, chọn đất sạch để nằm. Đây là phẩm chất thứ tư của loại ngựa tốt. Lại nữa, ngựa tốt luôn biểu lộ các tính cách nóng vội khiến người huấn luyện nhận biết, để người huấn luyện điều phục, giúp nó từ bỏ những tính cách đó. Đây là phẩm chất thứ năm của loại ngựa tốt. Lại nữa, ngựa tốt khi đã đóng vào xe thì nó sẽ không để ý những con ngựa khác, tùy vào cỗ xe nặng, nhẹ mà khéo dùng hết sức lực của mình. Đây là phẩm chất thứ sáu của loại ngựa tốt. Lại nữa, ngựa tốt thường đi theo đúng đường, không đi lạc đường. Đây là phẩm chất thứ bảy của loại ngựa tốt. Lại nữa, ngựa tót thì dù bệnh hoạn, hoặc già yêu vân găng sức kéo xe không chán nản, không tỏ ra mệt nhọc. Đây là phẩm chất thứ tám của loại ngựa tốt. Cũng vậy, ở trong Chánh pháp và Giới luật, vị Tỳ-kheo nào thành tựu tám phẩm đức này, nên biết đó là bậc Hiền sĩ. Là tám phẩm đức nào? Bậc Hiền sĩ an trụ nơi giới chân chánh, luật nghi Ba-la-đề-mộc-xoa ? đầy đủ oai nghi hành xứ, thấy lỗi nhỏ nhặt liền sanh sợ hãi, giữ gìn học giới. Đây là phẩm đức thứ nhất của vị trượng phu trong Chánh pháp và Giới luật. Lại nữa, vị trượng phu tánh vốn hiền thiện, khéo điều phục, khéo an trụ, không phiền nhiễu, không làm những bậc Phạm hạnh sợ hãi. Đây gọi là phẩm đức thứ hai của trượng phu.

9 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.925. 0235b22). Tham chiếu: Tap.(02. 0099.924. 0235a06); Biệt Tạp.(r.O2. 0100.149. 0429c 11); Biết (7.0 0100.150. 0430a28); Mã hữu bát thải thí nhân kinh (7.02. 0115. 0507a07); A. 8.13 - IV. 188; 4&14-ÍV. 190. 10 Nguyên tác: Tùy nhân sở dục, thủ đạo đa thiểu ().Cú ngữ này được Đài Đại Sư Tử Hong Phật học chuyên trạm ()g©l .0 năng tuân theo yêu câu của người đanh xe và biết lựa chọn đường sá khi đi lại ().

Lại nữa, vị trượng phu đi khất thực theo thứ lớp, tùy theo những gì nhận được, dù ngon hay dở, tâm vẫn bình đẳng, không chê bai, không đắm trước. Đó là phẩm đức thứ ba của vi trượng phu. Lại nữa, vị trượng phu sanh tâm chán bỏ các nghiệp ác nơi thân, miệng, ý và các pháp ác, bất thiện, cùng các phiền não; chúng là nguyên nhân dẫn đến nhiều lần thọ nhận các quả báo khổ đau bức bách; đối với sự sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não trong đời tương lai lại càng biết nhàm chán. Đó là phẩm đức thứ tư của vị trượng phu. Lại nữa, vị trượng phu nếu nhận thấy Sa-môn nào phạm lỗi mà chối quanh, không chân thật thì lập tức thưa trình lên Đại sư và bậc thiện tri thức; được Đại sư khuyên dạy thì người kia sẽ sửa đổi. Đó là phẩm đức thứ năm của vi trượng phu. Lại nữa, vị trượng phu có đầy đủ tâm cầu học, luôn nghĩ như vầy: "Cho dù người khác có học hay không học, ta cũng phải học.95 Đó là phẩm đức thứ sáu của vị trượng phu. Lại nữa, vị trượng phu tu tập Thánh đạo tám chi, không hành theo đường tà. Đó là phẩm đức thứ bảy của vị trượng phu. Lại nữa, vị trượng phu suốt đời nỗ lực tinh cần, không chán nản, không mệt mỏi. Đó là phẩm đức thứ tám của vị trượng phu. Như vậy, vi trượng phu thành tựu tám phàm dức, tùy thuộc vào sự thực hành của mình mà có thể tiến lên nhanh chóng. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

926. THIỀN VÀ THIỀN ƯƠNG NGẠNH11 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Thâm Cốc, tại làng Na-lê.12 Bấy giờ, Thế Tôn bảo Săn-đà Ca-chiên-diên:13 -Nên tu tập thiền chân thật, chớ tu tập thiền ương ngạnh. Ví dụ như con ngựa ương ngạnh được cột bên cạnh cái máng cỏ thì nó không hề suy nghĩ: "Ta nên làm gì? Ta không nên làm gi?" mà chỉ nghĩ đến cỏ rơm. Cũng vậy, kẻ trượng phu bị tham dục trói buộc, đoành vây nên khi tu tập thì người ấy dùng tâm tham dục để tư duy mà không biết như thật về con đường xuất ly, tâm thường rong ruổi và thuận theo sự trói buộc của tham dục để mong cầu thiền

11 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.926. 0235c27). Tham chiếu: Biệt Tạp.(T.02. 0100.151. Ò430C10); A 11.9-V. 322. 12 Na-lê tụ lạc Thâm Cốc tinh xá (,Nātikā, Giñjakāvasathā). 13 Săn-đà Ca-chiên-diên (SÈSandha Kaccāyana).



chứng.14 [Cũng vậy], vì bị sân hận, thụy miên, trạo cử và nghi ngờ đoành vây nên khi tu tập thì [người ấy] không biết như thật về con đường xuất ly rồi dùng tâm phiền não nghi ngờ15 tư duy để mong cầu thiền chứng. Này Săn-đà! Nếu đúng là con ngựa thuần chủng khi được cột cạnh máng cỏ thì nó cũng không nghĩ đến cỏ và nước mà chỉ nghĩ đến việc kéo xe. Cũng vậy, người trượng phu không nghi đến việc sống với sự trói buộc tham dục va biêt như thật vê [con đường] xuất ly, không dùng sự trói buộc của tham dục để mong cầu thiền chứng. Cũng vậy, [người trượng phu] không sống với nhiều sự trói buộc của sân hận, thụy miên, trạo cử và nghi ngờ mà luôn biết như thật về [con đường] xuất ly của sân hận, thụy miên, trạo cử và nghi ngờ. [Vi ấy] không dùng [tâm]

nghi ngờ để mong cầu thiền chứng. Như vậy, này Săn-đà! Tỳ-kheo hành thiền như vậy, không nương vào đất để tu thiền, không nương vào nước, gió, lửa, không, thức, Vô sở hữu, Phi tưởng phi phi tưởng đe tu tập thiền, không nương vào thế giới này? không nương vào thế giới khác, không phải mặt trời, mặt trăng, không phải thấy, nghe, cảm, biết, không phải chứng dắc, không phải mong cầu, không phải tùy giác, không phải tùy quán mà tu tập thiền định. Này Săn-đà! Nếu Tỳ-kheo nào tu thiền như vậy thì các Thiên chủ Y-thấp-ba- la,16 Ba-xà-ba-đề17 đều cung kính chắp tay, cúi đầu đảnh lễ mà nói kệ khen ngợi: Đảnh lễ bậc Đại sĩ! Đảnh lễ bậc Cao quý! Vì tôi không thể biết, Nương đâu để thiền đinh. Khi ấy, Tôn giả Bạt-ca-lợi đang đứng phía sau cầm quạt quạt hầu Phật, Tôn giả liền bạch Phật:  Kính bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo làm thế nào để thể nhập thiền mà không nương vào đất, nước, lửa, gió... cho đếrỉ giác, quán mà tu tập thiền định? Vì sao Tỳ-kheo tu thiền thì được các Thiên chủ Y-thấp-ba-la? Ba-xà-ba-đề chắp tay cung kính, cúi đầu đảnh lễ và nói kệ khen ngợi: Đảnh lễ bậc Đại sĩ! Đảnh lễ bậc Cao quý! Vì tôi không thể biết, Nương đâu để thiền đinh. Phật nói với Tỳ-kheo Bạt-ca-lợi: Tỳ-kheo, đối với niệm tưởng về đất thì khéo điều phục được niệm tưởng đất; đối với niệm tưởng về nước, về lửa, về gió; niệm tưởng về Không vô biên xứ, niệm tưởng về Thức vô biên xứ, niệm tưởng về Vô sở hữu xứ, niệm tưởng

14 Nguyên tác: Chánh thọ ,samāpatti.

Tham dục cái ,kãmacchandanĩvarạriă, sân lậuê cái ; 15 Kinh đề cập về 5 loại triền cái. Theo Tạp.02. 0099.611. 0171024, 5 loại triền cái ấy bao gồm: bydpddcưiĩveircựia, thụy miên cái thĩnamỉddhamvaranà, trạo hối cái uddhaccạkukkuccanĩvarană , nghi cái vicikiccharũvarciiià. Đoạn kinh này, bản Hán tỉnh lược sân khuê, thụy miên, trạo cử , iw. _ : 16 Y-thấp-ba-la s. īśvara: Đại chủ tể . 17 Ba-xà-ba-đề ,Pajāpati còn gọi là đấng Sanh chủ ,Tạo vật chủ .



về Phi tưởng phi phi tưởng xứ; thế giới này, thế giới khác; mặt trời, mặt trăng; thấy, nghe, cảm, biết; hoặc chứng đắc, hoặc mong cầu; hoặc giác, hoặc quán, vị ấy thảy đều nhiếp phục được các tưởng ấy. Này Bạt-ca-lợi! Tỳ-kheo hành thiền như vậy, không nương vào đất, nước, lửa, gió... (cho đến) không nương vào giác, quán để tu tập thiền. Này Bạt-ca- lợi! Tỳ-kheo nào tu tập thiền như vậy thì các Thiên chủ Y-thấp-ba-la, Ba-xà-ba- đề đều cung kính chắp tay, cúi đầu đảnh lễ và nói kệ khen ngợi: Đảnh lễ bậc Đại sĩ! Đảnh lễ bậc Cao quý! Vì tôi không thể biết, Nương đâu để hành thiền. Trong khi nghe Phật nói kinh này, Tỳ-kheo Săn-đà Ca-chiên-diên xa lìa trần cấu, được pháp nhãn tịnh; Tỳ-kheo Bạt-ca-lợi không còn sanh khởi các lậu hoặc, tâm được giải thoát. Đức Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo Bạt-ca-lợi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

927. ĐỊNH NGHĨA ƯU-BÀ-TẮC18 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Ni-câu-luật5 nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ, có người dòng họ Thích tên là Ma-ha-nam đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: -Kính bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là ưu-bà-tắc? Phật bảo Ma-ha-nam: -Người ở tại gia, đời sống trong sạch, tu tập

thanh bạch, có đầy đủ tướng của người nam và phát nguyện rằng: “Con nguyện từ nay cho đến trọn đời quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo-tăng, làm ưu-bà-tắc, xin chứng tri cho con!" Đây gọi là ưu-bà-tắc. Ma-ha-nam bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là un-bà-tắc đầy đủ tín?

Phật bảo Ma-ha-nam: Ưu-bà-tắc lấy chánh tín đối với Như Lai làm gốc, vững chắc, khó lay chuyên, ngay cả các Sa-môn9 Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, cho đen người the gian cũng không thể phá hoại được. Này Ma-ha-nam, đây gọi là ưu-bà-tắc có đầy đủ tín. Ma-ha-nam bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là ưu-bà-tắc đầy đủ giới?

18 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.927. 0236b 12). Tham chiếu: Biệt Tạp.(7L02. 0100.152. Ò431b05); s. 55.37 - v. 395.



Phật bảo Ma-ha-nam: ưu-bà-tắc đã từ bỏ sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, uống rượu, không còn ưa thích làm những điều này nữa. Ma-ha-nam! Đây gọi là iru-bà-tắc có đầy 4. 9 • r • đủ giới. Ma-ha-nam bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là ưu-bà-tắc đầy đủ văn?

Phật bảo Ma-ha-nam: - Ưu-bà-tắc đầy đủ văn, nghĩa là khi vị ấy nghe rồi liền có thể ghi nhớ, tích tập. Đối với những gì Phật nói ở phần đầu5 phần giữa, phần cuối đêu thiện, nghĩa lý tốt đẹp, câu chữ chính xác, thuần nhát thanh tịnh, Phạm hạnh trong sạch19 thì vị ấy đều có khả năng thọ trì. Đó gọi là iru-bà-tắc đầy đủ văn. Ma-ha-nam lại bạch Phật: -Kính bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là ưu-bà-tắc đầy đủ thí xả? Phật bảo Ma-ha-nam: ưu-bà-tắc đầy đủ thí xả, Ĩiệhĩa là khi bị tâm bon xẻn xấu xa ràng buộc thì vị ấy liền diệt trừ tâm bon xẻn xâu xa, sống như bậc không nhà mà tu tập bố thí giải thoát, tinh cần bố thí, thường hành bố thí, vui thích khi buông xả tài vật, bố thí bình đang. Này Ma-ha-nam! Đây gọi là ưu-bà-tắc đay đủ thí xả. Ma-ha-nam bạch Phật: -Kính bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là ưu-bà-tắc đầy đủ trí tuệ? Phật bảo Ma-ha-nam: Ưu-bà-tắc đầy đủ trí tuệ nghĩa là vị ấy biết như thật rằng: "Đây là khổ, đây là nguyên nhân của khổ, đây là khổ diệt, đây là con đường đưa đen khổ diet." Này Ma-ha-nam! Đây gọi là iru-bà-tăc đây đủ trí tuệ. Ma-ha-nam họ Thích nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ Phật rồi rời đi. ***

928. CƯ Sĩ VÀ A-NA-HÀM20 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Ni-câu-luật, nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ, có người họ Thh tên là Ma-ha-nam cùng với năm trăm ưu-bà-tắc đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: Kính bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là ira-bà-tắc?

19 Nguyên tác: Sơ trung hậu thiện, thiên nghĩa, thiện vị, thuần nhất mãn tịnh, Phạm hạnh thanh bạch (,).Xem chú thích 94, kinh số 53, quyển 2, tr.
55; Tạp. ® (7.02. 0099.53. 0012C04). 20 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.928. 0236cll). Tham chiếu: Biệt Tạp.(02. o 100?! 53. 0431b24); s. 55.49 . v/404.

Phật đáp  ưu-bà-tắc là người tại gia sống đời trong sạch... (cho đến) “Con nay ữọn đời quy y Tam bảo, làm ưu-bà-tắc. Xin chứng tri cho con!" Ma-ha-nam lại bạch Phật: -Kính bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là ưu-bà-tắc Tu-đà-hoàn? Phật nói với Ma-ha-nam: Ưu-bà-tắc Tu-đà-hoàn nghĩa ỉa vị ấy đã đoạn tận, đã biến tri ba kiết sử: Thân kiến, giới thủ và nghi. Này Ma-ha-nam! Đây gọi là ưu-bà-tắc Tu-đà-hoàn. Ma-ha-nam lại bạch Phật:  Kính bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là xru-bà-tắc Tư-đà-hàm?

Phật nói với Ma-ha-nam: -Ưu-bà-tắc đã đoạn tận, đã biến tri ba kiết sử, giảm thiểu tham dục, sân hận và si mê. Này Ma-ha-nam! Đây gọi là ưu-bà-tăc Tư-đà-hàm. Ma-ha-nam bạch Phật:  Kính bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là ưu-bà-tắc A-na-hàm?

Phật bảo Ma-ha-nam: -Ưu-bà-tắc A-na-hàm là vị đã đoạn tận, đã biến tri năm hạ phần kiết sử gồm thân kiến, giới cấm thủ, nghi, tham dục và sân hận. Này Ma-ha-nam! Đây gọi là xni-bà-tắc A-na-hàm. r e ĩ 5 Bây giờ, Ma-ha-nam quay lại nhìn năm trăm ưu-bà-tăc và nói răng: -Hay thay, các vị ưu-bà-tắc sống tại gia thanh tịnh lại được công đức sâu xa như vậy! Ưu-bà-tắc Ma-ha-nam nghe đức Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dây đảnh lễ Phật rồi rời đi. ***

929. MƯỜI SÁU PHÁP CỦA ƯU-BÀ-TẮC21 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Ni-câu-luật9 nước Ca-tỳ-la-vệ. Bây giờ, có người họ Thích tên là Ma-ha-nam cùng với năm trăm ưu-bà-tăc đi đen chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: - Kính bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là xru-bà-tắc? Phật đáp: -Ưu-bà-tắc là người tại gia sống đời trong sạch... (cho đến) "Con nay trọn đời quy y Tam bảo, làm ưu-bà-tắc. Xin chứng tri cho con."

21 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02.0099.929.0236c29). Tham chiếu: Biệt Tạp.(T.02. 0100.154. Ò431C12); A. 825-IV 220.

QUYỂN 33  999

Ma-ha-nam lại bạch Phật:  Kính bạch Thế Tôn! Thế nào là ưu-bà-tắc đầy đủ mọi việc?

Phật nói với Ma-ha-nam: -Nếu ưu-bà-tắc có tín, nhimg không có giới thì vẫn chưa đầy đủ, nên phải nô lực tinh cân đây đủ tịnh giới. Nếu vị ấy có đủ tín và giới, nhưng không thực hanh bố thí thì cũng chưa đầy đủ; vì chưa đầy đủ nên phải nỗ lực tinh cần, tu tập bố thí để cho đầy đủ. Khi tín, giới và bố thí đã đầy đủ, nhưng vị ấy không biêt tùy thời đến chỗ Sa-môn để lắng nghe và lãnh thọ Chánh pháp thì vẫn chưa đầy đủ; vì chưa đầy đủ nên phải nỗ lực tinh cần, tùy thời đi đến chùa tháp để gặp Sa-môn. Nếu gặp các Sa-môn mà không một lòng lắng nghe và lãnh thọ Chánh pháp thì vẫn chưa đầy đủ. Đối với tín, giới, thí, nghe pháp phải biết tu tập đầy đủ. Nếu đã nghe pháp rồi mà không hành trì thì vẫn chưa đầy đủ; vì chưa đầy đủ nên phải tinh cần nỗ lực, tùy thời đến chỗ Sa-môn9 chuyên tâm nghe pháp, nghe pháp rồi khéo hành trì. Nếu không thể quán sát nghĩa lý sâu xa của các pháp thì đó cũng là chưa đầy đủ; vì chưa đầy đủ nên phải nỗ lực tinh cần hơn, khiên cho đầy đủ. Đối với tín, giới, thí, nghe pháp, nghe pháp rồi thì khéo hành trì, đã hành trì rồi thì còn phải quán sát diệu nghĩa sâu xa, nhưng nếu không tùy thuận theo pháp và tuần tự thực hành22 thì vẫn chưa đầy đủ; vì chưa đầy đủ nên phải nỗ lực tinh can. Đoi với tín, giới, thí, nghe pháp phải khéo giữ gìn và quán

sát, hiểu rõ diệu nghĩa sâu xa, tùy thuận theo pháp và tuần tự thực hành. Này Ma-ha-nam! Đây gọi là ưu-bà-tắc đay đủ mọi việc. Ma-ha-nam lại bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào ỉa uu-bà-tắc khéo an ổn chính mình, nhưng không thể an ổn cho người? Phật đáp: Đó là ưu-bà-tăc có thê tự đứng vững trong chánh giới, nhưng không thê giúp cho người khác đứng vững trong chánh giới; tự mình giữ gìn tịnh giới, nhưng không thể khiến cho người khác giữ gìn tịnh giới đầy đủ; tự mình làm việc bố thí, nhimg không thể xây dựng sự bố thí nơi người khác; tự mình đi chùa, gặp các Sa-môn, nhưng không thể khuyên người khác đi chùa, gặp các Sa-môn; tự mình chuyên cần nghe Chánh pháp, nhưng không thể khuyên người khác ưa thích nghe Chánh pháp; nghe Chánh pháp tự mình hành trì, nhimg không thể khiến cho người khác thọ trì Chánh pháp; tự mình khéo quán sát diệu nghĩa sâu xa, nhimg không thể khuyên người khác quán sát diệu nghĩa sâu xa; tự mình thấu hiểu Chánh pháp sâu xa và khéo tùy thuận theo pháp và tuân tự thực hành, nhưng không thể khuyên người khác tùy thuận theo pháp và tuần tự thực hành. Này Ma-ha-nam! Người thành tựu tám pháp như vậy gọi là ưu-bà- tắc khéo an ổn chính mình, nhung không thể an ổn cho người.

22 Nguyên tác: Pháp thứ pháp hướng .Xem chú thích 68, kinh số 27, quyển l, tr. 24; Tạp. r.02. 0099.27. 0005c2CO.



Ma-ha-nam lại bạch Phật: Bạch Thế Tôn! ưu-bà-tắc thành tựu bao nhiêu pháp thì mới có thể an ổn chính mình và an ổn cho người khác? Phật bảo Ma-ha-ĩiam: Nếu ưu-bà-tắc nào thành tựu được mười sáu pháp gọi là ưu-bà-tắc khéo tự an ổn mình và an ổn cho người. Đó là mười sáu pháp gì? Này Ma-ha-nam! Nếu iru-bà-tắc tự mình đầy đủ chánh tín, cũng khéo xây dựng chánh tín cho người khác; tự giữ gìn tịnh giới, cũng khéo xây dựng tinh giới cho người khác; tự mình hành bố thí và cũng khéo khuyên bảo người khác bố thí; tự mình đi chùa, gặp các vị Sa-môn, cũng khéo khuyên bảo người khác đến chùa, gặp các Sa-môn; tự mình chuyên cần nghe pháp, cũng khéo khuyên bảo người khác nghe pháp; tự mình thọ trì pháp, cũng khéo khuyên bảo người khác thọ trì pháp; tự mình biết quán sát diệu nghĩa, cũng khéo khuyên bảo người khác quán sát diệu nghĩa; tự mình hiểu rõ nghĩa lý sâu xa, tùy thuận theo pháp và tuần tự thực hành, cũng khéo khuyên bảo người khác hiểu rõ nghĩa lý sâu xa, tùy thuận theo pháp và tuần tự thực hành. Này Ma-ha-nam! Người thành tựu mười sáu pháp như vậy gọi là iru-bà-tắc khéo tư an ổn mình và giúp cho người khác an on. Này Ma-ha-nam! Nêu ưu-bà-tăc nào thành tựu mười sáu pháp như vậy thì các đại chúng như là chúng Bà-la-môn, chúng Sát-lợi, chúng Trưởng giả, chúng Sa-môn đều đến chỗ của vị ấy. ở giữa các chúng này, oai đức của ưu-bà-tắc ấy sáng chói. Ví như mặt trời, ánh sáng chiếu soi suốt cả sáng, trưa và chiều; cũng vậy, vị xru-bà-tắc thành tựu mười sáu pháp thì oai đức của họ cũng tỏ rạng cả ban đầu, chặng giữa và sau cùng. Như vậy, này Ma-ha-nam! Nếu ưu-bà"tắc nào thành tựu mười sáu pháp này thì đó là người mà thế gian khó có được. Đức Phật nói kinh này xong, Ma-ha-nam nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ? đứng dậy đảnh lễ Phật rồi rời đi. ***

930. CÂY NGÃ THEO HƯỚNG NGHIÊNG VÈ23 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Ni-câu-luật? nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ, có người họ Thích tên là Ma-ha-nam đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và bạch: -Kính bạch Thế Tôn! Nước Ca-tỳ-la-vệ này an ổn thịnh vượng, nhân dân phát đạt mà sao mỗi khi con ra vào thành thì có rất nhiều người và vật theo sau, nào là voi cuồng, người điên, xe chạy hỗn loạn và luôn phải cùng đi với chúng.

23 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.930.0237b21). Tham chiếu: Biệt Tạp.(02. 0100.155. Ỏ432bl4); s. 55.22 - v. 371.



Con cảm thấy lo sợ vì mình phải cùng sống, cùng chết với loại điên cuồng này mà quên mát niệm Phật, niệm Pháp và niệm Tỳ-kheo-tăng. Con tự nghi, nếu khi đó mà lâm chung thì sẽ sanh vào chốn nào? Phật bảo Ma-ha-nam: Chớ có sợ hãi! Sau khi lâm chung, ông nhất định không sanh vào đường ác, cũng không qua đời trong khổ sở. Ví như cây lớn đã xuôi xuống, nghiêng xuống, chúi xuống, nếu khi chặt đứt gốc rễ thì nó sẽ ngã về hướng nào? Ma-ha-nam bạch Phật: Cây sẽ ngã theo chiêu xuôi xuông, nghiêng xuông? chúi xuông của nó.

Phật bảo Ma-ha-nam: Ma-ha-nam? cũng như the! Sau khi lâm chung, ông nhất định không sanh vào đường ác? cũng không qua đời trong kho sở. Vì sao như vậy? Bởi vì ông đã luôn tu tập niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tỳ-kheo-tăng nên khi lâm chung, cho dù thân bi hỏa thiêu, hoặc bị bỏ ngoài bãi tha ma bị gió táp và nắng thiêu, lâu ngày thành tro bụi, nhưng nhờ tâm thức đã từ lâu được huân tập bởi chánh tín, tịnh giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, cho nên thần thức sẽ lên cao, hướng đến cối an lạc, đời sau sanh lên cõi trời. Ma-ha-nam nghe Phật nói xong, hoan hỷ và tùy hỷ? đảnh lễ Phật rồi rời đi. ***

931. TU TẬP SÁU NIỆM24 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ, Thích Ma-ha-nam đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: Kính bạch Thế Tôn! Nếu Tỳ-kheo ở giai vị Hữu học25 có lòng mong cầu hướng thượng, trụ Niết-bàn an ổn, nhưng chưa đạt được, người ấy phải tu tập, an trụ tu tập, thuần thục những gì trong giáo pháp này để có thể dứt sạch các lậu, thành tựu tâm vô lậu giải thoát, được tuệ giải thoát, ngay trong hiện tại tự biết, tự ngộ: "Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh"? Phật bảo Ma-ha-nam: Nêu Tỳ-kheo đang còn ở giai vị Hữu học, muôn tiên lên Niêt-bàn an ôn mà chưa đạt được, Tỳ-kheo ấy nên tu sáu tùy niệm... (cho đen) đạt được quả vi Niết-bàn. Ví như một người bị đói khát nên thân thể gầy yếu, nếu được bồi

24 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.931. 0237c09). Tham chiếu: Biệt Tạp.(02. 0100.156. Ò432b28M6.9 - III. 284; A. 6.25 - III. 312. 25 Nguyên tác: Học địa (Sekhabhūmi): Giai vị Hữu học, chỉ cho các quả vị Tu-đà-hoàn, Tư-đà- hàm, A-na-hàm.

dưỡng những thức ăn ngon thì thân thể trô nên mập mạp. Cũng vậy, Tỳ-kheo đang ở giai vị Hữu học muốn tiến lên cảnh giới Niết-bàn an ổn mà chưa đạt được nên tu sáu tùy niệm... cho đến nhanh chóng chứng đắc Niết-bàn an ổn. Những gì là sáu niệm? Đó là vi Thánh đệ tử chớ nghĩ về những phẩm tính của Như Lai: "Đức Như Lai là bậc ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn." Khi vị Thánh đệ tử nhớ nghĩ như vậy thì không còn khởi niệm tham dục, không khởi tâm sân hận, ngu si. Nhờ tâm vị ấy chánh trực nên thấu đạt ý nghĩa Như Lai2627 và nhận được Chánh pháp của Như Lai. ở trong Chánh pháp Như Lai vị ấy đạt được tâm tùy hỷ đối với Như Lai. Do tâm tùy hỷ nên sanh hoan hỷ, do tâm hoan hỷ nên thân khinh an, do thân khinh an nên cảm giác thọ lạc, do hỷ lạc mà tâm được đinh tĩnh. Do tâm đã định tĩnh nên vi Thánh đệ tử ấy dù ở giữa những chúng sanh hung hiểm nhimg vẫn không bị các chướng ngại, được vào dòng nước pháp... cho đến Niết-bàn. Lại nữa, vị Thánh đệ tử nhớ nghĩ về phẩm tính của Pháp: "Giáo pháp Thế Tôn, thiết thực hiện tại, lìa mọi nóng bức, không đợi thời gian, dẫn đến Niết- bàn và được người trí tự mình giác hiểu. "27 Khi vị Thánh đệ tử nhớ nghĩ về Pháp như vậy thì không còn khởi tham dục, sân hận, ngu si... cho đến nhờ huân tập nhớ nghĩ về Pháp mà được tiến lên quả vị Niết-bàn. Lại nữa, vị Thánh đệ tử nhớ nghĩ về những phẩm tính của Tăng: uĐệ tử của đức Thế Tôn là những bậc hướng về nẻo làrứi,28 hướng về chân chánh,2930 hướng theo chân ly,30 hướng theo chân thật,31 tuần tự thực hành theo pháp.32 Có những vị hướng đến Tu-đà-hoàn? chứng quả Tu-đà-hoàn; hướng đến Tư- đà-hàm, chứng quả Tư-đà-hàm; hướng đến A-na-hm, chứng quả A-na-hàm; hướng đến A-la-hán, chứng quả A-la-hán. Đây là bốn đôi tám bậc Hiền thánh. Đó gọi là Tăng, đệ tử của Thế Ton, có đầy đủ tịnh giới, đầy đủ thiền định, đầy đủ trí tuệ, đầy đủ giải thoát và đầy đủ giải thoát tri kiến, đáng được cung đón, tôn kính cúng dường, là ruộng phước tốt. Khi vị Thánh đệ tử nhớ nghĩ về Tăng như vậy thì không khởi tham dục, sân hận, ngu si... cho đen nhờ huân tập nhớ nghĩ về Tăng nên được tiến lên quả vi Niết-bàn.

26 Nguyên tác: Nghĩa atthā, vừa có nghĩa Tại ích" vừa có nghĩa là í4ý nghia." 27 Nguyên tác: Hiện pháp năng lự sanh tử xí nhiên, bất đãi thời tiết, thông đạt hiện phập, duyên tự giác tri :ế,,.Xem chú th^h59, kinh SO 550, quyên 20, tr. 610; Tạp.7.02. 0099.550. o 143b 18. 28 Nguyên tác: Thiện hướng ,suppaịỉpannd'. Hướng về điều tốt lành. 29 Nguyên tác: Chánh hướng ujuppatipanna'. Hướng về điều chân chánh. 30 Nguyên tác: Trực hướng ñāyappatipanna: Hướng theo chân lý. 31 Nguyên tác: Thành hướng saniĩcippcựipcmnà: Hướng về điều chân thật. 32 Nguyên tác: Tùy thuận pháp .Xem chú thích 68, kinh số 27, quyển l, tr. 24; Tạp.T.02. 0099.27.0005C20.

QUYỂN 33 1003

Lại nữa, vi Thánh đệ tử nhớ nghĩ về giới thanh tịnh của mình như vầy: “Giới không bị hư hoại, giới không bị khiếm khuyết, giới không nhiễm 6, giới không tạp loạn, giới không bị người khác chiếm đoạt, giới khéo được hộ trì, giới được người sáng suốt ca ngợi, giới được người trí không nhàm chán?9 Vị Thánh đệ tử nhớ nghĩ về giới như vậy

nên không khởi tham dục, sân hận, ngu si... (cho đến) huân tập nghĩ về giới mà được tiến lên quả vị Niết-bàn. Lại nữa, vị Thánh đệ tử nhớ nghĩ việc làm bố thí của mình như vầy: "Ta được lợi h tốt lành, ở giữa những chúng sanh bon xẻn, keo kiệt mà ta lìa được tâm keo kiệt, bon xẻn, sống như bậc không nhà33 để thực hành bố thí giải thoát, thường tự tay bố thí, vui thích thực hành pháp buông xả, bố thí đầy đủ và bình dẳng." Lúc vị Thánh đệ tử nhớ nghĩ về bố thí như vậy thì không khởi tâm tham dục, sân hận, ngu si... (cho đến) nhờ huân tập nhớ nghĩ bố thí nên được tiến lên cảnh giới Niết-bàn. Lại nữa, vị Thánh đệ tử nhớ nghĩ về phẩm tính của chư thiên như vầy: “C6 cõi trời Tứ Thiên Vương, cõi trời Ba Mươi Ba, trời Diệm-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa Lạc, trời Tha Hóa Tự Tại. Nếu ai có niềm tin chân chánh, khi qua đời ở đây thì sẽ sanh lên các cối trời kia. Ta cũng thực hành với niềm tin chân chánh như vậy. Các vị trời kia đã thành tựu tịnh giới, có bố thí, nghe pháp, buông xả, trí tuệ, nên khi qua đời ở đây đã sanh lên cõi trời ấy. Nay ta cũng sẽ thực hành tịnh giới, sẽ bố thí, nghe pháp, buông xả, trí tuệ như vay.” Khi vi Thánh đệ tử nhớ nghĩ về những phẩm tính của chư thiên như vậy thì không còn khởi tham dục, sân hận, ngu si, tâm vị ấy được chánh trực nhờ dựa vào chư thiên. Do tâm chánh trực như vậy mà vi Thánh đệ tử kia đạt được lợi ích sâu xa về pháp, lợi ích sâu xa về nghĩa lý, được tùy hỷ lợi ích của chư thiên. Do tâm tùy hỷ nên sanh hoan hỷ, nhờ tâm hoan hỷ mà thân khinh an, thân đã khinh an thì cảm nhận được hỷ lạc, nhờ sự hỷ lạc mà tâm được an định. Do tâm đã an định nên vị Thánh đệ tử ấy dù ở giữa những chúng sanh hung hiểm, vẫn không bị các chướng ngại, được vào dòng nước pháp... (cho đến) Niết-bàn. Do huân tập nhớ nghĩ vê chư thiên nên được tiên lên cảnh giới Niêt-bàn. Này Ma-ha-nam! Nêu Tỳ-kheo nào còn ở giai vị Hữu học, muôn câu lên quả vi Niêt-bàn an lạc mà tu tập thuân thục như vậy thì chác chăn nhanh chóng chứng đắc Niết-bàn? ở trong Chánh pháp và Giới luật các lậu nhanh chóng diệt tận, thành tựu tâm giải thoát vô lậu, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự mình tác chứng: “Su sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Bấy giờ, Thích Ma-ha-nam nghe Phật chỉ dạy tâm rất hoan hỷ và tùy hỷ, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ và ra về. ***

33 Nguyên tác: Xử ư phi gia ().

1004  KINH TẠPA-HÀM

932. THÀNH Tựu MƯỜI MÔT PHÁP34 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ, số đông Tỳ-kheo tập hợp tại trai đường để may y cho Thế Tôn. Lúc ấy, Thích Ma-ha-nam nghe các Tỳ-kheo tập hợp tại trai đường để may y cho Thế Tôn và nói với nhau rằng: "Sau ba tháng an cư không bao lâu, khi may y xong, Thế Tôn sẽ đắp y, ôm bát du hóa trong nhân gian." Nghe xong, Ma-ha-nam đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và bạch:  Kính bạch Thế Tôn! Tay chân của con hôm nay như rã rời, bốn phương chao đảo, những pháp đã nghe bây giờ quên hết khi nghe tin có số đông Tỳ- kheo tập hợp tại trai đường để may y cho Thế Tôn và nói với nhau rằng: "Sau ba tháng an cư không bao lâu, khi y đã may xong, Thế Tôn sẽ đắp y, ôm bát du hóa trong nhân gian." Cho nên, nay con suy nghĩ: "Không biết lúc nào mới được gặp lại Thế Tôn và các Tỳ-kheo quen biết?" Phật nói với

Ma-ha-nam rang:  Dù ông có gặp hay không gặp Như Lai, có gặp các Tỳ-kheo hay không gặp các Tỳ-kheo thì chỉ cần niệm tưởng năm pháp và tinh cần tu tập. Này Ma-ha-nam! Nên lấy chánh tín làm nền tảng, chứ không phải không có chánh tín; nên lấy giới đầy đủ, nghe pháp đầy đủ, bố thí đầy đủ, trí tuệ đầy đủ làm nền tảng, chứ không phải không có trí tuệ. Như vậy, này Ma-ha-nam! Hãy nương tựa vào năm pháp này mà tu sáu pháp nhớ nghĩ. Những gì là sáu? Ma-ha-nam! Đó là nhớ nghĩ về Như Lai. Hãy nhớ nghĩ như vầy: "Nhu Lai là bậc ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác... (cho đến) Ngài là Phật, là Thế Tôn. Nên niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí và niệm thiên... (cho đến) tự mình hành trì, đạt được trí tue." Như vậy, này Ma-ha-nam! Vị Thánh đệ tử thành tựu mười một pháp thì sự tu tập hoàn toàn không bi bại hoại, có khả năng tri kiến, có khả năng quyết định, an trụ cửa giải thoát, tiếp cận hương vi giải thoát, tuy không hoàn toàn nỗ lực nhưng sẽ nhanh chóng chứng đắc giải thoát Niết-bàn. Ví như gà mẹ ấp trứng, hoặc năm hay mười trứng, tùy thời trông nom, thương yêu, bảo vệ và chăm sóc, giả sử đôi lúc gà mẹ lơ đãng, ĩihtrng gà con vẫn có thể dùng móng hoặc dùng mỏ mổ vỡ trứng để chui ra. Vì sao như vậy? Vì gà mẹ lúc ban đàu đã biết tùy thời ấp ủ, khéo thương yêu, bảo vệ. Cũng vậy, vị Thánh đệ tử thành tựu mười một pháp là đã trụ vào con đường tu tập thì chung cuộc không bao giờ bại hoại... (cho đến) tuy không hoàn toàn nỗ lực, nhưng sẽ nhanh chóng chứng đắc giải thoát Niết-bàn.35

34 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.932. 0238b 10). Tham chiếu: Biệt Tạp.(102. 0100.157. Ò433blO);^. 11.11 - V. 328. 35 Câu chuyện gà mẹ (kukkutī) ấp trứng, xem thêm trong M. 53, Sekha Sutta (Kinh Hữu học).

QUYỂN 33  1005

Đức Phật nói kinh này xong, Thích Ma-ha-nam nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi đi ra. *** 933. THÀNH Tựu MƯỜI HAI PHÁP36 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ trong vườn Ni-câu-luật? tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ, số đông Tỳ-kheo tập hợp tại trai đường để may y cho Thế Tôn. Lúc ấy Thích Ma-ha-nam nghe các Tỳ-kheo tập hợp tại trai đường để may y cho Thế Tôn và nói với nhau rằng: “Sau ba tháng an cư không bao lâu, khi may y xong, The Tôn sẽ đắp y, ôm bát du hóa trong nhân gian." Nghe xong, Ma-ha-nam đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi lui ngồi một bên và thưa: -Kính bạch Thế Tôn! Tay chân của con hôm nay như rã rời, bốn phương chao đảo? những pháp trước đây đã nghe bây giờ quên hết khi nghe tin có số đông Tỳ-kheo tập hợp tại nhà ăn để may y cho Thế Tôn và nói với nhau rằng: "Sau ba tháng an cư không bao lâu, khi y đã may xong, Thế Tôn sẽ đắp y, ôm bát du hành trong nhân gian." Cho nên, nay con suy nghĩ: "Không biết lúc nào mới được gặp lại Thế Tôn và các Tỳ-kheo quen biết?" Phật nói với Ma-ha-nam:  Dù ông có gặp hay không gặp Như Lai, có gặp hay không gặp các Tỳ- kheo thì ông cũng phải luôn luôn siêng năng tu sáu pháp. Là sáu pháp nào? Đó là, lấy chánh tín là nền tảng; lấy giới, bố thí, nghe pháp, tánh không, trí tuệ làm nền tảng, chứ không phải không có trí tuệ. Cho nên, Ma-ha-nam! Hãy nương tựa vào sáu pháp này rồi nỗ lực tu tập thêm sáu pháp tùy niệm, đó là nhớ nghĩ những phẩm tính của Như Lai... (cho đến) niệm thiên. Vi Thánh đệ tử thành tựu mười hai

pháp tùy niệm như vậy thì các điều ác sẽ giảm bớt không còn tăng thêm, bị tiêu diệt không còn khởi nữa, dứt sạch trần cấu, không thêm trần cấu, xả bỏ không nắm giữ; vì không nắm giữ nên không dính mắc, vì không dính mắc nên tự chứng Niết-bàn: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Đức Phật nói kinh này xong, Thích Ma-ha-nam nghe lời Phật dạy đã hoan hỷ và tùy hỷ, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ lui ra. *** 934. CHÁNH ĐỊNH VÀ GIẢI THOÁT37 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ.

36 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.933. 0238c09). Tham chiếu: A. 11.12 - v. 332. 37 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7L02. 0099.934. 0238c29). Tham chiếu: Biệt Tạp.(r02. 0100.158. ỉ)433c02); 4 3/73 - L 219.



Bấy giờ, Thích Ma-ha-nam đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và bạch: -Kính bạch Thế Tôn! Theo những gì Phật đã dạy, con hiểu như vầy: Nhờ có chánh định nên mới được giải thoát, chứ không thể không có chánh định. Bạch Thế Tôn! Có phải được chánh định trước rồi sau mới giải thoát, hay là giải thoát trước rồi sau mới được chánh định? Hay chánh định và giải thoát không có trước sau mà cả hai sanh cùng lúc? Bấy giờ, Thế Tôn im lặng không đáp. Ma-ha-nam hỏi hai ba lần như vậy nhưng Phật vẫn im lặng. Lúc ấy, Tôn giả A-nan đang đứng sau Phật, cầm quạt quạt hầu Phật. Tôn giả A-nan suy nghĩ: "Thích Ma-ha-nam đem nghĩa lý sâu xa này thưa hỏi The Tôn, nhimg Thế Tôn vừa khỏi bệnh chưa lâu. Bây giờ, ta nên nói sang vấn đề khác để tiếp lời ông." Rồi Tôn giả nói với Ma-ha-nam: -Này Ma-ha-nam! Bậc Hữu học cũng có giới, bậc Vô học cũng có giới; bậc Hữu học có tam-muội5 bậc Vô học cũng có tam-muội; bậc Hữu học có tuệ, bậc Vô học cũng có tuệ; bậc Hữu học có giải thoát, bậc Vô học cũng có giải thoát. Ma-ha-nam liền hỏi Tôn giả A-nan:  Thưa Tôn giả! Thế nào là giới của bậc Hữu học? Thế nào là giới của bậc Vô học? Thế nào là tam-muội của bậc Hữu học? Thế nào là tam-muội của bậc Vô học? Thế nào là tuệ của bậc Hữu học? Thế nào là tuệ của bậc Vô học? Thế nào là giải thoát của bậc Hữu học? Thế nào là giải thoát của bậc Vô học? Tôn giả A-nan nói với Ma-ha-nam:  Vị Thánh đệ tử này sông với tịnh giới, khép mình vào luật nghi Ba-la- đề-mộc-xoa, hành xử uy nghi, thọ trì học giới. Thọ trì học giới đầy đủ rồi, vị ấy lìa dục và pháp ác, bất thiện... (cho đến) an trụ trọn vẹn Thiền thứ tư. Khi đã có đủ tam-muội như vậy sẽ biết rõ như thật Thánh đế về khổ này, biết rõ như thật Thánh đế về nguyên nhan của khổ, biết rõ như thật Thánh đế về khổ diệt và biết rõ như thật Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt. Biết rõ như vậy và thấy như vậy rồi thì năm hạ phần kiết sử là thân kiến, giới thủ, nghi, tham dục, sân hận được đoạn sạch, được giác tri. Năm hạ phần kiết sử này đã đoạn trừ thì sẽ sanh lên cõi kia, chứng đắc Niết-bàn A-na-hàm, không còn sanh trở lại cõi này nữa. Ngay bấy giờ, vi ấy thành tựu giới của bậc Hữu học, tam-muội của bậc Hữu học, trí tuệ của bậc Hữu học và giải thoát của bậc Hữu học. Lại trải qua thời gian khác, vị ấy đoạn sạch mọi phiền não, đạt được vô lậu giải thoát, được tuệ giải thoát, tự mình tác chứng: “Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh."

Ngay dây, vị ấy thành tựu giới của bậc Vô học, tam-muội của bậc Vô học, trí tuệ của bậc Vô học, giải thoát của bậc Vô học.

QUYỂN 33 < 1007

Như vậy, này Ma-ha-nam! Đó là những gì Thế Tôn nói về giới của bậc Hữu học, tam-muội của bậc Hữu học, trí tuệ của bậc Hữu học, giải thoát của bậc Hữu học; giới của bậc Vô học, tam-muội của bậc Vô học, tuệ của bậc Vô học, giải thoát của bậc Vô học. Khi Thích Ma-ha-nam nghe Tôn giả A-nan chỉ dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy lễ Phật rồi lui ra. Bấy giờ, đức Thế Tôn biết Ma-ha-nam vừa đi chưa lâu, liền hỏi Tôn giả A-nan: -Họ Thích ở Ca-tỳ-la-vệ có thể cùng các Tỳ-kheo bàn luận nghĩa lý sâu xa chăng? Tôn giảA-nan bạch Phật:  Kính vâng, bạch Thế Tôn! Họ Thích ở Ca-tỳ-la-vệ có thể cùng bàn luận nghĩa lý sâu xa với các Tỳ-kheo. Phật bảo A-nan:  Những người họ Thích ở Ca-tỳ-la-vệ sẽ nhanh chóng được lợi ích tốt lành, vì bằng tuệ nhãn của Hiền thánh có thể thâm nhập vào pháp Phật sâu xa. Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

935. BỐN PHÁP CỦA BẬC Dự LƯU38 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ, Thích Sa-đà3940 hỏi Thích Ma-ha-nam: -Thế Tôn nói Tu-đà-hoàn phải thành tựu bao nhiêu pháp? Ma-ha-nam đáp: -Thế Tôn nói Tu-đà-hoàn phải thành tựu bốn pháp. Là bốn pháp nào? Đối với Phật thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển? đối với Pháp, đối với Tăng cũng thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển và thành tựu Thánh giới. Đó gọi là Tu-đà-hoàn phải thành tựu bốn pháp. Thích Sa-đà nói với Thích Ma-ha-nam:  Ngài chớ nói như vậy! Chớ bảo rằng Thế Tôn nói Tu-đà-hoàn thành tựu bốn pháp, nhưng rốt cuộc Tu-đà-hoàn chỉ thành tựu ba pháp. Những gì là ba? Đó là đối với Phật thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển; đối với

38 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02.0099.935.0239bl2). Tham chiếu: Biệt Tạp.(r 02. 0100.159. Ò434all); s. 55.23 -V. 371. 39 Nguyên tác: Thích thị Sa-đà (,Sakyā Godhā). 40 Bất hoại tinh (,aveccappasāda). Xem chú thích 10, kinh số 344, quyển 14, tr. 397; Tạp. (r02. 0099.344. 0094b02).



Pháp, đối với Tăng cũng thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển. Như vậy, Tu-đà-hoàn thành tựu ba pháp. Sa-đà nói ba lần như vậy. Thích Ma-ha-nam không thể khiến cho Sa-đà chấp nhận bốn pháp và Thích Sa-đà cũng không thể thuyết phục Ma-ha-nam chấp nhận ba pháp. Thế rồi cả hai cùng đến chỗ Phật, cúi đầu lạy sát chân Phật rồi ngồi sang một bên. Thích Ma-ha-nam bạch Phật:  Kính bạch Thế Tôn! Thích Sa-đà đi đến chỗ con và hỏi thế này: :Thế Tôn nói Tu-đà-hoàn phải thành tựu bao nhiêu phap?99 Con liền đáp: "Thế Tôn nói Tu-đà-hoàn phải thành tựu bốn phLà bốn pháp nào? Đó là đối với Phật thành tựu niêm tin thanh tịnh không lay chuyên, đôi với Pháp, đôi với Tăng cũng thành tựu niềm tin thanh tinh không lay chuyển, và thành tựu Thánh giới. Tu-đà-hoàn phải thành tựu bốn pháp như vậy. Khi đó? Thích Sa-đà noi với con: "Ma-ha-nam chớ bảo rằng Thế Tôn nói Tu- đà-hoàn phải thành tựu bốn pháp mà

Tu-đà-hoàn chỉ thành tựu ba pháp. Là ba pháp nào? Đó là đối với Phật thành tựu niềm tm thanh tịnh không lay chuyển, đối với Pháp, đối với Tăng cũng thành tựu niềm tin thanh tinh không lay chuyển. Thế Tôn nói Tu-đà-hoàn phải thành tựu ba pháp như vậy.,, Sa-đà nói ba lần như vậy. Con cũng không thể khiến cho Sa-đà chấp nhận bốn pháp và Sa-đà cũng 7 ỉ • ỉ không thê làm cho con châp nhận ba pháp. Cho nên, chúng con cùng đên chô Thế Tôn để hỏi Thế Tôn Tu-đà-hoàn thành tựu bao nhiêu pháp? Bấy giờ, Sa-đà từ chỗ ngồi đứng lên lễ Phật và chắp tay thưa rằng: -Kính bạch Thế Tôn! Nếu có những pháp tương tợ như vậy xảy ra mà một bên là Thế Tôn, một bên là Tỳ-kheo-tăng thì con sẽ theo Thế Tôn, không theo Tỳ-kheo-tăng. Hoặc có những pháp tương tợ như vậy xảy ra mà một bên là Thế Tôn, một bên là chúng Tỳ-kheo-ni5 ưu-bàtắc, ưu-bà-di, hoặc là trời, Ma vương, Phạm thiên, Sa-mồn, Bà-la-môn, chư thiên, loài người thì con cũng chỉ theo Thế Tôn, không theo các chúng khác. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Ma-ha-nam:  Ma-ha-nam! Sa-đà lý luận như vậy, còn ông thì thế nào?

Ma-ha-nam bạch Phật:  Kính bạch Thế Tôn! Sa-đà lý luận như vậy con còn biết nói gì, con chỉ nói tốt, nói chân thật thôi. Phật bảo Ma-ha-nam: -Cho nen phải biết Tu-đà-hoàn thành tựu bốn pháp. Đó là đối với Phật thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển; đối với Pháp, đối với Tăng cũng thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển, và thành tựu Thánh giới. Hãy nên thọ trì như vậy!

QUYỂN 33  1009

Sau khi Ma-ha-nam nghe Phật chỉ dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ ra về. ***

936. Cư Sĩ BÁCH THỦ41 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bây giờ, những người họ Thích ở Ca-tỳ-la-vệ tập hợp tại nhà cúng dường,42 cùng nhau bàn luận và hỏi Ma-ha-nam như vầy: -Ma-ha-nam! Thế nào là lời thọ ký tối hậu? Như trường hợp Thích Bách Thủ43 qua đời, Thế Tôn thọ ký cho ông ấy đắc quả Tu-đà-hoàn, không còn rơi vào đường ác, nhất định hướng đến giác ngộ,44 tối đa bảy làn sanh vào cõi trời, cõi người sẽ châm dứt khô đau. Nhưng Thích Bách Thủ đã phạm giới và uông rượu mà Thế Tôn lại thọ ký ong ta đắc Tu-đà-hoàn... cho đến chấm dứt khổ đau. Ma-ha-nam! Ông nên đến hỏi Phật rồi chúng ta sẽ hành trì đúng theo sự chỉ dạy của Ngài. Khi ấy, Ma-ha-nam đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và bạch: -Kính bạch Thế Tôn! Những người họ Thích chúng con ở Ca-tỳ-la-vệ tập hợp tại nhà cúng dường cùng bàn luận và hỏi con như vầy: "Ma-ha-nam! Thế nào là lời nói thọ ký tối hậu? Như trường họp Thích Bách Thủ qua đời, được Thế Tôn thọ ký đắc quả Tu-đà-hoàn... cho đến chấm dứt khổ đau. Nay ông nên đến hỏi lại Thế Tôn rồi chúng ta sẽ hành trì đúng theo sự chỉ dạy của Ngài.” Bây giờ, con xin hỏi Phật, cúi xin Ngài giải thích cho. Phật bảo Ma-ha-nam:  Khi một vị Thánh đệ tử nói: "Dại sư Thiện Thệ! Đại sư Thiện The!" Miệng nói Thiện Thệ mà tâm chánh niệm, chánh kiến thì chắc chắn thâm nhập Thiện Thệ. Nếu vi Thánh đệ tử nói: "Chánh pháp và Luật! Chánh pháp và Luat!" Miệng nói Chánh pháp và Luật mà tâm chánh niệm, chánh kiến thì chắc chắn thâm nhập Chánh pháp. Nếu vi Thánh đệ tử nói: "Thiện hướng Tăng! Thiện hướng Tang!99 Miệng nói thiện hướng mà tâm chánh

niệm, chánh kiến thì chắc chan thâm nhập thiện hướng.

41 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r02. 0099.936. 0239c21. Tham chiếu: Biệt Tạp.7.02. 0100.160. 0434b12; s. 55.24 - v. 375. 42 Nguyên tác: Cúng dường đường dãnaggà. Nơi các cư sĩ tại gia dâng cúng thức ăn đến bậc xuất gia. 43 Bách Thủ Thích Thị Sarakāni Sakkā. Theo s. 55.24 - v. 375, là người cư sĩ thuộcdòng họ Thích-ca tên là Sarakāni. Do vì bảïiHán chiêt tự ròi đọc kāni thành pāni, nghĩa là cánh tay và Sara thì đọc thành sata, nghĩa là 100 . 44 Nguyên tác: Tam-bồ-đề ,Sambodhi'. Giác ngộ, Chánh đẳng giác, Niết-bàn.



Cũng vậy, này Ma-ha-nam! Khi vị Thánh đệ tử có lòng tin thanh tịnh tuyệt đối với Phật, có lòng tin thanh tịnh tuyệt đối với Pháp, đối với Tăng thì ở trong giáo pháp phát sanh trí lanh lợi, trí siêu xuất, trí kiên định, thành tựu tám món giải thoát, tự thân tác chứng, an trụ đầy đủ. Rồi bằng trí tuệ mà đoạn tri45 tát cả phiền não. Với tín tâm như vậy thì vị Thánh đệ tử không hướng vào địa ngục, nga quỷ, súc sanh, chẳng đọa đường ác. Đó gọi là bậc A-la-hán Câu giải thoát.46 Lại nữa, Ma-ha-nam! Khi vị Thánh đệ tử có lòng tin thanh tịnh tuyệt đối với Phật... (cho đến) trí tuệ kiên định, nhưng không đạt được tam món giải thoát và không tự mình tác chứng, an trụ đầy đủ, nhimg vị ấy thấy, biết mọi phiền não đã đoạn trừ. Đó gọi là vị Thánh đệ tử không đọa vào đường ác... (cho đên) Tuệ giải thoát.47 Lại nữa, Ma-ha-nam! Vị Thánh đệ tử có lòng tin thanh tịnh tuyệt đôi với Phật... (cho đến) trí tuệ kiên định, tuy đã thành tựu tám món giải thoát, tự thân \ * r Y. • e . tác chứng, an trụ đây đủ, nhimg không thây phiên não bị đoạn trừ. Đó gọi là vị Thánh đệ tử không đọa vào đường ác... (cho đến) Thân chứng.48 Lại nữa, Ma-ha-nam! Vị Thánh đệ tử có lòng tin thanh tịnh tuyệt đối với Phật... (cho đến) trí tuệ kiên định, không thành tựu tam món giải thoát, không tự mình tác chứng, an trụ đầy đủ, nhưng thấy biết như thật đối với giáo pháp. Đó gọi ỉa Thánh đệ tử không đọa vào đường ác... (cho đến) Kiến đáo.49 Lại nữa, Ma-ha-nam! Vị Thánh đệ tử có lòng tin thanh tịnh tuyệt đối với Phật... (cho đến) trí tuệ kiên định, tuy có thấy biết như thật đối với giáo pháp

45 Đoạn tri (©T , pariñ̃eyyā): Nhờ buông xả và cắt đứt nên được liễu tri, chỉ cho sự đoạn trừ phiền não do nhận thúc toàn diện ve bốn Thánh đế. 46 Câu giải thoát (,Ubhatobhāgavimutto) còn gọi là Câu phần giải thoát. Bậc Thánh A-la-hán giải thoát cả hai phần. M. 70, Kītāgiri Sutta (Kinh Kĩtãgirí) giải thích: "Thế nào là bậc Câu phần giải thoát? ở đây, này các Tỷ-kheo, có người sau Idii thân đã chưng đắc các tịch tịnh giải thoát, vượt khoi các sắc pháp và vo sắc pháp, và sau khi đã thấy với trí tuệ, các lạu hoặc của vị này được đoạn trừ hoàn toàn. Vị này, này các Ty-kheo, được gọi là hạng người cẩu phần giải Úio9t" (HT. Thích Minh Châu dịch). 47 Tuệ giải thoát (B,Paññāvimutto)'. Bậc Thánh A-la-hán, nhờ sức trí tuệ đoạn trừ phiền não mà được giải thoát. Tham chiêu: M. 70, Kĩịãgiri Sutta (Kinh Kītāgirī): 4UThế nào là bậc Tuệ giải thoát? ở đây, nay các Tỷ-kheo, có người sau khi thăn không chứng đắc các tích tịnh giải thoát, vượt khỏi các sắc pháp va vô sắc pháp, và sau khi đã thấy với trí tuẹịcác lầu hoặc của vị này được đoạn trừ hoàn toàn. Vị này như vậy được gọi là bậc Tuệ giải thoaf9 (HT* Thích Minh Châu dịch). 48 Thân chứng (Kāyasakkhī). Trong A. 3.21 - L 118,

đức Phật xác định: Na khvettha, sāriputta, sukaraiḷi ekamsena byākātum: ^Ayarn imesam tinnam puggalānam abhikkantataro ca pañītataro cā ifti. Thānañhetam, sāriputta, vijjati yvāyam puggalo ditthippatto svāssa arahattāya patipanno, yvāyarn puggalo saddhāvimutto svāssa sakadāgāmī vā anāgāmī vã, ẏo cāyam puggalo kāyasakkhī sopassa sakadāgāmī vā anāgāmī vã (ở đây, này Sāriputta, thật không dê gì đê trả lời một chiều là hạng người nào hy hữu hơn, thù diệu hơn trong ba hạng người kia. Sự kiện này xảy ra, này Sāriputta, là hạng người Kiên chí này là hạng người đaọghướng đến A-la-hán, còn hạng người Tín giải này là hạng người Nhát lai hay Bất lai, và hạng người Thânchứng này là hạng người Nhất lai hay Bất lai), HT. Thích Minh Châu dịch. Theo kinh, chỉ cho bậc Thánh đăc quả Tư-đà-hàm hoặc A-na-hàm. Tuy nhiên, A-tỳ- đạt-mạ Câu-xá luân (7i29. 1558.024. 0126al5) cho rằng: Trong kinh có nói, [quả vị] Bất hoàn còn gọi là l,).Đại trỉđộluânX^^ (T25. 1509.054. 0447a22) cũng khăng định Thân chứng là quả vị A-na-hàm. 49 Kiến đáo (Ditthippatta) cũng gọi là 4tKiến chí^, ()là bậc Dự lưu, thấy biết như thật đối với giáo pháp.

QUYỂN 33  1011

nhưng chẳng được Kiến đáo. Đó gọi là Thánh đệ tử không đọa vào đường ác... (cho đến) Tín giải thoát.50 Lại nữa, Ma-ha-nam! Vị Thánh đệ tử tin vào ngôn thuyết thanh tịnh của Phật, tin vào ngôn thuyết thanh tinh của của Pháp, của Tăng. Đối với năm pháp là tín, tấn, niệm, định, tuệ vi ấy dùng sức mạnh51 trí tuệ tư duy quán sát để rồi tiếp thọ.52 Đó gọi là Thánh đệ tử không đọa vào đường ác... (cho đến) Tùy pháp hàiứi.53 Lại nữa, Ma-ha-nam! Vị Thánh đệ tử tin vào ngôn thuyết thanh tịnh của Phật, tin vào ngôn thuyết thanh tịnh của Pháp, của Tăng... (cho đến) năm pháp là tín, tấn, niệm, định, tuệ vị ấy chỉ dùng chút ít trí tuệ để tư duy quán sát để rồi tiếp thọ. Đó gọi là Thánh đệ tử không đọa vào đường ác... (cho đến) Tùy tín hành.54 Này Ma-ha-nam! Ví như cây Sa-la55 này, khi nghe những gì Ta nói mà có thê hiêu được nghĩa thì thật là vô lý. Nêu cội cây có thê hiêu thì Ta cũng thọ ký vây, huống gì Thích Bách Thủ mà Ta không thọ ký đắc quả Tu-đà-hoàn. Này Ma-ha-nam! Lúc Thích Bách Thủ sắp qua dời, ông ấy đã thọ trì tịnh giới, bỏ uống rượu nên sau khi mạng chung Ta thọ ký ông ấy đắc quả Tu-đà-hoàn... (cho đến) vượt thoát khổ đau. Thích Ma-ha-nam nghe lời Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, từ chô ngôi đứng dậy đảnh lễ và đi ra. *** 937. MÁU56 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ ở giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu, nước Tỳ-xá-ly.

50 Tín giải thoát (,Saddhāvimutto): Nhờ tín tâm cao tột với đức Phật nên được giải thoát. Theo A. 3.21 - L 118: Yvāyam puggalo saddhāvimutto svāssa sakadāgāmī vã anāgāmī vã (Hạng người Tín giải này là hạng người Nhất lai hay Bất lai), HT. Thích Minh Chau dịch. 51 Nguyên tác: Tăng thượng ().Theo Phật học đại từ điển của Đinh Phúc Bảo, nói chung về sức mạiễ của thế và lực (). 52 Nguyên tác: Kham nhẫn (),tương đương Pãli là khanti, vừa có nghĩa thọ nhận vừa mang nghĩa tin tưởng rồi thọ trì (). 53 Tùy pháp hành (,Dhammānusārī): Hành giả dùng trí tuệ tư duy, quán sát giáo pháp để tu tập, đã vượt khỏi địa vị phàm phu, đang trên lộ trình chứng đác quả vị Dự lưu. Tùy pháp hành làyị có tuệ căn mạnh. Đại trí đô luận (7.25.

1509.040. 0349b06) giải thích: Bậc lợi căn gọi ^Tuy pháp hành. Hạng người này do biện giải giáo pháp mà chứng đạo nên gọi là Tùy pháp hành (

54 Nguyên tác: Tùy tín hành (‚Saddhānusārī)-. Hành giả lấy tín tâm làm căn bản để tu tập, đang trên lộ trình chuẩn bị chứng đác quả vị Dự lưu. Tùy tín hành là vị có tín căn mạnh. 55 Kiên Cố thọ ()tức cây Sa-la. 56 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02.0099.937.0240012). Tham chiếu: Biệt Tạp.(02. 0100330. 0485C05); Tăng.(T.Ỏ2. 0125.51.2. 0814011); s. 15.13 - n. 187.



Bấy giờ, CÓ bốn mươi Tỳ-kheo đang ngụ ở làng Ba-lê-da/7 tất cả đều tu hạnh A-lan-nhã? khoác y phấn tảo và đi khất thực,58 nhưng còn ở giai vị Hữu học, chưa lìa dục. Họ cùng đến chỗ Phật, cúi đầu lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Khi ấy, Thế Tôn thầm nghĩ: "Bốn mươi Tỳ-kheo này đang ngụ ở làng Ba- lê-da? đều tu hạnh A-lan-nhã, khoác y phấn tảo và đi khất thực, nhimg đang còn ở giai vị Hữu học, chưa lìa dục. Hôm nay, Ta nên thuyết pháp cho họ đe ngay đời này không còn sanh khởi các lậu hoặc, tâm được giải thoát." Nghĩ rồi, Thế Tôn nói với bốn mươi Tỳ-kheo ở làng Ba-lê-da: Chúng sanh từ vô thỉ đên nay bị vô minh che lâp, bi ái buộc cô, lưu chuyển trong đêm dài sanh từ không biết đâu là cội nguồn của khổ đau. Này các Tỳ-kheo! Ý các thầy nghĩ sao? Nước sông Hằng cuồn cuộn chảy vào biển lớn thì lượng nước ấy nhiều, hay là lượng máu chảy ra từ nơi thân thể của các thầy bị hủy hoại khi lưu chuyển trong đêm dài sanh tử từ vô thỉ đen nay là nhiều? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Theo chúng con hiêu ý nghĩa mà Phật muôn nói thì khi luân chuyên trong đêm dài sanh tử, thân thể chúng con bị hủy hoại, máu đã chảy rất nhiều, nhiều gáp trăm ngàn vạn lân nước sông Hăng. Phật bảo các Tỳ-kheo: Hãy gác lại nước sông Hăng... (cho đên) nước trong bôn biên lớn là nhiêu hay là lượng máu chảy ra từ nơi thân thê của các thây bị hủy hoại trong luân hồi sanh tử là nhiều? Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Như chúng con hiêu ý nghĩa của Thê Tôn nói thì khi lưu chuyên trong sanh tử đã lâu, thân the chúng con bị hủy hoại, máu tuôn chảy rất nhiều, nhiều hơn cả nước trong bốn biển lớn. Phật bảo các Tỳ-kheo: -Lành thay! Lành thay! Trong đêm dài sanh tử lưu chuyên ây9 máu trong thân thể của các thầy đã tuôn chảy nhiều không thể tính kể, nhiều hơn cả nước sông Hăng và bôn biên lớn. Vì sao như vậy? Vì các thây đã từng sanh trong loài voi, bị cắt tai, cắt mũi, đầu, đuôi và bốn chân, máu tuôn chảy không tính kể; hoặc làm thân các loài cầm thú như ngựa, lạc đà5 lừa, trâu, chó... cũng bị cắt đứt tai, cắt mũi, đầu, chân, toàn thân, máu tuôn chảy vô lượng. Các thầy cũng đã từng bị giặc cướp, bị người sát hại, cắt đứt đầu, chân, tai, mũi, toàn thân bị chia lia, máu tuôn chảy vô lượng. Các thầy đã từng chịu cảnh thân hoại mạng57 58

57 Ba-lê-da tụ lạc (Pāveyyakā). 58 Nguyên tác: A-luyện-nhã, phấn tảo y,khất thựcarañňakā pamsukūlikā pindapātika). Hành trì 3 trong 13 hạnh
Đầu-đà: Chỉ sông trong rừng, chỉ khoác y phấn tảo và chỉ khất thực (không nhận lời mời).

chung bỏ xác nơi nghĩa địa, máu huyết tanh nồng, tuôn chảy cũng không thể tính lường. Hoặc đọa địa ngục, súc sanh, nga quỷ rồi thân hoại mạng chung, máu huyết tuôn chảy cũng vô lượng. Phật bảo các Tỳ-kheo: -Sắc là thường hay vô thường? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn, là vô thường!

- Những gì vô thường là khổ chăng? Bạch Thế Tôn, là khổ!

Nếu vô thường, khổ, là pháp đổi thay thì vị Thánh đệ tử có nên ở trong đó thấy có ngã, khác ngã, hoặc tồn tại trong nhau chăng? - Bạch Thế Tôn, không nên! r r Đôi với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thê. Rồi Phật lại bảo các Tỳ-kheo: -Các thầy phải biết đúng như thật rằng những gì thuộc về sắc quá khứ, tương lai, hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần, tất cả đều chẳng phải ngã, chẳng khác ngã, chẳng ở trong nhau. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Bậc Thánh đệ tử quán sát như vậy rồi sẽ sanh nhàm chán đối với sắc; sanh nhàm chán đối với thọ, tưởng, hành, thức. Khi đã nhàm chán rồi thì không còn ưa thích, vì không còn ưa thích nên được giải thoát, giải thoát tri kiến, rằng: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Khi đức Phật nói bài pháp này, bốn mươi Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

938. NƯỚC MẮT59 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xa-ve* Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: —Chúng sanh luân chuyển mãi trong đêm dài sanh tử từ vô thỉ cho đến nay, không biết đâu là cội nguồn của khổ đau. Ý các thầy nghĩ thế nào? Nước sông Hằng... (cho đến) nước trong bốn biển lớn là nhiều hay là nước mắt của các thầy tuôn ra trong vòng luân hồi sanh tử là nhiều?

59 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7L02. 0099.938. 0240c25). Tham chiếu: Biệt Tạp.(r 02. 0100.331. 0486al8); Tăng.(7.02. 0125.51.1. 0814a27); s. 15.3 - II. 179.



Các Tỳ-kheo bạch Phật: Như chúng con hiểu ý nghĩa của lời Phật dạy thì nước mắt của chúng con tuôn rơi trong vòng luân hồi sanh tử rất nhiều, nhiều hơn cả nước sông Hằng và bốn biển lớn. Phật bảo các Tỳ-kheo: -Lành thay! Lành thay! Nước mắt của các thầy tuôn rơi trong vòng luân hồi sanh tử rất nhiều chứ không phải nước sông Hằng và nước bốn biển. Vì sao như vậy? Vì các thầy đã khóc để tiễn biệt cha mẹ, anh em, chị em, thân thuộc, bạn bè hay mất mát tiền của thì nước mắt nhiều không thể tính kể. Các thầy mãi chịu cảnh lâm chung bỏ xác nơi nghĩa địa, máu huyết tanh nồng chảy ra... (cho đến) đọa địa ngục, nga quỷ, súc sanh. Này các Tỳ-kheo! Các thầy đã sanh tử luân hồi từ vô thỉ đến nay, máu và nước mắt trong thân chảy ra rất nhiều không thể tính kể. Phật hỏi các Tỳ-kheo: Sắc là thường hay vô thường?

Các Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn, là vô thường!

- Những gì vô thường là khổ chăng? - Bạch Thế Tôn, là khổ! Nếu vô thường, khổ, là pháp đổi thay thì vị Thánh đệ tử có nên ở trong đó thấy có ngã, khác ngã, hoặc tồn tại

trong nhau chăng? - Bạch Thế Tôn, không nên! r  Đôi với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thê. -Này các Tỳ-kheo! Vị Thánh đệ tử biết như vậy, thấy như vậy... (cho đến) được giải thoát đối với sắc, được giải thoát đối với thọ, tưởng, hành, thức, được giải thoát đối với sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành. ***

939. SỮA MẸ60

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. J

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

60 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.939. 0241al8). Tham chiếu: Biệt Tạp.(r02. 0100.332. Ò486Ồ24); s. 15.4 -11.180.



-Chúng sanh từ vô thỉ bị vô minh che lấp, bị ái buộc cổ, luân chuyển trong đêm dài sanh tử không biết đâu là cội nguồn của khổ đau. Phật hỏi các Tỳ-kheo:  Ý các thầy nghĩ thế nào? Nước sông Hằng và nước trong bốn biển lớn là nhiều, hay sữa mẹ mà các thầy đã uống trong luân hồi sanh tử là nhiều? Các Tỳ-kheo bạch Phật:  Như chúng con hiểu ý nghĩa mà Phật muốn nói thì sữa mẹ mà chúng con đã uống trong luân hồi sanh tử còn nhiều hơn nước sông Hằng và bốn biển lớn. Phật bảo các Tỳ-kheo: -Lành thay! Lành thay! Sữa mẹ mà các thầy đã uống trong luân hồi sanh tử còn nhiêu hơn nước sông Hăng và nước bôn biên lớn. Vì sao như vậy? Các thây đã từng nhiêu kiêp sanh trong loài voi và uông sữa mẹ nhiêu vô lượng, vô số; hoặc sanh vào các loài cầm thú như lạc dà, ngựa, trâu, lừa... cũng uống sữa mẹ nhiêu vô lượng vô sô. Các thây đã từng bỏ thân xác nơi gò mả, máu mủ cũng chảy ra vô lượng; hoặc đọa địa ngục, nga quỷ, súc sanh, máu tủy chảy ra cũng như vậy. Này các Tỳ-kheo! Các thầy đã luân chuyển trong sanh tử từ vô thỉ đến nay, không biết đâu là cội nguồn của khổ. Thế nào, này các Tỳ-kheo! sắc là thường hay vô thường?  Bạch Thế Tôn, là vô thường!... {cho đến) vi Thánh đệ tử đối với năm thủ uẩn nên quán sát chẳng phải là ta chẳng phải của ta. Đã quán sát rồi thì đoi với các pháp thế gian không còn chấp thủ. Do không chấp thủ nên không dính mắc, việc cân làm đã làm xong, tự biêt không còn tái sanh. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.61

61 Bản Hán, hết quyển 33.



QUYỂN 34 940. THẺ ĐẾM1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-dà, thuộc nước Xá-vệ. - Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: —Chúng sanh từ vô thỉ bị vô minh che lấp, bị ái buộc cổ, luân chuyển mãi trong đêm dài sanh tử không biết đâu là cội nguồn của khổ đau. Này các Tỳ-kheo! Ý các thầy thế nào? Nếu chặt tất cả các loại cỏ cây trên mặt đất này làm thẻ, mỗi thẻ kích cỡ bằng bốn ngón tay, rồi dùng số thẻ này để đếm cha mẹ mà các thầy đã nương gá trong vòng luân hồi sanh tử thì số thẻ đó không đủ so với số lượng cha mẹ của các thầy. Này các Tỳ-kheo! Chúng

sanh từ vô thỉ bi vô minh che lấp, bi ái buộc cổ? luân chuyên mãi trong đêm dài sanh tử không biêt đâu là cội nguôn của khô đau như vậy. Thế nên, Tỳ-kheo các thầy phải nên học như vậy, phải siêng năng tinh tấn, đoạn trừ các hữu, không cho tăng trưởng. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

941. VÔ LƯỢNG MẸ CHA12 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Chúng sanh từ vô thỉ đến nay mãi trôi lăn trong đêm dài sanh tử, không biết đâu là cội nguồn của khổ đau. Thế nào, này các Tỳ-kheo! Nếu lấy hết bùn đất nơi đại địa này mà vo lại thành viên như trái bà-la3 để đếm cha mẹ của các

1 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.940. 0241bl5). Tham chiếu: Biệt Tạp.(r 02. 01Ó0.333.0486c07);5. 15.1-II. 178. 2 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.941. 0241ỒỒ24). Tham chiếu: Biệt Tạp.(102. 0100.334. 0486C19); s. 15.2 - II. 179. 3 Bà-la quả ()còn gọi uam-bà-la quả,?().ở Ấn Độ gọi là trái amla, hoặc cũng gọi là amalaki, ơ Việt Nam gọi là me rừng, chùm ruột núi, co tên gọi khoa học là Phyllanthùs Emblica.



thầy đã nương gá trong vòng luân hồi sanh tử từ vô thỉ đến nay thì số viên đất ấy không đủ so với số cha mẹ của các thầy. Này các Tỳ-kheo! Chúng sanh mãi trôi lăn trong đêm dài sanh tử từ vô thỉ đến nay, không biết đâu là cội nguồn của khổ đau. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Các thầy phải siêng năng tinh tấn đoạn trừ các hữu,4 không cho tăng trưởng. Hãy nên học như vậy! Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

942. AN VUI4 5 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Chúng sanh từ vô thỉ đến nay mãi trôi lăn trong đêm dài sanh tử, không biết đâu là cội nguồn của khổ đau. Này các Tỳ-kheo! Nếu thấy các chúng sanh vui sống bình an thì các thầy nên nghĩ ràng: "Khi trôi lăn trong đêm dài sanh tử thì chúng ta cũng từng thọ hưởng vô lượng niềm vui nay?9 Này các Tỳ-kheo! Chúng sanh từ vô thỉ đến nay mãi trôi lăn trong đêm dài sanh tử, không biết đâu là cội nguồn của khổ đau. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Các thầy phải siêng năng tinh tấn đoạn trừ các hữu, không cho tăng trưởng. Hãy nên học như vậy! Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

943. KHỔ ĐAU6*

A

Tôi nghe như vây:

Một thời, dức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-dà, thuộc nước Xá-vệ.

4 Nguyên tác: Chư hữu ().Các cảnh giới tái sanh của chúng sanh, gọi chung là "hữu.” Kinh văn thường chia ra có 3 hữu: Dục hữu, sắc hữu, vô sác hữu; 4 hữu: Sinh hữu, bôn

hữu, tử hữu, trung hữu; 7 hữu: Địa ngục, súc sanh, nga quỷ, thiên hữu, nhân hữu, nghiệp hữu, trung hữu; 9 hữu: Loài người và 6, trời Dục giới, 4 cõi thiền và 4 cõi định; 25 hữu: Từ địa ngục đến Vô sở hữu xứ, cho nên gọi một cách tổng quất la "cZc hữu.,^ 5 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.942.024ÍC04). Tham chiếu: Biệt Tạp.(T.02. 0100.335. 0486C29); 5. 15.12-11. 186. 6 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.943. 0241C12). Tham chiếu: Biệt Tạp.(r.02. 0100.336. 0487al0); S. 15.11 - II. 186.

1018 KINH TẠPA-HÀM

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Chúng sanh từ vô thỉ đến nay mãi trôi lăn trong đêm dài sanh tử, không biết đâu là cội nguồn của khổ đau. Này các Tỳ-kheo! Nếu gặp các chúng sanh chịu nhiều đau khổ thì các thầy nên nghĩ rằng: “ppii trôi lăn trong đêm dài sanh tử thì chúng ta cũng từng chịu vô lượng nỗi khổ như v^y." The nên, này các Tỳ-kheo! Các thây phải siêng năng tinh tấn đoạn trừ các hữu, không cho tăng trưởng. Hãy nên học như vậy! Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

944. SỢ HÃI7 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. J Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Chúng sanh từ vô thỉ đến nay mãi trôi lăn trong đêm dài sanh tử, không biết đâu là cội nguồn của khổ đau. Này các Tỳ-kheo! Nếu các thầy thấy các chúng sanh mà sanh lòng sợ hãi, sởn cả gai ốc thì phải nghĩ rằng: "Trong quá khứ, chúng ta nhất định đã từng sát sanh, đã làm tổn thương, là kẻ ác tri thức của họ nên bi trôi lăn trong đêm dài sanh tử từ vô thỉ đến nay, không biết đâu là cội nguồn của khổ dàu." Thế nên, này các Tỳ-kheo! Các thầy phải siêng năng tinh tấn đoạn trừ các hữu, không cho tăng trưởng. Hãy nên học như vậy! Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

945. YÊU MẾN8

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ? Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Chúng sanh từ vô thỉ đến nay mãi trôi lăn trong đêm dài sanh tử, không biết đâu là cội nguồn của khổ đau.

[Tya đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.944. 024ÍCỈ9). Tham chiếu: Biệt Tạp.(r.02. 01Ỏ0.337. 0478al7). 8 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Top.(T.02. 0099.945. 0241c27). Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.952. 0243a06); Tạp.M (T.02. 0100.345. 0488a26); Biệt Tạp.(r02. 0100338 0487a23); s. 15.14-17 - ỈL 189; s. 15.18-19 - IL 190.

QUYỂN 34 1019

Này các Tỳ-kheo! Nếu thấy chúng sanh mà sanh tâm vui mừng, yêu mến thì phải nghĩ rằng: "Những chúng sanh này trong đời quá khứ nhất định đã từng làm cha mẹ? anh em, vợ con, quyến thuộc, thầy bạn, thiện tri thức của chúng ta, do trôi lăn trong đêm

dài sanh tử, bị vô minh che lấp, bị ái buộc cổ nên không biết đâu là cội nguồn của khổ đau.95 Thế nên, này các Tỳ-kheo! Các thầy phải siêng năng tinh tấn đoạn trừ các hữu, không cho tăng trưởng. Hãy nên học như vậy! Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

946. CÁT SÔNG HẰNG9 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Bà-la-môn đến chỗ Phật, cung kính thăm hỏi. Sau khi thăm hỏi xong, ngồi sang một bên và bạch: Thưa Cù-đàm, trong đời tương lai sẽ có bao nhiêu đức Phật? Phật bảo Bà-la-môn: Đời tương lai có vô lượng chư Phật, nhiều như cát sông Hằng. Bấy giờ, Bà-la-môn nghĩ rằng: "Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác ở đời tương lai nhiều vô lượng, nhiều như cát sông Hằng, ta sẽ theo các Ngài tu Phạm hạnh.” Sau khi nghe Phật chỉ dạy, Bà-la-môn tâm rất hoan hỷ và tùy hỷ, đứng dậy ra về. Trên đường về, Bà-la-môn suy nghĩ: "H6m nay, ta chỉ hỏi Sa-mon Cù- đàm về chư Phật đời tương lai mà chưa hỏi chư Phật ở quá khứ." Nghĩ rồi, ông liền trở lại hỏi Thế Tôn: Thưa Cù-đàm! Trong đời quá khứ có bao nhiêu đức Phật? Phật bảo Bà-la-môn: -Đời quá khứ cũng có vô lượng chư Phật, nhiều như cát trong sông Hằng vậy. Lúc ấy, Bà-la-môn liền nghĩ: “Trong đời quá khứ có vô lượng chư Phật, Thế Tôn, nhiều như cát sông Hằng vậy mà ta chưa từng được gặp. Nếu như đời tương lai có vô lượng chư Chánh Đẳng Chánh Giác nhiều như cát sông Hằng thì ta cũng sẽ không được thân cận và có được niềm vui. Ngay đây ta nên ở chỗ Sa-môn Cù-đàm tu hành Phạm hạnh." Nghĩ rồi, ông liền chắp tay bạch Phật: Cúi xin Thế Tôn cho phép con xuất gia tu Phạm hạnh trong Giáo pháp và Giới luật của Ngài!

9 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.946. 0242a08). Tham chiếu: Biệt Tạp.(T.02. 0100.339.0487b02); s. 15.8 -II. 183.



Phật bảo Bà-la-môn: -Ta chấp thuận cho ông xuất gia tu Phạm hạnh, thọ giới Tỳ-kheo trong Giáo pháp và Giới luật của Như Lai. Bấy giờ, Bà-la-môn liền được xuất gia thọ giới Cụ túc. Sau khi xuất gia, thầy ấy một mình đến nơi thanh vắng, siêng năng tu tập, chuyên tâm tư duy lý do mà người thiện nam cạo bỏ râu tóc, với niềm tin chân chánh, từ bỏ gia đình, sống không gia đình... (cho đến) chứng đắc A-la-hán. *** 947. NÚI XƯƠNG KHÔ10* Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại núi Tỳ-phú-la, thuộc thành Vương Xá.11 Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Một người trôi lăn trong sanh tử trải qua một kiếp, nếu xương trắng không bi hư hoại sẽ được chất cao như núi Tỳ-phú-la. Nếu vị Thánh đệ tử đa văn biết rõ như thật Thánh đế về khổ nay, biết rõ như thật Thánh đế về nguyên lứiân của khổ, biết rõ như thật Thánh đế về khổ diệt và biết rõ như thật Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt này thì do vị ấy biết như vậy, thấy như vậy nên sẽ đoạn được ba kiết sử là thân kiến, giới thủ và nghi. Do dứt sạch ba kiết sử này nên chứng quả Tu-đà-hoàn, không còn rơi vào đường ác, quyết đinh hướng thẳng đến Vô thượng Chánh giác,12 chỉ còn bảy lần tái sanh vào cõi trời, cõi người là vượt thoát kho đau. Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ: r r \

Đời người qua một kiếp, Xương cót phải chát chông, Như núi Tỳ-phúla, Nếu không bi hư hoại. Nếu các Thánh đệ tử, Chánh trí thấy sự thật, Đây khổ, nguyên nhân khổ, Lìa khổ chứng tịch diệt. Tu Thánh đạo tám chi, Thẳng đến Bát-niết-bàn, Tối đa bảy lần sanh, Qua lại cõi trời, người, Sẽ dứt hết kiết sử, Vượt thoát mọi khổ đau. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

^Tựa đề đặt theo nội dung kinh 0 (r02.0099.947. 0242a28). Tham chieu^Bzf/Tạp.(r.02. 0100.340. 0487b17); Biệt Tạp.(T.02. 0101.11. 0496Ồ14); Tích cốt kinh (fo2. 0150A.30. 0880b 10); S. 15.10-11. 185. y Nguyên tác: Vương Xá thành Tỳ-phú-la sơn (Veppulla pabbatā), s. 15.10 - II. 185 lại ghi: Rājagahe Gijjhakūtepabbate (uên núi Kỳ-xà quật, thành Vương Xá), HT. Thích Minh Châu dịch. 12 Nguyên tác: Tam-bồ-đề (‚Sambodhi).

QUYỂN 34 1021

948. KIẾP số DÀI LÂU13 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Chúng sanh từ vô thỉ đến nay mãi trôi lăn trong đêm dài sanh tử, không biết đâu là cội nguồn của khổ đau. Bây giờ, có một Tỳ-kheo từ chô ngôi đứng dậy, sửa lại y phục, bày vai bên phải, đảnh lễ đức Phật, gối phải sát đất, chắp tay bạch Phật: - Kính bạch Thế Tôn! Một kiếp dài bao lâu? Phật nói với Tỳ-kheo ấy: -Ta có thể vì thầy giảng nói, nhưng thầy khó có thể biết được. Tỳ-kheo bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Ngài có thể nói một ví dụ được không? Đức Phật nói: -Có the được, này Tỳ-kheo! Ví như có thành bằng sắt, vuông vức một do- tuần, trên dưới cũng như vậy. Bên trong thành chứa đầy hạt cải. Cứ một trăm năm mới có người đến lấy đi một hạt cải và cứ lấy như vậy cho đến khi số hạt cải kia hết sạch mà một kiếp vẫn chưa hết. Cũng vậy, này Tỳ-kheo! Kiếp dài lâu như vậy đó. Trong một kiếp dài như vậy, chúng sanh luân hồi trong các đường ác địa ngục, súc sanh, nga quỷ phải chiu trăm, ngàn, vạn, ức nỗi khổ đau cùng cực nối tiếp nhau, xương chất thành núi, máu chảy thành sông. Đó gọi là từ vô thỉ mãi luân hồi sanh tử, không biết đâu là cội nguôn của khô. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Các thầy phải siêng năng tinh tấn đoạn trừ các hữu, không cho tăng trưởng. Hãy nên học như vậy! Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đêu hoan hỷ phụng hành. ***

949. NÚI MÒN14

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

13 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.948. 0242b 16). Tham chiếu: Biệt Tạp,(r 02. 0100.341. Ò487c06); Td(T.02. 0125.52.3. 0825b 16); s. 15.6-II. 182. 14 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.949. 0242c01). Tham chiểu: Biệt Tạp.(r 02. 0100.342. Ỏ487c21); Tăng.(r.Ò2. 0125.52.4. 0825c07); s. 15.5 - II. 181.

1022 KINH TẠPA-HÀM

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Chúng sanh từ vô thỉ đến nay mãi trôi lăn trong đêm dài sanh tử, không biêt đâu là cội nguồn của khô đau. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo từ

chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, bày vai bên phải, đảnh lễ đức Phật, gối phải sát đất, chắp tay bạch rằng:  Kính bạch Thế Tôn! Một kiếp dài bao lâu?

Phật bảo các Tỳ-kheo:  Ta có thể vì thầy giảng nói, nhimg thầy khó có thể biết được.

Tỳ-kheo bạch Phật:  Bạch Thế Tôn! Ngài có thể nói một ví dụ được không?

Đức Phật nói:  Có thể được, này Tỳ-kheo! Ví như một ngọn núi đá lớn, không bi nứt, không bi phá hủy, vuông vức một do-tuần. Nếu có người dùng mảnh lụa Ca-thi kiếp-bối,15 cứ một trăm năm phủi qua một lần và phủi đều đặn như vậy cho đến khi núi đá mòn hết thì một kiếp vẫn chưa hết. Này Tỳ-kheo? một kiếp dài lâu như vậy, chúng sanh trải qua trăm, ngàn, vạn, ức kiếp chiu các khổ não... (cho đến) này các Tỳ-kheo! Các thầy phải siêng năng tinh tấn đoạn trừ các hữu, không cho tăng trưởng. Hãy nên học như vậy! Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 950. KIẾP QUÁ KHỨ16 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ? Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Chúng sanh từ vô thỉ đến nay mãi trôi lăn trong đêm dài sanh tử, không biết được cội nguồn của khổ đau. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, bày vai bên phải, đảnh lễ đức Phật, gối phải sát đất rồi chắp tay bạch rằng: Kính bạch Thế Tôn! Quá khứ có bao nhiêu kiếp?

15 Nguyên tác: Ca-thi kiếp-bối (kāsika yattha), vải lụa nổi tiếng được sản xuất ở nước Kāsi. 16 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02.0099.950. 0242c13). Tham chiếu: Biệt Tạp.(r 02. 0100.343. 0488a07); 5. 15.7 - II. 182.



Phật bảo các Tỳ-kheo:  Ta có thể vì thầy giảng nói, nhưng thầy rất khó biết được.

Tỳ-kheo bạch Phật:  Bạch Thế Tôn! Ngài có thể đưa ra một ví dụ được không?

Đức Phật nói:  Có thể được, này Tỳ-kheo! Ví như có người sống khoảng một trăm tuổi. Buôi sáng nhớ lại ba trăm ngàn kiêp. Buổi trưa nhớ lại ba trăm ngàn kiếp. Buổi chiều nhớ lại ba trăm ngàn kiếp. Ngày nào cũng nhớ nghĩ đến số kiếp như vậy cho đến trăm tuổi lâm chung thì cũng không thể nhớ hết tận cùng của số kiếp. Cũng vậy, này Tỳ-kheo5 quá khứ có vô lượng số kiếp như vậy đó. Trong vô lượng sô kiêp ở quá khứ, chúng sanh đã luân hôi trong các đường ác địa ngục, súc sanh, nga quỷ, mãi mãi chịu mọi thống khổ, xương chất thành núi, máu chảy thành sông. Thật vậy^ Tỳ-kheo! Chúng sanh từ vô thỉ đến nay mãi luân hồi trong sanh tử, không biết được cội nguồn của khổ. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Các thầy phải siêng năng tinh tấn đoạn trừ các hữu, không cho tăng trưởng. Hãy nên học như vậy! Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 951. BIẾT ĐÂU NGUỒN CÔI17 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Chúng sanh mãi trôi lăn trong đêm dài sanh tử từ vô thỉ đến nay, không biết đâu là cội nguồn của khổ đau. Không một nơi nào mà chúng sanh không từng sanh ra và chết đi. Thật vậy, chúng sanh mãi luân hồi sanh tử từ vô thỉ, không biết được cội nguồn của khổ đau. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Các thầy hãy

đoạn trừ các hữu lậu, không cho tăng trưởng. Hãy nên học như vậy! Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

17 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.951. 0242c28). Tham chiếu: Biệt Tạp.(7.02. 0100.344. Ò488a20).



952. THÂN QUYẾN18 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ, Thê Ton bao các Tỳ-kheo: Chúng sanh mãi trôi lăn trong đêm dài sanh tử từ vô thỉ cho đến nay, không biết đâu là cội nguồn của khổ đau. Không một nơi nào mà không có cha mẹ? anh em, vợ con, quyến thuộc, thân thích và thầy của chúng ta. Thật vậy, chúng sanh mãi luân hồi sanh tử từ vô thí, không biết được cội nguồn của khổ đau. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Các thầy hãy đoạn trừ các hữu lậu, không cho tăng trưởng. Hãy nên học như vậy! Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 953. BONG BÓNG NƯỚC19 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Chúng sanh mãi trôi lăn trong đêm dài sanh tử từ vô thỉ cho đến nay, không biêt đâu là cội nguôn của khô đau. Ví như trời đô mưa lớn, bong bóng nước vừa nổi liền tan. Cũng vậy, chúng sanh bị vô minh che lấp, bị ái buộc cổ, luân hồi sanh tử từ vô thí, sanh ra rồi chết đi, trôi lăn mãi không biết được cội nguồn của khô đau. Thê nên, này các Tỳ-kheo! Các thây hãy đoạn trừ các hữu lậu, không cho tăng trưởng. Hãy nên học như vậy! Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 954. TRẬN MƯA LỚN20 Tôi nghe như vầy:

18 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.952. 0243a06). Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.945. 0241C27); Biêt Tạp.(r.O2. 0100.338. 0487a23); Biết Tạp.(T.02. 0100345. 0488a26); s. 15.14-15-16-17 - II. 189; s. 15.18-19 - II. 190. 19 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02.0099.953.0243al3). Tham chiếu: 7(^.(T.02.0099.265. 0068029); Tạp.(7L02. 0099.659. 0184a08); Ngụ ấm thí dụ kinh (T.02. 0105. 0501a04); Thủy mạt sơ phiêu kinh (T.02. 0106. 0501 c08); Ś. 22.95 - III. 140; s. 48.50 - v. 225. 20 Tựa đề đặt theo nội dung kinh (r02. 0099.954. 0243a21). Tham chiếu: Biệt Tạp.(T.02. 0100.347. 0488b12); Biệt Tạp.(r.O2. 0100.348. 0488b21)?s. 15.9 - II. 184.



Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Chúng sanh mãi trôi lăn trong đêm dài sanh tử từ vô thỉ cho đến nay, không biết đâu là cội nguồn của khổ đau. Ví như một trận mưa lớn tuôn xuống khắp nơi, Đông, Tây, Nam, Băc nơi nào cũng ngập nước. Cũng vậy, kiếp thành và hoại của vô lượng quốc độ trong bốn phương Đông, Tây, Nam, Bắc cũng như một trận mưa lớn tuôn xuống khắp cõi nước không sót một chỗ nào. Thật vậy, chúng sanh mãi luân hồi sanh tử từ vô thỉ không biết đâu là cội nguồn của khổ đau. Ví như tung cây gậy lên không trung, có thể đầu gậy rơi xuống trước, hoặc đuôi gậy rơi xuống trước, hoặc cây gậy rơi ngang xuống. Cũng vậy, chúng sanh luân chuyển mãi trong

đêm dài sanh tử từ vô thi, từng đọa vào địa ngục, hoặc đọa vào súc sanh, hoặc đọa vào nga quỷ. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Các thầy hãy đoạn trừ các hữu lậu, không cho tăng trưởng. Hãy nên học như vậy! Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 955. QUAY MÃI KHÔNG DỪNG21 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá.ve. Bây giơ, The Ton bao các Ty-kheo:  Chúng sanh mãi trôi lăn trong đêm dài sanh tử từ vô thỉ cho đến nay, không biết đâu là cội nguồn của khổ đau. Này các Tỳ-kheo! Ví như vòng bánh xe có năm nan hoa, một thanh niên khỏe mạnh có the khiến bánh xe quay mãi không dừng. Chúng sanh xoay vần theo bánh xe năm đường, hoặc đọa vào địa ngục, hoặc đọa làm nga quỷ, hoặc sanh vào loài súc sanh, hoặc sanh lên cõi trời, hoặc sanh làm người, luân chuyển không dừng. Thật vậy, chúng sanh mãi trôi lăn trong đêm dài sanh tử từ vô thí, không biết đâu là cội nguồn của khổ đau. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Các thầy hãy đoạn trừ các hữu lậu, không cho tăng trưởng. Hãy nên học như vậy! Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

21 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.955.0243a04). Tham chiếu: Biệt Tạp.(r 02. 0100.349. 0488C01).



956. VÔ THƯỜNG ĐẾN CẢ SƠN KHÊ22 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ gần bên núi Tỳ-phú-la,23 tại thành Vương Xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Muôn sự muôn vật đều24 vô thường, muôn sự muôn vật đều không bền chắc, không an ổn? là pháp biến đổi. Này các Tỳ-kheo! Hãy sanh tâm nhàm chán đối với muôn sự muôn vật, chỉ cầu niềm vui giải thoát. Này các Tỳ-kheo! Vào thời quá khứ, núi Tỳ-phú-la này có tên là núi Trường Trúc,25 khu vực ngươi dân cư ngụ chung quanh núi gọi là ấp Đê-di-la.26 Người dân ấp Đê-di-la thọ bốn vạn tuổi. Mỗi khi họ muốn leo lên đỉnh núi này thì phải mất bốn ngày mới trở về. Bấy giờ, có Phật Ca-la-ca-tôn-đề?27 Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh  Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thiïợng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở thế gian, thuyết pháp giáo hóa, khai mở, hiển bày; pháp ấy phần đầu thiện, phần giữa thiện và phần cuối cũng thiện, nghĩa lý tốt đẹp, câu chữ chính xác, thuần nhất thanh tịnh, Phạm hạnh trong sạch.28 Hiện tại tên núi Trường Trúc đã biến mất, dân chúng ấp Đê-di-la cũng chẳng còn, đức Phật, Như Lai kia thì đã vao Bát-niết-bàn. Tỳ-kheo nên biết, muôn sự muôn vật đều vô thường, không bền chắc, không an ổn? là pháp biến đổi. Vì thế các thầy hãy tu tap, khởi tâm nhàm chán, lìa dục đối với muôn sự muôn vật để đạt được giải thoát. Này các Tỳ-kheo! Vào thời quá khứ, núi Tỳ-phú-la này có tên là Bằng-ca,29 khu vực người dân cư trú xung quanh núi gọi là ấp A-tỳ-ca. Tuổi thọ người dân lúc đó là ba vạn tuổi. Mỗi khi người A-tỳ-ca muốn leo lên đỉnh núi này phải mất ba ngày mới trở về. Bấy giờ, có Phật Câu-na-hàm Mâu-ni5 Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Su, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở đời, diễn nói kinh pháp, khai mở, hiên bày; pháp ây phân đâu thiện, phân giữa thiện và phân cuôi cũng

22 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r02. 0099.956. 0243b13. Tham chiếu: Biệt Tạp.r 02. 0100.350. 0488C07; s. 15.20 - IL 190. 23 Tỳ-phú-la ,Vepulla. 24 Nguyên tác: Nhất thiết hành ,còn gọi là "chu hành,, ,chỉ cho tất cả các pháp hữu vi, muôn sự muôn vật trên đời. 25 Trường Trúc sơn Pācīnavamsa. 26 Đê-di-la ,Tivarā. 27 Ca-la-ca-tôn-đề ,Kakusandha: Phật Câu-lưu-tôn. ^Nguyen tác: Sơ tning hâu thiện, thiện nghĩa, thiện VỊ, thuần nhất mãn tịnh, Phạm hạnh thanh bạch .Xem chú thích 94, kinh số 53, quyểii 2, tr. 55; Tạp. 02. 0099.53. 0012C04. 29 Bằng-ca ,Vañkaka.



thiện, nghĩa lý tốt đẹp, câu chữ chính xác, thuần nhất thanh tịnh, Phạm hạnh trong sạch. Này các Tỳ-kheo! Tên núi Bằng-ca kia đã biến mất từ lâu? dân chung ấp A-tỳ-ca từ lâu cũng chăng còn, đức Phật, Thế Tôn kia cũng vào Bát-niết-bàn. Thật vậy, Tỳ-kheo, mọi sự trên đời đều vô thường, không bền chắc, không an ôn, là pháp biến đổi. Thế nên, Tỳ-kheo các thầy phải tu tập khởi tâm nhàm chán, tìm cầu niềm vui giải thoát. Này các Tỳ-kheo! Vào thời quá khứ, núi Tỳ-phú-la này có tên là Tú-ba-la- thủ,30 khu vực người dân cư ngụ xung quanh núi gọi là ấp Xích Mã.31 Tuổi thọ người dân là hai vạn tuổi. Người dân ở đây muốn leo lên đỉnh núi này phải mất hai ngày mới trở về. Bấy giờ, có Phật Ca-diếp, Như Lai, ứng Cúng... cho đến xuất hiện ở đời, diễn nói kinh pháp, khai mở, hiển bày; pháp ấy phần đầu thiện, phần giữa thiện và phần cuối cũng thiện, nghĩa lý tốt đẹp, câu chữ chính xác, thuần nhất thanh tịnh, Phạm hạnh trong sạch. Tỳ-kheo nên biết, tên núi Ba-la-thủ đã biến mất từ lâu, dân chung ấp Xích Mã từ lâu cũng không còn, đức Phật, Thế Tôn kia cũng vào Bát-niết-bàn. Thật vậy, Tỳ-kheo, mọi sự trên đời đều vô thường, không bền chắc, không an ổn, là pháp biến đổi. Thế nên, Tỳ-kheo các thầy hãy tu tập, khởi tâm nhàm chán để đạt được giải thoát. Này các Tỳ-kheo! Hiện tại núi này tên là Tỳ-phú-la? khu vực người dân cư ngụ xung quanh núi gọi là nước Ma-kiệt-đề.32 Tuổi thọ người dân nơi đây là một trăm tuổi, nếu tự mình khéo điều hòa sẽ sống trọn trăm tuổi. Người Ma- kiệt-đề leo lên đỉnh núi này chỉ trong chốc lát là có thể về tới. Nay Ta ở nơi này chứng đắc thành bậc Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác... cho đến Phật, Thế Tôn, diễn nói Chánh pháp, giáo hóa giúp chúng sanh được Niết-bàn tịch diệt, đạt được chánh đạo, thành bậc Thiện Thệ, tự mình giác tri. Tỳ-kheo nên biết, tên núi Tỳ-phú-la này rồi cũng sẽ biến mất, người Ma- kiệt-đề cũng sẽ diệt vong. Không còn bao lâu, Như Lai sẽ vào Bát-niết-bàn. Thật vậy, Ty-kheo! Mọi sự trên đời đều vô thường, không bền chắc, không an ổn, là pháp biến đổi. Thế nên, Tỳ-kheo các thầy phải tu tập khởi tâm nhàm chán, lìa dục để đạt được giải thoát. Bây giơ, The Ton liên noi kê: Xưa là núi Trường Trúc, Ấp tên Đê-di-la, Ke là núi Bằng.ca, Tụ lạc A-tỳ-ca.

30 Nguyên tác: Tú-ba-la-thủ Supassa. 31 Nguyên tác: Xích Mã Rohitassā: Ngựa đỏ. 32 Ma-kiệt-đề ,Magadha tức Ma-kiệt-đà.



Núi Tú-ba-la-thủ? Tụ lạc tên Xích Mã,

Nay núi Tỳ-phú-la, Nước tên Ma-kiệt-đà?
Ten núi đêu biên mat, Dân chúng cũng chẳng còn.
Chư Phật Bát-niết-bàn, Trước có nay đều mất,
Mọi sự đều vô thường, Đều là pháp sanh diệt,
Có sanh ắt có diệt, Chỉ tịch diệt là vui.
Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.
***
957. THÂN VÀ MẠNG33 x
Tôi nghe như vây:
Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá.
Bấy giờ, có tu sĩ ngoại đạo dòng Bà-sa34 đi đến chỗ Phật, chắp tay chào hỏi xong, ông ngồi sang một bên và bạch Phật:
Thưa Cù-đàm? tôi có điều muốn hỏi, không biết Ngài có thời gian để giải đáp cho chăng?
Phật nói với tu sĩ Bà-sa:
Tùy theo điều ông hỏi mà Ta sẽ trả lời.
Tu sĩ Bà-sa bạch Phật:
-Thế nào, thưa Cù-đàm, mạng tức là thân phải không?
Phật bảo tu sĩ Bà-sa:
Mạng tức là thân, điều này không thể khẳng định.
Tu sĩ Bà-sa lại bạch:
-Vậy thì, thưa Cù-đàm! Mạng khác với thân chăng?
Phật bảo tu sĩ Bà-sa:
Mạng khác với thân, điều này cũng không thể khẳng định.
Tu sĩ Bà-sa nói: Thưa Cù-đàm! Vì sao khi tôi hỏi: "Mạng có phải là thân kh6ng?" thì Ngài trả lời: "Không thể khẳng djnh." Tôi lại hỏi: "Mạng khác với thân phải kh6ng?" thì Ngài cũng trả lời: "Không thể khẳng định.95 Thưa Sa-môn Cù-đàm! Có những điều đặc biệt gì để khi vị đệ tử qua đời liền được thầy xác định sẽ sanh vào chỗ này, sẽ sanh vào nơi kia. Những người

33 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.02. 0099.957. 0244a09. Tham chiếu: s. 44.9 - IV. 398. 34 Nguyên tác: Ba-tha chủng xuất g[?,Tu sĩ ngoại đạo thuộc phái du sĩ paribbājakā, thuốc dòng họ gotta Bà-tha Vaccha. Biệt Tạp.T.02. 0100.190. 0443a09 ghi la "Phạm chí Độc Tỉr".6tĐộc Tử"được dịch sát từ Vacchagotta.



đệ tử đó qua đời, xả thân ở nơi này liền nương theo ý sanh thân,35 sanh vào nơi khác. Ngay lúc đó, chẳng phải là mạng khác với thân sao? Phật bảo Bà-sa: Đây là nói vê hữu dư, chứ không phải nói vê vô dư. Bà-sa bạch Phật: Thưa Cù-đàm, thế nào là nói về

hữu du, chứ không phải nói về vô dư?

Phật bảo Bà-sa:  Ví như lửa, có hữu dư thì mới có thể cháy, chứ không phải là vô dư.

Bà-sa bạch Phật:
-Tôi thấy lửa tuy vô dư mà cũng cháy vậy.
Phật bảo Bà-sa:
Thế nào là lửa tuy vô dư mà cũng cháy?
Bà-sa bạch Phật: -Ví như có một đống lửa lớn bị một cơn gió mạnh thôi qua, làm lửa bay lên không trung, đó há chẳng phải là lửa vô dư35 36 sao? Phật bảo Bà-sa:  Lửa bị gió thoi bay lên vẫn là hữu du, chứ chẳng phải vô dư.

Bà-sa bạch Phật: -Thưa Cù-đàm, lửa đã bay trong không trung vì sao mà gọi là hữu dư? Phật bảo Bà-sa: -Lửa bay trong không trung nương gió mà trụ, nương gió mà cháy. Vì nương vào gió nên nói là hữu dư. Bà-sa bạch Phật:  Vì sao nói chúng sanh qua đời ở nơi này, nương ý sanh thân rồi sanh vào nơi khác là hữu dư? Phật bảo Bà-sa:  Chúng sanh qua đời ở nơi này, nương ý sanh thân, sanh vào nơi khác là vì lúc ấy có tâm ái nên có chấp thủ, vì có tâm ái nên có bám trụ, thế nên nói là hữu dư. Bà-sa bạch Phật: Chúng sanh vì ưa thích nên còn hữu du, vì nhiễm đắm nên còn hữu dư. Chỉ có Thế Tôn mới đạt đến vô dư này mà thành Đẳng Chánh Giác. Thưa Samôn Cù-đàm! Thế gian nhiều duyên sự, con xin phép được cáo từ. Phật bảo Bà-sa:

35 Ý sanh thân manomayā kāyā: Thân do ý hóa sanh. 36 Vô dư ở đây là chỉ không có nhiên liệu.



-Nên biết đúng lúc! Tu sĩ Bà-sa nghe lời Phật dạy đã hoan hỷ và tùy hỷ rồi đứng dậy ra về. *** 958. TÔN GIẢ MỤC-KIỀN-LIÊN37 Tôi nghe như vậy: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cũng ở tại trú xứ này. Lúc ấy, có tu sĩ ngoại đạo dòng Bà-sa đi đến chỗ Tôn giả Đại Mục-kiền- liên. Sau khi hai bên ân cần chào hỏi xong, ông ngồi sang một bên và thưa với Tôn giả Đại Mục-kiền-liên: -Tôi có điều muốn hỏi, không biết Tôn giả có thời gian để giải đáp cho chăng? Tôn giả Mục-kiền-liên nói:  Bà-sa! Tùy theo điều ông muốn hỏi, nếu biết tôi sẽ trả lời. Lúc ấy, tu sĩ Bà-sa hỏi Tôn giả:  Do nhân gì, duyên gì mà khi có người đến hỏi các Sa-môn, Bà-la-môn những vấn đề: "Sau khi chết, Như Lai có tồn tại hay không tồn tại? Sau khi chết, Như Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại? Sau khi chết, Như Lai chẳng phải tồn tại chẳng phải không tồn mi?" thi họ đều theo đó mà trả lời. Trong khi đó, có người đến hỏi Sa-môn Cù-đàm: "Sau khi chết, Như Lai có tồn tại hay không tồn tại? Sau khi chết, Như Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại? Sau khi chết, Như Lai chẳng phải tồn tại chẳng phải không tồn t@i?" thì Ngài nói "điều này không thể khẳng dinh." Tôn giả Mục-kiền-liên nói:  Này Bà-sa! Vì các Sa-môn, Bà-la-môn khác không biết như thật về sắc, không biết như thật sự tập khởi của sắc, không biết như thật về sự diệt tận của sắc, không biết như thật vị ngọt của sắc, không biết như thật về tai hại của sắc, không biết như thật về sự thoát ly sắc nên mới chấp trước những vấn đề: "Sau khi chết Như Lai có tồn tại hay không tồn tại; hoặc sau khi chết,

Như Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại, chăng phải tồn tại chăng phải không tồn tại." Vì không biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức... và không biết như thật về sự tập khởi của thức, không biết như thật về sự diệt tận của thức, không biết như thật vị ngọt của thức, không biết như thật về tai hại của thức, không biết như thật về sự thoát ly thức nên mới chấp trước đối với việc: "Sau khi chết Như Lai có tồn tại hay không tồn tại; hoặc sau khi chết, Như Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại, chẳng phải tồn tại chẳng phải không tồn tại."

37 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp. 0.02.0099.958.0244bl0). Tham chiếu: Biệt Tạp.(02. 0100.191. Ò443bl2); s. 44.7 - IV. 391.

QUYỂN 34  1031

Còn Như Lai đã biết như thật về sắc, biết như thật về sự tập khởi của sắc, biết như thật về sự diệt tận của sắc, biết như thật vị ngọt của sắc, biết như thật sự tai hại của sắc, biết như thật về sự thoát ly sắc. Vì biết như thật nên không sanh chấp trước đối với việc: "Sau khi chết Như Lai có tồn tại hay không tồn tại; hoặc sau khi chết, Như Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại, chẳng phải tồn tại chẳng phải không tồn tại?5 Vì Như Lai đã biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức... biết như thật về sự tập khởi của thức, biết như thật về sự diệt tận của thức, biết như thật vị ngọt của thức, biết như thật sự tai hại của thức, biết như thật về sự thoát ly thức. Vì biết như thật nên không còn chấp trước đối với việc: "Sau khi chết Như Lai có tồn tại hay không tồn tại; hoặc sau khi chết, Như Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại, •9 9 9• 1 1 A e . . chăng phải tồn tại chăng phải không tồn tại." Này Bà-sa! Do nhân như vậy, duyên như vậy, nên khi có người đến hỏi các Sa-môn, Bà-la-môn khác về những vấn đề: “Sau khi chết Như Lai có tồn tại hay không tồn tại; hoặc sau khi chét, Như Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại, chăng phải tồn tại chẳng phải không tồn t@i" thì họ liền dự ký cho người kia. Cũng do nhân như vậy, duyên như vậy, nên khi có người đến hỏi Như Lai về những vấn đề: "Sau khi chết Như Lai có tồn tại hay không tồn tại; hoặc sau khi chết, Như Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại, chẳng phải tồn tại chẳng phải không tồn tại" thi Như Lai không dự ký cho người kia. Tu sĩ Bà-sa nghe lời Tôn giả Đại Mục-kiền-liên dạy xong liền hoan hỷ và tùy hỷ rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra về. ***

959. SĂN-ĐÀ CA-CHIÊN-DIÊN38 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, có tu sĩ ngoại đạo dòng Bà-sa đến chỗ Phật, chắp tay chào hỏi xong, ông ngồi sang một bên và bạch:  Do nhân gì, duyên gì, nên khi có người đến hỏi các Sa-môn, Bà-la-môn vấn đề... (nói đầy đủ như trên). Bấy giờ, tu sĩ Bà-sa liền khen ngợi: -Thật kỳ lạ thay! Thưa Cù-đàm! Giữa Đại sư và đệ tử có sự tương đồng về nghĩa, có sự tương đồng về câu, có sự tương đồng về văn tự, cho đen tương đồng về đệ nhất nghĩa.39

38 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.959. 0244c13). Tham chiếu: Biệt Tạp.(r02. 010Ò.192. Ò443c04j; Biệt Tạp.(r.02. 0100.193. 0444a05); s. 44.8 . IV. 395; s. 44.il  IV. 401. 39 Đệ nhất nghĩa ()cũng gọi là chân đế, sự thật, thật tướng, chân như...

Thưa Cù-đàm! Hôm nay, tôi có đến chỗ Đại Mục-kiền-liên và cũng hỏi Tôn giả vấn đề này với ý nghĩa như thế, câu như thế, văn tự như thế. Tôn giả trả lời cho tôi cũng với ý nghĩa như thế, với câu như thê, với văn tự như thê, giông như những gì Cù-đàm đã nói hôm nay. Thế nên, thưa Cù-đàm! Thật là kỳ đặc, giữa Đại sư và đệ tử có sự tương đồng về nghĩa, có sự tương đồng về câu, có sự tương đồng về văn tự, cho đến tương đồng về đệ nhất nghĩa. Bấy giờ, tu sĩ Bà-sa lại có [một] số việc phải đến thôn Na-lê.40 Thu xếp công việc xong, ông đi đến chỗ Tôn giả Săn-đà Ca-chiên-diên.41 Sau khi hai bên ân cần chào hỏi rồi, ông ngồi sang một bên và hỏi Săn-đà Ca-chiên-diên: -Thưa Tôn giả! Do nhân gì, duyên gì5 khi có người đến hỏi Sa-môn Cù- đàm về những vấn đề: "Sau khi chết Như Lai có tồn tại hay không tồn tại; hoặc sau khi chết, Như Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại, chẳng phải tồn tại chẳng phải không tồn tại" thì Cù-đàm đều không xác định cho họ? Săn-đà Ca-chiên-diên nói với Bà-sa: Bây giờ, tôi hỏi ông, hãy tùy ý mà trả lời. Ý ông thế nào? Do nhân gì, duyên gì mà nói các hành này là sắc, là chẳng phải sắc, là có tưởng, là không có tưởng, là chẳng phải tưởng chẳng phải không tưởng? Nêu nhân kia, duyên kia, hành kia đã diệt sạch hoàn toàn, không còn sót thì Như Lai có nên xác định cho họ: "Sau khi chết Như Lai có tồn tại hay không tồn tại; hoặc sau khi chết, Như Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại, chẳng phải tồn tại chẳng phải không tồn tại" chăng? Tu sĩ Bà-sa đáp: Nêu do nhân ây, hoặc duyên ây mà nói các hành này là sác, là chăng phải sắc, là có tưởng, là chẳng có tưởng, là chẳng phải tưởng chẳng phải không tưởng. Nếu nhân kia, duyên kia, hành kia đã diệt sạch hoàn toàn không còn sót thì làm sao Cù-đàm có thể xác định cho họ: "Sau khi chết Như Lai có tồn tại hay không tồn tại; hoặc sau khi chết, Như Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại, 9 "ị 9 • À 9 7*11 /X e . chăng phải tôn tại chăng phải không tôn t@i" được. Săn-đà Ca-chiên-diên bảo Bà-sa: Do nhân này, duyên này nên khi có người đến hỏi Như Lai: "Sau khi chết Như Lai có ton tại hay không tồn tại; hoặc sau khi chết, Như Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại, chẳng phải tồn tại chẳng phải không tồn tại" thi Như Lai không xác định cho họ. Tu sĩ Bà-sa lại hỏi Săn-đà Ca-chiên-diên: Ngài làm đệ tử Sa-môn Cù-đàm đã bao lâu rồi?

40 Na-lê ,Nātikā. 41 Săn-đà Ca-chiendi6ii Sabhiya Kaccāna.



Săn-đà Ca-chiên-diên đáp: Tôi xuất gia tu Phạm hạnh trong Giáo pháp và Giới luật chỉ mới hơn ba năm.

Tu sĩ Bà-sa nói: -Tôn giả Săn-đà Ca-chiên-diên! Ngài được thiện lợi quá nhanh! Mới xuất gia chỉ một thời gian ngắn mà thân và miệng đã khế hợp luật nghi, lại còn đạt được trí tuệ biện tài như vậy. Khi tu sĩ Bà-sa nghe Tôn giả Săn-đà Ca-chiên-diên nói xong, đã hoan hỷ và tùy hỷ rồi đứng dậy ra về. ***

960. THẬT LÀ HIẾM có42 Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, có tu sĩ ngoại đạo dòng Bà-sa đến chỗ Phật, chắp tay chào hỏi xong, ông ngồi sang một bên và bạch: Thưa Cù-đàm! Tôi có điều muốn hỏi, không biết Ngài có thời gian để giải đáp cho chăng? Phật bảo tu sĩ Bà-sa: A ỉ Tùy theo

điêu ông muôn hỏi, Ta sẽ vì ông mà nói! Tu sĩ Bà-sa bạch Phật: -Thưa Cu-đàm? vì nhân gì, duyên gì, khi có người đến hỏi: "Sau khi chết Như Lai có tồn tại, hay không tồn tại; hoặc sau khi chết, Như Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại, chẳng phải tồn tại chẳng phải không tồn i”nhung Ngài đều không xác định cho họ? Phật bảo tu sĩ Bà-sa: (Đoạn này nội dung giống như phần đối đáp của Săn-đà Ca-chiên-diên ở kỉnh trên, cho đến) "sau khi chết chẳng phải tồn tại chẳng phải không tồn tại." Tu sĩ Bà-sa bạch Phật:  Kỳ lạ thay! Thưa Cù-đàm! Giữa Đại sư và đệ tử có sự tương đồng về ý nghĩa, có sự tương đông vê câu, có sự tương đông vê văn tự, cho đên tương đong về đệ nhất nghĩa. Thưa Cù-đàm! Vừa rồi, tôi có vài việc phải đến thôn Na-lợi-già. Sau khi lo liệu công việc xong có ghé qua chỗ Sa-môn Ca-chiên-diên và đã hỏi Tôn giả về vấn đề này với ý nghĩa như thế, với câu như thế, với văn tự như thê. Tôn giả trả lời cho tôi cũng với ý nghĩa như thê, câu như thê, văn tự như thê, giống như những gì Cù-đàm đã nói hôm nay. Do đó, nên biết thật là kỳ đặc!

42 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.960. 0245a20). Tham chiếu: Biệt Tạp.(T.02. 0100.194. Ò444Ồ03).

1034  KINH TẠP A-HÀM ----------

Giữa thầy và đệ tử đều nói giống nhau cùng một ý nghĩa, cùng một câu, cùng một văn tự. Khi Bà-sa nghe Phật chỉ dạy, đã hoan hỷ và tùy hỷ rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra về. *** 961. THƯỜNG KIÊN VÀ ĐOẠN KIẾN4344 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà9 thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, có vị tu sĩ thuộc dòng Bà-tha đi đến chỗ Phật, chắp tay thăm hỏi, thăm hỏi xong rồi ngồi sang một bên và bạch:  Thế nào, thưa Cù-đàm? Có ngã chăng? Bấy giờ, Thế Tôn im lặng không đáp. Tu sĩ Bà-tha hỏi ba lần như vậy, nhưng Thế Tôn vẫn cứ im lặng. Bấy giờ, Bà-tha nghĩ thầm: "Ta đã hỏi Sa-môn Cù-đàm đến lần thứ ba mà không thấy Ngài ấy trả lời, vậy thôi ta nên trở về." LÚC ây, Tôn giảA-nan đang đứng phía sau câm quạt hâu Phật, liên thưa răng:  Bạch Thế Tồn! Bà-tha đã ba lần thưa hỏi, vì sao Thế Tôn lại không trả lời? Như vậy chẳng phải làm cho Bà-tha tăng thêm nhận thức sai lầm, xấu ác rồi cho rằng: "Sa-m6n không thể đáp nổi câu hỏi của ta"? Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:  Nếu Ta đáp "c6 ngỗT sẽ làm tăng thêm nhận thức sai lầm sẵn có từ trước của ông ấy. Nếu Ta đáp "không có ngã,9 thì chẳng phải khiến cho những nghi hoặc trước đây của ông ấy càng tăng thêm sao? Rồi cho rằng: "Trước đây có ngã, nhưng từ nay ngã bi đoạn diet." Nếu cho rằng "trước đây có ngâT thì đây là thường kiến,44 nếu cho rằng "từ nay ngã bị đoạn diet” thì đây là đoạn kiến.45 Như Lai đã lìa nhị biên, thuyết pháp trung đạo, nghĩa là, do cái này có nên cái kia có, cái này khởi nên cái kia khởi; tức do duyên vô minh nên có hành... (cho đen) sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não diệt. Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

43 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02.0099.961.0245Ồ09). Tham chiếu: Biệt Tạp.(r 02.
0100.195. 0444C01); s. 44.10- IV 400.

44 Thường kiến (,sassatavādā).

45 Đoạn kiến (,ucchedavādā).

962. BỀN VỮNG NHƯ LÕI CÂY46 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, có tu sĩ thuộc dòng Bà-tha đi đến chỗ Phật, ân cần thăm hỏi Thế Tôn, thăm hỏi xong rồi ngồi sang một bên và bạch: Thưa Cù-đàm! Thế nào, Cù-đàm có thấy như vầy và nói như vầy: "Thế gian là thường hằng, đây là chân thật, ngoài ra là hư vong" chăng? Đức Phật bảo Bà-tha: Ta không thấy như vầy và không nói như vầy: "Thế gian là thường hằng, đây là chân thật, ngoài ra là hư vong." Thế nào? Cù-đàm có thấy như vầy và nói như vầy: "Thế gian là vô thường, vừa thường vừa vô thường, chẳng phải thường chẳng phải vô thường; hữu biên, vô biên, vừa hữu biên vừa vô biên, chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên; mạng tức là thân, mạng khác thân khác; Như Lai tồn tại sau khi chết, Như Lai không tồn tại sau khi chết, Như Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại sau khi chết, Như Lai chẳng phải tồn tại chẳng phải không tồn tại sau khi chết" chăng? Đức Phật bảo Bà-tha: Ta không thây như vây, không nói như vây: "Thê gian là vô thường... (cho đến) chẳng phải tồn tại chẳng phải không tồn tại sau khi chết.^, Bấy giờ, Bà-tha lại bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Trong những cái thấy đó? có điều gì sai lầm mà đối với tất cả chúng, Ngài đều không giải thích? Đức Phật bảo Bà-tha: Nếu thấy như vầy: "Thế gian là thường hằng, đây là chân thật, ngoài ra là hư vQng" thi đó là cái thấy sai lệch, cái thấy vọng tưởng, cái thấy vọng động, cái thấy ô nhiễm, cái thấy phiền não, là khổ đau, là chướng ngại, là não hại, là nóng bức. Bị trói buộc bởi những cái thấy đó khiến cho kẻ phàm phu mê muội thiếu hiêu biết sanh khởi sanh, già, bệnh, chét, lo, buôn, khô, não ở đời tương lai. Này Bà^tha! Nếu thấy như vầy: "Thế gian là vô thường, vừa thường vừa vô thường, chẳng phải thường chẳng phải vô thường; hữu biên, vô biên, vừa hữu biên vừa vô biên, chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên; mạng tức là thân, mạng khác thân khác; Như Lai tồn tại sau khi chết, Như Lai không tồn tại sau khi chết, Như Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại sau khi chết, Như Lai chẳng phải tồn tại chẳng phải không tồn tại sau khi chết" thì đó là cái thấy sai lệch... (cho đến) khiến cho kẻ phàm phu mê muội thiếu hiểu biết sanh khởi sanh, già, bệnh, chết, lo? buồn, khô, não ở đời tương lai.

46 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.962.0245b26). Tham chiếu: Biệt Tạp.(7.02. 0100.196. Ò444c29); M. 72, Aggivaccha Sutta (Kinh dạy Vacchagotta về lửa).



Bà-tha lại bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Cái thấy của Ngài như thế nào?

Đức Phật bảo Bà-tha: Với mọi cái thấy, Như Lai đã [đoạn trừ] xong/7 Tuy nhiên, này Bà-tha! Khi Như Lai thấy thì đó là cái thấy: uĐay là Thánh đế về khổ, đay là Thánh đế về nguyên nhân của khổ, đây là Thánh đế về khổ diệt và Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt.y Biết như vậy va thấy như vậy rồi thì đối với tất cả kiến chấp, tất cả chấp thủ, tất cả sanh hữu, tất cả kiến chấp và trói buộc về ngã, ngã sở và ngã mạn tùy miên đều được đoạn trừ, tịch tinh, thanh lương, chân thật. Vi Tỳ- kheo đã được giải thoát khỏi những pháp đó thì nói "sanh"48 chẳng đúng mà nói "không sanh,4Ọ cũng không

đúng. Bà-tha bạch Phật: - Thưa Cù-đàm! Vì sao nói "sanh" chẳng đúng? Đức Phật bảo Bà-tha: Ta nay hỏi ông, hãy tùy ý mà trả lời. Này Bà-tha! Như có người ở trước mặt ông đốt lửa, ông thấy lửa cháy chứ? Rồi lửa trước mặt ông bị tắt di, ông thầy lửa tắt chứ? Bà-tha bạch Phật: - Thưa Cù-đàm! Có thấy như thế. Đức Phật bảo Bà-tha: Nếu có người hỏi ông: "Ngọn lửa cháy lúc nãy nay ở đâu rồi? Nó đã về phương Đông, phương Tây, phương Nam hay phương Bắc?" Họ hỏi như vậy, ong sẽ trả lời the nào? Bà-tha bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Nếu có ai đến hỏi như vậy, con sẽ trả lời thế này: "Có người đốt lửa trước mặt tôi, do có củi và cỏ khô nên lửa cháy. Nếu người ấy không thêm củi nữa thì lửa sẽ tát han, không bùng cháy lại được. Nêu nói lửa ây đi về phương Đông, phương Tây, phương Nam, phương Bắc thì không diing." Đức Phật bảo Bà-tha: Ta cũng nói như vậy. sắc đã đoạn, đã biết; thọ, tưởng, hành, thức đã đoạn, đã biết; đoạn tận gốc rễ của chúng như chặt đứt ngọn cây đa-la, không thể tái sanh nữa, ở đời tương lai vĩnh viễn chẳng thể sanh khởi trở lại. Nếu nói đã đi*

47 Nguyên tác: Như Lai sở kiến dĩ tất ().,Tham chiếu: Biệt Tạp./r.02. 0100.196. 0445Ồ08): Đôi với tát cả mọi cái thấy hữu ngã từ xa xưa đến nay đều đã được Như Lai, đấng Thế Tôn đoạn trừ, hoàn toàn không còn những cái thấy ấy (,).• 48 Nguyên tác: Sanh ().M. 72, Aggivaccha Sutta (Kỉnh dạy Vacchagotta về lửa): Upapajjati (Sanh khởi, hiển hiện, tái sanh). 49 Nguyen tác: Bất sanl").M. 72, Aggivaccha Sutta (Kinh dạy Vacchagotta về lửa): Na upapajjati (Khòng còn tái sanh). Theo nghĩa phát sanh^ liên hệ đến quan điểm 4tthường kiến" và'doạn kiễn^, của ngoại đạo, "bất sanh"()ở đây được hiêu như là sự thường hàng.



về phương Đông, phương Tây, phương Nam, phương Bắc thì không đúng. Thật là sâu kín, rộng lớn, không thể đo lường tính đếm một khi đã được vĩnh viễn tịch diệt. Khi ấy, Bà-tha bạch Phật: Con xin được nói ví dụ. Đức Phật bảo Bà-tha: -Hãy biết đúng thời! Bà-tha bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Ví như ở gần thành phố hay thôn làng có một vùng đất tốt, nơi đó mọc lên rừng cây Kiên cố, trong rưng đó có một cội cây to lớn vững chắc, sanh trưởng đã vài ngàn năm nay. Ngày tháng dài lâu, cành lá cây ấy rụng rơi, vỏ cây khô mục, chỉ riêng lõi cây vẫn cứ vững chãi. Cũng vậy, thưa Cùđàm! Pháp và Luật của Như Lai dù cành nhánh và cọng lá có rơi rụng, nhưng riêng mỗi lõi cây thì luôn tồn tại vững bền. Bây giờ, Bà-tha nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ roi đứng dậy ra đi. ***

963. KHÔNG BIẾT VÀ BIẾT50 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-dà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, có vị tu sĩ thuộc dòng Bà-tha đi đến chỗ Phật, ân cần thăm hỏi Thế Tôn xong rồi ngồi sang một bên và bạch: Thưa Cù-đàm! Do không biêt rõ vê cái gì mà có người thây như vây và nói như vầy: "Thế gian là thường hằng, đây là chân thật, ngoài ra là hư vọng; thế gian là vô thường, vừa thường vừa vô thường, chẳng phải thường chẳng phải vô thường; hữu biên, vô biên, vừa hữu biên vừa vô biên, chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên; mạng tức là thân, mạng khác thân khác; Như Lai tồn tại sau khi chết, Như Lai không tồn tại sau khi chết, Như Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại sau khi chét, Như Lai chăng phải tôn tại chăng

phải không tôn tại sau khi chef? Đức Phật bảo Bà-tha:  Do không biết rõ về sắc nên thấy như vầy và nói như vầy: :Thế gian là thường hằng, đây là chân thật, ngoài ra là hư vọng... (cho đên) chăng phải tôn tại chẳng phải không tồn tại sau khi chết." Do không biết rõ về thọ, tưởng, hành và thức nên thấy như vầy và nói như vầy: "Thế gian là thường hăng, đây là chân thật, ngoài ra là hư vọng... (cho đến) chẳng phải tồn tại chẳng phải không tôn tại sau khi chết."

50 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.963. 0246al8). Tham chiếu: Biệt Tạp.(r 02. 0100.197. Ò445c09); s. 33.1 - III. 257; s. 33.2-3 - III. 258; s. 33.4-5 - III. 259.



Bà-tha bạch Phật:  Thưa Cù-đàm! Do biết rõ về pháp gì mà không thấy như vầy và không nói như vầy: "Thế gian là thường hằng, đây là chân thật, ngoài ra là hư vọng... (cho đếri) chẳng phải tồn tại chẳng phải không tồn tại sau khi chết?" Đức Phật bảo Bà-tha: -Do biết rõ về sắc nên không thấy như vầy và không nói như vầy: “hế gian là thường hằng, đây là chân thật, ngoài ra là hư vọng... (cho đen) chẳng phải tồn tại chẳng phải không tồn tại sau khi chết." Do biết thọ, tưởng, hành và thức nên không thấy như vầy và không nói như vầy: "Thế gian là thường hằng, đây là chân thật, ngoài ra là hư vọng... {cho đên) chăng phải tôn tại chăng phải không tồn tại sau khi chết." Giông như không biêt và biêt, cũng vậy, không thây và thây, không phân biệt và phân biệt, không đoạn và đoạn, không quán và quản, không xem xét và xem xét, không giác và giác. Đức Phật nói kinh này xong, Bà-tha nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ rồi đứng dậy ra đi.
***

964. NGOẠI ĐẠO BÀ-THA XUẤT GIA51 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà5 thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, có vị tu sĩ thuộc dòng Bà-tha đi đến chỗ Phật, ân cần thăm hỏi Thế Tôn xong roi ngôi sang một bên và bạch:  Thưa Cù-đàm! Con có điều muốn hỏi, không biết Ngài có thời gian để giải đáp cho chăng? Bay giơ, The Ton ngoi im lặng. Bà-tha hỏi hai lần, ba lần như thế nhưng đức Phật vẫn cứ ngồi im lặng. Nhân đó? Bà-tha bạch Phật: -Con với Cù-đàm vốn tùy thuận nhau, nay con có điều muốn hỏi, sao Ngài lại lặng yên như thế? Khi ấy, Thế Tôn nghĩ rằng: "Bà-tha này xưa nay ngay thẳng, không dua nịnh, không dối trá, khi hỏi như vậy là do không biết, chứ chẳng phải muốn não loạn Như Lai. Bây giờ, Ta nên dùng Luật và Luận52 để giúp Bà-tha lãnh thọ?9 Nghĩ thế nên Phật bảo Bà-tha:

Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp,(2.0099.964. 0246Ò12). Tham chiếu: Biệt Tạp.(02. 0100.198. 0446a 11); M. 73, Mahãvaccha Sutta (Đại kinh Vaccagottà). 52 Nguyên tác: A-tỳ-đàm (,Abhidhammà), còn gọi là Đối pháp (),Đại pháp (),Vô tỷ pháp (),Hướng pháp (),Tháng pháp (\ Luận (W).



Ông cứ tùy ý hỏi, Ta sẽ giải thích!

Bà-tha bạch Phật:  Thế nào, thưa Cù-đàm? Có pháp thiện và pháp bất thiện chăng?

Phật đáp:

-Có!

Bà-tha bạch Phật:

Xin Ngài nói về pháp thiện và pháp bất thiện để giúp con hiểu được!

Đức Phật bảo: -Nay Ta sẽ nói sơ lược cho ông về pháp thiện và pháp bất thiện. Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Này Bà-tha! Tham dục là pháp bất thiện; điều phục tham dục là pháp thiện. Sân hận, ngu si là pháp bất thiện; điều phục sân hận, ngu si là pháp thiện. Sát sanh là pháp bất thiện; từ bỏ sát sanh là pháp thiện. Trộm cướp, tà dâm, nói dối, nói hai chiều, nói thô ác, nói thêu dệt, tham, sân và tà kiến đều là pháp bất thiện; không trộm cướp... (cho đến) chánh kiến đều là pháp thiện. Như vậy, này Bà-tha! Nay Ta đã nói ba pháp thiện và ba pháp bất thiện như trên. Nếu vi Thánh đệ tử đối với ba pháp thiện và ba pháp bát thiện ấy mà biết đúng như thật, đôi với mười pháp thiện và mười pháp bát thiện ở trên mà biết đúng như thật thì tham dục hoàn toàn diệt tận, sân hận, ngu si hoàn toàn diệt tận, tất cả hữu lậu diệt tận, được vô lậu, được tâm giải thoát, được tuệ giải thoát, ngay hiện đời tự biết, tự chứng: "Sụ* sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Bà-tha bạch Phật: Có Tỳ-kheo nào ở trong Pháp và Luật này được sạch hết hữu lậu, thành tựu vô lậu, được tâm giải thoát... (cho đen) tự biết không còn tái sanh chăng? Đức Phật bảo Bà-tha: -Không chỉ một, hai, ba, cho đên năm trăm mà có rát nhiêu Tỳ-kheo ở trong Pháp và Luật này sạch hết các hữu lậu... (cho đến) tự biết không còn tái sanh. Bà-tha bạch Phật: Hãy gác chuyện về Tỳ-kheo lại! Thưa Cù-đàm! Có Tỳ-kheo-ni nào ở trong Pháp và Luật này sạch các hữu lậu... (cho đen) tự biết không còn tái sanh chăng? Đức Phật bảo Bà-tha: Không chỉ một, hai, ba, cho đến năm trăm mà có rất nhiều Tỳ-kheo-ni ở trong Pháp và Luật này sạch các hữu lậu... (cho đến) tự biết không còn tái sanh. Bà-tha bạch Phật: Hãy gác chuyện về Tỳ-kheo-ni lại! Thưa Cù-đàm! Có một mi-bà-tắc nào tu các Phạm hạnh, ở trong Pháp và Luật này thoát khỏi hoài nghi chăng?



Đức Phật bảo Bà-tha: Không chỉ một, hai, ba cho đến năm trăm ưu-bà-tắc mà có rất nhiều ưu- bà-tắc tu các Phạm hạnh, ở trong Pháp và Luật này đoạn năm hạ phân kiêt sử, đắc quả A-na-hàm, không còn tái sanh trở lại cõi đời này nữa. Bà-tha bạch Phật: Hãy gác chuyện về ưu-bà-tắc lại! Thưa Cù-đàm! Có một ưu-bà-di nào ở trong Pháp và Luật này tu các Phạm hạnh, ở trong Pháp và Luật này thoát khỏi hoài nghi chăng? Đức Phật bảo Bà-tha: Không chỉ một, hai, ba cho đến năm trăm ưu-bà-di mà có rất nhiều ưu-bà- di ở trong Pháp và Luật này đoạn năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, đắc quả A-na-hàm, không tái sanh trở lại cõi đời này nữa. Bà-tha bạch Phật: Thôi, hãy gác chuyện về Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di tu tập Phạm hạnh lại! Thưa Cù-đàm! Có ưu-bà-tăc nào hưởng thụ năm dục mà ở trong Pháp và Luật này thoát khỏi hoài nghi chăng? Đức Phật bảo: Không chỉ một, hai, ba cho đến năm trăm mà có rất nhiều xru-bà-tắc sống cùng vợ con, trang sức hương hoa, nuôi dưỡng nô tỳ, vậy mà ở trong Pháp và Luật này vẫn có thể đoạn sạch ba kiết sử, ệiảm thiểu tham, sân, si, đắc quả Tư- đà-hàm, chỉ còn một lần qua lại thế gian roi vượt thoát khổ đau. Bà-tha bạch Phật: -Hãy gác chuyện về ưu-bà"tắc lại! Thưa Cù-đàm! Có ưu-bà-di nào tuy còn hưởng

thụ năm dục, vậy mà ở trong Pháp và Luật này vẫn được thoát khỏi hoài nghi chăng? Đức Phật bảo Bà-tha: Không chỉ một, hai, ba, cho đến năm trăm mà có rất nhiều ưu-bà-di sống cùng gia đình, nuôi dưỡng con cái, thân cận năm dục, trang điểm hương hoa, vậy mà ở trong Pháp và Luật này vẫn đoạn sạch ba kiết sử, đác quả Tu-đà-hoàn5 không đọa nơi đường ác, nhất định hướng đến giác ngộ, bảy lần qua lại cõi trời, cõi người rồi sẽ vượt thoát khổ đau. Bà-tha bạch Phật: - Thưa Cù-đàm! Nếu Sa-môn Cù-đàm đã thành Chánh Đẳng Chánh Giác; các Tỳ-kheo? Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc9 ưu-bà-di tu Phạm hạnh và các ưubà-tắc, ưu-bà-di hưởng thụ năm dục ấy không được công đức như thế thì không hoàn hảo. Còn Sa-môn Cù-đàm đã thành Chánh Đẳng Chánh Giác; các Tỳ-kheo? Tỳ- kheo-ni, iru-bà-tắc, ưu-bà-di tu Phạm hạnh và các ưubàtắc, ưu-bà-di tuy thân cận năm dục ây nhung vẫn thành tựu công đức như thế thì thật là hoàn hảo! Thưa Cù-đàm! Nay con xin được nói ví dụ.

QUYỂN 34 1041

Đức Phật bảo Bà-tha: Ong cứ tùy ý mà nói! Bà-tha bạch Phật: Ví như trời mưa lớn, nước chảy xuống thành dòng. Pháp và Luật của Cù- đàm cũng như thế. Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni? ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, hoặc người nam, hoặc người nữ thảy đều theo dòng xuôi về Niết-bàn, chảy về Niết-bàn. Kỳ diệu thay, Phật, Pháp, Tăng! Kỳ diệu thay, Pháp và Luật bình đẳng! Nếu tu sĩ ngoại đạo đi đến chỗ Cù-đàm, ở trong Giáo pháp và Giới luật cầu xin xuất gia, thọ giới Cụ túc thì bao lâu mới được phép xuất gia? Đức Phật bảo Bà-tha: Nêu có vị tu sĩ ngoại đạo muốn cầu xuất gia, thọ giới Cụ túc ở trong Giáo pháp và Giới luật thì cần trải qua bốn tháng nương theo Hòa thượng mà tập tu. Tuy nhiên, việc này cũng tùy theo tâm tánh của mỗi người mà tạm đặt ra thời hạn vậy thôi. Bà-tha bạch Phật: -Nêu tu sĩ ngoại đạo muôn đên câu xuât gia, thọ giới Cụ túc ở trong Pháp và Luật thì phải nương theo Hòa thượng tập tu đủ bốn tháng mới được phép xuất gia. Vậy, con nay chấp nhận nương theo Hòa thượng để tập tu suốt bốn tháng; nếu ở trong Giáo pháp và Giới luật mà được xuất gia, thọ giới Cụ túc thì con sẽ xuất gia, thọ giới Cụ túc, tu trì Phạm hạnh trong pháp của Cù-đàm. Đức Phật bảo Bà-tha: Chẳng phải Ta từng nói rang, tùy theo tâm tánh của mỗi người mà tạm đặt ra thời hạn đó sao? Bà-tha bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Đúng vậy. LÚC áy, The Tôn bao các Tỳ-kheo: Các thầy hãy độ tu sĩ ngoại đạo dòng Bà-tha kia được xuất gia, ở trong Giáo pháp và Giới luật thọ giới Cụ túc. Ngay đây, tu sĩ ngoại đạo họ Bà-tha liền được ở trong Giáo pháp và Giới luật xuất gia, thọ giới Cụ túc, trở thành Tỳ-kheo. Trải qua nửa tháng ở trong Chánh pháp của Như Lai, Bà-tha được học những điều nên biết, nên phân biệt, nên thấy, nên đắc, nên ngộ, nên chứng và đối với những điều ấy, Bà-tha đều biết, đều phân biệt, đều thấy, đều đắc, đều ngộ, đều chứng. Bấy giờ, Tôn giả Bà-tha thầm nghĩ: “Ta nay đã học những điều nên biết, nen phân biệt, nên thấy, nên đắc, nên ngộ, nên chứng; tất cả ta đều biết, đều thấy, đều đắc, đều ngộ, đều chứng. Bây giờ, ta nên đến gặp Thế T6n." Thế rồi Bà-tha đến chỗ Thế Tôn, cung kính lạy sát chân Ngài rồi đứng sang một bên và thưa:

1042 KINH TẠPA-HÀM _____

Bạch Thế Tôn! ở trong Chánh pháp Thế Tôn, con đã học những điều nen biết, nên phân biệt, nên thấy, nên đắc, nên ngộ, nên chứng và tất cả những điều ấy con đều đã

biết, đã phân biệt, đã thấy, đã đắc, đã ngộ, đã chứng rồi. Cúi xin Thế Tôn thuyết pháp cho con, sau khi nghe pháp, con sẽ một mình ở chỗ thanh vắng, chuyên tâm tư duy, sống không buông lung, tư duy về lý do khiến người thiện nam cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa? với niềm tin chân chánh, xuất gia học đạo... (cho đến) tự biết không còn tái sanh. Đức Phật bảo Bà-tha: -Có hai pháp cần phải tu tập và tu tập thuần thục, đó là chỉ và quán. Hai pháp này nếu tu tập, tu tập thuần thục sẽ biết được quả báo của các cõi, hiểu rõ các cõi ấy, biết được các cõi giới sai biệt, hiểu được các cõi giới sai biệt. Như vậy, này Tỳ-kheo! Muốn cầu ly dục, ly ác, bất thiện pháp... (cho đến) an trụ trọn vẹn Thiền thứ tư, tâm đầy ắp Từ, Bi, Hỷ, Xả, thể nhập Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ khiến ba kiết sử của mình hết sạch, chứng quả Tu-đà-hoàn; ba kiết sử hết sạch, tham, sân, si mỏng dân, chứng quả Tư-đà-hàm; năm hạ phân kiêt sử hét sạch, chứng quả A-na-hàm; chứng được các cảnh giới thần thông như Thiên nhãn, Thiên nhi, Tha tâm trí, Túc mạng trí, Sanh tử trí, Lậu tận trí, hết thảy đều chứng đạt được. Thê nên này Tỳ-kheo, hãy tu hai pháp, tu tập và tu tập thuân thục hai pháp ây sẽ biêt được các cõi giới sai biệt... (cho đên) chứng được các cảnh giới thần thông như Thiên nhãn, Thiên nhi, Tha tâm trí, Túc mạng trí, Sanh tử trí và Lậu tận trí. Bấy giờ, Tôn giả Bà-tha nghe Phật dạy xong liền hoan hỷ đảnh lễ rồi ra đi. Ve sau, Tôn giả Bà-tha sống một mình ở chỗ thanh vắng, chuyên tâm tư duy, sống không buông lung... (cho đến) tự biết không còn tái sanh. Bấy giờ, có nhiều Tỳ-kheo trang nghiêm phương tiện, muốn đến chỗ Thế Tôn cung kính cúng dường. Bà-tha liền hỏi các Tỳ-kheo:  Các thầy trang nghiêm phương tiện là muốn đến chỗ Thế Tôn cung kính cúng dường chăng? Các Tỳ-kheo đáp:  Đúng vậy! Bấy giờ, Bà-tha nói với các Tỳ-kheo: Tôn giả cho con gởi lời kính lễ, thăm hỏi Thế Tôn: "Đi đứng thuận tiện, ít bệnh, ít não, sống được an ổn chang?" Và thưa với Thế Tôn rằng: "Tỵ-kheo Bà-tha kính bạch Thế Tôn: Con đã cúng dường Thế Tôn, phụng sự đầy đủ, khiên Ngài hài lòng chứ chẳng phải không hài lòng. Những gì mà đệ tử của Đại sư cân làm, con đã làm xong, xin cúng dường Đại su, khiến Ngài hài lòng chứ chẳng phải không hài long?9

QUYÊN 34  1043

Rồi các Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: Bạch Thế Tôn! Tôn giả Bà-tha kính lễ, thăm hỏi Thế Tôn... (cho đến) hài lòng chứ chẳng phải không hài lòng. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:  Chư thiên đã nói trước với Ta rồi, nay các thầy nói lại lần nữa. Như Lai thành tựu tri kiến bậc nhất, cũng như Tỳ-kheo Bà-tha có đức độ và năng lực như thế. Lúc ấy, Thế Tôn thọ ký cho Tỳ-kheo Bà-tha thành bậc A-la-hán.53 Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 965. TÔN GIẢ UẤT-ĐÊ-CA54 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, có tu sĩ ngoại đạo tên uất-đê-ca55 đi đến chỗ Phật, ân cần thăm hỏi Phật xong rồi ngồi sang một bên và bạch: -Thế nào, thưa Cù-đàm? Thế gian là hữu biên chăng? Đức Phật bảo:  Không cần giải thích về điều này.56 uất-đê-ca lại bạch Phật: -Thế nào, thưa Cù-đàm? Thế gian là vô biên chăng? Vừa hữu biên vừa vô biên chăng? Chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên chăng? Đức Phật bảo uất-đê-ca: -Không cân giải thích vê điêu này. uất-đê-ca bạch Phật:  Thế nào, Cù-đàm? Con hỏi: "Thế gian là hữu biên chng?" Ngài đáp:

"Không cần phải giải thích.” Con hỏi: "Thế gian là vô biên, vừa hữu biên vừa vô biên, chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên chăng?95 Ngài đều đáp:

53 Nguyên tác: Thọ đệ nhất ký ().Xem chú thích 66, kinh số 302, quyển 12, tr. 362; Tạp. (T.0099.302. 0086a04). 54 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.965. 0247c14). Tham chiếu: Biệt Tạp.(r02. 0100.199. Ò447bl9);^. 10.95-V. 193. 55 uất-đê-ca (,Uttiya). 56 Tham chiếu: Biệt Tạp.(T.02. 0100.199. 0447b22): Những câu hỏi như vậy, Ta không trả lời ngay tư đau pe o



"Không cần phải giải thích." Thế thì, đối với những pháp nào thì Cù-đàm mới có thể giải thích? Đức Phật bảo: -Với thắng trí57 của bậc Thông tuệ58 Ta vì các đệ tử mà giảng dạy về con đường, khiến họ diệt sạch các kho, vượt thoát kho đau. uất-đê-ca bạch Phật: Thế nào, thưa Cù-đàm? Ngài vì các đệ tử mà giảng dạy về con đường, khiến họ diệt sạch các khổ, vượt thoát khổ đau ư? Thế thì, tất cả thế gian đều phải nhờ vào con đường này mới được thoát khổ, hay chỉ có một số ít thôi? Khi ấy, Thế Tôn im lặng không đáp. uất-đê-ca hỏi đến ba lần, đức Phật vẫn im lặng. Bấy giờ, Tôn giả A-nan đang đứng phía sau cầm quạt hầu Phật, liền nói với tu sĩ ngoại đạo Uất-đê-ca: Trước đây ông đã hỏi nghĩa này, nay lại hỏi khác đi nên Thế Tôn không giải đáp. Này uất-đê-ca! Tôi sẽ vì ông nói ví dụ, người trí nhờ ví dụ mà hiểu được nghĩa. Ví như nhà vua có thành lũy ở biên cương, bốn bề được bao bọc kiên cố? đường sá bằng phẳng và chỉ có một cổng ra vào. Đứng canh giữ cổng thành là một người thông minh sáng suốt, khéo biết xét đoán; bên ngoài có ai đến, đáng cho vào thì người ấy cho vào, không đáng cho vào thì người ấy không cho vào. Khắp hết vòng thành, muốn tìm ra cổng thứ hai cũng không thể được. Chẳng có một lỗ nhỏ cho chó mèo lọt vào, huống gì là cổng thứ hai! Người gác cổng ấy không thể biết rõ ai ra, ai vào, nhưng người ấy biết chắc chắn rằng mọi người khi ra, vào thành thì chỉ có the đi qua cong này, chẳng còn chỗ nào khác! Cũng vậy, Thế Tôn tuy không dụng tâm để biết rõ tất cả chung sanh ở thế gian hay chỉ một phần nhỏ nhờ vào con đường này mà thoát khổ, nhưng Ngài biết rõ chúng sanh muốn diệt sạch các khổ, vượt thoát khổ đau thì tất cả đều nhờ vào con đường này mới được như thế. Bấy giờ, ngoại đạo xuất gia Uất-đê-ca nghe Phật dạy xong liền hoan hỷ và tùy hỷ rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi. ***

966. TÔN GIẢ PHÚ-LÂN-NI59 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá.

57 Nguyên tác: Trí (abhiññā)'. Trí hiểu biết toàn diện, thắng trí. 58 Nguyên tác: Tri (n): Sự hiểu biết rõ ràng, thuần thục (pañcca).Tham chiếu: Biệt Tạp.(T.02. 0100.199. 0447b25): Đôi với các pháp Ta đã khéo biết tường tận (í Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.966. 0248al5). Tham chiếu:B/é/ Tạp.(r 02. 0100.200. 0447c17); A. 882 - IV. 337; A. 10.83 - V. 154.



Khi ấy, có Tôn giả Phú-lân-ni60 đang ở núi Kỳ-xà quật, trong thành Vương Xá. Bấy giờ, có số đông tu sĩ ngoại đạo đi đến chỗ Tôn giả Phú-lân-ni, ân cần thăm hỏi nhau xong

rồi ngồi sang một bên và hỏi: -Tôi nghe Sa-môn Cù-đàm chủ trương phá ngã và đoạn diệt ngã.6162 Cù- đàm có truyền dạy như vậy chăng? Nay xin hỏi Tôn giả Phú-lân-ni9 việc ấy có đúng không? Phú-lân-ni nói với các tu sĩ ngoại đạo: Tôi không nghe Thế Tôn dạy chúng sanh phá ngã và đoạn diệt ngã như thế, khiến chẳng còn gì. Không thể có chuyện đó! Tôi nghe Thế Tôn dạy và đã hiểu như thế này: "C6 những chúng sanh chấp ngã, ngã mạn, tà mạn. Thế Tôn đã dạy họ đoạn diệt những thứ d6." Bây giờ, các tu sĩ ngoại đạo nghe Tôn giả Phú-lân-ni nói như vậy thì không được hài lòng, liền chỉ trích rồi bỏ đi. Sau khi các ngoại đạo đi rồi, Tôn giả Phú-lân-ni liền đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài roi ngôi sang một bên, đem những lời đã nói cùng các ngoại đạo thuật lại đầy đủ với Phật và hỏi: Bạch Thế Tôn! Con vừa trả lời với các ngoại đạo như thế là không hủy báng Thế Tôn chứ? Là nói đúng pháp, nói đúng lời Phật dạỵ? nói đúng theo pháp và thứ lớp của giáo pháp,62 không bi các nhà luận nghị hiềm trách chăng? Đức Phật bảo Phú-lân-ni: Những điêu thây nói không hủy báng Như Lai, không mát thứ tự, đúng như Ta đã dạy, nói đúng theo pháp và thứ lớp của giáo pháp, không bị các nhà luận nghị hiềm trách. Vì sao như vậy? Này Phú-lân-ni! Trước đây các chúng sanh bị ngã mạn, tà mạn, tà mạn bức bách, tà mạn tập khởi. Do không tỏ ngộ về tà mạn63 nên bị rối mù như ruột chó, như vòng móc sắt, như đám cỏ rối, rong ruổi tới lui đời này đời khác, đời khác đời này vẫn cứ rong ruổi tới lui, không thể xa lìa. Phú-lân-ni! Tất cả chúng sanh nếu diệt sạch hoàn toàn tà mạn thì tất cả họ luôn được hân hoan an ổn. Đức Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo Phú-lân-ni nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. *** 60 Phú-lân-ni ,Punniya. 61 Nguyên tác: Đoạn diệt phá hoại hữu .Hữu & đây chỉ cho hữu ngã, tự ngã, chúng sanh attā. Tham chiếu: Biệt Tạp.r.02. 0100.200. 04£7c20: Sạ-môn Cù-đàm dạy đoạn diệt ngã, khiến chúng không thể thọ sanh .ơ đoạn kinh này, chúng ngoại đạo cho ràng đức Phật chủ trương uĐÒạn diệt luận^, Ucchedavādā. 62 Nguyên tác: Tùy thuận ph.Xem chú thích 68, kinh số 27, quyển l, tr. 24; Tạp.7.02. 0099.27. 0005C20.
63 Nguyên tác: Tà mạn bất vôgián đẳng .Tham chiếu: Biệt Tạp.r02. 0100.200. 0448al3: Bất tri nga mạn I



967. NGOẠI ĐẠO CÂU-CA-NA64 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, trời vừa hừng sáng, Tôn giả A-nan-đà đến bên bờ sông Tháp-bồ?65 cởi y để trên bờ? xuống nước rửa tay chân rồi trở lên bờ, mặc một y roi lau thân thể. Khi ấy, tu sĩ ngoại đạo Câu-ca-na66 cũng đến bên bờ sông. Tôn giả A-nanđà67 nghe có tiếng bước chân liền lên tiếng đằng hắng. Tu sĩ ngoại đạo Câu-cana nghe có tiếng người, liền hỏi: -Ngài là hạng người nào? Tôn giả A-nan-đà đáp: Là Sa-môn. Ngoại đạo Câu-ca-na hỏi: Là hàng Sa-môn nào? Tôn giả A-nan-đà đáp: -Sa-môn họ Thích. Ngoại đạo Câu-ca-na nói: Tôi có điều muốn hỏi, không biết Tôn giả có thời gian để giải đáp cho chăng?

Tôn giả A-nan-đà đáp:
-Ông cứ tùy ý mà hỏi, nếu biết tôi sẽ trả lời!
Câu-ca-na hỏi:

-Thế nào, Tôn giả, sau khi chết Như Lai còn tồn tại chăng?

Tôn giả A-nan-đà đáp:

Theo Thế Tôn dạy thì không cần giải thích về điều này.68

Lại hỏi: Sau khi chết Như Lai không tồn tại chăng? Vừa tồn tại vừa không tồn tại chăng? Chăng tôn tại chăng phải không tôn tại chăng? Tôn giả A-nan-đà đáp: -Theo Thế Tôn dạy thì không cần giải thích về điều này. Ngoại đạo Câu-ca-na nói: 64 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.02. 0099.967. 0248bll. Tham chiếu: Biệt Tạp.7.02. 0100.201. 0448a22; A. 10.96 - v. 196. 65 Tháp-bồ Tapodā, hồ nước nóng dưới chân ngon núi Vebhāra, bên ngoài thành Vương Xá Rājagaha, ở đây co một tinh xá thường gọi là ôn Tuyên tinh xá Tapodārāma. 66 Câu-ca-na Kokanuda: Vị du sĩ tu khổ hạnh chưa phân định học phái paribbājakā. 67 Bản Hán có lúc ghi là Tôn giả Anan ,có lúc lại ghi là Tôn giả A-nan-đà , bản dịch sử dụng thống nhất danh xưng Tôn giả A-nan-đà. ^Nguyên tác: Thử thị vô ký .Tham chiếu: Biệt Tạp.T.02. 0100.201. 0448b02: Thế Tôn không nói về điều này .



Thế nào, Tôn giả? Khi tôi hỏi: "Sau khi chết Như Lai tồn tại Chang?99 Ngài đáp "Không cần giải thích.,^ Tôi hỏi: uSau khi chết Như Lai không tồn tại, vừa tồn tại vừa không tồn tại, chẳng tồn tại chẳng phải không tồn tại chng?" Ngài đều đáp: "Không cần giải thích." Thế nào, thưa Tôn giả? Vì không biết, không thấy chăng? Tôn giả A-nan-đà đáp: Chẳng phải không biết, không thấy mà là biết hết và thấy hết.

Ngoại đạo Câu-ca-na lại hỏi: Biết thế nào và thấy thế nào?

Tôn giả A-nan-đà đáp: -Thấy chỗ có thể thấy, thấy chỗ sanh khởi, thấy chỗ đoạn dứt triền phược; đây là biết, đây là thấy. Tôi biết như thế và thấy như thế, tại sao nói rằng không biết, không thấy? Ngoại đạo Câu-ca-na lại hỏi: -Tôn giả tên gì? Tôn giả A-nan-đà đáp: -Tôi tên A-nan-đà. Ngoại đạo Câu-ca-na nói: Hay thay! Tôi được cùng luận nghi với đệ tử của bậc Đại sư! Nêu biêt đó là Tôn giả A-nan-đà, tôi đã không dám mở miệng tranh luận. Nói lời ấy xong, tu sĩ ngoại đạo Câu-ca-na liền bỏ đi. *** 968. CẤP CÔ ĐỘC THUYẾT PHÁP69 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.* Bấy giờ? trưởng giả cấp Cô Độc mỗi ngày thường đến viếng thăm Thế Tôn, lễ kính cúng dường. Lần nọ, trưởng giả nghĩ thầm: "Hôm nay, ta đến quá sớm, có lẽ Thế Tôn và các Tỳ-kheo chưa xả thiền, vậy ta nên ghé qua trú xứ của các ngoại đạo trước?5 Thế rồi, trưởng giả đi vào tinh xá ngoại đạo, sau khi cùng các ngoại đạo ân cần thăm hỏi nhau xong, liền ngồi sang một bên. Khi ấy, có ngoại đạo hỏi: Trưởng giả! Ông thường thăm viếng Sa-môn Cù-đàm? vậy Cù-đàm thấy thế nào, thấy những gì?

69 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.968. 0248c06). Tham chiếu: Biệt Tạp.(02. 0100.202. 0448b18); A. 10.93 . v. 185.



Trưởng giả đáp: Tôi cũng chẳng biết Thế Tôn thấy thế nào, Thế Tôn thấy những gì.

Các ngoại đạo lại hỏi:
- Ông thường gặp gỡ chúng Tăng, vậy chúng Tăng thấy thế nào? Chúng
Tăng thấy những gì?
Trưởng giả đáp:
Tôi cũng chẳng biết chúng Tăng thấy thế nào, chúng Tăng thấy những gì.
Ngoại đạo lại hỏi: Trưởng giả! Nay ông tự thấy như thế nào? Tự thấy những gì?

Trưởng giả đáp: Các ông mỗi người hãy nói chỗ thấy của minh, rồi tôi sẽ nói chỗ thấy của tôi, cũng chẳng khó gì. Khi đó, có một ngoại đạo nói như vầy: Trưởng giả! Tôi thấy tất cả thế gian là thường hằng, đây là chân thật, ngoài ra đều hư vọng. Lại có người nói: Ỵ Trưởng giả! Tôi thấy tất cả thế gian là vô thường, đây là chân thật, ngoài ra đều hư vọng. Lại có người nói: Trưởng giả! Thế gian vừa thường vừa vô thường, đây là chân thật, ngoài ra đều hư vọng. Lại có người nói: Thế gian chẳng phải thường chẳng phải vô thường, đây là chân thật, ngoài ra đều hư vọng. Lại có người nói: Thế gian là hữu biên, đây là chân thật, ngoài ra đều hư vọng.

Lại có người nói: Thế gian là vô biên, đây là chân thật, ngoài ra đều hư vọng.

Lại có người nói:
-Thế gian vừa hữu biên vừa vô biên.
Lại có người nói:
Thế gian chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên.
Lại có người nói:
Mạng tức là thân.
Lại có người nói:
Mạng khác thân khác.
QUYỂN 34 1049

Lại có người nói:
- Sau khi chết Như Lai tồn tại.
Lại có người nói:
Sau khi chết Như Lai không tồn tại.
Lại có người nói: Sau khi chết Như Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại.

Lại có người nói: Sau khi chết Như Lai chẳng phải tồn tại chẳng phải không tồn tại, đây là chân thật, ngoài ra đều hư vọng. Rồi các ngoại đạo bảo trưởng giả: Chúng tôi mỗi người đều nói chỗ thấy của mình rồi, vậy ông hãy nói chỗ thấy của ông! Trưởng giả đáp: Cái thây của tôi là vê những gì được tôn tại, được tạo tác, được suy tư đêu do duyên sanh khởi.70 Nếu những gì được tồn tại, được tạo tác, được suy tư đêu do duyên sanh khởi thì những pháp đó là vô thường. Những gì vô thường thì khổ. Biết như vậy rồi nên đối với tất cả cái thấy đều không nên bám víu vào đó. Như với cái thấy của các ông: "Thế gian là thường hằng, đây là chân thật, ngoài ra đều hư vọng95, so với cái thấy này: "Những gì được tồn tại, được tạo tác, được suy tư đều do duyên sanh khởi. Nếu như những gì được tồn tại, được tạo tác, được suy tư đêu do duyên sanh khởi thì những

pháp đó [là] vô thường. Những gì vô thương thì kh6"; nên các ông phải thân cận với khổ, chỉ thuần có khổ, bám trụ nơi khổ, chìm sâu trong khổ. Cũng vậy, khi các ông nói: "Thế gian là vô thường, đây là chân thật, ngoài ra đều hư vgg" thi cũng mắc lỗi như thế. Nếu nói: "Thế gian vừa thường vừa vô thường, chẳng phải thường chẳng phải vô thường; the gian hữu biên, the gian vô biên, the gian vừa hữu biên vừa vô biên, thê gian chăng phải hữu biên chăng phải vô biên; mạng tức là thân, mạng khác thân khác; Như Lai tôn tại sau khi chét, Như Lai không tôn tại sau khi chết, Như Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại sau khi chết, Như Lai chẳng phải tồn tại chẳng phải không tồn tại sau khi chết, đây là chân thật, ngoài ra đều hư vọng,5, cũng đều mắc lỗi như trên. Lúc ấy, có một ngoại đạo nói với cấp Cô Độc: Như ông đã nói, nếu có cái thấy gì thì cái thấy đó được tồn tại, được tạo tác, được suy tư đều do duyên sanh khởi thì những pháp đó vô thường. Những

70 Nguyên tác: Chân thật hữu vi tư lượng duyên khởi .Trong đó, phân thật" được dịch từ bhūtā, vùỉa có nghĩa là chan thật vừa co nghĩa là, tất cả chúng sanh, tồn tại, sanh vật. Tham chiếu: Biệt Tạp.T.02. 0100.202. 0448c 10: Theo cái thấy của Ta, tát cả chung sanh đều do o tá% do các nhân duyên hòa hợp để hình thành, gọi là nhân duyên, tức là tạo tác vậy ,_ ì.,.



gì VÔ thương thì khổ. Thế thì, cái thấy của tnrởng giả cũng thân cận với khổ, bám nơi khổ, trụ nơi khô, chìm sâu trong khô vậy. Trưởng giả đáp: ở trước, chẳng phải đã nói cái thấy của tôi là về những gì được tồn tại, được tạo tác, được suy tư đều do duyên sanh khởi nên hết thảy chúng đêu vô thường, mà đã vô thường thì khổ. Đã biết khổ rồi, làm sao tôi có thể bám víu vào cái thấy đó? Các ngoại đạo nói: -Đúng như thế, trưởng giả! Bây giờ, tại tinh xá của ngoại đạo, trưởng giả Cáp Cô Độc nhiêp phục luận thuyết của họ, kiến lập chánh luận của mình. Sau khi ở giữa chúng ngoại đạo rống lên tiếng rống của sư tử rồi, trưởng giả liền đi đến chỗ Phật, lạy sát chan Ngài rồi ng8i sang một bên và đem cuộc đàm luận cùng ngoại đạo thuật lại đây đu vơi The Ton. Đức Phật bảo trưởng giả cấp Cô Độc: Lành thay! Lành thay! Hãy đúng lúc mà nhiêp phục các ngoại đạo si mê, kiến lập chánh luận. Đức Phật nói lời ấy xong, trưởng giả cấp Cô Độc liền hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi lui ra. ***

969. TRƯỜNG TRẢO XUẤT GIA71 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, có tu sĩ ngoại đạo tên là Trường Trảo72 đi đến chỗ Phật, sau khi ân cân thăm hỏi Thê Tôn xong liên ngồi sang một bên rồi bạch: -Thưa Cù-đàm! Tôi không chấp nhận mọi quan điểm.73 Đức Phật bảo Hỏa Chủng:74 Ong nói răng: "Tôi không châp nhận mọi quan điêm9\ vậy quan diêm này của ông, ông cũng không chấp nhận luôn chăng? Ngoại đạo Trường Trảo nói: Lúc nãy tôi đã nói "không chấp nhận mọi quan điểm" thì quan điểm này của tôi, tôi cũng không chấp nhận.

nTựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02.0099.969. 0249a29). Tham chiếu: Biệt Tạp.(7.02. 0100.203. 0449a04); M. 74, Dĩghanakha Sutta (Kinh Trường Trảo). 72

Trường Trảo (Dīghanakha): Người để móng tay dài. 7 Nguyên tác: Nhất thiết kiến bất nhẫn (_sabbam me na khamatī)'. Tôi không chấp nhận tát cả. Quan diêm của chủ nghĩa hoài nghi, một trong 6 phái ngoại đạo. J 74 Hỏa Chủng (‚Aggivessana). Theo DPPN, Aggivessana là tên riêng của một dòng họ Bà-la-môn, vì tôn trọng Trường Trảo nên đức Phật chỉ dùng tên dòng họ mà không gọi tên riêng.



Đức Phật bảo Hỏa Chủng: -Biết như thế, thấy như thế rồi thì quan điểm này đã được đoạn, đã được xả, đã được lìa và những quan điểm khác chẳng còn tương tục, chẳng khởi, chẳng sanh. Này Hỏa Chủng! Nhiều người cũng có quan điểm như ông, nhiều người cũng thấy như vậy, cũng nói như vậy, ông cũng giống như họ mà thôi. Này Hỏa Chủng! Nếu Sa-môn9 Bà-la-môn chịu xả bỏ các quan điểm của mình và các quan điểm khác không sanh thì những Sa-môn, Bà-la-môn này rất ít có ở the gian. Này Hỏa Chủng! Có ba quan điểm. Là ba quan điểm nào? Thứ nhất, có người thấy như vầy, nói như vầy: "Tôi chấp nhận tất cả Thứ hai, lại có người thấy như vầy? nói như vầy: "Tôi không chấp nhận tất cả?5 Thứ ba, lại có người thấy như vầy, nói như vầy: "T6i chấp nhận một phần, không chấp nhận một phần.55 Này Hỏa Chủng! Nêu nói “chập nhận tát cả" thì quan diêm này cùng sanh với tham, chăng phải không tham; cùng sanh với sân, chăng phải không sân; cùng sanh với si, chẳng phải không si; ràng buộc, chẳng lìa ràng buộc, phiền não, chẳng thanh tịnh, ưa chấp thủ, sanh nhiễm trước. Nếu thấy như vầy: "Tôi không chấp nhận tất cả95 thì quan điểm này không cùng sanh với tham, với sân, với si; thanh tịnh, không phiền não, lìa ràng buộc, không vướng víu, không ưa chấp thủ, không sanh nhiễm trước. Này Hỏa Chủng! Nếu thấy như vầy: "Ta chấp nhận một phần, không chấp nhận một phân,, thì phân người đó chập nhận sẽ có tham... (cho đên) sanh nhiêm trước; phàn không chấp nhận sẽ lìa tham... (cho đến) không sanh nhiễm trước. Vi Thánh đệ tử đa văn nên học thế này: “Nếu ta thấy như vầy, nói như vầy: 'Ta chấp nhận tất cả9 sẽ bị hai hạng người chỉ trích rồi bị gạn hỏi. Là hai hạng người nào? Đó là hạng người 'không chấp nhận tất cả9 và hạng người 'chấp nhận một phần, không chấp nhận một phần/ Bị hai hạng người trên chỉ trích, chỉ trích rồi thì gạn hỏi, gạn hỏi rồi thì đả phá. Do quan điểm bị chỉ trích, bị gạn hỏi, bị đả phá nên phải xả bỏ quan diêm d6, các quan diêm khác lại không sanh nữa. Như vậy là đoạn quan điểm, xả quan điểm, lìa quan điểm, các quan điểm khác không còn tương tục, không khởi, không sanh nữa. Vi Thánh đệ tử đa văn nên học thế này: “Nấu ta thấy như vầy, nói như vầy: 'Ta không chấp nhận tất c'sẽ bi hai hạng người chỉ trích, gạn hỏi. Là hai hạng người nào? Đó là hạng người 'chấp nhận tất cả' và hạng người 'chấp nhận một phần, không chấp nhận một phần.5 Bị hai hạng người trên chỉ trích, chỉ trích rồi thì gạn h6i." (cho đến) không còn tương tục, không khởi, không sanh nữa. Vi Thánh đệ tử đa văn nên học thế này: "Nếu ta thấy như vầy, nói như vầy: 'Ta chấp nhận phần này, không chấp nhận phần kia' sẽ bi hai hạng người chỉ



trích, gạn hỏi. Là hai hạng người nào? Đó là hạng người 'chấp nhận tất cả9 và hạng người 'không chấp nhận tất cả/ Bị hai hạng người trên chỉ trích, chỉ trích rồi thì gạn

hỏi... ” (cho đến) không còn tương tục, không khởi, không sanh. Lại nữa, Hỏa Chủng! sắc thân này do bốn đại thô phù tạo thành, vi Thánh đệ tử nên quán vô thường, quán sanh diệt, quán lìa dục, quán diệt tận, quán xả. Nếu Thánh đệ tử luôn quán vô thường, quán sanh diệt, quán lìa dục, quán diệt tận, quán xả thì đối với thân này vị ấy hoàn toàn diệt sạch sự ham muốn thân, nhớ tưởng thân, yêu thích thân, nhiễm trước thân, dính mắc thân. Này Hỏa Chủng! Có ba loại cảm thọ. Đó là cảm thọ khổ, cảm thọ lạc và cảm thọ không khổ không lạc. Ba loại cảm thọ này do cái gì làm nhân, do cái gì tập khởi, do cái gì sanh, do cái gì làm hiện hữu?75 Ba loại cảm thọ này do xúc làm nhân, do xúc tập khởi, do xúc sanh, do xúc hiện hữu. Mỗi mỗi xúc tập khởi thì thọ tập khởi; mỗi mỗi xúc diệt thì thọ diệt, vắng lặng, thanh lương, hoàn toàn dứt sạch. Người kia đối với ba loại cảm thọ biết rõ khổ, biết rõ lạc, biết rõ không khổ không lạc. Đối với mỗi thọ ấy đều biết đúng như thật về sự tập khởi, sự diệt mất, vị ngọt, sự tai hại, sự thoát ly. Đã biết như thật rồi liền đối với thọ ấy quán vô thường, quán sanh diệt, quán lìa dục, quán diệt tận, quán xả. Người kia ngay nơi giới hạn của thân biết như thật các cảm thọ, ngay nơi giới hạn của mạng biết như thật các cảm thọ. Khi lâm chung, ngay lúc ấy tất cả thọ hoàn toàn diệt mất, không còn gì nữa. Người ấy suy nghĩ rằng: "Khi biết cảm thọ lạc, thân mình cũng hoại; khi biết cảm thọ khổ, thân mình cũng hoại; khi biết cảm thọ không kho không lạc, thân mình cũng hoại; như vậy thảy đều thoát khổ/9 Ngay lúc biết lạc thì lìa ràng buộc, không bi trói buộc; ngay lúc biết khổ thì lìa ràng buộc, không bị trói buộc; ngay lúc biết không khổ không lạc thì lìa ràng buộc, không bị trói buộc. Lìa ràng buộc gì? Lìa tham dục, sân hận, ngu si; lìa sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não. Ta nói những điều này gọi là lia khổ vậy. Trong lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất mới thọ giới Cụ túc khoảng nửa tháng, đang đứng phía sau cầm quạt hầu Phật, liền suy nghĩ như vầy: "Đối với mỗi mỗi pháp, Thế Tôn đều khen ngợi việc đoạn dục, lìa dục, diệt tận dục và xả dục?9 Thế rồi, Tôn giả Xá-lợi-phất liền ngay nơi mỗi mỗi pháp mà quán vô thường, quán sanh diệt, quán lìa dục, quán diệt tận, quán xả, không khởi các lậu hoặc, tâm được giải thoát. Bấy giờ? tu sĩ ngoại đạo Trường Trảo xa lìa trần cấu, được pháp nhãn tịnh. Tu sĩ ngoại đạo Trường Trảo thấy pháp, đắc pháp, biết rõ giáo pháp, thể nhập giáo pháp, vượt khỏi nghi hoặc, không nương nơi khác mà được độ thoát, ở trong giáo pháp được vô sở úy. Thế rồi, Trường Trảo từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh sửa y phục, đảnh lễ đức Phật, chắp tay bạch rằng:

75 Xem chú thích 22 , kinh số 291, quyển 12, tr. 346; Tạp.(r02. 0099.291. 0082a28).

QUYỂN 34  1053

Con xin được ở trong Giáo pháp và Giới luật xuất gia, thọ giới Cụ túc, ở trong Phật pháp tu các Phạm hạnh. Đức Phật bảo ngoại đạo xuất gia Trường Trảo:  Ông được phép ở trong Giáo pháp và Giới luật xuất gia, thọ giới Cụ túc, trở thành Tỳ-kheo. Ngay khi đó Trường Trảo liền được xuất gia, là bậc "Thiện lai Ty-kheo!55 Sau khi xuất gia rồi, Trường Trảo thường tư duy về mục đích khiến người thiện nam cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, với niềm tin chân chánh, sống không gia đình, xuất gia học đạo... (cho đến) tâm hoàn toàn giải thoát/6 chứng quả A-la-hán. Đức Phật nói kinh nay xong, Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Trường Trảo nghe lời Phật dạy thảy đều hoan hỷ phụng hành.76

76 Nguyên tác: Thiện giải thoát (suvimuttă). Trong Tạp A-hàm, cú ngữ này còn được viết là "chanh giải thoát,5 (,sammâvimuttà), chỉ cho việc giải thoát hoàn toàn (samma). Trong Chủ giải Kỉnh Gilānā (Gilānasuttavannanā)^ ngài Buddhaghosa giải thích răng, "tâm thiện giải thoát" chính là quả giải thoát của bậc A-la-hán (Arahattaphalavimuttiyā vimuttacittassà). 77 Bản Hán, hết quyển 34.



QUYỂN 35 970. NGOẠI ĐẠO XÁ-LA-BỘ1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Lúc ấy, bên hồ Tu-ma-kiệt-đà,12 có tu sĩ ngoại đạo tên là Xá-la-bộ3 ở giữa đồ chúng của mình tuyên bố rằng: 'Tháp của Sa-môn họ Thích ta đều biết. Trước đây ta từng biết Pháp và Luật kia, nhưng sau đó từ bỏ hết." Bấy giờ, vào sáng sớm, có số đông Tỳ-kheo đắp y, ôm bát vào thành Vương Xá khất thực, nghe ngoại đạo Xá-la-bộ đang trú bên hồ Tu-ma-kiệt-đà tuyên bố giữa đồ chúng của mình: "Sa-môn họ Thích có pháp gì ta đều biết hết. Trước đây ta từng biết Pháp và Luật kia, nhung sau đó từ bỏ hết." Nghe những lời này rồi, các Tỳ-kheo sau khi khất thực xong trở về tinh xá, cất y bát, rửa sạch chân, đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: -Bạch Thế Tôn! Sáng sớm nay, chúng con đắp y, ôm bát vào thành Vương Xá khất thực, nghe tu sĩ ngoại đạo Xá-la-bộ trú bên hồ Tu-ma-kiệt-đà, ở giữa đồ chúng của mình tuyên bố rằng: "Pháp của Sa-môn họ Thích ta đều biết. Trước đây ta từng biết Pháp và Luật kia, nhung sau đó từ bỏ hế(" Lành thay! Xin Thế Tôn vì thương xót Xá-la-bộ mà hãy đích thân đến bên hồ Tu-ma-kiệt-đà kia. Khi ấy, Thế Tôn im lặng nhận lời. Lúc xế chiều, sau giờ tọa thiền, Ngài đi đến chỗ của Xá-la-bộ cạnh hồ Tu-ma-kiệt-đà. Bấy giờ, tu sĩ ngoại đạo Xá-la-bộ từ xa trông thấy Thế Tôn đi đến, liền trải tọa cụ, thỉnh Phật ngồi. Thế Tôn an tọa xong, liền hỏi Xá-la-bộ: Có phải ông đã nói như vầy: "Sa-môn họ Thích có Pháp và Luật gì ta đều biết hết. Trước đây ta từng biết Pháp và Luật kia, nhưng sau đó từ bỏ hết" chăng? Xá-la-bộ im lặng không đáp. Đức Phật bảo Xá-la-bộ: Bây giờ, ông hãy nói đi, sao lại im lặng? Nếu ông biết đầy đủ thì Ta tùy hỷ, nếu ông biết chưa đầy đủ thì Ta sẽ giúp ông được đầy đủ.

1 Tqa đề đặt theo nội dung kinh: Tạp.(r02. 0099.970. 0250al9). Tham chiếu: Biệt Tạp.(T.02. 01Ỏ0.204. 0449ỒỒ28); A. 3.64 -1.185. 2 Tu-mạ-kiệt-đà (Sumāgadhā), theo DPPN, đây là tên gọi của một hồ sen gần thành Vương Xá (Rājagaha). Gan ho này có khu vườn của Hoàng hậu Udumbaiikā, trong đó xây dựng tinh xá hiến cúng cho các du sĩ khổ hạnh gọi là Paribbājakārāma. 3 x11ab0 (,Sarabhay



Xá4a-bộ vẫn im lặng như cũ. Đức Phật nói đến lần thứ hai, lần thứ ba, Xá- la-bộ vẫn cứ im lặng. Bấy giờ, Xá-la-bộ có một đệ tử Phạm hạnh thưa với Xá-la-bộ rằng: Thưa thầy! Đáng lý thầy nên đến chỗ Sa-môn Cù-đàm trình bày sự thấy biêt của mình, nhimg nay Sa-môn Cù-đàm đã đích thân đến đây rồi thì sao thầy lại không nói gì? Sa-môn Cù-đàm cũng đã nói với thầy rằng: "Nấu ông biết đầy đủ thì Ta tùy hỷ, nêu ông biết chưa đầy đủ thì Ta sẽ giúp ông được đầy diỉ." Vì cớ sao thầy lại im lặng mà không nói gì? Được người

đệ tử Phạm hạnh khuyên như thế, nhưng Xá-la-bộ vẫn im lặng. Lúc ấy, Thế Tôn nói với Xá-la-bộ: - Khi có người nói: "Sa-môn Cù-đàm chẳng J)hải là Như Lai, ứng Cúng, Đang Chánh Giác" thì Ta khéo can ngăn, khéo chất vấn. Khi Ta khéo can ngăn, khéo chất vấn thì người kia nói lảng sang chuyện khác, hoặc phẫn nộ bực tức, ngạo mạn tráo trở, chống đối không cam chịu, không biết cách thể hiện, hoặc cúi đầu im lặng xấu hổ, âm thầm suy xét, giống như Xá-la-bộ hôm nay vậy. Lại có người nói như vầy: "Chẳng có Sa-môn Cù-đàm5 chẳng có Giáo pháp và Giới luật?9 Khi Ta khéo can ngăn, khéo chất vấn thì người kia cũng đứng lặng yên, như ông hôm nay vậy. Lại có người nói: "Đệ tử Sa-môn Cù-đàm chẳng có ai hướng về nẻo lành" Ta bèn khéo can ngăn, khéo chất vấn thì người ấy cũng đứng lặng thinh, như ông hôm nay vậy. Bay giơ, ben ho Tu-ma-kiet-aa, The Ton đã rong len tiêng rong sư tư roi liền từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi. Lúc ấy, đệ tử Phạm hạnh của Xá-la-bộ nói với Xá-la-bộ rằng:  Ví như con bò bi cat đứt hai sừng, chạy vào trong chuông, khuyụ xuông đất rồi rống to; thầy cũng như thế, lúc không có Sa-môn Cù-đàm thì thầy mới ở trong chúng đệ tử rống tiếng sư tử. Ví như đàn bà mà muôn nói giọng đàn ông, khi cát tiêng lên ai cũng biêt là tiếng đàn bà; thầy cũng như thế, lúc không có Sa-môn Cù-đàm thì thầy mới ở trong chúng đệ tử rống tiếng sư tử. Ví như dã can mà muốn kêu tiếng chồn, khi cất tiếng vẫn là tiếng dã can; thầy cũng như thế, lúc không có Sa-môn Cù-đàm thì thầy mới ở trong chúng đệ tử rống tiếng sư tử. Bấy giờ, đệ tử Phạm hạnh của Xá-la-bộ đối trước Xá-la-bộ thốt ra những lời trách cứ, hủy báng như vậy rồi, liền rời chỗ ngôi mà bỏ đi. ***4 4 Nguyên tác: Thiện hướng là thể rút gọn của thiện hướng, chánh hướng, trực hướng, đẳng hư(&g ()bậc hướng về nẻo lành (suppatipannci), hương ve chân chánh (ujuppatipannci), hương theo chân lý (ñāyappatipanna), hướng đen thích hợp (sāmīcippatipanna).

1056  KINH TẠPA-HÀM

971. NGOẠI ĐẠO THƯỢNG TỌA5 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, có tu sĩ ngoại đạo tên là Thượng Tọa6 đang trú bên hồ Tu-ma-kiệt- đà7 trong thành Vương Xá. ở giữa đồ chúng của mình, ông tuyên bố: “Ta nói một bài kệ, nếu ai có thể đáp lại thì ta sẽ theo vị ấy tu hành Phạm hạnh." Lúc đó? vào sáng sớm, có số đông Tỳ-kheo đắp y, ôm bát vào thành Vương Xá khất thực, nghe có ngoại đạo xuất gia tên là Thượng Tọa trú bên hồ Tu-ma- kiệt-đà, ở giữa đồ chúng nói rằng: "Ta nói một bài kệ, nếu ai có thể đáp lại thì ta sẽ theo vi ấy tu hành Phạm hạnh." Các Tỳ-kheo khất thực xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa sạch chân, đến chỗ đức Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa:  Bạch Thế Tôn! Sáng sớm nay, Tỳ-kheo chúng con vào thành khất thực, nghe có tu sĩ ngoại đạo tên Thượng Tọa trú bên hồ Tu-ma-kiệt-đà, ở giữa đồ chúng nói rằng: "Ta nói một bài kệ, nếu ai có thể đáp lại được thì ta sẽ theo vi ấy tu hành Phạm hnh." Cúi xin Thế Tôn rủ lòng thương xót mà đích thân đi đến chỗ người ấy! Thế Tôn im lặng nhận lời. Sau giờ tọa thiền buổi chiều, đức Phật đi đến ben hồ Tu-ma-kiệt-đà. Tu sĩ ngoại đạo Thượng Tọa từ xa trông thấy Thế Tôn liền trải chỗ ngồi, thỉnh Phật an tọa. Thế Tôn ngồi xuống rồi nói với tu sĩ ngoại đạo Thượng Tọa:  Có phải ông đã nói như vầy: "Ta nói một bài ke, nếu ai có thể đáp lại thì ta sẽ theo vị ấy tu hành Phạm hạnh" chăng? Bây giờ, ông

hãy nói kệ, Ta có thể đáp lại. Khi ấy, tu sĩ ngoại đạo kia chất nhiều giường dây lên thành tòa cao rồi lên ngoi trên đó và nói kệ: Tỳ-kheo sống đúng pháp, Không quấy nhiễu chúng sanh, Tâm lặng, hành xả ly, Trì giới, thuận tĩnh lặng. Thế Tôn biết rõ tâm của ngoại đạo Thượng Tọa, liền nói kệ: /\ 9 Với bài kệ vừa nói, Ong có thê hướng theo, Ta sẽ đối với ông, Xem như người thiện lành. Nhtrng xét lời ông nói, Nói, làm chẳng tương ưng, Tĩnh lặng, tự điều phục, Không quấy nhiễu chúng sanh.

5 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.971. 0250c09). Tham chiếu: Biệt Tạp.(r02. 0100.205. 0450a23). 6 Nguy tác: Thượng (.,8 Tạp.(T.02. 0100.205. 0450ỒỒ29): Trùng Sào ().Theo từ nguyên và nội dung kinh, có thể đây là vị ngoại đạo thích ngồi trên tòa cao nên nhân đó được định danh. - 7 Xem chú thích 2, kinh số 970, quyển 35, tr. 1054; Tạp.(02. 0099.970. 0250al9).



Tâm hành lặng viễn ly, Người giữ gìn tịnh giới, Thuận điều phục, tĩnh lặng, Thân, miệng, ý lìa ác. Khéo nhiếp nơi trụ xứ, Không để cho buông lung, Đó gọi là tùy thuận, Điều phục và tĩnh lặng. Khi ấy, tu sĩ ngoại đạo Thượng Tọa nghĩ rằng: uSa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta", ngay khi đó ông liền rời khỏi tòa cao, chắp tay bạch Phật: Nay con có thể ở trong Giáo pháp và Giới luật xuất gia, thọ giới Cụ túc, trở thành Tỳ-kheo chăng? Đức Phật bảo ngoại đạo Thượng Tọa: Nay ông có thể ở trong Giáo pháp và Giới luật xuất gia, thọ giới Cụ túc, trở thành Tỳ-kheo. Khi đó, ngoại đạo Thượng Tọa được xuất gia. Sau khi trở thành Tỳ-kheo rồi, vị ấy thường tư duy về mục đích của người thiện nam cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, có niềm tin chân chánh, rời khỏi gia đình, xuất gia học đạo... (cho đếrỉ) tâm hoàn toàn giải thoát,8 đắc quả A-la-hán. *** 972. BA CHÂN LÝ9 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, có số đông tu sĩ Bà-la-môn tru bên hồ Tu-ma-kiệt-đà? tụ tập lại một chỗ rồi bàn luận như vầy: "Dây là chân lý10 của Bà-la-môn? đây là chân lý của Blam6n." Bấy giờ, Thế Tôn biết được tâm niệm của các tu sĩ Bà-la-môn? Ngài liền đi đến bên hồ Tu-ma-kiệt-đà. Các tu sĩ Bà-la-môn từ xa trong thấy đức Phật đi tới, liền trải sàng tọa, thỉnh Phật an tọa. Đức Phật ngồi xuống xong, hỏi các tu sĩ Bà-la môn rang: Các ông tụ họp bên hồ Tu-ma-kiệt-đà này để bàn luận về điều gì?

Tu sĩ Bà-la-môn bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Các tu sĩ Bà-la-môn chúng tôi tụ họp nơi đây roi cùng bàn luận như vầy: “Bây là chân lý của Bà-la-môn? đây là chân lý của Bà-la-m6n.” Phật bảo các tu sĩ Bà-la-môn: Có ba chân lý của Bà-la-môn mà Ta tự mình giác ngộ, thành Đẳng Chánh Giác rồi diễn giảng cho người khác. Tu sĩ Bà-la-môn các ông nói rằng: “Kh6ng hại tất cả chúng sanh, đây là chân lý của Bà-la-môn, chẳng phải hư vọng.,, Thê

8 Nguyên tác: Thiện giải thoát (suvimuttà). Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển l, tr. 19; Tạp.(7.02. 0099.22. 0004c20). 9 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.972. 0251 a20). Tham chiếu: Biệt Tạp.(02. 0100.206. 0450c05); A. 4.185 - IL 176. 10 Chân đế (,saccà): Chân lý, sự thật.

mà các ông lại nói với người khác rằng: "Tôi hơn", hoặc nói "t6i b3ng", hoặc nói "tôi kém.^, Đối với chân lý ấy mà không dính mắc, không chấp trước, đôi với tất cả thế gian thường biểu hiện lòng từ thì đây gọi là chân lý thứ nhát của Bà-la-môn mà Ta đã tự mình giác ngộ, thành Đẳng Chánh Giác rồi diễn giảng cho người khác. Lại nữa, Bà-la-môn nói như vầy: "Những pháp gì do sự tập khởi thì những pháp đó đều phải tiêu vong. Đây là chân lý, chẳng phải hư vọng,5... (cho đến) đối với chân lý ấy mà không dính mắc, không chấp trước, đối với tất cả thế gian thường quán sát sự sanh diệt thì đây gọi là chân lý thứ hai của Bà-la-môn. Lại nữa, Bà-la-môn nói như vầy: "Không có ngã ở bất cứ nơi đâu và ở bất cứ vật nào, hoàn toàn không có.11 Không có ngã ở bất cứ nơi đâu và ở bất cứ vật nào, hoàn toàn không có, đây là chân lý, chẳng phải hư vọng,\.. (nói như trên, cho đên) đôi với chân lý ây mà không dính măc? không chập trước, đôi với tát cả thế gian đều vô ngã như nhau thì đây gọi là chân lý thứ ba của Bà-la-môn mà Ta đã tự mình giác ngộ, thành Đẳng Chánh Giác rồi diễn giảng cho người khác. Bấy giờ, các tu sĩ Bà-la-môn đều im lặng. Thế Tôn nghĩ rằng: "Hôm nay, Ta soi sáng sự mê mờ của họ, tiêu diệt sự tệ hại giúp họ? thê mà trong chúng Bà-la-môn này không có một người nào tự biêt suy xét, không có một ai muôn tạo nhân duyên đê tu hành Phạm hạnh ở trong pháp của Sa-môn Cù-đàm.^^ Biết như thế rồi, Thế Tôn liền rời khỏi tòa rồi ra đi. *** 973. NGOẠI ĐẠO CHIÊN-ĐÀ11 12 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật trú trong vườn Cù-sư-la, tại nước Câu-diệm-di. Tôn giả A-nan cũng ở trú xứ đó. Bấy giờ, có tu sĩ ngoại đạo tên là Chiên-đà13 đi đến chỗ Tôn giả A-nan, ân cân thăm hỏi nhau xong roi ngôi sang một bên và hỏi: -Vì lý do gì mà Tôn giả theo Sa-môn Cù-đàm xuất gia tu hành Phạm hạnh? Tôn giả A-nan đáp:  Vì muốn đoạn trừ tham dục, sân hận và ngu si nên tôi theo Sa-môn Cù- đàm xuất gia tu hành Phạm hạnh.

11 Nguyên tác: Vô ngã xứ sở cập sự đô vô sở hữu.().Tham chiếu: 4 4.185
II. 176: Nāham kvacani kassaci kiñcanā tasmim na ca mama kvacani katthaci kiñcanā tatthi (Ta không là bát cứ ai, bát cứ thuộc ai, bất cứ là gì. Trong ấy, không có cái gì được gọi là của ta, bất cứ ở đâu, bất cứ là gì), HT. Thích Minh Châu dịch. 12 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.973. 0251Ò20). Tham chiếu: Biệt Tạp.(7.02. 010Ò.207. Ò451all)7Í. 371 - L 215. 13 Chiên-đà (,Channa).



Chiên-đà lại hỏi:  Sa-môn Cù-đàm có the nói về đoạn trừ tham dục, sân hận và ngu si chăng?

Tôn giả A-nan đáp: -Tôi cũng có thê nói vê đoạn trừ tham dục, sân hận và ngu si. Chiên-đà lại hỏi: -Tôn giả thấy tham dục, sân hận và ngu si có tai hại gì mà lại nói về đoạn trừ tham dục, sân hận và ngu si vậy? Tôn giả A-nan đáp:  Nhiễm trước tham dục khiến tâm bi che lấp nên sẽ tự hại, hoặc hại người, hoặc hại cả hai; hiện đời mắc tội, đời sau mắc tội, hiện đời lẫn đời sau đều mắc tội; tâm thường lo âu, cảm thấy buồn khổ. Nếu bị sân hận che mờ, ngu si che mờ sẽ tự hại, hoặc hại người, hoặc hại cả hai... (cho đến) tâm thường lo âu, cảm thấy buồn khổ. Lại nữa, tham dục làm cho mê muội, làm cho mù quáng, làm cho vô trí, làm cho tuệ lực yêu kém, khiên bị chướng ngại, không được sáng su6t, không thể tỉnh giác, không hướng Niết-bàn. Sân hận, ngu si cũng

lại như thế. Tôi thấy tham dục, sân hận, ngu si có những tai hại như thế nên nói về đoạn trừ tham dục, sân hận và ngu si. Chiên-đà lại hỏi: -Tôn giả thấy đoạn tham dục, sân hận và ngu si có phước lợi gì mà nói về đoạn trừ các thứ này vậy? Tôn giả A-nan đáp: -Đoạn tham dục rồi thì không tự hại, cũng không hại người, cũng không hại cả hai; hiện đời không mắc tội, đời sau không mắc tội, hiện đời lẫn đời sau đều không mác tội; tâm thường vui vẻ, cảm thây hạnh phúc. Sân hận, ngu si cũng lại như thế. Lại nữa, được sống trong pháp, thiết thực hiện tại, lìa mọi nóng bức, không đợi thời gian, dẫn đến Niết-bàn và được người trí tự mình giác hiểu.14 Vì thấy có công đức và lợi ích như thế nên tôi nói về đoạn trừ tham dục, sân hận và ngu si. Chiên-đà lại hỏi:  Thưa Tôn giả A-nan! Có con đường nào, có phương pháp nào đe tu tập và tu tập thuần thục rồi thì có thể đoạn trừ tham dục? sân hận và ngu si chăng? Tôn giả A-nan đáp: -Thưa có! Đó là Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến... (cho đến) chánh định.

14 Nguyên tác: Ư hiện pháp trung, thường ly xí nhienjbat đãi thời tiết, hữu đắc dư hiện pháp, duyên tư giác tri laến ().Xem chú thích 59, kinh
sô 550, quyển 20, tr. 610; Tạp.(T.02. 0099.550. o 143b 18).



Ngoại đạo Chiên-đà thưa với Tôn giả A-nan:  Đây là con đường hiền thiện, đây là phương pháp hiền thiện, nếu tu tập và tu tập thuần thục rồi thì có thể đoạn trừ tham dục, sân hận và ngu si. Bấy giờ, ngoại đạo Chiên-đà nghe Tôn giả A-nan nói xong liền hoan hỷ và tùy hỷ rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi. *** 974. NGOẠI ĐẠO BỔ-LŨ-ĐÊ-CA (l)15 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Khi ấy, Thế Tôn vì Xá-lợi-phất thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến Tôn giả hoan hỷ.16 Sau khi thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến Tôn giả hoan hỷ rồi, đức Phật an trú tĩnh lăng. Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất nghe lời Phật dạy xong đã được hoan hỷ và tùy hỷ, liền lạy sát chân Phật rồi lui ra. Bấy giờ, có tu sĩ ngoại đạo tên là Bổ-lũ-đê-ca17 đang đi trên đường, bỗng gặp Tôn giả Xá-lợi-phất nên hỏi rằng: -Tôn giả từ đâu đến đây? Xá-lợi-phất đáp:  Này Hỏa Chủng!18 Toi ở chỗ Thầy của tôi, nghe Đại sư thuyết giảng pháp và truyền dạy pháp xong rồi đến đây. Bổ-lũ-đê-ca hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:  Đen nay Tôn giả cũng chưa dứt sữa, vẫn còn nghe thầy thuyết giảng pháp, truyền dạy pháp ư? Xá-lợi-phất đáp: -Này Hỏa Chủng! Tôi không dứt sữa, vẫn theo Đại sư nghe Ngài thuyết giảng pháp, truyền dạy pháp. Bổ-lũ-đê-ca nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

15 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.974.0251c22). Tham chiếu: Biệt Tạp.(7.02. 0100.208. Ò451b09). 16 Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ ().Xem chú
thích 24, kinh số 92, quyển 4, tr. 105; Tap B (T.02. 0099.92. 0023cl8). 17 Bổ-lũ-đê-ca (),có khả năng được dịch từ tên vị Bà-la-môn Puthuladdhika, từng xuất hiện trong Dīpavamsa. 1 Hỏa Chủng Aggivessana). Aggivessana là tên riêng của một dòng họ Bà-la-môii, vì tôn ương Bổ-lũ-đê-ca nên Tôn giả Xá-lợi-phất chỉ dùng tên dòng họ mà không gọi bằng tên riêng (theo DPPN).

-Tôi đã dứt sữa từ lâu, không còn ở chỗ thầy của mình để nghe giảng dạy giáo pháp nữa. Xá-lợi-phất nói: -Pháp của ông là pháp và luật phi lý, mang tư tưởng tà vạy, chẳng phải là pháp giải thoát, chẳng phải là đạo giác ngộ, là pháp tổn hại, là pháp không đáng tán thán, là pháp chẳng thể nương tựa. Lại nữa, vị thầy kia không phải là bậc Đang Chánh Giác. Cho nên, các ông hãy mau mau dứt sữa? rời xa giáo pháp của vi thầy ấy. Ví như bò mẹ hung dữ cuồng dại, lại còn ít sữa thì nghé con bú sữa ấy rất mau chán bỏ. Cũng vậy, đối với pháp và luật phi lý, mang tư tưởng tà vạy, chẳng phải là pháp giải thoát, chẳng phải đạo giác ngộ, là pháp tổn hại, là pháp không đáng tán thán, là pháp chẳng thể nương tựa và đối với vị thầy không phải là bậc Đẳng Chánh Giác thì hãy mau rời bỏ pháp mà vị thầy ấy truyền dạy. Pháp mà tôi đang có là Giáo pháp và Giới luật mang tư tưởng thiện lành, là pháp giải thoát, là đạo giác ngộ, là pháp không gây tổn hại, là pháp đáng để tán thán, là pháp đáng đe nương tựa. Lại nữa, Đại sư của tôi là bậc Đang Chánh Giác. Bởi thế lâu nay tôi vẫn uống sữa ấy, vẫn nghe và lãnh thọ Giáo pháp và Giới luật mà Ngài giảng giải, truyên dạy. Ví như bò mẹ không hung dữ cuồng dại, lại có nhiều sữa thì nghé con được bú sữa dài lâu và không hề chán ngán. Pháp của tôi cũng như thế, là pháp chân chánh... (cho đến) vẫn nghe và lãnh thọ giáo pháp mà Ngài giảng giải, truyền dạy. Khi ấy, Bổ-lũ-đê-ca nói với Tôn giả Xá-lợi-phất: Các ông mau chóng có được lợi ích tốt đẹp ở trong Giáo pháp và Giới luật... (cho đến) vẫn nghe và lãnh thọ giáo pháp mà Ngài giảng giải, truyền dạy. Bấy giờ, tu sĩ ngoại đạo Bổ-lũ-đê-ca nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nói xong liền hoan hỷ và tùy hỷ rồi theo đường mà đi. *** 975. NGOẠI ĐẠO BỔ-LŨ-ĐÊ-CA (2)19 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có tu sĩ ngoại đạo Bổ-lũ-đê-ca đi đến chỗ Phật, ân cần thăm hỏi Thế Tôn xong rồi ngồi sang một bên và bạch:

19 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02.0099.975.0252a22). Tham chiếu: Biệt Tạp.(02. 0100.209. 0451C11).



Thưa Cù-đàm! Hôm trước có số đông tu sĩ ngoại đạo Sa-môn? Bà-la-môn tập hợp tại giảng đường Vi Tằng Hữu rồi cùng nhau bàn luận như vầy: "Trí tuệ của Sa-môn Cù-đàm như ngôi nhà trống, không thể ở giữa đại chúng kiên lập luận nghị: 'Điều này nên, điều này không nên; điều này hợp, điều này không hợp/ Như con bò mù chỉ lần theo bờ ruộng,20 không thể vào giữa đám ruộng. Sa-môn Cù-đàm cũng như vậy, không biết điều gì nên hay không nên và cũng không biết điều gì hợp hay không hợp." Đức Phật bảo Bổ-lũ-đê-ca: Những luận bàn của các ngoại đạo về những điều "nên hay không nên, hợp hay không hợp" ấy, đối với giáo pháp và giới luật của bậc Thánh chỉ như trò đùa của con trẻ. Ví như người già tám, chín mươi tuổi, tóc bạc, răng rụng mà còn chơi trò trẻ con, lấy đất bùn nhào nặn ra các hình thù giống như con . Y Y Y . . ..Y voi, con ngựa, đủ các hình loại. Mọi người đêu nói: "Già quá hóa trẻ!" Cũng vậy, này Hỏa Chủng! Các thứ luận thuyết về "nên chẳng nên, hợp chẳng hợp" ấy, đối với giáo pháp và giới luật của bậc Thánh chỉ như trò đùa của trẻ con, ở trong đó không có điều gì cần thiết để Tỳ-kheo phải nỗ lực cả. Bổ-lũ-đê-ca bạch Phật: - Thưa Cù-đàm! Những gì

đáng cho Tỳ-kheo cần phải nỗ lực? Đức Phật bảo ngoại đạo:  Những gì chưa thanh tinh thì khiến cho thanh tịnh, đây là điều Tỳ-kheo cần nỗ lực. Những gì chưa điều phục thì khiến được điều phục, đây là điều Tỳ- kheo cần nỗ lực. Những gì chưa định tĩnh thì khiến được thể nhập chánh định, đây là điều Tỳ-kheo cần nỗ lực. Những gì chưa giải thoát thì khiến cho giải thoát, đây là điêu Tỳ-kheo cân nô lực. Những gì chưa đoạn trừ thì khiên cho đoạn trừ, những gì chưa biết thì khiến cho được biết, những gì chưa tu thì khiến cho tu tập, những gì chưa chứng đắc thì khiến cho chứng đắc. Đây là những điều Tỳ-kheo cần nỗ lực. Thế nào là chưa thanh tịnh thì khiến cho thanh tịnh? Nghĩa là giới chưa thanh tịnh thì khiến cho giới thanh tịnh. Thế nào là chưa điều phục thì khiến được điều phục? Nghĩa là các căn như mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý chưa được điều phục thì khiến cho được điều phục. Đó gọi là những gì chưa điều phục thì khiến cho được điều phục.

20 Nguyên tác: Manh ngưu thiên hành biên bạn().Xem thêm, D. 25, Udumbarika Sutta {Kinh ưu-đàm-bà-la sư tử hông)'. Seyyathāpi nāma gokānā pariyantacārinī antamantāneva sevati. (Giông như con bò một mắt, chỉ đi quanh quẩn trong giới hạn một bên). Cú ngữ này được Tỳ-kheo Sujāto dịch là: He s just like the nilgai antelope,o circling around and lurking onthe periphery (Ong ta chỉ như con linh dương đâu bò, chỉ đi quanh quẩn trong giới hạn ẩn nấp của nó). Tcm-da-na kỉnh (Zo l. 0001.8. 0047b 14): Giông như con bò chột mắt ăn cỏ, chỉ gặm một bên theo những gì nó thây(sin it 4^0

QUYỂN 35  1063

Thế nào là chưa định tĩnh thì khiến được thể nhập chánh định? Nghĩa là tâm chưa chánh định thì khiến cho được chánh định. Thế nào là chưa giải thoát thì khiến được giải thoát? Nghĩa là tâm chưa thoát khỏi tham dục, sân hận và ngu si thì khiến tâm được thoát khỏi chúng. Thế nào là chưa đoạn thì khiến được đoạn trừ? Nghĩa là vô minh và hữu ái nếu chưa đoạn thì khiến cho đoạn trừ. Thế nào là chưa biết thì khiến cho được biết? Nghĩa là đối với danh sắc nếu chưa biết thì khiến cho được biết. Thế nào là chưa tu thì khiến cho tu tập? Nghĩa là đối với chỉ và quán nếu chưa tu thì khiến cho tu tập. Thế nào là chưa chứng đắc khiến cho chứng đắc? Nghĩa là đối với Niết-bàn tối hậu nếu chưa chứng đắc thì khiến cho chứng đắc. Đây gọi là những điều Tỳ-kheo càn phải nỗ lực vậy. Bổ-lũ-đê-ca bạch Phật:  Thưa Cù-đàm! Điều lợi ích mà Tỳ-kheo cần nỗ lực, điều chắc chắn mà Tỳ-kheo cần nỗ lực, đó chính là đoạn tận phiền não vậy. Bấy giờ, tu sĩ ngoại đạo Bổ-lũ-đê-ca nghe lời Phật dạy xong liền hoan hỷ và tùy hỷ rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi. *** 976. NGOẠI ĐẠO THI-BÀ21 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tai Trúc Lâm, vườn Ca-lan-dà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, có tu sĩ ngoại đạo tên là Thi-bà22 đi đến chỗ Phật, ân cần thăm hỏi Thế Tôn xong rồi ngồi sang một bên và bạch:  Thưa Cù-đàm! Thế nào là học? Nói về pháp phải học?23 nên học những gì?

Đức Phật bảo Thi-bà:  Học những gì cần học, đó gọi là học!

Thi-bà bạch Phật:  Thưa Cù-đàm! cần học những điều gì?

Đức Phật bảo Thi-bà:  Tùy thời mà học tăng thượng giới, tăng thượng tâm và tăng thượng tuệ.

21 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.976. 0252b27). Tham chiếu: Biệt Tạp.(02. 0100210. Ò452al8); A. 6 47 - III. 356. 22 Thi-bà (‚Sīvaka). 23 Nguyên tác: Học gi(sanditthika dhammā).



Thi-bà bạch Phật:  Nếu Tỳ-kheo A-la-hán đã sạch các lậu, việc cần làm đã làm xong, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được lợi mình, đoạn sạch các phiền não, đầy đủ chánh trí và giải thoát hoàn toàn24 thì lúc ấy còn phải học gì nữa? Đức Phật bảo Thi-bà: -Nếu Tỳ-kheo A-la-hán đã sạch các lậu... (cho đến) đầy đủ chánh trí và giải thoát hoàn toàn thì ngay khi ấy biết rõ tham dục đã dứt sạch hoàn toàn, biết rõ sân hận và ngu si đã dứt sạch hoàn toàn, thế nên chẳng còn tạo các điều ác, thường làm những việc lành. Thi-bà! Đây gọi là học những điều nên học vậy. Bấy giờ, tu sĩ ngoại đạo Thi-bà nghe Phật dạy xong liền hoan hỷ và tùy hỷ rồi đứng dậy ra đi. *** 977. THI-BÀ THEO PHẬT XUẤT GIA25 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà5 thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, có tu sĩ ngoại đạo tên Thi-bà đi đến chỗ Phật, ân cần thăm hỏi Thế Tôn xong roi ngôi sang một bên và bạch: - Thưa Cù-đàm! Có Sa-môn? Bà-la-môn thấy như vầy, nói như vầy: “Con người có cảm thọ điều gì thì những cảm thọ đó đều do nhân đã tạo ra trong quá khứ. Nêu tu tập các kho hạnh sẽ khiến cho nghiệp quá khứ sạch hết, không tạo thêm nghiệp mới, dứt các nhân duyên, ở đời sau không còn các lậu nữa. Vì các lậu đã sạch nên nghiệp sạch, nghiệp sạch nên khổ hết, khổ hết nên được vượt thoát khổ dàu." Nay Cù-đàm chủ trương như thế nào? Đức Phật bảo Thi-bà:  Sa-môn9 Bà-la-môn kia thật sự nói năng mơ hồ? chẳng hề suy xét5 vô số mê mờ, không khéo léo, không phân biệt. Vì sao như thế? Vì chúng sanh biết được rằng, có những nỗi khổ phát sanh vì gió, hoặc phát sanh vì đàm, hoặc phát sanh vì dãi, hoặc phát sanh các thứ cùng lúc, hoặc do mình tự hại, hoặc bị kẻ khác hại, hoặc do thời tiết khí hậu vậy. Tự hại nghĩa là hoặc nhổ tóc, hoặc nhổ râu, hoặc thường đứng giơ tay, hoặc ngồi xổm trên đất, hoặc nằm nơi bụi bặm, hoặc nằm trên chông gai, hoặc nằm trên cái chày, hoặc nằm trên tấm ván, hoặc nằm trên đất trét phân trâu, hoặc nằm trong vũng nước, hoặc mỗi ngày tắm ba lần, hoặc đứng co một chân, thân

24 Nguyên tác: Thiện giải thoát (suvimuttà). Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển l, tr. 19; Tạp.(T.02. 0099.22. 0004c20). 25 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.977. 0252cl2). Tham chiếu: Biệt Tạp.(r02. o 100.2 ll.Ò452bO4); s. 36.21 - IV 230.



xoay theo mặt trời. Các việc khổ cực như thế mà họ lại cố gắng thực hành thì này Thi-bà, đó gọi là tự hại vậy. Bị kẻ khác hại nghĩa là bị người khác dùng tay, hoặc đá5 hoặc dao, hoặc gậy gây tổn hại thân mình. Đó gọi là bị kẻ khác hại vậy. Này Thi-bà! Bị thời tiết làm hại như mùa đông quá lạnh, mùa xuân quá nóng, mùa hạ vừa quá nóng vừa quá lạnh, đây gọi là thời tiết làm hại. Những điều này có thật ở thế gian, chẳng phải hư vọng. Này Thi-bà! Thế gian có những sự thật này, như bị gió làm hại... (cho

đến) bị thời tiết khí hậu làm hại và chúng sanh cảm nhận như thật những điều đó. Ông cũng từng gặp những tai họa như vầy, hoặc bi gió, bị đàm, bị dãi... (cho đến) bi thời tiết làm hại và ông cũng cảm nhận như thật về những việc đó. Này Thi-bà! Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào nói rằng: "Con người có cảm thọ điều gì thì những cảm thọ đó đều do nhân đã tạo ra trong quá khứ*" thì họ đã bỏ qua những sự thật ở thế gian mà chạy theo cái thấy của mình rồi nói năng xằng bậy. Này Thi-bà! Có năm nhân, năm duyên sanh tâm ưu khổ. Là năm nhân, năm duyên nào? Nhân tham dục trói buộc, duyên tham dục trói buộc nên sanh tâm ưu khổ. Nhân sân hận, thụy miên, trạo hối, nghi ngờ trói buộc nên sanh tâm ưu khổ; duyên sân hận, thụy miên, trạo hối, nghi ngờ trói buộc nên sanh tâm ưu khổ. Đó gọi là năm nhân, năm duyên sanh tâm ưu khổ vậy. Này Thi-bà! Có năm nhân, năm duyên không sanh tâm ưu khổ. Là năm nhân, năm duyên nào? Nhân tham dục trói buộc, duyên tham dục trói buộc nên sanh tâm ưu khổ, nếu xa lìa sự trói buộc của tham dục ấy thì chẳng khởi tâm ưu khổ... Đây gọi là năm nhân, năm duyên không khởi tâm ưu khổ, thiết thực hiện tại, lìa mọi nóng bức, không đợi thời gian, dẫn đến Niết-bàn và được người trí tự mình giác hiểu.26 Này Thi-bà! Pháp thiết thực hiện tại, lìa mọi nóng bức, không đợi thời gian, dẫn đến Niết-bàn và được người trí tự mình giác hiểu thì đó chính là biết rõ Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến... (cho đến) chánh định. Lúc Phật nói pháp này, tu sĩ ngoại đạo Thi-bà xa lìa trần cấu, được Pháp nhãn tịnh. Khi ấy, tu sĩ ngoại đạo Thi-bà thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, thể nhập giáo pháp, vượt mọi nghi ngờ, không nương nơi khác, ở trong giáo pháp được vô sở úy. Thế rồi, Thi-bà liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh sửa y phục rồi chắp tay bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Nay con có thể ở trong Giáo pháp và Giới luật xuất gia, thọ giới Cụ túc, trở thành Tỳ-kheo chăng?

26 Nguyên tác: Hiện pháp đắc lự xí nhiên, bất đãi thời tiết, thông đạt hiện kiến, duyên tự giác tri ( ,).Xem chú thích 59, kinh số 550, quyển 20, tr. 610;
Tạp.(7.02. 0099.550. o 143b 18).

1066  KINH TẠPA-HÀM

Đức Phật bảo Thi-bà:  Nay ông được xuất gia... (nói như trên, cho đen) tâm hoàn toàn giải thoát,27 chứng quả A-la-hán. *** 978. NGOẠI ĐẠO THƯƠNG CHỦ28 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật trú trong vườn Hảo Y Am-la, tại thôn Na-la. Bấy giờ, ở thôn Na-la này có tu sĩ ngoại đạo tên là Thương Chủ, tuổi đã một trăm hai mươi, các căn suy yếu, được các trưởng giả, Bà-la-môn, cư sĩ thôn Na-la tôn trọng cúng dường như đối với một bậc A-la-hán. Tu sĩ ngoại đạo Thương Chủ trước đây có một người thân, sau khi lâm chung được sanh về cõi trời. Vị trời này nhìn thấy tu sĩ ngoại đạo Thương Chủ, liền nghĩ rằng: “Ta muốn khuyên Thương Chủ đến chỗ đức Phật tu hành Phạm \ r r hạnh, nhưng e răng ông ây không nghe lời ta. Vậy nay ta nên đên đó dùng bài kệ29 giúp ông ấy thỉnh vấn vay.” Thế rồi, vị trời liền xuống thôn Na-la5 đến chỗ tu sĩ ngoại đạo Thương Chủ y và nói kệ răng: Thế nào là bạn xấu, Mà hiện tướng bạn lành? Thế nào là bạn lành, Như mình đồng một thể? Làm sao cầu đoạn dứt? Lìa được sự đốt thiêu?
Thưa Tiên nhân, nếu ông đem bài kệ này thỉnh vấn các bậc thầy hiện nay, nếu ai có thể phân biệt, giảng giải ý nghĩa và đáp lại được thì ông có thể theo vi ấy xuất gia, tu hành Phạm hạnh. Khi ấy, ngoại đạo Thương Chủ vâng theo lời vị trời, đến chỗ ngài Phú-lan-

na Ca-diếp rồi đem bài kệ này ra hỏi. Ngài Phú-lan-na Ca-diếp còn không thể hiểu được, huống gì là giải đáp. Ke đó, tu sĩ ngoại đạo Thương Chủ lại đến chỗ của các ngài Mạt-ca-lê Cù- xá-lợi tử, San-xà-da Tỳ-la-chi tử, A-kỳ-đa Chỉ-xá-khâm-bà-la, Ca-la-câu-đà Ca-chiên-diên, Ni-kiền-đà Nhã-đề tử và đem bài kệ này thỉnh vấn, nhưng các vị ây đêu không thê giải đáp được. Khi đó, tu sĩ ngoại đạo Thương Chủ nghĩ rằng: “Ta đã đem bài kệ này thỉnh vấn các bậc thầy xuất gia danh tiếng, nhưng không ai có thể giải đáp được, nay

11 Nguyên tác: Thiện giải thoát (,suvỉmuttà). Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển l, tr. 19; Tạp.(7.02. 0099.22. 0004c20). 28 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.978. 0253a26). Tham chiếu: Biệt Tạp.(r 02. 0100.212. Ò452C17). 29 Nguyên tác: Ý luận (),“y luận ke”()hoặc 6tý luận tâm niêm”().Đưa ra một bài kệ đe hỏi, qua đó nham đánh giá tư tưởng của người giai đáp.



ta có nên cầu xuất gia nữa chăng? Ta có nhiều tiền của, phải chăng nên về nhà hưởng thụ năm due?" Rồi ông lại suy nghĩ: "Hay 1 ta hãy đến chỗ Sa-môn Cù- đàm? Nhưng các bậc thày kỳ cựu, các Sa-môn9 các Bà-la-môn như ngài Phú- lan-na Ca-diếp... mà còn không thể giải đáp, huống chi Sa-môn Cù-đàm tuổi trẻ xuất gia thì làm sao có thể hiểu nổi? Tuy nhiên, ta nghe bậc tiên túc nói: 'Chớ khinh người trẻ tuổi xuất gia tân học, hoặc các Sa-môn trẻ tuổi xuất gia có oai đức lớn.5 Thôi thì nay ta thử đến chỗ Sa-môn Cíi-dam." Sau khi đến nơi, ông đem bài kệ này mà thỉnh vấn Thế Tôn, nội dung như kệ nói ở trên. Lúc ấy, Thế Tôn biết được tâm niệm của Thương Chủ, liền đáp kệ rằng: Thế nào là bạn xấu, Mà hiện tướng bạn lành? Trong lòng thật chán ghét, Mà miệng nói đồng lòng, Không vui làm việc chung, Biết đó là bạn xấu. Miệng nói lời thương yêu, Trong tâm không hẳn vậy, Việc làm chẳng chung cùng, Người trí cần nhận biết, Đó là người bạn xấu, Mà hiện tướng bạn lành, Cùng ta đồng một thể. Thế nào là bạn lành, Cùng ta đồng một thể? Là không như bạn xấu, Chẳng kềm chế, buông lung, Ôm nghi ngờ, bại hoại, Tìm sơ hở, duyên do. Đâu như người bạn lành, Như con trong lòng cha, Chẳng phải người xa lạ, Nên biết, đó bạn lành. Vì sao cầu đoạn dứt? Mong sanh chốn an vui, Mát mẻ, đáng ngợi khen, Tu tập quả phước lợi, Mãi tĩnh lặng, mát trong, Cho nên cầu đoạn dứt. Làm sao lìa thiêu đốt? Men vị thiền vang lăng, Biết đó vị xa lìa, Là lìa ngọn lửa dữ, Uống được vị pháp hỷ, Tịch diệt, lìa lửa dục, Đó là lìa thiêu đốt. Bấy giờ, tu sĩ ngoại đạo Thương Chủ nghĩ thầm: 66Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm niệm của minh", thế nên ông bạch Phật rằng:  Nay con có thể vào trong Giáo pháp và Giới luật của Sa-môn Cù-đàm tu hành Phạm hạnh, xuất gia, thọ giới Cụ túc, trở thành Tỳ-kheo chăng? Đức Phật bảo ngoại đạo Thương Chủ:  Nay ông được phép ở trong Giáo pháp và Giới luật tu hành Phạm hạnh, xuất gia, thọ giới Cụ túc, trở thành Tỳ-kheo. Sau khi ngoại đạo Thương Chủ đã xuất gia rồi, tư duy... (cho đến) tâm hoàn toàn giải thoát,30 đắc quả A-la-hán. *** 30 Nguyên tác: Thiện giải thoát (,suvimuttà). Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển l, tr. 19; Tạp.(r.02. 0099.22. 0004c2Ò).

979. NGOẠI ĐẠO TU-BẠT-ĐÀ-LA31 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật nghỉ giữa hai cây sa-la, trong rừng Kiên cố532 trú xứ của dòng họ Lực Sĩ,33 thuộc nước Câu-di-na-kiệt.34 Bấy giờ, Thế Tôn sắp nhập Niết-bàn. Ngài bảo Tôn giả A-nan:  Thầy hãy trải giường dây giữa hai cây sa-la, đầu hướng về phía Bắc. Vào giữa đêm nay, Như Lai sẽ nhập Vô dư Niết-bàn. Tôn giả A-nan vâng lời Phật dạy, sau khi trải giường dây giữa hai cây sa-la, đầu hướng về phía Bắc xong, lạy sát chân Phật rồi đứng qua một bên và thưa: -Bạch Thế Tôn! Con đã trải giường dây giữa hai cây sa-la, đầu hướng về phía Bác roi. Thế Tôn liền đến bên cây sala, nằm trên giường dây, đầu quay về hướng Bắc, nghiêng hông bên phải, hai chân xếp chồng lên nhau, buộc niệm vào ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác. Bấy giờ, trong nước Câu-di-na-kiệt có tu sĩ ngoại đạo tên là Tu-bạt-đà-la?35 tuổi đã một trăm hai mươi, các căn suy yếu, được người trong nước Câu-di-na- kiệt cung kính cúng dường như một bậc A-la-hán. Tu sĩ ngoại đạo Tu-bạt-đà-la nghe Thế Tôn giữa đêm nay sẽ nhập Vô dư Niết-bàn, liền nghĩ: "Ta có điều hoài nghi, hy vọng Sa-môn Cù-đàm còn đủ sức để khai ngộ cho ta. Nay ta nên đến chỗ Sa-môn Cù-đàm để thưa hỏi điều hoài nghi." Ngay khi ấy, Tu-bạt-đà-la liền ra khỏi thành Câu-di-na-kiệt5 đi đến chỗ Thế Tôn. Bấy giờ, Tôn giả A-nan đang kinh hành ngoài cổng vườn, Tu-bạt-đà-la đi đến thưa với Tôn giả: -Tôi nghe nói Sa-môn Cù-đàm vào giữa đêm nay sẽ nhập Vô dư Niết-bàn, tôi đang có điêu hoài nghi, hy vọng Sa-môn Cù-đàm còn đủ sức đê khai ngộ giúp tôi. Phiền Tôn giả A-nan hãy vì tôi mà vào thưa với Sa-môn Cù-đàm9 xin dành chút ít thời gian để giải đáp nghi vấn giúp tôi.

31 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Top.7.02. 0099.979.0253c24. Tham chiếu: Biệt lạp.T.02. 0100.213. 0453bl8; Biêt Tạp.T.02. oioo.no. 0413a27; Du hành kinh roi. 0001.2. 0011a07; D. 16, Mahāparinibbāna Suita Kỉnh Đại Bát-niết-bàn. 32 Nguyên tác: Kiên cố song thọ lâm ,còn gọi là Sa-la lâm Sālavana: Rừng cây sa-la. Cây sa-la là một loài thực vật thân gỗ, có tên khoa hoe là Vatica Robusta hoặc Shorea Robusta, la một loại cây thiêng trong văn hóa An Độ. Theo Đại Bắt-nỉết-bàn kinh nghĩa 2 1764.1 JD617b 19, loài cây này mùa đông, mùa hạ đều không thay đổi nên gọi là rừng Kiên C6  ,.luý nhiên, theo Nhất thiết kinh âm nghĩa ,5 2128.23. 0451al2, Sa-la, Trung Hoa dịch là cao rộng, vì ròng Sa-la tươi tốt um tùm, cây mọc thẳng đứng, vượt hơn cảnhững khu rừng khác. Đời xưa dịch kiên cố là sai, bởi vì âm Sa-la Sāla cùng với âm Bà-la ,Bala có thức giọng nhau  .Theo PED, bālā có nghĩa là sức mạnh, uy quyên, tương tự như nghĩa kiên cố. 33 Nguyên tác: Lực Si  ±, Mallā: Trú xứ của bộ tộc Mạt-la ,Mallā. Người Mallā giỏi đấu vật nên Han dịch là Lực Si  . 34 Câu-di-na-kiệt Kusinārā. 35 Tu-bạt-đà-la Subhadda.

QUYỂN 35  1069

Tôn giả A-nan đáp:  Chớ làm phiền Thế Tôn! Ngài đang rất mệt. Tu-bạt-đà-la ba lần nài nỉ A-nan, Tôn giả vẫn ba phen từ chối. Tu-bạt-đà-la lại nói: -Tôi nghe các bậc Đại sư kỳ cựu nói rằng, lâu thật lâu mới có đấng Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian, như hoa Ưu-đàm-bát vậy. Trong đêm nay, Như Lai sẽ nhập Niết-bàn, thế nhưng đối với pháp, tôi vẫn còn có chỗ hoài nghi, với lòng thành kính, tôi mong

rằng Sa-môn Cù-đàm đủ sức giúp tôi khai ngộ. Vậy phiền Tôn giả hãy giúp tôi mà thưa lại với Sa-môn Cù-đàm. Tôn giả A-nan lại đáp: Này Tu-bạt-đà-la! Chớ làm phiền Thế Tôn. Hôm nay, Ngài mệt lắm! Khi ấy, bằng thiên nhĩ, Thế Tôn nghe được những lời qua lại giữa A-nan và Tu-bạt-đà-la, liền bảo A-nan: Đừng ngăn tu sĩ ngoại đạo Tu-bạt-đà-la! Hãy cho ông ấy vào thưa hỏi những điều còn hoài nghi. Vì sao như thế? Vì đây là lần sau cùng Ta luận nghị với tu sĩ ngoại đạo. Đây là vị "Thiện lai Tỳ-kheo5\ vi đệ tử cuối cùng được chứng quả, đó chính là Tu-bạt-đà-la. Bấy giờ, Tu-bạt-đà-la được Thế Tôn khai mở căn lành, vui mừng vô hạn, liền đến chỗ Thế Tôn ân cần thăm hỏi, ngồi sang một bên rồi bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Trong cõi đời này có sáu vị Tôn sư như Phú-lan-na Ca- diếp... mỗi người tự lập tông như vầy: "Đây là Sa-môn! Đây là Sa-môn!95 Thế nào, thưa Cù-đàm? Có thật là trong mỗi giáo phái của các vị ấy đều có tôn chỉ như thế chăng? Bay giơ, The Ton liên noi kẹ: Từ năm hai chín tuổi, Xuất gia tu thiện đạo, Thành đạo đến ngày nay, Trải hơn năm mươi năm. Tam-muoi? minh hạnh đủ, Thường tu tập tịnh giới, Lìa đây, mất đạo quả, Ngoài dây, không Sa-môn. Rồi Phật bảo Tu-bạt-đà-la: Trong Giáo pháp và Giới luật, người không thành tựu Thánh đạo tám chi thì cũng không chứng đắc quả Sa-môn thứ nhất, cũng không chứng quả Sa-môn thứ hai, thứ ba, thứ tư.36 Này Tu-bạt-đà-la! ở trong Pháp và Luật này, ai thành tựu Thánh đạo tám chi thì người đó chứng đắc quả Sa-môn thứ nhất, chứng quả Sa-môn thứ hai, thứ ba, thứ tư. Ngoài đây ra, ở nơi ngoại đạo không có Sa-môn? tức là các bậc thầy của các đạo giáo kia cũng chỉ là những Sa-môn, Bà-la-môn

36 Tức 4 quả Tu-d-ho^n ,Tư-đà-hàm ,A-na-hàm và A-la-hán

.



trống rỗng! Bởi thế, hôm nay ở giữa đại chúng Ta mới rống lên như tiếng rống của loài sư tử vậy. Lúc đức Phật nói pháp này, tu sĩ ngoại đạo Tu-bạt-đà-la xa lìa trần cấu? được pháp nhãn tịnh. Khi ấy, Tu-bạt-đà-la thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, thể nhập giáo pháp, vượt khỏi nghi ngờ, không nương ai khác mà khởi lòng tin, không nương nơi khác mà được độ thoát, ở trong giáo pháp được vô sở úy. Khi ấy, Tu-bạt-đà-la từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh sửa y phục, gối phải quỳ sát đất, thưa với Tôn giả A-nan: Tôn giả đã được lợi ích tốt đẹp, Tôn giả có bậc Đại sư chân chánh, Tôn giả được làm đệ tử của bậc Đại sư ấy, được mưa pháp của Đại sư rưới lên đỉnh đầu. Ngày nay, nếu con được ở trong Giáo pháp và Giới luật xuất gia, thọ giới Cụ túc, được làm Tỳ-kheo, cũng sẽ được lợi ích tốt đẹp như vậy. Bấy giờ, Tôn giả A-nan bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Tu sĩ ngoại đạo Tu-bạt-đà-la nay xin ở trong Giáo pháp và Giới luật xuất gia, thọ giới Cụ túc, được làm Tỳ-kheo. Khi ấy, Thế Tôn bảo Tu-bạt-đà-la: Thiện lai Tỳ-kheo! Hãy đến đây tu hành Phạm hạnh.

Ngay lúc ây, Tôn giả Tu-bạt-đà-la liên được xuât gia, liên được thọ giới Cụ túc, liền trở thành Tỳ-kheo. Vị ấy tư duy như vầy... (cho đến) tâm hoàn toàn giải thoát,37 đắc quả A-la-hán. Khi Tôn giả Tu-bạt-đà-la đắc quả A-la-hán, biết rõ đã được an lạc, giải thoát rồi, liền suy nghĩ: "Ta không nỡ nhìn Phật nhập Niết-bàn, ta nay sẽ nhập diệt trước.^^ Nghĩ thế rồi, Tôn giả Tu-bạt-đà-la liền nhập diệt trước, sau đó Thế Tôn mới nhập

Niết-bàn. *** 980. NIỆM TAM BẢO38 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật du hành trong nhân gian ở nước Bạt-kỳ, rồi đến nước Tỳ-xá-ly và ngụ tại giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu. Bấy giờ, ở nước Tỳ-xá-ly này có nhiều khách buôn đang chuẩn bi hành lý, sắp đi đến nước Đát-sát-thi-la.39 Nghe tin Thế Tôn du hành nhân gian từ nước Bạt-kỳ đến nước Tỳ-xa-ly, đang ngụ tại giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu, các khách buôn này liền đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Khi ấy5 đức Phật vì họ mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ? khiến

31 Nguyên tác: Thiện giải thoát (suvimutta). Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển l, tr. 19; Tạp.(T.02. 0099.22. 0004c2Ò). 38 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. T.()(r.O2. 0099.980. 0254c02). Tham chiếu: A. 8.34 -IV. 237. 39 Đát-sát-thi-la (Takkasilā), một quốc gia giàu có và cường thịnh ở phía Bắc Ấn Độ trong thời đức Phật. J



cho hoan hỷ.40 Sau khi đã thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích le, khiến các khách buôn hoan hỷ rồi, đức Phật an trú tĩnh lặng. Khi ấy, các khách buôn từ chỗ ngồi đứng lên, chỉnh sửa y phục, cung kính đảnh lễ rồi chắp tay thưa rằng:  Bạch Thế Tôn! Chúng con là những khách buôn đang sửa soạn hành lý, sáp đi đến nước Đát-sát-thi-la. Cúi xin Thế Tôn cùng đại chúng sáng mai thọ nhận cúng dường của chúng con! The Ton im lặng nhận lời. Các khách buôn biết Thế Tôn đã nhận lơi cầu thỉnh, liền đứng dậy đảnh lễ Phật, rồi mỗi người trở về nhà, sửa soạn đầy đủ đồ ăn thức uống thơm ngon, tinh khiết, xếp đặt giường ghế, bày biện nước sạch. Sáng sớm hôm sau, họ sai người đến cung thỉnh: “Bạch Thế Tôn! Đã đến gi&!" Bấy giờ, Thế Tôn cùng đại chúng đắp y, ôm bát đến chỗ các khách buôn, rồi ngồi xuống ghế. Các khách buôn đem đồ ăn thức uống thơm ngon, thanh khiết tự tay dâng lên cúng dường. Sau khi đã ăn xong, rửa bát rồi, các khách buôn liền lấy ghế thấp ngồi xuống trước mặt đại chúng để nghe Phật thuyết pháp. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các khách buôn:  Các ông khi đi qua những nơi hoang vắng, nếu có những lo sợ đến nỗi kinh hãi rợn người, lúc ấy nên niệm Phật như vầy: Đức Như Lai là bậc ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Su, Phật, Thế Tôn. Niệm như thế rồi, mọi sự sợ hãi đều được tiêu trừ. Lại niệm Pháp như vầy: Giáo pháp Thế Tôn, thiết thực hiện tại, lìa mọi nóng bức, không đợi thời gian, dẫn đến Niết-bàn và được người trí tự mình giác hiểu.41 Lại niệm Tăng như vầy: Tăng là đệ tử của Thế Tôn, là bậc hướng về chân chánh, hướng theo chân lý... (cho đến) là ruộng phước thế gian. Niệm như thế rồi, mọi sự sợ hãi đều được tiêu trừ. Như ở thời quá khứ, mỗi khi trời và a-tu-la đánh nhau, vua trời Đế-thích bảo các chúng trời rằng: "Trong lúc các ông chiến đấu với a-tu-la, nếu sanh khởi sợ hãi, hãy nhớ nghĩ đến ngọn cờ của ta, gọi là ngọn cờ che phục. Khi nhớ nghĩ đen ngọn cờ này, mọi sự sợ hãi đều được tiêu trừ. Nếu không nhớ nghĩ đến ngọn cờ của ta, hãy nhớ nghĩ đến ngọn cờ của thiên tử Y-xá-na. Nêu không nhớ nghĩ đen ngọn cờ của thiên tử Y-xá-na thì nên nhớ nghĩ đến ngọn cờ của thiên tử Bà-lưu- na. Khi nhớ nghĩ đến những ngọn cờ ấy thì mọi [sự] sợ hãi liền được tiêu trừ."

40 Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ (,).Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tr. 105; Tạp.(02. 0099.92. 0023cl8). 41 Nguyên tác: Hiện pháp năng ly xí nhiên, bất đãi thời tiết, thông đạt thân cận, duyên tự giác tri ( „ j. Xem chu thích 59, kinh số 550, quyền 20, tr. 610; Tạp. (f.O2. 0099.550. 0143bl8).



Cũng vậy! Này các khách buôn! Các ông lúc đi qua nơi hoang vắng, nếu có nhiều điêu lo SỌT, hãy nên niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Bấy giờ, Thế Tôn vì các khách buôn ở Tỳ-xá-ly mà nói bài kệ tùy hỷ cúng dường như sau: Cúng dường Tỳ-kheo-tăng, Thức ăn, uống tùy thời, Chuyên niệm, chánh tư duy, Hành xả, theo chánh trí. Tịnh vật, ruộng phước tốt, Các ông đều đầy đủ, Nhờ công đức lợi này, Ngày đêm được an lạc. Khởi tâm mong cầu gì, Các lợi đều ứng ngay, Người, vật thảy an ổn9 Đường sá qua lại tốt. Đêm an, ngày cũng an, Xa lìa mọi điều ác, Như ruộng đất màu mỡ, Hạt giống tốt tinh thuần. Thường chăm sóc vun tưới, Thu hoạch không thể lường, Tịnh giới là ruộng phước, Hạt giống thật ngọt ngon. Cùng tùy thuận chánh hạnh, Trọn thành tựu diệu quả, The nen người bo thí, Muốn cầu đủ công đức. Hãy hành theo trí tuệ, Tự nhiên đủ các quả, Với bậc Minh Hạnh Túc, Chánh tâm, rất cung kính. Vun trồng các gốc lành, Trọn được phước lợi lớn, Biết như thật thế gian, Chánh kiến được đầy đủ. Chánh đạo thay vẹn toàn, Hoàn toàn được thăng tiến, Xa lìa mọi trân câu, Chóng đắc đạo Niết-bàn, Vượt thoát mọi khổ đau, Gọi là đủ công đức. Sau khi Thế Tôn vì các khách buôn ở Tỳ-xá-ly mà thuyết Rháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho họ hoan hỷ rồi, Ngài rời khỏi chỗ ngồi rồi ra đi. *** 981. NGỌN CỜ CỦA ĐẾ-THÍCH42 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giờ, Thê Ton bao các Tỳ-kheo: Khi Tỳ-kheo ở nơi vắng vẻ, bên cội cây, trong nhà trống, có lúc bỗng sợ hãi đến sởn lông tóc thì hãy niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng... (nói đầy đủ như trên). Khi niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng thì mọi sự sợ hãi liền được tiêu trừ. Này các Tỳ-kheo! Thời quá khứ, khi đánh nhau với a-tu-la, Thích-đề-hoàn- nhân nói với các vị trời cõi Ba Mươi Ba rằng: "Này các Nhân giả! Trong khi

42 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.981. 0255a25). Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.24.1. Ó615a09); 5. 11.2 - L 217



đánh nhau với a-tu-la? nếu sanh khởi sợ hãi đến sởn cả lông tóc, các vi nên nhớ nghĩ đen n^ọn cờ che phục quân địch của ta. Khi nhớ nghĩ đến ngọn cờ này, mọi sự sợ hãi đêu được tiêu trừ." Cũng vậy, Tỳ-kheo ở nơi vắng vẻ, bên cội cây, trong nhà trống, đôi khi bỗng sợ hãi đên sởn lông tóc, hãy niệm Phật như vầy: Đức Như Lai là bậc ứng Cúng, Đăng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Ton. Đang lúc niệm Phật như vậy, mọi sự sợ hãi liền được tiêu trừ. Vì sao như thế? Vì vua trời Đế-thích kia vẫn còn tham, sân, si; vẫn chưa thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não; vẫn còn bị khủng hoảng, sợ hãi, bỏ chạy, tránh nạn, thế mà vẫn bảo các vị trời cõi Ba Mươi Ba nên nhớ nghĩ đến ngọn cờ chế phục quân địch của ông ấy. Huống gì đấng Như Lai là bậc ứng Cúng, Đẳng

Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn đã xa lìa tham, sân, si; đã thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não; không bị khủng hoảng, sợ hãi hay trốn chạy, thế mà lại không the khiến người nghĩ tưởng đen Như Lai có the tiêu trừ hết mọi sự sợ hãi ư? Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

982. PHẬT DẠY XÁ-LỢI-PHẤT43 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ trong rừng An-xà-na,44 tại nước Sa-chỉ.45 Bấy giờ, Thế Tôn bảo Xá-lợi-phất: Ta có thể tóm lược hoặc giảng rộng giáo pháp, nhưng e ngại chúng sanh khó hiểu được pháp ấy. Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật: Cúi xin Thế Tôn hãy tóm lược giáo pháp, giảng rộng giáo pháp, như pháp mà thuyết, tất sẽ có người hiểu rõ pháp ấy! Khi ấy, đức Phật bảo Xá-lợi-phất: Nếu chúng sanh nào đối với thân có thức này cùng với tất cả tướng bên ngoài mà không bị trói buộc bởi nhận thức sai lầm là ta, của ta và phiền não ngã mạn46 thì ngay trong hiện đời tự mình chứng ngộ, an trú trọn vẹn với tâm giải thoát và tuệ giải thoát. Do không bi trói buộc bởi nhận thức sai lầm là ta, của ta

43 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.982. 0255Ồ15). Tham chiếu: A. 3.33 - L 133. 44 An-xà-na (Añcanavana): Khu rừng nai ở thị trấn Sãketa, thuộc nước Kosala. 45 Sa-chỉ quốc (Sāketa). 46 Tham chiếu: s. 18.21 - II. 252: Katham nu kho bhantejānato katham passato imasmiñ ca saviñīanake kāye bahiddhā ca sabbanimittesu ahañkāramamarnkārqmānāmisayā na honti (Bạch Thê Tôn, biêt như the nào, thấy như thế nào đối với thân có thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài, không có [tư tưởng] ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên?), HT. Thích Minh Châu dịch.



và phiền não ngã mạn đối với thân có thức này cùng với tất cả tướng bên ngoài cho nên ngay hiện đời Ta đã tự mình chứng ngộ, an tru trọn vẹn với tâm giải thoát và tuệ giải thoát. Này Xá-lợi-phất! Tỳ-kheo kia đối với thân có thức này cùng với tất cả tướng bên ngoài mà không bị trói buộc bởi nhận thức sai lầm là ta, của ta và phiền não ngã mạn thì ngay hiện đời tự mình chứng ngộ, an trú trọn vẹn với tâm giải thoát và tuệ giải thoát. Do không bị trói buộc bởi nhận thức sai lâm là ta, của ta và phiền não ngã mạn đối với thân có thức này cùng với tất cả tướng bên ngoài cho nên vị ấy ngay hiện đời tự mình chứng ngộ, an trú trọn vẹn với tâm giải thoát và tuệ giải thoát. Này Xá-lợi-phất! Nếu lại có Tỳ-kheo nào đối với thân có thức này cùng với tất cả tướng bên ngoài mà không bị trói buộc bởi nhận thức sai lâm là ta, của ta và phiền não ngã mạn, Tỳ-kheo ấy ngay trong hiện đời tự mình chứng ngộ, an trú trọn vẹn với tâm giải thoát và tuệ giải thoát. Này Xá-lợi-phất! Nấu lại có Tỳ-kheo đối với thân có thức này cùng với tất cả tướng bên ngoài mà không bị trói buộc bởi nhận thức sai lầm là ta, của ta và phiền não ngã mạn thì ngay trong hiện đời tự mình chứng ngộ, an trú trọn vẹn với tâm giải thoát và tuệ giải thoát. Do không bị trói buộc bởi nhận thức sai lầm là ta, của ta và phiền não ngã mạn đối với thân có thức này cùng với tất cả tướng bên ngoài cho nên vị ấy ngay hiện đời tự mình chứng ngộ, an tru trọn vẹn với tâm giải thoát và tuệ giải thoát. Xá-lợi-phất! Đó gọi là Tỳ-kheo đoạn trừ ái dục, dứt các kiết sử5 tỏ ngộ về mạn,47 vượt

thoát khổ đau. Xá-lợi-phất! về vấn đề này, Ta nói thêm như khi giải đáp câu hỏi của Ba-la-diên Phú-lân-ni-ca:48 Thế gian nhiều sai biệt, Mà an nhiên, bất động, Tịch tịnh, lìa các trân, Nhô sạch góc vô minh, Vượt qua biển sanh tử,49 Chẳng còn lo già, chết. Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả Xá-lợi-phất nghe lời Phật dạy liền hoan hỷ và tùy hỷ rồi đứng dậy đảnh lễ và lui ra. **** ^Nguyentac: Đoạn ái dục, chuyển khứ chư kiết, chánhyô giàn đẳng, cứu cánh khổ biên ,JE.Chánh vô gián đăng
là cách viết chưa đúng của "chi mạn vô gián đăng?,scmvnd
mānābhisamayā. ơ đây, chỉ 1E có nghĩa là khiên cho ngưng nghỉ
"ạn"chính là kiêu mạn, ngã mạn; “v6 gián"nghía là không bị trở ngại
IWM và "dả?có lẽ được dịch của sammā, nghĩa là toàn diện, hoàn toàn. Do
vậy, uchi mạn vô gián dng'sammā mānābhisamaya Ương thành cú này
được dịch là diệt sạch ngã mạn. Tham chiêu toàn bộ thành cú này ở M. 2, Sabbāsava Sutta Kinh tất cả các lậu hoặc: Acchecchi tanham, vỉvattayi samyojanarn, sammā mānābhisamayā antamakāsi dukkhassa đã đoạn diệt khát ái, đã thoát ly kiết sử, đã chanh tri idêu mạn, đã diệt tận kho đau, HT. Thích Minh Châu dịch. . “ 48 Xem thêm Tạp.02. 0099.345. 0095bl0. 49 Nguyên tác: Tam hữu hải

QUYỂN 35  1075

983. TÔN GIẢA-NAN50 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Ky.dà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ, Tôn giả A-nan cũng ở tại vườn Cáp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Tôn giả ở một mình nơi chỗ vắng, tư duy như vầy: "Nếu có người suy nghĩ như vầy: 'Ta đối với thân có thức này cùng với tất cả tướng bên ngoài mà không bị trói buộc bởi nhận thức sai lầm là ta, của ta và phiền não ngã mạn thì ngay hiện đời tự mình chứng ngộ, an trú trọn vẹn với tâm giải thoát và tuệ giải thoát. Do không bị trói buộc bởi nhận thức sai lầm là ta, của ta và phiền não ngã mạn đối với thân có thức này cùng với tất cả tướng bên ngoài cho nên ngay hiện đời ta sẽ tự mình chứng ngộ, an trú trọn vẹn với tâm giải thoát và tuệ giải thoát ấy.”' Chiều hom ấy, sau khi xả thiền, Tôn giảA-nan đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa:  Bạch Thế Tôn! Con một mình ở chỗ vắng, tư duy như vầy: "Nếu có người suy nghĩ như vây: 'Ta đôi với thân có thức này và tát cả tướng trạng cảnh giới bên ngoài... (cho đến) tự thân chứng ngộ, an tru trọn vẹn với tâm giải thoát và tuệ giải thoát.'" Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:  Đúng the! Đúng the! Nếu có người suy nghĩ như vầy: "Ta đối với thân có thức này cùng với tất cả tướng bên ngoài mà không bị trói buộc bởi nhận thức sai lầm là ta, của ta và phiền não ngã mạn thì ngay hiện đời tự mình chứng ngộ, an trú trọn vẹn với tâm giải thoát và tuệ giải thoát." Này A-nan! Vi Tỳ-kheo ấy đối với thân có thức này cùng với tất cả tướng bên ngoài mà không bị trói buộc bởi nhận thức sai lầm là ta, của ta và phiền não ngã mạn thì ngay hiện đời tự thân chứng ngộ, an trú trọn vẹn với tâm giải thoát và tuệ giải thoát. Do không bị trói buộc bởi nhận thức sai lầm là ta, của ta và phiền não ngã mạn đối với thân có thức này cung với tất cả tướng bên ngoài cho nên ngay hiện đời vị ấy tự mình chứng ngộ, an tru trọn vẹn với tâm giải thoát và tuệ giải thoát. Này A-nan! Nếu lại có Tỳ-kheo đối với thân có thức này và tất cả tướng trạng cảnh giới bên ngoài... (cho đến) tự thân chứng ngộ, an trú trọn vẹn với tâm giải thoát và tuệ giải thoát. Đó gọi là Ty-kheo đoạn trừ ái dục, dứt các kiết sử, tỏ ngộ vê

mạn, vượt thoát khô đau.

50 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7L02.0099.983. 0255cl6). Tham chiếu: Biệt Tạp.(r02. 010Í.8. 0495al9); j.3.33-L 133



Này A-nan! về vấn đề này, Ta nói thêm như khi giải đáp câu hỏi của Ba-ladiên Uu-đà-gia:51 Đoạn dứt tưởng ái dục, ƯU, khổ đều xa lìa, Tỉnh giác khỏi ngủ nghỉ, Diệt trừ sự trạo hối. Bỏ tham, sân, thanh tinh, Quán sát pháp hiện tiền, Ta nói trí giải thoát, Diệt trừ màn vô minh. Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe lời Phật dạy liền hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ Phật rồi lui ra. *** 984. ÁI (l)52 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà5 thuộc nước Xá-vệ. rẠ _ _ r — _ rr'l Ạ rT^ A _ _ _ L _ ___ 1 ÍT' 1 1_ _ _ Bây giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Nay Ta sẽ nói ái53 là tấm lưới, là keo dính, là dòng suối, là rễ sen. Những thứ này có thể khiến chúng sanh bị ngăn ngại, che lấp, dính chặt, giữ chặt, che phủ, đóng kín, lấp kín, tối tăm, rối loạn như ruột chó, như cỏ rối, như tơ vò từ đời này sang đời khác, từ đời khác đen đời này, lưu chuyển qua lại, không lúc nào ngừng. Này các Ty-kheo! Tại sao ái là tâm lưới, là keo dính... (cho đên) lưu chuyên qua lại, không lúc nào ngừng? Do vì có ngã nên mới có "tôi tồn tại", "tôi muốn như thế", "tôi đúng như thế", "tôi luôn hiện hữu", "tôi bị biến hoại", "tôi không như thế", "tôi sẽ tồn tại”"tôi sẽ không tồn tại", "t6i muốn phải như thế", "đúng ra tôi phải như thế", "đúng ra tôi không phải như "tôi mong sẽ như thế", "tôi mong sẽ đúng là như th§”, "tôi mong sẽ không đúng như thế", "tôi sẽ trở thành”, "tôi sẽ trở thành như thế", "tôi sẽ là cái này hoặc sẽ là cái khSc", "tôi sẽ không là cái này hoặc là cái khac?9 Đây là mười tám ái hành khởi lên từ bên trong.54

51 Xem thêm Tạp.(r.02. 0099.345. 0095b 10); Tạp.(T.02. 0099.982. 0255bl5); A. 3.32 -L 132. 52 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.984. 0256al7). Tham chiếu: A. 4.199 - II. 211. 53 Ái ,piyā). 54 Thập bát ái hành: Hữu ngã, dục ngã, nhĩ ngã, hữu ngã, vô ngã, dị ngã, đương ngã, bất đương ngã, dục ngã, đương nhĩ thời, đương dị dị ngã, hoặc dục ngã, hoặc nhĩ ngã, hoặc dị, hoặc nhiên, hoặc dục nhiên, hoặc nhĩ nhiên, hoặc w®, SẦỈỊề,,,,•: ,,ấ,,,;ẾM). Āam
chiêu: A. 4.199 - II. 211: "‘Ta comāf, thời có những ý nghĩ:4 la có mặt trongdời nàyJ; 4Ta có mặt như vāyJ; ẾTa có mặt khác như vay' 4Tạ không phải thường hang5; 4Ta là thường hằng5; 'Ta phải có mặt hay không?9; 'Ta phải có mặt trong đời này?9; 'Ta phải có mặt như vậy';Ta phải có mặt khác như vāy9; 'Mong rằng ta có mặf; 'Mong răng ta có mặt trong đòd này';4Mong răng ta có mặt như vāy9; 'Mong rằng ta có mặt khác như vāy?;4la sẽ có mặf; 'Ta sẽ có mặt trong đời này9;Ta sẽ có mặt như vay'; 'Ta sẽ có mặt khác như vay'. Có mưòd tám ái hành này liên hệ với nội tâm,, (HT. Thích Minh Châu dịch).



Ty-kheo! Do nói "c6 ng"nên với những thứ đang có mà nói "t6i muốn là như th”, "tôi đung là như (cho đến) mười tám ái hành từ bên ngoài khởi lên. Như vậy, tổng cộng có mười tám ái hành. Như vậy là có ba mươi sáu ái hành, hoặc khởi lên từ quá khứ, hoặc

khởi lên ở tương lai, hoặc khởi lên ở hiện tại. Như thế, tổng cộng gồm một trăm lẻ tám ái hành. Đó chính là ái, là tấm lưới, là keo dính, là dòng suối, là rễ sen. Những thứ này có thê khiên chúng sanh bị ngăn ngại, che lấp, dính chặt, giữ chặt, che phủ, đóng kín, lấp kín, tối tăm, rối loạn như ruột chó, như cỏ rối, như tơ vò, từ đời này sang đời khác, từ đời khác đến đời này, lưu chuyển qua lại, không lúc nào ngừng. Đức Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 985. ÁI (2)55 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. , Bay giơ, The Tôn bảo các Ty-kheo:  Có khi từ ái sanh ái, hoặc từ ái sanh giận, hoặc từ giận sanh ái, hoặc từ giận sanh giận. Thê nào là từ ái sanh ái? Có người phát sanh tình cảm ưa thích, thương mên, nhớ nghĩ, hài lòng với một người và người này56 cũng được người khác phát sanh tình cảm ưa thích, thương mến, nhớ nghĩ, hài lòn^. Do liên hệ này,57 người đầu tiên suy nghĩ: "Ta có tình cảm ưa thích, thương mên, nhớ nghĩ, hài lòng với người này. Người khác cũng có tình cảm ưa thích, thương mến, nhớ nghi, hài lòng với người này. Vì vậy, ta đối với người khác ấy lại sanh yêu mến." Đây gọi là từ ái sanh ái.58 Thế nào là từ ái sanh giận? Có người phát sanh tình cảm ưa thích, thương mến, nhớ nghĩ, hài lòng với một người và người này lại không được người khác ưa thích, thương mến, nhớ nghi, hài lòng. Do liên hệ này, người đầu tiên suy nghĩ: “Ta có tình cảm ưa thích, thương mến, nhớ nghĩ, hài lòng với người này, nhưng người khác lại không ưa thích, thương mến, nhớ nghi, hài lòng với người này. Vì vậy, ta khởi lên giận hờn với người khác ấy." Đây gọi là từ ái sanh giận.

55 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.985. 0256Ồ08). Tham chiếu: A. 4.200 - II. 213. 56 Nguyên tác: Bỉ ().Đe văn phong ừôi chảy nên đã thay thế về ngôi, thứ cho vài đại từ nhân xưng ở bản kinh này. 57 Nguyên tác: Tùy hành (). 58 Biểu đạt tóm tắt cho quan hệ trên là: Người thứ nhất thương người thứ hai. Người thứ hai được người thứ ba thương. Sau đó, người thứ nhất lại thương luôn cả người thứ ba này. Các trường hợp thương-giận về sau cũng tương tự như vậy. Tâm lý học hiện đại gọi trương hợp này là "quy luật lay lan.59



Thế nào là từ giận sanh ái? Có người không có tình cảm ưa thích, thương mến, nhớ nghĩ, hài lòng với một người và người này lại bị người khác không ưa thích, thương mến, nhớ nghĩ, hài lòng. Do liên hệ này, người đầu tiên sẽ sanh tình cảm ưa thích với người khác ấy.59 Đây gọi là từ giận sanh ái vậy. Thế nào là từ giận sanh giận? Có người không có tình cảm ưa thích, thương mến, nhớ nghĩ, hài lòng với một người và người này lại được người khác ưa thích, thương mên, nhớ nghĩ, hài lòng. Do liên hệ này, người đâu tiên suy nghĩ: “Ta không ưa thích, thương mến, nhớ nghĩ, hài lòng người này, nhưng mà người này lại được người khác ưa thích, thương mến, nhớ nghĩ, hài lòng. Vì lẽ đó nên đối với người khác ấy ta khởi lên giận hờn.,, Đây gọi là từ giận sanh giận vậy. Nêu Tỳ-kheo ly dục, ly bát thiện pháp, có giác có quán... (cho đền) an trú trọn vẹn Thiền thứ nhất, Thiền thứ hai, Thiền thứ ba, Thiền thứ tư thì khi ấy, từ ái sanh ái, từ giận sanh giận, từ giận sanh ái, từ ái sanh giận, tất cả đều đã đoạn, đã biết, đoạn tuyệt gốc rễ của chúng như chặt đứt ngọn cây đa-la9 không thể mọc lại, ở đời tương lai

trở thành pháp bất sanh. Nếu Tỳ-kheo sạch hết các hữu lậu, được vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, hiện đời tự biết, tự chứng: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh" thi chính ngay lúc ấy không bị lôi cuốn, không kháng cự, không tung bụi, không đốt cháy, không hiềm người.60 Thế nào là bi lôi cuốn? Thấy sắc là ngã, sắc khác ngã, sắc trong ngã, ngã trong sắc; thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đó gọi là bi lôi cuốn. Thế nào là không bị lôi cuốn? Không thấy sắc là ngã, sắc khác ngã, sắc trong ngã, ngã trong sắc; thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đó gọi là không bị lôi cuốn. Thế nào là kháng cự? Đối với người mắng chửi thì mắng chửi lại, đối với người sân hận thì sân hận lại, đối với người đánh đuổi thì đánh đuổi lại, đối với người xúc phạm thì xúc phạm lại. Đó gọi là kháng cự. Thế nào là không kháng cự? Đối với người mắng chửi thì không mắng chửi lại, đối với người sân hận thì không sân hận lại, đối với người đánh đuổi thì không đánh đuổi lại, đối với người xúc phạm thì không xúc phạm lại. Đó gọi là không kháng cự. Thế nào là tung bụi? Có ngã, ngã dục cho đến mười tám loại ái hành. Đây gọi là tung bụi.

59 Tức là sanh tình cảm đối với những ai không ưa người mà mình không ưa (thương kẻ thù của kẻ thù). tự cử, bất hoàn cử, bất khởi trần, bất xí nhiên, bất hiềm bỉ (, ).Tham chiêu: A. 4.200 - II. 213: Neva usseneti napatisseneti na
dhūpāyati napajjalati na sampajjhāyati (Không bị lôi cuốn, không bị kháng cự, không bị xông khói, không bốc cháy, không khô can). "



r ,

Thê nào là không tung bụi? Không có ngã, không có ngã dục cho đên mười tám loại ái hành không khởi. Đây gọi là không tung bụi. Thế nào là đốt cháy? Có ngã sở, ngã sở dục cho đến mười tám loại ái hành bên ngoài. Đây gọi là đốt cháy. Thế nào là không đốt cháy? Không có ngã sở, không có ngã sở dục cho đến không có mười tám loại ái hành bên ngoài. Đây gọi là không đốt cháy. Thế nào gọi là hiềm người? Thấy ngã là chân thật, đối với ngã dục, ngã mạn, ngã sử không đoạn, không biết. Đây gọi là hiềm người. Thế nào là không hiềm người? Không thấy ngã là chan thật, đối với ngã dục, ngã mạn, ngã sử đã đoạn, đã biết. Đây gọi là không hiềm người. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 986. HAI ĐIỀU KHÓ TỪ Bỏ61 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xa-ve* Bây giờ, Thê Ton bảo các Tỳ-kheo:  Có hai điều từ bỏ rất khó để duy trì. Những gì là hai? Đối với đời sống của người thế tục hay đời sống phi nhân mà duy trì sự từ bỏ những nhu cầu đời sông như cơm ăn? áo mặc, giường năm là việc khó làm. Lại nữa, Tỳ-kheo rời nhà xuất gia, phải từ bỏ tham ái, nhưng để duy trì được những từ bỏ ấy cũng là việc khó làm. Bây giơ, The Ton liên noi kê: Thế gian có hai việc, Khó thực hành từ bỏ? Đó là lời chân thật, Đẳng Chánh Giác đã biết. Tại gia, tiền thu chi, Cơm áo, mọi vật dụng, The gian ưa tham ái, Từ bỏ? việc khó lam. Tỳ-kheo đã lìa tục, Với chánh tín xuất gia, Diệt trừ tâm tham ái, Đoạn dứt hãy còn xa. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

61 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.986. 0256c27).



987. BIẾT ĐỦ VÀ TỪ Bỏ62 Tôi nghe như vày: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giờ, The Ton bao các Ty-kheo: Ta phân nhiêu sông nương tựa nơi hai pháp. Là hai pháp nào? Đôi với các pháp thiện, Ta chưa từng biết đủ và đối với việc đoạn trừ pháp ác thì Ta chưa từng từ bỏ. Vì đối với pháp thiện không biết đủ và đối với việc đoạn trừ pháp ác chưa từng từ bỏ? thế nên dù cho da thịt teo tóp, gân noi xương khô, Ta vẫn không từ bỏ, cố gắng siêng năng, không bỏ pháp thiện, điều nào không đạt hoặc chưa đạt thì không hề dừng nghí, chưa từng đối với tâm thức thấp kém mà sanh khởi vui mừng, thường thích tăng tiến, vượt lên đạo cả. Nhờ an trụ tinh tấn như vậy cho nên nhanh chóng chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.63 Này các Tỳ-kheo! Hãy sống nương tựa nhiều nơi hai pháp. Đối với các pháp thiện không nên sanh ý tưởng thỏa mãn và thường nương theo sự đoạn trừ pháp ác, đừng bao giờ từ bỏ, dù cho da thịt teo tóp, gân nổi xương khô, nhưng vẫn cứ siêng năng nỗ lực, nhẫn nại tu tập pháp thiện không ngừng. Thế nên, Tỳ-kheo! Đối với các điều thấp kém thì chớ64 sanh ý tưởng hoan hỷ, nên trụ nhiều vào sự tu tập, ngày càng tăng tiến. Tu tập như vậy, chẳng bao lâu sẽ nhanh chóng dứt sạch các lậu, thành tựu vô lậu, được tâm giải thoát, được tuệ giải thoát, hiện đời tư biết, tự chứng: “Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biêt không còn tái sanh." Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

988. ĐẾ-THÍCH (l)65 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-dà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân66 với hình sắc tuyệt diệu, cuối đêm đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi đứng sang một bên. Với oai lực của thân trời, ánh sáng từ vị ấy chiếu sáng khắp cả Vườn Trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân thưa:

62 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp. 0.02. 0099.987. 0257all). 63 Nguyên tác: A-nậu-đa-laTam-miệu-tam-bồ-đề (.Anuttararn sammāsambodhiin). 64 Nguyen tác thiếu phủ định từ. Ngài Ẩn Thuận bổ sung chữ "vát"()trong Tạp A-hàrn kinh luân hội biên (y.32. 0030.7. 0695a01). Bản dịch dựa theo quan điểm cúa ngài Ấn Thuận. 65 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.988. 0257a28). Tham chiêu: Tạp. a (T.02. 0099.506. 0134a07); Tăng. īf (T.02. 0125.36.5. 0703b13); s. 40.10-IV. 269. 66 Thích-đề-hoàn-nhân (Sakkā devānam Inda).



Bạch Thế Tôn! Ngài từng ở trong hang đá núi Cách Giới có nói rằng: "Nêu có Sa-môn, Bà-la-môn nào vô thượng ái tận, được giải thoát, tâm hoàn toàn giải thoát67 thì vị ấy đạt đến tột cùng, vượt thoát tột cùng, ly nhiễm tột cùng, Phạm hạnh tột cíing." Thế nào là Tỳ-kheo đạt đến tột cùng, vượt thoát tột cùng, ly nhiễm tột cùng, Phạm hạnh tột cùng? Đức Phật bảo Đế-thích: Tỳ-kheo khi cảm nhận về các thọ, hoặc khổ, hoặc lạc, hoặc không khổ không lạc thì biết đúng như thật về sự tập khởi của thọ, sự diệt tận của

thọ, vi ngọt của thọ, sự tai hại của thọ và sự xuất ly thọ. Biết đúng như thật rồi thì đối với thọ kia quán vô thường, quán sanh diệt, quán lìa dục, quán diệt tận, quán xả. Đã quán sát như thế rồi thì đạt đến tột cùng, vượt thoát tột cùng, ly nhiễm tột cùng, Phạm hạnh tột cùng. Này Câu-thi-ca! Đây gọi là Tỳ-kheo ở trong Giáo pháp và Giới luật đạt đến tột cùng, vượt thoát tột cùng, ly nhiễm tột cùng, Phạm hạnh tột cùng. Đế-thích nghe Phật dạy xong liền hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi lui ra. *** 989. ĐÉ-THÍCH (2)68 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Khi ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đang ở trong núi Kỳ-xà quật, cuối đêm thức dậy kinh hành, trông thấy ánh sáng chiếu khắp Vườn Trúc Ca-lan-đà. Thấy rồi Tôn giả liền nghĩ rằng: "Đêm nay ắt có quỷ thần đại lực nào đó đến chỗ Thế Tôn nên mới có ánh sáng này." Sáng sớm hôm đó, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: Bạch Thế Tôn! Đêm qua lúc trời gần rạng sáng, con ra khỏi phòng đi kinh hành, trông thấy ánh sáng thù thắng chiếu khắp Vườn Trúc Ca-lan-đà. Thấy rồi con nghĩ: “Chắc có quỷ thần đại lực nào đó đến chỗ Thế Tôn nên mới có ánh sáng này?5 Đức Phật bảo Đại Mục-kiền-liên: Cuối đêm qua, Thích-đề-hoàn-nhân có đến chỗ Ta, cúi đầu đảnh lễ rồi đứng sang một bên... (Nói đầy đủ như kinh trên, cho đến) liền hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi lui ra. *** 67 Nguyên tác: Thiện giải thoát (suvimuttă). Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển l, tr. 19; Tạp.(T.02. 0099.22. 0004c2Ò). 68 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.989. 0257b15). Tham chiếu: Tạp.(02. 0099.506. 0Ì34a07); Tăng.(r.02. 0125.36.5. 0703Ồ13); s, 40.10 IV. 269.



990. ƯU-BÀ-DI LỘC TRỤ (l)69 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ, vào sáng sớm, Tôn giảA-nan đáp y, ôm bát vào thành Xá-vệ tuân tự khất thực, lần hồi đến nhà iru-bà-di Lộc Trụ,70 Từ xa ừông thây Tôn giả A-nan, ưu-bà-di Lộc Trụ vội vàng sửa soạn chỗ ngồi rồi mời Tôn giả A-nan an tọa. Sau đó5 ưu-bà-di Lộc Trụ lạy sát chân Tôn giả rồi đứng sang một bên và thưa với A-nan rằng: Cha của con là Phú-lan-na71 trước kia tu Phạm hạnh, lìa dục, thanh tịnh, không đắm trước hương hoa, xa lìa những thứ thô tục. Còn chú của con là Lê- sư-đạt-đa72 không tu Phạm hạnh, nhimg ông sống biết đủ. Cả hai đều đã qua đời và được Thế Tôn xác quyết rằng cả hai người cùng sanh một nơi, thọ sanh như nhau, đời sau cting đắc quả Tư-đà-hàm5 được sanh về cõi trời Bâusuất, chỉ còn một lần trở lại thê gian rồi sẽ vượt thoát khổ đau. Vậy thì làm sao nói Thế Tôn biết pháp? Thưa Tôn giả A-nan! Tại sao người tu Phạm hạnh và người không tu Phạm hạnh lại cùng sanh một nơi, thọ sanh như nhau và đời sau cũng giống nhau được? Tôn giả A-nan đáp: Này cô, hãy thôi đi! Cô không thể biết được căn tánh sai biệt của chúng sanh trong thế gian, nhưng Như Lai biết rõ căn tánh hơn kém của chúng sanh trong thế gian. Nói xong, Tôn giả A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy rồi ra đi. Sau đó, Tôn giả A-nan trở về tinh xá, cất y bát, rửa sạch chân, đến chỗ Phật lạy sát chân Ngài rồi ngồi một bên và đem những lời của iru-bà-di Lộc Trụ trình len The Ton. Phật bảo A-nan: Ưu-bà-di Lộc Trụ làm sao có thể biết được căn tánh hơn kém của chúng sanh trong thế gian. A-nan! Như Lai đã biết rõ căn tánh hơn kém của chúng sanh trong thê gian. Này A-nan! Hoặc có người phạm giới,

người ấy đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát không biết như thật và lỗi từng phạm giới của người áy đã diệt sạch hoàn toàn, mất hẳn không còn gi, dục hết sạch hoàn toàn. Hoặc có người phạm giới, người kia đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát biêt như thật và lôi phạm giới của người kia cũng đã diệt sạch hoàn toàn, mất hẳn không còn gì, dục hết sạch hoàn toàn.

69 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.990. 0257Ồ26). Tham chiếu: Tạp.(7.02.
0099.991. 0258a27); Í4.6.44 - III. 347; A. 10.75 - v. 137.

70 Lộc Trụ (‚Migasālā).

71 Phú-lan-na (Purāna).

72 Lê-sư-đạt-đa (‚Isidatta).



Đôi với hai người đó, có người nhận định như vây: "Nguồi này có điêu như vậy, người kia cũng có điều như vậy, thế thì họ phải cùng sanh một chỗ, thọ sanh như nhau và đời sau cũng giống nhau." Người nào nhận đinh như thế sẽ mãi khổ sở và không được lợi ích. Này A-nan! Nêu người phạm giới mà đôi với tâm giải thoát, tuệ giải thoát không biết như thật và lỗi từng phạm giới ấy đã diệt sạch hoàn toàn, mất hẳn không còn gì, dục hết sạch hoàn toàn, nên biết người này thoái chuyển, chẳng phải thăng tiến. Ta nói người này thuộc hạng thoái chuyển. A-nan! Nêu người phạm giới mà đôi với tâm giải thoát, tuệ giải thoát biêt như thật và lỗi từng phạm giới ấy đã diệt sạch hoàn toàn, mất hẳn không còn gi, dục hết sạch hoàn toàn, nên biết người này thăng tiến, không thoái chuyển, Ta nói người này thuộc hạng thăng tiến. Nêu chăng phải Như Lai thì ai có thê biêt rõ khoảng cách giữa hai người ấy? Vì thế, này A-nan! Chớ nên đánh giá người này người kia mà chuốc lấy phiền, chớ nên đánh giá người này người kia mà rước lấy bệnh, chớ nên đánh giá người này người kia mà tự chiêu lấy tai họa. Chỉ có Như Lai mới có khả năng biết rõ con người mà thôi. Như với hai người phạm giới, với hai người trì giới cũng như vậy. Người ấy đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát không biết như thật và sự từng trì giới ấy đã diệt không còn sót... Hoặc với người trạo cử, người ấy đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát không biêt như thật và sự trạo cử từng khởi ây đã diệt không còn sót... Hoặc vơi người san nạn, người áy đoi vơi tam giai thoát, tuệ giai thoát không biết như thật và sự sân hận từng khởi ấy đã diệt không còn sót... Hoặc với người rất tham, người ấy đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát biết như thật và sự rất tham từng khởi ấy đã diệt hết không còn sót... Ô nhiễm, thanh tịnh... (cũng nói như trên, cho đến)... Chỉ có Như Lai mới có khả năng biết rõ con người mà thôi. Này A-nan! Ưu-bà-di Lộc Trụ mê mờ kém trí. Như Lai thuyết pháp nhất hướng mà tâm cô ta còn sanh hoài nghi. Thế nào, A-nan? Như Lai có thuyết pháp hai hướng không? Tôn giả A-nan thưa: -Bạch Thế Tôn! Không có. Đức Phật bảo Tôn giả A-nan: -Lành thay! Lành thay! Như Lai thuyêt pháp hai hướng, đó là điêu không thể xảy ra. Này A-nan! Giả sử Phú-lan-na trì giới, Lê-sư-đạt-đa cũng trì giới, nhưng với nơi sẽ thọ sanh về thì Phú-lan-na không thể biết được Lê-sư-đạt-đa sẽ sanh về nơi nào, thọ sanh như thế nào, đời sau như thế nào.

Giả sử Lê-sư-đạt-đa thành tựu trí tuệ, Phú-lan-na cũng thành tựu trí tuệ, nhưng Lê-sư-đạt-đa cũng không thể biết được Phú-lan-na sẽ sanh về nơi nào, thọ sanh như thế nào, đời sau như thế nào. Này A-nan ! Giả sử Phú-lan-na trì giới hơn, Lê-sư-đạt-đa trí tuệ hơn, hai người đều qua đời, Ta nói hai người ấy cùng sanh một nơi, thọ sanh như nhau, đời sau cũng đều đắc quả Tư-đà-hàm, sanh lên cõi trời Đâu-suất, chỉ một lần trở lại nơi này roi sẽ vượt thoát khô đau. Sự sai biệt giữa hai người này, nếu chẳng phải Như Lai, ai có thể biết được? Vì thế, A-nan! Chớ nên so sánh người này người kia. Nêu cứ so sánh người này người kia như thế thì chỉ tự gây ra tổn hại. Chỉ có Như Lai mới có khả năng biết rõ con người mà thôi. Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

991. ƯU-BÀ-DI LỘC TRỤ 73 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật an cư mùa mưa tại ấp Lưu-lợi, trong thành Di của họ Thích. Bấy giờ, có Tỳ-kheo an cư mùa mưa tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ- đà, thuộc nước Xá-vệ. Vào buổi sáng sớm, Tỳ-kheo kia đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực rồi lần lượt đi đến nhà ưu-bà-di Lộc Trụ. Từ xa trông thấy Tỳ"kheo đi đến, ưu-bà-di Lộc Trụ vội vàng sửa soạn chỗ ngồi rồi mời Tỳ-kheo ngoi... (nói đay đủ như kỉnh 990 ở trêrì). Lúc ấy, Tỳ-kheo kia nói với ưu-bà-di Lộc Trụ Này cô, hãy thôi đi! Cô không thể biết được can tánh hơn kém của chúng sanh trong thế gian. Chỉ có Như Lai mới có thể biết rõ căn tánh hơn kém của chúng sanh trong thế gian. Nói như vậy xong, Tỳ-kheo liền đứng dậy ra về. Bấy giờ, Tỳ-kheo kia an cư ba tháng mùa mưa đã mãn, y cũng may xong, liền đắp y, ôm bát đi đến ấp Lưu- lợi, thành Di của họ Thích. Đen nơi, Tỳ-kheo cất y bát, rửa chân xong, liền đi đen chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và đem những điều đàm luận giữa mình với ưu-bà-di Lộc Trụ trình lên Thế Tôn. Phật bảo Tỳ-kheo: Ưu-bà-di Lộc Trụ làm sao có thể biết được căn tánh hơn kém của chúng sanh trong thế gian. Chỉ có Như Lai mới có thể biết rõ căn tánh hơn kém của chúng sanh trong thế gian mà thôi.

73 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.991. 0258a27). Tham chiếu: Tạp.(02. 0099.990. 0257b26); A. 6.44 -III. 347; A. 10.75 - v. 137.

QUYỂN 35 1085

z = . v 9 Đôi với những người chăng lìa sân hận, kiêu mạn, khi pháp tham khởi lên, không lắng nghe và tiếp nhận giáo pháp, không học hỏi đa văn, đối với pháp không điều phục kiến chấp nên thường không thể khởi tâm giải thoát. Này Tỳ-kheo! Nếu lại có người cũng không lìa sân hận, kiêu mạn, nhung khi pháp tham khởi lên, người ấy chiu nghe pháp, tu học đa văn, khéo điều phục kiến chấp đối với pháp nên thường có thể khởi tâm giải thoát. Từ việc ấy mà suy xét: "Người này có pháp như vậy, người kia có pháp như vậy, nhất định họ sẽ cùng đi đen một chỗ, cùng thọ sanh như nhau và đời sau cũng giống nhau." Với suy lường như vậy nên người này không thấu đạt nghĩa lý, không được lợi ích, mãi mãi chịu khổ. Như vậy, này Tỳ-kheo! Đối với người không lìa sân hận, kiêu mạn, luôn khởi pháp tham, không tiếp nhận giáo pháp, không tu học đa văn, đối với pháp không điêu phục kiên châp nên không thê đạt được tâm giải thoát, Ta nói người này là kẻ kém cỏi, thấp hèn. Và này Tỳ-kheo! Còn với người tuy không lìa sân hận, kiêu mạn, luôn khởi pháp tham, nhimg người ấy chiu nghe pháp, thích tu học đa

văn, khéo điều phục kiên chấp nên thường đạt được tâm giải thoát, Ta nói người này là thăng diệu bậc nhất. Giữa hai người này, nếu chẳng phải là Như Lai thì ai có thể phân biệt và biết rõ được? Thế nên, này Tỳ-kheo! Chớ nên so sánh người này với người kia... (cho đến) chỉ có Như Lai mới có thể biết căn tánh hơn kém của chúng sanh. Lại nữa, này Tỳ-kheo! Nếu lại có người không lìa sân hận, kiêu mạn, luôn khởi pháp tham, miệng thường nói lời ác... (còn lại như kỉnh so 990 đã nói). Lại nữa, nếu có người hiền thiện, an vui, thích thân cận sống chung với người tu Phạm hạnh có trí tuệ, nhưng người kia chẳng thích nghe pháp... (cho đếrì) không thể đạt được tâm giải thoát nên biết người này chỉ trụ nơi đất hiền thiện, nhưng không thể thăng tiến. Đất hiền thiện là chỉ cho cõi trời, cõi người. Lại nữa, có người căn tánh hiền thiện, sống chung với mọi người rất an vui, thích kết bạn với người tu Phạm hạnh, ưa nghe Chánh pháp, học tập đa văn, khéo điều phục kiến chấp nên thường đạt được tâm giải thoát. Nên biết người này ở chỗ hiền thiện và có thể thăng tiến, nên biết người này có đủ khả năng vào dòng Chánh pháp. Giữa hai người này, nếu chẳng phải là Như Lai thì ai có thể phân biệt, biết rõ được? Thế nên, Tỳ-kheo! Chớ nên so sánh người này với người kia. Nêu so sánh người này với người kia sẽ chuốc lấy tai họa, vì chỉ có Như Lai mới có the biết rõ căn tánh của con người trong thế gian mà thôi. Này Tỳ-kheo! Ưu-bà-di Lộc Trụ vì ít học, thiếu hiểu biết... (nói đầy đủ như kỉnh sổ 990 ở trên).

1086 KINH TẠPA-HÀM

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.
***

992. HAI LOẠI RUỘNG PHƯỚC74

Tôi nghe như vây:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước
Xá-vệ.

Bấy giờ, trưởng giả cấp Cô Độc đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa:

Kính bạch Thế Tôn, thế gian có bao nhiêu loại ruộng phước?

Phật bảo trưởng giả:

Thê gian có hai loại ruộng phước. Là hai loại nào? Đó là Hữu học và
Vô học.

Rồi đức Phật nói bài kệ:

Đại hội thường kính thỉnh, Học, Vô học ở đời,
Tâm ngay thẳng chân thật, Thân và miệng cũng thế,
Đây là ruộng phước tốt, Cúng dường được quả lớn.

Đức Phật nói kinh này xong, trưởng giả cấp Cô Độc nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.75

74 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tap.Ji 0.02. 0099.992. 0258cll. Tham chiếu: Tdig.(r02. 0125.42.8. 0755a07); Phươc điền kinh (T.01. 0026.127. 0616a05); A. 2.35 - L 62. 75 Bản Hán, hết quyển 35.

QUYỂN 36  1087

QUYỂN 36 993. TÁN THÁN THƯỢNG TỌA1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có các Tỳ-kheo Thượng tọa thường cư ngụ gần bên đức Phật. Đó là Tôn giả A-nhã Kieu-trần-như, Tôn giả Ma-ha Cadiếp, Tôn giả Xá-lợi-phất? Tôn giả Đại Mục-kiền-liên? Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nhị Thập ức Nhi, Tôn giả Đà-la-phiêu Ma-la tử, Tôn giả Bà-na-ca-bà-sa, Tôn giả Da-xá-xá-la-ca- tỳ-ha-lợi, Tôn giả Phú-lâuna, Tôn giả Phân-đà-đàn-ni-ca. Ngoài ra còn có các Tỳ-kheo Thượng tọa khác cũng ngụ xung quanh đức Phật. Lúc đó, Tôn giả Bà-kỳ-xá1 23đang ngụ tại giảng đường Lộc Tử Mau ở Đông Viên/ thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Bà-kỳ-xá suy nghĩ: "Hôm nay, Thế Tôn đang ngụ trong vườn cấp Cô Độc, rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ và có các Tỳ-kheo Thượng tọa vây quanh. Nay ta nên đi đến chỗ Thế Tôn và nói kệ khen ngợi các vị Tỳ-kheo Thượng tQa.” Suy nghĩ xong, Tôn giả liền đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài roi đứng sang một bên và nói kệ: Bậc Tỳ-kheo Thượng tọa, Đã đoạn các tham dục, Vượt qua các thế gian, Và hết thảy các uẩn.45 Trí sâu mà kiệm lời, Chuyên cần và siêng năng, Đạo đức sạch sáng ngời, Nay con xin kính lễ. Bậc hàng phục ma oán, Rời xa chỗ đông người, Chẳng bi năm dục trói, Chuyên tu nơi văng vẻ. An định, ít mong cầu, Nay con xin kính lễ, Thắng tộc Già-la-diên/ Tọa thiền chẳng buông lung,

1 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.02. 0099.993. 0259a05. Tham chiếu: Biệt Tạp.r 02. 0100.256. 0463bl0. 2 Bà-kỳ-xá ,Vañgīsa: Vị đệ tử Phật giỏi về thi ca, thường làm thi kệ tán thán đức Phật và các đẹ tử lơn cua Phạt 3 Đông Viên Lộc Tử Mau giảng đường .Xem chú thích 121, kinh số 58, quyển 2, tr? 62; Tạp.r.O2. 0099.58.0014012. 4 Nhất thiết chi tích tụ .Tích tụ là tên gọi khác của/tuẩn,^ .Tham chiếu: Biệt Tạp.7.02. 0100.256. 0463b23: Buông bỏ các tích tụ . 5 Già-la-diên có khả năng phiên âm từ Nārāyana, chỉ cho trời Na-la-dien .g 22.95  III. 140 gọi chủng tộc của Phật là "Bà Con Của Mặt Trai,9, kinh ghi: Desitādiccabandhunā Đàng Bà Con Mặt Trời / Đã thuyết giảng như vậy, HT. Thích Minh Châu dịch.

1088  KINH TẠPA-HÀM

Trong tâm vui chánh định, Thanh tịnh, lìa cấu uế, Tuệ biện hiển nghĩa sâu, Thế nên con kính lễ. Bậc chứng tuệ, thần thông, Vượt hơn sức thần thông, Trong sáu loại thần thông, Tự tại không sợ hãi, Là thần thông tối thắng, Thế nên con kính lễ. Nơi đại thiên thế giới, Chúng sanh trong năm đường, Cho đến cõi Phạm thế, Trời, người tưởng hơn, kém, Mắt tịnh thiên thấy hết, Thế nên con kính lễ. Sức nỗ lực siêng năng, Đoạn trừ mọi khát ái, Xé toang lưới tử sanh, Tâm thường vui Chánh pháp, Lìa các tưởng mong câu, Vượt qua bờ bên kia, Thanh tịnh không tì vết, Thế nên con kính lễ. Dứt hẳn mọi sợ hãi, Xả bỏ các tài vật, Biết đủ, dứt nghi hoặc, Hàng phục giặc ma oán? Thân quán niệm thanh tinh, Thế nên con kính lễ. Các thế gian không còn, Rừng gai góc phiền não, Dứt kiết sử buộc ràng, Đoạn nhân duyên ba cõi, Chuyên tâm diệt các cấu, Trí rốt ráo hiển bày, Ra khỏi rừng phiền não, Thế nên con kính lễ. Bỏ nhà cửa, nương nhờ, Diệt hư dối, sân si, Điều phục các ái, hỷ, Thoát khỏi các hữu lậu,6 Thanh tịnh không vết nhơ, Thế

nên con kính lễ. Bậc đạt tâm tự tại, Kiên cố không lay động, Trí tuệ, công đức lớn, Hàng phục ma khó hàng, Đoạn vô minh, trói buộc, Thế nên con kính lễ. Đại nhân lìa tăm tối, Tịch tịnh đấng Mâu-ni, Chánh pháp dứt lỗi lầm, Anh sáng tự chiêu soi, Rọi khắp mọi thế giới, Thế nên gọi là Phật. Địa thần, trời Hư Không,67 Thiên tử Ba Mươi Ba, Ánh sáng đều bị khuất, Cho nên gọi là Phật. Vượt qua bờ sanh tử, Siêu việt hơn mọi loài, Nhu hòa khéo điều phục, Đấng Chánh Giác bậc nhất. Dứt trừ mọi trói buộc, Hàng phục các ngoại đạo, Dẹp tan bọn ma oán, Chứng Chánh giác Vô thượng, Lìa trần, diệt các cấu, Thế nên con kính lễ.

6 Nguyên tác: Kiến xứ ,tên khác của hữu lậu. 7 Hư Không thiên một trong 5 loại chư thiên, lìa núi Tu-di mà trụ ữong hư không nên gọi là Hư Không thiên.



Khi Tôn giả Bà-kỳ-xá nói kệ khen ngợi, các Tỳ-kheo nghe xong đều rất hoan hỷ. ***

994. BÀ-KỲ-XÁ TÁN THÁN PHẬT8 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ, Tôn giả Bà-kỳ-xá lâm bệnh nặng và đang năm tại giảng đường Lộc Tử Mau ở Đông Viên,9 thuộc nước Xá-vệ. Tôn giả Phú-lân-ni là người chăm sóc, cung cấp cúng dường. _ • Ả rin _ _ • 9 \ 1 __ _ __ L L • LA rin A _ • 9 r 1 • Khi áy, Ton giả Ba-ky-xa noi với Tôn giả Phu-lân-ni: Thay hãy đen cho The Tôn, chuyên lơi tôi bạch với Thê Tôn răng: Tôn giả Bà-kỳ-xá cúi lạy sát chân Thế Tôn, kính thăm hỏi Thế Tôn ít bệnh, ít não, đời sống nhẹ nhàng, an vui chang?95 Rồi thầy hãy thưa tiếp: "Tôn giả Bà-kỵ- xá lâm bệnh nặng và đang nằm tại giảng đường Lộc Tử Mau ở Đông Viên, rất muốn được gặp Thế Tôn, nhưng không đủ sức để đến chỗ Phật. Lành thay, bạch Thế Tôn! Xin Ngài mở lòng thương xót đến chỗ của Bà-kỳ-xá tại giảng đường Lộc Tử Mau ở Đồng Viên. Lúc ấy, Tôn giả Phú-lân-ni nhận lời đi đến Thế Tôn. Sau khi đảnh lễ sát chân Phật roi ngôi sang một bên và thưa: Kính bạch Thế Tôn! Tôn giả Bà-kỳ-xá lâm bệnh nặng và đang nằm tại giảng đường Lộc Tử Mau ở Đông Viên, rất muốn được gặp Thế Tôn, nhưng không đủ sức để đến gặp Ngài. Lành thay, bạch Thế Tôn! Xin Ngài thương xót đến chỗ Tôn giả Bà-kỳ-xá đang nằm tại giảng đường Lộc Tử Mau ở Đông Viên. Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Tôn giả Phú-lân-ni biết Phật đã nhận lời, liền cung kính đảnh lễ sát chân Phật rồi ra về. Chiều hôm ấy, sau khi xuất thiền thì Thế Tôn đi đến chỗ Tôn giả Bà-kỳ-xá. Từ xa trong thấy Thế Tôn đi đến, Tôn giả Bà-kỳ-xá liền vịn giường muốn đứng dậy. Thấy Tôn giả Bà-kỳ-xá tựa giường muốn đứng dậy, Thế Tôn liền bảo: Bà-kỳ-xá! Thầy không cần phải đứng lên. Nói rồi, Thế Tôn liền ngồi xuống ân cần thăm hỏi Tôn giả Bà-kỳ-xá:

8 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.994. 0259c06). Tham chiếu: Biệt Tạp.(r 02. 0100.257. 0463b27). 9 Đông Viên Lộc Tử Mầu giảng đường ().Xem chú thích 121, kinh số 58, quyển 2, tr?62; Tạp.(T.02. 009958. 0014bl2).



-Bệnh tình của thầy có thuyên giảm, dễ chiu hơn không? Sự đau đớn nơi thân không tăng thêm chứ? (Nói đầy đủ như Kỉnh Tỳ-kheo Diệm-ma^caiồ ở trước.,, cho đến) "Con cảm thấy bệnh tình càng tăng thêm chứ không thuyên giAm." Phật bảo Bà-kỳ-xá: Bây

giờ, Ta hỏi và thầy cứ trả lời theo ý mình. Có phải tâm thầy đã không còn đắm nhiễm, không còn chấp trước, không dính mắc, đạt được giải thoát, lìa các điên đảo rồi chăng? Bà-kỳ-xá bạch Phật: - Bạch Thế Tôn! Tâm con không còn đắm nhiễm, không còn chấp trước, không còn dính mắc, đã được giải thoát, lìa các điên đảo. Phật bảo Bà-kỳ-xá: Thầy làm thế nào mà đạt được tâm không đắm nhiễm, không chấp trước, không dính mắc, thành tựu giải thoát, lìa các điên đảo? Bà-kỳ-xá bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Đối với sắc được nhận biết bởi mắt ở trong quá khư, tâm con không nhớ nghĩ; đối với sắc ở tương lai, tâm con không mơ tưởng; đối với sắc trong hiện tại, con cũng không đắm nhiễm. Đối với sắc được nhận biết bởi mắt trong quá khứ, trong tương lai hay trong hiện tại5 con đã dứt sạch niệm tham dục, ưa thích; đã vô dục, tịch diệt, vắng lặng, ngưng nghỉ, viễn ly, giải thoát. Do tâm đã giải thoát nên không đăm nhiêm, không chập trước, không dính mắc, lìa các điên đảo rồi an trụ chánh định. Cũng vậy, với tai, mũi, lưỡi, thân và ý thức nhận biêt các pháp quá khứ, tâm con không còn nhớ nghĩ; đôi với pháp ở tương lai, tâm không còn mơ tưởng; đối với pháp hiện tại cũng không đắm trước. Đối với các pháp trong quá khứ, tương lai hay hiện tại thì niệm tham dục, niệm ưa thích trong con đã được đoạn tận; đã vô dục, tịch diệt, r 9 e •o• văng lặng, ngưng nghỉ, viên ly, giải thoát. Do tâm đã giải thoát nên không đăm nhiễm, không chấp trước, không dính mắc, lìa các điên đảo rồi an trụ chánh đinh. Hôm nay, cúi xin Thế Tôn ban cho con điều lợi ích tối hậu và cho phép con được nói kệ. Phật bảo Bà-kỳ-xá: - Nên biết đúng lúc! Tôn giả Bà-kỳ-xá liền ngồi ngay tk buộc niệm ở trước mặt và nói kệ: Trước Đại Giác, Thế Tôn, Con cúi đầu kính lạy, Đối với tất cả pháp, Đều được giải thoát rồi. Khéo hiểu tướng các pháp, Tin sâu, vui Chánh pháp,

:Diệm-ma-caTu-đa:la(),kinh số 104, Tạp.(r.O2. 0099.104. 0030c12). Khảo về nội dung không có chi tiêt liên quan đên bệnh tật, có khả năng xác định nhầm. Căn cứ vào nội dung kinh, tức chỉ cho kinh số 103; Tạp.(7.02. 0099.103. 0029c06).

QUYẾN 36 1091

Thế Tôn, Đẳng Chánh Giác, Thế Tôn là Đại su, Thế Tôn hàng ma oán, Thế Tôn, Đại Mâu-ni. Diệt trừ mọi kiết sử, Tự độ khắp muôn loài, The Ton đoi thê gian, Biết rõ tất cả pháp, Thế gian trọn chẳng c6, Người biết pháp hơn Phật. Trongr các cõi trời, người, Cũng không ai bằng Phật, Vì thê hôm nay con, Lễ đấng Đại Tinh Tấn. Cúi lạy bậc Thượng Si, Đã nhổ gai ái dục, Giờ phút cuối của con, Được nhìn thấy Thế Tôn. Cúi lạy đấng Nhật Chủng,11 Đêm nay Bát-niết-bàn, Tỉnh giác cùng chánh niệm, Nơi thân hư hoại này. Chút khí lực còn lại, Đêm nay sẽ diệt hết, Không còn đắm ba cõi, Vào Vô dư Niết-bàn. Thọ khổ và thọ lạc, Cũng không khổ không lạc, Xúc làm nhân duyên sanh, Hôm nay đều đoạn tận. Thọ khổ và thọ lạc, Cũng không khổ không lạc, Từ xúc làm duyên sanh, Ngay đây đều biết rõ. Nội căn và ngoại cảnh, Các cảm thọ khổ, vui, Khôngy đăm trước nơi thọ, Tâm sáng ngời chánh trí. Ban đâu, giữa, sau cùng, Các uẩn không chướng ngại, Các uẩn đã đoạn rồi, Biết rõ ái không còn. Bậc thấy rõ chân thật, Nói chín mươi mốt kiếp Trong ba kiếp thường có, Đại Tiên Nhân xuất hiện. Ngoài ra không chỗ nương, Chỉ có kiếp khủng bố? Nên biết Đại Tiên Nhân, Lại xuất hiện nơi đời. An ủi các trời, người, Khai tuệ lìa u tối, Thức tỉnh các chúng sanh, Thấu rõ tất cả khổ. Khổ khổ và

khổ tập, Tịch diệt, vượt thoát khổ, Tám chi phần Thánh đạo, An ổn đến Niết-bàn. Điều the gian khó được, Hiện nay thảy đều được, Đời này được thân người, Diễn nói về Chánh pháp. Theo mong muốn của mình, Lìa câu, câu thanh tịnh, Chuyên tu tự lợi mình, Chớ khiến không kết quả. r Luông qua sẽ sanh lo, Cận kề địa ngục khổ, Chánh pháp được nói ra, Không ùa, không tiếp nhận. Mãi chìm trong sanh tử, Luân hồi không kỳ hạn, Đêm dài ôm lo, buồn,11 Như người buôn mất của.

11 Nhật Chỉing (,Ādiccabandhu) chỉ cho Thế Tôn. Xem chú thích 5, kinh số 993, quyển 36, ư. 1087; Tạp. B(roi 0099.993. 0259a05).



Nay con rất vui mừng, Không còn sanh, già, chét, Đã chấm dứt luân hồi, Không tái sanh trở lại. Dòng nước sông ái, thức, Từ nay đều cạn khô, Nhổ sạch cội rễ uẩn, Khoen xích không tiếp nối. Cúng dường Đại sư xong, Việc cần làm hoàn tất, Gánh nặng đã đặt xuống, Hữu lưu đều đoạn xong. Không còn thích thọ sanh, Cũng không chán ghét tử, Tỉnh giác cùng chánh niệm, Chỉ chờ phút cuối cùng. Long tượng nhớ rừng hoang, Sáu mươi thú hùng mạnh, Một khi thoát gông cùm, Ung dung trong rừng núi. Bà-kỳ-xá cũng vậy, Con từ miệng Phật sanh, An tâm rời đô chúng, Chánh niệm chờ đến giờ. Nay nói với mọi người, Những ai đến tụ hội, Nghe kệ cuối của tôi, Nghĩa này nhiều lợi ích. Có sanh ắt phải diệt, Các hành đều vô thường, Pháp chóng sanh, chóng tử, Nào đáng nương cậy lâu? Thế nên lập chí mạnh, Siêng năng cầu tinh tấn, Quán sát có sợ hãi, Tùy thuận đạo Mâu-ni, Chóng dứt khổ ấm này, Đừng để luân chuyển thêm. Con từ miệng Phật sanh, Nói kệ khen ngợi rồi, Xin từ biệt đại chúng, Bà-kỳ-xá Niết-bàn, Vì tấm lòng từ bi, Nói kệ vô thượng này. Tôn giả Bà-kỳ-xá? Từ pháp Phật sanh ra, Do rủ lòng bi mẫn, Nói kệ vô thượng này, Sau đó Bát-niết-bàn, Tát ca nen kính le. *** 995. A-LUYỆN-NHÃ12 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, trời gần về sáng, có một thiên tử dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ đức Phật, cúi lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà? vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, vi thiên tử kia dùng kệ bạch Phật:

12 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.995. 0260c24). Tham chiếu: Biệt Tạp.(r02. 0100.132. Ò426a06); s. 1.10 -1.5.



Tỳ-kheo a-luyện-nhã,13 An trụ nơi thanh vắng, Lặng lẽ tu Phạm hạnh, Chỉ ngồi ăn một bữa, 14 Nhưng do nhân duyên gì, Nhan sắc thường tươi sáng? Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp: 9 Không lo về quá khứ, Chăng ước vọng tương lai, Hiện tại tùy chỗ được, Tỉnh giác buộc giữ niệm, Uống ăn trong chánh niệm, Nhan sắc thường tươi sáng. Tâm mơ tưởng tương lai, Buồn tiếc theo quá khứ, Lửa ngu si tự đốt, Như mưa đá chết cỏ. Bấy giờ, thiên tử kia lại nói kệ: Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian. Bây giờ, thiên tử kia nghe Phật dạy xong đã hoan hỷ và tùy hỷ roi biên mát. *** 15 996. CHẾ NGỰ KIÊU MẠN13 14 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ, trời gân vê sáng, có một

thiên tử dung sác tuyệt đẹp đi đên chô đức Phật, cúi lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, vị thiên tử kia dùng kệ bạch Phật: Không chế ngự kiêu mạn, Chẳng khéo điều phục tâm? Chưa từng tu tịch tĩnh, Cũng chẳng nhập chánh định, ở rừng mà buông lung, Không thoát bờ sanh tử. Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp: Người đã lìa kiêu mạn, Tâm thường vào chánh định, Trí sáng khéo phân biệt, Giải thoát mọi buộc ràng. Một mình nơi rừng vắng, Với tâm không buông lung, Nhanh chóng vượt bờ kia, Thoát khỏi tay thần chết.

13 A-luyện-nhã Tỳ-kheo (‚Arañña bhikkhu)'. Tỳ-kheo sống trong rừng, hành một trong 13 hạnh Đau-đà. 14 Nguyên tác: Nhất tọa^nhi thực (‚ekāsanabhojanani). Có nhiều cách chuyển dịch về cú ngữ này, như ăn một lần ligồi, ngồi ăn một lần... đều hàm nghĩa là ngồi xuống ăn và chỉ ăn một lần, khi an xong, dù chưa đứng dậy và được cúng thêm nữa thì cũng không ăn; hoặc khi ăn xong, đứng dậy rồi thì không ngồi xuống an. Đe văn phong thuần Việt, chúng tôi sử dụng nghĩa ngồi ăn mọt bữa dựa theo ý kinh nhát thời thực ()được ghi nhận trong Tăng.(T02. 0125.49.2. 0795a27); Ma-ha Tăng-kỷluạt (T.22. 1425.17. 0362bl4); Tảt-ba-đa Tỳ-nỉ Tỳ-bà-sa (T.. 1440.Ì7. 0551C01). 15 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.996.0261al3). Tham chiếu: Biệt Tạp.(02. 0101.133 0426a24); s. 1.9-1. 4.



Bấy giờ, thiên tử kia lại nói kệ: Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn? Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian. Bấy giờ, thiên tử kia nghe Phật dạy xong đã hoan hỷ và tùy hỷ rồi biến mất. *** 997. CÔNG ĐỨC TĂNG TRƯỞNG16 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, trời gần về sáng, có một thiên tử dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ đức Phật, cúi lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, vị thiên tử kia dùng kệ bạch Phật: Làm sao để ngày đêm, Công đức luôn tăng trưởng? r • • _ "X T _ y • _ • 2 ! Làm sao sanh cõi trời? Cui xin Ngai giải rõ. Bay giơ, The Ton noi kẹ đáp: Trồng vườn cây ăn quả, Rừng cây che bóng mát, Cầu, thuyền giúp qua sông, Xây cất nhà phước đức. Đào giếng giúp người khát, Khách xá cho lữ hành, Những công đức như vậy, Ngày đêm thường tăng trưởng, Giới đầy đủ như pháp, Nhờ đó sanh cõi trời. Khi ấy, thiên tử kia lại nói kệ: Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian. Bấy giờ, thiên tử kia nghe Phật dạy xong đã hoan hỷ và tùy hỷ rồi biến mất. *** 998. SÁU LOẠI PHƯỚC Bố THÍ17 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà9 thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, trời gần về sáng, có một thiên tử dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ đức Phật, đảnh lễ sát chân rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc.

16 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.997. 0261a30). Tham chiếu: Biệt Tạp.(02. 0100.134. Ò426bll); S. 1.47-1.33 17 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02.0099.998. 0261bl7). Tham chiếu: Biệt Tạp.(r02. 0100.135. Ò426b27); s. 1A2 - L 32.

Khi ấy, vị thiên tử kia dùng kệ bạch Phật: Thí gì được sức lớn? Thí gì được sắc đẹp? Thí gì được an vui? Thí gì được mắt sáng? Tu tập những thí nào, Gọi là nhất thiết thí? Nay xin hỏi Thế Tôn, Nguyện vì con giảng nói. LÚC áy, The Ton noi kẹ đáp: Thí thực được sức mạnh, Thí y được sắc đẹp5 Thí xe được an vui, Thí đèn được mắt sáng. Dựng nhà tặng khách xa, Gọi là nhất thiết thí, Đem pháp khuyên dạy người, Đó là thí bất tử. Bấy giờ, thiên tử kia lại nói kệ: Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian. Bấy giờ, thiên tử kia nghe Phật dạy xong đã hoan hỷ và tùy hỷ rồi biến mất. *** 999. TÍN TÂM Bố THÍ18 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, trời gần về sáng, có một thiên tử tên Tất-bề-lê19 dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ đức Phật, đảnh lễ sát chân rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, vi thiên tử kia dùng kệ bạch Phật: Chư thiên và người đời, Đều ưa thích uống, ăn? Người thế gian có được, Phước lạc tự theo chăng? Khi ấy, Thế Tôn nói kệ đáp: Bố thí với lòng tin, Đời này và đời sau, Người ấy đến nơi nào, Phước báo thường theo nhau. Thế nên bỏ keo kiệt, Hành bố thí không nhơ, Thí rồi tâm hoan hỷ, Hưởng đời này, đời sau. Thiên tử Tất-bề-lê lại bạch Phật: Lạ thay! Bạch Thế Tôn! Khéo nói nghĩa này: Bố thí với lòng tin, Đời này và đời sau, Người ấy đến nơi nào, Phước báo thường theo nhau.

18 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.999.0261c05). Tham chiếu: Biệt Tạp.(r 02. 0100.136. Ò426C14); s. 1.43 -L 32; s. 2.23 - L 57. 19 Tất-bề-lê (‚Serī).



Thế nên bỏ keo kiệt, Hành bố thí không nhơ, Thí rồi tâm hoan hỷ, Hưởng đời này, đời sau. Thiên tử Tất-bề-lê bạch Phật: Bạch Thế Tôn, con tự biết thời quá khứ đã từng làm quốc vương tên Tất- bề-lê, bố thí, làm phước cho dân chúng khắp bốn cửa thành. Trong thành đó lại có bốn giao lộ5 con cũng bố thí làm phước cho mọi người ở nơi đó. Lúc ấy, đệ nhất phu nhân đến nói với con: "Đại vương làm phước đức lớn mà thiếp không có công sức gì để tạo các phước nghiep." Khi đó, con nói với phu nhân: "Việc bố thí, làm phước ngoài cửa thành phía Đông, nay giao cho nàng.99 Các vương tử cũng đến tâu với con: “Dại vương làm nhiều việc công dức, phu nhân cũng thế, vậy mà chúng con không có công sức gì để tạo các phước nghiệp. Nay chúng con xin được nương vào Đại vương làm công đức.95 Khi đó5 con đáp: "Việc bố thí, làm phước ngoài cửa thành phía Nam, nay đều giao cho các con." Bấy giờ, có quan đại thần lại đến tâu với con: "Bại vương và phu nhân, cùng vương tử làm nhiêu việc công đức. Còn hạ thân không có công sức gì tu tạo các phước nghiệp, nay xin nương vào Đại vương để làm chút công due?9 Khi đó, con bảo: "Việc bố thí, làm phước ngoài cửa thành phía Tây, nay trẫm giao cho khanh." Bấy giờ, các tướng sĩ lại đến tâu với con: "Ngày nay, Đại vương làm nhiều công đức, phu nhân, vương tử và các đại thần đều được làm, chỉ có chúng hạ thân không có công sức gì tu tạo phước nghiệp, xin nương vào Đại vương đê làm chút cong đức! ” Khi đó, con đáp: "Việc bố thí, làm phước ngoài cửa thành phía Bắc, nay giao cho các ông?9 Bây giờ, thứ dân trong nước lại đên tâu với con: "Ngày nay, Đại vương làm nhiều công dức,

phu nhân, vương tử, đại thần, các tướng sĩ đều cùng làm. Chỉ CÓ chúng thân không có công sức gì đê tu phước, xin nương vào ân đức Đại vương để làm chút công dức." Khi đó, con đáp: "Việc bố thí, làm phước ở đầu bốn giao lộ trong thành, nay đều giao cho các nguôi." Bấy giờ, vua, phu nhân, vương tử, đại thần, tướng si, thứ dân, mọi người đều bố thí, làm các công đức. Do đó mà việc bố thí tạo công đức trước đây của con bị gián đoạn. Khi đó, những người được con phân chia làm phước đều trở về cung thi lễ và tâu con rằng: "Bại vương nên biết, phu nhân, vương tử, đại thần, tướng sĩ, thứ dân, mỗi người đều y cứ vào chỗ của mình mà bố thí làm phước nên sự bố thí của Đại vương do đó mà bị gián don."



Bấy giờ, con liền nói: "Này thiện nam! Các nước láng giềng hằng năm đều cống nạp tài vật cho ta. Nay chỉ lấy phân nửa nhập kho, còn phân nửa để lại cho các nước ấy bố thí làm phước.95 Người kia vâng theo lệnh vua, đến nước lân cận, gom góp tài vật, phân nửa đưa vào kho, phân nửa để lại cho nước đó bố thí làm phước. Trước kia, con chuyên bố thí làm phước như vậy nên luôn luôn được phước báo đáng yêu, đáng nhớ, vừa ý? thường hưởng được hỷ lạc không cùng tận. Do phước nghiệp này cùng với phước quả phước báo, tất cả đều dồn vào nhóm công đức lớn. Ví như năm con sông lớn hợp thành một dòng, đó là sông Hằng,20 sông Da-bồ-na,21 sông Tát-la-do?22 sông Y-la-bạt-đề?23 sông Ma-hê.24 Năm con sông này hợp thành một dòng thì không ai có thể đo lường số lượng trăm, ngàn, vạn, ức đấu hộc nước sông kia. Nước của con sông lớn này tạo thành một khối lượng nước rất lớn. Phước báo công đức mà con đã làm cũng như vậy? không thể đo lường, tất cả đều nhập vào nhóm công đức lớn. Thiên tử Tất-bề-lê nghe lời Phật dạy đã hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ sát chân Phật rồi biến mất. *** 1000. CÁC LOẠI THIỆN TRI THỨC25 Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, trời gần về sáng, có một thiên tử tên Tất-bề-lê dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ đức Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà? vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, vị thiên tử kia dùng kệ bạch Phật: Người nào có thể làm Bạn tốt lúc đi xa? Người nào có the làm Bạn tốt ở tại nhà? Người nào có thể làm Bạn hỗ tương qua lại?26 Người nào có thể làm Thiện tri thức đời sau?

20 Hằng hà Gañgā. 21 Da-bồ-na ,Yāmunā. 22 Tát-la-do Sarabhū. 23 Y-la-bạt-đề ,Aciravatī. 24 Ma-hê Mahī. 25 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.1000. 0262Ồ03. Tham chiếu: Biệt Tạp. T.02. 0100.137. 0427al8;5. 1.53 - L 37. 26 Nguyên tác: Thông tài chỉ cho bạn bè trong những lúc cần hỗ trợ vật chất qua lại lẫn nhau



\ Á rin — r • 1 _ A. jX ỉ___ Bây giờ, The Ton noi kê đáp: Người dẫn đầu thương gia, Là bạn tốt đường xa. Vợ hiền lương trinh chính, Là bạn tốt ở nhà. Người thân thiết, bà con, Bạn hỗ tương qua lại. Tự tu tạo công đức, Là bạn tốt đời sau. Bấy giờ, thiên tử kia lại nói kệ: Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn5 Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian.

Bây giờ, thiên tử kia nghe Phật dạy xong đã hoan hỷ và tùy hỷ? liên đảnh lê sát chân Ngài rồi biến mất. *** 1001. GIÀ BỆNH BỨC BÁCH27 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà5 thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, trời gần về sáng, có một thiên tử dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ đức Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà? vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, vi thiên tử kia nói kệ: Bị vô thường28 dẫn lối, Mạng người ngắn biết bao, Bị già nua bức bách, Có ai cứu được nào. Thấy cảnh già, bệnh, chết, Khiến người sợ biết bao, Hãy làm các công đức, An lạc đến đời sau. Khi ấy, Thế Tôn dùng kệ đáp: Bị vô thường dẫn lối, Mạng người ngắn biết bao, Bị già nua bức bách, Có ai cứu được nào. Thân hữu dư như vậy, Thấy mà đáng sợ thay, Đoạn tham ái the gian, VuiVôdưNiet-bàn. Lúc ấy, thiên tử lại nói kệ: Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian. Bấy giờ, thiên tử kia nghe Phật dạy xong đã hoan hỷ và tùy hỷ, liền cúi lạy sát chân Ngài rồi biến mất. ***

27 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.1001. 0262Ồ22). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02.0100138.0427b06)r5. 1.3 - L 2; 5. 2.19 - L 54. 28 Nguyên tác: Minh vận (),vận đen đủi, không may mắn, nghĩa khác của vô thường.

QUYỂN 36  1099

1002. ĐOẠN TRỪ29

Tôi nghe như vay:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trời gần về sáng, có một thiên tử dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ đức Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà5 vườn cấp Cô Độc.

Khi ấy, vị thiên tử kia dùng kệ hỏi Phật:

Đoạn trừ bao nhiêu pháp? Xả bỏ bao nhiêu pháp?

Và nỗ lực tấn tu, Với bao nhiêu pháp nữa?

Vượt qua những pháp nào, Tỳ-kheo thoát bộc lưu?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Đoạn năm, trừ bỏ năm,303132 Tu tập thêm năm căn/1

Vượt qua năm hòa hợp,32 Tỳ-kheo thoát bộc lưu.

Lúc ấy, thiên tử lại nói kệ:

Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn,

Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian.

Bây giờ, thiên tử kia nghe Phật dạy xong đã hoan hỷ và tùy hỷ, liên cúi lạy sát chân Ngài rồi biến mất.

***

1003. NGỦ VÀ THỨC33

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước

Xá-vệ.

29 Tựa đề đặt theo nội dung kinh.0 (7.02. 0099.1002. 0262c12). Tham chiếu: Tạp.(r02. 0099.1312. 0360C19); Biệt 7^9.(r.02. 0100.140. 0427cll); Biệt Tạp.(T.òi 0100.311. 0479al6);S. 1.5-L 3. 30 Theo SA. 1.5 - L 5, Katichindasuttavannanā, đoạn 5 là đoạn trừ 5 hạ phần kiết sỉ^(, pañca orambhāgiya samyojana), gôm: (i) Tham dục (jg),(ii) Sân khuê (vyāpāda), (iii) Thân kiến (,sakkāyadiifhī),(IV)Giới cam thủ (g, sīlabbataparāmāso), (v) Nghi (, vicikicchā). Xả 5 là trừ bỏ 5 thượng phần kiết sử ( ,pañca uddhambhāgiya samyojana), gồm: (i) Tham sắc (,rūparāgo), (ii) Tham vô săc (,arūparāgo), (iii) Mạn (,māno), (iv) Trạo cử (uddhaccà), (v) Vô minh (avijjā). 31 Ngũ căn (l)Tín, tấn, niệm, định, tuệ. 32 Ngũ hòa hợp ().SA. 1.5 - L 5, Katichindasuttavannanā giải thích: Pañca sañgātigoti rāgasañgo dosasañgo mohasañgo mānasañgo ditthisañgoti ime pañca sañge atikkanto (thoát khỏi 5 sự trói buộc, tức trói buộc do tham, trói buộc do sân, trói buộc do si, trói buộc do mạn, trói buộc do kiên chấp, đó gọi là vượt qua 5 sự trói buộc). 33 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.1003. 0262c28). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100141. 0427C26); s. 1.6 -L 3.



Bấy giờ, trời gần về sáng, có một thiên tử dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ đức Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. ỘC.

Khi ấy, vị thiên tử kia dùng kệ hỏi Phật: Người nào34 thức mà ngủ? Người nào ngủ mà thức? Người nào nhiễm bụi nhơ? Người nào được thanh tinh? Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp: Làm ác, thức mà ngủ, Giữ giới, ngủ mà thức, Chấp thủ, nhiễm bụi nhơ, Năm pháp thân thanh tịnh.35 Lúc ấy, thiên tử lại nói kệ: Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian. Bấy giờ, thiên tử kia nghe Phật dạy xong đã hoan hỷ và tùy hỷ, liền cúi lạy sát chân Ngài rồi biến mất. *** 1004. HỮU DƯ VÀ VÔ DƯ36 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ, trời gân vê sáng, có một thiên tử dung săc tuyệt đẹp đi đên chô đức Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà? vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, vị thiên tử kia nói kệ: Mẹ con vui với nhau, Chủ bò thích bò mình, Chúng sanh thích hữu du, Không ai thích vô dư. Khi ấy, Thế Tôn nói kệ đáp: Mẹ con lo cho nhau, Chủ bò lo bò mình, Hữu dư chúng sanh lo, Vô dư thì hết lo. Lúc ấy, thiên tử lại nói kệ: Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian.

34 Nguyên tác: Cơ nh2n ().Biệt Tạp.(T.02. 0100.141. 0428a01) ghi là "thhy”(). 35 Nguyện tác quá cô đọng nên không rõ nghĩa. Tham chiếu: Bỉệty Tạp.(T.02. 0100.141. 0428a04): Người giữ gìn năm giới / Tuy ngủ mà là thức / Người tạo năm điều ác / Tuy thức^mà là ngủ/Bị năm thứ che đây / Gọi là nhiêm bụi nhơ / Năm phần thân vô học / Là thanh tịnh lìa nhiễm (. .l . .).Nto thân
Vô học là giới, định, tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiên. 36Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1004. 0263al4). Tham chiếu: Biệt Tạp. (7.02. 0100.142.

0428al6); s. 1.12 -L 6; s. 4.8 -L 107.

QUYỂN 36 noi

ỉ \

Bây giờ, thiên tử kia nghe Phật dạy xong đã hoan hỷ và tùy hỷ, liên cúi lạy sát chân Ngài rồi biến mất. *** 1005. NƯƠNG VÀO NGHIỆP37 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ, trời gân vê sáng, có một thiên tử dung săc tuyệt đẹp đi đên chô đức Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Khi ây, vị thiên tử kia dùng kệ hỏi Phật: Vật gì là của người? Ai là bạn bậc nhất? Lấy gì nuôi mạng sống? Chúng sanh nương chỗ nào? Bay giơ, The Ton noi kẹ đáp: Ruộng, nhà của chúng sanh, Vợ hiền, bạn bậc nhất, Uống ăn nuôi mạng sống, Nghiệp, nơi chúng sanh nương. Lúc ấy, thiên tử lại nói kệ: Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian. Bây giờ, thiên tử kia nghe Phật dạy xong đã hoan hỷ và tùy hỷ, liên cúi lạy sát chân Ngài rồi biến mất. *** 1006. YÊU CON MÌNH HƠN38 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà9 thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, trời gần về sáng, có một thiên tử dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ đức Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, vi thiên tử kia nói kệ: Yêu ai hơn con mình, Của cải, bò quý nhât? Sáng nào qua mặt trời, Ao, hồ39 nào hơn biển.

37 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1005. 0263a28). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100231. 0458b17); s. 1.54 . I. 37. 38 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1006. 0263Ồ13). Tham chiếu: Biệt 9. (T.02. 0100232. 0458c03); s. 1.13-1. 6. 39 Nguyên tác: Tát-la (,SQH2), chỉ cho ao, hồ.

1102 KINH TẠPA-HÀM

T r _ Á A 1_A 4. r
LÚC ay, The Ton noi kẹ đáp:
Yêu mình là hơn hết, Tiền của, thóc quý hơn,
Trí tuệ là sáng nhất, Hồ nào rộng hơn mưa.40
Lúc ấy, thiên tử lại nói kệ:
Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn,
Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian.
Bây giờ, thiên tử kia nghe Phật dạy xong đã hoan hỷ và tùy hỷ, liên cúi lạy sát chân Ngài rồi biến mất.
***

1007. SÁT-LỢI VÀ CHÁNH GIÁC41
Tôi nghe như vầy:
Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước
Xá-vệ.

Bấy giờ, trời gần về sáng, có một thiên tử dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ đức Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc.

Khi ấy, vị thiên tử kia nói kệ:

Loài người, Sát-lợi hơn, Bốn chân, bò đực nhát,
Vợ trẻ là đẹp nhất, Con trưởng là bậc nhất.

Thê Tôn noi kệ đáp:

Loài người, Chánh Giác hơn. Bốn chân, ngựa thuần nhất,
Thuận chồng là vợ hiền, Hiếu thuận là con quý.42

Lúc ấy, thiên tử lại nói kệ:

Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn,
Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian.

Bây giờ, thiên tử kia nghe Phật dạy xong đã hoan hỷ và tùy hỷ? liên cúi lạy sát chân Ngài rồi biến mất.

***

40 Nguyên tác: Tát-la vô quá kiến ().Tham chiếu: Biệt Tạp.(T.02. 0100.232. 0458cll): Mưa là vực sâu nhát ().s. 1.13 - L 12: Vutthiye paramā sarā (nước nào hơn mưa rào), HT. Thích Minh Châu dịch. Bản Hán đọc là ditthi (thấy, kiến) thay vì vutthi (mưa). 41 Tựa đe đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1007. 0263b27). Tham chiểu: Biệt Tạp. (T.02. 0100233. 0458C16); y 1.14-1. 6. 42 Nguyên tác: Lậu tận tử chi thượng^ ().Tham chiếu: Biêt Tạp.(T.02. 0100.233. 0458c26): Trong các hàng con trai, hiếu thuận là tối thắng ();s. 1.14 -1. ,6: Sussũsã setthā bhariyānam, yo ca puttãnamąssavọ "ti (Trong các hang thê thiếp / Nhu thuận là tối thắng / Trong các hàng con trai / Trung thành là tối thắng), HT. Thích Minh Châu dịch. Có khả năng bản Hán nhầm giữa assava (trung thành) và anāsavā (vô lạu). Bản dịch dựa trên những phân tích này.

QUYỂN 36  1103

1008. ĐIỀU GÌ LÀ BẬC NHẤT?43 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà9 thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, trời gần về sáng, có một thiên tử dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ đức Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà? vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, vị thiên tử kia nói kệ: Những loài từ đất sanh, Loài nào là tối thượng? Rơi xuông từ không trung, Thứ gì là quý nhất? Trong những điều mong cầu, Điều gì là bậc nhất? Trong tất cả lời nói, Lời nói nào hay nhất? Lúc ấy, có một thiên tử đời trước là con nhà nông, nay được sanh lên cối trời, nhưng tập khí đời trước vẫn còn, liền nói kệ đáp lại thiên tử kia: Ngũ cốc từ đất sanh, Là loài tối thượng nhất, Hạt giống từ không trung, Rơi xuống đất quý nhất. Bò to khỏe giúp người, Là chỗ nương tốt nhất, Lời nói yêu thương con, Chính là lời hay nhất. Nghe thiên tử này nói kệ, vị thiên tử kia liền nói: -Tôi không hỏi anh, cớ sao lại nhiều lời khinh suất xằng bậy. Tôi tự nói kệ hỏi Thế Tôn: Những loài từ đất sanh, Loài nào là tối thượng? Rơi xuống từ không trung, Thứ gì là quý nhất? Trong những điều mong cầu, Điều gì là bậc nhất? Trong tất cả lời nói, Lời nói nào hay nhất?

Bây giơ, The Ton noi kẹ đáp: Từ dưới đất vọt lên, Tam minh là tối thượng, Từ hư không rơi xuống, Tam minh cũng bậc nhất. Tăng, đệ tử Thánh hiền, Là thầy nương cao quý, Lời dạy của Như Lai, Là lời hay hơn hết. Thiên tử lại nói kệ: Thế gian mấy pháp khởi? Mấy pháp được thuận theo? Bao nhiêu pháp thủ ái? Bao nhiêu pháp tổn giảm? Thế Tôn lại nói kệ đáp: Thế gian, sáu pháp khởi, Sáu pháp được thuận theo, Có sáu pháp thủ ai? Và sáu pháp tổn giảm.44

43 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tap. ^ (02. 0099.1008. 0263cl2). Tham chiếu: Biệt Tạp. (r.02. 0100234. 0459a02); Biệt Tạp.(T.02. 0100.235. 0459a23); s. 1.70  1.41; s. 1.74 - L 42. 44 Sáu pháp ở đây chỉ cho 6 nội xứ và 6 ngoại xứ.



Lúc ấy, thiên tử lại nói kệ: Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn? Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian. Bấy giờ, thiên tử kia nghe Phật dạy xong đã hoan hỷ và tùy hỷ, liền cúi lạy sát chân Ngài rồi biến mất. *** 1009. TÂM45 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, trời gần về sáng, có một thiên tử dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ đức Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà? vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, vị thiên tử kia dùng kệ hỏi Phật: Ai đem thế gian đi? Ai ràng buộc thế gian? Những gì là một pháp, Chế ngự nơi thế gian? Bay giơ, The Ton noi kẹ đáp: Tâm đem the gian đi, Tâm ràng buộc thế gian, Tâm này là một pháp, Hay chế ngự thế gian. Lúc ấy, thiên tử lại nói kệ: Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian. Bây giờ, thiên tử kia nghe Phật dạy xong đã hoan hỷ và tùy hỷ, liên cúi lạy sát chân Ngài rồi biến mất. *** 1010. DỤC TRÓI BUỘC46 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ, trời gân vê sáng, có một thiên tử dung săc tuyệt đẹp đi đên chô đức Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc.

4,Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.1009. 0264al9). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100.236. 0459ỒỒ7); s. 1.62 -1. 39. A. 4.186 - II. 177. 46 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T02. 0099.1010. 0264ÒÒ4). Tham chiếu: Biệt Tạp. (7.02. 0100237. 0459ỒỒ20); s. 1.64- I. 39.



Khi ấy, vị thiên tử kia dùng kệ hỏi Phật:
Cái gì buộc thế gian? Điều phục gì được thoát?
Đoạn trừ những pháp nào, Gọi ' là đắc Niết-bàn?
Lúc ấy, Thế Tôn nói kệ đáp:
Dục trói buộc thế gian, _5 . . v
Điêu phục dục, giải thoát,
Người đoạn trừ ái dục, Gọi < là đắc Niết-bàn.
Lúc ấy, thiên tử lại nói kệ:

Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn,
Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian.
Bây giờ, thiên tử kia nghe Phật dạy xong đã hoan hỷ và tùy hỷ, liên cúi lạy sát chân Ngài rồi biến mất.
***

1011. BỊ ĐÓNG KÍN47

Tôi nghe như vầy:
Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.
Bấy giờ, trời gần về sáng, có một thiên tử dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ đức Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc.
Khi ấy, vị thiên tử kia dùng kệ hỏi Phật:
Vật gì che thế gian? Vật gì lấp thế gian?
Vật gì buộc chúng sanh? Vật gì dựng nên đời?
r _ ĩ
Bay giơ, The Ton noi kẹ đáp:
Già yếu che thế gian, Sự chết lấp thế gian,
Ái trói buộc chúng sanh, Pháp dựng nên thế gian.
Lúc ấy, thiên tử lại nói kệ:
Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn,
Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian.
Bấy giờ, thiên tử kia nghe Phật dạy xong đã hoan hỷ và tùy hỷ, liền cúi lạy sát chân Ngài rồi biến mất.
***

1012. CHE ĐÂY VÀ TRÓI BUỘC48

Tôi nghe như vầy:
47 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1011. 0264b18). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100238. 0459c04); s. 1.68 -L 40. ‘8 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.1012. 0264c04). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100239. 0459c17).



Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, trời gần về sáng, có một thiên tử dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ đức Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử chiếu sáng kháp rừng Kỳ-đà, vườn Cáp Cô Độc. Khi ấy, vị thiên tử kia dùng kệ hỏi Phật: Ai che đậy thế gian? Ai trói buộc thế gian? Ai nhớ nghĩ chúng sanh?49 Chúng sanh dựng cờ nào? Bây giơ, Thê Tôn noi kẹ đáp: Vô minh che the gian, Ái trói buộc chúng sanh, Che đậy nhớ chúng sanh,5051 Chúng sanh dựng cờ mạn. Bấy giờ, thiên tử này lại dùng kệ hỏi Phật: Ai không bị che phủ? Ai không bi ái buộc? Ai thoát khỏi che đậy? Ai không dựng cờ mạn? Bây giờ5 The Ton noi kê đáp: Như Lai, Đẳng Chánh Giác, Chánh trí, tâm giải thoát,

Không bị vô minh che, Cũng không bị ái buộc, Vượt thoát khỏi ngăn che, Bẻ gãy cờ ngã mạn. Lúc ấy, thiên tử lại nói kệ: Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian. Bấy giờ, thiên tử kia nghe Phật dạy xong đã hoan hỷ và tùy hỷ, liền cúi lạy sát chân Ngài rồi biến mất. *** 1013. TÀI SẢN51 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, trời gần về sáng, có một thiên tử dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ đức Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà? vườn cấp Cô Độc.

49 Nguyên tác: Thùy ức ư,chúng sanh ().Tham chiếu: Biệt Tạp.(T.02. 0100.239. 0459c22): Vật gì làm dơ bẩn chúng sanh?(). 50 Nguyên tác: Ấn phú ức chúng sanh ().Tham chiếu: Biệt Tạp.(T.02. 0100.239. 0459c25): Sân làm ô nhiễm chúng sanh (). 51 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1013. 0264c26). Tham chiếu: Biêt Tạp. (T.02. 0100240. 046Ồa08); s. 1.73 - L 42.



Khi ấy, vi thiên tử kia dùng kệ hỏi Phật: Những gì là quý nhất, Trong tất cả tài sản? Khéo tu tập pháp gì, Đe đạt được an lạc? Trong tất cả vi ngon, Vị nào là thượng hạng? Loài nào trong chúng sanh, Được tuổi thọ bạc nhát? Bay giơ, The Ton noi kẹ đáp: Tâm thanh tịnh an vui, Là tài sản quý nhất, Thực hành theo Chánh pháp, Sẽ đạt được an vui. Lời vi diệu chân thật, Là vị ngon thượng hạng, Người sống như Hiền thánh, Được thọ mạng bậc nhất. Lúc ấy, thiên tử lại nói kệ: Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian. Bấy giờ, thiên tử kia nghe Phật dạy xong đã hoan hỷ và tùy hỷ, liền cúi lạy sát chân Ngài rồi biến mất. ***

1014. TỲ-KHEO TRỤ NƠI NÀO?52 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-dà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ, trời gân vê sáng, có một thiên tử dung săc tuyệt đẹp đi đên chô đức Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà? vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, vị thiên tử kia dùng kệ hỏi Phật: Thế nào là bạn tốt, Đồng hành với Tỳ-kheo? Tỳ-kheo phải nương theo, Pháp nào để dạy người? Tỳ-kheo trụ nơi nào, Giúp tâm được an lạc? An vui nơi đó rồi, Giải thoát mọi khổ đau? Bay giơ, The Ton noi kẹ đáp: Tín là bạn đồng hành, Trí tuệ dạy chúng sanh, Trụ Niết-bàn an lạc, Tỳ-kheo dứt khổ đau. Lúc ấy, thiên tử lại nói kệ: Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian.

52 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.1014. 0265al6). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02.0100241. O46ồa24); s. l.59 -L 38.



5 Bây giờ, thiên tử kia nghe Phật dạy xong đã hoan hỷ và tùy hỷ, liên cúi lạy sát chân Ngài rồi biến mất. *** 1015. TRÌ GIỚI53 _ . Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ, trời gân vê sáng, có một thiên tử dung sác tuyệt đẹp đi đên chô đức Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô

Độc. Khi ấy, vị thiên tử kia dùng kệ hỏi Phật: Điều gì tốt đến già? Kiến lập gì là tốt? Vật gì người quý nhất? Vật gì cướp khó đoạt? Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp: Giữ giới tốt đến già, Kiến lập tịnh tín tốt, Trí tuệ là quý nhất, Công đức, cướp khó đoạt. Lúc ấy, thiên tử lại nói kệ: Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian. Bấy giờ, thiên tử kia nghe Phật dạy xong đã hoan hỷ và tùy hỷ? liền cúi lạy sát chân Ngài rồi biến mất. *** 1016. PHÁP GÌ SANH CHÚNG SANH54 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, trời gần về sáng, có một thiên tử dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ đức Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, vị thiên tử kia dùng kệ hỏi Phật: Pháp gì sanh chúng sanh? Pháp gì rong ruổi trước? Do đâu khởi tử, sanh? Pháp gì không giải thoát?

53 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1015. 0265b04). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100242. 0460ỒỒ10); s. 1.51  I. 36. 54 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1016. 0265b 18). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100243. 0460b23); s. 1.56 -1. 37.



Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp: Ai dục sanh chúng sanh, Tâm ý rong ruổi trước, Chúng sanh khởi tử, sanh, Pháp khổ không giải thoát. Lúc ấy, thiên tử lại nói kệ: Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn? Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian. Bây giờ, thiên tử kia nghe Phật dạy xong đã hoan hỷ và tùy hỷ5 liên cúi lạy sát chân Ngai rồi biến mất. *** 1017. NGHIỆP LÀ NƠI NƯƠNG TƯA55 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. , Bây giờ, trời gân vê sáng, có một thiên tử dung sác tuyệt đẹp đi đên chô đức Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà? vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, vi thiên tử kia dùng kệ hỏi Phật: Pháp gì sanh chúng sanh? Pháp gì rong ruổi trước? Do đâu khởi tử, sanh? Pháp gì nên nương tựa? Bay giơ, The Ton noi kệ đáp: Ái dục sanh chúng sanh, Ý luôn rong ruổi trước, Chúng sanh khởi tử, sanh, Nghiệp là nơi nương tựa.56 Lúc ấy, thiên tử lại nói kệ: Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian. Bay giờ, thiên tử kia nghe Phật dạy xong đã hoan hỷ và tùy hỷ, liền cúi lạy sát chân Ngài rồi biến mất. *** 1018. ĐÁNG SỢ NHẤT57 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà5 thuộc nước Xá-vệ.

55 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1017. 0265b03). Tham chiếu: Biệt Hp. (r.02. 0100244. 046ỒC08); s. 1.57 -1. 38. 56 Nguyên tác: Nghiệp giả khả y hỗ ().Tham chiếu: s. 1.57 - L 38: Kammam tassa parayananti (nghiẹp quyết định vạn mạng). 57 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.1018. 0265b17). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100.245. 0460c21); s. 1.55 -1. 37.



Bấy giờ, trời gần về sáng, có một thiên tử dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ đức Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử chiếu sáng khắp

rừng Kỳ-đà? vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, vị thiên tử kia dùng kệ hỏi Phật: Pháp nào sanh chúng sanh? Pháp nào rong ruổi trước? Do đâu khởi tử, sanh? Pháp nào đáng sợ nhất? Bay giơ, The Ton noi kẹ đáp: Ái dục sanh chúnh sanh, Y luôn rong ruôi trước, Chúng sanh khởi tử, sanh, Nghiệp là đáng sợ nhất. Lúc ấy, thiên tử lại nói kệ: Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian. Bấy giờ, thiên tử kia nghe Phật dạy xong đã hoan hỷ và tùy hỷ, liền cúi lạy sát chân Ngài rồi biến mất. *** 1019. PHI ĐẠO58 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, trời gần về sáng, có một thiên tử dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ đức Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, vị thiên tử kia dùng kệ hỏi Phật: Pháp nào trái với đạo? Pháp nào luôn biến chuyển? Pháp nào nhơ Phạm hạnh? Pháp nào lụy thế gian? Bay giơ, The Ton noi kẹ đáp: Tham dục là trái đạo, Mạng sống luôn biến chuyển, Người nữ nhơ Phạm hạnh, Người nữ lụy thế gian, Nhiệt thành tu Phạm hạnh, Rửa sạch các lỗi nhỏ. Lúc ấy, thiên tử lại nói kệ: Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian. Bây giờ5 thiên tử kia nghe Phật dạy xong đã hoan hỷ và tùy hỷ? liên cúi lạy sát chân Ngài rồi biến mất. *** 58 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1019. 0266a02). Tham chiếu: Biệt Tạp. (7.02.0100246. 0461a05); S. 1.58 - 1.38.

QUYẾN36 nil

1020. DANH59 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ? trời gần về sáng, có một thiên tử dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ đức Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà? vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, vị thiên tử kia dùng kệ hỏi Phật: Pháp gì rạng thế gian? Pháp gì là trên hết? Những gì là một pháp, Chê ngự kháp chúng sanh? Bay giơ, The Ton noi kẹ đáp: Danh rạng ngời thế gian, Danh là nhất cối đời, Chỉ có một danh này, Chế ngự cả thế gian. Lúc ấy, thiên tử lại nói kệ: Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn? Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian. Bấy giờ9 thiên tử kia nghe Phật dạy xong đã hoan hỷ và tùy hỷ. liền cúi lạy sát chân Ngài rồi biến mất. *** 1021. THI KỆ60 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ, trời gân vê sáng, có một thiên tử dung sác tuyệt đẹp đi đên chô đức Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, vi thiên tử kia dùng kệ hỏi Phật: Pháp gì nguồn6162 của kệ? Kệ lấy gì trang nghiêm? Kệ phải nương vào đâu? Lấy gì làm bản thể? Bay giơ, The Ton noi kẹ đáp: Nguồn kệ luật thi ca,62 Trang nghiêm bằng từ ngữ, Tên gọi là chỗ nương, Thi nhân là bản thể.

59 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.1020. 0266al7). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100247. 0461a21); s. 1.61 - L 39. 60 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1021. 0266Ồ02). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100248. 0461b07); s. 1.60 -1. 38. 61 Nguyên tác: Nhân ().s. 1.60 -1. 38: Nidāna (nguồn cội, căn nguyên). 62 Nguyên tác: Dục ().s. 1.60 - L 38: Chanda. Chanda vừa có nghĩa là dục vừa có nghĩa là luật lệ vần điệu ().Theo ngữ cảnh của bài kinh, “due"()mang nghĩa thứ hai.

LÚC ấy, thiên tử lại nói kệ: Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian. Bấy giờ, thiên tử ấy nghe đức Phật dạy xong đã hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ sát chân Phật rồi biến mất. *** 1022. DẤU HIỆU NHẬN BIẾT6364 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ5 trời gân vê sáng, có một thiên tử dung sac tuyệt đẹp đi đên chô đức Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, vị thiên tử kia dùng kệ hỏi Phật: Làm sao biết là xe? Làm sao biết có lửa? Làm sao biết cõi nước? Làm sao biết người vợ? , The Ton nói kẹ đáp: Thấy cờ, lọng biết xe, Thấy khói biết có lửa, Thấy vua biết cõi nước, Thấy chồng biết được vợ. Thiên tử lại nói kệ: Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian. Bấy giờ, thiên tử ấy nghe đức Phật dạy xong đã hoan hỷ và tùy hỷ9 đảnh lễ sát chấn Phật rồi biến mất?54

63 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1022. 0266b16). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100249. 0461Ồ20); s. 1.72 -1.41. 64 Bản Hán, hết quyển 36.



QUYỂN 37 1023. TÔN GIẢ PHẢ-CẦU-NA1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ, có Tôn giả Phả-câu-na12 bị bệnh rát nguy kịch, đang năm trong giảng đường Lộc Tử Mau ở Đông Viên.3 Tôn giả A-nan đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi đứng qua một bên và bạch: -Kính bạch Thế Tôn! Tôn giả Phả-cầu-na bị bệnh rất nguy kịch, đang nằm trong giảng đường Lộc Tử Mầu ở Đông Viên; Với bệnh tình như vậy thì Tỳ- kheo ấy có thể sẽ qua đời. Lành thay, thưa Thế Tôn! Xin Ngài thương xót Tôn giả Phả-cầu-na mà đến giảng đường Lộc Tử Mau ở Đông Viên. Thế Tôn im lặng nhận lời. Sau thời tọa thiền buổi chiều, Thế Ton đi đến giảng đường Lộc Tử Mầu ở Đông Viên rồi vào phòng Tôn giả Phả-cầu-na trải tòa ngồi. Phật vì Tôn giả Phả-cầu-na mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ? khiến cho hoan hỷ.4 Sau khi đã thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho Tôn giả hoan hỷ rồi, Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy trở về trụ xứ. Sau khi Thế Tôn rời đi được một lúc thì Tôn giả Phả-cầu-na viên tịch. Lúc viên tịch, các căn của Tôn giả an lạc, dung mạo thanh thoát, màu da sáng nhuận. Tôn giảA-nan sau khi cúng dường Xá-lợi của Tôn giả Phả-cầu-na xong, trở về chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi đứng qua một bên và thưa:

1 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.7.02. 0099.1023. 0266c09. Tham chiếu: A. 6.56 - III. 379. 2 Phả-cầu-na Phagguna. 3 Đông Viên Lộc Mau giảng đường có khi được viết là Đông Viên Lộc Tử Mau giảng đường ,Pubbārāma Migāramātu Pāsādā. Đông Vien Pubbārāma là tên riêng củarnột khu vườn nằm bên ngoài cửa Đông của thành Xá^ệ Sāvatthi; Lộc Mầu giảng đường Migāramātu pāsādā là giảng đường được thiện nữ Tỳ-xá-khư Visākhā xây dựng cúng dường cho chư Tang. Theo DhA. L 407, do vì nư cư sĩ Tỳ-xá-khư Visākhā có người con tên la Migara M nên cũng được gọi là mẹ của Migãra. 4 Nguyên tác: Thị,

giáo, chiếu, hy ,.Cú ngữ^này trong Du hành kinh r.o 1.0001.2. 0012004 ghi là^Ẩị, giáo, lợi, hy,?,,;ñatxa kinh .1. 0026.9. 0429c28 ghi là "khuy phát, khát ngưỡng, thành tựu, hoan hJ ,,nghĩa là mở bay^, sandassetỉ^ dạy bảo samādapeti^ khích lệ samiỉttẹịeti và khiên được hoan hỷ sampahamseti. Ngài Huyền Trang dịch cú ngữ nay là uthi hiện, giao đạo, tán lệ, khanhjiy^ ,.Ngài Nghĩa Tinh dịch là "khai thị, khuyến đạo, tán lệ, khánh hỷ?,,

1114 KINH TẠPA-HÀM ----------

-Kính bạch Thế Tôn! Sau khi Thế Tôn đến thăm thì không lâu sau Tôn giả Phả-cầu-na viên tịch. Lúc sắp viên tịch, các căn của thầy ấy an lạc, dung mạo thanh thoát, màu da sáng nhuận. Kính bạch Thế Tôn! Không biết Tôn giả ấy sẽ sanh về đâu, thọ sanh thế nào, đời sau ra sao? Phật nói với Tôn giả A-nan: Nếu có Tỳ-kheo nào trước khi bị bệnh vẫn chưa đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, đến khi phát bệnh, thân thể đau dơn, tâm không an ổn, sự sống mong manh mà được nghe Phật khai thị5 giáo giới, chỉ bày Diệu pháp thì sau khi nghe pháp xong, Tỳ-kheo ấy sẽ đoạn dứt năm hạ phần kiết sử. Này A-nan! Đây là phước lợi nhận được từ sự dạy dỗ5 nhắc nhở của Đại sư. Nếu có Tỳ-kheo nào trước khi bệnh vẫn chưa đoạn trừ năm hạ phần kiết sử5 đến khi phát bệnh, thân thể đau đớn, tâm không an ổn, sự sống mong manh mà không được nghe Phật khai thi, giáo giới, chỉ bày Diệu pháp, nhimg lại gặp được các vi Đại đức đa văn Phạm hạnh khai thị, giáo giới, chỉ bày Diệu pháp thì sau khi được nghe pháp xong, Tỳ-kheo ấy sẽ đoạn được năm hạ phan kiết sử. NàyA-nan! Đây gọi là phước lợi nhận được từ sự khai thị5 giáo giới, nghe pháp. Lại nữa, A-nan! Nêu có Tỳ-kheo nào trước khi bệnh vân chưa đoạn trừ năm hạ phân kiêt sử... (cho đên) sự sông mong manh, nhưng không được nghe đức Phật khai thị, giáo giới? chỉ bày Diệu pháp, lại cũng không được nghe các vị Đại đức đa văn Phạm hạnh khai thị, giáo giới, chỉ bày Diệu pháp, nhimg từ trước vị này đã lãnh thọ Chánh pháp, thường một mình ở nơi yên vắng tư duy, quán sát thì vi ấy cũng đoạn được năm hạ phần kiết sử. Này A-nan! Đây gọi là được phước lợi từ sự tư duy, quán sát Chánh pháp đã nghe từ trước. Lại nữa, A-nan! Nếu có Tỳ-kheo nào trước khi bệnh đã đoạn trừ năm hạ phan kiết sử, nhưng chưa đoạn tận mọi khát ái để đạt được giải thoát/ dù các lậu không còn sanh khởi nhưng tâm chưa giải thoát hoàn toàn; sau đó lâm bệnh, thân thể đau đớn, sự sống mong manh, nhưng lại được nghe Phật chỉ dạy, giáo giới, thuyết pháp thì vị ấy sẽ đoạn tận mọi khát ái và được giải thoát, các lậu không sanh khởi, lìa dục, được giải thoát. Này A-nan! Đây gọi là được phước lợi từ sự thuyết pháp của Đại sư. Lại nữa, A-nan! Nếu có Tỳ-kheo nào trước khi bệnh đã đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, nhưng chưa đoạn tận mọi khát ái để đạt được giải thoát, các lậu không còn sanh khởi [nhimg chưa] lìa dục để được giải thoát; biết thân bị bệnh, đau đớn khô sở vô cùng, tuy không được Phật chỉ dạy, giáo giới, thuyết pháp, nhưng lại được các vị Đại đức đa văn Phạm hạnh chỉ dạy, giáo giới, thuyết pháp thì vị ây sẽ đoạn tận mọi khát ái và được giải thoát, các lậu không sanh khỏi, lìa dục, được giải thoát. Này A-nan! Đây gọi là được phước lợi từ sự chỉ dạy, giáo giới, thuyêt pháp.

5 Nguyên tác: Vô thượng ái tận giải thoát (tanhāsañkhayavimutta): Được giải thoát với sự đoạn tận khát ái.

QUYỂN 37  1115

Lại nữa, A-nan! Nấu có Tỳ-kheo nào trước khi bệnh đã đoạn trừ năm hạ phần kiết sử? nhưng chưa đoạn tận mọi khát ái để đạt được giải thoát, các lậu không còn sanh khởi [nhtrng chưa] lìa dục để được giải thoát; khi thân lâm bệnh, đau đớn kho sở vô cùng, tuy không được đức Phật chỉ dạy, giáo giới, thuyết pháp, cũng không được các vi Đại đức đa văn Phạm hạnh chỉ dạy, giáo giới, thuyết pháp, tuy nhiên vị ấy từ trước đã được nghe pháp, thường một mình ở nơi yên văng tư duy thiên định, quán sát thì vị ây cũng sẽ đoạn tận mọi khát ái và được giải thoát, các lậu không sanh khởi, lìa dục, được giải thoát. Này A-nan! Đây gọi là được phước lợi từ sự tư duy và quán sát giáo pháp đã lắng nghe từ trước. Do duyên gì mà Tỳ-kheo Phả-cầu-na không có được các căn an lạc, dung mạo thanh thoát, màu da sáng nhuận? Bởi vì Tỳ"kheo Phả-cầu-na trước khi lâm bệnh vẫn chưa đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, nhung khi [vị ấy lâm bệnh,] đích thân được nghe Phật chỉ dạy, giáo giới và thuyết pháp, đã đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử [nên mới có được các căn an lạc, dung mạo thanh thoát, màu da sáng nhuận]. Bấy giờ, Thế Tôn còn xác chứng Tôn giả Phả-cầu-na đã đắc quảA-na-hàm. Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe lời Phật dạy đã hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ đức Phật rồi lui ra. *** 1024. TÔN GIẢ A-THẤP-BA-THỆ6 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.* Bấy giờ, Tôn giả A-thấp-ba-thệ78bị bệnh năng, vô cùng khốn khổ, đang nằm trong giảng đường Lộc Tử Mau ở Đông Viên. Tôn giả Phú-lân-ni là người chăm sóc và lo liệu... (nói đầy đủ như Kinh Bạt-ca-lê ở trướcnghĩa là nói ba cảm thọ, cho đen) càng tăng thêm chử không thuyên giảm. Phật nói với Tôn giả A-thấp-ba-thệ:  Thầy không có điều gì phải hối tiếc chứ?

Tôn giả A-thấp-ba-thệ bạch Phật:  Kính bạch Thế Tôn! Con thật sự có hối tiếc.

6 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1024. 0267Ồ05). Tham chiếu: s. 22.88 - III. 124. 7 A-thấp-ba-thệ (,Assaji). 8 Theo ngài Ấn Thuận trong Tạp A-hàm kinh luận hôi biên (y.32. 0030.1265. 0725a02)

1116  KINH TẠPA-HÀM

Phật hỏi Tôn giả A-thấp-ba-thệ:

Thầy không phá giới chứ?

Tôn giả A-thấp-ba-thệ bạch Phật:

Kính bạch Thế Tôn! Con không phá giới.

Phật lại hỏi Tôn giả A-thấp-ba-thệ:

Thầy không phá giới thì vì điều gì mà phải hối tiếc?

Tôn giả A-thấp-ba-thệ bạch Phật:  Kính bạch Thế Tôn! Lúc chưa lâm bệnh, do con tu tập nhiều nên thân được khinh an và chứng nhập chánh định. Còn hiện tại, con không thể chứng nhập chánh định ấy được nữa nên con tự nghĩ: "Lẽ nào chánh đinh đã bị

thoái thát u?” Đức Phật bảo Tôn giả A-thấp-ba-thệ:  Nay Như Lai hỏi thầy, thầy hãy trả lời theo suy nghĩ của mình. Này A-thấp-ba-thệ! Thầy có thấy sắc tức là ngã, hay sắc khác với ngã, hay là chúng ở trong nhau? Tôn giả A-thấp-ba-thệ bạch Phật: - Thưa không, bạch Thế Tôn! Lại hỏi:  Thầy có thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, hoặc khác với ngã, hoặc ở trong nhau không? Tôn giả A-thấp-ba-thệ bạch Phật: - Thưa không, bạch Thế Tôn! Phật bảo Tôn giả A-thấp-ba-thệ:  Thầy đã không thấy sắc là ngã, hoặc khác với ngã, hoặc ở trong nhau; cũng không thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, hoặc khác với ngã, hoặc ở trong nhau thì cơ gì thầy lại hối tiec? Tôn giả A-thấp-ba-thệ bạch Phật:  Kính bạch Thế Tôn! Con hối tiếc vì không chánh tư duy.9 Phật nói với Tôn giả A-thấp-ba-thệ:  Nếu có Sa-môn hay Bà-la-môn nào vững chãi trong thiền định, an tịnh10 trong thiền đinh mà không chứng nhập được chánh định đó thì không nên nghĩ rằng: ^Ta đã thoái thất đối với chánh djnh." Nếu vị Thánh đệ tử đã không còn thấy sắc là ngã, hoặc khác ngã, hoặc ở trong nhau; cũng không thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, hoặc khác ngã, hoặc ở trong nhau thì hãy tỉnh giác khởi lên

9 Chánh tư duy cũng còn gọi là "nhu lý tư duy"“nhu lý tác V", yonisomanasikārā: Nhận thức sự vật như chúng đang là. 10 Nguyên tác: Bình đẳng tương đương Pâli là sama. Sāmā ngoài nghĩa bình đẳng còn mang nghía là an tịnh. J



Sự hiểu biết11 như vầy: "Tham dục đã dứt sạch không còn sót; sân hận, si mê cũng đã dứt sạch không còn s6t." Khi tham dục, sân hận và si mê đã hoàn toàn dứt sạch rồi thì tất cả lậu cũng dứt sạch, được tâm vô lậu giải thoát, được tuệ giải thoát, tự thân tác chứng và tự nhận biết ngay trong hiện tại rằng: “Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Trong lúc đức Phật nói pháp, Tôn giả A-thấp-ba-thệ không khởi các lậu hoặc, tâm được giải thoát, hoan hỷ, hân hoan. Nhờ tâm được hoan hỷ, hân hoan nên thân bệnh liền tiêu trừ. Đức Phật nói kinh này giúp cho Tôn giảA-thấp-ba-thệ được hoan hỷ và tùy hỷ rồi Ngài từ chỗ ngồi đứng dậy và rời đi. Như Kỉnh Tỳ-kheo Saỉ-ma nói về năm thọ ấm.n ***

1025. TỲ-KHEO BỆNH11 13 12 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo trẻ tuổi mới xuất gia học đạo ở trong Giáo pháp và Giới luật của đức Phật chưa bao lâu nên hiểu biết còn ít ỏi, một mình làm lữ khách, không có người chu cấp, tá túc trong phòng dành cho khách Tăng bên cạnh một thôn xóm. Thầy ấy đang bị bệnh rất nguy kịch. Lúc ấy, có số đông Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: -Kính bạch Thế Tôn! Có một Tỳ-kheo trẻ tuổi mới xuất gia học đạo... (cho đến) bị bệnh rất nguy kịch, đang ở trong phòng dành cho khách Tăng bên cạnh một thôn xóm. Bệnh tình của Tỵ-kheo như vậy có lẽ sẽ qua đời. Lành thay! Xin Thế Tôn từ bi thương xót mà đến chỗ của vị ấy. Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Sau thời tọa thiền chiều hôm đo, Thế Tôn liền đi đến chỗ Tỳ-kheo lâm bệnh. Vị Tỳ-kheo này từ xa trông thấy Thế Tôn đến, liền vịn vào thành giường định ngồi dậy, Thế Tôn từ ái nói: -Thầy hãy nằm nghỉ, đừng cố gượng dậy. Thế nào, Tỳ-kheo? Thầy có thể chịu đựng được bệnh kho không?... (chi tiết

giong như Kinh Tỳ-kheo Saỉ-ma trước đã nói,14 đó là nói về ba thọ, cho đến) bệnh khổ chỉ tăng thêm chứ không thuyên giảm.

11 Nguyên tác: Giác tri (,sampajānā). 12 Xem ?.(7.02. 0099.103. 0029c06). 13 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1025. 0267c07). Tham chiếu: s. 35.74 - IV. 46. 14 Xem Tạp.(T.Q2. 0099.103. 0029c06).



Phật lại nói với thầy Tỳ-kheo bệnh:

Nay Như Lai hỏi thầy, thầy hãy trả lời theo ý của mình. Thầy không có điều gì phải hối tiếc chứ?

Tỳ-kheo bệnh bạch Phật:

-Kính bạch Thế Tôn! Con thật sự có hối tiếc.

Phật hỏi Tỳ-kheo bệnh:

- Thầy không phạm giới chứ?

Tỳ-kheo bệnh bạch Phật:

—Bạch Thế Tôn! Thật sự con không phạm giới.

Phật lại hỏi vị Tỳ-kheo:

Nếu không phạm giới thì thầy hối tiếc về điều gì?

Tỳ-kheo bệnh bạch Phật: Con tuổi trẻ xuất gia chưa được bao lâu, đối với pháp thượng nhân và tri kiến thắng diệu con vẫn chưa được chứng đắc. Con tự nghĩ, không biết sau khi qua đời mình sẽ sanh về đâu, nên con hối tiếc. Phật bảo Tỳ-kheo: -Nay Như Lai hỏi, thầy hãy trả lời theo suy nghĩ của mình. Này Tỳ-kheo! Vì có nhãn căn cho nên có nhãn thức phải không? Tỳ-kheo bệnh bạch Phật: -Kính bạch Thế Tôn! Đúng thật như vậy. Phật lại hỏi Tỳ-kheo: - Này Tỳ-kheo, ý thầy thế nào? Vì có nhãn thức nên có nhãn xúc, do nhãn xúc làm nhân, làm duyên nên sanh khởi cảm thọ bên trong hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không kho không vui phải không? Tỳ-kheo bệnh bạch Phật: - Kính bạch Thế Tôn! Đúng thật như vậy. r r (Đôi với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói tương tự như thê). Đức Phật lại hỏi: -Thế nào Tỳ-kheo? Nếu không có nhãn căn thì không có nhãn thức phải không? Tỳ-kheo bệnh bạch Phật: - Kính bạch Thế Tôn! Đúng thật như vậy. Phật lại hỏi Tỳ-kheo: - Này Tỳ-kheo! Nếu không có nhãn thức thì không có nhãn xúc phải không? Nếu đã không có nhãn xúc sẽ không có nhãn xúc làm nhân, làm duyên sanh khởi cảm thọ bên trong hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui, phải không?



Tỳ-kheo bệnh bạch Phật: -Kính bạch Thế Tôn! Đúng thật như vậy. (Đôi với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói tương tự như thể). Vì thế, này Tỳ-kheo! Các thầy phải khéo tư duy pháp như vậy thì lúc qua đời mới được an ổn và đời sau cũng sẽ tốt đẹp. Bấy giờ, Thế Tôn vì Tỳ-kheo bệnh mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích le, khiến cho hoan hỷ rồi, Ngài liền đứng dậy trở về trụ xứ. Không bao lâu sau khi The Tôn rời đi, Tỳ-kheo này qua đời. Lúc sắp qua đời? các căn của thầy ấy an lạc, dung mạo thanh thoát, màu da sáng nhuận. Lúc này, số đông Tỳ-kheo cùng đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi

ngồi sang một bên và thưa: - Kính bạch Thế Tôn! Ty-kheo trẻ tuổi lâm bệnh nặng ấy nay đã qua đời. Lúc sắp qua đời, các căn của thầy ấy an lạc, dung mạo thanh thoát, màu da sáng nhuận. Kính bạch Thế Tôn! Thầy Tỳ-kheo ấy sẽ sanh về nơi nào? Thọ sanh ra sao? Đời sau the nào? Phật nói với các Tỳ-kheo: - Vị Tỳ-kheo đã qua đời ấy thật sự là vật báu. Nghe Như Lai nói pháp, thầy ấy thấu hiểu rõ ràng, được vô sở úy đối với giáo pháp, chứng Niết-bàn tối hậu.15 Các thầy nên cúng dường Xá-lợi vi ấy. Bấy giờ, Thế Tôn thọ ký cho thầy Tỳ-kheo này chứng quả A-la-hán.16 Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

1026. Tự CHỦ KHI TẬT BỆNH17 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. (Nói tương tự như kỉnh trên chỉ có khác ở cho):  Các thây hãy lăng nghe và khéo suy nghĩ! Như Lai sẽ vì các thây mà giảng nói. Nếu Tỳ-kheo nào suy nghĩ như vầy: “Ta nên đối với thân có thức này cùng với tất cả tướng trạng của cảnh giới bên ngoài mà không thấy có ngã, ngã sở và ngã mạn trói buộc, sai sử thì ngay trong hiện tại tự thân tác chứng và an trụ đầy đủ cùng với tâm giải thoát và tuệ giải thoát; đối với thân có thức này cùng với tất cả tướng trạng của cảnh giới bên ngoài mà không thấy có ngã5 ngã

15 Nguyên tác: Bát-niết-bàn (,Parimbbānam)'. Niết-bàn tối hậu. 16 Thọ đệ nhất ký ().Xem chú thích 66, kinh số 302, quyển 12, tr. 362; Tạp.(T.02. 0099.302. 0086a04).
17 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.1026. 0268a20). Tham chiếu: s. 35.75 - IV. 47.



SỞ và ngã mạn trói buộc, sai sử thì hiện tại tự thân tác chứng và an trụ đầy đủ cùng với tâm giải thoát và tuệ giải thoát kia." Tỳ-kheo kia đã tự suy nghĩ: "Ta đôi với thân có thức này cùng với tát cả tướng trạng của cảnh giới bên ngoài không thay có ngã, ngã sở và ngã mạn trói buộc, sai sử, ngay trong hiện tại tự thân tác chứng và an trụ đầy đủ cùng với tâm giải thoát và tuệ giải thoát; đối với thân có thức này cùng với tất cả tướng trạng của cảnh giới bên ngoài không thấy có ngã, ngã sở và ngã mạn trói buộc, sai sử thì hiện tại tự thân tác chứng và an trụ đay đủ cung với tâm giải thoát và tuệ giải thoát kia." Nếu Ty-kheo kia đối với thân có thức này cùng với tất cả tướng trạng của cảnh giới bên ngoài đã không còn thấy có ngã, ngã sở, ngã mạn trói buộc, sai sử, ngay trong hiện tại tự thân tác chứng và an trụ đầy đủ cùng với tâm giải thoát và tuệ giải thoát; khi vị ấy đối với thân có thức này cùng với tất cả tướng trạng cảnh giới bên ngoài, đã không còn thấy có ngã, ngã sở và ngã mạn trói buộc, sai sử, hiện tại tự thân tác chứng và an trụ đầy đủ cùng tâm giải thoát và tuệ giải thoát kia rồi thì đây gọi là Tỳ-kheo đoạn trừ ái dục, dứt các kiết sir, tỏ ngộ về mạn, 18 vượt thoát khổ đau. Đức Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

19

1027. KHÉO TƯ DUY*

Tôi nghe như vay:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà5 thuộc nước

Xá-vệ.

Nói tương tự như trên, chỉ có khác biệt ở cho Phật hỏi vị Tỳ-kheo bệnh:

-Thầy không tự mình phạm giới phải không?

Tỳ-kheo bệnh bạch Phật:

Kính bạch Thế Tôn! Con không chỉ vì giữ gìn tịnh giới mà đến chỗ Thế Tôn để tu Phạm hạnh.

Phật lại hỏi Tỳ-kheo:

-Thầy vì những điều gì mà đến chỗ Như Lai để tu Phạm hạnh?

^H^Jguyen tác: Đoạn ái dục, chuyển khứ chư kiết, chánh vô gián đẳng, cứu cánh khổ biên , .Chánh vô gián đăng là cách viêt chưa đúng của “chi mạn vô gián gặng'samma mānābh is am áyã. ơ đây, "chí"có nghĩa là khiến cho ngưng nghỉ l""mạn",chính là kiêu mạn, ngã mạn; "v6 gián"nghĩa là không bftra ngại và “qảiìg” có lẽ được dịch cua sammā, nghĩa la toàn diện, hoàn toàn. Do vậy, "chí mạn vô gián dng”Sammā mãnābhisamayã trong thành cú này được dịch là diệt sạch ngã mạn. Tham chiếu toàn bộ thành cú này ở M 2, Sabbāsava Sutta Kinh tất cả các lậu hoặc. Acchecchi tanham, vivattayi sarnyojanam, sammā mãnābhisamayã antarnakãsỉ dukkhassa Đã đoạn diệt khát ái / Đã thoát ly kiết sử / Đã chánh tri kiêu mạn / Đã diệt tận khổ đau, HT. Thích Minh Châu dịch. 19 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r02. 0099.1027. 0268b 10.

QUYÊN 37 1121

Tỳ-kheo bệnh bạch Phật: -Con vì muốn dứt trừ tham dục nên đến chỗ Thế Tôn để tu Phạm hạnh; vì muốn dứt trừ sân hận và si mê nên đến chỗ Thế Tôn để tu Phạm hạnh. Phật bảo Tỳ-kheo: Đúng vậy? đúng vậy! Thầy thật sự là vì muốn dứt trừ tham dục mà đến chỗ Như Lai đe tu Phạm hạnh; vì muốn dứt trừ sân hận và si mê mà đến chỗ Như Lai để tu Phạm hạnh. Này Tỳ-kheo! Vì tham dục trói buộc nên không lìa được dục, vì vô minh trói buộc nên trí tuệ không thanh tịnh. Cho nên, này Tỳ-kheo! Ngay nơi dục mà lìa được dục thì tâm giải thoát, do lìa vô minh thì được tuệ giải thoát. Nếu Tỳ-kheo nào ngay nơi dục mà lìa được dục thì tự thân tác chứng tâm giải thoát, lìa được vô minh thì tự thân tác chứng tuệ giải thoát. Đây gọi là Tỳ-kheo đã đoạn trừ ái dục, dứt các kiết sử, diệt sạch ngã mạn, vượt thoát khổ đau. Thế nên, Tỳ-kheo! Đối với pháp này phải khéo tư duy. Nói đầy đủ như trên... cho đếri Phật thọ ký cho thầy Tỳ-kheo này chứng quả A-la-hán.20 Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

1028. CHÁNH NIỆM KHI DƯỠNG BỆNH21 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có số đông Tỳ-kheo tập hợp tại giảng đường Già-lê-lệ.22 Lúc này có nhiều Tỳ-kheo đang bị bệnh. Chiều hôm ấy, sau thời tọa thiền, Thế Tôn đi đến giảng đường Già-lê-lệ, trải tòa ngồi ở trước đại chúng rồi bảo các Tỳ-kheo: -Trong khi dưỡng bệnh,23 các thầy nên chánh niệm. Đó là lời giáo huấn của Như Lai. Này Tỳ-kheo, thế nào là chánh niệm? Nghĩa là Tỳ-kheo sống quán niệm thân trên nội thân, tinh cân nô lực, chánh niệm tỉnh giác, điêu phục tham ưu ở thế gian; sống quán niệm thân trên ngoại thân, sống quán niệm thân trên cả nội thân

và ngoại thân; song quán niệm thọ trên nội thọ, ngoại thọ, nội và ngoại thọ; sông quán niệm tâm trên nội tâm, ngoại tâm, nội và ngoại tâm; sông

20 Thọ đệ nhất ký .Theo Đài Đại Sư Tử Hống Phật học chuyên trạm JÍ6 là sự thọ ký cho một người thành tựu quả vị tôi cao, tức là A-la-hán .Khảo về trường hợp đức Phật thọ ký cho Tỳ-kheo Cù-đê-ca Godhika trong Tạp. r02. 0099.1091. 0286a02 đã khẳng định thêm về quan điểm này. 21 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.1028. 0268b27. Tham chiếu: s. 36.7 - IV. 210. 22 Già-lê-lệ giảng đường có lẽ từ Gilānasālā, chỉ cho bệnh xá. 23 Nguyên tác: Đãi thời chờ đợi thời duyên, theo ngữ cảnh là chờ lành bệnh.



quán niệm pháp trên nội pháp, ngoại pháp, nội và ngoại pháp; tinh cân nô lực, chánh niệm tỉnh giác, điều phục tham ưu ở thế gian. Đây gọi là Tỳ-kheo nhớ nghĩ chánh niệm. Thế nào là tỉnh giác? Nghĩa là Tỳ-kheo trong [khi] đi tới hoặc đi lui luôn an trụ trong tỉnh giác; hoặc lúc nhìn ngó, hoặc khi quán sát, hoặc khi co, duỗi, cúi, ngước, hoặc khi đắp y, ôm bát, đi, đứng, nằm, ngồi, ngủ, thức, ngay cả với năm mươi, sáu mươi người thì khi nói năng hay im lặng đều an trụ trong tỉnh giác. Này Tỳ-kheo! Đây gọi là tỉnh giác. Cũng vậy, Tỳ-kheo! Vị nào an trụ vào chánh niệm tỉnh giác thì có thể phát sanh cảm thọ lạc. Điều này là có nhân duyên chứ không phải không có nhân duyên. Nhân duyên như thế nào? Nghĩa là vị ấy duyên vào thân mà khởi suy nghĩ: "Thân này của ta là vô thường, là hữu vi, duyên vào tâm mà sanh; cảm thọ lạc cũng vô thường, hữu vi5 duyên vào tâm mà sanh." Vị ây quán sát vô thường, quán sát sanh diệt, quán sát lìa dục, quán sát diệt tận, quán sát tuệ xả ở nơi thân và cảm thọ lạc. Sau khi vị ấy đã quán sát thân cùng với cảm thọ lạc là vô thường... (cho đen) tuệ xả thì ở nơi thân này cùng với cảm thọ lạc sẽ vĩnh viễn không còn các kiết sử tham dục sai sử nữa. Cũng vậy, với chánh niệm tỉnh giác thì có thể sanh cảm thọ khổ, là có nhân duyên chứ không phải không có nhân duyên. Nhân duyên như thế nào? Nghĩa là vị ấy duyên vào thân và suy nghĩ: "Thân này của ta là vô thường, là hữu vi, duyên nơi tâm mà sanh; cảm thọ khổ cũng vô thường, là hữu vi? duyên nơi tâm mà sanh." Vị ấy quán sát vô thường đối với thân này và nơi cảm thọ kho... (cho đen) tuệ xả thì ở nơi thân này cùng với cảm thọ kho sẽ vĩnh viễn không còn các kiết sử sân hận sai sử nữa. Cũng vậy, với chánh niệm tỉnh giác thì có thê sanh cảm thọ không khô không vui là có nhân duyên chứ không phải không có nhân duyên. Nhân duyên như thế nào? Nghĩa là vị ấy duyên vào thân và suy nghĩ: "Thân này của ta là vô thường, là hữu vi, duyên nơi tâm mà sanh; cảm thọ không khổ không lạc kia cũng vô thường, là hữu vi, duyên nơi tâm mà sanh.” Vị ấy quán sát vô thường nơi thân này và nơi cảm thọ không khổ không lạc... (cho đến) tuệ xả thì nơi thân này cùng với cảm thọ không kho không lạc sẽ vĩnh viễn không còn bị các kiết sử vô minh sai khiến nữa. Vị Thánh đệ tử đa văn khéo quán sát như vậy sẽ nhàm chán và xa lìa đối với săc, nhàm chán và xa lìa đôi với thọ, tưởng, hành và thức. Sau khi đã nhàm chán và xa lìa rồi, vị ấy liền được ly dục; đã ly dục thì được giải thoát và giải thoát tri kiến, tự nhận biết rằng: “Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành

tựu, việc can làm đã làm xong, tư biết không còn tái sanh."

QUYÊN 37  1123

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ: Khi có cảm thọ vui, Mà không biết cảm nhận, Bị tham dục sai sử5 Không thấy đạo xuất ly. Khi đang cảm thọ khổ, Lại không nhận biết khổ, Bị sân hận sai sử, Chẳng thấy đạo xuất ly. Khi không khổ không vui, Lời bậc Chánh Giác nói, Cũng không khéo nhận biết, Thì chẳng vượt bờ mê. Nếu Tỳ-kheo tinh tấn, Tỉnh giác chăng lay động, Thì nơi tất cả thọ, Trí tuệ đều biêt rõ. Khéo biết các thọ rồi, Hiện tại sạch các lậu, Nương tuệ mà lâm chung, Niết-bàn không luân hồi.24 Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 1029. QUÁN CHIẾU24 25 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có số đông Tỳ-kheo tập hợp tại giảng đường Già-lê-lệ? lúc này có nhiều Tỳ-kheo đang bị bệnh... (Nói tương tự như trên, chỉ có khác ở chỗ):  Vị Thánh đệ tử quán sát như vậy thì vi ấy được giải thoát đối với sắc, được giải thoát đối với thọ, tưởng, hành và thức. Như Lai nói những vị này sẽ được thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết. pv Á • A r-pl Á r-p 1 • À r • Bay giơ, The Ton liên noi kẹ: Bậc trí tuệ đa văn, Đều thấu rõ các thọ, Đối với khổ, lạc thọ, Nhận biết rất rõ ràng. Nên biết việc chắc thật, Phàm phu có lên, xuống, Với lạc, không nhiễm trước, Với khổ, cũng chẳng động. Biết thọ không, thọ sanh, Tỉnh giác với tham, sân, Đoạn trừ những pháp này, Tâm giải thoát hoàn toàn.26 Buộc niệm vào diệu cảnh, Chánh hướng đợi hết đời, Nếu Tỳ-kheo tinh cần, Tỉnh giác chăng dao động.

24rNguyên tác: Bất đọa số ().số ()là thể rút gọn của “chu s6”().Xem chú thích 35, kinh số 16, quyển l,tr. 12; Tạp.(T.02. 0099.16 0003014). 25 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1029. 0269al2). Tham chiếu: s. 36.8 - IV. 231. 26 Nguyên tác: Thiện giải thoát (suvimutta). Trong Tạp A-hàm, cú ngữ này còn được viết là "chánh giải thoat,,(,sammāvimutta), chỉ cho việc giải thoát hoàn toàn (samma). Trong Chủ giải kỉnh Gilānā (fiilānasuttavannana), ngài Buddhaghosa giải thích rằng, “tâm thiện giải thoát,? chính là quả giải thoát của bậc A-la-hán (Arahattaphalavimuttỉyâ vimuttacỉttassă).

1124  KINH TẠP A-HÀM

Đối với các thọ này, Người trí thường biết rõ, Rõ biết các thọ rồi, Hiện tại sạch các lậu, Nương tuệ mà lâm chung, Niết-bằn không luân hồi.27 Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ, đảnh lễ rồi lui ra. *** 1030. CẤP CÔ ĐỘC LÂM BỆNH27 2829 Tôi nghe như vay: Một thòi, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà5 thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, trưởng giả cấp Cô Độc bị bệnh, toàn thân đau đớn bức bách. Thế Tôn nghe tin này, sáng sớm Ngài đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực, theo thứ tự khất thực rồi đến nhà trưởng giả cấp Cô Độc. Từ xa trông thấy Thế Tôn, trưởng giả vịn giường muốn ngồi dậy, Thế Tôn thấy vậy liền nói: -Trưởng giả đừng cô gượng dậy, sẽ làm bệnh khô tăng thêm. Rồi Thế Tôn ngồi xuống và nói với trưởng giả:  Thế nào trưởng giả? Bệnh đau ông có chịu đựng nổi không? Thân thể đau nhức nhiều hơn hay là thuyên giảm? Trưởng giả bạch Phật:  Kính bạch Thế Tôn! Rất đau

đớn, khó có thể chịu đimg!... (cho đến nói về ba thọ, giống như trong Kỉnh Tỳ-kheo Saỉ-mcP đã nói đầy đủf cho đến) cảm thọ đau nhức càng tăng chứ không thuyên giảm. Phật nói với trưởng giả: Trưởng giả nên học như vầy: Luôn thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đối30 với Phật; đối với Pháp, đối với Tăng cũng thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển, và đồng thời thành tựu Thánh giới. Trưởng giả bạch Phật: Pháp bốn thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển mà Thế Tôn nói, trong con có pháp này, trong pháp này có con. Kính bạch Thế Tôn! Nay con có

27 Nguyên tác: Bất đọa số ().s6 ()là thể rút gọn của "chu s6"().Xem chú thích 35, kinh số 16, quyển l, tr. 12; Tạp.(T62. 0099.16. 0003bl4). 28 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1030. 0269b01). 29 Xem Tạp.(r.O2. 0099.103. 0029c06); 30 Bất hoaitinh ,aveccappasāda). Du hành kinh (roi. 0001.2. 0013b05) ghi là "bất hoại tín” (ịỀỵ Chúng tập kinh (roi. 0001.9. 0051al0) ghi là uvô hoại tín^ Đại Cau-hy-la kinh (roi. 0026.29. 0461c02) ghi là "t hoại tjnh”():Niêm tin thanh tịnh, không lay chuyên, không thay đổi, không hư hoại.

QUYÊN 37 1125

thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Phật; đối với Pháp, đối với Tăng cũng thành tựu niêm tin thanh tịnh không lay chuyên, và đông thời thành tựu Thánh giới. Phật bảo trưởng giả: -Lành thay! Lành thay! Rồi đức Phật liền thọ ký trưởng giả đắc quả A-na-hàm. Trưởng giả bạch Phật: Kính thỉnh Thế Tôn hôm nay thọ thực tại nhà con! Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Trưởng giả liền bảo mọi người trong nhà bày biện nhiều món ăn thơm ngon, tinh khiết để cúng dường lên Thế Tôn. Thọ trai xong, Thê Tôn lại vì trưởng giả thuyêt pháp, mở bày, dạy bảo, khích le, khiến cho hoan hỷ rồi Ngài đứng dậy và rời đi. ***

1031. A-NAN THĂM BỆNH31 _ A Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả A-nan nghe tin trưởng giả cấp Cô Độc bị bệnh nặng, liền đen nhà thăm. Từ xa trông thây Tôn giảA-nan đên, trưởng giả liên vịn giường muôn gượng dậy... (cho đen nói ve ba thọ, tương tự như trong Kinh Tỳ-kheo Sai-ma32 ở trước đã nói đay đủ, cho đen) bệnh kho tăng thêm chứ không thuyên giảm. Tôn giả A-nan nói với trưởng giả: Trưởng giả chớ sợ hãi! Chỉ có kẻ phàm phu mê muội thiếu hiểu biết, không tin Phật, không tin Pháp, không tin Tăng, không đầy đủ Thánh giới thì mới cảm thấy sợ hãi, họ cũng sợ chết và khổ đau ở đời sau. Thế nhưng hôm nay, trưởng giả đã dứt trừ sự bất tín ấy, đã hiểu rõ hoàn toàn, đã đầy đủ niềm tin thanh tịnh đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng và đã thành tựu Thánh giới. Trưởng giả thưa với Tôn giả A-nan: -Nay con đâu có sợ hãi điều gì. Lần đầu tiên được gặp Thế Tôn giữa bãi tha ma trong khu rừng Lạnh33 ở thành Vương Xá, con thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển34 đối với Phật; đối với Pháp, đối với Tăng cũng thành

31 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.1031. 0269Ồ19). Tham chiếu: s. 55.27 - v. 385. 32 Xem Tạp.(7.02. 0099.103. 0029c06). 33 Nguyên tác: Hàn lâm (Sītavana), khu rừng nằm ngoài thành Vương Xá, là nơi mà trưởng giả Cấp Cô Độc gặp đức Phật

lần đầu tiên. Đây cũng là khu rừng mà Tôn giả Ưu-ba-tiên-na (Upasena) bị tử nạn do rắn căn, xem s. 35.69 - IV. 40. 34 Bất hoại tịnh (,aveccappasãdă). Xem chú thích 10, kinh số 344, quyển 14, tr. 397; Tạp. (T.02. 0099.344. 0094b02).



tựu niêm tin thanh tịnh không lay chuyên, và thành tựu Thánh giới. Từ đó đên nay, nhà có tiền của thì con đều đem cúng dường cho đệ tử Phật là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni5 mi-bà-tắc và ưu-bà-di. Tôn giả A-nan nói: -Tốt lắm? trưởng giả! Ông tự mình tuyên bố là đã [chứng đắc] quả vị Tu- đà-hoàn. Trưởng giả thưa với Tôn giả A-nan: Kính thỉnh Tôn giả thọ thực tại nhà con! Tôn giả A-nan im lặng nhận lời. Bấy giờ, trưởng giả bảo người trong nhà bày biện nhiều món ăn thơm ngon, tinh khiết để cúng dường Tôn giả A-nan. Thọ trai xong, Tôn giả A-nan lại vì trưởng giả thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho trưởng giả hoan hy35 roi Ton gia đưng dạy ra ve. *** 1032. XÁ-LỢI-PHẤT THẢM BỆNH36* Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất nghe tin trưởng giả cấp Cô Độc đang lâm bệnh khốn khổ, liền hỏi Tôn giả A-nan: Thầy có biết chăng? Trưởng giả cấp Cô Độc đang bị bệnh rất nặng, chúng ta hãy cùng đi thăm. Tôn giả A-nan im lặng nhận lời. Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất cùng với Tôn giả A-nan cùng đến nhà trưởng giả cấp Cô Độc. Từ xa trông thấy Tôn giả Xá-lợi-phât? trưởng giả vịn giường muôn gượng dậy... (cho đên nói vê ba thọ, tương tự như trong Kỉnh Tỳ-kheo Sai-mcP1 ở trước đã nói đay đủ, cho đen) bệnh khổ tăng thêm chứ không thuyên giảm. Tôn giả Xá-lợi-phất nói với trưởng giả: Trưởng giả nên thực hành như vầy: Không chấp trước38 vào mắt thì thức sẽ không nương vào cảnh giới của mắt để phát sanh tham dục. Không chấp

35 Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ ().Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tr. 105; Tạp.(02. 0099.92. 0023c18). 36 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.1032. 0269c08). Tham chiếu: Giảo hóa bệnh (r01.j)02a.0458b28); Tạp.(T.02. 0099.593. 0158b24); Biệt Tạp.(T.02. 0100.187. 0441a27); Tăng.(T.02. 0125.51.8. 0819bll); M. 143, Anāthapindikovada Suita (Kinh giáo giới Cấp Cổ ĐọcỴ S. 2.20 -L 55; s. 55.26 - v. 380. % Xem Tạp.(r02. 0099.103. 0029c06). 38 Bất trước (). 143, Anāthapindikovāda Sutta (Kinh giảo giới cấp Cô Độc): Na upādiyissāmi. ([Tôi sẽ] không chấp thủ), HT. Thích Minh Châu dịch. ' "



trước vào tai, mũi, lưỡi, thân và không chấp trước vào ý thì thức sẽ không nương vào cảnh giới của ý để phát sanh tham dục. Không chấp trước vào sắc thì thức sẽ không nương vào sắc giới để phát sanh tham dục. Không chấp trước vào thanh, hương, xúc và pháp thì thức sẽ không nương vào pháp giới để phát sanh tham dục. Không chấp trước vào địa giới thì thức sẽ không nương vào địa giới để phát sanh tham dục. Không chấp trước vào thủy, hỏa, phong, không, thức giới thì thức sẽ không nương vào thức giới để phát sanh tham dục. Không chấp trước vào sắc uẩn thì thức sẽ không nương vào sắc uẩn để phát sanh tham dục. Không chấp trước vào thọ, tưởng, hành và thức uẩn thì

thức sẽ không nương vào thức uẩn để phát sanh tham dục. Lúc này, trưởng giả Cáp Cô Độc cảm động rơi nước măt. Tôn giả A-nan liền hỏi trưởng giả:  Trưởng giả đang lo sợ ư? Trưởng giả nói với Tôn giả A-nan:  Thưa Tôn giả! Con không lo sợ. Con tự xét nghĩ, đã hơn hai mươi năm phụng sự Phật pháp, con chưa từng được nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nói pháp sâu xa vi diệu như những gì được nghe hôm nay. Tôn giả Xá-lợi-phất nói với trưởng giả:  Lâu nay tôi cũng chưa từng vì các trưởng giả mà nói pháp như vầy. Trưởng giả bạch Tôn giả Xá-lợi-phất:  Cư sĩ tại gia tuy có niềm tin thù thắng, nhớ nghĩ thù thắng, niềm vui thù thắng, nhưng nếu không được nghe giáo pháp sâu xa thì sẽ sanh tâm thoái thất. Lành thay, Tôn giả Xá-lợi-phất! Xin Tôn giả thương xót hàng cư sĩ tại gia mà nói pháp sâu xa vi diệu. Tôn giả Xá-lợi-phất! Hôm nay, kính thỉnh ngài và Tôn giả A-nan thọ thực tại nhà con. Tôn giả Xá-lợi-phất im lặng nhận lời. Bấy giờ, trưởng giả bảo người trong nhà bày biện nhiều món ăn thơm ngon, tinh khiết để cúng dường Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả A-nan. Thọ trai xong, Tôn giả Xá-lợi-phất lại vì trưởng giả mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ.39 Sau khi vì trưởng giả mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ rồi, hai Tôn giả đứng dậy ra về. ***

1033. TRƯỞNG GIẢ ĐẠT-MA-ĐÈ-LY40 Kinh trưởng giả Đạt-ma-đề-ly cũng nói đầy đủ tương tự như kỉnh đầu tiên Thế Tôn nói pháp cho trưởng giả cấp Cô Độc. Kỉnh thứ hai này cũng nói như

39 Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ ().Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tr. 105; Tạp.(r.O2. 0099.92. 0023cl8). 40 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.1033. 0270a07). Tham chiếu: s. 55.53 - v. 406.



vậy, chỉ có khác biệt ở chỗ: "Nếu có trưởng giả nào đã nương theo bốn niềm tin thanh tịnh không lay chuyển41 rồi, lại còn hướng thượng tu tập sáu tùy niệm, nghĩa là nhớ nghĩ đến những phẩm tính của Như Lai... (cho đến) niệm thi&L” Trưởng giả bạch Phật: - Kính bạch Thế Tôn! Việc nương theo bốn niềm tin thanh tịnh không lay chuyển rồi, lại còn hướng thượng tu tập sáu pháp tùy niệm, những điều này nay con đều đã thành tựu. Con thường tu tập nhớ nghĩ đến những phẩm tính của Như Lai... (cho đến) niệm thiên. Phật nói với trưởng giả: -Lành thay! Lành thay! Hôm nay, ông tự mình tuyên bố là đã [chứng đắc] quả vị Tu-đà-hoàn. Trưởng giả bạch Phật: -Xin Thế Tôn nhận lời thỉnh thọ thực của con! Bay giơ, The Ton im lặng nhạn lơi. Trưởng gia biêt The Ton đa đong y, liên bảo người nhà bày biện nhiều món ăn thơm ngon, tinh khiết để cúng dường đức Phật. Thọ trai xong, The Tôn lại vì trưởng giả mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ? khiến cho hoan hỷ rồi Ngài đứng dậy ra về. ***

1034. ƯU-BÀ-TẮC TRƯỜNG THỌ42 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-dà, thuộc thành Vương Xá. Lúc ấy, có đồng tử Trường Thọ4344 là cháu của trưởng giả Thọ Bề, đang bị bệnh rất năng. Bấy giờ, nghe tin đồng tử Trường Thọ đang bị bệnh năng, Thế Tôn sáng sớm đắp y, ôm bát vào thành Vương Xá khất thực rồi tuần tự đi đến nhà đồng tử Trường Thọ. Từ xa trông thấy Thế Ton, đồng tử Trường

Thọ liền vịn giường đinh gượng ngồi dậy... (cho đến nói về ba thọ, tương tự như trong Kỉnh Tỳ- kheo Sai-ma4ậ ở trước đã nói đầy đủ, cho đếrì) bệnh khổ tăng thêm chứ không thuyên giảm. -Thế nên, đồng tử! Ông nên học tập lúiư vầy: Đối với Phật nên thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển;45 đối với Pháp, đối với Tăng cũng thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển, và thành tựu Thánh giới.

41 Bất hoại tịnh (aveccappasãdă). Xem chú thích 10, kinh số 344, quyển 14, tr. 397; Tạp. (T.02. 0099.344. 0094002) 42 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.1034. 0270al8). Tham chiếu: s. 55.3 - v. 344. 43 Nguyên tác: Trường Thọ đồng tử (Dīghāvu upasaka): Ưu-bà-tắc Trường Thọ. 44 Xem Tạp.(T.02?0099.103. 0029c06). 45 Bất hoại tịnh (aveccappasâdà). Xem chú thích 10, kinh số 344, quyển 14, tr. 397; Tạp. (T.02. 0099.344. 0094b02).



Đồng tử bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Bốn niềm tin thanh tinh không lay chuyển mà Thế Tôn nói, nay con đều có đủ. Con luôn có niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Phật; đối với Pháp, đối với Tăng cũng thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển, và thành tựu Thánh giới. Phật bảo đồng tử: Ông nên nương theo bốn niềm tin thanh tịnh không lay chuyển để tu tập và quán tưởng thêm về sáu minh phần.46 Quán tưởng về sáu minh phần là những gì? Nghĩa là quán tưởng tất cả các pháp là vô thường, quán tưởng vô thường là khổ, quán tưởng khổ là vô ngã, quán tưởng về thức ăn/7 quán tưởng tất cả thế gian không có gì đáng vui và quán tưởng sự chết. Đồng tử bạch Phật: Như Thế Tôn nói, nương theo bốn niềm tin thanh tịnh không lay chuyển roi tu tập, quán tưởng thêm vê sáu minh phân, hiện tại con đêu có đủ. Nhưng con tự nghĩ, sau khi con qua đời, không biết ông nội của con là trưởng giả Thọ Đe sẽ ra sao? Khi đó, trưởng giả Thọ Đe nói với đồng tử Trường Thọ: Cháu chớ lo nghĩ cho ông! Hiện tại, cháu nên lắng nghe Thế Tôn nói pháp, tư duy ghi nhớ để được phước lợi, an lạc và lợi h dài lâu. Đồng tử Trường Thọ nói: -Con sẽ quán tưởng tất cả các pháp là vô thường, quán tưởng vô thường là khổ, quán tưởng khổ là vô ngã, quán tưởng về thức ăn, quán tưởng tất cả thế gian không có gì đáng vui, quán tưởng về sự chết, luôn an trú trong hiện tại. Phật nói với đồng tử: Hôm nay, con đã tự mình tuyên bố là đã [chứng đắc] quả vị Tư-đà-hàm. Đồng tử Trường Thọ bạch Phật: -Kính bạch Thế Tôn! Kính thỉnh Ngài thọ thực tại nhà con. Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lơi. Trường Thọ liền bảo người nhà bày biện nhiều món ăn thơm ngon, tinh khiết để cúng dường đức Phật. Thọ trai xong, Thế Tôn lại vì Trường Thọ mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ48 rồi Ngài đứng dậy ra về. ***

46 Lục minh phần tưởng cha vijjā bhãgiyãdhammã: Có 6 pháp nếu quán sát, tư duy sẽ dẫn đến trí tuệ. 47 Quán thực tưởng .Thẹo Tạp.T.02. 0099.373. 0l02b28, đó chính là quán xả bỏ, như chuyện ăn thịt đứa con. Tham chiếu: s. 12.63 - II. 97. 48 Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ .Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tr. 105; Tạp.T.02. 0099.92. 0023cl8.

1035. TRƯỞNG GIẢ BÀ-TẨU49  Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại Vườn Nai, trụ xứ của các Tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại. Khi ấy, trưởng giả Bà-tẩu đang bi bệnh nặng. Bấy giờ, Thế Tôn hay tin trưởng giả Bà-tẩu đang bị bệnh nặng... Nói đầy đủ tương tự như Kinh trưởng giả Đạt-ma-đề-ly ở trước... được thọ ký quả vị A-nahàm,... (cho đếri) từ chỗ ngồi đứng dậy ra về. *** 1036. SA-LA HỌ THÍCH50 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Ni-câu-luật? thuộc nước Ca-tỳ-la-vệ. Lúc này, có Sa-la họ Thích bị bệnh trầm trọng. Bấy giờ, Thế Tôn hay tin Sa-la họ Thích bị bệnh rất nguy kịch, vào sáng sớm đắp y, ôm bát vào thành Ca-tỳ-la-vệ khất thực rồi lần lượt đến nhà Sa-la họ Thích. Từ xa trông thấy Thế Tôn, Sa-la vịn giường định gượng ngồi dậy... (cho đên nói vê ba thọ, tương tự như trong Kinh Tỳ-kheo Sai-ma ở trước đã nói đây đủ, cho đen) bệnh kho tăng thêm chứ không thuyên giảm.  Thế nên, Sa-la họ Thích! Ông nên học tập như vầy: Đối với Phật thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển;51 đối với Pháp, đối với Tăng cũng thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển, đồng thời thành tựu Thánh giới. Sa-la họ Thích bạch Phật: - Như Thế Tôn nói: Đối với Phật thành tựu niềm tin thanh tinh không lay chuyển; đối với Pháp, đối với Tăng cũng thành tựu niềm tin thanh tinh không lay chuyên và đông thời thành tựu Thánh giới, điêu này con đã có đủ. Con luôn có niềm tin thanh tinh không lay chuyển đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng, đồng thời thành tựu Thánh giới. Phật bảo Sa-la họ Thích: -Vậy nên ông hãy nương theo niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng và thành tựu Thánh giới để hướng thượng tu tập thêm năm điều an vui.52 Năm điều an vui là những gì? Nghĩa là nhớ nghĩ những phẩm tính của Như Lai... (cho đến) pháp tự mình bố thí.

49 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.1035. 0270bl5). 50 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1036. 0270Ồ20). Tham chiếu: s. 55.39 - v. 396. 51 Bất hoại tịnh (aveccappasãdà). Xem chú thích 10, kinh số 344, quyển 14, tr. 397; Tạp. (T.02. 0099.344. 0094b02). 52 Nguyên tác: Ngũ hỷ xứ ().Theo Tạp.(r.02. 0099.857. 0218al9), là 5 pháp quán niệm gồm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giơ! và niệm bố thí. J



Sa-la họ Thích bạch Phật: - Như The Tôn nói, con luôn nương theo bốn niềm tin thanh tịnh không lay chuyên, tu tập thêm năm điều an vui, con cũng đã có đủ. Con thường nhớ nghĩ những phẩm tính [của] Như Lai... (cho đến) pháp tự mình bố thí. Phật dạy: -Lành thay! Lành thay! Hôm nay ông tự mình tuyên bố là đã [chứng đắc] quả vị Tư-đà-hàm. Sa-la lại bạch Phật:  Kính thỉnh Thế Tôn hôm nay thọ thực tại nhà con! Thế Tôn im lặng nhận lời. Trưởng giả Sa-la liền bảo người nhà bày biện nhiêu món ăn thơm ngon, tinh khiết đê cúng dường đức Phật. Thọ trai xong, Thế Tôn lại vì trưởng giả Sa-la mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ? rồi Ngài đứng dậy ra về. ***

1037. TRƯỞNG GIẢ GIA-THÂU53

Tôi nghe như vây:

Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Khúc Cốc, trong thôn Na-lê.

Bây giờ, trưởng giả Gia-thâu bị bệnh rát nặng, (nói như vậy... cho đêri) được thọ ký quả vi A-na-hàm.

Nói đầy đủ tương tự như Kỉnh trưởng giả Đạt-ma-đề-ly.

***

1038. TRƯỞNG GIẢ MA-NA-ĐÈ-NA54 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ bên hồ Kiệt-già,55 thuộc nước Chiêm-bà. Lúc này, có trưởng giả Ma-na-đề-na56 bi bệnh nặng vừa mới thuyên giảm. Bấy giờ, trưởng giả này nói với một người nhà: Này thiện nam! Ông hãy đến chỗ Tôn giả A-na-luật, thay tôi đảnh lễ và hỏi thăm Tôn giả sống có nhẹ nhàng và an lạc không, nhân đó kính thỉnh bon vi Tăng nhận lời thỉnh thọ thực của tôi vào ngày mai. Nếu Ton giả ấy nhận lời thì ông hãy thay tôi mà tác bạch rằng: "Chúng con là người thế tục, bận nhiều công việc vương gia, không thể đích thân đến đón nên xin Tôn giả thương xót, đúng giờ hãy hoan hỷ cùng bốn vị Tăng đến thọ thực theo lời mời của con."

53 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1037. 0270c12). 54 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1038. 0270c 15). Tham chiếu: s. 47.30 -V. 178. 55 Kiệt-già (Gaggarā): Hồ sen ở thành Chiêm-bà do Hoàng hậu Gaggarā xây dựng nên lấy đó để gọi ten. 56 Ma-na-đề-na (Mānadinna).



Người thiện nam kia vâng lời trưởng giả, đi đến chỗ Tôn giả A-na-luật, đảnh lễ sát chân và bạch với Tôn giả: -Trưởng giả Ma-na-đề-na chuyển lời kính lễ vấn an đến Tôn giả rằng, thầy có mạnh khỏe và sống có nhẹ nhàng an lạc không. Kính thỉnh Tôn giả và bốn vi Tăng ngày mai đến nhà trưởng giả Ma-na-đề-na thọ thực, xin từ bi hứa khả. Lúc này, Tôn giả A-na-luật im lặng nhận lời. Bấy giờ, người thiện nam kia lại vì trưởng giả mà thưa với Tôn giảA-na-luật: -Trưởng giả của con là người thế tục, bận nhiều công việc vương gia, không thể đích thân đến đón nên xin Tôn giả thương xót, hoan hỷ cùng bốn vị Tăng nhận lời mời thọ thực vào trưa mai của trưởng giả. Tôn giả A-na-luật nói: Ông hãy yên tâm, tôi tự biết thời! Ngày mai, tôi sẽ cùng bốn vi đến nhà trưởng giả. Khi ấy, thiện nam này theo lời dạy của Tôn giả A-na-luật, trở về báo tin cho trưởng giả: Thưa A-lê!57 Tôi đã đến chỗ Tôn giả A-na-luật và trình bày đầy đủ ý của ông. Tôn giả A-na-luật đáp rằng: "ông hãy yên tâm, tôi tự biết th&i!" Tối hôm đó, trưởng giả Ma-na-đề-na chuẩn bị nhiều thức ăn thức uống thơm ngon, tinh khiết. Sáng sớm hôm sau, ông lại bảo người thiện nam kia: Ông hãy đến chỗ Tôn giả A-na-luật và thưa rằng: "Đã đúng thòi!" Người kia vâng lời, đi đến chỗ Tôn giả A-na-luật5 đảnh lễ sát chân và bạch rang: Ngọ trai đã bày biện đầy đủ, xin Tôn giả biết thời! Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật đắp y, ôm bát, cùng với bốn vị Tỳ-kheo cùng đến nhà trưởng giả. Lúc ấy, các thể nữ đang đứng hầu xung quanh trưởng giả Ma-na-đề-na ở hướng bên trái cửa nhà, nhìn thấy Tôn giả A-na-luật, họ đều cùng nhau đảnh lễ sát chân, rồi thỉnh Tôn giả vào tòa ngồi. Mỗi người đều tự cúi đau thăm hỏi rồi ngồi sang một bên. Tôn giả A-na-luật chào hỏi trưởng giả: Trưởng giả sống có dễ chịu và an lạc không?

Trưởng giả đáp: Vâng, thưa Tôn giả! Con sống cũng dễ chịu và an lạc. Trước đây con bị bệnh rất nguy kịch nhung hôm nay đã thuyên giảm. Tôn giả A-na-luật hỏi trưởng

giả: -Trưởng giả trụ tâm thế nào mà có thể khiến cho bệnh dàu, khổ não bớt dần vậy?

57 A-lê ,Ảyyo, xưng hô của người dưới đối với bậc bề trên, có nghĩa là ông, ngài, bậc cao quý.



Trưởng giả bạch: Thưa Tôn giả A-na-luật! Con nhờ trụ vào bốn niệm xứ, chuyên tu buộc niệm, cho nên mọi tật bệnh, khổ đau nơi thân đều dứt. Bốn pháp ấy là gì? Đó là sông chánh niệm quán thân trên nội thân, tinh cần nỗ lực, chánh niệm tỉnh giác, nhiếp phục tham ưu ở đời; sống chánh niệm quán thân trên ngoại thân, quán thân trên cả nội thân và ngoại thân; quán thọ trên nội thọ, ngoại thọ, nội và ngoại thọ; quán tâm trên nội tâm, ngoại tâm, nội và ngoại tâm; sống chánh niệm quán pháp trên nội pháp, ngoại pháp, nội và ngoại pháp, tinh cần nỗ lực, chánh niệm tỉnh giác, nhiếp phục tham ưu ở đời. Như vậy, thưa Tôn giả A-na- luật! Con nhờ buộc tâm an trụ nơi bốn niệm xứ, nên mọi tật bệnh, khổ đau nơi thân đều không còn. Thưa Tôn giảA-na-luật! Nhờ trụ tâm như thế, cho nên mọi tật bệnh, khổ đau nơi thân con đều không còn. Tôn giả A-na-luật nói với trưởng giả: Hôm nay trưởng giả tự mình tuyên bố là đã [chứng đắc] quả vi A-na-hàm.

Khi ây, trưởng giả Ma-na-đê-na bày biện nhiêu món ăn thơm ngon, tinh khiêt roi tự tay dâng lên cúng dường đây đủ. Sau khi các Tỳ-kheo thọ thực và rửa tay xong, trưởng giả Ma-na-đề-na chọn một chỗ ngồi thấp và lắng nghe pháp. Tôn giả A-na-luật vì trưởng giả mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích le, khiến cho hoan hy,58 rồi Tôn giả đứng dậy ra về. *** 1039. TRƯỞNG GIẢ THUẦN-ĐÀ58 59 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Kim Su, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, có trưởng giả Thuần-đà đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi lui ngồi một bên. Bấy giờ, Thế Tôn hỏi trưởng giả Thuần-đà: -Hiện tại, ông ưa thích tịnh hạnh của những Sa-môn, Bà-la-môn nào? Trưởng giả Thuần-đà bạch Phật: —Có Sa-môn, Bà-la-môn thờ phụng nước, thờ trời Tỳ-thấp-ba9 cầm tích trượng, bình nước và thường rửa sạch tay mình. Vị Hiền giả như vậy khéo nói pháp rằng: "Này người thiện nam! Vào ngày rằm mỗi tháng, hãy dùng mạt vụn hồ-ma và am-ma-la để gội tóc, thực hành pháp không ăn quá ngọ, mặc y phục sạch sẽ, để tóc dài và trắng xóa, nằm lên trên chỗ đất có trét phân bò. Này người thiện nam! Sáng sớm thức dậy, lấy tay sờ đất và nói như vầy: 'Đất này thanh tịnh, ta cũng thanh tịnh như vậy/ Tay cầm miếng phân bò và một nắm cỏ tươi,

58 Nguyên tác: Thi, giáo, chiếu, hỷ ().Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tr. 105; Tạp.(T.02. 0099?92. 0023c18). 59 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1039. 0271Ồ01). Tham chiếu: A. 10.176 - v. 263.



miệng nói: 'Cái này thanh tịnh, ta cũng thanh tịnh như vậy/ Nếu ai làm như vậy thì được xem là thanh tịnh, ai không làm giống như vậy thì vĩnh viên xem như không thanh tjnh.” Kính bạch Thế Tôn! Sa-môn5 Bà-la-môn nào được như vậy thì vi ấy thanh tịnh, đáng cho con kính ngưỡng. Phật nói với trưởng giả Thuần-đà: Có pháp xấu ác và báo ứng xấu ác9 có pháp bất tịnh và quả bất tịnh, giống như vác nặng sẽ bi chúi xuống.

Nếu ai đã tạo những pháp xấu ác này thì dù cho sáng sớm thức dậy lấy tay sờ đất và nói rằng "thanh tịnh95 thì vị ây vân không thanh tịnh, ngay cả khônệ chạm vào cũng không thanh tịnh. Người này cho dù cầm miếng phân bò và năm cỏ tươi roi nói răng “thanh tjnh" thì họ vân không thanh tịnh, ngay cả không chạm vào cũng không thanh tịnh. Này Thuân-đà! Những pháp nào là pháp xâu ác và báo ứng xâu ác? pháp bát tịnh và quả bất tịnh, giống như vác nặng sẽ bị chúi xuống... (cho đến) chạm hay không chạm, tất cả đều không thanh tịrủi? Này Thuân-đà! Tay thường tanh mùi máu, tâm luôn nghĩ ngợi đên việc đánh đập, giết hại, không biết hổ thẹn, tham lam, bon xẻn, đối với tất cả chúng sanh cho đến côn trùng cũng không từ bỏ sát hại. Đây gọi là tạo nghiệp ác sát sanh. Đối với tài vật, làng xóm, đất trống của người khác cũng không từ bỏ trộm cướp. Đối với những người được cha mẹ bảo hộ, hoặc được anh em, chị em, người chồng, thân tộc bảo hộ cho đến người đã được dạm hỏi mà lại dùng sức cưỡng bức, không từ bỏ ý đinh dâm tà. Đây gọi là hành tà dâm. Nói dối, không nói lời chân thật hoặc đối với vua quan, hoặc đối với các nhà nói chân thật, những nơi có nhiều người tụ tập thì rất cần lời nói đúng đắn nhưng lại nói lời không thật; không thấy lại nói có thấy, thấy lại nói không thấy, không nghe mà nói có nghe, có nghe lại nói không nghe; biết mà nói không biết, không biết mà nói là biết, hoặc vì bản thân, hoặc vì người khác, hoặc vì tài lợi, biết mà cố nói, không chịu từ bỏ. Đây gọi là vọng ngữ. Hoặc nói hai chiêu đê gây chia rẽ? đem chuyện bên này sang nói với bên kia, đem chuyện bên kia ve nói với bên này, phá hoại lẫn nhau, làm cho sự hòa hợp bị tan rã, kẻ ly gián lẩy đó làm niềm vui. Đây gọi là nói hai chiều. Hoặc không chịu từ bỏ lời nói thô ác, mắng nhiếc. Nếu có người nói lời dịu dàng, êm tai, đẹp lòng, đúng đắn dễ hiểu, lời nói khiến người khác thích nghe, được nhiêu người yêu mến, hài lòng và lời nói tùy thuận hướng đến tam-muội; những lời như vậy thì không chịu khuất phục. Còn đối với những lời nói khiến nhiều người chán ghét, không ưa thích, không hợp ý, không tùy thuận tam-muội? những lời nói thô tháo như vậy thì lại không chịu lìa bỏ. Đó gọi là ác khẩu. Hoặc lời nói tạp loạn, bất chánh, lời nói không đúng lúc, lời nói không thực tê, lời nói vô nghĩa, lời nói phi pháp, lời nói thiếu suy nghĩ. Những lời nói như vậy gọi là lời nói tạp loạn.

QUYỂN 37  1135

gh6ng từ bỏ tham lam, đối với tài vật của người khác mà lại khởi tham dục, nói rằng: “Nếu ta có vật này thì rất t6t." Không dứt bỏ sân hận tệ ác, trong tâm luôn suy nghĩ: "Chiing sanh kia đáng bị trói, đáng bi roi vọt, gậy gộc, đáng giết; muốn cho nó khó s6ng." Không bỏ tà kiến điên đảo, có kiến chấp lýiư vầy: "Không có bố thí, không có quả báo, không có phước đức, không có điều thiện, điều ác; không có nghiệp thiện hoặc ác, cũng không có quả báo thiện hoặc ác; không có đời này, không có đời khác; không có cha mẹ9 không có chúng sanh hóa sanh ở thế gian; thế gian cũng không có các A-la-hán, không có các vị chánh hướng mà trong đời này hay đời khác tự thân tác chứng và tự nhận biết: 6 Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh.'" Này Thuần-đà! Như thế gọi là pháp xấu ác và báo ứng xấu ác; pháp bất tịnh và quả bất tịnh... {cho đen) chạm vào hay không chạm vào, tất cả đều không thanh tinh. Này Thuần-đà! Có pháp trong sạch và báo ứng

trong sạch; có pháp thanh tịnh và quả thanh tịnh, giống như nhẹ nhàng thì sẽ bay lên. Nếu ai đã thành tựu những pháp trong sạch này roi thì dù cho sáng sớm thức dậy lây tay sờ đát và nói rằng: “Đất này thanh tịnh ta cũng thanh tjnh“ thì vị ấy cũng được thanh tịnh; hoặc giả vị ấy không chạm vào thì vẫn được thanh tịnh. Người này cầm miếng phân bò hoặc cầm nắm cỏ tươi thì vẫn thanh tịnh; do nhân thanh tịnh nên quả thanh tịnh, cho nên dù có cầm hay không cầm miếng phân bò cũng vẫn được thanh tịnh. Này Thuần-đà! Những gì là pháp trong sạch và báo ứng trong sạch... (cho đếrì) cầm nắm hay không cầm nắm cũng được thanh tinh? Nghĩa là có người không sát sanh, từ bỏ sát sanh, từ bỏ dao gậy, tự biêt hô thẹn, thương xót nghĩ đến tất cả chúng sanh. Không trộm cướp, từ bỏ trộm cướp, đồ vật được cho thì lấy, nếu chưa được cho thì không lấy, giữ tâm trong sạch không tham lam. Xa lìa tà dâm, hoặc đối với người được cha mẹ bảo hộ... (cho đến) người đã được dạm hỏi đều không khởi tâm cưỡng bức, tà dâm. Từ bỏ nói dối, lời nói thành thật, đúng đắn. Xa lìa nói hai chiều, không đem chuyện người này để nói với người kia, đem chuyện người kia nói với người này, chia rẽ lẫn nhau; thấy người bi ly gián thì khiến cho hòa hợp, thấy người hòa hợp thì sanh tùy hỷ. Xa lìa ác khẩu, không nói lời thô ác; nói lời khiến nhiều người ưa thh Tránh nói lời thô tục; lời nói chân thật, lời nói đúng lúc, lời nói đúng sự thật, lời nói có ý nghĩa, lời nói có vị pháp, lời nói có chánh kiến. Dứt bỏ tham dục, đối với vật của người khác, vật dụng của người khác thì  không khởi niệm tưởng mà sanh tham đăm.



Từ bỏ sân hận, không khởi nghĩ đến việc đánh đập, bắt trói, giết hại và gây tạo các khổ nạn. Thành tựu chánh kiến, không khởi nhận thức điên đảo5 tin rằng có bố thí, có quả báo, có phước, có quả báo thiện hạnh và ác hạnh, có đời này, có cha mẹ? có chúng sanh hóa sanh, the gian có bậc A-la-hán trong hiện đời hoặc đời khác tư thân tác chứng và tự nhận biết ngay trong hiện tại rằng: "Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Này Thuần-đà! Đây gọi là pháp thanh tịnh, báo ứng thanh tịnh... (cho đến) dù có chạm vào hay không chạm vào thì đều được thanh tịnh. Bấy giờ, trưởng giả Thuần-đà nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ? đảnh lễ đức Phật rồi rời đi. *** 1040. PHÁP XẢ60 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Kim Sư, thuộc thành Vương Xá. Bây giờ, vào ngày răm, có một Bà-la-môn nọ, sau khi gội đâu, thọ trai giới xong, ông ấy đeo tràng hoa dài, khoác áo lụa trắng, tay cầm một nắm cỏ tươi đi đến chỗ Phật. Kính chào và thăm hỏi đức Phật xong, ông ngồi sang một bên. Khi đó, đức Phật hỏi vị Bà-la-môn:  Ong gội dâu, đeo tràng hoa dài, mặc áo lụa trăng, đó là pháp của ai vậy? Bà-la-môn bạch Phật:  Thưa Cù-đàm! Đây là học theo pháp xả. Đức Phật lại hỏi Bà-la-môn:  Thế nào là pháp xả của Bà-la-môn?

Bà-la-môn bạch Phật:  Bạch Cù-đàm! Nghĩa là vào ngày rằm, sau khi gội đầu, giữ gìn trai giới xong thì đeo tràng hoa dài, khoác áo lụa trắng, tay cầm cỏ tươi, rồi tùy theo khả năng mà bố thí tạo phước. Kính bạch Cù-đàm! Đây gọi là Bà-la-môn tu tập hạnh xả. Phật nói với Bà-la-môn:  Những hạnh xả được thực hành theo Pháp, Luật của Hiền thánh khác với điều này. Bà-la-môn bạch Phật:  Thưa Cù-đàm! Như thế nào là thực hành hạnh xả theo Pháp, Luật của Hiền thánh?

60 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1040. 0272al0). Tham chiếu: A. 10.119 - v. 233; A. 10.167-V. 249.

QUYÊN 37 1137

Phật nói với Bà-la-môn: Đó là từ bỏ sát sanh, không thích sát sanh... (nói đầy đủ như phần nói về thanh tịnh ở kinh trên). Nương theo sự không sát sanh, từ bỏ sát sanh... (cho đên nói đây đủ như phân thanh tịnh ở kinh trên). Từ bỏ trộm cướp, không thích trộm cướp, nương theo sự không trộm cướp, từ bỏ thói không cho mà lấy. Từ bỏ tà dâm, không thích tà dâm, nương theo sự không tà dâm, từ bỏ việc làm trái Phạm hạnh. Từ bỏ nói dối, không thích nói dối, nương theo sự không nói dối, từ bỏ nói lời không thật. Từ bỏ nói hai chiều, không thích nói hai chiều, nương theo sự không nói hai chiều, từ bỏ việc ly gián đôi bên. Từ bỏ nói lời thô ác, không thích nói lời thô ác5 nương theo sự không nói lời thô ác, dứt bỏ nói lời thô ác. Từ bỏ nói lời thêu dệt, không thích nói lời thêu dệt, nương theo sự không nói lời thêu dệt, từ bỏ nói lời vô nghĩa. Đoạn trừ tham dục, dứt bỏ tánh tham dục tệ hại, nương theo tâm không tham dục, từ bỏ ái nhiễm. Đoạn trừ sân hận, không sanh phẫn hận, nương theo không sân hận, dứt bỏ sân hận. Tu tập chánh kiến, không khởi điên đảo, nương theo chánh kiến, dứt bỏ tà kiến. Này Bà-la-môn! Đây gọi là hạnh xả được thực hành theo Pháp, Luật của Hiền thánh. Bà-la-môn bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Hay thay, hạnh xả được thực hành theo Pháp, Luật của Hiền thánh. Bây giờ, Bà-la-môn nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ roi từ chô ngôi đứng dậy rời đi. ***

1041. PHẠM CHÍ SANH VĂN61 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ? có Phạm chí Sanh Văn62 đi đến chỗ Phật, ân cần chào hỏi Thế Tôn xong, ông ngồi sang một bên và bạch: Kính bạch Cù-đàm! Có người bà con mà con rất thương mến bỗng nhiên qua đời. Con vì người ấy mà thực hành bố thí với tín tâm. Thưa Thế Tôn! Người ấy có nhận được không? Phật nói với Bà-la-môn: Không chắc vị ấy nhận được. Nếu người bà con của ông sanh trong địa ngục sẽ phải ăn thức ăn của chúng sanh địa ngục để nuôi sống sanh mạng, không ăn được thức ăn thức uống do ông bố thí với tín tâm. Nếu người ấy sanh vào chốn súc sanh, nga quỷ, hoặc sanh trong loài người thì người ấy sẽ được thức ăn thức

61 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1041. 0272ỒỒ8). Tham chiếu: A. 10.177 - v. 269. 62 Sanh Văn (J1USSO1ỊÌ).

1138 KINH TẠPA-HÀM ----------

Uống trong loài người, chứ không nhận được thức ăn do ông bố thí. Này Bà-la- môn! Trong cõi nga quỷ có một nơi tên là Nhập xứ nga quỷ.63 Nếu người thân của ông sanh vào Nhập xứ nga quỷ kia sẽ nhận được thức ăn của ông. Bà-la-môn bạch Phật: -Nếu người thân của con không sanh vào trong chốn Nhập xứ nga quỷ thì ai sẽ hưởng được thức ăn do con bố thí với tín tâm? Phật nói với Bà-la-môn: Nếu ông bố thí với tín tâm mà người thân của ông không sanh vào nơi Nhập xứ nga quỷ sẽ có những người bà con quen biết khác sanh vào Nhập xứ nga quỷ và sẽ được hưởng thức ăn đó. Bà-la-môn bạch Phật: Kính bạch Cù-đàm! Nếu con bố thí với tín tâm mà người thân của con

không sanh vào Nhập xứ nga quỷ, lại cũng không có người bà con quen biết khác sanh vào Nhập xứ nga quỷ thì ai sẽ hưởng được thức ăn mà con bố thí với tín tâm? Phật nói với Bà-la-môn:  Giả sử ông vì những người bà con quen biết mà bo thí, nhưng họ kh6ng sanh vào Nhập xứ nga quỷ, lại cũng không có những người bà con quen biêt khác sanh vào đó thì tự mình sẽ được phước từ việc bố thí với tín tâm. Vật bố thí từ thí chủ với tín tâm kia và người thí chủ ấy đều sẽ không mất phước báo.6465 Bà-la-môn bạch Phật:  Thí chủ thực hành bố thí như thế nào để việc bố thí ấy được phước báo?

Phật nói với Bà-la-môn: -Có người sát sanh, làm những việc ác? tay thường vấy máu... (cho đến) tạo mười nghiệp bất thiện, (nói đầy đủ như Kỉnh trưởng giả Thuần-dấ).65 Sau đó người này lại phát tâm bô thí cúng dương cho Sa-môn? Bà-la-môn, cho đến những kẻ ăn xin nghèo khổ; người này bố thí đầy đủ mọi thứ như là tiền của5 y phục, đồ ăn thức uống, đèn đuốc, mọi thứ vật dụng dùng để trang nghiêm. Này Bà-la-môn! Người thí chủ kia nêu lại phạm giới bi sanh trong loài voi, nhưng nhờ người ây đã từng bố thí cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn tiền của? y

63 Nhập xứ nga quỷ ().Tứ phần luật hành sự sao phê (X42. 0736.13. 1028c
19) giải thích: Nói vê t4Nhập xứ nga quỷ,? nghĩa là khi thọ thân trung ấm gọi là "Nháp xứ." Nêu như nga quỷ thọ thân trung ấm thì được sanh vào chỗ này (.. .).Gân với quan diêm này, trong MA. 12,
Mahāsīhanāda Sutta (Đại kinh sư tử hông), ngài Buddhaghosa giải thích: Sau khi chét được sanh về một nơi, gọi là cảnh giới của nga quỷ (Peccabhāvarn pattanam visayoti pettivisayo). Theo hai tư liệu vừa nêu, co kha năng chỉ riêng nhưng chúng sanh trọng cảnh giới nga quỷ, nói chung là những chung sanh co thể nhận được vật thực từ sự cúng dường, tế tự của người thần' 64 Nguyen tác: Đạt-thẩn ( dạkkhỉnã). Sau khi nhận thức ăn của thí chủ cũng dường, Tỳ-kheo thuyêt pháp cho thí chủ nghe. Phẩm vật cúng dường ấy gọi là tài thí, pháp do Tỳ-kheo thuyết gọi là "pháp thí;" cả hai điều này gọi là "dạtthẩn." 65 Tức Tạp.(T.02. 0099.1039. 0271b01)

QUYỂN 37  1139

phục, thức ăn thức uống, các vật dụng dùng để trang nghiêm nên tuy ở trong loài voi mà người này vẫn nhận được phước báo nhờ sự bố thí y phục, đồ ăn thức uống, cho đến các vật dụng dùng để trang nghiêm. Nêu người ây sanh vào các loài súc sanh như trâu, ngựa, lừa, la... thì cũng nhờ công đức bố thí trước đây nên nhất định nhận được phước báo, tùy theo chỗ sanh tương ứng mà được sự thọ dụng. Này Bà-la-môn! Nếu người thí chủ ấy trì giới không sát sanh, không trộm cướp... (cho đến) chánh kiến, lại biết bố thí cúng dường các Sa-môn, Bà-lamôn, cho đên những người ăn xin đây đủ các thứ vật dụng như tiên của, y phục, đồ ăn thức uống, đèn đuốc thì nhờ công đức này mà được sanh trong loài người, ngồi hưởng thụ phước báo về y phục, đồ ăn thức uống, cho đến các vật dụng như đèn đuốc... Lại nữa, này Bà-la-môn! Nếu người này lại trì giới, được sanh cõi trời thì nhờ vào5 công r đức bô rthí ây mà ở cõi 9 trời y lại hưởnge phước báo vê châu báu, y phục, đô ăn thức uông, cho đên các vật dụng đêu trang nghiêm. Này Bà-la-môn! Đây gọi là người thí thực hành bố thí thì người thí sẽ nhận r phước báo, quả báo không mát. Bấy giờ, Bà-la-môn Sanh Văn nghe đức Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy

hỷ, đảnh lễ Phật rồi rời đi. ***

1042. TỲ-LA-MA 66 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hành trong nhân gian từ nước Câu-tát-la đến ngụ trong rừng Thân-thứ, phía Bắc thôn Tỳ-la-ma. Bấy giờ, các trưởng giả Bà-la-môn thôn Tỳ-la-ma nghe tin Thế Tôn dừng nghỉ trong rừng Thân-thứ, ở phía Bắc thôn, họ liền tập trung lại, cùng nhau đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: -Kính bạch Thế Tôn! Do nhân gì, duyên gi, có những chúng sanh sau khi qua đời bị đọa vào địa ngục? Phật nói với các trưởng giả Bà-la-môn: -Do nhân duyên làm những việc phi pháp, tạo những điều nguy hại, nên sau khi qua đời bị đọa vào địa ngục. Các trưởng giả Bà-la-môn lại bạch Phật: Làm những việc phi pháp gì, tạo những điều nguy hại gì, dẫn đến sau khi qua đời bi đọa vào địa ngục?66

66 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T7.02. 0099.1042. 0272cl8).arụ chiếu: Tạp.(r02. 0099.1043. 0273a28); M. 41, Sāleyyaka Sutta {Kỉnh Sãleyyaka); M. 42, Verañjaka Sutta [Kinh Verañjaka)', A. 2.6 -1. 50.



Phật bảo các trưởng giả Bà-la-môn: -Do nhân duyên sát sanh... (cho đến) tà kiến, tạo đủ mười nghiệp bất thiện. Này các Bà-la-môn! Đây là việc làm phi pháp, việc làm nguy hại, dẫn đến sau khi qua đời bị đọa vào địa ngục. Các trưởng giả Bà-la-môn bạch Phật: Do những nhân gì? duyên gì, các chúng sanh sau khi qua đời được sanh lên cõi trời? Phật bảo các trưởng giả Bà-la-môn: -Nhờ nhân duyên làm những việc đúng pháp, việc làm chân chánh, nên sau khi qua đời được sanh lên cõi trời. Các trưởng giả Bà-la-môn lại hỏi Thế Tôn: Làm những việc như thế nào là đúng pháp, những hạnh gì là chân chánh, dẫn đến sau khi qua đời được sanh lên cõi trời? Phật bảo trưởng giả Bà-la-môn: Đó là nhờ vào nhân duyên từ bỏ sát sanh... (cho đến) chánh kiến, làm mười nghiệp lành, sau khi qua đời được sanh lên cõi trời. Này các trưởng giả Bà-la-môn! Nếu người nào có những việc làm đúng pháp, việc làm chân chánh này mà muốn sanh vào gia đình quyền quý Sát-lợi, hoặc dòng họ Bà-la-môn uy thê, hoặc dòng tộc cư sĩ nôi tiêng thì đêu được như nguyện. Vì sao như vậy? Vì nhờ vào nhân duyên làm những việc đúng pháp và làm những điều chân chánh. Hoặc muốn sanh vào cõi Tứ Thiên Vương, hay cõi trời Ba Mươi Ba... (cho đến) cõi trời Tha Hóa Tự Tại thì đều được như nguyện. Vì sao như vậy? Nhờ nhân duyên làm những việc đúng pháp và làm những điều chân chánh, giữ giới thanh tịnh, tâm lìa ái dục nên sở nguyện sẽ được thành tựu. Hoặc lại có người làm điều đúng pháp và việc làm chân chánh như vậy mà muốn cầu sanh lên cõi Phạm thiên thì cũng được sanh về. Vì sao như vậy? Nhờ nhân duyên làm những việc đúng pháp và làm những điều chân chánh, giữ giới thanh tinh, tâm lìa ái dục cho nên sở nguyện sẽ được thành tựu. Hoặc có người mong cầu sanh lên cõi trời Quang Âm, trời Biến Tinh, cho đến cõi trời A-ca-ni-tra67 thì cũng được như nguyện. Vì sao như vậy? Vì nhờ nhân duyên giữ giới thanh tịnh và tâm lìa ái dục. Nếu lại mong cầu xa lìa ái dục và các pháp ác, bất thiện, có giác có quán... (cho đến) an trụ đày đủ Thiền thứ tư thì đều được thành tựu. Vì sao như vậy? Vì nhờ làm những việc đúng pháp và sống chân chánh, giữ giới thanh tịnh5 tâm lìa ái dục nên sở nguyện đều được thành tựu. Hoặc mong cầu thành tựu Từ, Bi, Hỷ, Xả, Kh6ng nhập xứ, Thức nhập xứ, Vô sở hữu nhập xứ,

Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ thì đều được như nguyện. Vì sao như vậy? Do làm những việc đúng pháp và sống chân

67Ạ-ca-ni-tra ()hay A-ca-ni-sư-tra ()tức cõi trời Hữu Đảnh ()còn gọi là sác Cứu Cánh ( j.



chánh, giữ giới thanh tịnh, tâm lìa ái dục, cho nên mọi sở nguyện đều được thành tựu. Hoặc mong cầu dứt trừ ba kiết sử, được quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà- hàm, A-na-hàm? được thần thông vô lượng, được Thiên nhĩ, Tha tâm trí, Túc mạng trí, Sanh tử trí, Lậu tận trí thì tất cả đều được thành tựu. Vì sao như vậy? Do làm những việc đúng pháp và sống chân chánh, trì giới thanh tinh, tâm lìa ái dục nên mọi sở nguyện đều được thành tựu. Sau khi các trưởng giả Bà-la-môn nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ Phật rồi ra về. *** 1043. TỲ-LA-MA(2)68 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật du hành trong nhân gian từ nước Câu-tát-la đến ngụ trong rừng Thân-thứ, phía Bắc thôn Tỳ-la-ma. Bấy giờ, các trưởng giả Bà-la-môn trong thôn Tỳ-la-ma nghe tin Thế Tôn dừng nghỉ trong rừng Thân-thứ tại thôn Tỳ-la-ma, họ liền ngồi xe ngựa trắng, có nhiêu tùy tùng câm dù, lọng cán vàng và mang bình vàng theo sau cùng ra khỏi thôn Tỳ-la-ma, đi đến rừng Thân-thứ. Đen đầu đường, các trưởng giả xuống xe đi bộ vào cửa vườn, rồi đến trước Thế Tôn kính chào thăm hỏi, sau đó ngồi sang một bên và bạch Phật: Kính bạch Cù-đàm! Do nhân gì, duyên gì, có người sau khi qua đời bị đọa địa ngục... (cho đến) sanh lên cõi trời? (Nói đây đủ như kinh 1042 trên). Các Bà-la-môn thôn Tỳ-la-ma nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ Phật rồi rời đi. *** 1044. TỲ-NỮU-ĐA-LA69 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hành trong nhân gian, từ nước Câu-tát-la đến ngụ trong rừng Thân-thứ, phía Bắc thôn Tỳ-nữu-đa-la.70 Bấy giờ, các trưởng giả Bà-la-môn trong thôn Tỳ-nữu-đa-la nghe tin Thế Tôn dừng nghỉ trong rừng Thân-thứ tại thôn, liền rủ nhau cùng đến rừng Thân-thứ. Họ đến trước Thế Tôn ân cần thăm hỏi rồi ngồi sang một bên.

68 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1043. 0273a28). Tham chiếu: Tạp.(02. 0099.1042. 0272c18); M. 41, Sãleyyaka Sutta (Kinh Sãleyyaka); M. 42, Verañjaka Sutta (Kinh Verañjaka); A. 2.6 -1. 50. 69 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.1044. 0273Ồ09). Tham chiếu: s. 55.7 - v. 352. 70 Tỳ-nữu-đa-la (,Veludvāra).



LÚC ấy, Thế Tôn nói với trưởng giả Bà-la-môn: Ta sẽ giảng cho các ông pháp môn tự mình tỏ ngộ,71 hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Những gì là pháp môn tự mình tỏ ngộ? Nghĩa là Thánh đệ tử nên học như vầy: “Ta tự nghi, nếu có người muốn giết ta, điều này ta không thích; ta không thích điều này thì người khác cũng như vậy, thế thì tại sao ta lại giết hẹ)?” Nhận rõ điều này rồi sẽ thọ trì giới không sát sanh, không thích sát sanh... (nói như trên). "Nếu ta không thích bi người khác trộm cướp đồ đạc của mình thì người khác cũng không thích bị trộm cướp, thế thì tại sao ta lại đi trộm cướp của người khác." Do đó, hãy giữ gìn giới không trộm cướp, không thích trộm cướp... (nói

như trên). “Tịt mình đã không thích người khác xâm phạm đến vợ mình thì người khác cũng không thích giống như vậy, thế thì tại sao ta lại xâm phạm đến vợ người khac?99 Do vậy phải giữ giới không tà dâm đối với người... (nói như trên). "Tịt mình còn không thích bi người khác dối gạt thì người khác cũng như vậy, thế thì tại sao ta lại dối gạt người khác?^ Cho nên phải giữ giới không nói dối... (nói như trên). “Tịt mình còn không thích bị người khác chia lìa thân hữu mình thì người khác cũng vậy, thế thì tại sao ta lại đi chia lìa thân hữu của người khac?99 Thế nên phải giữ giới không nói hai lời... (nói như trên). "Tự mình còn không thích nghe người khác nói lời thô ác thì người khác cũng như vậy, thế thì tại sao ta lại chửi mắng sỉ nhục người khác?" Cho nên chớ nói những lời thô ác đối với người khác... (nói như trên). "Tịt mình còn không thích người khác nói lời thêu dệt thì người khác cũng như vậy, thế thì tại sao ta lại nói lời thêu dệt với người khác?" Cho nên phải giữ giới không nói lời thêu dệt với người khác... (nói như trên). Bảy giới điều như vậy gọi là Thánh giới. Lại nữa, phải thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển72 đối với Phật, thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Pháp và đối với Tăng. Đây gọi là Thánh đệ tử thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển. Tự mình quán sát ngay trong hiện tại và có thể tự mình tuyên thuyết rằng: "Ta sẽ không còn đọa vào địa ngục, nga quỷ, súc sanh và không còn sanh trong các đường ác, được quả Tu-đà-hoàn, không rơi vào đường ác, quyết định hướng đên Chánh đẳng Chánh giác, chỉ còn bảy lần trở lại cõi trời, cõi người rồi hoàn toàn vượt thoát khổ đau?9

71 Nguyên tác: Tự thông chi pháp ().s. 55.7 - v. 352: Attupanāyiko dhammapariyāyo (Pháp môn tự mình tỏ ngộ rồi dẫn đên tự mình thực hành). Bhikkhu Bodhi dịch: A Dhammā exposition applicable to oneself. 72 Bất hoại tịnh (,aveccappasâdà). Xem chú thích 10, kinh số 344, quyển 14, tr. 397; Tạp. (r02. 0099.344. 0094b02).

QUYỂN 37  1143

Trưởng giả Bà-la-môn làng Tỳ-nữu nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ? đảnh lễ Phật rồi đứng dậy ra về. *** 1045. PHÁP THÂN CÂN73 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Có những pháp thân cận với nhau, hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Như Lai sẽ giảng nói cho các thầy. Những pháp nào thân cận với nhau? Nghĩa là người sát sanh thân cận với người sát sanh; trộm cướp, tà dâm, nói dối, nói hai lời, nói lời thô ác, nói lời thêu dệt, tham lam, sân hận và tà kiến, tùy theo mỗi loại mà tự hòa hợp thân cận với nhau. Ví như vật bất tinh sẽ tự hòa hợp với vật bất tịnh; cũng vậy, sát sanh sẽ hòa hợp với sát sanh, {cho đến) tà kiến sẽ thân cận với tà kiến. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo! Không sát sanh sẽ thân cận với không sát sanh, (cho đến) chánh kiến sẽ thân cận với chánh kiến. Ví như vật thanh tịnh sẽ tự hòa hợp với vật thanh tịnh, như sữa sanh lạc, từ lạc sanh tô, từ tô sanh đề-hồ rồi đề-hồ tự hòa hợp. Cũng vậy, không sát sanh sẽ thân cận với không sát sanh, (cho đến) chánh kiến sẽ hòa hợp với chánh kiến. Đây gọi là pháp thân cận nhau của hàng Tỳ-kheo. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 1046. BÒ TRƯỜN NHƯ

RẮN7475 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Có pháp bò trườn như rắn, các thầy hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Thế nào là pháp bò trườn như rắn? Đó là sát sanh, làm điều ác, tay thường vấy máu, (cho đến) tạo mười nghiệp ác... (Nói đầy đủ như trong Kinh trưởng giả Thuần-đà ở trên).15

73 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.1045. 0273c08). Tham chiếu: A. 10.199 - v. 281. 74 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1046. 0273c21). Tham chiếu: A. 10.216 - v. 288. 75 Túc Hp.(T.02. 0099.1039. 0271b01).



LÚC ấy, người kia thân bò trườn như rắn, miệng bò trườn như rắn, ý bò trườn như rắn. Khi người kia thân, miệng, ý đã bò trườn như rắn vậy rồi thì một trong hai đường mà người ấy hướng đến đó là địa ngục, hoặc súc sanh. Những chúng sanh nào bò trườn như rắn? Đó là những chúng sanh bò bằng bụng như rắn, chuột, mèo, chồn. Đây gọi là pháp bò trườn như rắn. Thế nào là pháp không bò trườn như rắn? Đó là không sát sanh, (cho đến) chánh kiến... (Nói đầy đủ về mười nghiệp thiện như Kinh trưởng giả Thuần-đà ở trên). Đây gọi là pháp không bò trườn như rắn. Khi thân không phải bò trườn như rắn, miệng không phải bò trườn như rắn, ý không phải bò trườn như rắn thì họ sẽ sanh về một trong hai đường đó là cõi trời hoặc cõi người. Đây gọi là pháp không phải bò trườn như rắn. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

1047. VIÊN MINH CHÂU76 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà9 thuộc nước Xá-vệ. J J Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Có nhân của nghiệp xấu ác, có nhân của tâm xấu ác và có nhân của thấy biết xấu ác. Nếu chúng sanh nào tạo nhân như vậy thì sau khi lâm chung, nhất định sẽ sanh trong đường ác, đọa vào địa ngục. Giống như ném viên châu tròn vào trong hư không thì nó sẽ rơi lại xuống đất và lăn đi, không dừng trụ một chỗ. Cũng vậy, nhân của nghiệp xâu ác, nhân của tâm xâu ác và nhân của thây biêt xâu ác thì sau khi lâm chung, nhát đinh rơi vào địa ngục, không chô dừng trụ. Thế nào là nghiệp xấu ác? Đó là sát sanh, (cho đến) nói lời thêu dệt... (nói đầy đủ như trên). Đây gọi là nghiệp xấu ác. Thê nào là tâm xâu ác? Đó là tâm tham lam, sân hận... (nói đây đủ như trên). Đây gọi là tâm xấu ác. Thế nào là thấy biết xấu ác? Đó là tà kiến sai lệch... (noi đầy đủ như trèn), Đây gọi là thấy biết xấu ác. Đây gọi là nhân của nghiệp xấu ác, nhân của tâm xâu ác và nhân của thây biêt xâu ác, nên sau khi lâm chung nhát định rơi vào đường ác, đọa trong địa ngục. Nêu tạo nhân nghiệp thiện, nhân tâm thiện, nhân thây biêt thiện thì sau khi lâm chung nhát định được sanh vào đường lành, sanh lên cõi trời. 76 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.1047. 0274a05). Tham chiếu: A. 3.118 - L 270; 10.217-V. 292.



Này Bà-la-môn! Thế nào là nghiệp thiện? Đó là từ bỏ sát sanh, không thích sát sanh, (cho đến) không nói lời thêu dệt. Đây gọi là nghiệp thiện. Thế nào là tâm thiện? Nghĩa là không tham lam, không sân hận. Đây gọi là tâm thiện. Thế nào là thấy biết thiện?

Nghĩa là chánh kiến, không sai lệch, (cho đến) thấy biết không còn thọ thân sau. Đây gọi là thấy biết thiện. Đây gọi là nhân của nghiệp thiện, nhân của tâm thiện, nhân của thấy biết thiện nên sau khi lâm chung sẽ được sanh lên cõi trời. Giống như ném hạt châu có bốn góc vào hư không thì khi rơi xuống nơi nào nó sẽ nằm yên nơi đó. Cũng thế, ba nhân thiện kia tùy thuộc vào chỗ thọ sanh mà an ổn. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

1048. NGHIỆP ÁC VÀ NGHIỆP LÀNH77 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ"kheo:  Nêu người nào huân tập và thực hành nhiều việc sát sanh sẽ đọa vào địa ngục, nếu được sanh trong loài người thì nhất định chết yểu. Nêu người nào huân tập và thực hành nhiêu việc trộm cướp sẽ đọa vào địa ngục, nếu được sanh trong loài người thì nhất định túng thiếu tiền của. Nêu người nào huân tập và thực hành nhiêu việc tà dâm sẽ đọa vào địa ngục, nếu được sanh trong loài người thì vợ bị người khác xâm hại. Nêu người nào huân tập và thực hành nhiêu việc nói dôi sẽ đọa vào địa ngục, nếu được sanh trong loài người sẽ bi người khác gièm pha. Nếu người nào huân tập và thực hành nhiều việc nói hai lời sẽ đọa vào địa ngục, nếu được sanh trong loài người thì bi bạn bè xa lánh. Nếu người nào huân tập và thực hành nhiều việc nói lời thô tục sẽ đọa vào địa ngục, nếu được sanh trong loài người thì thường bị nghe những tiếng thô tục. Nếu người nào huân tập và thực hành nhiều việc nói lời thêu dệt sẽ đọa vào địa ngục, nếu được sanh trong loài người thì lời nói không được tin dùng. Nêu người nào huân tập và thực hành nhiêu việc tham dục sẽ đọa vào địa ngục, nếu được sanh làm người thì tham dục kia sẽ tăng trưởng. Nếu người nào huân tập và thực hành nhiều việc sân hận sẽ đọa vào địa ngục, nếu được sanh trong loài người thì sân hận kia sẽ tăng trưởng.

77 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1048. 0274a25).



Nếu người nào huân tập và thực hành nhiều tà kiến sẽ đọa vào địa ngục, nếu được sanh trong loài người thì sự si mê càng tăng trưởng. Nếu người nào tu tập và tu tập thuần thục về việc từ bỏ sát sanh sẽ được sanh lên cõi trời, nếu sanh làm người thì nhất đinh được trường thọ. Nếu người nào tu tập và tu tập thuần thục về việc không trộm cướp sẽ được sanh lên cõi trời, nếu sanh làm người thì tiền của không bị mất. Nếu người nào tu tập và tu tập thuần thục về việc không tà dâm sẽ được sanh lên cõi trời, nếu sanh làm người thì vợ con thiện lương. Nếu người nào tu tập và tu tập thuần thục về việc không nói dối sẽ được sanh lên cõi trời, nếu sanh làm người sẽ không bị chê bai. Nêu người nào tu tập và tu tập thuân thục vê việc không nói hai chiêu sẽ được sanh lên cõi trời, nếu sanh làm người thì bạn bè bền vững. Nêu người nào tu tập và tu tập thuân thục vê việc không nói lời thô ác sẽ được sanh lên cõi trời, nếu sanh làm người thì thường được nghe những âm thanh dịu dàng. Nếu người nào tu tập và tu tập thuần thục về việc không nói lời thêu dệt sẽ được sanh lên cõi trời, nếu sanh làm người thì lời nói sẽ được tin dùng. Nếu người nào tu tập và tu tập thuần thục về việc không tham lam sẽ được sanh lên cõi trời, nếu sanh làm người thì ái dục sẽ không tăng trưởng. Nêu

người nào tu tập và tu tập thuần thục vê việc không sân hận sẽ được sanh lên cõi trời, nếu sanh làm người thì sân hận sẽ không tăng trưởng. Nếu người nào tu tập và tu tập thuần thục về chánh kiến sẽ được sanh lên cõi trời, nếu sanh làm người thì si mê sẽ không tăng trưởng. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 1049. KHỞI NGUYÊN CỦA NGHIỆP78 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Sát sanh có ba trường hợp: Sát sanh sanh khởi từ tham, sát sanh sanh khỏi từ sân và sát sanh sanh khởi từ si.... (cho đếri) tà kiến cũng có ba trường hợp sanh khởi: Tà kiến sanh khởi từ tham, tà kiến sanh khởi từ sân và tà kiến sanh khởi từ si. Từ bỏ sát sanh cũng có ba trường hợp: Sanh khởi từ không tham, sanh khởi từ không sân, sanh khởi từ không si. ... (cho đến) từ bỏ tà kiến cũng có

78 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1049. 0274b23). Tham chiếu: A. 10.174 - V. 261.



ba trường hợp: Sanh khởi từ không tham, sanh khởi từ không sân, sanh khởi từ không si. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

1050. CON ĐƯỜNG XUẤT LY79 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Pháp này có con đường xuất ly, pháp này không phải không có con đường xuất ly.80 Thế nào là pháp này có con đường xuất ly? pháp này không phải không có con đường xuất ly? Đó là, từ bỏ sát sanh là con đường xuất ly sát sanh,... (cho đến) chánh kiến là con đường xuất ly tà kiến. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành' ***

1051. BỜ BÊN NÀY VÀ BỜ BÊN KIA81 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà9 thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, có Bà-la-môn Sanh Văn đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: Thưa Cù-đàm! Nói về bờ bên này, bờ bên kia, vậy thế nào là bờ bên này, thế nào là bờ bên kia? Đức Phật bảo Bà-la-môn: -Sát sanh là bờ bên này, không sát sanh là bờ bên kia... {cho đêri) tà kiên là bờ bên này, chánh kiến là bờ bên kia. Tì ô • nní _ K nn ỉ \ _ Roi The Ton noi kê: ít có người tu thiện, Có thể sang bờ kia, Phần lớn các chúng sanh, Rong ruổi bên bờ này.

79 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.1050. 0274c01). Tham chiếu: A. 10.175 - v. 262. 80 Nguyên tác: Hữu xuất pháp, xuất bất xuất pháp ().cấu trúc bản Hán y cứ theo A. 10.175 - V. 262: Saparikkamano ayarn, bhikkhave, dhammo, nayam dhammo aparỉkkamano (Pháp này, này các Tỷ-kheo, có con đường thoát ly, pháp này không phải không có con đường thoát ly), HT. Thích Minh Châu dịch. 81 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.1051. 0274c06). Tham chiếu: A. 10.170 - v. 253.

Pháp và Luật nơi đây, Quán sát pháp, pháp tướng, Sẽ qua đến bờ kia, Chế phục chúng ma chết. Bà-la-môn Sanh Văn nghe Phật dạy xong liền hoan hỷ và tùy hỷ, đứng dậy rồi ra về. Như bản kinh trên, ba bản kỉnh tiếp theo là Tỳ-kheo khác hỏi, Tôn giả A-nan hỏi và Phật hỏi các Tỳ-kheo cũng được nói như vậy. ***

1052. PHÁP ÁC VÀ PHÁP THIỆN82 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo:  Có pháp ác, có pháp thiện.83 Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ thuyết giảng cho các thầy. Thế nào là pháp ác? Đó là sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, nói hai chiêu, nói lời thô ác? nói thêu dệt, tham, sân và tà kiên. Đây gọi là pháp ác. Thế nào là pháp thiện? Đó là từ bỏ sát sanh... (cho đến) chánh kiến. Đây gọi là pháp thiện. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

1053. cực ÁC VÀ cực THIỆN84 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. J Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo:  Có pháp ác và pháp ác hơn cả pháp ác, có pháp hiên thiện và có pháp hiên thiện hơn cả pháp hiền thiện.85 Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ thuyết giảng cho các thầy.

82 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.1052. 0274c 19). Tham chiếu: 4 10.191  v. 278. 83 Nguyên tác: Ác pháp, chân thật pháp (,).Tham chiếu: 4 10.191 - V. 278: Saddhammañca, asaddhammañca (Pháp vi diệu, pháp không vi diệu). 84 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.1053. 0274c26). Tham chiếu: ^.4.207-210 -II. 222-24. - tác: Ác pháp, ác ác pháp; chân thật pháp, chân thật chân thật pháp ( ).Tham chiêu: A. 4.209 - II. 223: Pāpadhammañca vo, bhikkhave, desessāmi, pãpadhammena pāpadhammatarañca; kalyāKiadhammañca, kalyānadhammena kalyānadhammatarañca (Này các Tỷ- kheo, Ta sẽ giảng cho các thầy về có người ác tánh và người có ác tánh hơn cả người có ác tanh; về ngươi có tánh hiền thiện và người có tánh hiền thiện hơn cả người có tánh hiền thiện), HT. Thích Minh Châu dịch.

QUYỂN 37 1149

Thế nào là pháp ác? Đó là sát sanh... (cho đến) tà kiến. Đây gọi là pháp ác. Thê nào là pháp ác hơn cả pháp ác? Đó là tự tay sát sanh roi dạy người sát sanh... (cho đến) tự khởi tà kiến rồi đem tà kiến ấy dạy cho người khác. Đây gọi là pháp ác hơn cả pháp ác. Thế nào là pháp hiền thiện? Đó là không sát sanh... (cho đến) chánh kiến. Đây gọi là pháp hiền thiện. Thế nào là pháp hiền thiện hơn cả pháp hiền thiện? Đó là tự mình không sát sanh và dạy người không sát sanh... (cho đen) tự có chánh kiến roi đem chánh kiến ấy dạy cho người khác. Đây gọi là pháp hiền thiện hơn cả pháp hiền thiện. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

1054. KẺ ÁC VÀ NGƯỜI HIỀN86 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. qnv Á • A r-p-l Á rp19 r r-p y l 1 Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo:  Có kẻ bất thiện, có ngirơi thiện lành.87 Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ thuyết giảng cho các thầy. Thế nào là kẻ bất thiện? Đó là những kẻ sát sanh... (cho đến) tà kiến. Đây gọi là kẻ bất thiện. Thê nào là người thiện lành? Đó là

những người không sát sanh... (cho đên) chánh kiến. Đây gọi là người thiện lành. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

1055. KẺ cực ÁC VÀ NGƯỜI cực THIỆN88

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

86 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.1054. 0275a08). Tham chiếu: A. 10.192 - v. 279. 87 Nguyên tác: Bất thiện nam tử, thiện nam tử (,).4 10.192-V. 279: Asappurisadhamma, sappurisadhammā (pháp kẻ bat thiện, pháp người thiện lành). 88 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.1055. 0275al4). Tham chiếu: A. 4.201 - II. 217.

1150 KINH TẠPA-HÀM

_ ỉ Ạ _ • y_ Ạ nn 9 _ _ / _ rr^ 5 _ Bây giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Có kẻ bất thiện, có kẻ độc ác hơn cả kẻ bất thiện; có người thiện lành, có :.v. Y 0 Y —— người lương thiện hơn cả người thiện lành. Hãy lăng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ thuyết giảng cho các thầy. -Thế nào là kẻ bất thiện? Đó là kẻ sát sanh... (cho đến) kẻ tà kiến. Đây gọi là kẻ bất thiện. Thế nào là kẻ độc ác hơn cả kẻ bất thiện? Đó là kẻ tự tay sát sanh rồi dạy người sát sanh... (cho đến) kẻ tự khởi tà kiến rồi dạy người khởi tà kiến. Đây gọi là kẻ độc ác hơn cả kẻ bất thiện. Thế nào là người thiện lành? Đó là người không sát sanh... (cho đến) người có chánh kiến. Đây gọi là người thiện lành. Thế nào là người lương thiện hơn cả người thiện lành? Đó là người tự mình không sát sanh và dạy người không sát sanh... (cho đến) tự khởi chánh kiến rồi đem chánh kiến ấy dạy cho người khác. Đây gọi là người lương thiện hơn cả người thiện lành. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

1056. MƯỜI PHÁP89 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nếu người nào tạo đủ mười pháp thì như cây giáo sắt đâm thẳng xuống nước, khi lâm chung rơi vào đường ảc, địa ngục. Những gì là mười? Đó là sát sanh... (cho đến) tà kiến. Z e r

Nêu người nào thành tựu mười pháp thì như cây giáo sát chĩa lên hư không, khi lâm chung được sanh lên cõi trời. Những gì là mười? Đó là không sát sanh... {cho đến) chánh kiến. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

89 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1056. 0275a27). Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.47.1. Ò780c21);^. 10.221 - V. 303.

QUYÊN 37 1151

1057. HAI MƯƠI PHÁP90 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nêu người nào tạo đủ hai mươi pháp thì như cây giáo sát đâm thăng xuống nước, khi lâm chung rơi vào đường ác, địa ngục. Hai mươi pháp ấy là gì? Đó là tự tay sát sanh và dạy

người sát sanh... (cho đến) tự mình khởi tà kiến và đem tà kiến ấy dạy cho người khác. Ai tạo đủ hai mươi pháp này thì như cây giáo sắt đâm thẳng xuống nước, khi lâm chung rơi vào đường ác? địa ngục. Nêu người nào thành tựu hai mươi pháp thì như cây giáo săt chĩa lên hư không, khi lâm chung được sanh lên cõi trời. Hai mươi pháp ấy là gì? Đó là tự mình không sát sanh và dạy người không sát sanh... (cho đếri) mình có chánh kiến và đem chánh kiến ấy dạy cho người khác. Ai thành tựu hai mươi pháp này thì như cây giáo sắt chĩa lên hư không, khi lâm chung được sanh lên cõi trời. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

1058. BA MƯƠI PHÁP91 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bảo các Ty-kheo: Nếu người nào tạo đủ ba mươi pháp thì như cây giáo sắt đâm thẳng xuống nước, khi lâm chung sanh vào đường ác, địa ngục. Ba mươi pháp ấy là gì? Đó là tự mình sát sanh, dạy người sát sanh và khen ngợi sát sanh... (cho đến) tự khởi tà kiến, đem tà kiến ấy dạy cho người khác và khen ngợi những người thực hành tà kiến ấy. Ai tạo đủ ba mươi pháp này thì như cây giáo sắt đâm thẳng xuống nước, khi lâm chung rơi vào đường ác, địa ngục. Nếu người nào thành tựu ba mươi pháp thì như cây giáo sắt chĩa lên hư không, khi lâm chung được sanh lên cõi trời. Ba mươi pháp ấy là gì? Đó là tự mình không sát sanh, dạy người không sát sanh và thường khen ngợi công đức không sát sanh... (cho đến) tự có chánh kiến, đem chánh kiến ấy dạy cho người khác và thường khen ngợi công đức chánh kiến. Ai thành tựu ba mươi pháp ấy thì như cây giáo sắt chĩa lên hư không, khi lâm chung được sanh lên cõi trời.

90 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.1057. 0275Ồ05). Tham chiếu: A. 10.222 - v. 304. 91 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp. 3.02. 0099.1058. 0275Ồ17). Tham chiếu: A. 10.223 - v. 305.



Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đêu hoan hỷ phụng hành. ***

1059. BỐN MƯƠI PHÁP92 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giơ, Thê Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nếu người nào tạo đủ bốn mươi pháp này thì như cây giáo sắt đâm thẳng xuống nước, khi lâm chung rơi vào đường ác, địa ngục. Bốn mươi pháp ấy là gì? Đó là tự mình sát sanh, dạy người sát sanh, khen ngợi sát sanh và thấy người sát sanh tâm hoan hỷ theo... (cho đên) tự khởi tà kiên, dạy người theo tà kiên, khen ngợi tà kiến và thấy người hành tà kiến tâm hoan hỷ theo. Ai tạo đủ bốn mươi pháp này thì như cây giáo sắt đâm thẳng xuống nước, khi lâm chung rơi vào đường ác, địa ngục. Ai thành tựu bốn mươi pháp này thì như cây giáo sắt chĩa lên hư không, khi lâm chung được sanh lên cõi trời. Bốn mươi pháp ấy là gì? Đó là mình không sát sanh, dạy người không sát sanh, thường tán thán công đức không sát sanh và thấy người không sát sanh tâm hoan hỷ theo... (cho đến) tự có chánh kiến, dạy người theo chánh kiến, thường khen ngợi công đức chánh kiến và thấy người hành chánh kiến tâm hoan hỷ theo. Ai thành tựu bốn mươi pháp

này thì như cây giáo sắt chĩa lên hư không, khi lâm chung được sanh lên cối trời. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

1060. PHI PHÁP VÀ CHÁNH PHÁP93 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-dà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ5 Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Có phi pháp và có Chánh pháp. Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ thuyết giảng cho các thầy. Những gì là phi pháp? Đó là sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, nói hai chiều, nói lời thô ác, nói thêu dệt, tham, sân, tà kiến. Đây gọi là phi pháp.

92 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1059. 0275c01). Tham chiếu: A. 10.224 - v. 306. 93 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.1060. 0275c06). Tham chiếu: A. 10.198 - v. 281.



Những gì là Chánh pháp? Đó là không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không nói hai chiều, không nói lời thô ác, không nói thêu dệt, không tham, không sân, chánh kiến. Đây gọi là Chánh pháp. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 1061. PHI LUẬT VÀ CHÁNH LUẬT9495 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Có phi luật và có chánh luật. Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ thuyết giảng cho các thầy. Những gì là phi luật? Đó là sát sanh... (cho đến) tà kiến. Đây gọi là phi luật. Những gì là chánh luật? Đó là không sát sanh... (cho đến) chánh kiến. Đây gọi là chánh luật. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Như Phi luật, chánh luật, cũng vậy, các kinh Phỉ thánh và Thánh; Bất thiện và thiện; Phi thân cận và thân cận; Phỉ lành thay và lành thay; Hắc pháp và bạch pháp; Phi nghĩa và chảnh nghĩa; Pháp kém và pháp hơn; Pháp có tội và pháp không tội; Pháp bỏ và pháp không bỏ, mỗi mỗi kinh đều nói như trên?5

94 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1061. 0275c22). Tham chiếu: A. 10.198 - v. 281. 95 Bản Hán, hết quyển 37.



QUYỂN 38 1062. TÔN GIẢ THIỆN SANH1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tôn giả Thiện Sanh12 mới cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, với niềm tin chân chánh, từ bỏ gia đình, xuất gia học đạo, đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Khi ấy, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Này các Tỳ-kheo! Nên biết thiện nam Thiện Sanh này có hai điều đoan nghiêm: Một là cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, với niềm tin chân chánh, từ bỏ gia đình, xuất gia học đạo; hai là diệt sạch hữu lậu, đạt được vô lậu, tâm được giải thoát, tuệ được giải thoát, ngay trong hiện tại tự biết, tự chứng: “Sụ* sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần [làm] đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Khi áy, The Ton liên noi kẹ:  Văng lặng, sạch các lậu, Tỳ-kheo rất trang nghiêm, Lìa dục, đoạn phiền não, Niết-bàn? dứt tái sanh, Giữ thân tối hậu này, Hàng phục giặc ma oán. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

1063. CHỚ XÉT ĐOÁN NGƯỜI KHÁC3

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Khi ây5 có vị Tỳ-kheo kia do hình tướng thô xâu khó coi nên thường bi các Tỳ-kheo khác khinh chê, đi đến chỗ Phật. Bấy giờ, bốn chúng đang vây quanh

1 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1062. 0276a09). Tham chiếu: Biệt Tạp. (7.02. 0100.1. 0374a07)y 21.5 - IL 278. 2 Thiện Sanh (,Sujātā). 3 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1063. 0276a22). Tham chiếu: Biệt 7. (r02. 0100.2. 0374al9); s. 21.6 - II. 279; J. II. 142, Kelisīlajātaka (Chuyện tánh nghịch ngợm), số 202.



Thế Tôn trông thấy Tỳ-kheo kia đi vào, họ đều sanh khởi ý tưởng xem thường, liên hỏi nhau: uTỳ-kheo kia là ai mà vừa từ ngoài vào đây, do hình tướng xấu xí khó coi nên bị người khác khinh chê như vRy?" Khi ấy9 Thế Tôn biết tâm niệm của các Tỳ-kheo, liền bảo: -Các thầy có thấy Tỳ-kheo kia mới đến đây, do hình tướng thô xấu khó coi nên bị người khác khinh chê không? Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Thưa vâng, chúng con đã thấy! Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: -Các thầy chớ khởi ý tưởng khinh thường vị Tỳ-kheo ấy. Vì sao như thế? Vì Tỳ-kheo ấy đã hết sạch các lậu, việc cần làm đã làm xong, đã từ bỏ gánh nặng, đoạn các hữu kiết sử,4 có chánh trí, tâm hoàn toàn giải thoát.4 5 Này các Tỳ-kheo! Các thầy chớ tùy tiện xét đoán người khác, chỉ có Như Lai mới có thể xét đoán được người mà thôi. Rồi vi Tỳ-kheo ấy đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Bấy giờ, Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo: Các thầy có thấy Tỳ-kheo này cung kính đảnh lễ rồi ngồi sang một bên chăng?

Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Thưa vâng, chúng con đã thay! Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Các thầy chớ sanh khởi ý tưởng khinh thường vị Tỳ-kheo này. Vì sao như thế? Vì Tỳ-kheo này đã hết sạch các lậu... (cho đên) các thây chớ xét đoán người khác, chỉ có Như Lai mới có thể biết rõ con người mà thôi. Khi ấy, Thế Tôn liền nói kệ: Chim bay và thú chạy, Đều sợ hãi sư tử, Sư tử, vua loài thú, Chẳng loài nào dám hơn. Cũng thế, người trí tuệ, Tuy nhỏ mà lại lớn, Chớ xét thân tướng họ, Mà sanh tâm khinh thường. Đâu cần thân to lớn, Mập mạnh mà vô trí, Bậc Hiền, tuệ thù thắng, Chính là bậc Thượng sĩ. Lìa dục, đoạn kiêt sử, Niết-bàn , dứt tái sanh, Giữ thân tối hậu này, Hàng phục chúng ma quân. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

4 Hữu kiết ()Kiết sử hay phiền não đưa đến luân hồi sanh tử qua các cõi. 5 Nguyên tác: Thiện giải thoát (,suvimutta). Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển l, tr. 19; Tạp. (7.02. 0099.22. 0004c20).

1064. ĐỀ-BÀ-ĐẠT-ĐA6 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà9 thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Đề-bà-đạt-đa7 có nhiều lợi dưỡng vì được vua nước Ma-kiệt-đà là A-xà-thế8 con bà Tỳ-đề-hy59 mỗi ngày cùng đoàn tùy tùng ngôi trên năm trăm cỗ xe đi đến chỗ Đề-bà-đạt-đa, dâng năm trăm mâm cơm cúng dường. Đê- bà-đạt-đa dẫn năm trăm vị Tỳ-kheo tách thành chúng riêng để nhận sự cúng dường này. Khi ấy, vào sáng sớm, có số đông Tỳ-kheo đắp y, ôm bát vào thành Vương Xá khất thực, nghe nói Đầ-bà-đạt-đa có nhiều lợi dưỡng... (cho đen) Đe-bà-đạt- đa dẫn năm trăm vị Tỳ-kheo tách thành chúng riêng để nhận sự cúng dường này. Nghe vậy, các Tỳ-kheo khất thực xong, trở về tinh xá9 cất y bát, rửa sạch chân rồi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài, ngồi sang một bên và thưa:  Bạch Thế Tôn! Sáng sớm nay chúng con đắp y, ôm bát vào thành Vương Xá khất thực, nghe nói Đe-bà-đạt-đa có lợi dưỡng... (cho đến) Đề-bà-đạt-đa dẫn năm trăm vị Tỳ-kheo tách thành chúng riêng để nhận sự cúng dường này. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:  Các thầy chớ có tán dương những lợi dưỡng mà Đề-bà-đạt-đa đang có. Vì sao như the? Vì Đề-bà-đạt-đa thọ hưởng lợi dưỡng riêng như thế thì đời này tự hư hoại và đời sau cũng bị hư hoại. Ví như cây chuối, cây tre, cây lau ra hoa, đậu quả rồi sẽ chết, năm sau bị hư hoại. Đề-bà-đạt-đa cũng vậy, thọ hưởng lợi dưỡng như thế thì đời này tự hư hoại, đời sau cũng bị hư hoại. Ví như con la mang thai ắt sẽ chết. Đề-bà-đạt-đa cũng vậy, thọ hưởng các lợi dưỡng như thế thì đời này tự hư hoại, đời sau cũng bị hư hoại. Đề-bà-đạt-đa ngu si kia khi nào còn thọ hưởng lợi dưỡng như thế sẽ còn chiu khổ lâu dài, không được lợi ích gì. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy học như vầy: “T6i dù có lợi dưỡng cũng không sanh tâm nhiễm trước.,^ Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ: Chuối ra quả rồi chết, Lau, tre cũng như thế. La mang thai thì chết, Người hại thân do tham. Thường làm việc phi nghĩa, Biết nhiều, chẳng khỏi ngu, Pháp lành ngày càng giảm, Cành khô, rễ cũng tàn.

6 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1064. 0276b20). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100.3. 0374b09); Tăng. /.02. 0125.12.7. 0570Ồ20); Tăng.(r.02. 0125.23.7. 0614al8); S. 17.35 - II. 241; S. 17.36 - II. 242; A, 4.68 - II. 73. 7 Đề-bà-đạt-đa (,Devadatta). 8 A-xà-thế (,Ajātasattu). 9 Tỳ-đề-hy ()còn gọi là Vid2-hy (,Vedehī).



Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.
***

1065. VỊ TỲ-KHEO TÊN THỦ10* Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, tại nước Xá-vệ có Tỳ-kheo tên Thủ11 là người họ Thích lâm chung. Khi ấy, vào sáng sớm, có số đông Tỳ-kheo đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực, nghe nói Tỳ-kheo Thủ người họ Thích lâm chung ở nước Xá-vệ. Nghe vậy, các Tỳ-kheo vào thành Xá-vệ khất thực xong, trở về tinh xả, cất y bát, rửa sạch chân, đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: Bạch Thế Tôn! Sáng sớm hôm nay, Tỳ-kheo chúng con đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực, nghe nói Tỳ-kheo Thủ người họ Thích qua đời tại nước Xá-vệ. Thế nào, bạch Thế Tôn? Tỳ-kheo Thủ lâm chung sẽ sanh về đâu? Thọ _ sanh thê nào? Đời sau ra sao?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:  Tỳ-kheo Thủ này đã gây tạo ba pháp bất thiện, khi lâm chung sẽ rơi vào đường ác, đọa địa ngục. Ba pháp bất thiện ấy là gì? Đó là tham dục? sân hận và ngu si. Bị ba pháp bất thiện này trói buộc tâm, nên Tỳ-kheo Thủ người họ Thích sanh vào đường ác, đọa địa ngục. Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ: Tham dục, sân hận, si, Trói buộc tâm con người, Khởi lên tự hại mình, Như lau, tre ra trái. Tâm không tham, sân, si, Như vậy là sáng suốt, Khởi lên không tự hại, Vượt thoát này là hơn. Thế nên hãy lìa tham, Sân, si, tâm mê tối, Tỳ-kheo trí tuệ sáng, Khổ sạch, Bát-niết-bàn. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

10 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.1065. 0276c17). Tham chiếu: Biệt Tạp. (r.02~0100^4. 0374C11); s. 3.2-L 76; s. 3.23 - L 98. "Thủ Tỳ-kheo ( Kattha Bhikkhu).

1158  KINH TẠPA-HÀM ----------

1066. TÔN GIẢ NAN-ĐÀ (l)12 Giống như Kỉnh Tỳ-kheo Thủ, Kỉnh [Tôn giả] Nan-đà cũng nói như thê. ***

1067. TÔN GIẢ NAN-ĐÀ (2)13 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Nan-dà, con của di mẫu Phật, ưa mặc áo đẹp, màu sắc lộng lẫy, chải chuốt bóng bẩy, ôm bình bát đẹp, ham thích cười đùa, vừa đi vừa giỡn. Khi ấy, có số đông Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa:  Bạch Thế Tôn! Tôn giả Nan-đà là con của di mẫu Phật, ưa mặc áo đẹp, màu sắc lộng lẫy, chải chuốt bóng bẩy, ôm bình bát đẹp, ham thích cười đùa, vừa đi vừa giỡn. Bấy giờ, Thế Tôn bảo một vi Tỳ-kheo:  Thầy hãy đến chỗ Tỳ-kheo Nan-đà nói rằng: "Nan-dà! Đại sư truyền gọi thAy!" Tỳ-kheo vâng lời Phật, đến thưa với Nan-đà: “Thế Tôn truyền gọi Tôn gi&!" Nan-đà nghe xong, liền đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi đứng qua một bên. Đức Phật hỏi Nan-đà: -Có thật là thây ưa mặc áo đẹp, chải chuốt bóng bây, ham thích bỡn cợt, vừa đi vừa giỡn hay không? Tôn giả Nan-đà thưa: -Thật vậy, bạch Thế Tôn! Đức Phật bảo: -Thây là con của di mâu Ta, dòng quý tộc xuất gia, không nên ưa mặc áo đẹp, màu sắc lộng lẫy, chải chuốt bóng bẩy, ôm bình bát đẹp? ham thích bỡn cợt, vừa đi vừa giỡn như thế. Thầy nên khởi ý nghĩ như vầy: "Ta là con di mẫu của Phật, dòng quý tộc xuất gia nên ở nơi rừng văng, khát thực nuôi thân, mặc áo phan tảo,14 khen ngợi người mặc áo phấn tảo, thường ở chỗ núi rừng, khe suối, tâm không đoái tưởng năm dục.55

12 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. 7hp.(T.02. 0099.1066. 0277a09). Tham chiếu: Tạp.(r02. 0099.275. 0073a22); Biệt Tạp.(T.02. 0100.6. 0375al9); A. 8.9-IV. 166 13_Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.1067. 0277al0). Tham chiếu: Biệt Tạp. (r.02. 0100.5. 0374c29); Tang. (702. 0125.18.6. 0591a08); s. 21.8-II. 281. 14 Nguyên tác: Phấn tảo y (,pamsukūlani).

QUYỂN 38  1159

Bấy giờ, Nan-đà vâng lời Phật dạy, ở nơi rừng vắng, khất thực nuôi thân, mặc áo phấn tảo, cũng thường khen ngợi người mặc áo phấn tảo, thích ở núi rừng, khe suối, tâm không đoái tưởng năm dục. Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ: Nan-đà! Ta muốn thầy Tu tập nơi

thanh vắng, Đi khất thực từng nhà, Thân đắp y phấn tảo, Ưa ở chỗ núi rừng, Không đoái tưởng năm dục. Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả Nan-đà nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

1068. TÔN GIẢ ĐÊ-SA15 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Đê-sa16 tự cho lẳng: "Ta là anh em cô cậu của Thế Tôn nên không cần cung kính, không cần dè dặt, không phải nể sợ, không chịu ai can gian." Khi ấy, có nhiều Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa:  Bạch Thế Tôn! Tôn giả Đê-sa tự cho mình là anh em cô cậu của Phật nên không tu hạnh cung kính, không biết dè dặt, không nể sợ ai, không chịu ai can gián. Bấy giờ, Thế Tôn bảo một vị Tỳ-kheo:  Thầy hãy đến chỗ Tỳ-kheo Đê-sa nói rằng: "Đê-sa! Đại sư truyền gói thầy!" Tỳ-kheo ấy vâng lời Phật, đến chỗ Tỳ-kheo Đê-sa thưa: "Thế Tôn truyền gọi Tôn giả!99 Thế là, Đê-sa liền đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi đứng qua một bên. Đức Phật hỏi:  Có thật thầy cho rằng: "Ta là anh em cô cậu của Phật nên không cần cung kính, không phải dè dặt, không phải nể sợ? không chịu ai can gián" chăng? Tỳ-kheo Đê-sa thưa:  Thật vậy, bạch Thế Tôn!

15 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1068. 0277b06). Tham chiếu: Biệt 7. (r.02.01007. 0375b21); s. 21.9 - IL 281. 16 Đê-sa (,Tissa).



Đức Phật bảo  Thầy không nên như the! Thầy nên nghĩ rằng: "Ta là anh em cô cậu của Phật nên tu hạnh cung kính, nể sợ và chấp nhận lời can gián." Lúc ấy, Thế Tôn liền nói kệ: Lành thay, thầy Đê-sa! Lìa sân hận là thiện, Chớ sanh tâm sân hận, Người sân hận không tốt. Nếu lìa được sân, mạn, Tu hành tâm khiêm hạ, Sau đó ở chỗ Ta, Tu tập các Phạm hạnh. Đức Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo Đê-sa nghe lời Phật dạy được hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi lui ra. *** 1069. TÔN GIẢ TỲ-XÁ-KHƯ17 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. - J Bấy giờ, Tôn giả Tỳ-xá-khư Bát-xà-lê tử18 ở tại giảng đường19 thuyết pháp cho chúng Tỳ-kheo, lời lẽ hoàn hảo, âm thanh trong trèo, câu chữ chính xác, ý nghĩa rõ ràng, nương theo trí tuệ mà nói, thính giả thích nghe, không thiên chấp khi nói pháp, hiển hiện nghĩa lý sâu mầu, khiến các Tỳ-kheo nhất tâm lắng nghe. Khi ấy, Thế Tôn đang nhập đinh ban ngày, với thiên nhĩ thanh tịnh hơn người thường nên Ngài nghe tiếng thuyết pháp. Sau khi xuất định, Ngài đi đến giảng đường, ngồi trước đại chúng và nói với Tỳ-xá-khư Bát-xà-lê tử:  Lành thay! Lành thay! Tỳ-xá-khư! Thầy có thể ở tại giảng đường này mà thuyết pháp cho các Tỳ-kheo, lời lẽ hoàn hảo... {cho đến) hiển hiện nghĩa lý sâu mau, khiến các Tỳ-kheo một lòng kính trọng, chú tâm thích nghe. Thầy hãy thường xuyên vì các Tỳ-kheo mà thuyết pháp như thế, khiến các Tỳ-kheo một lòng kính trọng, chú tâm thích nghe, sẽ được ích lợi lâu dài, được sống an lạc. Á •\ rrnl Ấ rp 1 • À Z • i A Bay giơ, The Ton liên noi kẹ: Nếu không có thuyết pháp, Khó phân rõ trí, ngu, Đây ngu, đây trí tuệ, Không cách nào hiển hiện, Khéo nói pháp thanh lương, Nhờ nói, trí sáng rõ, Nói pháp để soi chiếu, Sáng chói cờ Hiền thánh, Khéo nói vì cờ Thánh, Pháp là cờ La-hán.

17Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.1069. 0277Ồ28). Tham chiếu: Biệt Tạp. (r.02. 0100.8. 0375C13); 5/21.7 - II. 280; A. 4.48 -11.51. 18 Tỳ-xá-khư Bát-xà-lê tử (,Visākhā Pañcālaputta). 19 Nguyên tác: Cúng dường đường ():Nhà giảng hoặc có thể là nhà ăn. p. Upatthānasālā, giảng đường, thị giả đường hay nhà khách.



Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả Tỳ-xá-khư Bát-xà-lê tử nghe lời Phật dạy liên hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi lui ra. *** 1070. TỲ-KHEO TRẺ TUỔI20 Tôi nghe như vậy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có số đông Tỳ-kheo đang tập trung tại giảng đường để cùng may y. Lúc đó, có một Tỳ-kheo trẻ tuổi, xuất gia chưa bao lâu, mới vào trong Chánh pháp và Giới luật nhưng không muốn phụ giúp các Tỳ-kheo khác may y. Bấy giờ, các Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: Bạch Thế Tôn! Chúng Tỳ-kheo tập trung tại giảng đường để cùng may y, có một vị Tỳ-kheo trẻ tuổi, xuất gia chưa bao lâu, mới vào trong Chánh pháp và Giới luật nhưng không muốn phụ giúp các Tỳ-kheo khác may y. Bấy giờ, Thế Tôn liền hỏi Tỳ-kheo kia: Có thật thầy không muốn phụ giúp các Tỳ-kheo khác may y chăng?

Vị Tỳ-kheo kia thưa: Bạch Thế Tôn! Tùy theo khả năng của con mà con phụ giúp. Thế Tôn khi đó biết được tâm niệm của Tỳ-kheo trẻ tuổi kia, mới bảo chúng Tỳ-kheo rằng: Các thầy chớ nói gì về Tỳ-kheo trẻ tuổi này nữa. Vì sao như vậy? Vì Tỳ- kheo này đã chứng đắc và thể nhập bốn tâm tăng thượng,21 có được an lạc ngay trong hiện tại mà không cần cố gắng. Mục đích cốt yếu của vị ấy chính là cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa9 rời nhà học đạo, tăng tiến tu học, ngay trong hiện tại tự biết, tự chứng: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." , _ Khi ây5 The Ton liên nói kê: Chẳng thể kém nỗ lực, Đức mỏng, thiếu trí tuệ, Mà thẳng hướng Niết-bàn? Thoát khỏi gông phiền não. Hiền nhân trẻ tuổi này, Sớm được chỗ Thượng sĩ, Lìa dục, tâm giải thoát, Niết-bàn5 dứt tái sanh, Giữ thân tối hậu này, Hàng phục chúng ma quân.

20 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. (02. 0099.1070. 0277CÍ9). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100.9. 0376al5); s. 21.4 . II. 277. 21 Nguyên tác: Tứ tăng thượng tâm pháp ().Theo Hoàng Lô viên kỉnh (TOI. 0026.157. 0679cl0-c27), 4 tâm tăng thượng này tương ứng với 4 thiên.



Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

1071. TÔN GIẢ THƯỢNG TỌA22 Tôi nghe như vậy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Lúc ấy, có Tỳ-kheo tên Thượng Tọa23 sống một mình, cũng thường khen ngợi người sông một mình, khát thực một mình, khát thực xong trở vê một mình và ngồi thiền một mình. Bấy giờ, trong chúng có nhiều Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: Bạch Thế Tôn! Có Tôn giả tên Thượng Tọa thích sống một mình, cũng thường khen ngợi người

sống một minh, vào thôn xóm khất thực một mình, ra khỏi thôn trở về trụ xứ một mình và ngồi thiền một mình. Khi đó, Thế Tôn bảo một Tỳ-kheo: - Thầy hãy đến chỗ Tỳ-kheo Thượng Tọa nói rằng: "Đại sư truyền gọi thy!" Tỳ-kheo ấy vâng lời, đến chỗ Tỳ-kheo Thượng Tọa, thưa với Tỳ-kheo Thượng Tọa rằng: “Bại sư truyền gọi Tôn giả!95 Tỳ-kheo Thượng Tọa vâng lời, liền đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi đứng qua một bên. LÚC áy, The Ton hoi Tỳ-kheo Thượng Tọa:  Có thật là thầy sống một mình ở nơi thanh vắng, khen ngợi người sống một mình, khất thực một mình, ra khỏi thôn một mình và ngồi thiền một mình chăng? Tỳ-kheo Thượng Tọa thưa: -Thật như vậy, bạch Thế Tôn! Đức Phật lại hỏi:  Thây sông một minh, khen ngợi người sông một mình, khát thực một mình, trở về trụ xứ một mình và ngồi thiền một mình như thế nào? Tỳ-kheo Thượng Tọa bạch Phật:  Con chỉ sông một mình nơi thanh văng, khen ngợi người sông một mình, khất thực một mình, ra khỏi làng một mình và ngồi thiền một mình.

2"Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1071. 0278al2). Tham chiếu: Biệt 7. (T.02. OlOOlO. 0376004); s. 2LIO- n. 282. 23 Thượng Tọa (Therā).



Đức Phật bảo Tỳ-kheo Thượng Tọa:  Thầy là người sống một mình, Ta không nói thầy không sống một mình, nhưng còn có nếp sống một mình thắng diệu hơn nữa. Thế nào là nếp sống một mình thắng diệu? Nghĩa là, Tỳ-kheo đối với những gì đã qua thì đoạn tận, những gì chưa đến thì khước từ, những gì đang có thì không tham đắm.24 Đó là Tỳ-kheo25 tâm không còn do dự? đã xả bỏ buồn lo, hối tiếc, lìa các hữu ái, đoạn các kiêt sử. Đây gọi là nếp sống một mình mà không có nếp sống nào khác thắng diệu hơn. Khi ấy, Thế Tôn liền nói kệ: Ai chiếu sáng26 tất cả, Biết rõ khắp thế gian, Không đăm nhiễm các pháp, Dứt lìa mọi tham ái, Sống lạc an như vậy, Ta nói sống một mình. Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả Thượng Tọa nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ? đảnh lễ rồi lui ra. ***

1072. TÔN GIẢ TẢNG-CA-LAM27 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Tăng-ca-lam28 du hành giữa nhân gian, từ nước Câu-tát-la đến vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Người vợ trước đây29 của Tỳ-kheo Tăng-ca-lam đang ở tại Xá-vệ9 nghe tin Tỳ-kheo Tăng-ca- lam du hành giữa nhân gian, từ nước Câu-tát-la đên vườn Cáp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ, thế nên cô liền mặc y phục đẹp, trang điểm vòng hoa, ôm con tìm tới Kỳ Hoàn,30 đến trước phòng Tỳ-kheo Tăng-ca-lam. Lúc ấy, Tôn giả Tăng-ca-lam ra khỏi phòng và đang kinh hành tại khu đất trống, người vợ cũ liền tiến đến trước mặt Tôn giả roi nói:  Đứa bé này còn nhỏ, thế mà anh bỏ đi tu, vậy ai sẽ nuôi dưỡng đây?

24Nguyên tác:Tham chiếu: s. 21.10-11.282: Idha, therā,yam atītam tam pahīnam, yarn anāgatam tam patinissattharn, paccuppannesu attabhāyapatilābhesu chandarāgo suppativinīto ơ đây, nay Ty-kheo, cái gì đa qua được đoạn tận; cái gì sắp đến được từ bỏ; đoi với nhưng tự ngã, lợi đác hiện tại, dục tham được Idieo nhiếp phục, HT. Thích Minh Châu dịch. 25 Nguyên tác: Bà-la-môn . 26 Nguyên tác: Tất

ánh .Tham chiếu: s. 21.10  II. 282: Sumedham bậc Thiện trí hoặc là bậc Minh trí. 27 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r02. 0099.1072. 0278bll. Tham chiếu: Biệt Tạp. T.02? 0100.11. 0376b21; Tăng.o2. 0125.35.10. 0701C15; Ud. 5. 28 Tăng-ca-lam Sañgāmaji. 29 Nguyên tác: Bản nhị ,còn gọi t4cố nhi","bản th".ưd. 8: Purānadutiyikā người từng là vợ. 30 lưc Kỳ-đà .



Tỳ-kheo Tăng-ca-lam không trả lời, người vợ nói như vậy đến ba lần nhưng Tỳ-kheo cũng không nói gì. Khi ấy, người vợ nói tiêp:  Tôi đã ba lần bảo cho anh biết, vậy mà anh chẳng nói gì với tôi, chẳng ngó ngàng gì tới tôi, thôi thì nay tôi bỏ đứa nhỏ lại đây. Người vợ ấy liền bỏ đứa nhỏ ngay đầu con đường mà Tỳ-kheo đang kinh hành roi bỏ đi va nói:  Này Sa-môn! Đây là con của ông, ông hãy tự nuôi nấng, nay tôi sẽ đi! Khi ấy, Tôn giả Tăng-ca-lam cũng chẳng nhìn đứa bé. Thấy vậy, người vợ ấy thầm nghĩ: "Sa-môn này chẳng để ý gì đến đứa bé, có lẽ ông ây đã được chô mà tiên nhân khó được. Lành thay! Sa-môn chăc đã được giải thoát. Vì mong muốn không thành nên người vợ đành phải ôm con trở về. Bấy giờ5 Thế Tôn đang an tịnh nghỉ trưa,31 với thiên nhĩ siêu việt hơn người thường nên Ngài đã nghe được những lời nói của người vợ cũ Tôn giả Tăng- ca-lam, liền nói kệ: , 9 \ Việc đen chẳng hoan hỷ, Việc đi chăng lo buôn, Với thế gian hòa hợp, Giải thoát, không nhiễm trước. Ta nói Tỳ-kheo kia, Chân thật Ba-la-mon, Việc đến chẳng hoan hỷ, Việc đi chẳng lo buồn. Không nhiễm cũng không lo, Hai tâm đều vắng lặng, Ta nói Tỳ-kheo này, Chân thật Bà-la-môn. Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả Tăng-ca-lam nghe lời Phật dạy đã hoan hỷ và tùy hỷ9 đảnh lễ rồi lui ra. ***

1073. HƯƠNG THUẬN GIÓ, NGHỊCH GIÓ32 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ, Tôn giả A-nan một mình ở nơi thanh văng, suy nghĩ như vây: "C6 ba loại hương chỉ bay theo chiều gió, không thể bay ngược gió. Là ba loại hương nào? Đó là hương rễ cây, hương thân cây và hương bông hoa. Thế nhưng, có loại hương nào mà có thể theo gió lan tỏa, cũng có thể ngược gió lan tỏa và vừa theo gió vừa ngược gió lan tỏa được chăng?^ Nghĩ như vậy rồi nên sau giờ tọa thiền buổi trưa, A-nan đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài, đứng qua một bên rồi thưa:

31 Nguyên tác: Nhập trú chánh thọ (divāvihārarri)'. Tọa thiền buổi trưa. 3a đề đặt theo nội dung kinh. Tap.(r02. 0099J073. 0278c08). Tham chiếu: Biệt 7. (r,02 0100.12. 0376c15); Giới đức hương kỉnh (7.02. 0116. 0507bll); Giới hươriữ kinh (7.02. 0117. 0508a06); Tăng. (T.02. 0125.23.5. 0613bl0); 2 3.79 - L 225.



- Bạch Thế Tôn! Con một mình ở nơi thanh vắng, suy nghĩ như vầy: “C6 ba loại hương chỉ bay theo gió, không thể bay ngược gió. Là ba loại hương nào? Đó là hương rễ cây, hương thân cây và hương bông hoa. Thế nhưng, có loại hương nào mà có the theo gió lan tỏa, cũng có thể ngược gió lan tỏa và vừa theo gió vừa ngược gió lan tỏa được chăng?95 Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:  Đúng the! Đúng The! Có ba loại hương chỉ theo

gió lan tỏa, không thể ngược gió, đó là hương rễ cây, hương thân cây và hương bông hoa. Nhưng này A-nan! Cũng có loại hương theo gió lan tỏa, ngược gió lan tỏa và vừa theo gió vừa ngược gió lan tỏa. Loại hương theo gió lan tỏa, ngược gió lan tỏa và vừa theo gió vừa ngược gió lan tỏa, đó là: Có người thiện nam hoặc người thiện nữ sống trong thành ấp hay làng mạc, thành tựu pháp chân thật, suốt đời không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu. Người thiện nam hay người thiện nữ như thế đều được người thiện lành trong mười phương thảy đều khen ngợi: UỞ phương kia, làng kia có người thiện nam, người thiện nữ ấy trì giới thanh tịnh, thành tựu pháp chân thật, suốt đời không sát sanh... cho đến không uống rượu." Này A-nan! Đây gọi là loại hương lan tỏa theo gió? lan tỏa ngược gió và vừa theo gió vừa ngược gió mà lan tỏa. Bây giơ, Thê Ton liên noi kẹ: Hương từ rễ, cành, hoa, Chẳng thể bay ngược gió, Chỉ hương giới thanh tinh, Của thiện nam, tín nữ, Thuận, nghịch gió lan xa, Các phương đều nghe biết. Đa-ca-la,33 chiên-đàn934 Ưu-bát-la935 mạt-lợi?36 So các mùi hương ây, Hương giới là thơm hơn. Hương thơm như chiên-đàn, Lan tỏa có giới hạn, Chỉ có hương giới đức, Xông ngát tận cõi trời. Hương thơm của tịnh giới, Thiền định, không buông lung. Chánh trí và giải thoát, Ma đạo không thể vào. Đây là đạo an ổn, Là đạo rất thanh tịnh, Chân chánh, diệu thiền định, Phá dây trói ma quân. Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi lui ra. ***

33 Đa-ca-la tagara, một loại cây bụi có mùi thơm, gọi là ngọc bút, lài tây, lài trâu, tên khoa học là Tabernaemontana Coronaria. 34 Chiên-đàn candana, một loại cây gỗ mà thân có mùi thơm. 35 Ưu-bát-la uppala: Hoa sen xanh. 36 Mạt-lợi mālika: Tràng hoa, hoa lài.



1074. UẤT-TỲ-LA CA-DIÉP37 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật cùng với một ngàn vi Tỳ-kheo du hành trong nhân gian tại nước Ma-kiệt-đề.38 Các Tỳ-kheo này trước đây là những đạo sĩ bện tóc,39 nay đều đắc quả A-la-hán, các lậu đã sạch, việc cần làm đã làm xong, đã xả bỏ gánh nặng, chóng được tự lợi, sạch các hữu kiết sử, đạt được chánh trí, giải thoát hoàn toàn.4041 Đức Phật cùng các Tỳ-kheo ấy đến tra trong Trượng Lâm,41 tháp Thiện Kiến Lập.42 Bấy giờ, vua nước Ma-kiệt-đề là Bình-sa43 nghe tin Thế Tôn du hành nhân gian từ nước Ma-kiệt-đề đến ngụ tại Trượng Lâm, tháp Thiện Kiến Lập. Thế rồi, nhà vua cùng với các tiểu vương, quần thần, đoàn tùy tùng, với mười hai ngàn cỗ xe, mười tám ngàn xe ngựa, cùng vô số người đi bộ, các Bà- la-môn, trưởng giả xứ Ma-kiệt-đề đều chuẩn bi diện kiến Thế Tôn. Nhà vua rời khỏi thành Vương Xá, đến chỗ Thế Tôn để cung kính cúng dường. Tới đầu đường, vua xuống xe đi bộ. Lúc bước vào cửa trong, vua cởi bỏ năm thứ trang sức, gồm mũ, lọng, quạt, kiếm, giày da44 rồi tiến đến trước Phật, chỉnh y phục, sửa áo bày vai phải, đảnh lễ đức Phật, nhiễu quanh Phật ba vòng rồi tự ximg danh tánh: Bạch Thế Tôn! Con là Bình-sa, vua nước Ma-kiệt-đề.

Đức Phật bảo: -Đúng vậy, Đại vương! Ngài là Bình-sa? mời ngài an tọa. Khi ấy, Vua Bình-sa lại đảnh lễ sát chân Phật rồi ngồi sang một bên. Các tiểu vương, đại thần, Bà-la-môn? cư sĩ đều đảnh lễ sát chân Phật rồi tuần tự A. M • • ngôi xuông. Lúc ấy,

Uất-tỳ-la Ca-diếp45 cũng đang ngồi tại đó. Khi ấy, các Bà-la-môn? trưởng giả thầm nghĩ: “Là Đại Sa-môn theo ngài uất-tỳ-la Ca-diếp tu Phạm hạnh hay là ngài uất-tỳ-la Ca-diếp theo Đại Sa-môn tu Phạm hạnh?”

37 Tựa đề đặt theo nội dung lánh. Tạp.T.02. 0099.1074. 0279al2. Iliam chiếu: Biệt Tạp. 7".O2. 0100.13. 0377al4; Tần-bệ-sa-la vương nghinh Phật kinh roi. 0026.62. 0497b02. 38 Ma-kiệt-đề ,Magadha. 39 Nguyên tác: Oanh phát xuất gia .jatila. 40 Nguyên tác: Thiện giải thoát suvimuttà. Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển l, tr. 19; Tạp.02. 0099.22. 0004c20. 41 Trượng Lâm ,Latthivana. 42 Thiện Kiến Lập #,Supatittha. 43 Bình-sa imbisra cũng gọi là Tần-tỳ-sa-la ,Tần-bà-sa-la ,vua nước Ma-kiệt-đa ,Magadha. ^I^yentac: Iiỳ khứngũ sức. Thoát quan, Ịdiước cái, trừ phiến, khứ kiếm đao, thoát cách xí ,?":Năm biêu tượng của bậc đế vương. Tần-bệ-sa-la vương nghinh Phật kỉnh T.01. 0026.62. 0497bl9: Narnjoai nghi trượng là kiếm, lọng, mũ Slien quan, phât uân cán ngọc và hài thêuW„ỐM. 45 Uất-tỳ-la Ca-diếp ,Uruvelā Kassapa.



Thế Tôn biết tâm niệm của các Bà-la-môn và các trưởng giả, liền dùng kệ hỏi: Uất-tỳ-la Ca-diếp, Thấy lợi gì nơi đây, Bỏ phụng thờ lúc trước, Thờ lửa và các việc? Nay hãy nói nghĩa này, Vì sao bỏ thờ lửa? Uất-tỳ-la Ca-diếp liền nói kệ bạch Phật: Tiền tài, thức ăn ngon, Nữ sắc? vui năm dục, y Quán cảm thọ đời sau, Đêu vô cùng nhơ nhớp, Thế nên đã từ bỏ, Thờ phụng lửa trước kia. Thế Tôn lại dùng kệ hỏi: Ông chẳng đắm thế gian, Năm dục: Tiền, sắc, vị? Sao lại bỏ trời, người? Ca-diếp, tùy nghĩa nói. Ca-diếp lại nói kệ đáp Thế Tôn: Thấy đạo lìa hữu du, Lặng yên, không dấu vết, Không sở hữu, không nhiễm, Không đường đạo nào khác. Cho nên đều từ bỏ, Phụng thờ lửa trước dây, Những tế đàn, thọ trì, Phụng thờ nước hoặc lửa. Ngu si chìm trong đó, Chí cầu đạo giải thoát, Mờ mịt, không trí tuệ, Hướng sanh, già, bệnh, chết. Chăng thây con đường chánh, Vĩnh viễn lìa tử sanh, Nay mới nhờ Thế Tôn, Được thây đạo vô vi. Giáo pháp bậc Đại Long,46 Đưa người qua bờ kia, Mâu-ni rộng cứu độ9 An ủi vô lượng chúng, Nay mới biết Cù-đàm, Bậc siêu xuất chân đế. Đức Phật lại nói kệ khen Ca-diếp: Lành thay! Này Ca-diếp, Trước tư duy sai trái, Tuần tự biết phân định, Cầu đến nơi tối thắng. -Này Ca-diếp! Nay ông hãy an ủi tâm đồ chúng của mình. Khi ấy, uất-tỳ-la Ca-diếp liền nhập định, dùng sức thần túc hướng về phương Đông, bay lên hư không và hiện ra bốn thứ than biến đi, đứng, nam, ngồi rồi nhập Hỏa tam-muội, toàn thân sáng chói với đủ sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, pha lê, hồng; trên thân ra nước, dưới thân ra lửa để thiêu đốt thân, hoặc từ trên thân lại tuôn ra nước để rưới khắp thân; hoặc trên thân ra lửa để đốt thân, dưới thân tuôn nước để rưới khắp thân. Hiện hóa đủ thứ thần biến như the xong, uất-tỳ-la Ca-diếp đảnh lễ sát chân Phật và thưa rằng: Bạch Thế Tôn! Phật là Thầy của con, con là đệ tử.

Đức Phật bảo: Ta đúng là Thầy của ông, ông là đệ tử! Hãy an tọa.

46 Đại Long chi cho đức Phật.



uất-tỳ-la Ca-diếp trở lại chỗ ngồi của mình. Bấy giờ, các Bà-la-môn, trưởng giả xứ Ma-kiệt-đề đều thầm nghĩ: "Uất-tỳ- la Ca-diếp đã quyết định ở chỗ Đại Sa-môn tu hành Phạm hạnh." Đức Phật nói kinh này xong, Vua Bình-sa nước Ma-kiệt-đề cùng các tnrởng giả, Bà-la-môn nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi ra vê. ***

1075. ĐÀ-PHIÊU MA-LA TỬ (l)47 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, có Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma-la tử48 trước đây sống tại thành Vương Xá, lo việc phân chia49 ăn uống, sàng tọa cho chúng Tăng đúng theo thứ bậc mà không để trai luật. Lúc ấy, có Tỳ-kheo Từ Địa50 đã ba lần nhận phải thức ăn thô dở? khi ăn cảm thấy khó chịu, liền nghĩ thầm: "Lạ thay! Khổ quá! Ông Tỳ-kheo Đa-phiêu Ma la tử này chắc cố tình đem thức ăn dở để xúc não ta, khiến ta ăn uống cực khổ. Ta phải làm sao gây bất lợi cho ông ta mới duve!" Tỳ-kheo Từ Địa có một cô em gái là Tỳ-kheo-ni Mật-đa-la51 đang ở trong chúng Tỳ-kheo-ni nơi ngự viên thuộc thành Vương Xá. Lần nọ, Tỳ-kheo-ni Mật-đa-la đến chỗ Tỳ-kheo Từ Địa, cung kính đảnh lễ rồi đứng qua một bên. Khi ấy, Tỳ-kheo Từ Địa không thèm nhìn đến cũng không mở lời chào hỏi. Tỳ-kheo-ni Mật-đa-la hỏi Tỳ-kheo Từ Địa: - Thưa thầy!52 Vì sao thầy không đoái hoài, không nói chuyện với con? Tỳ-kheo Từ Địa nói: -Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma-la tử nhiều lần đem thức ăn thô dở để xúc não ta, khiến ta ăn uống cực khổ, còn cô thì cứ bỏ mặc ta! Tỳ-kheo-ni hỏi: -Vậy con phải làm sao? Tỳ-kheo Từ Địa bảo: Cô hãy đến chỗ Thế Tôn, thưa như vầy: "Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo Đà- phiêu Ma-la tử là kẻ phi pháp, không ra gì, vì đối với con đã làm điều trái Phạm

47 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1075. 0279cl4). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02.010014.0377c04) 48 Đà-phiêu Ma-la tử (Dabba Mallaputtā). 49 Nguyên tác: Sai thỉnh ()cắt cử, phân chia. 50 Từ Địa (,Mettiyabhummajakā). 51 Mật-đa-la (Mettiyā). 52 Nguyên tác: A-lê ().Ngài Ấn Thuận đọc là A-xà-lê (,Ācariyo), Hán dịch là Giáo thọ sư hay Quỹ phạm sư. Nhưng đây là phiên âm từ Sanskrit: Ariyā (P. Ayyà)'. "Thua ngài/ Thưa đức 6ng" từ ximg ho của người nhỏ đôi vơi người lớn.



hạnh, phạm tội Ba-ladi.”53 Ta sẽ làm chứng và nói: “Bạch Thế Tôn! Đúng như lời em gái con đã nói?5 Tỳ-kheo-ni nói: Thưa thầy! Làm sao con có thể đem tội Ba-la-di vu khống cho vị Tỳ-kheo Phạm hạnh được? Tỳ-kheo Từ Địa bảo: -Nếu cô không làm như thế thì tôi và cô sẽ tuyệt giao, đừng lui tới chuyện trò hay thăm hỏi nhau nữa. Tỳ-kheo-ni ấy im lặng một lát rồi nói: Thưa thầy! Nếu thầy muốn con làm như thế thì con sẽ vâng theo. Lúc ấy, Tỳ-kheo Từ Địa bảo: Cô đợi tôi đi đến chỗ Thế Tôn trước rồi cô hãy theo sau. Bấy giờ, Tỳ-kheo Từ Địa liền đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật rồi đứng qua một bên. Tỳ-kheo-ni Mật-đa-la cũng liền theo sau mà đến, đảnh lễ sát chân Phật rồi đứng qua một bên và thưa: Bạch Thế Tôn! Sao lại có một kẻ bất thiện, không ra gì như Đà-phiêu Ma-la tử! Ông ấy đối với con đã làm điều trái Phạm

hạnh, phạm tội Ba-la-di! Tỳ-kheo Từ Địa lại bạch Phật: Như lời em gái con nói, trước đây con cũng đã biết. Bấy giờ, Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma-la tử đang ở giữa đại chúng. Thế Tôn liền hỏi Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma-la tử: - Thầy nghe những lời như thế rồi chứ? Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma-la tử nói: Bạch Thế Tôn! Con đã nghe.

Đức Phật hỏi: Thầy nay phải làm thế nào?

Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma-la tử bạch Phật:

- Như Thế Tôn đã biết! Như Thiện Thệ đã biết!

Đức Phật bảo:

-Thầy nói: "Nhu Thế Tôn đã biết!", như vậy chẳng hợp thời. Bây giờ, thầy 54 thì hãy nói là có nhớ, không nhớ thì hãy nói là không nhớ.

có nhớ53

Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma-la tử nói:

-Con không tự nhớ!

53 Ba-la-di ,Pārājikā. 54 Nguyên tác: ức niệm .Đây là một trong 7 phương pháp đức Phật thròng dùng để giải qiiyet nhữngj:ranhchấp trong Tăng chúng, gọi la 7 pháp jiiệt ưánh: iyHiện tiền ,7ij2Úc niệm , iii Bất si iv Tự ngôn trị tư phát lộ tội lỗi của mình roi mới bịxửtrị,v Mích tội tương ,vi Đa nhan ngg ,vii Như thảo phú địa

1170 KINH TẠPA-HÀM

LÚC đó, Tôn giả La-hầu-la đang đứng phía sau cầm quạt hầu Phật, bạch rằng: Bạch Thế Tôn! Người bất thiện, không ra gì chính là cô Tỳ-kheo-ni vừa nói: "T6n giả Đà-phiêu Ma-la tử đối với con đã làm điều trái Phạm hạ"và ông Tỳ-kheo Từ Địa nói: "Đúng thế, bạch Thế Tôn! Trước đây con đã biết, như lời em con n6i." Đức Phật bảo La-hầu-la: Ta nay hỏi thầy, hãy tùy ý mà trả lời. Nếu Tỳ-kheo-ni Mật-đa-la đến nói với Ta rằng: "La-hầu-la thật bất thiện, không ra gì, đối với con đã làm điều trói Phạm hạnh, phạm tội Ba-la-di." Rồi Tỳ-kheo Từ Địa lại bạch với Ta: "Đúng vậy, Thế Tôn! Như lời em gái con nói, con trước đây cũng đã biết" thì thầy sẽ làm thế nào? La-hầu-la thưa: Bạch Thế Tôn! Nấu con có nhớ sẽ nói có nhớ, nếu không nhớ sẽ nói không nhớ. Đức Phật bảo La-hầu-la: Người kém cỏi như thầy mà còn nói được những lời này, huống gì Đà-phiêu Ma-la tử là Tỳ-kheo thanh tịnh, cớ sao không nói được những lời như vậy? Bấy giờ, Thế Tôn bảo chúng Tỳ-kheo: Đối với Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma-la tử, hãy để vị này ức niệm, còn đối với Tỳ-kheo-ni Mật-đa-la hãy áp dụng phương pháp tự ngôn trị, với Tỳ-kheo Từ Địa thì hãy cực lực quở trách, răn dạy: "ông thấy thế nào? Thấy ở đâu? Do nhân gì ma thầy được?55 Thế Tôn dạy như vậy rồi, rời khỏi tòa vào thất tĩnh tọa. Thê roi, chúng Tỳ-kheo áp dụng phương pháp ức niệm đôi với Tỳ-kheo Đà- phiêu, dùng phương pháp tự ngôn trị đối với Tỳ-kheo-ni Mật-đa-la9 còn đối với Tỳ-kheo Từ Địa thì cực lực quở trách, răn dạy rằng: "Ong thấy thế nào? Thấy ở đâu? Do nhân gì mà thấy dugc?" Trong lúc chúng Tỳ-kheo răn dạy như thế, Tỳ-kheo Từ Địa thưa rằng: —Đà-phiêu Ma-la tử không làm điều trái Phạm hạnh, không phạm tội Ba-la- di, nhưng Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma-la tử đã ba lần chia cho tôi thức ăn dở tệ hại, khiến tôi ăn uống

cực khổ. Tôi đối với vị ấy sanh lòng sân hận, thù ghét nên mới nói như thế, chứ thật ra Đà-phiêu Ma-la tử là người thanh tịnh, vô tội. Sau buổi trưa, Thế Tôn xả thiền, đến trước đại chúng trải tòa rồi ngồi xuống. Các Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn! Chúng con đã áp dụng phương pháp ức niệm đối với Tỳ- kheo Đà-phiêu, dùng phương pháp tự ngôn trị đối với Tỳ-kheo-ni Mật-đa-la, còn đối với Tỳ-kheo Từ Địa thì cực lực quở trách, răn dạy... (cho đến) Tỳ-kheo Từ Địa nói rằng: "Đà-phiêu Ma-la tử là người thanh tịnh, vô t0i."



Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:
Sao lại si mê đến thế? Chỉ vì việc ăn uống, đã biết mà lại vọng ngữ.
Lúc ấy, Thế Tôn liền nói kệ:
Hãy nên bỏ một pháp, Biết mà cố vọng ngữ,
Không nghĩ đến đời sau, Không ác nào không làm.
Thà nuốt hòn sắt nóng, Như lửa than cháy hừng,
Chứ không để phạm giới, Mà ăn của cúng dường.
Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.
***

1076. ĐÀ-PHIÊU MA-LA TỬ (2)55 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Tôn giả Đà-phiêu Ma-la tử đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi đứng qua một bên và thưa: Bạch Thế Tôn! Con xin ở trước Phật mà nhập Bát-niết-bàn. Thế Tôn im lặng. Tôn giả ba lần bạch như thế, đức Phật liền bảo: Các hành hữu vi này, đúng theo pháp thảy đều như vậy. Bấy giờ, Tôn giả Đà-phiêu Ma-la tử liền ở trước Phật nhập tam-muội, với đinh như vậy, hướng về phương Đông, bay lên hư không hiện bốn oai nghi di, đứng, nằm, ngồi. Rồi Tôn giả nhập Hỏa tam-muội, dưới thân phát lửa, toàn thân rực sáng tỏa chiếu khắp nơi với đủ sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, pha lê5 hồng. Rồi dưới thân phát lửa trở lại thiêu thân, trên thân phun nước rưới ướt khắp thân, hoặc trên thân phát lửa thiêu đốt cả thân, dưới thân tuôn nước rưới ướt toàn thân. Hiện bày đủ loại thần biến khắp cả mười phương như thế xong, Tôn giả liền ở giữa hư không, từ trong thân phát ra lửa để tự thiêu thân, nhập Vô dư Niết-bàn, hoàn toàn biến mất, không sót lại gì dù là mảy bụi. Ví như tháp đèn ở giữa hư không, dầu và tim đều dàn cạn hết. Cũng như thế, Đà-phiêu Ma-la tử ở giữa hư không Niết-bàn, thân tâm đều bặt dứt. Bây giơ, The Ton noi kẹ: Ví như đốt hòn sắt, Lửa lóe sáng rực rỡ, Sức nóng dần tản hết, Nào biết đi về đâu? Cũng vậy, sự giải thoát, Thoát bùn lầy phiền não, Các dòng56 được đoạn dứt, Nào biết đi về đau? Chóng đắc dấu bất động, Nhập Vô dư Niết-bàn.

55 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1076. 0280Ồ25). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 010015. 0378a28); Ud. 92. 56 Nguyên tác: Chư lưu (,oghā).



Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.
***

1077. ƯƠNG-CÙ-LỢI-MA-LA57 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật du hành trong nhân gian tại nước Ương-cù-đa-la.58 Khi ngang qua khu rừng Đà-bà-lê-ca, Ngài thấy có những người chăn bò, chăn dê, nhặt củi và nhiều người khác nữa đang làm việc. Họ nhìn thấy Thế Tôn đang đi trên đường, liên đên thưa răng:  Bạch Thế Tôn! Chớ đi tiếp con đường này vì phía trước có tên cướp Ương-cù-lợi-ma-la59 chuyên khủng bố người ta. Đức Phật nói với mọi người:  Ta không sợ! Nói xong, Ngài cứ đi tiếp. Họ ngăn đến ba lần, Thế Tôn vẫn dấn bước. Từ xa trông thấy Ương-cù-lợi-ma-la tay cầm dao chạy theo, Thế Tôn dùng thần lực hiện thân đi chậm rãi, nhưng khiến Ương-cù-lợi-ma-la chạy nhanh vẫn không đuổi theo kịp. Chạy đến mệt đuối, ương-cù-lợi-ma-la từ xa nói với The Ton:  Đứng lại, đứng lại, đừng đi nữa! Thế Tôn vẫn bước đi mà đáp:  Ta luôn dừng, chính ngươi không dừng đó thôi! Lúc ấy, Ương-cù-lợi-ma-la liền nói kệ: Sa-môn vẫn bước nhanh, Mà nói "Ta luôn dừng", Nay tôi mệt, đã dừng, Sao nói "ngươi không dừng"? The Ton lại noi kệ đáp: Ương-cù-lợi-ma-la , Ta thường nói dừng là, Với tất cả chúng sanh, Đã buông bỏ dao gậy5 Ong khủng bô chúng sanh, Nghiệp ác không chịu dừng. Ta với cả côn trùng, Cũng không dùng dao gậy, Với các loại côn trùng, Ông bức bách, đe dọa, Tạo tác nghiệp ác hung, Trọn chẳng lúc nào dừng.

51 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.1077. 0280c18). Tham chiếu: Biệt Tạp. (f.02. 0100J6. 0378017); ương-quạt-mạ kỉrih (T.02. 0118. 0508b17); ương-quạt^kế kinh (T.02.0119. 0510bl4); Tang.(T.02. 0125.38.6. 01 Xuất diếu kinh (r04. 0212.17. 0702ỒỒ7); M. 86, Añgulimāla Sutta {Kình Anguỉimâỉà). 58 Ương-cù-đa-la quốc (Añguttarāpa), một tiểu quốc phía Bắc sông Mahī, có liên hệ với nước ương-già (Anga). 59 Ương-cù-lợi-ma-la (,Añgulimāla).



Đối với các sanh mạng,60 Ta dừng hết dao gậy, Ong với các sanh mạng, Luôn làm khổ, bức bách, Tạo tác nghiệp xấu ác, Đen nay vẫn không dừng. Ta dừng pháp cần dừng, Tất cả không buông lung, Ông chang thấy bốn đe, Nên không dừng buông lung. ương-cù-lợi-ma-la dùng kệ bạch Phật: Lâu mới thay Mâu-ni, Ngoài đường nên chạy theo, Nay nghe lời chân diệu, Sẽ bỏ ác trước đây. Nói ra như thế rồi,61 Liên buông bỏ dao gậy, Đảnh lễ sát chân Phật, Xin mình được xuất gia. Phật với lòng từ bi, Đại Tiên đầy thương xót, ĩ .

Bảo: Tỳ-kheo? đến đây! Xuất gia, thọ Cụ túc. Sau khi Ương-cù-lợi-ma-la xuất gia, một mình ở chỗ thanh vắng, chuyên tâm tư duy về mục đích mà người thiện nam cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa? với niềm tin chân chánh, rời xa gia đình, xuất gia học đạo, tiến tu Phạm hạnh, ngay hiện đời tự biết, tự ngộ: "Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Khi đó, Ương-cù-lợi- ma-la đắc quả A-la-hán, cảm nhận được vị giải thoát, hỷ lạc, liền nói kệ rằng: Vốn có tên Bất Hại, Mà lại sát hại nhiều, Nay được gọi Kiên Đê? Xa lìa sự giết hại. Thân không giết, không hại, Miệng, ý cũng như thế, Nên biết, thật Idiông giết, Không bức hại chúng sanh. Rửa sạch tay vấy máu, Ương-cù-lợi-ma-la9 Trôi nổi giữa dòng sâu, Tam quy khiến dừng lại. Quy y Tam bảo rồi, Xuất gia, thọ Cụ túc, Thành tựu được Tam minh, Điều Phật dạy đã làm. Chăn trâu dùng cây roi, Điều voi dùng móc sắt, Không

dùng dao thay roi, Đúng mực, hợp trời, người. Dao bén nhờ đá mài, Tên thẳng nhờ lửa ấm, Chặt gậy nhờ búa rìu, Điều phục, nhờ trí tuệ. Người trước kia buông lung, về sau tự thúc liễm, Là soi sáng the gian, Như mây tan trăng hiện. Người trước kia buông lung, về sau tự thúc liễm, Dòng ân ái nơi đời, Chánh niệm để thoát khỏi. Người tuôi trẻ xuất gia, Tinh cần tu Phật đạo, Là soi sáng the gian, Như mây tan trăng hiện. Người tuổi trẻ xuất gia, Tinh cần tu Phật đạo, Dòng ân ái nơi đời, Vượt thoát nhờ chánh niệm.

60 Nguyên tác: Nhất thiết thần sabbe jīvā, chỉ cho chúng sanh có thần thức, có mạng sống. 61 Từ câu này trở xuống là đoạn kệ tường thuật tiếp theo, không phải là lời kệ của Ương-cù-lợi-ma-la.



Muôn vượt qua nghiệp ác, Chánh thiện khiên diệt ác? Là soi sáng thế gian, Như mây tan trăng hiện. Người trước đây tạo ác, Chánh thiện có thể diệt, Dòng ân ái nơi đời, Vượt thoát nhờ chánh niệm. Tôi tạo nghiệp ác rồi, Ắt đọa vào đường ác, Đã thọ nhận báo xấu, Nợ trước vay nay trả. Tôi với người oán ghét, Được nghe Chánh pháp này, Được pháp nhãn thanh tịnh. Tôi tu hạnh nhẫn nhục, Chẳng còn khởi tranh cai, Nhờ ân lực của Phật, Tôi hiền lành, nhẫn nhục, Cũng thường khen ngợi nhẫn, Tùy thời nghe Chánh pháp, Nghe rồi tu tập theo. Đức Phật nói kinh này xong, Ương-cù-lợi-ma-la nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

1078. THIÊN THẦN HỎI ĐẠO62 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, trời vừa hừng sáng, có vi Tỳ-kheo kia ra sông Tháp-bổ,63 cởi y phục đê trên bờ5 xuông sông tăm gội. Tăm xong lên bờ, khoác sơ y vào, đợi thân khô ráo. Khi ấy, có một thiên thần thân tỏa ánh sáng chiếu khắp sông Tháp-bổ, nói với Tỳ-kheo rằng: Ông còn trẻ mà xuất gia, trong lúc da trắng tóc đen, thanh xuân tươi đẹp, nên hưởng thụ năm dục, trang nghiêm chuỗi ngọc, xoa dầu thơm, đeo tràng hoa, vui thú khoái lạc năm dục, chứ sao lại quay lưng với người thân khiến họ khóc lóc biệt ly, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa9 với niềm tin chân chánh, rời xa gia đình, xuất gia học đạo? Sao lại bỏ niềm vui hiện tại mà tìm cái lợi xa vời như thế? Tỳ-kheo đáp: Tôi không bỏ niêm vui hiện tại đê tìm niêm vui xa vời. Thật ra tôi nay đang bỏ niêm vui xa vời đê được niêm vui hiện tại. Thiên thần hỏi Tỳ-kheo: Thế nào là bỏ niềm vui xa vời để được niềm vui hiện tại?

Tỳ-kheo đáp:

62 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1078. 0281c03). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02.010017.0379a23);S. 1.20-L8. 63 Nguyên tác: Tháp-bổ (),cũng viết là Tháp-bổ (Tapodā). Theo DPPN, Tapodā vốn là hồ nước nóng dưới chân ngọn núi Vebhāra, bên ngoài thành Vương Xá (Rājagaha), ở đây có một tinh xá, thường gọi là ôn Tuyền tinh x(,Tapodarāma). J J



Như Thế Tôn dạy, dục là phi pháp, vui ít khổ nhiều, lợi ít hại nhiều. Tôi ngay trong hiện tại, lìa mọi nóng bức, không đợi thời gian, tự mình thông đạt, hiện tiên quán sát,

tự mình giác hiểu.64 Như vậy, thiên thần! Đó gọi là bỏ niềm vui xa vời để được niềm vui hiện tại vậy. Thiên thần lại hỏi Tỳ-kheo:  Vì sao Như Lai lại nói udục là phi pháp, vui ít khổ nhiều" Vì sao Như Lai lại nói "hiện pháp lợi lạc cho đến tự mình biết rõ99? Tỳ-kheo đáp: -Tôi trẻ tuổi xuất gia, không thể nói đầy đủ ý nghĩa về Giáo pháp và Giới luật của Như Lai. Thế Tôn đang ở Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà gần đây, ngài có thể đến chỗ Thế Tôn để hỏi điều mình còn nghi ngờ. Theo lời Thế Tôn dạy, tùy ý mà thọ trì. Thiên thần lại nói:  Tỳ"kheo! Chỗ Như Lai đang có nhiều chư thiên oai lực vây quanh. Tôi chưa thưa trước, dễ gì vào được. Tỳ-kheo! Thầy có thể vì tôi mà bạch trước với Thế Tôn? tôi sẽ đi theo. Tỳ-kheo đáp: -Tôi vì giúp ngài mà đi đây. Thiên thần thưa:  Thưa vâng! Tôi sẽ theo sau Tôn giả. Bấy giờ, Tỳ-kheo ấy đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài, đứng sang một bên rồi đem những điều vấn đáp với thiên thần trình lên The Tôn và thưa:  Bây giờ, bạch Thế Tôn! Thiên thần ấy nếu thành thật sẽ đến đây, nếu không thành thật sẽ không đến. Lúc ấy, thiên thần từ xa vọng nói với Tỳ-kheo:  Tỳ-kheo! Tôi đang ở đây! Tôi đã đến đây rồi!

Khi ây, Thê Tôn liên noi kệ:

Chúng sanh theo ái tưởng, Vì ái tưởng mà sống,

Do chẳng biết rõ ải, Là cơ hội của ma.65

Đức Phật bảo thiên thần:

Ông hiểu được kệ này rồi thì hãy đặt câu hỏi.

Thiên thần thưa:

Bạch Thế Tôn! Con không hiểu. Bạch Thiện Thệ! Con không hiểu.

64 Nguyên tác: Ngã kim ư hiện pháp trung dĩ ly chư xí nhiên, bất đãi thời tiết, năng tự thông đạt, hiện tiền quán sát, duyên tự tri giác ĩềẬ,,

.Xem chú thích 59, kinh số 550, quyển 20, tr. 610; Tạp.r02. 0099.550. 0143Ồ18. 65 Nguyên tác:,Tắc vi tử phương tiện .Phương tiện :Cơ hội, th&Ì£oj

.am chiếu: Biệt Tạp.T.02. 0100J7. 0379016: Đó gọi thuọc đường ma . S.

1.20 - L 8: Yogamãyantỉ maccuno bị tử thần trói buộc.



Đức Phật lại nói kệ:

Nếu biết điều yêu thích, Không sanh yêu thích n6,

Kia, đây không sở hữu, Người khác không thể nói.

Đức Phật bảo thiên thần:

Ông hiểu được nghĩa này rồi thì hãy đặt câu hỏi.

Thiên thần thưa Phật:

-Con không hiểu, bạch Thế Tôn! Con không hiểu, bạch Thiện Thệ!

Đức Phật lại nói kệ:

Ai thấy bằng, hơn, kém, Thì tranh luận sanh ra,

Ba điều chẳng khuynh động, Thì luôn được thuận hòa.

Đức Phật bảo thiên thần:

Hiêu được nghĩa này roi thì hãy đặt câu hỏi.

Thiên thần thưa Phật:

-Con không hiểu, bạch Thế Tôn! Con không hiểu, bạch Thiện Thệ!

Đức Phật lại nói kệ:

Đoạn ái và danh sắc, Trừ mạn, dứt buộc ràng,

Tịch diệt, dừng sân hận, Lìa kiêt5 bặt mong câu,

Chẳng thấy nơi trời, người, Đời này và đời khác.

Đức Phật bảo thiên thần:

-Ông hiểu nghĩa này rồi thì hãy đặt câu hỏi.

Thiên thần thưa Phật:

Bạch Thế Tôn! Con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ! Con đã hiểu.

Đức Phật nói kinh này xong, thiên thần nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ rồi liền biến mất.

***

1079. GÒ MỐI66

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-dà, thuộc thành Vương Xá.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo kia cuối đêm ra sông Tháp-bổ, cởi y phục để trên bờ rồi xuống sông tắm gội. Tắm xong lên bờ, khoác sơ y vào, đợi thân khô ráo.

Khi ấy, có một thiên thần thân phóng ánh sáng chiếu khắp sông Tháp-bổ rồi bảo Tỳ-kheo rằng:

66_Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Top.(r02. 0099.1079. 0282a22). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100.18. 0379C03); Tăng.(T.02. 0125.39.9. 0733Ò12); Nghía dụ kinh (roi. 0095^ 0918b21); M. 23, Vammika Suita (Kinh gò mối).



-Tỳ-kheo! Ty-kheo! Đây là gò mối,6768 ban đêm bốc khói, ban ngày lửa cháy. Bà-la-môn kia thấy rồi liền nói rằng: “Này người trí, muốn phá bỏ gò mối này thì phải dùng gươm đao để đào lên.,6S Lại thấy con rùa lớn, Bà-la-môn thấy rồi liền nói rằng: “Này người trí, hãy bỏ qua con rùa lớn này và dùng gươm đao rồi tiếp tục dào." Lại thấy có tấm thảm, Bà-la-môn thấy rồi liền nói rằng: "Này người trí, hãy bỏ qua tấm thảm này và dùng gươm đao rồi tiếp tục dào.” Lại thấy có khúc thịt, Bà-la-môn thấy rồi liền nói rằng: “Này người trí, hãy bỏ qua khúc thịt này và dùng gươm đao rồi tiếp tục đào/9 Lại thấy có chỗ chết chóc, Bà-la-môn thấy rồi liền nói rằng: “Này người trí, hãy bỏ qua chỗ chết chóc này và dùng gươm đao rồi tiếp tục đào." Lại thấy có lăng-kỳ,69 Bà-la-môn thấy rồi liền nói rằng: "Này người trí, hãy bỏ qua lăng-kỳ này và dùng gươm đao rồi tiếp tục đào." Lại thấy có hai con đường, Bà-la-môn thấy rồi liền nói rằng: “Này người trí, hãy bỏ qua hai con đường này và dùng gươm đao rồi tiếp tục dO." Lại thấy có cánh cửa, Bà-la-môn thấy rồi liền nói rằng: "Này người trí, hãy bỏ qua cánh cửa này và dùng gươm đao roi tiếp tục đàoy Lại thấy có rồng lớn, Bà-la-môn thấy rồi liền nói rằng: "Hãy dừng lại! Chớ bỏ qua rồng lớn mà phải nên cung kính." Này Tỳ-kheo! Ông hãy đem đạo lý này đến hỏi Thế Tôn, như lòi Phật dạy, ông theo đó thọ trì. Vì sao như thế? Ngoài

Như Lai ra, tôi chưa thấy chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn9 Bà-la-môn nào nơi thế gian mà có tâm vui thích đối với đạo lý này. Nếu các đệ tử nghe những điều tôi nói thì sau đó có thể nói lại. Sau khi vị Tỳ-kheo nghe luận này từ thiên thần ấy, liền đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài, ngồi sang một bên rồi đem các luận của thiên thần kia mà hỏi Thê Tôn: -Bạch Thế Tôn! Thế nào là ugò m6i"? Thế nào là "ban đêm bốc kh6i"? Thế nào là "ban ngày lửa cháy'? Thế nào là "Bà-la-môn,5? Thế nào là "đào len^? Thế nào là "người trí"? Thế nào là "gươm dao" Thế nào là "con rùa lớn"? Thế nào là "tấm tìtóm"? Thế nào là "khúc thịf? Thế nào là "chỗ chết ch6?'? Thế nào là Tngkỳ"? Thế nào là "hai đường'? Thế nào là "cánh cửa" Thế nào là "rồng lớn"

67 Nguyên tác: Khâu trủng ,vammikă. 68 Nguyên tác: Phát quật giả trí, trì dĩ đao kiếm .M. 23, Vammika Sutta {Kinh gò mối'. "Abhikkhana, sumedha, sattharn ādāyā'ti Này kẻ trí, hãy câm gươm và đào lên, HT. Thích Minh Châu dịch. Tăng.roi 0125.39.9. 0733bl5: Có Ba-la-mon bao người có trí ràng:4Bây giờ, ông hãy cầm dao đào núi. Khi đào núi, chắc chắn sẽ gặp gánh nặng ông hay nhấc nó lên, rồi tiếp tục đào nūi.,\LỤ,.Đoạn kinh nay có tham chiếu
các bản kinh tương đương để sắp xếp lại câu trúc câu. 69 Lăng-kỳ .Theo Phiên Phạn ngữ 54. 2130.10. 1052Ồ07,ngkỳ"được dịch la t4sa? #,.•

1178 KINH TẠPA-HÀM

Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Gò mối tức là thân thể chúng sanh, sắc thân ấy được tạo thành từ bốn đại thô phù, tinh cha huyết mẹ, thức ăn, y phục, che chở, tắm rửa, trau chuốt, nuôi dưỡng; hết thảy đều là pháp biến hoại, tan rã. Ban đêm bốc khói nghĩa là có người ban đêm thức dậy, tùy giác tùy quán.70 Ban ngày lửa cháy nghĩa là thực hành theo lời dạy, thân tạo tác, miệng tạo tác. Bà-la-môn nghĩa là đấng Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Đào lên nghĩa là nỗ lực tinh tấn. Người trí nghĩa là vi Thánh đệ tử đa văn. Gươm đao nghĩa là gươm đao trí tuệ. A

Con rùa lớn nghĩa là năm triên cái. Tấm thảm nghĩa là phẫn hận. Khúc thịt nghĩa là bon xẻn, ganh ghét. Chỗ chết chóc nghĩa là năm loại dục. Lăng-kỳ nghĩa là vô minh. Hai đường nghĩa là nghi hoặc. Cánh cửa nghĩa là ngã mạn. Con rồng lớn nghĩa là bậc A-la-hán lậu tận. Như thê, này Tỳ-kheo! Những gì Đại sư làm cho các Thanh văn đêu vì thương xót, bi mẫn, lợi ích, an ủi. Đối với thầy, Ta đã làm như vậy. Tỳ-kheo các thầy phải làm những việc cần làm, nghĩa là hãy ở nơi vắng vẻ, trong rưng, nhà trống, núi non, hang núi mà trải cỏ hoặc lá cây làm chỗ ngồi, tư duy thiền định, không khởi buông lung, chớ đê sau này phải hôi hận. Đó gọi là vâng theo lời Ta dạy. Rồi đức Phật liền nói kệ: Nói thân là gò mối, Giác quán, đêm bốc khói, Ban ngày lửa nghiệp cháy, Bà-la-môn, Chánh Giác. Siêng tinh tấn, đào lên, Người trí tuệ sáng suốt, Dùng gươm bén trí tuệ, Bậc thăng tiến nhàm chán. Năm triền cái: Rùa to, Phẫn hận là tấm thảm, Bon xẻn là khúc thịt, Năm dục, chỗ chết chóc. Vô minh là lăng-kỳ? Nghi hoặc là hai đường, Cánh cửa, hiện ngã mạn, Rồng, La-hán lậu tận, Cứu cánh, dứt các luận, Nên Ta nói như thế. Đức Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy liền hoan hỷ phụng hành. *** 70 Tùy giác tùy quán ,anuvitakketi anuvicāreti.

1080. TÀM QUÝ71 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Lộc Uyển, tru xứ của Tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại. Vào lúc sáng sớm, Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thành Ba-la-nại khất thực. Khi ây, có vi Tỳ-kheo kia vì không trụ tâm nên tâm tán loạn, không gìn giữ các căn trong khi đắp y, ôm bát sáng sớm vào thành Ba-la-nại khất thực. Từ xa trông thấy Thế Tôn, Tỳ-kheo ấy liền thu nhiếp các căn, nhìn thẳng mà đi. Thế Tôn thấy Tỳ-kheo kia đã thu nhiếp các căn, nhìn thẳng mà đi, thấy rồi Ngài liền đi tiếp vào thành. Khất thực xong, Thế Tôn trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân rồi vào phòng tọa thiền. Sau giờ tọa thiền buổi trưa, Ngài vào trong Tăng chúng rồi trải tọa cụ ngồi trước đại chúng và bảo các Tỳ-kheo: Sáng nay Ta đắp y, ôm bát vào thành Ba-la-nại khất thực, thấy có một vi Tỳ-kheo cũng đắp y, ôm bát vào thành khất thực, vì khonjg trụ tâm nên tâm tán loạn, các căn buông lung. Từ xa thoáng thấy Ta, vị ấy liền tự mình thu nhiếp, đó là ai vậy? Khi ấy, vi Tỳ-kheo kia từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh y phục, tiến đến trước Phật, sửa áo bày vai phải rồi chắp tay thưa Phật: - Bạch Thế Tôn! Con sáng sớm vào thành khất thực, tâm tán loạn, không thu nhiếp các căn trong khi đi đường, bỗng thoáng thấy Thế Tôn tư xa, con liền tự thúc liễm tâm, thu nhiếp các căn. Đức Phật bảo Tỳ-kheo: -Lành thay! Lành thay! Thầy thấy Ta rồi có thể tự thúc liễm tâm và thu nhiếp các căn. Này Tỳ-kheo! Pháp này phải nên như the! Nếu thấy Tỳ-kheo khác cũng nên tự thu nhiếp. Nếu thấy Tỳ-kheo-ni, xxu-bà-tắc, ưu-bà-di cũng nên thu nhiếp các căn như thế sẽ luôn được lọi ích, an ổn hân hoan. Bấy giờ, trong chúng có một Tỳ-kheo khác nói kệ khen ngợi: Do tâm kia mê loạn, Không buộc niệm trụ tâm, Sáng sớm mang y bát, Vào thành ấp khất thực. Dọc đường thấy Đại sư, Đầy oai dức, dung nghi, Hân hoan, sanh tàm quý? Liền thu nhiếp các căn. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.72

71 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.1080. 0282c18). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. o 100 19. 0380al6). 72 Bản Hán, hết quyển 38.



QUYỂN 39 1081. HẠT MÂM Hư THỐI1 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại Vườn Nai, thuộc nước Ba-la-nại. Bấy giờ, sáng sớm Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thành Ba-la-nại khất thực. Lúc ấy cũng có một Tỳ-kheo đắp y, ôm bát vào thành khất thực rồi dừng lại bên gốc cây ven đường và khởi lên ý niệm bất thiện, bị tham dục chi phối. Bấy giờ, Thế Tôn quán thấy Tỳ-kheo kia đứng bên gốc cây mà khởi lên ý niệm bất thiện, bị tham dục chi phối nên Ngài liền nói: Này Tỳ-kheo! Tỳ-kheo! Ông chớ nên gieo mầm hư thối, để rồi bốc mùi xú uê, rỉ nước tanh hôi. Nêu Tỳ-kheo gieo mâm hư thôi, đê roi bóc mùi xú uê, rỉ nước tanh hôi mà mong ruồi nhặng không tranh nhau bu lại thì điều này thật không thể. Lúc đó, vị Tỳ-kheo ấy suy nghĩ: "Thế Tôn biết được ý niệm xấu trong tâm ta" nên thầy ấy cảm thấy xấu hổ, sợ hãi, toàn thân sởn gai ốc rồi lặng lẽ bước đi. Bấy giờ, sau khi vào thành khất thực xong, Thế Tôn trở về tinh xá cất y bát, rửa chân roi vào phòng tọa thiên. Chiêu hôm ây, sau khi xả thiên, Ngài vào trong Tăng chúng, trải tòa ngồi trước đại chúng và nói với các Tỳ-kheo: Sáng nay Như Lai đắp y, ôm bát vào thành khất thực, thấy một Tỳ-kheo đứng bên gốc cây mà khởi lên ý niệm bất thiện,

bị tham dục chi phối. Thấy vậy, Như Lai liền nói: "Này Tỳ-kheo! Tỳ-kheo! ông chớ nên gieo mầm hư thối, để rồi bốc mùi xú uế, rỉ nước tanh hôi. Nếu Tỳ-kheo gieo mầm hư thối, để rồi bốc mùi xú uế, rỉ nước tanh hôi mà mong ruồi nhặng không tranh nhau bu lại thì điều này thật không thể. Lúc đó, Tỳ-kheo kia tự nghĩ: 'Thật đã biết được tâm niệm của ta" nên cảm thấy xấu hổ, sợ hãi, sởn gai ốc rồi lặng lẽ bước đi. Khi ấy, có một Tỳ-kheo khác từ chỗ ngồi đứng lên, sửa lại y phục, bày vai bên phải và chắp tay bạch Phật: -Kính bạch Thế Tôn! Thế nào là hạt mầm hư thối? Thế nào là bốc mùi xú uế? Thế nào là rỉ nước tanh hôi? Thế nào là ruồi nhặng? Phật nói với Tỳ-kheo:

1 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1081. 0283a20). Tham chiếu: Biệt Tạp. (62. 0100.20. O38ÓbO2);^. 3.128 -L 279.



Sân hận, oán hờn gọi là hạt mầm hư thói. Đắm nhiễm năm dục gọi là bốc mùi xú uế. Không khéo nhiếp luật nghi khi sáu căn tiếp xúc sáu trần2 gọi là ri nước tanh hôi. Đã không khéo nhiếp luật nghi khi sáu căn tiếp xúc sáu trần thì các tâm xấu ác, bất thiện như tham lam, lo buồn... tranh nhau sanh khởi, đây gọi là ruồi nhặng. Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ: Không phòng hộ tai, mắt, Tham dục từ đó sanh, Đây gọi là mầm thối, Rỉ nước bốc mùi tanh. Khí, vị, các giác quan, Bi tham dục chi phối, Thôn xóm hay rừng vắng, Ban ngày hoặc ban đêm. Song Phạm hạnh, viễn ly, Vượt khổ đau hoàn toàn, Nếu nội tâm tịch tinh, Thấu rõ được sự thật. Thức ngủ thường lạc an, Ruồi nhặng đều biến mất, Thân cận bậc Chánh sĩ, Khéo nói đạo Hiền thánh, Rõ Thánh đạo tám phần, Không trở lại thọ thân. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

1082. UNG NHỌT3 A Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, sáng sớm Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Sau khi khất thực xong, Thế Tôn trô về tinh xá, rửa chân rồi vào rừng An-đà tọa thiên. Khi ấy, cũng vào sáng sớm, có một Tỳ-kheo đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Khất thực xong, vị ấy trở về tinh xá, rửa chân rồi vào rừng An-đà, đến bên gốc cây để ngồi nghỉ trưa. Lúc Tỳ-kheo đang ngồi nghỉ trưa thì khởi lên ý niệm bất thiện, xấu xa, tâm bị tham dục chi phôi. Bấy giờ5 có vị thiên thần đang ở tại rừng An-đà suy nghĩ: "Tỳ-kheo này thật xấu xa, không tốt, ngồi thiền trong rừng An-đà mà khởi lên ý niệm bất thiện, tâm bị tham dục chi phối. Ta nên đến quở trách thầy ấy." Nghĩ thế rồi, thiên thần liền đến nói với Tỳ-kheo: Tỳ-kheo! Tỳ-kheo! Thầy đang nổi ung nhọt phải không?

Tỳ-kheo đáp: -Nếu chữa trị thh đáng thì sẽ lành!

2 Nguyên tác: Lục xúc nhập xứ ().Sáu căn tiếp xúc 6 trần sanh ra 6 thức gọi là 6 xúc nhập xứ. 3 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1082. 0283Ồ27). Tham chiểu: Biệt Tạp. (r.ỏ2.010Ó.21.038ỏc01).



Thiên thần nói với Tỳ-kheo: Ung nhọt trầm trọng4 như thế thì làm sao mà chữa lành?

Tỳ-kheo đáp:  Chánh niệm, tỉnh giác thì có thể chữa lành! Thiên thần khen: -Tốt lắm! Hay lắm! Đây là phương pháp chữa bệnh chân thật của Hiền thánh. Chữa bệnh ung nhọt theo phương pháp này thì cuối cùng bệnh sẽ khỏi và không còn tái phát nữa. Chiều hôm ấy, sau khi xả thiền, Thế Tôn trở về vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, rồi vào trong Tăng chúng, trải tòa ngồi trước đại chúng và nói với các Tỳ-kheo:  Sáng nay Như Lai đắp y, ôm bát vào thànrứi Xá-vệ khất thực. Sau khi khất thực xong, Như Lai trở về rừng An-đà ngồi thiền nhập định buổi trưa. Bay giờ, cũng có một Tỳ-kheo sau khi đi khất thực xong, thầy ấy trở về rừng An-đà, đến bên gốc cây ngôi nghỉ trưa, nhưng Tỳ-kheo áy lại khởi lên ý niệm bát thiện, tâm bi tham dục chi phối. Lúc ấy, vị thiên thần đang cư trú trong rừng An-đà liền đến nói với Tỳ-kheo: "Tỳ-kheo! Tỳ-kheo! Thầy đang nổi ung nhọt phải không?,\.. nói đầy đủ như bài kinh trên, cho đến "Này Tỳ-kheo! Tót lắm! Hay lắm! Đây là phương pháp chữa bệnh chân thật của Hiên thánh." _ r Á ___ _____ r • A _ _ Ạ rri A _ 1 • Ạ _ _  rs r • 1 Bay giơ, The Ton liên noi kệ: Người bi nổi ung nhọt, Tự sanh bao khổ đau, Thê gian mãi mong câu, Tâm sa đà tham dục. Bởi vì sanh ung nhọt, Nên ruồi nhặng đến bu, Ái dục là ung nhọt, Niệm xâu là môi nhặng. Tâm bất thiện, tham dục, Thay đều từ ý sanh, Đục khoét tâm con người, Đe cầu hoa danh lợi. Lửa dục luôn bung cháy, Vọng tưởng, niệm chẳng lành, Thân tâm mãi suy hao, Xa lìa đạo tịch tĩnh. Nếu nội tâm tịch tĩnh, Trí tuệ tất chiếu soi, Không còn ung nhọt kia, Thấy Phật, đường an ổn. Theo đường bậc Chánh si, Hiền thánh khéo nêu bày, Trí sáng rõ đường ngay, Không còn bị sanh tử.5 Đức Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

4 Nguyên tác: Thiết hoạch :Chảo sắt. Trong những khí cụ nấu nướng thời cổ đại, đồ dùng có chân gọi là"d^nh",không có chân gọi là "hoạch".Ưng nhọt lở loét như cái chảo là thủ pháp ngoa dụ nham chỉ cho bệnh ưạng rất trầm ượng.  5 Nguyên tác: Chư hữu Các cõi hữu, tức các cảnh giới trong ba cõi, từ địa ngục đến Phi tưởng phi phi tưởng. J

QUYỂN 39  1183

1083. CÁCH VOI CHÚA ĂN6 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu, thuộc nước Tỳ-xá-ly. Bay giờ, vào sáng sớm, có sô đông Tỳ-kheo đáp y, ôm bát vào thành Tỳ-xá- ly khát thực. Khi đó? có một Tỳ-kheo trẻ tuổi xuất gia chưa lâu, chưa am tường phép tăc luật nghi nên lúc đi khất thực không biết thứ tự trước sau. Các Tỳ-kheo khác thấy vậy liền nói với thầy ấy:  Thầy tuổi còn trẻ, xuất gia chưa lâu, chưa hiểu rõ phép tắc luật nghi. Thầy không được đi tìrước, cũng chớ nên đi ngang hàng mà phải theo thứ tự trước sau để khất thực, nếu không thầy sẽ mãi mãi chịu khổ, không được lợi ích. Tỳ-kheo trẻ tuổi ấy nói: -Các Thượng tọa cũng vượt thứ lớp, không theo tuần tự trước sau, đâu phải một mình con. Các Tỳ-kheo khác nhắc nhở ba lần như vậy nhưng thầy ấy vẫn không nghe theo. Sau khi đi khất thực xong, các Tỳ-kheo trở về tinh xá thu dọn y bát, rửa chân rồi cùng đến chỗ Phật đảnh lễ sát chân Ngài, ngồi sang một bên và bạch: - Kính bạch Thế Tôn! Sáng sớm nay chung con đắp y, ôm bát vào thành Tỳ- xá-ly khất thực, có một Tỳ-kheo trẻ tuổi xuất gia chưa lâu trong giáo pháp Phật, khi đi khất thực đã không theo thứ tự trước sau và đi ngang

hàng. Các Tỳ-kheo đã ba lần can ngăn nhưng thầy ấy vẫn không nghe theo, lại còn nói rằng: "Các Thượng tọa cũng không theo thứ tự, sao lại quở trách t6i." Các Tỳ-kheo chúng con đã ba lần nhắc nhở, nhxmg Tỳ-kheo ấy cũng vẫn không nghe nên chúng con đến bạch với Thế Tôn. Ngưỡng mong Thế Tôn vì thương xót mà dứt trừ việc làm trái phép tắc! Phật nói với các Tỳ-kheo: - Ví như trong đầm hoang có một hồ nước lớn, tại đó có một con voi chúa, nó nhổ các củ sen, rửa sạch bùn đất rồi ăn nên thân thể mập mạp, khỏe mạnh và rất vui thú. Vì lý do này nên voi chúa luôn sống trong an vui. Lúc ấy, có một con voi thuộc giống loại khác, thân thể ốm yếu, bắt chước voi chúa kia nhổ củ sen, nhimg rửa không sạch mà ăn nên ăn luôn cả bùn đất. An vào không tiêu nên thân thể con voi này không mập lên trái lại càng thêm gầy yếu, vì vậy mà dẫn đến cái chết, hoặc bi bệnh khổ gần như sắp chết. Cũng vậy, hàng Tỳ-kheo Tôn túc, đức độ, học đạo lâu ngày, không thích đùa giỡn, tu Phạm hạnh đã lâu, luôn được Đại sư khen ngợi, lại cũng được các vi tu Phạm hạnh minh trí khác khen ngợi nhiều. Các vị Tỳ-kheo này sông nơi

6 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.1083. 0284a05). Tham chiếu: Biệt Tạp. (fo2. 0100.22. 038ỏcl9);S. 20.9 -ii. 268.



thành thị, thôn xóm, sáng sớm đắp y, ôm bát vào thành khất thực, khéo giữ gìn thân miệng, khéo phòng hộ các căn, chuyên tâm buộc niệm, có thể khiến cho những người chưa tin phát khởi lòng tin, những người đã tin sẽ không thoái chuyển. Các vị Tỳ-kheo này dù được phước lợi về tiền của, y phục, thức ăn thức uống, giường nằm, thuốc thang, cũng không đắm nhiễm, không chấp trước, không tham cầu, không ham thích, không mê đắm, không chạy theo mà thây rõ tai họa của chúng, thấy rõ sự xuất ly của chúng, sau đó mới thọ dụng chúng. Như vậy, sau khi thọ dụng xong, thân tâm vị ấy đều an ổn, sắc diện tươi vui, sức khỏe đầy đủ, nhờ nhân duyên này nên luôn được an lạc. Còn vị Tỳ-kheo trẻ tuổi kia xuất gia chưa bao lâu, chưa am tường phép tắc luật nghi, nương theo các bậc Trưởng lão, sống nơi làng xóm, đắp y, ôm bát vào trong thôn để khất thực mà không khéo phòng hộ thân, không gìn giữ các căn, không chuyên tâm nhiếp niệm thì không thể khiến cho người chưa tin phát khởi lòng tin và người đã tin sẽ không thoái chuyển. Nếu Tỳ-kheo có được phước lợi về tiền của, y phục, thức ăn thức uống, giường nằm, thuốc thang, liền sanh tâm đắm nhiễm, chấp trước, tham cầu, ham thích, mê đắm, chạy theo, lại còn không thấy rõ tai họa của chúng, không thấy rõ sự xuất ly của chúng. Vì thọ dụng chúng với tâm tham dục nên vi Tỳ-kheo này không thể làm cho thân thể được khỏe mạnh và an ổn hân hoan. Do thọ dụng với tâm niệm như vậy nên vị ấy dần đi đến sự chết, hoặc chịu khổ gần như chết. Chết ở đây có nghĩa là xả giới, hoàn tục, đánh mất Giáo pháp và Giới luật chân chánh. Khổ gần như chết nghĩa là vi phạm Giới luật trong Chánh pháp, không biết tội tướng, cũng không biết trừ tội. Bay giơ, The Ton liên nói kệ: Voi chúa nho củ sen, Rửa sạch rồi mới ăn, Dòng voi khác bắt chước, Ăn củ còn bám bùn, Do ăn lẫn bùn đất, Nên yếu gầy đến chết. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

1084. ĐỜI NGƯỜI NGẮN NGỦI7

Tôi nghe như vầy:
Một thời, đức Phật ngụ tại bãi tha ma, trong khu rừng Lạnh,8 thuộc thành Vương Xá.
7 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.02. 0099.1084. 0284b20. Tham chiếu: Biệt Tạp. rỏ2. 010Ó.23. 038Ía27;S. 4.9 - L 108. 8 Hàn lâm gcòn gọi là Thi-đà Thi-đa-bà-na lâm ,Thi-đà- phat-na lâm7 ,Thi-ma-xa-na lâm :Khu rừng rậm nằm ở phía Tay thành Vương Xá, nước Ma-kiệt-đà, Trung An.



Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Mạng sống rất ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác, phải siêng tu tập pháp lành, thực hành các Phạm hạnh. Không có ai sanh ra mà không chết đi, thế nhưng người thế gian không biết siêng năng nỗ lực chuyên tu pháp lành, sống đời chân chánh và sống theo giáo pháp.9 Lúc đó, Ma Ba-tuần tự nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm ngụ ở bãi tha ma, trong khu rừng Lạnh, thuộc thành Vương Xá, đang nói pháp cho các đệ tử như vầy: 'Mạng sống rất ngắn ngủi,... (cho đến) không sống đời chân chánh và không sống theo giáo pháp/ Bây giờ, ta nên đến để quấy nhiễu họ." Thế rồi, Ma Ba-tuần liền hóa thành một thanh niên đi đến trước mặt Phật và nói kệ: Thường bức bách chúng sanh, Được sống lâu cõi người, Tâm mê muội buông lung, Cũng chẳng đến chỗ chết. Lúc ấy, Thế Tôn liền nghĩ: "Dây là Ác ma đến quấy nhiMu." Ngài liền nói kệ: Thường bức bách chúng sanh, Làm người thọ mạng ngan, Phải tinh tấn tu tập, Như cứu lửa cháy đầu. Chớ lười dù chốc lát, Khiến ma chết chợt đến, r r Biêt ngươi là Ac ma, Mau đi khỏi nơi này. Thiên ma Ba-tuần suy nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm niệm của ta" trong lòng lo lắng, buồn rầu rồi lập tức biến mất. ***

1085. CÁC HÀNH VÔ THƯỜNG10 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại bãi tha ma, trong khu rừng Lạnh, thuộc thành Vương Xá. Bay giờ, The Ton noi vơi các Ty-kheo: -Các hành là vô thường, các hành không bền bi, không cố định, không ngưng nghỉ, là pháp luôn biến đổi,... (cho đến) nên ngừng dứt các hành hữu vi, đáng chán bỏ, không đáng ưa thích, để được giải thoát. Lúc ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: "Hiện nay Sa-môn Cù-đàm đang ở bãi tha ma, trong khu rừng Lạnh, thuộc thành Vương Xá, nói pháp cho các đệ tử như vầy: 'Các hành là vô thường, các hành không bền bỉ, không cố định, không ngưng

9 Nguyên tác: Chuyên tu thiện pháp, tu hiền, tu nghĩa (.ở đây, "tu hiền”( )tương đương Pali là sainacariyãya (sống chân chánh) và "tu nghía"()tương đương Pali là dhammacariyāya (sống đúng pháp). Tham chiếu: s. 3.25 L 224: Dhammacariyāya samacariyāya kusalakiriyāya puññakiriyāyā (Sông đúng pháp, sông chân chánh, làm các hạnh lành, làm các công đức), HT. Thích Minh Châu dịch. 10 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1085. 0284c 10). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 010024. 0381bl4); s. 4.10 -L 108.



nghỉ, là pháp luôn biến đổi,... (cho đến) nên ngừng dứt các hành hữu yi, đáng chán bỏ5 không đáng ưa thích, để được giải thoát.9 Bây giờ, ta nên đến đó đê gây nhiễu loạn.”

Thế rồi, Ma Ba-tuần liền biến thành một thanh niên đi đến chỗ Phật, đứng trước Phật nói kệ: Mạng sống trôi ngày đêm, Không lúc nào dừng nghỉ. Mạng sống cứ xoay vần, Cũng như bánh xe lăn. Khi đó, Thế Tôn suy nghĩ: "Dây là Ác ma muốn gây nhiễu loạn." Ngài liền nói kệ: Ngày đêm luôn dời đổi, Mạng sống cũng giảm theo, Đời người dần tan biến, Như chút nước dòng kênh, Ta biết ngươi, Ác ma, Hãy mau tự biến đi. Bấy giờ, Ma Ba-tuần suy nghĩ: "Sam6n Cù-đam đã biết tâm niệm của ta" nên trong lòng lo lắng, buồn rầu rồi lập tức biến mất. ***

1086. ÁC MA TRÓI BUỘC11 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, vào lúc giữa đêm, Thế Tôn trở dậy kinh hành, đến cuối đêm thì Ngài rửa chân rồi trở vào phòng ngồi ngay thẳng và chuyên tâm buộc niệm. Khi ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: "Hiện nay Sa-môn Cù-đàm đang ở tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà5 thuộc thành Vương Xá. Vào lúc giữa đêm, Cù-đàm trở dậy kinh hành, đến cuối đêm thì rửa chân rồi trở vào phòng n^ồi ngay thẳng và chuyên tâm buộc niệm. Bây giờ, ta sẽ đên đê quấy nhi&u." Ac ma liền biến thành một thanh niên, đến đứng trước Phật và nói kệ: Tâm ta ở không trung, cầm dây dài buông xuống, Muốn trói buộc Sa-môn? Không để ông được thoát. Thế Tôn suy nghĩ: "Bây là Ác ma Ba-tuần muốn quấy nhiễu Ta" nên Ngài liền nói kệ: Ta nói, ở the gian, Năm dục, ý thứ sáu, Ta đã lìa bỏ chúng, Đã dứt tất cả khổ. Ta đã lìa dục kia, Tam, y, thức cung diệt, Ba-tuần, Ta biết ngươi, Hãy mau đi khỏi đây. Bấy giờ, Ma Ba-tuần suy nghĩ: "Sa-m6n Cù-đàm đã biết tâm niệm của ta" nên trong lòng lo lắng, buồn rầu rồi lập tức biến mất. ***

11 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.1086. 0284c28). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02.010025. 0381b29);S.4.15-L 111.



1087. GIẢI THOÁT SAO CÒN NGỦ?12 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, vào lúc giữa đêm, Thế Tôn trở dậy kinh hành, đến cuối đêm thì Ngài rửa chân rồi trở vào phòng, nằm nghiêng bên phải, buộc niệm vào tưởng ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, nghĩ tưởng đến lúc thức dậy. Lúc ấy, Ma Ba-tuần nghĩ thầm: "Hiện nay Sa-môn Cù-đàm đang ngụ ở Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà thuộc thành Vương Xá... (cho đến) nghĩ tưởng đến lúc thức dậy. Bây giờ, ta nên đến đó để gây chướng ngại." Thế rồi Ác ma liền hóa ra một thanh niên đi đến trước Phật và nói kệ: Ngủ gì? Sao lại ngủ? Đã diệt, còn ngủ sao? Nhà trống ngủ thế nào? Giải thoát sao còn ngủ? Thế Tôn suy nghĩ: "Ac ma Ba-tuần muốn quấy nhiễu Ta" nên Ngài liền nói kệ đáp: Đắm nhiễm bởi lưới ái, Không ái5 ai buộc ràng? Mọi hữu dư chẳng còn, Chỉ Phật ngủ được an, Ác ma Ba-tuần ngươi, Còn nói gì đây nữa? Bấy giờ, Ma Ba-tuần suy nghĩ: í6Sa-môn Cù-đàm đã biết rõ tâm niệm của ta" nên trong lòng lo lắng, buồn rầu rồi lập tức biến mất. *** 1088. KHÔNG DAO ĐÔNG13 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại núi Kỳ-xà quật, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ đêm tối, mưa rơi nhỏ hạt, chớp giật sáng lòa, Thế Tôn rời khỏi phòng, ra ngoài kinh hành. Lúc ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm hiện đang ngụ ở núi Kỳ- xà quật, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ đêm tối, mưa rơi nhỏ hạt, chớp giật sáng lòa, Cù-đàm rời khỏi phòng, ra

ngoài kinh hành. Bây giờ ta nên đen đó để quấy nhiễu?5 Ác ma liền cầm một khối đá to trên hai tay để chơi đùa, vừa đến trước Phật thì bóp nát thành bụi. Bấy giờ, Thế Tôn suy nghĩ: "Ac ma Ba-tuần muốn quấy nhiễu Ta" nên Ngài liền nói kệ:

12 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.1087. 0285al6). Tham chiếu: Biệt Tạp. (r.02. 010026. 0381C16); s. 4.7 -1. 107. 13 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1088. 0285ỒỒ2). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 010027. 0382a06); s. 4.11 - L 109.



DÙ núi Kỳ-xà quật, Vỡ nát trước mặt Ta, Giải thoát trọn như Phật, Mảy lông chẳng lay động. Giả sử các núi non, Khắp cả trong bôn biên, Bi thân tộc Ác ma, Nghiền nát thành cát bụi, Cũng không làm dao động, Một sợi tóc Như Lai. Bấy giờ, Ma Ba-tuần suy nghĩ: uSa-môn Cù-đàm đã biết rõ tâm niệm của ta" nên trong lòng lo lắng, buồn rầu rồi lập tức biến mất. ***

1089. TÂM RỒNG LẢNG14

Tôi nghe như vây:

Một thời, đức Phật ngụ trong núi Kỳ-xà quật, thuộc thành Vương Xá.

Bấy giờ, vào lúc giữa đêm, Thế Tôn trở dậy kinh hành, đến cuối đêm, Ngài

A 9

rửa chân và trở vào phòng, thân ngôi ngay thăng, buộc niệm trước mặt. Lúc ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm ngụ trong núi Kỳ-xà quật, tại thành Vương Xá. Nửa đêm, ông ta trở dậy kinh hành, đến cuối đêm rửa chân và trở vào phòng, thân ngồi ngay thẳng, buộc niệm trước mặt. Bây giờ, ta sẽ đến để quấy ph" Thế rồi Ác ma liền biến thành con rắn lớn quấn quanh Phật bảy vòng, cất đầu lên cao trên đỉnh đầu của Phật. Thân rắn như chiếc thuyền to, đầu như cánh buồm lớn, mắt đỏ như lò đong, lưỡi như tia điện chớp, hơi thở vang dội như sấm. Bấy giờ5 Thế Tôn suy nghĩ: "Ac ma Ba-tuần muốn quấy nhiễu Ta" nên Ngài liền nói kệ: Như ngôi nhà trống không, Tâm Mâu-ni rỗng lặng, ở trong đó xoay vần, Than Phật cũng như vậy. Dù vô lượng rắn độc, Ruồi, muỗi, các côn trùng, Tụ lại ăn thân kia, Cũng không động mảy lông. Dàu phá nát hư không, Lật úp cả đại địa, Tất cả loài chúng sanh, Cung đến gây kinh hãi. Gươm, mâu, đao, tên bén, Đều đến hại thân Phật, Mọi bạo hại như thế, Cũng không tổn mảy lông. Bấy giờ, Ma Ba-tuần suy nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm đã biết rõ tâm niệm của ta" nên trong lòng lo lắng, buồn rầu rồi lập tức biến mất. ***

l4_Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1089. 0285b16). Tham chiếu: Biệt Tạp. (7.02. 0100.28. 0382a20); s. 4.6 - L 106.



1090. NGỦ AN ỔN1516 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ trong hang đá? núi Ty-ba-la, rừng Thất Diệp Thọ/6 thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, vào lúc giữa đêm, Thế Tôn trở dậy ra chỗ đất trống, lúc thì tọa thiền lúc thì kinh hành. Đen cuối đêm, Ngài rửa chân và trở vào thất, nằm yên nghỉ ngơi, nghiêng hông bên phải, hai chân xếp chồng

lên nhau, buộc niệm vào tưởng ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, nghĩ tưởng đến lúc thức dậy. Lúc ây, Ma Ba-tuân tự nghĩ: uSa-môn Cù-đàm đang ngụ trong hang đá, núi Tỳ-bà-la, rừng Thất Diệp Thọ, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, vào lúc giữa đêm, ông ta trở dậy ra nơi đất trống, lúc thì tọa thiền lúc thì kinh hành. Đen cuối đêm, ông ta rửa chân và trở vào thất, nằm yên nghỉ ngơi, nghiêng hông bên phải, hai chân chồng lên nhau, buộc niệm vào tưởng ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, nghĩ tưởng đến lúc thức dậy. Bây giờ? ta sẽ đến để gây chướng ngại." Thế rồi Ác ma liền biến thành một thanh niên đến đứng trước Phật mà nói kệ: Ông vì tôi mà ngủ? Hay là vì đời sau? Có nhiều tiền, của báu, Cớ sao chọn rừng sâu? Một mình không bè bạn, Rồi ngủ nghỉ dài lâu? Lúc này, Thế Tôn suy nghĩ: "Ac ma Ba-tuần muốn quấy nhiễu Ta" nên Ngài liền nói kệ: Không vì ông mà ngủ, Chẳng phải vì đời sau, Cũng không nhiều của cải, Chỉ gom báu Vô ưu. Vì thương xót thế gian, Nên năm nghiêng hông phải, Thức cũng không nghi hoặc, Ngủ cũng chẳng hãi hùng. Bất luận ngày hay đêm, Không tăng cũng không giảm, Thương chúng sanh nên ngủ, Nên không tổn giảm gì. Dù dùng trăm mũi nhọn, Xuyên thân và khuấy động, Ta vẫn ngủ an ổn, Vì đã lìa gươm đao. Bấy giờ, Ma Ba-tuần suy nghĩ: "Sa-m6n Cù-đàm đã biết rõ tâm niệm của ta" nên trong lòng lo lắng, buồn rầu rồi lập tức biến mất. ***

15 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.1090. 0285c06). Tham chiếu: Biệt 7. (T.02. 010029. 0382bl4); s. 4.13 - L 245. 16 Thất Diệp Thọ (Sattapanni): Loại cây thân gỗ, lá kép giống như bàn tay, do 7 phiến lá nhỏ hợp thành nên gọi là Thất Diệp. Trước hang núi Vèbhăra (Ty-ba-la) co những cây này nên gọi là hang That Diệp.



1091. TÔN GIẢ CÙ-ĐÊ-CA17 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ trong hang đá, núi Tỳ-bà-la, rừng Thất Diệp Thọ, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, có Tôn giả Cù-đê-ca18 đang ở trong hang Đá Đen, bên núi Tiên Nhân,19 thuộc thành Vương Xá. Cù-đê-ca tu tập thiền định một mình, sống không buông lung, tự thân được nhiều lợi ích và chứng được nhất thời tâm giải thoát20 nhưng rồi bị thoái thất tâm ấy nhiều lần.21 Một lần rồi hai, ba, bốn, năm, sáu lần thoái thất, xong lại chứng được nhát thời tâm giải thoát, chứng được roi lại thoái thát. Tôn giả Cù-đê-ca suy nghĩ: “Ta sống một mình tu tập thiền định, không hề buông lung, tinh cần tu tập, tự thân được nhiều lợi ích, chứng được nhất thời tâm giải thoát, nhưng rồi bị thoái thất tâm ấy nhiều lần. Một lần... cho đến sáu lần, cứ chứng được rồi lại thoái thất. Nay ta nên dùng dao tự sát,22 chớ để thoái chuyển lần thứ bay." Lúc ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: "Sa-m6n Cù-đàm đang ở trong hang đá, bên núi Tỳ-bà-la, rừng Thất Diệp Thọ, thành Vương Xá. Ông ta có đệ tử là Cù-đê- ca đang ở trong hang Đá Đen, bên núi Tiên Nhân, thành Vương Xá. Cù-đê-ca sống một mình tu tập thiền định, chuyên tinh tư duy, chứng được nhất thời tâm giải thoát, nhưng roi bi thoái thát đên sáu lân. Cù-đê-ca đang suy nghĩ: 'Ta đã sáu lần thoái thất, cứ thoái thất rồi lại chứng. Ta chớ để bị thoái thất lần thứ bảy. Nay ta nên dùng dao tự sát, chớ để thoái chuyển lần thứ bảy.9 Nếu Tỳ-kheo ấy dùng dao tự sát thì ta không đe thay ấy tự sát mà thoát khỏi cảnh giới ma của ta. Bây giờ, ta sẽ đến báo với Đại sư của ông ấy." Bấy giờ, Ma Ba-tuần cầm cây đàn tỳ-bà bằng lưu ly đi đến chỗ Thế

Tôn, vừa khảy đàn vừa nói kệ:

17 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.1091. 0286a02). Tham chiếu: Biệt Tạp. (7.02. 010030. 0382c09); s. 4.23 - L 120. 18 Cù-đê-ca (Godhika). 19 Nguyên tác: Tiên Nhân sơn, Hắc Thạch thất (,Isigilipassa, Kālasilā). 20 Thời thọ ý giải thoát (,sāmayikam cetovỉmuttỉnì) còn gọi là 44thời giải thoaf9 (), chỉ cho tâm giải thoát nhất thời, giải thoát trong tạm thời, chưa phải là giải thọat hoàn toàn, chưa phải là giải thoát rót ráo, chưa phải là bậc A-la-hán. Nội dung kinh rõ ràng như thế nhưng các bộ luận giải thích khác nhau vê trường hợp này. Xem thêm về í4thoái pháp A-la-hán^, trong Đại trí đô luận (7L25. 1509.3. 0081a27); A-tỳ-đạt-ma Thuận chảnh lý 0"(T.29. 1562.68. 0714a27); A-tỳ-đạt-ma Cāu-xa luấn (7.29. 1558.25. 0129a22). 21 Theo Tạp A-tỳ-đàm Tâm luận (T.28. 1552.5. 0912a15), bậc Ạ-na-hàm có 6 loại, gôm:p Tư phphSrháp, Thăng tấn pháp và Bất động pháp chủng

22Theo Thanh tịnh kinh 0.01. 0001.17. 0075b 16), một bậc A-la-hán không làm 9 việc mà điều đâu tiên là không giêt hại ().Theo kinh, nêu như Tôn giả Cù-đê-ca tự s thì trước thời điểm này Tôn giả chưa phải là bậc A-la-hán.

QUYỀN 39 1191

Đại trí, đại phương tiện, Tự tại, thần lực lớn, Có đệ tử sáng chói, Nhimg nay muốn tự sát, Mâu-ni nên ngăn lại, Chớ để thầy ấy chết. Nghe đâu đệ tử Phật, Theo học Chánh pháp, Luật, Đã hành nhimg chẳng ngộ, Nên muốn chết cho xong? Ma Ba-tuần nói kệ xong, Thế Tôn liền dùng kệ đáp: Ba-tuân, loài phóng dật, Vì lợi mình mà đến, Bậc đầy đủ kiên cố, Thường trụ diệu thiền định. Ngày đêm luôn tinh tấn, Không nghĩ đến tánh mạng, Thấy ba cõi đáng sợ? Mà dứt ái dục kia. Đã hàng phục quân ma, Cù-đê-ca Niet-ban. Tâm Ba-tuần buồn lo,23 Tỵ-bà rơi xuống đất, Trong lòng đầy ưu sầu, Liền biến mất chẳng hiện. Bay giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Các thầy hãy cùng Ta đến hang Đá Ben, bên núi Tiên Nhân để xem Tỳ- kheo Cù-đê-ca dùng dao tự sát. The roi The Ton cung nhiêu Ty-kheo đi đên hang Đá Đen, bên núi Tiên Nhân. Nhìn thấy Tỳ-kheo Cù-đê-ca đã tự sát nằm trên đất, Phật liền hỏi các Tỳ-kheo: Các thầy có thấy Tỳ-kheo Cù-đê-ca tự sát, thi thể nằm trên đất không?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Chúng con đã thấy.

Thế Tôn lại hỏi các Tỳ-kheo:

Các thầy có thấy quanh thi thể Tỳ-kheo Cù-đê-ca bốc khói đen đầy khắp bốn phía không?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

Bạch Thế Tôn! Chúng con đã thấy.

Phật lại nói với các Tỳ-kheo: —Đây là Ác ma Ba-tuần ở bên thi thể của Cù-đê-ca, đang quanh quẩn để tìm thần thức. Nhưng Tỳ-kheo Cù-đê-ca cầm dao tự sát với tâm không chỗ trụ. Khi ấy, Thế Tôn thọ ký cho Tỳ-kheo Cù-đê-ca chứng đắc A-la-hán.24 Bấy giờ, Ma Ba-tuần nói kệ: Dạo khắp hết các phương, Đe tìm thần thức kia, Nhưng chẳng thấy

tung tích, Cù-đê-ca về đâu?

23 Bốn câu kệ cuối này ià nội dung của kinh văn, không phải lời kệ của Thế Tôn. 24 Thọ đệ nhất ký ().Xem chú thích 66, kinh số 302, quyển 12, tr. 362; Tạp.(r.02. 0099.302. 0086a04).



Thế Tôn lại nói kệ:
Bậc kiên cố như vậy, Chẳng thể tìm thấy thức,
Đã nhổ sạch gốc ái, Cù-đê Bát-niết-bàn.
Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.
***

1092. MA NỮ25 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngồi nơi gốc cây Bồ-đề, bên bờ sông Ni-liên-thiền, tại làng uất-tỳ-la,26 khi Ngài vừa thành đạo. Bấy giờ, Ma Ba-tuần tự nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm vừa thành đạo chưa bao lâu, đang ngồi nơi gốc cây Bồ-đề? bên bờ sông Ni-liên-thiền, tại làng uất-tỳ-la. Ta nên đến đó để gây chướng ngại.” Thế rồi, Ma Ba-tuần hóa thành một thanh niên, đến trước Phật mà nói kệ: Một mình vào chô văng, Thiên định và tư duy, Bỏ tiền tài, đất nước, Đen đây để cầu gì? Nếu cầu lợi nơi làng, Sao không gần gũi người? Đã chẳng gần gũi người, Rốt cuộc nào được gì? Bấy giờ, Thế Tôn suy nghĩ: "Ma Ba-tuần muốn quấy nhiễu Ta" nên Ngài liền nói kệ: Đã được tài lợi lớn, Biêt đủ, vui tịch diệt, Hàng phục bọn quân ma, Không đăm nhiêm săc dục. Ngồi một mình thiền định, Nem vị thiền diệu lạc, Vì thế không quanh quẩn, Gần gũi với mọi người. Ác ma lại nói kệ: Cù-đàm nếu tự biết, Đường Niết-bàn an ổn5 Riêng vui với vô vi, Sao gượng giáo hóa người? Phật lại nói kệ đáp: Chẳng phải chỗ ngươi cấm, Người đến hỏi bờ kia, Thì Ta đáp chân chánh, Giúp họ được Niết-bàn. Khi không còn buông lung, Tự tại, không theo ma. Ma lại nói kệ: Tảng đá giống mỡ đặc, Chim chóc bay đến ăn, Cuối cùng chẳng được vị, Chỉ trầy mỏ trở về, 9 ỵ Nay ta cũng như thế, Uông phí, vê thiên cung

25Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1092. 0286ỒỒ22). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100.31. 0383al9); s. 4.25 - L 124. 26 Uất-tỳ-la (,Uruvelā).



Thiên ma nói xong, trong lòng lo lắng, buồn rầu, tâm sanh hối hận, cúi đầu sát đất và lấy ngón tay vẽ lên đất. Ma Ba-tuần có ba cô con gái. Người thứ nhất tên là Ái Dục, người thứ hai tên Ai Niệm, người thứ ba tên Ái Lạc. Họ cùng đến bên cha mình và nói kệ: Cha đang buồn chuyện gì? Người sao lại buồn lo, Con sẽ dùng dây ái Trói họ như điều voi, Lôi đến trước mặt cha, Đe tùy cha sai khiến. Ma Ba-tuần đáp lại lời các con gái: Vị ấy đã lìa ái, Không dục nào kéo lôi, Đã ra khỏi cảnh ma, Thế nên ta lo buồn. Khi ây, ba cô gái này từ thân phóng ra ánh lửa sáng rực, giông như những tia chớp trong mây, cùng đi đến chỗ Phật, cúi lạy sát chân Phật rồi đứng qua một bên và bạch Phật: Nay con trở về dưới chân Thế Tôn, muốn được hầu hạ, xin Ngài sai bảo. Bấy giờ, Thế Tôn không hề quay lại nhìn. Biết Như Lai lìa các ái dục, tâm giải thoát hoàn toàn27 nhưng các ma nữ vẫn tiếp tục cầu thỉnh lần thứ hai rồi lần [thứ] ba như trên. Lúc này,

ba ma nữ kia bàn với nhau:  Con người có nhiều sở thích ái dục khác nhau. Bây giờ, mỗi người trong chúng ta sẽ biến hóa thành một trăm thiếu nữ trẻ đẹp, một trăm thiếu nữ xinh đẹp mới lấy chồng, một trăm phụ nữ xinh đẹp chưa sanh con, một trăm phụ nữ xinh đẹp đã sanh con, một trăm phụ nữ xinh đẹp trung niên, một trăm phụ nữ xinh đẹp đứng tuổi. Biến hóa ra nhiều hình dáng như vậy rồi chúng ta cùng đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm và nói rằng: "H6m nay, hết thảy chúng con đều quay về dưới chân Thế Tôn, muốn được hầu hạ, xin Ngài sai bảo.^, Bàn với nhau xong, các ma nữ liền biến hóa đủ các dáng vẻ như trên đã nói rồi cùng đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy sát chân Ngài rồi đứng qua một bên và bạch:  Kính bạch Thế Tôn! Chúng con hôm nay trở về dưới chân Ngài, muốn được hầu hạ, xin Ngài sai bảo. Bấy giờ, Thế Tôn cũng không hề để tâm đến vì pháp của Như Lai là lìa các ái dục. Sau khi lặp lại lời này ba lần rồi thì các ma nữ lại nói với nhau: -Nếu người nào chưa lìa dục, khi trông thấy dung nhan xinh đẹp của chúng ta thì tâm ý sẽ mê loạn, tâm dục dấy khởi, lòng ngực bức bách, máu nóng xông lên mặt. Tuy nhiên, hôm nay Sa-môn Cù-đàm không hề để mắt đến chúng ta, chứng tỏ Như Lai đã lìa dục9 được giải thoát, tâm đã giải thoát hoàn toàn. Bây giờ, mỗi người chúng ta sẽ dùng kệ để hỏi Sa-môn Cù-đàm.

27 Nguyên tác: Thiện giải thoát (suvimutta). Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển l, tr. 19; Tạp.(T.02. 0099.22. 0004c2Ò).



Thế rồi ba cô ma nữ lại đến trước Phật, cúi lạy sát chân Ngài rồi đứng qua một bên. Ma thiên nữ Ái Dục nói kệ: Thiền định nơi yên vắng, Lìa của cải ở đời, Bỏ lợi thế gian rồi, Nay còn muốn cầu gì? Nếu cầu lợi nơi làng, Sao không gần gũi người? Đã chẳng gần gũi người, Rốt cuộc nào được gì? Thế Tôn nói kệ đáp: Đã được tài lợi lớn, Biết đủ? vui tịch diệt. Hàng phục bọn quân ma? Không đắm nhiễm sắc dục. Vì thê không quanh quân, Gần gũi với mọi người. Ma thiên nữ Ái Niệm lại nói kệ: Siêng tu pháp thiền gì, Đe vượt dòng năm dục? Lại dùng phương tiện gì, Vượt qua biển thứ sáu? Làm sao tu thiền định, Dứt các dục sâu dày, Đe qua được bờ kia, Không bị ái níu giữ? Thê Tôn noi kê đáp: Thân được lạc văng lặng, Tâm được khéo giải thoát, Vo vi, không tạo tác, Chánh niệm chẳng dao động. Biết rõ tất cả pháp, Không khởi các loạn tưởng, Ái, sân hận, ngủ nghỉ, Tát ca đêu đã lìa. Như vậy, siêng tu tập, Sẽ thoát khỏi năm dục, Và dòng biển thứ sáu, Được qua đến bờ kia. Tu tập thiền như vậy, Giữa các dục rộng sâu, Sẽ qua được bờ kia, Không bị chúng níu giữ. Ma thiên nữ Ái Lạc lại nói kệ: Đã đoạn trừ ân ái, Và dục kiết sâu dày, Người nhiều đời tinh tín, Sẽ qua được biển dục. Mở ra trí tuệ sáng, Vượt qua ải thần chết. Bay giơ, Thê Ton noi kẹ đáp lại: Phương tiện lớn, độ khắp, Vào giới pháp Như Lai, Tất cả đều được độ, Người trí còn lo gì? Bấy giờ, ba thiên nữ vẫn chưa thỏa mãn chí nguyện, quay về chỗ người cha Ma Ba-tuan. Từ xa nhm thây các con gái đi đên, Ma Ba-tuan liên nói kệ trêu chọc: Này ba đứa các con, Tự khoe mình đủ giỏi, Toàn thân phóng lửa sáng, Như lằn chớp trong mây. Đen chỗ Đại Tinh Tấn, Tự khoe nhan sắc mình, Nhưng lại bị phá tan, Như gió lùa tơ mỏng. Dùng móng tay phá núi, Dùng răng cắn viên sắt, Hay muốn dùng tóc, tơ, Đe di chuyển núi lớn?

Đối với bậc giải thoát, Mà mong não loạn tâm, Khác gì cột chân gió, Làm trăng rơi giữa trời, Dùng tay khuấy biển lớn, Phà hơi động Tuyết Sơn. Với bậc đã giải thoát, Lại muốn khiến dao động, Khác gì giữa biển cả, Mà tìm đất đặt chân. Phật đối với tất cả? Thảy hòa hợp giải thoát, Trong biển lớn Chánh giác, Không tìm thấy dao động. Ma Ba-tuần trêu chọc ba cô con gái xong rồi liền biến mất. ***

1093. THANH TỊNH VÀ KHÔNG THANH TỊNH28 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngồi nơi gốc cây Bồ-đề? bên bờ sông Ni-liên-thiền? tại làng uất-tỳ-la, khi Ngài vừa thành đạo. Bây giờ, Ma Ba-tuân tự nghĩ: "Sam6n Cù-đàm vừa thành đạo chưa bao lâu, đang ngồi nơi gốc cây Bồ-đề? bên bờ sông Ni-liên-thiền, tại làng uất-tỳ- la. Ta nên đến đó để gây chướng ngại.” Tức thì Ma Ba-tuần biến ra một trăm thứ sắc thanh tịnh và không thanh tịnh, rồi đi đến chỗ Phật. Từ xa trông thấy một trăm thứ sắc thanh tinh và không thanh tịnh của Ma Ba-tuần5 đức Phật liền nghĩ: "Ac ma Ba-tuần biến ra một trăm thứ sắc thanh tịnh và không thanh tịnh la muôn lam quay nhiêu Ta nen The Ton liên noi kẹ: Lâu dài trong sanh tử, Tạo sắc tinh, bất tịnh, _ * 2 Sao ngươi gây việc này? Đâu qua được bờ khô. Nêu thân, miệng và ý, Không gây hại cho người, Thì Ma không sai sử, Tự tại, không theo Ma. Như vậy, biết Ác ma, Thì Ma liền biến mất. Khi ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: ^Sa-môn Cù-đàm đã biết rõ tâm ta" nên trong lòng lo lắng, buồn rầu rồi biến mất. ***

1094. KHỔ HẠNH29 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngồi nơi gốc cây Bồ-đề, bên bờ sông Ni-liên-thiền, tại làng uất-tỳ-la9 khi Ngài vừa thành đạo. Bấy giờ, Thế Tôn một mình ở nơi yên vắng chuyên tâm thiền định tư duy và khởi lên ý niệm: "Nay Ta đã giải thoát khổ hạnh.30 Tốt lành thay! Nay Ta đã

28 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.Q2. 0099.1093. 0287c07). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 010032. 0384a27); s. 4.3 - L 104. 29 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.1094. 0287c21). Tham chiếu: s. 4.1 - L 103. 30 Khổ hạnh (dukkarakãrỉkã), ở đây chỉ cho 6 năm khổ hạnh của Phật.



khéo giải thoát khổ hạnh! Trước kia tu theo chí nguyện chân chánh, ngày nay được quả Vô thượng Bồ-d3." Khi ấy, Ma Ba-tuần suy nghĩ: "Hiện tại Sa-môn Cù-đàm vừa mới thành đạo, đang ngồi nơi cội Bồ-đề, bên bờ sông Ni-liên-thiền, xứ uất-tỳ-la. Bây giờ, ta nên đến đó để gây chướng ngại.” Ma Ba-tuần biến thành một thanh niên, đến trước Phật rồi nói bài kệ: Pháp tu đại khổ hạnh, Hay khiến được thanh tịnh, Nay ngược lại bỏ đi, Đen đây để cầu gì? Muốn cầu tịnh tại đây, Cũng không thể được tịnh. Bấy giờ, Thế Tôn nghĩ rằng: “Ma Ba-tuần này muốn quấy nhiễu Ta” nên Ngài liền nói kệ: Biết các đường khổ hạnh, Thảy đêu la vo nghĩa, Hoàn toàn không lợi ích, Như cung chỉ có tiếng. Con đường giới, định, tuệ, Ta đã tu tập qua, Được thanh tinh bậc nhất, Tịnh ấy không gì hơn. Khi ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: "Sa-m Cù-đàm đã biết rõ tâm ta" nên trong lòng lo lắng, buồn rầu rồi lập tức biến mất. *** 1095. KHẤT THỰC31 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại làng Bà-la-môn Sa-la.32 Bấy giờ, sáng sớm Thế Tôn đắp y, ôm bát vào làng Sa-la khất thực. Khi ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: “Sáng sớm Sa-môn Cù-đàm đắp y,

ôm bát vào làng Sa-la khất thực, nay ta hãy đến đó trước, vào nhà của những trưởng giả Bà-la-môn có tín tâm để nói với họ, khiến cho Sa-môn Cù-đàm ôm bát không đi về." Thế rồi Ma Ba-tuần bèn theo sau Phật và nói lớn: Sa-môn! Sa-môn! Ông không được thức ăn sao? Khi ấy, Thế Tôn tự nghĩ: "Ac ma Ba-tuần muốn não loạn Ta" nên Ngài liền nói kệ: Ngươi ở bên Như Lai, Gây tạo vô lượng tội, Ngươi cho rằng Như Lai, Chịu những khổ não ư? Ma Ba-tuần nói: Cù-đàm! Ong hãy vào trong làng xóm sẽ có được thức ăn. Bấy giờ? Thế Tôn liền nói kệ:

n Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.1095. 0288all). Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.45.4. Ỏ772a24); y 4.18-L 113. 32 Nguyên tác: Sa-la Bà-la-môn tụ lạc (,Sālāya brãhmanagãma).



Cho dù không có gi, vẫn an lạc tự sống, Như cõi trời Quang Âm, Hỷ lạc là thức ăn. Dù thật không có gi, Dùng an lạc tự song, Hỷ lạc làm thức ăn, Không nương vào thân tướng. Khi ấy, Ma Ba-tuần tự nghĩ: 4íSa-môn Cù-đàm đã biết rõ tâm ta" nên trong lòng lo lắng, buồn rầu rồi lập tức biến mất. ***

1096. SỢI DÂY33 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Vườn Nai, nơi ở của các Tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại. Bay giơ, The Ton noi vơi các Tỳ-kheo: Như Lai đã thoát khỏi sợi dây ràng buộc của trời và người. Các thầy cũng nên giải thoát khỏi sợi dây ràng buộc của trời, người. Các thày nên du hành trong nhân gian, đi qua nhiêu chô, lợi ích nhiêu nơi, an lạc cho trời và người, không nên đi hai người, nên mỗi người tự đi. Nay Như Lai cũng du hành trong nhân gian, đến xứ uất-tỳ-la. Khi ấy, Ma Ba-tuần nghĩ rằng: "Sam6n Cù-đàm ngụ trong Vườn Nai, nơi ở của các Tiên nhân, tại nước Ba-la-nại, nói với các Thanh văn như vầy: 'Như Lai đã thoát khỏi sợi dây ràng buộc của trời và người, các thây cũng có thê. Các thây nên mỗi người đi vào nhân gian để giáo hóa,... (cho đen) Như Lai cũng du hành trong nhân gian, đên xứ Uât-tỳ-la/ Bây giờ, ta nên đên đó đê gây chướng ngại." Thế rồi, Ma Ba-tuần liền biến thành một thanh niên đến trước Phật mà nói kệ: Không thoát, nghĩ tưởng thoát, Tự xưng đã giải thoát, Nhưng bị buộc càng chặt, Nay ta quyết không tha. Bấy giờ, Thế Tôn tự nghĩ: "Ac ma Ba-tuần muốn nhiễu loạn Ta" nên Ngài liền nói kệ: Ta đã thoát tất cả5 Những ràng buộc trời, người. Biết ngươi là Ba-tuần, Hãy mau tự biến đi. Khi ấy, Ma Ba-tuần nghĩ rằng: ^Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta" nên trong lòng lo lắng, buồn rầu rồi lập tức biến mất. ***

1097. THUYẾT PHÁP34 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ trong làng của dòng họ Thích, tên Thích Thạch Chủ. 33 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1096. 0288a29). Tham chiếu: s. 4.4.5 I. 105. 34 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1097. 0288b19). Tham chiếu: s. 4.14-1. 111.



Khi ấy, trong làng Thạch Chủ của họ Thích có nhiều người chết vì bị bệnh dịch. Dân chúng khắp nơi hoặc nam hoặc nữ từ bốn phương tìm đến thọ trì Tam quy. Những người bệnh này, hoặc nam hoặc nữ, hoặc lớn hoặc nhỏ đêu nhân đây mà kéo đến và tự

xưng danh tự: "Con tên là... xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tang." Người khắp thôn, khắp ấp thảy đều tự quy y như vậy. Bấy giờ, Thế Tôn ân cần thuyết pháp cho các đệ tử. Khi ấy, những người tín tâm quy y Tam bảo đều được sanh lên cõi trời, hoặc cõi người. Lúc đó? Ma Ba-tuần suy nghĩ: “Nay Sa-môn Cù-đàm đang ở làng Thạch Chủ của họ Thích, ân cần thuyết pháp cho bốn chúng. Bây giờ, ta hãy đến đó đe gây chướng ngại." Thế rồi Ma Ba-tuần liền biến thành một thanh niên và đến trước Phật mà nói kệ: Tại sao siêng thuyêt pháp, Giáo hóa khắp mọi người? Chống đối, không chống đối, Cho dù bị xua đuổi, Hay dẫu bị cột trói? Sao thuyết pháp cho người? Bấy giờ, Thế Tôn tự nghĩ: "Ác ma Ba-tuần muốn nhiễu loạn Ta” nên Ngài liền nói kệ: Dạ-xoa, ngươi nên biết, Hạng chúng sanh thường tình, Những người có trí tuệ, Ai mà không thương xót? Vì có lòng thương xót, Nên cần phải _giáo hóa, Thương xót những chúng sanh, Lẽ tự nhiên như thế. Khi ấy, Ma Ba-tuần nghĩ: 4'Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta” nên trong lòng lo lắng, buồn rầu rồi lập tức biến mất. *** 1098. LÀM VUA35 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ trong làng của dòng họ Thích, tên Thích Thạch Chủ. r r r eA y Bây giờ, Thê Tôn một mình ở nơi yên văng, thiên đinh tư duy và nghĩ răng: "C6 thể nào làm vua mà không sát sanh, không sai khiến người khác sát sanh, một mực thực hành theo Chánh pháp, không làm điều phi pháp chăng?,, Khi ây, Ma Ba-tuân suy nghĩ: “Nay Sa-môn Cù-đàm đang ở trong làng Thạch Chủ của dòng họ Thích, một mình ở nơi yên vắng, thiền định tư duy và suy nghĩ: 'Có thê nào làm vua mà không sát sanh, không sai khiến người khác sát sanh, một mực thực hành theo Chánh pháp, không làm điều phi pháp chang?9 Bây giờ, ta nên đến đó để nói chuyện với ông ấy.” Ma Ba-tuần liền biến thành một thanh niên, đi đến đứng trước Phật và nói rang:

35 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1098. 0288cll). Tham chiếu: s. 4.20 - L 116.



-Đúng vậy, Thế Tôn! Đúng vậy? Thiện Thệ! Có thể làm vua mà không sát sanh, không sai khiên người khác sát sanh, một mực thực hành theo Chánh pháp, không làm điều phi pháp. Thế Tôn! Nay Ngài hãy làm vua. Thiện Thệ! Nay Ngài hãy làm vua thì nhất đinh được như ý. Bấy giờ, Thế Tôn suy nghĩ: "Ac ma Ba-tuần muốn quấy nhiễu Ta” nên Ngài liền hỏi Ma Ba-tuần rằng:  Này Ma Ba-tuần! Tại sao ngươi lại nói: "Thế Tôn hãy làm vua! Thiện Thệ hãy làm vua! Ngài sẽ được như y” Ma Ba-tuần bạch Phật: -Tôi đích thân nghe Phật nói như vầy: “Nếu chuyên tâm tu tập tứ như ý túc và tu tập thuần thục rồi thì muốn biến ngọn Tuyết Sơn trở thành vàng ròng cũng lýiất định làm được." Thế Tôn nay đã tu tập tứ như ý túc và tu tập thuần thục rồi thì có thể biến ngọn Tuyết Sơn trở thành vàng ròng đúng như ý nguyện. Cho nên, tôi mới bạch với Thế Tôn: "Thế Tôn hãy làm vua! Thiện Thệ hãy làm vua! Ngài sẽ được như ỷy Phật nói với Ma Ba-tuần: Ta không có ý muốn làm vua thì cớ gì phải làm? Ta cũng không có ý muốn biến ngọn Tuyết Sơn trở thành vàng ròng thì cớ gì phải biến? Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ: Dù thật có vàng ròng, Bằng như ngọn Tuyết Sơn, Một người được vàng này, Cũng lại không biết đủ. Thế nên người trí tuệ, Xem vàng, đá như nhau. Khi ấy, Ma Ba-tuần suy nghĩ: uSa-mon Cù-đàm đã biết tâm ta" nên trong lòng lo lắng, buồn rầu rồi lập tức biến mất.

*** 1099. PHÁP QUÁN BÌNH ĐẲNG36 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ trong làng của dòng họ Thích, tên Thích Thạch Chủ. Bây giờ, có nhiêu Tỳ-kheo tập trung tại nhà cúng dường đê cùng may y. Lúc đó, Ma Ba-tuần suy nghi: "Nay Sa-môn Cù-đàm đang ngụ trong làng Thạch Chủ của dòng họ Thích, có rất nhiều Tỳ-kheo đang tập trung tại nhà cúng dường để cùng may y. Ta nên đến đó để gây chướng ngại." Thế rồi Ma Ba-tuần liền biến thành một thanh niên Bà-la-môn, vấn búi tóc to, mặc áo da thú, tay cầm gậy cong, đi đến nhà cúng dường, đứng im lặng trước chúng Tỳ-kheo. Một lát sau, thanh niên nói với các Tỳ-kheo:

36 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1099. 0289a08). Tham chiếu: s. 4.21 - L 117.



-Các ông tuổi trẻ xuất gia, da trắng, tóc đen, đang trẻ trung sung sức, lẽ ra nên hưởng thụ năm dục, trang điểm vui chơi, vì cớ gì mà phải rời xa bà con thân thích, để họ phải khóc lóc chia lìa rồi xuất gia học đạo và tin vào đời sống không gia đình? Tại sao lại từ bỏ niềm vui hiện tại để tìm cầu niềm vui không hợp thời ở trong đời khác? Các Tỳ-kheo nói với thanh niên Bà-la-môn: Chúng tôi không từ bỏ niềm vui hiện tại để tìm cầu niềm vui không hợp thời ở trong đời khác mà chính là từ bỏ niềm vui không đúng thời để thành tựu niềm vui hiện tại. Ma Ba-tuần lại hỏi: -Thế nào là từ bỏ niềm vui không đúng thời để thành tựu niềm vui hiện tại? Các Tỳ-kheo trả lời: Như lời Thế Tôn dạy, niềm vui của đời vị lai thì vui ít mà khổ nhiều, lợi ít mà hại nhiều. Giáo pháp Thế Tôn, thiết thực hiện tại, lìa mọi nóng bức, không đợi thời gian, dẫn đên Niết-bàn và được người trí tự mình giác hiêu.37 Này Bà- la-môn! Đây gọi là niềm vui hiện tại. Khi ấy, thanh niên Bà-la-môn không nói nên lời, lắc đàu ba lần rồi chống gậy biến mất. Lúc bấy giờ, các Tỳ-kheo sợ hãi, toàn thân nổi gai ốc5 đều tự hỏi: "B6 là hạng Bà-la-môn gì mà đến đây rồi chợt biến mất?" Thế rồi, các Tỳ-kheo bèn đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi lui ngồi một bên và bạch: Kính bạch Thế Tôn! Khi Tỳ-kheo chúng con đang ở nhà cúng dường để cùng may y thì có một thanh niên Bà-la-môn đầu bện búi tóc lớn, đi đến chỗ chúng con mà nói rằng: “Các ông tuổi trẻ xuất gia... (nói đầy đủ như trên, cho đến) không nói nên lời, lắc đầu ba lần rồi chống gậy biến Chúng con cảm thây sợ hãi, toàn than nôi gai ốc và tự hỏi: "Đó là hạng Bà-la-môn gì mà đến đây rồi chợt biến mất?" Phật nói với các Tỳ-kheo: Người này chẳng phải là Bà-la-môn mà là Ma Ba-tuần muốn đến nhiễu loạn các thầy. Rồi Thế Tôn liền nói kệ: Các khổ não sanh khởi, Thảy đều từ ái dục, Rõ đời là gươm nhọn, Ai lại còn ham thích? Biết thế gian hữu du, Đêu là mũi gươm nhọn, Thế nên người trí tuệ, Phải luôn tự điều phục.

37 Nguyên tác: Thế Tôn thuyết hiện thế lạc giả, ly chư xí nhiên, bất đãi thời tiết, năng tự thông đạt, ư thử quán sát duyên tự giác triĩỊ,,i ;ả i.
Xem chú thích 59, kinh so 550, quyển 20, tr. 610; Tạp.(02. 0099.550?0143bl8).



Tích chứa nhiều vàng ròng, Bằng như ngọn Tuyết Sơn,
Riêng một người thọ dụng, Cũng vẫn không biết đủ,

Thê nên người trí tuệ, Phải tu quán bình đẳng.
Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.
***

1100. TỲ-KHEO THIỆN GIÁC38 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ trong làng của dòng họ Thích, tên Thích Thạch Chủ. Bấy giờ, vào sáng sớm, có Tôn giả Thiện Giác đắp y, ôm bát vào làng Thạch Chủ khất thực. Khất thực xong, Tôn giả trở về tinh xá cất y bát, rửa chân, cầm tọa cụ vắt lên vai phải rồi vào rừng ngồi thiền dưới bóng cây, nhập định buổi trưa, chợt nghĩ rằng: "Ta được lợi ích tốt lành khi xuất gia học đạo trong Giáo pháp và Giới luật; ta được lợi ích tốt lành khi gặp Đại sư, Như Lai, bậc Đẳng Chánh Giác; ta được lợi ích tốt lành khi được ở trong chúng Phạm hạnh, giữ giới, đức độ, hiền thiện, chân thật. Nay ta sẽ được mệnh chung an lành, trong đời vi lai cũng được an lanh.” Khi ấy, Ma Ba-tuần suy nghĩ: "Nay Sa-môn Cù-đàm ở làng Thạch Chủ của dòng họ Thích. Ông ta có vị đệ tử Thanh văn tên là Thiện Giác đắp y, ôm bát... (nói đầy đủ như trên, cho đến) sẽ được mạng chung an lành, trong đời vi lai cũng an lành. Bây giờ, ta nên đên đó đê gây chướng ngại." Thế rồi, Ma Ba-tuần liền biến thành một người đàn ông có thân hình to lớn, sức lực dũng mãnh, ai thây cũng sợ hãi. Sức mạnh người này có thê lật úp đại địa, rối đến chỗ Tỳ-kheo Thiện Giấc. Tỳ-kheo Thiện Giác vừa trông thấy người có thân hình to lớn, sức lực dũng mãnh, liền sanh sợ hãi, từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi lui ngồi một bèn và bạch Phạt: Kính bạch Thế Tôn! Sáng sớm con đắp y, ôm bát... (nói đầy đủ như trên, cho đếrỉ) sẽ được mệnh chung an lành, trong đời vị lai cũng được an lành. Con có thấy một người thân hình to lớn, sức lực dũng mãnh có thể lay động trái đất, nên cảm thấy sợ hãi, toàn thân nổi gai ốc. Đức Phật liền nói với Thiện Giác: Đây chẳng phải người đàn ông có thân hình to lớn mà chính là Ma Ba- tuần muốn nhiễu loạn thầy. Thầy hãy trở về ngồi bên gốc cây để tu tập thiền định như trước, hãy khiến Ma Ba-tuần kia kinh động, nhân đây được thoát khổ. Khi ấy, Tôn giả Thiện Giác trở về chỗ cũ. Sang sớm đắp y, ôm bát vào làng Thạch Chủ của dòng họ Thích khất thực. Khất thực xong, Tôn giả trở về

38 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1100. 0289b 15). Tham chiếu: s. 4.22 - L 119.



tinh xá... (nói đầy đủ như trên, cho đếri) mạng chung an lành, trong đời sau cũng được an lành. Lúc đó, Ma Ba-tuần suy nghĩ: uSa-môn Cù-đàm này đang ngụ ở làng Thích Thị, có vị đệ tử tên Thiện Giác... (nói đây đủ như trên, cho đen) mạng chung an lành, ở đời sau cũng an lành. Ta nay hãy đên đó đê gây chướng ngại." Thế rồi Ma Ba-tuàn liền biến thành một người đàn ông thân hình to lớn, sức lực dũng mãnh, có thể lay động quả đất, đến đứng trước mặt Tôn giả Thiện Giác. Tỳ-kheo Thiện Giác vừa nhìn thấy Ma Batuần, liền nói kệ: Ta chánh tín, rời nhà, Đe xuất gia học dạo, Nương theo Phật, Pháp, Tăng, Chánh niệm, an trụ tâm. Dù ngươi biến hình sắc, Ta vẫn không dao động, Biết ngươi là huyễn hóa, Hãy mau biến khỏi đây. Khi ấy, Ma Ba-tuần khởi nghĩ: "Sa-môn này đã biết rõ tâm ta” nên trong lòng lo lăng, buôn râu roi lập tức biên mát. ***

noi. TIẾNG RỐNG SƯ TỬ39 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Vườn Nai, trú xứ của các Tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Đệ tử của Như Lai rống lên tiếng rống của sư tử khi nói rằng: "Đã biết! Đã biết!" vay, không biết đệ tử của Như Lai đã biết những pháp gì và vì đã biết nên mới rống lên tiếng rống sư tử? Đó là biết rõ Thánh đế về khổ, Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đế về khổ diệt và Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt. Khi ây, Thiên ma Ba-tuân suy nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm ngụ trong Vườn Nai, trú xứ của các Tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại, đang thuyết pháp cho các đệ tử... (cho đến) đã biết về bốn Thánh đế. Bây giờ, ta nên đến đó để gây chướng ngại." Thế rồi Thiên ma liền biến thành một thanh niên, đến đứng trước Phật và nói kệ: Vì sao giữa đại chúng, Rống sư tử vô úy? Rồi xưng không ai hơn, Mong điều phục tất cả? Bấy giờ, Thế Tôn nhận biết: "Ac ma Ba-tuần muốn làm nhiễu loan99 nên Ngài liền nói kệ: Như Lai đối tất cả, Pháp và Luật sâu xa, Tạm rống tiếng sư tử5 Vô úy trong Chánh pháp, Nếu người có trí tuệ, Cớ sao còn sợ hãi?

39 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099. l loi. 0289c2l). Tham chiếu: s. 4.12 . I. 109.



Khi ấy, Ma Ba-tuan suy nghĩ: uSa-mon Cù-đàm đã biết tâm ta" nên trong lòng lo lắng, buồn rầu rồi lập tức biến mất. ***

1102. BÌNH BÁT40 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng với năm trăm Ty-kheo tru tại một nơi thôn dã có nhiều người qua lại trong thành Vương Xá.41 Bây giờ, Thê Tôn thuyêt pháp cho năm trăm Ty-kheo cung với năm trăm bình bát đang phơi giữa sân. Ngài giảng năm thủ uẩn là pháp sanh diệt. Khi áy, Ma Ba-tuān suy nghĩ: "Sam6n Cù-đàm đang cùng với năm trăm Tỳ-kheo tru tại một nơi thôn dã có nhiều người qua lại trong thành Vương Xá... (cho đen) nói năm thủ uẩn là pháp sanh diệt. Bây giờ, ta nên đến đó để gây chướng ngại. Thế rồi Ma Ba-tuần liền biến thành một con bò to lớn đi đến chỗ Phật, bước vào chỗ để năm trăm chiếc bình bát. Các Tỳ-kheo vội đuổi bò đi để tránh làm bể bình bát. LÚC áy, Thê Tôn noi vơi các Ty-kheo:  Đó chẳng phải là bò mà chính là Ma Ba-tuần muốn đến nhiễu loạn. Ặ • Á FT^  1 • À r • 1 A Roi The Ton liên noi kê: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức, Chẳng phải ngã, ngã sở, Nếu rõ nghĩa chân thật, Sẽ không còn đắm trước. Tâm đã không đắm pháp, Thì thoát khỏi buộc ràng, Thấu rõ khắp cùng tận, Không ở cảnh giới ma. Đức Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

1103. NHẬP XỨ42 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật cùng với năm trăm Tỳ-kheo trú tại một nơi thôn dã có nhiều người qua lại trong thành Vương Xá. Bấy giờ, Thế Tôn giảng cho các Tỳ-kheo nghe về sự tập khởi của sáu xúc nhập xứ, sự tập khởi của sáu xúc và sự diệt tận của sáu xúc.

40 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1102. 0290al0). Tham chiếu: s. 4.16 - L ll2. 41 Nguyên tác: Vương Xá thành đa chúng tiễn đạo Idioang da ().Theo giải thích của Đai Đại Sư Tử Hong Phật học chuyêntrẹựn(  một nơi thôn dã có nhiều người qua lại trong thành Vương Xá (). 42 Tựa đề đặt theo

nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1103. 0290a25). Tham chiếu: s. 4.17 - L 112.



Khi ấy, Ma Ba-tuần suy nghĩ: “Nay Sa-môn Cù-đàm đang cùng với năm trăm Tỳ-kheo ngồi nơi cánh đồng trống có nhiều người qua lại trong thành Vương Xá, giảng pháp cho các Tỳ-kheo nghe về sự tập khởi của sáu xúc nhập xứ, sự tập khởi của sáu xúc và sự diệt tận của sáu xúc. Bây giờ, ta nên đến đó để gây chướng ngại.,, Thế rồi, Ma Ba-tuần liền biến thành một thanh niên thân hình to lớn, dũng mãnh, có thể làm rung chuyển cả cõi đất rồi đến chỗ Phật. Từ xa nhìn thấy người có thân hình to lớn, dũng mãnh, các Tỳ-kheo liền sợ hãi sởn gai ốc rồi nói với nhau rằng: "Người kia là ai mà hình tướng đáng sợ thế?” j J J J Bấy giờ, đức Phật nói với các Tỳ-kheo:  Đây là Ác ma Ba-tuần muốn đến nhiễu loạn.

The Ton liên noi kê: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, Và thứ sáu là pháp, Nhớ nghĩ, thích, vừa ý? Thế gian chỉ có vậy. Đây là thứ ác tham, Luôn ràng buộc phàm phu, Người vượt khỏi thứ này, Xứng là đệ tử Phật, Vượt thoát cảnh giới ma, Như mặt trời không mây. Khi ấy, Ma Ba-tuan suy nghĩ: uSa-môn Cù-đàm đã biết rõ tâm ta" nên trong lòng lo lắng, buồn rầu rồi lập tức biến mất.43

43 Bản Hán, hết quyển 39.



QUYỂN 40 1104. BẢY GIỚI CẤM CỦA ĐẾ-THÍCH1 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà9 thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Nêu người nào có thê thọ trì bảy giới câm,2 do nhờ nhân duyên này, người ấy sẽ được sanh lên cõi trời Đế-thích. [Là bảy giới cấm nào?] Đó là khi Thiên Đế-thích còn làm thân người thường: Phụng dưỡng cha mẹ; phụng dưỡng các bậc tôn trưởng trong dòng tộc; lời nói ôn hòa nhu nhuyến; không nói lời thô ác; không nói lời chia rẽ; luôn nói lời chân thật; người đời thường bon xẻn, nhimg vị này song tại gia mà không bản xẻn, ưa thực hành bo thí rộng rãi, siêng năng bố thí, vui khi bố thí, thường lập hội cúng dường, bố thí bình đẳng đối với tất cả. Bay giơ, The Ton liên noi kẹ: Biết phụng dưỡng mẹ cha, Và các bậc tôn trưởng, Lời nhu hòa, cung kính, Không thô ác, hai lời. Điều phục tâm bon xẻn, Thường nói lời chân thật, Trời Ba Mươi Ba kia, Thay người hành bảy pháp, Tất cả đều nói rằng, Sẽ sanh về cõi này. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 1105. CƯ SĨ MA-HA-LỢI1 23 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu, thuộc nước Tỳ-xá-ly.

1 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1104. 0290b19). Tham chiếu: Biệt Tạp. (r.02. 0100.33. 0384bl2);BíẹZ (r.02. 0101.21. 0497c29); s. 11.11 - L 228. 2 Nguyên tác: Thất chủng thọ (,satta vatapadãnỉ), tức 7 cấm giới. 3 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1105. 0290c04). Tham chiếu: Biệt Tạp. (rỏ2. 0100.34. 0384b24);S. 11.13 -1. 230.

Bấy giờ, có người dòng Ly-xa4 tên là Ma-ha-lợi5 đi đến chỗ Phật, cúi lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Ngài đã nhìn thấy ười Đế-thích chưa? Phật đáp: Như Lai đã thấy! Ly-xa lại hỏi: Thế Tôn có thấy loài quỷ giống trời Đế-thích không? Phật nói với Ly-xa: Ta biết Thiên Đế-thích, cũng biết có loài quỷ giống Thiên Bế-thích, cũng biết pháp tu của Đế-thích kia, nhờ thọ trì những pháp ấy cho nên được sanh vào cõi Đế-thích. Này Ly-xa! Đế-thh xưa kia khi còn làm người luôn biết phụng dưỡng cha mẹ... (cho đến) hành hạnh bố thí bình đẳng. y-x Á • y ryii Ấ 1 • À r • j /x

Bay giơ, The Ton liên noi kẹ: Biết phụng dưỡng cha mẹ, Và các bậc tôn trưởng, Lời nhu hòa, cung kính, Không thô ác, hai lời. Điều phục tâm bon xẻn, Thường nói lời chân thật, Trời Ba Mươi Ba kia, Thấy người hành bảy pháp, Tất cả đều nói rằng, Tương lai sanh cõi này. Đức Phật nói kinh này xong, Ly-xa Ma-ha-lợi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ đảnh lễ Phật rồi rời đi. *** 1106. THÍCH-ĐỀ-HOÀN-NHÂN6 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu, thuộc nước Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, có vị Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và bạch: Kính bạch Thế Tôn! Do nhân gì, duyên gì mà Thích-đề-hoàn-nhân được gọi là Thích-đề-hoàn-nhân? Phật nói với Tỳ-kheo: Thích-đề-hoàn-nhân xưa kia khi còn làm người đã luôn hết lòng bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn, người nghèo nàn, khốn khổ, người đi ăn xin bên đường đay đủ mọi thứ từ thức ăn thức uống, tiền bạc, ngũ cốc, vải vóc, hoa hương, cho

4 Ly-xa (,Licchavī). 5 Ma-ha-lợi (,Mahāli). 6 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1106. 0290c20). Tham chiếu: Biệt Tạp. (rỏ2.010Ó.35. 0384c! 1); 5. 11.12-1.229.



đến những vật dụng trang nghiêm, giường nằm, đèn đuốc. Nhờ siêng năng làm những việc này cho nên được gọi là Thích-đề-hoàn-nhân. Tỳ-kheo lại bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Do nhân gi, duyên gì mà Thích-đề-hoàn-nhân còn được gọi là Phú-lan-đà-la?7 Đức Phật nói với Tỳ-kheo: Thích-đề-hoàn-nhân xưa kia khi còn làm người thường bố thí y phục, thức ăn thức uống,... (cho đến) đèn đuốc. Nhờ nhân duyên này cho nên được gọi là Phú-lan-đà-la. Tỳ-kheo lại bạch Phật: Do nhân gi, duyên gì mà Thích-đề-hoàn-nhân còn gọi là Ma-già-bà?8 Phật nói với Tỳ-kheo: Xưa kia khi còn làm người, Thích-đề-hoàn-nhân có tên là Ma-già-bà, do đó Ma-già-bà là tên cũ của Thích-đề-hoàn-nhân. Tỳ-kheo lại bạch Phật: Do nhân gì? duyên gì lại có tên là Sa-bà-bà?9 Phật bảo Tỳ-kheo: Thích-đề-hoàn-nhân xưa kia khi còn làm người luôn biết bố thí cúng dường áo Bà-tiên-tư, do nhân duyên này cho nên Thích-đề-hoàn-nhân còn được gọi là Sa-bà-bà. Tỳ-kheo lại bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Do nhân gi, duyên gì mà Thích-đề-hoàn-nhân còn được gọi là Kiêu-thi-ca?1011 Phật nói với Tỳ-kheo: Thích-đề-hoàn-nhân xưa kia khi còn làm người là người của dòng tộc Kiêu-thi. Do nhân duyên này nên Thích-đề-hoàn-nhân còn gọi là Kiêu-thi-ca. Tỳ-kheo lại hỏi Phật: Do nhân gì? duyên gì mà Thích-đề-hoàn-nhân còn được gọi là Xá-chibát-đê?11

7 Phú-lan-đà-la (Purindada). s. 11.12 -1. 229: Pure dānāni adāsi tasmā purindado'tỉ vuccati (Vi ấy thường bố thí từ thành này qua thành khác, do vậy được tên là Purindada), HT. Thích Minh Chầu dịch. 8 Ma-già-bà (,Maghavā). Theo s. 11.12 - L 229: "Thuở xưa, khi Thiên chủ Sakkā còn là người, vị ấy là một thanh niên Bà-la-môn tên là Magha, do vậy được gọi là Maghav"(HT. Thích Minh Châu dịch). , 9 Sa-bà-bà (,Vāsavo): “Khi Thiên chủ Sakkā còn là người, vị ấy thường bố thí trú xứ, do vậy được tên là Vāsavo,, (HT. Thích Minh Châu dịch). 10 Kiêu-thi-ca (Kosiyā, Kosika). 11 Xá-chi-bát-đê (,Sujampatī). Theo s. 11.12 - L 229: "akka trở thành người chồng của một thiếu nữ a-tu-la tên là Sujā, do vậy được tên là Sujampati" (HT. Thích Minh Châu dịch).



Phật bảo Tỳ-kheo: Vì nữ a-tu-la tên Xá-chi là đệ nhất phu nhân của Thiên Đế-thích. Do vậy mà Đế-thích còn gọi là Xá-chi-bát-đê. Tỳ-kheo bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Do nhân gì, duyên gì mà Thích-đề-hoàn-nhân còn được gọi là Thiên Nhãn?12 Phật nói với Tỳ-kheo: Vì Thích-đề-hoàn-nhân xưa kia khi còn làm người thì đã thông minh trí tuệ, ngoi một chỗ mà nghĩ ra hàng ngàn nghĩa lý, khéo quan sát, ước lượng. Do nhân duyên này nên Thiên Đế-thích còn gọi là Thiên Nhãn. Tỳ-kheo bạch Phật: Do nhân gì, duyên gì mà Thích-đề-hoàn-nhân còn gọi là Nhân-đề-lợi?13 Phật nói với Tỳ-kheo: —Thiên Đế-thích kia là vua, là chủ ở cõi trời Ba Mươi Ba. Do nhân duyên này nên Thiên Đế-thích còn gọi là Nhân-đề-lợi. Phật lại nói với Tỳ-kheo: -Xưa kia khi còn làm người, Thích-đề-hoàn-nhân đã thọ trì bảy giới cấm. Do nhân duyên này nên được làm Thiên Đế-thích. Là bảy giới cấm nào? Xưa kia khi còn làm người, Thích-đề-hoàn-nhân luôn biết phụng dưỡng cha mẹ... (cho đến) thường hành bố thí rộng khắp, đây là bảy giới cấm. Vì nhân duyên này nên được làm trời Đe-thích. Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ... (nói đầy đủ giống như bài kệ trên). Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 1107. QUỶ THỌ DỤNG SÂN HẬN14 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu, thuộc nước Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Thiên Nhãn (,Sahassakkha hay Sahassaneta). Theo s. 11.12-1. 229:4tKhi Thiên chủ Sakkā còn là người, vị ây có thê trong một thời gian rát ngán suy nghĩ đến ngàn sự việc, do vậy được tên là Sahassa akkha (Ngan Con Mắt)?, (HT. Thích Minh Chau dịch). • 13 Nhân-đề-lợi ().S. 11.12-1. 229: Issariyādhipacca (Tự Tại chủ). ^Tựa đề đặt theo nội dung kinh. 7(^.(T.02. 0099.1107. 0291a27). Tham chiếu: Biệt Tạp. (7.02. 0100.36. 0385a06); Tăng.(T.02. 0125.45.5. 0772c13); s. 11.22 -1. 237.



-Vào thời quá khứ có một con quỷ dạ-xoa1516 xấu xí, hung ác đến ngồi trên tòa bỏ trống của Đế-thích. Chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba nhìn thấy con quỷ xấu xí, hung ác này ngồi trên tòa bỏ trống của Đế-thích thì đều nổi giận. Khi chư thiên nổi giận như vậy thì con quỷ kia cứ theo sự giận dữ như vậy như vậy mà dung mạo dần trở nên đẹp đẽ. Khi ấy, chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba đến chỗ Đế-thích tâu rằng: uKiêu-thi-ca! Xin

ngài biết cho, có một con quỷ rất xấu xí hung ác đang ngôi trên tòa đê trông của Thiên vương. Chư thiên chúng con thây quỷ hình dáng xâu xí, hung ác đên ngôi trên tòa của Thiên vương thì vô cùng tức giận. Quỷ dạ-xoa ấy tùy thuộc vào sự tức giận của chư thiên mà dần trở nên đẹp đẽ." Thích-đê-hoàn-nhân nói với chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba: "Đó là loài quỷ thọ dụng sự sân hận.,ỉ6 Bay giờ, Đe-thích đích thân đi đen chỗ quỷ dạ-xoa9 sửa lại y phục, bày vai phải rồi chắp tay và ximg tên ba lần rằng: "Nhân giả! Tôi là Thich-de-hoan-nhan?5 Theo sự cung kính, khiêm hạ của Thích-đề-hoàn-nhân? khiến quỷ dạ-xoa kia cũng theo như vậy như vậy mà dần trở lại xấu xí như trước rồi biến mất. Khi ấy, Thích-đề-hoàn-nhân an tọa và nói kệ: Người chớ nên sân hận, Bị sân chớ trả sân, Đối ác chớ sanh ác, Nên dứt trừ kiêu mạn. Không sân cũng không hại, Xứng gọi chúng Hiền thánh, Tội báo của sân hận? Vững chãi như núi cao. Hãy ngăn cơn giận dữ, Như điều phục ngựa cuồng, Ta nói người khéo điều, Chẳng phải người cầm cương. Bấy giờ, đức Phật nói với các Tỳ-kheo:  Thích-đề-hoàn-nhân ở cõi trời Ba Mươi Ba là Vua Tự Tại còn biết khen ngợi sự không sân hận. Các thây chánh tín xuất gia, từ bỏ gia đình, sông không gia đình để học đạo thì cũng nên khen ngợi sự không sân hận, cần phải học tập như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đêu hoan hỷ phụng hành. ***

15 Dạ-xoa ^yakkhā. 16 Sân khuê đối trị quỷ .s. 11.22 - L 237: Kodhabhakkha yakkhā Quỷ dạ-xoa chuyên thọ dụng sự sân hạn.



1108. KHÔNG SÂN HẬN17 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, vào lúc sáng sớm, Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Khất thực xong, Thế Tôn trở về tinh xá cất y bát, rửa chân, cầm tọa cụ vắt lên vai phải rồi vào rừng An-đà trải tọa cụ và ngồi bên gốc cây để nhập định buổi trưa. Lúc này, trong tinh xá Kỳ Hoàn có hai Tỳ-kheo đang tranh cãi lẫn nhau, một người thì mắng chửi, một người thì im lặng. Người mắng chửi liền hối cải và đến xin sám hối người kia, nhưng Tỳ-kheo kia không chấp nhận sự sám hối của người này. Vì vị kia không nhận sự sám hối nên lúc này nhiều Tỳ-kheo trong tinh xá cùng nhau đến khuyên can, dẫn đến lớn tiếng ồn náo. Bây giờ, Thê Tôn băng thiên nhĩ vượt hơn người thường, nghe được tiêng ồn náo trong tinh xá Kỳ Hoàn, Ngài liền xuất định, trở về tinh xá, trải tòa ngồi trước đại chúng roi nói với các Tỳ-kheo: -Sáng sớm hôm nay, sau khi khất thực trở về, Như Lai vào rừng An-đà ngồi thiền nhập định buổi trưa, lại nghe trong tinh xá có tiếng lớn ồn náo. Sự ồn ào náo loạn này là do ai gây ra? Tỳ-kheo bạch Phật:  Kính bạch Thế Tôn! Trong tinh xá này có hai Tỳ-kheo tranh cãi [lẫn] nhau, một người thì mắng chửi, một người thì im lặng. Người mắng chửi liền hối lỗi xin được sám hối nhưng người kia không chấp nhận. Vì vị ấy không chấp nhận nên nhiều người đến khuyên can, cho nên dẫn đến lớn tiếng ồn náo. Phật nói với Tỳ-kheo:  Vì sao vậy? Tỳ-kheo si mê! Có người đến sám hối mà thầy lại không chấp nhận sự sám hối ấy. Nếu người nào không nhận sự sám hối của người khác thì đó là người si mê, mãi mãi chiu khổ não và không được lợi ích. Này các Tỳ-kheo! Vào thời quá khư, Thích-đề-hoàn-nhân thấy có chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba tranh cãi nhau, liền nói kệ

rằng: Không có tâm hại người, Không bị sân trói buộc, Lòng không oán hận lâu, Vì không ôm sân hận. Tuy sân hận phát khởi, Không dùng lời thô ác, Không tìm người gây gổ, Không rêu rao lỗi người. Luôn biết tự phòng hộ? Nội tâm thường phản tỉnh, Không giận, không hại người, Thì tương ưng Hiền thánh.

"Tựra đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.1108. 0291Ồ24). Tham chiếu: Biệt Tạp. (r.02. 010037. 0385b04); s. 11.24 - L 239.

QUYỂN 40 1211

Nếu gần gũi người ác, Thì ác báo như núi, Hãy ngăn cơn giận dữ? Như điều phục ngựa cuồng, Ta nói người khéo điêu, Chăng phải người câm cương. Bấy giờ, đức Phật nói với các Tỳ-kheo: Thích-đề-hoàn-nhân ở cõi trời Ba Mươi Ba là Vua Tự Tại mà thường thực hành nhẫn nhục và còn khen ngợi người thực hành nhẫn nhục. Tỳ-kheo các thầy chánh tín xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình để học đạo, cũng nên thực hành nhẫn nhục và khen ngợi người thực hành nhẫn nhục, cần phải học tập như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

1109. KHÔNG TRANH ĐẤU18

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà9 thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

-Vào thời quá khứ, khi chư thiên và a-tu-la dàn trận muốn đánh nhau, Thích-đề-hoàn-nhân nói với vua a-tu-la là Tỳ-ma-chất"đa-la:

"Chớ sát hại lẫn nhau mà chỉ nên luận nghị, dùng nghĩa lý để khuất phục.95 r

Vua a-tu-la Tỳ-ma-chât-đa-la nói: "Nếu như cùng nhau luận nghị thì ai là người xác chứng sự đúng sai của nghĩa lý ấy?" Trời Đế-thích đáp: "Trong chúng chư thiên ăt có người thông tuệ sẽ biêt rõ điêu này. Trong chúng a-tu-la cũng có người sáng suốt nhận biêt điêu này." Vua a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nói: "Được r8i." Thích-đề-hoàn-nhân đề nghị: uCác ông có thể lập luận trước rồi tôi sẽ theo đó lập luận, không có gì khó.55 Khi ấy, vua a-tu-la là Tỳ-ma-chất-đa-la dùng kệ lập luận: Nếu tôi hành nhẫn nhục, Thì việc còn thiếu sót, Người ngu si sẽ bảo, Vì sợ nên nhẫn nhục.

18 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1109. 0291c29). Tham chiếu: Biệt p. (r.02. 010038. 0385c! 1); y 11.5-L 222.

1212 KINH TẠPA-HÀM

Thích-đề-hoàn-nhân nói kệ đáp: Giả sử người ngu si, Cho rằng sợ nên nhẫn, Thì với người nhẫn nhục, Theo lý, chẳng hại gì? Tự quán sát nghĩa này, \ 9 Cũng soi xét lý kia, Ta, người đêu an ôn, Nên nhẫn là tối thượng. Vua a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la lại nói kệ: Không điều phục ngu si, Thì tổn hại đến người, Giống như con bò dữ, Sẽ xông tới húc người. Cầm gậy quyết khống chế, Bò sợ mà khuất phục, Vậy nên giữ chặt roi, Chiết phục kẻ ngu muội. Thiên Đế-thích lại nói kệ: Ta thường xuyên quán sát, Chiết phục kẻ ngu kia, Người ngu nổi sân hận, Người trí giữ ôn hòa. Không sân, không gây hại, Tương

ưng với Hiền thánh, Tội báo của sân hận, Vững chắc như núi cao. Hãy ngăn cơn giận dữ, Như điều phục ngựa cuồng, Ta nói người khéo diều, Chẳng phải người cầm cương. Bấy giờ, trong các chư thiên có một vị đầy đủ trí tuệ, trong chúng a-tu-la cũng có một a-tu-la trí tuệ, cùng tư duy, suy lường, quán sát về bài kệ này, rồi suy nghĩ: "V tứ bài kệ của vua a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nói chung quy cũng chỉ toát lên sự tranh tụng, chiến đấu; mới biết, vua a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la luôn luôn dạy người khác tranh tụng, chiến đấu. Bài kệ của Thích-đề-hoàn-nhân lúc nào cũng muôn châm dứt chiên đâu tranh tụng; mới biêt trời Đê-thích luôn luôn dạy bảo người khác đừng chiến đấu, tranh tụng. Cho nên cần phải biết rằng, lập luấn của Đế-thích thù thing hơn.,, Phật nói với các Tỳ-kheo:  Thích-đề-hoàn-nhân nhờ nghị luận đúng đắn nên hàng phục được a-tu-la. Này các Tỳ-kheo! Thích-đề-hoàn-nhân là Vua Tự Tại của cối trời Ba Mươi Ba, lập luận đúng đắn, khen ngợi những lập luận đúng. Tỳ-kheo các thầy chánh tín xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình để học đạo nên lập luận đúng đắn và khen ngợi những lập luận đúng, cần phải học tập như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 1110. NHẪN NHỤC19 Tôi nghe như vay:

Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1110. 0292b 14). Tham chiểu: Chiến đấu phẩm (T.bl. 0001.30.10. 0141a21); Biệt Tạp.(7.02. 0100.39. 0386al6); Tăng.(7.02. 0125.34.8. 0697b16); s. 11.4-1. 220.

QUYÊN 40  1213

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà9 thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Vào thời quá khứ có Thiên Đấ-thích, chư thiên và a-tu-la dàn trận đánh nhau. Bay giờ, Thh-đề-hoàn-nhân nói với chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba: "Hôm nay, chư thiên và a-tu-la dàn trận đánh nhau. Nếu chư thiên thắng, a-tu-la thua thì chúng ta sẽ bắt sống vua a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la và trói chặt cả năm phần thân thể20 rồi áp giải về thiên cung." Vua a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la cũng nói với các a-tu-la: "Hôm nay, chư thiên và a-tu-la dàn trận đánh nhau. Nếu a-tu-la thắng, chư thiên thua thì chúng ta sẽ bắt sống Thích-đề-hoàn-nhân và trói chặt cả năm phần thân thể rồi áp giải về cung a-tu-la?9 Trận chiến xảy ra, chư thiên toàn thắng, a-tu-la thất bại. Khi ấy, chư thiên bắt sống vua a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la và trói chặt cả năm phần thân thể rồi áp giải về thiên cung, cột dưới cửa trước điện Đoạn Pháp21 của Thiên Đấ-thích. Khi Thiên Đế-thích ra vào cửa này, a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la bị cột bên cửa nhìn thấy thì nổi giận quát thao. Lúc đó? người hầu cận của Thiên Đế-thích thấy vua a-tu-la bi trói cả năm phàn thân thể, cột bên cửa, đang nổi giận quát tháo khi thấy Đế-thích ra vào, liền nói kệ trình với Đế-thích: Do Đế-thích sợ hắn, Hay vì không đủ sức, Mà nhẫn a-tu-la, Đang mắng chửi trước ngài? Đế-thích liền đáp: Không phải sợ mà nhẫn, Cũng chẳng phải kém sức, Đâu có người trí nào, Đối chọi với kẻ ngu? Người hầu cận lại tâu: Nếu chỉ hành nhẫn nhục, Thì vẫn còn thiếu sót, Người ngu sẽ cho rằng, Vì sợ nên mới nhẫn, Vì vậy phải nhất quyết, Dùng trí trị kẻ ngu. Đế-thh đáp: Ta thường xuyên quán sát, Chế ngự kẻ ngu kia, Thấy người ngu sân hận, Trí, điềm tĩnh chế ngự. Không sức, nghĩ có sức, Là sức của kẻ ngu, Ngu si, trái, xa pháp, Nơi đạo chẳng được gì.

Nếu như có sức mạnh, Biết nhẫn người yếu hèn, Đó là nhẫn tối thượng, Không sức, nhẫn được sao? Đoi Vơi ke mang chửi, Người sức mạnh khéo nhẫn,

20 Nguyên tác: Ngũ hệ phuẹxc :Trói 5 chỗ, gồm cổ, 2 tay và 2 chân. 21 Đoạn Pháp điện .Thế kỷ kinh roi. 0001.21. 0141a25: Thiện Pháp giảng đường .



Đó là nhẫn tối thượng, Không sức, nhẫn được sao? Với mình và với người, Khéo làm chủ sợ hãi, Biết kia nổi sân hận, Mình phải giữ bình tâm. Cả hai đều trọn vẹn, Lợi mình cũng lợi người, Bị gọi là người ngu, Vì không thấu rõ pháp. Ngu bảo mình thang nhẫn, Lời nói ác càng tăng, Chưa nhẫn được mắng chửi, Luôn muốn thắng người kia. Nhẫn với người hơn mình, Đó gọi nhẫn vì sợ, Nhẫn với người bang mình, Đó là nhẫn không tranh, Nhẫn với người thua mình, Đó là nhẫn tối thượng. Phật nói với các Tỳ-kheo: -Thích-đề-hoàn-nhân là Vua Tự Tại của trời Ba Mươi Ba thường hành nhẫn nhục và khen ngợi nhẫn nhục. Tỳ-kheo các thầy chánh tín xuất gia, từ bỏ gia đình, sốnẹ không gia đình để học đạo, cũng nên hành nhẫn nhục, khen ngợi nhẫn nhục, cân phải học tập như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đêu hoan hỷ phụng hành. *** 1111. KÍNH PHẬT22 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà9 thuộc nước Xá-vệ. Bây giơ, The Ton bảo các Tỳ-kheo: -Vào thời quá khứ, mỗi khi muốn đến ngự viên23 dạo chơi, Thích-đề-hoàn-nhân ra lệnh cho người đánh xe chuẩn bị cỗ xe ngàn ngựa kéo để đi thăm ngự viên. Người đánh xe vâng lệnh liền chuẩn bị cỗ xe ngàn ngựa kéo rồi đến tâu với Đế-ứiích: “Thua ngài Câu-thi-ca!24 Xa giá đã chuẩn bị xong, xin Đại vương biết thời.^, Thiên Đế-thích liền bước xuống điện Thường Thắng25 rồi hướng về phía Đông chăp tay lễ Phật. Người đánh xe thấy như vậy nên trong lòng rất kinh ngạc, mình sởn gai ốc? làm rơi chiếc roi ngựa xuống đất. Thấy vậy, Vua Đấ- thích liền nói kệ: Ngươi thấy gì mà SỢT, Rơi roi ngựa xuống đất?

22 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.7.02. 0099.11H. 0293a04. Tham chiếu: Biệt Tạp. rO2.OlOO4O.O386cO9;5. H.19- L235. 23 Nguyên tác: Viên quán ,nghĩa là vườn cây và lầu quán. Vì đây là khu vườn của vua trời Đế- thích nên gọi là ngự viên. 24 Nguyên tác: Câu-thi-ca .Kinh 1H3 ghi là Kiêu-thi-ca .Cách đọc Kiêu-thi-ca thucmg được nhiều bản kinh sử dụng 25 Thường Thắng điện ,Vejayantapāsāda: Cung điện Chiến Thắng.



Người đánh xe dùng kệ hỏi: Thấy Thiên vương Eếthích, Phu quân của Xáchi,26 Mà lòng sanh sợ hãi, Làm rơi cả roi ngựa. Vì thường thấy Đế-thích, Được tất cả thế giới, Vua lớn, nhỏ, trời, người, Bốn Thiên vương hộ đời,26 27 Và các trời Đao-lợi,2829 Thảy đều cung kính lễ, Còn bậc tôn quý nào, Tôn quý hơn Bếthích, Mà ngài hướng về Đông, Chắp tay cung kính lễ? Bấy giờ, Đế-thích nói kệ đáp: Đối với tất cả vua, Lớn, nhỏ trong thế gian, Bốn Thiên vương hộ đời, Và các trời Đao-lợi? Ta thật tôn quý nhất, Thảy đều cung kính ta. Nhimg thế gian có bậc, Chứng quả Đẳng chánh giác, Hiệu là Mãn Đại Su,29 Nên ta cung kính lễ. Người đánh xe lại thưa: Bậc Thiên vương kính lễ, Chắc thù

thắng trong đời, Nên cung kính chắp tay, Hướng phương Đông kính lễ, Con nay cũng nên lễ, Bậc vua trời đã lễ. Khi ấy, trời Đế-thích, phu quân của Xá-chi, nói kệ lễ Phật xong liền lên xe ngàn ngựa đến ngự viên ngắm cảnh. Phật bảo các Tỳ-kheo: Trời Đế-thích là vua của cõi trời Đao-lợi, ung dung tự tại mà còn cung kính Phật, cũng lại khen ngợi sự cung kính Phật. Tỳ-kheo các thay đã chánh tín xuất gia, sống không gia đình, làm người học đạo, cũng nên cung kính Phật như vậy, đồng thời khen ngợi sự cung kính Phật, hãy nên học như vậy! Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 1112. KÍNH PHÁP VÀ TĂNG30 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

26 Xá-chi Sujātā: Phu nhân của trời Đế-thích. Theo Tạp.r.O2. 0099.1106. 0290c20, Xá- chi là đệ nhát thiên hậu của trời Đế-thích, nhân đó trời Đế-thích còn gọi là Xá-chi-bát-để . 27 Nguyên tác: Tứ hộ thế chủ :Tứ Thiên Vương. 28 Nguyên tác: Tam Thập Tam thiên . 29 Bản Tống, Nguyên, Minh ghi: Mãn Đại Su ,dịch nghĩa tôn hiệu Sammāsambuddha, chỉ cho bậc Thầy lớn đã giác ngộ hoàn toàn. 30 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r.O2. 0099.1112. 0293Ồ10. Tham chiếu: Biệt Tạp. 7.02. 010041. 0387a02; s. 11.18 -1. 234.

1216 KINH TẠPA-HÀM

(Giống như kỉnh trên đã nói, chỉ khác biệt là): Bấy giờ, trời Đế-thích bước xuống điện Thường Thắng rồi chắp tay hướng về phương Đông kính lễ tôn Pháp,... (cho đen). Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Tôi nghe như vầy:31 Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. J (Giống như kỉnh trên đã nói, chỉ khác biệt la): Bấy giờ, trời Đế-thích nói kệ trả lời người đánh xe: Ta là vua lớn nhất, Trong các vua thế gian, Bốn Thiên vương hộ đời, Và các trời Đao-lợi, Hết thảy cối trời, người, Tôn trọng, cung kính ta. Nhưng có bậc Tịnh giới, Thường tu tập thiền định, Với chánh tín xuất gia, Được Phạm hạnh rốt ráo, Nên ta rất tôn trọng, Cung kính lễ vị kia. Bậc điều phục tham, sân, Vượt cảnh giới ngu si, Tu học chẳng buông lung, Nên ta cung kính lễ. Tham dục5 sân hận, si, Lậu hoặc đều đoạn tận, Chứng quả A-la-hán, Nên ta cung kính lễ. Nếu người sống tại gia, Phụng trì giới thanh tịnh, Đúng như pháp Bố-tát? Ta cũng nên kính lễ.32 Người đánh xe lại tâu Đế-thích: Bậc Thiên vương kính lễ, Chắc thù thắng trong đời, Con cũng sẽ học theo, Kính lễ như Thiên vương. Phật bảo các Tỳ-kheo: -Này các Tỳ-kheo! Thiên Dế-thích, phu quân của Xá-chi mà còn kính lễ Pháp và Tăng, đồng thời khen ngợi người kính lễ Pháp và Tăng. Các thầy đã chánh tín xuất gia, sống không gia đình, làm người học đạo cũng phải nên cung kính lễ Pháp và Tăng như vậy, cũng nên khen ngợi sự cung kính Pháp và Tăng, hãy nên học như vậy! Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 31 Trong bản kinh 1112 này gồm cả 2 phần kính lễ Pháp và kính lễ Tăng, lẽ ra đây là 2 bản kinh nhưng không hiểu vì sao mà gộp lại thành mọt. Phần cuối bài kinh này đã khẳng định điêu đÓ£ Thiên Đế-thích, phu quân của Xá-chi ma còn kính lễ Pháp và Tăng, đong thời khen ngọĩ người kính lễ Pháp và Tăng. 32 Tham chiếu: s. 11.18 - L 234: "Ngoài ra các gia chủ / Làm công đức, giữ giới / Nuôi dưỡng vợ đúng pháp / Các cư sĩ như vậy / Ta cũng sẽ đảnh lễ / Hỡi này Mātali" (HT.

Thích Minh Châu dịch).

QUYỂN 40 1217

1113. KÍNH TĂNG33 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Vào thời quá khứ, mỗi khi muốn đến ngự viên dạo chơi, Thích-đề-hoàn- nhân thường ra lệnh cho người đánh xe trang hoàng cỗ xe ngàn ngựa kéo. Người đánh xe vâng lệnh chuẩn bi cỗ xe ngàn ngựa kéo rồi đến tâu với Đế-thích: "Xa giá đã chuẩn bị xong, xin Đại vương biết th&i!" Đế-thích liền bước xuống điện Thường Thắng rồi hướng về các phương chăp tay cung kính. Người đánh xe thây Đê-thích bước xuông điện roi đứng chính giữa, hướng về các phương chắp tay cung kính như vậy, rất đỗi kinh ngạc, làm rơi chiếc roi ngựa xuống đất rồi dùng kệ hỏi: Khắp nơi chỉ là người, Sanh từ thai xú uế, Thần34 ở trong thây thối, Đói khát thường bủa vây. Tại sao Kiêu-thi-ca, Kính trọng bậc không nhà? Xin giảng nói nghĩa này, Con khao khát muốn nghe. Lúc ấy, Thiên Đế-thích nói kệ đáp: Ta thành kính đảnh lễ, Bậc xuất gia không nhà, Tự tại dạo các phương, Không vấn vương đi, ở, Bao thôn xóm, cõi nước, Chẳng lim luyến trong lòng. Không chứa vật nuôi thân, Chuyên định tĩnh, vô dục, Đen thì chẳng mong cầu, Chỉ vì vui giải thoát, Khi nói, toàn lời thiện, Lúc ngừng, trú lặng yên. Chư thiên, a-tu-la, Thường chống trái lẫn nhau, Loài người cũng tranh giành, Chống đối nhau như vậy. Chỉ có bậc xuất gia, Không còn tâm tranh đau, Chẳng còn dùng dao, gậy, Sát hại các chúng sanh. Lìa tiền tài, sắc đẹp, Không say mê, phóng túng, Xa lìa các việc ác, Thế nên ta kính lễ. Lúc ấy, người đánh xe lại nói kệ: Bậc Thiên vương tôn kính, Chắc tôn quý trong đời, Từ hôm nay con sẽ? Đảnh lễ hàng xuất gia. Nói như vậy rồi, Thiên Đế-thích đảnh lễ tất cả Tăng ở các phương, sau đó lên xe ngựa dạo xem ngự viên.

33 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.1113. 0293c08). Tham chiếu: Biệt Hp. (r.O2. 010042. 0387Ồ01); s. 11.20 - L 235. 34 Thần (^Jīvd) chỉ cho thần ngã, linh hồn hay còn gọi là thần thức.

1218 KINH TẠPA-HÀM

Phật bảo các Tỳ-kheo: Thiên Đế-thích là vua của cõi trời Ba Mươi Ba, ung dung tự tại mà thường cung kính chúng Tăng, cũng thường khen ngợi công đức cung kính Tăng. Tỳkheo các thầy đã chánh tín xuất gia, làm người học đạo, sống không gia đình, cũng nên cung kính chúng Tăng và khen ngợi công đức cung kính chúng Tăng như vậy. y

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đêu hoan hỷ phụng hành. *** 1114. HẠNH TINH TẤN35 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ.* Bay giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Vào thời quá khứ, vua a-tu-la muốn đánh nhau với chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba nên dấy khởi bốn loại quân, gồm quân voi, quân ngựa, quân xe và quân bộ. Lúc ây, Thiên Đê-thích nghe vua a-tu-la dân bôn loại quân, gôm quân voi, quân ngựa, quân xe và quân bộ muôn đên gây chiên. Thích-đê-hoàn-nhân liền bảo thiên tử Tú-tỳ-lê:36 "Ong biết chăng, a-tu-la đem bốn loại quân, gồm quân voi, quân ngựa, quân xe và quân bộ muốn đến gây chiến với chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba. Ông hãy ra lệnh cho chư thiên

cõi trời Ba Mươi Ba đem bốn loại quân, gồm quân voi, quân ngựa, quân xe và quân bộ để chiến đấu với quân a-tu-la.” Bấy giờ, thiên tử Tú-tỳ-lê vâng lệnh Thiên Đế-thích trở về thiên cung, nhưng lơ là biếng nhác, không nỗ lực chuẩn bị binh chủng. Khi quân a-tu-la tiến đến đường lộ, Thiên Đế-thích nghe báo như vậy, lại nói với thiên tử Tú-tỳ-lê: "Quân a-tu-la đã tiến ra đường lộ, ông hãy cấp tốc ra lệnh dẫn bốn loại quân chiến đấu với a-tu-la." Thiên tử Tú-tỳ-lê vâng lệnh Thiên Đế-thích trở về thiên cung, nhimg vẫn lơ là biếng nhác. Khi ấy, quân của vua a-tu-la đã tiến đến gần. Thích-đề-hoàn- nhân nghe quân a-tu-la đã đến gần, lại nói với thiên tử Tú-tỳ-lê: uÔng có biết chăng? Quân a-tu-la đã gần kề, hãy cấp tốc ra lệnh chư thiên huy động bon binh chủng.,^

35Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1114. 0294al4). Tham chiếu: Biệt 7. (T.02. o 100.43. 0387c2l); s. li.l - L 216. %Tú.tỳ.ie(,Suvīra).

QUYỂN 40 e 1219

Bấy giờ, thiên tử Tú-tỳ-lê liền nói kệ: Nếu có nơi thanh nhàn,37 An vui và giải thoát, Có được nơi như vậy, Không làm cũng không lo, Hãy cho tôi nơi ấy, Đê tôi được an ôn. Lúc ấy, Thiên Đế-thích nói kệ đáp: Nếu có nơi thanh nhàn, An vui và giải thoát, Có được nơi như vậy, Không làm cũng không lo, Nếu ông được nơi ấy, Hãy dẫn tôi đến đó. Thiên tử Tú-tỳ-lê lại nói kệ: Nơi nào không siêng năng,37 38 Được thanh nhàn, an lạc, Nêu ai được nơi này, Không làm cũng không lo, Hãy cho tôi nơi ấy, Đe tôi được an vui. Lúc ấy, Thiên Đế-thích lại nói kệ đáp: Nơi nào không siêng năng, Được thanh nhàn, an lạc, Nếu ai được nơi này, Không làm cũng không lo, Nếu ông được nơi ấy, Hãy dẫn tôi đến đó. Thiên tử Tú-tỳ-lê lại nói kệ: Nơi nào không buông lung, Được an lạc, thanh nhàn, Nếu ai được nơi này, Không làm cũng không lo, Hãy cho tôi nơi ấy, Đe tôi được an vui. Lúc ấy, Thiên Đế-thích lại nói kệ đáp: Nơi nào không buông lung, Được an lạc, thanh nhàn, Nêu ai được chỗ này, Không làm cũng không lo, Nếu ông được nơi ấy, Hãy dẫn tôi đến đó. Tú-tỳ-lê lại nói kệ: Lười biếng không chỗ nhàn, Không biết làm, đã làm, Quây quần bên dục lạc, Nên cho ta nơi ấy. Lúc ấy, Thiên Đế-thích lại nói kệ đáp: Lười biếng không thanh nhàn, Được cứu cánh an lành, Nêu ông được chô ây, Hãy đưa tôi đến đó. Thiên tử Tú-tỳ-lê lại nói kệ: Vô sự được an vui, Không làm cũng không lo, Hãy cho ta nơi ấy, Đe ta được an vui.

37 Nguyên tác: Bất khởi :Không náo động/.s. 11.1 - L 216: Anutthaham, tức là nạ + utthahati, nghĩa là không phấn chấn, không phấn khởi. Trang Xuân Giang dịch anuffhaharn là ubat phắn khởi,, .Biệt Tạp.r.02. 0100.43. 0388a05 dùng thê khăng định: Thanh nhàn .Bản Việt dịch y cứ vào Biệt dịch Tạp A-hàm. 38 Phương tiện vāyāma'. Sự nỗ lực.



LÚC ấy, Thiên Đế-thích lại nói kệ đáp: Nếu ông thấy hoặc nghe, Chúng sanh không làm gì, Nếu ông được chỗ ấy, Hãy đưa tôi đến đó. Nếu ông sợ việc làm, Hãy nhanh chóng trừ sạch, Chẳng nghĩ đến hữu vi, Là đường tắt Niết-bàn. Thiên tử Tú-tỳ-lê nghe xong, liền nhanh chóng chuẩn bị bốn loại quân gồm quân voi, quân ngựa, quân xe và quân bộ roi chiên đâu và đánh tan quân chúng a-tu-la. Chư thiên chiên thăng trở vê thiên

cung. Phật bảo các Tỳ-kheo:  Thích-đề-hoàn-nhân dẫn bốn loại quân chiến đấu với a-tu-la9 nhờ siêng năng tinh tấn nên thắng trận. Này các Tỳ-kheo! Thích-đề-hoàn-nhân là vua của cõi trời Ba Mươi Ba, ung dung tự tại mà vẫn thường siêng năng tinh tan, cũng thường khen ngợi đức tính tinh cân. Tỳ-kheo các thây đã chánh tín xuất gia, sông không gia đình, làm người học đạo, cũng phải thường siêng năng tinh tấn và khen ngợi sự tinh cần. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

1115. CUNG KÍNH TIÊN NHÂN3940 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ., J J Bây giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Vào thời quá khứ, có các tiên nhân ngụ tại vùng đất trống bên cạnh một ngôi làng. Lúc đó, chư thiên và a-tu-la đang dàn trận đánh nhau cách ngôi làng không xa. Bấy giờ, vua a-tu-la là Tỳ-ma-chất-đa-la không cởi bỏ năm thứ nghi vệ/0 tức là không tháo mũ thiên quan, không cất lọng, không cất kiếm, quạt vàng và mang hài đi đến trú xứ của các tiên nhân. Tỳ-ma-chất-đa-la bước vào vườn, nhìn khắp xung quanh nhưng chẳng để ý đến các tiên nhân, cũng không chào hỏi, chỉ quan sát rồi quay bước đi ra. Khi ấy, có một tiên nhân từ xa nhìn thấy vua a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la không cởi bỏ năm thứ nghi vệ5 bước vào trong vườn, quan sát rồi đi ra. Thấy rồi, vị ấy liền nói với các tiên nhân rằng:

3^Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1115. 0294cl9). Tham chiếu: Biệt Tạp. (7.02. 0100.44. 0388a29); S. 11.9-L 226; S. 11.10-1.227. 40 Nguyên tác: Trừ khử ngũ sức (,):cỏd bỏ 5 thứ nghi vệ. Tham chiếu: Biệt Tạp. (r02. 0100.44. 0388b03): Vua a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la mang 5 thứ nghi vệ ( ).y 11.9-1. 487: "Không cởi bỏ 5 thứ nghi vệ" (HT. Thích Minh Châu dịch). Bản dịch tham chiếu từ 2 nguồn này.

QUYỂN 40  1221

"Bây là loại người gì mà dung sác không diêm dạm, không giông hình người, không đúng pháp oai nghi, giống như con nhà nông chứ chẳng phải con nhà trưởng giả, không cởi bỏ năm thứ nghi vệ mà bước vào vườn, lại cao ngạo nhìn quanh, cũng không để ý đến và hỏi thăm các Tiên nhân." Có một Tiên nhân đáp rằng: "B6 là vua a-tu-la tên Tỳ-ma-chất-đa-la, không cởi bỏ năm thứ nghi vệ, bước vào trong vườn, quan sát roi bỏ di." Tiên nhân kia nói: "Đây không phải là bậc Hiền sĩ, [là người] không tốt? bất thiện, không hiền lành, không đúng pháp, ông ta không cởi bỏ năm thứ nghi vệ mà đi vào trong vườn, nhìn quanh rồi đi ra, cũng không hề để ý chào hỏi các Tiên nhân. Do đây mà biết được thiên chúng sẽ tăng trưởng, chúng a-tu-la sẽ suy gim." Lúc ấy,  Thích-đề-hoàn-nhân cởi bỏ năm thứ nghi vệ, đi vào tru xứ của Tiên nhân, đảnh lễ thăm hỏi các Tiên nhân rồi sau đó trở ra. Bấy giờ, có một Tiên nhân thấy Thiên Đấ-thích cởi bỏ năm thứ nghi vệ, đi vào vườn, đến thăm hỏi tất cả. Thấy như vậy rồi, vị ấy liền hỏi các Tiên nhân: "Bây là người nào mà khi đi vào vườn, với dung mạo hiền hòa, dáng vẻ đáng ưa, có oai nghi, không giông người quê mùa mà như con nhà trưởng giả? Ông ta cởi bỏ năm thứ nghi vệ rồi mới vào vườn thăm hỏi tất cả, sau đó mới đi ra?9  Có Tiên nhân đáp: "Đó là Thiên Đấ-thích, cởi bỏ năm thứ nghi vệ? vào trong vườn thăm hỏi các Tiên nhân rồi sau đó mới đi ra.” Tiên nhân kia nói: "Dây là bậc Hiền sĩ, có tâm tốt lành,

chân thật, có phép tắc oai nghi, cởi bỏ năm thứ nghi vệ rồi vào trong vườn thăm hỏi tất cả sau đó mới trở ra. Do đây nên biết, thiên chúng càng tăng trưởng, chúng a-tu-la giảm bớt" Vua a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nghe Tiên nhân kia khen ngợi chư thiên thì vô cùng tức giận. Lúc ấy, các Tiên nhân ở nơi yên vắng, biết vua a-tu-la đang tức giận, liền đến chỗ vua a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nói kệ: Chúng tôi cố đến dây, Cầu xin thí vô úy, Nếu ngài thí vô úy, Ban ân giáo Mâu-ni.41 A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nói kệ đáp: Ta không thí vô úy, Cho Tiên nhân các ông, Vì chống a-tu-la? Mà thân cận Bế-thích, Thay vì cho vô úy, Ta sẽ cho sợ hãi.

41 Mâu-ni Muni chỉ cho sự tĩnh mặc nói chung.



Tiên nhân lại nói kệ: Gieo trồng hạt giống gì, Quả theo giống ấy sanh, Ta đến xin vô úy, Lại cho sự kinh hoàng, Ông sẽ chuốc lo SỌT, Vì gieo nhân sợ hãi. Sau khi các Tiên nhân ở trước vua a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nói kệ xong liền bay lên hư không biến mất. Ngay đêm ấy, vua a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la ba phen giật mình thức giấc, trong lòng sợ hãi, lại nghe tiếng nói rằng: "Thích-dề hoàn-nhân sẽ dẫn bốn loại quân đánh nhau với a-tu-la." Thức dậy ữong lòng vô cùng kinh hãi, lo rằng ắt sẽ bị bại trận nên vua đành phải rút quân chạy về cung a-tu-la. Bấy giờ, quân địch đã rút lui, thiên chúng thắng trận. Thiên Đế-thích đi đến tru xứ của các Tiên nhân nơi rừng vắng, cúi lạy sát chân các vị ấy rồi bước sang phía Tây, ngồi đối diện trước các Tiên nhân. Lúc ấy, gió Đông khởi lên, có một Tiên nhân thấy vậy liền nói kệ: Các ẩn sĩ nơi đây? Xuất gia đã lâu ngày, Nách tiết mồ hôi dơ, Đế-thích hãy dời chỗ, Xin chớ ngồi dưới gió, Mùi khó chịu lắm thay. Thiên Đế-thh nói kệ đáp: Dùng các loại hoa thơm, Kết lại thành tràng hoa, Hương kia không sánh bằng, Mùi thơm tôi đang ngửi, Dù ngửi mãi hương này, Cũng không hề chán ghét. Phật bảo các Tỳ-kheo: Thiên Đế-thích là vua của cõi trời Ba Mươi Ba, ung dung tự tại mà còn cung kính người xuất gia, cũng thường khen ngợi người xuất gia, cũng thường khen ngợi đức cung kính. Tỳ-kheo các thầy đã chánh tín xuất gia, sống không gia đình, làm người học đạo, cũng nên cung kính các bậc Phạm hạnh và cũng nên khen ngợi đức cung kính. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

1116. ĐOẠN TRỪ SÂN HẬN42

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

42 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1116. 0295b24). Tham chiếu: Tạp.(r02. 0099.1158. 0308b20); Tạp.(02. b099.1309. 0360b03); Biệt Tạp.(7.02. 0100.45. 0388c27); Biệt Tạp.(T.02. 0100.81. Ó4Ọlc20); Biệt Tap. (/.02. Ò10Ỏ.308. 0478c06); Pháp củ kỉnh (7^4.0210.25. 0568a02); Xuất diệu kỉnh (ro*. 0212.20. 0713ỒỒ5); Pháp tập yếu tụng kinh (7.04. 0213.2. 0787a08); s. 1.71-72-L 41; s. 2.3 - L 47; s. 7.1 - L 160; 5. 11.21 -1.237.

Bấy giờ, vào lúc sáng sớm, Thiên Đế-thích đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài. Do thần lực, toàn thân Đế-thích tỏa chiếu ánh sáng khắp rừng Kỳ-đà5 vườn [Cấp Cô Độc]. Lúc này, Thích-đề-hoàn-nhân dùng kệ hỏi Phật: Đoạn trừ những pháp nào, Mà ngủ được an ổn? Đoạn trừ những pháp nào, Mà không còn lo sợ? Đoạn trừ những pháp nào, Được Cù-đàm ngợi khen? Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp: Trừ sân hận, hung ác, Nên ngủ được bình an, Trừ sân hận, hung ác, Tâm lo sợ không còn. Sân hận là gốc độc, Phải diệt mầm khổ kia, Mầm khổ đã diệt rồi, Nên không còn lo SỌT, Vì diệt mầm khổ kia, Nên Thánh hiền khen ngợi. Sau khi Thích-đề-hoàn-nhân nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ rồi đảnh lễ lui ra. *** 1117. NGÀY TRAI GIỚI43 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà9 thuộc nước Xá-vệ. Bay giờ, The Ton bao các Ty-kheo: -Vào ngày mồng tám mỗi tháng, bốn vị Đại Thiên vương lệnh cho các đại thần đi xem xét trong nhân gian để xem có người nào biết phụng dưỡng cha mẹ5 cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn, kính trọng thân tộc, làm các phước đức hay không; xem có người nào thấy việc ác đời này lo sợ tội báo đời sau nên bố thí làm phước, giữ gìn trai giới hay không; xem có người nào thọ giới và Bố-tát vào những ngày mồng tám, mười bốn, ngày rằm mỗi tháng và cả ngày lễ đặc biệt44 hay không?

43 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.11Í7. 0295cl0). Tham chiếu: Biệt Tạp. (62. 010Ỏ.46. 0389al0); Tăng.(o 0125.24.6. 0624b 19); s. 10.5 - L 209; A. 3.37 -I. 142; A. 3.38-L 143. 44 Nguyên tác: Thần biến nguyệt ( ^pātihāriyapakka), còn gọijà "thần thông đoan ứng nguyet" ()"thần túc nguyet"().Pātihāriya nghĩa là thân biên; pakkha có nghĩa là nửa tháng, vừa có nghĩa là dự hội. s. 10.5 . L 209: Pātihariyapakkhañca (cả ngày lê đặc biệt), HT/Thich Minh Châu dịch. Cú ngư nẩy được giải thích rất đa dạng. Theo Đại Đường Tây Vức (T.5l. 2087.08. 09l8bl2) gọi l "dại thần biến Ịiguyet”(),rơi vào ngày 30 tháng 12, sọvới lịch Trung Hoa đó là ngày 15 tháng Giêng (;y(4 ).Tục Cao Tăng truyện (r50. 2060.4. 045la06) cũng khăng định điều tương tự. Ngoài ra, SnA. 405, Dhammikasuttavannanā giải thích rằng: Pātihāriyapakkhañcāti ettha pana vassūpanāyikāya purimabhāge āsālhamāso, antovassam tayo māsā, kattikamāsoti ime pañcamāsā (<pātihāriyapakkho ,fti vuccanti (Hơn nữa ở đây, vào thời diêm trước mùa mưa ở tháng Sáu (āsālha), từ tháng mua mưa đó đến tháng Mười (kattikà), 5 tháng đó gọi là iipātihāriyapakkhā,").



Đen ngày mười bốn lại sai thái tử xuống xem xét nhân gian, xem có người nào biết phụng dưỡng cha mẹ... (cho đến) thọ giới, Bố-tát không? Đên ngày răm thì bôn vị Đại Thiên vương đích thân xuống thê gian xem xét chúng sanh để biết những người nào có tâm phụng dưỡng cha mẹ... (cho đến) thọ giới, Bố-tát không? Này các Tỳ-kheo! Lúc ấy, thế gian không có nhiều người phụng dưỡng cha mẹ... (cho đêrỉ) thọ giới, Bô-tát. Bây giờ, bôn vị Đại Thiên vương đên giảng đường Tập Pháp45 ở cõi trời Ba Mươi Ba, thưa với Thiên Đế-thích: "Thiên vương biết cho, hiện nay the gian không có nhiều người biết phụng dưỡng cha mẹ... (cho đen) thọ giới, Bo-tat." Thiên chúng cõi trời Ba Mươi Ba nghe như vậy thì không vui, liền nói với nhau: “Nguôi thế gian bây giờ không hiền,

không thiện, không tốt, không có phép tắc, không có hạnh chân thật, không phụng dưỡng cha mẹ... (cho đến) thọ giới, Bô-tát. Vì tội ây nên chúng chư thiên suy giảm và chúng a-tu-la càng ngày càng tăng them?9 JF r r e A e

Này các Tỳ-kheo! Lúc ây, nêu thê gian có nhiêu người phụng dưỡng cha mẹ... (cho đên) thọ giới, Bô-tát thì bôn vi Thiên vương sẽ đên giảng đường Tập Pháp ở cối trời Ba Mươi Ba bạch [với] Thiên Đế-thích: "Thiên vương nên biết, thế gian ngày nay có nhiều người phụng dưỡng cha mẹ... (cho đên) thọ giới, B6-tát." Chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba nghe như vậy, trong lòng vui mừng và nói với nhau: "Ngày nay, con người ở thế gian đều hiền thiện, chân thật như pháp, có nhiều người phụng dưỡng cha mẹ... (cho đến) thọ giới, Bố-tát. Nhờ phước đức này nên chúng a-tu-la sẽ giảm, chúng chư thiên tăng them." Bấy giờ, Thiên Đấ-thích biết các chúng chư thiên đều vui mừng liền nói kệ: Mọi người vào mồng tám, Ngày mười bốn hay rằm, Và ngày lễ đặc biệt, Trọ trì tám trai giới, Như ta đã tu hành, Họ cũng tu như vậy. Bay giơ, The Ton noi vơi các Ty-kheo: Thiên Đế-thích kia đã nói kệ như vầy: Mọi người vào mồng tám, Ngày mười bốn hay rằm, Và ngày lễ đặc biệt, Trọ trì tám trai giới, Như ta đã tu hành, Họ cũng tu như vậy.

45 Tập Pháp giảng đường (Sudhamma sabhā) cũng gọi là Thiện Pháp đường ()hay Chánh Pháp đường ().

QUYỂN 40 1225

Nhimg bài kệ này chưa phải khéo nói. Vì sao như vậy? Vì Thiên Đế-thích vẫn còn tham, sân, si nên chưa thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, lo5 buồn, khổ, não. Nếu Tỳ-kheo A-la-hán nào các lậu đã dứt hết, việc cần làm đã làm xong, các gánh nặng đã đặt xuống, đoạn các hữu kiết sử, tâm giải thoát hoàn toàn46 thì nói bài kệ như vầy: Mọi người vào mồng tám, Ngày mười bốn hay rằm, Và ngày lễ đặc biệt, Thọ trì tám trai giới, Như ta đã tu hành, Họ cũng tu như vậy. Nói như vậy mới là khéo nói. Vì sao như vậy? Vì Ty-kheo A-la-hán đã lìa tham, sân, si, đã thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não, thế nên bài kệ này mới là khéo nói. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 1118. TÂM CHÁNH TRỰC47 Tôi nghe nhu vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc? trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. rị Á • y qpi Á rp/X 19 L A l 1 Bay giơ, Thê Tôn bảo các Tỳ-kheo: —Vào thời quá khứ? vua a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la lâm bệnh nặng nên đi đến chỗ Thích-đề-hoàn-nhân và nói với Thh-đề-hoàn-nhân rằng: uKiêu-thi-ca biết cho! Hiện nay tôi lâm bệnh năng, xin ngài trị liệu giúp để tôi được an 6ĩi" Thích-đề-hoàn-nhân liền nói với vua a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la: “Nếu ông truyền huyễn pháp48 cho ta thì ta sẽ trị liệu cho ông, khiến được an A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la bảo Đế-thích: "Ngài đợi tôi trở vê hỏi chúng a-tu-la xem. Nêu họ băng lòng, tôi sẽ trao huyễn pháp của a-tu-la cho Déthích." Nói rồi, a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la liền trở về cung và nói với chúng a-tu-la: "Mọi người nên biết, nay ta lâm bệnh nặng nên đến chỗ Thích-đề-hoàn- nhân nhờ trị bệnh. Nhưng Đế-thh bảo ta rằng, nếu ta truyền huyễn pháp của a-tu-la cho ông ấy thì ông ây mới trị cho ta lành bệnh, khỏe mạnh an ôn. Bây giờ, ta sẽ đến nói huyễn pháp của a-tu-la cho Đế-thích.95

46 Nguyên tác: Thiện giải thoát (suvimutta). Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển l, tr. 19; K(r.02. 0099.22. 0004C20). 47 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1118. 0296a24). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 010047. 0389ỒỒ8); s. 11.23 -L 238. 48 Huyễn pháp ().s. 11.23 - L 238: Sambarimāyā (huyễn thuật của Sambarã).



Khi ấy, có một a-tu-la rất xảo quyệt, đến thưa với a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la: "Thiên Đế-thích là người ngay thẳng, trọng tín, không giả dối. Ngài chỉ cần nói với ông ta rằng: 'Thiên vương! Nếu người nào học huyễn pháp của a-tu-la sẽ đọa vào địa ngục, chiu tội vô lượng trăm ngàn năm/ Nghe như vậy, chắc chắn Thiên Đế-thích sẽ không có ý muốn học nữa và ông ta sẽ nói: 'Thôi ông hãy về đi! Ta sẽ chữa cho ông lành bệnh, khỏe mạnh an Nghe xong, a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la lại đến chỗ Đế-thích nói kệ thưa rằng: Bậc Thiên vương ngàn mắt, Huyễn thuật a-tu-la5 Đều là pháp giả dối, Khiến người đọa địa ngục, Vô lượng trăm ngàn năm, Chiu khổ mãi không dừng. Lúc ấy, Thiên Đế-thích liền bảo a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la: "Thôi thôi, huyễn thuật như vậy không phải là pháp ta cần. Ông hãy trở về5 ta sẽ khiến cho bệnh tình của ông được lành, thân thể an ổn khỏe mạnh." Phật bảo các Tỳ-kheo: Thích-đề-hoàn-nhân là vua cõi trời Ba Mươi Ba, ung dung tự tại, luôn luôn chân thật, hiền thiện, thẳng ngay, không có tâm giả dối. Tỳ-kheo các thầy xuất gia học đạo với niềm tin tha thiết, sống không gia đình cũng nên không có tâm giả dối, luôn hiền thiện, thẳng ngay, hãy nên học như vậy! Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 1119. TU HẠNH NHẪN49 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. r Bay giơ, The Tôn bảo các Ty-kheo: Một hôm, vào sáng sớm, Thiên Đế-thích cung với Bà-trĩ? vua của loài a-tu-la,50 là con trai của Tỳ-lô-xá-na/1 có dung sắc tuyệt đẹp, đi đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân Thiên Đế-thích và Bà-trĩ, vua của loài a-tu-la, con trai của Tỳ-lô-xá-na? chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Vua a-tu-la Bà-trĩ dùng kệ bạch Phật: Người nào thường siêng năng, Sẽ được nhiều lợi ích, Lợi này đã đủ rồi, Đâu cần phải siêng năng?4*

4^Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.7.02. 0099.1119. 0296ỒỒ25. Tham chiếu: Biệt Tạp. 7.02. 010050. 0390a21; s. 11.8 - L 225. 50 Bà-trĩ còn gọi là ,phiên âm từ Bali hoặc Mahãbalĩ. 51 Tỳ-lô-xá-na tử .Theo s. 11.8 - L 225, đó là con ưai của vua a-tu-la Verocana.



LÚC ấy, Thiên Đế-thích lại nói kệ: Người nào thường siêng năng, Sẽ được nhiều lợi ích, Lợi này đã đủ rồi, Tu nhẫn không gì hơn. Nói kệ xong, cả hai cùng bạch Phật: "Kính bạch Thế Tôn! Bài kệ nào hay hơn?" The Ton bao: "Cả hai bài đều hay, nhưng bây giờ các vi hãy lắng nghe Ta nói: Tất cả loài chúng sanh, Đêu câu lợi cho mình, Mỗi mỗi chúng sanh kia, Đêu mong vừa ý mình. Các hòa hợp trong đời, Cùng lợi ích tối thượng/2 Nên biết các hòa hợp, Vốn là pháp vô thường. Người nào thường siêng năng, Sẽ được nhiều lợi ích, Lợi này đầy đủ rồi, Tu nhẫn không gì hơn.^^ Thiên Đế-thích và vua

a-tu-la Bà-trĩ, con trai của Tỳ-lô-xá-na, nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi lui ra. LÚC bay giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: —Thích-đề-hoàn-nhân là vua của trời Ba Mươi Ba, ung dung tự tại mà còn tu hạnh nhẫn và khen ngợi hạnh nhẫn. Tỳ-kheo các thầy xuất gia học đạo với niềm tin tha thiết, sống không gia đình cũng nên tu hạnh nhẫn và khen ngợi hạnh nhẫn như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 1120. CÔNG NĂNG GIỮ GIỚI52 53 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: - Thời quá khứ, Thiên Đế-thích đến bạch Phật rằng: "Kính bạch Thế Tôn! Hôm nay, con xin thọ giới như vày: 'Nguyện Phật pháp thường trụ mãi ở thế gian và con nguyện suốt đời nếu bị người khác não hại sẽ không não hại lại họ.9,9 Vua a-tu-la là Tỳ-ma-chất-đa-la nghe Thiên Đế-thích thọ giới như vầy: "Nguyện Phật pháp thường trụ mãi ở thế gian và con nguyện suốt đời nếu bị người khác não hại sẽ không não hại lại h"liền xách gươm bén đi đến.

52 Nguyên tác: Đệ nhất nghĩa ().Nghĩa ()có lẽ được dịch từ atthā, có nghĩa là ý nghĩa, lợi ích, mục đích. ở đây, theo ngư cảnh kinh văn thì mang nghĩa lợi ích. 53 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1120. 0296c24). Tham chiếu: Biệt 9. (r.02. o 10048. 0389ỒỒ29); s. H.7-L 225.



Khi ấy, từ xa trông thấy vua a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la cầm gươm bén đang đi đến, Thiên Đế-thích liền nói: “A-tu-la, hãy đứng lại! Ông đã bị trói, không được cử dOng." Vua a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la liền không cử động được, liền nói với Đế-thích: "Chẳng phải ông đã phát nguyện thọ giới như vầy: 'Nguyện Phật pháp thường trụ mãi ở thê gian và con nguyện suôt đời nêu bị người khác não hại sẽ không não hại lại họ9 hay sao?” Thiên Đế-thích đáp: "Dúng, tôi có thọ giới như vậy, nhưng ông tự đứng lại chịu tr6i!" A-tu-la nói: "Bây giờ hãy thả tôi ra!” Thiên Đế-thích nói: "Nếu ông thề sẽ không quấy nhiễu nữa thì ta sẽ thả ra!” A-tu-la nói: "Thả ra xong, tôi sẽ thề!" Đế-thích nói: "Ông phải nói lời thề trước rồi sau đó tôi sẽ mở tr6i!" Vua a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la liền nói kệ: Ác báo do tham dục, Ác báo do sân hận, Ác báo do vọng ngữ, Ác báo chê Hiền thánh, Nêu tôi còn quây nhiêu, Chịu những ác báo trên. Nghe xong, Thích-đề-hoàn-nhân liền nói: "Ta đã mở trói, ông đi đâu tày y!” Sau khi buộc vua a-tu-la phải nói lời thề xong, Thiên Đế-thích đi đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và bạch Phật: "Kính bạch Thế Tôn! Con ở trước Phật thọ giới như vầy: 'Nguyện Phật pháp thường trụ mãi ở the gian và con nguyện suốt đời nếu bi người não hại sẽ không não hại lại họ/ Vua a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nghe con phát nguyện lãnh thọ giới như vậy, liền xách gươm bén đi đến tìm con. Thấy ông ta từ xa, con liền bảo: 6A-tu-la! Đứng lại, đứng lại! òng đã bị trói, chớ có cử động.5 Lúc ấy, a-tu-la nói: 'Chẳng phải ông đã thọ giới rồi sao?' Con liền đáp: 'Đúng là tôi đã thọ giới. Nhtmg ông tự đứng lại nên bị trói, khiến không cử động được.5 Vua a-tu-la cầu xin con mở trói. Con mới bảo ông ta: 'Nếu ông thề sẽ không nhiễu loạn nữa thì tôi sẽ mở trói/A-tu-la nói: 'Hãy thả tôi ra, tôi hứa sẽ thề? Con liền nói: 'Ong phải thề trước, sau đó tôi mới thả ông.9 A-tu-la liền nói kệ: Ac báo do tham dục, Ac báo do sân hận, Ác báo do vọng ngữ, Ác báo chê Hiền Thánh, Nếu tôi còn

quấy nhiễu, Chịu những ác báo trên.

QUYÊN 40  1229

Bạch Thế Tôn! Con bắt vua a-tu-la phải nói lời thề như vậy có đúng pháp không và a-tu-la kia có còn gây nhiễu loạn nữa không?,, Phật bảo Thiên Đế-thích: “Lành thay! Lành thay! Ông muốn a-tu-la nói lời thề như vậy là đúng pháp chứ không sai và a-tu-la cũng không còn dám quấy nhiễu nữa." Sau khi Thiên Đế-thích nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, liền đảnh lễ rồi lui ra. The Ton bao các Ty-kheo:  Thiên Đế-thích là Vua Tự Tại của trời Ba Mươi Ba nên không bị quấy nhiêu, cũng thường khen ngợi pháp không quây nhiêu. Tỳ-kheo các thây xuat gia học đạo với niềm tin tha thiết, sống không gia đình cũng nên học hạnh không quấy nhiễu, cũng nên khen ngợi pháp không quấy nhiễu như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.54

54 Bản Hán, hết quyển 40.

1230  KINH TẠPA-HÀM

QUYỂN 41 1121. LỢI ÍCH GIỮ GIỚI1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Ni-câu-luật, thuộc nước Ca-tỳ-la-vệ.*2 Bấy giờ, có nhiều người họ Thích đi đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Khi ấy, Thế Tôn bảo những người họ Thích: -Này các Cù-đàm! Vào những ngày trai và các ngày lễ đặc biệt3 các vị có thọ trì trai giới và tu tập công đức không? Các người họ Thích bạch Phật: —Kính bạch Thế Tôn! Vào những ngày trai, có lúc chúng con giữ được trai giới nhưng có lúc không giữ được. Vào các ngày lễ đặc biệt, có lúc chúng con giữ được trai giới và tu tập các công đức nhưng có lúc không giữ được. Phật bảo những người họ Thích:  Này các Cù-đàm! Nêu như vậy các ông sẽ không đạt được lợi ích tót lành. Các ông là những người kiêu mạn, là người phiên não, là người lo buôn, là người khổ não. Tại sao vào những ngày trai giới có khi các ông giữ được trai giới, có khi các ông không giữ được? Tại sao vào những ngày lễ đặc biệt, có khi các ông giữ được trai giới, tu tập công đức, có khi các ông không giữ được? Này các Cù-đàm! Ví như một người mong câu lợi tức môi ngày càng tăng, một ngày tăng được một đồng, hai ngày được hai đồng, ba ngày được bốn đồng, bôn ngày được tám đông, năm ngày được mười sáu đông, sáu ngày được hai mươi đồng. Như vậy, càng ngày càng tăng dần, tám ngày, chín ngày, cho đến một tháng thì tiền tài của người ấy càng nhiều hơn phải không? Những người họ Thích bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Đúng như vậy. Phật bảo những người họ Thích: -The nào, này các Cù-đàm? Như vậy, người kia tiền tài ngày càng tăng và tát nhiên sẽ tăng thêm mãi; thê ròi người kia lại muôn trong mười năm, tâm

'Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.H21. 0297b 19). Tham chiếu: A. 10.46 - v. 83. 2 Nguyên tác: Ca-tỳ-la-vệ quốc, Ni-câu-luật viên (H, Kapilavatthu, Nigrodhārāma). 3 Nguyên tác: Thần túc nguyệt ().Xem chú thích 44, kinh số 1U7, quyển 40, tr. 1223; Tạp. (r.02. 0099.1H7. 0295C10).

QUYỂN 41  1231

mình luôn luôn an lạc vui vẻ, phần nhiều trụ trong thiền định thì điều này có thể được không? Những người họ Thích đáp: Bạch Thế Tôn! Không thể được. Phật lại hỏi tiếp: Nêu vậy, trong chín năm, tám năm, bảy năm, sáu năm, năm năm, bốn năm, ba năm, hai năm hay một năm, tâm người kia có luôn được an lạc vui vẻ9 phần nhiều an trụ trong thiền định không? Người họ Thích đáp: Bạch Thế Tôn! Không thể được. Phật lại bảo người họ Thích: Thôi không tính năm mà chỉ tính tháng. Vậy trong mười tháng, chín tháng, tám tháng cho đến một tháng, tâm người kia có luôn được an lạc vui vẻ, phần nhiều an trụ trong thiền định không? Lại không tính tháng mà trong mười ngày, chín ngày, tám ngày cho đến một ngày một đêm tâm người kia có luôn an lạc vui vẻ, phần nhiều an trụ trong thiền định không? -Bạch Thế Tôn! Không thể được. Phật lại dạy những người họ Thích: Nay Ta nói cho các ông biết, trong hàng đệ tử của Ta có những người đạt được tâm ngay thẳng, không cong vạy, không dối trá, bởi vì họ được Ta giáo hóa đã mười năm. Do nhân duyên này nên người ấy có thể trong trăm, ngàn, vạn năm tâm thường được hỷ lạc, thường an tru trong thiền định, điều này là chắc chắn. Lại nữa, không kê mười năm? hoặc chỉ chín năm, tám năm, cho đên một năm, mười tháng, chín tháng, cho đen một tháng, mười ngày, chín ngày, cho đến một ngày một đêm, nếu được Ta giáo hóa thì đến sáng hôm sau họ có thể thăng tiến vượt bậc. Nếu được Ta giáo hóa buổi sáng thì chiều tối thăng tiến gấp nhiều lần. Do nhân duyên này nên trong trăm, ngàn, vạn năm tâm người kia luôn luôn hỷ lạc, thường an tru trong thiền định, thành tựu hai quả vị: Hoặc Tư-đà-hàm hoặc quả A-na-hàm, vì người này trước đó đã đắc Tu-đà-hoàn rồi. Những người họ Thích bạch Phật: Lành thay, bạch Thế Tôn! Từ hôm nay, vào những ngày trai, chúng con sẽ tu tập tám trai giới. Vào những ngày lễ đặc biệt, chúng con cũng thọ trì trai giới, tùy sức mà bố thí và tu tập các công đức. Phật bảo những người họ Thích: Lành thay, các Cù-đàm! Đó là những việc thật cần thiết. Đức Phật nói kinh này xong, những người họ Thích nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, liền đảnh lễ rồi ra về. ***

1232 KINH TẠPA-HÀM _____

1122. PHÉP THAM BỆNH4 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Ni-câu-luật, thuộc nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ, có nhiều người họ Thích nhóm họp tại nhà luận nghi để cùng nhau bàn luận. Khi ấy, có người họ Thích nói với Thích Nan-đề: Có lúc tôi được đến cung kính cúng dường Như Lai nhung có lúc thì không thể. Có khi được gần gũi cúng dường các vi Tỳ-kheo quen biết nhưng có khi thì khônệ thể gần gũi cúng dường. Lại nữa, tôi không biêt những iru-bà-tăc trí tuệ khi thay các xxu-bà-tắc, ưu-bà-di trí tuệ khác bị tật bệnh khốn khô thì phải thuyết pháp, giáo giới, giáo hóa cho họ thế nào? Bây giờ? chúng ta hãy đen chỗ The Tôn thưa hỏi nghĩa này rồi theo như những gì Thế Tôn dạy, chúng ta sẽ phụng hành theo. Lúc đó? Nan-đề và những người họ Thích cùng nhau đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và bạch: -Bạch Thế Tôn! Những người họ Thích chúnẹ con tụ tập tại nhà luận nghị để luận bàn. Có người họ Thích đến nói với con răng: "Này Nan-đê, chúng tôi có khi được đến cung kính cúng dường Như Lai nhưng có khi thì không thể. Có khi được gần gũi cúng dường các vị Tỳ-kheo quen biết nhưng có khi thì không thể. (Nói đây đủ như trên, cho đen) như những gì Thế Tôn dạy chúng ta sẽ phụng hành theo." Hom nay, chúng con xin

thỉnh vấn Thế Tôn: "Nếu một ưu-bà-tắc trí tuệ? khi thấy ưu-bà-tắc và ưu-bà-di trí tuệ khác bị bệnh tật khốn 9 . r r r . khô nên thuyêt pháp, giáo giới, giáo hóa cho họ thê nào?" Phật bảo Nan-đề: Nếu ưu-bà-tắc có trí tuệ, muốn đến chỗ ưu-bà-tắc và ưu-bà-di trí tuệ khác đang bị tật bệnh khốn khổ thì phải đem ba pháp an tâm này mà truyền dạy cho họ, nên nói rằng: "Nhân giả! Hãy thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển5 đối với Phật, thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Pháp và đối với Ung." Sau khi đem ba pháp an tâm nay truyền dạy xong, lại hỏi tiếp: "Nhân giả có quyên luyên cha mẹ kh6ng?" Nêu người kia có quyến luyến cha mẹ thì phải khuyên bảo đê họ buông xả, nên nói như vây: "Nêu Nhân giả quyến luyến cha mẹ mà được sống thì cũng nên quyến luyến. Đã không do quyến luyến mà được sống thì quyến luyến làm gi?" Nêu người kia nói không còn quyên luyên cha mẹ thì nên khen ngợi và tùy hỷ, roi hỏi thêm răng: "Đôi với vợ con, tôi tớ5 tiền của và vật dụng, Nhân giả có quyên luyên khong?" Nêu người kia nói có quyến luyến thì nên khuyên buông xả, như pháp buông xả sự quyến luyến cha mẹ. Nếu nói không quyến luyến thì nên

4 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.1122. 0297c29). Tham chiếu: s. 55.54 - v. 408. 5 Bất hoại tịnh (aveccappasãdà). Xem chú thích 10, kinh số 344, quyển 14, tr. 397; Tạp. (02. 0099344. 0094bÓ2).



khen ngợi và tùy hỷ, rồi hỏi tiếp: "Đối với năm dục thế gian, Nhân giả có luyến tiếc kh6ng?" Nếu họ nói luyến tiếc thì nên giải thích năm dục thế gian là ô uế, bất tinh, bại hoại, hôi hám, không bằng năm dục thắng diệu cõi trời. Phải khuyên họ lìa bỏ năm dục the gian mà cau năm dục cõi trời. Nếu người kia nói tâm đã xa lìa năm dục thê gian, chỉ nghĩ đên năm dục thăng diệu cõi trời thì nên khen ngợi và tùy hỷ roi lại nói với họ rằng: uNăm dục thắng diệu cõi trời cũng là pháp vô thường, khổ, không, là biến hoại. Chư thiên cõi trời có thân tướng thù thắng hơn năm dục cõi trời." Nấu người kia nói không còn mong cầu dục ở cõi trời và chỉ nghĩ đến thân tướng của chư thiên thì lại khen ngợi và tùy hỷ rồi lại nói tiếp: "Do tham dục mà có thân, thân ấy là pháp vô thường, là pháp biến hoại, chỉ có sự an lạc của xuất ly, diệt tận các hành mới là Niết-bàn. Nhân giả nên lìa bỏ sự mê luyến thân năm dục cõi trời mà vui nơi Niết-bàn vắng lặng, là tối thượng, là thù thắng.^, Vị Thánh đệ tử kia nếu đã lìa bỏ sự mê luyến đối với thân năm dục cõi trời, chỉ vui với Niết-bàn thì nên khen ngợi và tùy hỷ. Như vậy, này Nan-đề! Vi Thánh đệ tử nên tuần tự nhắc nhở, chỉ dạy, khiến cho họ được Niết-bàn tịch tĩnh,6 giống như Tỳ-kheo sống một trăm tuổi được Niết-bàn giải thoát. Đức Phật nói kinh này xong, Thích Nan-đề cùng mọi người nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, liên đảnh lễ rồi lui ra. ***

1123. ĐIỀU HẠNH PHÚC NHẤT7 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Ni-câu-luật, thuộc nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ, có người họ Thích tên Bồ-đề8 đến chỗ Phật, cúi lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và bạch: -Lành thay, bạch Thế Tôn! Chúng con thật may mắn và hạnh phúc khi được làm thân quyển của Thế Tôn. Phật bảo Bồ-đề: Ônệ chớ nên nói: "Chúng con thật may mắn và hạnh phúc khi được làm thân quyên của Thế T6n." Này Bồ-đề! Điều may mắn và hạnh phúc nhất đó là thành tựu

niềm tin thanh tịnh khônẹ lay chuyển9 đối với Phật, thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đoi với Pháp và Tăng, đồng thời thành tựu được Thánh giới. Thế nên, này Bồ-đề! Phải nên học tập như vầy: "Ta phải thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Phật, phải thành tựu niêm tin

6 Nguyên tác: Bất khởi :Không náo động ,chỉ cho sự tịch tĩnh, thanh nhàn. Xem chú thích 37, kinh số 1114, quyển 40, tr. 1219; Tạp.T.02. 0099.1114. Ỏ294al4. 7 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.7L02. 0099.1123. 0298Ồ14. Tham chiếu: s. 55.48 - v. 403. 8 Bồ-đề ,Bhaddiya. 9 Bất hoại tịnh aveccappasāda. Xem chú thích 10, kinh số 344, quyển 14, tr. 397; Tạp. T.02. 0099.344. 0094b02.



thanh tịnh không lay chuyển đối với Pháp, phải thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Tăng, đồng thời thành tựu được Thánh giói." Đức Phật nói kinh này xong, Thích Bồ-đề nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, liền đảnh lễ rồi lui ra. ***

1124. PHƯỚC BÁO SANH THIÊN1011 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Ni-câu-luật? thuộc nước Ca-tỳ-la-vệ. Bây giơ, The Ton bảo các Tỳ-kheo: Khi một vị Thánh đệ tử thành tựu niềm tin thanh tinh không lay chuyển11 đôi với Phật thì bây giờ, các chư thiên trước kia nhờ có niêm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Phật nên được sanh lên cõi trời đều hoan hỷ khen ngợi rằng: "Ta nhờ nhân duyên thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Phật nên được sanh lên cõi trời tốt đẹp này. Hôm nay, vị Thánh đệ tử kia cũng thành tựu niêm tin thanh tịnh không lay chuyên đôi với Phật, do nhân duyên này vị ấy sẽ sanh lên cõi trời tốt đẹp nay?5 Có niêm tin thanh tinh không lay chuyên đôi với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới cũng nói như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

1125. BỐN PHÁP Dự LƯU12

Tôi nghe như vây:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo:

Có bốn pháp đưa đến chứng quả Tu-đà-hoan. Đó là gần gũi thiện tri thức, lăng nghe Chánh pháp, chuyên chú tư duy và tuần tự thực hành theo pháp.13

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

10 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1124. 0298Ồ24). Tham chiếu: s. 55.36 - v. 394. 11 Bất hoại tịnh (aveccappasãdà). Xem chú thích 10, kinh sổ 344, quyển 14, tr. 397; Tạp. (r02. 0099.344.0094002). 12 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.1125. 0298c04). Tham chiếu: s. 55.50 - v. 404; S. 55.55 -V. 410. 13 Nguyên tác: Pháp thứ pháp hướng ().Xem chú thích 68, kinh số 27, quyển l, tr. 24; Tạp. (T.02. 0099.27. 0005c2CỘ.

1126. BỐN PHÁP TU-ĐÀ-HOÀN14 Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Có bon pháp thành tựu quả vi Tu-đà-hoàn. Là bốn pháp nào? Đó là thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển15 đối với Phật, thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Pháp, thành tựu niềm tin thanh tinh không lay chuyển đối với Tăng và thành tựu Thánh giới. Đó gọi là phẩm vị của bậc Tu-đà-hoàn. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

1127. THÀNH Tựu BỐN PHÁP16 y Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước X£ve. Bay giơ, The Ton bảo các Tỳ-kheo: -Nếu người nào thành tựu bốn pháp thì biết người đó là Tu-đà-hoàn. Thành tựu bốn pháp nào? Là thành tựu niềm tin thanh tinh không lay chuyển đối với Phật, thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Pháp, thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Tăng và thành tựu Thánh giới. Đó gọi là người thành tựu bốn pháp, nên biết vị ấy là bậc Tu-đà-hoàn. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Như kỉnh vừa nói Không phân biệt, cũng vậy, các kinh Phân biệt nói về Tỳ-kheof Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-naf Sa-di, Sa-di-ni, Ưu-bà-tắc, ưu-bd-di, người nào thành tựu bon pháp thì nên biết họ là bậc Tu~đà-hoànf moi kinh đều nói đủ như trên. ***

1128. BÓN QUẢ SA-MÔN (l)17 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. 14 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.1126. 0298c09). Tham chiếu: s. 55.46 - v. 403. 15 Bất hoại tịnh (aveccappasãdă). Xem chú thích 10, kinh số 344, quyển 14, tr. 397; Tạp. (r02. 0099.344.0094002). 6 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1127. 0298bl4). Tham chiếu: s. 55.2 - v. 343. 17 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1128. 0298c23). Tham chiếu: s. 55.55 - v. 410; 5. 55.56-58 -V. 411.



Á •  Á r-ri A  L?  _ L _ rrn_>_ 1 _L _ _ _ Bây giơ, Thê Tôn bảo các Ty-kheo:  Có bốn quả Sa-môn. Là bốn quả nào? Đó là quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đàhàm, quả A-na-hàm và quả A-la-hán. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

1129. BỐN QUẢ SA-MÔN (2)18 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-ve J Á • >_ npi Á rip  L 2 _ _ 2 _ np l 1 _ _ Bay giờ5 The Ton bao các Tỳ-kheo:  Có bốn quả Sa-môn. Là bốn quả nào? Đó là quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà- hàm, quả A-na-hàm và quả A-la-hán. Thế nào là quả Tu-đà-hoàn? Đoạn trừ ba kiết sử, gọi là Tu-đà-hoàn. Thế nào là quả Tư-đà-hàm? Đoạn trừ ba kiết sử, giảm thiểu tham, sân, si, gọi là Tư-đà-hàm. Thế nào là quả A-na-hàm? Đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, gọi là quả A-na-hàm. Thế nào là quả A-la-hán? Nếu người nào dứt sạch tham dục, sân hận, ngu si và tất cả phiền não, gọi là A-la-hán. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đêu hoan hỷ phụng hành. ***

1130. NHỚ NƠI CHÚNG QUẢ19 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-dà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giơ, The Ton bảo các Tỳ-kheo: Nêu ở một nơi nào đó, có Tỳ-kheo đi kinh hành ở tại nơi đó và chứng một trong bốn quả Sa-môn thì sau khi qua đời, Tỳ-kheo ấy sẽ nhớ nơi đó. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Như kinh nói về chỗ kinh hành, cũng vây, các kinh nói về chỗ đứng, chỗ ngoi, chỗ nam nội dung cũng như trên. Như kỉnh nói về Tỳ-kheo trên, cũng vậy, các kỉnh nói về Tỳ-kheo-nif Thứcxoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Ưu-bà-tắc, ưu-bà-dỉf mỗi loại có bốn kinh, nội dung cũng như trên. ***

18 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02.0099.1129.0298c28). Tham chiếu: s. 55.55-58 - V. 410-11. 19 Tựa đề đặt theo nội dimg kinh. Tạp. à(r02. 0099.1130. 0299a09).



1131. BỐN LOẠI THỨC ĂN (2)20 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: —Có bốn loại thức ăn để an lập, nuôi dưỡng và duy trì bốn đại của chúng sanh. Là bốn loại nào? Đó là đoàn thực, xúc thực, ý tư thực và thức thực. Cũng vậy, có bôn loại phước đức thâm nhuân, pháp lành sung mãn, là thức ăn cho sự an lạc. Là bon loại nào? Đó là thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển21 đôi với Phật, đây là phước đức thâm nhuân, pháp lành sung mãn, là thức ăn cho sự an lạc. Thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Pháp, đối với Tăng và đôi với Thánh giới là phước đức thâm nhuân, pháp lành sung mãn, là thức ăn cho sự an lạc. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 1132. PHƯỚC ĐỨC THẤM NHUẦN (l)22 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-dà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ, The Ton bao các Ty-kneo: (Giống như kinh trên đã nói, chỉ khác biệt ở đoạn SQ"): -Thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Phật là phước đức thấm nhuần, pháp lành sung mãn, là thức ăn cho sự an lạc. Thành tựu niềm tin thanh tinh không lay chuyển23 đối với Pháp, [đối với Tăng], Đối với các pháp đã được nghe luôn thấy vừa ý, ưa thích, nhớ nghĩ, đồng thời thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Thánh giới. Đó là phước đức thấm nhuần, pháp lành sung mãn, là thức ăn cho sự an lạc. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 20 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1131. 0299al7). Tham chiếu: Tạp.(r02. 0099.838. 0214C25); s. 55.31 - v. 391. 21 Bất hoại tịnh (,Aveccappasādd). Xem chú thích 10, kinh số 344, quyển 14, tr. 397; Tạp. (r02. 0099.344. 0094b02). 22 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1132. 0299a25). Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.840. 0215a09);k 55.32-V. 391. 23 Bất hoại tịnh (,Aveccappasãdà). Xem chú thích 10, kinh số 344, quyển 14, tr. 397; Tạp. (r02. 0099.344. 0094002).



1133. LÌA TÂM BON XẺN24 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ, The Ton bao các Ty-kheo: (Giống như kinh trên đã nói, chỉ khác biệt ở đoạn sau): -Thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay

chuyển25 đối với Phật là phước đức thấm nhuần, là pháp lành sung mãn, là thức ăn cho sự an lạc. Thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Pháp, [đối với Tăng]. Đối với cấu uế xan tham là thứ trói buộc chúng sanh thì tâm xa lìa những cấu uế xan tham rồi an trụ và thực hành bố thí rộng rãi, thường xuyên bố thí, vui trong bo thí và bình đẳng bố thí, đồng thời thành tựu Thánh giới là phước đức thấm nhuần, là pháp lành sung mãn, là thức ăn cho sự an lạc. Đức Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

1134. TÍCH TỤ CÔNG ĐỨC26 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: (.Giong như kinh trên đã nói, chỉ khác biệt ở đoạn sau): Như vậy, nhờ bốn loại phước đức thấm nhuần, là pháp lành sung mãn, là thức ăn cho sự an lạc mà quả báo và công đức của vị Thánh đệ tử kia không thể ước lượng được. Phước như vậy, quả báo như vậy, vi áy đạt được vô sô phước lợi, là cả một khối công đức to lớn, như kinh trước đã nói về ví dụ năm con sông,27... (cho đến) nói kệ.28 Đức Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

24 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1133. 0299b02). Tham chiếu: Tạp.(102. 0099.840. 0215a09); s. 55.32 - v. 391. 25 Bất hoại tịnh (,Aveccappasādd). Xem chú thích 10, kinh số 344, quyển 14, tr. 397; Tạp. (T.02. 0099.344. 0094b02). 26 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1134. 0299Ồ09). Tham chiếu: Tạp.(r02. 0099.840. 0215a09); y 55.32 - v. 391. 27 Tạp.(r.02. 0099.84L 0215al 8) nói về 5 con sông, gồm: Hằng hà (,Gañgā), Da-bồ-na ( ,Yāmunā), Tát-la-do (Sarabhū), Y-la-bạt-đê d,Aciravatī) và Ma-hê (,Mahī). 28 Đó là bài kệ trong kinh số 841; Tạp.(T.02. 0099.841. 0215al8).

QUYỂN 41 1239

1135. BỐN MƯƠI THIÊN TỬ29 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ, trời gân vê sáng, có bôn mươi thiên tử dung săc tuyệt đẹp đi đên chỗ Phật, cúi lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. npl Á rp A 19 r ji • /V J 9 Á ò

The Ton bao các thiên tử áy răng: -Lành thay! Lành thay! Các thiên tử! Các vị đã thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng và đối với Thánh giới. Khi ấy, có một thiên tử đứng dậy, sửa lại y phục, cúi lạy sát chân Phật rồi chắp tay bạch rang: - Kính bạch Thế Tôn! Con đã thành tựu niềm tin thanh tinh không lay chuyển đối với Phật,30 nhờ công đức này nên khi qua đời con được sanh lên cõi trời. Một thiên tử khác thưa: - Kính bạch Thế Tôn! Con đã thành tựu niềm tin thanh tinh không lay chuyển đối với Pháp, nhờ công đức này nên khi qua đời con được sanh lên cõi trời. Một thiên tử khác lại thưa: - Kính bạch Thế Tôn! Con đã thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Tăng, nhờ công đức này nên khi qua đời con được sanh lên cõi trời. Một thiên tử khác thưa: Kính bạch Thế Tôn! Con đã thành tựu Thánh giới, do công đức này [nên] khi qua đời con được sanh lên cõi trời. Bấy giờ, ở trước Phật, bốn mươi thiên tử lần lượt trình bày quả Tu-đà-hoàn của mình

xong, liên biên mát. Giông như kinh Bôn mươi vỉ thiên tử, cũng vây, các kinh nói vê Bôn trăm thiên tử, Tám trăm thiên tử, Mười ngàn thiên tử, Hai mươi ngàn thiên tửf Ba mươi ngàn thiên tử, Bon mươi ngàn thiên tử, Năm mươi ngàn thiên tử, Sáu mươi ngàn thiên tửf Bảy mươi ngàn thiên tử, Tám mươi ngàn thiên tử, tất cả đều ở trước Phật lần lượt trình bày về quả Tu-đà-hoàn của mình xong, liền biến mất. ***

29 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1135. 0299ỒỒ16). Tham chiếu: s. 55.20 - v. 367. 30 Bất hoại tịnh (,Aveccappasāda). Xem chú thích 10, kinh số 344, quyển 14, tr. 397; Tạp. (T.02. 0099.344.0094002).



1136. VÍ DỤ MẶT TRĂNG31 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-dà, thuộc thành Vương Xá.32 Bây giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Hãy giống như mặt trăng, như người mới học, khi đi vào nhà người thì các thầy phải nhiếp tâm? kiểm thúc thân, biết hổ biết thẹn, luôn khiêm hạ. Như người mắt sáng khi lội vực sâu hay leo lên đỉnh núi thì phải chú tâm, giữ gìn thân, dè dặt từng bước. Cũng vậy, Tỳ-kheo các thây phải tu tập giông như mặt trăng, như người mới học, khi đi vào nhà người thì phải nhiếp tâm, kiểm thúc thân, biết hổ biết thẹn, luôn khiêm hạ. Tỳ-kheo Ca-diếp được ví như mặt trăng, như người mới học, vì khi đi vào nhà người thầy ấy luôn điều phục tâm, chế ngự thân, biết hổ biết thẹn, luôn khiêm hạ. Cũng giống như người mắt sáng khi lội vực sâu hay leo lên đỉnh núi thì phải chú tâm, giữ gìn thân, bước đi trong chánh niệm tỉnh giác. Phật lại bảo các Tỳ-kheo: Ý thầy nghĩ sao? Như thế nào là một Tỳ-kheo xứng đáng khi đi đến nhà người? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp. Kính mong Ngài thuyết giảng cho chúng con! Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ lãnh thọ và phụng hành. Phật bảo các Tỳ-kheo: -Hãy lăng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng cho các thây. Nếu có Tỳ-kheo nào đi đến nhà người mà tâm không dính mắc, không bi trói buộc, không tham đắm dục lạc, thấy người khác được lợi, người khác làm việc công đức thì trong lòng hoan hỷ như chính mình có được, không sanh tâm ganh tị, cũng không tự đề cao mình mà hạ thấp người. Tỳ-kheo phải có tâm như vậy mới nên vào nhà người. Bấy giờ, Thế Tôn đưa bàn tay vẫy giữa hư không rồi hỏi các Tỳ-kheo: Bàn tay này của Ta có bi dính, bị trói hay bị nhiễm bởi hư không chăng? Tỳ-kheo bạch Phật: - Thưa không, bạch Thế Tôn! Phật bảo Tỳ-kheo: Pháp tu tập của Tỳ-kheo phải luôn như vậy, khi vào nhà người phải giữ tâm không dính mắc, không ràng buộc, không đắm nhiễm. Tỳ-kheo Ca-diếp khi vào

3l_Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(J.02 0099.H36. 0299c06). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100.111. MìÂaìSy, Nguyệt dụ kinh (T.02. 0121. 0544b 12); 5. 16.3-II. 197. Bản Tống, Nguyên, Minh: Vương Xá thành ().



nhà ngưòd là không có tâm dính mắc, không bị ràng buộc và không đắm nhiễm. Khi thấy người khác được lợi, người khác làm việc công đức thì trong lòng hoan hỷ như chính mình làm được, không sanh tâm ganh ti, cũng không tự đề cao mình mà hạ thấp

người. Tỳ-kheo Ca-diếp thật xứng đáng đi vào nhà người. Bấy giờ, Thế Tôn lại đưa bàn tay vẫy giữa hư không rồi hỏi các Tỳ-kheo: -Ý các thầy thế nào? Bàn tay này của Ta có bị dính, bị trói hay bị nhiễm bởi hư không chăng? Các Tỳ-kheo bạch Phật: - Thưa không, bạch Thế Tôn! Phật bảo [các] Tỳ-kheo: -Tỳ-kheo Ca-diếp luôn có tâm như vậy, khi vào nhà người với tâm không dính mắc, không ràng buộc và không đắm nhiễm. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Thế nào là Tỳ-kheo thuyết pháp thanh tịnh? Các Tỳ-kheo bạch Phật:  Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp. Kính mong Ngài thuyết giảng cho chúng con! Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ lãnh thọ và phụng hành. Phật bảo Tỳ-kheo:  Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng nói cho các thầy. Nếu có Tỳ-kheo nào thuyết pháp cho người khác mà khởi tâm nghĩ như vầy: “Ta đã vì người kia thuyết pháp, thế nên họ phải khởi tâm kính tin đối với ta roi cúng dường y phục, thức ăn uông, ngọa cụ và thuốc thang trị bệnh cho ta.” Ai thuyết pháp như vậy gọi là thuyết pháp không thanh tịnh. Nếu lại có Tỳ-kheo nào thuyết pháp cho người và khởi nghĩ như vầy: “Giáo pháp Thế Tôn, thiết thực hiện tại, lìa mọi nóng bức, không đợi thời gian, dẫn đến Niết-bàn và được người trí tự mình giác hiểu;33 ĩihtrng chúng sanh đang bị đắm chìm trong cảnh già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não, nếu họ nghe được Chánh pháp sẽ được nhiều lợi ích và an lạc lâu dài. Nay ta đem Chánh pháp này giảng nói cho người vì tâm từ bi, vì lòng thương xót, vì lòng ai mẫn, với tâm nguyện mong muốn Chánh pháp được trụ lâu ở đời, đó gọi là thuyết pháp thanh tịnh. Tỳ-kheo Ca-diếp mới có tâm thanh tịnh đem Giáo pháp và Giới luật của Như Lai giảng nói cho người... (cho đến) với tâm nguyện mong muốn Chánh pháp được trụ thế lâu dài mà vì người thuyết pháp.

33 Nguyên tác: Thế Tôn hiển hiện Chánh pháp, Luật, ly chư xí nhiên, bất đãi thời tiết, tức thử hiện thân, duyên tư giác tri, chánh hướng Niết-bàn (,, ).Xem chú thích 59, kinh số 550, quyển 20, tr.
610; Tạp.(T.02. 0099.550. 0143bl8).



Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy học điều này, nên giảng nói Giáo pháp và Giới luật của Như Lai như vậy... (cho đến) với tâm nguyện muốn cho Chánh :.v L pháp được trụ lâu ở đời mà vì người thuyêt pháp. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

1137. VÀO NHÀ THÍ CHỦ34 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bây giơ, The Ton bảo các Tỳ-kheo:  Nếu có Tỳ-kheo nào muốn vào nhà người mà khởi nghĩ như vầy: "Người kia sẽ bố thí cho ta chứ không phải không bố thí, bố thí vì cung kính3536 chứ không phải vì dối gạt bố thí nhiều chứ không phải ít, bố thí thức ăn ngon chứ không phải thức ăn dở, bố thí nhanh chóng chứ không phải chậm rãi9\ với tâm như vậy mà đến nhà người, nếu họ không bố thí... (cho đến) bố thí chậm rãi thì tâm của Tỳ-kheo này sẽ bị tủi nhục. Vì lý do này nên tâm của Tỳ-kheo ấy bị thoái thất, tự sanh chướng ngại. Nếu lại có Tỳ-kheo muốn vào nhà người mà khởi nghĩ như vầy: "Người xuất gia đến nhà người, do đâu mà được bố thí chứ không phải không bố thí? Do đâu mà được bố thí cung kính chứ không phải dối

gạt? Do đâu mà được bố thí nhiều chứ không phải ít? Do đâu mà được bố thí thức ăn ngon chứ không phải thức ăn dở? Do đâu mà được bố thí nhanh chóng chứ không phải chậm rai?" Nghĩ như vậy mà đến nhà người, nếu người kia không bố thí... (cho đến) bố thí chậm rãi thì tâm của Tỳ-kheo này sẽ không bị tủi nhục, cũng không bị thoái thất, không sanh chướng ngại. Tỳ-kheo Ca-diếp thường nghĩ như vậy khi đến nhà người. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy học điều này, thường nghĩ như vậy khi vào nhà người: "Người xuất gia khi đến nhà người, do đâu mà được bố thí chứ không phải không bố thí?... (cho đến) bố thí nhanh chóng chứ không phải chậm I•i?" Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

34 Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.1137. 0300a22). Tham chiếu: Biệt Tạp.  B (T.02. Ó100.112. 0414C12); S. 16.4-II. 200. 35 Nguyên tác: Đốn ():Gọi là cúi đầu tiếp đất (). 36 Nguyên tác: Tiệm ():Lừa dối, không thành thật ().

QUYÊN 41  1243

1138. KHÔNG TRANH TỤNG37 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xa-VQ* Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp đang ngụ tại giảng đường Lộc Tử Mau ở Đông Viên,38 thuộc nước Xá-vệ. Vào buổi chiều, sau khi xả thiền, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp đi đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Khi ấy, Thế Tôn bảo Tôn giả:  Thầy nên thuyết pháp, giáo giới và khuyên dạy cho các Tỳ-kheo. Vì sao như vậy? Vì Ta thường thuyết pháp, giáo giới và khuyên dạy cho các Tỳ-kheo. Thầy cũng nên như thế. Tôn giả Ma-ha Ca-diếp bạch Phật:  Bạch Thế Tôn! Đời nay rất khó khuyên dạy các Tỳ-kheo, bởi vì họ không kham nhẫn lắng nghe lời dạy bảo. Phật bảo Ma-ha Ca-diếp:  Do nhân duyên gì mà thầy nói như vậy? Ca-diếp bạch Phật:  Kính bạch Thế Tôn! Con thấy có hai Tỳ-kheo? đó là Bàn-tni39 đệ tử của A-nan và A-phù-tỳ40 đệ tử của Đại Mục-kiền-liên. Hai Tỳ-kheo ấy cùng tranh luận về sự học rộng biết nhiều, họ nói: "Thầy hãy đến luận nghị với tôi để xem ai hiểu biết nhiều hơn? Hiểu biết của ai thù thắng hơn?,, Lúc ấy, Tôn giả A-nan đang cầm quạt, quạt hầu sau Phật, liền nói với Tôn giả Ca-diep: -Thưa Tôn giả Ca-diếp! Hãy thôi đi! Tôn giả Ca-diếp! Hãy nhẫn đi. Các Tỳ-kheo trẻ này trí tuệ cạn mỏng, tam thường. Tôn giả Ca-diếp nói với A-nan:  A-nan thây nên im lặng, chớ đê tôi đem việc thây ra hỏi giữa chúng Tăng! Tôn giả A-nan liền im lặng. Bấy giờ, đức Phật bảo một Tỳ-kheo: -Thầy hãy đi đến chỗ Tỳ-kheo Bàn-trù và A-phù-tỳ nói rằng: "Dại sư truyền gọi hai thây!”

37 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.1138. 0300ỒỒ09). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100113. 0415a05);"g.(r.02. 0125.31.11. 0673a01); s. 16.6 - II. 203. 38 Đông Viên Lộc Tử Mầu giảng đường ().Xem chú thích 121, kinh số 58, quyển 2, ư. 62; Tạp.(T.02. 0099.58. 0014bl2). 39 Bàn-trù (Bhanda). 40 A-phù-tỳ (,Abhijika).

1244  KINH TẠPA-HÀM

Tỳ-kheo ấy vâng lời Phật, đi đến chỗ hai Tỳ-kheo kia nói rằng: "Đại sư truyền gọi hai thầy!" Tỳ-kheo Bàn-trù và A-phù-tỳ đáp: "Kính vâng!" Rồi liền đi đến chỗ Phật, đảnh lê sát chân Ngài và ngôi sang một bên. Bấy giờ, Thế Tôn hỏi hai Tỳ-kheo: -Có phải là hai

thây đã cùng tranh luận với nhau đê xem ai hiêu biêt nhiêu hơn? Hiểu biết của ai thù thắng hơn phải không? Hai Tỳ-kheo bạch Phật: Thật đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Đức Phật bảo: Các thầy có đem những pháp mà Như Lai đã dạy như Khế kinh,41 Trùng tụng/2 Thọ ký,4143 Cô khởi,44 Tự thuyết,45 Nhân duyên/6 Thí dụ54748 42 49 Bổn sự,48 Bổn sanh,49 Phương quảng,5051 Vị tằng hữu,51 Luận nghi52 để tranh luận với nhau xem ai hiểu biết nhiều, ai hiểu biết thù thắng hơn không? Hai Tỳ-kheo bạch Phật: Thưa không, bạch Thế Tôn!

41 Nguyên tác: Tu-đa-la Suttày Khế kinh . 42Nguyên tác: Kỳ-dạ Geyya:
Thể kệ lặp lại nội dung đoạn kinh trước, gọi là "Trùng tụng^, Ko*c "ứng .... J 43
Thọ ký Veyyākarana: Thể loại này lúc ban đầu được đức Phật dùng để xác định hoặc giải thích giao pháp, về sau nhằm xác định quả vị tu chứng của hàng đệ tử, còn gọi là 44Thọ qùyếf,, "Tho Sý" "Ky biêt" , 44 Nguyên tác: Già-đà Gāthā'. Thể loại kinh văn thể hiện thông qua thi kệ như Kỉnh Pháp củ, Trưởng lão Tăng kệ, Trưởng lão Nỉ kệ,... 45 Nguyên tác: Ưu-đà-na Udānà: Tự thuyết ,Vô vấn tự thuyết . 46 Nguyên tác: Ni-đà-na Nidānà'. Nhân duyên.
Theo Đại trí độ luận 25. 1509.033. 0307b05: Ni-da-na nghĩa là giáo pháp mà chư Phật nói vốn phát khởi từ nhân duyên. Do nhân duyên gì mà Phật nói về việc đó. Do có người hỏi nên nói việc này Theo Luật tạng, vì co người phạm lôi này nên đã kiêt giới đó. Tát cả lời dạy của đức Phật đều phát khởi từ nhân duyên nên gọi là ,§:.., ể 47 Nguyên tác:
A-ba-đà-na ,Avadāna: Thí dụ là thể tài kinh điển dùng ví dụ để chứng minh, còn gọi là "Soạn 11ỊC". J 48 Nguyên tác: Y-đế-mục-đạ-già Itivuttakà'. Bổn sự còn gọi là "Thiên bổn,9 ,4íỂỔn mạt" ,• "b6ii kh&i" . 49 Nguyên tác: Xà-đà-già H ,Jãtakà\ Bổn sanh ,cũng gọi là "Sanh kinh","Sanh xứ" ,"b6ĩi duyên" . J— 50 Nguyên tác: Tỳ:phú-la Vedallậy. Phương quảng ,cũng gọi là "Qung kinh", í4Phương đẳng?, ,"Quảng ải" . 51 Nguyên tác: A-phù-đa-đạt-ma ,Abbhutadhammā, chỉ cho thể loại giáo pháp vô cùng hy hưu và bất khả tư nghì. J J 52 Nguyên tác: Ưu-ba-đề-xá Upadesà, là thể tài kinh điển nhằm mở rộng nghĩa lý từ những lời dấy cô đọng của đức Phật, còn được gọi là "QÍiảng di3n" ,"Quảng phổ,;,4tLuān nghr j, "Thuyết nghía" . J

QUYỂN 41 1245

Đức Phật hỏi hai vị Tỳ-kheo: Như vậy là các thây không đem những Khê kinh... (cho đêri) Luận nghi của Ta đã nói để tự điều phục, tự chấm dứt và tự cầu Niết-bàn phải không? Hai Tỳ-kheo bạch Phật: - Thưa đúng vậy, bạch Thế Tôn! Đức Phật bảo: Các thầy đã biết Ta nói những Khế kinh... (cho đến) Luận nghị, vậy mà hai thầy là những người si mê nên mới tranh luận ai hiểu biết nhiều, ai hiểu biết hơn. Bấy giờ, hai Tỳ-kheo ấy liền đến trước đức Phật đảnh lễ sát chân Ngài và bạch rằng: Kính bạch Thế Tôn! Chúng con xin sám hối! Kính bạch Thiện Thệ! Chúng con xin sám hối! Chúng con vì mê muội, không khéo nhận biết nên mới tranh luận với nhau. Phật bảo hai Tỳ-kheo: Các thầy đã thành thật hối lỗi vì đã mê muội không khéo nhận biết mà

tranh luận với nhau. Nay các thầy đã tự biết có tội5 tự thấy có tội, tự thấy biết và sám hối rồi thì trong đời vi lai, luật nghi giới của các thầy sẽ sanh khởi. Nay Như Lai thương xót chấp thuận sự sám hối, là vì muốn cho hai thầy tăng trưởng thiện pháp trọn đời không suy giảm. Vì sao như vậy? Bởi vì người nào tự biết có tội5 tự thấy có tội, tự thấy biết và sám hối tội thì trong đời vị lai, luật nghi giới của người ấy sẽ sanh khởi, thiện pháp tăng trưởng không bao giờ suy giảm. Hai vi Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy đã hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi lui ra. ***

1139. KHÔNG CÓ NIỀM TIN53

Tôi nghe như vây:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp đang ngụ tại giảng đường Lộc Tử Mau ở Đông Viên,54 thuộc nước Xá-vệ.

Vào buổi chiều, sau khi xả thiền, Tôn giả đi đến chỗ Phật đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi xuống một bên.

53 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1139. 0300c23). Tham chiếu: Biệt Tạp. (r.02.0100114.0425b23);5. 16.7-IL205. 54 Đông Viên Lộc Tử Mầu giảng đường ().Xem chú thích 121, kinh số 58, quyển 2, tr.62; Tạp.(02. 0099.58. 0014bl2).



Khi ấy, Phật bảo Ca-diếp: Thầy nên thuyết pháp, giáo giới và khuyên dạy cho các Tỳ-kheo. Vì sao như vậy? Vì Ta thường thuyết pháp, giáo giới và khuyên dạy cho các Tỳ-kheo. Thầy cũng nên như thế. Tôn giả Ca-diếp bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Ngày nay rất khó thuyết pháp, giáo giới và khuyên dạy các Tỳ-kheo. Nếu ai thuyết pháp sẽ có Tỳ-kheo không kham nhẫn, không hoan hỷ. Phật hỏi Tôn giả Ca-diếp: Do nhân duyên gì mà thầy nói như vậy? Tôn giả Ca-diếp bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Nếu Tỳ-kheo không có lòng kính tin đối với các pháp lành, dù có nghe thuyết pháp thì họ cũng bị thoái thất. Nếu gặp người có trí tuệ kém cỏi? đôi với các pháp lành mà họ không có tinh tân, không biêt hổ thẹn, không có trí tuệ, dù có nghe pháp thì họ cũng thoái thất. Hoặc đối với người có tâm tham dục, sân hận, mê ngủ, trạo cử, nghi hoặc, thân hành thô bạo, phẫn hận, thất niệm, bất định, vô trí, dù họ có nghe pháp thì cũng bi thoái thất. Kính bạch Thế Tôn! Những người kém cỏi như thế còn không thể khiến tâm an tru ở pháp lành, huống là tăng tiến! Nên biết hạng người này mỗi ngày pháp lành càng thoái giảm, không thể tăng trưởng. Kính bạch Thế Tôn! Nếu người nào có niềm tin thanh tịnh đối với các pháp lành sẽ không bị thoái giảm. Nếu người nào đối với pháp lành luôn luôn tinh tấn, biết hổ thẹn, có trí tuệ sẽ không bi thoái giảm. Nếu người không còn tham, không sân hận, không thụy miên, không trạo cử, không nghi hoặc, người ấy không bị thoái giảm. Nếu người nào thân không có hành vi thô tháo, tâm không ô nhiễm, không phẫn, không hận, thường định tâm, chánh niệm, trí tuệ sẽ không bị thoái giảm. Những người như thế, không những ngày đêm tâm thường an trú trong các pháp lành mà còn được tăng trưởng, thường cầu tăng tiến, trọn đời không thoái chuyển. Đức Phật nói với Tôn giả Ca-diếp. Đúng vậy, đúng vậy! Người nào không có lòng tin đối với pháp lành

sẽ bị thoái giảm... (tuần tự như đoạn trên Tôn giả Ma-ha Ca-diếp đã nói). Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả Ca-diếp nghe lời Phật dạy đã hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi lui ra. ***

QUYỂN 41 1247

1140. CA NGỢI THIỆN HẠNH55 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. r e r e Bây giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-diêp đang ngụ tại giảng đường Lộc Tử Mâu ở Đông Viên/6 thuộc nước Xá-vệ. Vào buổi chiều, sau khi xả thiền, Tôn giả đi đến chỗ Phật đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi xuống một bên. Khi ấy, Thế Tôn bảo Tôn giả Ca-diếp: Thầy nên thuyết pháp, giáo giới và khuyên dạy cho các Tỳ-kheo. Vì sao như vậy? Vì Ta thường thuyết pháp, giáo giới và khuyên dạy cho các Tỳ-kheo. Thầy cũng nên như thế. Tôn giả Ma-ha Ca-diếp bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Ngày nay rất khó thuyết pháp, giáo giới và khuyên dạy cho các Tỳ-kheo. Nếu có Tỳ-kheo nào nghe thuyết pháp cũng không thể kham nhẫn, không hoan hỷ. Phật bảo Tôn giả Ca-diếp: Do nhân duyên gì mà thầy nói như vậy? Tôn giả Ca-diếp thưa: Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp. Kính mong Ngài thuyết giảng cho chúng con! Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ lãnh thọ và phụng hành. Phật bảo Tỳ-kheo: Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng nói cho các thày. Thuở xưa, Tỳ-kheo A-lan-nhã57 là những Tỳ-kheo sống trong rừng vắng thì khen ngợi pháp A-lan-nhã; là những Tỳ-kheo đi khất thực thì khen ngợi công đức khất thực; là những Tỳ-kheo mặc y phấn tảo thì khen ngợi công đức của y phấn tảo. Những Tỳ-kheo sống thiểu dục, tri túc, tu hạnh viễn ly, nỗ lực tinh cần, chánh niệm, chánh định, trí tuệ, tự thân tác chứng dứt sạch lậu hoặc... thì tùy theo sở hành của mình mà khen ngợi về sở hành đó. Này Ca-diêp! Nêu Tỳ-kheo sông trong rừng văng và khen ngợi pháp A-lan- nhã... (cho đến) Tỳ-kheo dứt sạch lậu hoặc thì khen ngợi tự thân tác chứng dứt sạch lậu hoặc. Nếu gặp những Tỳ-kheo như vậy nên trò chuyện, ân cần tiếp đón

55 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.1140. 030la20). Tham chiếu: Biệt x (roi 0l00ll5. 041Ỉ5C18); s. 16.8 -II. 208. 56 Đông Viên Lộc Tử Mầu giảng đường ().Xem chú thích I2l, kinh số 58, quyển 2, tr. 62; Tạp.(T.02. 0099.58. 00l4bl2).
57 A-luyện-nhã (Arañño) còn gọi là A-lan-nhã, nghĩa là không tranh chấp, không ồn ào, vắng lặng, nhàn tịnh, rừng vắng, núi sau,...



và tùy nghi thăm hỏi rằng: "Thầy tên gì? Đệ tử của ai?" Rồi nhường chỗ mời ngồi và tán thán đức hiền thiện của họ, đồng thời khen ngợi pháp thực hành của họ là đúng nghĩa Sa-môn, hợp với mong cầu của Sa-môn. Khi khen ngợi như vậy, nếu người kia đồng ý cùng ở chung, cùng đi chung, liền quyết định thuận theo sự tu tập của người đó, chắc chắn không bao lâu sẽ đạt được sự thấy biết và sở nguyện giống người kia. Phật nói với Ca-diếp: Nếu Tỳ-kheo trẻ tuổi gặp Tỳ-kheo A-lan-nhã đó phải đến tán thán pháp A-lan-nhã... (cho đếri) gặp Tỳ-kheo đã tự thân tác chứng dứt sạch lậu hoặc, Tỳ-kheo trẻ tuổi kia phải đứng dậy nghinh tiếp, cung kính lễ bái, thưa hỏi... (cho đến) cùng ở chung với họ, không bao lâu chính mình sẽ được nhiều lợi ích. Người nào cung kính như thế

mãi mãi sẽ được lợi ích an lạc. Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:  Ngày nay, Tỳ-kheo trẻ tuổi nào gặp vị Tỳ-kheo đại trí, đại đức có khả năng cảm hóa và có được các tài lợi như y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc thang liền cung kính hỏi thăm và khen ngợi rằng: "Quý hóa thay! Ngài đến đây. Ngài tên gì? Là đệ tử của ai?" Tán thán phước đức của vị ấy có thể cảm hóa được lợi lớn như y phục, thức ăn uông, giường năm, thuôc thang. Vì Tỳ-kheo này nghĩ rằng nếu ta gần gũi Tôn giả ấy thì cũng sẽ được đầy đủ những y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc thang. Nếu lại có Tỳ-kheo trẻ tuổi nào gặp vị Tỳ-kheo đại trí, đại đức đi đến và biết vị ây có khả năng cảm hóa và có được những tài lợi như y phục, thức ăn uông, giường nằm, thuốc thang nên mau chóng đứng dậy nghinh đón, cung kính thăm hỏi và khen ngợi: "Thật quý thay! Bậc đại trí, đại dức, có thể cảm hóa và có được lợi lớn về y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc thang." NAy Ca-diếp! Tỳ-kheo trẻ tuổi nào có tâm như vậy thì luôn luôn bi đau khổ, không có lợi ích. Thật vậy, này Ca-diếp! Những Tỳ-kheo đó là mầm bệnh của Sa-môn, là sự chìm đam của Phạm hạnh, là sự chướng ngại lớn lao, là pháp ác5 bát thiện, là tai họa của phiên não, két thêm các pháp hữu lậu nên bị sanh tử thiêu đốt, ở đời tương lai phải chịu nỗi khổ sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não. r __ r  Thê nên, này Ca-diêp9 phải học tập như vây: Nên khen ngợi, xưng tán những Tỳ-kheo A-lan-nhã ở tru xứ a-lan-nhã, mặc y phấn tảo, đi khất thực, ít muôn biêt đủ, tu hạnh viên ly, siêng năng tinh tân, chánh niệm, chánh định, chánh trí, tự thân tác chứng dứt sạch lậu hoặc, nên học tập như thế. Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả Ca-diếp nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi lui ra. ***

QUYÊN 41  1249

1141. TÔN GIẢ MA-HA CA-DIÉP (l)58 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-dà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp dang trú tại giảng đường Lộc Tử Mau ở Đong Viên,59 thuộc nước Xá-vệ. Vào buổi chiều, sau khi xả thiền, Tôn giả đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tôn giả Ma-ha Ca-diếp: -Nay thầy đã lớn tuổi, các căn suy yếu, y phấn tảo nặng nề, y của Ta vừa nhẹ vừa tốt, nay thây hãy ở lại trong chúng, đáp chiêc y hoại sắc nhẹ nhàng này do cư sĩ dâng cúng. Tôn giả Ma-ha Ca-diếp thưa: -Bạch Thế Tôn! Con lâu nay tu tập hạnh A-lan-nhã? khen ngợi hạnh A-lan- nhã, đắp y phấn tảo và đi khất thực. Đức Phật hỏi Ma-ha Ca-diếp: -Thầy thấy lợi ích gì60 mà tu tập hạnh A-lan-nh khen ngợi hạnh A-lan- nhã? đắp y phấn tảo, đi khất thực, khen ngợi y phấn tảo và pháp khất thực? Tôn giả Ma-ha Ca-diếp thưa: -Bạch Thế Tôn! Con thấy có hai lợi ích: Được an lạc trong hiện tại và làm gương cho chúng sanh tương lai. Chúng sanh đời sau sẽ nghĩ như vay: "Trước dây, Thượng tọa có đủ sáu thần thông, xuất gia lâu năm, Phạm hạnh thuần thục, được Thế Tôn khen ngợi, được những bậc trí tuệ Phạm hạnh phụng sự mà vẫn thường tu tập hạnh A-lan-nhã, khen ngợi hạnh A-lan-nhã, đáp y phân tảo, đi khất thực, khen ngợi y phấn tảo và pháp khất thỊrc." Người nào nghe được điều này? tâm họ sẽ thanh tịnh và tùy hỷ, lúc nào cũng được an lạc và lợi ích. Đức Phật bảo Ca-diếp: -Lành thay! Lành thay! Ca-diêp! Thây là người lâu nay đem lại nhiêu lợi ích và an lạc cho chúng sanh, thương xót thế gian, đem lại nhiều an lạc cho trời và người. Đức Phật lại bảo Ca-diếp:  Nếu có ai hủy báng pháp Đầu-đà61 tức là hủy báng Ta. Nếu có ai khen

ngợi pháp Đầu-đà tức là khen ngợi Ta. Vì sao như vậy? Vì pháp Đầu-đà là pháp

58 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.1141. 0301c07). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100.Ì16. 0416b08); Tăng.(T.02. 0125.12.6. 0570a23); TWg.(7L02. 0125.41.5. 0746a21); S. 16.5 - IL 202. 59 Đông Viên Lộc Tử Mầu giảng đường ().Xem chú thích 121, kinh số 58, quyển 2, tr. 62; Tạp.(02. 0099.58. 0014012).
” 60 Nguyên tác: Cơ chủng nghĩa ().Tham chiếu: s. 16.5 - II. 202: Atthavasa (Lợi ích gì). Biệt Tạp. (02. 0100.116. 0416b17): Ha nghĩa lợi (). 61 Đầu-đà (,Dhũtà).



. r r r e

mà Ta thường khen ngợi, tán dương. Thê nên, này Ca-diêp? đôi với hạnh A-lan- nhã, hãy nên khen ngợi hạnh A-lan-nhã; đối với pháp đắp y phấn tảo và đi khất thực, hãy nên khen ngợi pháp đắp y phấn tảo và đi khất thực! Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả Ma-ha Ca-diêp nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ? đảnh lễ rồi lui ra. ***

1142. TÔN GIẢ MA-HA CA-DIÉP (2)62 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. J Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp sống lâu trong rừng vắng63 thuộc nước Xá-vệ? râu tóc mọc dài, đắp y phấn tảo, đi đến chỗ Phật trong lúc Ngài đang thuyết pháp cho vô số đại chúng vây quanh. Các Tỳ-kheo thấy Tôn giả Ma-ha Ca-diếp từ xa đi đến, thấy rồi liền khởi tâm khinh mạn và nói rằng: “Dây là hạng Tỳ-kheo gì vậy? Y áo toi tàn, đen đây mà chẳng có dung nghi, đen đây mà y áo xốc xếch r Đức Phật biết được tâm niệm của các Tỳ-kheo5 liền bảo Ma-ha Ca-diếp: Hãy đến đây, Ca-diếp! Hãy ngồi xuống nửa tòa này. Ta nay không64 biết ai là người xuất gia trước. Thầy ư? Ta ư? Khi đó, các Tỳ-kheo kinh hãi, toàn thân sởn gai ốc? nói với nhau: Kỳ lạ thay! Vị đó chính là Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, đệ tử của Đại sư, đức độ lớn, thần lực lớn, được Thế Tôn mời ngồi nửa tòa. Khi ấy, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp chắp tay bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Ngài là thầy của con, con là đệ tử. Đức Phật bảo Ca-diếp: Đúng vậy, đúng vậy! Ta là Đại su, thầy là đệ tử. Bây giờ, thầy hãy ngồi xuống đây, nơi chỗ an ổn này. Tôn giả Ma-ha Ca-diếp lạy sát chân Phật rồi ngồi sang một bên. Bấy giờ, ở trước đại chilng, Thế Tôn vì muốn cảnh tỉnh các Tỳ-kheo? liền đem công đức rộng lớn, thù thăng mà Tôn giả Ma-ha Ca-diếp đã chứng đắc như Ngài mà bảo các Tỳ-kheo: Ta ly dục, ly pháp ảc, bát thiện, có giác có quán, an trú trọn vẹn Thiên thứ nhất vào ban ngày, hoặc ban đêm, hoặc cả ngày đêm thì Ma-ha Ca-diếp cũng

62 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.1142. 0302a01). Tham chiếu: Biệt Tạp. (7.02. 0100*117. 0416C07); s. 16.9 - n. 210. 63 Nguyên tác: A-luyện-nhã sàng tọa xứ (•.).Theo Biệt Tạp.(7.02. 0100.117. 0416c08): ở nơi biên địa, trải cỏ mà ngồi (). 64 Tạp A-ham kinh luận hội biên (K32. 0030.07. 0578a07) nghi ngờ bỏ quên chữ "bát"().Bổ sung dựa trên cơ sở này.



giống như Ta, cũng ly dục, ly pháp ác, bất thiện,... (cho đến) an trú trọn vẹn Thiền thứ nhất vào ban ngày, hoặc ban đêm, hoặc cả ngày đêm. Ta muôn an tru trọn vẹn Thiên

thứ hai, Thiên thứ ba5 Thiên thứ tư vào ban ngày, hoặc ban đêm, hoặc cả ngày đêm thì Ma-ha Ca-diếp cũng như thế, muốn an trú trọn vẹn... (cho đến) Thiền thứ tư vào ban ngày, hoặc ban đêm5 hoặc cả ngày đêm. Ta tùy ý mình mà an tru trọn vẹn trong Từ, Bi, Hỷ, Xả, Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ, cảnh giới thần thông được Thiên nhi, Tha tâm trí, Túc mạng trí, Sanh tử trí, Lậu tận trí vào ban ngày, hoặc ban đêm, hoặc cả ngày đêm thì Tỳ-kheo Ma-ha Ca-diếp cũng như vậy, có thể tùy ý mình mà an tru trọn vẹn... (cho đến) Lậu tận trí vào ban ngày, hoặc ban đêm, hoặc cả ngày đêm. ở giữa vô số đại chúng, Thế Tôn đã khen ngợi công đức thắng diệu, rộng lớn của Tôn giả Ma-ha Ca-diếp đồng với mình như vậy. Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành. ***

1143. TÔN GIẢ MA-HA CA-DIẾP (3)65 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Tôn giả Ma-ha Ca-diếp và Tôn giả A-nan tru trong núi Kỳ-xà quật. Bấy giờ, Tôn giả A-nan đến chỗ Tôn giả Ma-ha Ca-diếp và nói:  Hôm nay, chúng ta hãy cùng ra khỏi núi Kỳ-xà quật, vào thành Vương Xá khất thực. Tôn giả Ma-ha Ca-diếp im lặng đồng ý. Rồi hai Tôn giả đắp y, ôm bát vào thành Vương Xá khất thực. Trên đường đi, Tôn giả A-nan nói với Tôn giả Ma-ha Ca-diếp: -Trời còn quá sớm, chúng ta hãy ghé thăm tinh xá Tỳ-kheo-ni! Hai Tôn giả liền đi đến tinh xá ấy. Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni trông thấy Tôn giả Ma-ha Ca-diêp và Tôn giả A-nan từ xa đi đên thì vội trải sàng tọa, thỉnh hai vị ngoi, cung kính đảnh lễ roi ngoi sang một bên. Khi ấy, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp vì các Tỳ-kheo-ni mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ.66 Thế nhưng, sau khi Tôn giả vì các Tỳ-kheo-ni mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, làm cho hoan hỷ

65 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1143. 0302b02). Tham chiếu: Biệt Tạp. (roi OlOOll8. 04l7a23); s. 16.10-II. 214. 66 Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ (,).Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tr. 105; Tạp.(r.O2. 0099?92. 0023c18).



xong, có Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà67 không hoan hỷ, nói ra những lời khiếm nhã như vầy: -Tại sao thầy68 Ma-ha Ca-diếp lại thuyết pháp cho chúng Tỳ-kheo-ni trước mặt thầy A-nan Bề-đề-ha-mâu-ni?69 Ví như thằng bé bán kim khâu lại đến nhà Thầy Ma-ha Ca-diếp cũng như thế, trước mặt người thợ làm kim khâu để bán.7071 A-nan Bề-đề-ha-mâu-ni lại thuyết pháp cho chúng Tỳ-kheo-ni. Tôn giả Ma-ha Ca-diếp nghe Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà thốt ra những lời khiếm nhã với tâm không hoan hỷ như thế, liền nói với Tôn giả A-nan: -Thầy đã thấy Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà thốt ra những lời khiếm nhã với tâm không hoan hỷ. Thế nào, A-nan? Thầy là thợ làm kim khâu, còn ta là thằng bé đem kim khâu đến bán cho thầy ư? Tôn giả A-nan nói với Tôn giả Ma-ha Ca-diêp:  Thôi, xin ngài hãy kham nhẫn! Bà ấy si mê5 trí tuệ kém cỏi, chưa biết tu tập. Tôn giả Ma-ha Ca-diếp nói: - Này A-nan! Thầy có nghe Thế Tôn, đấng Như Lai, ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, bậc Đã Thấy Đã Biết ở giữa đại chúng thuyết Kinh ví dụ mặt trăn^ để răn nhắc, khuyên dạy rằng: "Tỳ-kheo hãy sống như mặt trăng, như người mới tu hoe." (Nói rộng như vây). Có phải A-nan được nói là người sống như mặt trăng, như người mới tu học chăng? A-nan đáp: -Không phải, thưa Tôn giả Ma-ha Ca-diếp! -A-nan!

Thầy có nghe Thế Tôn, đấng Như Lai, ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, bậc Đã Thấy Đã Biết dạy rằng: "Tỳ-kheo sống như mặt trăng, như người mới tu học thì chỉ có Tỳ-kheo Ma-ha Ca-diếp" chứ? A-nan đáp: -Đúng vậy, thưa Tôn giả Ma-ha Ca-diếp! -Này A-nan! ở giữa vô lượng đại chúng, thầy có được Thế Tôn, đấng Như Lai, ứng Cúng, Chanh Đẳng Giác, bậc Đã Thấy Đã Biết mời ngồi chung tòa không? Lại nữa, Thế Tôn có khen ngợi thầy có công đức rộng lớn bằng Ngài không? Này A-nan! Thế Tôn có khen ngợi thày ly dục, ly pháp ác, bất thiện... (cho đến) lậu tận hay không?

67 Thâu-la-nan-đà (Thullanandā). 68 Nguyên tác: A-lê (Ācariyā). 69 A-nan Tỳ-đề-ha-mâu-ni (Vedehamuni Ānanda). Theo chú giải của ngài Buddhaghosa, đây là tôn hiệu của ngài A-nan, hàm nghĩa là bậc Thông tuệ (Panditā) của xứ Vedeha. 70 Xem J. III. 281, Sūcijātaka (Chuyện cây kim), số 387. 71 Xem Tạp.(r.O2. 0099.1136. 0299c06)



A-nan đáp: -Không có điều ấy, thưa Tôn giả Ma-ha Ca-diếp!  Này A-nan! Có phải Thế Tôn, đấng Như Lai, ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác ở giữa vô lượng đại chúng, chính miệng Ngài nói: "Đến đây, Ma-ha Cadiếp! Mời thầy ngồi nửa tòa cùng Ta" chăng? Lại nữa, có phải ở giữa đại chúng, Thê Tôn khen ngợi Ma-ha Ca-diêp công đức rộng lớn băng Ngài và đã ly dục, ly pháp ác, bất thiện... (cho đến) lậu tận chăng? A-nan đáp: -Đúng vậy, thưa Tôn giả Ma-ha Ca-diếp! Khi ấy, ở giữa chúng Tỳ-kheo-ni9 Tôn giả Ma-ha Ca-diếp rống lên tiếng rống sư tử như thế. ***

1144. TÔN GIẢ MA-HA CA-DIẾP 72 Tôi nghe như vầy: Một thời, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp và Tôn giả A-nan trú tại núi Kỳ-xà quật, thuộc thành Vương Xá. Khi ấy, Thế Tôn Niết-bàn chưa bao lâu, gặp lúc mất mùa đói kém, khất thực khó khăn. Bấy giờ, chúng Tỳ-kheo trẻ tuổi theo Tôn giả A-nan không khéo nhiếp hộ các căn, ăn uống không tiết độ, không thể tinh cần tư duy thiền định từ đầu đêm đến cuối đêm, ưa thích, ham mê ngủ nghỉ, tìm cầu lợi lộc ở đời. Khi du hành đến Nam Sơn72 73*thì có ba mươi Tỳ-kheo trẻ tuổi xả giới hoàn tục, còn lại vài vị nhỏ tuôi. Lúc ây, Tôn giả A-nan đang du hành ở nước Nam Sơn, vì thây đô chúng còn quá ít nên trở lại thành Vương Xá. Sau khi cất y bát, rửa chân xong, Tôn giảA-nan đến chỗ Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, cung kính đảnh lễ rồi ngồi sang một bên. Tôn giả Ma-ha Ca-diếp hỏi: - Thầy từ đâu đến? Sao đồ chúng còn ít vậy? A-nan đáp:  Con đang du hành đến nước Nam Sơn thì có ba mươi Tỳ-kheo trẻ tuổi xả giới hoàn tục, đô chúng tôn giảm, nay còn lại phân nhiêu là các vị nhỏ tuôi. Tôn giả Ma-ha Ca-diếp hỏi Tôn giả A-nan:

72 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.1144. 0302cl3). Tham chiếu: Biệt Tạp. (r.02. 0100119. 0417C09); s. 16.11 - II. 217. Nguyên tác: Nam Thiên Trúc ().s. 16.11 - II. 217: Dakkhināgiri. Theo DPPN, Dakkhiọâgiri là một tiêu quôc (janapada) năm ở phía Nam thành Vương Xá (Rājagaha) thuộc nước Ma-kiệt-đà (Magadha). Ma-kiẹt-đa là một nước lớn ở trung tâm Ấn Độ nên con được gọi Trung Thiên Trúc ( ).Nam Thiên Tníc ()là một địa danh được xác định rõ, nên HT. Thích Minh Châu dịch là Nam Sơn (Dakkhināgiri). Bản dịch dùng chữ theo bản Pâli.

Vì những phước lợi gì mà đấng Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Đã Thấy Đã Biết chế giới hạn chế ba người trở lên cùng ăn chung?74 Tôn giả A-nan đáp: -Vì hai việc. Là hai việc nào? Một là, nhà nghèo sẽ thêm khốn khó. Hai là, những kẻ xấu lập bè đảng phá hoại nhau. Vì không để cho những kẻ xấu đó lén trà trộn vào trong chúng Tăng, mượn danh chúng Tăng, gây chướng ngại đại chúng, chia làm hai phe rồi hiềm khích, tranh đấu lẫn nhau.75 Tôn giả Ma-ha Ca-diếp bảo A-nan: Thầy đã biết ý nghĩa này thì tại sao giữa lúc đói kém lại dẫn số đông đồ chúng trẻ tuổi du hành đến Nam Sơn khiến cho ba mươi người xả giới hoàn tục5 đô chúng tôn giảm, chỉ còn lại phân nhiêu là các vị tuôi nhỏ như thê này? A-nan! Đồ chúng của thầy tổn giảm như vậy thì thầy đúng là trẻ con, không biết trù tính. Tôn giả A-nan đáp: Thế nào, thưa Tôn giả Ma-ha Ca-diếp? Đầu con đã hai thứ tóc mà ngài nói là trẻ con ư? Tôn giả Ma-ha Ca-diếp bảo: ở thời buổi đói kém, thầy cùng các đệ tử trẻ tuổi du hóa trong nhân gian, lại để cho ba mươi đệ tử xả giới hoàn tục, chỉ còn lại các vi tuổi nhỏ. Đồ chúng tổn giảm là do thầy không biết trù tính vậy mà còn than: '.Chúng cũ76 bi tan rẫr A-nan! Chúng tan rã hết bởi do thầy là trẻ con, không biết trù tính. Khi ấy, Tỳ-kheo-ni Đê-xá nghe Tôn giả Ma-ha Ca-diếp quở trách Tôn giả A-nan Tỳ-đề-ha-mâu-ni77 là trẻ con thì không hài lòng, liền nói những lời khiếm nhã: -Tại sao thầy Ma-ha Ca-diếp vốn gốc ngoại đạo mà dám dùng từ "trẻ con,, quở trách thầy A-nan Tỳ-đề-ha-mâu-ni, khiến cái tên "trẻ con" lan khắp? Tôn giả Ma-ha Ca-diếp bằng thiên nhĩ nên nghe Tỳ-kheo-ni Đê-xá với tâm không hài lòng, nói ra những lời khiếm nhã như thế. Nghe xong, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp nói với Tôn giả A-nan:

7 Nguyên tác: Thỉnh tam nhân dĩ thượng chế quần thực giới H A. B ,.Tham chiếu: S. 16.11 - H. 217: Bhagavatā kulesu tikabhojanain paññattāni Thê Tôn chế định điều luật chỉ ba người ăn đối với các gia chủ, HT. Thích Mmh Chau dịch. ^Thập tụng luật T.23. 1435.36. 0260ạl0 nêu 2 lý do: Vì mục đích bảo hô cho người bố thí nên phải lân man; ii Vì mục đích đánh bại thế lực của hàng Ty-kheo vơi lòng dục xấu ác, khienchung không thê gầy dựng chúng riêng, cử hành pháp riêng để cùng ưanh đấu với chúng Tăng M,ế:$ 16.11'-11?217 nêu 3 lý
do: Đê ngăn chặn các người ác giới, vì sự lạc trú của các Tỷ-kheo chánh hạnh, chớ đê cho ai dựa vào nhưng ác đảng phá hoại chung Tăng, và vì lòng từ mẫn đối với các gia đình. 76 Nguyên tác: Túc sĩ chúng . 77 Tỳđề-ha-mâu-ni Vedehamuni:
Bậc Thánh dòng Tỳ-đề-ha hoặc bậc Thánh nước Tỳ-đề-ha.



Thầy xem! Tỳ-kheo-ni Đê-xá với tâm bất mãn, miệng nói ra những lời khiếm nhã rằng: "Ma-ha Ca-diếp vốn gốc ngoại đạo mà dám ạuở trách thầy A-nan Tỳ-đề-ha-mâu-ni là trẻ con, khiến cái tên 'trẻ con9 lan khăp.99 Tôn giả A-nan đáp: Hãy thôi! Tôn giả Ma-ha Ca-diếp! Xin ngài hãy kham nhẫn! Tôn giả Ma ha Ca-diếp! Bà ấy si mê, không có trí tự tánh. Tôn giả Ma-ha Ca-diếp nói với A-nan: Từ khi xuất gia đến nay, ngoài đức Như Lai, ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác ra, ta không thờ thầy nào khác. Khi chưa xuất gia, ta thường suy tư về sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não, biết rằng tại gia đa đoan,

nhiều thứ phiền não, xuất gia thanh nhàn, khó để cho người thế tục sống không gia đình một bề thanh khiết, trọn cả cuộc đời thuần nhất thanh tịnh, Phạm hạnh thanh bạch. Thế nên, ta đã cạo bỏ râu tóc, khoác áo c-sa, có lòng tin chân chánh, rời bỏ gia đình, xuất gia học đạo, đem cái áo giá trị trăm ngàn lượng vàng cắt ra từng mảnh, may thành y Tăng-già-lê.78 Nghe ở thế gian có vị A-la-hán nào thì liền theo vị ây xuất gia. Sau khi xuất gia roi, có lân nơi tháp Đa Tử giữa thôn Na-la ở thành Vương Xá, ta nhìn thấy Thế Tôn thân ngồi ngay thẳng, tướng tốt kỳ lạ, các căn vắng lặng, tịch tĩnh bậc nhất, giống như núi vàng. Thấy vậy rồi, ta nghĩ thế này: "Dây là Đại sư của ta, đây là Thế Tôn, đây là La-hán, đây là bậc Đẳng Chánh Giác!,, Khi ấy, ta nhất tâm chắp tay kính lễ, bạch Phật rằng: "Ngài là Đại sư của con, con là đệ tử!” Đức Phật bảo: "Bứng vậy, Ca-diếp! Ta là Đại sư của ông, ông là đệ tử. Này Ca-diếp! Nay ông đã thanh tựu tâm chân thật thanh tịnh như thế, thật là người đáng kính. Nếu không biết nói biết, không thấy nói thấy, chẳng phải A-la-hán nói là A-la-hán, chẳng phải Đẳng Chánh Giác nói là Đẳnẹ Chánh Giác thì tự nhiên thân vỡ thành bảy phần. Này Ca-diếp! Do nay Ta biêt nên nói biết, thấy nên nói thấy, thật A-la- hán nên nói là A-la-hán, thật Đẳng Chánh Giác nên nói là Đẳng Chánh Giác. Này Ca-diếp! Nay Ta thuyết pháp cho đệ tử79 vì có nhân duyên chứ chẳng phải không có nhân duyên, có y cứ chứ chẳng phải không có y cứ? có thân lực chứ chẳng phải không có thần lực. Do đó? này Ca-diếp! Nếu muốn nghe pháp phải học như vầy: Khi nệhe pháp nếu muốn được lợi ích thì hãy nên nhát tâm, cung kính tôn trọng, lăng lòng nghe kỹ và khởi suy nghĩ rằng: 'Ta phải chánh quán đối với sự sanh diệt của năm uẩn;80 sự tập khởi, diệt mát của sáu xúc nhập xứ; chánh niệm lạc trú đối với bốn niệm xứ, tu tập bảy giác phần, tự thân tác chứng tám giải thoát, thường niệm về thân, chưa từng buông bỏ,81 lìa xa sự không biết ho thẹn, gang

78 Tăng-già-lê ,Sañghātī.

79 Nguyên tác: Thanh vn .

80 Nguyên tác: Ngũ ấm .

81 Nguyên tác: Vị thường đoạn tuyệt .Tham chiếu: Biệt Tạp.T.02. 0100.119.

0418c01: Vị tằng phóng x.



theo kịp Phạm hạnh và đức lớn của Đại su, thường giữ tâm hổ thẹn, nên học tập như thế! Bấy giờ, sau khi Thế Tôn thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho ta hoan hỷ82 rồi, Ngài đứng dậy ra đi, ta cũng đi theo, hướng về trụ xứ. Thế rồi, ta lấy cái áo giá trị trăm ngàn lượng vàng đã cắt ra may thành y Tăng-già-lê ấy, gấp tư làm tòa. Lúc ấy, Thế Tôn biết ta chí tâm cầu đạo giải thoát nên khi ta trải y ấy làm tọa cụ5 thỉnh Phật an tọa. Ngài liền ngồi xuống, lấy tay sờ y, khen rằng: "Ca-diếp! Y này nhẹ mịn, y này mem Ta thưa: "Dúng vậy, bạch Thế Tôn! Y này nhẹ mịn, y này mềm mại, cúi xin Thế Tôn thọ nhận y này của con.,, Đức Phật bảo: “Ong hãy nhận lấy y phấn tảo của Ta, Ta sẽ thọ nhận y Tăng- già-lê của 6ng." Thế rồi, Phật liền tự tay trao y phấn tảo cho ta, ta liền dâng Phật y Tăng-già- lê. Ngài dần dần truyền dạy như vậy, trong vòng tám ngày, ta học pháp và thọ trì khất thực. Đen ngày thứ chín, ta đạt đến Vô học. Này A-nan! Nếu có ai đến hỏi thẳng: "Ai là pháp tử của Thế Tôn, từ miệng Phật sanh ra, từ pháp hóa sanh,

được giao phó gia tài Phật pháp: Các thiền, giải : r thoát, tam-muội chánh tho?" thì nên đáp đó là ta, nói như thê mới đúng. Ví như trưởng tử của Chuyên Luân Thánh Vương sẽ được thọ pháp quán đảnh, trụ nơi vương vị, thọ hưởng năm dục, không cần khổ nhọc, tự nhiên mà được. Ta cũng như thê, là pháp tử của Phật, từ miệng Phật sanh ra, từ pháp hóa sanh, được giao phó gia tài Phật pháp: Các thiền, giải thoát, tam-muội chánh thọ, không cần khổ nhọc, tự nhiên mà có. Ví như voi báu của Chuyên Luân Thánh Vương cao bảy, tám khuỷu tay mà một chiêc lá đa-la có thê che phủ. Cũng vậy, trí lực sáu phép thân thông mà ta thành tựu cũng có thể che phủ khắp.83 Nếu có người nào nghi ngờ về trí chứng của cảnh giới thần thông thì ta có thể vì họ phân biệt, giải nói. Nếu có người nào nghi ngờ về Thiên nhi, Tha tâm thông, Túc mạng trí, Sanh tử trí, Lậu tận tác chứng trí thì ta có thê vì họ phân biệt, giải nói và giúp họ xác quyêt. Tôn giả A-nan thưa: -Đúng vậy, đúng vậy! Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-diếp! Như voi báu của Chuyên Luân Thánh Vương cao bảy, tám khuỷu tay, chỉ dùng một chiêc lá đa-la thì có thể che phủ. Cũng vậy, trí lực sáu phép thần thông mà Tôn giả Ma-ha Ca- diếp thành tựu cũng có thể che phủ khắp. Nấu có người nghi ngờ về trí chứng của cảnh giới thần thông... (cho đến) Lậu tận tác chứng trí thì Tôn giả Ma-ha

82 Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ ().Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tr. 105; Tạp. (f.O2. 0099.92. 0023c18). 83 Ca-hy-na kinh (roi. 0026.80. 0551c26) và s. 16.10 - II. 214, cũng nêu dẫn ví dụ về con voi và lá cây đa-la, nhưng co vài khác biệt trong thể thức và phương cách trình bày.

QUYÊN 41  1257

Ca-diêp có thê vì họ mà giải đáp, giúp họ xác quyêt. Con luôn luôn kính tín, tôn trọng Ma-ha Ca-diếp vì Tôn giả có thần lực, đại đức như the! Khi Tôn giả Ma-ha Ca-diếp nói những lời này, Tôn giả A-nan nghe xong, hoan hỷ thọ trì.84

84 Bản Hán, hết quyển 4l.

1258  KINH TẠPA-HÀM

QUYỂN 42 1145. CÚNG DƯỜNG CHỎ ĐÁNG CÚNG1 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ? Vua Ba-tư-nặc123đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa:  Bạch Thế Tôn! Nên bố thí cho những người nào? Đức Phật đáp:  Này Đại vương! Tùy chỗ tâm ưa thích. Vua lại hỏi: - Bố thí chỗ nào thì được quả báo lớn? Đức Phật đáp:  Đại vương! Câu hỏi "nên bố thí chỗ nào,9 khác với câu hỏi "bố thí chỗ nào thì được quả báo lớn.^, Hai câu hỏi này khác nhau. Bây giờ, Như Lai sẽ hỏi Đại vương hãy trả lời theo ý mình. Đại vương! Giả sử đất nước lâm cảnh chiến tranh, liền tập hợp các binh si, trong đó có một thanh niên dòng Bà-lamôn từ phương Đông đến, trẻ người non dạ, sức vóc yếu ớt, tướng mạo đoan chánh, da trắng tóc đen, không tập võ nghệ, không học mưu thuật, sợ hãi tháo lui, không tự an ổn, không kháng nổi địch, hoặc đâm hoặc bắn cũng chẳng biết cách, không thê chông địch. Thê nào, Đại vương? Người như thê Đại vương sẽ trọng thưởng chăng? Vua bạch Phật: - Không thưởng, bạch Thế Tôn!  Cũng thế, Đại vương! Nếu có thanh niên dòng Sát-lợi từ phương Nam đến? thanh niên dòng Tỳ-xá^ từ

phương Tây đến, thanh niên dòng Thủ-đà-la4 từ phương Bắc đến, không biết võ thuật, đều như thanh niên dòng Bà-la-môn ấy thì nhà vua có trọng thưởng không? 1 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.1145. 0304a01. Tham chiếu: Biệt Tạp. T.Ỏ2. 010Ó.68. 0397b03;5. 3.24 -1. 219. 2 Ba-tư-nặc ,Pasenadi. 3 Tỳ-xá ,Vessā. 4 Thủ-đà-la Suddā.



Vua bạch Phật: -Không thưởng, bạch Thế Tôn! Phật hỏi nhà vua: Khi đất nước hội quân chiến dấu, có thanh niên Bà-la-môn từ phương Đông đên, trẻ khỏe đoan chánh, da trắng tóc đen, khéo giỏi võ nghệ, biết cách chiên đâu, dũng cảm không sợ, quyêt chiến không lui, bình tĩnh quán sát, múa đao chống cự, có thể đả thương, phá tan quân địch. Thế nào, Đại vương? Chiến sĩ như vầy được trọng thưởng không? Vua bạch Phật: - Được trọng thưởng, bạch Thế Tôn! Cũng thế, thanh niên dòng Sát-đế-lợi đến từ phương Nam, thanh niên dong Tỳ-xá đến từ phương Tây, thanh niên dòng Thủ-đà-la đến từ phương Bắc đều trẻ khỏe đoan chánh, khéo giỏi võ thuật, anh dũng chiến đấu, gian khổ trừ địch, đều như thanh niên Bà-la-môn đến từ phương Đông. Những chiến sĩ này nhà vua có trọng thưởng không? Vua bạch Phật: - Có trọng thưởng, bạch Thế Tôn! Đức Phật nói: Này Đại vương! Cũng thế, có những Sa-môn, Bà-la-môn xa lìa năm chi, thành tựu năm chi, tạo lập phước điền, nếu cúng vào ruộng phước này thì được nhiều phước lợi? được quả báo lớn. Thế nào là xa lìa năm chi? Đối với tham dục, sân hận, thụy miên, trạo hối, nghi hoặc đã đoạn, đã biết, gọi là xa lìa năm chi. Thế nào là thành tựu năm chi? Thành tựu giới thân Vô học, định thân Vô học, tuệ thân Vô học, giải thoát thân Vô học, giải thoát tri kiến thân Vô học. Đó gọi là thành tựu năm chi. Này Đại vương! Những người xa lìa năm chi, thành tựu năm chi, tạo lập phước điền như thế, nếu cúng vào ruộng phước này thì được quả báo lớn. Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ: Múa thương, chiến đấu giỏi, Người chiến sĩ kiên cường, Do họ đánh trận hay, Theo công được trọng thưởng, Không thưởng dòng danh tiếng, Mà khiếp nhược, yếu hèn. Tu nhẫn nhục, hiền lương, Chứng dạo, tạo phước điền, Đủ luật nghi Hiền thánh, Thành tựu trí thâm diệu, Dù dòng dõi thấp kém, vẫn xứng làm ruộng phước. Ỵ, thực, tiền, của báu, Giường nằm, các vật dụng, Đều nên cung kính thí, Đen người trì tịnh giới. Đồng trống hay mé rừng, Đào giếng cho bộ hành,



1 Ấ

Làm câu qua khe suôi? Lập quán trọ ven đường, Chúng đa văn giới đức, Đi đường được dừng nghỉ. Thí như, mây dày giăng, Sấm chớp nổ vang rền, 7 r

Mưa rơi khắp mặt đất, Trăm cỏ đều tươi mát, Cầm thú thảy vui mừng, Người làm ruộng vui thích. Cũng thế, tâm tịnh tín, Văn, tuệ, xả keo bẩn, Tài sản, thức ăn nhiều, Thường thí ruộng phước tốt. Tăng thêm niềm hân hoan, Như mưa dông, ruộng tốt, Công đức chảy tràn khắp, Thấm ướt tâm thí chủ, Được danh tiếng, giàu sang, Và quả lớn Niết-bàn. Đức Phật nói kinh này xong, Vua Ba-tư-nặc nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi lui ra. *** 1146. BỐN HẠNG NGƯỜI5 Tôi nghe như vay: Một thời,

đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Khi ấy, Vua Ba-tư-nặc đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: Thế nào, bạch Thế Tôn? Người dòng Bà-la-môn qua đời rồi có sanh trở lại nhà Bà-la-môn của mình, hay sanh vào nhà Sát-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà-la? Đức Phật đáp: Này Đại vương! Đâu được như the! Đại vương nên biết có bốn hạng người. Là bôn hạng nào? Có hạng người từ tôi vào tôi, có hạng người từ tôi ra sáng, có hạng người từ sáng vào tối và có hạng người từ sáng ra sáng. Đại vương! Thế nào là hạng người từ tối vào tối? Nghĩa là có người sanh vào dòng thấp hèn, như sanh vào nhà Chiên-đà-la? nhà người săn bắn, bắt cá, chẻ tre, đẩy xe hoặc những nhà làm nghề hạ tiện khác, nghèo khổ5 đoản mạng, hình thể tiều tụy, rồi lại học theo những nghề thấp kém, cũng lại bị những người hạ tiện sai khiên. Đây gọi là tôi. ơ frong chô tôi này, thân lại làm ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác. Do nhân duyên này, khi qua đời sẽ sanh vào đường ác, rơi xuống địa ngục. Giống như có ngườd từ mê vào mê, từ nhà xí vào nhà xí, lấy máu rửa máu, bỏ ác lấy ác5 người từ tối vào tối cũng lại như vậy. Đó gọi là từ tối vào tối. Thê nào là từ tôi ra sáng? Nghĩa là có người sanh vào dòng tháp hèn... (cho đến) bị người khác sai làm những điều hèn hạ. Đây gọi là tối. Nhung người ấy ở trong tối này, thân làm việc lành, miệng nói lời lành, ý nghĩ điều lành. Nhờ

5 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp. (T.02.^0099.1146. 0304b27). Tham chiếu: Biệt Tạp. (02. 0100.69. 0398a01); Tứ nhân xuất hiện thê gian kinh (02. 0127. 0834c03); 3.21 . I. 209.



nhân duyên này, khi qua đời sẽ sanh vào đường lành, được sanh lên cõi trời. Ví như có người từ kiệu lên ngựa, từ ngựa lên voi, người từ toi ra sáng cũng lại như vậy. Đó gọi là từ tối ra sáng. Thế nào là người từ sáng vào tối? Nghĩa là có người sanh vào dòng giàu sang cao quý như những nhà Sát-lợi, Bà-la-môn hoặc trưởng giả, là những nhà rất nhiêu tiên của, nô tỳ, người làm công và thường nhóm họp thân quyên, băng hữu, thân thể đoan chánh, thông minh trí tuệ. Đây gọi là sáng, ở trong chỗ sáng này? người ây thân làm việc ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điêu ác. Do nhân duyên này, khi qua đời sẽ sanh vào đường ác, rơi xuống địa ngục. Ví như có người từ lầu cao xuông cưỡi voi lớn, từ voi xuồng ngựa, từ ngựa xuông xe, từ xe xuồng kiệu, từ kiệu xuống đất, từ đất rơi xuống hầm hố. Người từ sáng vào tối cũng lại như thế. Thế nào là người từ sáng ra sáng? Nghĩa là có người sanh vào nhà giàu sang cao quý... (cho đếrì) hình tướng đoan nghiêm. Đây gọi là sáng, ở trong chỗ sáng này, người ấy thân làm hạnh lành, miệng nói lời lành, ý nghĩ điều lành. Nhờ nhân duyên này, khi qua đời sẽ sanh vào đường lành, thọ thân cõi trời. Giống như có người từ lầu quán đến lầu quán... {cho đến) từ kiệu đến kiệu. Người từ sáng ra sáng cũng lại như thế. Đây gọi là từ sáng ra sáng. Á ! FT<*| Á rin _ _ r • l Bay giờ, The Ton noi kê: Người ban cùng khốn kho, Không niềm tin, sân hận, Nghĩ điều ác, tham tiếc, Si mê, không cung kính. Gặp Sa-môn, Đạo sĩ, Người trì giới, đa văn, Chăng ngợi khen, còn măng, Ngăn người cho và nhận. Những hạng người như thế, Đời này đến đời sau, Sẽ rơi vào địa ngục, Là từ tối vào tối. Nêu có người nghèo cùng, Tín tâm, ít san hạn, Thường sanh tâm hổ thẹn, Bố thí, lìa keo kiệt. Gặp Sa-môn9

Phạm chí, Người trì giới, đa văn, Đen thưa hỏi khiêm cung, Tùy nghi khéo cúng dường. Khuyên người nên bố thí, Khen người cho và nhận, Người tu hành như thế, Đời này đến đời sau, Sanh đường lành, cõi trời, Là từ tối ra sáng. Người giàu sang cao quý, Bất tín, nhiều sân hận, Tham tiếc, ác, ghét ganh, Tà mê? không cung kính, Gặp Sa-môn5 Phạm chí, Hủy báng, không khen ngợi Cản trở người bố thí, Cấm ngăn người đến nhận. Những người ác như thế, Đời này đến đời sau, Rơi vào kho địa ngục, Là từ sáng vào tối. Nêu người giàu của cải, Tín tâm, không sân hận, Thường có tâm hổ thẹn, Bố thí, lìa keo kiệt. Gặp Sa-môn5 Phạm chí, Người đa văn? trì giới,



Nghinh tiếp và thưa hỏi, Tùy nghi cấp vật dùng. Khuyên người nên cúng dường, Khen người cho và nhận, Những người như the đó, Từ nay đến đời sau, Sanh cõi trời Bao-lọi, Là từ sáng ra sáng. Đức Phật nói kinh này xong, Vua Ba-tư-nặc nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi lui ra. *** 1147. HIỂM HỌA NÚI ĐÁ6 A Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. J Bây giờ, vào lúc giữa trưa, Vua Ba-tư-nặc thân dính đây bụi, đi đên chô Phật, cúi đầu lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Đức Phật hỏi: Đại vương từ đâu đến? Vua đáp: -Bạch Thế Tôn! Con là vua đã được thọ pháp quán đảnh, tự tại giữa cõi người, tinh cần nỗ lực thống lãnh cõi đất, quản lý việc nước, xem xét khắp nơi, roi đen nơi đây. Đức Phật bảo: Ta nay hỏi Đại vương, hãy tùy ý trả lời. Ví như có người từ phương Đông đến, có tín, có duyên, chưa từng giả dối, tâu với vua rằng: "Thần từ phương Đông đen dây, thay ngọn núi đá vô cíing to lớn, không thủng không hoại, cũng không khuyết lõm, đang lăn đến dây, tát cả chúng sanh cho đến cỏ cây hoa lá đều bị nghiền naf9 Từ phương Nam, Tây và Bắc cũng có người đến, có tín, có duyên, chưa từng giả dôi, cũng đên tâu vua: "Thân thây núi đá vô cùng to lớn, không bê không hoại, cũng không khuyêt lõm, đang lăn đên đây? tát cả chúng sanh cho đến cỏ cây hoa lá đều bi nghiền nát." Đại vương! Ngài nghĩ thế nào? Những cảnh tượng kinh sợ, nguy hiểm như thế xảy đến, chúng sanh mất mạng, thân người khó giữ, phải tính thế nào? Vua bạch Phật: Nêu như thê thì chăng còn cách nào đê tính, chỉ găng tu thiện, đôi với Pháp và Luật của Phật phải chuyên tâm tinh tấn. Đức Phật hỏi: -Vì sao mà nói "khi có những việc kinh sợ, nguy hiểm bất chợt xảy đến, chúng sanh mất mạng, thân người khó giữ thì chỉ phải hành pháp, hành nghĩa,

6 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.1147. 0305ỒO6). Tham chiếu: Biêt Tạp. (rỏ2. 010Ó.70. 0398C09); y 3.25 - i. 224.



hành phước, đối với giáo pháp của Phật phải chuyên tinh hành tri"? Vì sao khônệ nói là "ngôi vua Quán đảnh, đứng đầu loài người, có thể tự tại, đối với cõi dát, mọi việc, mọi người, vua sẽ quản lý tất cả55? Vua bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Khi thanh bình mới nói ngôi vua Quán đảnh đứng trên mọi người, thống lãnh cối đất, quản lý nhiều việc, dùng lời đấu lời, dùng tiền đấu tiền, dùng tượng binh đấu tượng binh, dùng xa binh đấu xa binh, dùng bộ binh đau bộ binh. Nhtrng ngay lúc ấy,7 không được tự tại, dù thắng hay

bại. Thế nên con nói lúc hiểm nguy bất chợt xảy đến, chúng sanh mất mạng, thân người khó giữ, không cách nào khác, chỉ phải hành nghĩa, hành pháp, hành phước, đối với giáo pháp của Phật chuyên tâm quay về nương tựa. Đức Phật bảo:  Đại vương! Đúng thê, đúng thê! Trải qua hiêm họa nghiên nát, nghĩa là kiếp ác, già, bệnh, chết, khổ, não nghiền nát chúng sanh thì phải làm thế nào? Cần phải tu nghĩa, tu pháp, tu phước, tu thiện, tu tâm từ, ở trong Phật pháp siêng năng tinh tấn. Bay giơ, The Ton noi kẹ: Như có núi đá lớn5 To lớn không nát bể, Từ bốn phương lăn đến, Nghiền nát đại địa này, Không binh mã, chú thuật, Sức lực để phòng ngự. Như kiếp ác, già, chết, Thường nghiền nát chúng sanh, Bôn giai cáp chủng tộc, Thợ săn Chiên-đà-la. Tại gia và xuất gia, Người trì giới, phạm giới, Tất cả đều bị nghiền, Không ai cứu giúp nổi. Do đó người trí tuệ, Quán sát lợi chính mình, Tạo dựng lòng tinh tín, Tin vào Phật, Pháp, Tăng. Thân, khẩu, ý thanh tinh, Tùy thuận theo Chánh pháp, Hiện đời được tiếng khen, Lâm chung sanh cõi trời. Đức Phật nói kinh này xong, Vua Ba-tư-nặc nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi lui ra. *** 1148. QUÁN XÉT GIỚI HẠNH78 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

7 Tức lúc núi đá lăn xuống nghiền nát tất cả. 8 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1148. 0305c21). Tham chiếu: Biệt Tạp. (62. o 100.71. 0399al9); Tăng.(T.02. 0125.40.9. 0742b03); s. 3.11 - L 176.

1264  KINH TẠPA-HÀM

Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Khi ấy, có bảy người Ni-kiền tử,9 bảy người Xá-kỳ-la,9 bảy người 1011 Nhất-xá-la,11 thân thể thô lớn, đi tới đi lui ngoài cửa tinh xá Kỳ Hoàn. Từ xa, Vua Ba-tư-nặc nhìn thấy họ qua lại ngoài cổng, liền từ tòa đứng dậy, đi đến trước họ? chắp tay thăm hỏi và tự giới thiệu mình ba lần: "Tôi là Ba-tư-nặc9 vua nước Cau-tat-la?9 Rồi sau đó9 đức Phật hỏi vua: -Nay cớ sao ngài lại cung kính những người đó, ba lần tự xưng danh tánh, chắp tay thăm hỏi họ? Vua thưa:  Bạch Thế Tôn! Con nghĩ ở thế gian nếu có những vi A-la-hán thì đó chính là những vị này. Đức Phật bảo vua: -Ngài nên dừng lại! Ngài cũng không biêt đâu là A-la-hán và đâu không phải A-la-hán, bởi do ngài chưa chứng đắc Tha tâm trí.12 cần phải thân cận để quán xét giới hạnh của một con người trong một thời gian dài mới có the biết rõ, chớ vội phán quyết. Hãy xem xét kỹ, chớ có vội vàng; hãy dùng trí tuệ, không thể vô trí; phải trải qua khổ nạn thì mới có thể tự mình phân biệt rõ ràng; phải tranh luận trong khi kết giao thì mới có thể phân biệt thật giả; phải nghe nói năng trong một thời gian dài thì mới có the biết rõ5 không the bất ngờ mà biết, phải dùng trí tuệ để tư duy quán sát. Vua bạch Phật:  Hay thay, bạch Thế Tôn, khéo nói lý như vầy: 'Thải giao tiếp lâu ngày, quán xét giới hạnh của họ... cho đến nghe nói năng mới biết r6." Con có người nhà cũng đi xuất gia, mang hình tướng như những người kia, đi khăp các nước rồi lại trở về, cởi bỏ y phục và trở lại hưởng thọ năm dục. Do đó, con biết Thế Tôn nói đúng, phải nên cùng họ sống chung, xem xét giới hạnh của họ... cho đen nghe lời nói mới biết có trí tuệ hay không. Ấ • A npl Á r-p/\ r • *1 /X

Bay giơ, The Tôn noi kệ: Không do thấy hình tướng, Biết kẻ ác9 người lành, Không phải mới gặp nhau, Mà cùng đồng tâm chí. Hiện thân, khẩu nghiêm mật, Tâm tục, không

thúc liễm, Cũng như thiết, đá, đồng, Phết lên lớp vàng ròng. Trong ôm tâm tạp nhiễm, Ngoài hiện Thánh oai nghi, Đi khắp các cõi nước, Lừa dối khắp mọi người.

9 Ni-kiền tử ,Nigantha: Người sáng lập Kỳ-na giáo Jain. 10 Xá-kỳ-la Jatila: Đạo sĩ bện tóc. 11 Nhất-xá-la Ekasātaka: Đạo sĩ chỉ mang một y. 12 Tha tâm trí Cetopariyañānam: Trí biết được tâm niệm của người khác.



Đức Phật nói kinh này xong, Vua Ba-tư-nặc nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi lui ra. ***

1149. BẢY VỊ VUA13 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giờ, cả thảy bảy vi quốc vương do Vua Ba-tư-nặc đứng dầu, cùng các đại than nhóm họp rồi luận nghị như vầy: -Trong năm dục thì dục nào bậc nhất? Có người nói: Sắc là bậc nhất. Lại có người nói: Thanh, hương, vi, xúc là bậc nhất. Trong đó lại có người nói: Chúng ta mỗi người đều nói lên cái nhất của mình rồi, nhưng cuối cùng không thể xác quyết. Nay chúng ta cùng nhau đến chỗ Thế Tôn hỏi về nghĩa này, Thế Tôn dạy thế nào thì chúng ta hãy cùng ghi nhớ. Thê rôi? Vua Ba-tư-nặc dân đâu, cả thảy bảy vị quôc vương cùng các đại thần, quyến thuộc đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: Bạch Thế Tôn! Chúng con gồm bảy vị vua cùng các đại thần luận nghi như vầy: “Trong năm loại dục thì dục nào thù thắng hơn cả?" Có người nói sắc thù thắng, có người nói thanh thù thắng, có người nói hương thù thắng, có người nói vị thù thang, có người nói xúc thù thang, rốt cuộc không the xác định. Thế nên, nay chúng con mới đến đây xin hỏi Thế Tôn, rốt cuộc thì cái nào thù thắng hơn cả? Đức Phật đáp: Mỗi vi đều nói tùy theo ý thích riêng của mình, còn Ta thì nói khác. Do bởi nhân duyên này nên Ta nói về năm loại dục. Thật vậy, sẽ có người vừa ý đối với sắc, chỉ yêu thích một loại sắc là đã thỏa mãn chí nguyện của mình. Giả sử có sắc khác đẹp hơn, nhưng không phải là thứ yêu thích nên người ấy không màng đến, không thèm nhìn và cho rằng sắc mình yêu thích ấy là bậc nhất, không gì hơn được. Giống như người yêu thích sắc, người yêu thích thanh, hương, vxúc cũng lại như thế. Ngay nơi thứ mình yêu thích liền cho đó là thù

13 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.1149. 0305c21). Tham chiếu: Tạp.(02. 0100.72. 0399b28); Tăng. (T.02. 0125.33.1. 0681CÍ6); s. 3.12 - L 79.



thắng rồi vui mừng đắm nhiễm, những thứ không ưa muốn thì không màng đến, không thèm nhìn, chỉ cho rằng thứ mình yêu thích là tối thắng, tối diệu, không gì sánh bằng, không gì hơn được. Bấy giờ, giữa hội chúng có một ưu-bà-tắc tên là Chiên-đàn14 từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, bày vai phải, chắp tay bạch Phật rang: Thê Tôn nói rát đung! Thiện Thê noi rát hay! Đức Phật bảo ưu-bà-tắc: - Chiên-đàn rất khéo nói! Chiên-đàn thật khéo nói! Khi ấy, ưu-bà-tắc Chiên-đàn liền nói kệ rằng: Vua Ương-già quý tộc, Mặc áo giáp Anh lạc, Dân Ma-kiệt vui họp, Như Lai hiện nước này. Danh tiếng lan truyền khắp, Như núi chúa Tuyết Sơn, Như hoa sen thanh khiết, Thanh tịnh không tì vết. Nở theo ánh mặt trời, Hương thơm xông khắp nước, Sáng rỡ nước Anh-kỳ, Như

mặt trời giữa không. Quán trí tuệ Như Lai, Như đêm đốt đuốc sáng, Là mắt, là ánh sáng, Người đến, thoát nghi ngờ. Khi ấy, bảy vị vua đều khen ngợi rằng: uƯu-bà-tắc Chiên-đàn nói hay quá!" Rồi bảy vua đều cởi áo choàng bảy báu tặng cho Chiên-đàn. Sau khi bảy vị quốc vương nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, đứng dậy rồi ra đi. Bấy giờ, ưu-bà-tắc Chiên-đàn biết bảy vua đã đi rồi, liền đứng dậy sửa lại y phục, bày vai phải, chắp tay bạch Phật:  Hôm nay, bảy vị vua đã tặng cho con bảy chiếc áo, cúi xin Thế Tôn vì lòng thương xót mà thọ nhận bảy chiếc áo này! Bây giờ, đức Phật vì lòng thương xót nên thọ nhận bảy chiêc áo đó, xru-bà- tắc Chiên-đàn hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi lui ra. *** 1150. ĂN UỐNG BIẾT CHÙNG Mực15 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Khi ấy, Vua Ba-tư-nặc thân thể mập mạp, mồ hôi nhễ nhại, đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên, hơi thở hổn hển.

14 Chiêndàn ()p. Candanañgalika. 15 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1150. 0306c02). Tham chiếu: Biệt Tạp. (r.02. 0100J3. 0400a01)y 3.13-L81.



Bấy giờ, Thế Tôn bảo Vua Ba-tư-nặc: -Đại vương thân thể mập quá! Vua bạch Phật: Đúng thế, bạch Thế Tôn! Con đang lo lắng về cái thân quá mập này, rất hổ thẹn và khổ sở vì nó. The Ton liên noi kệ: Người nên tự buộc niệm, Ăn uống biết chừng mực, Thì các thọ giảm dần, An ổn và sống lâu. Khi ấy, có một thiếu niên tên là uất-đa-la ngồi giữa hội chúng, Vua Ba-tư- nặc liền bảo Uất-đa-la rằng:  Khanh hãy theo Thế Tôn thọ trì bài kệ Ngài vừa nói, đến mỗi bữa ăn thì đọc lên cho ta nghe được chăng? Nếu được ta sẽ ban cho mười vạn tiền vàng và cũng thường ban cho thức ăn. uất-đa-la tâu:  Xin tuân lệnh, thần sẽ đọc tụng! Vua Ba-tư-nặc nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi ra về. Khi ấy, uất-đa-la biết vua đã đi rồi, liền đến trước Thế Tôn xin thọ bài kệ ây, roi đên môi bữa ăn đêu tụng lên cho vua nghe như vây: “Tâu Đại vương! Như đức Phật, Thế Tôn, Như Lai, ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác, bậc Đã Thấy Đã Biêt đã nói kệ này: Người nên tự buộc niệm, An uông biêt chừng mực? Thì các thọ giảm dần, An ổn và sống lâu." Từ đó về sau, Vua Ba-tư-nặc thân thể gọn gàng, dung mạo đoan chánh, lên trên lâu hướng vê chô Phật, cung kính chăp tay, gói phải quỳ sát đất roi nói ba lần như vầy: ^Nam-mô kính lễ Thế Tôn, Như Lai, ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác. Nam-mô kính lễ Thế Tôn, Như Lai, ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác đã ban cho con lợi ích trong hiện tại, lợi ích ở đời sau. Đời này và đời sau đều được lợi ích nhờ ăn uống biết tiết đậy *** 1151. THIẾU NIÊN A-TU-LA16 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại nước Xá-vệ. Khi ấy, có một thiếu niên tên là A-tu-la đi đến chỗ Phật rồi dùng những lời bất thiện, thô ác, sân hận, mắng chửi, chỉ trích trước mặt đức Phật.

16 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1151. 0306c26). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 010074. 0400a23); Biệt Tạp. (T.02. 0101.25. 0498Ồ25); s. 7.3 - L 163.



Bay giờ, The Ton liên noi kẹ: Không sân thắng sân hận, Hiền thiện thắng hung tàn, Bo thí thang xan tham, Lời thật thắng hư dối. Không mắng chửi, bạo ngược, Thường trụ

tâm Thánh hiền, Dù người ác hận sân, vẫn bất động như núi. Che ngự cơn giận dữ, Hơn kem xe ngựa cuông, Ấy người đánh xe giỏi, Chẳng phải người cầm cương. Bấy giờ, thiếu niên A-tu-la bạch Phật rằng: Thưa Cù-đàm! Nay con xin sám hối, con thật ngu si, không biết phân biệt đâu là bất thiện, ở trước mặt Cù-đàm mà dám trách mắng, hủy nhục! Sám hối như vậy xong, A-tu-la nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi lui ra.

1152. THIẾU NIÊN TÂN-KỲ-CA17 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.* , Khi ấy, có thiếu niên Bà-la-môn tên là Tân-kỳ-ca đi đến chỗ Phật rồi dùng những lời bất thiện, thô ác, sân hận, mắng chửi, chỉ trích trước mặt đức Phật. _ r ĩ Bay giơ, The Ton hoi thiêu niên Tan-ky-ca: -Vào những ngày lành tháng tốt, ngươi có thường chiêu đãi bà con quyến thuộc hay không? Tân-kỳ-ca đáp: -Có chứ! Thưa Cù-đàm! Đức Phật hỏi: -Nêu thân quyên của ngươi không thọ nhận thức ăn thì phải làm sao? Tân-kỳ-ca đáp: - Nếu họ không nhận, thức ăn ấy vẫn thuộc về tôi. Phật bảo Tân-kỳ-ca: -Ngươi cũng như vậy! Trước mặt Như Lai, ngươi nhục mạ, trách mắng băng những lời bát thiện, thô ác nhưng Như Lai lại không nhận lấy thì những lời trách mắng ấy thuộc về ai? Tân-kỳ-ca đáp: Đúng thế, Cù-đàm! Tuy ông không nhận, nhưng tôi đã biếu tặng ông rồi thì xem như là đã cho. 17^Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1152. 0307al0). Tham chiếu: Biệt Tạp. (7.02. 0100.75. 0400b 10); s. 7.2 - L 161.

QUYỂN 42 1269

Đức Phật bảo Tân-kỳ-ca: Như the không the gọi là biếu tặng nhau, đâu thể bảo là đã trao cho nhau. Tan-ky-ca hỏi: -Thế nào mới gọi là biếu tặng nhau, thế nào gọi là đã trao cho nhau? Thế nào là không nhận quà biếu tặng nhau, cũng không the gọi là đã trao cho nhau? Đức Phật bảo Tân-kỳ-ca: Nên biết như vầy: Biếu tặng sự mắng chửi thì được đáp trả bằng sự mắng chửi, tặng sự sân hận thì được đáp trả bằng sự sân hận, tặng sự đánh đập thì được đáp trả bằng sự đánh đập, tăng sự tranh đấu thì được đáp trả bằng sự tranh đấu, như vậy mới gọi là biếu tặng lẫn nhau, mới gọi là đã trao cho nhau. Lại nữa, này Tân-kỳ! Nếu được ban tặng sự mắng chửi nhimg không đáp trả bằng sự mang chửi, được tặng sự sân hận mà không đáp trả bang sự sân hận, được tặng sự đánh đập nhưng không đáp trả bằng sự đánh đập, được tặng sự tranh đấu mà không [đáp] trả bằng sự tranh dấu, vậy thì chẳng thể gọi là biếu tặng cho nhau, chẳng the gọi là đã trao cho nhau. Tân-kỳ-ca thưa: Cù-đàm! Tôi từng nghe xưa kia có Trưởng lão kỳ đức Bà-la-môn, bậc Đại sư hành đạo nói rằng: "Đấng Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác khi bi mang chửi, nhục mạ, sân hận, quở trách thì không sân không hận^, nhưng nay Cù-đàm lại khởi sân hận? LÚC áy, The Ton liên noi kẹ: Không sân, đâu nổi sân? Chánh mạng nhờ điều phục, Chánh trí, tâm giải thoát, Người trí không sân hận. Lấy sân để trả sân, Ấy chính là người ác, Không lấy sân trả sân, Người trí khéo điều phục. Không sân thắng sân hận, (Ba đoạn kệ tiếp theo nói như ở kỉnh 1151 trên). Bấy giờ, thiếu niên Tân-kỳ-ca bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Con xin sám hối, con thật ngu si, không phân biệt đâu là bất thiện, ở trước Sa-môn Cù-đàm mà dám nhục mạ, trách mắng bằng những lời bất thiện, thô ác. Tân-kỳ-ca nghe lời Phật dạy xong, hoan hỷ và

tùy hỷ? đảnh lê roi lui ra. *** 1153. BUÔNG Bỏ THẮNG THUA18 Tôi nghe như vày:

18 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1153. 0307b 10). Tham chiếu: Biệt Tạp. (7.02. 010055. 0400b 10); Biệt Tạp.(T.02. 0100.76. 0400c 11); s. 7.2 - L 161.



Một thời, đức Phật ngụ tại giảng đường Lộc Tử Mau ở Đông Viên," thuộc nước Xá-vệ. Buổi chiều, sau khi xả thiền, Thế Tôn đến dưới bóng mát phía Đông giảng đường rồi kinh hành ở khoảng đất trống. Khi ấy, có Bà-la-môn tên là Kiện-mạ Bà-la-đậu-bà-giá19 20 đến chỗ Phật rồi dùng những lời bất thiện, thô ác, mắng chửi, chỉ trích trước mặt đức Phật. Thế Tôn kinh hành, ông ta cứ đi theo sau. Khi Thế Tôn kinh hành xong, dừng lại một chỗ thì Bà-la-môn đó hỏi: Cù-đàm chịu thua roi chăng? The Ton liên nói kẹ: Người thăng thì thêm oán, Người thua năm không yên, Thắng, thua đều buông bỏ, Được giấc ngủ an yên. Rồi thì, Bà-la-môn ấy bạch Phật. -Thưa Cù-đàm! Con xin sám hối! Con thật ngu si, không biết phân biệt đâu là bất thiện, sao lại ở trước mặt Cù-đàm mà dám phát ra những lời thô ác, bất thiện, mắng nhiếc, quở trách như thế chứ! Khi ấy, Bà-la-môn nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ rồi ra đi. ***

1154. TUNG BỤI NGƯỢC GIÓ21 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại giảng đường Lộc Tử Mau ở Đồng Viên,22 thuộc nước Xá-vệ. Sáng sớm, Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Lúc ấy, Bà-la-môn Kiện-mạ Bà-la-đậu-bà-giá từ xa nhìn thấy Thế Tôn, liền phát ra những lời thô ác, bát thiện, măng chửi, quở trách, lại còn tung bụi đát vào người đức Phật. Khi ấy, bỗng có cơn gió nghịch, thổi bụi bay ngược lại dính đầy thân ông ta. The Ton liên noi kẹ: Nếu người không sân hận, Bị nhục mạ bao lần, vẫn thanh tịnh, không nhơ, Ác trở về người chửi, Như dùng bụi ném người, Ngược gi6, bụi lấm thân.

19 Đông Viên Lộc Tử Mầu giảng đường ().Xem chú thích 121, kinh số 58, quyển 2, tr. 62; Tạp.(ỉr.02. 0099.58. 0014bl2). 20 Kiện-mạ Bà-la-đậu-bà-giá (,Akkosaka Bhāradvāja). 21 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1154. 0307Ồ23). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 010077. 0400C27); s. 7.4 - L 164. 22 Đông Viên Lộc Tử Mau giảng đường ().Xem chú thích 121, kinh số 58, quyển 2, tr. 62; Tạp.(T.02. 0099.58. 0014012).



Khi ấy, Bà-la-môn bạch Phật: y Thưa Cù-đàm! Con xin sám hối! Con thật ngu si, không biết phân biệt đâu là bất thiện, sao lại ở trước mặt Cù-đàm mà dám phát ra những lời thô ác, bất thiện, mắng nhiếc, quở trách như thế chứ! Khi ấy, Bà-la-môn nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ rồi ra đi. *** 1155. BÀ-LA-MÔN VI NGHĨA23 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hành trong nhân gian ở nước Câu-tát-la rồi đến vườn Cấp Cô Độc, trú trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Khi ấy, có Bà-la-môn tên là Vi Nghĩa24 nghe tin Sa-môn Cù-đàm du hành trong nhân gian ở nước Câu-tát-la rồi đến vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ? liền khởi niệm như vầy: "Ta sẽ đến chỗ Sa-môn Cù-đàm để nghe thuyết pháp, rồi phản bác lại giáo nghĩa ấy." Nghĩ như vậy xong, ông ấy liền đến tinh xá, tìm vào chỗ Thế Tôn. Bây giờ, vô lượng quyên thuộc đang

vây quanh Thê Tôn nghe thuyêt pháp. Thế Tôn từ xa nhìn thấy Bà-la-môn Vi Nghĩa đi đến, liền an tru trong yên lặng. Bà-la-môn Vi Nghĩa thưa: Cù-đàm hãy thuyết pháp! Tôi mong muốn nghe. The Ton liên noi kệ: Bà-la-môn Vi Nghĩa, Chưa hiểu nghĩa sâu xa, Trong lòng sân, ganh ghét, Chướng ngại đạo pháp này. Điều phục tâm chống báng, Những ý nghĩ bất mãn, Dứt hết các chướng ngăn, Mới hiểu nghĩa thâm diệu. Khi ấy, Bà-la-môn Vi Nghĩa nghĩ rằng: "Sa-m6n Cù-đàm đã biết tâm ta.” Sau khi nghe đức Phật dạy xong, Bà-la-môn ây hoan hỷ và tùy hỷ, từ chô ngồi đứng dậy rồi ra đi. *** 1156. BÀ-LA-MÔN BẤT HẠI25 _ . Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

23 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp, (T.02. 0099.1155. 0307c07). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 010078. 0401al2); Biệt Tạp.(T.02. 0101.7. 0495a01); s. 7.16 - L 179. 24 Vi Nghĩa (,Paccanīkasāta). 25 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.1156. 0307c22). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100.79. 0401b02); Biệt Tạp. gij® (È02. 0101.26. 0498cl0); s. 7.5 - L 164.



Sáng sớm, Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Khi ấy, có Bà-la-môn tên Bất Hại26 đi đến chỗ Phật, thưa rằng: -Bạch Thế Tôn! Con tên Bất Hại, tên ấy có xứng đáng với con không? Đức Phật bảo: Như thế này mới xứng đáng! Thân không gây hại, miệng không gây hại và tâm không gây hại, đây mới là xứng đáng. Bay giơ, The Ton liên noi kẹ: Nếu thân không sát hại,27 Miệng, ý cũng ĩủiư thế, Ấy là lìa sát hại, Không khủng bố chúng sanh. Đức Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn Bất Hại nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ rồi ra đi. ***

1157. BÀ-LA-MÔN HỎA DỮ28 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-dà, thuộc thành Vương Xá. Sáng sớm, Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thành Vương Xá tuần tự khất thực rồi dừng lại trước nhà Bà-la-môn Hỏa Dữ.29 Từ xa trông thấy đức Phật đi đến, Bà-la-môn liền đem thức ăn ngon cúng dường đầy bát Thế Tôn. Hai ba ngày liên tiếp như vậy, Thế Tôn cứ đến nhà này khất thực, Bà-la-môn Hỏa Dữ từ xa trông thấy Phật lại đến, liền nghĩ rằng: "Sa- môn trọc đầu này sao cứ đến đây mãi, vì tham thức ăn ngon chang?" Bấy giờ, Thế Tôn biết được ý nghĩ của Bà-la-môn Hỏa Dữ, liền nói kệ: Trời mỗi ngày đổ mưa, Nông phu ngày đêm cày, Thường gieo trồng thóc giống, Ruộng ấy lúa thường thu. Như mẹ mang thai con, Bò sữa mang thai nghé, Đối với người đến xin, Luôn có lòng bố thí, Do thường hay bô thí, Nên luôn được tiếng thơm. Nhiều lần bỏ thây chết, Nhiều lần khóc luyến thương,

26 Bất Hại ,Ahimsaka. 27 Nguyên tác: Nhược tâm bất sát hại, khẩu ý diệc câu nhiên .Chữ "tâm" có khả năng bị chép nhầm chữ "thân”.Tham chiếu: s. 7.5 - L 352: Yo ca kāyena vācāya, manasā ca na himsati Ai với thân, miệng, ý / Không làm hại một ai, HT. Thích Minh Châu dịch. Biệt Tạp.7L02. 0100.79. 0401b08: Than bất hủy hoại/ khẩu ý diệc nhiên Ban dịch bo sung theo sự tham chiếu. 28 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.1157. 0308a03. Tham chiếu: Biệt Tạp. roi 010080. 0401M1; s. 7.12 - L 173. 29 Hỏa Dữ Bà-la-môn

.s. 7.12 - L 173: Kasibhāradvāja Brāhmana Bà-la-môn Kasi Bhāradvāja. Sn. 1.4 - 12, Sundarikā Bhāradvāja, là vị Bà-la-môn cúng tế lửa bên bờ sông Sundarikā. Bản Hán chưa xác định rõ ràng về 2 vị Bà-la-môn này.



Cứ sanh rồi lại tử, Cứ mãi khổ, đau buồn, vẫn thường châm lửa đốt, vẫn thường bị trùng ăn. Nếu đắc đạo Hiền thánh, Khỏi mãi chịu tram luân, Cũng không mãi sống chết, Không mãi khổ, đau buồn, Không mãi bị lửa Không mãi bi trùng ăn. Bấy giờ, Bà-la-môn Hỏa Dữ nghe đức Phật nói kệ xong, liền phát khởi tín tâm trở lại, liền đem thức ăn đầy bát cúng dường lên Phật, nhưng Thế Tôn không nhận vì do nói kệ mới được cúng. Rồi Ngài lại nói kệ: Khi thuyết giảng kệ? pháp, Không nên nhận thức ăn, Quán sát pháp do dâu,3 Thuyết pháp, không thọ thực, Bà-la-môn nên biết, Đó là sống trong sạch. Lần khác nên cúng dường, Bậc Đại Tiên thuần tịnh, Đã sạch hết hữu lậu, Đã dứt mọi nhiễm ô. Đem thức ăn cúng dường, Đen ruộng phước tốt ấy, Nếu muốn gieo phước dức, Thì ruộng Ta là tốt. Bà-la-môn Hỏa Dữ bạch Phật: Nay thức ăn này nên đặt nơi đâu? Đức Phật bảo: -Ta không thấy chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn, Bà-la-môn? thiên thần hay người nào có thể thọ dụng thức ăn của tín thí này mà thân được an lạc. Vậy ông nên đem thức ăn này bỏ vào trong nước không có trùng hoặc chỗ đất ít có cỏ mọc. Khi ấy, Bà-la-môn liền đem thức ăn này bỏ vào trong nước không có trùng, nước liền bốc khói, sôi lên nghe xèo xèo. Ví như bỏ viên sắt nung đỏ vào trong nước, nước liền bốc khói, phát ra tiếng xèo xèo. Cũng thế, Bà-la-môn đem thức ăn này bỏ vào trong nước, nước liền bốc khói, phát ra tiếng xèo xèo. Khi ấy, Bà-la-môn Hỏa Dữ khen rằng: Kỳ lạ thay! Cù-đàm đức độ lớn, oai lực lớn, có thể khiến thức ăn này hiện thần biên. Do thấy thức ăn hiện thần biến như thế, Bà-la-môn Hỏa Dữ phát tâm kính tín, đảnh lễ sát chân Phật, đứng qua một bên rồi thưa: Bạch Thế Tôn! Nay con có thể ở trong Chánh pháp để xuất gia, thọ giới Cụ túc và tu Phạm hạnh chăng? Đức Phật đáp: Ông nay có thể ở trong Chánh pháp mà xuất gia, thọ giới Cụ túc!*

30 Nguyên tác: Đương quán sát tự pháp .Tự dùng trong nghĩa từ đâu đến, do duyên gì iK •



Sau khi xuất gia rồi, vị ấy thường suy nghĩ đến lý do khiến người thiện nam cạo bỏ râu tóc, khoác y cà-sa, có lòng tin chân chánh, rời bỏ gia đình, xuất gia học đạo... (cho đến) đắc quả A-la-hán, tâm hoàn toàn giải thoát.31 ***

1158. VỢ CHỒNG BÀ-LA-MÔN32 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, nước Xá-vệ có thiếu phụ Bà-la-môn tên là Bà-tứ-tra33 rất kính tin Phật, Pháp, Tăng; đã quy ỵ Phật, quy y Pháp và quy y Tỳ-kheo-tăng; đối với Phật, Pháp, Tăng đã dứt hết nghi ngờ; đối với khổ, tập, diệt, đạo3435 đã dứt hết nghi ngờ; đã chứng quả nhờ thấy chân ly,35 được Vô gián tuệ.36 Chồng của bà là Bà-la-môn Bà-la-đậu-bà-giá.37* Khi làm bát cứ việc gì, có chút ít được mát, bà liên xưng niệm "Nam-m6 '.li' Phát" và hướng vê phương mà Như Lai đang trú, chăp tay nói ba lân: "Nam-mô Như Lai, ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác,38 thân

sắc vàng ròng, tỏa sáng một tầm, thân thể đầy đặn như cây Ni-câu-luật, khéo nói Diệu pháp, đấng Mâu-ni tôn quý, bậc Tiên Nhân thượng thủ, là Đại sư của con!" Chồng của bà nghe vậy, nổi giận không vui, liền nói với vợ mình: Bà bị quỷ ám chăng? Không có lý gì mà bà lại bỏ các Bà-la-môn đức lớn và đầy đủ tam minh39 rồi đi xưng tán lão Sa-môn trọc đầu ấy. Ông ta là hạng người hắc ám, đời không ai khen. Bây giờ, tôi sẽ đến tranh luận với ông thầy của bà, sẽ biết rõ ai hơn ai. Người vợ nói với chồng: -Tôi chưa từng thây chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn và người nào mà có thể cùng tranh luận với Thế Tôn? đấng Như Lai, ứng Cúng, Đẳng

31 Nguyên tác: Thiện giải thoát (,suvimuttà). Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển l, tr. 19; Tạp.(7.02. 0099.22. 0004c20). 32 Tựa đe đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.1158. 0308020). Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099^111^0295024); Tạp.(7L02. 0099.1309. 0360b03); Biệt Tạp.q (7.02. 0100.81. 0401c20); BietTap B(r.02. 0100.45. 0388c27); Biệt (r.02. 0100.308. 0478c06);P/z0p củ tính ếí (7^4. 0210.2. 0568a02); Xuất diếu kinh (fo4. 0212.20. 0713b05); Pháp tập yêu tụng kinh (7J04. 0213.2. 0787aÓ8); s. 1.71 - L 41; s. 2.3 - L 47; s. 7.1 - L 160; s. 11.21 - L 237. 33 Bà-tứ-tra (. 34 Nguyên tác: Khổ, tập, tận, đạo (). 35 Nguyên tác: Kiến đế đắc qu():Thấy rõ chân lý, chứng quả Dự lưu. 36 Bản Tống, Nguyên, Minh ghi: Vô văn tuệ ().Có thể là "V6 gián dẳng"(),chỉ cho quả vị Dự lưu. 37 Bà-la-đậu-bà-giá (Bhāradvāja). Hy tác: Nam-mô Đa-đà-a-già-độ, A-la-ha, Tam-miệu-tam Phật-đà (, Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa). 39 Tam minh ()chỉ cho việc tinh thông 3 bộ Vệ-đà.

QUYỂN 42 1275

Chánh Giác, thân sắc vàng ròng, tỏa sáng một tầm, thân thể đầy đặn như cây Ni-câu-luật, là bậc Tiên Nhân thượng thủ, khéo nói pháp vi diệu, là Đại sư của tôi. Nhưng nay ông hãy cứ đến, tự mình sẽ biết. Thế rồi, Bà-la-môn ấy liền đến chỗ Phật, thăm hỏi nhau xong liền ngồi xuống một bên rồi dùng kệ hỏi Phật: Đoạn trừ40 những thứ gi, Ngủ nghỉ được an ổn? Đoạn trừ những thứ gì9 Đe tâm không lo buồn? Đoạn trừ những thứ gì5 Được Cù-đàm khen ngợi? Bay giơ, The Ton biêt tam niệm cua Bà-la-môn, liên noi kệ đáp: Người đoạn trừ sân hận, Ngủ nghỉ được bình an, Người đoạn trừ sân hận, Thì tâm không lo buồn. Sân hận là gốc độc, Làm hại hạt giống tốt, Khéo dứt trừ sân hận, Được Thánh hiền ngợi khen, Khéo dứt trừ sân hận, Tâm sẽ không buồn lo. Bây giờ, Bà-la-môn Bà-la-đậu-bà-giá nghe đức Phật giảng thuyết, mở bày, dạy bảo, khích lệ? khiến cho hoan hỷ. Rồi Phật thuyết pháp theo thứ lớp, nghĩa là nói về bố thí, nói về trì giới, nói về pháp sanh thiên, nói về mê đắm dục lạc là tai họa phiền não, rồi lại phân biệt nói rộng về thanh tịnh nhờ giải thoát, viễn ly, tùy thuận phước lợi thanh tịnh. Như tấm vải trắng dễ nhuộm màu, cũng vậy, Bà-la-môn ấy ngay tại chỗ ngồi đã khônệ còn ngăn ngại đối với bốn Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo. Nghĩa là Bà-la-môn áy đã thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, thể nhập giáo pháp, thoát khỏi nghi hoặc, không do ai khác mà được độ thoát, ở trong Pháp, Luật, được vô sở úy. Thế rồi, Bà-la-môn Bà-la-đậu-bà-giá liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa bày vai phải, chắp tay bạch Phật: Con đã được độ, bạch Thế Tôn! Con đã được độ, bạch Thiện Thệ! Nay con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y

Tỳ-kheo-tăng, từ nay cho đên trọn đời nguyện làm một ưu-bà-tắc, xin Ngài chứng tri cho con. Bấy giờ, Bà-la-môn Bà-la-đậu-bà-giá nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ? đảnh lễ rồi lui ra, trở về nhà của mình. Người vợ từ xa nhìn thây chông vê, liên hỏi: Ông đã tranh luận với Đại sư của tôi, đức Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, thân sắc vàng ròng, tỏa sáng một tầm, thân thể đầy đặn như cây Ni-câu-luật, khéo nói Diệu pháp, bậc Tiên Nhân thượng thủ, đấng Mâu-ni tôn quý hay chưa? Ông chồng đáp: -Tôi chưa từng thấy chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn, Bà-la- môn, thiên thần hay người đời nào có thể tranh luận với Đại sư của bà, đức Như

40 Nguyên tác: Sát ().s. 7. l - L 160: Chetvā (cắt đứt, đoạn trừ).



Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, thân sắc vàng ròng, tỏa sáng một tầm, thân thể đầy đặn như cây Ni-câu-luật, khéo nói Diệu pháp, bậc Tiên Nhân thượng thủ, đang Mâu-ni tôn quy! Bây giờ bà sắm cho tôi một pháp y tốt, để tôi đem theo đến chỗ Thế Tôn xuất gia học đạo. Người vợ liền lấy xấp vải tốt để may pháp y. Lúc ấy, Bà-la-môn đem y đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Ngài, đứng qua một bên rồi thưa: Bạch Thế Tôn! Nay con có thể ở trong Chánh pháp của Thế Tôn mà xuất gia học đạo, tu hành Phạm hạnh chăng? Đức Phật bảo vị Bà-la-môn: -Ông nay có thể ở trong Chánh pháp và Giới luật này xuất gia học đạo, tu hành Phạm hạnh. Sau khi được xuất gia rồi? Bà-la-môn ấy thường một mình ở chỗ vắng suy nghĩ đen lý do khiến người thiện nam cạo bỏ râu tóc? khoác y càsa, có lòng tin chân chánh, rời bỏ gia đình, xuất gia học đạo... (cho đến) đắc quả A-la-hán, tâm hoàn toàn giải thoát. ***

1159. BÀ-LA-MÔN MA-CÙ41 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. , Bấy giờ, có Bà-la-môn tên là Ma-cù42 đi đến chỗ Phật, cùng nhau chào hỏi xong, ngồi sang một bên rồi thưa: Bạch Cù-đàm! ở nhà con thường hay bố thí, nếu có một người đến, con ban cho một người, hai người cho đến trăm ngàn người con cũng đều ban cho. Con bố thí như thế có được nhiều phước chăng? Đức Phật trả lời: Ong bô thí như thê, chăc chăn được phước rát lớn. Vì sao như vậy? Vì nhà ông thường hành bố thí, một người đến xin liền ban cho một người, hai người, ba người cho đen trăm ngàn người đến xin, ông cũng đều ban cho, như thế được phước rất lớn. Bấy giờ, Bà-la-môn Ma-cù liền nói kệ: Tại gia thường tổ chức, Những hội bố thí lớn, Với sự bố thí này, Muốn cầu công đức lớn. Nay hỏi đấng Mâu-ni, Những điều con cần biết,

41 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1159. 0309a20). Tham chiếu: Biệt Tạp. (r.02. 0100.82. 0402b 11); 5«. 3.5-87. 42 Ma-cù (Māgha).



Giông chô biêt Phạm thiên, Xin vì con phân giải. Sao đê được giải thoát, về cõi lành, thắng diệu? Phải tu tập thế nào, Được sanh về cõi Phạm? Vui bố thí thế nào, Sanh cõi Phạm thù thắng? Khi ấy, Thế Tôn nói kệ đáp: Người lập hội thí lớn, Theo đó thích bố thí, Hoan hỷ, tâm tinh tín, Duyên theo công đức lành. Với sự kiến lập đó, Cau xa lìa tội ác, Xa lìa các tham dục, Tâm kia khéo giải thoát. Tu tập lòng từ bi, Công đức ấy vô

lượng, Lại càng thêm chí thành, Mở đại hội thí rộng. Nếu ở trong hội ấy, Có được các tâm lành, , M • ọ • r

Hướng đên khéo giải thoát, Hoặc đến đường thuần thiện. Nhân thù thắng như thế, Được sanh về cõi Phạm, Bố thí được như thế, Nhờ tâm kia bình đang, Sẽ sanh về cõi Phạm, Thọ mạng được lâu dài. Bây giờ, Bà-la-môn Ma-cù nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, đứng dậy rồi lui ra. *** 1160. HAI LOẠI THANH TỊNH43 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Bà-la-môn dẫn đoàn tùy tùng cầm lọng vàng,44 mặc xá-lặc4546 đi đến chỗ Phật, thăm hỏi nhau xong, ngồi sang một bên rồi nói kệ: Phải là Bà-la-môn, Sở hành mới thanh tịnh, Sát-lợi tu khổ hạnh, Chẳng thể đưa đến tinh. Bà-la-môn tam điển/6 Đích thực là thanh tịnh, Người thanh tịnh như thế, Chúng sanh khác không có. , nnl - Ạ rqp f • *1 A JL r The Ton noi kẹ đáp: Không biết đạo thanh tịnh, Và các tịnh vô thượng, Tìm tịnh ở nơi khác, Rốt cuộc không được tịnh.

43 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r.02. 0099.1160. 0309Ồ23. Tham chiếu: Biệt *. ro, 010083. 0402c08; s. 7.7 - L 165. 44 Nguyên tác: Kim cái :Lọng vàng. Bản Tống, Nguyên, Minh ghi là "hoa c":Lọng hoa. 45 Nguyên tác: Xá-lặc ,còn gọi là "x§-tra-ca”,s. śātaka. Bản Thánh ghi "kimiac", “niSt.n-tng”,nghĩa là hạ y, xà-rông. 46 Tam điển chỉ cho vị Bà-la-môn tinh thông 3 bộ Vệ-đà.



Bà-la-môn bạch Phật: Cù-đàm vừa nói về đạo thanh tịnh và thanh tịnh vô thượng. The nào là đạo thanh tịnh? Thế nào là thanh tịnh vô thượng? Đức Phật trả lời: Chánh kiên là đạo thanh tinh. Nêu tu tập và tu tập thuần thục vê chánh kiến thì đoạn trừ tham dục, đoạn trừ sân hận và đoạn trừ ngu si. Nếu Bà-la-môn nào đoạn tận tham dục? sân hận, ngu si, đoạn sạch tát cả phiên não, gọi là thanh tịnh vô thượng. Chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định gọi là đạo thanh tịnh. Khi tu tập và tu tập thuần thục về chánh đinh rồi thì đoạn trừ tham dục, đoạn trừ sân hận và đoạn trừ ngu si. Nếu Bà-la-môn nào đoạn tận tham dục, sân hận, ngu si, đoạn sạch tất cả phiền não, gọi là thanh tịnh vô thượng. Khi ấy, Bà-la-môn nói rằng: Cù-đàm còn giảng vê đạo thanh tịnh và thanh tịnh vô thượng nữa chăng? Thế gian nhiều việc, bây giờ xin cáo từ. Đức Phật đáp: - Nên biết đúng lúc! Bà-la-môn dẫn đoàn tùy tùng cầm lọng vàng, mặc xá-lặc ấy nghe lời Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy rồi ra về. ***

1161. BÀ-LA-MÔN LA-HÁN47

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, có vị Bà-la-môn đi đến chỗ Phật, thăm hỏi Thế Tôn xong, ngồi sang một bên rồi dùng kệ hỏi Phật:

J Thế nào lathì-la?48 Thế nào đủ oai nghi?

Thế nào là công đức? Thế nào gọi là nghiệp?

Tu pháp nào để thành, Bà-la-môn La-hán?

Đức Phật nói kệ đáp:

Trí biết được đời trước, Thấy sanh thiên, cõi ác?

Các thọ sanh đã hết, Mâu-ni49 xác quyết rõ.

47 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1161. 0309cl9). Tham chiếu: Biệt Tạp. (roi 010084. 0403a08). Thi-la ():Giới luật. 49 Mâu-ni ()Bậc Thánh hiền, bậc Tôn quý, bậc Tĩnh mặc.



Biết tâm khéo giải thoát, Giải thoát tất cả tham, Đầy đủ cả Ba minh,50 Ba minh Bà-la-môn. Đức Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy rồi ra đi. ***

1162. HAI VỢ CHỒNG GIÀ50 51 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà5 thuộc nước Xá-vệ. Sáng sớm, Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Tôn giảA-nan theo sau Thế Tôn. Bay giờ, có hai vợ chồng già tuổi cao sức yếu, lưng còng như móc câu, đến chỗ đốt rác ở đầu ngõ hẻm rồi cùng ngồi xổm mà hơ lửa. Thế Tôn thấy hai vợ chồng già tuổi cao sức yếu, lưng còng như móc câu rồi cùng nệôi xôm hơ lửa, giống như đôi chim hộc52 già quân quýt bên nhau. Thấy roi, The Ton hỏi A-nan: Thầy có thấy hai vợ chồng già kia tuổi cao sức yếu, lưng còng như móc câu roi cùng ngôi xôm hơ lửa, giống như đôi chim hộc già quấn quýt bên nhau chăng? A-nan thưa: - Thưa có, bạch Thế Tôn! Đức Phật bảo A-nan: Hai vợ chồng già này, thời trẻ tuổi tráng kiện, nếu chịu khó làm ăn thì họ có thể trở thành trưởng giả giàu có bậc nhất thành Xá-vệ; còn nếu cạo bỏ râu tóc, đắp y cà-sa, có lòng tin chân chánh, rời bỏ gia đình, xuất gia học đạo, tinh cần tu tập thì cũng có thể chứng được quả vi cao nhất là A-la-hán. Nấu ở giai đoạn thứ hai của cuộc đời, thân thể vẫn tráng kiện, nếu siêng năng làm ăn thì họ có thể trở thành người giàu thứ hai thành Xá-vệ; còn nếu cạo bỏ râu tóc, đắp y cà-sa, có lòng tin chân chánh, rời bỏ gia đình, xuất gia học đạo, tinh can tu tập thì cũng có thể chứng quả A-na-hàm. Nếu ở giai đoạn thứ ba của cuộc đời, tức thời trung niên, nếu siênẹ năng làm ăn thì có thể trở thành người giàu thứ ba trong thành Xá-vệ; còn nêu cạo bỏ râu tóc, đắp y cà-sa, có lòng tin chân chánh, rời bỏ gia đình, xuất gia học đạo, tinh cần tu tập thì cũng có thể chứng quả Tư- đà-hàm. Nhimg họ ngày hôm nay, tuổi già sức yếu, không có tiền tài, không có phương tiện, không có khả năng, cũng không giỏi giang, nếu muốn kiếm ra tiền bạc của cải cũng không có cách nào hơn người khác được.

50 Tam minh gồm Túc mạng minh ,Thiên nhãn minh và Lậu lân minh . 51 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.7.02. 0099.1162. 0310a04. Tham chiếu: Biệt Tạp. r.02. 010085. 0403a20. 52 Nguyên tác: Hộc ,một loài chim cổ dài, bay cao, còn gọi là thiên nga, ngỗng trời hoặc chim hộc.



nni Ạ fTi A 1 • Ạ 1

Thê Tôn liên noi kẹ:
Vì không tu Phạm hạnh, Không tuổi trẻ, tài sản,
Suy nghĩ việc xa xưa, Ngủ đất như cung cong,
Không tu hành Phạm hạnh, Không tuổi trẻ, tài sản,
Giong như chim hộc già, Chết rũ nơi đầm trống.
Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.
***
1163. GIÀ, CHẾT VÀ BỐ THÍ53
A
Tôi nghe như vậy:
Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước
Xá-vệ.,
(Giống như kỉnh trên đã nói, chỉ khác biệt ở bài kệ sati)9
.
Già, chết đưa đến hoại, Thân và cảm thọ diệt,
Chỉ có phước bố thí, Là tư lương theo mình.
Nương nơi thiện nhiếp hộ9 Tọa thiên, tu công đức,
Tùy sức mà bố thí, Tiền tài và ẩm thực,
Tỉnh thức giữa quần mê, Không để đời uổng phí.
Đức Phật nói kinh này xong, vị Bà-la-môn nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi ra đi.54
5^Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp. B(r.02. 0099.1163. 0310ỒỒ04). Tham chiếu: Biệt Tạp. (roi 0100.86. 0403b 10); Biệt Tạp.(T.02. 0100.87. 0403c12); A. 3.52-53 - L 156. 54 Bản Hán, hết quyển 42.

QUYỂN 43 1281

QUYỂN 43 1164. DO ÁI ĐAN DỆT1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Lộc Uyển, trú xứ của Tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại. Bấy giờ, có số đông Tỳ-kheo nhóm họp ở giảng đường rồi bàn luận như vầy: Các Tôn giả! Như Thế Tôn nói Kinh Đê-xá-di-đức-lặc thưa hỏi. ở phẩm Ba-la-diên như vầy:1 2 Người biết hai cực đoan, Khoảng giữa không dính mắc, Gọi là Đại trượng phu, Không đoái hoài năm dục, Không phiền não gông cùm, Thoát ưu phiền đan dệt. Các Tôn giả! Đây có nghĩa gì? Thế nào là cực đoan? Thế nào là hai cực đoan? Thế nào là khoảng giữa? Thế nào là đan dệt? Thế nào là tư duy, dùng trí mà biết, dùng liễu tri mà liễu tri, biết điều cần biết rồi, liễu tri điều cần liễu tri rồi thì vượt thoát khổ đau? Có người trả lời: r y

Sáu căn là cực đoan thứ nhát, sáu trân là cực đoan thứ hai, thọ là khoảng giữa, ái là đan dệt. Do ái3 đan dệt nên thân duyên vào chỗ này chỗ kia, dần dần tăng trưởng rồi được sanh thành.4 Đối với điều này, nếu dùng trí mà biết, dùng liễu tri mà liễu tri, biết điều cần biết rồi, liễu tri điều cần liễu tri rồi thì vượt thoát kho đau. Lại có người nói: Đời quá khứ là cực đoan thứ nhất, đời tương lai là cực đoan thứ hai, đời hiện tại gọi là khoảng giữa, ái là đan dệt. Do ái đan dệt nên thân duyên vào chỗ này chỗ kia, dần dần

tăng trưởng rồi được sanh thành... (cho đến) vượt thoát khổ đau.

1 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1164. 0310b20). Tham chiếu: A. 6.61 - m. 399. 2 Ba-la-diên Đê-xả-dỉ-đức-lặc sở ():Những câu hỏi của Đê-xá-di-đức-lặc (Tissametteyyamānava puccha)^ trong phàm Ba-la-diên (Parāyanā). Tham chiêu: A. 6.61 - III. 399: Thế Tôn đa nói như sau trong "Con đường đến bờ bên kia" trong câu hỏi của Metteyya (HT. Thích Minh Châu dịch). 3 Nguyên tác: Thọ ().A. 6.61 - III. 399: Tanhā (ái). Bản dịch hiệu chú theo bản Pali.

4 Nguyên tác: Tập ư thọ giả, đắc bỉ bỉ nhân thân, tiệm chuyển tăng trưởng xuất sanh ( )• Ả. 6.61 - III. 399: Tanhā hỉ nam sibbati tassa tasseva bhavassa abhinibbattiyā (Ái là người thợ dệt; vì rằng ái dệt nên khiến cho vị ấy phải sanh ở hữu này), HT. Thích Minh Châu dịch.



Lại có người nói: Cảm thọ lạc là cực đoan thứ nhất, cảm thọ khổ là cực đoan thứ hai, không khổ không lạc là khoảng giữa, ái là đan dệt. Do ái đan dệt nên thân duyên vào chỗ này chỗ kia, dần dần tăng trưởng rồi được sanh thành... (cho đến) vượt thoát khổ đau. Lại có người nói: Hữu là cực đoan thứ nhất, sự tập khởi là cực đoan thứ hai, thọ là khoảng . r : 7 giữa, ái là đan dệt... (cho đên) vượt thoát khô đau. Lại có người nói: Thân là cực đoan thứ nhất, sự tập khởi của thân là cực đoan thứ hai, ái là r L

đan dệt... (cho đên) vượt thoát khô đau. Lại có người nói: Những điêu chúng ta đưa ra không đông nhát, dân đên có nhiêu thuyêt khác nhau, không mong gì hiểu rõ. Trong Kinh Đê-xả-di-đức-lặc thưa hỏi, phẩm Ba-la-diên? Thế Tôn có chỉ dạy thêm gì không? Chúng ta nên đến chỗ Thế Tôn để thưa hỏi, rồi chúng ta sẽ phụng trì theo lời Thế Tôn dạy. Thế rồi những vi Tỳ-kheo ấy cùng đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài, ngồi sang một bên và thưa: Bạch Thế Tôn! Vừa rồi các Tỳ-kheo nhóm họp ở giảng đường, bàn luận như vầy^ "Trong Kỉnh Đê-xá-di-đức-lặc thưa hỏi, phẩm Ba-la-diên, Thế Tôn có nói về hai cực đoan, (cho đến) vượt thoát khổ đau.99 Có người nói rằng: uSáu căn là cực đoan thứ nhất, sáu trần là cực đoan thứ hai, thọ là khoảng giữa, ái là đan dệt.y (nói đây đủ như trên). Chúng con không thê quyêt định được, nên hôm nay cùng nhau đến thưa hỏi Thế Tôn về ý nghĩa này. Trong chúng con, ai là người hiểu đúng nghĩa ấy? Phật nói với các Tỳ-kheo: Những gì các thầy nói đều đúng. Nay Ta sẽ nói thêm cho các thầy nghe về điều còn lại trong kinh ấy. Trong Kinh Đê-xá-di-đức-lặc thưa hỏi. phẩm Ba-la-diên, Ta còn có nói như vầy: Xúc là cực đoan thứ nhất, sự tập khởi của xúc là cực đoan thứ hai, thọ là khoảng giữa, ái là đan dệt. Do ái đan dệt nên thân duyên vào chỗ này chỗ kia, rồi duyên với xúc mà tăng trưởng rồi được sanh thành. Đối với điều này, nếu dùng trí mà biết, dùng liễu tri mà liễu tri; biết điều cần biết rồi, liễu tri điều cần liễu tri rồi thì vượt thoát khổ đau. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***



1165. TÔN GIẢ TÂN-ĐẦU-LÔ5 Tôi nghe như vay: Một thời, Tôn giả Tân-đầu-lô6 ngụ tại vườn Cù-sư-la, thuộc nước Câu- diệm-di.7 Bấy giờ, có vua nước Bà-tha tên

Ưu-đà-diên-na8 đến chỗ Tôn giả Tân-đầu- 16, thăm hỏi nhau xong, vua ngồi sang một bên rồi thưa với Tôn giả: Tôi có điều muốn hỏi, không biết Tôn giả có thời gian để giải đáp cho chăng? Ton gia Tan-dau-lo đáp: Đại vương cứ hỏi, nếu biết thì tôi sẽ trả lời. Vua Ưu-đà-diên-na nước Bà-tha hỏi Tôn giả Tân-đầu-lô: Do nhân gì, duyên gi mà các Tỳ-kheo trẻ tuổi xuất gia chưa lâu trong giáo pháp, được sông rát an ôn, các căn tươi vui, dung mạo thanh tịnh, da dẻ tươi sáng, ưa thích tĩnh lặng, sông đời thong dong, tâm tính chát phác, có thê trọn đời tu trì Phạm hạnh, thuần nhất thanh tinh? Ton gia Tan-dau-lo đáp: Theo như lời Phật, đấng Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Đã Thấy Đã Biết vì các Tỳ-kheo mà dạy rằng: "Này các Tỳ-kheo! Nếu gặp người nữ lớn tuổi thì hãy nghĩ như mẹ mình, gặp người ngang hàng thì hãy nghĩ như chị em mình và gặp người nhỏ hơn thì hãy nghĩ như con gái mình. Do nhân duyên này nên Tỳ-kheo trẻ tuổi xuất gia chưa lâu trong giáo pháp của Phật, được sống rất an ổn, các căn tươi vui, dung mạo thanh tịnh, da dẻ tươi sáng, ưa tĩnh ít động, thong dong sinh song, tâm tính chất phác, có the trọn đời tu trì Phạm hạnh, thuần nhất thanh tịnh.^, Vua Ưu-đà-diên-na nước Bà-tha lại hỏi Tôn giả Tân-đầu-lô: Ngày nay người thê gian tâm đây tham câu. Dù gặp người lớn hơn nghĩ như mẹ5 gặp người ngang hàng nghĩ như chi em, gặp người nhỏ hơn nghĩ như con gái, nhưng ngay lúc ấy tâm cũng duyên theo, khởi lên ngQĩi lửa tham dục, sân hận và si mê thì cân phải có nhân duyên thù thăng nào đê vượt qua? Tôn giả Tân-đầu-lô nói với Vua Ưu-đà-diên-na nước Bà-tha: - Còn có nhân duyên này, như lời Thế Tôn, đấng Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Đã Thấy Đã Biết, Ngài đã dạy các Tỳ-kheo rằng: "Thân này từ chân đến đỉnh đầu chỉ là một bộ xương được bồi đắp bởi thịt, rồi được bao bọc bằng lớp da mỏng, trong đó chứa đầy những thứ bất tịnh; quán sát toàn thân chỉ là các thứ như: Tóc, lông, móng, răng, chát bân, nước dãi, da, thịt, xương trăng, gân, mạch, tim, gan, phổi, lá lách, thận, ruột, dạ dày, ruột non, ruột già, bàng

5 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r02. 0099.1165. 03 lla03. Tham chiếu: s. 35.127 - IV. no. 6 Tân-đầu-lô ,Pindola. 7 Nguyên tác: Câu-diệm-di quốc Cù-sư-la viên Kosambī Ghositārāma. 8 Ưu-đà-diên-na ,Udena.



quang, nước mắt, mồ hôi, nước mũi, nước bọt, mỡ, mỡ chài, tủy, đàm lỏng, đàm đặc, mủ, máu, não, dịch, phân, nước tiểu.”9 Này Đại vương! Do nhân duyên này mà Tỳ-kheo trẻ tuôi xuât gia chưa lâu trong giáo pháp, được sông an ôn, (cho đến) thuần nhất thanh tịnh. Vua Ưu-đà-diên-na nước Bà-tha lại hỏi Tôn giả Tân-đầu-lô: -Tâm người hay rong ruôi? đôi khi quán bát tịnh lại duyên theo tưởng vê tịnh. Vậy còn có nhân duyên nào nữa khiến cho Tỳ-kheo trẻ tuổi xuất gia chưa lâu trong giáo pháp này, được sông an ôn? (cho đên) thuân nhát thanh tịnh chăng? Ton giả Tan-dau-lo đáp: Này Đại vương! Còn có nhân duyên này, như lời Thê Tôn, đang Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Đã Thấy Đã Biết, Ngài đã dạy cho các Tỳ- kheo rằng: uCác thầy phải nên hộ trì sáu căn,1011khéo nhiếp tâm mình. Khi mắt thấy sắc, chớ nắm giữ tướng của sắc, chớ nắm giữ tướng riêng tốt đẹp11 mà tăng thêm đắm trước. Nếu không thúc liễm nhãn căn thì những pháp ác, bất thiện, tham ái nơi thê gian sẽ nhiêm vào tâm mình. Do đó

các thây phải giữ gìn và phòng hộ nhãn căn. Tai nghe tiêng, mũi ngửi mùi, lưỡi nêm vị9 thân xúc chạm và ý biết pháp cũng lại như thế, (cho đến) giữ gìn và phòng hộ ý căn.^, Bấy giờ, Vua Ưu-đà-diên-na nước Bà-tha nói với Tôn giả Tân-đầu-lô: Lành thay! Tôn giả thật khéo nói pháp... (cho đến) giữ gìn và phòng hộ ở các căn. Thưa Tôn giả Tân-đâu-lô! Trâm cũng như the, đoi khi không họ trì thân, không giữ gìn và phòng hộ ở các căn5 không chuyên tâm nhất niệm, khi vào cung thì tâm trẫm sanh khởi ngọn lửa tham dục, ngọn lửa ngu si; hay dẫu ở một mình trong phòng yên tinh cũng vẫn bị ba độc kia thiêu đốt tâm minh, huống gì là vào trong cung! Còn khi trẫm khéo hộ trì thân mình, khéo thu nhiếp các căn, chuyên tâm nhát niệm thì khi vào cung sẽ không bị tham dục, sân hận và si mê dấy khởi thiêu đốt tâm mình. Khi vào trong cung vẫn không bị ba độc thiêu đốt thân tâm, huống gì một mình ở nơi yên tịnh! Vậy nên mới biết, có nhân này, duyên này, khiến cho Tỳ-kheo trẻ tuổi xuất gia chưa lâu trong giáo pháp này, được sống an ổn5 thuần nhất thanh tinh. Bấy giờ, Vua Ưu-đà-diên-na nước Bà-tha nghe Tôn giả Tân-đầu-lô nói xong, hoan hỷ và tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy rồi hồi cung.

9 Nguyên tác] Phát, mao, trảo, xỉ, trần cấu, lim tiên, bì, nhục, bạch cốt, cân, mạch, tâm, can, phế, tỳ, thân, tràng, đỗ, sanh tạng, thục tạng, bào, lệ, hãn, thế, mạt, phương, chi, tủy, đàm, âm, nùng, huyết, não, c^p,thUich (;;M,,lí,,ừ, l, ii,
:::ỉ. 10 Nguyên tác: Căn môn ().Sáu căn như là cánh cửa,
nơi đó xuất ra nhiều phiền não, nhập vào nhiều vọng trần nên gọi la "căn môn.,, 11 Nguyên tác: Mạc thủ sắc tướng, mạc thủ tùy hình hảo ().s. 35.127 - IV. 110:
Cakkhunā rūparn disvā mã nimittaggāhino ahuvattha, mānubyañjanaggāhino (Sau khi mắt thây sắc, chớ có nắm giữ tướng chung, chớ co nắm giữ tướng riêng), HT. Thích Minh Chau dịch.

QUYỂN 43 1285

1166. VÍ DỤ VÈ TAY CHÂN12 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cù-sư-la5 thuộc nước Câu-diệm-di. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Vì có tay nên biêt có năm buông, vì có chân nên biêt có tới lui, vì có khớp xương nên biết có co duỗi, vì có bụng nên biết có đói khát. Cũng vậy, này Tỳ- kheo! Vì có mắt nên có sự tiếp xúc của mắt làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Này các Tỳ-kheo! Nếu không có tay thì không biết nắm buông, nếu không có chân thì không biết tới lui, nếu không có khớp xương thì không biết co duỗi, nếu không có bụng thì không biết đói khát. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo! Nếu không có mắt thì không có sự tiếp xúc của mắt làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. *** 1167. VÍ DỤ CON RÙA13 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cù-sư-la, thuộc nước Câu-diệm-di.
, Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: -Vào thời quá khứ, có một con rùa sống trong đám cỏ ven sông. Bấy giờ, CÓ con dã can đói khát đi tìm thức ăn, từ xa nhìn thây rùa, nó vội nhảy tới vô lấy. Con rùa thấy thế liền thu dầu, đuôi và bốn chân vào trong mai.

Dã can đứng rình, chờ rùa thò đầu hoặc chân ra là bắt ăn thịt. Rình rập rất lâu mà rùa nhất định không thò đầu ra, cũng không thò chân ra, dã can đói quá nên tức giận bỏ đi. Này các Ty-kheo! Ngày nay các thầy cũng phải như vậy. Nên biết Ma Ba- tuần luôn rình rập, tìm sơ hở của các thầy, chờ đợi khi mắt tiếp xúc với sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý nhớ pháp thì xúi giục các thầy sanh tâm đắm nhiễm sáu trần. Do đó, này các Ty-kheo! Hằng ngày các thầy hãy luôn giữ gìn và phòng hộ nhãn căn. Khi đã giữ gìn và phòng hộ nhãn căn rồi thì Ác ma Ba-tuần sẽ không có cơ hội để nương vào hoặc sai khiến.14

12 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r02.0099.1166.03 llb26. Tham chiếu: s. 35.236-237 - IV. 171. 13 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.7.02. 0099.1167. 0311c09. Tham chiếu: s. 35.240 - rv. 177. 14 Nguyên tác: Tùy xuất, tùy duyên .Xuất dùng ương nghĩa sai sử .Duyên  dùng theo nghĩa nương vào, như chư "y"ở bài kệ cuối kinh. s. 35Ī240 - IV. 177 diễn đạt có sự khác biệt: Atha tumhehipi māro pāpimā nibbijja pakkamissati Ac ma nhàm chán các ông và sẽ bỏ đi, không nắm giữ được cơ hội, HT. Thích Minh Châu dịch.



Đối với tai, mũi? lưỡi, thân, ý cũng giống như vậy. Đối với sáu căn, Ác ma cũng không có cơ hội để nương vào hoặc để sai khiến, giống như con dã can không thể tìm được cơ hội nơi con rùa. Bây giờ? The Ton liên noi kê: Rùa vì sợ dã can, Giấu mình vào trong mai, Tỳ-kheo khéo nhiếp tâm, Giấu kín các giác tưởng, Không nương, không sợ hãi, Giấu tâm, chớ nói năng. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

1168. VÍ DỤ BÓ LÚA15 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cù-sư-la, thuộc nước Câu-diệm-di. Bây giơ, The Ton bao các Ty-kheo.  Ví như bó lúa đặt ở ngã tư đường, có sáu người đàn ông khỏe mạnh câm chày cùng giã đập, một lát thì nó nát vụn, roi người thứ bảy câm chày giã tiêp. Này các Ty-kheo! Ý các thầy thế nào? Bó lúa đó bị sáu người đập rồi người thứ bảy giã nữa thì nó sẽ nát vụn phải không? Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Đúng vậy. Đức Phật dạy:  Này các Tỳ-kheo! Cũng thê, người ngu si thường bi sáu xúc nhập xứ đuôi đánh. Những gì là sáu? Đó là nhãn xúc nhập xứ thường đuổi đánh; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc nhập xứ cũng thường đuổi đánh. Người ngu si kia, tuy bị sáu xúc nhập xứ đuổi đánh vẫn còn ý niệm mong cau tái sanh ở đời vị lai thì cũng giống như bó lúa nát vụn bi người thứ bảy đập giã tiếp vậy. Này các Tỳ-kheo! Nếu nói là ngã, đó là dao động; nói là ngã sở, đó là dao động; vi lai sẽ hiện hữu, đó là dao động; vị lai sẽ không hiện hữu, đó là dao động; sẽ có sắc, đó là dao động; sẽ không có sắc, đó là dao động; sẽ có tưởng, đó là dao động; sẽ không có tưởng, đó là dao động; sẽ chẳng phải có tưởng chẳng phải không tưởng, đó là dao động. Vì dao động nên bệnh, vì dao động nên ung nhọt, vì dao động nên đau nhức, vì dao động nên dính mắc. Nếu chân chánh quán sát vì dao động nên có kho thì sẽ được tâm không dao động, lại an trụ tu tập thuần thục và chánh niệm tỉnh giác. Giống như sự dao động, sự suy nghĩ hư vọng cũng như vậy, có hành là do có ái. Nêu nói có ngã, đó là do ái; nói có ngã sở, đó là do ái; nói có tương lai,

15 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1168. 0311c27). Tham chiếu: s. 35.248 - IV. 201.



đó là do ái; nói không có tương lai, đó là do ái; cho rằng có sắc, đó là do ái; cho rằng không có sắc, đó là do ái; cho rằng có tưởng, đó là do ái; cho rằng không có tưởng, đó là do ái; cho rằng chẳng phải có tưởng cũng chẳng phải không có tưởng, đó là do ái. Vì ái nên bi bệnh, vì ái nên bị ung nhọt, vì ái nên bị đau nhức. Khéo tư duy quán sát do ái nên sanh ra khổ đau như thế sẽ xa lìa tâm ái, được chánh niệm tỉnh giác. Này các Tỳ-kheo! ở thời quá khứ, a-tu-la đem quân gây chiến với Đế- thích. Khi ấy, vua trời Đế-thích bảo chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba rằng: "Hôm nay, chúng ta chiên đâu với a-tu-la, nêu chư thiên thăng, a-tu-la thua thì hãy bắt song vua a-tu-la9 lấy dây trói chặt cả năm phần thân thể16 rồi đem về thiên cung." Vua a-tu-la cũng nói với quân mình: "H6m nay, chúng ta đem quân đánh với chư thiên, nếu a-tu-la thắng, chư thiên thua thì hãy bắt sống vua trời Đế- thích, lấy dây trói chặt cả năm thân phần rồi đem về cung a-tu-la." Thế là, hai bên đánh nhau, cuối cùng chư thiên thắng, a-tu-la thua. Bấy giờ, chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba bắt sống được vua a-tu-la là Tỳ-ma-chất-đa-la9 lấy dây trói chặt cả năm thân phần rồi áp giải về thiên cung. Bấy giờ, vua a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la thân bị trói chặt năm thân phần rồi bị đưa vào điện Chánh Pháp và cho thụ hưởng năm dục lạc của chư thiên. Khi ấy, vua a-tu-la là Tỳ-ma-chất-đa-la nghĩ rằng: "Chí có a-tu-la là hiền thiện và thông tuệ, còn chư thiên thì chỉ có hiền thiện mà thôi. Nay ta muốn được trở về cung a-tu-la." Khi đang nghĩ thê, vua a-tu-la cảm thây thân mình càng bị trói chặt cả năm thân phần và năm dục của chư thiên tự nhiên biến mất. Thế là, vua a-tu-la lại nghĩ: "Chu thiên hiền thiện và trí tuệ thông đạt, còn a-tu-la chỉ có hiên thiện, nay ta sẽ ở lại cung trời này." Khi đang nghĩ như thê thì vua cảm thấy thân mình được cởi trói cả năm thân phần và năm dục của chư thiên tự nhiên xuất hiện trở lại. Vua a-tu-la Tỳ-ma-chât-đa-la tuy bị trói kỹ lưỡng như thê nhưng Ma Ba-tuần trói càng chặt hơn. Khi tâm ta dao động thì ma liền theo đó mà trói chặt, tâm ta không dao động thì ma liền theo đó mà tháo gỡ. Do đó, này các Tỳ-kheo! Các thày hãy thường trụ tâm không dao động, chánh niệm tỉnh giác, cân phải học tập như thê! Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

16 Nguyên tác: Phược dĩ ngũ hệ ():Trói 5 chỗ, gồm cổ, 2 tay và 2 chân. s. 35.248 - IV. 201: Kanthapañcamehi bandhanehỉ baddho hoti (trói 2 tay, 2 chân và thứ năm là cô), HT. Thích Minh Châu dịch.



1169. VÍ DỤ CÂY ĐÀN17 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cù-sư-la, thuộc nước Câu-diệm-di. Bây giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Nếu có Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào khi mắt nhận biết sắc18 làm nhân duyên sanh ra hoặc dục, hoặc tham, hoặc dính mắc, hoặc nhớ nghi, rồi quyết định đắm trước vào đó thì phải khéo tự phòng hộ đoi với những tâm này. Vì sao như thế? Vì những tâm này đều dẫn đến con đường sợ hãi, có chướng ngại, có hoạn nạn, đây là chỗ nương tựa của người ác, chẳng phải

chỗ nương tựa của người thiện. Do đó hãy nên tự mình phòng hộ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thế. Ví như người nông phu có đám lúa tốt, nếu người giữ ruộng lười biếng, buông lung thì trâu sẽ vào ăn hết lúa mạ. Phàm phu mê muội cũng như vậy. Sáu xúc nhập xứ... cho đến buông lung cũng lại như thế. Nếu ruộng lúa tốt, người giữ ruộng không buông lung, lơ đễnh thì trâu không vào phá được, giả sử nó có vào thì cũng bi đuổi ra. Nghĩa là tâm, ý và thức của vị Thánh đệ tử đa văn phải khéo tự nhiếp hộ đối với năm dục, dốc hết lòng để được tịch lặng. Đôi với ruộng lúa tót, người giữ ruộng không buông lung, khi vừa thây trâu đi vào ruộng lúa, liền dùng tay trái kéo dây mũi, tay phải cầm roi đánh vào thân trâu, đuôi ra khỏi ruộng. Này các Tỳ-kheo! Các thây nghĩ sao? Khi con trâu kia đã bị đánh đau thì trên đường từ làng về nhà, từ nhà ra làng, nó có còn dám ăn lúa mạ như trước nữa không? Các Tỳ-kheo đáp: - Không dám, bạch Thế Tôn! Vì sao như thế? Vì nó luôn nhớ trận đòn đau trên ruộng lần trước. Đức Phật dạy:  Cũng vậy, Tỳ-kheo! Nếu tâm, ý hay thức của vi Thánh đệ tử đa văn biết khởi nhàm chán và lo sợ đoi với sáu xúc nhập xứ thì nội tâm được an trụ, được chế ngự, đưa đến nhất tâm. Này các Tỳ-kheo! Thời quá khứ, có ông vua nghe được tiếng đàn tuyệt hay mà trước giờ chưa từng nghe, cho nên khởi tâm vô cùng thích thú, mê đắm, liền hỏi các vi đại thần rằng: "B6 là âm thanh gì mà đáng mê thích đến vay?" Đại thần tâu rằng: “E6 là tiếng dàn.” Vua bảo đại thần: "Hãy đem âm thanh ấy đến dây." Đại thần vâng lời, liền đem cây đàn đến tâu: "Tâu Đại vương! Chính cây đàn này phát ra âm thanh rất hay ấy." Vua bảo: “Ta không cần cây đàn, hãy

17 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.1169. 0312bl6. Tham chiếu: s. 35.246 - IV. 195. 18 Các bản Tống ,Nguyên ,Minh và Thánh ghi: Nhãn thức sắc .



đem âm thanh hấp dẫn mà ta vừa nghe được đến đây thôi?9 Đại thần tâu: “Bại vương! Cây đàn này phải hội đủ nhiều thứ khác nữa, nghĩa là phải có thêm bộ chỉnh dây, lược đàn, cần đàn, dây đàn, thùng đàn, phím đàn và người đàn giỏi. Hội đủ những nhân duyên ấy mới có thể phát ra âm thanh, nếu không hội đủ các thứ ấy thì không thể có âm thanh. Tiếng đàn mà Bệ hạ nghe trước đây đã trôi qua lâu rồi, đã biến chuyển, đã không còn, không thể đem đến đây được?5 Bấy giờ, nhà vua suy nghĩ rồi nói rằng: "Ôi! cần gì vật hư dối ấy! Cây đàn ở the gian là vật hư doi mà lại khiến cho bao người say mê đam trước như thế. Bây giờ, các khanh hãy chẻ nó ra từng mảnh rồi ném khắp noi." Các đại thần vâng lệnh, liền chẻ chiếc đàn ra trăm mảnh rồi đem quăng nó khắp nơi. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo! Các thầy nên biết rõ những pháp như sắc, thọ, tưởng, tư, dục là vô thường, hữu vi, do tâm làm nhân duyên sanh mà lại cho rằng đó là ngã, là ngã sở. ở thời điểm khác, những thứ đó thảy đều là không. Này các Tỳ-kheo! Hãy khởi chánh trí đúng đắn như thế mà quán sát như thật. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

1170. LUẬT NGHI19 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cù-sư-la, thuộc nước Câu-diệm-di. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kneo:  Như người bi bệnh hủi, tay chân lở loét, nếu đụng vào cỏ tranh sẽ bị những lá nhọn đâm chích gây thương tích thì

càng thêm đau đớn. Cũng thế, phàm phu mê muội chịu những thống khổ với sáu xúc nhập xứ cũng lại như vậy. Như người hủi kia bị lá cỏ tranh đâm chích tổn thương, máu mủ chảy ra. Cũng thế, phàm phu mê muội, tánh tình thô bạo xấu xa, khi sáu xúc nhập xứ tiếp xúc thì nổi sân hận, thốt ra lời ác, như người hủi kia. Vì sao như thế? Vì hàng phàm phu mê muội thiếu hiểu biết nên tâm như phong hủi. Nay Như Lai sẽ nói về có luật nghi và không luật nghi. Thế nào là có luật nghi và thế nào là không luật nghi? Với hàng phàm phu mê muội thiếu hiểu biết, khi mắt thấy sắc rồi, với sắc đáng nhớ thì khởi tham đắm, với sắc không đáng nhớ thì khởi sân hận. Từ đây lần lượt sanh khởi những tư duy phân biệt20 tương tục, không thấy lỗi lầm, hoặc có thấy lỗi lầm cũng không từ bỏ được. Đối với tai, mũi? lưỡi, thân, ý cũng lại như thế. Này các Tỳ-kheo! Đây gọi là không luật nghi.

19 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1170. 0312c24). Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.38.8. Ỏ723C06); s. 35247 IV. 198. 20 Nguyên tác: Giác tưởng (),tức là tư duy, phân biệt.



Thế nào gọi là luật nghi? Vi Thánh đệ tử đa văn khi mắt thấy sắc, với sắc đáng nhớ, vi ấy không khởi tham dục, với sắc không đáng nhớ cũng không khởi sân hận, không lần lượt khởi những tư duy phân biệt tương tục, thấy được tai họa của sắc, thấy tai họa của sắc rồi thì có thể xả ly. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thế. Đây gọi là luật nghi. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.
***

1171. SÁU SINH VẬT21 Tôi nghe như vây: Một thòi, đức Phật ngụ tại vườn Cù-sư-la? thuộc nước Câu-diệm-di. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Ví như có người đi vào trong một căn nhà trống và bắt được sáu con vật. Đầu tiên người này bắt được con chó, liền đem nó buộc vào một nơi. Ke đến bắt được con chim, rồi lần lượt bắt được rắn độc, dã can, cá sấu22 và con khỉ. Mỗi con vật này đêu bi buộc ở một nơi. Trong sáu con vật này, chó thì muôn chạy vê làng, chim thì muốn bay lên bầu trời, rắn thì muốn vào hang, dã can thì muốn đên bãi tha ma, cá sâu thì muôn vào biên, còn con khỉ thì muôn vê rừng. Sáu sinh vật này bị buộc chung một nơi nhưng sở thích không giống nhau. Mỗi loài đêu muôn tìm vê chô an ôn của riêng mình, không con nào thích bị trói ở chô khác. Do bị trói nên đã găng sức vùng vây đê tìm vê nơi mình ưa thích, nhung chúng vẫn không có cách gì thoát ra được. Cũng vậy, sáu căn đều có cảnh giới riêng, mỗi căn đều muốn tìm cầu cảnh giới ưa thích của mình, chứ không ưa cảnh giới khác: Như mắt luôn tìm đến sác đẹp, nêu săc không đẹp thì sẽ nhàm chán. Tai luôn tìm câu âm thanh đáng yêu, nếu âm thanh không đáng yêu thì sẽ nhàm chán. Mũi thường tìm cầu mùi thơm đáng yêu, nếu mùi không đáng yêu thì sẽ nhàm chán. Lưỡi thường tìm cầu vi ngon, nếu vị không ngon thì sẽ nhàm chán. Thân luôn tìm cầu xúc chạm dễ chiu, nếu không dễ chịu thì sẽ nhàm chán. Ý thường tìm đến các pháp đáng yêu, nếu pháp không đáng yêu thì sẽ nhàm chán. Sáu căn này có nhiều hành xứ, cảnh giới riêng biệt, căn này không tìm đến cảnh giới của căn khác. Sáu căn này có đủ năng lực tự do cảm nhận cảnh giới của mình. Giống như người kia, buộc chặt sáu sinh vật vào cây cột bền chắc,

giả sử chúng có dùng sức để chạy thoát theo ý mình thì cũng bị níu lại, chỉ chuốc thêm mệt nhọc, vì đã bị buộc chặt, mãi dính nơi cây cột.

21 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.1171. 0313al4). Tham chiếu: Tăng.(r02. 0125.38.3. Ỏ723C06); s. 35247 - III. 198; s. 48.7 - III. 195. 22 Nguyên tác: Thất-thâu-ma-la (,sumsumāra): Con cá sấu.



Này các Tỳ-kheo! Như Lai nói ví dụ đó là muốn để các thầy hiểu rõ nghĩa này: Sáu sinh vật là dụ cho sáu căn, cây cột là dụ cho thân niệm xứ. Nấu khéo tu tập thân niệm xứ và khi có niệm rồi, không còn nhớ nghĩ đến sắc, thấy sắc đáng yêu không khởi tâm đắm trước, với sắc không đáng yêu cũng không nhàm chán. Tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vi, thân xúc chạm, ý tiếp pháp, dù đáng yêu cũng không tìm cầu, hoặc không đáng yêu cũng không sanh tâm nhàm chán. Do đó, này các Tỳ-kheo! Phải siêng năng tu tập và tu tập thuần thục về thân niệm xứ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

1172. VÍ DỤ GIỎ RẮN Độc23 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cù-sư-la9 thuộc nước Câu-diệm-di. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Ví như có bốn con rắn độc hung dữ, nọc độc cực mạnh và bi nhốt chung trong một cái giỏ. Bây giờ, có một người thông minh, trí tuệ5 chán khô câu vui, mong cầu sự sống, nhàm chán sự chết. Lúc ấy, có một người khác nói với anh ta rằng: "Này anh! Hãy giữ cái giỏ nhót răn độc này, siêng năng lau chùi, tăm rửa, gân gũi chăm sóc, cho chúng ăn uống, ra vào đúng giờ. Nếu để bốn con rắn độc này thoát ra thì rất nguy hại, nó sẽ cắn anh chết hoặc gần như chết. Anh nên đề phòng !,9 Khi ấy, anh ta nghe nói thì hoảng sợ bỏ chạy. Lại nghe người kia nói:24 "C6 năm kẻ oán, cầm dao đuổi theo, muốn giết hại anh. Anh hãy đề phòng!95 Trong lúc anh ta đang bỏ chạy vì sợ bốn con rắn độc và năm kẻ thù cầm dao rượt đuổi lại nghe người kia nói: "Này anh! Bên trong còn có sáu tên giặc đang rình rập, nêu có cơ hội, chúng sẽ giêt anh. Anh hãy cân thận!^, Bấy giờ, anh ta vì sợ bốn con rắn độc, năm kẻ oán thù cầm dao, với sáu tên giặc bên trong, nên kinh hãi bỏ chạy vào trong một ngôi làng vắng. Tại đây, anh ta thấy một căn nhà trống mục nát sắp sập, trong nhà đó lại có những vật dụng hư xấu, đụng đến sẽ đổ vỡ, không có gì chắc thật.

23 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.O2. 0099.1172. 03l3bl4). Tham chiếu: Tăng.(r 02. 0125.31.6. Ò669c02); s. 35238 -IV. 172. 24 Nguyên tác không có 4 chữ: Nhân phục ngữ ngôn ().Bản dịch bổ sung do căn cứ vào đoạn kinh sau để văn mạch liền lạc.



Lại nghe người kia nói: “Này anh! Đây là thôn xóm vắng vẻ, sẽ có bọn cướp đến giết hại anh." Khi ấy, anh ta vì sợ bốn con rắn độc, năm kẻ thù cầm dao, sáu tên cướp bên trong và một bọn cướp trong thôn vắng, nên anh ta tiếp tục chạy. Chợt gặp một con sông lớn chăn ngang đường, sông sâu nước xiêt. Anh ta cảm thây bờ bên này có quá nhiều hiểm nguy, đáng sợ, còn bờ bên kia an ổn hân hoan và mát mẻ, không có cảnh đáng sợ nhimg lại không có cầu hay thuyền để qua được bờ kia. Anh ta suy nghĩ: “Ta hãy lấy cây và cỏ kết thành một chiếc bè, dùng tay chân làm mái chèo để qua bờ bên kia." Thế

là anh ta liền gom cây và cỏ bên bờ sông kết lại thành chiếc bè, dùng tay chân làm chèo vượt dòng để qua sông. Như vậy, người này thoát khỏi bôn con răn độc, năm kẻ thù câm dao, sáu tên giặc ác bên trong và bọn giặc nơi thôn xóm vang, vượt qua sông sâu, bỏ lại những sợ hãi ở bờ bên này, đến được bờ bên kia an ổn hân hoan. Này các Tỳ-kheo! Ta nói ví dụ đó là để giải thích nghĩa này: Cái giỏ là dụ cho sắc thân bốn đại thô phù. Thân thể bốn đại này do tinh cha huyết mẹ tạo thành, được nuôi dưỡng bởi thức ăn tạp uế, được tắm rửa và che đậy bởi y phục. Đó đều là những pháp vô thường, mong manh, biến hoại. Bốn con rắn độc là dụ cho bon đại đất, nước, gió, lửa. Nêu như địa đại xung đột thì có the làm cho thân này chết, hoặc là gần như chết. Nếu nước, lửa, gió xung đột thì cũng lại như thế. Năm kẻ thù cầm dao rượt đuổi là dụ cho năm thủ uẩn. Sáu tên giặc ác bên trong là dụ cho sáu ái hỷ. Bọn cướp nơi thôn vắng là dụ cho sáu căn. Này các Tỳ-kheo!2526 Hãy quán sát sáu căn là pháp vô thường biến hoại, 27 những yếu tố duy trì nhãn căn cũng là pháp vô thường, giả dối. Tai, mũi, lưỡi, thân và ý căn cũng giống như vậy. Bọn cướp nơi xóm vắng là dụ cho sáu trần. Mắt bị sắc đẹp hoặc xấu làm hại; tai đối với tiếng, mũi đối với mùi, lưỡi đối với vị, thân đôi với xúc, ý đôi với pháp hoặc vừa ý hoặc không vừa ý làm hại. Dòng nước chảy xiết dụ cho bốn lưu là dục lưu,26 hữu hru,27 ki&n lưu28 và vô minh lưu.29 Con sông dụ cho ba ái là dục ái, sắc ái và vô sắc ái.30 Bờ bên này nhiều nỗi sợ hãi là dụ cho thân này. Bờ bên kia an ổn hân hoan là dụ cho Vô dư

25 Nguyên tác: Thiện nam tử .Trong ngữ cảnh này, dịch giả chọn từ "Tykheo" phù hợp hơn. 26 Dục lưu kāmaogha còn gọi là "dIic bạo lưu." Những "tư hoāc?, như tham, sân... trói buộc khiến chúng sanh trôi lăn trong Dục giới nêĩi gọi là 44dục lưu." 27 Hữu lưu ,bhavogho còn gọi là "hữu bạo lưu" "Hữu" nghĩa là nhân quả không mất; Tưu" là trôi mãi không dừng. Đó là những phiền não trong sắc giới và Vô sắc giới, bao hàm t4kiến hoāc?, và “v6 minh hoặ.” J J  28 Kiến lưu ditthogha. Do "kiếĩi hoặc" mà lưu chuyển trong ba cõi không thể thoát ra nên gọi  “kiến lưu" ' 29 Vô minh lưu ,avijjogho. Vô minh là thứ phiền não khiến chúng sanh trôi lăn ương biển sanh tử không cùng tận. J 30 Dục ái, sắc ái và vô sắc ái ,:Tham đắm 5 dục, gọi là dục ái. Tham đắm cõi sắc từ trời Phạm Chúng đến trời sắc Cứu Cánh gọi là sắc ái. Tham đắm COI Vô sắc gọi là vô sắc ái.

QUYỂN 43  1293

Niết-bàn.31 Chiếc bè là dụ cho tám chi Thánh đạo. Tay chân làm phương tiện vượt dòng bơi qua sông là dụ cho tinh tấn dũng mãnh đến bờ kia. Trụ xứ của Bà-la-môn là dụ cho Như Lai, ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác. Như vậy, này các Tỳ-kheo! Đại sư đã từ bi an ủi đệ tử. Những điều cần làm Như Lai đã làm xong, nay các thầy cũng phải nên làm những điều cần làm. Hãy đến những nơi thanh vắng, hoặc nơi cội cây hay trong phòng xá thanh tịnh, trải cỏ làm tòa, hoặc chỗ đất trống hay chốn gò mả, ngồi yên buông bỏ, tinh tấn thiên định, chớ có buông lung mà vê sau hôi hận! Đây là giáo pháp mà Như Lai đã truyền dạy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 1173. PHÁP KHỔ3233 34 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cù-sư-la5 thuộc nước Câu-diệm-di. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Vị Thánh

đệ tử đa văn thấy biết như thật về sự tập khởi, sự diệt tận5 vị ngọt, tai họa và sự xuất ly đôi với tát cả pháp khô; thây năm dục giông như hâm lửa. Sau khi quán sát năm dục như the roi, đoi với năm dục, dục tham,33 dục ái,34 dục niệm,35 dục dính mắc36 vĩnh viễn không còn che lấp tâm. Khi biết rõ mọi hành động37 và tru xứ38 của dục tâm rồi thì tự mình phòng hộ. Khi đã phòng hộ hành xứ và trú xứ rồi thì nhờ vào sự phòng hộ hành xứ và trú xứ đó mà những tham muôn, ưu phiên, những pháp xâu, bát thiện không còn lọt vào tâm. Thế nào gọi là vị Thánh đệ tử đa văn thấy biết như thật về sự tập khởi, sự diệt tận, vi ngọt, tai họa và sự xuất ly đối với tất cả pháp khổ? Nghĩa là vi Thánh

31 Vô dư Niết-bàn .Tăng.7.02. 0125.16.2. 0579al7 định nghĩa: Thế nào gọi là cảnh giới Vô dư Niết-bàn? Đó là, vị Tỳ-kheo dứt sạch hữu lậu, thành tựu vô lậu, được tâm giải thoát, được tuệ giải thoát, tự thân tác chứng rồi tự an trú và biết như thật rằng: “Sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa. Đó gọi là cảnh giới Vô dư Niết-bàn .ĩ
B:,,,.Đạitrỉđọ luận T.25. i 509.031. 0288c06 bổ sung: Thân ngũ uẩn của bậc Thánh trongđời hiệntạiđược đoạn tnr, lại không tiếp tục thọ thân nữa nên gọi là Vô dư Niết-bàn .A. 7.55 - IV. 70 gọi là Niết-bàn không còn chấp thủ Anupādāparinibbāna,. 32 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp. B T.02. 0099.1173. 0314a02. Tham chiếu: s. 35.244 - IV. 188. 33 Nguyên tác: Tham kāmacchandd'. Dục vọng. 34 Dục ái ,kãmasnehà: Sự yêu mến. 35 Dục niệm kãmamucchã'. Yêu thương say mê. 36 Dục trước :Thương yêu quấn quýt không rời. s. 35.244 - IV. 188: KãmaparỉIãha Thương yêu mãnh liệt, còn gọi là 4tdục nhiệt nỗk". 37 Hành xử .S. 35.244 - IV. 188: Cara Hành động, cử động, sự tiến hành. 38 Trú xứ vihārā'. Nơi cư ngụ.



đệ tử đa văn biết như thật đây là Thánh đế về khổ, biết như thật đây là Thánh đế về nguyên nhân của khổ, đây là Thánh đế về khổ diệt và đây là Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt. Đây gọi là vi Thánh đệ tử đa văn thấy biết như thật về sự tập khởi, sự diệt tận, vị ngọt, tai họa và sự xuất ly đối với tất cả pháp khổ. Thê nào gọi là vị Thánh đệ tử đa văn thây năm dục như hâm lửa, (cho đên) những tham muốn, ưu phiền, những pháp ác, bất thiện ở thế gian vĩnh viễn không còn che đậy tâm? Ví như gần một thôn xóm nọ có một cái hầm, dưới hầm có lửa lớn nhưng không có khói. Bấy giờ, có một người nam không ngu si, thông minh trí tuệ, ưa vui, chán khổ, ham sống, sợ chết. Anh ta nghĩ rằng: "d đây có cái hầm sâu đang có lửa lớn, nếu ta rơi xuống chắc chắn sẽ chết." Nghĩ vậy rồi, người ấy lập tức tránh xa, nghĩ đên việc tránh xa, muôn tránh xa. Cũng thê, vị Thánh đệ tử đa văn thấy năm dục như hầm lửa,... (cho đến) những tham muốn, ưu phiền, những pháp ác, bất thiện ở thế gian vĩnh viễn không còn che đậy tâm. Nấu như mọi hành động và trú xứ đã được phòng hộ trước, được biết trước, (cho đến) những tham muốn, ưu phiền, những pháp ác, bất thiện ở thế gian không còn lọt vào tâm nữa. Ví như gân một thôn xóm nọ có một cánh rừng nhiêu cây gai nhọn, lúc ây có

người đàn ông đi vào rừng này mưu tính làm ăn. Khi vào trong rừng, anh ta nhìn thấy bốn phía và trên dưới đều có gai nhọn. Bấy giờ, anh ta chánh niệm bước đi, chánh niệm tới lui, chánh niệm nhìn rõ, chánh niệm nhìn thẳng, chánh niệm khom người xuống. Vì sao như vậy? Vì không đê gai nhọn đâm vào thân mình. Vị Thánh đệ tử đa văn cũng giống như vậy, nương vào thành ấp, thôn xóm trú ngụ, sáng sớm đắp y, ôm bát vào làng khất thực phải khéo gìn giữ thân, nhiếp hộ tâm, chánh niệm an trú, chánh niệm bước đi, chánh niệm nhìn rõ và chánh niệm quan sát. Vì sao như vậy? Vì không để cho gai nhọn làm thương tổn đến giáo pháp và giới luật của bậc Thánh. Thế nào là gai nhọn làm thương tổn đến giáo pháp và giới luật của bậc Thánh? Nghĩa là sắc vừa ý? đáng ưa, đáng nhớ, đó gọi là gai nhọn làm thương tổn đến giáo pháp và giới luật của bậc Thánh. Thế nào là sắc vừa ý9 đáng ưa, đáng nhớ, lại làm thương tổn đến giáo pháp và giới luật của bậc Thánh? Nghĩa là năm loại dục, mắt thấy sắc sanh tâm yêu mến, nhớ nghĩ, nuôi lớn dục lạc; tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị? thân tiếp xúc sanh ra ưa thích, nghĩ nhớ, nuôi lớn dục lạc. Đây gọi là sắc đáng yêu, đáng nhớ nghĩ làm thương tổn đến giáo pháp và giới luật của bậc Thánh. Đó gọi là vị Thánh đệ tử đa văn khéo phòng hộ và biết trước mọi hành động và trú xứ?... (cho đen) không để những tham muốn, ưu phiền, những pháp ác, bất thiện ở thế gian lọt vào tâm. Hoặc khi vị Thánh đệ tử đa văn mất chánh niệm, sanh niệm ác, bất thiện, nuôi lớn tham dục, nuôi lớn sân hận và nuôi lớn si mê, đó là hàng căn tánh chậm



lụt. Thánh đệ tử đa văn này tuy có khởi chánh niệm nhưng liền diệt mất, vì bi dục che lấp. Giống như nhỏ vài giọt nước lên hòn sắt nóng, nước liền khô, với hàng đệ tử căn tánh chậm lụt tuy có lúc chánh niệm, nhưng liền diệt mất cũng y như vậy. Vi Thánh đệ tử đa văn thực hành như vậy, an trú như vậy. Nếu quốc vương hay đại thần hoặc quyến thuộc đến chỗ họ? dùng bổng lộc để mời mọc: "Này thiện nam! Can gì phải cạo bỏ râu tóc, ôm bình bát đất, mặc áo càsa, đi xin ăn từng nhà? Sao không an ổn hưởng thụ năm dục, rồi bố thí làm phu&c?" Thế nào, này các Tỳ-kheo? Quốc vương, đại thần, các quyến thuộc và đàn-việt dùng bổng lộc đến mời thỉnh như vậy thì vị Thánh đệ tử đa văn kia có bi thoái thất mà hoàn giới không? Các Tỳ-kheo đáp: Thưa không, bạch Thế Tôn! Vì sao như vậy? Vì Thánh đệ tử đa văn đã thấy biết như thật về sự tập khởi, sự diệt tận, vi ngọt, tai họa và sự xuất ly đối với tát cả pháp khô, đã thây năm dục như hâm lửa, (cho đên) những tham muôn, ưu phiền, những pháp ác, bất thiện ở the gian vĩnh viễn không còn che đậy tâm; mọi hành xứ và trụ xứ đã được phòng hộ trước, được biết trước,... (cho đến) những tham muốn, ưu phiền, những pháp ác, bất thiện ở thế gian không còn lọt vào tâm. Do đó, nêu chỉ vì quôc vương, đại thân hay quyên thuộc dùng bông lộc mời thỉnh mà khiến vi ấy thoái thất, hoàn giới thì không bao giờ có. Phật bảo các Tỳ-kheo: - Lành thay! Lành thay! Vị Thánh đệ tử đa văn kia từ lâu tâm đã nghiêng về, xuôi về5 trôi về, hướng về viễn ly, hướng đến lìa dục, hướng đến Niết-bàn tịch tĩnh, xả ly, vui trong Niết-bàn, mọi phiền não đã được tịch diệt, thanh lương. Vì vậy, nếu quốc vương, trưởng giả hay thân quyến dùng bổng lộc mời thỉnh mà muốn vị ấy thoái thất, xả giới hoàn tục thì không bao giờ có! Họ chỉ chuốc thêm khổ nhọc. Ví như sông Hằng luôn hướng về? xuôi về, chảy về phương Đông mà có nhiều

người ngăn chặn muốn cho hướng về, xuôi về, chảy về phương Tây thì có được không? Các Tỳ-kheo đáp: - Không thể được, bạch Thế Tôn! Vì sao như vậy? Vì sông Hằng luôn luôn chảy về phương Đông mà muốn chảy về phương Tây thì không thể được, những người kia sẽ luống chịu khổ nhọc! Cũng thế, Thánh đệ tử đa văn từ lâu tâm đã nghiêng vê, xuôi vê5 trôi vê? hướng vê viên ly,... (cho đêri) muôn vị ây thoái thất là điều không thể được, họ chỉ luống chiu khổ nhọc mà thôi. e x

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đêu hoan hỷ phụng hành. ***



1174. KHÚC GỖ TRÔI SÔNG39 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại xứ Atỳ-xà, bên bờ sông Hằng. Bấy giờ, có Tỳ-kheo đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài, đứng sang một bên và bạch: Lành thay! Thưa Thế Tôn! Xin Ngài hãy vì con mà nói pháp. Sau khi nghe xong, con sẽ một mình ở nơi thanh vắng, tinh cần tư duy, siêng năng tu tập, bởi lý do mà một người thiện nam cạo bỏ râu tóc, với niềm tin chân chánh, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học dạo, tu hành Phạm hạnh là để ngay trong hiện tại tự mình chứng biêt: "Sụ* sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Bấy giờ, Thế Ton nhìn ra sông Hằng, thấy một khúc cây lớn đang trôi theo dòng nước, Ngài liền nói với vị Ty-kheo: Thầy có thấy khúc cây đang trôi theo dòng nước sông Hằng không? Bạch Thế Tôn! Con có thấy! Phật bảo Tỳ-kheo: -Khúc cây lớn đó nếu không vướng bờ bên này, không vướng bờ bên kia, không chìm xuống đáy sông, không bị mắc ở cù lao, không bi cuốn vào nước xoáy, không bị người vớt lên, không bị phi nhân giữ lại, cũng không bị mục nát thì nó sẽ theo dòng nước, xuôi theo, trôi theo dòng nước mà ra biển lớn phải không? Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Phật bảo: Tỳ-kheo cũng như the! Nấu không vướng bờ bên này, kh6ng vướng bờ bên kia, không chìm xuống dáy, không bi mắc ở cù lao, không bi cuôn vào dòng nước xoáy, không bị người vớt, không bị phi nhân giữ lại, cũng không bị mục nát thì sẽ hướng về, xuôi về, chảy về Niết-bàn. Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn, thế nào là bờ bên này? Thế nào là bờ bên kia? Thế nào là chìm xuồng đáy? Thê nào là bi mác ở cù lao? Thê nào là bị cuôn vào dòng nước xoáy? Thế nào là bị ngươi vớt? Thế nào là bị phi nhân giữ lại? Thế nào là mục nát? Lành thay, bạch Thê Tôn! Cúi xin Ngài giảng rộng cho con. Sau khi nghe xong, con sẽ một mình ở nơi thanh vắng, tinh cần tư duy, siêng năng tu tập,... (cho đên) tự biêt không còn tái sanh. Phật bảo Tỳ-kheo: Bờ bên này chỉ cho sáu căn. Bờ bên kia là sáu trần. Bi người vớt là Tỳ- kheo hay gân gũi với người thế tục hoặc tụ tập với người xuất gia, cùng sống

39 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7L02. 0099.1174. 0314c07). Tham chiếu: Tăng.(r02. 0125.43.3. Ỏ758C12); s. 35241 - IV. 179.



và chia sẻ với nhau, hoặc sướng, hoặc khổ, hoặc vui, hoặc buồn. Đó gọi là bị người vớt. Bị phi nhân giữ lại, nghía là như có người phát nguyện tu tập Phạm hạnh răng: “Nay ta giữ giới, khô hạnh, tu các Phạm hạnh để mong được sanh lên cõi tròd.” Đó là bị phi

nhân giữ lại. Bị cuốn vào dòng nước xoáy, nghĩa là tâm thoái thất, xả giới hoàn tục. Bị mục nát, tức là ví như người phạm giới, làm những việc ác, bất thiện, thối nát, ít học, như loài cỏ độc hại, hoặc như tiếng thổi của tù và, họ không phải Sa-môn mà làm ra vẻ giống Sa-môn, không có Phạm hạnh mà làm ra vẻ giống Phạm hạnh. Như thế, này Tỳ-kheo! Đó gọi là không vướng bờ bên này, bờ bên kia,... (cho đến) chảy về Niết-bàn. Bây giờ, Tỳ-kheo kia sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ5 đảnh lễ Phật va lui ra. Roi Tỳ-kheo ây một mình ở nơi thanh văng, tư duy vê Kỉnh khúc gô trôi sông mà Phật đã dạy,... (cho đen) tự biết không còn thọ thân sau, chứng quả A-la-hán. Lúc ấy, cách chỗ Phật không xa, có một người chăn bò tên là Nan-đồ đang cầm roi chăn bò. Sau khi vị Tỳ-kheo đã đi rồi, người chăn bò đến chỗ Phật, cúi đàu đảnh lễ chân Ngài rồi đứng sang một bên và bạch:  Bạch Thế Tôn! Hiện tại con có thể không vướng bờ bên này, không vướng bờ bên kia, không bi chìm xuống đáy, không mắc ở cù lao, không bi người vớt, không bị phi nhân giữ, không bị cuốn vào dòng nước xoáy và cũng không bị mục nát. Vậy con có được xuất gia tu Phạm hạnh trong Giáo pháp và Giới luật của Thế Tôn chăng? Phật hỏi:  Con dẫn bò ve trả lại cho chủ chưa? Người chăn bò thưa:  Bạch Thế Tôn! Trong bầy bò có con đầu đàn có thể dẫn cả bầy về, không cần con dẫn. Xin Thế Tôn cho con xuất gia học đạo. Phật bảo:  Tuy đàn bò có thể tự về nhà, nhimg con đã nhận cơm nước, y phục của người chủ, con phải về báo cho chủ biết. Người chăn bò nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ lễ Phật ra về. Người chăn bò đi chưa được bao lâu, Tôn giả Xá-lợi-phất đang ở trong hội chúng bạch Phật:  Kính bạch Thế Tôn! Người chăn bò kia muốn xin xuất gia, sao Thế Tôn lại bảo trở về nhà?



Phật bảo Xá-lợi-phất:  Nếu người chăn bò Nan-đồ trở về nhà chỉ để hưởng thụ năm dục, đó là việc không bao giờ có. Sau khi giao bò lại cho chủ rồi, Nan-đồ sẽ trở lại trong giáo pháp này để xuất gia học đạo, tịnh tu Phạm hạnh,... (cho đên) tự biêt không còn thọ thân sau và chứng A-la-hán. Bấy giờ, Nan-đồ giao đàn bò lại cho chủ rồi trở lại chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, đứng sang một bên và bạch:  Kính bạch Thế Tôn! Con đã giao đàn bò lại cho chủ, xin Ngài cho con xuất gia học đạo trong Giáo pháp và Giới luật này. Phật bảo Nan-đồ:  Con được ở trong Giáo pháp và Giới luật này xuất gia học đạo, thọ Cụ túc giới, trở thành Tỳ-kheo! Sau khi xuất gia rồi, Nan-đồ tư duy về lý do mà một người thiện nam cạo bỏ râu tóc? mặc áo cà-sa? với niềm tin chân chánh, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo, tu hành Phạm hạnh,... (cho đến) tự biết không còn tái sanh, chứng A-la-hán. ***

1175. CÂY KHẢN-THÚ40 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà9 thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có vi Tỳ-kheo ngồi thiền tại nơi thanh vắng, khởi lên suy nghĩ: C6Tỳ-kheo thấy như thế nào, biết như thế nào để được cái thấy thanh tjnh?" Suy nghĩ như thế rồi, Tỳ-kheo liền đi đến chỗ các Tỳ-kheo thưa rằng: -Thưa các Tôn giả! Tỳ-kheo biết như thế nào, thấy như thế nào để được cái thấy thanh tịnh? Tỳ-kheo đáp: -Thưa Tôn giả! cần phải thấy biết như thật về sự tập khởi, sự diệt tận, vị ngọt, tai họa và sự xuất ly đối với sáu xúc nhập xứ. Này Tỳ-kheo! Biết như vậy, thấy như vậy sẽ được cái thấy thanh tịnh. Tỳ-kheo này nghe Tỳ-kheo kia nói như thế

thì tâm không hoan hỷ, liền đi đến Tỳ-kheo khác hỏi:  Thưa các Tôn giả! Tỳ-kheo biết như thế nào, thấy như thế nào để được cái thấy thanh tịnh?

40 Tjra đề đát ặeo nội dung kinh. TạpM (7.02. 0099.1175. 0315b07). Tham chiếu: s. 35.245 - IV. 191. Khận-thú ()hay khân-thúc-ca ()12 phiên âm từ kimsuka, Hán dịch là unhục sắc hoa", một loài cây đặc biệt, có hoa màu đỏ cong cong^như mỏ chim anh vu, có ten gọi khoa học là Butea Fondosa. ơ Việt Nam gọi là cây giêng giêng hoặc giêng giêng, lâm vô, chan một hột.



Tỳ-kheo ấy đáp:  Biết như thật vê sự tập khởi, sự diệt tận, vị ngọt, tai họa và sự xuất ly đôi với sáu xúc nhập xứ. Như vậy, Tỳ-kheo biết như vậy, thấy như vậy sẽ được cái thấy thanh tịnh. Khi ây? Tỳ-kheo này nghe vị ây nói như thê tâm cũng không hoan hỷ, lại đến Tỳ-kheo khác nữa hỏi: -Tỳ-kheo biết như thế nào, thấy như thế nào để được cái thấy thanh tịnh? Tỳ-kheo ấy đáp: -Đôi với năm thủ uân phải quán sát như bệnh tật, như ung nhọt, như gai nhọn, như giết hại, là pháp vô thường, khổ, không, vô ngã. Biết như thế, thấy như thế sẽ được cái thấy thanh tịnh. Tỳ-kheo này nghe các Tỳ-kheo nói như vậy tâm cũng không hoan hỷ, liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và bạch:  Bạch Thế Tôn! Con một mình ở chỗ vắng tư duy rằng: 6íTỳ-kheo biết thế nào, thấy thế nào để được cái thấy thanh tjnh?” Sau khi nghĩ như thế, con đến hỏi các Tỳ-kheo... Tỳ-kheo ấy đem ba lần hỏi đáp trình lên đầy đủ với Thế Tôn, rồi thưa tiếpỵ Con nghe những vi ấy nói nhxmg không hoan hỷ, nên con đến chỗ Thế Tôn để thỉnh hỏi nghĩa này: 6íTỳ-kheo biết thế nào, thấy thế nào để được cái thấy thanh tjnh?“ Phật bảo Tỳ-kheo: -Vào thời quá khứ, có một người chưa từng thấy cây khẩn-thú, liền tìm đến người đã từng thấy cây khẩn-thú và hỏi: "Anh có biết cây khẩn-thú kh6ng?" Đáp: “Biết!” Lại hỏi: "Hinh dạng của nó thế nào?" Đáp: "N6 có màu đen như cây cột bị cháy." Vì khi người kia nhìn thấy thì cây khẩn-thú có màu đen như cây cột bị cháy. Bây giờ, người đàn ông ây nghe nói cây khân-thú có màu đen như cây cột bị cháy thì không vui, liền đi đến người khác đã từng thấy cây khẩn-thú và hỏi: "Ông có biết cây khẩn-thú kh6ng?” Người kia đáp: “Biết!" Lại hỏi: "Hinh dạng của nó thế nào?" Người từng thấy cây khẩn-thú đáp: "N6 có màu đỏ mà lộ ra như thớ thjt."4i Vì khi người kia nhìn thấy thì cây khẩn-thú trông giống như một thớ thịt. Người đàn ông này nghe thế thì không vui, liền đi hỏi một người đã từng thấy cây khẩii-thú khác: "Ông có biết cây khẩn-thú kh6ng?" Người kia đáp: "Biết!"

41 Khẩn-thú còn được dịch là "nhqc sắc hoa".



Lại hỏi: "Hinh dạng của nó thế nào?" Đáp: "Thân của nó rủ xuống sum suê như quả thi-lợi-sa/942 Người đàn ông này nghe rồi tâm cũng không vui, lại đi hỏi người khác nữa: “Ong có biết cây khẩn-thú kh6ng?" Đáp: “Biết!” Lại hỏi: "Hinh dạng của nó thế nào?" Người kia trả lời: "Lá của nó màu xanh, trơn láng, dài rộng như cây Ni-câu-lâudf”43 J Giống như người hỏi về cây khẩn-thú5 rồi nghe trả lời mà không vui nên đi khắp nơi để tìm hỏi thêm, tuy nhiên những người đã từng thay cây khẩn-thú kia cứ y

cứ theo thời điểm mình thấy mà trả lời, cho nên không ai trả lời giống ai. Cũng vậy, các Tỳ-kheo một mình ở nơi thanh văng, chuyên tinh tư duy, sống không buông lung, nhờ có tư duy nên không khởi các lậu hoặc, tâm được giải thoát, nên tùy theo chỗ thay của họ mà trả lời. Nay thầy hãy nghe Như Lai nói thêm ví dụ này nữa, người trí nhờ nghe ví dụ mà hiểu được ý nghĩa. Ví như có một quốc vương thống lãnh ở vùng biên cương, khéo sửa tri thành quách, cửa thành vững chắc, đường sá bằng phẳng, nơi bốn cửa thành có bốn người canh gác đều là người thông minh trí tuệ, biết rõ mọi sự đi lại. Trong thành này, giữa bốn giao 10, có đặt một tòa tháp, vi chủ thành ngồi trên tòa tháp đó. Nếu có sứ giả từ phương Đông đến hỏi người giữ cổng thành: "Chủ thành ở dau?99 Người giữ cửa liền trả lời: “d trong thành, đang ngồi trên tòa tháp ở ngã tư đường." Vị sứ kia liền đi đến chỗ vị chủ thành nhận lãnh những lời chỉ bảo rồi theo lối cũ đi về. Những sứ giả từ phương Nam, Tây, Bắc đến cũng hỏi người giữ cổng: "Chil thành ở đâu?^ Những người giữ cổng thành đáp: "d trong thành, đang ngồi trên tòa tháp ở ngã tư đường.,, Các sứ giả liền đi đến chỗ vị chủ thành, nhận lời chỉ bảo rồi mỗi người trở về chỗ cũ của mình. Phật bảo Tỳ-kheo:  Như Lai nói ví dụ này để nói lên ý nghĩa: Thành là dụ cho sắc thân thô kệch này,...nói như Kỉnh ví dụ giỏ rắn độc.42 44 Khéo sửa tri thành quách cho 43 vững chắc là chỉ cho chánh kiến. Đường sá bằng phẳng là sáu nội nhập xứ. Bốn cửa chỉ cho bốn nơi ý thức trú ngụ.45 Bốn người giữ cổng chỉ cho bốn niệm xứ.

42 Thi-lợi-sa Sinsa. 43 Ni-câu-lâu-đà ,Nigrodha: Cây đa Ấn Độ, còn gọi là cây Banyan. 44 Xem kinh số 1172. 45 Tứ thức trụ catasso viññānatthitiyci còn gọi "tứ thức xứ", chỉ cho 4 uẩn là sắc, thọ, tưởng và hành, nơi an trú của ý thức.

QUYÊN 43  1301

Chủ thành chỉ cho thức thủ uẩn. Sứ giả là chánh quán. Nói lời đúng sự thật là bốn chân đế. Theo lối cũ trở về là tám chi Thánh đạo. Phật bảo Tỳ-kheo:  Như vị Đại sư vì đệ tử làm những việc cần làm, nay Như Lai đã làm, vì lòng thương xót,... (nói giong như Kinh vỉ dụ giỏ rắn độc).46 Sau khi nghe Phật dạy xong, Tỳ-kheo chuyên cần tư duy, không buông lung, tiến tu Phạm hạnh,... (cho đến) không thọ thân sau và chứng quả A-la-hán.
***

1176. PHÁP HỮU LẬU, VÔ LẢU47 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hành trong dân chúng họ Thích, ngụ tại vườn Ni-câu- luật-đà5 thuộc nước Ca-tỳ-la-vệ. Bay giờ, những người họ Thích trong thành Ca-tỳ-la-vệ vừa mới xây xong một ngôi giảng đường, chưa có vị Sa-môn, Bà-la-môn? thiếu niên dòng họ Thích-ca hay người dân nào đến ở đó, khi nghe Thế Tôn du hành trong dân chúng họ Thích, ở thành Ca-tỳ-la-vệ, ngụ trong vườn Ni-câu-luật-đà và đang giảng vê ý nghĩa khô vui, họ bàn với nhau:  Giảng đường này vừa mới khánh thành, chưa có ai ở, chúng ta nên thỉnh Thế Tôn và đại chúng về đây để cúng dường sẽ được phước đức vô lượng, an ổn lâu dài, rồi sau đó chúng ta mới tùy nghi sử dụng. Sau khi thảo luận xong, họ cùng nhau ra khỏi thành, đi đến chỗ Thế Tôn, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Bấy giờ, Thế Tôn vì những người họ Thích mà diễn nói pháp trọng yếu. Sau khi mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ48 xong, Ngài ngồi yên lặng. Khi ấy, những người họ Thích đứng dậy, sửa lại y phục, đảnh

lễ Phật, gối phải quỳ sát đất và chắp tay thưa:  Kính bạch Thế Tôn! Chúng con là những người dòng họ Thích, vừa mới xây một giảng đường, chưa có ai ở. Hôm nay, chúng con thỉnh Thế Tôn và đại chúng đến giảng đường mới, để chúng con được cúng dường. Kính mong Thế Tôn thọ nhận cho chúng con được công dức, phước lợi lâu dài an ổn, sau đó chúng con sẽ tùy nghi sử dụng. Lúc ấy, Thế Ton im lặng nhận lời. Khi biết Thế Tôn đã nhận lời, những người họ Thích liền cúi đầu lễ chân Phật rồi trở về. Cũng trong ngày đó, họ dùng xe chở đồ đạc đến trang hoàng giảng đường mới, trải sàng tọa và cỏ mịn

46 Kinh số 1172. 47 Tựa đề đặt theo nội dung kinh.?.(T.02. 0099.1176. 0316a09). Tham chiếu: s. 35.243 - IV. 182. 48 Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ (,).Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tr. 105; Tạp.(r02. 0099.92. 0023cl8).



trên đất, thắp đèn dầu thơm đầy đủ. Khi mọi việc đã sửa soạn xong, họ đến chỗ Phật, cúi đầu bạch rằng:  Kính bạch Thế Tôn! Mọi việc đã chuẩn bị xong rồi, mong Ngài biết cho. Bấy giờ, Thế Tôn và đại chúng tuần tự đi đến giảng đường mói, đứng bên ngoài rửa chân xong rồi bước vào. Thế Tôn an tọa ở vi trí trung tâm, mặt hướng về phía Đông. Ke tiếp, các Tỳ-kheo cũng rửa chân xong, lần lượt vào giảng đường, ngồi quay mặt hướng về phía đức Phật. Bấy giờ, những người họ Thích cũng ngồi xuống sau các Tỳ-kheo để nghe Phật thuyết pháp. Bấy giờ, Thế Tôn vì những người dòng họ Thích mà giảng rộng pháp trọng yếu, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ xong, sau đó Thế Tôn bảo những người dòng họ Thích: -Này những người họ Thích!49 Đầu đêm đã qua, bây giờ các vị có thể trở về Ca-tỳ-la-vệ. Khi ấy, những người dòng họ Thích nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ Phật rồi ra về. Bấy giờ, Thế Tôn biết những người họ Thích đã đi rồi, liền bảo Đại Mục- kiền-liên:  Thây hãy thuyêt pháp cho các Tỳ-kheo nghe! Như Lai đau lưng, muôn nghỉ một lát. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên im lăng vâng lời. Bấy giờ, Thế Tôn xếp y uất- đa-la thành bốn lớp trải ra lót nằm và cuốn y Tăng-già-lê làm gối, nằm nghiêng hông bên phải, hai chân xếp chồng lên nhau, buộc niệm vào tưởng ánh sáng50 và nghĩ đến lúc thức dậy. Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói với các Tỳ-kheo:  Pháp mà Phật đã giảng phần đầu thiện, phần giữa thiện và phần cuối cũng thiện, nghĩa lý tốt đẹp, câu chữ chính xác, thuần nhất thanh tịnh, Phạm hạnh trong sạch. Nay tôi sẽ nói về pháp hữu lậu và vô lậu. Các thầy hãy lắng nghe! Thế nào là pháp hữu lậu? Hạng phàm phu mê muội thiếu hiểu biết, khi mắt thây sác, đôi với sác đáng nhớ thì khởi lên ưa đăm, đôi với sác không đáng nhớ thì khởi lên chán ghét, không an trụ vào thân niệm xứ, không có chút trí tuệ nào đối với tâm giải thoát và tuệ giải thoát, lại khởi các thứ pháp ác, bất thiện, không diệt trừ hoàn toàn, không vĩnh viễn đoạn sạch. Đối với tai, mũi, lưỡi,

49 Nguyên tác: Cù-đàm dòng họ Gotama, chỉ cho những người họ Thích. 5\Nguyen tác: Hệ niệm minh tướng .Cú ngữ này còn được viết "'hệ niệm minh tuang,? .Minh tưởng hay còn gọi là "quang minh tu&ng"ālokasaññā, tức lấy các loại ánh sáng làm đê mục tu tap, tập trung tư tưởng trên đó. Vì hôn trầm có tính chất mê mờ uê oải, nên dùng tương ánh sáng để đối trị. Xem thêm Trưởng lão

Thượng tôn thụy miên kinh .0l. 0026.83. 0560a0l: Này Đại Mục-kiền-liên!
Nếu chứng buồn ngủ không thể chấm dứt thì thầy hãy trở vào thất, gấp y Uu-đa-la-tăn^ làm bốn rồi trải lên giường, gấp y Tăng-già-lê làm gối, nam nghiêng hông ben phải, hai chân xép chồng lên nhau, tâm khởi tương nơi ánh sáng, an tru trong tỉnh giác chánh niệm, luôn khởi tưởng muốn thức dậy.



thân, ý cũng lại như thế. Tỳ-kheo nào như thế, Thiên ma Ba-tuần sẽ đến chỗ họ đe dò xét chỗ sơ suất, đối với mắt và sắc của họ mà có chỗ sai lầm sẽ bi Ma bắt giữ. Khi tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị9 thân xúc chạm, ý biết pháp cũng lại như thế, nếu có chỗ sai lầm sẽ bị ma bắt giữ. Giống như đống cỏ khô mà nổi lửa đốt cả bốn bên thì trong chốc lát sẽ cháy hết. Cũng vậy, Tỳ-kheo đối với mắt và sắc nếu như có chỗ sơ suất, Thiên ma Ba-tuần sẽ nam bắt được. Tỳ-kheo như vậy là không vượt qua sắc. Đối với tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vi, thân xúc chạm, ý tiếp pháp, bi pháp chế phục, không vượt qua pháp. Do không vượt qua sắc, không vượt qua âm thanh, mùi thơm, vị ngọt, xúc chạm và pháp, cũng lại không vượt qua ý? cho nên bị các điều bất thiện, các phiền não, kho báo thiêu đốt,... (cho đen) sanh, già, bệnh, r . e _ • • chét ở đời tương lai. Này các Hiên giả! Tôi đích thân lãnh thọ được các pháp hữu lậu này từ đức Thế Tôn, đây gọi là Kinh nói về pháp hữu lậu. Thế nào là Kinh nói về pháp vô lậu? Vị Thánh đệ tử đa văn khi mắt thấy sắc thì không khởi tâm ưa đắm đối với sắc đáng nhớ, cũng không khởi tâm chán ghét đối với sắc không đáng nhớ, buộc niệm an tru, biết như thật về tâm giải thoát, tuệ giải thoát vô lượng. Những pháp ác, bất thiện đã khởi kia bị trừ diệt hoàn toàn. Đôi với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thê. Tỳ-kheo nào giống như thế, dù Ma Ba-tuần có đến chỗ họ để dò xét chỗ sơ suât của vi ây đôi với măt và sc, cũng không thê tìm được. Đôi với tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vi, thân xúc chạm, ý tiếp pháp mà dò xét chỗ sơ suât, cũng không tìm được. Giông như tòa nhà có tường vách kiên cô, cửa ngõ nhiêu lớp đóng kín, dù cho bôn phía có lửa cháy cũng không thê cháy ngôi nhà được. Những Tỳ-kheo này cũng lại như thế, Tệ ma Ba-tuần dù có đến chỗ họ để dò xét chỗ sơ suất, [cũng] không thể tìm được. Tỳ-kheo như vậy tức là đã vượt qua săc ây, không bị sác ây chê phục; vượt qua được thanh, hương, vị, xúc và pháp, không bị những pháp ấy chế phục. Nêu đã vượt qua được sác, thanh, hương, vị, xúc và pháp roi thì cũng vượt qua những pháp ác, bất thiện và khổ báo phiền não thiêu đốt,... (cho đen) sanh, già, bệnh, chết ở đời tương lai. Tôi đích thân lãnh thọ pháp này từ đức Thế Tôn, đây gọi là Kinh nói vê pháp vô lậu. Bấy giờ, Thế Tôn biết Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thuyết pháp xong, Ngài thức dậy ngồi ngay thẳng, buộc niệm trước mặt và nói với Đại Mục-kiền-liên: Lành thay! Lành thay! Mục-kiền-liên! Thầy đã thuyết giảng kinh pháp này cho mọi người, làm lợi ích cho mọi người, giúp nhiều người được độ, được an lạc lâu dài, lợi lạc cho chư thiên và loài người. Khi ấy, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Các thầy nên lãnh thọ và giữ gìn Kỉnh pháp hữu lậu và vô lậu này, đồng thời giảng rộng cho người khác nghe. Vì sao như vậy? Vì kinh này nghĩa lý

đầy đủ, pháp hạnh đầy đủ, Phạm hạnh đầy đủ, khai mở Thần túc, hướng thẳng đến Niết-bàn; (cho đến) người thiện nam phát khởi lòng tin, tại gia hay xuất gia cũng nên thọ trì đọc tụng và giảng nói cho người khác nghe. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

1177. SÔNG TRO51 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Ví như có một dòng sông tro, hai bên bờ sông rất nóng và có nhiều gai nhọn, lại J ở nơi rát u tôi. Có nhiêu tội nhân bị. cuôn trôi trong dòng sông 9 ây. Trong đó, có một người không ngu si, thông minh trí tuệ, ưa vui chán khô, ham sống sợ chết, khởi nghĩ rằng: "Nay ta sao lại trôi dạt trong dòng sông tro này, hai bên bờ nóng bức, lại nhiều gai nhọn và tối tăm như vầy? Bây giờ, ta sẽ dùng chân tay làm phương tiện để bơi ngược dòng đi lên.,, Dần dần thấy được chút ánh sáng, người ây lại nghĩ: "Nay đã chợt thây chút ánh sáng kia r6i", nên lại vận dụng chân tay, tinh tấn nỗ lực bơi lên thì thấy được đất bằng, liền leo lên đứng trên mặt đất và quan sát xung quanh, rồi anh ta lại thấy một ngọn núi đá r 9 y • lớn vững chác, không hang ô? không nứt bê, liên leo lên ngọn núi đó. Đứng trên núi, anh ta lại thấy một nguồn nước trong xanh, mát mẻ chia làm tám vị là mát lạnh, ngon ngọt, nhẹ nhàng, êm diu, thơm tho, trong sạch, khi uống không nghẹn, không trở ngại nơi cô họng. Người ây liên xuồng dòng sông đê uông nước hoặc tam gội và không còn nóng bức. Sau đó, người ây leo lên một ngọn núi lớn và được nhìn thây bảy loài hoa đẹp, đó là hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-dàm-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Phân-đà- lợi? hoa Tu-kiên-đề, hoa Di-ly-đầu-kiên-đề? hoa A-đề-mục-đa, hương thơm ngào ngạt. Rồi người ấy lại leo lên núi đá thấy một tòa nhà có bốn bậc cấp liền ngồi lên đó; lại thấy giữa năm cột trụ có một chiếc màn trướng, anh ta liền vào trong đó5 giữ thân ngồi ngay thẳng, nơi đây có đủ các thứ gối, mền, hoa rải cùng khắp, trang nghiêm đẹp đẽ, tự do nằm, ngồi, gió mát bốn bề? thân thể an ổn. Ngồi trên cao, người ấy nhìn xuống và cất tiếng gọi lớn: "Hỡi các chúng sanh, các Hiền giả trong sông tro! Con sông tro này hai bên bờ nóng bức, có nhiều gai góc, tối tăm, hãy tìm đường thoát khỏi chốn ấy."

51 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1177. 0316c23).

QUYỂN 43 1305

Bên trong sông tro có người nghe được, liền nương theo tiếng hỏi lại: "Ra theo hướng nào? Ra theo lối nSo?" Trong đó lại có người nói: "Anh đâu cần hỏi ra theo lối nào? Bởi chính người đang nói kia tự mình còn không biết rõ, không thấy được lối nào thoát ra. Anh ta cũng sẽ ở lại sông tro này, hai bên bờ nóng bức, có nhiều gai góc, ở chốn tối tăm này mà trôi theo dòng đi xuống thì hỏi làm gi!" Cũng vậy, này các Tỳ-kheo! Nay Ta sẽ giải thích ý nghĩa của ví dụ này. Tro là chỉ cho ba niệm ác, bất thiện. Những gì là ba? Đó là niệm dục, niệm sân và niệm hại. Sông là chỉ cho ba ái: Dục ái, sắc ái và vô sắc ái. Hai bên bờ nóng bức là chỉ cho sáu nhập xứ bên trong và bên ngoài. Nhiều gai nhọn là chỉ cho năm dục. Chỗ tối tăm là chỉ cho vô minh che đậy tuệ nhãn. Chúng tội nhân là chỉ cho phàm phu mê muội. Dòng là chỉ sanh tử. Trong đó có người không ngu, không si là chỉ cho Đại Bồ-tát. Dùng tay chân làm phương tiện bơi ngược dòng là chỉ cho tinh cần tu học. Lóe thấy một chút ánh sáng nghĩa là được pháp nhãn. Gặp được đất bằng là chỉ

cho trì giới. Quan sát bốn phương là chỉ cho thấy được bốn chân đế. Núi đá lớn là chỉ cho chánh kiến. Nước có tám vi là chỉ cho tám chi Thánh đạo. Bảy loài hoa là chỉ cho bảy giác phân. Nhà bôn bậc cáp là chỉ cho bốn như ý túc. Năm trụ có màn che là chỉ cho năm căn: Tín, tấn, niệm, định, tuệ. Thân ngôi ngay thăng là chỉ cho Vô dư Niết-bàn. Hoa rải cùng khắp là chỉ cho các thiên định, giải thoát, tam-muội chánh thọ. Tự do ngôi, năm là chỉ cho đang Như Lai, ứng Cúng, Chánh Đang Giác. Gió thoi bon be là chỉ cho sự an trú trong pháp hiện tại với bôn thiên. Cát tiêng kêu gọi là chỉ cho chuyên pháp luân. Dưới sông có người hỏi: "Các vị Hiền giả ra theo hướng nào? Ra theo lối nàp?" là chỉ cho Tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên và các Hiền thánh Tỳ-kheo. ở trong đó có người nói: "Anh đâu cần hỏi ra theo lối nào? Bởi chính người đang nói kia tự mình còn không biết rõ, không thấy được lối nào thoát ra. Anh ta cũng sẽ ở lại sông tro này, hai bên bờ nóng bức, có nhiều gai góc, ở chốn tối tăm này mà trôi theo dòng đi xuống59 là chỉ cho sáu vi tổ sư ngoại đạo tà kiến, đó là Phú-lan-na Ca-diếp, Mạt-ca-lợi Cù-xá-lê tử, Tán-xà-da Tỳ-la-chi tử, A-kỳ-đa Chỉ-xá-khâm-bà-la, Ca-câu-la Ca-đàn-diên? Ni-kiền-liên-đà-xà-đề Phất-đa-la và những người tà kiến khác. Như thế, này các Tỳ-kheo! Đại sư vì các đệ tử làm những việc cần làm, nay Như Lai đã làm xong. Nay các thầy phải làm những việc cần làm, giống như Như Lai đã nói trong Kinh vỉ dụ giỏ ran độc.52 Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.53

52 Kinh số 1172. 53 Bản Hán, hết quyển 43.

1306 KINH TẠP A-HÀM

QUYỂN 44 1178. CẢ NHÀ XUẤT GIA1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Am-la, thuộc nước Di-hy-la.*2 Bấy giờ, có thiếu phụ Bà-la-môn tên Bà-tứ-tra3 có sáu người con bỗng nhiên lần lượt qua đời. Vì quá nhớ thương con nên bà phát điên, xõa tóc, lõa hinh, chạy cùng đường và đên trong vườn Am-la. Khi ây? Thê Tôn đang thuyêt pháp cho vô lượng đại chúng vây quanh. Từ xa, thiếu phụ Bà-la-môn trông thây Thế Tôn chợt choàng tính, sanh lòng xâu hô, che lại thân mình, khép nép ngôi xuông. r-pl Á rjn /X • 9 A s cs 19 rp/X Thê Tôn bao Ton giả A-nan: Hãy lấy chiếc y uất-đa-la-tăng của thầy đem cho Bà-tứ-tra kia khoác vào để nghe pháp! Tôn giảA-nan vâng lời Phật dạy, đưa y cho bà khoác vào. Bấy giờ, thiếu phụ Bà-la-môn khoác y rồi đến trước Phật, cúi đầu lễ Phật rồi ngồi sang một bên. Bấy giờ, Thế Tôn vì bà ta mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ4 xong, giống như thường pháp của chư Phật, Thế Tôn thuyết pháp theo thứ lớp,... (cho đếrỉ) tín tâm thanh tịnh, tự thọ Tam quy. Sau khi nghe Phật thuyết pháp, bà ta hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ Phật rồi ra ve. Sau đó, đứa con thứ bảy của ưu-bà-di Bà-tứ-tra bỗng nhiên qua đời, nhưng lần này bà không còn khóc than, buồn rầu, khổ não. Bấy giờ, chồng bà nói kệ với bà ấy: Những đứa con trước chết, Nhớ thương sanh đau buồn, Ngày đêm không ăn uống, Cho đến phát loạn cuồng, Nay chôn đứa thứ bảy, Sao lại không đau buồn? Bà nói kệ đáp: Con cháu có cả ngàn, Nhân duyên hòa hợp sanh, ___ Luôn trôi về quá khứ, FTS __ A J1_ Á Toi va ong cung the. 'Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1178. 0317b22). Tham chiếu: Biệt Tạp. (02. 0100.92. 0405ỒỒ3); Thĩg. 136, Vāsetthītherīgāthā (Kê ngôn của Trưởng

lão Ni VāsetthT). 2 Di-hy-la (,Mithilā). 3 Bà-tứ-tra (,Vāsetthī). ^Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ ().Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tr. 105; Tạp.(02. 0099.92. 0023cl8).



Con cháu và dòng họ, Số ấy không hạn lượng, Nơi mỗi chỗ thọ sanh, Tàn sát ăn nuốt nhau. Biết cốt lõi đời sống, Sanh buồn khổ làm gi, Tôi đã biết ra khỏi, Sự sông chét, còn mát, Không còn sanh buồn khổ, Vì vào Chánh pháp Phật. Người chồng dùng kệ khen: Tôi chưa nghe pháp này, Nay mới nghe bà nói, Nghe pháp này ở đâu, Mà dứt khổ thương con? Bà nói kệ đáp: Hôm nay, đấng Chánh Giác, ở nước Di-hy-la, Trong vườn cây Am-la, Bậc Lìa tất cả khổ. Diễn nói tất cả khổ, Khổ tập, khổ tịch diệt, Đường Thánh gồm tám chi, An ổn đến Niết-bàn. Đó là Thầy của tôi, Rất mến pháp của Ngài, Nhờ hiểu được Chánh pháp, Tôi hết khổ nhớ con. Người chồng lại nói kệ: Nay tôi cũng sẽ đến, Vườn Am-la, Di-hy, Đức The Ton cũng sẽ Dạy tôi bỏ ưu phiền. Bà nói kệ đáp lại: Nên biết Đẳng Chánh Giác, Thân sắc vàng mềm mại, Điều phục người khó diều, Đưa người qua bể khổ. Bấy giờ, Bà-la-môn liền vội vã lên xe ngựa đến vườn Am-la thuộc nước Di-hy-la. Ong vừa thây Phật, liên tăng thêm lòng kính tin, ngưỡng mộ, liên đên trước Đại sư. Khi ấy, Thế Tôn5 nói kệ khai mở pháp nhãn cho ông, nói về khổ, tập, diệt, đạo, hướng đến Niết-bàn. Ông ấy liền thấy pháp, thành tựu giác ngộ,6 rồi thông hiểu pháp, thỉnh cầu xuất gia. Được Thế Tôn cho xuất gia rồi? ông một mình ở chỗ thanh vắng, tư duy thiền định cho đến đắc A-la-hán. Thế Tôn thọ ký rằng: “Vào đêm thứ ba, ông ấy sẽ đắc Ba minh.^^ Sau khi Bà-la-môn chứng đắc Ba minh, đức Thế Tôn liền nói: -Thầy hãy sai người đánh xe mang xe về nhà và nói cho ưu-bà-di Bà-tứ- tra biết để bà ấy phát khởi lòng tùy hỷ, rằng: "Bà-la-môn đến gặp Thế Tôn, đã khởi lòng tin thanh tinh, kính thờ làm Thầy, được Thế Tôn thuyết pháp và khai mở pháp nhãn, thấy được Thánh đế về khổ, Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đế về khổ diệt và tám chi Thánh đạo, an ổn thẳng đến Niết-bàn, thành

5 Nguyên tác: Đại sư . 6 Nguyên tác: Thành vô gián đẳng .Xem chú thích 60, kinh số 23, quyển l, tr. 2l; Tạp. T.02. 0099.23. 0005b03.



tựu giác ngộ. Sau khi hiểu pháp, ông xin Phật xuất gia và Thế Tôn đã thọ ký vào đêm thứ ba ông ấy chứng đắc Ba minh.,, Khi đó, người đánh xe vâng lời căn dặn, nhanh chóng trở về nhà. Ưu-bà-di Bà-tứ-tra từ xa trông thấy người đánh xe đi xe không trở về, liền hỏi: Ông chủ có gặp được Phật không? Phật có thuyết pháp, khai thị pháp nhãn cho ông ấy thấy Thánh đế không? Người đánh xe đáp: Thưa, ông chủ đã gặp Thế Tôn, được lòng tin thanh tịnh và kính thờ Phật làm Thầy, lại được Thế Tôn khai mở pháp nhãn, dạy bốn Thánh dế, nên đã thành tựu giác ngộ. Sau khi thấu rõ pháp, ông chủ xin xuất gia và chuyên tinh tư duy thiền đinh. Thế Tôn đã thọ ký vào đêm thứ ba ông chủ đắc Ba minh. Bà vợ nghe xong, trong lòng tùy hỷ, nói với người đánh xe: Thưởng cho ông chiếc xe ngựa này và một ngàn đồng tiền vàng, vì ông đã báo tin rằng: 44Bà-la-môn Túc-xá-đế đã chứng Ba minh", khiến lòng ta hoan hỷ. Người đánh xe đáp:

Nay con đâu cần xe ngựa và tiền vàng làm gì? Xin gửi lại xe ngựa và tiền vàng cho bà. Nay con sẽ đi theo ông chủ xin xuất gia. Ưu-bà-di nói: Ý cậu đã quyết thì hãy mau trở lại để theo ông chủ xuất gia, không bao lâu chắc cũng đầy đủ Ba minh như ông chủ. Người đánh xe thưa: -Đúng vậy, thưa bà! Ông chủ đã xuất gia, con cũng muốn như thế. Ưu-bà-di nói: Ông chủ đã xuất gia, cậu cũng xuất gia theo, chắc không bao lâu ta cũng sẽ đi xuất gia. Giống như con rồng chúa nương hư không bay đi thì những rồng con là rồng bé trai, rồng bé gái cũng đều bay theo. Ta cũng như thế, sẽ ôm bát, đắp y, sống đời giản dị. Người đánh xe thưa: Nếu ý nguyện của bà như vậy, ắt sẽ thành tựu. Không bao lâu nữa sẽ thấy bà cạo tóc, mặc áo hoại sắc, ít muốn biết đủ, đắp y, ôm bát đi đến từng nhà khất thực. Bà sẽ được đoạn trừ ái dục, xa lìa sự trói buộc của tham và dứt hết các phiên não đôi với âm, giới, nhập. Như vậy, ông Bà-la-môn, người đánh xe, bà ưu-bà-di Bà-tứ-tra và cô con gái là Tôn-đà-bàn-lê đều xuất gia, rồi họ đều vượt thoát khổ đau. ***



1179. MẤT BÒ7 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Đại Lâm, thuộc nước Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, có vị Bà-la-môn tên là Tinh Tấn Bà-la-đậu-bà-giá?8 sáng sớm đi mua bò, nhimg chưa kịp trả tiền9 thì đã bị mất bò ngay hôm đó, sáu ngày sau vẫn chưa tìm thay. Khi ấy, Bà-la-môn đi tìm bò, lần hồi đến tinh xá Đại Lâm. Từ xa, thấy Thế Tôn ngồi bên cội cây, dung nghi đĩnh đạc, các căn thanh tịnh, tâm thể vắng lặng, thành tựu chỉ quán, toàn thân sắc vàng, hào quang chiếu diệu. Thấy như vậy rồi, ông liền đến trước Phật rồi dùng kệ hỏi: Vì sao không mong cầu, Lặng lẽ ở nơi dây, Một mình nơi chỗ vang, Mà tâm được an lạc? _ r Ạ fTĪ 4. ỉ The Ton noi kê đáp: Đoi với sự được mất, Tâm Ta không tán loạn, Bà-la-môn nên biết, Chớ nói ông giống Ta, Tâm mưu tính được mất, Tâm ấy không tự tại. Ông Bà-la-môn lại nói kệ: Chỗ Phạm chí tối thắng, Như Tỳ-kheo đã nói, Nay tôi sẽ tự nói Lời chân thật, lắng nghe. Sa-môn quyết không như Người mất bò buổi sáng, Sáu ngày tìm không được, Thế nên sống an lạc. Sa-môn quyết không như Người gieo trồng ruộng mè, Lo sợ bị cỏ phủ, Thế nên sống an lạc. Sa-môn quyết không như Người gieo lúa, thiếu nước, Sợ lúa khô chết héo, Thế nên sống an lạc. Sa-môn quyết không như Quả phụ có bảy người, Đều nuôi con côi cút, Thế nên sống an lạc. Sa-môn quyết không có Bảy đứa con đáng chán, Phóng túng nợ nần nhiều, Thế nên sống an lạc. Sa-môn quyết không có Chủ nợ đứng ngay cửa, Tìm đòi của vay mượn, Thê nên sông an lạc. Sa-môn quyết không có Đồ nằm dày bảy lớp,

7 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.1179. 0318bl2. Tham chiếu: Biệt Tạp. rỏ2. 0100.93. 0406a26;5. 7.10 - ỉ. 170. 8 Nguyên tác: Tỳ-lê-da Bà-la-đậu-bà-giá Căn cứ vào phần cuối kinh, tên,của vị Bà-la-môn này được gọi là "Tinh Tấn Bà-l*db-gi9".ơ đây, chữ 'Tinh Tân" tương đương Pali là Viriya và được phân đâu kinh phiên âm là iiTy-le-da,9 .Còn chữ "Bà ladaub-giá"vốn được phiên âm từ Bhāradvāja. 9 Vị thường kỳ mại :Chưa thanh toán khoản tiền mua bò .

Lo lắng bắt rận rệp, Thế nên sống an lạc. Sa-môn quyết không có Vợ mắt đỏ? tóc vàng,10 Ngày đêm nghe tiêng xâu, Thế nên sống an lạc. Sa-môn quyết không có Kho rỗng, đàn chuột giỡn, Thường lo lắng, gầy ốm, Thê nên sông an lạc. The Ton noi kẹ đáp: Nay Ta quyết không như Kẻ mất bò sáng sớm, Sáu ngày tìm không ra5 Thế nên sống an lạc. Nay Ta quyết không như Người gieo trồng ruộng mè, Thường sợ bị cỏ phủ, Thế nên sống an lạc. Nay Ta quyết không như Người làm ruộng thiếu nước, Sợ cây lúa chết khô, Thế nên sống an lạc. Nay Ta quyết không như Quả phụ có bảy người, Nuôi dưỡng con côi cút, Thê nên sông an lạc. Nay Ta quyết không có Bảy đứa con đáng chán, Phóng túng, nợ nần nhiều, Thế nên sống an lạc. Nay Ta quyết không có Chủ nợ giữ trước cửa, Tìm đòi của vay mượn, Thế nên sống an lạc. Nay Ta quyết không có Đồ nằm dày bảy lớp, Lo lắng bắt rận rệp, Thế nên sống an lạc. r

Nay Ta quyết không có Vợ mát đỏ, tóc vàng, Ngày đêm nghe tiếng ác, Thê nên sông an lạc. Nay Ta quyết không có Kho rỗng, đàn chuột giỡn, Thường lo lắng, gầy ốm5 Thế nên sống an lạc. Không xả niệm, không niệm, Chúng sanh sống an lạc5 Đoạn dục, lìa ân ái, Mà được sống an lạc. Bấy giờ, Thế Tôn thuyết pháp, mở bày, chỉ dạy, kMch lệ giúp Bà-la-môn Tinh Tấn Bà-la-đậu-bà-giá được hoan hỷ.11 Rồi theo pháp thường của chư Phật, Ngài thuyết pháp tuân tự vê bô thí, trì giới,... cho đên ở trong Chánh pháp được tâm vô úy. Bà-la-môn liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay bạch Phật:  Nay con có được xuât gia trở thành Tỳ-kheo, tu Phạm hạnh ở trong Giáo pháp và Giới luật này không?10 11

10 Nguyên tác: Xích nhãn hoàng phát phụ ,chỉ cho thiểu phụ luống tuổi và đã có chông .ơ đây, “xích nhãn,^ có lẽ được dịch từ piñgalā, vừa có nghĩa là mắt đỏ, vừa có nghĩa là mặt rô hoặc tàn nhang. Theo s. 7.10 - L 170, cú ngữ này có nguyên tác: piñgalā tilakāhatā, được HT. Thích Minh Châu dịch là "VỌT đen, mặt rỗ.?, 11 Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ .Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tr. 105; Tạp. Ér02. 0099.92. 0023cl8.



Phật bảo Bà-la-môn:  Nay ông có thể ở trong Giáo pháp và Giới luật này xuất gia, thọ Cụ túc giới, tu các Phạm hạnh,...(cho đếrỉ) chứng quả A-la-hán, tâm giải thoát hoàn toàn.12 Bấy giờ, Bà-la-môn Tinh Tấn Bà-la-đậu-bà-giá đã chứng quả A-la-hán, tự biết được an lạc, giải thoát, liền nói kệ: Nay ta thật an lạc, ở trong pháp Đại tiên, Được niềm vui lìa dục, Không uổng công thấy Phật. ***

1180. NGƯỜI TRÍ13 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại thôn xóm của Bà-la-môn, trong rừng cây Sa-la. Bấy giờ, vào buổi sáng sớm, Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thôn xóm của Bà- la-môn khất thực thì bất chợt có áng mây đen xuất hiện, nên Thế Tôn nghĩ: “Ta nên đến nhà hội họp của trưởng giả Bà-la, trong thôn xóm của Blam6n." Nghĩ như thế xong, Ngài liền đi đến ngôi nhà đó. Khi ấy, các trưởng giả Bà-la- môn đang hội họp ở đó, từ xa trông thấy Thế Tôn đến, họ nói với nhau: -Ông Sa-môn trọc đầu kia đâu biết pháp gì! Bấy giờ, Thế Tôn bảo các trưởng giả Bà-la-môn:  Trong hàng Bà-la-môn có người biết pháp, cũng có người không biết pháp; trong hàng Sát-lợi hay

Trưởng giả có người biết pháp và cũng có người không biết pháp. T —Á rpl Á rp[ • À 1 LÚC ay, The Ton liên noi kẹ: Không bạn muốn hơn bạn, Vua không phục khó phục, Vợ không mong hơn chồng, Con nào chẳng kính cha. Không hội, không người trí, Không trí, không nói pháp, Tham, sân, si đã dứt, Đó chính là người trí. Khi ấy, trưởng giả Bà-la-môn kia bạch Phật:  Thiện sĩ Cù-đàm! Mời Ngài vào nhà, xin ngồi vào tòa này. Sau khi Thế Tôn an tọa, họ bạch Phật:  Xin Cù-đàm thuyết pháp! Chúng tôi muốn nghe. Bấy giờ, Thế Tôn thuyết pháp cho chúng trưởng giả Bà-la-môn kia nghe. Ngài đã mở bày, chỉ dạy, khích lệ và khiến cho họ hoan hỷ14 rồi, lại nói kệ:

12 Nguyên tác: Thiện giải thoát (,suvimuttaṃ. Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển l, tr. 19; Tạp.(r.02. 0099.22. 0004c20). 13 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1180. 0319a200). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100.94. 0407al6); s. 7.22 - i. 184. 14 Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ (,).Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tr. 105; Tạp.(r02. 0099.92. 0023c18).



Ngu, trí cùng tụ hội, Không nói, đâu biết rõ? Khéo nói đạo tịch tinh, Nhờ nói mới thấu rõ. Người giảng bày Chánh pháp, Kiến lập cờ Đại tiên, Khéo nói là cờ Tiên, Pháp là cờ La-hán. Bấy giờ, Thế Tôn vì các trưởng giả Bà-la ở thôn xóm Bà-la-môn mà dựng lập Chánh pháp, mở bày, chỉ dạy, khích lệ và khiến cho họ hoan hỷ xong, Ngài từ chỗ ngồi đứng dậy rời đi. *** 1181. RUỘNG PHƯỚC THANH TỊNH15 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa trong nhân gian ở nước Câu-tát-la rồi đến làng Phù-lê, ngụ trong vườn Am-la của Bà-la-môn Thiên Tác.16 Bấy giờ, Tôn giả Ưu-ba-ma17 đang làm thị giả cho Phật. Khi đó, Thế Tôn bị đau lung nên bảo Tôn giả ưu-ba-ma:  Thầy cất y bát xong, hãy đến nhà của Bà-la-môn Thiên Tác. Lúc này, Bà-la-môn Thiên Tác đang ở trong nhà, sai người chải đầu và chỉnh sửa râu tóc cho ông, chợt nhìn thấy Tôn giả ưu-ba-ma đang đứng ngoài cửa, ông liền dùng kệ hỏi: Vì sao cạo râu tóc, Thân mặc áo cà-sa,18 Đang đứng ngoài cửa d6, Muốn xin gì nơi ta? Tôn giả ưu-ba-ma nói kệ đáp: Đấng Thiện Thệ, La-hán, Bị trúng gió, đau lưng,19 Ông có nước an lạc, Chữa cho Mâu-ni chăng? Khi ấy, Bà-la-môn Thiên Tác đem ra một bát đầy tô lạc, một bình dầu, một bình đường phèn, rồi bảo người làm xách bình nước nóng đi theo Tôn giả Ưu- ba-ma đen cho The Ton. Đen nơi, Ton gia lay dâu xoa len than Thê Tôn, dùng nước nóng lau rửa, rồi khuấy tô lạc và đường phèn để Thế Tôn uống, Thế Tôn liền khỏe lại, không còn đau lưng. Sáng hôm sau, Bà-la-môn Thiên Tác dậy thật sớm, đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài, ngồi sang một bên rồi dùng kệ hỏi: Sao gọi Bà-la-môn? Thí gì được quả lớn? Thí nào là đúng thời? Đâu là ruộng phước sạch?

15 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.1181. 0319b 15. Tham chiếu: Biệt Tạp. 7.02. 010095. 0407012; s. 7.13 -1. 174. 16 Thiên Tác ,Devahita. 17 Ưu-ba-ma ,Upavāna. 18 Nguyên tác: Tăng-ca-lê Sañghāti, cũng gọi là Tăng-già-lê . 19 Nguyên tác: Hoạn bối phong tật .s. 7.13 - L 174: vātehābādhiko / vātehãbãdhỉto bị cảm mạo.

The Ton noi kệ đáp: Nếu được Túc mạng trí, Thay cõi trơi, cõi ác,20 Sạch hết các hữu lậu, Bậc Mâu-ni Tam minh. Khéo biết tâm giải thoát, Giải thoát tất cả tham, Mới gọi Ba-la-mon, Thí vị này, phước lớn, Thí đây thí đúng thời, Là ruộng phước đáng gieo. Khi ấy, Bà-la-môn Thiên Tác nghe Phật nói xong, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh 1 Á _Ạ • ___ Ạ le roi ra ve. *** 1182. NGHỀ NÔNG20 21 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa trong nhân gian ở nước Câu-tát-la và nghỉ đêm trong rừng Sa-la. Bấy giờ, có vị Bà-la-môn làm nghề nông ở cách rừng Sa-la không xa. Một hôm, ông dậy thật sớm đi vào rừng Sa-la thì thấy Thế Tôn ngồi bên cội cây, dung mạo đoan chánh, các căn thanh tinh, tâm thật vắng lặng, thành tựu đầy đủ pháp chí, quán bậc nhất. Thân Ngài sắc vàng, hào quang chiếu diệu. Thấy rồi, ông đi đến trước Phật, bạch rằng: - Thưa Cù-đàm! Tôi làm ruộng gần đây nên rất thích khu rừng này. Cù-đàm có làm gì ở đây không mà cũng thích ở trong khu rừng này? Rồi ông dùng kệ hỏi: Tỳ-kheo ở rừng này, Vì có sự nghiệp gi, Một mình ở chô văng, Vui gì trong rừng này? The Ton noi kẹ đáp: Vô sự ở rừng này, Rễ rừng chặt từ lâu, ở rừng mà lìa rừng, Luôn an vui thiền định. Khi ấy, Bà-la-môn nghe Phật nói xong, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi ra về. *** 1183. TÁN THÁN THẾ TỒN22 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa trong nhân gian ở nước Câu-tát-la và nghỉ đêm trong rừng Sa-la.

20 Nguyên tác: Kiến thiên định thú sinh (saggāpāyañcapassatī). 21 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1182. 0319c13). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100*96. 0407C21); s. 7.17-L 179. 22 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1183. 0319c27). Tham chiếu: Biệt /. (T.02. 010097. 0408a 10); J. 7.18-L 180.



Bấy giờ, có vi Bà-la-môn cùng năm trăm thiếu niên Bà-la-môn sống bên cạnh khu rừng. Bà-la-môn ấy thường khen ngợi và mong muốn được gặp Thế Tôn: "Khi nào Thế Ton du hành đến khu rừng này5 nhân đó ta sẽ được gặp Ngài để hỏi những điều còn nghi. Không biết Ngài có thời gian để giải đáp cho ta kh6ng?" Khi ây, có người đệ tử thiêu niên của Bà-la-môn ây vào rừng kiêm củi, từ xa trông thấy Thế Tôn ngồi bên cội cây, dung nghi đoan chánh, các căn văng lặng, tâm thể định tĩnh, thân như núi vàng, hào quang chiếu diệu, liền nghĩ: “Thầy mình thường khen ngợi và mong ước được gặp Ngài Cù-đàm để hỏi những điều còn nghi ngờ. Nay Sa-môn Cù-đàm lại đang ở trong rừng này, ta phải chạy nhanh về báo cho thầy ta biết." Người đệ tử liền ôm bó củi chạy nhanh về, bỏ củi xuống rồi vội vàng đến thưa với thầy mình: Thưa thây! Lâu nay thây thường khen ngợi, kính ngưỡng và mong muôn Sa-môn Cù-đàm đên rừng này đê được gặp và hỏi những điêu còn nghi ngờ. Nay Sa-môn Cù-đàm đã đến rừng này, xin thầy biết đã đúng lúc. Khi ây, Bà-la-môn vội vã đên chô Phật, sau khi thăm hỏi xong, ngôi sang một bên và nói kệ: Một mình vào chốn nguy, Trong rừng rậm thâm u, Đứng vững không lay động, Khéo tu pháp chánh cần. Không ca múa âm nhạc, Im lặng ở chỗ vang, Tôi chưa từng thấy ai, Một mình vui rừng sâu. Muôn tìm ở thê gian, Đấng Tự Tại tăng thượng, Là trời Ba Mươi Ba, Tự tại vui cõi trời, Cớ sao vào rừng sâu, Khổ hạnh tự hư hao? The Ton noi kẹ đáp: r ,

Nêu còn nhiêu mong câu, Mê đăm nơi các cõi, Tất cả chúng đều là, Cội góc của ngu si. Những mong cầu như thế, Ta đã bỏ từ lâu, Không mong cầu, dối lừa, Tát ca không tiêp xúc. Đối với tất cả pháp, Chỉ quán chiếu thanh tịnh, Được vô thượng Bồ-đề, Thiên định tu chánh lạc. Bà-la-môn nói kệ: Nay con kính lễ Ngài, Đấng Mâu-ni tịch tịnh, Vua Thiền định vi diệu, Bậc Đại giác vô biên. Như Lai cứu trời, người, Vòi vọi như núi vàng, Giải thoát khỏi rừng rậm, ở rừng, không đắm trước. Đã nhổ sạch gai nhọn, Thanh tịnh không dấu vết, Thượng thủ hàng luận sư, Biện tài hơn tất cả, Sư tử trong loài người, Rông chân động rừng sâu.

QUYỂN 44 1315

Hiển bày khổ Thánh đế, Tập, diệt, tám Thánh đạo, Dứt hết các khổ tụ, Thanh tịnh không cấu uế. Giải thoát tất cả khổ, Cứu kho cho chúng sanh, Muốn chúng sanh an lạc, Nên diễn nói Chánh pháp. Bậc đã sạch ân ái, Xa lìa khỏi lưới dục, Dứt trừ hết tất cả, Trói buộc của hữu ái. Như hoa sen trong nước, Không dính bẩn bùn nhơ, Như mặt trời giữa không, Trong sáng, không mây che. Con hôm nay may mắn, Đen rừng Câu-tát-la, _ í Được gặp đang Đại sư, Bậc Thầy Lưỡng Túc Tôn. Đại Tinh Tấn trong rừng, Người độ sanh bậc nhát, Điều Ngự Sư trên hết, Kính lễ đấng Vô úy. Khi ây, Bà-la-môn nói kệ khen ngợi Phật xong, nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ5 đảnh lễ Phật rồi ra về. *** 1184. TẮM BẰNG CHÁNH PHÁP23 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa trong nhân gian ở nước Câu-tát-la và nghỉ đêm bên bờ sông Tôn-đà-lợi.24 Bấy giờ, Thế Tôn mới cạo tóc. Vào lúc cuối đêm, Ngài lấy y trùm đầu rồi ngồi kiết-già, giữ thân ngay thẳng, thiền đinh tư duy, buộc niệm trước mặt. Khi ấy, bên sông Tôn-đà-lợi có một Bà-la-môn đang sống. Vao lúc cuối đêm, Bà-la-môn thức dậy đem những thức ăn cúng tế còn dư đi đến bờ sông, muốn tìm Bà-la-môn có đức độ lớn để cúng dường. Lúc đó, Thế Tôn nghe bước chân Bà-la-môn đi bên bờ sông liền lên tiếng đằng hắng rồi lấy chiếc y trùm đầu xuống. Bà-la-môn thấy Phật liền nghĩ thầm: "Bây là Sa-môn đầu trọc, không phải Ba-la-m6n." Ông ta định đem thức ăn trở về, nhưng lại nghĩ: "Dâu chỉ Sa-môn mới cạo trọc đau, trong hàng Bà-la-môn cũng có người cạo đầu. Ta nên đến đó để hỏi xuất thân của ông ấy." Bà-la-môn liên đi đen cho The Ton hỏi răng: Ngài thuộc dòng tộc nào? ' Ạ FTr • *1 Ạ 4. ỉ The Ton noi kê đáp: Ông chớ hỏi dòng họ, Chỉ nên hỏi việc làm, Dùi cây làm mồi lửa, Cũng có thể sanh lửa, Trong dòng họ hạ tiện, Sanh Mâu-ni kiên cường. Trí tuệ, biết tàm quý, Tinh tấn, khéo điều phục,

23 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.1184. 0320ỒỒ21). Tham chiếu: Biêt Tạp. (r.02. 010099. 0408c27); s. 7.9 -1. 167. 24 Nguyên tác: Tôn-đà-lợi (Sundarikā).

1316 KINH TẠPA-HÀM

Hào quang bao trùm khắp, Tu Phạm hạnh thanh tinh, Nay chính là đúng thời, Nên cúng thức ăn dư. Bà-la-môn nói kệ: Hôm nay con may mắn, Muốn cúng dường cầu phước, Gặp được đấng Đại sĩ, Tôn quý nhất ba đời, Nếu không được gặp Phật, Thời đã cúng người khác. Bấy giờ, Bà-la-môn ở bên sông Tôn-đà-lợi thay đổi niềm tin, liền đem thức ăn dư ấy dâng cúng Thế Tôn. Thế Tôn không nhận vì nhân nói bài kệ mà được vị

Bà-la-môn này cúng dường. (Do nói kệ mà được thức ăn đã nói đầy đủ ở trên).25 Bà-la-môn bạch Phật:  Bạch Thế Tôn! Bây giờ, con phải đem thức ăn dư này để đâu? Phật đáp: -Ta không thấy chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn? Bà-la-môn? thiên thân hay người đời nào ăn thức ăn này vào mà thân thể được an ôn. Ong hãy đem thức ăn này bỏ vào trong nước không có trùng hoặc chỗ đất ít cỏ mọc. Khi ấy, Bà-la-môn liền đem thức ăn này bỏ vào trong nước không có trùng, nước liền bốc khói sôi lên thành tiếng xèo xèo. Ví như đem viên sắt nóng bỏ vào trong nước lạnh, nước liền bốc khói phát ra tiếng xèo xèo. Thức ăn đó cũng như thế, bỏ vào nước không có trùng, nước liền bốc khói sôi lên thành tiếng xèo xèo. Bà-la-môn kinh hãi, toàn thân sởn gai ốc, cho là có tai họa, vội vàng chạy lên bờ gom củi khô cúng dường đền thờ lửa để dứt sự tai quái kia. Thế Tôn thấy ông ta gom củi khô cúng dường đền thờ lửa để cầu dứt sự tai quái ấy, liền nói kệ: Bà-la-môn thờ lửa, Đốt cháy cây cỏ khô, Chớ cho đó thanh tịnh, Trừ được các họa tai. Cúng như vậy là sai, Lại nghĩ rằng sáng suốt, Tạo nhân duyên như thế, Ngoại đạo cho là tịnh. Ông hãy bỏ lửa củi, Đốt lên ngọn lửa lòng, Thường tu không buông lung, Siêng hành pháp cúng dường. Khởi tinh tín khắp nơi, Rộng bày hội bố thí, Tâm y là bo cui, Sân si là khói đen, Nói dối là bụi nhơ, Miệng lưỡi là thìa gỗ. Lòng dạ, nơi giữ lửa, Lửa dục thường đốt thiêu, Phải khéo tự điều phục, Xứng danh người dập lửa. Chánh tín là sông lớn, Tinh giới, bè qua sông, Dòng nước lắng trong sạch, Được người trí ngợi khen. Người thiện lương nơi đời, Nên tam rửa trong đó, Vào nước không ướt mình, An ổn qua bờ kia.*

25 Xem Tạp.(T.02. 0099.1157. 0308a03).



Chánh pháp là ao sâu,26 Phước đức là bến nước,27 Nước trong sạch đầy tràn, Được người trí tán thán. r

Người thiện lương ở đời, Nên tăm rửa trong đó,
Vào nước không ướt mình, An ổn qua bờ kia.
Chân đế khéo điều ngự, Nhiếp hộ tu Phạm hạnh,
Từ bi là khổ hạnh, Tâm chân thật thanh tịnh,
Dùng Chánh pháp tắm rửa, Được người trí khen ngợi,
Bây giờ, Bà-la-môn sông bên sông Tôn-đà-lợi nghe lời Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ rồi trở lại đường cũ mà đi.
***

## 1185. NGHIỆP TỊNH DO MÌNH TỊNH28

___ \

Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa trong nhân gian ở nước Câu-tát-la và nghỉ đêm trong khu rừng bên bờ sông Tôn-đà-lợi. Bấy giờ, có Bà-la-môn đang ở bên bờ sông Tôn-đà-lợi đi đến chỗ Phật, ân cần thăm hỏi nhau xong rồi ngồi sang một bên và bạch:  Thưa Cù-đàm! Ngài có đến tắm rửa trong sông Tôn-đà-lợi không? Phật đáp: -Vì sao phải tắm rửa ở sông Tôn-đà-lợi? Bà-la-môn thưa: -Thưa Cù-đàm! Sông Tôn-đà-lợi có nhiều khả năng cứu độ? có nhiều điều tốt lành, có nhiều sự thanh tịnh. Nấu người nào

tắm trong dòng sông này, mọi điều xấu ác chắc chắn được tiêu trừ. Khi ấy, Thế Tôn nói kệ đáp: Chẳng phải Tôn-đà-lợi,2930 Chẳng phải Bà-hưu-đa,3^ Chẳng Già-da-tát-la531 Những con sông như the, Đâu thể làm thanh tịnh, Những việc ác? bất thiện. Sông Hang, Bà-hiru-đa, Tôn-đà-lợi các song, Người ngu tắm ở đó, Không thể trừ hết ác. Những người thanh tịnh kia, Đâu cần phải tắm rửa?

26 Nguyên tác: Thâm uyên ().s. 7.9 - L 358: Rahada (ao, hồ). 27 Nguyên tác: Phước đức vi, ).ế ()dùng theo nghĩa dừng nghỉ ().s. 7.9 - L 358: Sĩlatỉttho (Giới là bến nước tắm), HT. Thích Minh Châu dịch. 28 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1185. 0321a24). Tham chiếu: Thủy Tịnh Phạm chí lanh (r.oī. 0026.93. 0575al9); Tăng. it (702 0125.13 5. 0573c01); Ptew chỉ Ke Thủy Tịnh kỉnh (TOI. 0051. 0843c16); M. 7. Vatthūpama Sutta (Kinh ví dụ tâm vải). 29 Tôn-đà-lợi (,Sundarikā). 30 Bà-hưu-đa (Bāhukā) còn gọi là Bāhumatī. 31 Già-da-tát-la (Sarassatī; s. Sarasvatī), con sông linh thiêng ở Ấn Độ.



Những người thanh tịnh kia, Đâu cần phải trai giới?32 Nghiệp tinh do mình tịnh, Sanh ra nhờ thọ trì, Không sát sanh, frộm cướp, Không dâm, không nói dối Bố thí trừ keo kiệt, Trong đây mà tắm gội, Đối với khắp chúng sanh, Thường khởi lòng từ bi. Dùng nước giếng tắm rửa, Cần gì sông Già-da?33 Trong tâm tự thanh tịnh, Không đợi tắm bên ngoài. Đứa trẻ nghèo nhà quê, Thân thể nhiều dơ bẩn, Dùng nước rửa bụi bặm, Không thể sạch bên trong. Bấy giờ, Bà-la-môn sống bên sông Tôn-đà-lợi nghe lời Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ rồi đứng dậy ra đi. *** 1186. BÀ-LA-MÔN BỆN TÓC (l)34 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Ni-câu-luật, thuộc nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ, có Bà-la-môn bện tóc35 tên là La-đậu-bà-giá36 vốn là người quen biết với Phật khi Ngài còn là Thái tử, đi đến chỗ Phật, thăm hỏi nhau xong, ngồi sang một bên rồi dùng kệ hỏi: Người bện tóc ngoài thân, Chỉ gọi là bện tóc, Người bện tóc trong tâm? Là chúng sanh trói buộc, Nay xin hỏi Cù-đàm, Làm sao gỡ bện tóc? Đức Phật nói kệ đáp: Phải thọ trì tịnh giới, Trong tâm tu Chánh giác, Và nỗ lực siêng năng, Thì gỡ được bện tóc. Bấy giờ, Bà-la-môn bện tóc nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ rồi đứng dậy ra về. *** 1187. BÀ-LA-MÔN BỆN TÓC (2)37 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Ni-câu-luật, thuộc nước Ca-tỳ-la-vệ. 32 Nguyên tác: Bố-tát (Uposatho): Tụng giới, sám hối, trai giới... một hình thức sinh hoạt, hành trì nhằm trưởng dưỡng đạo tâm thanh tịnh. 33 Già-da (Gayā), một nhánh sông thuộc sông Hằng (Gañgā). 34 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.O2. 0099.1186. 0321b21). Tham chiếu: Biệt Tạp. (7.02. o 100 100. 0409C14); s. 7.6 - L 165. 35 Nguyên tác: Oanh kế (Jātā): Vị đạo sĩ bện tóc. 36 La-đậu-bà-giá (),gọi đủ là Bà-la-đậu-bà-giá (Bāradvāja). 3^Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1187. 0321Ồ04). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100.100. 0409c 14); s. 7.6 - L 165.



Bấy giờ, Bà-la-môn bện tóc tên La-đậu-bà-giá đến chỗ Phật thăm viếng, ân cần chào hỏi nhau xong, ngồi sang một bên rồi dùng kệ hỏi: Người bện tóc ngoài thân, Chỉ gọi là bện

tóc, Người bện tóc trong tâm, Là chúng sanh trói buộc. Nay xin hỏi Cù-đàm? Người bện tóc như thế, Phải dùng cách thức gì? Đe đoạn trừ bện tóc? Đức Phật nói kệ đáp: Mắt, tai cùng với mũi, Lưỡi, thân, ý nhập xứ, Đôi với danh săc kia, Đã diệt tận hoàn toàn, Các thức đã diệt rồi, Ngay đó trừ bện tóc. Đức Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn bện tóc nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ rồi đứng dậy ra về. *** 1188. XÚNG ĐÁNG ĐƯỢC CUNG KÍNH38 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngồi nơi cội Bồ-đề, bên bờ sông Ni-liên-thiền? thuộc làng uất-tỳ-la, khi Ngài vừa thành đạo chưa bao lâu. Bấy giờ, Thế Tôn một mình lặng lẽ tư duy, suy nghĩ như vầy: "Người không biết cung kính, không biết tôn ti trật tự sẽ gặp khổ lớn. Ngươi không biết sợ mình và kính trọng người sẽ bị mất đi lợi ích to lớn. Người biết cung kính, biết tôn ti trật tự, biết kính trọng người sẽ được sống an lạc. Người biết cung kính, biêt tôn ti trật tự, biêt kính trọng người sẽ có đây đủ lợi ích to lớn. Vậy có ai trong chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn9 Bà-la-môn5 thiên thần và loài người có đầy đủ giới dức, thiền định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến hơn Ta để cho Ta cung kính, tôn trọng, phụng sự? cúng dường và sống nương tựa vào vị ấy kh6ng?" Ngài lại nghĩ: "'Không có một ai trong chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn9 Bà-la-môn5 thiên thần hay người thế gian có đầy đủ giới đức, thiền định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến hơn Ta để Ta cung kính, tôn trọng, phụng sự, cúng dường và sống nương tựa vào vị ấy. Chỉ có Chánh pháp giúp Ta tự giác ngộ, thành tựu giác ngộ hoàn toàn, nên Ta hãy cung kính, tôn trọng, phụng sự, cúng dường và sống nương tựa vào Chánh pháp. Vì sao như vậy? Vì chư Như Lai, bậc ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác thời quá khứ cũng cung kính, tôn trọng, phụng sự, cúng dường và sống nương tựa vào Chánh pháp này; chư Như Lai, bậc ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác thời tương lai cũng cung kính, tôn trọng, phụng sự, cúng dường và sống nương tựa nơi Chánh pháp nay.59

38 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1188. 032ỈCÍ8). Tham chiếu: Biệt Tạp. (7.02. OlOOJOl. 04lba03); s. 6.2 - L 138; A. 4.21 - II. 20.



Bấy giờ, Phạm thiên vương, chúa tể cõi ta-bà biết được ý nghĩ trong tâm Thế Tôn. Sau khi biết như vậy, nhanh như lực sĩ co duỗi cánh tay, Phạm thiên vương biến mất khỏi cõi trời và hiện ra trước Phật rồi khen ngợi rằng: - Lành thay! Đúng vậy, thưa Thế Tôn! Đúng vậy, thưa Thiện Thệ! Những người lười biếng, không biết cung kính sẽ gặp kho lớn... (nói đầy đủ như trên, cho đến) đầy đủ lợi ích to lớn. Đúng là không có chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn, Bà-la-môn, thiên thần hay người thế gian nào có đay đủ giới đức, thiền định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến hơn Thế Tôn để Thế Tôn cung kính, tôn trọng, phụng sự, cúng dường và sống nương tựa vào vị ấy. Chỉ có Chánh pháp mà Như Lai đã tự mình chứng ngộ, thành Đẳng Chánh Giác mới là nơi để Như Lai cung kính, tôn trọng, phụng sự, cúng dường và nương tựa nơi đó. Vì sao như vậy? Vì chư Như Lai, bậc ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác thời quá khứ cũng cung kính, tôn trọng, phụng sự, cúng dường và song nương tựa nơi Chánh pháp này; chư Như Lai, bậc ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác thời vi lai cũng cung kính, tôn trpng, phụng sự, cúng dường và sống nương tựa nơi Chánh pháp này. Bấy giờ, Phạm thiên lại nói kệ: Bậc Chánh Giác

quá khứ, Và chư Phật tương lai, Phật, Thế Tôn hiện tại, Khéo trừ khổ chúng sanh. Tất cả cung kính pháp, Song nương tựa Chánh pháp, Sự cung kính như vậy, Là pháp của chư Phật. Bấy giờ, Phạm thiên vương nghe Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ5 lạy sát chân -pfc-l AJ À • 1 • Á ___ Á J

Phật roi biên mát. *** 1189. CON ĐƯỜNG TRỰC TIẾP (3)39 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngồi nơi cội Bồ-đề? bên bờ sông Ni-liên-thiền, thuộc làng uất-tỳ-la, khi Ngài vừa thành đạo chưa bao lâu. Bấy giờ, Thế Tôn một mình lặng lẽ tư duy, suy nghĩ như vầy: “cg một 40 tịnh hóa chúng sanh, thoát mọi lo buồn, diệt trừ khổ não, con đường trực tiếp39 chứng ngộ Niết-bàn, đó là bốn niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là niệm xứ quán thân trên thân, niệm xứ quán thọ trên thọ, niệm xứ quán tâm trên tâm và niệm xứ quán pháp trên pháp. Nếu người nào không thích tu tập bốn niệm xứ thì cũng không thích pháp của bậc Thánh. Người nào không thích pháp của bậc Thánh thì cũng không thích con đường dẫn đến quả vi Thánh. Người nào không thích con đường dẫn đến quả vị Thánh thì cũng không thích

39_Tựa đề đặt theo nội dung kinh..(T.02. 0099.1189. 0322a28). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100.102. 041Ồbl0); Biệt «02. 0101.4. 0494al7); S. 47.43 - v. 185. 40 Nguyên tác: Nhất thừa đạo ().Xem chú thích 66, kinh số 535, quyển 19, tr. 591; Tạp.(02. 0099.535. 0139al6).

QUYỂN 44 > 1321

pháp Niết-bàn. Người nào không thích pháp Niết-bàn thì không thể thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não. Nếu người nào thích tu bốn niệm xứ thì cũng thích tu pháp của bậc Thánh. Người nào thích pháp của bậc Thánh thì cũng thích con đường dẫn đến quả vị Thánh. Người nào thích con đường dẫn đến quả vi Thánh thì cũng thích pháp Niết-bàn. Người thích pháp Niết-bàn sẽ thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não.^ Bấy giờ? Phạm thiên vương, chúa tể cõi ta-bà5 biết được ý nghĩ của Phật. Sau khi biết như vậy, nhanh như lực sĩ co duỗi cánh tay, Phạm thiên vương biến mất khỏi cõi trời và hiện ra trước Phật rồi khen ngợi rằng: Đúng vậy, thưa Thế Tôn! Đúng vậy, thưa Thiện Thệ! Có một con đường trực tiếp, tịnh hóa chúng sanh, thoát mọi lo buồn, diệt trừ khổ não, chứng nệộ Niêt-bàn, đó là bốn niệm xứ... {cho đến) giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chét, lo, buồn, khổ, não. Khi ấy, Phạm thiên vương lại nói kệ: Thật có một con đường, Mở bày khắp các cõi,41 Diễn nói về Chánh pháp, An ủi chúng sanh kho. Chư Phật thời quá khứ, Nương đường này được độ? Chư Phật đời vị lai, Cũng nhờ nương đường này. Đấng Chánh Giác hiện tại, Nương đây qua biển lớn, Vượt thoát bờ sanh tử, Điều phục tâm thanh tịnh. Vòng sanh tử luân hồi, Đều đã dứt trừ hết, Biết rõ các cảnh giới, Tuệ nhãn thấy chánh đạo. Giống như nước sông Hằng, Đều chảy về biển cả, Dòng nước cuồn cuộn xa, Chánh đạo cũng như thế, Trí rộng khéo hiển bày, Chóng được pháp Niết-bàn. Bánh xe pháp thù thang, Chúng sanh chưa được nghe, Ngài vì thương chúng sanh, Đã giảng thuyết cho họ. Hộ trì chúng trời, người, Đưa họ qua bờ giác, Do vậy hàng chúng sanh, Đều cúi đầu đảnh lễ. Bấy giờ, Phạm thiên vương nghe Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, lạy sát chân Phật rồi biến mất. *** 1190. MINH, HẠNH ĐẦY ĐỦ41 42 Tôi nghe như vầy:

41 Nguyên tác: Kiến sanh chư hữu biên ().Kiến sanh (/ Phát sarủi sự hiểu biết; Chư hữu biên ()Các cảnh giới chúng sanh nói chung. Xem thêm Tạp.(r02. 0099.1345. 0370c07): Kiến sanh tử hữu biên (M). 42 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1190. 0322c04). Tham chiếu: Biệt Tạp. (r.02. 0100J03. 041ỒC21); s. 6.11 - L 153.

1322 KINH TẠPA-HÀM

Một thời, đức Phật ngồi nơi cội Bồ-đề, bên bờ sông Ni-liên-thiền, thuộc làng uất-tỳ-la, khi Ngài vừa thành đạo chưa bao lâu. Bấy giờ, vào lúc cuối đêm, có Phạm thiên vương, chúa te cõi ta-bà? với sắc thân tuyệt diệu, đi đến chỗ Phật, cúi lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và nói kệ: Trong số các dòng tộc, Lưỡng Túc43 dòng Sát-lợi, Là bậc đủ minh, hạnh, Tối thắng giữa trời, người. Phật đáp: Đúng vậy, Phạm thiên! Đúng vậy, Phạm thiên! Trong số các dòng tộc, Lưỡng Túc dòng Sát-lợi? Là bậc đủ minh, hạnh, Tối thắng giữa trời, người. Đức Phật nói kinh này xong, Phạm thiên vương, chúa tê cõi ta-bà, nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ9 lạy sát chân Ngài rồi biến mất. ***

1191. VUI CẢNH THANH VẮNG44 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng với chúng Tỳ-kheo du hóa trong nhân gian ở nước Câu-tát-la và dừng nghỉ qua đêm tại một nơi thanh vang không có thôn xóm. Bấy giờ, Thế Tôn nói cho các Tỳ-kheo nghe về pháp tùy thuận A-lan-nhã. Khi ấy, Phạm thiên vương, chúa tể cõi ta-bà, khởi nghĩ rằng: "Hôm nay, Thế Tôn cùng với chúng Tỳ-kheo đang du hóa trong nhân gian ở nước Câu-tát- la và dừng nghỉ qua đêm tại một nơi thanh vang không có thôn xóm. Bấy giờ, Thế Tôn đang nói cho các Tỳ-kheo nghe về pháp tùy thuận A-lan-nhã, vậy ta nên đên đó tùy thuận khen ngợi?5 Nghĩ vậy xong, nhanh như lực sĩ duỗi cánh tay, Phạm thiên vương biến mất khỏi cõi trời và hiện ra trước Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và nói kệ: Thường ngôi chô thanh văng, Đoạn trừ các phiên não, Nếu không thích chỗ vắng, Vào chúng, tự nhiếp hộ. Tự điều phục tâm mình, Hành khất thực từng nhà, Khéo giữ gìn các căn, Chuyên cần nhiếp tâm niệm Sau đó ở chỗ vắng, Ngồi tòa a-lan-nhã, Xa lìa các sợ hãi, Sống an ổn, vô úy. Nêu có các hiêm nguy, Rắn dữ, các độc hại, r 9 Mây đen tối bủa vây, Sâm chớp nô vang trời, Nhờ lìa các não phiền, Nên ngày đêm an ổn. Như pháp con đã nghe, Ngay cả chưa rốt ráo,

43 Nguyên tác: Lưỡng Túc T6n (),tôn hiệu của Phật. 44 Tựa đề đặt theo nọi dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1191. 0322CÍ2). Tham chiếu: Biệt Tạp. (7.02. o 100 104. 0411a02); s. 6.13 -I. 154.

QUYỂN 44 1323

Ngài chuyên tu Phạm hạnh, Không sợ ngàn ma chướng. Như tu đến giác ngộ, Chẳng sợ hàng vạn ma, Độ người Tu-đà-hoàn? Hoặc đắc Tư-đà-hàm5 Và chứng A-na-hàm, Số đó cũng vô lượng, Chẳng thể tính kể được, Không dám nói hư dối. Bấy giờ, Phạm thiên vương, chúa tể cõi ta-bà, nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ Phật rồi biến mất. *** 1192. CHƯ THIÊN TẬP HỢP45 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ trong rừng Đại Lâm ở nước Ca-tỳ-la-vệ46 cùng với năm trăm Tỳ-kheo, đêu là những bậc A-la-hán đã sạch mọi phiên não, việc cân làm đã xong, đã buông gánh nặng, chóng

được lợi mình, sạch hết kiết sử, thành tựu chánh trí, tâm được giải thoát. Bấy giờ, Thế Tôn đang nói pháp liên hệ đến Niết-bàn cho đại chúng nghe. Khi ây, có chư thiên oai lực trong đại chúng ở mười phương thê giới đêu vân tập để cúng dường Thế Tôn và Tỳ-kheo-tăng. Lại có các Phạm thiên vương ở cõi Phạm nghĩ rằng: "H6m nay, đức Phật đang ngụ tại nước Ca-tỳ-la-vệ... (nói đầy đủ như trên, cho đến) cúng dường Thế Tôn và đại chúng. Bây giờ, chúng ta hãy đến đó để khen ngọd." Nghĩ như thế rồi, nhanh như lực sĩ duỗi cánh tay, các vị ấy biến mất khỏi Phạm thiên và hiện ra trước Phật. Phạm thiên thứ nhất nói kệ: Trong rừng Đại Lâm này, Đại chúng đều vân tập, Chúng chư thiên mười phương, Đều đến kính cúng dường, Con từ xa đến lễ, Chúng tối thắng, kiên cường. Phạm thiên thứ hai nói kệ: Chư Tỳ-kheo-tăng này, Tâm chân thật, tinh tấn, ở trong rừng Đại Lâm, Nhiếp căn, cầu giải thoát. Phạm thiên thứ ba nói kệ: Đã khéo léo nhổ bỏ, Chiếc gai nhọn ân ái, 9 Vững vàng, không lay chuyên, Như phướn trời Đế-thích. Vượt dòng nước, hào sâu, Thanh tinh, không mong cầu, Bậc Đạo sư khéo độ, Điêu phục mọi rông chúa.

45 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.1192. 0323al2) Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0l00l05. 04lìa24); Đại hôi Kinh (r.Ol. 000Í.19. 0079b0l); Đại Tam-ma-nhạ kỉnh M(roi. 0019 02§8aÌ0); S. 1.37 - L 26. 46 Ca-tỳ-la-vệ Ca-tỳ-la-vệ lâm ().Xem kệ bên dưới: Ư thử Đại Lâm trung ( ).Xem thêm s. l.37 -L 26: Kipilavatthusmim Mahāvane (trong rừng Đại Lâm, ở Kaplilavatthu).



Phạm thiên thứ tư nói kệ:
Ai quy y nơi Phật, Trọn không đọa đường ác,
Có thể bỏ thân người, Được thân trời an lạc.
Mỗi vị nói kệ xong, bốn vị Phạm thiên liền ẩn hình rồi biến mất.
***

1193. TỲ-KHEO CÙ-CA-LÊ (l)47

Tôi nghe như vây:
Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà9 thuộc thành Vương Xá.
Bấy giờ, Phạm thiên vương, chúa tể cõi tabà, hằng ngày thường đến chỗ
Phật để cung kính cúng dường. Một hôm, Phạm thiên vương khởi nghĩ: "Sáng nay còn quá sớm để đến hầu thăm Phật. Có thể giờ này Thế Tôn đang tọa thiền, vậy ta nên đến phòng của Tỳ-kheo Cù-ca-lê48 thuộc nhóm Đề-bà-đạt-đa?5 Nghĩ vậy xong, vua trời liền đến trước phòng của Cù-ca-lê gõ cửa và nói:
-Cù-ca-lê! Cù-ca-lê!^ Thầy nên khởi lòng tin thanh tịnh với Tôn giả Xá-lợiphất và Mục-kiền-liên, nếu không thầy sẽ chịu khổ lâu dài và không được lợi ích.
Cù-ca-lê nói:
- Ông là ai?
Phạm thiên đáp:
Ta là vua Phạm thiên, chúa tể cõi ta-bà.
Cù-ca-lê nói:

Thế Tôn không thọ ký cho ông đắc A-na-hàm phải không?
Phạm thiên đáp:
Đúng vậy, thưa Tỳ-kheo!
Cù-ca-lê nói:
- Vì sao ông đến đây?
Phạm thiên đáp:
Người này không thể thay đổi!
Rồi nói kệ:
Nơi chỗ không thể lường, Mà sanh tâm đo lường,
Đâu có người trí nào, Lại sanh giác tưởng này?
Vô lượng mà muốn lượng, Là phàm phu u tối.
Bấy giờ, Phạm thiên vương, chúa tể cõi ta-bà? đi đến chỗ Phật, lạy sát chân
Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa:
4^Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp. (T.02. 0099.1193. 0323ỒỒ09). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100.106. 0411b24); Biệt p(T.02. 0101.5. 0494b20); s. 6.7-8-L 148; s. 6.9
- L 149. 48 Cù-ca-lê (,Kokālika).



Bạch Thế Tôn! Hằng ngày con thường đi đến chỗ Phật để gần gũi và cúng dường. Con suy nghĩ: "Sápg nay còn quá sớm để đến hầu thăm Phật. Có thể giờ này Thê Tôn đang tọa thiền, vậy ta nên đến phòng của Tỳ-kheo Cù-ca-lê thuộc nhóm Đê-bà-đạt-đa.55 Nghĩ vậy xong, con liên đên trước phòng của Cù-ca-lê gõ cửa và nói: aíCù-ca-lê! Cù-ca-lê! Thầy nên khởi lòng tin thanh tịnh với bậc hiền thiện trí tuệ Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, nếu không thầy sẽ chiu khổ lâu dài và không được lọd ích." Cù-ca-lê lại hỏi con: “Ong là ai?” Con đáp: "Ta là vua Phạm thiên, chúa tể cõi tabà." Cù-ca-lê lại hỏi con: “Thế Tôn không thọ ký cho ông đắc quả A-na-hàm phải kh6ng?" Con đáp: "Đúng vậy!" Cù-ca-lê lại nói với con: "Vi sao ông đến đây?59 Con liền nghĩ: "Người này không thể thay đổi!95 Rồi con nói kệ: Nơi chỗ không thể lường, Mà sanh tâm đo lường, Đâu có người trí nào, Lại sanh giác tưởng này? Vô lượng mà muốn lượng, Là phàm phu u tối. Phật dạy: -Đúng vậy, đúng vậy! Phạm vương! Nơi chỗ không thể lường, Mà sanh tâm đo lường, Đâu có người trí nào, Lại sanh giác tưởng này? Vô lượng mà muốn lượng, Là phàm phu u tối. Đức Phật nói kinh này xong, Phạm thiên vương, chúa tể cõi ta-bà nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, đứng dậy lễ Phật rồi biến mất. *** 1194. ĐỘC GIÁC PHẠM THIÊN49 . Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà5 thuộc thành Vương Xá. 49 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1194. 0323c 16). Tham chiếu: Biệt Tạp. (r.02. 0100J07. 0412a05); s. 6.6 - L 146.



Bấy giờ, Đại Phạm thiên vương cùng với một vi Độc giác Phạm thiên khác tên là Phạm thiên Thiện Ty,50 hằng ngày siêng năng đên thăm viêng và cúng dương The Ton. Khi ấy, có Phạm thiên Bà-cú*51 thấy Độc giác Phạm thiên Thiện Tý siêng năng tinh cần như vậy liền hỏi: -Ong muôn điêu gì vậy? Thiện Tý đáp: - Muốn thăm viếng và cung

kính cúng dường Thế Tôn. Phạm thiên Bà-cú liền nói kệ: Với bốn loài thiên nga, Ba cung điện vàng ròng, Năm trăm bảy mươi hai, Người tu hành thiền định. Thân sác vàng rực rỡ, Chiếu sáng cung Phạm thiên, Ông hãy nhìn thân ta, Đâu cần đi đến đó? Khi ấy, Thiện Phạm thiên và Độc giác Phạm thiên Thiện Tý lại nói kệ đáp: Ông chỉ có thân vàng, Chiếu sáng cung Phạm thiên, Vị này có trí tuệ, Biêt săc có phiên não, Người trí không thích sắc, Nên tâm được giải thoát. Bấy giờ, Thiện Phạm thiên và Độc giác Phạm thiên Thiện Tý đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và bạch: -Bạch Thế Tôn! Nay con tinh tấn, muốn đến hầu thăm và cung kính cúng dường Thế Tôn. Phạm thiên Bà-cú thấy con siêng năng như vậy thì hỏi: "Nay ông siêng năng như vậy là muốn điều gi?" Con đáp: "Muốn đến thăm viếng, lễ bái và cúng dường Thế Ton!" Phạm thiên Bà-cú liền nói kệ: Với bốn loài thiên nga, Ba cung điện vàng ròng, Năm trăm bảy mươi hai, Người tu hành thiền định. Thân sắc vàng rực rỡ, Chiếu sáng cung Phạm thiên, Ông hãy nhìn thân ta, Đâu cần đi đến đó? Con nói kệ đáp lại: Ong chỉ có thân vàng, Chiếu sáng cung Phạm thiên, Nên biết sắc vàng ròng, Chính là sự phiền não, Người trí giải thoát sắc, Đôi sác không còn ưa. Phật nói với Phạm thiên:  Đúng vậy, Phạm thiên! Đúng vậy? Phạm thiên!

Biệt Phạm thiên 50'S. 6.6 -1. 146: Paccekā Brahmā. HT. Thích Minh Châu dịch là Bích-chi Phạm thiên, tức là Độc giác Phạm thiên, có tên Thiện Tý. 51 Bà-cú Phạm thiên Baka Brahmā.



Chỉ có thân vàng ròng, Chiêu sáng cung Phạm thiên, Phải biết sắc vàng ấy, Chính là sự phiền não, Người trí giải thoát sắc, Đối sắc không còn ưa. Khi ấy, vi Phạm thiên ấy vì Tỳ-kheo Ca-tra-vụ-đà-đê-sa52 mà nói kệ: Người sanh ở thế gian, Búa bén ở trong miệng, Trở lại chém thân mình, Cũng vì lời nói ác. Điều đáng chê lại khen, Điều đáng khen lại chê, Ác khẩu tăng thêm lỗi, Sống đời không an vui. Cờ bạc, rượu tán tài, Lỗi này còn rất nhẹ, Ác tâm đối với Phật, Mới là tội rất nặng. Cả trăm ngàn địa ngục, Tên Ni-la-phù-đà9 Ba ngàn sáu trăm ngục, Và năm A-phù-đà? Là ngục chê Thánh hiền, Do ác nghiệp miệng, ý. Đức Phật nói kinh này xong, các Phạm thiên nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ và tùy hỷ, cúi đầu lạy chân Phật rồi biến mất. *** 1195. PHẠM THIÊN BÀ-CÚ53 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà9 thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, có Phạm thiên Bà-cú ở trên cung điện Phạm thiên khởi lên nhận thức sai lầm, tà vạy như vầy:  Cõi này trường tồn, thường hằng, không phải pháp biến đổi, là nơi hoàn toàn giải thoát.54 Bấy giờ, Thế Tôn biết ý niệm của Phạm thiên Bàcú, Ngài liền nhập chánh định. Với chánh định như vậy, Ngài biến mất khỏi thành Vương Xá và hiện ra ở cối Phạm thiên. Phạm thiên Bà-cú trông thấy Phật từ xa liền nói kệ: Phạm thiên ta đã tạo, Bảy mươi hai phước nghiệp, Tự tại và thường trụ, Đã vượt sanh, già, chết. Với kinh luận Vệ-đà, Ta đã tu viên mãn, Trong hàng chư thiên kia, Chỉ có ta trường tồn.

52 Ca-travụ-đặ-đê-sa ()được dịch âm từ Katamorakatissa, con trai của Khandadevī. Theo Tiểu phẩm (Cullavaggạ, Chương chia rẽ hội chúng (Sañghabhedakkhandhakarri), vị này là một thành viên trong nhóm củaĐề-bà-đạt-đa (Devadatta), gomKokālika, Katamorakatissa va Samuddadatto. 53 Tựa đề đặt theo nội

dung kinh. Tạp.(02. 0099.1195. 0324a03). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100J08. 0412a07); s. 6.4 - L 142. 54 Nguyên tác: Thử xứ thường, hằng, phi biến dị pháp, thuần nhất, xuất ly chi xứ ( ).S. 6.4 -1. 142: Idam niccarn, idam dhuvam, idam sassatarn, idāni kevalarn, idarn acavanadhammam, idañhi na jāyati na jīyati na mīyati na cavati na upapajjati, ito ca panañňam uttari nissarariarn natthi (Đây là thương. Đây la thường hằng. Đây là thường tni. Đây là viên mãn. Đây là bất động. Đây là không sanh, không già, không chét, không diệt, không khởi. Và ngoài đây ra, không có một sự giải thoát nào khác), HT. Thích Minh Châu dịch.

1328 KINH TẠPA-HÀM

Khi ấy, Thế Tôn nói kệ đáp: Đời này thật ngắn ngủi, Chứ đâu phải dài lâu5 Mà Phạm thiên Bà-cú, Tự cho là sống lâu. Ngục Ni-la-phù-đa,5556 Thọ đen trăm ngàn năm, Ta đều nhớ biết hết, Ông tự nói trường tồn. Phạm thiên Bà-cú dùng kệ hỏi: Chỗ thấy của Thế Tôn, Số kiếp không giới hạn, Sanh, già, chết, lo, buồn, Thảy đều là quá khứ. Xin nói cho con biết, Trải qua trong quá khứ, Con giữ giới nghiệp g Được sanh đên cõi này? Thế Tôn nói kệ đáp: y Kiếp quá khứ lâu xa, Giữa ruộng đông hoang văng, Có các chúng tu hành, Nhiều Thánh hiền Phạm hạnh, Đói kém, không đủ ăn? Ông đến cứu giúp họ. Liên tục bằng từ tâm, Nhiều kiếp không thoái thất, Quá khứ ông là thế, Nên nhận được công đức, Ta đều nhớ biết hết, Xa, gân, như ngủ, thức. Quá khứ có thôn xóm, Bị giặc đến cướp bóc, Khi ấy ông đến cứu, Khiến họ được cứu thoát. Đó chính là phước nghiệp, Ông tạo ở quá khứ, Ta nhớ nhân duyên này, Xa, gần như ngủ, thức. Quá khứ có nhiều người, Đi thuyền trên sông Hằng, Bị rồng dữ phá thuyền, Muốn hại hết mạng người, Ông đã dùng thần lực, Cứu họ được giải thoát. Đây chính là phước nghiệp, Ông tạo ở quá khứ, Ta nhớ nhân duyên này, Xa, gần như ngủ, thức. Phạm thiên Bà-cú lại nói kệ: Ngài biết rõ thọ mạng, Từ xưa nay của con, Cũng biết mọi việc khác, Đây là đấng Chánh Giác. Cho nên được thọ thân, Sắc vàng ròng sáng chói, Thân Ngài đứng ở đây, Chiếu sáng khắp thế gian. Bấy giờ, Thế Tôn vì Phạm thiên Bà-cú mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ rồi/6 Ngài nhập định và biến mất ở cõi trời Phạm, trở về thành Vương Xá. ***

55 Ni-la-phù-đa Nirabbuda. 56 Nguyên tác: Thị, giáo, chiểu, hỷ ,.Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tr. 105; Tạp.T.02. 0099^2. 0023c 18.

QUYỂN 44 1329

1196. TÀ KIẾN57 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một vị Phạm thiên ở trên cõi Phạm thiên khởi lên nhận thức sai lầm, tà vạy như vầy: -Cõi này trường tồn, thường hằng, không biến đổi, là cõi hoàn toàn giải thoát; chưa từng thây có ai đên cõi này, huống là có người vượt lên trên cõi này sao! Bấy giờ, Thế Tôn biết tâm niệm của vị Phạm thiên này, Ngài liền nhập chánh đinh. Với chánh định như vậy, Ngài biến mất khỏi nước Xá-vệ và hiện ở cung Phạm thiên. Ngài ngồi kiết-già ở giữa hư không, ngay trên đỉnh đầu vi Phạm thiên kia, giữ thân ngay thẳng, buộc niệm trước mặt. Bấy giờ, Tôn giả A-nhã-câu-lân khởi nghĩ: "Hom nay, Thế Tôn đang ở dâu?" Tôn giả liền dùng thiên

nhãn thanh tịnh hơn hẳn mắt người đời để quán sát thì thấy Thế Tôn đang ở trên cõi Phạm thiên. Thấy rồi, Tôn giả liền nhập chánh định. Với định lực như vậy, Tôn giả biến mất khỏi nước Xá-vệ và hiện ra ở cõi Phạm thiên từ phương Đông, mặt hướng về Phật, giữ thân ngay thẳng, buộc niệm mà ngồi kiết-già bên dưới tòa của đức Phật nhung phía trên tòa của Phạm thiên. Khi ấy, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp cũng khởi nghĩ: "Hôm nay, Thế Tôn đang ở dâu?" Rồi Tôn giả liền dùng thiên nhãn thanh tịnh hơn hẳn mắt người đời để quan sát thì thây Thê Ton đang ơ trên cõi Phạm thiên. Thây roi, Tôn giả liên nhập chánh đinh. Với định lực như vậy, Tôn giả biến mất khỏi thành Xá-vệ và hiện ra ở cõi Phạm thiên từ phương Nam, mặt hướng ve Phật, giữ thân ngay thẳng, buộc niệm mà ngồi kiết-già bên dưới tòa của đức Phật nhung phía trên tòa của Phạm thiên. Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất cũng khởi nghĩ: "Hôm nay, Thế Tôn đang ở dâu?" Rồi Tôn giả liền dùng thiên nhãn thanh tinh hơn hẳn mắt người đời để quán sát thì thây Thê Tôn đang ơ trên cõi Phạm thiên. Thây roi, Ton giả liên nhập chánh định. Với định lực như vậy, Tôn giả biến mất khỏi nước Xá-vệ và hiện ra ở cõi Phạm thiên từ phương Tây, mặt hướng về Phật, giữ thân ngay thẳng, buộc niệm mà ngồi kiết-già bên dưới tòa của đức Phật nhưng phía trên tòa của Phạm thiên. Bấy giờ, Tôn giả Mục-kiền-liên cũng khởi nghĩ: "Hôm nay, Thế Tôn đang ở dau?99 Rồi Ton giả liền dùng thiên nhãn thanh tịnh hơn hẳn mắt người đời để quán sát thì thấy Thế Tôn đang ở trên cõi Phạm thiên. Thấy rồi, Tôn giả liền nhập chánh định. Với định lực như vậy, Tôn giả biến mất khỏi nước Xá-vệ và

57 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1196. 0324c17). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. o 100 109. 0412C19); s. 6.5 - L 144.



hiện ra ở cõi Phạm thiên từ phương Bắc, mặt hướng về Phật, giữ thân ngay thẳng, buộc niệm mà ngồi kiết-già bên dưới tòa của đức Phật nhimg phía trên tòa của Phạm thiên. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Phạm thiên: Ông nay còn khởi lên nhận thức sai lầm rằng: “Từ xưa đến nay chưa từng thấy ai vượt len trên ta" chăng? Phạm thiên bạch Phật: Hôm nay, con không còn dám nói rằng: "Ta chưa từng thấy có ai vượt lên trên ta", chỉ thấy ánh sáng của Phạm thiên bị che mờ. Lúc ấy, Thế Ton vì Phạm thiên kia thuyết nhiều bài pháp nhằm mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ xong, Ngài liền nhập định. Với định lực như vậy? Thế Tôn biến mất khỏi cõi Phạm thiên, trở về nước Xá-vệ. Rồi các Tôn giả A-nhã-câu-lân? Ma-ha Ca-diếp va Xá-lợi-phất cũng thuyết nhiều bài pháp cho Phạm thiên kia nghe. Sau khi thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ? khiến cho hoan hỷ xong, các Tôn giả liền nhập chánh định và bằng đinh lực như vậy, quý ngài biến mất khỏi cõi Phạm thiên, trở về nước Xá-vệ? chỉ còn Tôn giả Mục-kiền-liên vẫn ở lại đó. Bấy giờ, Phạm thiên hỏi Tôn giả Mục-kiền-liên: -Các vị đệ tử khác của Thế Tôn đều có oai đức lớn và thần lực lớn như thế chăng? Tôn giả Mục-kiền-liên liền nói kệ: Đức lớn, đủ Ba minh, , Thông đạt rõ tâm người, r r • A

Các La-hán sạch lậu, Sô ây nhiêu vô lượng. Bây giờ, Tôn giả Mục-kiên-liên cũng thuyết nhiêu bài pháp cho vi Phạm thiên kia nghe. Sau khi mở bày, dạy bảo, khích le, khiến cho hoan hỷ xong, Tôn giả liền nhập chánh định và bằng đinh lực như vậy, Tôn giả

biến mất khỏi cõi Phạm thiên và trở ve nước Xá-vệ. ***

1197. NHẬP DIỆT5859 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật nằm giữa hai cây Sa-la trong rừng Sa-la,59 nơi vùng đất của bộ tộc Lực Sĩ,60 nước Cau-thi-na-kiẹt.61 Bấy giờ, Thế Tôn sắp nhập Niết-bàn. Ngài bảo Tôn giả A-nan:

5^Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.1197. 0325Ồ03). Tham chiếu: Biệt Tạp. (r.02. o 100 110. 0423a27); 5. 6.15 - L 157. 59 Nguyên tác: Kiên cố (). 60 Nguyên tác: Lực Sĩ sanh địa ( )Sinh quán của bộ tộc Mallā (Lực Sĩ). 61 Câu-thi-na-kiệt (Kusinārā).

QUYỂN 44 1331

Thầy hãy trải giường dây ở giữa hai cây Sa-la, đầu hướng về phía Bắc. Vào nửa đêm nay Như Lai sẽ ở nơi Vô dư Niết-bàn mà Bát-niết-bàn. Khi ấy, Tôn giảA-nan vâng lời Thế Tôn dạy, trải giường dây ở giữa hai cây Sa-la, đầu hướng về phía Bắc. Trải giường xong, Tôn giả trở lại chỗ Thế Tôn, lạy sát chân Ngài và thưa: Bạch Thế Tôn! Con đã trải giường dây ở giữa hai cây Sa-la, đầu hướng về phía Bắc xong rồi. Bấy giờ, Thế Tôn đi đến giường dây, nằm nghiêng hông phải, đầu hướng vê phía Bác, hai chân xép chông lên nhau, buộc niệm vào tưởng ánh sáng. Đên nửa đêm, Thế Tôn ở nơi Vô dư Niết-bàn mà Bát-niết-bàn. Phật vừa Bát-niết- bàn, hai cây Sa-la liền ra hoa và rũ xuống xung quanh để cúng dường Thế Tôn. Khi ấy, có vi Tỳ-kheo nói kệ: Đẹp thay cây Sa-la, Nghiêng cành xuống lễ Phật, Nở hoa thơm cúng dường, Đại sư Bát-niêt-bàn. Rồi thì Thích-đề-hoàn-nhân nói kệ: Tất cả hành vô thường, Đều là pháp sanh diệt, Tuy sanh liền đến diệt, Tịch diệt này là vui. LÚC ây, Phạm thiên vương, chúa tê cõi ta-bà nói kệ: Mọi vật trên thê gian, CÓ sanh đều sẽ mất, Cũng vậy, Thánh Đại sư, Trên đời không ai bằng. Đầy đủ lực Như Lai, Làm mắt sáng cho đời, Nhimg rồi cũng phải diệt, Vào VôdưNiết-bàn. Tôn giả A-na-luật-đà nói kệ: Giữ hơi thở ra vào, Trụ tâm khéo nhiếp hộ5 Từ chô nương mà đên, Thế gian Bát-niết-bàn. Sợ hãi lớn tương sanh, Thân nổi đầy gai ốc, Đủ tất cả hành lực? Đại sư Bát-niết-bàn. Tâm kia không biếng nhác, Cũng không vướng các ái, Tâm, pháp đều giải thoát, Như củi hết, lửa tắt. Sau khi Như Lai Bát-niết-bàn bảy ngày, Tôn giả A-nan đến bên bảo tháp rồi nói kệ: Thân báu của Đạo sư, Lên đến cõi Phạm thiên, Đại thần lực như thế, Dùng nội hỏa thiêu thân, Thân năm trăm lụa quân, Thảy đều thiêu rụi hết. Một ngàn tấm y mịn, Mặc trên thân Như Lai, Chỉ hai tấm không cháy, Là thượng y, áo lót. Khi Tôn giả A-nan nói kệ này, các Tỳ-kheo im lặng mặc niệm.62

62 Bản Hán, hết quyển 44.

1332 KINH TẠPA-HÀM

QUYỂN 45 1198. TỲ-KHEO-NIA-LẠP-TỲ 1 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo-ni A-lạp-tỳ1 2 ngụ tại tinh xá của chúng Tỳ-kheo-ni? ở trong ngự viên, thuộc nước Xá-vệ.3 Sáng sớm, Tỳ-kheo-ni A-lạp-tỳ đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Thọ thực xong, cô trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân, văt tọa cụ lên vai roi vào rừng An-đà tọa thiền. Khi ấy, Ma Ba-tuần khởi nghĩ: "H6m nay, Sa-môn Cù-đàm ngụ ở vườn cấp Cô Độc, trong rừng

Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ9 có đệ tử là Tỳ-kheo-ni A-lạp-tỳ ở nơi tinh xá của chúng Tỳ-kheo-ni? trong ngự viên, nước Xá-vệ. Sáng sớm, Tỳ- kheo-ni ấy đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Thọ thực xong, Tỳ-kheo-ni ấy trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân, vắt tọa cụ lên vai rồi vào rừng An-đà tọa thiền. Bây giờ, ta nên đến đó để gây chướng ngại Thế rồi, Ma Ba-tuần liền biến thành một thanh niên dung mạo đoan chánh đến chỗ Tỳ-kheo-ni A-lạp-tỳ va hỏi: -Sư cô muốn đi đâu? Tỳ-kheo-ni đáp:  Thưa Hiền giả, tôi muốn đến chỗ viễn ly! Lúc ấy, Ma Ba-tuần liền nói kệ: Đời này không lối thoát, Mong gì được viễn ly? Hãy về hưởng năm dục, Sau chẳng hối hận gì.

1 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.1198. 0325cl6). Tham chiếu: Biệt Tạp. (7.Ỏ2. 010Ó.214. 0453b28);S. 5.1 - i. 128. 2 A-lạp-tỳ Tỳ-kheo-ni (IM ,Ālavikā Bhikkhunī). 3 Xá-vệ quốc vương viên Tỳ-kheo-ni chúng trung (),theo J. II.
15, Gaggajātaka (Chuyện nhảy mũi), sô 155; Thag. 46, Brahmadattattheragāthā (Kệ ngôn của Trưởng lão Brahmadatto Thīg. 124, Sumanātherīgāthā (Kệ ngôn của Trưởng lão Nỉ Sumanā), Vua Ba-tư-nặc (Pasenadi) có một ngươi chị gái tên là Sumanā phát nguyện chăm nom mẹ già. Sau khi mẹ Vua Pāsenādi quá vãng ở tuổi 120, Sumanā phát tâm xuất gia và đa chứng đắc Thánh quả, dù tuổi đã già. Nhằm giúp cho chị mình là Sumanā và chư Ni ở kinh đô có nơi lưu trú, Vua Pasenadi đã phát tâm xây dựng một tinh xá, gọi là tinh xá Vương Lâm (Rājakārāma).

QUYÊN 45  1333

Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni A-lạp-tỳ nghĩ rằng: "Đây là người nào mà muốn đến làm ta sợ hãi? Là người hay phi nhân? Hay là kẻ gian tà?" Sau khi suy nghĩ như vậy, cô biết rõ đây chính là Ác ma Ba-tuần muốn nhiễu loạn, liền nói kệ đáp: Đời này có lối thoát, Ta tự biết sở đắc, r

Này Ac ma hèn hạ, Chỉ ngươi không biết đường. Như dao bén nguy hiểm, Năm dục cũng như vậy, Như cắt xẻo thân minh, Năm uân khô cũng vậy. Như điều ngươi vừa nói, Sự vui hưởng năm dục, Đó không phải là vui, Mà là thứ đáng sợ. Lìa bỏ mọi ham thích, Dứt trừ các u mê9 Đe tác chứng diệt tận, Sạch các lậu, an vui, Biết rõ ngươi Ác ma, Hãy biến khỏi nơi này. Khi ấy, Ma Ba-tuần suy nghĩ: "Tỳ-kheo-ni A-lạp-tỳ đã biết tâm minh" nên trong lòng lo lắng, buồn rầu rồi lập tức biến mất. *** 1199. TỲ-KHEO-NI TÔ-MA4 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Tô-ma5 ngụ tại tinh xá của chúng Tỳ-kheo-ni, ở trong ngự viên, thuộc nước Xá-vệ. Sáng sớm, Tỳ-kheo-ni Tô-ma đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Thọ thực xong, Tỳ-kheo-ni ấy trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân, vắt tọa cụ lên vai rồi vào rừng An-đà tọa thiền. Khi ấy, Ma Ba-tuần khởi nghĩ: "Hôm nay, Sa-môn Cù-đàm đang ở vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ9 có đệ tử là Tỳ-kheo-ni Tô- ma ngụ tại tinh xá của chúng Tỳ-kheo-ni, ở trong ngự viên, thuộc nước Xá-vệ. Sáng sớm, Tỳ-kheo-ni ấy đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Thọ thực xong, Tỳ-kheo-ni ấy trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân, vắt tọa cụ lên vai rồi vào rừng An-đà tọa thiền. Bây giờ, ta nên đến đó để gây chướng ngại." Thế rồi, Ma Ba-tuần liền biến thành một thanh niên dung mạo đoan chánh đen chỗ Tỳ- kheo-ni Tô-ma và hỏi: - Sư cô muốn đi đâu? Tô-ma đáp:  Thưa Hiền giả, tôi muốn đến chỗ viễn ly.

4 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1199. 0326al7). Tham chiếu: Biệt Tạp. (rỏ2. 010Ó.215. 0453c26);5. 5.2 - i. 129. 5 Tô-ma Tỳ-kheo-ni (Somā Bhikkhunī).



LÚC ấy, Ma Ba-tuần liền nói kệ: Tru xứ của Tiên nhân, Là nơi rất khó đến, Chẳng phải trí hai ngón,6 Có thể đến đó được. Khi ấy, Tỳ-kheo-ni Tô-ma suy nghĩ: "Dây là người nào mà muốn làm ta sợ hãi? Là người hay phi nhân? Hay là kẻ gian tà?” Sau khi suy nghĩ như vậy5 cô biết rõ đây chính là Ác ma Ba-tuần muốn nhiễu loạn, liền nói kệ đáp: Tâm an trụ chánh định, Thân nữ có ngại gì? Khi trí tuệ phát sanh, Liền được pháp vô thượng. Người nghĩ tưởng nam, nữ, Tâm không xa lìa được, Họ sẽ theo lời Ma, Ngươi đến nói với họ. Ta đã lìa các khổ? Dứt bỏ mọi u mê, Đã tác chứng diệt tận, Sạch các lậu, an vui, Biêt rõ ngươi Ac ma, Hãy biến khỏi nơi này. Khi ấy, Ma Ba-tuần suy nghĩ: "Ty-kheo-ni Tô-ma đã biết tâm minh" nên trong lòng lo lắng, buồn rầu rồi lập tức biến mất. *** 1200. TỲ-KHEO-NI CÁT-LY-XÁ CÙ-ĐÀM-DI7 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-dà, thuộc nước Xá-vệ. J J Bấy giờ5 Tỳ-kheo-ni Cát-ly-xá Cù-đàm-di8 ngụ tại tinh xá của chúng Tỳ- kheo-ni, ở trong ngự viên, thuộc nước Xá-vệ. Sáng sớm, Tỳ-kheo-ni Cát-ly-xá Cu-đàm-di đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Thọ thực xong, Tỳ-kheo-ni ấy trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân, vắt tọa cụ lên vai rồi vào rừng An-đà, đến bên gốc cây tọa thiền buổi trưa. Khi ây9 Ma Ba-tuân khởi nghĩ: “H6m nay, Sa-môn Cù-đàm ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Trong khi đó, Tỳ-kheo-ni Cát-ly-xá Cù-đàm-di, ngụ tại tinh xá của chúng Tỳ-kheo-ni, ở trong ngự viên, thuộc nước Xá-vệ. Sáng sớm, Tỳ-kheo-ni Cát-ly-xá Cù-đàm-di đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Thọ thực xong, Tỳ-kheo-ni ấy trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân, văt tọa cụ lên vai rồi vào rừng An-dà, đến bên gốc cây tọa thiền buổi trưa. Bây giờ, ta nên đến đó để gây chướng ngại.^, Thế rồi, Ma Ba-tuần liền

6Nguyên tác: Nhị chỉ trí (dvañgulapañňāya). SA. 5.2 cho rằng trí tuệ hai ngón tay là trí tuệ ít ỏi, vì người phụ nữ dùng hai ngón tay VƠI cây kim, SỢI chỉ để sinh sống, nên gọi là 4ttn tuệ hai ngón tsiy" (Dvañgulapañňāyātiparittapañňāya. Yasmā vã dvīhi añgulehi kappāsavattirh gahetvā suttarh kantanti, tasmā itthī <(dvangulapañña "'ti vuccati). Chú giải Trương lão Ni kệ còn giải thích rằng, ngườd phụ nữ khi nâu cơm, muôn biết cơm đã chín tới hay chưa thì dùng hai ngón tay để xem xét hạt gạo, nên gọi “trí hai ngón.^, - J . . J. 7 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.1200. 0326b15). Tham chiếu: Biệt Tạp. (r.ỏ2. 010Ó.216. 0454al8);5. 5.3 - I. 129. 8 Cát-ly-xá Cù-đàm-di (,Kisāgotamī).



biến thành một thanh niên dung mạo đoan chánh đến chỗ Tỳ-kheo-ni Cát-ly-xá Cù-đàm-di rồi dùng kệ hỏi: Sao nàng như mất con, Mặt buồn rầu, ứa lệ? Một mình bên gốc cây, Muốn tìm người nam sao? Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Cát-ly-xá nghĩ rằng: "Bây là người nào mà muốn làm ta sợ hãi? Là người hay phi nhân? Hay là kẻ gian tà?” Sau khi

suy nghĩ như vậy, cô biết rõ đây chính là Ac ma Ba-tuần muốn nhiễu loạn, liền nói kệ đáp: Con cái nhiều vô kể,, Đều đã mất hết rồi, Đây là nam nhân cuối, Rồi vượt thoát kiếp người. Ta chẳng còn buồn, lo, Làm theo lời Phật dạy, Thoát hết mọi buồn, lo? Và mọi điều si ám. Đã tác chứng diệt tận? r r Sạch các lậu, an vui, Biết rõ ngươi Ac ma, Hãy biến khỏi nơi này. Khi ấy, Ma Ba-tuần suy nghĩ: kheo-ni Cát-ly-xá Cù-đàm-di đã biết tâm ta" nên trong lòng lo lắng, buồn rầu rồi lập tức biến mất. *** 1201. TỲ-KHEO-NI LIÊN HOA SẮC9 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo-ni Liên Hoa sắc1011 ở tinh xá của chúng Tỳ-kheo-ni? trong ngự viên nước Xá-vệ.11 Sáng sớm, Tỳ-kheo-ni Liên Hoa sắc đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Thọ thực xong, Tỳ-kheo-ni ấy trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân, lấy tọa cụ vắt lên vai rồi vào rừng An-dà, đến bên gốc cây ngồi thiền buổi trưa. Khi ấy, Ma Ba-tuần khởi nghĩ: "Hôm nay, Sa-môn Cù-đàm ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-ve, có đệ tử là Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc ở tại tinh xá của chúng Tỳ-kheo-ni, trong ngự viên nước Xá-vệ. Sáng sớm, Tỳ-kheo-ni ấy đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Thọ thực xong, Tỳ-kheo-ni trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân, lấy tọa cụ vắt lên vai rồi vào rừng An-dà, đến bên gốc cây ngồi thiền buổi trưa. Bây giờ, ta nên đến đó để gây chướng ngại." Thê roi, Ma Ba-tuân liên biên thành một thanh niên dung mạo đoan chánh đến chỗ Tỳ-kheo-ni Liên Hoa sắc và nói kệ:

9 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1201. 0326cl3). Tham chiếu: Biệt Tạp. (rỏ2.0l0Ó.2l7.0454bll);5. 5.5-i. 131. 10 Nguyên tác: Ưu-bát-la sắc Tỳ-kheo-ni (ÍỄiậMÊ ,Uppalavannā Bhikkhunī), tên riêng của vị Tỳ-kheo-ni vừa được phiên âm Ưụ-bát-la (,ưppala) vừa dịch nghĩa Săc (,Varma), kinh văn Hán tạng thường dịch Liên Hoa Săc. 11 Xá-vệ quốc vương viên Tỳ-kheo-ni chúng trung ().Xem chú thích 3, kinh số 1198, quyển 45, tr. 1332.

1336 KINH TẠPA-HÀM

Cây Sa-la12 hoa đẹp, Ngồi nghỉ bên cây này, Một mình không bè bạn, Không sợ người ác sao? Khi ấy, Tỳ-kheo-ni Liên Hoa sắc suy nghĩ: "Đây là người nào mà muốn làm ta sợ hãi? Là người hay phi nhân? Hay là kẻ gian tà?" Sau khi suy nghĩ như vậy, cô biết rõ đây chính là Ác ma Ba-tuần muốn nhiễu loạn, liền dùng kệ đáp lại: Cho dù có trăm ngàn, Đều là kẻ gian tà, Như Ác ma các ngươi, Đen đây nhiễu loạn ta, Cũng không động mảy tóc, Ta chẳng sợ các ngươi. Ma Ba-tuần lại nói kệ: Tôi sẽ vào bụng cô, ở ngay trong nội tạng, Hoặc giữa hai chân mày, Cô sẽ không thấy tôi. Tỳ-kheo-ni Liên Hoa sắc dùng kệ đáp: Tâm tôi có sức lớn, Khéo tu tập thần thông, Đã giải thoát buộc ràng, Chăng sợ Ac ma ngươi. Tôi đã sạch ba cấu,13 Cội gốc của sợ hãi, Trụ vào chỗ an ổn, Không sợ các quân ma. Với tất cả ái hỷ, Xa lìa mọi tối tăm, Đã tác chứng tịch diệt, An trụ sạch các lậu, Biết ngươi là Ác ma, Hãy biến khỏi nơi này. Khi ấy, Ma Ba-tnần suy nghĩ: 'Tỳ-kheo-ni Liên Hoa sắc đã biết tâm mình,, nên trong lòng lo lắng, buồn rầu rồi lập tức biến mất. *** 1202. TỲ-KHEO-NI THI-LA14 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo-ni Thi-la15 ở tại tinh xá của chúng Tỳ-kheo-ni5 trong ngự viên nước Xá-vệ. Sáng sớm, Tỳ-kheo-ni Thi-la đắp

y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Thọ thực xong, Tỳ-kheo-ni ấy trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân, lấy tọa cụ vắt lên vai rồi vào rừng An-đà, đến bên gốc cây ngồi thiền buổi trưa.

12 Nguyên tác: Kiên cố ,dịch nghĩa cây Sa-la. 13 Tam cấu chỉ cho 3 căn bản phiền não là tham, sân, si. 14 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.1202. 0327al9. Tham chiếu: Biệt . T.02. 0100218. 0454C14; s. 5.10 -1.134. 15 Thi-la Tỳ-kheo-ni ,Vairā Bhikkhunī.



Khi ấy, Ma Ba-tuần khởi nghĩ: "Hôm nay, Sa-môn Cù-đàm ngụ tại vườn Cáp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ, có đệ tử là Tỳ-kheo-ni Thi- la ở tại tinh xá của chúng Tỳ-kheo-ni, trong ngự viên nước Xá-vệ. Sáng sớm, Tỳ-kheo-ni ấy đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Thọ thực xong, Tỳ- kheo-ni Thi-la trở vê tinh xá5 cát y bát, rửa chân, lây tọa cụ vát lên vai roi vào rừng An-đà? đến bên gốc cây ngồi thiền buổi trưa. Bây giờ, ta nên đến đó để gây chướng ngại." Thế rồi, Ma Ba-tuần liền biến thành một thanh niên dung mạo đoan chánh đến chỗ Tỳ-kheo-ni Thi-la và nói kệ: Chúng sanh do đâu sanh? Do ai tạo tác thành? Chúng sanh từ đâu có? Sẽ đi đâu, về đâu? Khi ấy, Tỳ-kheo-ni Thi-la suy nghi: "Dây là người nào mà muốn làm ta sợ hãi? Là người hay phi nhân? Hay là kẻ gian tà?" Sau khi suy nghĩ như vậy, cô biêt rõ đây chính là Ac ma Ba-tuân muôn ốn nhiễu loạn, liền dùng kệ đáp lại: ..... Ngươi bảo có chúng sanh, Là cái thấy của Ma, Chỉ có uẩn trống rỗng, Không phải là chúng sanh. Nhiều thanh gỗ hợp lại, Thế gian gọi là xe, Các uẩn do duyên hợp, Tạm gọi là chúng sanh. Sanh ấy là khổ sanh] Trụ cũng là khổ trụ, Không phải từ pháp khác, Khổ sanh, khổ tự diệt. Ta dứt hết buồn, kho, Xa lìa mọi tối tầm, Đã tác chứng tịch diệt, r r An trụ, sạch các lậu, Biêt ngươi là Ac ma, Hãy biến khỏi nơi này. Khi ấy, Ma Ba-tuần suy nghĩ: "Ty-kheo-ni này đã biết tâm minh" nên trong lòng lo lắng, buồn rầu rồi lập tức biến mất. *** 1203. TỲ-KHEO-NITỲ-LA16 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xa-ve* Bấy giờ, có Tỳ-kheo-ni Tỳ-la17 ở tại tinh xá của chúng Tỳ-kheo-ni, trong ngự viên nước Xá-vệ. Sáng sớm, Tỳ-kheo-ni Tỳ-la đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Thọ thực xong, Tỳ-kheo-ni ấy trở về tinh xả, cất y bát, rửa chân, lấy tọa cụ vắt lên vai rồi vào rừng An-đà5 đến bên gốc cây ngồi thiền buổi trưa. Khi ấy, Ma Ba-tuần khởi nghĩ: "Hôm nay, Sa-môn Cù-đàm ngụ ở vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ? có đệ tử là Tỳ-kheo-ni

16 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1203. 0327b18). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100219. 0455a08); s. 5.9 L 134. 17 Tỳ-la Tỳ-kheo-ni (Selā Bhikkhunī).



Tỳ-la ở tại tinh xá của chúng Tỳ-kheo-ni5 trong ngự viên nước Xá-vệ. Sáng sớm, Tỳ-kheo-ni ấy đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực. Thọ thực xonẹ, Tỳ-kheo-ni Tỳ-la trở ve tinh xá, cất y bát, rửa chân, lấy tọa cụ vắt lên vai roi vào rừng An-dà, đến bên gốc cây ngoi thiền buổi trưa. Bây giở, ta nên đến đó để gây chướng ngại.” Thế rồi, Ma

Ba-tuần liền biến thành một thanh niên dung mạo đoan chánh đến chỗ Tỳ-kheo-ni Tỳ-la và nói kệ: Thân này từ đâu sanh? Do ai tạo tác thành? Thân này từ đâu có? Sẽ đi dâu, về đâu? Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Tỳ-la suy nghĩ: "Bây là người nào mà muốn đến làm ta sợ hãi? Là người hay phi nhân? Hay là kẻ gian tà?^ Sau khi suy nghĩ như vậy, cô biết rõ đây chính là Ác ma Ba-tuần muốn nhiễu loạn, liền dùng kệ đáp lại: Thân này không tự sanh, Chẳng do người tạo thành, Do duyên hợp mà sanh, Duyên tan thì hoại diệt. Như hạt giống nơi đời, Nhờ đất mà sanh trưởng, Đủ đất, nước, lửa, gió, Ấm, giới, nhập cũng vậy, Nhân duyên hòa hợp sanh, Duyên tan thì hoại diệt. Ta đã dứt buồn, khổ, Xa lìa mọi tăm tối, Đã tác chứng tịch diệt, ĩ r An trụ, sạch các lậu, Biêt ngươi là Ac ma, Hãy biến khỏi nơi này. Khi ấy, Ma Ba-tuần suy nghĩ: 6CTỳ-kheo-ni này đã biết tâm minh" nên trong lòng lo lắng, buồn rầu rồi lập tức biến mất. *** 1204. TỲ-KHEO-NI TỲ-XÀ-DA18 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. J Bấy giờ, có Tỳ-kheo-ni Tỳ-xà-da19 ở tại tinh xá của chúng Tỳ-kheo-ni? trong ngự viên nước Xá-vệ. Sáng sớm, Tỳ-kheo-ni Tỳ-xà-da đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Thọ thực xong, Tỳ-kheo-ni ấy trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân, lấy tọa cụ vắt lên vai rồi vào rừng An-đà? đến bên gốc cây ngồi thiền buổi trưa. Khi ấy, Ma Ba-tuần khởi nghĩ: "H6m nay, Sa-môn Cù-đàm ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-ve, có đệ tử là Tỳ-kheo-ni Tỳ- xà-da ở tại tinh xá của chúng Tỳ-kheo-ni, trong ngự viên nước Xá-vệ. Sáng

18 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.1204. 0327c16). Tham chiếu: Biệt Tạp. (7.02. 0100220. 0455b02); S. 5.4 - L 130. 19 Tỳ-xà-da Tỳ-kheo-ni (,Vijay ā Bhikkhunī).



sớm, Tỳ-kheo-ni ấy đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Thọ thực xong, Tỳ-kheo-ni Tỳ-xà-da trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân, lấy tọa cụ vắt lên vai rồi vào rừng An-đà, đến bên gốc cây ngồi thiền buổi trưa. Bây giờ? ta nên đến đó để gây chướng ngạj." Thế rồi, Ma Ba-tuần liền biến thành một thanh niên dung mạo đoan chánh đến chỗ Tỳ-kheo-ni Tỳ-xà-da và nói kệ: Nay cô tuổi còn trẻ, Tôi đang độ thanh xuân, Hãy cùng nhau ở chung, Tạo năm loại âm nhạc, Đe cùng nhau vui hưởng, Thiền tư để làm gì? Lúc ấy, Tỳ-kheo-ni Tỳ-xà-da suy nghĩ: í6Đây là người nào mà muốn làm ta sợ hãi? Là người hay phi nhân? Hay là kẻ gian Sau khi suy nghĩ như vậy, cô biết rõ đây chính là Ác ma Ba-tuần muốn nhiễu loạn, liền dùng kệ đáp lại: Các trò ca, múa, nhạc, Với bao thứ vui chơi, Nay ban hết cho ngươi, Ta đâu cần đến chúng. Đã vào đinh Tịch diệt, Dù năm dục trời, người, Đem hết thảy gọi mời, Ta không màng đến chúng. Xả bỏ mọi hỷ, lạc, Xa lìa mọi tối tăm, Đã tác chứng tịch diệt, An trụ, sạch các lậu, Biết ngươi là Ác ma, Hãy biến khỏi nơi này. Khi ấy, Ma Ba-tuầii suy nghĩ: uTỳ-kheo-ni Tỳ-xà-da đã biết tâm minh" nên trong lòng lo lắng, buồn rầu rồi lập tức biến mất. *** 1205. TỲ-KHEO-NI GIÁ-LA20 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo-ni Giá"la21 ở tại tinh xá của chúng Tỳ-kheo-ni5 trong ngự viên nước Xá-vệ. Sáng sớm, Tỳ-kheo-ni Giá-la đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Thọ thực xong, Tỳ-kheo-ni ấy trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân, lấy tọa cụ vắt lên

vai roi vào rừng An-dà, đên bên góc cây ngôi thiên buôi trưa. Khi ấy, Ma Ba-tuần khởi nghĩ: "Hôm nay, Sa-môn Cù-đàm ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ, có đệ tử là Tỳ-kheo-ni Giá- la ở tại tinh xá của chúng Tỳ-kheo-ni, trong ngự viên nước Xá-vệ. Sáng sớm, Tỳ-kheo-ni ấy đắp y, ôm bát vao thành Xá-vệ khất thực. Thọ thực xong, Tỳ- kheo-ni Giá-la trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân, lấy tọa cụ vắt lên vai rồi vào

20 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1205. 0328al5). Tham chiếu: Biệt Tạp. (7.02. 0100221. 0455Ồ26); s. 5.6 - L 132. 21 Giá-la Tỳ-kheo-ni (Cālā Bhikkhunī).



rừng An-đà9 đến bên gốc cây ngồi thiền buổi trưa. Bây giờ, ta nên đến đó để gây chướng ngại." Thế rồi, Ma Ba-tuần liền biến thành một thanh niên dung mạo đoan chánh đến chỗ Tỳ-kheo-ni Giá-la và nói kệ: Biết thọ sanh là vui, Sanh để hưởng năm dục? Người nào dạy bảo cô, Khiến cô chán thọ sanh? Lúc đó, Tỳ-kheo-ni Giá-la suy nghĩ: “Bây là người nào mà muôn làm ta sợ hãi? Là người hay phi nhân? Hay là kẻ gian gà?" Sau khi suy nghi, cô biết rõ đây chính là Ác ma Ba-tuần muốn nhiễu loạn liền dùng kệ đáp lại: Có sanh ắt có tử, Sanh thì chịu khổ đau, Roi vọt, các khổ não, Đêu do sanh mà có. Phải dứt trừ các khổ, Vượt thoát tất cả sanh, Tuệ nhãn quan Thánh đê? Pháp mầu Thế Tôn dạy. Khổ và nguyên nhân khổ, Diệt tận? lìa các khổ, Tu Thánh đạo tám chi, An ổn đến Niết-bàn. Pháp bình đẳng của Phật, Tôi hâm mộ pháp này, Vì tôi biết pháp này, Dan đến không thọ sanh. Xa lìa mọi hỷ9 ái, Xả bỏ mọi tối tăm, Đã tác chứng tịch diệt, An trụ, sạch các lậu, Biết ngươi là Ác ma, Hãy biến khỏi nơi này. Khi ấy, Ma Ba-tuần suy nghĩ: "Tỳ-kheo-ni Giá-la đã biết tâm mình,, nên trong lòng lo lắng, buồn rầu rồi lập tức biến mất.

1206. TỲ-KHEO-NI ƯU-BA-GIÁ-LA22 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo-ni Ưu-ba-giá-la23 ở tại tinh xá của chúng Tỳ-kheo-ni, trong ngự viên nước Xá-vệ. Sáng sớm, Tỳ-kheo-ni Ưu-ba-giá-la đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Thọ thực xong, Tỳ-kheo-ni ấy trở về tinh xá5 cất y bát, rửa chân, lấy tọa cụ vắt lên vai rồi vào rừng An-đà, đến bên gốc cây ngồi thiền buổi trưa. Khi ây, Ma Ba-tuân khởi nghĩ: "Hôm nay, Sa-môn Cù-đàm ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ? có đệ tử là Tỳ-kheo-ni Ưu-ba-giá-la ở tại tinh xá của chúng Tỳ-kheo-ni5 trong ngự viên nước Xá-vệ. Sáng sớm, Tỳ-kheo-ni ấy đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Thọ thực xong,

22 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1206. 0328Ồ16). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100222. 0455c23); s. 5.7 - L 133. 23 Ưu-ba-giá-la Tỳ-kheo-ni (Upacālā Bhikkhunī).



Tỳ-kheo-ni ưu-ba-giá-la trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân, lấy tọa cụ vắt lên vai rồi vào rừng An-đà? đến bên gốc cây ngồi thiền buổi trưa. Bây giờ, ta nên đến đó để gây chướng ngại Thế rồi, Ma Ba-tuần liền biến thành một thanh niên dung mạo đoan

chánh đến chỗ Tỳ-kheo-ni Ưu-ba-giá-la và nói kệ: Trên cối Ba Mươi Ba, Diệm-ma, Đâu-suất-đà, Hóa Lạc, Tha Tự Tại, Nguyện được sanh về đó. Tỳ-kheo-ni Ưu-ba-giá-la suy nghi: "Dây là người nào mà muốn làm ta sợ hãi? Là người hay phi nhân? Hay là kẻ gian tà?" Sau khi suy nghĩ, cô biết rõ đây chính là Ac ma Ba-tuân muôn nhiêu loạn liên dùng kệ đáp: Trên cõi Ba Mươi Ba, Diệm-ma, Đâu-suất-đà? Hóa Lạc, Tha Tự Tại, Trên các cõi trời ấy, Chưa lìa hành hữu vi, Nên bị ma sai sử. Khắp trong thế gian này, Đêu do nghiệp hình thành, Khắp trong thế gian này, Đều là pháp biến chuyển. Khắp trong thế gian này, Lửa khổ thường thiêu đốt, Khắp trong thế gian này, Khói bụi thường dấy khởi. Ta không động, không chuyển, Không học theo phàm phu, Không rơi vào đường ma, Trụ nơi đây an lạc. Xa lìa mọi khổ, lo, Buông bỏ mọi tăm tối, Đã tác chứng tịch diệt, An trụ, sạch các lậu, Biết ngươi là Ac ma, Hãy biến khỏi nơi này. Khi ấy, Ma Ba-tuần suy nghĩ: '4Tỳ-kheo-ni Ưu-ba-giá-la đã biết tâm mình,, nên trong lòng lo lắng, buồn rầu rồi lập tức biến mất. *** 1207. TỲ-KHEO THI-LỢI-SA-GIÁ-LA24 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo-ni Thi-lợi-sa-giá-la25 ở tại tinh xá của chúng Tỳ-kheo- ni9 trong ngự viên nước Xá-vệ. Sáng sớm, Tỳ-kheo-ni Thi-lợi-sa-giá-la đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Thọ thực xong, Tỳ-kheo ni ấy trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân, lấy tọa cụ vát lên vai roi vào rừng An-đà, đên bên góc cây ngôi thiên buôi trưa. Khi ấy, Ma B a-tuần khởi nghĩ: “H6m nay, Sa-môn Cù-đàm ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ9 có đệ tử là Tỳ-kheo-ni

24 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1207. 0328cl9). Tham chiếu: Biệt Tạp. (r.02. 0100.223. 0456a22); s. 5.8 - L 133. 25 Thi-lợi-sa-giá-la Tỳ-kheo-ni (‚Sīsupacālā Bhikkhunī).



Thi-lợi-sa-giá-la ở tại tinh xá của chúng Tỳ-kheo-ni5 trong ngự viên nước Xá-vệ. Sáng sớm? Tỳ-kheo-ni ấy đắp ỵ? ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Thọ thực xong, Thi-lợi-sa-giá-la trở về tinh xá5 cất y bát, rửa chân, lấy tọa cụ vắt lên vai rồi vào rừng An-đà, đến bên gốc cây ngồi thiền buổi trưa. Bây giờ, ta nên đến đó để gây chướng ngại.” Thế rồi, Ma Ba-tuần liền biến thành một thanh niên dung mạo đoan chánh đến chỗ Tỳ-kheo-ni Thi-lợi-sa-giá-la va hỏi: Này cô! Cô thích những giáo phái nào? Tỳ-kheo-ni đáp: -Tôi không thích giáo phái nào cả. Khi ấy, Ma Ba-tuần dùng kệ hỏi: r

Cô tâm đắc điều gì? Xuông tóc làm Sa-môn9 Thân mặc áo cà-sa, Trở thành người xuất gia, Không chuộng các đạo khác, Mà sống trong si mê? Tỳ-kheo-ni Thi-lợi-sa-giá-la suy nghĩ: “Bây là người nào mà muôn làm ta sợ hãi? Là người hay phi íúiân? Hay là kẻ gian tàỹ" Sau khi suy nghĩ, cô biết rõ đây chính là Ác ma Ba-tuần muốn nhiễu loạn, liền nói kệ đáp: Pháp của các ngoại đạo, Bị trói trong tà kiến, Đã bị trói buộc rồi, Thường bi ma sai sử. Nêu sanh trong dòng Thích, Không ai bằng Đại sư, Khéo trừ diệt ma oán, Không bi chúng chế phục. Thanh tịnh thoát tất cả? Đạo nhãn quan sát cùng, Nhất thiết trí rõ khắp, Tối thắng lìa các lậu. Ngài ấy là Thầy ta, Ta chuộng pháp của Ngài, Thâu ro pháp Ngai roi, Ta giải thoát, tịch diệt. Xa lìa mọi hỷ, ái, Xả bỏ mọi tối tăm, Đã tác chứng tịch diệt, An trụ, sạch các lậu, Biết ngươi là Ác ma, Hãy biến khỏi nơi này. Khi ấy, Ma

Ba-tuần suy nghĩ: "Tỳ-kheo-ni Thi-lợi-sa-giá-la đã biết rõ tâm mình,, nên trong lòng lo lắng, buồn rầu rồi lập tức biến mất. *** 1208. TÔN GIẢ BÀ-KỲ-XÁ26 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ bên bờ hồ Yất-già,27 thuộc nước Chiêm-bà.28

26 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.Q2. 0099.1208. 0329a23). Tham chiếu: Biệt !p. (T.02. 0100224. 0456b23); 5.8.11-1.195. 27 Yết-già (Gaggarā): Hồ sen do Hoàng hậu Gaggarā xây dựng nên dùng tên bà để đặt tên. 28 Chiêm-bà quốc (Campā).



Bấy giờ, vào ngày rằm, gặp kỳ Bố-tát, Thế Tôn đến ngồi trước đại chúng. Lúc này, trăng vừa mới mọc, có Tôn giả Bà-kỳ-xá29 đang ở trong hội chúng khởi lên suy nghĩ: “Nay ta muốn ở trước Phật mượn vầng trăng làm ví dụ để nói kệ khen ngợi Nghi." Nghĩ xong, Tôn giả Bà-kỳ-xá liền đứng dậy, sửa lại y phục rồi đến trước Phật, đảnh lễ Ngài và chấp tay bạch: - Kính bạch Thế Tôn! Con có điều muốn nói. Kính bạch Thiện Thệ! Con có điều muốn nói. Đức Phật bảo Bà-kỳ-xá: Thầy muốn nói gì thì cứ nói! Lúc ấy, Tôn giả Bà-kỳ-xá liền ở trước Phật nói kệ: Như giữa bầu hư không, Vằng vặc giữa trời trong, Ánh trăng ngà lồng lộng, Lan tỏa đến mười phương. Cũng vậy, đức Như Lai, Trí tuệ chiếu thế gian, Công đức lành vang khắp, Lan tỏa đến mười phương. Sau khi Tôn giả Bà-kỳ-xá nói kệ xong, các Tỳ-kheo nghe lời Tôn giả nói đều vô cùng hoan hỷ. *** 1209. KỆ TÁN THÁN A-NHÃ KIÊU-TRÀN-NHƯ30 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ bên hồ Yết-già, thuộc nước Chiêm-bà. Bấy giờ, Tôn giả A-nhã Kiêu-trần-như31 đã sống khá lâu trong chốn a-lan- nhã thanh vắng, nay Tôn giả đi đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Phật, áp mặt lên chân Phật và nói: Đã lâu con không gặp Thế Tôn! Đã lâu con không gặp Thiện Thệ! Lúc này, có Tôn giả Bà-kỳ-xá đang ở trong hội chúng, liền suy nghĩ: "Nay ta hãy đến trước Tôn giả Kiêu-trần-như, dùng ví dụ về Thượng tọa để khen ngợi thầy ấy." Nghĩ như thế rồi, Bà-kỳ-xá liền đứng dậy, sửa lại y phục, đi đến trước Phật, đảnh lễ Ngài và thưa: Kính bạch Thế Tôn! Con có điều muốn nói. Kính bạch Thiện Thệ! Con có điều muốn nói. Đức Phật bảo Tôn giả Bà-kỳ-xá: Thầy muốn nói gì thì cứ nói!

29 Bà-kỳ-xá (,Vañgīsa). 30 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1209. 0329b08). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100225. 0456c 10); s. 8.9 - L 193. 31 A-nhã Kiêu-trần-như (,Aññā Kondañña).



LÚC ay, Ton gia Ba-ky-xa liên noi kẹ: Thượng tọa của Thượng tọa, Là ngài Kiêu-trân-như? Đã độ, đã vượt qua, Được chánh định an lạc. An trụ nơi thanh vắng, Thường vui hạnh viễn ly, Điều đệ tử nên làm, Chánh pháp Đại sư dạy. Tát ca đêu to rõ, Thiền định, không buông lung, Đức lớn, đủ Ba minh, Trí tha tâm rõ sáng. Thượng tọa Kiêu-trân-như? Hộ trì giáo pháp Phật, Tăng thêm lòng cung kính, Đảnh lễ sát chân Phật. Sau khi Tôn giả Bà-kỳ-xá nói kệ xong, các Tỳ-kheo nghe lời Tôn giả nói đều vô cùng hoan hỷ. *** 1210. KỆ TÁN THÁN XÁ-LỢI-PHẤT32 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ bên hồ Yết-già, thuộc nước Chiêm-bà. Bấy giờ? Tôn giả Xá-lợi-phất cùng với số đông Tỳ-kheo nhóm họp tại nhà cúng dường. Tôn giả thuyết pháp cho các

Tỳ-kheo với diệu nghĩa và ngôn từ đày đủ, biện tài giản dị trong sáng, dễ hiểu, khiến thích lắng nghe, thông suốt không hề gián đoạn, hiện bày nghĩa lý sâu xa. Các Tỳ-kheo luôn thích đến nghe, chú tâm lắng nghe, tôn trọng ghi nhớ. Lúc này, Tôn giả Bà-kỳ-xá ngồi trong hội chúng đã khởi lên ý nghĩ: "Ta nên đến trước Tôn giả Xá-lợi-phất để nói kệ khen ngọd." Nghĩ vậy rồi, Tôn giả Bà-kỳ-xá liền đứng dậy chắp tay thưa: Thưa Tôn giả Xá-lợi-phât! Tôi có điêu xin được nói. Tôn giả Xá-lợi-phất bảo: -Hiên giả hãy noi! Tôn giả Ba-ky-xa liên noi kệ: Ngài thật khéo nói pháp, Giúp người nghe hiểu trọn, Ưu-bà-đề-xá33 hiền, Giữa đại chúng tuyên dương. Đang lúc Ngài thuyết pháp, Từ cổ phát tiếng hay, Âm thanh thật truyền cảm, Lời từ tốn hài hòa, Người nghe đều ưa thích, Chú tâm không dao động. Sau khi Tôn giả Bà-kỳ-xá nói kệ xong, các Tỳ-kheo nghe lời Tôn giả nói đều vô cùng hoan hỷ. *** 32 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp. 3.02. 0099.1210. 0329Ồ28). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100226. 0456c24); s. 8.10 - L 194.
33 Ưu-bà-đề-xá (Upatissa), tên riêng của ngài Xá-lợi-phất.

QUYỂN 45 1345

1211. KỆ KHEN NGỢI NĂM TRĂM VỊ TỲ-KHEO34 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ bên sườn núi Na-già,35 thuộc thành Vương Xá, cùng với năm trăm vị Tỳ-kheo đều là bậc A-la-hán các lậu đã hết, việc cần làm đã làm xong, đã đặt các gánh nặng xuống, đã được lợi mình, dứt sạch các hữu kiết sử, đạt được chánh trí, tâm đã giải thoát hoàn toàn.36 Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên quán sát tâm của đại chúng, nhận thấy tất cả đều đã giải thoát mọi tham dục. Khi ấy, Tôn giả Bà-kỳ-xá ở trong đại chúng khởi lên ý nghĩ: "Nay ta nên đến trước Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo-tăng để nói kệ ca ngợi.,^ Nghĩ vậy rồi, Tôn giả liền đứng dậy, sửa lại y phục và chắp tay bạch Phật: , AM,. Kính bạch Thế Tôn! Con có điều muốn nói. Kính bạch Thiện • Con • Thệ! có điêu muôn nói. Phật bảo Tôn giả Bà-kỳ-xá: -Hãy nói những gì thầy muốn! Ton gia Ba-ky-xa liên noi kẹ: Đấng Đạo sư Vô thượng, Ngụ sườn núi Na-già? Cùng năm trăm Tỳ-kheo, Kính phụng quy hướng Ngài. Tôn giả Đại Mục-liên? Thần thông rõ tất cả, Quan sát tâm đại chúng, Đều đã lìa tham dục. Mâu-ni đã độ hết, Đưa họ vượt bờ kia, Chỉ thân này sau cuối, Con xin thành kính lễ. Sau khi Tôn giả Bà-kỳ-xá nói kệ xong, các Tỳ-kheo nghe lời Tôn giả nói đều vô cùng hoan hỷ. *** 1212. LỄ Tự TỨ37 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Thế Tôn an cư mùa mưa cùng với năm trăm Tỳ-kheo đều là bậc A-la-hán các lậu đã hết, việc cần làm đã làm xong, đã đặt các gánh nặng xuống, đã được lợi mình, dứt sạch các hữu kiết sử, đạt được chánh trí, tâm đã giải thoát

34 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1211. 0329cl5). Tham chiếu: Biệt p. (T.02. 0100227. 0457al2); s. 8.10 - L 194. (Na-g(,N2ga). 36 Nguyên tác: Thiện giải thoát (suvimutta). Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển l, tr. 19; Tạp.(02. 0099.22. 0004c20). 37 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1212. 0330a04). Tham chiếu: Thỉnh thỉnh kỉnh ng (roi 0026.121. 0610a08); Thọ tân tuế kinh (roi. 0061. 0858all); tuế kinh (TOI. 0062. 0859a25); Giải hạ kính (T.01. 0063. 0861bl0); Biệt Tạp.l(T.02. 0100.228 0457a29); Tăng.(T.02. 0125.32.5. 0676b28); s. 8.7 - L 190.

hoàn toàn,38 chỉ trừ một vị Tỳ-kheo đó là Tôn giả A-nan, nhung đã được Thế Tôn thọ ký trong đời hiện tại sẽ chứng đắc quả vi A-la-hán.394041 Bấy giờ, vào ngày rằm, sau thời thọ trai mỗi nửa thángThế Tôn trải tòa ngồi trước đại chúng và nói với các Tỳ-kheo: Như Lai là Bà-la-môn đã được Bát-niết-bàn, thọ thân này là thân cuối, là vị lương y bậc nhất nhổ những gai nhọn. Như Lai là Bà-la-môn đã được Bát- niết-bàn, thọ thân này là thân cuôi5 là vị lương y tôi thượng khéo nhô những gai nhọn. Các thầy là con Như Lai, sanh từ miệng Như Lai, từ pháp hóa sanh, nhận được gia tài Pháp bảo. Như Lai mong được tự tứ,41 chớ đê thân, miệng, ý của Như Lai có điều gì đáng hiềm trách. LÚC ây, Tôn-giả Xá-lợi-phât ở giữa đại chúng đứng dậy, sửa lại y phục, chăp tay lễ Phạt và bạ^h: Kính bạch Thế Tôn! Thế Tôn vừa noi rằng: “Nhu Lai là Bà-la-môn đã được Bát-niết-bàn, thọ thân này là thân cuối, là lương y tối thượng khéo nhổ những gai nhọn. Các thầy là con Như Lai, sanh từ miệng Như Lai, từ pháp hóa sanh, nhận được gia tài Pháp bảo. Như Lai mong được tự tứ, chớ để thân, miệng, ý của Như Lai có điều đáng hiềm trAch." The nhưng chúng con không thấy thân, miệng, ý của Thế Tôn có điều gì đáng hiềm trách. Vì sao như vậy? Bởi vì Thế Tôn có thể điều phục được những người không thể điều phục, giúp những người chưa được tịch tĩnh có được tịch tinh, những người chưa an đinh có được an định, những người chưa Bát-niết-bàn đạt được Bát-niết-bàn. Như Lai đã thau rõ chân lý, Như Lai giảng nói chân lý, Như Lai hướng ve chân lý, rồi sau đó hàng đệ tử thành tựu và đi theo chân lý? tôn kính chân lý, vâng lãnh

38 Nguyên tác: Thiện giải thoát (‚suvimuttă). Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển l, tr. 19; Tạp. (T.02. 0099.22. 0004c20). * 39 Nguyên tác: Vô tri chứng ().Vô tri (9 chỉ cho “V6 tri cn"(‚Aññātāvindriyam), là căn của bậc Vô học, còn gọi là 'Tri dĩ cn'( ).Thành tựu căn của bậc Vô học tức chứng quả A-la-hán. Xem chú thích 2, kinh số 642, quyển 26, tr. 755; Tạp.(7.02. 0099.642. Ó182al4). 40Nguyêntác: Nguyệt thực thọ thời().CÚ ngữ này còn xuất hiện trong Tạp.(r02.0099.604. 0165bll). Theo Phân tích giới Tỳ-kheo {PãcỉttiyapãỊỉBhikkhu), Phân vật thực (Bhojanavaggo), Điêu học thứ hai, trong những bưa ăn do thí chủ hiến cúng thì có loại bữa ăn vao mỗi nửa thang, gọi là pakkhikabhatta^ÚYUỜng, được Hán dịch là "bán nguyệt thực, nguyệt phần thực, thập ngũ nhạt thực,9 ()Luật ghi: Anãpattỉ samaye, dve tayo ekato bhuñjanti, pindāya caritvā ekato sannipatitvā bhuñjanti, mccabhattam, salākabhattam, pakkhikam, uposathikarn, pātipadikam, pañca bhojanāni thapetvā sabbattha anāpatti, ummattakassa, ādikammikassāti (Khi có duyên cớ, 2 hoặc 3 vị thọ thực chung, sau khi đi khất thực tụ h chung lại (một chỗ) rồi thọ thực, trong bữa an thường kỳ, trong bữa ăn (phân phối) theo thẻ, vao mỗi nửa thẳng, vào ngay Uposatha, vào ngày đầu của môi nửa thang, (thọ dụng) tất ca (các thức khác) thì không phạm tại tnr ra 5 loại vật thực, vị bị điên, vị vi phạm dautien thì vo tội), Tỳ-khưu Indacanda dịch. Ngoài ra trong Thanh tịnh đạo (Visni. 2.3); Tứ phần luât (22 1428.28. 0758c01); Giai thoát đạo luận (T.yĩ. 1648.2. 0406a22) cũng đề cập về các loại bữa ăn này. 41 Nguyên tác: Hoài thọ ()Mong được chỉ bày, mong được tự tứ. Tự tứ (‚pavãraụã). Nam Hải ký quy nội pháp truyện (7.54. 2125.02. 0217b20) giải thích: Đó là nghi thức két thúc mùa an cư trong năm, ngày đó gói cho đủ chính Ja tùy ý, tức là nhờ người

khác tùy theo 3 việc (thấy, nghe, nghi) mà chỉ bày tội lôi để trừ bỏ sai lầm. Cựu dịch là "tự tứ", tức là dịch theo .  ).



lời dạy của vị Thầy dẫn đường, thực hành theo đúng lời dạy của Người, hân hoan hướng về thiện pháp chân chánh. Đối với Thế Tôn, con không thấy có hành vi nào của thân, miệng, ý đáng bi hiềm trách. Nay con đối trước Thế Tôn, ngưỡng mong Thế Tôn chỉ bày các tội được thấy, được nghe, được nghi, hoặc nơi thân, miệng, ý của con có điều gì đáng hiềm trách? Đức Phật nói với Xá-lợi-phất: -Như Lai không thấy thầy có các tội được thấy, được nghe, được nghi, hoặc nơi thân, miệng, ý có điều gì đáng hiềm trách. Vì sao như vậy? Vì thầy là người trì giới, đa văn, ít muốn biết đủ, tu hạnh viễn ly, siêng năng tinh tấn, chánh niệm tỉnh giác, có trí tuệ nhạy bén, trí tuệ thông suốt, trí tuệ giải thoát, trí tuệ viễn ly, trí tuệ rộng lớn, trí tuệ sâu xa, trí tuệ không ai bằng, đã thành tựu trí tuệ chân thật; lại khéo mở bày, dạy bảo, khích lệ khiến được hoan hỷ,42 cũng thường khen ngợi những ai biết mở bày, dạy bảo, khích lệ khiến được hoan hỷ, luôn vì chúng sanh mà thuyết pháp, chưa từng biết mỏi mệt. Ví như thái tử của Chuyển Luân Thánh Vương được nhận lễ Quán đảnh, tuy chưa làm lễ Quán đảnh nhưng đã ở trong nghi pháp Quán đảnh rồi thì phải theo như pháp của vua cha, những gì vua cha đã triển chuyển thì thái tử cũng theo đó mà triển chuyển. Nay thầy cũng như thế, là trưởng tử của Như Lai, được nhận lễ Quán đảnh, tuy chưa làm lễ Quán đảnh nhưng đã ở vào nghi pháp quán đảnh, cho nên đối với pháp luân mà Như Lai đã chuyển thì thầy cũng y theo đó mà chuyển, được tự tại, dứt sạch các lậu hoặc, được tâm giải thoát hoàn toàn. Cũng vậy, này Xá-lợi-phất! Đối với thầy, Như Lai không thấy có các tội được thấy, được nghe, được nghi, hoặc nơi thân, miệng, ý có điều gì đáng hiềm trách. Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:  Bạch Thế Tôn! Con không có các tội được thấy, được nghe, được nghi, và nơi thân, miệng, ý cũng không có điều gì đáng hiềm trách, vậy năm trăm Tỳ- kheo này cũng không có các tội được thấy, được nghe, được nghi và nơi thân, miệng, ý cũng không có điều gì đáng hiềm trách chăng? Phật nói với Xá-lợi-phất:  Đôi với năm trăm Tỳ-kheo này Như Lai cũng không thây có tội, nghe có tội và nghi có tội, hoặc nơi thân, miệng, ý có điều gì đáng hiềm trách cả. Vì sao như vậy? Vì năm trăm Tỳ-kheo này đều là bậc A-la-hán, các lậu đã hết, việc cần làm đã làm xong, đã đặt các gánh nặng xuống, đã được lợi mình, dứt sạch các hữu kiết sử, đạt được chánh trí, tâm được giải thoát hoàn toàn, chỉ trừ một vị Tỳ-kheo là Tôn giả A-nan, nhtmg Như Lai đã thọ ký A-nan trong đời hiện tại sẽ chứng đắc quả vị A-la-hán. Thế nên, đối với năm trăm Tỳ-kheo này Như Lai không thấy ai có các tội được thấy, được nghe, được nghi, hoặc thân, miệng, ý có điều gì đáng hiềm trách cả.

42 Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ (,,).Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tr. 105; Tạp.(7.02. 0099?92. 0023c 18).



Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật: -Kính bạch Thế Tôn! Năm trăm Tỳ-kheo này đã không có các tội được thấy, được nghe, được nghi, và thân, miệng, ý cũng không có điều gì đáng

hiềm trách. Như vậy, trong đây có bao nhiêu Tỳ-kheo được Tam minh? Có bao nhiêu Tỳ-kheo được Câu giải thoát? Có bao nhiêu Tỳ-kheo được Tuệ giải thoát? Đức Phật bảo: Trong năm trăm Tỳ-kheo này, có chín mươi Tỳ-kheo đã được Tam minh, chín mươi Tỳ-kheo đã được Câu giải thoát, những người còn lại được Tuệ giải thoát. Này Xá-lợi-phất! Những Tỳ-kheo này đã không còn dao động, không ai là lớp vỏ bên ngoài mà đều là lớp lõi cứng chắc. Khi ấy, Tôn giả Bà-kỳ-xá ở giữa hội chúng khởi nghĩ: "Ta sẽ đến trước Thế Tôn và đại chúng để nói kệ khen ngợi.,, Nghĩ vậy rồi, Tôn giả liền đứng dậy sửa lại y phục, quỳ gói phải đảnh lê Phật và chăp tay thưa: - Kính bạch Thế Tôn ! Con có điều muốn nói. Kính bạch Thiện Thệ! Con có điều muốn nói. Đức Phật bảo Tôn giả Bà-kỳ-xá: -Thầy hãy nói tùy ý mình! Bấy giờ, Bà-kỳ-xá liền nói kệ: Vào ngày rằm thanh tịnh, Đại chúng năm trăm người, Đã dứt mọi kiết sử, Bậc Đại Tiên sạch lậu. Thanh tinh cùng thân cận, Thanh tịnh rộng giải thoát, Không còn thọ các hữu, Sanh tử đã chấm dứt. Việc cần làm đã làm, Được sạch mọi lậu hoặc, Năm triền cái đã trừ, Nho tận gốc gai ái. Như sư tử, không sợ, Lìa tất cả hữu dư, Dừng oán kết, các hữu, Vượt qua cõi hữu dư, Các oán địch hữu lậu, Đều đã bị vùi ỉấp. Giông như Chuyên Luân Vương, Bảo bọc các quyên thuộc, Tâm từ rộng giáo hóa, Mọi loài đều kính vâng. Hay hàng phục ma oán, Là Đạo sư vô thượng, Tâm kính tín phụng thờ, Ba minh, già, chết diệt. Làm chân tử của pháp, Không lo lắng, dao động, Nhổ sạch gai phiền não, Lễ Dòng Họ Mặt Trời.43 Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

43 Nhật Chủng Dận Ādiccabandhu: Dòng Họ Mặt Trời, ở đây chỉ cho đức Phật.

QUYÊN 45 1349

1213. TÔN GIẢ NI-CÂU-LUẬT TƯỞNG l44 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Tôn giả Ni-câu-luật Tưởng45 ở trong vùng hoang vắng, là nơi sinh sống của các loài cầm thú. Khi ấy, Tôn giả Bà-kỳ-xá xuất gia chưa bao lâu nhưng đã sống đúng với oai nghi, dù phải nương vào thôn xóm, thành ấp. Mỗi buổi sáng, Bà-kỳ-xá đắp y, ôm bát vào thôn xóm, thành ấp khất thực, khéo bảo hộ tự thân, giữ gìn các căn, nhiếp tâm buộc niệm. Thọ thực xong, Tôn giả Bà-kỳ-xá trở về trụ xứ cất y bát, rửa chân rồi vào thất ngồi thiền, chốc lát sau thì xả thiền. Tuy không đắm trước vào việc khất thực nhưng Bà-kỳ-xá không được Tôn giả Ni-câu-luật Tưởng tùy thời chỉ dạy, giáo giới, nên tâm không an lạc, giống như đang sống trong chốn thâm sâu, bị vây kín chung quanh. Bấy giờ, Tôn giả Bà-kỳ-xá suy nghĩ: "Ta ở đây không được lợi ích gì, khó được chứ không dễ được. Ta không được tùy thời chỉ dạy, giáo giới, nên tâm không an lạc, giống như đang sống trong chốn thâm sâu, bi vây kín chung quanh. Nay ta hãy nói kệ khen ngợi sự nhàm chán của minh", liền nói kệ: Từ bỏ vui, không vui, Và tất cả lòng tham, Không tạo rừng khát vọng, Lìa nhiễm, xứng Tỳ>kheo. Theo ý thức suy tưởng,46 Rong ruổi trong thế gian, Che đậy ác, bất thiện, Chưa the cởi lớp da. Tâm vui với nhiễm ô, Thì không xứng Tỳ-kheo, Bị hữu dư trói buộc, Nơi thấy, nghe, rõ biết. Với người đã đạt ngộ, Sẽ không còn nhiễm trước, Người đã không còn nhiễm, Chính là đấng Mâu-ni. Đại địa và hư không, Các hình sắc the gian, Đều là pháp biến diệt, Tịch lặng tự quyết định. Pháp khí tu tập lâu, Thành tựu

được chánh định,47 Không xúc, không dối trá, Tâm kia rất chuyên chú, Bậc Thánh đã Niết-bàn, Chánh niệm chờ diệt độ.

44 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.7.02. 0099.1213. 0330c20. Tham chiếu: Biệt Tạp. ro. 0100229. 0457C29; s. 8.2 - L 186. 45 Bản Tống, Nguyên, Minh ghi là Tưởng tương đồng với nghĩa của chữ Kappa. Trong Tạp. 02. 0099.1221. 0333al6 cung ghi Ni-caù-luật Tương ,Nigrodha Kappa, tên riềng của vị Tỳ-khep vừa được phiên âm Ni-câu-luật ,Nigrodha vừa được dịch nghĩa Tưởng Kappa, là vị thây tiêp độ upajjhāya của Tôn giả Bà-kỳ-xá ,Vangīsa. 46 Nguyên tác: Ư lục giác tâm tưởng .Tham chiếu: Biệt Tạp.T.02. 0100.229. 458al2: Đệ lục ý xuất giác . 47 Nguyên tác: Tam-ma-đề ,samādhī.



Khi Tôn giả nói kệ bày tỏ sự nhàm chán, xa lìa của mình, tâm liên tự khai ngộ. Khi đã khai ngộ đối với những thấy biết không vui rồi, tâm thầy ấy an trụ trong hân hoan. *** 1214. XA LÌA TỊNH TƯỞNG48 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà5 thuộc nước Xa-VQ* J Bây giờ, vào sáng sớm, Tôn giả A-nan-đà và Tôn giả Bà-kỳ-xá đăp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Trên đường, Tôn giả Bà-kỳ-xá nhìn thấy một cô gái xinh đẹp, liền khởi tâm tham dục. Lúc này Tôn giả Bà-kỳ-xá tư nghĩ: "H6m nay ta gặp bát lợi, bị khô chứ không được vui. Ta vừa nhìn thây thiêu nữ dung mạo xinh đẹp thì tâm tham dục liền sanh khỏi." Bây giờ, vì để sanh khởi nhàm chán, xa lìa, Tôn giả Bà-kỳ-xá liền nói kệ: Bởi tham dục che lấp, Nên lửa đốt tâm ta, Xin Tôn giả A-nan, Vì tôi dập lửa dục, Xin khởi lòng thương xót, Vì tôi mà chỉ bày. Tôn giả A-nan liền nói kệ đáp: Vì niệm tưởng điên đảo, Nên lửa đốt tâm thầy, Hãy xa lìa tịnh tưởng,49 Chúng nuôi lớn tham dục, Hãy quán tưởng bất tịnh, Thường nhất tâm chánh định. Chóng diệt lửa tham dục, Chơ để đốt tâm thầy, Phải quán sát các hành, Khổ, không và vô ngã. Buộc niệm, chánh quán thân, Siêng tu hạnh xa lìa, Tu tập pháp Vô tướng, Diệt trừ mọi kiêu mạn, Được tỏ ngộ về mạn,50 Vượt thoát mọi kho đau. Sau khi Tôn giả A-nan nói những lời này, Tôn giả Bà-kỳ-xá nghe xong, hoan hỷ phụng hành. ***

4ựựa đề đặt theo nội dung kinh. Tap.(T.02. 0099.1214. 033lal8). Tham chiếu: Biệt Tạp. (7.02. 0100.230. 0458a25); Tăng.(T.Q2. 0125.35.9. 0701al2); s. 8.4 - L 188. :Tịnh tưởng (suanimittā): Những đối tượng cuốn hút tâm như sắc đẹp, cảnh vật ưa nhìn... Trong N. 1.11-20 - L 3, Phật dạy: Subhanỉmittarn, bhikkhave, ayoniso manasi karoto anuppannā ceva kāmacchando uppcijjati uppanno ca kāmacchando bhiyyobhāvāya vepullāya samvattatī,fti (Tịnh tướng, này các Tỷ-kheo, nêu không như lý tác ý, đưa đến dục tham chưa sanh được sanh khởi, hay dục tham đã sanh được tăng trưởng quang đại), HT. Thích Minh Châu dịch. 50 Nguyên tác: Đắc mạn vô gián đẳng ().Xem chú thích 60, kinh số 23, quyển l, tr. 21; Tạp.(7.02. 0099.23. 0005b03).



1215. BÀI KỆ XUẤT LY51 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có vi trưởng giả thỉnh Phật và chúng Tăng

về nhà thọ trai. Thế Tôn và chúng Tăng đều đã đến nhà trưởng giả, chỉ còn Tôn giả Bà-kỳ-xá gặp phiên trực phải ở lại tinh xá, thế nên trưởng giả đã dành riêng thức ăn cho thầy ấy. Khi ấy, có nhiều thiếu nữ của trưởng giả rời thôn xóm để đến tinh xá. Tôn giả Bà-kỳ-xá vừa nhìn thấy cô gái trẻ dung mạo xinh đẹp, liền khởi tâm tham dục. Lúc này Tôn giả nghĩ: uHôm nay ta gặp bất lợi, không được lợi, chỉ khổ chứ không được vui, vì vừa thấy thiếu nữ dung mạo xinh đẹp kia, tâm tham dục liên Iđiởi. Bây giờ, ta phải làm kệ nói vê sự nhàm chán, xa lia." Nghĩ xong, Tôn giả liền nói kệ: Ta đã được xuất ly, Xuất gia, sông không nhà, Mà tham dục theo ta, Như bò nhớ lúa mạ. Hãy như con đại tướng, Vạm vỡ cầm cung cứng, Phá tan nhiều trận mạc, Một người đánh ngàn người. Ta con Dòng Mặt Trời, Đích thân được nghe pháp, Hướng thẳng đến Niết-bàn? Tâm quyết trụ an lạc. Vậy nên không buông lung, Trụ chánh định vắng lặng, Không thể để tam ta, Bi mê hoặc lừa dối. Nhất địrủi52 khéo quán sát, An trụ nơi Chánh pháp, Dù vô số tham dục, Muốn đến mê hoặc ta, Những Ác ma như thế, Sao có thể thấy ta.53 Tôn giả Bà-kỳ-xá nói bài kệ xong, tâm liền được an ổn. *** 1216. CẢNH TỈNH KIÊU MẠN54 y Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Bà-kỳ-xá tự cho rằng mình có trí tuệ, nói năng lưu loát nên sanh tâm khinh mạn đối với những vi Phạm hạnh thông tuệ khác, rồi ngay

51 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1215. 0331Ồ10). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100.250. 046ÌC13); s. 8.1 - L 185. 52 Nguyên tác: Quyết định (,niyatā)'. Chắc chắn, thật sự, vững bền, quyết định, cố định, nhất định. 53 Nguyên tác: Mạc năngrkiến ư ngã ).Tham chiếu: Biệt Tạp.(r.02. 0100.250. 0461C13): Vân hà năng kiến ngã () 54 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1216. 0331CƠ2). Tham chiếu: Biệt Tạp. (7.02. 0100251. 0462al2); s. 8.3 - L 187.



tức khắc tự mình cảnh tỉnh: “Ta bất lợi, không được lợi, chỉ khổ chứ không được vui. Ta tự cho rằng mình có trí tuệ mà khinh mạn những vi Phạm hạnh thông tuệ khác. Nay ta phải nói kệ để sanh khởi nhàm chán, xa Ha." Tôn giả liền nói kệ: Cù-đàm không kiêu mạn, Đoạn mạn không còn gì, Chăng khởi tưởng kiêu mạn, Chớ thoái rồi hối tiếc. Chăng che giâu, dôi người, Mạn giết, rơi địa ngục,55 Chánh định dứt sầu lo, Thấy đạo, trụ chánh đạo. Tâm ấy được hỷ lạc, Thấy đạo tự giữ gìn, Nên được vô ngại biện, Thanh tịnh, dứt não phiền. Trừ tất cả kiêu mạn, Sanh tất cả các minh, Chánh niệm nơi Tam minh, Thần túc, Tha tâm trí. Sau khi Tôn giả Bà-kỳ-xá nói bài kệ này đê sanh khởi sự nhàm chán, xa lìa, tâm Tôn giả liền được thanh tịnh. *** 1217. TAM MINH55 56 y

Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. J Bấy giờ, Tôn giả Bà-kỳ-xá ở giảng đường Lộc Tử Mau tại Đông Viên,57 nước Xá-vệ, một mình tư duy, giữ tâm không buông lung, tinh chuyên tu tập, tự thân tác chứng, đạt được Tam minh. Lúc này, Tôn giả Bà-kỳ-xá liền khởi nghĩ: "Ta một mình ở nơi thanh vắng tư duy, giữ tâm không buông lung, tinh chuyên tu tập, tự thân tác chứng, đạt được Tam minh. Nay ta hãy nói kệ khen ngợi Tam minh." Tôn giả Bà-kỳ-xá liền nói kệ: Trước kia nhiều tham dục, Đen thôn xóm, nhà nhà, Du hành được gặp Phật, Đem pháp mầu dạy ta. Đấng Cù-đàm thương xót, Nói Chánh pháp cho ta, Nghe pháp

được tịnh tín, Xuất gia, sông không nhà. Nghe Ngài nói pháp roi, Ta trụ nơi giáo pháp, Nỗ lực chuyên buộc niệm, Luôn kiên cố vững tin, Chóng đạt được Tam minh, Phật dạy, ta đã làm.

55 Nguyên tác: Nê-lê sát mạn đọa (mãnahatã nirayarn upapannā ): Bị mạn bức hại đọa vào trong địa ngục. Tham chiếu: Biệt Tạp.(02. 0100.251. 0462a21): Đều bị mạn sát hại. Bị hại đọa địa ngự: (w Ã? 56 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1217. 0331C18). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100252. 0462a29); y 8.12-L 196. 57 Đông Viên Lộc Tử Mau giảng đường ().Xem chú thích 121, kinh số 58, quyển 2, tr. 62; Tạp.(T.02. 0099.58. 0014012).



Thế Tôn khéo chỉ bày? Hàng đệ tử diễn nói,58 Vì chúng sanh mê mờ, Mà mở cửa xuất ly. Khổ khổ, nhân của khổ, Khổ diệt, đều tác chứng, Tám Thánh đạo lìa khổ, An lạc đến Niết-bàn. Nghĩa thiện, câu cú thiện, Phạm hạnh không ai hơn, Thế Tôn khéo diễn bày, Niết-bàn độ chúng sanh. *** 1218. BỐN PHÁP CÚ59 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nay Như Lai sẽ nói về bốn pháp cú. Các thầy hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Như Lai sẽ giảng nói cho các thầy. Những gì là bốn? Hiên thánh khéo nói pháp, Đây là điều tối thượng, Luôn dùng pháp ái ngữ, Là tối thượng thứ hai. Chân thật không hư vọng, Đây là điều thứ ba, Đúng pháp không khác lời, Là tối thượng thứ tư.60 Này các Tỳ-kheo! Đây gọi là bốn pháp cú. Khi áy, Ton giả Ba-ky-xa ơ giữa hôi chúng tự nghĩ: The Ton ơ trước bôn chúng nói bốn pháp cú, ta sẽ dùng bốn cách để khen ngợi, tán thán và tùy hy." Tôn giả liền đứng dậy sửa lại y phục, đảnh lễ đức Phật rồi chắp tay thưa: - Kính bạch Thế Tôn! Con có điều muốn nói. Kính bạch Thiện Thệ! Con có điều muốn nói. Phật bảo Tôn giả Bà-kỳ-xá: -Hãy nói những gì thầy muốn! Ton giả Bà-kỳ-xá noi kê: Như người khéo nói pháp, Tự thân không bức não, Cũng không khủng bố người, Đây tức là khéo nói. Người nói bằng ái ngữ, Khiến người khác hoan hỷ, Không khiến họ làm ác, Đây gọi là ái thuyết.

58 Nguyên tác: Nhật chủng miêu dận (),chỉ cho con cháu Dòng Họ Mặt Trời (Ădiccabandhu, Sn. 72, kệ 425), tức dòng họ Thích-ca, ở đây chỉ cho hàng đệ tử của đức Phật. 59 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.1218. 0332a08). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100253. 0462b19); s. 8.5 - L 188; Sn. 3.3 -79. 60 Bốn pháp cụ này tuy có sự khác biệt về ưật tự giữa các bản kinh nhưng nội dụng chủ yếu bao gồm: (i) Thiện thuyết (,subhāsita)'. Khéo nói, tức nói lời phù hợp, thỏa đáng, (ii) Ái thuyết (,piyam bhane)'. Lời nói khả ái, dễ đi vào lòn^ ngươi, (iii) Đe thuyết (W,saccMbha):Nói theo chân lý, nói đúng sự thật, (iv) Pháp thuyết (,dhammam bhane): Nói đúng Chánh pháp.



Lời thật là bất tử,61 Lời thật là vô thượng, Nói pháp, nghĩa chân thật,Điều Hiền giả nên hành. Như pháp của Phật nói, Đường Niết-bàn an ổn9 Diệt tận tất cả khổ, Đây là khéo nói pháp. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đêu hoan hỷ

phụng hành. *** 1219. KỆ TÁN THÁN MÔT NGÀN VỊ TỲ-KHEO61 62 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ bên sườn núi Na-già? thuộc thành Vương Xá, cùng với một ngàn vị Tỳ-kheo đều là bậc A-la-hán các lậu đã hết, việc cần làm đã làm xong, đã đặt các gánh nặng xuống, đã được lợi mình, dứt sạch các hữu kiết sử, đạt được chánh trí, tâm được giải thoát hoàn toàn.63 Bấy giờ, Tôn giả Bà-kỳ-xá đang ở nơi bãi tha ma, trong khu rừng Lạnh, tại thành Vương Xá, khởi lên suy nghĩ: "Nay Thế Tôn đang ngụ bên cạnh núi Na- già, thuộc thành Vương Xá, cùng với một ngàn vị Tỳ-kheo đều là bậc A-la-hán các lậu đã hét, việc can lam đã lam xong, đã đặt các ganh nặng xuồng, đã được r "

lợi minh, dứt sạch các hữu kiêt SÍT, đạt được chánh trí, tâm được giải thoát hoàn toàn. Ta nen đen đo khen ngợi The Tôn va Ty-kheo-tang. Nghĩ vạy roi, Ton giả Bà-kỳ-xá liền đi đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân rồi ngồi sang một bên và nói kệ: Đấng Đạo sư vô thượng, Trụ bên núi Na-già, Ngàn Tỳ-kheo quyến thuộc, Phụng thờ đấng Thích-ca.64 Đại sư rộng nói pháp, Đường Niết-bàn thanh lương, Chuyên nghe pháp thanh bạch, Của đấng Chánh Giác nói. Đấng Chánh Giác tôn kính, ở ngay giữa đại chúng, Bậc Đại Long đức lớn, Bậc Tiên Nhân đứng đầu, Giăng phủ mây công đức, Ban mưa hàng đệ tử.65 Con rời chỗ nghỉ trưa,66 Đen hầu thăm Đại su, Đệ tử Bà-kỳ-xá, Xin cúi đầu đảnh lễ.  Kính bạch Thế Tôn! Con có điều muốn nói. Kính bạch Thiện Thệ! Con CO điêu muôn noi.

61 Nguyên tác: Cam lộ chỉ cho sự bất tử amată. 62 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp. B T.02. 0099.1219. 0332b01. Tham chiếu: s. 8.8 - L 192. 63 Nguyên tác: Thiện giải thoát suvimuttaṃ. Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển l, tr. 19; Tạp.T02. 0099.22. 0004c207 64 Nguyên tác: Như Lai . 65 Nguyên tác: Thanh văn  .Trường hợp này chỉ cho đệ tử sāvakā. 66 Nguyên tác: Khởi ư tru chánh thQ divāvihārā nikkhamma: Rời khỏi chỗ nghỉ trưa.

QUYỂN 45  1355

Phật bảo Tôn giả Bà-kỳ-xá:  Thầy hãy tùy ý nói, đừng suy nghĩ trước! Lúc này, Bà-kỳ-xá liền nói kệ: Ba-tuần vừa khởi ác, Khống chế khiến diệt ngay, Hãy ngăn chặn Ác ma, Khiến chúng tự biết lỗi. Quán sát mở trói buộc, Phân biệt pháp thanh bạch, Chiếu sáng như nhật nguyệt, Làm vua các ngoại đạo. Chứng đạt trí siêu xuất, Diễn nói pháp đệ nhất, Ra khỏi dòng phiền não, Nói vô lượng đạo mầu. Dựng lập đạo giải thoát, Kiến đế, pháp chơn thật, Tùy thuận đạo như vậy, Là Đạo sư khó gặp, Dựng lập đạo giải thoát, Kiến dế, trọng viễn ly. Thế Tôn khéo nói pháp, Trừ phiền não cho người, Thấy rõ được các pháp, Theo học để điều phục. Bấy giờ, Tôn giả Bà-kỳ-xá đọc kệ này rồi, các Tỳ-kheo nghe lời Tôn giả nói đều vô cùng hoan hỷ. *** 1220. BẬC THÀY NHỔ TÊN67 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Vườn Nai, trú xứ của các Tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại. Bấy giờ, Thế Tôn thuyết pháp ùrơng ưng bốn Thánh đế cho các Tỳ-kheo nghe. Đó là: Đay là Thánh đế về khổ, đây là Thánh đế về nguyên nhân của khổ, đây là Thánh đế về khổ diệt, đây là Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt. Khi ấy, Tôn giả Bà-kỳ-xá ở trong hội chúng suy nghĩ: "Ta nên đến trước rpi Á qp /V 4. À [ 1 • À r 1 A u: J A ”À • r-p/X 1 • 9 -pv y 1 y r The Ton đe khen ngợi ve VI dụ nho mui ten. Nghĩ vạy roi,

Ton gia Ba-ky-xa liền đứng dậy sửa lại y phục, chắp tay bạch Phật: -Kính bạch Thế Tôn! Con có điều muốn nói. Kính bạch Thiện Thệ! Con CO điêu muôn noi. Phật bảo Tôn giả Bà-kỳ-xá: -Hãy nói những gì thầy muốn! Ton gia Ba-ky-xa liên noi kẹ: Con nay kính lễ Phật, Thương xót các chúng sanh, Bậc nhất về nhổ tên, Khéo trị lành các bệnh. Thầy thuốc tên Ca-lộ, Thầy thuốc Ba-hầula,

67 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1220. 0332c07). Tham chiếu: Biệt Tạp. (r.02. 0100254. 0462c09).



Và thầy Chiêm-bà-kỳ? Thầy Kỳ-bà tri bệnh.68 Bệnh vừa mới thuyên giảm, Vội cho là tri hay, Sau đó bệnh tái phát, Rồi kéo dài đến chết. Đang Y vương Chánh Giác, Khéo cho thuốc chúng sanh, Dứt tận cùng các khổ, Không còn chiu tử sanh. Ngay cả trăm ngàn loại, Bệnh trạng không kể hết, Phật cũng đều chữa lành, Rốt ráo hết khổ đau. Các thầy thuốc tụ hội, Con sẽ nói với họ, Được vị thuốc giải thoát, Hãy tùy bệnh mà uống. Bậc nhất về nhổ tên, Khéo biết rõ các bệnh, Bậc Y sư tối thượng, Con kính lễ Cù-đàm. Bấy giờ, Tôn giả Bà-kỳ-xá đọc kệ này rồi, các Tỳ-kheo nghe lời Tôn giả nói đều vô cùng hoan hỷ. *** 1221. TÔN GIẢ NI-CÂU-LUẬT TƯỞNG (2)68 69 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà5 thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, có Tôn giả Ni-câu-luật Tưởng ở trong vùng hoang vắng, là nơi sinh sống của các loài cầm thú và đang lâm bệnh rất nặng. Tôn giả Bà-kỳ-xá là người chăm nom hầu cận. Do vì bệnh quá nặng nên Tôn giả Ni-câu-luật Tưởng đã Bát-niết-bàn. Khi ấy, Tôn giả Bà-kỳ-xá suy nghĩ: "Thầy ta đã nhập Hữu dư Niết-bàn hay là Vô dư Niết-bàn? Nay ta phải tìm xem tướng âỏy Bấy giờ, sau khi cúng dường Xá-lợi của Tôn giả Ni-câu-luật Tưởng xong, Tôn giả Bà-kỳ-xá mang y bát hướng về thành Vương Xá. Lần hồi đến được thành Vương Xá, Tôn giả cất y bát, rửa chân, rồi đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Phật, ngồi sang một bên và nói kệ: Con kính lễ Đại sư, Đẳng Chánh Giác bất diệt, ở ngay trong đời này, Dứt tất cả lưới nghi. Tỳ-kheo ở chỗ vắng, Đã vào Bát-niết-bàn, Oai nghi, nhiếp các căn, Đức lớn trong nhân thế, Được Thế Tôn đặt tên, Là Ni-câu-luật Tưởng. Nay xin hỏi Thế Ton? Vị giải thoát bất động, Chuyên tinh tấn nỗ lực, Nói công đức cho con. Con là dòng Thich-ca? Pháp tử của Thế Tôn, Con muốn biết hết thảy, Những gì Đạo Nhãn dạy,

68 Các vị thầy thuốc nổi danh ở Ấn Độ cổ đại, gồm: Ca-10 (),Ba-hầu-la (),Chiêm-bà-kỳ (W), Ky-bà (Ww, Jīvaka). 69 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1221. 0333a03). Tham chiếu: Biệt Tạp. (roi 0100255. 0463a24). '



Chúng con đang ở dây, Tất cả đều muốn nghe. Thế Tôn là Đại sư, Bậc Vô thượng cứu đời, Đấng Mâu-ni dứt nghi, Trí tuệ đã tròn sáng. Đạo nhãn chiếu thế gian, Ánh sáng soi bốn chúng, Giống như trời Đế-thích, Chiếu trời Ba Mươi Ba. Các tham dục, nghi hoặc, Đầu do vô minh sanh, Nêu được gặp Như Lai, Thì dứt sạch không sót. Đạo nhãn của Thế Tôn, Là tối thượng nơi đời, Diệt trừ lỗi chúng sanh, Như gió thổi bụi bay. Chúng sanh khắp thế gian, Bị phiền não che đậy, Nếu phiền não không còn, Mắt sáng ngời như Phật. Ánh sáng tuệ soi khắp, Giúp cùng nhau tinh tấn, Cúi xin đấng Đại Trí, Thọ ký

cho chúng sanh. Phát âm thanh vi diệu, Chúng con một lòng nghe, Lời diu dàng diễn nói, Khắp thế gian đều nghe. Như nóng khát bức bách, Tìm dòng nước mát trong, Như Phật, trí bất diệt, Chúng con rất mong cầu. Ton giả Ba-ky-xa lại noi kệ: Nay nghe đấng Vô Thượng, Thọ ký công đức kia, Không uổng tu Phạm hạnh, Con nghe rất hoan hỷ. Nói đúng pháp, thứ lớp, Đệ tử thuận Mâu-ni? Cắt đứt dây sanh tử, Dây hư ngụy, huyễn hóa. Nhờ được gặp Thế Tôn, Mới đoạn trừ các ái9 Qua khỏi bờ sanh tử, Không còn thọ các hữu. Đức Phật nói kinh này xong,7° Tôn giả Bà-kỳ-xá nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, rồi đảnh lễ Phật lui ra.70 71

70 Toàn bộ bài kinh này là những sự kiện gồm tất cả những bài kệ do Tôn giả Bà-kỳ-xá nóiv Thế nhưng phần cuối lại ghi Phật nói. Trường hợp này có hai khả năng xảy ra. Thứ nhất, nguyên tác mất phần kinh do Phật nói; thứ hai, phần kết thúc thường dựa trên thông lệ, tức kinh điên do Phật nói. 71 Bản Hán, hết quyển 45.



QUYÊN 46

1222. LÒNG TỪ CỦA ĐÉ-THÍCH1

Tôi nghe như vây:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bây giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo:

r

-Vào thời quá khứ, chư thiên và a-tu-la dàn trận đánh nhau và a-tu-la thăng còn chư thiên thất bại. Khi đó? quân của trời Đế-thích tan rã rút lui, vô cùng sợ hãi, quay xe kéo tàn quân chạy theo hướng Bắc để trở về cung trời. Bấy giờ, dưới chân núi Tu-di có con đường tắt băng qua khu rừng rậm. Trong rừng này có một tổ chim đại bàng cánh vàng có nhiều chim non trú ngụ. Lúc ấy, vua Đế-thích sợ xe ngựa chạy ngang qua sẽ giày chết những chim non nên liền ra lệnh cho người đánh xe: "Hãy quay xe lại, đừng làm hại đàn chim non!” Người đánh xe tâu: "Thua Đế-thích! Quân a-tu-la đang đuổi theo phía sau, nếu quay xe lại thì chúng ta sẽ bị vây khổn." Vua Đế-thích bảo: “Thà quay lại mà bị a-tu-la giết, còn hơn là để quân lính giẫm chết chúng sanh.,, Người đánh xe liền quay xe trở lại hướng Nam. Quân a-tu-la từ xa trông thây xe của Đê-thích quay lại thì nghĩ răng đó là chiên sách nên vội vàng rút lui, quân lính sợ hãi, tháo chạy tán loạn trở về cung a-tu-la. Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo: Đế-thích kia là Vua Tự Tại của cõi trời Ba Mươi Ba, nhờ oai lực của tâm từ mà ông chiết phục được quân a-tu-la? bản thân ông cũng thường khen ngợi công đức của tâm từ. Tỳ-kheo các thầy với niềm tin tha thiết, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo thì phải tu tập tâm từ, cũng nên khen ngợi công đức của tâm từ.

1 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.1222. 0333ỒỒ24). Tham chiểu: Biệt Tạp. (T.Ỏ2. 010Ó.49. 039ỏa03);S. 11.6-i. 224. '

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 1223. NGƯỜI NGHÈO2 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà9 thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, trong thành Vương Xá có một người rất nghèo khổ, nhưng biết tin Phật, Pháp và Tăng, thọ trì cấm giới, học rộng nghe nhiều, dốc lòng bố thí, thành tựu chánh kiến. Người này sau khi lâm chung được sanh lên cõi trời Ba Mươi Ba, có ba điều vượt trội hơn những vị trời khác. Là ba điều gì? Đó là tuổi thọ cõi trời, sắc đẹp cõi trời và tiếng khen cõi trời đều vượt trội. Bây giờ, các thiên tử trời Ba Mươi Ba thây vị thiên tử này vượt trội hơn họ ở cả ba điều, đó là tuổi thọ, sắc đẹp và tiếng khen, nên họ cùng đến chỗ Đế-thích thưa rằng: Thưa Kiêu-thi-ca!3 Có một thiên tử mới sanh lên cõi trời này. Vị ấy có ba điều vượt trội hơn những thiên tử sanh lên trước đây, đó là tuổi thọ cõi trời, sắc đẹp cõi trời và tiếng khen cõi trời. Khi ấy, Thiên Đế-thích nói với các thiên tử kia: Các Nhân giả! Tôi biết người này đời trước ở thành Vương Xá là người nghèo cùng khốn khó, nhưng rất có lòng tin đoi với Giáo pháp và Giới luật của Như Lai,... (cho đến) thành tựu chánh kiến. Nhờ vậy, sau khi lâm chung, người ấy được sanh lên cõi trời này, lại còn có ba điều vượt trội hơn những vi trời Ba Mươi Ba khác, đó là tuổi thọ cõi trời, sắc đẹp cõi trời và tiếng khen cõi trời. Rồi Thiên Đế-thích nói kệ: Chánh tín đối với Phật, Một lòng không lay động, Thọ trì giới chân thật, Không nhàm chán Thánh giới. Tâm thanh tịnh với Phật, Khéo thành tựu chánh kiến, Đó là không nghèo khổ, Đời sống không vô ích. Đối với Phật, Pháp, Tăng, Khởi lòng tin thanh tịnh, Nên trí tuệ tăng trưởng, Nhớ nghĩ lời Phật dạy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

2 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1223. 0333cl2). Tham chiếu: Biệt Tạp. (rỏ2. 010Ó.51. 039ỏbll);S. 11.14-1.231. 3 Kiêu-thi-ca (JIW).Tạp.(r02. 0099.1106. 0291a09) giải thích: Thích-đềhoàn-nhân xưa kia khi còn làm người, là người của dòng tộc Kiêu-thi. Do nhân duyên này nên Thích-đê-hoàn-nhân còn gọi là I



1224. ĐẠI HỘI CÚNG DƯỜNG (l)4 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ trong núi Kỳ-xà quật, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, dân chúng khắp thành Vương Xá mở hội bố thí lớn, mời hết các đạo giáo khác nhau đến cúng dường. Khi ấy, có những người tin theo ngoại đạo Giá-la-ca5 thì nghĩ rằng: "Nay ta sẽ mời thiên đạo Giá-la-ca để gieo phước điền trư&c." Hoặc có người tin theo ngoại đạo xuất gia, có người tin theo đạo Ni-kiền tử, có người tin theo đệ tử của đạo trưởng lão,6 có người tin theo đạo thờ lửa, hoặc có người tin theo chúng Tăng đệ tử Phật thì nghĩ rằng: "Hôm nay sẽ thỉnh Phật và chúng Tăng để gieo phước điền trước.,^ Bấy giờ, trời Đế-thích nghĩ: "Chớ để cho dân chúng thuộc thành Vương Xá từ bỏ Phật và chúng Tăng để tin phụng và cầu phước nơi những đạo giáo khác. Ta hãy nhanh chóng vì người dân thành Vương Xá mà kiến lập phước đien.,^ Thiên Đế-thích liền biến thành một đại Bà-la-môn tướng mạo oai nghiêm, cưỡi xe ngựa trắng, có các thiếu niên Bà-la-môn cầm dù lọng vàng theo sau hộ tống đi đến thành Vương Xá và dạo khắp nơi trong hội chúng. Lúc này, tất cả nam nữ thành Vương Xá đều nghĩ rằng: "Phải xem vị Bà-la-môn này tin phụng theo đạo giáo

nào thì ta sẽ theo đó để cúng dường, đó là ruộng phước tốt nhất." Thiên Đế-thích biết rõ suy nghĩ của tất cả dân chúng thuộc thành Vương Xá, liền cho xe dẫn đầu, đi theo đường tắt đến núi Kỳ-xà quật. Đen bên ngoài cửa núi, Thiên Đế-thích cởi bỏ năm loại nghi trượng rồi đi đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và nói kệ: Khéo phân biệt, chỉ bày, Các pháp đến bờ kia, Vượt qua mọi sợ hãi, Con kính lễ Cù-đàm. Dân chúng lập đại hội, Muốn cầu công đức lớn, Nhà nhà mở hội thí, Thường cầu quả hữu dư, Xin Ngài nói ruộng phước, Giúp người thí được quả. Với câu hỏi vua trời, E)ếthích, Đại Tự Tại, ở núi Kỳ-xà quật, Đại sư trả lời rằng:7 Dân chúng lập đại hội, Muốn cầu công đức lớn, Nhà nhà mở hội thí, Thường cầu quả hữu dư. Nay nói về phước điền, Thí chỗ nào quả lớn,

"Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Thp.(r.O2. 0099.1224. 0334a05). Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.1225. 0334C05); Biệt Tạp.(r.02. 0100.52. 0390Ồ27); Tăng.(T02. 0125.13.6. 0575a05); S. 11.16-1.233. 5 Giá-la-ca ().Có hai lý giải về trường hợp này. Thứ nhất, Giá-la-ca được dịch từ Caraka chỉ cho các vị tu sĩ du hành đây đó. Thứ hai, theo s. 11.16 - L 233, Giá-la-ca được dịch từ chữ Yājaka, là người lo việc tê tự, là thầy tư tế. 6 Nguyên tác: Lão đệ tử ().

7 Bốn câu này không thuộc kệ, mặc dù bản Hán hành văn như thể kệ.

QUYỂN 46 1361

Chánh hướng gồm có bốn,8 Trụ Thánh quả cũng bốn.910 Gọi đó ruộng phước Tăng, Minh, hạnh, định đầy đủ? Ruộng phước Tăng rộng lớn, Vô lượng hơn biển cả. Đệ tử đấng Điều Ngự, Hiển bày rõ Chánh pháp, Khéo cúng dường nơi đây, Cúng Tăng ruộng phước lành. Gieo ruộng phước nơi Tăng, Phật dạy, đây quả lớn, Vì Tăng lìa ngũ cái,w Thanh tịnh, đáng ngợi khen. Cúng Tăng, phước tối thượng, Cúng ít được lợi nhiều, Vậy nên khắp mọi người, Hãy gieo phước nơi Tăng. Lại được pháp thắng diệu, Minh, hạnh, định tương ưng, Cúng Tăng quý báu này, Tâm thí chủ hoan hỷ. Sanh khởi ba thứ tâm/1 Thí y phục, ẩm thực, Lìa gươm nhọn trần cấu, Vượt qua các đường dữ. Đích thân đi mời thỉnh, Tự tay cúng bình đẳng, Lợi mình và lợi người, Thí này được lợi lớn. Người trí thí như vậy, Tâm thanh tịnh giải thoát, Thí an lạc không tội, Nương trí sanh cõi kia. Đế-thích nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ Phật rồi biến mất. r

Bây giờ, dân chúng thành Vương Xá cùng đứng dậy, sửa lại y phục, đảnh lễ đức Phật và chắp tay thưa:  Kính bạch Thế Tôn! Cúi xin Thế Tôn và chúng Tăng nhận sự cúng dường của chúng con. Thế Tôn im lặng nhận lời. Khi ấy, người dân thành Vương Xá biết Thế Ton đã im lặng nhận lời mời rồi, họ cùng đảnh lễ Phật và quay trở về. Khi đã về đến nơi đại hội, họ chuẩn bị thức ăn thức uống, thiết trí bàn ghế. Sáng sớm hôm sau, họ sai người đến bạch Phật: -Đã đến giờ! Xin Thế Tôn biết cho. Bấy giờ, Thế Tôn và chúng Tăng đắp y, ôm bát đến chỗ đại hội rồi trải tòa ngồi trước đại chúng. Người dân thành Vương Xá biết Phật đã an tọa, liền đích thân dâng cúng nhiều loại thức ăn thơm ngon, tinh khiết. Biết rõ Phật và chúng Tăng thọ trai xong và đã rửa bát, súc miệng rồi, họ liền trở về chỗ ngồi để nghe

8 Chánh hướng giả hữu. tứ chi cho những hành giả đang hướng về 4 quả Thánh, gồm: hướng Tu-đà^an ,hướng Tư>đà-hàm ,hướng A-na-ham v hướng A-la-hán s ỈM ra. 9 Tứ Thánh trụ ư quả chỉ cho các bậc Thánh đã an trú 4 Thánh quả, gồm: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán. 10 Ngũ cái pañca nīvaranā'. Năm thứ chuoiig ngại ngăn che tâm, gồm: tham dục , kāmarāga, sân khuể vyāpāda, thụy miên thinamiddhā, trạo cử uddhaccă và nghi vicikicchā. iiTam chủng tâm Ba trạng^thái của tâm tnrớc khi bố thí, trong khi bố thí và sau bố thí đều hoan hỷ. Xem thêm "tam chủng tế tự"trong Cứu-la-đàn-đâu kinh roi. 0001.23. 0097b06.



Phật thuyết pháp. Bấy giờ Thế Tôn thuyết pháp cho dân chúng thành Vương Xá. Sau khi mở bày, dạy bảo, khích lệ và khiến họ hoan hỷ xong, 12 Ngài đứng dậy ra đi. ***

1225. ĐẠI HÔI CÚNG DƯỜNG (2)12

13

Tôi nghe như vây:

Một thời, đức Phật ngụ trong núi Kỳ-xà quật, tại thành Vương Xá.

(Nói đầy đủ như kỉnh 1224 ở trênf chỉ khác ở chỗy.

Bấy giờ, Thiên Đế-thích nói bài kệ khác để hỏi Phật:

Nay xin hỏi Cu-đàm, Bậc Tuệ giác thâm sâu,

Thế Tôn đã thể nhập, Thấy biết không chướng ngại.

Dân chúng lập đại hội...

(Nói đầy đủ như bài kệ trên, cho đến) thuyết pháp cho dân chúng thành Vương Xá. Sau khi mở bày, dạy bảo, khích lệ và khiến họ hoan hỷ xong, Ngài đứng dậy ra đi.

***

1226. BỐN VIỆC KHÔNG NÊN XEM THƯỜNG14 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hành trong nhân gian ở nước Câu-tát-la rồi đến ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc nghe tin Thế Tôn du hành trong nhân gian ở nước Câu-tát-la rồi đến ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ, vua liền đi đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Ngài roi ngồi sang một bên và thưa: Kính bạch Thế Tôn! Con nghe nói Thế Tôn tự tuyên bố đã chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.15 Mọi người loan truyền như vậy, không phải hư vọng hoặc nói quá lời chăng? Hay đây đúng là lời mà đức Thế Tôn đã nói?16 Nói có đúng với pháp và thứ lớp của giáo pháp chăng?17 Ngài không bị tha nhân

12 Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ (,).Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tr. 105; Tạp.(T.02. 0099^92. 0023d 8). 13 Tựa đề đặt theo nội dung kinh, Tạp.(r02. 0099.1225. 0334c05). Tham chiếu: Tạp.(r02. 0099.1224. 0334a05); Tạp.(T.02. 0100.52. 0390b27); Tăng.(r02. 0125.13/. 0575a05); S. 11.16-1.233. 14 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1226. 0334cl3). Tham chiếu: Biệt Tạp. (r.02. 010053.0391c02);S. 3.1-1.68. 15 Nguyên tác: A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề

(,Anuttarā sammãsambodhí). 16 Như thuyết thuyết ().3 ngữ này tương tự kinh số 106; Tạp.(02. 0099.106. 0032c29): Như Như Lai thuyết (ịn ). 17 Nguyên tác: Tùy tỈỊuanphap (,dhammãnudhammappatỉpannă). Xem chú thích 68, kinh số 27, quyền l, tr. 24; Tạp.(7.02. 0099 27. 0005c20).



và các hạng người gây tổn hại1819nhân việc đó mà chất vấn để rồi sanh ra chán 21 20 ghét và bị coi thường chăng? Đức Phật bảo nhà vua: Đại vương! Những lời họ nói đó là đúng sự thật, chẳng phải hư vọng. Nói như vậy là nói đúng như lời mà đức Như Lai đã nói, nói đúng với pháp và thứ lớp của giáo pháp, không bị tha nhân và các hạng người gây tổn hại, nhân việc đó mà chất vấn để rồi sanh ra chán ghét và bị coi thường. Vì sao như vậy? Này Đại vương! Vì nay Như Lai thật sự đã chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chanh giác. Vua Ba-tư-nặc bạch Phật: Tuy Thế Tôn nói như vậy nhimg con vẫn chưa tin. Vì sao như vậy? Vì ở trong đây có nhiều vị Sa-môn, Bà-la-môn tôn túc, trọng vọng, như là Phú- lan-na Ca-diếp9 Mạt-ca-lợi Cù-xá-lê tửSan-xà-da Tỳ-la-chi tử,21 A-kỳ-đa Chỉ-xá-khâm-bà-la,22 Ca-la-câu-đà Ca-chiên-diên523 Ni-kiền-đà Nhã-đề tử, thế nhưng các vị đó không tự cho rằng họ đã chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trong khi Thế Tôn tuổi còn trẻ, xuất gia chưa bao lâu, vì sao tự mình dám nói đã chứng Vô thượng Chánh đang Chánh giác? Phật bảo nhà vua: Đại vương! Có bốn trường hợp tuy nhỏ nhưng không nên xem thường. Là bốn trường hợp nào? Đó là vương tử dòng Sát-lợi tuy tuổi nhỏ nhưng không nên xem thường. Rắn24 con tuy còn nhỏ nhưng không nên xem thường. Đốm lửa tuy nhỏ nhưng không nên xem thường. Tỳ-kheo tuổi tuy nhỏ nhưng không nên xem thường. Bấy giờ đức Phật liền nói kệ: Đủ hình tướng Sát-lợi, Dòng quý tộc thanh danh, Tuy tuổi còn ấu thơ, Người trí chớ khinh thường. Người ấy sẽ làm vua, Nhớ lại mà sanh oán, Thế nên chớ khinh thường, Phải tỏ lòng cung kính. Người khéo tự phòng hộ? Tự hộ như hộ mạng,

18 Nguyên tác: Tổn đồng pháp giả Những hạng loại gây tổn hại. Tham chiếu: Tạp. r.02. 0099.91. 0023026: The nao gọi là niềm tin đầy đủ? Nghĩa là người thiện nam đối với đức Như Lai có lòng tin tưởng, tôn kính, xây dựng gốc rễ niềm tin vững ^lắc, không bị chư thiên, Ma vương, Phạm thiên cùng các hạng loại khác trông thế gian phá hoại ?, I 19 Phú-lan-na Ca-diếp Purāna Kassapa. 20 Mạt-ca-lợi Cù-xá-lê tử ,Makkhali Gosāla. 21 San-xà-da Tỳ-la-chi tử Sañjaya Belatthiputta. 22 A-kỳ-đa Chỉ-xá-khâm-bà-la ,Ajita Kesakambala. 23 Ca-la-câu-đà Ca-chiên-diên ,Kakudhā Kaccāyana. 2? Nguyên tác: Long .Theo s. 3.1 - L 68: Urago, tương tự như chữ nāgā. Đoạn kệ ở sau xác nhận ràng đó là con rắn nhỏ .



Dùng bình đăng tự hộ? Bình đăng là hộ mạng. Nơi xóm làng hoang vắng, Nếu gặp phải rắn con, Chớ cho rằng rắn nhỏ, Mà sanh lòng xem thường. Răn nhỏ nhiêu màu săc, Cũng nên để rắn yên, Bất kỳ ai khinh rắn, Đều bi độc hại thân. Thế nên người tự hộ, Khéo giữ kỹ thân mình, Vì để tự hộ mình, Mà bảo hộ kẻ kia. Ngọn lửa khi đốt cháy, Nhỏ

nhưng thiêu hủy lớn, Ngọn nến cũng thiêu rụi, Mọi thứ nếu đủ cỏ, Lửa nhỏ sẽ lớn dần, Cháy xóm làng, thành áp. Cho nên để tự hộ? Giữ lửa như giữ mình, Vì để tự hộ minh j Mà bảo hộ vật kia. Bị lửa dữ thiêu đốt, Thì trăm cỏ cháy rụi, Tuy tắt vẫn không tàn, Thận trọng lửa lại sanh. Nếu Idiinh chê Tỳ-kheo, Người giữ lửa tịnh giới, Thì đốt mình, con cháu, Tai nạn kéo trăm đời? Như đốt cây đa-la, Không bao giờ sanh lại. Cho nên phải tự hộ, Giống như hộ mạng mình, Vì khéo tự hộ mình, Thì như hộ người kia. Với người tướng Sát-lợi, Rắn con và lửa nhỏ, Hay Tỳ-kheo tịnh giới, Đều không nên coi thường. Cho nên phải tự hộ, Giống như hộ mạng mình, Vì khéo tự hộ mình, Thì như hộ người kia. Đức Phật nói kinh này xong, Vua Ba-tư-nặc nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ đảnh lễ Phật rồi ra về. *** 1227. VUA BA-TƯ-NẶC MẤT THÂN QUYÊN25 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc có bà nội, người mà vua rất mực kính trọng bỗng nhiên qua đời. Sau khi đưa bà ra ngoài thành làm lễ hỏa táng và cúng dường xá-lợi xong, với áo quần xốc xếch, đầu tóc rối bù, nhà vua đi đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Khi ấy, Thế Tôn hỏi vua:  Đại vương từ đâu đến đây với áo quần xốc xếch, đầu tóc rối bù vậy?

25 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.1227. 0335b09). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100.54. 0392a26); Tăng.(7.02. 0125.26.7. 0638a02); s. 3.22 - L 96.



Vua Ba-tư-nặc bạch Phật: -Kính bạch Thế Tôn! Con đã không còn bà nội nữa, một người mà con rất mực kính trọng nhưng bà đã qua đời và bỏ lại con. Con đã đưa bà ra ngoài thành để hỏa táng và cúng dường xong rồi liền đến bên Thế Tôn. Đức Phật hỏi Vua Ba-tư-nặc: -Đại vương kính trọng và thương tiếc bà nội lắm phải không? Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:  Bạch Thế Tôn! Con rất kính trọng, thương tiếc. Bạch Thế Tôn! Nếu có thể đem tất cả voi, ngựa, bảy báu khắp trong nước, cho đến ngai vàng bố thí cho mọi người để cứu sống được bà nội thì con sẽ bố thí hết. Thế nhưng con đã không thể cứu được bà nội nữa, kẻ sống người chết vĩnh viễn xa lìa, khiến buồn khổ, tiếc thương không thể tự vượt qua. Con từng nghe Thế Tôn nói: “Tất cả chúng sanh, tất cả côn trùng, tất cả quỷ thần có sanh ra thì đều có chết đi, cuối cùng cũng phải kết thúc, không có ai sanh ra mà không chết." Hôm nay con mới nhạn thay lơi The Ton noi rát đung. Đức Phật nói với Vua Ba-tư-nặc : -Đại vương! Đúng vậy, đúng vậy, tất cả chúng sanh, tất cả côn trùng, tất cả quỷ thân có sanh ra thì đêu có chét di, cuối cùng cũng phải két thúc, không có ai sanh ra mà không chết. Phật lại nói: -Đại vương! Dù thuộc dòng tộc cao quý Bà-la-môn, Sát-lợi hay trưởng giả, hễ có sanh ra thì đều có chết đi, không ai là không chết. Dù là Đại vương Sát-lợi ở ngôi vị quán đảnh, cai trị bốn châu thiên hạ, được sức tự tại, hàng phục các nước thù địch, nhưng rồi cuối cùng không ai là không chết. Lại nữa, Đại vương! Dù sanh ở cõi trời Trường Thọ, làm vua thiên cung, tự do khoái lạc thì cuối cùng cũng phải chết. Lại nữa, Đại vương! Tỳ-kheo A-la-hán các lậu đã hết, việc cần làm đã làm xong, đã đặt các gánh nặng xuống, đã được lợi minh, dứt sạch các hữu kiết sử, đạt được chánh trí, tâm được giải thoát hoàn toàn26 thì cuối cùng cũng từ bỏ thân mạng mà vào Niết-bàn. Lại nữa, hàng Độc giác27 điều phục hoàn toàn, tịch tịnh hoàn

toàn, cũng phải tư bỏ thân mạng này để trở về Niết-bàn. Chư Phật, Thế Tôn đầy đủ mười lực, bốn vô sở úy, hơn tiếng rống sư tử, rồi cũng phải từ bỏ thân mạng mà vào Bát-niết-bàn. Do đó? Đại vương nên biết! Tất cả chúng sanh, tất cả côn trùng, tất cả quỷ thần, có sanh ra thì có chết đi, cuối cùng cũng phải kết thúc, không ai là không chết.

26 Nguyên tác: Thiện giải thoát ,suvimuttaṃ. Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển l, tr. 19; Tạp.T.02. 0099.22. 0004c20. 27 Nguyên tác: Duyên giác Paccekabuddha, chỉ cho bậc Độc giác.



Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ: Tất cả loài chúng sanh, CÓ thân đều sẽ chết, Mỗi người tùy theo nghiệp, Nhận quả thiện hoặc ác. Tạo ác rơi địa ngục, Làm lành sanh cõi trời, Tu tập đạo thăng diệu, Lậu tận Bát-niết-bàn. Như Lai và Độc giác, Thanh văn đệ tử Phật, Đều phải bỏ thân mạng, Huống gì hàng phàm phu. Đức Phật nói kinh này xong, Vua Ba-tư-nặc nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ? đảnh lễ Phật rồi ra về. *** 1228. Tự YÊU QUÝ MÌNH28 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. J J J Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc một mình ở nơi yên vắng, thiền định tư duy rồi khởi lên suy nghĩ: "Thế nào là tự yêu quý mình,29 thế nào là không tự yêu quý mình?,^ Vua lại tự nghĩ: "Nếu người nào thân làm việc ác, miệng nói lời ác và ý nghĩ điêu ác, nên biêt những người này không tự yêu quý mình. Nêu người nào thân làm việc lành, miệng nói lời lành và ý nghĩ điều lành, nên biết những người này tự yêu quý minh." Thế rồi vua xả thiền, đi đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi đứng sang một bên và thưa: Kính bạch Thế Ton! Con một mình ở nơi yên vắng, thiền định tư duy rồi khởi lên suy nghĩ: "Thế nào là tự yêu quý mình, thế nào là không tự yêu quý mình?,, Con lại tự nghĩ: “Nếu người nào thân làm việc ác, miệng nói lời ác và ý nghĩ điều ác, nên biết những người này không tự yêu quý mình. Nếu người nào thân làm việc lành, miệng nói lời lành và ý nghĩ điều lành, nên biết những người này tự yêu quý mình.,^ Phật nói với Vua Ba-tư-nặc: Đúng vậy, Đại vương! Đúng vậy, Đại vương! Nếu người nào thân làm việc ác, miệng nói lời ác và ý nghĩ điều ác, nên biết những người này không tự yêu quý mình. Những kẻ đó tuy tự nói thương yêu và quý trọng bản thân nhưng thật ra họ chẳng tự yêu quý mình. Vì sao như thế? Vì không có người bạn xấu nào, sở dĩ họ làm điều ác vì họ không yêu quý người không đáng được

28 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.1228. 0335cl7). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 010055. 0392c04); s. 3.4 -1.71. 29 Nguyên tác: niệm ().Tự (ê) chỉ cho tự mình, bản thân mình (,attā); niệm ():Lân mân, yêu quý (,piya). Tham chiêu: s. 3.4 - L 71: Kesarn nu kho piyo attā (Đôi với những ai tự ngã là thân ái), HT. Thích Minh Châu dịch. J



yêu quý, không yêu thương người không đáng được yêu thương nên mới làm như thế. Hạng người vì mình mà tự làm ác, đó là những hạng người không tự yêu quý mình. Lại nữa, Đại vương! Nếu người nào thân làm việc lành, miệng nói lời lành và ý nghĩ điều lành, nên biết những người này luôn tự yêu quý mình. Những người này tuy cho rằng

không thương yêu và quý trọng bản thân nhưng thật ra những người đó luôn tự yêu quý mình. Vì sao như thế? Vì không có hành động nào của người bạn lành có thể sánh với người bạn lành như vì yêu quý nên thể hiện sự yêu quý, vì thương yêu nên thể hiện sự thương yêu, cũng giống như thể hiện sự yêu quý và thương yêu đối với bản thân mình. Đó gọi là những hạng người luôn tự yêu quý mình. Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ: Người quý trọng bản thân, Thì không nên làm ác, Trọn không gieo nhân ác? Đe mình được an lạc. Người quý trọng bản thân, Trọn không làm điều ắc, Biết gieo những nghiệp thiện, Nên mình được an lạc. Thương quý tTQĩig thân mình, Khéo hộ mà tự hộ, Như vua giỏi giữ nước, Canh phòng ngoài biên cương. Thương quý trọng thân mình, Thì khéo giữ kho báu, Như vua khéo giữ nước, Phòng thủ trong nội thành. Như vậy, kho báu minh, Không mảy may khiếm khuyết, Nếu phút chốc lơ là, Thì phải sa đường ác. Đức Phật nói kinh này xong, Vua Ba-tư-nặc nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ? đảnh lễ Phật rồi ra về. *** 1229. Tự PHÒNG HÔ30 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ? Vua Ba-tư-nặc một mình ở nơi yên tĩnh tư duy thiền đinh, rồi khởi nghĩ: "Thế nào là tự phòng hộ? Thế nào là không tự phòng h0?" Rồi vua lại nghĩ: "Nếu người nào thân làm việc ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác, nên biết những người như vậy là không tự phòng hộ. Nấu người nào thân làm việc lành, miệng nói lời lành, ý nghĩ điều lành, nên biết người này là người tự phòng hộ/5 Sau khi xả thiền, vua đi đến chỗ đức Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa:

30 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.1229. 0335c24). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 010056. 0393a02); s. 3.5 - L 72.



Kính bạch Thế Tôn! Con một mình ở nơi yên tĩnh tư duy thiền định, rồi tự khởi nghĩ: "Thế nào là tự phòng hộ? Thế nào là không tự phòng hộ?y Rồi con lại nghĩ: "Nấu người nào thân làm việc ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác, nên biết những người như vậy là không tự phòng hộ. Nếu người nào thân làm việc lành, miệng nói lời lành, ý nghĩ điều lành, nên biết người này là người tự phòng ho." Phật nói với Vua Ba-tư-nặc: Đúng vậy, Đại vương! Đúng vậy, Đại vương! Nếu người nào thân làm việc ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác thì nên biết những người này là không tự phòng hộ. Thế nhưng họ lại tự cho rằng mình đã khéo tự phòng hộ vì đã dùng bốn loại quân là quân voi, quân ngựa, quân xe và quân bộ đe tự phòng hộ. Tuy nói là tự phòng hộ nhung thật ra chẳng phải tự phòng hộ. Vì sao như vậy? Bởi vì đó chỉ là sự phòng hộ bên ngoài, không phải phòng hộ bên trong. The nên, Đại vương! Đây gọi là không tự phòng hộ. Lại nữa, Đại vương! Nấu người nào thân làm việc lành, miệng nói lời lành, ý nghĩ điều lành, nên biết những người này là tự phòng hộ. Tuy họ không dùng bon loại quân là quân voi, quân ngựa, quân xe và quân bộ đe phòng hộ, nhưng thật ra là đã tự phòng hộ. Vì sao như vậy? Bởi vì họ tự phòng hộ bên trong. Đây gọi là khéo tự phòng hộ, không cần phòng hộ bên ngoài. Rồi đức Phật lại nói kệ: Khéo phòng hộ thân, miệng, Và tất cả ý nghiệp, Tự hộ bằng tàm quý, Đây là khéo phòng hộ. Đức Phật nói kinh này xong, Vua Ba-tư-nặc nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ Phật rồi ra về. ***

1230. SỐ ÍT VÀ SỐ NHIỀU31 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc một mình ở nơi yên tĩnh tư duy thiền định, rồi khởi _ thê gian ít có người được tài lợi thăng diệu mà không buông lung, không tham đắm, không làm điều xấu ác đối với chúng sanh. Người thế gian phan nhiều khi được tài lợi thắng diệu thì thường buông lung, tăng trưởng tham đắm, làm các việc sai trái." Nghĩ như thế rồi5 vua liền đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa:

31 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1230. 0336bl9). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 010058. 0393bl9); s. 3.6 - L 73.



Kính bạch Thế Tôn! Con một mình ở nơi thanh vắng khởi nghĩ: “d thế gian ít có người được tài lợi thắng diệu mà không sanh buông lung, không khởi tham đăm, không làm điều sai trái. Người thế gian đa phần khi được tài lợi thắng diệu thì thường buông lung, tăng trưởng tham(tóm, làm các việc sai trai?9 Phật nói với Vua Ba-tư-nặc: -Đúng vậy, Đại vương! Đúng vậy, Đại vương! ở thế gian ít có người được tài lợi thắng diệu mà không khởi tham đắm, không sanh buông lung, không làm những việc sai trái. Người thế gian đa phần khi được tài lợi thắng diệu thường buông lung, tăng trưởng tham đắm, làm các việc sai trái. Đại vương nên biết! Những người thế gian kia khi được tài lợi thắng diệu, mà đối với tài lợi thắng diệu họ sanh buông lung, khởi tham đắm, làm các việc sai trái thì đó là những người si mê? sẽ chịu khổ lâu dài, không được lợi ích. Đại vương! Giống như người thợ săn và học trò của người thợ săn này cùng giăng lưới bắt giết nhiều cầm thú trong khu rừng vắng, gây khốn khổ cho chúng sanh, khiến nghiệp ác tăng trưởng. Cũng vậy, người thế gian được tài lợi thắng diệu, liền sanh buông lung, khởi tâm tham đắm, làm điều sai trái cũng giống như vậy. Người si mê này sẽ chịu khổ não lâu dài, không được lợi ích. Bay giơ, The Ton liên noi kẹ: Tham dục theo tài vật, Bị tham làm mê muội, Cuồng loạn không tỉnh giác, Giống như người thợ săn, Do sự buông lung ấy, Nên chịu khổ báo lớn. Đức Phật nói kinh này xong, Vua Ba-tư-nặc nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ9 đảnh lễ Phật rồi ra về. ***

1231. TRANH NHAU vì THAM32 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ, Vua Ba-tư-nặc đang ngự trên chánh điện đích thân giải quyêt việc triều chính, thấy những gia tộc lớn trong dòng Sát-lợi, những gia tộc lớn trong dòng Bà-la-môn lớn, những gia tộc lớn trong dòng trưởng giả vì lòng tham muốn mà trở nên gian trá, lường gạt, nói dối? liền tự nghĩ: “Ta nên ngưng giải quyết việc này! Ta nên dừng giải quyết việc này. Ta không the đích thân giải quyết việc này. Ta có người con tài đức sẽ bảo nó giải quyêt sự việc. Làm sao ta có thể nhìn thấy những gia tộc lớn trong dòng Sát-lợi, những gia tộc lớn trong dòng Bà-la-môn lớn, những gia tộc lớn trong dòng trưởng giả

32 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1231. 0336cl6). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 010057. 0393a21); s. 3.7 - L 170.

vì lòng tham muốn mà trở nên gian trá? lường gạt, nói d6i?" Suy nghĩ xong, Vua Ba-tư-nặc liền đi đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: Kính bạch Thế Tôn, con đang ngự trên chánh điện, đích thân giải quyết những sự việc triều chính và thấy những gia tộc lớn trong dòng Sát-lợi5 những gia tộc lớn trong dòng Bà-la-môn lớn, những gia tộc lớn trong dòng trưởng giả vì lòng tham muốn mà trở nên gian trá, lường gạt, nói dối. Kính bạch Thế Tôn! Con thấy được điều này rồi9 liền suy nghĩ: "Từ nay ta nên ngimg giải quyết việc này, nên dừng giải quyêt việc này. Ta có người con hiên đức sẽ bảo nó giải quyêt việc này, chứ không muốn tự mình nhìn thấy những gia tộc lớn trong dòng Sát- lợi9 những gia tộc lớn trong dòng Bà-la-môn lớn, những gia tộc lớn trong dòng trưởng giả vì lòng tham muốn mà trở nên gian trá, lường gạt, nói d6i." Phật bảo Vua Ba-tư-nặc: _ Đúng vậy, Đại vương! Đúng vậy, Đại vương! Những gia tộc lớn trong dòng Sát-lợi? những gia tộc lớn trong dòng Bà-la-môn lớn, những gia tộc lớn trong dòng trưởng giả chỉ vì lòng tham muốn mà trở nên gian trá, lường gạt, nói dôi. Họ là những người si mê sẽ chiu khô lâu dài, không được lợi ích. Đại vương nên biêt, giông như người đánh cá cùng với những học trò của mình thả lưới nơi sông, ho, khe rạch đe tàn sát chúng sanh, gây bao đau khổ. Cũng vậy, Đại vương! Những gia tộc lớn trong dòng Sát-lọi, những gia tộc lớn trong dòng Bà-la-môn lớn, những gia tộc lớn trong dòng trưởng giả chỉ vì lòng tham muốn mà trở nên gian trá, lường gạt, nói dối nên họ sẽ chịu khổ mãi mãi, không được lợi ích lâu dai. Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ: Tham muốn nơi tiền tài, Tham dục làm mê say, Cuông loạn không tỉnh giác, Giống như người đánh cá, Do tạo nghiệp ác này, Phải chịu khổ báo lớn. Đức Phật nói kinh này xong, Vua Ba-tư-nặc nghe lời Phật dạy đã hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi lui ra. *** 1232. HAI CÁCH sử DỤNG TÀI SẢN33 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc đi đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa:

33_Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.1232. 0337al4). Tham chiếu: Biệt Hp. (T.02. 0100.59. 0393C12); Tăng.(T.02. 0125.23.4. 0612c01);S. 3.19-L 201.



Kính bạch Thế Tôn! ở nước Xá-vệ này, trưởng giả Ma-ha-nam34 là người giàu có, tài sản rất nhiều, kho chứa vàng ròng có đến trăm ngàn ức, huống gì những của cải khác. Bạch Thế Tôn! Tuy giàu có như vậy, thế nhimg trưởng giả Ma-ha-nam chỉ ăn cơm tấm, canh đậu, gừng thối, mặc áo vải thô, mang giày da một mặt, đi xe cũ, ọp ẹp với mái che bằng lá. Con chưa từng nghe ông ta cúng dường, bô thí cho các Sa-môn? Bà-la-môn, hay cung cấp giúp đỡ những người nghèo khổ, hoặc những người lỡ đường thiếu thốn và kẻ ăn xin. Khi ăn, ông ta đóng cửa lại đe các Sa-môn? Bà-la-môn hay những người bần cùng, những người lỡ đường hoặc người ăn xin không trông thấy. Phật bảo Vua Ba-tư-nặc: Đại vương, gia chủ này không phải người chân chánh, tuy được nhiều tiền tài, của báu mà bản thân không dám thọ dụng, cũng không biết phụng dưỡng cha mẹ? không cung cấp cho vợ con và họ hàng thân thuộc, không đoái nghĩ đến những người giúp việc, hoặc giúp đỡ bạn bè quen biết, không biết tùy thời cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn để gieo trồng vào ruộng phước thù thắng, mong hướng đến chỗ tốt đẹp

hưởng thụ an lạc lâu dài, đời sau sanh về cõi trời. Thê nên, dù được tiên của hơn người mà không biêt cách tiêu dùng rộng rãi đê đạt được lợi ích lớn. Đại vương! Ví như nước được tích tụ trong ao hồ ở giữa đồng hoang mà không có người sử dụng đê uông ăn9 tăm rửa thì nước trong đâm cũng bi năng nóng làm khô cạn. Cũng vậy, kẻ bất thiện tuy được tiền của hơn người,... (cho đến) không sử dụng rộng rãi để đạt được lợi ích lớn thì cũng giống như hồ nước kia. Đại vương! Như có người thiện nam được nhiều tiền tài, của báu, hân hoan thọ dụng, lại còn biết phụng dưỡng cha mẹ, cung cấp cho vợ con và họ hàng thân thuộc, luôn đoái nghĩ đến những người giúp việc tôi tớ, giúp đỡ những người quen biết, thường xuyên cúng dường các Sa-môn9 Bà-la-môn để gieo trồng ruộng phước thù thắng, mong hướng đến chỗ tốt đẹp, đời sau sanh lên cõi trời. Người này đã được nhiều tiền tài của báu, lại biết cách sử dụng rộng rãi nên được lợi lớn gấp bội. Đại vương! Cũng như bên cạnh thành ấp, làng xóm có hồ nước trong sạch mát mẻ, cây cối che mát nên mọi người đều thích đến lấy nước để dùng, loài cầm thú cũng muốn đến đây uống nước. Cũng vậy, người thiện nam kia có được nhiều tiền bạc, của báu, bản thân hân hoan thọ dụng, lại còn phụng dưỡng cha mẹ... (cho đến) gieo trồng ruộng phước thù thắng nên đạt được lợi lạc rộng lớn. Bây giờ, Thê Tôn liên noi kẹ: Hồ nước nơi hoang dã, Dù trong mát, sạch sẽ9 Nhưng không người sử dụng, Nước kia cũng cạn khô. 34 Ma-ha-nam ().Biệt Tạp.(T.02. 0100.60. 0394a24) cũng ghi là Ma-ha-nam. Tuy nhiên, Tăng. ỉ| (ỹ.02. 0125.23.4.0612c02) lại ghi là "Dêb”().s. 3.19-L 201 thì không xác định tên gọi.

1372 KINH TẠPA-HÀM

Cũng vậy tiền, vật quý, Mà người xấu có được, Chính họ không dám dùng, Cũng không thương giúp ai, Luống khổ nhọc tích góp, Chứa rồi tự tiêu tan. Người trí được tiền tài, Tự thọ dụng thỏa thích, Bố thí làm công dức, Giúp đỡ cho người thân, Tùy chô cân cung cáp, Như trâu chúa dẫn đàn. Bố thí và thọ dụng, Đều không mất phước lợi, Thuận lý mà mạng chung, Sanh thiên hưởng phước lạc. Đức Phật nói kinh này xong, Vua Ba-tư-nặc nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ? đảnh lễ rồi lui ra. *** 1233. BỐ THÍ RỒI HỐI TIẾC35 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, nước Xá-vệ có trưởng giả Ma-ha-nam, không có con cháu, vừa mới qua đời. Do không có con và người thân thuộc nên Vua Ba-tư-nặc đem tài sản của ồng ta sung vào ngân khô triêu đình. Nhiêu ngày, Vua Ba-tư-nặc phải đến kiểm đếm tài sản khiến thân thể dính đầy bụi bẩn, rồi vua đi đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Ngài roi ngoi sang một bên. Bấy giờ, Thế Tôn hỏi Vua Ba-tư-nặc: Đại vương từ đâu đến mà thân thể dính đầy bụi bẩn và trông có vẻ mệt nhọc như vậy? Vua Ba-tư-nặc bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Trưởng giả Ma-ha-nam tại nước này vừa qua đời, để lại rất nhiều tài sản nhimg không có con kế thừa nên tất cả đều sung vào ngân khố của triều đình. Con phải đích thân đến các kho trông coi lo liệu nên bụi bặm dính vào người, rất là mệt nhọc, và từ nhà kho ấy con đến đây. Phật hỏi Vua Ba-tư-nặc: -Trưởng giả Ma-ha-nam kia giàu có nhiều của lắm sao? Vua đáp: -Bạch Thế Tôn! ông ta rất giàu, tiền của rất nhiều, tiền vàng và vật báu có đến trăm ngàn ức, huống gì những thứ khác. Kính bạch Thế Tôn! Lúc sanh tiền ông Ma-ha-nam ăn uống rất kham khổ, mặc thô sơ... (nói đầy đủ như bài kinh trên).

3tTựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.1233. 0337Ồ24). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 010060. 0394a23); s. 3.20 -1. 205.

QUYÊN 46 1373

Phật bảo Vua Ba-tư-nặc: -ở đời quá khứ, ông Ma-ha-nam kia gặp bậc Độc giác Đa-ca-la-thi-khí36 và có cúng dường một bữa ăn, nhưng không có lòng tin thanh tinh, không cung kính cúng dường, không tự tay cúng dường, sau khi cúng rồi lại hối tiếc, nói răng: í6Lẽ ra cơm này ta nên cho những tôi tớ của mình, sao lại phải đem cho Sa-m6n!" Nhờ phước bố thí này mà ông ta bảy lần được sanh lên cõi trời Ba Mươi Ba và bảy lần sanh vào nước Xá-vệ này thuộc dòng họ tối thắng, tiền của giàu có bậc nhất. Nhimg vì khi cúng dường vi Độc giác kia với lòng tin không thanh tịnh, không cung kính cúng dường, không tự tay cúng dường, sau khi cúng dường rồi lại hối tiếc nên dù được sanh vào nhà giàu sang, nhưng phải thọ dụng quần áo thô xấu, ăn uống khổ cực, giường nằm, nhà cửa, xe cộ đều cũ ky, hư hỏng. Từ khi chào đời đến lúc lâm chung, ông ta chưa từng nếm qua sắc, thanh, hương, vi, xúc tốt đẹp để thỏa mãn bản thân. Lại nữa, Đại vương! Trước kia trưởng giả Ma-ha-nam đã giết người anh khác mẹ của mình để chiếm lấy tài sản. Vì tội này nên trải qua trăm ngàn năm phải đọa vào địa ngục, do tội báo ấy còn sót lại nên bảy lần thọ thân vào nước Xá-vệ đều không có con cái, tài sản thì bị sung vào ngân khô triêu đình. Này Đại vương! Nay trưởng giả Ma-ha-nam qua đời, phước báo bố thí ở quá khứ đã hết, đời này ông ta lại keo kiệt, tham lam, làm tán thất tài sản. Do nhân tạo tội ác nên sau khi lâm chung ở đây, ông ta sẽ đọa vào địa ngục, chịu nhiều khổ não. Vua Ba-tư-nặc bạch Phật: -Kính bạch Thế Tôn! Trưởng giả Ma-ha-nam sau khi lâm chung sẽ đọa vào địa ngục chiu nhiều kho đau ư? Phật đáp:
Đúng vậy5 Đại vương! Đã đọa vào địa ngục. Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc nghĩ đến Ma-ha-nam mà rơi le, rồi lấy áo lau nước mắt và nói kệ: Bao của báu, bạc vàng, Ngựa, voi thật nghiêm trang, Tôi tớ trẻ hầu hạ, Nhà cửa, ruộng bạt ngàn, Nhưng rồi đều bỏ lại, Thần thức một mình đi. Một khi phước phần hết, Vĩnh viễn bỏ thân hình, Kẻ kia có những gì? Đem theo được những chi? Những gì không bỏ lại, Như hình bóng cùng đi? Bây giơ, The Ton noi kẹ đáp: Chỉ có nghiệp tội, phước, Mà người đã tạo ra, Chính họ sở hữu nó, Giữ chặt lúc lìa xa, Sống chết chưa từng bỏ, Như bóng hình theo ta. Như người thiếu tư lương, Gặp nạn khổ dặm trường,

36 Đa-ca-la-thi-khí Bích-chi Phật ,Tagarasikkhi Paccekā Buddha.

1374 KINH TẠPA-HÀM

Người không tu công dức, Thọ đường khố tai ương. Như người nhiều tư lương, Được an lạc dặm trường, Người tu đức thuần hậu, Khéo hướng cõi thanh lương. Như người dạo chơi xa, Lâu năm về an ổn9 Họ hàng và thân hữu, Tụ tập đón mừng vui. Người khéo tu công dức, Chết đây sanh nơi khác, Thân quyến của người kia, Gặp gỡ tâm hoan hỷ. Thế nên phải tu phước, Tích lũy phước dài lâu, Phước đức hay vì người, Kiến lập vui đời khác. Phước đức được trời khen, Vì cùng tu chánh hạnh, Hiện đời người không chê, Lâm chung sanh thiên giới. Đức Phật nói kinh này xong, Vua Ba-tư-nặc nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ5 đảnh lễ rồi lui ra. *** 1234. ĐẠI HÔI HIỂN TẾ37 Tôi nghe như

vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà9 thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc tổ chức đại hội hiến tế.38 Vì tổ chức đại hội hiến tế nên vua ra lệnh chuẩn bị một ngàn con bò đực cột vào trụ và những đo vật cúng tế? đồng thời cho mời các giáo phái ngoại đạo khắp nơi đến tham dự đông đủ tại đại hội hiến tế của Vua Ba-tư-nặc. Bấy giờ, vào lúc sáng sớm, có số đông Tỳ-kheo đắp y, ôm bát đi vào thành Xá-vệ khất thực, nghe tin Vua Ba-tư-nặc tổ chức đại hội hiến tế... (nói đầy đủ như trên, cho đếrỉ) tất cả các ngoại đạo đều đến dự lễ. Các Tỳ-kheo nghe như vậy, sau khi khất thực xong, trở về tinh xá, xếp cất y bát, rửa chân, liền đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa:  Kính bạch Thế Tôn! Sáng sớm hôm nay, các Tỳ-kheo chúng con đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực và nghe tin Vua Ba-tư-nặc tổ chức đại hội hiến tế... (nói đầy đủ như trên, cho đếri) tất cả các ngoại đạo đều đến dự lễ. Bay giơ, The Ton liên noi kẹ: Du mỗi tháng39 hiến tế? Cho đến số trăm ngàn, Bang một phần mười sáu, Người biết chánh tín Phật. Cũng vậy, tin Pháp, Tăng, Tâm từ thương chúng sanh, Phước của tế lễ kia, Không bằng phần mười sáu.

37 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1234. 0338a22). Tham chiếu: Biệt Tạp. (7.02. 010061. 0394c26); s. 3.9 - L 172. 38 Nguyên tác: Phổ thiết đại hội (‚mahāyañño)'. Lễ hiến tế lớn. 39 Các bản Tống, Nguyên, Minh ghi: Nhật nhật (H B): Mỗi ngày.



Nếu người ở thế gian, Muôn năm tạo phước nghiệp, Không bằng một phần tư, Kính lễ vi trực tâm. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 1235. XIỀNG XÍCH KIÊN cố40 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà5 thuộc nước Xá-vệ. Bay giờ, Vua Ba-tư-nặc nổi giận nên đã bắt nhiều người trong nước bỏ tù. Trong số đó có đủ các giai cấp như Sát-lợi, Bà-la-môn? Tỵ-xá, Thủ-đà-la, Chiên-đà-la5 người trì giới hay phạm giới, tại gia hay xuất gia, tất cả đều bị trói, bị xiềng xích, gông cùm cột trói. Bây giờ, vào lúc sáng sớm, các Tỳ-kheo đáp y, ôm bát đi vào thành Xá-vệ khất thực, nghe Vua Ba-tư-nặc bắt giữ nhiều người... (cho đen) bi xiềng xích, bị cột trói. Sau khi khất thực xong, các Tỳ-kheo trở về tinh xá, xếp cất y bát, rửa chân rồi đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Ngài, ngồi sang một bên và bạch Phật:  Kính bạch Thế Tôn! Hôm nay, các Tỳ-kheo chúng con vào thành khất thực, nghe Vua Ba-tư-nặc bắt giữ rất nhiều người... (cho đến) bị xiềng xích, bị cột trói? Bay giơ, The Ton liên noi kẹ: y  Chẳng dây trói, gông cùm, Mà gọi là bên chăc? Tâm ô nhiễm, luyến tiếc, Của báu, tiền, vợ con, Mới trói buộc thật chặt, Tuy mềm nhưng khó thoát. Người trí không luyến tiếc, Năm dục lạc thế gian, Đó là dứt trói buộc, An ổn vượt thế gian. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 1236. CHIẾN THẮNG VÀ CHIẾN BẠI41 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

40 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.1235. 0338bl2). Tham chiếu: Biệt 7. (T.02. OlOOMz 0395b04); s. 3.10  L 174. 41 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.1236. 0338Ồ29). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 010063. 0395c07); s. 3.14 -L 187.

Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc và Vua A-xà-thế con bà Vi-đề-hy42 ở nước Ma-kiệt- đề,43 chống đối nhau. A-xà-thế, vua nước Ma-kiệt-đề? dẫn bốn loại quân, gồm quân voi, quân ngựa, quân xe và quân bộ kéo đen nước Câu-tát-la. Vua Ba- tư-nặc nghe tin Vua A-xà-thế con bà Vi-đề-hy9 dẫn bốn loại quân đến thì cũng triệu tập bốn loại quân, gồm quân voi, quân ngựa, quân xe và quân bộ ra nghinh chiến. Toàn quân của Vua A-xà-thế đắc thắng, còn bốn quân của Vua Ba-tư-nặc bị đánh bại, quân lính bỏ chạy tán loạn, chỉ còn mình vua cưỡi xe tháo chạy trở về thành Xá-vệ. Bấy giờ, vào lúc sáng sớm, các Tỳ-kheo đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực, nghe Vua Ma-kiệt-đề là A-xà-thế, con bà Vi-dề-hy, đem bốn loại quân đến nước Câu-tát-la; Vua Ba-tư-nặc cũng dân bôn loại quân ra nghinh chiên. Bôn loại quân của Vua Ba-tư-nặc thất trận, bỏ chạy tán loạn, Vua Ba-tư-nặc khốn đốn sợ hãi, một mình cưỡi xe tháo chạy về thành Xá-vệ. Nghe như vậy, khất thực xong, các Tỳ-kheo trở về tinh xá, xếp cất y bát, rửa chân xong liền đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và bạch: Kính bạch Thế Tôn! Hôm nay các Tỳ-kheo chúng con vào thành Xá-vệ khất thực, nghe tin Vua Ba-tư-nặc và Vua A-xà-thế, con bà Vi-đề-hy9 dẫn bốn loại quân... (nói đầy đủ như trên, cho đếrỉ) một mình cưỡi xe tháo chạy trở về thanh Xá-vệ. Bay giơ, The Ton liên noi kẹ: Chiến thắng thêm thù oán, Chiến bại ngủ không an, Thắng, thua đều buông xả, Thức, ngủ đều tịnh yên. Đức Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

1237. TÂM KHÔNG OÁN HÂN44 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. r z \ Bây giờ, Vua Ba-tư-nặc và Vua A-xà-thê? con bà Vi-đê-hy ở nước Ma-kiệt- đề chống đối nhau. Vua Ma-kiệt-đề^ A-xà-thế dẫn bốn loại quân đến nước Cau- tát-la. Vua Ba-tư-nặc lại triệu tập bốn loại quân nhiều gấp đôi ra nghinh chiến. Bôn đội quân của Vua Ba-tư-nặc đắc thắng, bốn đội quân của Vua A-xà-thế bại trận bỏ chạy tán loạn, phải xin quy hàng. Vua Ba-tư-nặc bắt sống Vua A-xà-thế và thu được nhiều tiền tài, bảo vật, xe cộ, ngựa, voi. Sau đỏ, Vua Ba-tư-nặc đưa

42 A-xà-thế vương Vi-đề-hy tử (,Ajātasattu Vedehiputta rājā). 43 Ma-kiệt-đề ()cũng gọi là Ma-kiệt-đà (Magadha). 44 Tựa đe đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1237. 0338c21). Tham chiếu: Biệt Tạp. (ro* 010064. 0395C20); s. 3.15-L 190.



Vua A-xà-thế lên xe của mình rồi chở đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và bạch: Kính bạch Thế Tôn! Đây là Vua A-xà-thế, con bà Vi-đề-hy, là người luôn gây oán kết với con dù con không gây oán hận gì. Con luôn đối xử tốt với người mà người lại làm điều không tốt. Tuy nhiên, vì người này là con của bạn con, nên con sẽ thả cho về nước. Phật bảo Vua Ba-tư-nặc: Lành thay, Đại vương! Nếu thả cho vị này về nước, Bệ hạ sẽ được an ổn, lợi ích lâu dài. Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ: Cho dù sức tự tại, Cưỡng đoạt của tha nhân, Thêm oán, sức oán tăng, Ngược lại, cả hai lợi. Đức Phật nói kinh này xong, Vua Ba-tư-nặc và Vua A-xà-thế, con bà Vi-đề- hy? nghe lời Phật

dạy, hoan hỷ và tùy hỷ? đảnh lễ rồi lui ra. *** 1238. MÔT NỬA PHẠM HẠNH (3)4546 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ, Vua Ba-tư-nặc ngôi một mình ở nơi yên văng, tư duy và suy nghĩ như vầy: “Giáo pháp Thế Tôn thiết thực hiện tại, lìa mọi nóng bức, không đợi thời gian, dẫn đến Niết-bàn và được người trí tự mình giác hiểu,46 là thiện tri thức, là bạn bè tốt, chẳng phải ác tri thức, chẳng phải bạn bè xấu.” Suy nghĩ xong, vua liên đên chô Phật, đảnh lê sát chân Ngài roi ngôi sang một bên và bạch: -Kính bạch Thế Tôn! Con ngồi một mình ở nơi yên vắng tư duy và suy nghĩ như vầy: "Giáo pháp Thế Tôn thiết thực hiện tại, lìa mọi nóng bức, không đợi thời gian, dẫn đến Niết-bàn và được người trí tự mình giác hiểu, là thiện tri thức, là bạn bè tốt, chẳng phải ác tri thức, chẳng phải bạn bè xấu." Phật bảo Vua Ba-tư-nặc:  Đúng vậy, Đại vương! Đúng vậy, Đại vương! Giáo pháp Thế Tôn thiết thực hiện tại, lìa mọi nóng bức, không đợi thời gian, dẫn đến Niết-bàn và • : e9 e e r 9 được người trí tự mình giác hiên, là thiện tri thức, là bạn bè tót, chăng phải

45 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1238. 0339a 10). Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.726. Ó195bl0); Tạp M (7.02. 0099.768. 0200c03); Biệt Tạp.!Í (r.02. 0100.65. 0396a07); S. 3.18-1. 196. 46 Nguyên tác: Chánh pháp hiện pháp, ly chư xí nhiên, bất đãi thời tiết, thông đạt hiện kiến, tư giác chưng tri ( ,B ).Xem chú thích 59, kinh số 550, quyển 20, tĩ. 610; Tạp.(T.02. 0099.550. 0143018).



ác tri thức, chẳng phải bạn bè xấu. Vì sao như vậy? Vì Như Lai là thiện tri thức của chúng sanh. Chúng sanh có pháp sanh47 thì Chánh pháp của Như Lai giúp họ được giải thoát khỏi sanh. Chúng sanh có pháp già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não thì Chánh pháp của Như Lai giúp họ được giải thoát khỏi tất cả những thứ ây. Đại Vương! Có một thời Ta ngụ tại tinh xá Sơn Cốc, thuộc thành Vương Xá.48 Bấy giờ5 Tôn giả A-nan sống một mình ở nơi yên vắng, thiền đinh tư duy rồi suy nghĩ như vầy: "Người có một nửa Phạm hạnh cũng là thiện tri thức, là bạn bè tốt, chẳng phải là ác tri thức, chẳng phải là bạn bè xấu." Nghĩ như vậy rồi liền đến chỗ Ta, đảnh lễ sát chân Ta rồi ngồi sang một bên và bạch rằng: "Kính bạch Thế Tôn! Con một mình ở nơi yên vắng, thiền đinh tư duy rồi suy nghĩ như vay: 'Người có một nửa Phạm hạnh cũng là thiện tri thức, là bạn bè tốt, chẳng phải là ác tri thức, chẳng phải là bạn bè xấu.'" Lúc ấy Ta bảo rằng: "A-nan! Chớ nói những lời như vầy: 'Người có một nửa Phạm hạnh cũng là thiện tri thức, là bạn bè tốt, chẳng phải là ác tri thức, chẳng phải là bạn bè xấu/Vì sao? Bởi vì người có Phạm hạnh trong sạch, thuần nhất thanh tịnh mới chính là thiện tri thức, là bạn bè tốt, chẳng phải là ác tri thức, chẳng phải là bạn bè xấu. Vì sao như vậy? Như Lai luôn vì các chúng sanh mà làm thiện tri thức. Vì những chúng sanh này có [pháp] sanh, thế nên giáo pháp Thế Tôn, thiết thực hiện tại, giúp họ thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não, lìa mọi nóng bức, không đợi thời gian, được thoát khổ não, hiện đời thông đạt, tự mình chứng tri. Đó chính là thiện tri thức, là bạn bè tốt, chẳng phải ác tri thức, chẳng phải bạn bè xấu." Bay giơ, The Ton liên noi kẹ: Khen ngợi không buông lung, Đó là chánh giáo Phật, Tu thiền không buông lung, Mau đạt được lậu tận. Đức Phật nói kinh này xong, Vua Ba-tư-nặc nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ rồi đảnh lễ ra về.

*** 1239. SỞ NGUYỆN VÀ KHÔNG BUÔNG LUNG49 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

47 Nguyên tác: Sanh pháp (.jātidhammā), thuộc về những pháp được sanh ra. 48 Đoạn kinh này xuất hiện trong kinh số 726; Tạp.(r02. 0099.726. 0195b 10). 49 Tựa đề đặt theo nội dungkinh. Tạp.(T.02.0099.1239. 0339Ồ13). Tham chiếu: Dụ kỉnh (roi. 0026.141. 0647018); Biệt Tạp. B(r.02. 0101.66. 0396b08);S 3.17-1. 195; 5. 45.141-148 - V. 44-5..



Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc ngồi một mình ở nơi yên vắng, tư duy và suy nghĩ như vầy: “C6 một pháp nào mà được tu tập và tu tập thuần thục thì trong hiện tại được sở nguyện đầy đủ? ở đời sau cũng được sở nguyện đầy đủ kh6ng?“ Suy nghĩ như vậy rồi, vua liền đi đến chỗ Phát, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: - Kính bạch Thế Tôn! Con ngồi một mình ở nơi yên vắng tự suy nghĩ: “C6 một pháp nào mà được tu tập và tu tập thuần thục thì trong hiện tại được sở nguyện đầy đủ, ở đời sau cũng được sở nguyện đầy đủ không?95 Phật bảo Vua Ba-tư-nặc: Đúng vậy, Đại vương! Đúng vậy, Đại vương! Có một pháp mà được tu tập và tu tập thuân thục thì trong hiện tại được sở nguyện đây đủ5 ở đời sau cũng được sở nguyện đầy đủ. Đó là pháp lành không buông lung. Pháp lành không buông lung này mà được tu tập, tu tập thuần thục thì trong đời hiện tại được sở y A nguyện đây đủ, ở đời sau cũng được sở nguyện đây đủ. Này Đại vương! Ví như mọi công việc ruộng đồng50 trên thế gian thì hết thảy chúng đều phải nương trên đất để thực hiện. Pháp lành không buông lung cũng lại như vậy. Tu tập và tu tập thuần thục pháp lành này thì trong hiện tại y y *e được sở nguyện đây đủ, đời sau cũng được sở nguyện đây đủ, sở nguyện cả đời này và đời sau đều được đầy đủ. Như sức mạnh của không buông lung,51 cũng vậy, hạt giống, gốc rễ vững chắc, các loài đi trên đất liền hay dưới nước, sư tử, nhà cửa... cũng nói như vây. Thế nên, Đại vương! Hãy trụ vào không buông lung, nên nương vào không buông lung. Sau khi trụ vào không buông lung, nương vào không buông lung thì phu nhân sẽ suy nghĩ: “Dại vương đã trụ vào không buông lung, nương vào không buông lung, nay ta cũng nên như vậy, trụ vào không buông lung, nương vào không buông lung." Phu nhân đã thực hành như vậy thì đại thần, thái tử, dũng tướng cũng thực hành theo như vậy. Thấy vậy, dân chúng trong nước cũng sẽ nghĩ: "Dại vương đã trụ vào không buông lung, phu nhân, đại thần, thái tử, dũng tướng đã trụ vào không buông lung, nương vào không buông lung, chúng ta cũng thực hành như vậy. Nên trụ vào không buông lung, nương vào không buông lung." Và này Đại vương! Nếu người nào trụ vào không buông lung, nương vào không buông lung thì có khả năng tự bảo hộ. Phu nhân, thể nữ cũng có thể tự bảo hộ và kho tàng của báu sẽ tăng lên thật nhiều.

50 Nguyên tác: Thô nghiệp fi :Việc của nhà nông . 51 Nguyên tác: Như lực .Tham chiếu: Tăng.T.02. 0125.35.4. 0699b 11: Thế nào là nhất lực? Đó là sức mạnh của không phóng dật .

Ạ _ • \ _ Ạ nnl r-jn 1• À r • 1 A Bay giơ, The Ton liên noi kẹ: Ca ngợi không buông lung, Chê bai sự buông lung, Đế-thích không buông lung, Làm vua trời Đao-lợi. Ca ngợi không buông lung, Chê bai sự buông lung, Đầy đủ không buông lung, Tóm thâu cả hai nghĩa. Hiện tại được lợi ích, Đời vị lai cũng vậy, Gọi là bậc tỏ ngộ,52 Với trí tuệ thâm sâu. Đức Phật nói kinh này xong, Vua Ba-tư-nặc nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi lui ra. *** 1240. BA PHÁP KHÔNG ĐƯỢC YÊU MẾN53 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rưng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. J J Bây giờ, Vua Ba-tư-nặc ngôi một mình ở nơi yên văng tư duy và suy nghĩ như vầy: “C6 ba pháp mà tất cả thế gian không yêu mến. Là ba pháp nào? Đó là già, bệnh, chết. Ba pháp đó tất cả thế gian không hề yêu mến. Nhưng nếu không có ba pháp mà thế gian không yêu mến này thì chư Phật, Thế Tôn cũng không xuất hiện ở đời và thê gian cũng không biêt có pháp mà chư Phật, Như Lai đã giác ngộ rồi vì người diễn nói rộng rãi. Do có ba pháp mà tất cả thế gian không yêu mến là già, bệnh, chết nên chư Phật, Như Lai mới xuất hiện ở đời và thế gian mới biết có pháp mà chư Phật, Như Lai đã giác ngộ rồi vì người diễn nói rộng ri."Suy nghĩ xong, Vua Ba- tư-nặc liền đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Ngài roi ngôi sang một bên và đem những điêu suy nghĩ kia bạch Thê Tôn. Phật bảo Vua Ba-tư-nặc: Đúng vậy, Đại vương! Đúng vậy, Đại vương! Có ba pháp mà the gian không yêu mên, đó là già, bệnh, chét... (cho đên) thê gian biêt có pháp mà chư Phật, Như Lai đã giác ngộ rồi vì người diễn nói rộng rãi. Bay giơ, The Ton liên noi kê: Dù xe báu của vua, Cuối cùng cũng hư ho Thân thể này cũng vậy, Sẽ ngày càng già suy. Chỉ Chánh pháp Như Lai, Không có tướng suy già, Vâng giữ Chánh pháp này, Luôn đến nơi an ổn. Phàm phu lúc già suy, Thân hình càng xấu xí, Suy già đến tàn lụi, Tâm phàm ngu mịt mù.

52 Nguyên tác: Vô gián đẳng ().Xem chú thích 60, kinh số 23, quyển l, tr. 21; Tạp.(r02. 0099.23. 0005b03). 53 Tựa đề đặt theo nội dung kỉnh. Tạp.(T.02. 0099.1240. 0339cl9). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 010067. 0397a09); Tăng.(7.02. 0125.26.6. 0637al8); s. 3.3 . L 163.



Như người sống trăm tuổi, Thường lo chết gần kề, Vì già bệnh tranh nhau, Luôn rình rập làm hại. Đức Phật nói kinh này xong, Vua Ba-tư-nặc nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi lui ra.54

54 Bản Hán, hết quyển 46.



QUYỂN 47 1241. NHÂN TỐ SANH THIÊN1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, trưởng giả cấp Cô Độc đi đến chỗ đức Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: Kính bạch Thế Tôn! Nếu như những người ở trong nhà của con đều có niềm tin thanh tịnh thì sau khi qua đời họ đều được sanh lên cõi trời. Phật dạy: Lành thay! lành thay! Trưởng giả! Đây là lời nói thâm diệu, là sự xác tín vững chắc12 khi ông ở giữa đại chúng đã rống lên tiếng rống sư tử, rằng: "Những người ở trong nhà của con đều có niềm tin

thanh tịnh thì sau khi qua đời họ đều được sanh lên cõi trời.” Vậy có vị Tỳ-kheo thần thông lớn nào đã nói với ông z L e e e y . răng: “Bát cứ người nào ở trong nhà ông sau khi qua đời đêu được sanh lên cõi trờr không? J J Trưởng giả bạch Phật: - Thưa không, bạch Thế Tôn! Đức Phật lại hỏi: -Vậy có Tỳ-kheo-ni, hoặc chư thiên nào đã nói, hay ông nghe trực tiếp từ Ta chăng? Trưởng giả bạch Phật: -Thưa không, bạch Thế Tôn! Đức Phật lại hỏi:  Thế nào, trưởng giả? Hay ông dựa vào thấy biết của mình để mà xác tín những người ở trong nhà ông sau khi qua đời đều được sanh lên cõi trời? Trưởng giả bạch Phật:  Thưa không, bạch Thế Tôn!

1Tựra đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1241. 0340c20). 2Nguyên tác: Nhất hướng thọ ().Nhất hướng ( ekantà)-. Chác chắn, chắc thật, xác thật. Thọ (S, samādāya)'. Thọ trì.



Phật bảo trưởng giả:  Ông đã không nghe điều này từ vị Tỳ-kheo có thần thông lớn, cũng không phải nghe từ Tỳ-kheo-ni? không phải từ chư thiên, lại không phải trực tiếp nghe Ta nói, cũng không phải dựa vào thấy biết của mình để xác tín: "Những người ở trong nhà của con đều có niềm tin thanh tịnh thì sau khi qua đời họ đều được sanh lên cõi trời." Vậy hôm nay do đâu mà ông dám nói lên lời thâm diệu như vậy, là sự xác tín vững chắc khi ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử, rằng: "Bát cứ người nào ở trong nhà con sau khi qua đời đều được sanh lên cõi trời7,5 Trưởng giả bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Không có vị Tỳ-kheo thần thông lớn nào đến nói với con... (nói đầy đủ như trên, cho đếrỉ) tất cả đều sanh lên cõi trời. Kính bạch Thế Tôn! Nhưng khi con thấy có người mang thai, con liền chỉ bày cho họ nên vì con của mình mà quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tỳ-kheo-tăng. Sau khi đứa bé ra đời, con lại khuyên họ cho quy y Tam bảo. Đen khi đứa trẻ hiểu biết con lại dạy nó giữ giới. Nêu thây những nô tỳ, tôi tớ, người tháp kém, hoặc người ở trọ nào mang thai và sanh con, con cũng chỉ bày như vậy. Nếu thấy có người bán tôi tớ, con liền đến nói với họ rằng: "Hiền giả, tôi muốn mua người, nhtrng anh nên quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo-tăng và giữ gìn câm giói." Nêu người ấy làm theo lời con dạy, thọ trì năm giới thì sau đó tùy theo giá cả mà con mua, nếu không làm theo lời con dạy thì con không mua. Hoặc có người đến xin ở trọ hoặc đến xin làm thuê, trước tiên con cũng yêu cầu quy y Tam bảo và giữ năm giới rồi sau đó con mới nhận họ. Hoặc lại có người đen xin làm đệ tử, hay đến xin vay trả lãi thì con cũng đều yêu cầu quy y Tam bảo và giữ năm giới roi sau đó mới chấp nhận. Lại nữa, khi nhà con cúng dường Phật và Tỳ-kheo-tăng thì đều đọc tên cha mẹ, anh em, vợ con, thân tộc, bạn bè, quốc vương, đại thần, chư thiên, long thần, hoặc kẻ còn người mất, Sa-môn hay Bà-la-môn, nội ngoại quyến thuộc cho đến kẻ tôi tớ? con đều chú nguyện cho họ. Hơn nữa, con được nghe The Tôn dạy nhờ nhân duyên xưng tên chú nguyện đều sẽ được sanh lên cõi trời. Hoặc nhờ phước bố thí ruộng vườn, nhà cửa, giường nằm hoặc nương vào phước thường bố thí, như bố thí cho người đi đường, thậm chí bố thí cho chúng sanh một nắm thức ăn, nhờ những nhân duyên này đều được sanh lên cõi trời. Phật bảo:  Lành thay, lành thay, trưởng giả! Ông nhờ lòng tin nên nói được những lời như vậy. Như Lai có tri kiến vô thượng nên biết rõ mọi người ở

trong nhà ông sau khi qua đời đều được sanh lên cõi trời. Bấy giờ, trưởng giả cấp Cô Độc nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi lui ra. ***

1384 KINH TẠP A-HÀM ----------

1242. TÂM CUNG KÍNH3 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. _ ỉ _ _ _ Bây giờ, Thê Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nên sống với tâm cung kính. Hãy luôn kiểm thúc tâm. Phải thường có tâm kính phục và thận trọng. Hãy nương theo các bậc thượng tọa, trung tọa và hạ tọa để tùy nghi tu Phạm hạnh. Vì sao như vậy? Vì nếu có Tỳ-kheo sống không cung kính, không kiểm thúc tâm, không có tâm kính phục và thận trọng, không nương theo các bậc Thượng tọa, trung tọa và hạ tọa để tùy nghi tu Phạm hạnh mà muốn được đầy đủ các oai nghi thì thật là vô lý. Nêu không đầy đủ oai nghi mà muốn giới pháp4 viên mãn thì thật là vô lý. Nếu giới pháp không viên mãn mà muốn có đầy đủ giới thân, định thân, giải thoát thân, giải thoát tri kiến thân thì cũng thật là vô lý. Nêu giải thoát tri kiên thân không đây đủ mà muôn được Vô dư Niết-bàn thì thật là vô lý. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Các thầy phải chuyên cần cung kính, thường kiểm thúc tâm, phải có tâm kính phục và thận trọng, nương theo công đức? uy lực của các bậc thượng tọa, trung tọa và hạ tọa đe tu Phạm hạnh thì oai nghi được đầy đủ? điều này là chân thật. Nấu oai nghi đã đày đủ thì giới pháp sẽ đầy đủ, điều này là chân thật. Nếu giới pháp đã đầy đủ rồi thì giới thân, định thân, tuệ thân, giải thoát thân, giải thoát tri kiến thân đều đầy đủ, việc này là chân thật. Nếu giải thoát tri kiến thân đã đầy đủ rồi thì đạt được Vô dư Niết-bàn? điều này là chân thật. The nên, này các Tỳ-kheo! Các thầy phải chuyên cần cung kính, luôn kiểm thúc tâm, phải có tâm kính phục và thận trọng, nương theo công đức, uy lực của các bậc thượng tọa, trung tọa và hạ tọa để tu Phạm hạnh thì oai nghi được đầy đủ... (cho đến) được Vô dư Niết-bàn. Hãy nên học tập như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 1243. HAI PHÁP Hộ TRÌ THẾ GIAN5 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ.

^ưa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.1242. 0340c03). Tham chiếu: Cung kỉnh kinh (roi. 0026.48. 0486C21); A. 5.22 - III. 14. 4 Nguyên tác: Học pháp (,sMĩcirụ dhammarri). 5 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02 0099.1243. 0340c22). Tham chiếu: Tăng.(7.02. 0125.18.1. 0881b07); Thát xứ tam quản kỉnh (7.02. 0150A.40. 0881b07);4 2.9 - L 51.

QUYỂN 47 $ 1385

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo: Có hai pháp thanh tịnh có thể hộ trì thế gian. Là hai pháp nào? Đó là tâm biết hổ và biết thẹn. Giả sử không có hai pháp thanh tịnh này thì thế gian không có tôn ti, thứ tự giữa cha mẹ, anh em, chị em, vợ con, thân quyến, sư trưởng, hết thảy đều điên đảo hỗn loạn như loài súc sanh. Nhờ có hai pháp biết hổ và biết thẹn mà thê gian biêt có tôn ti, thứ tự giữa cha mẹ... (cho đên) sư trưởng, không hỗn loạn như loài súc sanh. Bay giơ Thê Tôn liên nói kệ: Nêu thế gian không có, Hai pháp hổ và thẹn, Sẽr trái đạo thanh tịnh, r Hướng sanh, già, bệnh, chết. Nêu thê gian

thành tựu, Hai pháp hổ và thẹn, Tăng trưởng đạo thanh tinh, Đóng kín cửa tử sanh. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 1244. PHÁP ĐỐT CHÁY6 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo:  Có pháp đốt cháy và pháp không đốt cháy. Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ kỹ! Như Lai sẽ giảng nói cho các thầy. Thế nào là pháp đốt cháy? Nếu người nam hay người nữ nào phạm giới, hành pháp xâu ác, bát thiện, thân làm các việc ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điêu ác thì về sau người ấy sẽ bi bệnh tật khốn khổ, nằm liệt trên giường, chiu nhiều đau đớn. Bấy giờ, tất cả những việc làm ác trước kia người ấy đều nhớ lại hết. Giống như ngọn núi lớn che khuất ánh mặt trời phía Tây.7 Cũng vậy, chúng sanh trước kia thân, miệng, ý nghiệp đã tạo những việc xấu ác và các pháp bất thiện, đến lúc lâm chung thì tất cả việc ác ấy đều hiện ra. Lúc này tâm sanh hối hận, than rằng: “Than ôi! Trước kia ta không biết tu thiện, chỉ làm việc ác, nên sẽ đọa vào đường dữ, chiu nhiều khổ đau?9 Sau khi nhớ lại rồi, tâm bị đốt cháy, tâm sanh hối hận. Khi tâm sanh hối hận nên lâm chung với tâm bất thiện, đời sau tâm bất thiện lại tiếp tục sanh. Đó gọi là pháp đốt cháy.

6 Tựa đề đặt dựa theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1244. 0341a06). Tham chiếu: Si tuệ địa kỉnh ếS(r.Òl. 0026.199. 0759al9). Nguyên tác: Thí như đại sơn nhật tây ảnh phú ().Tham chiếu: Sỉ tuệ đỉa kinhj^ (roi. 0026.199. 0759ỒỒ28): Du như bổ thời, nhật hạ cao sơn, ảnh huyền hướng tại địa ( ,ĩ.



Thế nào gọi là pháp không đốt cháy? Nấu người nam hay người nữ nào thọ trì tinh giới, tu pháp chân thật, thân thành tựu nghiệp thiện, miệng thành tựu nghiệp thiện, ý thành tựu nghiệp thiện, khi lâm chung tuy thân gặp phải khô nạn, nằm liệt trên giường bệnh, thân thể chịu nhiều đau đớn, nhưng tâm người ấy nhớ lại pháp thiện trước kia đã tu, thân, miệng và ý đã thành tựu thiện hạnh. Bấy giờ, nhờ duyên theo những pháp thiện, người ấy nghĩ rằng: "Thân, miệnẹ và ý của ta đã làm các việc thiện, không làm các điều ác, nhất định sẽ sanh vê cõi lành, không đọa vào đường ac?9 Nghĩ như vậy rồi, tâm người kia không hối hận. Do tâm không hối hận nên lâm chung với thiện tâm, qua đời sau tâm thiện vẫn tiếp tục sanh. Đó gọi là pháp không đốt cháy. Ấ • \ r-pi Á rp A 1 • À r • 1

Bay giơ, The Ton liên noi kẹ: Đã gieo nghiệp đốt cháy, Thường sống trong phi pháp, Rồi tạo bao nghiệp ác, Nhất đinh đọa địa ngục. Đẳng Hoạt va Hác Thang, Chúng Hợp, hai Khiếu Hô, Thiêu Nhiên, Cực Thiêu Nhiên, Đại địa ngục Vô Trạch. Tám địa ngục lớn ấy, Thống kho khó vượt qua, Bao nhiêu thứ ác nghiệp, Mỗi thứ mười sáu chỗ. Bốn bên mở bốn cửa, Khoảng giữa lượng bằng nhau, Xung quanh toàn vách sắt, Bốn cửa cũng bằng sắt. Đất bằng sắt cháy đỏ, Ngọn lửa lan khắp nơi, Ngang dọc trăm do tuần, Hừng hực không đoạn dứt. Điều phục người làm ác, Trừng tri kẻ cang cường, Mãi chiu những cực hình, Khổ này khó thấy được. Người thấy sanh sợ hãi, Run sợ, lông dựng đứng, Khi đọa địa ngục này, Đau chúc xuống, chân trên. Đối các bậc Hiền thánh, Tâm nhu hòa chánh trực, Người tu hành Phạm hạnh, Tâm khinh khi, trái đạo, Và sát hại chúng sanh, Đọa

địa ngục nóng này. Thân quan quại trong lửa, Giống như cá bị nướng, Đau đớn, khóc kêu la, Như tiếng đàn voi chiến, Lửa lớn tự nhiên sanh, Là do nghiệp của chúng. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 1245. BUÔNG Bỏ VIỆC Ác8 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. 8 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.1245. 0341bl7). Tham chiếu: A. 3.17 - L 114.



Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: —Người nào buông bỏ được việc ác nơi thân thì có thể đoạn trừ những việc ác nơi thân. Người nào không đoạn trừ được những việc ác nơi thân thì Ta không nói người đó buông bỏ được những việc ác nơi thân. Do vì người kia có thể đoạn trừ được những việc ác nơi thân, thế nên Ta nói người đó buông bỏ được những việc ác nơi thân. Thân làm việc ác thì không đem lại lợi lạc cho chúng sanh. Lìa bỏ việc ác nơi thân, nhất định sẽ được lợi ích an lạc. Thế nên Ta nói hãy buông bỏ những việc ác nơi thân. Miệng và ý làm những việc ác (cũng nói đầy đủ như trên).

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

1246. LUYỆN VÀNG9 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại trú xứ của người thợ kim hoàn trong thành Vương Xá. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo:  Cũng như người thợ luyện vàng, gom quặng vàng gồm lẫn đất cát bỏ vào máng rồi đãi, sau đó dùng nước đãi những tạp chất, đá cứng, đá vụn theo nước trôi di, nhưng vẫn còn cát thô bám chặt. Lại dùng nước đãi tiếp, để những hạt cát thô ấy theo nước trôi đi thì mới còn lại vàng sa khoáng, nhimg vẫn còn cát min và đất đen bám dính. Lại dùng nước đãi thêm nữa để những hạt cát mịn và đất đen theo nước trôi di, khi ấy mới còn lại vàng thô thuần tịnh không tạp, nhưng vẫn còn cáu bợn rất nhỏ tương tự như vàng. Sau đó, người thợ vàng lại đem nó bỏ vào lò, dùng ông thôi lửa cho mạnh nâu tan chảy thành chát lỏng, loại bỏ hết cáu bợn, nhưng vàng thô vẫn chưa nhẹ, chưa mềm, chưa phát ánh sáng, gấp lại, kéo ra còn bị gãy. Người thợ luyện vàng hoặc người học trò học nghề luyện vàng lại phải bỏ vào lò, dùng ống thổi lửa cho mạnh, nấu chảy tinh luyện nhiều lần, lật qua trở lại sau đó vàng ròng mới nhẹ mềm, trở thành bóng loáng, gấp, kéo không bị đứt, có thể tùy ý làm đủ loại đồ trang sức như trâm, dây chuyền, nhẫn, xuyến. Tỳ-kheo tu tập tiến đến tinh tâm cũng giống như vậy, dần dần đoạn trừ những phiền não thô xấu đang quấn chặt, những nghiệp ác, bất thiện, những tà kiến xấu xa... dần dần khiến chúng bị diệt trừ, giống như muốn được vàng thô thì phải loại bỏ lớp đá cuội đất sét.

9 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1246. 0341Ồ25). Tham chiếu: s. 46.33 - v. 92; A. 3.101 - i. 253;/ 5.23- III. 16.



Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập tiến đến tịnh tâm phải đoạn trừ tiếp những cáu bẩn thô trọng như dục tầm, sân tầm và hại tầm.1011Cũng như vàng sa khoáng đã được loại bỏ cát

sạn thô cứng. Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập tiến đến tịnh tâm phải tiếp tục loại bỏ những cáu bẩn vi tế, đó là những suy tưởng về thân tộc, suy tưởng về loài người, suy tưởng về sanh thiên, phải tư duy để diệt trừ chúng, cũng như vàng thô kia được loại bỏ bụi bẩn, cát mịn, đất đen. Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập tiến đến tinh tâm, khi có tưởng niệm về thiện pháp11 cũng phải tư duy trừ diệt để tâm được thanh tinh. Cũng như vàng thô được loại bỏ đi những cáu bân có màu như vàng ròng, đê trở thành thuần tịnh. Lại nữa, Tỳ-kheo có sự dụng công và giữ gìn12 đối với các tam-muội? cũng giống như ao nước có bờ giữ chung quanh. Còn có pháp đê giữ gìn thì chưa được tịch tĩnh, thắng diệu, chưa được sự an lạc của khinh an và diệt trừ các hữu lậu. Như thầy trò thợ vàng đãi lọc vàng thô loại bỏ những cáu bẩn, nhưng chưa nhẹ, chưa mềm, chưa trở thành bóng loáng, cuốn vào kéo ra còn bị gãy, nên không thể làm đồ trang sức theo ý muốn được. Lại nữa, Tỳ-kheo khi đã chứng đắc các tam-muội, không còn có sự dụng công giữ gìn, đạt được tịch tĩnh thắng diệu, được con đường dẫn đến an lạc của khinh an, chuyên tâm nhất ý? diệt tận các hữu lậu. Như thầy trò thợ vàng luyện lọc vàng ròng cho đen khi trở nên nhẹ, mem, bóng loáng, có the cuốn vào kéo ra tùy theo ý muốn. Lại nữa, Tỳ-kheo lìa các giác và quán, (cho đến) chứng đắc Thiền thứ hai, Thiền thứ ba, Thiền thứ tư, chánh định như vậy thuần nhát thanh tịnh, lìa các phiền não, nhu nhuyến, chân thật, bất động. Đối với bốn định ở cõi Vô sắc13 mà mong cầu chứng đắc thì hết thảy đều được chứng đắc. Như thợ vàng, luyện lọc vàng ròng đến mức nhẹ, mềm, bóng loáng, không gãy, muốn làm các món trang sức tùy theo ý muôn. Cũng vậy, Tỳ-kheo chứng nhập tam-muội chánh thọ... (cho đến) đối với bốn đinh ở cõi Vô sắc thì đều có thể tác chứng được. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành. *** l? Nguyên tác: Tham giác (),sân giác ()hại giác ().Đây gọi là 3 bất thiện tầm, 3 tư duy tam cau bất thiện, gồm có tham muốn, thù hận va ý nghĩ ác hại. 11 Nguyên tác: Hữu thiện pháp giác ().Giác ()chỉ cho suy tầm (vitakkā), là sự suy tầm về thiện pháp mà ở đây chính là 3 thiện tâm (kusalavitakkā). G6m:,(i) Xuất ly tầm (nekkhammavitakkă): Sự suy nghĩ ly dục, sự suy nghĩ không dính mắc, không thammuốn. (ii) Vô sân tầm (abyāpādavitakko): Sự suy nghĩ không phiền muọn, sự suy nghĩ với tâm tư. (iii) Bất hại tam (avihirnsavitakko): Sự suy nghĩ không mưu hại người, sự suy nghĩ liến hẹ tâm bi. A. 6.108 - III. 446. J 12 Nguyên tác: Hữu hành sở trì ()Có sự dụng công và giữ gìn. Tham chiếu: A. 9.37 - IV. 426: Sasañkhāraniggayhavāritagato (do hữu hành nhiếp phục), HT. Thích Minh Châu dịch. ^Nguyên tác: Bỉ bỉ nháp),chỉ cho 4 định ở cõi Vô sắc, như Không vô biên xứ ( ỈÊặ), Thức vô biên xứ (),Vô sở hữu xứ ()và Phi tưởng phi phi tưởng xứ ( ).

QUYỂN 47 1389

1247. Tư DUY BA TƯỚNG14 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Phải nên chuyên tâm tinh tấn, tùy thời tư duy về ba tướng. Là ba tướng nào? Đó là tùy thời tư duy ve tướng vang lặng, tùy thời tư duy về tướng hưng khởi, tùy thời tư duy về tướng buông xả.15 Nếu Tỳ-kheo chỉ chuyên nhất tư duy tướng vắng lặng thì lúc ấy tâm trở nên thụ động. Nếu chỉ chuyên nhất tư duy tướng hưng khởi thì lúc này tâm trạo cử, tán

loạn khởi lên. Nếu chỉ chuyên nhất tư duy tướng buông xả thì lúc này tâm không được chánh định để diệt tận các hữu lạu. Nhưng nếu Tỳ-kheo kia biết tùy thời tư duy tướng vắng lặng, tùy thời tư duy tướng hưng khởi, tùy thời tư duy tướng buông xả thì tâm được chánh định và diệt tận các hữu lậu. Cũng như thầy trò người thợ vàng, đem vàng thô bỏ vào trong lò rồi cho tăng lửa, tùy thời bóp túi da để thổi lửa, tùy thời dội nước, tùy thời ngưng lửa và nước. Nếu chỉ một mực bóp túi da để tăng lửa thì lúc này vàng thô sẽ tiêu tan hết. Nấu chỉ một mực dội nước thì vàng thô trở thành chai cứng, còn như ngưng cả hai thì vàng thô không luyện thành, không the sử dụng được. Thê nên thây trò thợ vàng giỏi thì phải biêt lúc nào nên bóp túi da để tăng lửa, lúc nào nên dội nước và biết lúc nào nên ngưng cả hai thì vàng thô mới luyện thành đúng mức, tùy ý làm nhiều loại trang sức. Cũng vậy, Tỳ- kheo! Chuyên tâm tinh tan thường xuyên tư duy niệm tưởng ba tướng... (cho đến) lậu tận. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

1248. PHƯƠNG PHÁP CHĂN BÒ16 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Bây giơ, The Ton bao các Ty-kheo: -Thời quá khứ, có người chăn bò mê mờ, thiêu trí tuệ ở nước Ma-kiệt-đê. Vào cuối hạ đầu thu, [người ấy] không khéo quán sát bờ bên này sông Hằng, cũng không quán sát kỹ bờ bên kia sông Hằng mà lùa bầy bò xuống bờ sông

14 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.1247. 0342a03). Tham chiếu: A. 3.102 - L 256. 15 Nguyên tác: Chỉ tướng, cử tưởng, xả tướng ( Chúng tập kinh (roi. 0001.09. 0050b02):().A. 3.102 - L 256: Samādhinimitta, paggahanimitta, upekkhanimỉtta (định tướng, tinh tân tướng, xả tướng). 16 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02.0099.1248.0342a22). Tham chiếu: M. 34, Cūlagopālaka Sutta (Tiểu kinh người chăn bò); Tăng.(r02. 0125.43.6. 0761bl4).



dựng đứng, hoặc lùa bò lên bờ sông dựng đứng, hoặc lội qua giữa dòng nước xiết nên gặp phải nhiều tai nạn. Này các Tỳ-kheo! Thời quá khứ, tại nước Ma-kiệt-đề có người chăn bò không mê muội, không si mê, có trí tuệ, có phương pháp. Cuối hạ đầu thu, [người ấy] khéo léo quán sát bờ bên này sông Hằng và quán sát kỹ bờ bên kia sông Hằng, khéo lùa bò qua sông, đến thung lũng bằng phẳng rộng rãi, nơi có cỏ tươi, nước sạch. Khi bắt đầu lùa bò qua sông, trước tiên người ấy lùa những con bò lớn có khả năng dẫn đàn để chặn bớt dòng nước đang chảy xiết kia, tiếp theo là những con bò trẻ sung sức và sau cùng là những con bò nhỏ gầy yếu đi phía dưới dòng nước. Nhờ vậy mà tất cả đều lần lượt qua sông an ổn. Những con bê mới sanh đang còn quyến luyến bên mẹ cũng theo sau mẹ qua được bờ kia. Cũng vậy, này Tỳ-kheo! Ta nói ví dụ đó để các thầy hiểu về ý nghĩa này: Người chăn bò ngu muội vô trí ở nước Ma-kiệt-đề là dụ cho nhóm lục sư ngoại đạo như Phú-lan-na... cũng giống như vậy, luôn hành theo những tà kiến, hướng đến đường tà. Giống như người chăn bò mê muội vô trí kia, vào cuối hạ đầu thu không quán sát kỹ bờ bên này, bờ bên kia, không quán sát kỹ núi cao hiểm trở mà lùa bò xuống bờ dốc, lên bờ dốc hoặc xua bò ra giữa dòng nước xiết nên gặp phải nhiều tai nạn. Cũng vậy, các lục sư ngoại đạo như Phú-lan-na... mê muội,

thiếu hiểu biết, không biết xem xét bờ bên này là chỉ cho đời này, không biết xem xét bờ kia là chỉ cho đời khác; nước xoáy ở giữa dòng là chỉ cho các ma cảnh nên tự họ phải chuốc những khô nạn ây. Những tà kiên kia và những sở học được huân tập đều dẫn đến các hoạn nạn. Còn người khéo chăn bò nước Ma-kiệt-đề không ngu muội, không mê mờ, có trí tuệ, có phương pháp, là chỉ cho đức Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Như người chăn bò quán sát kỹ bờ bên này, quán sát kỹ bờ bên kia để lùa bò qua sông, đên thung lũng băng phăng rộng rãi thì trước tiên phải lùa những con bò lớn có khả năng làm đầu đàn để chăn ngang dòng nước đang chảy xiết, an ổn qua bờ kia. Cũng vậy, hàng đệ tử của Ta có khả năng diệt sạch các lậu... (cho đên) tự biêt không còn tái sanh, căt ngang dòng tham dục thê gian của Ac ma, an ổn vượt qua dòng sanh tử, đến được bờ kia. Như người khéo chăn bò nước Ma-kiệt-đề, tuần tự ở lần thứ hai, sẽ lùa những con bò trẻ sung sức, cắt ngang dòng nước mà qua. Cũng vậy, các hàng đệ tử của Ta đoạn tận năm hạ phần kiết sử, chứng quả A-na-hàm, không thọ sanh trở lại cõi này nữa, đồng thời cũng cắt đứt dòng tham dục của Ác ma, an ổn vượt qua dòng sanh tử, đến được bờ kia. Như người khéo chăn bò nước Ma-kiệt-đề? tiếp theo ở lần thứ ba, sẽ lùa bầy bò nhỏ yếu theo phía dưới dòng và cũng vượt qua sông được an ổn. Cũng vậy, hàng đệ tử của Ta đã đoạn ba kiết sử, giảm thiểu tham, sân, si, chứng quả Tư-đà-hàm? chỉ còn trở lại cõi này một lần nữa là chấm dứt khổ đau, cắt ngang dòng tham dục của Ác ma, an ổn vượt qua dòng sanh tử, để sang bờ kia.



Như người khéo chăn bò ở nước Ma-kiệt-đề có thể đưa những con bê mới sanh đang còn theo mẹ chúng, vượt sông an ổn. Cũng vậy, hàng đệ tử của Ta đã đoạn trừ ba kiết sử, chứng quả Tu-đà-hoàn, không còn rơi vào đường ác, quyết định hướng thăng đến Vô thượng Chánh giác, chỉ còn bảy lần tái sanh vào cõi trời, cõi người là vượt thoát khổ dàu, cắt đứt dòng tham dục của Ác ma, an ổn vượt qua dòng sanh tử, đến bên bờ kia. Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ: Đời này và đời sau, Bậc trí khéo hiển bày, Điều ma cầu5 chưa được, Thậm chí cả tử ma. Bậc trí biết tất cả, Bằng Phật trí tròn đầy, Cắt đứt các dòng ma, Phá9 trừ làm tan rã. Khai mở cửa giải thoát, Hiên bày đạo chánh chân, Tâm thường đầy hân hoan, Đạt đến nơi an ổn. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 1249. MƯỜI MÔT PHÁP CHĂN BÒ17 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giờ, The Ton bảo các Tỳ-kheo:  Nếu người chăn bò thành tựu mười một pháp này thì không bao giờ nuôi lớn đàn bí), cũng không thể bảo vệ được đàn bò của mình, khiến chúng được an ổn. Là mười một pháp nào? Đó là, người chăn bò không phân biệt được màu sắc của chúng, không biết tướng của chúng, không biết trừ khử ruồi nhặng, không biết chăm sóc vết thương, không biết tùy thời xông khói, không biết chọn đường di, không biết chọn chỗ nghỉ, không biết chỗ qua sông, không biết chỗ cho ăn? vắt cạn kiệt sữa, không biết chăm sóc con đầu đàn. Nếu hội đủ mười một pháp này thì không the bảo vệ và nuôi lớn đàn bò. Cũng vậy, nếu Tỳ-kheo thành tựu mười một pháp này thì chính mình không được an lạc, cũng không the giúp người khác an lạc. Là mười một pháp nào? Đo là Tỳ-kheo không biết rõ về sắc, không hiểu rõ về tướng, không biết trừ khử ruồi nhặng, không biết chăm sóc vết thương, không biết tùy

thời xông khói, không biết chọn đường đi, không biết chọn chỗ nghỉ, không biết chỗ qua sông, không biết chỗ cho ăn5 vắt cạn kiệt sữa, hoặc nếu có Thượng tọa trưởng lão đa văn, tu Phạm hạnh lâu, được Đại sư khen ngợi, lại không hướng đến các vị tu

17 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1249. 0342c 11). Tham chiếu: Phóng ngưu kỉnh (r.Ò2. O123.*O546al3); Tăng.(r.02. 0125.49.1. 0794a07); Đại trí độ luân (T.25. 1509.2. 0074a23); M. 33, Mahāgopālaka Sutta (Đại kỉnh người chăn bò); A. 11.17 - v. 347.



Phạm hạnh có trí tuệ để khen ngợi đức độ của vi ấy, khiến tất cả tôn kính, phụng sự, cúng dường. Thế nào là khônệ biết rõ về sắc? Đó là Tỳ-kheo không biết như thật tất cả các chủnệ loại sắc đêu thuộc bốn đại và do bốn đại tạo thành. Như vậy gọi là không biêt rõ về sắc. Thế nào là không biết rõ về tướng? Đó là Tỳ-kheo không biết như thật nghiệp tướng của người ngu, nghiệp tướng của người trí. Như vậy gọi là không biêt ro về tương. Thế nào là không biết trừ khử ruồi nhặng? Đó là khi Tỳ-kheo có vọng tưởng tham dục18 khởi lên thì lại chấp nhận, không xa lìa, không tỉnh giác, không trừ diệt. Khi vọng tưởng sân hận,19 não hại20 khởi lên thì lại chấp nhận, không xa lìa, không tỉnh giác, không trừ diệt. Như vậy gọi là không như thật biết trừ khử ruồi nhặng. Thế nào là không biết chăm sóc vết thương? Đó là Tỳ-kheo khi mắt thấy sắc liền theo đó chấp giữ hình tướng mà không biết thủ hộ mắt, khiến các tham ưu ở thế gian và pháp xấu, bất thiện khởi lên, tâm theo đó sanh khởi lậu hoặc, không the phòng hộ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Như vậy gọi là không biết chăm sóc vết thương. Thế nào là không biết tùy thời xông khói? Đó là Tỳ-kheo đối với những pháp đã được nghe, đã lãnh thọ nhưng không có khả năng giảng dạy, chỉ bày cho người khác. Như vậy gọi là không biết xông khói. Thế nào là không biết chọn đường? Đó là Tỳ-kheo không biết như thật về Thánh đạo tám chi, kh6ng biết như thật về Giáo pháp và Giới luật của Như Lai. Như vậy gọi là không biết chọn đường. Thế nào là không biết chọn chỗ dừng nghỉ? Đó là Tỳ-kheo đối với những pháp mà Như Lai đã liễu tri nhxmg lại không đạt được sự hoan hỷ5 sự hân hoan, sự thắng diệu, sự ích lợi xuất ly. Như vậy gọi là không biết chọn chỗ dừng nghỉ. Thế nào là không biết chỗ để vượt qua sông? Đó là Tỳ-kheo không biết Kinh, Luật, Luận, không biết tùy thời đen thưa hỏi xin lãnh thọ giáo pháp như sau: "Thế nào là thiện, thế nào là bất thiện, thế nào là có tội, thế nào là không có tội, thực hành những pháp nào là pháp thù thắng, không phải là pháp ác?^ Đối với pháp ân mật thì không có khả năng khai mở. Đối với pháp hiên lộ thì không thê hỏi rộng. Đối với cú nghĩa sâu xa tự biết rõ mà không có khả năng chỉ bày truyên bá rộng rãi. Như vậy gọi là không biết chỗ để vượt qua sông. Thế nào là không biết chọn chỗ thả bò? Đó là Tỳ-kheo không biết như thật vê bôn niệm xứ và pháp luật của Thánh hiền. Như vậy gọi là không biết chọn chỗ để tha bò.

18 Nguyên tác: Dục giác ,cách viết khác của "tham dục tưởng,, . 19 Nguyên tác: Sân khuê giác ,cách viết khác của "sân tưởng". 20 Nguyên tác: Hại giác ,cách viết khác của t4não tưởng^, .

Thế nào là vắt cạn kiệt sữa? Đó là Tỳ-kheo được hàng Sát-lợi, Bà-la-môn hay gia chủ cúng dường nhiều y phục, thức ăn nước uống, giường nằm, thuốc thang và những vật dụng trong đời sống mà vị ấy không biết thọ dụng vừa đủ. Như vậy gọi là văt cạn kiệt sữa. Thê nào là đôi với các Thượng tọa, Đại đức trưởng lão đa văn... (cho đêrì) không hướng đến các vị tu Phạm hạnh có trí tuệ để khen ngợi đức độ của vị ây, khiên tát cả tôn kính, phụng sự, cúng dường để được an vui. Đó là Tỳ-kheo không tán dương bậc Thượng tọa kia... (cho đến) khiến các bậc trí tuệ Phạm hạnh đi đến chỗ vị ấy, đem thân, miệng, ý nghiệp tôn kính, phụng sự. Như vậy gọi là không hướng đến những bậc Thượng tọa trưởng lão đa văn... (cho đến) khiến tất cả tôn kính, phụng sự, cúng dường. Người chăn bò kia nêu thành tựu mười một pháp này thì mới có thê nuôi lớn đàn bò5 bảo vệ đàii bò khiến chúng được an ổn. Những ẹì là mười một pháp? Đó là biêt sác, biêt tướng, (nói đây đủ như trên.,, cho đên) biết chăm sóc con đầu đàn, tùy thời chăm sóc khiến chúng được an ổn. Đó gọi là người chăn bò có đủ mười một pháp, khiến cho đàn bò ngày càng tăng trưởng và biết bảo vệ khiến chúng được an ổn. Cũng vậy, Tỳ-kheo thành tựu mười một pháp này thì tự mình được an lạc, cũng có thể làm cho người khác được an lạc. Những gì là mười một pháp? Đó là biết sắc, biết tướng... (nói đầy đủ như trêri). Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu mười một điều này thì tự mình an lạc và giúp cho người khác được an lạc. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành. ***

1250. TỲ-KHEO NA-ĐÈ-CA (l)21 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa trong nhân gian ở nước Câu-tát-la22 rồi đến ở trong rừng Nhất-xa-năng-già-la,23 thuộc làng Nhất-xa-năng-già-la. Lúc ấy, Tôn giả Na-đề-ca24 cũng ở trong làng Nhất-xa-năng-già-la. Bấy giờ, những Sa-môn9 Bà-la-môn ở trong làng Nhất-xa-năng-già-la nghe tin Sa-môn Cù-đàm đang du hóa trong nhân gian ở nước Câu-tát-la rồi đên ở trong rừng Nhất-xa-năng-già-la? thuộc làng Nhất-xa-năng-^ià-la. Nghe rồi, mỗi người đều sửa soạn một khay thức ăn roi đi đên chô Thê Tôn, đứng ở ngoài cửa và tự nghĩ: "Ta sẽ cúng dường Thế Tôn trước, ta sẽ cúng dường Thiện Thệ tru&c." Nghĩ xong, mỗi người tự cao giọng lớn tiếng xướng lên như vậy.

21 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1250. 0343b07). Tham chiếu: Tạp.(r02. 0099.1251. 0344a08M5.30 -III. 30;^. 6.42 - III. 341; 4 8.68 - IV. 307. 22 Câu-tát-la (Kosala). 23 Nhất-xa-năng-già-la (,Icchānañgala). 24 Na-đề-ca (,Nāgita).



Bấy giờ, Thế Tôn nghe trong rừng có nhiều người nói lớn tiếng liền hỏi Tôn giả Na-đề-ca: -Do nhân gì, duyên gì mà ở trong rưng có nhiều ngườò nói lớn tiếng như vậy? Tôn giả Na-đề-ca bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Đó là do các Sát-lợi, Bà-la-môn? gia chủ ở trong làng Nhất-xa-năng-già-la nghe tin Thế Tôn ở trong rừng này nên mỗi người sửa soạn một khay thức ăn đem đến, để trong vườn rừng, rồi mỗi người tự xướng lên: "Ta sẽ cúng dường đức Thế Tôn trước, ta sẽ cúng dường đức Thiện Thệ tru&c." Vì vậy

nên có nhiều người nói lớn tiếng ở trong rừng này. Cúi xin The Tôn hãy nhận thức ăn của họ! Phật bảo Na-đề-ca: -Chớ dâng lợi dưỡng cho Ta, Ta không câu lợi dưỡng. Chớ xxmg tụng Ta, Ta không cau xưng tụng. Này Na-đề-ca! Nếu có người nào đối với Như Lai mà dễ dàng đạt được sự an lạc do xuất ly, viễn ly, tịch diệt, giác ngộ hoàn toàn như vậy thì đối với những kẻ kia sẽ khởi sanh lợi lạc, vật thực, tham cầu. Này Na-đề-ca! Chỉ có Như Lai đối với những pháp tương tự như thế25 đã đạt được sự an lạc do xuất ly, viễn ly, tịch diệt, giác ngộ hoàn toàn; không cầu mà chứng đắc, không khổ nhọc mà chứng đắc thì tại sao phải khởi sanh lợi lạc, vật thực, tham cau từ những người kia? Này Na-đề-ca! Vì không đạt được sự an lạc do xuất ly, viễn ly, tịch diệt, giác ngộ hoàn toàn đối với sắc và [các pháp] tương tự như thế, nên các thầy không đạt được sự an lạc không mong cầu5 sự an lạc không khổ nhọc. Này Na-đề-ca! Chư thiên đối với những pháp tương tự như thế cũng không đạt được sự an lạc do sự xuất ly, viễn ly, tịch diệt, giác ngộ hoàn toàn; không đạt được sự an lạc không mong cầu, sự an lạc không khổ nhọc. Chỉ có Như Lai đối với những pháp tương tự như thế đã đạt được sự an lạc do xuất ly, viễn ly, tịch diệt, giác ngộ hoàn toàn; không cầu mà chứng dắc, không khổ nhọc mà chứng đăc thì tại sao phải khởi sanh lợi lạc, vật thực, tham cầu từ những người kia? Na-đề-ca bạch Phật: -Kính bạch Thế Tôn! Nay con muốn nêu một ví dụ. Phật bảo Na-đề-ca: -Nên biết đúng lúc! Na-đề-ca bạch Phật: —Kính bạch Thế Tôn! Ví như khi trời mưa thì nước sẽ thuận dòng chảy xuồng. Vậy nên, Thế Tôn dừng chân ở nơi nào thì các hàng Sát-lqi, Bà-la-môn hay gia chủ kia đều đến đó cung kính cúng đuờng, vì Thế Tôn giới đức thanh

25 Nguyên tác: Thử tượng loại ,chỉ cho những pháp như lợi lạc, vật thực, tham cầu.



tịnh, chánh kiến chân trực. Cho nên, nay con thưa như vậy, cúi xin Thế Tôn thương xót nhận lời mời của họ. Phật bảo Na-đề-ca: Chớ dâng lợi dưỡng cho Ta, vì Ta không mong cầu lợi... (cho đến) thì tại sao phải khởi sanh lợi lạc, vật thực, tham cầu từ những người kia? Này Na-đề-ca! Ta thấy có Tỳ-kheo sau khi thọ dụng thức ăn ngon thì nằm ngửa bụng mà thở gấp, thở dài. Thấy như vậy rồi, Ta tự nghĩ vị trưởng lão này không đạt được sự an lạc do xuất ly, viễn ly, tịch diệt, giác ngộ hoàn toàn, sự an lạc không mong cầu, sự an lạc không khổ nhọc. Lại nữa, Na-đề-ca! Ta thấy ở đây có hai Tỳ-kheo sau khi thọ dụng thức ăn ngon nên đầy bụng, thở dốc, ưỡn người mà đi. Ta tự nghi, những trưởng lão kia không đạt được sự an lạc do xuất ly, viễn ly, tịch diệt, giác ngộ hoàn toàn, sự an x -l 9 . . . lạc không mong câu, sự an lạc không khô nhọc. Này Na-đề-ca! Ta thấy nhiều Tỳ-kheo sau khi thọ dụng thức ăn ngon, lại đi từ vườn này đên vườn kia, từ phòng này đên phòng kia, từ người này đên người kia, từ đám đông này đên đám đông kia. Thây vậy roi, Ta tự nghĩ, những trưởng lão kia như vậy không thể đạt được sự an lạc do xuất ly, viễn ly, tịch diệt, giác ngộ hoàn toàn. Chỉ có Ta mới đạt được sự an lạc do xuất ly, viễn ly, tịch diệt, giác ngộ hoàn toàn, sự an lạc không mong cầu, sự an lạc không khổ nhọc. Lại nữa, này Na-đề-ca! Một thời, Ta đi trên đường và thấy có Tỳ-kheo đi ở trước rất xa, lại cũng có Tỳ-kheo từ phía sau đi đến nhưng cũng

cách rất xa. Bây giờ Ta nhàn tĩnh vô vi, không bị phiên hà ngay cả việc đại tiêu tiện. Vì sao như vậy? Do vì ăn uống, tham đắm mùi vị nên mới có việc đại tiểu tiện, đó là nương tựa. Quán sát sự sanh diệt của năm thủ uẩn mà sống yểm ly, đó là nương tựa. Đối với sáu xúc nhập xứ cũng quán sát sự tập khởi, sự hoại diệt mà sống yểm ly, đó là nương tựa. Đối với niềm vui của đám đông hội tụ, siêng năng tụ tập nhóm họp mà chán ghét sự viễn ly, đó là nương tựa. Ưa thích tu tập viễn ly, siêng năng nơi viễn ly mà chán ghét đám đông tụ hội, đó là nương tựa. Thế nên, này Na-đề-ca! Nên học tập như thế này. Đối với năm thủ uẩn, hãy quán sát sự sanh diệt, đối với lục xúc nhập xứ, phải quán sát tập khởi và diệt tận, ưa thích viễn ly, tinh cần viễn ly, nên học tập như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả Na-đề-ca nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi lui ra. ***

1396 KINH TẠPA-HÀM

1251. TỲ-KHEO NA-ĐÈ-CA (2)26 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa trong nhân gian ở nước Câu-tát-la rồi đến thôn Na-lăng-già-la27... (nói đầy đủ như trên, cho đến) khởi sanh lợi lạc, vật thực, tham cầu từ những người kia. Phật bảo Na-đề-ca: Ta thấy có vị Tỳ-kheo tọa thiền ở trong tinh xá bên cạnh thôn xóm. Thấy rồi, Ta suy nghĩ: "Những người trong thôn hoặc những Sa-di qua lại nói chuyện ồn ào sẽ làm cản trở việc thiền tư của Tôn giả ấy, hoặc khiến cho vị ấy xuất khỏi thiền đinh, hoặc gây trở ngại khiến vị ấy không đến được chỗ muốn đến, không đạt được chỗ muốn đạt, không chứng được chỗ chưa chứng.,, Này Na-đề-ca! Ta không hoan hỷ [khi thấy] Tỳ-kheo ấy sống trong tinh xá bên cạnh thôn xóm như vậy. Này Na-đề-ca! Ta lại thấy Tỳ-kheo sống trong khu rừng hoang vắng, nằm ngửa mà ngủ say.28 Thấy rồi, Ta suy nghĩ: "Cầu mong29 Tỳ-kheo này sau khi thức dậy sẽ khởi tưởng nghĩ về khu rừng hoang vang.99 Này Na-đề-ca! Ta cũng không hoan hỷ [khi thấy] Tỳ-kheo sống trong chốn hoang vắng như vậy. Này Na-đề-ca! Ta lại thấy Tỳ-kheo sống trong khu rừng hoang vắng, ngồi ngủ gật, thân thể lắc lư. Thấy rồi, Ta suy nghĩ: "Cầu mong Tỳ-kheo này sau khi thức dậy, nếu chưa đạt định sẽ đạt định, nếu có định tâm sẽ được giải thoát.9, Cho nên, này Na-đê-ca! Ta cũng không hoan hỷ [khi thây] Tỳ-kheo sông trong chốn hoang vắng như vậy. Này Na-đề-ca! Ta lại thấy Tỳ-kheo sống trong khu rừng hoang vắng, ngồi ngay thẳng nhập định. Thấy rồi Ta suy nghĩ: "Cầu mong Tỳ-kheo này nếu chưa được giải thoát sẽ nhanh chóng được giải thoát, nếu đã được giải thoát sẽ tự phòng hộ khiến cho không còn thoái thất." Cho nên, này Na-đề-ca! Ta hoan hỷ [khi thấy] Tỳ-kheo song trong chốn hoang vang như vậy. Này Na-đề-ca! Ta lại thấy có Tỳ-kheo sống trong khu rừng hoang vắng, đã xả bỏ giường nằm, nệm lót, nhưng một thời gian sau lại rời bỏ khu rừng hoang vắng trở về thôn x6m, thọ nhận giường nằm, nệm lót. Này Na-đề-ca! Ta cũng không hoan hỷ [khi thấy] Tỳ-kheo trở lại thôn xóm như vậy. Lại nữa, này Na-đê-ca! Ta thây Tỳ-kheo sông trong tinh xá bên cạnh thôn xóm, là người có đức độ lớn, có danh tiếng, có khả năng cảm hóa thí chủ cúng dường các tài vật, y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc thang. Nhưng sau

26 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1251. 0344a08). Tham chiếu: Tạp.(r02. 0099.1250. 0343b07); A. 6.42 - III. 341. 27JNa-lăng-già-la (,Icchānañgala)

cũng chỉ cho địa danh này nhưng kinh số 1250; Tạp. (r.02. 0099.1250. 0343Ò08) ghi Nhất-xa-năng-già-la (). J 28 Nguyên tác: Hu đốt (),than thở. Xem tiếp đoạn dưới thì đây có thể chỉ cho việc ngủ ngáy. 29 Bản Đại Chánh ghi là Tinh"()cầu mong, mong ước.



đó, vị ấy bỏ hết lợi dưỡng, thôn xóm, giường nằm rồi đến sống trong khu rừng hoang vắng. Này Na-đề-ca! Ta hoan hỷ khi thấy Tỳ-kheo bỏ hết lợi dưỡng, giường nằm, thôn xóm rồi đến sống ở trong khu rừng hoang vắng như thế. Này Na-đê-ca! Tỳ-kheo các thây phải nên học tập như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, Tỳ"kheo Na-đề-ca nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi lui ra. *** 1252. DÙNG CÂY LÀM GỐI30 A Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu, nước Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Những người Ly-xa thường dùng cây làm gối để ngủ, tay chân chai sạn nứt nẻ, luôn nghi ngờ, lo sợ. Vì không muốn để cho A-xà-thế, con bà Vi-dề-hy, vua nước Ma-kiệt-đà có cơ hội rình rập xâm chiếm, cho nên họ thường tự răn nhác sông không buông lung. Nhờ họ sông không buông lung nên A-xà-thê? con bà Vi-dề-hy, vua nước Ma-kiệt-đà không có cơ hội rình rập xâm chiếm. Nhưng sau đó không bao lâu, những người Ly-xa vui chơi thỏa thích, không lo lắng việc gtay chân mềm mại, dùng bông tơ làm gối, nằm ngủ an ổn cho đến khi mặt trời mọc vẫn chưa thức dậy, luôn sống trong buông lung. Vì họ sống buông lung như vậy nên Vua A-xà-thê, con bà Vi-đê-hy5 nước Ma-kiệt-đà mới tìm được cơ hội. Cho nên, này các Tỳ-kheo! Phải siêng năng, tinh tân, kham nhân, kiên cô5 không bỏ pháp lành, cho dù gầy còm chỉ còn da bọc xương cũng phải siêng năng tinh tấn, không bỏ pháp lành, cho đến khi chưa đạt được chỗ đáng đạt thì không lìa tinh tấn, thường nhiếp tâm không buông lung. Nhờ không buông lung nên Ma vương Ba-tuần không tìm được cơ hội. Trong đời tương lai sẽ có những Tỳ-kheo mặc tình hưởng thụ, chẳng thiết làm gì? tay chân mem mại, dùng lụa là làm gói, xoải người ngủ yên cho đên khi mặt trời mọc vẫn chưa thức dậy, luôn sống trong buông lung. Vì sống buông lung nên Ác ma Ba-tuần tìm được cơ hội. Thế nên? Tỳ-kheo các thay phải học như vầy: "Luôn siêng năng tinh tấn, cho đến khi chưa đạt được những điều muốn đạt thì không bỏ sự tinh tấn.” Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

30 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.1252. 0344b06). Tham chiếu: s. 20.8 - II. 267.



1253. CÔNG ĐỨC CỦA TÂM TỪ3132 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Ví như có người buổi sáng đem ba trăm giỏ thức ăn bố thí cho chúng sanh, buổi trưa và buổi chiều cũng làm như vậy. Người thứ hai thì tu tập tâm từ đoi với tất cả chúng sanh chỉ trong chốc lát, thậm chí chỉ bằng khoảng thời gian một lần vắt sữa bò. Nếu đem so sánh thì công đức bố thí của người trước không bằng một phần trăm, một phàn ngàn, một phần vạn ức5 không thể dùng toán số thí dụ để so sánh được với công đức của

người tu tập tâm từ. Cho nên, Tỳ-kheo các thầy phải học tập như vầy: "Tu tập tâm từ đối với tất cả chúng sanh dù chỉ trong chóc lát, thậm chí chỉ băng khoảng thời gian một lân vát sữa b6." Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

1254. LỢI ÍCH CỦA TÂM TÍP2

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. J _ ỉ __ _____r_____ _ _

Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: -Ví như trong một gia đình có con gái nhiều hơn con trai thì nên biết gia đình áy dê bị trộm cướp chiêm đoạt. Cũng vậy, người thiện nam, người thiện nữ không thường tu tập tâm từ đối với tất cả chúng sanh, dù chỉ bằng khoảng thời gian một lần vắt sữa bò thì nên biết người này dễ bị quỷ thần xấu ác dối gạt. Ví như gia đình có con trai nhiều hơn con gái thì gia đình đó không bị trộm cướp thường đến cướp đoạt. Cũng vậy, người thiện nam thường xuyên tu tập tâm từ đối với tất cả chúng sanh dù chỉ bằng khoảng thời gian một lần vắt sữa bò thì người này không bị các quỷ thần xấu ác dối gạt. Cho nên, này các Tỳ- kheo! Phải thường xuyên tu tập lòng từ đối với tất cả chúng sanh, dù chỉ bằng khoảng thời gian một lần vắt sữa bò. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

31 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.1253. 0344b25).Tham chiếu: s. 20.4 - II. 264. 32 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp .(T.02. 0099.1254. 0344c06). Tham chiếu: s. 20.3 - II. 263.

QUYỂN 47 1399

1255. QUỶ THẦN KHÔNG THẺ HẠI3334 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Ví như một người có cây gươm ngắn có mũi nhọn rất bén. Có người mạnh khỏe đên nói với người này răng: "Tôi có thể dùng nắm tay đánh vào cây gươm của anh khiến cho nó gãy vụn." Này các Tỳ-kheo! Người khỏe mạnh ấy có thể dùng năm tay đánh cây gươm kia gãy vụn chăng? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Không thể được. Vì cây gươm kia có mũi nhọn rất bén, người đàn ông kia không thể dùng tay không đánh cho nó gãy vụn được mà chính anh ta sẽ bi nguy khôn. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo! Nếu có Sa-môn? Bà-la-mon tu tập lòng từ đối với tất cả chúng sanh dù chỉ bằng khoảng thời gian một lần vắt sữa bò thì quỷ thần xấu ác muốn đến rình rập tìm chỗ sơ hở cũng không thể tìm được cơ hội thuận tiện mà n^ược lại chúng tự bị thương tổn. Cho nên5 này các Tỳ-kheo! Phải học tập như vây: "Thuơng xuyên tu tập lòng từ dù chỉ trong khoảng thời gian một lần vắt sữa bb." Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

1256. ĐẤT TRÊN MÓNG TAY (2 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn dùng móng tay khêu một chút đất rồi hỏi các Tỳ-kheo: Các thầy nghĩ thế nào, đất trên móng tay Ta nhiều hay đất trong đại địa nhiều? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Đất trên móng

tay Thế Tôn rất ít, còn đất trong đại địa thì nhiều vô lượng, vô số, không thể kể xiết. Phật bảo các Tỳ-kheo: -Cũng vậy5 những chúng sanh thường tu tập lòng từ đối với tất cả chúng sanh dù chỉ trong khoảng thời gian khảy móng tay, số người đó ít như đát trên

33 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.1255. 0344c17). Tham chiếu: s. 20.5 - II. 265. 34 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1256. 0345a01). Tham chiếu:p.(T.02. 0099.442. 0Ì14a21); Biệt Tạp.(ro2. 0101.22.0498al5); s. 20.2 - II. 263; s. 56.61-131 - v. 465-77.



móng tay của Ta; còn những chúng sanh không chiu tu tập lòng từ đối với tất cả chúng sanh dù chỉ bằng khoảng thời gian khảy móng tay thì sô chúng sanh đó nhiều như đất trong đại địa. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Phải thường xuyên tu tập lòng từ đối với tất cả chúng sanh. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

1257. MẠNG NGƯỜI NGẮN NGỦI35 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu, nước Tỳ-xá-ly. Bây giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Tất cả hành đều vô thường, không thường hằng, không an ổn9 là pháp biến đổi. Này các Tỳ-kheo! Phải thường quán sát tất cả các hành, tu tập yểm ly, không ưa thích, thường cầu giải thoát. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo đứng dậy, chỉnh lại y phục, đảnh lễ Phật, gối phải quỳ sát đất, chắp tay thưa:  Kính bạch Thế Tôn! Mạng sống dời đổi, hoại diệt, nhanh chậm như thế nào? Phật nói:  Ta có thể giảng nói cho thầy, nhưng thầy khó có thể hiểu được. Tỳ-kheo bạch Phật: —Bạch Thế Tôn! Ngài có thể nói một ví dụ được không? Đức Phật nói:  Có thể được, này Tỳ-kheo! Ví như có bốn người tay cầm bốn cây cung mạnh, cùng một lúc băn vê bôn phía, roi có một người khác phóng theo chụp được bốn mũi tên khi nó chưa kịp rơi xuống đất. Thế nào Tỳ-kheo, người như thế có nhanh không? Tỳ-kheo bạch Phật:  Bạch Thế Tôn! Rất nhanh. Phật bảo: -Người chụp được những mũi tên này tuy là rất nhanh, nhimg Địa thần thiên tử36 còn nhanh hơn gấp bội người kia. Thiên thần hư không37 lại nhanh hơn gấp bội Địa thần. Tứ Thiên Vương lại nhanh hơn gấp bội Thiên thần hư

35 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r.O2. 0099.1257. 0345al2. Tham chiếu: s. 20.6 - II. 265. 36 Địa thần thiên tử chỉ cho các vị chư thiên đi lại trên mặt đất. 37 Hư không thần thiên chỉ cho các vị chư thiên du hành giữa hư không.



không. Nhật, Nguyệt thiên tử38 lại nhanh hơn gấp bội Tứ Thiên Vương. Đạo Nhật Nguyệt thần39 lại nhanh hơn gấp bội Nhật, Nguyệt thiên tử. Này các Tỳ- kheo! Sự dời đổi biến hoại của thọ mạng còn nhanh hơn gấp bội Đạo nhật nguyệt thần. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Phải siêng năng tinh tấn quán sát thọ mạng vô thường nhanh chóng như thế. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

1258. TRỐNG A-NẢNG-HA40

Tôi nghe như vay:

Một thời, đức Phật ngụ tại trụ xứ của các Tiên nhân, trong vườn Lộc Uyển, nước Ba-la-nại.

-pv Á • \ rip-í Ấ rp19 z r-p y l 1

Bay giơ, The Ton bao cao Ty-kheo: Thời quá khứ có một người tên là Đà-xá-la-ha.41 Ong ta có một cái trống tên là A-năng-ha?42 âm thanh rất hay, rất trầm hùng, tiếng vang đến bốn mươi dặm. Nhưng cái trống kia đã cũ nên mặt trống nhiều chỗ bi rách, bị thủng. Bấy giờ, người thợ bịt trong lột da bò để bưng mặt trống lại. Tuy được bưng lại băng lớp da mới nhimg tiếng trống không còn cao, không còn hay, không còn trầm hùng nữa. Sau một thời gian, cái trống lại bị hư mục, từng mảng da lớn rớt xuống, chỉ còn một đống gỗ mục. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo! Tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ cũng như thế. Nhờ tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ nên đối với những kinh điển sâu xa, vi diệu mà Như Lai đã nói, khó thấy, khó hiểu, không thể suy lường, vi diệu, ẩn mật, kiên định, được người trí nhận biết thì những Tỳ-kheo kia đều nhanh chóng lãnh thọ đầy đủ. Khi nghe Như Lai giảng thuyết thì các Tỳ-kheo kia hoan hỷ, cung kính thực hành nên đạt được lợi ích giải thoát. Đời sau sẽ có những Tỳ-kheo không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu tuệ. Đối với kinh điển mà Như Lai đã nói, sâu xa, vi diệu, là pháp duyên khởi, tòy thuận, liên hệ đến tánh Không,43 những Tỳ-kheo ấy nghe mà không nhanh chóng lãnh thọ và giữ gìn, không thích đến để thọ nhận. Khi nghe Như Lai giảng thuyết thì họ không hoan hỷ5 không kĩỦủi cân tu tap, nhưng đôi với những sách luận khác của thế gian, văn từ trau chuốt, tạp cú thế tục họ lại chuyên tâm lãnh thọ, nghe những lời nói ấy, hoan hỷ5 kính cẩn học tập theo dù không được lợi ích giải thoát. Đối với Tỳ-kheo ấy, những điều được Như Lai thuyêt giảng sâu

38 Nhật, Nguyệt thiên tử chi cho 2 vị thiên thần mặt trời và thiên thần mặt trăng. 39 Đạo Nhật Nguyệt thần chỉ cho các vị chư thiên dẫn đường cho mặt trời và mặt trăng. 40 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.7.02. 0099.1258. 0345ỒỒ01. Tham chiếu: s. 20.7 - II. 266. 41 Đà-xá-la-ha Dasārahā. 42 A-năng-ha Ānaka. 43 Không tương ưng .s. 20.7 - II. 266: Suññaiappatisamyuttā Có liên hệ đối với Không tánh.



xa, vi diệu, là pháp duyên khởi, tùy thuận, liên hệ đến tánh Không sẽ bị tiêu diệt. Cũng như cái trống kia đã cũ mục, rách nát, chỉ còn lại đống gô. Cho nên, này các Tỳ-kheo! Phải siêng năng tinh tấn tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ; đối với những bài kinh Như Lai đã giảng thuyết sâu xa, vi diệu, là pháp duyên khởi, tùy thuận, liên hệ đến tánh Không, hãy nhanh chóng thọ trì, lãnh thọ tất cả. Khi nghe những lời Như Lai đã nói hãy nên hoan hỷ, kính cẩn tu tập để được lợi ích giải thoát. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

1259. VIÊN BI SẮT44 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. r TO Ạ • A_ _ FT'1 r A _____ _ FT1 12 r _ rrv 1 _ Bay giơ, The Ton bảo các Ty-kheo: Ví như viên bi sắt được nung cháy trong lửa,

cung màu sắc như lửa, nếu đặt vào trong lụa trắng thì lụa cháy có nhanh không? Ty-kheo bạch Phật: - Bạch Thế Tôn! Cháy rất nhanh! Phật bảo Tỳ-kheo: -Cũng vậy, những Tỳ-kheo thiêu trí tuệ, sông trong thôn xóm, sáng sớm đắp y, ôm bát, vào thôn xóm khất thực mà không khéo thủ hộ thân, không giữ gìn các căn, không buộc ý niệm, do đó khi nhìn thay thiếu nữ trẻ, không chánh niệm tư duy liền vướng vào sắc tướng, khởi tâm tham dục nên bị lửa dục thiêu đốt cả thân và tâm. Khi than tâm đã bị thiêu đốt, liền thoái thất rồi xả giới. Người ngu này mãi mãi chẳng được nhiều lợi ích. Cho nên, này các Ty-kheo! Các thây phải học tập như vây: Khéo kiêm thúc thân, phòng hộ các căn, giữ chánh niệm khi vào thôn xóm khất thực, phải nên học như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

1260. MÈO HOANG45

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

44 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1259. 0345b24). 45 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.1260. 0345c07) Tham chiếu: s. 20.10- IL 270.

QUYÊN 47 1403

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Thời quá khứ, có một con mèo hoang đói khát, gầy yếu đang rình bắt con chuột ở trong hang để ăn thịt. Gặp lúc chuột vừa ra khỏi hang, mèo liền lao đến há miệng nuốt sống. Vì con chuột quá nhỏ nên bi mèo nuốt vào bụng mà chuột vẫn chưa chết. Sau khi vào bụng, chuột con lại ăn nội tạng mèo. Khi bị chuột gặm ăn nội tạng, mèo đau đớn cuồng loạn chạy khắp nơi, không biết đâu là nhà trống, gò hoang, chạy mãi cho đến chết. Cũng vậy, này Tỳ-kheo! Người kém trí tuệ sống trong thôn xóm? sáng sớm đắp y, ôm bát vào thôn xóm khất thực mà không khéo phòng hộ thân, không giữ gìn các căn, không buộc ý niệm, thấy các thiếu nữ liền khởi niệm bất chánh, chạy theo sắc tướng mà khởi lòng tham dục. Khi tham dục đã phát khởi, lửa dục hừng hực đốt cháy thân tâm, làm cho kẻ ấy điên cuồng chạy khắp, không còn ưa thích tinh xá, không thích nơi rừng vắng, không thích bên gốc cây, bị tâm xấu ác, bất thiện xâm chiếm, ăn mòn bên trong, khiến họ phải thoái thất rồi xả giới. Người kém trí tuệ này phải mãi mãi chịu khổ đau, không được nhiều lợi lạc. Cho nên, Tỳ-kheo các thầy cần phải học như vầy: Khéo phòng hộ thân, giữ gìn các căn, buộc tâm chánh niệm khi vào thôn xóm khất thực? cần phải học như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

1261. CHÀY GỖ46 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Ví như cái chày gỗ được sử dụng thường xuyên không ngưng nghỉ thì lâu ngày sẽ mòn dần. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo! Nếu Sa-môn hay Bà-la-môn nào từ trước đến nay không giữ gìn các căn, ăn uống không biết chừng mực, đầu đêm và cuối đêm không siêng năng tỉnh giác, tu tập thiện pháp, nên biết hạng người này ngày đêm bi tổn giảm, thiện pháp không thể tăng trưởng, cũng giống như cái chày gỗ kia. Này các Tỳ-kheo! Ví như hoa sen xanh,

hoa sen hồng, hoa sen vàng, hoa sen trắng mọc ở trong nước, lớn lên trong nước, theo nước tăng trưởng. Cũng vậy? Sa-môn hay Bà-la-môn nào khéo giữ gìn các căn, ăn uống biết chừng mực, đầu đêm và cuối đêm tinh càn tỉnh giác, nên biết những người này công đức căn lành ngày càng tăng trưởng, không bao giờ thoái giảm.

46 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.1261. 0345c24).



Thế nên, cần phải học tập như vầy: Khéo giữ gìn các căn, ăn uống biết chừng mực, đầu đêm và cuối đêm tinh cần tỉnh giác thì công đức thiện pháp ngày đêm tăng trưởng, nên học tập như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

1262. CHỒN HOANG4748 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-dà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, vào lúc cuối đêm, Thế Tôn nghe có tiếng chồn hoang kêu. Đen khi trời sáng, Thế Tôn trải tòa ngồi trước đại chúng và hỏi các Tỳ-kheo: -Cuối đêm hôm qua, các thầy có nghe tiếng chồn hoang kêu không? Các Tỳ-kheo bạch Phật: - Kính bạch Thế Tôn! Chúng con có nghe. Phật nói với các Tỳ-kheo: Có một người mê muội nghĩ như vầy: "Mong sao ta sanh ra được thân tướng giống như vậy, có âm thanh giống như v*? Người si mê này mong cầu chỗ thọ sanh tương tự như vậy thì có gì mà không được? Vậy nên, này các Tỳ-kheo! Các thầy phải tinh cần nỗ lực tìm cách đoạn trừ các hữu,48 chói tạo phương tiện khiến tăng trưởng các hữu, cần phải học tập như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

1263. PHÂN TIỂU49 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Ta không khen ngợi sự chấp thủ hữu thân50 dù chỉ một ít, huống gì chấp thủ nhiều. Vì sao như vậy? Vì chấp thủ hữu thân là khổ. Ví như phân tiểu, dù chỉ một ít cũng đã hôi thối, huống gì là nhiều. Cũng vậy, các hữu dù ít, chỉ như sát-na thì Ta cũng không khen ngợi, huống gì là nhiều. Vì sao như vậy? Vì có

47 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r02. 0099.1262. 0346a08. Tham chiếu: s. 20.11 - II. 271. 48 Nguyên tác: Chư hữu Các hình thái tồn tại của các loài hữu tình. 49 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.1263. 0346al8. Tham chiếu: s. 17.5 - II. 228; A. 1320-L 34. 50Hữu thân sakkāyo có phiên âm là "ttcada"nghĩa là chấp thân này thường trụ



hữu là có khổ. Cho nên, này các Tỳ-kheo! cần phải học tập như vầy: Đoạn trừ các hữu, chớ cho hữu tăng trưởng, cần phải học tập như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

1264. BIẾT ƠN51 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-dà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, vào lúc cuối đêm, Thế Tôn nghe có tiếng chồn hoang kêu. Đen khi trời sáng, The Tôn trải tòa ngồi trước đại chúng và hỏi các

Tỳ-kheo:  Cuối đêm hôm qua, các thầy có nghe tiếng chồn hoang kêu không? Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Kính bạch Thế Tôn! Chúng con có nghe. Phật dạy các Tỳ-kheo: Con chôn hoang ây do bị ghẻ lở bức bách nên mới kêu la. Nêu có người chữa tri ghẻ lở cho con chồn hoang kia thì nó sẽ biết nhớ ơn và báo ơn. Nhưng nay có hạng người mê muội không biết nhớ ơn và báo ơn. Cho nên, này các Tỳ-kheo! Các thầy nên học tập như vầy: "Biết ơn và báo ơn." Người có ơn nhỏ còn phải báo đáp không bao giờ quên, huống gì ơn lớn? Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

1265. BẠT-CA-LÊ Tự SÁT52 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Tôn giả Bạt-ca-lê53 ở tinh xá Kim Sư54 trong thành Vương Xá đang bị bệnh khổ bức bách, được Tôn giả Phú-lân-ni55 lo lắng chăm sóc. Lúc đó, Tôn giả Bạt-ca-lê nói với Tôn giả Phú-lân-ni:  Thầy hãy đến chỗ Thế Tôn thay tôi đảnh lễ sát chân Ngài và thăm hỏi Thế Tôn có ít bệnh, ít não, đi ở có thong dong và đời sống có nhẹ nhàng không? Rồi thầy hãy nói như vầy: “Bạt-ca-16 ở tinh xá Kim Sư đang bị bệnh khổ bức bách,

51 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1264. 0346a26). Tham chiếu: s. 17.8 - II. 230. 52 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1265. 0346Ò07). Tham chiếu: Tăng.(r.02. 0125.26.10. 0642029); ^ 22.87 - IIL 119. 53 Bạt-ca-lê (,Vakkali). 54 Kim Sư tinh xá ()Nhà của người thợ kim hoàn. s. 22.87 - III. 119: Kumbhakāranivesane (nhà của người thợ làm đo gom). Phú-lân-ni ().S. 22.87 - m. 119: Upatthāka (vị thị giả, vị chăm sóc bệnh).



nằm trên giường đã lâu và rất mong được nhìn thấy Thế Tôn! Do bệnh tật hành hạ khiến sức lực suy yếu nên thầy ấy không thể đến hầu thăm Thế Tôn được, ngưỡng mong Thế Tôn từ bi thương xót mà đến tinh xá Kim Sư." Nghe Bạt-ca-le nói xong, Tôn giả Phú-lân-ni liền đi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân Ngài rồi đứng qua một bên và bạch:  Kính bạch Thế Tôn! Tôn giả Bạt-ca-lê nhờ con chuyển lời kính xin đảnh lễ sát chan Thế Tôn và thăm hỏi Thế Tôn có ít bệnh, ít não, đi ở có thong dong và đời sống có nhẹ nhàng không? The Ton đáp: -Hiện tại Như Lai vẫn an lạc. Phú-lân-ni lại bạch Phật:  Kính bạch Thế Tôn! Tôn giả Bạt-ca-lê ở tinh xá Kim Sư đang bị bệnh khổ bức bách, nằm trên giường đã lâu và rất mong được nhìn thấy Thế Tôn! Nhưng do bệnh đau yếu sức nên thầy ấy không thể tự đi đến chỗ Thế Tôn được. Lành thay, Thế Tôn! Xin Ngài từ bi thương xót mà đến tinh xá Kim Sư. r _ r_ _ _ __ _  _  Bay giơ, The Ton im lặng nhận lời. Ton giả Phu-lan-ni biêt The Ton đã nhận lời, liền đảnh lễ sát chân rồi ra về. Sau thời tọa thiền buổi chiều, Thế Tôn đi đến tinh xá Kim Sư, vào phòng của Tôn giả Bạt-ca-lê. Từ xa trông thấy Thế Tôn, Tỳ-kheo Bạt-ca-lê gắng ngồi dậy, nhưng đức Phật liền bảo Bạt-ca-lê: - Hãy thôi, thầy chớ có ngồi dậy! Thê Tôn liên ngôi vào một chiêc giường khác và nói với Bạt-ca-lê: -Tâm thầy có kham nổi cái khổ của bệnh tật này không? Sự đau đớn nơi thân có thuyên giảm không? Bạt-ca-lê bạch Phật: Nói đây đủ như trong Kỉnh Tỳ-kheo Xoa-ma ở trước'.56  Kính bạch Thế Tôn! Thân con đau quá, không thể chiu đựng, chỉ muốn dùng dao tự sát, không muốn song khổ. Phật bảo

Bạt-ca-lê: Nay Như Lai hỏi, thầy hãy trả lời theo suy nghĩ của mình. Thế nào, Bạt-ca-lê, sắc là thường hay là vô thường? Bạt-ca-lê đáp: - Là vô thường, bạch Thế Tôn! Đức Phật lại hỏi: Nếu là vô thường là khổ phải không?

56 Xem các kinh Tạp. 0.02. 0099.103, 540-544, 1030-1031,... ghi là Xoa-ma những kinh khác đọc là "SainiZ".



Đáp: - Là khổ, bạch Thế Tôn! Phật lại hỏi: Này Bạt-ca-lê! Nấu đã là vô thường, là khổ, là pháp biến đổi, vậy thì ở trong đó có đáng tham muốn và đáng mong cầu chăng? Bạt-ca-lê đáp: - Thưa không, bạch Thế Tôn! Đôi với thọ, tưởng, hành và thức cũng giông như vậy. Phật bảo Bạt-ca-lê: Nếu đã không có lòng tham muốn và mong cầu đối với thân này sẽ lâm chung an lành, đời sau cũng an lành. Bấy giờ, Thế Tôn giảng dạy các pháp cho Bạt-ca-lê. Sau khi mở bày? dạy bảo, khích lệ, khiến cho Bạt-ca-lê được hoan hỷ xong,57 Ngài đứng dậy rời đi. Ngay trong đêm đó, Tôn giả Bạt-ca-lê tư duy về đạo giải thoát, rồi lại muốn cầm dao tự sát, không muốn kéo dài mạng sống nữa. Cuối đêm ấy, có hai vi trời thân hình cực đoan chánh đi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân Ngài rồi đứng sang một bên và thưa: Kính bạch Thế Tôn! Tôn giả Bạt-ca-lê khổ sở vì bệnh tật, đã tư duy về đạo giải thoát nên muôn câm dao tự sát, không muôn kéo dài mạng sông nữa. Vị trời thứ hai thưa: -Đối với việc giải thoát hoàn toàn,57 58 Tôn giả Bạt-ca-lê kia nhất định sẽ được giải thoát. Sau khi thưa xong, cả hai đảnh lễ sát chân Phật rồi biến mất. Bấy giờ, khi đêm đã qua, vào lúc sáng sớm, Thế Tôn ngồi kiết-già trước đại chúng và nói với các Tỳ-kheo: Đêm qua có hai vị trời tướng mạo đoan chánh đi đến chỗ Như Lai, đảnh lễ sát chân rồi đứng qua một bên và bạch: "Tôn giả Bạt-ca-lê ở tinh xá Kim Sư khôn khô vì bệnh tật, đã tư duy vê đạo giải thoát nên muôn câm dao tự sát, không muốn kéo dài mạng sống nữa." Rồi vị trời thứ hai thưa: "Đối với việc giải thoát hoàn toàn, Tôn giả Bạt-ca-lê kia nhất định sẽ được giải thoát.^ Thưa xong, cả hai vị trời kia đảnh lê sát chân Như Lai roi biên mát. Bấy giờ, Thế Tôn bảo một vị Tỳ-kheo: Thầy hãy đến chỗ Tỳ-kheo Bạt-ca-le và nói với Tôn giả ấy ràng: uHôm qua có hai vi trời đến chỗ Như Lai, cúi đầu đảnh lễ rồi đứng qua một bên và

57 Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ ().Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tr. 105; Tạp.(r02. 0099?92. 0023c18). 58 Nguyen tác: Thiện giải thoát (suvimutta). Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển l, tr. 19; Tạp.(02. 0099.22. 0004c20).



thưa với Như Lai rằng: 'Tôn giả Bạt-ca-lê khốn khổ vì bệnh tật, đã tư duy về đạo giải thoát nên muốn cầm dao tự sát? Vi trời thứ hai thưa rằng: 'Đối với việc giải thoát hoàn toàn, Tôn giả Bạt-ca-lê nhất định được giải thoát/ Thưa xong, hai vị trời biến mất. Đó là lời thưa của hai vị trời ấy. Phật cũng đã thọ kỵ cho thầy: Đối với thân này, thầy không còn khởi tâm tham muốn và mong cầu thì khi lâm chung sẽ được an lành, đời sau cũng an lành." Lúc đó, vi Tỳ-kheo kia vâng lời Thế Tôn dạy, đi đến phòng của Tôn giả Bạt-ca-lê ở tinh xá Kim Sư. Khi ấy, Tôn giả Bạt-ca-lê nói với những người chăm sóc bệnh: -Các thầy hãy mang giường dây đến để đưa tôi ra ngoài tinh xá. Tôi muốn dùng dao tự

sát chứ không muốn kéo dài mạng sống nữa. Khi ây, có sô đông Tỳ-kheo rời khỏi phòng ra ngoài kinh hành nơi đát trông. Vi Tỳ-kheo được đức Phật sai liền đến chỗ các vị Tỳ-kheo kia và hỏi: Thưa các Tôn giả! Tỳ-kheo Bạt-ca-lê đang ở đâu? Các Tỳ-kheo đáp: Tỳ-kheo Bạt-ca-lê đã nhờ những người chăm sóc bệnh dùng giường dây đưa ra ngoài tinh xá. Thầy ấy muốn dùng dao để tự sát chứ không muốn kéo dài mạng sông nữa. Tỳ-kheo được Phật sai bảo liền đi đến chỗ Tôn giả Bạt-ca-lê. Tỳ-kheo Bạt- ca-lê từ xa trông thấy vị Tỳ-kheo được Phật sai bảo đi đến, liền nói với những người chăm sóc bệnh: Hãy đặt giường dây xuống đất! Vị Tỳ-kheo đang vội vã đi đến hình như được The Ton sai đen đay. Những người chăm sóc bệnh liền đặt giường dây xuống đất. Bấy giờ, vi Tỳ"kheo được Phật sai đến liền nói với Tôn giả Bạt-ca-lê: Thế Tôn có lời dạy và các vị trời cũng có lời nói [với Tôn giả]. Khi đó, Tôn giả Bạt-ca-lê nói với những người chăm sóc bệnh: - Hãy đỡ tôi xuống đất! Không nên nằm trên giường mà nhận lãnh lời Thế Tôn dạy và những lời của chư thiên. Lúc đó, những người chăm sóc bệnh liền đỡ Tôn giả Bạt-ca-lê xuống đất. Tôn giả Bạt-ca-lê nói: Thầy hãy tuyên thuyết lời Thế Tôn dạy và những lời của chư thiên. Vi Tỳ-kheo được Phật sai bảo liền nói: Này Bạt-ca-lê! Đấng Đại sư chuyển lời đến thầy rằng: "Đêm qua có hai vi trời đên chỗ Như Lai, cúi đầu đảnh lễ rồi đứng qua một bên và thưa với Như Lai: 'Tỳ-kheo Bạt-ca-lê khốn khổ vì bệnh tật, đã tư duy về đạo giải thoát nên muốn cam dao tự sát/ Vị trời thứ hai thưa rằng: 'Đối với việc giải thoát hoàn toàn, Tỳ- kheo Bạt-ca-lê nhất định sẽ được giải thoát.5 Thưa xong, hai vi trời kia liền biển r • r e J y • m2t." Thê Tôn lại thọ ký thây lâm chung sẽ được an lành và đời sau cũng an lành.

QUYỂN 47 1409

Bạt-ca-lê nói: Thưa Tôn giả! Đấng Đại sư khéo biết rõ điều cần biết, khéo thấy rỗ điều cần thấy! Hai vị ươi kia cũng khéo biết rõ điều cần biết, khéo thấy rõ điều cần thấy. Hôm nay, đoi với sắc thân này tôi đã biết rõ là vô thường, chác chắn không còn nghi ngờ. Vô thường là kho, chắc chan không còn nghi ngờ. Nếu đã là vô thường, là kho, là pháp biến đoi, vậy thì ở trong đó không nên có lòng tham muốn hay mong cầu, nhát định không còn nghi ngờ. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng giông như vậy. Tuy nhiên, hiện tại tôi bi bệnh tật đau đớn cũng do duyên theo thân này, cho nên muôn dùng dao tự sát chứ không muốn kéo dài mạng sống nữa. Thầy ấy liền dùng dao tự sát. Bấy giờ, vị Tỳ-kheo được Phật sai đến liền cúng dường thi thể của Bạt-ca-lê xong thì trở về chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: Kính bạch Thế Tôn! Con đã đem lời dạy của Thế Tôn truyền lại đầy đủ với Tôn giả Bạt-ca-le. Ton giả ấy đã thưa: "Đấng Đại sư khéo biết rõ điều cần biết, khéo thấy rõ điều cần thấy! Hai vị trời kia cũng khéo biết rõ điều cần biết, khéo thấy rõ điều cần thấy... (nói đầy đủ như trên, cho đến) dùng dao tự sát. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Hãy cùng Như Lai đến chỗ để thi thể của Bạt-ca-lê tại tinh xá Kim Sư! Đen nơi, thấy thi thể của Bạt-ca-lê có sắc viễn ly. Thấy rồi, đức Phật liền nói với các Tỳ-kheo: -Các thầy có thấy thi thể Tỳ-kheo Bạt-ca-lê nằm trên đất có sắc viễn ly không? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn, chúng con có thấy! Phật lại hỏi các Tỳ-kheo: -Có thấy xung quanh thi thể Bạt-ca-lê có tướng u tối bao quanh bốn phía không? Các Tỳ-kheo bạch Phật: - Kính bạch Thế Tôn, chúng con có thấy! Phật bảo các Tỳ-kheo: Đó là tướng của Ac ma đi quanh

thi thê đê tìm thân thức của thiện nam Bạt-ca-lê sẽ sanh vào cõi nào. Phật bảo các Tỳ-kheo:  Thiện nam Bạt-ca-lê trong khi dùng dao tự sát thì thần thức không trụ vào chỗ nào cả.59

59 Bat-ca-lê thiện nam tử bất trụ thức thần, dĩ đao tự sát ().Tham chiếu: S. 22.87 - III. 119: Appatitthitena ca, bhikkhave, viññānena vakkali kulaputto parinibbuto'ti (Nhưng này các Tỷ-kheo, với thức không an trú tại một chỗ nạo, thiện nam tử Vakkali đã nhập Niet- ban mọt cách hoàn toàn), HT.Jhich Minh Châu dịch. Tăng.(T.02. 0125.26.10. 0643al0): Thần thức Ty-kheo Bà-ca-lê vĩnh viễn không còn trụ vào bất cứ nơi đâu. Người thiện nam kia đã vào Niêt- l (.



Bấy giờ, Thế Tôn thọ ký cho Bạt-ca-lê chứng quả A-la-hán.60 Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

1266. TỲ-KHEO XIỂN-ĐÀ61 Tôi nghe như vây: Một thòi, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà9 thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Ton giả Xiển-đà62 ở trong rừng Hảo Y Am-la của thôn Na-la và đang bị bệnh rất nguy kịch. Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất nghe tin Tôn giả Xiển-đà bị bệnh rất nguy kịch, đang ở trong rừng Hảo Y Am-la của thôn Na-la? liền nói với Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la:  Tôn giả biết chăng? Tỳ-kheo Xiển-đà bi bệnh rất nặng, đang ở trong rừng Hảo Y Am-la của thôn Na-la. Chúng ta nên cùng đến thăm thầy ấy. Ton gia Cau-hy-la im lăng nhạn lơi. The roi, Ton gia Xa-lai-phat va Ton gia Ma-ha Cau-hy-la cùng đi đen rừng Hảo Y Am-la của thôn Na-la, roi vào phòng Tôn giả Xiển-đà. Từ xa trông thấy Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Ma-ha Cau- hy-la đến, Tôn giả Xiển-đà vịn giường gắng ngồi dậy thì Tôn giả Xá-lợi-phất liên bảo: - Thầy không nên ngồi dậy! Hai Tôn giả liền ngồi vào một chiếc giường khác và hỏi thăm Tôn giả Xiển-đà: -Thế nào rồi Tôn giả Xiển-đà? Có chịu nổi sự đau đớn không? Bệnh tình càng tăng hay đã thuyên giảm?... (nói đầy đủ như trong Kinh Tỳ-kheo Saỉ-ma ở trên). Tôn giả Xiển-đà thưa: -Hiện tại, thân tôi lâm bệnh vô cùng khốn khổ, khó chịu đựng nổi. Bệnh tình càng tăng chứ không thuyên giảm, chỉ muốn cầm dao tự sát chứ không muốn kéo dài mạng sống. Tôn giả Xá-lợi-phất nói: -Tôn giả Xiển-đà! Thầy hãy cố gắng, chớ tự hại mình! Nếu thầy tiếp tục sống, tôi sẽ tới lui chia sẻ với thầy. Nếu thầy có thiếu thốn gtôi sẽ cung cấp cho thây, lo liệu thuôc thang đúng pháp. Nếu thầy không có người chăm bệnh thì tôi sẽ chăm, nhất định thầy sẽ vừa ý? không làm thầy phật ý.

60 Nguyên tác: Thọ đệ nhất ký ().Xem chú thích 66, kinh số 302, quyển 12, tr. 362; Tạp. (Z02. 0099.302. 0086a04). Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02.0099.1266.0347b 14). Tham chiếu: M. 144, Channovãda Sutta (Kinh giáo giới Channo); s. 35.87 - IV. 55. 62 Xiển-đà (Channa).



Tôn giả Xiển-đà thưa:  Tôi được các trưởng giả, Bà-la-môn trong thôn Na-la đến thăm nom và cúng dường y phục, thức ăn thức uống, ngọa cụ, thuốc thang không thiếu thứ gì. Tôi cũng có đệ tử Phạm hạnh nuôi bệnh cũng vừa ý chứ không trái ý. Nhimg bệnh tình của tôi vô cting đau đớn, khó chịu đựng nổi, chỉ muốn tự sát chứ không muốn kéo

dài sự song đau khổ này nữa. Tôn giả Xá-lợi-phất nói: Bây giờ tôi hỏi, thầy hãy trả lời theo suy nghĩ của mình. Này Xiển-đà! Những pháp như mat, sự nhận biết của măt và săc được nhận biết bởi mat, thây có thấy chúng là ngã, khác với ngã hay là chúng ở trong nhau không? Ton gia Xien-da đáp: Thưa không! Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi: -Xiên-đà! Những pháp như tai, mũi, lưỡi, thân, ý và ý thức, những pháp được nhận biết bởi ý thức, thầy có thấy chúng là ngã, khác ngã hay chúng ở trong nhau? Ton giả Xiên-đa đáp: -Thưa không! Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi: Xiển-đà! Đối với mắt, sự nhận biết của mắt và sắc, thầy thấy nó như thế nào, nhận biết nó như thế nào, liễu tri nó như thế nào mà cho rằng mắt, sự nhận biêt của mát và sác không phải là ngã, không phải khác ngã và cũng không ở trong nhau? rry _ • 9 Ạ __ -x/- • 4. A J. / _ Ton giả Xien-đa đáp: -Đôi với mát, sự nhận biêt của mát và săc? tôi thây chúng là pháp hoại diệt,63 biết chúng là pháp hoại diệt, cho nên tôi thấy mắt, sự nhận biết của mắt và sắc không phải là ngã, không khác với ngã, cũng không ở trong nhau. Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi: -Xiển-đà! Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý9 ý thức và các pháp thầy thấy chúng như thế nào, liễu tri chúng như thế nào mà cho rằng ý, ý thức và các pháp không phải là ngã, không khác với ngã, cũng không ở trong nhau? Tôn giả Xiển-đà đáp: —Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Đối với tai, mũi5 lưỡi, thân, ý? ý thức và các pháp tôi thấy chúng là pháp hoại diệt, biết chúng là pháp hoại diệt, cho nên đối với ý, ý thức và các pháp tôi thấy chúng không phải là ngã, không khác với ngã, cũng không ở trong nhau. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Nhưng hôm nay thân thể

63 Nguyên tác: Kiến diet ().M. 144, Channovāda Sutta (Kinh giảo giới Channo): Dhammesu nirodham abhiññāya (liêu tri những pháp hoại diệt).



tôi VÔ cùng đau đớn, khó chịu đựng nổi, chỉ muốn cầm dao tự sát chứ không muốn song kho sở nữa. Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la nói với Tôn giả Xiển-đà: -Nay thầy hãy tu tập chánh niệm y theo Đại sư, như Đại sư đã dạy: "Còn chỗ nương tựa là còn dao động. Còn dao động là còn thú hướng. Còn thú hướng thì không dừng nghỉ. Không dừng nghỉ thì qua lại theo các cõi. Qua lại các cõi thì có sanh tử ở tương lai. Có sanh tử ở tương lai thì có nổi chìm ở tương lai. Có noi chìm ở tương lai sẽ có sanh, già, bệnh, chết, buồn, lo, kho, não. Như the hợp thành một khối khổ lớn.^, Thế Tôn cũng đã dạy: "Không có chỗ nương tựa thì không còn dao động. Không còn dao động thì không còn thú hướng. Không thú hướng thì được dừng nghỉ. Đã được dừng nghỉ thì không còn qua lại các cõi. Đã không còn qua lại các cõi thì không có sanh tử ở tương lai. Không còn sanh tử ở tương lai thì không có nổi chìm ở tương lai. Không còn nổi chìm ở tương lai sẽ không còn sanh, già, bệnh, chết, buồn, lo, khổ, não. Như thế một khối khổ lớn diệt tận.99 Tôn giả Xiển-đà thưa: -Thưa Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la! Phận sự cúng dường Thế Tôn nay tôi làm đã xong! Phận sự tùy thuận đấng Thiện Thệ nay tôi đã làm xong, rất vừa ý chứ chẳng phải không vừa ý. Những việc cần làm của đệ tử nay đã làm xong. Nếu còn phận sự khác mà đệ tử phải làm để cúng dường Đại sư thì tôi cũng sẽ như vậy mà cúng dường Đại sư vừa ý? chẳng phải không vừa ý. The nhưng, bây giờ thân thể tôi đau đớn vô cùng, không thể chịu nổi, chỉ muốn cầm dao tự sát, không muốn sống khổ

sở nữa. Lúc ấy, Tôn giả Xiển-đà liền cầm dao tự sát ngay trong rừng Hảo Y Am-la của thôn Na-la. Sau khi cúng dường Xá-lợi của Tôn giả Xiển-đà xong, Tôn giả Xá-lợi-phất liền đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi đứng sang một bên và thưa: Kính bạch Thế Tôn! Tôn giả Xiển-đà ở trong rừng Hảo Y Am-la của thôn Na-la đã dùng dao tự sát. Bạch Thế Tôn! Tôn giả Xiển-đà kia sẽ về cõi nào? Thọ sanh thế nào? Đời sau ra sao? Phật nói với Tôn giả Xá-lợi-phất: -Thầy ấy chẳng phải đã tự nói rằng: "Thua Tôn giả Ma-ha Cau-hy-la! Phận sự cúng dường Thế Tôn nay tôi đã làm xong! Phận sự tùy thuận đấng Thiện Thệ nay tôi đã làm xong, rất vừa ý, chẳng phải không vừa ý. Những việc cần làm của một người đệ tử nay đã làm xong. Nếu còn phận sự khác phải làm để cúng dường Đại sư thì tôi cũng sẽ như vậy, vừa ý chứ chẳng phải không vừa " rồi ư? Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi: Kính bạch Thế Tôn! Trước dây, khi Tôn giả Xiển-đà ở trong thôn Bà-la- môn Trấn-trân-ni được mọi người cúng dường, mọi người quý kính, mọi người khen ngợi.



Phật nói với Tôn giả Xá-lợi-phất: Đúng vậy, Xá-lợi-phất! Thiện nam thành tựu chánh trí và giải thoát hoàn toàn64 sẽ được mọi người cúng dường, mọi người rất quý kính, mọi người khen ngợi. Này Xá-lợi-phất! Như Lai không nói người đó có lỗi lớn. Nếu có người từ bỏ thân này rồi tiếp tục thọ thân khác, Như Lai mới nói người đó có lỗi lớn. Nêu có người từ bỏ thân này roi không tiêp tục thân khác thì Như Lai không nói người đó có lỗi lớn. Do không có lỗi lớn, nên ở trong vườn Hảo Y Am-la của thôn Na-la, Xiển-đà đã dùng dao tự sát. Như vậy, Thế Tôn đã thọ ký cho Tôn giả Xiển-đà chứng quả A-la-hán.65 Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả Xá-lợi-phất hoan hỷ đảnh lễ rồi rời đi.66

64 Nguyên tác: Thiện giải thoát (,suvimuttà). Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển l, tr. 19; M (T.02. 0099.22. 0004C20). 65 Nguyên tác: Thọ đệ nhất ký ().Xem chú thích 66, kinh số 302, quyển 12, tr. 362; Tạp. (7L02. 0099.302. Ô086a04). 66 Bản Hán, hết quyển 47.



QUYỂN 48 1267. VƯỢT QUA DÒNG THÁC1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà9 thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, trời gần về sáng, có một thiên tử dung sắc tuyệt diệu đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử tỏa chiếu khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, thiên tử kia bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Phải chăng Ngài là Tỳ-kheo đã vượt qua dòng thác? Đức Phật đáp: -Đúng vậy, thiên tử! Thiên tử lại hỏi: Không chỗ bám víu, cũng không chỗ dừng trụ tức là vượt qua dòng thác chăng? Đức Phật đáp: -Đúng vậy, thiên tử! Thiên tử lại hỏi: Không chỗ bám víu, cũng không chỗ dừng trụ là vượt qua dòng thác, nghĩa này the nào? Đức Phật đáp: Này thiên tử! Ta giữ chặt như vậy như vậy; thẳng tiến như vậy như vậy thì không bị nước cuốn trôi. Nếu không giữ chặt như vậy như vậy; không thẳng tiến như vậy như vậy thì sẽ bị nước cuốn. Thiên tử! Như vậy gọi là không chỗ bám víu, cũng không chỗ trụ mà vượt qua dòng thác. Bấy giờ, thiên tử nói

kệ: Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian. Lúc ây, thiên tử kia nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, lạy sát chân Phật rồi biến mất. *** 1 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.1267. 0348b07). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.Ỏ2. 010Ó.180. 0438cl2);S. 1.1-L 1.



1268. GIẢI THOÁT2 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, trời gần về sáng, có một thiên tử dung sắc tuyệt diệu đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử tỏa chiếu khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, thiên tử kia bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Ngài có biết giải thoát chắc chắn, giải thoát rộng lớn, giải thoát rát rộng lớn của tát cả chúng sanh bi châp trước, bị tập nhiễm chăng? Phật bảo thiên tử: Ta biết rõ giải thoát chắc chắn, giải thoát rộng lớn, giải thoát rất rộng lớn của tất cả chúng sanh bị chấp trước, bị tập nhiễm. Thiên tử lại hỏi: Thế Tôn làm thế nào để biết giải thoát chắc chắn, giải thoát rộng lớn, giải thoát rất rộng lớn của tất cả chúng sanh bị chấp trước, bị tập nhiễm? Phật nói với thiên tử: -Ái và hỷ diệt tận nên tâm Ta giải thoát. Do tâm Ta đã giải thoát cho nên biết rõ sự giải thoát chắc chắn, giải thoát rộng lớn, giải thoát rất rộng lớn của tất cả chúng sanh bị chấp trước, bị tập nhiễm. Lúc đó? thiên tử nói kệ: Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thê gian. Bấy giờ, thiên tử kia nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hy, lạy sát chân Phật rồi biến mất. *** 1269. AI QUA ĐƯỢC CÁC DÒNG3 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, trời gần về sáng, có một thiên tử dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài, ánh sáng trên thân thiên tử tỏa chiếu khắp rừng Kỳ-đà, vươn Cap Cô Độc. 2 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1268. 0348Ồ23). Tham chiếu: Biệt Tạp. (rÒ2. 0100.179. 0438025); S. 1.2-i. 2. 3 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tớp.(T.02. 0099.1269. 0348c09). Tham chiếu: ([.og. 0099.1316. 0361Ồ23); Biệt Tạp.(T.02. 0100.178. 0438Ồ08); Biệt Tạp.(T.02. 0100.315. 0479cl7);S.2.15-L 53; i



Khi ây, thiên tử kia dùng kệ hỏi Phật:
Ai qua được các dòng, Ngày đêm luôn tinh tấn,
Không duyên cũng không trụ, Không còn nhiễm trước gì?
The Ton noi kẹ đáp:
Đầy đủ tất cả giới, Trí tuệ, khéo trụ đinh,
Trong tư duy nhiếp niệm, Hết nạn, vượt các dòng.

Không ưa thích dục tưởng, Vượt qua sác trói buộc,
Không duyên cũng không trụ, Cũng không còn nhiễm trước.
Lúc đó, thiên tử kia nói kệ:
Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn,
Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian.

Bấy giờ, thiên tử kia nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, lạy sát chân Phật rồi biến mất.

***

1270. THIÊN NỮ CÂU-CA-NI4 y

Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Sơn Cốc, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, trời gần về sáng, có thiên nữ Câu-ca-ni là con gái của trời Quang Minh, dung sắc tuyệt diệu, đi đen chỗ Phật, lạy sát chân Ngài. Anh sáng trên thân thiên nữ tỏa chiêu kháp Sơn Cóc. Khi ấy, thiên nữ Câu-ca-ni nói kệ: Thân, miệng, ý ở đời, Không làm những việc ác, Năm dục đều hư dối? Tỉnh giác, giữ chánh niệm, Không gần gũi các khổ, Và điều chẳng lợi ích.4 5 Đức Phật đáp lời thiên nữ: Đúng vậy, đúng vậy! Than, miêng, y ở đời, Không làm những việc ác? Năm dục đều hư dối, Tỉnh giác, giữ chánh niệm, Không gần gũi các khổ, Và điều chẳng lợi ích. Thiên nữ Câu-ca-ni nghe Phật nói xong, hoan hỷ và tùy hỷ, lạy sát chân Phật rồi biến mất.

4 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Thp.(r.O2. 0099.1270. 0348c25). Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.1271. 0349a23); Biệt Tạp.(r02. 0101.269. 0468b27). 5Nguyentác: RF.Tham chiêu: S. 1.40 - L 30: Pāpam na kayirā vacasā
manasā. Kāyena vā kiñcanā sabbaloke; Kāme pahāya satimā sampajāno, Dukkham na sevetha anatthasarnhitan 'tin (ơ đời, chớ làm ác /Cả ba thân, khẩu, ý / Từ bỏ mọi thứ dục / Chánh niệm, tâm tỉnh giác / Không khô hạnh ép xác / Vô bổ, không lợi ích), HT. Thích Minh Châu dịch.

QUYỂN 48 > 1417

Bấy giờ, vào sáng sớm hôm sau, Thế Tôn đến giữa Tăng chúng, trải tọa cụ ngồi trước đại chúng rồi nói với các Tỳ-kheo:  Cuối đêm qua, có thiên nữ Câu-ca-ni dung sắc tuyệt diệu đi đến chỗ Như Lai, đảnh lễ sát chân Như Lai rồi ngồi sang một bên và nói kệ: Than, miệng, y ở đời? Không làm những việc ác? Năm dục đều hư dối, Tỉnh giác, giữ chánh niệm, Không gần gũi các khổ, Và điều chẳng lợi ích. Như Lai liền đáp: "Đúng vậy, thiên nữ! Đúng vậy, thiên nữ!” Thân, miệng, ý ở đời, Không làm những việc ác, Năm dục đều hư dối, Tỉnh giác, giữ chánh niệm, Không gần gũi các khổ, Và điều chẳng lợi ích. Thiên nữ Câu-ca-ni nghe Như Lai nói lời này xong, hoan hỷ và tùy hỷ, lạy sát chân Như Lai rồi biến mất. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

1271. KINH PHÁP BỐN CÂU67 8 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Sơn Cốc, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Tôn giả A-nan nói với các Tỳ-kheo:  Nay tôi sẽ nói Kinh pháp bốn câu, hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Tôi sẽ vì các thầy mà giảng nói. Thế nào là Kinh pháp bốn cà7 Khi ấy, Tôn giả A-nan liền nói kệ: Thân, miệng, ý ở đời, Không làm những việc ác Năm dục đều hư dối,9 Tỉnh giác, giữ chánh niệm,10 Không gần gũi các khổ, Và điều chẳng lợi ích.11 Này các Tỳ-kheo! Đây gọi là Kinh pháp bôn câu.

6 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1271. 0349a23). Tham chiếu: Tạp.(r02. 0099.1270. 0348C25). Biệt Tạp.(7.02. 0101.270. 0468cl4). 7 Nguyên

tác:F.Thgm chiêu: S. 1.40 - L 30: Pāpam na
kayỉrã vacasā manasā. Kāyena vã kiñcanā sabbaloke; Kāme pahāya satimā sampajāno, Dukkham na sêvetha anatthasamhitan "R (ở đời, chớ làm ác / Cả ba thân, Idiau, ỳ/ Từ bỏ mọi thứ dục / Chánh niệm, tâm tỉnh giác / Không khô hạnh ép xác / Vô bô, không lợi ích), HT. Thích Minh Châu dịch. 8 Nguyên tác:.Đây là câu thứ nhất. 9
Nguyên tác:.Đây là câu thứ hai. 10 Nguyên tác:.Đây là câu thứ ba. 11
Nguyên tác:.Đây là câu thứ tư.



Bấy giờ, cách Tôn giảA-nan không xa5 có một Bà-la-môn đang dạy cho các Bà-la-môn trẻ tuổi tụng đọc kinh điển. Khi ấy, vị Bà-la-môn này liền nghĩ: "Bài kệ của Sa-môn A-nan nói so với kinh của ta thì đây là lời của phi nhân I16Ì." Thế rồi, Bà-la-môn này liền đi đến chỗ Phật, xá chào thăm hỏi Thế Tôn xong rồi ngồi sang một bên và thưa: Thưa Cù-đàm! Sa-môn A-nan đã nói kệ răng: Thân, miệng, ý ở đời, Không làm những việc ác, Năm dục đều hư dối, Tỉnh giác, giữ chánh niệm, Không gần gũi các khổ, Và điều chẳng lợi ích. Những điều được nói như vậy thật sự là lời của phi nhân chứ không phải của loài người. Phật trả lời Bà-la-môn: Đúng vậy, đúng vậy! Bà-la-môn! Đây là lời của phi nhân nói, không phải loài người nói. Hồi đó, có thiên nữ Câu-ca-ni đến chỗ Ta, lạy sát chân Ta rồi ngồi qua một bên và nói kệ: Thân, miệng, ý ở đời, Không làm những việc ắc, Năm dục đều hư (tói, Tỉnh giác, giữ chánh niệm, Không gần gũi các khổ, Và điều chẳng lợi ích. Ta liền trả lời: "Dúng vậy, đúng vậy! Như lời thiên nữ đã n6i." Thân, miệng, ý ở đời, Không làm những việc ác? Năm dục đều hư dối, Tỉnh giác, giữ chánh niệm, Không gần gũi các khổ, Và điều chẳng lợi ích. Do đó, này Bà-la-môn! Nên biết, lời lẽ trong bài kệ này là do phi nhân nói chứ không phải loài người nói. Đức Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ sát chân Phật rồi ra về. *** 1272. THIÊN NỮ CÂU-CA-NA-SA12 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Sơn Cốc, thuộc thành Vương Xá. _ r e Bây giờ, có thiên nữ Câu-ca-na-sa,13 con gái của trời Quang Minh, phát ra ánh sáng lớn chiếu soi cùng khắp, đã quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng từ trên thân thiên nữ tỏa chiếu khắp tinh xá Sơn Cốc. Thiên nữ hiện ra trước Phật và nói kệ:

12 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1272. 0349Ồ24). 13 Câu-ca-na-sa (Kokanadā).



Thân, miệng, ý ở đời, Không làm những việc ác, Năm dục đều hư dối, Tỉnh giác, giữ chánh niệm, Không gần gũi các khổ, Và điều chẳng lợi ích. Bấy giờ, Thế Tôn nói với thiên nữ: Đúng vậy, đúng vậy, thiên nữ! Như lời cô đã nói. Thân, miệng, ý ở đời, Không làm những việc ác, Năm dục đều hư dối, Tỉnh giác, giữ chánh niệm, Không gần gũi các khổ, Và điều chẳng lợi ích. Thiên nữ Câu-ca-na-sa nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, lạy sát chân Phật rồi biến mất. Sáng sớm hôm sau, Thế Tôn vào trong chúng Tăng, trải tọa cụ ngồi trước đại chúng rồi nói với các Tỳ-kheo: Cuối đêm hôm qua có

thiên nữ Cau-ca-na-sa, là con gái của trời Quang Minh, đi đến chỗ Như Lai, đảnh lễ sát chân Như Lai rồi ngồi sang một bên và nói kệ: Thân, miệng, ý ở đời, Không làm những việc ác, Năm dục đều hư dối, Tỉnh giác, giữ chánh niệm, Không gần gũi các khổ, Và điều chẳng lợi ích. Lúc này, Như Lai liền nói: "Đúng vậy, đúng vậy, thiên nữ! Như lời cô đã nói.95 Thân, miệng, ý ở đời, Không làm những việc ác, Năm dục đều hư dối, Tỉnh giác, giữ chánh niệm, Không gần gũi các khổ, Và điều chẳng lợi ích. The Ton lại noi kẹ: Thiên nữ Cau-ca-na? Ánh sáng chiếu rực rỡ Kính lễ Phật, Pháp, Tăng, Nói kệ nghĩa lợi h Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 1273. HIỂU PHÁP14 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Sơn Cốc, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, có thiên nữ Cau-ca-na-sa?15 là con gái của trời Quang Minh, phóng ra ánh sáng lớn chiếu soi rực rỡ. Vào lúc cuối đêm, thiên nữ đi đến chỗ Phật, lạy

14 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.1273. 0349c23).Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0101.271. 0469a03); s. 1.40 - ì. 30. 15 Câu-ca-na-sa (Kokanadā).



sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng từ trên thân thiên nữ tỏa chiếu khắp tinh xá Sơn Cốc. Thiên nữ hiện ra trước Phật và nói kệ: Con có thể diễn rộng, Pháp, Luật của Như Lai, Nhưng nay chỉ nói lược, Đủ lòng con tỏ bày. Thân, miệng, ý ở đời, Không làm những việc ác, Năm dục đều hư dối, Tỉnh giác, giữ chánh niệm, Không gần gũi các khổ, Và điều chẳng lợi ích. Phật nói với thiên nữ: Đúng vậy, đúng vậy, thiên nữ! Như lời cô đã nói. Thân, miệng, ý ở đời, Không làm những việc ác, Năm dục đều hư dối, Tỉnh giác, giữ chánh niệm, Không gần gũi các khổ, Và điều chẳng lợi ích. Thiên nữ Câu-ca-na-sa nghe Phật nói xong, hoan hỷ và tùy hỷ, bèn lạy sát chân Phật rồi biến mất. Sáng sớm hôm sau, Thế Tôn vào trong chúng Tăng, trải tọa cụ ngồi trước đại chúng rồi nói với các Tỳ-kheo: Cuối đêm hôm qua, thiên nữ Câu-ca-na-sa lại đến chỗ Như Lai, đảnh lễ sát chân Như Lai rồi ngồi sang một bên và nói kệ: Con có thể diễn rộng, Pháp, Luật của Như Lai, Nhưng nay chỉ nói lược, Đủ lòng con tỏ bày. Thân, miệng, ý ở đời, Không làm những việc ác, Năm dục đều hư dối, Tỉnh giác, giữ chánh niệm, Không gần gũi các khổ, Và điều chẳng lợi ích. Lúc ấy Như Lai nói: "Đúng vậy, thiên nữ! Đúng vậy, thiên nữ! Như lời cô I16Ì." Thân, miệng, ý ở đời, Không làm những việc ác5 Năm dục đều hư dối, Tỉnh giác, giữ chánh niệm, Không gần gũi các khổ, Và điều chẳng lợi ích. Thiên nữ kia nghe Như Lai nói xong, hoan hỷ và tùy hỷ, lạy sát chân Như Lai rồi biến mất. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

1274. THIÊN NỮ CHÂU-LÔ-ĐÀ16 Tôi nghe như vầy:

16 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1274. 0350a26). Tham chiếu: Biệt Tạp. (r.02. 010L272. 0469al7); s. 1.39 - L 29.



Một thòi, đức Phật ngụ tại giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu, thuộc thành Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, có thiên nữ Câu-ca-na-sa và thiên nữ Châu-lô-đà17 dung sắc tuyệt diệu, trời

gần về sáng cùng đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân các thiên nữ tỏa chiếu khắp ao Di Hầu. Bấy giờ, thiên nữ Châu-lô-đà nói kệ bạch Phật: Đại sư Đẳng Chánh Giác, ở nước Tỳ-xá-ly, Câu-ca-na, Châu-16, Cúi đầu cung kính lễ. Con xưa chưa từng nghe, Pháp, Luật của Mâu-ni, Nay đích thân được thấy, Ngài giảng nói Chánh pháp. Đối với Pháp và Luật, Mà sanh tâm chán ghét, Ắt sẽ rơi đường ác, Lâu dài chịu khổ đau. Đối với Pháp và Luật, Chánh niệm, đủ luật nghi, Sẽ sanh lên cối trời, Mãi mãi được an vui. Thiên nữ Câu-ca-na-sa lại nói kệ: Thân, miệng, ý ở đời, Không làm những việc ác, Năm dục đều hư dối, Tỉnh giác, giữ chánh niệm, Không gần gũi các khổ, Và điều chẳng lợi ích. Đức Phật đáp lại thiên nữ:  Đúng vậy, đúng vậy! Như lời cô nói. Thân, miệng, ý ở đời, Không làm những việc ác, Năm dục đều hư dối, Tỉnh giác, giữ chánh niệm, Không gần gũi các khổ, Và điều chẳng lợi ích. Các thiên nữ nghe Phật nói xong, hoan hỷ và tùy hỷ, rồi biến mất. Sáng sớm hôm sau, Thế Tôn vào trong Tăng chúng, trải tọa cụ ngồi giữa đại chúng roi nói với các Tỳ-kheo:  Cuối đêm hôm qua, có hai thiên nữ dung sắc tuyệt diệu đi đến chỗ Như Lai, lễ bái Như Lai xong, họ ngồi sang một bên. Thiên nữ Châu-lô-đà nói kệ: Đại sư Đẳng Chánh Giác, ở nước Tỳ-xá-ly? Con Câu-ca-na-sa, Cùng vơi Châu-lô-đà? Hai thiên nữ chúng con, Đảnh lễ sát chân Phật. Con xưa chưa từng nghe, Pháp, Luật của Mâu-ni, Nay được thấy Chánh Giác, Diễn nói pháp huyền vi, Đối với Pháp và Luật, Mà sanh tâm chán ghét, Ắt rơi vào đường ác, Lâu dài chiu khổ lớn.

17 Châu-lô-đà ,Cūlakokanadā, em gái của Kokanadā.



Đôi với Pháp và Luật, Chánh niệm, đủ luật nghi, Sẽ được sanh cõi trời, Mãi mãi được an vui. Thiên nữ Câu-ca-na-sa lại nói kệ: Thân, miệng, ý ở đời, Không làm những việc ác, Năm dục đều hư dối, Tỉnh giác, giữ chánh niệm, Không gần gũi các khổ, Và điều chẳng lợi ích. Như Lai nói:  Đúng vậy! Như lời cô nói. Thân, miệng, ý ở đời, Không làm những việc ác, Năm dục đều hư dối, Tỉnh giác, giữ chánh niệm, Không gần gũi các khổ, Và điều chẳng lợi ích. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 1275. SÂN HÀN VỚI NGƯỜI KHÔNG SÂN18 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà9 thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, trời gần về sáng, có thiên tử dung sắc tuyệt diệu, đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài roi ngôi sang một bên. Anh sáng trên thân thiên tử tỏa chiêu r ___ r

khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, vị thiên tử này nói kệ: Không xúc, không trả xúc, Nếu xúc, xúc đáp ngay, Do xúc nên bi xúc, Không sân, không chuốc sân. The Ton noi kẹ đáp: Chớ nên dùng sân hận? Đối với người không sân, Bậc Hiền giả tịnh thanh, Lìa các phiền não kiết. Khởi tâm ác với họ, Tâm ác hại lại mình, Như tung bụi ngược gió, Ắt bụi lấm thân mình. Lúc đó, thiên tử lại nói kệ: Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bn, Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian. Bấy giờ? thiên tử kia nghe đức Phật nói pháp xong, hoan hỷ và tùy hỷ, lạy sát chân Phật rồi biến mất. *** 18 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.1275. 0350cll). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 010L273. 0469b 10); s. 1.22 -1. 27.

1276. AN LẠC19 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rưng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, trời gần về sáng, có một thiên tử dung sắc tuyệt diệu, đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử tỏa chiếu khắp rừng Kỳ-dà, vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, vị thiên tử này nói kệ: Việc làm của người ngu, Không hợp với trí tuệ, Việc ác do mình tạo, Là bạn ác của mình, Những việc ác đã tạo, Cuối cùng chịu khổ báo. Bay giờ, The Ton nói kệ đáp: Đã tạo nghiệp bất thiện, Ắt phải chiu các khổ, Tạo nghiệp thì hân hoan, Chịu báo lại kêu khóc. Người gieo những nghiệp thiện, Sẽ idiông bi khổ não, Khi tạo nghiệp thì vui, Nhận quả lại an lạc. Lúc đó, thiên tử lại nói kệ: Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn? Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian. Bây giờ, thiên tử kia nghe Phật nói xong, hoan hỷ và tùy hỷ, lạy sát chân Phật rồi biến mất. *** 1277. HIỀM TRÁCH20 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ* Bấy giờ, trời gần về sáng, có một thiên tử dung sắc tuyệt diệu, đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử tỏa chiếu khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, vi thiên tử này nói kệ: Không thể chỉ nói suông, Cũng không nghe một chiêu, Mà đến được dấu đạo, Phải cô găng vượt qua, Tư duy, khéo tịch diệt, Thoát trói buộc quân ma. Làm được rồi mới nói, Không được thì chớ bàn, Người không làm mà nói, Người trí biết rằng sai.

19 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1276. 0350c27). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 010L274. 0069b27); s. 2.22 I. 57. 20 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1277. 0351al4). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 010L275. 0469c 10); s. 1.35 -L 23.



Không làm điều đáng làm, Không làm mà nói làm, Là đông với giặc quây, Gọi là nghiệp bất thiện. Bấy giờ, Thế Tôn hỏi thiên tử: Nay ông có điều gì hiềm trách ư?

Thiên tử bạch Phật:
Bạch Thế Tôn! Con xin hối lỗi. Bạch Thiện Thệ! Con xin hối lỗi.
Thế Tôn mỉm cười hoan hỷ. Khi ấy, thiên tử kia lại nói kệ:
Nay con xin hối lỗi, The Ton không chap nhạn,
Trong lòng ôm ác tâm, Oán hận mà không bỏ.
The Ton noi kê đáp:
Chỉ nói hối lỗi suông, Nhưng trong tâm không dừng,
Làm sao dứt được oán, Mà gọi là tu thiện?
Lúc đó9 vị thiên tử kia nói kệ:
Ai không có lỗi lầm? Người nào không có tội?
Ai mà không ngu si? Ai thường hay cố chấp?
Lúc đó, thiên tử kia lại nói kệ:
Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn,

Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian.
Bay giờ, thiên tử kia nghe Phật nói xong, hoan hỷ và tùy hỷ, lạy sát chân Phật rồi biến mất.
***

1278. TỲ-KHEO CÙ-CA-LÊ (2)2122 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, có Tỳ-kheo Cù-ca-lê^2 là người thuộc nhóm Đề-bà-đạt-đa, đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Khi ấy, Thế Tôn nói với Cù-ca-lê: Này Cù-ca-lê! Vì sao đối với Phạm hạnh thanh tịnh của Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên mà thầy lại khởi tâm không thanh tịnh? Như vậy thầy sẽ phải chịu kho não lâu dài, không được lợi ích. Tỳ-kheo Cù-ca-lê bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nay con tin lời của Thế Tôn, lời Ngài nói không sai. Nhưng Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên có tâm tham muốn sai trái.

21Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.1278. 0351bl2). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100.276. 0470al4); Tăng.(7o2. 0125.21.5. 0603Ồ02); s. 2.22 - L 57; s. 6.9-10 - L 149; A. 4.3 - II. 2; A. 10.89 - v. 170; Sn. 3.10 . 124. 22 Cù-ca-lê (Kokāliya).



Cù-ca-lê nói như vậy hai, ba lần. Tỳ-kheo Cù-ca-lê là người thuộc nhóm Đề-bà-đạt-đa, ở chỗ Thế Tôn, lặp đi lặp lại ba lần như vậy, chống đối, không chịu vâng lời, rồi đứng dậy bỏ đi. Sau khi bỏ đi, khắp thân thể thầy ấy liền nổi đầy mụt nhọt giống như hạt dẻ rồi dần dần to lên như trái đào. Khi ấy5 Tỳ-kheo Cù-ca-lê đau đớn khốn khổ, buộc miệng rên la: "Nóng quá! Nóng quá!", rồi máu mủ chảy ra, sau đó qua đời, đọa vào địa ngục lớn Bát-đàm-ma.23 Bấy giờ, trời gần về sáng, có ba vi thiên tử dung sắc tuyệt diệu, đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Lúc này, một thiên tử bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo Cù-ca-lê là người của nhóm Đề-bà-đạt-đa? nay đã qua đời. Thiên tử thứ hai thưa: Chư Tôn nên biết, Tỳ-kheo Cù-ca-lê lâm chung, đọa vào địa ngục. Thiên tử thứ ba lại nói kệ: Người sống ở thế gian, Búa sanh từ trong miệng, Trở lại chặt thân mình, Đo vì lời noi ác. Đáng chê thì khen ngợi, Đáng khen lại chê bai, Tội ấy từ miệng sanh, Chết đọa vào đường ác. Cờ bạc mất hết của, Phải, quấy là lỗi to, Hủy báng Phật và Tăng, Đó là tội rất lớn. Ba vị thiên tử kia sau khi nói kệ xong liền biến mất. Sáng sớm hôm sau, Thế Tôn đi vào trong Tăng chúng, trải tòa ngồi trước đại chúng và nói với các Tỳ-kheo: Cuối đêm hôm qua, có ba vị thiên tử đến chỗ Như Lai, đảnh lễ sát chân Như Lai roi ngôi sang một bên. Vị thiên tử thứ nhát nói với Như Lai: "Kính bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo Cù-ca-lê thuộc nhóm của Đề-bà-đạt-đa, nay đã lâm chung." Thiên tử thứ hai thưa: uTỳ-kheo Cù-ca-lê qua đời, đọa vào địa ngục." Vị thiên tử thứ ba lại nói kệ: Người sống ở thế gian, Búa sanh từ trong miệng, Trở lại chặt thân mình, Đó vì lời nói ác. Đáng chê thì khen ngợi, Đáng khen lại chê bai, Tội ấy từ miệng sanh, Chết đọa vào đường ác. Sau khi nói kệ xong, các thiên tử liền biến mất. Này các Tỳ-kheo! Các thầy có muốn biết kỳ hạn thọ mạng của chúng sanh trong địa ngục A-phù-đà24 không?

23 Bát-đàm-ma địa ngục Padumaniraya: Địa ngục Sen Hồng. 24 A-phù-đà ,Abbuda.



Các Tỳ-kheo bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Nay thật đúng lúc, cúi xin Thế Tôn vì đại chúng nói về kỳ hạn thọ mạng của chúng sanh trong địa ngục A-phù-đà. Tỳ-kheo chúng con nghe xong sẽ lãnh thọ phụng hành. Phật bảo các Tỳ-kheo: Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ vì các thầy mà giảng nói. Ví như tại nước Câu-tát-la, bốn thăng là một a-la, bốn a-la là một độc-lung-na, mười sáu độc-lung-na là một xà-ma-na9 mười sáu xà-ma-na là một ma-ni, hai mươi ma-ni là một khư-lê9 hai mươi khư-lê là một kho, trong kho đựng đầy hạt e. e • r r cải. Giả sử, nêu có người cứ một trăm năm thì lây ra một hạt cải, cứ như thê cho đến khi lấy hết sạch kho hạt cải đầy ắp kia thì thọ mạng của chúng sanh trong địa ngục A-phù-đà vẫn chưa hết. Thọ mạng của chúng sanh trong hai mươi địa ngục A-phù-đà như vậy bằng thọ mạng của chúng sanh trong một địa ngục Ni-la-phù-đà.25 Thọ mạng của chúng sanh trong hai mươi ngục Ni- la-phù-đà bằng thọ mạng của chúng sanh trong một địa ngục A-tra-tra.26 Thọ mạng của chúng sanh trong hai mươi địa ngục A-tra-tra bang thọ mạng của chúng sanh trong một địa ngục A-ba-ba.27 Thọ mạng của chúng sanh trong hai mươi địa ngục A-ba-ba bằng thọ mạng của chúng sanh trong một địa ngục A-hưu-hưu.28 Thọ mạng của chúng sanh trong hai mươi địa ngục A-hưu-hưu bang thọ mạng của chúng sanh trong một địa ngục Ưu-bát-la.29 Thọ mạng của chúng sanh trong hai mươi địa ngục Ưu-bát-la bang thọ mạng của chúng sanh trong một địa ngục Bát-đàm-ma. Thọ mạng của chúng sanh trong hai mươi địa ngục Bát-đàm-ma bang thọ mạng của chúng sanh trong một địa ngục Ma ha Bát-đàm-ma. Này các Tỳ-kheo! Tỳ-kheo Cù-ca-lê kia lâm chung đọa vào địa ngục Ma-ha Bát-đàm-ma. Do Tỳ-kheo ấy đã sanh ác tâm phỉ báng đối với Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên. Vì vậy, này các Tỳ-kheo! Các thầy cần phải học tập như vầy: uĐối với tim đèn và đốm lửa đang cháy kia mà còn không muốn hủy hoại, huống là hủy hoại chúng sanh có tình thức." Đức Phật lại bảo các Tỳ-kheo cần phải học tập như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

25 Ni-la-phù-đà ,Nirabbuda.

26 A-tra-tra ,Atata.

27 A-ba-ba ,Ababa.

28 A-hưu-hưu ,Ahaha.

29 Ưu-bát-la Uppalaka.



1279. CỬA ĐỌA LẠC30 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, trời gần về sáng, có vị thiên tử dung sắc tuyệt diệu đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử tỏa chiếu khắp rừng Kỳ-đà? vườn cấp Cô Độc. Lúc đó, thiên tử kia dùng kệ hỏi Phật: Thoái chuyển bị đọa lạc, Làm sao biết điều này? Xin Thê Tôn giảng noi, Cửa đọa

lạc thế nào? Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp: Chỗ thắng thì dễ biết, Chốn bại biết cũng dễ, Chuộng pháp chỗ tối thắng, Hủy pháp, chốn đọa lạc. Thích gần gũi bạn ác, Không ưa gần bạn lành, Oán kết với bạn lành, Đó là cửa đọa lạc. Ưa thích người bất thiện, Với thiện lại ghét ganh, Thích ác, không thích thiện, Đó là cửa đọa lạc. Cân, đong lừa dối người, Thì vào cửa đọa lạc, Đam mê rượu, cờ bạc, Chơi bời, đắm nữ sắc, Tiêu pha hết tiền của, Là vào cửa đọa lạc. Người nữ không giữ mình, Phụ chồng theo người khác, Người nam tính phóng đãng, Bỏ vợ đi ngoại tình, Những gia đình như thế, Đêu vào cửa đọa lạc. Vợ già được chồng trẻ, Tâm thường hay ghét ghen, Vì ghen ngủ không yên? Là vào cửa đọa lạc. Chồng già lấy vợ trẻ, Bị đọa lạc cũng vậy. Thường mê đắm ngủ nghỉ, Phóng đãng với bạn bè, Lười biếng, ưa sân si, Đêu vào cửa đọa lạc. Giàu có, két bạn bè, Rượu chè không tiết chế, Phung phí tiêu tiền của, Đêu rơi cửa đọa lạc. ít của, nhiêu tham ải, Sanh vào nhà Sát-lợi9 Thường cầu làm vương giả, Đó là cửa đọa lạc. Câu châu báu, ngọc ngà, Giày da, tán lọng che, Trau chuôi nhờ bon xẻn, Là rơi cửa đọa lạc. Nhận món ngon của người, Tham tiếc vật của mình, Không đền ơn cho người, Đó là cửa đọa lạc.

30 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1279. 0352al4). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100277. O47ồb21); Sn. 1.6-19.



Sa-môn9 Bà-la-môn5 Mời thỉnh vào trong nhà, Lại không chịu cúng dường, Là rơi cửa đọa lạc. Sa-môn, Bà-la-môn, Tuần tự đi khất thực, Lại trách mắng, không cúng, Là rơi cửa đọa lạc. Khi cha mẹ tuổi già, Không tùy thời phụng dưỡng, Có của mà không nuôi, Đó là cửa đọa lạc. Với cha mẹ, anh em, Đánh đuổi và nhục mạ, Không giữ lễ tôn ti, Đây rơi cửa đọa lạc. Với Phạt và đệ tử, Tại gia cùng xuất gia, Thì chê bai, không kính, Là vào cửa đọa lạc. Không phải A-la-hán, Lại xưng A-la-hán, Đây là giặc thế gian, Rơi vào cửa đọa lạc. -r

Cửa đọa lạc thê gian, Ta biết mới chỉ dạy, Như đường hiểm đáng sợ, Người trí phải tránh xa. Lúc đó, thiên tử lại nói kệ: Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian. Bấy giờ, thiên tử kia nghe Phật nói kệ xong, hoan hỷ và tùy hỷ, lạy sát chân Phật rồi biến mất. *** 1280. ÁI NHIỄM31 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, trời gần về sáng, có vị thiên tử dung sắc tuyệt diệu đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà? vườn cấp Cô Độc. Lúc đó, thiên tử kia dùng kệ hỏi Phật: Gì chúi xuống, xuống theo, Gì lên cao, lên theo, Sao là trò trẻ con, Như trẻ ném đất nhau? Bây giơ, Thê Tôn noi kê đáp: Ái xuống thì xuống theo, Ái lên thì lên theo, Ái đùa cùng kẻ ngu, Như trẻ ném đất nhau. Lúc đó, thiên tử ấy lại nói kệ: Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian.

31 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1280. 0352c07). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100278. 047Ìal7).

Bây giờ, thiên tử ây nghe Phật nói xong, hoan hỷ và tùy hỷ5 lạy sát chân Phật rồi biến mất. *** 1281. NGĂN VỌNG TƯỞNG32 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, trời gần về sáng, có vị thiên tử dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài roi ngôi sang một bên. Anh sáng trên thân thiên tử tỏa chiêu r ___ r ___ •

kháp rừng Kỳ-đà? vườn Cáp Cô Độc.

Khi ấy, thiên tử kia nói kệ:

Quyết định ngăn chặn hết, Tâm vọng tưởng vãng lai,

A r

Nêu ngăn được tát cả, Sẽ không bị bức bách. The Ton noi kệ đáp: Quyết định ngăn chăn hết, Tâm vọng tưởng vãng lai, Không cần ngăn tất cả, Chỉ ngăn những nghiệp ác, Bởi ngăn được nghiệp ác, Thì không bị bức bách. Lúc ấy, thiên tử kia nói kệ: Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi không còn5 Dứt ân ái thế gian. Bây giờ, thiên tử kia nghe Phật nói xong, hoan hỷ và tùy hỷ, lạy sát chân Phật rồi biến mất. *** 1282. BỐ THÍ VÀ TRÌ GIỚI33 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, trời gần về sáng, có vị thiên tử dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài roi ngôi sang một bên. Anh sáng trên thân thiên tử tỏa chiêu khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Lúc đó, thiên tử kia dùng kệ hỏi Phật: Làm sao được tiếng tốt? Làm sao được giàu sang? Làm sao đức lan rộng? Làm sao có bạn lành?

32 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.1281. 0352c21). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100279. 047Ìb01); s. 1.24 -1. 14. 33 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.1282. 0353a07). Tham chiếu: Biệt Tạp. (r.02.0100280. 0471b16).



The Ton noi kê đáp:

Trì giới được tiếng tốt, BỐ thí được giàu sang,

Chân thật đức lan rộng, Bao dung được bạn lành.

Lúc đó, thiên tử kia lại nói kệ:

Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn,

Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian.

Bấy giờ, thiên tử kia nghe Phật nói xong, hoan hỷ và tùy hỷ, lạy sát chân

Phật rồi biến mất.

***

1283. TẠO DƯNG VÀ GIỮ GÌN TÀI SẢN34 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, trời gần về sáng, có vi thiên tử dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử tỏa chiếu khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Lúc đó, thiên tử kia dùng kệ hỏi Phật: Người hành nghiệp thế nào, Dùng trí cầu tài vật, Dồn hết vào tiền tài, Hoặc thành, hoặc thất bại? Bây giơ, The Ton noi kê đáp: Trước hết là học nghề,

Nỗ lực gom tài vật, Được tài vật kia roi, Phải nên chia làm bốn. Một phần dùng nuôi thân, Hai phần để kinh doanh, Phần còn lại để dành, Phòng những khi túng thiếu. Những nghiệp kinh doanh là, Làm ruộng, đi buôn bán, Chăn trâu, dê sanh lãi, Nhà cửa dùng câu lợi, Tạo phòng ốc5 giường nằm, Sáu vật dụng sinh hoạt,35 Phương tiện tạo mọi thứ, Đe đời sống an ổn. Khéo tu nghiệp như thế, Dùng trí tuệ cầu tài, Của báu theo đó sanh, Như muôn sông ve biển. Như vậy tài sản tăng, Như ong gom vị ngọt, Dần dà của càng nhiều, Như kiến tha đầy tổ. Của không giao người già, Không gửi người lân cận, Không tin người gian xảo, Và những kẻ xan tham.

34 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.1283. 0353a21). Tham chiếu: Biệt Tạp. (7.02. 0100281. 047Ìb28). 35 Y phục, thức ăn, giường nằm, thuốc thang, phòng xá và tiền tài.



_
Gần gũi người thành tựu, Tránh xa người thát chí,
Người khéo thành tựu việc, Như ngọn lửa rực cháy.
Người biết trọng bạn lành, Thân thiết, thường gần gũi,
Bạn quý như anh em, Khéo cùng nhau tương trợ.
ở trong vòng quyến thuộc, Biểu hiện như trâu chúa,
Mỗi mỗi tùy thích ứng, Chia của, cho uống ăn,
Thì sau khi lâm chung, Sanh cõi trời hưởng lạc.
Lúc đó, thiên tử kia lại nói kệ:
Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn,
Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian.
Bấy giờ, thiên tử kia nghe Phật nói xong, hoan hỷ và tùy hỷ, lạy sát chân
Phật rồi biến mất.
***

1284. ĐƯỜNG LÊN THIÊN GIỚI36 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà5 thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: —Thuở xua, tại nước Câu-tát-la có một người đánh đàn cầm tên là Thô Ngiru. Anh ta đi khắp nước Câu-tát-la và dừng nghỉ ở những nơi hoang vắng. Một hôm, có sáu thiên nữ trên cung trời rộng lớn cùng đến chỗ người này và bảo anh ta rằng: "Này cậu! Cậu hãy vì chúng tôi mà đánh đàn lên, chúng tôi sẽ múa hát theo." Thô Ngưu đáp: “Thua vâng, các chị! Tôi sẽ khảy đàn cho các chị nghe, nhưng các chị hãy cho tôi biết các chị là ai và từ đâu đến?" Thiên nữ đáp: "Cậu cứ khảy đàn lên, chúng tôi sẽ múa hát. Trong những lời ca ấy sẽ tự bày tỏ do nhân duyên nào để chúng tôi đến dây." Thô Ngưu liền khảy đàn và sáu thiên nữ ấy ca múa theo. Thiên nữ thứ nhất dùng kệ hát ca: Người nam, người nữ nào, Bố thí y thắng diệu, Do nhờ nhân duyên này, Được sanh nơi thù thắng, Thí vật mình yêu thích, Sẽ sanh thiên theo nguyện. Gặp tôi ở cung điện, Nương hư không dạo chơi,

3ựựa đề đặt theo nội dung kinh. s•(T.02. 0099.1284. 0353Ồ25). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100282. 0472a03); J. II. 248, Guttilajātaka (Chuyện nhạc sĩ Guttila), số 243.



Được thân vàng cõi trời, Vượt hơn trăm thiên nữ, Xét thây phước đức này, Bậc nhất trong hồi hướng. Thiên nữ thứ hai lại nói kệ: Người nam, người nữ nào, Bố thí hương thắng diệu, Thí vật mình yêu thích, Sẽ sanh thiên theo nguyện. Gặp tôi ở cung điện, Nương hư không dạo chơi, Được thân vàng cõi trời, Vượt hơn trăm thiên nữ, Xét thây phước đức này, Bậc nhất trong hồi hướng. Thiên nữ thứ ba lại nói kệ: Người nam, người nữ nào, Bố thí thức ăn ngon, Thí vật mình yêu thích, Sẽ sanh thiên theo nguyện. Gặp tôi ở cung điện, Nương hư không dạo chơi, Được thân vàng cõi trời, Vượt hơn trăm thiên nữ, Xét thấy phước đức này, Bậc nhất trong hồi hướng. Thiên nữ thứ tư lại nói kệ: Nhớ lại những đời trước, Từng làm tôi tớ người, Không trộm cướp, tham ăn, Siêng tu, không biếng nhác, Vừa đủ dùng nuôi thân, Phần dư giúp người nghèo. Nay được ở cung điện, Nương hư không dạo chơi, Được thân vàng cõi trời, Vượt hơn trăm thiên nữ, Xét thấy phước đức này, Bậc nhất trong cúng dường. Thiên nữ thứ năm lại nói kệ: Nhớ lại những đời trước, Từng làm vợ, con người, Gặp mẹ chồng hung bạo, Thường nói lời thô tháo, vẫn giữ lễ dâu con, Luôn phụng hầu kính thuận. Nay được ở cung điện, Nương hư không dạo choi, Được thân vàng cõi trời, Vượt hơn trăm thiên nữ, Xét thấy phước đức này, Bậc nhất trong cúng dường. Thiên nữ thứ sáu lại nói kệ: Xưa từng thấy hành tích, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Theo họ nghe Chánh pháp, Giữ trai giới một đêm. Nay được ở cung điện, Nương hư không dạo chơi, Được thân vàng cõi trời, Vượt hơn trăm thiên nữ, Xét thấy phước đức này, Bậc nhất trong hồi hướng. Bấy giờ, Thô Ngưu, người đánh đàn cầm nước Câu-tát-la liền nói kệ: Tôi may mắn đến đây, Trong rừng Câu-tát-la, Gặp được các thiên nữ, Thân trời thật tuyệt diệu. Đã gặp lại được nghe, Sẽ càng tu nghiệp thiện, Nhờ công đức tu này, Lại sẽ được sanh thiên.



Sau khi được nghe những lời này rồi, các thiên nữ liền biến mất. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 1285. LÌA KHỔ ĐƯỢC VUI37 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ, trời gân vê sáng, có vị thiên tử dung sác tuyệt đẹp đi đên chô Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử tỏa chiếu khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Lúc đó, thiên tử kia dùng kệ hỏi Phật: Pháp gì khởi phải diệt? Pháp gì sanh phải ngăn? Pháp gì cần xa lìa? Quán gì để được vui? The Ton noi kê đáp: Sân hận khởi phải diệt, Tâm tham sanh phải ngăn, Vô minh phải xa lìa, Quán chân đế được vui. Dục sanh các phiền não, Dục là gốc sanh khổ, Điều phục được phiền não, Thì các khổ sẽ dừng, Điều phục được các khổ, Thì phiền não cũng diệt. Lúc đó, thiên tử lại nói kệ: Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn? Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian. Bấy giờ, thiên tử kia nghe Phật nói xong, hoan hỷ và tùy hỷ, lạy sát chân Phật rồi biến mất. *** 1286. LÀM SAO SẠCH CÁC LẬU?38 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, trời gần về sáng, có vi thiên tử dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ Phật, lạy sát chân

Ngài rồi ngồi sang một bên. Anh sáng trên thân thiên tử tỏa chiêu khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc.

37 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.1285. 0354a23). Tham chiếu: Biệt ; (r.02. 010Ố.283. 0472c12); Pháp cu kinh (7.04. 0210.2. 0568a02); Xuất diệu kinh (7.04. 0212.21. 0713ỒỒ5); s. 1.71 - L 41; s. 1.34 - L 22. 38 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1286. 0354b 11). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100284. 0473a07); s. 1.36 -1. 25.

1434 KINH TẠPA-HÀM

LÚC đó, thiên tử kia dùng kệ hỏi Phật: Người buông lung, si mê, Nay được lìa ác tuệ,39 Thiền tư, không phóng dật, Mau sạch các lậu chăng? Thế Tôn nói kệ đáp: Không phải mọi việc đời, Đêu là vì dục vọng, Tam pháp con ruôi rong, Mới là người dục vọng. Mọi việc trong thế gian, vẫn tồn tại ở đời, Tu thiền định trí tuệ, Ái dục sẽ dần vơi. Niềm tin là bạn lữ, Không tin, không vượt qua, Tin, tăng trưởng tiêng thơm, Lâm chung sanh thiên cảnh. Quán thân như mộng huyễn, Danh sắc không bền chắc, Người không đắm danh sắc, Thì xa lìa tập nghiệp. Quán nghĩa chân thật này, Như giải thoát, từ bi, Nhờ có trí tuệ này, Được ngợi khen, cúng dường. Khéo đoạn các tạp tưởng, Vượt thoát dòng tử sanh, Qua khỏi các dòng rồi, Đó Tỳ-kheo xứng danh. Lúc đó5 thiên tử lại nói kệ: Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian. r e e

Bây giờ, thiên tử kia nghe Phật nói xong, hoan hỷ và tùy hỷ? lạy sát chân Phật rồi biến mất. *** 1287. BẬC HIỀN39 40 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. J Bấy giờ, trời gần về sáng, có vi thiên tử dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử tỏa chiếu khắp rừng Kỳ-đà9 vườn cấp Cô Độc. Lúc đó? thiên tử kia dùng kệ hỏi Phật: ở chung với người nào, Lại cùng ai cộng SỊT, Biết pháp của những ai, Là tốt lành không ác?

39Nguyen tác: Nhược nhân hanlwhong dāt^ngu si lỵ ác tuệ, thiền tư bất phóng dật, tật đắc tận chư lậu (,).Ban dịch dựa theo cách chấm câu của
Tạp Azham kinh luận hội biên (K32. 0030.3. 0295a04):,; :
40 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.1287. 0354c06). Tham chiếu: Biệt 7. (7.02. 0100285. 0473a29); 5.1.31-1.16.

QUYỂN 48 1435

qpl Á np/X 1 /\ ^4- r The Ton noi kẹ đáp: ở chung với bậc Hiền, Cùng bậc Hiền cộng sự9 Hiểu biết pháp bậc Hiền, Là tốt lành không ác. Lúc đó, thiên tử kia lại nói kệ: Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian. Bây giờ, thiên tử kia nghe Phật nói xong, hoan hỷ và tùy hỷ? lạy sát chân Phật rồi biến mất. *** 1288. PHÂN BIỆT Bố THÍ41 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ.dà, thuộc nước Xá-vệ. , Bấy giờ, trời gần về sáng, có vị thiên tử dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử tỏa chiếu khắp rừng Kỳdà, vườn cấp Cô Độc. Lúc đó, thiên tử này nói kệ: Tâm thường sanh bon xẻn, Không biết hành bố thí, Người trí biết cầu phước,

Mới thường hay cúng dường. Bay giơ, The Tôn noi kệ đáp: Sợ hãi nên chẳng thí, Chính vì không bố thí, Nên càng sợ đói khát, Từ sợ sanh xan tham. Đời này và đời khác, Thường si mê, sợ đói, Chết không mang gì theo, Một mình không tư lương. Người nghèo biết bố thí, Người giàu lại khó cho, Khó cho mà cho được, Đó gọi bố thí khó. Người kém trí không biết, Tuệ biết điều khó biết, Đúng pháp nuôi vợ con, Của ít, tinh tâm thí. Hội thí trăm ngàn vật, Phước lợi được do đây, So với pháp thí trước, Băng một phân mười sáu. Đánh, trói, hại chúng sanh, Đe được các tài vật, Đem thí cầu dân an, Bố thí này chuốc tội. So với thí bình đẳng, Cân lường nào sánh được, Làm đúng, chẳng làm sai, Tài vật này đem thí, Khó cho mà cho được, Là thí của bậc Hiền, ở đâu cũng có phước, Lâm chung sanh cõi trời.

41 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.1288. 0354c20). Tham chiếu: Biệt Tạp. (7.02. 0100286. 0473b23); s. 1.32-L 18.

1436 KINH TẠPA-HÀM

LÚC đó5 thiên tử kia lại nói kệ: Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian. Bay giờ, thiên tử kia nghe Phật nói xong, hoan hỷ và tùy hỷ, lạy sát chân Phật rồi biến mất. *** 1289. KHEN NGỢI42 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ ở trong thất đá, chỗ của quỷ thần Kim-bà-la,43 tại núi Kim-bà-la? thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, đức Thế Ton vừa bị phiến đá nhọn44 đâm vào chan chưa bao lâu, nên cử động thân thể còn cảm thấy đau nhức, thế nhưng Thế Tôn để tâm buông thư, chánh niệm tỉnh giác, kham nhẫn tự an, không khởi tưởng thoái thất. Khi ấy, có tám vị thiên tử sơn thần tự nghĩ: "Hiện nay Thế Tôn đang ở trong thất đá, chỗ của quỷ thần Kim-bà-la, tại núi Kim-bà-la, thuộc thành Vương Xá. Chân Ngài bị phiến đá nhọn đâm vào, cử động đau nhức, nhưng Ngài có thể để tâm buông thu, chánh niệm tỉnh giác, kham nhẫn tự an, không có niệm tưởng thoái thất. Chúng ta hãy đến trước Thế Tôn để ca ngọd." Nghĩ như vậy rôi? họ cùng nhau đi đên chô Phật, lạy sát chân Ngài roi ngôi sang một ben. Thiên thần thứ nhất nói kệ ca ngợi: Sa-môn Cù-đàm? Sư Tử loài người, Thân bị đau nhức, Kham nhẫn tự an, Chánh niệm tỉnh giác, Không chút thoái thất. Thiên tử thứ hai lại nói kệ ca ngợi: Bậc Đại sĩ Đại Long, Bậc Đại sĩ Ngưu Vương, Bậc Đại sĩ Dũng Lực, Bậc Đại sĩ Ngựa Hay, Bậc Đại sĩ Thượng Thủ, Bậc Đại sĩ Thù Thắng. Thiên tử thứ ba nói kệ ca ngợi: Đấng Sa-môn Cù-đàm9 Đóa sen trong cối người, Dù thân nhiêu đau đớn, Mà tâm vẫn thản nhiên, Trụ chánh niệm tỉnh giác, Kham nhẫn để tự an, Không có tâm thoái thất.

42 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.1289. o 355al9). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100*287. 0473c27); s. 1.38 -1. 27. 43 Kim-ba-la quỷ thần ():Vị đại tướng thuộc chúng dạ-xoa. 44 Nguyên tác: Kim thương ():Ngọn giáo bằng vàng. Tham chiếu: Biệt p.(r02. 0100.287. 0473c27); S. 1.38 - L 27 đêu ghi nhận là phiên đá nhọn, miểng đá bén (,sakalikaṃ, nên bản dịch dùng nghía này.

QUYỂN 48 1437

Thiên tử thứ tư lại ca ngợi: -Nếu người nào có tâm hiềm trách trái nghịch đối với những lời nói của Sa-môn Cù-đàm? đấng Như Đóa Sen Trắng, nên biết những người

này sẽ lâu dài chịu khổ, không được lợi ích. Ngoại trừ những người thật sự không biết. Thiên tử thứ năm nói kệ: Quán tưởng đinh tam-muội9 Khéo trụ ở chánh thọ, Giải thoát lìa các trần, Không hiện cũng không ẩn, Tâm kia trụ an ổn? Được giải thoát hoàn toàn. Thiên tử thứ sáu nói kệ: Dầu trải năm trăm năm, Tụng kinh Bà-la-môn, Tinh cần tu khổ hạnh, Cũng không lìa trần cấu, Chỉ ở hàng thấp kém, Không qua được bờ kia. Thiên tử thứ bảy nói kệ: Do dục gây bức bách, Trì giới bị trói buộc, Dõng mãnh hành khổ hạnh, Trải qua một trăm năm. Tâm vẫn không giải thoát, Không lìa các cấu trần, Ấy là hàng thấp kém, Không đến được bờ kia. Thiên tử thứ tám nói kệ: Tâm ôm kiêu mạn, dục, Không thể tự điều phục, Không được định tam-muội? Chánh thọ của Mâu-ni. Một mình ở rừng núi, Tâm kia thường buông lung, Với quân ma chết kia, Không đến được bờ giác. Sau khi tám thiên tử sơn thần nói kệ ca ngợi Phật xong, họ đảnh lễ sát chân Phật rồi biến mất. *** 1290. BẬC NHẤT45 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ"đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, trời gần về sáng, có vi thiên tử dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử tỏa chiếu khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Lúc đó, thiên tử kia nói kệ: Rộng không gì hơn đất, Sâu không gì bằng biển, Cao ngất là Tu-di, Đại sĩ, Tỳ-nữu46 nhất.

45 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.1290. 0355c05). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100288. 0474a22). 46 Tnữu (S. Visnu): Thần Venhu.



The Ton noi kê đáp: A

Rộng không gì hơn ái, Sâu không gì băng bụng, Cao nhất là kiêu mạn, Đại sĩ, Phật bậc nhất. Lúc đó, thiên tử lại nói kệ: Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn? Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian. Bấy giờ, thiên tử kia nghe Phật nói xong, hoan hỷ và tùy hỷ, lạy sát chân Phật rồi biến mất *** 1291. PHƯỚC KHÔNG BỊ CHÁY47 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ? trời gần về sáng, có một thiên tử dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ đức Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử tỏa chiếu khắp rừng Kỳ-đà5 vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, vị thiên tử này dùng kệ hỏi Phật: Vật gì không bi cháy? Không bị gió thổi bay? Lũ lụt dâng tràn khắp, Mà chẳng thể cuốn trôi? Vua ác và giặc cướp, Cưỡng đoạt tài vật người, Người nam, người nữ nào, Không bị họ tước đoạt? Làm sao kho châu báu, Trọn không hề mất mát? Bây giơ, The Ton noi kẹ đáp: Phước không bị lửa cháy, Không bi gió thổi bay, Lũ lụt dâng tràn khắp, Phước không bị cuốn trôi. Vua ác và giặc cướp, Cưỡng đoạt của báu người, Nếu người nam, người nữ, Có phước, không bị cướp, Kho báu của phước lạc, Chẳng bao giờ mất mát. Lúc đó, thiên tử kia lại nói kệ: Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian. Bấy giờ, thiên tử kia nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ rồi biến mất. ***

47 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.1291. 0355CÍ9). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100289. 0474b08); s. l.52 -L 36.

1292. LÒNG TIN LÀ Tư LƯƠNG48 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ, trời gân vê sáng, có một thiên tử dung sác tuyệt đẹp đi đên chô đức Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử tỏa chiếu khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, vi thiên tử này dùng kệ hỏi Phật: Ai giữ được tư lương? Vật gì giặc không cướp? Kẻ nào cướp bi ngăn?, Người nào đoạt không ngăn? Người nào thường đi đến, Được người trí mừng vui? Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp: Lòng tin giữ tư lương, Phước giặc không thể cướp, Giặc cướp đoạt, bị ngăn, Sa-môn lấy, hoan hỷ, Sa-môn thường đi đến, Được người trí mừng vui. Lúc đó? thiên tử kia lại nói kệ: Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian. Bấy giờ, thiên tử kia nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, lạy sát chân Phật roi biến mất. *** 1293. BỐN PHÁP KHÓ ĐẠT NHẤT49 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ, trời gân vê sáng, có một thiên tử dung săc tuyệt đẹp đi đên chô đức Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử tỏa chiếu khắp rừng Kỳ-đà? vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, vi thiên tử này dùng kệ hỏi Phật: Bậc Biết rõ thế gian, Mọi chướng ngại không còn, An ủi các chúng sanh, Xin The Ton giảng noi, Những gì ở thế gian, Là khó đạt được nhất?

48 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.1292. 0356a09). Tham chiếu: s. 1.77 - L 43; S. 1.79 - L 44. 49 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1293. 0356a25). Tham chiếu: Biệt p. (r.02. 0100291. 0474c13).



Ặ _ • >_ rri-l Ấ rri r • 1 _ A 4 \ Bay giơ, The Ton noi kê đáp: Làm vua mà nhẫn nhục, Nghèo cùng mà bố thí, Gặp nạn vẫn giữ giới, Giàu sang tu viễn ly, Thực hành bốn pháp này, Là khó đạt bậc nhất. Lúc đó, thiên tử kia lại nói kệ: Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn, Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian. Bấy giờ, thiên tử kia nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, lạy sát chân Phật roi biến mất.50

50 Bản Hán, hết quyển 48.



QUYỂN 49

1294. MONG CÀU LÀ KHỔ1

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trời gần về sáng, có một thiên tử dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ đức Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử tỏa chiếu khắp rừng Kỳ-đà? vườn cấp Cô Độc.

Khi ấy, vị thiên tử kia dùng kệ hỏi Phật:

Sức mạnh vui tự tại, Mọi mong cầu đều được,

Ai vượt trên vị kia, Mọi mong cầu thỏa mãn?

Bay giơ, The Ton noi kẹ đáp:
Sức mạnh vui tự tại, Không còn các mong cầu,
Nêu ai có mong câu, Là khổ chẳng phải vui,
Tâm mong cầu đã dứt, Vị kia thường an lạc.
Lúc đó, thiên tử kia lại nói kệ:
Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn?
Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian.
Bấy giờ, thiên tử kia nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, lạy sát chân
Phật rồi biến mất.
***
1295. XE KHỞI TỪ NGHIỆP2
Tôi nghe như vầy:
Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước
Xá-vệ.
Bấy giờ, trời gần về sáng, có một thiên tử dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ đức
Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử tỏa chiếu khắp rừng Kỳ-đà? vườn cấp Cô Độc.
1 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1294. 0356Ồ18). Tham chiếu: Biệt Tạp. (rO2. 010Ó.292. 0474c26) 2 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1295. 0356c04). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100.293. 0475al2)

1442 KINH TẠP A-HÀM

Khi ấy, vị thiên tử này dùng kệ hỏi Phật:
Xe khởi từ chỗ nào? Ai có thê chuyên xe?
Xe chuyển đến nơi nào? Vì sao xe hoại diệt?
Bây giơ, The Ton noi kẹ đáp:
Xe khởi từ các nghiệp, Tâm thức chuyển dời xe,
Theo nhân mà chuyên đên, Nhân hoại thì xe mất.
Lúc đó, thiên tử kia lại nói kệ:
Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn,
Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian.
Bấy giờ, thiên tử kia nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, lạy sát chân
Phật rồi biến mất.
***
1296. THẾ GIAN LUÔN CẢU CON3
Tôi nghe như vầy:
Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà5 thuộc nước
Xá-vệ. J
Bấy giờ, trời gần về sáng, có một thiên tử dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ đức

Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử tỏa chiếu khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc.
Khi ấy, vị thiên tử này bạch Phật:
Bạch Thế Tôn! Con gái của Vua Câu-lũ-đà là Tu-ba-la-đề-sa hôm nay vừa sanh con.
Phật bảo thiên tử:
-Việc này không phải là tốt.
Thiên tử kia liền nói kệ:
Sanh con là niềm vui, Thế gian đều thích con,
Cha mẹ khi già yếu, Cần có con phụng dưỡng,
Vì sao Cù-đàm nói, Sanh con là không tốt?
Bay giơ, The Ton noi kẹ đáp:
9 7
Nên biết đời vô thường, Uân không, chăng phải con, Sanh con thường chịu khổ, Người ngu cho là vui, The nen Ta noi răng, Sanh con là chẳng tốt. Không tốt mà tưởng tốt, Chẳng đáng nhớ lại nhớ, Thật khổ tưởng là vui, Bị buông lung giày xéo.

3 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1296. 035ÓCÍ8). Tham chiếu: Biệt Tạp. (r62. 010Ó.294. 0475a24).

QUYỂN 49 1443

LÚC đó, thiên tử kia lại nói kệ:
Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn,
Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian.
Thiên tử kia nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, lạy sát chân Phật rồi biến mất.
***
1297. SỐ ĐẾM4
Tôi nghe như vầy:
Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước
Xá-vệ.
Bấy giờ, trời gần về sáng, có một thiên tử dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ đức
Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử tỏa chiếu khắp rừng Kỳ-đà? vườn cấp Cô Độc.
Khi ấy, vi thiên tử này dùng kệ hỏi Phật:
Thế nào số đếm đuyc? Số nào không ẩn tàng?
Thế nào số trong số? Thế nào lời minh danh?
Bay giơ, The Ton noi kẹ đáp:
Phật pháp khó đo lường, Hai dòng5 không hiển hiện,
Nếu danh và sắc kia, Diệt sạch không dư tàn,
Đó gọi số đếm được, Số đó không ẩn tàng,
Đó là số trong số, Điều đó đáng minh danh.
Lúc d6, thiên tử kia lại nói kệ:

Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn,
Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian.
Thiên tử kia nghe Phật dạy xong đã hoan hỷ và tùy hỷ? lạy sát chân Phật rồi biến mất.
***

1298. GIỚI ĐỨC NẶNG HƠN ĐẤT6

Tôi nghe như vầy:
Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước
Xá-vệ.

4 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.1297. 0357a09). Tham chiếu: Biệt Tạp. (r02. 0100.295. 0475bl4)T Nguyên tác: Nhị lưu ().Biệt Tạp.(T.02. 0100.295. 0475Ồ20): Nhị lậu (),chỉ cho thuận lưu va nghịch lini, sanh tử va Niết-ban hoặc hữu lậu và vô lậu. 6 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1298. 0357a25). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.Ỏ2. 010Ó.296. 0475b27)

1444 KINH TẠP A-HÀM

Bấy giờ, trời gần về sáng, có một thiên tử dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ đức Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử tỏa chiếu khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, vị thiên tử kia dùng kệ hỏi Phật: Vật gì nặng hơn đất? Vật gì cao hơn trời? Vật gì nhanh hơn gió? Vật gì nhiều hơn cỏ? Bây giơ, The Ton noi kê đáp: Giới đức nặng hơn đất, Ngã mạn cao hơn trời, Ý nghĩ nhanh hơn gió, Vọng tưởng nhiều hơn cỏ. Lúc đó, thiên tử kia lại nói kệ: Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn5 Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian. Thiên tử kia nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, lạy sát chân Phật rồi biến mất. *** 1299. MƯỜI NGHIỆP LÀNH7 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, trời gần về sáng, có một thiên tử dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ đức Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử tỏa chiếu khắp rừng Kỳ-đà5 vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, vị thiên tử này dùng kệ hỏi Phật: Giữ giới, oai nghi nào? Được gì, tạo nghiệp gì? Người trí tu thế nào? Đe được sanh cõi trời? Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp: Xa lìa nghiệp sát sanh, Giữ giới tự phòng hộ, Không khởi tâm giết hại, Sẽ được sanh cõi trời. Không lấy của không cho, Vui nhận của được cho, Dứt trừ tâm trộm cướp, Sẽ được sanh cõi trời. Không dan díu vợ người, Xa lìa việc tà dâm, An phận với vợ mình, Sẽ được sanh cõi trời. Dù vì mình hoặc người, Vì của hay giỡn chơi, Cũng không nói hư dối, Sẽ được sanh cõi trời. Dứt trừ nói hai chiều, Không ly gián bạn người, Thường giảng hòa đôi bên, Sẽ được sanh cõi trời.

7 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1299. 0357b 10). Tham chiếu: Biệt Tạp. (7.Ỏ2. o 100.0475c l Ò).

QUYỂN 49 1445

Xa lìa lời thô ác, Ái ngữ, không hại người, Thường nói lời thuần thiện, Sẽ được sanh cõi trời. Không nói lời luống suông, Vô nghĩa, không lợi ích, Thường nói đúng Chánh pháp, Sẽ được sanh cõi trời. Nơi xóm làng, đồng trống, Không khởi ý niệm tham, Chiêm của người vê mình, Sẽ được sanh cõi trời. Luôn khởi lòng từ bi, Không sát hại chúng sanh,

Tâm không còn oán kết, Sẽ được sanh cõi trời. Nghiệp khổ và quả báo, Cả hai đều nên tin, Chánh kiến mà thọ trì, Sẽ được sanh cõi trời. Những pháp lành như thế, Là mười loại nghiệp lành, Đều giữ gìn kiên cố, Sẽ được sanh cõi trời. Lúc đó, thiên tử kia lại nói kệ: Từ lâu vốn biết Phật, Đã được Bát-niết-bàn? Mọi sợ hãi không còn, Dứt ân ái thế gian. Thiên tử kia nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, lạy sát chân Phật rồi biến mất. *** 1300. THÂN MẠNG8 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ* Bấy giờ, trời gần về sáng, Thích-đề-hoàn-nhân đi đến chỗ đức Phật, lạy sát chân Ngài roi ngôi sang một bên. Anh sáng trên thân Thích-đê-hoàn-nhân tỏa chiếu khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, Thích-đê-hoàn-nhân dùng kệ hỏi Phật: Pháp gì mạng không biết? Pháp gì mạng không hay? Pháp gì xiêng xích mạng? Pháp gì trói buộc mạng? Á • A r-pl Ấ r-p /\ r • | J- r

Bay giơ, The Ton noi kẹ đáp:

sắc pháp, mạng không biết, Các hành mạng không hay,

Thân luôn xiềng xích mạng, Ái trói buộc mạng này.

Thích-đề-hoàn-nhân lại nói kệ:

r 9

Chư Phật đã từng nói, Săc chăng phải là mạng, Tại sao lại hình thành, Trong thai bào tăm tối? Sao biết cục thịt sống? Làm sao biết mạng thân? r _ r ____ Bây giờ5 Thê Tôn noi kê đáp: 8 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T7.02. 0099.1300. 0357cl5). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 010Ó.298. 0476b05); S. 10.1 - L 206.

1446 KINH TẠPA-HÀM

Đầu tiên ca-la-la59 Ca-la-la sanh bào,10 Từ bào sanh cục thịt,1112 Cục thịt sanh dày cứng, 12 Thịt dày sanh tứ chi, Lông, tóc, móng các thứ. Sắc cùng với các căn, Dần tạo thành thân thể, Nhờ mẹ ăn uống vào, Nuôi lớn bào thai kia. Sau khi Thích-đề-hoàn-nhân nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, lạy sát chân Phật rồi biến mất. *** 1301. THIÊN TỬ TRƯỜNG THẮNG13 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. J Bấy giờ, trời gàn về sáng, có thiên tử Trường Thắng dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ đức Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, thiên tử Trường Thắng dùng kệ hỏi Phật: Khéo học lời vi diệu, Thân cận các Sa-môn? Một mình không bạn lữ, Tịch tĩnh chánh tư duy. Bay giơ, The Ton noi kê đáp: Khéo học lời vi diệu, Thân cận các Sa-môn? Một mình không bạn lữ, Giữ tịch lặng các căn. Sau khi thiên tử Trường Thắng nghe lời Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, liền cúi lạy sát chân Ngài rồi biến mất. ***

1302. THIÊN TỬ THI-TỲ14

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước

Xá-vệ. J

9 Ca-la-la ,kalală cũng gọi là "yếtla-laiỊì".Nhiếp đại thừa luận thích
T.31. 1597.3. 0332a02 giải thích: Thức duyên sắc gọi là yết-la-lam .Khối

sinh the này được hình thành vào khoảng tuần đẩu tiên cua thai kỳ. 10 Nguyên tác: Bào abbudă, thai bào khoảng tuần thứ hai. 11 Nguyên tác: Nhục đoàn ,pesí, một khối thịt mềm. 12 Nguyên tác: Kiên hậu ,ghana, một khối thịt cứng đông đặc. 13 Tựa đề đặt theo nội dung kiM Tạp.7.02. 0099.1301. 0358a07. Tham chiếu: Biệt Tạp. 7.02. 0100300. 0476c08. 14 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r02. 0099.1302. 0358al9. Tham chiếu: Biệt Tạp. r.02. 0100301. 0476C18;S. 2.21 - L 156.



Bấy giờ, trời gần về sáng, có thiên tử Thi-tỳ15 dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ đức Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà? vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, thiên tử Thi-tỳ dùng kệ hỏi Phật: Nên ở chung với ai? Cộng sự với người nào? Những pháp gì nên biết? Đe xấu thành tót hơn? Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp: ở cùng người thiện lương, Cộng sự người hiền lành, Học pháp bậc chân chánh, Chuyển xấu thành tốt hơn. Bấy giờ, thiên tử Thi-tỳ nghe lời Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, liền cúi lạy sát chân Ngài rồi biến mất. *** 1303. THIÊN TỬ NGUYỆT Tự TẠI16 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc? trong rừng Kỳ-đà9 thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ, trời gân vê sáng, có thiên tử Nguyệt Tự Tại17 dung sác tuyệt đẹp đi đến chỗ đức Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà? vườn cấp Cô Độc. Khi ấy vi thiên tử kia dùng kệ hỏi Phật: Họ sẽ đạt cứu cánh, Như muỗi nương theo cỏ,18 Nêu giữ được chánh niệm, Nhất tâm, khéo chánh định. Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp: Họ sẽ đến bờ kia, Như cá phá rách lưới, An trú trong thiền định, Tâm thường được hỷ lạc. Bấy giờ, thiên tử Nguyệt Tự Tại kia nghe lời Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ9 liền cúi lạy sát chân Ngài rồi biến mất. ***

15 Thi-tỳ thiên tử ( Siva devaputtā). 16 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.1303. 0358ỒỒ2). Tham chiếu: Biêt 7. (T.02. 0100302. 0476c28); 5.2.11 -1.51. 17 Nguyệt Tự Tại thiên tử ( Candimasa devaputtā). 18 Như văn y tùng thảo ().Tham chiếu: s. 2.11 - L 51: Kacche vāmakase rnagā (Như thú, vùng không muôi), HT. Thích Minh Châu dịch. ở đây, kaccha có nghĩa là khu rừng, đầm lây và cũng có nghĩa là cỏ dài Makasa nghĩa là con muỗi. Magaỉả, cọn nai, con linh dương. Ty-kheo Sty āto dịch từ nguyên tác Pali: Như con nai ở trong đầm không có muỗi (Like deer ỉn a mosquĩo-free marsh). Đại ỷr cú ngữ này trong bản kinh Tương ưng bộ chỉ cho sự tự do, còn ở bản Hán mang ý nghĩa như là sự tất định.



1304. THIÊN TỬTỲ-SẤU-NỮU 19 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. J Bấy giờ, trời gần về sáng, có thiên tử Tỳ-sấu-nữu20 dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ đức Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Khi ấy vị thiên tử kia dùng kệ hỏi Phật: Cúng dường đức Như Lai, Hoan hỷ thường tăng trưởng, An vui trong Pháp, Luật, Tu học không buông lung. _ r TX Ạ • y _ _ . _ ___ _____ r A FTP r • 1 Bay giơ, The Ton noi kê đáp: Khéo nói pháp như vậy, Phòng

hộ không buông lung, Do tâm không buông lung, Không bị ma trói buộc. Bấy giờ, thiên tử Tỳ-sấu-nữu nghe lời Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, liền cúi lạy sát chân Ngài rồi biến mất. ***

1305. THIÊN TỬ BAN-XÀ-LA-KIỆN21 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, trời gần về sáng, có thiên tử Ban-xà-la-kiện22 dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ đức Phật, cúi lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, vị thiên tử kia dùng kệ hỏi Phật: Dù ở nơi ôn náo, Bậc Đại trí giác ngộ, Tỉnh thức trong thiền định, Sức tư duy Mâu-ni. Bay giơ, The Ton noi kẹ đáp: Biết rõ pháp ồn náo, Chánh giác được Niết-bàn, Nếu giữ được chánh niệm, Nhất tâm khéo chánh định. Bây giờ, thiên tử Ban-xà-la-kiện nghe lời Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, liền cúi lạy sát chân Ngài rồi biến mất. ***

19Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1304. 0358Ồ14). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100.303. 0477al0); s. 2.12 - L 52. 20 Tỳ-sấu-nữu (,Vendu) tức thần Visnu của Ấn Độ giáo. 21 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1305. 0358b26). Tham chiếu: Biệt Tạp. (roi 0100304. 0477a20); s. 2.7 - L 48. 22 Ban-xà-la-kiện (,Pañcālacanda).

QUYỂN 49  1449

1306. THIÊN TỬ TU-THÂM23 Tôi nghe như vầy: Một thòi, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. cùng với năm trăm quyến Bấy giờ, trời gàn về sáng, có thiên tử Tu-thâm2425 thuộc, dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ đức Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Anh sáng trên thân thiên tử chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà? vườn cấp Cô Độc. Bay giơ, The Ton bao Tôn giả A-nan:  A-īian, đối với những pháp Tôn giả Xá-lợi-phất đã khéo thuyết giảng thì tâm của thầy có hỷ lạc không? A-nan bạch Phật:  Bạch Thế Tôn! Con rất hỷ lạc. Những người nào không ngu muội, không si mê9 có trí tuệ, nghe Tôn giả Xá-lợi-phất khéo thuyết pháp mà sao tâm lại không hỷ lạc? Vì sao như vậy? Vì Tôn giả Xá-lợi-phất là bậc trì giới, đa văn, ít muôn biêt đủ9 tinh cân viên ly, chánh niệm vững chãi, có trí chánh định, có trí nhanh nhẹn, có trí nhạy bén, có trí xuất ly, có trí quyết đinh, có trí tuệ lớn, có trí tuệ rộng, có trí tuệ sâu, có trí tuệ không ai sánh bằng, thành tựu trí báu, hay khéo giáo hóa, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hy,25 cũng thường tán thán mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ, luôn vì bốn chúng thuyết pháp không biết mỏi mệt. Phật bảo A-nan:  Đủng thế, đúng the! Như những gì thầy đã nói5 A-nan! Những người nào không ngu muội, không si mê? có trí tuệ, nghe Tôn giả Xá-lợi-phất khéo thuyết pháp mà sao lại không hoan hỷ? Vì sao như vậy? Vì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất là vị trì giới, đa văn, ít muốn biết đủ5 tinh cần chánh niệm, có trí chánh thọ, có trí siêu việt, có trí nhanh nhẹn, có trí bén nhạy, có trí xuât ly, có trí quyêt định, có trí tuệ lớn, có trí tuệ rộng, có trí tuệ sâu9 có trí tuệ không ai sánh bằng, thành tựu trí báu, hay khéo giáo hóa, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ, cũng thường tán thán mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ, luôn vì bon chúng thuyết pháp không biết mỏi mệt. Khi Thế Tôn hướng về Tôn giả A-nan khen ngợi Tôn giả Xá-lợi-phất khéo thuyết pháp như vậy như vậy... thì thiên tử

Tu-thâm cùng quyến thuộc trong tâm hoan hỷ, ánh sáng trên thân càng thêm sáng chói, thanh tinh như vậy như vậy.

23 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1306. 0358c09). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100305. 0477Ồ04); s. 2.29 -1. 63. 24 Tu-thâm thiên tử (Susīmo devaputtā). 25 Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ (,,).Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tĩ. 105; Tạp.(7L02. 0099?92. 0023c18).

1450 KINH TẠPA-HÀM

Bấy giờ, thiên tử Tu-thâm trong tâm hoan hỷ, từ thân phát ra ánh sáng thanh tịnh chiếu sáng, liền nói kệ: Xá-lợi-phất đa văn, Trí sáng, tuệ bình dẳng, Trì giới, khéo điều phục, Được Niết-bàn vô sanh, Thọ trì thân tối hậu? Hàng phục các ma quân. Bấy giờ, thiên tử Tu-thâm cùng quyến thuộc nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, liền cúi lạy sát chân Ngài rồi biến mất. ***

1307. THIÊN TỬ XÍCH MÃ26 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. J Bấy giờ, trời gần về sáng, có thiên tử Xích Mã27 cùng với năm trăm quyến thuộc, dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ đức Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cổ Độc. Bấy giờ, thiên tử Xích Mã bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Có người nào có thể đi đến chỗ tận cùng của thế giới, đến chỗ không sanh, không già, không chết chăng? Phật nói với Xích Mã: -Không có người nào có thể đi đến chỗ tận cùng của thế giới, đến chỗ không sanh, không già, không chết được! Thiên tử Xích Mã bạch Phật: Kỳ diệu thay! Thế Tôn khéo nói nghĩa này! Đúng như những gì Thế Tôn đã nói: "Không có người nào có thể đi đến chỗ tận cùng của thế giới, đến chỗ không sanh, không già, không chết duợrc." Vì sao như vậy? Bạch Thế Tôn! Con nhớ lại kiếp trước, khi con từng làm Tiên nhân ngoại đạo tên là Xích Mã, tu chứng thần thông, lìa các ái dục. Lúc đó9 con suy nghĩ: "Ta có thần túc nhanh chóng như vậy, giông như người lực sĩ dùng mũi tên nhọn trong khoảnh khác ban xuyên qua bóng cây đa-la; lại có thể leo lên đỉnh núi Tu-di này đến núi Tu-di kia, chân bước từ biển Đông đến biển Tây.^ Lúc ấy con tự nghĩ: "Ta đạt được thần lực nhanh chóng như vậy, nay ta có thể đi đến chỗ tận cùng của thế giới được chng?" Nghĩ vậy rồi con liền khởi hành, chỉ trừ khi ăn, nghỉ, đại tiểu tiện, giảm bớt ngủ nghỉ, con đi mãi đến một trăm năm, cho tới khi lâm chung

2vra đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1307. 0359al0). Tham chiếu: Biệt Hp. (02. 0100.306. 0477024); Tăng.(7.02. 0125.43.1. 0756a07); s. 2.26 . L 61.^4. 4.45 - II. 47; A. 4.46 - II. 49. 27 Xích Ma (Rohitassa).

QUYÊN 49 1451

mà rốt cuộc không thể đi đến chỗ tột cùng của thế giới, đến nơi không sanh, không già, không chết. Phật bảo Xích Mã: Nay Ta chỉ đem cái thân một tầm để nói về thế giới, về sự tập khởi của thế giới, về sự diệt tận của thế giới, về con đường đưa đến sự diệt tận của thế giới. Này thiên tò Xích Mã! Thế giới là gì? Đó là năm thủ uẩn. Là năm loại nào? Chính là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Đó gọi là thế giới. Thế nào là sự tập khởi của sắc? Chính là khát ái dẫn đến sự hiện hữu ở tương

lai, đi cùng với hỷ và tham rồi đắm trước nơi này, nơi kia, đó là sự tập khởi của thế giới. Thế nào là sự diệt tận thế giới? Nghĩa là khát ái dẫn đến sự hiện hữu ở tương lai, đi cùng với hỷ và tham roi đăm trước nơi này, nơi kia đã được trừ sạch hoàn toàn, đã xả ly, đã nhổ bỏ, đã diệt sạch, ly dục, tịch diệt, vắng lặng, ngimg nghỉ, đó là sự diệt tận thế giới. Thế nào là con đường đưa đến sự diệt tận thế giới? Là Thánh đạo tám chi, gồm chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tân, chánh niệm và chánh định, đó là con đường đưa đên sự diệt tận thê giới. Này Xích Mã! Đây là khổ của thế giới nên biết, đây là khổ của thế giới nên đoạn. Đây là sự tập khởi của thế giới nên biết, đây là sự tập khởi của the giới nên đoạn. Đây là sự diệt tận của thế giới nên biết, đây là sự diệt tận của thế giới nên chứng. Đây là con đường đưa đên sự diệt tận thê giới nên biêt, đây là con đường đưa đến sự diệt tận thế giới nên tu. Này Xích Mã, nếu Tỳ-kheo nào đối với khổ của thế giới đã biết, đã đoạn; đối với sự tập khởi của thế giới đã biết, đã đoạn; đối với sự diệt tận của thế giới đã biết, đã chứng; đối với con đường đưa đến sự diệt tận của thế giới đã biết, đã tu thì này Xích Mã, đó gọi là đạt đến chỗ tận cùng của thế giới, vượt qua khỏi biển ái của the gian. Bấy giờ, Thế Tôn dùng kệ để nói lại nghĩa này: Chưa có ai đi xa, Đen tận cùng thế giới, Chưa tận cùng thế giới, Trọn không dứt hết khổ. Vì thế bậc Mâu-ni, Biết tận cùng thế giới, Khéo rõ biên thế giới, Các Phạm hạnh đã lập. Người liễu ngộ bình đẳng, Tận cùng thế giới kia, Gọi là hạnh Hiền thánh, Vượt qua bờ thế gian. Bấy giờ, thiên tử Xích Mã nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, liền đảnh lễ sát chân Ngài rồi biến mất. ***



1308. CÁC THIÊN THẦN NGOẠI ĐẠO28 Một thời, đức Phật ngụ bên sườn núi Tỳ-phú-la5 thuộc thành Vương Xá. Có sáu thiên tử trước kia vôn là tu sĩ ngoại đạo. Vị thứ nhát tên là A-tỳ- phù,29 thứ hai là Tăng Thượng A-tỳ-phù?30 thứ ba là Năng-cầu,3132 thứ tư là Tỳ- lambà,32 thứ năm là A-câu-tra3334 và thứ sáu là Ca-lam cùng đi đến chỗ Phật. Thiên tử A-tỳ-phù nói kệ: Tỳ-kheo tâm chuyên nhất, Thường tu hạnh yểm ly, Đầu đêm và cuối đêm, Tư duy khéo nhiếp phục, Thấy, nghe những lời kia, Không rơi vào địa ngục. Thiên tử Tăng Thượng A-tỳ-phù lại nói kệ: Nhàm chán chỗ tối tăm, Tâm thường tự nhiếp hộ, Thường xa lìa thế gian, Pháp ngôn ngữ tranh luận. Theo Đại sư Như Lai, Lãnh thọ pháp Sa-môn9 Khéo nhiếp hộ thế gian, Không gây tạo điều ác. Thiên tử Năng-cầu lại nói kệ: Dù đánh, chém, sát hại, Hay cúng dường Ca-diếp9 Không thấy đó là tội5 Cũng không thấy là phước Thiên tử Tỳ-lam-bà lại nói kệ: Ta nói Ni-kiền kia, Ngoại đạo Nhã-đề tử/4 Xuất gia tu học đạo, Thường thực hành khổ hạnh. Đối đồ chúng đại sư, Xa lìa lời nói dối, Ta nói người như vậy, Không xa bậc La-hán. Bay giờ, The Ton noi kẹ đáp: Con dã can gây ôm, Thường đi cùng sư tử, Trọn vẫn nhỏ, yếu gày, Không thể thành sư tử. Chúng đại sư Ni-kiền? Hư vọng tự xưng tán, Là ác tâm, nói dối, Cách xa bậc La-hán. Bây giờ, Thiên ma Ba-tuân dựa vào thiên tử A-câu-tra nói kệ: Tinh cần trừ ngu tối, Thường giữ gìn viễn ly, Đăm nhiêm săc vi diệu, Yêu thích cõi Phạm thiên, Ta giáo hóa chúng này, Khiến được sanh Phạm thiên.

28 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r.02. 0099.1308. 0359b22. Tham chiếu: Biệt Tạp. r.02. 0100307.0 477c24; s. 2.30 - L 65. 29 A-tỳ-phù ,Asamā. 30 Tăng

Thượng A-tỳ-phù Sahali. 31 Năng-cầu ,Nīka. 32 Tỳ-lam-bà Vetamban, Vegabbarī. 33 A-câu-tra ,Ākotaka. 34 Ni-kiền Nhã-đề tử Nigantha Nātaputta: Giáo chủ của Kỳ-na giáo, một trong lục sư ngoại đạo của Ấn Độ.

QUYỂN 49 1453

Khi ấy, Thế Tôn suy nghĩ: "Thiên tử A-câu-tra đã nói bài kệ này là do nhờ sức Thiên ma Ba-tuần chứ không phải tự tâm thiên tử A-câu-tra nói: Tinh cần trừ ngu tối, Thường giữ gìn viễn ly, Đắm nhiễm sắc vi diệu, Yêu thích cõi Phạm thiên, Ta giáo hóa chúng này, Khiến được sanh Phạm thiên." Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ: Phàm những gì có sắc, ở đây hoặc nơi kia, Hay ở trong hư không, Ánh sáng chiếu khác nhau. Nên biết tất cả chúng, Đều bi ma trói buộc, Như thả câu gắn mồi, Câu cá đang bơi lượn. Khi ấy, các thiên tử kia đều nghĩ rằng: "Hôm nay thiên tử A-câu-tra nói kệ mà Sa-môn Cù-đàm nói đó là Ma nói. Vì sao Sa-môn Cù-đàm nói như vāy??, Bấy giờ, Thế Tôn biết những ý nghĩ trong tâm các thiên tử nên bảo rằng: Nay thiên tửA-câu-tra nói kệ, nhưng chăng phải tự tâm thiên tử ây nói mà là do sức của Ma Ba-tuần dựa vào nên mới nói như vầy: Tinh cần trừ ngu tối, Thường giữ gìn viễn ly, Đắm nhiễm sắc vi diệu, Yêu thích cõi Phạm thiên, Ta giáo hóa chúng này, Khiến được sanh Phạm thiên. The nen Ta noi kẹ: Phàm những gì có sắc, ở đây hoặc nơi kia, Hay ở trong hư không, Anh sáng chiếu khác nhau. Nên biết tất cả chúng, Đều bị ma trói buộc, Như thả câu gắn mồi, Câu cá đang bơi lượn. Khi ấy các thiên tử lại suy nghĩ: "Kỳ lạ thay! Sa-môn Cù-đàm có thần lực, oai đức lớn mới thây được Thiên ma Ba-tuân, còn chúng ta thì không thê thây. Chúng ta mỗi người hãy làm kệ tán thán Sa-môn Cíi-dàm." Các vị thiên tử suy nghĩ rồi liền nói kệ: Nên đoạn trừ tất cả, Tưởng tham ái, hữu thân, Khiến người khéo hộ trì, Trừ tất cả vọng ngữ. Nếu muốn đoạn dục ái? Nên cúng dường Đại sư, Đoạn dứt ba hữu ái,35 Phá trừ lời vọng hu, Đã đoạn được kiên tham, Nên cúng dường Đại sư. Ngọn núi Tỳ-phú-la9 Bậc nhất thành Vương Xá, Tuyết Sơn hơn các núi, Kim Si vua loài chim. Tám phương và trên, dưới, Tất cả cõi chúng sanh, ở trong hàng trời, người, Đẳng Chánh Giác tối thượng.

35 Tam hữu ai gồm dục ái ,sắc ái và vô sắc ái .

1454 KINH TẠPA-HÀM

Sau khi các thiên tử nói kệ khen nệợi Phật và nghe lời Phật dạy rồi, hoan hỷ và tùy hỷ, liền cúi lạy sát chân Ngài roi biến mat. *** 1309. THIÊN TỬ MA-GIÀ36 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, trời gần về sáng, có thiên tử Ma-già dung sắc tuyệt đẹp đi đến chỗ đức Phật, lạy sát chân Ngài roi ngôi sang một bên. Anh sáng trên thân thiên tử chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà? vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ5 thiên tử Ma-già dùng kệ hỏi Phật: 9

Đoạn trừ những pháp nào, Mà ngủ được an ôn? Đoạn trừ những pháp nào, Mà tâm được hỷ lạc? Đoạn trừ những pháp nào, Được Cù-đàm khen ngợi? Bây giơ, The Ton noi kê đáp: Đoạn trừ lòng sân hận, Nên ngủ được an lành, Trừ sân hận, hung ác, Khiến người được hỷ lạc. Sân hận là gốc độc, Ta khen người dứt được, Sân hận đã đoạn rồi, Đêm dài không lo lắng. Bấy giờ, thiên tử Ma-già nghe lời Phật dạy. hoan hỷ và tùy hỷ,

liền cúi lạy sát chS Ngai roi biên mất *

*** 1310. THIÊN TỬ DI-KỲ-CA37 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. J Bây giờ, trời gân vê sáng, có thiên tử Di-kỳ-ca dung sác tuyệt đẹp đi đên chỗ đức Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, thiên tử kia dùng kệ hỏi Phật: Có mây loại ánh sáng, Luôn chiêu sáng thê gian? Cúi xin Thế Tôn nói, Ánh sáng nào sáng hơn?

36 Tựa đề đặt theo nội dung lảnh. Tạp.(T.02. 0099.1309. 0360ỒỒ3). Tham chiếu: Tạp.(r02. 0099^116.0295024); Tạp.(7.02. 0099.1158. 0308020); Biệt Tạp.(r.02. 010045. 0388c27); BiệtTạp.(T.02. 0100.81. 0401C20); Biệt Top. SOB(r.02. 0100.308. 0478c06); Pháp củ kỉnh (r04. 0210.2. 0568a02); Xuất diếu kinh (r04. 0212.20. 0713b05); Pháp tập yêu tụng kinh (T04. 0213.02. 0787aỒ8);s. 1.71-L 41;s. 2.3 - L 47;5.7.1- L 160;s. 11.21- L 237. 37_Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.1310. 0360bl7). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100.309. 0478c 16); s. 1.26 -L 15; s. 2.4 -1. 47.

QUYỂN 49 1455

T-V Á • y FT11 Á r-p/X r • Bay giơ, The Ton noi kệ đáp: Có ba loại ánh sáng, Luôn chiếu rọi thế gian, Mặt trời chiếu ban ngày, Ánh trăng tỏa ban đêm, Ánh đèn chiếu ngày đêm, Chiếu soi mọi cảnh tượng. Trên, dưới và các phương, Chúng sanh nhờ soi sáng, Trong ánh sáng trời, người, Ánh sáng Phật hơn hết. Đức Phật nói kinh này xong, thiên tử Di-ky-ca nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, liền cúi lạy sát chân Ngài rồi biến mất. *** 1311. THIÊN TỬĐÀ-MA-NI38 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rưng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. dung sắc tuyệt đẹp, đi đến Bấy giờ, trời gần về sáng, có thiên tử Đà-ma-ni3940 chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà? vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, thiên tử Đà-ma-ni nói kệ: Phận sự Bà-la-môn? Siêng tu tập? chẳng lười/0 Đoạn trừ mọi ái dục, Không cầu thọ thân sau. Khi ấy, Thế Tôn nói kệ đáp: Bà-la-môn vô sự, Việc cân làm đã làm, Chừng nào chưa sang bờ, Ngày đêm thường cô găng. Đã qua đứng bờ kia, Đen bờ, gắng chi nữa? Đây là Bà-la-môn, Siêng thiên, trừ sạch lậu. Lửa ưu não cháy bùng, Thảy đều được dập tắt, Tức đã đến bờ kia, Niết-bàn vô sở cầu. Khi ấy, thiên tử Đà-ma-ni nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ? đảnh lễ sát chân Phật rồi biến mất. ***

38 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1311. 0360c03). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100310. 0478C29); s. 2.5 - L 47. 39 Đà-ma-ni (,Dāmani). 40 Nguyên tác: Học đoạn mạc bì quyện ().Đoạn ()ở đây chỉ cho sự tinh cần, nỗ lực, siêng năng (padhānă). Cú ngữ này được dịch từ s. 2.5 - L 47: Padhānāni akilāsunā (tinh tân, không mệt mỏi).

1456 KINH TẠP A-HÀM

1312. THIÊN TỬ ĐA-LA-KIÈN-ĐÀ41 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ, trời gân vê sáng, có thiên tử Đa-la-kiên-đà dung sác tuyệt đẹp, đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một

bên. Ánh sáng trên thân thiên tử chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà5 vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, thiên tử Đa-la-kiền-đà dùng kệ hỏi Phật: Đoạn, xả bao nhiêu pháp, Tu bao nhiêu pháp nữa, Vượt qua bao trói buộc,42 Là Tỳ-kheo vượt dòng? The Ton noi kê đáp: Đoạn năm, xả năm pháp,43 Tu thêm năm pháp44 nữa, Vượt năm thứ trói buộc,45 Gọi Tỳ-kheo vượt dòng. Bấy giờ, thiên tử Đa-la-kiền-đà nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ sát chân Phật rồi biến mất. ***

1313. THIÊN TỬ CA-MA (l)46 r , A .  Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. J Bây giờ, trời gân vê sáng, có thiên tử Ca-ma dung sác tuyệt đẹp, đi đên chô Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, thiên tử Ca-ma thưa với Phật: -Rất khó, bạch Thế Tôn! Rất khó, bạch Thiện Thệ!47

41 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tap.(T.02. 0099.1312. 0360c19). Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.1002. 0262C12); Biệt Tạp.(r.02. 0100.140. 0427cll); Biết Tạp.(T.02. 0100.311. 0479al6);S. 1.5-I.3. 42 Nguyên tác: Tích tụ ().Tứ A-hàm mộ sao giải (T.25. 1505.2. 0010c24) giải thích: Am (che đậy), tích tụ và trói buộc cùng một nghĩa ().Kinh s. 1.5 - L 5: Kati sañgātigo (vượt qua bao trói buộc), HT. Thích Minh Châu dịch. 43 Nguyen tác: Đoạn ngũ xả ư ngũ ().Đoạn trừ 5 hạ phần kiết sử và xả bỏ 5 thượng phần kiếtsừ. Xem chú thích 30, kinh số 1002, quyền 36, tr1099; Tạp.(T.02. 0099.1002. 0262c 12). 44 Nguyên tác: Ngũ pháp ()chỉ cho ngũ căn (l)gồm tín, tấn, niệm, định, tuệ. Xem chú thích 30, kinh số 1002, quyển 36, tr. 1099; Tạp. B (T.02. 0099.1002. 0262cl2). 45 Nguyên tác: Siêu ngũ chủng tích tụ ().Thoát khỏi 5 sự ưội buộc, tức trói buộc do tham, trói Bc do sân, trói buộc do si? trói buộc do mạn, trói buộc do kiến chấp, đo gọi là vượt qua 5 sự trói buộc. Xem chú thích 30 kinh so 1002, quyển 36, tr. 1099; Tạp.(T.02. 0099.1002. 0262cl2). 46 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1313. 0361a01). Tham chiếu: Biệt Tạp. (r.02. 0100312. 0479a28); s. 2.6  L 48. 47 Tham chiếu: Biệt Tạp. B (T,02,0100.312. 0479ÔO2): Bạch Thế Tôn! Những gì gọi là rất khó làm, khó thực hiện? (ÍẾ?).

QUYỂN 49  1457

The Ton noi kệ đáp:
Tu học thật rất khó, Đầy đủ giới và định,
Rời nhà, sống viễn ly, Nhàn cư, vui tịch tĩnh.
Thiên tử Ca-ma lại thưa Phật:
- Bạch Thế Tôn! Thật khó được tĩnh lặng!
Khi ây? The Ton noi kẹ đáp:
Được điều khó học được, Đầy đủ giới và đinh,
Ngày đêm thường tinh chuyên, Lòng an vui tu tập.
Thiên tử Ca-ma bạch Phật:
-Bạch Thế Tôn! Tâm thật khó định tĩnh!
The Ton noi kê đáp:
r

Thật khó trụ định tĩnh, Các căn, tâm quyết định, Cắt đứt lưới tử ma, Bậc Thánh tùy ý tiến. Thiên tử Ca-ma lại thưa với Phật: -Bạch Thế Tôn! Đường hiểm thật khó đi! The Ton noi kẹ đáp: Đường hiểm thật khó đi, Mong an lành tiến bước, Kẻ phàm ngã đường này, Bâu, chân đêu chông ngược, Hiền thánh đi đường chánh, Đường hiểm vẫn an bình. Đức Phật nói kinh này xong, thiên tử Ca-ma nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ sát chân Phật rồi biến mất. *** 1314. THIÊN TỬ CA-MA (2)48 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, trời gần về sáng, có thiên tử Ca-ma dung sắc tuyệt đẹp, đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, thiên tử Ca-ma dùng kệ hỏi Phật: Tham, sân do nhân gì, Không an, sởn gai ốc? Sợ hãi từ đâu sanh? Ý tưởng từ đâu khởi? Giống như đứa trẻ thơ, Dựa dẫm vào nhũ mẫu?

48 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tap.(T.02. 0099.1314. 0361a23). Tham chiếu: Tạp.(b.02. 0099.1324. 0363b29); Biệt Tạp.(T.02. 0100.313. 0479Ồ18); Biết Tạp.(rối 0100.323. 0481 cl 50); S. 10.3 -1. 207; Sn. 2.5 - 48.



rrnf Á TIA 7 • i JL ỉ The Ton noi kẹ đáp: Ái từ thân sanh trưởng, Như cây Ni-câu-luật, Bủa giăng khắp nơi nơi, Như rừng cây rậm rạp. Người biết nhân kia rồi, Tỉnh ngộ, được giác ngộ, Qua khỏi biển sanh tử, Không còn thọ thân sau. Bấy giờ, thiên tử Ca-ma nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ sát chân Phật rồi liền biến mất. *** 1315. THIÊN TỬ CHIÊN-ĐÀN (l)49 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, trời gần về sáng, có thiên tử Chiên-đàn dung sắc tuyệt đẹp, đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà? vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, thiên tử Chiên-đàn dùng kệ hỏi Phật: Nghe Cù-đàm đại trí, Thây biêt không chướng ngại, Học gì, trụ chỗ nào, Không gặp ác đời sau? The Ton noi kê đáp: Giữ gìn thân, miệng, ý, Không tạo ba pháp ác, Sống tại nhà của mình, Tụ họp nhiều thân quen. Tín tâm, thí tài, pháp, Dùng pháp lập tất cả, Trụ kia, học pháp kia, Thì không sợ đời khác. Đức Phật nói kinh này xong, thiên tử Chiên-đàn nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ sát chân Phật rồi liền biến mất. *** 1316. THIÊN TỬ CHIÊN-ĐÀN (2)50 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ, trời gân vê sáng, có thiên tử Chiên-đàn dung sác tuyệt đẹp, đi đên chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc.

49 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.O2. 0099.13Í5. 036lb09). Tham chiếu: Biệt Tạp. (roi OlOO314. 0479C03); s. l.75 - L 42. 50 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Thơ.(T.02. 0099.13l6. 036lb23). Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.1269. 0348C09); Biệt Tạp.(T.02. 0100.178. 0438Ồ08); Biết Tạp.B (T.02. 0100?315. 0479C17); S. 2.15-1. 53.



Khi ấy, thiên tử kia dùng kệ hỏi Phật:

Ai vượt qua các dòng, Ngày đêm siêng không nhác?
Không dính mắc, vô trụ, Làm sao không chìm đắm?
The Ton noi kê đáp:
Đầy đủ tất cả giới, Trí tuệ và chánh định,
Tư duy luôn chánh niệm, Vượt được dòng khó vượt.
Không nhiễm dục tưởng này, Vượt qua sắc ái kia,
Tham, hỷ đều đã sạch, Không vào chỗ khó lường.
Bấy giờ5 thiên tử Chiên-đàn nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ? đảnh lễ sát chân Phật rồi liền biến mất.
***

1317. THIÊN TỬ CA-DIẾP (l)51

Tôi nghe như vây:
Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.
Bấy giờ, trời gần về sáng, có thiên tử Ca-diếp dung sắc tuyệt đẹp, đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc.
Khi ấy, thiên tử Ca-diếp thưa với Phật:
- Bạch Thế Tôn! Nay con sẽ nói về Tỳ-kheo và công đức của Tỳ-kheo.
Đức Phật bảo:
Thiên tử cứ nói!
Khi ấy, thiên tử Ca-diếp bèn nói kệ:
Tỳ-kheo tu chánh niệm, Khéo giải thoát tâm mình,
Ngày đêm thường siêng cầu, Mong có nhiêu công đức.
Liêu tri nơi thê gian, Diệt trừ tất cả hữu,
Tỳ-kheo không lo phiền, Tâm không còn nhiễm trước.
-Bạch Thế Tôn! Đó gọi là Tỳ-kheo. Đó gọi là công đức của Tỳ-kheo.
Đức Phật đáp:
Lành thay! Lành thay! Đúng như lời ông nói!
Thiên tử Ca-diếp nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ bèn đảnh lễ sát chân Phật rồi liền biến mất.
***

51 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1317. 0361b07). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100316. 0480a01); s. 2.1 - L 46.



1318. THIÊN TỬ CA-DIẾP (2)52

Tôi nghe như vây:
Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc? trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trời gần về sáng, có thiên tử Ca-diếp dung sắc tuyệt đẹp, đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Ánh sáng trên thân thiên tử chiếu sáng khắp rừng Kỳ-đà, vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, thiên tử Ca-diếp thưa với Phật: -Bạch Thế Tôn! Con sẽ nói về Tỳ-kheo và những điều Tỳ-kheo nói. Đức Phật bảo:  Thiên tử cứ nói! Thiên tử Ca-diếp liền nói kệ: Tỳ-kheo giữ chánh niệm, Khéo giải thoát tâm minh, Ngày đêm thường siêng cầu, Mau chóng lìa trần cấu. Biết rõ ràng thế gian, Nơi trần, lìa trần cấu, Tỳ-kheo không lo sầu, Tâm không còn nhiễm trước.  Bạch Thế Tôn! Đây gọi là Tỳ-kheo và những điều Tỳ-kheo nói.

Đức Phật đáp:

Đúng vậy, đúng vậy! Đúng như lời ông đã nói.

Lúc ấy, thiên tử Ca-diếp nghe lời Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ sát chân Phật rồi liền biến mất.

***

1319. DẠ-XOA KHUẤT-MA53 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng với năm trăm Tỳ-kheo du hành trong nhân gian tại nước Ma-kiệt-đà. Chiều tối, Ngài dừng chân nơi trụ xứ của quỷ dạ-xoa Khuất-ma. Khi ấy, quỷ dạ-xoa Khuất-ma đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi đứng sang một bên và thưa với Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Nay xin thỉnh Thế Tôn và đại chúng ngủ qua đêm tại đây. _  The Ton im lặng nhạn lời. Bấy giờ, quỷ dạ-xoa Khuất-ma biết Phật đã im lặng nhận lời rồi, liền biến hóa ra năm trăm lầu gác, phòng xá có đầy đủ giường nằm, nệm lót, nệm ngồi,

52 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.1318. 0361c20). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100317. 0480al2);S.2.2-L46. 53 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1319. 0362a05). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100318. 048ỒỒ01); s. 10.4- I. 208.



mền, mùng, gối, mỗi thứ năm trăm cái, rồi lại biến hóa ra năm trăm ngọn đèn không có khói, những thứ ây thảy đêu do biên hóa mà thành. Sau khi biên hóa xong, quỷ dạ-xoa đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Phật, thỉnh Ngài vào phòng nghỉ và mời các Tỳ-kheo lần lượt nhận phòng cùng các vật dụng. Sau khi công việc đã hoàn tất, dạ-xoa trở lại chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Ngài, ngồi sang một bên rồi nói kệ: Hiền đức có chánh niệm, Hiền đức thường chánh niệm, Chánh niệm ngủ an ổn, Đời này và đời khác. Hiền đức có chánh niệm, Hiền đức thường chánh niệm, Chánh niệm ngủ an ổn, Tâm mình thường dừng lắng. Hiền đức có chánh niệm, Hiền đức thường chánh niệm, Chánh niệm ngủ an ổn, Xả, hàng phục quân khác. Hiên đức có chánh niệm, Hiền đức thường chánh niệm, Không giết, không bảo giết, Không phục, không khiến phục, Tư tam vơi tát ca, Chẳng ôm tâm oán kết. Đức Phật bảo: -Đúng vậy, đúng vậy! Đúng như lời ông nói. r ĩ

Bây giờ, quỷ dạ-xoa Khuât-ma nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ sát chân Phật rồi trở về chỗ của mình. *** 1320. QUỶ THẦN MA-CƯU-LA54 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại núi Ma-cưu-la,55 có Tôn giả Na-ca-bà-la làm thị giả* Bấy giờ, gặp lúc trời tối, mưa rơi lất phất, sấm chớp sang lòe, Thế Tôn ra khỏi phòng đi kinh hành nơi khoảng đất trống. Lúc ấy, Đế-thích khởi lên suy nghĩ: “H6m nay Thế Tôn tru ở

núi Ma-cưu-la, có Ton giả Na-ca-bà-la thân cận cúng dường. Trời đêm tối đen, mưa rơi lất phất, sấm chớp sáng lòe, Thế Tôn lại ra khỏi phòng đi kinh hành nơi đất trống, nay Ta sẽ hóa ra lâu đài Tỳ-lưu-ly đem che cho Phật rồi theo Phật kinh hanh." Nghĩ như thế xong, Đế-thích liền hóa ra lâu đài Tỳ-lưu-ly, đem đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Phật rồi theo Phật kinh hành. Bây giờ, người nước Ma-kiệt-đà môi khi có bé trai hay bé gái nào khóc đêm, họ đều đem quỷ Ma-cưu-la ra dọa thì chúng liền ngưng khóc. Và theo phép đệ tử hàu thầy, phải chờ thầy xả thiền nghỉ ngơi56 thì đệ tử mới được đi

54 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.1320. 0362a29). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100319. O48ồbl8). 55 Ma-cưu-la () 56 Tham chiếu: Biệt Tạp. (02. 0100.319. 0480b24): Thầy chưa vào phòng ().



ngủ, nhirng đêm nay Thế Tôn vì Đế-thích nên kinh hành khá lâu, Tôn giả Na- ca-bà-la suy nghĩ: “Thế Tôn đêm nay kinh hành lâu quá, ta sẽ giả làm quỷ Ma- cưu-la để dọa Ngài.55 Thế rồi, Tỳ-kheo Na-ca-bà-la liền lấy áo có lông dài trùm bên ngoài thân, đến đầu đường chỗ Thế Tôn kinh hành, nói với Phật rằng: a6Quỷ Ma-cưu-la đến đây! Quỷ Ma-cưu-la đến đấy V' Đức Phật liền bảo: Này Tỳ-kheo Na-ca-bà-la! Ngươi thật ngu si, đem hình tướng quỷ than Ma-cưu-la dọa Phật ư? Chẳng thể nào làm lay động được một cọng lông sợi tóc của Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác! Bởi vì Như Lai, ứng Cúng, Giác Ngộ Viên Mãn từ lâu đã lìa sợ hãi. Khi ấy, Đế-thích bạch Phật: Bạch Thể Tôn! Trong Giáo pháp và Giới luật của Thế Tôn cũng có hạng người này ư? Đức Phật đáp: Này Kiêu-thi-ca! Nhà của Cù-đàm vô cùng rộng lớn thoáng đãng, trong những người như thế này, vào đời tương lai cũng đắc pháp thanh tinh. Ấ • y rpi Á rp1 • À -r • i A

Bây giơ, The Ton liên noi kẹ: Nêu Bà-la-môn nào, Với pháp mình đạt được, Qua đến bờ bên kia, Thì ma Tỳ-xá-gia? Hay quỷ Ma-cưu-la, Thảy đều vượt qua hết. Nếu có Bà-la-môn? Với pháp mình thực hành, Tất cả các cảm thọ, Quán sát đều lặng dứt. Nếu có Bà-la-môn, Nương pháp qua bờ kia, Tất cả các nhân duyên, Thảy đều đã diệt tận. Nếu có Bà-la-môn, Nương pháp qua bờ kia, Tát ca nhân va ngã, Thảy đều đã diệt tận. Nếu có Bà-la-môn, Nương pháp qua bờ kia, Với sanh, già, bênh, chết. Thảy đêu đã vượt qua. Đức Phật nói kinh này xong, Thích-đề-hoàn-nhân nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ sát chân Phật rồi liền biến mất. *** 1321. QUỶ TẤT-LĂNG-GIÀ57 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá.

57 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1321. 0362c07). Tham chiếu: Biệt Tạp. (r.02. 0100320. 048ỒC20); s. 10.6 - L 209.



Khi ấy, Tôn giả A-na-luật-đà58 du hóa trong nhân gian tại nước Ma-kiệt- đà?59 đến nghỉ đêm tại trụ xứ của mẹ con quỷ Tất-lăng-già.60 Vào lúc cuối đêm, Tôn giảA-na-luật-đà thức dậy, ngồi ngay thẳng tụng Ưu- đà-na961 Ba-la-diên-na?62 Kiến chân đế,63 Trưởng lão Tăng kệ,6465 Trưởng lão Ni 68 67 66 ke,65 Thi-lộ ke,66 Nghĩa phẩm,67 Mâu-ni ke,68 các kinh như thế thảy đều tụng hết. Bấy giờ, quỷ con

Tất-lăng-già khóc đêm, quỷ mẹ Tất-lăng-già liền nói bài kệ dỗ con nín khóc: Tất-lăng-già con ơi, Nay con hãy nín khóc, Đe nghe Tỳ-kheo kia, Đọc tụng kệ Pháp cú. Nếu người biết Pháp cú, Có thể tự giữ giới, Xa lìa sự sát sanh, Nói thật, không nói dối, Xả bỏ điều phi nghĩa, Thoát khỏi cõi quỷ thần. Khi quỷ mẹ Tất-lăng-già nói kệ này xong, quỷ con liền nín khóc. *** 1322. QUỶ PHÚ-NA-BÀ-TẨU69 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng với đại chúng du hóa trong nhân gian tại nước Ma- kiệt-đà9 rồi đến nghỉ đêm tại trụ xứ của mẹ con quỷ Phú-na-bà-tẩu.70 Bấy giơ, Thế Tôn vì các Ty-kheo mà nói pháp liên hệ đến bốn Thánh dế, đó là Thánh đế về khổ, Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đế về khổ diệt và Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt.

58 A-na-luật-đà ,Anuruddha. 59 Nguyên tác: Ma-kiệt-đề ,tức Ma-kiệt-đà ,Magadha. 60 Tất-lăng-già ,Piyañkara. 61 Ưu-đà-na Udag: Vô vấn tự thuyết hay Kệ cảm hứng. 62 Ba-la-diên-na ,Pãrãyanavaggă: Phẩm "Dáo bí ngạn" thứ 5 của Kỉnh tập Suttanipãtà, thuộc Tiểu bộ Khuddaka Nikāya. 63 Kiến chân đế còn gọi là "TSt-kỳ-dà-xá"s. Satyadrśa, một bộ kinh trong Tạp tạng. 64 Nguyên tác: Thượng tọa sở thuyết kệ ,Theragãthã. Trưởng lão Tăng kệ, thuộc Tiểu bộ Khuddaka Nikãyà. 65 Nguyên tác: Tỳ-kheo-ni sở thuyết kệ Therĩgãthã. Trưởng lão Nỉ kệ, thuộc Tiểu bộ Khuddaka Nỉkẩyà. 66 Thi-lộ kệ S. śailagāthā, p. Selagãthã, một đoạn kệ trong bộ Thiên thỉ dụ Divy. 20.23; 35.1. Đoạn kệ này cung xuất hiện trong M. 92, Sela Sutta Kinh Sela. Sn. 102-12. 67 Nghĩa phẩm Atthakavag^a'. Toàn bộ chương thứ tư của Kinh tập Suttanipãta, gồm 16 bài kinh. Dỉ-sa-tậc bộ hòa-hê n han T.22. 1421.21. 0144bl7 gọi là Thập lục nghĩa phẩm kinh . 68 Mâu-ni kệ ,Muni gãthã: Kinh thứ 12 Sn. 35, trong phẩm Rắn Uragavaggà của Kỉnh tập. 69 Tựa đề đặt theo nọi dung kinh. Tạp.r02. 0099.1322. 0362c22. Tham chiêu: Biêt Tạp. 7.02. 0100321. 048U04; s. 10.7 - L 209. 70 Phú-na-bà-tẩu Punabbasu.

1464 KINH TẠPA-HÀM

Khi ấy, hai đứa con của quỷ mẹ Phú-na-bà-tẩu là quỷ trai Phú-na-bà-tẩu và quỷ gái uất-đa-la khóc đêm, nên quỷ mẹ liền nói kệ dỗ dành: Này Phú-na-bà-tẩu, uất-đa-la, chớ khóc! Đe cho mẹ lang nghe, Pháp Như Lai đang thuyết. Cha mẹ chẳng thể nào, Giúp con mình thoát khổ, Nghe Như Lai thuyết pháp, Khô ây thoát được ngay. Người đời theo ái dục, Bị các khổ bức vây, Vì họ, Phật thuyết pháp, Giúp phá trừ sanh tử5 Mẹ nay muốn nghe pháp, Các con hãy lăng yên. Khi ây, hai quỷ con Phú-na-bà-tâu và Uất-đa-la đêu vâng lời mẹ nên đã yên lặng lăng nghe. Roi quỷ con thưa quỷ mẹ: Lời mẹ nói hay thay, Con cũng thích nghe pháp, Đấng Thế Tôn, Chanh Giác, Tại núi Thắng Ma-kiệt/1 Vì các loài chúng sanh, Diễn nói pháp thoát khổ. Nói khổ và nhân khổ, Khổ diệt, đường diệt khổ, Nhờ bốn Thárýi đế này, An ổn đến Niết-bàn, Nay mẹ hãy lắng nghe, Pháp Thế Tôn diễn thuyết. Khi ấy, quỷ mẹ Phú-na-bà-tẩu liền nói kệ đáp: Lạ thay, con trí tuệ, Có thể thuận tâm ta, Con Phú-na-bà-tẩu, Tán thán bậc Đạo sư. Phú-na-bà-tẩu trai, Và gái Uất-đa-la, Hãy khởi tâm tùy hỷ, Mẹ đã thấy Thánh đế. Sau khi quỷ mẹ Phú-na-bà-tẩu nói kệ này rồi thì quỷ trai và quỷ gái đều tùy hỷ im lặng. ***

1323. QUỶ MA-NI-GIÁ-LA71 72 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng với đại chúng du hóa trong nhân gian tại nước Ma- kiệt-đà, rồi đến nghỉ qua đêm tại trú xứ của quỷ Ma-ni-giá-la.73 Bấy giờ, quỷ Ma-ni-giá-la đang hội họp cùng các quỷ thần nơi trú xứ. Khi ấy, có người nữ đem hương hoa tốt đẹp và các thức ăn uống đến chỗ quỷ Ma- ni-giá-la kia. Người nữ này từ xa nhìn thấy Thế Tôn đang ngồi nơi trú xứ của quỷ Ma-ni-giá-la, thấy rồi nghĩ rằng: “Ta nay tận mắt thấy được quỷ thần Ma- ni-giá-la!5\ liền nói kệ:

71 Nguyên tác: Ma-kiệt Tháng sơn (),chỉ cho ngọn núi cao nhất ở nước Ma-kiệt-đà, đó chính là núi Linh Thứu (Gijjhakūta). 72 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1323. 0363a22). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100322. 0481b01). 73 Ma-ni-giá-la ().



Lành thay! Ma-ni-già? Trú tại Ma-già-đà?74 Dân nước Ma-già-đà? Sở cầu đều như nguyện. Làm sao ở đời này, Thường được sông an vui? Làm sao để đời sau, Lại được sanh cõi trời? The Ton nói kê đáp: Chớ buông lung, kiêu mạn, Cần gì quỷ Ma-ni? Tự tu sửa hành vi, Sẽ được sanh thiên giới. Khi ấy, người nữ kia khởi lên ý nghĩ: ẾCĐây không phải quỷ Ma-ni-giá-la mà là Sa-môn Cù-đàm?5 Biết như vậy rồi, cô liền dâng hương hoa tốt đẹp cúng dường Thế Tôn, đảnh lễ sát chân Phật rồi ngồi sang một bên và dùng kệ hỏi rằng: Đường nào đến an lạc, Phải tu những hạnh gì? Đời này thường an ổn, Đời sau sanh lên trời? Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp: Bố thí, khéo điều tâm, Thích hộ trì các căn, Chánh kiến, tu hạnh lành, Gần gũi bậc Sa-môn, Sinh sống bằng chánh mạng, Đời sau sanh cõi trời. Đâu cần Ba Mươi Ba, Lưới kho của chư thiên, Chỉ cần nhất tam, niệm, Đoạn trừ được ái dục, Ta sẽ nói lìa cấu, Lắng nghe pháp cam lồ. Bấy giờ, người nữ ấy nghe Thế Tôn thuyết pháp, mở bày, chỉ dạy, khích lệ5 khiến cho hoan hỷ.7475 Theo thường pháp của chư Phật, Thế Tôn tuần tự diễn nói các pháp như bố thí, trì giới, phước báo sanh thiên, phiền não từ vị ngọt của dục và tai họa của dục, thanh tịnh, giải thoát, xa lìa, công dức, phước lợi. Ví như tâm vải trăng sạch thì rát dê nhuộm màu, lúc ây người nữ kia cũng thê, ngay tại chỗ ngồi đối với bốn chân lý thấy đúng như thật về khổ, tập, diệt, đạo. Cũng vậy, người nữ ây đã thây pháp, đác pháp, biêt pháp, thê nhập giáo pháp, vượt các nghi hoặc, không nương ai khác, ở trong giáo pháp được vô sở úy. Khi ấy, cô liền đứng lên, sửa lại y phục, chắp tay bạch Phật: Con đã được độ, bạch Thế Tôn! Con đã được độ? bạch Thiện Thệ! Từ hôm nay cho đến trọn đời, con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo-tăng. Bây giờ, người nữ ây nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ? đảnh lê Phật rồi ra về. ***

74 Tức Ma-kiệt-đà Magadha. 75 Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hy .Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tr. 105; Tạp.r.02. 0099.92. 0023cl8.



1324. QUỶ CHÂM MAO76 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa trong nhân gian tại nước Ma-kiệt-đà, rồi đến nghỉ qua đêm tại trú xứ của quỷ Châm Mao.77 Bấy giờ,

quỷ Châm Mao đang hội họp cùng các quỷ thần khác tại tru xứ. Lúc đó? có quỷ Viêm nhìn thấy Thế Tôn đang nghỉ lại đêm tại trú xứ của quỷ Châm Mao, thấy rồi liền đến chỗ của quỷ Châm Mao và nói:  Thôn chủ! Hôm nay ông thật có phước lớn vì đức Như Lai, ứng Cúng, Giác Ngộ Viên Mãn đang nghỉ đêm tại nhà của ông. Quỷ Châm Mao nói:  Đe xem thử có đúng là Như Lai hay không. Bấy giờ, sau khi hội họp với các quỷ thần xong, quỷ Châm Mao trở về nhà rồi gồng mình xông thẳng đến Phật. Lúc đó, Thế Tôn liền nghiêng mình tránh sang một bên. Cứ như vậy, ba lần quỷ gồng mình xông thẳng đến Phật thì Phật cũng ba lan nghiêng mình tránh sang một bên. Lúc ấy, quỷ Châm Mao lên tiếng:  Sa-môn sợ ư? Đức Phật đáp:  Này thôn chủ! Ta không sợ! Nhưng xúc chạm với ông là điều khó chịu.78

Quỷ Châm Mao nói:  Bây giờ tôi hỏi, ông hãy trả lời, nếu có thể khiến tôi vui thì tốt, còn không khiên tôi vui thì tôi sẽ bóp nát tim ông, xé toang ngực ông, khiên máu tươi từ mặt ông phải đô ra roi tóm lây hai tay ông mà ném qua bên kia sông Hăng. Đức Phật nói:  Thôn chủ! Ta không thấy có chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn9 Bà-la-môn? thiên thần hay người đời nào có khả năng bóp nát tim, xé toang ngực, làm máu txrơi từ mặt vọt ra hay nắm hai tay của Như Lai, ứng Cúng, Giác Ngộ Viên Mãn ném qua bờ kia sông Hằng! Nhưng nay ông cứ hỏi? Ta sẽ nói cho ông nghe, khiến ông được hoan hỷ. Quỷ Châm Mao liền dùng kệ hỏi Phật: Tất cả tâm tham, sân, Lấy gì để làm nhân? Không vui, sởn gai ốc, Sợ hãi từ đâu sanh?

76 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.1324. 0363Ò29). Tham chiếu: Tạp.(r02. 0099.1314. 0361a23j; Biệt Tạp.(T.02. 0100.313. 0479b180); Biệt Tạp.(rời 0100323. 0481C15); S. 10.3  17; Sn 2.5  48. 77 Châm Mao ()Quỷ có lông nhọn như kim (Sūciloma). 78 Nguyên tác: Xúc ác ().s. 10.3 - L 445: Api ca te samphasso pāpako (Nhưng xúc chạm với ông là điêu tôi tệ (pāpakaṃ, HT. Thích Minh Châu dịch.

QUYỂN 49  1467

Những giác tưởng, ý niệm, Là từ đâu khởi lên?
Giống như trẻ sơ sinh, Nương tựa vào nhũ mẫu?

,

The Ton noi kẹ đáp:
Ái sanh trưởng từ thân, Như cây Ni-câu-luật,
Lân lượt quân móc nhau, Như rừng rậm chằng chịt.
Nếu biết được nhân kia, Sẽ khiến quỷ giác ngộ,
Vượt qua biển sanh tử, Không còn tái sanh nữa.
Bấy giờ, quỷ Châm Mao nghe Phật nói kệ5 tâm được hoan hỷ, xin sám hối
Phật và thọ trì Tam quy.
Đức Phật nói kinh này xong, quỷ Châm Mao nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.79
79 Bản Hán, hết quyển 49.

PHỤ LỤC l QUY CÁCH BIÊN TẬP TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN PHẬT GIÁO Bô PHÁI

1. NGUỒN HÁN VĂN Nguôn tư liệu góc đê dịch, dò bản và tham khảo dựa theo Đại Chánh tân tu Đại Chảnh tân tu Đại tạng kinh gọi tắt là bản Đại Chánh được hình thành dựa trên nguồn tham khảo chính là Cao Ly Đại tạng kinh .Trong quá trình xử lý văn bản, các nhà biên tập Nhật Bản tiêu biểu là Takakusu Junjiro Cao Nam Thuận Thứ Lang và các cộng sự đã sử dụng thêm các nguồn kinh điển có liên quan như: Tư Khê tạng ở đời Nam Tống ,viết tắt là bản Tống ;Phổ Ninh tạng ở đời Nguyên ,viết tắt là bản Nguyên và Gia Hưng tạng ở đời Minh ,viết tắt là bản Minh .Khi cần chú thích về nội dung có liên quan đến ba bản này, bản Đại Chánh ghi nguồn tham khảo là Tống, Nguyên, Minh . Ngoài ra, bản Đại Chánh thỉnh thoảng còn tham khảo các nguồn kinh điển khác, nhằm bổ sung vào những chú thích liên quan đến nội dung. Ví dụ: Chánh Thương viện Thánh ngữ tạng bản ,viết tắt là bản Thánh Chánh Thương viện Thảnh ngữ tạng bản biệt tả , viết tắt là Thánh Ất Cung nội tỉnh đồ thư Liêu bổn , viết tắt là bản Cung ;Đại Đức tự bản ,viết tắt là bản Đức Vạn Đức tự bản ,viết tắt là bản Vạn Thạch Sơn tự bản ,viết tắt là bản Thạch . 2. TÔN TRỌNG ÂM VẬN VÙNG MIỀN VÀ ĐẠC NGỮ CỦA MÔT SỐ DỊCH GIẢ Ban Biên tập giữ nguyên âm vận và cách phiên âm do một số dịch giả có thẩm quyền sử dụng. Ví dụ: “Bản su", “chính niêm", "chúng sin,'... đối với các dịch giả miền Bắc; "Bổn sư,9? "chánh niêm", "chúng sanh".. đối với các dịch giả miền Nam; Tỷ-kheo đối với bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu, Tỳ-kheo đối với bản dịch của Hòa thượng Thích Trí Tịnh, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ, Tỳ-khưu đối với bản dịch của Thượng tọa Chánh Thân, Tỷ-khiêu



(đối với các dịch giả miền Bắc); Niết-bàn (đối với các dịch giả Bắc truyền), Níp-bàn (đôi với một sô dịch giả Nam truyền). 3. CHUẨN HÓA QUY CÁCH VIẾT HOA, VIẾT THƯỜNG, PHIÊN ÂM Ẩn bản lần này vẫn giữ nguyên văn từ, văn khí, văn mạch của dịch giả, chỉ hiệu chỉnh chính tả, dấu chấm câu; đồng thời chuẩn hóa quy cách viết hoa, viết thường, in nghiêng, cách sử dụng số từ, cách chú thích từ nguyên, từ phiên âm5 dịch nghĩa. 3.1. Thuật ngữ, giai vi, giới phẩm, địa vi, chức vụ 3.1.1. Các thuật ngữ, thành ngữ, phương ngữ, khái niệm, học thuyết r v. e -Viêt thường toàn bộ các thuật ngữ. Ví dụ: phiên não, nghiệp báo, tâm, tâm sở? năm uẩn, năm thủ uẩn, năm triền cái, mười phiền não, v.v... -Viết thường các số từ đứng trước thuật ngữ Phật học. Ví dụ: nhị đế, tam độc, tứ sinh, tứ niệm xứ, ngũ uẩn, ngũ căn, lục căn, lục độ, thất bảo, thất giác chi, bát công đức thủy, bát Thánh đạo, cửu thiền, thập pháp giới, v.v... -Viết hoa chữ đầu của một học thuyết. Ví dụ: luận thuyết "V6 nhân luW, thuyết "Luân hồi tinh h6a", v.v... 3.1.2. Các khái niệm, thuật ngữ từ tiếng nước ngoài: Viết thường và in nghiêng toàn bộ các thành tố. Ví dụ: tâm (citta), ý (mana), thức (viññāna), giới (sīlă), định (samādhi), tuệ (paññā), v.v... 3.1.3. Các nhân danh, địa danh và tên tổ chức tiếng nước ngoài đều viết đứng. Ví dụ: uất-đà-di (,Udāyi), động Thất Diệp (Sattapannaguhā), Thượng Tọa bộ (Theravāda), v.v... 3.1.4. Các thuật ngữ phiên âm từ tiếng nước ngoài: Viết thường toàn bộ các thành tố và giữa chúng có gạch nối. Ví dụ: na-do-tha9 do-tuần, yết-ma5 thiền-na,

đàn-việt, dàn-tín, kiết-già, v.v... 3.1.5. Các danh từ riêng vừa phiên âm vừa dịch nghĩa: Viết hoa thành tố đầu và giữa chúng có gạch nối. Ví dụ: Ni-kiền tử, Xá-lợi tử, v.v... 3.1.6. Các từ chỉ quả vi đặc biệt, giai vi, đỉa vi, chức vụ, học vi: Viết hoa thành tố đầu. Ví dụ: Chánh đẳng giác, Nhất lai, Tôn giả, Hiền giả* Thiền su, Pháp su, Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức, Sư cô, Trụ trì, Giáo sư, v.v... Nếu các từ được phiên âm từ tiếng nước ngoài thì giữa các thành tố có gạch nối. Ví dụ: Tu-dà-hoàn, Tư-đà-hàm9 A-na-hàm? A-la-hán, Vô dư Niết-bàn, v.v... 3.1.7. Đại từ chỉ đức Phật, Bồ-tát như Ta, Người, Ngài được viết hoa. Ví dụ: "Này các Tỷ-kheo, Ta nhắc các ông rằng..." 3.1.8. Viết hoa các đức hiệu của Phật. Ví dụ: Như Lai, ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ?...



3.2. Danh từ riêng 3.2.1. Nhân danh, đĩa danh: Viết hoa toàn bộ các thành tố nhân danh, địa danh, địa vực, địa du, địa chính trị, phương vi. Các từ chỉ loại hình địa danh thì viết thường. Ví dụ: Đại sư Trí Quang, thành phố Lạc Dương, vùng đất Giao Châu, châu Âu, miền Tây Nam, hướng Đông Bắc, phía Bắc. 3.2.2. Nhân danh, địa danh và tên một số cây, loài hoa, chim quý đặc biệt được phiên âm từ tiếng nước ngoài: Viết hoa thành tố đầu và giữa chúng có gạch nối. Ví dụ: Phật Thích-ca, Bo-tat Di-lặc, Đại Ca-diếp, Tôn giả A-nan, thành Xá-ve, nước Ma-kiệt-đà? cội Bồ-đề? Sa-la song thọ, hoa Mạn-thù-sa? chim Ca-lăng-tần-già?... 3.2.3. Nhân danh, địa danh do phiên âm hoặc dịch nghĩa được đặt trong dấu ngoặc đơn ngay sau nhân danh, địa danh có nguồn gốc từ tiếng nước ngoài. Ví dụ: Khi đêm đã gần mãn, Pañcasikha (Ngũ Ke) thuộc gandhabbā (càn-thát-bà) đến thăm đức Phật tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anāthapindika (Cấp Co Độc). 3.2.4. Các danh từ phiên âm bi tỉnh lược "tiếp đầu ngữ95 được viết lại chuẩn mực để không bị phản nghĩa hoặc sai nghĩa (ngoại trừ làm thuận vần trong thi kệ). Ví dụ: "Didà" sửa thành "A-di-dà”. 3.3. Mạo từ tôn xưng Viết thường các mạo từ tôn xưng như "dức”“bW, “đấng” thường đứng trước hồng danh Phật và Bồ-tát. Ví dụ: đức Phật, đức Thế Tôn, đấng Toàn Giác, bậc Chánh Đẳng Giác, bậc Vượt Bờ, bậc Chiến Thắng, bậc Thiện Thệ, bậc Đã Thấy Đã Biết. 3.4. Tựa kỉnh và tựa tác phẩm 3.4.1. Tựa kỉnh trong một bộ: Viết hoa chữ đầu và in nghiêng. Ví dụ: Kinh căn bản pháp môn, Kinh du hành. 3.4.2. Tác phẩm: Viết hoa chữ đầu và danh từ riêng, đồng thời in nghiêng. Ví dụ: Kỉnh Trường bộ, Kỉnh Dược Sư, Kỉnh A-di-đà, Luân Duy thức tam thập tụng, Đức Phật và Phật pháp, An Nam chí lược. 3.4.3. Tác phẩm tiếng nước ngoài: Viết hoa các thực từ (danh từ, tính từ, động từ) và viết thường các hư từ (mạo từ, giới từ, liên từ). Ví dụ: The Buddha and His Teachings, Buddhist Psychological Ethics (A Translation of the Dhammasañganī), 4. CÁCH VIẾT CHỮ VÀ SỐ TRONG VĂN BẢN 4.1. Viết bằng chữ các số trong chánh văn. Ví dụ: Tám thắng xứ, mười ba già-nạn, một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo. 4.2. Viết bằng số ờ cước chú và trong các bài dẫn luận. Ví dụ: Có 15 pháp, tức là 5 căn (tín, tấn, niệm, định, tuệ) được thanh tịnh theo 3 cách.



4.3. Áp dụng số Ả-rập đối với ngày, tháng, năm sinh, năm mất của người và giữa ngày, tháng, năm có gạch nối ngắn. Ví dụ: Ngày 15-4-1963. 4.4. Ghi đầy đủ các con số chỉ năm sinh và năm mất của người. Ví dụ: Bồ-tát Thích Quảng Đức (1897-1963). 4.5. Tỉnh lược

phần trùng lặp đầu đối với các con số chỉ khoảng thời gian trong cùng một thế kỷ hay thiên niên kỷ. Ví dụ: Không viết 1930-1932 mà viết 1930-32. ” ’ 4.6. Tỉnh lược số kệ, số trang (trong cước chú)  Các kệ từ 108-115 được viết 108-15. -Trang 254-256 được viết là 254-56. -M, L 276-278 được viết là M. L 276-78. 5. CÁCH CHÚ THÍCH 5.1. Chú thích theo ấn bản Pãli của PTS 5.1.1. Tên tập + số tập + số trang. -S. L 70 {Samyutta Nikãya, tập I, trang 70). -Sn. 140 (Suttanipāta. trang 140). -J. L 389 ụãtaka, tap I, trang 389). -Vin. II. 287 (Vinaya, tập II, trang 287). -Vbh. 351 (Vibhañga, trang 351). -Kv. 401 (Kathāvatthu, trang 401). -DA. L 41-2 (Dīghā Nỉkãya Atthakathaṃ tập I, trang 41 đến 42). 5.1.2. Tên tập + số kệ -Dh. v. 10 (Dhammapadaṃ kệ số 10). -Sn. v. 600 (Suttanỉpāta, kệ số 600). -Thag. v. 1196 (Theragāthã, kệ số 1196). 5.1.3. Tên tập + số chương + số mục + số kệ -Thag. 15.2-689 (Theragāthā. chương XV, mục 2, kệ số 689). 5.1.4. Tên tập 4- nhóm + số thứ tự kỉnh + đoạn -S. 56.25: l (Samyutta Nikāya, Tương ưng 56, kinh 25, đoạn 1). 5.1.5. Tên tập + số chương + số kỉnh - số tập + số trang -A. 8.21 - IV. 208 (Añguttara Nikāya, chương 8, kinh số 21; tập IV, trang 208). -S. 35.71-73 - IV. 43-4 {Samyutta Nikāya, Tương img 35? từ kinh 71 đến 73; tập IV, từ trang 43 đến trang 44).



5.2. Chú thích theo ấn bản tiếng Anh Tất cả bản kinh, luật, luận bằng tiếng Anh được ghi trong Thánh điển Phật giáo Thượng Tọa bộ đều do PTS xuất bản. Các thông tin về người dịch, nơi xuất bản, nhà xuất bản, năm xuất bản, tham khảo ở phần Phụ lục. -GS. II. 42 nghĩa là The Book of the Gradual Sayings, vol. II, p. 42. -PC. 338, n. l nghĩa là Points of Controversy (A Translation of the Kathāvatthu), p. 338, note 1. 5.3. Chú thích tên bài kỉnh kết hợp với tên tập kỉnh cùng với (chương) + phẩm và số hiệu của bài kỉnh Kỉnh tham ái ựt. L L §1) nghĩa là Kinh tham ải này nằm trong Kinh Phật thuyêt như vậy. chương I, phàm I, kinh sô 1. Kỉnh châu báu (Sn. II. §1) nghĩa là Kinh châu báu này nằm trong Kinh tập. phẩm II, kinh số 1. Kỉnh Bāhiya {Ud. I. §10) nghĩa là Kinh Bãhiya này nằm trong Kỉnh Phật tự thuyết, phẩm L kinh số 10. 5.4. Chú thích tên kỉnh: Kết hợp ấn bản Pâli và tiếng Việt -D. 22, Mahāsatipatthāna Sutta (Kỉnh đại niệm xứ). Nghĩa là Trường bộ. kinh sô 22, tên kinh trong tiêng Pâli là Mahāsatipatthāna Suttaṃ tên tiêng Việt là “Kinh đại niệm xứy -D. L 113, Sonadanda Sutta (Kinh Chủng Đức). Nghĩa là Trường bộ, tập I, trang 113, Kỉnh Sonadanda Sutta băng tiêng Pâli và Kinh Chủng Đức băng tiếng Việt. 5.5. Trật tự của chú thích trong kỉnh có nguồn gốc Pãli Pali (viết tắt là P)Sanskrit (viết tắt là s.)? Hán (viết tắt là H), Anh (viết tắt là E.). Ví dụ: Quang Âm thiên (P. Ābhassarā, s. Ābhāsvara, H.,E. The Radian gods). Bốn bộ A-hàm còn có nhiều kinh tương đương với các kinh Pali nên trong các chú thích của dịch giả đều chú Pali và chữ Hán trong ngoặc đơn nhưng không ghi P. Trong một số trường hợp cần sử dụng từ Sanskrit, dịch giả viết s. 5.6. Chú thích theo Hán văn 5.6.1. Tên kỉnh biệt dịch được nêu ra trước -Phạm võng lục thập nhi kiến kinh (roi. 0021. 0264a20).
Nghĩa là kinh này thuộc £>CT, tập 01; 0021 là số hiệu của kinh biệt dịch trên; trang 0264, cột a, dòng thứ 20. -Phật thuyết Nguyệt dụ kỉnh (T.02. 0121. 0544b 12).
Nghĩa là kinh này thuộc ĐCT, tập 02; 0121 là số hiệu của kinh biệt dịch trên; trang 0544, cột b, dòng thứ 12.

5.6.2. Tên kinh trong bộ được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho bộ Trường A-hàm kinh và Trung A-hàm kỉnh. -Phạm động kinh (£01. 0001.21. 0088bl2). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCT. tập 01; 0001 là số hiệu của bộ Trường A-hàm kinh, 21 là số thứ tự của kinh trong bộ Trường A-hàm kinh; trang 0088, cột b, dòng thứ 12. -Cầu pháp kỉnh (7.01. 0026.88. 0569c23). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCT, tập 01; 0026 là số hiệu của bộ Trung A-hàm kinh, 88 là số thứ tự của kinh trong bộ Trung A-hàm kinh; trang 0569, cột c, dòng thứ 23. 5.6.3. Tên bộ kỉnh được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ A-hàm, Biệt dịch Tạp A-hàm, Tăng nhất A-hàm, vì nội dung kinh chỉ đe cập số thứ tự, không có tựa đề kinh. -7^7.(02. 0099.1136. 0299c06). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCT, tập 02; 0099 là số hiệu của bộ Tạp A-hàm kinh, 1136 là số thứ tự của kinh trong bộ Tạp A-hàm kinh; trang 0299, cột c, dòng thứ 06. -Biệt Tạp.(r.02. 0100.111. 0414al8). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCT, tập 02; 0100 là số hiệu của bộ Biệt dịch Tạp A-hàm kinh, 111 là số thứ tự của kinh trong bộ Biệt dịch Tạp A-hàm kinh; trang 0414, cột a, dòng thứ 18. 5.6.4. Tên kinh và phẩm được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ kinh có nhiều phẩm như Pháp củ kinh hoặc các bộ kinh Đại thừa. -Pháp củ kinh "Nê-hoàn phẩm,^ (7.04. 0210.36. 0573a23). Nghĩa là kinh này thuộc DCT, tập 04, 0210 là số hiệu của Pháp cú kỉnh. "Nêhoàn phẩm,, thứ 36, trang 0573, cột a, dòng thứ 23. 5.6.5. Tên bộ luận được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ luận. -A-tỳ-đạt-ma Tập dỉ môn túc luận (7.26. 1536.12. 0416a22). Nghĩa là bộ luận này thuộc ĐCT, tập 26; 1536 là số hiệu của A-tỳ- đạt-ma Tập dỉ môn túc luận, phẩm thứ 12; trang 0416, cột a, dòng thứ 22. 5.6.6. Chú thích hai kỉnh liên tiếp và chi tiết hóa số dòng -Tăng.(r.O2. 0125.11.7-8. 0566c22-0567a04). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCT, tập 02; 0125 là số hiệu của Tăng nhất A-hàm kinh. 11 là số thứ tự của “Bất đãi phẩm”, số 7-8 là kinh số 7 và kinh số 8; 0566c22-0567a04 tức la từ trang 0566, cột c, dòng 22 đến trang 0567, cột a, dòng 4. -Tạp.(7.02. 0099.9-10. 0002a02-12). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCT. tập 02; 0099 là số hiệu của bộ Tạp A-hàm kỉnh, 9-10 là kinh số 9 và kinh số 10; 0002a02-12 tức là trang 0002, cột a, từ dòng 2 đến dòng 12. 5.6.7. Tác phẩm khác -(N.15. 0006.28.1. 0354a05). Nghĩa là kinh này thuộc Hán dịch Nam truyền Đại tạng kinh ,tập 15; 0006 là số hiệu của Tương ưng bộ kỉnh 28.1 là nhóm 28 và kinh số 1; 0354a05 tức là trang 0345, cột a, dòng thứ 05.



-Tứ phần luật danh nghĩa tiêu thích (X44. 744.5. 0442a02). Nghĩa là tập này trong Vạn tục tạng tập 44; 744 là số hiệu của Tứ phan luật danh nghĩa tiêu thích, 5 là quyển 5; 0442a02 tức là trang 0442, cột a, dàng 02. -Hoa 7 (K28. 0028.4. 0101 a06). Nghĩa là tập này trong Ấn Thuận Pháp sư Phật học trước tác tập tập 28; 0028 là số hiệu của Hoa Vũ tập. 4 là phần 4; OlOlaOó tức là trang 0101, cột a5 dòng 06. 6. CÁCH ĐỌC THẺ KỆ Trong bộ Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam, các đoạn kinh theo the kệ, thơ được trình bày và đọc theo hàng ngang. Ví dụ: Tâm kia không nghĩ ác, f Và thân, miệng thế gian, Năm dục đều hư dối, f Chánh trí, chánh nhiếp niệm, Không tập cận các khổ, — Và hòa hợp phi nghĩa. 7. NHUẬN SẮC VÀ HIỆU CHỈNH Bộ

phận dò Thánh tạng nhuận săc và bô túc thêm một sô từ, ngữ, đoạn vào chánh văn do đánh máy thiếu hoặc nhầm. Các từ, ngữ, đoạn được bo túc cũng dựa theo cách dụng ngữ của chính dịch giả trong dịch phẩm. Một số từ, đoạn được dịch giả thêm vào cho rõ ý nghĩa trước đây được đặt trong ngoặc đơn, nay Ban Biên tập thống nhất đặt chúng trong ngoặc vuông [] để phân biệt giữa kinh văn gốc và các từ, đoạn được thêm vào sau này. Tuy đã cẩn trọng nhimg không sao tránh khỏi sai sót, kính mong các bậc thức giả hoan hỷ rộng lượng chỉ giáo, góp phần cho sự hoàn thiện TTTĐPGVN. Mọi sự góp ý? xin gởi về địa chỉ email của Viện: vncphvn@gmail.com. Trân trọng cảm ơn. BAN BIÊN TẬP

PHỤ LỤC 2 so SÁNH TỰA ĐỀ KINH TẠP A-HÀM VỚI CÁC ẤN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG

Kinh Tạp A-hàm do Hòa thượng Thích Đức Thắng dịch và Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ hiệu chính, chú thích trong tùng thư Hương Tích, NXB. Hồng Đức, Hà Nội, ấn hành lần 3, 2019. Kinh Tạp A-hàm do Trung tâm Dịch thuật Trí Tịnh dịch (TTDTTT). do Hiệp hội Phật điển điện tử Trung Hoa (CBETA) thực hiện. Qqp A-hèưn kinh luận hội biên) do Hòa thượng Ấn Thuận biên tập. Samyutta Nikāya do Hội Thánh điển Pali (PTS) ấn hành. Linked Discourses Collection do Bhikkhu Sujāto dịch từ Pali. Kinh Tương ưng bô do Hòa thượng Thích Minh Châu dịch từ Pali (TTTĐPGVN). KINH TẠP KINH TẠP SAMYUTTA LINKED KINH TƯƠNG A-HAM1 A-HAM2 (CBETA) NIKẢYA DISCOURSES ƯNG BÔ (HƯƠNG (TTDTTT) T02.0099 Y.30 COLLECTION (TTTDPGVN) TÍCH)

Tụng L Năm uẩn

1. Tương Quyển 1 ưng Năm uẩn 1. Vô 1. Vô S. 22.12- 12. Impermanence 12. Kinh vô thường3 thường (OOOlaOÓ) III. 21 thường (Tụng L S. 22.13- 13. Suffering 13. Kinh khổ Ngũ ấm III. 21 tụng đệ S. 22.14- 14. Not-Self 14. Kinh vô ngã nhất) III. 21 S. 35.155 - 155. A Dhammā 155. Kinh hỏi về IV. 142 Speaker vị thuyết pháp

1 Kinh Tạp A-hàm Việt dịch trong tùng thư Hương Tích trình bày theo cấu trúc 8 tụng, 47 tương ưng, 1.360 kinh. , 2 Kinh Tạp A-hàm Việt dịch của Trung tâm Dịch thuật Trí Tịnh trình bày theo cấu trúc 50 quyển, 1.362 kinh.

3 Kinh số l, Vô thường.

1510 KINH TẠPA-HÀM

2. Chánh 2. Chân S. 22.15- 15. That Which Is 15. Kinh cái gì là tư duy chánh tư (000lai6) III. 21 Impermanent vô thường duy (1. Ấm S. 22.16- 16. That Which Is 16. Kinh cái gì tương III. 21 Suffering là khổ ưng) S. 22.17- 17. That Which Is 17. Kinh cái gì m. 21 Not-Self vô ngã s. 22.52 - 52. The End of 52. Kinh hỷ được III. 51 Relishing (2nd) đoạn tận thứ hai

3. Vô tri (1) 3. Đoạn trừ S. 22.24 - 24. Directly 24. Kinh thắng tri khổ não (0001a28) III. 26 Knowing S. 22.29 - 29. Taking 29. Kinh hoan hỷ m. 31 Pleasure

4. Vô tri (2) 4. Vượt qua S. 22.24 - 24. Directly 24. Kinh thắng tri sợ hãi (OOOlbOÓ) III. 26 Knowing

5. Vô tri (3) 5. Ưa thích S. 22.24 - 24. Directly 24. Kinh thắng tri và hoan hỷ (OOOlbló) m. 26 Knowing S. 22.29 - 29. Taking 29. Kinh hoan hỷ m. 31 Pleasure 6.Vôtri(4) 6. Tuệ tri S. 22.24 - 24. Directly 24. Kinh thắng tri và không (0001C02) m. 26 Knowing tuệ tri S. 35.27 - 27. Without 27. Kinh liễu tri IV. 19 Completely thứ hai Understanding

7. 7. Hỷ lạc S. 22.24 - 24. Directly 24. Kinh thắng tri Hỷ lạc sắc sắc (OOOlcll) III. 26 Knowing 29. Kinh hoan hỷ S. 22.29 - 29. Taking III. 31 Pleasure

8. Quá khứ 8. Ba thời S. 22.9 - 9. Impermanence m 9. Kinh ba thời là vô thường đều vô (0001C22) m. 19 the Three Times vô thường thường S. 22.10- 10. Suffering in the 10. Kinh ba thời III. 19 Three Times là khổ S. 22.11 - 11. Not-Self in the 11. Kinh ba thời III. 19 Three Times là vô ngã 9. Yểm ly 9. Quán sát S. 22.15- 15. That Which Is 15. Kinh cái gì chân thật (0002a02) III. 21 Impermanent vô thường S. 22.16- 16. That Which Is 16. Kinh cái gì III. 21 Suffering khổ S. 22.17- 17. That Which Is 17. Kinh cái gì IIL 22 Not-Self vô ngã 10. 10. Giải O S. 22.15- 15. That Which Is 15. Kinh cái gì Giải thoát thoát hoàn (0002a12) III. 21 Impermanent vô thường toàn S. 22.16- 16. That Which Is 16. Kinh cái gì III. 21 Suffering khổ S. 22.17- 17. That Which Is 17. Kinh cái gì III. 22 Not-Self vô ngã



11. Nhân 11. S. 22.18- 18. Impermanence 18. Kinh có nhân duyên (1) Ba pháp ấn (0002a21) III. 22 with Its Cause là vô thường 12. Nhân 12. Năm S. 22.19- 19. Suffering with 19. Kinh có nhân duyên (2) uẩn vồ (0002ỒO4) III. 23 Its Cause là khổ thường S. 22.20 - 20. Not-Self with 20. Kinh có nhân III. 24 Its Cause là vô ngã 13.Vị(l) 13. Vị ngọt S. 22.28 - 28. Gratification 28. Kinh vị ngọt của sắc (0002bl5) III. 29 (3rd) thứ ba 14. Vị 14. Liễu tri S 22.26-m. 27 26. Gratification 26. Kinh vị ngọt vị ngọt (0002C11) S. 22.27 - 27. Gratification 27. Kinh vị ngọt III. 29 (2nd) thứ hai 15. Sử 15. Phiền S. 22.36 - 36. A Mendicant 36. Kinh vị Tỷ- não và chấp (0003a06) III. 36 (2nd) kheo thứ hai thủ S. 22.63 - 63. When You 63. Kinh chấp III. 73 Grasp trước S. 22.64 - 64. When You 64. Kinh suy III. 74 Identify tưởng S. 22.65 - 65. When You 65. Kinh hoan hỷ III. 75 Take Pleasure 16. Tăng 16. Luân S. 22.35 - 35. A Mendicant 35. Kinh vị Tỷ- chư số hồi và giải (0003b14) III. 34 kheo thoát 17. 17. Đoạn S. 22.68 - 77. Not-Self 77. Kinh vô ngã Phi ngã trừ chấp (0003b28) III. 77 trước 18. Phi bỉ 18. Đoạn S. 22.69 - 69. Not Belonging 69. Kinh không trừ chấp ngã (0003c28) III. 78 to Self đáng thuộc tự ngã 19. Kết hệ 19. Đoạn S. 22.70 - 70. Definitely 70. Kinh chỗ trú trừ kiết sử (0004a28) III. 79 Arousing của sự ô nhiễm 20. 20. Thâm O Không có Không có Không có Thâm kinh kinh (0004b25) 21. 21. Dao S. 22.64 - 64. When You 64. Kinh suy Động dao động (0004Ồ26) III. 74 Identify tưởng

22. Kiếp- 22. Kiếp-ba S. 22.124- 124. With Kappa 124. Kinh Kappa ba sở vấn thưa hỏi (0004c20) III. 169 Phật S. 22.125 - 125. With Kappa 125. Kinh Kappa III. 169 (2nd) thứ hai 23. La- 23. La-hâu- S. 18.21 - 21. Tendency 21. Kinh tùy hầu-la sở ỉa thưa hỏi (0005all) II. 252 miên vấn (1) Phật S. 22.91 - 91. Rāhula 91. Kinh Rāhula III. 135 24. La- 24. Đức S. 18.22 - 22. Rid of Conceit 22. Kinh viễn ly hầu-la sở Phật dạy (0005b05) II. 253 vấn (2) La-hầu-la S. 22.92 - 92. Rāhula (2nd) 92. Kinh Rāhula III. 136 thứ hai

25. Đa văn 25. Định  Không có Không có Không có nghĩa ve Đa (0005Ồ28) văn 26. Thiện 26. Định  S. 22.115- 115. A Dhammā 115. Kinh vị thuyết nghĩa về (0005C09) III. 163 Speaker thuyết pháp pháp Pháp sư S. 22.116- 116. A Dhammā 116. Kinh vị III. 164 Speaker (2nd) thuyết pháp thứ hai

27. Hướng 27. Tuần tự  S. 22.39 - 39. In Line with 39. Kinh tùy pháp pháp thực hành (0005c20) III. 40 the Teachings theo pháp S. 22.40 - 40. In Line with 40. Kinh tùy (1) III. 41 the Teachings (2nd) pháp thứ hai S. 22.41 . 41. In Line with 41. Kinh tùy III. 41 the Teachings (3rd) pháp thứ ba S. 22.42 - 42. In Line with 42. Kinh tùy III. 41 the Teachings (4th) pháp thứ tư

28. 28. Niết-bàn  S. 22.115- 115. A Dhammā 115. Kinh vị Niết-bàn trong hiện (0005C29) III. 163 Speaker thuyết pháp tại (1) S. 22.116- 116. A Dhammā 116. Kinh vị III. 164 Speaker (2nd) thuyết pháp thứ hai 29. Tam- 29. Tỳ-kheo  S. 22.115- 115. A Dhammā 115. Kinh vị mật-li-đề Tam-mật- (0006a12) III. 163 Speaker thuyết pháp vấn thuyết ly-đề S. 22.116  116. A Dhammā 116. Kinh vị pháp sư III. 164 Speaker (2nd) thuyết pháp thứ hai

30. Thâu- 30. Trưởng HO S. 22.49 - 49. With Sona 49. Kinh Sona lũ-na (1) giả Thâu-lũ- (0006a24) III. 48 na(l)

31.Thâu- 31. Trưởng S. 22.50 - 50. With Sona (2nd) 50. Kinh Sona lũ-na (2) giả Thâu-lũ- (0006c04) m. 50 thứ hai na (2)

32. Thâu- 32. Trưởng Không có Không có Không có lũ-na (3) giả Thâu-lũ- (0007al0) na (3)

Quyển 2  33. Vồ 33. Sắc S. 22.59 - 59. The 59. Kinh vô ngã minh(l) không phải (0007b22) III. 66 Characteristic of tướng là ngã Not-Self 34. Vô 34. Năm vị  S. 22.59 - 59. The 59. Kinh vô ngã minh (2) Tỳ-kheo (0007c!3) III. 66 Characteristic of tướng Not-Self 35. Vô 35. Ba VỊ  Không có Không có Không có minh (3) Hiền giả (0008a05)

PHỤ LỤC 2 1513

36. Vô 36. Mười  S. 22.43 - 43. Be Your Own 43. Kinh tự mình gián đẳng sáu Tỳ-kheo (0008a21) III. 42 Island làm hòn đảo (1) J

37. Diệt 37. Không  S. 22.94 - 94. Flowers 94. Kinh bông tranh với (0008Ồ15) III. 138 hoa thế gian 38. 38. Định  S. 22.94 - 94. Flowers 94. Kinh bông Phú-lưu-na danh về cái (0008c08) III. 138 hoa bát 39. 39. Các loại  S. 22.54 - 54. A Seed 54. Kinh chủng Xiển-đà hạt giống (0008c26) III. 54 tử 40. Ưng 40. Quyến  S. 22.53 - 53. Involvement 53. Kinh tham thuyết luyến và (0009a27) III. 53 luyến giải thoát 41. Tiểu 41. Liễu tri  S. 22.56 - 56. Perspectives 56. Kinh thủ thổ đoàn năm thủ uẩn (0009b07) m. 58 chuyển 42. 42. Thuần  S. 22.57 - 57. Seven Cases 57. Kinh bảy xứ Bào mạt thục bảy (0010a04) III. 61 yếu tố 43. 43. Chấp  S. 22.7 - 7. Anxiety Because 7. Kinh chấp thủ Vô tri (1) thủ và (001Oe19) III. 15 of Grasping và ưu não không chấp thủ 44. 44. Chúng  S. 22.8 - 8. Anxiety Because 8. Kinh chấp thủ Vô tri (2) sanh và trói (0011al3) III. 18 of Grasping (2nd) và ưu não thứ hai buộc 45. Hà lưu 45. Giác  S. 22.47 - 47. Ways of 47. Kinh quán

ngộ năm thủ (OOllbOl) III. 46 Regarding kiến uẩn 46. Kỳ lâm 46. Chướng S. 22.79 - 79. Itchy 79. Kinh đáng ngại là thủ (0011Ồ21) III. 86 được ăn uẩn 47. Thọ 47. Tín tâm S. 22.146- 146. Full of 146. Kinh nhàm (0012a09) III. 179 Disillusionnient chán nhiều 48. Đê-xá 48. Chân S. 22.147- 147. Observing 147. Kinh quán chánh xuất (0012al8) III. 179 Impermanence vô thường gia 49. Trách 49. Pháp S. 22.37 - 37. With Ānanda 37. Kinh Ānanda chư tưởng sanh diệt (0012a27) III. 37 S. 22.38 - 38. With Ānanda 38. Kinh Ānanda III. 38 (2nd) thứ hai

50. 50. Phật hỏi S. 22.37 - 37. With Ānanda 37. Kinh Ānanda Sanh diệt A-nan (0012Ồ10) III. 37 S. 22.38 - 38. With Ānanda 38. Kinh Ānanda III. 38 (2nd) thứ hai

1514 KINH TẠPA-HÀM

51. Bất lạc 51. S. 22.32 32. The Breakable 32. Kinh hoại Pháp hoại (0012Ồ25) III. 32 pháp

52. Phân 52. Không có Không có Không có biêt ưất-để-ca (0012c02)

53. Phân 53. Bà-la- Không có Không có Không có biêt môn thưa (0012c04) hỏi Phật

54. Phân 54. Pháp thù Không có Không có Không có biệt (3) thắng (0013al7)

55. 55. Uẩn và S. 22.48 - 48. Aggregates 48. Kinh các uẩn ưu-đà-na thủ uẩn (0013b13) III. 47

56. Thọ 56. Hữu lậu Không có Không có Không có và vô lậu (0013Ồ24)

57. Sanh 57. Diệt trừ S. 22.81 - 81. At Pārileyya 81. Kinh lậu hoặc (0013C07) III. 94 Pārileyya

58. Lạc 58. Nguồn S. 22.82 - 82. A Full Moon 82. Kinh trăng gốc của (0014Ồ12) III. 100 Night rằm năm thủ uẩn

Quyển 3 59. Lục 59. Pháp S. 22.5 - 5. Development of 5. Kinh thiền nhập xứ sanh diệt (0015b10) III. 13 Immersion định

60. Kỳ đạo 60. Không S. 22.5 - 5. Development of 5. Kinh thiền còn ưa thích (0015Ồ22) III. 13 Immersion định

61. 61. Tính Không có Không có Không có Thật giác chất của (0015c14) năm uẩn —_* - * 62. 62. Quán — — Không có Không có Không có Hữu thân sát năm thủ (0016al9) uẩn 63. 63. Vô minh S. 22.47 - 47. Ways of 47. Kinh quán Tri pháp diệt thì (0016b13) III. 46 Regarding kiến minh sanh

64. 64. Pháp cú S. 22.55 - 55. An Inspired 55. Kinh lời cảm Trọng đảm (0016C04) III. 55 Saying hứng

65. 65. Quán sát S. 22.6 - 6. Retreat 6. Kinh tĩnh mặc Vãng nghê như thật (1) (0017a23) III. 15

66. Quán 66. Quán sát S. 22.7- 7. Anxiety Because 7. Kinh chấp thủ như thật (2) (0017b16) III. 15 of Grasping và tru não

67. Dục 67. Tĩnh  Không có Không có Không có lặng nội tâm (0017C10)

68. 68. Ba yếu  Không có Không có Không có Sanh (1) tố (0018a06) 69. 69. Vượt  S. 22.44 - 44. Practice 44. Kinh con Sanh (2) thoát thân (0018a26) III. 43 đường kiến 70. 70. Kiến  S. 22.103 - 103. Sides 103. Kinh biên Sanh (3) chấp về (0018b 16) III. 157 thân (1) 71. 71. Kiến  S. 22.105  105. Identity 105. Kinh hữu Pháp ấn chấp về (0018Ồ28) III. 159 thân thân (2)

72. 72. Pháp  S. 22.23 - 23. Complete 23. Kinh liễu tri Phú-lan-na điều phục (0019a04) III. 26 Understanding tham S. 22.106- 106. Should 106. Kinh sở III. 159 Be Completely biến tri Understood 73. 73. Buông  S. 22.22 - 22. The Burden 22. Kinh gánh Trúc viên bỏ gánh (0019al5) III. 25 nặng nặng

74. Tì-da-li 74. Đến  S. 22.65 - 65. When You 65. Kinh hoan hỷ và đi (0019Ồ02) III. 75 Take Pleasure S. 22.117- 117. Shackles 117. Kinh trói III. 164 buộc

75. 75. Như Lai  S. 22.58 - 58. The Fully 58. Kinh Chánh Thanh tịnh và A-la-hán (0019b21) III. 65 Awakened Buddha Đẳng Giác 76. Chánh 76. Quán sát  S. 22.118- 118. Questioning 118. Kinh người quán sát năm uẩn (0019c12) III. 165 cật vấn S. 22.119- 119. Questioning 119. Kinh người (2nd) J III. 166 cật vấn thứ hai

77. 77. Chấm  S. 22.25 - 25. Desire and 25. Kinh dục Vô thường dứt tái sanh (0019C25) III. 27 Greed tham S. 23.9- 9. Desire and 9. Kinh dục tham III. 193 Greed 78. Khổ 78. Sanh  S. 22.30 - 30. Arising 30. Kinh sanh khởi và diệt (0020a03) III. 31 khởi tận 79. 79. Sắc vô  S. 22.9- 9. Impermanence in 9. Kinh ba thời là Phi ngã thường (0020al0) III. 19 the Three Times vô thường S. 22 10- 10. Suffering in the 10. Kinh ba thời III. 19 Three Times là khổ S. 22.11 - 11. Not-Self in the 11. Kinh ba thời III. 20 Three Times là vô ngã



80. Ngũ 80. Pháp  Không có Không có Không có Tỳ-kheo ấn của bậc (0020a25) Thánh 81. Tam 81. Có nhân  S. 22.60 - 60. With Mahāli 60. Kinh Mahāli chánh sỹ và có duyên (0020b28) III. 68 82. Thập 82. Thấy  Không có Không có Không có lục Tỳ- được vô (0021a25) kheo thường, khổ

83. Ngã 83. Thấy  Không có Không có Không có biết như thật (0021bl4) 84. Ty hạ 84.  S. 22.45 - 45. Impermanence 45. Kinh vô Chánh quán (0021C05) III. 44 thường 85. 85. Không  S. 22.46 - 46. Impermanence 46. Kinh vô Chủng tử thấy có ngã (002le15) III. 45 (2nd) thường thứ hai 86. 86. Sắc là  Không có Không có Không có Phong trệ vô thường (0022a06) 87. Ngũ 87. Sắc là  Không có Không có Không có chuyển khổ (0022a25)

Quyển 4  88. 88. Hiếu  S. 7.19-1. 181 19. The Brahmin 19. Kinh Thất xứ dưỡng (0022Ồ20)  Who Provided for Mātuposaka (Bát His Mother chúng tụng đệ 89. 89. Hiến tế  ngũ) Không có Không có Không có Thủ trước đúng pháp (0022C03) 90. 90. Hiến tế  Không có Không có Không có Hệ trước thanh tịnh (0023a06)  91. Giác 91.

Bốn Không có Không có Không có pháp sống (0023a22) (21. Bà- an vui la-môn tương 92. Tam 92. Bà-la- S. 7.15-1. 177 15. Stuck-up 15. Kinh ưng) thế ấm thế môn Kiêu (0023c18) Mānatthaddha thực Mạn 93. Tín 93. Ba loại Không có Không có Không có lửa (0024b13) 94. A-nan 94. Thiện, Không có Không có Không có bất thiện (0025C02) như mặt trăng 95. A-nan 95. Cúng Không có Không có Không có (2) dường nơi (0026a05) xứng đáng



96. A-nan 96. Kệ S. 7.14-L 175 14.AWell-to-Do 14. Kinh (3) khuyên dạy (0026Ồ18) Brahmin Mahāsāla con 97. 97. Khất S. 7.20-1. 182 20. A Beggar 20. Kinh Hoại pháp thực và Tỳ- (0026c26) Bhikkhaka kheo

98. 98. Cày S. 7.11-1. 172 11. With 11. Kinh uất-đê-ca ruộng (0027al0) Bhāradvāja the Kasibhāradvāja Farmer

99. 99. Phạm S. 6.3 - L 140 3. With 3. Kinh Bà-la-môn thiên trước (0027Ồ29) Brahmadeva Brahmadeva mặt

100. 100. Phật O Không có Không có Không có Thế gian là tên đẹp (0028a03) nhất

101. Uẩn 101. Đức Không có Không có Không có Phật là ai (0028a20) 102. 102. Pháp Không có Không có Không có Lậu vô lậu Chiên-đà-la (0028b19)

Quyển 5 103. 103. Tỳ- S. 22.89 - 89. With Khemaka 89. Kinh Tật lậu tận kheo Sai-ma (0029C06) III. 126 Khemaka (Tụng L 104. 104. Tỳ- Ngũ ấm S. 22.85 - 85. With Yamaka 85. Kinh Yamaka Uẩn căn kheo Diệm- (0030c12) III. 109 tụng đệ ma-ca nhất) 105. 105. Ngoại Không có Không có Không có Sai-ma đạo Tiên-ni (0031C15)

106. 106. Tôn S. 22.86 - 86. With Anurādha 86. Kinh Diệm-ma- giả A-nậu- (0032C02) (1. Ấm III. 116 Anurādha ca la-độ tương S. 44.2 - 2. With Anurādha 2. Kinh ưng) IV. 380 Anurādha

107. 107. Thân S. 22.1 III. 1 1. Nakula's Father l.Kinh Tiên-ni bệnh, tâm (0033a06) Nakulapitu không bệnh

108. 108. Điều S. 22.2 - III. 5 2. At Devadaha 2. Kinh A-nậu-la phục dục (0033Ồ28) Devadaha tham 109. 109. Thấy S. 13.2- 2. A Lotus Pond 2. Kinh Trưởng giả được Thánh (0034a24) II. 133 Devadaha đế 110. Tây HO. Ni-kiền — — O Không có Không có Không có tử Tát-giá (0035al7)



Quyển 6 111. 111. S. 23.3 - 3. Attachment to 3. Kinh sợi dây Mao đoan Hữu lưu (0037C06) III. 190 Rebirth tái sanh (Như Lai 112. 112. S. 23.4 - 4. Should Be 4. Kinh sở biến sở thuyết Tát-giá Đoạn tri (0037c24) m. 191 Completely tri tụng đệ thất) Understood

2. Tương ưng La-đà

113. 113. Đoạn Không có Không có Không có

Hữu lưu trừ khổ (0038a04)

(34. La-
114. 114. Biết rõ —
— S. 35.81 - 81. Several 81. Kinh nhiều đà tương
Đoạn tri khổ (0038a28) IV. 50 Mendicants Tỷ-kheo ưng)
115. Đoạn 115. Dứt --- • Không có Không có Không có sắc khổ sạch khổ (0038bl6)
116. 116. Ngã và --- Không có Không có Không có Tri khổ ngã sở trói (0038c07) buộc

117. Đoạn 117. Pháp Không có Không có Không có ưu khổ hữu lậu (0038c27)

118. 118. Đoạn —
— Không có Không có Không có
Ngã tận trừ ba độc (0039al6)
(1)
119. Đoạn 119. Tham — — Không có Không có Không có hữu lậu dục, ái dục (0039Ồ06) và hỷ dục

120. Tham 120. Năm O S. 23.1 - 1. About Māra 1. Kinh Māra nhuế si uẩn do ma (0039Ồ25) III. 198 tạo

121. Tận 121. Pháp ——k S. 23.12- 12. A Māra-like 12. Kinh tánh dục ái hỷ chết(1) (0039C14) III. 195 Nature chất của Māra

122. Ma 122. Định S. 23.2 - 2. Sentient Beings 2. Kinh chúng nghĩa về (0040a04) III. 189 sanh chúng sanh

123. 123. Hữu S 23.9 - 9. Desừe and Greed 9. Kinh dục tham Tử diệt thân (0040al9) III. 193 S. 23.10- 10. Desire and 10. Kinh dục III. 194 Greed (2nd) tham thứ hai

124. 124. Ma S. 23.11 - 11. About Māra 11. Kinh Māra Chúng sanh (0040b19) III. 195

PHỤ LỤC 2 1519

125. 125. Do ma S. 23.23 - 23. Discourses on 23. Kinh Māra Hữu thân tạo ác (0040c06) III. 199 Māra 126. Ma 126. S. 23.24 - 24. Discourses on 24. Kinh Māra Pháp chết (0040C28) III. 199 Māra

127. 127. Pháp S. 23.19- 19. Liable to End 19. Kinh tận Ma pháp đoạn (1) (0041a05) III. 197 pháp S. 23.20 - 20. Liable to 20. Kinh diệt m. 197 Vanish pháp S. 23.21 - 21. Liable to 21. Kinh tập khởi III. 197 Originate pháp S. 23.22 - 22. Liable to Cease 22. Kinh đoạn III. 197 diệt pháp

128. 128. Pháp Không có Không có Không có Tử pháp đoạn (2) (0041a21)

129. Phi 129. Pháp Không có Không có Không có ngã phi đoạn (3) (0041a29) ngã sở

130. 130. Năm O S. 23.35-45 - 35-45. Eleven 35-35. Nhóm 11 Đoạn pháp thủ uẩn và (0041Ồ07) III. 200 Discourses on kinh bắt đầu bằng thỉnh cầu Māra, etc. kinh Māra Đại sư S. 23.46 - 46. Liable to Cease 46. Kinh đoạn III. 201 diệt tánh 131. 131. Thân Không có Không có Không có Đoạn pháp cận với sắc (0041Ồ25)

132. Cầu 132. Không Không có Không có Không có Đại sư thân cận với (0041C07) sắc 133. Tập 133. Sáu cơ S. 22.151 - 151. This Is Mine 151. Kinh cái sở kiến chấp (0041c14) III. 181 này là của tôi S. 24.2 - 2. This Is Mine 2. Kinh cái này là III. 203 của tôi (Như Lai 134. Bất 134. Chấm Không có Không có Không có sở thuyết tập cận dứt hoài (0042al6) tụng đệ nghi bốn đế thất) 3. Tương ưng Kiến 135. Sanh 135. Dứt Không có Không có Không có tử lưu sạch hoài (0042a24) (35. Kiến chuyển nghi tương ưng) 136. Hồ 136. Không có Không có Không có nghi đoạn Nguyên (0042b02) nhân sanh tử(l)



137. HỒ 137. Không có Không có Không có nghi đoạn Nguyên (0042C05) nhân sanh tử (2)

138. Sanh 138. Không có Không có Không có tử lưu Nguyên (0042C07) chuyển nhân sanh tử (3)

Quyển 7 139. 139. Không có Không có Không có Không tên Nguyên (0042c15) nhân khổ não (1)

140. 140. Không có Không có Không có Không tên Nguyên (0043al6) nhân khổ não (2)

141. Ưu 141. Không có Không có Không có não sanh Nguyên (0043al6) khởi nhân khổ não (3)

142. 142. Ngã và S. 22.151 - 151. This Is Mine 151. Kinh cái Không tên ngã sở (1) (0043a20) III. 181 này là của tôi S. 24.2 - 2. This Is Mine 2. Kinh cái này là III. 203 của tôi

143. 143. Ngã và Không có Không có Không có Không tên ngã sở (2) (0043a27)

144. Ngã 144. Ngã và Không có Không có Không có ngã sở ngã sở (3) (0043a27)

145. 145. Sanh Không có Không có Không có Không tên khởi hữu (0043a28) lậu

146. 146. Ba cảm S. 22.150- 150. In Oneself 150. Kinh nội Không tên thọ (0043Ồ05) III. 180 S. 35.105 - 105. Because of 105. Kinh chấp IV. 8 Grasping thủ

147. Hữu 147. Ba khổ Không có Không có Không có lậu chướng (0043b10) ngại

148. 148. Tám Không có Không có Không có Tam thọ pháp (0043b15)



149. 149. Ta hơn S. 35.108 - 108. Fm Better 108. Kinh thắng Tam khổ (0043b20) IV. 88 hơn là tôi

150. Thế 150. Người  S. 35.108 - 108. I'm Better 108. Kinh thắng bát pháp hơn (0043Ồ26) IV. 88 hơn là tôi

151. 151. Hơn và  S. 35.108- 108. I'm Better 108. Kinh thắng Ngã thắng kém (0043c03) IV. 88 hơn là tôi

152. 152. Có ngã  S. 22.152- 152. This Is Mine 152. Kinh ngã Tha thắng (0043c09) III. 182 S 24.3 - 3. This Is My Self 3. Kinh cái này là III. 204 tự ngã

153. 153.  S. 55.49 - 49. With 49. Kinh Vô thắng Không hai (0043c15) V. 404 Mahānāma Mahānāma

154. 154.  S. 24.5 - 5. There5S No 5. Kinh không có Hữu ngã Chấp không (0043c21) III. 20 Meaning in Giving bố thí

155. 155. Không  S. 24.5- 5. There,s No 5. Kinh không có Bất nhị có nỗ lực (0044a01) III. 206 Meaning in Giving bố thí

156. 156.  S. 24.5 - 5. ThereNo 5. Kinh không có Vô quả Chết là hết (0044all) III. 206 Meaning in Giving bố thí

157. 157. Không  S. 24.7 - 7. Cause 7. Kinh nhân Vô lực nhân không (0044a22) III. 209 duyên

158. Tử 158. Sự  S. 24.7- 7. Cause 7. Kinh nhân hậu đoạn thanh tịnh (0044a28) III. 209 hoại của chúng sanh

159. Vô 159. Không  S. 24.7 - 7. Cause 7. Kinh nhân nhân vô thấy, không (0044Ồ05) III. 209 duyên biết

160. Vô 160. Thấy O S. 24.7 - 7. Cause 7. Kinh nhân nhân vô và biết (0044bll) III. 209 duyên

161. Vô 161. Bảy  S. 24.8 - 8. The Extensive 8. Kinh đại tà nhân vô loại thân (0044Ồ16) III. 211 View kiến duyên

162. Vô 162. Không  S. 24.6 - 6. Acting 6. Kinh hành nhân vô tin có (0044Ồ29) III. 208 động duyên nghiệp báo

1522  KINH TẠPA-HÀM

163. 163. Các  S. 24.8 - 8. The Extensive 8. Kinh đại tà Thất thân loại chúng (0044C12) m. 211 View kiến sanh

164. 164. Thuyết  S. 24.1 - 1. Winds 1. Kinh gió Tác giáo không thể (0045a02) m. 202 biết S. 24.19- 19. Winds 19. Kinh gió III. 217 S. 24.45 - 45. Winds 45. Kinh không m. 211 phải gió

165. Sanh 165. Đấng  Không Không Không tử định sáng thế (0045a09) lượng

166. 166. Hữu  S. 24.37-44 - Từ kinh 37 “The Từ kinh 37 "Kinh Phong biên và vô (0045al5) III. 218-20 Self Has Form,, tự ngã không có biên đến kinh 44 "The sắc" đến

kinh 44 Self Is Neither “Kinh phi lạc phi Happy Nor kh8” Sung”

167. 167. Các  S. 24.37-44 - Từ kinh 37 “The Từ kinh 37 “Kinh Đại phạm loại chấp (0045a26) III. 218-20 Self Has Form,, tự ngã không có ngã đến kinh 44 “The sác" đến kinh 44 Self Is Neither “Kinh phi lạc phi Happy Nor kh8” Suffering"

168. Sắc 168. Mười  S. 24.9-18- Từ kinh 9 “The Từ kinh 9 “Kinh thị ngã bốn câu hỏi (0045ỒỒ06) III. 213-16 Cosmos is Eternal" thường kiến,, đến đến kinh 18 "A kinh 18 “Kinh Realized One Như Lai không Neither Exists Nor tồn tại và không Doesn't Exist" không tồn i"

169. Sắc 169. Chấp  Không có Không có Không có thị ngã ngã, thế (0045b15) gian

170. 170. Đệ  Không có Không có Không có Thế gian nhất nghĩa (0045b26) thường Bát-niết-bàn

171. Thế 171. Ngã  Không có Không có Không có gian ngã đoạn diệt (0045c05) thường



172. Ngộ 172. Các  Không có Không có Không có lạc Niết- pháp vô (0045c15) bàn thường  173. Ngã 173. Quá  Không có Không có Không có (Như Lai chánh khứ vô (0045c20) sở thuyết đoạn thường tụng đệ 174. 174. Vô — b thất) Không có Không có Không có Đương thường và (0045C29) đoạn thỉnh cầu Đại sư  175. Quá 175. Lửa vô  (36. Đoạn Không có Không có Không có khứ đương thường (0046al6) tri tương đoạn ưng 176. Cầu 176. Đoạn  Không có Không có Không có Đại sư trừ vô (0046ỒỒ02) thường (1)

177. Cứu 177. Đoạn  Không có Không có Không có đầu nhiên trừ vô (0046b19) thí thường (2)

178. Thân 178. Đoạn  Không có Không có Không có quán trụ trừ pháp bất (0046c10) thiện

179. Thân 179. Tu dục  Không có Không có Không có quán trụ định (0047a02)

180. Đoạn 180. Tu tín  Không có Không có Không có ác bất căn (0047al9) thiện pháp

181. 181. Tu tín  Không có Không có Không có Dục định lực (0047b06)

182. 182. Tu  Không có Không có Không có Tín căn niệm giác (0047ỒỒ23) phần

183. 183. Tu  Không có Không có Không có Tín lực chánh kiến (0047C11)

184. Niệm 184. Bốn  Không có Không có Không có giác phần pháp diệt (0047C28) khổ

185. 185. Pháp  Không có Không có Không có Chánh cú không (0048al6) kiến tham



186. Khổ 186. Tu  Không có Không có Không có tập tận đạo thiền chỉ (0048ỒỒ04)

187. Vô 187. Thành  Không có Không có Không có tham pháp tựu một (0048c27) cú pháp

Quyển 8

188. Chỉ 188. Lìa hỷ,  S. 35.156- 156. The Interior 156. Kinh hỷ tham (0049b07) IV. 142 and the End of trong thân được (Lục nhập Relishing đoạn tận xứ tụng S. 35.157- 157. The Exterior 157. Kinh hỷ đệ nhị) IV. 142 and the End of ngoài thân được Relishing đoạn tận

189. 189. Đoạn  S. 35.158 - 158. Focus, the 158. Kinh hỷ Tham dục trừ tham (0049b17) IV. 142 Interior, and the vô thường trong  dục End of Relishing thân được đoạn (2. Tương tận ưng Nhập S. 35.159- 159. Focus, the 159. Kinh hỷ vô xứ) IV. 143 Exterior and the thường ngoài End of Relishing thân được đoạn tận

Tụng II. Sáu xứ

4. Tương ưng Sáu xứ

190. Ly hỷ 190. Không  S. 35.26 - 26. Without 26. Kinh liễu tri tham nhận biết (0049Ồ26) IV. 17 Completely thứ nhất Understanding (1st) 27. Without S. 35.27 - Completely 27. Kinh liễu tri IV. 18 Understanding thứ hai (2nd)

191. Ly 191. Nhận  S. 35.26 - 26. Without 26. Kinh liễu tri dục tham biết để thoát (0049C04) IV. 17 Completely thứ nhất sanh tử Understanding (1st) S. 35.27 - 27. Without 27. Kinh liễu tri IV. 18 Completely thứ hai Understanding (2nd)

192. Tri (1) 192. Lìa dục  S. 35.21 - 21. The Arising of 21. Kinh khổ (0049c13) IV. 14 Suffering (Interior) sanh khởi thứ nhất S. 35.22 - 22. The Arising of 22. Kinh khổ IV. 14 Sufiering (Exterior) sanh khởi thứ hai

PHỤ LỤC 2  1525

193. Tri  193. Lìa  S. 35.21 - 21. The Arising of 21. Kinh khổ dục và giải (0049C21) IV. 14 Suffering (Interior) sanh khởi thứ thoát nhất S. 35.22 - 22. The Arising 22. Kinh khổ IV. 14 of Suffering sanh khởi thứ hai (Exterior)

194. Bất ly 194.  S. 35.19- 19. Taking 19. Kinh với ưa dqc Ưa thích (0050a01) IV. 13 Pleasure (Interior) thích thứ nhất S. 35.20 - 20. Taking 20. Kinh với ưa IV. 13 Pleasure (Exterior) thích thứ hai

195. Bất ly 195. Tất  S. 35.1-12- Từ kinh 1 “The Từ kinh 1 "Kinh dục cả đều vô (0050all) IV. 1-6 Interior as nội thân vô thường Impermanent" thường,, đến kinh đến kinh 12 “The 12 "Kinh ngoại Exterior as Not- thân vô ngã Self in the Three thuộc quá khứ và Times,, vị lai”

196. 196. Giải  S. 35.33-52 - Từ kinh 33 “Ten Từ kinh 33 Sanh hỷ thoát vô (0050a24) IV. 26-9 on Liable to Be "Nh6m 10 kinh thường Reborn, etc." bắt đầu bằng đến kinh 52 Kinh sanh pháp" “Disturbed" đến kinh 52 "Kinh bị áp đảo”

197. Vô 197. Ba loại  S. 22.61 - 61. Burning 61. Kinh lửa cháy thường (1) thị hiện (0050Ồ14) III. 71 S. 35.28 - 28. Burning 28. Kinh bị bốc IV. 19 cháy

198. Vô 198.  S. 18.21  21. Tendency 21. Kinh tày miên thường (2) La-hầu-la (0050c07) II. 252 S. 22.91 - 91. Rāhula 91. Kinh Rāhula III. 135

199. 199. Nhận  S. 18.22- 22. Rid of Conceit 22. Kinh viễn ly Thị hiện thức sai lầm (0050c27) II. 253 S. 22.92 - 92. Rāhula (2nd) 92. Kinh Rāhula III. 136 thứ hai

200. 200. Tuệ  oo S. 35.121 - 121. Advice to 121. Kinh giáo La-hầu-la giải thoát (005 lai5) IV. 105 Rāhula huấn Rāhula (1) thuần thục

201. 201. Dứt  S. 35.53-59 - Từ kinh 53 Từ kinh 53 La-hầu-la sạch phiền (0051C11) IV. 30-32 "Giving up “Kinh nhổ sạch (2) não Ignorance" kiết sử" đến kinh đến kinh 59 59 “Kinh nhổ "Uprooting sạch tùy miên^, Tendencies^,

1526  KINH TẠP A-HÀM

202. 202. Dứt trừ  S. 35.167- 167. Giving up 167. Kinh đoạn La-hầu-la ngã kiến (0051C29) IV. 148 View of Self tận ngã kiến (3) 203. 203. Đoạn  S. 35.79 - 79. Giving up 79. Kinh đoạn Lậu tận trừ một (0052al0) IV. 49 Ignorance (1st) tận vô minh thứ pháp nhất

204. Ngã 204. Nhận  Không có Không có Không có kiến đoạn biết như (0052a27) thật

205. Năng 205. Ưu-  Không có Không có Không có đoạn nhất đà-na (0052009) pháp

206. Như 206. Thực O S. 35.100- 100. Retreat 100. Kinh thiền thật tri tại hiện tiền (0052Ồ20) IV. 80 tịnh kiến S. 35.161 - 161. On Retreat 161. Kinh thiền IV. 144 at Jīvakaṃ Mango tịnh ẩn cư trong Grove vườn xoài Jīvaka

207. 207. Tu tập  S. 35.160- 160. On Immersion 160. Kinh thiền Ưu-đà-na thiền định (0052Ồ29) IV. 143 at Jīvaka's Mango định trong vườn Grove xoài Jīvaka S. 35.99 - 99. Immersion 99. Kinh thiền IV 80 định

208. Như 208. Sáu  S. 35.10- 10. The Exterior 10. Kinh ngoại thật tri căn vô (0052C07) IV. 5 as Impermanent in thân vô thường thường (1) the Three Times thuộc quá khứ và vị lai S. 35.11 -IV. 6 11. The Exterior 11. Kinh ngoại as Suffering in the thân khổ thuộc Three Times quá khứ và vị lai S. 35.12- 12. The Exterior 12. Kinh ngoại IV. 6 as Not-Self in the thân vô ngã Three Times thuộc quá khứ và vị lai

209. Tam- 209. Sáu  S. 35.71 - 71. Six Fields of 71. Kinh sáu xúc ma-đề xúc nhập xứ (0052c17) IV. 43 Contact (1st) xứ thứ nhất S. 35.72 - 72. Six Fields of 72. Kinh sáu xúc IV. 44 Contact (2nd) xứ thứ hai S. 35.73 - 73. Six Fields of 73. Kinh sáu xúc IV. 44 Contact (3rd) xứ thứ ba

210. 210. Địa  S. 35.135 - 135. Opportunity 135. Kinh sát-na Vô thường ngục (0053all) IV. 126

211. Lục 211. Năm —.—. S. 35.117- 117. The Kinds 117. Kinh dục xứ nhập dục thế gian (0053a26) IV. 97 of Sensual công đức xứ Stimulation

PHỤLỊIC2 1527

212. 212. Hạnh S. 35.134- 134. At Devadaha 134. Kinh Địa ngục không (0053c07) IV. 124 Devadaha buông lung

213. Thế 213. Hai S. 35.92 - 92. A Duality (1st) 92. Kinh cả hai gian ngũ pháp (0054a01) IV. 67 thứ nhất dục

214. Bất 214. Hai S. 35.93 - 93. A Duality (2nd) 93. Kinh cả hai phóng dật nhân duyên (0054a22) IV. 67 thứ hai

215. Pháp 215. Phú- S. 35.70 - 70. upavāna on 70. Kinh lâu-na (0054Ồ02) IV. 41 What Is Visible in Upavāna và pháp This Very Life thiết thực hiện tại ——* 216. 216. Biển — — S. 35.229 - 229. The Ocean 229. Kinh biển Nhị pháp lớn(l) (0054b22) IV. 157 (2nd) thứ hai

217. 217. Biển S. 35.228 - 228. The Ocean 228. Kinh biển Phú-lâu-na lớn (2) (0054c05) IV. 157 (1st) thứ nhất

218. 218. Khổ S. 12.43 - 43. Suffering 43. Kinh khổ Đại hải tập khởi và (0054c19) IV. 71 106. The Origin of 106. Kinh khổ khổ diệt tận S. 35.106- Suffering tập IV. 86

219. 219. Con S. 35.147- 147. The 147. Kinh vô Đại hải (2) đường dẫn (0055a03) IV. 133 Impermanent as thường thích ứng đến Niết- Conducive to đưa đến Niết-bàn bàn(l) Extinguishment

220. Khổ 220. Con 0 S. 35.148- 148. The Suffering 148. Kinh khổ tập diệt đường dẫn (0055al0) IV. 134 as Conducive to thích ứng đưa đến Niết- Extinguishment đến Niết-bàn bàn (2) S. 35.149- 149. Not-Self 149. Kinh vô ngã IV. 135 as Conducive to thích ứng đưa đến Extinguishment Niết-bàn S. 35.150- 150. A Practice 150. Kinh con IV. 136 Conducive to đường thích ứng Extinguishment đưa đến Niết-bàn

221.Niết- 221. Không có Không có Không có bàn đạo Tất cả thủ (0055al) tích

222. Tợ 222. Nhận S. 35.26 - 26. Without 26. Kinh liễu tri thú Niết- thức rõ ràng (0055a27) IV. 17 Completely thứ nhất bàn đạo và toàn diện Understanding (1st) tích S. 35.27 - 27. Without 27. Kinh liễu tri IV. 18 Completely thứ hai Understanding (2nd)

1528 KINH TẠP A-HÀM

223. Thủ 223. Không S. 35.26 - 26. Without 26. Kinh liễu tri nhận biết, (0055Ồ06) IV. 17 Completely thứ nhất không hiểu Understanding (1st) rõ S. 35.27 - 27. Without 27. Kinh liễu tri IV. 18 Completely thứ hai Understanding (2nd)

224. 224. Tất cả S. 35.24 - 24. Giving up 24. Kinh đoạn Tri thức pháp tham (0055Ồ15) IV. 15 tận dục

225. Đoạn 225. Đoạn S. 35.25 - 25. Giving up by 25. Kinh đoạn trừ để thoát (0055Ồ22) IV. 16 Dừect Knowledge tận nhờ thắng tri, khổ and Complete liễu tri Understanding -———* , 226. Đoạn 226. Đoạn — — —— S. 35.90 - 90. Turbulence 90. Kinh ái trừ nghĩ (0055c01) IV. 64 (1st) nhiễm thứ nhất tưởng S. 35.91 - 91. Turbulence

91. Kinh ái IV. 66 (2nd) nhiễm thứ hai

227. Đoạn 227. Sống  S. 35.90 - 90. Turbulence 90. Kinh ái không chấp (0055c13) IV. 64 (1st) nhiễm thứ nhất trước S. 35.91 - 91. Turbulence 91. Kinh ái IV. 66 (2nd) nhiễm thứ hai

228. Kế 228. Tăng  Không có Không có Không có trưởng và (0055C26) tổn giảm

229. Kế 229. Hữu  Không có Không có Không có lậu và vô (0056a08) lậu

Quyển 9  230. Tăng 230. Tôn O S. 35.65 - 65. Samiddhi's 65. Kinh trưởng giả Tam-di- (0056a24) IV. 38 Question about Samiddhi hỏi về ly-đề Māra Māra thứ nhất S. 35.66 - 66. Samiddhi's 66. Kinh IV. 38 Question about a Samiddhi hỏi về Sentient Being hữu tình S. 35.67 - 67. Samiddhi's 67. Kinh IV. 39 Question about Samiddhi hỏi về Suffering khổ S. 35.68 - 68. Samiddhi's 68. Kinh IV. 39 Question about the Samiddhi hỏi về World thế giới

231. Hữu 231. Thế S. 35.82 - 82. A Question on 82. Kinh câu hỏi lậu vô lậu gian mong (0056b11) IV. 52 the World về thế giới manh

PHỤ LỤC 2  1529

232. Tam- 232,Tánh  S. 35.85 - 85. The World is 85. Kinh thế giới di-ly-đề không (0056ỒỒ21) IV. 54 Empty trống không

233. Tam- 233. Con S. 12.44 - 44. The World 44. Kinh thế giới di-ly-đề đường diệt (0056C02) II. 73 (2) tận thế gian S. 35.107- 107. The Origin of 107. Kinh thế IV. 87 the World giới tập khởi

234. 234. Tận  S. 2.26 - 26. With Rohitassa 26. Kinh Không cùng thế (0056C12) L 142 Rohitassa giới S. 35.116- 116. Traveling 116. Kinh đi đến IV. 93 to the End of the tận cùng thế giới World

235. 235. Có  S. 35.151 - 151. A Student 151. Kinh đệ tử Thế gian thầy, có (0057al6) IV. 136 nội trú đệ tử

236. Thế 236. Khất -~r —i— —— Không có Không có Không có gian biên thực thanh (0057ỒỒ03) tịnh

237. 237. Thanh  S. 35.118- 118. The Question 118. Kinh câu Cận trụ tịnh hoan (0057ỒỒ28) IV. 101 of Sakkā hỏi của Sakkā toàn S. 35.124-128 Từ kinh 124 “At Từ kinh 124 -IV. 109-13 Vesāir5 đến kinh “Kinh Vesāli,, 128 “With Sona" đến kinh 128 “Kinh Sopa" S. 35.131 - 131.Nakula's 131. Kinh IV. 116 Father Nakulapitu

238. 238.  Không có Không có Không có Thanh tịnh Nhân duyên (0057C14) khất thực trụ

239. 239. Kiết  S. 35.109- 109. Things Prone 109. Kinh kiết sử Ti-da-li sử và pháp (0057C24) IV. 89 to Being Fettered kiết sử S. 35.122 - 122. Things Prone 122. Kinh pháp IV. 107 to Being Fettered bị kiết sử

240. 240. Chấp S. 35.110- 110. Things Prone 110. Kinh chấp Nhân thủ (0058a01) IV. 89 to Being Grasped thủ duyên S. 35.123 - 123. Things Prone 123. Kinh pháp IV. 108 to Being Grasped bị chấp thủ

241. Kết 241. Thà S. 35.235 - 235. The 235. Kinh thuyết chịu nung (0058a07) IV. 168 Exposition on về lửa cháy đốt Burning



242. Thủ 242. Thấy S. 35.111 - 111. Complete 111. Kinh tuệ tri biết để đoạn (0058Ò21) IV. 89 Understanding of nội xứ tận khổ the Interior S. 35.112- 112. Complete 112. Kinh tuệ tri IV. 90 Understanding of ngoại xứ the Exterior

243. 243. Vị ngọt S. 35.15-18- Từ kinh 15 Từ kinh 15 Thiêu của mắt (0058Ồ27) IV. 8-12 Tn Search of “Kinh tầm cầu nhiệt Gratification vị ngọt thứ nhất” (Interior) ” đến đến kinh 18 kinh 18 Hf "Kinh nếu không There Were No có vi ngọt thứ Gratification hai“ (Exterior),,

244. Tri 244. Móc S. 35.114- 114. M ra's Snare 114. Kinh lưới câu của ma (0058c09) IV. 91 (1st) bẫy của Ma thứ nhất S. 35.115- 115. Māra5s Snare 115. Kinh lưới IV. 92 (2nd) bẫy của Ma thứ hai

245. Vị 245. Bốn S. 35.114- 114. Mara's Snare 114. Kinh lưới phẩm pháp (0058c17) IV. 91 (1st) bẫy của Ma thứ nhất S. 35.115- 115. Maa's Snare 115. Kinh lưới IV. 92 (2nd) bẫy của Ma thứ hai

246. 246. Ma Ba- S. 4.24 - 24. Seven Years of 24. Kinh con gái Ma câu tuần (0059a03) L 124 Following của Ma vương

247. Tứ 247. Quen Không có Không có Không có phẩm pháp gần gũi (0059b08)

248. 248. Tôn S. 35.193 - 193. The Interior 193. Kinh Udāyi Thất niên giả Đại (0059b17) IV. 166 as Not-Self in the Thuần-đà Three Times

249. 249. Còn lại Không có Không có Không có Tập cận những gì (0059c27)

250. 250. Dục S. 35.232 - 232. With Kotthita 232. Kinh Thuần-đà tham là sự (0060a22) IV. 162 Kotthika trói buộc

251. 251. Biết Không có Không có Không có Câu-hi-la đúng như (0060Ồ22) thật



252. 252. Thần S. 35.69 - 69. Upasena and 69. Kinh rắn độc Câu-hi-la chú trừ rắn (0060C14) IV. 40. the Viper và Upasena độc

253. 253. Tỳ-nữu S. 35.133 - 133. Verahaccāni 133. Kinh Câu-hi-la Ca-chiên- (0061b29) IV. 121 Verahaccāni diên

254. ưu- 254. Tôn Không có Không có Không có ba-tiên-na giả Thập (0062Ồ22) Nhị ức Nhĩ

255. 255. Bà- S. 35.132 - 132. With Lohicca 132. Kinh Tì-nữu la-môn (0063b19) IV. 116 Lohicca Ca-chiên- Lỗ-hê-già diên

Quyển 10

256. Thị 256. Vô S. 22.126- 126. Liable to 126. Kinh tập Thập ức minh và (0064Ồ22) III. 170 Originate pháp Nhĩ minh(l) (Tụng I. S. 22.127- 127. Liable to 127. Kinh tập Ngũ ấm III. 172 Originate (2nd) pháp thứ hai tụng đệ S. 22.128- 128. Liable to 128. Kinh tập nhất) III. 172 Originate (3rd) pháp thứ ba

257. 257. Vô S. 22.135 - 135. With Kotthita 135. Kinh Lỗ-hê-giá minh và (0064C20) III. 176 (3rd) Kotthika thứ ba minh (2) (1. Am 258. Thủ 258. Vô S. 22.129-134 Từ kinh 129 Từ kinh 129 tương thanh dụ minh và (0065al3) -III. 173-75 “Gratification" đến "Kinh VỊ ngọf, minh (3) ưng) kinh 134 “With đến kinh 134 Kotthita (2nd)” “Kinh Kotthika thứ hai“

259. 259. Quán S. 22.122- 122. An Ethical 122. Kinh vị giữ Khí xả năm uẩn (0065b05) III. 167 Mendicant giới S. 22.123 - 123. Educated 123. Kinh vị có III. 169 nghe

260. 260. O S. 22.21 - 21. With Ānanda 21. Kinh Ānanda Nan-đà Pháp diệt (0065c12) III. 24

* . . A— 261. Nan 261. Ngài — S. 22.83 - 83. With Ānanda 83. Kinh Ānanda dā thuyết Phú-lâu-na (0066a05) III. 105 pháp dạy A-nan —-———• 262. Luật 262. Trưởng — S. 12.15- 15. Kaccānagotta 15. Kinh nghi bất lão Xiển-đà (0066Ồ06) II. 16 Kaccānagotta luật nghi S. 22.90 - 90. With Channa 90. Kinh Channa III. 132



263. Thối —* . ~ 101. Kinh cán 263. Tùy — S. 22.101 - 101. The Adze bất thối thuận tu tập (0067a22) III. 152 búa

264. 264. Nắm S. 22.96 - 96. A Lump of 96. Kinh phân bò Điều phục đất nhỏ (0067C04) III. 143. Cow Dung

265. Tần- 265. S. 22.95 - 95. A Lump of 95. Kinh bọt đầu thành Bọt nước (0068b29) III. 140 Foam nước

266. Oanh 266. Ái —— S. 22.99 - 99. A Leash 99. Kinh dây trói phát Mục- buộc ràng (0069b04) m. 149 buộc kiền-liên

267. 267. Không S. 22.100- 100. A Leash (2nd) 100. Kinh dây Chư căn tu biết như (0069c02) III. 151 trói buộc thứ hai thật

268. 268. S. 22.93 - 93. A River 93. Kinh dòng Lục lục Dòng sông (0070al2) III. 137 sông

269. Lục 269. Xa lìa S. 22.33 - 33. It's Not Yours 33. Kinh không nhập xứ và buông bỏ (0070Ồ01) III. 33 phải của các ông S. 22.34 - 34. It's Not Yours 34. Kinh không III. 34 (2nd) phải của các ông thứ hai

270. Nhân 270. Quán S. 22.102- 102. The 102. Kinh vô thuần thục (0070c02) III. 155 Perception of thường tưởng vô thường Impermanence

271. 271. Tỳ- S. 22.84 - 84. With Tissa 84. Kinh Tissa Kiến pháp kheo Đề-xá (0071a04) III. 106

272. Bất 272. Mục S. 22.80 - 80. Beggars 80. Kinh người nhiễm đích xuất (0071C14) III. 91 khất thực trước gia

Quyển 11 273. 273. Ví dụ S. 35.92 - 92. A Duality (1st) 92. Kinh cả hai Lộc-nữu tiếng vỗ của (0072Ồ20) (Lục nhập IV. 67 thứ nhất hai bàn tay xứ tụng S. 35.93 - 93. A Duality (2nd) 93. Kinh cả hai đệ nhị) IV 67 thứ hai

(2. Tương ưng Nhập xứ)

PHỤ LỤC 2 1533

274. 274. Hạnh S. 22.33 - 33. Ifs Not Yours 33. Kinh không Lộc-nữu buông bỏ (0073a02) III. 33 phải của các ông S. 22.34 - 34. Ifs Not Yours 34. Kinh không III. 34 (2nd) phải của các ông thứ hai S. 35.101 - 101. Ifs Not Yours 101. Kinh không IV. 81 (1st) phải của các ông thứ nhất S. 35.102 - 102. Ifs Not Yours 102. Kinh không IV. 82 (2nd) phải của các ông thứ hai S. 35.138 - 138. Not Yours 138. Kinh không IV. 128 (1st) phải của các ông thứ nhất S. 35.139- 139. Not Yours 139. Kinh không IV. 129 (2nd) phải của các ông thứ hai

275. 275. Không có Không có Không có Phú-lâu-na Tỳ-kheo (0073a22) Nan-đà

276. Ma- 276. Tỳ- Không có Không có Không có la-ca-cữu kheo Nan- (0073C09) đà thuyết pháp

277. 277. Không S. 35.97 - 97. One Who 97. Kinh trú Kinh pháp luật nghi và (0075c18) IV. 78 Lives Negligently phóng dật luật nghi

278. 278. Thoái S. 35.96 - 96. Liable to 96. Kinh pháp Đoạn dục thất và (0076a03) IV. 76 Decline thối đọa không thoái thất

279. 279. Điều S. 35.94 - 94. Untamed, 94. Kinh không Nhãn sanh phục sáu (0076a20) IV. 70 Unguarded thâu nhiếp căn

280. Nhãn 280. Bà-la- O Không có Không có Không có vô thường môn thành (0076c03) Tần-đầu

281. 281. Bên S. 46.6 - 6. Kundaliya 6. Kinh Nhãn khổ tóc Mục- (0077a29) V. 73 Kundaliya kiền-liên

282. Nhãn 282. Tu tập Không có Không có Không có phi ngã các căn (0078a22)

1534 KINH TẠPA-HÀM

Quyển 12

283. 283. Ví dụ S. 12.57 - 57. A Sapling 57. Kinh cây non Nhất thiết trồng cây (0079a25) II. 89 (Tạp nhân 284. Nhất 284. Ví dụ tụng đệ S. 12.55 - 55. A Great Tree 55. Kinh cây lớn thiết hữu về cội cây (0079Ồ23) tam) II. 87 lớn S. 12.56 - 56. A Great Tree 56. Kinh cây lớn II. 88 (2nd) thứ hai S. 12.58 - 58. Name and 58. Kinh danh II. 90 Form sắc (3. Nhân 285. 285. Chỗ S. 12.10- 10. Gotama 10. Kinh Gotama duyên Nhất thiết nương tựa (0079c27) II. 10 tương S. 12.53 - 53. Fetters 53. Kinh kiết sử ưng) II. 86 S. 12.54 - 54. Fetters (2nd) 54. Kinh kiết sử II. 87 thứ hai

286. Nhãn 286. Ví dụ S. 12.52 - 52. Grasping 52. Kinh thủ nội nhập đống lửa (0080Ồ08) II. 84 xứ

287. Lục 287. Ví dụ S. 12.65 - 65. The City 65. Kinh thành nội nhập con đường (0080Ồ24) II. 104 ấp xứ cũ

288. Lục 288. Ví dụ S. 12.67 - 67. Bundles of 67. Kinh bó lau ngoại nhập ve ba cây (0081a09) II. 112 Reeds xư lau sậy

289. Lục 289. Hàng S. 12.61 - 61. Uneducated 61. Kinh hạng thức thân phàm phu (0081C04) II. 94 người ít nghe mê muội

290. Lục 290. Thánh S. 12.62 - 62. Uneducated 62. Kinh hạng xúc thân đệ tử đa văn (0082a01) II. 95 (2nd) người ít nghe thứ hai

291. Lục 291. Sự tiếp S. 12.66 - 66. Sel 66. Kinh xúc thọ thân xúc nội tâm (0082a28) II. 107 Examination chạm

292. Lục 292. Tư S. 12.51 - 51. A Full Inquừy 51. Kinh tư tưởng thân duy, quán (0082c18) II. 80 lường sát

293. Lục 293. Pháp Không có Không có Không có tư thân sâu xa (0083C01)

294. Lục 294. Phàm S. 12.19- 19. The Astute and 19. Kinh bậc ái thân phu và bậc (0083C23) II. 23 the Foolish Hiền và kẻ ngu trí

PHỤ LỤC 2 1535

295. Lục 295. Không S. 12.37 - 37. Not Yours 37. Kinh không cố niệm phải của (0084a23) II. 64 phải của ông ông

296. 296. Đoạn S. 12.20 - 20. Conditions 20. Kinh duyên Lục phú tận kiến (0084Ồ12) II. 25 chấp

297. Vô 297. Kinh S. 12.35 - 35. Ignorance Is a 35. Kinh do thường đại không (0084C11) II. 60 Condition duyên vô minh pháp S. 12.36 - 36. Ignorance Is a 36. Kinh do II. 63 Condition (2nd) duyên vô minh thứ hai

298. Hữu 298. Pháp S. 12.1 - II. 1 1. Dependent 1. Kinh duyên thân hữu thuyết, (0085all) Origination khởi duyên hữu nghĩa thuyết S. 12.2-II. 2 2. Analysis 2. Kinh phân biệt phược pháp

299. Đê 299. Pháp  Không có Không có Không có nhất nghĩa duyên khởi (0085Ồ21) không

300. Lục 300. Trung  oo S. 12.46 - 46. A Certain 46. Kinh vị Bà- hỷ hành đạo (0085C03) II. 75 Brahmin la-môn khác

301. Lục 301. Lìa nhị  S. 12.15- 15. Kaccānagotta 15. Kinh ưu hành biên (0085c17) II. 17 90. With Channa Kaccānagotta S. 22.90 - 90. Kinh Channa III. 132

302. Lục 302. A-chi-  O S. 12.17- 17. With Kassapa, 17. Kinh lõa thể xả hành la Ca-diếp (0086a04) II. 18 the Naked Ascetic Kassapa

303. Lục 303. Tu sĩ  S. 12.18- 18. With 18. Kinh thường Điếm-mâu- (0086b24) II. 22 Timbaruka Timbaruka hành lưu

Quyển 13

304. Lục 304. Ba  S. 35.60 - 60. The Complete 60. Kinh liễu tri thường mươi sáu (0086C23)  IV. 32. Understanding of tất cả chấp thủ hành pháp (Lục nhập All Grasping xứ tụng 305. Lục 305. Sáu  đệ nhị) Không có Không có Không có thường phân biệt về (0087a27) hành sáu nhập xứ

1536  KINH TẠPA-HÀM

306. Lục 306. Để  Không có Không có Không có thường được thấy (0087c18) hành ph  (2. Tương 307. 307. Bậc  Không có Không có Không có ưng Nhập Bà-la-diên thấy pháp (0088a21) xứ) 308. 308. Không  S. 35.136- 136. Liking Sights 136. Kinh thích Tân-đầu-lô đắm nhiễm (0088b15) IV. 126 (1st) sắc thứ nhất 309. 309. Sống  S. 35.62 - 62. The Depletion 62. Kinh chấm Thủ túc dụ chung và (0088c18) IV. 35 of All Fuel (2nd) dứt tất cả chấp sống một thủ thứ hai mình

310. Qui 310. Lộc-  O S. 35.64 - 64. With Migajāla 64. Kinh nữu đắc (0089al2) IV. 37 (2nd) Migajāla thứ hai pháp

311. 311. Tồn giả S. 35.88 - 88. With Punna 88. Kinh Punna Khoáng Phú-lâu-na (0089b01) IV. 60 mạch 312. Cầm 312. Tuổi — S. 35.92 - 92. A Duality (1st) 92. Kinh cả hai già học đạo (0089C24) IV. 72 thứ nhất

313. 313. Nhận S. 35.152 - 152. Whafs the 152. Kinh Phạm Lại bệnh định về kinh (0090Ồ27) IV. 138 Purpose of the hạnh với mục pháp Spiritual Life đích gì 314. Lục 314.  Không có Không có Không có chúng Đoạn dục (0090c19) sanh 315. 315.  S. 26.1 - 1. The Eye 1. Kinh mắt Rắn độc Chuyển (0090C25) III. 228 biến sanh diệt

316. 316. Sáu  Không có Không có Không có Khổ pháp căn vổ (0091a02) thường

317. 317. Sáu  Không có Không có Không có Đại thọ căn là khổ (0091a09)

318. Khẩn- 318. Sáu  Không có Không có Không có thú dụ căn vô ngã (0091al6)

319. 319. Thế  S. 35.23 - 23. All 23. Kinh tất cả Lậu pháp nào gọi là (0091a24) IV. 15 tất cả?

320. 320. Tất cả O Không có Không có Không có Hôi hà đều có (0091ỒO4)

PHỤ LỤC 2  1537

Tụng III. Nhân duyên

5. Tương ưng Nhân duyên

321. 321. —k~k Không có Không có Không có Chủng thọ Tất cả pháp (0091bl5)

322. 322. l__ _____ Không có Không có Không có Đại thọ Căn và trần (0091C01)

323. 323. S. 35.60 - 60. The Complete 60. Kinh liễu tri Phật phược Sáu căn (0091C23) IV. 32 Understanding of tất cả chấp thủ All Grasping

324. Thủ 324. Sáu  S. 35.60 - 60. The Complete 60. Kinh liễu tri trần (0091C27) IV. 32 Understanding of tất cả chấp thủ All Grasping

325. 325. Sáu  S. 35.60 - 60. The Complete 60. Kinh liễu tri Thành ấp loại thức (0092a03) IV. 32 Understanding of tất cả chấp thủ All Grasping

- * —» > - 326. Lô 326. Sáu  S. 35.60 - 60. The Complete 60. Kinh liễu tri loại xúc (0092a08) IV. 32 Understanding of tất cả chấp thủ All Grasping

327. 327. Sáu  S. 35.60 - 60. The Complete 60. Kinh liễu tri Vô văn loại thọ (0092al3) IV. 32 Understanding of tất cả chấp thủ All Grasping

328. 328. Sáu  Không có Không có Không có Vô văn loại tưởng (0092al8)

329. Xúc 329.  Không có Không có Không có Sáu loại tư (0092a23)

330. 330. O S. 35.60 - 60. The Complete 60. Kinh liễu tri Tư lương Sáu loại ái (0092a28) IV. 32 Understanding of tất cả chấp thủ All Grasping

331. 331. Sáu  ~ Không có Không có Không có Thậm thâm luyến nhớ (0092b04)

332. Ngu 332. Sáu  Không có Không có Không có si hiệt huệ thứ che đậy (0092b09)

1538  KINH TẠPA-HÀM

333. Phi 333. Sáu S. 35.7-12 - Từ kinh 7 “The Từ kinh 7 “Kinh nhữ sở hữu căn vô (0092ỒO14) IV. 4-5 Interior as nội thân vô thường (3) Impermanent in thường thuộc the Three Times" quá khứ và vị đến kinh 12 “The lai” đến kinh 12 Exterior as Not- “Kinh ngoại thân Self in the Three vô ngã thuộc quá Times” khứ và vj lai"

334. Nhân 334. Nhân,  Không có Không có Không có duyên duyên và (0092b21) pháp trói buộc 335. Đại 335. Đệ  Không có Không có Không có không nhất nghĩa (0092C12) pháp không

336. Pháp 336. Sáu hỷ —• — -1-  Không có Không có Không có thuyết hành (0092c27 nghĩa thuyết

337. 337. Sáu ưu  Không có Không có Không có Duyên hành (0093a04) khởi pháp

338. Tha 338. Sáu xả  Không có Không có Không có hành (0093a10)

339. Ca- 339. Sáu Không có Không có Không có chiên-diên thường (0093al6) hành (1) 340. 340. Sáu Không có Không có Không có A-chi-la thường (0093a22) hành (2) 341. 341. Pháp Không có Không có Không có Điếm- khó đạt (0093a29) mâu-lưu được

342. 342. Bậc Không có Không có Không có Phù-di phước điền (0093b08) vô thượng

Quyển 14 343. 343. Khổ S. 12.24- 24. Followers of 24. Kinh ngoại Câu-hy-la vui do (0093b25) II. 32 Other Paths đạo sư duyên S. 12.25 - 25. With Bhūmija 25. Kinh (Tạp nhân II. 37 Bhūmija tụng đệ 344. 344. Tôn tam) Không có Không có Không có Tập sanh giả Câu- (0094Ồ02) hy-la



345. 345. Thể S. 12.31 - 31. What Has 31. Kinh sanh Tam pháp nhập pháp (0095bl0) II. 47 Come to Be giới S. 12.32 - 32. With Kalāra 32. Kinh Kajāra (3. Nhân II. 50 the Aristocrat duyên 346. 346. Không có Không có Không có tương Tu-thâm Ba pháp (0095C17) ưng) 347. 347. Lén S. 12.70 - 70. The Wanderer 70. Kinh Susīma Thập lực trộm giáo (0096Ồ25) II. 119 Susīma pháp 348. 348. Mười S. 12.22- 22. The Ten 22. Kinh mười Thánh xứ lực (0098al3) II. 28 Powers (2nd) lực thứ hai

349. 349. Trú xứ Không có Không có Không có Thánh đệ bậc Thánh (0098Ồ06) tử 350. 350. Thánh O S. 12.49 - 49. A Noble 49. Kinh Thánh Mậu-sư-la đệ tử (0098b22) II. 77 Disciple đệ tử S. 12.50 - 50. A Noble 50. Kinh Thánh II. 79 Disciple (2nd) đệ tử thứ hai 351. Sa- 351. Thấy S. 12.68 - 68. At Kosambī 68. Kinh môn, Bà- biết và (0098C01) II. 115 Kosambī la-môn chứng đắc 352. 352. Sa- S. 12.14- 14. Ascetics and 14. Kinh Sa- Sa-môn, môn, Bà- (0099a06) II. 15 Brahmins (2nd) môn, Bà-la-môn Bà-la-môn la-môn nên thứ hai (2) biết

353. 353. Không S. 12.13- 13. Ascetics and 13. Kinh Sa-môn, Sa-môn, thể và có (0099Ồ02) II. 14 Brahmins Bà-la-môn Bà-la-môn thể (3) 354. 354. Vượt S. 12.29 - 29. Ascetics and 29. Kinh Sa-môn, Lão tử thoát khỏi (0099b19) II. 45 Brahmins Bà-la-môn xúc S. 12.30- 30. Ascetics and 30. Kinh Sa- II. 46 Brahmins (2nd) môn, Bà-la-môn thứ hai S. 12.71 - 71. Old Age and 71. Kinh già chết II. 129 Death

355. 355. Già S. 12.28 - 28. A Mendicant 28. Kinh vị Tỷ- Chủng trí chết (0099c04) II. 43 kheo

356. Vô 356. Bốn S. 12.33 - 33. Grounds for 33. Kinh những minh tăng mươi bốn (0099c19) II. 56 Knowledge căn bản của trí loại trí 357. Vô 357. Bảy S. 12.34 - 34. Grounds for 34. Kinh những minh tăng mươi bảy (0099c27) II. 59 Knowledge (2nd) căn bản của trí (2) loại trí thứ hai



358. 358. Pháp S. 12.37- 37. Not Yours 37. Kinh không Tư lương tăng và (0100al2) II. 64 phải của ông pháp giảm

359. Tư 359. Kiết sử S. 12.38 - 38. Intention 38. Kinh tư tâm lương (2) và thức (0100a23) II. 65 sở

360. Tư 360. Kiết sử O S. 12.39 - 39. Intention (2nd) 39. Kinh tư tâm lương (3) và danh sắc (0100b02) II. 66 sở thứ hai

361. Đa 361. Chỗ S. 12.40 - 40. Intention (3rd) 40. Kinh tư tâm văn đệ từ bám víu của (OlOObll) II. 66 sở thứ ba thức - * - —* 362. 362. Tỳ- /— Không có Không có Không có Thuyết kheo đa văn (0100ỒỒ22) pháp Tỳkheo

363. 363. Tỳ-

— —

S. 12.16- 16. A Dhammā 16. Kinh vị
Thuyết (2) kheo thuyết (0100C04) II. 18 Speaker thuyết pháp pháp

364. 364. Tuần S. 12.16- 16. A Dhammā 16. Kinh vị Thuyết tự thực hành (0100C15) II. 18 Speaker thuyết pháp pháp theo pháp (2)

Quyển 15 365. 365. Niết- S. 12.16 16. A Dhammā 16. Kinh vị Tỳ-bà-thi bàn trong (OlOlaOÓ) II. 18 Speaker thuyết pháp hiện tại (2) —* . 366. 366. Bảy vị S. 12.4-9 - Từ kinh 2 “About Từ kinh 2 “Kinh Tu tập Phật (OlOlaló) II. 5-9 Vipassiṃ đến kinh Vipassī9' đến 9 ^Kassapa" kinh 9 "Kinh Kassapa" 367. Tam- 367. Biết rõ S. 12.83 - 83. The Teacher 83. Kinh học tập ma-đề như thật (0101008) II. 131 (2nd) 368. Thập 368. S. 12.84 - 84. The Teacher 84. Kinh học tập nhị nhân Thiền định (0101bl7) II. 131 (2nd) duyên 369. Thập 369. Mười Không có Không có Không có nhị nhân hai nhân (0101ỒỒ24) duyên (2) duyên

370. Thực 370. Đức O Không có Không có Không có Phật và (0101C21) duyên khởi

371. Phả- 371. Nhân S. 12.11 - 11. Fuel 11. Kinh các loại cẩu-na và tập khởi (0101C25) II. 11 đồ ăn của thức ăn

PHỤ LỤC 2 1541

372. 372. Tỳ- S. 12.12- 12. Phagguna of 12. Kinh Tử nhục kheo Phả- (0102al2) II. 12 the Top-Knot Moliyaphagguna cầu-na 373. Hữu 373. Thịt S. 12.63 - 63. A Child's Flesh 63. Kinh ví dụ tham đứa con (0102bl8) II. 97 thịt đứa con

374. Hữu 374. Thức S. 12.64- 64. If There Is 64. Kinh có tham tham (2) dừng trụ (0102C28) II. 101 Desire

375. Hữu 375. Lo S. 12.64 - 64. If There Is 64. Kinh có tham tham (3) buồn và (0103al3) II. 101 Desire phiền não 376. Hữu 376. Mặt S. 12.64 - 64. If There Is 64. Kinh có tham tham (4) trời tỏa (0103a21) II. 101 Desire chiếu 377. Hữu 377. Không S. 12.64 - 64. If There Is 64. Kinh có tham tham (5) thể vẽ vào (0103b08) II. 101 Desire hư không

6. Tương ưng Tử đế

378. 378. Hỷ và S. 12.64- 64. If There Is 64. Kinh có tham Chuyển tham (0103Ồ24) II. 101 Desire pháp luân

379. 379. S. 56.11 - 11. Rolling Forth 11. Kinh chuyển Tứ Chuyển (0103C13) V. 420 the Wheel of pháp luân pháp luân Dhammā S. 56.12- 12. The Realized 12. Kinh Như Lai (Tạp nhân V.424 Ones tụng đê 380. 380. Bốn Không có Không có Không có tam) Tứ đế (2) Thánh đế (1) (0104b01)

381. 381. Bốn Không có Không có Không có Đương tri Thánh đế (0104Ồ06) (2) (4. Đế 382. Dĩ tri 382. Cần S. 56.29 - 29. Should Be 29. Kinh liễu tri tương biết, cần (0104b13) V. 436 Completely ưng) hiểu Thánh Understood đế 383. 383. Đã biết Không có Không có Không có Lậu tận Thánh đế (0104Ồ20)

384. 384. Đã Không có Không có Không có Biên tế hiểu Thánh (0104029) đế 385. Hiền 385. Phạm Không có Không có Không có thánh hạnh vẹn (0104C09) toàn



386. Hiền 386. Dựng Không có Không có Không có thánh (2) ngọn cờ (0104c!8) Thánh

387. Ngũ 387. Bậc Không có Không có Không có chi lục Hiền thánh (0104c27) phần

388. 388. Bậc Không có Không có Không có Lương y Thượng sĩ (0105al3)

389. 389. Bậc Không có Không có Không có Sa-môn, Đại vương (0105a24) Bà-la-môn (1) 390. 390. Sa- S. 56.5 - 5. Ascetics and 5. Kinh Sa-môn, Sa-môn, môn, Bà-la- (0105Ồ21) V. 416 Brahmins (1st) Bà-la-môn thứ Bà-la-môn môn nhất (2) S. 56.6 - 6. Ascetics and 6. Kinh Sa-môn, V. 417 Brahmins (2nd) Bà-la-môn thứ hai S. 56.22 - 22. At the Village 22. Kinh tại V. 431 ofKoti (2nd) Kotigāma thứ hai

391. Như 391. Phi S. 56.5- 5. Ascetics and 5. Kinh Sa-môn, thật tri Sa-môn, phi (0105c09) V.416 Brahmins (1st) Bà-la-môn thứ Bà-la-môn nhất S. 56.6 - 6. Ascetics and 6. Kinh Sa-môn, V. 417 Brahmins (2nd) Bà-la-môn thứ hai S. 56.22 - 22. At the Village 22. Kinh tại V. 431 ofKoti (2nd) Kotigāma thứ hai

392. Thiện 392. Biết S. 56.22 - 22. At the Village 22. Kinh tại nam tử như thật (0105c15) V. 431 ofKoti (2nd) Kotigāma thứ hai

393. Nhật 393. Thiện S. 56.3 - 3. A Gentleman 3. Kinh thiện nguyệt nam tử (0106al6) V. 415 (1st) nam tử thứ nhất S. 56.4 - 4. A Gentleman 4. Kinh thiện V. 415 (2nd) nam tử thứ hai 394. Nhật 394. Tướng S. 56.37 - 37. The Simile of 37. Kinh mặt trời nguyệt (2) hừng đông (0106b24) V. 442 the Sun (1st) thứ nhất

395. 395. Ánh S. 56.38 - 38. The Simile of 38. Kinh mặt trời Thánh đệ sáng và (0106c02) V. 442 the Sun (2nd) thứ hai tử Thánh đế

396. 396. Chứng Không có Không có Không có Khư-đề-la Tu-đà-hoàn (0106c18) 397. Nhân- 397. Thể S. 56.32 - 32. Acacia Leaves 32. Kinh lá cây đà-la trụ nhập chân (0107a03) V. 438 keo lý

398. 398. Trụ S. 56.39 - 39. A Boundary 39. Kinh cột trụ Luận xứ nhân-đà-la (0107a28) V. 443 Pillar

399. 399. Trụ đá S. 56.40 - 40. Looking for a 40. Kinh tranh Thiêu y (0107Ồ16) V. 445. Debate luận

400. Bách 400. Lửa oo S. 56.34 - 34. Clothes 34. Kinh khăn thương cháy trên (0107Ồ27) V. 440. đầu đầu

401. 401. Một S. 56.35 - 35. A Hundred 35. Kinh một Bình đẳng trăm mũi (0107C11) V. 440. Spears trăm cây thương chánh giác thương

402. Như 402. Giác S. 56.23 - 23. The Fully 23. Kinh Chánh thật tri ngộ hoàn (0107C25) V. 433. Awakened Buddha Đẳng Chánh toàn Giác S. 56.24 - 24. The Perfected 24. Kinh bậc V. 433. Ones A-la-hán

403. 403. Thông S. 56.21 - 21. At the Village 21. Kinh tại Thân-thứ đạt Thánh (0108a04) V. 431. of Koti (1st) Kotigāma thứ để nhất

404. 404. Rừng S. 56.31 - 31. In a Rosewood 31. Kinh rừng Khổng thân-thứ (0108a24) V. 437 Forest Sīsapā

405. Manh 405. Ly-xa S. 56.45 - 45. Splitting Hairs 45. Kinh lông bắn tên (0108b13) V. 453 đuôi

406. 406. Rùa S. 56.47 - 47. A Yoke with a 47. Kinh cái lỗ Tư duy mù và bộng (0108C06) V. 455 Hole (1st) của cái ách thứ cây nhất S. 56.48 - 48. A Yoke with a 48. Kinh cái lỗ V. 456 Hole (2nd) của cái ách thứ hai

Quyển 16

407. 407. Trốn S. 56.41 - 41. Speculation 41. Kinh suy tư Tư duy (2) vào ngó sen (0108C28) V. 446 about the World về thế giới

408. Giác 408. Các S. 56.8 - 8. Thought 8. Kinh suy tư loại kiến (0109a27) V. 428 chấp

409. 409. Ba bất S. 56.7 - 7. Thoughts 7. Kinh các tầm Giác (2) thiện tầm (0109b19) V. 417

410. Luận 410. Khởi S. 56.7 - 7. Thoughts 7. Kinh các tầm thuyết nhiều niệm (0109C04) V. 417

411. Tranh 411. Tạp — — S. 56.10- 10. Unworthy Talk 10. Kinh nói lời luận (0109C07) V. 419 vô ích



412. 412. Tranh S. 56.9 - 9. Arguments 9. Kinh nói lời Vương lực luận (0109c22) V. 419 tranh luận

413. 413. Việc  Không có Không có Không có Túc mạng của vua (0110a03) chúa 414. 414. Việc  Không có Không có Không có Đàn-việt trong đời (0110al9) trước 415. 415. Việc  Không có Không có Không có Thọ trì của đàn-việt (0110b05) 416. 416. Thọ trì  S. 56.15- 15. Remembering 15. Kinh thọ trì Như như (0110bl5)  V. 426 (1st) thứ nhất  417. 417. Như  S. 56.27 - 27. Real 27. Kinh như thật Thọ trì (2) như (Tạp nhân V. 435 (0110b27) tụng đệ 418. Nghi 418. Phủ  tam) S. 56.16- 16. Remembering 16. Kinh thọ trì nhận Thánh (0110C13) V.427 (2nd) thứ hai đế  419. 419. Tỳ-  Không có Không có Không có  Nghi  kheo nghi (OlllaOl) (4. Đế hoặc tương 420. Thâm 420. Ngoại  ưng) Không có Không có Không có hiểm đạo nghi (0111al2) hoặc

421. 421. Vách  S. 56.42 - 42. A Cliff 42. Kinh vực Đại nhiệt núi nguy (0111a20) V 448 thẳm hiểm 422. 422. Nóng  S. 56.43 - 43. The Mighty 43. Kinh đại Đại ám cùng cực (OlllblO) V. 450 Fever nhiệt não 423. 423. Tối  S. 56.46 - 46. Darkness 46. Kinh tối tăm Minh ám tăm cùng (0111b25) V. 454 CỊTC  424. Minh 424. Tối  S. 56.46 - 46. Darkness 46. Kinh tối tăm ám (2) tăm cùng (0111C08) V. 454 cực (2)

425. Minh 425. Tối  S. 56.46 - 46. Darkness 46. Kinh tối tăm ám (3) tăm cùng (0111C26) V. 454 cực (3) 426. 426. Tối  S. 56.46 - 46. Darkness 46. Kinh tối tăm Thánh đế tăm cùng (0112a03) V. 454 cực (4) 427. 427. Bốn  S. 56.29 - 29. Should Be 29. Kinh liễu tri Thiền tư Thánh đế (0112all) V. 436 Completely (3) Understood

PHỤ LỤC 2  1545

428. Tam- 428. Liễu tri  S. 56.2 - 2. Retreat 2. Kinh thiền tịnh ma-đề như thật (0112al8) V. 414

429. 429. Siêng  S. 56.1 - 1. Immersion 1. Kinh định Trượng tu thiền (0112a25) V. 414 định

430. 430. Như  S. 56.33 - 33. A Stick 33. Kinh cây gậy Trượng (2) chiếc gậy (0112ỒO3) V. 439 rơi xuống

431. Ngũ 431. Cõi  Không có Không có Không có tiết luân lành hay cõi (0112bl2) dữ

432. Tăng 432. Vòng  Không có Không có Không có thượng bánh xe (0112b21) thuyết pháp

433. 433. Thuyết  Không có Không có Không có Hiệt huệ pháp trọng (0112c02) yếu

434. 434. Trí tuệ  Không có Không có Không có Tu-đạt sáng suốt (0112C10)

435. Điện 435. Trưởng  S. 56.32 - 32. Acacia Leaves 32. Kinh lá cây đường giả Tu-đạt (0112c21) V. 438 keo

436. Điện 436.  S. 56.44 - 44. A Bungalow 44. Kinh ngôi đường (2) Bậc thềm (0113al2) V. 452 nhà có nóc nhọn

437. 437.  S. 56.44 - 44. A Bungalow 44. Kinh ngôi Chúng Tuần tự (0113ỒO2) V. 452 nhà có nóc nhọn sanh

438. 438.  Không có Không có Không có Tuyết Sơn Sanh loại (0113bl9)

439. Hồ trì 439. Đại S. 13.11 - 11. A Mountain 11. Kinh ví dụ đẳng Tuyết Sơn (0113b28) II. 139 (3rd) với núi thứ ba S. 56.49 - 49. Sineru, King of 49. Kinh vua núi V. 457 Mountains (1st) Sineru thứ nhất

440. Thổ 440. S. 13.7- 7. The Ocean 7. Kinh biển
Lượng nước (0113C13) II. 136
S. 56.52 - 52. A Lotus Pond 52. Kinh ao hồ
V. 460
S. 56.53 - 53. Where the 53. Kinh hợp
V. 460 Waters Flow dòng thứ nhất
Together (1st)
S. 56.57 - 57. The Ocean (1st) 57. Kinh biển lớn
V. 463 thứ nhất
1546 KINH TẠPA-HÀM

441. 441. Hòn S. 13.5 - 5. The Earth 5. Kinh quả đất Trảo giáp đất và ngọn (0114a01) II. 136 núi S. 13.9- 9. A Mountain 9. Kinh ví dụ với II. 137 núi S. 13.11 - 11. A Mountain 11. Kinh ví dụ II. 139 (3rd) với núi thứ ba S. 56.49 - 49. Sineru, King of 49. Kinh vua núi V. 457 Mountains (1st) Sineru thứ nhất S. 56.55 - 55. The Earth (1st) 55. Kinh quả đất V. 462 lớn thứ nhất S. 56.59 - 59. A Mountain 59. Kinh ví dụ V. 464 (1st) với núi thứ nhất

442. Tứ 442. Đất S. 13.1 - 1. A Fingernail 1. Kinh đầu Thánh đế trên móng (0114a21) II. 133 móng tay dĩ sanh tay S. 20.2 - 2. A Fingernail 2. Kinh đầu II. 263 móng tay S. 56.51 - 51. A Fingernail 51. Kinh đầu V. 459 móng tay S. 56.61-131 - Từ kinh 61 “Not Từ lanh 61 V. 465-77. Human” đến “Kinh nơi khác" kinh 131 “Dying đến kinh 131 as Ghosts and "Kinh nga quỷ Reborn as Ghosts" lên chư thiên, xuống địa ngục”

7. Tương ưng Giới 443. Nhãn 443. Sanh Không có Không có Không có dược hoàn khởi chánh (0114c20) kiến

444. 444. Cảnh Không có Không có Không có Bỉ tâm giới vô (0114c27) lượng
445. Kệ 445. Tâm S. 14.14- 14. Bad 14. Kinh liệt ý (Tạp nhân cảnh tương (0115a05) II. 154 Convictions chí tụng đệ ưng tam) 446. Hành 446. Bài kệ S. 14.16- 16. With Verses 16. Kinh có kệ về sự tương (0115al2) II. 157 ưng 447. Kệ 447. Thiện,
(5. Giới S. 14.15 15. Walking 15. Kinh đi cùng bất thiện (0115a24) tương II. 155 Together nhau tương ưng ưng) 448. Giới 448. Bài kệ S. 14.16- 16. With Verses 16. Kinh có kệ hòa hiệp về sự tương (0115ỒỒ24) II. 157 ưng (2)

PHỤ LỤC 2* 1547

449. 449. Tương Không có Không có Không có Tinh tấn ưng năm (0115C06) giới

450. Giới 450. Phân 0 S. 14.17-29- Từ kinh 17 Từ kinh 17 “Kinh biệt cảnh (0115C15) II. 159-68 “Faithless” đến hòa hợp với kẻ giới kinh 29 “Ten bất tín" đến kinh Factored Path" 29 “Kinh mười chi”

451. Xúc 451. S. 14.1 - 1. Diversity of 1. Kinh giới sai Các giới (0115C27) II. 140 Elements biệt

452. 452. S. 14.2-6 - Từ kinh 2 Từ kinh 2 “Kinh Xúc (2) Xúc giới (0116a05) II. 140-43 "Diversity of xúc sai biêt" đến Contacts" đến kinh 6 "Kinh kinh 6 "External ngoại giới sai Diversity of biêt Elements"

453. 453. Tuần S. 14.2-6 - Từ kinh 2 Từ kinh 2 “Kinh Tưởng tự của xúc, (0116a22) II. 140-43 "Diversity of xúc sai biêt” đến thọ, ái Contacts^, đến kinh 6 t4Kinh kinh 6 "External ngoại giới sai Diversity of biệt,5 Elements"

454. 454. Tưởng S. 14.7-10- Từ kinh 7 Từ kinh 7 “Kinh Tưởng (0116bl4) II. 143-47 "Diversity of tưởng sai biêt” Perceptions" đến kinh 10 đến kinh 10 "No "Kinh ngoại xúc Diversity of sai biệt thứ hai" Gains,,

Quyển 17 455. 455. S. 14.7-10- Từ kinh 7 Từ kinh 7 “Kinh Chánh thọ Các tưởng (0125a06) II. 143-47 "Diversity of tưởng sai biêt" Perception đến kinh 10 đến kinh 10 "No "Kinh ngoại xúc Diversity of sai biệt thứ hai" Gains"

456. 456. Cảnh S. 14.11 - 11. Seven 11. Kinh bảy giới Thuyết giới thiền (0116C12) II. 149 Elements định

457. Nhân 457. Thuyết S. 14.13- 13. In the Brick 13. Kinh căn nhà (0117a03) II. 153 Hall bang gạch

458. 458. Nhân S. 14.12- 12. With a Cause 12. Kinh có nhân Tự tác (0117a21) II. 151

1548 KINH TẠP A-HÀM

459. 459. Tự Không có Không có Không có Cù-sư-la mình làm và (0117C02) người khác làm

460. 460. S. 35.129 - 129. With Ghosita 129. Kinh Tam giới Cù-sư-la (0117C23) IV. 113 Ghosita

461. Tam 461. Không có Không có Không có giới (2) Ba cõi (1) (0118a08)

462. Tam 462. Không có Không có Không có giới (3) Ba cõi (2) (0118a20)

463. 463. Không có Không có Không có Đồng pháp Ba cõi (3) (0118b02)

464. 464. Cùng Không có Không có Không có Trước sử một giáo (0118bl5) pháp

8. Tương ưng Thọ

465. 465. Đoạn Không có Không có Không có Xúc nhân trừ trói buộc (0118C24)

466. 466. S. 36.10- 10. Rooted in 10. Kinh căn bản Kiếm thích Xúc và thọ (0119all) IV. 215 Contact của xúc 467. 467. Thọ và S. 36.5- 5. Should Be Seen 5. Kinh cần phải Tam thọ tưởng (0119a22) (Tạp nhân IV. 207 quán kiến tụng đệ 468. Thâm 468. Đoạn tam) S. 36.3 - 3. Giving up 3. Kinh đoạn tận hiểm trừ và biết (0119bll) IV. 205 rõ kiết sử 469. Tiễn 469. S. 36.4 - 4. The Abyss 4. Kinh vực thẳm Sự sâu hiểm

(0119c07) (6. Thọ IV. 206 tương 470. 470. Hai O S. 36.6 - 6. An Arrow 6. Kinh với mũi ưng) Hư không mũi tên độc (0119C28) IV. 207 tên

471. 471.  S. 36.12- 12. In the Sky (1st) 12. Kinh hư Khách xá Gió cảm thọ (0120b15) IV. 219 không thứ nhất S. 36.13 - 13. In the Sky (2nd) 13. Kinh hư IV. 219 không thứ hai

472. Thiền 472.  S. 36.14- 14. A Guest House 14. Kinh khách Quán trọ (0120c08) IV. 219 xá

PHỤ LỤC 2  1549

473. 473. Cảm  S. 36.1 - I. Immersion 1. Kinh thiền Chỉ tức thọ là khổ 0121a02) IV. 204 định S. 36.11 - II. In Private li. Kinh sống IV. 216 một mình S. 36.15-18- Từ kinh 15 "With Từ kinh 15 IV. 219-22 Ānanda (pt)" “Kinh Ānanda đến kinh 18 thứ nhất” đến "With Several kinh 18 “Kinh số Mendicants (2nd),, đông thứ hai"

474. 474. Vắng  S. 36.1 - I. Immersion I. Kinh thiền Tiên trí lặng và tịnh (0121al9) IV. 204 định chỉ S. 36.11 - II. In Private II. Kinh sống IV. 216 một mình S. 36.15-18- Từ kinh 15 “With Từ kinh 15 IV. 219-22 Ānanda (1st)” “Kinh Ānanda đến kinh 18 thứ nhất” đến “With Several kinh 18 “Kinh số Mendicants (2nd)" đông thứ hai"

475. 475. Chư  S. 36.24 - 24. Before 24. Kinh quá khứ Thiền tư Phật và thọ (0121Ồ26) IV. 233

476. A-nan 476. Quán  S. 36.11 - 11. In Private 11. Kinh sống sở vấn chiếu cảm (0121C13) IV. 216 một mình thọ S. 36.15-18- Từ kinh 15 “With Từ kinh 15 IV. 219-22 Ānanda (lsty, "Kinh Ānanda đến kinh 18 thứ nhất" đến "With Several kinh 18 “Kinh số Mendicants (2nd)” đông thứ hai" S. 36.23 - 23. With a 23. Kinh vị Tỷ- IV. 232 Mendicant kheo

477. 477. A-nan  Không có Không có Kh6ng có Tỳ-kheo quán chiếu (0121C29) cảm thọ

478. 478. Giảng  S. 36.26 - 26. With Several 26. Kinh số đông Giải thoát về ba thọ (0122a02) IV. 234 Mendicants Tỷ-kheo

479. 479. Biết  Không có Không có Không có Sa-môn, đúng về thọ (0122al5) Bà-la-môn

480. Nhất- 480. Sa-  0 S. 36.27-29 - Từ kinh 27 Từ kinh 27 xa-năng- môn và thọ (0122a26) IV. 234-35 "Ascetics and “Kinh Sa-môn, già-la Brahmins (lstr Bà-la-môn thứ đến kinh 29 nhất“ đến kinh uAscetics and 29 “Kinh Sa- Brahmins(3rd)” môn, Bà-la-môn thứ ba"

1550  KINH TẠPA-HÀM

481. 481. Sanh  S. 54.11 - 11. Icchānañgala 11. Kinh Hỷ lạc khởi cảm (0122Ồ13) V. 325 Icchānañgala thọ

482. Vô 482. Năm  Không có Không có Không có thực lạc pháp viên (0122c24) mãn

483. 483. Sự liên  S. 36.30 - 30. Plain Version 30. Kinh thanh Bạt-đà-la hệ vật chất (0123a23) IV. 235 tịnh S. 36.31 - 31. Spiritual 31. Kinh không IV. 235 liên hệ đến vật chất

484. 484. Năm  Không có Không có Không có ưu-đà-di pháp bậc (0123ÒO20) nhất

485. Nhất 485. Các  S. 36.19- 19. With 19. Kinh pháp(l) loại cảm thọ (0123c21) IV. 223 Pañcakañga Pañcakañga

486. Nhất 486. Mười  Không có Không có Không có pháp (2) pháp chân (0124b18) chánh (1)

487. Nhất 487. Mười  Không có Không có Không có pháp (3) pháp chân (0124ÒO28) chánh (2)

488. Nhất 488. Mười  Không có Không có Không có pháp (4) pháp chân (0124c10) chánh (3)

Tụng IV. Đệ tử sở thuyết

9. Tương ưng Xá- lợi-phất

489. 489. Mười  Không có Không có Không có Diêm-phù- pháp chân (0124c22) xa chánh (4)

PHỤ LỤC 2 1551

Quyển 18  490. Sa- 490. Diêm-  O  S. 38.1-16- Từ kinh 1 “A Từ kinh 1 “Kinh môn xuất phù-xa hỏi (0126a07)  IV. 251-61 Question about câu hỏi về Niết- gia sở vấn đạo (Đệ tử Extinguishment" bàn,, đến kinh 16 sở thuyết đến kinh 16 "A "Kinh câu hỏi về tụng đệ Question about khó làm,, lục) What's Hard to Do”

491. 491. Sa-  Không có Không có Không có môn xuất  Nê thủy (0128a28)  gia hỏi đạo  492. Thừa 492. Phá tan  (28. Xá- Không có Không có Không có truyền vô minh (0128b01) lợi-phất nghịch lưu tương ưng) 493. 493. Thuyền  Không có Không có Không có Khô thọ ngược dòng (0128b26)

494. Giới 494. Thần  Không có Không có Không có thông biến (0128C19) hóa

495. Tránh 495. Giới là  Không có Không có Không có nền tảng (0129a09)

496. 496. Dập tắt  Không có Không có Không có Cử tội tranh cãi (0129a27)

497. Na- 497. Năm  Không có Không có Không có la-kiền-đà pháp cử tội (0129ÒO25)

498. 498. Trí tuệ  S. 47.12  12. At Nālandā 12. Kinh Nājandā Thạch trụ của The Ton (0130C07) V. 159

499. 499. Khéo  Không có Không có Không có Tịnh khẩu tu tâm (013U25)

10. Tương ưng Mục- kiền-liên

500. 500. Nuôi  OO 5.28.10- 10. With 10. Kinh Thánh mặc mạng đúng (0131C09) III. 238 Sucimukhī Sūcimukhī nhiên pháp

501. 501. Im S. 21.1 - 1. With Kolita 1. Kinh Kolita Vô minh lặng của bậc (0132al3) II. 27 Thanh 502. S. 40.9 - 9. A Question 9. Kinh câu hỏi 502. Tịch diệt Thánh trụ (0132bll) IV. 268 About the Signless về vô tướng (Đệ tử sở thuyết 503. 503. Nỗ lực tụng đệ S. 21.3- 3. A Mound of Salt 3. Kinh cái ghè Xan cấu tinh tấn (0132c08) II. 275 lục) Quyển 19

504. Ái tận 504. Phước Không có Không có Không có báo bố thí (0133a22)
505. 505. Ái Không có Không có Không có (29. Mục- Đế-thích tận thì giải (0133ỒỒ24) kiền-liên thoát (1) tương 506. 506. Thuyết ưng) S 40.10- 10. With Sakkā 10. Kinh Sakkā Chư thiên pháp tại cõi (0134a07) IV. 269 trời

507. Đồ 507. Lòng S. 55.18- 18. A Visit to the 18. Kinh chư ngưu nhi tin thanh (0134C24) V. 366 Gods (1st) thiên thăm viếng tịnh thứ nhất 508. ĐỒ 508. Tội S. 19.1-21 - Từ kinh 1 "A Từ kinh 1 “Kinh ngưu giả báo giết mổ (0135a08) II. 256-62 Skeleton" đến kinh bộ xương" đến bò(l) 21 UA Bad Novice kỉnh 21 ^Kinh ác Nun" Sa-di-ni,, 509. Đồ 509. Tội S. 19.1-21 - Từ kinh 1 "A Từ kinh 1 “Kinh dương giả báo giết mổ (0135bl2) II. 256-62 Skeleton,, đến kinh bộ xirơng” đến bò (2) 21 t4A Bad Novice kinh 21 'Kinh ác NurT Sa-dini" 510. ĐỒ 510. Tội O S. 19.1-21 - Từ kinh 1 “A Từ kinh 1 “Kinh dương đệ báo giết mổ (0135C17) II. 256-62 Skeleton,, đến kinh bộ xương,, đến tử kinh 21 ^Kinh ác d 21 t4A Bad Novice Nun' Sa-di-ni" 511. 511. Tội S. 19.1-21 - Từ kinh 1 "A Từ kinh 1 “Kinh Đọa thai báo giết mổ (0136a20) II. 256-62 Skeleton,, đến kinh bộ xương" đến dê (2) 21 tcA Bad Novice kinh 21 "Kinh ác Nun" Sa-di-ni" 512. Điều 512. Tội S. 19.1-21 - Từ kinh 1 “A Từ kinh 1 “Kinh tượng sĩ báo pháp (0136a28) II. 256-62 Skeleton,, đến kinh bộ xương” đến thai 21 "A Bad Novice kính 21 ^Kinh ác Nun" Sa.di-ni" 513. 513. Tội S. 19.1-21 - Từ kinh 1 “A Từ kinh 1 “Kinh Hiếu chiến báo luyện (0136ỒỒ07) II. 256-62 Skeleton” đến kinh bộ xương” đến voi 21 tcA Bad Novice kinh 21 "Kinh ác Nun” Sa-di-ni,,



514. 514. Tội S. 19.1-21 - Từ kinh 1 “A Từ kinh 1 “Kinh Liệp sư báo ưa thích (0136bl8) II. 256-62 Skeleton” đến kinh bộ xương” đến chiến tranh 21 uABad Novice kinh 21 ^Kinh ác Nun' Sa-di-ni" 515. 515. Tội S. 19.1-21 - Từ kinh 1 “A Từ kinh 1 "Kinh Sát trư báo thợ săn (0136ỒỒ27) II. 256-62 Skeleton” đến kinh bộ xương” đến 21 t4A Bad Novice kỉnh 21 ^Kinh ác Nun" Sa-di-ni,, 516. Đoạn 516. Tội —* S. 19.1-21 - Từ kinh 1 “A Từ kinh 1 “Kinh nhân đầu báo đồ tể (0136c07) II. 256-62 Skeleton^, đến kinh bộ xương” đến giết heo 21 “A Bad Novice kỉnh 21 ^Kinh ác Nun" Sa-di-ni,, 517. Đoàn 517. Tội —t S. 19.1-21 - Từ kinh 1 "A Từ kinh 1 “Kinh đồng nhân báo kẻ cắt (013ÓC16) II. 256-62 Skeleton” đến kinh bộ xương" đến đầu người 21 4tA Bad Novice kính 21Kinh ác Nun" Sa-di-ni” 518. BỔ 518. Tội S. 19.1-21 - Từ kinh 1 “A Từ kinh 1 “Kinh ngư sư báo làm đồ (0136C26) II. 256-62 Skeleton,, đến kinh bộ xương,, đến giả 21 4tA Bad Novice kính 21 'Kinh ác Nun" Sa-di-ni"

519. Bốc 519. Tội  S. 19.1-21 - Từ kinh 1 “A Từ kinh 1 “Kinh chiêm nữ báo bắt cá (0137a07) II. 256-62 Skeleton,, đến kinh bộ xương” đến 21 4tA Bad Novice kinh 21 "Kinh ác Nun" Sa-di-ni,,

520. Bốc 520. Tội O y 19.1-21 - Từ kinh 1 “A Từ kinh 1 “Kinh chiêm sư báo người (0137al6) II. 256-62 Skeleton,, đến kinh bộ xương" đến nữ làm nghề 21 4tA Bad Novice kinh 21 "Kinh ác bói toán Nun" Sa-di-ni”

521. Háo 521. Tội  S. 19.1-21 - Từ kinh 1 “A Từ kinh 1 “Kinh tha dâm báo người (0137a25) II. 256-62 Skeleton,, đến kinh bộ xương" đến nam làm 21 4tA Bad Novice kinh 21Kinh ác nghề bói Nun" Sa-di-ni,, toán 522. 522. Tội  S. 19.1-21 - Từ kinh 1 “A Từ kinh 1 “Kinh Mại sắc báo tà dâm (0137Ồ04) II. 256-62 Skeleton,, đến kinh bộ xương” đến 21 t4A Bad Novice kinh 21 "Kinh ác Nun” Sa-di-ni"

523. Sân 523. Tội  S. 19.1-21 - Từ kinh 1 "A Từ kinh 1 “Kinh nhuế đăng báo buôn (0137Ồ12) II. 256-62 Skeleton^, đến kinh bộ xương” đến du sái bán nhan 21 4tA Bad Novice kinh 21 "Kinh ác sắc Nun” Sa-di.ni"

524. Tang 524. Tội  S. 19.1-21 - Từ kinh 1 "A Từ kinh 1 “Kinh tật Bà-la- báo lòng (0137C09) II. 256-62 Skeleton,, đến kinh bộ xương” đến 21 t4A Bad Novice kinh 21 ^Kinh ác môn sân hận Nun" Sa-di-ni,,

1554  KINH TẠPA-HÀM

525. Bất 525. Tội  S. 19.1-21 - Từ kinh 1 "A Từ kinh 1 “Kinh phân du báo tâm (0137C19) IL 256-62 Skeleton,, đến kinh bộ xương?, đến ganh ghét 21 "A Bad Novice kinh 21 "Kinh ác Nun" Sa-di-ni,,

526. Đạo 526. Tội  S. 19.1-21 - Từ kinh 1 "A Từ kinh 1 “Kinh thủ thất báo tri sự (0138a01) II. 256-62 Skeleton,, đến kinh bộ xương” đến quả không chia 21 UA Bad Novice kinh 21 "Kinh ác dầu Nun" Sa-di-ni,,

527. Đạo 527. Tội  S. 19.1-21 - Từ kinh 1 "A Từ kinh 1 “Kinh thực thạch báo Sa-di (0138al3) II. 256-62 Skeleton,, đến kinh bộ xương” đến mật trộm bảy 21 UA Bad Novice kinh 21 "Kinh ác trái cây Nun" Sa-di-ni,,

528. Đạo 528. Tội  S. 19.1-21 - Từ kinh 1 "A Từ kinh 1 “Kinh thủ nhị báo Sa-di (0138a24) II. 256-62 Skeleton” đến kinh bộ xương" đến bính lén ăn 21 UA Bad Novice kính 21 "Kinh ác đường phèn Nun" Sa-di-ĩìi”

529. 529. Tội  S. 19.1-21 - Từ kinh 1 “A Từ kinh 1 "Kinh Tỳ-kheo báo Sa-di (0138b06) II. 256-62 Skeleton,, đến kinh bộ xương” đến lén lấy bánh 21 t4A Bad Novice kinh 21 "Kinh ác Nun" Sadi-ni”

530. Giá 530. Tội  S. 19.17-21 - Từ kinh 17 “A Từ kinh 17 “Kinh thừa ngưu báo lạm (0138Ồ17) II. 260-62 Bad Monk" đến ác Ty-kheon đến xa dụng của kinh 21 kinh 21 “Kinh ác thường trụ “A Bad Novice Sa-di-ni,, Nun"

531. 531. Tội  Không có Không có Không có Ma-ma-đế báo đánh bò (0138c01) kéo xe

532. Ác 532. Tội  Không có Không có Không có khẩu hình báo mắng (0138C11) danh đuổi Tỳ-kheo

533. Háo 533. Tội  Không có Không có Không có khởi tranh báo ác khẩu (0138c24 tụng với Tỳ-kheo

11. Tương ưng A-naluật 534. 534. Tội  Không có Không có Không có Độc nhất báo tranh (0139a07) cãi động chúng

PHỤLỊIC2  1555

535. Độc 535. Con  S. 52.2 - 2. In Private (2nd) 2. Kinh độc cư nhất (2) đường trực (0139al6) V. 296 thứ hai tiếp

536. Thủ 536. Thuần  S. 52.1 - 1. In Private (1st) 1. Kinh độc cư  thành dục thục bon (0139ỒỒ25) V. 294 thứ nhất  trì niệm xứ (Đệ tử sở thuyết Quyển 20  tụng đệ 537. Mục- 537. Quán  lục) S. 47.28 - 28. The World 28. Kinh thế giới liên sở vấn sát tiểu (0139c16) V. 175 thiên thế S. 52.6 - 6. At Thomy Wood 6. Kinh Kandakī giới  V. 299 (3rd) thứ ba  538. A-nan 538. Quán  S. 47.28 - 28. The World 28. Kinh thế giới sở vấn sát ngàn núi (0140a07) (35. A-na- V. 175 Tu-di luật tương S. 52.6 - 6. At Thomy Wood 6. Kinh Kandakī ưng) V. 299 (3rd) thứ ba

539. 539. Oai  S. 52.23 - 23. Clairvoyance 23. Kinh Thiên Sở hoạn đức, thần (0140a26) V. 305 nhãn minh thông lớn

540. Sở 540. Trụ  S. 52.10- 10. Gravely Ill 10. Kinh bị trọng hoạn (2) tâm nơi bốn (0140ỒỒ26) V. 302 bệnh niệm xứ

541. Hữu 541. Giảm  S. 52.10- 10. Gravely Ill 10. Kinh bị trọng học lậu tận bệnh do tu (0140c13) V.302 bệnh bốn niệm xứ

542. 542. Trừ  S. 52.4 - 4. At Thomy Wood 4. Kinh Kandakī A-la-hán sạch các lậu (0140C25) V. 298 (1st) thứ nhất Tỳ-kheo S. 52.5 - 5. At Thomy Wood 5. Kinh Kandakī V. 299 (2nd) thứ hai

543. Hà cố 543. A-la-  S. 52.4 - 4. At Thomy Wood 4. Kinh Kandakī xuất gia hán vẫn tu (0141al5) V. 298 (1st) thứ nhất bốn niệm xứ S. 52.5 - 5. At Thomy Wood 5. Kinh Kandakī V. 299 (2nd) thứ hai

544. 544. Tại sao  Không có Không có Không có Hướng xuất gia (0141b01) Niết-bàn

12. Tương ưng Ma-ha Ca-chiêndiên

545. Tháo 545. Hướng  S. 52.8 - 8. The 8. Kinh tại nhà quán về Niết-bàn (0141bl4) V. 300 F rankincense-Tree bàng cây Salala trượng Hut

1556  KINH TẠP A-HÀM

546. 546. Xa lìa  Không có Không có Không có Túc sĩ tham dục và (0141b22) kiến dục  547. 547. Người  (Đệ tử Không có Không có Không có Ma-thâu-la thiếu niên (0141C16) sở thuyết và bậc Tôn tụng đệ túc lục) 548. Ca-lê 548. Nghiệp  Không

có Không có Không có là chân thật (0142al8) 549. Ly 549. Nữ cư Không có Không có Không có sĩ Ca-lê-ca (0143a02) (31. Đại Ca-chiên- 550. Ha-lê 550. Sáu diên Không có Không có Không có pháp tùy (0143bl8) tương niệm ưng)

551. 551. Gia S. 22.3 - m. 9 3. With 3. Kinh Ha-lê (2) chủ thôn (0144a28) Hāliddikāni Hāliddikāni Ha-lê

552. 552. Ái S. 22.4 - 4. Hāliddikāni (2nd) 4. Kinh Ha-lê (3) tận thì giải (0144c20) III. 12 Hāliddikāni thứ thoát (2) hai

553. 553. Không S. 35.130- 130. With 130. Kinh Ha-lê (4) còn chấp 0145a08) IV. 115 Hāliddikāni Hāliddikāni thủ

554. 554. Thuyết Không có Không có Không có Ha-lê (5) pháp khi (0145a24) thăm bệnh

13. Tương ưng A-nan 555. Vô 555. Gia Không có Không có Không có tướng tâm chủ Đà-thí (0145C12) tam-muội

556. 556. Tâm Không có Không có Không có Xà-tri-la vô tướng (0145c18) tam-muội 557. A-nan 557. Đệ Không có Không có Không có (De tử nhất cú (0146al3) sở thuyết nghĩa tụng đệ lục)

PHỤ LỤC 2 « 1557

558. 558. Trí cứu Không có Không có Không có
Già-ma cánh và trí (0146b01)
công đức
(32.
A-nan
Quyển 21 tương
559. 559. Tưởng ưng) S. 35.233 - 233. With 233. Kinh
Độ lượng và giác tri (0146ỒỒ24) IV. 165 Kāmabhū Kāmabhū
560. 560. Bốn O Không có Không có Không có Bà-la-môn đạo lộ tu tập (0146c20)

561. 561. Tu S. 51.15- 15. The Brahmin 15. Kinh Bà-la- Cù-sư Phạm hạnh (0147al3) V.271 Unnābha môn Unnābha

562. 562. Trưởng S. 38.3 - 3. Principled 3. Kinh câu hỏi Ni-kiền giả Cù-sư-la (0147b13) IV. 253 Speech về vị thuyết pháp

563. 563. Vô ủy Không có Không có Không có Tỳ-kheo-ni Ly-xa (0147c02)

564. 564. Tôn Không có Không có Không có Bà-đầu giả A-nan (0148al3) giáo giới

14. Tương ưng Chất- đa

565. Na- 565. Thiếu Không có Không có Không có già-đạt-đa niên làng (0148C11) Bà-đầu

566. Na- 566. Trưởng iL S. 41.5- 5. With Kāmabhū 5. Kinh già-đạt-đa giả Chất- (0149a28) IV. 291 (1st) Kāmabhū thứ (2) đa-la nhất 567. 567. Rỗng (Đệ tử S. 41.7- 7. With Godatta 7. Kinh Godatta Già-ma không (0149c06) sở thuyết IV. 295 thường trụ tụng đệ lục) 568. Lê- 568. S. 41.6- 6. With Kāmabhū 6. Kinh trì-đạt-đa Tỳ-kheo (0150al7) IV. 293 (2nd) Kāmabhū thứ hai Già-ma 569. Lê- 569. Tỳ- S. 41.2- 2. With Isidatta 2. Kinh Isidatta trì-đạt-đa kheo Lê-tê- (0150c08) IV. 283 thứ nhất (1st) . đạt-đa (1) (33. Chất- đatương 570. 570. Tỳ- ưng) S. 41.3- 3. With Isidatta 3. Kinh Isidatta Ma-ha-ca kheo Lê-tê- (0151a09) IV. 285 (2nd) thứ hai đạt-đa (2)



571. Hệ 571. Thần S. 41.4- 4. Mahaka's 4. Kinh thần biến của (0151Ồ12) IV. 288 Demonstration thông lực Ma-ha-ca Mahaka

572. 572. S. 41.1 - 1. The Fetter 1. Kinh kiết sử A-kì-tì-ca Tham dục (0151C29) IV. 281

573. 573. Ngoại 5.41.9- 9. With Kassapa, 9. Kinh lõa thể Ni-kiền đạo lõa hình (0152a23) IV. 300 the Naked Ascetic Kassapa

574. Bệnh 574. Ni- S. 41.8- 8. Nigantha 8. Kinh Nigantha tướng kiền Nhã-đề (0152Ồ28) IV. 297 Nātaputta Nātaputta tử

Tụng V. Đạo phẩm

15. Tương ưng Niệm xứ

575. 575. Giáo S. 41.10- 10. Seeing the Sick 10. Kinh thăm Niệm xứ hóa khi (0153a03) IV. 302 người bệnh bệnh

Quyển 22

576. Niệm 576. Vườn S. 1.11-1.5 11. The Garden of 11. Kinh vườn xứ (2) Nan-đà (0153C05) Delight Hoan Hỷ (Bát 577. Tịnh 577. chúng S. 10.2- 2. With a Spirit 2. Kinh Sakkā Buộc ràng (0153C20) tụng đệ I. 206 Named Sakkā 578. 578. ngũ) S. 1.18-1.7 18. Conscience 18. Kinh tàm Cam-lộ Biết hổ thẹn (0154a06)

579. Tập 579. S. 1.7-I. 4 7. Not 7. Kinh không Chánh pháp (0154a20) Comprehending liễu tri (25. Chư 580. 580. O S. 1.8-L 4 8. 8. Kinh mê loạn thiên Chánh Điều phục (0154005) Very Confused tương niệm ưng) 581. 581. Được S. 1.25-L 14 25. A Perfected 25. Kinh vị A-la- Thiện tụ nói tôi, của (0154b19) One hán tôi 582. Cung 582. Danh S. 1.25-1. 14 25. A Perfected 25. Kinh vị A-la- tự là giả (0154c16) One hán danh 583. Bất 583. Nguyệt S. 2.9 - L 50 9. The Moon 9. Kinh thiện tụ thiên tử (0155a07) Candimasa 584. Đại 584. Dòng S. 1.19-L 8 19. Little Hut 19. Kinh am trượng phu tộc và trói (0155Ồ05) tranh buộc



585. 585. Không S. 2.18-1. 54 18. With Kakudhā 18. Kinh Tỳ-kheo-ni vui, không (0155Ồ29) Kakudhā buồn 586. 586. Như S. 1.21 - L 13 21. A Sword 21. Kinh kiếm Trù sỹ cứu lửa (0155c26) S. 2.16-L 53 16. With Vāsudatta 16. Kinh cháy đầu Vāsudatta

587. Điểu 587. Ra S. 1.46-L 33 46. Nymphs 46. Kinh thiên nữ khỏi rừng (0156all) sanh tử

588. 588. Phận S. 1.29-L 16 29. Four Wheels 29. Kinh bốn Tứ quả người như (0156a29) bánh xe cỗ xe S. 2.28 - L 63 28. With 28. Kinh Nandivisāla Nandivisāla

589. 589. Mong S. 1.28-L 15 28. Affluent 28. Kinh giàu lớn Tư-già-đà được giàu (0156ỒỒ14) có 590. 590. Tỉnh Không có Không có Không có Di Hầu thức và ngủ (0156c03) mê 591. Niên 591. Thân Không có Không có Không có thiếu Tỳ- miệng (0157a26) kheo không tương ưng 592. 592. Cấp Cô S. 10.8 - 8. With Sudatta 8. Kinh Sudatta Am-la nữ Độc quy y (0157b18) 1.210

593. 593. Cấp Cô S. 1.48-1. 33 48. Jeta's Grove 48. Kinh Kỳ Viên Thế gian Độc sanh (0158b24) 20. Kinh thiên S. 2.20 - L 55 20. With Anāthapindika Anāthapindika 26. Kinh S. 55.26 - 26. Anāthapindika Anāthapindika V. 380 (1st) thứ nhất

594. 594. Thủ Không có Không có Không có Uất-để-ca thiên tử (0159a01)

595. 595. Thợ S. 1.50-1. 35 50. With Ghatīkāra 50. Kinh thợ đồ
Bà-hê-ca gốm (0159ỒỒ04) S. 2.24 -1. 60 24. With Ghatīkāra gốm
24. Kinh
Ghatīkāra

596. 596. Vượt S. 2.17-1. 53 17. With Subrahmā 17. Kinh Tỳ-kheo thoát sợ hãi (0159c19) Subrahmā

597. 597. Thân S. 2.14-1. 52 14. 14. Kinh A-na-luật tướng đẹp (0160a06) With Nandana Nandana đẽ



598. Giới 598. S. 1.16-1.7 16. Sleepiness and 16. Kinh ngủ Ngủ nghỉ (0160a26) Sloth gục, biếng nhác

599. 599. S. 1.23-1. 13 23. A Tangle 23. Kinh triền Bất thối Trói buộc (0160bl3) S. 7.6-L 165 phược chuyển

600. 600. Khéo oo S. 1.17-1.7 17. Hard to Do 17. Kinh khó làm Thanh tịnh nhiếp các (0160ỒỒ27) giác tưởng

601. Độ bỉ 601. Dòng S. 1.27-L 15 27. Streams 27. Kinh nước ngạn thác Tát-la (0160c16) chảy

602. 602. Giải S. 1.30-1. 16 30. Antelope 30. Kinh như A-la-hán thoát rốt ráo (0161a03) Calves chân sơn dương

603. Nhất 603. Làm O S. 10.12- 12. With ÃĮavaka 12. Kinh Sukkā thiết pháp sao vượt các (0161a22) L213 thứ hai dòng

Quyển 23

604. 604. Vua Không có Không có Không có Không có Hiền thánh A-dục (0161ỒỒ13)

Quyển 24 605. 605. Bốn Không có Không có Không có Quang niệm xứ (0170C28) (Đạo trạch phẩm tụng đệ 606. 606. Nên tu tứ) S. 47.24 - 24. Plain Version 24. Kinh thanh Tỳ-kheo bốn niệm (0171a03) V. 173 tịnh xứ 607. 607. Con S. 47.1 - 1. In Ambapālī^ l.Kinh Ba-la-đề- đường trực (0171a09) V. 141 Wood Ambapāli (7. Niệm mộc xoa tiếp xứ tương ưng) 608. 608. Thánh S. 47.33 - 33. Missed Out 33. Kinh tìiối thất Thuần-đà pháp Bốn (0171al5) V. 179 niệm xứ S. 47.41 - 41. The Deathless 41. Kinh bất tử V. 184

609. 609. Tập S. 47.42 - 42. Origin 42. Kinh tập khởi Bố-tát khởi của (0171a26) V. 184 Bốn niệm xứ

PHỤ LỤC 2 > 1561

16. Tương ưng Căn

610. Tri 610. Tu bốn O S. 47.39 - 39. Development 39. Kinh tu tập niệm xứ cả (0171Ồ14) V. 182 ba thời 611. Tịnh 611. Nhóm --- S. 47.45 - 45. A Heap of the 45. Kinh đống pháp thiện (0171Ồ24) V. 186 Skillfill thiện và bất thiện S. 47.5 - 5. A Heap of the 5. Kinh đống bất V. 145 Unskillful thiện • —• 612. Tu- 612. Ví dụ — Không có Không có Không có đà-hoàn cây cung (0171C06)

613. 613. Nhóm Không có Không có Không có A-la-hán thiện, bất (0171C22) thiện

614. 614. Bậc S. 47.11 - 11. A Great Man 11. Kinh Đại Đương tri Đại trượng (0172a08) V. 158 nhân phu

615. 615. Chư Ni S. 47.10- 10. The Nuns' 10. Kinh trú xứ Phân biệt và bốn niệm (0172a26) V. 154 Quarters Tỷ-kheo-ni xứ 616. Lược 616. Đầu S. 47.8 - 8. Cooks 8. Kinh người thuyết bếp giỏi (0172Ồ23) V. 149 đầu bếp

617. 617. Cảnh S. 47.6 - 6. A Hawk 6. Kinh con chim Lậu tận giới tự do (0172C24) V. 146 ưng 618. Sa- 618. Bốn Không có Không có Không có môn Bà- niệm xứ và (0173a29) la-môn bốn quả

619. 619. Giúp S. 47.19- 19. At Sedaka 19. Kinh Sedaka
Sa-môn người là (0173Ồ05) V. 168
Bà-la-môn giúp chính
(2) mình
620. 620. Khỉ O S. 47.7 - 7. A Monkey 7. Kinh con vượn Hướng vượn dính (0173b20) V. 148 keo -- * 621. 621. Tỳ- — S. 47.4 - 4. At Sālā 4. Kinh Sālā Quảng kheo niên (0173C12) V. 144 thuyết thiếu —* —- 622. 622. Phước S. 47.2 - 2. Mindful 2. Kinh chánh Huệ căn cúng dường (0174a02) V. 142 niệm

623. Huệ 623. Giữ S. 47.20 - 20. The Finest 20. Kinh cô gái căn (2) gìn bát dầu (0174b15) V. 169 Lady in the Land hoa hậu của quốc độ

1562 KINH TẠPA-HÀM

624. Huệ 624. Tu theo S. 47.16- 16. With Ưttiya 16. Kinh Uttiya căn (3) thứ lớp (0174C21) V. 166

625. Huệ 625. Vượt 5.47.15- 15. With Bāhiya 15. Kinh Bāhiya căn (4) khỏi ác ma (0175al7) V. 165 -i— —- -J— 626. Huệ 626. Vượt Không có Không có Không có căn (5) qua sanh tử (0175a26) 627. Huệ 627. Sạch S. 47.26 - 26. Partly 26. Kinh một căn (6) hết các lậu (0175a28) V. 174 phần 628. 628. Đàm S. 47.21 - 21. Ethics 21. Kinh giới Khổ đoạn đạo (0175b12) V. 171

17. Tương ưng Lực 629. Nhị 629. Không S. 47.23 - 23. Decline 23. Kinh tổn lực còn thoái (0175ỒỒ24) V. 173 giảm chuyển 630. 630. Thanh O Không có Không có Không có Nhị lực (2) tịnh và sáng (0175C03) chói 631. 631. Pháp S. 47.34 - 34. Developed 34. Kinh tu tập Nhị lực (3) môn vượt (0175C11) V. 180 bờ 632. Tam 632. Chứng ..-- —- Không có Không có Không có lực quả A-la- (0175C19) hán 633. Tam 633. Luận -A- ——— Không có Không có Không có 13 về tất cả (0175C26) pháp 634. Tam 634. Dần S. 47.17- 17. Noble 17. Kinh bậc lực đến Hiền (0176a02) V. 166 Thánh thánh 635. Tứ 635. Thanh Không có Không có Không có lực (l) tịnh cho (0176al0) chúng sanh 636. Tứ 636. Pháp S. 47.3 - 3. A Monk 3. Kinh vị Tỷnhiếp sự tu bốn niệm (0176al9) V. 142 kheo xứ 637. Nhiếp 637. Ba S. 47.46 - 46. At the Eastern 46. Kinh ngôi diệu hạnh (0176ỒỒ20) V. 187 Monastery (2nd) vườn phía Đông thứ hai 638. 638. Nương S 47.13- 13. With Cunda 13. Kinh Cunda Tứ lực (2) tựa chính (0176ỒỒ28) V. 161 mình 639. 639. Hải S. 47.14- 14. At Ukkacelā 14. Kinh Tứ lực (3) đảo tự thân (0177al5) V. 163 Ukkacela

PHỤ LỤC 2 1563

Quyển 25

640. 640. Dấu Không có Không có Không có Tứ lực (4) hiệu giáo (0177b15) pháp diệt tận Không có 641. 641. Nửa Không có Không có Không có Ngũ lực quả a-ma- (0180a06) lạc

Quyển 26 E 642. Ngũ 642. Ba S. 48.23 - 23. The Faculty of 23. Kinh dĩ tri lực đương căn của bậc (0182al4) (Đạo III. 204 Enlightenment căn thành tựu Thánh phẩm tụng đệ 643. 643. tứ) S. 48.1 - 1. Plain Version 1. Kinh thanh Đương tri Năm căn (0182a26) V. 193 tịnh ngũ lực 644. 644. S. 48.2 - 2. A Stream- 2. Kinh Dự lưu Đương học Tu-đà-hoàn (0182ỒỒ02) V. 193 Enterer (1st) thứ nhất (10. Căn ngũ lực S. 48.3 - 3. A Stream- 3. Kinh Dự lưu tương V. 193 Enterer (2nd) thứ hai ưng) 645. Ngũ 645. Quả S. 48.4-5 - 4. A Perfected One 4. Kinh A-la-hán học lực A-la-hán (0182b10) V. 194 (1st) thứ nhất 5. A Perfected One 5. Kinh A-la-hán (2nd) thứ hai

646. 646. Nội S. 48.8 - 8. Should Be Seen 8. Kinh cần phải Đương hàm của (0182b16) V. 196 quán thành học năm căn lực

647. 647. S. 48.9- 9. Analysis (1st) 9. Kinh phân tích Quảng Ý nghĩa (0182ỒỒ23) V. 196 thứ nhất thuyết học năm căn S. 48.10- 10. Analysis (2nd) 10. Kinh phân lực V. 197 tích thứ hai

648. 648. Đoạn  S. 48.12  12. In Brief (1st) 12. Kinh tóm tắt Đương ba kiết sử (0182c14) V. 200 thứ nhất thành học lực

649. 649. Quán  S. 48.20 - 20. The Ending of 20. Kinh đoạn Bạch pháp sát năm căn (0182C21) V. 203 Defilements tận các lậu hoặc



650. Bạch 650. Quán O S. 48.6 - 6. Ascetics and 6. Kinh Sa-môn, pháp  sát như thật (0182C28) V. 194 Brahmins (1st) Bà-la-môn thứ tín căn nhất S. 48.7 - 7. Ascetics and 7. Kinh Sa-môn, V. 195 Brahmins (2nd) Bà-la-môn thứ hai

651. Bất 651. Biết  S. 48.6 - 6. Ascetics and 6. Kinh Sa-mồn, thiện pháp như thật về (0183al2) V. 194 Brahmins (1st) Bà-la-môn thứ năm căn nhất S. 48.7 - 7. Ascetics and 7. Kinh Sa-môn, V. 195 Brahmins (2nd) Bà-la-môn thứ hai

652. 652. Thành  S. 48.14- 14. In Brief (3rd) 14. Kinh tóm tắt Thập lực tựu năm căn (0183a24) V.201 thứ ba S. 48.18- 18. Practicing 18. Kinh thực V. 202 hành

653. 653. Thứ tự  S. 48.13- 13. In Brief (2nd) 13. Kinh tóm tắt Nhũ mẫu chứng đắc (0183Ồ04) V. 200 thứ hai 654. Sư tử 654. Tuệ  S. 48.52 - 52. In the Land of 52. Kinh Mallika hống căn thâu (0183b18) V. 228 the Mallas nhiếp tất cả (1) 655. Sư tử 655. Tuệ  5.48.10- 10. Analysis (2nd) 10. Kinh phân hống  căn thâu (0183b25) V. 197 tích thứ hai nhiếp tất cả S. 48.52 - 52. In the Land of 52. Kinh Mallika (2) V. 228 the Mallas

656. 656. Tuệ  S. 48.52 - 52. In the Land of 52. Kinh Mallika Thất lực căn thâu (0183c04) V. 228 the Mallas nhiếp tất cả (3) 657. 657. Tuệ  S. 48.52 - 52. In the Land of 52. Kinh Mallika Đương căn thâu (0183C15) V. 228 the Mallas thành thất nhiếp tất cả lực (4) 658. Thất 658. Tuệ  S. 48.10- 10. Analysis (2nd) 10. Kinh phân lực (2) căn thâu (0183C27) V. 197 tích thứ hai nhiếp tất cả S. 48.52 - 52. In the Land of 52. Kinh Mallika (5) V. 228 the Mallas 659. 659. Tâm  S. 48.50 - 50. At Āpana 50. Kinh Āpana Quảng Bồ-đề năm (0184a08) V. 225 thuyết thất căn lực 660. 660. Dứt O Không có Không có Không có Bát lực khổ cả ba (0184a20) thời



661. 661. Hai -A-,"  Không có Không có Không có Quảng loại sức (0184a29) thuyết bát mạnh (1) lực  662. Xá- 662. Hai —— Không có Không có Không có  lợi-phất loại sức (0184b13) (Đạo vấn mạnh (2) phẩm -—— tụng đệ 663. Dị 663. Hai  Không có Không có Không có Tỳ-kheo loại sức (0184b19) tứ) vấn mạnh (3)

664. Vấn 664. Ba loại  Không có Không có Không có chư Tỳ- sức mạnh (0184b26)  kheo (1) (11. Lực tương 665. 665. Ba loại 11 Không có Không có Không có ưng) Cửu lực sức mạnh (0184c03) (2) q- • • 666. 666. Ba loại  Không có Không có Không có Quảng sức mạnh (0184c09) thuyết cửu (3) lực

667. 667. Bốn  Không có Không có Không có Thập lực loại sức (0184C18) mạnh (1)

668. 668. Bốn  Không có Không có Không có Quảng nhiếp sự (1) (0185a02) thuyết thập lực

669. Như 669. Bốn  Không có Không có Không có Lai lực nhiếp sự (2) (0185al2)

670. Như 670. Bốn  Không có Không có Không có Lai lực loại sức (0185b01) mạnh (2)

671. Như 671. Bốn  Không có Không có Không có Lai lực loại sức (0185Ồ08) mạnh (3)

18. Tương ưng Giác chi

672. Bất 672. Bốn  Không có Không có Không có chánh tư loại sức (0185b18) duy mạnh (4)

1566  KINH TẠPA-HÀM

673. 673. Năm  S. 50.1-12- The Chapter of Phẩm sông Hằng Bất thối loại sức (0185Ồ29) V. 249. Abbreviated Texts lược thuyết mạnh (1) on the Ganges

674. Cái 674. Năm  Không có Không có Không có loại sức (0185C04) mạnh (2) 675. 675. Năm  S. 48.8 - 8. Should Be Seen 8. Kinh cần phải Chướng loại sức (0185c09) V. 196. quán cái mạnh (3)

676. Thọ 676. Năm -1 — 1_ i— Không có Không có Không có loại sức (0185c15) mạnh (4)

677. Thất 677. Sức  Không có Không có Không có giác chi mạnh của (0185c20) bậc Hữu học (1)

678. Thính 678. Sức  Không có Không có Không có pháp mạnh của (0185c2) bậc Hữu học

679. 679. Giải  Không có Không có Không có Vô úy thích rộng (0186a02) năm sức mạnh 680. 680. Nên O Không có Không có Không có Vô úy (2) thành tựu (0186al8) năm sức mạnh

681. 681. Năm  Không có Không có Không có Chuyển pháp thanh (0186a23) thú inh

682. Hỏa 682. Năm  Không có Không có Không có pháp thanh (0186Ồ07) hnh

683. Thực 683. Pháp  Không có Không có Không có bất thiện (0186b16)

684. Pháp 684. Khác  Không có Không có Không có biệt giữa (0186Ồ26) Phật và A-la-hán

685. 685. Nhũ  Không có Không có Không có Pháp (2) mẫu (0187b07)

PHỤ LỤC 2  1567

686. Xá- 686. Sáu  Không có Không có Không có lợi-phất năng lực (0187Ồ27) của Như Lai (1)

687. 687. Sáu  Không có Không có Không có ưu-ba-ma năng lực (0187C13) của Như Lai (2)

688. 688. Bảy  Không có Không có Không có A-na-luật sức mạnh (0187c27)

689. 689. Thành  Không có Không có Không có
Chuyển tựu bảy sức (0188a06)
Luân mạnh
Vương
690. 690. Công  Không có Không có Không có Chuyển năng của (0188al2) Luân  bảy sức mạnh

691. 691. Nói  Không có Không có Không có Niên thiếu rộng bảy (0188al9) sức mạnh

692. 692. Tám  Không có Không có Không có Phụng sự sức mạnh (0188ỒỒ2) quả báo

693. Bất 693. Nói  Không có Không có Không có thiện tụ rộng về tám (0188b08) sức mạnh

694. Thiện 694. Sức  Không có Không có Không có tri thức mạnh của (0188b18) bậc A-lahán

695. 695. Tỳ-  Không có Không có Không có Câu-di-na kheo khác (0188ỒỒ29) hỏi Phật (1)

696. 696. Hỏi  Không có Không có Không có Thuyết các Tỳ-kheo (0188c02)

697. Diệt 697. Chín  Không có Không có Không có sức mạnh (0188c03)

698. Phân 698. Nói  Không có Không có Không có rộng về chín (0188c08) sức mạnh



699. 699. Mười  Không có Không có Không có Chi tiết sức mạnh (0188C21)

700. Khởi 700. Nói -too Không có Không có Không có rộng về (0188C28) mười sức mạnh

701. Thất 701. Mười  Không có Không có Không có đạo phẩm lực của Như 0189a07) Lai

702. Quả 702. Trí lực O Không có Không có Không có báo (1) của Như Lai (0189al4)

703. Quả 703. Trí vô  Không có Không có Không có báo (2) úy của Như (0189a20) Lai

704. Thất 704. Tư duy  S. 46.23 - 23. Grounds 23. Kinh trú xứ chủng quả chân chánh (0189b10) V. 84  S 46.24 - 24. Improper 24. Kinh phi như  V. 84 Attention lý tác ý (Đạo S. 46.35 - 35. Proper 35. Kinh như lý phẩm V. 93 Attention tác ý tụng đệ 705. Thất 705. Pháp  tứ) S. 46.36 - 36. Growth 36. Kinh giác đạo phẩm không thoái (0189ỒỒ24) V. 94 ngộ (2) thất S. 46.37 - 37. Obstacles 37. Kinh chướng  V. 94 ngại, triền cái 706. Quả 706. Giác  (12. Giác S. 46.40 - 40. Hindrances 40. Kinh triền cái báo (3) chi là mắt (0189C02) chi tương V. 97 sáng ưng)

707. Quả 707.  S. 46.34  34. Not Corruption 34. Kinh không báo (4) Chướng (0189C14) V. 93 cấu uế ngại và S. 46.37 - 37. Obstacles 37. Kinh chướng ngăn che V. 94 ngại, triền cái S. 46.38 - 38. Without 38. Kinh không V. 95 Obstacles chướng ngại S. 46.39

- 39. Trees 39. Kinh cây V. 96 S. 46.55 - 55. With 55. Kinh V. 121. Sañgārava Sañgārava

708. Quả 708. Hạt S. 46.36 - 36. Growth 36. Kinh giác báo (5) giống và cội (0190a08) V. 94; ngộ cây S. 46.39 - 39. Trees 39. Kinh cây V. 96.

PHỤ LỤC 2 1569

709. Bất 709. Đoạn O S. 46.38 - 38. Without 38. Kinh không tịnh quán trừ và tu tập (0190b01) V. 95. Obstacles chướng ngại

710. Niệm 710. Lìa O Không có Không có Không có tử tướng tham dục và (0190b09) vô minh

711. Từ 711. Kinh --- S. 46.56 - 56. A Place 56. Kinh Ābhāya giác chi (0190Ồ22) V. 126. Without Fear

Quyển 27

712. 712. Vương S. 46.56 - 56. A Place 56. Kinh Ābhāya
Từ tử Vô Úy (0191al2) V. 126 Without Fear
S. 46.57 - 57. A Skeleton 57. Kinh lợi ích
V. 129 lớn của cốt tưởng
S. 46.58 - 58. Worm-Infested 58. Kinh côn
V. 131 trùng ăn
713. 713. Phân S. 46.52 - 52. Is There a Way 52. Kinh pháp Không tích giáo (0191al7) V. 108 môn pháp

714. An- 714. Thắp S. 46.53 - 53. Fire 53. Kinh lửa na-ban-na lửa và tắt (0191C15) V. 112 niệm lửa S. 46.59 - 59. Livid 59. Kinh xanh V. 131 bầm S. 46.60 - 60. Split Open 60. Kinh bị nứt V. 131 nẻ S. 46.61 - 61. Bloated 61. Kinh sưng V. 131 phồng lên

715. 715. Bảy S. 46.2 - 2. The Body 2. Kinh thân Vô thường giác phan (0192a25) V. 64 và thức ăn S. 46.51 - 51. Nourishing 51. Kinh đồ ăn V. 102

19. Tương ưng Thánh đạo

716. Nhật 716. Bất S. 46.29 - 29. One Thing 29. Kinh một xuất chánh và (0193a08) V. 88 pháp chân chánh

717. 717. Bạn ác S. 46.49 - 49. Interior 49. Kinh nội chi Vô minh và bạn lành (0193a26) V. 101 phần S. 46.50 - 50. Exterior 50. Kinh ngoại V. 102 chi phần

1570 KINH TẠP A-HÀM

718. Vô 718. Xá- S. 46.4 - 4. Clothes 4. Kinh y phục minh (2) lợi-phất dạy (0193Ồ14) V. 70 bảy giác chi

719. Khởi 719. Tôn S. 46.8 - 8. With upavāna 8. Kinh Upavāna giả Ưu-ba- (0193Ồ28) V. 76 ma

720. 720. Tồn O S. 46.8 - 8. With Upavāna 8. Kinh Upavāna Ca-ma giả A-na- (0193C18) V. 76 luật thuyết pháp

721.A-lê- 721. S. 46.42 - 42. A Wheel- 42. Kinh chuyển sắt-tra Chuyển (0194a05) V. 99 Turning Monarch luân Luân Thánh Vương (1)

722. Xá-, 722. S. 46.42 - 42. A Wheel- 42. Kinh chuyển lợi-phất Chuyển (0194a23) V. 99 Turning Monarch luân Luân Thánh Vương (2)

723. 723. Tôn S. 46.3 - 3. Ethics 3. Kinh giới Tỳ-kheo kính Trưởng (0195all) V. 67 lão

724. 724. Phước S. 46.3 - 3. Ethics 3. Kinh giới Tỳ-kheo báu phụng (0195a21) V. 67 sự

725. 725. Thiện S. 46.24 - 24. Improper 24. Kinh phi như Tỳ-kheo và bất thiện (0195b01) V. 84 Attention lý tác ý S. 47.5 - 5. A Heap of the 5. Kinh đống bất V. 145 Unskillful thiện S. 47.45 - 45. A Heap of the 45. Kinh đống V. 186 Skillful thiện

726. Úy 726. Một S. 45.2 - V. 2 2. Half the 2. Kinh một nửa nửa Phạm (0195b10) Spiritual Life hạnh (1)

727. Thọ 727. Nghe S. 46.16- 16. Sick (3rd) 16. Kinh bệnh pháp (0195Ồ29) V. 81 thứ ba

728. 728. Bảy S. 46.22 - 22. A Teaching 22. Kinh thuyết Tam pháp giác phần (0196al2) V. 83 on the Awakening về giác chi Factors

729. Học 729. Tu tập S. 46.27 - 27. The Cessation 27. Kinh đoạn bảy giác (0196al6) V. 87 of Craving diệt khát ái phần

PHỤ LỤC 2 1571

730. 730. Quá S. 46.41 - 41. 41. Kinh kiêu Lậu tận khứ, tương (0196a23) V. 98 Discriminations mạn lai đều tu bảy giác phần

731. Bát 731. Giác S. 46.10- 10. Arisen (2nd) 10. Kinh sanh Thánh đạo phần (0196a28) V. 77 thứ hai phần

732. Tu 732. Sanh S. 46.10- 10. Arisen (2nd) 10. Kinh sanh khởi (0196Ồ07) V. 77 thứ hai

733. Tu (2) 733. Bảy S. 46.5 - 5. A Monk 5. Kinh vị đạo phẩm (0196b12) V. 72 Tỷ-kheo

734. 734. Hai S. 48.65 - 65. Two Fruits 65. Kinh quả vị Thanh tịnh quả vị(i) (0196b29) V. 236 thứ nhất

735. Tụ 735. Bốn S. 48.12- 12. In Brief (1st) 12. Kinh tóm tắt quả vị(i) (0196c05) V. 200 thứ nhất

736. Bán 736. Bảy S. 46.3 - 3. Ethics 3. Kinh giới quả vị(l) (0196C11) V. 67

737. 737. Bảy S. 46.5 - 5. A Monk 5. Kinh vị Bà-la-môn đạo phẩm (0196C21) V. 72 Tỷ-kheo (2) 738. Tà 738. Hai S. 48.65 - 65. Two Fruits 65. Kinh quả vị quả vị (2)

(0197al0) V. 236 thứ nhất

739. 739. Bốn S. 48.12- 12. In Brief (1st) 12. Kinh tóm tắt Bỉ ngạn quả vị (2) (0197al5) V. 200 thứ nhất

740. 740. Bảy O S. 46.3 - 3. Ethics 3. Kinh giới Không tên quả vị (2) (0197a21) V. 67

741. 741. Quán S. 46.67 - 67. Ugliness 67. Kinh bất tịnh Không tên bất tịnh (0197a29) V. 132

742. 742. Quán S. 46.68 - 68. Death 68. Kinh chết Không tên tưởng sự (0197008) V. 132 chết

743. 743. Bốn S. 45.50-54 - Five Discourses on Nhóm 5 kinh bắt Chánh bất tâm rộng (0197b15) V. 115 Accomplishment in đầu bằng Kinh chánh tư lớn Ethics, etc. (1st) thành tựu giới duy hạnh

744. 744. Tâm từ S. 46.62 - 62. Love 62. Kinh từ Chánh bất và bảy giác (0197c15) V. 131 chánh tư chi duy (2)



745. 745. Không Không có Không có Không có Chánh bất vô biên xứ (0197C23) chánh tư duy (3) 746. Thiện 746. Niệm S. 46.66 - 66. Breathing 66. Kinh hơi thở ác tri thức hơi thở ra (0198a04) V. 132 vô, hơi thở ra vào (1) 747. Thiện 747. Quán S. 46.57-76 - Từ kinh 57 “A Từ kinh 57 tri thức tưởng vô (0198al2) V. 129-33 Skeleton,, đến kinh “Kinh lợi ích lớn thường 76 “Cessation" của cốt tưởng,, đến kinh 76 "Kinh đoạn diet"

Quyển 28 748. Thiện 748. Tướng S. 45.55 - 55. 55. Kinh thành ác tri thức mặt trời (0198ỒO5) V. 31 Accomplishment tựu như lý tác ý (Đạo (2) mọc in Proper Attention phẩm (1st) tụng đệ 749. 749. Tướng tứ) S. 45.1 - V. 1 1. Ignorance 1. Kinh vô minh Chánh bất vô minh và (0198b14) chánh tư minh duy (4) 750. Phi 750. Cội Không có Không có Không có pháp thị gốc của vô (0198ỒO26) pháp minh và (13. minh Thánh đạo phần 751. 751. Chân S. 45.24 - 24. Practice (2nd) 24. Kinh đạo lộ tương Đoạn tham chánh và tà (0198c14) V. 18 thứ hai ưng) vạy 752. 752. Tỳ- S 45.30 - 30. With Uttiya 30. Kinh uttiya Tà chánh kheo Ca-ma (0198C27) V. 22

753. 753.A-lê- S. 45.7-V. 8 7. A Mendicant 7. Kinh vị Tỷ- Quảng sắt-tra và sự (0199al3) (2nd) kheo thứ hai thuyết bát bất tử Thánh đạo

754. 754. Bảy S 45.28 - 28. Immersion 28. Kinh định Hướng tà pháp hỗ trợ (0199a22) V. 21 chánh định 755. Tà 755. Phật Không có Không có Không có kiến chánh hỏi các Tỳ- (0199003) kiến kheo(l) 756. Tà 756. Phật Không có Không có Không có kiến chánh hỏi các Tỳ- (0199ỒO3) kiến kheo (2)



757. 757. Phật Không có Không có Không có Sanh Văn hỏi các Tỳ- (0199b03) kheo (3)

758. 758. Lo sợ  Không có Không có Không có Tà kiến giữa mẹ và (0199Ồ05) con

759. Tà 759. Ba thọ  S. 45.29 - 29. Feeling 29. Kinh thọ kiến (2) (0199c17) V. 21

760. Tà 760. Ba  Không có Không có Không có kiến (3) điều không (0199c27) vui

761. 761. Hữu  S. 45.13- 13. A Trainee 13. Kinh Hữu Thuận lưu học và vô (0200al4) V. 14 học nghịch lưu học

762. 762. Bậc  Không có Không có Không có Sa-môn Thánh lâu (0200a23) Sa-môn tận pháp

763. Sa- 763. Thánh  Không có Không có Không có môn pháp đạo tám chi (0200a28) Sa-môn nghĩa

764. Sa- 764. Tu tập  S. 45.15- 15. Arising (2nd) 15. Kinh sanh môn Sa- Thánh đạo (0200Ồ04) V. 14 khởi thứ hai môn quả tám chi

765. Sa- 765. Tu  Không có Không có Không có môn pháp tập Thánh (0200b11) Sa-môn đạo tám chi quả trong ba thời

766. Sa- 766. Thánh  S. 45.16- 16. Purified (1st) 16. Kinh thanh môn pháp đạo tám chi (0200b15) V. 15 tịnh thứ nhất Sa-môn thanh tịnh S. 45.17  17. Purified (2nd) 17. Kinh thanh nghĩa V. 15 tịnh thứ hai

767. Sa- 767. Năm  S. 47.5 - 5. What's the 5. Kinh với mục môn quả thứ che đậy (0200Ồ23) V. 145 Purpose đích gì và Thánh S. 47.45 - 45. A Heap of the 45. Kinh đống đạo tám chi V. 186 Skillful thiện

768. 768. Một  S. 45.2 - V. 2 2. Half the 2. Kinh một nửa Bà-la-môn nửa Phạm (0200c03) Spiritual Life hạnh (2)

1574  KINH TẠPA-HÀM

20. Tương ưng An- na-ban-na

769. 769. Cỗ xe  S. 45.4 - V. 4 4. Regarding the 4. Kinh Bà-la- Ngũ pháp Chánh pháp (0200C11) Brahmin Jānussoni môn Jānussoni

770. An- 770. Lìa,  S. 45.8 - V. 8 8. Analysis 8. Kinh phân tích na-ban-na đoạn tà kiến (0201a09) 21. Kinh tà tánh niệm S. 45.21 - 21. The Wrong V. 17 Way

771. An- 771. Bờ bên  S. 45.34 - 34. Going to the 34. Kinh đến bờ na-ban-na kia (1) (0201a25) V. 24 Far Shore bên kia niệm 772. Đoạn 772. Bờ bên  S. 45.34 - 34. Going to the 34. Kinh đến bờ giác tưởng kia (2) (0201bll) V. 24 Far Shore bên kia

773.A-lê- 773. Bờ bên  S. 45.34 - 34. Going to the 34. Kinh đến bờ sắt-tra kia (3) (0201bll) V. 24 Far Shore bên kia 774. 774. Bờ bên  S. 45.34 - 34. Going to the 34. Kinh đến bờ Kế-tân-na kia (4) (0201bll) V. 24 Far Shore bên kia

775. Nhất- 775. Tư duy  S. 45.76 - 76. 76. Kinh thành xa-nãng- bất chánh (0201bl3) V. 35 Accomplishment tựu như lý tác ý già-la  in Proper Attention (2nd) S. 45.83 - 83. 83.

Kinh thành V. 36 Accomplishment in tựu như lý tác ý Proper Attention

776. 776. Tư duy  S. 45.76 - 76. 76. Kinh thành Ca-ma bất chánh (0201Ồ25) V. 35 Accomplishment tựu như lý tác ý  in Proper Attention (2nd) S. 45.83 - 83. 83. Kinh thành V. 36 Accomplishment in tựu như lý tác ý Proper Attention

777. 777. Tư duy  S. 45.76 - 76. 76. Kinh thành Kim Cang bất chánh (0201C09) V. 35 Accomplishment tựu như lý tác ý (3) in Proper Attention (2nd)

S. 45.83 - 83. 83. Kinh thành V. 36 Accomplishment in tựu như lý tác ý Proper Attention

778. A-nan 778. Thiện,  S. 45.77 - 77. Good friends 77. Kinh làm bạn ác tri thức (0201C29) V. 35 với thiện hữu (1) S. 45.84 - 84. Good friends 84. Kinh làm bạn V. 37 (2nd) với thiện hữu



779. 779. Thiện,  S. 45.77 - 77. Good friends 77. Kinh làm bạn Tỳ-kheo ác tri thức (0202al4) V. 35 với thiện hữu (2) S. 45.84 - 84. Good friends 84. Kinh làm bạn V. 37 (2nd) vód thiện hữu

780. 780. Thiện, 0 S. 45.77 - 77. Good friends 77. Kinh làm bạn Tỳ-kheo ác tri thức (0202a23) V. 35 với thiện hữu (3) S. 45.84 - 84. Good friends 84. Kinh làm bạn V. 37 (2nd) với thiện hữu

781. 781. Chánh,  S. 45.76 - 76. 76. Kinh thành Kim-tì-la bất chánh tư (0202bl5) V. 35 Accomplishment tựu như lý tác ý duy in Proper Attention (2nd) S. 45.83 - 83. 83. Kinh thành V. 36 Accomplishment tựu như lý tác ý in Proper Attention

782. 782. Phi  Không có Không có Không có Bất bì pháp và (0202C03) pháp

783. 783.  S. 45.5 - V. 6 5. Whafs the 5. Kinh với mục Bố-tát Đoạn dứt (0202C12) Purpose đích gì

21. Tương ưng Học 784. 784.  S. 45.8 - V. 8 8. Analysis 8. Kinh phân tích Học(l) Tà và chánh (0203a01) S. 45.21 - 21. The Wrong 21. Kinh tà tánh V. 17 Way

785. 785. Giảng  Không có Không có Không có Học (2) rộng Thánh (0203al9) đạo tám chi

786. 786.  Không có Không có Không có Hoe Hướng tà (0204a16)

787. 787. Tà  Không có Không có Không có Học (4) kiến, chánh (0204a22) kiến (1)

788. 788. Tà  Không có Không có Không có Học (5) kiến, chánh (0204Ồ09) kiến (2)

789. Học 789. Bà-la-  Không có Không có Không có (6) môn Sanh (0204C14) Văn



790. 790. Đường  S. 45.23 - 23. Practice (Ist) 23. Kinh đạo lộ Niết-bàn chánh và (0205a03) V. 18 thứ nhất nẻo tà (1)

791.Niết< 791. Đường  Không có Không có Không có bàn (2) chánh và (0205al0) nẻo tà (2)

792. 792. Tội  Không có Không có Không có Hqc ngũ nghịch (0205al9)

793. 793. Thuận  Không có Không có Không có Học (8) dòng, (0205a24) nghịch dòng

794. 794. Sa-môn,  S. 45.36 - 36. The Ascetic 36. Kinh Học (9) pháp Sa-môn (0205ỒO3) V. 25 Life (2nd) Sa-môn hạnh thứ hai

795. 795. Pháp  S. 45.36 - 36. The Ascetic 36. Kinh Canh ma Sa-môn, (0205ỒO9) V. 25 Life (2nd) Sa-môn hạnh mục đích thứ hai Sa-môn (1)

796. Lô 796. Pháp  S. 45.35 - 35. The Ascetic 35. Kinh Sa-môn, (0205b15) V. 25 Life (1st) Sa-môn hạnh thứ quả Sa-môn nhất (1)

Quyển 29 £

797. 797. Pháp  S. 45.35 - 35. The Ascetic 35. Kinh Sa-môn Bạt-kỳ tử Sa-môn, (0205ỒO27) V. 25 Life (1st) hạnh thứ nhất quả Sa-môn S. 55.52 - 52. One Who 52. Kinh an cư (2) V. 405 Completed the mùa mưa Rains

798. Băng- 798. Pháp  S. 45.36 - 36. The Ascetic 36. Kinh già-xà Sa-môn, (0205C08) V. 25 Life (2nd) Sa-môn hạnh mục đích thứ hai Sa-môn (2)

799. Giới 799.  S. 45.35 - 35. The Ascetic 35. Kinh Sa-môn Quả Sa-môn (0205c15) V. 25 Life (1st) hạnh thứ nhất

800. Học 800. O O S. 45.37-40 - Từ kinh 37 “The Từ kinh 37 Bà-la-môn (0205C20) V. 25-6 Brahmin Life (1st)" “Kinh Bà-lađến kinh 40 "The môn hạnh thứ Spiritual Path nhất” đến kinh (2nd),, 40 “Kinh Phạm hạnh thứ hai"



22. Tương ưng Bất hoại tịnh

801. Ly-xa 801. Quán  O  Không có Không có Không có niệm hơi (0205c23) th& (Đạo 802. 802. Quán  phẩm Không có Không có Không có Bất bần niệm hơi (0206a08) tụng đệ thở tứ)

803. 803. Quán  O S. 54.1 - 1. One Thing 1. Kinh một pháp Chuyển niệm hơi (0206al4) V. 311 Luân thở (3)  Vương  (14. An- 804. Tứ 804. Đoạn  S. 54.2-5 - Từ kinh 2 Từ kinh 2 “Kinh bất hoại na-ban-na trừ giác (0206b15) V. 312-14 “Awakening giác chi” đến tương tịnh tưởng Factors” đến kinh kinh 5 "Kinh quả ưng) 5 “Fruits (2nd)” vị thứ hai"

805. 805. Tỳ- O  S. 54.6 - 6. With Arittha 6. Kinh Arittha Quá hoạn kheo A-lê- (0206b25) V. 314 sắt-tra 806. Thực 806. Tôn  S. 54.7 - 7. About 7. Kinh giả Kế-tân- (020ÓC14) V. 315 Mahākappina Mahākappina na 807. 807. Hai  S. 54.11  11. Icchānañgala 11. Kinh Giới (1) tháng tọa (0207a08) V. 325 Icchānañgala thiền

808. 808. Tôn  S. 54.12- 12. In Doubt 12. Kinh nghi Giới (2) giả Ca-ma (0207ỒỒ06) V.327 ngờ

809. 809. Quán  S. 54.9 - 9. At Vesālī 9. Kinh Vesālī Nhuận bất tịnh cực (0207ỒỒ21) V. 320 trạch đoan

810. 810. Một  O S. 54.13- 13. With Ānanda 13. Kinh Ānanda Bà-la-môn pháp hội đủ (0208a09) V. 328 (1st) thứ nhất nhiều pháp

811. Xá- 811. Tỳ- — — S. 54.15- 15. Several 15. Kinh Tỷ- lợi-phất kheo khác (0208C10) V.334 Mendicants (1st) kheo thứ nhất  hỏi Phật (2) S. 54.16- 16. Several 16. Kinh Tỷ- V. 335 Mendicants (2nd) kheo thứ hai

812. Xá- 812. Phật  S. 54.15- 15. Several 15. Kinh Tỷ- lợi-phất hỏi các Tỳ- (0208c10) V. 334 Mendicants (1st) kheo thứ nhất  kheo (4) S. 54.16- 16. Several 16. Kinh Tỷ- V. 335 Mendicants (2nd) kheo thứ hai



813. 813. Tôn  S. 54.10- 10. With Kimbila 10. Kinh Kimbila Khủng bố giả Kim- (0208C12) V.322 (1) tỳ-la

814. 814. Niệm  S. 54.8 - 8. The Simile of 8. Kinh ngọn đèn Khủng bố hơi thở ra (0209a23) V. 316 the Lamp trí tuệ J vào (2)

815. Thiên 815. Bố-tát  S. 54.13-16- Từ kinh 13 “With Từ kinh 13 dạo(l) (0209b15) V. 328-35. Ānanda (1st)” đến “Kinh Ānanda kinh 16 "Several thứ nhất“ đến Mendicants (2nd)” kinh 16 "Kinh Tỷ-kheo thứ hai"

816. Thiên 816. Ba học  Không có Không có Không có đạo (2) pháp(l) (0210a06)
817. Thiên 817. Ba học  Không có Không có Không có  đạo (3) pháp (2) (0210a23)
(Đạo 818. Thiên 818. Ba học  phẩm tụng Không có Không có Không có đạo (4) pháp (3) (0210ỒỒ05) đệ tứ)

819. Pháp 819.  Không có Không có Không có kính(l) Giới kinh (0210b13)  820. Pháp 820. Học xứ  Không có Không có Không có kính (2) (0210b19) (15. Học tương 821. Pháp 821. Tăng  Không có Không có Không có ưng) kính (3) thượng tam (0210c13) học 822. Na- 822.  Không có Không có Không có lê-ca Niết-bàn (1) (0211al2) 823. Nan- 823.  Không có Không có Không có dề Niết-bàn (2) (0211b06) 824. Nan- 824. Hai  Không có Không có Không có đề (2) học pháp (0211C01) 825. Nan- 825. Lợi ích  Không có Không có Không có đề(3) của học giới (0211C13)

826. Nan- 826. Phước  Không có Không có Không có đề (4) lợi học giới (0211C23) 827. Lê- 827. Đúng  Không có Không có Không có sư-đạt-đa thời làm (0212a24) ruộng 828. Điền 828. Con  Không có Không có Không có nghiệp lừa và đàn (0212b18) bò 829. Như 829. Tồn giả  Không có Không có Không có Lai đệ nhất Bạt-kỳ tử (0212C08)

Quyển 30  830. Ly 830. Tôn O Không có Không có Không có tham pháp giả Ca-diếp (0213a05) đệ nhất Thị

831. 831. Khen  Không có Không có Không có Thanh văn ngợi người (0213Ồ26) đệ nhất học giới 832. 832. Ba học  Không có Không có Không có Thích thị pháp (4) (0213c08)

833. 833. Ly-xa  S. 55.30 - 30. WithNandaka 30. Kinh Tật bệnh Nan-đà (0213c24) V. 389 the Licchavī Nandaka - Đại  thần người  Licchavī (Đạo 834. Bồ-đề 834. Không  S. 55.44 - 44. Rich (1st) 44. Kinh rất giàu phẩm tụng nghèo khốn (0214al4) V. 402 thứ nhất đệ tứ) S. 55.45 - 45. Rich (2nd) 45. Kinh rất giàu V. 402 thứ hai 835. 835. Vua  S. 55.1 - 1. A Wheel- 1. Kinh Chuyển Vãng sanh Chuyển (0214a22)  V. 342 Turning Monarch Luân Vương Luân  836. Tu- 836. Bốn tín  (16. Bất S. 55.16- 16. Friends and 16. Kinh thân đà-hoàn tâm kiên cố (0214Ồ07) hoại tịnh V.364 Colleagues (1st) hữu thứ nhất tương S. 55.17- 17. Friends and 17. Kinh thân (1) ưng) V. 365 Colleagues (2nd) hữu thứ hai 837. Tu- 837. Tin  Không có Không có Không có đà-hoàn người và tin (0214Ồ20) (2) Tăng 838. 838. Bốn  S. 55.31 - 31. Overflowing 31. Kinh phước Bốn pháp loại thức ăn (0214C25) V. 391 Merit (1st) đức sung mãn  thứ nhất 839. Bốn 839. Lợi ích  S. 55.31 - 31. Overflowing 31. Kinh phước quả tứ bất hoại (0215a04) V. 391 Merit (1st) đức sung mãn tịnh thứ nhất

840. Bốn 840. Phước  S. 55.32 - 32. Overflowing 32. Kinh phước quả (2) đức thấm (0215a09) V. 391 Merit (2nd) đức sung mãn nhuần (1) thứ hai

841. Kinh 841. Phước  S. 55.41 - 41. Overflowing 41. Kinh phước hàn xứ đức không (0215al4) V. 399 Merit (1st) đức sung mãn thể đo thứ nhất lường S. 55.42 - 42. Overflowing 42. Kinh phước V. 401 Merit (2nd) đức sung mãn thứ hai 842. Bốn 842. Tà đạo  S. 55.12- 12. The Brahmins 12. Kinh các Bà- thức ăn và chánh đạo (0215001) V. 361 la-môn

1580  KINH TẠPA-HÀM

843. 843. Điều  S. 55.5- 5. With Sāriputta 5. Kinh Sāriputta Nhuận kiện để (0215Ồ15) V.347 (2nd) thứ hai trạch (1) nhập lưu 844. 844. Thọ ký  S. 55.4 - 4. With Sāriputta 4. Kinh Sāriputta Nhuận Tu-đà-hoàn (0215C02) V. 346 (1st) thứ nhất trạch (2) 845. 845. Tự  S. 55.29  29. Dangers and 29. Kinh tịnh chỉ Nhuận mình xác (0215c24) V. 398 Threats (2nd) sợ hãi và thù hận trạch (3) quyết thứ hai 846. Bốn 846. Thấy  S. 12.41 - 41. Dangers and 41. Kinh năm sợ mươi thiên biết như (0216al7) II. 68 Threats hãi hận thù tử thật về S. 55.28 - 28. Dangers and 28. Kinh tịnh chỉ thánh đạo V. 387 Threats (1st) sợ hãi và thù hận thứ nhất

23. Tương ưng Thiên 847. Đâu- 847. Con  S. 55.34 - 34. Footprints of 34. Kinh con suất thiên đường sanh (0216a28) V. 392 the Gods (1st) đường của chư thiên (1) thiên thứ nhất

848. Hóa 848. Con  S. 55.35 - 35. Footprints of 35. Kinh con Lạc thiên đường sanh (0216Ồ06) V. 393 the Gods (2nd) đường của chư thiên(2) thiên thứ hai 849. Tha 849. Con

S. 55.35 - 35. Footprints of 35. Kinh con Hóa Tự đường sanh (02lóc17) V. 393 the Gods (2nd) đường của chư Tại thiên thiên (3) thiên thứ hai 850. 850. Con S. 55.35 - 35. Footprints of 35. Kinh con Sơ thiền đường sanh (0217a02) V. 393 the Gods (2nd) đường của chư thiên (4) thiên thứ hai 851. 851. Gương S. 55.9 - 9. At the Brick 9. Kinh giảng Giải thoát pháp (0217al7) V. 358 Hall (2nd) đường bằng gạch thứ hai 852. Trung 852. Gương S. 55.8 - 8. In the Brick Hall 8. Kinh giảng Bát-niết- pháp (2) (0217a23) V. 356 (1st) đường bằng gạch bàn thứ nhất 853. Đệ 853. Gương S. 55.8 - 8. In the Brick Hall 8. Kinh giảng nhị thiền pháp (3) (0217bll) V. 356 (1st) đường bằng gạch thiên thứ nhất 854. 854. Thôn S. 55.10- 10. At the Brick 10. Kinh giảng Giải thoát Na-lê-ca (0217ỒỒ14) V.358 Hall (3rd) đường bằng gạch thứ ba 855. Đê 855. Ưu-bà- S. 55.40 - 40. Nandiya the 40. Kinh họ tam thiền tắc Nan-đề (0217c18) V. 397 Sakyan Thích Nandiya 856. 856. Cư sĩ S. 55.47 - 47. With Nandiya 47. Kinh Giải thoát Nan-đề (0218al0) V. 403 Nandiya



857. 857. Năm Không có Không có Không có Phong Vân pháp hoan (0218al9) thiên hỷ 858. Tán 858. Sáu Không có Không có Không có cái phú niệm (0218bl3) đăng

24. Tương ưng Tu chứng 859. Tứ 859. Hai S. 55.6 - 6. The 6. Kinh các chủng điều trưởng giả (0218C02) V. 348 Chamberlains người thợ mộc phục (1) 860. Tam 860. Hai S. 55.6 - 6. The 6. Kinh các chủng tử trưởng giả (0218C09) V. 348 Chamberlains người thợ mộc (2)

Quyển 31

Không có Không có Không có

861. Tứ 861. Cõi

chánh trời Đâu- (0219ỒỒ04)

(Như Lai đoạn suất-đà sở thuyết

862. Tứ 862. Cõi trời tụng đệ Không có Không có Không có chánh Hóa Lạc (0219bll) thất) đoạn

863. Tứ 863. Cõi Không có Không có Không có chánh trời Tha (0219b18) đoạn Hóa Tự Tại (37. Thiên 864. Tứ 864. An trú tương Không có Không có Không có chánh Thiền thứ (0219ỒỒ28) ưng) đoạn nhất

865. Tứ 865. Giải Không có Không có Không có chánh thoát (1) (0219C09) đoạn 866. Bất 866. Trung Không có Không có Không có phóng dật Bát-niết-bàn (0219c15)

867. 867. An trú Không có Không có Không có Đoạn tam Thiền thứ (0219C24) hai 868. Bất 868. Giải Không có Không có Không có phóng dật thoát (2) (0220a05) căn bản 869. Tứ 869. An trú Không có Không có Không có chủng Thiền thứ ba (0220al7) thiền

870. Vô 870. An trú  Không có Không có Không có học tam Thiền thứ tư (0220a27) minh

871. Vô 871. Thần  S. 32.1 - 1. Plain Version 1. Kinh chủng học tam mây gió (0220ỒỒ8) III. 254 loại minh

872. 872.  Không có Không có Không có Tam minh Che đèn (0220b16)

873. Tín 873.  Không có Không có Không có Bốn chúng (0220c04)  874. 874. Ba  Không có Không có Không có  Tăng ích hạng con (0220c19) (Như Lai 875. 875. Bốn  sở thuyết S. 49.1-12- The Chapter of Phẩm sông Hằng Đẳng khởi nỗ lực chân (0221a09) tụng đệ V. 244 Abbreviated Texts lược thuyết chánh (1) thất) on the Ganges

876. 876. Bốn  S. 49.1-12- The Chapter of Phẩm sông Hằng Vô vi pháp nỗ lực chân (0221al4)  V. 244 Abbreviated Texts lược thuyết chánh (2)  on the Ganges (38. Tu 877. 877. Bốn  chứng 5.49.1-12- The Chapter of Phẩm sông Hằng Mao đoan nỗ lực chân (0221a21) tương V.244 Abbreviated Texts lược thuyết chánh (3) ưng) on the Ganges

25. Tương ưng Xứ giới uẩn

878. Lục 878. Bốn  S. 49.1-12- The Chapter of Phẩm sông Hằng nội xứ nỗ lực chân (0221ỒỒ3) V. 244 Abbreviated Texts lược thuyết chánh (4) on the Ganges

879. Ngũ 879. Bốn  Không có Không có Không có chủng nỗ lực chân (0221ỒỒ16) chủng tử chánh (5)

880. Như 880. Bốn O Không có Không có Không có thật tri thiền và (0221C09) không buông lung

881. 881. Đoạn  Không có Không có Không có Tam ái trừ ba độc (022le16) (2)

882. 882. Những  S. 49.13-22- Diligence Phẩm không Tam lậu ví dụ về (0221C23) V. 245. phóng dật không buông lung

PHỤ LỤC 2  1583

883. 883. Thiền  S. 34.1-19- Từ kinh 1 Từ kinh 1 “Kinh La-hầu-la định và (0222C13) III. 263-71 “Entering chỉ trú trong thiền chứng Immersion" đến thiền dinh” đến kinh 19 "Entering kinh 19 “Kinh and What's hành thích ứng Conducive" trong thiền chứng,, S. 34.55 - 55. Persistence and 55. Kinh hành III. 277 Whafs Conducive kiên trì - thích ứng 884. Nhãn 884. Ba  Không có Không có Không có dĩ đoạn minh của (0223ỒỒ3) bậc vô học  885. 885. Ba  Không có Không có Không có Nhãn sanh minh của (0223b12) bậc vô học (2) 886. 886. Hai  Không có Không có Không có VỊ trước loại ba minh (0223c13)

887. Thiện 887. Tín và  Không có Không có Không có pháp kiến danh tự (0224al0) lập Tụng VI. Tám chúng

26. Tương ưng Tám chúng 888. Niệm 888. Tăng  Không có Không có Không có Tam bảo ích và danh (0224al6) tự 889. 889. Đẳng  Không có Không có Không có Cây

phướn khởi và (0224a22) danh tự 890. 890. Pháp O S 43.11 - 11. The Path 11. Kinh các con A-nan, Xá- vô vi (0224a28) IV. 361 đường lợi-phất S. 43.12 12. The 12. Kinh vô vi IV. 362 Unconditioned S. 43.13- 13. Uninclined 13. Kinh mục IV. 368 đích cuối cùng 891. 891. Ví dụ S. 13.1-11 - Từ kinh 1 “A Từ kinh 1 “Kinh A-nan, Xá- giọt nước (0224b11) II. 113-139 Fingernail" đầu móng tay” lợi-phất đến kinh 11 “A đến kinh 11 Mountain (3”)” “Kinh ví dụ với núithứba,



892. Ai 892. Tu tập S 25.1 - 1. The Eye 1. Kinh mắt sáu căn (0224ỒỒ26) m. 225 893. Ái (2) 893. Hành S. 22.54 - 54. A Seed 54. Kinh chủng (Như Lai như hạt (0224c15) III. 54 tử sở thuyết giống tụng đệ 894. Hai 894. Biết sự thất) Không có Không có Không có sự khó tập khởi thế (0224c28) đoạn gian 895. 895. Đoạn Không có Không có Không có Hai pháp tham ái và (0225al7) thỉnh cầu (39. Nhập Đại sư giới uẩn) 896. Đế- 896. Ba loại Không có Không có Không có thích(l) hữu lậu (0225ỒỒ01)

897. Đế- 897. Đoạn S. 18.1-10- Từ kinh 1 "The Từ kinh 1 “Kinh thích (2) trừ hữu lậu (0225ỒỒ07) II. 244-49 Eye, etc.” đến mắf, đến kinh 10 kinh 10 “The “Kinh uẩn” Aggregates"

898. 898. Đoạn Không có Không có Không có Lộc trú (1) trừ dục (0225b19) tham

899. 899. Sanh S. 26.1-10- Từ kinh 1 "The Từ kinh 1 “Kinh Lộc trú (2) khởi và diệt (0225ỒỒ27) III. 228-31 Eye" đến kinh 10 mắf, đến kinh 10 tận "The Aggregates" “Kinh uẩn,,

900. 900. Phiền S. 27.1-10- Từ kinh 1 “The Từ kinh 1 “Kinh Phước não và (0225C06) III. 232-34 Eye" đến kinh 10 mt" đến kinh 10 điền nhiễm ô "The Aggregates" “Kinh uẩn,,

901. 901. Nương Không có Không có Không có Gia nhân tựa sáu căn (0225c14)

902. Cung 902. Như Không có Không có Không có kỉnh trụ Lai là bậc (0225C21) nhất (Nhu Lai 903. 903. Lìa sở thuyết Không có Không có Không có Tàm quý tham dục (0225C25) tụng đệ 904. Thiêu 904. Chúng thất) Không có Không có Không có nhiên pháp Thanh văn (0226a02) (40. Bất hoại tịnh tương ưng)



Quyển 32 905. 905. Ngoại (Như Lai S. 16.12- 12. The Realized 12. Kinh sau khi Ác hành đạo chất (0226al3) sở thuyết II. 222 One After Death chết vấn tụng đệ thất) 27. Tương ưng Thí dụ 906. 906. Chánh S. 16.13 13. The 13. Kinh tượng Luyện kim pháp và (0226ỒỒ25) II. 223 Counterfeit of the pháp tượng pháp (41. Đại True Teaching Ca-diếp tương ưng) 907. 907. Múa S. 42.2 - 2. With Tālaputa 2. Kinh Tālaputa Luyện kim hát được (0227a02) IV. 306 . sanh thiên 908. Mục 908. Chiến S. 42.3 - 3. A Warrior 3. Kinh (Như Lai ngưu giả sĩ được sanh (0227ỒỒ10) sở thuyết IV. 308 Yodhājīva thiên tụng đệ 909. Mục 909. Ba thất) S

42.5 - 5. A Cavalryman 4. Kinh người ngưu (2) cách luyện (0227c12) IV. 310 cưỡi ngựa ngựa(l) 910. 910. Thôn S. 42.1 - 1. Vicious 1. Kinh Canda Na-đề-ca trưởng hung (0228al0) IV. 305 ác (42. Tụ lạc chủ 911. Na- 9H.Ma-ni- — — tương 5.42.10- 10. With 10. Kinh đề-ca (2) châu-kế (0228ỒỒ04) ưng) IV. 325 Manicūlaka Manicūlaka

912. 912. Thôn S. 42.12- 12. With Rāsiya 12. Kinh Rāsiya
Ly-xa tử trưởng (0228c15) IV. 330
Vương
Đảnh

913. Tam 913. Thôn S. 42.11 11. With Bhadraka 11. Kinh bách phủ trưởng Kiệt- (0229C03) IV. 327 Bhadraka đàm

914. Đa nữ 914. Tài sản S. 42.9 - 9. Families 9. Kinh gia tộc nhân thuộc chín (0230ỒỒ03) IV. 322 nhà

915. 915. Ba loại S. 42.7 - 7. The Simile of 7. Kinh ví dụ về Chùy thủ ruộng (0230c16) IV. 314 the Field thửa ruộng

916. 916. Triết lý S. 42.8 - 8. A Hom Blower 8. Kinh người Trảo thổ của Ni-kiền (0231C03) IV. 317 thổi tù và



917. 917. Ba loại Không có Không có Không có
Cung thủ ngựa được (0232ỒỒ24) điều phục

918. 918. Ba loại Không có Không có Không có
(Như Lai
Không tên ngựa tốt (0232c29) sở thuyết tụng đệ

Quyển 33 thất)

919. 919. Ba loại Không có Không có Không có Thiết hoàn ngựa hay (0233ỒỒ13)
920. 920. Ba loại Không có Không có Không có (43. Mã Miêu ly ngựa quý (0233c19) tương 921. 921. ưng) Không có Không có Không có Mộc xử Bốn đức (0234a08)

922. Dã hồ 922. Tự Không có Không có Không có điều phục (0234al6) và bị điều phục

923. 923. Ba Không có Không có Không có Phẩn thỉ cách luyện (0234ỒỒ21) ngựa (2)

924. Dã hồ 924. Tám Không có Không có Không có loại ngựa (0235a06) chứng

28. Tương ưng Bệnh

925. 925. Tám Không có Không có Không có
Bạt-ca-lê đức của (0235ỒỒ22)
Hiền sĩ

926. 926. Thiền  Không có Không có Không có Xiển-đà và thiền (0235C27) ương ngạnh

927. 927. Định  S. 55.37 - 37. With 37. Kinh Phả-cầu-na nghĩa Ưu- (0236b12) V. 395 Mahānāma Mahānāma bà-tắc  928. 928. Cư sĩ  S. 55.49 - 49. With 49. Kinh (Như Lai A-thấp-ba- và A-na- (0236c11) V. 404 Mahānāma Mahānāma sở thuyết thệ hàm tụng đệ 929. Tật 929. Mười  thất) Không có Không có Không có bênh  sáu pháp (0236C29) của Ưu-bàtắc

PHỤ LỤC 2 1587

930. Tật 930. Cây  S. 55.22 - 22. With 22. Kinh bệnh (2) ngã theo (0237Ồ21) V. 371 Mahānāma (2nd) Mahānāma thứ hướng  hai nghiêng về  931. Tỳ- 931. Tu tập  Không có Không có Không có (44. Ma- kheo bệnh sáu niệm (0237C09) ha-nam 932. Tật 932. Thành  tương Không có Không có Không có bệnh (3) tựu mười (0238bl0) ưng) một pháp 933. Tật 933. Thành  Không có Không có Không có bệnh (4) tựu mười (0238c09) hai pháp 934. Cấp 934. Chánh  Không có Không có Không có Cô Độc(l) định và giải (0238c29) thoát 935. Cấp 935. Bốn  S. 55.23 - 23. With Godhā 23. Kinh họ Cô B") pháp của (0239b12) V. 371 the Sakyan Thích Godha bậc Dự lưu 936. Cấp 936. Cư sĩ  S. 55.24 - 24. About Sarakāni 24. Kinh họ Cô Độc (3) Bách Thủ (0239c21) V. 375 (1st) Thích Sarakāni thứ nhất 937. Đạt- 937. Máu  S. 15.13- 13. Thirty 13. Kinh khoảng ma-đề-li (0240b12) II. 187 Mendicants ba mươi  938. 938.  S. 15.3 - 3.Tears 3. Kinh nước mắt  Trường Nước mắt (0240c25) II. 179 (Như Lai Thọ sở thuyết 939. 939. Sữa mẹ  tụng đệ S. 15.4- 4. Mother's Milk 4. Kinh sữa Bà-tẩu (0241al8) thất) II. 180

 Quyển 34 ā  940. Sa-la 940.  0  S. 15.1 - 1. Grass and Sticks 1. Kinh cỏ và củi Thẻ đếm (0241Ồ15) (45. Vô II. 178 thủy tương 941. 941. Vô  S. 15.2- 2. The Earth 2. Kinh quả đất ưng) Da-thâu lượng mẹ (0241b24) II. 179 cha 942. Ma- 942. An vui  S. 15.12- 12. In a Good Way 12. Kinh an lạc na-đề-na (0241C04) II. 186

29. Tương ưng Nghiệp báo

943. 943.  S. 15.11 - 11. In a Sorry State 11. Kinh khốn Thuần-đà Khổ đau (0241d2) II. 186 cùng

1588  KINH TẠPA-HÀM

944. 944. Sợ hãi  Không có Không có Không có Xả hành (0241C19)

945. 945.  S. 15.14-19- Từ kinh 14 Từ kinh 14 Sanh Văn Yêu mến (0241C27) II. 189-90 “Mother" đến kinh “Kinh mẹ,, đến 19 "Daughter” kinh 19 “Kinh con gái"

946. Tì-la- 946. Cát  S. 15.8- 8. The Ganges 8. Kinh sông ma (1) sông Hằng (0242a08) II. 183 Hằng

947. Tì-la- 947. Núi  S. 15.10- 10. A Single Person 10. Kinh người ma (2) xương khô (0242a28) II. 185

948. Tì- 948. Kiếp S 15.6- 6. A Mustard Seed 6. Kinh hột cải nữu-đa-la số dài lâu (0242b16) II. 182

949. 949. Núi S. 15.5- 5. A Mountain 5. Kinh núi Tùy loại mòn (0242c01) II. 181 950. 950. Kiếp O S. 15.7- 7. Disciples 7. Kinh các đệ tử Xà hành quá khứ (0242c13) II. 182

951. Viên 951. Biết Không có Không có Không có châu (1) đâu nguồn (0242c28) cội

952. Viên 952. Thân S. 15.14-19- Từ kinh 14 Từ kinh 14 châu (2) quyến (0243a06) II. 189-90 “Mother" đến kinh “Kinh mẹ,, đến 19 “Daughter” kinh 19 “Kinh con gi"

953. 953. Bong S. 22.95 - 95. A Lump of 95. Kinh bọt Na nhân bóng nước (0243a13) III. 140 Foam nước S. 48.50 - 50. At Āpana 50. Kinh Āpana V. 225 954. Pháp 954. Trận S. 15.9- 9. A Stick 9. Kinh cây gậy xuất không mưa lớn (0243a21) II. 184 xuất

955. Bờ 955. Quay Không có Không có Không có kia bờ này mãi không (0243ỒO4) dừng 956. 956. Vô S. 15.20- 20. Mount Vepulla 20. Kinh núi Chân thật thường đến (0243b13) II. 190 Vepulla cả sơn khê

957. 957. Thân S. 44.9 - 9. The Debating 9. Kinh luận nghị Ác pháp và mạng (0244a09) IV. 398 Hall đường 958. Pháp 958. Tôn S. 44.7 - 7. With 7. Kinh (Như Lai chân nhân giả Mục- (0244b10) IV. 391 Moggallāna Moggallāna sở thuyết kiền-liên tụng đệ thất)



959. Mười 959. Săn-đà S. 44.8 - 8. With 8. Kinh pháp(l) Ca-chiên- (0244C13) IV. 395 Vacchagotta Vacchagotta diên S. 44.11 - 11. With Sabhiya 11. Kinh Sabhiya IV. 401 Kaccāna Kaccāna (46. Bà-sa 960. Mười 960. Thật là Không có Không có Không có xuất gia pháp (2) hiếm có (0245a20) tương ưng) 961. Hai 961. S. 44.10- 10. With Ānanda 10. Kinh Ānanda mươi pháp Thường (0245ỒO9) IV. 400 kiến và đoạn kiến

962. Ba 962. Bền Không có Không có Không có mươi pháp vững như (0245Ò26) lõi cây

963. 963. Không S. 33.1-5- Từ kinh 1 “Not Từ kinh 1 “Kinh Bốn mươi biết và biết (0246al8) III. 257-59 Knowing Form,, vô tri đối với đến kinh 5 sc" đến kinh "Not Knowing “Kinh vô tri đối Consciousness,, v&i thúrc"

964. Pháp 964. Ngoại Không có Không có Không có phi pháp đạo Bà-tha (0246b12) khổ xuất gia

965. Phi 965. Tôn Không có Không có Không có luật Thánh giả Uất- (0247c14) luật đê-ca Tung VII. (Như Lai Kệ sở thuyết tụng đệ 30. Tương thất) ưng Tỳkheo
966. Thiện 966. Tôn Không có Không có Không có Sanh giả Phú- (0248al5) lân-ni (47. 967. 967. Ngoại Ngoại Không có Không có Không có Xú lậu đạo Câu- (0248bll) đạo xuất ca-na gia tương ưng) 968. Đề-bà 968. Cấp Cô Không có Không có Không có Độc thuyết (0248c06) pháp

969. 969. Trường Không có Không có Không có Tượng Thủ Trảo xuất (0249a29) gia

Quyển 35

970. Không có Không có Không có
970. Ngoại
Nan-đà (1) đạo Xá-la-bộ (0250al9)
971. 971. Ngoại Không có Không có Không có Nan-đà (2) đạo Thượng (0250c09) Tọa

972. Đê-sa 972. Không có Không có Không có Ba chân lý (0251a20)

973. 973. Ngoại Không có Không có Không có Tỳ-xá-khư đạo Chiên- (0251Ồ20) đà

974. 974. Ngoại Không có Không có Không có Niên thiếu đạo Bổ-lũ- (0251C22) đê-ca (1)

975. 975. Ngoại Không có Không có Không có Trưởng lão đạo Bổ-lũ- (0252a22) đê-ca (2)

976. Tăng- 976. Ngoại Không có Không có Không có ca-lam đạo Thi-bà (0252Ồ27)

977. A-nan 977. Thi-bà S. 36.21 - 21. With Sīvaka 21. Kinh Sīvaka theo Phật (0252c12) IV. 230 xuất gia

978. 978. Ngoại Không có Không có Không có Oanh phát đạo thương (0253a26) chủ

979. Đà- 979. Ngoại Không có Không có Không có phiêu (1) đạo Tu-bạt- (0253C24) đà-la

980. Đà- 980. Niệm Không có Không có Không có phiêu (2) Tam bảo (0254C02)
981. Tặc 981. Ngọn S. 11.2-L 217 2. With Susīma 2. Kinh Susīma cờ của Đế- (0255a25) (Như Lai thích sở thuyết tụng đệ 982. Tán- 982. Phật Không có Không có Không có thất) đảo-tra dạy Xá-lợi- (0255b15) phất

983. 983. Tồn Không có Không có Không có Bạt-chẩn giả A-nan (0255c16)

PHỤ LỤC 2 1591

984. 984. Ai Không có Không có Không có Tàm quý (0256al7) 985. 985. Ái (2) Không có Không có Không có Khổ chủng (0256Ồ08) (48. Tạp tương 986. 986. Hai Không có Không có Không có ưng) Sang vưu điều khó (0256c27) từ bỏ

987. 987. Biết đủ Không có Không có Không có Ngẫu căn và từ bỏ (0257all)

31. Tương ưng Ma 988. 988. Đế- S. 40.10- 10. With Sakkā 10. Kinh Sakkā Trường thọ thích (1) (0257a28) IV. 269

989. 989. Đế- S. 40.10- 10. With Sakkā 10. Kinh Sakkā Thọ mạng thích (2) (0257Ồ15) IV. 269

990. 990. Ưu-bà- Không có Không có Không có Ma phược di Lộc Trụ (0257Ồ26) (1)

991. Miên 991. ưu-bà- Không có Không có Không có di Lộc Trụ (0258a27)

992. 992. Hai Không có Không có Không có Kinh hành loại ruộng (0258c!1) phước

Quyển 36

993. 993. Không có Không có Không có
Đại long Tán thán (0259a05) (Bát
Thượng tọa chúng tụng đệ
994. 994. Bà-kỳ- Không có Không có Không có ngũ)
Thụy miên xá tán thán (0259C06)
Phật

(24.
Bà-kỳ-xá tương ưng)
1592 KINH TẠP A-HÀM

995. 995. S. 1.10-1.5. 10. Wilderness 10. Kinh rừng núi Cù-đê-ca A-luyện-nhã (0260C24) 996. 996. Chế S. 1.9-L 4 9. Fond of Conceit 9. Kinh mong Ma nữ ngự kiêu (026lai3) muốn kiêu mạn (Bát mạn chúng 997. Tịnh 997. Công tụng đệ S. 1.47-1. 33 47. Planters 47. Kinh trồng bất tịnh đức tăng (0261a30) ngũ) rừng trưởng 998. 998. Sáu S. 1.42-1. 32 42. Giving What 42. Kinh cho gì Khổ hành loại phước (0261bl7) bố thí (25. Chư 999. 999. Tín thiên S. 1.43-1. 32 43. Food 43. Kinh đồ ăn Khất thực tâm bố thí (0261C05) tương S. 2.23 -1. 57 23. With Serī 23. Kinh Sen ưng) 1000. 1000. Các ooo S. 1.53-1. 37 53. A Friend 53. Kinh bạn Thằng loại thiện tri (0262b03) sách thức 1001. 1001. Già oo S. 1.3-L 2 3. Led On 3. Kinh đưa đến Thuyết bệnh bức (0262Ồ22) đoạn tận pháp bách S. 2.19-1.54 19. With Uttara 19. Kinh Uttara

1002. 1002. oo S. 1.5-L 3 5. Cut How Many 5. Kinh bao Tác vương Đoạn trừ (0262c12) nhiêu cái cắt đoạn

1003. 1003. Ngủ oo S. 1.6-1. 3 6. Awake 6. Kinh tỉnh giác Chúng đa và thức (0262c28)

1004. 1004. Hữu oo S. 1.12-1.6 12. Delight 12. Kinh vui Thiện Giác dư và vô dư (0263al4) thích S. 4.8-1. 107 8. Delighting 8. Kinh hoan hỷ

1005. 1005. oo S. 1.54-1. 37 54. Grounds 54. Kinh cơ sở Sư tử Nương vào (0263a28) nghiệp

1006. Bát 1006. Yêu oo S. 1.13-1.6 13. There's 13. Kinh không con mình (0263b13) Nothing Like a ai bằng con hơn Child 1007. 1007. S. 1.14-1. 6 14. Aristocrats 14. Kinh Sát- Nhập xứ Sát-lợi và (0263Ồ27) đế-lỵ Chánh Giác

32. Tương ưng Đếthích 1008. 1008. Điều S. 1.70-1.41 70. The World 70. Kinh thế gian Bảy thọ gì là bậc (0263c12) S. 1.74-1. 42 74. Rain 74. Kinh mưa nhất

PHỤ LỤC 2 1593

1009. 1009. Tâm S. 1.62-1. 39 62. Mind 62. Kinh tâm Ma-ha-ly (0264al9)

1010. 1010. Dục OO S. 1.64-1. 39 64. Fetter 64. Kinh kiết sử Hà nhân trói buộc (0264ỒO4)

1011. 1011. O— — S. 1.68-1.40 68. Fastened Shut 68. Kinh bị đóng Dạ-xoa Bị đóng kín (0264b18) kín

1012. 1012. Che O— Không có Không có Không có Hành nhẫn đậy và trói (0264C04) nhục buộc

1013. 1013. Tài O— S. 1.73-1.42 73. Wealth 73. Kinh tài sản Thiện luận sản (0264C26) nghi

1014. 1014. Tỳ- O S. 1.59-1.38 59. A Partner 59. Kinh người Ngũ phược kheo trụ nơi (0265al6) bạn nào

1015. 1015. Trì O S. 1.51-1. 36 51. Old Age 51. Kinh già Kính Phật giới (0265ỒO4)

1016. 1016. Pháp S. 1.56-1. 37 56. Gives Birth 56. Kinh sanh Kính Pháp gì sanh (0265b18) (2nd) nhân thứ hai chúng sanh

1017. Kính 1017. 0 — S. 1.57-1.38 57. Gives Birth (3rd) 57. Kinh sanh Pháp (2) Nghiệp là (0265C03) nhân thứ ba nơi nương tựa

1018. 1018. Đáng 0 S. 1.55-1. 37 55. Gives Bừth (1st) 55. Kinh sanh Kính Tăng sợ nhất (0265c17) nhân thứ nhất

1019. 1019. O S. 1.58-1.38 58. Deviation 58. Kinh phi đạo Tú-tì-lê Phi đạo (0266a02)

1020. 1020. Danh O S. 1.61-1. 39 61. Name 61. Kinh danh Tiên nhân (0266al7)

1021. 1021. O S. 1.60-1. 38 60. A Poet 60. Kinh ngưòd Diệt sân Thi kệ (0266ỒO2) thi sĩ

1022. 1022. Dấu S. 1.72-L 41 72. A Chariot 72. Kinh cỗ xe Nguyệt bát hiệu nhận (0266b16) nhật biết

1594 KINH TẠP A-HÀM

Quyển 37

1023. 1023. Tôn O Không có Không có Không có

Bệnh giả Phả-cầu- (0266C09)
(Như Lai na sở thuyết

1024. 1024. Tôn tụng đệ S. 22.88 - 88. With Assaji 88. Kinh Assaji
Bà-trĩ giả A-thấp- (0267b05) thất) III. 124 ba-thệ
1025. 1025. Tỳ- S. 35.74 - 74. Sick (Ist) 74. Kinh bệnh Thệ ước kheo bệnh
(0267C07) IV. 46 thứ nhất 1026. 1026. Tự (50. Bệnh S. 35.75 - 75. Sick (2nd) 75.
Kinh bênh Tổ chim chủ khi tật (0268a20) tương IV. 47 thứ hai bệnh ưng)

1027. 1027. ) Không có Không có Không có Người Khéo tư duy (0268b10) nghèo
1028. Đại 1028. S. 36.7 - 7. The Infirmary 7. Kinh tật bệnh tế tự Chánh niệm
(0268ỒỒ27) IV. 210 (1st) thứ nhất khi dưỡng bệnh

1029. Đại 1029. Quán O S. 36.8 - 8. The Infirmary 8. Kinh tật bệnh tế tự (2) chiếu
(0269al2) IV. 231 (2nd) thứ hai

33. Tương ưng Câutát-la 1030. 1030. Cấp O Không có Không có Không có Tam-bồ-đề
Cô Độc lâm (0269ỒỒ01) bệnh

1031. 1031. A-nan O S. 55.27 - 27. With 27. Kinh Tổ mẫu thăm bệnh (0269b19) V. 385
Anāthapindika Anāthapindika (2nd) thứ hai 1032. 1032. Xá- S. 2.20 -1. 55 20. With
20. Kinh Tự niệm lợi-phất (0269C08) Anāthapindika Anāthapindika thăm bệnh S. 55.26
- 26. Anāthapindika 26. Kinh V. 380 (1st) Anāthapindika thứ nhất

1033. 1033. S. 55.53 - 53. With 53. Kinh Tự hộ Trưởng giả (0270a07) V. 406
Dhammadinna Dhammadinna Đạt-ma- đế-ly

1034. 1034. S. 55.3 - 3. With Dīghāvu 3. Kinh cư sĩ Tài lợi Ưu-bà-tắc (0270a18) V.
344 DTghāvu Trường Thọ

PHỤ LỤC 2 1595

1035. 1035. 0 Không có Không có Không có Tham lợi Trưởng giả (0270b15) Bà-tẩu

1036. 1036. Sa-la S. 55.39 - 39. With 39. Kinh Xan lẫn họ Thích (0270ỒỒ20) V. 396
Kāligodhā Kāligodhā

1037. 1037. Không có Không có Không có Vô tử Trưởng giả (0270c12) Gia-thâu

1038. 1038. S. 47.30 - 30. With 30. Kinh Tế tự Trưởng giả (0270c15) V. 178
Mānadinna Mānadinna Ma-na-đề- na

1039. 1039. Không có Không có Không có Hệ phược Trưởng giả (0271001)
Thuần-đà 1040. 1040. O (Như Lai Không có Không có Không có Chiến đấu
Pháp xả (0272al0) sở thuyết (1) tụng đệ 1041. 1041. Phạm 0 thất) Không có Không
có Không có Chiến đấu chí Sanh (0272ỒỒ08) Văn 1042. Bất 1042. Tỳ-la-
Không có Không có Không có phóng dật ma (1) (0272c18) (51. (1) Nghiệp báo tương
1043. Bất 1043. Tỳ-la- Không có Không có Không có ưng) phóng dật ma (2)
(0273a28) (2)

1044. 1044. Tỳ- S. 55.7 - 7. The People of 7. Kinh những Tam pháp nữu-đa-la
(0273ỒỒ09) V. 352 Bamboo Gate người ở Vejudvāra

1045. 1045. Pháp Không có Không có Không có Ưng thí thân cận (0273C08)

1046. 1046. Bò  Không có Không có Không có Sáng tối trườn như (0273C21) rắn

1047. 1047. Viên  Không có Không có Không có Núi đá minh châu (0274a05)

1048. 1048.  Không có Không có Không có Xà-kỳ-la Nghiệp ác (0274a25) và nghiệp lành

1596  KINH TẠPA-HÀM

1049. 1049. Khởi  Không có Không có Không có Thất vương nguyên của (0274ỒỒ23) nghiệp

1050. 1050. Con  0 Không có Không có Không có Suyễn tức đường xuất (0274c01) ly

34. Tương ưng Bà-lamôn 1051. 1051. Bờ  O Không có Không có Không có A-tu-la bên này bờ (0274C06) bên kia

1052. 1052. Pháp  Không có Không có Không có Tân-kì-ca ác và pháp (0274c19) thiện

1053. 1053. Cực  Không có Không có Không có Mạ lỵ(l) ác và cực (0274C26) thiện

1054. 1054. Kẻ  O Không có Không có Không có Mạ lỵ (2) ác và người (0275a08) hiền

1055. 1055. Kẻ  Không có Không có Không có Vi Nghĩa cực ác và (0275al4) người cực thiện

1056. 1056.  Không có Không có Không có Bất Hại Mười pháp (0275a27)

1057. 1057. Hai  Không có Không có Không có Hỏa Dữ mươi pháp (0275ỒỒ05)

1058. 1058. Ba  Không có Không có Không có Bà-tứ-tra mươi pháp (0275b17)

1059. 1059. Bốn  Không có Không có Không có Ma-cù mươi pháp (0275C01)

1060. Trì 1060. Phi  O Không có Không có Không có kim cái pháp, chánh (0275c16) pháp

1061. La- 1061. Phi  Không có Không có Không có hán pháp luật, chánh (0275C22) luật

PHỤ LỤC 2  1597

Quyển 38  1062. Lão 1062. Tồn  O  S. 21.5- 5. With Sujātā 5. Kinh Sujātā nam nữ giả Thiện (0276a09) (Bát II. 278 Sanh chúng 1063. 1063. Chớ  tụng đệ S. 21.6- 6. With Bhaddiya 6. Kinh Lão tử xét đoán (0276a22) ngũ) II. 279 the Dwarf Lakundaka người khác Bhaddiya

1064. Hiếu 1064. Đề-  S 17.35  35. Shortly after 35. Kinh diệt dưỡng bà-đạt-đa (0276ỒỒ20)  II. 241 He Left vong không bao 07. lâu Tỳ-kheo S. 17.36- 36. Five Hundred 36. Kinh năm tương II. 242 Carts trăm cổ xe ưng) 1065. Ưu- 1065. Vị  S. 3.2 -1. 70 2. A Person 2. Kinh người ba-ca (1) Tỳ-kheo tên (0276c17) S. 3.23 - L 98 23. The World 23. Kinh thế gian Thủ

1066. ưu- 1066. Không có Không có Không có ba-ca (2) Tôn giả (0277a09) Nan-đà(l)

1067. 1067. S. 21.8- 8. With Nandā 8. Kinh Nandā ưất-xà-ca Tôn giả (0277al0) II. 281 Nan-đà (2) 1068. 1068. Tôn S. 21.9- 9. With Tissa 9. Kinh Tissa Kiêu Mạn giả Đê-sa (0277Ồ06) II. 281

1069. 1069. Tôn S. 21.7- 7. With Visākhā, 7. Kinh Visākhā Tam hỏa giả Tỳ-xá- (0277b28) II. 280 Pahcāli's Son khư

1070. 1070. Tỳ- O S. 21.4- 4. A Junior 4. Kinh tân Tỷ- Nguyệt kheo trẻ tuổi (0277C19) II. 277 Mendicant kheo

1071. 1071. Tồn O S. 21.lo 10. A Mendicant 10. Kinh Sanh Văn giả Thượng (0278a12) ll. 282 Named Senior Theranāmaka Tọa 1072. Dị 1072. Tôn Không có Không có Không có Bà-la-môn giả Tăng- (0278b11) ca-lam

1073. 1073. Không có Không có Không có Khất thực Hương (0278C08) thuận gió, nghịch gió

1074. 1074. Không có Không có Không có Canh điền Uất-tỳ-la (0279al2) Ca-diếp

1598 KINH TẠP A-HÀM

1075. 1075. Đà- Không có Không có Không có Tịnh Thiên phiêu Ma-la (0279C14) tử(l)

1076. 1076. Đà- 3 Không có Không có Không có Phật(l) phiêu Ma-la (0280b25)

1077. 1077. Không có Không có Không có Phật (2) Ương-cù- (0280c18) lợi-ma-la

1078. 1078. Thiên S. 1.20-L 8 20. With Samiddhi 20. Kinh Lãnh quần thần hỏi đạo (0281C03) Samiddhi đặc

1079. 1079. Không có Không có Không có Bà-tứ-tra Gò mối (0282a22)

1080. 1080. Không có Không có Không có Thất ngưu Tàm quý (0282c18)

Quyển 39 £

1081. 1081. Hạt o Không có Không có Không có Trí giả mầm hư thối (0283a20)

1082. 1082. Không có Không có Không có Thiên Tác Ưng nhọt (0283Ồ27)

1083. Điền 1083. Cách S. 20.9 - 9. A Bull Elephant 9. Kinh voi nghiệp voi chúa ăn (0284a05) II. 268

1084. 1084. Đời S. 4.9-1. 108 9. Life Span (1st) 9. Kinh tuổi thọ Thái tân người ngắn (0284Ồ20) thứ nhất ngủi 1085. Tôn- 1085. Các (Bát S. 4.10-1. 108 10. Life Span (2nd) 10. Kinh tuổi thọ đà-lỵ(l) hành vô (0284c10) chúng thứ hai thường tụng đệ ngũ) 1086. Tôn- 1086. Ác 5.4.15-1. 111 15. A Mental Snare 15. Kinh ý đà-lỵ(2) ma trói (0284C28) buộc 1087. 1087. Giải S. 4.7 - L 107 7. Sleeping 7. Kinh thụy Oanh phát thoát sao (0285al6) (18. Ma miên còn ngủ tương ưng) 1088. 1088. S. 4.11 - L 109 11. Boulders 11. Kinh hòn đá Oanh phát Không dao (0285Ồ02) (2) động

PHỤ LỤC 2 1599

35. Tương ưng Phạm thiên

1089. 1089. Tâm S. 4.6-1. 106 6. A Serpent 6. Kinh con rắn Tôn trọng rỗng lặng (0285b16)

1090. 1090. S. 4.13-1. 245 13. A Splinter 13. Kinh phiến Phạm Ngủ an ổn (0285C06) đá thiên (1)

1091. 1091. Tôn O S. 4.23 - L 120 23. With Godhika 23. Kinh Phạm chúa giả Cù-đê-ca (0286a02) Godhika

1092. 1092. S. 4.25 - L 124 25. Mira's 25. Kinh con gái Không Ma nữ (0286Ồ22) Daughters của Ma vương nhàn xứ

1093. 1093. Thanh S. 4.3 - L 104 3. Beautiful 3. Kinh tịnh Tập hội tịnh và (0287C07) không thanh tịnh

1094. 1094. S. 4.1-L 103 1. Mortification l.Kinh khổ hạnh Cù-ca-lê Khổ hạnh (0287C21)

1095. 1095. S. 4.18-1. 113 18. Alms Food 18. Kinh đoàn Phạm Khất thực (0288all) thực thi(2)

1096. Bà- 1096. S. 4.4-L 105 4. Mra's Snares 4. Kinh bẫy sập cú Phạm Sợi dây (0288a29) (1st) thứ nhất

1097. 1097. S. 4.14-L 111 14. Appropriate 14. Kinh thích Tà kiến Thuyết pháp (0288b19) hợp

1098. 1098. S. 4.20-1. 116 20. Ruling 20. Kinh thống Nhập diệt Làm vua (0288C11) trị

36. Tương ưng Tỳ- kheo-ni

1099. 1099. Pháp S. 4.21 - I. 117 21. Several 21. Kinh số đông A-lạp-tì quán bình (0289a08) đẳng

1100. 1100. Tỳ- —OO
— S. 4.22-1. 119 22. With Samiddhi 22. Kinh
Tô-ma kheo Thiện (0289b15) Samiddhi
Giác
1600 KINH TẠPA-HÀM

HOI. HOI. Tiếng —O — — 5.4.12-1. 109 12. Lion 12. Kinh con Cát-ly-xá rống sư tử (0289C21) sư tử Cù-đàm-di

1102. Liên 1102. —O — S. 4.16-1. 112 16. The Alms 16. Kinh bình bát Hoa Sắc Bình bát (0290al0) Bowls

1103. 1103. ——O S. 4.17-1. 112 17. The Six Fields 17. Kinh sáu Thi-la Nhập xứ (0290a25) of Contact xúc xứ

Quyển 40

1104. Tì-la 1104. Bảy O S. 11.11 - 11. Vows 11. Kinh thiện giới cấm của (0290b19) L 228 hạnh Đế-thích (Bát chúng 1105. 1105. Cư sĩ ------- 'O S. 11.13- 13. With Mahāli 13. Kinh Mahāli tụng đệ Tì-xà-da Ma-ha-lợi (0290C04) I. 230 ngũ) 1106. 1106. - 0 S. 11.12- 12. Sakkaṃ Names 12. Kinh Thiên Giá-la Thích-đề- (0290C20) I. 229 chủ Sakkā hoàn-nhân 1107. ưu- 1107. Quỷ (19. S. 11.22- 22. Ugly 22. Kinh xấu xí ba-giá-la thọ dụng (0291a27) Đế-thích I. 237 sân hận tương ưng) 1108. Thi- 1108. —O — S. 11.24- 24. Transgression 24. Kinh phạm lị-sa-giá-la Không sân (0291b24) I. 239 tội hận

37. Tương ưng Bà- kì-xá

1109. 1109. — —O S. 11.5-1. 222 5. Victory by Good 5. Kinh thắng lợi Trì yết-già Không tranh (0291C29) Speech nhờ thiện ngữ đấu

1100. 1100. -- O S. 11.4-1. 220 4. With Vepacitti 4. Kinh Vepacitti Kiêu-trần- Nhẫn nhục (0292ỒÍ4) như

lin. Xá- lin. S. 11.19- 19. Who Sakkā 19. Kinh đảnh lễ lợi-phất Kính Phật (0293a04) I. 235 Worships bậc Đạo sư

1112. Na- 1112. Kính —.—k—k —* S. 11.18- 18. Who Sakkā 18. Kinh đảnh lễ già sơn Pháp và (0293b10) I. 234 Worships hàng cư sĩ Tăng

1113. 1113. S. 11.20- 20. Who Sakkā 20. Kinh đảnh lễ Hoài thọ Kính Tăng (0293C08) I. 235 Worships chúng Tăng

PHỤ LỤC 2 $ 1601

1114. 1114. Hạnh ----- S. 11.1-1.216 1. With Suvīra 1. Kinh Suvīra Bất lạc tinh tấn (0294al4)

1115. 1115. Cung S. 11.9-1. 226 9. Hermits in the 9. Kinh các ẩn sĩ Tham dục kính tiên (0294c19) Wilderness ở rừng nhân S. 11.10-1. 10. Hermits by the 10. Kinh các ẩn 227 Ocean sĩ ở bờ biển 1116. 1116. Đoạn ------ S. 1.71-1.41 71. Incinerated 71. Kinh đoạn dứt Xuất ly trừ sân hận (0295b24) S. 1.72-1.41 72. A Chariot 72. Kinh cỗ xe S. 2.3 -L 47 3. With Māgha 3. Kinh Magadha S. 7.1-1. 160 1. With Dhanañjāni 1. Kinh Dhanañjāni S. 11.21-1.237 21. Incinerated 21. Kinh đoạn dứt 1117. 1117. Ngày —*—-—^ Không có Không có Không có Kiêu mạn trai giới (0295c10)

1118. Bản 1118. Tâm ------ S. 11.23- 23. The Sambari 23. Kinh ảo thuật dục cuồng chánh trực (0296a24) I. 238 Sorcery của Sambara hoặc

1119. Tứ 1119. Tu ------ S. 11.8-1. 225 8. Verocana, Lord 8. Kinh vua a-tu- pháp cú hạnh nhẫn (0296025) of Demons la Verocana

1120. 1120. Công ——0 S. 11.7-1. 225 7. Not Betray 7. Kinh không Na-già sơn năng giữ (0296C24) gian trá trắc giới

Quyển 41

—k——. 1121. 1121. Lợi Không có Không có Không có Bạt tiễn ích giữ giới (0297b19) (Như Lai 1122. Ni- 1122. Phép sở thuyết S. 55.54 - 54. Sick 54. Kinh bị bệnh câu-luật thăm bệnh (0297C29) tụng đệ V. 408 tưởng thất) 1123. Tán 1123. Điều S. 55.48 - 48. With Bhaddiya 48. Kinh Thượng hạnh phúc (0298b14) V. 403 Bhaddiya tọa nhất 1124. Bà- 1124. Phước —— S. 55.36 - 36. In Common 36. Kinh đi đến kì-xá tán báo sanh (0298ỒỒ24) (40. Bất V. 394 With the Gods hội chúng chư Phật thiên hoại tịnh thiên tương 38. Tương ưng) ưng Chư thiên

1125. 1125. Bốn — — S. 55.50 - 50. Factors 50. Kinh phần A-luyện- pháp Dự lưu (0298C04) V. 404 nhã S. 55.55 - 55. The Fruit of 55. Kinh quả vị V. 410 Stream-Entry Thất lai



1126. 1126. Bốn — — S. 55.46 - 46. Plain Version 46. Kinh thanh Kiêu mạn pháp Tu-đà- (0298c09) V. 403 tịnh hoàn

1127. 1127. Thành S. 55.2- 2. The Culmination 2. Kinh thể nhập Công tựu bốn (0298C14) V.343 of the Spiritual Phạm hạnh đức tăng pháp Life trưởng

1128. Cho 1128. Bốn — — S. 55.55-58 - Từ kinh 55 "The Từ kinh 55 gì được quả Sa-môn (0298C23) V. 410-11 Fruit of Stream- “Kinh quả vị sức lớn (1) Entry" đến kinh Thất lai,J đến 58 "The Fruit of kinh 58 “Kinh Perfection,, quả vị A-la-hán,,

1129. 1129. Bốn — — S. 55.55-58 - Từ kinh 55 “The Từ kinh 55 Hoan hỷ quả Sa-môn (0298C28) V. 410-11 Fruit of Stream- “Kinh quả VỊ (2) Entry,, đến kinh Thất lai" đến 58 uThe Fruit of kinh 58 “Kinh Perfection,, quả vị A-la-hán,,

1130. 1130. Nhớ — O — Không có Không có Không có Viễn du nơi chứng (0299a09) quả

1131. 1131. Bốn S. 55.31 - 31. Overflowing 31. Kinh phước Xâm bức loại thức ăn (0299al7) V. 391 Merit (1st) đức sung mãn (2) thứ nhất

1132. 1132. Phước S. 55.32 - 32. Overflowing 32. Kinh phước Đoạn trừ đức thấm (0299a25) V. 391 Merit (2nd) đức sung mãn nhuần (2) thứ hai

1133. 1133. Lìa S. 55.32 - 32. Overflowing 32. Kinh phước Giác miên tâm bon xẻn (0299ỒỒ02) V. 391 Merit (2nd) đức sung mãn thứ hai

1134. HỖ 1134. Tích S. 55.32 - 32. Overflowing 32. Kinh phước tương tụ công đức (0299ỒỒ09) V. 391 Merit (2nd) đức sung mãn hoan hỷ thứ hai

1135. 1135. Bốn — — S. 55.20 - 20. A Visit to the 20. Kinh chư Nhân vật mươi thiên (0299b16) V. 367 Gods (3rd) thiên thăm viếng tử thứ ba

1136. 1136. Ví dụ  S. 16.3 - 3. Like the Moon 3. Kinh ví dụ mặt Sở ái mặt trăng (0299C06) II. 197 trăng  1137. 1137. Vào _ S. 16.4- 4. Visiting 4. Kinh đi đến Sát-lợi nhà thí chủ (0300a22) (Như Lai II. 200 Families các gia đình sở thuyết 1138. 1138. — — S. 16.6- 6. Advice 6. Kinh giáo giới Chủng tử Không tranh (0300009) tụng đệ II. 203 thất) tụng



1139. Tâm 1139. — — S. 16.7- 7. Advice (2nd) 7. Kinh giáo giới Không có (0300c23) II. 205 thứ hai niềm tin  1140. 1140. Ca ——O (41. Đại S. 16.8 - 8. Advice (3rd) 8. Kinh giáo giới Phược ngợi thiện (0301a20) Ca-diếp II. 208 thứ ba hạnh tương ưng) 1141. Yểm 1141. Tôn —— S. 16.5 - 5. Old Age 5. Kinh trở về già giả Ma-ha (0301C07) II. 202 Ca-diếp (1)

1142. 1142. Tôn —— S. 16.9- 9. Absorptions and 9. Kinh thiền và Vô minh giả Ma-ha (0302a01) II. 210 Insights thắng trí Ca-diếp

1143. Tín 1143. Tôn  S. 16.10- 10. The Nuns5 10. Kinh trú xứ giả Ma-ha (0302b02) 11.214 Quarters Ca-diếp (3)

1144. 1144. Tôn —— S. 16.11 - 11. Robes 11. Kinh y, áo Đệ nhị giả Ma-ha (0302c13) 11.217 Ca-diếp (4)

Quyển 42  1145. 1145. Cúng ---  S. 3.24-L 219 24. Archery 24. Kinh cung Trì giới dường chỗ (0304a01) (Bát chúng thuật đáng cúng tụng đệ ngũ) 1146. 1146. Bốn S. 3.21 - L 209 21. Persons 21. Kinh người Chúng hạng người (0304b27) sanh (1) 1147. 1147. Hiểm  S. 3.25 - L 224 25. The Simile of 25. Kinh ví dụ (20. Sát- Chúng họa núi đá (0305b06) the Mountain hòn núi lợi tương sanh (2) ưng) 1148. 1148. Quán —— Không có Không có Không có Chúng xét giới (0305C21) sanh (3) hạnh

1149. 1149. — — S. 3.12-L 79 12. Five Kings 12. Kinh năm Phi đạo Bảy vị vua (0306a21) vua

1150. 1150. Ăn —O — S. 3.13-1. 81 13. A Bucket of 13. Kinh đại thực Vô thượng uống biết (0306C02) Rice chừng mực



1151. 1151. Thiếu —*—* S. 7.3-1. 163 3. With Bhāradvāja 3. Kinh Kệ nhân niên A-tu-la (0306c26) the Fiend Asurindaka  1152. Tri 1152. Thiếu  S. 7.2-1. 161 2. The Abuser 2. Kinh phỉ báng xa thặng niên Tân- (0307al0) (Bát kỳ-ca chúng tụng đệ 1153. Nan 1153.  S. 7.2-1. 161 2. The Abuser 2. Kinh phỉ báng ngũ) dā lâm Buông bỏ (0307b10) thắng thua

1154. 1154. Tung  S. 7.4-1. 164 4. With Bhāradvāja 4. Kinh  the Bitter Bilañgika Câu tỏa bụi ngược (0307Ồ23)  gió (21. Bà- 1155. 1155. Bà-  la-môn S. 7.16-1. 179 16. The 16. Kinh Tàm quý la-môn Vi (0307C07) tương Contraphile Paccanīka Nghĩa ưng)

1156. Bất 1156. Bà- ---  S. 7.5-1. 164 5. Harmless 5. Kinh bất hại tập cận la-môn Bất (0307C22) Hại

1157. 1157. Bà- S. 7.12-1. 173 12. With Udaya 12. Kinh Udaya Thiện điều la-môn Hỏa (0308a03) Dữ

1158. 1158. Vợ — — S. 1.71-1.41 71. Incinerated 71. Kinh đoạn dứt La-hán chồng Bà- (0308b20) S. 2.3 - L 47 3. With Māgha 3. Kinh Magadha la-môn S. 7.1-1. 160 1. With Dhanañjāni l.Kinh Dhanañjāni S. 11.21 - 21. Incinerated 21. Kinh đoạn L 237 dứt

1159. 1159. Bà-la- Không có Không có Không có La-hán (2) môn Ma-cù (0309a20)

1160. 1160. Hai O S. 7.7-1. 165 7. With Bhāradvāja 7. Kinh Suddhika Nguyệt loại thanh (0309b23) the Pure thiên tử tịnh

1161. 1161.Bà-la- Không có Không có Không có Tộc bản môn La-hán (0309c19)

1162. Độc 1162. Hai --- Không có Không có Không có nhất trụ vợ chồng (0310a04) già

1163. 1163. Già, Không có Không có Không có Lợi kiếm chết và bố (0310ỒỒ04) thí

PHỤ LỤC 2 1605

Quyển 43 1164. 1164. Do ái Không có Không có Không có Thiên nữ đan dệt (0310ỒỒ20) (Lục nhập xứ tụng 1165. 1165. Tôn S. 35.127 - 127. With 127. Kinh đệ nhị) Tứ luân giả Tân- (0311a03) IV. 110 Bhāradvāja Bhāradvāja đầu-lô . > - 1166. 1166. Ví dụ S. 35.236 - 236. The Simile 236. Kinh ví dụ Đại phú về tay chân (0311026) IV. 171 of Hands and Feet tay và chân thứ (2. Tương (1st) nhất ưng Nhập S. 35.237 - 237. The Simile 237. Kinh ví dụ xứ) IV. 171 of Hands and Feet tay và chân thứ (2nd) hai 1167. Giác 1167. Ví dụ S. 35.240 - 240. The Simile of 240. Kinh ví dụ thụy miên con rùa (0311C09) IV. 177 the Tortoise con rùa

1168. Hải 1168. Ví dụ S. 35.248 - 248. The Sheaf of 248. Kinh bó lúa châu bó lúa (0311C27) IV. 201 Barley

1169. Cấp 1169. Ví dụ S. 35.246 - 246. The Simile of 246. Kinh ví dụ Cô Độc cây đàn (0312b16) IV. 195 the Harp đàn tỳ bà 1170. Cấp 1170. Luật — 0 — S. 35.247 - 247. The Simile of 247. Kinh ví dụ Cô Độc nghi (0312C24) IV. 198 Six Animals sáu sinh vật

1171. Thủ 1171. Sáu —*—* S. 35.247 - 247. The Simile of 247. Kinh ví dụ thiên tử sinh vật (0313al4) III. 198 Six Animah. sáu sinh vật. S. 48.7 - 7. Ascetics and 7. Kinh Sa-môn, III. 195 Brahmins (2nd) Bà-la-môn thứ hai 1172. 1172. Ví dụ S. 35.238 - 238. The Simile of 238. Kinh ví dụ Đào sư giỏ rắn độc (0313ỒỒ14) IV. 172 the Vipers rắn độc

1173. 1173. S. 35.244 - 244. Entailing 244. Kinh khổ Thiên tử Pháp khổ (0314a02) IV. 188 Suffering pháp (1) 1174. 1174. Khúc S. 35.241 - 241. The Simile of 241. Kinh ví dụ Thiên tử gỗ trôi sông (0314C07) IV. 179 the Tree Trunk (1st) khúc gỗ thứ nhất (2) 1175. 1175. Cây S. 35.245 - 245. The Simile 245. Kinh ví dụ Thụy miên khẩn-thú (0315ỒỒ07) IV. 191 of the Parrot về cây kimsuka Tree

1176. 1176. Pháp  S. 35.243 - 243. The 243. Kinh cách Kết triền hữu lậu, vô (0316a09) IV. 182 Explanation on the nhiễm dục lậu lậu Corrupt

1177. 1177. ---  Không có Không có Không có Nan độ Sông tro (0316C23)

1606  KINH TẠPA-HÀM

Quyển 44

1178. 1178. Cả  Không có Không có Không có

Tiểu lưu nhà xuất gia (0317Ồ22)
(Bát
1179. 1179. —t chúng S. 7.10-1. 170 10. Many 10. Kinh
Lộc bác Mất bò (0318b12) tụng đệ Daughters Bahudhīti ngũ)
1180. 1180. O S. 7.22-1. 184 22. At 22. Kinh
Chư lưu Người trí (0319a20) Khomadussa Khomadussa
1181. 1181. — —  S. 7.13-1. 174 13. With Devahita 13. Kinh Sử lưu Ruộng (0319b15) Devahita  phước thanh (21. Bàtịnh la-môn 1182. 1182. — — tương S. 7.17-L 179 17. The Builder 17. Kinh Giải thoát Nghề nông (0319c13) ưng) Navakammika

1183. 1183. Tán —— S. 7.18-1. 180 18. Collecting 18. Kinh Chiên-đàn thán Thế (0319C27) Fkewood Katthahāra Tôn

1184. Câu- 1184. Tắm —— S. 7.9 - L 167 9. With Sundarika 9. Kinh ca-ni(1) bằng Chánh (0320Ồ21) Bhāradvāja Sundarika pháp

1185. Câu- 1185. ---  Không có Không có Không có ca-ni(2) Nghiệp tịnh (0321a24) do mình tịnh

1186. Câu- 1186. Bà-  S. 7.6-1. 165 6. With Bhāradvāja 6. Kinh Jātā ca-ni(3) la-môn bện (0321Ồ21) of the Matted Hair tóc (1)

1187. Câu- 1187. Bà-  S. 7.6 - L 165 6. With Bhāradvāja 6. Kinh Jātā ca-ni (4) la-môn bện (0321C04) of the Matted Hair tóc (2) 1188. Câu- 1188. Xứng — — S. 6.2-1. 138 2. Respect 2. Kinh cung ca-ni(5) đáng được (0321C18) kính cung kính  1189. Xúc 1189. Con — — S. 47.43 - 43. With 43. Kinh  đường trực (0322a28) V. 185 Brahmadeva Brahmadeva (Bát tiếp (3) chúng 1190. 1190. Minh, — — O tụng đệ S. 6.11 - L 153 11. With 11. Kinh An lạc hạnh đầy đủ (0322C04) ngũ) Sanañkumāra Sanañkumāra

1191. 1191. Vui ---  S. 6.13-1. 154 13. At 13. Kinh Hiềm trách cảnh thanh (0322c15) Andhakavinda Andhakavinda vắng

PHỤ LỤC 2 1607

1192. 1192. Chư — — S. 1.37-1. 26 37. The 37. Kinh tụ hội Cù-ca-lê thiên tập (0323al2) Congregation hợp 1193. 1193. Tỳ- S. 6.7 - L 148 7. About Kokālika 7. Kinh Kokālika (22. Phạm Bại vong kheo Cù-ca- (0323Ồ09) S. 6.8 -1. 148 8. About 8. Kinh thiên lê Katamorakatissaka Katamodaka tương Tissa ưng) S. 6.9 - L 149 9. With the 9. Kinh Phạm Brahmā Tudu thiên Turū 1194. 1194. Độc — — S. 6.6 - L 146 6. The Negligent 6. Kinh Phạm Đồng tử hý giác Phạm (0323C16) Brahmā thiên giới thiên 1195. 1195. Phạm S. 6.4 - L 142 4. With Baka the 4. Kinh Phạm Giày thiên Bà-cú (0324Ồ03) Brahmā thiên Baka

1196. Đắc 1196. S. 6.5 - L 144 5. A Certain 5. Kinh một vị danh xung Tà kiến (0324c17) Brahmā Phạm thiên khác

1197. 1197. Nhập --- S. 6.15-1. 157 15. Final 15. Kinh Bát- Cầu tài diệt (0325b02) Extinguishment niết-bàn

Quyển 45

1198. 1198. Tỳ- —
— S 5.1 - I. 128 1. With ĀJavikā 1. Kinh ĀJavikā
Thô ngưu kheo-ni (0325C16) (Bát
A-lạp-tỳ chúng
1199. Hà 1199. Tỳ- tụng đệ S. 5.2-1. 129 2. With Somā 2. Kinh Somā pháp khởi kheo-ni (0326al7) ngũ)
Tô-ma
1200. Phi 1200. 0 S. 5.3 - L 129 3. With Kisāgotamī 3. Kinh thế gian Tỳ-kheo-ni (0326b15) Kisāgotamī

Cát-ly-xá

Cù-đàm-di
(23. Tỳ-
1201. 1201. O kheo-ni S. 5.5- L 131 5. With 5. Kinh
Đồng xứ Tỳ-kheo-ni (0326c13) tương Uppalavannā uppalavannā
Liên Hoa ưng)
Sắc
1202. 1202. S. 5.10-1. 134 10. With Vajirā 10. Kinh Vajirā
Xan lẫn Tỳ-kheo-ni (0327al9)
Thi-la
1203. Kim 1203. S. 5.9-1. 134 9. With Selā 9. Kinh Selā thương Tỳ-kheo-ni (0327b18) Ty-la 1204. 1204. S. 5.4-L 130 4. With Vijayā 4. Kinh Vijay ā Tì-nữu

Tỳ-kheo-ni (0327c16) Tỳ-xà-da

1608 KINH TẠPA-HÀM

1205. Hỏa 1205. S. 5.6-L 132 6. With Cālā 6. Kinh Cālā bất thiêu Tỳ-kheo-ni (0328al5) Giá-la

1206. Trì 1206. Tỳ- S. 5.7 - L 133 7. With Upacālā 7. Kinh Upacālā tư lương kheo-ni Ưu- (0328b16) ba-giá-la

1207. 1207. Thi- 0 S. 5.8-1. 133 8. With Sīsupacālā 8. Kinh Không tên lợi-sa-giá-la (0328c19) Sīsupacālā

1208. 1208. Tồn O S. 8.11-1. 195 11. At Gaggarā 11. Kinh Gaggarā Sở cầu giả Bà-kỳ- (0329a23) xá 1209. Xa 1209. Kệ S. 8.9-L 193 9. With Kondañña 9. Kinh (Bát tán thán (0329Ồ08) Kondañña chúng A-nhã Kiêutụng đệ trần-như ngũ) 1210. 1210. Kệ O S. 8.10-1. 189 10. With 10. Kinh Sanh tử tán thán Xá- (0329Ồ28) Moggallāna Moggallāna lợi-phất 1211. Số 1211. Kệ —• —.—. S. 8.10-1. 194 10. With 10. Kinh khen ngợi (0329c15) (24. Moggallāna Moggallāna năm trăm vị Bà-kỳ-xá Tỳ-kheo tương ưng) 1212. 1212. Lễ S. 8.10-1. 194 10. With 10. Kinh Hà vật Tự tứ (0330a04) Moggallāna Moggallāna

1213. 1213. Tôn S. 8.2-1. 186 2. Dissatisfaction 2. Kinh bất lạc Hà giới giả Ni-câu- (0330c20) luật tưởng J

1214. 1214. Xa lìa S. 8.4-1. 188 4. With Ānanda 4. Kinh Ānanda Ngũ vị tịnh tưởng (0331al8)

1215. 1215. Bài S. 8.1 - L 185 1. Renounced 1. Kinh xuất ly Trường kệ xuất ly (033 lb10) Thắng

1216. 1216. Cảnh S. 8.3 - L 187 3. Good-Hearted 3. Kinh người Thi-tì tỉnh kiêu (0331C02) từ ái mạn

1217. 1217. S. 8.12-L 196 12. With Vañgīsa 12. Kinh Vañgīsa Nguyệt Tự Tam minh (0331C18) Tại

1218. 1218. Bốn S. 8.5-1. 188 5. Well-Spoken 5. Kinh khéo nói Vi-nựu pháp cú (0332a08) Words

PHỤ LỤC 2 $ 1609

1219. Ban- 1219. Kệ S. 8.8-1. 192 8. Over a Thousand 8. Kinh một ngàn xà-la-kiện tán thán một (0332b01) và nhiều hơn ngàn vị Tỳ- kheo

1220. 1220. Bậc O Không có Không có Không có Tu-thâm thầy nhổ tên (0332c07)

1221. 1221. Tôn Không có Không có Không có Xích Mã giả Ni-câu- (0333a03) luật tưởng J

Quyển 46 1222. 1222. Lòng S. 11.6-1. 224 6. Bird Nests 6. Kinh tổ chim Ngoại đạo từ của Đế- (0333Ồ24) (Bát thích chúng tụng đệ 1223. 1223. S. 11.14- 14. Poor

14. Kinh người ngũ) Ma-già Người (0333C12) I. 231 nghèo nghèo 1224. Di- 1224. Đại S. 11.16- 16. Sponsoring 16. Kinh tổ chức kì-ca hội cúng (0334a05) I. 233 Sacrifice lễ tế đàn (19. dường (1) Đế-thích tương 1225. Đà- 1225. Đại S. 11.16- 16. Sponsoring 16. Kinh tổ chức ưng) ma-ni hội cúng (0334C05) I. 233 Sacrifice lễ tế đàn dường (2)

— • —- • 1226. Đa- 1226. Bốn — — S. 3.1-1.68 1. Young l.Kinh tuổi trẻ la-kiền-đà việc không (0334c13) nên xem thường (Bát 1227. Ca- 1227. Vua chúng S. 3.22 - L 96 22. Grandmother 22. Kinh tổ mẫu ma (1) Ba-tư-nặc (0335ỒỒ09) tụng đệ mất thân ngũ) quyến

1228. 1228. Tự S. 3.4-1. 71 4. Loved 4. Kinh thân ái Ca-ma (2) yêu quý (0335C17) mình (20. Sátlợi tương 1229. 1229. Tự S. 3.5 . L 72 5. Self^Protected 5. Kinh tự bảo hộ ưng) Chiên-đàn phòng hộ (0336a24) (1)

1610 KINH TẠPA-HÀM

1230. 1230. Số ít S. 3.6 -1. 73 6. Few 6. Kinh thiểu số Chiên-đàn và số nhiều (0336b19) (2)

1231. Ca- 1231. Tranh S. 3.7-1. 170 7. Judgment 7. Kinh xử kiện diếp nhau vì (0336c16) tham

1232. Ca- 1232. Hai S. 3.19-1. 201 19. Childless (1st) 19. Kinh không diếp (2) cách sử (0337al4) có con thứ nhất dụng tài sản

39. Tương ưng Dạ-xoa

1233. 1233. Bố thí S. 3.20 - L 205 20. Childless (2nd) 20. Kinh không Khuất-ma roi hoi tiêc (0337ỒỒ24) có con thứ hai

1234. Ma- 1234. Đại S. 3.9-1. 172 9. Sacrifice 9. Kinh tế đàn cưu-la hội hiến tế (0338a22)

1235. Tất- 1235. Xiềng S. 3.10-1. 174 10. Shackles 10. Kinh triền lăng-già xích kiên cố (0338bl2) phược quỷ

1236. Phú- 1236. Chiến -• ~* -X- S. 3.14-1. 187 14. Battle (1st) 14. Kinh nói về na-bà-tẩu thắng và (0338ỒỒ29) chiến tranh thứ chiến bại nhất

1237. Ma- 1237. Tâm S. 3.15-L 190 15. Battle (2nd) 15. Kinh nói về ni-giá-la không oán (0338C21) chiến tranh thứ hận hai

1238. 1238. Một S. 3.18-1. 196 18. Good Friends 18. Kinh thiện Châm Mao nửa Phạm (0339al0) hữu quỷ hạnh (3)

1239. 1239. Sở S. 3.17-L 195 17. Diligence 17. Kinh không Quỷ ám nguyện (0339Ò13) phóng dật và không S 45.141-148- Từ kinh 141 “A Từ kmh 141 buông lung V. 44-5 Roof Peak” đến "Kinh chóp mái" kinh 148 “The đến kinh 148 Moon, etc." “Kinh vi”

1240. 1240. Ba O S 3.3-1. 163 3. Old Age and 3. Kinh già chết A-lạp quỷ pháp không (0339c19) Death được yêu mến

PHỤ LỤC 2 1611

Quyển 47 1241. 1241. Nhân Không có Không có Không có Thúc-ca-la tố sanh thiên (0340a20) (Như Lai sở thuyết 1242. 1242. Tâm Không có Không có Không có tụng đệ Tỳ-la cung kính (0340C03) thất) 1243. Hê- 1243. Hai Không có Không có Không có ma-ba-đê pháp hộ trì (0340C22) thế gian 1244. ưu- 1244. Pháp - Không có Không có Không có (48. Tạp ba-già-tra đốt cháy (0341a06) tuông 40. Tương ưng) ưng Lâm 1245. 1245. Không có Không có Không có Chúng đa Buông bỏ (0341Ồ17) việc ác 1246. 1246. - S. 46.33 - 33. Corruptions 33. Kinh cấu uế Thụy miên Luyện vàng (0341Ồ25) V. 92 1247. 1247. Tư Không có Không có Không có Viễn ly duy ba (0342a03) (Như Lai tướng sở thuyết 1248. Bất 1248. tụng đệ Không có Không có Không có chánh tư Phương (0342a22) thất) duy pháp chăn bò 1249. 1249. Mười Không có Không có Không có Giữa trưa một pháp (0342c11) (49. Thí chăn bò dụ tương 1250. 1250. Tỳ- O ưng) Không có Không có Không có A-na-luật kheo Na-đề- (0343Ồ07) ca(l) 1251. 1251. Tỳ- Không có Không có Không có Tụng kinh kheo Na-đề- (0344a08) ca (2)

1252. Bát- 1252. Dùng S. 20.8 - 8. Wood Blocks 8. Kinh cỏ rơm đàm-ma cây làm gối (0344Ồ06) II. 267

1253. 1253. Công S. 20.4 - 4. Rice Pots 4. Kinh cái nồi Thợ săn đức của tâm (0344Ồ25) II. 264 từ 1254. 1254. Lợi S. 20.3 - 3. Families 3. Kinh gia đình Kiều-mâu- ích của tâm (0344C06) II. 263 ni từ

1612 KINH TẠP A-HÀM

1255. 1255. Quỷ S. 20.5 - 5. A Spear 5. Kinh cây lao Chỉ trì giới thần không (0344c17) II. 265 thể hại

1256. Na- 1256. Đất S. 20.2 - 2. A Fingernail 2. Kinh đầu ca-đạt-đa trên móng (0345a01) II. 263 móng tay tay (2) S. 56.61-131 - Từ kinh 61 "Not Từ kinh 61 “Kinh V. 465-77 Human,, đến kinh nơi khác" đến 131 "Dying as kinh 131 "Kinh Ghosts and Reborn nga quỷ lên chư as Ghosts,, thiên, xuống nga quy”

1257. 1257. Mạng - S. 20.6 - 6. The Archers 6. Kinh người Phóng người ngắn (0345a12) II. 265 bắn cung túng ngủi

1258. 1258. Trống S. 20.7 - 7. The Drum Peg 7. Kinh cái chốt Gia phụ A-năng-ha (0345Ồ01) II. 266 trống

1259. 1259. Không có Không có Không có Kiến-đa Viên bi sắt (0345Ò24)

1260. 1260. O S. 20.10- 10. A Cat 10. Kinh con Thụy miên Mèo hoang (0345C07) II. 270 mèo

1261. 1261. Không có Không có Không có Tửu bình Chày gỗ (0345C24) —.•—
1262. 1262. S. 20.11 - 11.A Jackal 11. Kinh con dã Dã can Chồn hoang (0346a08) II.

271 can

1263. ưu- 1263. S. 17.5 - 5. A Dung Beetle 5. Kinh trùng lâu điểu Phân tiểu (0346al8) II. 228 phẩn

1264. Ba- 1264. S. 17.8 - 8. A Jackal 8. Kinh con dã tra-lị hoa Biết ơn (0346a26) II. 230 can

1265. 1265. Bạt- -' S. 22.87 - 87. With Vakkali 87. Kinh Vakkali Khổng ca-lê tự sát (0346ỒO7) III. 119 tước (Như Lai 1266. 1266. S. 35.87 - 87. With Channa 87. Kinh Channa sở thuyết Doanh sự Tỳ-kheo (0347b14) IV. 55 tụng đệ Xiển-đà thất)

(50. Bệnh tương ưng)

PHỤ LỤC 2 1613

Quyển 48 Ā 1267. 1267. Vượt S. 1.1-L 1 1. Crossing the 1. Kinh bộc lưu Tần-đà sơn qua dòng (0348ỒO7) (Bát Flood thác chúng tụng đệ 1268. 1268. S. 1.2-1. 2 2. Liberation 2. Kinh giải thoát ngũ) Tùy lưu Giải thoát (0348Ồ23)

1269. 1269. Ai S. 2.15-1. 53 15. With Candana 15. Kinh Minh qua được (0348C09) Candana nguyệt các dòng (25. Chư 1270. Phan 1270. Thiên O thiên Không có Không có Không có nữ Câu- (0348C25) tương ca-ni ưng)

1271. 1271. Kinh Không có Không có Không có Ngõa âu pháp bốn (0349a23) câu

1272. Bần 1272. Thiên Không có Không có Không có sĩ phu nữ Câu-ca- (0349Ồ24) na-sa

1273. 1273. S. 1.40-1. 30 40. With 40. Kinh con gái Kiếp-bối Hiểu pháp (0349C23) Pajjunna's thứ của Pajjunna Daughter (2nd)

1274. 1274. Thiên S. 1.39-1. 29 39. With 39. Kinh con gái Thâm nê nữ Châu- (0350a26) Pạjjunna's đầu của Pajjunna lô-đà Daughter (1st)

1275. Bên 1275. S. 1.22-1. 27 22. Impact 22. Kinh xúc bờ sông Sân hận (0350C11) chạm với người không sân

1276. 1276. S. 2.22 - L 57 22. With Khemā 22. Kinh Khemā Cáp điểu An lạc (0350C27)

Tụng VUI. Như Lai sở thuyết

41. Tương ưng Đại Ca-diếp

1277. 1277. Hiềm S. 1.35-L 23 35. Disdain 35. Kinh Nguyệt dụ trách (0351al4) Ujjhānasaññikā

1614 KINH TẠPA-HÀM

1278. 1278. Tỳ- S. 2.22 -1. 57 22. With Khemā 22. Kinh Khemā Thí dữ kheo Cù-ca- (0351Ồ12) S. 6.9 - L 149 9. With the 9. Kinh Phạm lê(2) Brahmā Tudu thiên Turū S. 6.10-1. 149 10. With Kokālika 10. Kinh Kokālika

1279. 1279.  Không có Không có Không có Thắng Cửa đọa lạc (0352al4)

1280. 1280.  O Không có Không có Không có Vô tín Ái nhiễm (0352c07)

1281. Phật 1281. Ngăn  S. 1.24-1. 14 24. Shielding the 24. Kinh chế căn bản vọng tưởng (0352c21) Mind ngụy

1282. 1282. Bố thí  Không có Không có Không có Niên kỳ và trì giới (0353a07)

1283. 1283. Tạo  Không có Không có Không có Tệ nạp y dựng và giữ (0353a21) gìn tài sản

1284. 1284.  Không có Không có Không có Tằng vi Đường lên (0353Ồ25) thiên giới

1285. 1285. Lìa  S. 1.71 - L 41 71. Incinerated 71. Kinh đoạn Chúng kho được (0354a23) dứt giảm thiểu vui S. 1.34-1. 22 34. There Are 34. Kinh chúng None không phải

1286. 1286. Làm  S. 1.36-1. 25 36. Faith 36. Kinh lòng tin Ngoại đạo sao sạch các (0354bll) lậu

1287. Pháp 1287.  S. 1.31-1. 16 31. Virtuous 31. Kinh với tương hoại Bậc Hiền (0354C06) người thiện

42. Tương ưng Tụ lạc chủ

1288. Giá- 1288. Phân  S. 1.32-1. 18 32. Stinginess 32. Kinh xan la-châu-la biệt bố thí (0354C20) tham

1289. 1289.  S. 1.38-1. 27 38. A Splinter 38. Kinh miếng Chiến đấu Khen ngợi (0355al9) đá vụn hoạt

1290. 1290.  O Không có Không có Không có Điều mã Bậc nhất (0355C05)

1291. 1291. Phước  S. 1.52-1. 36 52. Getting Old 52. Kinh không Hung ác không bị (0355C19) già cháy

PHỤ LỤC 2  1615

1292. Ma 1292. Lòng  S. 1.77-1. 43 77. Authority 77. Kinh tôn chủ ni Châu-kế tin là tư (0356a09) S. 1.79-1.44 79. Provisions 79. Kinh lương lương thực 1293. 1293. Bốn Không có Không có Không có Vương pháp khó (0356a25) Đảnh đạt nhất

Quyển 49 Ã

1294. 1294. Mong  Không có Không có Không có
Kiệt-đàm cầu là khổ (0356Ồ18) (Bát chúng
1295. Đao 1295. Xe  tụng đê Không có Không có Không có
Sư Thị khởi từ (0356C04) ngũ) nghiệp

1296. Đao 1296. Thế —* Không có Không có Không có Sư Thị (2) gian luôn (0356C18) — cầu con (26. Dạ- 1297. Đao 1297. xoa Không có Không có Không có Sư Thị (3) Số đếm (0357a09) tương ưng) 43. Tương ưng Mã

1298. Tam 1298. Giới Không có Không có Không có chủng điều đức nặng (0357a25) mã hơn đất

1299. 1299. Mười _ Không có Không có Không có Thuận nghiệp lành (0357Ồ10) lương mã

1300. 1300. 00 S. 10.1 - L 206 1. Withlndaka 1. Kinh Indaka Lương mã Thân mạng (0357c15)

1301. Tam 1301. Thiên 0 Không có Không có Không có lương mã tử trường (0358a07) thắng

1302. 1302. Thiên S. 2.21-1. 156 21. With Shiva 21. Kinh Siva Tứ năng tử Thi-tỳ (0358al9)

1303. 1303. Thiên S. 2.11 - I. 51 11. With 11. Kinh Tiên ảnh tử Nguyệt (0358b02) Candimasa Candimasa Tự Tại

1304. 1304. Thiên O S. 2.12-1. 52 12. With Vishnu 12. Kinh Vendu Chỉ thi tử Tỳ-sấu- (0358bl4) nữu

1616 KINH TẠP A-HÀM

1305. 1305. Thiên S. 2.7 -L 48 7. With 7. Kinh Hữu quá tử Ban-xà- (0358Ồ26) Paflcālacanda Pañcālacanda la-kiện

1306. Bát 1306. Thiên S. 2.29 - L 63 29. With Susīma 29. Kinh Susima chủng đức tử Tu-thâm (0358c09)

1307. 1307. Thiên S. 2.26-1. 61 26. With Rohitassa 26. Kinh sằn-đà tử Xích Mã (0359al0) Rohitassa Ca-chiêndiên

44. Tương ưng Ma- ha-nam

1308. 1308. Các S. 2.30 - L 65 30. The Disciples 30. Kinh các Ưu-bà-tắc thiên thần (0359Ồ22) of Various ngoại đạo sư ngoại đạo Sectarians

1309. 1309. Thiên S. 1.71 -1.41 71. Incinerated 71. Kinh đoạn Thâm diệu tử Ma-già (0360Ồ03) dứt công đức S. 2.3 - L 47 3. With Māgha 3. Kinh Magadha S. 7.1 - L 160 1. With Dhanañjāni l.Kinh Dhanañjāni S. 11.21 - 21. Incinerated 21. Kinh đoạn I. 237 dứt

1310. Nhất 1310. Thiên O S. 1.26-1. 15 26. Lamps 26. Kinh ánh thiết sự tử Di-kỳ-ca (0360Ồ17) sáng S. 2.4 - L 47 4. With Māghadha 4. Kinh Magadha

1311. 1311. Thiên S. 2.5 - L 47 5. With Dāmali 5. Kinh Dāmali Tự khủng tử Đà-ma-ni (0360C03)

1312. Tu 1312. Thiên —k _ S. 1.5-L 3 5. Cut How Many 5. Kinh bao tập trụ tử Đa-la- (0360c19) nhiêu cái cắt kiền-đà đoạn

1313. 1313. Thiên S. 2.6 - L 48 6. With Kāmada 6. Kinh Kāmada Thập nhất tử Ca-ma (0361a01)

1314. 1314. Thiên S. 10.3-L 207 3. With Spiky 3. Kinh Sūciloma Thập nhị tử Ca-ma (0361a23) (2) 1315. 1315. Thiên S. 1.75-1. 42 75. Afraid 75. Kinh khủng Giải thoát tử Chiên- (0361b09) bố đàn (1)

1316. 1316. Thiên S. 2.15-1. 53 15. With Candana 15. Kinh Sa-đà tử Chiên- (0361Ồ23) Candana đàn (2)

PHỤ LỤC 2 1617

1317. 1317. Thiên S. 2.1 - I. 46 1. With Kassapa 1. Kinh Kassapa Bách Thủ tử Ca-diếp (0361C07) (Ist) thứ nhất (1)

45. Tương ưng Vô thủy

1318. 1318. Thiên S. 2.2 - L 46 2. With Kassapa 2. Kinh Kassapa Huyết tử Ca-diếp (0361C20) (2nd) thứ hai (2) 1319. Lệ 1319. Dạ- S. 10.4 - L 208 4. With 4. Kinh xoa Khuất- (0362a05) Manibhadda Manibhadda ma 1320. 1320. Quỷ O Không có Không có Không có Mau nhũ thần Ma- (0362a29) cưu-la 1321. 1321. Quỷ S. 10.6-1. 209 6. With Piyañkara 6. Kinh Thảo mộc tất-lăng-già (0362C07) Piyañkara

1322. Thổ 1322. Quỷ S. 10.7 - L 209 7. With Punabbasu 7. Kinh hoàn liệp Phú-na-bà- (0362c22) Punabbasu tẩu

1323. 1323. Quỷ Không có Không có Không có An lạc Ma-ni-giá-la (0363a22)

1324. 1324. Quỷ S. 10.3-1. 207 3. With Spiky 3. Kinh Sūciloma Khổ não châm mao (0363Ồ29)

Quyển 50

1325. 1325. Bị S. 10.5-1. 208 5. With Sānu 5. Kinh Sānu Khủng bố quỷ bắt giữ (0364a08) (Bát 1326. 1326. Quỷ S. 10.12- 12. With Ālavaka 12. Kinh Ālavaka chúng Ái niệm A-lạp (0364021) 1.213 tụng đệ 1327. 1327. ngũ) S. 10.9-1.212 9. With the Nun 9. Kinh Sukkā Hằng hà Tỳ-kheo-ni (0365a24) Sukkā (1st) thứ nhất Thúc-ca-la S. 10.10- 10. With the Nun 10. Kinh Sukkā L212 Sukkā (2nd) thứ hai 1328. 1328. (27. Lâm S. 10.11 - 11. With the Nun 11. Kinh Cīrā Lụy cốt Tỳ-kheo-ni (0365Ồ15) tương 1.213 Cīrā Ty-la ưng) 1329. 1329. Hai Không có Không có Không có Thành trì thiên thần (0365C06)

1330. Núi 1330. Quỷ O Không có Không có Không có Ưu-ba-già- (0367b05) tra

1618 KINH TẠP A-HÀM

1331. 1331. Ngày S. 9.4-1. 199 4. Several 4. Kinh số đông Quá khứ rằm mãn hạ (0367C01) Mendicants Set out Wandering

1332. Vô 1332. Cảnh S. 9.2 - L 197 2. Getting up 2. Kinh săn sóc hữu nhất tỉnh mê ngủ (0367C17) xứ J

1333. Vô 1333. Xả bỏ S. 9.1 - L 197 1. Seclusion l.Kinh viễn ly bất nhất xứ bụi trần (0368al2)

1334. 1334. Tư S. 9.11-1. 203 11. Unskillful 11. Kinh tư duy Bong bóng duy bất (0368b09) Thoughts bất chánh nước mưa chánh

1335. Cơn 1335. Giữa S. 1.15-1. 7 15. Whispering 15. Kinh tiếng mưa trút trưa (0368ỒỒ22) động rừng sâu S. 9.12-1. 203 12. Midday 12. Kinh giữa trưa —* —-. 1336. Ngũ 1336. Tôn S. 9.6 - L 200 6. With Anuruddha 6. Kinh tiết luân giả A-na- (0368C05) Anuruddha luật

1337. 1337. Siêng S. 9.10-L 202 10. Recitation 10. Kinh tụng Tì-phú-la năng tụng (0368C23) đọc đọc

46. Tương ưng Bà-sa

1338. 1338. Kẻ S. 9.14-L 204 14. The Thief of 14. Kinh kẻ trộm Thân trộm hương (0369a09) Scent hương mạng

1339. 1339. S. 9.3 - L 198 3. With 3. Kinh Mục-liên Thợ săn (0369b17) Kassapagotta Kassapagotta 1340. 1340. Tôn O S. 9.9 - L 201 9. A Vajjī 9. KinhVajjiputta Kỳ tai giả Kim (0369C02) Cương Tử

1341. 1341. Trì S. 9.5-1. 199 5. With Ānanda 5. Kinh Ānanda Kỳ đặc giới và đa (0369c16) văn 1342. 1342. Tồn S. 9.7 -1. 200 7. With Nāgadatta 7. Kinh Hữu ngã giả Na-ca- (0369C28) Nāgadatta đạt-đa 1343. Kiến 1343. Cảnh S. 2.25-L 61 25. With Jantu 25. Kinh Jantu tỉnh buông (0370all) S. 9.13-L 203 13. Undisciplined 13. Kinh không lung Faculties chế ngự các căn 1344. 1344. Vượt S. 9.8 - L 201 8. The Mistress of 8. Kinh gia phụ Vô tri lên dư luận (0370ỒỒ02) the House

PHỤ LỤC 2 1619

1345. 1345. Không có Không có Không có Xuất gia Tỳ-kheo (0370ỒỒ27) Kiến-đa

47. Tương ưng Ngoại đạo

1346. 1346. Cảnh Không có Không có Không có Uất-đê-ca tỉnh mê ngủ (0370c09) (2)

1347. 1347. Không có Không có Không có Phú-lân-ni Kẻ say (0371a24)

1348. 1348. Không có Không có Không có Câu-ca-na Dã can (0371008)

1349. Cấp 1349. Nhớ Không có Không có Không có Cồ Độc nghĩ đến (0371bl8) Phật

1350. 1350. Hoa O Không có Không có Không có Trường Ba-tra-lợi (0371ỒỒ26) Trảo

1351. 1351. Chim Không có Không có Không có Xá-la-bộ khổng tước (0371C03)

1352. 1352. Tỳ- Không có Không có Không có Thượng kheo xây (0371C14) Tọa dựng

1353. 1353. Không có Không có Không có Tam đế Cháy rừng (0371C29)

1354. 1354. Theo Không có Không có Không có Chiên-đà dòng Thánh (0372al0) đạo

1355. Bổ- 1355. Kẻ Không có Không có Không có lũ-đê-ca trộm dưa (0372a22) (1)

1356. Bổ- 1356. Sa-di Không có Không có Không có lũ-đê-ca nói kệ (0372b04) (2)
1357. 1357. Không có Không có Không có Thi-bà(l) Bát sành (0372b18)

1358. 1358. Tư Không có Không có Không có Thi-bà (2) duy của (0372c12) người nghèo

1620 KINH TẠP A-HÀM

1359. 1359. Mong Không có Không có Không có Thương cầu y tốt (0372c24) chủ

1360. Tu- 1360. O Không có Không có Không có bạt-đà-la Vũng bùn (0373a09)

1361. Không có Không có Không có
Hân hoan (0373a23)
- - " - *

1362. —— Không có Không có Không có
Tích góp (0373ỒỒ7)
PHỤ LỤC 3 MÔT SỐ KINH TẠPA-HÀM có PHÀN GIỐNG VỚI CÁC KINH PẢLI KHÁC

KINH TẠPA-HÀM LONG DISCOURSES DĪGHĀ NIKĀYA KINH TRƯỜNG BÔ COLLECTION (TTDTTT) (PTS) (Bhikkhu Sujāto) (TTTĐPGVN)

154. Chấp không D. 2, Sāmañ̃ñaphala Sutta 2. The Fruits of the Ascetic 2. Kinh Sa-môn quả Life 155. Không có nỗ lực D. 2, Sāmañ̃ñaphala Sutta 2. The Fruits of the Ascetic 2. Kinh Sa-môn quả Life 156. Chết là hết D. 2, Sāmañ̃ñaphala Sutta 2. The Fruits of the Ascetic 2. Kinh Sa-mồn quả Life 157. Không nhân D. 2, Sāmañ̃ñaphala Sutta 2. The Fruits of the Ascetic 2. Kinh Sa-môn quả không duyên Life 158. Sự thanh tịnh D. 2, Sāmañ̃ñaphala Sutta 2. The Fruits of the Ascetic 2. Kinh Sa-môn quả của chúng sanh Life 159. Không thấy, D. 2, Sāmañ̃ñaphala Sutta 2. The Fruits of the Ascetic 2. Kinh Sa-môn quả không biết Life 160. Thấy và biết D. 2, Sāmañ̃ñaphala Sutta 2. The Fruits of the Ascetic 2. Kinh Sa-môn quả Life 161. Bảy loại thân D. 2, Sāmañ̃ñaphala Sutta 2. The Fruits of the Ascetic 2. Kinh Sa-môn quả Life 162. Không tin có D. 2, Sāmañ̃ñaphala Sutta 2. The Fruits of the Ascetic 2. Kinh Sa-môn quả nghiệp báo Life 163. Các loại chúng D. 2, Sāmañ̃ñaphala Sutta 2. The Fruits of the Ascetic 2. Kinh Sa-môn quả sanh Life 165. Đấng sáng thế D. 1, Brahmajāla Sutta 1. The Prime Net 1. Kinh Phạm võng

169. Chấp ngã, thế gian D. 1, Brahmajāla Sutta 1. The Prime Net 1. Kinh Phạm võng

170. Đệ nhất nghĩa D. 1, Brahmajāla Sutta 1. The Prime Net 1. Kinh Phạm võng Bát-niết-bàn 366. Bảy vị Phật D. 14, Mahāpadāna Sutta 14. The Great Discourse on 14.

Kinh đại bổn the Harvest of Deeds 498. Trí tuệ của D. 28, Sampasādaniya 28. Inspiring Confidence 28. Kinh tự hoan hỷ Thê Ton Sutta

979. Ngoại đạo D. 16, Mahāparinibbāna 16. The Great Discourse on 16. Kinh Tu-bạt-đà-la Sutta the Buddha's Extinguishment Đại Bát-niết-bàn

1622 KINH TẠP A-HÀM

TẠPA-HÀM MIDDLE DISCOURSES MAJJHIMĀ NIKĀYA KINH TRƯNG BÔ COLLECTION (TTDTTT) (PTS) (Bhikkhu Sujāto) (TTTĐPGVN)

110. Ni-kiền tử M. 35, Cūlasaccaka Sutta 35. The Shorter Discourse 35. Tiểu kinh Saccaka Tát-giá with Saccaka 200. Tuệ giải thoát M. 147, Cūlarāhulovāda 147. The Shorter Advice to 147. Tiểu kinh giáo giới thuần thục Sutta Rāhula La-hầu-la

221. Tất cả thủ M 11, Cūlasīhanāda Sutta 11. The Shorter Discourse on 11. Tiểu kinh sư tử hống the Lion's Roar 236. Khất thực M. 151, 151. The Purification of 151. Kinh khất thực thanh tịnh Pindapātapārisuddhi Sutta Alms thanh tịnh 251. Biết đúng như M. 43, Mahâvedalla Sutta 43. The Great Classification 43. Đại kinh thật phương quảng

276. Tỳ-kheo Nan-đà M. 146, Nandakovāda 146. Advice from Nandaka 146. Kinh giáo giới thuyết pháp Sutta Nandaka 280. Bà-la-môn thành M. 150, Nagaravindeyya 150. With the People of 150. Kinh nói cho dân Tần-đầu Sutta Nagaravinda chúng Nagaravinda

282. Tu tập các căn M. 152, Indriyabhāvanā 152. The Development of the 152. Kinh căn tu tập Sutta Faculties

305. Sáu phân biệt về M. 149, Mahāsajāyatanika 149. The Great Discourse on 149. Đại kinh sáu xứ sáu nhập xứ Sutta the Six Sense Fields

311. Tôn giả M. 145, Punnovāda Sutta 145. Advice to Punna 145. Kinh giáo giới Phú-lâu-na Phú-lâu-na 323. Sáu căn M. 148, Chachakka Sutta 148. Six by Six 148. Kinh sáu sáu

324. Sáu trần M. 148, Chachakka Sutta 148. Six by Six 148. Kinh sáu sáu

325. Sáu loại thức M. 148, Chachakka Sutta 148. Six by Six 148. Kinh sáu sáu

326. Sáu loại xúc M. 148, Chachakka Sutta 148. Six by Six 148. Kinh sáu sáu

327. Sáu loại thọ M. 148, Chachakka Sutta 148. Six by Six 148. Kinh sáu sáu

330. Sáu loại ái M. 148, Chachakka Sutta 148. Six by Six 148. Kinh sáu sáu 344. Tôn giả M. 9, Sammāditthi Sutta 9. Right View 9. Kinh chánh tri kiến Câu-hy-la 451. Các giới M. 115, Bahudhātuka Sutta 115. Many Elements 114. Kinh đa giới

485. Các loại cảm thọ M. 59, Bahuvedanīya Sutta 59. The Many Kinds of 59. Kinh nhiều cảm thọ Feeling 505. Ái tận thì giải M. 37, Cūlatanhāsañkhaya 37. The Shorter Discourse on 37. Tiểu kinh đoạn tận ái thoát (1) Sutta the Ending of Craving

548. Nghiệp là M. 84, Madhura Sutta 84. At Madhurā 84. Kinh Madhura chân thật

593. Cấp Cô Độc M. 143, 143. Advice to 143. Kinh giáo giới sanh thiên Anāthapindikovāda Sutta Anāthapindika Cấp Cồ Độc

PHỤ LỤC 3 1623

612. Ví dụ cây cung M. 12, Mahāsīhanāda Sutta 12. The Longer Discourse on 12. Đại kinh sư tử hống the Lion's Roar

684. Khác biệt giữa M. 12, Mahāsīhanāda Sutta 12. The Longer Discourse on 12. Đại kinh sư tử hống Phật và A-la-hán the Lion's Roar

701. Mười lực của M. 12, Mahāsīhanāda Sutta 12. The Longer Discourse on 12. Đại kinh sư tử hống Như Lai the Lion's Roar

785. Giảng rộng M. 117, Mahâcattārīsaka 117. The Great Forty 117. Đại kinh bốn mươi Thánh đạo tám chi Sutta 789. Bà-la-môn M. 117, Mahācattārīsaka 117. The Great Forty 117. Đại kinh bốn mươi Sanh Văn Sutta

803. Quán niệm M. 62, Mahārāhulovāda 62. The Longer Advice to 62. Đại kinh giáo giới hơi thơ (2) Sutta Rāhula La-hau-la M. 118, Ānāpānassati Sutta 118. Mindfulness of 118. Kinh quán niệm Breathing hơi thở 810. Một pháp hội đủ M. 118, Ānāpānassati Sutta 118. Mindfulness of Breathing 118. Kinh quán niệm nhiều pháp hơi thở

811.Tỳ-kheo khác M. 118, Ānāpānassati Sutta 118. Mindfulness of Breathing 118. Kinh quán niệm hỏi Phật (2) hơi thở

815. Bố-tát M. 118, Ānāpānassati Sutta 118. Mindfulness of Breathing 118. Kinh quán niệm hơi thở

962. Ben vững như M. 72, Aggivaccha Sutta 72. With Vacchagotta on Fire 72. Kinh dạy lõi cây Vacchagotta về lửa 964. Ngoại đạo M. 73, Mahãvaccha Sutta 73. The Longer Discourse 73. Đại kinh Bà-tha xuất gia with Vacchagotta Vaccaghotta

969. Trường Trảo M. 74, Dīghanakha Sutta 74. With Dīghanakha 74. Kinh Trường Trảo xuất gia

1032. Xá-lợi-phất M. 143, 143. Advice to 143. Kinh giáo giới thăm bệnh Anāthapindikovāda Sutta Anāthapindika Cấp Cô Độc

1042. Tỳ-la-ma (1) M. 41, Sāleyyaka Sutta 41. The People of Sālā 41. Kinh Sāleyyaka M. 42, Verañjaka Sutta 42. The People of Verañja 42. Kinh Verañjaka 1077. Ương-cù-lợi- M. 86, Añgulimāla Sutta 86. With Añgulimāla 86. Kinh Angulimāla ma-la

1079. Gò mối M. 23, Vammika Sutta 23. The Ant-Hill 23. Kinh gò mối

1185. Nghiệp tịnh do M. 7, Vattha Sutta 7. The Simile of the Cloth 7. Kinh ví dụ tấm vải mình tịnh

1248. Phương ph M. 34, CũĮagopãlaka Sutta 34. The Shorter Discourse on 34. Tiểu kinh người chăn bò the Cowherd chăn bò

1249. Mười một pháp M. 33, Mahāgopālaka Sutta 33. The Longer Discourse on 33. Đại kinh chăn bò the Cowherd người chăn bò

1266. Tỳ-kheo M. 144, Channovāda Sutta 144. Advice to Channa Kinh giáo giới Channa Xiển-đa



TẠPA-HÀM AÑGUTTARA NIKẢYA NUMBERED DISCOURSES
KINH TĂNG CHI BÔ
COLLECTION
(TTDTTT) (PTS) (Bhikkhu Sujāto) (TTTĐPGVN)
71. Kiến chấp về A. 10.20-V. 29, 20. Abodes of the Noble 20. Kinh Thánh cư thân (2) Dutiyaariyāvāsasutta Ones (2nd) thứ hai

89. Hiến tế đúng A. 4.39 - IL 42, Ujjayasutta 39. With Ujjaya 39. Kinh Ujjaya pháp

90. Hiến tế thanh tịnh A. 4.40 - II. 43, Udāyīsutta 40. With Udāyī 40. Kinh Udāyī

91. Bốn pháp sống A. 8.54-IV. 281, 54. With Dīghajānu 54. Kinh Dīghajānu an vui Dīghajānusutta A. 8.55 - IV. 285, 55. With Ujjaya 55. Kinh Bà-la-môn Ujjayasutta Ujjaya 93. Ba loại lửa A. 7.47-IV. 41, 47. Fires (2nd) 47. Kinh lửa thứ hai Dutiyaaggisutta 94. Thiện, bất thiện A. 5.31 - m. 32, 31. With Sumanā 31. Kinh Sumanā như mặt trăng Sumanasutta

95. Cúng dường nơi A. 3.58 - L 160, 57. With Vacchagotta 58. Kinh Vacchagotta xứng đáng Vacchagottasutta 101. Đức Phật là ai A. 4.36 -II. 37, 36. Dona 36. Kinh Dona Donasutta

234. Tận cùng A. 4.45 - IL 47, 45. With Rohitassa 45. Kinh Rohitassa thế giai Rohitassasutta A. 4.46 - II. 49, 46. With Rohitassa (2nd) 46. Kinh Dutiyarohitassa Dutiyarohitassasutta thứ hai 249. Còn lại những A. 4.173-II. 161, 173. With Mahākotthita 173. Kinh Mahākotthika gi? J Mahākotthikasutta

251. Biết đúng như A. 4.175-II. 163, 175. With Upavāna 175. Kinh upavāna thật Upavānasutta

254. Tôn giả A. 6.55 - III. 374, 55. With Sona 55. Kinh Sona Thập NhịƯc Nhĩ Sonasutta

263. Tùy thuận tu tập A. 7.71 -IV. 125, 71. Committed to 71. Kinh tu tập Bhāvanāsutta Development 275. Tỳ-kheo Nan-đà A. 8.9-IV. 166, 9. Nandā 9. Kinh Tôn giả Nandā Nandasutta 344. Tôn giả A. 9.13-IV. 382, 13. With Kotthita 13. Kinh Kotthika Câu-hy-la Kotthikasutta 346. Ba pháp A. 10.76-V. 144, 76. Three Things 76. Kinh ba pháp Tayodhammasutta 406. Rùa mù và A. 4.77 - II. 80, 77. Unthinkable 77. Kinh không thể nghĩ bộng cây Acinteyyasutta đến được

407. Trốn vào A. 4.77 - II. 80, 77. Unthinkable 77. Kinh không thể nghĩ ngó sen Acinteyyasutta đến được

423. Tối tăm A. 3.80 -1. 226, 79. Fragrances 80. Kinh các loại hương cùng cực (1) Gandhajātasutta

424. Tối tăm A. 3.80 - L 226, 79. Fragrances 80. Kinh các loại hương cùng cực (2) Gandhajātasutta

425. Tối tăm A. 3.80 - L 226, 79. Fragrances 80. Kinh các loại hương cùng cực (3) Gandhajātasutta 426. Tối tăm A. 3.80 - L 226, 79. Fragrances 80. Kinh các loại hương cùng cực (4) Gandhajātasutta 459. Tự mình làm và A. 6.38 - III. 337, 38. One's Own Volition 38. Kinh tự làm người khác làm Attakāñsutta

465. Đoạn trừ A. 4.177 - II. 164, 177. With Rāhula 177. Kinh Rāhula trói buộc Rāhulasutta

482. Năm pháp A. 5.176 - III. 206, Pītisutta 176. Rapture 176. Kinh hoan hỷ viên mãn

484. Nam pháp A. 5.170-III. 202, 170. With Bhaddaji 170. Kinh Bhaddaji bậc nhất Bhaddajisutta

486. Mười ph A. 10.27-V. 48, 27. The Great Questions (1st) 27. Kinh những câu hỏi chân chánh (1) Pathamamahāpañhāsutta lớn thứ nhất

487. Mười pháp A. 10.27-V. 48, 27. The Great Questions (1st) 27. Kinh những câu hỏi chân chánh (2) Pathamamahāpañhāsutta lớn thứ nhất 488. Mười pháp 410.27-V. 48, 27. The Great Questions (1st) 27. Kinh những câu hỏi chân chánh (3) Pathamamahāpañhāsutta lớn thứ nhất 489. Mười pháp 410.27-V. 48, 27. The Great Questions (1st) 27. Kinh những câu hỏi chân chánh (4) Pathamamahāpañhāsutta lớn thứ nhất

492. Phá tan vô minh A. 4.178-IL 165, 178. Billabong 178. Kinh hồ nước Jambālīsutta ở làng 494. Thần thông A. 6.41 - III. 340, 41. A Tree Trunk 41. Kinh đống gỗ biến hóa Dārukkhandhasutta 495. Giới là nền tảng A. 5.168 - III. 200, Sīlasutta 168. Ethics 168. Kinh có giới A. 5.24 - m. 19, Dussīlasutta 24. Unethical 24. Kinh ác giới A. 11.3-4-V. 313-315, 3-4. Vital Conditions (lst-2nd) 3-4. Kinh sảy 1-2 upanisāsutta 1-2 A. 5.21-22-III. 14-15, 21-22. Disrespect (lst-2nd) 21-22. Kinh không có Agāravasutta 1-2 cung kính 1-2 A. 6.50 - III. 360, 50. Sense Restraint 50. Kinh phòng hộ sáu Indriyasamvarasutta căn A. 7.65 - IV. 99, 65. Conscience and Prudence 65. Kinh tàm quý Hirīottappasutta A. 8.81 -IV. 336, 81. Mindfulness and 81. Kinh chánh niệm Satisampajañña sutta Situational Awareness tỉnh giác 410.3-4  V. 4-5, 3-4. Vital Conditions (lst-2nd) 3-4. kinh sảy 1-2 upanisasutta 1-2

496. Dập tắt tranh cãi A. 2.15-L 52, The Chapter on Disciplinary Phẩm tranh luận Adhikaranavagga Issues

1626  KINH TẠPA-HÀM

497. Năm pháp cử tội A. 5.167-III. 196, 167. Accusation 167. Kinh buộc tội Codanāsutta 499. Khéo tu tâm A. 9.25 - IV. 402, 25. Consolidated by Wisdom 25. Kinh trí tuệ Paññāsutta 546. Xa lìa tham dục A. 2.37 -1. 62, The Chapter on Peaceful Phẩm tâm

thăng bằng và kiến dục Samacittavagga Mind

547. Người thiếu niên A. 2.38 - L 62, The Chapter on Peaceful Phẩm tâm thăng bằng va bạc Ton túc Samacittavagga Mind 549. Nữ cư sĩ A. 10.26 - V. 46, Kālīsutta 26. With Kālī 26. Kinh Kālī Ca-lê-ca 550. Sáu pháp A. 6.26-III. 314, 26. With Mahākaccāna 26. Kinh Mahākaccāna tùy niệm Mahākaccānasutta 556. Tâm vô tướng Ạ. 9.37 - IV. 426, 37. By Ānanda 37. Kinh Tôn giả tam-muội Ānandasutta Ānanda

557. Đệ nhất cú nghĩa Ạ. 9.37 - IV. 426, 37. By Ānanda 37. Kinh Tôn giả Ānandasutta Ānanda

559. Tưởng và Ạ. 9.37 - IV. 426, 37. By Ānanda 37. Kinh Tôn giả giác tri Ānandasutta Ānanda

560. Bốn đạo lộ A. 4.170-II. 156, 170. In Conjunction 170. Kinh gắn liền tu tập Yuganaddhasutta cột chặt 563. Vô Úy Ly-xa A. 3.75 -1. 220, 74.Jains 75. Kinh vị lõa thể Niganthasutta

564. Tồn giả A-nan A. 4.159-II. 144, 159. Nun 159. Kinh Tỳ-kheo-ni giáo giới Bhikkhunīsutta

565. Thiếu niên làng A. 4.194-IL 194, 194. At Sāpūga 194. Kinh các vị Bà-đầu Sāmugiyasutta Sāmugiya 594. Thủ thiên tử A. 3.128 - 1. 278, 127. With Hatthaka 128. Kinh Hatthaka Hatthakasutta

6ll. Nhóm pháp A. 5.52 - III. 65, 52. A Heap of the Unskillful 52. Kinh đống bất thiện thiện và bất thiện Akusalarāsisutta

642. Ba căn của A. 3.86-L 231, 85. A Trainee 86. Kinh hữu học bậc Thánh Sekkhasutta 646. Nội hàm của A. 5.15-m. 11, 15. Should Be Seen 15. Kinh cần phải thấy năm căn Datthabbasutta 661. Hai loại A. 2.11 - I. 52, The Chapter on Disciplinary Phẩm tranh luận sức mạnh (1) Adhikaranavagga Issues 667. Bốn loại A. 4.152-IL 141, 152. The Power of Faith 152. Kinh tín lực sức mạnh (1) Saddhābalasutta 669. Bốn nhiếp sự (2) A. 4.32 - II. 32, 32. Inclusion 32. Kinh nhiếp pháp Sañgahasutta 670. Bốn loại A. 4.153 - II. 142, 153. The Power of Wisdom 153. Kinh tuệ lực sức mạnh (2) Paññābalasutta

PHỤ LỤC 3  1627

671. Bốn loại A. 4.153-II. 142, 153. The Power of Wisdom 153. Kinh tuệ lực sức mạnh (3) Paññābalasutta 673. Năm loại A. 5.13-III. 10, 13. In Brief 13. Kinh tóm lược sức mạnh (1) Sanikhittasutta

675. Năm loại A. 5.14-III. 10, 14. In Detail 14. Kinh quảng thuyết sức mạnh (3) Vitthatasutta A. 5.15-III. 11, 15. Should Be Seen 15. Kinh cần phải thấy Datthabbasutta

677. Sức mạnh của A. 5.1 - III. 1, l.In Brief 1. Kinh tóm tắt bậc Hữu học (1) Samkhittasutta 678. Sức mạnh của A. 5.1 - III. 1, l.In Brief 1. Kinh tóm tắt bậc Hữu học (2) Sanikhittasutta

679. Giải thích rộng A. 5.2- III. 2, Vitthatasutta 2. In Detail 2. Kinh quảng thuyết năm sức mạnh 680. Nên thành tựu A. 5.2- III. 2, Vitthatasutta 2. In Detail 2. Kinh quảng thuyết năm sức mạnh 681. Năm ph A. 5.5 - III. 4, Sikkhāsutta 5. Disrobing 5. Kinh học pháp thanh tịnh (1)

682. Năm pháp A. 5.5 - III. 4, Sikkhāsutta 5. Disrobing 5. Kinh học pháp thanh tịnh (2)

683. Pháp bất thiện A. 5.5 - III. 4, Sikkhāsutta 5. Disrobing 5. Kinh học pháp

684. Khác biệt giữa A. 6.64-III. 417, 64. The Lion's Roar 64. Kinh tiếng rống sư tử Phật và A-la-hán Sīhanādasutta A. 10.21 - V. 32, 21. The Lion's Roar 21. Kinh tiếng rống sư tử Sīhanādasutta

685. Nhũ mẫu A. 5.7 - III. 5, Kāmasutta 7. Sensual Pleasures 7. Kinh dục

686. Sáu năng lực A. 6.64-III. 417, 64. The Lion's Roar 64. Kinh tiếng rống sư tử của Như Lai (1) Sīhanādasutta A. 10.21 - V. 32, 21. The Lion's Roar 21. Kinh tiếng rống sư tử Sīhanādasutta 687. Sáu năng lực A. 6.64-III. 417, 64. The Lion's Roar 64. Kinh tiếng rống sư tử của Như Lai (2) Sīhanādasutta A. 10.21 - V. 32, 21. The Lion's Roar 21. Kinh tiếng rống sư tử Sīhanādasutta

688. Bảy sức mạnh A. 7.3 - IV. 3, 3. Powers in Brief 3. Kinh các sức mạnh Samkhittabalasutta tóm tắt

689. Thành tựu A. 7.3 - IV. 3, 3. Powers in Brief 3. Kinh các sức mạnh bảy sức mạnh Samkhittabalasutta tóm tắt

690. Công năng của A. 7.3 - IV. 3, 3. Powers in Brief 3. Kinh các sức mạnh bảy sức mạnh Samkhittabalasutta tóm tắt

691. Nói rộng bảy A. 7.4 - IV. 3, 4. Powers in Detail 4. Kinh các sức mạnh sức mạnh Vitthatabalasutta quảng thuyết



692. Tám sức mạnh A. 8.27 - IV. 223, 27. Powers (1st) 27. Kinh sức mạnh Pathamabalasutta thứ nhất

693. Nói rộng về A. 8.27 - IV. 223, 27. Powers (1st) 27. Kinh sức mạnh tám sức mạnh Pathamabalasutta thứ nhất

694. Sức mạnh của A. 8.28 - IV. 223, 28. Powers (2nd) 28. Kinh sức mạnh bậc A-la-hán Dutiyabalasutta thứ hai A. 10.90-V. 174, 90. The Powers of One Who 90. Kinh sức mạnh Khīnāsavabalasutta Has Ended Defilements đoạn tận phiền não

695. Tỳ-kheo khác A. 8.28 - IV. 223, 28. Powers (2nd) 28. Kinh sức mạnh hỏi Phạt(l) Dutiyabalasutta thứ hai A. 10.90-V. 174, 90. The Powers of One Who 90. Kinh sức mạnh Khīnāsavabalasutta Has Ended Defilements đoạn tận phiền não

696. Hỏi các Tỳ-kheo A. 8.28 - IV. 223, 28. Powers (2nd) 28. Kinh sức mạnh Dutiyabalasutta thứ hai A. 10.90-V. 174, 90. The Powers of One Who 90. Kinh sức mạnh

Khīnāsavabalasutta Has Ended Defilements đoạn tận phiền não

697. Chín sức mạnh A. 8.28 -IV. 223, 28. Powers (2nd) 28. Kinh sức mạnh Dutiyabalasutta thứ hai A. 10.90-V. 174, 90. The Powers of One Who 90. Kinh sức mạnh Khīnāsavabalasutta Has Ended Defilements đoạn tận phiền não

698. Nói rộng về A. 8.28 -IV. 223, 28. Powers (2nd) 28. Kinh sức mạnh chín sức mạnh Dutiyabalasutta thứ hai A. 10.90-V. 174, 90. The Powers of One Who 90. Kinh sức mạnh Khīnāsavabalasutta Has Ended Defilements đoạn tận phiền não

701. Mười lực của A. 6.64-III. 417, 64. The Lion's Roar 64. Kinh tiếng rống sư tử Như Lai Sīhanādasutta A. 10.21 - V. 32, 21. The Lion's Roar 21. Kinh tiếng rống sư tử Sīhanādasutta 707. Chướng ngại và Ạ. 5.51 - III. 63, 51. Obstacles 51. Kinh chướng ngại ngăn che Āvaranasutta

725. Thiện và A. 5.52 - III. 65, 52. A Heap of the Unskillful 52. Kinh đống bất thiện bất thiện Akusalarāsisutta

748. Tướng mặt trời A. 10.111 - V. 221, 111. An Adept (1st) 111. Kinh Vô học mọc Pathamaasekhasutta thứ nhất

758. Lo sợ giữa mẹ A. 3.63 - 1. 178, Bhayasutta 62. Perils 63. Kinh các sợ hãi và con

760. Ba điều A. 10.76-V. 144, 76. Three Things 74. Kinh ba pháp không vui Tayodhammasutta

767. Nhóm thiện và A. 5.52 - III. 65, 52. A Heap of the Unskillful 52. Kinh đống bất thiện bất thiện Akusalarāsisutta

771. Bờ bên kia(l) A. 10.117-V. 232, 117. With Sañgārava 117. Kinh Sañgārava Sañgāravasutta

PHỤ LỤC 3 1629

786. Hướng tà A 10.103-V. 211, 103. The Wrong Way 103. Kinh tà tánh Micchattasutta 787. Tà kiến, A. 10.104-V. 212, 104. A Seed 104. Kinh chủng tử chánh kiến (1) Bījasutta 788. Tà kiến, A. 10.104-V. 212, 104.A Seed 104. Kinh chủng tử chánh kiến (2) Bījasutta

800. Bà-la-môn A. 5.96-III. 120, 96. Remembering What 96. Kinh thọ trì pháp Sutadharasutta You5 ve Learned đã nghe A. 5.97 - III. 120, 97. Talk 97. Kinh nói chuyện Kathāsutta Ạ. 5.98-III. 121, 98. In the Wilderness 98. Kinh sống ở rừng Āraññakasutta

816. Ba học pháp (1) A. 3.90 - L 235, 89. Three Trainings (1st) 90. Kinh ba học pháp Pathamasikkhattayasutta thứ nhất

817. Ba học pháp (2) A. 3.89 - L 235, 88. Training (3rd) 89. Kinh học pháp Tatiyasikkhāsutta thứ ba

819. Giới kinh A. 3.88 -1. 234, 87. Training (2nd) 88. Kinh học pháp Dutiyasikkhāsutta thứ hai

820. Học xứ A. 3.87 - L 232, 86. Training (1st) 87. Kiỉyi học pháp Pathamasikkhāsutta thứ nhất

821. Tăng thượng A. 3.86-L 231, 85. A Trainee 86. Kinh hữu học tam học Sekkhasutta

827. Đúng thời A. 3.83 - L 229, 82. The Donkey 83. Kinh con lừa làm ruộng Gadrabhasutta

828. Con lừa và A. 3.82 - L 229, 81. Ascetics 82. Kinh Sa-môn đàn bò Samanasutta

829. Tôn giả A. 3.83 - L 230, 83. Fields 84. Kinh nghề nông Bạt-kỳ tử Khettasutta

830. Tôn giả A. 3.90 - L 236, 90. Three Trainings (2nd) 91. Kinh ba học pháp Ca-diếp-thị Dutiyasikkhattayasutta thứ hai

831. Khen ngợi A. 3.90 - L 236, 90. Three Trainings (2nd) 91. Kinh ba học pháp người học giới Dutiyasikkhattayasutta thứ hai

832. Ba học pháp (4) A. 3.88 -1. 235, 88. Training (3rd) 89. Kinh học pháp Tatiyasikkhāsutta thứ ba 837. Tin người và A. 5.250 -III. 270, 250. Faith in Individuals 250. Kinh tịnh tín đối tin Tăng Puggalappasādasutta với một người

845. Tự mình A. 9.27 - IV. 405, 27. Dangers and Threats (1st) 27. Kinh hận thù xác quyết Pathamaverasutta thứ nhất

846. Thấy biết như A. 9.27 - IV. 405, 27. Dangers and Threats (1st) 27. Kinh hận thù thật về Thánh đạo Pathamaverasutta thứ nhất A. 10.92-V. 182, 92. Dangers 92. Kinh sợ hãi Bhayasutta

1630 KINH TẠP A-HÀM

857. Năm pháp A. 11.13-V. 334, 13. With Nandiya 13. Kinh Nandiya hoan hỷ Nandiyasutta

858. Sáu niệm A. 11.13-V. 334, 13. WithNandiya 13. Kinh Nandiya Nandiyasutta

861. Cõi trời A. 3.70 - L 205, 70. Sabbath 70. Kinh các lễ Bố-tát Đâu-suất-đà ưposathasutta A. 8.42-IV. 251, 42. The Sabbath with Eight 42. Kinh ngày trai giới Vitthatūposathasutta Factors, in Detail chi tiết A. 8.43 - IV. 255, 43. With Visākhā on the 43. Kinh Visākhā Visākhāsutta Sabbath

862. Cõi trời Hóa Lạc A. 3.70 - L 205, 70. Sabbath 70. Kinh các lễ Bố-tát ưposathasutta A. 8.42-IV. 251, 42. The Sabbath with Eight 42. Kinh ngày trai giới Vitthatūposathasutta Factors, in Detail chi tiết A. 8.43 - IV. 255, 43. With Visākhā on the 43. Kinh Visākhā Visākhāsutta Sabbath

863. Cõi trời A. 3.70 - L 205, 70. Sabbath 70. Kinh các lễ Bố-tát Tha Hóa Tự Tại Uposathasutta A. 8.42-IV. 251, 42. The Sabbath with Eight 42. Kinh ngày trai giới Vitthatūposathasutta Factors, in Detail chi tiết A. 8.43 - IV. 255, 43. With Visākhā on the 43. Kinh Visākhā Visākhāsutta Sabbath

873. Bốn chúng A. 4.7 - II. 8, Sobhanasutta 7. Beautification 7. Kinh chói sáng

875. Bốn nỗ lực A. 4.13-IL 15, 13. Effort 13. Kinh chánh cần chân chánh (1) Padhānasutta A. 4.69 - II. 74, 69. Effort 69. Kinh tinh cần Padhānasutta A. 4.275 - II. 256, 275. Right Efforts 275. Kinh chánh cần Sammappadhānasutta

876. Bốn nỗ lực A. 4.13 - II. 15, 13. Effort 13. Kinh chánh cần chân chánh (2) Padhānasutta A. 4.69 - II. 74, 69. Effort 69. Kinh tinh cần Padhānasutta A. 4.275 - IL 256, 275. Right Efforts 275. Kinh chánh cần Sammappadhānasutta

879. Bốn nỗ lực A. 4.14-II. 16, 14. Restraint 14. Kinh chế ngự chân chánh (5) Samvarasutta 883. Thiền định và A. 6.24-III. 311, 24. The Himalaya 24. Kinh núi Tuyết thiền chứng Himavantasutta

884. Ba minh của A. 3.58-L 163, 58. With Tikanna 59. Kinh Tikanna bậc vô học (1) Tikannasutta A. 3.59-L 166, 59. With Jānussoni 60. Kinh Jānussoni Jānussonisutta

PHỤ LỤC 3 1631

885. Ba minh của A. 3.58 -1. 163, 58. With Tikanna 59. Kinh Tikanna bậc vô học (2) Tikannasutta A. 3.59 -1. 166, 59. With Jānussoni 60. Kinh Jānussoni Jānussonisutta

902. Như Lai là A. 4.34 -IL 34, 34. The Best Kinds of 34. Kinh các lòng tin bậc nhất Aggappasādasutta Confidence tối thượng A. 5.32 - III. 35, Cundīsutta 32. With Cundī 32. Kinh Cundī

903. Lìa tham dục A. 4.34 - II. 34, 34. The Best Kinds of 34. Kinh các lòng tin Aggappasādasutta Confidence tối thượng A. 5.32- III. 35, Cundīsutta 32. With Cundī 32. Kinh Cundī

904. Chúng A. 4.34 - II. 34, 34. The Best Kinds of 34. Kinh các lòng tin Thanh văn Aggappasādasutta Confidence tối thượng A. 5.32 - III. 35, Cundīsutta 32. With Cundī 32. Kinh Cundī

909. Ba cách A. 4.111 - II. 112, Kesisutta 111. With Kesi 111. Kinh Kesi luyện ngựa (1)

917. Ba loại ngựa A. 3.140-L 287, 140. A Wild Colt 141. Kinh ngựa chưa được điều phục Assakhaluñkasutta được điều phục A. 3.141 - L 289, 141. Excellent Horses 142. Kinh ngựa được Assaparassasutta điều phục A. 9.22 - IV. 397, 22. A Wild Colt 22. Kinh ngựa chưa Assakhajuñkasutta được

918. Ba loại ngựa tốt A. 3.141 - L 289, 141. Excellent Horses 142. Kinh ngựa được Assaparassasutta điêu phục

919. Ba loại ngựa hay A. 3.142-1. 290, 142. The Thoroughbred 143. Kinh các loại ngựa Assājānīyasutta thuần thục A. 9.22 - IV. 397, 22. A Wild Colt 22. Kinh ngựa chưa Assakhajuñkasutta được điều phục

920. Ba loại A. 3.96 - L 244, 96. The Thoroughbred (1st) 97. Kinh thuần phục ngựa quý Pathamaāj ānīyasutta thứ nhất A. 3.97 - L 245, 97. The Thoroughbred (2nd) 98. Kinh thuần phục Dutiyaāj ānīyasutta thứ hai A. 3.98 - L 245, 98. The Thoroughbred (3rd) 99. Kinh thuần phục Tatiyaāj ānīyasutta thứ ba

921. Bốn đức Ả. 4.259 -II. 250, 259. A Thoroughbred (1st) 259. Kinh thuần chủng Pathamaāj ānīyasutta thứ nhất A. 4.260 - IL 251, 260. A Thoroughbred (2nd) 260. Kinh thuần chủng Dutiyaāj ānīyasutta thứ hai

922. Tự điều phục và A. 4.113-IL 114, 113. The Goad 113. Kinh gậy thúc ngựa bị điều phục Patodasutta

923. Ba cách A. 4.111 - II. 112, Kesisutta 111. With Kesi 111. KinhKesi luyện ngựa (2)



924. Tám loại A. 8.13-IV. 188, 13. A Thoroughbred 13. Kinh ngựa ngựa chứng Assājānīyasutta thuần thục A. 8.14-IV. 190, 14. A Wild Colt 14. Kinh ngựa Assakhaluñkasutta chưa điều phục

925. Tám đức của A. 8.13-IV. 188, 13. A Thoroughbred 13. Kinh ngựa Hiền sĩ Assājānīyasutta thuần thục A. 8.14-IV. 190, 14. A Wild Colt 14. Kinh ngựa Assakhaluñkasutta chưa điều phục

926. Thiền và A. 11.9-V. 322, 9. With Sandha 9. Kinh Saddhā thiền ương ngạnh Saddhasutta

929. Mười sáu pháp A. 8.25 - IV. 220, 25. With Mahānāma Kinh Thích tử của Ưu-bà-tắc Mahānāmasutta Mahānāma

931. Tu tập sáu niệm A. 6.9 - III. 284, 9. Topics for Recollection 9. Kinh tùy niệm xứ Anussatitthānasutta 4 6.25-III. 312, 25. Topics for Recollection 25. Kinh tùy niệm xứ Anussatitthānasutta

932. Thành tựu A. 11.11 -V.328, 11. With Mahānāma (1st) 11. Kinh Mahānāma mưòd một pháp Pathamamahānāmasutta thứ nhất

933. Thành tựu A. 11.12-V. 332, 12. With Mahānāma (2nd) 12. Kinh Mahānāma mười hai pháp Dutiyamahānāmasutta thứ hai

934. Chánh định và A. 3.73-1.219, 73. With Mahānāma the 74. Kinh Mahānāma giải thoát Mahānāmasakkasutta Sakyan dòng họ Thích

965. Tôn giả A. 10.95-V. 193, 95. With Uttiya 95. Kinh Uttiya uất-đê-ca Uttiyasutta

966. Tôn giả A. 8.82 - IV. 337, 82. With Punniya 82. Kinh Tôn giả Phú-lân-ni Punniyasutta Punniya A. 10.83 - V. 154, 83. With Punniya 83. Kinh Punniya Punniyasutta

967. Ngoại đạo A. 10.96-V. 196, 96. With Kokanuda 96. Kinh Kokanuda Câu-ca-na Kokanudasutta

968. Cấp Cô Độc A. 10.93-V. 185, 93. What Is Your View 93. Kinh có kiến gì thuyết pháp Kimditthikasutta

972. Ba chân lý A. 4.185-II. 176, 185. Truths of the Brahmins 185. Kinh các sự thật Brāhmanasaccasutta Bà-la-môn 973. Ngoại đạo A. 3.71 - L 215, 71. With Channa 72.

Kinh Channa Chiên-đà Channasutta

976. Ngoại đạo A. 6.47 - III. 356, 47. Visible in This Very Life 47. Kinh cho đời này Thi-bà Pathamasanditthikasutta (1st) thứ nhất

980. Niệm Tam bảo A. 8.34 - IV. 237, 34. A Field 34. Kinh thửa ruộng Khettasutta

982. Phật dạy A. 3.33 - 1. 133, 33. With Sāriputta 33. Kinh Sāriputta Xá-lợi-phất Sāriputtasutta

PHỤ LỤC 3 1633

983. Tôn giả A-nan Ạ. 3.32-L 132, 32. With Ānanda 32. Kinh Ānanda Ânandasutta

984. Ái(l) A. 4.199-II. 211, 199. Craving, the Weaver 199. Kinh Ái Tanhāsutta

985. Ái (2) A. 4.200-II. 213, 200. Love and Hate 200. Kinh luyến Pemasutta

990. ưu-bà-di A. 6.44 - III. 347, 44. With Migasālā 44. Kinh Migasālā Lộc Trụ (1) Migasālāsutta A. 10.75-V. 137, 75. With Migasālā 75. Kinh Migasālā Migasālāsutta

991. ưu-bà-di A. 6.44 - III. 347, 44. With Migasālā 44. Kinh Migasālā Lộc Trụ (2) Migasālāsutta A. 10.75-V. 137, 75. With Migasālā 75. Kinh Migasālā Migasālāsutta

992. Hai loại A. 2.35 - L 62, The Chapter on the Peaceful Phẩm tâm thăng bằng ruộng phước Samacittavagga Mind

1009. Tâm A. 4.186-II. 177, 186. Approach 186. Kinh con đường Ummaggasutta sai lạc

1023. Tôn giả A. 6.56 - III. 379, 56. With Phagguna 56. Kinh Phagguna Phả-cầu-na Phaggunasutta

1039. Trưởng giả A. 10.176-V. 263, 176. With Cunda 176. Kinh Cunda Thuần-đà Cundasutta

1040. Pháp xả A. 10.119-V. 233, 119. The Ceremony of 119. Kinh lễ xuất ly Pathamapaccorohanīsutta Descent (1st) thứ nhất A. 10.167-V. 249, 167. The Brahmin Ceremony 167. Kinh lễ xuất ly của Brāhmanapaccorohanīsutta of Descent Bà-la-môn

1041. Phạm chí A. 10.177-V. 269, 177. With Jānussoni 177. Kinh Jānussoni Sanh Vãn Jānussonisutta

1042. Tỳ-la-ma (1) A. 2.6 - L 50, The Chapter on Punishments Phẩm hình phạt Kammakaranavagga, 6. Kinh kiết sử Samyojanasutta

1043. Tỳ-la-ma (2) A. 2.6 - L 50, The Chapter on Punishments Phẩm hình phạt Kammakaranavagga, 6. Kinh kiết sử Samyojanasutta

1045. Pháp thân cận A. 10.199-V. 281, 199. Should Not Associate, 199. Kinh không nên Nasevitabbādisutta etc. thân cận

1046. Bò trườn A. 10.216-V. 288, 216. Creepy Creatures 216. Kinh pháp môn như rắn Samsappanīyasutta quanh co

1047. Viên minh châu A. 3.118-L 270, 118. Loaded Dice 119. Kinh không khiếm Apannakasutta khuyết A. 10.217-V. 292, 217. Intentional (1st) 217. Kinh tư niệm Pathamasañcetanikasutta thứ nhất



1049. Khởi nguyên A. 10.174-V. 261, 174. Sources of Deeds 174. Kinh nguồn gốc của nghiệp Kammanidānasutta của nghiệp

1050. Con đường A. 10.175-V. 262, 175. The Bypass 175. Kinh thoát ly xuất ly Parikkamanasutta

1051. Bờ bên này và A. 10.170-V. 253, 170. The Near Shore 170. Kinh bờ bên này bờ bên kia Orimasutta

1052. Pháp ác và A. 10.191 - V. 278, 191. The True Teaching 191. Kinh Diệu pháp pháp thiện Saddhammasutta

1053. Cực ác và A. 4.207 - II. 222, 207. Bad Character (1st) 207. Kinh tánh ác độc cực thiện Pathamapāpadhammasutta thứ nhất A. 4.208 - II. 223, 208. Bad Character (2nd) 208. Kinh tánh ác độc Dutiyapāpadhammasutta thứ hai A. 4.209 - II. 223, 209. Bad Character (3rd) 209. Kinh tánh ác độc Tatiyapāpadhammasutta thứ ba

1054. Kẻ ác và A. 10.192-V. 279, 192. The Teaching of the 192. Kinh pháp người hiền Sappurisadhammasutta Good Persons bậc Chân nhân

1055. Kẻ cực ác và A. 4.201 -11.217, 201. Training Rules 201. Kinh các học pháp người cực thiện Sikkhāpadasutta

1056. Mười pháp A. 10.221 - V. 303 221. Untitled Discourse on Mười pháp Ten Qualities

1057. Hai mươi pháp A. 10.222 -V. 304 222. Untitled Discourse on Hai mươi pháp Twenty Qualities

1058. Ba mươi pháp A. 10.223 -V. 305 223. Untitled Discourse on Ba mươi pháp Thừty Qualities

1059. Bốn mươi pháp A. 10.224-V. 306 224. Untitled Discourse on Bốn mươi pháp Forty Qualities

1060. Phi pháp và A. 10.198-V. 281, 198. Should Be Realized 198. Kinh cần chứng chánh pháp Sacchikātabbasutta ngộ

1061. Phi luật và A. 10.198-V. 281, 198. Should Be Realized 198. Kinh cần chứng chánh luật Sacchikātabbasutta ngộ

1064. Đề-bà-đạt-đa A. 4.68 - II. 73, 68. Devadatta 68. Kinh Devadatta Devadattasutta

1066. Tỳ-kheo A. 8.9-IV. 166, 9. Nandā 9. Kinh Nandā Nan-đà Nandasutta

1069. Tôn giả A. 4.48-II. 51, 48. With Visākhā, Pañcāli^ 48. Kinh Visākhā Tỳ-xá-khư Visākhasutta Son

1073. Hương thuận A. 3.79 - L 225, 79. Fragrances 80. Kinh các loại hương gió, nghịch gió Gandhajātasutta

1081. Hạt mầm A. 3.128 -1. 279, 128. Bitter 129. Kinh thối nát hư thối Katuviyasutta

PHỤ LỤC 3 1635

1116. Đoạn trừ A. 3.37 -1. 142, 37. The Four Great Kings 37. Kinh bốn bậc đại sân hận Catumahārāj asutta (1st) J vương A. 3.38 - L 143, 38. The Four Great Kings 38. Kinh bốn bậc đại (2nd) J Dutiyacatumahārāj asutta vương thứ hai

1117. Ngày trai giới A. 3.37 - L 142, 37. The Four Great Kings 37. Kinh bốn bậc đại Catumahārāj asutta (1st) J vương

1121. Lợi ích giữ giới A. 10.46-V. 83, 46. With the Sakyans 46. Kinh các vị Thích tử Sakkasutta

1163. Già, chết và A. 3.51 - L 156, 51. Two Brahmins (1st) 51. Kinh hai Bà-la-môn bố thí Pathamadvebrāhmanasutta thứ nhất A. 3.52-L 156, 52. Two Brahmins (2nd) 52. Kinh hai Bà-la-môn Dutiyavebrāhmanasutta thứ nhất

1164. Do ái đan dệt A. 6.61 - III. 399, 61. In the Middle 61. Kinh Trung đạo Majjhesutta

1188. Xứng đáng A. 4.21 - IL 20, 21. At Uruvelā (1st) 21. Kinh tại Uruvela được cung kính Pathamauruvelasutta thứ nhất

1242. Tâm cung kính A. 5.22-III. 15, 22. Disrespect (2nd) 22. Kinh không có cung Dutiyaagāravasutta kính thứ hai

1243. Hai pháp hộ trì A. 2.9-1.51, The Chapter on Punishments Phẩm hình phạt thế gian Kammakaranavagga, 9. Kinh hạnh Cariyasutta

1245. Buông bỏ A. 3.17-L 114, 17. Hurting Yourself 17. Kinh hại mình, hại việc ác Attabyābādhasutta người, hại cả hai

1246. Luyện vàng A. 3.101 - L 253, 101. A Panner 102. Kinh người đãi Pamsudhovakasutta lọc bụi A. 5.23 - III. 16, 23. Corruptions 23. Kinh các uế nhiễm Upakkilesasutta

1247. Tư duy A. 3.102-L 256, 102. Foundations 103. Kinh tướng ba tướng Nimittasutta

1249. Mười một pháp A. 11.17-V. 347, 17. The Cowherd 17. Kinh người chăn bò chăn bò Gopālasutta

1250.Tỳ-kheo A. 5.30 - III. 30, 30. With Nāgita 30. Kinh Tôn giả Nāgita Na-đề-ca (1) Nāgitasutta A. 6.42-III. 341, 42. With Nāgita 42. Kinh Tôn giả Nāgita Nāgitasutta A. 8.68 - IV. 307, 68. Noble Expressions 68. Kinh Thánh ngôn Ariyavohārasutta

1251. Tỳ-kheo A. 5.30 - III. 30, 30. With Nāgita 30. Kinh Tôn giả Nāgita Na-đề-ca (2) Nāgitasutta A. 6.42 - III. 341, 42. With Nāgita 42. Kinh Tồn giả Nāgita Nāgitasutta

1263. Phân tiểu A. 1.320-L 34, Chapter Three Phẩm thứ ba Tatiyavagga

1636 KINH TẠPA-HÀM

1278. Tỳ-kheo A. 4.3 - II. 2, 3. Broken (1st) 38. Kinh mất gốc Cù-ca-le (2) Pathamakhatasutta thứ nhất A. 10.89-V. 170, 89. With Kokālika 89. Kinh Tỷ-kheo Kokãlikasutta Kokālika

1307. Thiên tử A. 4.45 - II. 47, 45. With Rohitassa 45. Kinh Rohitassa Xích Mã Rohitassasutta A. 4.46 - II. 49, 46. With Rohitassa (2nd) 46. Kinh Rohitassa Dutiyarohitassasutta thứ hai

1343. Cảnh tỉnh A. 2.42 -1. 70, Parisavagga The Chapter on Assemblies Phẩm hội chúng buông lung

TẠPA-HÀM KHUDDAKA NIKÃYA MINOR COLLECTION KINH TIÊU BÔ (TTDTTT) (PTS) (Bhikkhu Sujāto) (TTTĐPGVN)

98. Cày ruộng Sn. 1.4-12, With Bhāradvāja the Farmer Kinh Kasibhāradvāja Kasibhāradvāj asutta

102. Pháp Sn. 1.7-21, Vasalasutta The Lowlife Kinh kẻ bần tiện Chiên-đa-la

413. Việc của Ud. 2.2 -11, Rājasutta Kings Kinh vua vua chúa

603. Làm sao vượt Sn. 1.10 - 31, ÂĮavakasutta Ālavaka the Native Spirit Kinh Ālavaka các dòng

1063. Chớ xét đoán J. II. 142, số 202, Keji-Sīla-Jātaka Chuyện tánh người khác Kelisīlajātaka nghịch ngợm

1072. Tôn giả Ưd. 1.8-6, With Sañgāmaji Kinh Sañgāmaji Tăng-ca-lam Sañgāmajisutta

1076. Đà-phiêu Ud. 7.9 - 93, With Dabba (1st) Kinh thứ nhất về Dabba Ma-la tử (2) Pathamadabbasutta

1159. Bà-la-môn Sn. 3.5 - 87, Māghasutta With Māgha on Giving Kinh Māgha Ma-cù

1178. Cả nhà xuất gia Thīg. 136, Vāsitthī Kệ ngôn của Trưởng lão V āsetthīthengāthā Ni Vāsetthī

1218. Bốn pháp cú Sn. 3.3 - 79, Subhāsitasutta Well-Spoken Words Kinh khéo thuyết

1269. Ai qua được Sn. 1.9 - 27, Hemavatasutta The Buddha Teaches Kinh Hemavatā các dòng? Sātāgirā and Hemavatā the Native Spirits

1278. Tỳ-kheo S". 3.10- 124, To Kokāliya on the Results Kinh Kokālika Cù-ca-lê Kokālikasutta of Slander

1279. Cửa đọa lạc Sn. 1.6-19, Downfalls for a Lay Kinh bại vong Parābhavasutta Follower

1284. Đường lên J. IL 248, số 243, Guttila-Jātaka Chuyện nhạc sĩ Guttila thiên giới Guttilajātaka

PHỤ LỤC 3 1637

1314. Thiên tử Ca-ma Sn. 2.5 - 48, Sũcilomasutta Spiky the Native spirit Kinh Sūciloma (2)

1324. Quỷ châm mao Sn. 2.5 - 48, Sūcilomasutta Spiky the Native spirit Kinh Sūciloma

1326. Quỷ A-lạp Sn. 1.10-31, ĀJavaka the Native Spirit Kinh Ālavaka ĀỊavakasutta

1329. Hai thiên thần Sn. 1.9-27, The Buddha Teaches Kinh Hemavatā Hemavatasutta Sātāgirā and Hemavatā the Native Spirits

1330. Quỷ Ud. 4.4 - 40, The Spirit's Blow Kinh cái đánh của ưu-ba-già-tra Yakkhapahārasutta dạ-xoa

PHỤ LỤC 4 TÀI LIỆU THAM KHẢO PÃLI, ANH, HÁN

A. NGUYÊN BẢN PÃLI Añguttara Nikãya, 6 volsed. by Morris, R,Hardy, EHunt, M. and Mrs. Rhys Davids, c. A. E (London: PTS, 1885-1910). Añguttara Nikāya Atthakathā (Manoratihapūram). 5 volsed. by Walleser, M. and Kopp, H. (London: PTS, 1924, etc.). Apadānaṃ 2 volsed. by Lilley, M. E. (London: PTS, 1925-27). Apadāna Atthakathā (Visuddhajanavilāsinī), ed. by Godakumbura, c. E. (London: PTS, 1954). Buddhavamsa. ed. by Jayawickrama, N. A. (London: PTS, 1974). Buddhavamsa Atthakathaṃ ed. by Homer, L B. (London: PTS, 1946). Cariyāpitaka. ed. by Jayawickrama, N. A. (London: PTS, 1974). Cariyāpitaka Atthakathaṃ ed. by Barua, D. L. (London: PTS? 1939). Cūlaniddesa, ed. by Stede, w. (London: PTS, 1918). Cūlavamsa, ed. by Geiger, w. (London: PTS, 1925-27). Dhammapadaṃ ed. by Sumangala, Venerable Suriyagoda (London: PTS, 1914). Dhammapada Atthakathaṃ 5 vols.,ed. by Smith, H,Norman, H. C,and Tailang, L. s. (London: PTS, 1906, etc.). Dhammasañgam, ed. by Muller, E, (London: PTS, 1985). Dhammasañganī Commentary, ed. by Muller, E. (London: PTS, 1985). Dīghā Nikāya, 3 volsed. by Rhys Davids, T. w. and Carpenter, J. E. (London: PTS, 1889-1910). Dīghā Nikāya Atthakathā (Sumañgalavilāsinī), 3 vols.j ed. by Rhys Davids, T. w. and Carpenter, J. E. (London: PTS, 1929-32). Dīpavamsa. ed. andtr. by Oldenberg, H. (London: Williams and Norgate, 1879). Itivuttaka, ed. by Windisch, E. (London: PTS, 1889). Itivuttaka Atthakathaṃ 2 vols.5 ed. by Bose, M. M. (London: PTS, 1934-36). Jātaka. 6 volsed. by Fausboll, v. (London: PTS, 1877-96).

PHỤC LỤC 4 1641

Udāna Atthakathaṃ ed. by Woodward, F L. (London: PTS9 1926). Vỉnaya Pỉtaka, 5 vols.ed. by Oldenberg, H. (London: PTS, 1879-83). Vibhañga, ed. by Rhys Davids, c. A. F.(London: PTS, 1904). Vibhañga Atthakathā. ed. by Buddhadatta, MahātheraA. p. (London: PTS, 1923).

B. BẢN DỊCH TIẾNG ANH A Buddhist Manual of Psychological Ethics, tr. by Mrs. Rhys Davids, c. A. F. (London: PTS, 1900). Buddhist Birth Stories, tr.by Rhys Davids, T. w. (London: Trubner and Co., 1880). Compendium of Philosophy (The Summary of the Topics of Abhidhamma and Exposition of the Topics of Abhidhamma), tr. by Aung. s. z. and Mrs. Rhys Davids, C. A. E (London: PTS? 1910). Cūlavamsa (Translation), 2 vols.? tr. by Mrs. Rickmers, c. Mabel (London: PTS5 1929-30). Dialogues of the Buddhā, tr. by

Rhys Davids, T. Wand Mrs. Rhys Davids, C. A. E (London: PTS 1899). “ Divyāvadāna, ed. by Cowell, E. B. and Neil? R. A. (Cambridge: The University Press, 1886). Points of Controversy (A Translation of the Kathāvatthu), tr. by Aung. s. z. and Mrs. Rhys Davids, c. A. F. (London: PTS, 1915). Psalms of the Early Buddhists I - Psalms of the Sisters (A Translation of the Therīgāthā), tr. by Mrs. Rhys Davids, c. A. F. (London: PTS, 1909). Psalms of the Early Buddhists II - Psalms of the Brethren (A Translation of the Theragāthā), tr. by Mrs. Rhys Davids, c. A. F. (London: PTS, 1913). The Book of the Discipline (A Translation of the Greater Part of the Vinaya Pitaka), tr. by Homer, L B. (London: PTS, 1881). The Book of the Kindred Sayings, 5 volstr. by Mrs. Rhys Davids, c. A. F. and Woodward, F. L. (London: PTS, 1917-30). The Book ofthe Gradual Sayings. 5 vols.j tr. by Woodward, F. L. and Hare, E. M. (London: PTS, 1932-36) The Collection of the Middle Length Sayings. 3 vols.tr. by Homer, I. B. (London: PTS, 1954-59). “ The Jātaka or Stories of the Buddha s Former Births (A Translation of the Jātaka), 6 vols. and Index, tr. by Chalmers, RRouse, w. H. DFrancis, H. T., Neil, R. A.,Cowell, E. B,and ed. by Cowell, E. B. (London: PTS, 1895-1913). The Path ofPurity. 3 vols.5 tr. by Pe, Maung Tin (London: PTS? 1922-31). The Questions of King Milinda. tr. by Rhys Davids, T. w. (Oxford: The Clarendon Press, 1890).



C. SÁCH VÀ TẠP CHÍ TIẾNG ANH Anālayo, Madhyama-āgama Studies (Taipei, Taiwan: Dharma Drum Publishing Corporation, 2012). Rhys Davids, c. A. F., A Manual ofBuddhism (London: Sheldon Press, 1932). Rhys Davids, c. A. FBuddhism: A Study of the Buddhist Norm (London: PTS? 1912). ' Rhys Davids, c. A. E, Buddhism (London: PTS, 1912). Rhys Davids, T. WAmerican Lectures on Buddhism (New York: G. p. Putnam^on, 1896). Rhys Davids, T. WBuddhist India (New York: G. p. Putnam'son; London: T. Fisher Unwin, 1903). Tāranātha, History ofBuddhism in India, tr. by Chipa, Lama; Chattopadhyaya, Alaka (from Tibetan), ed. by Chattopadhyaya, Debiprasad (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers PVT. LTD.? 1990 reprinted). Warren, Henry Clarke, Buddhism ỉn Translations (Cambridge Massachusetts: Harvard University, 1922). Journal of the Pali Text Society, ed. by Rhys Davids, T. w. (London: PTS, 1882, etc.). Journal of the Royal Asiatic Society (London: Cambridge University Press, 1824). -

D. TỪ ĐIỂN A Critical Pali Dictionary, ed. by Trenckner, Vilhelm and Chalmers, Robert (Copenhagen Commissioner: Munksgaard, 1924). Buddhist Hybrid Sanskrit Dictionary, by Edgerton, Franklin (Connecticut: Yale University, 1953). Dictionary of the Pali Language, by Childers, R. c. (London: PTS, 1874). Dictionary of Chinese Buddhist Terms. William Edward Soothill, Lewis Hodous, Digital version (Taipei: Dharma Drum Buddhist College, 2010). Dictionary of Pali Proper Names. 2 vols., by Malalasekera, G. p. (London: John Murray, 1937-38). Encyclopaedia ofBuddhism. 6 vols.j ed. by Malalasekera, G. PBuswell, R. E, Weeraratne, w. G. and others (Government of Ceylon, 1961-99). Encyclopedia ofReligion and Ethics, ed. by Hastings, James (Edinburgh: T&T Clark, 1908^27). J English-Pāli Dictionary, ed. by Buddhadatta, Mahāthera A. p. (Ceylon: Colombo Apothecaries, 1955).

Pãíi-English Dictionary, ed. by Rhys Davids, T. w. and Stede, William (London: PTS, 1921-25). search/node/pali%20dictionary.

E. SÁCH VÀ TỪ ĐIỂN TIẾNG HÁN org/dict/dfb/data/ edu.tw/glossaries/KKJ?locale=zh-TW glossaries/KDR?locale=zh-TW tw/data/lokaksema.dila.pdf buddhason.org/ad/index.htm

SÁCH DAN A ấp A-tỳ-ca 1026, 1027 A-kỳ-tỳ 91, 629, 630, 647, 648, 649 ấp Ba-liên-phất 731, 732, 733, 734, 735, A-la-hán 12, 13, 14, 16, 17, 18, 19, 43, 84, 810, 1486 86, 125, 126, 131, 187, 224, 274, 276, ấp Đê-di-la 1026 295,416,443, 509,606,620,695 725, ấp Hoàng Chẩm 829 743, 748,749,756,758,777,778, 843, ấp Lưu-lợi 1084 854, 855, 872, 948, 951, 956, 1010, ấp Xích Mã 1027 1043, 1053, 1066, 1068, 1123, 1136, A-câu-tra 1452, 1453 1178, 1190, 1323, 1345, 1347, 1354, A-chi-la Ca-diếp 360, 361, 362, 363, 1535 1472, 1543, 1567 Ác ma Ba-tuần 1186, 1187, 1188, 1189, A-lan-nhã 549, 1012, 1247, 1248, 1249, 1191, 1195, 1196, 1197, 1198, 1199, 1250, 1322, 1493 1202, 1204, 1285, 1333, 1334, 1335, A-la-tỳ-ca 315 1336, 1337, 1338, 1339, 1340, 1341, A-luyện-nhã 276, 549, 1012, 1093, 1247, 1342, 1397 1250, 1592, 1601 Ác Tính 964, 965 A-na-hàm 284,451, 611, 618, 619, 673, 723, A-dật-đa 402 731, 760,761,769, 824, 827, 841, 864, A-dục 680, 682, 684, 685, 686, 687, 688, 865, 866, 881, 883, 886, 889, 914, 692,693,694,695,696, 697,699,700, 915, 983, 984, 998, 1001, 1002, 1006, 701,708,709,712,740, 748, 749,750, 1010, 1040, 1042, 1115, 1125, 1130, 751,752, 753,754, 1560 1131, 1133, 1141, 1190, 1231, 1236, ái dục 19, 21, 22, 82, 105, 109, 135, 163, 1279, 1323, 1324, 1325, 1361, 1390, 164,167,222,246,313,336,337,367, 1502, 1586 368, 371,443, 508, 509,511, 542, 543, A-nan Tỳ-đề-ha-mâu-ni 1252, 1254, 1255 549,614,631,662,664, 668,797, 806, A-nậu-lâu-đà 687, 688, 752 836, 924, 925, 971, 972, 1074, 1075, An-già-đà 747 1076, 1091, 1105, 1120, 1121, 1140, áo ca-lăng-già 815 1141, 1146, 1191, 1193, 1200, 1308, ao Câu-hy-la 463, 464 1450, 1455, 1464, 1465, 1518 ao Di Hầu 91, 94, 146, 253, 254, 255, 256, ái hỷ 67, 371,662, 1292, 1336, 1518 257, 460, 46], 629, 899, 900, 1011, Ái Lạc 1193, 1194 1070, 1183, 1205, 1206, 1208, 1397, ai ngữ 769, 770, 1353 1400, 1421 Ái Niệm 1193, 1194 áo kiếp-bối 905 ái tưởng 1175 A-phu-tỳ 1243, 1244 A-kỳ-đa Chỉ-xá-khâm-bà-la 1066,1305,1363 a-tăng-kỳ kiếp 746 A-kỳ-đa Sí-xá-khâm-bà-la 133 A-thã-bà 701 A-kỳ-ni-đạt-đa 742 a-tu-la Bà-trĩ 1226, 1227



a-tu-la La-hầu-la 658, 937 A-tỳ-đàm 820, 1038, 1190 a-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la 1211, 1212, A-tỳ-phù 1452 1213, 1220, 1221, 1222, 1225, 1226, A-xà-thế 682, 693, 1156, 1376, 1377, 1397 1228,1287

ba ái 357, 435, 546, 1292, 1305 bậc Minh Hạnh Túc 1072 ba bất thiện căn 717 bậc Như Lai 55, 326, 841, 1027 bậc A-la-hán Câu giải thoát 1010 ba cõi 505, 506, 507, 691, 692, 707, 708, bậc A-la-hán Tuệ giải thoát 777, 778 1088, 1091, 1182, 1191, 1292 ba căn 755 bậc phước điền vô thượng 611, 618 bậc Chánh Giác 512, 1123, 1320, 1471 bậc Tâm giải thoát 19,797 bậc Chánh sĩ 842, 1181, 1182 bậc Thánh lậu tận 842 bậc Đại Đức, Đại Lực

105 bậc Thất hữu 887 bậc Đại giác vô biên 1314 bậc Thầy Lưỡng Túc Tôn 1315 bậc Đại Long 1167 bậc Thế Hùng 697 bậc Đại nhân 252, 563, 564, 681 bậc Thông tuệ 12, 84, 134, 1044, 1252 bậc Đại sĩ Đại Long 1436 bậc Thuần nhất 43 bậc Đại sĩ Dũng Lực 1436 bậc Thượng sĩ 444, 446, 1155 bậc Đại sĩ Ngựa Hay 1436 bậc Tiên Nhân thượng thủ 1274, 1275, 1276 bậc Đại sĩ Ngưu Vương 1436 bậc Tịnh giới 1216 bậc Đại sĩ Thượng Thủ 1436 bậc Trí Tuệ 747 bậc Đại sĩ Thù Thang 1436 bậc Tuệ giác 1362 bậc Đại sư 200, 290, 306, 413, 449, 569, bậc Tuệ giải thoát 797, 1010 951, 1047, 1069, 1070, 1269 bậc Tùy pháp hành 274, 887 bậc Đại Tiên 1273, 1348 bậc Tùy tín hành 274, 887 bậc Đại Tinh Tấn 1477 bậc ứng Cúng 127, 151, 447, 452, 731, 732, bậc Đại trí 1448 910,912,918,1002,1004,1071,1073 bậc Đại y vương 446 1319, 1320 bậc Đã Thấy Đã Biết 261, 262, 404, 609, bậc Vô học 274, 275, 841, 872, 873, 941, 610,611,612, 627, 629, 630, 731, 907, 942, 944, 1006, 1007, 1346 908,1252, 1254, 1267, 1283, 1284 bậc Vô Thượng 699, 700, 1357 bậc Điều Ngự Trượng Phu 55, 414, 602, bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác 55, 609,618,735,910,912, 918,963,979, 681,949 J 1002, 1026, 1071, 1073, 1474 bậc Vô Thượng Điều Ngự Trượng Phu bậc Độc giác Đa-ca-la-thi-khí 1373 963,989 J bậc Dũng Mãnh Tinh Tấn 682 bậc Vô thượng sĩ 83 bậc Giác Ngộ Viên Mãn 340, 354, 358, 777 ba diệu hạnh 328, 329 bậc Hiền nuiih 891,892 ba độc 1284, 1518, 1582 bậc Hiền sĩ 993, 1221 ba đường ác 178, 180, 182, 256, 322, 457, bậc Hiền thánh 105, 332, 333, 370,406, 636, 748, 820, 942 638, 775, 837, 1002, 1386 ba giác 718 bậc Hữu học 235, 333, 402, 755, 773, 774, Ba giải thoát 1498 775, 778, 781,791,841, 842, 872, 873, Ba-hầu-la 1355, 1356 887, 1006, 1007, 1566 ba học pháp 883, 884, 885, 887, 888, 889, bậc Mâu-ni 654, 1313, 1451 891,893,895,898



ba hữu 357 Bàn-trù 1243, 1244 ba hữu ái 1453 ba pháp an tâm 1232 Bà-hưu-đa 1317 ba pháp bất thiện 306, 1039, 1157 Bà-hưu-nan-đề 673 ba pháp thiện 306, 1039 ba kiến chấp 309 Ba tạng 742 ba kiết sử 70, 450, 453, 756, 758, 761, 865, Bà-tẩu 1130, 1587, 1595 883, 887, 889, 915, 948, 982, 998, Bạt-đà-la-do-đà 688 1020, 1040, 1042, 1141, 1236, 1390, Bát Hại 1173, 1272, 1596 1391, 1563 ba thọ 357, 434, 510, 511, 517, 529, 530, Bà-la 1312 531, 532, 533, 1117,1124, 1125, 1126, Bà-la-đậu-bà-giá 115, 116, 120, 122, 123, 1128, 1130, 1549 1274, 1275, 1309, 1318 Bạt-nan-đà 268, 703 Ba-la-đề-mộc-xoa 629, 633, 745, 746, 867, bát quan trai 706 884, 885, 890, 899, 986, 993, 1006 Bát Thành 619 Ba-la-di 1169, 1170 bát Thánh đạo 267, 950, 1502, 1572 Ba-la-diên-na 1463 ba tưởng 718 Ba-la-diên Phú-lân-ni-ca 1074 Bà-tứ-tm 1274,1306,1307,1308,1596,1598 Ba-la-diên Ưu-đà-gia 1076 Bà-tỳ-sấu-nậu 673 Ba-la-giá-la 315 bảy chi phần của chánh đạo 837 Ba-la-kiện-trà 673 bảy chỗ thức trụ 532, 533, 534 Ba-la-kỳ 602 bảy giác chi 61, 86, 200, 737, 792, 793, Ba-la-mật 761 794, 795, 796, 798, 801, 810, 876, Bà-la-môn Đại Tánh 55 1570, 1571 Bà-la-môn Đậu-ma 119, 120 bảy giác phần 207, 291, 292, 321, 328, 329, Bà-la-môn Kiêu Mạn 104, 105, 106, 1516 330,558,767,778,787,800, 801, 802, Bà-la-môn Lỗ-hê-già 276,277,278,279,1531 804, 805, 807, 809, 810, 811, 812, 816, Bà-la-môn Sanh Văn 111, 112, 113, 381, 817, 819, 820, 821, 823, 824, 826, 382, 383, 845, 847, 860, 1139, 1147, 827, 876, 877, 899, 1255, 1305, 1569 1148, 1575 1570, 1571 Bà-la-môn Tăng-già-la 111 bảy giới cấm 1205, 1208 Bà-la-môn Trường Thân 106, 109, 110 bảy loại sử 542 Bà-la-môn

Ưu-ba-ca 101 bảy mươi bảy loại trí 421 Ba-la-xà-na 330,331 bảy pháp đạo phẩm 823, 826 ba loại cảm thọ 184, 517, 519, 520, 521, bảy sức mạnh 783, 784, 1567 840, 1052 biên tri 88, 90, 998, 1515, 1518 ba loại hữu lậu 951 biến xứ 144,608,778,781 ba loại sức mạnh 767, 768 Biệt giải thoát 322, 746 Ba minh 123,941,942,943,944,1279,1307, Bình-sa vương 700, 701 1308, 1330,1344,1348,1489,1583 Bồ-đề phần 272, 366 ba mươi pháp 1151 Bổ-lũ-đê-ca 1060, 1061, 1062, 1063, ba mươi sáu ái hành 1077 1590,1619 ba mươi sáu thọ 530 bốn chân đế 109, 1301, 1305 Ba ngôi báu 538 bốn chánh cần 61, 86, 291, 292, 366, 737, ba niệm ác 1305 757, 762, 764, 768, 778, 805, 807 ba niệm bất thiện 308 bốn chánh đoạn 773, 774, 784, 787, 788



bốn chỗ thức trụ 39, 446 785,787,788, 800, 801, 805, 807, 829, bốn chúng 287, 570, 571, 572, 672, 929, 876, 877, 878, 880, 933, 1133, 1255 1154, 1198, 1353, 1357, 1449 1300, 1320, 1321, 1392, 1555, 1560, bốn chủng tánh 605, 606 1561, 1562 bốn đại 41, 44, 64, 69, 188, 197, 261, 357, bốn nỗ lực chân chánh 931, 932, 933 368, 383, 384, 901, 903, 1052, 1178, bốn pháp cú 767, 899, 934, 1353, 1608 1237, 1292, 1392 bốn pháp thanh tịnh 633 bốn Đại Thiên vương 740, 742, 743, 748 bốn phước lợi 723 bốn đạo 767, 899,934, 1557 Bổn sanh 1244 bốn đức 447 987 Bổn sự 1244 bốn lạc 531 bốn tâm tăng thượng 1161 bốn loại phước đức 903, 904, 1237, 1238 bốn Thánh chủng 83 bốn loại sức mạnh 768, 770, 771 bốn Thánh đế 106, 109, 143, 157, 440, 44], bốn loại thiền định 938, 939, 940, 941 442,443,444,445,448,450,451,452, bốn loại thức ăn 398, 431, 432 433, 435, 453 455,456,457,458,459,460,462, 436,437,438,439, 531, 532, 533, 534, 464,465,466,467,468,469,470,471, 903, 1237 472,474,475 476,477,478,479,480, bốn lưu 1292 481,482,484,485,486,487, 664, 757, bốn mươi bốn loại trí 421 762, 764, 768, 773, 785, 788, 1010, bốn mươi pháp 1152 1202, 1275, 1308, 1355, 1463, 1464 bốn nhiếp sự 769, 770 bốn thiền 349, 757, 762, 764, 773, 785, 788, bốn như ý túc 61, 86, 204, 291, 292, 366, 806, 807, 934, 1305 626, 627, 737, 778, 787, 1305 bốn thủ 40, 357 bốn niềm tin thanh tịnh 617, 618, 757, bon uân vo sác 357 762, 773, 899, 900, 901, 917, 1128, bốn vô sở úy 1365 1129,1131 bốn vô úy 413 bốn niệm xứ 61, 86,201,291,292,308, 321, Bố-tát 293, 294, 523, 706, 739, 745, 813, 328,329,330,366,558 591, 592, 593, 872,873,882,12l6,1223,1224,1318, 594, 595, 596, 597, 598, 599, 600, 601, 1343, 1560, 1575, 1578 713,714,715, 716,717, 719,722,723, Bồ-tát 699, 700, 701, 1305 724,725, 728, 729,732, 733,734,735, bố thí Ba-la-mật 751 736,737, 757, 762, 764, 767, 773, 778, bố thí pháp 769 C Ca-câu-la Ca-đàn-diên 1305 Ca-na-ca-mâu-ni 428, 519 Ca-câu-tra 268 cảnh giới tâm pháp 614, 616 Ca-la-câu-đà Ca-chiên-diên 133, 1066, 1363 càn-thát-bà 119, 120, 744, 1503 Ca-lăng-già 266, 294,815,920 Câu giải thoát 506, 1010, 1348 ca-lâu-la 119, 120 Câu-lâu 258, 364, 365, 388 Ca-lê-ca 607 609, 1556 Câu-lâu-đà 153 Ca-lộ 1355, 1356 Câu-thi-ca 1081, 1214 cảm thọ 50, 75, 218,219, 220, 225, 226, 227, Câu-tỳ-đà-la 570, 571,936 228, 229, 233, 236,313, 322, 329, 366, Ca-xà-thị-lợi-sa chi-đề 219 370, 382, 392, 393 505, 510, 511, 513, cây A-thấp-ba-tha 795 514,515, 516, 517, 519, 520, 521, 529, cây Bạt-đà-tát-la 60 613,840,1052, 1091, 1122,1123,1282 cây Ba-tra-lợi 1492

cây Bồ-đề 430, 700, 705, 706, 710, 711, 864, 865, 866, 906, 909, 942, 946, 1192, 1195 947, 964, 970, 980, 1009, 1039, 1059, cây Ca-tỳ-đa-la 795 1065, 1135, 1136, 1137, 1139, 1140, cây Câu-tỳ-đà-la 570, 571 1143, 1144, 1145, 1146, 1147, 1148, cây đa-la 88, 231, 267, 333, 354, 356, 379, 1149, 1150, 1151, 1152, 1153, 1278, 485,614, 635, 636, 717, 873, 947, 952, 1300, 1305, 1359, 1395, 1451, 1523, 1036, 1078, 1256, 1364, 1450 1546, 1572, 1575 cây khẩn-thú 1299, 1300 chánh luật nghi 735 cây Kiên cố 141, 1037 chánh mạng 44, 82, 168, 249, 306, 340, 366, cây Kiện-giá-da 795 399,524, 535,536, 537,538,539 540, cây Ni-câu-lâu-đà 1300 541, 542, 543 544, 545, 546, 547, 833 cây Ni-câu-luật 1274,1275,1276,1458,1467 834, 835, 836 837, 840, 841, 842, 843, cây Ni-câu-liru-tha 795 844, 846, 847, 848, 849, 850, 851, 852, cây Sa-la 60, 141, 1011, 1330, 1331, 1336 853, 854, 856, 859, 946, 964, 1278, cây Tát-bà-da-chỉ-la Câu-tỳ-đà-la 936 1451, 1465 cây Trú Độ 570, 571 chánh nghiệp 44, 82, 168, 249, 306, 340, cây ưu-đàm-bát-la 795 366, 399, 524, 535, 536, 537, 538, cây Vô ưu 688 539, 540, 541, 542, 543, 544, 545, 546, chanh đạo 610,611, 612, 747, 792, 794, 795, 547, 833, 834, 835, 836, 837, 840, 841, 809, 817, 846, 853, 908, 1027, 1321, 842, 843, 844, 846, 847, 848, 849, 850, 1352, 1579 851, 852, 853, 854, 856, 859,946,964, chánh định 44, 45, 46, 82, 168, 235, 249, 1278, 1451 306, 340,366,399,409,478, 500, 524, chánh ngữ 44, 82, 168, 249, 306, 340, 366, 535,536, 537, 538,539, 540, 541, 542, 399, 524, 535, 536, 537, 538, 539, 540, 543, 544, 545, 546, 547, 555,556,563, 541, 542, 543, 544, 545, 546, 547, 833, 564, 633,645, 833, 834, 835, 836, 837, 834, 835, 836, 837, 840, 841, 842, 843, 840, 841, 842, 843, 844, 845, 846, 847, 844, 846, 847, 848, 849, 850, 851, 852, 848, 849, 850, 851, 852, 853, 854, 857, 853 854, 855, 856, 859, 946, 964, 858, 859, 860, 861, 862, 863, 864, 865, 1278, 1451 866, 906, 909, 946, 964, 970, 1006, chánh niệm 44, 82, 116, 118, 168, 175, 208, 1059, 1062, 1063, 1065, 1088, 1090, 249,278,297,306,308,314,331,340 1093, 1116, 1247, 1248, 1278, 1327, 366 377, 399,404,405,406,430,431, 1329, 1330, 1334 1344, 1349, 1350, 466,478, 524, 535, 536, 537, 538, 539, 1351, 1388, 1389, 1447, 1448, 1449, 540, 541, 542, 543, 544, 545, 546, 547, 1451, 1459, 1477, 1572 555,556,652,661,670,783, 801, 819, chánh giải thoát 19, 214, 215, 524, 948, 951, 845, 857, 861, 884, 946, 964, 1009, 956, 1053,1123 1091, 1092, 1093, 1121, 1133, 1173, chánh kiến 44, 45, 46, 65, 70, 82, 111, 168, 1174 1182, 1194, 1202, 1246, 1247, 207,214,226,249,289,306,340,355, 1248, 1255, 1278, 1294, 1349, 1352, 359,366, 397, 398, 399,400,401,489, 1402, 1403, 1412, 1416, 1417, 1418, 511,524, 535, 536, 537, 538, 539, 540, 1419, 1420, 1421, 1422, 1436, 1447, 541, 542, 543, 544, 545, 546, 547, 596, 1448, 1449, 1451, 1459, 1460, 1461, 606, 634, 768, 770, 780, 800, 833, 834, 1471, 1475, 1481, 1558, 1594 835, 836, 837, 840, 841, 842, 843 844, chánh niệm tỉnh giác 68, 314, 392, 393, 408, 845, 846, 848, 849, 850, 851, 852, 853, 442,466, 515, 527, 565, 593 594, 595, 854, 855, 858, 859, 860, 861, 862, 863, 596, 597, 609, 610,611,612, 713, 716,



717, 721, 725, 726, 728, 729, 731,735, 836, 837, 840, 841, 842, 843, 844, 846, 736, 738, 739, 757, 771, 819, 926, 848, 849, 850, 851, 852, 853, 854, 855, 1068, 1121, 1122, 1133, 1187, 1189, 859, 860,946,950,951,964,988,989, 1240, 1286, 1287, 1347, 1436 1072, 1116, 1446, 1451, 1482, 1497, Chánh pháp 27, 35, 43, 46, 106, 109, 111, 1510, 1565, 1571, 1572, 1575, 1611 113, 117, 122,127 131,140,272,290, chánh tuệ 70, 177, 179, 180, 182 293,304, 305,

321,322, 397,398,399, Chân nhân 600, 624, 854, 947 400,401,406,407,408,411,460, 571, chày kim cang 747 572, 599,610,618,625,629 633 634, Chiêm-bà-kỳ 1356 648,651,655,668,669,682,688,692, Chiên-đà-la 113, 120, 121, 122, 516, 694, 696,697,703,709, 735,737,740, 741, 1260, 1263 1375, 1517 744,745,747, 748, 754,776,778, 796, chín loại kiết 542 820, 835, 845, 847, 858, 859, 860, 875, chín nơi cư trú của chúng sanh 532, 533, 534 902, 903, 906, 907, 957,958,976,977, chỉ quán 119, 507, 767, 899, 1309, 1314 978, 980,983,985,986,988,989, 992, Chỉ-thi 989, 991 993, 999, 1002, 1003, 1009, 1027, chỉ và quán 507, 625, 1042, 1063 1041, 1042, 1085, 1088, 1090, 1091, chùa Ke Tước 749, 750, 751, 753 1107, 1114, 1152, 1153, 1161, 1174, Chúng Hợp 1386 1184, 1191, 1198, 1199, 1202, 1234, chúng sanh trung ấm 742, 743 1241, 1242, 1263, 1273, 1276, 1307, chúng Thanh văn 585, 954 1310, 1312, 1315, 1317, 1319, 1320, chúng Tỳ-xá-chỉ 661 1321, 1344, 1351, 1352, 1353, 1361, chư thiên 101,369, 370, 440, 441, 464, 521, 1377, 1378, 1380, 1421, 1432, 1445, 522, 570, 571, 572, 612, 618, 619, 1477, 1558, 1574, 1585, 1606 650, 651, 672, 675, 687, 695 698, chánh quán 8, 20, 21, 33, 35, 94, 95, 127, 701, 707, 709, 740, 745, 747, 748, 211, 212, 214, 533, 534, 633, 1255 760, 805, 845, 872, 873, 922, 923, 1286, 1301, 1350 936, 1003, 1008, 1088, 1175, 1209, chánh tín 11,12,13,14,16,18,136,295,555, 1210, 1211, 1212, 1213, 1218, 1220, 556, 776, 996, 1000, 1001, 1004, 1005, 1221, 1224, 1233, 1234, 1287, 1303, 1079, 1202, 1209, 1211, 1212, 1214, 1323, 1327, 1358, 1363, 1382, 1383, 1215, 1216, 1218, 1220, 1222, 1374 1400, 1401, 1408, 1465, 1546, 1552, chánh tinh tấn 44, 82, 102, 168, 249, 306, 1580,1601, 1602, 1612 340,366, 399,478, 507, 524, 535, 536, Chuyển Luân Thánh Vương 153, 293, 303, 537,538, 539, 540, 541, 542, 543, 544, 563, 564,682, 692, 709, 812, 813, 814, 545,546, 547, 833, 834, 835, 836, 837, 815,816, 936, 1256, 1347, 1570 840, 841, 842, 843, 844, 846, 847, 848, Chuyển Luân Vương 650, 651, 1348, 1567, 849, 850, 851, 852, 853, 854, 856, 857, 1577, 1579 J 859 946 964, 1278, 1451 chuyển pháp luân 286, 439, 441, 701, 702, chánh trí giải thoát 891 1305, 1541 chánh tri kiến 397, 833, 834, 835 cội Bồ-đề 430, 431, 701, 705, 1196, 1319, chánh tư duy 2, 44, 82, 90, 111, 168, 215, 1320, 1322 249,256, 306, 340, 366, 399,404,463, cõi Câu-da-ni 476 464,489, 524, 535, 536, 537, 538, 539, cõi Diệt 506, 508 540, 541, 542, 543, 544, 545, 546, 547, cõi Đoạn 508 551, 552, 634, 794, 808, 833, 834 835, cõi Dục 505, 506, 507, 559, 923, 937, 950

SÁCH DẪN 1651

cõi Niết-bàn 861, 862 cõi trời Thiểu Phước 927 cõi Phạm thiên 122, 307, 441, 476, 906, cõi trời Thiểu Quang 926 937, 1140, 1327, 1329, 1330, 1331, cõi trời Thiểu Tịnh 927 1452, 1453 cõi trời Tiễn Hàng Phục 961, 962 cõi Phất-bà-đề 476 cõi trời Tự Tánh Quang Âm 926 cõi Sắc 505, 506, 507, 559, 950, 1292 cõi trời Vô Lượng Quang 926 cõi ta-bà 1320, 1321, 1322 cõi trời Vô Lượng Tịnh 927 cõi trời A-ca-ni-tra 708, 1140 cõi trời Vô Nhiệt 671,672 cõi trời Ba Mươi Ba 441,476, 567, 568, 569, cõi trời Vô Phiền 672, 673 570, 571, 572, 573, 612, 618, 936, cõi uất-đơn-việt 476 1003, 1140, 1208, 1209, 1210, 1211, cõi Vô dục 508 1212, 1213, 1218, 1220, 1222, 1224, cõi Vô Sắc 505, 506, 507, 559, 830, 950, 1226, 1287, 1358, 1359, 1373 1292, 1388 cõi trời Biến Tịnh 927 Cô khởi 1244 cõi trời Đại Phạm 925 Cực Thiêu Nhiên 1386 cõi trời Hoan Hỷ 959, 960 Cù-đa 695, 740 cõi trời Không Nhiệt Não 652 Cù-đà-ni-ca 567 cõi trời Nhân Tánh Quả Thực 927 cung điện Thi-lê-sa 707

cõi trời Phạm Phụ 925 cung điện Thượng Diệu 567 cõi trời Phạm Thân 925 cung điện Tỳ-xà-diên 568 cõi trời Phước Sanh 927 D Dân-đà 315 dòng họ Lực Sĩ 1068 danh sắc 42, 46, 64, 67, 335, 336, 338, 339, Dòng Họ Mặt Trời 297, 377, 1348, 1353 340,341,342,348, 349, 351,352,354, dòng Khổng Tước 694, 712, 751,754 355,357,401,410,421,423,424,425, dòng trưởng giả 567, 1369, 1370 429, 435, 436, 664, 678, 715, 909, dục ái 164, 303, 304, 435, 546, 1292, 1293, 1063, 1176, 1319, 1434, 1534, 1540 1453, 1518 dạ-xoa 117,119,120,591,702,744,1209,1436 dục định đoạn hành thành tựu như ý túc dạ-xoa Khuất-ma 1460, 1461 204,627 ' Diêm-phù-đàn 652 dục giác 718, 1392 Diêm-phù-đề 141, 476, 567, 570, 571, 572, Dụcgiới 198, 1017 573,652, 672,681,689, 692,693, 694, dục hưu 156,357, 539, 1017 696,697, 699, 708, 709, 711,712, 741, dục hữu lậu 537, 951 742, 743 745, 746, 749, 750, 751,752, dục lậu 321, 399, 537, 886, 888, 889, 890, 936, 937 924, 926, 942, 985, 1605 Diêm-phù-xa 535, 536, 537, 538, 539, 540, dục lưu 540, 1292 541, 542, 543, 544, 545, 546, 547, dục tham 63 64, 84,142,164,172,254,255, 1550, 1551 264,265,952,1163,1293,1350,1515, Diệt giới 499, 500, 506, 806 1517, 1518, 1524, 1584 Diệt tận định 500, 531,753 dục thủ 39, 241 Diệt thọ tưởng định 518, 531 dục tường 501,549,609,718,1416,1459,1477 dòng Bà-sa 1028, 1030, 1031, 1033 Duy-na 745 dòng Bà-tha 1034, 1035, 1037, 1038, 1041



Đ Đa-ba-bà 707 1252, 1253, 1254, 1274, 1283, 1284, Đa-ca-la 1165, 1373 1305, 1474 Đại Đề-mộc-khư 747 đấng Pháp Chủ 21 đại hội Kiêu-mâu-ni 1486 đấng Thập Lực 748 Đại Mâu-ni 122, 708, 1091 đấng Thích-ca 1354 Đại Phạm thiên vương 307, 1326 đấng Thiện Thệ 440, 658, 822, 1412 Đại Tiên Nhân 795, 1091, 1477 đấng Tịch Diệt 696, 745 Đại Tự Tại 1360 đấng Tự tại 194 Đại Tuyết Sơn 484, 486, 487, 1545 đấng Vô Thượng 698, 1357 đầm Lộc Kính 920 đấng Vô Thượng Ngự Sư 1471 đấng A-la-hán 270, 271,272 đấng Vô Úy 1315 Đẳng Chánh Giác 55, 86, 104, 133, 154, Đảnh Sanh vương 682 261,262, 306,404,414,452,457,458, đàn-việt 1295, 1544 459,460,480, 558, 602, 609,610,611, đạo Hiền thánh 591, 592, 1181, 1273, 1477 612,618, 627,629, 630,651,697,731, Đạo Nhãn 1356 732,735, 778, 779, 780, 781,790, 816, Đạo Nhật Nguyệt thần 1401 819, 841,907,908,910,912,915,979, Đao Sư Thị 973,974,975,978,980,981,1615 1002, 1004, 1019, 1026, 1027, 1029, Đà-thí 619, 1556 1040, 1055, 1057, 1058, 1061, 1069, Đạt-ma-đề-ly 1127, 1130, 1131, 1594 1071, 1073, 1079, 1091, 1106, 1178, Đầu-đà 491 747, 1012, 1093, 1249 1201, 1254, 1255, 1267, 1269, 1274, Đà-xá-la-ha 1401 1275, 1276, 1283, 1284, 1307, 1319, đệ nhất cú nghĩa 620, 621 1320, 1356, 1390, 1421, 1453, 1462, đệ nhất nghía 390, 1031, 1032, 1033 1498, 1543 đệ nhất nghĩa Bát-niết-bàn 197 đấng Chánh Giác 506, 517, 1088, 1307, Đề-xá-la-hy-đa 705, 706 1321, 1328, 1354 địa đại 310, 1292 đấng Đại Bi 691 địa ngục A-ba-ba 1426 đấng Đại sĩ 1316 địa ngục A-hưu-hưu 1426 đấng Đại sư 234, 250, 892, 1315, 1408, địa ngục A-phù-đà 1425, 1426 1409, 1477 địa ngục A-tra-tra 1426 đấng Đại sư Mâu-ni 1477 địa ngục A-tỳ 1478 đấng Đại Tinh Tấn 1091 địa ngục Bát-đàm-ma 1426 đấng Đại Trí 1357 địa ngục Đại Ám 475 đấng Đạo sư Vô thượng 1345 địa ngục Đại Nhiệt 474 đấng Điều Ngự 1361 địa ngục Ma-ha Bát-đàm-ma 1426 đấng Giác Ngộ 104, 658, 884 địa ngục Ni-la-phù-đà 1426 Đẳng Hoạt 1386 địa ngục Ưu-bát-la 1426 Đẳng Khởi 945 địa ngục Vô Trạch 1386 đấng Mâu-ni 1088, 1274, 1275, 1276, 1349 Địa thần thiên tử 1400

đấng Mâu-ni Ngưu Vương 701 Điếm-mâu-lưu 362, 363, 1535, 1538 đấng Nhật Chủng 1091 điện Đoạn Pháp 1213 đấng Như Đóa Sen Trắng 1437 điện Thường Thắng 1214, 1216, 1217 đấng Như Lai 261,602,618, 630, 697, 778, Điều Ngự Sư 1315 812, 816, 956, 957, 1069, 1073, 1178,



định căn 274, 756, 757, 758, 759, 760, 761, Độc giác 451, 708, 735, 743, 1365, 1366 762, 763, 764, 765 Độc giác Phạm thiên 1326, 1607 định Diệt tận 639, 640, 641 đồng nữ Tăng-kỳ-đa 607, 608 định giác chi 792, 793, 796, 798, 802 đồng sự 769, 770 định giác phần 329, 802, 803, 804, 806, 807, đồng tử Trường Thọ 1128, 1129 809,812,816,817,818, 877 Đông Viên 62, 73, 500, 957, 1087, 1089, định Không 89 1113, 1115, 1243, 1245, 1247, 1249, định Không vô biên xứ 830 1270, 1352 định tam-muội 79, 910, 911, 912, 913, 1437 Đột-mục-khư 151, 152 định thân 737, 1384 đức Mâu-ni 250 định thân Vô học 987, 1259 đức Như Lai 103, 262, 404, 600, 609, 610, định Tịch diệt 565, 1339 611,612, 627, 629, 731, 732, 740, 774, định Vô tướng 89 784,788, 841,907,908,910,912, 918, Đọa-cưu-la 119 1002, 1071, 1073, 1255, 1275, 1343, đoạn diệt kiến 62 1363,1390, 1448, 1466, 1469 đoạn giới 806, 807 đức Phật Thích-ca 377, 519 đoạn kiến 62,128,133,289,359,1034,1589 đức Phật Thi-khí 428, 430, 519 đoạn tri 88,90,157,434 536,1010,1518,1523 đức Phật Tỳ-bà-thi 428, 430, 519

Giá-ba-lê 153 giảng đường Lộc Tử Mầu 73, 500, 957, Giác Ngộ Viên Mãn 326, 340, 354, 358,447, 1087, 1089, 1113, 1115, 1243, 1245, 1462, 1466, 1470 1247, 1249, 1270, 1352 giác tri 219, 231, 446, 458, 610, 623, 624, giảng đường Tập Pháp 1224 755, 778, 791, 879, 880, 910, 969, giảng đường Trùng Các 91, 94, 253, 254, 1002, 1006, 1027, 1059, 1065, 1071, 255,256,257,460,461,629, 899, 900, 1200, 1241, 1557 1011, 1070, 1183, 1205, 1206, 1208, giác tưởng 378, 415, 446, 497, 677, 720, 1397, 1400, 1421 819 869, 870, 883, 979, 1286, 1324, giảng đường Vị Tằng 327, 407 1325, 1467, 1560, 1574, 1577 giảng đường Vị Tằng Hữu 1062 Già-da-tát-la 1317 giáo giới 34, 222, 290, 315, 372, 670, 739, Gia gia 761,887, 889 791, 841, 867, 882, 895, 963, 1114, giải thoát thân Vô học 987, 1259 1115,1232,1243, 1246, 1247, 1349 giải thoát tri kiến 7, 27, 153, 169, 170, 171, Gia-thâu 1131, 1595 J 211,212,218,228,256,295,311, 344, giới cấm thủ 39, 70, 83, 236, 241, 404, 405, 611,618, 924, 926, 1002, 1013, 1100, 406,756,758,761, 883, 887,914,915, 1122, 1319,1320 948, 998, 1099 giải thoát tri kiến thân 737, 1384 giới Cụ túc 106,117,122,123,136,330,407, giải thoát tri kiến thân Vô học 1259 408, 888, 889, 890, 1020, 1041, 1052, giai vị Hữu học 274, 333* 598, 599, 725, 1053, 1057, 1065, 1067, 1070, 1273 731,1001, 1002, 1003, 1012 Giới luật 111, 122, 123, 231, 330, 399, 404, Giá-la-ca 132,327, 1360 411,412,413,488, 648, 747, 820, 845, Giá-la-châu-la-na-la 959, 960 958,983,985,986,988,989,992,993, giảng đường Già-lê-lệ 1121, 1123 1003, 1019, 1020, 1033, 1041, 1053, giảng đường Hy Hữu 132 1055, 1057, 1061, 1065, 1067, 1069, giảng đường Lộc Mau 62 1070, 1081, 1117, 1161, 1175, 1184,

1201, 1241, 1242, 1276, 1278, 1297, giới thủ 236, 357, 446, 453, 541, 543, 545, 1298, 1310, 1311, 1359, 1392, 1462 886, 887, 889, 890, 982, 983, 998, giới luật Hiền thánh 735 1006, 1020 giới pháp 629, 892,1194, 1384 gió Tỳ-lam-bà 515 giới thân Vô học 1259 gió Ty-thấp-ba 515 H Hắc Cù-đàm 268 Hòa thượng 105,114,586,684,737,747,1041 Hắc Thằng 1386 hoa Tu-kiên-đề 1304 hắc trầm thủy 935 hoa Ưu-bát-la 1304 hại giác 306, 465,718, 1388 họ Khổng Tước 682 hai loại sức mạnh 765 ho Kiệt-già 1131 hai mươi pháp 1151 hồ Ô-nê 601,602 hại tưởng 501, 718 hồ tắm Thủ Thành 594, 596 hang Đầu Rắn 266 hồ Tu-ma-kiệt-đà 1054, 1055, 1056, 1057 hang Tiên Nhân 1485 hồ Tượng Nhĩ 415 hang Xà-đầu 268 hồ Yết-già 371, 372, 966, 1342, 1343, 1344 hành giới 39, 74, 746 hương giới 495, 642, 1165 hành nghĩa 461, 1262, 1263 Hữu đệ nhất 499, 500 hành pháp 461 648, 651, 701, 1003, 1133, Hữu diệt giới 499 1254,1262, 1263, 1316, 1385 hữu dư 368, 486, 506, 507, 924, 925, 1029, hành phước 1263 1098, 1100, 1167, 1187, 1200, 1348, hành thủ uẩn 40, 49, 50, 62, 63, 67, 68, 69, 1349, 1360 70,81,84, 85, 87, 1451 HữuduNiết-bàn 827, 1356 hạnh tùy thuận 611, 618, 702 Hữu hành Bát-niết-bàn 825, 827, 888, 890, hành uẩn 64, 329, 357 925,926 hạnh viễn ly 326, 491, 493, 525, 549, 555, hữu hữu lậu 537, 951 556, 670, 737, 1247, 1248, 1344, 1347 hữu kiết sử 135, 274, 443, 725, 756, 758, hành xứ 266, 736, 884, 888, 889, 899, 986, 948, 951, 1155, 1166, 1225, 1345, 993, 1290, 1293, 1295 1347, 1354, 1365, 1497 hoa A-đề-mục-đa 1304 hữu lưu 156, 540, 1292 hoa Ba-đàm-ma 1474 hữu thân 79, 81, 167, 168, 499, 500, 539, hoa Bát-đàm-ma 1304, 1484 548, 1404, 1453, 1515 hoa Câu-mâu-đầu 1304 hỷ căn 530 Hỏa Chủng 147, 149, 150, 151, 152, 153, hỷ dục 163, 164, 1518 1050, 1051, 1052, 1060, 1062 hy giác chi 792, 793, 796, 798, 802 hỏa đại 310 hy giác phần 329, 802, 803, 804, 806, 807, hoa Di-ly-đầu-kiên-đề 1304 809,812,816,817,818, 877 Hỏa Dữ 1272, 1273, 1596, 1604 hỷ lạc 5, 41, 42, 44, 45, 46, 64, 104, 123, hỏa giới 509 146,197,252,408, 453, 525, 526, 527, hoa Ma-lợi-sa 935 528, 531,562, 563,623,649,653,720, hồ A-nậu-đại 937 758, 820, 879, 881, 899, 924,925,969, Hoàng hậu Ma-da 698 1002, 1003, 1097, 1173, 1231, 1352, hoan hỷ giác phần 329 1447, 1449, 1454 hoa Phân-đà-lợi 1304 hỷ tham 39, 215, 249, 527, 1524 Hỏa tam-muội 219, 1167, 1171 hỷ xúc 343, 344

SÁCH DẪN 1655

K Kế Tân 707 Kiến chân đế 1463 Khâm-bà-la 268 kiến chấp 26, 68, 79, 80, 81, 82, 177, 178, khẩn-na-la 119, 120 180, 182, 221, 289, 309, 354, 410, khát ái 21,61,81,83, 84,168,249,274,288, 411,949,979,1036,1085,1099,1135 289,290,398,400,546,615,616,1074, 1456, 1519, 1535, 1543 1088,1114, 1115, 1120, 1451,1570 Kiện-đà-điệp 673 khẩu hành 356, 401, 420, 638, 639, 640 Kien-đà-ma-la 710, 743 khẩu nghiệp 858, 859, 860 Kiến đáo 761, 1010, 1011 Khế kinh 761, 820, 1244, 1245 Kiến Đế 1173 Khiếu Hô 1386 kiến dục 602, 1556 khinh an giác chi 792, 793, 796, 798 kiến lưu 540, 1292 khinh an giác phần 329, 802, 803, 804, 806, Kiện-mạ Bà-la-đậu-bà-giá 1270 807, 809,812,816,817,818, 877 kiến tham 1453 khinh mạn 894, 1250, 1351, 1352 kiến thanh tịnh 633, 634 khổ căn 530 kiến thủ 39 241, 357, 541, 542 khổ diệt 88, 240, 347, 351, 359, 400, 439, Kiến tích 152 440, 441, 442, 443, 444, 445, 446, kiết-già 430, 431, 651, 659, 1315, 1329, 447, 448, 449, 450, 451, 452, 453, 1330, 1407 454,455,456,457,458,459,461,463, kiết sử sân 323,511,513,514,1122

464,465,467,468,469,470,471,472, kiết sử si 511,513,514 473,474,477,478,479,480,481,482, kiết sử tham 323,511,513,514,1122 483,485,486,487,489,630,664,701, kiêu mạn 21, 89,90,105,121,143,146,189, 758, 884, 899,909,942,952,970,971, 269,303,304,542,631,632,722, 801, 982, 983, 985, 997, 1006, 1020, 1036, 803, 1074, 1085, 1093, 1120, 1209, 1202, 1294, 1307, 1355, 1463, 1527 1230, 1350, 1352, 1437, 1438, 1465, khổ khổ 184, 1091, 1353, 1474 1571, 1592, 1608 không giới 509 Kiều-trì 633, 634 không khổ không lạc thọ 357, 529 Kim-bồ-xà 668 Không nhập xứ 198, 830, 881, 883, 1140 Kim Cương địa 1479 Không tam-muội 89, 252 Kim Điện Viên Quán 684 Không tâm tam-muội 636, 637 Kim Si 1453 Không vô biên xứ 198, 518, 623, 830, 831, kinh hành 148,288,289,314,407,491,492, 995, 1042, 1251, 1388, 1572 565, 652, 668, 682, 874, 1068, 1081, khổ tập 208, 209, 351, 1091, 1307, 1474, 1163, 1164, 1186, 1187, 1188, 1189, 1524, 1527 1236, 1270, 1408, 1461, 1462 khổ, tập, diệt, đạo 106, 180, 182, 538, 1274, kinh luận Tỳ-đà 742 1275 1307, 1465 Kinh, Luật, Luận 1392 khổ Thánh đế 103, 1315 kỳ-bà 368 khổ thọ 352 Kỳ-bà Câu-ma-la 227, 228, 229, 230, 231, khổ xúc 343, 344, 505 232,233

lạc căn 530 Lặc-xoa-na 574, 575, 576, 577, 584 lạc thọ 271, 343, 344, 352, 357, 408, 527, lạc xúc 343, 344 529, 782, 926, 1123 La-đà-quật-đa 749



La-đậu-bà-giá 1318, 1319 liễu tri 157, 215, 478, 479, 514, 515, 516, Lại-trá-la 268 635,636,755,1010,1281,1282,1392 làng Am-la 634, 636, 638, 641, 642, 644, 1411, 1510, 1515, 1524, 1527, 1528, 649, 650 1535,1537,1541, 1544, 1558 làng Bà-đầu 633,634, 1557 Lộc Lâm 874 làng Ba-lê-da 1012 lợi hành 769, 770 làng Điều Ngưu 355,356,357,358,388,389 Long Tần lâm 698 làng Na-la 535, 736 long vương A-ba-la 694 làng Na-lê 359, 994 long vương Ca-lê 700 làng Nhất-xa-năng-già-la 1393, 1394 long vương Ca-lợi 700 làng Phù-lê 1312 lụaCa-thikiếp-bỐi 1022 làng Sa-la 1196 Luận nghị 1244, 1245 làng Tát-la 55 Luận và Luật 982 làng Thạch Chủ 1198, 1199, 1201 luật nghi 322, 324, 328, 404, 735, 736, 746, làng Thích Thị 1202 867, 884, 897, 902, 993, 1006, 1033 làng Thiên Hiện 140 1181, 1183, 1184, 1245, 1259, 1289, làng Tư-đà-già 723 1290, 1421, 1422, 1531, 1533 làng Tỳ-ca-đa-lỗ-ca 57 lực sĩ Kim Cang 150 làng uất-tỳ-la 1192, 1195, 1319, 1320, 1322 Lưỡng Túc Tôn 682, 692, 1315, 1322 lâu đài Tỳ-lưu-ly 1461 Ly-bà-đa 707 lậu hoặc 21, 35, 36, 60, 61, 62, 65, 66, 70, ly bất thiện pháp 408,531,633,881,899,1078 73, 125, 127, 131, 132, 143, 146, 225, ly dục 2, 23, 24, 29, 34, 43,81, 82, 84, 157, 272,273,274, 506, 537, 539,599,614, 159,160, Ì61,162,163,164,168 215 629,718, 756,761, 765, 837, 893,914, 263,330,337,338,342, 343,344,355, 941, 942, 943, 944, 946, 948, 951, 356,399,408,527, 528, 531,533, 534, 1010, 1074, 1120, 1247, 1248, 1300, 549,550,551, 559,623,633,669,758, 1347, 1348, 1392, 1514, 1563 818, 819, 821, 881, 899, 924, 1042, Lậu tận minh 1279, 1474 1078, 1122, 1250, 1251, 1252, 1253, Lậu tận tác chứng trí 1256 1388,1451, 1525 Lậu tận thông 881, 883 Ly Ưu 683 Lậu tận trí 941, 1042,1141, 1251 Ly-xa Nan-đà 899, 900, 1579 Lê-sư-đạt-đa 919,920,1082,1083,1084,1578 M Ma Ba-tuần 18,259,260, 1185, 1186, 1187, Ma-ha-nam 91, 92, 873, 996, 997, 998, 999, 1188, 1189, 1190, 1191, 1192, 1193, 1000, 1001, 1003, 1004, 1005, 1006, 1194, 1195, 1196, 1197, 1198, 1199, 1007, 1008, 1009, 1010, 1011, 1371, 1200, 1201, 1202, 1203, 1204, 1285, 1372, 1373,

1587, 1616 1287, 1303, 1332, 1333, 1334, 1335, ma-hầu-la-già 119, 120 1336, 1337, 1338, 1339, 1340, 1341, Ma-kiền-đề 612, 615 1342, 1453, 1530 Ma-kiệt-đà 261,458,459,468,529, 700,736, Ma-cù 1276, 1277, 1596, 1604 920,973,1027,1028,1156,1166,1184, Ma-già-bà 1207 1253, 1376, 1397, 1460, 1461, 1463, Ma-ha-ca 644, 645,646, 1557, 1558 1464, 1465, 1466, 1469, 1474, 1503 Ma-ha Kiếp-tân-na 929 Ma-la-bà 315 Ma-ha-lợi 1206, 1600 Ma-la-ca-cữu 375, 376, 377, 1533



ma-na-bà 368, 369, 668 Minh và Giải thoát 327, 328, 330 Ma-na-đề-na 1131, 1132, 1133, 1587, 1595 Minh và Hạnh 884 ma-nậu-xà 368, 369 một trăm lẻ tám thọ 530 Mãn Đại Sư 1215 mười điều lành 489, 900 Mạt-ca-lê Cù-xá-lợi tử 133, 1066 mười hai hành tướng 440, 441, 701 Mạt-ca-lợi Cù-xá-iê tử 1305, 1363 mười hai nhân duyên 430, 664 Mạt-lợi 935, 1165 mười hai nhập xứ 381 Mâu-ĩii kệ 1463 mười loại nghiệp lành 1445 Ma vương 9,10,55,103,116,154,440,441, mười một pháp 1004, 1391, 1393, 1587 521, 522, 757, 759, 760,764, 768, 774, mười một xứ 384 784, 801, 803, 829, 937, 949, 996, mười nghiệp bất thiện 547, 606, 1138, 1140 1008, 1177, 1273, 1274, 1275, 1316, mười pháp bất thiện 1039 1319, 1320, 1363 1397, 1466, 1470, mười pháp thiện 741, 1039 1530, 1599 mười tám ái hành 1076, 1077 miệng ác hạnh 718 mười tám giới 495, 496, 497, 498 Minh Hạnh Túc 55,414, 602, 609, 618, 735, mười tám thọ 530 910, 912,918, 979, 1002, 1026, 1071, 1073, 1474, 1502 N Na-câu-la 138, 139, 140 năm loại sức mạnh 772, 773 Na-la-kiện-đà 556 năm lực 61, 86, 200, 291, 292, 366, 737, năm căn 61, 86, 200, 205, 274, 291, 292, 778, 787, 950 366, 737, 756, 757, 758, 760, 761, năm nhân duyên 908, 958 762, 763, 764, 765, 778, 787, 916, 950, năm pháp hoan hỷ 918 1099, 1305, 1563, 1564 năm pháp làm cho thoái thất 793 năm chi 83, 1259 năm pháp thanh tịnh 775, 776 năm chi phần 446 năm thứ che lấp tâm 800 năm điều an vui 1130, 1131 năm thứ dục lạc 563, 564 năm điều sợ hãi 908, 909 năm thứ ngăn che 716, 736, 829, 868, 873 năm dục 197, 233, 272, 273, 294, 513, 526, năm thứ sợ hãi 770 527,549,652,665,722,727,750,786, năm thủ uẩn 9, 10, 31, 33, 34, 40, 49, 50, 62, 937, 967, 1040, 1067, 1087, 1158, 63, 67, 68, 69, 70, 71, 72, 81, 84, 85, 1159, 1167, 1174, 1181, 1194, 1200, 86, 87, 95, 96,125 126,127,132,147 1233, 1256, 1264, 1265, 1281, 1287, 148,149,165,166,168,171,173,223, 1288, 1293, 1294, 1295, 1298, 1305, 280,281,282,283,284,285,286,321, 1332, 1333, 1339, 1340, 1475, 1483 366,400, 531 532 533 534,539,540, năm giới 488, 1100, 1383, 1547 1015, 1203, 1292, 1299, 1395, 1451, năm hạ phần kiết sử 73, 83, 445, 451, 545, 1513,1514 648, 651, 824, 825, 827, 865, 881, năm triền cái 801, 873, 1178 886, 887, 889, 890, 914, 915, 983, Nan-đề-bà-la 673 998, 1006, 1040, 1042, 1114, 1115, Nan-đồ 913, 1297, 1298 1236, 1390 Năng-cầu 1452 năm loại dục 233, 306, 434, 530, 549, 559, Nan-ma 315 603, 609, 610, 611, 612, 614, 836,966, Na-tra-bạt-trí 740 1178, 1265,1294 ngã dục 126,127,1078,1079



ngã kiến 20, 236, 286, 541, 1073, 1526 nhãn nhiệt não 497 ngã mạn tùy miên 20, 1036, 1073 nhãn thọ 495, 496, 497 ngã sở 20, 47, 48,61, 62, 65, 72, 73, 74, 87, nhãn thức 69, 79, 218, 219, 220, 221, 224, 90, 95, 96, 97, 125, 126, 127,132,140 225,226,227,228,229,231,237,238, 144,145,160 161,177,178,180,182, 240,241,242,243

244, 245,246,247, 183,211,220,22 ỉ, 222,267, 311,355, 248,254,261,262,271,310,317,318, 369, 637, 656, 657, 1036, 1073, 1079, 319,322 331,332, 333 356,364,365, 1119, 1120, 1203, 1286, 1289, 1481, 366, 368,369,370,382, 385,495,496, 1518, 1519, 1520 613,615, 642, 1118, 1288 ngã sử 126, 127, 1079 nhãn thức giới 495, 496, 642 ngã thủ 357, 541 nhãn thức thân 356, 364, 385 Nghĩa phẩm 612, 615, 1463 nhãn tưởng 497, 498 nghiệp đạo 547 nhãn xúc 49, 72, 218, 219, 220, 221, 224, ngoại pháp 593, 594, 595, 596, 716, 807, 225,226,227,228,229,231,240,241, 808,1122,1133 242,243,244,245,246,247,248,256, ngoại tâm 593, 594, 595, 596, 1121, 1133 271,364, 365, 366 382, 385, 386,387, ngoại thân 202, 593, 594, 595, 596, 716, 495, 496, 497, 498, 530, 1118, 1286 729, 730, 736,738,739, 757, 823, 826, nhãn xúc thân 357, 385 1121, 1133, 1525, 1526, 1538 Nhập lưu 70, 906, 907 ngoại thọ 593, 594, 595, 596, 1121, 1133 Nhập xứ nga quỷ 1138 ngũ cái 558,716, 800,817, 1361 Nhát chủng 761 Ngự Sư 1315, 1471, 1477 Nhất chủng đạo 887, 889 ngũ uẩn 135, 423, 1293 Nhật, Nguyệt thiên tử 1401 nguyên nhân của khổ 251, 400, 439, 440, nhất tâm 235, 314, 408, 523, 526, 527, 531, 441, 442, 443, 444, 445, 447, 448, 549,562, 563, 592, 608, 624, 625,649, 449, 450, 451, 452, 453, 454, 455, 737, 811, 854, 857, 925, 1160, 1255, 456, 457, 458, 461, 463, 464, 465, 1288, 1350, 1447, 1448, 1465 467, 468, 469, 470, 471, 472, 473, Nhất thể trí 706 474, 477, 478, 479, 480, 481, 482, Nhất thiết trí 208,752, 1342 483, 485, 486, 487, 489, 630, 664, Nhất-xá-la 1264 701, 758, 884, 899, 908, 942, 970, Nhất-xa-năng-già-la 523, 872, 1393, 1394, 971, 982, 983, 985, 997, 1006, 1020, 1396, 1549, 1574 1036, 1202, 1294, 1307, 1355, 1463 nhĩ căn 352,353,364 Nguyệt Hộ 682 nhiếp hộ các căn 735, 1253 nhãn ái 495, 496 nhiếp niệm 329, 555, 737, 820, 1184, nhãn căn 313, 316, 322, 324, 352, 353, 364, 1416, 1477 365, 735, 1118, 1284, 1285, 1292 nhiếp thọ 199, 307, 633, 634, 698, 708, 762, Nhân-đề-lợi 1208 857, 881,882, 892, 950 nhãn dục 497, 498 nhĩ giới 495, 496, 497, 505, 642 Nhân duyên 223, 1122, 1244, 1306, 1338, nhĩ nhập xứ 357 1511,1529,1534,1537,1538,1539 nhĩ thức 332, 385 nhãn giác 497, 498 nhĩ thức giới 495, 642 nhãn giới 495,496, 497, 498, 505, 642 nhĩ thức thân 356, 364, 385 nhãn nhập xứ 234, 357 nhĩ xúc 221,364,365,385,386 nhãn nhiệt 498 nhĩ xúc thân 357, 385

SÁCH DẪN 1659

Ni-đà-na 223, 224, 1244 nội pháp 593,594, 595, 596,716,1122,1346 niệm căn 274, 756, 757, 758, 759, 760, 761, nội tâm 75, 76, 77, 78, 79, 273, 329, 345, 762, 763, 764, 765 346, 429, 478, 552, 554, 593, 594, niệm giác chi 792, 793, 794, 796, 798 595, 596, 721, 725, 1076, 1121, 1181, niệm giác phần 206,329, 330, 801, 805, 807, 1182, 1288, 1515, 1534 808, 809, 810, 811, 812, 816, 817, 818, nội thân 202, 329, 593, 597, 598, 599, 600, 819, 821, 822, 823, 826, 828, 830, 831, 716,726,729,731,736,757,788, 823, 877, 1523 826,1121, 1133, 1525, 1538 niệm giới 611,919, 1004, 1130 nói thêu dệt 488, 547, 606, 856, 861, 862, niệm hại 308, 465, 1305 1039,1148, 1152, 1153 niệm lực 772 nội thọ 593, 594, 595, 596, 1121, 1133 niệm Pháp 610, 918, 919, 1001, 1004, 1071, núi Ba-la-thủ 1027 1072, 1130 núi Bằng-ca 1027 niệm Phật 610, 910, 918, 919, 920, 1001, núi Cách Giới 568, 569, 615, 616, 1081 1071, 1072, 1073, 1130, 1492 núi Ca-lăng-già 266 niệm sân 308, 465, 1305 núi Cá Sấu 591,592, 593 niệm Tăng 611, 918, 919, 1004, 1071, núi Chi-đề 1493 1072, 1130 núi Kiền-đà-ma-la 745 niệm tham 308, 465, 787, 1002, 1090, 1445, núi Kim-bà-la 1436 1480, 1481 núi Kỳ-lê 688 niệm thí 612,919, 1004 núi Kỳ-xà quật 26, 2 8, 30, 136, 220, 259, niệm

thiên 612, 919, 920, 1004, 1005, 1128 260, 264, 265, 272, 280, 281, 282 niệm thực 398, 431,438 283 340, 360, 362 394, 397, 549, niệm tưởng 234, 526, 631, 637, 787, 795, 550, 558, 562, 563, 564, 567, 568, 798, 855, 995, 1004, 1135, 1350, 574, 575, 576, 577, 797, 800, 955, 1389, 1436 1020 ,104:5, 10Í51, 1187, 1 188, 1251, niệm Tỳ-kheo-tăng 1001 1253 ,1360, 1362, 1478 Ni-kiền-đà Nhã-đetử 133, 1066, 1363 núi Ma-câu -la ỉắ.56, 15 7, 158, 159 ,160.161, Ni-kiền-liên-đà-xà-đề Phất-đa-la 1305 162, 163, 164, 165, 166, 167, 169, Ni-kiền Nhã-đề tử 649, 650, 978, 979, 171 172 1452, 1558 núi Ma-cưu-la 1461 Ni-kiền tử Tát-giá 147, 148, 149, 150, 151, núi Na-già 1345, 1354 152, 153J54, 155, 1517 núi Tần-đà 1494 Ni-la-phù-đa 1328 núi Thái 1485 Ni-la-phù-đà 1327, 1426 núi Thắng Ma-kiệt 1464 nói hai chiều 488, 547, 606, 856, 861, 862, núi Thiết-thủ-bà-la 138 1039, 1134, 1135, 1137, 1146, 1148, núi Tiên Nhân 1190, 1191 1152,1153, 1444 núi Trường Trúc 1026, 1027 nói lời thô ác 488,606,856,1135,1137,1142, núi Tu-di 475, 570, 595, 936, 1088, 1358, 1143, 1146, 1148, 1152, 1153, 1205 1450, 1555 nội ngoại pháp 593, 594, 595, 596 núi Tỳ-bà-la 1189, 1190 nội ngoại tâm 593, 594, 595, 596 núi Tỳ-đề-hê 1493 nội ngoại thân 593, 594, 595, 596, 716, 736, núi Tỳ-phú-la 1020, 1026, 1027, 1028, 738, 739, 757, 823, 826 1452, 1453 nội ngoại thọ 593, 594, 595, 596 núi Ưu-lưu-man-trà 695, 740



nước A-bàn-đề 276, 607 nước Ma-thâu-la 35, 694, 738, 740 nước Anh-kỳ 1266 nước Nam Sơn 1253 nước Bà-già-la 753 nước Phú-lâu-na Bạt-đà-na 709 nước Bà-kỳ 138 nước Sa-chỉ 1073 nước Ba-la-lợi-phất-đố-lộ 623 nước Tăng-ca-xa 709 nước Ba-la-nại 33, 57, 58, 59,287,288,439, nước Tỳ-đề-ha 117, 1254 441,442,443,444,445,446,447,448, nước Tỳ-xá-ly 94, 146, 154, 253, 254, 255, 449,450,451,452,453 454,455,456, 256, 257, 460, 629, 725, 899, 900, 457, 583, 585, 701, 727, 1130, 1179, 1011, 1070, 1183, 1205, 1206, 1208, 1180,1197, 1202, 1281, 1355, 1401 1309, 1397, 1400, 1421 nước Ba-liên-phất 742, 743 nước Ương-cù-đa-la 1172 nước Bán-xà 60 nước Xá-vệ l, 2, 3,4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 13, nước Bà-tha 1283, 1284 15, Ì6, 17, 19, 22, 2324,25, 32, 36, nước Bạt-kỳ 725,726, 1070 37, 38, 40, 43, 47, 48,49, 50, 52, 53, nước Ba-trá-lợi-phất-đa-la 261 54, 59, 62, 67, 68, 70,72, 73 75, 76, nước Ca-tỳ-la-vẹ 996, 997, 998, 1000, 1001, 77, 78, 79, 80, 81, 83,84, 85, 86, 87, 1004, 1005, 1007, 1009, 1130, 1230, 88, 89, 95, 97, 98, 99 101, 104, 106, 1232 1233, 1234, 1301, 1318, 1323 107, 110, 111, 113 114, 118, 128, 143 nước Câu-diệm-di 286, 504, 505, 506, 507, 173,175,176,178,179,181,183,184, 621, 624, 625, 628, 741, 742, 743,745, 185,186,187,188, 189,190,191,192, 747, 852, 1058, 1283, 1285, 1286, 193,194,195,196,197,198,199,200, 1288, 1289, 1290, 1291, 1293 201,202,203,204,205,206,207,208, nước Câu-di-na-kiệt 1068 209,210,212,214,215,216,217,218, nước Câu-lưu 290 222,225,226,234,235,236,237 238, nước Câu-tát-la 55, 104, 106, 107, 115, 119, 239,240,241,242,243,244,245,246, 269,325,458,468,602,663,665,723, 247,248,249,251,252,262,285,292, 921, 1139, 1141, 1163, 1264, 1271, 297,299,300,301,303,304,307,310, 1312, 1313, 1315, 1317, 1322, 1362, 312,313,315,322,323,334,335,336, 1376, 1393, 1396, 1426, 1431, 1432 337,338,367,368,369,373,375,377, 1479, 1480, 1481, 1482, 1483, 1484, 379,380,381,382,383,384,385,386, I486, 1487, 1488, 1489, 1490, 1491, 387,388,390,391,392,393,415,417, 1492, 1495, 1496, 1497, 1498

418,419,420,421,422,423,424,425, nước Câu-xá-di 124 427,429,430,431,432,433,435,436, nước Chi-đề 34 437,438,481,484,486,487,489,490, nước Chiêm-bà 371, 372, 682, 966, 1131, 493,494,495,496,497,498,499,500, 1342, 1343, 1344 501, 503, 524, 526, 528, 551,552, 564, nước Cưu-thi-na-kiệt 702 565,570, 571, 586, 587,588, 589, 590, nước Đát-sát-thi-la 1070, 1071 592,593, 594, 595,596, 597, 598, 599, nước Di-hy-la 1306, 1307 600,601,602,604, 607, 609, 612,615, nước Đức-xoa-thi-la 686, 687, 694 616,617,619,630, 653,654, 655, 656, nước Kiêu-thưởng-di 288, 289 657,658,660,661,662, 663, 665, 669, nước Lại-tra-bàn-đề 663 670,672, 674, 675, 676, 677, 678,679, nước Ma-già-đà 1465 702,709, 713, 714,715,716, 717,718, nước Ma-kiệt-đề 535, 973, 1027, 1166, 719,720,721, 723,725,729,730, 731, 1168, 1376, 1389, 1390, 1391 736,755, 756, 757, 758, 759, 760, 762,

SÁCH DẪN 1661

763,764,765,766,767, 768,769,770, 1123, 1124, 1125, 1126, 1143, 1144, 771, 772, 773, 774,775, 776, 777, 780, 1145, 1146, 1147, 1148, 1149, 1150, 781, 782, 783, 784,785, 786,787, 788, 1151, 1152, 1153, 1154, 1157, 1158, 789,790,791,792,793,794,795,796, 1159, 1160, 1161, 1162, 1163, 1164, 800, 802, 804, 807, 808, 809, 811, 812, 1181, 1210, 1211, 1213, 1214, 1215, 816,817, 821, 822, 823, 824, 825, 826, 1216, 1217, 1218, 1220, 1222, 1223 827, 828, 830, 831, 833 834, 835, 836, 1225, 1226, 1227, 1234, 1235, 1236, 837, 838, 840, 841, 842, 843 844, 845, 1237, 1238, 1239, 1242, 1243, 1245, 846, 847, 848, 849, 850, 851, 852, 853 1247, 1249, 1250, 1251, 1258, 1260, 855, 858, 859,860, 861, 862, 863, 865, 1262, 1263, 1265, 1266, 1267, 1268, 866,867, 869, 870, 871, 880, 881,882, 1270, 1271, 1274, 1276, 1277, 1278, 883, 884, 885, 886, 888, 889, 890, 891, 1279, 1280, 1298, 1304, 1329 1330, 893, 894, 896, 898,901,902,903,904, 1332 1333, 1334, 1335, 1336, 1337, 905,906,907,908,909,910, 912, 913, 1338, 1339, 1340, 1341, 1342, 1350, 914,916,917,918,919,920,922,923, 1351, 1352, 1353, 1358, 1362, 1364, 924,925,926,927,928,929,930,931, 1366, 1367, 1368, 1369, 1370, 1371, 932, 933, 934, 935, 938, 941, 942, 1372, 1373, 1374, 1375, 1376, 1377 943, 944, 945, 946, 947, 948, 949, 1378, 1380, 1382, 1384, 1385, 1386, 950 951, 957, 981, 1013, 1014, 1016, 1391, 1398, 1399, 1402, 1403, 1414, 1017, 1018, 1019, 1021, 1022, 1023, 1415, 1422, 1423, 1427, 1428, 1429, 1024, 1025, 1047, 1060, 1061, 1072, 1430, 1431, 1433, 1434, 1435, 1437, 1075, 1076, 1077, 1079, 1080, 1082, 1438, 1439 1441, 1442, 1443, 1444, 1084, 1086, 1087, 1089, 1092, 1093, 1445, 1446, 1447, 1448, 1449, 1450, 1094, 1095, 1097, 1098, 1099, 1100, 1454, 1455, 1456, 1457, 1458, 1459, HOI, 1102, 1103, 1104, 1105, 1106, 1460, 1479, 1480, 1481, 1482, 1483, 1107, 1108, 1109, 1110, 1111, 1112, 1484, I486, 1487, 1488, 1489, 1490, 1113, 1115, 1117, 1119, 1120, 1121, 1491, 1494, 1495, 1496, 1497, 1498 P Phạm chí Sanh Văn 1137, 1595 618, 625, 631, 632, 633, 634, 649, 651, Phạm hạnh l, 2, 6, 7, 11, 12, 13, 14,27,31, 673, 710,729,730, 735, 766, 776, 778, 33, 34, 39, 43, 46, 51, 52, 54, 55, 66, 780, 818, 833, 834, 835, 844, 853, 854, 68, 73, 74, 82, 83, 87, 94, 95, 96, 97, 866, 886, 888, 889, 890, 892, 895,914, 100,101,113,132 136,141,142,146 920,921,924,926,938,943,950,958, 152,153,157,158,159,160,161,162, 959,976,977,978,985,992,993,997, 163,164,165,166,167,168,169,170, 1001, 1003, 1005, 1006, 1013, 1019, 171,174,187,193,200,211,212,214, 1020, 1026, 1027, 1033, 1039, 1040, 215,218,222,224,227,228,233,234, 1041, 1053, 1055, 1056, 1058, 1066, 235

244,245,250,251,256,258,262, 1067, 1070, 1078, 1080, 1081, 1082,
265,267,275,287,288,289,290,295, 1085, 1093, 1110, 1114, 1115, 1117,
301,302,304,305,309,311,313,329, 1120, 1121, 1122, 1135, 1136, 1137,
340,342,344,352,355,364,365,378, 1154, 1160, 1161, 1166, 1168, 1169,
389,390,407,408,409,417,418,444, 1170, 1173, 1181, 1183 1185, 1201,
448,451,459,460,463,464,465,467, 1216, 1222, 1248, 1249, 1255 1256, 468,469
491,511,522, 524, 537, 556, 1273, 1276, 1280, 1283, 1293, 1296, 559,560, 565, 569,
599,611,615,616, 1297, 1298, 1301, 1302, 1304, 1310,

1662 KINH TẠPA-HÀM

1311, 1316, 1317, 1323, 1328, 1351, 198, 221, 227, 272, 287, 290, 352, 1352, 1353, 1357,
1378, 1384, 1386, 361, 378, 424, 425, 427, 453, 455 1391, 1392, 1393, 1411, 1424, 1451,
513, 521, 778, 825, 968, 1174, 1240, 1468, 1469, 1496, 1536, 1541, 1557, 1241, 1247, 1305,
1307, 1308, 1475 1570, 1573, 1576, 1602, 1610 pháp nhãn tịnh 330,411,440, 632, 970, 972,
Phạm thiên Bà-cú 1326, 1327, 1328, 1607 981,996, 1052, 1070 Phạm thiên Thiện Tý 1326
pháp Sa-môn 863, 864, 865, 866, 965, 1452, Phạm thiên vương 307, 1320, 1321, 1322,
1573, 1576 1323, 1324, 1325, 1331, 1489 Pháp sư Tam tạng 748 Phân-đà-la 920 pháp
thiện 142 203, 304, 340, 555, 716, phẫn hận 747,785,786,789,1137,1178,1246 717, 726,
741, 747, 757, 768, 801, Pháp bảo 268, 1346 802, 805, 807, 808, 809, 817, 834, pháp bất
sanh 354, 356, 486, 635, 636, 873, 844, 932, 933, 953, 987, 1039, 1080, 952,1078 1148,
1386, 1485, 1561, 1596 pháp bất thiện 142, 308, 397, 398, 409, 453, pháp thủ ái 1103
525,555,716,717,768,776,801, 802, pháp thượng nhân 647, 648, 650, 968, 1118 805, 807,
817, 834, 844, 884, 1039, pháp trắng 768, 852 1157, 1385,1523 pháp tướng
211,492,661,692,1148 pháp cam lộ 139, 342,734 Pháp và Luật 43, 122, 944, 1037, 1039,
pháp chân như 591, 592, 609, 629, 630 1040, 1041, 1054, 1069, 1148, 1202, pháp đen 768
1262, 1421, 1422 pháp duyên khởi 61, 343, 344, 351, 353, pháp vô lậu 59,246,755, 1303
354, 355, 356, 357, 390, 410, 768, pháp Vô tướng 1350 806, 1401, 1402 Pháp Vương 670,
820 pháp giới 49, 72, 354, 403, 495, 496, 497, pháp xả 172,1136 498,642,925,1127, 1502,
1539 Phất-bà-đề-xá 567 Pháp hành 761,887, 948 Phật Ca-diếp 428, 430, 584, 585, 586,
587, pháp hóa sanh 707, 1256, 1346 588, 589, 590, 673, 1027 pháp hữu lậu 59, 161, 162,
246, 632, 1248, Phật Ca-la-ca-tôn-đề 1026 1302, 1303 Phất-ca-la-sa-lê 673 pháp hữu vi 61,
90, 120, 229, 230, 237, 256, Phật Câu-na-hàm Mâu-ni 1026 402, 421, 473, 737, 739, 840,
954, Phật mẫu Ma-ha Ma-da 746 1026, 1495 Phật, Pháp, Tăng 140, 180, 182, 538, 664,
pháp hỷ 123,235,1067 930, 1041, 1202, 1263, 1274, 1359, Pháp ích 749, 752 1419, 1482,
1496 pháp không 116, 172, 212, 213, 235, 286, Phật trí 1391 301,311, 323, 354, 355,404,
565, 717, phiền não ngã mạn 20, 21, 22, 160, 161, 509, 746, 747, 768, 793, 895, 934, 1061,
510, 511, 1073, 1074, 1075 1085, 1133, 1144, 1148, 1153, 1229, phiền não nghi ngờ 792,
794, 795, 796, 805, 1241, 1290, 1353, 1384, 1385, 1386, 806, 995 1403, 1411, 1449, 1489,
1610 phiền não sân hận 792, 794, 795, 796, 805, pháp môn Cam lộ 925 806, 959 pháp
nhãn 27, 35, 86, 90, 93, 94, 96, 127, phiền não tham dục 792, 794, 795, 796, 804, 131, 136,
140, 176, 179, 181, 183, 806, 808, 809, 959 184, 185, 186, 187, 188, 189, 190, phiền não
thùy miên 792, 794, 795, 796, 191 192, 193, 194, 195, 196, 197 805, 806

phiền não trạo cử 792, 794, 795, 796 phong đại 310 phiền não trạo hối 805, 806 phong giới 509 phiền trược 1473 phòng hộ căn 933 phi luật 958, 1153 Phú-lan-đà-la 1207 Phi tưởng phi phi tưởng 499, 506, 995, 996, Phú-lan-na 92, 93, 919, 920, 1082, 1083, 1182,1251 1084, 1390, 1515 Phi tưởng phi phi tường nhập xứ 198,881,1140 Phú-lan-na Ca-diếp 91, 132, 133, 1066, Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ giới 499, 500 1067, 1069, 1305, 1363 Phi tưởng phi phi tưởng xứ 198, 518, 528, phước-già-la 368, 369 531, 831, 883, 996, 1042, 1251, 1388 Phương quảng 1244

Q quán bất tịnh 806, 828, 874, 875, 1284 quán từ bỏ 877 quán diệt tận 1052, 1081 quán tưởng 303,304,510, 511,608,631, 720, Quang giới 499, 500 828?831, 879, 880, 883, 1129, 1350 quán lìa dục 1052, 1081 quán vô thường 275, 334, 335, 337, 338, quán niệm hơi thở 867, 868, 869, 870, 872, 877, 1052, 1081, 1513 873, 875, 876, 877, 878, 881, 883 quán xả 334, 1052, 1081, 1129 quán niệm thân trên thân 718, 720, 721, 724, quả Sa-môn 864, 865, 866, 1069, 1236, 725, 728, 730, 732, 733, 734, 738, 1576,1602 739, 876, 877 quỷA-lạp 1469, 1470, 1471 quán pháp trên ngoại pháp 201 quỷ Châm Mao 1466, 1467 quán pháp trên nội pháp 1133 quỷ Già-tra 1478 quán pháp trên pháp 591, 592, 598, 599, quỷ Kiệt-đàm 1469, 1471 600, 713, 714, 716, 722, 823, 826, quý lực 783, 784 880, 1320 quỷ Ma-cưu-la 1461, 1462 quán sanh diệt 321, 334, 335, 1052, 1081 quỷ Ma-ni-già-la 1464, 1465 quán sát diệt tận 533, 534, 1122 quỷ Phú-na-bà-tẩu 1463 quán sát lìa dục 1122 quỷ Tất-lăng-già 1463 quán sát sanh diệt 1122 quỷ thần Kim-bà-la 1436 quán sát tuệ xả 1122 quỷ Ưu-ba-già-tra 1478, 1617 quán sát vô thường 533, 534, 1122 quỷ Viêm 1466 quán tâm 201, 591, 592, 715, 823, 826 quy y Pháp 27, 109,272, 362, 669, 960, 962, quán tâm trên nội tâm 1133 963, 970, 973, 981, 996, 1198, 1274, quán tâm trên tâm 713, 714, 879, 880, 1320 1275, 1383,1418, 1465 quán thân 201, 256,1434 quy y Phật 27, 109, 140, 272, 362, 664, 669, quán thân trên ngoại thân 202, 823, 826,1133 692, 960, 962, 963, 970, 973, 981, quán thân trên nội thân 201, 202, 598, 599, 996, 1198, 1274, 1275, 1383, 1418, 600, 788, 823,826, 1133 1465, 1477 quán thân trên thân 466, 591, 592, 594, 595, quy y Tam bảo 27,140,272, 998,1198,1383 596,713,714,716,722, 826, 879,1320 quy y Tỳ-kheo-tăng 669, 960, 962, 963, 970, quán thọ trên thọ 713, 714, 879, 1320 973, 981, 996, 1274, 1275, 1383, 1465 R rồng Cù-ba-lợi 694 rừngAn-đà 59, 307, 871, 1181, 1182, 1210, rừng Am-la 634, 636, 638, 641, 642, 643, 1332, 1333, 1334, 1335, 1336, 1337 644, 646, 647, 649, 650, 652, 738 1338, 1339, 1340, 1341, 1342



rừng Anh Vũ Diêm-phù 970 795, 796, 800, 802, 804, 807, 808, 809, rừng An Thiền 619, 621 811, 812, 816, 817, 821, 822, 823, 824, rừng An-xà-na 1073 825, 826, 827, 828, 830, 831, 833, 834, rừng Băng-già-kỳ 896, 897 835, 836 837, 838, 840, 841, 842, 843, rừng cây đa-la 595 844, 845, 846, 847, 848, 849, 850, 851, rừng cây Sa-la 1311 852, 853, 855, 858, 859, 860, 861, 862, rừng Đà-bà-lê-ca 1172 863, 865, 866, 867, 869, 870, 871, 880, rừng Hàn 666, 667, 668 881, 883, 884, 885, 886, 888, 889, 890, rừng Kiên cố 1068 891, 893, 894, 896, 898, 901, 902, 903, rừng Kim-tỳ 878 904, 905, 906, 907, 908, 909, 910, 912, rừng Kỳ-đà l, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 13, 913,914, 916, 917, 918, 919, 920, 922, 15, 16, 17, 19, 22, 23, 24,

25, 32, 36, 923, 924, 925 926 927, 928, 929, 930, 37,38,40,43,47,48,49,50,52,53,54, 931,932, 933 934, 935, 938, 941, 942, 59,67,68,70,72,75,76,77,78,79, 80, 943, 944, 945, 946, 947, 948, 949, 950, 81,83,84,85,86,87,88,89,95,97,98, 951, 957, 981, 1013, 1014, 1016, 1017, 99 101, 104, 106, 107, 110, 111, 113 1018, 1019, 1021, 1022, 1023, 1024, 114, 118, 128, 143, 173, 175, 176, 178, 1025, 1047, 1060, 1061, 1072, 1075, 179, 181, 183, 184, 185, 186,187, 188, 1076, 1077, 1079, 1080, 1082, 1084, 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196, 1086, 1087, 1089, 1092, 1093, 1094, 197, 198, 199, 200, 201, 202, 203, 204, 1095, 1097, 1098, 1099, 1100, HOI, 205, 206, 207, 208, 209, 210, 212, 214, 1102, 1103, 1104, 1105, 1106, 1107, 215,216,217,218, 222, 225, 226, 234, 1108, 1109, 1110, lin, 1112, 1113, 235, 236, 237, 238, 239, 240, 241, 242, 1115, 1117, 1119, 1120, 1121, 1123, 243, 244, 245, 246, 247, 248 249, 251, 1124, 1125, 1126, 1143, 1144, 1145, 252, 262, 285, 292, 297 299, 300, 301, 1146, 1147, 1148, 1149, 1150, 1151, 303, 304, 307, 310, 312, 313, 315, 322 1152, 1153 1154, 1157, 1158, 1159, 323, 334, 335 336, 337, 338, 367, 368, 1160, 1161, 1162, 1163, 1164 1181, 369, 373, 375,377, 379, 380, 381, 382, 1182, 1210, 1211, 1213, 1214, 1215, 383, 384, 385, 386, 387, 388, 390, 391, 1216, 1217, 1218, 1220, 1222, 1223 392, 393 417,418,419,420,421,422, 1225, 1226, 1227, 1234, 1235, 1236, 423, 424, 425, 427, 429, 430,431 432 1237, 1238, 1239, 1242, 1243, 1245, 433,435,436,437,438,481,484,486, 1247, 1249, 1250, 1251, 1258, 1260, 487,489,490,493,494,495,496 497, 1262, 1263, 1265, 1266, 1268, 1271, 498,499, 501, 503, 524, 526, 528, 551, 1274 1276 1277, 1278, 1279, 1280, 552, 564, 565, 570, 586, 587, 590, 592, 1298, 1304, 1329, 1332, 1333, 1334 594, 595, 597, 598, 599, 600, 601,602, 1335, 1336, 1337, 1338, 1339, 1340, 604, 607, 609, 612, 615,616, 617,619, 1341, 1350, 1351, 1352, 1353, 1358, 630, 653, 654, 655, 656, 657, 658, 660, 1362, 1364, 1366, 1367, 1368, 1369, 661,662, 663,665, 670, 672, 674, 675, 1370, 1372, 1374, 1375, 1376, 1377, 676, 677, 678, 679, 713, 714, 715, 716, 1378, 1380, 1382, 1384, 1385, 1386, 717, 718, 719, 720, 721, 723, 725, 729, 1391, 1398, 1399, 1402, 1403, 1414, 730, 731, 736, 755, 756, 757, 758, 759, 1415, 1422, 1423, 1427, 1428, 1429, 760, 762, 763, 764, 765, 766, 767, 768, 1430, 1431, 1433, 1434, 1435, 1437, 769, 770, 771, 772, 773, 774, 775, 776, 1438, 1439, 1441, 1442, 1443, 1444, 777, 780, 781, 782, 783, 784, 785, 786, 1445, 1446, 1447, 1448, 1449, 1450, 787, 788, 789, 790, 791, 792, 793, 794, 1454, 1455, 1456, 1457, 1458, 1459

SÁCH DẪN 1665

1460, 1479, 1480, 1481, 1482, 1483, rừng Nhất-xa-năng-già-la 523,872,873,1393 1484, I486, 1487, 1488, 1489, 1490, rừng rậm Sợ Hãi 591, 592, 593 1491, 1494, 1495, 1496, 1497, 1498 rừng Tát-la-lê 874, 875 rừng Lạnh 266,1125, 1184, 1185, 1354 rừng Thân-thứ 55, 325, 459, 633, 723, rừng Mâu-chân-lân-đà 330 1139, 1141 rừng Nan-đà 653 rừng Thất Diệp Thọ 1189, 1190 rừng Nhất-na-la 115

Sa-bà-bà 1207 sân giác 306, 465,718, 1388 sắc ái 156, 226, 303, 304, 357, 546, 953, Sanh Bát-niết-bàn 451, 825, 827, 888, 889, 1292, 1305, 1459, 1471 890, 925, 926, 983, 984 Sắc giới 39, 40, 74, 198, 495,496, 505, 530, Sanh tử thông 881, 883 642, 1127 Sanh tử trí 9l, 1042, 1141, 1251, 1256 sắc hữu 156,357, 539, 1017 sanh y 346 sắc, thanh, hương, vị, xúc 221, 230, 234, sân tưởng 609, 718, 1392 364, 384, 385, 542, 900, 1303, 1373 San-xà-da

Tỳ-la-chi tử 1066, 1363 sắc, thọ, tưởng, hành, thức 27, 80, 130, 300, Sát-đế-lợi 1259 301, 924, 925, 927 Sát-lợi 112, 122, 141, 294, 516, 556, 567, sắc thủ uẩn 40,49, 50,51, 62, 63, 67, 68, 69, 605, 606, 666, 683, 812, 813, 814, 70, 72, 81, 84, 85, 86, 87, 125, 168, 1000, 1102, 1140, 1258, 1260, 1261, 173, 285, 286, 539 1451 1277 1311, 1322 1363 1364, 1365, sắc tịnh 1195 1369, 1370, 1375, 1393 1394, 1427, sắc uẩn 58,63,64, 142, 1127 1592, 1602, 1603, 1609 sắc xứ 390,391 sáu ái thân 319, 364 Sa-di Thuần-đà 736, 737 sáu căn 249, 250, 316, 319, 320, 324, 325, Sa-la họ Thích 1130, 1131, 1595 328, 351, 352, 353, 356, 364, 384 Sa-môn Cù-đàm 55,91, 100, 104, 105, 106, 499, 531, 532, 533, 534, 947, 951, 114,115,116,120,133,137,138, 147, 953, 1181, 1284, 1286, 1290, 1291, 148,152,153,154,157,158,159,160, 1292, 1296, 1533, 1584 161,162,163,236,259,310,363,381, sáu chi 83 382,395,407,411,471,537, 600,625, sáu hỷ hành 390, 530 630, 648, 649, 666, 800, 801, 829, sáu loại ái 387 853 872, 970, 973, 974, 975, 1019 sáu loại thọ 44, 69, 386 1028, 1029, 1030, 1032, 1034, 1040, sáu loại thức 42, 46, 69, 385 1045, 1047, 1055, 1057, 1058, 1059, sáu loại tư 42, 45, 69, 387 1062, 1067, 1068, 1069, 1185, 1186, sáu loại tưởng 41, 69, 386 1187, 1188, 1189, 1190, 1192, 1193, sáu minh phần 1129 1195, 1196, 1197, 1198, 1199, 1201, sáu năng lực thù thắng 781 1202, 1203, 1204, 1269, 1271, 1314, sáu nhập xứ 61, 223, 233, 234, 247, 313, 1332, 1333, 1334, 1335, 1337, 1338, 335,336,339,340,341,342, 348,351, 1339 1340, 1341, 1393, 1436, 1437, 354,355,357,365,367 401,410,418, 1453, 1465 419, 421, 424, 664, 909, 1305, 1535 sân bất thiện căn 717 sáu nội nhập xứ 357, 1300 Săn-đà Ca-chiên-diên 994, 996, 1032, sáu thần thông 1249 1033, 1589 sáu thọ thân 144, 318, 353, 364



sáu thức thân 145, 317, 353, 356, 364, 948 sông Da-bồ-na 905, 1097 sáu thường hành 392, 393 sông Gia-phù-na 486, 947 sáu trần 317, 320, 364, 385, 499, 531, 532, sông Hằng 192, 295, 296, 486, 572, 649, 533, 534, 1181, 1281, 1282, 1285, 750 874, 905, 937, 947, 1012, 1013, 1292, 1296, 1488 1014, 1015, 1019, 1097, 1295, 1296, sáu tưởng thân 145, 318, 353, 948 1318, 1321, 1328, 1389, 1390, 1466, sáu tư thân 145, 318, 353, 948 1470, 1494, 1566, 1582, 1588 sáu tùy niệm 618, 1001, 1002, 1128 sông Hy-liên 819 sáu ưu hành 391, 530 sông Khư-đa 1493 sáu xả hành 391, 530 sông Ma-hê 905, 947, 1097 sáu xúc 317, 1203, 1204 sông Na-ta-khư-đa 1493 sáu xúc duyên 72 sông Ni-liên-thiền 431, 1192, 1195, 1196, sáu xúc nhập xứ 49, 231, 321, 329, 1203, 1319,1320, 1322 1204, 1255, 1286, 1288, 1289, 1298, sông Tân-đầu 937 1299, 1395, 1526 sông Tát-la-do 905, 1097 sáu xúc thân 317, 353, 357, 364, 948 sông Tháp-bồ 1046 sáu xúc xứ 263, 264, 266, 1526, 1600 sông Thấp-ma-đà 276 si bất thiện căn 717 sông Tôn-đà-lợi 1315, 1316, 1317, 1318 sở duyên duyên 524 sông Tư-đà 937 sông Bác-xoa 937 sôngY-la-bạt-đề 905, 947, 1097 sông Bạt-cầu-ma 874, 875 Sơ thiền 453, 518, 528, 825, 1580 sông Bạt-đà-la 738 Sư Tử vương 746 sông Bạt-đề 35 T tà định 306, 524, 834, 835, 846, 847, 848, tám chi Thánh đạo 208, 767, 934, 1293, 849, 850, 851, 852, 854, 858, 859, 1301, 1305, 1307 861,862 tâm định đoạn hành thành tựu như ý túc 627 tà giải thoát 524 tám giới 488, 495, 496, 498, 1468 tà kiến 65, 83, 128, 129, 131, 147, 226, 306, tâm hành 103, 868, 876, 879, 894 350,446,488, 523, 547, 596, 606,655, tàm lực 783, 784 744, 748, 779, 834, 835, 846, 847, 848, Tam-mật-ly-đề 25, 26, 1512 849,850, 851, 852,854, 858, 859, 860, Tam-miệu-tam Phật-đà 777 861, 862,

874, 906, 960, 962, 979, Tam minh 375, 941, 943, 1103, 1173, 1274, 1039, 1135, 1137, 1140, 1143, 1144, 1279, 1313, 1348, 1352, 1582, 1608 1146, 1147, 1148, 1149, 1150, 1151, tám món giải thoát 1010 1152, 1153, 1305, 1342, 1387, 1390, tam-muội chánh thọ 219,592,1256,1305,1388 1521, 1522, 1574 tam-muội Hỏa quang 645 tà mạng 91, 193, 306, 524, 629, 701, 834, tam-muội Không 1491 846, 847, 848, 849, 850, 851, 856, tam-muội từ bi 701 858, 859 tam-muội Vô giác vô quán 649 Tam-ba-đề 749, 752 tám phẩm chất 993 Tam bảo 27, 140, 272, 571, 692, 696, 752, tâm pháp 369, 559, 560,614, 616, 720, 721, 753,754, 998,1173, 1198, 1383,1499 728, 857, 969, 1161 1583,1590 tám pháp thế gian 532, 533, 534 tâm Bồ-đề 764, 765 Tam quy 1173, 1198, 1306, 1467



tàm quý 1179, 1315, 1368 tế xúc thực 432, 433 tâm sở tùy phiền não 58 tham ái 56, 78, 80, 237, 238, 313, 324, 366, tám Thánh đạo 61, 1315 371, 372, 373, 377, 434, 613, 627, tám trai giới 1224, 1225, 1231, 1468 665, 798, 868, 942, 943, 949, 950, tam từ bi 276, 901, 1241 956, 1079, 1098, 1163, 1284, 1427, tấn căn 205, 274, 756, 757, 759, 760, 761, 1453, 1505, 1584 762, 763, 764, 765 tham bất thiện căn 717 Tần-đầu-sa-la 682, 683, 686 tham dục 2* 41, 42, 44, 45, 46, 58, 69, 71, Tăng bảo 268, 611, 618 83, 88, 103, 108, 163, 164, 198, 212, Tăng-già-lam 375, 458 213, 215, 226, 227, 228, 236, 243, tà nghiệp 306, 524, 834, 846, 847, 848, 849, 299, 305, 306, 308, 323, 371, 372, 850, 851,858, 859 373, 379, 389, 402, 403, 453, 519, Tân-già-la-a 684 520, 521, 527, 536, 537, 541, 542, Tăng ích 945 543, 544, 545, 546, 547, 559, 560, Tăng Thượng A-tỳ-phù 1452 602, 609, 613, 628, 635, 647, 661, tăng thượng bố thí 944 662, 673, 716, 735, 736, 746, 792 tăng thượng đa văn 944 793, 794, 795, 796, 797, 801, 804, tăng thượng định học 883, 884, 885, 886, 806, 808, 809, 817, 833, 834, 835, J 887, 888, 889, 890, 891, 893, 894, 836, 844, 853, 863, 866, 883, 886, 898, 899 887, 889, 890, 912, 914, 934, 938, tăng thượng giới 944, 1063 946, 954, 959, 960, 969, 983, 994, tăng thượng giới học 883, 884, 885, 886, 995, 998, 1002, 1003, 1006, 1039, 887, 888, 889, 890, 891, 893, 894, 1052, 1058, 1059, 1060, 1063, 1064, 898, 899 1065, 1087, 1090, 1099, 1117, 1121, tăng thượng mạn 275 1122, 1123, 1126, 1127, 1135, 1137, tăng thượng oai nghi học 890 1145, 1157, 1180, 1181, 1182, 1184, tăng thượng tâm 1063, 1161 1228, 1233, 1236, 1246, 1259, 1277, tăng thượng trí tuệ 944 1278, 1283, 1284, 1290, 1294, 1345, tăng thượng tuệ học 883, 884, 885, 886, 887, 1350, 1351, 1352, 1357, 1361, 1390, J 888, 889, 890, 891, 893, 894, 898, 899 1391, 1392, 1402, 1403, 1480, 1481, tăng thượng tuệ xả 944 1524, 1528, 1556, 1569, 1584 tà ngữ 306, 523, 834, 846, 847, 848, 849, tham hữu 673 850, 851,858, 859 tham sử 511 tánh Không 1401, 1402 tham ưu 329, 466, 594, 595, 596, 726, 728, tà niệm 306, 524, 834, 846, 847, 848, 849, 729, 731, 735, 736, 738, 739, 757, 850, 851,858, 859 1121,1122, 1133, 1392 Tân-kỳ-ca 1268, 1269, 1604 thân ác hạnh 718 Tán-xà-da Tỳ-la-chi tử 1305 thân căn 352, 353, 364, 368 tà tinh tấn 306, 524, 834, 846, 847, 848, 849, Thân chứng 761, 1010 850, 851,858, 859 tháng Ca-đề 882 Tát-la 55, 486, 678, 874, 875, 905, 947, thân giới 495, 496, 497, 505, 642 1097, HOI, 1102, 1238, 1560 thắng tộc Già-la-diên 1087 Tật-lê luận 973, 974, 975 thắng trí 940, 941, 1044, 1603 tà trí 524, 769 thân hành 83, 329, 401, 420, 638, 639, 640, tà tư duy 306, 523, 834, 846, 847, 848, 849, 868, 876, 879, 1246 851,858, 859 thành Ba-la-lợi-phất 458, 459

thành Ca-tỳ-la-vệ 873, 1130, 1301 1142, 1233, 1234, 1235, 1237, 1238, thành Câu-di-na-kiệt 819, 1068 1239, 1359 thành Câu-xá-bà-đề 293, 294 Thánh pháp 89, 692, 714, 755, 1560 Thánh Đại sư 1331 thành Sa-ky 619, 621 Thánh đạo tám chi 44, 82, 86, 168,249,291, thành Tần-đầu 325,326, 1533 292, 366, 399,400,401,420,535, 536, thành Tăng-ca-xá 572, 573 537, 538, 539, 540, 541, 542, 543, 544, Thánh tuệ nhãn 488 545, 546,547,737,778,787, 842, 843, thành Tỳ-xá-ly 91, 227, 228, 229, 230, 231, 844, 845, 853, 863, 864, 865, 866, 232, 233, 460, 726, 1183, 1421 906, 907, 909, 970, 994, 1020, 1059, Thanh văn 86, 113, 272, 273, 333, 342, 396, 1065, 1069, 1340, 1392, 1451, 1495, 406, 575, 585,651,717, 778, 780, 781, 1573, 1575 892,954, 957,1178,1197,1201,1255 Thánh đệ tử 6,7, 8,27,29,30,31,32,33,34, 1354, 1366, 1579, 1584 47, 48, 49, 51, 56, 65, 71, 72, 73, 75, thân kiến 70, 79, 83, 143, 404, 405, 406, 76, 78, 80, 85, 87, 89, 93, 94, 95, 96, 446, 453, 500, 543, 545, 643, 756, 97, 98, 127, 129, 132, 134, 140, 143, 758, 761, 883, 886, 887, 889, 890, 144, 146, 150, 156, 165, 166, 168, 914, 915, 948, 982, 983, 998, 1006, 169,170, 171, Ì77,178,180,182,211 1020, 1099, 1483, 1515 212,218,219,229,230,250,256,262, thân nghiệp 735, 858, 859, 860 278,287,295,298,300, 301,302,304, thân nhập xứ 256, 357 309,311,312,313,321,324,329,332, thần Nha Xỉ 754 333,343,344,345,349,350,353,354, thân niệm xứ 202,278, 598, 599,1291,1302 388,397,398,399,400,401,415,434, thần Ô-trà 754 435,453,485, 507,512,513,514, 525, thân thức 333, 368, 385 526,598,599,609,610,611,612,627, thần thức 1001, 1173, 1191, 1217, 1409 629,631,632,633,634,637,643,707, thân thức giới 495, 642 720, 731, 763, 764, 765, 766,768,771, thân thức thân 356, 364, 385 775,788,796, 833, 834, 835, 855, 856, thần Trùng 754 857,860, 876, 877, 879, 880,885, 899, Thần túc 219, 220, 645, 703, 709, 1167, 900,901,902,904,905,907,908,909, 1223, 1304, 1450, 1468 910,911,912,913,914,916,917,922, thân xúc 232, 256, 278, 325, 364, 365, 376, 923, 942, 947, 980, 1002, 1003, 1004, 381,386,387,390,391,392,393,513, 1005, 1006, 1009, 1010, 1011, 1013, 514, 542, 724, 1284, 1285,1291, 1303 1014, 1015, 1020, 1039, 1051, 1052, thân xúc thân 357, 385 1116, 1122, 1123, 1142, 1178, 1233 tháp Ba-la-thọ-trì 153 1234, 1238, 1288, 1290, 1293, 1294, tháp Cù-đàm 153 1295, 1303, 1534, 1539, 1542 tháp Đa Tử 153, 1255 thành Di 1084 tháp Lực Sĩ Bảo Quan 153 thành Di-hy-la 117 tháp Tát-am-la-thọ 153 thanh giới 495, 642 tháp Thiện Kiến Lập 1166 Thánh giới 571, 572, 573, 574, 617, 731, tháp Ưu-la-đề-na 659 732, 735, 899, 900, 901, 902, 903, tháp Xả-ượng-đảm 153 904, 905, 907, 908, 910, 912, 913, Tha tâm thông 881, 883, 1256 914, 916, 917, 953, 954, 1007, 1008, Tha tâm trí 712,1042,1141,1251,1264,1352 1124, 1125, 1126, 1128, 1129, 1130, thất đá Hương Sơn 707



Thất hữu 761, 887 363,364,365,367,369,370,371,372, thật nghĩa 575, 576, 577 373,374,375,376,377,378, 379, 380, thật nhãn 231,575,576,577 383,384,385,386,387,388,389,390, thất niệm 274,275,405,494, 555, 556, 1246 391,392,393,394,395 396,397 402, thật pháp 575, 576, 577, 714, 768, 1148 403,404,408,409,410,411,412,413, Thất-sa 747 414 415,417,418,419,420,421,422, thật trí

575, 576, 577 423,424,425,427,428,429,430,431, Thâu-lũ-na 26, 27, 28, 29, 30, 31, 290, 1512 432,433,434,435,436,437,438,439, Thế Gian Giải 55, 414, 602, 609, 618, 735, 440,441,442,443,444,445,446 448, 910, 912, 918, 979, 1002, 1026, 1071, 449,450,451,452,453 455,456,457, 1073, 1474 458,459,460,461,463,464,465,466, thẻ hành-xá-la 745 467,468,469,470,471,472,473,474, Thế Tôn l, 2,3,4, 5,6, 7, 8,9,10, 11, 12, 13, 475,476,477,478,479,480,481,484, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20,21,22, 23 485,486,487,489,490,491,493,494, 24 25, 32, 33, 34, 35, 36,37, 38,40, 495,496,497,498,499,500,501,503, 43, 47, 48, 49, 50, 52, 53 54, 55, 56, 508, 509,510,511,512,513, 514,515, 57, 58, 59, 60, 61, 62, 63, 64, 65, 67, 516,517,518,519,520, 521, 522 523, 68, 70, 72, 73, 75, 76, 77, 78, 79, 81, 525, 526, 529,530, 531, 532, 533, 552, 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92, 93, 553, 554, 555, 556 557, 558, 562, 563, 94, 95, 96, 97, 98, 99, 100, 101, 103, 564, 565,568, 569, 570, 571, 572, 573, 104, 105, 107, 108, 109, HO, 111, 112, 574, 575, 576, 577, 584, 602, 607, 608, 113,114,115,116,118,119,120,121, 609,610,611,612,615, 616,618,620, 122,124,125,128,129,132,133,134, 621,622,624,630,635,636,637,644, 135,136,137,138,139,140,141,142, 648,650,651,653,654,655,656,657, 143,147,148,150,151,152,153,154, 658,659,660,661,662,663,665,667, 155,156,157,158,159,160,161,162, 668, 669, 670,671,672, 673, 674,675, 163,164,165,166, 167,168,169,170, 676, 677, 678,679, 680, 681,682,690, 171,172,173,175,176,177,178,179, 693,694, 695,696,697,698,699,701, 181,183,184,185,186,187,188,189, 704, 705,708,709, 713, 714, 715,716, 190,191,192,193,194,195,196,197, 717,718,719,720, 721,723,724, 725, 198,199,200,201,202,203,204,205, 726, 727, 728,729, 730, 731,734, 735, 206,207,208,209,210,212,214,215, 736, 737, 738,739, 740, 741,742,743, 216,217,218,219,220,221,222,223, 746,748, 755,756,757,758, 759, 760, 224,225,226,227,228,229,230,231, 761,762,763,764 765,766,767,768, 232,233 234,235 237,238,239,240, 769, 770, 771, 772,773,774, 775,776, 241,242,243 244,245,246,247,248, 777, 778,780,781, 782,783,784,785, 249,250,251,252,253,254,255,257, 786,787,788,789,790,791,792,793, 258,259,260,261,265,267,268,272, 794, 795, 796,797, 801, 803, 804, 807, 273,274,275,288,289,290,292,294, 808, 812, 816, 817, 818, 819, 820, 295,296,297,299,300,301, 302, 303, 821, 822, 823, 824, 825, 826, 827, 304,305, 306, 307, 308,310,311,312, 828, 829, 830, 831, 833, 834, 835, 313,314,315,321,322,323,326,327, 836 837, 838, 839, 840, 841, 842, 330,331,332,334, 335, 336,337,338, 843, 844, 845, 846, 847, 848, 849, 342,343,344,345, 347,349, 350,351 850, 851, 852, 854, 855, 858, 859, 352 353,355,356, 357,359,360,362, 861, 862, 863, 864, 865, 866, 867,

1670 KINH TẠPA-HÀM

869, 870, 871, 872, 873, 874, 875, 876, 1217, 1218, 1220, 1223, 1224, 1225, 877, 878, 879, 880, 881, 882, 883, 884, 1226, 1227, 1228, 1229, 1230, 1231, 885, 886, 887, 888, 889, 890, 891, 892 1232, 1233, 1234, 1235, 1236, 1237, 893, 894 895, 896, 897, 898, 899,900, 1238, 1239, 1240, 1241, 1242, 1243, 901,902 903,904,905,906,908,909, 1244, 1245, 1246, 1247, 1249, 1250 910,911,912,913,914,915,916,917, 1251, 1252, 1253, 1254, 1255, 1256, 918,919,920,921,922,923,924,925, 1258, 1259, 1260, 1261, 1262, 1263, 926,927,928,929,930,931,932,933, 1264, 1265, 1266, 1267, 1268, 1269, 934,935

937,938,941,942,943 944, 1270, 1271, 1272, 1273, 1274, 1275, 945,946,947, 948, 949, 950, 951,952, 1276, 1277, 1278, 1279, 1280, 1281, 953, 954 955, 956, 957, 959, 960,961, 1282, 1283, 1284, 1285, 1286, 1288, 962,964,965,966,967,970,971,972, 1289, 1290, 1291, 1293, 1295, 1296, 973,974,977,978,973,980,981,983, 1297, 1298, 1299, 1301, 1302, 1303, 985,986,987,989,990,991,993,994, 1304, 1306, 1307, 1308, 1309, 1310, 995, 996, 997, 998, 999, 1000, 1001, 1311, 1312, 1313, 1314, 1315, 1316, 1002, 1004, 1005, 1006, 1007, 1008, 1317, 1319, 1320, 1321, 1322 1323 1009, 1012, 1013 1014, 1015, 1016, 1324, 1325, 1326, 1327, 1328, 1329, 1017, 1018, 1019, 1020, 1021, 1022, 1330 1331, 1340, 1343 1345, 1346, 1023, 1024, 1025, 1026, 1027, 1029, 1347, 1348, 1351, 1353 1354, 1355 1034, 1035, 1036, 1037, 1038, 1041, 1356, 1357, 1358, 1361, 1362, 1363, 1042, 1043, 1044, 1045, 1046, 1047, 1364, 1365 1366, 1367, 1368, 1369, 1048, 1050, 1052, 1054, 1055, 1056, 1370, 1371 1372, 1373, 1374, 1375, 1057, 1058, 1060, 1061, 1063, 1064, 1376, 1377, 1378, 1379, 1380, 1382, 1065, 1067, 1068, 1069, 1070, 1071, 1383, 1384 1385, 1386, 1387, 1389, 1072, 1073, 1075, 1076, 1077, 1079, 1391, 1393, 1394, 1395, 1397, 1398 1080, 1081, 1082, 1083, 1084, 1086, 1399, 1400, 1401, 1402, 1403, 1404, 1087, 1089, 1090, 1091, 1093, 1094, 1405, 1406, 1407, 1408, 1409, 1410, 1095, 1096, 1098, 1099, 1100, HOI, 1412, 1413, 1414, 1415, 1416, 1417, 1102, 1103, 1104, 1105, 1106, 1107, 1418, 1419, 1420, 1421, 1422, 1423, 1108, 1109, 1110, nil, 1112, 1113, 1424, 1425, 1426, 1427, 1428, 1429, 1114, 1115, 1116, 1117, 1118, 1119, 1430, 1431, 1433, 1434, 1435 1436, 1120, 1121, 1123, 1124, 1125, 1127, 1438, 1439, 1440, 1441, 1442, 1443 1128, 1129, 1130, 1131, 1133 1134, 1444, 1445, 1446, 1447, 1448, 1449, 1137, 1139, 1140, 1141, 1142, 1143, 1450, 1451, 1452, 1453, 1454, 1455, 1144, 1145, 1146, 1147, 1148, 1149, 1456, 1457, 1458, 1459, 1460, 1461, 1150, 1151, 1152, 1153, 1154, 1155, 1462, 1463 1464 1465 1466, 1467, 1156, 1157, 1158, 1159, 1160, 1161, 1468, 1469, 1470, 1471, 1474, 1476, 1162, 1163, 1164, 1165, 1166, 1167, 1477, 1479, 1503, 1551, 1606 1168, 1169, 1170, 1171, 1172, 1175, Thi-bà 1063, 1064, 1065, 1066 1176, 1177, 1179, 1180, 1181, 1182, Thi-bà-phất-đa-la 268 1183, 1184, 1185, 1186, 1187, 1188, Thích Bách Thủ 1009, 1011 1189, 1190, 1191, 1192, 1193, 1194, Thích Bồ-đề 1234 1195, 1196, 1197, 1198, 1199, 1200, Thích chủng 1488 1201, 1202, 1203, 1204, 1205, 1206, Thích-đề-hoàn-nhân 560, 567, 568, 748, 1207, 1208, 1210, 1211, 1213, 1214, 928, 1072, 1080, 1081, 1206, 1207,



1208, 1209, 1210, 1211, 1212, 1213, 1355, 1393, 1394, 1412, 1424, 1456, 1214, 1217, 1218, 1220, 1221, 1222, 1465 1474, 1502, 1503 1223, 1225, 1226 1227, 1228, 1331, Thiền thứ ba 408, 518, 527, 623, 881, 883, 1359, 1445, 1446, 1462, 1600 927, 1078, 1251, 1388, 1581 Thích Nan-đề 917, 919, 1232, 1233 Thiền thứ hai 408, 518, 527, 531, 562, 563, Thích Sa-đà 1007, 1008 623, 649, 881, 883, 925, 938, 1078, Thích Sư Tử 690, 745 1251, 1388, 1581 Thích Thạch Chủ 1197, 1198, 1199, 1201 Thiền thứ nhất 197, 408, 518, 527, 531, Thí dụ 1244, 1585, 1611 623, 881, 883, 899, 924, 938, 1078, thiền chi 523, 938 1250, 1251 thiền chỉ 144, 175, 210, 211,624, 1524 Thiền thứ tư 197, 408, 518, 527, 623, 630, thiền chứng 938,939,940,941,994,995,1583 633,758,881,883,884 899,927,1006, Thiên chủ Y-thấp-ba-la 995, 996 1042, 1078,1140, 1251, 1388, 1582 thiền-đầu 368 thiện thuyết 717 Thiên Đế-thích 615, 616, 740, 1205, 1206, Thiên Tự 699 1208, 1212, 1213, 1214, 1216,

1217, thiên tử Bà-lưu-na 1071 1218, 1219, 1220, 1221, 1222, 1223, thiên tử Ban-xà-la-kiện 1448 1224, 1225, 1226, 1227, 1228, 1229, thiên tử Ca-diếp 1459, 1460 1359, 1360, 1362 thiên tử Ca-ma 1456, 1457, 1458 thiện hạnh 328, 736, 1136, 1386,1600, 1603 thiên tử Chiên-đàn 1458, 1459 Thiên ma Ba-tuần 259, 937, 1185, 1202, thiên tử Đa-la-kiền-đà 1456 1303, 1452, 1453 thiên tử Đà-ma-ni 1455 Thiên nhãn 1042 thiên tử Di-kỳ-ca 1454, 1455 Thiên nhãn minh 1279, 1474, 1555 thiên tử Ma-già 1454 Thiên Nhân Sư 55, 414, 602, 609, 618, 633, thiên tử Nguyệt Tự Tại 1447 735, 910, 912, 918, 979, 1002, 1026, thiên tử Tat-be-le 1095, 1096, 1097 1071, 1073, 1474 thiên tử Thi-tỳ 1447 Thiên nhĩ 1042, 1141, 1251, 1256 thiên tử Trường Thắng 1446 Thiên nhĩ thông 881, 883 thiên tử Tu-thâm 1449, 1450 thiên nữ Câu-ca-na-sa 1418, 1419,1420, 1421 thiên tử Tú-tỳ-lê 1218, 1219 thiên nữ Câu-ca-ni 1416, 1417, 1418 thiên tử Tỳ-sấu-nữu 1448 thiên nữ Châu-lô-đà 1421 thiên tử Xà-lân-ni 1483 Thiện Phạm thiên 1326 thiên tử Xích Mã 1450, 1451 thiền pháp 523 thiên tử Y-xá-na 1071 thiền quán 175,210,211,624,876 Thiên vương Đại Phạm 937 Thiên Tác 1312, 1313, 1598 Thiên vương Đâu-suất-đà 936 thiên thần Hê-ma-ba-đê 1473, 1474 Thiên vương Thiện Hóa Lạc 936 thiên thần hư không 1400 Thiên vương Trật-lật-đế-la-sắc-tra-la 928 thiên thần Sa-đa-ky-lợi 1473, 1474, 1476 Thiên vương Túc-diệm-ma 936 Thiện Thệ 11, 14, 15, 17, 18, 55, 113, 307, Thiên vương Tỳ-lâu-bặc-xoa 929 376,414,440, 602, 609,618, 654,658 Thiên vương Tỳ-lâu-lặc-ca 929 669, 735, 820, 822, 844, 878, 896, Thiên vương Tỳ-sa-môn 929 910, 912, 918, 979, 1002, 1009, 1026, thiệt căn 352, 353, 364 1027, 1071, 1073, 1169, 1175, 1176, thiệt giới 495, 496, 497, 505, 642 1199, 1245, 1266, 1275, 1312, 1320, thiệt nhập xứ 357 1321, 1343, 1345, 1348, 1353, 1354, thiệt thức giới 495, 642



thiệt thức thân 356, 364, 385 thôn trưởng Vương Đảnh 967, 970 thiệt xúc 357, 364, 365, 385, 386, 387 thôn Tỳ-bạt-lăng-già 673 Thiêu Nhiên 1386 thôn Tỳ-la-ma 1139, 1141 thị giả 59, 60, 156, 157, 158, 159, 160, 161, thôn Tỳ-nữu-đa-la 1141 162, 163, 164, 165, 166, 167, 169, thôn Uat-tỳ-la 970, 971 171 172, 704, 872, 894, 1160, 1312, thọ thủ uẩn 40,49, 50, 51, 62, 63, 67, 68, 69, 1405, 1461 70,81,84,85, 87, 1451 thi-la 1278 thọ uẩn 64 Thi-lộ kệ 1463 thức giới 81, 496, 509, 642, 1127 thị trấn Câu-la-la-tra 607 Thức nhập xứ 198, 830, 881, 883, 1140 thi xả 103,918, 997 thức thực 378, 398, 431, 432, 433,435, 436, Thọ Đề 1128, 1129 437, 438, 903, 1237 thô đoàn thực 398, 432, 433 thức thủ uẩn 40, 49, 50, 51, 62, 63, 67, 68, thọ dục 530, 1494 69, 70,72, 81, 84, 85, 86, 87,125,168 thọ ký 322 362, 363, 685, 692, 694, 695, 173,285,286, 539, 1301, 1451 697, 702, 707, 709, 907, 908, 1009, thức uẩn 58, 63, 64, 142, 162,163,164,267, 1011, 1043, 1119, 1121, 1125, 1130, 357,1127 1131, 1191, 1307, 1308, 1324, 1325, Thức vô biên xứ 198, 499, 518, 528, 623, 1346, 1347, 1408, 1410, 1413 637, 830, 831, 995, 1042, 1251, 1388 Thọ ký 1244, 1357,1580 Thức-xoa-ma-na 588, 710, 1235, 1236 thọ ly dục 530, 531 Thủ-đà-la 112, 666, 1258, 1259, 1260, 1375 thôn Ba-đà 60 Thương Chủ 1066, 1067 thôn Bà-la-môn Trấn-trân-ni 1412 thường kiến 133, 289, 358, 1034, 1522 thôn Bà-la-na 602 Thượng lưu Bát-niết-bàn 825, 827, 888, 890, thôn Băng-già-xà 896, 897 925, 926, 927 thôn Bạt-ky 591, 592, 593, 894 thượng phần phiền não 225, 321, 721, 953 thôn Bạt-lan-na 601 Thượng tọa Tam tạng 745 thôn Câu-bàn-trà 269 Thượng tọa Thanh văn 881 thôn Điều Phục Bác Ngưu 258 Thủ

thiên tử 671, 672, 1559, 1605 thôn Di Hầu 276 thủy đại 310 Thô Ngưu 1431, 1432 thủy giới 509 thôn Ha-le 612,615, 616,617,619, 1556 thụy miên 226, 543, 675, 716, 736, 792, 793, thôn Kim Cương 874, 875 794, 795, 796, 805, 806, 808, 809, thôn Kim-tỳ-la 878 817, 844, 868, 995, 1065, 1246, 1259, thôn La-ma 693 1302, 1361, 1598, 1605 thôn Lực Sĩ 819 tịch diệt 6, 34, 40, 51, 81, 82, 86, 89, 157, thôn Na-la 973, 975, 978, 1066, 1255, 1410, 159, 160, 161, 162, 163, 164, 168, 1411, 1412, 1413 222,249,263,264,288,289,332,333, thôn Na-lăng-già-la 1396 334,335,350,351,365,368, 399,413, thôn Na-lê 1032, 1131 414,416,417, 506, 507,511, 529, 531, thôn Na-lê-ca 915 608,613,614,615,616,627,635,636, thôn Na-lợi-già 1033 702, 708, 867, 868, 869, 870, 871, 872, thôn Ngưu Mục 644 877, 879 956, 957, 1020, 1027, 1028, thôn Nhất-na-la 115 1037, 1090, 1192, 1194, 1295, 1307, thôn trưởng Kiệt-đàm 970, 972, 973 1336, 1337, 1338 1339, 1340, 1341, thôn trưởng Ma-ni-châu-kế 965, 966 1342, 1394, 1395, 1423, 1451,1475



tịch tĩnh 23, 36, 84, 119, 146, 153, 249, 253, tinh xá Kỳ Hoàn 702, 1210, 1264 290,368,399,400,549, 550,551, 592, tinh xá Phồn-kỳ-ca 915 613,614,615,616,638,670,692,695, tinh xá Sơn Cốc 844, 1378, 1416, 1417, 707,721, 725, 735,744,763, 806,924, 1418, 1419, 1420 925, 1036, 1093, 1182, 1233, 1255, tinh xá Thâm Cốc 994 1295, 1346, 1388, 1457, 1475 tinh xá Trúc Lâm 20, 21, 26, 28, 30, 93, 120, Tiên-xà-na Tỳ-la-chi tử 133 132,136,221,265,266,272,280,281, tín căn 69,205,756,757,759,760,762,763, 282,283,327,340,343,344,345 347, 764, 765, 947, 1011, 1523, 1564 350, 351, 353, 513, 563, 564, 736, Tín giải thoát 761, 1011 1028, 1030, 1031, 1033, 1034, 1035, tín, giới, thí, văn, tuệ 612, 618 1037, 1038, 1043 Tín hành 761,887, 947 tinh xá Trúc Viên 34 tinh cần 594, 595, 596, 713, 716, 717, 736, tinh xá Tùng Lâm 591, 592, 593, 597, 598, 737, 738, 739, 757, 880, 999, 1121, 599, 600, 601,811 1122, 1133, 1262, 1404 tín lực 206, 772, 1523 tỉnh giác 68, 174, 199, 266, 304, 314, 329, tín, tấn, niệm, định, tuệ 274, 1011, 1456 331,353,354,377,392,393,408,442, Tôn-đà-bàn-lê 1308 466,502,512,514,515,527,556,565, Tôn giả A-đề-mục-đa 810 593,594, 595, 596, 597,609,610,611, Tôn giả A-na-luật 492, 591, 592, 593, 594, 612,655,713,716,717,721,725,726, 595,596, 597,598, 599, 600,601, 731, 728,729,731,735,736,738,739,757, 811, 1087, 1131, 1132, 1133, 1331, 771, 819, 855, 875, 926, 950, 1059, 1463, 1482, 1483, 1570, 1618 1068, 1116, 1121, 1122, 1133, 1182, Tôn giả A-na-luật-đà 492, 731, 1087, 1331, 1187, 1189, 1240, 1286, 1287, 1302, 1463, 1482 1347, 1369, 1370, 1392, 1403, 1404, Tôn giảA-nan 53, 54, 59, 60, 228, 229, 234, 1416, 1417, 1436, 1592 250,251,261,262,263,285,286,288, Tịnh giới 499, 500, 1072, 1216, 1316, 1475 289,290,315,331,332,333 345,383, Tịnh Khẩu 560, 562 396,397,415,417,460,461,483,492, Tinh Tấn Bà-la-đậu-bà-giá 1309, 1310, 1311 505, 506, 507, 508, 509,517,518,519, tinh tấn định 204, 627 520, 528, 529, 564, 595, 596, 620,621, tinh tấn giác chi 792, 793, 796, 798 622,623,624,625,626,627,628,629, tinh tấn giác phần 329, 802, 803, 804, 805, 630,631 632 633 634 670,681,682, 807, 809, 812, 816, 817, 818, 819, 877 695,704,705,719,725,731,732,733, tinh tấn lực 772, 783, 784 737,738,740, 818, 819, 844, 845, 847, tịnh tướng 549 852, 853, 875, 876, 877, 878, 879, 880, tịnh tưởng 1350, 1608 907, 908, 928, 929, 966, 1006, 1007, tinh xá Đại Lâm 1309 1034, 1044, 1046, 1058, 1059, 1060,

tinh xá Giáp Cốc 818 1068, 1069, 1070, 1075, 1076, 1082, tinh xá họ Thích 612,615,616 1083, 1084, 1113, 1114, 1115, 1125, tinh xá Kê Lâm 623, 731, 732, 733, 734, 1126, 1127, 1148, 1164, 1165, 1243, 735,810 1251, 1252, 1253, 1254, 1255, 1256, tinh xá Kê Tước 694, 697 1257, 1279, 1280, 1306, 1330, 1331, tinh xá Khoáng Dã 671 1346, 1347, 1350, 1378, 1417, 1418, tinh xá Khúc Cốc 1131 1449, 1503, 1557, 1590 tinh xá Kim Sư 1133, 1136, 1405, 1406, Tôn giả A-nan-đà 731, 1046, 1047, 1350 1407, 1408, 1409 Tôn giả A-nậu-luật-đà 34

1674 KINH TẠP A-HÀM

Tôn giả A-nhã Câu-lân 441, 1329, 1330 Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la 264, 265, 266, Tôn giả A-nhã Kiều-trần-như 286,1087,1343 280, 281, 282, 283, 340, 341, 342, Tôn giả A-thấp-ba-thệ 1115, 1116, 1117 397, 398, 399, 400, 401, 1410, 1412 Tôn giả Bạc-câu-la 703 Tôn giả Mậu-sư-la 415, 416 Tôn giả Bà-kỳ-xá 1087, 1089, 1090, 1092, Tôn giả Na-ca-bà-la 1461, 1462 1343, 1344, 1345, 1348, 1349, 1350, Tôn giả Na-ca-đạt-đa 1487 1351, 1352, 1353, 1354, 1355, 1356, Tôn giảNa-đề-ca 1393, 1394, 1395 1357,1608 Tôn giảNa-la 415,416,417 Tôn giả Bà-na-ca-bà-sa 1087 Tôn giả Nan-đà 316, 317, 318, 319, 320, Tôn giả Bạt-ca-lợi 995 321, 1158, 1159 1597 Tôn giả Bạt-đà-la 528, 529, 732, 733 Tôn giả Nan-đề 34 Tôn giả Bạt-kỳ tử 894, 895, 1578 Tôn giả Nhị Thập ức Nhĩ 272, 273, 275, Tôn ẽiả Ca-chiên-diên 276,277,492,602,616 492,1087 Tôn giả Ca-diếp Thị 896, 897, 1579 Tôn giả Ni-câu-luật Tưởng 1349, 1356 Tôn giả Ca-ma 623, 624, 873, 1577 Tôn giả Phả-cầu-na 1113, 1114, 1115, 1594 Tôn giả Cù-đê-ca 1190, 1599 Tôn giả Phân-đà-đàn-ni-ca 1087 Tôn giả Đại Ca-diếp 491, 744 Tôn giả Phù-di 394,395,396 Tôn giả Đại Mục-kiền-liên 492, 562, 563, Tôn giả Phú-lân-ni 1045, 1089, 1115, 1405, 564, 565, 567, 568, 569, 570, 571, 1406, 1589 574, 575, 576, 577, 578, 579, 580, 581, Tôn giả Phú-lâu-na 373, 375, 492, 1087 582, 583, 584,585,586,587,588, 589, Tôn giả Phú-lâu-na Di-đa-la-ni tử 286 591,592,593,594,595, 596,668,703, Tôn giả Tán-đà Ca-chiên-diên 359, 360 1030, 1031, 1081, 1087, 1302, 1303, Tôn giả Tân-đầu-lô 708, 709, 710, 1283, 1345, 1478 1284, 1605 Tôn giả Đại Thuần-đà 261, 1530 Tôn giả Tăng-ca-lam 1163, 1164, 1597 Tôn giả Đà-la-phiêu Ma-la tử 1087 Tôn giả Thập Lực Ca-diếp 1485 Tôn giả Đà-phiêu Ma-la tử 1170, 1171 Tôn giả Thiện Giác 1201, 1202 Tôn giả Da-xá-xá-la-ca-tỳ-ha-lợi 1087 Tôn giả Thiện Sanh 1154, 1597 Tôn giả Đề-bà-đạt-đa 492 Tôn giả Thù Thắng 415,416,417 Tôn giả Đê-sa 1159, 1597 Tôn giả Tịnh Thiên 117, 118 Tôn giả Kế;tân-na 871, 1577 Tôn giả Tỳ-xá-khư Bát-xà-lê tử 1160, 1161 Tôn giả Kiều-trần-như 286, 440, 491, 1343 Tôn giả uất-đê-ca 729, 730 Tôn giả Kim Cương Tử 1486, 1618 Tôn giả Ưu-ba-ca 673 Tôn giả Kim-tỳ-la 34, 878, 1578 Tôn giả ưu-ba-ly 492 Tôn giả La-hầu-la 20, 220, 221, 222, 223, Tôn giả ưu-ba-ma 810, 1312, 1570 224, 492, 509, 510, 511, 951, 1170 Tôn giả ưu-đà-di 269, 270, 271, 272, 529, Tôn giả Lê-tê-đạt-đa 641,643,644 531,731,732 Tôn giả Lộc-nữu 371, 372 Tôn giả Xá-lợi-phất 26, 27, 28, 29, 30, 31, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên 276,277, 278, 128,129,130,131,132,139,140,141 279,289, 601,602, 603,604, 605, 606, 143,146,252,253,263,264,265,266, 607,608, 609,612, 613,614,615,616, 267,268,280,281,282,283,284,285, 617,618,619 340,341,342, 395, 396 397, 398, 399, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp 703, 955, 956, 957, 400,401,402,403,492, 525, 526, 535, 959, 1087, 1243, 1245, 1246, 1247, 536,537,538, 539, 540, 541, 542, 543, 1249, 1250, 1251, 1252, 1253, 1254,

544, 545, 546, 547, 548, 549, 550, 551, 1255, 1256, 1257, 1329, 1603 552, 553, 554, 555, 556, 557, 558,

SÁCH DẪN 1675

559, 560, 561,562, 564, 565,566, 594, trời Đâu-suất-đà 441,612,618,922,936,1003 595,596,668,670,671,702,736,737, trời Diệm-ma 441, 476, 567, 612, 618, 739,786,787,809, 810, 837,906,907, 936,1003 908, 955, 956, 957, 1052, 1053, 1060, trời Hóa Lạc 441, 476, 567, 612, 618, 922, 1061, 1073, 1074, 1087, 1126, 1127, 936, 1003, 1581 1297, 1305, 1324, 1329, 1344, 1347, trời Hư Không 1088 1348, 1410, 1411, 1412, 1413, 1426, trời Quang Âm 293, 1140, 1197 1449, 1478, 1491, 1496 trời Quang Minh 1416, 1418, 1419 Tôn giả Xiển-đà 1410, 1411, 1412, 1413 trời Tha Hoa Tự Tại 441,476, 567,612,618, trạch pháp giác chi 792 923,937, 1003, 1140, 1581 trạch pháp giác phần 329, 801, 802, 803, trời Tứ Thiên Vương 441,612,618, 1003 804, 805, 807, 809, 812, 816, 817, 818, trời Tỳ-thấp-ba 1133 819, 823, 826, 877 trụ đồng Nhân-đà 560 trần cấu 27, 119, 127, 131, 136, 272, 277, Trung Bát-niết-bàn 824, 827, 887, 888, 890, 287,290,330, 361,411,440,632,970, 925, 926, 1580, 1581 972,981,996,1005,1052,1065,1070, trung đạo 290, 355, 359, 360, 361, 1034 1072, 1284, 1361, 1437, 1460, 1481 Trùng tụng 1244 trạo cử 226, 303, 304, 404, 405, 406, 543, trưởng giả Chất-đa-la 635, 636, 638, 641, 625,721,792,793,794,795,796, 803, 642, 644, 645, 646, 647, 648, 649, 804, 817, 953, 995, 1083, 1099, 1246, 650, 651 1361, 1389 trưởng giả Khoáng Dã 671 trạo hối 273, 716, 736, 805, 806, 808, 809, Trượng Lâm 1166 810, 811, 817, 844, 868, 995, 1065, Trưởng lão Ni kệ 1244, 1334, 1463 1076, 1259 Trưởng lão Tăng kệ 1244, 1463 trà-tỳ 752 Trường Trảo 1050* 1052, 1053, 1589, 1619 Trí công đức 620, 621, 622, 624 trụ xứ a-lan-nhã Na-trà-bà-đê 695 Trí cứu cánh 620, 621,622, 624, 890, 1557 trú xứ của Tiên nhân 33, 57, 58, 59, 287, triền cái 226, 321, 329, 543, 801, 804, 873, 396, 439, 441, 442, 443, 444, 445, 995, 1178, 1348, 1568 446, 447, 448, 449, 450, 451, 452, trì giới 105, 109, 112, 192, 492, 494, 516, 453, 454, 455, 456, 457, 583, 585, 551,651,669,746,754, 817, 874, 888, 727, 1179, 1221, 1281 889, 890, 892, 930, 1083, 1084, 1139, Tu-ba-la-đề-sa 1442 1141, 1142, 1165, 1216, 1261, 1263, Tú-ba-la-thủ 1027, 1028 1275, 1305, 1310, 1347, 1359, 1375, Tu-bạt-đà-la 915,1068,1069,1070,1590,1620 1449, 1465, 1479, I486, 1487, 1498, Túc mạng minh 1279, 1474 1612, 1614 Túc mạng thông 881, 883 tri kiến giải thoát 886, 888, 889, 890, 943 Túc mạng trí 50,276, 941,1042,1141,1251, trí pháp trụ 410 1256, 1313 Trì Quoc 706, 928 Túc-xá-đế 1308 tri sự 164,586,589, 590, 1554 Tu-đà-di 122 tri túc 1247 Tư-đà-hàm 284, 450, 611, 618, 723, 731, Trí vô úy 791, 1568 760, 761, 769, 824, 827, 864, 865, trời Đao-lợi 567, 653, 727, 928, 1215, 1216, 866, 881, 883, 887, 889, 915, 998, 1262, 1380 1001, 1002, 1010, 1040, 1042, 1069, trời Đâu-suất 476, 562, 567, 670, 1082,1084 1082, 1084, 1129, 1131, 1141, 1231, 1236, 1279, 1323, 1361, 1390, 1502

1676 KINH TẠP A-HÀM

Tu-đà-hoàn 70, 284, 322, 450, 453, 572, tưởng thủ uẩn 40, 49, 50, 62, 63, 67, 68, 69, 574, 611,618,664,723, 731,756,758, 70,81,84, 85, 87, 1451 760,761,769, 824, 827, 864, 865, 866, tướng tịnh tín 720 881, 883, 886, 887, 889,907,908,909, tướng tự tâm 720 915, 948, 982, 998, 1001, 1002, 1007, tưởng uẩn 64, 357 1008, 1009, 1011, 1020, 1040, 1042, tướng vắng

lặng 1389 1069, 1126, 1128, 1141, 1142, 1231, tưởng và tư 639 1234, 1235, 1236, 1239, 1323 1361, Tu-sư-ma 682, 683, 687, 688 1391, 1490, 1502, 1542, 1561, 1563, từ tâm 552, 553, 554, 555, 723, 1328 1579, 1580, 1602 tự tánh 248,311, 1255 tứ đại 293,343,344 Tự thuyết 73,228, 1244 Tu-đà-na 743 tự tứ 1346 Tu-đạt 481,482 Tuyết Sơn 485, 486, 667, 724, 1195, 1199, Tu-đạt-đa 669 1201, 1266, 1453, 1545 tư duy định 204, 627 tùy miên 20,225, 321,511, 542,1036,1073, tuệ can 70, 274, 756, 757, 758, 759, 760, 1511, 1525 761, 762, 763, 764, 765, 948, 1011 tiiy niệm 609, 610, 611, 612, 618, 619, 715, tuệ giải thoát 43, 46, 73, 152, 153, 223, 224, 854,910,1001,1002,1005,1128,1556 233,235,275,278,409,451,456,599, tùy quán 715,995, 1178 632,780,782,797, 895,914,941,979, tùy thời thí 567 980, 1001, 1003, 1006, 1039, 1073 tỷ căn 352, 353, 364 1074, 1075, 1078, 1080, 1082, 1083, Tỳ-đề-hy 1156 1117, 1119, 1120, 1121, 1293, 1302, ty giới 495, 496, 497, 505, 642 1303, 1347 Tỳ-kheo A-la-hán 82, 599, 614, 635, 696, tuệ lực 558, 772, 783, 784, 800, 1059 707, 708, 709, 710, 1064, 1225, 1365 tuệ mạng 670, 885 Tỳ-kheoA-lê-sắt-tra 837, 870, 1577 tuệ nhãn 134,290,488,636, 638,1007,1305 Tỳ-kheo A-nậu-la-độ 136 tuệ thân 737, 1384 Tỳ-kheo A-thấp-bà-thệ 147 tuệ thân Vô học 987, 1259 Tỳ-kheo Bà-ca-lợi 501 tuệ tri 2, 3, 4, 104, 513, 1510, 1530 Tỳ-kheo Bà-hê-ca 730 Tu-ma 920, 1054, 1055, 1056, 1057 Ty-kheo Ca-ma 836, 873, 1572 Tùng-ca-đế 119 Tỳ-kheo Ca-tra-vụ-đà-đê-sa 1327 tướng ánh sáng 565, 667 Tỳ-kheo Câu-lân 928 tưởng ánh sáng 314, 819, 1187, 1189, Ty-kheo Cù-ca-lê 1324, 1325, 1424, 1425, 1302, 1331 1426, 1607, 1614 tướng buông xả 1389 Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma-la tử 1168,1169, 1170 tưởng hại 308 Ty-kheo Đà-sa 124, 125, 126 tướng hưng khởi 1389 Tỳ-kheo Đề-xá 304, 305, 307, 1532 tưởng não hại 502,609,610, 611,612 Tỳ-kheo Diệm-ma-ca 128,129,131,132,1517 tướng nội tâm 721 Tỳ-kheo Già-ma 638, 1557 Tượng pháp 958 Tỳ-kheo Kiến-đa 1489, 1619 tưởng sân 308 Tỳ-kheo Kiếp-ba 19 tưởng sân hận 501, 502, 609, 1392 Ty-kheo La-đà 156, 157, 158, 159,162, 165, tưởng tham 308 166, 167, 168, 169, 170, 171, 172 tưởng tham dục 501, 502, 609, 610, 611, Tỳ-kheo La-hán 656, 657 612, 1392 Tỳ-kheo Na-già-đạt-đa 635, 636



Tỳ-kheo Nan-đà 313, 1158, 1533 Tỳ-kheo Sai-ma 124, 125, 126, 127, 128, Tỳ-kheo Nan-đồ 913, 914 597, 617, 1117, 1124, 1125, 1126, Tỳ-kheo Nguyệt Tử 559 1128, 1130, 1410, 1517 Ty-kheo-niA-lạp-tỳ 1332,1333,1607 Tỳ-kheo Tam-di-ly-đề 247, 248, 249 Tỳ-kheo-ni Ca-la-bạt 621 Ty-kheo Thủ 1157, 1158 Tỳ-kheo-ni Cát-ly-xá Cù-đàm-di 1334, Tỳ-kheo Thượng Tọa 1162, 1163 1335, 1607 Ty-kheo Từ Địa 1168, 1169, 1170 Tỳ-kheo-ni Đê-xá 1254, 1255 Tỳ-kheo ưu-ba-quật 695 Ty-kheo-ni Giá-la 1339, 1340, 1608 Tỳ-kheo ưu-ba-tiên-na 266 Tỳ-kheo-ni Liên Hoa sắc 1335, 1336, 1607 Tỳ-lô-giá-na 658 Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề 315, 321 Ty-10-xá-na 1226, 1227 Tỳ-kheo-ni Mật-đa-la 1168, 1169, 1170 Tỳ-ma-chất-đa-la 1211,1212,1213,1220,1221, Ty-kheo-ni Nan-đà 913,914 1222,1225,1226,1227,1228,1287 Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà 1252 tỷ nhập xứ 357 Ty-kheo-ni Thi-la 1336, 1337, 1607 Tỳ-ni 746, 1093 Tỳ-kheo-ni Thi-lợi-sa-giá-la 1341, 1342 Tỳ-nữu Ca-chiên-diên 269, 272, 1531 Tỳ-kheo-ni Thúc-ca-la 1472, 1617 Tỳ-sa-môn Thiên vương 117, 118 Ty-kheo-ni Tô-ma 1333, 1334, 1607 Tỳ-thấp-bà-phù 428, 519 Ty-kheo-niTỳ-la 1337,1338,1473,1607,1617 ty thức 332, 385 Ty-kheo-ni Tỳ-xà-da 1338,

1339, 1607 tỷ thức giới 495, 642 Tỳ-kheo-ni ưu-ba-giá-la 1340, 1341, 1608 ty thức thân 356, 364, 385 Tỳ-kheo-ni ưu-ba-la 709 Tỳ-xá 112, 666, 1260, 1375 Tỳ-kheo-ni Xà-tri-la 621 Tỳ-xà-da 681 Ty-kheo Phú-lâu-na 237, 238 Tỳ-xá-gia 1462 ty xúc 357, 364, 365, 385, 386, 387 U uất-đa-la 99, 109, 330, 331, 1267, 1464 ương-già 920, 1172 uất-đa-la-đề-xá 567 ưu-bà-đề-xá 1344 uất-đê-ca 729, 730, 1043, 1044, 1517, 1619 ưu-bà-di Lộc Trụ 1082, 1084 uất-tỳ-la Ca-diếp 1166, 1167, 1168 ưu-bà-di Thiện Sanh 913, 914 uất-xà-ca 101, 104, 1597 Ưu-ba-quật-đa 695, 696, 740 úc-cù-lũ 253 ưu-bà-tắc Kế-ca-xá 915 ứng Cúng 55, 86, 133, 151, 261, 262, 306, ưu-bà-tắc Thiện Sanh 913, 914 326,404,414,447,452,457,458,480, Ưu-bát-la 1165, 1304, 1335, 1426 558,602,609,610,611,612,618,627, xru căn 530 629 630 633 697 731,732,735,778, ưu-đà-diên-na 1283, 1284 779,780,781,790, 816, 841,907,908, ưu-đàm-bát 103, 572, 573, 1069 910, 912, 918, 979, 1002, 1004, 1026, ưu-đà-na 73,75,228,1244,1463,1514,1526 1027, 1055, 1069, 1073, 1178, 1252, ưu-đàn-na 500 1253, 1254 1255, 1267, 1269, 1274, ưu-lam-phất 700 1275, 1276, 1283, 1284, 1293, 1305, ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp 701 1319, 1320 1390, 1462 1466, 1470, ưu-lun-man-trà 695, 740 1474, 1502 ưu xúc 343, 344 ương-cù-lợi-ma-la 1172, 1173, 1174, 1598



viễn ly 274, 326, 330, 350, 491, 493, 525, vô si 274, 559, 560 526,531,549, 556,601,640, 670,737, Vô sở hữu nhập xứ giới 499, 500 758,786, 818, 819, 821, 828, 830, 831, Vô sở hữu tâm tam-muội 636, 637 832,843 844,856,877,881, 899,934, Vô sở hữu xứ 198, 518, 528, 623, 830, 831, 969 1057, 1090, 1181, 1247, 1248, 883,995, 1017, 1042, 1251, 1388 1275, 1295, 1332, 1333, 1344, 1347, vô sở úy 27, 106, 109, 136, 272, 290, 330, 1355, 1394, 1395, 1409, 1440, 1449, 362, 411, 632, 970, 972, 981, 1052, 1452, 1453, 1457, 1479 1481, 1487, 1065,1070,1119, 1275, 1365, 1465 1511, 1525, 1618 vô tàm 833 vị giới 495, 642 vô tham 559, 560 ViNghĩa 1271, 1596, 1604 Vô thượng Bồ-đề 86, 735, 886, 1196 Vị tằng hữu 1244 Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác 9, 10, Vô dư Bát-niết-bàn 702 233 440, 451, 522, 558, 645, 646, vô dục giới 806, 807 666, 681, 701, 705, 706, 754, 759, Vô dư Niết-bàn 278, 375, 550, 551, 741, 760, 820, 839, 949, 1080, 1362, 1363 824, 1068, 1091, 1098, 1171, 1292, Vô Thượng Sĩ 55, 414, 602, 609, 618, 735, 1293, 1305, 1331, 1356, 1384, 1502 910, 912, 918, 979, 1002, 1026, 1071, Vô gián tuệ 1274 1073, 1474 Vô hành Bát-niết-bàn 825, 827, 888, 890, vô trước 846 925, 926 Vô tưởng 1491 Vô lượng không nhập xứ giới 499, 500 Vô tướng tâm định 563, 564, 620 Vô lượng tâm tam-muội 636, 637 Vô tướng tam-muội 308 vô lượng thọ 530 Vô tướng tâm tam-muội 620, 636, 637,1556 Vô lượng thức nhập xứ giới 499, 500 Vô Ưu 683, 684 vô minh giới 49, 72 Vô Úy Ly-xa 629, 630, 1557 vô minh lậu 321, 399, 537, 886, 888, 889, vô VI 351, 938, 946, 954, 1167, 1192, 890, 924, 926, 942, 985 1395, 1583 vô minh lưu 540, 1292 Vua A-dục Bạo Ác 688 vô ngã 1,2,32,33,65,73,87,147,148,149, Vua Bát-la-bà 741 172,219,226,227,261,284,285,288, Vua Ba-tư-nặc 468, 921, 1258, 1260, 1262, 289,296,297,304,311,316,317,318, 1263, 1264, 1265, 1266, 1267, 1332, 319, 346,347 394,461,650,651, 832, 1362, 1363, 1364, 1365, 1366, 1367, 1058, 1076, 1129, 1299, 1350, 1509, 1368, 1369, 1370, 1371, 1372, 1373, 1510, 1511, 1512, 1515, 1525, 1526, 1374, 1375, 1376, 1377, 1378, 1379, 1527, 1536, 1538 1380, 1381, 1609 vô ngã sở 6, 7, 8 Vua Bình-sa 529, 530, 531, 706, 1166, 1168 vọng ngữ 121, 1134, 1165, 1171, 1228, Vua Câu-lũ-đà 1442 1453, 1475 Vua Chánh Pháp 820 vô quý 405, 833 Vua

Da-bàn-na 741 vô sắc ái 226, 303, 304, 357, 546, 721, 953, Vua Đảnh Sanh 937 1292, 1305 Vua Đâu-sa-la 741 Vô Sắc định 500, 927 Vua Ma-nhân-đà-la-tây-na 741, 742 vô sắc hữu 156,357, 539, 1017 Vua Ma-thâu-la 604, 605, 607 vô sân 274, 306, 559, 560 Vua Nan Đương 743

SÁCH DẪN 1679

Vua Pháp A-dục 694 248,249,251,252,262,285,292,297, Vua Phất-sa-mật-đa-la 752 299, 300,301, 303, 304, 307,310,312, Vua Phất-sa-tu-ma 752 313, 315,322,323,417,418,419,420, Vua Quán đảnh 683, 813, 814 421,422,423,424,425,427,429,430, Vua Tần-bà-sa-la 468, 700 431,432,433 435,436,437,438,481, Vua Thích-ca 741 484 486,487,489,490,493,494 495, Vua Thích Sư Tử 690 496,497,498,499, 501, 503, 528, 565 Vua Tự Tại 585, 1209, 1211, 1212, 1214, 570, 586, 587, 602, 653, 654, 655, 656, 1229, 1358 657, 658, 660 661 662, 670, 672, 674, Vua Tỳ-lê-ha-ba-đê 752 675, 676, 677, 678, 679, 755, 756, 757, Vua Tỳ-lê-ha-tây-na 752 758, 759, 760, 762, 763, 764, 765, 846, Vua Ương-già 1266 847, 848, 849, 850, 851, 852, 853, 855, vườn Am-la 117, 269, 270, 725, 726, 1306, 858, 859, 860, 861, 862, 863, 865 866, 1307, 1312 867, 869, 870, 871, 880, 881, 883, 884, vườn Bạt-đà-lê 124 885, 886, 888, 889, 890, 891, 893, 894, vườn Ca-lan-đà 20,21, 26, 28, 30, 120, 132, 896, 898, 901,902, 903, 904, 957, 981, 136,221,264,265,266,272,280,281, 1013, 1014, 1016, 1017, 1018, 1019, 282,283,327,340,343,344,345,347, 1021, 1022, 1023, 1024, 1025, 1047, 350, 351, 353, 394, 397,402,404,406, 1060, 1061, 1072, 1075, 1076, 1077, 407,413,414,463,464,465,466,467, 1079, 1080, 1082, 1084, 1086, 1087, 468,469,470,471,472,473,474,475, 1089, 1092, 1093, 1094, 1095, 1097, 476,477,478,479,480,481,484,485, 1098, 1099, 1100, HOI, 1102, 1103, 491,493, 509, 510, 511, 512,513, 514, 1104, 1105, 1106, 1107, 1108, 1109, 516, 517 519,520, 521, 522,529, 531, 1110, lin, 1112, 1113, 1115, 1117, 532,533, 548, 549 550, 558,560,562, 1119, 1120, 1121, 1123, 1124, 1125, 563,564,567,569,573,574,575, 577, 1126, 1143, 1144, 1145, 1146, 1147, 680,724,736,952,953,954,955,959, 1148, 1149, 1150, 1151, 1152, 1153, 961,962,964 965,966,983,985,986, 1154, 1157, 1158, 1159, 1160, 1161, 987, 989, 991, 993, 1028, 1030, 1031, 1162, 1163, 1164, 1181, 1182, 1210, 1033, 1034, 1035, 1037, 1038, 1043, 1211, 1213, 1214, 1215, 1216, 1217, 1044, 1046, 1050, 1054, 1056, 1057, 1218, 1220, 1222, 1223, 1225, 1226, 1063, 1064, 1080, 1081, 1128, 1137, 1227, 1234, 1235, 1236, 1249, 1250, 1147, 1156, 1168, 1171, 1174, 1175, 1251, 1258, 1260, 1262, 1263, 1265, 1176, 1186, 1187, 1205, 1240, 1272, 1266, 1268, 1271, 1274, 1276, 1277, 1324, 1325, 1327, 1345, 1349, 1356, 1278, 1279, 1280, 1329, 1332, 1333, 1359, 1389, 1404, 1405, 1410, 1424, 1334, 1335, 1336, 1337 1338, 1339, 1462, 1468, 1472, 1473, 1478, 1485, 1340, 1341, 1350, 1351, 1352 1353, I486, 1493, 1494 1358, 1362, 1364, 1366, 1367, 1368, vườn Cấp Cô Độc 104, 106, 107, 128, 143, 1369 1370 1372, 1374, 1375 1376, 178,179, Ì81, 183, 184, 185, 186, 187 1377, 1378, 1380, 1382, 1384, 1385, 188,189,190,191,192,193,194,195, 1386, 1391, 1402, 1403, 1414, 1415, 196, 197, 202, 203, 204,205,206, 207, 1422, 1423, 1427, 1428, 1429, 1430, 208,209, 210,212, 214, 215,216, 217, 1431 1433, 1434, 1435, 1437, 1438, 218,222,234,235, 236 237 238, 239, 1439, 1441, 1442, 1443, 1444, 1445, 240,241,242, 243, 244,245, 246, 247, 1446, 1447, 1448, 1449, 1450, 1454,

1455, 1456, 1457, 1458, 1459, 1460, 1026, 1028, 1030, 1031, 1033, 1034, 1479, 1480, 1481, 1482, 1483, 1484, 1035, 1037, 1038, 1043, 1044, 1045, I486, 1487, 1488, 1489, 1490, 1491, 1046, 1050, 1054, 1056, 1057, 1063, 1494, 1495, 1496, 1497, 1498 1064, 1080, 1081, 1125, 1128, 1133, vườn Cù-sư-la 124, 286, 288, 289, 504, 505, 1136 1137, 1147, 1156, 1166, 1168, 506, 507, 621, 624, 625, 628, 852, 1171, 1174, 1176, 1184, 1185, 1186, 1058, 1283, 1285, 1286, 1288, 1289, 1187, 1188, 1189, 1190, 1203, 1204, 1290,1291, 1293 1205, 1240, 1251, 1253, 1255, 1272, Vương tử Câu-na-la 710 1324, 1325, 1327, 1328, 1345, 1349, Vương tử Thích Ma-ha-nam 873 1354, 1356, 1359, 1360, 1361, 1362 Vương tử Vô Úy 227,797,798,799,800,1569 1378, 1387, 1389, 1404, 1405, 1410, Vương Xá 20, 21, 26, 28, 30, 117 120, 132, 1416, 1417, 1418, 1419, 1424, 1436, 136,156,220,221,227,259,260,264, 1452, 1453, 1462, 1468, 1472, 1473, 265,266,272,280,281,282,283,327, 1474 1478, 1485, 1486, 1493 340, 343,344, 345, 347,350 351,353, vườnHảoYAm-la 973,975,978,1066,1413 360,362,394,396,397,402,404,406, vườn Kê Lâm 261 407,413,414,458,459,463,464,465, vườn Lộc Dã 57, 58, 59, 439, 441, 442, 443, 466,467,468,469,470,471,472,473, 444, 445, 446, 447, 448, 449, 450, 474,475,476,477,478,479,480,481, 451, 452, 453, 454, 455, 456, 457, 484,485,491,493,509,51 o, 511,512, 583,585, 701,727 513,514,516,517,519,520,521,522, vườn Lộc Uyển 701, 1179, 1281, 1401 529, 531, 532, 533, 548, 549,550, 558, Vườn Nai 33, 1130, 1180, 1197, 1202, 1355 560, 562, 563, 564, 565, 567 568, 569 vườn Nan-đà 727 573, 574, 575, 576, 577, 578,579,580, vườn Ni-câu-luật 873, 996, 997, 998, 1000, 581, 582, 583, 666, 680, 693,708,724, 1001, 1004, 1005, 1007, 1009, 1130, 736,737,797, 800, 818, 844,952, 953 1230, 1232, 1233, 1234, 1318 954, 955,959,961,962,964,965,983, vườn Ni-câu-luật-đà 1301 985, 986, 987, 989, 991, 993, 1020, vườn xoài Tán Cái 35

xả căn 530 xả thọ 343,344, 505,512 Xá-chi 1208, 1215, 1216 xả xúc 343, 344 Xá-chi-bát-đê 1207, 1208 Xích Chỉ 1485 Xà-da 681 xích chiên-đàn 935 xả giác chi 792, 793, 794, 796, 798 xóm Rừng Trúc 458, 459 xả giác phần 329, 330, 802, 803, 804, 806, xuất ly 30, 140, 156, 164, 231, 236, 250, 807, 808, 809, 810, 811, 812, 816, 817, 274, 283, 353, 502, 504, 515, 516, 818, 819, 821, 822, 823, 826, 828, 830, 521, 640, 734, 760, 775, 786, 916, 831,832, 877 917, 949, 950, 994, 995, 1081, 1123, Xá-kỳ-la 1264 1147, 1184, 1233, 1293, 1294, 1295, Xá-la-bộ 1054, 1055, 1590, 1619 1298, 1299, 1327, 1351, 1353, 1392, xả ly 69, 126, 168, 330, 334, 337, 338, 402, 1394, 1395, 1449, 1608 403, 533, 534, 627, 746, 763, 818, 819, xứ A-tỳ-đà 295 821, 828, 830, 831, 832, 843, 844, 877, xứA-ty-xà 1296 1056, 1290, 1295, 1451 xứ Ca-vi-già-la 330 Xa-nặc 699, 700 xúc bất động 640



xúc giới 495, 642 xúc vô tướng 640 xúc thực 398, 431, 432, 433, 434, 435, 436, xứ Du-lô-na 373, 374, 375 437, 438, 903, 1237 xứ Lực Sĩ 970 xúc vô sở hữu 640

ý ác hạnh 718 y phấn tảo 491,901,1012,1159,1247,1248, y ái 495, 496 1249, 1250, 1256, 1489, 1493 y căn 313,324,352,353,364,384, 673, 678, y sô-ma 294 947 951 952, 953, 1284, 1292 yTăng-già-lê 316,703, 819,1255,1256,1302 y câu-triêm-bà 294 y thọ 495, 496,

497 y đầu-cưu-la 294 ý thức giới 495, 496, 642 yểm ly 24,331,332,333,775,1395,1400,1452 ý thức thân 356, 364, 385 ý giác 497 y tưởng 256, 497, 629, 631, 1080, 1155, y giới 49, 72, 495, 496, 497, 498, 505, 642 1480, 1481 y hành 356, 401, 420, 638, 639, 640 ý tư thực 398, 432, 433, 434, 435, 436, 437, y kiếp-bối 711, 712 903, 1237 Y-la-bàn-na 268 y uất-đa-la-tăng 151,819, 1302, 1306 ý nhập xứ 234,357, 1319, 1476 y xúc 49, 72, 218, 219, 220, 221, 222, 225, ý nhiệt não 497, 498 226, 229, 231, 246, 247, 271, 357, Y-ni-da Lộc Bác 678 364, 365, 366, 382, 385, 386, 387, Y-ni-diên 1476 495, 496, 497, 498, 530, 1286

TÁN DƯƠNG CÔNG ĐỨC CÚNG DƯ0NG PHẮP BẢO CAO QUỸ

l rân trọng cảm niệm công đức của chư Tôn đức Tăng Ni và quý Phật tử đã phát tâm trong sạch ủng hộ để bộ Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam được ấn tống cúng dường đến chư Tôn đức Giáo phẩm lãnh đạo GHPGVN, chư Tôn đức Tăng Ni trực thuộc các Ban, Viện Trung ương, Ban Trị sự GHPGVN các tỉnh/ thành, các thư viện, các Tổ đình, tự viện tiêu biểu trong và ngoài nước. Sau đây là các đơn vị ủng hộ:  Quỹ Thiện Tâm thuộc tập đoàn Vingroup: 3.000 bộ. -Quỹ Đạo Phật Ngày Nay: 1.500 bộ. -Quỹ Từ thiện Tu viện Tường Vân: 500 bộ. -Quỹ cúng dường ấn tống Pháp bảo cao quý tại văn phòng VNCPHVN do chư Tôn đức Giáo phẩm Tăng Ni, trụ trì, trụ xứ tại các Tổ đình, tự viện, thiền viện, tịnh xá, tinh thất, niệm Phật đường, quý Phật tử thiện hữu trí thức hữu danh, ẩn danh trong và ngoài nước đã góp phần hỗ trợ chi phí các mặt để việc ấn hành được thành tựu viên mãn. Thành kính cầu nguyện và hồi hướng quả lành của việc làm vô cùng giá trị, ý nghĩa này đến quý chư Tôn đức Tăng Ni, Phật tử, thân bằng quyến thuộc của quý vị luôn được tăng trưởng và thành tựu các phần phước báu đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Cầu mong Phật pháp cửu trụ ta-bà, lợi lạc khắp nhân thiên.

Nam-mô Công Đức Lâm Bồ-tát Ma-ha-tát.

Thực hiện VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM 750 Nguyễn Kiệm, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN PHẬT GIÁO VIỆT NAM  TẬP 21
TAM TẠNG PHẬT GIÁO BÔ PHAI - 05
KINH TẠPA-HÀM
()
Việt dịch
TRUNG TÂM DỊCH THUẬT TRÍ TỊNH
Chiu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc - Tổng Biên tập
ĐINH THỊ THANH THUÝ
Biên tập
Nguyễn Thị cẩm Hồng
Sửa bản in
ĐĐ. Thường Ninh, se. Liên Liên, Ngọc Thanh, Mỹ Hòa, Hồng Anh

Trình bày & Bìa
Đặng Thái Trung
NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ Hồ CHÍ MINH
62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.l, TP.HCM
ĐT: (028) 38225340 - 38296764 - 38247225 - Fax: 84.28.38222726
Email: tonghop@nxbhcm.com.vn
NHÀ SÁCH TỔNG HỢP l
62 Nguyễn Thị Minh Khai, p. Đa Kao, Q.l, TP.HCM — ĐT: 38 256 804
NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 2
86 - 88 Nguyễn Tất Thành, p.12, Q.4, TP.HCM — ĐT: 39 433 868
NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 3
88-90 Ký Con, p. Nguyễn Thái Bình, Q.l, TP.HCM - ĐT: 38 216 009
GIAN HÀNG MOI- ĐƯỜNG SÁCH TP.HCM
Đường Nguyễn Văn Bình, p. Ben Nghé, Q.l, TP.HCM — ĐT: 38 238 191
Thực hiện liên kết
VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM
750 Nguyễn Kiệm - Phường 4 - quận Phú Nhuận - TP. Hồ Chí Minh
In lần thứ nhất, sổ lượng 6.000 cuốn, khổ 19 x 27 em
Tại Công ty cổ phần in Khuyến học phía Nam
Địa chỉ: Lô B5-8 đường D4, KCN Tân Phú Trung, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP.HCM
Hi
XXNĐKXB số: 613-2022/CXBIPH/07-47/THTPHCM
MII ;I#-| |

In xong và nộp lưu chiểu năm 2022. 9 786043 357295

*Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.*